

Của Hương yêu dấu,

Tu con biết gần đây bố cảm thấy khi nằm yên
vong thì cái cái ở lưng. Đi khám chữa được mới biết
là bị xương sống gần xương chậu L³ L⁴ bị lệch ra
mười độ 2 cái nhỏ hơn. Tháo ra mà đau. Đi khi
nhìn thấy bố xương mình qua phim ảnh X quang con
có biết bố có cảm giác nặng hơn thế nào không? Thật
là một cảm giác khó khăn của một người biết rằng mình
là kẻ chiến bại trước cuộc sống. Hiện nay chỉ có chạy yoga
để duy trì thể lực có cảm giác này. Hay thì thoáng một
đây thôi bố phải chờ đợi việc bố nói. Một
nhiều buồn như thế thôi, đau xồm chiếm lấy vàng ngọc
có một buổi chiều. Tuy nhiên bố buồn mà không
nản. Hiện nay bố là người thiết tha yêu đời, yêu cuộc
sống, yêu lao động. Ngày bố quyết định vào miền Nam
là bố đã tiên cho lao động (Nghe là phải tranh thủ
nhưng thì giờ đi một công việc tìm kiếm con người, đất nước
và lịch sử một nước đất nước mà thời thế vô cùng rộng

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

Nguyễn đồng Chi

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Mục lục

Lời Dẫn

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

Phần thứ nhất - I. BẢN CHẤT TRUYỆN CỔ TÍCH

6. PHÂN BIỆT TRUYỆN CỔ TÍCH VỚI LỊCH SỬ VÀ VỚI TIỂU THUYẾT

II - LAI LỊCH TRUYỆN CỔ TÍCH

III. TRUYỆN CỔ VIỆT NAM QUA CÁC THỜI ĐẠI

PHẦN THỨ HAI -

I. NGUỒN GỐC SỰ VẬT

2. SỰ TÍCH TRẦU, CAU VÀ VÔI

3. SỰ TÍCH TRÁI SẦU RIÊNG

4. SỰ TÍCH CÂY HUYẾT DỤ

5. SỰ TÍCH CHIM HÍT CÔ

6. SỰ TÍCH CHIM TU HÚ

7. SỰ TÍCH CHIM QUỐC

8. SỰ TÍCH CHIM NĂM-TRÂU-SÁU-CỘT VÀ CHIM BẮT-CÔ-TRÓI-CỘT

9. SỰ TÍCH CHIM ĐA ĐA

10. SỰ TÍCH CON NHÁI

11. SỰ TÍCH CON MUỖI

12. SỰ TÍCH CON KHỈ

13. SỰ TÍCH CÁ HE

14. SỰ TÍCH CON SAM

15. SỰ TÍCH CON DÃ TRÀNG

16. GỐC TÍCH BỘ LÔNG QUA VÀ BỘ LÔNG CÔNG

17. GỐC TÍCH TIẾNG KÊU CỦA VẠC, CỘC, DÙ DỈ, ĐA ĐA VÀ CHUỘT

- 18. GỐC TÍCH CÁI NỐT DƯỚI CỔ CON TRÂU
- 19. SỰ TÍCH CÁI CHÂN SAU CON CHÓ
- 20. SỰ TÍCH CÁI CHỖI
- 21. SỰ TÍCH ÔNG ĐẦU RAU
- 22. SỰ TÍCH ÔNG BÌNH VÔI
- 23. SỰ TÍCH CÂY NÊU NGÀY TẾT
- 24. GỐC TÍCH BÁNH CHUNG VÀ BÁNH DẦY
- 25. GỐC TÍCH RUỘNG THÁC ĐAO HAY LÀ TRUYỆN LÊ PHỤNG HIẾU

II. SỰ TÍCH ĐẤT NƯỚC VIỆT 26. SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

- 27. SỰ TÍCH HỒ BA-BỂ
- 28. SỰ TÍCH ĐẦM NHẤT-DẠ VÀ BÀI TỰ-NHIÊN
- 29. SỰ TÍCH ĐẦM MỰC
- 30. SỰ TÍCH SÔNG NHÀ-BÈ HAY LÀ TRUYỆN THỦ HUỒN
- 31. TẠI SAO SÔNG TÔ-LỊCH VÀ SÔNG THIÊN-PHÙ HẸP LẠI?
- 32. SỰ TÍCH ĐÁ VỌNG PHU
- 33. SỰ TÍCH ĐÁ BÀ-RẦU
- 34. SỰ TÍCH THÀNH LỒI
- 35. SỰ TÍCH NÚI NGŨ-HÀNH

III. SỰ TÍCH CÁC CÂU VÍ 36. THẠCH SÙNG CÒN THIẾU MẺ KHO HAY LÀ SỰ TÍCH CON MỐI

- 37. BÒ BÉO BÒ GẦY
 - 38. NỮ HÀNH GIÀNH BẠC
 - 39. LẤY BẦY NHƯ CAO BIÊN DẬY NON
 - 40. BỤNG LÀM DẠ CHỊU HAY LÀ TRUYỆN THẦY HÍT
- NGUYỄN ĐỒNG CHI - TRÉSOR DES CONTES VIETNAMIENS
- TẬP II

III. CÁC TÍCH CÁC CÂU VÍ 41. ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH

- 42. CỬA THIÊN TRẢ ĐỊA
- 43. NỢ TÌNH CHƯA TRẢ CHO AI, KHỐI TÌNH MANG XUỐNG TUYÊN ĐÀI CHƯA TAN
- 44. NỢ NHƯ CHÚA CHỖM

45. HỒN TRƯỞNG BA, DA HÀNG THỊT
46. SINH CON RỒI MỚI SINH CHA SINH CHÁU GIỮ NHÀ RỒI MỚI SINH ÔNG
47. CON VỢ KHÔN LẤY THẲNG CHỒNG ĐẠI NHƯ BÔNG HOA LÀI CẨM BÃI CỨT TRÂU
48. CỨU VẬT VẬT TRẢ ÂN CỨU NHÂN NHÂN TRẢ OÁN
49. ĐÚA CON TRỜI ĐÁNH HAY LÀ TRUYỆN TIẾC GÀ CHÔN MẸ
- [50]. GIẾT CHÓ KHUYÊN CHỒNG
51. CHA MẸ NUÔI CON BẾ HỒ LAI LÁNG CON NUÔI CHA MẸ KỂ THÁNG KỂ NGÀY
52. CHƯA ĐỠ ÔNG NGHỀ ĐÃ ĐỀ HÀNG TỔNG
53. DÌ PHẢI THẲNG CHẾT TRÔI, TÔI PHẢI ĐÔI SẤU SÀNH
54. CÁI KIẾN MÀY KIỆN CỬ KHOAI
55. VẬN KHỬ HOÀI SƠN NĂNG TRÍ TỬ, THỜI LAI BẠCH THỦY KHẢ THÔI SINH
56. TRINH PHỤ HAI CHỒNG
57. KIỆN NGÀNH ĐA
58. TO ĐẦU MÀ ĐẠI, NHỎ DÁI MÀ KHÔN
59. NHÂN THAM TÀI NHI TỬ, ĐIỀU THAM THỰC NHI VONG
60. NÓI DỐI NHƯ CUỘI
61. CỦA TRỜI TRỜI LAI LẤY ĐI GIƯỜNG ĐÔI MẮT ẾCH LÀM CHI ĐƯỢC TRỜI
- IV. THÔNG MINH TÀI TRÍ VÀ SỨC KHỎE
62. HAI ÔNG TƯỚNG ĐÁ RẢI
63. LÊ NHƯ HỒ
64. CHÀNG LÍA
65. ANH EM SINH NĂM
66. BỐN ANH TÀI
67. KHỔNG LỒ ĐÚC CHUÔNG HAY LÀ SỰ TÍCH TRÂU VÀNG HỒ TÂY
68. THẠCH SANH
69. ĐẠI VƯƠNG HAI HAY LÀ TRUYỆN GIẾT THUỒNG LUỒNG

70. ÔNG Ồ
71. ÂM DƯƠNG GIAO CHIẾN
72. YẾT KIÊU
73. LÝ ÔNG TRỌNG
74. BẢY GIAO, CHÍN QUỲ
75. NGƯỜI Ả ĐÀO VỚI GIẶC MINH
76. BỌM LẠI GẶP BỌM
77. QUẬN GIÓ
78. CON MỐI LÀM CHÚNG
79. BÙI CẦM HỔ
80. EM BÉ THÔNG MINH
81. TRẠNG HIỀN
82. THẦN GIỮ CỦA
83. KẼ TRỘM DẠY HỌC TRÒ
84. CON MỤ LƯỜNG
85. CON SÁO VÀ PHÚ TRƯỞNG GIẢ
86. CON THỎ,
87. CON THỎ VÀ CON HỔ
88. MƯU CON THỎ
89. BỌM GIÀ MẮC BẦY
90. GÁI NGOAN DẠY CHỒNG
91. BÀ LỚN ĐUÔI ƯƠI
92. CON CHÓ,
93. NGƯỜI HỌ LIÊU VÀ DIÊM VƯƠNG
KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM
V. SỰ TÍCH ANH HÙNG NÔNG DÂN 94. CỐ GHÉP
95. ÔNG NAM CƯỜNG
96. CỐ BU
97. QUẬN HE
98. HẦU TẠO
99. LÊ LỢI
100. LÊ VĂN KHÔI

101. BA VÀNH
102. HAI NÀNG CÔNG CHÚA NHÀ TRẦN
103. VỢ BA CAI VÀNG
105. NGƯỜI THỢ MỘC NAM-HOA
VI. TRUYỆN PHÂN XỬ 106. NGƯỜI ĐẦY TỚ VÀ NGƯỜI ĂN TRỘM
107. BA CHÀNG THIỆN NGHỆ
108. CHÀNG NGỐC ĐƯỢC KIÊN
109. NGƯỜI ĐÀN BÀ BỊ VU OAN
110. TRA TẤN HÒN ĐÁ
111. NGUYỄN KHOA ĐĂNG
112. SỢI BẮC TÌM RA THỦ PHẠM
113. PHÂN XỬ TÀI TÌNH
114. NGƯỜI ĐÀN BÀ MẤT TÍCH
115. TINH CON CHUỘT
116. HÀ Ô LÔI
117. MIẾNG TRẦU KỲ DIỆU
118. TÚ UYÊN
119. NỢ DUYÊN TRONG MỘNG
120. TỪ ĐẠO HẠNH HAY SỰ TÍCH THÁNH LÁNG
121. CHÀNG ĐỐN CÚI
122. NGƯỜI THỢ ĐÚC
123. SỰ TÍCH ĐÌNH LÀNG ĐA HÒA
124. CON CHIM KHÁCH MÀU NHIỆM
125. CÂY TRE TRĂM ĐỐT
126. NGƯỜI LẤY CỐC
127. CÂY THUỐC CẢI TỬ HOÀN SINH
128. LẤY CHỒNG DÊ
129. NGƯỜI LẤY ẾCH
130. SỰ TÍCH ĐỘNG TỬ THỨC
131. NGƯỜI HỌC TRÒ VÀ BA CON QUỶ
132. HAI CÔ GÁI VÀ CỤC BƯỚU
133. NGƯỜI HÓA DẾ

134. THÁNH GIÓNG

135. AI MUA HÀNH TÔI

136. NGƯỜI DÂN NGHÈO

KHO TÀNG

Phần II -

138. NGƯỜI THỢ SẴN VÀ MỤ CHẴNG

139. QUAN TRIỀU

VIII. TRUYỆN ĐỀN ƠN TRẢ OÁN 140. THỦ THẦN

141. CON CỐC LIỄM NƯỚC MƯA

142. THẦY CỨU TRÒ

143. HAI CON CÒ VÀ CON RÙA

144. CÔ GÁI LẤY CHỒNG HOÀNG TỬ

145. NGƯỜI DÌ GHẺ ÁC NGHIỆT

146. LÀM ƠN HÓA HẠI

147. HUYỀN QUANG

148. TIÊU DIỆT MẶNG XÀ

149. GIÁP HẢI

150. TAM VÀ TỨ

151. BÌNH VÀ ĐINH

152. HÀ RẦM HÀ RẠC

153. ÔNG GIÀ HỌ LÊ

154. TẮM CẨM

156. PHẠM NHĨ

157. CON MA BÁO THÙ

158. RẰN BÁO OÁN

159. RẠCH ĐÙI GIẤU NGỌC

160. NGƯỜI HỌC TRÒ

161. SỰ TÍCH ĐỀN CỜN

163. QUÂN TỬ

164. CƯỜNG BẠO ĐẠI VƯƠNG

165. MŨI DÀI

166. BỐN CÔ GÁI MUỐN LẤY CHỒNG HOÀNG TỬ

167. ÔNG DÀI ÔNG CỘC
168. SỰ TÍCH THÁP BÁO ÂN
170. VỤ KIẾN CHÂU CHẤU
IX - TÌNH BẠN, TÌNH YÊU VÀ NGHĨA VỤ 171. BÀ CHÚA ONG
172. ANH CHÀNG HỌ ĐÀO
173. DUYÊN NỢ TÁI SINH
174. MỸ CHÂU - TRỌNG THỦY
175. CÔ GÁI CON THẦN NƯỚC MÊ CHÀNG ĐÁNH CÁ
KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM TẬP V 176. QUAN ÂM
THỊ KÍNH
178. SỰ TÍCH BÃI ÔNG NAM
180. BÁN TÓC ĐÀI BẠN
181. TRỌNG NGHĨA KHINH TÀI
182. Ắ CHỨC CHÀNG NGƯỜU
183. BỐN NGƯỜI BẠN
184. NGƯỜI CUỐI MA
185. VỢ CHÀNG TRƯỞNG
186. SỰ TÍCH KHĂN TANG
187. NGẬM NGẢI TÌM TRẦM
188. CÁI VẾT ĐỎ TRÊN MÁ CÔNG NƯƠNG
189. CHÀNG NGỐC HỌC KHÔN
190. PHIÊU LƯU CỦA ANH CHÀNG NGỐC
191. THỊT GÀ THUỐC CHỒNG
192. HÒA THƯỢNG
193. HAI ANH EM
194. CHÀNG RỄ THÔNG MANH
195. LÀM CHO CÔNG CHÚA NÓI ĐƯỢC
196. RỦ NHAU ĐI KIẾM MẬT ONG
196. RỦ NHAU ĐI KIẾM MẬT ONG
197. CÔ GÁI LỪA THÀY SÃI,
197. CÔ GÁI LỪA THÀY SÃI,
198. THẦY LANG BẮT ĐẮC DĨ

199. "GIẬN MÀY TAO Ở VỚI AI"

200. CÁI CHẾT CỦA BỐN ÔNG SƯ

201. HAI BẢY MƯỜI BA

PHẦN THỨ BA NHẬN ĐỊNH TỔNG QUÁT

IV. ĐẶC ĐIỂM CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

2. TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

3. TÍNH CÁCH PHÊ PHÁN HIỆN THỰC

4. TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

V. THỬ TÌM NGUỒN GỐC TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT - NAM

3. THU HÚT TINH HOA KHO TRUYỆN CỦA CÁC DÂN TỘC ANH
EM

LỜI SAU SÁCH

II. BÁO VÀ TẠP CHÍ

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

NHÀ CỔ TÍCH HỌC NGUYỄN ĐỒNG CHI

MỘT VÀI KÝ ỨC VỀ ANH TÔI

BẢNG TRA CỨU TÊN TRUYỆN KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH
VIỆT NAM

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
Lời Dẫn

MỤC LỤC

LỜI DẪN

LỜI NÓI ĐẦU

LỜI NÓI ĐẦU LẦN TÁI BẢN THỨ TƯ

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

NGUYỄN ĐÔNG CHI NHÀ VĂN - NHÀ KHOA HỌC

Phần thứ nhất

NGHIÊN CỨU TRUYỆN CỔ TÍCH NÓI CHUNG VÀ TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

I. BẢN CHẤT TRUYỆN CỔ TÍCH

1. PHÂN LOẠI TRUYỆN CỔ, MỘT VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ LÂU, NHƯNG VẪN CÒN RẤT MỚI MẸ.

2. TRUYỆN CỔ TÍCH KHÁC VỚI NHỮNG LOẠI CHUYỆN NÀO?

3. RANH GIỚI GIỮA TRUYỀN THUYẾT VÀ CỔ TÍCH

4. ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI CỦA CỔ TÍCH

5. CÓ MẤY LOẠI TRUYỆN CỔ TÍCH?

6. PHÂN BIỆT TRUYỆN CỔ TÍCH VỚI LỊCH SỬ VÀ VỚI TIỂU THUYẾT

II. LAI LỊCH TRUYỆN CỔ TÍCH

1. CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN TỪ THẦN THOẠI ĐẾN CỔ TÍCH

Truyền thuyết cổ tích xuất hiện vào thời kỳ nào?

2. TRUYỀN THUYẾT, CỔ TÍCH ĐÃ DỰA TRÊN VŨ TRỤ QUAN NÀO?

3. SỰ XUẤT HIỆN VÀ SỰ SUY TÀN CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH

4. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH

5. TÁC GIẢ TRUYỆN CỔ TÍCH

III. TRUYỆN CỔ VIỆT NAM QUA CÁC THỜI ĐẠI

1. THẦN THOẠI, TRUYỀN THUYẾT, LOẠI TRUYỆN XƯA NHẤT

CỦA NGƯỜI VIỆT

2. TRUYỆN CỔ TÍCH THỜI PHONG KIẾN TỰ CHỦ

3. VIỆT ĐIỆN U LINH TẬP, LĨNH-NAM CHÍCH QUÁI VÀ NHỮNG SÁCH SƯU TẦM TRUYỆN CỔ SAU ĐÓ

4. THỜI KỲ SUY TÀN CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

PHẦN THỨ HAI

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

I. NGUỒN GỐC SỰ VẬT

1. SỰ TÍCH DƯA HẦU

2. SỰ TÍCH TRẦU, CAU VÀ VÔI

KHẢO DỊ

3. SỰ TÍCH TRÁI SẦU RIÊNG

4. SỰ TÍCH CÂY HUYẾT DỤ

KHẢO DỊ

5. SỰ TÍCH CHIM HÍT CÔ

KHẢO DỊ

6. SỰ TÍCH CHIM TU HÚ

KHẢO DỊ

7. SỰ TÍCH CHIM QUỐC

KHẢO DỊ

8. SỰ TÍCH CHIM NĂM-TRÂU-SÁU-CỘT VÀ CHIM BẮT-CÔ-TRÓI-CỘT

KHẢO DỊ

9. SỰ TÍCH CHIM ĐA ĐA

KHẢO DỊ

10. SỰ TÍCH CON NHÁI

KHẢO DỊ

11. SỰ TÍCH CON MUỖI

KHẢO DỊ

12. SỰ TÍCH CON KHỈ

KHẢO DỊ

13. SỰ TÍCH CÁ HE

KHẢO DỊ

14. SỰ TÍCH CON SAM

15. SỰ TÍCH CON DÃ TRÀNG

KHẢO DỊ

16. GỐC TÍCH BỘ LÔNG QUẠ VÀ BỘ LÔNG CÔNG

KHẢO DỊ

17. GỐC TÍCH TIẾNG KÊU CỦA VẠC, CỘC, DỪ DỈ, ĐA ĐA VÀ CHUỘT

18. GỐC TÍCH CÁI NỐT DƯỚI CỔ CON TRÂU

KHẢO DỊ

19. SỰ TÍCH CÁI CHÂN SAU CON CHÓ

20. SỰ TÍCH CÁI CHỐI

KHẢO DỊ

21. SỰ TÍCH ÔNG ĐẦU RAU

KHẢO DỊ

22. SỰ TÍCH ÔNG BÌNH VÔI

23. SỰ TÍCH CÂY NÊU NGÀY TẾT

KHẢO DỊ

24. GỐC TÍCH BÁNH CHUNG VÀ BÁNH DẦY

25. GỐC TÍCH RUỘNG THÁC ĐAO HAY LÀ TRUYỆN LÊ PHỤNG HIẾU

KHẢO DỊ

II. SỰ TÍCH ĐẤT NƯỚC VIỆT

26. SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

KHẢO DỊ

27. SỰ TÍCH HỒ BA-BỂ

KHẢO DỊ

28. SỰ TÍCH ĐẦM NHẤT-DẠ VÀ BÃI TỰ-NHIÊN

29. SỰ TÍCH ĐẦM MỰC

KHẢO DỊ

30. SỰ TÍCH SÔNG NHÀ-BÈ HAY LÀ TRUYỆN THỦ HUỒN

KHẢO DỊ

31. TẠI SAO SÔNG TÔ-LỊCH VÀ SÔNG THIÊN-PHÙ HẸP LẠI?
KHẢO DỊ

32. SỰ TÍCH ĐÁ VỌNG PHU
KHẢO DỊ

33. SỰ TÍCH ĐÁ BÀ-RẦU

34. SỰ TÍCH THÀNH LỒI
KHẢO DỊ

35. SỰ TÍCH NÚI NGŨ-HÀNH
KHẢO DỊ

III. SỰ TÍCH CÁC CÂU VÍ

36. THẠCH SÙNG CÒN THIẾU MẸ KHO HAY LÀ SỰ TÍCH CON MỐI
KHẢO DỊ

37. BÒ BÉO BÒ GẦY
KHẢO DỊ

38. NỮ HÀNH GIÀNH BẠC

39. LẤY BẦY NHƯ CAO BIÊN DẬY NON
KHẢO DỊ

40. BỤNG LÀM DẠ CHỊU HAY LÀ TRUYỆN THẦY HÍT
KHẢO DỊ

NGUYỄN ĐỒNG CHI - TRÉSOR DES CONTES VIETNAMIENS
PHỤ BẢN

* Bút tích tác giả

* Chân dung Nguyễn Đồng Chi

* Chân dung tác giả (Họa sĩ Diệp Minh Châu vẽ, 1981)

* Bìa sách "Kho làng truyện cổ tích Việt Nam" (Bản dịch tiếng Nhật.
Tokyo, 1975)

ĐỌC KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM TẬP II CỦA
NGUYỄN ĐỒNG CHI

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM - TẬP II
PHẦN THỨ HAI

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM

III. CÁC TÍCH CÁC CÂU VÍ

41. ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH

KHẢO DỊ

42. CỬA THIÊN TRẢ ĐỊA

KHẢO DỊ

43. NỢ TÌNH CHƯA TRẢ CHO AI, KHỐI TÌNH MANG XUỐNG
TUYỀN ĐÀI CHƯA TAN

KHẢO DỊ

44. NỢ NHƯ CHÚA CHỖM

KHẢO DỊ

45. HỒN TRƯỞNG BA, DA HÀNG THỊT

KHẢO DỊ

46. SINH CON RỒI MỚI SINH CHA SINH CHÁU GIỮ NHÀ RỒI MỚI
SINH ÔNG

KHẢO DỊ

47. CON VỢ KHÔN LẤY THẲNG CHỒNG ĐẠI NHƯ BÔNG HOA LÀI
CẮM BÃI CỨT TRÊU

KHẢO DỊ

48. CỨU VẬT VẬT TRẢ ÂN CỨU NHÂN NHÂN TRẢ OÁN

KHẢO DỊ

49. ĐỨA CON TRỜI ĐÁNH HAY LÀ TRUYỆN TIẾC GÀ CHÔN MẸ
[50]. GIẾT CHÓ KHUYÊN CHỒNG

KHẢO DỊ

51. CHA MẸ NUÔI CON BẾ HỒ LAI LÁNG CON NUÔI CHA MẸ KỂ
THÁNG KỂ NGÀY

KHẢO DỊ

52. CHƯA ĐỖ ÔNG NGHÈ ĐÃ ĐE HÀNG TỔNG

KHẢO DỊ

53. DÌ PHẢI THẲNG CHẾT TRÔI, TÔI PHẢI ĐÔI SẤU SÀNH

KHẢO DỊ

54. CÁI KIẾN MÀY KIỆN CỬ KHOAI

KHẢO DỊ

55. VẬN KHỨ HOÀI SƠN NĂNG TRÍ TỬ, THỜI LAI BẠCH THỦY

KHẢ THÔI SINH

KHẢO DỊ

56. TRINH PHỤ HAI CHỒNG

KHẢO DỊ

57. KIỆN NGÀNH ĐA

KHẢO DỊ

58. TO ĐẦU MÀ DẠI, NHỎ DÁI MÀ KHÔN

KHẢO DỊ

59. NHÂN THAM TÀI NHI TỬ, ĐIỀU THAM THỰC NHI VONG

KHẢO DỊ

60. NÓI DỐI NHƯ CUỘI

KHẢO DỊ

61. CỬA TRỜI TRỜI LẠI LẤY ĐI GIƯỜNG ĐÔI MẮT ẾCH LÀM CHI
ĐƯỢC TRỜI

KHẢO DỊ

IV. THÔNG MINH TÀI TRÍ VÀ SỨC KHỎE

62. HAI ÔNG TƯỚNG ĐÁ RÃI

KHẢO DỊ

63. LÊ NHƯ HỔ

KHẢO DỊ

64. CHÀNG LÍA

KHẢO DỊ

65. ANH EM SINH NĂM

KHẢO DỊ

66. BỐN ANH TÀI

KHẢO DỊ

67. KHỔNG LỒ ĐÚC CHUÔNG HAY LÀ SỰ TÍCH TRÊU VÀNG HỒ
TÂY

KHẢO DỊ

68. THẠCH SANH

KHẢO DỊ

69. ĐẠI VƯƠNG HAI HAY LÀ TRUYỆN GIẾT THUỒNG LUỒNG

KHẢO DỊ

70. ÔNG Ồ

KHẢO DỊ

71. ÂM DƯƠNG GIAO CHIẾN

KHẢO DỊ

72. YẾT KIÊU

73. LÝ ÔNG TRỌNG HAY LÀ SỰ TÍCH THÁNH CHÈM

KHẢO DỊ

74. BẢY GIAO, CHÍN QUỲ

75. NGƯỜI Ỏ ĐÀO VỚI GIẶC MINH

KHẢO DỊ

76. BỌM LẠI GẶP BỌM HAY BỌM GIÀ MẮC BẦY CÒ KE

77. QUẬN GIÓ

78. CON MỐI LÀM CHỨNG

KHẢO DỊ

79. BÙI CẦM HỔ

KHẢO DỊ

80. EM BÉ THÔNG MINH

KHẢO DỊ

81. TRẠNG HIỀN

82. THẦN GIỮ CỦA

83. KẺ TRỘM DẠY HỌC TRÒ

KHẢO DỊ

84. CON MỤ LƯỜNG

KHẢO DỊ

85. CON SÁO VÀ PHÚ TRƯỞNG GIẢ

KHẢO DỊ

86. CON THỎ, CON GÀ VÀ CON HỔ

KHẢO DỊ

87. CON THỎ VÀ CON HỔ

KHẢO DỊ

88. MƯU CON THỎ

KHẢO DỊ

89. BỌM GIÀ MẮC BẦY HAY LÀ MƯU TRÍ ĐÀN BÀ

KHẢO DỊ

90. GÁI NGOAN DẠY CHỒNG

KHẢO DỊ

91. BÀ LỚN ĐUÔI ƯƠI

KHẢO DỊ

92. CON CHÓ, CON MÈO VÀ ANH CHÀNG NGHÈO KHỔ

KHẢO DỊ

93. NGƯỜI HỌ LIÊU VÀ DIÊM VƯƠNG

TRÉSOR DES CONTES VIETNAMIENDE NGUYEN DONG CHI

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM CỦA NGUYỄN ĐỒNG CHI

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM TẬP III

PHẦN THỨ HAI

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT- NAM

V. SỰ TÍCH ANH HÙNG NÔNG DÂN

94. CỐ GHÉP

KHẢO DỊ

95. ÔNG NAM CƯỜNG

96. CỐ BU

KHẢO DỊ

97. QUẬN HE

98. HẦU TẠO

99. LÊ LỢI

KHẢO DỊ

100. LÊ VĂN KHÔI

KHẢO DỊ

101. BA VÀNH

KHẢO DỊ

102. HAI NÀNG CÔNG CHÚA NHÀ TRẦN

103. VỢ BA CAI VÀNG

KHẢO DỊ

104. VUA HEO

KHẢO DỊ

105. NGƯỜI THỢ MỘC NAM-HOA

KHẢO DỊ

VI. TRUYỆN PHÂN XỬ

106. NGƯỜI ĐẦY TỐ VÀ NGƯỜI ĂN TRỘM

KHẢO DỊ

107. BA CHÀNG THIỆN NGHỆ

KHẢO DỊ

108. CHÀNG NGỐC ĐƯỢC KIỆN

KHẢO DỊ

109. NGƯỜI ĐÀN BÀ BỊ VU OAN

KHẢO DỊ

110. TRA TẤN HÒN ĐÁ

KHẢO DỊ

111. NGUYỄN KHOA ĐĂNG

KHẢO DỊ

112. SỢI BẮC TÌM RA THỦ PHẠM

KHẢO DỊ

113. PHÂN XỬ TÀI TÌNH

KHẢO DỊ

114. NGƯỜI ĐÀN BÀ MẤT TÍCH

115. TINH CON CHUỘT

KHẢO DỊ

VII. TRUYỆN THẦN TIÊN MA QUỶ VÀ PHÙ PHÉP

116. HÀ Ô LÔI

117. MIẾNG TRẦU KỲ DIỆU

KHẢO DỊ

118. TÚ UYÊN

KHẢO DỊ

119. NỢ DUYÊN TRONG MỘNG

KHẢO DỊ

120. TỪ ĐẠO HẠNH HAY SỰ TÍCH THÁNH LẮNG

KHẢO DỊ

121. CHÀNG ĐỐN CÚI VÀ CON TINH

KHẢO DỊ

122. NGƯỜI THỢ ĐÚC VÀ ANH HỌC NGHỀ

123. SỰ TÍCH ĐÌNH LÀNG ĐA HÒA

KHẢO DỊ

124. CON CHIM KHÁCH MÀU NHIỆM

KHẢO DỊ

125. CÂY TRE TRĂM ĐỐT

KHẢO DỊ

126. NGƯỜI LẤY CỐC

KHẢO DỊ

127. CÂY THUỐC CẢI TỬ HOÀN SINH HAY LÀ SỰ TÍCH THĂNG
CUỘI CUNG TRĂNG

KHẢO DỊ

128. LẤY CHỒNG DÊ

KHẢO DỊ

129. NGƯỜI LẤY ẾCH

KHẢO DỊ

130. SỰ TÍCH ĐỘNG TỬ THỨC

KHẢO DỊ

131. NGƯỜI HỌC TRÒ VÀ BA CON QUỶ

KHẢO DỊ

132. HAI CÔ GÁI VÀ CỤC BƯỚU

KHẢO DỊ

133. NGƯỜI HÓA DẾ

KHẢO DỊ

134. THÁNH GIÓNG

KHẢO DỊ

135. AI MUA HÀNH TÔI HAY LÀ LỘ NƯỚC THẦN

KHẢO DỊ

136. NGƯỜI DÂN NGHÈO VÀ NGỌC HOÀNG

KHẢO DỊ

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM CỦA NGUYỄN ĐỒNG
CHI

PHẦN THỨ HAI

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

137. SỰ TÍCH CÔNG CHÚA LIỄU HẠNH

KHẢO DỊ

138. NGƯỜI THỢ SẴN VÀ MỤ CHẰNG

KHẢO DỊ

139. QUAN TRIỀU HAY LÀ CHIẾC ÁO TÀNG HÌNH

KHẢO DỊ

VIII. TRUYỆN ĐỀN ƠN TRẢ OÁN

140. THỦ THẦN VÀ MIÊU THẦN HAY LÀ SỰ TÍCH CHUỘT VÀ
MÈO

KHẢO DỊ

141. CON CỐC LIỄM NƯỚC MƯA

KHẢO DỊ

142. THẦY CỨU TRÒ

143. HAI CON CÒ VÀ CON RÙA

KHẢO DỊ

144. CÔ GÁI LẤY CHỒNG HOÀNG TỬ

KHẢO DỊ

145. NGƯỜI DÌ GHẺ ÁC NGHIỆT HAY LÀ SỰ TÍCH CON DẾ

KHẢO DỊ

146. LÀM ƠN HÓA HẠI

147. HUYỀN QUANG

KHẢO DỊ

148. TIÊU DIỆT MÃNG XÀ

KHẢO DỊ

149. GIÁP HẢI

KHẢO DỊ

150. TAM VÀ TỨ

KHẢO DỊ

151. BÍNH VÀ ĐINH

KHẢO DỊ

152. HÀ RẦM HÀ RẠC

KHẢO DỊ

153. ÔNG GIÀ HỌ LÊ

KHẢO DỊ

154. TẮM CẮM

KHẢO DỊ

155. AO PHẬT

KHẢO DỊ

156. PHẠM NHĨ HAY LÀ SỰ TÍCH ÔNG BA MƯƠI

157. CON MA BÁO THÙ

KHẢO DỊ

158. RẮN BÁO OÁN

KHẢO DỊ

159. RẠCH ĐÙI GIẤU NGỌC

KHẢO DỊ

160. NGƯỜI HỌC TRÒ VÀ CON HỔ

KHẢO DỊ

161. SỰ TÍCH ĐỀN CỜN

KHẢO DỊ

162. HOẰNG TÍN HẦU

KHẢO DỊ

163. QUÂN TỬ

KHẢO DỊ

164. CƯỜNG BẠO ĐẠI VƯƠNG

KHẢO DỊ

165. MŨI DÀI

KHẢO DỊ

166. BỐN CÔ GÁI MUỐN LẤY CHỒNG HOÀNG TỬ

KHẢO DỊ

167. ÔNG DÀI ÔNG CỘC HAY LÀ SỰ TÍCH THẦN SÔNG KỲ-CÙNG

KHẢO DỊ

168. SỰ TÍCH THÁP BÁO ÂN

169. NÀNG XUÂN HƯƠNG

KHẢO DỊ

170. VỤ KIẾN CHÂU CHẤU

KHẢO DỊ

IX - TÌNH BẠN, TÌNH YÊU VÀ NGHĨA VỤ

171. BÀ CHÚA ONG

172. ANH CHÀNG HỌ ĐÀO

KHẢO DỊ

173. DUYÊN NỢ TÁI SINH

KHẢO DỊ

174. MỸ CHÂU - TRỌNG THỦY HAY LÀ TRUYỆN NỎ THẦN

KHẢO DỊ

175. CÔ GÁI CON THẦN NƯỚC MÊ CHÀNG ĐÁNH CÁ

KHẢO DỊ

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM ĐÔI ĐIỀU Suy Nghĩ

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM TẬP V

PHẦN THỨ HAI

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

IX - TÌNH BẠN, TÌNH YÊU VÀ NGHĨA VỤ

176. QUAN ÂM THỊ KÍNH

KHẢO DỊ

177. NGUYỄN THỊ BÍCH CHÂU

KHẢO DỊ

178. SỰ TÍCH BÃI ÔNG NAM

179. CHIẾC GIÀY THƠM

KHẢO DỊ

180. BÁN TÓC ĐÀI BẠN

KHẢO DỊ

181. TRỌNG NGHĨA KHINH TÀI

KHẢO DỊ

182. Ắ CHỨC CHÀNG NGƯỜU

KHẢO DỊ

183. BỐN NGƯỜI BẠN

KHẢO DỊ

184. NGƯỜI CUỐI MA

KHẢO DỊ

185. VỢ CHÀNG TRƯỞNG

KHẢO DỊ

186. SỰ TÍCH KHĂN TANG

KHẢO DỊ

187. NGẬM NGẢI TÌM TRẦM HAY LÀ SỰ TÍCH NÚI MẪU-TỬ

KHẢO DỊ

188. CÁI VẾT ĐỎ TRÊN MÁ CÔNG NƯƠNG

KHẢO DỊ

X. - TRUYỆN VUI TƯƠI DÍ DÒM

189. CHÀNG NGỐC HỌC KHÔN

KHẢO DỊ

190. PHIÊU LƯU CỦA ANH CHÀNG NGỐC HAY LÀ LÀM THEO VỢ
DẶN

KHẢO DỊ

191. THỊT GÀ THUỐC CHỒNG

KHẢO DỊ

192. HÒA THƯỢNG VÀ NGƯỜI THỢ GIÀY

KHẢO DỊ

193. HAI ANH EM VÀ CON CHÓ ĐÁ

KHẢO DỊ

194. CHÀNG RỄ THÔNG MANH

KHẢO DỊ

195. LÀM CHO CÔNG CHÚA NÓI ĐƯỢC

KHẢO DỊ

196. RỦ NHAU ĐI KIẾM MẬT ONG

KHẢO DỊ

197. CÔ GÁI LỪA THẦY SÃI, XÃ TRƯỞNG VÀ ÔNG QUAN HUYỆN

KHẢO DỊ

198. THẦY LANG BẤT ĐẮC DĨ

KHẢO DỊ

199. "GIẬN MÀY TAO Ở VỚI AI" HAY LÀ TRUYỆN PHƯỢNG
HOÀNG ĐẤT

KHẢO DỊ

200. CÁI CHẾT CỦA BỐN ÔNG SƯ

KHẢO DỊ

201. HAI BẢY MƯỜI BA

KHẢO DỊ

PHẦN THỨ BA

NHẬN ĐỊNH TỔNG QUÁT VỀ KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-
NAM

IV. ĐẶC ĐIỂM CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

1. YẾU TỐ TƯỢNG TRƯNG TRONG LOẠI HÌNH TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM NÓI CHUNG ÍT XA LẠ VỚI NHÂN TÍNH; LOẠI TRUYỆN SINH HOẠT CHIẾM MỘT TỶ LỆ TƯƠNG ĐỐI CAO; LOẠI TRUYỆN THẦN KỲ, TRUYỆN LÀI VẬT, TRUYỆN PHIÊU LƯU MẠO HIỂM CHIẾM MỘT TỶ LỆ TƯƠNG ĐỐI THẤP.

2. TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM THẤM ĐẬM CHẤT LIỆU ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VIỆT CỔ; LÀ BIỂU TRƯNG NGHỆ THUẬT CỦA CÁI HIỀN HÒA, NHÂN ÁI, HAY TÍNH CHỪNG MỰC TRONG TÂM LÝ DÂN TỘC.

3. TÍNH CÁCH PHÊ PHÁN HIỆN THỰC KHÁ ĐẬM TRONG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM; NHÂN VẬT TÍCH CỰC THƯỜNG TỎ RA KHÔNG BẰNG LÒNG VỚI TRẬT TỰ TẬP TỤC CÓ SẴN, PHẢN ỨNG LẠI CÁI TI TIỆN TẦM THƯỜNG.

4. TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM CÓ MỘT MẢNG ĐÁNG KỂ NÊU

BẬT VAI TRÒ TÍCH CỰC CỦA NGƯỜI NỮ: ĐỀ CẬP ĐẾN ƯỚC MƠ
TÌNH YÊU VÀ HÔN NHÂN TỰ DO.

V. THỬ TÌM NGUỒN GỐC TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT - NAM

1. CÁC TRƯỜNG PHÁI CỔ TÍCH HỌC XƯA NAY VỚI VẤN ĐỀ CÁI
"CHUNG" VÀ CÁI "RIÊNG" TRONG LOẠI HÌNH CỔ TÍCH

2. NGUỒN GỐC NGOẠI LAI CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM.

3. THU HÚT TINH HOA KHO TRUYỆN CỦA CÁC DÂN TỘC ANH
EM

4. NGUỒN GỐC BẢN ĐỊA CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM
LỜI SAU SÁCH

THƯ MỤC THAM KHẢO

I. SÁCH VÀ BÀI

II. BÁO VÀ TẠP CHÍ

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM TỪ BÌNH DIỆN MỘT
CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

A TRESURE CHEST OF VIETNAMESE FOLKLORE FROM A
RESEARCHER'S PERSPECTIVE

NHÀ CỔ TÍCH HỌC NGUYỄN ĐỒNG CHI VỚI BỘ KHO TÀNG
TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

I. KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM - BỘ SÁCH LỚN QUY
TỤ MỌI NGUỒN CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH

II- KHẢO DỊ - THAO TÁC ĐẦU TIÊN ĐEM LẠI CHO TRUYỆN CỔ
TÍCH VIỆT-NAM MỘT CÁI NHÌN ĐỐI SÁNH

III- NHỮNG NHẬN ĐỊNH TỔNG QUÁT - DỰ CẢM ĐÚNG HƯỚNG
VỀ MỘT CÁCH NHÌN ĐỐI MỚI, TOÀN DIỆN ĐỐI VỚI TRUYỆN CỔ
TÍCH

MỘT VÀI KÍ ỨC VỀ ANH TÔI

TUỔI TRẺ HIẾU ĐỘNG

TẬP SỰ VÀO ĐỜI

HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI VÀ TỪNG BƯỚC ĐỊNH HƯỚNG

TÌNH YÊU VÀ SỰ NGHIỆP

NHỮNG CANH BẠC ĐỎ...

BẢNG TRA CỨU TÊN TRUYỆN KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM, kể từ lần in thứ bảy, in cùng lúc trọn bộ cả năm tập. Rất tiếc, ở những lần in toàn vẹn này tác giả đã không còn được tự mình xem lại bản in thử, như ông đã từng làm việc đó một cách hứng thú và kiên trì trong sáu lần in lẻ từng tập trước đây. Tuy nhiên, từ sau khi tập V ra mắt (1982), thân phụ chúng tôi đã có dịp chỉnh lý kỹ cả năm tập, nhất là phần **Tổng luận**, nhằm chuẩn bị cho một lần in đầy đủ sau này. Chúng tôi cố gắng trung thành với những sửa chữa trực tiếp của ông, kể cả một đôi chỗ ông ủy thác cho tôi soát lại chút ít ít câu chữ, trong khi đọc bộ sách.

Mặt khác, trong lần in thứ tư (1972), tác giả có một thay đổi đáng kể trong kết cấu cuốn sách của mình: ông bỏ đi 2 truyện và thay bằng 2 truyện khác để giữ nguyên số lượng 200 truyện. Cần nhắc kỹ lại trong lần in thứ bảy, chúng tôi đã mạnh dạn đưa một truyện trong số đó trở lại bộ sách: truyện *Giết chó khuyên chồng*, số 50. Để bạn đọc dễ nhận ra truyện này đã được bỏ đi, chúng tôi đặt chữ số 50 đứng đầu tên truyện trong dấu []. Tôn trọng ý nguyện của tác giả, các quy tắc viết hoa và phiên âm tên người, tên đất vẫn giữ nguyên như trong mấy lần in trước chứ không thay đổi. Tuy vậy, để giúp các nhà nghiên cứu có thể tra tìm nhanh chóng khối lượng tài liệu nước ngoài hết sức lớn mà tác giả đã tham khảo, ở các chú thích xuất xứ, bên cạnh tên người phiên âm trước đây chúng tôi có ký chú thêm nguyên văn, hoặc chuyển ngữ tiếng Pháp. Đối với tên một số dân tộc, hay một số địa danh trên thế giới được nhắc đến trong mục **Khảo dị**, nếu thấy cần thiết, chúng tôi cũng làm như vậy. Cuối bộ sách, chúng tôi còn thêm vào một *Bảng tra cứu tên truyện* sắp xếp theo trật tự a b c. Tất cả những việc này đều do các bạn bè thân thiết trong Ban văn học Cổ cận đại Viện Văn học góp sức thực hiện vào năm 1992.

Xin ghi lại ở đây tình cảm biết ơn chân thành của gia đình tác giả. Chúng tôi cũng trân trọng cảm ơn Nhà xuất bản Giáo dục đã có nhã ý đưa **Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam** vào trường học, để bộ sách đến thẳng với một đối tượng đông đảo từ mấy thập kỷ nay vẫn là người bạn gần gũi của nó: học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên ngữ văn ở các trường đại học.

Về mặt văn bản, có thể nói đây là bản in hoàn chỉnh nhất.

Hà Nội, ngày 31 - XII - 1998

Con trai tác giả

Gs. NGUYỄN HUỆ CHI

LỜI NÓI ĐẦU

Nghiên cứu và sưu tầm vốn văn nghệ dân gian của dân tộc nói chung và truyện cổ tích nói riêng là một trong những công việc được Nhà nước ta đặc biệt khuyến khích. Trước Cách mạng cũng từng có một vài học giả lưu tâm làm những việc đó, và họ đã công bố kết quả của mình trên sách báo. Gần đây hơn thì những công trình sưu tầm, nghiên cứu cũng như các cuộc thảo luận giữa các bạn Vũ Ngọc Phan, Trần Thanh Mại và Văn Tân gợi ra nhiều điểm bổ ích cho việc tìm hiểu truyện cổ dân gian.

Nhưng nói chung, chưa nấy ai điều tra thật đầy đủ truyện cổ tích Việt-nam để dựng lên một hệ thống hoàn chỉnh, và trên cơ sở đó, đi sâu nghiên cứu chúng một cách toàn diện. Thực ra, kho tàng truyện cổ tích của chúng ta có không ít loại hình, trong mỗi loại hình có khá nhiều dạng kết hợp rất phong phú, nhưng hiện vẫn còn nằm lẫn lộn trong các kho sách cũ, trong mọi trí nhớ, mà khả năng cá nhân chưa tìm tòi khai thác hết được. Do đó, việc nghiên cứu chỉ mới là bước đầu, thiên về khái quát mà thiếu phong phú, cụ thể.

Theo chúng tôi, công tác nghiên cứu và sưu tầm vốn văn nghệ dân tộc quá khur nếu chưa thành một công việc tập thể, được khơi động thành một phong trào rộng lớn trong cả nước, thì vẫn chưa thể gọi là toàn diện, do đó cũng chưa thể đạt kết quả dứt điểm như ý muốn. Cần phải có một cơ quan chuyên môn hoặc một hội nghề nghiệp để hướng dẫn sưu tầm, trao đổi ý kiến và tập trung tài liệu như ở nhiều nước đã từng làm, thì việc bảo tồn và phát huy vốn cũ mới mong thực hiện tốt được.

Trong khi chờ đợi sự kiện lớn lao và cần thiết đó, chúng tôi bạo dạn đem khả năng tìm tòi cá nhân thu góp những truyện cổ tích Việt-nam nghe được, đọc được và nhớ được từ trước tới nay, chỉ mong cung cấp một tài liệu tham khảo cho những bạn yêu truyền thống văn học của dân tộc.

*Bộ sách này là bộ thứ hai trong những công trình nghiên cứu của chúng tôi về truyện truyền miệng, tiếp theo bộ đầu tiên nhan đề *Lược khảo về thần thoại Việt-nam*. Nó gồm có ba phần:*

Phần đầu, tìm hiểu một ít nét về bản chất, lai lịch và lịch sử phát triển của truyện cổ nói chung và cổ tích nói riêng.

Phần thứ hai, chiếm một khoảng rất lớn trong bộ sách là những truyện cổ tích Việt-nam đã chọn lọc và sắp đặt theo một hệ thống riêng

Phần cuối là những nhận xét sơ bộ về đặc điểm tư tưởng, nghệ thuật, qua đây tạm đánh giá tổng quát truyện cổ tích Việt-nam.

*Tôn trọng chủ đề và kết cấu đã có của những truyện cổ tích, trong đời sống truyền miệng từ xưa, chúng tôi cố gắng trình bày nguyên, không sửa chữa: Trường hợp những truyện có nhiều địa phương kể khác nhau về chi tiết hay toàn phần, chúng tôi sẽ ghi tóm tắt ở mục **Khảo dị** để tiện tham khảo. Nếu*

truyện nào có nội dung tương tự với truyện của các dân tộc khác ở trong nước hay nước ngoài, chúng tôi cũng làm như vậy.

Mục đích bộ sách này là tình hiếu và giới thiệu những truyện cổ tích Việt nam, mong đáp ứng phần nào nhu cầu trước mắt. Nó chỉ giới hạn trong phạm vi truyện cổ tích của người Việt mà chưa đề cập tới kho tàng truyện cổ tích vô cùng phong phú của đồng bào thiểu số chúng ta.

Trong khi khôi phục lại cốt truyện của người xưa, trong khi tìm hiểu vốn cũ của dân tộc, chắc không tránh khỏi lầm lẫn và thiếu sót, chúng tôi mong các bạn xa gần kịp thời chỉ bảo cho.

Sau hết, chúng tôi có lời cảm ơn các bạn đã giúp cho tài liệu, đặc biệt ông bà Nguyễn Văn Nghĩa là những người đã nhen nhóm cho chúng tôi từ cái say mê nghe truyện cổ tích lúc còn trẻ cho đến hứng thú tìm tòi nghiên cứu nó sau này.

Hà-nội, tháng VI năm 1957

NGUYỄN ĐỒNG CHI

LỜI NÓI ĐẦU LẦN TÁI BẢN

THỨ TƯ

Các tập I, II, III của bộ **Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam** này từ khi lần lượt ra mắt đến nay đã ngót 15 năm. Trong thời gian qua, chúng tôi nhận được nhiều ý kiến và tài liệu của các bạn xa gần có lòng yêu gửi tới, kể cả ý kiến và lời giới thiệu trên các báo chí, trong nước và ngoài nước^[1]. Chúng tôi hết sức cảm kích về sự quan tâm đó của các bạn. Mặt khác, thời gian qua, chúng tôi cũng có để ý tìm tòi thêm những di bản trong nước và trên thế giới qua các tài liệu sách vở cũ và mới. Cho nên trong lần tái bản này chúng tôi đã có thể bổ sung những dị bản mới vào phần **Khảo định** mà chúng tôi nhận thấy - cũng như một số bạn góp ý - là hãy còn ít ỏi, và cách kể chuyện quá vắn tắt. Như vậy, phần **Khảo định** có sự bổ sung phong phú hơn trước; còn phần truyện chính, nói chung vẫn giữ nguyên, trừ một vài truyện cá biệt: hoặc thay truyện khác vì nội dung không còn thích hợp (ví dụ các truyện số 50, 77), hoặc có bổ sung ít nhiều vì vài bản cũ chưa hoàn chỉnh (ví dụ các truyện số 69, 99, 100), v.v...

Tóm lại, lần tái bản này đã khắc phục được một số thiếu sót trước đây vấp phải. Tất nhiên do kiến thức có hạn, do chúng ta còn bận chống Mỹ cứu nước, nên việc sưu tầm văn học dân gian nói chung, truyện cổ tích nói riêng, của cả hai miền đất nước vẫn còn chưa được nhiều, và việc bổ sung của chúng tôi cũng chỉ mới có thể thực hiện trong một chừng mực nhất

định. Chúng tôi rất lấy làm hân hạnh sẽ được các bạn gần xa chỉ bảo thêm cho những sai sót khác.

Hà-nội, ngày 21 tháng XII năm 1971

NGUYỄN ĐỒNG CHI

Chú thích:

[1] Trong 1 tập san của Pháp quốc Viễn đông học viện (BEFEO), tập LII, số 1, năm 1964, xuất bản ở Pa-ri, có hai bài giới thiệu và phê bình, của Mô-ri-xơ Đuya-răng (Maurice Durand) và của Tiến sĩ dân tộc học Lê Văn Hảo. Ngoài ra, một số giáo trình đại học và luận văn nghiên cứu cũng giới thiệu kỹ những luận điểm cũng như hệ thống truyện cổ tích của chúng tôi.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
CÙNG MỘT TÁC GIẢ

Kho sách bạn trẻ. Truyện thiếu nhi, 5 tập, Vinh, 1932 - 1933.

Yêu đời. Truyện (giải nhì báo Tiểu thuyết thứ hai), Vinh, 1935 (ký tên Nguyễn Trần Ai).

Mọi Kontum. Nghiên cứu dân tộc học, cùng Nguyễn Kinh Chi, Huế, 1937.

Túp lều nát. Phóng sự, Vinh, 1937 (ký tên Nguyễn Trần Ai).

Việt-nam cơ văn học sử. Q.I. Hà- nội, 1942 (in lại Ở Sài-gòn, 1970 và 1993).

Hát dặm Nghệ - Tĩnh. Hà-nội, 1943.

Đào Duy Từ. (Giải thưởng Học hội Alexandre de Rhodes, 1943). Chưa in, mất bản thảo.

Phạm Hồng Thái. Hà-nội, 1945 (ký tên Bạch Hào).

Lược sử các cuộc cách mạng trên thế giới. 3 tập, Hà-nội, 1946 (ký tên Bạch Hào).

Gặp lại một người bạn nhỏ. Truyện, viết 1949, in tại Hà-nội, 1957, tái bản 1985.

Lược khảo về thần thoại Việt-nam. Hà-nội, 1956, tái bản 1957.

Sơ thảo lịch sử văn học Việt-nam. 5 tập, cùng các tác giả khác, Hà-nội, 1957 - 1960.

Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam. 5 tập, in nhiều lần, Hà-nội, 1957 - 1982.

Nguyễn Trãi, nhà văn học và chính trị thiên tài. Cùng Mai Hanh, Lê Trọng Khánh, Hà- nội, 1958.

Hát giặm Nghệ - Tĩnh. 3 tập (riêng tập I nghiên cứu, tập 2 và 3 sưu tầm cùng Ninh Viết Giao), Hà-nội, 1962 - 1963.

Vè Nghệ - Tĩnh. Chủ biên, Hà- nội, 1965.

Phương pháp sưu tầm văn học dân gian ở nông thôn. Cùng Cao Huy Đình và Đặng Nghiêm Vạn, Hà- nội, 1969.

Thư mục và sách dẫn Tập san Văn sử địa và Tạp chí Nghiên cứu lịch sử. Hà nội 1973.

Thời đại Hùng Vương. Cùng các tác giả khác, Hà- nội, 1973.

Chiến thắng Rạch-gầm, Xoài-mút. Tp. HỒ Chí Minh, 1977.

Nguyễn Trãi, khí phách và tinh hoa của dân tộc. Cùng các tác giả khác, Hà-
nội, 1980.

Văn học Việt-nam trên những chặng đường chống phong kiến Trung-quốc
xâm lược. Cùng các tác giả khác, Hà- nội, 1982.

Lộ nước thần. Tp. Hồ Chí Minh, 1983.

Ca dao Nghệ-Tĩnh. Cùng Ninh Viết Giao, Vinh, 1985.

Văn học dân gian sưu tầm ở Ích-hậu. 4 tập, cùng Đoàn Thị Tịnh, 1962 -
1969, chưa in.

Lịch sử phong trào nông dân thời Trung đại. Tập I và tập II, 1965 - 1978,
chưa in.

Góp phần tìm hiểu phong trào nông dân Việt -nam trong lịch sử xã hội
phong kiến. 1973, chưa in.

Địa chí văn hóa dân gian Nghệ - Tĩnh. Chủ biên, 1 982 - 1983, Vinh - Hà
Nội, 1995.

Từ điển thư tịch Hán Nôm. Chủ biên, 1982, chưa in.

NGUYỄN ĐỒNG CHI NHÀ VĂN - NHÀ KHOA HỌC

Trong tâm trí bạn đọc chúng ta, có lẽ không mấy ai không quen biết Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam. Đó là một bộ sách dày 5 tập, lần lượt ra mắt độc giả trong 25 năm, từ 1957 đến 1982, và trong 25 năm đó, sự xuất hiện lần lượt của từng tập đã gây hứng thú, hơn thế nữa, gây những tình cảm đẹp đẽ cho nhiều người, từ trẻ em đến người lớn. Bộ sách đó cũng được trích dịch ra nhiều thứ tiếng từ Âu sang Á: Nhật, Đức, Nga, Pháp... Tác giả bộ sách quen biết đó là Giáo sư Nguyễn Đồng Chi , nhà nghiên cứu văn hóa dân gian nổi tiếng, cũng là một nhà sử học, nhà khảo cổ học, nhà Hán học, nhà dân tộc học, và nhà văn... mà ngòi bút có mặt trên văn đàn đã 50 năm nay. Với 70 tuổi đời nhưng tinh thần còn rất tráng kiện, Nguyễn Đồng Chi đã ra đi một cách quá đột ngột trong ngày 20-VII-1984, khi sức khỏe và sức làm việc của ông còn sung mãn, gây bàng hoàng sững sốt không riêng cho người thân thuộc và hết thảy những ai quen biết ông. Còn nhớ ngày 6

tháng Giêng năm nay, nhân sinh nhật 70 tuổi của mình, trước các bạn bè cũ, các bạn văn cũng như các đồng chí cùng hoạt động với ông thời tiền khởi nghĩa, trong đó có người viết bài này, ông có đọc một bài ca trù tự vịnh mà mấy câu mở đầu nay đọc lại cứ tưởng như một lời báo trước, một sự linh cảm:

Đồng Chi nhất lão,
Mới ngày nào còn lơ lảo biết chi chi;
Cho đến nay đầu nhuộm bạc, gân đang suy,
Cười một tiếng: "Cổ lai hy không mấy chốc".

Cuộc đời Nguyễn Đồng Chi là cuộc đời một người cầm bút phong phú, sâu rộng trên nhiều lĩnh vực, và cũng là một cuộc đời đầy hoạt động. Sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước ở xã Ích-hậu, huyện Can-lộc, tỉnh Hà-tĩnh, ông là con thứ ba của cụ Nguyễn Hiệt Chi, tức Đầu xứ Thuận, biệt hiệu Mộng Thương, tác giả Sách mẹo tiếng Nam, Hán văn tân giáo khoa thư nhiều tập, Hán văn tân giáo pháp, Ba-xã địa dư... và nhiều thơ, văn khác, một nhà giáo có uy vọng. Học trò cụ nay còn lại đều là những bậc thức giả đáng kính - như các ông Nguyễn Khánh Toàn, Hà Huy Giáp, Phạm Thiều... - vẫn thường nhắc đến đức độ của cụ. Nguyễn Hiệt Chi từng có chân sáng lập Công ty Liên Thành và trường Dục Thanh ở Phan-thiết là nơi tập trung khá nhiều chí sĩ yêu nước buổi đầu thế kỷ. Năm 1910, trước lúc xuất dương tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành (tức Chủ tịch Hồ Chí Minh sau năm 1945) có ghé lại Phan-thiết dạy ở trường này một thời gian, và một trong những học trò của ông là người anh trai đầu của Nguyễn Đồng Chi, tức Bác sĩ Nguyễn Kinh Chi, Thứ trưởng Bộ Y tế hồi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Nguyễn Đồng Chi còn có người chú ruột là Nguyễn Hàng Chi, người cầm đầu phong trào Duy tân và Chống thuế ở Nghệ - Tĩnh. Tuy học rất giỏi, ông đã kiên quyết tẩy chay thi cử và cùng bạn bè tổ chức vụ phá trường thi Hà-tĩnh (1906) trong một cuộc khảo hạch để được miễn thuế thân mà ông cho là làm hèn hạ con người. Nguyễn Hàng Chi cũng là người thanh niên đầu tiên cắt "búi tóc" trong vùng với một bài

thơ tự trào cũng bằng thể ca trù:

Hàng Chi ơi hỡi Hàng Chi,
Cỏi trần hồ dễ như mi trọc đầu...

Năm 1908, Nguyễn Hàng Chi tổ chức nông dân các huyện kéo vào tỉnh thành Hà-tĩnh chống thuế, ông bị Pháp bắt và xử tử.

Nguyễn Đồng Chi sinh ra ở Phan-thiết, nhưng lại lớn lên giữa những ngày sôi động và dồn dập phong trào cách mạng ở Nghệ - Tĩnh. Vào những năm 1931 - 1932, mới 17 tuổi, đang học trung học, nhưng ông đã muốn tự mình làm một cái gì để thử thách nghị lực của mình. Nhân gặp một người làm thuốc rong có môn thuốc bó xương gia truyền đến chữa bệnh cho bà nội, ông đã cặm cùi học cách chế thuốc "gịt" chữa bong gân gãy xương của người đàn bà không quen biết này và táo bạo ra Vinh mở... "Bình Ân dược phòng". Ông còn lần mò đi chợ Vinh nhiều buổi, tìm hiểu các hàng đồ tre chạm rất tinh tế của người vùng Nghi-lộc và sau đó mở hiệu chạm đồ tre gửi đi bán các nơi đề cổ động hàng mỹ nghệ của đất nước. Rồi ông mở "Kho sách bạn trẻ tự mình viết, dịch, phóng tác các loại "sách hồng của nước ngoài, cho ra mắt những cuốn Chí quả quyết, Tài trẻ nước Nam, Một nhà tan họp, Vườn xuân bạn trẻ, Tìm ra châu Mỹ... nhằm giáo dục nghị lực cho thiếu niên. Ông lại mở "Mộng Thương thư trai" ở làng quê, cho nhiều người đến đọc, để phổ cập những tư tưởng tiến bộ trong nhân dân.

Dần dần, lớn hơn ít nữa, ảnh hưởng của các phong trào khởi nghĩa Yên-bái, Xô-viết Nghệ - Tĩnh, Mặt trận Dân chủ thấm sâu trong ông. Khi được theo người anh lên làm y sĩ ở Buôn Mê-thuột và Kon-tum, Nguyễn Đồng Chi đã có dịp chứng kiến tấm gương của các tù nhân chính trị bị đày ải nơi đây, và mối quan hệ giữa hai ông với họ nảy nở nhanh chóng. Một người trong số các chiến sĩ đó sau ngày được tha về sẽ là con rể của gia đình cụ Hiệt Chi. Trở về Hà-tĩnh, Nguyễn Đồng Chi gặp gỡ các bạn trong phong trào Mặt trận Dân chủ; ông lao vào hoạt động tích cực hơn. Ông tổ chức ra "Phường

tập phúc", một hình thức "hội kín" biến tướng. Bị mật thám Hà-tĩnh đe dọa về việc này nhưng ông không lui bước. Cùng một vài thanh niên yêu nước trong vùng như Nguyễn Chung Anh, Đặng Giá, Nguyễn Đồng Chi đã ra Hà-nội (1942), lấy cớ đi đọc sách ở Trường Viễn đông bác cổ, tìm gặp Nguyễn Đắc Giới (tức Thôi Hữu) để bắt liên lạc với Mặt trận Việt minh. Năm 1943, các anh trở về Hà-tĩnh tổ chức cơ sở đầu tiên của Mặt trận Việt minh ở tỉnh. Lúc này một người tù cách mạng là Chu Huệ đã vượt ngục Buôn Mê-thuột ra Hà-tĩnh, tìm đến để phối hợp hoạt động. Phong trào cứu quốc từ đây càng phát triển một cách vững chắc. Cuối năm đó bị địch khủng bố, một số anh em bị bắt, nhưng Nguyễn Đồng Chi vẫn giữ vững mối liên hệ với các bạn còn lại. Đến cuối 1944, tổ chức được phục hồi; sau cuộc họp ở chân núi Hồng Lĩnh, Đoàn thanh niên cứu quốc đã gặp gỡ ông Nguyễn Hiền từ Huế cử ra, lại liên lạc được với ông Nguyễn Tạo từ Tổng bộ Việt minh về lập căn cứ Tràng-sim, xây dựng phong trào ở Nghệ - Tĩnh. Cùng các anh em trong Đoàn thanh niên cứu quốc, Nguyễn Đồng Chi hăng hái dẫn mình vào mọi hoạt động cách mạng trong vùng, và khi có lệnh Tổng khởi nghĩa, ông đã tham gia lãnh đạo cướp chính quyền huyện Can-lộc vào một ngày sớm nhất trong tỉnh: 16-VIII-1945. Hồi tưởng lại việc này, ông viết những câu thật sáng khoái:

Chân non Hồng nhóm họp dăm bảy bạn anh hào,
Dân quần chúng dám tấn công vào Can-lộc.
Cờ ửng nghĩa đầu tiên sao vàng tung bay sáng rực,
Tiếng reo hò hả nổi nhục non sông...

Những ngày này dường như ở trong Nguyễn Đồng Chi đã có hai con người cùng gắn bó làm một: con người cách mạng và con người văn hóa. Say mê, xông xáo, ông dồn hết sức trẻ vào hoạt động, với niềm mong muốn chân thành xây dựng nền văn hóa mới Việt-nam.

Sau Cách mạng tháng Tám, Nguyễn Đồng Chi ra Vinh nhận công tác văn hóa, tuyên truyền. Ông làm Trợ bút báo Kháng địch (1945), Chủ bút báo

Truyền thanh (1946) rồi Chủ tịch Hội văn hóa cứu quốc Nghệ-an (1946). Ít lâu sau ông được điều động sang Ban kinh tài của Trung-bộ và ra Hà-nội công tác. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, các cơ quan ở Hà-nội lần lượt tản cư, Nguyễn Đồng Chi tình nguyện ở lại gia nhập Đội tự vệ khu Bảy-mẫu và chiến đấu ở các khu phố chợ Hôm, Nhà máy diêm, chợ Đuối, Nhà thương Cống-vọng , Trường bay Bạch-mai... cho đến cuối tháng Hai 1947 mới cùng rút với các chiến sĩ Vệ quốc đoàn. Trở về lại khu IV, ông sẵn sàng nhận bất kỳ công việc gì mà trên giao phó, từ việc đi trồng trầu tại nông trường Bà Triệu (Nghĩa-đàn), đến công tác Chánh văn phòng Ban kinh tài Liên khu ủy IV, cho đến Giám đốc Nhà xuất bản Dân chủ mới Liên khu IV...

Còn nhớ thời kỳ ở nông trường Bà Triệu, ông phụ trách thanh niên. Đêm đêm ông đã đi ngựa hàng chục cây số vào các làng bản trong rừng dạy bình dân học vụ cho đồng bào Mường. Một mình một cây súng hai nòng, đội thêm một chiếc đèn sắn, đêm nào như đêm ấy ông hăng hái đi sâu vào những cánh rừng âm u của vùng đất đỏ Phủ-quỳ nhiều thú dữ, đôi khi sau buổi dạy học còn đem về một con cầy, con mèo rừng, có lần cả một con hoẵng. Ông được kết nạp Đảng vào cuối năm 1947, cũng tại nơi rừng núi này . Những năm tháng hoạt động sôi nổi trên đây đã nung nấu trong ông ý muốn cầm bút ghi lại cuộc kháng chiến của dân tộc, và vào mấy năm sau, khi đã trở về công tác ở vùng xuôi Nam-đàn, ông bắt tay thực hiện. Ban ngày làm việc văn phòng, nhưng đêm đến, với một ngọn đèn dầu lạc con con, ông ngồi ghi lại câu chuyện một Tiểu đội tự vệ khu Nam Hà-nội đã luồn qua các lỗ đục tường, quấy rối tiêu hao các đồn bốt địch trong thành phố. Ông đã sống với tất cả cảm xúc bồn chồn, say đắm của một người trong cuộc", và cuốn truyện Gặp lại một người bạn nhỏ giàu tính chất tự truyện của ông, là những bức ký họa sinh động về những người dân Thủ đô thuở ấy, rất say sưa, dũng cảm, đánh giặc bằng mọi hình thức, không hề tiếc thân mình, nhưng đó cũng là một tập hợp phần nào còn luộm thuộm, phức tạp: có người là dân nghèo, là sinh viên, tiểu tư sản, có người là thợ nhà máy, là đầu bếp, có những chị buôn bán nhỏ ở chợ Hôm, lại có cả những

tay anh chị" quen chuyện "khoét vách trèo tường ... Họ đã đem vào cuộc kháng chiến những tính cách khác nhau, hợp thành một tập thể đông đảo, nửa tự giác nửa tự phát, và tạo nên cái màu sắc đầy hoạt động, vừa lãng mạn, nhiều vẻ, vừa rất đổi "Hà thành .

Còn nhớ những ngày đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc, khi tiếng súng bùng nổ ở Thủ đô thì tại Hà-tĩnh, nhóm thanh niên cứu quốc Can-lộc chúng tôi thường tìm về làng quê Nguyễn Đồng Chi để trao đổi tình hình chiến sự và hỏi thăm tin tức về ông. Rồi đột ngột đầu tháng Ba 1947, ông từ ngoài Bắc trở về, người đen xạm nhưng rất vui, kể những chuyện mà mình sống thực: về những cái lỗ đục tường, những ụ chướng ngại vật, về đêm nổ súng cả thành phố đột nhiên tắt ngấm điện và mỗi người đều trong tâm trạng nôn nao đến nghẹt thở trước giờ phút lịch sử trọng đại; rồi những trận cầm cự với xe tăng giặc Pháp, những trận đánh tăng lâu, những chuyến đi du kích, những cái xác người rịn nước dựng đứng trong hẻm, những vụ trấn áp "Việt gian" đến rợn gáy, những lần quần nhau suốt đêm giữa nó và mình... Bản tính điềm đạm ông rất tiết kiệm lời, nhưng chính vì thế càng gây hứng thú cho chúng tôi, nhất là cái sự thật giản dị chứa bên trong câu chuyện, nó có một khả năng lay động người khác rất mạnh, giúp người ta hình dung tất cả không khí rừng rực của Hà-nội chiến đấu, mà tin tức và báo chí lúc bấy giờ chỉ nói được một phần.

Ấy thế mà khi bản thảo Gặp lại một người bạn nhỏ của Nguyễn Đồng Chi hoàn thành, chúng tôi lại bị ngạc nhiên một lần nữa. Không phải vì câu chuyện ông viết tỷ mỉ, mạch lạc hơn, mà chính là vốn sống phong phú của ông lần này đã được chắt lọc, kết tinh lại, nâng lên thành nghệ thuật, nhưng mặt khác vẫn giữ được nguyên một câu chuyện kể nóng hổi, chân chất hồn nhiên. Theo tôi, đó chính là dấu hiệu của một người cầm bút chân chính, biết sử dụng đúng chỗ mặt mạnh của ngòi bút sáng tạo của mình.

Lúc bấy giờ ở vùng tự do khu IV ít có điều kiện để gửi một tập bản thảo dày ra Việt-bắc mà không bị thất lạc, nên viết xong Gặp lại một người bạn

nhỏ, Nguyễn Đồng Chi chỉ có thể hội họp số ít bạn bè quen biết công tác ở gần, để nghe đọc và bình phẩm cuốn truyện của ông . Trong cuộc họp ở cái thị trấn Sa-nam nhỏ nhắn này vào cuối năm 1949, có cả một thầy giáo dạy văn trường cấp II Tân Dân trong huyện. Chúng tôi đã bàn cãi rất nhiều về thể loại của cuốn sách: không biết nên gọi nó là "truyện" hay "ký", bởi vì hồi ấy chúng tôi cứ nghĩ muốn gọi được là "truyện" thì phải có một cốt truyện hư cấu với nhiều tình tiết phong phú và giăng nối chặt chẽ với nhau, với những nhân vật có vận mệnh gắn liền với diễn biến của cái cốt kể trên. Tiếp thu ý kiến của anh em, Nguyễn Đồng Chi đã sửa lại chút ít - và vào năm 1957, khi sách được Hội nhà văn Việt-nam xuất bản, như để thuyết minh thêm tính cách đặc thù của tác phẩm, tác giả đã ghi một dòng phụ đề ở dưới tên sách: Ký sự kháng chiến Thủ đô. Nhưng giờ đây, đọc lại Gặp lại một người bạn nhỏ mới ngày càng nhận rõ hơn những ý kiến đơn giản hồi đó của chúng tôi. Quả là trong các thể loại tiểu thuyết khác nhau, có loại tiểu thuyết với những cốt truyện hấp dẫn, màu mè, bắt người ta phải tập trung sự chú ý vào đấy. Nhưng cũng có loại tiểu thuyết mà cốt truyện chỉ là yếu tố phụ - mà sự có mặt của từng mảng sống xù xì đưa vào tác phẩm mới làm nên sức mạnh chủ yếu của nó. Viết về đề tài Hà-nội kháng chiến trong một khoảng thời gian rất ngắn và diễn ra mãnh liệt như trong những ngày cuối năm 1946 đầu năm 1947 ấy, Nguyễn Đồng Chi đã biết chọn một thể loại thích hợp cho việc khai thác đề tài, cũng phù hợp với bút pháp của mình. Ông đã dùng thể truyện - ký, nhằm giữ được đến mức tối đa chất liệu thực vô cùng quý của mảng sống mà ông từng chứng kiến, nắm bắt. Ông không muốn uốn nắn, đẽo gọt, làm mất đi cái hồn của nó là bản sắc lịch sử. Bản sắc lịch sử ấy hiện ra từ trong dáng dấp, ngôn ngữ, hành vi của nhân vật, từ không khí của toàn câu chuyện được tạo nên bởi nhiều chi tiết có thực mà tác giả dựng lại, và cả từ phong cách ngôn ngữ của người dẫn truyện - cũng là ngôi thứ nhất trong truyện - nó khiến người ta liên tưởng tới ngôn ngữ kể chuyện từng từng" mà rất giàu suy nghĩ của Rômac (Remaque) trong Pháo Tây không có gì lạ. Và tất cả những yếu tố đáng kể ấy, hợp lại, đã giúp người viết tạo thành một bức tranh chính xác, như được đẽo bằng những nhát rìu sắc mà thô, về hình ảnh của một Hà-nội anh hùng,

đã sống, đã chiến đấu, đã dùng cảm hy sinh, trong những ngày một đi không trở lại. Theo tôi nghĩ đó chính là một trong những yếu tố hấp dẫn của Gặp lại một người bạn nhỏ, một thể loại tiểu thuyết mà giá trị lại là ở chỗ, người đọc không được phép hồ nghi rằng đây là chuyện bịa.

Dĩ nhiên, không vì thế mà Nguyễn Đồng Chi bỏ qua việc khắc họa tính cách, điều mà tiểu thuyết bao giờ cũng đòi hỏi. Tuy mới là phác họa, tính cách các nhân vật đã hiện lên khá rõ, được ông theo dõi khá chu đáo, từ quá trình hình thành nên cuộc đời, nghề nghiệp, sở trường, cốt tính của mỗi con người, cho đến con đường riêng mà mỗi người đi đến với cách mạng. Đây là những Hân, Giáp, bác Phiêu, anh Lai, cô Môn, Linh rõ, lão Hoa "anh chị", và nhất là nhân vật "tôi" vừa là người dẫn truyện, lại vừa đóng vai trò nhân vật tự truyện - một mạch quan trọng thứ hai của tác phẩm. Tất cả, mỗi nhân vật là một lối sống, với ngôn ngữ, cá tính, không ai giống ai. Chúng góp thêm vào cái khí hậu lịch sử rất thực của cuộc kháng chiến Thủ đô. Giá thử ngày trước, sau cuộc họp góp ý của chúng tôi, Nguyễn Đồng Chi đã không vưng vàng mà đem gọt đi tất cả, rồi nhào nặn lại, rồi "hư cấu", tưởng tượng nên một câu chuyện tình yêu gắn với lý tưởng, gắn với chiến đấu... gì gì đấy, thì cuốn sách sẽ mất mát đi bao nhiêu là tài liệu sống và cái cốt truyện "có truyện" đó sẽ nhạt biết chừng nào. Càng nghĩ lại càng thấy ông quả là một nhà văn có bản lĩnh.

Nhưng thực ra, không phải Gặp lại một người bạn nhỏ là cuốn sách chứng chạc đầu tiên của Nguyễn Đồng Chi về văn nghệ. Từ những năm 1934 đến 1935, khi đang làm phóng viên cho các tờ báo Thanh Nghệ Tĩnh tuần báo, Tiểu thuyết thứ hai, Bạn trẻ, ông đã có dịp thử thách năng khiếu sáng tác của mình. Cuốn tiểu thuyết tâm lý xã hội Yêu đời (1935), gồm hai truyện vừa của ông đã được giải thưởng của báo Tiểu thuyết thứ hai. Đặc biệt, trong phong trào Mặt trận dân chủ, ông đã để lại được một tập văn xuất sắc. Đó là tập phóng sự Túp lều nát gồm 13 chương phơi bày không chút thương xót bộ mặt đều cáng, quý quyết, những thủ đoạn cướp bóc tinh vi cũng như hèn hạ của bọn tổng lý, cường hào. Ông không chỉ khuôn câu

chuyện của bọn chúng lại trong phạm vi đình làng. Ông dựng chân dung của chúng một cách đa diện, từ việc bóp nặn dân đen, việc cho vợ con khoác áo rách rưới, đổi tên những người dân trong sổ đình của làng để đi lính chân... cho đến những việc tranh nhau một hộp thuốc lá cũ, chiếc bút-tất thủng... khi đến tiền quan Tây rời hạt mình đi nhậm chức nơi khác" và đứng ngoài cửa sổ tình cờ thấy quan vụt ra. Chỗ đặc sắc là tập phóng sự của Nguyễn Đồng Chi hầu hết đều là chuyện "người thật việc thật" ở trong vùng Nghệ - Tĩnh. Đây cũng vẫn là chỗ, theo tôi, làm nên cái sở trường, cái đặc điểm của phong cách sáng tạo nghệ thuật của Nguyễn Đồng Chi: ông không lìa xa những mẫu người có thật mà mình đã gặp, mà chỉ làm cho chúng nổi đậm hẳn lên, bằng vào khả năng tạo dựng của mình. Chương sách cuối là một tấn bi kịch đẫm máu: một người nông dân ở Vạn-phần (Diễn-châu) bị áp bức đến quẫn kiệt, đã phải làm cái việc phản ứng tự phát và liều lĩnh, "mạng đổi mạng" với một tên Chánh tổng, gần giống như truyện Chí Phèo của nhà văn Nam Cao viết mấy năm sau. Việc in tập sách này đã làm cho tác giả bị mật thám Hà-tĩnh gọi vào chất vấn, làm phiền nhiễu không chỉ một hai lần. Không những mật thám đe dọa, làm phiền, mà ngay cả một số địa chủ, hào lý ở Hà-tĩnh cũng khó chịu với ông, kể cả những người bà con thân thích, vì Nguyễn Đồng Chi đã đưa chuyện của họ công khai lên mặt giấy mà không... "xin phép". Nguyễn Đồng Chi có kể cho chúng tôi nghe, bản thân ông cũng không giữ được một bản in nào cả. May sao, ngày mới chân ướt chân ráo trở lại Hà-nội cuối năm 1954 để công tác ở Ban nghiên cứu Văn sử địa, còn ở nhờ nhà một người bạn công nhân trong một túp lều tranh ở xóm Thanh-nhàn (ô Đống-mác) một lần Trưởng ban Trần Huy Liệu mời đến nhà, rút tặng một cuốn sách mà ông cất giữ rất trân trọng, và nói: "Biết anh đang tạm phải ở lều tranh, nhưng xin tặng lại anh một "túp lều" của chính anh mà không có ngôi nhà nào sánh được, và tôi đã giữ nó trong nhiều năm nay". Nguyễn Đồng Chi vội cầm lấy và mở tờ giấy bọc bìa ra: Đúng là cuốn Túp lều nát do ông vẽ bìa, in năm 1937. Đối với nhà sử học Trần Huy Liệu, từ sau những sự việc đó, ông vẫn coi là người mà mình chịu ơn "tri ngộ" .

Ngoài cuốn Túp lều nát, cũng trong năm 1937, Nguyễn Đồng Chi còn cho ra mắt bạn đọc cuốn Mọi Kon-tum viết chung với người anh ruột Nguyễn Kinh Chi từ một vài năm trước. Đây là một công trình điều tra dân tộc học, đánh dấu cái thiên hướng nghiên cứu khoa học của Nguyễn Đồng Chi. Toàn bộ tài liệu trong tập sách đều được hai tác giả ghi chép trong những ngày sống ở Kon-tum. Sách vừa là một cuốn địa lý học lịch sử, khảo sát đất đai, cương vực, kinh tế, chính trị tỉnh Kon-tum qua các thời kỳ, vừa là một chuyên khảo dân tộc học, tìm hiểu các tộc người cộng cư ở đây, nguồn gốc chủng loại của họ, và phong tục tập quán, bao gồm "thân thể tâm tính, triết lý tín ngưỡng, thiên văn địa lý, hương thôn giao tế, gia tộc cư xử, sinh tử giá thú, sĩ nông công thương, du hí mỹ thuật" ... rất tỷ mỉ. Điều lạ là ngay từ bấy giờ, quan điểm của các tác giả đã rất tiến bộ, chẳng hạn ở đầu sách, họ đã giải thích rằng từ mọi vốn bắt nguồn từ từ *tomoi* - có nghĩa là người khách - quen dùng trong đồng bào thiểu số, chứ không có ý gì là khinh miệt. Hoặc họ xác nhận dân tộc Ba-na (Bahnar) giàu tinh thần yêu nước, đã dám nói với chính các tác giả rằng, từ khi có "người Pha-lang" (Pháp) đến thì "con Mọi sướng mà cực", vì "bị làm đường, nộp thuế, mất cả sự tự do". Các tác giả còn nhấn mạnh: "Tục lệ của họ (người Mọi) chẳng những không mọi rợ chút nào mà lại có nhiều điều còn thuần túy hơn ta", và quả thực, tinh thần chủ đạo nghiêm túc này đã làm cho cuốn sách vượt lên trên các loại sách ghi chép "chuyện lạ đường rừng" vốn không hiếm gì vào thời ấy. Điều đáng lạ nữa là tập sách còn dành một phần cuối để ghi những tục ngữ, câu đố và truyền thuyết dân gian gắn với tín ngưỡng của đồng bào Thượng, chứng tỏ ngay từ cuốn sách nghiên cứu đó, xu hướng nghiên cứu văn hóa dân gian nguyên hợp đã sớm định hình trong Nguyễn Đồng Chi. Cho mãi đến những năm gần đây, một nhà dân tộc học người Pháp, Công-đô-ni-nax (Condominas) trong một dịp sang thăm Việt-nam, vẫn còn nhắc đến cuốn sách trên với thái độ kính trọng.

Sau các cuốn Túp lều nát, Mọi Kon-tum, một phần cũng vì tránh mật thám quấy rầy, Nguyễn Đồng Chi về ở hẻo lánh thôn cặm cùi đọc sách.

Cũng theo người em ruột kể lại thì đây là thời kỳ anh học chữ Hán một cách hệ thống với một người chú họ là nhà nho Nguyễn Lợi, người đã từng dịch Thoái thực ký văn và Giới Hiên thi tập. Ông học chữ Hán với quyết tâm nghiên cứu đến nơi đến chốn vốn văn hóa thành văn cổ truyền, để chống lại quan niệm xem thường di sản tinh thần của cha ông, của một số người tự xưng là "Tây học". Vốn là người táo bạo, nhất là còn ở tuổi thanh niên, Nguyễn Đồng Chi đã biểu thị quyết tâm học chữ Hán bằng một hành vi có vẻ cực đoan: ông cạo trọc đầu, để tóc trái đào, để khỏi phải giao du, vui chơi, do nhu cầu tất nhiên của tuổi trẻ. Và cứ thế, ông vừa học, vừa hoàn thành bộ sách dày Việt-nam cổ văn học sử, nghiên cứu lịch sử văn học Việt-nam trong gần năm thế kỷ đầu thời phong kiến tự chủ, nhằm khẳng định nền văn hóa mang bản sắc riêng của người Việt so với văn hóa Trung-hoa. Cuốn sách ra đời được nhiều người chú ý. Việc tác giả lần đầu tiên đưa dòng văn học chữ Hán của cha ông vào văn học sử, hơn nữa lại dám khẳng định tinh thần "quyết đánh" của Hội nghị Diên-hồng là đặc trưng cơ bản nhất, chi phối lâu dài sự phát triển của văn học Việt-nam: "Đánh có nghĩa là tiến bộ và tiến bộ mãi mãi... lịch sử tư tưởng, văn học Việt-nam trước nay và sau có thể tóm tắt bằng một chữ ấy vậy", trong điều kiện bị o ép đến ngót thở dưới chế độ thực dân phát-xít lúc ấy, đã làm cho không ít người bở ngỡ lạ lùng. Trần Văn Giáp viết lời đề tựa, nhà chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng viết lời bạt, các học giả Nguyễn Văn Tố, Đặng Thai Mai viết giới thiệu, phê bình, tuy không nhắc đến luận điểm rất "bạo" này nhưng ít nhiều đều tỏ rõ thiện cảm với tác giả. Ngày nay bình tĩnh xét lại, phải nói những luận điểm đó so với đương thời không phải chỉ có ý nghĩa tiến bộ mà thôi, mà còn là một cống hiến mới mẻ, có giá trị gợi mở về lý luận. Nhà sử học Văn Tân kể rằng, bấy giờ ông đang ở tù, và cùng một số chiến sĩ cách mạng khác đang rất bức bối trước cuốn Hai bà Trưng bêu lịch sử của Nguyễn Tế Mỹ. Cuốn sách của Nguyễn Đồng Chi xuất bản đã chiếm được cảm tình sâu sắc của ông và các đồng chí vì nó xác định rõ, dân tộc ta vừa có một tinh thần quật cường lại vừa có một truyền thống văn hóa quý báu mà chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết, cộng đồng, là linh hồn cốt tủy. Mấy năm trước Cách mạng tháng Tám, Nguyễn Đồng Chi còn viết

một số công trình khác: Hát dặm Nghệ - Tĩnh , nghiên cứu tổng hợp từ đặc trưng đến hình thức diễn xướng, cho đến việc điều tra tiểu sử, sinh hoạt, giao du... của các nghệ nhân dân gian, xung quanh loại hình dân ca cổ truyền "hát giặm" của vùng Nghệ - Tĩnh; Đào Duy Từ, nghiên cứu cuộc đời, sự nghiệp đắp thành xây lũy, và văn nghiệp của một con người lừng tiếng vốn xuất thân từ "con hát" (cuốn này được giải khuyến khích của Học hội Pháp - Việt A-lêc-xăng đơ Rốt (Alexandre de Rhodes) cùng với Lều chông của Ngô Tất Tố); Việt-nam cổ văn học sử, tập II và III nghiên cứu những tác giả tiêu biểu nhất của thời đại Lý, Trần, Hồ. Cả hai cuốn sách sau đều chưa kịp in thì cách mạng nổ ra. Hiện nay, một trong hai bản thảo trên còn được lưu giữ ở Viện Sử học.

Bên cạnh những công trình nghiên cứu văn học, Nguyễn Đồng Chi cũng có dịp thử thách mình trên địa hạt lịch sử. Vài năm đầu sau cách mạng, ông lập Nhà xuất bản Ngàn Hồng, và viết các cuốn Phạm Hồng Thái, Lược sử các cuộc cách mạng trên thế giới... Cuốn sách sau gồm nhiều tập (mới ra được 3 tập) nhưng chỉ là viết lại từ tài liệu của nước ngoài, để giới thiệu với công chúng của nước Việt-nam mới các phong trào cách mạng đã diễn ra khắp Âu, Mỹ, Á, Phi. Nhưng cuốn sách trước, ký tên Bạch Hào, tuy rất mỏng lại là một tài liệu đáng giá: đó là kết quả một chuyến đi thực tế của các anh em trong tòa báo Truyền thanh về tận làng quê nhà chí sĩ Phạm Hồng Thái, một làng nhỏ và rất nghèo nằm sát bờ sông Lam mà dòng nước của con sông hung dữ mùa lũ lụt cứ xói dần, xói vào đến nghĩa địa, làm phơi ra cả những chiếc quan tài chôn sát bờ sông ... Tất nhiên, những công trình sử học, khảo cổ học bề thế của Nguyễn Đồng Chi phải là những công trình xuất hiện từ sau khi ông ra Hà-nội công tác tại Ban nghiên cứu Văn sử địa trung ương, sau hòa bình lập lại. Ông đã cùng các tác giả trong Ban văn của Ban Văn sử địa hoàn thành nhanh chóng 5 tập Sơ thảo lịch sử văn học Việt-nam khổ lớn mà ông phụ trách một phần văn học dân gian và toàn bộ phần văn học chữ Hán vốn lúc bấy giờ bạn đọc đông đảo chưa biết gì nhiều, vì chưa mấy cuốn được dịch. Bộ sách Sơ thảo lịch sử văn học Việt-nam ít nhiều vượt lên những bộ văn học sử trước đó không phải chỉ vì độ

dày của nó, vì sự phong phú của các chương mục, mà con ở phương pháp và quan điểm, trong đó có quan điểm coi văn học chữ Hán là một thành tố quan trọng của văn học dân tộc. Và nếu trước đó một năm, đọc Lược thảo lịch sử văn học Việt-nam người đọc đã có một ý niệm khá rõ ràng về lịch sử văn học lâu đời viết bằng ngôn ngữ tiếng Việt, thì đọc đến bộ Sơ thảo... người ta lại hiểu thêm rất nhiều vẻ đẹp trong tư duy thẩm mỹ của cha ông, thông qua một hình thức ngôn ngữ - chữ Hán - được coi là điển phạm của phương Đông lúc bấy giờ, cũng như vai trò của ngôn ngữ Hy - La trong văn học trung đại châu Âu vậy. Có thể nói, chỉ với Nguyễn Đồng Chi, lần đầu tiên bạn đọc mới thật sự tiếp xúc với cái hay của những tập thơ đặc sắc của thế kỷ XV như Ưc Trai tập (Nguyễn Trãi), Chuyết Am tập (Lý Tử Tấn), Lã Đường di cao (Thái Thuận), Cửu Đài tập (Nguyễn Húc). Châu Khê tập (Nguyễn Bản)... hoặc nụ cười lạc quan của Ninh Tồn, tâm sự u hoài của Trần Danh Ấn, thái độ hãnh tiến của Đặng Trần Thương. "tiếng nói trữ tình bi phần" của Cao Bá Quát, tinh thần "khoa ngọn đuốc vào chốn tối tăm oan khốc trong lũy tre xanh" của Nguyễn Hàm Ninh... cho đến cả nét đặc sắc khác nhau trong những tập truyện truyền kỳ của nhiều thời đại, như Thánh Tông di thảo, Truyền kỳ mạn lục, Truyền kỳ tân phả, Lan Trì kiến văn lục, Công dư tiệp ký, Sơn cư tập thuật... mà không phải đến nay đã được dịch và giới thiệu tất cả. Nhận xét của Nguyễn Đồng Chi bao giờ cũng gọn gàng mà làm bật ra cái mới, cái lý thú của tác phẩm. Đó là công lao của một người đi đầu .

Nguyễn Đồng Chi còn là một trong những tác giả chính các cuốn Nguyễn Trãi, nhà văn học và chính trị thiên tài (1957), Thời đại Hùng Vương (1973), Nông thôn Việt-nam trong lịch sử, 2 tập (1977 - 1978), Nguyễn Trãi, khí phách và tinh hoa của dân tộc (1980), Văn học Việt-nam trên những chặng đường chống phong kiến Trung-quốc xâm lược (1982)... Tham gia nhiều đợt khai quật khảo cổ học, ông là một người chủ chốt trong 3 người có vinh dự phát hiện di chỉ đồ đá cũ Núi Đọ nổi tiếng (1960) mà Giáo sư tiến sĩ Bô-rix-côp-xky (Boriskovsky) từng viết rằng: "Các học giả này đã lấp một khoảng trống quan trọng trên bản đồ khảo cổ học Việt-nam"

. Ông cũng nghiên cứu sâu vấn đề nông dân trong lịch sử Việt-nam thời trung đại. Với nhiều nguồn tư liệu xác thực, ông trình bày các kiến giải độc lập về những vấn đề sở hữu ruộng đất của làng xã, quan hệ nhà nước và làng xã, quan hệ thân tộc và các biện pháp tương trợ trong làng xã Việt nam dưới thời trung đại... Đặc biệt, ông còn ứng dụng phương thức sản xuất châu Á để tìm hiểu quy luật vận động của các phong trào nông dân trong lịch sử dân tộc từ xa xưa cho đến gần đây. Các công trình Lịch sử phong trào nông dân Việt-nam dưới thời trung đại (tập I và II) và Góp phần tìm hiểu phong trào nông dân Việt-nam trong lịch sử xã hội phong kiến , theo cách nhận định khiêm tốn của chính tác giả, tuy là kết quả nghiên ngẫm trong nhiều năm và có nhiều khám phá đặc sắc không giống người khác (1965 - 1978), song cũng chỉ mới là một cách nêu vấn đề và một giải đáp bước đầu chưa thể gọi là hoàn chỉnh, những bản thảo thao thức rất lâu của ông và của cả giới sử học trên vấn đề rất quan trọng này.

Nguyễn Đồng Chi vốn là con người chân chất. Ông sống gần gũi với nhân dân lao động, và yêu họ với những tình cảm đôn hậu, xuất phát từ đáy lòng. Còn nhớ vào khoảng tháng Tư 1945, ít lâu sau đảo chính Nhật, nạn đói khủng khiếp bắt đầu hùng lên dữ dội ở Nghệ - Tĩnh. Nhìn những người chết đói nằm xám ngắt bên đường, và hàng đoàn người đói kéo đi lũ lượt, lổc thốc, ai mà không đau lòng. Nhóm thanh niên Cứu Quốc Can-lộc được lệnh tổ chức cứu đói. Chúng tôi vừa lo xây dựng những nhà trẻ mồ côi, chuyển các em còn sống sót từ vùng biển lên vùng trên, vừa lo đi quyên góp thóc gạo để cứu tế. Nguyễn Đồng Chi là một người kiên trì và hăng hái nhất. Ông được phân công cùng tôi đi khắp các làng xã trong toàn huyện, tìm đến các nhà giàu để lạc quyên. Chỉ cần mang theo một cuốn sổ, để hễ thuyết phục được nhà nào quyên cúng bao nhiêu là ghi vào sổ, mời họ ký vào, hôm sau sẽ có những anh em khác đến thu nhận hiện vật. Ngày này qua ngày khác, từ sáng đến chiều, hai chúng tôi cứ đi bộ khắp mọi nẻo đường xa tầm tắp từ biển lên núi, để đến với những ngôi nhà tường cao, dậu kín, và đàn chó dữ, để nói mãi những lời lặp đi lặp lại mà không thấy nhàm, và để ghi chép cho đầy cuốn sổ, đầy bao nhiêu hay bấy nhiêu. Chúng tôi làm

việc, đi bộ liên miên mà không thấy mệt, cứ thoáng thấy bóng những đoàn người đói lê la khắp nơi là đã quên cả mệt. Một ngày nọ đến nhà Bát X. ở vùng Thượng Can. Nhà này nổi tiếng giàu nhất vùng, nhưng cũng nổi tiếng keo kiệt. Khi nghe chúng tôi trình bày, bà vợ Bát X. cũng làm bộ đói khổ, bảo chúng tôi: - "Nhà tôi cũng đang phải ăn cháo trừ bữa đây, lấy gì mà quyên với góp". Cả hai anh em cùng bị bất ngờ, lặng lẽ đưa mắt nhìn nhau. Nhưng Nguyễn Đồng Chi đã lên tiếng kịp thời: - "Nếu thế thì cũng xin cứ ghi tên vào danh sách và ký vào đây, để mai kia còn cho con cái đi lính chẵn" - Nhà Bát X. mà lại đi lính chẵn(!). Câu trả lời đầy vẻ châm biếm, trái hẳn với tính cách của ông thường ngày. Tôi chỉ biết cười để chia sẻ sự khoái trí ngầm với ông vì không ngờ ông lại trả miếng được nhanh như vậy. Còn bà Bát X. thì bị tẽn, im bật, và cứ đứng trơ ra không biết đối xử thế nào. Quả nhiên người con gái từ trong nhà chạy vội ra, xin nhận lời quyên góp, và phân trần rằng rằng bà mẹ lờ lờ. Từ đấy tôi càng biết Nguyễn Đồng Chi rất yêu mến nông dân nghèo và vì họ, ông có thể trở thành người xông xáo, sắc sảo trong mọi hoạt động.

Nguyễn Đồng Chi cũng là người biết nói chung một thứ ngôn ngữ với nông dân. Trong 50 năm quen biết và hoạt động chung với nhau, tôi chưa bao giờ thấy ông tỏ ra mình là "trí thức" khi sống cùng quần chúng. Không phải ông cố tập cái giọng "bình dân" như một vài người nào đấy. Có thể nói trong khi tiếp xúc với họ, ông vẫn không hề thay đổi cách nói năng, suy nghĩ, thậm chí vẫn giữ nguyên cả tác phong vốn có của mình, vậy mà ông lại hoà nhập thoải mái được với người đang cùng mình đối thoại, y như đã biến thành một người nông dân thực thụ, một người "thợ cày" chất phác hiền lành. Mà sự cố gắng này ở ông chẳng phải là cái gì khó khăn hay kiểu cách. Đối với ai, ông cũng cởi mở hồn nhiên như thế, như cái bản tính đôn hậu vốn đã có ở trong ông. Tất nhiên, đấy chính là kết quả của quá trình rèn luyện lâu dài, gian khổ, cộng với quá trình sống nhiều ở nông thôn, hiểu biết người nông dân từ chân tơ kẽ tóc. Có khi ông cùng họ đi lao động cày bừa, cấy hái và cùng họ dự các buổi hát giặm, hát ví trong các mùa cấy gặt. Có những ngày rỗi rãi ông đã cùng anh em tổ chức các cuộc đi chơi đến các

làng xã khác vừa để tìm hiểu phong cảnh, phát hiện các di tích lịch sử, tìm tòi các hòn đá, mảnh sành, mảnh bát, vừa để tìm hiểu sâu về đời sống nông dân. Chính những cuộc "đi điền dã" đó với cách sống giản dị, rất bình dân của ông, đã từng bước tạo nên cái vốn và thúc đẩy ông đi vào nghiên cứu văn hóa dân gian mà rồi đây sẽ là nguồn yêu thích lâu bền nhất, là nơi ông có thể kết hợp hài hòa giữa tình yêu cách mạng và tình yêu văn hóa, tình yêu khoa học sâu đậm. Cùng với các nhà phân-clo (folklore) có tên tuổi khác, ông đã đưa bộ môn này trở thành một khoa học xứng đáng với tên gọi của nó.

Hơn hai mươi năm trước, trong một hội nghị khoa học của Viện Sử học, Nguyễn Đồng Chi đã đọc một bản báo cáo nổi tiếng: Vấn đề viết xã chí trên toàn miền Bắc (1961) một yêu cầu cấp bách của công tác nghiên cứu lịch sử, văn hóa địa phương. Bản tham luận được nhiều nơi và nhiều ngành văn hóa theo dõi, được nhân bản để tham khảo ở nhiều Ty, Sở văn hóa, và đó cũng là gợi ý để sau này các bộ địa chí có tầm cỡ tỉnh, huyện hoặc xã lần lượt ra đời. Say mê văn hoá dân gian từ những ngày còn rất trẻ trong đó có tình cảm gắn bó với đời sống nông dân, với tâm hồn dân tộc, Nguyễn Đồng Chi đã viết lại Hát giặm Nghệ - Tĩnh (3 tập, trong đó có một tập là chuyên luận, và hai tập là sưu tầm) , chủ biên Về Nghệ - Tĩnh (2 tập) , Viết Ca dao Nghệ - Tĩnh , Văn học dân gian sưu tầm ở Ích-hậu (4 tập, 1962 - 1969, chưa in). Đặc biệt 2 công trình nghiên cứu được nhiều người biết tiếng cũng khẳng định uy tín nổi bật của ông trong nghiên cứu văn hoá dân gian, là Lược khảo về thần thoại Việt-nam và bộ sách 5 tập Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam đã nói ở trên . Hệ thống thần thoại Việt-nam do những điều kiện nhất định, đã bị mai một nhiều. Làm cách nào để dựng lại cho hợp lý, không khiên cưỡng, bịa tạc? Nguyễn Đồng Chi đã tham khảo các trường phái thần thoại học châu Âu cũng như châu Á, nhưng ông không bắt chước họ một cách máy móc. Ông không vội dựng ra các đồ biểu, các cấu trúc rắc rối. Tuy vậy, đọc ông sẽ thấy ông đã khéo dẫn dắt để thần thoại Việt-nam được nhìn nhận như một hệ thống, tuy đã vỡ đi và chỉ là những mảnh còn sót lại nhưng vẫn mang bóng dáng của một hệ thống có bản sắc,

trong quan hệ giao thoa phức hợp với các hệ thống thần thoại láng giềng, với thần thoại các dân tộc anh em. Sau khi sách của Nguyễn Đồng Chi in ra, một số cuốn đã lọt vào miền Nam và có một học giả Sài-gòn lấy gần như nguyên xi các luận điểm cũng như cả hệ thống truyện đã thành một kết cấu trọn vẹn của tác giả, để cho vào một cuốn sách của mình. Kết quả họ bị dư luận tố cáo, thậm chí bị đưa ra tòa án văn chương .

Bộ Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam cũng được xây dựng trên một nguyên tắc gần giống với cuốn Lược khảo về thần thoại Việt-nam. Nguyễn Đồng Chi rất tâm đắc với anh em Grim (Grimm) người Đức trong khi xây dựng hệ thống truyện cổ. Ông không hề sa vào quan điểm máy móc, đôi khi hiện đại hóa một cách lộ liễu, như vẫn thường thấy trong một số bộ cổ tích xuất bản những năm sáu mươi trở về trước. Và 200 truyện cổ mà ông tìm tòi, xây dựng, sàng đi lọc lại , với một phong cách ngôn ngữ riêng, giản dị, truyền cảm, với sự khảo dị so sánh rất dày công kho tàng truyện cổ đồ sộ trên thế giới, có thể nói đúng là kho tàng mang rõ nét tâm hồn Việt-nam, kết tinh những gì tiêu biểu của tư duy nghệ thuật tự sự dân gian Việt-nam, qua phong cách kể chuyện truyền cảm, sinh động, dí dỏm, mà nhiều nhà nghiên cứu phân-clo như Lê Văn Hảo, Vũ Ngọc Khánh, Tạ Phong Châu đều thống nhất đánh giá rất cao. Trong một bài giới thiệu hai tập I và II của bộ sách, trên tạp san B.E.F.E.O. số 1 - 1964. Tiến sĩ dân tộc học Lê Văn Hảo đã viết: "Mặc dù chỉ mới công bố được một phần, phần thứ hai này của bộ sách đã có nhiều phẩm chất đáng lưu ý: trước hết là văn phong của tác giả trong khi kể chuyện, giản dị, linh hoạt, sôi nổi, lúc hóm hỉnh, lúc hiện thực, rất thích hợp với loại hình truyện kể. Về phương diện này phải thừa nhận sự ưu việt của Nguyễn Đồng Chi so với những tập truyện cổ của các tác giả đương đại khác. Ông có cái tư chất của một nhà văn biết ghi lại trung thành niềm hứng khởi, nét ngây thơ và sự cảm động của người kể chuyện và nhà thơ dân gian. Một số truyện, dưới ngòi bút của ông, đã trở thành những kiệt tác ngắn gọn và tinh khiết, ở đó sự hiện diện của chất thơ và chất hiện thực được hòa tan vào nhau trong một thể thống nhất (chẳng hạn: truyện thuyết về đá Bà-rầu, I, tr.205 - 207; truyện thuyết về chim hít

cô, I, tr. 80 - 82). Một số truyện khác lại tuyệt diệu ở sự trào lộng và tính cách hóm hỉnh, nó lộ ra từ những tình tiết có ý nghĩa châm biếm đối với một thực tế đầy sóng gió kịch tính, hoặc chen lẫn cả bi và hài (chẳng hạn: truyền thuyết giải thích cái nốt dưới cổ con trâu, I, tr. 136 - 138; truyền thuyết giải thích nguồn gốc ruộng Thác đạo; truyền thuyết về người anh hùng nông dân Chàng Lía, II, tr.125 - 132)" . Hiểu biết sâu sắc tình cảm cộng đồng của người dân Việt nên trong phân loại truyện cổ, Nguyễn Đồng Chi còn khám phá ra một loại hình cổ tích lịch sử mà nhiều nước không có. Kể từ những năm 60, các giáo trình ở một số trường đại học trong nước đã đề cập và chấp nhận quan điểm phân loại truyện cổ tích Việt-nam của Nguyễn Đồng Chi , xác nhận nhiều ý kiến đúng đắn cũng như phương pháp trình bày của ông về đặc trưng, bản chất và tiến trình lịch sử của sự hình thành nên kho truyện phong phú đó . Trên các tờ tạp chí nước ngoài, có những bài giới thiệu trang trọng về nó, thậm chí có tờ như B.E.F.E.O trong cùng một năm 1964, có hai bài giới thiệu .

Rõ ràng sức làm việc dẻo dai không biết mệt và sự say mê tìm tòi phát hiện đã đưa Nguyễn Đồng Chi lên vị trí một nhà nghiên cứu khoa học xã hội có uy tín và một trong những nhà phân-clo học bậc nhất của nước ta.

Ngay từ giữa những năm 60, một công trình nghiên cứu dân tộc học của Sài-gòn cũng đã có những lời đánh giá nghiêm túc: "Phần đóng góp phong phú nhất vào dân tộc học Việt-nam sau 1955 có lẽ là sự nghiệp sưu tầm và nghiên cứu của Nguyễn Đồng Chi với những tác phẩm về Thần thoại, Cổ tích, Hát giặm Nghệ - Tĩnh, những thiên khảo luận về tục lệ người Việt trong Tết nguyên đán và mùa xuân, về chế độ gia đình của người Việt-nam dưới thời cổ đại..." .

Nhưng Nguyễn Đồng Chi không chỉ là một học giả vùi đầu vào học thuật. Ông còn là một nhà khoa học tận tụy với việc phục vụ các nhiệm vụ chính trị của đất nước, không hề biết mệt mỏi là gì. Trước khi vấn đề quần đảo Hoàng-sa trở thành một vấn đề thời sự nóng bỏng, theo yêu cầu của trên,

ông đã cặm cùi nghiên cứu các tài liệu và có bản tường trình đầy đủ về quần đảo Hoàng-sa, mảnh đất lâu đời nằm trong lãnh thổ dân tộc, cũng có mặt từ lâu trong thư tịch chí Việt-nam (1970). Vào hai năm 1973 - 1974, theo lệnh Phủ Thủ tướng, ông đã hăng hái khoác áo quân nhân, luồn rừng, trèo núi, đi dọc biên giới phía Tây và phía Bắc Tổ quốc, ròng rã trong 18 tháng để hoàn thành bản điều tra khoa học về biên giới Việt-nam. Cũng từ 1968 - 1974, nhận lời đề nghị của Tổng cục chính trị, ông thường xuyên viết những bài bình vận có lý có tình, viện dẫn các chứng cứ lịch sử sâu sắc, để đọc đều kỳ trên Đài tiếng nói Việt-nam. Sau giải phóng 1975, ông có mặt ngay trong ủy ban đổi tên đường phố Sài-gòn. Ban Hán Nôm cần có bước chuyển lên thành một cơ quan khoa học đỉnh đặc hơn, ông nhận lời đứng ra xây dựng nó và đề xuất một kế hoạch lâu dài cho một Viện nghiên cứu Hán Nôm trong ủy ban Khoa học xã hội mà chính ông được cử làm Viện trưởng đầu tiên. Khi quê hương Nghệ - Tĩnh cần đến ông để biên soạn Địa chí văn hóa dân gian Nghệ - Tĩnh, ông có mặt không chút ngần ngại. Chỉ trong hai năm 1982 - 1983, sau nhiều chuyến đi khảo sát thực địa giữa gió Lào và nắng gắt, bộ sách dày hơn 900 trang đã hoàn thành với sự phong phú về tài liệu mà như Phó giáo sư Vũ Ngọc Khánh cho biết, người chủ biên không những trực tiếp viết phần lớn nhất mà cũng tỏ ra chặt chẽ nghiêm khắc nhất trong khi thẩm tra, duyệt, và viết lại cho người khác. Ông còn hoàn thành phần lớn bộ Từ điển thuật ngữ văn hóa dân gian mà ông được Viện Văn hóa dân gian tín nhiệm giao trọng trách chủ biên. Ông cũng mơ ước được sớm bắt tay biên soạn Từ điển thư tịch Hán Nôm mà ông khởi sự khá lâu trước khi về làm Viện trưởng Viện Hán Nôm. Hàng kho phiếu tư liệu chồng chất trên bàn ông với đủ các loại mực khác nhau, kiểu giấy khác nhau... nói lên điều đó.

Có thể nói Nguyễn Đồng Chi còn mang trong mình nhiều dự định khai phá bao nhiêu cái mới, cũng như tổng kết thành quả bao nhiêu điều hay mà ông đã một đời tích lũy:

Thân tuy lão, đâu đã cam lão đại,

*Số về hữu văn gần ngại chưa đăng tên
Hãy còn dan díu bút nghiên!*

Mấy câu kết trong bài ca trù của ông đã nói đầy đủ phẩm chất hoạt động của con người ông. Nhưng có một điều ông không nói ra mà ai cũng thấy, và hôm nay, khi ông đã vĩnh viễn nằm xuống rồi thì càng thấy rõ hơn, đó là tấm lòng trung hậu của Nguyễn Đồng Chi đối với bạn bè, đồng nghiệp, cũng như sự tôn trọng thanh danh ngòi bút của mình. Nhũn nhặn, ít nói, gần như nhường nhịn người khác, và cũng ân cần giúp đỡ người khác chí tình, có thể nói Nguyễn Đồng Chi là người không biết nghĩ xấu về một ai, cũng không hề biết nói dối trong học thuật. Đúng như Giáo sư Phạm Huy Thông từng viết: "Anh biết trọng nhân cách của ngòi bút, không nói những điều mình không biết, cũng không biết cách che giấu cái "không biết" của mình". Chính vì thế mà những điều ông viết ra ai cũng trọng và tin. Tâm hồn giản dị, không màng lợi danh, sự xa lạ với những gì hoa hòe, đao to búa lớn, luôn luôn thấm quyện trong phong cách sống cũng như trong ngòi bút của nhà học giả. Và nhìn vào sự nghiệp của ông, những giá trị sáng láng mà sự đó để lại, ta khó phân biệt ra đâu là tiếng nói của nhà văn, một người sống hết mình vì công việc với cái say sưa của một nghệ sĩ, với tiếng nói khúc chiết, không ngừng tìm tòi phát hiện, cũng không ngừng dừng cảm phủ định mình, của một nhà khoa học chân chính. Và cả tiếng nói kiên định của một con người có tấm lòng trong sáng, có lối sống bình dị, có tình yêu sâu bền đối với cách mạng.

NGUYỄN CHUNG ANH

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

Phần thứ nhất - I. BẢN CHẤT TRUYỆN CỔ TÍCH

**NGHIÊN CỨU TRUYỆN CỔ TÍCH NÓI CHUNG VÀ TRUYỆN CỔ
TÍCH VIỆT-NAM**

**1. PHÂN LOẠI TRUYỆN CỔ, MỘT VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ LÂU,
NHƯNG VẪN CÒN RẤT MỚI MẸ.**

Khi nói đến mấy tiếng "truyện cổ tích" hay "truyện đời xưa", chúng ta đều sẵn có quan niệm rằng, đây là một danh từ chung bao gồm hết thảy các loại truyện do quần chúng vô danh sáng tác và lưu truyền qua các thời đại. Trong đó, có truyện đượm tính chất hoang đường, có truyện gần với sự thật, có truyện ngụ một ý nghĩa sâu xa, có truyện không quan tâm đến đạo đức triết lý, có truyện mang tính nghệ thuật cao, có truyện hãy còn mộc mạc chưa được gia công tô điểm, có truyện nghiêm trang, có truyện buồn cười, có truyện dài, có truyện rất ngắn, có truyện từ ngàn xưa để lại, có truyện mới đặt gần đây, v.v...

Khái niệm "truyện cổ tích" như vậy thật rộng và phức tạp. Chẳng khác gì nhìn vào một khu rừng trong đấy có nhiều loại cây: cây to, cây nhỏ, gỗ tốt, gỗ xấu, mọc chẳng chịt lẫn lộn. Cũng vì thế, xác định đặc trưng từng loại truyện cổ khác nhau để đi đến phân loại truyện cổ, vẫn là một công việc hứng thú và luôn luôn có ý nghĩa đối với nhiều nhà nghiên cứu và sưu tầm văn học dân gian từ trước tới nay. Tuy nhiên, cho đến lúc này, công việc đó vẫn chưa hoàn thành, và chưa có một kiến giải nào khả dĩ gọi là thỏa đáng.

Nghiêm Toàn và Thanh Lãng cũng như một số người đã không dựa trên một tiêu chuẩn xác đáng nào trong khi chia truyện cổ thành những loại truyện như truyện mê tín hoang đường, truyện ma quỷ, truyện thần tiên, truyện ái tình, truyện luân lý, truyện tòa án, truyện nói về người, truyện nói về vật, v.v...[1] Bởi vì trong những loại truyện luân lý ngụ ngôn, truyện phúng thế hài đàm đầu phải không có những truyện có tính chất mê tín hoang đường. Và ngược lại, trong những loại truyện ma quỷ, truyện thần tiên, cũng chẳng phải là hiếm những đề tài có tính chất ái tình, luân lý?

Cách chia của Nguyễn Văn Ngọc trong bài "Mào đầu" quyển *Truyện cổ tích nước Nam* cũng chưa đem lại cho ta một sự phân biệt dứt khoát[2]. Ông quan tâm nhiều đến tính thống nhất về mặt hình thức của những loại truyện cổ khác nhau. Chẳng hạn những truyện có kết thúc bằng những câu phương ngôn lý ngữ được ông liệt vào một loại, những truyện có xen lẫn câu ca hài hát lại được chia thành một loại khác. Nhưng quá thiên về hình thức, thậm chí không quan niệm được tính chất linh động của truyện cổ về mặt hình thức, tác giả rốt cuộc đã không vượt khỏi chủ nghĩa hình thức đơn thuần.

Có người không phân loại nhưng có ý sưu tập riêng một số truyện, cho đây là những truyện của trẻ em (đồng thoại) để mặc nhiên phân biệt với truyện của người lớn. Nếu có thể cho đây là một tiêu chuẩn thì cái tiêu chuẩn phân loại theo đối tượng thưởng thức ấy kể ra cũng không có gì là phân minh,

nhất là đối với truyện cổ Việt-nam! Vì khác với các dân tộc phương Tây, người Việt-nam trước đây sáng tác truyện cổ dường như không có ý định dành một loại nào riêng cho trẻ em cả.

Có lẽ do chỗ khó khăn trong việc phân loại nên đã có người dựa vào tính chất ảo tưởng khá phổ biến trong các truyện cổ mà chia đại khái làm hai loại lớn: một loại trong đó ảo tưởng chiếm ưu thế, như các truyện động vật, truyện ma quái, truyện thần tiên, v.v... và một loại truyện tương đối ít nhân tố ảo tưởng hơn như các truyện về sinh hoạt, truyện cười, truyện triết lý, v.v...

Trong sách *Văn nghệ bình dân Việt-nam*[3], Trương Tửu cũng theo lối này. Ông chia toàn bộ truyện truyền miệng thành hai loại: thần kỳ và thể sự. Mỗi loại lại được chia thành nhiều hạng. Ví dụ, loại thần kỳ có bốn hạng: truyện thần tiên, truyện anh hùng, truyện ma quỷ và truyện nói về con người. Loại thể sự thì có các hạng: truyện tiểu lâm, truyện khôi hài, truyện ngụ ngôn, truyện nói về nhân tình thế thái, v.v...

Cách sắp xếp này có sự khái quát cao hơn hẳn những người đi trước, song khi đi vào các hạng mục nhỏ cũng vẫn còn dấu vết hình thức. Một truyện triết lý, ngụ ngôn hay khôi hài không nhất định phải ít nhân tố ảo tưởng hơn một truyện anh hùng, truyện động vật. Ngược lại cũng không phải cứ truyện động vật, truyện anh hùng nào cũng đều phải có sự can thiệp của

yếu tố thần tiên. Để đạt tới một kết luận định sẵn, tác giả của truyện không từ một biện pháp nào: có thần kỳ hay không thần kỳ đều dùng được cả.

Như vậy, cũng không thể lấy tính chất ảo tưởng làm tiêu chuẩn cơ bản trong việc phân loại truyện cổ. Phân loại như thế, dễ dẫn chúng ta đến một tình trạng khó xử: càng sắp xếp chi li thì những đặc điểm riêng về loại hình, về kết cấu nghệ thuật, và cả những mối liên hệ trong nội dung tư tưởng... của từng loại truyện càng dễ bị lẫn lộn.

Thế thì phải chăng không thể phân loại truyện cổ tích một cách rành mạch được. Chắc hẳn không phải. Nhưng để có một ý niệm xác đáng, trước khi phân loại cần tìm hiểu thấu đáo *những đặc trưng cơ bản nhất* của từng loại truyện truyền miệng. Đó là phương pháp cần thiết trong khi nghiên cứu văn học dân gian.

2. TRUYỆN CỔ TÍCH KHÁC VỚI NHỮNG LOẠI CHUYỆN NÀO?

Trước tiên, chúng ta hãy kiểm điểm lại danh từ "truyện cổ tích" hay "truyện đời xưa" nhiều khi vẫn thường được dùng một cách quá rộng rãi. Người ta dùng danh từ đó để chỉ bất cứ loại truyện nào có thể gắn lên đầu hai tiếng "ngày xưa...". Bây giờ đây chúng ta nên trả lại cái tên **truyện cổ tích** cho môn loại của nó. Còn cái tên dùng để chỉ chung cho tất cả các loại truyện truyền miệng, chúng ta tạm gọi nó là *truyện* khi chưa tìm được tiếng nào thích hợp hơn. Khái niệm "truyện đời xưa" thật ra vẫn không được bao quát, vì ngoài những truyện đời xưa đúng nghĩa ra, không phải không có những truyện mới được sáng tác hôm qua hôm kia, những truyện "đời nay" mà vẫn cứ là *truyện* như thường.

Xác định như thế rồi, chúng ta sẽ gạt ra mấy loại truyện sau đây mà phạm vi bộ sách này không nói tới:

Một là **ngụ ngôn**. Ngụ ngôn là một loại truyện đơn giản, có mục đích rõ rệt là kết cấu câu chuyện phải nói lên một ý nghĩa gì. Cũng có khi nó được người ta dùng để so loại như ca dao, tục ngữ: lấy cái gần nói cái xa, lấy cái dễ nói cái khó, lấy cái cụ thể nói cái trừu tượng. Truyện ngụ ngôn thường

rất ngắn, bằng văn vần hay văn xuôi, có một kết luận định sẵn, đó là một bài học luân lý hay một quan niệm về triết lý. Nếu trong cổ tích, dung lượng phong phú của những câu chuyện kể không bắt buộc phải bỏ qua nhiều chi tiết, mà nhiều khi ngược lại, thì đối với ngụ ngôn, do yêu cầu làm sáng rõ cái ý nghĩa đã chuẩn bị sẵn trong truyện, lại cần phải tước bỏ bớt những chi tiết rườm rà. Nói ngoa, nói phóng đại là phương pháp thuyết phục của ngụ ngôn. Tuy nhiên, ẩn sau những hình thức thuyết phục có vẻ vô lý, nội dung ý nghĩa của truyện ngụ ngôn thường lại hợp tình hợp lý. Nhiều truyện cổ tích cũng có ý nghĩa ngụ ngôn nhưng cách xây dựng câu chuyện thì theo một thể tài khác hẳn. Truyện ngụ ngôn có phần giống với truyện tiểu lâm về nghệ thuật, về ý nghĩa và cả về cười cợt nữa, nhưng lại khác tiểu lâm ở chỗ nó không chuyển thành cái cười phũ phàng, hơn nữa không đậm tặc.

Hai là **khôi hài** hay **hoạt kê**. Loại này đặc biệt ở tính chất gây cười. Ngày xưa, những truyện khôi hài được sáng tác có kết thúc trọn vẹn, nghĩa là nhiều truyện cũng có bố cục chặt chẽ, trước sau ăn khớp nhau, có nhiều chi tiết, nhiều sự kiện rườm rà không khác gì thể tài cổ tích.

Chỉ có khác với cổ tích là mỗi tình tiết của truyện đều có ý gây cười hoặc mỉa mai bằng cười cợt. Nhưng về sau này thể truyện khôi hài thường ngắn gọn, có khi không đầu không đuôi.

Ba là **tiểu lâm**. Theo đúng nghĩa của nó thì cũng là loại truyện gây cười. Nhưng nếu cái cười ở khôi hài đã có tính chất châm biếm đả kích thì cái cười ở tiểu lâm, châm biếm đả kích còn có phần trắng trợn hơn. Ở khôi hài

thì người ta thường kiêng dè những điều dân tục, nhưng với tiểu lâm, điều đó không thành vấn đề nữa. Khác với nghệ thuật của cổ tích, truyện tiểu lâm cũng như truyện ngụ ngôn thường kết thúc giữa chừng. Nghĩa là câu chuyện bao giờ cũng dừng lại khi mục đích của nó đã đạt cũng như hình tượng của truyện bao giờ cũng bó hẹp trong khuôn khổ và mục đích quy định.

Điều cần để ý là trong kho tàng truyện cổ tích của bất cứ dân tộc nào cũng đều có một số truyện chứa đựng tính chất vui tươi cười cợt có khi pha lẫn cả tục nữa, nhưng vẫn không có tác dụng gây cười như truyện khôi hài và tiểu lâm. Những truyện đó vẫn là truyện cổ tích vì trước sau chúng vẫn đầy đủ những đặc trưng của truyện cổ tích.

Bốn là loại truyện tạm gọi là **truyện thời sự**. Loại này khác với truyện cổ tích và các loại truyện khác ở chỗ, tác giả của nó không dùng đến tưởng tượng hoặc chỉ dùng rất ít. Nó là truyện có thật, xảy ra ở trong một nước hay một địa phương nhất định. Dưới hình thức một câu chuyện kể ngắn gọn, nó bộc lộ rõ rệt một thái độ. Thường thì bao giờ câu chuyện cũng được chủ quan tác giả hướng tới một kết luận nào đấy. Đó chính là truyện đời chứ không phải mô phỏng, nhại lại truyện đời. Sở dĩ không gọi là truyện đời hay truyện thể sự mà gọi là truyện thời sự vì loại truyện này vốn xuất hiện nóng hổi và trung thực ngay sau khi sự việc xảy ra, nhanh như một tin báo. Nó cũng là lịch sử mà lại là lịch sử ít bị phóng đại hóa hay thần thánh hóa. Nó khác ngụ ngôn ở chỗ: ngụ ngôn thì châm biếm một cách kín đáo, nhẹ nhàng còn nó khi đả kích thì đả kích táo tợn, nói thẳng nói thật tên tuổi đối tượng mà không sợ vạ miệng chút nào.

Truyện thời sự thường có hai hình thức: có truyện kể bằng văn xuôi, không có hình thức thành văn cố định. Ví dụ những truyện có đề tài về kháng chiến, rào làng, đi dân công, thi đua... gần đây hay là những truyện như: *Tán Cao mổ ruột, Bảo Đại bị Tây bắn què chân*[4] ngày trước. Có truyện đặt bằng văn vần mà ta thường gọi là truyện vè, như vè *Sai đạo* kể chuyện bọn khâm sai núp sau lưng giặc Pháp làm hại đồng bào, hay như vè *Cô Thông Tằm*, vè *Con gái chữa hoang*, v.v... Nên nhớ là không phải bất cứ truyện vè nào cũng đều là truyện thời sự. Có truyện là ngụ ngôn (vè *Con cua*), có truyện là cổ tích (vè *Chàng Lía*).

Đó là bốn loại truyện có hình thức và mục đích rõ ràng, dễ phân biệt.

Ngoài bốn loại này, còn có thể nói đến một số loại truyện khác trong kho tàng *truyện* của chúng ta. Nhưng thời gian và quá trình truyền miệng đã làm cho các đặc trưng của chúng trở nên gần gũi nhau hơn, ranh giới hầu như bị xóa nhòa, nên rất dễ lẫn lộn.

Tuy nhiên nếu đi sâu vào từng truyện, ta vẫn có thể phát hiện ra *thần thoại* và *tiên thoại*, *phật thoại*. Những loại này tuy giống nhau về hình thức nhưng lại khác biệt về nội dung.

Về **thần thoại** chúng tôi đã có dịp xác định đặc trưng trong quyển *Lược*

khảo về thần thoại Việt-nam[5]. Còn **tiên thoại, phật thoại** hay nói chung là truyện tôn giáo là những loại truyện rất dễ nhìn nhận dù của bất cứ dân tộc nào, vì chúng mang theo dấu ấn rõ nét của một thứ tôn giáo nhất định. Chúng thường xuất hiện từ miệng tăng lữ với mục đích tuyên truyền dẫn giải về chủ nghĩa yếm thế. Chủ đề của truyện thường thường là việc nhân quả báo ứng, thoát ly cuộc sống trần tục, v.v...[6].

Gạt tất cả các loại truyện trên ra, chúng ta sẽ chỉ còn lại những loại truyện với cái tên quen gọi là **truyền thuyết, cổ tích**.

Vậy truyền thuyết, cổ tích là gì? Ranh giới giữa truyền thuyết, cổ tích như thế nào?

3. RANH GIỚI GIỮA TRUYỀN THUYẾT VÀ CỔ TÍCH

Truyền thuyết, cổ tích đều là những truyện tự sự nằm trong loại hình tự sự dân gian, do quần chúng tưởng tượng nên, cốt truyện tương đối dài, kết thúc trọn vẹn, các tình tiết được thuật theo trình tự thời gian, và trong không gian ba tầng của người thời cổ: cõi người, cõi trời (bao gồm cả cõi tiên), cõi đất (âm phủ và thủy phủ). Nội dung của chúng, hoặc hoang đường, huyền diệu hoặc không, thường thường đề cập đến những mối quan hệ giữa con người trong xã hội có giai cấp nhiều hơn là giữa con người với tự nhiên. Mục đích là gây hứng thú thẩm mỹ cho người nghe, người đọc, đồng thời cũng để giáo dục họ, nhưng không cốt gây cười, cũng không ngụ ý như các thể loại tự sự dân gian khác.

Truyền thuyết và cổ tích tuy giống nhau trên đại thể, nhưng thật ra vẫn là hai khái niệm cần phân biệt.

Danh từ "truyền thuyết" có một hàm nghĩa cũng khá rộng rãi. Nó thường được dùng để chỉ những câu chuyện cũ, những sự kiện lịch sử còn được quần chúng truyền lại nhưng không bảo đảm về mặt chính xác (có thể do truyền miệng mà sai lạc, đồng thời cũng có thể do tưởng tượng của dân chúng phụ họa thêm dệt mà càng sai lạc hơn). Vì thế, trong quan niệm của nhân dân ta trước tới nay, mấy chữ truyền thuyết có khả năng bao trùm lấy nhiều loại truyện. Cũng do phạm vi quá rộng rãi của khái niệm đó mà đôi lúc người ta còn lẫn lộn nó với cả truyện cổ tích và truyện thời sự nữa.

Cho nên, nếu chỉ giới hạn việc định nghĩa truyền thuyết là những truyện trong đó lịch sử bị biến tướng bởi óc tưởng tượng và lãng mạn của nhân

dân, nói cách khác những truyện do tưởng tượng cấu thành nhưng có gắn liền với một ý nghĩa lịch sử như quan niệm của một số nhà nghiên cứu nước ngoài[7], thì e không thích hợp với thực tiễn văn học dân tộc. Tình trạng nhập nhằng thường thấy giữa truyền thuyết và cổ tích như trên đã nói, đòi hỏi chúng ta phải có một định nghĩa rạch ròi, dứt khoát hơn.

Giả định rằng truyền thuyết là sự thật được hoang đường hóa còn cổ tích thì hoàn toàn do tưởng tượng tạo nên, nhưng ai mà không nhận thấy có những truyền thuyết như *Sự tích con muỗi*, *Sự tích hồ Ba-bể*, là hoàn toàn bịa đặt, v.v... Ngược lại, cũng không hiếm gì những truyện cổ tích vốn lúc đầu dựa vào một sự thật khách quan nào đó rồi được tác giả nâng lên thành một tác phẩm nghệ thuật hoàn chỉnh. Lại giả định rằng truyền thuyết có dính dấp đến lịch sử, còn cổ tích thì không phải như vậy, nhưng trên thực tế, nào hiếm gì những truyện cổ tích có quan hệ ít nhiều đến lịch sử, như các truyện *Chàng Lía*, *Bùi Cầm Hồ* chẳng hạn?

Theo chúng tôi, điều cần chú ý trước hết là *phần nhiều các truyền thuyết đều chưa được xây dựng thành truyện*. Chúng chỉ mới là từng mẩu truyện. Ví dụ truyền thuyết về Lý Công Uẩn chỉ gồm có hai tình tiết: mẹ vua không chồng mà chữa, sau cho vua làm con nuôi sư Lý Khánh Văn; lúc ở với sư, vua đã đề vào lưng tượng Phật mấy chữ "đầy đi viễn châu", đến nỗi hòa thượng trụ trì chùa này nằm mộng thấy Phật từ giã mình đi đầy theo lệnh của thiên tử.

Có nhiều truyền thuyết chưa có kết cấu trọn vẹn, chưa nhuần nhuyễn tính nghệ thuật. Ví dụ truyền thuyết ông Đùng bà Đà là chuyện hai anh em ruột lấy nhau bị xử tử, chết thành thần.

Cho nên, trên từng bước tiến triển của loại hình, nếu truyền thuyết - hiểu theo nghĩa rộng - đạt đến chỗ hoàn chỉnh thì tùy theo nội dung, nó có thể

trở thành cổ tích hay thần thoại. Bởi xét về mặt nghệ thuật, về nội dung ý nghĩa thì tuyệt không có gì khác giữa một truyền thuyết với một cổ tích hay một thần thoại.

Văn học truyền miệng Việt-nam không có loại anh hùng ca như văn học truyền miệng của đồng bào thiểu số, nhưng có một số truyền thuyết phần nào có mang phong cách anh hùng ca. Theo tìm hiểu của chúng tôi thì có thể ngờ rằng, ngày xưa chúng ta cũng có anh hùng ca với hình thức văn vần. Nhưng có lẽ trải qua bao nhiêu biến thiên lịch sử, đặc biệt là những biến thiên về ngôn ngữ văn tự, loại anh hùng ca đó mất dần đi, chỉ còn lại đây đó những cốt truyện kể bằng văn xuôi mà ta gọi là truyền thuyết. Truyện *Thánh Gióng*, truyện *Khổng Lồ đúc chuông*, truyện *Bố Cái đại vương*, chẳng hạn, có thể nguyên xưa đều là những anh hùng ca. Nhưng đã từ lâu, sự lãng quên, sự chuyển hóa của lịch sử làm cho những thiên anh hùng ca đó chịu những số phận không chút giống nhau. Truyện *Thánh Gióng* trở thành một thần thoại hay một thần tích; truyện *Khổng Lồ* trở thành một cổ tích, còn truyện *Bố Cái đại vương* chẳng hạn thì được các nhà chép sử gạn bớt những yếu tố hoang đường mà trở thành một sự tích lịch sử. Cùng một hiện tượng "tha hóa" kiểu như thế, ngày nay, chúng ta còn có thể lọc được trong thần tích của các làng một số truyền thuyết có dấu vết của phong cách anh hùng ca như *Sự tích thần làng Vồng-la*[8], *Sự tích Thánh Chèm*, v.v...

Bởi vậy, chúng tôi cho rằng, nếu truyền thuyết có thể đứng được thành một thể loại riêng biệt thì phải gồm những truyện xưa chuyên nói về anh hùng lực sĩ trong thời khuyết sử và thời Bắc thuộc đã được kỳ vĩ hóa, thần thánh hóa. Nhưng số lượng hiện nay biết được cũng không nhiều. Những truyện anh hùng lực sĩ sáng tác trong thời phong kiến tự chủ đương nhiên không thể liệt vào loại truyền thuyết này vì nói chung, trong quan niệm nghệ thuật về con người của chúng, đã có sự khác biệt về chất. Con người ở đây không còn có phong thái chất phác vô tư và khảng khái như các nhân vật anh hùng

thời xưa. Nhân vật Lê Phụng Hiếu là một lực sĩ có sức khỏe tuyệt trần, nhưng cái ước muốn của Lê Phụng Hiếu thì chung quy không ngoài ước muốn phục vụ vua chúa phong kiến để cầu danh lợi. Vẻ đẹp của ông đã được một hệ quy chiếu thẩm mỹ khác trước quy định.

Tuy phân biệt truyền thuyết với cổ tích như trên, nhưng ở đây, khi sưu tập chúng tôi vẫn xếp chung truyền thuyết với cổ tích và coi như là những truyện cổ tích. Bởi vì không những số lượng của chúng ít ỏi, mà về nội dung, những truyền thuyết này cũng đượm ít nhiều phong vị của cổ tích, nếu như không đượm phong vị của thần thoại.

4. ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI CỦA CỔ TÍCH

Như vậy, đặc trưng của cổ tích biểu hiện ở những chỗ nào? Thực cũng khó mà vạch một cách thật dứt khoát ranh giới của thể loại này; vì như ta đã biết, tất cả mọi loại hình tự sự dân gian đều được sáng tạo nên bằng cảm quan nghệ thuật của quần chúng, nên đều mang những kết cấu khá thống nhất, có những mô-típ tương đối ổn định. Thêm vào đó, chúng lại được sáng tác, chỉnh lý và truyền tụng bằng miệng nên cũng ảnh hưởng qua lại với nhau một cách mật thiết. Tuy nhiên, tìm hiểu cho sâu, vẫn có thể phân biệt được loại hình này với loại hình khác trên những nét căn bản. Theo chúng tôi, có ba đặc điểm đáng chú ý hơn cả để nhìn nhận loại hình cổ tích:

Một là, *tính chất cổ của sự việc*. Truyện cổ tích được xác định trước tiên ở *phong cách cổ của nó*. Gần như bất cứ cổ tích nào cũng không ra ngoài những quy ước về màu sắc cổ của nhân vật và không khí cổ của câu chuyện. Không khí truyện kỳ hoang đường của một số truyện cổ tích, xét cho cùng cũng xuất phát từ tính chất cổ. Giá thử ngày nay có người phỏng theo cổ tích dựng lên một câu chuyện thậm chí rất hoang đường nhưng lại có những nhân vật ăn mặc theo lối tân thời, đi ô-tô hay xe đạp chẳng hạn, thì dù không hiểu đặc trưng cổ tích thế nào đi nữa, chắc cũng khó có ai ngờ nghệch nhận đây là một truyện cổ tích được. Dù cho phạm vi hai khái niệm "cổ" và "kim" trong cổ tích không khỏi có lúc lẫn lộn, nhưng mỗi nhân vật, mỗi tình tiết mỗi hình ảnh của cổ tích đều nhất thiết phải là *một nhân vật, một tình tiết, một hình ảnh vốn có trong truyền thống nghệ thuật xa xưa của văn học dân gian, được nhân dân coi là quen thuộc, đã thấm sâu vào tiềm thức mọi người*. Cũng giống như những miếng trò kiệt tác trong tuồng hay chèo cổ luôn luôn được các đời sau sử dụng lặp đi lặp lại, những mô-típ nghệ thuật đã trở thành tiêu biểu của văn học dân gian, nhất là nghệ thuật văn vè hay truyện kể, cũng *thường xuyên được tái sinh có chuyển dịch ít*

nhieu trong nhiều thời đại, làm thành kiểu tư duy nghệ thuật đặc trưng của văn học dân gian, và đó là điều kiện thuận lợi để truyện cổ tích sinh sôi nảy nở theo phương thức ứng diễn và tìm thấy mối liên hệ loại hình với nhau.

Như vậy, vấn đề xác định tính cổ của truyện cổ tích là *căn cứ chủ yếu vào phương thức cấu tạo hình tượng, sự sắp xếp, xâu chuỗi cốt truyện và mô-típ, mà không nhất thiết căn cứ vào thời điểm lịch sử của câu chuyện.* Những truyện như *Vợ ba Đề Thám* tuy cách ta trên nửa thế kỷ và mang thể tài cổ tích rõ rệt nhưng trong đó có những tên giặc râu xồm, mũi lõ, có súng trường, súng lục... nên vẫn chưa thể nào thừa nhận là truyện cổ tích.

Nó là câu chuyện đã qua nhưng chưa hoàn toàn "cổ". Nó thuộc về loại những truyện mới. Mặc dầu không có mốc giới hạn về thời gian rõ rệt, nhưng một truyện cổ tích cổ nhiên không thể là một truyện đời nay và cũng không thể là một truyện dĩ vãng nhưng phù hợp với đời nay hơn là đời xưa, phù hợp với trạng thái sinh hoạt hiện đại hơn là trạng thái sinh hoạt của xã hội cũ. Cái chất liệu dĩ vãng chứa đựng trong đấy thực tình chưa lắng xuống, và chưa được đại đa số nhân dân công nhận là ở bên kia biên giới của cái "mới". Sở dĩ có những câu chuyện mới sáng tác gần đây có thể liệt vào truyện cổ tích là vì bối cảnh, khí hậu xã hội, phong cách sinh hoạt và tâm lý nhân vật mà chúng được xây dựng, so với bối cảnh, khí hậu, phong cách sinh hoạt và tâm lý của người đời xưa tuyệt không có gì là trái ngược. Cho nên, tính chất cổ là một tiêu chuẩn không thể thiếu được khi nhận định một truyện cổ tích.

Hai là, *trong sự việc được kể dường có yếu tố gì quá xa lạ với bản sắc dân tộc.* Nghệ thuật cổ tích cho phép tác giả bịa đặt mọi tình tiết, thậm chí bịa đặt những tình tiết không hợp lý. Nhưng đã là cổ tích của một dân tộc thì sự bịa đặt không thể vượt ra khỏi bản sắc dân tộc. Hãy đặt một giả thuyết là có một câu chuyện không kém lý thú và màu sắc cũng rất cổ, lưu hành phổ biến trong khá nhiều người. Có điều, nhân vật trong truyện đáng lý là Bụt,

Tiên, hay Ngọc Hoàng thượng đế, thì ở đây lại là...Đức Chúa Trời hay Đức Mẹ Đồng trinh. Chỉ cần thế thôi, câu chuyện đã trở nên xa lạ, đã nhạt đi mất nhiều ý vị của một cổ tích. Nhưng nếu đây là một truyện ngụ ngôn hay khôi hài thì lại khác. Vai Đức Chúa hay Đức Mẹ vẫn không ảnh hưởng gì đến đặc trưng loại hình của chúng. Miễn câu chuyện có ngụ một ý tưởng sâu sắc hay gợi được cười cợt cho người nghe, người đọc là đủ.

Chúng ta thấy cái tên Đức Chúa hay Đức Mẹ truyền vào Việt-nam từ thế kỷ thứ XVI kể đến nay đã hơn bốn trăm năm mà vẫn chưa thể nào quen thuộc với tâm lý dân tộc. Trái lại, cái tên Bụt, Tiên cũng là mượn của những thứ tôn giáo ngoại lai nhưng đã thành truyền thống, vì từ đã rất xưa, những tôn giáo này từng hóa thân vào đời sống dân tộc, chấp nhận những sự thanh lọc gay gắt, trở thành tôn giáo chung chi phối cuộc sống tâm linh của cả cộng đồng. Đặc điểm này cắt nghĩa tại sao *khi một truyện cổ tích của dân tộc này truyền vào một dân tộc khác, thì phải chuyển hóa thành một truyện mới, hay ít nhất cũng phải mang những mô-típ mới, những màu sắc quen thuộc hoặc gần như quen thuộc với điều kiện sinh hoạt, với tâm hồn của dân tộc mới.*

Cần phải nói thêm là truyện cổ tích thường giàu tính cộng đồng. Giá thử trong truyện có in dấu cá tính của người sáng tác thì cá tính đó cũng phải phù hợp hoặc không phương hại gì đến tính chất chung của tập thể. Có thể, nó mới được tập thể thừa nhận và lưu truyền. Tính cộng đồng tuy không đồng nhất nhưng có quan hệ khăng khít và là cơ sở của tính dân tộc. Tất nhiên, trong cùng một giai đoạn lịch sử, giữa các dân tộc khác nhau, các tập đoàn người khác nhau vẫn có những ước mơ, hy vọng giống nhau, cho nên thể giới trong truyện cổ tích Đông Tây vẫn thường có những nét gần nhau. Mặc dù thế, truyện cổ tích của mỗi dân tộc vẫn phản ánh xã hội, đất nước, cuộc sống, phong tục, những vấn đề lịch sử cụ thể của dân tộc mình. Dân tộc tính đối với cổ tích quả là một tiêu chuẩn khá quan trọng.

Ba là, truyện cổ tích ít nhiều phải *thể hiện tính tư tưởng và tính nghệ thuật*. Nay ta kể cho nhau nghe một câu chuyện rất xưa về ma. Một con ma gốc đề hiện hình lè lưỡi nhát người chẳng hạn. Câu chuyện ấy sẽ không bao giờ trở thành truyện cổ tích được nếu trong đó không bao hàm một ý nghĩa gì về cuộc đời, về con người, hay không có những tình tiết gợi hứng cảm cho người nghe. Không những truyện ma mà ngay cả truyện người, truyện thần, truyện vật cũng chưa hẳn là cổ tích nếu chúng không hướng đến một mục đích nhân sinh cao cả, hoặc có mục đích nhân sinh nhưng lại không tan biến vào trong từng tình tiết của truyện để trở thành một mục đích tự thân, một nhận thức thẩm mỹ sâu sắc. Rõ ràng, truyện cổ tích không phải là một loại truyện suông vô ý nghĩa, cũng không phải là một loại truyện "ngụ ý" tầm thường. Nếu là một truyền thuyết theo nghĩa rộng như trên đã nói, thì lại khác. Truyền thuyết không bắt buộc truyện nào cũng phải có yêu cầu nhân sinh hoặc thẩm mỹ đó.

Tất nhiên, nếu là truyện có ý nghĩa mà lại chỉ đơn thuần chép lại sự thật như truyện thời sự thì cũng không thể gọi là cổ tích. Như chúng ta đã biết, văn học nghệ thuật gắn liền với cái đẹp và do đó nó đòi hỏi sự gia công, sự nỗ lực sáng tạo. Là một loại hình tự sự hoàn chỉnh nhất trong các loại hình tự sự dân gian, yêu cầu sáng tạo này đối với cổ tích rõ ràng là nghiêm ngặt hơn các loại "truyện" dân gian khác rất nhiều. Tác giả truyện cổ tích phải vận dụng trí tưởng tượng, xếp đặt nội dung, bố trí tình tiết, làm cho mạch truyện tiến triển theo một kết cấu nghệ thuật nào đấy để đạt tới kết luận định sẵn. Nói cách khác, truyện cổ tích phụ thuộc rất nhiều vào ý định và tài năng của tác giả chứ không tùy thuộc hoàn toàn vào những câu chuyện xảy ra tự nhiên trong đời sống hàng ngày. Sở dĩ những sự tích Cổ Bu, Ba Vành... không còn mang tính chất lịch sử nữa là nhờ thông qua hư cấu nghệ thuật của tập thể quần chúng nên câu chuyện thực đã được cải biên hoặc cách điệu thành những thiên truyện anh hùng, những nhân vật anh hùng đúng như quan niệm lý tưởng của quần chúng. Tất nhiên, tưởng tượng và

hư cấu ở đây sẽ không hạ thấp mà *càng làm cho nghệ thuật truyện cổ tích có giá trị chân thật* hơn hẳn các loại truyện tự sự dân gian khác. Xét về mặt quan niệm nghệ thuật, điều này có khác với phương Tây. Trong cách kể truyện cổ tích của phương Tây, người kể thường vẫn dùng một câu kết nói rõ mình đã "tán dóc", đã "bịa" trong suốt quá trình kể chuyện. Nghĩa là cả người kể lẫn người nghe không ai tin đây là chuyện thật. Còn ở Việt nam thì khác: người kể chỉ thực sự thành công khi làm cho người nghe tin rằng chuyện do mình kể đã xảy ra ở đâu đó, tại một địa phương phiếm chỉ nhưng không xa nơi họ đang sống. Cũng chính nhờ tính *chân thật* này mà sau khi đã ngừng kể, câu chuyện vẫn còn sống động, được biến hóa từ địa danh này sang địa danh khác, và truyền đi, qua trí nhớ của nhiều người.

Tóm lại, đặc điểm thứ ba này cho phép ta phân biệt truyện cổ tích với các loại truyện dân gian khác, ở chỗ, nó là một *tác phẩm văn học hoàn chỉnh hoặc tương đối hoàn chỉnh. Nó là một thể loại đã đạt đến cấp độ cao trong nghệ thuật tự sự truyền miệng, trước khi chuyển sang giai đoạn toàn thịnh của văn xuôi tự sự trong nền văn học viết.*

5. CÓ MẤY LOẠI TRUYỆN CỔ TÍCH?

Truyện cổ tích bao gồm nhiều thứ: truyện nói về người, truyện nói về vật; về ma quỷ, về Tiên Phật, cả những truyện về Thần Thánh nữa. Nhưng không nên dựa vào đấy mà phân loại. Thực ra đối với cổ tích và ngay cả đối với truyện cổ dân gian nói chung, bất kỳ một sự phân loại nào cũng chỉ có ý nghĩa chính xác tương đối. Nếu cần phải chia, thì theo ý chúng tôi nên chia làm ba loại sau đây:

1. Truyện cổ tích thần kỳ[9].

2. Truyện cổ tích thể sự.

3. Truyện cổ tích lịch sử.

● **Cổ tích thần kỳ** là loại truyện tương đối có nhiều nhân tố ảo tưởng nhất. Những truyền thuyết thần bí, kỳ quái, những truyện người, truyện vật nhưng bên trong đầy dẫy những sự can thiệp của huyền diệu đều có thể xem là cổ tích thần kỳ. Truyện cổ tích thần kỳ còn có một phần là tàn dư của những tưởng tượng gắn liền với mê tín, ma thuật, đồng bóng, và các hình thức tôn giáo của con người nguyên thủy. Tác giả loại truyện này nhiều khi đã dùng những lực lượng siêu tự nhiên để thắt nút, mở nút câu chuyện mà không cần biết có hợp lý hay không. Nhưng chính cái nhân tố ảo tưởng đó tạo nên biết bao tình tiết kỳ thú: nó kích thích cực mạnh trí tưởng tượng của người nghe người đọc, bằng cách đem một thế giới không thực thay thế cho thế giới có thực. Mà trong thế giới không thực đó lại bao gồm những cái nên xảy ra, đáng lẽ phải xảy ra, cho nên chính nó còn giúp người ta hiện thực hóa những ước muốn không tưởng, nghĩa là chỉ trong

khoảnh khắc có thể quên bằng những cái đang xảy ra giữa cõi đời thực để nhập thân vào một thế giới hoàn toàn xa lạ nhưng vốn có những điểm đồng cảm về lý tưởng thẩm mỹ với chính mình. Điều đó giải thích vì sao người nông dân xưa kia có thể tạm quên hết mọi mệt nhọc để theo dõi một cách hứng thú con đường Từ Thức đi tìm động tiên, hay là cùng xuống thăm âm phủ với Thủ Huồn[10].

Trong kho tàng truyện cổ tích nước ngoài, truyện thần kỳ chiếm một phần khá lớn. Đó là đặc điểm của truyện cổ tích dân gian trên thế giới. Hơn nữa có khá nhiều truyện trong đó chứa đựng tàn dư của thần thoại, như truyện cổ tích Ấn-độ, Khơ-me (Khmer) và của một số các nước phương Tây.

● **Cổ tích thế sự** hay **sinh hoạt**, trái với loại truyện trên, là những truyện không có hoặc có rất ít nhân tố ảo tưởng. Đây là những truyện bịa nhưng rất "gần đời thiết thực"; chúng giữ được khá nguyên vẹn sắc thái, âm hưởng, thậm chí, đôi khi cả những hình thức diễn biến chủ yếu của muôn nghìn câu chuyện vẫn xảy ra trong cuộc sống đa dạng của xã hội loài người. Đây là những truyện như *Cửa trời trời lại lấy đi... Trộm lại gặp trộm, Ông già họ Lê, Trọng nghĩa khinh tài*, những truyện mang đề tài kiện cáo, chiến tranh, những truyện phiêu lưu v.v... hoặc cả những truyện thuyết rất gần với sự thật kiểu *Sự tích dưa hấu, Sự tích ông đầu rau...* Truyện cổ tích thế sự chẳng những không làm cho người nghe, người đọc quên mất cõi đời trước mắt mà lại dẫn họ xuyên sâu vào mọi ngõ ngách cuộc đời. Nó không nói đến những cái phi thường, những cái "quái đản bất kinh", nhưng trong cái tầm thường, cái bình dị của các tình tiết, vẫn ẩn giấu một khả năng gây hứng thú mạnh mẽ, hoặc một điều gì đáng thương đáng cảm rất mực.

Nếu có những truyện mà nhân tố ảo tưởng được đem dùng để mở nút hay kết thúc câu chuyện nhưng toàn bộ mạch truyện vẫn không chút xa lạ với lô-gích của đời sống, như truyện *Sự tích chim hít cô* chẳng hạn, thì vẫn có

thể xếp vào cổ tích thể sự. Thật ra, tuy kết cục của truyện *Sự tích chim hít cô* có nói đến một đứa bé hóa thành chim, song mạch sống của toàn câu chuyện vẫn không hề chịu chi phối bởi một yếu tố thần kỳ nào. Tác giả vẽ một bức tranh xã hội vẫn thường thấy trong thời đại cũ: hình ảnh thảm thiết của hai cô cháu nhà nghèo giữa tình cảnh đói kém trầm trọng. Tất nhiên, cũng cần phân biệt nó với loại truyện thời sự nói trên kia: một bên là sự thật, một bên là mô phỏng, nhào nặn lại sự thật.

Trong kho tàng truyện cổ tích Việt-nam có khá nhiều truyện loại này. Đây là một đặc điểm mà chúng ta sẽ nói ở phần sau.

- **Cổ tích lịch sử** là những truyện vốn dựa vào một nhân vật lịch sử hoặc một sự kiện lịch sử nào đấy nhưng lại được phát triển thành một câu chuyện hoàn chỉnh, độc lập đối với sự kiện lịch sử ban đầu. Có khi chỉ mới là một truyền thuyết, một sự tích. Có khi là một truyện hoàn toàn tưởng tượng nhưng nhân vật chính trong đó lại được đội tên của một nhân vật lịch sử. Cũng có thể đấy là một sự thật trăm phần trăm, nhưng không ai bảo đảm phần chính xác. Cổ nhiên, cái cốt lịch sử trong truyện phải mang một ít nét đặc biệt phi thường, gợi trí tò mò say mê của người nghe, người đọc.

Loại cổ tích này có mấy hình thức đáng chú ý: có truyện, nhân vật và sự việc bị cường điệu hay phóng đại lên một mức độ nhất định nào đó như truyện *Rắn báo oán*. Có truyện, yếu tố truyền thuyết vẫn không lấn át mấy yếu tố lịch sử. Yếu tố truyền thuyết chỉ là một ít nét thần kỳ nhẹ nhõm được đem tô vào hay viền vào xung quanh những con người, những sự việc vốn xảy ra trong đời sống thực. Truyện *Bùi Cầm Hổ* là một ví dụ. Có những truyện khác, trái lại, yếu tố truyền thuyết đóng vai trò chủ đạo, còn yếu tố lịch sử thì chỉ chiếm một tỷ lệ rất ít ỏi, như truyện *Khổng Lồ đúc chuông*.

Ngoài ra, như trên đã nói, có một số truyện hầu như không có yếu tố truyền

thuyết. Bởi vì nội dung câu chuyện mặc dầu có gắn vào những tình tiết có thể ngờ là bịa đặt, nhưng trước sau cũng rất gần sự thật.

Như truyện *Chàng Lía, Hầu Tào, Quận He...* Những truyện ấy phần nào giống với dã sử, hoặc giống với loại truyện thời sự đã lâu ngày biến thành truyện có tính chất lịch sử. Truyện cổ tích lịch sử có thể là một thể loại mang đậm nét đặc thù của truyện dân gian Việt-nam, bởi lẽ con người Việt-nam xưa nay, do điều kiện lịch sử luôn luôn phải chống ách đô hộ xâm lược để bảo vệ nền độc lập, nên trong tâm thức vẫn gắn bó với "xã tắc", và do đó thường xuyên có cái nhìn "lịch sử hóa" đối với mọi hiện tượng, sự vật.

Chú thích:

[1] Nghiêm Toàn trong *Việt-nam văn học sử trích yếu* (Nhà sách Vĩnh Bảo, Sài-gòn, 1949, tr.36), chia làm bốn loại: truyện mê tín hoang đường, truyện luân lý ngụ ngôn, truyện phúng thế hài đàm và sự tích các thánh. Thanh Lãng trong *Văn học khởi thảo: Văn chương bình dân* (Phong trào văn hóa xuất bản, Hà-nội, 1954; tr.35-60) thì chia làm bảy: truyện ma quỷ, truyện anh hùng dân tộc, truyện ái tình, truyện luân lý, truyện thần tiên, truyện phong tục và truyện khôi hài. Tác giả sách *Truyện cổ dân gian Căm-pu-chia chưa hề in* (F. Martini và S. Bemard: *Contes populaires inédits du Cambodge*. G.P. Maisonneuve, Paris, 1946) thì chia những truyện do các ông sưu tầm làm truyện kỳ diệu, truyện về gốc tích (sự vật), truyện ngụ ý, truyện tòa án, truyện vui, truyện nói về vật, truyện vật, v.v...

[2] a) Những truyện thuộc về cái lối cổ tích hoặc dã sử, cha mẹ hay ông bà tôi tôi thường kể cho con cháu nghe; b) Những truyện mà kết cục đã thành câu phương ngôn, lý ngữ, hoặc trái lại xuất xứ từ những câu lý ngữ phương ngôn ấy ra; c) Những truyện thuần về văn chương trong có những câu ca

lời hát nô nôm na mà vui thú, giản dị mà tự nhiên xưa kia đâu đó vẫn thường truyền tụng; d) Những truyện ngụ một cái ý cao xa thuộc về triết lý may ra so bì được với Bách tử bên Trung-quốc và sau này có thể đem vào môn học cổ điển của nước nhà; e) Những truyện vui chơi cười đùa có lý thú để tiêu sấu khiển muộn, nhưng chưa quá thuộc về cái thể "tiểu lâm", các nhà đạo đức nghiêm ngặt vẫn quen chê là nhảm nhí..." (*Truyện cổ nước Nam* (A. Người ta), Thăng Long xuất bản, 1952).

[3] Hợp tác xã Văn hóa mới xuất bản, Thanh-hóa, 1951; tr.92.

[4] Truyện kể khác với các báo hồi ấy đã đăng. Đại khái: Bảo Đại lên Đà-lạt tặng tịu với vợ một viên quan người Pháp, bị chồng nó ghen bắt què chân. Để che đậy việc đó, Pháp phải cho công bố là Bảo Đại đi săn voi bị sủa hằm.

[5] Nhà xuất bản Văn sử địa, Hà-nội, in lần thứ nhất 1956, lần thứ hai 1957.

[6] Tiên thoại ở Tây phương (contes des fées) không phải là truyện tôn giáo, đó là cổ tích.

[7] Cắt nghĩa theo *Bách hhoa từ điển La-rút-xơ* (Larousse).

[8] Truyện kể rằng có một ông lão đánh cá có ba người con trai đặt tên là Linh, Minh và Cung. Họ có sức khỏe tuyệt trần, có tài võ nghệ. Quân Thục đến đánh. Tản Viên bảo vua Hùng mời ba anh em cầm quân đi đánh. Nhiều trận ác chiến diễn ra. Trong một trận, họ bị quân Thục áp đảo về số lượng, vây bọc tứ bề trong ngoài không thông nhau được. Sau mười bốn ngày nhịn đói, một hôm họ cầu thần, tự nhiên thấy trời đất tối tăm, rồi bỗng xuất hiện trước mặt ba anh em một con bò cái. Anh cả là Linh sai lính hầu vắt được một chậu sữa. Uống xong sữa bò thần, ba anh em thấy sức khỏe tăng lên rất nhiều. Sau đó, hàng đàn bò xuất hiện trên núi cao. Lập tức họ ra lệnh cho mười lăm ngàn quân sĩ vắt sữa uống và sức khỏe quân đội bỗng trở nên vô địch. Họ xông ra đánh cho tan tác địch quân, giết hàng nghìn người, cướp được quân lương khí giới rất nhiều. Khi đoàn quân quay trở về thì chẳng thấy bò đâu nữa. Để nhớ ơn, ba anh em thề từ đây không ăn thịt bò và hạ lệnh cho dân làng Phao-vông (tức Vông la, huyện Đông-anh) không được giết thịt bò (*X Vông-la thôn thần tích*). Chúng tôi ngờ rằng những hình

tượng uống (hoặc bú) sữa bò thần, và hàng đàn bò xuất hiện để giúp cho mười lăm ngàn quân có sức khỏe vô địch, v.v...là tàn dư của những mảnh thần thoại hoặc truyền thuyết xa xưa lưu lại trong bản thần tích này.

[9] Trong lần in thứ nhất bộ sách này, chúng tôi dùng khái niệm *cổ tích hoang đường*. Tiếp thu ý kiến của một số nhà nghiên cứu thống nhất với quan điểm phân loại của chúng tôi, chúng tôi xin đổi mấy chữ này thành *cổ tích thần kỳ* cho được rõ nghĩa hơn.

[10] Xem các truyện *Sự tích động Từ Thức* (số 130) và *Sự tích sông Nhà-bè* (số 30) ở phần sưu tập truyện.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

6. PHÂN BIỆT TRUYỆN CỔ TÍCH VỚI LỊCH SỬ VÀ VỚI TIỂU THUYẾT

Truyện thuyết cũng như cổ tích lịch sử là những truyện có gắn liền với một ý nghĩa, một cái tên lịch sử (tên người, tên đất, v.v...) chứ không phải là lịch sử thực sự. Nhưng *đối với người đời xưa thì truyền thuyết, cổ tích, cả thần thoại nữa, thường bị lẫn lộn với lịch sử*. Khi chép tiểu truyện Chu An đời Trần, hay Nguyễn Trãi đời Lê, người ta không ngần ngại đưa cả *Sự tích đầm Mực* [1] hay truyện *Rắn báo oán* [2] xen lẫn với sử liệu thực.

Như chúng tôi đã nói "Truyện thuyết có khi là thần thoại bị sửa chữa cho gần với nhân tính, có khi là lịch sử bị thần thánh hóa hay lý tưởng hóa"[3]. Trong những giai đoạn khuyết sử của dân tộc, truyền thuyết, cổ tích lịch sử thường lẫn lộn với lịch sử và sự lẫn lộn này diễn ra từ đã rất lâu, khó lòng còn phân biệt. Có nhiều nhân vật trong thời Bắc thuộc được kể trong sách *Việt điện u linh tập* như Lý Ông Trọng, Lý Phục Man, Trương Hống, Trương Hát hay như bà Bát Nàn, bà Lê Chân, bà Thiều Hoa (theo thần tích đều là nữ tướng của Hai bà Trưng), v.v... ngày nay vẫn làm cho chúng ta ngỡ vực không hiểu đó dễ thường là nhân vật lịch sử truyện thuyết hóa hay chỉ là nhân vật truyền thuyết mà thôi.

Điều cần lưu ý là không nên lẫn lộn truyền thuyết, cổ tích lịch sử với những truyện thuộc loại truyện thời sự đã chuyển hóa thành lịch sử, hay những truyện gần như là "liệt truyện" hoặc "giai thoại lịch sử" được ghi vào sách

vở ngày xưa, nhưng đồng thời cũng được nhân dân truyền tụng. Về *ẤmNinh khởi nghĩa*, truyện *Em Tám lự tẩm dầu đốt kho bom Tân-sơn-nhất* đều là những truyện thời sự đã thành lịch sử, truyện *Vua Ngọa Triều* là một liệt truyện, truyện *Công chúa Huyền Trân lấy vua Chăm* là một giai thoại lịch sử.

Nhưng cổ tích lịch sử thường khi là tài liệu bổ ích cho lịch sử. Bởi vì nó là lịch sử do nhân dân kể, theo ý kiến và dư luận của nhân dân. Gor-ki từng nói: "Văn học dân gian có ý kiến riêng của nó đối với hoạt động của Lu-y XI, của I-van Hung đế, và ý kiến đó khác hẳn với cách đánh giá của những pho sử do những nhà chuyên môn viết ra, vì họ không quan tâm lắm đến vấn đề cuộc đấu tranh của các nhà vua chống lại bọn chúa phong kiến đã đem lại những gì cho đời sống của nhân dân lao động"[4].

Cho nên, cổ tích lịch sử cũng có khi được người xưa coi là dã sử. Có những nhân vật lịch sử như Chúa Thao (đời Mạc), Hầu Tào (đời Minh Mạng) ta hầu như chỉ được biết qua truyện cổ tích mà thôi. Cũng vậy, nếu không có truyện *Chàng Lía* thì ngày nay mọi người dễ đã quên một anh hùng nông dân khởi nghĩa sống vào khoảng trước thời Tây Sơn, mà sử gia triều Nguyễn chẳng ai buồn chép đến. Nếu khéo sử dụng - nghĩa là không quá lạm dụng - thì cổ tích lịch sử sẽ giúp ích trong một chừng mực nào cho quốc sử.

Sau hết, cũng nên phân biệt truyện cổ tích với tiểu thuyết. Giữa hai loại

hình này tuy phương thức biểu hiện có những chỗ giống nhau, nhưng thật ra lại khác nhau trên nhiều nét căn bản.

Tiểu thuyết cũng giống như truyện cổ tích, có thể chia làm hai loại: một loại, câu chuyện bị chi phối bởi yếu tố hoang đường quái đản, và một loại gần với đời sống thực. Tiểu thuyết có khi là những truyện rất dài dòng, với rất nhiều tình tiết, nghĩa là những câu chuyện có một phạm vi bao quát hiện thực rộng lớn, một khả năng tái hiện rất cao mọi diễn biến, màu sắc phức tạp và phong phú của đời sống xã hội mà truyện cổ tích không bao giờ có thể so sánh được. Nhưng tiểu thuyết cũng có khi là những truyện rất ngắn, những cốt truyện đơn giản đến mức sơ sài, hay hơn nữa là những cổ tích được phóng tác.

Khác với truyện cổ tích bắt buộc phải bó hẹp trong tính chất cổ và tính chất dân tộc, tiểu thuyết có thể mở rộng hơn về thời gian và không gian; nhân vật và hoàn cảnh mà nó xây dựng, sống trong thời đại nào và ở bất cứ vùng nào trên trái đất, đều được cả. Nhưng cái "bịa" của tiểu thuyết phải hợp lý. Trái lại, truyện cổ tích gần như lại được phép "phóng túng" về điểm này. Nhiều hình tượng trong cổ tích tưởng như là quá vô lý mà chẳng ai nghĩ đến việc giải thích tại sao lại như thế.

Nếu bằng vào thủ pháp nghệ thuật, chúng ta có thể phân chia tiểu thuyết thành hai loại khác nhau: một là "truyện kể" giống với cổ tích, hai là "truyện tả" khác hẳn với nghệ thuật cổ tích. Thường khi, hai loại vẫn được

sử dụng xen lẫn với nhau mà thuật ngữ chuyên môn gọi là trần thuật phối hợp đặc tả. Nhưng dù phối hợp hay không phối hợp thì theo đúng nghĩa của nó, tiểu thuyết phải được tả nhiều hơn là kể. Mô tả tỷ mỉ nhân vật, sự việc cũng như đi sâu khai thác các cạnh góc khác nhau của cái thế giới bên trong của con người, nhà tiểu thuyết sẽ có vinh dự dựng lại những hình ảnh về đời sống đúng như nguyên mẫu. Và ở đây đặc trưng loại biệt của một ngòi bút tiểu thuyết trước hết phải là *năng lực tạo hình*. Mỗi nhà tiểu thuyết tạo ra một thế giới riêng, thông qua cái nét riêng không thể lẫn lộn trong thiên bẩm nghệ sĩ của tâm hồn anh ta; nhưng anh ta vẫn phải làm phong phú thế giới ấy bằng phong cách miêu tả, sao cho trong đó cũng đầy đủ mọi diện mạo khác nhau của đời sống, với những tình tiết phức tạp như thế giới ta sống hàng ngày.

Trái lại, thế giới trong truyện cổ tích không cần thiết phải miêu tả chi li. Vì thế mà chúng thường có tính ước lệ. Thời gian, không gian ở đây chỉ còn là những khái niệm phiếm chỉ. Và nếu đứng về một mặt nào đó, chúng bị bó hẹp so với tiểu thuyết, thì đứng về một mặt khác, chúng lại cũng quá rộng, đến nỗi không còn tính cụ thể lịch sử nữa. Cộng thêm vào đó là tính chất truyền miệng, đã làm xích gần thế giới của tất cả các truyện cổ tích Đông Tây lại, khoác lên cho chúng những màu sắc và không khí phảng phất giống nhau. Tất nhiên, truyện cổ tích của mỗi dân tộc vẫn có những điểm đặc thù. Vì cổ tích khác với tiểu thuyết như thế cho nên những truyện cổ tích đã đứng vững xưa nay sẽ không chịu mang hình thức tiểu thuyết hóa. Dĩ nhiên, không phải truyện cổ tích nào cũng chỉ có thể biểu hiện dưới một hình thức khô khan, đơn điệu.

Nói tóm lại, truyện cổ tích là một loại sáng tác văn nghệ của nhân dân. Nó có đặc trưng nghệ thuật riêng biệt không giống với các loại truyện ngụ ngôn, khôi hài, tiểu lâm, cũng như có phần khác với thần thoại, truyện tôn giáo và truyện thời sự. Do tính chất truyền miệng, nó mang hình thức *truyện kể* chứ không mang hình thức *truyện tả*, và do đó cũng không đồng nhất với thể loại tiểu thuyết. Nhưng với khả năng hấp dẫn không kém gì tiểu thuyết, trong một thời kỳ mà tiểu thuyết chưa phải là thứ nghệ thuật phổ cập, thì nó là một trong những loại hình nghệ thuật quan trọng, làm nhiệm vụ giải trí cho dân chúng, đồng thời cũng thỏa mãn nhu cầu cảm thụ thẩm mỹ, nhu cầu giáo dục và đấu tranh trong xã hội.

Chú thích:

[1] Xem truyện số **29**, tập này.

[2] Xem truyện số **158**, tập IV.

[3] *Lược khảo về thần thoại Việt-nam*, sách đã dẫn; tr.22.

[4] Báo cáo đọc ở Đại hội nhà văn Liên-xô năm 1934 (*Gorki bàn về văn học*, tập II, Nhà xuất bản Văn học, Hà-nội, 1970; tr.256 - 257).

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

II - LAI LỊCH TRUYỆN CỔ TÍCH

1. CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN TỪ THẦN THOẠI ĐẾN CỔ TÍCH

1. CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN TỪ THẦN THOẠI ĐẾN CỔ TÍCH

Truyền thuyết cổ tích xuất hiện vào thời kỳ nào?

Như ai nấy đều biết, truyền thuyết cổ tích xuất hiện không cùng một thời với thần thoại. Nếu chủ đề của thần thoại thường thiên về giải thích tự nhiên, mô tả cuộc đấu tranh giữa người và tự nhiên là chủ yếu, thì trái lại, chủ đề của truyền thuyết cổ tích thường thiên về giải thích xã hội, mô tả chủ yếu cuộc đấu tranh giữa người với người. Ấy là vì, thần thoại xuất hiện vào một thời kỳ mà mâu thuẫn sau đây nổi lên hàng đầu: con người sống lệ thuộc vào tự nhiên mà lại có khát vọng chinh phục tự nhiên. Trái lại, cổ tích cũng như truyền thuyết xuất hiện vào lúc con người nói chung đã lợi dụng được ít nhiều năng lượng của tự nhiên, nhưng lại vấp phải mâu thuẫn giữa người với người trong sản xuất. Hình thái xã hội mà truyện cổ tích phản ánh, sức sản xuất đã tương đối cao, đời sống con người đỡ chật vật hơn trước, tri thức phát đạt, tình cảm phong phú, nhất là cuộc đấu tranh giai cấp đã có phần gay go quyết liệt.

Nói một cách khác, những truyện cổ dân gian được sáng tác sau thời kỳ nguyên thủy, có nội dung xã hội khác biệt rõ với những truyện ra đời từ trước thời kỳ đó. Mác nói: "Khi con người đã có thể khống chế được thực sự những lực lượng tự nhiên thì thần thoại sẽ biến mất". Có nghĩa là khi mà chủ nghĩa thần linh không còn ngự trị lên mọi lĩnh vực của ý thức; khi trình độ hiểu biết của con người đã được nâng cao; con người đã tìm được quy luật của một số lớn hiện tượng tự nhiên, biết dùng cái nhân này để tạo

thành cái quả kia; thì bấy giờ nghệ thuật thần thoại sẽ phai nhạt ý nghĩa và không còn chức năng thực tế nữa.

Nhưng mặc dù thần thoại mất đi, sự sáng tạo truyện truyền miệng vẫn cứ tiếp tục. Có dân tộc nào mà lại tắt được nguồn cảm hứng nghệ thuật của mình trên con đường phấn đấu gian nan để sáng tạo ra một lịch sử phong phú và một ngôn ngữ giàu có, sinh động? Đương nhiên con đường phấn đấu đó bao giờ cũng đầy huyền thoại, huyền tích. Một nhà nghiên cứu thần thoại có nhận xét: "Truyền thuyết đời cổ chúng ta gọi là thần thoại, thần thoại đời sau chúng ta gọi là truyền thuyết"[1]. Nhận định này về một mặt nào đó đã vạch được mối liên hệ hữu cơ giữa hai loại truyện ở hai thời kỳ. Đúng là đối với bất kỳ giai đoạn lịch sử nào, ước mơ và khát vọng của quần chúng cũng vượt lên trên thực tại ước mơ và khát vọng ấy không những đã chắp cánh cho họ trong sáng tác thần thoại mà còn trong sáng tác cổ tích và truyền thuyết sau này. Mặt khác, đứng về phương diện thưởng thức thì bên cạnh thơ, truyện là một nhu cầu tất yếu của nhân dân. Loại truyện ngụ ngôn, truyện thời sự thường quá ngắn, thiếu những tình tiết ly kỳ, chưa kết tinh hiện thực một cách đậm đặc, nên không thỏa mãn cảm hứng của nhân dân bằng thần thoại hoặc cổ tích. Nhưng so với thần thoại, thì truyền thuyết hay cổ tích cho phép người ta không những diễn tả dài hơi hơn, mà trình bày được nhiều uẩn khúc hơn, với những nhân vật phức tạp hơn, gần cuộc đời thực hơn. Nói cách khác, nội dung xã hội của mỗi thời kỳ chính là nhân tố hàng đầu quy định sự khác nhau về phương thức tư duy nghệ thuật giữa thần thoại và truyền thuyết và cổ tích. Ở thời đại của truyền thuyết và cổ tích, quan hệ giữa người với người ngày càng phức tạp, đấu tranh xã hội ngày càng gay gắt, thì, kết cấu nghệ thuật của truyền thuyết và cổ tích cũng đòi hỏi phức tạp, nhiều kịch tính hơn nghệ thuật thần thoại.

Truyền thuyết, cổ tích hiển nhiên phải xuất hiện sau thần thoại, tiếp liền với thần thoại. Truyền thuyết hoặc anh hùng ca ra đời vào giai đoạn cuối của thời nguyên thủy chuyển sang thời nô lệ. Truyền thuyết kế thừa nhiệm vụ của thần thoại và phát triển theo hướng xây đắp thêm, làm phong phú và sắc nét dần lên những hình tượng vốn còn mộc mạc của thần thoại. Đây là loại văn học truyền miệng thường được đặt bằng văn vần, có hình thức thành văn cố định. Đồng bào thiểu số nước ta, nhất là đồng bào Tây nguyên, hiện còn lưu truyền khá nhiều loại truyện cổ bằng văn vần mà họ gọi là *tơ-đrong ha-mon* hay *tơ-lây a-khan* (hay *khan*) mà chúng tôi coi là những truyền thuyết hay anh hùng ca. Vần của những truyện đó rất linh động. Vần liền, vần chân, vần lưng đều có cả. Cũng có những đoạn không cần thiết phải dùng vần. Có những đoạn kể rất văn tắt, nhưng cũng có những đoạn miêu tả rất dài dòng và văn hoa. Nhân vật truyền thuyết của người Ê-đê, Ja-rai (Djarai), Ba-na (Bahnar), v.v... hầu hết là những anh hùng lực sĩ, con cháu của các nhân vật thần thoại, có khi chính là nhân vật thần thoại. Ghi-ông Ghi-ở, Rốc, Xét... trong truyền thuyết của người Ba-na đều là dòng dõi của hai ông bà Tạo thiên lập địa. Họ bay lên không trung để đánh nhau, bắt mặt trời mọc lùi trở lại để kéo dài sự sáng mà tiếp tục chiến đấu, v.v... Thế giới của truyền thuyết là thế giới người, nhưng còn đầy dẫy những lực lượng huyền diệu. Hai bản *I-li-át* (*Ilyade*) và *Ô-đít-xê* (*Odyssée*) của thi hào Ô-me (Homère)[2] thực chất là những truyền thuyết viết theo hình thức sử thi hay anh hùng ca, trong đó hình tượng thần thoại hãy còn rõ nét. Càng về sau, truyền thuyết càng gần với cổ tích. Đây là thời đại của những nàng công chúa, ông hoàng tử, thời đại của những tên trọc phú gian tham, những bác nông dân khờ khạo và nghèo khổ. Truyện cổ tích cũng tiếp thu truyền thống của truyền thuyết. Nó được xây dựng trên những mảnh vụn rời rạc của truyền thuyết và thần thoại. Cho nên Grim (Grimm) nhận xét về cổ tích nước Đức có nói: "Những truyện cổ tích dân gian là những tiếng dội cuối cùng của thần thoại ngày xưa". Một nhà nghiên cứu khác là Muyn-le (Max Müller) cũng nói: "Chúng ta biết một cách chắc

chấn rằng phần nhiều những cổ tích về tiên là tàn dư của một thần thoại cổ đã quên mất một nửa, đã hiểu sai và đã xây dựng lại"[3]. Nói chung, tâm lý, tính tình của những nhân vật trong cổ tích đã trở nên phức tạp, không còn mang dáng dấp thô sơ, man rợ mà kỳ thực là giản dị, chất phác của những nhân vật thần thoại nữa. Họ văn minh hơn, đẹp đẽ hơn, thích hợp với những quy chế và lễ nghi của cuộc sống dưới chế độ phong kiến hơn. Nhưng một điều rõ ràng là cùng với những biểu hiện phức tạp trên đây, họ cũng đã mất đi cái bản sắc cũ của họ, những đường nét đẹp đẽ khỏe khoắn vốn có trong những nhân vật thần thoại. Có thể nói, so với thần thoại và truyền thuyết, tính chất chung của truyện cổ tích là sự đa dạng của tâm lý, tính cách, đặt trong sự phức tạp của những tình tiết. Vì tư tưởng, tình cảm và nguyện vọng của con người gửi gắm vào đây đã lẫn lộn khúc, không đơn giản như trước, và cuộc đấu tranh xã hội thì nhiều màu nhiều vẻ hơn cuộc đấu tranh với thiên nhiên rất nhiều.

2. TRUYỀN THUYẾT, CỔ TÍCH ĐÃ DỰA TRÊN VŨ TRỤ QUAN NÀO?

Truyền thuyết và cổ tích được thừa hưởng một vũ trụ quan phong phú do người nguyên thủy để lại trong các thần thoại. Nhưng thế giới thần linh lúc này không còn nguyên vẹn tính cụ thể và đơn giản như thời kỳ nguyên thủy. Người ta đem tôn ti trật tự mới có của xã hội loài người áp dụng vào xã hội vốn tự do bình đẳng của thần. Người ta sắp đặt thứ bậc theo chức vụ, phân phối ma quỷ thần thánh theo từng khu vực khác nhau. Lẽ tự nhiên, sau nhiều quá trình "cải tạo" lại, thế giới thần linh dần dần trở thành hình ảnh trung thực của thế giới con người. Vũ trụ quan tự phát của nhân dân kết hợp với hình thức triết lý chính thống, đã chuyển hóa thành một vũ trụ quan mới trong tưởng tượng của dân chúng.

Trước hết là *quan niệm luân hồi*. Quan niệm này xuất hiện với loài người từ rất xưa, lúc mới bắt đầu sống định cư bằng nông nghiệp. Từ việc quan sát sự sinh nở của cỏ cây người ta suy diễn ra quan niệm ấy. Con người, và muôn vàn sinh vật khác cũng sẽ cứ chết đi sống lại, hết kiếp này đến kiếp khác, mãi mãi như bánh xe quay! Ở Việt-nam, quan niệm này được bổ sung một cách đầy đủ bằng tư tưởng của đạo Phật. Người ta tưởng tượng ngoài thế giới hiện thực còn có hàng vạn thế giới cũng y hệt như thế giới trần gian, nếu có nơi là nát-bàn thì cũng có nơi là mười mấy tầng địa ngục. Đây là những chỗ an dưỡng hoặc đầy đọa những kiếp người vốn đã có những quá trình tốt hay xấu về đạo đức.

Bên cạnh quan niệm luân hồi, lại có *quan niệm không sinh không diệt*, nảy sinh từ việc quan sát những vật vô cơ trong đời sống, rồi sau đó được đạo thần tiên phát triển thành một thứ tín ngưỡng. Người ta tưởng tượng một

thế giới đẹp đẽ, sung sướng, giàu có (Bồng lai, Dao-trì, v.v...), trong đó những vị Ngọc Hoàng thượng đế, Nguyên thủy thiên tôn, Thái thượng lão quân, cho đến bát tiên, v.v... đều là những nhân vật thoát ra khỏi sự chi phối của luân hồi, trở thành vĩnh viễn không sinh trường mà cũng không tiêu diệt. Cõi thế giới đó, người trần nào dày công tu luyện cũng có thể gia nhập được.

Thứ ba là *quan niệm vạn vật tương quan*, có lẽ do tín ngưỡng tô-tem (Totémisme)[4] mà phát triển. Giữa con người với vũ trụ như trăng, sao, sông, núi, mạch đất, cỏ cây, v.v... đều có thể có những mối liên hệ vô hình mật thiết. Quan niệm này thịnh lên với chế độ phong kiến. ở Việt-nam, quan niệm về phong thủy, cụ thể là việc để mồ mả -một trong những hình thức biểu hiện của quan niệm vạn vật tương quan - có lẽ cũng do phong kiến nước ngoài đưa vào từ thời Bắc thuộc. Nó còn gắn bó với chế độ chiếm hữu ruộng đất. Chắc chắn ngoài ba yếu tố trên đây, truyền thuyết cổ tích còn mang nhiều quan niệm phức tạp khác. Tất cả hòa hợp với nhau tạo thành một hệ thống quan niệm thống nhất về thế giới mà ta có thể tóm tắt như sau:

- a) Linh hồn bất diệt theo luân hồi.
- b) Xác thịt con người cũng như cỏ cây động vật là chỗ trú ngụ của linh hồn.
- c) Ngoài cõi trần, chủ yếu còn ba cõi nữa là cõi trời, cõi nước và cõi âm. Mỗi cõi đều có vua quan, có dân chúng, có kẻ giàu sang, có người nghèo hèn.
- d) Cõi trần không phải là chỗ ở riêng của người và vật mà còn là nơi trú ngụ hoặc chỗ đi về của thần tiên, ma quỷ.

đ) Thần tiên, ma quỷ, v.v... cũng có phân biệt thiện và ác: có hạng đáng thương, có hạng đáng ghét, có hạng đáng tôn thờ, có hạng đáng sợ mà không đáng thân. Phần nhiều họ cũng chung cảnh vinh nhục sướng khổ như người.

Đó là vũ trụ quan chung của người Việt-nam từ thời kỳ bán khai lại nay. Tất cả mọi thể hệ tác giả và thính giả của những truyện cổ tích xưa và nay đều dựa vào đấy làm nền tảng cho tư duy, để đặt nên truyện và hiểu truyện. Dĩ nhiên, một quan niệm về vũ trụ như thế không còn hoàn toàn giống với vũ trụ quan của thần thoại. Nếu ở một vài truyện thần thoại nào đó có sự đồng nhất về cơ sở thế giới quan với cổ tích thì cũng chỉ là vì những thần thoại này đã được người đời sau tô điểm, thêm thắt, có khi xây dựng hẳn lại. Tuy nhiên, lại cũng cần phải thấy rằng Thần Thánh Tiên Phật hay ma quỷ trong cổ tích phần nhiều chỉ là phương tiện cần thiết để cho tác giả thắt nút, mở nút câu chuyện mà thôi. Cho nên, không lấy làm lạ khi chúng ta bắt gặp một số truyện về tiên ở châu Âu, trong đó gần như không biểu hiện một vũ trụ quan cổ truyện nào. Nên nhớ tiên thoại (contes des fées) của Tây phương so với tiên thoại của ta có phần khác. Tiên của họ có nhiều phép thuật rất huyền diệu: cưỡi lên chổi để bay, cầm đũa hay xoay chiếc nhẫn chỉ ra vàng bạc, nhà cửa, lâu đài và mọi vật... Họ có tiên tốt phù hộ người trong cơn nguy ngập, lại có tiên ác hãm hại người lương thiện. Nhưng nói chung, thế giới thần tiên của họ không được xây dựng một cách có hệ thống, cũng không liên quan nhiều đến tín ngưỡng như tiên trong tiên thoại hay cổ tích chúng ta.

3. SỰ XUẤT HIỆN VÀ SỰ SUY TÀN CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH

Truyền thuyết và cổ tích có quan hệ không ít đến tín ngưỡng, phong tục của một dân tộc, ăn sâu vào những tập quán của tư duy, tín ngưỡng và phong tục vốn bao giờ cũng có sức kích thích ảo giác rất mạnh. Cho nên xung quanh phong tục, nhất là tín ngưỡng, thường vẫn có truyền thuyết hoặc cổ tích lưu hành. Nhiều mô-típ hoặc hình tượng trong truyền thuyết và cổ tích còn lại đến nay, mặc dù đã phai nhạt dấu vết nguyên thủy nhưng nếu suy nguyên cặn kẽ và thận trọng, cũng có thể tìm ra các lớp nghĩa tối cổ, phản ánh những phong tục, tín ngưỡng xa xưa mà con người hiện đại rất khó cảm thông (chẳng hạn tục hôn nhân đồng tính ở thời kỳ suy tàn trong truyện *Sự tích đá Vọng-phu*; tục chị em vợ lấy chung một chồng, anh em chồng lấy chung một vợ trong truyện *Tấm Cám*, truyện *Lấy chồng dê*, truyện *Sự tích trầu, cau và vôi*; tục thờ thần rắn và tín ngưỡng hiến tế thần linh trong truyện *Thạch Sanh*, truyện *Tiêu diệt mãng xà*, truyện *Ao Phạt*; tín ngưỡng phồn thực trong truyện *Hai anh em và con chó đá*, *Sự tích chim Bết-cô-trói-cột* (dị bản)...). Có thể nói tín ngưỡng là vú nuôi của truyền thuyết cổ tích, ngược lại truyền thuyết cổ tích là kẻ tuyên truyền đắc lực cho tín ngưỡng.

Đặc biệt ở Việt-nam, gần như mỗi một thắng cảnh, mỗi một đền thờ địa phương đều có gắn liền với một hoặc nhiều truyền thuyết, cổ tích. Những sáng tác dân gian đó, bên cạnh nội dung chủ yếu là những sự tích anh hùng hoặc sự nghiệp lớn lao kỳ vĩ của dân chúng địa phương, còn có giá trị là những "bài thơ" rất đẹp, những "tấm bia" nghệ thuật, trong đó ghi chép, ca ngợi, làm thi vị thêm cảnh trí thiên nhiên đất nước của từng vùng. Lẽ cố nhiên, các tác giả dân gian không giới hạn chủ đề tác phẩm ở tính địa phương chật hẹp. Trái lại, bao giờ họ cũng vươn đến những chủ đề có tầm

bao quát rộng hơn. Và tính khái quát này không hề ảnh hưởng gì đến giá trị, sắc thái địa phương của câu chuyện. Chủ đề của các truyện *Sự tích đầm Nhất dạ và bãi Tự nhiên*, *Sự tích đầm Mực*, *Sự tích bãi Ông Nam*, *Sự tích đền Cờn*, v.v... hầu như là sự biểu dương phẩm chất cao quý của con người. Đó là tinh thần quên cái riêng vì cái chung, quên mình vì nghĩa vụ; đó cũng là tinh thần đấu tranh gian khổ với dục vọng, với bản tính tự nhiên.

Những ý nghĩa giáo dục có tính chất phổ biến như thế, đồng thời lại được biểu hiện trong những hình tượng có nét đặc thù rõ rệt, liên quan khăng khít với lịch sử dài lâu của một con sông, ngọn núi, bãi cát, cánh đồng...; mỗi câu chuyện gây nên lòng tự hào cũng như lòng yêu mến quê hương đất nước của người dân địa phương.

Cũng cần nhớ rằng truyền thuyết cổ tích là lịch sử truyền miệng của những dân tộc chưa có chữ viết; đây cũng là lịch sử truyền miệng của đại đa số quần chúng không biết chữ. Khi con người có ý thức về sự tồn tại và sự trưởng thành của mình thì việc tìm hiểu quá khứ, bảo tồn ký ức về quá khứ là một nhu cầu tự nhiên và cần thiết. Nhưng cổ tích chép sử theo cách của nó. Nó biết chọn hình ảnh để cô đọng sự kiện; nó biết dùng thủ pháp cách điệu để nhấn mạnh cái mà nó lưu ý. Cây gươm thần trong *Sự tích Hồ Gươm* đến với Lê Lợi và trả lại cho rùa vàng là hiện thân của sức mạnh đoàn kết dân tộc chống ngoại xâm cũng như lòng yêu chuộng cuộc sống thanh bình. Con rắn trong truyện *Rắn báo oán* làm cho chúng ta thấm thía biết bao cái bạo tàn khủng khiếp của chế độ quân chủ chuyên chế đè nặng lên không phải một mà nhiều thế hệ. Cũng thế, những chòm lông xoắn của Ba Vành là một cách hình dung bằng nghệ thuật, cái nhược điểm chủ quan khinh địch của vị đầu lĩnh nông dân trong truyện *Ba Vành*.

Ngoài các sự kiện lịch sử và nhân vật lịch sử ra, một số đặc điểm của hình thái sinh hoạt xã hội đã qua cũng được giữ gìn trong cổ tích. Qua truyện *Chàng rể thông minh*, ta hiểu được tình cảnh gian khổ của người con trai

lấy vợ ngày xưa; truyện *Sự tích đình làng Đa-hòa* cho thấy vai trò của cái đình đối với đời sống làng xã, và việc có được một cái đình đình đặc đối với những làng nghèo là một ước mơ, nhiều khi quá sức. Truyện *Hoàng Tín hầu* cho thấy chế độ cung đốn phục dịch trong một thái ấp là cực kỳ vất vả nhọc nhằn đối với người nông dân, v.v...

Cũng như ở thần thoại, trong truyện cổ tích con người vẫn tiếp tục cắt nghĩa những hiện tượng thiên nhiên và xã hội, những hiện tượng lạ lùng bí ẩn mà những hiểu biết về khoa học bấy giờ chưa thể cho phép giải thích rành mạch được. Nhưng khác với cách cắt nghĩa ở thần thoại, lúc này người ta lý luận một cách hóm hỉnh hơn, gần với "tính người" hơn. Nghĩa là đằng sau lời cắt nghĩa có vẻ hoang đường, ngẫu nhiên, vẫn có ngụ một ý nghĩa sâu sắc về cuộc sống, hoặc có ẩn một mục đích giáo dục.

Dĩ nhiên, không phải những truyện cổ tích nói về thế sự, về sinh hoạt mãi sau này mới có. Nó xuất hiện cũng đã khá xưa, từ lúc con người biết lấy thực tiễn đời sống lao động của mình để trao đổi ý kiến với nhau, giải bày tâm sự với nhau. Mà cuộc sống lao động của nhân dân thì muôn màu nghìn vẻ, rất phong phú, phức tạp. Chính từ trong bao nhiêu truyện đời phức tạp ấy, người ta rút ra những nét có ý nghĩa điển hình nhất (tức là những nét phổ biến, dễ nhớ, dễ hiểu), những cốt truyện ly kỳ nhất (tức là những truyện dễ gợi tính tò mò say mê của mọi người) để xây dựng nên tác phẩm.

Nhờ những cuộc giao lưu văn hóa, những cuộc gặp gỡ giữa các dân tộc, truyện cổ tích cũng như thần thoại, truyền thuyết được lưu truyền rất rộng. Bằng chứng là có nhiều truyện của những dân tộc sống rất cách xa nhau vẫn mang những nét giống nhau, hoặc phảng phất giống nhau. Truyện *Tấm Cám* không những quen thuộc với nhân dân Việt nam, mà còn là một cổ tích chung của đồng bào Cham-pa, đồng bào Tây-nguyên, Khơ-me (Khmer), Ấn-độ, Ai-cập, Pháp, Trung-hoa... và vô số dân tộc khác nữa. Nếu đem so sánh tất cả những truyện đó thì sẽ thấy, tuy có khác nhau về chi

tiết, nhưng trên đại thể chúng đều giống nhau, chủ yếu là ở đề tài và chủ đề. Điều đó giúp ta phỏng đoán rằng ban đầu chúng đều có chung một cái cốt duy nhất rồi về sau mỗi dân tộc phát triển, hoàn chỉnh câu chuyện theo cách riêng của mình, bằng cách cải tạo và thêm thắt một số tình tiết, hình ảnh phù hợp với đặc điểm dân tộc.

Mặt khác, ngay trong văn học giữa các dân tộc này và dân tộc kia đôi khi cũng có những gặp gỡ đặc biệt lý thú, những sự phù hợp tình cờ ở tư tưởng, nội dung và nghệ thuật. Sự tương đồng giữa một số truyện như *Gốc tích cái nôi dưới cổ con trâu*, *Sự tích đá Vọng phu...* của ta với những truyện cổ tích dân gian ở các dân tộc châu Á, châu Âu, châu Phi[5] có thể không phải do chúng cùng chung một cốt truyện hoặc do các dân tộc gần gũi nhau nên ảnh hưởng lẫn nhau. Xét cho cùng, đây cũng là một hiện tượng có tính quy luật. Trong cuộc sống phải phấn đấu với thiên nhiên, phải chống chọi với những thế lực áp bức trong xã hội, nhân loại có những bước đường như nhau, những mục đích, khát vọng như nhau, cho nên trong sinh hoạt và trong tưởng tượng của từng dân tộc cũng tất yếu có những nét trùng nhau hoặc gần giống nhau.

Căn cứ vào đó mà người ta cho rằng trong truyện cổ tích, ngoài đặc tính riêng của từng dân tộc lại còn mang ít nhiều tính chất chung của cộng đồng nhân loại. Có người đã từng nghiên cứu truyện cổ để tìm hiểu bước đường phát triển chung giữa các dân tộc khác nhau. Do mang "tính nhân loại" mà nhiều truyện cổ tích có một giá trị phổ biến, được coi là vốn tinh thần chung cho cả loài người. Mọi dân tộc có thể tìm thấy trong đó một nguồn thông cảm chung. Luôn luôn nó là một cái gì trong trẻo, xinh tươi và lành mạnh.

Hiển nhiên, nói thế không có nghĩa là trong bất kỳ truyện cổ nào cũng đều chứa đựng những nhân tố tích cực, kết tinh sức sống của nhân dân, và phù hợp với xu thế tiến bộ của nhân loại. Không quên rằng giai đoạn thịnh hành

của việc sáng tác truyền thuyết cổ tích là thời kỳ công xã thị tộc tan rã, thời kỳ chiếm hữu nô lệ và phong kiến tiếp nối thịnh hành. Trong điều kiện một nền sản xuất lạc hậu, kéo dài triền miên từ cổ đại cho đến hết trung cổ, xã hội loài người đã phải trải qua nhiều nỗi nhọc nhằn vất vả, chịu đựng bao nhiêu thành kiến ngu muội, quẩn quại trong bao nhiêu tranh đoạt đầy máu và nước mắt, và bị đe dọa bởi bao nhiêu nỗi lo sợ hữu hình và vô hình. Có thể nói cả một không khí huyền bí tối tăm luôn luôn vây bọc và đè nặng lên đời sống tinh thần của con người. Tất cả những phương diện này đều để dấu vết lại trong các loại sản phẩm tinh thần mà con người còn lưu giữ lại được, trong đó có truyện cổ tích. Và nếu coi đó là hạn chế thì phần tư tưởng hạn chế rải rác trong kho truyện của ta không phải là hiếm.

Sự xuất hiện của truyện cổ tích thường gắn chặt với những đặc điểm về sản xuất, về sinh hoạt, tư tưởng của một thời đại lịch sử, cho nên cũng như thần thoại, nó có thời kỳ phồn vinh và có thời kỳ suy tàn. Thế kỷ của máy móc, của điện tử là thế kỷ suy tàn của truyện cổ tích. Lúc mà tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch bản, điện ảnh, v.v... xuất hiện và trở nên món ăn tinh thần hợp "khẩu vị" của quần chúng thì cũng là lúc cổ tích bắt đầu lùi xuống địa vị thứ yếu, nếu chưa phải là bước xuống khỏi văn đàn. Huyền tượng ngày càng được khoa học "giải mã" và tín ngưỡng tuy vẫn còn đầy sức hấp dẫn, cũng thường xuyên bị khoa học tranh chấp và "khoanh vùng" giới hạn. Việc sáng tác những câu chuyện hoang đường vì thế bị hạn chế dần, kết quả là nghệ thuật cổ tích cũng thu hẹp lại.

Tuy có một số ít tác giả bắt chước người xưa đặt nên những truyện tương tự cổ tích, nhưng dù cố gắng đến đâu, nội dung của chúng cũng không tài nào còn mang được cái không khí, cái phong vị của truyện cổ tích nữa. Đó là nghệ thuật của truyện ngắn giả cổ tích, hơn nữa đó lại không phải là những truyện truyền miệng.

4. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH

Truyện cổ tích cũng chịu chung cái công lệ của văn học truyền miệng là mọi việc sáng tác, diễn xướng, truyền bá đều có tính chất tập thể. Tác giả của truyện không phải là người của cùng một thời, một xứ, mà là nhiều người, trong những thời gian và không gian khác nhau. Đây là một công cuộc sáng tác và chỉnh lý liên tục, người sau nối tiếp công việc của người trước. Có khi người sau dựa vào cốt truyện của người trước mà đặt ra một truyện khác mới hẳn. Cố nhiên, trong hai truyện đó truyện nào khỏe mạnh hơn, gợi hứng thú người nghe hơn thì sẽ tồn tại lâu hơn. Cho đến một lúc nào đó, câu chuyện tương đối hoàn chỉnh hay đã được ghi vào sách vở, thì nó sẽ đứng lại.

Đầu tiên, câu chuyện thường xuất phát từ một truyện thời sự hay là một sự thực nào đó. Cốt truyện của nó thường khi rất đơn giản. Truyện *Sự tích đầm Nhất-dạ*, theo chỗ chúng tôi đoán thì ban đầu hình như là một câu chuyện tình éo le cũng như phần nhiều câu chuyện tình éo le khác vẫn thường xảy ra: con gái một quý tộc nào đó yêu một anh con trai thuộc tầng lớp dưới. Và khi thấy không được cha mẹ ưng thuận, hoặc biết không thể đường hoàng lấy được nhau, cả hai bèn trốn vào rừng hay tìm đến một nơi xa xôi nào đó. Trong khi ấy thì pháp luật triều đình hết sức truy nã họ. Sau cơn tuyệt vọng, họ nhảy xuống một vực sâu hay treo cổ tự tử.

Cốt truyện *Sự tích đầm Nhất-dạ* đầu tiên có thể ít hay nhiều tương tự thể thôi. Tất nhiên câu chuyện phải đập mạnh vào cảm xúc của nhiều người, và chủ yếu là *làm thức dậy ý thức đẳng cấp tiềm ẩn sâu xa trong lòng đại chúng*. Cái chết của cặp trai gái được quần chúng coi là biểu hiện của tình

thần cảm phần, của hành động chống đối. Sẵn có đầu óc tín ngưỡng, người ta cho là một cái chết linh thiêng. Từ đó họ lập miếu thờ; mặt khác họ truyền cho nhau nghe thiên tình sử bi đát. Thiên tình sử đó được các nhà văn nhân dân tô điểm và lưu truyền bằng miệng. Vì truyền miệng, nên quần chúng đời sau lại không khỏi thêm thắt sửa đổi ít nhiều cũng như có thể tước bỏ ít nhiều. Khuynh hướng chung là người ta thần thánh hóa nó đi. Rốt cuộc, cặp trai gái đó không chết nữa mà bay lên trời.

Nhiều truyện cổ tích khác như truyện *Hai bà Trưng*, truyện *Vợ chàng Trương* cũng được thần thánh hóa theo hướng ấy. Đó là mong muốn chủ quan của tác giả và cũng là nguyện vọng của nhân dân. Nhân tố chủ quan này đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình hình thành một số truyện cổ tích. Nói cách khác, một số chi tiết, một số hình tượng và mô-típ của truyện đều được sửa chữa, thêm bớt một cách có ý thức để tiến đến chỗ định hình. Và, đến đây, *một truyền thuyết, một sự tích được nâng lên địa vị văn học*.

Cho đến sau đời Triệu Quang Phục (ở thế kỷ thứ IV), truyện *Sự tích đầm Nhất-dạ* lại còn được thêm vào đoạn cuối kể chuyện Chử Đồng Tử cười rồng giúp đỡ họ Triệu chiến thắng quân xâm lược. Tóm lại, *trên cơ sở hiện thực và lãng mạn, nhân dân lao động trong một quá trình lâu dài đã dựa vào tưởng tượng, phối hợp giữa tín ngưỡng và nguyện vọng của mình, ảo hóa một câu chuyện thực thành một truyện cổ tích*. Đồng thời, câu chuyện đó cũng được nhân dân dùng để giải thích hiện tượng biến đổi của tự nhiên. Trên thực tế, đầm Nhất-dạ[6] có thể do ảnh hưởng của một cuộc địa chấn, hoặc do một con sông bị bồi lấp mà thành. Nhưng ở đây thực tế đó không có ý nghĩa gì và bị che khuất đi đằng sau một vấn đề xã hội. Nguyên nhân tự nhiên đã được thay thế bằng nguyên nhân xã hội.

Thiên tình sử Chử Đồng Tử - Tiên Dung được tô điểm sửa chữa đến đây hầu như là đã hoàn thiện. Nhưng từ ngày đạo thần tiên thịnh hành ở Việt-nam thì đám đạo sĩ bèn lợi dụng nó, đem tô điểm cho nó một nước sơn tôn

giáo. Tiên Dung và Chử Đồng Tử vốn sẵn có một tâm hồn "coi tình yêu trên hết" sẽ khinh thị tất cả mọi của cải ở trên thế giới và như thế rất lợi cho việc truyền bá thứ tôn giáo yếm thế của Đạo giáo. Hai nhân vật chính đó sau khi thông qua nhân quan của tầng lớp đạo sĩ bỗng trở thành những vị thiên thần bất tử, đi mây về gió, ra oai tác phúc trong nhân dân. Chử Đồng Tử thế là thành một vị tổ trong tôn giáo thần tiên, mà người ta gọi là Chử Đạo tổ. Giới đạo sĩ lại còn nối thêm vào truyện một khúc đuôi như sau: khi hai vợ chồng đã thành tiên rồi, một lần đi qua làng Ông-đình (Hưng yên) họ dùng gậy phép cải tử hoàn sinh cho một số người chết. Và cũng ở làng này, Chử Đồng Tử lại có lấy thêm một người vợ tiên thứ hai nữa tên là Ngải Hòa, v.v...

Ngoài những truyện có cốt cách hoàn chỉnh như *Sự tích đầm Nhất-dạ* ra, trong kho tàng truyện cổ của ta vẫn không hiếm những truyền thuyết đang giữ nguyên cốt truyện lúc ban đầu, *chưa được trau chuốt tô điểm, hoặc đã được trau chuốt tô điểm, nhưng chưa chuyển hóa đầy đủ thành một áng văn có tính nghệ thuật*. Hãy mượn một truyền thuyết của đồng bào Mường ở Hòa-bình làm ví dụ.

Truyện kể rằng có một đôi trai gái yêu nhau, từng ăn thề với nhau, nhưng không được gia đình hai bên đồng ý. Họ bèn đưa nhau vào rừng tự vẫn. Khi bỏ nhà ra đi người con gái có mang theo một rễ tầm. Vì gặp người, nên họ bỏ chỗ đã định trước, tiến vào sâu hơn rồi cả hai thắt cổ ở Cồn Mòi. Bây giờ, ở nơi đó có nhiều hòn đá giống hình những con tầm và một hòn đá khác giống hình một cái rễ. Làng Khênh là làng sở tại có dựng miếu thờ đôi trai gái. Họ tôn làm thành hoàng của làng[7].

Đây là một sự thật đã bắt đầu được ảo hóa. Để giải thích hình thù lạ lùng của những hòn đá, người ta khéo thêm vào câu chuyện một cái rễ tầm là hình ảnh có sẵn trong sinh hoạt thực tế của nhân dân. Tuy nhiên, câu

chuyện chỉ đến đó là dừng lại. Chưa có cơ hội để các nhà văn nhân dân cải biên, phát triển thêm nữa. Nó chưa phải là một sáng tác hoàn thiện.

Có thể nói tất cả những sự việc hoặc éo le hoặc kỳ lạ, v.v... xảy ra trong cuộc đời thực, trừ trường hợp hãn hữu, đều là tài liệu rất tốt cho nhà văn nhân dân xây dựng thành truyện cổ tích với nội dung và hình thức thường khi được nâng lên rất cao so với khuôn khổ của câu chuyện thực. Cũng có khi từ một số mẫu chuyện hay một số sự việc có thật xảy ra trong nhiều trường hợp cụ thể khác nhau, nhưng đều có tư tưởng và chủ đề tương tự, nghĩa là có những mô-típ đồng dạng với nhau, người ta đem kết hợp lại để thành một truyện dài hơn, sửa chữa cho thống nhất, rồi dùng một nhân vật lịch sử có thật nào đó làm nhân vật trung tâm cho toàn truyện, như một sợi dây hữu cơ gắn các tình tiết lại với nhau. Truyện *Ông nghề Tân* thuộc trường hợp này.

Ông nghề Tân trên thực tế chỉ là một người phóng đảng, không chịu ràng buộc theo lối sống quy củ của nhà nho. Sau khi đỗ tiến sĩ (1842), ông chỉ làm những chức tri phủ, giáo thụ, chứ chưa từng làm thanh tra. Nhưng từ lúc xin thôi chân giáo thụ ở một phủ thuộc Hải-dương, ông nay chơi hạt này, mai chơi hạt khác, quấy nhiễu bọn quan lại địa phương. Hồi ấy có lệ mỗi năm triều đình đặc phái ngự sử từ kinh đô ra xứ Bắc tra xét tình hình quan lại. Nghề Tân thỉnh thoảng đến các hạt làm thơ nôm dạy trẻ em chẵn trâu hát. Quan bản hạt nào đó vô phúc để ngự sử sao chép được bài thơ đề về kinh thì sẽ bị tội. Vì thế, tuy không có chức vụ gì, ông đi đâu ai cũng sợ, phải trọng đãi, tống tiền hăn hoi[8]. Tất cả những tài liệu đó đều là đề tài rất quý của nhà văn nhân dân thuở bấy giờ. Chả là hồi đó dân chúng đang vô cùng cực khổ vì nạn tham quan ô lại. Cho nên, ông nghề Tân trong truyện được cường điệu hóa một cách nhanh chóng và bất ngờ, vượt xa hành trạng của một nghề Tân bằng xương bằng thịt. Đó là một viên thanh tra của triều đình cải trang làm cho bọn quan lại sợ mất mật. Đó cũng là một anh chàng nho sĩ ranh mãnh, chơi chữ rất tài tình. Những hoạt động của nghề Tân qua

các mẫu chuyện, các bài thơ như "giả danh phó cối đề thơ ở công đường", "ném cáng quan phủ xuống bùn", "vịt biết nói", v.v... đều là những tình tiết biểu lộ tinh thần đối kháng của nhân dân đối với giai cấp thống trị mà tác giả phản ánh trung thành vào truyện, rồi cuối cùng người ta sẽ gộp những mẫu chuyện dân gian đó lại và tạo thành một truyện dài có nội dung tư tưởng thống nhất.

Do đấy, suy rộng ra một chút, ta thấy trong sách sử có nhiều câu chuyện hoặc thơ văn được trưng dẫn hiển nhiên như những sự kiện lịch sử có thật, nhưng thật ra có khả năng đấy là sáng tác của nhân dân từ mọi nơi gộp lại (tương tự truyện *Ông nghề Tân*) hơn là những sự thật lịch sử. Chẳng hạn như những mẫu chuyện và bài thơ có khẩu khí đế vương đã được gán cho Lê Thánh Tông; một số giai thoại và câu đối hóm hỉnh được gán cho Mạc Đĩnh Chi làm lúc đi sứ Trung-quốc...

5. TÁC GIẢ TRUYỆN CỔ TÍCH

Trước tiên chúng ta sẽ nói đến những phần tử trí thức tức là hạng nho sĩ hay tăng lữ. Bọn họ thuộc nhiều tầng lớp khác nhau và có những khuynh hướng tư tưởng khác nhau.

Có hạng có vai vế trong xã hội: hoặc chịu tước lộc của triều đình, hoặc làm môn khách, gia thần cho quý tộc địa chủ ở một địa phương nào đó. Họ am hiểu tường tận tâm lý, tính cách tầng lớp thống trị cũng như có vốn kiến thức đáng kể về cuộc sống "hậu trường" sâu kín của tầng lớp này. Chính vì thế, họ sáng tác khá nhiều những truyện xung quanh một ông vua, một ông quan, một thổ hào, một ông sư, hoặc những truyện về thi cử đỗ đạt, về phong thủy, bói toán, cúng dàng, v.v... có khi khá ly kỳ huyền ảo. Nào truyện Gia Long khi bị quân Tây Sơn đánh đuổi đã gặp những cái may gì mà thoát nạn; truyện mả tổ nhà Trần đã "kết" như thế nào để từ một dòng họ đánh cá ở Tức-mặc mà trở nên đế vương, rồi vì sao cũng dòng họ ấy về sau lại trở nên suy đồi, cái ngai vàng lại về tay người khác; truyện Nguyễn Trật nhờ thần giúp đỡ ra sao để cho một kẻ học dốt như ông cũng có tên trên bảng tiến sĩ; truyện mười tám ông sư vì sao đã đâm đầu một lượt xuống nước để trở thành Phật La hán, v.v... Họ còn đứng trên quan điểm chính thống để sưu tập và chỉnh lý truyện cổ dân gian. Những truyện của họ nhìn chung thường mang dấu ấn khá nặng của chủ nghĩa định mệnh, chủ nghĩa sùng bái cá nhân... Chúng góp phần tuyên truyền cho chế độ quân chủ hay cho tôn giáo yếm thế. Tuy vậy, nhiều truyện cũng hé ra không ít những ý nghĩa tích cực về cuộc sống, mặc dầu có thể ý nghĩa đó đã trở thành kinh điển. Nhất là những truyện của các tác giả sống tương đối gần

gửi nhân dân thì vẫn phản ánh được ước mơ và quyền lợi của nhân dân đến một chừng mực nào.

Một hạng nho sĩ khác, thân phận nghèo nàn, sinh hoạt túng bấn, như chúng ta quen gọi là "hàn sĩ" hay "bần sĩ". Họ xuất thân ở nông thôn. Trong thời gian đi học, đi thi, cho đến lúc sinh nhai bằng một nghề nào đó họ thường sống cuộc đời của kẻ phiêu lãng. Trong cuộc đấu tranh âm ỉ giữa nông dân và địa chủ, họ thường đứng về phía nông dân. Họ rất giàu tưởng tượng, lại là những người hóm hỉnh, thích đùa nghịch, dám chĩa mũi nhọn vào những kẻ khác có khi quyền thế hơn, dám nhìn thẳng vào mọi thói xấu của chúng, dám đem nó ra mà đùa, mà châm chọc, mà thỏa mãn khoái cảm của mình. Những truyện do họ sáng tác nói chung có nhiều loại, kể cả ngụ ngôn, tiểu lâm, v.v... Trong ký ức của họ hẳn chứa rất nhiều những kinh truyện của bách gia chư tử, trong đó có vô số cổ tích, điển cố của nước nhà cũng như của văn học Trung-hoa. Vào thời gian sống lang bạt ở nông thôn hay ở đô thị, họ lại lượm lặt thêm được không ít tài liệu thực tế sinh động. Nhờ có vốn sẵn như thế cho nên họ sáng tác được nhiều truyện vừa ly kỳ vừa ý vị và nói chung được nhân dân ưa thích.

Truyện *Tú Uyên* có thể là một ví dụ. Đây chắc là sáng tác của một nho sĩ, hơn nữa một "bần sĩ". Những truyện cũ như "Người lấy ma", "Ma trêu học trò", những tích xưa như "Thư trung hữu nữ nhan như ngọc", "Lộng Ngọc Tiêu Sứ", "Vu Hựu thả lá", v.v... đã gây nhiều cảm hứng rất đẹp cho tác giả và ảnh hưởng ít nhiều đến phương pháp nghệ thuật của câu chuyện. Nhưng điều quan trọng hơn là ở kinh đô Thăng long thuở ấy quả cũng chẳng hiếm gì những mỹ nhân làm mê hồn nhiều nho sĩ. Và tất cả, mộng và thực, tâm tình và ước vọng lãng mạn của họ, đã được nhào nặn lại để thành một câu chuyện tình duyên, trong đó ảo tưởng được nâng lên đến cao độ.

Truyện *Ông nghề Tân* như trên đã nói, có lẽ là do một số nho sĩ có tư tưởng chống bọn quan lại tham ô đặt ra. Tác giả dựa phần lớn vào các sự kiện có

thực để tạo nên tác phẩm, chứ không dùng hay rất ít dùng đến nhân tố hoang đường.

Đáng để ý nhất là những phần tử trong tầng lớp nô tì, tôi tớ, trong đám người phải đi phu, đi lính cho bọn thống trị. Những người có phần được sống tập trung, lại có cơ hội đi nhiều nơi, tai nghe mắt thấy được nhiều sự việc. Nói chung, chẳng những họ là người có điều kiện lưu truyền mà còn có khả năng sáng tác ra truyện. Những truyện do họ kể có khi là sự thật đã bị biến tướng bởi tâm lý chủ quan của chính họ và những người xung quanh họ; có khi là những truyện cổ tích của những vùng xa xôi nào đó được họ sửa chữa cho hợp với phong tục, tín ngưỡng địa phương. Thôi thì phong phú không thể kể xiết!

Có những truyện bí mật từ trong cung cấm: nào là bà chúa nọ tư thông với đầy tớ (*Hà Ô Lô*); nào là ông vua kia mê người nữ tỳ (*Chị A*). Có những truyện từ trên rừng xuống (*Thần giữ cửa, Ma cà rồng*); từ dưới biển lên (*Giặc Tàu ô, Sự tích đèn Cờn*); truyện trong Nam, ngoài Bắc, truyện chiến tranh; truyện kiện cáo; truyện dịch tễ, v.v... Tất cả những loại truyện đó, qua trí tưởng tượng của họ đều được dọn lại cho súc tích, tô điểm thêm cho hấp dẫn và có tính kịch, rồi lan đi rất nhanh. Một khi đã vào trí nhớ nhân dân, nhân dân không bỏ lỡ cơ hội xây dựng, sáng tạo thêm một số tình tiết nữa, rồi phổ biến khắp nơi trong nước.

Những người làm nghề hát xẩm, kể vè cũng là những tay sáng tác và lưu truyền rất đắc lực truyền thuyết và cổ tích. Họ là những nghệ sĩ sống nhờ dân chúng và sáng tác theo truyền thống của dân chúng. Cái nghề của họ không phải mới xuất hiện gần đây mà đã có từ xưa. Giữa xã hội thị tộc trước kia, những người có khả năng hát và nhớ truyện rất được nhân dân quý mến chiều chuộng. Trong những buổi hội họp đông đúc, họ được mời ra biểu diễn, làm cái việc giải trí cho nhiều người. Những truyện mà họ kể

cho người nghe có lẽ đều bằng văn vần, do chính họ hay những nhà văn khác, trước họ, sáng tác.

Thời kỳ của chế độ nô lệ, phong kiến, trong cung đình có một hạng nghệ sĩ chuyên phục vụ cho vua chúa, quý tộc. Bên cạnh những "thằng hề", "con hát", bọn họ được trọng dụng không kém. Quyển *Nghìn lẻ một đêm* cho ta thấy cái thói ham nghe kể chuyện của các ông vua Ả-rập, Ba-tư ngày xưa. Những truyện được đưa ra kể ở những nơi thâm nghiêm này thường là góp nhặt từ khắp mọi phương trong dân chúng, không loại trừ những truyện tục.

Trong thời kỳ cận đại, ở Việt-nam cũng như ở Trung-quốc, hạng nghệ sĩ chuyên môn kể chuyện cho dân chúng không hiếm gì. Thường ở nông thôn chúng ta trước Cách mạng, mỗi làng mỗi xóm thế nào cũng có một vài người hát tốt giọng và hay nhớ truyện. Những lúc rỗi rãi, họ kể truyện cổ tích, ngâm *Kiêu*, *Thạch Sanh*, v.v... Tiếng họ cất lên, mọi người trong xóm xúm lại bên ấm nước chè xanh say sưa nghe kể. Những nghệ sĩ đó không sinh nhai bằng nghệ thuật của mình.

Bên cạnh đó, cũng có những nghệ sĩ thoát ly sản xuất, thường trổ tài ở chợ búa, thị trấn. Đây là những người hát xẩm, kể vè rong mà sự phát triển quá nhanh chóng của tiểu thuyết, kịch và chiếu bóng nửa thế kỷ lại đây đã cướp mất nghề của họ. Nói đúng hơn là trong sinh hoạt nghệ thuật của quần chúng Việt-nam, bước vào thế kỷ này, bắt đầu có một sự thay đổi quan trọng về phương thức diễn đạt, truyền bá tác phẩm, cũng như về đối tượng thưởng thức nghệ thuật.

Ngày xưa nghề kể vè của ta chắc chắn rất thịnh. Những chuyện về dài đặt bằng văn vần, xuất hiện khá nhiều. Ngoài những truyện thời sự là chủ yếu còn có truyện cổ tích. Nhu cầu thưởng thức của quần chúng vốn rất đa dạng, các nhà nghệ sĩ do đó cũng thấy cần thay đổi món ăn. Họ bèn tìm tòi

trong lịch sử xem có những anh hùng nông dân nào mà tên tuổi bị chìm đắm bởi thời gian, hoặc rút lấy những sự kiện lịch sử mà mọi người đang thèm khát nhắc lại. Họ sẽ đặt thành truyện như về *Chàng Lía*, về *Bà Thiều phó*[9], về *Vợ ba Cai Vàng*, về *Thất thủ kinh đô*, v.v... Cố nhiên, nhà nghệ sĩ sẽ không quên đưa quan điểm và tưởng tượng của mình hòa vào chất liệu lịch sử. Và ý kiến của tác giả truyện về thì bao giờ cũng có chỗ khác với ý kiến của các sử gia. Nó hợp với lô-gích tư tưởng của quần chúng hơn. Thế là một truyện cổ tích lịch sử ra đời, được nhân dân thưởng thức và truyền tụng có phần hứng thú hơn những cuốn sử ký cũng chép sự việc đó.

Tóm lại, truyền thuyết và cổ tích xuất hiện sau thần thoại. Lúc này con người đã qua thời đại dã man, sống trong những xã hội có cấp bậc, đặc biệt là xã hội nô lệ và phong kiến. Quan niệm về vũ trụ đã có phần khác với thời kỳ nguyên thủy. Nói chung, con người đã nổi bật lên trước lịch sử và bước vào nghệ thuật với tư cách *vai chủ nhân của truyện*. Mặt khác, nội dung phản ánh của truyện cũng đã thay đổi để thích hợp với vai chủ nhân ấy; từ ý nghĩa "tạo lập trời đất", để đất để nước nó chuyển sang *mang nặng ý nghĩa về cuộc đời*. Tác giả truyền thuyết và cổ tích phần nhiều là nhà văn nhân dân; họ sáng tác theo truyền thống và nhu cầu của nhân dân, nhưng cũng mang ít nhiều ý thức tư tưởng của giai cấp thống trị.

Chú thích:

- [1] Viên Kha. *Trung-quốc cổ đại thần thoại*, Thương vụ ấn thư quán, Thượng-hải, 1955.
- [2] Nhà thơ cổ Hy- Lạp, sống vào khoảng thế kỷ thứ X trước Công nguyên.
- [3] Dẫn trong *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren* của Cô-xcanh (E. Cosquin: *Contes populaires de Lorraine*, I, Vieweg, Paris; p. IX, X).
- [4] Thờ vật tổ.
- [5] Xem dị bản của các truyện số 18, số 32, tập I.
- [6] Nghĩa là cái đầm xuất hiện trong một đêm.
- [7] Theo Grốt-xanh, *Hòa bình, tỉnh của người Mường* (P. Grossin: *La province Mường de Hòa bình*, in lần thứ hai, Hà nội, 1926; p. 66).
- [8] Theo Tiên Đàm. *Sự thực về ông nghề Tân*, trong *Tri tân*, số 30 (1942).

- [9] Tức là bà Bùi Thị Xuân, nữ tướng anh dũng của Tây Sơn. Truyện này đã thất truyền, nhưng từng được Bít-xa-se (Bissachère) nhắc trong bản ký sự của ông. Xem May-bông: *Tường thuật về xứ Đường ngoài và xứ Đường trong của đức cha Bít-xa-se* (C.B. Maybon: *La relation sur le Tonkin et la Cochinchine de Mgr. de la Bissachere*, Champion, Paris, 1920; p. 100, chth.1).

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

III. TRUYỆN CỔ VIỆT NAM QUA CÁC THỜI ĐẠI

1. THẦN THOẠI, TRUYỀN THUYẾT, LOẠI TRUYỆN XƯA NHẤT CỦA NGƯỜI VIỆT

Trước khi kể truyện cổ tích Việt-nam, tưởng cũng nên giới thiệu sơ qua quá trình phát triển của nó trong lịch sử văn học truyền miệng của dân tộc.

Người Việt-nam đã có sẵn tâm hồn văn nghệ từ rất xưa. Với trí tưởng tượng chất phác ngộ nghĩnh, với trình độ kiến thức còn thô sơ họ đã biết đặt câu ca lời hát cũng như đặt truyện. Chưa có chữ, họ lưu hành các tác phẩm bằng miệng. Mãi cho đến sau này, tuy chữ viết đã xuất hiện và đã nhiều lần thay đổi, nhưng vì đại đa số quần chúng nói chung đều thất học nên những truyện cũ, truyện mới hầu như vẫn từ cửa miệng này sang cửa miệng khác mà còn lại.

Cũng như các dân tộc khác, người Việt-nam ngày xưa cũng có nghệ thuật thần thoại. Và những truyện thần thoại Việt-nam tuy đơn giản nhưng khá ý nhị, lý thú. Đây là truyền thống văn học dân tộc, là tài liệu về trạng thái sinh hoạt thời kỳ xưa nhất của người Việt. Nó là nguồn gốc của sử và truyện của chúng ta sau này. Tiếp theo thần thoại, người Việt vẫn không ngừng sáng tác. Từ những truyện hoang đường đầy màu sắc thần linh chủ nghĩa, tiến lên xây dựng những truyện anh hùng lực sĩ, những sự tích về con người nhưng đã được thần thánh hóa. Điều đặc biệt là ở Việt-nam, tín ngưỡng đa thần có từ thời cổ vẫn còn lưu tàn tích mãi cho đến sau này. Nhờ đây, chúng ta có thể dễ dàng tìm hiểu nguồn gốc một số cổ tích và truyền thuyết. Hiện nay, trong thần tích của một số làng ở Bắc-bộ có ghi sự tích

một số thần như Phù Đổng thiên vương, Sóc thiên vương, Cao Sơn đại vương, Quý Minh đại vương, ba anh em Linh, Minh và Cung, ba cha con Hầu, Đông và Vực, v.v... Đây có lẽ là những anh hùng lực sĩ thời khuyết sử có công với nhân dân, hoặc tập hợp dân chúng chống xâm lăng như Thánh Gióng (Phù Đổng thiên vương hay Sóc thiên vương), hoặc bày vẽ cho mọi người phương pháp sản xuất mới như Cao Sơn và Quý Minh, nên sau khi chết, họ được nhân dân thần thánh hóa sự tích và tôn thờ. Những huyền tích đã mang dạng truyền thuyết đó được lưu truyền bằng miệng. Cho đến lúc nhân dân địa phương ghi lại được bằng chữ viết thì câu chuyện đã trải qua không phải chỉ một lần sửa chữa; trái lại, chúng đã được đắp thêm rất nhiều lớp, rất có thể đã bị biến tướng hầu hết bởi ý thức và tâm lý xã hội đời sau. Mặt khác, vì không còn nhớ đích xác thời gian xuất hiện của từng nhân vật nên đối với nhân vật nào người ta cũng có khuynh hướng đẩy lên thời kỳ xa xăm nhất của lịch sử, cụ thể là thời Hùng Vương và Thục An Dương Vương.

Đồng thời, vô số những yêu ma quỷ quái được tôn thờ từ trước do tín ngưỡng đa thần cũng trở thành những mô hình đặc thù để nhân dân từng địa phương dựa vào mà xây dựng nên hàng loạt mẫu truyện. Thôi thì những truyện thần Rồng (Chàng Cả, Chàng Hai, Chàng Ba), thần Rắn (Hổ mang đại tướng quân), thần Lợn (ông Ý), thần Cọp (ông Ba Mười), truyện Quỷ Xương Cuồng, truyện Ma cà-rồng, v.v... không sao tính xuể. Nhiều truyện yếu tố tưởng tượng được sử dụng khá dồi dào và tinh tế. Nhân tố kỳ ảo làm cho câu chuyện có những kết cấu biến hóa thú vị. Người, vật, ma, quỷ đều được chuyển hóa thành thần.

Do vậy, cũng có thể dễ dàng phân biệt thần thoại với những truyện cổ nói về thần linh. Nếu thần trong thần thoại do tưởng tượng của con người nguyên thủy muốn cắt nghĩa bản thân và ngoại giới mà có; thì thần trong

thần tích lại do sự thờ cúng và tín ngưỡng phức tạp tạo nên. Sự phân biệt này giúp ta xác định tính loại biệt về sắc thái và tâm lý của hai loại thần. Loại thần sau hiển nhiên sẽ có hình dạng và tâm lý như người chứ không còn chất phác và vô tư như thần của thần thoại.

Cho đến suốt cả thời Bắc thuộc, trên đà tiến triển, xâm nhập lẫn nhau của các thứ tôn giáo, tín ngưỡng phức tạp khác, càng ngày càng xuất hiện nhiều những truyện thần thánh hoang đường. Các truyện *Man Nương*, *Cao Biền dậy non*, *Thần Tô-lịch*, v.v... phản ánh hiện tượng đạo Phật, đạo Lão bấy giờ đã ăn sâu vào tâm lý dân tộc và dung hòa với tín ngưỡng gốc của dân gian.

Ngoài loại truyện hoang đường nói trên, người Việt lúc ấy còn có loại truyện cổ nói về lịch sử, về sự tích những anh hùng lực sĩ như Lý Ông Trọng, Hai bà Trưng, Bà Triệu, Bối Cái đại vương, v.v... Loại truyện ấy phần lớn còn lại dưới dạng những kết cấu mộc mạc, phân đoạn, có thể liệt nhập làm một với truyền thuyết lịch sử. Như trên đã nói, truyền thuyết của ta xuất hiện nhiều nhất vào thời kỳ Bắc thuộc. Truyền thuyết *phản ánh cuộc đấu tranh tích cực của nhân dân nhằm giải phóng khỏi ách áp bức dị tộc. Nó là bài ca biểu dương sự nghiệp chống xâm lăng. Nó cũng là lời than vãn, là tiếng vọng buồn rầu, phẫn uất của cả bộ tộc Việt trong điều kiện sống cùng cực dưới nanh vuốt kẻ thù.*

Mặc dầu ngày nay, trong quần chúng nhân dân chỉ còn truyền từng mẩu chuyện rời rạc nhưng có thể ngờ rằng đây là những truyện vốn có đầu có

đuôi có hệ thống và chắc được đặt bằng văn vần như một số truyền thuyết của đồng bào thiểu số. Nếu cố gắng khôi phục cho thật đầy đủ theo đúng phương pháp văn bản học dân gian thì truyện Hai bà Trưng chắc có thể dồi dào tình tiết hơn nhiều. Đó sẽ là một truyện có đủ các nhân vật, từ hai bà cho đến một đoàn nữ tướng đông đảo và gan dạ như các bà Bát Nàn, Lê Chân, Thiều Hoa, Thánh Thiên, v.v... trong đó, diễn ra biết bao nhiêu trận ác chiến giữa các bà và tướng địch mà chỉ có thần tích là còn có ghi lại. Bà Triệu hiện lên qua một vài ghi chép như là một cô gái kỳ lạ: cưỡi đầu voi, chân đi guốc vàng (có khi vú buộc ra sau lưng), khẳng khái hiên ngang, còn tài đánh trận thì thật là vô địch đến nỗi kẻ thù không dám "đối mặt". Bối Cảnh đại vương trong truyền thuyết còn được gắn liền với hình ảnh một con voi có nghĩa mà các bộ lịch sử không hề nói đến, và cũng không nhất thiết phải nhắc đến, v.v...

Nói chung, tất cả những truyền thuyết sáng tác trong thời Bắc thuộc đều có gửi gắm một tinh thần bất khuất, một ý nghĩa thương yêu nòi giống, căm thù quân giặc xâm lăng giày xéo đất nước.

2. TRUYỆN CỔ TÍCH THỜI PHONG KIẾN TỰ CHỦ

Truyện cổ tích xuất hiện trong thời đại tự chủ có phần đột xuất hơn trước về chất cũng như về lượng. Hầu hết đều thể hiện rõ đặc điểm tính cách của người nông dân Việt-nam, nói lên quan điểm của họ về số phận và cuộc đời, về cảnh nghèo túng, nỗi đau khổ, những ước mơ và hy vọng. Bên cạnh đó là những truyện phản ánh luân lý, trí tuệ và sức mạnh của người Việt. Ngoài ra, người ta còn sáng tác những truyện cổ tích lịch sử, trong đó hoặc nói về một ông vua (Đinh Tiên Hoàng), một võ sĩ (Lê Phụng Hiếu), một tăng lữ (Tứ Đạo Hạnh), hoặc là một thổ hào địa phương (Phạm Bạch Hổ tức vua Mây), v.v... So với truyền thuyết thời Bắc thuộc thì nội dung của truyện bây giờ đã khác trước. Bóng dáng những con người phóng khoáng, hiên ngang, trung thực, vô tư của thần thoại, truyền thuyết đến đây đã quá phai nhạt. Những nhân vật giữ được tâm vóc của quá khứ như ông Khổng Lồ trong truyện *Khổng Lồ đúc chuông* hay *Sự tích trâu vàng hồ Tây*^[1] thật là hiếm hoi. Tất nhiên, đây không phải đơn thuần là một bước lùi. Lịch sử càng đi lên, càng mở rộng tầm thước, thì con người xây dựng nên lịch sử càng phải xuất hiện đúng với vóc dáng của hiện thực, mang sức mạnh của hiện thực.

Nói về nghệ thuật kể chuyện thì thời kỳ này được nâng lên tương đối cao. Ở nhiều truyện, cách miêu tả tuy còn đơn sơ nhưng bố cục đã khá chặt chẽ; có nhiều tình tiết có tính kịch, nhiều tình tiết éo lé, ly kỳ, khéo léo đan cài trong các truyện, có khả năng hấp dẫn người nghe ở mức cao. Truyện *Tứ Đạo Hạnh* hay *Sự tích Thánh Láng* là bằng chứng cho thấy tác giả truyện cổ tích lúc này không chỉ giàu tưởng tượng mà còn sành về thủ pháp biểu hiện.

Có thể khẳng định những loại truyện đó đã kế thừa tốt đẹp truyền thống của nghệ thuật thần thoại, truyền thuyết, và ngoài ra còn chịu ảnh hưởng của truyện cổ tích và Phật thoại nước ngoài bấy giờ chắc đã tràn vào đất Việt không hiếm gì. Tuy có một số truyện do những phần tử trí thức phong kiến sáng tác với dụng ý đề cao "đấng bề trên", nhưng lại cũng vì được sản sinh trong thời kỳ tự chủ, chúng vẫn là tiếng vang trung thực của tinh thần độc lập, phong cách cứng cỏi, hiên ngang của cả thời đại (Tô Hiến Thành, Nguyễn Thị Bích Châu).

Đời Trần cũng như đời Lý, đạo Phật trở thành độc tôn. Có khá nhiều truyện đề cao tăng lữ, thường thường là những nhà sư có đạo đức hay có phép thần thông biến hóa (sư Giác Hải, sư Huyền Quang, cuộc đi tu của Trần Nhân Tông, v.v...). Cũng vào thời này còn xuất hiện cả một số tiên thoại, Phật thoại, hay cổ tích như những luận đề nhằm chứng minh cho cứu cánh của tôn giáo (truyện con gái Sở Trang Vương, truyện Từ Thức, v.v...), góp thêm vào kho sự tích các bà Tiên ông Phật vốn đã có trong các bộ kinh tôn giáo từ rất lâu đời.

Trong thời kỳ chiến tranh chống ngoại xâm, dân gian còn lưu lại những truyện cổ đầy khí thế yêu nước diệt thù. Nào truyện *Yết Kiêu*, truyện *Người ả đào với giặc Minh*, truyện *Hai nàng công chúa nhà Trần*, truyện *Phạm Nhan*, v.v... Ngoài ra, lại thêm vô số những truyện về giặc Tàu Ô, Khách để

của, nói lên thói gian ác quỷ quyết của bọn cướp biển, bọn đô hộ, và bọn lái buôn, v.v...

Đời Lê tiếp theo đời Lý, Trần có thể tạm coi là thời kỳ toàn thịnh của truyện cổ tích. Hồi ấy, tuồng chèo tuy đã xuất hiện nhưng chưa phải là món giải trí phổ biến của mọi địa phương. Những tiểu thuyết dài ngắn của Trung quốc các đời Tống, Nguyên, Minh tuy đã tràn sang Việt-nam, nhưng hẳn cũng chưa gây cho văn học bác học của giai cấp phong kiến một trào lưu sáng tác và thưởng thức văn chương tiểu thuyết. Chỉ có truyện truyền miệng sáng tác theo truyền thống nghệ thuật dân tộc là được nhân dân ưa thích. Nhu cầu giải trí, nhu cầu khuyên răn, cảnh tỉnh, giáo dục của dân chúng ngày một lên mạnh, đòi hỏi phải có nhiều sáng tác về loại này. Sinh hoạt của nhân dân là nguồn đề tài rất phong phú của cổ tích. Cho nên, trong kho tàng truyện cổ tích chúng ta, ngoài loại cổ tích hoang đường còn có rất nhiều cổ tích thể sự phản ánh sâu sắc đời sống hiện thực.

Đời Lê và cả đời Nguyễn nữa, là thời kỳ Nho học gần như độc tôn. Người ta đã bớt đề cao vua chúa, tăng lữ mà quay sang đề cao nho sĩ và tầng lớp quan liêu xuất thân nho học. Nhiều truyện đề cao đạo Nho, tán dương việc thi cử đỗ đạt, ca tụng tài năng, đạo đức của cá nhân nhà nho. Một số sự tích của các nho sĩ được truyền thuyết hóa như Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Bùi Cầm Hổ, Lê Như Hổ, Giáp Hải, anh em Lê Nại, Lê Đình, Trạng Me đề trạng Ngọt, Trần Miên khố chuối, Bà Nghè sáu tiền, v.v... nhiều lắm, khó mà kể hết. Tác giả, hoặc dựa trên cá tính có sẵn của nhân vật mà phóng đại lên, như truyện Lê Như Hổ với cái tài ăn hết mười tám cỗ cơm của vua Trung-quốc. Hoặc dựa vào hoàn cảnh cụ thể của nhân vật mà ảo hóa, như truyện Giáp Hải đi du lịch xuống thủy phủ. Cổ nhiên, luân lý đạo đức của Nho giáo chính thống thường được dùng làm chuẩn mực để phân định thiện và ác. Phan Đình Tá trước làm tôi nhà Lê, sau làm tể tướng nhà Mạc được

coi là bất trung, và vì thế, đã dẫn đến một hậu kiếp bi đát là làm nghề hành khất. Những truyện đền ơn trả oán trong trường thi hay trong giới quan lại cùng kiểu như thế rất nhiều.

Đồng thời, lúc này cũng xuất hiện nhiều truyện cổ tích có tính chất phản đề bộc lộ những mặt trái của tầng lớp nho sĩ: cá tính ươn hèn, lối sống vô dụng và cái tài "mọt sách" không làm lợi bao nhiêu cho dân giàu nước mạnh. Những truyện *Chưa đỗ ông Nghè đã đe hàng tổng*, *Của Thiên trả Địa*, là những truyện châm biếm tầng lớp sĩ phu chua cay và sinh động.

3. VIỆT ĐIỆN U LINH TẬP, LĨNH-NAM CHÍCH QUÁI VÀ NHỮNG SÁCH SƯU TẦM TRUYỆN CỔ SAU ĐÓ

Vào thời Bắc thuộc đã có những viên đô hộ ghi chép một số truyện cổ của người Việt, như sách *Giao-châu ký* của Triệu Công và Tăng Cồn, sách *Lĩnh biểu lục dị* của Lưu Tuân đều ở đời Đường. Họ ghi chép một số ít truyện, do tính hiếu kỳ hơn là do ý muốn sưu tầm. Nhưng nó cũng chứng tỏ rằng truyện cổ của cha ông chúng ta xưa đã được người nước ngoài để ý trong khi tìm hiểu về đất Việt, người Việt.

Đến đời Lý, Trần, nhà văn phong kiến bắt đầu sưu tầm thần thoại, thần tích và truyện cổ tích của dân tộc. Cần để ý là tất cả những loại truyện cổ nói chung, dù truyền miệng hay đã ghi chép, của dân gian hay của thống trị, đều không được đa số tầng lớp phong kiến nho học liệt vào hàng văn chương. Tuy không coi đó là nhảm nhí, nhưng họ cũng chẳng có biểu hiện gì thật sự xem trọng. Trong giáo dục và trong khoa cử người ta chỉ nói đến thơ phú mà không thềm giảng dạy đến "truyện" dù là tiểu thuyết hay cổ tích. Nhà văn bác học sở dĩ sưu tầm truyện cổ tích, thần thoại nước nhà là vì mục đích tìm tài liệu bổ sung cho quốc sử nhiều hơn là nhằm bảo tồn văn học dân gian. Trong số những loại sách này có *Việt điện u linh tập* của Lý Tế Xuyên và *Lĩnh-nam chích quái* của Trần Thế Pháp. Quyển sách trên chuyên ghi chép những sự tích đã thần thánh hóa về vua chúa, hậu phi và các thiên thần, nhân thần có đền thờ ở khắp nơi trong nước, dựa vào các thần tích cũ. Chẳng hạn như các truyện *Bố Cái đại vương*, *Mị Ê*, *Phù Đổng thiên vương*, *Lý Thường Kiệt*, v.v... Quyển dưới cũng thế. Quyển này tuy có

một số truyện chép trùng với *Viết điện u linh tập*, nhưng - thật là may mắn cho hậu thế - nó lại sưu tầm được một số truyện cổ tích và thần thoại đích thực và có giá trị như: *Chử Đồng Tử*, *Dưa hấu*, *Sơn Tinh Thủy Tinh*, *Lạc Long Quân*, v.v... Nói chung tất cả các truyện đều được chép một cách sơ lược. Tuy nhiên, ngày nay, đó là những tài liệu văn học rất quý báu đối với chúng ta. Qua hai quyển sách đó ta có thể thấy được khái quát tình hình truyện truyền miệng trong thời kỳ này. Có mấy điểm đáng chú ý:

a) Những truyện thần thoại cổ tích chứa chất từ trước cho đến lúc bấy giờ quả là phong phú. Nếu Lý Tế Xuyên và Trần Thế Pháp sưu tầm truyện cổ tích với đầy đủ ý thức bảo tồn văn học dân gian thì chắc chắn sách không phải chỉ có bấy nhiêu trang, và chắc sẽ có rất nhiều truyện đã không lâm phải kiếp mai một.

b) Hầu hết các truyện đều được diễn đạt lại theo tinh thần tư tưởng của xã hội quân chủ thời tự chủ, pha trộn với các thứ quan niệm của phép thuật phù thủy, đồng bóng. Do đó, người sưu tầm đã làm giảm mất một phần nào tính chất sinh động của câu chuyện ban đầu. Đây là đoạn tả thần Cao Lỗ: "... thân dài chín thước, đội mũ đầu mâu sao vàng, mặc áo giáp sắt, tay cầm khai sơn đại phủ, đi giày da voi màu đen, thắt lưng đỉnh vàng, mặt mũi ngạo nghễ, khí thế hiên ngang, vạm vỡ khỏe mạnh, cưỡi con voi chín ngà, dẫn bộ chúng áo xanh theo gió mà đến..."[2]. Một đoạn khác kể về vua tôi Hùng Vương gặp Long Quân: "Vua Hùng nghe báo có giặc Ân bèn triệu quần thần để hỏi mẹo công thủ. Có một phương sĩ tâu: - "Chi bằng cầu với Long Quân để được ám trợ". Vua nghe theo. Bèn lập đàn, trai giới, đặt vàng bạc, lụa là lên đàn đốt hương cúng tế. Được ba ngày, trời nổi sấm mưa, bỗng thấy một ông lão cao sáu thước, râu màu đều bạc..."[3]. Những ví dụ như thế nhiều lắm. Đủ biết không phải là hiếm những truyện cổ tích Việt-nam một khi phô diễn trên giấy mực thì phần nào đã bị biến dạng: nhiều chi tiết trong đó dễ bị người chấp bút thay đổi vì yêu cầu chính trị của thời đại,

vì tâm lý, quan điểm và tư tưởng thẩm mỹ của người ghi đã khác xa so với thời điểm ra đời của câu chuyện.

c) Do chỗ có vài truyện trong sách chịu ảnh hưởng của truyện Trung-quốc, Ấn-độ, Cham-pa, hoặc một vài chi tiết, hoặc toàn phần như *Việt tỉnh*, *Hồ tôn tỉnh*, *Mị Ê*, *Hậu Tắc*, v.v... ta có thể đoán rằng trong những truyện của nước ngoài từ lâu du nhập vào Việt-nam, có những truyện đã dần dần nhập tịch vào đời sống của truyện cổ dân tộc, phá phách hoặc chuyển hóa toàn bộ thành truyện Việt.

Thế kỷ thứ XVI có Nguyễn Dữ viết bộ *Truyền kỳ mạn lục* gồm 20 truyện. Nên phân biệt trong đó hai loại: một loại truyện sưu tầm từ truyền thuyết và cổ tích lưu hành trong dân chúng, như truyện *Liệt nữ Nam-xương*, truyện *Từ Thức*, v.v... một loại truyện do chính Nguyễn Dữ sáng tác như truyện *Nàng Túy Tiêu*, truyện *Kỳ ngộ ở trại Tây*, v.v... Ở phần này tác giả có chịu ảnh hưởng ít hay nhiều của truyện truyền kỳ Trung-quốc, nhất là sách *Tiền đăng tân thoại* của Cồ Tông Cát. Những truyện cổ tích qua bàn tay tài hoa của Nguyễn Dữ trở nên thú vị, phảng phất như truyện ma trong *Liêu trai*, có khả năng thu hút người đọc khá mạnh.

Một bộ khác gồm hai quyển, tương truyền của Lê Thánh Tông, nhan đề là *Thánh Tông di thảo*. Đây là tác phẩm chưa mấy người biết, có thể ngờ không phải của vua Lê viết, nhưng cũng chưa hẳn như thế. Chúng tôi sẽ có dịp nói đến bộ sách này. Dầu sao thì nội dung của nó vẫn là những truyện của người Việt. Cũng như *Truyền kỳ mạn lục*, *Thánh Tông di thảo* có hai loại truyện. Trong số những truyền thuyết cổ tích dân gian có nhiều truyện

rất hấp dẫn như các truyện *Lấy chồng dê*, *Tinh con chuột*, *Hoa quốc kỳ duyên*, v.v... mà chúng tôi sẽ lựa chọn kể ở phần thứ hai.

Các nhà văn phong kiến vẫn tiếp tục sưu tầm truyền thuyết và cổ tích dân gian. Sau này, hai quyển *Lĩnh-nam chích quái* và *Việt điện u linh* còn được nhiều nhà nho đời Lê nhuận sắc, bổ sung và đính chính; lại sưu tầm những truyện khác thêm vào cuối sách. Gần 200 năm sau Nguyễn Dữ, Đoàn Thị Điểm viết *Tục truyền kỳ*[4], nghĩa là nối vào sách *Truyền kỳ mạn lục*. Tác giả nhặt nhạnh được 6 truyện, trong đó có cả truyện ngụ ngôn. Quyển này với quyển của Nguyễn Dữ và quyển *Thánh Tông di thảo* đều cho ta thấy rõ cái sức sống, cái khả năng chinh phục mọi đối tượng của văn học truyền miệng dân gian, biểu hiện ở xu hướng tìm về truyền thuyết dân tộc của khá nhiều nho sĩ, nó tạo nên sự phối hợp giữa thể truyện dân gian và văn học chữ Hán, mở đầu một loại văn tiểu thuyết mới trên văn đàn. Tuy nhiên, nó vẫn không được đẩy lên thành một tư trào sáng tác lớn mạnh.

Vào khoảng cuối Lê đầu Nguyễn có nhiều sách vở xuất hiện, trong đó có loại truyện ký bằng Hán văn. Loại sách này có ghi chép ít hay nhiều những truyền thuyết cổ tích lưu hành trong dân gian. Có thể đếm được những quyển như *Công dư tiệp ký* của Vũ Phương Đề, *Tuyền văn tân lục* của Nguyễn Diên Trai, *Lan Trì kiến văn lục* của Vũ Nguyên Hanh (tức Vũ Trinh), *Sơn cư tạp thuật* của Bùi Huy Bích (?), *Tang thương ngẫu lục* của Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án, *Tân truyền kỳ lục* của Phạm Quý Thích, *Thoái thực ký văn* của Trương Quốc Dụng, *Bản quốc dị văn lục*, *Thính văn dị lục*, *Đại Nam kỳ truyện*, *Dã sử*... đều không biết tên người làm, v.v...

Những truyện mà nhà nho sưu tầm trong các sách trên, hầu hết là những truyện thuyết hoang đường hoặc những truyện cổ lịch sử. Động cơ của người ghi chép góp nhặt thì vẫn thế, vẫn không phải với ý thức sưu tầm văn học mà chỉ là tìm tòi tài liệu cho lịch sử, hay là lưu lại một sự việc chưa rõ căn nguyên. Trong trí óc của họ trước sau vẫn cho rằng những truyện đó có thể xảy ra trên thực tế nhưng cơ hồ như không thể cắt nghĩa được. Vũ Quỳnh khi sửa lại sách *Lĩnh-nam chí* để xuất bản có viết trong bài tựa: "... Các việc ấy tuy lạ mà không đến nỗi ngoa, tuy "thần" mà không đến nỗi "yêu", tuy hoang đường mà không đến nỗi quái dị, tung tích còn có thể làm bằng cứ"[5]. Sơn Nam Thúc là tác giả những lời phê phán trong *Thánh Tông di thảo* cũng nói: "Đọc truyện *Lấy chồng dê* mới biết đầy trời đất hễ những giống vật bay, lặn, chạy, núp đều là vật mà chưa hẳn là vật. Có kẻ tiền duyên chưa trọn, có kẻ oán cũ chưa tiêu, có kẻ thác giống vật để đón nhau, có kẻ thoát hình mà ảo hóa, như chim xanh là sứ giả của Tây vương [mẫu], như lợn đen là tiền thân của Tần Cối. [Cũng một kiểu như] hạc Linh uy, cá Bạch long từ xưa đến nay khi nào cũng có. Chúng ta nên để lòng xét kỹ, đâu có phải vì chúng là vật mà coi là vật sao"[6]. Đặc biệt là trong *Lan Trì kiến văn lục* hay trong *Hát đông thư di*[7], cứ sau mỗi một truyện nào quái lạ, tác giả lại ghi rõ tên người đã mắt thấy tai nghe, làm như đó là chuyện thật.

Những sự việc trên một mặt chứng tỏ giá trị hiện thực hiển nhiên của văn học truyền miệng dân tộc; nhất là cái cốt lõi sự thực vẫn còn dấu vết rất phong phú trong khá nhiều truyện mà những tình tiết hoang đường kỳ ảo không sao có thể che mờ hết. Nhưng mặt khác, nó cũng chứng tỏ đầu óc giáo điều của nhà nho không thể quan niệm nổi rằng trong nhân dân vẫn có

một nền văn học truyền miệng không dính dáng trực tiếp với hiện thực lịch sử. Những con người uyên bác kia chỉ nghĩ rằng đây là sự thật được "truyền ngôn" lại, không tin rằng ai đó có thể dùng tưởng tượng để đặt nên chúng. Nếu có những truyện bịa đặt thì dĩ nhiên không đáng đếm xỉa. Nho sĩ chỉ biết luyện tập thi phú, ngoài ra nữa đều coi là "mánh què".

Cũng vì thế mà trong khi sưu tập và dọn thành sách, họ không khỏi lược bớt ít nhiều tình tiết ly kỳ của truyện. Mặt khác, vì không ghi bằng chữ Việt nên họ đã bỏ mất cái phần tinh túy là cách diễn đạt ngôn từ rất sinh động của cổ tích.

4. THỜI KỲ SUY TÀN CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

Trong thời kỳ cuối Lê cho đến đầu Nguyễn có bốn sự kiện lịch sử ảnh hưởng đến truyện cổ tích đương thời:

Một là, *phong trào nông dân khởi nghĩa liên tiếp xuất hiện*: cuộc này chưa dập tắt đã có cuộc khác bùng nổ và đã từng có lúc tập hợp thành cuộc khởi nghĩa rộng lớn Tây Sơn, làm nghiêng đổ chế độ ruồng nát của phong kiến thống trị. Phong trào nông dân khởi nghĩa chẳng những đã để lại những dư âm trong văn học phong kiến, trong văn học thành văn mà còn có những vang hưởng sâu sắc trong truyện truyền miệng nói chung và trong cổ tích nói riêng. Bên cạnh các loại sách *tiểu lâm*, truyện *Trạng Quỳnh*, *Trạng Lợn*, v.v... đã ra đời những truyện *Vua Heo*, truyện *Nói dối như Cuội*, v.v... đều là những mũi dùi sắc nhọn chĩa vào thành lũy phong kiến thống trị; và những truyện *Chàng Lía*, *Bà Thiếu phó*, *Nam cường*, *Cổ Bu*, *Vợ ba Cai Vàng* và nhiều nữa, đều là những bản ca hùng tráng, trong đó người anh hùng nông dân được đề cao. Nó phản ánh ước vọng của người nông dân bị áp bức muốn quật ngã kẻ thù, ít ra là quật lại một đòn trong tưởng tượng, cho hả bớt tâm lý dồn nén căng thẳng.

Hai là, *tín ngưỡng về đạo Tiên lúc này thịnh hành đến nỗi cơ hồ lấn át cả đạo Phật*. Chứng cứ là ở miền Bắc, cho đến ngày nay, bên cạnh mỗi chùa thường có dựng một phủ để thờ Thánh mẫu và các vị tiên khác. Đạo Tiên thịnh hành làm cho kho tàng truyện cổ của chúng ta lại chứa đựng thêm biết bao nhiêu là truyện quái dị như *Liễu Hạnh công chúa*, *Phạm Viên*, *Trần*

Lộc, Tú Uyên, những truyện về Cuộc giao chiến giữa Liễu Hạnh công chúa với Tam thánh tổ, Nguyễn Lộc gặp tiên, v.v... Đồng thời, những tín ngưỡng về bói toán, sấm ký, nhất là phong thủy (địa lý) cũng mặc sức tranh giành địa vị, nên trong dân gian còn đẻ ra những truyện *Trạng Trình, Tả Ao, truyện Thầy địa lý đốt sách, truyện để mồ để mả, truyện báo ân báo oán...*

Ba là, dân tộc Việt-nam lúc này có công cuộc mở rộng địa bàn mạnh mẽ về phía Nam. Trong xu thế di chuyển liên tiếp và dai dẳng này, kho tàng truyện cổ tích của chúng ta lại tiếp thu được khá nhiều những truyện của các dân tộc anh em và các dân tộc láng giềng như Cham-pa, đồng bào Tây-nghuyên, Lào, Khơ-me (Khmer), v.v... Cũng như truyện *Tấm Cám*, những truyện *Thạch Sanh*, truyện *Hai anh em và con chó đá* truyện *Thỏ và hổ*, truyện *Nàng út*, truyện *Người thợ săn và bà Chằng*, v.v... đều có nguồn gốc có thể ngờ là từ phương Nam truyền vào. Ngày nay, trong một số truyện cổ tích có những cái tên như *ông hoàng tử, măng xà vương, bà Chằng, Ác Lai*, v.v... dường như đã được nhập tịch không phải là xưa lắm.

Một hiện tượng lý thú là trong quan hệ giao lưu văn hóa tiếp liền theo cuộc "di thực" nói trên, đã có một số truyện hoặc từ Đường ngoài truyền vào Đường trong, hoặc từ Đường trong truyền ra Đường ngoài, tuy cùng là một cốt truyện, một chủ đề, nhưng mỗi miền kể khác nhau về chi tiết: những tên người, tên đất khác nhau; những sự đối mới ngay cả về bố cục. Chẳng hạn truyện *Sọ Dừa* ở trong Nam với truyện *Lấy chồng dê* ở ngoài Bắc[8]; truyện *Sự tích đình làng Đa-hòa* (Bắc) với truyện *Thầy Thím* (Nam); hay truyện *Kéo cày trả nợ* (Bắc) với truyện *Nợ không trông trả* (Nam), v.v...

Bốn là, lúc bây giờ bên cạnh những truyện cổ được ghi chép lẻ tẻ trong các sách Hán văn, còn có những truyện được tiểu thuyết hóa và diễn ra bằng văn vần. Văn vần là hình thức dễ thuộc, dễ kể và do đó rất dễ phổ biến. *Thạch Sanh, Chàng Chuối*, v.v... là những truyện nôm với nhiều tình tiết của truyền thuyết, cốt tích đã được hệ thống hóa và cải biên lại. Những truyện cổ *Quan Âm Thị Kính, Bích-câu kỳ ngộ, Tống Trân Cúc Hoa* trở nên sống khỏe hơn là khi chưa mang hình thức thành văn. Truyện cổ tích không những chuyển hóa thành tiểu thuyết mà còn chuyển hóa thành vở chèo, như *Lưu Bình - Dương Lễ, Trương Viên, Cái kiến mày kiện củ khoai*, v.v...

Từ đây, nghệ thuật tiểu thuyết bắt đầu hình thành, và cũng từ đây nghệ thuật cổ tích bắt đầu bước vào thời kỳ tàn tạ. Tiểu thuyết cũng như tuồng chèo sẽ chiếm địa vị trọng yếu trước đây của cổ tích.

Trong suốt thời kỳ cận đại, nghĩa là từ nửa cuối thế kỷ XIX đến nay, truyện cổ tích truyền miệng xuất hiện ít dần đi. Không phải vì các loại tiểu thuyết và các loại truyện ngắn, sáng tác và dịch thuật đầy dẫy trên văn đàn, đã làm ngừng đọng nguồn văn học truyền miệng. Văn học chữ viết đâu có thể khuynh loát, tiêu diệt, hoặc cản trở sự sáng tác văn học truyền miệng một cách dễ dàng như thế. Trái lại, nó có thể trở thành động cơ thúc đẩy cho các tác phẩm truyền miệng trong dân gian nảy nở là khác. Có điều, khi chữ viết không còn là vật gì bí mật đối với mọi người, khi nghề in và xuất bản thịnh đạt, khi tác phẩm văn nghệ đã trở thành hàng hóa, thì văn học truyền miệng

sớm được cố định hóa và được lưu truyền bằng giấy mực. Mà truyện cổ tích cũng như nhiều thể loại văn học dân gian khác, một khi hình thành đều đòi hỏi phải trải qua một quá trình lưu truyền, sửa chữa bằng miệng mới đi đến hoàn chỉnh. Không như vậy thì truyện sẽ không phải là cổ tích, cũng không thuộc về văn học dân gian.

Cho nên, khi nói truyện cổ tích xuất hiện ít dần đi tức là muốn nói những truyện cổ xuất hiện lúc này không mấy truyện còn mang đủ tính chất loại biệt của cổ tích nữa. Như trên kia đã phân tích, nó thiếu đi tính chất cổ là tính chất quan trọng nhất của truyện cổ tích. Nếu muốn tìm một khái niệm tương đối hợp lý để đặt tên cho loại truyện như truyện *Con ma trong nhà thương* hay *Bầu cọp làm hương cả*, v.v... thì ta có thể gọi đó là "truyện mới" hay "truyện đời nay" chứ không thể gọi là "truyện cổ tích". Mặt nữa, nó cũng thiếu hẳn những đặc trưng nghệ thuật của truyện cổ tích. Hầu hết các truyện mới tuy vẫn thiên về kể hơn là tả, nhưng thường khi là những truyện không đầu không đuôi, lại thường không kể trong một không gian và thời gian nghệ thuật của cổ tích như lệ thường, v.v... Thế tài của chúng giờ đây rất gần thế tài của những "truyện ngắn" hay "truyện vặt" mà ta thường gặp trên các báo chí sách vở.

Thời gian này các nhà trước thuật vẫn tiếp tục làm cái việc sưu tập truyện cổ nước nhà. Trương Vĩnh Ký có *Truyện đời xưa*, Jê-ni-bren (Génibrel) có *Truyện đời xưa mới in ra lần đầu hết*. Một nhà sưu tập vô danh có quyển *Sử Nam chí dị* viết bằng chữ nôm[9]. Nguyễn Thượng Hiền có *Hát-đông thư dị*, Phạm Đình Dực có *Vân nang tiểu sử*, Phan Kế Bính có *Nam hải dị nhân liệt truyện*. Rồi đến Nguyễn Văn Ngọc có hai tập *Truyện cổ nước*

Nam. Và còn nhiều nữa. Phần nhiều những sách đó góp nhặt lẫn lộn ngụ ngôn, khôi hài xen với cổ tích và truyền thuyết, kể cả một số truyện chưa hoàn chỉnh. Hơn nữa, trong việc sưu tập cũng thiếu sự tìm tòi rộng rãi, thường chỉ đóng khung trong phạm vi một số địa phương. Các nhà trước thuật lúc này sưu tầm truyện với ít nhiều ý thức bảo tồn vốn cũ của văn nghệ dân tộc, nhưng lại thiếu một phương pháp tìm tòi cũng như nhận xét khoa học. Truyện cổ Việt-nam còn được góp nhặt lẫn lộn và tản mạn trong những quyển sách hoặc tập san viết bằng chữ Pháp, và trong các báo chí cận đại. Trong số này phải kể đến một ít công trình sưu tầm tương đối trung thực và khá phong phú, như của Lãng-đờ (A. Landes) trong tập san *Du lãm và quan sát (Excursions et reconnaissances)* năm 1885-1886; của một nhà sưu tập vô danh đăng rải rác trong *Thực nghiệp dân báo* năm 1923-1924 dưới mục "Nói chuyện cũ"; và của Trương Vĩnh Tống trong *Nông công thương* năm 1938-1939 dưới các mục "Truyện lạ nước Nam" và "Mỹ Âm tùy bút", v.v... Quyển sách này đã sử dụng chọn lọc một phần số truyện trong các công trình sưu tập trên làm tài liệu[10].

Đồng thời những truyện chép trong các sách truyện ký bằng chữ Hán trước kia cũng lần lượt được dịch ra tiếng Việt như *Việt điện u linh tập*, *Lĩnh-nam chí* quái[11], *Truyền kỳ mạn lục*[12], *Lan Trì kiến văn lục*[13], *Tang thương ngẫu lục*, *Thoái thực ký văn*[14], v.v...

*

* *

Tóm lại, truyện cổ tích truyền miệng của chúng ta cũng có giai đoạn thịnh và giai đoạn suy. Rõ ràng, thời kỳ mà *chế độ quân chủ ngự trị ở Việt-nam*, thời kỳ mà *tín ngưỡng phúc tạp thịnh hành trong dân chúng*, thời kỳ mà *nghệ thuật tiểu thuyết chưa phát triển trên văn đàn*, đều là thời kỳ hoàng

kim của của truyện cổ tích. Tác dụng của truyện cổ tích đối với đời sống tinh thần dân tộc lúc đó chẳng khác gì tiểu thuyết ngày nay. Cho mãi đến thời kỳ cận đại, truyện cổ tích mới mất cơ sở để tiếp tục sinh thành, mặc dầu truyện truyền miệng thì vẫn còn được sáng tác.

Nếu vẫn còn một số truyện cổ tích nào đấy xuất hiện thì cũng không còn mang đầy đủ đặc trưng của cổ tích. Cho nên, theo ý chúng tôi đây là thời suy tàn của nó.

Ý nghĩa, giá trị và đặc điểm của truyện cổ tích Việt-nam thế nào? Phương pháp nghệ thuật và nội dung tư tưởng của nó có gì khác với cổ tích Đông Tây? Rộng hơn nữa, mối quan hệ giữa tiếp thu và thanh lọc, kế thừa và cách tân, du nhập và sáng tạo... của cổ tích Việt-nam đối với các mô hình quen thuộc của cổ tích thế giới là thế nào?

Sẽ xin nói tới ở một phần khác cuối bộ sách này. Nhưng trước hết, chúng tôi hãy dẫn các bạn vào xem kho tàng cổ tích phong phú của chúng ta.

Chú thích:

[1] Xem truyện số 67, tập II.

[2] *Tân đính hiệu bình Việt điện u linh tập*; "Truyện Lý Phục Man".

[3] *Lĩnh-nam chích quái*; "Truyện Phù Đồng thiên vương".

[4] Còn có tên là *Truyền kỳ tân phả*.

[5] Nguyễn Trọng Thuật là người ở thế kỷ XX cũng không phủ nhận quan điểm trên của Vũ Quỳnh. Ông cũng nhân đó nói thêm: "Nay đem mà đối chứng với di tích còn rõ ràng, thì những truyện ấy là sự thật cả, chứ không phải là những lời ngụ ngôn mà cũng không phải là những bài tiểu thuyết, mới biết lời ông Vũ Quỳnh đã có suy xét kỹ lưỡng rồi" (Tựa sách *Quả dưa đỏ*, in lần thứ ba, Văn hóa thư cục, Hà-nội; tr. 3).

[6] Những lời "phê điểm" này đều thấy ghi ở cuối mỗi truyện trong *Thánh Tông dị thảo*, bản chép tay của Thư viện Khoa học xã hội, ký hiệu A.202.

[7] Của Nguyễn Đình Nam (tức Nguyễn Thượng Hiền). Ký hiệu Thư viện Khoa học xã hội: VHv.2382.

[8] Truyện *Chàng Chuối* cũng thoát thai từ cổ tích này mà tiểu thuyết hóa nên.

[9] Phần nhiều những truyện trong *Truyện cổ tích Việt-nam* của Nguyễn Bính, Nhà xuất bản Nguyễn Du, Hà- nội, 1952, đều rút từ sách này ra.

[10] Ngoài ra, cũng nên nói đến những bản khai báo của chức dịch một số làng xã trả lời những câu hỏi điều tra về phong tục Việt-nam do học giả Pháp tổ chức vào những năm 1911, 1938... Những bản khai bằng chữ nôm đó cũng thu thập được một số tài liệu về truyện cổ dân gian, trong đó số lớn dưới dạng thần tích, tuy cách khai báo quá vắn tắt và đơn điệu, và cho đến nay vẫn nằm nguyên ở Thư viện Khoa học xã hội chứ chưa được khai thác.

[11] Những truyện trong hai quyển này đã được dịch và công bố trong nhiều sách báo.

[12] Từng được dịch ra chữ nôm ở thế kỷ XVIII.

[13] Tô Linh Thảo trích dịch, lấy tên là *Đại Nam kỳ nhân liệt truyện*, Nhà in Ngô Tử Hạ, Hà-nội, 1930.

[14] Nguyễn Lợi và Nguyễn Đồng Chi dịch, mới công bố được tập I, Nhà xuất bản Tân Việt, Hà-nội, 1942.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
PHẦN THỨ HAI -
KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

1. Trong phần kho tàng truyện cổ tích trình bày sau đây, chúng tôi đã gắng chọn lọc lấy những truyện tiêu biểu, sắp xếp theo một hệ thống nhất định, bỏ bớt đi một số những truyện hoặc không phải là truyện cổ tích Việt-nam, hoặc không có giá trị tiêu biểu cho truyện cổ tích Việt-nam. Nói chọn lọc không phải những truyện được đem vào đây là hoàn toàn có tư tưởng tiến bộ. Chúng tôi cũng đem vào một số truyện lạc hậu về phương diện này hay phương diện khác, để bạn đọc thấy được toàn diện truyện cổ tích nước nhà.

2. Phương pháp kể chuyện của chúng tôi là không đơn giản hóa, cũng không tiểu thuyết hóa. Chúng tôi cố gắng kể theo một hình thức riêng, để vẫn giữ được ít nhiều phong vị và không khí cổ của câu chuyện; tất nhiên sẽ vẫn dùng một số từ ngữ quen dùng trước đây. Trừ những truyện cần kể một cách vắn tắt trong mục **Khảo dị** chúng tôi sẽ chú ý không thêm hoặc bớt những tình tiết quan trọng trong khi xây dựng từng truyện một.

3. Những tài liệu mà chúng tôi sử dụng có hai phần:

- Tài liệu trong các báo chí sách vở (một số lớn là do nhớ lại hoặc do ghi được từ trước, chứ không có trong tay khi viết bộ sách này, cho nên hầu hết các đơn vị không ghi chú được đầy đủ các chi tiết, ví dụ số bài, số trang...).

Xem Thư mục tham khảo ở cuối tập V.

- Tài liệu do các người thân và quen biết kể lại (trong đó có một số do phụ thân của chúng tôi lưu lại).

Những tài liệu trên có truyện kể rất văn tắt, có truyện kể hơi khác nhau về chi tiết. Trong khi xây dựng lại từng truyện, chúng tôi sẽ căn cứ ở tài liệu nào đầy đủ hơn và được nhân dân truyền tụng nhiều hơn, nhưng vẫn không quên tóm tắt dị bản ở các **Khảo dị**.

4. Chúng tôi có ý tập hợp những truyện giống nhau về một mặt nào đấy vào từng mục riêng như: Nguồn gốc sự vật; Sự tích các câu ví; **Thông minh tài trí và sức khỏe**, v.v... để tiện cho việc sắp xếp bộ sách, chứ không phải phân loại truyện cổ tích.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
I. NGUỒN GỐC SỰ VẬT
1. SỰ TÍCH DỪA HẦU

Ngày xưa có một người trẻ tuổi tên là Mai An Tiêm. Chàng là người ở một nước đàu tận vùng biển phía Nam, bị bán làm nô. Một hôm, chàng bị bọn lái buôn chở đến bán cho Hùng Vương. Mai An Tiêm học nói tiếng Việt rất chóng. Chàng nhớ nhiều chuyện, biết nhiều điều thường thức, lại lắm tài nghề. Càng ngày vua càng yêu dấu, không lúc nào rời. Năm ba mươi lăm tuổi, chàng làm quan hầu cận, có một ngôi nhà riêng ở gần cung vua. Vợ Mai là con gái nuôi của vua đã sinh được một trai lên năm tuổi. Mai có đủ mọi người hầu hạ, trong nhà của ngon vật lạ không thiếu thứ gì. Tuy oai quyền không lớn lắm nhưng chàng được mọi người sợ phục. Nhiều kẻ vẫn thường lui tới cầu cạnh. Nhưng thấy Mai có địa vị cao, cũng không hiềm gì những kẻ sinh lòng ghen ghét.

Một hôm, trong một bữa tiệc đãi các quan khách, giữa lúc mọi người không ngớt lời xưng tụng mình, Mai An Tiêm nhún nhường bảo họ:

- Có gì đâu! Tất cả mọi thứ trong nhà này đều là vật tiền thân của tôi cả!

Mai nói rất tự nhiên. Bởi vì tôn giáo xứ sở chàng bảo rằng cái sướng cái khổ hiện tại là kết quả của sự ăn ở tốt hay xấu của tiền kiếp. Nhưng trong số người dự tiệc có mấy viên quan hầu gần vua, vốn ghét chàng từ lâu. Chụp lấy câu nói mà họ cho là ngạo mạn đó, họ bèn vội vàng về tâu cho vua biết.

Vua Hùng nghe nói vô cùng giận dữ. Vua gầm lên:

- Chà! Thằng láo! Hôm nay nó nói thế, ngày mai nó còn tuôn ra những lời bất kính đến đâu. Quân nô lệ phản trắc! Giam cổ nó lại cho ta!

Buổi chiều hôm ấy, Mai bị bắt bỏ vào ngục tối. Bấy giờ chàng mới hiểu chàng lỡ lời. Mai tự bảo: - "Nếu từ nay trở đi ta bị đày đọa là vì kiếp trước ta đã cư xử không phải".

Trong khi đó thì ở triều, các quan họp bàn để xử án Mai. Nhiều người đề nghị xử tử. Có người đề nghị cắt gót chân. Nhưng lời của một ông quan già làm cho Hùng Vương chú ý:

- Hẳn bị tội chết là đúng. Nhưng trước khi hắn chết ta nên bắt hắn phải nhận ra một cách thấm thía rằng những của cải của hắn đây là do ơn trời biển của bệ hạ chứ chả phải là vật tiền thân nào cả. Tôi nghe ngoài cửa Nga-sơn có một hòn đảo. Cho hắn ra đấy với một hai tháng lương để hắn ngồi ngẫm nghĩ về "vật tiền thân" của hắn trước khi tắt thở.

Vua Hùng gật đầu chấp thuận. Nhưng sau khi ra lệnh, vua còn dặn: - "Cho hắn lương vừa đủ dùng trong một mùa, nghe không".

*

* *

Hôm đi đày, tuy ai nấy hết lời can ngăn nhưng vợ Mai An Tiêm vẫn nhất quyết theo chồng ra hải đảo. Nàng bồng cả con trai đi theo. Tất cả mọi người đều cho là việc rồ dại. Còn nàng thì tin ở lời chồng: - "Trời sinh voi trời sinh cỏ. Lo gì!".

Nhưng khi bước chân lên bãi cát hoang vu mịt mù, người thiếu phụ đó cũng không ngăn nổi cảm giác tủi thân, nước mắt gục vào vai chồng:

- Chúng ta đành chết mất ở đây thôi.

Mai ôm con, bảo vợ:

- Trời luôn luôn có con mắt. Cứ phấn chấn lên. Đừng lo!

Hơn một tháng đầu, đời sống của vợ chồng đã tạm ổn. Nhà ở thì chui trong hốc đá đã được đan phen che sương gió. Nước uống thì đá có suối. Muối không có thì đã có nước biển. Nhưng còn việc kéo dài sự sống? Hai vợ chồng nhìn vào bồ gạo đã vơi: - "Nếu chúng ta có được một nắm hạt giống thì quyết không lo ngại gì cả".

Tự nhiên, một hôm có một đàn chim lớn bay từ phương Tây lại, đậu đen ngòm cả một bãi cát. Rồi chúng bay đến trước mặt hai vợ chồng kêu vẳng cả lên, thả xuống năm sáu hạt. Ít lâu sau từ những hạt ấy mọc ra một loại cây dây bò lan xanh um cả bãi. Dây bò đến đâu, những quả xanh non mơn mớn nhú ra đến đấy. Ít lâu sau nữa, vợ chồng ra xem thì quả nào quả ấy đã lớn lên như thối, da xanh mượt, tròn to bằng đầu người. Mai thấy một quả, bổ ra thấy ruột đỏ hồng, hạt đen nhánh. Vợ chồng con cái cùng nếm thấy vị thanh thanh dịu ngọt. Càng ăn càng mát đến ruột gan. Mai reo lên:

- Ô! đây là thứ dưa lạ, chưa từng thấy bao giờ. Hãy gọi nó là dưa Tây, vì thứ dưa này được bày chim đưa từ phương Tây lại, từ đất liền ra cho chúng ta. Trời nuôi sống chúng ta rồi!

Từ hôm đó hai vợ chồng cố trồng thêm cho thật nhiều dưa. Họ trù tính ăn dưa thay cơm để đỡ phải dùng số gạo đã gần kiệt.

Một hôm vợ chồng Mai bắt gặp một chiếc thuyền đánh cá đi lạc ra đảo. Sau khi giúp họ sửa buồm lái để trở về đất liền, Mai còn đưa biếu một số dưa để họ đưa về cho mọi người nếm thử. Mai bảo họ chở gạo ra đổi lấy dưa. Chỉ cách mấy ngày, con thuyền thứ nhất đã đến cắm neo ở bến, chở ra cho hai vợ chồng khá nhiều gạo. Hai bên y ước: một bên nhận lấy số gạo còn một bên xếp dưa xuống thuyền.

Từ đó trở đi, bữa ăn của họ đã khác trước. Ngồi bên nồi cơm trắng hơi lên nghi ngút, vợ Mai ôm lấy con, lẩm bẩm: - "Trời nuôi sống chúng ta thực!" Cũng từ hôm đó, vợ chồng trồng thêm nhiều dưa nữa. Kết quả là thuyền buôn có, thuyền chài có, lũ lượt ra đở ở hải đảo dưa gạo, áo quần, gà lợn, dao búa, lại có cả các thứ hạt giống khác, để đổi lấy dưa.

Những người trong thuyền nói với Mai:

- Thật quả từ xưa chưa hề có loại dưa nào quý đến thế. Ở vùng chúng tôi ai cũng ao ước được nếm một miếng thứ "dưa hấu" này dù phải đổi bao nhiêu gạo cũng không tiếc.

Ngày ấy người ta tranh nhau mua dưa lấy giống cho nên chỉ trong vài ba năm giống dưa lan tràn khắp nơi. Tên tuổi vợ chồng Mai An Tiêm được truyền đi xa rộng. Dân gọi tên là "Bố cái dưa Tây".

*

* *

Lại nói chuyện vua Hùng một hôm la rầy viên quan hầu đã vì dốt nát để thợ dựng hỏng một ngôi nhà. Vua buột miệng than thở - "Phải chi có Mai An Tiêm thì đâu đến nỗi". Ngày hôm đó vua nhắc mãi đến chàng. Đã hai lần vua cho hỏi Lạc hầu xem hiện giờ Mai đang làm gì ở đâu. Lạc hầu đáp liêu: - "Chắc hẳn không còn nữa!".

Nhưng vua không tin. Vua sai ngay một tên nô khác cấp cho lương ăn và thuyền để hắt vào châu Ái tìm Mai An Tiêm. Một tháng sau, hắt ta mang về cho vua một thuyền đầy dừa Tây và nói:

- Đây là lễ vật của ông bà Mai dâng bệ hạ.

Hắt kể cho vua biết rõ những ngày tân khổ và tình trạng hiện nay của hai vợ chồng Mai. Rồi hắt tâu tiếp:

- Bây giờ ông bà Mai đã có nhà cửa ở ngoài ấy khá đẹp, có đến hơn mười người hầu hạ, có bãi dừa, có ruộng lúa và rất nhiều lợn gà...

Vua Hùng càng nghe càng sửng sốt. Vua chặt lưỡi bảo mấy viên quan hầu cận ngày nọ đã tố cáo Mai:

- Hắt bảo là vật tiên thân của hắt, thật đúng chứ không sai!

Vua bèn sai một đoàn lính hầu đi đón hai vợ chồng về, cho Mai trở lại chức cũ. Vua lại ban cho hai người con gái hầu để an ủi chàng.

Bây giờ chỗ hải đảo, người ta còn gọi là bãi An Tiêm. Những người kế tiếp công việc của hai vợ chồng Mai trên đảo vẫn còn dòng dõi đông đúc. Họ lập thành làng gọi là làng Mai-an. ở ngôi nhà cũ của Mai thì họ lập đền thờ hai vợ chồng chàng. Nhân dân gọi là "ông bà tổ dừa Tây (hay dừa hắt)"[1].

Chú thích:

[1] Theo *Lĩnh-nam chíh quái* và *Đại-nam nhất thống chí*, "Tĩnh Thanh-hóa".

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
2. SỰ TÍCH TRẦU, CAU VÀ VÔI

Ngày xưa một nhà nọ có Tân và Lang là hai anh em ruột, đặc biệt đáng người và mặt mày giống nhau như đúc, đến nỗi chính người nhà cũng nhiều phen nhầm lẫn. Cha họ là một người cao to nhất trong vùng đã từng được vua Hùng triệu về Phong-châu ban thưởng và đặt tên là Cao. Từ đó gia đình lấy tiếng "Cao" làm tên họ.

Hai anh em lớn lên thì cha mẹ nối nhau qua đời. Cả anh lẫn em quyến luyến nhau không chịu rời nửa bước. Người cha trước khi mất có gửi gắm Tân cho một đạo sĩ họ Lưu. Nhưng khi Tân đến theo học thì Lang không chịu ở nhà một mình, chàng cũng cố xin cùng được học với anh một thể. Nhà họ Lưu có một cô con gái cũng cùng lứa tuổi với họ.

Để tìm hiểu người nào là anh người nào là em, một hôm cô gái họ Lưu bày ra một mọn nhỏ. Giữa lúc họ đang đói, nàng chỉ dọn cho họ một bát cháo với một đôi đũa. Đứng sau khe vách, nàng thấy người này nhường cháo cho người kia ăn.

Nàng lẩm bẩm: - À, ra anh chàng vui tính kia là anh!".

Từ đó giữa Tân và cô gái có nhiều cuộc gặp gỡ. Tình yêu giữa hai người mỗi ngày một khăng khít. Thấy thế, đạo sĩ họ Lưu vui lòng gả con cho Tân. Sau khi cưới, hai vợ chồng đến ở một ngôi nhà mới, có Lang ở chung.

Từ ngày lấy vợ, Tân tuy vẫn chiều chuộng em nhưng không âu yếm em như trước nữa. Trước kia Lang thường được anh chăm sóc nhưng bây giờ thì chàng có nhiều ngày cô đơn. Lang nhận thấy nhiều khi Tân muốn lánh mình. - Phải rồi, anh ấy mê vợ quên ta". Trong lòng Lang đầy chán nản buồn bực.

Một hôm Lang và Tân cùng lên nương đến tối mịt mới về. Lang về trước. Chàng vừa bỏ chân lên ngưỡng cửa thì vợ Tân từ trong buồng chạy ra ôm chầm lấy mình. Lang kêu lên. Cái nhăm của chị dâu làm cho cả hai người cùng ngượng ngịu xấu hổ. Giữa lúc đó thì Tân bước vào nhà.

Từ đây Lang lại biết thêm một tính tình mới của anh. Tân ghen em. Cái ghen làm tăng thêm sự hững hờ của Tân đối với chàng[1]. Lang vừa giận vừa thẹn. Chàng muốn bỏ nhà ra đi cho bỏ ghét. Một hôm trời mới mờ sáng, Lang quyết định khởi hành. Chàng cứ theo con đường mòn đi mãi, trong lòng đầy bực bội oán trách. Đi luôn mấy ngày đường, Lang tới bờ một con sông lớn. Thấy nước chảy xiết, chàng lấy làm ngại ngùng. Xung quanh không nghe qua một tiếng gà gáy chó sủa. Nhưng Lang quyết không chịu trở lại. Lang ngồi cúi gục trên bờ, ôm mặt khóc. Chàng khóc mãi, khóc mãi, đến nỗi những con chim đi kiếm ăn khuya vẫn còn nghe tiếng nước nức. Sáng hôm sau, Lang chỉ còn là một cái xác không hồn. Chàng đã hóa đá.

Tân thấy mất hút em thoát đầu không để ý. Mãi sau vẫn không thấy em về,

Tân bố đi tìm các nhà quen nhưng cũng không thấy tăm dạng. Biết là em bỏ đi vì giận mình, chàng lấy làm hối hận. Hôm sau nữa, cũng không thấy về, Tân hoảng hốt để vợ lại nhà, cất bước đi tìm. Sau mấy ngày, chàng đã đến bờ một con sông rộng. Không có cách gì qua được Tân đi men dọc sông, cuối cùng thấy em đã hóa thành đá. Tân đứng bên cạnh hòn đá khóc mãi cho đến lúc chỉ còn có tiếng nước cuồn cuộn chảy dưới bờ mà thôi. Tân chết và hóa thành một cây thân mọc thẳng lên trời, bên cạnh hòn đá.

Vợ Tân chờ mãi không thấy chồng về, cũng bỏ nhà đi tìm. Nhưng cuối cùng con sông nọ cũng ngăn cản bước chân của nàng. Người đàn bà ấy ngồi lại bên cạnh cây, khóc cạn cả nước mắt. Và sau đó nàng chết hóa thành một cây dây quấn quanh lấy cây kia.

Đời mãi không thấy ba người về, vợ chồng đạo sĩ nhờ mọi người chia nhau tìm kiếm. Trước hòn đá và hai cây lạ, họ chỉ còn biết dựng miếu thờ cả ba người trẻ tuổi ở ven sông. Nhân dân quanh vùng gọi là miếu "anh em hòa thuận, vợ chồng tiết nghĩa"[2].

Về sau, một năm nọ trời làm hạn hán rất dữ. Mọi cây cỏ đều khô héo cả. Duy hai cây mọc bên cạnh hòn đá trước miếu là vẫn xanh mướt. Mọi người cho là linh dị. Vua Hùng một hôm ngự giá qua xứ đó. Khi đi qua trước miếu, vua hơi ngạc nhiên vì cảnh lạ cây lạ: -"Miếu này thờ vị thần nào? Máy loại cây này ta chưa từng thấy bao giờ?". Để trả lời câu hỏi của vua, Lạc tướng cho gọi mấy cụ già ở quanh vùng đến hỏi.

Hùng Vương càng nghe, không ngăn được sự cảm động. Vua vạch lá trèo lên nhìn khắp mọi chỗ. Đoạn, vua sai một người trèo cây hái quả xuống nếm thử. Vị chất không có gì lạ. Nhưng khi nhai với lá cây dâu thì một vị là lạ đến ở đầu lưỡi: nó vừa ngon ngọt, vừa thơm cay.

Tự nhiên có một viên quan hầu kêu lên: - "Trời ơi! Máu!" Mọi người giãn ra kinh ngạc. Thì ra những bãi nhai quả và lá của hai thứ cây đó một khi nhổ xuống đá bỗng đỏ ối ra như máu. Vua sai lấy cả ba thứ nhai lẫn với nhau thì bỗng người thấy nóng bừng như có hơi men, môi đỏ tươi sắc mặt hồng hào tươi đẹp. Vua bảo:

- Thật là linh dị! Đúng là họ rồi! Tình yêu thương của họ thật là nồng nàn thắm đỏ.

Từ đó vua Hùng ra lệnh cho mọi nơi phải gây giống cho nhiều hai loại cây ấy. Điều đáng chú ý là luật của nhà vua bắt buộc trai gái khi kết hôn thế nào cũng phải tìm cho được ba món: trầu, cau và vôi cho mọi người nhai nhai nhổ nhổ một tý để ghi nhớ tình yêu không bao giờ phai nhạt. Vì thế từ đó dân Việt mới có tục ăn trầu[3].

KHẢO DỊ

1. Trong *Lĩnh-nam chích quái* cũng như trong một số sách chép truyện cổ khác không thấy nói đến kết quả của tình tiết "hai anh em giống nhau như đúc". Chúng tôi thấy đó có lẽ là một thiếu sót của người chép truyện, nên ở đây dựa vào quyển *Tình sử Việt-nam*. Cái ghen của Tân là nguyên nhân của việc Lang bỏ nhà ra đi và cũng là hậu quả của việc hai anh em giống nhau đến nỗi làm cho nhiều người nhầm lẫn.

2. Cũng theo *Lĩnh-nam chích quái* thì Lang chết hóa làm cây cau, Tân hóa làm hòn đá còn vợ Tân hóa làm cây trầu. Ở đây chúng tôi theo sách *Sử Nam chí dị* chép Lang hóa làm hòn đá. Tân hóa làm cây cau là những hình tượng có mối quan hệ hợp lý hơn (về điểm này chúng tôi đồng ý với ý kiến Trần Thanh Mại trong *Tìm hiểu và phân tích truyện cổ tích Việt-nam*).

Riêng sách *Mỹ Âm tùy bút* tuy cũng kể như *Sử Nam chí dị*, nhưng lại cho rằng phải đợi sau khi chôn cả ba rồi mới được trời cho hóa. Cũng sách này có kể một số tình tiết hơi khác, nhất là ở đoạn kết:

Hai anh em Tân và Lang giống nhau như tạc, càng lớn càng giống và yêu mến nhau, đi đâu không rời nửa bước; việc đó làm cho người vợ của Tân - Lưu thị - mấy lần nhầm lẫn, rất xấu hổ. Lang sợ có điều không hay bèn xin anh ra ở riêng, nhưng anh không cho. Một hôm Lang bỏ nhà ra đi lên vùng núi, định sống lẫn lút ở đây, nhưng dầm phải sương gió nên chết ở cạnh rừng, được dân địa phương chôn cất thành mộ. Không thấy em về, Tân bỏ nhà đi tìm. Khi Tân đến đây, dân làng ban đầu sợ hãi tưởng người chết hiện ra, vì thấy giống người chết như tạc. Khi nghe nói người em đã chết Tân ngất đi và chết theo. Dân địa phương bèn chôn bên cạnh mộ người em. Lưu

thị cũng bỏ nhà đi tìm, đến đây nghe nói chồng và em chồng đều chết, liền ôm lấy mồ khóc mãi, rồi cũng chết và cũng được chôn bên cạnh.

Hành động của họ cảm động đến Trời. Trời cho em hóa đá (biểu thị sự trong trắng), anh hóa thành cây cau (ngay thẳng độc lập, mở dạ cho ai nấy thấy), Lưu thị hóa thành cây trầu (tiết hạnh thơm cay). Đoạn sau nói về vua Hùng cũng như trên đã kể[4].

3. Cũng theo Trúc Khê, sách đã dẫn, thì ngôi đền thờ ba người hiện nay là đền Tam-khương ở làng Nam-hoa, huyện Nam-đàn (Nghệ-an) mà các triều đại phong kiến vẫn có sắc phong tặng.

Đồng bào thiểu số ở Nghệ-an cũng có *Sự tích trầu, cau và vôi* nội dung khác với các truyện trên:

Một người có chín con gái cùng đi cuộc cỏ dâu. Trưa lại mệt, chị em nói đùa với nhau: "Giá có ai cuộc hộ thì sẽ lấy làm chồng". Nghe thấy vậy một con quỷ hiện ra nói: - "Phải thế thì hãy nhắm mắt lại, tôi cuộc cho". Quả nhiên khi mở mắt, mấy chị em đều thấy nương dâu đã cuộc sạch lầu. Quỷ đưa chín cô về lần lượt ăn thịt đến cô thứ tám. Cô út là nàng Khăm Xuân sợ quá, bỏ trốn. Một đàn gà rừng bảo: - "Muốn sống thì chui xuống lỗ khoai mài". Cô xuống, gà bẻ lá phủ cho nên quỷ không tìm ra. Khi quỷ đi khỏi, gà bảo nàng trèo lên tiếp tục đi nữa, hễ gặp người nào thì hỏi đường, người ta sẽ chỉ cho.

Một bà tiên hiện ra bảo cô cứ đi theo sợi dây song cho đến ngọn. Đến nơi, hóa ra đó là cõi âm; ở đây cũng có nhà của ruộng vườn. Một người đàn ông là Chàng Ngược lấy cô làm vợ. Hắn chuyên làm mưa ở trần gian, nhưng vì có vợ hắn quên cả chức trách, ba tháng không ra khỏi nhà, nên trần gian

ruộng nương khô cạn, người kêu van khắp nơi. Sau đó, hăn phải từ biệt vợ ra đi làm mưa, dặn vợ cứ luôn luôn ở nhà, ai rủ đi đâu cũng đừng nghe.

Ở nhà, hai người vợ cũ của chàng Ngược đến rủ: - "Có muốn coi voi đánh nhau không?" - "Không" - "Có muốn coi gươm lược đánh nhau không?" - "Không" - "Có muốn coi ông bà gia không?" - "Kể từ khi về nhà chồng đến nay tôi chưa biết mặt mũi ông bà gia, cho đi với". Đến nơi, Khăm Xuân chỉ thấy hai con rồng to lớn, sợ quá, chạy về, mắt luôn luôn nhắm lại. Khi chồng về biết chuyện, đành phải trả Khăm Xuân lên trần. Lên đến nơi vẫn thấy vợ nhắm hai mắt, chồng bảo: - "Thôi đến nơi rồi. Chúng ta chia tay ở đây. Lúc nào gặp hoạn nạn gọi tôi, tôi sẽ đến". Khăm Xuân đang đi dọc bờ sông thì gặp chàng Nước. Chàng Nước lại dỗ dành lấy nàng làm vợ. Cuộc tình duyên êm đẹp, chỉ có điều bố chồng không ưa nàng dâu. Một hôm bố chồng bảo con dâu đi bắt cá sông. Khăm Xuân không bắt được. Nàng đến bờ sông gọi tên chồng cũ. Chàng Ngược lên bảo: - "Muốn bắt cá sông thì sáng dậy ra mà bắt, nhưng phải dặn mọi người rằng nếu ai có thấy cây gỗ lạ thì cũng đừng đụng đến". Sáng ra, thấy có một cây gỗ lớn nằm ngang sông mà vực sông ở chỗ đó cạn, cá rất nhiều, Khăm Xuân và mọi người đua nhau đi bắt. Người bố chồng thấy sự lạ cũng ra xem, thấy cây gỗ lạ bèn lấy gậy sắt đâm vào. Không ngờ đó là Chàng Ngược. Bị thương, Chàng Ngược, tức cây gỗ, nổi lên, nước chảy ào ào vào vực, phần lớn người đi bắt cá đều bị chết đuối. Bố chồng đổ tội cho nàng dâu giết dân, Khăm Xuân ra bên ngoài khóc rồi lấy lửa đốt cây gỗ để sưởi. Đốt một lúc bỗng thấy trong đống lửa không phải gỗ mà là Chàng Ngược đã chết cháy. Khăm Xuân thương quá, nhảy vào lửa cháy luôn. Chàng Nước về thấy thế cũng nhảy vào lửa cháy nốt (tình tiết này giống với kết thúc truyện *Sự tích ông Đậu rau*. số 21). Bố chồng chôn cất mỗi người một mộ. Về sau cây gỗ hóa thành cây cau. Khăm Xuân hóa thành cây trầu leo lên cây cau.

Chàng Nước hóa thành đá vôi. Bố chồng lấy cau ăn với trầu, nhổ nước vào đá thấy nước đỏ đẹp, bèn hái về ăn để giải phiền. Từ đấy có tục ăn trầu[5].

4. Đồng bào Ca-tu (ở phía Tây tỉnh Quảng-nam và Thừa-thiên) có một truyện nói về sự tích trầu, cau và vôi tuy khác truyện của ta nhưng hình ảnh đoạn kết lại có phần tương tự:

Một bà già gả một trong mười cô con gái cho chàng Rắn để trả ơn. Ở với Rắn, cô gái đẻ được một đứa con. Một hôm vì các chị xúi bẩy, cô bị răng rắn cắn vào người, chết ngay. Áo quan trôi theo dòng nước, lọt vào cái dó của ông Na, được ông này cứu cho sống lại. Ông Na lấy cô làm vợ, đẻ được một con nhưng vẫn chưa làm lễ cưới. Ngày cưới, chàng Rắn đến dự. Một cuộc chiến tranh dữ dội diễn ra giữa Rắn và ông Na. Cô gái lấy gói thuốc trong rừng gói thành từng gói chuẩn bị ném cho cả hai bên để bôi cho lành vết thương. Ném cho Rắn, không ngờ Rắn hóa thành cây cau. Ném trúng ông Na, ông Na hóa thành hòn đá. Cô thương quá đứng trên hòn đá ôm lấy cây cau, thì lại hóa thành cây trầu, gốc mọc ở đá, ngọn leo lên cây cau. Truyện còn kể thêm hai đứa con của Rắn và ông Na đến nhặt gói thuốc thứ ba thì hóa thành cội chày già trầu. Dân làng chạy đến xem cũng hóa thành những cây chày.

Có một mục cơ-rúa (đàn bà ngồi lê) đi xúc tép qua đó, thấy cây hay hay, bèn hái lá trầu ăn với quả cau rồi nhổ nước vào đá, đá đang trắng hóa đỏ. Mục lấy trầu cau, vôi và chày ăn chung với nhau, tự nhiên thấy môi đỏ, người hóa đẹp ra. Nhà vua nghe tin, đòi mục về triều, thấy mục đẹp bèn phong làm hoàng hậu. Nghe lời mục, vua sai lính đến đào các cây cau trầu đem về, nhưng đào đi bao nhiêu cau trầu vẫn mọc nhiều thêm, không bao giờ hết giống[6].

Người Thái cũng có truyện *Tình nhân biến thành trầu cau* nói đến ba người bạn học, trong đó có một cô gái giả trai cuối cùng hóa ra trầu cau và vôi. Truyện này có mô-típ hoàn toàn khác các truyện trên.

-
- [1] Theo Trúc Khê. *Tình sử Việt-nam*.
 - [2] Theo *Sử Nam chí dị*.
 - [3] Theo *Lĩnh-nam chích quái*.
 - [4] Trong *Nông công thương* (1939).
 - [5] Theo *Bản khai của tổng Thanh- xuyên*.
 - [6] Theo *Truyện cổ Ca-tu*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
3. SỰ TÍCH TRÁI SẦU RIÊNG

Ngày ấy, vào thời Tây Sơn, có một chàng trẻ tuổi người vùng Đồng-nai. Chàng là người tài kiêm văn võ, đã từng vung gươm hưởng ứng cái bất bình của mọi người. Chàng từng cầm quân mấy lần làm cho tớ thầy chúa Nguyễn chạy dài.

Nhà Tây Sơn mất, chàng lui về quê nhà mượn nghề dạy trẻ để nấu hình ẩn tích. Đột nhiên có tin dữ truyền đến làm cho mọi người xao xuyến. Gia Long vừa thắng thế trên đất nước Việt thì cũng bắt đầu giết hại những người đã từng làm quan cho nhà Tây Sơn. Nhà vua cứ dựa vào chức tước lớn hay nhỏ của họ mà gia hình: tư mã, quận công thì lăng trì, tòng xẻo; vệ úy, phân suất thì đánh gậy, phạt roi, v.v...

Dân trong xóm sẵn lòng quý mến, khuyên chàng trốn đi thật xa. Họ giúp tiền gạo và mọi thứ cần dùng, trong đó có cả một chiếc thuyền nhỏ mũi lõng để tiện đi lại.

Vì không muốn để rơi vào tay quân địch, chàng ra đi. Ngược dòng sông Cửu-long, chàng tiến sâu vào nước Chân-lạp.

Một hôm chàng cầm sào lên bộ mua thức ăn. Chàng bước vào một cái quán bên đường. Trong quán có một bà mẹ ngồi ủ rũ bên cạnh một cô gái nằm mê man bất tỉnh. Đó là hai mẹ con đi dâng hương trên núi, về đến đây thì con bị ốm nặng. Vốn có biệt tài về nghề thuốc, chàng hết sức chạy chữa, cuối cùng cũng giúp cô gái lấy lại sức khỏe. Và sẵn có thuyền riêng, chàng chở họ về tận nhà.

Nàng là con gái chưa chồng, đã đến tuổi quay xa đạp cửi. Nàng có vẻ đẹp thùy mị. Tự nhiên có anh chàng trai người Việt ở đâu tận xa xôi đến trú ngụ tại nhà làm cho nàng quyến luyến.

Sau một tuần chay tạ ơn Trời Phật, mẹ nàng cho biết là Phật đã báo mộng cho hai người lấy nhau. Chàng vui vẻ nhận lấy cuộc sống mới cho qua ngày. Từ đây chàng có chỗ ở nhất định. Nhà nàng là nhà làm ruộng nuôi tằm. Những việc đó chàng đều làm được cả.

*

* *

Mười năm thoáng qua như một giấc mộng. Hai vợ chồng quấn quýt với nhau như đôi chim câu. Trong vườn nhà vợ có một cây ăn quả gọi là cây "tu rên" mà ở xứ sở chồng không có. Lần ấy gặp kỳ quả chín đầu mùa, vợ trèo lên cây trầy xuống một quả, xẻ đưa cho chồng ăn. Quả "tu rên" vốn có một mùi hôi đặc biệt. Thấy chồng nhăn mặt vợ bảo:

- Anh cứ ăn sẽ biết nó đậm đà như lòng em đây.

Không ngờ một năm kia, vợ đi dâng hương về thì ngộ cảm. Chồng cố công chạy chữa nhưng không sao cứu kịp. Cái chết chia rẽ cặp vợ chồng một cách đột ngột. Không thể nói hết cảnh tượng đau khổ của người chồng. Nhưng hai người vẫn gặp nhau trong mộng. Chồng hứa trọn đời sẽ không lấy một ai nữa. Còn hồn vợ thì hứa không lúc nào xa chồng.

Nghe tin Gia Long đã thôi truy nã những người thù cũ, bà con chàng ở quê hương nhả tin lên báo về. Những người trong xóm cũng khuyên chàng nên đi đâu cho khuây khỏa. Chàng đành từ giã quê hương thứ hai của mình. Trước ngày lên đường, vợ báo mộng cho chồng biết là mình sẽ theo chàng cho đến sơn cùng thủy tận. Năm ấy cây "tu rên" tự nhiên chỉ hiện ra có mỗi một quả. Và quả "tu rên" đó tự nhiên rơi vào vạt áo giữa lúc chàng ra thăm cây kỷ niệm của vợ. Chàng mừng rỡ quyết đưa nó cùng mình về xứ sở.

Chàng lại trở về nghề cũ. Nhưng nổi riêng canh cánh không bao giờ nguôi. Chàng đã ương hạt "tu rên" thành cây đem trồng trong vườn ngoài ngõ. Từ đây, ngoài công việc dạy học còn có công việc chăm nom cây quý.

Những cây "tu rên" của chàng ngày một lớn khỏe. Lại mười năm nữa sắp trôi qua. Chàng trai ngày xưa bây giờ tóc đã đốm bạc. Nhưng ông già ấy lòng bỗng trẻ lại khi thấy những hàng cây mà mình bấy lâu chăm chút nay đã bắt đầu khai hoa kết quả. Ông sung sướng mời họ hàng làng xóm tới dự đám giỗ của vợ và nhân thể thưởng thức một thứ quả lạ đầu tiên có ở trong vùng.

Khi những quả "tu rên" bưng ra đặt lên bàn, mọi người thoáng ngửi thấy một mùi khó chịu. Nhưng chủ nhân biết ý đã nói đón: - "... Nó xấu xí nó hôi, nhưng múi của nó ở trong lại đẹp dễ thơm tho như mối tình đậm đà của đôi vợ chồng son trẻ...". Ông vừa nói vừa xẻ những quả "tu rên" chia từng múi cho mọi người cùng nếm. Múi "tu rên" nuốt vào đến cổ quả có một vị ngon ngọt lạ thường. Đoạn, ông kể hết đoạn tình duyên xưa mà từ lúc về đến nay ông đã cố ý giấu kín trong lòng. Ông kể mãi, kể mãi. Và khi kể xong, ở khóe mắt con người chung tình ấy long lanh hai giọt lệ nhỏ đúng vào múi "tu rên" đang cầm ở tay. Tự nhiên hai giọt nước mắt ấy sôi lên sùng sục trên múi "tu rên" như vôi gặp nước và cuối cùng thấm vào múi như giọt nước thấm vào lòng gạch.

Sau đám giỗ ba ngày, người đàn ông ấy bỗng không bệnh mà chết. Từ đấy dân làng mỗi lần ăn thứ quả đó đều nhớ đến người gây giống, nhớ đến chuyện người đàn ông chung tình. Họ gọi "tu rên" bằng hai tiếng "sầu riêng" để nhớ mối tình chung thủy của chàng và nàng. Người ta còn nói những cây sầu riêng nào thuộc dòng dõi loại hạt có hai giọt nước mắt của anh chàng nhỏ vào thì mới là giống sầu riêng ngon[1].

[1] Theo Phạm Tường Hạng trong *Xuân 1957*. Một truyện khác cũng do một vài người Nam-bộ kể, bảo quả sầu riêng có từ đời Cao Biền. Nội dung của truyện đại khái đề cao Cao Biền mà hạ thấp giá trị của người Việt, nên ở đây chúng tôi không thuật.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
4. SỰ TÍCH CÂY HUYẾT DỰ

Ngày xưa có một bác đồ tể chuyên mua lợn về giết thịt để mang bán ở chợ. Nhà bác ta ở bên cạnh một ngôi chùa làng. Hàng ngày, vào lúc mờ sáng là lúc sư cụ bên chùa theo lệ thường thức dậy tụng kinh. Và cũng theo lệ thường, sư cụ thức chú tiểu dậy gõ một hồi chuông mai. Bấy giờ cũng là lúc bác đồ tể sửa soạn giết lợn, cho nên bác ta quen lấy tiếng chuông làm chững thức dậy làm việc hàng ngày. Cứ như thế, ngày nào cũng như ngày ấy không bao giờ sai lạc.

Một đêm nọ, sư cụ nằm mộng thấy một người đàn bà dắt năm đứa con nhỏ đến trước mặt mình rồi vái lấy vái để, miệng nói: - "Xin cứu mạng! Xin cứu mạng!". Sư hỏi người đàn bà: - "A-di-đà Phật! Cứu mạng là cứu thế nào? Bần tăng phải làm gì đây?". Người mẹ có bộ điệu hãi hùng ấy trả lời: - "Ngày mai xin hòa thượng hãy đánh chuông chậm lại. Như vậy mẹ con chúng thiếp rất đội ơn". Nhà sư tỉnh dậy không hiểu thế nào cả. Nhưng tờ mờ sáng hôm đó, vâng theo lời báo mộng, sư cụ chỉ lâm râm đọc kinh cầu nguyện mà không thức chú tiểu dậy thỉnh chuông.

Lại nói chuyện hôm ấy bác đồ tể ngủ một giấc li bì. Mãi đến lúc mặt trời lên chừng một cây sào, tiếng chuông chùa mới bắt đầu vang rền làm cho bác giật mình choàng dậy. Thấy trời đã quá trưa, bác không dám giết lợn như thường lệ, vì nếu làm thịt thì khi đưa ra đến chợ, chợ đã vắng người rồi. Tức mình vì lỡ mất một buổi chợ, bác ta lật đật sang chùa trách sư cụ. Sư

cụ bèn đem câu chuyện nằm mộng đêm qua để phân trần với ông hàng xóm không phải lỗi tại mình.

Nhưng lúc bước chân về chuồng lợn của nhà thì bác đồ tể ngạc nhiên thấy con lợn cái mua ngày hôm qua toan giết thịt sáng đó, đã đẻ được năm con lợn con. Vừa mừng vừa sợ, bác ta kể cho mọi người biết sự lạ lùng: - "Đúng là linh hồn người đàn bà ẩn trong con lợn cái đã tìm cách cứu bầy con của mình khỏi chết".

Tự nhiên bác đồ tể đâm ra suy nghĩ. Bác thấy bàn tay của mình đã từng vấy máu biết bao nhiêu là sinh mạng. Trong một lúc hồi hận đến cực điểm, bác ta cầm cả con dao bầu chạy sang chùa bộc bạch nỗi lòng với sư cụ. Bác ta quả quyết cầm con dao của mình trước sân chùa, thề trước Phật đài từ nay xin giải nghệ.

Không rõ bác đồ tể rồi sau đó thế nào, nhưng con dao của bác tự nhiên hóa thành một loại cây có lá đỏ như máu và nhọn như lưỡi dao bầu, người ta vẫn gọi là cây huyết dụ[1].

KHẢO DỊ

Truyện trên chắc chịu ảnh hưởng của phật thoại, nó được nhân dân lưu truyền khá rộng. Có thể so sánh với truyện *Rắn báo oán* (số **158**, tập **IV**).

Trong *Bản quốc dị văn lục* có kể truyện trên và cho rằng sư cụ chính là bố của Nguyễn Xí người làng Lê-xá huyện Chân-phúc (tức Nghi-lộc) Nghệ-an, tên là Trị. Cuối đời Trần thi không đỗ, ông bỏ đi tu, trụ trì ở chùa làng, lấy tên là Hòa Nam thiền sư. Sau khi nghỉ đánh chuông để cứu mẹ con người đàn bà trong mộng, sư bèn bỏ tiền mua lấy đàn lợn ấy của bác đồ tể rồi đem thả chúng vào rừng. Về sau, sư bị hổ giết, mổ bụng thành mộ. Nhưng con cháu của sư thì từ đó có địa vị rất cao ở triều đình nhà Lê. Người chép truyện có ý nói đó là nhờ mẹ con con lợn báo ơn một cách huyền bí mới được như thế.

Một truyền thuyết về Nguyễn Nghiễm cũng có nội dung tương tự:

Nguyễn Nghiễm - cha của thi hào Nguyễn Du - một lần về chơi quê nhà, một đêm mộng thấy một người đàn bà đến cầu cứu mình: - "Xin cụ làm ơn cứu mạng. Con đang có thai, được mẹ tròn con vuông là nhờ ơn cụ". Tỉnh dậy, ông không hiểu thế nào cả. Nhưng sau đó bỗng thấy có người đến biếu một con cá chép rất to vừa đánh lưới được. Trông thấy con cá có chữa, ông nhớ đến giấc mộng hôm qua, liền sai người nhà thả xuống sông. Đêm hôm ấy, lại mộng thấy người đàn bà nọ đến cảm ơn mình[2]. Từ đấy họ Tiên-diên có tục kiêng ăn cá chép.

-
- [1] Theo lời kể của người miền Bắc.
- [2] Theo Gia phả Trung Cấn công ở Tiên-diền (Hà-tĩnh).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
5. SỰ TÍCH CHIM HÍT CÔ

Ngày xưa, có hai cô cháu ở chung với nhau một nhà. Người cô già, chồng chết từ lâu. Đứa cháu còn bé chừng mười hai tuổi mồ côi cha mẹ. Nhà họ nghèo, chỉ có vài sào ruộng, không đủ sống. Cho nên cô cháu ngày ngày phải đi mò cua bắt ốc hoặc mót hái kiếm ăn. Mấy năm trời được mùa, hai cô cháu tuy không lấy gì làm đầy đủ nhưng cũng sống vui. Ngày ngày cháu theo cô xách giỏ ra đồng, miệng hát có vẻ thích chí.

Nhưng không may vụ hạ năm ấy mất mùa. Rồi tiếp đến vụ mùa nắng hạn nên cũng chẳng ăn thua gì. Trời không nắng lắm nhưng nhất định không mưa làm cho các ao hồ đều khô rông rốc. Ruộng nứt nẻ hết. Hai cô cháu cũng như những người nghèo khác đi mò cua bắt ốc ở các vùng cận nước. Nhưng cua ốc bắt mãi cũng phải hết. Mà trong nhà thì gạo đã kiệt từ lâu. Biết tìm cái gì mà nuôi nhau đây. Người ta có sức khỏe lên rừng chặt củi về đổi lấy những cái ăn được mà sống qua ngày. Riêng hai cô cháu sức yếu đành chịu nằm nhà nhịn đói. Cái chết đang dọa nạt họ.

May sao, buổi sáng hôm ấy có người hàng xóm sang báo tin cho cô cháu biết là có mấy đám lúa ở làng bên cạnh đã bắt đầu gặt. Bà cô thấy mình yếu lắm rồi, đứng lên không vững nữa. Chỉ có cháu là hơi tỉnh. Anh chàng gắng ngồi lên. Một người láng giềng đem cho một bát canh rau. Cháu húp vào thấy khỏe cả người, vội đứng lên đi theo họ.

Họ đến vừa kịp buổi gặt. Nhưng người gặt thì ít mà người mót thì đông vô kể. Tất cả đều đói nhưng mót rất khỏe. Họ đánh liều sấn vào bứt lúa mặc kệ chủ ruộng cầm roi đánh không tiếc tay.

Mãi đến chiều, người cháu mới đem lúa về. Lèo tèo chỉ có một nắm bằng cái chổi xể. Nhưng anh chàng không ngại. Hắn đập, sấy, rang rồi bỏ vào cối giã. Chỉ một lúc sau hắn đã đổ vào nồi bắc lên bếp.

Khi nồi cháo bắt đầu sôi thì người cô bỗng trở mình và rên khừ khừ. Cháu lật đật vào lật chiếu thăm cô. Cô rên rĩ kêu đau bụng, bảo cháu đi xin cho mình một tí gừng. Cháu ngần ngại không muốn đi nhưng thấy cô có vẻ nguy kịch, vội đánh đường vào xóm. Sau khi cháu đi, người cô gắng dậy ngồi vào bếp đun lửa cho nồi cháo. Lúc cháo chín, cô bỏ muối vào nếm thử một hớp. Chắt ngũ cốc vào bụng trôi đến đâu, thịt da như sống lại đến đấy. Thấy cháu vẫn chưa về, cô múc ra một bát để dành phần cho cháu rồi lại ngồi ăn. Loáng một cái, cô đã ăn hết phần củamình. Cô lại chõng nằm nhưng trong bụng vẫn thấy thèm. Thấy cháu vẫn chưa về, cô nghĩ: - "Thằng bé có lẽ được người ta cho ăn rồi nên mới lâu thế. Nếu hắn đói thì dù gừng được hay không cũng phải về sớm". Nghĩ vậy, người cô lại lồm cồm dậy ăn xén vào cháo của cháu một tý. Cô đi ra ngoài cửa nhìn. Vẫn không thấy tăm dạng của cháu. - "Chắc nó được ăn rồi còn ngồi lại sưởi. Ta có thể ăn nốt đi cho nó". Nghĩ thế, cô yên tâm lại húp thêm một hớp nữa vào phần của cháu.

Cho đến khi người cháu mang gừng về thì bát cháo chỉ còn một tý nước ở dưới đáy. Cháu hỏi cô. Cô không trả lời. Nhưng cháu cũng đoán được hết. Cháu ôm mặt khóc nức nở. Cháu giận cô, oán cô rồi rửa cô. Được một chốc, cháu bưng bát cháo lại chõng cô nằm, dí sát vào miệng và nói bằng một giọng cay chua:

- Đó còn ít nữa, hít nốt đi! Hít đi cô, hít cô...

Sáng hôm sau, mãi đến trưa vẫn chưa thấy cháu dậy, cô lại gần đưa tay sờ vào người cháu, thì ôi thôi người cháu đã lạnh toát từ bao giờ.

Từ đó trở đi vào khoảng trời khuya, người ta nghe có tiếng chim kêu náo nùng trong không gian: "Hít cô! Hít cô!". Tiếng chim kêu một điệu đều đều như nhắc nhở những ngày sống gian khổ của hai cô cháu^[1].

KHẢO DỊ

Truyện này theo người Hà-tĩnh, Quảng-bình kể cũng tương tự, nhưng có một tình tiết hơi khác:

Ngày xưa có hai cô cháu nhà nghèo, sống chung với nhau. Một năm nọ đói kém lớn, người chết như rạ. Hai cô cháu hết gạo, sức yếu, đành ngồi nhà đợi chết. Giữa khi đó người cháu bỗng trông thấy một con chuột nhắt. Hẳn bảo chuột: - "Thôi từ giã chuột nhé! Chúng tao chết đói đây!". Chuột bảo: - "Gạo đang còn trong bồ sao đã chết vội thế!". Người cháu chạy vào buồng vét mãi trong bồ gạo chỉ thấy còn có mỗi một hạt cuối cùng. Thấy hẳn ném xuống đất, chuột bảo: - "Ngọc của trời đấy. Cứ giữ lấy rồi mỗi ngày đưa ra hít ba lần là đủ sống rồi!".

Cháu bèn nhặt lấy, trân trọng đưa cho cô, kể chuyện vừa rồi và nói: - "May quá chúng ta sẽ sống, o^[2] ạ". Người cô cho là cháu mê hoảng nói càn không để ý đến. Nhưng mấy ngày sau, trong khi cô cất bước không nổi thì

cháu vẫn vui vẻ ca hát. Cô ngạc nhiên về sự màu nhiệm của "hạt ngọc". Từ đó hai cô cháu cứ đến bữa ăn là đem "hạt ngọc" mỗi người hít một tý, nhờ vậy họ kéo dài sự sống được vài mươi ngày.

Nhưng sau đó một hôm, trong khi hít, người cô buột tay để cho "hạt ngọc" chui tuột vào cổ họng của mình. Cô khạc mãi nhưng "hạt ngọc" vẫn không ra.

Cháu giục cô ho, giục cô nôn ọe rồi rít. Nhưng tuy cô đã làm đủ mọi cách mà "hạt ngọc" vẫn không chịu vọt ra.

Và sau đó cháu chết hóa thành chim hít cô, luôn mồm nhắc mãi sự bất cần của người cô vô ý. Có người lại bảo cháu chết hóa thành chim o ho. Ngày nay con chim đó vẫn còn kêu những tiếng "O ho! O ho!" là tiếng cháu giục cô ho khạc cho ra hạt gạo.

Người Nghệ-an cũng có một truyện kể như trên nhưng thay cho hạt gạo là hạt đỗ. Và ở đây đáng lý người cô hít "hạt ngọc" tuột vào cổ họng, thì lại là cháu. Dĩ nhiên cháu sống mà cô thì chết. Sau đó, cháu thương cô, hễ đến mùa đậu có quả thì van lên rằng: "Cô hời, cô hời, về ăn cơm với đậu ương" [3].

Có người kể: cháu sau đó cũng chết hóa làm chim tu hú. Cho nên về sau đến mùa đỗ, loài chim tu hú có cái ăn thì nhớ đến cô, kêu lên:

Cô hỡi cô hỡi.

Lúa đã trổ,

Đỗ đã chín,

Bay về mà ăn![\[4\]](#)

Có lẽ đây cũng là một dị bản, nhưng người kể đã nhớ lẫn lộn và không được trọn vẹn.

Người Nùng cũng có một truyện ít nhiều giống với truyện của ta:

Có hai cô cháu ở với nhau. Cháu tên là Pít-tu. Gặp nạn đói, trong nhà hết gạo, cô và cháu theo người ta vào rừng đào củ mài. Mãi đến gần trưa mới tìm được một dây. Cô bảo cháu ngồi chờ cho mình đào. Cô đào mãi vẫn chưa thấy củ mà bụng thì đã mấy ngày chưa có miếng gì. Khi đào gần đến củ, cô cúi người xuống móc lên, không ngờ tuột tay đâm đầu xuống hố. Cháu chạy đến kéo cô lên, nhưng vì người bé, sức yếu, lại đói, kéo mãi không lên. Cô chết, Pít-tu sau đó được tiên làm cho hóa thành chim tu hú, luôn mồm kêu "a ơ!" (a: tiếng Nùng nghĩa là cô).

Truyện còn thêm tình tiết: chim tu hú bay vào tận cung điện, mổ vào mắt nhà vua là kẻ đã gây ra nạn đói[\[5\]](#). Có lẽ tình tiết này là do các nhà sưu tập gần đây mới thêm vào.

[1] Theo báo *Tràng-an*.

[2] O: cô (tiếng Nghệ - Tĩnh).

[3] Theo *Bản khai của thôn Hương-dương*.

[4] Theo Nguyễn Văn Ngọc. *Truyện cổ nước Nam* (B. Muông chim), quyển I.

[5] Theo *Truyện cổ Việt-bắc*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
6. SỰ TÍCH CHIM TU HÚ

Ngày xưa có hai nhà sư Năng Nhẫn và Bất Nhẫn. Hai người cùng cạo đầu xuất gia từ ngày còn trẻ và cùng tu ở một ngôi chùa hẻo lánh.

Sau một thời gian dài tu luyện thì bỗng một hôm, Năng Nhẫn được đức Phật độ cho thành chính quả.

Bất Nhẫn thấy mình tu hành không kém gì bạn mà không được hưởng may mắn như bạn thì rất buồn bực. Chàng đến trước tòa sen hết sức kêu nài với đức Phật bày tỏ lòng chân thành tu đạo cùng mọi sự khổ hạnh đã trải qua của mình. Đức Phật bảo chàng: - "Nhà người chuyên tâm cầu đạo, lại là người trong sạch, thật đáng khen ngợi. Nhưng tính tình nhà người vẫn như con trâu chưa thuần, chưa thể đắc đạo được. Vậy hãy cố gắng tỏ rõ tấm lòng nhẫn nhục trong một cuộc khổ hạnh trường kỳ rồi sẽ theo bạn cũng chưa muộn".

Bất Nhẫn nghe lời bèn lên núi chọn một gốc cây bắt chước người xưa ngồi xếp bằng tu theo lối trường định. Chàng cương quyết ngồi im lặng như thế mãi trong ba năm, dù có phải thế nào cũng không chịu dậy.

Và từ hôm đó, Bất Nhẫn như một vật vô tri vô giác. Những con sâu con kiến bò khắp mình chàng. Những con thú cào vào thân chàng. Những con chim ỉa phẹt lên đầu chàng. Chàng đều không hề bận tâm. Chàng chỉ một mực tâm niệm niệm nghĩa lý cao thâm của đạo Phật.

Cứ như thế, trải qua hai mùa hè và sắp sửa qua một mùa hè thứ ba là kết liễu cuộc tu luyện. Một hôm tự dưng có hai vợ chồng con chim chích ở đâu

đến làm tổ ngay trong vành tai của Bất Nhẫn. Chàng cứ để yên, mặc chúng muốn làm gì thì làm. Chúng đi về tha rác lên đầu, lên mặt. Rồi chim mái đẻ trứng. Rồi cả một thời kỳ hai vợ chồng thay phiên nhau ấp. Cho đến lúc trứng nở, những con chim non kêu léo nhéo suốt ngày. Nhưng Bất Nhẫn không lấy thế làm khó chịu.

Một hôm, lúc ấy chỉ còn mười ngày nữa thì Bất Nhẫn hết hạn ngồi dưới gốc cây. Hôm đó, đến lượt con chim vợ đi tìm thức ăn cho con.

Suốt một buổi chiều nó vẫn không kiếm được một chút gì. Mãi đến gần tối lúc lượn qua một cái hồ, chim vợ mới thấy một con nhện đang giăng tơ trong một đóa hoa sen. Nhện nhác thấy chim liền ẩn mình vào giữa những cánh hoa làm cho chim mất công tìm mãi. Không ngờ hoa sen vừa tắt ánh mặt trời đã cúp ngay cánh lại, nhốt chim vào trong. Chim cố công tìm lối chui ra nhưng những cánh hoa vây bọc dày quá đành chịu nằm lại đó.

Ở nhà, chim chồng hết bay đi kiếm vợ lại trở về. Đàn con đói mồi nháo nhác suốt đêm. Mãi đến sáng mai, chờ lúc hoa nở, chim vợ mới thoát được bay về tổ. Một cuộc cãi lộn nổ ra bên tai Bất Nhẫn. Ghen vợ, chim chồng mắng nhiếc vợ hết lời. Nhưng chim vợ vẫn hết sức bày tỏ nỗi lòng trình bạch của mình. Cuộc đấu khẩu kéo dài suốt cả buổi sáng và có cơ chưa chấm dứt. Bất Nhẫn rất khó chịu. Thêm vào đó, đàn con khóc đói chiu chít điếc cả tai. Nhè lúc vợ chồng chim cãi vã đến chỗ căng nhất, Bất Nhẫn bỏ

tay lên tai giật cái tổ chim vút mạnh xuống đất và nói: - "Đồ khốn! Chỉ có mỗi một chuyện đó mà chúng mày làm điếc tai ông từ sáng đến giờ".

Thế là công sức tu luyện của Bất Nhẫn sắp hoàn thành thốt nhiên vút bỏ trong chốc lát.

Nhưng Bất Nhẫn vẫn không nản chí. Trước tòa sen, chàng hứa sẽ kiếm cách tỏ rõ sự hối lỗi của mình. Chàng tìm đến một khúc sông nước chảy xiết, tình nguyện làm người chèo đò đưa khách bộ hành quá giang mà không lấy tiền. Chàng quyết chờ cho đến người thứ một trăm mới chịu nghỉ tay.

Lần này Bất Nhẫn tỏ ra một người rất nhẫn nại. Tuy bến sông thường vắng khách, chàng vẫn không chịu bỏ dở công việc. Luôn trong hai năm chàng chờ được chín mươi tám người mà không xảy ra việc gì.

Một hôm vào khoảng giữa thu, nước sông tự nhiên tràn về chảy xiết hơn mọi ngày. Trời bỗng đổ một trận mưa lớn. Giữa lúc đó có một người đàn bà dắt một em bé đòi qua sông. Hắn có vẻ là vợ một viên quan sở tại; chưa bước xuống thuyền đã dọa Bất Nhẫn:

- Chú nhớ chèo cho vững nghe không. Che mũi cho kín. Nếu để chúng ta mà ướt thì liệu chừng kéo roi quần đất đó.

Nghe nói thế Bất Nhẫn đã hơi bực, nhưng chàng nín được và vẫn giữ vẻ mặt tươi cười đáp:

- Bà và cậu đừng sợ gì cả. Tôi xin cố sức.

Rồi chàng vận dụng hết tài nghệ để đưa hai mẹ con nhà nọ qua bên kia sông được vô sự. Lúc sắp lên bờ, người đàn bà bỗng kêu lên:

- Ta quên khuấy đi mất. Có một gói hành lý bỏ quên ở quán bên kia. Vậy nhà người chịu khó chèo sang lấy hộ.

Bất Nhẫn nín lặng cầm cổ chèo qua sông giữa sóng gió. Mãi đến gần tối chập vạt lằm chàng mới đưa được gói hành lý sang cho người đàn bà. Nhưng khi soát lại gói, người đàn bà nọ lại kêu lên:

- Thôi rồi! Còn một đôi giày của thằng bé bỏ ở gậm giường. Thế nào nhà người cũng phải gặng sang lấy cho ta một lần nữa.

Người đàn bà nói chưa dứt lời thì Bất Nhẫn đã chỉ tay vào mặt:

- Cút đi đồ chó ghê! Tao có phải sinh ra để hầu hạ mẹ con nhà mày mãi đâu.

Nhưng người đàn bà ấy vốn là đức Phật Quan âm hiện hình xuống thử lòng người đệ tử khổ tu đó; bấy giờ lại hiện nguyên hình và cất tiếng bảo chàng:

- Nhà người vẫn chưa thực tâm nhẫn nhục, như thế thì tu gì mà tu. Có tu hứ!

Bất Nhẫn then quá đành cúi đầu nhận lỗi.

Phật bà Quan âm sau đó bắt Bất Nhẫn hóa thành một giống chim mà người đời sau quen gọi là chim tu hú. Họ bảo thứ chim đó vào khoảng cuối hè sang thu hay xuất hiện, đúng vào lúc xảy ra câu chuyện giữa Bất Nhẫn với Phật bà[1].

KHẢO DỊ

Truyện này có thể bắt nguồn từ một Phật thoại hay ngụ ngôn nhà chùa.

Nhưng nó đã được nhân dân thêm thắt và truyền tụng khá phổ biến. Thi sĩ Trần Kế Xương đã diễn tả đoạn đầu theo điệu lục bát thành truyện thơ nhan đề là *Năng Nhẫn Bất Năng Nhẫn hành*[2]. Trong ca dao Việt-nam có một bài kể nỗi oan của con chim chích mái, cũng rút từ truyện cổ tích trên:

Ông Tô Tử lên chơi trên đỉnh núi,

Thấy hai vợ chồng con chim chích,

Chín tháng mười ngày đũa cánh mọc lông,

Vợ để con cho chồng, bay đi kiếm chác;

Lạ thung thỏ, mỗi thời không được,

Bước chân ra về thấy nhện chăng tơ.

Mảng vui chơi bắt nhện nào ngờ,

Khi âm tối, hoa sen cụp lại.

Chồng thì mong, con thì bỏ đói,

Hết dõ đứng dõ ngồi, ra ngõ liền trông.

- Kìa kìa gái năm con chứa hết lòng chồng,

Còn say đắm về bên hoa nguyệt.

- Tôi thề có trời xanh nước biếc,

Núi non thề với nước non,

Nào ai phụ rẫy chồng con, đã trời?^[3]

Xem thêm các truyện *Sự tích con nhái* (số **10**), *Sự tích cá he* (số **13**) và *Sự*

tích ông bình vôi (số 22) đều ít nhiều có tính chất phật thoại và tương tự phần nào với truyện này về mặt chủ đề.

[1] Theo lời kể của người Hà-tĩnh và theo *Pháp-Á tạp chí*.

[2] Xem sách *Vị thành giai cú tập*.

[3] Nguyễn Văn Ngọc. *Tục ngữ phong dao*, tập II.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
7. SỰ TÍCH CHIM QUỐC

Ngày ấy có đôi bạn chí thân là Quắc và Nhân. Họ đều là con nhà học trò nghèo, lại đều mồ côi cha mẹ, Quắc được học nhiều hơn bạn: anh chàng làm thầy đồ dạy trẻ. Tuy bống lộc chẳng có là bao nhưng Quắc vẫn thường giúp đỡ Nhân. Đối lại, có lần Quắc bị ốm nặng, giá không có bạn thuốc thang ngày đêm thì anh khó lòng sống nổi. Sau đó cũng vì sinh kế, đôi bạn phải chia tay mỗi người mỗi ngả.

Trong khi Quắc sống cuộc đời dạy trẻ thì Nhân cũng đi lang thang đến các vùng xa lạ làm thuê làm mướn. Trải qua một thời kỳ lang bạt, cuối cùng anh chàng vào làm công cho một phú thương. Thấy chàng thật thà chăm chỉ, phú thương rất tin cậy. Chẳng bao lâu Nhân được phú thương gả con gái cho.

Vợ Nhân có nhiều của riêng. Vì thế Nhân nghiêm nhiên trở nên một phú ông có cơ nghiệp kha khá ở trong vùng.

Nhân giàu nhưng không quên tình bầu bạn. Nhân vẫn nhớ tới lời thề "sống chết sướng khổ có nhau" với Quắc. Nhân cất công đi tìm và sung sướng thấy Quắc vẫn còn sống. Tuy Quắc đang dở năm dạy, nhưng Nhân cũng thương lượng được với cha mẹ học trò cho con em chuyển sang một cụ đồ

khác rồi đưa Quắc về nhà mình. Nhân dặn người nhà phải coi Quắc không khác gì mình, cơm nước hầu hạ không được bê trễ.

Nhưng tính vợ Nhân không được như chồng. Xưa nay đối với những kẻ rách rưới, chị ta thường tỏ vẻ coi thường. Và, chị ta không cùng sống những ngày hàn vi với Nhân nên có thấy đâu tình nghĩa giữa Nhân và Quắc như thế nào. Nhưng thấy chồng trọng đãi khách nên lúc đầu chị không dám nói gì. Nhân luôn luôn bảo vợ: - "Đây là người thân nhất trong đời tôi. Nếu không có bạn thì tôi chưa chắc đã sống để gặp nàng". Vợ Nhân chỉ lẩm bẩm: - "Khéo! Bạn với bè! Chỉ có ngồi ăn hại".

Dần dần vợ Nhân bức mình ra mặt. Chị ta khó chịu vì cái ông khách lạ tự đứng ở đâu đến chả giúp ích gì cho nhà mình, chỉ chễm chệ trên giường cao, cơm rượu mỗi ngày hai bữa. Vợ Nhân trước còn nói mát sau thì ngoa ngoắt ra mặt. Có hôm người đàn bà ấy day nghiêng cả chồng lẫn khách:

- Chẳng phải bố già, không phải khách nợ, ở đâu lại rước về thờ phụng: ăn no lại nằm. Thôi liệu mà tổng quái đi!

Thấy thái độ vợ ngày càng quá quắt, chồng chỉ sợ mất lòng bạn. Một mặt Nhân thân hành chăm chút bạn chu đáo hơn cả lúc trước, mặt khác Nhân tỵ tê khuyên dỗ vợ. Nhưng vợ Nhân chứng nào vẫn giữ tật ấy. Về phần Quắc thì chàng hiểu tất cả. Đã hai lần Quắc cáo bạn xin về nhưng Nhân cố giữ lại. Thấy bạn chí tình, Quắc lại nấn ná ít lâu.

Nhưng hôm đó Quắc quả quyết ra đi vì chàng vừa nghe được những câu nói xúc phạm nặng nề. Quắc nghĩ, nếu mình không đi sớm thì có ngày bị nhục với người đàn bà này. Mà nếu ra đi như mấy lần trước thì sẽ bị bạn chèo kéo lôi thôi.

Một hôm, trời còn mờ sương, Quắc cất lên ra khỏi nhà. Để cho bạn khỏi mất công tìm kiếm, khi đi qua một khu rừng, chàng cởi khăn áo treo lên một cành cây bên đường. Đoạn Quắc lần mò đến xứ khác trở lại cuộc đời dạy trẻ.

Thấy mất hút bạn, Nhân bố đi tìm. Khi nghe tin có người bắt được khăn áo ở mé rừng phía Nam, chàng lật đật đến xem. Nhận rõ ấy là khăn áo của bạn, Nhân rất thương cảm: - "Ta nuôi bạn thành ra hại bạn! Chắc bạn ra bị cướp giết chết". Nhưng sau đó Nhân lại nghĩ khác: - "Bạn ta ra đi trong túi không có một đồng một chữ thì đâu có gặp cướp cũng không việc gì. Đây một là hùm beo ăn thịt, hai là bị lạc trong rừng sâu".

Nhân bắt đầu vào rừng tìm Quắc. Không thấy có vết máu, chàng lại càng hy vọng. Bẻ hết chông gai, chui hết bụi rậm, Nhân luôn luôn cất tiếng gọi: "Anh Quắc ơi! Quắc! Quắc!". Nhân đi mãi, gọi mãi, quanh quẩn trong khu rừng mênh mông. Cho đến hơi thở cuối cùng con người chí tình ấy vẫn không quên gọi: - "Quắc!Quắc!". Rồi đó Nhân chết hóa thành chim quốc, cũng gọi là đỗ quên.

Vợ Nhân đợi mãi không thấy chồng về, lấy làm hối hận. Một hôm chị ta bỏ nhà bỏ cửa đi tìm chồng. Cuối cùng cũng đến khu rừng phía Nam. Nghe tiếng "Quắc! Quắc!", chị ta mừng quá kêu to: - "Có phải anh đấy không anh Nhân!". Không có tiếng trả lời ngoài những tiếng "Quắc! Quắc!". Vợ Nhân cứ thế theo tiếng gọi tiến dần vào rừng sâu. Sau cùng không tìm được lối ra, chết bên cạnh một gốc cây[1].

KHẢO DỊ

Truyện *Sự tích chim quốc* của Trung-quốc khác hẳn truyện của ta. Theo sách *Hoàn vũ ký* thì ngày xưa có Thục vương tên là Đỗ Vũ làm vua mang hiệu là Vọng Đế. Vọng Đế lập Miết Linh làm tướng. Về sau Vọng Đế nhường ngôi cho Miết Linh rồi bỏ đi mất, hóa làm chim tử quy, cũng gọi là chim đỗ vũ hay đỗ quyên[2].

Còn theo *Cầm kinh* thì Miết Linh là bề tôi được Đỗ Vũ (tức Vọng Đế) tin dùng cất làm tướng; về sau bị Miết Linh cướp ngôi, Đỗ Vũ tức và tiếc quá, ngày đêm kêu "Quốc! Quốc![3]" ra rả. Sau có một ông tiên hiện ra trách: - "Quá tin người để mất nước, kêu mà làm gì?". Đỗ Vũ then quá chui lủi trong bụi cây. Sau hóa thành chim, hễ thấy người là chạy, thỉnh thoảng vẫn kêu "Quốc! Quốc!". Đồng bào Mường ở Hòa-bình cũng có truyện *Sự tích chim quốc* tương tự với truyện của Trung-quốc. Dòng dõi họ Bạch ở Kim-

bồi thuộc châu Lương-sơn (Hòa-bình) kiêng ăn thịt chim quốc vì họ cho chim quốc là dòng dõi của Thục đế. Mà Thục đế ở đây lại là Thục An Dương Vương, mất nước, chết hóa thành chim, luôn miệng kêu "Quốc! Quốc!".

Ở Nghệ-an có người kể *Sự tích chim quốc* như sau:

Có đôi vợ chồng hiếm hoi, chỉ được một con trai, hỏi vợ cho đám nào anh cũng chê cả. Sau anh đi buôn nước ngoài, sang đất Thục, các cô gái thấy anh thì phải lòng, trong đó có một cô gái nhà quan. Cô gái về thưa với cha. Quan cho đòi anh ta đến gả cho làm vợ. Hai người yêu nhau rất mực.

Lấy nhau được một năm thì có thư nhà sang báo anh về. Về đến nhà, anh bị bố mẹ giữ lại không cho đi buôn xa nữa. Anh ta nhớ vợ ngày một héo mòn. Sau hóa ra chim quốc, miệng lúc nào cũng kêu: "Thục quốc! Thục quốc!" [4].

Đồng bào Nam-bộ lại kể truyện này với chủ đề tình bạn, nhưng hình tượng trong truyện khác với truyện của người Bắc-bộ ở trên:

Ngày xưa có một ông vua Chăm tên là La Hoa. La Hoa chuẩn bị đem quân ra đánh nước Việt. Một người tên là Quốc vừa là bạn vừa là cố vấn, hết sức can ngăn, nhưng không được. Tuy biết chắc thất bại nhưng Quốc cũng xin đi theo để chịu chung số phận. Cuộc chiến đấu diễn ra kịch liệt ở Đèo Ngang. La Hoa bị trúng một mũi tên chết. Quốc thúc quân báo thù, cuối cùng cũng chết.

Hồn của Quốc đi tìm La Hoa nhưng không biết rằng xác La Hoa đã bị kẻ địch đưa đi mất tích. Tìm không được, hóa làm chim, luôn mồm kêu "Quốc Quốc, La Hoa" (ý nói đây là Quốc, La Hoa ở đâu?)[5].

Đồng bào miền Bắc còn một truyện khác nữa với chủ đề mẹ ghẻ con chồng:

Có hai anh em: anh là con vợ cả đã chết, em là con vợ kế. Mẹ ghẻ ghét con chồng tìm cách làm cho chết. Một hôm bảo cả hai: "Mỗi đứa cầm một túi vừng lên Nam-sơn mà vãi, hạt của đứa nào nảy mầm mới được về ăn cơm, nếu không thì đừng về". Dọc đường nghỉ ở gốc cây, em thử nhấc túi vừng của anh thấy nhẹ (kỳ thực là do mẹ ghẻ đã đồ chín nên mới nhẹ như thế) bèn đề nghị đổi. Khi vãi xong thì vừng của anh mọc trước rất đẹp. Em bảo anh về trước nhưng anh cứ ngồi chờ em. Em không thấy vừng của mình mọc cũng không chịu về. Cuối cùng cả hai đều chết. Mẹ ghẻ lên núi thấy thế hối hận. Một hôm nghe có tiếng chim kêu: "Khổ quá! Khổ quá! Mẹ đồ chín vừng làm hại con!". Đó là con đẻ của mình đã hóa làm chim đồ quyen[6].

[1] . Theo *Trung Bắc chủ nhật* (1943).

[2] . Theo *Bội văn vận phủ*.

[3] . “Quốc” là nước.

[4]. *Bản khai những truyện dân gian: cây cỏ, chim muông, yêu ma*.

[5] . Theo Lê Văn Phát. *Cổ tích và truyền thuyết ở xứ An-nam*.

[6] . Theo *Trung Bắc chủ nhật* (1943).

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

8. SỰ TÍCH CHIM NĂM-TRÂU-SÁU-CỘT VÀ CHIM BẮT-CÔ-TRÓI-CỘT

Ngày xưa, có một bác lực điền tên là Ba ở trong một xóm dưới chân núi. Bác không có ruộng phải làm rẽ năm sào của một phú ông ở làng bên cạnh. Phú ông là tay giàu có nhất tổng: ruộng đất trâu bò ở rải rác các thôn xóm nhiều không đếm xiết. Thấy bác là tá điền cũ, tính nết thật thà chăm chỉ, lúc nào cũng nộp thóc sòng phẳng, phú ông có lòng tin giao cho bác nuôi trâu. Từ đấy công việc của bác Ba thêm bận rộn. Ngày ngày bác phải chăn một bầy trâu của phú ông từ độ ấy sinh nở tổng cộng đã được năm con.

Tự nhiên một ngày nọ, phú ông lăn ra chết. Hẳn chết giữa lúc tuổi còn khá trẻ. Phú ông chưa có con trai, chỉ có mỗi một cô gái nên bao nhiêu ruộng đất trâu bò đều về tay cô. Mà ruộng đất trâu bò của phú ông giao cho các tá điền nhiều thứ linh tinh phức tạp, có thứ đã làm giấy tờ phân minh nhưng cũng có thứ vì cái chết đột ngột xảy đến nên chưa có giấy tờ gì cả.

Cô con gái phú ông rất giống tính cha, lại là một người có mảnh khỏe vật. Không bao giờ chịu để mất không cái gì cho người ngoài dù là những vật nhỏ mọn, Sau khi làm ma bố xong, cô gái mới bắt đầu đi kiểm soát một lượt gia sản của bố để lại.

Cô đến nhà bác Ba vào một buổi chiều. Lúc đó bác ta còn đi chăn trâu chưa về. Nhà này có nuôi trâu, cô biết, nhưng tất cả số trâu nuôi trâu đẻ được mấy con và lớn bé như thế nào thì hãy còn mập mờ. Trừ phú ông ra chả ai biết rõ. Mấy người đầy tớ chỉ nhớ mang máng cả mẹ đẻ con đẻ đâu năm sáu con.

Tục ở đây nuôi trâu không có chuồng. Người ta đóng ở góc sân những cái cột, tối về buộc mỗi con vào một cột. Thoạt vừa đến cô gái đếm ngay số cột được sáu cái: - "Sáu cột vị chi là sáu trâu" cô tự bảo thế. Cô không biết rằng trước đây một hôm vì có một cột gần gãy nên bác Ba phải đóng một cột khác, chưa kịp nhổ cái kia đi.

Lúc bác lực điền đánh trâu về, cô gái đếm đi đếm lại chỉ có năm con, bèn ngẫm nghĩ: - "Quái thật! Sao chỉ có năm. Có lẽ vì không có giấy tờ, nên nghe tin cha chết lão này đã bán trộm một con". Bèn nói to:

- Nay bác Ba. Còn một con nữa đâu?

Bác lực điền ngạc nhiên:

- Còn trâu nào nữa, tôi nuôi của cụ cả thầy chỉ có năm con.

Cô gái lý sự:

- Năm trâu sao lại sáu cột. Có lẽ bác đánh lạc mất một con trong rừng chứ gì?

Bác Ba đem việc cột gãy ra phân trần, nhưng cô nào đâu có nghe:

- Thôi bác chịu khó đi tìm cho tôi đi. Năm trâu sao lại có sáu cột?

Thấy cô ta lẩm bẩm mãi mấy tiếng "năm trâu sáu cột", bác lực điền nổi xung:

- Chỉ có bắt cô trói vào cột này thì họa chẳng mới thành sáu được!

Cô gái phú ông không phải là tay vừa, nhảy lên xía xói bác Ba. Bác Ba bực mình bỏ đi vào rừng. Cô tiếp theo chân bác. Rồi đó hai câu "năm trâu sáu cột" và "bắt cô trói cột" trở thành lời đối đáp của hai bên.

Cả bác Ba và cô gái về sau đều hóa thành chim. Hai con chim đó xuất hiện ở vùng rừng núi Thái-nguyên, Bắc-cạn là vùng xảy ra câu chuyện. Hai con chim kiếm ăn từ nhá nhem cho đến mờ sáng: một con đànng này núi, một con đànng kia núi, một con kêu: "Năm trâu sáu cột", một con đáp: "Bắt cô trói cột" [1]. Người ta nhận tiếng kêu của từng con một mà đặt tên [2].

KHẢO DỊ

Về *Sự tích chim năm-trâu-sáu-cột*, theo lời kể của đồng bào thiểu số ở vùng Hà-giang, Tuyên-quang thì lại có những điểm hơi khác. Truyện này có lẽ là nguồn gốc của truyện vừa kể trên:

Ngày xưa, ở vùng Tuyên-quang, Hà-giang có một thổ lang giàu có nhưng lại hiếm con. Hắn nuôi được hai người con nuôi: một trai, một gái rất xinh xắn và linh lợi. Khi thổ lang chết, người vợ sợ đất đai của cải của mình sẽ bị một thổ lang lân cận có thế lực chiếm đoạt nên cố tìm cách giữ về cho mình. Mụ thấy thổ lang nọ đang khao khát con gái nuôi của mình, mới trang điểm cho nàng và dỗ dành nàng làm thiếp người thổ lang kia. Mụ

ngũ bụng một khi đã trở thành mẹ vợ thì chàng rể kia sẽ để cho mình và tài sản của mình yên ổn.

Không ngờ cô gái nuôi từ trước đã chung tình với người con trai nuôi. Hai bên từng yêu thầm dấu vụng và quyết sống chết với nhau. Vì thế, tuy mẹ nuôi hết sức khuyên dỗ nhưng cô gái nhất quyết không nghe. Thổ lang kia chờ mãi không được, toan dùng mưu chiếm đoạt. Người vợ góa của thổ lang nọ bèn sai người đem trâu bò vàng bạc đến biếu và đoan rằng thế nào cũng tìm ra cách bắt con gái mình vâng lời.

Một hôm, mẹ sai con gái nuôi chăn một đàn trâu năm con, dặn tối về buộc mỗi con vào một cọc cho cẩn thận. Buổi chiều hôm ấy, cô gái sau khi cho trâu ăn no, đánh về, thấy chỗ "chòi trâu" đã có sẵn sáu cọc bèn buộc mỗi con vào một cọc, còn cọc thứ sáu thì vô tình bỏ cỏ lấp lên, rồi đi nghỉ.

Đến sáng mai người mẹ nuôi giả cách ra soát trâu. Mẹ vợ hỏi con gái sao lại để mất một con. Cô gái ngạc nhiên, cãi lại. Nhưng mẹ mồm loa mép giải bắt nàng phải đền một con trâu mất. Mẹ gọi mọi người tới, bới đồng cỏ cho họ thấy cái cọc thứ sáu rồi giả cách phân bua: - "Của tôi sáu trâu sáu cọc rành rành ra đấy. Chiều hôm qua nó làm mất một con trâu rồi cố ý bỏ cỏ lấp cọc để khỏi ai thấy, gian dối đến thế là cùng".

Vì đã có chủ ý nên mẹ cố làm to câu chuyện vu vạ. Mẹ sai người hầu đến trình với thổ lang nọ để bắt cô gái phải đền trâu. Cô gái sợ hãi kêu khóc hết lời, mong mẹ nuôi thương hại. Mẹ làm ra vẻ dằn xếp bảo cô gái bán mình cho thổ lang kia để lấy trâu đền.

Biết là mắc phải mưu độc của người mẹ nuôi, cô gái bèn gọi người yêu ra gốc cây ở mé rừng than thở. Giữa khi cặp bạn tình đang giọt ngấn giọt dài thì người mẹ nuôi sau người hầu đánh đuổi chàng trai và cấm cửa không

cho về. Cô gái vô cùng đau khổ, ngửa mặt kêu trời rồi đâm đầu xuống suối tự tử. Xác nàng trôi theo dòng nước đến một ghềnh đá vướng lại, và được mọi giống chim nhặt lá che phủ.

Từ đó xuất hiện một giống chim ăn đêm, ít ai được thấy hình dạng của chúng. Chỉ biết rằng chúng thường đậu trên cành cây cao nhất rừng, cứ bốn tiếng một kêu dón dả từ tối đến sáng: "Năm trâu sáu cọc!"... "Năm trâu sáu cọc!"...

Đồng bào thiểu số ở Việt-bắc có truyện *Chim khảm khắc* dường như cũng là một dị bản của các truyện trên nhưng đoạn kết thì lại có phần nào giống với *Sự tích chim bóp-thì-bóp* (xem **Khảo di** truyện *Sự tích đá Vọng phu*, số 32).

Một ông chúa có hai cô gái xinh đẹp. Nàng Hai là người chất phác hiền lành, một hôm đi chơi rừng bị báo vồ, nhưng nhờ có một chàng trai con nhà dân nghèo tên là Lương kịp thời xông tới cứu. Anh giết chết ác thú và đưa nàng về nhà. Ông chúa thương hại anh áo quần tả tơi, máu me đầm đìa, bảo: - "Mày cứu con tao, tao sẽ nuôi mày". Nhưng Lương chỉ được đãi như đầy tớ. Mặc dầu vậy, anh và nàng Hai vẫn yêu nhau. Khi ông chúa biết chuyện, lập tức đuổi anh đi và dọa nếu còn tơ tưởng đến nàng Hai thì sẽ giết chết. Mặt khác hẳn cấm cung cô gái. Nhưng họ vẫn bí mật gặp nhau. Một hôm hai người rủ nhau đi trốn, họ dựng chòi cao ở giữa rừng mà ở. Ông chúa cho quân đến vây chòi và giao hẹn: - "Xuống ngay sẽ cho chết tử tế". Hai người không xuống. Tên bắn lên tua tủa. Lương muốn bắn trả lại nhưng bị người yêu ngăn cản. Lính trèo lên, Lương giơ nỏ nói: "Đứa nào trèo lên sẽ không được về với vợ con". Nàng Hai lại ngăn cản. Cuối cùng tên bắn lên rất quá, Lương chĩa nỏ và ngược bắn chết người yêu. Lương cũng bị tên bắn lên giết chết. Chúa bắt đào hai hố cách xa nhau để chôn. Họ hóa thành hai con chim trống mái, thường ban ngày đi ăn, đến chiều thì lạc

nhau nên gọi nhau ra rả, khi gặp nhau thì trời vừa sáng. Người ta gọi là chim khảm khắc [3].

Nguyễn Văn Ngọc có kể một truyện *Sự tích chim bắt-cô-trói-cột* của đồng bào thiếu số Hà-giang như sau:

Ở vùng nọ có tục cứ đến ngày vào đám thì đêm đầu tiên là một buổi lễ tắt đèn đuốc. Hễ người nam bắt được người nữ nào thì trói vào cột. Đến lúc đèn đuốc bật lên thì người nam sẽ cưới người nữ ấy làm vợ. Có lần, một người nam cột được một người nữ, đến khi đèn đuốc đỏ lên thì hóa ra người ấy là cô ruột của mình. Chàng trai xấu hổ chết đi, hóa làm chim, luôn mồm kêu: "Trói cô vào cột" [4].

Đồng bào Ca-tu có một truyện *Sự tích chim vua quan trói cột* (tức là chim bắt cô trói cột ở miền Bắc) nhưng nội dung khác hẳn các truyện kể trên: có một anh dân nghèo là Ca Ngốc được bà thần cho một chiếc cối màu nhiệm, hễ cầm lấy thối thành tiếng "Vua quan trói cột", và làm cho người thối có phép tàng hình. Nhờ tiếng còi của anh, dân chúng nổi dậy đánh giết quan và lính tới làng thu thuế. Sau đó anh lại được bà thần gả con gái và cho viên ngọc "đen như sừng trâu, nặng như hũ nước, thơm như mít chín". Anh và vợ tìm đến cung vua làm cho vua quan và lính tráng bận tâm đi tìm mít; trong khi đó dân chúng xông tới cướp vũ khí, bắt vua quan trói vào cột rồi giết đi.

Ca Ngốc sau đó chết hóa thành giống chim, luôn mồm kêu: "Vua quan trói cột" [5]. Chúng tôi sợ rằng truyện này ít nhiều cũng đã bị hiện đại hóa.

-
- [1]. Có người cắt nghĩa tiếng kêu của loài chim đó là “Bắc-quang Bắc-mục” hay “Hà-giang nước độc” nhưng không kể thành chuyện.
- [2]. Theo Nguyễn Bính. *Truyện cổ tích Việt-nam*.
- [3]. Theo *Thiên lôi bị đòn (Truyện cổ tích Việt-nam)*.
- [4]. Sách đã dẫn.
- [5]. Theo *Truyện cổ Ca-tu*, đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
9. SỰ TÍCH CHIM ĐA ĐA

Ngày xưa có một em bé mồ côi cha từ hồi còn nhỏ. Người mẹ sau một thời gian tang chế cũng đi lấy chồng. Vì bà con thân thích nội ngoại không còn ai nên nó phải theo mẹ về ở với bố ghẻ. Bố ghẻ tính rất vũ phu, coi cả hai mẹ con như kẻ ăn đũa ở. Nhất là thằng bé chưa biết làm gì cả, nên hăn lại càng ghét dữ. Nhiều lúc có việc trái ý, hăn đánh thằng bé thâm tím cả mình mẩy.

Nhà hăn cũng không có gì. Hăn thường sinh nhai bằng cách lên rừng đốn củi. Người đàn bà vừa về với hăn được một ngày đã phải gánh củi của chồng đi bán ở chợ.

Không may, năm đó trời làm mất mùa. Miếng ăn kiếm rất chật vật. Củi rẻ như bèo. Trước kia một gánh củi nuôi sống gia đình được mấy ngày thì bây giờ không đủ nuôi được một bữa. Thằng bé chưa làm được nghề ngỗng gì cả, trở nên một cái gai trước mắt bố ghẻ.

- Thằng bé này chỉ ăn hại đái nát. Chỉ làm cho ta khó khăn thêm.

Hăn bảo vợ thế và khuyên vợ đem con đi bán cho kẻ khác nuôi. Nhưng

người đàn bà nhất quyết không chịu. Thà là cả hai mẹ con cùng chết chứ bà không đời nào chịu lìa con.

Người bố ghẻ bèn có ý định muốn giết chết con riêng của vợ. Mạng người lúc này nhỏ bằng cái tơ cái tóc. Huống chi đối với hắn, hắn chẳng coi ra gì. Nạn đói coi chừng đang kéo dài và ngày càng dữ dội. Một gánh củi lớn bây giờ không đổi nổi một bát gạo.

Hôm đó, chờ lúc vợ đi chợ sớm, hắn đưa thằng bé lên rừng. Hắn rủ:

- Mày có muốn trèo ổi và bắt bướm không? Trên ấy thì tha hồ.

Thằng bé nghe thế lấy làm thích, cố xin đi theo cho được.

Cảnh rừng có nhiều cái lạ làm cho thằng bé lon ton chạy theo bố ghẻ không biết mệt. Người đàn ông đưa nó vào rừng sâu. Khi đến chỗ mấy cây ổi rừng, hắn bảo thằng bé:

- Ổi đấy. Và có bát cơm đây. Chốc nữa tao lại tìm.

Thế rồi hắn bỏ mặc thằng bé, lẳng lặng lui ra, đến một chỗ khác kiếm củi. Nhưng buổi chiều, khi bước chân vào nhà hắn lấy làm ngạc nhiên thấy thằng bé đã về trước hắn rồi. Số là thằng bé trong khi đang bơ vơ giữa rừng rậm thì may mắn gặp một bọn đi đào khoai mài về ngang. Thế là họ đưa nó về. Nhờ có bát cơm, nó vẫn đủ sức đi được đến nhà.

Nghe đứa bé kể, hăn bực mình vô hạn. Hăn vờ mắng:

- Chỉ vì mày, làm tao tìm mãi không được!

Một lần khác hăn lại dễ được đứa bé đi theo lên rừng. Lần này hăn cố tâm đưa nó vào thật sâu, đến những nơi chưa ai dám tìm vào hái củi bao giờ. Khi trốn khỏi thằng bé, hăn nghĩ bụng: - "Không chết vì thú dữ thì cũng chết vì lạc, không chết vì lạc thì cũng chết đói mà thôi".

Mãi đến chiều tối vẫn không thấy bố ghẻ trở lại, thằng bé khóc lóc, kêu gào nhưng chỉ có tiếng vọng của núi rừng trả lời nó thôi. Nó cuống cuống chạy tìm khắp mọi ngả nhưng không hề thấy một bóng người. Khi đã mệt lử và đói bụng, nó tìm đến chỗ bát cơm của bố ghẻ để lại thì không ngờ đấy là một bát cát trên có rắc một lớp cơm với một quả cà để đánh lừa. Thằng bé nhặt những hạt cơm phỉu cát bỏ vào miệng. Cuối cùng đói quá, nó cầm lấy bát chạy khắp nơi và kêu lên: - "Bố ghẻ ơi! Bát cát quả cà! Bát cát quả cà!". Nhưng tiếng kêu gào của nó chỉ làm cho một vài con chim rừng giật mình mà thôi.

Rồi thằng bé chết, hóa thành chim đa đa, luôn luôn kêu những tiếng "Bát cát quả cà! Bát cát quả cà!".

Đợi mãi không thấy con về, người đàn bà khóc thương vô hạn. Đoán biết thằng chồng tàn bạo đã ám hại con mình, bà ta đứng lên xía xói vào mặt hăn. Cuối cùng bà ta bắt hăn phải đi kiếm con mình về ngay, nếu không sẽ lên quan tố cáo. Túng thế hăn phải vào rừng. Hăn tìm mãi. Đột nhiên trong khu rừng hẻo lánh nổi lên mấy tiếng "Bát cát quả cà! Bát cát quả cà!". Hăn

rụng rời. Đích thị là oan hồn thằng bé đã lên tiếng vạch tội ác của hăn. Nghe luôn mấy tiếng liên tiếp, hăn không còn hồn vía nào nữa, vội bỏ chạy. Nhưng mấy tiếng "Bát cát quả cà" đuổi theo hăn. Hăn chạy mãi, băng hết khu rừng nọ sang khu rừng kia. Tự nhiên hăn vấp phải đá ngã xuống bất tỉnh nhân sự.

Mấy ngày sau, những người tiều phu thấy thi thể hăn nằm vật ở mé rừng[1].

KHẢO DỊ

Về truyện này có hai dị bản lưu truyền ở miền Nam:

a) Một người vào năm đói đi xin con rế một ít thóc về ăn. Lúc đến nơi, chàng rế đi vắng, chỉ có con gái của mình ở nhà. Nhưng con gái từ khi giàu có, quên mất cả bố; cho bố một bị "chẹp" (thóc lép) trên có rắc một ít thóc. Bố ra về dọc đường gặp chàng rế. Chàng rế tốt bụng cầm bị thóc của vợ cho bố, biết rõ sự thật, bèn dắt bố về lấy cho bố một bị thóc, và trong khi giận dữ đánh vợ một bốp cày, không may vợ chết. Vợ hóa ra chim đa đa luôn mồm kêu câu: "Cách ca ca, bốc chẹp (hay giẹp) cho cha"[2].

b) Có hai vợ chồng một người kiếm củi đẻ một con trai đặt tên là Đa Đa. Con lên 7 tuổi thì mẹ từ trần. Vợ kế của bố đối đãi với con chồng không

tốt, luôn luôn gây chuyện mắng chửi. Một hôm, bố đi kiếm củi về, thấy con khóc trước một bát cơm đầy. Bố toan hỏi con thì dì ghẻ chạy ra lu loa xin chồng dạy con kẻo nó nhục mạ không thể chịu được. Bố giận sẵn rìu đánh con, không ngờ chém vỡ đầu con ở khoảng mắt, con lăn ra chết. Lúc làm lễ "mở cửa mả", tự nhiên có con chim trong mộ bay ra kêu lên: - "Bát cơm cát trả cho cha, đánh chác đầu ra, bạc ác đa đa". Bố về lục tìm xem lại bát cơm dì ghẻ với cho con, mới thấy là một bát cát chỉ có một ít cơm phủ lên trên. Giận quá, bố lại choảng cho vợ một rìu chết tuốt. Người ta nói ngày nay dòng dõi chim đa đa có một vạch đen từ mắt đến tai đó là dấu tích vết rìu chém phải; còn lông răn ri trên người nó là vết tích roi đánh lằn ngang lằn dọc của dì ghẻ[3].

Cũng có người[4] cho tiếng kêu của chim đa đa là "Bất thực cốc Chu gia" nghĩa là không ăn lúa nhà Chu. Họ cho giống chim này là kiếp sau của Bá Di, Thúc Tề. Đó là truyện do nhà nho kể theo điển tích của Trung-quốc[5].

Xem thêm truyện *Gốc tích tiếng kêu của Vạc, Cộc, Dù di, Đa đa và Chuột* (số 17).

[1][1] . Theo Jê-ni-bren (Génibrel). *Truyện đời xưa mới in ra lần đầu hết*, và dựa theo lời kể của người miền Bắc.

[2] . Theo lời kể của người Quảng-ngãi.

[3] . Theo Lê Văn Phát. Sách đã dẫn.

[4] . Theo lời kể của người Hà-tĩnh, Vĩnh-phú và người miền Nam.

[5] . Bá Di, Thúc Tề là con vua nước Cô-trúc đời nhà Thương. Lúc cha sắp mất bảo lập em là Thúc Tề làm vua. Cha chết, Thúc Tề nhường cho Bá Di, Bá Di không chịu, bảo đó là mệnh cha, rồi trốn đi. Thúc Tề cũng không làm vua mà trốn nốt. Khi Chu Vũ Vương đánh nhà Thương, Bá Di đón đường để can; can không được bèn nói rằng từ nay không ăn lúa nhà Chu nữa; cả hai anh em vào ẩn ở núi Thù-dương và bị chết đói (*Từ hải*)

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
10. SỰ TÍCH CON NHÁI

Ngày xưa có một vị hòa thượng trẻ tuổi nổi tiếng chân tu. Mọi "thị dục" của bản thân, hòa thượng đều kiên quyết cắt đứt, chỉ một lòng chuyên chú vào lễ hư vô của đạo Thiền. Nhà vua nghe tiếng, vô cùng kính trọng, vời về cung, ban tước quốc sư và sai tu bổ một ngôi chùa ở phía Nam kinh thành để cho sư trụ trì. Nhưng hòa thượng từ tạ vua, chỉ xin phép đi xem chùa chiền, cảnh đẹp trong thiên hạ.

Một hôm, hòa thượng một mình tìm đến một ngôi chùa xa ở vùng Bắc. Ở đó có một vị sư bạn trụ trì mà hòa thượng lâu ngày chưa gặp.

Từ lâu Phật bà Quan âm đã nghe tiếng đồn về hòa thượng. Lần này nhân cuộc đi chơi của hòa thượng, Phật bà định bụng thử xem con người đó như thế nào. Nếu quả đúng là chân tu thì Phật bà sẽ đưa về Tây-trúc, độ cho thành Phật.

Lúc hòa thượng sắp qua một con sông rộng, Phật bà hóa thành một cô gái rất trẻ đẹp chống đò cập bến chờ khách quá giang. Hôm ấy cũng theo phép màu nhiệm của Phật bà, khúc sông đó trở nên vắng vẻ, người và thuyền bè qua lại rất ít. Khi hòa thượng chui vào trong khoang đò thì cô gái nhỏ sào chèo ra giữa sông. Đoạn nàng bẻ lái cho thuyền tiến đến một bãi cát vắng

đậu lại. Hòa thượng lấy làm lạ, hỏi cô lái vì sao không đi thẳng qua bờ bên kia. Cô lái chỉ đợi có câu hỏi ấy là buông chèo, cười một nụ cười rất tình tứ rồi cũng chui vào khoang trả lời một cách cợt nhả là thấy sư đẹp trai quá nên cấm sào lại đây cầu xin được ân ái. Hòa thượng vốn nghe con gái ở vùng này có nhiều người đáo đẽ nên nghiêm nét mặt lại:

- A-di-đà Phật! Mong người trần giới buông tha cho kẻ tu hành này.

Nhưng cô lái dò đâu có buông tha, cô cố sán lại gần gợi tình. Hòa thượng không nói gì, lẳng lặng mở gói lấy cuốn kinh *Kim cương tam muội* ra tụng. Tiếng đọc của sư mỗi lúc một lớn, át cả tiếng của cô lái dò. Nhưng cô lái dò vẫn cười nói không thôi. Rồi chơ che tay lên quyển kinh. Hòa thượng ngoái cổ nhìn ra ngoài dò rồi nghiêm khắc cảnh cáo:

- A-di-đà Phật! Trong người bần tăng có một tờ lệnh chỉ của hoàng đế. Trong đó hoàng đế đã ra lệnh hễ người nào phạm vào người bần tăng sẽ bị án trăm quyết. Vậy bần tăng mong người đừng phạm vào phép của thiên tử.

Lời dọa của nhà sư không làm cho cô gái nhụt một tý nào. Cô nói:

- Em đang muốn chết đây! Em chỉ mong chàng đoái thương một tý rồi chết cũng thỏa.

Nhưng hồi lâu, thấy lòng nhà sư không chuyển, cô lái dò lại thi hành một mưu khác, cố quyến rũ cho bằng được. Cô bắt đầu cởi áo ra. Khi chiếc yếm cổ đuôi nhạn bỏ xuống thì hòa thượng nhắm mắt lại, Hòa thượng quay về phía cái gói lấy chiếc áo của mình khoác vào người nàng. Trong khoang dò

chật chội, tay hòa thượng vẫn lần tràng hạt, miệng vẫn lầm nhẩm đọc kinh, Trong khi đó những tiếng của cô gái như mật rót vào tai:

- Chàng thương em một tý... Chàng nhìn ra ngoài mà xem, nào có một ai đâu...

Nhưng vô hiệu.

Phật bà Quan âm rất cảm động. Nhưng người con Phật như thế này rất xứng đáng chiếm một chỗ ngồi trên Nát-bàn. Nhưng đã thử thì phải thử cho trót. Lần tấn công thứ chín, cô lái đồ vẫn bị cự tuyệt. Hơi thở của cô con gái trẻ và đẹp phảng phất ở trên má, nhưng nét mặt của hòa thượng vẫn không đổi.

Nhưng đến lần thứ mười, cô gái không ngờ thành lũy tưởng là kiên cố lại bị hạ một cách quá bất ngờ. Bàn tay hòa thượng tự nhiên run rẩy bỏ lên mình nàng. Thôi thế là chỉ trong một phút, vượt hết hơn hai mươi năm tu luyện.

Thế là chuyện đó Phật bà Quan âm không được hài lòng. Giận vì hòa thượng đã thiếu kiên trì trước sức cám dỗ của "thị dục", mà đã thế thì thanh danh cũ đâu còn đáng đếm xỉa nữa, nên Phật bà đã nắm lấy cổ hòa thượng vứt ngay xuống sông như người ta vứt một cái rác. Thế mà Phật bà vẫn chưa cho là đáng tội, nên còn bắt hóa làm loài nhái là một loài động vật hạ

đăng. Cũng vì thế mà người ta nói rằng ngày nay dòng dõi của loài nhái vẫn còn giữ cái thói quen của tổ tiên, ví dụ khi chúng bị chặt đầu, chúng vẫn chắp hai chân trước lại với nhau như người đang vái[1].

KHẢO DỊ

Người miền Bắc có truyện *Sự tích con ếch* có tính chất tiểu lâm:

Xưa có một nhà sư xuất giá từ ngày còn tấm bé. Sư nổi tiếng chân tu lại học rộng, mọi phép sát quỷ trừ tà đều thông thạo. Một hôm Phật báo mộng cho sư biết rằng sư sẽ đắc đạo sau khi dự một cuộc thi ở Thiên đình.

Tỉnh dậy sư rất mừng, từ đó ngày đêm quyết ôn luyện kinh kệ và ấn quyết cho được tinh thực. Một hôm, sư chợt nghĩ: - "Mình lục trí thần thông đều đủ cả, duy chỉ có một việc chưa từng biết là cơ thể đàn bà. Nếu lúc lên trên kia, người ta hỏi đến thì không biết đường nào mà trả lời".

Nhưng muốn biết việc đó không phải dễ. Sau cùng sư liều nhờ thủ tự bí mật giúp cho. Thủ tự đi tìm từ đầu làng đến cuối chợ chả được ai cả, đành về dỗ vợ, ngọt nhạt mãi vợ mới thuận đi.

Tìm hiểu được cơ thể đàn bà rồi, nhà sư rất thỏa mãn.

Nhưng từ đó sư đâm ra ngơ ngẩn, kinh kệ và cúng dàng chả thiết gì nữa. Việc phù phép cũng mất linh nghiệm. Phật biết chuyện đó, nổi giận bèn cho

sét đánh chết. Như thế mà Phật vẫn chưa hết giận, còn bắt sư hóa làm ếch. Khi thủ tự mở áo quan để nhật hài cốt thì chỉ thấy có một con ếch nhảy ra. Vì thế mà có câu tục ngữ:

Đi tu mà chẳng trót đời,

Sinh ra con ếch cho người lột da[\[2\]](#).

-
- [1] . Theo Lang-đờ (Landes). *Cổ tích và truyền thuyết An-nam*.
[2] . Theo *Tạp chí chúng tôi* (1910).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
11. SỰ TÍCH CON MUỖI

Có hai vợ chồng nhà nọ yêu nhau rất mực. Ngày mới lấy nhau, họ đã từng ăn thề hẹn không bỏ nhau. Nếu không may một trong hai người chết đi thì người kia sẽ chết theo để xuống âm ty cho có bạn.

Sau đó không bao lâu, người vợ trẻ tự nhiên bị chết mang đi một cách đột ngột. Không ai có thể tả được hết tình cảnh đau thương của người chồng. Anh chàng đã mấy lần toan tự tử, nhưng bị người nhà ngăn trở và canh phòng ráo riết. Hôm sắp sửa cất đám bỗng có một đạo sĩ đến bày cho chàng phép cải tử hoàn sinh mà theo lời ông ta, đã từng có nhiều người dùng rất ứng nghiệm. Phép của ông ta chẳng có gì khó, chỉ cần người sống gan dạ và kiên trì một chút là được. Nghĩa là người sống mỗi ngày ba lần ôm ấp và truyền hơi ấm của mình vào cho tử thi. Làm luôn như thế không nghỉ ngày nào thì chỉ trong khoảng ba tháng mười ngày là người chết sẽ sống lại.

Người chồng cảm ơn đạo sĩ và làm đúng như lời dặn, hi vọng đưa người yêu trở lại cõi thế. Ngày ngày chàng ôm ấp vợ, truyền sức nóng, hơi thở của mình vào cái xác đã lạnh toát.

Nhưng sau đó ba ngày, mùi thối của tử thi bay ra khắp xóm làm cho mọi người không chịu được. Họ kéo nhau đến nhà bắt chàng phải chôn lập tức.

Bất đắc dĩ, người chồng nhờ xóm giềng chặt nửa làm giúp một cái bè để mình đưa xác vợ đi một nơi khác. Nhiều người vui lòng giúp anh chàng trong việc này. Chỉ trong nửa ngày, hắn đã chở xác người yêu đi biệt.

Chiếc bè theo dòng nước trôi mãi. Người chồng vẫn ngày ngày ấp ủ vợ không thôi. Cái tử thi đó trông vẫn như người nằm ngủ. Lòng anh chàng tràn trề hy vọng. Đến một nơi kia, hắn cắm bè lại kề một bãi cỏ rộng, lên bộ nấu ăn.

Tình cờ trong khi đi nhặt củi chàng ta gặp một cụ già. Nhìn thấy ông cụ chống gậy đi một mình giữa cảnh trời nước hoang vu, lại râu tóc trắng xóa, hình dung không có gì là lam lũ, chàng trẻ tuổi lấy làm ngạc nhiên. Hắn đang suy nghĩ thì thoáng cái ông cụ đã đứng trước mặt. Hiểu ngay đó là bậc Tiên Phật, hắn vội phục xuống chân cụ già rồi kể lẽ sự tình, cuối cùng không quên cầu khẩn ông cụ sinh phúc giúp cho vợ mình sống lại. Cụ già đó chính là đức Phật, thấy anh chàng nài nỉ hết sức, bèn thương tình, đi theo xuống bè, bảo hắn chích máu ngón tay nhỏ ba giọt vào miệng vợ. Tự nhiên người đàn bà mấp má môi rồi từ từ ngồi dậy như vừa tỉnh một giấc mơ. Trước khi ra về đức Phật có hỏi người vợ:

- Anh chàng này cho vay ba giọt máu để người được hồi sinh. Vậy nhà người có yêu anh ta chăng?

Trước câu thề thốt chắc nịch của người đàn bà, đức Phật bảo:

- Không can gì. Nếu không yêu nữa thì chỉ việc trả lại ba giọt máu cho anh ta là đủ!

*

* *

Thấy bọn họ nóng lòng muốn trở về quê hương, đức Phật gọi một con cá sấu khổng lồ từ vực sâu lên bảo chở họ đi.

Cá sấu vượt sông được nửa ngày đường thì bụng đã đói. Nó bảo hai vợ chồng lên bộ nghỉ ngơi để cho nó đi tìm cái ăn. Hai vợ chồng dắt nhau vào quán cơm. Trong quán hôm đó có một người khách thương sang trọng. Hắn ta thấy nhan sắc người vợ diễm lệ ít ai sánh kịp thì bỗng nảy tà dâm, mưu toan chiếm đoạt. Hắn lân la lại gần, đưa các mẫu hàng tơ lụa và đồ trang sức ra vờ chào khách, kỳ thực là để tán tỉnh người đàn bà đẹp. Hắn nói trong thuyền hắn đậu ở gần đấy còn có nhiều món hàng nữa rất quý và rẻ, muốn mời họ xuống xem.

Nhưng người chồng thì chẳng thiết một tý nào. Cơm nước xong, bỏ mặc

người khách thương, dắt vợ ra bến vắng, ở chỗ hẹn với cá sấu, ngồi đợi. Họ ngồi dưới bóng cây trò chuyện một chốc rồi vì mệt quá, ngủ quên lúc nào không biết. Họ cũng chẳng ngờ sau lưng họ, người khách thương kia vẫn theo hút không rời. Khi thấy hai người nằm ngủ, hắn đi nhẹ đến thức riêng người vợ dậy, mời nàng xuống thuyền đậu kề đó để hắn biểu một món trang sức; - "Thuyền của tôi chỉ cách đây mười bước. Bà không phải đợi lâu đâu!". Nghe nói thế, lòng người đàn bà bỗng thấy lay chuyển. Nàng đứng lên, đi theo người khách thương xuống thuyền. Chỉ trong nháy mắt, theo ám hiệu của chủ, bọn thủy thủ chiếc thuyền buông neo và giong buồm cho thuyền chạy mất.

Lại nói chuyện cá sấu lúc ngoi lên chỗ hẹn thì thấy chỉ có một mình người chồng, bấy giờ vẫn đang ngủ say. Cá sấu thức chàng dậy hỏi chuyện. Anh ta ngỡ ngác không hiểu thế nào. Một mất mười ngờ, hắn đổ tội cho cá sấu đã ăn thịt mất vợ. Để giải mối ngờ, cá sấu mới bảo hắn kiếm cây luồn qua miệng mình, khua trong dạ dày xem thử cho biết. Anh chàng làm theo, chỉ thấy trong bụng cá sấu toàn là xương cá và đá cuội, mới biết mình ngờ sai. Tìm khắp mọi nơi chẳng thấy vợ, hắn trở về bến, ôm đầu kêu khóc rất thảm thiết. Cá sấu thương tình bèn bảo hắn cưỡi lên lưng rồi phóng đi, đuổi theo những chiếc thuyền vừa qua lại để dò tìm tung tích. Sau mấy lần dò hỏi, người ta cho biết một chiếc thuyền buôn vừa đi qua, trong đó có một người đàn bà trẻ và đẹp. Họ tả nét mặt và hình dạng thì đúng là vợ chàng. Cá sấu bèn cố công đuổi riết.

Khi nhìn thấy vợ ngồi trong thuyền khách thương, người chồng nói với vào:

- Nàng cứ nhảy ra đây... Tôi không thể sống xa nàng được... Tôi sẽ làm cho nàng sung sướng...

Nhưng người vợ trả lời chồng:

- Chàng về đi! Em đành phụ chàng. Chàng tha thứ cho em vậy.

Rồi đưa cho chồng một gói vàng:

- Chàng hãy nhận lấy vật này và coi như em đã chết từ hôm nào rồi.

Vừa bức tức vừa thất vọng, chồng ném gói vàng xuống nước rồi nhờ cá sấu đưa mình trở lại tìm đức Phật. Khi đức Phật gặp bọn họ, liền giục cá sấu hồi hả rượt theo chiếc thuyền khách thương để cho anh chàng thất tình đòi lại ba giọt máu của mình.

Lại nói chuyện người đàn bà sau khi chích máu ở tay để lấy ra ba giọt trả nợ cho chồng thì ngã vật xuống chết ngay. Người khách thương hết sức chữa chạy nhưng vô hiệu. Rồi sau đó hẩn ném xác nàng xuống biển. Nhưng do phép màu của đức Phật, người đàn bà ấy hóa thành con muối. Vì thiếu máu, nên lúc nào muối cũng lén lút đi chích trộm của mỗi người một tý để sống[1].

KHẢO DỊ

Việt-nam còn có truyện *Lương Nhân* có lẽ cũng từ truyện *Sự tích con muỗi* phát triển ra.

Lương Nhân quê ở Vĩnh-yên, lấy vợ là Thị Xuân. Vợ chết, Lương Nhân quá thương công xác vợ theo mình không rời. Phật thương tình hiện lên phun ba ngụm nước cho Thị Xuân sống lại. Một hôm vợ chồng có việc đi xa, ngủ nhờ ở thuyền. Trong lúc Lương Nhân ngủ say thì vợ bỏ chồng theo ông chủ thuyền. Lương Nhân gặp lại đức Phật. Phật bảo đến đòi ba ngụm nước. Thị Xuân phun xong lăn ra chết.

Sau đó Lương Nhân gặp Hán Chân. Hai người lấy nhau, kiếm ăn rất chật vật. Một hôm Lương Nhân đi vắng, một người khách lạ thấy Hán Chân có sắc đẹp liền ve vãn nhưng bị nàng cự tuyệt. Để mua chuộc, người khách xin hai miếng trầu và đưa cho nàng hai trăm lạng bạc. Hán Chân nhận và khi chồng về kể lại sự thật. Lương Nhân ngờ vợ và định giết vợ. Vợ trốn đi, cải trang làm con trai vào học ở một ngôi chùa tại Sơn-tây. Đã đẹp lại học giỏi nên sư nữ Thị Vân đâm mê Hán Chân, hẹn hò làm vợ chồng.

Được mấy năm Hán Chân đổi tên Lương Chân đi thi đỗ trạng, được vua gả công chúa. Hán Chân xin phép về quê mở hội làm chay. Lương Nhân bấy

giờ làm nghề nông, nghe có hội, đem rau đến bán. Vợ chồng gặp nhau. Phật hóa phép cho Lương Nhân thành một chàng trai đẹp dễ thông thái. Hán Chân đưa chồng về triều tâu rõ sự thật. Vua gả công chúa cho Lương Nhân làm vợ hai. Thị Vân cũng được đón về làm vợ ba[2].

Truyện *Sự tích con muỗi* tương tự với một số truyện cổ tích phương Tây. Trước hết là cổ tích Đức do Grim (Grimm) sưu tập:

Xưa có một người lính can đảm lấy vợ là một nàng công chúa. Ngày mới lấy nhau, hai bên cùng hẹn sống chết có nhau. Nếu vợ chết trước chồng thì chồng sẽ tự chôn sống với người yêu. Ngược lại, nếu chồng chết trước vợ thì vợ cũng sẽ làm như vậy.

Ít lâu sau người vợ mang bệnh qua đời. Người chồng quyết chết theo vợ, chàng tự chui vào huyết nằm bên cạnh cái xác. Trong lúc đợi chết, chàng bỗng thấy một con rắn bò đến gần vợ, bèn ngồi dậy giết chết con vật. Sau đó, một con rắn khác đến tìm, thấy đồng đội đã chết, liền trở về mang ba cái lá cây đến làm cho sống lại. Người đàn ông bèn nhặt lấy ba lá và bắt chước phương pháp cứu chữa của con rắn làm cho vợ mình cũng sống. Đoạn, chàng đưa vợ về nhà, giao ba cái lá cây quý báu kia cho một người đầy tớ tin cậy giữ.

Từ khi sống lại, người vợ trẻ tự nhiên thay đổi tình cảm đối với chồng. Nàng không yêu chồng nữa. Một lần vợ chồng đi tàu trên biển, người vợ

phải lòng viên cai tàu. Giữa lúc chồng đang ngủ say, nàng cùng viên cai tàu nâng bổng người chồng vớt xuống biển. Nhờ được người đầy tớ trung thành vớt lên và dùng ba lá cây cứu sống lại, người đàn ông mới thấy lòng dạ bạc bẽo và gian ác của vợ. Cuối cùng hắn đã trị tội vợ đến chết.

Trong kho cổ tích của người Ý (Italia) cũng có hai truyện nói đến việc người chồng làm cho cô vợ trẻ của mình sống lại, Ở truyện thứ nhất, người chồng ban đêm ngồi gác tại một ngôi đền, trong đó có quan tài của vợ. Bỗng dưng thấy một con rắn bò đến cạnh quan tài, bèn giết đi. Nhưng con rắn lại sống lại, nhờ có một con rắn khác đưa đến một thứ cỏ "cải tử hoàn sinh". Anh ta bèn dùng cỏ ấy cứu sống vợ. Ở truyện thứ hai, người chồng giết chết một con thằn lằn đến gần quan tài của vợ nhưng con vật đã được mẹ nó cứu sống nhờ có một thứ hoa hồng. Anh bèn cứu vợ bằng hoa hồng ấy.

Một truyện cổ tích Pháp cũng có nội dung gần giống những truyện đã kể:

Một chàng trai trẻ tuổi tên là Hoa Hồng lấy vợ nhưng không may hai tháng sau khi cưới, vợ chàng bị bạo bệnh rồi qua đời. Thương nhớ vợ hết sức, anh chàng cứ chiều chiều đến khóc ở mộ vợ. Một hôm, theo lệ thường anh bước vào nghĩa địa, bỗng có con ma hiện ra trao cho một cái hộp bằng bạc trong có một đóa hoa hồng. Ma bảo anh muốn cho vợ sống lại thì cứ nạy quan tài ra rồi ghé đóa hoa vào mũi vợ ba lần. Anh làm theo lời, vợ bèn sống lại.

Ít lâu sau, người chồng có việc phải đi Paris gặp người em ruột. Lúc đến nơi thấy em đau nặng, anh bận chữa chạy cho em, quên cả viết thư cho vợ như đã hứa. Vợ lấy làm lạ, chắc chồng đã chết. Cũng lúc đó, có một viên quan ba ở đội quân "đầu rồng" làm một bức thư giả báo tin là người chồng đã chết. Rồi hăn âm mưu lấy được người đàn bà kia làm vợ.

Qua một thời gian, bệnh tình của em có phần đỡ. Hoa Hồng bèn trở về thì vợ đã bỏ nhà đi lấy chồng. Anh rất buồn, bỏ ra tỉnh đầu quân. Anh không ngờ mình trở thành một người lính đầu rồng và càng không ngờ trở thành thư ký riêng cho viên quan đã đoạt vợ mình. Khi gặp mặt vợ cũ, anh biết vợ không yêu mình nữa.

Một hôm Hoa Hồng được viên quan mời ăn tiệc và trong lúc ăn người ta lén bỏ vào túi anh một bộ thìa nĩa bằng bạc. Tiếp đấy, anh bị người ta lục soát và kết án xử tử vì tội ăn trộm. Trong ngục, anh chàng dứt lót tiền cho một người lính già, đưa cho hăn cái hộp bạc của con ma ngày trước, dặn hăn phương pháp làm cho mình được sống lại sau khi bị bắn. Sau khi anh chết, người lính già tiêu hết tiền rồi mới nghĩ đến việc cứu anh, nhưng anh vẫn sống lại khi đóa hoa đặt vào mũi.

Bấy giờ ở một tòa lâu đài gần bên có một nàng công chúa đêm đêm biến thành quái vật giết chết những người lính gác. Hoa Hồng đến cứu nàng

thoát khỏi phép độc của mù phù thủy. Anh lấy nàng làm vợ và sau đó được thừa kế ngai vàng.

Ông vua mới đi khắp nước để duyệt đội ngũ. Duyệt đến đội lính "đầu rồng" cũ, vua bảo họ còn thiếu một người. Khi người ta dẫn người lính già, ân nhân của mình đến, vua tháo lon của viên quan ba, người đã đoạt vợ mình ngày trước, gắn cho người lính già. Đoạn vua bắt viên quan ba cùng với vợ hăng lên giàn hỏa[3].

Người Ả-rập (Arabes) có truyện *Sự gian dối của đàn bà*:

Một người Ít-xra-en (Issrael) có người vợ đẹp, hăng yêu hết sức. Bỗng nhiên vợ chết, hăng đến ở bên mộ không rời. Chúa Giê-su thấy hăng khóc lóc luôn cạnh bên hỏi chuyện. Khi nghe hăng kể nỗi lòng, Chúa bảo: "Có muốn làm cho nàng sống lại không?". Thấy hăng nói không muốn gì hơn thế, Chúa bèn làm cho một người da đen sống lại. Hăng vội nói: - "Ô không phải, vợ tôi ở mộ kia". Chúa lại làm cho người da đen chết mà hứa cho vợ hăng sống lại. Hăng mừng quá, sau đó bảo vợ: - "Tôi canh mộ mình bấy lâu quên ăn quên ngủ, bây giờ mệt quá cho nghỉ một tý". Rồi hăng gối đầu lên chân vợ chuyện trò, dần dần ngủ quên. Trong khi đó, một hoàng tử xinh trai cưỡi ngựa đi qua, người đàn bà đặt đầu chồng xuống đất, đi theo. Hoàng tử cho ngồi sau lưng.

Chồng tỉnh dậy không thấy vợ bèn theo dấu, đuổi kịp gót ngựa. "Đây là vợ tôi, hăng nói, xin ngài làm ơn bỏ lại cho!". Vợ hăng nói: - "Tôi thuộc về nhà vua rồi". Hoàng tử dừng ngựa, nói: "Anh ghen với vợ ta ư?" - "Không. Đây

là vợ tôi. Chúa vừa mới giúp tôi làm cho nàng sống lại". Bỗng Chúa Giê-su hiện ra, hân hoan lên: - "Có phải Chúa vừa làm sống lại người này cho tôi không?". Vợ hân hoan liếm: - "Láo, ta là vợ hoàng tử". Chúa hỏi: - "Có phải người là kẻ do ý Chúa mới được sống lại không?" - "Vâng, nhờ hơi thở của Chúa" - "Vậy thì trả lại cho ta cái mà ta cho". Người đàn bà thở ra và chết ngay. Chúa phán: - "Nếu ai muốn thấy một người lần trước chết bất nghĩa, được cứu sống và lần sau chết có nghĩa thì nhìn người da đen kia; còn muốn thấy người lần trước chết có nghĩa, được cứu sống và lần này chết bất nghĩa thì nhìn người đàn bà này". Người chồng thề sẽ không lấy vợ nữa, sau đó ở lại sa mạc tu hành cho đến chết[4].

Trong *Liêu trai chí dị* có truyện *Ông hiếu liêm họ Vũ* phần nào giống với *Sự tích con muỗi*. Ở đây kẻ bạc tình lại là người đàn ông. Hắn đi kinh đô tìm công danh, bị bệnh thổ huyết, lại bị đầy tớ lừa đảo, sắp chết dọc đường. Nhờ có một người đàn bà - vốn là một hồ ly chung tình - cho một viên thuốc thần khỏi bệnh và từ đó trở nên giàu có, danh giá. Hai người thành vợ chồng. Nhưng sau hân hạnh vợ già, đi lấy một người đàn bà họ Vương làm thiếp. Lâu rồi vợ cũng biết tin, bèn tìm đến, kết chị em thân mật với họ Vương. Thấy chồng bạc bẽo lại mưu toan giết mình, vợ đòi lại chồng viên thuốc. Hân nôn ra xong, thì bệnh cũ dần tái phát rồi chết.

Người Khơ-me (Khmer) cũng có truyện *Sự tích con muỗi* nhưng nội dung khác hẳn:

Ngày xưa loài muỗi được thần Xi-va sáng tạo, mình như mình chim, mõm như mõm chó. Chúng bay hàng đàn, chuyên ăn thịt người làm cho người chết mòn chết mỏi. Một hôm có nàng tiên mách cho loài người đốt lửa xung quanh chỗ ở để ngăn không cho muỗi đến. Không làm gì được người, muỗi bèn nhờ thần Xi-va làm cho mình trở nên thật bé để tiện lén lút ăn thịt. Nhưng cũng không làm gì được người vì hễ thấy ở đâu bị cắn đau là người đánh ngay vào đấy. Muỗi lại đi kêu nài thần Xi-va lần nữa. Thần cho

mỗi con một cái vò thay cho mồm để hút máu vừa lạnh lẽo vừa không ai biết. Từ đó mà có giống muỗi ngày nay[5].

-
- [1] . Theo Lăng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.
- [2] . Theo lời kể của đồng bào Bắc-bộ.
- [3] . Theo Cô-xcanh (Cosquin). *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren*, tập I.
- [4] . Theo Bát-xê (Basset). *Ngàn lẻ một cổ tích, truyện kể và truyền thuyết Ả-rập*, quyển II.
- [5] Theo *Truyện dân gian Căm-pu-chia*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
12. SỰ TÍCH CON KHỈ

Ngày xưa có một người con gái đi ở với một nhà trưởng giả. Nàng phải làm việc quần quật suốt ngày, lại bị chủ đối đãi rất tệ. Cái ăn cái mặc đã chả có gì mà thỉnh thoảng còn bị đánh đập chửi mắng. Vì thế, cô gái tuổi mới đôi mươi mà người cứ quắt lại, trông xấu xí bệ rạc hết chỗ nói.

Một hôm nhà trưởng giả có giỗ, cỗ bàn bày linh đình, họ hàng đến ăn uống đông đúc. Trong khi đó thì cô gái phải đi gánh nước luôn vai không nghỉ.

Lần gánh nước thứ mười, cô gái mỏi mệt quá ngồi lại ở bờ giếng. Tự nhiên cô thấy tủi thân, ôm mặt khóc. Lúc đó đức Phật bỗng hiện ra với trang mạo một ông cụ già. Ông cụ có vẻ đâu từ xa lại, dáng điệu một nhọc đến xin nước uống. Nàng vội quảy gánh xuống giếng vục nước lên cho ông già giải khát. Ông cụ uống xong lại đòi ăn. Cô gái nhớ tới phần cơm của mình chưa ăn, bèn bảo ông cụ ngồi chờ rồi quảy gánh nước về.

Lần sau ra giếng, cô lấy cơm trong thùng đưa cho ông già và nói:

- Họ dành phần cho con toàn cơm cháy cả, cụ ăn một bát này cho đỡ đói.

Ăn xong, ông cụ bảo nàng:

- Hồi nãy làm sao con khóc?

Cô gái ngập ngừng, cúi mặt xuống không trả lời.

- Ta là đức Phật, ông cụ nói tiếp, ta thấy con có lòng tốt. Nếu con muốn gì, ta sẽ làm cho con vui lòng.

Cô gái ngạc nhiên mừng rỡ, kể nỗi lòng với đức Phật. Thấy điều ước muốn của người con gái chỉ là làm sao cho bớt xấu xí, ông cụ bảo nàng lội xuống giếng, hễ thấy bông hoa nào đẹp mút lấy thì sẽ được như nguyện. Khi xuống nước, cô gái chỉ mút mấy bông hoa trắng. Tự nhiên lúc lên bờ, nàng trở nên trắng trẻo xinh xắn, đồng thời quần áo cũng biến thành những thứ tốt đẹp.

Khi cô gái quay gánh nước trở về, cả họ nhà trưởng giả vô cùng kinh ngạc. Nàng xinh đẹp đến nỗi họ không thể nào nhận ra. Nghe cô gái kể chuyện, ai nấy cũng muốn cầu may một tý. Họ lập tức đổ xô cả ra bờ giếng mong gặp lại đức Phật để được trẻ lại và đẹp ra. Thấy ông cụ già vẫn còn ngồi ở chỗ cũ, họ sung sướng như người được cứu. Họ đưa xôi thịt ra mời tới tấp:

- Này cụ xơi đi! Cụ xơi đi! Rồi cụ làm phúc giúp cho chúng tôi với!

Đức Phật cũng bảo họ lội xuống giếng và dặn họ y như dặn cô gái lần trước.

Dưới giếng lúc đó đầy hoa đỏ và hoa trắng. Ai nấy đều cho màu đỏ là đẹp nên khi lội xuống giếng đều tìm hoa đỏ mút lấy mút để. Nhưng không ngờ lúc lên bờ, họ không phải trẻ lại mà già thêm ra: mặt mũi nhăn nheo, người trông quắt lại, lông lá mọc đầy người, đằng sau lưng là cả một cái đuôi. Những người đi gánh nước thấy vậy hoảng hồn: - "Kìa trông con quỷ, nó cắn bà con ôi!". Nhưng lại có những tiếng khác: - "Đánh cho chết chúng nó đi! Sợ gì!". Lập tức mọi người cầm đòn gánh xông lại. Cả họ nhà trưởng

giả kinh hoàng bỏ chạy một mạch lên rừng. Từ đó, cô gái cùng với số người nghèo hầu hạ trưởng giả được hưởng những của cải do chúng để lại.

Lại nói chuyện trưởng giả và họ hàng đành phải nấp nấu trong rừng sâu, ngày ngày kiếm quả cây nuôi thân. Chúng đi lom khom, áo quần rách nát trông rất thiếu nảo. Nhưng chúng vẫn tiếc của. Cho nên thỉnh thoảng ban đêm chúng lại mò về, hoặc gõ cửa, hoặc ngồi trước nhà kêu léo nhéo suốt đêm, gần sáng mới trở về rừng.

Thấy vậy cô gái và mọi người sợ quá, đêm đêm đóng cửa rất chặt. Họ bàn nhau tìm cách đuổi chúng. Họ bôi mỡ mỡ vào các cánh cửa, lại nung nóng rất nhiều lưỡi cày đặt rải rác ở cổng các nhà.

Quả nhiên, một đêm nọ chúng lại mò về. Theo lệ thường, chúng đánh đu vào song cửa kêu rít lên. Nhưng lần này chúng vừa mó đến đã bị mỡ mỡ vấy đầy tay rồi từ tay vấy khắp cả người, hôi hám không thể nói hết. Chúng kinh sợ dắt nhau ra ngồi trước cổng quen như thói cũ. Nhưng vừa đặt đít xuống các lưỡi cày thì chúng đã kêu oai oái, rồi ba chân bốn cẳng bỏ chạy lên rừng. Từ đó chúng kệt không dám về nữa.

Trong những khi lên rừng hái củi, người ta thỉnh thoảng vẫn gặp chúng. Thấy bóng người từ đằng xa, chúng liền chui theo nhánh cây, lủi nhanh thoăn thoắt. Người ta gọi chúng là những con khỉ. Ngày nay vẫn có nhiều người cho khỉ là thuộc nòi trưởng giả. Còn những con khỉ sở dĩ đỏ đít là vì chúng chịu di truyền dấu vết hồng đít của tổ tiên [1].

KHẢO DỊ

Truyện này được nhiều sách chép như *Truyện đời xưa...* của Jê-ni-bren (Génibrel), *Mỹ Âm tùy bút* của Trương Vĩnh Tống và *Loại cổ tích hay*^[2], mỗi sách chép có khác biệt về tình tiết. Theo quyển thứ nhất thì để làm cho cô gái trở nên xinh đẹp, ông Tiên không bảo nàng lội xuống giếng mà bảo đem một cái bánh và một cây nhang cho ông làm phép. Theo quyển thứ hai, ông Tiên làm phép ấn quyết vào thùng nước rồi bảo cô gái tắm. Đối với vợ chồng phú trưởng giả, ông cũng không bảo họ lội xuống giếng mà bảo họ kiếm bốn viên gạch lớn đốt đỏ lên đặt ở mỗi góc nhà một viên rồi hai vợ chồng phải nhảy nhót mãi, đoạn ngồi lên gạch. Cả ba quyển đều không nói đến họ hàng trưởng giả cũng tham dự vào việc này.

Đồng bào Thổ có truyện *Cô gái mồ côi thương người* gần giống với truyện của ta, nhưng kết cục lại không có việc hóa thành khỉ:

Ngày xưa, người nhà trời có thói quen xuống trần để thử con người. Hồi ấy có một cô gái mồ côi đi ở cho người. Vì chủ bạc đãi nên cô gầy gò xấu xí, không ai chơi với. Một hôm có sứ giả nhà trời hóa làm một ông lão ghẻ lở đến chỗ bọn con gái, bảo chúng công hộ qua khe. Chúng nó lấy làm kinh tởm, nhổ nước bọt chửi rủa ông, chỉ có cô gái mồ côi vui lòng công ông sang. Sau khi qua khe, ông lão trao cho cô gái hai cái váy ghẻ bảo hàng ngày hít sẽ có điều hay. Cô gái làm theo và trở nên béo tốt tươi đẹp. Khi bọn con gái biết được sự tình bèn cố chực đón ông lão. Gặp ông, bọn chúng xúm nhau làm kiệu đưa qua khe. Nhưng khi hít những váy ghẻ của ông lão cho, chúng trở nên xấu xí hết sức, đến nỗi không được ai lấy làm vợ, trong khi đó cô gái mồ côi nhờ đẹp nên lấy được chồng quan ^[3].

Đồng bào Thổ ở Thái-nguyên có truyện *Cô, cô gái mồ côi*, lại có chủ đề

mẹ ghẻ con chồng khác với các truyện trên:

Côi, vì mẹ chết sớm nên chỉ được ăn mặc rách rưới, đi chăn vịt, trong khi đứa con riêng của dì ghẻ thì ăn mặc tốt đẹp chỉ ở nhà giữ gà. Một hôm chăn vịt ở bờ suối, Côi nhổ tóc bạc cho một bà già - sau đó mới biết đó là hiện thân của mẹ mình - bà già cho Côi áo quần đẹp, vòng xuyến, v.v... Dì ghẻ thấy sự lạ, hỏi Côi lấy ở đâu ra, Côi đáp như lời mẹ mớm: - "Vịt lội, thì lội theo, vịt lặn, lặn theo, vịt ỉa thì ăn lấy, vịt đá uống lấy, nên như thế". Dì ghẻ cho Côi ở nhà giữ gà, để vịt cho con để mình chăn; nhưng càng làm theo lời Côi thì con lại càng ốm o xấu xí.

Kết thúc câu chuyện chủ yếu là nhằm chĩa vào mặt dì ghẻ:

Một hôm, hai chị em già gạo, chày của Côi vang lên "phịch công rông phịch"... (ý nói sau lấy chồng đẹp sung sướng). Còn chày của con dì lại kêu: "phịch cùng phịch rất" (ý nói sau này khổ). Nghe thế, dì ghẻ nổi giận, buộc cha Côi bỏ Côi vào rừng sâu. Nhờ chim muông và thú rừng nuôi nấng, Côi vẫn sống.

Sau đó, Côi gặp một người thợ săn, hai người lấy nhau trở nên sung sướng. Từ khi giàu có và lập làng xóm đông đúc, Côi nhớ đến cha, bèn trồng một gốc bí, bảo bí bò về nhà. Bí bò mãi về đến nhà bị dì ghẻ chặt đứt, lại mọc ngọn khác bò vào. Mấy lần như vậy. Tức mình, dì ghẻ bảo chồng tìm gốc mà chặt, nhờ đó ông gặp lại được Côi. Khi bố trở về, Côi gửi phần thịt biếu cha, lại gửi phần thịt biếu dì. Được gói thịt, mặt dì chui vào bịch ngồi ăn, nhưng giở ra toàn là rắn rết và ong, chúng cắn cho mặt thất điên bát đảo. - "Cứu tôi với!" mặt hét. Chồng đáp: - "Còn ăn miếng gan". - "Cứu tôi với!". - "Còn ăn miếng dồi". - "Cứu tôi với!". - "Còn ăn miếng xôi". Đến lúc phá bịch ra thì vợ đã chết giắc.

Từ đó dì ghẻ hối lỗi, đến thăm vợ chồng Côi, được Côi đối đãi tử tế [4].

Đồng bào Ba-na (Bahnar) có truyện *Đam Bơ* có lẽ cũng là một dị bản xa gần của truyện *Sự tích con khỉ*:

Đam Bơ ở với mẹ, nhà rất nghèo, phải đi chăn trâu cho tù trưởng. Bầy trâu không chịu ăn, đói meo, anh sắp bị tù trưởng hành hạ. Nhờ tiếng chiêng của anh ngân vang đến cõi tiên, các cô tiên bèn xuống trần chơi với anh, cho anh một cái lá phép. Anh thổi lên, trâu đang gầy hóa béo. Về nhà thổi lên: mẹ đang già hóa trẻ và đẹp. Thấy vậy, tù trưởng bắt anh thổi để mình và vợ con được trẻ và đẹp, nhưng Đam Bơ thổi cho cả nhà thành khỉ. Một con quỷ nhờ anh thổi cho thành người, nhưng anh thổi cho thành đầu người mình gà, v.v... đều chạy vào rừng ở [5].

Truyện *Sự tích con khỉ* của chúng ta tương tự ít hoặc nhiều với một số cổ tích nước ngoài. Truyện của người Băng-la-dex (Bangladesh):

Một người có hai vợ: một trẻ, một già. Hắn rất yêu quý người vợ trẻ. Vì thế, người vợ già bị người vợ trẻ đối đãi như nô lệ. Một hôm đang cơn giận dữ, người vợ trẻ giật đứt luôn năm tóc còn sót lại trên đầu người vợ già rồi đuổi ra khỏi cửa. Người vợ già bỏ đi vào rừng. Trong khi đi đường, gặp một cây bông, bà ta còn quét xung quanh gốc cây rất sạch khiến cây tỏ lời cảm ơn. Bà ta còn quét xung quanh một gốc chuối, một cây tu-la-xi và còn quét dọn chỗ ở của một con bò rừng. Tất cả đều cảm ơn bà. Sau đó, gặp một ông thầy tu, bà ta kể nông nỗi đau khổ của mình. Thầy tu bảo bà lội xuống chi một lần thôi, dưới cái ao nọ. Khi lên khỏi ao, bà thấy mình có mớ tóc rất đẹp và trẻ lại. Thầy tu lại cho bà một giỏ quả cây, bảo bà vào nhà mình muốn lấy giỏ nào thì lấy. Nhưng bà không lấy những giỏ to, đẹp, mà

chỉ lấy một giỏ tầm thường. Không ngờ về sau, bao nhiêu quả cây trong giỏ đều hóa ra vàng và ngọc quý và dùng không bao giờ hết.

Khi bà về nhà, qua cây tu-la-xi, cây chúc cho bà về được bình an và được chồng yêu thương đến điên cuồng. Con bò rừng cho bà hai cái vỏ ốc ở sừng, dặn bà đeo vào cổ tay, chỉ cần lắc vài cái là có đủ đồ trang sức như ý muốn. Cây chuối cho bà một tàu lá rộng nhất, dặn rằng hễ khi nào đói cứ trải lá ra là có đủ thức ăn ngon. Sau cùng, cây bông cho bà một cành của mình với phép màu nhiệm là chỉ lắc vài cái sẽ có quần đẹp.

Bà bước vào nhà, người vợ trẻ ngạc nhiên vô cùng. Khi nghe kể chuyện, chị ta cũng bỏ vào rừng với ao ước được giàu có và đẹp đẽ. Nhưng điều không may là chị ta lại quên dừng lại ở chỗ ba gốc cây và con bò rừng. Hơn nữa, đáng lý chỉ lội xuống ao một lần thì chị ta lại lội đến hai lần để mong được thật đẹp. Vì thế khi ra khỏi ao, chị ta vẫn không có gì khác trước. Ông thầy tu chả cho cái gì cả. Từ đấy chị ta bị chồng chán ghét, và dần dần trở thành nô lệ cho người vợ kia [6].

Một truyện khác của người Ấn-độ (Pendjab):

Có hai chị em tính tình khác nhau. Chị là Mô-tho, hay gây gổ khó tính; em là Mun-gô, hiền lành dễ bảo. Một hôm em rủ chị đi thăm bố già ở nhà anh. Chị không đi, em đi một mình. Dọc đường qua cây táo, cây bảo bẻ bớt gai cho nó. Cô dừng lại giúp. Sau đó, qua một bếp lửa, bếp bảo cời bớt tro vì làm cho nó ho, cô cũng làm hộ. Lại đến một cây pi-pan, cô buộc hộ cho nó cái cành gãy dở. Đến một suối nước, suối nhờ chùi hộ ở nguồn, vét bùn và nhặt lá rụng. Khi gặp bố, cô nâng đỡ, hầu hạ bố trong lúc người anh đi gặt vắng. Bố cô ưng ý cho một con trâu và nhiều đồ đẹp mang về. Khi qua các vật đã gặp lúc đi, mỗi vật đều cảm ơn và đều biểu cô: dòng suối làm nổi lên

mặt nước một tấm vải đẹp; cây pi-pan cho một vòng ngọc treo sẵn ở cạnh; bếp lửa cho bánh ngon; cây táo thì cho quả chín ngọt.

Cô chị thấy cô em về với quà tặng nhiều liền nổi ghen, cũng đi thăm bố già. Qua các vật trên, các vật cầu xin giúp đỡ, cô không giúp còn trả lời thô lỗ. Đến nhà bố già, ông anh vì không muốn bố tái diễn việc lấy của cho con gái nên phang gậy vào cô, đuổi ra khỏi cửa. Khi qua các vật trên, các vật cũng cho quà nhưng mỗi lần cô đụng tay đến thì chả được gì cả. Cứ thế, vừa đói vừa bị đau cho đến tận nhà.

Truyện của người Na-uy (Norvège) cũng tương tự truyện vừa kể:

Một cô gái kéo sợi đánh rơi mũi quay xuống giếng vị bà dì ghẻ buộc phải trèo xuống lấy lên. Cũng như truyện trên, cô đi dọc đường gặp rất nhiều vật, mỗi vật nhờ giúp một việc. Cô khéo léo khi vượt qua hàng rào cũ kỹ, không làm nó đổ; cô vắt sữa cho con bò khi vú nó đang căng; cô cắt lông cho một con cừu lông dài quét đất; cô đập cho rụng quả một cây táo nhánh nặng trĩu sắp gãy, v.v... Khi trèo xuống đáy giếng, cô không ngờ rơi vào tay một bà chẳng (tơ-rôn). Bà chẳng bắt cô làm đầy tớ cho mình, bảo làm nhiều việc khó khăn nhưng cô đều làm tròn, nhờ chịu khó và tốt bụng với những con chim (quảng những mẩu bánh cho chúng ăn). Bà chẳng tức mình vì việc gì cô cũng làm xong, đành phải trả công: cho cô được chọn một trong ba cái hộp. Một con chim giúp cô tránh hộp cóc nhái mà chọn hộp có của quý. Cô ra về. Bà chẳng không ngờ cô chọn mất hộp quý, vội đuổi theo toan lấy lại và định "xé cô làm nghìn mảnh". Nhưng cây táo bảo cô nấp dưới nhánh của nó làm cho bà chẳng tìm không ra. Sau đó con cừu bảo cô nấp dưới lông, con bò bảo nấp dưới vú, tiếp đến hàng rào cũng bảo cô nấp sau rào, nên cô gái về nhà vô sự.

Con gái bà dì do kiêu ngạo không chịu giúp ai cả nên kết quả bị bà chẳng

giết chết.

Truyện *Bà Hôn* (Frau Holl) do Grim (Grimm) sưu tập cũng cùng dạng với truyện trên. Ở đây cô gái qua một lò bánh. Những cái bánh ngọt gọi cô: - "Đưa tôi ra với kẹo tôi cháy đấy!". Cô lần lượt đưa chúng ra. Đến một cây táo đầy quả, cây táo cầu khẩn: - "Rung cho quả của tôi rụng mấy". Cô gái làm theo... [7].

Một truyện của người Ca-ri-en (Cariels) Miến-điện (Myanmar):

Một cô bé ra sông múc nước tuột tay đánh rơi chiếc thùng xuống dòng nước chảy. Cô không biết lội đành chạy men bờ, đuổi theo chiếc thùng trôi. Chạy mãi, đến một đập nước của người khổng lồ, cô bị hãm bắt. Sắp bị ăn thịt, cô kể chuyện của mình cho người khổng lồ nghe. Hãn bèn tha cho cô bé rồi đưa về nhà. Vợ người khổng lồ thấy cô cũng thèm ăn lắm, nhưng cô được khổng lồ chồng bảo vệ và sau thành con nuôi của hãn.

Một hôm, hai vợ chồng khổng lồ đi vắng để con gái ở lại và dặn đừng nhìn vào hai cái sọt để ở góc buồng. Nhưng cô gái không ngăn được tính tò mò: cô thấy một sọt đầy vàng bạc còn một sọt đầy sọ người. Sau đó, cô gái xin phép họ trở về quê hương. Khổng lồ chồng cho phép, nhưng khổng lồ vợ còn bắt cô phải bắt chấy cho mình trước khi lên đường. Cô gái thấy trên đầu mụ là cỏ một ổ răn rết rất ghê tởm. Cô đi kiếm một cái búa chém vào lỗ răn rết đồng thời cũng làm cho mụ ta choáng váng. Thế rồi cô được về. Trước khi đi, khổng lồ chồng bảo cô vào buồng, cho chọn lấy một cái gì tùy thích. Cô gái vốn đã biết cái giỏ cũ có thể làm đầy vàng bạc, nên nói: - "Hai ông bà đã già không đan được giỏ, con xin lấy cái giỏ cũ". Khổng lồ vợ cũng dặn: - "Nếu mày muốn đẹp thì khi đến sông nước đen hãy chải tóc và đánh răng, đến sông nước đỏ hãy chùi môi và sau cùng đến sông nước

trắng hầy xuống tắm!". Cô gái nghe lời, khi về đến nhà trở nên giàu có và đẹp đẽ.

Bà con nghe tin cô giàu kéo nhau đến thăm. Cô đong cho mỗi người một chén đầy vàng bạc. Nghe cô kể chuyện, một chàng trai trẻ tuổi quyết định đi thử một phen để cũng được giàu và đẹp như cô. Hắn đến nhà khổng lồ và cũng được nhận làm con nuôi. Cuối cùng hắn cũng được họ cho về quê với một chiếc giỏ. Vì chưa từng nhìn vào bao giờ nên hắn bắt chước cô gái là chọn một chiếc giỏ cũ. Hắn lại không chú ý đến lời dặn của khổng lồ vợ về những việc phải làm ở mỗi khúc sông mà hắn sẽ lội qua. Hắn trèo lên xe để về cho được mau. Nhưng khi về đến nhà, mở giỏ ra thì thấy đầy những sọ người. Đang kinh ngạc thì người khổng lồ đã đột ngột xông tới bắt hắn ăn thịt [8].

Ở truyện của người Hung-ga-ri (Hongrie) thì cô gái gặp một con chó nhờ lấy hộ mẫu xương mắc trong cổ. Khi gỡ được, nó biểu cô mẫu xương, dặn lúc nào bối rối đặt xương lên miệng nó sẽ bảo phải làm gì. Gặp một cái lò, lò nhờ cô quét hộ tro, quét xong, lò cho cô một cái còi, dặn khi nào cần chỉ thôi một tiếng là có thể tàng hình. Gặp một con kiến, kiến nhờ đưa lên khỏi hố sâu, và tạ ơn bằng cách dặn cô, hễ nghe tiếng xào xạc như tiếng gió thì coi chừng có kẻ đuổi theo.

Đến ngôi nhà vàng của mù phù thủy, cô nói năng rất lễ độ, xin một việc làm. Mù thuê cô quét dọn mười hai gian buồng, nhưng dặn chớ vào buồng thứ mười ba. Nhờ có mẫu xương con chó tặng, cô thắng được tính tò mò. Sau khi làm việc cho mù một năm (kỳ thực chỉ có ba ngày), mù lấy ra ba cái hòm bảo chọn một, cô chỉ chọn hòm gỗ thường. Lúc về dọc đường nghe tiếng xào xạc sau lưng, biết có nguy hiểm, cô lấy còi ra thổi, lập tức biến hình làm cho mù phù thủy tìm không ra. Lúc về, giở hòm ra thì là một hòm vàng và áo quần bằng gấm vóc.

Còn cô gái con mụ dì ghẻ độc ác cũng ra đi, nhưng vì chả giúp ích gì cho những kẻ đang yêu cầu cô giúp đỡ nên cuối cùng tuy không bị mụ phù thủy giết chết nhưng cô cũng phải chạy bán sống bán chết, mình đầy máu me; về chưa đến nhà đã mở hộp vàng (do cô chọn) ra xem, thì một con rắn trườn ra cắn đuổi làm cô chết giấc [9].

Một truyện của Pháp do Pe-rôn (Perrault) kể:

Một người đàn bà góa sinh được hai cô gái. Cô lớn giống mẹ, hóm hỉnh không ai chịu được. Còn cô bé hiền lành xinh đẹp bị mẹ ghẻ bỏ, cho ăn với đầy tớ và bắt làm ồm xác cả ngày.

Một ngày cô bé phải hai buổi đi gánh nước, xa chừng nửa dặm. Một hôm đến suối, nàng thấy một bà rách rưới đến xin ngậm nước. Nàng rửa sạch gầu, ra tận chỗ xa mức nước trong rồi hai tay nâng gầu cho bà ta uống. Bà già nguyên là nàng tiên giả dạng, uống xong bảo nàng: "Con đẹp mà tử tế, ta ban lộc cho con từ rày hãy mở miệng nói thì ra hoa, ra ngọc".

Khi cô bé trở về bị mẹ mắng, vội chắp tay xin: "Con lạy mẹ, mẹ tha cho con!". Vừa nói bấy nhiêu tiếng thì có hai cành hoa và hai viên ngọc sáng ngời từ miệng văng ra. Bà mẹ ngạc nhiên hỏi chuyện; nàng kể hết sự thật. Bà vội giục cô gái lớn là Phăng-xông ra suối. Cô mang bình bạc đi múc nước. Khi đến nơi, bỗng có một bà sang trọng xin giải khát. Chính là nàng tiên vừa rồi hóa thành người khác để thử cô. Cô nói: - "Khéo cái bà này, để tôi đến đây để múc nước cho bà uống đó sao. Mà bà có uống thì ghé xuống đây mà uống". Nàng tiên đáp: - "Con không ngoan một tý nào. Vậy thì ta ban cho là hãy mở miệng ra nói sẽ nở ra rắn và cóc".

Thấy con gái lớn về, bà mẹ đon đả: - "Thế nào con?". Cô vừa đáp: - "Mẹ

ạ!" thì đã có hai con rắn và hai con cóc từ trong mồm văng ra. Bà mẹ hốt hoảng: - "Trời ơi! Cái gì thế này. Chắc là con ranh con phản chi đây!".

Bà mẹ tìm con gái bé để đánh. Nàng chạy trốn vào rừng. Giữa lúc đó thì hoàng tử đi săn về qua đây. Hoàng tử thấy cô gái đẹp, dừng ngựa lại bởi vì sao mà khóc. Nàng đáp: - "Mẹ tôi đánh đuổi tôi". Hoàng tử thấy ở miệng rơi xuống năm hạt trân châu, rất lấy làm lạ. Khi nghe rõ câu chuyện, hoàng tử đưa nàng về cung, tâu trình vua cha xin lấy làm vợ.

Còn cô chị ngày một bần tính làm cho mẹ cũng sinh ghét, đuổi đi. Hăn long đong đây đó không ai muốn chứa, sau vào xó rừng mà chết [10].

Một loạt truyện khác có nội dung gần gũi với loạt truyện kể trên, ở chỗ nhân vật đều là một cặp chị em tốt và xấu và mỗi người chịu kết quả báo ứng tương xứng với tính nết của họ.

Truyện của ta: *Hai chị em*:

Có hai chị em, chị giàu bỏ mặc em nghèo không giúp đỡ. Em đi xin không ai cho cả. Đi mót khoai thì có một con rắn chui vào rổ. Em bảo rắn: - "Rắn ơi! Ta và con ta đói lắm, nếu mày cho ta làm thức ăn thì cứ nằm yên để ta đưa về nấu". Nấu xong thì rắn đã hóa thành thỏi vàng. Từ khi giàu, em mời chị tới chơi nhà. Khi biết được nguồn gốc giàu có của em, chị cũng bắt chước cầm rổ đi mót khoai. Cuối cùng cũng có một con rắn chui vào rổ, và chị cũng nói với rắn như trên, rồi đưa về nhà bỏ vào nồi nấu lên. Không ngờ lúc này rắn lại hóa làm nhiều con khác, bò ra đầy một nhà cắn chết chị [11].

Truyện của người Tia-rôn (Tirols):

Một cô gái đi hái quả rừng với người anh. Cô trả lời dịu dàng lễ phép về những câu hỏi của bà thánh Đồng trinh, trái lại, người anh trả lời vô lễ. Bà thánh cho cô em một hộp sách màu vàng, người anh một hộp đen. Anh mở hộp ra thì thấy có hai con rắn bò ra cắn chết, còn em mở hộp ra thì có hai nàng tiên đưa em lên trời.

Truyện của người Ê-cốt-xơ (Écosse):

Một nàng công chúa bỏ nhà ra đi vì bị dì ghẻ xấu bụng, ghen tị bạc đãi. Dọc đường gặp một ông già, nàng vui lòng chia thức ăn của mình cho ông. Ăn xong, ông rủ công chúa ngồi trên bờ một cái giếng, bồng chỗ dưới mặt nước trời lên một cái đầu nhờ công chúa gội và chải tóc hộ. Công chúa sẵn lòng làm việc đó. Khi đã tắm tất, cái đầu khen nàng, hứa cho nàng mỗi lần mở miệng nói rơi ra một viên kim cương. Lần thứ hai một đầu khác cũng nhờ gội và chải hộ rồi trả ơn mỗi lần nói một viên minh châu. Lần thứ ba lại một đầu khác, tặng mỗi lần nói một viên ngọc.

Con gái bà dì ghẻ thấy thế cũng xin đi thử. Nhưng cô đối đãi với ông già không được tốt, chải tóc cho ba cái đầu cũng làm nguệch ngoạc, nên kết quả mỗi lần nói thì văng ra một con cóc một con nhái, v.v...

Truyện của người Xéc-bơ (Serbes):

Một cô gái đối đãi tốt với một con rồng, giúp việc cho nó trong nhiều ngày, được nó thưởng cho một cái hộp do cô tự chọn lấy trong những cái hộp. Cô gái chọn lấy một hộp nhẹ nhưng lúc về mở ra thấy đầy một hộp tiền vàng. Cô gái con bà dì ghẻ cũng đi giúp việc cho rồng nhưng làm những điều không tốt. Lúc về cũng được rồng cho một trong những cái hộp. Cô chọn

hộp nặng nhất, về mở ra thì có hai con rắn chui ra, mổ vào mắt cô và mắt bà mẹ.

Truyện của người Iéc-lăng (Irlande):

Một cô gái bị dì ghẻ quăng xuống giếng. Tỉnh lại, cô thấy mình ngồi trong một cái trại rất đẹp. Cô tỏ ra thương người và dễ bảo đối với những người và vật mình gặp ở dưới đó. Cuối cùng, đến một chỗ có một mụ phù thủy, cô giúp việc cho mụ, được mụ trả công, cho chọn một trong ba cái hộp. Nhờ có người bảo trước, cô chọn đúng hộp cuối cùng, là hộp có vàng. Cũng nhờ có người bảo trước, cô tránh khỏi bị mụ phù thủy đuổi theo bắt lại. Người con gái bà dì ghẻ thấy thế, cũng bảo mẹ quăng mình xuống giếng, nhưng vì tính kiêu kỳ khó chịu với mọi người, nên cô chỉ gặp toàn những cái không may. Về nhà, cô suýt chết vì cái hộp vàng mà cô chọn, vì mở ra toàn cóc rắn bò ra đầy nhà.

Truyện của người vùng núi Cô-ca-dơ (Caucase):

Có hai cô gái, một siêng một lười. Cô siêng kéo nước ở giếng không may dây đứt, thùng trôi. Sợ bị mắng, cô nhảy xuống giếng mò cái thùng. Không ngờ ở dưới giếng có một tòa nhà, người chủ tòa nhà nhờ cô giúp việc và cô được trả công một chiếc nhẫn quý, lại được ông cho đầy cô-pếch vào thùng. Cô lười cũng làm theo như lời chủ siêng kể lại nhưng chỉ mang về một thùng nước đá.

Truyện của Thổ-nhĩ-kỳ (Turquie):

Do dì ghẻ xúi giục, một cô gái bị bố bỏ vào rừng sâu. Cô đi lạc vào một cái hang của bà chằng. Cô chào bà chằng bằng "mẹ". Bà chằng thấy cô ngoan ngoãn dễ tính, bèn nuôi cô như con. Trong hang có những con rắn, nhưng

do tốt bụng nên chúng không làm hại. Bà chẳng rất bằng lòng. Một hôm hỏi cô muốn gì. Cô đáp: - "Muốn về với bố". Bà chẳng bèn cho cô về với một cái hộp. Lúc về, không ngờ mở ra được một hộp vàng và đá quý.

Con gái bà dì ghẻ thấy thế cũng muốn được may, nhưng tính khí cô bị mọi người ghét. Lúc về bà chẳng cũng cho một hộp, nhưng đến nhà mở ra thì có những con rắn bò ra cắn chết cả hai mẹ con [12].

Truyện của người Nhật-bản *Con chim sẻ bị cắt lưỡi*:

Một ông già không con, nuôi một con chim sẻ làm con mà ông rất yêu. Một hôm, vợ ông đi giặt về thấy mất một món ăn. Hỏi thì chim nói thật là mình đã ăn vì món ăn đựng vào bát của nó. Bà già bèn cắt lưỡi chim và đuổi đi. Ông già đi vắng về thấy mất chim, cất công đi tìm. Tìm được chim, chim đưa ông về nhà mình. Cả nhà chim tiếp đãi rất hậu, cho ông ăn ngon, uống rượu (xa-kê), lại tổ chức nhảy múa điệu chim sẻ cho vui. Lúc ông về, chim đưa ra hai cái sọt kín, để ông chọn lấy một. Ông già nghĩ mình già yếu chọn cái sọt nhẹ. Khi về hóa ra đầy một sọt vàng bạc và vật quý. Nhưng vợ trách chồng sao không lấy cái sọt nặng; sau đó, bà già cũng cất công đi tìm chim sẻ, cầu xin chim cho mình một cái sọt như chồng. Chim cũng đưa ra hai cái sọt cho chọn một. Bà già chọn cái sọt nặng. Khi về, mở ra thì một lũ rắn rết và quỷ từ trong sọt nhảy ra làm cho bà chết giấc [13].

Một loại truyện nữa giống với *Sự tích con khỉ* nhưng thường kết hợp với một số mô-típ của truyện *Tấm Cám*, cũng phổ biến ở nhiều dân tộc. Sau đây là một ít ví dụ:

Truyện của đồng bào Thái: *Nàng Khao, nàng Dăm*, các truyện *Ý Uời, ý Noọng, Ý Đốn, Ý Dăm* (Thái), *Tua Gia, Tua Nhi* (Tày), *Gầu Nà, Gầu Rềnh*

(Mèo), *Ò Pèn*, *Ò Kín* (Nùng) (xem **Khảo di** truyện số **154**, tập **IV**) đều có những hình tượng giống, chỉ khác đôi chút về cách kể:

Có hai chị em: chị là Đăm, con riêng dì ghẻ, thì lười, xấu tính, em là Khao, con vợ cả, thì chăm chỉ hiền lành. Vì việc bắt ếch, Đăm đã làm cho bố hiểu lầm, giết vợ cả. Mồ côi mẹ, Khao bị dì đối xử rất tệ. Cùng nhau đi bắt cá, Đăm không bắt được gì, nhưng lừa Khao bảo Khao xuống tắm cho sạch bùn, rồi đánh tráo giỏ cá. Lần thứ hai bố đi buôn vắng, Khao khóc nước mắt đầy niêu đầy chậu. Còn Đăm không khóc nhưng lại lấy muối hòa đầy chum đầy vại, nói dối với bố đó là nước mắt của mình. Bố nể thấy mặt khen Đăm có hiếu. Nghe lời xúc xiểm của vợ, bố bỏ Khao vào rừng sâu. Ở đây Khao gặp mẹ bấy giờ đã hóa hổ. Hổ giúp Khao lấy chồng là "tạo" Khun Chương, lập thành bản mường đông đúc giàu có. Đến đây câu chuyện cũng có chi tiết trồng cây bầu, bầu bò về nhà bố. Bố lúc này đói rách, lần theo dây bầu tìm đến nhà Khao, được Khao tiếp đãi rất hậu: lên nhà bằng thang vàng thang bạc, ngồi trên ghế mây ghế song, gắp bằng đũa ngà đũa ngọc, và khi về, cưỡi ngựa bằng yên vàng yên bạc với nhiều tặng vật quý (không có chuyện tặng dì ghẻ thức ăn hóa rắn như truyện *Côi*, *cô gái mồ côi* nói trên).

Đăm thấy Khao giàu có cũng tìm đến nhà, tuy không bị Khao đuổi, nhưng không được đối đãi tốt: lên nhà bằng thang lau thang sậy, giữa chừng thang gãy bị bọ chó đốt; ngồi ghế gãy, ngã, bị chó, mèo cắn; ăn cơm bằng đũa nửa đũa tre, nửa cửa đứt mõm; khi về được Khao cho cưỡi dê, dê đâm vào bụi này vũng kia rất cực khổ [14].

Về nhà, Đăm xui bố mời Khao về thăm. Đăm bảo Khao trèo cây bồ quân hái quả cho bố rồi chặt gốc. Khao chết, theo phong tục, Đăm thành vợ tạo Khun Chương. Khao hóa thành chim cu quanh quẩn theo chồng. Bị Đăm giết, chim hóa cây tre ngà cho tạo mắc võng nằm. Đăm đốt cây tre. Bà cụ láng giềng đi xin lửa cầm thanh tre về, thanh rơi vào chậu nước hóa thành cô

gái đẹp. Cô gái xin bà cụ giấu kín cho. Nhưng một hôm cô gái dệt vải đánh rơi thoi xuống dưới sàn nhà. Vừa lúc con của tào (do Khao đẻ ra) chơi gần đấy, nhặt hộ. Con của tào thấy có bàn tay thò xuống sàn giống tay mẹ nó, liền đi mách bố. Kết quả hai vợ chồng lại gặp nhau.

Lúc này Đăm tuy ở với chồng nhưng không được chiều chuộng nữa. Một hôm hỏi Khao tại sao môi đỏ? Đáp: Vì lúc trước đi chăn vịt ăn phải cứt vịt. Đăm nghe lời, cố nuốt cứt vịt, môi càng thâm sì. Lại hỏi sao có áo đẹp? Đáp: Vì để trâu ăn mất áo nên trời cho áo đẹp. Đăm làm theo, không thấy Trời cho áo. Đăm thò tay và đút trâu để lấy áo bị trâu lôi đi khắp nơi, cuối cùng không được gì, trần truồng chạy về. Hôm khác lại hỏi: Sao lại trắng trẻo đẹp đẽ? Đáp: Vì tắm nước sôi. Đăm làm theo, bị bỏng chết. Khao làm mắm đem về biếu dì, dì ăn khen ngon. Khi mắm gần hết thấy đầu lâu con, lăn ra chết [15].

Người Miến-điện (Myanmar) còn có một truyện *Quạ vàng* có cả những tình tiết của truyện *Nàng Khao nàng Đăm* trên lẫn những tình tiết của truyện *Cây khế* (xem **Khảo di**, truyện số 59, tập II).

Một bà góa có cô con gái xinh xắn tính diễm đạm, một hôm mẹ bảo con ở nhà trông sàng phơi lúa ở sân, đừng để chim ăn mất. Bỗng có một con quạ vàng đến ăn, đuổi mấy cũng không đi, chỉ một chốc là hết sạch. Cô òa khóc: - "Mẹ tôi nghèo lắm chỉ trông nhờ vào chỗ thóc này". "Ta sẽ đền cho. Mặt trời lặn hãy đến gốc me ngoài làng, ta sẽ đưa đi". Đúng hẹn, cô gái đến gốc me thấy có một ngôi nhà vàng nhỏ trên cây me. Quạ thò cổ ra mời lên và hỏi: - "Muốn dùng thang vàng, thang bạc hay thang đồng?" - "Tôi nghèo khổ có thang đồng đã quý". Quạ bắc thang vàng, cô trèo lên. Quạ mời ăn cơm, hỏi: - "Muốn dùng mâm vàng, mâm bạc hay mâm đồng?" - "Tôi nghèo khổ có mâm đồng đã quý". Quạ dọn ăn bằng mâm vàng. Ăn xong, quạ lấy ra ba cái hộp: lớn, vừa và bé cho chọn một đưa về biếu mẹ cô. Cô chọn cái bé nhất, rồi ra về không quên tỏ lời cảm ơn quạ. Đến nhà, cô đưa

hộp cho mẹ, mẹ mở ra được 100 hạt ngọc đỏ rất quý. Từ đấy họ trở nên giàu có.

Trong làng có một bà góa khác giàu có, có cô con gái tham lam, nóng nảy. Nghe kể chuyện, cô cũng đem sang thóc ra phơi. Vì lười nên cô để cho chim chóc ăn mất, khi quạ đến chỉ còn một nhúm. Tuy vậy quạ cũng ăn. Cô bảo: - "Ăn hết thóc nhà tôi phải đem giàu có đến cho nhà tôi". Cũng như trên, quạ cũng dẫn cô vào lúc mặt trời lặn đến cây me ngoài làng mà nhận quà. Cô đến, quạ cũng mời lên mà hỏi: - "Thang vàng, thang bạc hay thang đồng?" Cô nói: - "Thang vàng". Quạ chỉ buông thang đồng. Quạ mời ăn, cũng hỏi: - "Mâm vàng, mâm bạc hay mâm đồng?" - "Mâm vàng". Chỉ được mâm đồng. Thức ăn ngon nhưng ít, cô không thỏa mãn. Sau đó quạ cũng đưa ra ba cái hộp. Cô vô lấy cái hộp lớn nhất rồi hỏi hỏi xuống thang trở về không có một lời cảm ơn. Nhưng về nhà, mẹ con mở hộp ra thì một con rắn chui ra phun phì phì [16].

Một truyện khác sưu tầm ở vùng Cô-ca-dơ (Caucase):

Một dì ghẻ đối xử tệ với con gái chồng, cô phải ăn đói mặc rách. Một hôm con bò cô chăn thấy cô khóc, hỏi lý do. Cô kể cảnh khổ của mình. Bò bảo: "Trong một cái sừng của ta có mật ong, bên kia có bơ, cứ lấy mặc sức". Dì ghẻ thấy cô ngày một khỏe, lại bắt phải kéo mỗi ngày một thúng len. Một hôm bò chạy lên nóc một nhà kia (nhà nông dân Cô-ca-dơ thường làm dưới đất) cô gái đuổi theo, đánh rơi con quay xuống nhà, cô cúi nhìn xuống thấy một bà già. Cô chào hỏi rất lễ phép, bà già là một mục phù thủy (đê-vi) bảo cô xuống mà nhặt. Vì cô dễ yêu nên bà già rất mến, bảo cô nhúng đầu rửa tay trong một cái giếng, không ngờ tóc và tay đều trở nên vàng.

Bà dì sai con gái riêng đi chăn bò, và cũng tìm đến nhà bà già. Vì cô vô lễ lại xấu tính nên được rửa vào một thứ nước hóa ra đen như hắc nô và mọc

sừng trên đầu. Lúc về dì giận, giết chết con bò. Trước khi chết, bò dặn cô gái tóc vàng chôn xương của mình. Một hôm có đám hội, cô gái đào lên được quần áo và giày đẹp, mặc đi dự hội [17]_. Và sau đó cũng xảy ra chuyện mất giày, cuối cùng được lấy hoàng tử như truyện *Tấm Cám* (xem truyện số 154, tập IV).

Truyện của người Ác-mê-ni (Arménie):

Một đứa trẻ và chị nó bị bố bỏ vào rừng sâu do bà dì ghẻ xúc xiểm. Thằng bé vì uống nước trong dấu chân chiên nên hóa thành con chiên con. Cô gái hàng ngày phải chăn chiên. Một hôm mũi quay cuốn sợi của cô lặn vào một cái hang. Cô chui vào tìm. Ở đây có một bà già quý. Do tính nết đáng mến của cô nên bà già làm cho cô có bộ tóc đẹp, áo giày bằng vàng lại làm cho con chiên trở lại thành người, rồi chỉ đường cho về nhà.

Con gái riêng của bà dì thấy vậy cũng tìm đến hang, nhưng vì tính khí cục cằn nên bị bà già ghét, làm cho xấu xí.

Sau đó là ngày hội ở cung, vua cho phép mọi cô gái tới dự. Cô gái mang áo vàng giày vàng đi dự, một chiếc giày bị rơi xuống giếng, Vua nhặt được và tổ chức một cuộc thử giày, cuối cùng, cô gái lấy vua, cũng giống như truyện *Tấm Cám* [18]_.

Một số truyện dưới đây, tuy hình tượng và nhân vật không giống với các truyện trên nhưng vẫn cùng một chủ đề.

Truyện của người Ma-rốc (Maroc):

Một người có hai vợ, mỗi vợ đẻ bảy con gái. Vợ cả muốn giết lũ con vợ lẽ bèn đặt điều nói với chồng đó là điều xấu, không trừ bỏ sẽ lại hại. Ở thành

phố ấy có một ngôi nhà có ma (Jơ-nun), ai vào nghỉ đêm là chết. Mụ bèn xui chồng thuê nhà đó cho bảy cô gái con vợ lẽ đến ngủ. Bảy cô này tốt bụng, can đảm và khôn ngoan, vâng lời bố đi ngay, chỉ xin cho chổi, cá, sữa và chất thơm. Tối nọ, các cô quét dọn hài cốt rác rưởi, rồi rắc sữa và đốt chất thơm làm cho ngôi nhà trở nên sạch sẽ, thơm tho. Buổi chiều, một cô đang nướng cá thì một bàn tay không có người ngửa ra xin ăn. Cô sẵn lòng cho, sau khi để cho cá nguội. Rồi bảy bàn tay khác cũng lần lượt giơ ra xin cá nướng và đều được thỏa mãn. Tối lại, các cô thắp đèn dọn ăn. Một con ma hai mũi hiện ra, các cô mời nhập tiệc: "Các cô có muốn một người ba mũi, tới dự không?" - "Sẵn lòng". Thế rồi ba mũi, bốn, năm, sáu, bảy mũi lần lượt xuất hiện và đều được tiếp đãi tử tế. Đang ăn bỗng phía ngoài có tiếng: - "Ôi, các chị giúp em xuống với!". Một cô bước ra lấy vạt áo đỡ một cục thịt nằm trên thang xuống đất.

Sáng dậy, bố đến với mười bốn đô tùy và bảy áo quan, nhưng không ngờ các con gái đều khỏe mạnh, lại đeo những trang sức đắt tiền do ma tặng. Vợ cả muốn bảy con gái của mình cũng được như vậy. Nhưng các cô này bần và lười. Không nghĩ gì đến chổi, sữa và chất thơm để quét dọn. Khi thấy một bàn tay giơ ra, cô đang nấu ăn kêu ầm lên: "Kính tởm", rồi gọi các chị xin một cái búa. Bàn tay biến mất. Đang ăn, các ma hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy mũi lần lượt xin ăn nhưng họ chỉ được nghe tiếng chửi và chế nhạo. Các cô cũng làm ngơ với tiếng kêu phía ngoài nhờ đỡ xuống cầu thang.

Sáng dậy người bố đến thì bảy cô đã chết cả [19].

Người Man-gát-sơ (Malgaches) có truyện *Người em út* có kết cục là năm người anh xấu không phải hóa khỉ mà hóa thành những con vật chuyên ăn đêm bị mọi người ghét:

Có hai vợ chồng sinh được 6 trai. Năm người cao lớn đẹp đẽ, còn đứa út tên là Pha-ra thì gầy yếu và xấu xí. Năm người anh ghét bỏ em, đánh đập luôn. Khi bố mẹ chết, chúng nó bắt em làm như nô lệ. Em tức giận bỏ đi. Dọc đường thấy vườn mía vắng chủ: - "Chà mía tốt quá!". Nhưng anh chỉ khen thế mà không dám bẻ. Lại đi nữa thấy một đàn cừu, tiếp đến một vườn cam, một vườn dừa rồi một vườn chuối đều không thấy có ai trông nom. Tuy khát và đói, Pha-ra cũng không dám màng. Anh mệt, ngồi lại đó rồi ngủ quên. Bỗng có một ông già áo đỏ thức dậy hỏi: "Sao lại ngủ ở đây?" - "Tôi mệt quá xin ngủ nhờ". Ông già dắt đến một ngôi nhà xinh xắn, trong nhà đầy hoa quả. Bà chủ bưng sữa ra, anh vẫn không dám đụng đến, chỉ hỏi: - "Xin phép nghỉ lại đây" - "Anh hỏi ông chủ ấy". Ông chủ mời anh uống sữa rồi hỏi: - "Có phải anh vừa đi qua các vườn mía, đàn cừu, vườn cam, v.v... không?" - "Vâng" - "Anh là người thật thà đáng khen, vậy anh có nguyện vọng gì ta sẽ giúp?" - "Chỉ xin được khỏe mạnh" - "Được". Sáng dậy anh thấy mình ngủ ở gốc chuối, bên cạnh có một bọc toàn vàng, còn thân hình thì trở nên to lớn khỏe mạnh.

Năm người anh nghe kể cũng ra đi. Qua vườn mía khát quá, họ bẻ trộm ăn. Khi gặp đàn cừu, nhân đói, họ vật một con làm thịt. Đến các vườn cam, vườn dừa, vườn chuối cũng trộm ăn như vậy, có người ra ngăn, họ còn dọa đánh. Sau mệt quá, họ quay ra ngủ. Ở đây cũng có ông chủ đến thức dậy mời họ vào nhà. Vừa thấy sữa bưng ra, họ vồ lấy uống ngay. Ông chủ hỏi: - "Các anh đi đâu?" - "Đi tìm thần Hạnh phúc" - "Các anh là lũ phá vườn mía, ăn trộm cừu, v.v.. đã phá hoại của người lại còn đe đánh chủ". Nói xong, một ánh chớp nổi lên, năm gã biến mất, hóa thành năm con vật: cú, chim lợn, vọ, vạc, dơi. Chúng xấu hổ, chỉ dám đi ăn đêm [20].

Về tình tiết lợi xuống giếng trở nên xinh tốt, người Khơ-me (Khmer) có truyện *Bốn chàng hói*:

Có bốn chàng đầu hói thường bị bọn trẻ giễu cợt, bèn không quản đường xá xa xôi tìm đến một vị hòa thượng trên núi Hi-ma-van để nhờ cứu chữa. Vị hòa thượng chỉ cho họ một cái hồ ở sau núi, bảo hụp xuống thì tóc sẽ mọc, và dặn chỉ được hụp một lần thôi.

Bốn chàng hụp xuống hồ, quả nhiên tóc mọc đen nhánh. Nhưng họ còn muốn cho tóc mọc nhiều hơn để cho thông minh hơn nữa, bèn rủ nhau hụp xuống lần nữa. Nhưng khi lên thì mớ tóc vừa mới xuất hiện đã biến mất. Lại rủ nhau hụp nữa thì những sợi còn lại cũng mất nốt.

Trở lại chỗ vị hòa thượng, họ xin giúp đỡ lần chót, nhưng hòa thượng lắc đầu, nói: - "Không thể chữa được nữa. Đó là hình phạt đối với những kẻ tham lam không chán" [21].

Có nhiều truyện của nhiều dân tộc nói về sự tích con khỉ nhưng không cùng loại với mô-típ của các truyện trên kia:

Ví dụ một dân tộc ở châu Phi kể rằng: một tù trưởng thấy những người của bộ lạc mình lười biếng không thích làm ruộng, chỉ quen nhờ vả người khác bèn đuổi cả vào rừng giao cho mỗi người một cái cuốc, buộc họ không được đánh mất. Thế nhưng bọn người này không thích làm ruộng, chỉ hái quả mà sống. Sợ mất cuốc, họ buộc chặt cuốc vào sau lưng, về sau cán dính vào người thành cái đuôi, đồng thời lông lá mọc đầy mình, trán nhăn nhó vì mệt mỏi, mà thành khỉ [22].

Người thiểu số ở Nghệ-an có truyện *Sự tích con khỉ* khác truyện của ta:

Có một "ông mo" sinh được nhiều con cháu. Gặp nạn đói, ông xuôi chợ kiếm cái ăn. Ở nhà vợ không chờ được, bèn lấy lúa giống làm gạo nấu cháo

cho con cháu ăn. Đói quá, chúng nó tranh nhau bốc ăn khi cháo chưa kịp chín. Người đàn bà lấy đũa bếp gõ mỗi đứa một cái vào đầu. Chúng chạy vào khe núi hóa thành khí, lông lá mọc đầy người. Bà ta bèn đi gọi con và cháu về, nhưng đi đến đâu, chúng chạy tán loạn đến đấy. Ông mo về, vợ kể lại và nói: - "Không biết có phải chúng nó giận tôi đánh hay trời làm ra thế". Ông mo vào rừng gọi con cháu, nhưng chúng đáp: - "Bây giờ trời đã bắt hóa khí rồi, xin đừng gọi nữa" [23].

Đồng bào Cham-pa có truyện kể về sự tích con khỉ nhưng lại giống truyện *Tam và Tứ* (xem truyện số **150**, tập **IV**):

Có hai anh em Run và Rai, bố mẹ chết, Run chiếm đoạt cả gia tài. Sau đó Run đưa Rai lên rừng đốn gỗ. Vì đói quá nên Rai hỏi vay Run bát gạo - "Mỗi bát gạo phải đổi một con mắt!". Thằng anh độc ác nói thế. Rai vay một bát bị Run móc một mắt. Nhưng ngày hôm sau lại đói, Rai đành đổi con mắt kia lấy bát gạo thứ hai. Run bỏ em về nhà. Rai lạc trong rừng sâu. Bỗng nghe đôi chim cu xanh nói với nhau thương hại cho anh chàng mù. Một con bảo Rai: - "Hãy ngửa mặt lên ta cho mắt". Rai ngửa mặt và chim thả xuống hai hòn ngọc đúng vào hai hố mắt, mắt lại sáng như xưa. Rai xuống nước bắt được con cá thần. Cá bảo đưa mình về nuôi. Sáng dậy, Rai thấy chỗ hồ cá đầy vàng ngọc. Giàu có, Rai mời Run đến ăn giỗ. Biết vì sao mà em giàu, Run mượn con cá thần về nuôi, nhưng cá chỉ cho giẻ rách và phân. Run giận, bắt cá ăn thịt. Rai đem chôn xương cá ở một mảnh đất do một con gà chỉ cho, tự nhiên mọc lên hai cây tre đầy lùa là gấm vóc vàng bạc. Run lại đến mượn cây tre về trồng, tre chỉ cho giẻ rách nên Run chặt đem đun bếp. Rai đi tìm tre và mang tro về hòa nước tắm: cả hai vợ chồng trở nên đẹp đẽ, Run cũng lấy tro về tắm, nhưng gội xong thì trở nên ngứa ngáy, lông lá mọc đầy người. Rai được thần bảo nung gạch đỏ bỏ gần chỗ Run tắm. Vợ chồng Run ngồi lên bị bỏng rát chạy lên rừng thành khí.

Người Khơ-me (Khmer) cũng có một truyện nói vì sao con khỉ đỏ đít:

Thỏ là chúa rừng, một hôm thuê thợ rèn tới rèn đuôi rồi phân phát cho các loài vật. Những con vật đến sớm như công, trĩ, v.v... đều chọn được đuôi dài và đẹp. Những con đến muộn như chó, v.v... với phải đuôi xấu. Voi và cún cút đến muộn hơn thì đuôi đã hết cả, nhờ thợ rèn lấy cút sắt rèn hộ nên cũng được đuôi nhưng đuôi không xứng với người. Khi đến sớm nhưng mãi cười chê người khác, quên mất mình chưa có đuôi, mới nhờ thợ rèn vét số cút sắt còn lại rèn cho mình. Nhưng vì vội vã, đuôi còn nóng đã lắp vào nên dính bị bỏng, đành chạy vào rừng sống qua ngày [24].

-
- [1]. Theo lời kể của người vùng Sơn-tây, Vĩnh-yên.
- [2]. Do Nhà xuất bản Cây thông xuất bản.
- [3]. Trong *Tạp chí Đông-dương*, tập III (1905),
- [4]. Truyện *Tua Gia, Tua Nhi* mở đầu giống với phần đầu truyện này nhưng phần sau thì phát triển giống với truyện *Tấm Cám* của ta (xem trang 231).
- [5]. Theo *Truyện cổ Ba-na*, tập I.
- [6]. Theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn, tập II. Truyện này theo sách *Dưới những cây xoài* (truyện cổ tích Băng-la-dex (Bangladesh) của Sát-téc-gi (Chatterji)) kể có khác ít nhiều. Cũng trong sách này còn có truyện *Hai chị em Vui và Buồn* cũng là một dị bản của truyện trên. Vui là con vợ cả, Buồn là con vợ lẽ... Một hôm Buồn đuổi theo một gói bông của mẹ cô phơi, bị một trận gió cuốn đi. Dọc đường gặp một con bò cái, rồi một cây chuối, rồi một cây bông, rồi một con ngựa cái, mỗi vật đều yêu cầu cô giúp cho một việc. Buồn sẵn lòng làm giúp. Đuổi đến lều bà mẹ Trăn, thì thấy gói bông, cô nói khéo để xin lại. Mẹ Trăn thấy cô lễ phép dễ yêu, bảo cô hụp xuống sông, khi lên hóa đẹp; bảo cô chọn quần áo sang trọng đẹp đẽ, cô chỉ lấy một cái chăn (sa-ri) bông; mời cô ăn, lại bảo cô chọn một trong số những cái giỏ, cô chỉ lấy cái giỏ bé, không ngờ về sau tiền vàng không ngớt tuôn ra. Lúc về dọc đường con ngựa cái cho một con ngựa con, con bò cái cho một con bê, cây chuối cho một nải ngon, còn cây bông thì cho một ôm bông. Còn cô Vui tính cáu kỉnh, ích kỷ, chẳng giúp gì cho bò, ngựa, chuối, bông khi chúng yêu cầu; lại thiếu lễ phép và tham lam nên chẳng được gì cả, không những thế, vì lội xuống sông hai ba lần nên hóa già khom.

[7]. Ở một truyện của Phần-lan (Finlande) cũng có việc gặp một lò bánh, một con bò cái cần vắt sữa, một con cừu đòi cắt lông, v.v... Nhưng đây không phải là hai chị em cùng cha khác mẹ với bà dì độc ác mà là ba cô gái được vua vời đến làm nữ tỳ. Hai cô đầu không chịu làm giúp vì sợ bẩn tay (đã rửa tay 3 năm với sữa để xứng đáng hầu hạ vua). Chỉ có cô thứ ba không nề hà, giúp đỡ cho mọi vật mà cô gặp. Sau cùng, cô khéo léo giúp một ông già bị ngã xuống hố. Cụ già cho cô gái một cái gậy, gậy ấy đánh vào đá thì nó cho xe ngựa áo giày đeo để đi dự lễ nhà thờ, v.v...

[8]. Theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn. Về truyện cổ tích này trong *Miến-diện dân gian cổ sự* lại kể như sau: Nàng Nhái tí hon, siêng, đảm và khôn ngoan. Một hôm mẹ bảo đi múc nước. Dòng nước cuốn trôi mất ống, cô nhảy xuống vớt, bị trôi, may ôm lấy ống nên khỏi chết. Một mụ yêu ăn thịt người bơi ra bắt về - “Con này bé quá chả ăn, thôi để lại sai vật”. Một hôm mụ bảo cô bắt chấy. Đầu mụ bẩn kinh tởm nhưng nàng nói rất khéo: - Bà cho phép và bếp rửa tay sạch sẽ để sờ vào đầu tóc đẹp của bà”. Nàng bèn hái quả sinh lấy hạt đưa về vờ vạch tóc bắt chấy: -“Thưa bà, đầu bà có nhiều trứng chấy”. Mụ thấy hạt sung sướng trứng chấy, khen giỏi. Một hôm mụ có việc đi xa, dặn cô không được nhìn trộm vào buồng ngủ. Đợi mụ đi rồi, nàng mở cửa nhìn, thấy đầu lâu, thịt người ngổ ngang, bèn đóng chặt cửa buồng. Mụ về thấy không gì khác, hỏi: - “Có muốn ở vài tháng nữa không?” – “Thưa bà con thật không muốn xa nơi này, nhưng mẹ già chỉ có một mình con, không có ai chăm sóc” – “Có sợ ta không?”... - “Con kính mến bà nhưng không sợ bà”. Mụ hài lòng, cho bảy thoi vàng và cho về. Về nhà cô được nàng Nhái khác khen ngợi. Láng giềng có nàng Nhái lớn lúc nghe nói cũng bắt chước xách ống ra sông, cưỡi lên ống cho trôi. Mụ yêu ra vớt về - “Con bé này chưa ăn được, dùng để sai vật”. Khi mụ yêu bảo bắt chấy, hăn nói: - “Tóc bà chẳng có chấy” – “Đồ ranh con lười biếng”. Mụ đi xa dặn đừng nhìn trộm vào buồng. Hăn mở trộm xem thấy xương thịt thì kêu la hoảng hốt. Nghe tiếng kêu, mụ trở lại thấy cửa buồng mở toang, biết là trái lệnh, bèn bắt ăn thịt.

[9]. Theo *Truyện dân gian Hung-ga-ri* (bản dịch của Nguyễn Hải Sa).

[10]. Theo *Chuyện trẻ con của Sác-lơ Pe-rôn* (Charles Perrault), bản dịch

của Nguyễn Văn Vĩnh.

[11]. Theo Lãng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.

[12]. Đều theo Cô-xcanh (Consquin). Sách đã dẫn.

[13]. Theo Phu-cu-ji-rô Oa-cát-su-ki (Fukujiro Wakatsuki). *Truyện thuyết Nhật-bản*.

[14]. Đoạn này có người kể: cho một con dê ghẻ cười về nhưng lại giao cho một gói ớt bột dạn lúc về thỉnh thoảng xoa vào chỗ có ghẻ. Dê bị ớt xót quá chạy tuông khắp nơi, làm cho người cười hết sức vất vả. (Truyện *Y Uời Y Ót*, xem Đơ-jor-jơ (Degeorge), *Truyện thuyết của người Tày ở An-nam* trong tạp chí *Nhân loại (Anthropos)*, XVI – XXII (1921 – 22).

[15]. Theo *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*, tập IV.

[16]. Theo *Miến-điện dân gian cổ sự*.

[17]. Người Ả-rập (Arabes) (Thượng Ai-cập) có một truyện tương tự với truyện trên: Có hai anh em bị dì ghẻ bắt hàng ngày phải ăn cơm của chó, trong khi con dì thì được ăn uống ngon lành. Đi chăn bò, hai anh em đem cơm ấy cho bò ăn. Đối lại, bò cho chúng nó bánh sữa nên dần dần chúng trở nên béo tốt, còn con của dì thì gầy gò xấu xí. Dì ghẻ lấy làm lạ, bèn sai con trai đi dò, nhưng nó được ăn bánh, về giấu không nói. Mụ lại sai con gái đi dò, cô này khi ăn đánh rơi vào áo, về mẹ hỏi, cô nói: “Hỏi cái áo thì biết bánh con bò cho như thế nào”. Dì ghẻ vờ ồm, bảo nhân tình giả làm thầy thuốc đến nói với con chồng chỉ có ăn bánh gan bò đen mới lành. Vì thế con bò bị giết. Hai đứa bé lại thu thập xương bò đem thiêu hóa. Xương bò hóa thành cây lô hội, cây lại cho hai đứa bé ăn uống những thức ngon như trước (không có việc được áo quần và giày như truyện trên). Theo *Báo châu Á* (1885).

[18]. Đều theo Cô-xcanh (Coisquin). *Những truyện cổ tích Ấn-độ và phương Tây*.

[19]. Theo Mô-ha-mét En Pha-si (Mohamed El Fasi) và Đéc-men-ghem (Dermenghem). *Truyện cổ tích Phe-dơ*.

[20]. Theo Đinh Tú. *Cô gái đẹp lấy chồng rắn*.

[21]. Theo *Truyện dân gian Căm-pu-chia*.

[22]. Thấy dẫn trong A. Van Ghen-nép (Van Gennep): *Tôn giáo, phong tục*

và truyền thuyết, tập II.

[23]. Theo *Bản khai tổng Quỳ-dương* và *Bản khai tổng Thanh-xuyên* (chữ nôm, tài liệu chép tay lưu ở Thư viện Khoa học xã hội).

[24]. Đều theo *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*, tập III

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
13. SỰ TÍCH CÁ HE

Ngày xưa có một nhà sư trẻ tuổi rất ngoan đạo. Sau hơn ba mươi năm khổ công tu luyện, sư thuộc lòng tất cả các kinh kệ nhà Phật, lại giỏi thuyết pháp. Vậy mà lâu rồi vẫn chưa được thành chính quả. Sư, bụng bảo dạ: - "Phải đến đất phật một phen mới có hy vọng thành Phật". Nghĩ vậy, sư ta quyết chí tìm đường sang Tây-trúc.

Đương đi từ nước nhà sang Tây-trúc thuở đó thật muôn phần vất vả. Việc giao thông hầu hết là đường bộ, mà đi bộ trên con đường mịt mù thăm thẳm thì mỗi bước là một hiểm nguy. Nhưng nhà sư trẻ tuổi vẫn quả quyết nhắm hướng Tây khởi hành.

Cuộc hành trình đã được năm mươi ngày. Nhà sư đã nhiều lần lạc đường và mấy lần mê man vì sốt, nhưng nhờ được giúp đỡ nên đều qua khỏi. Hết đứt bệnh là chàng lại tiếp tục cuộc hành trình.

Một hôm, đến một khu rừng thì trời đã chiều. Sư cố bước dồn hòng tìm một nơi nghỉ vì trong người đã thấy ớn rét. May sao giữa rừng sâu, sư bỗng gặp một ngôi nhà. Nghe tiếng gọi cửa, một bà cụ già bước xuống sà. Sư tỏ ngay ý định của mình là xin ngủ nhờ một đêm. Nhưng bà cụ vừa thấy khách đã xua tay rồi rít:

- Đi mau lên! Mau lên! Con ta mà về thì không còn tính mạng đâu.

Sư đáp:

- Tôi bây giờ thật là kiệt sức, không thể nào bước được nữa. Nếu không cho

ngủ thì cũng đành nằm liêu trước cửa đây thôi.

Bà cụ bảo:

- Chao ôi! Con ta vốn là Ác Lai hay ăn thịt người. Cố đi nhanh lên, bây giờ nó sắp về rồi đó.

Nhưng sư đã vút tay nài, nắm vật xuống đất. Hai đầu gối va vào nhau chan chát. Bà cụ không biết nói thế nào nữa, đành nắm tay y lôi đến một cái hầm đá lớn. Sau khi đẩy vào, bà cụ bảo y phải giữ cho thật im lặng để tránh một cái chết thê thảm. Đoạn, bà cụ chất củi phủ lá rất kín đáo.

Trời tối hăn thì Ác Lai về đến nhà, tay xách một con mang. Hăn dừng lại ở chân thang và khịt mũi mãi. Hăn nói:

- Có mùi thịt mẹ ạ!

Mẹ hăn đáp:

- Thì chả thịt mày mang về đấy là gì?

- Không phải. Thịt người. Con biết lắm. Có thịt người.

Bà cụ chưa kịp can thì hăn đã quăng con mang lên sàn rồi chạy đi tìm. Chả mấy chốc, hăn đã lôi được nhà sư bất tỉnh nhân sự từ dưới hầm về phòng mình.

Khi sư tỉnh dậy thì đã thấy Ác lai đang cầm một mũi mác lăm lăm ở tay. Hăn quát:

- Mà đi đâu?

Sư nhìn kỹ thấy hăn cũng không khác gì người thường bèn tỉnh táo đáp:

- Tôi đi tìm Phật.

- Tìm để làm gì?

Sư bấy giờ mới nói rõ mục đích của mình. Rồi luôn miệng, sư giảng giải đạo từ bi cho hăn. Sư nói mãi, nói mãi, kể lại bao nhiêu nỗi gian truân dọc đường, và niềm mong muốn cuối cùng là làm sao được nhìn mặt đức Phật để Phật độ cho thành chính quả. Sư nói khéo quá, đến nỗi mẹ con Ác Lai đều cảm động đến rơi nước mắt. Thấy họ thành thật hối lỗi, sư cho họ biết là họ cũng sẽ trở nên "vô sinh vô diệt", sẽ sống một đời sống bội phần sung sướng trên Nát-bàn, nếu họ nhất quyết bỏ ác làm thiện. Tự nhiên mũi mác ở tay Ác Lai rơi xuống sàn. Những đường nhăn hung ác mới đó giờ đã dịu lại.

Sáng hôm sau, khi sư sắp sửa lên đường thì mẹ con Ác Lai vui vẻ sắp sẵn lương thực cho chàng. Họ lại tiễn đưa sư sang tận bên kia một ngọn núi đá. Khi sắp từ biệt, Ác Lai hỏi:

- Tôi biết lấy gì mà dâng Phật đây?

Sư đáp:

- "Tâm tức thị Phật, Phật tức thị tâm". Chỉ dâng tấm lòng mình là đủ.

Sư không ngờ Ác Lai đã rút mũi mác, nhanh như cắt tự rạch bụng mình lôi ra cả một mớ ruột gan đưa cho sư và nói:

- Nhờ hòa thượng đưa hộ dâng lên đức Phật.

Sư lấy làm bối rối quá. Chỉ vì Ác Lai hiểu nhầm lời nói của mình. Bây giờ còn biết làm thế nào đây. Cuối cùng sư ta đành nhìn vào cặp mắt của Ác Lai, gật đầu nhận lời rồi gói bộ lòng của con người đáng thương đó lại và quảy lên vai, cất bước ra đi.

Sư vừa đi được mấy ngày thì khu rừng rậm chấm dứt, biển lộ ra trước mặt mênh mông bát ngát. Nước trời một vẻ trông rất vui mắt, nhưng trong bụng sư lại chẳng vui một tí nào. Món lễ vật của đức Phật đè nặng trên vai. Nếu chỉ có thế thì không có gì đáng ngại cho lắm. Khổ một nỗi là mùi thối từ bộ lòng kia xông ra khó tả. Sư lẩm bẩm: - "Như thế này thì các nhà quán dọc đường còn ai dám chứa mình". Qua ngày hôm sau, không thể chịu nổi nữa, sư bèn vứt bộ lòng Ác Lai xuống biển.

Nhà sư đi mãi rồi cũng đến Tây-trúc. Nhưng khi phủ phục trước Phật đài nói lên nỗi thắc mắc của mình vì sao chưa được đặc đạo thì bỗng nhiên trên điện cao có tiếng vọng xuống bảo chàng: - "Còn thiếu một vật nữa mới thành chính quả". Sư rất đổi kinh ngạc, cổ ngước mắt nhìn lên một tí. Trên cao vời vời, sư thấy hai người tựa hồ như hai mẹ con Ác Lai. Sư bỗng hiểu hết: Đức Phật đã rõ sự thiếu thành thực, thiếu tận tâm của mình rồi; còn mẹ con Ác Lai nay đã thành chính quả chỉ là nhờ trong một lúc, ngộ đạo mau lẹ và chân thành. Sư nằm phục vị hồi lâu, lòng thẹn thò vô kể.

Nhà sư ta sau đó lại trở về chốn cũ để tìm lại bộ lòng. Tuy biển mênh mông sâu thẳm, nhưng sư cũng cố lặn hụp để mong thấy lại món quà dâng Phật

mà Ác Lai gửi cho mình. Sư nghĩ chỉ có làm thế mới dám nhìn lại mẹ con Ác Lai và hy vọng tới gần tòa sen đức Phật. Sư bơi lên lặn xuống mãi. Sau đó sư hóa làm loài cá mà người ta vẫn gọi là cá he [1], cũng gọi là cá nước hay có nơi gọi là cá ông sư. Vì cho đến ngày nay dòng dõi loài cá đó con nào con ấy có cái đầu trọc như đầu ông sư và vẫn làm cái việc của nhà sư, nghĩa là chúng đi hàng đàn, cứ lặn xuống nổi lên luôn không chịu nghỉ.

Những người đánh cá còn nói loài cá he rất ghét những ai trêu chọc mình. Ai trêu chọc nghĩa là gợi lại chuyện cũ của tổ tiên chúng nó, chúng nó sẽ làm cho đắm thuyền rách lưới. Trái lại, ai khen ngợi reo hò thì chúng nó sẽ lặn xuống nổi lên nhiều lần cho mà xem [2].

KHẢO DỊ

Truyện kể trên lưu hành ở miền Nam. Nhân dân miền Bắc kể chuyện này cũng một nội dung nhưng khác tên gọi. Đó là *Sự tích chim bìm bịp*:

Một sư nữ chân tu, ăn chay niệm Phật bao nhiêu năm ròng mà chưa đắc đạo. Một hôm, sư quyết định sang Tây-trúc để hỏi Phật duyên cớ vì sao.

Sau mấy tháng trời ngày đi đêm nghỉ, một ngày kia sư đến một khu rừng thẳm. Trời đã xế chiều, sức đã kiệt thì may sao, sư trông thấy một cái nhà bên đường. Nghe tiếng gõ cửa, một người đàn bà bước ra vội vã xua tay, bảo khách đi nhanh lên kéo con mình là yêu, hễ bắt được người là ăn thịt.

Nhưng thấy sư nữ năn nỉ quá, chủ nhân lấy cơm cho ăn rồi bảo chui vào trong một cái vại đầy lại cẩn thận.

Yêu con về đánh hơi thấy mùi thịt người, cố tìm cho kỳ được. Yêu mẹ thấy con sắp ăn thịt sư nữ thì hết lời khuyên can: - "Đó là một nhà tu hành. Nếu con ăn thịt người ấy Phật sẽ không dung thứ". Nghe nói, yêu con dần dần tỉnh ngộ, bày tỏ sự hối hận của mình cho sư biết. Hắn đã ăn thịt mất rất nhiều người và bây giờ hắn muốn chuộc tội. Cuối cùng, yêu con hỏi sư nữ: - "Tôi muốn sửa lỗi để theo Phật. Chẳng hay dùng cái gì làm lễ ra mắt?"
Đáp: - "Phật chỉ cần tấm lòng mà thôi!".

Thế là yêu con rút dao rạch bụng lôi cả gan ruột gan ra và nói: - "Nhờ chuyển giúp cho tôi vật này làm lễ dâng Phật". Sư nữ không ngờ hắn lại hiểu nhầm như vậy, đành nhận lời, quảy bộ lòng lên đường. Nhưng được mấy ngày bộ ruột nặng mùi quá không sao chịu được, sư nữ quên cả lời hứa, quăng vào bụi rậm và tiếp tục đi nữa.

Đến Tây-trúc, khi nhà sư vào làm lễ thì đức Phật ở trên tòa sen bảo: - "Còn thiếu một vật nữa mới thành chính quả". Sư nữ hiểu ra, òa khóc, nói mình đã kiệt sức, không biết làm thế nào mà tìm được. Phật cho nàng hai chiếc cánh để đi cho chóng và bắt tìm cho ra.

Nhưng còn biết đâu mà tìm. Sư nữ khóc liên miên, ngày đêm chui rúc hết bụi này đến bụi khác, thỉnh thoảng lại lên tiếng than thở, phảng phất như tiếng "bìm bịp". Tìm không được, nhưng sư cứ phải tìm mãi. Rồi sau đó sư hóa thành một loại chim đầu đen, mình nâu, mắt đỏ như máu, người ta gọi là chim bìm bịp. Đó là hình dạng của sư nữ đầu chít khăn đen, mình mặc áo vải nâu già. Còn mắt đỏ là vì khóc nhiều mà sinh ra thế [3]. (Xem thêm một truyện khác về bìm bịp ở mục **Khảo dị**, truyện số 16).

Truyện *Sự tích cây phước nhà chùa* cũng có nội dung giống hai truyện trên:

Xưa có một người chuyên môn ăn thịt người. Hắn đã từng bắt giết không biết bao nhiêu nhân mạng. Tuy hung ác vô đạo, nhưng hắn lại thờ mẹ rất có hiếu. Một hôm, có một nhà sư đi quyên giáo qua đó bị hắn bắt. Khi hắn sắp giết thịt thì mẹ hắn ra xin hộ cho nhà sư. Thấy mẹ năn nỉ quá, hắn đành buông đao rồi hỏi sư làm gì và đi đâu. Nghe nhà sư kể chuyện, cả hai mẹ con rất hối hận về những tội ác từ trước đến nay. Hai mẹ con cũng muốn kiếm một vật cúng cho nhà chùa nhưng ngặt vì trong nhà chẳng có gì đáng giá cả. Nhưng người con đã tình nguyện nộp bộ lòng của mình đưa về cúng Phật. Vừa nói hắn vừa rạch bụng moi ruột đưa ra. Nhà sư cũng nhận lấy nhưng đến bờ suối thì quẳng luôn xuống nước. Có con quạ thấy vậy, tha bộ ruột ấy bay đến chùa, đậu trên ngọn cây kêu lên om sòm. Đức Phật rõ chuyện, khen thưởng con quạ mà phạt tội nhà sư. Đồng thời đưa hai mẹ con nhà kia lên trời thành Phật. Từ đó nhà chùa làm cây phước để ghi nhớ việc ấy. Trên cây phước bao giờ cũng tạc hình con quạ ngậm một tấm lụa dài độ hai ba mươi thước. Tấm lụa tượng trưng cho bộ ruột của người đã rạch bụng cúng Phật [4].

Tóm lại, ba cốt truyện trên có lẽ xuất phát từ một phật thoại và đã được sửa chữa tô điểm thành truyện cổ tích dân gian.

Theo *Mỹ Âm tùy bút* thì mẹ Ác Lai được Phật độ cho làm Mụ Thiện. Ác Lai trở thành hai vị Hộ pháp được Phật cho giữ chùa mà ta thường gọi là ông Thiện ông Ác. Tại sao một người lại hóa thành hai? Đó là vì tuy là một nhân vật nhưng kể từ khi rạch bụng cúng Phật đã tách thành hai con người khác hẳn. Ông Thiện là hiện thân của quãng đời sau của Ác Lai (thời kỳ ngộ đạo). Ông Ác là hiện thân của quãng đời trước (chưa ngộ đạo).

Nhưng về sự tích cá he, không phải chỉ có mỗi truyện trên kia. Lãng-đờ (Landes) trong sách đã dẫn, có sưu tập được hai truyện nữa, có những mô-típ khác hẳn với mấy truyện vừa kể.

Truyện thứ nhất tức là truyện *Con mụ lờng* (xem truyện số **84**, tập **II**).

Truyện thứ hai:

Xưa có một cô gái con một phú ông. Trong làng có một chàng học trò nghèo thỉnh thoảng đến nhà cô xin ăn. Dần dần cô gái phải lòng anh ta và ước hẹn có ngày nên vợ nên chồng. Nàng lấy trộm của cha mẹ một nén vàng đưa cho, bảo cố học thi đỗ, hứa sẽ chờ đợi. Người học trò cảm ơn và thề bồi với cô gái.

Không ngờ khoa thi năm ấy người học trò bị hỏng. Vừa buồn vừa thẹn, chàng bỏ đi xứ khác, quyết thi đậu mới trở về. Về phần cô gái nghe tin người yêu thi hỏng, lại đi biệt tích nên cũng rất chán nản. Sau cùng không thể chờ mãi được, cô phải kết hôn với một người giàu sang trong vùng.

Mãi đến bảy năm sau, người học trò mới thi đậu và được bổ làm quan. Tin rằng người yêu vẫn còn chờ mình, anh chàng vui vẻ tìm về quê hương. Khi biết nàng đã có chồng, chàng mới quyết định không gặp nữa.

Về phía người đàn bà nọ, nghe tin người yêu cũ đã đỗ đạt làm nên, lại có ý đi tìm mình, chắc là vẫn trung thành với lời thề xưa nên bỏ chồng tìm đến nhà người cũ. Anh chàng đón tiếp rất tử tế nhưng khi nghe nhắc lại lời ước cũ thì đáp: - "Nàng đến thăm tôi chơi thì được nhưng đến để lấy tôi thì không được. Hãy trở về với chồng cũ đi! Một người đàn bà không thể có hai chồng!". Không ngờ câu trả lời lại như vậy, người đàn bà thẹn quá đáp:

- "Tôi tưởng anh còn nhớ lời ước cũ nên đã bỏ chõng đến gặp anh. Bây giờ không còn mặt mũi nào trở về nữa". Nói đoạn nhảy xuống sông tự tử và hóa thành cá he. Người ta bảo khi cá nổi trên mặt nước thấy trời thì thẹn với trời phải lặn xuống để giấu đi, nhưng khi xuống nước thấy đất thì thẹn với đất phải nổi lên. Vì thế cá thành thói quen lặn xuống nổi lên không nghỉ.

Truyện thứ ba [5].:

Một ông hoàng có hai cô gái. Cô bé tên là Thị Quy, nhan sắc tuyệt trần. Có nhiều hoàng tử lân bang đến dạm hỏi nhưng đều bị từ chối. Nàng chỉ yêu có mỗi một chàng trai nhà nghèo bấy giờ lưu học ở kinh đô tên là Anh Linh. Hai người chỉ non thề biển hứa lấy nhau sau khi Anh Linh đã đỗ đạt.

Thấy Thị Quy từ chối, bọn hoàng tử lân bang tức giận, cùng cử binh đến đánh báo thù. Nhà vua sai ông hoàng, cha Thị Quy đi đánh và cuối cùng ông ta dẹp được.

Anh Linh thi đậu cao, được vua khen ngợi, ban cho một cái nhẫn quý, trên có khắc một câu đố. Vua bảo nếu giảng được sẽ gả công chúa và cho làm quan to. Thấy nét chữ ngoằn ngoèo, Anh Linh không hiểu gì cả, sau gặp được một người ăn mày, chàng cho ông lão nhiều tiền và nhờ đó được ông lão giảng hộ cho.

Vua y ước, cho làm quan đầu triều và gả công chúa cho chàng. Vì vua không có con trai nên ai lấy công chúa thì sẽ được nối ngôi. Biết được điều đó, Anh Linh vội nuốt lời hứa cũ với Thị Quy và nhận lời vua.

Thị Quy thất vọng nhảy xuống sông tự tử. Long vương thương nàng cho hóa thành cá he. Ngày nay cá còn giữ hình thù của cô gái bị phụ tình ở chỗ

cổ cặp vú như vú con gái và có tiếng kêu lao xao như tiếng rên rỉ của người phụ nữ khóc than cho thân phận.

Đáng để ý tình tiết: nhà sư gặp yêu tinh ăn thịt người, nhưng lại nhờ có bà mẹ của yêu tinh cứu cho khỏi chết, v.v... Tình tiết này khá phổ biến ở một số truyện cổ tích phương Tây mặc dầu mỗi nơi lồng vào một cốt truyện khác nhau. Truyện *Ba sợi tóc vàng của chúa quỷ* của Pháp, Bỉ, Đức, Ý, v.v... là một trong những truyện đó (xem **Khảo dị**, số **136**, tập **III**, truyện *Người dân nghèo và Ngọc Hoàng*). Người Nga có truyện *Hoàng tử em rể chó sói* cũng có loạt tình tiết này:

Một hoàng tử có người anh rất sợ vợ và thường bị vợ hành hạ. Mỗi lần thấy chị dâu bắt anh mình làm việc gì khó thì hoàng tử thường về nhờ vợ - em gái Sói thần hóa thành người - giúp đỡ. Lần thứ ba, chị dâu bắt người anh phải đi tìm thanh gươm của Sói thần. Hoàng tử tìm đến nhà Sói thần. Bà mẹ Sói thần giúp hoàng tử nấp vào một chỗ kín để khi Sói thần về khỏi bị ăn thịt. Sói thần về đánh hơi thấy hơi người, hỏi mẹ: - "Đã lâu không được ăn thịt người, nào đưa thịt cho con ăn đi". Người mẹ nói: - "Làm gì có người, con bay khắp nơi nên có hơi người đấy". Sói thần tìm tòi một lúc không được bèn nằm nghỉ. Khi thấy con đã dịu dịu, mẹ mới đưa hoàng tử ra. Nhưng Sói thần vẫn đòi ăn thịt. Hai bên đánh bài, hoàng tử thua, sắp bị ăn thịt nhưng nhờ chiếc khăn của vợ nên Sói thần nhận ra là chồng của em gái. Cuối cùng hoàng tử đem được gươm của Sói thần về và chữa cho người chị dâu trở nên hiền lành [6].

-
- [1]. Theo Jê-ni-bren (Génibrel) và Lăng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.
- [2]. Theo *Thực nghiệp dân báo*.
- [3]. Theo *Trung Bắc chủ nhật* (1943).
- [4]. Theo Phan Kế Bình. *Việt-nam phong tục. Về Sự tích cây phước nhà chùa*, ở Nghệ-an có người kể khác với truyện trên:
- Xưa, đức Phật sai một người đi sang một nước khác để lấy kinh về cho mình. Người ấy đưa về đến nửa đường thì bị một con hổ ăn thịt (về tình tiết này, một người khác ở Cát-ngạn (Thanh-chương) kể rằng người ấy bị một con rùa lớn làm chìm mất thuyền kinh). Thấy kinh Phật tan tác giữa đường,, một con quạ bèn tha về cho đức Phật. Để trả ơn quạ, đức Phật sai làm một cây nêu rất cao cho quạ đỗ trên đó. Về sau, nhà chùa thường trồng cây phước, trên có quạ ngậm giải dài là vì thế (*Bản khai của xã Đức-mỹ*). Xem thêm **Khảo di**, truyện **136**, tập **III**).
- [5]. Jam-mơ (Jammes). *Hồi ức về nước An-nam*.
- [6]. Theo *Truyện dân gian Nga* (bản dịch của Nguyễn Hải Sa).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
14. SỰ TÍCH CON SAM

Ngày xưa có hai vợ chồng một người đánh cá nghèo. Một hôm người chồng ra khơi với bạn nghề. Không may có một trận bão rất lớn nổi lên giữa lúc họ đang thả lưới. Không một người nào thoát khỏi tai nạn.

Tin dữ về đến làng, tất cả mọi gia đình đánh cá đều đau khổ. Tiếng khóc lan đi các nhà. Riêng người đàn bà lòng đau như cắt. Như điên như cuồng, bà bỏ nhà ra đi, hy vọng tìm thấy chồng. Bà cứ theo bờ biển đi, đi mãi. Trải qua hai ngày đến một hòn núi lớn. Bà trèo lên rồi vì mệt quá ngủ thiếp dưới một gốc cây.

Đang ngủ bỗng có một tiếng nổ dữ dội. Bà choàng dậy thấy một ông lão đầu tóc bạc phơ đứng trước mặt mình, hỏi:

- Người là ai mà dám đến nằm trước nhà ta?

Người đàn bà mếu máo đáp:

- Tôi đi tìm chồng. Cụ làm ơn chỉ giúp kéo tôi nóng lòng nóng ruột quá!

Cụ già nói:

- Ta là thần Cây. Thấy nhà người chung tình ta rất thương. Vậy ta báo cho biết là chồng người còn sống, hiện ở ngoài hải đảo.

Nói rồi, ông cụ trao cho người đàn bà một viên ngọc và bảo:

- Người hãy ngậm viên ngọc này vào miệng thì sẽ bay qua được biển để gặp chồng. Nhưng phải nhớ là nhắm mắt ngậm miệng kéo rơi ngọc mà nguy đó.

Ông cụ nói xong biến mất. Bà ta lấy ngọc ngậm vào miệng và nhắm mắt lại. Thốt nhiên trời bỗng nổi gió ù ù. Bà thấy người như nhẹ bỗng, hai bên tai nghe tiếng vo ve. Được một lúc sau thấy chân chấm đất, bà mở mắt ra thì thấy mình đang đứng trên một bãi cát lạ mà gió bấy giờ đã lặng. Trông thấy chồng ngồi co ro trên bãi, bà mừng quá. Hai vợ chồng hàn huyên một hồi lâu rồi mới tính chuyện trở về làng cũ.

Người chồng ôm ngang lưng vợ để vợ đưa qua biển cả. Lòng người vợ sung sướng không thể nói hết. Vì thế, bà ta đã quên mất lời của thần Cây dạn. Miệng mắc ngậm ngọc nhưng bà vẫn cố hỏi chuyện chồng. Đột nhiên viên ngọc văng ra giữa không trung. Bà chỉ kịp kêu lên một tiếng rồi cả hai vợ chồng đều sa xuống biển. Rồi đó họ hóa thành những con sam.

Ngày nay, những con sam thường đi cặp đôi ở dưới nước, lúc nào con sam đực cũng ôm lấy con sam cái như khi chồng ôm vợ để bay qua biển[1].

Có câu tục ngữ Thương như sam , là do truyện này mà ra.

[1] Theo Nguyễn Duy. *Truyện cổ Việt-nam*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
15. SỰ TÍCH CON DỄ TRÀNG

Có hai vợ chồng một ông già tên là Dễ Tràng. Trong vườn họ có một hang rắn. Thường ngày làm cỏ gần đấy, ông già vẫn thấy có một cặp vợ chồng rắn hổ mang ra vào trong hang.

Một hôm, con rắn chồng bò ra khỏi hang một mình. Ông nhìn thấy rắn vợ nằm cuộn ở trong. Vì mới lột nên mình mẩy nó yếu ớt không cựa quậy được. Một lúc lâu, rắn chồng bò trở về, miệng tha một con nhái đút cho vợ ăn.

Ít lâu sau, Dễ Tràng lại thấy rắn vợ bò ra khỏi hang một mình. Lần này rắn chồng đến kỳ lột nằm im thim thíp, lột da cũ còn bỏ lại bên hang. Hồi lâu, rắn vợ trở về, theo sau có một con rắn đực khác khá lớn. Dễ Tràng thấy hai con bò đến cửa hang thì dừng lại rồi quấn lấy nhau như bện dây thừng. Một lát sau, con rắn đực một mình bò vào hang.

Dễ Tràng biết con rắn đực này toan làm gì rồi. Ông cảm thấy ngứa mắt, muốn trừ bỏ con rắn đó đi để cứu con rắn chồng đang lúc suy nhược. Lúc đó bên mình không có cái gì cả, ông bèn rút một mũi tên nhắm con rắn mới, bắn ngay một phát. Không ngờ mũi tên lại trúng vào đầu con rắn vợ chết tươi, còn con kia hoảng hồn chạy mất. Dễ Tràng nghĩ cũng thương con

rắn cái nhưng trong thương có lẫn cả giận, nên ông chán nản bỏ đi về nhà. Từ đó, ông không thèm để ý đến hang rắn nữa.

Chừng dăm ngày sau, một hôm, Dã Tràng nằm vờng thuật chuyện vợ chồng con rắn cho vợ mình đã thấy và đã làm. Ông kể vừa dứt lời thì bỗng nghe trên máng nhà có tiếng phì phì. Cả hai người hốt hoảng nhìn lên thì thấy có một con rắn hổ mang rất lớn, đuôi quấn lấy xà nhà, đầu vờn tới gần chỗ ông nằm, miệng nhả một viên ngọc. Ông vừa cầm lấy thì bỗng nghe được tiếng rắn nói:

- Ông là ân nhân mà tôi cứ ngỡ là kẻ thù. Mấy hôm nay tôi đợi ông trên máng này chỉ chờ mổ chết để báo thù cho vợ tôi. Nhưng vừa rồi nghe ông kể chuyện rõ ràng, tôi mới biết là lầm. Xin biểu ông viên ngọc nghe này. Đeo nó vào mình thì có thể nghe hiểu được mọi tiếng muôn chim ở thế gian.

Từ kinh ngạc đến sung sướng, Dã Tràng nhận viên ngọc quý và từ đó không bao giờ rời.

*

* *

Một hôm, Dã Tràng đang hái rau, bỗng có một bầy quạ đến đậu ở mấy ngọn cau nói chuyện lao xao. Chúng nó bảo Dã Tràng như thế này: - "Ở núi Nam có một con dê bị hổ vồ. Hãy lên đó lấy về mà ăn nhưng nhớ để lòng lại cho chúng tôi với". Dã Tràng làm theo lời quạ, quả thấy xác một con dê trên núi Nam. Ông xẻo lấy một ít thịt xâu lại xách về. Đến nhà, ông vội mách cho xóm giềng biết mà đi lấy, không quên dặn họ để bộ ruột dê lại cho bầy quạ. Nhưng ông không ngờ người trong xóm nghe tin ấy đua nhau đi đông quá, thành ra họ lấy hết cả, chẳng chừa một tí gì.

Lũ quạ không thấy ruột dê, cho là Dã Tràng đánh lừa, bèn đổ xô đến vườn ông réo lên om sòm. Thấy vậy, ông biết là người trong xóm đã làm hại mình không giữ chữ tín với bầy quạ. Ông phân trần mấy lần nhưng bầy quạ không nghe, cứ đứng đó chửi mãi.

Tức mình, ông bèn lấy cung tên ra bắn vào chúng. Chủ ý là để đuổi chúng đi chứ không định giết. Chẳng ngờ bầy quạ thấy vậy cho là ông lấy oán trả ân liền cắp lấy mũi tên có đề tên Dã Tràng ở đuôi, tìm dịp báo thù. Lúc bay qua sông thấy một cái xác chết trôi, đàn quạ bèn đem mũi tên cắm vào yết hầu xác chết. Khi quan sở tại đến làm biên bản, thấy mũi tên, liền đoán Dã Tràng là thủ phạm, sai lính bắt ông hạ ngục.

Dã Tràng bị bắt bất ngờ hết sức kêu oan, nhưng mũi tên là một chứng cứ sờ sờ làm cho ông đuối lý, đành chịu chui đầu vào gông. Tuy nhiên, ông vẫn

một mực xin quan xét nỗi oan uổng. Thấy vậy, quan sai lính giải ông về kinh để vua phân xử.

Từ đề lao tỉnh, ông lại bị điệu đi. Dọc đường trời tối bọn lính dừng lại quán ăn uống và nghỉ ngơi. Dã Tràng cổ bị gông, chân bị xiềng nằm trên đồng rơm buồn rầu không ngủ được. Lúc trời gần rạng, ông nghe có một đàn chim sẻ bay ngang đầu nói chuyện về nhau: - "Nhanh lên! Chuyến này sẽ không lo đói nữa mà cũng chẳng sợ ai đánh đuổi cả". Một con khác hỏi: - "Của ai mang đến bỏ vương vãi thế nhỉ?". Con nọ trả lời: - Của vua nước bên kia. Họ toan kéo sang đánh úp nước bên này. Ngày hôm qua quân đội giáo mác kéo đi liên miên không ngớt. Nhưng xe thóc vừa sắp đến biên cương thì bị sụp hầm đổ hết. Họ đang trở về lấy thứ khác, cho nên chúng mình tha hồ chén".

Nghe đoạn, chờ lúc bọn lính đến dẫn ông lên đường, Dã Tràng bảo họ:

- Xin các ông bẩm lại với quan rằng việc của tôi là việc oan uổng và nhỏ mọn không nên bận tâm, mà giờ đây có một việc quốc gia trọng đại và cấp bách nữa, cần tính liệu gấp.

Bọn lính tra gạn ông mãi nhưng ông không nói gì thêm, chỉ nài rằng hễ có mặt quan mình mới tỏ bày rõ ràng.

Khi gặp mấy vị quan đầu tỉnh, Dã Tràng liền cho họ biết rằng vua Hiên Đế ở phương Bắc đã sai tướng cầm quân sang đánh úp nước mình. Hiện họ đang đóng quân đầy ở biên giới, chỉ vì bị sập hầm, xe lương đổ hết, chưa tấn công được. Bây giờ họ đang vận thêm lương, chờ đầy đủ sẽ vượt cửa ải sang Nam.

Bọn quan tỉnh lấy làm lo lắng nhưng cũng gạn hỏi ông có dám chắc như vậy không. Dã Tràng chỉ vào đầu mình đoán rằng nếu nói sai, ông sẽ xin chịu chết. Nhưng nếu lời của ông đúng thì xin bề trên phóng thích cho ông. Ngay lúc đó, những tên quân do thám được tung đi tới tập mọi ngả để lấy tin. Chỉ nội ngày hôm sau, Dã Tràng đã được thả vì lời mách của ông quả đúng và vừa vặn để chuẩn bị đối phó với địch.

Được tha, Dã Tràng đi bộ lẫn về quê nhà. Bóng chiều vừa ngả, ông mới đến vùng Hồng-hoa. Ông tìm vào nhà người bạn rất thân là Trần Anh nghỉ chân.

Gặp lại bạn cũ, vợ chồng Trần Anh vui mừng khôn xiết. Nghe tin ông bị tra tấn giam cầm và suýt mất đầu, hai vợ chồng rất thương cảm.

Thấy bữa ăn tối thiết bạn không có gì, Trần Anh xuống bếp bảo vợ:

- Bạn ta đến lại gặp lúc trong nhà chả có gì ăn. Sẵn có cặp ngỗng, con nó đã khôn, ta làm thịt một con, ngày mai đãi bạn lên đường.

Người vợ bằng lòng nhưng dặn chồng sáng dậy sớm bắt ngỗng và cắt tiết vật lông giúp mình một tay.

Trong khi hai vợ chồng bàn tính thì cặp ngỗng ở ngoài chuồng nghe được câu chuyện. Ngỗng trống bảo ngỗng mái: - "Mình ôi! Mình hãy ở lại nuôi con, tôi sẽ đứng sẵn cho chủ nó bắt". Ngỗng mái không nghe, xin chết thay chồng. Nhưng ngỗng trống nhất quyết hy sinh, nên chạy ra sân từ già đàn con: - Con ơ! Các con ở lại với mẹ nghe. Cha sẽ không bao giờ gặp lại các con nữa". Song ngỗng mái vẫn lạch bạch chạy theo, đòi chết thay chồng cho bằng được.

Lúc bấy giờ Dã Tràng nằm trên bộ ván đặt kê cửa sổ nên nghe được tiếng ngỗng than thở. Ông bỗng thấy thương con vật vô tội chỉ vì mình mà phải lìa đàn con bé bỏng. Ông toan nói trước với bạn, nhưng thấy bất tiện. Ông đành nghe ngóng ở chỗ chuồng ngỗng chờ lúc bạn ra bắt thì sẽ can lại.

Suốt đêm hôm đó tuy mệt mà ông không dám ngủ. Quả nhiên, vào khoảng

canh tư, Trần Anh thức dậy bước ra chuồng. Ngỗng trống xua ngỗng mái chạy rồi vươn cổ để cho bắt. Khi Trần Anh sắp cắt cổ ngỗng thì Dã Tràng đã lật đật chạy xuống bếp nắm lấy dao. Ông nói:

- Xin bạn thả nó ra. Tính tôi không hay sát sinh. Tình thân của đôi ta lo phải cỗ bàn mới thân. Nếu bạn giết nó thì tôi lập tức đi khỏi chỗ này.

Thấy bạn có vẻ quả quyết, Trần Anh đành thả ngỗng ra, rồi giục vợ chạy đi mua tép về đãi bạn.

Cơm nước xong, Dã Tràng từ giã bạn lên đường về nhà. Đến ao, ông đã thấy vợ chồng ngỗng cùng với bảy con đứng chực ở đấy. Ngỗng đực tặng Dã Tráng một viên ngọc và nói:

Đa tạ ân nhân cứu mạng. Không biết lấy gì báo đền, chúng tôi xin tặng người viên ngọc này, mang nó vào người có thể đi được dưới nước dễ dàng không khác gì trên bộ. Nếu đem ngọc này xuống nước mà khoảng thì sẽ rung động đến tận đáy biển.

Ngỗng lại nói tiếp:

- Còn như con tép là vật đã thế mạng chúng tôi thì từ nay, dòng dõi chúng tôi sẽ xin chừa tép ra không ăn, để tỏ lòng nhớ ơn!

Dã Tràng không ngờ có sự báo đáp quá hậu như thế, sung sướng nhận lấy ngọc rồi về.

Khi đến bờ sông, Dã Tràng muốn thử xem công hiệu của viên ngọc mới, liền cứ để nguyên áo quần xuống nước. Thì lạ thay nước rẽ ra thành một lối

cho ông đi thẳng xuống đáy sông. Ông dạo cảnh hồi lâu rồi cầm viên ngọc khoảng vào nước nhiều lần thử xem thế nào.

Hôm đó, Long vương và các triều thần đang hội họp ở thủy phủ bỗng thấy nhà cửa lâu đài và mọi kiến trúc khác bỗng nhiên rung động cơ hồ muốn đổ. Ai nấy đều nháo nhác không hiểu duyên cớ. Vua lập tức truyền cho bộ hạ đi dò la sự tình.

Bộ hạ Long vương đi theo con đường sóng ngầm lọt vào cửa sông thì thấy Dã Tràng đang cầm ngọc khoảng vào nước. Mỗi một lần khoảng như thế, họ cảm thấy xiêu người nhưốc óc. Tuy biết đích là thủ phạm, họ cũng không dám làm gì, chỉ tiến đến dùng lời nói khéo mời ông xuống chơi thủy phủ.

Gặp Long vương, Dã Tràng cho biết đó là mình chỉ mới làm thử để xem phép có hiệu nghiệm chăng. Long vương và triều thần nghe nói, ai nấy đều xanh mắt. Nếu hấn làm thật thì thế giới thủy phủ sẽ còn gì nữa! Vì thế, Long vương đãi Dã Tràng rất hậu. Ông muốn gì có nấy. Cho đến lúc ông ra về, Long vương còn đem vàng bạc tổng tiền rất nhiều để mong ông nể mặt.

Dã Tràng lên khỏi nước có bộ hạ của Long vương tiễn chân về tới tận nhà mới trở lại. Bà con xóm giềng thấy ông đã không việc gì mà lại trở nên giàu có thì ai cũng lấy làm mừng cho ông. Từ đó Dã Tràng rất quý hai viên ngọc. Ông may một cái túi đựng chúng và luôn luôn đeo ở cổ.

Một hôm Dã Tràng đi bộ nửa ngày đường đến nhà một người bà con ăn giỗ. Lúc đến nơi, Dã Tràng sờ lên cổ giật mình mới nhớ ra vì vội quá nên ông đã bỏ quên mất túi ngọc ở nhà. Ông không thể nào còn an tâm ngồi ăn được. Mọi người đều lấy làm ngạc nhiên thấy ông vừa chân ướt chân ráo đến nơi đã vội cáo từ về ngay.

Nhưng khi về đến nhà, ông tìm mãi vẫn không thấy túi ngọc đâu cả. ông rụng rời cả người. Đi tìm vợ, vợ cũng không thấy nốt. Nóng ruột, ông lục lọi khắp nơi. Cuối cùng ông bắt được một mảnh giấy do vợ viết để lại gài ở chỗ treo áo. Trong đó, vợ ông nói rằng có người của Long vương lên báo cho biết hễ ai bắt được túi ngọc đưa xuống dân Long vương thì sẽ được phong làm hoàng hậu. Bởi vậy bà ta đã trộm phép ông đưa túi ngọc xuống thủy phủ rồi, không nên tìm làm gì cho mệt.

Đọc xong thư vợ, Dã Tràng ngất đi. Ông không ngờ vợ ông lại có thể như thế được. Ông cũng không ngờ âm mưu của Long vương thâm độc đến nước ấy. Nghĩ đến hai thứ bảo vật, ông tức điên ruột. Sau cùng, ông dự tính cho cát lấp biển thành một con đường đi xuống thủy phủ để lấy lại túi ngọc vì ông còn nhớ rõ đường lối đến cung điện của Long vương. Mặc dầu mọi người can ngăn, ông cũng không nghe, bèn dọn nhà ra bờ biển để làm công việc đó. Ngày ngày ông xe cát chở đến bờ quyết lấp cho bằng được.

Cho tận đến chết, Dã Tràng vẫn không chịu bỏ dở công việc. Chết rồi ông hóa thành con còng còng hay cũng gọi là con dã tràng, ngày ngày xe cát để lấp biển[1].

Tục ngữ có câu:

Dã tràng xe cát biển Đông,

Nhọc lòng mà chẳng nên công cán gì.

hay là:

Công dã tràng hàng ngày xe cát,

Sóng biều đồn tan tác còn chi[2].

hay là:

Con còng còng đại lắm không khôn,

Luống công xe cát sóng đồn lại tan.

Người ta nói ngày nay loài ngỗng sở dĩ không bao giờ ăn tép là vì chúng nó như ăn loài tép đã thế mạng cho tổ tiên mình ngày xưa. Họ còn nói loài ngỗng có một cái mào trắng trên đầu là dấu hiệu để tang cho Dã Tràng để nhớ ơn cứu mạng[3].

KHẢO DỊ

Đoạn đầu truyện này tương tự với truyện ngụ ngôn *Con cu* mà một tác giả vô danh đã đặt thành vè gọi là vè *Con cu* hay *Triều dương cố sự phú*.

Ông Trương Thủ Chí đi câu dọc ghềnh thường thấy hai con cua nọ đi ăn với nhau. Một hôm cua vợ đến kỳ lột, non da non thịt, yếu đuối không đi

được. Lúc đó chỉ một mình cua chồng tha mời về cho vợ rồi lại nằm ngoài cửa hang canh gác kéo sợ những con cua khác đến ăn thịt.

Đến khi cua chồng lột nằm một chỗ, cua vợ đã không chăm sóc lại còn rủ chúng bạn tới ăn thịt chồng[4].

... Cua đực lại tứ chi chuyển lột,

Tay chân yếu mười phần còn một,

Xương thịt mòn muôn ngạch đều không,

Lòng những tin có vợ nuôi chồng,

Hay đâu nổi say trai đắm gái.

Nhớ thù quên ngãi,

Nhớ oán quên ân,

Vào trong hang cắt thịt xé thân,

Ra ngoài cửa ăn tươi nuốt sống...[5].

Ông bèn đem điều thấy được tâu lên vua. Vua có ý định thử xem giữa người với cua có giống nhau chăng, mới cho rao khắp thiên hạ: hễ người nào có gan giết được vợ thì sẽ: "Ngôi nhất phẩm quyền phong nhất thế: chức tam công lộc hưởng thiên niên". Có một anh lực sĩ háms chức cao

quyền trọng, liền đến lĩnh bảo kiếm nhà vua về định giết vợ, nhưng khi nhìn vào khe cửa thấy vợ nựng con: thương cha con hiện đang ở chốn sa trường sương gió. v.v... thì, không nỡ hạ thủ, bèn trở về cung tự trói mình chịu tội.

Vua lại cho rao khắp thiên hạ: ai giết được chồng chém đầu đem nạp bệ rồng thì sẽ "phong chức hưởng tôn quận chúa". Có một nàng Nữ tử nghe vậy bèn giết chồng, đưa thủ cấp đến nạp mong lĩnh thưởng. Nhưng vua ra lệnh phân thân Nữ tử và tha bổng lực sĩ.

Đoạn giữa truyện *Sự tích con dã tràng* chịu ảnh hưởng của tích Công Dã Tràng trong Luận ngữ của Khổng Tử. Thiên V sách đó chép: "[Khổng] Tử bảo Công Dã Tràng là người có thể gả con gái được. [Tràng] tuy bị mắc trong vòng dây trói nhưng không phải tội do mình làm. Bèn đem con gái gả cho [Tràng]".

Người ta giải thích rằng: Công Dã Tràng là người nước Lỗ, học trò Khổng Tử, hiếu biết tiếng chim. Nhà ông nghèo không đủ ăn. Một hôm có con chim bay tới nhà kêu rằng: - "Công Dã Tràng! Công Dã Tràng. Cọp bắt dê ở núi Nam, người ăn thịt, ta ăn gan. Phiên phiến lên, chớ dùng dăng!". Công Dã Tràng lên núi bắt được dê đưa về làm thịt ăn. Không ngờ người chủ mất dê từng làm dấu riêng ở sừng. Khi nhận được sừng dê ở nhà Công Dã Tràng, hắn cho là ông đã ăn trộm dê của mình bèn đi cáo với Lỗ công.

Công Dã Tràng kể rõ sự tình cho Lỗ công biết, Lỗ công không tin là thực, bắt ông bỏ vào nhà giam. Khổng Tử biết Công Dã Tràng là người ngay thật, đi minh oan cho ông, nhưng Lỗ công cũng không tha. Khổng Tử than rằng: - "Ở chốn cùm trói, lẽ đâu không có người ngay mắc nạn".

Không bao lâu con chim ấy lại bay tới nhà ngục kêu rằng: - "Công Dã

Tràng! Công Dã Tràng! Người nước Tề đem binh sang! Sông Nghi-thủy ở đầu đàng, kíp ngăn ngừa chớ nguy nan!". Công Dã Tràng bèn nói lại với người cai ngục phi báo cho Lỗ công biết. Lỗ công sai quân đi do thám quả có quân Tề sắp sang đánh. Lỗ công mới biết Dã Tràng bị tội oan, bèn thả cho ông, cấp cho nhiều tiền bạc. Lại phong cho ông làm đại phu, nhưng Công Dã Tràng cho là nhờ chim mới được làm quan nên không chịu nhận[6].

Hoàng Khản giải rằng: Công Dã Tràng là người biết được tiếng chim. Một hôm từ nước Vệ trở về Lỗ thấy một bà già đứng bên đường khóc, ông hỏi vì sao mà khóc thì bà ta nói: - "Tôi đợi con tôi mãi mà không thấy nó về". Công Dã Tràng mách: - "Tôi mới nghe một bầy chim gọi nhau sang làng kia ăn thịt người, vậy có lẽ là con bà đó chăng?".

Người đàn bà liền sang làng ấy tìm con thì quả nhiên có thật. Bà ta kiện quan, cáo Công Dã Tràng vào tội giết người. Dã Tràng kêu oan, quan không nghe, tổng giam và hẹn rằng: - "Nếu cho quan trên thấy chứng cứ, đúng sẽ tha".

Công Dã Tràng ở trong ngục được 60 ngày. Một hôm ông nghe trên mái nhà có bầy hoàng tước nói với nhau chiu chít. Ông cười âm lên. Chủ ngục hỏi vì sao mà cười. Dã Tràng đáp: - "Tôi nghe chúng nói: Bên bến Bạch-lưu, có xe chở lúa, trâu nọ gầy sừng, lúa đổ tóe loe. Họ hốt còn dư, ta đi ăn chừ". Chủ ngục tới nói thấy quả như thế bèn báo với quan. Quan tha bổng cho Dã Tràng.

Về *Sự tích con dã tràng*, người Nghệ-an cũng kể như trên kia, trừ một vài chi tiết hơi khác, ví dụ lúc ông bị giam, không phải nghe chim sẻ nói chuyện mà nghe một bầy kiến nói với nhau về cái tin kho lúa đổ.

Về chỗ quạ báo tin cho Dã Tràng có thịt dê có một đoạn văn vắn:

Ông Dã Tràng, ông Dã Tràng,

Có dê chết bên sông nằm dọc đàng.

Ông ra đem về ông ăn lấy thịt, cho tôi cái nội tràng.

Cho vôi vàng! Cho vôi vàng! [7].

Theo sưu tầm của Lăng-đờ (Landes), thì nội dung truyện *Người hiểu tiếng loài vật* chỉ là phần đầu của truyện *Sự tích con dã tràng* nói trên, nhưng có thêm một đoạn như sau:

Sau khi làm chủ viên ngọc do rắn chồng tặng, anh chàng (ở đây không nói tên Dã Tràng) bỗng hiểu được tiếng loài vật, như chim, kiến và các thú vật khác... Anh không dám nói sự thật với vợ vì nếu nói thì viên ngọc sẽ biến mất. Một hôm, người vợ đang ngồi ở góc nhà, anh nghe những con kiến nói với nhau: - "Sắp có trận lụt, phải lên cao mà ở mới được". Thấy chồng cười một mình, vợ gặng hỏi lý do. Chồng nhất định không nói. Vợ giận quá mà chết. Chồng buồn vì cái chết của vợ mới đến nhà bạn chơi cho khuây khỏa[8].

Nguyễn Văn Tố[9] và Bô-trô Rút-xen (Botreau Roussel)[10] đã kể ra một số dị bản của truyện trên như sau:

Truyện của người Lào: *Ông vua hiểu tiếng loài vật*: Vua Kê-cay-a một hôm đi qua bờ ao thấy con gái của vua Thủy tề (Na-ga-ray-a) tắm tịu với một

con rắn nước. Tức mình vua giết chết con rắn và quật cho cô gái mấy gậy vào lưng. Cô gái về khóc lóc với cha. Vua Thủy tề nổi giận, chạy đến định tìm giết kẻ thù, nhưng khi đang rình ở cung vua Kê-cay-a thì bỗng nghe vua kể lại cho hoàng hậu chuyện ông ta gặp con gái mình tình tự với rắn, chuyện nhà vua tự tay giết rắn và đánh công chúa như thế nào. Vua Thủy tề bèn quay về hỏi lại con gái. Cô này thú thật. Thế là đổi giận thành mừng, vua Thủy tề liền tìm đến cung vua Kê-cay-a lần nữa dưới dạng một người bà-la-môn, hỏi vua mong ước gì thì giúp. Vua Kê-cay-a chỉ muốn biết tiếng loài vật. Vua Thủy tề sẵn lòng truyền cho phép lạ nhưng dặn chớ hở cho ai biết, nếu không thì chết tức khắc.

Một hôm vua Kê-cay-a sai đặt ngai vàng trên một cái nền nện chặt trát kín, bỗng nghe một lũ kiến trong nền nói vọng ra: - "Hãy hợp sức nhau lật đổ cái ngai của tên vua này!". Vua cười một mình. Hoàng hậu hỏi vì sao có cái cười bất thường. Vua không nói. Hoàng hậu vật nài mãi. Vua bảo nếu nói ra thì chết mất. Hoàng hậu bảo nếu không chịu nói thì mình cũng chết. Vua đành hứa sẽ nói trong một dịp tới.

Một hôm khác vua đang đi chơi gặp hai vợ chồng con dê. Dê vợ bảo dê chồng lội ra giữa ao lấy cho mình một ít cỏ non, nếu không thì chết. Dê chồng mắng ngay: - "Tao chả dại chết đuối trong ao sâu. Mụ cứ chết đi có hơn không. Tao có ngu ngốc như lão vua kia đâu mà cứ chiều vợ đến hy sinh tính mạng vô lý như thế".

Nghe nói vậy, vua Kê-cay-a trở về đuổi vợ vào rừng[11].

Trong *Kinh tam tạng* có truyện tương tự:

Ngày xưa con gái Long vương đi chơi trên trần bị một người chăn bò trói đánh. Vua nước ấy bắt gặp, sai cởi trói thả về. Về nhà, Long vương hỏi con

gái tại sao lại khóc. Cô gái vu cho vua trên trần đánh. Long vương bèn hóa thành rắn tìm lên trần, nấp dưới giường vua, bỗng nghe vua nói với vợ: - "Hôm nay ta đi chơi gặp một cô gái bị đũa chần bò đánh, được ta giải thoát cho".

Ngày hôm sau, dưới lốt người, Long vương đến gặp vua trần nói: - Ông đã làm một việc tốt là cứu con gái tôi. Nay ông muốn gì tôi sẽ cho nấy". Vua nói: - "Vật quý tôi đã có nhiều. Tôi chỉ muốn hiểu tiếng loài vật" - "Ông cứ trai giới trong 7 ngày sẽ được như ý. Nhưng phải giữ kín đừng cho ai biết". Từ đấy, vua trần quả nghe hiểu được tiếng muôn loài.

Một hôm đang ăn với hoàng hậu, vua trông thấy bướm cái bảo bướm đực kiếm cho nó thức ăn. Bướm đực trả lời ai kiếm nấy ăn. Bướm cái nói: bụng nó không muốn thế. Vua cười một mình. Hoàng hậu hỏi, vua nín lặng. Một lần khác, vua ngồi với hoàng hậu thấy hai con bướm gặp nhau, cãi nhau và cả hai đánh nhau rơi xuống đất. Vua lại cười. Hoàng hậu hỏi đến ba lần, vua đều không nói. Nhưng khi hoàng hậu dọa sẽ tự vẫn, thì vua đành bảo chờ mình đi dạo một lát rồi sẽ cho biết vì sao mà cười.

Để cảnh tỉnh vua trần, Long vương hóa thành một bầy dê lội sông. Một con dê cái gọi chồng trở lại đưa mình đi. Dê chồng nói không thể đưa được. Dê vợ cũng đòi tự tử và nói: - "Anh không biết có ông vua trước kia sắp chết vì vợ mình đó ư?". Dê chồng đáp: - "Ông vua ấy chết cho vợ là vì hăn ngốc. Màycứ chết đi, ta không thiếu gì dê cái". Vua trần nghe nói thế, tự nghĩ mình thua sự sáng suốt của con dê đực. Lúc trở về hoàng hậu lại vật vã đòi tự tử. Vua đáp: - "Cứ chết đi, trong cung ta thiếu gì cung phi, cần gì một thứ mày"[12].

Truyện của Pháp: *Con gà trống dũng cảm*:

Một anh chàng nghèo khổ nhưng hay giúp người. Nhà anh chỉ có hai con cừu anh thường chăn trên đồi. Một hôm, anh đuổi theo đánh chết một con chó sói giành lại con cừu cho một cô gái chăn cừu. Cô gái cảm ơn và tặng anh một con chó. Hôm khác, nhờ có anh báo tin báo kịp thời cho bố cô gái chăn cừu nên ông cất đặt được gợn rơm rạ đang phơi. Ông ta khen anh và tặng một con gà trống. Hôm khác nữa, anh lại cứu một con rắn ra khỏi đồng lửa. Rắn bảo anh đưa nó về nhà và dặn khi mẹ nó đến ơn thì cứ đòi biết tiếng loài vật. Mẹ rắn cho anh phép lạ ấy bằng cách thổi vào miệng và dặn anh chớ có tiết lộ bí mật mà chết.

Sáng hôm sau, anh nghe hai con vật nói nhau: - "Nếu anh chăn cừu kia biết có gì dưới chân mình thì anh ta sẽ đào ngay". Anh mượn cuộc đào thử thì được một thùng vàng. Từ đấy, anh trở nên giàu có, mua ruộng đất, làm nhà cửa, v.v... Lại mua trăm con cừu cho chó đi chăn, và một trăm gà mái cho gà trống cai quản. Anh lại hỏi cô gái chăn cừu nói trên làm vợ, và anh yêu vợ rất mực.

Một buổi chiều, anh cùng vợ đi xa về, con ngựa cái do vợ anh cưỡi đi chậm lại sau. Ngựa đực nói: - "Sao không đi nhanh, tao mà là bà chủ thì tao thúc mày" - "Tôi chở bà chủ mà tôi lại có đứa con trong bụng, đi nhanh sao được". Anh cười. Vợ hỏi: - "Sao lại cười". - "Đang nghĩ đến một chuyện" - "Chuyện gì?" - "Không thể nói được!". Vợ làm nũng. Anh lại nghe ngựa cái nói với ngựa đực: - "Mày chưa biết con ta đã lớn tướng rồi ư?! Nếu nó mà chạy được thì nó vượt xa mẹ nó". Anh cười to hơn trước. Vợ anh nổi cáu đòi bỏ chồng nếu chồng không chịu nói thật với mình. Chồng đáp: - "Điều này là điều cấm đối với tôi!" - "Anh hãy nói cho tôi biết đi!" - "Nếu nói thì tôi chết ngay" - "Hoặc anh nói cho tôi biết, hoặc tôi trả nhẵn cười cho anh". Cuối cùng anh hứa sẽ nói cho vợ biết chuyện bí mật của mình khi về nhà.

Về đến nhà, anh bảo người nhà mang ra một cái hòm thừa sẵn như một cái áo quan. Anh nằm vào hòm rồi nói: - "Mình hãy nghĩ lại, tôi nói ra thì chết, vậy có đòi nói nữa không?" Vợ đáp: - "Không nói gì thì tôi sẽ đi". Theo phong tục, khi chủ sắp chết, người quản gia đặt vào tay chủ một cái bánh và một đồng xu. Mọi người hầu hạ trong nhà vây quanh lấy anh khóc âm ỹ. Chó và gà cũng ở trong số đó. Nhưng gà đáng lý khóc thì lại gáy to. Chó nói: - "Sao chủ ta đã như thế mà mày còn rống ầm lên được?". Đáp: - "Vì chủ ta dốt nát nên tao muốn nói cho ông ta tỉnh ngộ" - "Mày định nói gì với ông ấy?" Gà nhảy tới mổ miếng bánh trên tay chủ, rồi nói: - "Tao có một trăm con gà mái ở quanh tao, ấy thế mà không một con nào dám ăn một hạt nếu tao không cho phép".

Nghe đến đây, anh lập tức ngồi nhổm dậy bước ra khỏi thùng, tháo cán chổi cho vợ một trận nên thân. - "Anh làm gì thế?" vợ nói - "Này, muốn biết ta cười gì này!"

Từ đó vợ anh không tò mò nữa, và làm việc lại hăng hơn trước[13].

Người Pháp ở Lo-ren (Lorraine) kể truyện trên, dưới đầu đề *Tiếng nói loài vật*:

Một người chăn cừu một hôm nằm dưới gốc cây thấy một con rắn nhờ mang mình lên rừng cho vua thú vật rồi muốn gì có nấy. Hắn giúp xong, chỉ xin biết tiếng loài vật. Hắn quả được như ý, và lại dặn: - "Tuyệt đối chó lộ bí mật, nếu lộ là chết". Đêm lại, đang ngủ, bỗng nghe phía ngoài có con chó sói đang dỗ hai con chó nhà, hứa sẽ chia phần nếu để cho mình vào chuồng cừu. Một con bằng lòng, một con không. Hắn dậy giết chết con chó phản chủ. Hôm khác, hắn thấy một con điều mách cho một con quạ chỗ

chôn một thùng vàng. Hăn qua đào được vàng, bèn về trả cừu cho chủ không chần nữa, tiếp đó hỏi con gái của chủ làm vợ.

Một hôm, hai vợ chồng cưỡi ngựa đi thăm người cô ở làng bên cạnh. Hăn nghe hai con vật nói với nhau, một con nói: - "Mày hăn là nặng nề vì mụ cưỡi mày có mang". Hăn phì cười. Thấy thế vợ hăn gắng hỏi, hỏi không được thì kêu gào khóc lóc. Cuối cùng hăn nói: - "Nếu nói thì tôi chết mất. Thôi hãy đợi ba ngày nữa để tôi đi từ giã bà con đã rồi sẽ nói cho biết". Ba ngày qua, trong khi hăn uống chén rượu cuối cùng với một người bạn thì một đàn gà trống bay đến cửa sổ gáy lên: - "Nếu chủ nghe ta thì không chết". Kết cục, hăn nghe lời của đàn gà không cần giữ lời hứa trước, và vợ hăn cũng không dám gắng hỏi nữa[14].

Truyện *Người hiểu tiếng loài vật* của người da đen ở Goa-đờ-lúp (Goadeloupe):

Có một người nghèo nhưng sống hiền lành. Một hôm anh cứu sống một con rắn ngắc ngoải về nạn cháy rừng. Được sống lại, rắn cảm ơn anh và bảo: -"Anh hãy liếm lưỡi tôi thì sẽ được truyền một phép màu là hiểu tiếng loài vật. Nhưng nếu anh nói với người khác thì sẽ chết ngay". Anh làm theo.

Sau đó anh lấy vợ. Một hôm, cùng vợ ngồi trên một hòn đá ở bờ sông, nghe hai con chuột nói với nhau: - "Hai người này không biết rằng họ đang ngồi trên một kho vàng mà một nhà nào đông con cũng không thể ăn hết được".

Anh cười một mình, vợ hỏi không được, giận bỏ đi tắm sông. Trong khi đó có hai con dơi nói với nhau: - "Nếu hai người này biết rằng có một luồng

nước sắp đổ tới thì họ sẽ không tắm". Chồng vội bảo vợ lên ngay. Vợ vừa lên thì nước sông dâng cao làm trôi hòn đá ngồi lúc này. Tuy vậy, vợ cũng không nguôi giận. Dọc đường vợ bảo: - "Nếu anh không nói, tôi bỏ về cho mà xem". Chồng không đáp. Trong khi đó nghe hai con ngựa nói chuyện với nhau, chồng lại cười làm cho vợ càng thêm giận dữ. Đến nhà, vợ khóc lăn giữa đất và gào lên: - "Mày muốn tao chết, tao đi đây!". Chồng dỗ dành: - "Nếu tôi nói thì tôi sẽ chết mất". Vợ vẫn không nguôi giận, chồng định nói sự thật, mới đi tìm một cái áo quan. Nhưng đúng vào lúc anh sắp nằm vào áo quan, bỗng nghe con chó nói: - "Chủ ta sắp chết vì con mụ ấy". Gà trống đáp: - "Kệ lão ấy. Nếu tôi mà là lão ấy thì tôi sẽ tống tiễn vợ bằng một trận mưa gậy vào lưng, rồi tôi lấy vợ khác".

Nghe thế, anh chàng hiểu tiếng loài vật liền ngồi dậy cầm gậy phang cho vợ một trận đòn dữ dội rồi tống ra khỏi cửa. Anh đi kiếm kho vàng dưới hòn đá chỗ hai con chuột nói lúc này, và từ đấy anh giàu có đến nỗi có nhiều người đàn bà chạy theo mình[15].

Có khá nhiều truyện khác tương tự các truyện trên, nổi bật là tình tiết người chồng biết tiếng thú vật nhưng nếu nói ra thì chết và người vợ không nén được tò mò như: truyện *Ha-ri-vam-xac* của đạo Bà-la-môn (vua Bra-ma-đát-ta hiểu tiếng loài vật không nói cho hoàng hậu biết); truyện mở đầu bộ *Nghìn lẻ một đêm* (con lừa, con bò và người cày ruộng), truyện *Bác-lam* và *Jô-da-phát*; truyện *Nang Tang-tra* của Thái-lan; hay truyện của người Lô-bi (Lobis) châu Phi (ở đây, người chồng biết tiếng loài vật vì thỏa mãn tính tò mò của vợ, nên bị chết[16]).

Còn có một loạt truyện khác cũng có nhân vật biết tiếng loài vật do ngẫu nhiên ăn được một món ăn thiêng. Ví dụ truyện của các dân tộc ở Xcăng-đi-na-vơ (Scandinave) trong *Et-đát* (Eddas) có nói đến một nhân vật anh hùng là Xi-gua giết một con rồng nấu tim ăn và uống máu của nó, liền đó hiểu được những lời trò chuyện giữa hai con quạ. Hoặc biết tiếng loài vật

bằng con đường tiếp thu môn học về tiếng loài vật ở nhà trường. Sau đây là một truyện của người Ma-rốc (Maroc) *Tiếng loài chim*:

Một người lái buôn giàu có ở Phe-dơ (Phez) không con, nhờ một pháp sư cho ăn một thứ quả loài cây lạ, người vợ liền có mang đẻ được một con trai.

Ông ta cho con đi học. Con lên mười ông mang đến đất Thánh, nhưng đi qua một thành phố Ai-cập, thấy có một trường học dạy tiếng chim, ông bèn để con lại học với một số vàng, định lúc trở về sẽ lại đón con về. Nhưng khi người bố trở về thì lạc đường, không đón được. Mấy năm sau, ông mới lại đi tìm thì con mình đã tinh thông tiếng chim, và đang thay thầy giáo dạy tiếng chim ở trường. Bố đưa con đi tàu về quê. Giữa đường, thấy có ba con chim trò chuyện với nhau, người bố hỏi con xem chúng nói gì. Con không trả lời. Mọi người chế nhạo. Mãi sau nài mãi, con mới cho biết: - "Nó bảo con ngày sau sẽ làm vua còn bố thì làm phu khuân vác". Bố giận dữ bụng, một đêm nọ nhân lúc con ngủ say bèn bỏ hòm đem thả xuống biển, nhưng khi bố về đến nhà thì nhà cháy, hai vợ chồng tay trắng phải đi làm thuê kiếm ăn rất vất vả. Trong khi đó, anh chàng biết tiếng chim được một người đánh cá nước nọ vớt lên nuôi làm con nuôi. Anh đánh bạn với con một viên quan án nước ấy. Vua nước ấy lúc đó bị ba con chim đến kêu quang quác suốt ngày, đuổi mấy cũng không đi. Vua sai các quan đại thần giải thích lý do, hứa ai trả lời được thì chia cho nửa nước, không thì chặt đầu. Đến lượt quan án phải giải thích. Cả nhà buồn rầu khóc lóc vì biết sẽ bị vua xử tử. Thấy bạn buồn và khi biết lý do, anh chàng xin phép vào giảng giải thay quan án. Anh nói với vua: - "Trong ba con chim này, có một con trống ở xứ Đông, một con trống ở xứ Tây. Con mái vốn là vợ con xứ Tây nhưng vừa qua vì chồng đi vắng lâu ngày, nó đã theo con xứ Đông. Bây giờ con xứ Tây mới trở về, nên cả ba đến xin vua phân xử". Vua chưa biết nên phân xử thế nào, bèn nhờ chàng biết tiếng chim xử hộ. Anh bảo hai con trống bay về hai phía, rồi bảo con mái hãy đi theo con nào mình thích. Con mái lại theo con trống xứ Tây.

Thấy phải mất một nửa nước vì một việc quá đơn giản như vậy, vua có ý lật lọng. Anh chàng bèn ra giữa sân gọi mấy tiếng, chim bay tới hăng hà sa số kêu ầm ỹ ở sân rồng. Vua hoảng sợ, đành làm theo lời hứa. Sau khi vua chết, anh lên nối ngôi. Khi ông vua trẻ bắt phu chở củi đến cung điện để đốt sưởi mùa đông thì người bố cũng ở trong số những phu vác củi. Con nhận ra cha, bèn bảo cha đưa mẹ - bấy giờ làm thợ giặt - đến hoàng cung cùng hưởng phú quý với bố mẹ nuôi[17].

Tóm lại, truyện *Sự tích con dã tràng* của ta có thể bắt nguồn từ loạt truyện

Người hiểu tiếng loài vật kết hợp với truyện *Công Dã Tràng* gốc từ Trung-quốc để chuyển thành một truyện mới khá lý thú.

[1] Theo báo *Tân văn* (1935).

[2] Câu này ở Nam-bộ có người đọc: *Sóng ba đào ai xét công cho*.

[3] Đoạn này theo Lãng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.

[4] Theo Trương Vĩnh Ký. *Chuyện đời xưa*, truyện *Nhơn vật đạo đồng*.

[5] Về *Con cua*

[6] Theo Paulus Của. *Chuyện giải buồn*.

[7] *Bản khai của thôn Hướng-dương*.

[8] Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn. Theo sưu tầm của Nguyễn Văn Tố thì truyện còn có thêm một đoạn nữa là khi đến nhà bạn, bạn định làm thịt ngỗng đãi anh, nhưng vì nghe tiếng vợ chồng ngỗng than thở nên anh cố chối từ, vì thế ngỗng không bị đưa làm thịt. Cho nên khi anh chết lũ ngỗng để trở có cái mào trắng trên đầu (Một truyện kể của cổ tích *Người hiểu tiếng loài vật* trong tập san của Hội Đông-dương nghiên cứu về con người (IIEH) tập VI, 1943).

[9] Một truyện kể của cổ tích *Người hiểu tiếng loài vật*, đã dẫn.

[10] *Người hiểu tiếng loài vật* (cổ tích Lào và cổ tích Goa-đơ-lúp (Goadeloupe) xuất phát từ *Năm sách dạy trẻ (Panchatantra) Ấn-độ*) trong IIEH, đã dẫn.

[11] Truyện này từ sách *Năm sách dạy trẻ (Panchatantra)* của Ấn-độ truyền vào Lào.

[12] Sa-van (Chavanes). *Năm trăm truyện cổ và ngụ ngôn* trích từ *Kinh Đại tạng Trung-quốc*.

[13] Theo Pua-ra (Pourra). *Kho tàng truyện cổ tích*, quyển III.

[14] Theo Đơ-la-ruy (Delarue) và Tơ-ne-dơ (Tenèze). *Truyện cổ dân gian Pháp*, quyển II.

[15] Bô-trô Rút- xen (Botreau - Roussel). Bài đã dẫn.

[16] Xem thêm các dị bản truyện *Cứu vật vật trả ơn, cứu nhân nhân trả oán* số 48, tập II.

[17] Theo Mô-ha-mét En Pha-si (Mohamed El Fasi), và Đéc-men-ghem (Dermenghem). Sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

16. GỐC TÍCH BỘ LÔNG QUẠ VÀ BỘ LÔNG CÔNG

Xưa kia Quạ và Công là đôi bạn chí thân. Cũng vì màu lông của chúng giống nhau: con nào con nấy đều xám xịt như vừa rúc ở bùn lên. Lúc ấy chúng làm gì đã có bộ cánh như bây giờ. Cả hai con đều tự biết mình xấu nên không dám chơi với ai cả. Riêng Công dưới mắt Quạ thì lại càng xấu tệ: cái đầu bé tí chẳng cân xứng với con người. Thêm vào đó, một cái cổ dài và ngẵng nghiu, thật khó coi hết sức. Một hôm Quạ bảo Công:

- Đẳng kia có người thợ vẽ có thuốc đủ các màu, chúng ta hãy ăn trộm về mà tô chuốt cho nhau, sửa lại bộ cánh cho đẹp.

Công gật gù nhận lời. Hôm ấy, người thợ đang vẽ dở cho người ta một bô tứ bình, thuốc vẽ còn bỏ lăn lóc bốn bên người. Thừa dịp người thợ ngủ ngáy, hai con vật lần lượt mò vào lấy trộm bút lông và thuốc vẽ đưa ra một gò con ở giữa hồ gần đấy. Lần thứ ba chúng nó toan vào lấy một mẻ nữa nhưng người thợ vẽ đã ngủ dậy. Chúng đành trở ra kiểm lại thì thấy chỉ được có một thỏi mực tàu, một gói thuốc xanh và một gói kim nhũ. Quạ bảo:

- Thôi được, ta cứ bắt đầu vẽ cho nhau đi!

Nói đoạn, Quạ bắt Công nằm xuống cho mình tô điểm. Quạ vốn khéo tay, thoát tiên nó dùng màu xanh tô vào đầu vào cổ và mình Công. Tô đến đâu,

rắc kim nhũ đến đấy. Đến cái đuôi, Quạ bắt Công phải cố xoè ra như cánh quạt cho mình vẽ được kỹ lưỡng. ở mỗi lông đuôi Quạ vẽ những vòng tròn và tô bằng mực tàu và kim nhũ rất đẹp.

Tô xong đặc ý, Quạ bắt Công phơi cái đuôi cho thật khô.

Công vốn vựng về nên khi bắt tay vào tô điểm cho Quạ thì nó lúng túng. Hơn nữa lúc đó màu xanh và kim nhũ đã cạn.

Giữa lúc Công chưa biết trang sức cho Quạ như thế nào thì bỗng có Quạ khoang ở đâu bay đến. Quạ khoang vốn có họ với nhà Quạ. Hồi ấy màu lông của nó trắng toát như vôi. Chưa đỗ xuống, nó đã giục tíu tít:

- Anh Quạ! Anh làm gì đó? Mau đi về phương Đông!

- Để làm gì?

- Có tin cho biết rằng phía đó mới có một trận đánh nhau to, thầy chết như rạ. Thật là một dịp may hiếm có.

Quạ nghe nói đến thịt người thì sự thèm muốn làm cho nó không tự chủ được nữa. Quạ bảo Quạ khoang:

- Thế à? Nhưng để nó tô điểm cho tao cái đã. Chịu khó chờ tý nhé!

- Không được. Phải đến trước ban đêm... Ngày mai mới đến thì người ta chôn hết còn gì nữa.

Quạ nóng nảy, giục Công:

- Thế thì phải làm gấp lên mới được!

Quạ khoang thấy Công đẹp nên cũng muốn có một bộ cánh tươm tất. Nó xen vào:

- Anh Quạ! Anh làm ơn cho tôi một tý với. Tôi cũng cần ăn mặc tử tế một chút.

Quạ vui lòng chia sẻ phần thuốc vẽ của mình cho người em họ. Công nhân lúc Quạ vội nên chẳng cần ngắm nghía gì lôi thôi, trút một nửa số mực tàu lên đầu Quạ. Mực chảy đến đâu, người Quạ đen đến đó. Công còn hữu ý bôi cả vào mỏ vào chân làm cho toàn bộ người Quạ đen nhánh như cột nhà cháy.

Đến lượt tô cho Quạ khoang, Công cũng đổ số mực còn lại lên người nó. Khi nước mực rót xuống đầu, Quạ khoang hơi ngại vội rụt cổ lại, thành thử cổ của nó có một cái ngấn không bị mực thấm đến.

Nhìn thấy Công tô điểm cho Quạ khoang, Quạ mới biết là mình đại, không dừng lại để cho một kẻ vụng về trang điểm. Nhưng việc đã lỡ còn biết làm gì được nữa. Tức mình quá hai anh em nhà Quạ chỉ còn biết mắng cho Công một trận rồi bỏ đi. Từ đó Quạ không chơi với Công nữa.

Cũng vì thế mà ngày nay dòng dõi loài Công có bộ cánh rất sắc sỡ. Đi đâu chúng nó cũng ưỡn ẹo và luôn miệng khoe khoang: "Cuông[1] tốt! Cuông tốt! . Trái lại, dòng dõi loài Quạ thì bộ cánh đen thui như mực, trong đó có Quạ khoang đặc biệt có một cái ngấn trắng ở xung quanh cổ. Vì phải bộ cánh xấu quá nên Quạ rất thẹn thò, đi đâu cũng than thở: "Quạ xấu hổ! Quạ xấu hổ!"[2].

KHẢO DỊ

Người Lào cũng có một truyện cổ tích tương tự với truyện của ta. Đại khái trước kia Quạ xanh biêng biếc, Công đen. Một hôm hai con quyết định mỗi con rút màu sắc ở lông của mình luyện thành thuốc vẽ để tô lại cho nhau. Màu thuốc của Quạ rất đẹp mà Quạ lại khéo tay nên tô đến đâu bộ cánh của Công rực rỡ đến đó. Lúc Công sắp tô cho Quạ thì vừa có Diều đến rủ Quạ

đi ăn thịt trâu. Quạ háu ăn, bảo Công trút cả thuốc vào cho mình. Vì thế người Quạ đen như mực[3].

Trong sách của Lãng-đờ (Landes) có truyện *Quạ và Bìm bịp*. Truyện này có lẽ chỉ lưu hành ở miền Nam, trong đó cũng có tình tiết phần nào giống với truyện vừa kể:

Xưa Quạ và Bìm bịp đều là đầy tớ hầu hạ đức Thánh. Một hôm đức Thánh dùng một trăm thợ đóng một chiếc tàu lớn. Khi tàu đã đóng xong, đức Thánh sai Quạ ra bờ sông xem nước bao giờ lên để hạ thủy. Quạ ra sông thấy ở gần đấy có một cái ao cạn, tôm cá nhiều lắm, bắt rất dễ và ăn rất ngon, bèn lộn xuống bắt ăn, say mê quên cả về.

Thấy Quạ đi lâu quá, đức Thánh sốt ruột, sai Bìm bịp đi tìm Quạ. Quạ vừa thấy Bìm bịp đến, đã bảo: - "Ở đây tôm cá nhiều lắm, xuống bắt đi mày, không đi đâu mà vội!". Bìm bịp nghe bùi tai bèn cũng xuống bắt cá, quên cả phận sự đức Thánh giao cho.

Đức Thánh lại sai Bồ câu ra sông để tìm Quạ và Bìm bịp. Bồ câu đi qua ao thấy họ đang mãi bắt cá ăn, bèn trở về báo với chủ. Đức Thánh giận vô cùng, quyết định hạ thủy tàu ra đi, không cần đợi Quạ và Bìm bịp nữa.

Quạ và Bìm bịp ăn no mới nhớ đến phận sự. Cả hai đều sợ chủ trị tội nên không dám về. Chúng nó dắt nhau đến nhà Nhị tỳ gần đó. Ở đây có một bọn học trò mượn ngôi nhà công làm nơi trọ học, nghiên mực và son của họ bỏ đầy cả gậm giường. Quạ nghĩ ra được một kế bèn bảo Bìm bịp: - "Chúng ta hãy lấy mực bôi khắp cả người cho lạ đi. Như thế lúc về, đức Thánh trông thấy chúng ta sẽ buồn cười mà không quở nữa". Nói rồi Quạ lấy mực bôi khắp cả mình. Bìm bịp cũng bắt chước Quạ, bôi vào người,

mới bơi được cái đầu và cổ thì mực đã cạn. Nó bèn lấy son bôi thêm cho trọn phần dưới.

Đoạn cả hai vội đi về hầu chủ. Đức Thánh bật cười rồi tha đánh cho cả hai. Nhưng khi tàu sắp nhổ neo thì đức Thánh bắt chúng hóa làm chim, bắt ở lại không cho theo nữa.

Vì thế mà ngày nay chúng ta thấy bộ lông của Quạ đen thui như mực, còn chim Bìm bịp thì đỏ nâu như màu son, trừ đầu và cổ màu đen.

(Xem thêm truyện *Sự tích con Bìm Bịp* ở **Khảo di**, truyện số 13).

Đồng bào Xê (Xré) ở Tây-nguyên cũng có một truyện nói về bộ lông đen nhưng khác với truyện của ta: có nhân vật Dinh Dang, lúc xuống cõi âm tìm thấy hai chất thuốc nhuộm đen và đỏ, bèn trao cho Quạ là tên có phạm sự giao thông với cõi trần. Một hôm Quạ vô ý để bình thuốc đen đổ cả vào người nên từ đó lông Quạ không còn trắng nữa. Cũng vì thế, lúc Quạ lên cõi trần truyền lại cho người nghề nhuộm thì thiếu mất chất đen. Người ta đành phải dùng lá cây nhuộm thành một màu xanh sẫm tức màu chàm.

Còn truyện của đồng bào Ba-na (Bahnar) thì giống truyện của người Lào ở trên.

Người Miến-điện (Myanmar) có truyện *Ba quả trứng rồng* cũng có nói đến sự tích bộ lông Quạ:

Ngày xưa lông Quạ trắng như tuyết. Công chúa Ròng sai Quạ đi báo tin cho người yêu là mình đã đẻ được ba quả trứng. Người yêu của công chúa Ròng giao cho Quạ một viên ngọc đỏ. Quạ bọc vào trong gói đưa về. Dọc đường. Quạ đói bụng bèn giấu ngọc ở một lùm cây để tìm thức ăn. Không

ngờ ngọc bị một người lái buôn trộm mất và thay vào đó một cục củt trâu. Công chúa Rồng vì thế giận buồn mà chết. Thần mặt trời trị tội Quạ bằng cách đốt sém lông thành màu đen. Trứng Rồng không nở được bị nước sông la-ra-oa-đi cuốn trôi về sau biến thành ngọc đỏ[4].

Một truyện của ta *Vì sao chúc mào đỏ đít* cũng có liên quan đến câu chuyện thuốc nhuộm:

Có hai vợ chồng nhà nghèo làm nghề nhuộm điều. Một năm mất mùa không ai tới nhuộm cả, hai vợ chồng không biết làm nghề gì mà ăn, sinh ra bực bội đánh nhau, bao nhiêu thuốc nhuộm lẫn lóc cả sân. Vợ bị chồng đánh ngời vấy ngời vá nên thuốc nhuộm dính đỏ cả đít. Vì thế vợ chết hóa thành chim chúc mào, lông đít của nó bao giờ cũng đỏ[5].

Một truyện khác nói về nguồn gốc màu lông các giống chim như sau:

Xưa, Trời mới sinh các giống chim, con nào màu lông cũng trắng toát như vôi. Có giống chim Tỏi mắt làm bậy mắc tội. Thiên lôi được lệnh Trời xuống trị tội, nhưng vì chim nào chim ấy đều trắng như nhau làm cho Thiên lôi nhầm lẫn. Các giống chim đem việc đó kiện lên Trời. Để dễ phân biệt, Trời bèn sai Long thần thổ địa tô điểm cho mỗi giống mỗi màu sắc khác nhau. Chỉ có giống Cò là lọt lưới. Mãi sau Long thần cũng tóm được, nhưng vì hết mất màu nên chỉ đánh cho một dấu riêng ở mỏ[6].

-
- [1] *Công* : công, tiếng Nghệ - Tĩnh.
- [2] Theo lời kể của người miền Bắc, Tờ-ri-e (Triaire) và Trịnh Thục Oanh trong *Con rùa vàng* đã tiểu thuyết hóa truyện này, khiến cho câu chuyện khác với truyện kể trong nhân dân.
- [3] Theo Bren-gờ (Bregues). *Cổ tích và truyền thuyết Lào*.
- [4] Theo *Truyện dân gian Miền-điện*.
- [5] Theo *Bản khai sách Hữu-lập. Sách Vĩnh-lại, sách Nhiêu-hợp*, tập II.
- [6] Theo Nguyễn Văn Ngọc, sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

17. GỐC TÍCH TIẾNG KÊU CỦA VẠC, CỘC, DÙ DỈ, ĐA ĐA VÀ CHUỘT

Xưa Cò, Vạc, Cộc, Dủ dỉ và Đa đa ăn ở với nhau như anh em một nhà. Chúng nó sống một cuộc đời sung sướng và hòa thuận. Con nào con ấy đều có nhà cửa, ruộng đồng riêng, nhưng mỗi khi kiếm được món gì ngon như mớ cá, rổ tép, v.v... trong đồng của mình thì chúng thường chia nhau ăn rất vui vẻ, tử tế.

Không ngờ một ngày kia chúng nó rủ nhau đánh bạc. Trước còn đánh một đồng, hai đồng nhưng sau ăn thua lớn. Trong cuộc bạc hôm ấy, Cò vợ tất cả. Cuối cùng cả mấy con kia phải vay nợ của Cò để gỡ gạc, nhưng chúng chỉ "gỡ vào", mà thôi. Hơn nữa, Cò âm mưu với Chuột viết vào văn tự nhiều hơn số tiền bọn họ đã vay. Vì không biết chữ, không ngờ bị Chuột làm gian nên hầu hết tài sản của Vạc, Cộc, Dủ dỉ và Đa đa đều thuộc về tay Cò cả.

Thua cay hơn hết là Đa đa. Cờ bạc đến lúc "khát nước nó bèn đánh những tiếng rất táo bạo. Vì thế, đến lúc phúi áo đứng dậy, Đa đa đã gán hết từ ruộng đồng cho đến nhà ở của mình cho Cò. Ngay buổi sáng hôm sau, Đa đa trần như nhộng, phải bán xới đi kiếm ăn ở miền núi cao.

Dủ dĩ không thua quá nhiều như Đa đa. Nhưng Chuột đã chơi cho nó một vố khá đau. Trong văn tự, Chuột đã viết là Dủ dĩ sẽ gán tất cả phần đồng điền của nó nếu quá hạn không trả được nợ. Vì thế đến hạn, Dủ dĩ mất hết cả ruộng đồng, chỉ còn lại cái nhà ở. Từ đó nó phải ngày ngày đi làm thuê làm mướn kiếm ăn rất cực khổ.

Còn Vạc chỉ thua có ba mươi quan. Nhưng khi nhờ Chuột làm giấy hộ: Chuột đã viết còn số ba thành con số chín. Cho nên cuối cùng Vạc cũng mất gần hết phần ruộng đồng của mình cho Cò. Nhưng Vạc vốn không sợ Cò. Không dám kiếm ăn công khai thì Vạc ta lại kiếm ăn lẩn lút trên đồng đất của Cò. Đêm đến, chờ khi Cò về nhà nghỉ ngơi, Vạc mới mò ra đồng ăn trộm con tôm cái tép. Nhờ thế cũng đủ sống qua ngày.

Riêng Cộc cũng thua cháy túi như Đa đa. Cuối cùng vốn liếng còn lại chỉ có mười quan định để dành đóng gạo, nhưng máu mê cờ bạc xui nó đánh luôn một tiếng vào cửa lẻ. Khi mở bát ra thì bốn đồng tiền trắng xóa làm cho Cộc sửng sò), rồi ngất đi. Cho đến khi những con khác gào vào tai: - "Thua rồi, ớ Cộc! thì nó mới tỉnh dậy, và vì xấu hổ quá nên đâm đầu chạy miết, không ngoái cổ lại.

Còn Cò nhờ cuộc bạc hôm ấy lại nhờ khéo gian của Chuột nên làm chủ đồng ruộng mệnh mông. Hàng ngày nó bay hết đồng này sang trồng khác ăn uống thỏa thích.

Từ đó, dòng dõi của Cò thong dong đi lại kiếm ăn ban ngày. Người ta bảo "ruộng cò bay thẳng cánh" là thế. Trên đầu nó có mấy cái lông "seo" người ta vẫn gọi là cò văn tự", để chỉ những khế tự giấy tờ của nó mang theo luôn luôn bên người. Dòng dõi Vạc thì chờ lúc tắt mặt trời mới rúc ra khỏi bụi tre và kêu luôn mồm: - "Thua một vác! Thua một vác!"[1]. Trời chưa sáng, chúng nó đã lò mò về tổ, chỉ sợ dòng dõi nhà Cò bắt gặp. Dòng dõi của Dủ dĩ thường kêu những tiếng ai oán: - "Đông Tây tứ chi bán hết! Mần như ri cực cực? Mần như ri cực cực!"[2]. Dòng dõi Đa đa thì không dám trở về quê hương đồng ruộng nữa. Tuy thế, chúng nó vẫn kêu lên những lời tỏ ý tiếc nhớ đời sống sung sướng ở đồng ruộng của cha ông chúng ngày trước: - "Tiếc rồ tép đa đa? Tiếc rồ tép đa đa!"[3]. Dòng dõi Cộc thì thỉnh thoảng lại gào lên mấy tiếng: - "Thua rồi, ở Cộc!" rồi đâm đầu xuống nước, lặn một mạch thật xa mới trồi đầu lên tìm chỗ vắng mà đậu. Còn chuột, người ta bảo trong việc làm gian lận nói trên, nó chả được lợi lộc gì cả. Dòng dõi của nó ngày nay sống trốn tránh lẩn lút chỉ sợ con cháu Vạc và Dủ dĩ báo thù. Miệng vẫn kêu mấy tiếng: - "Chín chục! Chín chục!"[4].

Tục ngữ có câu:

Con vạc bán ruộng cho cò,

Cho nên vạc phải ăn mò cả đêm.

hay là:

Vạc sao vạc chẳng biết lo,

Bán rượu cho cò, vạc phải ăn đêm.

[1] Ngày xưa, một vác tiền gồm có 5 quan đồng, mỗi quan đồng có 6 quan kẽm, vị chỉ 30 quan.

[2] Có nơi cho tiếng kêu Dủ dỉ là: "Đi mô cũng cực! Đi mô cũng cực!".

[3] Có người kể "Tiếc đồng tép cha ta!" hay "Tiếc vùng tép của ta!" Lại có người kể: "Bát cát quả cà?". Về lời kể sau, xem truyện *Sự tích chim đa đa* (số 9).

[4] Theo lời kể của người Hà-tĩnh, Quảng-bình, và Ca-đi-e (Cadière) trong *BEFEO* tập 1, số 3, 1901.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

18. GỐC TÍCH CÁI NỐT DƯỚI CỔ CON TRÂU

Ngày đó trâu cùng nói một thứ tiếng với người. Nhờ thế người dùng lời nói để sai khiến con vật theo ý muốn của mình rất tiện. Cũng như thế, những gã mục đồng đối với trâu không dám đánh đập tàn tệ hoặc cho ăn thiếu thốn vì sợ trâu mách chủ.

Vào hồi đó có một người làm ruộng nuôi một con trâu cày, đồng thời cũng thuê một cậu bé để chăn con trâu ấy.

Người và vật lúc đầu rất tương đắc. Nhưng sau rồi hai bên bất bình với nhau. Cậu bé này tính ham chơi, nhiều khi quên mất phận sự của mình làm cho trâu nhiều lúc chả được miếng gì vào bụng. Có bữa vì say mê một cuộc đánh khăng hay đánh đáo, nhưng lại sợ trâu ăn lúa, cậu ta đã cột trâu lại một nơi không cho ăn. Những lúc đó, để che mắt chủ, hắn đã dùng một mẹo là lấy mo cau áp một lớp vào bụng con vật, rồi trát đất bùn ra ngoài. Cứ như thế, hắn dắt trâu về chuồng. Chủ nhà nhìn thấy bụng trâu căng lớn tướng thì tỏ ý hài lòng mà không cần vặn gì nữa. Nhờ mẹo ấy, cậu ta đã lừa được chủ nhiều lần nhưng cũng nhiều lần làm cho trâu rất tức tối.

Một hôm, cậu bé mãi chơi quá. Hội khăng vui đáo để làm cho hắn quên mất cả. Nhưng trâu thì nhịn từ trưa cho đến chiều. Trâu gọi mãi, nhưng hắn

ta nào có để ý đến. Buổi chiều hôm ấy trâu định mách chủ nhưng hăn khôn ngoan dùng lời lấp liếm không cho trâu có dịp mở miệng.

Buổi sáng hôm sau, người chủ dắt trâu ta cày ruộng. Trâu cố làm ra bộ bước không muốn nổi. Chủ gắt:

- Nào có đi mau lên không. Đồ lười?

Trâu trả lời:

- Không phải lười mà tại đói.

Chủ hỏi tiếp:

- Thế nào? Ngày nào mà thằng bé chả cho mày ăn một bụng no căng.

Bấy giờ trâu mới vạch mặt:

- *Cười trâu ra đánh khăng đánh đáo, cười trâu về nói láo trâu no. No gì mà no: trong mo ngoài đất sét. Ỉa cái phệt, hết no.*

Sự giả dối của cậu bé chăn trâu vì thế bại lộ. Ngay buổi trưa hôm đó người chủ vừa lột những cái mo đầy bùn dưới bụng trâu vừa đánh cho hăn một

trận mê tơi. Hăn đau ê cả người. Nhưng trâu thì rất hả hê và từ hôm đó ngày nào cũng được ăn no lại được tắm rửa sạch sẽ.

Qua mấy ngày sau, những chỗ bị đánh hầy còn sưng húp, cậu bé ngồi trên bờ ruộng giọt ngắn giọt dài. Trong khi đó trâu ung dung ăn cỏ. Bỗng dừng có một ông lão hiện ra sau lưng, hỏi cậu bé vì có gì mà khóc. Hăn chỉ vào trâu mà nói: - "Tại nó cả. Vì nó mách chủ...". Đoạn hăn kể cho ông nghe hết đầu đuôi.

Ông lão nghe xong dỗ dành cậu bé và nói: - "Ta rất thương con gặp phải chuyện không may. Bây giờ con muốn gì ta sẽ làm cho con vui lòng". Hăn đáp: - "Vì nó biết nói làm cho con phải đòn. Bây giờ chỉ muốn làm thế nào cho nó không thể nói được nữa". Ông lão bảo: - Khó gì việc đó. Ta sẽ có phép làm cho con vừa ý". Ông lão bèn rút trong người ra một cây hương đốt lên thư phù vào trâu, rồi bất thành linh ông lấy cây hương đó dí vào dưới cổ con vật. Trâu cố giãy giụa nhưng không kịp. Trâu kêu lên oai oái khản cả cổ. Tiếng nói của trâu dần dần mất hẳn. Cuối cùng, lúc nào muốn nói, trâu chỉ còn phát ra có mỗi một tiếng "nghe ọ... " mà thôi. Chỗ bị thương sau thành một cái sẹo như cái nốt ruồi, từ đó trâu không nói được nữa. Cả dòng dõi nhà trâu sinh ra cũng đều không biết nói và cũng đều mang cái nốt ở dưới cổ cho mãi đến ngày nay[1].

KHẢO DỊ

Tơ-ri-e (Triaire) và Trịnh Thục Oanh trong sách đã dẫn, khi phóng tác truyện này có kể đến việc cỏ biết bay. Những người chăn trâu lúc đó luôn luôn phải dùng gậy đánh cho cỏ rơi xuống để cho trâu ăn. Chúng tôi ngờ hình tượng này cũng như hung thần, nàng tiên và con rắn, đều bịa đặt, không đúng như truyện của nhân dân kể.

Một loạt truyện cổ tích của các dân tộc sau đây đều là những dị bản của truyện trên.

Truyện của Tiệp-khắc [cũ] (Tchécoslovaquie) ở vùng Bô-hêm (Bohême):

Một anh nông dân có một con dê cái ham ăn. Một hôm, vợ anh đi chăn dê về, anh hỏi dê xem nó có được ăn no không? Dê trả lời: - "Vâng, tốt lắm! Người ta chẳng cho ăn gì cả". Thấy vậy, ngày mai anh cho con gái đi chăn. Lúc về hỏi dê, dê cũng trả lời như thế. Ngày thứ ba, anh tự mình đi chăn lấy. Khi về hỏi dê, dê cũng trả lời như mấy hôm trước. Giận quá, anh nông dân lột sống da dê một nửa người, rồi đuổi đi. Dê trốn trong một cái hang của một con chồn. Khi chồn đi kiếm ăn về, đuổi dê, dê đã không đi, lại còn cố làm cho chồn sợ mình, nhưng một con bọ khoan tai (có nơi kể là con ong, hay kiến, hay dím) giúp chồn cắn vào tai dê, buộc nó ra khỏi hang.

Truyện của Hung-ga-ri (Hongrie):

Người bố sai con đi chăn dê cái. Lúc chăn về, hỏi thì dê nói không được ăn no, bố giận giết chết đứa con. Lần sau đứa con thứ hai đi chăn cũng vậy. Đến lần đứa con thứ ba đi chăn, bố nhìn xem mới thấy rõ là mình bị dê lừa, bèn cùng với con lột sống da dê.

Truyện của Ý (Italia), của Pháp cũng giống truyện của Hung, nhưng trong truyện của Ý, người chăn dê không phải con trai mà là con gái; còn trong truyện của Pháp thì đến bảy đứa con lần lượt đi chăn một con dê cái. Mỗi lần, trước khi về, đứa nào cũng hỏi dê có no không? Dê đáp: - "Ăn nó uống tốt và có nhiều sữa", nhưng khi ông bố hỏi thì dê lại trả lời ngược lại, làm cho người Bố chột đầu cả bảy đứa con. Người bố trên thân hành chăn dê, lúc trở về hỏi dê, dê cũng trả lời như trước, và điều khác với các truyện trên là trả lời vừa dứt, dê nhảy lên cắn chết chủ nuôi, và trở thành bà chủ.

Truyện của Đức do Grim (Grimm) sưu tập thì người bố không giết con (ba đứa) mà chỉ bắt con ra đứng ngoài cửa.

Một truyện khác của Ý: kết cục có khác hơn:

Một mục phù thủy sai một đứa trẻ chăn dê cái, bảo phải cho dê ăn no, nhưng đừng cho ăn các thứ hạt. Trở về hỏi dê, dê cũng nói láo. Mục lần lượt giết chết mười hai đứa trẻ. Đến đứa thứ mười ba thì nó biết vuốt ve dê, lại cho dê ăn các thứ hạt. Vì thế, khi mục phù thủy hỏi, dê đáp: - "Tôi được ăn no, được chăn tốt, nó cho tôi ăn cả ngày". Và dĩ nhiên đứa trẻ này không chịu chung số phận với mất đứa trước[2].

[1] Theo *Phụ nữ tân văn* (1931)

[2] Đều theo Cô-xcanh (Cosquin). *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren*, tập II.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

19. SỰ TÍCH CÁI CHÂN SAU CON CHÓ

Ngày xưa có một người đàn bà tên là Thanh Đề rất sùng đạo Phật. Bà ta sùng Phật đến nỗi cho rằng những cơm bánh do lúa gạo người ta trồng ra ở đồng ruộng thì không thể nào tinh khiết được, nên không một thứ nào đáng đem lễ Phật. Vì thế, hằng năm bà ta trồng lúa nếp trong những cái gáo dừa đựng đất sạch. Luôn luôn bà treo cái gáo đó lên một chỗ cao vì sợ có người bước qua. Khi lúa chín, bà thận trọng rút từng hạt một, giã nó bằng một cán dao mới tinh, rồi mới đưa năm gạo đó đựng vào bát thờ mà dâng lên chùa.

Một hôm, ở một ngôi chùa lớn trong vùng có mở hội đón tiếp khách thập phương. Vị hòa thượng chùa ấy cắt đặt một số sư tiếp nhận những lễ vật của thiện nam tín nữ đem đến cúng Phật. Bà nghe tin không quản đường xa, vội đưa năm gạo nếp tinh khiết của mình tìm đến cúng ở chùa đó. Không ngờ mấy vị sư kia chỉ chú ý đến lễ vật hậu hỷ của những người khác, mà chẳng ai tưởng đến bà và năm gạo của bà. Chờ suốt một ngày không thấy ai nhận, người đàn bà nọ tức mình, ném năm gạo xuống đất rồi bỏ ra về.

Ít lâu sau, bà ta sửa một lễ cúng Phật tại nhà mình rồi mời hòa thượng và các sư chùa đó đến tụng kinh. Theo lệ thường, trước khi ra về chủ nhân phải làm bánh tặng họ ăn đường. Để làm nhục bọn sư bất lương, bà ta giết một con chó lấy thịt băm nhỏ với các thứ rau thơm làm nhân bánh. Sau bữa cơm chay, bà ta đem bánh do tặng mỗi người một chiếc. Đoán được mưu mẹo của người đàn bà, vị hòa thượng dặn các nhà sư cầm bánh về chứ đừng ăn. Họ đều vâng lời, duy chỉ có một nhà sư là quên mất. Dọc đường thấy bánh thơm ngon, sư ta bèn bóc ăn kỳ hết. Những người khác khi đưa bánh về biết là nhân thịt chó đều quăng cả vào gốc cây bồ đề ở trước chùa.

Tất cả những việc đó đều thối tai đức Phật. Trước hết, đức Phật trị tội bọn sư bất lương và tham lam. Bọn họ bị bắt xuống địa ngục. Con chó chết oan được sống lại. Nhưng vì nó đã bị nhà sư kia ăn mất một chân nên lúc trở về cõi thế chỉ còn có ba chân. Đức Phật thấy thế chấp cho nó một chân giả khác để nó tiện đi lại [1]. Những thứ rau thơm làm nhân bánh bị vứt dưới gốc bồ đề cũng như phép Phật mọc lại xanh tốt. Đó là ba cây rau om, hành và sả. Vì những loại cây ấy bị nhà chùa coi là đã uế tạp cho nên sau này những người xuất gia đều kiêng không dùng. Về phần người đàn bà cũng bị tội nặng: Phật bắt bà ta bỏ vào tầng ngục thứ mười. Có người bảo đó là bà mẹ ông Mục Liên, sau này ông ta từng xuống dưới đó thăm mẹ [2].

[1].Theo Lăng- đờ (Landes). Sách đã dẫn.

Truyện bà mẹ Mục Liên đại khái như sau :

Xưa có ông La Bốc mồ côi cha rất có hiếu với mẹ... Nhưng mẹ ông ta lại tham lam quỷ quyệt. Ông chịu khó làm ăn được nhiều tiền gửi cho mẹ. Mẹ phung phí hết nhưng lại nói dối với con là đem cúng Phật. Mẹ chết, La Bốc

theo đức Phật tu hành, lấy tên là Đại Mục Kiền Liên (hay Mục Liên). Trong một chuyến đi vào nơi âm hồn ở, Mục Liên chỉ gặp bố không thấy mẹ, hỏi Phật thì Phật cho biết vì gian tham nên bị đày xuống địa ngục. Mục Liên xin phép xuống thăm. Qua ngục Hung-giao, ngục Khôi-hà, hết ngục này đến ngục khác, được xem hàng nghìn cách hành hạ tội nhân, nhưng ông vẫn chưa gặp mẹ. Mãi sau một tên quỷ đưa đến ngục A-tỳ mới gặp. Thấy mẹ kêu cứu, ông thương quá toan đưa mẹ đi nhưng quỷ không cho. Sau xin mãi với Phật, Phật biến người mẹ thành chó cái đi theo Mục Liên. Sau đó, Mục Liên hóa phép cho mẹ thành người và khuyên phải sửa đổi tính xấu. Bà mẹ nghe lời và nhờ đó, một hôm, vào ngày rằm tháng Bảy được Phật cho lên trời. Từ đó vào ngày rằm tháng Bảy, người ta quen cúng lễ người chết, nhà chùa thường làm chay "phá ngục cho tội nhân, cũng gọi là ngày "vong nhân xá tội" (theo *Mục Liên cứu mẫu kinh diễn âm*), xem thêm truyện *Thủ Huồn* số **30**.

[2]_Xem thêm *Lược khảo về thần thoại Việt-nam*, phần "Cuộc tu bổ lại các giống vật". Sách đã dẫn; tr.88 – 89.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
20. SỰ TÍCH CÁI CHỐI

Ngày xưa ở trên cung điện nhà trời có một người đàn bà nấu ăn rất khéo tay. Bà chế những món bánh trái tuyệt phẩm, làm những thức ăn ngon đến nỗi chỉ nếm qua một miếng là không thể nào quên được. Cho nên Ngọc Hoàng thưởng để cho bà chuyên trông nom công việc nấu ăn cho mình ở thiên trù. Nhưng bà lại hay ăn vụng và tham lam. Lệ nhà trời những người hầu hạ đều có thức ăn riêng, nhất thiết không được đụng chạm đến ngự thiện, dù là Ngọc Hoàng ăn thừa cũng vậy. Nhưng luật lệ đó không ngăn được những người đang sẵn thèm khát. Người đàn bà vẫn tìm đủ mọi cách để làm cho kho thức ăn của nhà Trời hao hụt.

Tuy đã quá tuổi xuân, bà ta lại yêu một lão vốn chăn ngựa cho thiên đình. Đời sống của những người chăn ngựa thì ở cõi trời cũng như cõi đất đều cực khổ không kém gì nhau. Ông ta thích rượu và từ khi gặp người đàn bà này lại thèm ăn ngon. Bà ta say mê ông tưởng trên đời không còn gì hơn được. Mỗi lúc thấy người đàn ông đó thèm thức ăn, đồ uống của nhà Trời, bà ta không ngại ngần gì cả. Đã nhiều phen bà lấy cặp rượu thịt trong thiên trù giấu đưa ra cho ông. Và cũng nhiều phen bà dắt ông lén vào kho rượu, mặc sức cho ông bí tỷ.

Một hôm, Ngọc Hoàng thưởng để mở tiệc đãi quần thần. Bà và các bạn nấu bếp khác làm việc tíu tít. Chỉ vào chập tối, các món ăn đã phải làm đầy đủ. Rồi khi ánh nguyệt của đêm rằm sáng lòà là mọi người bắt đầu vào tiệc.

Nhưng giữa lúc cỗ đang bay lên mâm thì từ đằng xa, bà đã nghe tiếng lão

chăn ngựa hát. Bà biết ông tìm mình. Bà lật đặt ra đón và đưa giấu ông ta vào phía góc chạn. Bà đưa cho ông mấy chén rượu, thứ rượu ngon nhất của thiên tào rồi trở ra làm nốt mẻ bánh hạnh nhân.

Người đàn ông đó mới đi tắm ngựa ở bến sông về. Bưng lấy bát cơm hãm, ông sức nhớ đến rượu thịt bây giờ chắc đang ê hề ở thiên trù, nên vội lên đến đây. Trong bóng tối, ông nuốt ực mấy chén rượu lấy làm khoái. Chén rượu quả ngon tuyệt, hơi men bốc lên làm ông choáng váng. Ông bỗng thèm một thức gì để đưa cay. Trong bóng tối trên giá mâm đặt ở gần đó, có biết bao là mỹ vị mùi thơm phưng phức. Đang đói sẵn, ông giờ lồng bàn sờ soạng bốc lấy bốc để...

Khi những người lính hầu vô tình bưng mâm ngự thiện ra thì bát nào bát ấy đều như đã có người nào nếm trước. Ngọc Hoàng thượng đế vừa trông thấy không ngăn được cơn thịnh nộ. Tiếng quát tháo của Ngọc Hoàng dữ dội làm cho mọi người sợ hãi. Bữa tiệc vì thế mất vui. Người đàn bà nấu bếp cúi đầu nhận tội. Và sau đó thì cả hai người cùng bị đày xuống trần làm chổi để phải làm việc luôn tay không nghỉ và tìm thức ăn trong những rác rưởi dơ bẩn của trần gian. Đó là tội nặng nhất ở thiên đình.

Lâu về sau, thấy phạm nhân bày tỏ nông nổi là phải làm khổ sai ngày này qua tháng khác không lúc nào ngơi tay, Ngọc Hoàng thương tình ra lệnh cho họ được nghỉ ba ngày trong một năm. Ba ngày đó là ba ngày Tết nguyên đán. Bởi vậy đời sau trong dịp Tết nguyên đán, người ta có tục lệ kiêng không quét nhà.

Người Việt-nam chúng ta có câu đố về cái chổi "*Trong nhà có một bà hay*

la liếm" mô tả thần tình động tác quét nhà nhưng trong đó chắc có ngụ ý nhắc lại sự tích của cái chổi[1].

KHẢO DỊ

Truyện này tương tự một truyện của Trung-quốc trong *Phong thổ ký*. Truyện Trung-quốc không có ông lão chặn ngựa mà chỉ có người đàn bà nấu bếp nhà trời, và khi bị đẩy xuống trần thì người đàn bà đã hóa làm thần chổi.

Một truyện khác cũng của Trung-quốc chép trong *Sưu thần ký* kể gốc tích tục kiêng quét nhà và hốt rác trong những ngày Tết như sau: Có một người tên là Âu Minh đi qua hồ Thanh-thảo. Nghe hăn than thân trách phận nghèo đói, ông thần hồ thương tình gọi lại và bảo: - "Ta sẽ giúp cho con khỏi đói khổ. Về nhà, cứ gọi mấy tiếng "như nguyện" là sẽ được vừa ý". Về đến nhà, hăn gọi tên mấy tiếng "như nguyện", tự nhiên thấy có một người nữ tỳ tìm đến nhà xin giúp việc. Nàng rất đảm đang và thông thạo mọi việc. Từ đó hăn buôn bán phát tài, buôn gì lãi nấy và trở nên giàu có trong bao nhiêu năm.

Nhưng một năm nọ, vào buổi sáng mùng một Tết, hăn nổi giận vì người nữ tỳ không làm vừa ý mình. Hăn lấy roi vụt lấy vụt để vào người nàng. Nàng la lên và bỏ chạy. Hăn đuổi theo. Thoắt một cái nằng chui vào đồng rác

trước nhà rồi mất hút. Người nhà hăn tìm mãi không thấy. Họ xúc rác đổ đi, có ý bức nàng xuất hiện. Nhưng rớt cuộc chả thấy đâu cả. Từ đó Âu Minh buồn thua bán lỗ và sa sút dần, đến nỗi sau này bị cùng khổ.

Người đời sau tin theo truyện này nên ngày Tết không quét nhà và hốt rác để mong được phát tài.

[1] Theo lời kể của người Hà- tĩnh.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
21. SỰ TÍCH ÔNG ĐẦU RAU

Ngày xưa, có hai vợ chồng son nhà nghèo. Họ đều sinh nhai bằng nghề làm thuê làm mướn. Tuy nghèo nhưng họ rất yêu nhau. Thường buổi tối sau khi đi làm về, hai vợ chồng ngồi bên bếp lửa hay dưới ánh trăng kể cho nhau những chuyện xa gần mới nghe được, hay hát những câu tình duyên, có khi vui vẻ quên cả cơm nước.

Một năm trời làm mất mùa, hạt gạo kiếm rất khó khăn. Tình trạng đói kém diễn ra khắp mọi miền. Hai vợ chồng theo lệ cũ đi tìm việc ở các nhà giàu nhưng chả mấy ai thuê nữa. Người vay công lĩnh nợ thì đông mà gạo rất khan hiếm nên khó chen vào lọt. Hơn nữa, cống mấy lão trọc phú lại thường đóng chặt vì chúng không muốn cho ai quấy nhiễu.

Túng thế hai vợ chồng phải đi mò cua bắt ốc, hoặc đào củ, hái rau về ăn. Tuy có đỡ phần nào nhưng tình thế vẫn không mấy may sáng sủa. Cái chết luôn luôn đe dọa họ vì trận đói còn kéo dài. Một buổi chiều, sau khi húp vội mấy bát canh rau má, chồng bảo vợ:

- Tôi phải đi một nơi khác kiếm ăn, không thể ở nhà được.

Nghe chồng nói, người đàn bà đòi đi theo để sống chết cho có bạn. Nhưng người chồng bảo:

- Tôi chưa biết sẽ đi đến đâu và sẽ phải làm những gì. Nàng ở nhà để sống hơn tôi, không nên theo làm gì cho vất vả. Chưa biết chừng tôi sẽ nằm lại dọc đường để cho loài chim đến than khóc. Nhưng cũng chưa biết chừng tôi lại mang những quan tiền tốt bó mo về đây nuôi nàng cũng nên! Chao

ôi! Số mệnh! Nàng hãy chờ tôi trong ba năm, nghe! Hết ba năm không thấy tôi trở về ấy là tôi đã bỏ xác quê người. Nàng cứ việc đi lấy chồng khác.

Người vợ khóc lóc thảm thiết như đứng trước cảnh tang tóc thực sự. Nhưng không biết làm thế nào cả, nàng đành phải để chồng ra đi.

Sau khi tiễn chồng, người đàn bà kiếm được việc làm ở một nhà kia. Nhà họ không giàu gì nhưng thương cảnh ngộ nàng, có ý giúp đỡ cho qua những ngày thảm đạm. Ở đây, người đàn bà kiếm mỗi ngày hai bữa, trong đó có một bữa cháo bữa khoai. Nhờ lanh lẹ và xinh xắn nên nàng lấy được cảm tình của chủ. Nhưng hình dáng người chồng thân yêu không bao giờ phai nhạt trong tâm trí nàng.

Thời gian trôi nhanh như nước chảy. Người ta đã bớt nhắc đến trận đói khốc liệt vừa qua. Nàng thì ngày ngày hồi hộp chờ đợi chồng. Những cây bưởi trước sân đã ba lần trở hoa mà chồng nàng vẫn không thấy tăm dạng.

Giữa lúc ấy người chủ đã từng bao bọc nàng trong lúc đó, vừa chết vợ. Sẵn có cảm tình với nàng, người ấy ngỏ ý muốn được nối duyên cùng nàng. Nhưng người ấy đâu có hiểu được lòng của người thiếu phụ. Câu trả lời của nàng là:

- Chồng tôi hẹn tôi trong ba năm sẽ về. Đến bây giờ tôi mới tin là chồng tôi đã chết. Vậy cho tôi để tang chồng trong ba năm cho trọn đạo.

Ba năm nữa lại trôi qua một cách chóng vánh. Không một nét chữ, một lời đồn về người xấu số. Hàng ngày, những buổi chiều tà, nàng vẫn dăm dăm nhìn bóng người đi lại trên con đường cái quan. Và rồi nàng khóc cạn cả nước mắt. Người đàn ông kia giục nàng quyết định:

- Một là chồng nàng đã chết, hai là còn sống nhưng đã lập một gia đình khác ở một nơi xa xôi hẻo lánh. Đẳng nào nàng cũng khó mong tái hợp. Ấu là cùng tôi lập một gia đình mới. Sức của tôi và của cải tôi đã bảo đảm cho nàng sung sướng trọn đời.

Nàng sửa lại vành khăn trắng đã ngả màu, cảm ơn hậu tình của anh ta và xin rồn chờ cho một năm nữa. Một năm nữa lại trôi qua không mang lại một tin tức gì mới mẻ. Lần này nàng mới tin là chồng mình chết thật. Sau một bữa rượu cúng chồng và đãi họ hàng làng xóm, nàng đến ở cùng người chồng mới.

*

* *

Đột nhiên sau đó ba tháng, người chồng cũ xách khăn gói trở về quê hương. Chàng không có vẻ gì khấm khá hơn trước. Chàng chỉ ôm một hy vọng là được gặp lại người vợ yêu. Nhưng vườn cũ nay đã thuộc về chủ mới. Chàng lẩm bẩm: - "Thế là hết. Bởi số cả! .

Việc người đàn ông đột ngột trở về làm cho mọi người ngỡ ngác. Nhất là đôi vợ chồng mới cưới không còn biết ăn nói làm sao bây giờ. Người đàn bà xấu hổ không dám dàn mặt. Nhưng người chồng cũ đã tìm đến họ và an ủi họ.

- Tôi đi vắng lâu quá. Cái đó hoàn toàn là lỗi ở tôi. Nàng xử sự như thế rất đúng. Tôi chỉ cần về gặp nàng một chút. Thế là đủ. Bây giờ tôi sẽ đi khỏi núi này mãi mãi.

Mặc dầu người vợ nài nỉ hết sức, mặc dầu người chồng mới đoan xin trả lại vợ, nhưng chàng nhất quyết dứt áo ra đi. Chàng không nở phá hạnh phúc của họ. Mà chàng cũng không có gan đi đâu xa vì không thể quên được vợ cũ. Băn khoăn dằn vặt hành hạ tâm trí chàng. Đầu óc rối như mớ bòng bong. Chàng nghĩ đến cái chết và trong một lúc cuồng loạn, chàng tự treo cổ lên cây đa đầu làng.

Cái chết kinh khủng đó như một tiếng sét nổ vào đầu người đàn bà. Nàng cảm thấy chính mình là thủ phạm gây ra cái chết của người chồng cũ. Tại sao ta chờ chồng được bảy năm trời mà không rán chờ thêm ít lâu nữa? Tại sao thấy chồng trở về, ta không dám giáp mặt? Nàng không tự chủ được nữa. Tất cả những câu hỏi như lên án một cách âm thầm nhưng kịch liệt trong đầu óc nàng.

Thế rồi buổi sáng hôm sau, trong khi người ta sắp sửa cất đám người đàn ông bạc mệnh thì người ta lại hoảng hốt kéo nhau đi vớt tử thi người đàn bà dưới cái ao bên cạnh nhà.

Người chồng mới sau khi làm ma cho vợ, trở nên như người mất trí. Hai cái chết đánh mạnh vào đầu óc mọi người, riêng đối với chàng chưa bao giờ có một sự xúc động dữ dội đến như thế. Chàng luôn miệng kêu to: - "Tại sao ta cố ý cướp vợ của người khác!". Rồi một hôm, sau khi đem hết gia sản chia cho họ hàng và cúng vào chùa, chàng uống thuốc độc tự tử.

Lúc xuống đến thế giới bên kia, cả ba người đều được đưa tới trước tòa án

của Diêm vương để định công luận tội. Tất cả mọi người một khi đã đến đây đều phải khai rõ sự thật ôm ấp trong lòng.

Theo lời khai của người chồng cũ thì chàng không thể nào xa lìa vợ cũ. Chàng sợ dĩ chết ở làng là chỉ mong luôn luôn được gần gũi nàng. Người chồng mới cũng khai rằng chàng có cảm tình rất xa đối với người vợ mới mặc dầu mới chính thức lấy nhau chỉ có ba tháng. Khi Diêm vương hỏi tình của chàng đối với người vợ cũ như thế nào thì chàng giơ ngón tay so sánh rằng một bên mười, một bên chưa được một. Đến lượt người đàn bà thì nàng thú thật rằng cái tình của nàng đối với chồng cũ choán một chỗ rộng rãi trong lòng mình, đồng thời đối với người chồng mới, nàng cũng không thể nào quên được tình cảm nồng nhiệt của chàng.

Diêm vương ngồi nghe rất cảm động. Những người như thế này cũng thật hiếm có. Cần phải làm cho bộ ba ấy sống gần nhau mãi mãi. Sau một hồi lâu suy nghĩ, Diêm vương cho ba người hóa thành ba ông đầu rau để cho họ khỏi lìa nhau và để cho ngọn lửa luôn luôn đốt nóng tình yêu của họ. Đồng thời, vua còn phong cho họ chức Táo quân trong nom từng bếp một, nghĩ là từng gia đình một trên trần thế [1].

KHẢO DỊ

Về *Sự tích ông đầu rau* hay *Sự tích thần Bếp* thì có khá nhiều, nội dung chỉ khác nhau về chi tiết. Một truyện chúng tôi đã kể trong *Lược khảo về thần thoại Việt-nam*, mục "Thần Bếp":

Xưa có hai vợ chồng Trọng Cao và Thị Nhi lấy nhau, đã lâu mà không có con. Một hôm vợ chồng cãi nhau, chồng giở thói vũ phu đánh vợ. Vợ bỏ nhà ra đi, sau đó kết duyên với một người khác tên là Phạm Lang. Về phần Trọng Cao khi vợ bỏ đi rồi thì mới thấy hối, bèn cũng bỏ nhà đi tìm. Tìm mãi không được, hết tiền ăn đường, đành phải ăn xin lần hồi.

Một hôm Trọng Cao tình cờ đến xin tại nhà Phạm Lang. Thị Nhi nhận ra chồng cũ: nhân chồng mới đi vắng, đưa vào thết đãi, rồi vì sợ chồng mới về bắt gặp, mới dắt Trọng Cao ra nằm ở một đồng rơm ngoài đồng. Nhưng nàng không ngờ rằng chỉ một lúc sau, đồng rơm ấy lại bị Phạm Lang đốt đi để lấy tro bón ruộng. Cũng như truyện trên, thấy chồng cũ chết, Thị Nhi cũng nhảy vào lửa chết theo. Phạm Lang, rồi người đẩy tứ lần lượt xông vào cứu cũng đều chết nốt. Họ đều được Ngọc Hoàng cho làm thần Bếp.

Một truyện khác do người Sơn-tây kể:

Có hai vợ chồng nghèo, chồng làm nghề buôn hương, vợ làm ruộng. Chồng thường xa vợ thi thoảng mới về một lần. Có lúc ông ta đi suốt năm chỉ gửi tiền về cho vợ tiêu mà thôi.

Một chuyến chồng đi biển biệt không tiền nong tin tức gì cả, người vợ chờ mãi đến gần mười năm mà vẫn không thấy tăm dạng.

Rồi đó, người vợ nối duyên với một người khác chuyên nghề săn bắn và làm ruộng. Người này có nuôi một người đầy tớ tên là Lốc. Người chồng mới rất yêu quý vợ.

Một hôm, trong khi chồng mới và đầy tớ đi săn vắng thì người chồng cũ đột nhiên trở về sau bao nhiêu năm cách biệt. Ông bị giặc bắt lưu lạc trong

rừng núi mãi đến nay mới trốn thoát được. Người vợ chỉ còn biết ôm lấy chồng cũ khóc than rồi dọn cơm rượu cho ăn. Khi chồng mới sắp về, vợ đưa chồng cũ ra ngoài đồng rơm để tránh tiếng không hay.

Chủ và tớ đi săn về được một con cầy. Chồng giục vợ đi sắm mọi thứ để làm một bữa chén. Trong khi người đàn bà đi vắng thì người đầy tớ đốt đồng rơm để thui con cầy. Lửa vô tình đã đốt chết người bán hương đang lúc ngủ say.

Giữa lúc đó thì vợ về. Thấy thế, nàng rất đau đớn, tự coi như mình phạm tội giết chồng cũ. vội nhảy vào đồng lửa. Người chồng mới thương vợ đâm đầu vào đó thiêu nốt. Người đầy tớ thương chủ, lại thêm hối hận vì tay mình đốt chết người nên cũng nhảy vào lửa chết theo.

Ba vợ chồng sau đó được Diêm vương cho hóa thành ba ông đầu rau. Còn người đầy tớ được hóa thành cái dùi để chặn đồng nhấm, người ta quen gọi là thằng Lốc [2]. Trong những bức tranh Táo quân người ta không bao giờ quên về người đầy tớ có nghĩa đứng bên cạnh ba người.

Một truyện thứ tư thấy chép trong *Dân Việt-nam*(1948):

Người chồng cũ mắc bệnh như bệnh hủi. Chồng khuyên vợ bỏ đi nhưng người vợ không nghe. Một hôm vợ đưa tiền gạo ra cho một người ăn mày, chồng giả cách vu cho vợ có tình ý với người đó. Vợ tức mình nhảy xuống sông tự tử nhưng sau lại được người ăn mày kia cứu thoát. Nỗi oan lại càng khó tỏ, người vợ đành bỏ đi theo người cứu mình và lấy anh ta làm chồng.

Người chồng cũ một thân một mình không ai giúp đỡ, phải đi hành khất. Tình cờ một hôm đến gõ cửa nhà vợ cũ, vợ vô tình đem tiền gạo ra cho. Thấy vợ, hăn bỏ chạy rồi đâm đầu vào một đồng lửa. Vợ đuổi theo không

cứu kịp cũng nhảy vào để chết theo. Người chồng mới cũng đuổi theo và nhảy luôn vào lửa khi thấy vợ chết. Xuống âm phủ họ đều được làm thần Bếp.

Người Cham-pa có truyện *Vua bếp* trong kết cấu có sự trộn lẫn cốt truyện *Sự tích thần Bếp* với cốt truyện *Ai mua hành tôi* của ta (Số 135, tập III):

Một thầy địa lý sắp chết dặn ba đứa con "khi bố chết đừng chôn vội, cứ khiêng xác đi về phương Nam, hễ nơi nào bố tự ý hạ xuống thì chôn ở đó". Bố chết, các con vâng lời, ba ngày vượt đồi leo núi hết hơi, xác mới rơi trên một tảng đá. Không ngờ đấy là hàm con rồng. Đêm lại rồng lần lượt báo mộng cho ba người con và xin biếu người thứ nhất một lọ bạc, người thứ hai một là vàng, người thứ ba một lọ nước thần. Nhưng cả ba nhận của biếu mà không chịu dời mộ. Trong khi hai anh giàu có thì người em út treo lọ nước lên xà nhà. Như truyện của ta, người vợ một hôm vô tình lấy xuống đổ ra tay thấy tay trắng, bèn đem tắm, người bỗng đẹp như tiên, hành và ngò mọc gần chỗ tắm lớn vồng lên lạ thường. Thấy người vợ của anh đẹp, vua bắt về cung. Anh chàng nhớ vợ bèn nhổ hành và ngò làm một gánh tiến kinh, rao: - "Ai mua hành cao năm thước hai, ngò cao ba thước sáu". Vợ nghe, biết là chồng cũ, gọi vào tình tự. Mấy lần như thế, vua ngờ vực, dặn lính hễ thấy ai rao như thế là bắt. Khi bắt được người chồng, vua muốn thử vợ, bèn đổi áo quần cho người bán hành, rồi gánh gánh hành ngò đi rao. Không ngờ vua bị lính bắt. Kết cục khác với chuyện *Ai mua hành tôi* của ta là anh hàng hành đang mặc áo của vua liền ra lệnh đốt chết nhà vua trong bộ áo hàng hành, Hoàng hậu tưởng là vua giết mất chồng cũ nên nhảy vào lửa chết theo. Anh hàng hành thấy vậy cũng nhảy vào lửa chết nốt. Về sau họ được phong làm vua Bếp [3].

Người Quảng-đông (Trung-quốc) cũng thờ thần Bếp, và cũng cúng thần vào ngày 23 tháng Chạp âm lịch. Họ có nhiều truyện thần Bếp khác với truyện của ta.

Sau đây là một truyện phần nào gần truyện của ta ở một vài tình tiết:

Xưa có Trương Lang lấy vợ là Đinh Hương. Chồng bỏ đi buôn xa không có tin về. Vợ ở nhà chăm nom bố mẹ chồng rất hiếu thảo. Sau mười năm, bố mẹ chồng lần lượt chết cả mà chồng vẫn không thấy về.

Đột nhiên một hôm chồng trở về với nhiều của cải. Vợ không ngờ chồng về đến nhà là viết tờ ly dị. Hắn cho vợ một cỗ xe, một con bò rồi đuổi đi. Vợ gạt nước mắt ra đi không biết về đâu vì bố mẹ thân thích chẳng còn ai; mới bảo bò: - "Bò ơi! Mày đi đến đâu tao sẽ theo mày tới đó". Bò đi mãi, đưa đến nhà một bà lão. Bà lão thấy Đinh Hương tốt nết, bèn hỏi cho con trai làm vợ. Hai vợ chồng rất tương đắc.

Trương Lang sau khi đuổi Đinh Hương, lấy vợ khác. Không may một hôm nhà cháy, của cải không còn lại tí gì, hơn nữa mắt lại bị lò, đành phải đi ăn xin.

Tình cờ một hôm vào ngày 23 tháng Chạp, hắn đến nhà Đinh Hương. Người ta cho hắn một bát cơm. Ăn hết, hắn xin bát thứ hai, thứ ba. Lần thứ ba Đinh Hương nghe tiếng quen quen, nhìn ra mới biết là chồng cũ, liền đưa cho một bát miến, nhưng hữu ý bỏ cái trâm cài đầu của mình vào đáy bát. Trương Lang ăn đến đó tưởng là miếng bã đậu quăng đi rồi xin bát khác. Đinh Hương mới lên tiếng cho hắn biết mình là ai.

Trương Lang hổ thẹn lẫn ra chết. Sau đó, Ngọc Hoàng thấy hắn là người cùng họ với mình bèn phong cho làm Táo vương. Người ta nể Ngọc Hoàng đành phải cúng hắn, nhưng họ lấy lẽ rằng hắn chết sau khi ăn bát miến của Đinh Hương nên đến ngày đó chỉ cúng có mỗi một bát miến [4].

Một truyện của người miền Nam Ấn-độ về mặt hình tượng có thể xếp gần với truyện của ta:

Có hai người Sô-ma-ray-ia và Bi-ma-ray-ia trở thành bạn chí thiết, tuy họ chưa bao giờ đến nhà nhau. Một hôm Bi-ma-ray-ia thấy vợ bạn (nhưng không biết là vợ bạn) đẹp, mới tha thiết nhờ bạn giúp cho mình được sống một đêm với người đàn bà ấy. Đứng giữa hai quan hệ tình vợ và tình bạn, Sô-ma-ray-ia không dám nói thật với bạn đó là vợ mình, hẳn đành hy sinh cho bạn. Vợ Sô-ma-ray-ia rất đau khổ nhưng không dám trái ý chồng, coi trái ý chồng là một tội lỗi. Nhưng lúc Bi-ma-ray-ia đến nhà thì biết người đàn bà ấy không phải là người trắng hoa, mà là một người có đức hạnh. Và sau đó, nhìn thấy gương của Sô-ma-ray-ia treo ở buồng, hẳn biết thêm nàng chính là vợ bạn.

Nhận ra lỗi lầm, hẳn bèn tuốt gương tự đâm cổ chết. Và Sô-ma-ray-ia thấy thế cho là mình cũng có tội, bèn cũng đâm cổ chết theo. Sô-ma-ray-ia khi nhìn thấy hai cái xác thì vô cùng hối hận cũng toan đâm cổ tự sát nhưng thần Xi-va đã xuất hiện và mang cả ba lên trời [5].

[1] Theo *Pháp-Á tạp chí*(1952).

[2] Ở nông thôn ngày xưa chưa có diêm. Thường về buổi chiều người ta thường phải đốt một mớ trấu bên cạnh bếp, trên có đặt bằng một hòn đất nặn theo hình quả cân để cho nó cháy âm ỉ tới sáng, lúc cần thổi lên thành lửa mà dùng. Đống trấu đó gọi là "đống nhấm", hòn đất dùng để đè gọi là "thăng Lốc".

[3]_Theo Vũ Lang. Cổ tích Chăm và cổ tích Việt Nam Văn hóa Á châu, số 16 (1959).

[4]_Theo tạp chí *Dân gian văn học* (Trung-quốc) (2-1957).

[5]_Theo A-lan (Alan). *Gô-pan-pua, một làng ở Nam Ấn-độ*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
22. SỰ TÍCH ÔNG BÌNH VÔI

Ngày xưa, có một người con gái con một nhà giàu có. Cô rất đẹp nhưng cũng rất kiêu. Cô đã từng làm cho các bạn gái xa lánh mình. Cô làm cho các chàng trai ghét cô vô hạn. Cũng vì thế đến tuổi lấy chồng, cô gái vẫn chưa có đám nào vừa ý. Chàng trai nào cũng bị cô sổ toẹt, vì cao chê ngồng, thấp chê lùn, lớn chê béo trực béo tròn, gầy chê xương sống xương sườn bày ra .

Nhưng rồi cô cũng lấy được chồng. Chồng cô yêu vợ nhưng lại bức mình vì thói ghen của vợ. Cô ghen chồng làm cho xóm giềng luôn cau mặt vì những lời qua tiếng lại của họ. Cuối cùng hai người không vừa ý nhau và ly dị. Buồn bức vì duyên phận, cô bỏ đi tu.

Cô xuất gia ở một ngôi chùa cổ trên núi suốt hai mươi năm. Những con chim, con thú rừng hầu như quen thuộc bóng dáng của người sư nữ. Hai mươi năm qua, cô vẫn chưa đắc đạo. Cô thắc mắc, vì tự cho mình thông kinh kệ hơn người và chịu đủ mọi sự khổ hạnh của nhà chiền. Một ngày kia cô quyết định sang Tây-trúc một phen để tìm cho ra lẽ. Đường sang Tây-trúc thiên nguy vạn hiểm nhưng cô quyết định đi cho bằng được.

Một hôm, sau khi vượt qua một trái núi, sư nữ tìm vào một ngôi nhà hẻo

lánh dọc đường để nghỉ chân. Hai mẹ con chủ nhân tuy người rừng núi quê mùa nhưng vốn là kẻ ăn chay niệm Phật, nên thấy khách là nhà tu hành thì tiếp đãi rất hậu. Khi được nghe kể công trình tu luyện của sư nữ họ càng cung kính, coi như bậc thầy. Và khi biết rõ ý định của sư nữ thì họ cũng xin phép bỏ nhà bỏ cửa đi theo thầy để mong được đắc đạo. Nghe họ cầu khẩn, sư nữ cười: - Hai mẹ con nhà này cũng muốn thành Phật ư? Được, cứ đi theo ta! . Nhưng bụng nàng bảo dạ: - "Chuông khánh còn chẳng ăn ai, nữa là mảnh chĩnh vứt ngoài bờ tre".

Từ hôm đó nhà sư có thêm hai người bạn đồng hành. Chân bớt mỏi, đường bớt dài, họ đi chả mấy chốc đã tới đất Thánh. Từ trước đến sau, hai mẹ con nhà họ vẫn cung kính, coi sư nữ như thầy. Còn sư nữ đối với họ không được như trước: - Không biết chừng họ được thành Phật trước ta. Họ sẽ hơn ta... Bọn này mà đắc đạo, thật là một điều nhục cho Thiền môn .

Nói chuyện đức Phật khi vừa nghe tin có người tìm đường đến Tây-trúc cầu đạo, vội hóa thân đi theo dõi. Từ đầu đến cuối, đức Phật vẫn không bỏ sót một lời nói, một cử chỉ nào của sư nữ. Khi họ sắp qua một con sông rộng, đức Phật hóa phép hiện ra ở bên kia bờ một tòa cổ tự, trước cửa có một cây bồ đề rất lớn, để chờ họ.

Muốn cho hai mẹ con khỏi lẻo đẻo theo mình đến đất Thánh, nên khi qua sông sư nữ giả cách ngạc nhiên, chỉ ngôi chùa và ngôi đền mà bảo rằng:

- Kìa, chúng ta đã tới Tây-trúc. Chóng thật! Chính là cây bồ đề của đức Thế Tôn tu luyện ngày xưa. Thôi! Hai mẹ con cứ việc trèo lên một cành cao niệm kinh rồi buông tay rơi xuống là tức khắc thành Phật!.

Tin tưởng ở lời nói của bậc thầy, hai mẹ con mừng rỡ làm theo không chút ngần ngại. Nhưng khi họ buông tay cho người rơi xuống thì đức Phật đã đón họ đưa lên trời. Có bốn vị La hán mang tòa sen đến rước đi. Tay hai mẹ con vẫy vẫy như có ý gọi người bạn đồng hành.

- "Đúng là họ thành Phật rồi! . Sư nữ vừa kinh ngạc vừa mừng, vội trèo lên cây để làm như họ và để mong được như họ. Nhưng đức Phật đã có ý trừng phạt người đàn bà kiêu ngạo và độc ác ấy một cách đích đáng, nên đã để cho cái xác rơi phịch xuống đất, tan xương vỡ sọ. Và sau đó đức Phật lại bắt con người khốn nạn ấy hóa thành bình vôi. Tại sao lại cho hóa thành bình vôi? Có người bảo chính là đức Phật muốn bắt những kẻ trong lòng bất nhân, nhưng lại đeo bộ dạng từ bi, phải để cho người đời luôn luôn móc ruột[1].

Một truyện khác nhiều tính chất phật thoại cũng nói về sự tích ông bình vôi:

Có một anh ăn trộm từng sống bao nhiêu năm với nghề. Hắn ta không vợ con gia sản, chỉ độc có một túp lều bên cạnh đường cái. Một hôm, có cặp vợ chồng người ăn mày qua đó xin trú chân. Hắn cho họ ở lại và sau đó hắn thấy chồng bảo vợ: - "Hôm nay không xin được tí gì cả. Gần đây có một nương khoai, chờ đến tối tôi sẽ đào trộm về ăn". Vợ can chồng: - "Thôi đi ông! Chỉ vì kiếp trước chúng ta ăn ở thất đức nên mới như thế này. Có lẽ nào phạm thêm vào cho nặng tội kiếp sau. Tôi thà chết không ăn trộm!".

Người ăn trộm nghe chuyện bỗng dừng hối hận. Cuối cùng hắn giao tất cả nhà cửa cho hai vợ chồng người ăn mày rồi bỏ đi. Hắn tìm đến một ngôi chùa trên núi cao xin hòa thượng cho cạo đầu tu hành. Người ta giao cho hắn công việc nấu ăn: một bữa phải nấu từ tinh sương và một bữa từ chiều. Phận sự của hắn là giữ lửa không được để tắt, vì một lần tắt lửa thì lại phải xuống núi xin về, cách xa hàng bao nhiêu dặm.

Từ lúc nhận việc nhà chùa, hắn tỏ ra chu đáo lạ thường, chưa có bữa nào để lửa tắt. Một sư bác trên chùa ghét chú tiểu mới, bèn chờ một hôm tiểu ta ngủ say, tưới tắt lửa nhấm ở bếp.

Gần sáng, chú tiểu dậy thấy không còn lửa, nghĩ đến phận sự, vội vã ba chân bốn cẳng vượt mấy khu rừng tìm xuống làng xin lửa. Giữa đường hắn gặp một con cọp già đòi ăn thịt. - "Tôi vui lòng để ngài xơi thịt - hắn nói - nhưng hãy cho tôi chạy xuống làng xin lửa cho nhà chùa, rồi tôi sẽ tới nộp mạng".

Cọp bằng lòng để cho đi. Khi đưa được lửa về, hắn kể sự tình và xin phép hòa thượng cho đi nộp mình cho cọp. Đến nơi, cọp bảo: - "Tao già rồi, răng đã rụng hết mà xương của mày cứng khó nhai. Vậy mày hãy trèo lên cây kia buông mình rơi xuống cho gãy xương, tao mới ăn được". Hắn vâng lời cọp, nhưng khi buông tay thì đức Phật đã đón sẵn rước lên trời, độ cho thành Phật, tức là Phật Nhiên Đăng.

Vị sư bác kia thấy chú tiểu chỉ bằng vài hành động đơn giản mà được thành chính quả thì cũng muốn được như thế. Hắn bèn xin phép hòa thượng cho mình ra đương việc nấu ăn và giữ lửa. Thế rồi một hôm hắn cũng giả

tảng để cho lửa tắt, rồi cũng chạy xuống núi xin lửa. Và hăn cũng gặp cọp, cũng khất cọp xin đưa lửa về cho nhà chùa dùng rồi sau đó sẽ xin nộp mình. Nhưng đức Phật vốn hiểu rõ những việc làm của hăn xuất phát từ tấm lòng không thực, nên khi hăn trèo lên cây và buông tay, thì Phật lập tức bắt hăn hoá thành bình vôi[2].

Một dị bản của truyện trên cũng là một Phật thoại, là *Sự tích cái ống nhổ*.

Ở đây cũng có hai nhân vật chính là chú tiểu và sư bác. Chú tiểu mới đi tu nhưng rất chăm chỉ, biết lo lắng làm tròn chức trách. Thấy lửa ở đồng nhấm tắt (kỳ thực là do sư bác ghen tỵ phun nước cho tắt), tiểu không nề hiểm nguy chạy xuống núi vào lúc mờ sáng để có lửa về kịp nấu ăn cho nhà chùa. Phật hiện ra với trạng mạo một ông già khuyên can chú tiểu đừng đi, nhưng thấy chú cương quyết đi, bèn bảo chú trèo lên cây buông tay xuống, sẽ có kẻ đưa đi an toàn. Quả nhiên chú tiểu buông tay rơi đúng trên lưng một con muông; nó đưa chú xuống làng, rồi sau khi xin được lửa lại đưa về vô sự.

Sư bác vốn không phải là chân tu, nhưng thấy chú tiểu gặp Phật, cũng muốn được như vậy, bèn cũng xin ra làm công việc nấu ăn và giữ lửa, sau đó hăn đã để tắt lửa và cũng được gặp Phật. Nhưng khi buông tay thì Phật đã bắt hăn hoá thành cái ống nhổ, miệng luôn luôn há ra cho người ta khạc nhổ vào, để tỏ lòng khinh bỉ[3].

-
- [1] Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn và truyện kể của người miền Nam.
- [2] Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn, và Vương Hồng Sển, trong *Tập san của Hội nghiên cứu Đông-dương (BSEI)*, tập XXV, số 1 (1950).
- [3]. Theo Lê Văn Phát. Sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
23. SỰ TÍCH CÂY NÊU NGÀY TẾT

Ngày ấy, không biết từ bao giờ và cũng không biết bằng cách gì, Quỷ chiếm đoạt tất cả đất nước. Người chỉ ăn nhờ ở đậu và làm rẫy ruộng đất của Quỷ. Quỷ đối với Người ngày càng quá tay. Chúng nó dần dần tăng số phải nộp lên gấp đôi và mỗi năm mỗi nhích lên một ít. Cuối cùng, chúng nó bắt Người phải nộp theo một thể lệ đặc biệt do chúng nó nghĩ ra là ăn ngọn cho gốc". Người không chịu. Chúng nó lấy áp lực, bắt Người phải theo. Vì thế, năm ấy sau vụ gặt, Người chỉ còn trơ ra những rạ là rạ. Cảnh tượng xương bọc da thê thảm diễn ra khắp mọi nơi. Bên cạnh bọn Quỷ reo cười đắc ý, Người cơ hồ muốn chết rũ.

Phật từ phương Tây lại, có ý định giúp Người chống lại sự bóc lột tàn nhẫn của Quỷ. Sau mùa đó, Phật bảo Người đừng trồng lúa mà cào đất thành luống trồng khoai lang. Người cứ y lời làm đúng như Phật dặn. Quỷ không ngờ Người đã bắt đầu có mưu kế mới chống lại mình nên cứ nêu đúng thể lệ như mùa trước: Ăn ngọn cho gốc".

Mùa thu hoạch ấy, Quỷ rất hậm hực nhìn thấy những gánh khoai lúc liu chạy về nhà Người đổ thành từng đống lù lù, còn nhà mình chỉ toàn những dây và lá khoai là những thứ không nhá nổi. Nhưng ác nổi, thể lệ đã quy định, chúng nó đành cứng họng không thể chối cãi vào đâu được.

Sang mùa khác, Quý thay thế lệ mới là ăn gốc cho ngọn . Phật bảo Người chuyển sang trồng lúa. Kết quả Quý lại hỏng ăn. Những hạt lúa vàng theo Người về nhà, còn rạ phó mặc cho Quý. Quý tức lộn ruột nên mùa sau chúng nó tuyên bố ăn cả gốc lẫn ngọn". Lần này Quý nghĩ: - "Cho chúng mày muốn trồng gì thì trồng đằng nào cũng không lọt khỏi tay chúng tao". Nhưng Phật đã bàn và Người thay đổi giống mới. Phật trao cho Người hạt giống cây ngô để gieo khắp nơi mọi chỗ.

Năm ấy lại một lần nữa Người sung sướng trông thấy công lao của mình không uổng. Trong nhà Người thóc ăn chưa hết, từng gánh ngô đã gánh về chứa từng cót đầy ắp. Về phần Quý lại bị một vố cay chua, tức uất hàng mấy ngày liền. Cuối cùng Quý nhất định bắt Người phải trả lại tất cả ruộng đất không cho làm rẽ nữa. Trong bụng chúng nó nghĩ: - "Thà không được gì cả còn hơn là để cho chúng nó ăn một mình".

Phật bảo Người điều đình với Quý cho tậu một miếng đất vừa bằng bóng một chiếc áo cà sa. Nghĩa là Người sẽ trồng một cây tre trên có mắc chiếc áo cà sa, hể bóng che bao nhiêu diện tích ở mặt đất là đất sở hữu của Người ở đã. Ban đầu Quý không thuận, nhưng sau chúng nó suy tính thấy đất tậu thì ít mà giá rất hời bèn nhận lời: - "Ồ! Bằng một chiếc áo cà sa có là bao nhiêu . Chúng nó nghĩ thế. Hai bên làm tờ giao ước: ngoài bóng che là đất của Quý, trong bóng che là của Người.

Khi Người trồng xong cây tre, Phật đứng trên ngọn, tung áo cà sa bay tỏa ra thành một miếng vải tròn. Rồi Phật hóa phép làm cho cây tre cao vút mãi lên, đến tận trời. Tự nhiên trời đất trở nên âm u: bóng của áo cà sa dần dần che kín khắp cả mặt đất. Bọn Quỷ không ngờ có sự phi thường như thế; mỗi lần bóng áo lần dần vào đất chúng, chúng phải dắt nhau lùi mãi, lùi mãi. Cuối cùng Quỷ không có đất ở nữa phải chạy ra biển Đông. Vì thế người ta mới gọi là Quỷ Đông.

Tiếc vì đất đai hoa màu đều thuộc về tay Người, Quỷ rất hậm hực, cố chiêu tập binh mã vào cướp lại. Lần này Người phải chiến đấu với Quỷ rất gaygo vì quân đội của Quỷ có đủ một bày ác thú như voi, ngựa, chó ngao, bạch xà, hắc hổ, v.v... rất hung dữ. Phật cầm gậy tầm xích đánh giúp Người, làm cho quân của Quỷ không tiến lên được.

Sau mấy trận bất lợi, Quỷ bèn cho quân đi dò xem Phật sợ gì. Phật cho chúng biết là sợ hoa quả, oản chuối và cơm nắm, trứng luộc. Đối lại Phật cũng dò hỏi và biết quân của Quỷ chỉ sợ độc có mấy thứ: máu chó, lá dứa, tỏi và vôi bột.

Lần giáp chiến sau đó, quân của Quỷ đem không biết cơ man nào là hoa quả đến ném Phật. Phật bảo Người nhặt làm lương ăn rồi đem máu chó vẩy khắp mọi nó. Quân của Quỷ thấy máu chó sợ hoảng hồn bỏ chạy.

Lần thứ hai, quân của Quỷ lại đem oản chuối vào ném quân Phật. Phật bảo Người nhặt làm lương ăn rồi giã tỏi phun vào quân địch. Quân của Quỷ không chịu được mùi tỏi nên cũng cầm đầu chạy biệt tích.

Lần thứ ba, quân của Quỷ lại đem cơm nắm, trứng luộc vào ném quân Phật. Người tha hồ ăn và theo lời Phật dùng vôi bột vung vào Quỷ. Người lại lấy lá dứa quất vào chúng. Quỷ chạy không kịp, lại bị Phật bắt đày ra biển Đông[1]. Ngày Quỷ già, Quỷ trẻ, Quỷ đực, Quỷ cái cuốn gói ra đi, bộ dạng của chúng vô cùng thiếu nǎo. Chúng rập đầu sát đất cố xin Phật thương tình cho phép một năm được vài ba ngày vào đất liền thăm phần mộ của tổ tiên cha ông ngày trước. Phật thấy chúng khóc vǎng cả lên mới thương hại, hứa cho.

Vì thế, hàng năm cứ đến ngày Tết nguyên đán là ngày Quỷ vào thăm đất liền, thì người ta theo tục cũ, trồng nêu để cho Quỷ không dám bén mảng vào chỗ người đang ở. Trên nêu có khánh đất, mỗi khi gió rung thì có tiếng động phát ra để luôn luôn nhắc bọn Quỷ nghe mà tránh.

Cũng trên đó có buộc một bó lá dứa hoặc cành đa mǎo hái để cho Quỷ sợ. Ngoài ra, người ta còn vẽ hình cung tên hướng mũi nhọn về phía Đông và rắc vôi bột xuống đất vào những ngày Tết để cấm cửa Quỷ[2].

Có câu tục ngữ:

Cành đa lá dứa treo kiêu (cao),

Vôi bột rắc ngô chó trâu mọi nhà.

Quỷ vào thì quỷ lại ra,

Cành đa lá dứa thì ta cửa mồm[3].

Ngày xưa người ta còn tin rằng những lúc cần đuổi quỷ như khi có dịch tễ chẳng hạn, thì treo một nắm lá dứa ở trước ngõ hay vẩy máu chó khắp mọi nơi cho Quỷ khỏi quấy. Đàn bà thường buộc tỏi vào giải yếm là cũng có một mục đích gần như vậy.

KHẢO DỊ

Truyện này có phần tương tự với truyện *Nông dân với Thành hoàng* của người miền Đông Chiết-giang (Trung-quốc):

Ngày đó ở miếu Thành hoàng có hội hương khói, ai nấy cố biện lễ vật để cầu thần phù hộ. Thành hoàng sai một chú tiểu quỷ đi thám thính xem ai cúng nhiều cúng ít. Quỷ trở về cho Thành hoàng biết lễ vật linh đình nhất là của tên nhà giàu trong vùng, còn ít nhất là của một nông dân hay đi qua trước miếu. Thành hoàng nghe nói tức giận, bảo phán quan và tiểu quỷ làm cho lúa của anh nông dân kia "đầu bé đít to" cho bõ ghét.

Cụ già giữ miếu nghe được liền mách với anh nông dân. Anh chàng bèn đổi việc trồng lúa ra trồng khoai môn nên vụ thu hoạch năm này năm đó được rất nhiều. Phán quan và tiểu quý thấy thế vờn lại cho Thành hoàng biết. Thành hoàng tức giận lắm, bàn kế bảo làm cho hoa màu của nó "đầu nhỏ bụng to đít bé". Anh nông dân lại được ông từ mách cho việc ấy, bèn nghĩ ra kế trồng ngô thay cho khoai môn. Năm đó, vụ ngô của anh trúng, làm cho cả Thành hoàng lẫn tiểu quý tức đến lộn ruột. Chúng lại bàn tính làm cho hoa màu "từ đầu đến đít đều to như nhau". Lần này anh nông dân lại trồng mía. Kết quả mía mọc tốt như một khu rừng làm cho Thành hoàng tức điên lên, nọc cổ phán quan và tiểu quý đánh năm mươi hèo. Phán quan và tiểu quý lại hiến kế "đầu to đít bé". Không ngờ anh nông dân lại trở lại trồng lúa. Vụ lúa năm ấy thắng lợi, anh chàng mới sắm sửa làm một ngôi nhà gạch.

Trong khi đó ở miếu, Thành hoàng luôn tay đánh đập phán quan và tiểu quý. Bọn này chờ chủ nguôi giận mới dâng một mẹo là thuật tàng hình đến nhà nó chờ khi lấp rằm, hễ thấy thợ lấp đằng này thì tháo đằng kia, lấp đằng kia thì tháo đằng này. Như thế nhà chả bao giờ làm xong, cơm gạo của nó sẽ bọn thợ mộc ăn hết. Thành hoàng bằng lòng sai đi.

Ở nhà anh nông dân, thợ mộc lấp rằm mãi không xong, gõ đầu này vào thì đầu kia bị phán quan và tiểu quý tháo ra. Tức mình bác phó mộc nói to: - "Gõ mạnh vào đầu phán quan[4] ấy!" Phán quan nghe nói hoảng sợ dắt tiểu quý lùi một mạch.

Từ đó chúng không dám quấy nhiễu anh nông dân nữa[5].

Người Pháp có truyện *Nông dân với quý*:

Một anh nông dân bình thường nhưng làm việc giỏi, dũng cảm và có mưu trí. Một con quỷ mắt sáng bắt anh làm tá điền. Quỷ đòi "ăn phần ngọn" - Được!". Hai bên làm giao kèo. Mùa ấy anh ta trông toàn củ cải và thu hoạch củ bộn bề trong khi đó phần quỷ chỉ toàn lá. Quỷ bảo: - "Mày không thể chơi tao lần thứ hai. Năm tới tao ăn phần gốc". - "Được!". Anh lại vãi lúa mạch và làm cho phần của quỷ chỉ toàn lá rạ. - "Năm tới tao ăn cả gốc lẫn ngọn". "Được!" Lần này anh trông toàn đậu leo. Quỷ chỉ được rễ và dây lá. Quỷ điên tiết, bảo: - "Cách chia thế này không thể kéo dài được. Phải quyết định ai làm chủ trại. Mai sáng mặt trời mọc hai ta gặp nhau ở cầu Quỷ" - Để làm gì?" - "Mỗi bên cười lên một con vật rồi thử đoán của nhau xem là con vật gì. Nếu tao đoán đúng con của mày thì tao sẽ hưởng tất cả thu hoạch. Nếu mày đoán đúng con của tao thì mày sẽ làm chủ tất cả".

Sáng mai, anh nông dân thức vợ dậy sớm bảo cỡi sơ mi bôi mật từ đỉnh đầu đến gót chân, rồi lăn đi lăn lại trên một cái giường lông mười lần, hai mươi lần, trông y như là một bồ nhìn đầy lông, lại buộc một cái đuôi lừa ở mũi, rồi làm bộ thẳng cương đi đến cầu của Quỷ, nấp trong lau sậy. Hai bên gặp nhau, anh nông dân đoán ra ngay con vật mà quỷ cười là con lừa, còn về phía quỷ thì hẩn nhìn mãi nhưng không thể biết được con vật mà anh nông dân cười là con gì. Nó không đầu không đuôi, bốn chân lông ngỗng mà lại có đuôi ở mồm. Quỷ lắc đầu: - "Lạ quá! Thôi mày giữ lấy trại. Tao không muốn đặt chân lên cái xứ sở có những chuyện kỳ quặc nữa"[6].

Truyện ngụ ngôn *Con cáo và con gấu* của người Nga cũng có những hình ảnh tương tự:

Cáo rủ gấu cày cấy làm chung ăn riêng. Cáo quy định "tao ăn gốc mày ăn ngọn". Vụ hạ năm ấy cáo trông củ cải nên gấu chả được miếng gì, tức mình gấu đòi "lần này tao ăn gốc mày ăn ngọn". Nhưng gấu không ngờ vụ đông này là vụ lúa mạch, chung quy cũng lại thất bại nốt.

Đồng bào Tày cũng có một truyện giống với các truyện trên nhưng không có kết cục cây nêu:

Chạ thuê trâu của Ngọc Hoàng về cày, điều kiện của Ngọc hoàng cũng là "ăn ngọn cho gốc"; mùa đầu tiên, bao nhiêu thu hoạch về tay Ngọc hoàng. Lần sau, Chạ trồng khoai lang. Ngọc hoàng bị hỏng ăn, thay đổi điều kiện là "ăn gốc cho ngọn". Chạ lại làm cho Ngọc hoàng hỏng ăn bằng cách trồng lúa mạch. Đến khi điều kiện của Ngọc hoàng là "ăn cả gốc lẫn ngọn". Chạ lại trồng ngô. Ngọc hoàng giận đòi lại trâu. Chạ mang lên trả, nhưng sau đó bắt trộm trâu xuống trần bằng cách kéo trâu đi giật lùi. Thành thử Ngọc hoàng không tìm ra dấu vết để truy ra thủ phạm.

Truyện *Sự tích hồ Hai bể* do người Dao kể phần nào cũng giống với truyện của đồng bào Tày (xem **Khảo đị**, truyện số 27).

Về *Sự tích cây nêu ngày Tết*, Việt-nam còn có một truyện khác cũng kể việc đánh nhau giữa Phật và quỷ nhưng có nhiều chi tiết khác với truyện kể trên kia. Tuy trong đó có mượn những tên Tấn, Ngụy, Hàn, v.v... nhưng cốt truyện vẫn không có vẻ là của nước ngoài:

Xưa có một ông vua nước Tấn hiếm hoi. Ao ước có một mụn con, vua bèn lập đàn khấn trời cầu tự. Lòng thành của vua cảm động đến Ngọc hoàng. Ngọc hoàng hỏi các thiên thần xem ai muốn đầu thai làm con vua Tấn, nhưng các thiên thần đều từ chối. Sau cùng Ngọc hoàng bắt con gái mình là công chúa Lý Hoa giáng sinh làm con vua Tấn trong một hạn là 40 năm.

Từ đó hoàng hậu vợ vua Tấn có mang sinh được một người con gái. Vua rất yêu quý đặt tên là Ngọc Chân. Khi công chúa đã đến tuổi lấy chồng có nhiều con vua các nước láng giềng đến hỏi làm vợ. Vua Tấn không biết gả

cho ai bèn yết bảng ở trước cửa thành rằng: "Ai có voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, ngan chín mắt và chín mâm ngọc quý đem đến thì sẽ gả công chúa".

Buổi ấy, trên tầng mây thứ ba có chúa quý cầm đầu một nước dân quỷ. Ngày 24 tháng Chạp là ngày quỷ xuống hạ giới chơi. Lần ấy, khi chúa quý đi qua nước Tấn thấy bảng yết thể bèn hóa phép chỉ trong một chốc có đủ mọi thứ lễ vật, rồi tự xưng là con vua nước Ngụy đến hỏi công chúa Ngọc Chân.

Vua Tấn y ước gả con. Chúa quý ở gửi rể được ba tháng, xin vua đưa vợ về nước. Vua Tấn phái quan quân 500 người hộ tống hai vợ chồng. Khi đến cửa ải, chúa quý hóa phép làm cho trời tối tăm mù mịt, bão táp nổi lên ùng ùng, quân gia tán lạc mỗi người một ngà. Thừa dịp đó chúa quý đưa công chúa cưỡi voi chín ngà đi biệt. Sau khi bão tạnh, quan quân tìm mãi không thấy hai vợ chồng công chúa, đành trở về triều.

Lại nói chuyện giữa lúc chúa quý nổi gió bão thì chính là lúc Phật bà Quan âm đi qua vùng đó. Thấy công chúa mắc nạn, Phật bà hoá thân xuống làm một bà lão bán hàng đón đường chúa quý để cứu công chúa. Chúa quý đưa công chúa đi một quãng xa thấy đói bụng bèn nghỉ lại rồi bắt voi rút ruột ra ăn. Công chúa trông thấy rất sợ hãi. Ăn xong, chúa quý đưa công chúa đi qua mấy khoảng rừng rậm rạp đầy gai góc. Trông thấy một cái quán bán hàng, chúa quý bèn gửi công chúa cho bà lão để mình về trước đem quân ra đón vợ. Bà lão bán hàng tức Phật bà Quan âm, sau khi hỏi công chúa, biết rõ sự tình bèn trao cho nàng một cái áo khoác và chỉ lối cho về.

Khi chúa quý đưa quân đến nơi thấy mất vợ nổi giận sai quân bắt bà lão.

Nhưng Phật bà đã sai Kim Cương La hán phục sẵn mọi nơi xông ra đánh

quý.

Hai bên đánh nhau mấy ngày đêm chưa phân thắng bại. Quý hỏi Phật sợ gì?

Phật bảo sợ oản chuối. Phật hỏi lại quý sợ gì thì quý đáp là sợ cung tên. Quý lấy oản chuối ném quân Phật. Các vị Kim Cương La hán nhặt lấy làm lương ăn. Trong khi đó Phật làm cung tên bắn vào quý. Quý thua. Phật bắt được bỏ vào túi. Thấy chúa quý van lạy xin tha, Phật đầy cả bọn ra biển rồi cấm nêu bắt chúng phải ở phía Đông, không được tự tiện vào đất của Phật.

Công chúa Ngọc Chân thoát khỏi tay quý cứ theo đường Phật chỉ, chạy mãi không kể bụi bờ, gai góc gì cả. Qua mấy khoảng rừng rậm đến bờ sông lớn, công chúa mệt quá bèn trèo lên một hòn đá lớn ngủ thiếp đi. Tình cờ hôm ấy vua Thủy có việc đi qua đó. Thấy một người con gái rất đẹp đang ngủ mê mê, hai bàn chân đầy gai cắm vào, máu chảy ròng ròng vua bèn bước lại nhổ gai cho nàng. Đến cái gai cuối cùng cắm sâu quá, nhổ đau, làm cho công chúa thức dậy. Thốt nhiên công chúa có cảm tình với người trai lạ bèn kể mọi chuyện vừa qua cho nghe. Vua Thủy đưa công chúa về Thủy cung làm vợ, yêu chiều hết mực. Cũng vì thế những người vợ khác của vua Thủy nổi ghen, họ lừa khi chồng lên chầu Ngọc hoàng vắng, đẩy công chúa xuống một cái vực sâu thẳm đầy thuồng luồng. Nhưng họ không ngờ công chúa được quân hầu thân tín của vua Thủy cứu thoát. Khi vua Thủy về, công chúa khóc lóc xin trở về trần. Vua Thủy đành để nàng lên đất, lại cho nàng một cành hoa, dặn hễ lúc nào có việc cần cứ đem cành hoa ra gọi, vua sẽ đến giúp đỡ.

Công chúa Ngọc Chân lên trần đứng ngay vào giữa địa phận nước Hàn. Người ta đưa nàng về triều. Vua nước Hàn say mê sắc đẹp của nàng bèn lấy làm vợ, yêu mến hơn tất cả các vợ khác. Các cung tần nhà vua thấy thế lấy làm ghen tức bèn xin vua mở một cuộc thi khâu vá và nấu ăn giữa các vợ

vua, ai vụng về sẽ phải đày ra lãnh cung. Công chúa không quen việc khâu vá nấu ăn, đành bó tay. Nhưng bỗng nàng nhớ đến cảnh hoa bèn cầu vua Thủy.

Vua Thủy đến hỏi chuyện đầu đuôi rồi sai bộ hạ giúp nàng. Vua còn hóa phép làm một trận bão lớn bụi bay mù mịt vào cổ bàn của các cung tần khác của vua Hàn. Vì thế khi chấm thi, công chúa được giải nhất còn các cung tần khác đều bị đày ra lãnh cung. Nhưng công chúa xin chừa tha cho tất cả. Bọn họ cảm cái ơn của nàng, ai nấy đều xin vua Hàn tôn làm chính cung hoàng hậu.

Công chúa về sau sinh được hai con trai. Nàng để một con nối ngôi Hàn và một con về nối ngôi Tấn. Người ta nói ngày 24 tháng Chạp là ngày quý hay vào đất liền, nên trồng nêu vào ngày đó[7].

Đồng bào miền Nam có người kể truyện *Cây nêu ngày Tết* có khác ít nhiều:

Ngày xưa có một con chó nhà Trời tên là Thiên linh cầu, chuyên ăn hồn người chết. Nó thường xuống trần vào những ngày đầu năm là những ngày hồn người chết thường trở về thăm gia đình. Chó thường lục lọi các nhà, vô lấy các hồn mới chân ướt chân ráo về thăm con cháu, chén thoả thích. Vì thế năm hết Tết đến là thời kỳ mà loài người đau khổ vì nạn Thiên linh cầu.

Một pháp sư tên là Khương Thượng thương hại loài người, bèn hóa phép đánh nhau với Thiên linh cầu. Trận đánh vô cùng khốc liệt. Cuối cùng Khương Thượng thắng lợi, nhưng thấy bọn chó trời lay lục cục bái, nên pháp sư lại thả ra sau khi bắt chúng phải thề thừa nhận quyền lực của mình, nghĩa là không được làm hại những người mà mình bảo vệ - có mang dấu hiệu lá bùa của mình. Cho nên, về sau, hễ thấy nơi nào có bùa của Khương Thượng là Thiên linh cầu và ma quỷ chạy trốn. Để cho chúng thấy rõ nơi

có bùa, đến ngày Tết người ta thường treo lên cây nêu hay treo trước cổng[8].

Về hình tượng Phật tậu Quỷ một miếng đất rộng bằng chiếc áo cà sa, người Thổ-nhĩ-kỳ (Turquie) ở Nam Xi-bê-ri (Sibérie) cũng có truyện gần giống:

Vua Kút Chum Khan một hôm đi đến bờ sông Tô-bôn. Có ba tên trộm người nước ngoài cầm đầu là Y-éc-mắc tới gặp. Họ nói: - "Xin cho chúng tôi một đám đất rộng bằng tấm áo da bò". Khan bèn hội họp các đại thần lại hỏi nên làm thế nào. Họ đáp: - "Một đám đất bằng tấm da bò có là bao nhiêu. Cứ cho đi!". Y-éc-mắc bèn lấy tấm da cắt thành sợi dây rất mảnh. Đoạn đóng cọc một đầu dây buộc vào cọc, đầu kia vạch một vòng tròn, nhờ đó được một lãnh thổ rộng rãi.

Theo truyện của người Nga thì Y-éc-mắc là một thủ lĩnh Cô-dắc sống vào thế kỷ thứ XVI, sáng lập một nước ở Xi-bê-ri, nội dung cũng như trên[9].

-
- [1] Đoạn giữa này theo *Tạp chí chúng tôi*, đã dẫn. (1910).
- [2] Toàn truyện theo lời kể của người Hà-tĩnh. Đồng bào Mường ở châu Đà-bắc (Hòa-bình) cũng có truyện *Sự tích cây nêu* tương tự như trên nhưng kể có phần sơ lược.
- [3] Theo lời kể của người Sơn-tây.
- [4] Thợ mộc Trung-quốc gọi chỗ gác trên hai đầu nóc của cây rầm là "đầu phán quan".
- [5] Theo *Dân gian văn nghệ tuyển tập*.
- [6]. Pua-ra (Pourra): *Kho tàng truyện cổ tích*, quyển III, đã dẫn.
- [7] Theo *Thực nghiệp dân báo* (1924).
- [8] Theo Lê Ván Phát. *Đời sống gia đình của một người Việt ở Nam-kỳ và những tín ngưỡng phổ biến*, trong *BSEI*, số 51 - 53 (1906).
- [9] Đều theo *Báo châu Á* (1886).

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

24. GỐC TÍCH BÁNH CHƯNG VÀ BÁNH DẦY

Ngày đó vua Hùng trị vì đất nước. Vua tuổi đã già, ngồi trên ngai vàng đãng đãng đã bao nhiêu năm. Thấy sức khỏe của mình ngày một suy, vua có ý định chọn một người nối ngôi. Các bà vợ của vua sinh được cả thảy hai mươi người con trai. Họ đều khôn lớn cả. Vua nghĩ: - "Kể về tài cũng có nhiều đứa trội. Nhưng chính vì thế mà cần phải lựa chọn cẩn thận. Nhất là phải làm thế nào cho chúng nó không tranh giành nhau". Đây là điều vua thường bận tâm nhất. Cuối cùng, nhờ có viên quan hầu bàn kế, vua mới quyết định mở một cuộc thi để căn cứ vào đó mà kén chọn.

Vua Hùng bèn cho hội họp tất cả các hoàng tử lại. Khi họ đã về đông đủ, vua bảo:

- Cha biết mình đã gần đất xa trời. Cha muốn truyền ngôi cho một trong các con. Bây giờ mỗi con cố kiếm hoặc làm một món ăn lạ để cúng tổ tiên. Ai có món ăn ngon vừa ý ta thì ta sẽ chọn người ấy.

Nghe vua cha phán bảo thế, bọn hoàng tử thi nhau cho người đi khắp mọi nơi để tìm thức ăn quý. Họ lần mò thôi thì trên ngàn dưới biển không sót nơi nào. Bất kỳ thứ gì nghe nói là ngon và lạ họ đều cố tìm bằng được.

Trong số hai mươi hai hoàng tử có Liêu là hoàng tử thứ mười tám. Vì thuở nhỏ mồ côi mẹ nên Liêu từng sống những ngày cô đơn. Trong khi các

hoàng tử khác chạy vạy đi tìm vật lạ, thì Liêu nằm khểnh ở nhà. Chả có ai giúp đỡ chàng trong việc này. Chỉ còn ba ngày nữa là đến kỳ hạn thi mà Liêu vẫn chưa có gì. Đêm ấy Liêu nằm gác tay lên trán nhớ lại tất cả những bữa ăn ngon xưa này chàng đã được tới dự. Liêu suy nghĩ mãi và ngủ quên lúc nào không biết. Liêu mơ mơ màng màng thấy mình cùng với hai mươi mốt anh em khác đang làm bánh thi. Mỗi người có một gian nhà nhỏ mà vua cha đã sai làm sẵn ở đám hội. Liêu chưa biết nên bắt đầu bằng việc gì thì bỗng có một vị thần nữ từ trên trời bay xuống giúp chàng làm bánh. Nữ thần bảo: "To lớn trong thiên hạ không gì bằng trời đất, còn quý báu nhất trần gian không gì quý bằng gạo. Ta đừng làm nhiều, chỉ hai thứ bánh có ý nghĩa là đủ. Hãy nhặt hộ cho tôi chỗ nếp này, rồi đi kiếm cho tôi ít đậu". Tự nhiên Liêu thấy thần lần lượt lấy ra những tàu lá rộng và xanh. Thần vừa gói vừa giảng giải: - "Bánh này tượng trưng đất. Đất có cây, có đồng ruộng núi rừng thì màu cũng phải xanh xanh hình phải vuông vắn. Trong bánh phải bỏ thịt, bỏ đồ để lấy ý nghĩa đất chở cầm thú cỏ cây... Rồi đem thứ nếp thơm đồ lên cho dẻo, giã ra làm thứ bánh tượng trưng trời: màu phải trắng, hình phải tròn và khum khum như vòm trời..."

*

* *

Tỉnh dậy, Liêu bắt đầu làm bánh y như trong giấc mộng.

Ngày các hoàng tử đưa món ăn về dự thi là một ngày náo nhiệt ở Phong Châu. Người đông nghìn nghịt. Dân chúng mọi miền đều náo nức về dự

một cái Tết từng bừng ít có: mở đầu bằng cuộc thi các món ăn và kết thúc bằng lễ đăng quang của vua mới. Đúng vào lúc mặt trời mọc thì vua Hùng đi kiệu đến làm lễ gia tiên. Chiêng trống cờ quạt từng bừng rộn tai nhức mắt mọi người. Tất cả đều ngong ngóng trông chờ lúc các vị giám khảo bình giá các món ăn.

Và giờ phút mong đợi đã đến. Tất cả những món "nem công, chả phượng, tay gấu, gan tê v.v..." của các hoàng tử đều không bằng hai thứ bánh quê mùa của Liêu. Khi mọi người thoát nhìn thấy cỗ của chàng số đông đều lắc đầu bĩu môi, vẻ chê bai hiện ra nét mặt. Nhưng sau khi nếm xong, họ bỗng đổi hẳn thái độ, không ai không gật gù tán thưởng. Ông Lạc tướng xoa tay: - "Đây là một thứ hương vị khác thường làm từ những cái tầm thường". Riêng vua Hùng rất lấy làm ngạc nhiên về miếng bánh lạ vừa ăn. Nhà vua lật lên lật xuống ngắm nghía kỹ càng những tấm bánh khác chưa bóc. Vua cho đòi Liêu điện, hỏi cách thức làm bánh thế nào. Hoàng tử cứ thưa tâu lên, không quên nhắc lại giấc mộng lạ của mình.

Quá trưa hôm ấy, vua Hùng trình trọng ban bố kết quả với các con: Hoàng tử thứ mười tám được giải nhất và sẽ được truyền ngôi. Vua cầm hai thứ bánh giơ lên cho mọi người xem và nói rõ cái căn cứ khiến cho mình chọn nó đứng đầu các thứ cỗ. Vua nói:

- Nó chẳng những ngon và quý mà còn mang nhiều ý nghĩa đặc biệt: nó bày tỏ lòng hiếu thảo của người con, tôn trọng cha mẹ như trời đất, nó chứa đầy một tấm tình quê hương ruộng đồng. Nó rất dễ làm vì làm bằng những hạt ngọc quý nhất trong những hạt ngọc của Trời Đất, nhưng mà những hạt

ngọc ấy mọi người đều từ làm ra được. Phải là người có tài mới nghĩ được một loại bánh như vậy...

Từ đó thành tục lệ hàng năm cứ đến ngày Tết, mọi người đều làm hai thứ bánh đó và gọi là bánh chưng bánh dày để thờ cúng gia tiên. Hoàng tử Liêu sau được làm vua, mang hiệu là Tiết Liêu Vương, tức là Hùng Vương thứ mười bảy. Lần đó có nhiều hoàng tử hòng thi sinh ra ganh ghét, ác cảm với Lang Liêu. Cho nên sau khi vua cha mất, người nào người ấy giữ chặt lấy đất của mình. Họ làm hàng rào gỗ xung quanh vùng mình ở để làm kế cố thủ, có ý tranh nhau với Tiết Liêu Vương[1].

[1] Theo Lĩnh-nam chíh quái.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

25. GỐC TÍCH RUỘNG THÁC ĐAO HAY LÀ TRUYỆN LÊ PHỤNG HIẾU

Đời Lý, ở vùng Thanh-hóa có Lê Phụng Hiếu. Nhà Hiếu ở gần một hòn núi nhỏ nhô lên ở giữa cánh đồng gọi là núi Bơng (Băng-sơn) nên người ta cũng gọi Hiếu là ông Bơng. Hiếu là người to lớn khỏe mạnh. Mẹ chàng lúc trước khi lên núi trông thấy dấu chân to lạ thường. Bà ướm chân mình vào thử, không ngờ tự nhiên cảm động mà có thai, về sau sinh ra Hiếu.

Thuở nhỏ, Hiếu không học chữ, chỉ thích tập ném đao, đánh gậy, cử tạ, múa quyền. Chàng thường dùng một hòn đá tròn ở trên núi làm quả tạ để luyện tập. Hòn đá đó nặng tám người khiêng mới nổi. Năm Hiếu hai mươi tuổi, những tay đô vật trong vùng hết dám tỷ thí với chàng. Hiếu có thể chỉ một nắm đấm vật ngã một con bò mộng.

Thuở ấy, ở vùng Đông-sơn có ông Tuấn tục gọi là ông Vồm, sức khỏe vô địch lại rất giỏi vật. Nghe tiếng Hiếu là tay đô vật mới nổi lên, Vồm tìm đến Băng-sơn đòi thử sức. Vồm đến gặp lúc Hiếu đang đi kiếm củi vắng. Mẹ Hiếu bảo:

- Ông cần hỏi gì cháu thì rón chờ một lát. Nó sắp gánh củi về rồi đấy!

Mới nhìn thấy Hiếu từ đằng xa do mẹ chàng chỉ cho thì Vồm đã giật mình kinh sợ. Bởi vì bóng Hiếu hiện ra giữa con đường núi là một gã to lớn quảy

hai bó củi to như đụn rạ một, chạy vùn vụt như bay. Thấy thế Vồm không đợi nữa, thác kể cáo từ đi thẳng.

Hiếu vừa bước vào trong ngõ nghe mẹ nói có khách chờ mình lúc này, rồi vội quăng ngay gánh củi bắn tung ra đầy sân rồi đuổi theo Vồm. Chả mấy chốc chàng đã theo kịp. Hai bên bắt đầu làm quen với nhau bằng một cuộc tỷ thí dữ dội trên hòn Băng-sơn. Đất bay rào rào, cây cối xiêu vẹo vì những cái quạt kinh người. Trong keo vật lần thứ mười tám, không chịu được cái móc của Hiếu, Vồm bị chẹt giữa hai tảng đá lớn.

Gần miền lúc đó có hai thôn Đàm-xá và Cỗ-bi tranh nhau một bãi đất. Dân Đàm-xá đông gấp hai Cỗ-bi lại thêm lúc này có Tá Lực vốn là hào hùng mới ở kẻ Chợ về tự khoe là giỏi võ, nên họ quyết lấy thịt đè người để chiếm lâu dài bãi đất kia.

Không nói thì ai cũng biết bên Cỗ-bi nắm chắc thất bại. Thất bại nhưng họ vẫn không chịu để mất đất. Hai bên đánh nhau tròn tháng. Bọn trai tráng Đàm-xá dưới sự điều khiển của Tá Lực ngày ngày cầm gậy tày tay thước tiến sang đất Cỗ-bi che chở cho một bọn khác trồng tre đắp bờ ngăn hẳn bãi bồi làm đất của mình, Hễ bên Cỗ-bi thò ra người nào thì người đẩy chúng xúm lại đuổi đánh. Không kể số sứt đầu mẻ tai, những người bị thương nặng nằm la liệt cả một đình làng. Tá Lực vẫn thảnh thỏang đứng trên gò cao nói vọng vào những câu khiêu khích.

Bấy giờ Lê Phụng Hiếu có việc đi ngang qua đó. Nghe rõ câu chuyện, chàng bưng bưng nổi giận. Hiếu vung tay áo nói với mấy vị phu lão Cỗ-bi:

- Nó cong, ta thẳng, không thể ỷ chúng hiếp cô như vậy được.

Rồi chỉ vào ngực mình:

- Chỉ một mình tôi có thể đánh tan được bọn nhãi.

Các cụ mừng lắm sau dọn mâm cỗ mời ăn. Một mình Hiếu tỳ tỳ chén hết một dãy hai mươi cỗ cơm.

Ăn xong Hiếu vỗ bụng đứng dậy, tay không xông thẳng vào trận trên mình chỉ còn mỗi chiếc khố.

Trước hết, Hiếu rẽ vào lùm cây nhỏ những cây gỗ vừa tầm để thành từng đồng. Rồi cầm lấy cả những cành cỏ, Hiếu vút túi bụi vào đám đông địch thủ đang sẵn tới trước mặt mình. Cây này gãy chành thay cây khác. Cứ thế Hiếu đã quật ngã không biết bao nhiêu người. Nghề võ của Tá Lực và ngọn côn của y không trụ nổi những đòn bằng trời giáng của Hiếu. Chưa xong một hiệp. Tá Lực đã ngã quay lơ xuống đất, các tay võ khác và dân đình Đàm-xá còn sót đều chạy thực mạng Hiếu quay lại giẫm chân lên ngực Tá Lực, bắt hãn phải nhận điều kiện trả lại ruộng đất cho dân Cổ-bi rồi mới chịu cho khiêng về.

Từ đấy tiếng tăm của Hiếu được truyền đi khắp nơi. Ngày đó, vua Lý kén người khỏe mạnh sung vào quân túc vệ. Chỉ một cuộc tỷ thí đầu tiên, Hiếu đã được vua triệu vào bệ kiến và cho chỉ huy một đội quân toàn những tay lực sĩ. Chẳng bao lâu Hiếu được vua cất lên làm tướng người ta gọi là Võ vệ tướng quân.

Chưa được mấy năm thì vua thăng hà. Triều thần theo di chiếu định tôn hoàng thái tử lên ngôi báu trước khi làm lễ phát tang. Nhưng lễ đăng quang của ông vua mới chưa được cử hành thì ngoài thành cấm đã thấy ồn ào tiếng người ngựa. Quân canh cho biết ba hoàng tử: Võ Đức Vương, Đông

Chính Vương và Dực Thánh vương đem quân ba phủ vây thành đòi chia sẻ ngôi báu với hoàng thái tử.

Bấy giờ trong thành kinh động. Vệ binh được phái đi các nơi phòng thủ. Hoàng thái tử vương tình máu mủ chưa giải quyết. Lê Phụng Hiếu nghe chuyện, không nhịn được nữa, bèn đi tìm hoàng thái tử đòi một hai sống mái với quân phản nghịch. Chàng vỗ gươm râu:

- Trước tình thế này xin cho cây gươm này của hạ thần ra nói chuyện với chúng.

Rồi đó, Hiếu phi ngựa tiến đến cửa Quảng phúc, tuốt gươm xông vào chỉ mặt Võ Đức Vương quát:

- Chúng bay cả gan muốn cướp ngôi ư? Đồ bất hiếu bất mục. Tao cho chúng bay nếm lưỡi gươm này.

Võ Đức Vương kinh sợ không dám giao phong, quay ngựa toan chạy, nhưng nhát gươm thứ nhất của Hiếu đã làm cho ngựa ngã khuỵu xuống và nhát thứ hai xả đôi người Võ Đức Vương. Thế rồi lưỡi gươm của Hiếu múa tít giữa đám quân ba phủ bấy giờ đã chạy toán loạn. Vệ quân của Hiếu được thể mặc sức chém giết. Hai hoàng tử kia chạy trốn biệt tích.

Trận đó, ông vua mới cảm ơn Hiếu vô hạn. Hiếu được vua ban tước hầu với chức Đô thống đại tướng quân, coi như quản hết quân sĩ trong nước.

Lần đánh giặc thắng trận trở về triều, nhà vua định phong thưởng thêm nữa, nhưng Hiếu tâu vua:

- Hạ thần không muốn lĩnh tước. Nhà hạ thần ở dưới chân núi Bơng. Hạ thần chỉ muốn bệ hạ ban cho một số ruộng đất bằng cách đứng trên núi ném dao xuống, hễ dao cắm đến đâu hạ thần xin lĩnh số đất ấy để lập nghiệp.

Vua đáp:

- Tưởng là khanh muốn thế nào, chứ đã muốn ruộng đất thì phải ném dao làm gì cho mệt!

Nhưng Lê Phụng Hiếu thì chỉ muốn ném dao. Vua không đợi nói nhiều, bằng lòng ngay. Ngày hôm sau lễ ném dao, mọi người đổ tới xem như đám hội. Trên hòn Bãng-sơn chưa khi nào có chiêng trống cờ quạt và quan dân đi lại rộn rịp như vậy.

Dứt tiếng trống, Hiếu cởi trần đóng khố, cầm dao xoay mấy vòng lấy đà, rồi phóng đi. Chiếc dao bay bổng lên như một con chim được thả. Mọi người ngạc nhiên và say sưa nhìn nó bay mãi như một chiếc dấu chấm ở lưng chừng trời, xa đến mười dặm rồi mới chịu hạ xuống. Mũi dao chọc xuống địa phận của làng Đa-mỹ. Các quan hầu hết đi đo đạc đóng mốc, trở về cho biết từ chân núi cho tới chỗ ném dao xuống quy vuông lại được hơn mười ngàn mẫu. Vua nhà Lý y ước ban cho Hiếu làm hương hỏa truyền cho con cháu và tha không đóng thuế.

Từ đó, những ruộng thưởng cho công thần, người ta quen gọi là ruộng thác dao[1].

KHẢO DỊ

Về tình tiết đánh giúp cho làng Cổ-bi để giành địa giới, nhân dân ta còn có nhiều truyện giống với truyện trên. Ở đây chỉ kể hai truyện:

1. Truyện Ông tổ họ Hoàng giúp làng Thượng-nguyên:

Làng Tĩnh-thạch và làng Thượng-nguyên (đều thuộc Hà-tĩnh) cách nhau một con sông, hai bên tranh nhau một bãi bồi, kiện tụng đã lâu đời. Quan nào cũng không xử được vì mỗi lần xử, dân làng Tĩnh-thạch ỷ thế mạnh kéo nhau lên làm ầm ỹ cả công đường, một hai quyết liều mạng. Sau cùng quan phán: "Thôi bên nào mạnh thì cho bên đó được!" Dân làng Thượng-nguyên sức yếu phải nhờ đến ông tổ họ Hoàng, một người ở làng Phan-xá bên cạnh đến đây đi làm thuê. Ông này chỉ xin làng Thượng-nguyên cho một vài người đàn bà đi theo, mỗi người mang một ít tro để tung vào kẻ địch. Đến ngày hẹn chờ ngọn gió nồm thổi lên, ông tay không tiến ra bãi, nhổ hết cây tre này sang cây tre khác dùng làm gậy quạt tới tấp vào đối phương đông như kiến, nhưng bị bụi tro làm cho mù mắt. Cuối cùng bên Tĩnh-thạch đành chịu nhường bãi cho làng Thượng-nguyên. Ngày nay cánh đồng ấy còn gọi là đồng Ông-vụ (vụ: tung ra, vãi ra, tiếng Nghệ - Tĩnh)[2].

2. Truyện *Đô Hùng đại tướng quân* còn có nhiều tình tiết liên quan xa gần tới những truyện cổ tích khác, ngoài truyện Lê Phụng Hiếu:

Ở làng Thiên-mỗ (Hà-dông) có một nhân vật sức khỏe tuyệt trần, người ta gọi là ông Đô Hùng. Nhà nghèo đi làm thuê, mỗi lần đi cày một tay ông

cấp trâu, một tay cấp cày bừa, bừa xong bồng trâu xuống sông Nhuệ khóa chân (xem truyện Ông Ồ số **70**, tập **II**) rồi lại cấp trâu và cày bừa về nhà.

Làng có giếng khơi trên có vành đá làm bờ, phải mấy chục người khiêng mới nổi. Ông vác ra đặt cách đấy vài trượng để đùa chơi. Cả làng ra hè nhau khiêng về rất chật vật, sau phải nhờ ông vác hộ.

Làng Y-la mở hội có giải vật, một gã lực sĩ giữ giải luôn mấy ngày. Ông tới, chỉ một keo bốc nổi gã ném ra ngoài vòng rồi cho gã giải vật để về nhà làm tiền thuốc.

Thi với Quân tượng dùng gậy bảy đánh vào một mô đất. Quân tượng chỉ đánh lở một ít. Ông đánh sạt dài vài trượng. Ngày nay mô đất vẫn còn gọi là Đống Mẻ.

Dân làng Phùng và làng Hiệp tranh nhau bãi bồi, kiện kéo đã lâu mà không phân thắng bại. Cuối cùng họ xin quan cho phép đánh nhau, ai thắng thì được. Dân làng Phùng biết thế yếu, vì vốn quen nghề nuôi tằm, bèn đến thuê Đô Hùng đánh giúp. Ông chỉ đòi công một gánh tơ nặng. Cũng như truyện Lê Phụng Hiểu, ông bảo dân làng sắp sẵn cho mình nhiều tre chắc, mỗi cây dài ước trượng, để thành từng đồng ở bãi. Khi đánh, ông cầm tre vụt đối phương, gãy cây này lấy cây khác, cuối cùng giành phần thắng cho dân làng Phùng. Đến khi trả công, dân làng đưa ra một gánh tơ nặng, ông chỉ dùng một ngón tay nhấc lên như bòn, rồi buộc dân làng phải đưa nhiều tơ nữa mới đủ sức gánh. Dân làng bóp bụng đem tơ ra mắc vào hai bên đòn tre trên vai Đô Hùng, nhưng mắc đến khi cả làng đã cạn tơ mà gánh vẫn chưa nặng. Sau cùng ông phải cho thôi, rồi gánh tơ về (xem **Khảo di**, truyện số **63** tập **II**).

Tiệc của, dân làng kiện quan rằng ông lấy trộm tơ của họ. Quan sai lính về

vây bọc, Đô Hùng sợ phép quan trốn vào bụi cây. Lính thọc giáo vào các bụi bờ, có mũi trúng phải Đô Hùng, Ông cắn răng chịu đau lấy áo lau mũi giáo trước khi bọn chúng rút giáo ra (xem truyện Lê Lợi số **99**, tập **III**). Sau đó, căm giận dân làng Phùng ông chạy tới toan trị tội, nhưng máu ra nhiều quá nên đến thôn Trung-thắng thì té xỉu ở gò đất, gắng về tới làng thì chết. Dân làng lập đền thờ ở gò đất gọi là miếu Đức Ông[3].

-
- [1] Theo *Tân đính hiệu bình Việt điện u linh tập* và báo *Tràng-an*.
[2] Theo lời kể của người Hà-tĩnh (trong *Văn học dân gian sưu tầm ở xã Ích-hậu*, chưa xuất bản).
[3] Theo *Công Nông Thương* (1939)

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
II. SỰ TÍCH ĐẤT NƯỚC VIỆT
26. SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

Vào thời ấy, giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam. Chúng coi dân ta như cỏ rác, thi hành nhiều điều bạo ngược làm cho thiên hạ căm giận đến tận xương tủy. Bấy giờ, ở vùng Lam-sơn nghĩa quân đã nổi dậy chống lại chúng, nhưng buổi đầu thế lực còn non yếu nên nhiều lần bị giặc đánh cho tan tác, Thấy vậy, đức Long quân quyết định cho họ mượn thanh gươm thần để họ giết giặc.

Hồi ấy ở Thanh-hóa có một người làm nghề đánh cá tên là Lê Thận. Một đêm nọ. Thận thả lưới ở một bến vắng như thường. Tự nhiên trong một lần kéo lưới, chàng thấy nặng nặng, trong bụng mừng thầm chắc là có cá to. Nhưng khi thò tay bắt cá. Thận mới biết đó là một thanh sắt. Chàng vứt luôn xuống nước rồi lại thả câu ở một chỗ khác.

Lần thứ hai cất lưới lên cũng thấy nặng tay. Thận không ngờ thanh sắt vừa rồi lại chui vào lưới mình. Chàng lại nhặt lên và ném xuống sông. Lần thứ ba vẫn là thanh sắt ấy mắc vào lưới. Lấy làm quái lạ, Thận ghé mũi lửa lại nhìn xem. Bỗng chàng reo lên một mình:

- Ha ha! Một lưỡi gươm!

Thận về sau gia nhập quân đoàn khởi nghĩa Lam-sơn. Chàng đã mấy lần vào sinh ra tử ở nơi trận mạc để diệt lũ cướp nước. Một hôm, chủ tướng Lê Lợi cùng mấy người tùy tùng đến nhà Thận. Trong gian nhà tối om, thanh sắt hôm đó chợt sáng quắc lên ở một xó nhà. Lấy làm lạ, Lê Lợi đến gần cầm lấy xem và nhận ra chữ "Thuận Thiên" khắc sâu vào lưỡi. Song tất cả mọi người đều không biết đó là báu vật.

Một hôm bị giặc đuổi, Lê Lợi và các tướng chạy tháo thân mỗi người một ngả. Lúc đi qua một khu rừng, Lê Lợi bỗng thấy ánh sáng trên ngọn cây đa. Ông trèo lên mới biết đó là cái chuôi gươm nạm ngọc. Nhớ tới lưỡi gươm ở nhà Lê Thận, Lê Lợi rút lấy chuôi gươm giắt vào lưng.

Ba ngày sau, Lê Lợi gặp lại tất cả các bạn, trong đó có Lê Thận. Khi lắp lưỡi vào với chuôi thì kỳ lạ thay, vừa vặn khớp nhau. Lê Lợi bèn kể lại câu chuyện. Mọi người nghe xong đều hồ hởi vui mừng. Lê Thận nâng gươm lên ngang đầu nói với chủ tướng:

- Đây là thần có ý phó thác cho "minh công" làm việc lớn. Chúng tôi nguyện đem xương da của mình theo "minh công" và thanh gươm thần này để báo đền xã tắc!

Từ đó khí thế của nghĩa quân ngày một tăng. Trong tay Lê Lợi, thanh gươm

thần tung hoành trên mọi trận địa và làm cho quân Minh bạt vía. Chẳng mấy chốc tiếng tăm của quân Lam-sơn lan khắp nơi. Họ không phải trốn tránh trong rừng nữa mà xông xáo đi tìm giặc. Họ không phải ăn uống khổ cực như trước nữa, đã có những kho lương thực của giặc mới cướp được tiếp tế cho họ. Gươm thần đã mở đường cho họ đánh tràn ra mãi cho đến lúc không còn bóng một tên giặc nào trên đất nước.

Sau khi đuổi giặc Minh về được một năm, ngày hôm ấy Lê Lợi - bấy giờ đã là một vị thiên tử - cưỡi thuyền rồng dạo quanh hồ Tả-vọng trước kinh thành. Nhân dịp đó, Long quân sai rùa vàng lên đòi lại thanh gươm thần. Khi chiếc thuyền chèo ra giữa hồ thì tự nhiên có một con rùa lớn nhô đầu và mai lên khỏi làn nước xanh. Theo lệnh vua, thuyền đi chậm lại. Vua đứng trên và nhận thấy lưỡi gươm đeo bên mình cũng đang cử động. Con rùa vàng không sợ người, nhô thêm nữa, tiến sát về phía thuyền vua. Nó đứng nổi lên trên mặt nước và nói:

- Bệ hạ hoàn gươm cho Long quân!

Nghe nói thế nhà vua bỗng hiểu ra bèn thò tay rút gươm ra khỏi bao. Chỉ một lát thanh gươm thần rời khỏi tay vua bay đến phía rùa vàng. Nhanh như cắt, rùa há miệng đón lấy ngang lưỡi. Cho đến khi gươm và rùa lặn xuống, người ta vẫn thấy có vệt sáng le lói dưới mặt nước hồ xanh.

Khi những chiếc thuyền của bá quan tiến lên kịp thuyền rồng thì vua liền báo ngay cho họ biết:

- Đức Long quân cho chúng ta mượn thanh gươm thần để trừ giặc Minh. Nay đất nước đã thanh bình, Người sai rùa lấy lại.

Và từ đó, hồ bắt đầu được mang tên là hồ Gươm hay hồ Hoàn-kiểm.

KHẢO DỊ

Người Thượng ở Tây-nguyên truyền khá nhiều về gươm thần. Tựu trung có bốn truyện có phần nào giống với truyện trên.

1. Trong một chuyến đi chơi xa, Po-thê bị bão đắm thuyền, may giạt vào một hòn đảo khỏi chết. Trên đảo có một cây sung (ha-ra), thường vẫn có một đàn lợn từ biển xa đến ăn quả rụng. Đàn lợn đi trên mặt biển dễ dàng nhờ có một viên đá thần (a-tao) do con lợn chúa đàn ngậm ở mồm. Nhờ có Pơ-tao O-la (vua Lười) mách cho việc đó. Pô-thê tìm cách chiếm lấy viên đá thần, khi con lợn chúa đàn đặt đá xuống gốc cây để ăn, Được đá thần, Pô-thê trở về đất liền gặp một chàng trai có quả cây thần (pô-quy) có thể làm ra mưa gió. Sau đó lại gặp một người khác có sợi dây (tơ-lây ca-a-san) gọi thì nó trói người và một cái gậy (a-cai-tha) gọi thì nó đánh người. Lại gặp một người khác có hòn đá (pôn-rô-tan pôn-rơ-lo) có thể hóa thành ngàn quân và một cái roi mây (a-tơ-rê-nông) có thể làm cho trời đất mù mịt tối tăm. Pô-thê bèn kết thân với người ấy.

Sau đó, họ đến bờ một con sông lớn. Ở đây có đủ mặt vua các dân tộc như : Chàm, Khơ-me (Khmer), Việt-nam, Lào, Ê-đê, Ja-rai (Djarai).v.v... Họ đang bận lặn xuống nước để mò một thanh gươm thần. Gươm ấy từ trên trời rơi xuống, đến đâu sáng chói khắp cả bầu trời tới đó. Lúc ấy tuy gươm

còn nằm trong vỏ nhưng mà ánh sáng của nó vẫn sáng rực đáy sông. Tuy lặn giỏi, nhưng đáy sông sâu thành vực, họ chỉ lặn xuống nước được một lúc rồi lại phải lên ngay, vì thế nhiều người lên tay không. Về sau chỉ có vua nước Chăm chiếm được lưỡi gươm đưa lên mặt nước.

Nhưng vua Chăm vừa lên tới bờ thì Pô-thê đã nhanh tay cướp lấy gươm thần trao cho vua Ja-rai. Giữa lúc đó thì vua Khơ-me cũng mò được vỏ gươm đưa về nước họ. Cuộc mò gươm đến đây là kết liễu.

Tức mình vì mất gươm, người Chăm bèn gây một cuộc chiến tranh dữ dội với người Ja-rai bao nhiêu năm tháng. Họ kéo quân đến nước Ja-rai phá làng mạc, giết người, cướp của. Pô-thê nhờ có hòn đá, quả cây, sợi dây và cái gậy có phép màu nhiệm chiếm được trong lúc đi đường, nên đủ sức giúp người Ja-rai chống chọi lại với địch thủ. Nhưng phép thần của người Chăm cũng rất cao cường. Họ làm cho cuộc chiến tranh ngày càng kịch liệt. Cả hai bên đều chưa phân thắng bại.

Pô-thê bèn sai giết một con trâu trắng và một con trâu đen làm lễ cúng lưỡi gươm thần rồi nói: "Hỡi gươm thiêng! Hãy tỏ sự linh dị ra để theo về với một bên cho dứt khoát!". Đoạn cầm gươm thần vào tay. Pô-thê xông vào giữa quân Chăm. Lưỡi gươm tự nhiên khi phun ra lửa, khi dâng đầy nước, làm cho người Chăm hoặc bị chết cháy hoặc bị chết đuối không sao kể xiết. Pô-thê lại dùng roi làm phép làm cho trời đất tối tăm mù mịt khiến người Chăm chẳng biết đường nào mà trốn.

Sau khi trao lưỡi gươm thần cho vua Lửa (Li Pa-tao)[[1](#)] Pô-thê ra đi, không quên dặn người Ja-rai phải luôn luôn kết hiếu với người Khơ-me là kẻ được trời giao cho nhiệm vụ giữ vỏ gươm thần[[2](#)].

2. Truyện thứ hai của người Ja-rai (Djarai):

Có một vị thần ở trên trời xuống trần, ngồi ở một gò đất gần đường qua lại. Có một gia đình đi qua. Thần nhìn trừng trừng vào một đứa trẻ làm cho nó khóc mãi, ai dỗ cũng không nín. Bố mẹ đứa bé cầu xin thần làm cho nó nín. Thần đòi một số sắt, bố mẹ lấy ra cho. Đứa bé quả nín. Một số gia đình khác đi qua gò, việc cũng diễn ra như vậy. Thế là thần đủ sắt rèn một cây gươm. Nhưng khi người thợ rèn xong gươm không chịu nộp. Người ấy bèn vớt xuống sông Xê-xan gần thác Y-a-li.

Ít lâu sau có một người đi câu câu được một con cua, càng cua có cặp một lưỡi gươm. Khi sắp sửa lấy thì cua thả ra, lưỡi gươm lại rơi xuống nước. Các làng xa gần nghe tin này đua nhau tới lặn để mò gươm. Một người tìm được, đó là người Ja-rai. Vó gươm do người Việt chiếm (có người nói về tay người Lào)[3].

Truyện trên dường như là phần đầu của một truyện khác, nội dung đại lược như sau:

Một lưỡi gươm thần do vua Chăm lặn lấy được từ dưới nước lên, giao cho vua Ja-rai vì vua Ja-rai là em của vua Chăm. Lưỡi gươm chỉ vào giặc, giặc tan, chỉ vào lụt, lụt cạn, chỉ vào trời hạn thì tự dưng có mưa. Trừ vua Lửa ra, người nào nhìn vào gươm cũng sẽ bị tan xương nát thịt. Cây gươm thần được lưu truyền mãi và đã nhiều lần cứu vớt người Ja-rai ra khỏi vùng thiên tai nhân họa cho tới đời ông Tú, một trong những vua Lửa. Trong khi ông đưa gươm ra chống giặc thì bất tình linh lưỡi gươm tự lìa khỏi chuôi và văng xuống sông. Lưỡi gươm trôi về miền xuôi, người Việt giữ được. Giữa lúc đó thì giặc xâm lăng tới. Không có gươm thần, người Ja-lai đành chịu làm tôi cho giặc[4].

3. Truyện thứ ba của người Ba-na (Bahnar):

Dô-dăm Xét bị quỷ Hơ-manh bắt mất vợ và em gái, chưa biết làm thế nào để báo thù, Một hôm, anh lên rừng bỗng thấy trên cây cao có ánh sáng lấp lánh: đó là một cây gươm và một cái khiên bằng vàng. Nhưng khi anh giơ tay lấy những vật trên thì không thể nào nhấc ra khỏi cây được. Theo lời những người già, anh giết dê làm lễ cúng, thần mới cho gươm và khiên. Khi cầm vào tay múa, chiếc khiên bỗng bay vút lơ lửng giữa không trung, anh nhảy ngay lên khiên, khiên bay lên vùn vụt, sau đó nó đưa anh lên tận sông Ngân-hà đánh nhau với quỷ Hơ-manh. Cuối cùng anh giết chết quỷ cứu được em và vợ về[5].

4. Truyện thứ tư của người Mơ-nông (Menon) là một dị bản của truyện *Tiêu diệt mãng xà* (xem truyện **148**, tập **IV**)

Xưa ở vùng người Mơ-nông có hai anh em tên là Pơ-rang và Dang. Một hôm Dang tìm được một hòn đá thiêng có thể ném chết bất cứ con vật gì. Thuở ấy có một con rồng thường hại người, buộc dân trong vùng phải đến kỳ nộp một mạng người mới không quấy nhiễu. Lần ấy đến lượt con gái vua là Nê-ang Pu phải nộp mạng. Nhưng Dang đã dùng hòn đá rèn thành gươm giết được rồng. Lập công xong anh dặn Nê-ang Pu đừng nói với ai rồi trốn về nhà song lại bỏ quên bao gươm lại. Tìm không ra dũng sĩ giết rồng, vua ra lệnh đem so gươm của mọi người, gươm ai bỏ vừa lọt cái bao do dũng sĩ để lại thì coi như người ấy là dũng sĩ. Không có gươm của ai vừa bao cả. Khi lính tìm đến nhà Dang, cả 200 người hè vào khiêng gươm của anh mà không nổi. Dang chỉ một tay cầm gươm lên như bỡn. gươm bỏ vừa bao. Dang được vua gả con gái, sau đó được làm vua. Bị các nước kéo nhau đến đánh. Dang thua, đi trốn, bỏ vỏ gươm ở nước người Khơ-me, cán ở Thái-lan, lưỡi ở người Ja-rai[6].

Đồng bào người Cham-pa cũng có một truyện cổ tích về lịch sử gươm thần.

Truyện này được ghi chép từ thế kỷ III.

Phạm Văn nguyên là nô lệ chăn súc vật của một viên súy huyện Tây- quyền thuộc Nhật-nam. Một hôm đưa dê đi uống nước ở khe. Văn bắt được hai con cá chép mang về định nấu ăn. Lúc sắp sửa nấu thì cá bỗng hóa thành đá nảy ra ánh sáng kỳ lạ. Văn mang đến thợ rèn, rèn thành gươm. Được gươm rồi, chàng đến trước một tảng đá khấn rằng: "Nếu chặt vỡ được tảng đá này thì ta sẽ làm vua". Tảng đá quả vỡ đôi trước nhát chém của cây gươm thần.

Rồi đó Văn xin đăng linh. Trận nào chàng cũng tỏ ra rất gan dạ và giết được nhiều giặc. Dần dần Văn được thăng chức và cuối cùng cướp ngôi Phạm Dật, làm vua nước Lâm-ấp. Chàng lại cử binh đánh các lân bang, mở rộng đất đai thành một nước lớn[7].

Truyện của người In-đô-nê-xi-a dưới đây cũng một mô-típ với các truyện trên, nhất là giống với truyện đầu của các vật ngẫu nhiên tìm được và lưỡi gươm thần:

Xưa ở In-đô-nê-xi-a mỗi một hòn đảo là một vương quốc.

Một ông vua muốn làm bá chủ, nghe nói hễ ai bắt được một con ngựa thần thì nó sẽ cho ngọc và nhờ đó có phép đi được trên mặt biển, bèn sai hoàng tử và mười võ sĩ vượt biển đi tìm. Hồi ấy có một chàng trai trẻ tuổi một hôm câu được một con cá xanh biếc bé bằng ngón tay. Cá hứa sẽ chỉ cho nơi có gươm thần vô địch và tặng cho ba vật lạ để được tha: một sợi dây có phép trói người, một cây gậy có phép đánh người nếu đọc lên câu chú, một cái nón nếu đội lên đầu thì trời tối sầm lại. Nhờ sợi dây, anh bắt được ngựa thần theo mình và bảo nó nhả ngọc quý. Ngựa còn mách cho anh có ba vật quý khác: 1. dưới đáy sông ở kinh đô một nước lớn nhất có một lưỡi gươm; 2. trên đỉnh núi cao nhất ở nước lớn thứ nhì có một chuỗi gươm; 3. giữa

cánh rừng rậm ở nước lớn thứ ba có một vỏ gươm. Ba vật ấy để rời nhau thì không có gì lạ, nhưng lắp vào với nhau thì trở thành một sức mạnh vô địch.

Khi thuyền của hoàng tử và 10 võ sĩ vượt biển đến, anh chàng sai sợi dây trói hoàng tử lại, rồi tha cho bọn võ sĩ, bảo hãy trở về nước lặn lấy lưỡi gươm đưa đến sẽ trả hoàng tử. Bọn họ mang gươm đến cho anh. Anh tìm đến nước thứ hai và lúc một con quỷ xông ra và bị anh thần phục. Anh bảo quỷ tìm cho mình chuôi gươm. Tìm được rồi, quỷ toan ăn thịt anh nhưng đã bị gậy thần đánh cho chết. Đến nước thứ ba, để lọt được vào khu rừng cấm có lính canh, anh đội nón cho trời tối mịt mùng, cuối cùng anh cũng tìm ra được vỏ gươm. Lắp cả ba thứ lại thì vừa như in.

Đến đây anh gặp tên vua hiếu chiến nó bắt anh dẫn đường đi chinh phục các nước. Anh gọi dây trói toàn bộ quân sĩ của vua lại, rồi bảo gậy đánh, lại đội nón làm cho trời tối mù mịt tối tăm. Vua cả sợ xin tha tội, anh bảo quân sĩ của hắn vứt cha con hắn xuống biển rồi lên làm vua. Ông vua mới cho mời vua của tất cả các vương quốc khác đến kết nghĩa, đem chia lưỡi, chuôi và vỏ gươm thần cho ba nước khác nhau, dặn họ bao giờ có giặc ngoài đến xâm lược thì đem ba thức lắp làm một, rồi cứ một người trong ba nước thống lĩnh cầm quân đi đánh.

Ngày nay không ai rõ ba thứ ấy ở đâu cả, nhưng nước In-đô-nê-xi-a thì không ai chia cắt được[8].

Tóm lại truyện cổ tích nói về gươm thần liên quan đến việc bảo vệ đất nước dường như là một đề tài khá phổ biến của một loại hình tự sự dân gian ở một số dân tộc ở vùng Đông Nam Á.

-
- [1] Tức trong sách cũ của ta gọi là Hỏa-xá.
 - [2] Theo sách *Những dân mọi ở Đắc-lắc* của Béc-na (Bernard).
 - [3] Theo *Pháp Á tạp chí* (1951).
 - [4] Theo lời kể của người Ja-rai.
 - [5] Theo Truyện cổ Ba-na, tập I, đã dẫn.
 - [6] Theo Mét-tơ-rơ (Maitre), *Rừng Mọi*.
 - [7] Theo *Thủy kinh chú* và *Đại-nam chính biên liệt truyện*.
 - [8] Theo Đinh Tú, *Truyện cổ tích Nam-dương*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
27. SỰ TÍCH HỒ BA-BỂ

Vào hội đó ở xã Nam-mẫu có mở một hội "vô già" cúng Phật. Mọi người nô nức đi xem. Ai nấy đều lo ăn chay niệm Phật và làm những việc từ thiện như buông cá, thả chim.v.v... để cầu phúc trong mấy ngày hội.

Hôm ấy, xuất hiện ở đám hội một bà già ăn mày. Người ta không biết mẹ ta từ đâu đi lại. Bộ dạng thật là gớm ghiếc: những mảnh vải vá vúi của mẹ không đủ che tấm thân gầy còm và lở loét. Mùi hôi thối xông ra rất khó chịu. Đến đâu, mẹ cũng thều thào mấy câu: - "Đói lắm các ông các bà ơi!". Rồi cầm cái rá, mẹ giơ ra khắp bốn phía, đầy vế cầu khẩn

Nhưng mãi đến chiều, người đàn bà đó vẫn chả được tý gì. Đến đâu mẹ cũng bị xua đuổi. Đám trẻ tuổi nhất là các cô gái cho mẹ là hủi nên trốn như trốn dịch. Hễ thấy mẹ đâu là họ xô nhau chạy đi chỗ khác. Mấy bà đang lễ thì rất bức tức. Họ ngừng những tiếng "Nam mô Phật" lại và quay ra mắng xả vào mẹ sao dám đi sát vào người. Cuối cùng bọn hương lý sai tuần phu đuổi mẹ đi. Mẹ không thể kiên gan trước những trận mưa roi của bọn tuần, đành phải lê mình ra khỏi đám hội.

Sau khi ra khỏi đám hội, người đàn bà ấy thất thểu bước vào xóm. Cũng như ở đám hội, vào nhà nào mẹ cũng bị nghi là hủi và bị đuổi. Mấy nhà giàu có đóng chặt cửa lại và thả chó ra. May sao đến ngã ba, mẹ gặp hai mẹ con bà góa vừa đi chợ về. Thấy bà lão ăn mày tội nghiệp, người mẹ đưa về nhà lấy cơm nguội cho ăn.

Khuya hôm đó hai mẹ con đang ngủ thì người đàn bà ấy lại gọi cửa. Mẹ xin ngủ ngờ một đêm vì mọi chỗ, người ra đều cấm cửa không cho vào. Hai mẹ

con vui lòng đón người ấy vào nhà, lấy cơm cho ăn và trải chiếu ở một cái chõng cho mẹ ngủ lưng. Còn mẹ con thì nằm tạm ở một chỗ khác.

Người đàn bà vừa nằm ngủ liền, tiếng mẹ ngáy như sấm. Hai mẹ con nhìn ra thấy chõng sáng rực lên trong bóng tối. Đây không phải là một mẹ ăn mày già yếu lở loét nữa mà là một con giao long đang cuộn mình lù lù một đồng, đầu gác lên xà nhà, đuôi thò xuống đất. Người mẹ rụng rời kinh hãi, nhưng vì chỗ ở của mình cách biệt với làng xóm, không biết kêu cứu ai, đành trùm chần kín mít, phó mặc cho may rủi.

Nhưng đến sáng hôm sau, khi người mẹ nhìn ra chái thấy giao long đâu cả. Trên chõng, mẹ ăn mày đã dậy và sắp sửa ra đi. Trước khi từ biệt, mẹ bỗng lên tiếng:

- Chúng nó thờ Phật mà kỳ thực là buôn Phật. Chúng nó xứng đáng phải chịu trầm luân. Chỉ có mẹ con nhà người là tốt bụng. Hãy cầm lấy gói tro này, nhớ rắc xung quanh chỗ ở và nội trong đêm hôm nay chớ đi đâu cả. Hoặc nếu có đi thì đưa nhau lên đỉnh núi cao mà tránh.

Người mẹ bắn khoăn hỏi thêm:

- Nhưng làm thế nào để cứu mọi người được?

Người đàn bà ấy ngần ngừ hồi lâu rồi lấy từ trong áo một hạt thóc ra cắn tách đôi vỏ trấu đưa cho hai mẹ con và nói:

- Hai mảnh vỏ trấu này sẽ giúp hai mẹ con người làm việc thiện.

Người mẹ toan hỏi thêm thì vụt một cái đã không thấy người đàn bà húi

đâu nữa. Hai mẹ con vội làm theo lời dặn rồi đi kể chuyện cho mấy người gần đó biết. Họ nghe nói chỉ mỉm cười cho là một chuyện băng quơ.

Quả nhiên tối hôm đó giữa đám hội náo nhiệt, lúc thiện nam tín nữ đang tấp nập lễ bái thì bất ngờ có một dòng nước từ dưới đất phun lên chính giữa đàn tràng. Nước càng phun càng mạnh làm lở dần đất xung quanh. Người ta ngơ ngác không hiểu thế nào, tưởng là phép Phật hiển hiện nên càng vái lạy vái đẽ. Nhưng dòng nước mỗi lúc một mạnh nuốt hết người và vật. Chỉ trong nháy mắt đã ngập bằng một cái ao. Thấy thế mọi người hoảng hốt bỏ cả lễ bái đua nhau chạy. Nhưng họ không thể chạy được nữa. Ở dưới chân họ đất nứt nẻ, rung động hất họ ngã xuống. Bỗng chốc một tiếng ầm ầm dội phát ra, đất đá, nhà cửa, người vật đều chìm ngấm, nước tung tóe mù trời. Một con giao long to lớn từ mặt nước nhô lên bay vòng quanh xã Nam-mẫu. Trong khi đó thì nền nhà, chuồng lợn, chuồng gà của mẹ con người đàn bà từ thiện kia mỗi lúc một nâng cao hơn mực nước.

Đau xót trước cảnh nước lụt, hai mẹ con đem hai mảnh vỏ trấu ra. Vừa đặt xuống nước, họ bỗng thấy hai mảnh vỏ biến ngay thành hai chiếc thuyền. Thế rồi, mặc gió mặc mưa, họ chèo đi mọi nơi cố sức vớt những người bị nạn.

Chỗ đất sụt ấy ngày nay là hồ Ba-bể ở Bắc cạn, còn cái nền nhà ấy tức là một hòn đảo nhỏ ở giữa hồ mà người địa phương gọi là Pò-già-mải [1].

KHÁO DỊ

Truyện trên có lẽ bắt nguồn từ truyện *Sự tích hồ Ba-bể* của dân tộc Tày, sơ lược như sau:

Xưa, ở xã Nam-mẫu có một con suối con. Ở đó có một Thủy thần ngự trị. Một lần con trâu của Thủy thần lạc trên trần, chạy rong khắp nơi. Một số người đuổi theo đánh chết trâu, lôi về làm thịt.

Thủy thần thấy mất trâu liền lên trần, hóa thành một người bộ dạng nghèo khổ đi tìm. Qua xã Nam-mẫu, Thủy thần gặp một bà lão nghèo sống trong một túp lều, bèn lên tiếng xin ăn. Thấy có người đói rách hơn mình, bà lão lấy cơm cho ăn rồi nói: "Tôi nghèo lắm không có gì. Gần đây người ta vừa bắt được một con trâu đang xả thịt ăn. Vậy nên đến đây mà xin".

Thủy thần lần đến đám mổ trâu xin ăn nhưng bị mọi người đuổi không cho dự. Thủy thần bèn trở lại gặp bà lão dặn lấy trấu rắc xung quanh nền nhà. Đêm ấy, Thủy thần dâng nước ào ào ngập cả xã Nam-mẫu, người, vật đều biến mất, duy chỉ miếng đất của bà lão là còn nguyên cho đến ngày nay, người ta gọi đó là Pò-già-mải [2].

Truyện *Sự tích hồ Hai-bể* của người Mán (Dao) do Trịnh Như Tấu kể trong sách *Từ Hà Nội đến hồ Ba-bể* cũng giống với hai truyện trên những nét lớn. Mặt khác, nội dung truyện này lại có một số chi tiết phần nào tương tự với truyện *Sự tích cây nêu ngày Tết* (số 23):

Trước kia, trên miếng đất bây giờ là hồ Ba-bể và hồ Hai-bể [3] có làng Nam-mẫu rất đông dân cư. Trong số dân làng có một chàng thiếu niên mồ côi cha mẹ từ nhỏ.

Không có nơi nương tựa, hẳn phải đi ở chăn trâu bò cho người ta. Lớn lên,

hắn có sức khỏe, lại biết làm ruộng nhưng không có bò cày. Thấy hắn đói khổ người ta ngại chả ai dám giao trâu bò cho thuê mượn.

Nghe nói có đức Phật ở gần đấy giàu có nhất vùng, có nhiều trâu bò, hắn bèn đến kêu nài xin thuê một con. Điều kiện thuê của Phật đặt ra là người thuê bò phải nộp ngọn cho chủ có bò, còn mình thì ăn gốc. Nhưng hắn ta đem trồng khoai sọ tất cả. Khi thấy hoa lợi chỉ là một đồng lá, Phật tức mình nên năm sau bắt nộp gốc cho ngọn. Hắn lại đổi sang trồng ngô. Năm đó Phật không được hưởng gì cả, tức quá bèn đòi bò về không cho thuê nữa.

Không có bò, hắn lập tâm ăn trộm của Phật. Chờ khi Phật đi vắng, hắn lén vào chuồng dắt bò ra. Để đánh lừa Phật, hắn nắm đuôi bò kéo ngược cho bò đi lùi ra ngoài xa rồi mới dắt đi. Khi Phật về thấy mọi dấu chân bò đều hướng về chuồng nên không để ý gì cả.

Hắn đem bò về cày bừa xong rồi muốn làm cho phi tang bèn ngả bò ra giết thịt. Thứ để ăn, thứ đãi họ hàng làng xóm, thứ biếu họ ngoại ở xã Bản-vài, dụng ý của hắn là để mọi người đừng mách cho Phật biết.

Mãi về sau Phật mới biết mất bò, bèn sai người đi khắp nơi tìm kiếm. Không may cho hắn, lúc ấy có một người đàn bà góa vốn người ngay thẳng đem việc đó nói ra.

Để trị tội bọn người tham lam, Phật bèn làm cho xã Nam-mẫu sụt xuống thành Ba-bể và hai xóm. Bản-vài sụt xuống thành Hai-bể, cuốn theo tất cả mọi người đã có dự vào việc ăn thịt bò của Phật. Những người nào không dự đều được Phật báo trước cho lánh đi nơi khác. Vì thế ngày nay có câu "Nam-ti-ni Nam-môn" nghĩa là ở xóm Nam-ti lánh sang Nam-môn. Riêng đối với nhà người đàn bà góa có công với mình, Phật sai rắc tro xung quanh

nhà trước khi làm sụt đất thành bể. Vì vậy sau đó, nhà người đàn bà ấy vẫn còn nguyên trên cái gò Pò-già-mải.

Theo chúng tôi, truyện vừa kể nếu không phải là kết quả của một sự lắp ghép truyện này vào truyện khác, thì người kể cũng đã làm cho sai lạc, vì chủ đề trước và sau mâu thuẫn, mạch truyện không thống nhất; nhưng nó vẫn cho ta thấy giữa truyện của người Dao và truyện của người Việt có sự gần gũi, và có lẽ từ một nguồn gốc mà ra.

Truyện của đồng bào Thái *Đồi Chiềng-on hóa thành ao sâu* cũng tương tự và có lẽ cùng một nguồn gốc với các truyện trên:

Ngày xưa thần Bạng Uông cai trị thủy phủ, một hôm sai bộ hạ Thuồng luồng đi làm một công việc trên mặt đất. Thuồng luồng hóa thành một con hoẵng, chạy qua các bản đến đồi Chiềng-on. Dân Xá ở đây tuy biết hoẵng là vật của thần nhưng cũng cứ kẻ giáo người lao kéo nhau đi săn. Cuối cùng họ săn được hoẵng làm thịt chia nhau mỗi gia đình một phần. Mọi người đều ăn thịt, chỉ có mẹ con một bà góa đi vắng, phần thịt chia cho treo ở vách không đụng đến. Thấy bộ hạ bị giết, vua Thủy thần nổi giận, liền ra lệnh dâng nước lên cho chết hết bọn người ăn thịt hoẵng để báo thù.

Bộ hạ vua Thủy thần bèn dâng nước lên cao. Những người ăn thịt hoẵng chạy đến đâu đất sụt đến đó. Có một người ở vùng Nà-tiếng đến Chiềng-on tìm người yêu. Thấy nước dâng hắt bỏ chạy đưa cả người yêu chạy theo, nhưng đất cứ sụp dưới chân cô gái làm anh ta có nguy cơ chết theo. Cô gái nắm lấy đuôi khố anh không rời. Một con chim ở rừng bảo anh: "Hãy cắt đuôi khố thì không chết". Anh không muốn rời cô gái ra, nhưng sau cùng nguy quá, đành phải bỏ. Song anh lại không có dao để cắt đuôi khố. Mãi sau anh mới căn đôi ống sáo tước thành mảnh sắc, cắt được khố. Cô gái rơi lại sau, bị thuồng luồng bắt.

Cả vùng Chiềng-on bị sụt thành ao Món. Chỉ có nhà bà góa không việc gì, nay thành hòn đảo.

Người Thanh-hóa có một truyện dường như cũng là dị bản của các truyện nói trên:

Hồi ấy vào đời Trần có một trận lụt to. Lúc mới đổ mưa, dân xã Cổ-linh cũng ra đắp đê ngăn lụt. Tự nhiên có một con cá gáy lớn như con voi giạt vào địa phận của làng. Dân làng kinh sợ, nhưng cũng đưa về đình làm thịt đánh chén, còn lại bao nhiêu chia cho trai gái 500 người mỗi người một xâu thịt. Có hai gia đình bà già không ăn, đem treo lên ở xà nhà. Đêm ấy, hai gia đình nằm mộng thấy một ông lão râu tóc bạc phơ tới mượn cái mai và nói: "Ta thấy hai người đều treo cá lên không ăn, điều đó rất tốt, đáng được hưởng phúc. Vậy hãy lấy một đôi đũa cả cắm ở giữa nhà, và hai đôi đũa con cắm mỗi góc nhà một chiếc. Đoạn kê giường lên cho thật cao mà ngủ". Rồi ông lão biến mất. Hai gia đình vừa làm xong thì nước dâng lên rất cao, đê vỡ tứ tung cuốn phăng nhà cửa và dân cư chỉ chừa có hai cái nền nhà của hai bà già xung quanh có ánh hào quang, là không lụt. Mỗi bà có một cô gái, hai người này trở thành bà tổ của hai họ Trịnh và Nguyễn ở xã Cổ-linh [4].

Người Tây nguyên cũng có truyện *Bà chúa Ya Nôm* (của đồng bào Ja-rai) trong đó cũng có hình ảnh của một con vật của thần bị người giết thịt:

Ngày xưa ở vùng người Ja-rai ở là nơi thần linh ngự trị, ở đó có bà chúa Ya Nôm cai quản. Một hôm Ya Nôm đi chơi gặp một con lợn còn bé, bèn bỏ vào sọt mang về nuôi. Nhưng cho ăn gì nó cũng không thích, chỉ thích ăn cát. Bà bèn dùng cát nuôi lợn, lợn chóng lớn, không bao lâu đã bằng con trâu. Buổi ấy có vua Rốc đến nhà Ya Nôm chơi thấy con lợn béo bèn bắt về

làm thịt ăn, không biết đấy là lợn của thần linh. Thấy lợn của mình bị giết, thần bèn báo thù bằng cách làm cho khu đất nhà vua sụt xuống thành hồ. Riêng khu nhà của bà chúa Ya Nôm thì không việc gì, nhưng bà này sợ quá, trèo lên đỉnh núi, nay là núi Ya Nôm. Vua Rốc may cưỡi voi bà chúa phóng lên núi khỏi chết. Nhưng giữa đường, voi mệt quá không đi được nữa. Vua nhảy xuống chém lấy đầu. Đầu hóa đá ở sườn núi. Vua cắt đôi ngà định mang đi bán cho người Chăm, nhưng nửa đường nặng quá, vứt lại cũng hóa đá, nay là núi Ngà voi.

Một trong những người em gái của Ya Nôm là Y-tia-un vốn là phù thủy được vua Rốc biểu một miếng thịt lợn liền mời làng đến chén. Nhưng đang nướng thịt thì đất đã sụt thành vực sâu, mụ và mọi người đều chết. Hồn mụ sau này thường lang thang trên các đỉnh núi kiếm ăn [5].

Tương tự với các truyện trên của ta, người Tây Phi châu ở miền Pho Banh-jê (Fort-Binger) có truyện *Sự tích núi thần*:

Ở vùng núi Ni-ê-nô-cu-ê (Niénokoué) bây giờ, lúc đó còn là một miền đồng bằng dân cư sinh tụ đông đúc. Một hôm tự nhiên thấy có một con voi chết, tất cả mọi người đua nhau đến đó xẻ thịt nấu nướng ăn với nhau.

Trong khi ai nấy đang chăm chú ăn thịt voi thì chợt có một bà già ở đâu đi đến xin một miếng thịt. Họ đều lắc đầu từ chối, có người lại xô đẩy không cho bà già len vào. Duy chỉ có một chàng trai tên là U-ô-rô (Ouoro) lấy giấu cho bà già một miếng thịt.

Đêm hôm đó, bữa tiệc vẫn chưa tàn. Mọi người vẫn xúm quanh xác con voi. Bỗng bà già lén tới, dắt U-ô-rô ra một nơi bảo: "Ta là nữ thần xứ này. Thấy nhà ngươi tử tế, ta bảo cho biết để tránh một tai nạn khủng khiếp. Ngay từ bây giờ nhà ngươi hãy mau lánh khỏi chỗ này, nếu chậm sẽ không

kịp". U-ô-rô chỉ còn biết chạy vội về nhà dắt vợ con cứ nhắm hướng Đông mà chạy miết. Khi anh vừa đi khỏi thì trời giáng mưa như trút, liên miên không ngớt. Nước dâng lên rất cao, khắp miền ngập lụt. Mọi người đều chết hết, nhà cửa súc vật trôi nổi chả còn một tí gì. Sau khi ngớt cơn mưa lụt, đất ẩm ẩm chuyển động rồi nổi lên một quả núi lớn. Người ta gọi núi ấy là núi thần Ni-ê-nô-cu-ê. Từ xưa đến nay không ai dám lên núi, cũng không ai dám đưa đường cho người nào lên núi cả.

Cũng nên kể thêm dưới đây một vài truyện cắt nghĩa nguồn gốc thần bí của những cái hồ, nhưng với những tình tiết khác nhau và khác các truyện trên. Hai truyện của châu Phi:

Sự tích hồ I-kim-ba của người Hay-a giải thích nguyên nhân sinh ra hồ là do thần Nước trừng phạt sự tò mò của phụ nữ. Ngày xưa có một người đàn bà nổi tiếng hào hiệp vì bất cứ khách nào đến chơi cũng được bà đãi ăn cá ngon. Cá ấy do thần Nước cho tại một cái giếng sau nhà, muốn bao nhiêu cũng có, nhưng phải tuyệt đối giữ bí mật. Một hôm bà đi vắng, con dâu bà vì thiếu thức ăn đãi khách nên lục lọi chỗ giếng bà mẹ chồng thường cấm đoán. Thấy tiết lộ thiên cơ, thần Nước bèn cho nước giếng thần phun lên thành một vòi nước khổng lồ cuốn phăng người, vật. v.v... thành hồ ngày nay [6].

Sự tích hồ Ki-vu của người Công

-gô (Congo) giải thích nguyên nhân sinh ra hồ là do thần trừng phạt người đàn bà không giữ bí mật. Nguyên vùng ấy không có bò đực, thần bèn ban ơn riêng cho hai vợ chồng nhà nọ bằng cách đêm đến cho bò thần xuất hiện truyền giống cho bò cái của họ để tăng đàn gia súc, nhưng phải tuyệt đối giữ kín. Một hôm chồng đi vắng, vợ ở nhà tiết lộ bí mật với nhân tình. Thế

là sau một tiếng nổ kinh khủng, nước phun lên trong chớp mắt thành một hồ nước[7].

Truyện *Cô gái thương người được cứu thoát nạn lụt* do Duy-mu-chiê (Dumoutier) kể trong *Cổ tích truyền thuyết Trung-Việt*:

Một cô gái nhặt được một em bé bị bỏ rơi trong một ruộng dâu. Nàng bế về nhà nuôi trong hai năm, coi như em ruột. Một hôm đứa bé bỗng nói với cô gái: "Cám ơn chị cứu sống bấy lâu. Nay xin mách chị để tránh một tai nạn sắp xảy ra. Khi nào thấy một dòng nước từ dưới cối giã gạo phun lên thì chạy mau về phía Đông mới thoát khỏi". Nói xong em bé biến mất.

Sau đó ít lâu, một hôm cô gái bỗng thấy nước lênh láng cả nhà. Nàng tìm xem thì thấy nước từ dưới cối phun lên mỗi lúc một mạnh. Nhớ lời em bé dặn, nàng bỏ chạy một mạch về phía Đông. Lúc trèo lên một ngọn đồi, nàng ngoảnh cổ lại thì thấy tất cả xóm làng đều ngập thành một hồ nước mênh mông. Sau đó chỉ có một mình nàng là sống sót[8].

Đồng bào Thổ Bắc-cạn kể truyện thần thoại Ông Tài Ngào cũng có nói đến nguồn gốc hình thành hồ Ba-bể:

Có hai ông bà Tài Ngào là nhân vật anh hùng hồi tạo thiên lập địa. Họ có thân thể khổng lồ, tay có thể với lên đến trời. Họ chuyên giúp dân giải quyết những khó khăn trong đời sống. Một hôm trời rét căm căm, hai ông bà định lấy lửa ở mặt trời cho dân chúng sưởi. Nhưng mặt trời đã lên cao quá. Họ cầm một bó nửa khô châm lửa, nhưng dù đã kiễng chân cũng không với tới. Tức mình, họ moi ngay đá dưới đất đắp lên một đống cao, rồi trèo lên quả châm được. Nơi hai ông bà moi đá, ngày nay là hồ Ba-Bể.

Đống đá mà ông Tài Ngào đứng lên châm là núi Pi-a Bi-oóc[9].

-
- [1] Theo *Thực nghiệp dân báo* và lời kể của dân Bắc-cạn, Pò-già-mải hay Pé-già-mải, tiếng Tày có nghĩa là gò bà góa hay biển bà góa.
- [2] Theo *Địa dư các tỉnh Bắc-kỳ*.
- [3] Người Dao gọi Hai-bế là Pé-vài và Pé-nan , gọi Ba-bế là Pé-lù, Pé-lăm và Pé-leng cũng như người Tày.
- [4] Theo *Trịnh thị gia phả* (do Lê Đình Sỹ sưu tầm).
- [5] Theo Mét-tơ-rơ (Maitre), sách đã dẫn và *Truyện cổ Tây-nguyên*.
- [6] Theo tạp chí *Nhân loại* (Anthropos), đã dẫn, XXIV (1929).
- [7] Theo tạp chí *Nhân loại* (Anthropos), đã dẫn, XIV-XV (1919-20).
- [8] Trong *Tạp chí Đông-dương* (1907).
- [9] Theo *Thiên lôi bị đòn*, và theo lời kể của người Bắc-cạn.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

28. SỰ TÍCH ĐÀM NHẤT-DẠ VÀ BÃI TỰ-NHIÊN

Vua Hùng Vương thứ ba có một nàng công chúa rất xinh đẹp. Người ta nói thuở mới lọt lòng, nàng được các bà tiên tô điểm, nên về sau mới có nhan sắc như thế. Vì vậy vua đặt tên là Tiên Dung. Vua Hùng là người hay nuông con. Đối với Tiên Dung vua lại càng yêu chiều, muốn gì được nấy.

Nhưng công chúa Tiên Dung chỉ có mỗi một sở thích là đi chơi mọi nơi trong nước. Vua phải sắm cho nàng một chiếc thuyền rất xinh, có đủ mọi người hầu hạ và mọi thức ăn cần dùng. Mỗi năm vào khoảng cuối mùa xuân, chiếc thuyền công chúa bắt đầu xuất phát. Cho đến lúc những con chim hậu điều bay từng đàn ở phía Bắc sang thì công chúa mới trở về nơi cấm cung. Cũng có lúc công chúa quá vui quên cả về, làm cho vua lo lắng. Năm nàng mười tám tuổi, từng có một vài hoàng tử ở các nước láng giềng ngỏ ý muốn được kết duyên nhưng công chúa nhất thiết từ chối. Nàng nói với vua Hùng trong một bữa tiệc:

- Cha à! Con sẽ không lấy chồng đâu!

*

* *

Hồi đó ở Chử-xá có một người đánh cá tên là Chử Cù Vân và con trai là thằng bé Chử. Tuy nghèo, họ vẫn sống vui vẻ trong túp lều dựng trên bãi cát.

Không may một hôm trong khi cha con đi câu vắng, ở nhà lửa bèn cháy sạch chả còn tý gì. Hai cha con chỉ còn một bộ đồ nghề và mỗi một chiếc khố vải đang mặc. Chiếc khố độc nhất ấy dùng để làm vật che thân cho cả hai mỗi lần ra ngoài. Khi người này mang khố thì người kia phải chịu khó cời trường nằm co để đợi đến lượt mình.

Cha con nhà họ Chử hết nạn này đến tiếp nạn khác, Chử Cù Vân thiếu áo, không chịu được lạnh dần dần sinh bệnh. Bệnh của ông mỗi ngày một nặng. Trước còn gắng gượng đi câu được nhưng sau nằm liệt nhà. Một hôm biết mình sắp chết, ông gọi con lại dặn dò mọi việc. Qua hơi thở phều phào ông nói: "Có mỗi một chiếc khố... con giữ mà mặc cứ chôn trần là được rồi". Nhưng thằng bé Chử - sau này người ta gọi là Chử Đồng Tử - rất thương cha, không muốn người cha chết lạnh lẽo. - "Rồi ta sẽ cố kiếm nhiều cá để đổi lấy cái khố khác!". Nghĩ thế, anh quyết định dùng chiếc khố độc nhất đó cuốn cha lại từ đầu đến chân rồi chờ đến nửa đêm, anh đưa đến cồn cao rồi vùi lại.

Từ đó không có cái gì để che thân, Chử Đồng Tử phải làm việc ban đêm. Cứ chiều hôm khi không còn trông rõ mặt người nữa, anh bắt đầu ra bãi câu

cá. Cho đến mờ sáng anh sẽ lội ngấp nửa người, lần mò đến bến đổi cá cho thuyền buôn lấy gạo. Thế rồi lại lội đến bến vắng người, lén về lều của mình nấu ăn và ngủ một giấc đến chiều mới dậy. Rồi lại ăn uống và chuẩn bị đi câu nữa. Đồng Tử đã sống cuộc đời lén lút như thế đã hơn hai năm. Có lúc anh câu được nhiều cá, lúc ít cá không chừng, cũng có lúc không câu được gì cả đành men theo thuyền cá xin ăn. Nhưng chẳng có lúc nào câu được một số cá đủ để đổi lấy một cái khố cả. Vì thế anh cứ chịu trần truồng mãi. Một hôm, Đồng Tử mang cá đi đổi gạo thì chợt có tiếng huyền náo. Mọi người kháo nhau có thuyền của Công chúa sắp tới địa phương. Từ đằng xa, chiếc thuyền sơn hiện ra mỗi lúc một lớn, có quân gia cờ quạt, chiêng trống đàn sáo vang rộng cả một khúc sông. Thấy mọi người đổ ra đường, ra bến đi xem rất đông, Chử Đồng Tử bí lối không về được, Anh đành rúc vào một bụi lau ở bãi rồi bỗng nghĩ ra một kế giấu mình kín hơn là bới cát thành một huyết rồi nằm xuống, tự vui mình lại

Giữa lúc đó thì Tiên Dung sai cấm sào rồi bỏ thuyền lên bộ. Tự nhiên công chúa có ý muốn tắm. Theo lệ thường, người ta quây màn lại một chỗ kín đáo trên đất rồi đun nước thơm vào để công chúa dùng.

Không ngờ chỗ mà bọn thị tỳ quây màn hôm nay lại chính là chỗ mà Đồng Tử vui mình dưới đó. Anh nằm dưới đất chẳng biết gì hết, chỉ nghe có tiếng nện, tiếng chân người giẫm thành thịch và tiếng nước dội rào rào. Cho đến lúc anh toàn thân ướt đẫm cả nước. Rồi chỉ một lúc sau, dòng nước dội hẳn vào người anh. Biết là bại lộ. Đồng Tử ngượng ngùng ngồi nhồm dậy. Công chúa xiết bao kinh ngạc, khi thấy có một người lạ cũng trần truồng như nàng trong màn. Thoạt đầu, Tiên Dung tưởng là ma quái, toan la lên để

bọn quân hầu vào cứu, nhưng thấy người con trai đó chẳng có chút gì là độc ác, nên nàng cố trấn tĩnh, ôn tồn bảo:

- Người là ai? Tại sao lại vùi mình ở đây? Nói mau!

Nghe người trai lạ kể nông nỗi của mình, công chúa rơm rớm nước mắt. Nàng không ngờ trong đất đai của cha nàng trị vì lại có hạng người đói khổ đến nỗi không có lấy một mẫu vải che thân.

Cảm lòng chí hiếu của người con trai trước mặt, Tiên Dung nói một mình: - "Những người thế này chưa chắc bọn con trai trong thiên hạ đã sánh kịp!". Bỗng chốc nàng đưa gáo cho Đồng Tử:

- Thôi anh tắm rửa rồi đi nhé. Lạ thật! Chắc có trời!

Bọn thị tỳ và lính tráng hôm đó rất lấy làm sửng sốt vì thấy từ trong màn bước về thuyền không phải chỉ một mình công chúa mà là hai người và người thứ hai lại không phải là nữ mà là một chàng trai khỏe đẹp. Nàng bèn sai lấy một bộ võ phục của một viên quan hầu cho Đồng Tử mặc. Bấy giờ trước mặt mọi người, công chúa thẳng thắn kể cuộc gặp gỡ kỳ dị lúc nãy rồi nói:

- Người này sẽ là chồng tôi!

Nghe thế. Chử Đồng Tử đỏ mặt:

- Tôi không dám, không dám.

Nhưng Tiên Dung bảo:

- Tôi vốn không có ý định lấy chồng. Nay tình cờ gặp gỡ thế này chắc có Trời xui.

Tất cả đều theo ý Tiên Dung. Duy có hai viên quan hầu và một số thị tỳ, lính tráng không cho là cuộc phối hợp tốt đẹp. Nhưng thấy công chúa táo bạo lại thường được vua chiều chuộng cho nên cuối cùng họ cũng không dám cản. Và rồi hôn lễ cử hành ngay trên sông, có một số bô lão địa phương tới dự.

*

* *

Nhưng khi tin bản về cung, vua Hùng không ngăn được cơn giận dữ. Vua bảo quần thần:

- Thà nó không có chồng còn hơn. Thực là đốn mạt! Tại sao nó không chịu hỏi ta. Thôi từ nay nhất thiết cấm cửa. Hễ nó vác mặt về Phong-châu thì cho phép Lạc tướng chém chết trước, tâu sau.

Thuyền của Tiên Dung vừa nhổ neo ra về thì một người em gái của nàng đã lên sai một người đầy tớ trung thành, hỏa tốc báo tin không hay đó cho

nàng biết. Nàng nhận tin với một vẻ lo ngại. Nàng đã biết tính vua cha khi thương thì thương rất mực mà khi giận cũng có thể đang tay được. Hai vợ chồng cùng nhau bàn bạc. Cuối cùng, nàng hội họp tất cả những người dưới quyền mình lại rồi nói rõ ý định:

- Vua cha nay không thương ta nữa. Vậy vợ chồng ta quyết định không về. Cho các người được về với cha ta và về với bà con làng nước.

Hai vợ chồng từ đó sống một cuộc đời mới. Họ giao thiệp với các thuyền buôn nước ngoài vẫn thường ghé vào để bán hàng và cất hàng. Công cuộc buôn bán của họ mỗi ngày một khá. Chỗ bến sông ấy dần dần trở thành một cái chợ quyen rũ được nhiều người.

Một hôm, Đồng Tử mang vàng theo một khách buôn lớn định ra nước ngoài mua hàng tận gốc để kiếm một số lãi to.

Họ dong buồm đi về phương Nam. Chỉ trong năm ngày đến một ngọn núi giữa biển, gọi là núi Quỳnh-viên, thuyền dừng lại lấy nước ngọt.

Đồng Tử bước lên đất rồi vui chân, anh trèo mãi lên tận đỉnh đảo. Đang say sưa ngắm cảnh, bỗng nhiên Đồng Tử thấy một cái am nhỏ. Trước am có một đạo sĩ ngồi định thần trên một phiến đá. Anh bước tới toan cất tiếng thì người kia đã hỏi trước:

- Thằng bé Chử! Sao lại muộn thế?

Biết là bậc thần dị, anh phủ phục xuống cạnh người người lạ, xin làm đồ đệ.

Khi bọn lái buôn đến am tìm Đồng Tử thì anh trao tất cả vàng cho họ và nói:

- Các bác cứ cầm lấy mà buôn bán. Tôi sẽ ở đây cho đến khi thành đạo.

Đồng Tử hiểu đạo rất chóng. Sư phụ còn dạy cho anh nhiều phép màu nhiệm. Cho đến khi chiếc thuyền buôn trở lại đón, thì anh được sư phụ trao cho một chiếc gậy và một cái nón và bảo:

- Thế là con có thể hạ sơn được. Ta giao cho con những vật này. Tất cả sự linh diệu đều ở đó cả.

Bước xuống thuyền, Đồng Tử không ngờ số vốn của mình hồi trước giờ đây người ta đã làm nảy nở gấp mười. Nhưng nhìn những thoi vàng sáng chói, anh không thấy thích thú như xưa. Những câu chào hỏi, những lời bàn bạc tính toán nhao nhao của các bạn buôn bấy giờ đối với anh đều nhạt nhẽo.

Về đến nhà, Đồng Tử truyền đạo lại cho vợ. Cũng như chồng, Tiên Dung

học đạo rất chóng. Thế rồi một hôm, hai vợ chồng đem tất cả gia sản của mình phân phát cho những người nghèo khổ trong vùng. Mọi người đều lấy làm lạ khi thấy hai vợ chồng công chúa bỏ sự làm ăn đang thịnh để ra đi, không biết là đi đâu.

Hai vợ chồng ngày đêm nghỉ cốt tìm thầy học đạo thêm nữa. Một hôm, trời đã tối, họ đi mãi, rất mệt nhưng vẫn chưa gặp một cái quán nào. Chỗ này không nghe qua một tiếng gà gáy chó sủa. Cuối cùng họ nghỉ lại trên bãi cỏ. Đồng Tử cầm gậy của mình xuống đất rồi úp nón lên che sương. Canh ba đêm hôm đấy, bỗng có tiếng chuyển động dữ dội. Thế là phút chốc họ không phải nằm trên bãi cỏ nữa mà nằm trên một chiếc giường ngọc trong một tòa lầu chần gối êm dịu như nhung. Quần áo của họ mặc là thứ quần áo màu, lấp lánh như vảy bạc.

Khi ra đây hành lang có bao lơn trắng như tuyết, hai vợ chồng mới biết không chỉ có một nhà mà có rất nhiều nhà, nhiều lầu. Ngoài xa xa lại có một bức thành dày ôm lấy khu vực này. Đến đâu cũng có người hầu hạ và quân lính canh gác. Họ ăn bận nhiều màu nhiều kiểu rất đẹp. Tiên Dung hỏi hai thị nữ:

- Đây là chốn nào?

Họ đáp:

- Đây là giang sơn riêng của công chúa như lời ước muốn của người.

Khi hai vợ chồng bước tới chính đường thì một viên quan từ trong tiến ra, giơ cao một mớ sổ sách, quỳ chào họ:

- Xin dâng lên công chúa tất cả mọi vật ở đây!

Hai vợ chồng cùng giở ra xem thì thấy trong đó kê tất cả bao nhiêu lâu đài nhà cửa, bao nhiêu vật dụng linh tinh, bao nhiêu khí giới, v.v... Trong mười gian nhà kho chứa trữ bao nhiêu châu ngọc, vàng bạc, lương thực. Ngoài ra còn kê tên tuổi bao nhiêu viên quan văn võ, bao nhiêu lính tráng, bao nhiêu nô tỳ, v.v... Chồng bảo vợ:

- Thế là từ nay chúng ta làm chủ giang sơn này đây!

Từ đó hai vợ chồng lưu lại vui hưởng một cuộc sống khác trước. Nhân dân quanh vùng nghe đồn hai vợ chồng công chúa có phép tiên xây dựng lâu đài thành quách trong một đêm, nên ai nấy rủ nhau đến xin che chở. Họ lũ lượt mang hoa quả, nếp gạo, gà lợn để làm lễ chào mừng những người chủ mới.

Tiếng đồn thổi mỗi ngày một rộng và sau cùng tới tai Hùng Vương. Mấy tên quân lính do thám về báo cho vua biết nào quân lính đông hàng mấy vạn, nào giáp sắt trống đồng tề chỉnh, nào nhân dân quy phục mỗi ngày một đông, v.v... Chúng quả quyết rằng hai vợ chồng công chúa không có gì hơn là muốn rạch đôi sơn hà với thiên tử.

Hùng Vương từ lâu đã quên Tiên Dung, nay nghe tin báo, tự nhiên lòng giận lại bốc lên bùng bùng. Những lúc như thế mọi người rất lo sợ, người ta thấy các Lạc tướng chuẩn bị ráo riết dường như sắp có một cuộc chiến tranh xảy tới. Trong suốt mười lăm ngày các tay nỏ được lệnh ra sức tập

luyện. Trống đồng được dùng báo hiệu liên miên không nghỉ. Trước khi đoàn quân xuất phát, vua Hùng bước ra cửa điện nói với họ:

- Nó từ lâu là giặc, hoàn toàn không phải là con ta. Các người cố gắng lấy đầu của hai tên giặc về đây sẽ có trọng thưởng.

Nghe tin cáo cấp, tất cả các tướng sĩ bộ hạ của Tiên Dung hội nhau định kế chống lại. Một viên tướng đến trình bày với hai vợ chồng:

- Nếu công chúa muốn, chúng tôi có thể tiêu diệt quân địch trong khoảnh khắc.

Tiên Dung lắc đầu bảo họ:

- Không được. Ta đâu dám cự lệnh vua cha?

Chiều hôm ấy, quân đội của Lạc tướng đã hạ trại ở bên kia bờ sông. Bóng cờ đã thấp thoáng trong lùm cây. Bên này sông trong giang sơn của công chúa vẫn chưa có lệnh chuẩn bị. Quân canh trên mặt thành luôn luôn đưa tin mới cho hai vợ chồng. Nhưng họ vẫn thản nhiên tươi cười. Cũng như lệ thường, đêm hôm nay họ vẫn ngủ trên chiếc giường ngọc.

Khoảng canh ba, bỗng có tên quân vào báo tin rằng cầu phao bên địch đã bắc xong và hiện nay họ đang nấu ăn. Hai vợ chồng ngồi dậy cùng hướng mặt trời lên. Thế là một trận bão vụt lên, mỗi lúc một dữ dội. Đồng thời đất chuyển động âm ầm. Gió xoáy một cách kinh khủng đến nỗi có thể bốc tất cả mọi cái trên mặt đất ném đi một nơi khác.

Sáng hôm sau, nhân dân quanh vùng cũng như quân đội vua Hùng đều thấy

một sự lạ chưa từng có. Bão đã tạnh từ lâu nhưng thành quách của công chúa, kể cả cung điện, nhà cửa, quân gia, súc vật, đồ dùng đều bay đâu mất cả không còn sót một tí gì. Giữa đó một cái đầm rộng mênh mang, đầy nước trắng xóa. Duy chỉ có cái nền cung của hai vợ chồng công chúa thì vẫn còn. Người ta gọi cái đầm ấy là đầm Một-đêm (Nhất-dạ) và cái nền ấy là bãi Tự-nhiên. Về sau trên cái nền ấy, người ta có lập miếu thờ hai vợ chồng Chử Đồng Tử[1].

[1] Theo *Lĩnh-nam chíh quái*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
29. SỰ TÍCH ĐÀM MỤC

Ngày ấy vào đời nhà Trần có một cụ đồ nho ở xã Quang-liệt tên là Chu An. Học vấn của cụ sâu và rộng. Cũng vì tiếng tăm của cụ truyền khắp mọi nơi nên học trò xa gần đến học rất đông.

Về sau nhà vua nghe tiếng, vời cụ về kinh giao cho trông nom trường Quốc tử và dạy thái tử học. Cụ để nhà lại cho vợ con rồi đi nhậm chức. Nhưng được hơn một năm đã thấy cụ chống gậy trở về. Cụ bảo mọi người rằng:

- Ta không thể chịu được bảy tên quyền thần dối vua hại nước!

Từ đó người ta thấy cụ trở lại nghề dạy học. Lần này những người đến xin "Nhập môn" đông vô kể. Cả một cái gò cao ở xóm Văn phải dựng thêm ba bốn mái nhà nữa mới đủ chỗ để chứa học trò. Nhà trong xóm chật ních những anh đồ nho, đủ mặt người kinh, người trại. Đó là chưa kể những người ở quanh vùng hàng ngày cơm đùm cơm gói đi về học tập.

Trong số học trò của cụ có hai anh em con vua Thủy. Nghe tiếng cụ đồ, vua Thủy cũng cho con lên học. Ngày ngày hai anh em đến bờ sông trút lốt thường luồng ở nước rồi lên đất, nói năng, cử chỉ không khác gì người trần.

Một hôm cụ đồ đang chấm bài thì anh trưởng tràng đến kể cho biết rằng sáng hôm nay, khi chưa rõ mặt người, anh có việc đi chợ huyện đến cầu Bưà tình cờ dưới sông có hai người đi trên mặt nước tiến vào bờ:

- Đúng là hai anh em nhà Gàn thầy ạ! Con đầu tiên sợ nhưng cũng cố đi theo. Quả nhiên họ vào đây. Thầy bảo bây giờ nên làm thế nào?

Cụ đồ gật gù đáp:

- Con cứ để yên mặc họ, con ạ! Nếu là quỷ thần mà họ chuộng đạo thánh hiền thì lại càng hay chứ sao!

*

* *

Năm ấy vùng Thanh-đàm trời làm đại hạn. Suốt từ cuối năm ngoái cho đến tháng Hai năm nay không có lấy một giọt mưa. Đồng ruộng nứt nẻ. Mấy đám lúa, đám ngô cứ héo dần. Thấy mọi người nhao nhác, cụ đồ sốt ruột không kém.

Một chiều kia sau buổi học, cụ đồ lưu hai anh em chàng Gàn ở lại rồi bảo:

- Thầy muốn các con thương đến dân một chút.

Hai anh em là bộ ngơ ngác không nói gì. Thấy họ còn giấu mình, ông cụ nói:

- Các con bất tất phải giấu. Thầy đã biết cả. Bây giờ đây chỉ có các con là cứu được dân sự. Các con hãy làm mưa cho họ nhờ.

Hai anh em đưa mắt nhìn nhau, hồi lâu bảo cụ:

- Dạ, nhưng hiểm vì sông hồ đều có lệnh "phong bế" cả thì lấy đâu ra nước bây giờ.

Ông cụ khẩn khoản:

- Các con nghĩ thử xem có thể lấy nước ở đâu được không. Không cứu được nhiều thì ta hẵng tạm cứu ít vậy!

Hai anh em ngần ngừ hồi lâu rồi chỉ vào nghiên mực đặt trên án thư, bảo cụ đồ:

- Dạ, oai trời thì rất nghiêm nhưng lời của thầy thì rất trọng. Chúng con xin vâng lời thầy. Chúng con sẽ dùng nước ở nghiên mực này tạm thấm nhuần trong một vùng vậy.

Cụ đồ mừng rỡ chạy lại án thư bê cái nghiên mực lớn còn đầy mực và cả quản bút lông của mình thường dùng, đưa cho họ. Hai anh em đỡ lấy rồi cả ba người cùng tiến ra bờ sông. Đến nơi họ xắn ống tay áo rồi sau đó em bưng nghiên mực, anh cầm quản bút nhúng mực vẩy lên trời nhiều lần. Đoạn họ vứt cả nghiên lẫn bút xuống nước, cúi vái cụ đồ rồi biến mất.

Đêm hôm ấy quả nhiên mây mù tối tăm rồi mưa một trận như trút. Cụ đồ vừa mừng vừa sợ , suốt đêm chạy ra chạy vào không ngủ. Sáng dậy, điều mà ai nấy đều lấy làm lạ là nước chỉ lênh láng suốt mấy cánh đồng trong vùng Thanh-đàm mà thôi. Hơn nữa sắc nước chỗ nào chỗ nấy đều đen như mực. Trận mưa đêm hôm đó quả cứu vớt được biết bao nhiêu là ruộng lúa, ruộng ngô và các hoa màu khác. Dân trong vùng Thanh-đàm lại vui vẻ như xưa.

Nhưng trong lúc đó ở thiên đình, các thiên thần đều lấy làm lạ về một trận mưa bất ngờ. Ngọc hoàng nổi giận sai một thiên thần đi bắt cho được thủ phạm trị tội. Và cả hai anh em đều không thoát được khỏi lưới trời nghiêm ngặt: cả hai đều rơi đầu dưới lưới búa của thần sét.

Xác của họ hiện nguyên hình là hai con thuồng luồng song đầu một nơi mình một nẻo, giạt vào gập cầu Bư. Cụ đồ nghe tin rất thương xót. Cụ khóc và cụ bắt tất cả học trò đưa đám chôn hai con thuồng luồng. Khăn áo hôm ấy trắng phau cả một bờ sông. Xác hai con vật được chôn cất một cách tử tế ở bên trên cầu và cũng đắp thành nấm như mộ của người.

Cái nghiên mực của cụ đồ Chu An sau đó trôi về làng Quỳnh-đô làm đen cả nước cái đầm ấy, ngày nay người ta vẫn quen gọi là đầm Mực. Còn quản

bút thì trôi về làng Tó cho nên cho nên các cụ thường truyền rằng nhờ thế làng Tó tức làng Tả Thanh-oai bây giờ mới có lắm người học hành đỗ đạt. Còn chỗ ngôi mộ hai con quái vật tức hai anh em thường luồng sau đó người ta lập miếu thờ ngày nay còn có tên là miếu Gàn[1].

KHẢO DỊ

Theo Duy-mu-chiê (Dumoutier) trong *Cổ tích truyền thuyết Trung-Việt* thì truyện trên xảy ra vào đời Sĩ Nhiếp:

Hai người con thần Mưa thường đến học ở nhà trường Sĩ Nhiếp ở Tam-á (Bắc-ninh). Một hôm trời nóng đến nổi tất cả mọi người trong trường đều khó chịu. Vì thầy và bạn kéo nài mãi nên hai người con thần Mưa trộm phép cha gọi mưa xuống và trời quả nhiên mưa thật. Ngọc Hoàng thượng đế thấy vậy nổi giận ra lệnh xử tử ngay hai người con thần Mưa. Hai cái đầu rơi xuống làng Tiên-liệt. Ở đây, người ta đắp mộ xây đền và thờ làm Thành hoàng.

[1] Theo *Thần tích* và báo *Tri tân* (1944).

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

30. SỰ TÍCH SÔNG NHÀ-BÈ HAY LÀ TRUYỆN THỦ HUỒN

Ngày xưa ở Gia-định có một người tên là Thủ Huồn. Hắn xuất thân làm thợ lại. Trong hơn hai mươi năm luồn lọt trong các nha các ti, hắn đã làm cho bao nhiêu gia đình tan nát, bao nhiêu người bị oan uổng; do đó hắn đã vợ vét được bao nhiêu là tiền của. Vợ hắn chết sớm lại không có con cho nên tiền bạc của hắn không biết tiêu đâu cho hết. Ngoài số chôn cất, hắn đem tiền tậu ruộng làm nhà. Ruộng của hắn cò bay thẳng cánh, mỗi mùa thu hoạch kể hàng ngàn "giạ" lúa.

Khi thấy cuộc sống quá thừa thãi, hắn bèn thôi việc về nhà, sống một cuộc đời trưởng giả.

Một hôm, có người mách cho Thủ Huồn biết chợ Mạnh-ma ở Quảng-yên là chỗ người sống và người chết có thể gặp nhau. Muốn gặp người chết, người sống phải chờ đến mồng một tháng Sáu, mang một món hàng vào chợ hồi nửa đêm mà đi tìm. Thủ Huồn là người rất yêu vợ. Tuy vợ chết đã ngoài mười năm nhưng hắn vẫn không lúc nào quên. Hắn bèn giao nhà lại cho người bà con rồi làm một chuyến du lịch ra Bắc, mong gặp lại mặt vợ cho thỏa lòng thương nhớ bấy lâu.

Khi gặp vợ, Thủ Huồn không dám hỏi vì thấy vợ ăn mặc rất đài các. Sau cùng người đàn bà ấy cũng nhận ra được. Thủ Huồn mừng quá vội dắt vợ ra một chỗ kể cho vợ nghe cảnh sống của mình từ lúc âm dương cách biệt. Rồi hắn hỏi vợ:

- Mình lâu nay làm gì?

- Tôi làm vú nuôi trong cung vua. Cuộc đời của tôi không có gì đáng phàn nàn. Tôi có một gian nhà riêng trong hoàng cung, cái ăn cái mặc được chu cấp đầy đủ.

Hắn nói:

- Tôi nhớ mình quá. Tôi muốn theo mình xuống dưới ấy ít lâu có được không?

- Đi được. Nhưng chỉ trong vài ngày là cùng, nếu quá hạn sẽ nguy hiểm.

Thủ Huồn và vợ cùng đi. Qua mấy dặm đường tối mịt, chả mấy chốc đã đến cỏi âm. Hắn rùng mình khi lọt qua bao nhiêu cổng trước lúc vào thành nội, qua những tên quỷ gác cổng có những bộ mặt gớm ghiếc. Nhờ có vợ nên chỗ nào cũng vào được trót lọt. Đến một gian nhà thấp, vợ bảo chồng:

- Đây là nhà bếp, đằng kia là nhà ngục, trước mặt là cung hoàng hậu, chỗ tôi túc trực hàng ngày. Qua khỏi đây là cung vua. Cứ ẩn tạm trong buồng vắng này vì không thể lên buồng tôi trên kia được. Tôi sẽ kiếm cách cho chàng đi xem một vài chỗ, nhưng rồi phải về ngay.

Chiều hôm đó người vợ về trao cho Thủ Huồn một mảnh giấy phép và nói:

- Chỉ có cung vua và cung hoàng hậu thì đừng có vào còn mọi nơi khác chàng cứ đi xem cho thỏa thích.

Hắn lượn mấy vòng xung quanh nhà bếp rồi tiện chân đến nhà ngục. Chưa lọt khỏi cổng mà những tiếng kêu khóc, tiếng la hét ở phía trong làm cho

hắn bồn chồn. Qua mấy phòng chuyên mổ bụng, móc mắt, cắt tay, v.v... hắn thấy đây quả là nơi hành hạ tội nhân kinh khủng, đúng như lời đồn ở trên trần thế.

Sau cái bàn xẻo thịt là cả một kho gông. Trong đó có một cái gông đặc biệt: nó vừa to vừa dài, làm bằng những thanh gỗ nặng như sắt. Thủ Huồn lân la hỏi người cai ngục:

- Thứ gông này để làm gì?

- Để chờ một thằng ác nghiệt ở trần xuống đây. Bao nhiêu những cái gông trong này đều đã có chủ cả. Cứ xem gông to hay nhỏ thì biết tội ác của nó.

Thủ Huồn lại hỏi:

- Thế cái thằng sẽ đeo cái gông vừa to vừa dài đó là ai?

Lão cai ngục thủng thỉnh giở một cuốn sách vừa to vừa dày chỉ vào một hàng chữ, đọc: "Hắn là Võ Thủ Hoảng [1] tức là Thủ Huồn". Rồi nói tiếp:

- Thằng cha đó ở Đại-nam quốc, Gia-định tỉnh, Phúc-chính huyện...

Nghe nói thế, Thủ Huồn giật mình mặt xám ngắt. Nhưng hắn vẫn giữ được vẻ bình tĩnh. Hắn hỏi thêm:

- Thế nào? Hắn có tội gì?

Lão cai ngục mắt vẫn không rời quyển sách.

- Khi làm thơ lại hẩn bẻ mặt ra trái làm bao nhiêu việc oan khốc đến nỗi tội ác của hẩn đen kín cả mấy trang giấy đây. Nay nghe tôi đọc này: năm Ất Sửu hẩn sửa hai chữ "ngộ sát" thành "cố sát" làm cho hai mẹ con thị Nhân bị chết để cho người anh họ chiếm đoạt gia tài. Việc này Thủ Huồn được mười nén vàng và mười nén bạc, một trăm quan tiền. Cũng năm đó, hẩn làm cho ông Ngô Lai ở thôn Bình-ca bị hai mươi năm tội đồ chỉ vì trong nhà có cái áo vải vàng, để đoạt không của ông ta mười hai mẫu ruộng. Năm...

Thủ Huồn tái mặt, không ngờ mỗi một cái cất tay động chân của mình trên kia, dưới này đều rõ mồn một. Hẩn ngắt lời đánh trống lảng.

- Thế vợ hẩn có cùng đeo gông không hở ông?

-Ồ! Ai làm người ấy chịu chứ! Vợ hẩn nghe đâu là người tốt đã xuống đây rồi.

Thủ Huồn lại hỏi gặng:

- Ví thử hẩn muốn hỏi cái thì phải làm thế nào?

Lão cai ngục hạ sách xuống bàn, đáp:

- Đã vay thì phải trả! Nếu hẩn muốn thì phải đem những thứ của cải cướp giật được đó bố thí và cúng lễ cho hết đi.

Từ biệt lão cai ngục và những hình cụ khủng khiếp, Thủ Huồn không còn bụng dạ nào để đi xem nơi khác nữa. Vợ thấy chồng đòi về, lại đưa chồng

ra khỏi hoàng cung của Diêm vương và ra khỏi mấy dặm đường tối tăm mù mịt. Lúc sắp chia tay hăn bảo vợ:

- Tôi về trang trải công nợ có lẽ ba năm nữa tôi lại xuống. Mình nhớ lên chợ đón nghe!

Về tới Gia-định. Thủ Huồn mạnh tay bố thí. Hăn tập hợp những người nghèo khó trong vùng lại, phát cho họ tiền, lúa. Hăn đem ruộng đất của mình cúng cho làng, cho chùa, chia cho họ hàng thôn xóm. Hăn mời hầu hết sư, sãi các chùa gần vùng tới nhà mình cúng đơm, tốn kém kể tiền vạn. Người ta lấy làm lạ không hiểu tại sao một tay riết róng như hăn bây giờ trở nên hào phóng một cách lạ thường. Ai xin gì được nấy. Có những người trước chửi hăn bây giờ lại đâm ra thương hại hăn. Nhiều người bảo nhau: - "Thứ của vô nhân bất nghĩa ấy không trước thì sau thế nào cũng dội nón ra đi mà thôi!" hay là: - "Có lẽ hăn không con, biết đẻ của cũng chả làm gì nên tự làm cho vợ bớt". Thủ Huồn có nghe rất nhiều lời đàm tiếu về mình, nhưng hăn chẳng nói gì sất, cứ việc quăng của không tiếc tay.

Cứ như thế sau ba năm, Thủ Huồn tính ra đã phá tán được ba phần tư cơ nghiệp. Nhớ lại lời hẹn, hăn lại khăn gói ra Bắc tìm đến chợ Mạnh-ma. Ở đây, hăn dễ khéo được vợ cho hăn xuống thăm côi âm một lần nữa.

Khi trở lại nhà ngục. Thủ Huồn thấy quang cảnh vẫn như cũ. Lão cai ngục vẫn là lão cai ngục ba năm về trước. Cách bố trí y hệt như xưa: cũng có nơi mổ bụng, nơi móc mắt, cắt tay: v.v... Duy chỗ để gông thì có ít nhiều thay đổi. Bên cạnh những cái vẫn còn nguyên hình như xưa thì lại có những cái trước bé nay đã lớn lên, có cái trước lớn, nay nhỏ hăn đi. Đặc biệt cái gông mà Thủ Huồn chú ý nhất thì bây giờ đã rút ngắn lại tuy vẫn còn to và dài hơn các thứ gông thường một tý. Hăn lân la hỏi lão cai ngục:

- Cái gông để ở nơi này trước kia tôi nhớ hình như to lắm thì phải.

- Đúng đấy! Lão đáp. Có lẽ gần đây ở trên dương thế thằng cha ấy đã biết chuộc lỗi nên nó đã nhỏ lại. Nếu hăn gắng hơn nữa, thì rồi sẽ có phúc lớn.

Thủ Huồn lại lên đất, trở về Gia-định. Hăn lại làm tiếp công việc bố thí và cúng dàng. Lần này hăn bán hết tất cả những gì còn sót lại, kể cả nhà của mình. Hăn đến Biên-hòa dựng một ngôi chùa lớn để cúng Phật. Hăn xuôi sông Đồng-nai để làm một việc nghĩa cuối cùng. Hồi đó ở ngã ba sông Đồng-nai và sông Gia-định việc đi lại rất bất tiện. Cũng vì thế mà bên kia sông Đồng-nai người ta còn ngần ngại chưa dám di cư sang để sinh cơ lập nghiệp.

Thủ Huồn liền quyết định ở lại đây. Hăn kết một cái bè lớn, trên bè có nhà ở, có đủ chỗ nghỉ, có sẵn nồi niêu, đồ dùng và tiền gạo. Những thứ ấy hăn dùng để tiếp rước những người qua lại, nhất là những người nghèo khó. Hăn cho họ trú ngụ tại bè của mình kể năm ba ngày, người một đôi tháng mà không lấy tiền. Hăn làm công việc đó mãi cho đến ngày xuống âm phủ thật sự.

*

* *

Sau đó khá lâu, có lần một ông vua tên là Đạo Quang bên Trung-quốc lúc mới lên ngôi có cho sứ sang Việt-nam hỏi lai lịch một người ở Gia-định. Số là khi nhà vua mới sinh, người ta thấy trong lòng bàn tay vua có mấy chữ: "Đại-nam, Gia-định, Thủ Hoằng", nên nhà vua cần biết rõ gốc gác Thủ Hoằng là ai. Sau khi sứ giả cho biết rõ lai lịch Thủ Huồn, vua Trung-quốc có cúng vào ngôi chùa Biên-hòa ba pho tượng vàng. Do việc đó người ta bảo Thủ Huồn nhờ thành thực hối lỗi, chẳng những làm tiêu mất cái gông chờ hăn ở coi âm, mà còn được Diêm vương cho đi đầu thai làm vua Trung-quốc.

Ngày nay, một ngôi chùa ở Biên-hòa còn mang tên là chùa Thủ Huồn: chỗ ngã ba sông Đồng-nai và Gia-định còn gọi là sông Nhà-bè để kỷ niệm lòng tốt của Thủ Huồn đối với khách hộ hành Nam Bắc qua con sông đó [2]. Có câu tục ngữ:

Nhà bè nước chảy phân hai,

Ai về Gia-định Đồng-nai thì về.

KHẢO DỊ

Truyện trên giống với truyện *Người đi dạo âm phủ* cũng do Jê-ni-bren (Génibrel) sưu tập:

Có hai vợ chồng một người ở Nam-định, nhà giàu có lớn. Họ sinh được một cô con gái rất xinh và khôn ngoan tên là Trần Thị Xuân. Đặc biệt là mỗi bàn tay có sáu ngón. Không may năm nàng mười ba tuổi thì bị lên đậu trời mà chết. Thương nhớ con gái, hai vợ chồng không thiết làm ăn gì nữa. Nghe nói ở Quảng-yên có chợ Mạnh-ma, ở đấy dương gian và âm phủ có thể gặp nhau được, hai vợ chồng bèn tìm đến, mong được gặp con. Họ có mang theo một cái quả bằng bạc sấm cho cô gái lúc còn sống. Nhằm ngày mồng một tháng Sáu họ đến chợ giả bày hàng ra bán. Lát sau, người con gái đến hàng mua trầu, trông thấy cái quả của mình liền hỏi chuyện. Cha mẹ nhận ra con nhờ có bàn tay sáu ngón của cô và được con mời đi dạo cảnh âm phủ.

Chồng của cô là một viên quan giám thành, đưa cha mẹ vợ đi coi các cửa ngục. Khi đến cửa thứ nhất, hai vợ chồng thất kinh thấy tên tuổi của họ có yết ở cửa ngục. Họ vội hỏi chàng rể tại sao có tên yết ở cửa, thì hăn bảo: - "Hai người đó ở dương gian cho người ta vay nợ một lớp vốn năm bảy lớp lời làm cho người ta phải bán vợ đợ con nên yết lên để chờ làm tội". Hai vợ chồng lại hỏi: - "Vậy chúng nó muốn khỏi tội thì phải làm thế nào?" - "Phải làm chay bố thí cho hết của đó, mới mong khỏi được". Trở về làng cũ hai vợ chồng dốc của cải ra đốn sư làm chay và mạnh tay bố thí. Sau khi hết của họ lại lần mò ra chợ Mạnh-ma tìm con gái và định đòi xuống âm phủ xem thế nào. Nhưng cô gái vừa gặp cha mẹ đã bảo: - "Cha mẹ đã sạch tội rồi, không còn thấy tên ở cửa ngục nữa. Vậy chả cần xuống làm gì".

Cả hai truyện trên có lẽ chịu ảnh hưởng từ một số Phật thoại ngoại lai trong đó có truyện *Mục Liên thăm mẹ ở địa ngục* khá phổ biến ở Việt-nam (xem cuối truyện số**19**).

Phần cuối truyện Thủ Huồn tương tự với *Sự tích sư ông Huyền Chân* và *Truyện bà Hiếu*.

Sự tích sư ông Huyền Chân: Xưa, ở chùa Quang-minh, xã Hậu-bồng (Hải-dương) có một hòa thượng nổi tiếng chân tu. Lúc về già, Phật Di-đà hiện lên báo mộng rằng: -"Nhà người có công với đạo Phật, kiếp sau sẽ cho giáng sinh làm vua Trung-quốc". Khi hòa thượng chết, đệ tử vâng lời thầy viết vào vai mấy chữ "Hòa thượng Huyền Chân chùa Quang-minh".

Về sau có lần sứ bộ Việt-nam sang Trung-quốc. Khi yết kiến, chánh sứ Nguyễn Tự Cường được vua Minh Hy Tông cho biết là mình sinh ra trên vai có mấy chữ, rửa mấy cũng không sạch, không biết đầu đuôi vì sao. Nguyễn Tự Cường về dò hỏi mới biết câu chuyện sư Huyền Chân, vội mang nước giếng chùa Quang-minh sang cho vua Trung-quốc. Kết quả, nước rửa đến đâu chữ mất đến đấy [3].

Truyện bà Hiếu: Ở làng Linh-chiếu Đông (Gia-định) có người đàn bà tên là Hiếu nhà giàu, không có con cái. Bà bèn lập chùa Hòa-nghiêm bao vây một khoảng đất rộng để cho kẻ nghèo chôn cất làm phúc. Nhờ có công đức đó nên khi chết được đầu thai làm con gái vua Trung-quốc. Công chúa khi đẻ ra có chữ son "Gia-định, Linh-chiếu Đông, chùa Hoa-nghiêm" vua Trung-quốc cho là sự lạ, gửi giấy sang hỏi bên ta. Sau đó vua sai cúng vàng bạc vào chùa và xin đưa bài vị sang để thờ. Làng không chịu, chỉ làm một bài vị khác đưa sang cho vua Trung-quốc [4].

-
- [1] Theo Trương Quốc Dụng trong *Thoái thực ký văn*.
- [2] Theo Jê-ni-bren (Génibrel), sách đã dẫn, và tham khảo *Thơ ông Thủ Huồn* của Nguyễn Hữu Răng.
- [3] Theo Vũ Phương Đề. *Công dư tiếp ký*.
- [4] Theo Lăng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

31. TẠI SAO SÔNG TÔ-LỊCH VÀ SÔNG THIÊN-PHÙ HẸP LẠI?

Ngày xưa về đời nhà Lý có một ông vua bị bệnh đau mắt. Mấy ông thầy thuốc chuyên môn chữa mắt ở trong kinh thành cũng như ngoài nội đều được vời vào cung chạy chữa, trong số đó cũng có những tay lương y nổi tiếng, nhưng tất cả mọi cố gắng đều vô hiệu. Cặp mắt của vua cứ sưng húp lên, đêm ngày nhức nhối rất khó chịu. Đã gần tròn hai tháng vua không thể ra điện Kính-thiên coi chầu được. Triều đình vì việc vua đau mà rối cả lên. Những cung giám chạy khắp nơi tìm thầy chạy thuốc, và lễ bái các chùa đền nhưng mắt của thiên tử vẫn không thấy bớt.

Một hôm có hai tên lính hầu đưa vào cung một ông thầy bói từ núi Vân-mộng về. Ông thầy chuyên bói dịch nổi tiếng trong một vùng. Sau khi gieo mấy đốt cỏ thi, ông thầy đoán:

- Tâu bệ hạ, quẻ này có tượng vua rất linh nghiệm. Quả là bệ hạ bị "thủy phương càn tuất" xuyên vào mắt cho nên bệnh của bệ hạ không thể bớt được, trừ phi trấn áp nó đi thì mới không việc gì.

Vua bèn sai hai viên quan trong bộ Lễ đi về phía Tây bắc kinh thành. Thuở ấy ở phía Tây bắc thành Thăng-long có hai con sông nhỏ: Tô-lịch và Thiên-phù đều hợp với nhau để thông ra sông Cái ở chỗ cứ như bây giờ là bến Giang-tân. Họ tới ngã ba sông dựng đàn cúng Hà Bá để cầu thần về bệnh của hoàng đế. Đêm hôm đó, một viên quan ăn chay sẵn nằm trước đàn cầu

mộng. Thần cho biết: đến sáng tinh sương ngày ba mươi cho người đứng ở bên kia bến đò, ai đến đó trước tiên lập tức bắt quăng xuống sông phong cho làm thần thì trấn áp được.

Nghe hai viên quan tâu, vua lập tức sai mấy tên nội giám chuẩn bị làm công việc đó. Một viên đại thần nghe tin ấy khuyên vua không nên làm việc thất đức: nhưng vua nhất định không nghe. Con mắt của hoàng đế là rất trọng mà mạng của một vài tên dân thì có đáng kể gì. Hơn nữa sắp sửa năm hết tết đến, việc vua đau mắt sẽ ảnh hưởng nhiều đến những nghi lễ long trọng và quan hệ của triều đình.

Ở làng Cảo thuộc về tả ngạn sông Tô hồi ấy có hai vợ chồng làm nghề bán dầu rong, người la vẫn quen gọi là ông Dầu bà Dầu. Hàng ngày hai vợ chồng buổi sáng đưa dầu vào thành bán, buổi chiều trở ra: vợ nấu ăn, chồng đi cất hàng.

Hôm đó là ngày ba mươi tháng Một, hai vợ chồng định bụng bán mẻ dầu cho một số chùa chiền vào khoảng cuối năm, người ta cần dùng nhiều dầu để thắp Tết. Họ dậy thật sớm chồng gánh chảo vợ vác gáo cùng rảo bước đến ngã ba Tô-lich - Thiên-phù. Đến đây họ vào nghỉ chân trong chòi canh đợi đò. Đường vắng tanh vắng ngắt chưa có ai qua lại. Nhưng ở trong chòi thì vẫn có hai tên lính canh đứng gác. Vừa thấy có người, chúng liền từ trong xó tối xông ra làm cho hai vợ chồng giật mình. Họ không ngờ hôm ấy

lại có quân cấm vệ đứng gác ở đây. Tuy thấy mặt mũi chúng hung ác, nhưng họ yên tâm khi nghe câu hỏi của chúng:

- Hai người đi đâu sớm thế này?

Họ cứ sự thật trả lời. Họ có ý phân bua việc bán dầu hàng ngày của mình chỉ vừa đủ nuôi miệng. Nhưng chúng cứ lân la hỏi chuyện mãi. Chúng nói:

- À ra hai người khổ cực như thế đó. Vậy nếu có tiền thừa thãi thì hai người sẽ thích ăn món gì nào. Nói đi! Nói đi, rồi chúng tôi sẽ kiếm cách giúp cho.

Thấy câu chuyện lại xoay ra như thế, ông Dầu bà Dầu có vẻ ngạc nhiên. Nhưng trước những lời hỏi dồn của chúng, họ cũng phải làm bộ tươi cười mà trả lời cho qua chuyện:

- Tôi ấy à? Người chồng đáp. Tôi thì thấy một đĩa cơm nếp và một con gà mái ghẹ là đã tuyệt phẩm.

Người vợ cũng cùng một ý như chồng nhưng có thêm vào một đĩa bánh rán là món bà ấy thèm nhất.

Thấy chưa có đồ, hai vợ chồng lấy làm sốt ruột. Nói chuyện bài này mãi biết bao giờ mới vào thành bán mẻ dầu đầu tiên cho chùa Vạn-thọ được. Hai người bèn bước ra nhìn xuống sông. Hai tên lính từ nãy đã rình họ, bây giờ sẽ lén đến sau lưng, thành linh bịt mắt họ và lôi đi sềnh sệch. Họ cùng

van lên: - "Lạy ông, ông tha cho chúng cháu, chúng cháu chẳng có gì". Nhưng hai thằng khốn nạn chẳng nói chẳng rằng, cứ cột tay họ lại và dẫn đến bờ sông. Chúng nhấc bổng họ lên và cùng một lúc ném mạnh xuống nước. Bọt tung sóng vỗ. Và hai cái xác chìm ngấm. Rồi đó, hai thằng cầm cổ chạy.

*

* *

Lại nói chuyện mắt vua sáng mồng một tháng Chạp tự nhiên khỏi hẳn như chưa từng có việc gì. Nhưng ông Dầu bà Dầu thì căm thù vô hạn. Qua hôm sau: hai tên cấm vệ giết người không biết vì sao tự treo cổ ở gốc đa trong hoàng thành. Rồi giữa hôm mồng một Tết, lão chủ quán bên kia Giang-tân phụ đồng lên giữa chùa Vạn-thọ nói toàn những câu phạm thượng. Hắn nói những câu đứt khúc, nhưng người ta đều hiểu cả, đại lược là: - "Chúng ta là ông Dầu bà Dầu đây... Chúng mày là quân man rợ bạc ác, chúng mày là quân giết người lương thiện... Chúng mày sẽ chết tuyệt chết diệt... họ Lý chúng mày sẽ không còn một mống nào để mà nối dõi... Chúng tao sẽ thu hẹp hai con sông Tô-lich và Thiên-phù lại... Chừng nào bắt đầu thì chúng mày đừng hòng trốn thoát...".

Những tin ấy bay về đến tai vua làm cho nhà vua vô cùng lo sợ. Vua sai lập một cái đền thờ ở trên ngã ba Giang-tân và phong cho hai người làm phúc thần. Mỗi năm cứ đến ba mươi tháng Một là có những viên quan bộ Lễ được phái đến đấy cúng ông Dầu bà Dầu với những món ăn mà họ ưa thích.

Nhưng đúng như lời nguyện của ông Dầu bà Dầu, ngôi báu nhà Lý chẳng bao lâu lọt về tay nhà Trần. Dòng họ Lý quả nhiên chết tuyệt chết diệt, đến nỗi chỉ người nào đổi qua họ Nguyễn mới hòng trốn thoát.

Sông Thiên-phù quả nhiên cứ bị lấp dần, lấp dần cho mãi đến ngày nó chỉ còn một lạch nước nhỏ ở phía Nhật-tân. Sông Tô-lich cũng thế: ngày nay chỉ là một rãnh nước bẩn đen ngòm. Duy có miếu thờ ông Dầu bà Dầu thì hàng năm dân vùng Bưởi vẫn mang lễ vật theo sở thích của hai vợ chồng đến cúng lễ vào ngày ba mươi tháng Một[1].

KHẢO DỊ

Truyện kể trên phần nào khác với *Thần tích làng Xuân-cảo* về cái chết của ông Dầu bà Dầu. Hồi ấy vì con sông Thiên-phù, chỗ gặp sông Tô-lich, xói vào góc thành nên theo lời thầy bói, vua cứ hay đau mắt. Muốn chữa thì phải lấp sông nhưng lấp không xong. Thầy bói bảo phải ném người xuống đó thì mới lấp được. Hai vợ chồng Vũ Phục, tức là ông Dầu bà Dầu[2] tình nguyện hy sinh để chữa mắt cho nhà vua. Từ đó mới lấp được cửa sông Thiên-phù.

Một truyền thuyết khác cũng gốc từ thần tích lại kể khác đi như sau:

Đời vua Lý Nhân Tông có lần vua Thủy dâng nước sông Cái lên to tràn cả sông Tô-lich, chảy qua làng Yên-thái và sắp tràn vào cửa thành Đại-la.

Cảnh trôi nổi chết chóc sắp diễn ra thật là nguy ngập. Hôm ấy có hai vợ chồng già, chồng tên là Chiêu, vợ tên là Ứng thấy vậy, bèn chạy ra chỗ nước sắp tràn khẩn với vua Thủy xin dâng mạng mình cho vua Thủy để cứu dân. Đoạn cả hai nhảy ngay xuống giữa dòng chỗ sông Thiên-phù. Vua Thủy được mạng người bèn nguôi giận cho rút nước về. Nhân dân nhờ đó tránh được thảm họa nước lụt.

Để tỏ lòng biết ơn hai vợ chồng, vua sai lập đền thờ ở nơi họ gieo mình và phong làm phúc thần làng sở tại (tức là làng Giấy), lấy tên của họ, gọi tôn là Chiêu Ứng đại vương[3].

32. SỰ TÍCH ĐÁ VỌNG PHU

Ngày xưa, có đôi vợ chồng nghèo sinh được hai mụn con: đứa lớn là trai mười một tuổi, đứa bé là gái lên sáu tuổi. Mỗi lần hai vợ chồng đi làm đồng hay đi đâu vắng, thường để hai con ở lại nhà, dặn anh trông nom em gái. Một hôm trước khi đi làm, người mẹ trao cho hai con một cây mía, bảo con lớn ở nhà chặt cho em ăn và đưa em đi chơi. Thường ngày mẹ vẫn nhắc:

- Con đừng làm em khóc, kéo cha về đánh chết nghe không!

Thằng anh đưa em ra sân cùng em trồng đá bẻ cây làm nhà làm cửa chơi với bạn bè quanh xóm. Chơi chán, anh đưa em vào nhà rồi tìm dao chặt mía. Không ngờ khi nó vừa giơ dao lên chặt, thì lưỡi dao sút cán văng vào đầu em. Cô bé ngã quay ra bất tỉnh nhân sự, máu đỏ lênh láng cả một vạt đất. Thấy thế thằng anh rất sợ, nghĩ bụng: - "Tội ta to lắm. Cha về đánh chết mất!". Thế rồi, anh bỏ em nằm sóng sượt ở giữa nhà mà trốn đi.

Cậu bé đi, đi mãi. Trên bước đường lưu lạc, hắn ở nhà này ít lâu rồi bỏ đi đánh bạn với nhà khác. Trong hơn mười lăm năm, hắn không biết mình đã đi những xứ nào, ăn cơm của bao nhiêu nhà. Cho đến lần cuối cùng, làm con nuôi một người đánh cá ở miền biển vùng Bình định. Nghề chài lưới giữ chân hắn lại ở đây.

Ngày lại ngày nổi nhau trôi qua. Rồi hắn kết duyên cùng một người đàn bà. Vợ hắn cũng thạo nghề đan lưới. Mỗi lúc thuyền của chồng về bãi, vợ nhận

lấy phần cá của chồng, quảy ra chợ bán. Sau hai năm có được mụn con, hai vợ chồng cảm thấy sung sướng vô hạn.

Hôm ấy biển động, chồng nghỉ ở nhà vá lưới. Cơm trưa xong, vợ xoa tóc nhờ chồng bắt chấy. Đưa con đi chập chững trước sân nhà, bốc cát chơi một mình. Thấy vợ có một cái sẹo bằng đồng tiền ở trên tai bên phải, chồng lấy làm ngạc nhiên vì mấy lâu mái tóc đen của vợ đã hữu ý che kín cái sẹo không cho một người nào biết, trong số đó có cả chồng. Anh liền hỏi về lai lịch chiếc sẹo. Vợ vui miệng kể:

- Ngày đó cách đây hơn hai mươi năm, tôi mới bằng một tý đã biết gì đâu. Anh ruột của tôi chặt mía. Chao ôi! Cái mũi mác tai hại. Tôi ngất đi. Sau này, tôi mới biết, lúc đó hàng xóm đã đổ tới cứu chữa rất lâu cho đến khi cha mẹ tôi về thì mới chạy tìm thầy tìm thuốc. May làm sao tôi vẫn sống để nhìn lại cha mẹ tôi. Nhưng tôi lại mất người anh ruột vì anh tôi sợ quá bỏ trốn. Cha mẹ tôi cố ý tìm tôi nhưng tuyệt không có tin gì. Rồi đó, cha mẹ tôi thương con buồn rầu quá: thành ra mang bệnh, kế tiếp nhau qua đời. Về phần tôi không có người nương tựa lại bị người ta lập mưu cướp hết của cải và đem tôi đi bán cho thuyền buôn. Tôi không ở yên một nơi nào; nay đây mai đó, cuối cùng đến đây gặp anh...

Sau lưng người vợ, nét mặt của chồng từng lúc mỗi biến sắc khi biết là lấy nhầm phải em ruột. Lòng người chồng càng bị vò xé vì tin cha mẹ, tin quê quán do vợ nói ra. Nhưng chồng vẫn cố ngăn cảm xúc của mình, gói kín sự bí mật đau lòng đó lại, không cho vợ biết.

Qua mấy ngày sau, sóng gió yên lặng. Nhưng lòng người đàn ông thì không thể nào yên lặng được nữa. Như thường lệ, hẵn lại chở lưới ra biển để đánh cá. Nhưng lần này một đi không bao giờ trở lại.

Người vợ ở nhà trông đợi chồng ngày một mỗi mòn. Tại sao sau khi đánh cá xong, giữa lúc đêm tối, mọi người đều cho thuyền trở về đất liền, thì chồng mình lại dong buồm đi biệt. Mà chồng mình là người chí thú làm ăn và rất thương con mến vợ. Thật là khó hiểu. Mỗi chiều, nàng lại bông con trèo lên hòn núi ở cửa biển, con mắt đắm đắm nhìn về phía chân trời mù mịt.

Ba tuần trắng qua. Rồi sáu... rồi chín tuần trắng. Tuy nước mắt bây giờ đã khô kiệt, nhưng người đàn bà vẫn không quên trèo núi trông chồng. Cái hình bóng ấy đối với dân làng thành ra quen thuộc. Về sau cả hai mẹ con đều hóa ra đá, trở thành hình bóng quen thuộc vĩnh viễn. Hòn đá ấy ngày nay vẫn còn trên đỉnh núi ở bên cửa biển Đề-di, thuộc huyện Phù-cát, tỉnh Bình-định. Người ta vẫn gọi là đá Trông-chồng hay là đá Vọng-phu[4].

KHẢO DỊ

Loại truyện "đá Vọng-phu", hay nói một cách khác những truyện có đề tài anh em ruột lấy nhầm phải nhau thành vợ chồng, trong dân gian có khá nhiều, truyện này khác với truyện kia một ít chi tiết. Điều cần để ý là ở Việt-nam những núi đá có hình người dắt con hay bông con mang tên là đá Vọng-phu, thì ngoài Bình-định ra còn có Lạng-sơn và Thanh-hóa[5]. Mỗi vùng đất có truyện lưu truyền: truyện ở vùng này có khác với vùng kia ít nhiều. Tuy nhiên chúng đều cùng một cốt truyện.

Ở Trung-quốc cũng có đá Vọng-phu trên một hòn núi phía Bắc Vũ-xương và núi Vọng-phu ở các tỉnh An-huy, Giang-tây và Sơn-tây. *Sự tích đá Vọng-phu* của Trung-quốc cũng tương tự với truyện Việt. Theo sách *U minh lục* thì có một người đàn bà chồng bị bắt lính và bị chết trận ở biên giới. Bà ta hàng ngày trèo lên đỉnh núi trông đợi chồng về. Bà đợi mãi mãi mòn con mắt và sau cùng chết hóa thành đá. Dưới đây là một số dị bản của truyện *Sự tích đá vọng phu* ở các địa phương Việt-nam.

1. Truyện Tô Thị vọng phu ở Lạng-sơn:

Ngày xưa, nhà họ Tô có hai người con: anh là trai lên mười, em là gái lên tám. Một hôm, nhân lúc cha mẹ vắng nhà, anh nhặt đá ném chim, không may trúng phải đầu em, máu chảy lênh láng. Thấy em ngất đi, anh chắc em chết, sợ quá trốn sang Trung-quốc. Qua một thời gian dài trôi nổi, hăn quên hết bà con làng xóm, chỉ còn nhớ mình là người Việt. Thế rồi, năm ba mươi tuổi hăn mới lần mò về nước. Với một ít vốn liếng nhỏ, hăn ở ngay lại Lạng-sơn lập nghiệp. Ở đây hăn yêu cô con gái một nhà buôn. Hai người sau đó được phép lấy nhau và kết quả là một đứa bé ra chào đời. Chồng rất yêu vợ thương con và chí thú làm ăn.

Một hôm chồng giội nước cho vợ gội đầu, bỗng thấy đầu vợ có một cái sẹo lớn. Câu chuyện vợ kể chính là chuyện ném đá của chồng ngày xưa. Sau khi cha mẹ chết, vợ bơ vơ lưu lạc đi hết nơi này sang nơi khác để nuôi thân. Saucùng tới đây làm con nuôi nhà này rồi vừa gặp nhau.

Biết đích là em gái mình, chồng rất đau lòng nhưng vẫn không lộ cho vợ biết Sau đó gặp khi nhà vua bắt lính, chồng ra ứng mộ. Trước khi đi, chồng dặn vợ:

- Nếu ba năm mà tôi không về, ấy là tôi đã chết, nàng cứ việc đi lấy chồng khác.

Rồi đó chồng nhất định không về nữa. Ở nhà vợ cũng nhất định không đi lấy chồng khác. Sau ba năm, rồi năm năm, vợ trông chồng mỗi mòn con mắt. Hàng ngày, nàng bồng con lên núi, con mắt luôn luôn hướng về phía chồng vắng. Một hôm giữa cơn mưa to bão lớn, nàng đứng đợi mãi không về. Đến lúc mọi người lên núi thì đã hóa thành đá. Người ta gọi hòn đá ấy là Tô thị vọng phu[6].

2. Theo *Đại Nam nhất thống chí* thì truyện đá Vọng-phu ở Bình-định như sau:

Xưa ở làng Chính-uy có một người đàn bà sinh một trai một gái đều còn nhỏ tuổi cả. Một hôm nhà phơi thóc, mẹ bảo con đuổi gà. Người con trai nhặt đá ném gà, không ngờ trúng phải đầu em, máu ra lênh láng. Mẹ giận mắng nhiếc rồi đuổi con đi. Người con trai sợ qua, trốn biệt đến hơn hai mươi năm mới trở về thì mẹ đã chết, còn em thì lưu lạc không biết đi đâu. Trơ trọi một mình hẩn bèn ngụ ở làng. ấy. Sau đó, hẩn lấy vợ người làng Chính-minh, sinh được một trai một gái. Một hôm vợ chồng nhân thông thả ngồi bắt chấy cho nhau: vết sẹo trên đầu vợ làm cho chồng rõ sự thật. Sau đó, chồng đáp thuyền đi biệt nói dối là đi buôn. Vợ ở nhà trông đợi mỏi mắt, thường dắt hai con lên núi trông ngóng buồn thương rồi đều hóa thành đá.

3. Truyện của Lãng-đờ (Landes) (sách đã dẫn) kể cũng giống như truyện ở vùng Bình-định vừa kể. Duy có khác ở chỗ lý do người anh bỏ trốn là vì cờ bạc, còn kết cục thì chồng chết hóa làm sao mai, vợ làm sao hôm, con thì làm sao đòn gánh thường ở giữa trời đợi sao hôm và sao mai[7].

4. Ri-sa (Richard) có sưu tầm một truyện, lưu truyền ở một vùng đường như là khoảng biên giới giữa Bình-định với Tây-nguyên, có nội dung hơi khác:

Có hai anh em Chánh và Quýt ở làng Nam-lang. Chánh đã lớn, còn em gái thì còn bé. Lúc còn nhỏ, hai anh em được bố mẹ xăm vào đầu một dấu hiệu của gia đình. Sau đó dân làng này xung đột với làng Ma-cát, và bị làng Ma-cát bắt làm tù binh. Chánh bị đưa đi bán cho lái buôn. Thời gian trôi đi, Chánh cũng qua tay nhiều chủ. Sau Chánh trốn được về làng thì nhà cửa không còn gì nữa, bèn đến cư trú ở làng Nong-hát làm ăn, rồi lấy vợ tại đây. Vợ là con nuôi một người dân thường. Vài tháng sau làng động. Thầy pháp của làng được thần cho biết có một hiện tượng loạn luân. Khi tìm đến Chánh và vợ, thấy dấu xăm của họ, mới rõ sự thật. Sau đó hai anh em hóa làm chim: một con trống một con mái, chui rúc trong rừng sâu, vì hổ thẹn không muốn cho ai biết[8].

5. Về loại truyện có nội dung đề cập đến vấn đề quan hệ luyến ái giữa anh và em ruột, ở miền Trung còn có truyện *Sự tích chim bóp-thì-bóp*:

Xưa có gia đình nọ can tội với triều đình, bị kết án chém cả nhà. Hai chị em ruột nhà ấy trốn được vào rừng sâu. Họ đào củ hái trái kiếm ăn qua ngày. Dần dần người em trai lớn lên, đêm ngủ kề nhau, một hôm em bỗng bỏ tay lên vú chị. Chị đưa chuyện: "Trời phạt" ra để ngăn em. Em sợ rồi bỏ đi mất. Chị thương em đi tìm, luôn miệng gọi em: "Bóp thì bóp". Sau không tìm được, chị em đều hóa làm chim bóp-thì-bóp[9].

Loài chim này bắt đầu đi kiếm ăn từ hoàng hôn, mái trống gọi nhau, đuổi nhau vòng quanh núi, sắp sửa gặp nhau thì rặng, phải trở về tổ[10].

6. Một truyện khác *Sự tích sao hôm, sao mai và sao rua* nói đến hai anh em trai, có chỗ giống và khác với truyện của Lãng-đờ (Landes) nói trên.

Xưa có hai anh em ở với nhau: anh đã có vợ, em còn bé dại. Vừa khi anh bị bắt đi phu, có dặn em ở nhà phải nhớ canh giữ chị. Ở nhà, em nằm buồntriêng nhưng hữu ý khoét một lỗ ở vách, đêm đêm bỏ tay lên bụng chị để canhgiữ. Vềsau chị bỗng có mang. Anh về, em sợ tội bỏ trốn. Nhưng chị không đẻ ra người mà đẻ ra một cái bàn tay. Anh hối hận, bỏ đi tìm em. Không thấy chồng về, vợ lại bỏ đi tìm chồng.

Kết cục, gần giống với truyện mà Lãng-đờ (Landes) đã kể, là anh hóa làm sao mai, em hóa làm sao hôm, còn chị thì hóa làm sao rua (sao rua trông như cái bàn tay)[11].

Người miền Bắc cũng kể như trên, nhưng nói là chị hóa làm sao vượt, còn cái bàn tay đẻ ra thì hóa làm sao rua. Ở Phú-thọ có câu tục ngữ: "*Emhôm, anh mai, chị chả thấy đâu, chị vượt*".

Cũng có người kể cái bàn tay ấy sau chôn xuống đất mọc lên một cây, cây sinh quả, quả nào quả ấy như cái bàn tay tức là cây phật thủ[12].

Cô-xcanh (Cosquin) khi nhắc đến truyện *Sự tích đá Vọng-phu* của ta đã truy cứu nguồn gốc đến tận một loạt truyện có chủ đề hôn nhân tiền định với mô-típ vết sẹo mà ông cho là rất gần nhau. Ví dụ một sốtruyện sau đây:

Truyện của Trung-quốc *Sự tích Nguyệt lão* vàdây tơ hồng: Vì Cố làm quan đời Đường được phái đi bình định một thành phố. Ban đêm, anh gặp một ông cụ già đang bận viết lách dưới ánh trăng. Hỏi thì đáp là ghi chép những cuộc hôn nhân của người trần. Ông lão lại nói: - Những dây đỏ trong đây

dùng để buộc chân nam và nữ đã xe duyên. Buộc rồi là không gỡ nổi". Vì Cố bèn hỏi về đường hôn nhân của mình, ông lão bảo: - "Vợ anh là con một mục bán rau ở chợ". Thấy người vợ tương lai (mà ông lão chỉ cho anh vào một ngày sau đó) chỉ là một đứa bé đang ẵm, nghèo khổ, xấu xí. Vì Cố sai người giết nó đi, nhưng người đó chỉ làm bị thương ở lông mày đứa bé.

Mười bốn năm sau. Vì Cố lấy được một cô vợ đẹp, con nuôi một quan lớn. Thấy giữa lông mày vợ luôn luôn có một trang sức che kín. Vì Cố hỏi, mới hay đó là vết sẹo hồi nhỏ do mình sai người giết nhưng đâm hụt thành sẹo.

Truyện của người Ấn ở Băng-la-dex (Bangladesh):

Một ông vua nhờ các nhà thông thái bói toán về đường vợ con của hoàng tử. Họ không dám nói sự thật nhưng vì vua giục, họ phải tâu: - "Hoàng tử sẽ lấy một người đàn bà dòng dõi hèn hạ, một người "Pă-li" ở tại một đường phố thuộc thành phố Đuốc-ba-san". Để phá tiên định xấu, hoàng tử cưỡi ngựa đến nhà kia mỗ bụng cô gái. Cô này nhờ điều kiện may mắn không chết, vết thương dần dần lành, và sau đó ít lâu được con voi ngự đặt lên lưng mang đến cung vua. Hoàng tử thấy cô đẹp tuyệt trần không biết đó là người mà mình trước đây muốn xa lánh, bèn lấy nàng làm vợ. Ít lâu sau, hoàng tử phát hiện ra vết sẹo ở bụng của vợ mình, hỏi, mới biết kết quả của mối duyên tiền định.

Truyện của Hy-lạp (Grèce):

Một trong ba bà tiên tri cho biết một cô gái mới đẻ sẽ lấy một thương nhân nước ngoài, khách quý của nhà ấy. Giận quá, người khách nọ bỗng đưa bé ném qua cửa sổ, đứa bé rơi trên một cái cọc thủng bụng.

Về sau người thương nhân lấy vợ, nhờ vết sẹo mới nhận ra đó là cô bé

mà mình ném ngày xưa nhưng không chết.

Hai truyện khác của người Ác-mê-ni (Arménie) và của người Nga rất giống với truyện Trung-quốc đã dẫn. Ở truyện Ác-mê-ni, có một hoàng tử gặp một cụ già ngồi ghi chép những tội lỗi và số phận con người. Hỏi về mình, ông cụ nói: anh sẽ lấy con một người chăn bò làm vợ. Thấy cô gái nằm trên giường, mụn nhọt khắp mình, hoàng tử bèn sai người giết đi. Nhưng lưỡi dao đã không làm cô chết mà làm cô trở nên đẹp như tiên.

Ở truyện Nga, hoàng tử không phải gặp ông cụ già mà là gặp một người thợ rèn - rèn hôn nhân cho con người - đang đập trên đe hai sợi tóc mảnh dùng để kết duyên (như sợi dây đỏ ở truyện Trung-quốc). Thấy người vợ tương lai mà ông thợ rèn chỉ cho mình là một cô gái từ lâu da thịt bầy nát, hoàng tử tìm đến và đâm một mũi gươm. Không ngờ cô gái nhờ đó trở nên đẹp đẽ.

Cô-xcanh (Cosquin) còn nhắc tới một loạt truyện khác có nội dung hôn nhân tiền định như con vô tình giết cha lấy mẹ, trong đó có truyện O-đíp (Oedipe) của thần thoại Hy-lạp, cũng coi như gần gũi với các truyện trên[13]. Người Khơ-me (Khmer) cũng có truyện một hoàng tử cứu mẹ, bị vua nước láng giềng bắt cóc, nhưng vì không biết mặt mẹ nên lấy nhầm làm vợ, về sau cũng nhờ có vết sẹo ở trên mình hoàng tử, nên mẹ mới nhận ra[14].

33. SỰ TÍCH ĐÁ BÀ-RẦU

Ngày xưa, có gia đình một người thuyền chài có một cô gái rất xinh tươi. Khi cô đã lớn, nhiều chàng trai muốn xin kết duyên với nàng, nhưng chưa có đám nào thành cả. Mãi về sau một chàng trai người Quảng lấy được nàng làm vợ. Anh chàng là người khỏe mạnh, làm nghề buôn hàng bằng thuyền mà ở đây người ta gọi là buôn ghe.

Sau thời kỳ ân ái ngắn ngủi, đôi vợ chồng ấy phải rời nhau vì sinh kế. Người chồng theo thuyền, theo bạn ra đi, để một mình vợ ở lại với gian nhà nhỏ.

Thế rồi, cứ chiều chiều, người vợ lại ra bờ sông trông đợi bóng những cánh buồm tiến vào cửa sông. Nhưng qua ba bốn tuần trăng mà chồng và các bạn của chồng vẫn không thấy về. Những đoàn thuyền khác lần lượt cập bến không nhắc tới họ.

Người đàn bà đâm ra lo sợ: hay là trận bão vừa qua đã nhận chìm thuyền xuống thủy phủ. Hay là chồng mình làm điều gì thất thổ, nên bọn quan quân địa phương đã giam tất cả mọi người vào ngục tối... Năm, sáu tháng qua, người chồng vẫn chưa thấy về. Người đàn bà đó hàng ngày ra đứng bờ sông nhìn những cánh buồm tiến vào cửa biển. Mỗi một cánh buồm đối với nàng là một tia hy vọng, nhưng tia hy vọng ấy vừa lóe lên, thì một chốc sau đó lại tắt ngay.

Đột nhiên chồng về giữa lúc vợ đình ninh sống một thân một bóng lạnh lẽo.

Người lái buôn bước vào nhà làm cho mọi người kinh ngạc và mừng rỡ. Anh kể rất dài về cuộc sống chung đụng với những người khác nòi ở hải đảo. Nếu không có mưu trí thì anh và bạn hữu chưa chắc đã sống sót để nhìn lại quê hương.

Thế là ngày vui trở lại. Thú ái ân lại tràn ngập chần gối cho bỏ những lúc xa nhau. Nhưng vui chưa trọn mà buồn đã xuất hiện. Sự nghi ngờ bỗng nảy nở trong lòng người chồng. Chồng vốn là người căm ghen, lại cũng đã biết vợ ngày trước có phần nào tự do trong việc giao thiệp. Bây giờ đây, người ta mách nhỏ với anh rằng: trong những ngày vừa qua người đàn bà hay bỏ nhà ra đi từ buổi chiều cho đến tối mịt mới về. Nghe đoạn: máu ghen của anh bùng bùng bốc lên. Hẳn không ngờ trong những lúc mình gian lao như thế, thì vợ lại có thể như thế được.

Nhưng lời phân trần của người vợ chẳng ăn thua gì. Trong tình cảnh đó, nàng chỉ đành ngậm miệng. Vì thế chồng không tiếc tay hành hạ vợ. Không một lời oán trách, người đàn bà chỉ biết mình khóc với mình mà thôi. Vợ càng làm thế, thì chồng lại càng lạnh nhạt. Một hôm để cho vợ phải hối hận, người chồng lại cùng bạn dong buồm ra đi, không một lời rĩ tai với vợ.

Người đàn bà ấy không biết chồng đi đâu và bao giờ trở lại.

*

* *

Nhưng một hôm, người chồng lại cùng với các bạn bè trở về quê hương, sau một thời gian buôn bán ở phương xa. Hẳn làm ra rất nhiều tiền, nhưng hẳn thấy tiền của không đủ lấp sự trống trải trong lòng mình. Hẳn ao ước được gặp lại vợ cũ để tìm hạnh phúc trong sum họp. Lần này, chồng dự định lúc về sẽ khuyên dỗ cho vợ mình tu tỉnh để nối lại những ngày thăm đẹp xưa kia.

Nhưng khi bước chân vào nhà, người chồng thấy nhà lạnh lẽo. Xóm giềng cho hay rằng vợ anh bỏ đi đã hơn một tháng. Hẳn thấy gánh buồn đè nặng lên người. Hẳn vợ vẫn đi lại bờ sông, chỗ mà người ta cho biết là vợ mình lần trước cũng như lần này hay đứng đây trông đợi. Sự hối hận tràn ngập trong lòng người đàn ông.

Tự nhiên hẳn reo lên vì xa kia bên cạnh cái tháp Chàm có bóng một người thiếu phụ nổi bật trong ánh chiều giống hệt vợ mình. Mừng quá, hẳn cầm đầu chạy tới. Quả đúng là vợ, nhưng vợ bấy giờ đã hóa thành đá, con mắt vẫn đắm đắm nhìn về phía chân trời vô tận.

Thời gian bây giờ đã xóa đi mất tích nhiều sự vật, nhưng bức tượng người đàn bà cô đơn buồn rầu kia ở Quảng-nam vẫn còn. Bên cạnh đó là một ngọn tháp cổ. Cái tượng đó người ta gọi là tượng Bà-rầu. Vì tượng ở cạnh tháp, nên tháp cũng gọi là tháp Bà-rầu[15].

-
- [1] Theo *Nước non tuần báo* và theo lời kể của người vùng Bưởi.
- [2] Có người cho hai ông bà bán trâu chứ không phải đầu nên gọi là ông Giầu (trầu) bà Giầu.
- [3] Theo Phụng Nam, *Việt-nam thần tích*, trong *Tứ dân văn uyển* (1938).
- [4] Theo lời kể của người Bình-định.
- [5] Ngày nay nơi đá Vọng-phu (Nai Krao Chao Phò) ở bờ biển Cà-ná (Nam Ninh-thuận) dân địa phương cũng có lưu truyền một truyện của đồng bào Cham-pa. Truyện *Cô Krao Chao Phò* của Cham-pa giống hệt với truyện Việt-nam vừa kể ở trên, chỉ có khác ở đây người anh không phải vô tình làm văng dao vào đầu em gái trong khi chặt mía mà là hữu ý đánh vào đầu em về việc giành nhau miếng bánh; và hai vợ chồng là dân buôn không phải dân chài (Theo Vũ Lang, đã dẫn, số 15, 1959).
- Riêng núi Vọng phu (?) (La mère et l'enfant) ở Khánh-hòa thì đồng bào Ê-đê có một truyện cổ tích đặc biệt khác truyện của ta. Đại khái là:
- Giang-mia sau một cuộc đi buôn xa về, nghe nói vợ ngoại anh với Y-siêng và đã có chữa với y sắp đẻ, bèn đánh nhau với y nhiều trận dữ dội. Y-siêng chạy đến Ban Óng-gan. Giang-mia đuổi kịp, chém chết kẻ tình địch. Y-siêng hóa ra đá ở đây. Lúc trở về thì thấy vợ mình đang sinh, có các bạn bè và bà đỡ xúm xít giúp đỡ, Giang-mia cơn giận còn bùng bùng, bèn bắt mọi người hóa đá. Người ta gọi cụm núi này là núi Mẹ và con.
- Xong việc, Giang-mia trở về Póc-ai hóa thành lợn lòi mọc khoai ăn, bị dân làng bắn chết, cũng hóa đá nốt. (Theo Mét-tơ-rơ (Maitre). *Các vùng người Mọi ở phía Nam Đông-dương*).
- [6] Theo lời kể của người dân vùng Lạng-sơn. Riêng truyện này có nhiều

người kể khác nhau:

a) Nhà nho ngày xưa đã từng cải biên thành một truyện có chủ đề khác hẳn: Tô thị là người Lạng-sơn có sắc đẹp, yêu một chàng họ Đậu là học trò. Giữa lúc đó có người đình trưởng cũng cậy mối dạm nàng làm vợ lẽ. Nhưng Tô thị không bằng lòng. Cuối cùng nàng kết duyên với người học trò, nuôi chồng ăn học. Đình trưởng giận đẽ bụng, nhân dịp vua bắt lính, bèn bắt người chồng phải đi. Đẳng đẳng bao nhiêu năm trời không thấy chồng về, mặt khác bị đình trưởng ép lấy mình, Tô thị hóa điên. Một hôm lên núi Tam-thanh trông chồng như mọi ngày, rồi không về nữa. Khi mọi người biết thì đã hóa thành đá.

Nguyễn Thúc Khiêm đã dựa vào cốt truyện này để viết thành một vở chèo nhan đề là *Tô thị chết đặng anh Kỳ lừa* (Nam phong, 1929).

b) Phạm Duy Khiêm thì kể có khác ở đoạn đầu, dùng số mệnh làm chủ đề: Xưa, trong một làng thượng du có hai anh em mồ côi ở với nhau. Người anh hai mươi tuổi, còn em gái lên bảy tuổi. Một hôm có ông thầy số đi qua đoán cho người anh rằng: Số anh phải lấy em ruột làm vợ, không thể nào cưỡng được.

Hắn cầm lấy lá số ngày đêm khổ tâm vì số mệnh ác nghiệt. Cuối cùng, một hôm hắn đưa em lên núi, rồi nhân lúc bất ngờ, giáng cho em một nhát búa ngã lăn ra. Đoạn, hắn thay tên đổi họ rồi trốn đi rất xa trong bao nhiêu năm trời. Cho đến khi yên lặng mới trở về Lạng-sơn lập nghiệp. Còn cô em sau khi bị anh chém thì nằm chết ngất. Nhờ có một bọn cướp cứu cho sống lại rồi cô được họ nuôi ở trong rừng. Cho đến lúc bọn cướp bị đuổi khỏi sào huyệt cô mới được trở về. Bơ vơ không biết nương tựa ai, cô được một người lái buôn nhận làm con nuôi. Rồi về sau hai người lấy nhau mà không biết là anh em.

Mãi đến một hôm vợ phơi thóc, chồng thấy vết sẹo, hỏi rõ mới hay. Chồng lẳng lặng tìm cơ bỏ đi biệt. Vợ ở nhà trông đợi mỏi mắt, rồi hoa đá trên núi, v.v... (*Truyện thuyết của đất nước thanh bình*).

[Z] Về sự tích sao hôm và sao mai, người Trung-quốc kể: gia đình Cao Tân có hai đứa con thường coi nhau như kẻ thù. Nhưng cuộc xung đột của họ đến tai hoàng đế. Hoàng đế bèn chia rẽ họ ra bằng cách giao cho hai người

hai phần việc ở hai xứ khác nhau. Sau khi chết, họ hóa làm hai ngôi sao lúc đầu ở gần nhau, nhưng Ngọc hoàng tỏ ý làm cho họ ngày càng xa dần, cho đến không thể gặp được nhau. Đó là sao hôm và sao mai. (Theo Duy-mu-chiê (Dumoutier), sách đã dẫn).

[8] *Tạp chí Đông-dương* (1904).

[9] *Bản khai của làng Quang-lãng*.

[10] Truyện này, mỗi địa phương kể có khác một ít về chi tiết, chẳng hạn ở Quảng-bình có người kể: chị em đưa nhau ra giếng, chị tắm cho em: em cõ lưng cho chị (hoặc chị em đi xem hội về khuya) rồi bắt đầu sinh ý nghĩ bậy bạ, chị đánh em, em sợ tội bỏ trốn, chị đuổi theo gọi em, v.v... (Theo Ca-đi-e (Cadière), sách đã dẫn). Ở Quảng-nam và một số địa phương ở miền Bắc có người kể: Bố mẹ đi vắng, hai chị em ở nhà, em bắt đầu có ý nghĩ bậy bạ, chị chống cự, em sợ bố mẹ trừng phạt nên bỏ trốn, chị đuổi theo gọi em, v. v... Ở Hà-tĩnh, Quảng-bình cũng gọi chim này là chim tử quy. Có câu ca dao:

Đôi ta như chim tử quy.

Đêm nghe thấy tiếng, ngày đi phương nào.

[11] *Bản khai của làng Cát-ngạn*.

[12] Theo *Truyện cổ dân gian Việt nam*, tập I. Bộ sách này gồm 4 tập; hai tập đầu có tên như vừa dẫn, nhưng hai tập cuối lại có chút ít thay đổi: *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*. Vì thế, chú dẫn tên gọi ở đây cũng không thống nhất.

[13] Cô-xanh (Cosquin) . *Cổ tích con mèo và cây đèn cây ở châu Âu thời trung cổ và ở phương Đông*.

[14] Xem ở mục **Khảo di** truyện *Sự tích thành Lôi* (số 34).

[15] Theo báo *Tràng an*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
32. SỰ TÍCH ĐÁ VỌNG PHU

Ngày xưa, có đôi vợ chồng nghèo sinh được hai mụn con: đứa lớn là trai mười một tuổi, đứa bé là gái lên sáu tuổi. Mỗi lần hai vợ chồng đi làm đồng hay đi đâu vắng, thường để hai con ở lại nhà, dặn anh trông nom em gái. Một hôm trước khi đi làm, người mẹ trao cho hai con một cây mía, bảo con lớn ở nhà chặt cho em ăn và đưa em đi chơi. Thường ngày mẹ vẫn nhắc:

- Con đừng làm em khóc, kéo cha về đánh chết nghe không!

Thằng anh đưa em ra sân cùng em trồng đá bẻ cây làm nhà làm cửa chơi với bạn bè quanh xóm. Chơi chán, anh đưa em vào nhà rồi tìm dao chặt mía. Không ngờ khi nó vừa giơ dao lên chặt, thì lưỡi dao sút cán văng vào đầu em. Cô bé ngã quay ra bất tỉnh nhân sự, máu đỏ lênh láng cả một vạt đất. Thấy thế thằng anh rất sợ, nghĩ bụng: - "Tội ta to lắm. Cha về đánh chết mất!". Thế rồi, anh bỏ em nằm sổng sượt ở giữa nhà mà trốn đi.

Cậu bé đi, đi mãi. Trên bước đường lưu lạc, hăn ở nhà này ít lâu rồi bỏ đi đánh bạn với nhà khác. Trong hơn mười lăm năm, hăn không biết mình đã đi những xứ nào, ăn cơm của bao nhiêu nhà. Cho đến lần cuối cùng, làm con nuôi một người đánh cá ở miền biển vùng Bình định. Nghề chài lưới giữ chân hăn lại ở đây.

Ngày lại ngày nối nhau trôi qua. Rồi hăn kết duyên cùng một người đàn bà. Vợ hăn cũng thạo nghề đan lưới. Mỗi lúc thuyền của chồng về bãi, vợ nhận lấy phần cá của chồng, quảy ra chợ bán. Sau hai năm có được mụn con, hai vợ chồng cảm thấy sung sướng vô hạn.

Hôm ấy biển động, chồng nghỉ ở nhà vá lưới. Cơm trưa xong, vợ xoa tóc nhờ chồng bắt chấy. Đưa con đi chập chững trước sân nhà, bốc cát chơi một mình. Thấy vợ có một cái sẹo bằng đồng tiền ở trên tai bên phải, chồng lấy làm ngạc nhiên vì mấy lâu mái tóc đen của vợ đã hữu ý che kín cái sẹo không cho một người nào biết, trong số đó có cả chồng. Anh liền hỏi về lai lịch chiếc sẹo. Vợ vui miệng kể:

- Ngày đó cách đây hơn hai mươi năm, tôi mới bằng một tý đã biết gì đâu. Anh ruột của tôi chặt mía. Chao ôi! Cái mũi mác tai hại. Tôi ngất đi. Sau này, tôi mới biết, lúc đó hàng xóm đã đổ tới cứu chữa rất lâu cho đến khi cha mẹ tôi về thì mới chạy tìm thầy tìm thuốc. May làm sao tôi vẫn sống để nhìn lại cha mẹ tôi. Nhưng tôi lại mất người anh ruột vì anh tôi sợ quá bỏ trốn. Cha mẹ tôi cố ý tìm tòi nhưng tuyệt không có tin gì. Rồi đó, cha mẹ tôi thương con buồn rầu quá: thành ra mang bệnh, kế tiếp nhau qua đời. Về phần tôi không có người nương tựa lại bị người ta lập mưu cướp hết của cải và đem tôi đi bán cho thuyền buôn. Tôi không ở yên một nơi nào; nay đây mai đó, cuối cùng đến đây gặp anh...

Sau lưng người vợ, nét mặt của chồng từng lúc mỗi biến sắc khi biết là lấy nhầm phải em ruột. Lòng người chồng càng bị vò xé vì tin cha mẹ, tin quê quán do vợ nói ra. Nhưng chồng vẫn cố ngăn cảm xúc của mình, gói kín sự bí mật đau lòng đó lại, không cho vợ biết.

Qua mấy ngày sau, sóng gió yên lặng. Nhưng lòng người đàn ông thì không thể nào yên lặng được nữa. Như thường lệ, hẵn lại chở lưới ra biển để đánh cá. Nhưng lần này một đi không bao giờ trở lại.

Người vợ ở nhà trông đợi chồng ngày một mỏi mòn. Tại sao sau khi đánh cá xong, giữa lúc đêm tối, mọi người đều cho thuyền trở về đất liền, thì

chồng mình lại dong buồm đi biệt. Mà chồng mình là người chí thú làm ăn và rất thương con mến vợ. Thật là khó hiểu. Mỗi chiều, nàng lại bông con trèo lên hòn núi ở cửa biển, con mắt đắm đắm nhìn về phía chân trời mù mịt.

Ba tuần trắng qua. Rồi sáu... rồi chín tuần trắng. Tuy nước mắt bây giờ đã khô kiệt, nhưng người đàn bà vẫn không quên trèo núi trông chồng. Cái hình bóng ấy đối với dân làng thành ra quen thuộc. Về sau cả hai mẹ con đều hóa ra đá, trở thành hình bóng quen thuộc vĩnh viễn. Hòn đá ấy ngày nay vẫn còn trên đỉnh núi ở bên cửa biển Đề-di, thuộc huyện Phù-cát, tỉnh Bình-định. Người ta vẫn gọi là đá Trông-chồng hay là đá Vọng-phu [1].

KHẢO DỊ

Loại truyện "đá Vọng-phu", hay nói một cách khác những truyện có đề tài anh em ruột lấy nhầm phải nhau thành vợ chồng, trong dân gian có khá nhiều, truyện này khác với truyện kia một ít chi tiết. Điều cần để ý là ở Việt-nam những núi đá có hình người dặt con hay bông con mang tên là đá Vọng-phu, thì ngoài Bình-định ra còn có Lạng-sơn và Thanh-hóa [2]. Mỗi vùng đất có truyện lưu truyền: truyện ở vùng này có khác với vùng kia ít nhiều. Tuy nhiên chúng đều cùng một cốt truyện.

Ở Trung-quốc cũng có đá Vọng-phu trên một hòn núi phía Bắc Vũ-xương và núi Vọng-phu ở các tỉnh An-huy, Giang-tây và Sơn-tây. Sự tích đá Vọng-phu của Trung-quốc cũng tương tự với truyện Việt. Theo sách U

minh lục thì có một người đàn bà chồng bị bắt lính và bị chết trận ở biên giới. Bà ta hàng ngày trèo lên đỉnh núi trông đợi chồng về. Bà đợi mãi mãi mòn con mắt và sau cùng chết hóa thành đá. Dưới đây là một số dị bản của truyện *Sự tích đá vọng phu* ở các địa phương Việt-nam.

1. Truyện *Tô Thị vọng phu* ở Lạng-sơn:

Ngày xưa, nhà họ Tô có hai người con: anh là trai lên mười, em là gái lên tám. Một hôm, nhân lúc cha mẹ vắng nhà, anh nhặt đá ném chim, không may trúng phải đầu em, máu chảy lênh láng. Thấy em ngất đi, anh chắc em chết, sợ quá trốn sang Trung-quốc. Qua một thời gian dài trôi nổi, hăn quên hết bà con làng xóm, chỉ còn nhớ mình là người Việt. Thế rồi, năm ba mươi tuổi hăn mới lần mò về nước. Với một ít vốn liếng nhỏ, hăn ở ngay lại Lạng-sơn lập nghiệp. Ở đây hăn yêu cô con gái một nhà buôn. Hai người sau đó được phép lấy nhau và kết quả là một đứa bé ra chào đời. Chồng rất yêu vợ thương con và chí thú làm ăn.

Một hôm chồng giội nước cho vợ gội đầu, bỗng thấy đầu vợ có một cái sẹo lớn. Câu chuyện vợ kể chính là chuyện ném đá của chồng ngày xưa. Sau khi cha mẹ chết, vợ bơ vơ lưu lạc đi hết nơi này sang nơi khác để nuôi thân. Saucùng tới đây làm con nuôi nhà này rồi vừa gặp nhau.

Biết đích là em gái mình, chồng rất đau lòng nhưng vẫn không lộ cho vợ biết Sau đó gặp khi nhà vua bắt lính, chồng ra ứng mộ. Trước khi đi, chồng dặn vợ:

- Nếu ba năm mà tôi không về, ấy là tôi đã chết, nàng cứ việc đi lấy chồng khác.

Rồi đó chồng nhất định không về nữa. Ở nhà vợ cũng nhất định không đi

lấy chồng khác. Sau ba năm, rồi năm năm, vợ trông chồng mỗi mòn con mắt. Hàng ngày, nàng bông con lên núi, con mắt luôn luôn hướng về phía chồng trẩy. Một hôm giữa cơn mưa to bão lớn, nàng đứng đợi mãi không về. Đến lúc mọi người lên núi thì đã hóa thành đá. Người ta gọi hòn đá ấy là Tô thị vọng phu [3].

2. Theo *Đại Nam nhất thống chí* thì truyện đá Vọng-phu ở Bình-định như sau:

Xưa ở làng Chính-uy có một người đàn bà sinh một trai một gái đều còn nhỏ tuổi cả. Một hôm nhà phơi thóc, mẹ bảo con đuổi gà. Người con trai nhặt đá ném gà, không ngờ trúng phải đầu em, máu ra lênh láng. Mẹ giận mắng nhiếc rồi đuổi con đi. Người con trai sợ qua, trốn biệt đến hơn hai mươi năm mới trở về thì mẹ đã chết, còn em thì lưu lạc không biết đi đâu. Trơ trọi một mình hẩn bèn ngụ ở làng. ấy. Sau đó, hẩn lấy vợ người làng Chính-minh, sinh được một trai một gái. Một hôm vợ chồng nhân thông thả ngồi bắt chấy cho nhau: vết sẹo trên đầu vợ làm cho chồng rõ sự thật. Sau đó, chồng đáp thuyền đi biệt nói dối là đi buôn. Vợ ở nhà trông đợi mỏi mắt, thường dắt hai con lên núi trông ngóng buồn thương rồi đều hóa thành đá.

3. Truyện của Lãng-đờ (Landes) (sách đã dẫn) kể cũng giống như truyện ở vùng Bình-định vừa kể. Duy có khác ở chỗ lý do người anh bỏ trốn là vì cờ bạc, còn kết cục thì chồng chết hóa làm sao mai, vợ làm sao hôm, con thì làm sao đòn gánh thường ở giữa trời đợi sao hôm và sao mai [4].

4. Ri-sa (Richard) có sưu tầm một truyện, lưu truyền ở một vùng dường như là khoảng biên giới giữa Bình-định với Tây-nguyên, có nội dung hơi khác:

Có hai anh em Chánh và Quýt ở làng Nam-lang. Chánh đã lớn, còn em gái thì còn bé. Lúc còn nhỏ, hai anh em được bố mẹ xăm vào đầu một dấu hiệu của gia đình. Sau đó dân làng này xung đột với làng Ma-cát, và bị làng Ma-cát bắt làm tù binh. Chánh bị đưa đi bán cho lái buôn. Thời gian trôi đi, Chánh cũng qua tay nhiều chủ. Sau Chánh trốn được về làng thì nhà cửa không còn gì nữa, bèn đến cư trú ở làng Nong-hát làm ăn, rồi lấy vợ tại đây. Vợ là con nuôi một người dân thường. Vài tháng sau làng động. Thầy pháp của làng được thần cho biết có một hiện tượng loạn luân. Khi tìm đến Chánh và vợ, thấy dấu xăm của họ, mới rõ sự thật. Sau đó hai anh em hóa làm chim: một con trống một con mái, chui rúc trong rừng sâu, vì hổ thẹn không muốn cho ai biết [5].

5. Về loại truyện có nội dung đề cập đến vấn đề quan hệ luyến ái giữa anh và em ruột, ở miền Trung còn có truyện *Sự tích chim bóp-thì-bóp*:

Xưa có gia đình nọ can tội với triều đình, bị kết án chém cả nhà. Hai chị em ruột nhà ấy trốn được vào rừng sâu. Họ đào củ hái trái kiếm ăn qua ngày. Dần dần người em trai lớn lên, đêm ngủ kề nhau, một hôm em bỗng bỏ tay lên vú chị. Chị đưa chuyện: "Trời phạt" ra để ngăn em. Em sợ rồi bỏ đi mất. Chị thương em đi tìm, luôn miệng gọi em: "Bóp thì bóp". Sau không tìm được, chị em đều hóa làm chim bóp-thì-bóp [6].

Loài chim này bắt đầu đi kiếm ăn từ hoàng hôn, mái trống gọi nhau, đuổi nhau vòng quanh núi, sắp sửa gặp nhau thì rặng, phải trở về tổ [7].

6. Một truyện khác *Sự tích sao hôm, sao mai và sao rua* nói đến hai anh em trai, có chỗ giống và khác với truyện của Lăng-đờ (Langdes) nói trên.

Xưa có hai anh em ở với nhau: anh đã có vợ, em còn bé dại. Vừa khi anh bị

bắt đi phu, có dặn em ở nhà phải nhớ canh giữ chị. Ở nhà, em nằm buồntriêng nhưng hữu ý khoét một lỗ ở vách, đêm đêm bỏ tay lên bụng chị để canhgiữ. Vềsau chị bỗng có mang. Anh về, em sợ tội bỏ trốn. Nhưng chị không đẻ ra người mà đẻ ra một cái bàn tay. Anh hối hận, bỏ đi tìm em. Không thấy chồng về, vợ lại bỏ đi tìm chồng.

Kết cục, gần giống với truyện mà Lãng-đờ (Landes) đã kể, là anh hóa làm sao mai, em hóa làm sao hôm, còn chị thì hóa làm sao rua (sao rua trông như cái bàn tay) [8].

Người miền Bắc cũng kể như trên, nhưng nói là chị hóa làm sao vượt, còn cái bàn tay đẻ ra thì hóa làm sao rua. Ở Phú-thọ có câu tục ngữ: "*Emhôm, anh mai, chị chả thấy đâu, chị vượt*".

Cũng có người kể cái bàn tay ấy sau chôn xuống đất mọc lên một cây, cây sinh quả, quả nào quả ấy như cái bàn lay tức là cây phật thủ [9].

Cô-xcanh (Cosquin) khi nhắc đến truyện *Sự tích đá Vọng-phu* của ta đã truy cứu nguồn gốc đến tận một loạt truyện có chủ đề hôn nhân tiền định với mô-típ vết sẹo mà ông cho là rất gần nhau. Ví dụ một sốtruyện sau đây:

Truyện của Trung-quốc *Sự tích Nguyệt lão* vàđây tơ hồng: Vi Cố làm quan đời Đường được phái đi bình định một thành phố. Ban đêm, anh gặp một ông cụ già đang bận viết lách dưới ánh trăng. Hỏi thì đáp là ghi chép những cuộc hôn nhân của người trần. Ông lão lại nói: - Những dây đỏ trong đây dùng để buộc chân nam và nữ đã xe duyên. Buộc rồi là không gỡ nổi". Vi Cố bèn hỏi về đường hôn nhân của mình, ông lão bảo: - "Vợ anh là con một mục bán rau ở chợ". Thấy người vợ tương lai (mà ông lão chỉ cho anh vào một ngày sau đó) chỉ là một đứa bé đang ẵm, nghèo khổ, xấu xí. Vi Cố sai người giết nó đi, nhưng người đó chỉ làm bị thương ở lông mày đứa bé.

Mười bốn năm sau. Vì Cố lấy được một cô vợ đẹp, con nuôi một quan lớn. Thấy giữa lông mày vợ luôn luôn có một trang sức che kín. Vì Cố hỏi, mới hay đó là vết sẹo hồi nhỏ do mình sai người giết nhưng đâm hụt thành sẹo.

Truyện của người Ấn ở Băng-la-dex (Bangladesh):

Một ông vua nhờ các nhà thông thái bói toán về đường vợ con của hoàng tử. Họ không dám nói sự thật nhưng vì vua giục, họ phải tâu: - "Hoàng tử sẽ lấy một người đàn bà dòng dõi hèn hạ, một người "Pă-li" ở tại một đường phố thuộc thành phố Đuốc-ba-san". Để phá tiên định xấu, hoàng tử cười ngựa đến nhà kia mỗ bụng cô gái. Cô này nhờ điều kiện may mắn không chết, vết thương dần dần lành, và sau đó ít lâu được con voi ngự đặt lên lưng mang đến cung vua. Hoàng tử thấy cô đẹp tuyệt trần không biết đó là người mà mình trước đây muốn xa lánh, bèn lấy nàng làm vợ. Ít lâu sau, hoàng tử phát hiện ra vết sẹo ở bụng của vợ mình, hỏi, mới biết kết quả của mỗi duyên tiền định.

Truyện của Hy-lạp (Grèce):

Một trong ba bà tiên tri cho biết một cô gái mới đẻ sẽ lấy một thương nhân nước ngoài, khách quý của nhà ấy. Giận quá, người khách nọ bỗng đưa bé ném qua cửa sổ, đứa bé rơi trên một cái cọc thủng bụng.

Về sau người thương nhân lấy vợ, nhờ vết sẹo mới nhận ra đó là cô bé mà mình ném ngày xưa nhưng không chết.

Hai truyện khác của người Ác-mê-ni (Arménie) và của người Nga rất giống với truyện Trung-quốc đã dẫn. Ở truyện Ác-mê-ni, có một hoàng tử gặp một cụ già ngồi ghi chép những tội lỗi và số phận con người. Hỏi về mình,

ông cụ nói: anh sẽ lấy con một người chăn bò làm vợ. Thấy cô gái nằm trên giường, mụn nhọt khắp mình, hoàng tử bèn sai người giết đi. Nhưng lưỡi dao đã không làm cô chết mà làm cô trở nên đẹp như tiên.

Ở truyện Nga, hoàng tử không phải gặp ông cụ già mà là gặp một người thợ rèn - rèn hôn nhân cho con người - đang đập trên đe hai sợi tóc mảnh dùng để kết duyên (như sợi dây đỏ ở truyện Trung-quốc). Thấy người vợ tương lai mà ông thợ rèn chỉ cho mình là một cô gái từ lâu da thịt bầy nát, hoàng tử tìm đến và đâm một mũi gươm. Không ngờ cô gái nhờ đó trở nên đẹp đẽ.

Cô-xcanh (Cosquin) còn nhắc tới một loạt truyện khác có nội dung hôn nhân tiền định như con vô tình giết cha lấy mẹ, trong đó có truyện O-đíp (Oedipe) của thần thoại Hy-lạp, cũng coi như gần gũi với các truyện trên [10]. Người Khơ-me (Khmer) cũng có truyện một hoàng tử cứu mẹ, bị vua nước láng giềng bắt cóc, nhưng vì không biết mặt mẹ nên lấy nhầm làm vợ, về sau cũng nhờ có vết sẹo ở trên mình hoàng tử, nên mẹ mới nhận ra [11].

[1]. Theo lời kể của người Bình-định.

[2]. Ngày nay nơi đá Vọng-phu (Nai Krao Chao Phò) ở bờ biển Cà-ná (Nam Ninh-thuận) dân địa phương cũng có lưu truyền một truyện của đồng bào Cham-pa. Truyện *Cô Krao Chao Phò* của Cham-pa giống hệt với truyện Việt-nam vừa kể ở trên, chỉ có khác ở đây người anh không phải vô tình làm văng dao vào đầu em gái trong khi chặt mía mà là hữu ý đánh vào đầu em về việc giành nhau miếng bánh; và hai vợ chồng là dân buôn không phải dân chài (Theo Vũ Lang, đã dẫn, số 15, 1959).

Riêng núi Vọng phu (?) (La mère et l'enfant) ở Khánh-hòa thì đồng bào Ê-đê có một truyện cổ tích đặc biệt khác truyện của ta. Đại khái là:

Giang-mia sau một cuộc đi buôn xa về, nghe nói vợ ngoại anh với Y-siêng và đã có chữa với y sắp đẻ, bèn đánh nhau với y nhiều trận dữ dội. Y-siêng chạy đến Ban Óng-gan. Giang-mia đuổi kịp, chém chết kẻ tình địch. Y-siêng hóa ra đá ở đây. Lúc trở về thì thấy vợ mình đang sinh, có các bạn bè và bà đỡ xúm xít giúp đỡ, Giang-mia cơn giận còn bùng bùng, bèn bắt mọi người hóa đá. Người ta gọi cụm núi này là núi Mẹ và con.

Xong việc, Giang-mia trở về Póc-ai hóa thành lợn lòi mọc khoai ăn, bị dân làng bắn chết, cũng hóa đá nốt. (Theo Mét-tơ-rơ (Maitre). *Các vùng người Mọi ở phía Nam Đông-dương*).

[3]. Theo lời kể của người dân vùng Lạng-sơn. Riêng truyện này có nhiều người kể khác nhau:

a) Nhà nho ngày xưa đã từng cải biên thành một truyện có chủ đề khác hẳn: Tô thị là người Lạng-sơn có sắc đẹp, yêu một chàng họ Đậu là học trò. Giữa lúc đó có người đình trưởng cũng cậy mối dạm nàng làm vợ lẽ.

Nhưng Tô thị không bằng lòng. Cuối cùng nàng kết duyên với người học trò, nuôi chồng ăn học. Đình trưởng giận để bụng, nhân dịp vua bắt lính, bèn bắt người chồng phải đi. Đẳng đẳng bao nhiêu năm trời không thấy chồng về, mặt khác bị đình trưởng ép lấy mình, Tô thị hóa điên. Một hôm lên núi Tam-thanh trông chồng như mọi ngày, rồi không về nữa. Khi mọi người biết thì đã hóa thành đá.

Nguyễn Thúc Khiêm đã dựa vào cốt truyện này để viết thành một vở chèo nhan đề là *Tô thị chết đặng anh Kỳ lừa* (Nam phong, 1929).

b) Phạm Duy Khiêm thì kể có khác ở đoạn đầu, dùng số mệnh làm chủ đề: Xưa, trong một làng thượng du có hai anh em mồ côi ở với nhau. Người anh hai mươi tuổi, còn em gái lên bảy tuổi. Một hôm có ông thầy số đi qua đoán cho người anh rằng: Số anh phải lấy em ruột làm vợ, không thể nào cưỡng được.

Hắn cầm lấy lá số ngày đêm khổ tâm vì số mệnh ác nghiệt. Cuối cùng, một hôm hắn đưa em lên núi, rồi nhân lúc bất ngờ, giáng cho em một nhát búa ngã lăn ra. Đoạn, hắn thay tên đổi họ rồi trốn đi rất xa trong bao nhiêu năm trời. Cho đến khi yên lặng mới trở về Lạng-sơn lập nghiệp. Còn cô em sau khi bị anh chém thì nằm chết ngất. Nhờ có một bọn cướp cứu cho sống lại rồi cô được họ nuôi ở trong rừng. Cho đến lúc bọn cướp bị đuổi khỏi sào huyệt cô mới được trở về. Bơ vơ không biết nương tựa ai, cô được một người lái buôn nhận làm con nuôi. Rồi về sau hai người lấy nhau mà không biết là anh em.

Mãi đến một hôm vợ phơi thóc, chồng thấy vết sẹo, hỏi rõ mới hay. Chồng lẳng lặng tìm cơ bỏ đi biệt. Vợ ở nhà trông đợi mãi mắt, rồi hoa đá trên núi, v.v... (*Truyện thuyết của đất nước thanh bình*).

[4] Về sự tích sao hôm và sao mai, người Trung-quốc kể: gia đình Cao Tân có hai đứa con thường coi nhau như kẻ thù. Nhưng cuộc xung đột của họ đến tai hoàng đế. Hoàng đế bèn chia rẽ họ ra bằng cách giao cho hai người hai phần việc ở hai xứ khác nhau. Sau khi chết, họ hóa làm hai ngôi sao lúc đầu ở gần nhau, nhưng Ngọc hoàng tỏ ý làm cho họ ngày càng xa dần, cho đến không thể gặp được nhau. Đó là sao hôm và sao mai. (Theo Duy-mu-chiê (Dumoutier), sách đã dẫn).

[5]. *Tạp chí Đông-dương* (1904).

[6]. *Bản khai của làng Quang-lãng*.

[7]. Truyện này, mỗi địa phương kể có khác một ít về chi tiết, chẳng hạn ở Quảng-bình có người kể: chị em đưa nhau ra giếng, chị tắm cho em: em cõ lưng cho chị (hoặc chị em đi xem hội về khuya) rồi bắt đầu sinh ý nghĩ bậy bạ, chị đánh em, em sợ tội bỏ trốn, chị đuổi theo gọi em, v.v... (Theo Ca-di-ê (Cadière), sách đã dẫn). Ở Quảng-nam và một số địa phương ở miền Bắc có người kể: Bố mẹ đi vắng, hai chị em ở nhà, em bắt đầu có ý nghĩ bậy bạ, chị chống cự, em sợ bố mẹ trừng phạt nên bỏ trốn, chị đuổi theo gọi em, v.v... Ở Hà-tĩnh, Quảng-bình cũng gọi chim này là chim tử quy. Có câu ca dao:

Đôi ta như chim tử quy.

Đêm nghe thấy tiếng, ngày đi phương nào.

[8]. *Bản khai của làng Cát-ngạn*.

[9]. Theo *Truyện cổ dân gian Việt nam*, tập I. Bộ sách này gồm 4 tập; hai tập đầu có tên như vừa dẫn, nhưng hai tập cuối lại có chút ít thay đổi: *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*. Vì thế, chú dẫn tên gọi ở đây cũng không thống nhất.

[10]. Cô-xanh (Cosquin) . *Cổ tích con mèo và cây đèn cây ở châu Âu thời trung cổ và ở phương Đông*.

[11]. Xem ở mục **Khảo di** truyện *Sự tích thành Lôi* (số 34).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
33. SỰ TÍCH ĐÁ BÀ-RẦU

Ngày xưa, có gia đình một người thuyền chài có một cô gái rất xinh tươi. Khi cô đã lớn, nhiều chàng trai muốn xin kết duyên với nàng, nhưng chưa có đám nào thành cả. Mãi về sau một chàng trai người Quảng lấy được nàng làm vợ. Anh chàng là người khỏe mạnh, làm nghề buôn hàng bằng thuyền mà ở đây người ta gọi là buôn ghe.

Sau thời kỳ ân ái ngắn ngủi, đôi vợ chồng ấy phải rời nhau vì sinh kế. Người chồng theo thuyền, theo bạn ra đi, để một mình vợ ở lại với gian nhà nhỏ.

Thế rồi, cứ chiều chiều, người vợ lại ra bờ sông trông đợi bóng những cánh buồm tiến vào cửa sông. Nhưng qua ba bốn tuần trăng mà chồng và các bạn của chồng vẫn không thấy về. Những đoàn thuyền khác lần lượt cập bến không nhắc tới họ.

Người đàn bà đâm ra lo sợ: hay là trận bão vừa qua đã nhận chìm thuyền xuống thủy phủ. Hay là chồng mình làm điều gì thất thổ, nên bọn quan quân địa phương đã giam tất cả mọi người vào ngục tối... Năm, sáu tháng qua, người chồng vẫn chưa thấy về. Người đàn bà đó hàng ngày ra đứng bờ sông nhìn những cánh buồm tiến vào cửa biển. Mỗi một cánh buồm đối với

nàng là một tia hy vọng, nhưng tia hy vọng ấy vừa lóe lên, thì một chốc sau đó lại tắt ngay.

Đột nhiên chồng về giữa lúc vợ định ninh sống một thân một bóng lạnh lẽo. Người lái buôn bước vào nhà làm cho mọi người kinh ngạc và mừng rỡ. Anh kể rất dài về cuộc sống chung đụng với những người khác nòi ở hải đảo. Nếu không có mưu trí thì anh và bạn hữu chưa chắc đã sống sót để nhìn lại quê hương.

Thế là ngày vui trở lại. Thú ái ân lại tràn ngập chần gối cho bỏ những lúc xa nhau. Nhưng vui chưa trọn mà buồn đã xuất hiện. Sự nghi ngờ bỗng nảy nở trong lòng người chồng. Chồng vốn là người căm ghen, lại cũng đã biết vợ ngày trước có phần nào tự do trong việc giao thiệp. Bây giờ đây, người ta mách nhỏ với anh rằng: trong những ngày vừa qua người đàn bà hay bỏ nhà ra đi từ buổi chiều cho đến tối mịt mới về. Nghe đoạn: máu ghen của anh bùng bùng bốc lên. Hẳn không ngờ trong những lúc mình gian lao như thế, thì vợ lại có thể như thế được.

Nhưng lời phân trần của người vợ chẳng ăn thua gì. Trong tình cảnh đó, nàng chỉ đành ngậm miệng. Vì thế chồng không tiếc tay hành hạ vợ. Không một lời oán trách, người đàn bà chỉ biết mình khóc với mình mà thôi. Vợ càng làm thế, thì chồng lại càng lạnh nhạt. Một hôm để cho vợ phải hối hận, người chồng lại cùng bạn dong buồm ra đi, không một lời rĩ tai với vợ.

Người đàn bà ấy không biết chồng đi đâu và bao giờ trở lại.

*

* *

Nhưng một hôm, người chồng lại cùng với các bạn bè trở về quê hương, sau một thời gian buôn bán ở phương xa. Hắn làm ra rất nhiều tiền, nhưng hắn thấy tiền của không đủ lấp sự trống trải trong lòng mình. Hắn ao ước được gặp lại vợ cũ để tìm hạnh phúc trong sum họp. Lần này, chồng dự định lúc về sẽ khuyên dỗ cho vợ mình tu tỉnh để nối lại những ngày thăm đẹp xưa kia.

Nhưng khi bước chân vào nhà, người chồng thấy nhà lạnh lẽo. Xóm giềng cho hay rằng vợ anh bỏ đi đã hơn một tháng. Hắn thấy gánh buồn đè nặng lên người. Hắn vợ vẫn đi lại bờ sông, chỗ mà người ta cho biết là vợ mình lần trước cũng như lần này hay đứng đây trông đợi. Sự hối hận tràn ngập trong lòng người đàn ông.

Tự nhiên hắt reo lên vì xa kia bên cạnh cái tháp Chàm có bóng một người thiếu phụ nổi bật trong ánh chiều giống hệt vợ mình. Mừng quá, hắt cầm đầu chạy tới. Quả đúng là vợ, nhưng vợ bấy giờ đã hóa thành đá, con mắt vẫn đắm đắm nhìn về phía chân trời vô tận.

Thời gian bây giờ đã xóa đi mất tích nhiều sự vật, nhưng bức tượng người đàn bà cô đơn buồn rầu kia ở Quảng-nam vẫn còn. Bên cạnh đó là một ngọn tháp cổ. Cái tượng đó người ta gọi là tượng Bà-rầu. Vì tượng ở cạnh tháp, nên tháp cũng gọi là tháp Bà-rầu[1].

[1] Theo báo *Tràng an*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
34. SỰ TÍCH THÀNH LỒI

Ngày xưa, có một ông vua nước Chăm muốn lấy một nàng công chúa nước Đại Việt làm vợ. Nhà vua nghe nói công chúa Huyền Trân nhan sắc tuyệt trần, những phi tần trong cung vua khó bề sánh kịp. Ao ước người đẹp, nhà vua đêm mơ ngày tưởng. Vua nghĩ đến việc dâng vàng bạc, châu báu, kỳ nam và voi ngựa để làm sính lễ, nhưng những món ấy chưa hẳn đã đưa lại kết quả như ý muốn. Một viên nội thị rỉ vào tai vua:

- Muốn chiếm được người đẹp, trừ phi hiến đất không có kể nào khác.

Trước vua còn ngần ngại, nhưng sau đó quả quyết sai một sứ bộ ra cầu hôn với sính lễ hai châu Ô, Rí ở biên giới. Thấy triều thần có người can ngăn, nhà vua ung dung đáp:

- Tất cả đất đai này đều là của trăm. Mà trăm thì chả vui gì nếu không lấy được công chúa Đại Việt. Hơn nữa, giữa hai nước máu chảy đã nhiều rồi. Ngày nay trăm muốn mượn mỗi nhân duyên để dẹp yên can qua khốc hại.

Trước món sính lễ đặc biệt, triều đình Đại Việt ai nấy đều tỏ vẻ hài lòng. Vua Trần và công chúa Huyền Trân gật đầu ưng thuận. Được lời như cởi tấm lòng, vua Chăm sai quan thái bộc chọn ngày lành tháng tốt, rồi phái một sứ bộ mang năm trăm quân sĩ đi thuyền ra đón vợ về. Đám rước dâu từ kinh thành ra đi, vượt qua muôn trùng sông nước mới tới kinh đô. Vua Chăm mừng rỡ. Công chúa muốn gì được nấy. Bọn nội thị từ đây mới thấy

hoàng cung rộn rịp tươi vui hơn trước. Trong khi đó sứ bộ Đại Việt bắt đầu vào nhận đất mới.

Nhưng việc đời còn éo le nhiều nỗi. Công chúa cùng vua Chăm hưởng đượm lửa nồng chưa được một năm thì nhà vua bỗng nhiên mắc bệnh rồi mất. Tin dữ truyền đi khắp hai nước, riêng đối với công chúa thì không khác gì tiếng sét ngang tai. Đầu xanh đã phải chịu cảnh góa bụa. Không những thế, công chúa sẽ chịu tang trong một thời kỳ ngắn để rồi lên hỏa đàn về với vua Chăm bên kia thế giới. Nhập gia tùy tục, tuy công chúa là người Việt nhưng nay đã là hoàng hậu Chăm, không thể không theo đúng tục lệ có tự nghìn xưa. Vua Trần nghe tin lo sợ, vội sai sứ bộ vào điều tang và tìm cách cứu công chúa. Nhân lúc mọi người bối rối, sứ bộ Việt giả cách xin phép đưa công chúa ra bờ biển làm lễ cầu hồn rồi lên đưa xuống thuyền nhỏ, một mạch dong buồm ra Bắc.

Việc hoàng hậu bỏ trốn làm cho triều đình nước Chăm nổi giận. Đã thế thì lời hứa cũ không còn có giá trị nữa. Món đồ sính lễ là hai châu Ô, Rí phải được trả lại. Nghĩ thế, ông vua mới nước Chăm bèn sai năm vạn quân mã ra giữ chắc lấy hai châu đó, mặc dầu việc bàn giao đã sắp xong, bên Đại-việt không ngờ có chuyện xảy ra như thế chỉ phái tướng quân Đoàn Nhữ Hài mang mấy ngàn quân vào dò động tĩnh.

Một buổi chiều hè, quân Đại Việt mang theo cát bụi từ Đàng ngoài đã tiến vào tới sát bờ sông Trong^[1]. Quân do thám về báo quân Chăm đã kéo ra

đông vô kể, do một viên tướng mặt đen râu xồm tên là Lôi hiện đang đóng trên mấy ngọn đồi ở bên kia sông. Thấy tình thế đã trở nên nghiêm trọng, tướng Việt lo lắng vì sức người sức mình cách nhau một trời một vực. Đoàn tướng quân vò đầu suy nghĩ. Rồi đó người ta thấy quân lính Việt được lệnh cắm trại rải rác suốt mấy dặm dài dọc theo bờ sông. Mỗi trại chia ra từng nhóm quân, nhóm nào nhóm ấy cắm cờ la liệt. Để khoa trương thanh thế, ban đêm mọi nơi thắp đèn đuốc sáng choang, lại đánh trống chiêng và hò reo rầm trời. Ban ngày có một toán quân đã cắt đặt sẵn, vác gươm giáo sáng quắc, nai nịt chỉnh tề đi quanh hòn núi nổi lên trên bờ sông[2].

*

* *

Bên Chăm thấy bên Việt án binh bất động lại thấy quân địch kéo qua núi liên miên không ngớt, nghĩ tới oai hùng của những người đã chiến thắng trăm vạn quân hùng beo Mông-cổ nên sinh khiếp sợ. Song vâng mệnh vua đem đại quân ra giữ biên thù, không lẽ chưa giao chiến đã vội rút lui. Sau mấy ngày làm kế nghi binh, đoàn tướng quân cho quân mang thư mời tướng Chăm ra trước trận để cùng thương lượng. Kết quả, các tướng lĩnh hai bên đi đến một đỉnh ước: "Trong một đêm hai bên đều khởi công, mỗi bên đắp một bức thành cho suốt tới sáng, bên nào hơn thì thắng. Bên thua lập tức lui binh nhượng đất, để khỏi giết hại sinh linh". Trong khi quân Đại-việt còn đứng đình nẫu ăn coi bộ chưa nghĩ tới cuộc đấu sức đã bắt đầu, thì quân Chăm đã vội vã kẻ đào người chuyển đất, đắp một bức thành suốt dọc bờ sông vắt qua mấy ngọn đồi. Tướng Lôi đốc thúc ráo riết. Trời vừa tối

hắn thì quân Chăm đã đắp nổi một tường khá cao. Cho đến mờ sáng, cả tướng lẫn quân lấy làm mừng rỡ vì mặt thành đã cao hơn trượng. Chợt nghe một hồi trống đồng từ bên kia vọng đến, quân Chăm bên này trông sang, thì kia, thăm thẳm mây dậm dài, thành của bên quân Đại-Việt đã xây xong từ bao giờ: Tường cao dễ đến mấy trượng, công thành với cái vọng lâu của nó trông thật là đồ sộ. Chẳng những thế, trong thành lại còn nhà cửa mới xây rất nguy nga: mái lợp ngói đỏ tường quét vôi trắng, trên mặt thành voi ngựa, quân lính dàn ra không biết bao nhiêu mà kể. Thật là bạt ngàn san dã... Hàng ngũ của họ rất tề chỉnh, đứng im phăng phắc dưới bóng cờ như chỉ chờ lệnh là xông ra. Tướng Lôi ở trên chòi cao đưa mắt nhìn với một vẻ ngơ ngẩn hãi hùng. Quân Việt quả là dồn tất cả lực lượng vào đây. Trêu vào họ chỉ là chuốc lấy một thất bại thảm hại. Khi nghe tiếng loa bên địch thét lên, tướng Lôi nổi hiệu cho toàn quân rút lui khỏi vùng Ô, Rí.

*

* *

Tuy không phải đánh chác gì, nhưng Đoàn tướng quân cũng báo tin đại thắng về cho vua Trần, không quên nói hết mưu kỳ của mình trong cuộc đồ trí nguy hiểm này. Bởi vì quân Chăm có biết đâu thành của quân địch toàn bằng phen tre dựng lên, nhà cửa đều bằng nan ghép lại, quân sĩ voi ngựa đều bằng cỏ bện hoặc bằng đất, những mái đỏ tường trắng, cỏ xanh đều là màu thuốc tô điểm.

Ngày nay vẫn còn dấu vết bức thành do quân Chăm đắp dở, thuộc địa phận mấy xã Dương xuân, Nguyệt-biểu (Thừa-thiên). Người ta gọi là thành Lồi để phân biệt nó với thành Phật-thệ ở gần đó và cũng để nhắc nhở cái tên viên tướng thua cay trong cuộc đấu trí vừa hiểm có vừa ly kỳ ấy[3].

KHẢO DỊ

Truyện này phần nào tương tự với một số truyện, trong đó cả truyện của đồng bào Chăm-pa.

Thứ nhất là truyện *Sự tíchtháp Nhạn*:

Ngày xưa lúc người Việt đòi vào lập nghiệp ở miền Nam, người địa phương ban đầu vẫn không chịu phục. Ở Tuy-hòa (Phú-yên), từ núi Chóp-chài trở về Bắc là khu vực người Việt, từ núi Nhạn trở vào Nam là đất sống của người Chăm. Thế nhưng giữa hai bên ít khi yên ổn. Một hôm, hai bên đồng ý tổ chức một cuộc thi do người Chăm tự ra đề, bên nào thua thì chịu phạt làm đàn em và nhượng bộ bên được cuộc. Ngày bắt đầu thi, bên phía người Chăm đưa đến một bức họa đồ có vẽ hình một cái tháp đồ sộ, và bảo hai bên cùng xây tháp: một bên xây trên đỉnh núi Nhạn, một bên xây trên đỉnh núi Chóp-chài, hạn ba tháng phải xong.

Người Việt rất vụng trong nghề kiến trúc. Vì thế tháp hồ xây lên cao lại đổ xuống. Muốn lên sang phía bên kia đang xây để học lỏm, nhưng đối phương canh phòng rất ngặt.

Hai tháng trời trôi qua. Trong khi ở núi Chóp-chài vẫn còn trống trải thì ở núi Nhạn, người Chăm đã xây tháp lên được khá cao. Họ vừa làm vừa hò reo tỏ vẻ đắc thắng.

Bỗng một hôm có một đạo sĩ già tìm đến gặp phía người Việt. Theo lời đạo sĩ thì cái tháp bên này sẽ làm rất dễ dàng nhanh chóng, không đầy một đêm là có thể xong tất cả. Quả nhiên, nhờ đạo sĩ, chỉ trong một đêm, tháp của người Việt mọc sừng sững trên đỉnh Chóp-chài làm cho mọi người dân địa phương đều kinh ngạc. Trong khi đó thì ngôi tháp của người Chăm còn đang xây dở. Kết quả cuộc thi lần ấy người Việt được cuộc. Người Chăm không ngờ người Việt xây tháp nhanh chóng như thế. Tuy vậy họ cũng cố xây cho xong tháp của mình[4].

Truyện này đoạn cuối có người kể như sau:

Khi tháp đã dựng xong, đạo sĩ còn gợi ý cho người Việt thách đối phương hãy cùng nhau thử tài phá cho nhanh, ai phá chậm thì coi như thất bại. Trong khi một bên dùng phép chỉ một loáng là xong, thì bên kia ra sức đập

phá cũng chỉ mới thủng một mảng. Biết là thua cuộc, nhân đêm tối họ rút lui về phương Nam.

Hiện nay vẫn còn di tích cái tháp ở trên núi Nhạn. Thân tháp bị thủng một mảng, đó là dấu vết của sự đập phá dở dang như truyện đã kể.

Thứ hai là sự tích vua Kơ-long *Gia-rai* xây *tháp thi* của đồng bào Chăm-pa: Vua Kơ-long *Gia-rai* (tức vua Lác) lên ngôi nước Chăm-pa. Có một vị vua Tây Nguyên là Pô-tầm không chịu thần phục vì cho vua là kẻ không cha. Vua Kơ-long *Gia-rai* sai sứ tới bảo Pô-tầm rằng: - "Hai bên hãy cùng nhau thi đua xây tháp, hễ bên nào xong trước thì bên kia phải thần phục". Sau đó Pô-tầm phải thần phục vì trong khi tháp Pô-tầm mới xây được một nửa, thì tháp của vua đã xây xong nhưng bằng giấy. Hiện nay ngọn tháp xây dở dang của Pô-tầm vẫn còn ở trên đồi gần ga Sông-lòng-sông. Lúc vua trở về Pang-da-rang (Phan-rang) thì thấy người Chân-lạp (Kơ-ru) đang xây dở dang ngọn tháp lớn ở đây, dự định chiếm đất của vua. Vua cho sứ sang giao ước xây tháp, ai xong trước thì quyền lợi đất đai thuộc về bên đó, không được tranh giành. Cách thi này được đối phương đồng ý. Trong khi người Kơ-ru đổ đá tiếp tục xây tháp, thì chỉ trong một đêm, tháp của vua đã hoàn thành trên đồi On-ha-la. Người Kơ-ru không biết đó là tháp bằng giấy, cho là có trời giúp Vua Kơ-long *Gia-rai*, nên bỏ đi khỏi vùng này.

Hiện nay ở Phan-rang trên đường số 1 còn có một ngọn đồi gọi là Ba-tháp, tức là nơi tương truyền người Chân-lạp xây tháp dở dang[5].

Chúng tôi ngờ rằng truyện Sự tích thành Lôi và truyện *Sự tích tháp Nhạn* phần nào bắt nguồn từ truyện này mà ra.

Người Khơ-me (Khmer) cũng có một truyện có kể đến tình tiết xây tháp thi:

Hoàng tử nước Kơ-run. Tê-bo-rây lớn lên tìm cách cứu mẹ bị vua nước láng giềng bắt cóc hồi mình còn bé. Hoàng tử đến thách tên vua nước ấy xây thi với mình một ngọn tháp mười tầng trong một đêm, hẹn đến lúc sao mai mọc thì phải xong, nếu không xong hẳn phải trả lại mẹ cho mình. Vua nhận lời. Khi tháp xây được bảy tầng, hoàng tử cho treo lên trên đó một ngọn đèn. Vua nước láng giềng thấy vậy, tưởng sao mai đã mọc mà công việc mình thì chưa xong nên thất vọng không xây tiếp nữa. Mãi đến khi sao mai thật mọc, thì đối phương đã xây xong tầng thứ mười, nên đành chịu thua cuộc. Tuy thua hẳn vẫn không chịu trả người đàn bà mà hẳn đã hai lần dùng mẹo để bắt cóc trước kia. Hoàng tử đi mượn quân đánh nhau với hẳn, cuối cùng giết chết được. Nhưng hoàng tử lại không biết mặt mẹ mình. Gặp một phụ nữ xinh đẹp, hoàng tử liền bắt làm vợ, mãi về sau mẹ nhận ra con nhờ vết sẹo trên người hoàng tử có từ lúc bé. Hối hận, mẹ nhảy xuống sông tự tử. Hoàng tử - sau là vua - cho xây thêm một ngàn ngọn tháp mười tầng nữa để cuộc tội[6].

Ở Quảng-bình và Thừa-Thiên còn có một truyền thuyết nói về cuộc thi giữa người Chăm và người Việt ngày xưa nhưng không phải xây thành hay xây tháp:

Hồi đó người Việt bắt đầu vào các châu Bố-chính, Địa-lý và Ma-linh để lập nghiệp. Tuy có lệnh của vua mình, nhưng những người địa phương vẫn không chịu rút khỏi những vùng này. Những vụ tranh chấp luôn luôn xảy ra làm cho cuộc sống ít khi yên ổn. Một hôm hai bên tán thành dự một cuộc thi, giao hẹn bên nào hơn được ở lại, bên thua phải đi. Người Chăm vốn có tài chạm trổ thì tạc một con bò bằng đá nhưng phải đi được. Bên người Việt khéo trồng cây thì trồng một cây tre gốc lên trời nhưng tre phải sống.

Người Chăm về tạc một con bò bằng đá trông giống như bò thật. Cố nhiên

khi chạm xong, đánh mấy bò cũng không chịu đi. Còn người Việt có trồng tre trồng gốc lên trời. Nhưng họ lấy đất ướm bọc rễ tre lại rồi dùng bẹ chuối cuốn bên ngoài. Thừa đêm hôm, họ ra trở đầu rễ tre trở xuống, rồi để cho người Chăm khỏi nghi ngờ, họ chặt một rễ tre khác cắm lên đầu cây tre này, ngoài cũng bọc đất và bẹ chuối như cũ. Nhờ thế mà tre mọc thành cây xanh tốt[7]. Vì thế, người Chăm phải nhận người Việt được cuộc.

Ngày nay ở huyện Bố-trạch tỉnh Quảng-bình còn có tượng con bò đá của người Chăm. Ở Thừa-thiên do câu chuyện trên, bây giờ còn có thói quen lúc nào trồng tre, người ta cũng bọc đất và bẹ chuối lên đăng đầu và họ gọi là đăng chông tre[8].

Các dị bản trên, bên cạnh chủ đề chính là ca ngợi sự thông minh tài trí, cũng có để lộ ít nhiều nhược điểm. Chúng tôi đưa vào đây để bạn đọc có thể tìm hiểu về một loại hình cổ tích riêng biệt đã xuất hiện trên quá trình phát triển và thống nhất dân tộc.

Trong *Ô-Châu cân lục* của Dương Văn An có truyện Tháp Dương-lệphần nào giống với truyện của người Khơ-me (Khmer), dịch như sau:

"Tháp Dương-lệ thuộc xã Dương-lệ, huyện Hải-lăng (Quảng-trị), hãy còn nền cũ. Tục truyền hai tháp Dương-lệ và Trung-dan đều do người Chăm xây nên. Lúc bắt đầu xây, hai nhóm giao ước chỉ một đêm là phải xong. Bên nào xong trước thì đốt lửa ra hiệu cho bên kia biết. Chỉ một mình Dương-lệ theo đúng lời ước. Còn nhóm bên Trung-dan thì không ngay thẳng, đến nửa đêm tuy công việc chưa xong nhưng cứ nổi đuốc lên trước. Mãi đến sáng mới xây xong. Nhóm bên Dương-lệ thấy lửa bên thôi không xây nữa. Về sau Dương-lệ vì ngay thẳng được hưởng thái lao. Trung-dan không dự".

Người Nghệ-an có kể một truyện *Xây thành giấy*, như sau:

Xưa có một người được làm vua, trước tiên cho người về quê cha đất tổ xây thành đắp lũy làm nơi đóng quân. Dân phu được ộp tới phục dịch, nhưng công trình thật là đồ sộ, làm đã mấy tháng mà chưa nên cơm cháo gì. Mọi người lấy làm lo vì vua giao hẹn đúng ngày tháng phải xong. Một hôm có một ông lão tới nói rằng: - "Thành xây mãi không xong mà nghe nói nay mai nhà vua đã kéo quân về, không khỏi tội nặng. Hãy cho tôi đảm đương việc xây thành, chắc chắn sẽ xong sớm". Người ta cho rằng ông lão nói khoác. Nhưng kỳ hạn đã đến rồi, đành phải trông cậy vào ông lão họa có được chẳng, bèn hỏi: - "Bao giờ thì xong?". Đáp: - "Chỉ nội nhật ngày mai là xong". Ông lão bảo mang thật nhiều giấy đến bắt can lại rồi cắm cọc giăng lên như thế cái thành. Qua ngày mai tự nhiên thành giấy đã hóa ra thành thật, cũng có đá màu xanh như đá thật, nhưng dấu can của giấy vẫn còn nhận được[9].

Đại-việt sử ký toàn thư và Đại-việt thông sử có kể một câu chuyện trong cuộc nội chiến giữa Lê và Mạc năm 1570. Hồi ấy quân Lê thua đậm phải rút về giữa miền thượng du Thanh-hóa, chỉ còn giữ được một thành lũy cuối cùng ở An-tràng. Tình thế rất nguy ngập vì lũy rất yếu mà quân địch thì tấn công ngày đêm không nghỉ. Các quan nhà Lê bàn việc đắp lũy cho cao, đào hào cho sâu để phòng thủ. Theo mưu kế của Lê Cập Đệ thì phải làm một cái thành bao bọc bên ngoài lũy. Trong một đêm, quân Lê trưng thu tất cả phen vách của nhà dân, dựng lên làm một cái thành giả, ngoài trét đất bùn, trên cắm chông tre, bao bọc lấy lũy An-tràng dài hơn 10 dặm. Sáng dậy, quân Mạc tưởng là thành thật, kinh hãi không dám đến gần. Sau đó phải rút.

Về tình tiết quân Đại-việt thả đuốc để khoa trương thanh thế, người Thái ở Điện-biên-phủ có truyền thuyết *Bảy người Kinh*. Truyện kể rằng bảy người

Kinh này lên Điện-biên giúp người Thái chống ngoại xâm. Họ đã tỏ rõ mưu trí và lòng dũng cảm trong cuộc chiến đấu. Có lần phải đương đầu với một đám giặc quân số khá lớn, bảy người Kinh dùng mẹo đêm đến buộc rất nhiều cà-bong trên sườn của một đàn dê rồi thả lên làm cho giặc tưởng mình cũng đông quân. Về sau bảy người Kinh cùng bị hy sinh, đồng bào người Thái lập đền thờ cúng vào ngày mồng 5 tháng Hai âm lịch. Hiện nay ở Điện-biên còn có bụi tre tương truyền do bảy người đưa lên trồng.

-
- [1] Tức sông Hương.
- [2] Tức núi có chùa Thiên-mụ bây giờ.
- [3] Theo *Khai trí tiến đức tập san*, số 4 (1941).
- [4] Theo *Tiểu thuyết thứ bảy* và lời kể của người Phú-yên.
- [5] Theo Bồ Thuận, *Bách khoa* (1959).
- [6] Theo Truyện dân gian *Căm-pu-chia*.
- [7] Theo lời kể của đồng bào Huế thì đoạn này người Việt trồng tre trở gốc lên trời nhưng hữu ý bọc nhiều bùn vào gốc tre ngoài bọc bẹ chuối và năng tưới nước. Tre là loại cây dễ sống nên tuy gốc trở lên trời nhưng chẳng bao lâu mầm đã mọc lên xanh tốt. Không có tình tiết thừa lúc nửa đêm tối ra trở đầu rễ tre trở xuống như Ca-đi-e (Cadiere) kể.
- [8] Theo ca-đi-e (Cadiere). BEFEO, tập XI (1911).
- [9] Theo bản khai của thôn *An-trạch*, xã *Giang-triều*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
35. SỰ TÍCH NÚI NGŨ-HÀNH

Ngày xưa, có một ông cụ già sống một thân một mình trong một túp lều còn trên bãi biển vắng. Những người dân gần đó không biết ông cụ đến đây làm gì và đến từ lúc nào.

Một hôm, tự nhiên ngoài biển khơi có một vùng sóng gió nổi lên dữ dội làm bầu trời tối mịt. Hồi lâu có một con giao long rất lớn ngoi vào bờ, trườn lên đất liền. Giao long quăn đuôi trên bãi cát làm vệt đất thành từng đường ngoằn ngoèo. Gió thổi ào ào, bụi cát mù mịt. Gian lều của ông già gần đó xem chừng muốn đổ. Cuối cùng một tiếng gào rống lên, rồi một chiếc trứng lớn trong bụng giao long xuất hiện bên cạnh nhà của ông già. Đẻ xong, giao long lại trườn xuống biển đi mất.

Một lát sau lại đến lượt một con rùa vàng to lớn cũng từ ngoài khơi tiến vào. Rùa vàng đào đất chôn trứng vào bãi cát. Đoạn, rùa bò đến trước mặt ông lão bảo rằng:

- Ta là thần Kim quy. Ta muốn người phải hết sức bảo hộ giọt máu này của Long quân!

Ông già trả lời:

- Sức cùng tài tận nhà tôi thì làm sao mà bảo hộ được.

Rùa liền trao cho ông già một cái móng và nói:

- Người hãy cầm lấy cái này, bao giờ có việc gì khó khăn nguy cấp thì đặt nó vào tai, ta sẽ giúp ngay. Không lo gì cả.

- Được, tôi sẽ xin hết sức.

Một hôm từ làng xa tiến đến một chiếc xe trâu, trên có mấy tên lính hung dữ. Ông già hoảng hốt lo sợ vì chiếc xe cứ nhắm đúng hướng trứng mà lao tới. Ông đứng dậy khoát tay làm dấu cho xe chạy đi ngả khác mà không được. Ông vội đặt móng rùa vào tai. Tự nhiên có một tiếng nói nhỏ đủ lọt vào tai ông: "Năm xuống! Năm xuống!". Ông vừa phủ phục thì hóa ngay một con hổ lớn. Bọn lính trên xe hoảng hốt đánh xe quay trở lại.

Sau đó, ông cụ tháo gian nhà của mình đưa tới dựng lên che cho trứng thần. Nhưng ông không ngờ rằng trứng thần cứ mỗi ngày một lớn mãi. Thoạt tiên nó làm nổi cát lên. Rồi ngày một, ngày hai nó rẽ dần cát ra và nhô lên khỏi mặt đất. Mỗi lần như thế thì cụ già lại hì hục xúc cát lấp lại. Nhưng vô ích vì chỉ ngày mai ngày kia nó đã nhô cao hơn, đến nỗi đội cả gian nhà của ông cụ lên trời. Trứng càng ngày càng lớn làm cho ông cụ thấy sức của mình bé lại. Tuy nhiên, ông vẫn hết lòng vì trứng thần. Ông đi chặt cây, chặt lá về che cho kín trứng. Nhưng cây lá cũng không che nổi nữa vì trứng ngày một phình to ra. Không những nó nhô cao lên trời mà còn nở cả bề

rộng. Màu vỏ trứng xanh đỏ tím vàng lóng lánh như một hòn ngọc khổng lồ.

Một hôm, gian lậu của ông cụ bị những tên vô lại đốt cháy. Ông cụ cầu cứu với móng rùa. Tự nhiên trong lòng trứng hiện ra một cái hang đá có đủ giường chiếu sẵn sàng. Ông già vừa đặt mình xuống là ngủ thiếp ngay.

Giữa lúc đó thì một cô gái bé từ trong lòng trứng ra đời bên cạnh giường của ông già. Sữa ở mạch đá trong hang chảy ra nuôi cô gái bé lớn lên như thổi. Nhưng tuy ông già ngủ mà cô gái cũng không cô quạnh. Hàng ngày có những con khỉ hái hoa quả đến cho cô ăn, có những con chim cu tha bông đến dệt cho cô mặc. Ông già ngủ một giấc tỉnh dậy lấy làm kinh ngạc khi thấy một thiếu nữ xinh đẹp ngồi bên cạnh mình. Cô gái reo lên: - "Mười lăm năm nay con ngày ngày lắng nghe hơi thở đều đặn của cha. Nay cha đã dậy, con vui mừng biết mấy". Ông già ngơ ngác nhìn trứng thần bây giờ đã thành một hòn núi đá to lớn, cỏ cây đã rậm rạp, chim chóc thú vật đã đến sinh hoạt nhộn nhịp. Móng rùa vẫn còn ở đầu giường. Ông vội cầm lấy để vào tai. Móng rùa mách đường cho ông già và cô gái ra khỏi hang và cho biết phải làm những việc gì. Từ đây ông già lại có thêm chức trách dạy dỗ săn sóc cô gái của Long quân. Trong khi đó, chim chóc và thú rừng đến quán quýt bên cạnh hai người. Bọn mục đồng cũng không quên lui tới làm quen với với *bọn họ*.

Một hôm có một đội quân không hiểu từ đâu lại, mặt mũi hung ác, gườm

tuốt sáng lòi, đến bờ vây chiếm lấy hòn núi mới. Bọn chúng xô tới định bắt cả trẻ lẫn già đi, nhưng móng rùa đã làm cho chúng chết không kịp ngáp. Cả một vòng lửa rất dày ùn ùn bốc lên vây lấy chúng và chẳng cho một tên nào chạy thoát. Thấy núi và người bỗng dưng xuất hiện ở địa phương mình, nhân dân quanh vùng cho là một sự lạ chưa từng có. Tin là tiên xuống trần cứu dân, họ đến gặp cô gái và ông già để xin thuốc và cầu khẩn mọi việc.

Thấy họ cần dùng thuốc, cô gái lấy những mảnh đá có màu xanh, đỏ sáng giấp giời, buộc lại với nhau rồi ném ra xung quanh chỗ ngồi. Trên mặt đất bỗng mọc lên một loại cây cỏ hoa năm cánh dùng để chữa bệnh sốt rét rất hiệu nghiệm. Người ta đua nhau đi hái hoa đó về chữa bệnh. Họ gọi là hoa Tứ quý. Tiếng đồn thổi mỗi ngày một rộng. Ai ai cũng nhắc đến nàng tiên bé nhỏ với một tấm lòng trù mẫn.

Sau đó chẳng bao lâu, nhà vua nghe tin có nàng tiên xinh đẹp, bèn sai quan quân mang lễ vật đến cầu hôn cho hoàng tử. Khi sứ giả đến thì trông thấy một già một trẻ đang đánh cờ "gánh" trên tảng đá lớn. Sứ giả bước vào đệ trình lễ vật và quốc thư. Giữa khi ông cử già lúng túng chưa biết nên xử trí thế nào thì rùa vàng đã tự dưới biển hiện lên báo tin cho ông biết là Long quân đã bằng lòng gả. Từ đây núi vắng người tiên. Cô gái từ biệt cha nuôi lên kiệu đi theo sứ giả, có mấy trăm quân sĩ theo hầu. Còn ông già trả móng lại cho rùa thần rồi cười lên lưng rùa đi biệt.

Ngày nay hòn núi đá ấy vẫn hãy còn. Nó là hòn núi đẹp nhất nổi lên ở bờ

biển Quảng-nam. Người ta gọi nó là núi Ngũ-hành. Ở phía Tây núi có sông Vĩnh-diện chảy ra cửa Hàn. Người ta bảo sông đó cũng như sông Cấm-lệ, sông Hàn đều do bà vợ Long quân vô tình làm ra trong khi quần quai ở cửi[1].

KHẢO DỊ

Một truyền thuyết khác về núi Ngũ-hành thì cho đó là năm ngón tay của đức Phật Quan âm đè lên mình Đại thánh. Năm ngón tay đó hóa làm năm hòn núi Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ tức là Ngũ-hành sơn[2]. Truyền thuyết này có phần chịu ảnh hưởng của Tây du ký.

[1] Theo Rích-cơ-bua (Ricquebourg). *Đất rồng*.

[2] Núi Ngũ-hành có năm hòn : Hỏa-sơn, Kim-sơn, Thổ-sơn một bên; Thủy-sơn, Mộc-sơn một bên; ở giữa là con đường sắt.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

III. SỰ TÍCH CÁC CÂU VÍ

36. THẠCH SÙNG CÒN THIẾU MỀ KHO HAY LÀ SỰ TÍCH CON MỐI

Ngày xưa, có hai vợ chồng một người nghèo khó tên là Thạch Sùng. Họ sống chui rúc trong một túp lều gần chợ, xin ăn qua ngày. Cuộc sống thật là vất vả. Nhưng Thạch Sùng là người có chí kinh doanh lớn, lại có nhiều thủ đoạn. Từ lâu hai vợ chồng ăn nhịn để dành, lần hồi góp nhặt một số vốn chôn ở góc nhà. Số tiền ấy ngày một lớn mãi lên. Nhưng họ vẫn giả bộ nghèo khó, làm nghề hành khất như cũ.

Một hôm Thạch Sùng đi ăn xin về khuya. Dọc theo bờ sông ông trông thấy hai con trâu từ dưới nước lội lên và húc nhau chí tử. Đoán biết ấy là điềm trời sẽ mưa lụt to[1], nên từ đó có bao nhiêu tiền chôn, ông đào lên đóng gạo tất cả. Quả nhiên, tháng Tám năm ấy trời làm một trận lụt kinh khủng, nước lênh láng khắp mọi miền: mùa màng, nhà cửa và súc vật. v. v... đều trôi nổi. Nạn đói đe dọa khắp mọi nơi. Giá gạo từ một tăng lên gấp mười rồi dần dà tăng lên gấp trăm. Thế mà vẫn không ai có gạo để bán. Thạch Sùng chờ đến lúc dân tình cùng kiệt mới ném số gạo tích trữ của mình ra. Có những nhà giàu phải đổi cho ông ta một thỏi vàng mới được một đấu gạo.

Từ khi có vốn, hai vợ chồng Thạch Sùng thôi nghề bị gậy. Họ đem tiền cho vay một vốn năm bảy lớp lãi. Thế rồi chẳng bao lâu Thạch Sùng nghiêng

nhiên trở thành một phú ông. Ông ta tậu biết bao nhiêu là trâu bò ruộng vườn, những thứ đó mỗi năm mỗi nhiều lên mãi. Nhưng Thạch Sùng còn có nhiều mảnh khoe làm tiền khác. Ngoài việc thu lúa rẻ, cho vay lãi, ông ta còn buôn bán lớn. Thuyền buôn của Thạch Sùng dong buồm đi khắp mọi cửa biển. Rồi hăn thông lưng với bọn cướp trong vùng. Mỗi một chuyến làm ăn, chẳng những được chia phần mà hăn còn oa tàng và tiêu thụ hộ những của bất nghĩa. Cứ như thế sau mười năm, Thạch Sùng trở nên một tay cự phú, tiền của châu báu như nước như non, không ai địch nổi. Những tay thiên hộ bá hộ so với hăn chỉ bằng cái móng tay. Có tiền trong tay, Thạch Sùng rất dễ kiếm được địa vị. Hăn dâng vua bao nhiêu là vàng bạc ngọc ngà, nên được vua phong tước quận công. Hăn ra ở kinh thành, xây dựng phủ đệ, không khác gì phủ đệ của ông hoàng bà chúa. Trong phủ đệ của hăn có một trăm nàng hầu vợ lẽ, người nào người ấy ăn mặc toàn lụa là gấm vóc. Còn hăn và vợ con thì giờ đây sống một cách xa xỉ, đến nỗi trong nước trừ hoàng đế ra khó có một người nào dám sánh.

Hồi đó ở kinh đô có một người em hoàng hậu họ Vương. Y cũng là tay cự phú nổi tiếng tiền rừng biển bạc và xài phí vào bạc nhất. Một hôm, y gặp Thạch Sùng trong một bữa tiệc đủ các bậc vương công đại thần. Câu chuyện dần dần chuyển thành một cuộc khoe của giữa hai bên. Họ Vương nói: - "Bọn nô tỳ nhà tôi đều mặc đồ tơ lụa. Chúng nó đông đến nỗi năm hết tết đến phải có hàng kho vải lụa để may mặc cho chúng mới tạm đủ". Thạch đáp: - "Bọn nô tỳ nhà tôi thì phải có lúa gạo của cả một huyện mới đủ cho chúng ăn". Vương lại khoe: - "Bếp nhà tôi phải dùng đường thay cho củi". Nhưng Thạch cướp lời: "Để sưởi ấm các phòng trong mùa đông, chúng tôi phải đốt mỗi ngày hàng hòm nến". Nghe bọn họ không bên nào chịu bên nào, có một vị quan khách dàn xếp: - "Hai ngài cãi nhau như thế không ích gì cả. Cần phải có chứng cứ thì chúng tôi mới tin. Ấu là một hôm nào đó, hai ngài hãy trưng của cải ra cho chúng tôi xem. Ai thua phải nộp

cho bên được mười thúng vàng. Chúng tôi sẽ làm chứng cho". Cả hai người đều khẳng khái nhận lời.

Đến ngày đấu của, có mấy vị đại thần ra làm chứng cho bọn họ. Hai bên ký vào giấy giao ước. Hoàng hậu lo cho em mình thua cuộc, có phái mấy viên hoạn quan nhiều mưu trí đi theo để giúp sức. Đầu tiên, Vương sai lấy lụa căng làm màn trần trong tất cả các dinh thự của mình. Đến lượt Thạch Sùng, hắn sai lấy gấm căng che và trần trướng tất cả mọi nhà cửa của hắn. Thấy vậy, Vương sai lấy thuỷ tinh thay ngói lợp tất cả các nhà cửa phủ đệ của y, khiến chúng trở thành những tòa lâu sáng choang như ngọc. Nhưng đổi lại, Thạch Sùng sai lấy ngọc thạch cho thợ đá cắt ra từng phiến lát cái sân ở trước nhà.

Mọi người đều tấm tắc khen ngợi Thạch Sùng.

Cuộc đấu của lại tiếp tục. Thạch hỏi Vương: - "Nhà người có san hô chăng?". Vương đưa ra một cây san hô cao mấy thước, và hỏi lại: - "Nhà người có tê giác không?". Thạch bữu môi ra hiệu cho một người hầu bưng ra một bộ đồ trà bằng sừng tê nạm ngọc.

Cả hai người còn khoe nhiều nữa, chưa ai chịu thua ai. Đến lượt họ bắt đầu khoe các vật kỳ lạ. Thạch Sùng nói: - "Ta có con thiên lý mã mua từ bên Thiên-trúc về mỗi ngày chạy được một ngàn dặm". Người ta xúm nhau

xem và tán tụng con ngựa quý. Nhưng Vương lại mời họ về vườn của mình thưởng thức một con hươu có hai cái đầu.

Lần này Thạch Sùng yên lặng khá lâu. Tiếng xôn xao nổi lên khắp nơi. Ai cũng tưởng Thạch Sùng đã hết cả vật quý. Nhưng bất ngờ hắn rút trong bọc ra một viên ngọc và nói: - "Ta có một viên ngọc, mùa nóng đeo vào thì mát, mùa rét đeo vào thì ấm. Tôi chắc trong thiên hạ có một không hai".

Thấy thế họ Vương bắt đầu bối rối. Y toan sai người vào mượn hoàng hậu viên ngọc như ý để địch lại, nhưng ngay lúc đó một viên hoạn quan ngồi bên cạnh, nói nhỏ vào tai hắn mấy câu. Thế rồi người ta thấy Vương quay sang hỏi Thạch Sùng: - "Nhà người tuy rất giàu nhưng có đầy mà không đủ. Ta thì cho rằng thế nào trong nhà nhà người cũng còn thiếu nhiều đồ vật".

Thạch Sùng đang cơn đắc ý: - "Nhà ta không thiếu một đồ vật gì cả. Nếu nhà người chỉ ra được một vật mà ta thiếu ta sẽ mất với nhà người không phải mười thúng vàng mà còn tất cả gia sản nữa. Trái lại, nếu ta mà có đủ thì nhà người cũng phải mất cho ta y như vậy!". Thế rồi trong một cơn kiêu căng đến cực điểm, Thạch bắt Vương cùng mình ký tên vào bản giao ước mới. Khi ký xong, Vương bảo hắn: - "Nhà người hãy đưa mau ra đây cho các vị xem mẻ kho của nhà người đi". Nghe đến đó, Thạch Sùng giật mình. Mẻ kho là thứ gì hắn cũng đã biết. Đó là thứ nồi đất mẻ mà chỉ nhà nào cùng khổ lắm mới dùng để nấu thức ăn. Ngày xưa hồi còn hàn vi, hắn đã

từng đi nhặt vật đó trong đồng rác đưa về đánh chui để kho cá. Nhưng đã từ lâu, lâu quá rồi, hăn không còn nhớ đến thứ đồ dùng hèn hạ ấy nữa. Vì nhà hăn bây giờ toàn dùng đồ đạc bằng vàng bạc, tệ nhất cũng bằng đồng thau, có bận tâm chứa những thứ của ấy để làm gì. Nhưng hăn cũng cố giục bọn đầy tớ lục tìm trong xó vườn góc bếp xem sao. Tìm đi kiểm lại khắp mọi nơi mà vẫn không nhặt được dù chỉ là một mảnh nồi vỡ. Quả là nhà Thạch Sùng không thể làm gì kiếm được những món ấy.

Thế rồi sau đó một lúc lâu, những người làm chứng công nhận sự thắng cuộc về phía em hoàng hậu. Thạch Sùng không ngờ mình bị thua một vố đau như thế. Hăn cay đắng nhìn thấy tất cả gia sản cho đến vợ con, nàng hầu, nô tỳ. v. v... đều chạy sang tay họ Vương. Còn lại một mình ngồi trong túp lều, hăn tặc lưỡi tiếc cho cơ nghiệp tự tay mình gây dựng trong bao năm đến nay tay trắng lại hoàn tay trắng. Rồi hăn chết, hóa thành con mối tức là con thằn lằn, cũng gọi là con thạch sùng. Loài mối thỉnh thoảng lại chắt lưỡi kêu lên mấy tiếng: "Thạch Thạch" là vì thế[2].

Ngày nay người ta còn có câu tục ngữ: *Thạch Sùng còn thiếu mẻ kho*[3], có ý nói trên đời khó có ai được hoàn toàn đầy đủ.

KHẢO DỊ

Một dị bản kể chuyện Thạch Sùng có khác với truyện trên, nhất là đoạn kết:

Thạch Sùng, Vương Khải hai bên giao hẹn đấu của trong một tháng, hễ ai thua thì những của đã đem đấu thuộc về người thắng. Đầu tiên Khải tán hạt tiêu trát vách (tiêu phòng). Sùng sai trái găm ra đường để đi (cắm đạo).

Khải làm thuyền lớn căng gấm làm mui (cầm hạm), gỗ ngà làm cột buồm (nha tường) thì Sùng sửa ngôi nhà xâu hạt trên châu làm rèm (châu liêm), treo gấm thêu làm màn (tú hộ). Khải thả đuốc bằng sáp ong, thì Sùng nấu cơm bằng củi quế.

Vua tưởng nhà Sùng có bao nhiêu trên châu treo rèm hết cả rồi, nên đưa cho Khải hai đấu để thi. Thạch Sùng đem trên châu còn lại ra đong được một hộc. Khải lại đem đọ hai hộc vàng ròng. Sùng dẫn đối phương đến nhà để lấy vàng của mình không hộc nào mà đong cho xiết; đó là chưa nói vàng ở Kim-cốc chưa lấy lên. Vua lại cho Khải hai cây ngọc san hô dài một thước. Sùng đập gãy rồi lấy ra 10 cây dài hai thước. Bấy giờ kho vua đã cạn, nên Khải đành phải thua.

Vừa then vừa cầm, Khải xúi tào ngự sử bới những điều phi pháp của Sùng để dẫn mặt. Triệu đình bắt Thạch Sùng tội lộng hành, tịch ký hết cả sản nghiệp. Tuy mất hết của chìm của nổi, nhưng Sùng ỷ có vàng ở hang Kim-cốc. Nhưng khi đào lên thì chỉ thấy toàn là nước trong, chẳng có vàng bạc gì cả, nên Sùng tiếc của mà chết. Và cũng hóa thành thần lẩn như truyện trên[4].

Cả hai truyện phần nào chịu ảnh hưởng của sự tích Thạch Sùng bên Trung-quốc: Thạch Sùng sinh ở đời Tây Tấn, là người có nhiều mưu trí. Người

cha lúc gần chết chia cho Thạch Sùng phần gia tài ít nhất, nhưng lại tin rằng số Thạch Sùng sẽ giàu sang hơn thiên hạ.

Quả đúng như lời, về sau thấy Thạch Sùng có tài và có công, vua Hán Vũ Đế cho làm đến thái bộc, phong tước hầu. Thạch Sùng bên ngoài làm quan giúp vua đánh giặc nhưng bên trong thì thông lũng với cường đạo cướp của khách buôn nên chẳng bao lâu trở thành đại phú.

Ngày càng giàu có, Thạch Sùng xây dựng nhà cửa, lầu đài, chạm trổ trần trướng rất công phu. Trong nhà đồ quý không biết bao nhiêu mà kể. Hẳn lại có lầu Kim-cốc cho nàng hầu yêu dấu tên là Lục Châu ở.

Bấy giờ có Vương Khải là em hoàng hậu. Nhà cũng rất giàu, xa xỉ cũng vào bậc nhất. Một hôm hai người khoe giàu có. Vương Khải nói: - *"tôi lấy đường làm tro[5]"*. Thạch Sùng bảo: - *"Tôi lấy nến làm củi"*. Vua bèn phán: - *"Lời nói không lấy gì làm bằng. Muốn biết ai hơn ai kém thì phải so sánh những của quý nhất. Ai hơn là được"*.

Vương Khải sai lấy lụa trải được bốn mươi dặm đường. Thạch Sùng trải được năm mươi dặm. Vương lấy phấn đá đỏ làm vôi quét nhà. Thạch thì lại quét bằng hồ tiêu.

Thấy mọi người khen Thạch Sùng, Vua cho Vương Khải một cây san hô cao hai thước đưa ra đấu. Thạch Sùng lấy ngọc như ý đập cho cây san hô kia vỡ tan rồi đưa ra năm sáu cây san hô của mình cao bốn thước sáng rực. Đoạn hẳn chọn một cây trong đó dâng cho Vương Khải. Rồi hai bên cùng hòa.

Vì sau Hán Vũ Đế chết, vua nổi nhu nhược, bị các bè đảng quyền thần lấn át tranh giành lẫn nhau, thành nội loạn. Trong số đó có Tư Mã Luân mạnh hơn, tự tôn làm tướng quốc. Gia thần của Luân là Tôn Tú nghe tiếng nàng Lục Châu đẹp, có ý muốn chiếm làm của mình. Thấy Thạch Sùng quyết không chịu để mất Lục Châu, Tôn Tú vu cho Thạch làm phản, đem hai trăm quân đến vây nhà. Lúc đó Thạch Sùng và Lục Châu đang ngồi trên lầu. Nghe tin báo, Lục Châu nhảy từ lầu cao xuống tự tử. Còn Thạch Sùng bị bắt giải đến pháp trường. Hắn khóc nói: - *"Không biết của cải của tôi sẽ về ai?"*. Chúng bảo: - *"Đã biết của làm hại người sao không phân tán đi cho sớm"*. Rồi đó Thạch Sùng bị chém, gia sản bị tịch thu.

Về *Sự tích con mối*, chúng ta còn có một quyển khác:

Một chàng trẻ tuổi nhà giàu, ao ước một người vợ đẹp như tiên. Cha mẹ hỏi cho đám nào hắn cũng không vừa ý. Hắn đáp: - *"Con chỉ muốn lấy một người đẹp như tiên mà thôi"*. Cho đến mấy năm sau cha mẹ lần lượt qua đời, hắn ta vẫn chưa có vợ.

Cái khó tính của anh chàng truyền đến tai Ngọc hoàng. Thương hại hắn, Ngọc hoàng sai một nàng tiên xuống, bảo. - *"Người hãy xuống với nó thử xem nó có biết người biết của không. Nếu nó không thấy được cái đẹp chính đáng thì hãy cho nó một bài học"*. Thế là ngày ấy nhà hắn tự nhiên có một người con gái đến xin làm công việc của một người thị tỳ. Cô gái này mặt mũi tầm thường nhưng mọi việc đều thông thạo tính nết rất tốt. Nàng khéo tay đến nỗi mỗi bữa cơm không có tay nàng nấu nướng là hắn ta ăn không ngon. Gặp ngày giỗ, hắn than thở với nàng rằng không biết nhờ ai làm cỗ bàn bánh trái cho thật ngon để trước cúng cha mẹ, sau đãi các quan

khách. Nàng hứa sẽ xin cố gắng làm công việc đó. Quả nhiên cả khách lẫn chủ đều ngạc nhiên vì họ được dự một bữa cỗ ngon và lạ chưa từng có. Họ xúm lại khen ngợi nàng. Người chủ trẻ tuổi bắt đầu để ý tới nàng nhưng khi nhìn thấy nhan sắc, hăn lại lảng ngay.

Ít lâu sau đó, anh chàng sắm sửa thuyền bè để đi tìm một người vợ đẹp theo ý muốn. Cô gái ở nhà hóa thành một người xinh đẹp tuyệt trần. Khi thuyền của chú trở về, những người đầy tớ vội báo việc ấy cho chủ biết. Người chủ vào nhà rất vừa ý vì diện mạo có một không hai của người thị tỳ Hăn sấn lại ngồi gần nhưng nàng bước lùi ra xa. Hăn rối rít xin lỗi, nói là mình đui mù không biết có một vị "tuyệt thế giai nhân" bấy lâu ở trong nhà, và xin lấy nàng làm vợ. Nàng vẫn không đáp. Sau cùng hăn đánh bạo chạy lại ôm nàng.

Hăn ôm huyệt vì nàng đã bay lên trời và nói cho hăn biết mình là tiên, nay đã hết hạn ở trần gian phải về thượng giới. Hăn chỉ còn giật được có một chéo áo của nàng.

Từ đó, hăn tiếc mãi và sau hóa thành con mối luôn luôn chắt lưỡi tiếc vì bao nhiêu ngày ở với tiên mà không biết hưởng[6].

-
- [1] Xem truyệnn *Yết Kiêu*, (số 72), *Cố Bu* (số 96) cũng có hình ảnh trâu húc nhau.
- [2] Theo báo *Những trang về Đông dương* (1913).
- [3] Câu này ở miền Nam có người nói Giàu như ông Thạch Sùng còn thiếu mẹ bác.
- [4] Trương Vĩnh Tống. *Mỹ ẩm tùy bút*.
- [5] Theo Thiều vi thông giám.
- [6] Theo Lăng-đờ (Landes). *Cổ tích và truyền thuyết An-nam*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
37. BÒ BÉO BÒ GẦY

Ngày ấy vào thời vua Lê chúa Trịnh có hai vợ chồng một người nho sinh họ Lê. Nhân ngày cuối năm dắt nhau về thăm quê quán trong thành. Sau mấy năm đi làm ăn xa, họ có để dành được một số bạc nhỏ đưa về định làm vốn sống ở quê nhà.

Qua bến đò Khuốt, họ đi vào giữa làng Đa-giá thượng. Đến đây trời đã xế chiều lại lấm tấm mưa. Thấy thế, người chồng quyết định nghỉ lại trong một cái quán bên đường.

Làng Đa-giá thượng bấy giờ vẫn có một ổ gian phi lớn, chuyên cướp của giết người. Khách bộ hành đi qua đây thường thường nghỉ lại vì chỉ ở đây mới có dân cư quán xá, lại có chỗ ăn chỗ trọ tươm tất. Mà khi khách đã nghỉ lại thì kẻ nào coi chừng tay nải nặng nằng, lại cô đơn, là đêm đến sẽ có người kéo lên núi xô xuống một cái hang sâu và kín gần Kẽm-trống. Thế rồi những món đồ cướp sẽ tùy công lao mà chia nhau giữa mọi huynh thứ trong làng. Chúng giữ việc đó rất kín. Có những tiếng lóng thay cho tiếng nói thường. Từ bao lâu, hang núi thiên tạo đó như một cái giếng sâu, là mồ chung của bao nhiêu mạng người vô tội. Thế nhưng, bề ngoài đối với vua quan, đối với người các làng khác, chúng vẫn là những kẻ làm ăn lương thiện.

Khi hai vợ chồng bước vào quán, bà hàng chạy ra đỡ chiếc thúng khảo trên tay người đàn bà.

- Ông bà đến vừa đúng dịp! Hôm nay lại đang sẵn rượu ngon và nhắm tốt.

Trời mùa đông, ăn xong thì đã không trông rõ mặt người. Nhà hàng dọn sẵn giường chiếu để cho họ nghỉ. Nhưng khi những cánh liếp vừa hạ xuống được một chốc thì ở ngoài đường có tiếng hỏi vọng vào.

- Nhà hàng mai cho chúng tôi mượn bò với nhé?

- Có!

- Bò béo bò gầy?

- Bò béo.

Bà chủ quán thản nhiên trả lời rồi dọn dẹp đi ngủ. Hai vợ chồng yên tâm trèo lên giường, bỏ cái tay nải ra gối đầu. Và rồi họ ngủ thiếp đi.

Đêm ấy vào khoảng canh hai, trong quán đã có mấy tên lực lưỡng lén vào từ lúc nào. Người nho sinh họ Lê vẫn còn mê man trong giấc mộng. Mấy chén rượu có pha thuốc mê làm anh chàng chẳng còn biết gì trời đất.

Nhưng người vợ thì vẫn tỉnh táo. Bọn cướp xông lại ấn giẻ vào miệng người chồng và lôi đi xềnh xệch. Người vợ toan la lên thì tên cướp thứ hai đã giơ lưỡi dao sáng loáng. Thấy hấn sắp động vào người, nàng quỳ xuống lồm bẫm: - "Thiếp căn rơm căn cỏ lạy ông. Ông tha cho, thiếp xin nhớ ơn trọn đời". Ngọn đuốc khoa vào mặt nàng. Nàng còn trẻ và rất xinh đẹp. Tên cướp bỗng thấy động lòng. Hấn giục: - "Thế thì đi. Nhưng khôn hồn hãy ngậm mồm lại. Hễ kêu lên thì cho chết!". Thế rồi, trong khi đi đường, tên cướp nghĩ ra được một kế để được chung chăn gối với người đàn bà có cặp mắt rất xinh kia. Hấn sẽ gửi nàng ở nhà một người thủ hạ tin cẩn, nhờ giấu kín cho, rồi khi về chỉ đưa đôi hoa tai ra trình mọi người là ổn.

Từ đó tên cướp thường lui tới chỗ ở của người vợ mới không cheo cưới của hấn. Thành thoảng hấn biểu nàng một bộ xà tích hay mấy vuông lụa. Nàng không phải lo gì đến cái ăn cái mặc, đã có người hầu hạ chu tất. Nhưng nhất thiết nàng không được bước ra khỏi buồng, luôn luôn cửa đóng kín mít. Người đàn bà ấy đành nhắm mắt tuân theo như một kẻ không hồn. Dần dần nàng hiểu rõ cách sinh nhai của lũ cường bạo.

Nhưng nàng vẫn cố nuốt những giọt nước mắt, vui vẻ đón tiếp kẻ thù của mình để hấn thí cho chút sống thừa. Tuy nhiên, chỉ được năm tháng là việc tên cướp giấu nàng ở đây bị bại lộ. Ba ngày trước, xã trưởng rí tai bảo hấn: - "Nếu anh không hạ thủ ngay thì đã có những người khác cho anh xuống hang cùng với con mụ ấy". Lệ làng đặt ra ai nấy đều phải tuân theo răm rắp. Tất nhiên hấn không thể phá lệ làng. Đêm ấy cơm xong, hấn đưa nàng lên núi. Hơn cả lần trước, lần này nàng van lạy hấn rất thảm thiết. Nhưng bây giờ trái tim hấn không còn lay chuyển. Hấn bảo:

- Ta làm phúc cho nàng xuống suối vàng với chồng cho có bạn!

Khi sắp đến miệng hang: người bàn bà bỗng nhiên bỏ chạy. Nhưng hấn đã

đuổi theo và bắt được ngay. Đúng vào lúc hăn đẩy nàng xuống hang thì không ngờ nàng cũng níu chặt lấy áo hăn. Cả hai người cùng lăn tòm vào vực sâu. May mắn làm sao nàng lại nhanh tay thả hăn rava bám được vào một nhánh cây mọc chìa ra ở lưng chừng. Thế rồi người đàn bà ấy lần mò rất khó nhọc, cuối cùng lên được khỏi miệng hang. Và nàng cứ nhắm hướng Bắc đi luôn một mạch.

*

* *

Nói chuyện ngày hôm ấy xa giá Chúa đi qua cửa Đại-hưng. Khi đội tiền vệ vừa qua cầu thì vợ của chàng nho sinh họ Lê xấu số từ dưới gầm cầu chạy vụt lên quỳ ngay giữa đường cái. Đầu nàng đội một lá đơn trắng. Bị quân lính xua đuổi, nàng không chịu lùi, chỉ sửa lại vành khăn trắng, bảo họ: - "Lạy các bác, tiện thiếp oan ức tày trời xin cho gặp chúa thượng". Thấy có tiếng ồn ào đằng trước, chúa sai dừng kiệu, cho đòi khổ chủ đến hỏi chuyện. Nghe người đàn bà kể xong, chúa lập tức rút bảo kiếm, sai viên thám tướng mang ngay 2000 quân mã đi gấp ngày đêm vào Đa-giá thượng với lệnh "tiền trăm hậu tấu".

Thê rồi sau đó hai ngày, có một thầy lang bán thuốc, vai đeo cái tay nải đỏ nặng trĩu đi qua đò Khuốt rồi tiến vào làng. Chưa vào quán, khách đã trao tay nải cho bà hàng và giục rượu inh ỏi. Chỉ một chốc khách đã say mềm, không còn nghe gì những tiếng trao đổi "bò béo bò gầy" giữa chủ quán với người ngoài cổng. Chưa đến lúc đi ngủ, khách đã bị trói giật cánh khỉ và điệu lên hang.

Nhưng lần này vừa sắp đến hang thì một tiếng hô vang làm cho bọn cướp giật nảy mình. Từ bụi rậm xông ra một toán lính với mã tấu sáng lòe cời trời cho khách và trời lũ sát nhân lại. Rồi từ bốn phía chân núi, bốn phía làng: tiếng reo hò, tiếng trống, tiếng mõ vang trời động đất của hai ngàn quân sĩ.

Ngay hôm sau, làng Đa-giá thượng bị triệt hạ. Nhà cửa, tre phe, cây cối đều bị san phẳng. Đất đai và ruộng phân phát cho cả tỉnh: mỗi làng được một mảnh ruộng con, ngày nay vẫn còn gọi là ruộng kỳ tại. Bọn cướp hết thầy bị tử hình: đàn ông đều chém ngang lưng, đàn bà một hạng bỏ rọ trôi sông, một hạng sung làm thị tỳ ở các nhà quan. Người ta có bắt được một quyển sổ ghi từng năm một bao nhiêu bò béo, bao nhiêu bò gầy, bao nhiêu vàng bạc, bao nhiêu tiền và vật hạng. Một số quân sĩ được lệnh dẫn tre làm thang xuống hang rồi thông dây xúc hài cốt của những người vô tội lên thiêu hóa[1].

KHẢO DỊ

Theo *Sơn cư tạp thuật* thì truyện kể có hơi khác về chi tiết: Một hôm một người con hát, có người vợ rất đẹp qua làng Đa-giá vào trọ ở quán lý trưởng. Lý trưởng là một tên dân ác, đêm đến hãm nhận mệnh lệnh của

đồng lõa bắt người chồng đẩy xuống hang rồi giấu người vợ lại một nơi cho mình thỏa dục.

Sau đó việc tiết lộ, bị đồng lõa bắt phải giết người đàn bà kia. Khi hãm đẩy người đàn bà thì hãm bị người ấy kéo luôn xuống hang và chết cả hai. Người vợ lý trưởng thấy chồng không về, hối hận, bèn đi cáo quan. Việc bại lộ có phần giống như truyện trên vừa kể.

[1] Theo lời kể của người Ninh- bình và báo *Tiểu thuyết chủ nhật*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
38. NỮ HÀNH GIÀNH BẠC

Ngày xưa có nhà phú hộ có một người con trai mười lăm tuổi cho đi học tại nhà một cụ đồ trong làng. Anh chàng bầm tính ngu độn lại thích chơi bời lêu lổng, nhét cho đầy, chữ cũng không vào. Rồi qua năm sau cha mẹ kiếm cho một người vợ. Vợ hẳn là con gái một nhà nho, nhan sắc xinh đẹp, đã hay chữ lại tính nết rất đoan chính.

Khi sắp bước chân về nhà chồng, cô gái được một người chị em thân mách nhỏ cho biết rằng người sắp làm chồng mình là một anh chàng dốt nát ngu độn. Nàng rất buồn. Lễ cưới đã xong, họ nhà trai đã đến xin rước dâu, mọi việc đã đâu vào đó, không thể trì hoãn hay giờ giáo được. Cuối cùng cô gái quyết định cứ chịu lấy anh chồng dốt, nhưng sẽ cố tìm cách làm cho hẳn chăm học nên người.

Cho nên, vừa làm lễ gia tiên, nàng xin với cha mẹ chồng cho hai vợ chồng mình ở riêng một gian nhà nhỏ. Khi đã được ở riêng, nàng vào buồng đóng chặt cửa lại, bảo chồng hãy cố học hành cho kịp chúng bạn thì mới cho chung chăn gối. Hẳn ta tức mình bảo vợ: - Tôi học đã kém ai đâu mà nàng lại bảo phải cho kịp chúng bạn, và kịp như thế nào mới được chứ ?". Vợ nói: - "Để thiếp ra một câu này, lúc nào chàng đối được sẽ xin mở cửa mời vào: Chồng phương Đông, vợ phương Tây, nín lặng cho hay, chớ lòng Nam Bắc".

Sức học của hẳn làm gì có thể đối nổi loại câu đối như thế. Nhưng hẳn làm bộ ngỗ ngợ, hẹn đến sáng trả lời. Rồi hẳn đành chịu lên ngủ nhà trên, định mai đến trường nhờ thầy gà hộ.

Khi cụ đồ nghe người học trò cho biết chuyện đêm tân hôn của hăn, cũng có phần thương hại, bèn dặn hăn đến lúc tan học chờ cho học trò về hết cả, sẽ mách cho. Chiều hôm đó sau khi học trò giải tán, ông cụ bảo hăn.

- Con cứ đối lại thế này: *"Trai phận cấn, gái phận tổn, không nên cãi lộn, trái đạo càn khôn"*.

Bất đồ hôm ấy còn sót một người học trò vì bận chép bài nên ở lại ngồi đằng sau vách chưa về. Hăn ta nghe lỏm được câu chuyện oái oăm của bạn và có câu đối thầy gà cho bạn, liền nhắm lấy thuộc ngay. Thế rồi hăn ta không kém khôn ngoan, đoán biết rằng bạn hăn còn phải mất nhiều thì giờ mới thuộc nổi câu đó. Vậy thì nhân khi nhá nhem, hăn sẽ cất lên vào trước buồng vợ bạn bắt chước giọng bạn nói lên câu đối ấy, rất có hy vọng bẻ hoa trước tiên. Quả nhiên khi cô gái nghe xong câu đối, tấm tắc khen hay và giữ đúng lời hứa mở cửa cho người mà nàng tưởng là chồng mình vào buồng. Nàng để cho hăn chung chăn gối. Mãi đến nửa đêm hăn mới thác chuyện lên nhà trên rồi đi một mạch về nhà.

Lại nói chuyện về anh chồng thật thì suốt một đêm học mãi mới thuộc câu đối nói trên. Vào khoảng canh ba hăn mới tìm đến buồng vợ. Vợ lại mở cửa đón chồng. Nàng ngạc nhiên khi thấy chồng đọc lại câu đối hồi hôm. Rồi nàng giật mình hỏi dồn chồng:

- Sao chỉ có một câu tối hôm qua đã đối, bây giờ lại còn đối nữa?

Nghe chồng nói tối hôm qua không hề đến, lại nghe giọng nói hai lần có khác nhau, nàng mới biết là mắc mưu một tên vô lại nào đó làm ô nhục, bèn vào buồng kêu trời khóc đất một mình rất thảm thiết. Rồi trong một cơn đau dẫn đến mất trí, nàng cắn lưỡi tự tử.

Chồng thấy vợ chết không hiểu thế nào cả. Hắn lẳng lặng tìm đến nhà cụ đồ báo cho thầy biết tin đó. Nghe nói cụ đồ rất đổi kinh ngạc, nghĩ mãi không biết vì cớ gì. nhưng cũng dặn học trò cứ giữ thật kín câu chuyện để ông cụ tìm cách truy cho ra thủ phạm.

Ngày hôm sau giữa khi các môn sinh tề tựu đông đủ, cụ đồ tươi cười bảo mọi người:

- Thầy có nghĩ được một câu đối cũng vừa sức học của các con. Nếu ai ứng khẩu đối được hay thì thầy sẽ thưởng thoi mực và một quả bút. Rồi ông cụ đọc luôn vế câu đối của cô con gái nọ đã ra cho chồng.

Trong khi những người học trò khác đang nghĩ ngợi thì đứa bất lương phản bạn kia đã hý hửng đọc lại nguyên văn vế câu đối mà hắn nghe lỏm được chiều hôm qua:

- Thừa thầy con xin đối lại là: "Trai phận cấn, gái phận tổn..." "

Lập tức cụ đồ thét học trò bắt hắn trối lại. Ông cụ vạch tội hắn trước mặt mọi người, vì chỉ có người đàn ông thứ hai nghe lỏm được vế câu đối của mình và nghe lỏm được câu chuyện của bạn mới có thể làm nổi được việc đánh lộn sòng kia. Cuối cùng hắn đành cúi đầu nhận tội.

Trong khi ở nhà người phú hộ đám tang người con dâu bạc mệnh cử hành thì ở bên này người ta cũng giải đưa gian ác lên quan. Nhờ có cụ đồ xin khoan giảm nên hắn khỏi bị trảm quyết, chỉ phải bị án chung thân và phải đền cho khổ chủ một giàn bạc.

Từ đó người ta thường truyền cái câu nữ hành giành bạc mà cho đến ngày nay nhiều người không rõ nghĩa tiếng "hành" là gì [1].

[1]. Theo thực nghiệp dân báo (1924).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
39. LẤY BẤY NHƯ CAO BIÊN DẬY NON

Ngày xưa ở Trung-quốc có Cao Biên rất giỏi nghề địa lý. Những phép hô thần tróc quỷ, ông đều thông thạo. Tiếng đồn vang khắp nơi. Hoàng đế Trung-quốc nghe tiếng liền triệu Biên vào cung ủy thác cho việc kiếm một ngôi đất xây dựng lăng tẩm. Cao Biên vâng lệnh và sau năm năm tìm tòi, đã kiếm được một miếng đất quý mà theo ông có thể giữ ngôi nhà Đường vững như bàn thạch.

Sau khi công việc hoàn thành, hoàng đế rất khen ngợi, sai ban nhiều vàng bạc cùng phong tước lớn cho Biên. Nhưng Biên vốn biết trong kho tàng của hoàng đế có một ngòi bút thần có phép màu nhiệm mà chính hoàng đế và cả triều thần không một ai biết cả. Vì thế Biên không nhận vàng, chỉ nói:

- Tâu bệ hạ, hạ thần không muốn lấy vàng bạc của bệ hạ. Chỉ muốn xin một kho trong trăm ngàn kho đồ dùng của bệ hạ bằng cách là để hạ thần tự tay rút trong chùm chìa khóa kho tàng mà quan tổng quản đang nắm giữ, nhằm đúng chìa kho nào thì được phép lấy kho ấy.

Hoàng đế nghe nói hơi ngạc nhiên nhưng vốn trọng tài Biên, tại thấy ý kiến hay hay nên vui lòng để Biên làm chuyện may rủi xem thử thế nào. Quả nhiên kho mà Biên chỉ, đúng là kho đựng toàn bút lông dùng cho triều đình. Khi được sử dụng hàng vạn cây bút, Biên mang đến một hòn đá, lần lượt đem chọc mạnh từng ngòi lông vào đá. Nhưng chẳng có ngòi nào được toàn

vện. Mỗi lần thấy tòe ngòi, ông lại vút đi và tiếp tục chọc ngòi khác vào đá. Cứ thế cho đến lúc trong kho sắp vơi cả bút thì bỗng có một quản bút chọc thủng vào đá mà ngòi lông vên còn nguyên vẹn. Biền mừng quá reo lên:

- Ta tìm được ngòi bút thần rồi!

Biền liền cầm bút thần vẽ thử một con rồng lên mặt tường, chừa hai con mắt. Đến khi điểm nhãn, rồng tự nhiên cuộn mình được và tách ra khỏi bức tường. Rồi rồng vút lên trời, bay biến vào đám mây trước con mắt kinh ngạc của mọi người. Biền lại vẽ thêm nhiều con vật khác và những con ấy đều hoạt động không khác gì những con vật có thực[1].

Sau cùng Cao Biền vẽ một con điều rất lớn, dùng bút thần nhúng mực điểm mắt cho điều. Điều đập cánh bay lên. Lập tức Biền cười lên lưng và điều đưa vút lên trên không. Thế là Biền cưỡi điều vượt qua muôn trùng núi sông sang đến nước Nam. Trên lưng điều, Biền đưa mắt xuống tìm huyết đất quý. Quả nhiên không bao lâu ông tìm thấy ở gần một con sông, cứ như bây giờ là sông Trà-khúc tỉnh Quảng-ngãi, một huyết đất phát đế vương. Huyết đất ấy quý không đâu bằng mà lại chỉ trong một ngàn ngày là phát. Đó là một cái hàm con rồng lấp dưới nước mà chỉ có con mắt của Biền mới khám phá được.

Từ đó, Biền có ý muốn hưởng một cuộc sống sung sướng xa xỉ vào bậc nhất thiên hạ. Nhưng khi nghĩ lại thì hẳn rất tiếc là không có con trai mà

thân mình lại đã già mất rồi; nếu được làm vua cũng không còn hưởng được mấy nổi. Biền mới tính sẽ nhường cho rể. Nếu nó làm vua thì ông bố vợ tất cũng được bội phần trọng đãi, mà dòng dõi con gái mình cũng hưởng phúc lâu dài. Những muốn thực hiện công việc "đại sự" này cần phải giữ hết sức bí mật, nếu không sẽ mất đầu như chơi.

Nghĩ vậy, Biền trở về Trung-quốc bảo người con rể đào lấy hài cốt cha y đem sang nước Nam để cải táng. Trong việc này Biền chỉ bàn kín với một người học trò mà thôi. Nhưng người học trò mà Biền tin cậy lại muốn miếng đất quý ấy hoàn toàn thuộc phần mình hưởng, nên khi được lệnh thầy mang hài cốt thì hắn cũng đào luôn hài cốt của cha mình sang Nam.

*

* *

Bấy giờ hàm rồng đang thời kỳ há miệng. Biền bảo học trò lặn xuống ném gói xương vào giữa miệng rồng chờ cho nó ngậm lại hãy lên. Người học trò đem gói xương của cha mình đánh tráo vào, còn gói xương kia thì bỏ ở một bên mép.

Xong việc đó, Cao Biền bảo con rể chọn năm giống lúa, mỗi thứ một thúng mang đến huyết đất nói trên, sai đào đúng vào chỗ vai rồng thành năm cái

huyết. Mỗi huyết Biên sai rấm một thúng lúa rồi lấp đất lại thành năm ngôi mộ. Hắn giao cho chàng rể một ngàn nén hương, dặn mỗi ngày thắp một nén, đúng hai năm chín tháng mười ngày thì tự khắc quan gia dưới huyết nhất tề dậy cả. Dặn đâu đấy, Biên trở về Trung-quốc.

Thời gian trôi qua. Hôm ấy chỉ còn mười ngày nữa là hết hạn công việc mà Cao Biên đã dặn, thì tự nhiên con gái hắn ở nước ỉu luôn một lúc ba né trai, mặt mũi dị kỳ. Vừa mới sinh ra, ba đứa đã biết đi biết nói: một đứa mặt đỏ tay cầm ấn, một đứa mặt màu thiếc, một đứa mặt màu xanh, đều cầm dao sáng quắc. Cà ba nhảy tót lên giường thờ ngời. đòi đem quân thu phục thiên hạ. Người nhà ai nấy xanh mặt. Chỉ trong một buổi tiếng đồn rầm lên. Mọi người thấy sự lạ đổ tới xem như đám hội. Người rể của Biên sợ quá, bào vợ: - "Mày đẻ ra ma ra quỷ, nếu không sớm trừ đi thì khó lòng sống được với triều đình. Chẳng qua cha mày làm đại, nên mới sinh ra như thế". Thế rồi y chém tất cả.

Trong lúc bối rối, người nhà của y vì lăm nên đốt luôn một lúc hết thảy những nén hương còn lại. Bỗng dưng mặt đất chuyển động. Ở dưới năm ngôi mộ có tiếng rầm rầm mỗi lúc một lớn. Rồi nắp mộ bật tung ra, bao nhiêu quân gia tề dưới đó nhảy lên. Nhưng vì còn non ngày nên sức còn yếu, đứng chưa vững, người nào người ấy đi lại bổ nghiêng bổ ngửa, cuối cùng đều chết sạch.

Lại nói chuyện Cao Biên chờ cho đến tận ngày hẹn mới cưỡi điều bay sang nước Nam. Nhưng lần này điều bị ngược gió nên sang không kịp. Khi điều hạ cánh xuống thì người con rể đã phá hỏng mất công việc của hắn. Hắn bức mình vô hạn. Sau khi căn vặn để hiểu rõ câu chuyện, hắn rút gươm chém chết cả học trò lẫn rể.

Từ đó Cao Biên sinh ra chán đời, chẳng thiết gì nữa. "Không được ăn thì đập

đồ", nghĩ thế, hãn bèn cưỡi điều đi khắp nước Nam để ếm huyết và phá tất cả những long mạch của nước này. Ngày chỗ hàm rồng nói trên, hãn dùng phép chém đứt cổ con rồng đó đi. Cũng vì vậy mà ngày nay người ta nói nước sông Trà-khúc đỏ như máu là bởi máu tự cổ con rồng chảy ra đến nay vẫn chưa dứt.

Đến Nghệ-an, Biền thấy trên một hòn núi mà ngày nay còn gọi là núi Đầu-rồng ở sát bờ biển có huyết đế vương. Hãn bèn làm bùa bằng gang đóng vào đỉnh núi. Từ đó trở đi trên đỉnh núi ấy không một cây cối gì còn mọc được.

Ở Thanh-hóa, Cao Biền cũng thấy có huyết đất quý. Nhưng hãn thấy con rồng đó què một chân, cho rằng nếu có phát đế vương thì không thể phát to được. Cho nên hãn cho điều đi thẳng không ếm nữa. Cũng vì thế người ta nói mấy đời vua chúa trị vì ở nước Nam đều phát tích ở Thanh-hóa[2].

Khi điều bay qua làng Thiên-mỗ (bây giờ là làng Đại-mỗ, tỉnh Hà-đông) Biền thấy có cái giếng ở vệ sông mà bây giờ là Nhuệ-giang cũng có huyết đế vương. Hãn bèn cho điều hạ xuống là sát mặt đất, đoạn thuận tay ném luôn cây bút thần của mình xuống lòng giếng. Người ta nói cây bút ấy sau rồi hóa thành một khúc gỗ cắm chặt xuống đáy giếng.

Không một ai dám động đến nó. Mãi về sau trong làng có một ông thám hoa có tính hiếu kỳ mới tâu vua xin hai con voi về kéo thử khúc gỗ đó lên. Họ tết một chiếc thừng lớn; một đầu buộc vào khúc gỗ còn một đầu buộc vào cổ voi. Nhưng khi voi cất bước thì tự nhiên ở những xóm làng bên cạnh, đất chuyển động âm âm, đồng thời nhà cửa phát hỏa tứ tung. Lần ấy ông thám đành bỏ dở công việc vì ông ta sợ con rồng bị đau giãy dụa làm hại đến dân sự. Điều đặc biệt là từ bấy đến nay nước giếng ấy không bao

giờ cạn. Mỗi khi nước trong người ta vẫn thấy có bóng khúc gỗ đen đen ở dưới đáy[3].

Để dâng công với hoàng đế, Cao Biền vẽ bản đồ từng kiểu đất một rồi viết thành sách ghi chú rất tinh tường đem dâng lên vua Đường. Đại ý nói tất cả những mạch đất quý nhất của nước Nam, hần đều đã trấn áp xong. Duy có kiểu đất ở chỗ trung độ (tức bây giờ là Hà-nội) thì hần đã sai đắp một cái thành gọi là thành Đại-la để chặn long mạch. Lễ trấn áp này Biền làm rất công phu và linh đình. Trên hòn núi ở xa xa về phía Bắc thành Đại-la, hần cho dựng một cái đàn tràng. Trong thành Đại-la, hần sai nung một lúc tám vạn cái tháp bằng đất nhỏ. Nung xong, Biền huy động tám vạn quân, mỗi tên quân vai vác giáo, mũi giáo xóc một cây tháp, đi từ Đại-la tiến dần lên núi. Vừa đi họ vừa hô mấy tiếng "Thống vạn hoàng đế". Đến nơi đặt tháp xuống đỉnh núi rồi tám vạn quân ấy lại rùng rùng kéo về Đại-la. Cũng vì có những việc kỳ dị như thế nên núi ấy từ đó mang tên là núi Bát-vạn[4].

Hoàng đế Trung quốc đọc sách của Cao Biền lại càng khen ngợi hần. Nhưng việc làm của Biền bị dân chúng nước Nam oán ghét. Họ lập tâm chờ dịp giết hần cho bỏ hờn. Một hôm, Biền cưỡi điều bay vào miền cứ như bây giờ là Ninh-bình. Ở đây người ta đã chuẩn bị cung nỏ chờ khi điều của hần bay qua là là mặt đất, là cả bao nhiêu người cùng nhất tề phóng tên. Điều bị gãy cánh rơi xuống núi. Biền bị trọng thương, sau đó phải đưa về Trung-quốc. Hòn núi ấy ngày nay còn mang tên là núi Cánh-diều, một trong ba ngọn núi ở gần trị sở Ninh-bình[5].

Ngày nay chúng ta có câu "*Lấy bầy như Cao Biền dậy non*" là ý nói nóng nảy vội vàng sẽ thiếu chu đáo, và thế nào cũng thất bại.

KHẢO DỊ

Về đoạn rằm lúa dưới huyết, có người kể khác:

Cao Biền sau khi tìm được đất quý bèn tự chôn mình trong huyết, huyết đất nay gọi là "phượng hoàng ấp noãn" chỉ một trăm ngày là hồi sinh. Trước đó Biền đã giao cho một bà già ở gần đấy một trăm nén hương, dặn mỗi ngày đốt một nén, đủ một trăm nén tức 100 ngày thì gọi hắc dật. Nhưng vì hắc quên không nói với thần Đất nên thần Đất ở chỗ ấy giận, bèn khiến chuột đêm lại tha ba nén hương đi. Khi đốt đến nén thứ 97, bà già tưởng đã đủ 100 ngày, mới đào huyết thức Biền dậy. Hắc dật, vì chưa "quán khí" thành ra người cứ run lẩy bẩy không làm gì nên chuyện[6].

Truyện này trong từng phần của kết cấu có những mối liên quan với nhiều truyện của các dân tộc khác.

1. Trước hết, phần đầu kể sự tích ngòi bút thần của Cao Biền gần giống với truyện *Mã Lương với cây bút thần* của Trung-quốc: Một em bé thích nghề vẽ, được thần cho một ngòi bút có thể vẽ bất kỳ cái gì cũng hóa thành vật thật. Nhờ ngòi bút đó, em đã giúp đỡ nhiều người nghèo khổ: kẻ có trâu cày, người có nông cụ, v. v... Một tên địa chủ thấy thế, bắt em đến vẽ cho hắc, nhưng em không chịu. Hắc giam em lại, nhưng em vẽ thang trèo ra được, vẽ ngựa cưỡi đi trốn và vẽ cung tên bắn chết hắc. Tiếng đồn đến tai vua, vua bèn chiếm đoạt ngòi bút thần, nhưng ngòi bút vào tay nhà vua mất cả màu nhiệm.

Vua lại phải trả bút cho em rồi bắt em vẽ biển, vẽ cá, và vẽ thuyền cho vua đi chơi. Thuyền cần có gió mới ra khơi được. Mã Lương bèn vẽ gió và vẽ rất nhiều gió làm cho sóng to, thuyền đắm, vua bị chôn vào bụng cá[7].

Người Trung-quốc còn có truyện *Lộ Ban với cây bút thần*:

Lộ Ban quê ở một làng gần tỉnh Phúc-kiến, giỏi nghề mộc và nghề phù phép. Ông tạc ra các con giống như muông chim, v. v.. rồi dùng bút thần điểm nhãn, tự nhiên mọi con vật đều hoạt động được. Một hôm, ông tạc một con chim phượng hoàng, điểm nhãn rồi cưỡi lên lưng. Phượng hoàng đưa Lộ Ban lên không trung rồi đỗ xuống một tỉnh cách Phúc-kiến 12 dặm. Bố Lộ Ban đem việc của con khoe với mọi người. Cho rằng việc ấy sẽ mang đến tai họa, nên họ xông vào đánh đập bố Lộ Ban. Để báo thù, Lộ Ban tạc một hình nhân điểm nhãn cho bay lên trời, nhưng có một cánh tay chỉ xuống đất. Vì thế, suốt hai năm trời, riêng vùng đó không mưa. Biết là do phép của Lộ Ban làm, mọi người phải đến xin lỗi bố ông. Lộ Ban bèn cắt tay của hình nhân. Tự nhiên một trận mưa đổ xuống[8].

Chúng tôi ngờ đây là một câu chuyện đã được tô điểm theo hướng hiện đại hóa.

Có nhiều truyện khác không nói đến cây bút thần nhưng vẫn có chi tiết "điểm nhãn" hoặc phù phép để làm cho một pho tượng thành người thật:

Ở Quảng-ngãi có truyện *Tranh nhau pho tượng*. Một người thợ mộc tạc một pho tượng đàn bà bằng gỗ, rồi một người thợ bạc đúc vòng xuyên đeo vào tay cho tượng; tiếp đến một người thợ may may áo quần mặc vào mình tượng. Cuối cùng nhờ một thầy phù thủy "khai quang, điểm nhãn", tượng bỗng biến thành một cô gái xinh đẹp, hoạt động như người thật. Từ đấy cả bốn người giành nhau, ai cũng kể công lao và đòi lấy cô làm vợ. Hỏi cô gái, thì cô phân xử như sau: người thợ mộc là cha, người thợ may là mẹ, người phù thủy là thầy, còn người thợ bạc mới là chồng. Có người đã diễn thành lời ca toàn bộ thiên truyện này:

Ngó chừng con bóng quá trưa,

Thì ông thầy pháp đâu vừa đến ngay

Ông khai quang điểm nhãn cao tài,

Nhờ ơn nơi phật nàng cười nói ra.

Khi đó anh nào cũng muốn nói chuyện nguyệt hoa...

Một truyện trong *Non thức Pa-ca-ra-man* của người Thái-lan cũng khá tương tự:

Có một người kể cho một nàng công chúa nghe một câu chuyện cổ: Ngày xưa, có bốn người trẻ tuổi, một người là thợ mộc, ông ta chọn một khúc gỗ bào trơn tru. Người thứ hai là thợ vẽ, vẽ vào gỗ hình dạng một cô con gái đẹp. Người thứ ba là thợ chạm, theo nét vẽ mà chạm hình cô gái. Người thứ tư là thầy phép, nhúng tượng gỗ vào một thứ nước thần làm cho pho tượng hoạt động chẳng khác gì người sống. Kể xong, người ấy hỏi công chúa xem ai xứng đáng là chồng cô gái. Công chúa đáp: chính là người thợ chạm[9]. (Loại truyện phân xử như hai truyện trên, xem thêm ở Khảo dị, truyện Ba chàng thiện nghệ, số 107, tập III)

Giống với truyện Tranh nhau pho tượng, thần thoại của người Ba-na (Bahnar) ở Tây nam Ma-da-gát-xca (Madagascar) có truyện *Nguồn gốc loài người và người đàn bà đầu tiên*.

Lần đầu tiên Tạo vật sáng chế ra ba người: hai người đàn ông là I-ma-nao

(chế tạo) và I-ma-na-phi (ăn mặc) và một người đàn bà là I-ma-na-ja-ri (trang trí) ở trên mặt đất. Mỗi người ở một nơi cách xa nhau, không biết nhau. Một hôm I-ma-nao buồn tình tạc một tượng gỗ hình phụ nữ to bằng người thật. Tạc xong thấy đẹp, anh ngắm hàng ngày không chán mắt, ngày đêm trò chuyện với tượng không rời. Khi đi làm anh cũng đặt tượng ở bờ đường chỗ cao sáng để nhìn ngắm cho thỏa thích. Một hôm khác I-ma-na-phi đi dạo đồng, thấy bức tượng thì cảm về sắc đẹp, bèn đem về may mặc cho tượng bằng lụa màu rực rỡ, lại trang sức cho bằng đồ vàng. Chẳng bao lâu I-ma-na-ja-ri vì sống một mình buồn nên đi chơi cho khuây khỏa, lại bắt được bức tượng mừng lắm, hên đưa về cầu Tào hóa cho nó hoạt động, sẽ coi như con. Tào hóa chấp thuận, bảo đưa về cùng ngủ một đêm, truyền hơi vào là được. Quả nhiên sáng hôm sau, tượng hóa thành người thật, bà ta yêu mến không rời. Mất tượng, hai người đàn ông trước đi tìm, bắt gặp, bèn giành lại. Một cuộc tranh chấp nổ ra, cuối cùng phải nhờ thần phân xử. Thần phán: người tạc ra là cha, người cho nó cuộc sống là mẹ, còn người giúp cho ăn mặc trang sức là chồng. Sau đó I-ma-nao lấy I-ma-na-ja-ri làm vợ. Từ hai cặp này mà có loài người đông đúc. Từ đó mới có tục chồng phải nộp quần áo trang sức cho vợ, nếu trốn tránh phận sự này thì vợ có quyền bỏ[10].

Truyện Hy-lạp (Grèce) sưu tầm ở đảo át-xti-po-lay-ia (Astypalée): một người thợ mộc, một người thợ may và một thầy tu nghỉ đêm trong một cái lều của người chăn cừu với điều kiện là phải lần lượt thức canh súc vật. Phiên đầu, người thợ mộc tạc một pho tượng đàn bà. Đến phiên người thợ may, anh may cho tượng một cái áo choàng, và cuối cùng đến phiên thầy tu, ông làm cho pho tượng hoạt động bằng cách đọc 40 bài kinh. Đến đây thì trời sáng, cả ba cùng tranh nhau[11].

Về loại mô-típ "điểm nhân", người Ấn-độ cũng có một truyện chép trong

sách *Ba mươi hai truyện về ngai vàng (Sinhâysanadvâtrinctkâ)*. Nhân vật chính là Vi-cơ-ra-ma nhận của một ông sư ăn mày ba vật màu nhiệm: một miếng phấn, một cái gậy và một miếng vải. Nếu dùng miếng phấn vẽ một đội quân, rồi cầm gậy tay phải, người ta sẽ làm cho đội quân hoạt động theo ý muốn, cầm tay trái thì đội quân ấy biến mất. Vớt miếng vải người ta có thể cầu được ước thấy. v. v...

2. Về tình tiết bỏ gói xương vào hàm rồng, chúng ta còn có truyền thuyết về Đỉnh Tiên Hoàng rất phổ biến:

Ngày xưa bố Đỉnh Tiên Hoàng là một con rái cá bị người làng bắt ăn thịt. Bà mẹ nhặt xương gác lên mái bếp. Sau đó một thầy địa lý qua đây thấy có hàm rồng đang kỳ há miệng. Nhưng hàm rồng ở sâu dưới đáy nước, thầy lại không biết lặn, bèn nhờ một em bé (tức sau này là Đỉnh Tiên Hoàng) mang gói xương của bố y bỏ vào miệng rồng. Nhưng bé Đỉnh lại đánh tráo vào đó gói xương rái cá - bố của mình. Về sau, khi biết được sự thật, thầy địa lý báo thù bằng cách bảo bé Đỉnh buộc thêm lưỡi gươm vào cổ con rồng, nói rằng ngôi đất ấy phát tướng, cần có gươm mới làm nên sự nghiệp. Nhưng không ngờ Đỉnh lại mắc mưu thầy địa lý: lưỡi gươm treo vào cổ, lâu ngày gươm cửa đứt mất cổ rồng; ngôi nhà Đỉnh sau này không được lâu dài là vì thế.

Nói chung cũng như nhiều truyền thuyết mang tính chất mê tín khác, truyền thuyết này chỉ là mượn lịch sử để tô vẽ cho nghề phong thủy.

3. Về chỗ rấm lúa thành binh, dân tộc Kar (Quảng-ngãi) cũng có truyện *Tu-cờ-rơ-m*:

Tu-cờ-rơ-m là một thủ lĩnh nhiên lần chống nhau với quan và lính. Có lần ông bị bắt nhưng đêm đến lại cởi trói trốn về. Nhờ được thần sai rùa vàng

dưới hồ hiện lên trao cho gương, rồi lại đến bày cho phép rấm đậu xanh (không phải lúa) trong một hầm đá đóng kín, chờ đủ một tháng mở ra thì đậu biến thành binh. Lại phải chuẩn bị nồi cối giã gạo để cho binh lính làm cái ăn. Tu-cờ-rơ làm theo. Vừa khi ông phải đi đánh kẻ thù, dặn vợ nếu ở nhà có sự gì lạ cũng cứ để yên. Không ngờ vợ ông ở nhà thấy có tiếng lao xao dưới hầm tường có kẻ đã len đến phá công việc của chồng, bèn đến nạy cửa hầm ra xem thì ra những hạt đậu đã biến thành người nhưng còn thiếu nhiều bộ phận: kẻ thiếu tay, người thiếu mắt. v. v...

Thấy cửa mở họ liền ủa ra ngoài hò reo nhưng vì còn non yếu nên chết yếu tất cả. Tu-cờ-rơ trở về thấy cơ sự như thế chỉ còn chép miệng thở dài. Nhưng sau đó thần lại hiện xuống hà hơi cho sống lại tất cả và đánh được kẻ địch.

Ngày nay ở làng Ngang (xã Trà Sơn), huyện Trà-bông (Quảng-ngãi) còn có một hồ nước trong suốt đáy. *Bên cạnh có hang đá gọi là hầm rấm binh, ở trong còn có nhiều hòn đá giống nồi niêu, cối chày v. v... tương truyền là nơi Tu-cờ-rơ rấm binh*[12].

4. Xem Khảo dị truyện Khổng lồ đúc chuông (số 67) cũng có câu chuyện con gái *Cao Biền cười diều* sang Nam và Khảo dị truyện *Sự tích đình làng Đu-hoa* (số 123, tập III, truyện *Người học trò với ba con quỷ* (số 131, tập III).

-
- [1] Đoạn này theo Đuy-mu-chiê (Dumoutier). *Truyền thuyết Lịch sử Bắc và Trung kỳ*.
- [2] Theo Lăng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.
- [3] Theo Thực nghiệp dân báo.
- [4] Theo tạp chí *Nam phong* (1925).
- [5] Theo lời kể của người Ninh-bình.
- [6] Theo tạp chí *Tư tưởng* số 6 và 7 (1972).
- [7] *Truyện dân gian Trung-quốc*, I, Nhà xuất bản Ngoại văn Bắc- kinh, 1958.
- [8] Trong tạp chí *Nhân loại (Anthropos)*, XII- XIII (1917- 1918).
- [9] Dẫn trong báo Châu Á "jounlal Asiatique", tập CCV (1924).
- [10] Trong Tạp chí dân tộc học và những truyền thống dân gian, tập 11 (1921).
- [11] Theo Van Ghen-nep (Van Gennep). *Hình thành truyền thuyết*.
- [12] Theo Võ quýt chưa dày.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

40. BỤNG LÀM DẠ CHỊU HAY LÀ TRUYỆN THẦY HÍT

Ngày xưa, có một anh chàng vô công rồi nghề, ngày ngày chỉ biết ăn bám vợ và khoác lác. Người vợ rất lấy làm bức mình vì phải nai lưng ra làm nuôi chồng và ba đứa con. Một hôm, chị vợ bắt anh ta phải đi học một nghề gì để nuôi thân vì mình không cáng đáng nổi nữa. Anh chàng đi lang thang suốt buổi, hết đứng bụi này lại ngồi bụi kia chả học nghề ngỗng gì cả, cho đến xế trưa lại về.

Trước khi vào nhà, hăn đứng nấp sau vách có ý nghe ngóng xem vợ có nói xấu gì mình chẳng. Vừa khi người vợ đi chợ về mua được năm tấm bánh gói, chia cho ba đứa con mỗi đứa một cái. Còn lại hai cái, mẹ bảo con đưa vào buồng cất vào trong vại gạo cho cha. Nghe thấy thế, anh ta rất thích, chờ một lúc lâu mới giả bộ đi từ phía cổng bước vào nhà. Vợ hỏi:

- Đã tìm được nghề gì chưa?

- Đã, hăn đáp.

- Nghề gì mà học nhanh thế?

- Tao đi dọc đường gặp một ông thầy hít, ông ấy dạy cho tao bói bằng cách hít. Bây giờ có cái gì cất giấu ở đâu, tao chỉ dùng lỗ mũi hít hít mấy cái là tìm ra ngay. Nào, có cái gì cần tìm để tao làm thử cho mà xem?

Vợ tiếp lời ngay:

- Vậy thì tôi có mua cho hai cái bánh còn cất đi một nơi, cứ hít cho ra mà ăn, như không tìm được thì nhịn vậy!

Thế là anh chàng ngước mũi lên giả bộ hít mấy cái, rồi nói:

- Đúng rồi, nó ở trong vại gạo.

Rồi hăn chạy vào lấy bánh ra ăn trước con mắt kính phục của vợ con.

Người vợ tưởng thật, mừng quá, vội chạy đi loan báo với xóm giềng rằng chồng mình học được nghề thầy hít, thử đoán một việc thấy hay như thần. Từ nay ai có một cái gì cứ đến nhờ anh ấy tìm hộ.

Hôm ấy, trong xóm có một bà mất một ổ lợn con, kiếm khắp mọi nơi không thấy. Nghe nói thế, bà ta vội chạy đến khẩn khoản nhờ tìm. Thật là may cho anh chàng, vì lúc đứng nghỉ ở một bụi tre dọc đường, hăn đã trông thấy bầy lợn con chạy lạc vào đó. Hăn ta mừng quá, bảo bà già: - "Nếu kiếm được thì bà sẽ cho tôi những gì!". Bà ta hứa cho hai con lợn con. Anh ta cũng giả vờ hít mấy cái rồi dắt bà đến ngay chỗ có lợn. Bầy lợn được tìm ra ngay và sau đó anh được chia hai con như lời chủ nhân đã hứa. Vợ thấy chồng chỉ học một nghề giản dị mà làm ra của dễ dàng thì sung sướng quá, vội chạy về khoe với cha mẹ đẻ. Người cha nghe nói con rể học được phép lạ cũng có ý hâm mộ. Ông ta nói riêng với vợ: - "Bà cứ bảo gọi rể sang đây. Nếu nó chỉ đúng món tiền chôn ở gốc táo sau vườn thì cho nó một nửa". Ông ta không ngờ chàng rể của ông đã lén theo vợ sang từ lúc nãy và đứng nấp ở một góc nhà. Nghe cha vợ bảo thế, anh ta lén chạy một mạch về nhà rồi giả cách nằm ngủ. Khi vợ và mẹ vợ về, phải thức mãi hăn mới chịu dậy. Thế là anh chàng theo sang nhà ông nhạc, chỉ đúng chỗ chôn của, và được thưởng một nửa số tiền chôn.

Từ đó tiếng đồn về thầy hít lan đi rất nhanh. Cũng vào thời gian ấy trong hoàng cung bỗng xảy ra một vụ trộm lớn. Nhà vua mất trộm một con rùa vàng và một con rùa bạc là hai món bảo vật của vua Trung-quốc tặng. Trong cung rối rít cả lên, chả có cách gì tìm ra thủ phạm cả. Vừa nghe tiếng đồn có thầy hít đại tài, vua vội sai quân lính đi mời về cho bằng được.

Khi thấy sứ giả đến nhà triệu mình, anh chàng vô cùng hoảng hốt. Chót đánh lừa mọi người, anh ta không còn biết than thở với ai cả. Nằm trong cáng dọc đường về kinh đô, anh ta nghĩ bụng: - "Thôi phen này thì bay đầu đến nơi rồi!". Anh chàng buồn quá, tưởng tượng những nhục hình đang chờ mình ở cung vua mà rụng rời chân tay. Vì thế khi qua sông, anh ta nhảy đại xuống nước, nghĩ rằng thà chết ở đây còn hơn bị kìm kẹp khổ thân. Hai người lính khiêng cáng sợ rằng hấn chết thì tai vạ sẽ đổ lên đầu mình, bèn chia nhau lặn xuống nước tìm và cuối cùng cũng lôi được anh chàng lên bờ. Khi tỉnh lại, hấn ta rất thất vọng, nhưng cũng làm bộ giận, mắng hai người đó:

- Tao xuống để hỏi vua Thủy tề xem ai là thủ phạm chứ có can gì mà chúng mày hốt hoảng lên như thế.

Nhưng trong bụng anh ta nghĩ: - "Thế là muốn thoát cũng không thoát nổi. Biết tính làm sao bây giờ?". Anh chàng lại nằm lên cáng cho hai người kia khiêng đi, miệng lẩm bẩm mấy tiếng:

- Bụng làm dạ chịu, chớ khá than van!

Không ngờ hai người khiêng cáng mà vua sai đi: một người tên là Bụng và một tên là Dạ. Hai đứa đã đồng mưu ăn trộm hai con rùa của vua. Tang vật hiện còn giấu trên máng nhà, chưa đưa đi thoát được. Nay nghe thầy hít

lầm bầm như thế, tưởng là thầy đã hỏi vua Thủy tề biết rõ cơ sự rồi, bọn họ bèn hạ cánh xuống và lạy thầy như tế sao. Cả hai thú tội cho thầy nghe rồi cuối cùng xin thầy làm ơn giấu giùm, nếu không sẽ khó mà thoát án tử hình.

Nghe đoạn, thầy như mở cờ trong bụng, vội hứa để bọn họ an tâm. Khi gặp vua, anh chàng lại giở giới phép hít của mình và quả nhiên tìm được hai bảo vật còn giấu ở trên ống máng. Nhà vua thán phục tài năng của anh, tặng thưởng rất hậu, lại ban cho tước lớn.

Anh ta về nhà chưa được bao lâu thì bỗng một hôm được sứ Trung quốc tìm đến tận nhà ngỏ lời mời mọc khẩn khoản. Số là trong cung cấm của hoàng đế Trung-quốc vừa xảy ra một mẻ trộm rất lớn. Nhiều món bảo vật quý giá nhất trần đời đều bị bọn người táo gan lấy mất. Nhiều thầy bói được vời đến cung nhưng chả nên tích sự gì cả. Nay nghe tiếng có thầy hít Việt-nam đại tài nên phái sứ giả sang mời tìm hộ. Nếu tìm được bảo vật, hoàng đế sẽ ban tứ rất hậu.

Anh chàng lần này lại lo sốt vó, có thể nói hơn cả mấy lần trước. Vừa qua một khúc sông, anh ta đã nhảy ngay xuống nước định tự vẫn như lần trước. Không ngờ người ta lại cứu được lên. Nhưng lần này không hiểu anh ta nhảy thế nào mà khi lên bị sứt một một bên mũi. Hồi tỉnh lại, anh chàng chỉ cái mũi sứt nói với sứ giả Trung-quốc rằng: - "Tôi nhờ có cái mũi này mới làm ăn được. Nay con cá nóc đã cướp mất sự màu nhiệm của tôi rồi, còn gì mà sang nữa". Sứ giả không biết nói thế nào, đành phải để cho anh ta trở lại nhà [1].

KHẢO DỊ

Nhiều người chỉ kể có một phần của truyện trên: hoặc kể phần đầu nhưng không nói đến việc hít, mà chỉ nói đến một nhành tre để anh chàng cầm về, nói là có phép tìm ra vật giấu kín, hoặc kể phần cuối nhưng thay cho "Bụng làm Dạ chịu là "Quýt làm Cam chịu", v. v... Truyện của ta tương tự với khá nhiều truyện của các dân tộc trong nước và trên thế giới.

Trước hết là truyện của dân tộc Vân-kiều. Thầy mo người, cũng có một nhân vật vì trót giả điên lừa vợ và cả làng rằng mình có phép dùng mũi hít có thể tìm ra vật bị mất. Cũng gần như truyện của ta, đầu tiên anh tìm cho vợ một dụng cụ làm cỏ mà anh cố ý giấu đi một nơi. Sau đó, anh tìm ra chum bạc của bố vợ chôn ở gốc mía (do anh đến nhà nấp kín một chỗ nghe được). Nhưng khác với truyện của ta, anh lần lượt giải đáp đúng hai cuộc đố với hai bọn lái buôn bằng cách trước khi vào cuộc, cải trang tới làm quen với họ, để tìm ra điều bí mật. Cuộc đố thứ nhất là bắt hai con mèo buộc vào cổ hai con voi, xem con nào đực con nào cái. Cuộc thứ hai đem một khúc gỗ chỉ đànang nào gốc đànang nào ngọn, v. v... Anh đều thắng lợi và chiếm được của cải hàng hóa bọn bề. Nhà vua cũng nghe tiếng anh, triệu về không phải để tìm bảo vật bị mất mà để bắt anh trị một con hổ dữ. Anh đi cùng với một toán lính, nhưng vừa thấy hổ thì đã chết ngất. Bọn lính đuổi hổ đi, ném anh vào giữa một bụi tre rồi bỏ về. Tỉnh dậy anh thấy hổ gầm ghè xung quanh bụi tre. Chờ khi hổ ngồi thò đuôi vào bụi, anh lẳng lặng chẻ lạt, dùng lạt buộc đuôi hổ vào gốc tre. Hổ lồng lộn vẫn không rút được đuôi, lại bị anh thò dao cắt mất dái, lăn ra chết. Thế là anh trở về tâu vua đã giết được hổ và cải chính cái tin chết ngất do bọn lính tung ra; anh nói lúc đó mình nằm xuống làm phép, v. v... Lần thứ hai vua bắt anh cầu đảo gọi mưa, làm được vua sẽ nhường ngôi cho, nếu không thì chém đầu. Anh trở về hoảng quá, đi cả ra khố. Không ngờ nước đá rơi vào đầu một con cóc. Cóc sợ anh xối nước mặn vào hang của nó, xin tha, và báo cho anh biết ngày nọ tháng nọ

sẽ mưa lụt. Anh về bày đàn làm bộ cầu cúng, quả nhiên có mưa to. Vua giữ lời hứa nhường ngôi [2].

Thứ hai là truyện của đồng bào Tày:

Khọn, một anh chàng chỉ có một con trâu, một hôm không biết chần thế nào để trộm lấy mất. Anh bèn chắt một ống cợn [3] rồi về báo với vợ rằng mình đã đổi trâu lấy cái ống này có phép tìm ra vàng bạc. Vợ về mách bố, bố sợ rẽ có phép lấy mất vàng bạc của mình, bèn mang chôn giấu ban đêm. Không ngờ chàng rẽ đã ngồi rình trên ngọn cây, thấy hết. Nhân bố vợ thách tìm của, Khọn bèn làm bộ nhờ cái ống mà phát hiện ra những của cải đó, và được bố vợ chia cho một nửa.

Sau đó vua mất cái ấn vàng, đòi Khọn - bấy giờ đã nổi tiếng - đến tìm. Cũng như truyện của ta, ngồi trên kiệu về cung, Khọn than thở: - "Thằng đầu chết, thằng bụng cũng hết sống". Không ngờ ăn trộm ấn vàng lại là hai người không kiệu; thấy anh nói thế tưởng anh đã biết, vội lạy anh để anh giấu đi cho. Do đó mà Khọn tìm ra ấn và được vua thưởng hậu.

Nhưng rồi về sau Khọn thấy phải tống khứ cái ống nguy hiểm có thể làm anh mất đầu. Một hôm anh làm một mâm cỗ linh đình đặt sẵn trong hang kín.. Rồi anh nói với một bọn lái trâu về sự màu nhiệm của cái ống có thể làm ra cơm rượu. Bọn lái trâu thấy anh gõ vào ống và thấy có cơm rượu thật, bèn gạ đổi đàn trâu. Dĩ nhiên là Khọn ưng thuận [4].

Đồng bào Tày còn có truyện một người dốt đặc cán mai nhờ may mà đỗ Trạng. Tất cả những hành động của Trạng đều là nhờ vợ vô tình làm cho, mà kết quả, tiếng khen lại dồn vào Trạng. Sau đó một hôm, Trạng được làng cử đi đánh chiêng làm lễ cầu mát. Trạng cột một sợi dây vào chân nhờ vợ giật để ra hiệu đánh cho đúng lễ nghi: không ngờ người ta đi lại vấp dây

lia lịa. Tưởng vợ nhắc, Trạng cũng vội đánh chiêng lia lịa. Dân đang ngỡ ngác vì thấy Trạng đánh loạn xạ thì bỗng thấy sau xóm có đám cháy, nên cho là Trạng tiên tri đánh chiêng cho dân di chữa cháy.

Phần sau cũng như truyện trên, nghe nói Trạng tiên tri, vua bèn cho gọi về triều để tìm cái ấn vàng. Trạng lo quá bảo vợ: - "Thôi đêm nay ta quyết tử cho rồi!". Không ngờ con "quỷ cốt tử" là kẻ ăn trộm ấn vàng nghe vậy, tưởng Trạng biết sự thực, bèn tìm tới xin Trạng tha đừng tâu vua. Trạng chỉ mong có thể [5].

Truyện Miến-điện (Myanmar) *Chàng lừa phỉnh và chàng nói khoác*:

Có hai chàng túng đói tìm cách làm ăn. Một người đánh cắp một con trâu giấu đi, rồi tìm đến chủ có trâu nói có ông thầy bói giỏi. Chàng lừa phỉnh làm bộ bói, chỉ đúng được thưởng 10 đồng. Lúc ấy thôn trưởng mất một hộp thuốc lá bằng vàng, nghe tiếng, gọi đến, bắt bói và dọa nếu chạy trốn sẽ ra lệnh cả làng đuổi bắt. Đành phải ở lại than với nhau: - "Chỉ nên trách thời vận thôi". Không ngờ kẻ trộm vốn tên là Thời Vận, nghe thế tưởng thầy đã biết, sụp lạy xin tha. Thế là hai người chỉ cho thôn trưởng chỗ giấu hộp. Nhà vua nghe tin bói giỏi, hội họ về triều vì có một bọn lái buôn chở tới bảy thuyền châu báu đánh cuộc với vua, nếu đoán được trong một cái hộp có gì họ sẽ mất tất cả thuyền hàng, trái lại thì vua mất vương quốc. Hai chàng lần này lo sốt vó, tính nhảy xuống nước chết cho rồi, nhưng họ lại biết bơi, đành bảo nhau cứ bơi ra khơi cho đến khi không bơi được nữa là chết. Không ngờ khi bơi qua bảy chiếc thuyền, bỗng nghe đứa con đầu bếp của bọn lái buôn đang hỏi bố nó trong hộp có gì. Bố nó đáp: - "Trong hộp sắt là hộp đồng, trong hộp đồng là hộp bạc, trong hộp bạc là hộp vàng, trong nữa là một lạng chất thơm thượng hạng".

Nghe thế hai chàng lại bơi trở vào, nói cho vua hay và vua thắng cuộc. Sau

đó một hôm trong khi chàng nói khoác vào cung, thì chàng lừa phỉnh ở nhà đổi quách nhà và làm bộ bị bỏng. Lành rồi, hắt vào tâu vua là sách bói đã cháy mất không thể làm ăn được nữa. Vua bèn cho họ làm quan [6].

Một truyện của Ấn-độ cũng rất gần với truyện của ta, chỉ có khác là không nói tới việc hít và ở đoạn cuối tình tiết có hơi khác. Chẳng hạn, khi vợ sang khoe tài chồng mình ở nhà bố mẹ đẻ, anh chàng tự xưng đoán giỏi cũng chạy sang trốn ở một xó, nhìn trộm người ta ăn uống. Đêm đến hắt làm bộ mới ở nhà mình sang, nói với mẹ vợ: - "Tôi có thể biết những người khác ăn gì". Mẹ vợ bảo hắt: - "Thế ngày hôm nay mấy đứa con tôi ăn những gì nào?". Hắt kể ra vanh vách. Mẹ vợ rất thán phục. Tin hắt giỏi đoán truyền đến vua. Vua cho gọi đến. Trong tay cầm một con dê, vua bảo hắt: - "Nghe nói mày giỏi đoán, vậy phải đoán cho ra trong tay tao cầm gì? Hắt sợ quá buột miệng kêu lên: "Pi-la-găng-ti ời, giờ chết của mày đã điểm rồi!" Pi-la-găng-ti là tên của của hắt mà cũng là tiếng Ấn chỉ con dê. Vua tưởng hắt có tài, trọng đãi và cho về. Ít lâu sau, vua mất một chuỗi ngọc, cho gọi hắt vào cung bắt nội trong 15 ngày phải tìm cho ra, nếu không sẽ treo cổ. Hắt bỏ cả ăn uống, chỉ mếu máo kêu tên mẹ và bà: "Ồi Xu-ni-da, ời Mu-ni-da ời, biết làm sao đây!" - Chính hai người hầu của vua có tên như thế đã ăn trộm chuỗi ngọc. Chúng nó nghe thấy hô danh mình thì sợ quá, bèn thú thật với thầy và chỉ chỗ giấu ngọc. Thế là hắt thành công và được vua ban rất hậu.

Một truyện Ấn-độ khác từng chép trong sách *Biển truyện (Kathâ Sarit-sâgara)* từ thế kỷ thứ XII:

Một người bà-la-môn nghèo tên là Ha-ri-xác-măng. Vì không nuôi nổi một đàn con, phải đi ở với một người giàu. Người này làm lễ cưới cho con gái mà không mời anh ta. Anh chàng giận lắm, dặn vợ: - "Có dịp cứ mách với họ là ta bói giỏi". Bèn vào chuồng ngựa nhà chủ dắt một con giấu vào rừng. Nhà chủ mất ngựa, tìm mãi không thấy. Người vợ bèn mách rằng chồng

mình bói giỏi. Thấy họ khẩn khoản, anh chàng giả vờ làm như kiểu thầy bói thực thụ, và cuối cùng dĩ nhiên tìm ra được ngựa. Từ đó mọi người phục chàng như thần. Tiếng đồn lan ra khắp nơi. Một hôm trong cung vua có vụ trộm lớn mất nhiều vàng ngọc và của quý. Vua gọi anh ta đến và bắt tìm cho ra. Hắn xin khất đến mai. Cửa cái của vua vốn bị một tên thị tỳ trong cung tên Đô-ri-hô-va (cái lười) lấy trộm. Người thị tỳ ấy đến nghe ngóng từ buồng chàng. Giữa lúc đó Ha-ri-xác-măng đang chửi cái lười của mình đã làm mình khốn khổ. Thị tỳ tưởng thầy đã biết, nên mở cửa chạy vào thú tội và xin thầy thương cho. Sáng mai anh chàng chỉ cho vua những của đã mất. Vua toan thưởng thì một viên quan cố vấn không chịu tin, bắt thử lại. Người ta mang đến một cái chậu úp, trong có một con cóc, bắt đoán. Anh chàng tưởng nguy đến nơi. Hắn nhớ hồi nhỏ cha mình thường gọi mình bằng cóc nên kêu lên: - "Cóc ơi! Ít ra trước kia mày cũng tự do hơn bây giờ". Vua nghe nói ngỡ hắn đoán đúng: khen ngợi và thưởng rất hậu.

Người Ai-cập cũng có truyện một anh lái buôn vỡ nợ, do vợ xúi giục đi ra nước ngoài làm nghề bói bất đắc dĩ. Được vua gọi vào cung thử tài, hắn lo sợ đến mất mật. Nhưng hắn vô tình đoán trúng chỗ giấu con châu châu và con chim sẻ bằng cách gọi tên mình và tên vợ ra để than thở. Một lần khác, để tìm một vụ trộm lớn trong cung, hắn giao cho vợ một túi sỏi và vợ hắn tình cờ ném trúng mấy lần vào đầu những tên trộm đứng rình nghe ngóng. Thế là bọn trộm tưởng thầy đã biết, vội tặng hắn tiền để hắn đừng làm cho chúng phải treo cổ.

Phần cuối còn có tình tiết: một hôm các vua láng giềng gọi bọn thầy bói của mình đến để thi tài với hắn. Các vua cho bí mật chôn dưới đất: một nồi sữa, một nồi mật và một nồi đậu. Các thầy bói kia chịu không đoán ra. Đến lượt hắn, hắn ngoảnh bảo vợ: - "Tất cả đều tại mình, thôi chúng ta có thể khuân đồ đạc đi khỏi nước này, lần thứ nhất là sữa, lần thứ hai là mật, lần

thứ ba là đậu". Do là hăn kể những thức ăn mà vợ hăn mới mua. Các vua tắc lưỡi và thưởng hăn rất hậu.

Ở phương Tây cũng có nhiều truyện cổ tích gần giống với truyện của chúng ta. Dưới đây là truyện *Ông thầy pháp*, của người Pháp, mà người Bồ-đào-nha (Portugal), người Anh, người Ý (Italia), Tây-ban-nha (Espana) cũng kể tương tự:

Một chàng trẻ tuổi một hôm bỗng tự xưng là thầy pháp, có khả năng tìm thấy những vật bí mật. Một bà chúa mất một chiếc nhẫn quý, gọi hăn đến bắt tìm cho ra thủ phạm. Ông chúa hỏi: - "Mày đòi công bao nhiêu?" - "Ba bữa ăn", hăn đáp - "Được".

Người đầu bếp mang đến cho hăn bữa ăn đầu tiên. Hăn nói : - "Đó là một". Thì chính tên đầu bếp ấy lại là một trong những tên trộm chiếc nhẫn của chủ. Nó trở về nói lại với đồng lõa. Lần sau người thứ hai lại mang thức ăn đến. Hăn lại nói: - "Đó: đã hai rồi". Lần thứ ba cũng thế. Cả ba tên trộm sợ quá, vì tưởng hăn đã biết, bèn đến gặp hăn thú thật, và, hẹn nếu không mách chủ, chúng sẽ tặng một nửa của cải. Hăn bày một mẹo là bắt một con gà cho nó nuốt chiếc nhẫn vào bụng.

Tuy được nhẫn quý, ông chúa vẫn không tin, lại sai bắt một con dế để lên đĩa, trên úp một cái chuông con, rồi bảo hăn: - "Trong ấy có gì nói ngay, nếu không hai khẩu súng lục đây tao sẽ bắn mày vỡ óc". Hăn không còn biết làm thế nào đành than một mình: - "Thân ta như con dế bị bắt". Đó là hăn nói theo một câu tục ngữ "tình trạng bối rối như con dế bị bắt" nhưng cũng làm cho ông chúa tưởng là thầy đoán giỏi.

Truyện của người Na-uy (Norvège) đại khái cũng như truyện của người Pháp:

Một người đốt than một hôm mua được cái áo cũ của một ông thầy cả. Anh ta mặc vào người và tự cho mình là tiên tri. Vua mất cái nhẫn quý. Anh ta gõ cửa nhà vua, nói mình có thể tìm được. Vua hẹn cho ba ngày phải tìm cho ra, nếu không sẽ đuổi. Chiều hôm đầu tiên một người hầu - chính là một trong những tên trộm - mang thức ăn đến. Khi ăn xong, nó bưng mâm đi, anh ta nói: "Đó là một đã đi rồi" (tức là một ngày đã qua). Việc cũng diễn ra như thế đối với hai người hầu sau đều là đồng lõa ăn trộm chiếc nhẫn. Họ cho là thầy đã biết hết và tìm đến thú thực với thầy. Anh ta bảo kiếm một con lợn to cho nó nuốt chiếc nhẫn. Sau đó, vua lấy một cái bình bạc có nắp đi ra bờ biển, một lúc sau vào gọi anh ta đến đoán cái gì trong bình. Anh ta than một mình: - "Ôi của tội nghiệp! Xảy ra cho mày bao nhiêu là thử thách". Đúng là con của mà nhà vua đã bỏ vào bình để thử.

Một loạt truyện sau đây tuy hình tượng đã đổi khác nhưng câu nói dẫn đến sự hiểu lầm vẫn giữ nguyên, cũng đều là dị bản của các truyện trên. Truyện của người Đức:

Một người đàn bà có thói quen ngáp ba lần trước khi đi ngủ. Một hôm có ba tên trộm toan vào nhà khoảng cửa. Khi một đứa trèo thang nhìn vào cửa sổ thì vừa đúng lúc người đàn bà ngáp. Mụ nói to: - "Đó là một". Tên kia cho là bị lộ chạy ra nói với đồng bọn. Tên thứ hai thấy yên yên lại trèo lên, vừa vịn lúc mụ ngáp cái thứ hai: - "Đó là hai!". Lúc sau, tên trộm thứ ba sắp trèo thì cái ngáp thứ ba cũng đến với mụ ta cùng câu nói: - "Đó là ba". Ba tên chạy mất mặt.

Truyện của người Pháp:

Một người mẹ có đứa con ăn không ngồi rồi. Một hôm mẹ bảo con: - "Khi người ta muốn có một ngày tốt thì phải dậy sớm". Đứa con nghe lời, dậy rất

sớm đi ra khỏi thành phố, đứng ở cửa thành. Có ba anh đem qua đào được một kho của bí mật đem về. Người thứ nhất gặp anh chào: - "Bông jua" (tiếng chào này cũng có nghĩa là ngày tốt). Anh chàng nói: - : "Đó là một" [7]. Người kia tưởng việc bí mật của mình đã bị lộ. Sau câu chuyện cũng lần lượt diễn ra như thế đối với người thứ hai, thứ ba. Tưởng là anh chàng đã biết cả, ba người bèn chia cho anh một phần tư kho của.

Những truyện sau đây có thể xếp vào một nhóm, vì cùng chung một loại hình tượng làm trung tâm cho câu chuyện:

Truyện từ sách *Chú giải về Phật pháp (Dhammpadattha Kathâ)*:

Một người Ba-la-môn đi từ Bê-na-rếp đến xứ Tắc-ca Si-la để học khoa học, hy vọng trở thành bậc thánh. Thầy giáo hẳn có 500 đồ đệ mà trung thành tận tụy nhất là anh này vì hẳn hầu hạ thầy bao nhiêu năm không tiếc sức. Nhưng hẳn lại quá khờ khạo, nhét mầy cũng không vào. Thầy bụng bảo dạ: - "Phải giúp cho nó một cái gì để trả ơn. Khi một đứa dốt đã học được cái gì nhập tâm là nó không quên". Bèn dạy cho câu chú bắt phải nói đi nói lại hàng ngày: - "Mày xát, mày xát, tại sao lại xát? Ta biết hết ý định cả rồi!". Học xong anh trở về quê hương.

Hồi ấy vua Bê-na-rếp thường cải trang đi khắp thành phố để nghe ngóng ý dân. Một đêm vua dừng lại trước nhà anh chàng đúng lúc bọn trộm đào ngạch rồi chui vào nhà. Chàng trẻ tuổi đang ngủ chột tỉnh giấc, miệng quen thói nói ngay câu trên. Bọn trộm hoảng hồn, linh mất.

Vua điều tra biết anh chàng học khoa học từ Tắc-ca Si-la về, nên ngày mai cho gọi anh đến bảo dạy cho mình cái môn học được. Học xong, vua thưởng cho một ngàn đồng vàng. Từ đó vua luôn mồm học câu nói kia. Ít lâu sau một quan đầu triều âm mưu giết vua, hẳn đồng mưu với người phó

cạo sẽ cắt cổ vua khi cạo gáy, và hứa sẽ cho y làm quan đầu triều nếu mình làm vua. Sắp cạo, vua đọc "câu chú" trên. Người phó cạo toát mồ hôi trán, vút dao, sụp lạy. Vua bảo: - "Có gì cứ nói đừng sợ". Hăn kể lại mọi việc. Vua nghĩ bụng: "Nhờ thầy ta, ta mới sống được". Bèn bắt quan đầu triều đi đầy rỗi cho anh chàng thế chân [8].

Một truyện ở Bắc âu:

Một chàng vô công rồi nghề, em của một nhà thông thái nghèo khổ, một hôm đến nhà vua xin việc làm. Vua hỏi: - "Anh biết gì?". Đáp: - "Biết làm thơ và chơi quạt". Vua nhận lời. Một hôm để có bài thơ dâng vua, anh ta đến ngồi dưới một gốc cây tìm tứ. Đang ngồi bỗng có một đàn lợn đến cọ vào người. Anh bật ra một câu: - "Chúng mày cọ đi cọ lại, ta biết âm mưu của chúng mày rồi". Cho là câu hay, anh về đọc. Vua nghe đúng vào lúc phó cạo hoàng cung đang liếc dao để cạo cho vua. Phó cạo bỗng tái mặt, sụp xuống chân vua, thú rằng lưỡi dao đã tẩm thuốc độc do một quan coi kho xúi hắc. Thế là quan coi kho bị xử tử, chàng vô công rồi nghề được thế vào. Lần khác đề tỏ ra biết chơi quạt, anh ta vô tình cứu được vua lần nữa về trò chơi của mình. Được cất nhắc làm đại thần, anh ta gọi ông anh của mình đến nhà để giúp đỡ và nói - "Lúc nào định mệnh đang cai quản thế giới, thông minh và cố gắng của anh chả được tích sự gì".

Truyện Xây-lan (Sri Lanka):

Trong số đại thần của một ông vua, có một ông tính giản dị, không biết chữ, nhưng được vua yêu còn bọn kia thì ganh tỵ. Một hôm, chúng gợi ý cho vua là bắt mọi người làm thơ chúc tụng. Đại thần ta bối rối, nhưng cũng đến ngồi trên một hòn đá ngoài đồng để suy tư. Bỗng có một con trâu đến cà cổ và mài sừng ở hòn đá ấy. Tự nhiên một câu vụt đến: - "Ta há lại không biết mày đang mài lưỡi dao đó sao?". Hăn đọc cho vua nghe, vua

thích thú và cứ ngâm đi ngâm lại nhiều lần. Ở đây cũng có phó cạo cùng đồng lõa âm mưu cắt cổ vua và cũng sục lạy thú tội khi nghe vua ngâm câu ấy.

Một truyện của Hy-lạp (Grece) và một truyện của Ả-rập (Arabie) cũng gần như thế. Một ông vua mua của một lái buôn ba câu cách ngôn khôn ngoan: câu đầu là: - "Dà, mày làm gì cũng phải thận trọng và nghĩ đến hậu quả". Vua sai viết câu ấy lên khắp nơi, ngay cả áo quần. Phó cạo đang có âm mưu cắt cổ Vua (ở truyện Ả-rập thì là thầy mổ xẻ âm mưu chích huyết bằng mũi kim có thuốc độc) thấy câu trên ở khăn quần cổ của vua (ở truyện Ả-rập thì thấy khắc trên bề nước) bèn sục xuống thú tội [9].

Truyện của người Ca-ma-ôn ở chân núi Hy-mã-lạp(Himalaya):

Một người Bà-la-môn sống bằng nghề hành khất. Một hôm, người vợ nghe tin có một ông vua tốt bụng, ai đến xin cũng cho một đồng vàng và một con bò cái. Vợ giục chồng đi. Chồng bảo: - "Biết nói gì với vua đây?" - "Cứ nói những gì mình thấy dọc đường", vợ đáp. Lần đầu, anh ta thấy từ trong một cái lỗ, một con mối kêu "Cúc... Cúc", liền lặp đi lặp lại ngay cho nhớ. Đi một lát thấy một con rắn ăn sâu, anh đứng lại nhìn và nhắc đi nhắc lại: - "Ngẩng cổ thấy hay hay". Xa nữa thấy một con lợn đang rúc trong bùn, anh lặp lại câu: "Ghi...Ghi... nó đến, nó đi". Cuối cùng, anh nhờ một người ghi lên giấy, rồi đưa cho vua khi vua cho tiền.

Vua quý tờ giấy ấy, dán ở đầu giường, luôn luôn tụng niệm. Một hôm vua đang ngủ, có kẻ trộm vào cung. Bọn trộm nghe thấy vua nói lặp bập những câu trên, tưởng vua biết, bèn bỏ chạy. Lính gác trong cung bèn đuổi theo bắt được cả bọn. Vua tra hỏi, bọn trộm thú nhận: - "Chúng tôi vào cung định trộm, nhưng mỗi một cử động đều bị bệ hạ biết cả". Vua bảo: - "Tại sao ta lại biết?", - "Khi chúng tôi đục tường, bệ hạ nói: - "Cúc... Cúc".

Chúng tôi nghển cổ nghe ngóng, bệ hạ nói: - "Ngẩng cổ thấy hay hay". Chúng tôi đi từ chỗ này sang chỗ khác, bệ hạ nói: - "Ghi... Ghi. Nó đến, nó đi". Do đó chúng tôi tin rằng bệ hạ đã biết cả [\[10\]](#)."

Một số hình tượng trong truyện trạng Bói (tức trạng Lợn) của ta có lẽ đều rút ra từ truyện *Bụng làm Dạ chịu*. Xem thêm truyện *Chàng ngốc học khôn*, số 189 tập V.

HẾT TẬP I.

-
- [1]_Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn, và Trương Vĩnh Ký: *Chuyện đời xưa*.
- [2]_Theo Mai Ván Tấn. *Truyện cổ Vân-kiều*.
- [3]_Ổng cọn: ống của bánh xe tưới nước, bánh xe này nhờ sức đẩy của dòng nước mà tự động quay.
- [4]_Theo Truyện cổ dân gian Việt nam, tập II.
- [5]_Theo truyện cổ Việt-bắc.
- [6]_Theo truyện dân gian Miến-điện (Minh Trí, Văn Minh, Hoàng Hải dịch).
- [7]_Ý nói: đó là một ngày tốt.
- [8]_Trong Tạp chí Đông-dương số 1-2 (1974).
- [9]_Theo Cô- xanh (Cosquin), Truyền thuyết của quan hầu Thánh Ê-li-da-bét ở Bồ-đào-nha.
- [10]_Đều theo Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren của Cô- xanh (Cosquin).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
NGUYỄN ĐÔNG CHI - TRÉSOR DES CONTES VIETNAMIENS

Dans une première partie (p. 1-72) M. Nguyễn Đông Chi étudie les contes et légendes en général. Il essaie d'en délimiter le domaine et les genres, passe en revue les classifications données avant lui pour les critiquer et en constater les faiblesses. Il rappelle différents essais de classifications: d'abord celle de Nghiêm Toàn dans son Việt-nam văn học sử yếu (Précis d'histoire de la littérature vietnamienne) en: 1. Contes moraux et fables (Truyện luân lý ngụ ngôn); 2. Contes superstitieux et invraisemblables (truyện mê tín hoang đường); 3. Contes satiriques (phúng thê) et amusants (hài đàm); 4. Légendes des génies et des saints (tích các thần thánh). Puis celle de Thanh Lăng dans son Văn học khởi thảo: Văn chương bình dân (Ébauche d'une littérature: La littérature populaire) qui divise les contes, légendes, histoires en sept catégories: 1. Génies et immortels (thần tiên); 2. Démones et revenants (ma quỷ); 3. Héros nationaux (anh hùng dân tộc); 4. Amour (ái tình); 5. Morale (luân lý); 6. Mœurs (phong tục); 7. Comiques (khôi hài).

M. Nguyễn Đông Chi donne ensuite la classification également toute formelle, de Nguyễn Văn Ngọc dans Truyện cổ nước Nam (Histoires anciennes du Viet-nam): légendaires, morales, populaires avec couplets, chants - philosophiques, comiques - celle de Trương Tửu dans Văn nghệ bình dân Việt-nam (L'art populaire du Vietnam). Ce dernier tente de grouper les contes et légendes en deux grands ensembles: les contes merveilleux (thần kỳ) et les contes de ce monde (thế sự). Malheureusement dans ces deux grands ensembles Trương Tửu introduit des divisions multiples qui nous ramènent aux classifications précédentes.

M. Nguyễn Đông Chi a senti la difficulté d'une classification rationnelle des contes. Il essaie de restreindre leur domaine en les isolant de la fable,

de la satire, des histoires pour rires, des histoires d'actualité et en leur fixant trois conditions: être anciens, ne pas être éloignés de la tradition populaire, viser à un but moral.

Cependant M. Nguyễn Đông Chi n'approfondit pas le problème posé par la première condition: en effet quelle est la frontière entre le "nouveau" et "l'ancien". Est-ce que les contes qui se rapportent à l'époque de Tự Đức (1848 - 1883) doivent être considérés comme anciens ou nouveaux? Or, beaucoup de contes sont attribués à l'époque des Nguyễn (XIX^e siècle), cf. les contes recueillis par Landes .

Après toutes ces restrictions, M. Nguyễn Đông Chi donne à son tour son classement qui à notre avis, demeure tout aussi formel que ceux de ses prédécesseurs: 1. Contes merveilleux (truyện cổ tích hoang đường); 2. Contes de ce monde (truyện cổ tích thế sự); 3. Contes historiques (truyện cổ tích lịch sử).

M. Nguyễn Đông Chi ne nous parle pas d'une possibilité de classification par thème, classification qui permet de définir et de rapprocher les thèmes des contes anonymes et non datés d'en suivre la transmission et les variations.

La fin de cette première partie est consacrée par M. Nguyễn Đông Chi à l'évolution des contes et légendes à travers les époques de l'histoire vietnamienne.

Dans la phase protohistorique les contes sont surtout merveilleux avec des personnages qui sont des génies ou des héros génifiés (Phù Đổng thiên vương, Cao Sơn đại vương, Thục An Dương vương, etc...), ou des génies animaux (dragons, serpents, tigres etc...). La domination chinoise introduit les croyances du bouddhisme et du taoïsme et les contes en subissent l'influence.

D'autre part les héros nationaux qui ont lutté contre les Chinois (Sœurs Trưng, Bồ Cái đại vương, etc...) inspirent contes et légendes. Sous les dynasties vietnamiennes les contes et légendes ont un grand succès. Sous les Trần (1225 - 1400) l'introduction du théâtre yuan et des siao-chous chinois laissent intact l'engouement du peuple pour les contes. Sous les Lê et les Nguyễn (XVe - XIXe siècles) l'influence des classes dirigeantes, mandarins issus des concours se manifeste dans la vogue des héros de contes qui se trouvent souvent être des docteurs ou des lettrés. Sous les Nguyễn, les soulèvements des classes populaires et surtout de la classe paysanne vont de pair avec une littérature orale plus agressive: les contes deviennent critiques et satiriques.

Dans la seconde partie (p. 75-255), M. Nguyễn Đông Chi donne un recueil de contes qu'il classe dans un ordre apparent: contes et légendes qui expliquent l'origine de certains objets ou animaux (pastèque, aréc et bétel, dourion, dragonnier, différents oiseaux, grenouille, singe, marsouin, limule, paon, corbeau); de certaines particularités de la nature ou des animaux (cris des oiseaux, pratique du Tết); contes et légendes concernant les sites ou accidents géographiques du Vietnam: lac Ba-bể, lac de l'Épée, marais de Une Nuit, marais de l'Encre (đầm Mực), fleuves Nhà-bè, Tô-lich, Thiên phù, Cấm-lệ, Hòn Vĩnh-diện (pour ceux-ci, p. 254-255); rochers de la Mère et de l'Enfant, rocher de Bà-rầu, mont Ngũ-hành et quelques tours chames (thành Lôi, tháp Nhạn, tháp Dương-lệ).

A chaque légende, quand il le peut, M. Nguyễn Đông Chi ajoute un commentaire et des textes développant des thèmes semblables ou proches. Les commentaires sont, à notre avis, trop minces. Ils auraient pu comporter plus de rapprochements, ou, du moins, indiquer plus de références, le folklore vietnamien est assez riche pour le permettre. D'autre part si l'ouvrage de M. Nguyễn Đông Chi doit servir à des chercheurs et non au très grand public, il présente l'inconvénient que les contes et légendes sont

racontés dans la version de l'auteur qui, souvent, amalgame plusieurs versions. Peut-être aurait-il été préférable de livrer au lecteur les versions recueillies de première main, sans les modifier.

Par contre M. Nguyễn Đông Chi est resté très prudent dans l'interprétation des contes et légendes. Il ne construit rien, n'exploite pas les données à moins qu'il le fasse dans les tomes suivant annoncés.

Quoi qu'il en soit, nous ne pourrions juger de l'entreprise de M. Nguyễn Đông Chi que lorsqu'il aura publié son travail au complet.

MAURICE DURAND

(B.E.F.E.O No 1 - 1964, P. 243-244)

PHỤ BẢN

- * Bút tích tác giả

- * Chúng tôi bắt chước đề mục này của Sử Nam chí dị.

1è tome Édition de Văn sử địa, Hanoi, 1958; 255 pages.

Câu thông yêu cầu:

Tìm con biết gần đây có cảm thấy khi nhận được
vòng thì cần cần ở cùng. Đi khám chữa bệnh mới biết
2 vết xương gãy gần xương chậu L³ L⁴ bị vụn ra
nơi D² 2 cái nhỏ hơn. Thảo nào mà đau. Đi! Khi
nhìn thấy bộ xương mình qua phim ảnh X-quang con
có biết nó có cảm giác như thế nào không? Thật
là một cảm giác hơi buồn của một người biết rằng mình
là kẻ chiến bại trước cuộc sống. Xưa nay chỉ có chạy, chạy
đi đây đây thì có cảm giác này. Hay thì thoáng một
đây thôi thì lại chợt đến việc bác bỏ ông này. Một
nỗi buồn như thế thôi, đau xém chút sưng vấy vấy thôi
có một chút chườm. Tuy nhiên nó buồn mà không
nản. Xưa nay nó là người thất trận yêu đời, yêu cuộc
sống, yêu lao động. Ngày nó quyết định vào miền Nam
là nó ra tiền cho lao động (thực ra là phải tranh thủ
nhưng khi giờ đã mất trong việc tìm kiếm con người, đất nước
và biết nó một nước đất nước mà thôi ta? Vì khi sống

Vào một ngày vì bầu trời nên không dám đi chơi ít ra
là một chuyến vào đất này cũng rất nhiều) có sung sướng
chính các bộ kho tàng và bộ sách khác trong địa phương.
Đó là người tư hào và sức khỏe cũng như những kiến
vấn của mình. Muốn đưa những cái ấy ra đóng góp
tận lực. Vấn đề khác, bộ tư tưởng thì giờ của mình
có thể nói rằng phút nào là phút. Đây là một nhà.

Bây giờ thì thế nào? Bộ tư tưởng là: — "Đây giờ"
thì chính là bài pháp vị thần ngự trị trên thế nhân
và loài người. Ông ấy đã cho bộ tư tưởng là "đây giờ"
tên gọi nhiều từ trong cơ thể. Giai cấp này là dân
hiện của lao động biết quyền lợi của mình. Ông ấy
bỏ vào phải là tăng tập luyện hàng ngày để không
chơi với lao động. Nhưng một mặt khác thì bộ tư tưởng
về lo hoàn chỉnh những công trình đang dở của mình
thì tình nguyện lui bước đây. Đó là kế hoạch lui
về phương ngữ đây.

Chữ

* Chân dung Nguyễn Đồng Chi



CHÂN DUNG TÁC GIẢ
NĂM IN KHO TÀNG TRUYỀN CỔ TÍCH VIỆT NAM (1958)

* Chân dung tác giả (Họa sĩ Diệp Minh Châu vẽ, 1981)



* Bìa sách "Kho làng truyện cổ tích Việt Nam" (Bản dịch tiếng Nhật. Tokyo, 1975)

ベトナムの民話

第一集



NGUYEN DONG CHI 編
LE CUONG 法名 THICH NHU DIEN 訳

Đã in ở "Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam" in tại Nhật, Tokyo, 1970.

Nguyễn đồng Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
TẬP II
ĐỌC KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM TẬP II CỦA
NGUYỄN ĐỒNG CHI

Trong phần đầu (tr. 1-72), ông Nguyễn Đồng Chi nghiên cứu cổ tích và truyền thuyết nói chung. Ông thử vạch ranh giới của lĩnh vực nói đây và của những thể loại thuộc lĩnh vực ấy, điếm qua những hệ phân loại đã được đề xuất trước ông, nhằm phê bình và nhận ra các mặt yếu. Ông nhắc lại các thể nghiệm phân loại khác nhau. Thoạt tiên là thể nghiệm của Nghiêm Toàn trong *Việt-Nam văn học sử yếu*, với cách phân chia như sau: 1. Truyện luân lý ngụ ngôn; 2. Truyện mê tín hoang đường. 3. Truyện phúng thể và hài đàm; 4. Sự tích các thánh. Rồi đến thể nghiệm của Thanh Lãng trong *Văn học khởi thảo: Văn chương bình dân*, trong đó cổ tích, truyền thuyết, truyện, được phân thành bảy loại: 1. Truyện thần tiên; 2. Truyện ma quỷ; 3. Truyện anh hùng dân tộc; 4. Truyện ái tình. 5. Truyện luân lý. 6. Truyện phong tục; 7. Truyện khôi hài.

Sau đó, ông Nguyễn Đồng Chi lại đưa ra cách phân loại cũng hoàn toàn hình thức của Nguyễn Văn Ngọc trong *Truyện cổ nước Nam*: truyện thần kỳ; truyện luân lý; truyện dân gian và những câu ngạn ngữ, ca khúc triết lý, truyện khôi hài... Rồi thì cách phân loại của Trương Tửu trong *Văn nghệ bình-dân Việt-nam* : tác giả này thử tập hợp các cổ tích và truyền thuyết lại thành hai tổng thể lớn, truyện thần kỳ và truyện thể sự [1]. Đáng tiếc là trong hai tổng thể lớn đó Trương Tửu lại đưa vào vô vàn phân cắt, khiến ta lại bị dẫn dắt về các cách phân loại đã nói trên.

Ông Nguyễn Đồng Chi đã cảm thấy nỗi khó khăn trong việc phân loại truyện đời xưa sao cho duy lý. Ông thử thu hẹp lĩnh vực các truyện ấy bằng cách tách chúng khỏi truyện ngụ ngôn, truyện khôi hài, truyện tiểu lâm,

truyện thời sự, và bằng cách quy cho chúng ba điều kiện: phải có phong cách cổ; không tách xa khỏi truyền thống dân gian; nhằm một mục đích luân lý [2].

Tuy nhiên, ông Nguyễn Đồng Chi lại không đi sâu vào vấn đề do điều kiện thứ nhất đặt ra: quả vậy, đâu là ranh giới giữa cái "kim" và cái "cổ"? Những truyện cổ tích có liên quan đến thời Tự Đức (1848 - 1883) phải được xem là "cổ" hay là "kim"? ấy thế mà nhiều truyện cổ lại được quy vào thời Nguyễn (thế kỷ XIX): xem những truyện do Lãng-đờ (Landes) thu thập [3]

.

Sau tất cả những hạn chế nói trên, đến phiên ông Nguyễn Đồng Chi đưa ra cách sắp xếp của mình, mà theo ý chúng tôi, cũng hình thức không kém gì của những người đi trước ông: 1. Truyện cổ tích hoang đường; 2. Truyện cổ tích thế sự; 3. Truyện cổ tích lịch sử.

Ông Nguyễn Đồng Chi không đề cập đến khả năng phân loại theo đề tài, một cách phân loại cho phép định nghĩa và nhích lại gần nhau những đề tài của các cổ tích vô danh và thiếu niên đại, còn cho phép theo dõi quá trình truyền đạt và những biến đổi của chúng.

Chương cuối của phần thứ nhất nói đây được ông Nguyễn Đồng Chi dành cho việc nghiên cứu bước đường tiến hóa của cổ tích và truyền thuyết qua các thời của lịch sử Việt-nam.

Trong giai đoạn sơ sử, cổ tích chủ yếu là truyện hoang đường mà nhân vật là thần, hay anh hùng được thần thoại hóa (Phù Đổng thiên vương, Cao Sơn đại vương, Thục An Dương Vương, v. v...), hoặc thần súc vật (rồng, rắn, hổ. v. v...). Cuộc đô hộ của Trung hoa đã du nhập những tín ngưỡng của Phật giáo, Đạo giáo, và cổ tích cũng chịu ảnh hưởng của các tín ngưỡng ấy.

Mặt khác, những anh hùng dân tộc từng đấu tranh chống lại người Trung-hoa (Hai bà Trưng, Bô Cai đại vương, v. v...) cũng gây cảm hứng cho cổ tích và truyền thuyết. Dưới các triều đại Việt-nam, cổ tích và truyền thuyết đạt được thành tựu lớn. Dưới triều Trần (1225- 1400), sân khấu Nguyên và các tiểu thuyết Trung hoa được du nhập, nhưng lòng mê say của dân chúng đối với truyện cổ vẫn nguyên vẹn. Dưới các triều Lê và Nguyễn (thế kỷ XV-XIX), ảnh hưởng của các tầng lớp thống trị, của quan lại xuất thân từ thi cử, lộ ra qua sự thịnh hành của các nhân vật cổ tích nhiều khi đã đồ trạng nguyên hoặc là nhà nho. Dưới triều Nguyễn, những cuộc nổi dậy của các tầng lớp dân chúng, nhất là của nông dân, lại đi song song với một nền văn học truyền miệng nặng chất công kích hơn: truyện cổ bắt đầu mang tính phê phán và trào phúng.

Trong phần thứ hai (tr. 75-255), ông Nguyễn Đông Chi cung cấp một sưu tập những truyện cổ tích mà cứ nhìn bề ngoài thì ông đã sắp xếp lại theo một trật tự nhất định: những cổ tích và truyền thuyết giải thích nguồn gốc một số vật hay loài vật (dừa hấu, trầu cau, sấu riêng, huyết dụ, các loài chim khác nhau, ếch nhái, khỉ, cá heo, con sam, con công, con quạ); những cổ tích và truyền thuyết giải thích nguồn gốc một số đặc thù của thiên nhiên hay loài vật (tiếng kêu của một số loài chim, tục ăn Tết); những cổ tích và truyền thuyết có liên quan đến một số thắng cảnh hay địa mạo bất thường ở Việt-nam: hồ Ba-bể, hồ Gươm, đầm Nhất-dạ, đầm Mực, sông Nhà-bè, sông Tô-lich, sông Thiên-phù, sông Cẩm-lệ, sông Hòn Vĩnh-diện (tr. 254 - 255), tảng đá Mẹ-con, tảng đá Bà-rầu, núi Ngũ-hành, và một vài tháp Chăm (thành Lôi, tháp Nhạn, tháp Dương-lệ).

Khi nào có thể, ông Nguyễn Đông Chi lại thêm vào từng truyền thuyết một vài lời bình và một số dị bản cũng phát triển những đề tài tương tự hoặc gần như thế. Theo ý chúng tôi thì các lời bình có phần còn mỏng quá. Đáng ra chúng phải bao gồm nhiều mảng đối chiếu hơn, hay ít nhất cũng chỉ ra

nhiều điểm tham chiếu hơn: văn học dân gian Việt nam cũng đủ phong phú để cho phép làm thế. Mặt khác nếu cuốn sách của ông Nguyễn Đồng Chi nhằm phục vụ các nhà nghiên cứu, chứ không phải công chúng rộng rãi, thì nó lại phô ra nỗi bất tiện sau đây: cổ tích và truyền thuyết được kể ra theo các dị bản của tác giả, mà tác giả lại thường phối hợp nhiều dị bản với nhau. Có lẽ tốt hơn là cứ trình với người đọc tất cả những bản mà mình trực tiếp sưu tầm được, chưa có biến cải gì.

Trái lại, ông Nguyễn Đồng Chi rất thận trọng trong việc minh giải các cổ tích và truyền thuyết. Ông không kiến tạo gì cả, không khai thác bằng cứ, trừ khi ông sẽ làm trong các tập sau đã được thông báo.

Dù sao, chúng ta chỉ đánh giá được việc làm của ông Nguyễn Đồng Chi một khi ông đã công bố trọn vẹn công trình của mình.

MAURICE DURAND

Tập san trường Viễn Đông bác cổ

[B. E. F. E. O.], số 1-1964, tr. 243-244.

NGUYỄN TỪ CHI dịch

[1]_"Truyện thế sự", dịch từng chữ là "chose de ce monde", gồm những truyện mà các nhân vật, diễn biến và khung cảnh đều như thực, chứ không thần kỳ và hư ảo

[2]_Thực ra, trong nguyên tác, điều kiện thứ hai là: *truyện cổ tích không được xa lạ* với bản sắc dân tộc, và điều kiện thứ ba là: *truyện cổ tích phải có giá trị tư tưởng và nghệ thuật* đạt đến một cấp độ cao trong văn xuôi tự sự truyền miệng. Xin xem các trang 48- 52 bản in lần này (N. D).

[3]_Trong các bản viết tay để lại cho Hội Á châu (Société Asiatique), và đã được sử dụng một phần trong tạp chí *Du lãm và quan sát* (Excursions et Reconnaissances).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
III. CÁC TÍCH CÁC CÂU VÍ
41. ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH

Ngày xưa có người lái buôn tên là Vạn Lịch. Hắn ta buôn to, giàu có vào hạng nhất nhì trong nước. Hắn có ngót một trăm chiếc thuyền dùng vào việc chở hàng. Chiếc thuyền riêng của Lịch có buồng ăn, buồng nằm.... không khác gì nhà ở trên đất. Xung quanh chỗ ngồi trang sức bằng gấm vóc. Đồ dùng toàn bằng vàng bạc.

Lịch có một người vợ trẻ và đẹp là Mai thị. Trong những lúc đi buôn bán xa, hắn thường ngờ vợ không thực lòng với mình. Hắn hay xét nét từng ly từng tý làm cho nàng tuy sung sướng nhưng cũng rất khổ tâm.

Một hôm thuyền của Lịch đậu ở một bãi vắng. Mai thị ngồi trước mũi nhìn ra ngoài. Bỗng có một người đánh giậm ở đâu đến cạnh thuyền xin một miếng trầu. Mai thị thấy người đó đóng khố, mình mẩy lấm láp thì thương hại, hỏi thăm mấy câu rồi lấy mấy miếng trầu trong cối vàng đem cho. Lịch đang ngủ chợt thức giấc thấy thế, cơn ghen nổi lên bùng bùng. Chờ cho anh đánh giậm đi khỏi, hắn gây chuyện với vợ rồi xỉ vả nàng thậm tệ. Mặc dầu Mai thị thề thốt hết lời nhưng hắn không nghe. Hắn trả xong áo cho nàng, vứt cho một thoi vàng, một thoi bạc và đuổi đi ngay.

Mai thị bơ vơ một mình trên bãi biển. Nàng gặp lại người đánh giậm bèn gạt nước mắt kể lễ sự tình. Anh chàng đánh giậm ngẩn ngơ cả người, không hiểu ra làm sao cả. Khi biết anh ta chưa có vợ lại sống một thân một mình, nàng bảo:

- Hẳn bảo tôi dan díu với anh. Ấu là số tôi không lấy được kẻ giàu sang, tôi xin lấy anh làm chồng, dù có khổ sở thế nào đi nữa tôi cũng chịu được. Chúng ta sẽ làm ăn nuôi nhau.

Anh chàng đánh giậm không biết từ chối thế nào cuối cùng dẫn người đàn bà kia về túp lều của mình dựng bên bờ sông. Và họ trở nên vợ chồng. Hàng ngày chồng vẫn làm nghề cũ, còn vợ thì ở nhà chăn nuôi gà vịt. Tuy nghèo nhưng họ sống êm ấm, không xô xát với nhau bao giờ.

*

* *

Ba năm trôi qua. Một hôm trời mưa, chồng rồi việc ở nhà, vợ ngồi vá áo. Chồng thấy đàn gà thi nhau mổ thóc ở thúng, sẵn có thỏi vàng của vợ trong thúng khâu, hẳn không biết là vật gì liền cầm lấy ném đàn gà. Chẳng may ném mạnh quá thỏi vàng văng luôn xuống sông. Thấy vậy, vợ trách chồng:

- Kìa, người sao mà ngu đần thế! Anh có biết anh vừa ném cái gì không?

Chồng đáp gọn lỏn:

- Chả biết.

- Đây là vàng quý nhất ở trên thế gian đây.

- Thứ ấy thì thiếu gì. Những lúc bắt cá ở một vùng kia tôi vẫn nhặt được luôn nhưng không biết dùng làm gì nên lại vứt bỏ.

Đến lượt vợ lại ngăn cả người, liền hối hả giục chồng đi lấy về. Quả nhiên đó là vàng thực và lạ thay mỗi thỏi đều có dấu hiệu riêng của Vạn Lịch. Nguyên do Vạn Lịch từ ngày đuổi vợ, buôn bán có phần thua lỗ. Một chuyến bị bão, thuyền đắm, Lịch chỉ thoát được thân còn bao nhiêu vàng bạc của cải đều chìm xuống nước và trôi dạt vào đây. Thế là kho vàng của Lịch lại thuộc về tay vợ chồng Mai thị.

Từ khi có của, Mai thị bèn xây dựng nhà cửa và sắm ăn sắm mặc cho chồng. Thấy chồng quá ngờ nghệch, vợ bảo phải năng chơi bời với người ta để học khôn học khéo hòng mở mắt với đời.

Chồng nghe lời, vào xóm gạ chuyện với mọi người để làm quen nhưng chả có ai thèm chơi với thằng nghèo lại nổi tiếng đần độn. Luôn mấy hôm liền, hăn đi không về rồi. Vợ hỏi: - "Đã chơi được với ai chưa?" - "Chưa". Mai thị lắc đầu nói một mình rằng: - "Người đâu u mê đến thế. Suốt mấy hôm trời mà không làm quen được một ai. Họa có chơi với phỗng thì được!". Nghe nói thế, chồng tưởng vợ bảo mình không chơi với người thì chơi với phỗng, bèn tìm đến một ngôi đền vắng ở xa xóm. Hăn lân la toan làm quen với mấy bức tượng phỗng đặt ở hai bên sân đền. Thấy tượng phỗng nhe răng cười, hăn cũng cười theo, rồi lại quàng vai bá cổ làm như chơi đùa với người thật. Sau đó hăn đi mua bún lòng về mời ăn, nhét cho mỗi tượng một miếng vào miệng. Cuối cùng chẳng thấy phỗng nói gì, hăn tức mình xô

phỗng từ trên bệ lăn kênh xuống đất rồi bỏ ra về. Khi vợ hỏi, hăn kể lại tình thực. Mai thị giẫm chân kêu trời, đành giữ chồng lại nhà để dạy khôn cho hăn.

Không ngờ ngôi đền mà anh chàng đánh giậm đến chơi lại là nơi phát tích của nhà vua. Tự nhiên, sau khi anh đánh giậm xô đổ tượng phỗng: nhà vua bị đau bại một nửa người. Bao nhiêu danh y được triệu vào cung chữa bệnh cho thiên tử đều lắc đầu bó tay. Một ông quan thái bốc gieo quẻ báo tin rằng ngôi đền này động. Lập tức triều đình phái quan tình về làm lễ tạ. Pho tượng phỗng đổ xuống đất làm cho họ chú ý. Nhưng khi định dựng tượng dậy thì lạ thay, hàng chục người mó vào đều nâng không nổi. Quan truyền cho mấy cơ lính dùng đòn dây xúm vào cùng khiêng nhưng rốt cuộc tượng vẫn không hề nhúc nhích. Tin ấy báo về kinh đô, nhà vua rất lo, liền sai yết bảng cho tất cả thần dân ai có phép gì dựng được phỗng lên bệ thì sẽ hậu thưởng. Hôm ấy Mai thị đi chợ qua đó thấy bảng yết thế, bèn về hỏi chồng:

- Hôm ấy anh làm thế nào đẩy ngã pho tượng xuống được?

Hăn đáp:

- Tôi chỉ khê ấy một cái là đổ ngay.

- Thế bây giờ có dựng lên được không?

- Làm gì mà chả được.

Vợ bèn cùng chồng ra giật bảng xin quan cho vào nâng thử. Quả nhiên khi người đánh giậm mó tay vào tượng liền đứng lên được.

Từ hôm đó nhà vua khỏi bệnh. Vua sai lấy vàng bạc thưởng cho vợ chồng Mai thị nhưng họ không nhận, chỉ xin làm một chân tuần ty ở sông Cả. Chức vụ tuần ty chỉ ngồi thu thuế không cần biết chữ. Vua ưng cho ngay. Hai vợ chồng liền đi nhậm chức. Sẵn vàng bạc, họ đưa ra xây dựng nhà cửa rất nguy nga ở bên cửa sông. Từ đó họ nổi tiếng giàu có trong vùng.

Một hôm, thuyền của Vạn Lịch đi qua đây, đỗ lại ở cửa tuần cho người lên nộp thuế. Mai thị biết vậy liền ra lệnh bắt chủ phải thân đến nộp. Tiến vào công đường, Lịch xiết bao kinh ngạc khi thấy ngồi trước án là người vợ cũ của mình cùng anh chàng đánh giặc ngày xưa. Mai thị mĩa mai bảo hăn:

Biết rằng anh vẫn đi buôn,

Em về kiểm chốn nha môn ngồi tuần.

Dù anh buôn bán xa gần,

Làm sao tránh khỏi cửa tuần em đây.

Nghe câu ấy, Vạn Lịch vô cùng xấu hổ. Hăn từ tạ trở về thuyền. Vừa then vừa uất, hăn nghĩ không còn mặt mũi nào nhìn lại vợ lần nữa. Đoạn hăn làm giấy kê khai tất cả của cải đem biếu Mai thị nói là để chuộc lỗi xưa, rồi đâm cổ tự tử. Mai thị thấy vậy lấy làm hối hận. Sau đó nàng đem bao nhiêu tài sản của Vạn Lịch, tâu vua xin đúc một thứ tiền gọi là "tiền Vạn Lịch" rồi đem phân phát cho những người nghèo khổ.

Ngày nay thỉnh thoảng người ta vẫn còn nhặt được một vài đồng tiền đó. Người ta còn có câu hát:

Đồng tiền Vạn Lịch thích bốn chữ vàng,

Anh tiếc công anh dan díu với nàng bấy lâu[1].

KHẢO DỊ

Theo người khác kể thì truyện trên còn có một đoạn đầu như sau:

Vạn Lịch người đời Tống nhờ vốn liếng của vợ mà buôn bán trở nên giàu có lớn. Nhưng khi làm nên, hăn thấy vợ không còn nhan sắc nữa nên có ý định tống cổ vợ đi, bèn nhân một hôm vợ trò chuyện với anh đánh giậm, vu cho là ngoại tình, rồi truyện tiếp diễn cũng như trên vừa kể, trừ một vài tình tiết đại đồng tiểu dị[2].

Người Nghệ-an kể truyện này như sau:

Một người làm nghề câu cá hàng ngày đứng câu ở chỗ núi đá cửa biển. Ở đó có hòn đá to cao hình người gọi là đá Tượng Bụt. Lúc nào câu xong ra về, người ấy cũng chào tượng đá: - "Kính ông ở lại". Có vợ một người buôn mảnh giàu có, nhân thuyền đỗ gần đấy thấy anh câu đỏi rét nên thương hại, bị chồng đập ngã xuống nước đuổi đi. Người đàn bà đành phải

lấy người đi câu (nhưng không có chuyện được vàng). Từ đấy làm ăn khá khá, cho là tượng Bụt giúp.

Ai ngờ Bụt đá mà thiêng,

Nhờ ơn đặt gánh đặt triêng[3] cho mình.

Lúc đã giàu có, nhờ ơn tượng Bụt, anh câu mới bảo vợ làm bữa rượu thết. Đoạn rồi cũng: - "Kính ông ở lại". Không ngờ đá say ngã xuống nước và cũng "động" đến nhà vua. Vua cũng hứa phong chức quan cho kẻ nào dựng được đá dậy. Người đi câu lại làm bữa rượu nữa đưa đến: - "Ông say đã tỉnh chưa, mời dậy uống với tôi". Đá tự nhiên trở lại chỗ cũ. Người đi câu được làm quan trấn thủ, rồi hai vợ chồng cũng gặp người chồng cũ vào nạp thuế, v. v...[4].

Một truyện khác *Thiên lực không phải nhân lực* có nội dung tương tự nhưng chủ đề thì hầu như trái ngược. Đây là một truyện có bàn tay của nhà nho nhằm đề cao chủ nghĩa định mệnh:

Có một người làm quan lớn trong triều. Hắn cho rằng sở dĩ mình làm nên là nhờ ở sức mình chứ không nhờ ai cả. Vì thế hắn có làm một cái biển đề hai chữ "Nhân lực" treo ở giữa nhà. Người vợ bé của hắn không cho là đúng, chờ lúc chồng đi vắng mới viết vào hai nét ở chữ "nhân" thành chữ "thiên". Chồng về hỏi vợ. Vợ nói: - "Người ta sinh ra mệnh hệ ở trời, mọi sự nhờ trời, chứ không phải sức người mà được". Chồng tức mình, nói: - "Tao đây cực khổ từ bé tới lớn, học hành hết hơi hết sức mới được như vậy, có thấy trời giúp gì đâu. Mà đã nói thế để coi sức trời giúp cho mày thế nào". Bèn đuổi vợ đi.

Vợ bèn khẩn: - "Hễ chính ngọ ra đường gặp người đàn ông nào, sẽ lấy

người đó làm chồng". Sau đó nàng kết duyên với một người đi câu cá. Từ đây câu chuyện giống với truyện trên nhưng không có việc được vàng. Vợ lấy tiền riêng sắm ăn sắm mặc cho chồng; lại bảo đi chơi với người ta cho hiểu việc đời. Chồng và chùa đánh bạn với tượng Phật. Câu chuyện cũng kết thúc bằng việc xô ngã tượng Phật và sau đây trong vùng trong sinh ra ôn dịch. Vua ra lệnh ai dựng được tượng lên sẽ cho làm quan to. Chồng dựng lên được. Lúc hai vợ chồng trải kinh thì gặp người chồng cũ[5].

Truyện thứ hai gần giống với cả hai truyện trên:

Một ông quan huyện một hôm hỏi bà vợ xem họ nhờ ai. Khác với câu trả lời của hai người vợ trước, người vợ thứ ba cho là nhờ trời. Cũng như hai truyện trên, người vợ thứ ba bị đuổi và sau đó kết duyên với một người đánh giặc. Khi hai vợ chồng trở nên khá giả (không có chuyện được vàng), vợ khuyên chồng nên tìm người hiền - người không hay nói - mà kết bạn. Chồng kết bạn với phỗng, cho phỗng uống rượu say, xô ngã phỗng và chỉ mình anh ta mới làm cho phỗng đứng dậy được. Đoạn kết có thêm tình tiết là: Về sau có giặc, vua hạ chiếu cầu hiền. Vợ giục chồng ứng mộ. Nhờ phỗng giúp ngầm, chồng thắng được giặc; vua bắt dân di đón cả hai vợ chồng về triều. Nhìn thấy vồng kiệu của người vợ cũ đi qua, quan huyện đâm đầu xuống sông tự tử[6].

Một truyện khác do người Hà-tĩnh kể nhan đề là *Người đốt than*:

Một phú ông một hôm hỏi ba cô con gái: - "Các con nhờ vả ai nhiều nhất?". Chỉ có cô con gái út trả lời:

Nhỏ thì nhờ mẹ nhờ cha,

Một mai khôn lớn nhờ ra lộc chồng.

Phú ông tức lắm, định gả con gái út cho một người nào nghèo đói nhất để xem nó nhờ cậy vào đâu. Gặp một người ăn mày, phú ông hỏi cuộc sống sướng khổ thế nào? Người ăn mày đáp:

Bị cắt rách, gậy cầm tay,

Trăm nghề không gì sướng bằng ăn mày.

Phú ông cho là còn sướng, không gả. Gặp một người đốt than, hỏi, thì anh ta đáp:

Nhờ trời cứ nắng chang chang,

Cha con kiếm củi dẹt than no lòng.

Trời làm một trận mưa giông,

Cha con đắp chiếu nằm không suốt ngày.

Bèn gả con gái cho người ấy. Bà mẹ thương con cho giấu một quả cau bằng vàng. Một hôm vợ đi vắng, chồng ở nhà chơi với con. Thấy con khóc, chồng lấy quả cau vàng cho con chơi. Không ngờ con đánh rơi mất. Bị vợ nhiếc móc, chồng cho biết trên rừng có một chỗ không thiếu gì thứ của ấy. Kết quả hai vợ chồng trở nên giàu có như các truyện trên. Phú ông thấy con giàu tới thăm, con nói:

Vàng cha, cha để trên đèn,

Vàng con, con để ngoài thêm đốt than.

Phú ông then chết ngay giữa sân[7].

Người Khơ-me (Khmer) có truyện Mê-a-dơng, cũng là một dị bản của truyện *Đồng tiền Vạn Lịch*:

Một người đánh cá thật thà và nghèo khó có một người vợ rất đẹp nhưng tham và lười. Một hôm hai vợ chồng đi kiếm cá nhưng không được gì cả. Cạnh đấy là có một chiếc thuyền của hai vợ chồng người nhà giàu. Thấy họ bắt mãi không được cá, người vợ tỏ ý thương hại. Chồng bảo: - "Mày thương thì đi với nó, tao đổi mày lấy người đàn bà kia!". Nói rồi hăn làm ngay, gọi người đánh cá lại, đòi đổi vợ và buộc phải đổi vì hăn thấy vợ người kia đẹp.

Và người nhà giàu tay không về với chồng mới, nhưng chẳng bao lâu nàng đã làm cho chồng trở nên khá giả. Có tiền, nàng kiếm cho chồng một chân lính hầu ở triều đình. Một hôm, vua đi săn, người chồng theo hầu vua. Vợ sắm sửa thức ăn cho chồng mang theo và dặn nếu vua có lạc đường thì cố đi theo mà bảo vệ. Quả nhiên vua bị lạc, anh ta leo đèo đi theo xa xa, vua gọi anh là Mê-a-dơng (chú kia). Anh chạy tới quỳ dâng cơm rồi nước, trầu mời vua ăn, vua ăn mỗi thức đều khen ngon. Vua ngủ ở một ngôi đền của một hung thần, hung thần bàn với bộ hạ báo thù vua. Anh đánh cá nghe được lời bàn của họ, vội đánh thức vua dậy, đưa vua về. Nhờ anh, vua thoát được ba cái nạn lớn do hung thần gây ra. Nạn thứ ba mà anh cứu là giết một con rắn hổ mang bò vào toan cấm vua. Thấy máu rắn bắn lên ngực hoàng hậu, anh không dám chùi chỉ dùng lưỡi liếm trong khi hoàng hậu ngủ. Hoàng hậu tỉnh dậy hô hoán, vua lập tức truyền đao phủ đưa anh ra pháp trường xử tử, nhưng vì đêm khuya, dắt ra bốn cửa thành đều bị quân

canh ngăn trở (ở đây có thêm ba câu chuyện và một bài thuyết lý của bốn người gác cổng đều ngụ ý nói về việc giết oan kẻ vô tội, sau ăn năn thì đã muộn). Giữa lúc ấy nhà vua nghĩ lại công lao của anh, vội truyền lệnh cho đao phủ ngừng chém. Thoát chết, Mê-a-dong và vợ trở thành người có quyền thế giàu sang. Trong khi đó thì người nhà giàu và vợ cũ của người đánh cá phung phí hết của cải, phải đi ăn xin. Một hôm, đến ăn xin ở nhà Mê-a-dong, bị vợ chồng nhà này nhận mặt, cả hai xấu hổ vô cùng[8].

Người Ba-na (Bahnar) có truyện *Bi-a Nát* giống với truyện *Người đốt than* của ta:

Hai vợ chồng nhà giàu có tám con gái. Một hôm mẹ hỏi các con muốn lấy ai? Ai nấy đều nói ước muốn của mình là làm vợ một người giàu có quyền thế, chỉ riêng cô út thích lấy người đốt than. Mẹ giận, cho một cục vàng và đuổi đi. Bi-a Nát lên rừng, tìm mãi, cuối cùng mới gặp được một anh đốt than nghèo khổ, ngờ nghệch và "đen như lông quạ". Họ ăn ở như vợ chồng. Một hôm chồng lấy cục vàng của vợ ném gà. Khi bị vợ la, anh chỉ cho vợ chỗ lẫn vàng. Từ đó hai người trở nên giàu có. Anh đốt than còn được tiên ông bày cách làm cho thân mình trở nên trắng trẻo, đẹp đẽ. Anh mặc áo khố đẹp cưỡi ngựa về làng vợ, mời bố vợ và cả nhà lên dự lễ cưới. Lễ cưới tổ chức bảy ngày bảy đêm. Nghe con gái nói chồng mình làm nghề đốt than, bà mẹ hối hận và xấu hổ vô kể[9].

Người Xơ-dăng có truyện *Bốc Cơ-lốc* cũng giống với truyện trên nhưng có phát triển thêm một số hình tượng khác: Một tù trưởng một hôm hỏi bảy con gái: - "Thích ở với bố mẹ hay thích theo chồng?". Chỉ có cô gái thứ tư trả lời thích ở với chồng, bị bố đuổi đi. Mẹ thương con, dúi cho con một hạt vàng. Cô gái lấy anh chàng đốt than tên là Cơ-lốc. Thế rồi chồng cũng ném vàng cho gà ăn vì không biết giá trị của vàng, nhưng sau đó lại mách cho vợ một chỗ có nhiều vàng. Khi giàu có, vợ muốn làm ngôi nhà bằng vàng bèn sai chồng về kinh thành mua khuôn đúc. Dọc đường, trong khi trọ ở

nhà hàng, Cơ-lốc đã dùng mưu trộm được đôi giày thần và chiếc gậy thần của một con quỷ. Với chiếc gậy thần, anh đã giết quỷ và cứu người; với đôi giày thần, anh bay lên trời rồi về kinh. Anh đã đổi đôi giày cho vua lấy một ngàn con trâu và đưa đàn trâu ấy về bằng cách nhổ mỗi con một cái lông nhét vào đục đục, rồi khi đến nhà lặc đục đục, mỗi chiếc lông tung ra biến thành một con trâu. Từ ngày trở nên giàu có, vợ Cơ-lốc mời bố mẹ mình đến chơi. Tù trưởng bắt phải làm một con đường lát bằng nôi đồng. Khi đến thấy con giàu có hơn mình, tù trưởng phát tức mà chết[10].

Một truyện khác của người miền Bắc cùng một kết cấu với các truyện trên nhưng đã được nho sĩ tô điểm để đề cao việc học hành thi cử.

Xưa ở Phủ-lý (Thanh-hóa) có một người con thầy chùa nhà nghèo, tuổi đã ba mươi không được đi học. Cùng làng có một cô gái con phú ông có nhan sắc, nhiều nơi hỏi mà không chịu lấy. Phú ông một hôm mắng con và bảo: - "Bao nhiêu đám môn đăng hộ đối không lấy, phải chăng muốn lấy con thầy chùa?". Con gái đáp: - "Cha mẹ đặt đâu, con xin ngồi đấy!". Bố giận lắm, lập tức gọi con thầy chùa đến gả ngay, không cho một tý hồi môn nào cả, trừ người mẹ có dấm dúi cho ít nhiều.

Khi về nhà chồng, cô gái đòi ở riêng một mình và buộc chồng phải đi học, mình sẽ dệt vải nuôi chồng. Nghe có thượng thư Lê Văn Hưu về hưu mở trường dạy học, cô tới hỏi thầy: - "Thiếp có thóc cũ 30 năm có thể làm giống được chăng?". Thầy chưa hiểu nhưng cũng đáp: - "Miễn là lúa tốt!". Người con thầy chùa vốn người thông tục, học một biết mười, về sau, đậu tiến sĩ[11].

Truyện *Tống Trân-Cúc Hoa* cũng phần nào giống với truyện vừa kể. Có lẽ tác giả là nhà văn bình dân đã dựa vào cốt truyện cổ tích để hư cấu thêm:

Tống Trân nhà nghèo dắt mẹ vào nhà phú ông ăn mày. Một trong ba cô gái của phú ông - Cúc Hoa - đem cho một đấu gạo. Đang trò chuyện thì bị phú ông bắt gặp. Nổi giận, phú ông đem cô gái gả ngay cho Tống Trân. Cúc Hoa đem nén vàng của mẹ cho nuôi chồng ăn học. Tống Trân học giỏi, đi thi đậu trạng. Ở đây phú ông không chết thẹn mà xun xoe nhận chàng rể, người mà trước đây hắt hủi.

Ở đoạn sau, truyện phát triển vượt ra ngoài khuôn khổ của truyện cổ tích: Vì không chịu lấy công chúa, nên Tống Trân phải đi sứ Trung-quốc mười năm. Ở đây chàng lại đậu trạng lần nữa, lại một lần nữa từ chối đề nghị kết hôn của con vua Trung-quốc. Nhờ tài trí chàng đã thoát chết mấy lần và mấy lần xử kiện tài tình[12] làm cho người nước ngoài kính phục.

Ở nhà, chờ mãi không thấy rể về, phú ông bắt Cúc Hoa gả cho đình trưởng. Cúc Hoa nhờ sơn thần liên lạc được với Tống Trân, nhờ đó chàng được giảm hạn năm tháng. Giữa hôm đình trưởng làm lễ cưới Cúc Hoa thì Tống Trân về. Chàng trị tội người bố vợ bất lương, sau khi đã cải trang giả làm ăn mày đến với từng người để tìm hiểu sự thực[13].

Người Nùng có truyện *A Sún Phàng Khim*: cũng cùng một chủ đề nhưng có chỗ hơi khác về hình tượng.

Phằng Khim nhà nghèo, mồ côi bố mẹ, ở với bà nội. Bà cháu chung nhau một cái quần, thay nhau mặc khi phải ra chợ. Sau góp tiền đi củi mua được một cái quần, một con dao. Vì bắt con tinh rái cá cứu người, anh bị mất cả quần lẫn áo. Sau đó đi làm nghề nhặt phân, ngủ ở vỉa hè nhà một ông quan tên là Dền Văn. A Sún, cô con gái Dền Văn thấy anh rét muốt thì thương tình bèn lấy áo đắp cho, không ngờ lấy nhầm phải áo mới. Sáng dậy Dền Văn bắt được anh, tưởng có tình ý với con gái, toan chém. Cô gái nhân lúc

vắng, cời trói cho anh, rồi cả hai rủ nhau đi trốn, và kết làm vợ chồng. Vợ có dất lưng được 2 thoi vàng. Khi hết lương ăn, vợ giao vàng cho chồng đi mua bán, chồng đem ném chó làm mất vàng. Bị vợ mắng, anh nói có một chỗ có rất nhiều thứ đó. Bèn dẫn vợ đến một cái hang. Và lần lượt nhặt về nhưng không cho chồng biết. Giàu có, vợ thuê thợ làm nhà. Nhà làm xong nhưng không có cửa nào vừa cả. Phàng Khim ngủ ở phiến đá, phiến đá báo mộng bảo đưa đá về lắp thi vừa. Anh làm theo. Không ngờ từ đấy mỗi lần mở cửa, vàng bay vào rào rào. Vợ phải đóng chặt kéo sọt vàng về nhiều quá. Một hôm hai vợ chồng mời bố mẹ vợ đến nhà. Dền Văn đòi có chiếu hoa trải đường mới đi. Đến nơi còn đòi mở cửa chính mới vào. Cửa mở ra, vàng rơi vào đầu, Văn chết. Mẹ vợ vui vẻ ở lại với chàng rể và con gái[14].

Giống với các truyện của ta, người Triều-tiên có truyện *Vợ người nô lệ*:

Một quan thượng có cô con gái đẹp cấm cung, không ngờ tới tuổi biết yêu, cô lại yêu một nô lệ. Hay tin, quan xử tử người nô lệ và đuổi cô ra khỏi nhà. Thấy con không chịu đi, quan bèn sai lính đi tìm một người nghèo nhất. Lính đưa về một người kiếm củi. Quan hỏi: - "Có muốn lấy con ta không? Người kia trả lời: - "Có". Bèn gả ngay, bắt đưa vợ về rừng. Đến nhà chồng cô thấy trống rỗng. Ba mẹ bảo cô hàng ngày gánh củi đi đổi lấy kê. Một hôm vợ phát hiện thấy móng tường toàn đắp bằng vàng khối, bèn bảo chồng gỡ một hòn ra tỉnh bán. Chồng mang về được nhiều tiền. Từ đấy bán tất cả. Vợ nuôi thầy dạy chồng học. Sau mười năm chồng trở nên giỏi hơn cả bố vợ. Vợ lại mua cho chồng một chân thượng thư. Sau đó bố vợ phải muối mặt đến mừng chàng rể[15].

Người Mèo có truyện *Hòn gạch nên vợ chồng*:

Có hai bố con nhà nghèo sáng đi làm thuê tối ngủ nhờ ngoài hè nhà người. Con đã lớn nhưng chưa vợ vì con gái không ai thèm lấy. Khi bố sắp chết,

dẫn con chôn mình tại một gò nọ, hễ thấy gì lạ thì mang về mà sinh sống. Thoạt đầu, mộ mọc cỏ rất tốt, anh cắt về bán cho các nhà nuôi ngựa. Sau đó hết cỏ, trên mộ lại mọc lên một đồng gạch màu vàng. Anh lấy một hòn để gối đầu. Con gái lão nhà giàu cấm cung, thấy chàng trai ngủ nhờ ở hè có phát ánh sáng, bèn lấy áo từ trên lầu quăng xuống cho đập. Sáng dậy, cô hỏi tung tích hòn gạch gối đầu. Anh chỉ nơi có ngôi mộ, đến xem thì chỉ là những hòn gạch bình thường. Tuy vậy cô cũng xin bố cho lấy anh chàng. Người bố can không được, đuổi đi.

Hai vợ chồng đưa nhau đi nơi khác ở. Lần lượt họ đưa đồng gạch về xây được chín gian nhà. Gạch còn thừa bỏ lại một đồng chỉ ít lâu hóa thành vàng bạc. Hai vợ chồng giàu có, đưa vàng bạc về cho bố mẹ vợ chở lên lưng 3 con ngựa. Thấy anh đến từ đằng xa, người bố vợ sai đóng cửa lại thật chặt vì ngờ rằng rẽ đến đòi tiền. Vợ chồng thấy cửa đóng, phá cửa vào đặt bạc ở bàn rồi đi. Bố mẹ hoa cả mắt, nhưng từ đấy ăn tiêu phung phí, dần dần trở nên nghèo đói, phải cải trang làm người Xạ Phang đi làm thuê kiếm ăn mỗi người một phương. Còn vợ chồng con gái thì ngày một giàu có, bản làng ngày một đông vui. Ba năm sau một bà Xạ Phang đến làm thuê. Ba năm sau nữa lại một ông già Xạ Phang đến làm thuê. Họ nhận ra nhau là vợ chồng nhưng lại không nhận ra nơi ấy là nhà của con gái mình. Về phía con gái cũng không biết là bố mẹ. Sau đó một thời gian họ mới nhận ra nhau. Bố vợ xấu hổ quá ăn lá ngón mà chết[16].

Người Ấn-độ có một truyện nội dung tuy khác nhưng cũng là một dị bản của các truyện trên:

Một ông vua sinh được bảy công chúa. Một hôm, vua hỏi: - "Các con yêu cha ra làm sao?". Sáu công chúa trả lời: - "Ngọt như đường", trừ một công chúa út trả lời là: - "Như muối". Vua giận sai người cáng bỏ vào rừng sâu.

Công chúa đi lần mò bỗng gặp một tòa lâu đài, bạo dạn tiến vào thì thấy có một người nằm bất động, xem lại thấy bị kim đâm khắp cơ thể. Công chúa bèn ngồi xuống nhổ kim ra, và làm việc đó quên ăn quên ngủ suốt một tuần. Vừa khi có một người bán một nữ tỳ, công chúa lấy vòng vàng ra mua người nữ tỳ cho có bạn. Lại nhổ trong hai tuần nữa mới hết kim, nhưng không biết rằng trong con mắt còn có kim chưa nhổ hết. Cho là đã xong hẳn, công chúa bảo nữ tỳ tắm cho người ấy. Trong khi tắm thì người nữ tỳ phát hiện ra kim ở mắt, bèn nhổ nốt. Nhổ vừa xong người đó liền ngồi dậy thì ra là một vị vua. Vua hỏi - "Ai cứu ta?". Nữ tỳ đáp: - "Tôi". Vua cảm ơn và lấy nữ tỳ làm vợ. Khi công chúa vào, nữ tỳ bảo vua đó là nữ tỳ của mình.

Một hôm, vua sắp sửa đi đổi gió, bảo vợ cần gì để mình mang về. Vợ bảo: - "Mang về cho tôi áo xống và trang sức đẹp!". Vua lại hỏi nữ tỳ (tức công chúa) muốn gì. Nữ tỳ đáp: - "Cái mà tôi muốn, vua không thể tìm được đâu, nên tôi không xin" - "Cứ xin đi, cái gì ta cũng có thể lấy được". - "Vậy thì cho tôi xin một hộp nữ trang của mặt trời".

Vua đi khắp nơi không tìm được vật người nữ tỳ cần, cuối cùng nhờ phép của một đạo sĩ, và sự giúp đỡ của một nàng tiên mà có hộp nữ trang của mặt trời.

Khi được hộp, nàng vào rừng, nửa đêm mở hộp ra. Từ trong hộp có bảy nàng tiên nhảy ra: người thì chải tóc, người sửa áo, người hát, người múa, trong khi đó, nàng khóc sụt sùi suốt đêm. Sáng dậy, các nàng tiên hỏi vì sao mà khóc. Nàng kể lại sự việc người nữ tỳ tranh công và thay đổi địa vị. Các nàng tiên an ủi rồi chui vào hộp.

Đêm sau, nàng lại đi. Sự việc diễn ra như đêm hôm qua. Nhưng không ngờ trên ngọn cây có một người hái củi vì về muộn nên trèo lên nghỉ ở đó. Người hái củi nghe và thấy mọi việc. Đêm sau nữa lại thấy như thế, nên chàng vào cung mách vua. Vua được người tiều phu đưa đi nấp trên ngọn cây, tận mắt thấy sự thật, bèn xuống cây, bảo nàng: - "Ta vốn ngờ nàng là công chúa không phải là nữ tỳ". Lại hỏi nàng có muốn làm vợ vua không? Nàng đáp: - "Có".

Lúc cử hành lễ cưới, công chúa cho mời bố mẹ và các chị tới dự. Cả một tuần liền, nàng chỉ dọn cho họ ăn những món ăn nấu với đường làm họ ngấy hết sức. Sau đó dọn một món ăn nấu với muối, mọi người cảm thấy ngon lành. Vua cha bấy giờ mới hiểu rõ ý nghĩa câu con gái nói ngày xưa: Công chúa yêu cha mặn mà vì muối là một vật mà người ta không thể nào bỏ được.

Người Bec-be-rơ (Beberes) Ở Ma-rốc (Maroc) cũng có truyện nói về một ông vua hỏi ba con gái xem có thương mình không. Câu trả lời của cô thứ nhất là: - "Con yêu cha như vàng". Cô thứ hai: - "Yêu như kim cương". Cô thứ ba: - "Yêu như muối". Vua cũng đuổi con đi, bảo: - "Cút ngay! Mày không phải con tao!"

Cô gái đi lang thang, cuối cùng vào làm việc rửa bát cho một ông vua khác và học nghề nấu ăn, dần dần thành người nấu ăn cho vua.

Một hôm vua này mở hội mời vua láng giềng, cha cô gái, tới ăn. Cô này xin được nấu ăn cho khách và không bỏ muối vào thức ăn. Dọn đĩa ra, cô bỏ nhẵn của mình vào, bưng lên cho khách. Vua ăn lấy làm ngạc nhiên vì quá

nhật. Xem lại đĩa, thì tìm thấy chiếc nhẫn, vua nói: - "Dẫn cô gái nấu đĩa thức ăn này ra đây" - Nhận ra con, vua ôm lấy âu yếm và đưa về nhà[17].

Cái ngốc của anh chàng đánh giậm hay của anh chàng câu cá ở hai truyện trên kia cũng có phần giống với cái ngốc kể trong một loạt truyện cổ tích có tính chất khôi hài sau đây:

Truyện *Jǎng, thẳng ngốc* của Pháp:

Một chàng ngốc được mẹ sai ra tỉnh bán một tấm vải và dặn mua một cái kiềng ba chân. Dọc đường, hấn vào quỳ trong nhà thờ thánh Jǎng. Thấy pho tượng, hấn cho là ông ta rét run, bèn quàng tấm vải vào cho tượng. Gần tượng ấy có một tượng khác có điệu bộ giơ tay mà một người đàn bà nào đó đã bỏ vào lòng bàn tay một đồng xu. Tưởng là tượng ấy trả tiền hộ hấn bèn nhận lấy. Khi về, qua một hiệu bán đồ sắt, hấn chọn một cái kiềng, quăng lại đồng xu, rồi chạy. Trèo lên một đoạn đường dốc, hấn mệt quá nói: - "Mình ngu quá, hấn (cái kiềng) có những ba chân, mà mình thì chỉ có hai, tội gì mà phải khiêng nó". Nói rồi bỏ kiềng ở giữa đường mà về không.

Truyện của người Nga:

Một người trẻ tuổi đi bán một con bò. Qua một cây cổ thụ, bỗng có một trận gió rung. Anh ta tưởng cây hỏi mua bò, bèn để con vật lại, mai sẽ đến lấy tiền. Mai đến thì bò đã mất, đòi nợ cây, cây không trả lời. Tức mình anh cầm búa chặt cây thì không ngờ trong gốc cây có cả một kho của mà một bọn trộm giấu trong đó.

Truyện kể trong sách *Pen-ta-mơ-ron* (Pentameron):

Một người mẹ bảo con tên là Jăng ngốc mang vải ra chợ nhưng dặn đừng bán cho những người lăm lờ. Con đáp: - "Mẹ cứ yên trí". Thế là bao nhiêu người đến hỏi mua, hăn không bán vì cho rằng ai cũng lăm lờ cả. Xách vải về đến nhà thờ thấy có một tượng đá, hăn đến gần giơ vải ra hỏi: - "Có mua không?". Nhờ gió thổi làm cho đầu tượng đá hơi đưa đi đưa lại, hăn tưởng là người đó bằng lòng mua, bèn đặt vải vào tay, rồi về kể chuyện cho mẹ hay và nói: - "Con bán cho ông ấy vì ông ấy không hay nói". Mẹ bảo hăn chạy ngay đi lấy vải về. Hăn chạy đến thấy vải vẫn còn ở tay pho tượng bèn nói: - "Trả mau". Lúc này gió lay đầu hơi lắc về phía trái làm cho hăn tưởng là tượng không muốn trả - "À, không trả à". Hăn nói thế, rồi cầm gậy vục túi bụi vào tượng, đoạn cướp lấy vải chạy về.

Chàng ngốc trong truyện do người miền Buốc-gô-nhơ (Bourgogne) kể, thì sau khi bán vải cho tượng, trở lại đòi tiền không được, hăn đập vỡ pho tượng, không ngờ thấy ở đế tượng có một kho vàng.

Truyện của người Bơ-tông (Breton) cũng tượng tự nhưng còn thêm một đoạn kết: Mẹ Vac-di-en-lô sợ con ngu ngốc làm lộ chuyện tìm thấy kho vàng ở đế tượng, sẽ bị quan trên tịch thu, bèn nghĩ ra một mẹo. Sau khi lấy kho vàng về, bà bảo con ngồi chơi trước cửa nhà rồi đứng nấp từ trên cao, vãi xuống những quả vả và nho khô cho nó nhặt.

Sau con quả làm lộ chuyện, việc mang đến trước quan án. Người ta tra vấn đứa con tìm được vàng vào hôm nào? Nó đáp: - "Vào hôm trời mưa ra nho khô và vả". Người ta tưởng nó điên nên không tra gạn nữa[18].

Truyện của Việt-nam *Ngốc buôn mắt tôm*:

Một chàng ngốc vô công rồi nghề, mẹ bảo đi buôn. Ngốc ta nghe nói buôn

mắm tôm có lẽ bèn đi mua về một gánh. Rao khắp nơi chẳng ai gọi. Qua một ruộng khoai môn, sau khi cất tiếng rao thấy lá khoai môn đung đưa, Ngốc hỏi: - "Mua hả?". Lá vẫn đung đưa như kiểu gật đầu. Ngốc tưởng là bằng lòng liền múc cho mỗi lá một muôi. Múc xong, hỏi: - "Tiền?". Thấy lá đung đưa Ngốc hỏi: - "Chịu hả?" bèn quảy gánh về. Sáng dậy. Ngốc đến ruộng đòi tiền: - "Giả tiền đây!" Lá đung đưa như kiểu lắc đầu. - "À chúng mày quýt hả?". Nói đoạn cầm đòn gánh vụt cho tan tác. Bất đồ người chủ ruộng khoai môn đi qua thấy vậy, bèn nắm lấy áo Ngốc bắt bồi thường[19].

Về tình tiết làm đồ tượng không nâng dậy được, xem thêm truyện *Vua Heo* (số 104. tập III).

-
- [1] Theo Nước non tuần báo.
- [2] Theo Lê Doãn Vỹ. *Sách của trẻ nhỏ* (1941).
- [3] *Triêng đòn gánh*, tiếng Nghệ - Tĩnh.
- [4] Theo Bản khai xã Vĩnh-an.
- [5] Theo Trương Vĩnh Ký. *Sách đã dẫn*.
- [6] Theo Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt nam, tập III.
- [7] Theo lời kể của người Hà- tĩnh và *Cổ tích và tiểu dẫn* (bản thảo của Mạnh Sào Quan) Xem thêm truyện *Trạng Ếch* ở Khảo dị truyện *Lê Như Hồ* (số 63)
- [8] Pa-vi (Pavie). Truyện dân gian Căm pu-chia, Lào và Thái-lan.
- [9] Theo Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt nam, tập IV.
- [10] Theo Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt nam, tập III.
- [11] Theo tạp -*chí Nam phong* (phần chữ Hán) (1929).
- [12] Xem truyện *Kiện ngành da* (số 57)
- [13] Theo Tống Trân - Cúc Hoa.
- [14] Theo tạp chí Nghiên cứu văn học số 10 (1961).
- [15] Theo Ga-rin (Garine). *Truyện cổ tích Triều-tiên*.
- [16] Theo Doãn Thanh Thương, Nguyễn Hoàng Thao. Truyện cổ dân tộc Mèo.
- [17] Theo Cô-xcanh (Cosquin). Những truyện cổ tích Ấn-độ và phương Tây.
- [18] Theo Cơ- xcanh (Cosquin). Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren.
- [19] Theo lời kể của người Nam- định.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
42. CỬA THIÊN TRẢ ĐÌA

Ngày xưa, có Thiên và Đìa là hai anh chàng cày thuê cuộc mướn cùng ở một làng. Họ giống nhau ở chỗ anh nào anh ấy đều nghèo rớt mùng tơi và đều mồ côi cha mẹ. Nhưng Thiên rất sáng dạ, bảo gì hiểu nấy. Một hôm Đìa bảo hẳn:

- Nếu hai ta cùng như thế này cả thì không biết bao giờ mới cất đầu lên được. Sẵn anh là người có khiếu thông minh, nếu được học hành chắc ngày sau sẽ thi đậu làm quan to. Vậy từ nay anh đừng đi làm nữa, tôi sẽ cố sức làm thêm để lấy tiền nuôi anh ăn học. Lúc nào anh làm nên, đôi ta sẽ chung hưởng phú quý.

Thiên nhận lời nhưng Đìa còn dặn: Lúc nào hiển đạt anh đừng có quên tôi nhé !

Rồi đó Đìa trần lực đêm ngày làm thuê để nuôi bạn. Thấy Thiên học mỗi ngày một tiến, anh chàng lại càng hăng hái làm việc, không quản gì cả. Cứ như thế sau mười năm đèn sách, Thiên đậu khoa thi hương rồi vào thi đình đậu luôn Trạng nguyên. Hẳn được nhà vua bổ làm quan to, có kẻ hầu người hạ đông đúc, có dinh thự nguy nga, được mọi người trọng vọng.

Được tin, Đìa rất sung sướng. Lập tức, anh chàng đem trâu cày về trả chủ. Rồi anh bán phẳng cái nhà ở lấy một số tiền mua đồ lễ tìm vào dinh bạn. Đìa có ngờ đâu khi đến nơi thì Thiên đã thay lòng đổi dạ không muốn nhận lại bạn cũ nữa. Hẳn dặn quân canh cấm cửa không cho Đìa vào. Đìa bị đuổi tủi thân, lủi thủi ra về.

Vừa đến bờ sông, anh chàng ngồi lại, nước mắt rơi lã chã nghĩ đến lòng người đen bạc, số phận hẩm hiu, và bấy giờ về làng cũng không biết ở vào đâu nữa vì nhà đã bán mất rồi. Tự dưng Bụt hiện lên làm một người khách qua đường dừng lại hỏi anh: - "Con làm sao mà khóc?". Địa kể lẽ đầu đuôi cho Bụt nghe. Bụt bèn hóa phép cho anh một chiếc đò và dặn rằng: - "Con cứ ở đây chờ khách qua lại trên sông này cũng đủ ăn, không phải đi làm thuê nữa".

Địa nghe lời, ở lại đó làm nghề chõng đò ngang. Nhưng anh chàng chỉ kiếm vừa đủ nuôi miệng, không để dành được một đồng tiền nào. Cho nên đến ngày giỗ cha chẳng biết lấy gì mà cúng. Chiều hôm ấy, sau khi chờ cho mấy người khách sang bờ bên kia, Địa vừa chèo về đến nửa sông đã lại nghe có tiếng gọi đò. Anh lại cho đò trở lại. Khách là một người đàn bà còn trẻ tuổi và rất xinh đẹp. Trời lúc ấy đã nhá nhem, người đàn bà nói với Địa:

- Trời đã tối mà đường còn xa, anh làm ơn cho tôi nghỉ nhờ một đêm.

Nhà Địa chỉ là một túp lều nhỏ bên sông, trong nhà chỉ có một cái chõng, nhưng anh cũng nhường cho người đàn bà ấy nằm. Thấy Địa toan đi kiếm một nơi khác ngủ, người đàn bà bỗng hỏi anh: - "Anh đã có vợ chưa?". Địa trả lời: - "Chưa" - "Tôi xin làm vợ anh!". Địa rất ngạc nhiên và bối rối, không biết trả lời ra thế nào cả. Nàng lại nói: - "Tôi là người trên cung tiên. Trời thấy anh là người tử tế mà chịu khổ chịu sở đã nhiều rồi nên cho tôi xuống giúp anh sung sướng". Nói rồi nàng hoá phép biến túp lều bên bờ sông thành một dinh cơ rất đẹp: nhà ngói, tường đặc, hành lang, sân gạch, trong nhà đồ dùng thức đựng đầy đủ, kẻ hầu người hạ từng đoàn.

Địa vừa kinh lạ vừa vui sướng. Nàng tiên lại hoá phép làm ra cỗ bàn linh đình để cho anh chàng làm giỗ cúng cha. Sáng hôm sau, nàng tiên bảo Địa

hãy mặc đồ gấm vóc, ngồi kiệu đến mời Thiên sang nhà mình ăn giỗ. Lần này Địa được Thiên tiếp đãi có phần tử tế. Nhưng khi nghe nói mời đến nhà ăn giỗ, hăn bấu môi bảo Địa:

- Chú muốn ta đến chơi thì hãy trái chiếu hoa từ đây đến nhà, ta sẽ đến.

Địa về kể lại chuyện cho vợ nghe. Nàng tiên lại hoá phép thành chiếu hoa trải một đoạn đường dài từ nhà mình đến dinh Thiên ở. Thiên không ngờ trong thời gian vừa qua Địa cũng trở nên giàu có lớn, mới đến xem cho biết sự tình. Đến nơi, hăn rất lấy làm lạ khi thấy nhà cửa và mọi thứ đồ đạc của Địa ít có nhà nào bì kịp. Khi ăn giỗ, vợ Địa thân hành ra mời rượu. Thấy nàng đẹp quá, Thiên đâm ra ganh tỵ với hạnh phúc của Địa. Rượu say, hăn nói:

- Chú đổi vợ chú cùng cơ nghiệp này cho tôi thì tôi nhường chức quan cùng dinh cơ của tôi cho chú.

Không bao giờ Địa lại muốn như thế, nhưng nàng tiên bảo nhỏ xui Địa bằng lòng. Hai bên cùng làm tờ giao ước. Thế rồi sau đó Địa lên võng về dinh, còn Thiên say rượu nằm ngủ một giấc ly bì. Nhưng đến sáng hôm sau, khi bừng mắt tỉnh dậy, hăn ngơ ngác thấy mình nằm ở một túp lều bên sông. Người vợ đẹp cùng cả dinh cơ của hăn ngày hôm qua đã biến đâu mất cả. Từ đó hăn làm nghề chống đò thay cho Địa. Còn Địa hoá ra thông minh khôn ngoan, làm quan sung sướng mãi [1].

KHẢO DỊ

Đồng bào Xạ-phang có truyện *Người con gái cá* dường như là một dị bản của truyện trên, chỉ có khác ở đoạn đầu.

Siễn Lữ mồ côi nghèo khó đi ở cho Sơ Sán nhưng bị đối đãi không tốt, trừ có vợ Sơ Sán thường cừ mang anh. Một hôm Sơ Sán mua được con cá chép bảo Siễn Lữ làm thịt. Thấy cá chảy nước mắt khóc, anh động lòng thương, bèn thả cá xuống suối, vì thế bị Sơ Sán đánh đập và đuổi đi. Nhưng bấy giờ con cá đã hoá thành người con gái đẹp; thấy anh khóc than, cô gái hỏi tình cảnh của anh, rồi hoá phép thành nhà cửa, của cải, đầy tớ hầu hạ và mọi của ngon vật lạ khác. Cô gái xui anh mời Sơ Sán đến ăn cơm và dặn nếu hăn có đòi đổi thì cứ nhận lời.

Sơ Sán thấy Siễn Lữ bị đuổi mà lại trở nên khá giả, nên nhận lời đến ăn cơm. Đến nơi, hăn không ngờ người đầy tớ của mình giàu có lớn, lại có người vợ đẹp gấp mấy vợ mình, bèn gạ đổi cho nhau, kể cả vợ. Nhớ lời dặn của cô gái, Siễn Lữ bằng lòng, hai bên bèn làm giấy ký nhận. Siễn Lữ lĩnh lấy cơ nghiệp Sơ Sán và người vợ hăn mà trước đây vẫn có bụng tốt đối với mình. Còn Sơ Sán say rượu ngủ một giấc, khi tỉnh dậy thấy một mình nằm dưới gốc cây, người đẹp đã biến đi đâu mất. Đang ngơ ngác thì một trận gió thổi mạnh dâng nước lên cuốn hăn đi mất tích [2].

[1] Theo *Truyện cổ tích Việt-nam* của Nguyễn Bính.

[2] Theo *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*, tập III.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

**43. NỢ TÌNH CHƯA TRẢ CHO AI, KHỔ TÌNH MANG XUỐNG
TUYÊN ĐÀI CHƯA TAN**

Ngày xưa ở huyện Thanh-trì có một anh chàng học trò nghèo họ Nguyễn. Anh ta mồ côi cha, nhà cửa sa sút. Người mẹ làm nghề chống đồ ngang cổ nuôi cho con ăn học. Nhưng nghề đó không đủ nuôi cả mẹ lẫn con. Nhiều lúc anh ta phải nghỉ học trở về chống đồ thay mẹ tuổi già sức yếu. Nhà anh ta là một túp lều dựng bên sông. Anh có giọng hát rất hay lại rất đẹp trai làm cho những cô gái vùng đó phải say mê ngây ngất.

Ở bên kia sông có nhà phú ông họ Trần. Phú ông có một cô gái chưa chồng. Thỉnh thoảng cô gái vẫn gặp anh chàng học trò chống đồ qua lại cho khách bộ hành. Thấy người hàn sĩ trẻ tuổi, nàng đâm ra quyến luyến. Nhất là những buổi chiều hè, nghe tiếng hát của anh vắng vắng bên sông, nàng không thể cầm lòng được. Một hôm nàng đánh bạo nhờ một con nhài thân tín mang một cái trâm và một chiếc quạt đến tặng người mà mình thầm mơ trộm tưởng. Nàng còn dặn chàng cứ nhờ người đến dạm hỏi, đã có mình tay trong, việc hôn nhân chắc thế nào rồi cũng sẽ thành.

Anh chàng nhận được tặng vật vừa mừng vừa lo. Anh ta thưa lại với mẹ để nhờ mẹ tìm cách lo liệu. Bà mẹ bảo con:

- Con đừng có chơi trò, mang lấy một tiếng cười vô ích.

Nhưng anh ta thì rất tin tưởng:

- Mẹ cứ cố liệu cho con đi. Cô ấy đã thương con thì dù có một trăm chỗ lệch cũng kê được bằng mẹ ạ.

Bà mẹ chiều con, nhờ một người khéo ăn khéo nói mang trầu cau sang thưa chuyện.

Khi phú ông vừa nghe người mối ngỏ lời cầu thân, vẻ khinh thị đã hiện ra trên nét mặt. Hẳn không đợi hỏi ý con gái, trả ngay lễ vật lại. Người mối nói: - "Thưa cụ, anh chàng họ Nguyễn bẩm tính thông minh và khôi ngô". Hẳn đáp một cách mỉa mai: - "Con gái tôi ngu đần, xấu xí, đâu dám sánh duyên với người tài mạo tốt vời". Người mối vẫn bèn chí ngồi lại, nhắc đến tương lai tốt đẹp của đôi vợ chồng một khi chàng trai hiển đạt. Nhưng phú ông vẫn gạt đi:

- Con gái của tôi không có số làm bà đâu, đừng nhiều lời vô ích.

Rồi hẳn đuổi khéo người mối về với câu thách:

- Muốn lấy con gái ta hãy mang ba trăm lạng vàng đến làm sính lễ.

Nghe người mối kể lại anh chàng vừa buồn vừa thẹn. Qua ngày hôm sau, anh ta thưa với mẹ:

- Mẹ cứ tin ở con, con sẽ đi lập nghiệp để kiếm tiền về cưới vợ cho mẹ xem.

Nói rồi bỏ nhà đi biệt.

Lại nói chuyện cô gái phú ông thấy cha không thuận lấy làm buồn rầu, chưa biết tính thế nào. Đang cơn phiền muộn lại nghe tin người yêu đi mất, nàng vô cùng chua xót. Nàng đâm ra tưởng nhớ anh chàng chống đèn không có cách gì nguôi được. Dần dần vì thế sinh bệnh. Phú ông cố tìm thầy chạy thuốc nhưng người nàng ngày một gầy mòn. Nụ hoa mới nẩy cành không ngờ đã sớm héo tàn và rơi rụng. Phú ông thương tiếc sai người hỏa táng theo như lời trối của con. Khi gạt đồng tro của người bạc mệnh, người ta tìm được một khối bằng cái đầu, đỏ như son và trong suốt như thủy tinh. Phú ông đưa về rồi sau đó thuê thợ tiện tiện thành chén trà dùng làm đồ thờ con gái. Mỗi lần pha nước vào chén trà, người ta thấy có bóng anh con trai chống đèn ngang ở trong đó. Biết là con gái chết vì tương tư anh học trò khó đến hồi ngày nọ, phú ông rất lấy làm hối hận.

*

* *

Anh chàng họ Nguyễn cất chân ra đi với hai bàn tay trắng. Trải qua khá nhiều ngày gian truân, cuối cùng anh làm môn khách cho một ông quan trấn tướng của triều đình đóng ở Cao-bằng. Anh là người có nhiều tài nên dần dần lấy được lòng tin cậy của chủ. Anh đã giúp chủ nhiều việc quan trọng ở biên thủy rất đặc lực, và cũng do đó kiếm được rất nhiều tiền. Sau ba năm anh đã để dành được 300 lạng vàng. Thấy trong tay đã có đủ tiền để cưới người yêu, một hôm anh xin phép trấn tướng trở về quê hương.

Trên đường về, anh chàng họ Nguyễn lòng mừng khắp khởi. Không ngờ khi về đến nhà thì nghe tin người yêu đã không còn nữa. Anh sang nhà phú ông, nước mắt đầm đìa cả tay áo gấm. Phú ông hết lời từ tạ rồi đưa chén trà cho anh xem. Nghe kể chuyện, anh chàng lại càng thốn thức. Nhưng khi

những giọt nước mắt rơi vào chén, chén tự nhiên tan ra huyết ướm đầm cả tay.

Từ đó xuất hiện câu ca dao:

Nợ tình chưa trả cho ai,

Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan[\[1\]](#).

KHẢO DỊ

Truyện trên rất giống với truyện Trương Chi.

Ngày xưa có một cô gái tên là My Nương nhan sắc xinh đẹp con một ông thừa tướng. Nàng ở trong một ngôi lầu gần bờ sông. Bấy giờ có một chàng trai con nhà thuyền chài, tên là Trương Chi, cứ ngày ngày đến thả lưới ở khúc sông đó. Chàng mặt mũi xấu xí nhưng có tiếng hát rất quyến rũ. Mỗi khi chèo thuyền, tiếng hát của chàng cất lên văng vẳng làm cho My Nương nghe mà mê mết. Có một dạo Trương Chi không đến đánh cá ở khúc sông đó, My Nương trở nên sầu tư. Ít lâu sau, chàng lại đến. My Nương lại vui vẻ mở cửa sổ trông xuống và lắng nghe tiếng hát. Dần dần nàng đắm ra say mê anh chàng thành bệnh tương tư, thuốc thang chữa mãi không khỏi. Cả nhà lấy làm lo lắng vì bệnh ngày một nặng. Thừa tướng tra gạn, biết

chuyện, bèn cho người đi gọi Trương Chi vào dinh. Chàng ngồi sắc thuốc và hát cho nàng nghe. My Nương nhìn thấy mặt chàng xấu xí bèn sợ hãi sùng lảng tránh. Từ đấy nàng tự nhiên khỏi bệnh và cũng không tương tư nữa.

Nhưng lại đến lượt Trương Chi phải lòng My Nương. Giận cho duyên phận hẩm hiu, chàng nhảy xuống sông tự tử. Hồn Trương Chi nhập vào cây bạch đàn được thừa tướng vô tình mua về, sai tiện làm một bộ đồ trà. Mỗi lần rót nước vào chén, người ta thấy trong đó có bóng dáng anh chàng đánh cá ngày xưa. My Nương cầm chén, nhớ đến chuyện cũ rưng rưng giọt lệ. Khi bị những giọt nước mắt của My Nương rơi vào[2], tự nhiên cái chén tan ra nước.

Người Cham-pa cũng có truyện *Anh chàng mê công chúa*:

Xưa có một người đàn bà nghèo có một người con trai. Nhà của họ ở gần cung vua. Anh chàng thường ngày trông thấy những nàng công chúa đi dạo trong vườn ngự và đâm mê nàng công chúa thứ ba trẻ nhất và đẹp nhất. Một hôm hăn xin mẹ kiếm cho một con trâu trắng để hăn kiếm cách gần gũi nàng. Được trâu, hăn cưỡi lên lưng đi vào vườn ngự cho ăn cỏ. Công chúa thấy con trâu lạ thích mắt, ra nhìn và làm quen với anh chàng, tặng anh một cái nhẫn.

Nhưng cuối cùng biết không thể lấy được nhau, người con trai sinh ra ốm tương tư. Bệnh ngày càng nặng. Thấy mẹ đi tìm thầy pháp, hăn trối: - "Không có thần nào làm đau cả đâu mẹ ạ! Chỉ vì con mê nàng công chúa nên mới như thế này. Khi con chết mẹ nhớ móc lấy buồng gan phơi khô rồi bỏ vào trong một cái hộp cất đi một chỗ". Nói xong hăn chết.

Không bao lâu nhà vua bỗng bị bệnh đau mắt rất nặng không có thuốc gì chữa khỏi. Thầy bói cho biết rằng mắt của vua sẽ lành nếu có gan người phơi khô lâu năm ngâm nước rồi dùng nước ấy rửa mắt. Nhà vua lập tức sai quân hầu đi tìm khắp mọi nơi, xem ai có thứ của lạ ấy thì sẽ trọng thưởng. Bà mẹ chàng trai kia nghe tin liền mang hộp đến dâng vua. Vua làm y lời thầy bói và quả nhiên lành bệnh. Nhưng vua trông thấy trong chậu có bóng dáng một chàng trai rất xinh ở ngón tay có đeo chiếc nhẫn. Thấy sự lạ, vua gọi các con gái đến xem. Nàng công chúa thứ nhất đến xem thì không thấy gì cả. Nàng công chúa thứ hai cũng thế. Đến lượt công chúa thứ ba thì nhận ra ngay anh chàng cười trâu trắng ngày xưa. Anh chàng giơ tay cho công chúa bắt, rồi hắt lôi nàng vào chậu và cả hai biến mất. Thấy mất con gái, vua sai thầy bói đoán xem số phận của con thế nào. Thầy bói cho biết đó là lá gan của một anh chàng ngày xưa chết vì tương tư công chúa. Bây giờ nhân việc vua chữa mắt, nó lại hiện ra và đưa công chúa đi. Thầy bói còn cho biết rồi đây nó sẽ đầu thai làm con vua, còn công chúa sẽ đầu thai làm con người đàn bà mẹ chàng trai kia. Sau đó, hoàng hậu đẻ ra một hoàng tử ở tay có đeo chiếc nhẫn. Còn người đàn bà kia thì đẻ ra một cô gái cổ có đeo hai chuỗi hạt vàng. Lớn lên họ lấy nhau và trị vì đất nước[3].

[1] Theo *Lan trì kiến văn lục* của Vũ Nguyên Hanh và *Thực nghiệp dân báo* (1924).

[2] Theo *Truyện Trương Chi*. Nhà in Phúc Chi xuất bản. Theo *Sử Nam chí dị* và *Truyện cổ tích Việt-nam* (của Nguyễn Bính) thì Trương Chi không nhảy xuống sông. Chàng thất tình thành bệnh mà chết. Được 3 năm người ta bốc mả thấy một khối bằng quả cam trong như thủy tinh. Sau đó thừa tướng trông thấy mua về sai tiện làm chén uống nước.

[3] Theo lời kể của đồng bào Cham-pa, và Lăng - đờ (Landes). *Truyện cổ tích Cham-pa*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
44. NỢ NHƯ CHÚA CHỐM

Vào thời nhà Lê, có một ông quan lớn trong triều tên là Mạc Đăng Dung có chí muốn cướp ngôi vua. Nhà vua biết được tin đó nhưng thế lực của Mạc rất lớn, ông ta cầm binh quyền, bè đảng lại đông nên không thể làm gì được. Cuối cùng nhà vua cất lên trốn đi nhưng chẳng được bao lâu đã bị Mạc Đăng Dung bắt đem về giam lại.

Hồi ấy ở trại giam có một cô hàng rượu vẫn thường gánh rượu đến bán cho lính canh ngục. Một hôm, cô hàng đưa rượu vào bán, thấy có một phạm nhân mới mặt mũi khôi ngô bị giam riêng ra một nơi. Khi biết người đó làm vua, cô hàng có ý muốn làm quen. Mỗi lần bán rượu cho ngục tốt nàng đều rót rượu cho vua uống. Dần dà giữa hai người một mối tình nhóm lên. Một hôm cô hàng cất một mẻ rượu rất ngon lại có pha thuốc mê đem đến chuốc cho quân canh. Chờ cho họ nằm gục xuống, nàng bèn vào tình tự với vua.

Từ đó cô hàng rượu có thai. Nhà vua biết mình không thoát khỏi bàn tay tàn bạo của Mạc, bèn giao ấn ngọc lại cho nàng và nói:

- Nàng hãy giữ vật này làm tin, nếu sau này đẻ con trai, sẽ có ngày nó phục thù cho cha.

Không bao lâu, nhà vua quả bị họ Mạc sai người vào ngục giết chết. Tất cả hoàng hậu, thái tử, công chúa, phi tần của vua đều chịu chung số phận. Xong việc đó, Mạc chiếm lấy ngôi Lê làm vua nước Đại Việt.

Cô hàng rượu được tin không còn hồn vía nào nữa. Nàng trốn đi nơi khác làm thuê làm mướn, sống một cuộc đời lẩn lút. Đủ ngày đủ tháng, nàng sinh được một người con trai đặt tên là Chỗm. Lớn lên, Chỗm được vào chùa ở với sư cụ Thạch Toàn học kinh kệ. Hắn rất sáng dạ nhưng phải cái nghịch ngợm thì không ai bằng.

Một hôm đi chơi về đói, Chỗm thấy trước tượng Mục Thiện có bày một mâm bông đầy chuối và quýt. Anh chàng rón rén đến bệ, bịt mắt Mục Thiện lại và bẻ chuối ăn. Bất đồ sư cụ ở đâu đi vào trông thấy liền nọc cổ Chỗm ra đánh. Chỗm tức lắm, chờ lúc sư đi vắng lấy giấy viết mấy chữ "Mười tay mười mắt không giúp được gì cho ta. Thật là vô ích. Phải đi phương xa". Viết xong dán vào ngực Mục Thiện. Đêm hôm ấy sư cụ tự nhiên mộng thấy Mục Thiện bảo mình rằng: - "Nhà vua đói nên mới ăn, sao lại đánh ngài để ngài đuổi ta đi? Phải mau mau tìm cách xin lỗi ngài, để ngài tha cho ta". Tỉnh dậy, sư cụ rất phân vân, mới gọi chú tiểu Chỗm vào kể chuyện cho biết và bảo bóc giấy đi. Sư cụ hỏi anh chàng: - "Cha mày đâu?". Chỗm đáp: - "Tôi lớn lên chưa từng nghe nói có cha".

Sau đó Chỗm trở về hỏi mẹ: - "Cha con đâu?". Mẹ sợ không dám nói sự

thật cho con biết, đáp: - "Cha con là họ Lê, bị hổ ăn thịt chết rồi". Nghe nói Chỗm rất buồn. Từ hôm đó anh chàng lập tâm giết hổ để báo thù cho cha.

Một hôm, Chỗm vào rừng chơi, thấy một con hổ đang ngủ dưới gốc cây, liền rón rén cầm một hòn đá lớn ném mạnh vào đầu hổ, hổ vỗ óc chết tươi. Đang nằm đuôi hổ lôi về thì Chỗm bỗng gặp một con hổ khác xông ra. Chỗm sợ quá, quăng xác hổ cầm đầu chạy. Nào ngờ khi hổ sắp đuổi kịp thì tự nhiên có một ông già tay cầm côn sắt ở trong rừng hiện ra đánh chết con hổ dữ. Chỗm thoát chết, sụp lạy ông già. Ông già trao cho chàng cái côn, bảo: - "Con hãy học một ít miếng võ để mà hộ thân". Chỗm sung sướng vâng lời. Dạy xong, ông già cho Chỗm cái côn rồi đi mất.

Từ đó, Chỗm dùng côn làm vũ khí tùy thân. Một hôm đi qua một cái miếu, nghe đồn có nhiều yêu quái hại người, Chỗm bèn cầm côn trèo tường nhảy vào tìm yêu quái. Một lát, ở trong hang sâu bò ra một con rắn lớn mắt sáng như sao, miệng phun khí độc toan vồ lấy Chỗm. Chỗm giơ thần côn vụt lấy vụt để vào đầu rắn. Rắn chết, từ đó trong xóm được yên ổn.

Hai mẹ con Chỗm về sau thấy yên lại trở về chốn cũ. Hàng ngày anh chàng đi kiếm củi hoặc làm thuê làm mướn nuôi mẹ. Những lúc bụng đói, Chỗm thường vào ăn cơm hay mua thức ăn ở các quán cơm tại cửa ô. Hàng nào được Chỗm vào ăn cơm là hôm đó bán đắt như tôm tươi, còn các hàng khác chỉ ngồi xua ruồi. Người ta cho là Chỗm nhẹ vía nên hàng nào cũng muốn mời anh ta vào ăn, dù bán chịu cũng được. Chỗm được thế ngày nào cũng đánh chén loang toàng và tiêu pha bạt mạng. Toàn là ăn chịu, mua chịu. Ai hỏi nợ, hẵn đều bảo:

- Đến ngày tôi làm nên, sẽ xin trả chu tất.

Hồi bấy giờ có một vị quan tên là Nguyễn Kim trốn sang Lào mưu đồ việc diệt Mạc. Vua nước Lào nhường cho ông miếng đất Sầm-châu làm căn cứ để lo việc khởi nghĩa. Qua mấy năm chiêu binh mãi mã, Nguyễn Kim đã gây dựng được lực lượng. Nhưng ông ta còn muốn tìm một người thuộc dòng chính thống để bá cáo với thiên hạ. Khốn nỗi, con cháu vua Lê đã bị Mạc giết hại hầu hết. Một đêm nọ Nguyễn Kim thấy một vị thần nhân hiện ra trong giấc mộng bảo ông: - "Thiên tử ra đời đã lâu, sao không đón về, còn chờ gì nữa?". Ông hỏi: - "Ở đâu?". - "Cứ đi về phía Tây kinh thành, ở dãy hàng cơm đúng ngày Thìn giờ Ngọ, hãy thấy rồng đen quấn cột là chính thị thiên tử".

Sau khi tỉnh dậy, Nguyễn Kim rất mừng, bèn mang theo một ít bộ hạ cải trang đi tìm con cháu nhà Lê theo như lời thần nhân đã mách. Hôm đó, Chỗm đang ngồi ở hàng cơm, thấy có người khách lạ đi qua bèn đứng ôm lấy cột nhìn ra. Nguyễn Kim rảo qua một lượt chỉ thấy quấn cột là một chàng trai trẻ tuổi, da đen sì, nhưng thấy dáng điệu hèn hạ nên cũng không để ý.

Đêm hôm đó Nguyễn Kim lại mộng thấy thần trách: - "Ta đã mách cho biết thiên tử mà không nghe. Ngày mai ra bờ sông, hãy thấy ai đội mũ sắt, cưỡi thuyền rồng là đúng". Ngày mai Nguyễn Kim chực ở bờ sông nhìn những thuyền bè qua lại, nhưng chờ mãi chẳng thấy ai đội mũ sắt cả. Mãi đến gần tối có một chuyến đò ngang, trong đó có Chỗm và một người bán cháo gang. Gặp khi trời đổ cơn mưa, Chỗm không có nón, phải mượn chiếc chảo úp lên đầu cho đỡ ướt. Nhưng Nguyễn Kim không chú ý vì thấy y không có vẻ gì là người quyền quý. Thần lại xuất hiện trong giấc mộng của Nguyễn

Kim trách ông ta không nghe lời mình rồi bảo: -"Ngày mai cứ đến chỗ quán cơm cũ tìm người nào "đi chữ đại, trở lại chữ vương" thì đón về".

Qua ngày sau, Nguyễn Kim và bộ hạ lại kéo nhau đi tìm. Họ quả thấy anh con trai hôm nọ bây giờ đang rượu say nằm trong quán cơm, đầu gối lên ngọn côn, hai tay bỏ xuôi xuống, hai chân dạng ra hai bên như chữ "đại" 大. Bỏ đi một lúc, đến lúc trở lại họ thấy Chỗm cựa mình, lúc này ngọn côn trật lên khỏi đầu, hai tay bỏ ra trước ngực còn hai chân thì xếp bằng tròn như chữ "vương" 王. Bấy giờ Nguyễn Kim mới tin chắc anh chàng này là người thần có ý mách cho mình, bèn giả cách vào quán ăn uống, chờ Chỗm dậy sẽ đến làm quen.

Chỗm chợt tỉnh, thấy một người khăn áo có vẻ quyền quý đến sát giường mình, thì cầm côn chực bỏ chạy. Nhưng Nguyễn Kim đã giữ Chỗm lại thưa rằng:

- Xin điện hạ đừng sợ.

Chỗm ngạc nhiên đáp:

- Ô hay! Điện hạ nào. Tôi là thằng Chỗm đây!

Nhưng thấy người quyền quý ấy có vẻ ân cần khi hỏi thăm cha mẹ và chỗ ở, Chỗm an tâm hơn trả lời:

- Tôi họ Lê, cha bị hổ ăn thịt, còn mẹ ở nhà.

Nghe nói là họ Lê, bọn Nguyễn Kim mười phần đã chắc đến bảy tám liền theo Chỗm về đến tận nơi. Trước những người khách lạ, mẹ Chỗm nửa

mừng nửa sợ. Mãi đến khi biết được thiện ý của bọn họ, bà mới đưa ấn ngọc ra và kể rõ tình đầu.

Thế là từ đó Chỗm cùng mẹ từ giã ngôi nhà nát ở ngoại thành lên đường đến Sầm-châu lo việc phục thù cho cha. Thanh thế quân Lê mỗi ngày một to. Vua Mạc nghe tin sai tướng đem sáu mươi vạn quân vào đánh. Qua bao nhiêu trận kịch chiến, quân Lê đại thắng. Rồi không bao lâu, quân của Chỗm tiến đánh ra Bắc. Quân Mạc hề thấy quân Lê đến đâu là chạy trốn như vịt. Bấy giờ Chỗm đường đường là một vị chúa uy thế lấy lòng.

Đến ngày khai hoàn, trở về kinh thành, khi quân gia đang trên đường tiến vào cửa ô thì bỗng có một số người chủ hàng cơm ngày xưa bán chịu cho Chỗm, từ đâu kéo ra để chào người quen và để đòi nợ cũ. Thấy thế, bọn lính tiền đạo toan bắt tội vô lễ. Nhưng chúa Chỗm ngăn lại rồi kể chuyện ăn chịu ngày còn hàn vi cho các tướng tá nghe. Đoạn bảo quan hầu lấy tiền ra trả cho họ. Lúc đó có nhiều người thấy kẻ kia đòi được nợ cũng xúm lại kể ơn nghĩa cũ: kẻ tính thành năm quan, người kể thành mười, ... biến thành một cuộc truy nợ đông như đám hội. Bọn quan hầu đếm tiền mãi không xiết vì con số chủ nợ ngày một tăng. Bọn họ bèn nghĩ ra được một kế là đứng trên kiệu vung tiền xuống cho ai nhặt được bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu. Mọi người thấy thế đổ xô ra cướp. Dần dần quan quân tiến đến phố cứ như bây giờ là vườn hoa cửa Nam. Một viên đại tướng nghĩ chúa mình sắp lên ngôi tôn mà khách nợ cứ chạy theo réo mãi như thế này thì còn thể thống gì nữa, mới viết vào một tờ giấy hai chữ "cấm chỉ" dán ở giữa phố và sai một toán quân đóng lại đó, ra lệnh hề thấy ai còn đòi nợ chúa nữa thì chém ngay. Nhờ thế, người ta mới thôi réo và thôi đuổi theo xe Chỗm.

Chúa Chỗm vào đến hoàng cung thì trời sắp tối. Thấy văn võ bá quan ai cũng mong muốn mình lên ngôi ngay để yên lòng thiên hạ, Chỗm bèn ngửa mặt khẩn trời rằng: - "Hỡi thượng đế, nếu tôi xứng đáng nối nghiệp nhà Lê thì xin quay mặt trời trở lại chính Ngọ, bằng không thì tôi sẽ trở về chốn cũ

làm ăn, giao quyền vị lại cho người khác". Khấn được một lúc, quả nhiên trời sắp tối bỗng sáng hẳn, mặt trời lại treo giữa đỉnh đầu. Chỗm đường hoàng bước lên làm lễ dâng quang tự xưng hoàng đế. Lễ tất, mặt trời tự nhiên kéo một mạch về phương Tây lặn mất. Trời bỗng lại tối sầm như mực; lúc mọi nhà vừa thắp đèn lên thì gà vừa gáy canh[1].

Ngày nay còn có câu tục ngữ *Nợ như chúa Chỗm* và có câu phong dao:

Vua Ngô ba mươi sáu tấn vàng

Thác xuống âm phủ chẳng mang được gì.

Chúa Chỗm mắc nợ tỳ tỳ,

Thác xuống âm phủ khác gì vua Ngô.

Ở chỗ vườn hoa cửa Nam bây giờ, cũng do sự tích trên mà người ta còn gọi là "Ngã tư Cấm chỉ".

KHẢO DỊ

Truyện này rõ ràng đã được nhà nho tô điểm để đề cao "thiên mệnh", đề cao "thuyết dòng giống" nhưng vẫn không xóa mờ được tính chất dân gian của nó. Chúng tôi kể vào đây để bạn đọc tiện so sánh với những truyện

khác như *Vua Heo* (số **104**, tập **III**),... Về đoạn đội nón sắt cưỡi thuyền rồng có sách kể là đội nón sắt đi kiệu: "Chỗm đội chảo lên đầu che mưa, đến nhà hàng bị chó đuổi phải chạy lên cối xay ngòi"[2].

Đoạn cuối có lẽ mượn lại một mô-típ của thần thoại hoặc anh hùng ca thời cổ: mô-típ kéo mặt trời lùi lại. Có phần tương tự với truyện *Anh hùng Ghi-ông* của đồng bào Ba-na (Bahnar): Ghi-ông cùng em là Ghi-ơ luôn luôn là kẻ chiến thắng trong các cuộc đọ sức với các lực sĩ khác. Mọi người đều phải hàng phục họ. Một hôm Ghi-ông lên trời đánh Thần Sét và làm cho Thần Sét bị thương. Hôm khác, Ghi-ông đến xứ sở của Đam Da-rai bắt lấy vợ của y đem về. Đam Da-rai đuổi theo đòi Ghi-ông bồi thường nhưng y chỉ nhận được những lời chửi rủa. Cuộc giao chiến bèn nổ ra lúc mặt trời mọc với một khí thế rất dữ dội. Ghi-ông càng đánh càng khỏe làm cho Đam Da-rai có phần suy nhược. Nhưng lúc ấy trời đã sắp tối mà anh chàng vẫn chưa kết liễu được trận thắng. Ghi-ông bèn nhảy lên trời gọi tất cả các thần kéo lùi mặt trời trở lại thành buổi trưa để cho hấn đánh nốt. Mặt trời quả được kéo lên, mặt đất đang tối tự nhiên lại sáng. Ghi-ông hạ được đối phương, chiếm được người đẹp. Đam Da-rai ngã xuống chiến trường sau thành một ngôi sao, ngày nay còn gọi là sao Đam Da-rai[3].

Trung-quốc cũng có một truyện thuộc kiểu truyện *Anh hùng Ghi-ông*: Lỗ Dương Công đem quân đánh nhau với quân nước Hàn, nhưng chưa phân thắng phụ. Trời đã chiều, ông không muốn bỏ dở trận đánh. Bèn giơ ngọn giáo vẩy mặt trời lên. Mặt trời quả vâng theo lời lùi lại ba xá (mỗi xá là 30 dặm, tức là 90 dặm) cho ông kết liễu trận thắng[4].

Xem thêm truyện *Người học trò với 3 con quỷ* (số **131**), tập **III**.

Về tình tiết Chỗm đày Mụ Thiện, ở truyện *Trạng Hiền* (số **81**), truyện *Lý Thái Tổ* (của ta), truyện *Minh Thái Tổ* (của Trung-quốc) đều có, tuy đổi

tượng bị đày có thay đổi: truyện *Trạng Hiền* thì đày Phật, truyện Lý Thái Tổ đày Hộ pháp, truyện Minh Thái Tổ đày Giả Lam.[5]

-
- [1] Theo Vũ Khắc Minh và Phan Hàn Khanh. *Truyện Chúa Chỗm*.
 - [2] *Chúa Chỗm tân truyện*.
 - [3] Theo lời kể của đồng bào Ba-na.
 - [4] Theo *Hoài Nam tử*.
 - [5] Theo *Sơn cư tạp thuật*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
45. HỒN TRƯỞNG BA, DA HÀNG THỊT

Ngày xưa, có một người tên là Trương Ba, còn trẻ tuổi nhưng đánh cờ tướng rất cao. Nước cờ của anh chàng không mấy ai trong thiên hạ địch nổi. Bao nhiêu giải cờ trong những hội hè mùa xuân đều về tay anh. Tiếng đồn vang khắp nước, sang đến tận Trung-quốc. Buổi ấy ở Trung-quốc có ông Kỵ Như cũng nổi tiếng cao cờ. Khi nghe tiếng Trương Ba, Kỵ Như liền xách khăn gói sang Nam tìm đến tận nhà tỉ thí. Hai người đo tài nhau mấy ván liền không phân thua được. Nhưng đến ván thứ ba, Trương Ba dồn Kỵ Như vào thế bí. Thấy đối phương vô đầu suy nghĩ, Trương Ba kiêu hãnh bảo:

- Nước cờ này dù có Đế Thích xuống đây cũng đừng có hòng gỡ nổi.

Bấy giờ Đế Thích là thần cờ đang ngồi trên thiên đình, bỗng nghe câu nói hỗn xược của Trương Ba xúc phạm đến mình, liền cười mây xuống trần định cho y biết tay. Trương Ba và Kỵ Như đang đánh, chợt có một ông cụ già đến ngồi cạnh bàn cờ. Ông cụ thùng thỉnh mách cho Kỵ Như mấy nước. Phút chốc bên Kỵ Như chuyển bại thành thắng. Trương Ba cau có, trong bụng tức giận ông già ở đâu đến làm cho mình lâm vào thế bí. Nhưng nhìn thấy ông cụ râu tóc trắng xóa, mặt mũi không có vẻ là người trần, chàng chợt hiểu, liền sụp xuống lạy mà rằng: - "Ngài hẳn là thần Đế Thích đây rồi, tôi người trần mắt thịt không biết, xin thứ lỗi". Đế Thích cười bảo: - "Ta nghe nhà ngươi tự phụ là cao cờ nên xuống xem cho biết". Trương Ba liền giữ Đế Thích lại mua rượu, giết gà khoản đãi rất chu tất. Đế Thích tuy mới gặp cũng rất yêu mến Trương Ba. Thấy anh chàng khẩn khoản muốn học nước cờ của mình, Đế Thích bảo: - "Ta thấy nhà ngươi có bụng chân thành. Vậy ta cho một nén hương này, mỗi lần cần đến ta thì thắp lên một cây, ta sẽ xuống". Nói đoạn, cười mây bay về trời.

Từ đó, Trương Ba thỉnh thoảng lại dọn cỗ mời thần Đế Thích xuống chơi. Hai bên rất tương đắc. Nhưng một hôm Trương Ba bị cái chết mang đi một cách đột ngột. Sau khi chôn cất chồng, người vợ dọn dẹp nhà cửa. Thấy có nén nhang dặt ở mái nhà, chị ta vô tình lấy xuống đốt lên cắm trước bàn thờ chồng. Ở thiên đình, thần Đế Thích nhận được tin bằng mùi hương bèn xuống ngay. Thấy vắng mặt Trương Ba, Đế Thích ngạc nhiên:

- Trương Ba đâu?

Vợ Trương Ba sụt sùi:

- Nhà tôi chết đã gần một tháng nay rồi!

- Chết rồi, sao lúc mới tắt nghỉ không gọi ta xuống liền, để đến bây giờ còn làm thế nào được nữa.

Suy nghĩ một chốc, Đế Thích lại hỏi thêm:

- Trong xóm hiện nay có ai mới chết không?

Vợ Trương Ba đáp:

- Có một người hàng thịt mới chết tối hôm qua. Thần Đế Thích bảo chị ta dẫn mình đến nhà người hàng thịt rồi bảo nhỏ với chị: - "Ta sẽ kiếm cách làm cho chồng nhà ngươi sống lại". Nói xong thần hóa phép rồi trở về trời.

Nói chuyện trong nhà người hàng thịt lúc đó, mọi người đang xúm quanh linh sàng khóc lóc kể lể thì tự nhiên thấy người chết ngồi nhòm dậy. Hắn ta

vất tất cả mọi đồ khâm liệm rồi chẳng nói chẳng rằng đi thẳng một mạch về nhà Trương Ba. Vợ Trương Ba thấy người hàng thịt biết là thần Đế Thích đã làm cho chồng mình sống lại, mừng rỡ đón vào. Giữa lúc đó thì vợ con người hàng thịt cũng chạy theo níu lấy chồng. Nhưng không những họ bị vợ Trương Ba giằng lại, mà ngay chính chồng họ cũng nhất định không chịu về. Đôi bên cãi cọ nhau cuối cùng biến thành một cuộc đấu khẩu rất kịch liệt. Xóm làng không biết phân xử ra sao, đành đem việc đó lên quan.

Quan cho đòi các nhà hàng xóm tới hỏi cung thì ai cũng bảo người sống lại đó là anh hàng thịt. Nhưng chỉ có vợ Trương Ba thì nhất định nhận là chồng mình. Quan hỏi: - "Chồng chị ngày thường làm nghề gì?". Đáp: - "Chồng tôi chỉ thạo đánh cờ mà thôi". Quan lại hỏi vợ người hàng thịt: - "Chồng chị ngày thường làm nghề gì?". Đáp: - "Chồng tôi chỉ thạo nghề mổ lợn".

Nghe đoạn, quan sai đem một con lợn vào công đường cho anh hàng thịt mổ, nhưng anh ta lúng túng không biết làm thế nào cả. Quan lại sai mấy người giỏi cờ vào tỷ thí với người hàng thịt thì không ngờ con người đó đi những nước cờ rất cao không ai địch nổi. Quan bèn phán cho về nhà Trương Ba.

Vì thế mới có câu *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*^[1].

KHẢO DỊ

Một dị bản vốn gốc từ thần tích kể rằng: Trương Ba là nho sĩ người đời nhà Lý, ở làng Liên Hạ (Hải-dương). Trương Ba ở đây không đánh cờ với Kỵ Như mà thường đánh với Trang Ứng Long vốn là bạn cờ. Trong truyện cũng có việc quan thử thách để tìm ra chân lý. Người chết sống lại cũng không mỗ được lợn, nhưng lại làm được thơ phú thao thao bất tuyệt, và khi người bạn cờ Trang Ứng Long cùng đánh một ván, thì ông này nhận ra ngay đó chỉ có thể là Trương Ba.

Đoạn kết truyện còn kể: vì thấy vợ người hàng thịt khóc lóc thảm thiết nên Trương Ba tái sinh đã bàn với vợ và khi được vợ ưng thuận, anh ta lấy luôn người đàn bà kia làm vợ lẽ [2].

Trung-quốc cũng có truyện *Xác công tử, hồn ông sư*:

Một ông sư ở chùa Vạn-phúc tu hành đắc đạo, tuổi hơn 80 mới chết. Hồn sư đi vợ vẫn gặp một công tử con nhà quan đi săn cùng 10 người hầu, bất thành linh ngã ngựa chết. Hồn sư nhập vào xác mới làm cho xác sống lại. Bọn người hầu tưởng chủ tỉnh lại, chạy tới chăm sóc, nhưng sư ta trừng mắt hỏi: - "Làm sao ta lại ở đây?". Người ta đưa về nhà công tử. Ai đến thăm cũng niệm: - "Nam mô a di đà phật, làm sao ta lại đến đây?". Người ta đưa cơm cho thì ăn, còn thịt thì không đụng đến. Đêm ngủ một mình, hễ thấy bóng đàn bà đến gần là chạy. Cả nhà ngạc nhiên tưởng công tử hóa diên.

Được ba ngày sau, sư ta đi bách bộ ra ngoài hỏi thăm chùa Vạn-phúc, tìm đến, nói mình vốn là hòa thượng ở chùa này. Các sư tiểu trong chùa cho là nói đùa, nhưng sư ta kể lại mọi việc đều phù hợp. Cuối cùng ở lại chùa tu hành như cũ [3].

[1] Theo Vũ Nguyên Hanh, sách đã dẫn. Ở *Sử Nam chí dị* thì chép: *Hồn phách Trương Ba, xương da hàng thịt*.

[2] Theo Sê-ông (Chéon). *Sưu tập những bài mới*.

[3] Theo Bồ Tùng Linh, *Liêu trai chí dị*.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

46. SINH CON RỒI MỚI SINH CHA SINH CHÁU GIỮ NHÀ RỒI MỚI SINH ÔNG

Ngày xưa có Giáp và Ất là hai người kết bạn với nhau. Nhà Giáp có cửa ăn của để, còn Ất thì túng bấn lắm, thường phải nhờ vả Giáp. Một hôm, để có vốn, Ất năn nỉ vay của Giáp mười nén bạc rồi bán nhà cửa đưa vợ đi chỗ khác làm ăn. Đến một cái chợ vùng Nam, hăn và vợ hăn xoay ra buôn bán và cho vay lấy lãi. Hăn rất hà tiện và chịu khó trong mọi việc. Gặp may dịp may, hăn phát to, tiền của đổ về như nước. Không đầy mười năm, vợ chồng hăn trở nên khá giả, có cơ nghiệp lớn ở vùng đó. Tuy làm nên, nhưng hăn cố tình quên mất người bạn cũ và số tiền nợ của bạn.

Nói chuyện Giáp, từ ngày bạn bỏ ra đi, mãi không nhận được một tin tức gì, Giáp ngỡ là bạn bị số nghèo đeo đẳng mãi chưa thôi, nên sống vất vưởng ở một nơi nào đó. Hơn nữa, lại vì nợ của mình một số tiền nhiều chưa có cách gì trả được, nên vợ chồng bạn không dám ghé về chơi hay nhắn tin tức gì. Nghĩ thế, Giáp rất thương bạn. Một hôm, ông ta mang theo mấy nén bạc đánh đường đi tìm Ất, hy vọng gặp bạn để giúp bạn thoát cơn chật vật. Giáp hỏi thăm mãi mới tìm đến nhà Ất. Ông ta ngạc nhiên và mừng rỡ khi thấy vợ chồng bạn không phải nghèo đói sa sút như mình tưởng, mà trái lại có nhà ngói cây mít, có ruộng đất ao chuôm, v.v... Ông nghĩ bạn mình bây giờ không cần đến mình giúp đỡ nữa. Cho nên trước khi vào nhà, ông ta đào đất chôn số tiền mang theo ở cổng nhà bạn.

Ất gặp bạn, ngoài mặt vui vẻ chào mừng nhưng trong bụng chỉ nghĩ đến món nợ mình còn thiếu của bạn. Hăn vừa ngượng mặt vừa tiếc của. Tự nhiên phải bỏ ra một số tiền lớn để trả một món nợ từ đời nào đời nào, hăn thấy xót ruột. Nghĩ thế, hăn bỗng có bụng muốn nuốt trôi số bạc thơm thảo bạn ứng cho làm vốn ngày xưa. Thế là đến nửa đêm, hăn đánh thức vợ dậy,

bàn với vợ. Được vợ đồng tình, hẩn làm ngay. Nhân lúc Giáp ngủ say ở nhà ngoài, cả hai vợ chồng lén tới cầm dao đâm chết. Đoạn hẩn và vợ hẩn mang xác Giáp bí mật đào lỗ chôn dưới một gốc khế sau vườn.

*

* *

Cây khế nhà Ất từ đó tự nhiên xanh tốt rườm rà hơn trước. Nhưng lạ thay năm ấy chỉ có một quả rất lớn. Hai vợ chồng có hơi ngạc nhiên nhưng cũng chẳng mấy quan tâm. Khi quả khế chín, vợ Ất hái ăn. Và trong năm đó, vợ Ất có thai, đến kỳ sinh ra một đứa con trai. Vì hiếm con nên Ất rất mừng khi thấy thằng bé khôi ngô và chóng lớn. Nhưng đứa con của hẩn có một tật câm, lên 7 tuổi mà không biết nói, làm cho 2 vợ chồng hết sức lo buồn. Ất cố tìm thầy chạy thuốc, lễ chùa lễ đền nhưng đều vô hiệu.

Một hôm vợ Ất xới cơm cho con, nhân than với con rằng:

- Con ôi! Mẹ mong con khôn lớn để học hành đỗ đạt cho cha mẹ mở mày mở mặt. Sao con chẳng nói chẳng rằng làm cho mẹ khổ.

Tự nhiên thằng bé bật ra một câu: - "Mẹ cứ mời một ông quan về đây, ông ta sẽ làm cho con nói được".

Thế rồi nó lại nín bặt, hỏi mấy cũng không nói nữa. Túng thế, hai vợ chồng Ất nghe lời con, sắm lễ vật đi mời quan huyện về xem thử thế nào.

Nể lời mời mọc khẩn khoản của hai vợ chồng, quan huyện cho sắp võng, dắt một đoàn lính tráng theo hầu về thẳng nhà Ất. Thằng bé thấy mặt quan

quả nhiên nói được. Nó tự xưng là Giáp, kể hết tình đầu cho mọi người nghe: nào cho Ất vay tiền, nào mang tiền đi kiếm bạn để toan giúp bạn, nào giấu tiền ở đâu, bị giết như thế nào, v.v... Nghe thủng câu chuyện, quan huyện sai lính đào gốc khế và đào ở mé cổng nhà Ất, quả thấy đúng như lời thằng bé.

Lập tức quan sai giam cổ vợ chồng nhà Ất lại chờ ngày ra pháp trường. Còn bao nhiêu tài sản của tội nhân đều giao cả cho thằng bé. Và, thằng bé, vốn là Giáp tái sinh, sau đó lại trở về nhà Giáp.

Khi Giáp ra đi, đứa cháu nội của mình mới đẻ, bây giờ thì nó đã lên 8, hơn mình một tuổi. Vì thế mới có câu:

Sinh con rồi mới sinh cha,

Sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông [1].

KHẢO DỊ

Truyện này có nơi kể khác:

Có hai người bạn nghèo là Đông và Nam. Trước khi chia tay mỗi người một ngả làm ăn, họ hẹn nhau nếu người này khá thì nhớ giúp đỡ người kia. Đông làm ăn ngày một giàu, có một con trai đi học thi đậu làm đến tri phủ. Con sinh ra cháu, hạnh phúc gia đình không ai bì kịp.

Một hôm, Đông sực nhớ tới bạn cũ, nhờ người tìm hỏi thì ra Nam đang sống một cuộc đời chật vật. Đông bèn lấy ba nén bạc gói vào mảnh vải cho vào đòn ổng rồi giả bộ quần áo rách rưới tìm đến thăm bạn. Ra về, Đông vờ bỏ quên đòn ổng lại nhà Nam. Thấy đòn ổng nặng, Nam bớ ra được bạc, từ đó sẵn vốn, làm ăn ngày một thịnh lên. Khi thấy bạn khá, Đông lại giả nghèo đến chơi. Nam sợ bạn kể việc đòn ổng, bèn giết chết lòi ra sau vườn vùi lại rồi trồng cây lên cho mất tích.

Vợ Nam sinh ra 1 con trai. Khác với đứa bé con Ất ở truyện trên, nó suốt ngày khóc nhè. Và khi biết nói, nó luôn mồm chửi cha mắng mẹ, dỗi mấy cũng không nghe. Lớn lên, nó bảo cha mẹ muốn khỏi bị chửi thì đem lên quan mà tù, nếu không, còn khốn với nó nhiều nữa. Và cũng như truyện trên, khi gặp quan nó tố cáo tất cả tội lỗi của cha mẹ. Khi nó về nhà cũ thì người cháu đã 30 tuổi [2].

Về chủ đề hết lòng giúp bạn vốn liếng nhưng bị bạn phản bội, người Nghệ-an còn kể một truyện khác, giống mở đầu mà khác kết thúc như sau:

Có hai người bạn ở cách tỉnh, một giàu một nghèo. Cũng như truyện trên, người giàu cho người nghèo vay 300 quan làm vốn. Sau 3 năm không thấy bạn đến, người giàu ngờ bạn thất cơ lỡ vận rồi không dám đến nhà, bèn giắt 3 thỏi bạc định giúp nữa nếu bạn quả làm ăn thất bại. Đến nơi mới biết tình hình của bạn không như mình tưởng. Về phần người kia, thấy bạn đến sợ bạn đòi nợ cũ, bèn phục rượu say, giết chết, đem vùi sau hồi nhà, rồi trồng lên đó một cây quỳ. Không ngờ cây quỳ mọc tốt một cách lạ thường, hoa nó to bằng cái nón. Thiên hạ lấy làm lạ rủ nhau đến xem. Vợ người chết lúc ấy đang đi tìm chồng, nghe nói hoa lạ cũng vào xem. Vừa đến nơi thì tự nhiên hoa héo, cây đổ, bị người kia bắt vạ kiện lên quan. Quan về khám cho đào gốc thấy có xác người còn có cả 3 thỏi bạc. Người vợ lăn ra khóc

nói chồng tôi đây rồi. Bèn kể đầu đuôi cho quan nghe. Quan sai gông lại để chờ ngày ra pháp trường [3].

Về hình ảnh ông đầu thai sinh ra cháu, sách *Lan trì kiến văn lục* có truyện *Nguyễn Khắc Hoàn*:

Làng Mìn (Hưng-yên) có một người tên là Nguyễn Khắc Hoàn lấy vợ sinh được một người con trai đặt tên là Khoan. Khoan lớn lên thông minh học rất giỏi. Năm 20 tuổi thi đậu ông nghè. Vinh quy cùng với vu quy một ngày, nổi sung sướng của gia đình ấy kể sao cho xiết.

Năm con nghè Khoan lên 6 tuổi thì Nguyễn Khắc Hoàn chết. Khắc Hoàn được vua Diêm Vương cho đầu thai làm con một người mỗ ở làng Dương Trạch. Đứa bé này sinh ra không biết nói nhưng lại biết mọi việc của kiếp trước. Một hôm - lúc đó đứa bé đã lên 6 tuổi - làng Dương Trạch làm đình, định rước nghè Khoan đến làm lễ cất nóc, lúc cha đứa bé rao làng để cho dân tình mang cờ quạt đi đón ông nghè thì tự nhiên đứa bé nói lên được. Nó bảo cha nó: - "Cha đi mượn 1 cái sập, 1 chiếc chiếu cạp điều về kê giữa nhà cho con". Người mỗ chiều theo ý con xem nó định làm gì. Khi nghè Khoan đi qua nhà, nó đứng sẵn ở cổng gọi: - "Nghè Khoan vào đây tao bảo". Khoan nghe lời hồn xước, nổi giận bước vào nhà đã thấy thẳng bé ngồi trên sập, đồng dặc bảo: - "Nghè Khoan! Mà mày có biết tao là ai không?". Khoan chắc là ma quỷ hiện vào nó, đáp: - "Không, nếu nhà người có tiền oan nghiệp chướng gì thì cứ nói". - "Tao là Nguyễn Khắc Hoàn đây!". Thấy Khoan không tin, đứa bé lại nói: - "Mày cho người về mang 2 cái tủ sách đến đây, tao đọc cho mà xem!".

Khi mang sách đến, nó đọc vanh vách từng quyển, từng bài cho Khoan dò và vạch đoạn nào sửa, đoạn nào chấm câu,... của mình dạy con ngày xưa. Khoan ngạc nhiên vì chỉ có ông ta và cha ông ta mới biết rõ như thế. Ông

bèn sụp lạy xin lỗi. Rồi sau khi làm lễ cất nóc, Khoan rước cha - tức là đưa bé - và người mỗ về nhà phụng dưỡng.

Vợ Hoành bấy giờ đã 70 tuổi. Nghe đứa bé xưng là chồng mình, bà cụ nhất định không chịu nhưng khi nghe nó kể những việc mà chỉ có chồng quá cố của mình với mình biết thôi thì mới chịu nhận. Hoành sau đó sai dọn một chỗ ở riêng, luyện tập văn bài với cháu nội. Năm 20 tuổi đi thi đậu ông nghề.

Một truyện khác của Trung-quốc:

Ở Dương-châu có một người họ Trần làm nghề nuôi ngựa, năm 50 tuổi bỗng bị bệnh, thấy có một người cưỡi ngựa xông vào đánh cho một gậy, rồi bò lên lưng ngựa kéo đi, ông kêu la không được. Đi mãi đến Thiểm-tây, Hàm-dương thấy hăn quăng mình vào một cái buồng có đàn bà đẻ. Tự nhiên thấy người bỗng bé choắt lại, rồi được người ta cho bú. Ký ức lúc này yếu hăn đi. Dần dần lớn lên biết ông bố làm nghề bán lụa. Một hôm bố cho mẹ một tấm lụa nói đó là lụa quý. Anh ta lúc này lên 6 tuổi lấy xem. Mẹ bảo: - "Lụa quý của bố đấy!" - "Quý gì thứ ấy". Mẹ kể lại với bố. Bố hỏi con. Con nhân đó kể lại kiếp trước, khai cả tên bố, mẹ,... Lại nói: - "Tôi đã có đứa con trai ngoài 20 tuổi". Thấy bố mẹ không tin, anh nói: - "Cứ về Giang-nam dò tìm thì biết". Bố con bèn đưa nhau đến Giang-nam thì con anh ta hồi trước nay đã già, râu rậm rì, mà anh ta (tức là bố) hãy còn trẻ con. Kể lại việc nhà nhiều người không tin, anh kể rõ mắc nợ bao nhiêu, lại chỉ chỗ chôn 300 lạng vàng chỉ có mình mình biết,... Bấy giờ người nhà mới chịu là đúng. Khi từ biệt ra về ai nấy đều khóc.

Mười năm sau Trần lớn lên kế nghiệp bố. Lại đi Giang-nam hỏi đến chỗ cũ. Lúc này người con đã chết, để lại người cháu. Vợ Trần vẫn sống nghèo

nuôi cháu. Trần cho vợ 300 lạng vàng để sắm hậu sự và dưỡng lão. Khi ra về còn mua rượu thịt cúng ở mộ cũ [4].

-
- [1] Theo Nguyễn Văn Ngọc *Truyện cổ nước Nam (A. Người ta)*, tập I.
- [2] Theo *Thực nghiệp dân báo* (1923).
- [3] *Bản khai làng Vĩnh-an*.
- [4] Theo *Tân tề hài*, quyển 7.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

**47. CON VỢ KHÔN LẤY THẲNG CHỒNG ĐẠI NHƯ BÔNG
HOA LÀI CẨM BÀI CỨT TRÂU**

Xưa, có một người đàn bà làm nghề dệt vải. Nàng bản tính thông minh tháo vát, nhưng lấy phải người chồng đần độn không làm được nghề gì nên thân. Một hôm, vợ đưa cho chồng mấy tấm vải bảo mang ra chợ bán. Vợ dặn: - "Nếu không được bốn quan mỗi tấm thì đừng có bán, nghe!"

Chồng mang vải ra chợ đi khắp nơi, rao khăn cả cổ mà chả có ai mua cả. Mãi về sau có một ông cụ già mua cho hai tấm. Nhưng ông ta lại không mang tiền theo. Ông cụ bảo hăn:

- Chốc nữa anh đến nhà tôi lấy tiền nhé! Nhà tôi cũng ở trong xã này thôi.

Hăn hỏi:

- Nhà ông ở đâu?

- Tôi ở chỗ: "chợ đông không ai bán, chỗ kèn thổi tò le, chỗ cây tre một mắt". Đến đó tôi sẽ trả tiền ngay.

Đến chiều hăn đi tìm người mua hàng chịu của hăn. Gặp ai hăn cũng hỏi thăm "chỗ chợ đông không ai bán, chỗ kèn thổi tò le, chỗ cây tre một mắt"

là ở đâu, nhưng chẳng một ai biết thế nào mà trả lời. Người ta chỉ nói với hăn:

- Thôi rồi, anh mắc phải tay bịp bợm nào đấy thôi!

Hăn đi loanh quanh mãi đến tối mịt không tìm được nhà, đành phải trở về ôm mặt hu hu khóc.

Vợ hăn hỏi tại sao thì hăn kể cho vợ nghe tất cả câu chuyện. Người vợ bảo:

- Cũng dễ tìm thôi! "Chỗ chợ đông không ai bán" là cái nhà trường, "chỗ kèn thổi tò le" là bụi lau vì khi gió thổi nghe như tiếng kèn sáo, "chỗ cây tre một mắt" là bụi hành hay tỏi gì đó. Vậy anh phải kiếm người đó ở một cái trường học, gần đó có bụi lau, trước cửa có vườn trồng hành tỏi.

Qua ngày sau, anh chồng lại cất bước đi tìm. Quả đúng như lời người vợ nói, hăn gặp ông lão hôm qua. Đó là một thầy đồ dạy học trò. Thấy hăn đến, ông đồ liền hỏi xem nhờ ai mách cho mà biết được chỗ ở của mình. Hăn đáp: - "Tôi tìm ông suốt cả một buổi chiều hôm qua. May nhờ có vợ tôi mách cho đấy". Ông thầy nghĩ: - "Người đàn bà này hăn là một cô gái thông minh tài trí, ít người sánh kịp". Hôm đó nhân nhà có giỗ, ông đồ mời hăn ngồi lại ăn cỗ. Hăn ta cầm đầu chén một bữa no nê lại được ông đồ gửi phần về biếu vợ. Nhưng khi trả tiền, ông đồ còn gửi hăn một gói khác bảo đưa cho vợ. Trong đó chỉ có một cục phân trâu ở giữa có cắm một cánh hoa nhài. Hăn ta chẳng hiểu gì cả cứ việc cầm lấy về nhà.

Người vợ trông thấy, hiểu ý ông thầy muốn mĩa mai mình:

Con vợ khôn lấy thằng chồng dại

Như bông hoa lài cắm bãi cút trâu

Càng ngẫm nghĩ về "gói quà", nàng càng buồn bực, trách chồng dốt nát để mang về cho mình một lời trêu chọc chua cay, rồi nghĩ tới duyên phận hẩm hiu, nước mắt nàng lã chã. Nàng vứt cái thoi, bụng bảo dạ: - "Thân thế ta thật chả ra gì. Trên đời có bao nhiêu người khôn ngoan tài giỏi, còn ta thì lấy nhằm phải một thằng chồng u mê đần độn!". Trong một cơn phiền muộn, nàng chạy ra bờ sông, toan nhảy xuống dòng nước trầm mình cho rồi một đời.

Lại nói chuyện ông thầy dạy học, sau khi tiễn chân anh chàng bán vải ra khỏi cửa, nghĩ đi nghĩ lại thấy sự trêu chọc ác nghiệt của mình thật là không phải. Ông đâm ra lo câu chuyện đưa tới một kết quả không hay: - "Không biết chừng người đàn bà ấy phần chí liều thân hoại thể thì ta sẽ có tội rất lớn với danh giáo". Nghĩ thế, ông đồ bèn đi mượn một cái giỏ đựng cá thúng tròn, rồi mang ra bờ sông cùng với chiếc cần câu làm bộ câu cá. Ông cứ men theo dọc bờ sông gần làng, đi lại trông chừng. Khi thấy một người đàn bà ngồi trên bờ vắng đang ôm mặt khóc thút thít, ông biết ý vội tiến đến gần, có ý chìa giỏ cho nàng thấy và nói:

- Chị này ngồi tránh đi chỗ khác cho tôi câu cá nào.

Người đàn bà đó đúng là vợ anh chàng bán vải. Nàng ngược mắt trông lên thấy có một người đàn ông đầu đã hai thứ tóc mà lại mang chiếc giỏ rách đi câu. Nàng tự nghĩ: - "Người nào đây ngu quá là ngu. Chồng mình tuy khờ dại nhưng cũng chưa đến nỗi này". Rồi nàng kết luận: - "Vậy ra chồng mình vẫn còn có những chỗ hơn người". Nghĩ vậy, nàng bỏ ý định tự tử mà trở về nhà^[1].

KHẢO DỊ

Truyện này cùng một cốt truyện với truyện *Anh chồng ngốc* ở miền Bắc, tuy mỗi bên có một số hình tượng khác nhau:

Ở Bắc-ninh có cô gái thông minh lấy phải anh chồng đàn độn con một phú ông.

Một hôm vợ bảo chồng đi chợ bán con chó nhà. Vợ dặn: - "Quan tám tiền ngay, quan tư tiền chịu". Khi nghe hăn đòi như vậy, ai cũng cho là ngốc: mua tiền mặt lại đắt hơn mua chịu. Một cụ đồ nghe hăn đòi, nghĩ bụng: - "Ý muốn của người bán chó là bán chịu để có dịp đi đòi tiền mà thăm con chó của mình, như vậy là người có nghĩa". Bèn mua chịu. Nhưng địa chỉ của cụ đồ là: "Tìm đến một làng đầu làng có "hữu thủy vô ngư, hữu ngư vô thủy", vào một nhà có "hữu kim vô chỉ, hữu chỉ vô kim". Cũng như truyện trên, khi đi đòi tiền người mua chịu, hăn không biết làng nào mà tìm, đành về khóc với vợ. Vợ giúp hăn đi tìm, bảo đến làng nào đầu làng có giếng (hữu thủy vô ngư), lại có điểm canh có mỗ cá (hữu ngư vô thủy); rồi tìm đến nhà nào có rào găng (hữu kim vô chỉ), có dây tơ hồng (hữu chỉ vô kim).

Ở đây cũng có câu chuyện cụ đồ mời ăn cơm và gửi quà về biếu vợ nhưng quà tặng là một gói cơm nắm gạo tám xoan, giữa có nhét mấy quả cà ừng. Vợ hăn nhận gói cơm biết ý nghĩa kín đáo: - "*Tiệc thay hạt gạo tám xoan;*

Thối nôi đồng điệu lại chan nước cà". Khác với truyện trước, người đàn bà này không có ý định trẫm mình mà chỉ định bỏ nhà ra đi. Khi đến sông thì đã có ai cắt mất ván cầu, gần đó thấy có một cụ đồ đang lội bì bõm, hỏi thì cụ trả lời là đi tìm một cái kim: "Cái kim là vật bao nhiêu mà cụ mất công như vậy?". - "Nhưng nó là vật kỷ niệm của vợ tôi; cần phải có thủy có chung chứ". Cô gái thông minh suy nghĩ lại, bỏ ý định trên[2].

Người Nùng có truyện *Chàng ngốc đi học* kết hợp một phần truyện *Cuộc phiêu lưu của chàng Ngốc* (số 190, tập V) với một số tình tiết của hai truyện trên:

Ngốc mồ côi bố, xách túi bạc đi tìm thầy để học. Theo hai ông thầy thuốc rong chuyên làm cái việc đánh cồng "phèng phèng"; sau ba năm chỉ nhớ có môn thuốc chữa mắt. Trở về chữa lành cho con gái phú ông đau mắt đã ba năm, được phú ông gả cho làm vợ. Từ đó cứ năm dài ở nhà. Vợ giục đi buôn, trước hãy "buôn đầu chợ, ăn cuối chợ". Hắn ta mua bánh ở đầu chợ ra khỏi chợ thì ăn hết, rồi về. Lần sau, vợ bảo đi bán vải. Hắn hỏi: - "Bán ở đâu?". - "Chỗ nào đông người thì bán". Thấy nhà trường đông người hắn đặt gánh chào nhưng chả ai hỏi cả. Sau ba tiếng trống học trò vào học, hắn thấy vắng lại quay hàng về. Vợ nghe kể bực mình, một hôm trao cho chồng thoi vàng bảo đổi bạc bảo chuẩn bị đi buôn chuyến khác. Thấy ngỗng phủ nhau giữa sông, hắn thương con vật bị chìm bèn thuận tay cầm thoi vàng ném. Mất vàng nhưng về lại khoe với vợ là đã cứu được con ngỗng. Vợ thân thân trách phạt lấy phải chồng ngu dân bèn bỏ đi. Thấy hai chàng trai cầm một bông hoa "coi" trắng trên một bãi phân trâu, nàng biết là họ mĩa mình. Vì có câu hát "*Bióc noong đây lại chấp khỉ vại, Mi cần sau chỉnh vại pây dài*" (Hoa em đẹp cầm bãi phân trâu, không người săn sóc héo đi không). Càng thêm tủi phận, nàng toan tự vẫn, đến bến gặp một người đang múc nước sông lên để sàng - "Sàng nước để làm gì vậy?". Nàng hỏi. - "Để tìm cái kim khâu". Nàng nghĩ bụng - "Vậy ra trong thiên hạ còn có kẻ ngu hơn chồng ta".

Bèn trở về cố công dạy chồng học. Cuối cùng chồng đỗ trạng[3].

Đồng bào Cham-pa có truyện *Trạng*, trong đó có một đoạn nói Trạng đi tìm một người vợ lý tưởng mà mãi chưa gặp được người nào vừa ý. Một hôm đến bờ một con sông, muốn sang mà không thấy có đò, cũng không thấy bến. Trong khi chưa biết hỏi ai, bỗng gặp một cô gái ở bên kia bờ. Trạng cất tiếng hỏi thì cô gái đáp: - "Hỏi người đi cùng thì rõ". Trạng thấy người cùng đi với mình không có ai khác hơn ngoài một cái rựa cán dài mà mình cầm tay, mới hiểu ra là dùng rựa dò đường sẽ lợi được. Biết cô gái khôn ngoan, qua sông, Trạng hỏi nhà để ghé chơi. Cô gái chỉ nói mấy câu: - "Cổng làng có một giếng khơi. Một người có chửa đứng chơi trước làng. Nhà thì giữa đám mây xanh. Trên từng mây trắng, xung quanh sao vàng". Trạng không hiểu ra sao, bèn đi theo cô gái. Cô gái nói: - "Tôi đang đi". Trạng hiểu ra là muốn đến nhà cô gái thì phải đi ngược đường. Trạng tìm đến một làng trước cổng có giếng nước, hai bên bờ giếng có cây chuối sắp trổ hoa. Trạng lại tìm vào một ngôi nhà xung quanh có giàn mướp hoa vàng, trên mái nhà là dây bầu hoa trắng, biết là nhà cô gái[4]. (Xem thêm **Khảo dị**, truyện *Em bé thông minh*, số 80).

Người In-đô-nê-xi-a (Indonesia) có truyện *Người chồng tội phạm*, đoạn đầu có cùng mô-típ với các truyện trên:

Ở Xu-ma-tơ-ra (Sumatra) có 4 cô gái xinh xắn thông minh hẹn nhau nếu không gặp được người thông minh thì không lấy làm chồng. Gặp một chàng trai, họ mời đến chơi nhà. - "Nhà các cô ở đâu?". Chàng trai hỏi. Cô thứ nhất trở vào tóc, cô thứ hai trở vào lông mày, cô thứ ba trở vào hai vú, cô thứ tư lấy tay đập nhẹ vào váy. Nói đoạn mỗi cô đi một ngã. Anh chàng không làm sao hiểu được. Đang suy nghĩ bỗng gặp một người có tội bị trói phơi nắng, lưng còm, máu me đầm đìa. Sau khi xin nước giải khát, người bị

trói hỏi: - "Trông anh có việc gì bận tâm thì phải?" Anh kia kể lại mấy câu đố của bốn cô gái. Người ấy nói: - "Khó gì. Nhà cô thứ nhất kéo sợi, nhà cô thứ hai có hàng rào trúc, nhà cô thứ ba trước cửa có cây thanh yên có hai quả, nhà cô thứ tư có khung dệt vải". Anh kia tìm đến quả đúng. Bốn cô hỏi ai bày cho, anh nói thật. - "Thế thì, anh không phải người chúng tôi mong đợi". Anh kia then bỏ đi.

Đoạn sau truyện phát triển gần giống với truyện *Người ăn trộm và bốn cô gái* của người Khơ-me (Khmer). (Xem **Khảo dị**, truyện số **107**, tập **III**). Ở đây bốn cô góp tiền lên quan chuộc tội cho anh bị trói về. Sau đó cô thứ nhất vào rừng tìm thuốc, cô thứ hai tìm kiến thức ăn ngon, cô thứ ba trổ tài nấu nướng, cô thứ tư lau rửa vết thương. Lành mạnh rồi, các cô hỏi anh vì sao bị tội. Anh đáp: - "Bạn tôi có bố mẹ già, con dại, trót đi ăn trộm để lấy tiền về nuôi. Tôi phải nhận tội thay để cứu anh ấy và gia đình". - "Sao lại chơi bời với người xấu?". - "Không phải xấu đâu. Ít hôm nữa việc xong, anh ấy sẽ đến chịu tội thay".

Bốn cô thấy anh vừa có tài lại có đức, bèn ngỏ lời xin anh chọn một người làm vợ. - "Biết chọn ai bây giờ?", anh đáp. Trong khi bốn cô tranh công nhau thì người bạn quý đến chịu tội thay. Bốn cô nhờ người này phân xử hộ. Hẳn đáp: - "Cô tìm thuốc có tình cảm của một người bố, cô tìm thức ăn có tình cảm của một người chị, cô nấu nướng là mẹ, cô chăm nom săn sóc thì mới đúng là tình cảm của người vợ đối với chồng". Bốn cô chịu là phải[5].

Còn nhiều truyện khác nói về những nhân vật thông minh, có thể giải mã những dấu hiệu hoặc những câu nói mang ý nghĩa như là một câu đố, gần giống với nội dung của những truyện trên. Ví dụ truyện của Ả-rập (Arabie):

Một người trẻ tuổi thông minh, có ý định đi tìm một người đàn bà thông minh để lấy làm vợ. Dọc đường gặp một ông lão làm bạn đường. Đang đi anh hỏi: - "Ông mang tôi hay tôi mang ông?". Đáp: - "Hỏi gì lạ vậy? Tôi cưỡi ngựa còn anh cũng vậy, còn mang cái gì". Người kia không nói gì. Đến một đồng lúa tốt, anh hỏi: - "Mùa này có thể được ăn hay không?". Đáp: - "Ngốc thật. Sắp gặt mà còn hỏi". Lại đi nữa, thấy một đám ma anh hỏi: - "Người nằm trên đó chết hay không chết?". - "Chẳng ai dớ dẩn như chú." Tuy vậy đến chỗ chia tay, lão cũng mời anh về nhà nghỉ. Con gái lão hỏi bố về người khách, lão đáp: - "Ồ, đó là một thứ dở hơi, hỏi những câu ngây ngô, chả ra làm sao cả". Rồi kể lại cho con nghe. Nghe xong, cô gái nói: - "Chả phải dở hơi đâu bố ạ! Về câu hỏi thứ nhất có nghĩa là: ông kể cho tôi hay tôi kể cho ông nghe một câu chuyện để đường bớt dài. Về câu thứ hai nghĩa là chủ ruộng đã "bán non" lúa và đã ăn mất số tiền ấy chưa? Về câu thứ ba nghĩa là người chết ấy có được kẻ hậu sinh nhắc đến trong ký ức hay không. Lão bèn chạy ra giảng cho khách biết. Chàng trẻ tuổi hỏi: - "Đây không phải ông nghĩ ra, vậy thì ai bày cho ông?". - "Một cô gái". Cuối cùng anh chàng kết duyên với con gái lão[6].

-
- [1] Theo Lăng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.
- [2] *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập II
- [3] Theo Hoàng Quyết. *Truyện cổ Tày Nùng*.
- [4] *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập I. Theo chúng tôi có lẽ không nên dịch mấy câu đối đáp thành thơ lục bát làm mất đi sắc thái riêng của ngôn ngữ Cham-pa.
- [5] Theo Đình Tú. *Truyện cổ tích Nam -dương*.
- [6] Theo Bát-xê (Basset). *Nghìn lẻ một truyện cổ tích, truyện kể và truyền thuyết - rập*, quyển II.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

48. CỨU VẬT VẬT TRẢ ÂN CỨU NHÂN NHÂN TRẢ OÁN

Ngày xưa, có một anh chàng không có tài nghệ gì cả, chỉ được cái hiền lành hay thương người. Từ lúc vợ chết, anh ta trở nên túng bấn tận. Có dạo phải ngửa tay ăn xin. Thấy nghề này hèn hạ lại không nuôi nổi tấm thân, anh chàng mới xoay sang đi làm thuê. Nhưng chỉ làm được một ngày anh đã thấy mệt nhọc và bị chủ la mắng nhục nhẽ, nên lại dự định làm nghề đi câu là nghề anh cho là thông thả, tự do hơn. Chiều hôm đó, người ta trả công cho ba mươi đồng kẽm. Anh chàng bèn lấy số tiền đó làm vốn, mua lưỡi mua dây quyết chí làm ăn bằng nghề nghiệp mới.

Sáng hôm sau, anh ra ngồi ở bờ sông câu cá. Nhưng mãi đến trưa chả kiếm được một tý gì. Mỗi cứ mất toi. Mãi đến chiều mới thấy phao chìm xuống, anh giật lên thì được một con rắn nước. Lấy làm bức mình, anh chàng gỡ con rắn ra rồi quăng xuống sông. Lần thứ hai giật lên thì lại chính con rắn nước hồi nãy mắc vào lưỡi.

Anh than thở với rắn: - "Rắn ôi! Tao nghèo lắm, chỉ được ba mươi đồng kẽm thôi. Mà đừng hại tao hết cả mồi, rồi đây biết lấy gì kiếm ăn". Anh chàng lại quăng rắn xuống nước. Lần thứ ba cũng lại con rắn đó mắc lưỡi câu. Lần này hấn giận lắm, không thả con rắn xuống nước nữa mà nắm lấy cổ rắn định mang đi giết. Qua cửa đền bà thần Khai Khẩu, tự nhiên con rắn nước kêu lên:

- Đừng giết tôi, tôi là con vua Thủy phủ. Vì muốn đánh bạn với anh nên mới tự cắn câu nhiều lần như thế. Hãy cho tôi đi theo, tôi sẽ giúp anh vượt qua cảnh nghèo.

Anh nghe lời, cho răn theo mình. Từ đó anh câu được nhiều cá: thứ ăn, thứ bán, cuộc sống rất dễ chịu. Anh chàng với răn ngày một tương đắc.

Một hôm răn cho anh biết chỉ ba ngày nữa sẽ có một trận lụt lớn xưa nay chưa từng có. Anh nghe lời răn đóng một chiếc bè nửa để phòng tai nạn. Anh lại còn loan báo cho mọi người xung quanh biết. Nhưng chả một ai thèm nghe. Ba ngày sau, quả nhiên gió bão nổi lên ùng ùng, mưa to như trút, nước dâng lên như biển cả.

Người, vật, đồ đạc và mùa màng,... đều trôi băng băng mất tích.

Mãi đến ngày cơn bão tạnh, anh mới dám chong bè tìm về chốn cũ.

Thấy một cái tổ kiến đang lênh đênh trên dòng nước, con răn bảo anh chàng:

- Anh hãy cứu chúng nó 1 chút.

Anh trả lời:

- Vớt làm gì bầy kiến nhỏ mọn ấy để chúng bò khắp bè.

Nhưng răn khẩn khoản:

- Không, anh hãy nghe lời tôi đi. Rồi chúng nó sẽ trả ơn anh.

Nghe lời răn, anh chàng vớt cái tổ kiến lên bè của mình.

Đi được một đoạn, lại gặp một con chuột đang lội bì bõm sắp chết đuối. Rắn lại giục anh vớt lên. - "Ồ, - Hẳn đáp - Con chuột thì cho nó chết chứ cứu nó mà làm gì" - "Không, anh hãy nghe tôi đi. Rồi nó sẽ trả ơn anh". Nghe lời rắn, anh chàng vớt con chuột lên bè của mình.

Đến một chỗ khác, họ lại gặp một con trăn đang nằm cuộn tròn trên một ngọn cây giữa dòng nước đợi chết. Rắn cũng giục anh giúp trăn thoát nạn. - "Ồ - hẳn đáp - Con trăn kinh lắm, cứu nó mà làm gì?" - "Không, anh hãy nghe tôi đi. Rồi nó sẽ trả ơn anh". Nghe lời rắn, anh chàng lại giúp cho con trăn lên bè.

Sau cùng họ gặp một người đàn ông đang bám vào một cây gỗ nổi bập bênh giữa dòng nước. Anh không đợi rắn bảo, định vớt lên bè, nhưng con rắn cản lại:

- Anh đừng vớt nó lên làm gì, nó sẽ làm hại anh đấy.

Anh đáp:

- Người ta thường nói cứu một người dương gian bằng một ngàn âm ty. Sao lại chỉ cứu vật mà không cứu người kia chứ.

Nói đoạn, mặc kệ lời rắn can ngăn, anh nhất định thực hiện ý nghĩ của mình, vớt người sắp chết đuối đó lên bè, cho sưởi lửa ấm và cho ăn uống tử tế.

Sau mấy ngày nước rút đi hết, anh thả tất cả những con vật lên bờ. Còn người nọ vì gia đình phiêu bạt, nhà cửa trôi mất cả nên anh cho ở lại với mình cùng câu cá nuôi nhau và coi như em ruột.

*

* *

Đến lúc con rắn nước trở về Thủy phủ thì nó mời anh cùng đi theo xuống giang sơn của cha mình. Dọc đường, rắn bảo bạn: - "Nếu cha tôi có cho gì thì anh nhớ đừng nhận, mà chỉ xin lấy cây đàn thất huyền. Đàn ấy nếu có giặc, gãy một bài là có thể làm cho giặc phải tan". Vua Thủy thấy có bạn của con tới chơi lấy làm mừng rỡ, đãi anh chàng rất hậu. Khi vua Thủy sai quân hầu mang vàng bạc châu báu đến biếu, anh nhớ lời rắn cố khước từ, chỉ xin có mỗi một chiếc đàn thất huyền. Vua Thủy nể chàng, thuận cho ngay. Anh trở về cõi đất, quý chiếc đàn vô hạn.

Một hôm anh có việc phải đi xa. Trước khi đi, anh giấu chiếc đàn thần dưới cốt thóc, dặn người bạn chớ có bén mảng đến chỗ cốt thóc đó. Nhưng người kia nghe dặn, đồ rằng dưới ấy tất có vật quý bèn cố công kiếm tìm, quả bắt được cây đàn. Hắn đã biết sự màu nhiệm của cây đàn ấy bèn lấy trộm rồi trốn đến kinh đô để lập công danh.

Hồi ấy quân đội nhà vua phải đối địch với một nước láng giềng luôn luôn kéo quân sang quấy nhiễu bờ cõi. Hắn vào xin vua đi tiêu trừ giặc dữ. Nhờ có chiếc đàn thần, hắn đã làm cho quân đội của đối phương thua liểng xiểng. Lúc thắng trận trở về, hắn được nhà vua hết lời khen ngợi, phong làm đại tướng, ban lộc rất hậu. Được giàu sang, hắn không còn nghĩ gì đến ân nhân của mình nữa. Nhà vua toan gả con gái cho đại tướng nhưng vừa hứa hôn thì bỗng dưng công chúa bị câm. Vì thế hôn lễ đành phải hoãn lại chờ lúc công chúa lành bệnh mới cử hành.

Lại nói chuyện anh chàng câu cá, khi trở về thấy mất bạn lại mất cả cây đàn

thất huyền thì vội bỏ nhà đi tìm. Vào đến kinh đô, một hôm anh gặp người kia bây giờ đang ngồi trên kiệu sơn son thiếp vàng, có quân gia theo hầu đông nghịt. Anh đón kiệu lại, cất tiếng hỏi thăm bạn cũ. Nhưng người kia vừa gặp ân nhân của mình đã vội thét lính bắt trói lại. Thế rồi, để khỏi lộ chuyện, hăn vu cho anh làm giặc, sai nhốt một chỗ kín đáo, không cho ăn, để chờ ngày đưa ra pháp trường.

Trong ngục tối, giữa khi anh chàng đang than thân trách phận thì bầy kiến ngày xưa đã tìm được cách lọt vào hỏi thăm: - "Tại sao ông bị giam ở đây?". Anh chàng ngỡ ngác không hiểu tiếng ai hỏi mình, bèn hỏi lại: - "Ai đó? Tại sao tôi chỉ nghe tiếng mà không thấy người?" - "Chúng tôi là bầy kiến mà ông cứu khỏi nạn lụt ngày xưa, hiện đang ở dưới chân ông đây." Anh chàng cúi xuống tìm kiến rồi kể chuyện cho kiến nghe nông nổi của mình. Kiến nói: - "Chúng tôi không thể làm được gì nhưng để chúng tôi đi kiếm con chuột ngày ấy, may chuột có kế gì chăng".

Lũ kiến bèn chia nhau mỗi con một phương đi kiếm chuột và báo tin không may của ân nhân cho chuột biết. Chuột bảo: - "Bây giờ chắc ông ấy đói lắm, để tôi mang vào ngục một ít thức ăn đã. Rồi tôi sẽ đi kiếm con trăn xem thử nó có mưu mẹo gì chăng". Chuột liền đưa khoai và bánh lấy trộm được của một nhà hàng vào ngục cho anh chàng ăn. Anh tỏ lời cảm ơn. Rồi cả gia đình nhà chuột lại kéo nhau đi tìm trăn. Lúc sắp đến nhà trăn, cả bầy chuột sợ trăn ăn thịt bèn trèo lên cây cao gọi xuống: - "Bác trăn ơi! Bác trăn ơi!" Khi trăn ra, một con chuột già đánh bạo đánh bạo xuống kể chuyện cho trăn biết. Trăn nhả ra một viên ngọc bảo chuột đưa về cho ân nhân mà rằng: - "Viên ngọc này mài ra thành bột có thể chữa lành câm. Ân nhân của chúng ta có thể đem chữa bệnh cho công chúa và nhờ đó mà thoát nạn".

Khi được ngọc, anh chàng gọi người cai ngục đến nói mình có phép cứu công chúa khỏi câm. Người ta dẫn anh đến trước vua. Quả nhiên sau khi công chúa uống nước ngọc mài bột nói được, và câu đầu tiên của nàng là

đòi lấy người cứu mình làm chồng. Vua rất khen ngợi, hỏi anh ta làm sao có thứ thuốc thần diệu đến thế.

Anh chàng kể lại đầu đuôi câu chuyện, từ lúc câu được rắn, cứu được các con vật và người, cho đến lúc bị người phản bội, còn các con vật lại tìm cách trả ơn, trong đó có con rắn cho mình viên ngọc quý. Vua nghe xong tắc lưỡi: - "Thật là bụng dạ con người sâu hiểm hơn cả những con vật nguy hiểm". Lập tức vua sai lính bắt giam tên đại tướng bất nghĩa kia để chờ ngày phán xử. Còn anh chàng đi câu được vua cho làm quan và gả công chúa. Anh ta sống một cuộc đời sung sướng hơn trước [1].

Ngày nay, câu *Cứu vật vật trả ơn, cứu nhân nhân trả oán* dùng để mỉa mai những người lấy oán trả ân, thua kém cả loài vật.

KHẢO DỊ

Ở Hà-tĩnh có truyện *Bạc hơn cầm thú*, nội dung tương tự:

Một người nghèo làm nghề bắt ếch. Một hôm bắt được một con ếch lớn. Sắp làm thịt, bỗng nghe ếch nói: - "Xin ông làm phúc tha cho. Tôi sẽ biếu ông một vật quý". Dứt lời, ếch nhả ra một viên ngọc và nói hễ ai nhắm mắt, tắt hơi, mài ngọc này cho uống thì sẽ sống lại.

Từ đó anh câu ếch dùng ngọc cứu sống được rất nhiều người và vật. Trong

số những người được anh cứu có một người nhà giàu chết đuối. Được sống lại, hăn tình nguyện làm con nuôi của anh.

Tiếng tăm anh câu ếch truyền đi xa rộng. Ngày nọ, nghe tin vua sắp băng hà, anh toan đem ngọc cứu vua, nhưng thằng con nuôi đã ăn cắp ngọc vào kinh. Hăn chữa cho vua sống lại và biếu luôn vua viên ngọc nên được vua cho làm quan. Đến đây câu chuyện giống truyện *Cứu vật vật trả ơn, cứu nhân nhân trả oán*. Sợ việc làm của mình bị bại lộ nên tên con nuôi bắt anh câu ếch giam lại, không cho ăn uống gì cả. Các loài vật được anh cứu sống thấy thế bèn họp nhau lại tìm cách cứu ân nhân. Chim cu báo tin cho biết là ngọc đã vào tay vua. Vua ban ngày thì kẹp vào nách, ban đêm thì nhét trong lỗ mũi. Chuột bèn tình nguyện bò vào chỗ vua ngủ, dùng đuôi ngoáy vào lỗ mũi làm vua hắt hơi, viên ngọc văng xuống nền nhà. Rắn đã chực sẵn đón lấy đưa về cho anh câu ếch.

Thế rồi rắn lại trở vào cung cắn chết vua. Giữa lúc trong cung đang nhốn nháo vì vua tắt hơi thì chim cu đến nóc điện gáy lên mấy tiếng: - "Cục cù cu, thằng tù có thuốc,..." Thế là triều đình mở ngục cho anh câu ếch vào chữa. Vua quả sống lại, còn đứa con nuôi phản bội thì vua giao cho anh câu ếch phân xử. Anh ta tha tội cho hăn, nhưng về đến nửa đường hăn bị sét đánh chết [2].

Ở Nghệ-an có người kể đoạn sau của truyện này là:

Sau khi thấy ân nhân của mình bị bắt, chó và chuột tha thức ăn vào cho ăn. Vừa khi có giặc, vua sai rao ai đánh đuổi được thì phong quận công. Chuột bảo ân nhân hãy nhận lời rồi gọi con rắn và bầy ong (mà ân nhân cứu sống trước đây) đi theo giúp đỡ. Người câu ếch lên đường sau khi xin vua cho mình 10 vò mật, 10 bình nước và 10 lồng cóc (nhưng người kể lại không nói rõ công dụng của những vật có số lượng giống nhau này). Khi xông

trận, rắn kêu bạn bè tới, mỗi con quấn vào chân một tên giặc, ong cũng xua bộ hạ xông ra đốt vào mắt giặc. Trong khi đó anh câu ếch tiến công và kết quả thắng lớn [3].

Hai truyện trên phần đầu giống với phần đầu truyện *Trạng Ếch* (xem **Khảo di** truyện số **63**) còn phần cuối lại giống truyện *Thạch Sanh* (số **68**).

Một truyện khác nhan đề là *Rắn, chuột trả ơn*, cũng bắt nguồn từ hai truyện trên mà ra, nhưng không có nhân vật phản diện:

Ở phường Yên-phụ (Hà-nội) có một ông già nghèo sống ở một cái lều ngoài đê. Nước lụt lớn, ông gác sà để ở. Thấy có một con rắn và một con chuột ngoi ở bụi cây, ông vứt cơm cho ăn, nhờ thế chúng khỏi chết. Hết lụt, rắn bảo chuột đục kho nhà vua lấy 50 hũ vàng đem bảo trước sân nhà ân nhân. Ông già cất hũ chưa kịp giấu kín, thì bị quan coi kho dò tìm bắt được và đem bỏ ngục. Đêm đến, rắn bèn bò vào cung cắn vào bụng vua rồi cho ông già một thứ thuốc chữa. Vua quả lành, hỏi ra đầu đuôi và ban thưởng cho ông già rất hậu [4].

Truyện *Cứu vật vật trả ơn, cứu nhân nhân trả oán* của ta có phần giống với truyện cũng nhan đề đó của Trung Quốc:

Có ông cụ già một hôm tiếp đón rất cung kính một nhà sư đến quỳên giáo. Sư bảo cho biết là lúc nào con sư tử đá trước đền gần đây khóc chảy máu mắt thì sẽ có một trận lụt kinh khủng, vậy phải gấp rút chuẩn bị lánh nạn. Sư còn viết mấy câu vào giấy đại ý bảo gặp vật thì cứu nhưng gặp người thì đừng vì nó sẽ gây ra tai vạ cho cụ.

Ông cụ lo sắm thuyền bè, lại báo cho mọi người biết nhưng họ chỉ cười nhạo. Một người hàng thịt muốn chọc chơi, một hôm lấy huyết lợn bôi vào

mất sự tử. Thấy vậy ông cụ hồi hải chuyển đồ đạc xuống thuyền. Không ngờ trời quả làm mưa lụt rất lớn đến nỗi người, vật, của cải,... trong vùng đều trôi theo dòng nước.

Trong mấy ngày lánh nạn, ông cụ vớt được một con khỉ. Tiếp đến vớt một ố quạ. Nhưng ông cụ không nghe lời nhà sư dặn, cứu một người sắp chết đuối và nuôi làm con nuôi.

Một đêm, một vị thần báo mộng cho ông cụ biết chỗ chiếc nhẫn của hoàng hậu đánh rơi và dặn ông cụ cho con vào kinh tìm mà lĩnh thưởng. Hùng Liêu - đứa con nuôi ông cụ - xin đi thay. Hẳn đến và làm xong việc, được vua cho làm quan tại triều.

Thấy Hùng Liêu không về, ông sai con trai đi tìm. Không ngờ khi gặp, Hùng Liêu sai bắt giam con ông cụ lại, không cho ăn. Khi nghe tin, trèo vào ngục đưa hoa quả cho anh rồi tiếp đó quạ lại đưa thư của anh về cho cha hay.

Ông già vào kinh giải bày nỗi khổ với Bồ công là thượng thư bộ Hình. Sau cuộc điều tra, Bồ công mời Hùng Liêu tới dự 1 bữa tiệc chỉ có nước lã thay cho rượu. Thấy Hùng Liêu trách, Bồ công nói: - "Uống một vài chén nước chả hơn là uống cả một bụng nước ở sông Hoàng-hà ngày xưa ư?". Hùng Liêu toan gây sự nhưng cha nuôi hẳn đã bước ra vạch mặt hẳn. Hẳn cúi đầu nhận tội và sau đó quan tước của cải của hẳn lại chuyển sang tay cha con ông cụ [5].

Người Lào có truyện *Con rùa vàng* cũng tương tự với truyện của ta nhưng thay vào rắn nước là một con rùa:

Một đôi vợ chồng già không con. Một hôm vợ câu được một con rùa vàng.

Quảng đi mấy lần rùa vẫn mắc câu. Rồi đó, hai vợ chồng giữ rùa làm bạn. Một hôm rùa báo tin mưa lụt: hai vợ chồng theo lời rùa cứu một con hổ, tiếp đến một con rắn, nhưng họ lại quyết chí cứu một người sắp chết đuối trái với lời rùa.

Nước rút, hổ và rắn trở về chỗ cũ. Săn gặp khi có nàng công chúa đi thăm bà hoàng nước bạn, qua một khu rừng nghỉ lại, hổ bèn cắp lấy hộp nữ trang của công chúa đưa cho hai vợ chồng để trả ơn. Họ bày đồ nữ trang giữa nhà khoe với mọi người. Anh chàng được cứu thấy thế đi báo vua lấy công. Rắn nghe tin vợ chồng ông già bị hạ ngục bèn mò vào cung châm nọc vào mắt làm cho công chúa bị mù. Thấy con đau đớn, vua hứa sẽ chia nửa nước cho ai chữa được. Tất cả thần dân đều phải đến chữa. Đến lượt hai vợ chồng già, rắn trao cho một thứ rễ cây thuốc. Nhờ đó họ làm cho mắt công chúa sáng lại và được vua cho trị vì nửa nước [6].

Truyện của người Xi-xin (Sicile) hơi khác một ít: Một hoàng tử đi săn rơi xuống một hố sâu trong đó có một con sư tử và một con rắn. Một người đốt than đi qua. Hoàng tử kêu cứu, hứa sẽ chia cho một phần ba tài sản. Người kia tìm cách đưa cả lên bờ. Sư tử biếu anh chàng một miếng thịt nai ngon để trả ơn. Con rắn biếu một viên đá quý. Nhưng khi người đốt than đến hoàng cung nhắc lại lời hứa với hoàng tử thì bị đuổi. Nhờ vua cha bắt gặp biết chuyện nên vua bắt hoàng tử phải giữ lời hứa.

Ở truyện của người Ý (Italia) thì người rơi vào hố không phải là hoàng tử mà là một ông chúa. Ở đây cũng có một con sư tử, một con rắn và cũng gặp một người đốt than. Chúa hứa thưởng cho ân nhân 500 đồng (ta-lăng). Nhưng khi anh đốt than tới Vơ-ni-dơ để lĩnh thưởng thì bị ông chúa vu cho là điên, sai bắt bỏ ngục. Anh trốn thoát, và cũng gần như truyện Trung-quốc, đến tòa trình bày với quan tòa rồi lấy hòn đá quý của rắn cho làm chứng, lại dẫn quan đến chỗ ở của sư tử và rắn để thấy được lòng biết ơn

của hai con vật. Quan tòa buộc ông chúa phải trả tiền cho anh như đã hứa và còn phải bồi thường thiệt hại cho anh.

Người châu Phi [7] cũng có truyện tương tự: Một người kéo ra khỏi hố một con chuột, một con rắn và một người đàn bà. Để trả ơn, chuột đào hang vào cung vua lấy đồ quý ra biếu ân nhân. Người đàn bà trái lại, tố cáo ân nhân ăn trộm đồ quý nên vua bắt người kia hạ ngục. Rắn nghe tin, làm cho người con vua phải đau rồi bày cho ân nhân phương pháp cứu chữa. Nhờ đó anh được tha bổng.

Các dân tộc Ấn-độ (Pendjab), Bơ-tông (Breton), An-ba-ni (Albanie), Hy-lạp (Grèce), Nga, người Mác-din (Mesopotamie), các dân tộc nói tiếng Ả-rập, người Ca-ri-en (Cariels) (Miến-điện) đều có truyện gần giống với truyện *Bạc hươu cầm thú* của ta. Đại thể nhân vật chính của truyện làm chủ một chiếc nhẫn thần (hay một viên ngọc). Nhẫn này sau nhiều phen thăng trầm bị một nhân vật phản diện cướp đi. Nhưng nhờ có ba con vật mà nhân vật chính từng cứu giúp, nên lấy lại được. Tất cả các truyện đều có hình ảnh con chuột, trong đêm tối thò đuôi ngoáy vào mũi kẻ thù của ân nhân làm hắt hắt hơi, chiếc nhẫn hắt giấu trong mồm văng ra nhờ đó lấy lại được [8].

Người Triều-tiên có truyện *Ông lão lái đò* cũng cùng một mô-típ nhưng cách cấu trúc hơi khác:

Một ông lão lái đò đó lần lượt vớt một con rắn, rồi một con dê sắp chết đuối ở sông. Dê cũng như rắn chạy thẳng vào rừng.

Một ngày mùa đông có một con dê chạy đến trước mặt ông lão lấy chân cào cào vào đất. Ông lão bảo một người đi đường đào lên. Đào quả được vàng, ông lão chia hai, cho hắt một nửa, nhưng hắt đòi cả, cho đó là trời cho

mình. Cãi nhau chán đưa lên tòa. Tòa xử vàng về người đi đường, lại giam ông lão vì tội nhận vàng. Một con rắn đến cắn sưng chân ông lão, rồi lại tha một thứ lá cây rịt vào khỏi ngay. Rắn lại đến cắn vào chân vợ quan tòa làm mục sắp chết. Lính gác ngục mách cho quan tòa biết ông lão cũng bị rắn cắn mà chữa được lành. Quan đòi ông lão đến chữa cho vợ, sau khi vợ lành, hỏi ông: - "Vì sao biết chữa lành?" - "Vì con rắn mang lá đến". - "Tại sao rắn lại mang lá đến?". - "Vì tôi cứu nó khỏi chết đuối". Nói rồi ông lão kể lại câu chuyện cũ. Quan hỏi: - "Thế dê có trả ơn ông gì không?" - "Chồng nó đến chỉ vàng cho tôi, nhưng quan lại xử cho người đi đường được vàng, còn tôi thì bị giam".

Quan sai đòi người đi đường bắt trả lại vàng [9].

Tất cả những truyện trên có lẽ bắt nguồn từ những truyện của Ấn-độ còn chép trong sách *Năm sách dạy trẻ* (Panchatantra):

Một người Bà-la-môn qua một khu rừng, thả xuống giếng một cần song để mức nước. Tự nhiên từ cái cần trèo lên một con khỉ. Nó bảo dưới giếng còn có một con hổ, một con rắn và một người thợ kim hoàn nhưng chỉ nên đưa hai con vật kia lên mà bỏ con người lại vì nó không tốt. Người Bà-la-môn không nghe, tìm cách cứu lên tất cả. Ít lâu sau, ông đi qua rừng, được hổ trả ơn bằng cách biểu một hộp nữ trang của một công chúa mà nó đã ăn thịt. Ông đưa đến người thợ kim hoàn kia nhờ đúc. Nhưng người này tố cáo với vua và người Bà-la-môn liền bị bắt. Bấy giờ rắn trèo vào buồng vua cắn cho một công chúa ngã xuống bất tỉnh nhân sự. Tất cả các thầy thuốc đều bó tay, chỉ trừ người Bà-la-môn, nhờ rắn chỉ cho cách chữa. Sau đó vua gả công chúa cho ông làm vợ và bắt tội người thợ kim hoàn.

Trong *Lục độ tập kinh* có hai truyện:

1. Ở vương quốc Ma-thiên-la có ông vua đi tu trong rừng trên 30 năm thành sư. Một hôm có người đi săn rơi vào hố sâu; một con quạ và một con rắn sợ hãi cũng rơi luôn xuống. Thấy chúng kêu cứu, sư cầm đuốc soi rồi dùng dây cho lên. Lên được rồi, cả người và vật lạy tạ hứa sẽ đền ơn. Người đi săn mời đến nhà để hăn dâng cúng. Quạ nói: - "Tôi tên là Bạt, nếu gặp việc gì khó, gọi tôi sẽ đến". Rắn cũng nói: - "Tôi tên là Trường, gặp nguy thì cứ gọi tôi".

Sau đó sư đến nhà người đi săn. Trông thấy ân nhân từ xa, người đi săn bảo vợ: - "Mình hãy làm một bữa cơm ngon để đãi sư, nhưng cứ làm dềnh dàng cho quá bữa, ông ta sẽ không ăn". Quả nhiên vì quá bữa nên sư cáo về. Dọc đường gặp quạ, sư gọi tên. Quạ đáp xuống hỏi sư đi đâu. Đáp: - "Đến nhà người thợ săn". - "Đã ăn gì chưa?". - "Họ có dọn nhưng quá bữa, ta không chờ được". - "Nó có thực bụng đâu. Tôi không có gì, nhưng ông cứ chờ đây". Nói rồi, quạ bay đến vương quốc Ban-thủ, vào hậu cung thấy vợ vua đang ngủ say, bèn cắp lấy hòn ngọc để trên đầu, tha về cho sư.

Vợ vua tỉnh dậy thấy mất ngọc, báo cho chồng biết. Vua bố cáo cho thiên hạ ai tìm được sẽ thưởng 1.000 vàng, 1.000 bạc, 1.000 bò, 1.000 trâu, nhưng nếu ai giấu sẽ giết cả bà con. Sư cho người đi săn hòn ngọc ấy. Hăn bèn trối sư lại báo cho vua biết. Vua hỏi sư vì sao có ngọc? Sư nghĩ rằng nếu nói thật thì quạ sẽ tiết nòi, nếu nói mình lấy thì không xứng đáng là con Phật. Bèn nín lặng, chịu hàng ngàn đòn roi tra tấn. Sau cùng vua sai chôn sư chỉ chừa có cái đầu, ít hôm nữa sẽ chém. Sư cầu cứu rắn, rắn đến bảo: - "Tôi sẽ cắn hoàng tử - đứa con độc nhất của vua, rồi tôi mang thuốc đến đây, ân nhân xin chữa, chữa lành sẽ được tha". Hoàng tử bị rắn cắn chết. Vua cho rao ai chữa sống lại được sẽ được ban nửa nước. Lúc người ta mang xác hoàng tử đi qua chỗ nhà sư đang chịu cực hình, sư xin cho mình chữa. Chữa lành, vua y ước chia cho nửa nước. Thấy sư từ chối, vua nghĩ: - "Một nửa nước mà chối thì sao có thể là kẻ ăn trộm ngọc được". Vua bèn

tới hỏi: - "Ông là ai mà lại đi tu?". Sư kể lại sự thật. Vua khóc. Cho gọi người đi săn bảo đem bà con đến để lĩnh thưởng. Khi họ đến, vua phán: - "Lòng độc ác và vô ơn là tội nặng nhất". Sai chém tất cả.

2. Bồ-tát là người giàu có lớn, một hôm đi chợ thấy có một người bày bán một con rùa, bèn lại hỏi giá. Biết Bồ-tát giàu có, người ấy đòi một triệu đồng nếu không thì đem rùa về làm thịt. Bồ-tát bằng lòng mua, băng bó cho rùa, rồi thả xuống sông. Ít lâu sau, rùa báo tin cho Bồ-tát phải sửa soạn tàu bè, sẽ có trận lụt lớn. Bồ-tát tin cho vua hay để đưa đồ đạc, kho tàng lên cao. Đến ngày lụt, rùa đến với Bồ-tát. Thuyền chèo đi, cứu được một con rắn, rồi một con chồn. Sắp cứu một người thì rùa cản lại. Hỏi: - "Sao lại cứu vật mà không cứu người?". - "Rồi sẽ hỏi cho mà xem". Nước cạn, rùa về. Rắn, chồn cũng mỗi con một ngả. Chồn tìm được 100 cân vàng trong lỗ chôn, đưa tặng Bồ-tát. Người được cứu đòi phải chia cho hắn một nửa. Bồ-tát nói là để cho người nghèo, chỉ chia cho hắn 10 cân. Hắn tố cáo lên quan. Bồ-tát bị bắt. Ở đây rắn cũng cho một vị thuốc chữa rắn cắn, rồi đi cắn chết hoàng tử và cuối cùng Bồ-tát cũng được vua tha vì chữa lành. Truyện kết thúc bằng sự trừng phạt tên vô ơn, còn Bồ-tát thì trở thành cố vấn của nhà vua.

Một truyện thứ ba cũng từ kinh Phật mà ra:

Bốn con vật: một sư tử, một rắn, một chuột, một chim cú rơi vào một hố sâu cùng với một người đốn củi. Tất cả đều được một người đi săn cứu lên. Để trả ơn, sư tử tặng một con nai, chim cú tặng một chuỗi hạt lấy của vợ vua Điều Đạt. Do người được cứu tố giác nên anh thợ săn bị bỏ ngục. Con rắn bèn cắn vua, người thợ săn được chuột đến bày cho cách chữa, anh vào cung xin chữa và cuối cùng được tha [10].

Nhiều sách Phật khác, ví dụ kinh *Ra-sa-va-ni-ni* (Rachavanini) (tiếng Pa-li)

(Pali) và kinh *Các-ma-xa-ta-ca* (Karmacataka) (tiếng Tây-tạng) cũng chép truyện này, bảo là từ miệng Phật nói ra để nhắc đến một hành động vô ơn bạc nghĩa [11].

Người ở Ta-phi-lét (Tafilelt) (Nam Maroc) có truyện *Cây sáo và cái trống biết nói* kết hợp truyện *Cứu vật vật trả ân*,...với truyện *Nhà vua tai lừa*. Đại thể là:

Xưa có một ông vua đầu mọc hai cái sừng mà dân không ai biết cả. Tóc mọc quá dài, vua muốn cạo nhưng chỉ sợ người ta biết. Cuối cùng vua sai tìm một phó cạo ở xứ khác đến hứa thưởng hậu để cắt tóc nhưng buộc phải thề tuyệt đối giữ bí mật. Phó cạo đồng ý, lúc đầu hăn giữ được bí mật, nhưng sau thấy khó chịu quá vì cái bí mật "lên đến tận môi" buộc phải nói ra. Bèn chạy ra ngoài thành, đến một cái giếng cúi xuống miệng giếng nói ba lần - "Nhà vua có sừng". Đoạn hăn mới yên tâm trở về.

Ngày ấy vua có hai đứa con: đứa đầu da đen, đứa thứ hai da trắng. Vua bảo chúng đi săn, hễ đứa nào bắt về được một con hoẵng và một con hươu thì sẽ truyền ngôi. Đứa da trắng không được gì bèn đón đường giết anh nó lột da treo lên cây rồi dắt các con vật do anh nó săn được về cung. Vua hỏi: - "Có thấy anh con không?". Hăn đáp bình tĩnh: - "Không".

Bấy giờ có một người hát dạo tìm đến thành phố ấy. Khi đi qua cái giếng nói trên, thấy một cây sậy đẹp, liền cắt làm ống sáo. Lại đi nữa, thấy có da treo trên cây bèn trèo lên lấy xuống bịt một cái trống. Lại đi nữa, đến một cái giếng khác, thấy một con sư tử, một con rắn và một người; cả ba đều tỏ ý cầu cứu, hứa sẽ hậu tạ. Anh dùng dây cho lên. Sư tử biểu một sợi lông, rắn biểu một miếng da lột, bảo: - "Khi cần đến chúng tôi thì đốt lên". Còn người thì khi lên khỏi giếng, lập tức đâm cho ân nhân mấy cái vào mắt, mũi và mồm rồi bỏ đi mất. Người hát dạo chùi máu, đi đến kinh thành ngồi thối

sáo. Bỗng sáo kêu lên: - "Vua có sừng" ba lần. Anh lại đánh vào trống, trống kêu vang: - "Em tôi cắt cổ tôi vì con hoẵng và con hươu con". Cảnh sát liền bắt anh đến cung vua, vua sai tống ngục. Anh đốt da con rắn để cầu cứu. Cũng gần như truyện trên, rắn đến bảo anh: - "Vua có một công chúa rất yêu dấu, mai tôi sẽ vào quán cổ nó. Nếu vua cho người đi tìm người đồ rắn, thì anh cứ nhận lời rồi vào bắt lấy tôi bỏ ở đồng, đừng sợ". Mọi việc xảy ra như lời rắn. Vua tha bổng cho anh nhưng bắt anh phải kể lại vì sao tìm được những nhạc cụ biết nói như vậy. Anh kể lại sự thật. Kể xong vua thưởng tiền, cho đi.

Sau đó vua cho đòi phó cạo ra tra hỏi. Thấy hăn chối, vua sai đưa sáo cho thổi. Hăn thú thực và xin tha vì cho rằng: - "Nói ở trong giếng không ai biết". Vua nói: - "Trời biết". Bèn giết hăn.

Vua lại cho đòi người con thứ đến hỏi: - "Anh mày đâu? Có phải mày đã giết anh mày không?". - "Không". - "Đánh vào trống đi". Nghe tiếng trống, hăn thú thực và nói: - "Con nghĩ rằng việc làm một mình như vậy thì không ai biết". - "Trời biết". Vua đáp. Cuối cùng vua cũng cho xử tù đứa con [12].

Một loạt truyện sau đây dường như là dị bản thoát thai từ truyện trên với hình tượng con rắn và viên ngọc (hay vị thuốc) tặng ân nhân.

Truyện của Thụy-sĩ (Suisse):

Một con rắn một hôm kéo chuông đặt trước cổng vua để kiện một con cóc vì cóc chiếm chỗ ở của nó. Ông vua xứ ấy vốn bị mù. Vua xử cho con rắn được kiện và ra lệnh giết cóc. Ít lâu sau con rắn biết ơn bò vào cung vua, mang trong mồm một hòn đá (la-pi-dem). Hòn đá ấy thả rơi trúng vào mắt vua làm cho mắt sáng lại [13].

Truyện người Bắc Ấn-độ:

Công chúa Phu-ăng bị dì ghẻ đem bỏ vào rừng sắp chết đói. Một hôm thấy một con rắn tìm đến cầu cứu và nói: - "Cứu ta, ta sẽ cho ăn". Công chúa lấy áo mình che chở cho rắn. Sau đó, có con chim ga-ru-đa (loại chim thù địch với loài rắn) tìm đến bảo công chúa: - "Thả đĩa ăn trộm đây cho ta". Công chúa đáp: - "Không có ở đây". Khi chim bay đi chỗ khác, rắn tặng công chúa một hòn ngọc và bảo: - "Khi cần một cái gì thì san bằng một đám đất, đoạn, đặt ngọc lên mà cầu sẽ được như ý".

Truyện của người Xắc-xông (Saxon) ở Tư-răng-xin-va-ni (Transylvanie):

Một người trẻ tuổi chuộc một con rắn từ tay bọn trẻ con đang hành hạ. Khi rắn lớn, nó nói: - "Tôi là con gái vua rắn; hãy trèo lên lưng, tôi mang đến gặp cha tôi, cha tôi sẽ thưởng hậu". Đến nơi, nhờ có rắn mớm, vua rắn tặng anh một viên ngọc sáng và một con ngựa trắng của mặt trời có tám chân. Con ngựa vừa chở anh đi vừa trở thành cổ vắn của anh. Còn viên ngọc chiếu sáng cho anh trong một cuộc du lịch đến một nước nọ. Ở đây, anh phục vụ cho một ông vua. Nhờ con ngựa, anh chiếm được một công chúa xinh đẹp tóc vàng. Sau đấy diễn ra một cuộc chiến đấu giữa con ngựa của anh với con ngựa khác rất lợi hại của công chúa. Ngựa của anh được bọc một cái áo làm bằng bảy tấm da trâu. Ngựa của công chúa lần lượt làm thủng sáu tấm, nhưng đến tấm thứ bảy thì kiệt sức, bị ngựa mặt trời cắn ngã.

Truyện của người Xâ-y-lan (Sri Lanka):

Một hoàng tử mua một con rắn để giải phóng cho nó, không ngờ rắn ấy là con Long vương (Na-ga). Rắn cũng đưa hoàng tử về nước mình, và dặn

hoàng tử cố xin cha mình một cái nhẫn có đá quý. Với cái nhẫn này có thể cầu được ước thấy.

Ở truyện của người An-ba-ni (Albanie) thì con rắn bảo ân nhân phải xin cha nó những cái gì có ở dưới lưỡi. Người kia nhìn thấy tặng vật không phải là cái gì quý như hắc tướng mà là một viên đá quý thì tỏ ý chán nản, nhưng khi vô tình cọ phải viên đá, bỗng thấy xuất hiện một hắc-nô nói: - "Thưa ông chủ, ông chủ muốn bất cứ việc gì, con xin tuân lệnh".

Truyện của người Nga:

Mác-tanh, con của một bà góa, đi qua một bãi cỏ đang cháy rần rật, ở giữa có một cô gái đẹp kêu cứu thảm thiết. Anh dập tắt lửa, cô gái biến thành rắn, nói: - "Cha tôi cai trị một vương quốc ở dưới đất, xin mời ân nhân theo tôi về chơi, và cố xin chiếc nhẫn mà ông ta đeo ở ngón tay út".

Truyện của người Đức:

Một kỵ sĩ cứu vua rắn ra khỏi lửa. Vua rắn bỏ vào miệng anh ta một mẫu rễ cây. Hắc nuốt vào, từ đấy hiểu tiếng loài vật.

Ở truyện của người Hy-lạp (Grèce) thì rắn đã chuyển thành cá:

Một người trẻ tuổi hàng ngày đi ăn xin ở bờ biển, thường ném bánh cho một con cá ăn. Một hôm, cá trả ơn: - "Hãy giơ ngón tay lên trước miệng tôi". Anh ta được cá nhả cho một hòn đá bé nhưng rất sáng. Hòn đá này ai ngậm vào miệng thì hiểu được tiếng loài vật [14].

(Về những truyện rắn đền ơn bằng cách truyền cho phép màu biết tiếng loài

vật, xem **Khảo dị** truyện *Sự tích con dã tràng*, số 15, tập I).

Sách *Sưu thần ký* Trung Quốc (thế kỷ thứ V) cũng có kể truyện một ông quan, một hôm thấy ở bờ ruộng một con rắn bị thương. Ông dừng lại một lát để thăm rồi nhỏ vào miệng rắn một giọt thuốc mà ông ta mang theo. Lành rồi, rắn mang đến tặng viên quan một hòn đá quý.

Trong sách *Dị uyển* của Lưu Kính Thúc đời Tống cũng có nói đến truyện một con chuột biết ơn. Đời Cảnh Bình có lụt dâng lên xứ Đồng Dương, nhân dân dắt díu nhau chạy. Trong đó có một người là Thái Hỉ Phu dọn nhà lên một đồng cao sau chùa. Ông thấy một con chuột to cũng tránh lụt trốn dưới giường. Thương hại cùng cảnh ngộ, ông không giết nó mà còn cho nó ăn thức ăn thừa. Sau đó trở về làng, con chuột mang đến cho ông một cái gói bọc giấy đỏ trong có nhiều hạt ngọc quý.

Tóm lại, loại truyện có hình tượng con rắn đền ơn kẻ cứu nó bằng cách tặng một viên ngọc quý (hay vị thuốc thần,...) hầu như phổ biến ở các dân tộc trên thế giới.

Cũng hình tượng cứu vật được ơn, còn có một loạt truyện của các dân tộc, nội dung nói về việc liệu mình cứu những con vật gặp nạn hiểm nghèo mà không cần biết ơn, hoặc được trả ơn một cách vô tình. Các truyện này, theo nhà nghiên cứu truyện cổ tích Ben-phây (Th.Benfey) thì chịu ảnh hưởng của một Phật thoại (Phật - tiền kiếp - cắt thịt mình cho một con chim cắt để chuộc đời sống một con bồ câu sắp bị cắt mổ).

Ví dụ truyện của Tiệp-khắc [cũ] (Tchécoslovaquie) ở Bô-hêm (Bohême) có kể một nhân vật cứu một tổ kiến sắp bị tiêu diệt vì nạn cháy. Lại giết con quạ của mình để nuôi hai con quạ bị đói. Rồi lại bỏ tiền chi tiêu đi đường để chuộc một con cá từ tay người đánh cá và thả nó về biển,... [15]

Đoạn nói về anh chàng xuống chơi thủy phủ, xem thêm truyện *Thạch sanh* (số **68**), truyện *Con chó, con mèo và anh chàng nghèo khổ* (số **92**), và truyện *Giáp Hải* (số **149**, tập **IV**).

Xem thêm một loạt truyện khác nói về việc cứu vật nhưng được trả oán trong **Khảo di** truyện *Người học trò và con hổ* (số **160**, tập **IV**).

[1]_Theo Lãng-dờ (Landes). Sách đã dẫn.

[2]_Theo lời kể của người Hà -tĩnh.

[3]_Theo *Bản khai của thôn Hướng-dương*. Trong phần cuối 1 truyện của đồng bào Tày, *Chàng Ếch*, có nói đến một chàng Ếch (không phải người câu ếch) cũng cứu nước khỏi nạn ngoại xâm. Thấy chỉ là một con ếch, vua thoát đầu tỏ ra khinh thị, nhưng vì tình thế nguy ngập nên phong chàng làm tướng. Chàng Ếch chỉ xin một số vò mật và thịt trâu, bò, lợn. Chờ cho giặc tới cửa thành, chàng hóa làm người, phát cờ ra lệnh, tự nhiên có một đoàn quân hổ xông ra cắn xé quân giặc. Sau đó quân hổ hơi núng, lại một đoàn quân ong theo hiệu cờ xông ra cắn vào mặt mũi quân giặc còn lại. Cả hai đoàn góp sức làm nên chiến thắng. Thu quân, chàng Ếch đưa mật và thịt ra chiêu đãi ba quân hổ ong của mình và cuối cùng được vua cho cai quản cả nước. Cả hai truyện đều có những hình ảnh tương tự nhưng mở đầu thì khác nhau. Về truyện *Chàng Ếch*, xem **Khảo dị** truyện *Lấy chồng dê* (số 128, tập III).

[4]_Theo sách *Thỉnh văn dị lục*.

[5]_Theo *Phụ nữ tân văn* (1931).

[6]_Theo *Pháp Á tạp chí* và *Truyện dân gian Lào*.

[7]_Ở Côte des esclaves.

[8]_Theo Cô-xanh (Cosquin). *Nghiên cứu văn học dân gian (tìm hiểu sự thiên di của các truyện cổ dân gian và điểm xuất phát)*.

[9]_Theo Ga-rin (Gariné). Sách đã dẫn.

[10]_Đều theo Sa-van-nơ (Chavanne). *Năm trăm truyện cổ và ngụ ngôn trích từ Kinh Đại tạng Trung-quốc*. Theo Sa-van-nơ thì kinh này được dịch

từ chữ Phạn sang chữ Hán vào khoảng năm 240-280.

[11]_Sách *Nghìn lẻ một đêm* cũng có một truyện tương tự với truyện *Cứu vật vật trả ân, cứu nhân nhân trả oán*.

[12]_Theo *Báo Châu Á*, đã dẫn, tập XIII.

[13]_Trong một truyền thuyết về vua Pháp Sác-lơ-ma-nhơ (Charlemagne) có nói đến một con rắn biết ơn vua, tặng vua một hòn đá màu nhiệm làm nhà vua có tình yêu không phai lạt với kẻ mình trao đá quý, nhưng vua thì không biết tác dụng của viên đá. Khi hoàng hậu chết, vua bỏ đá vào miệng hoàng hậu, vì thế vua không thể nào xa lìa được xác vợ, nên nhất định không cho chôn. Mãi sau khi ném hòn đá ấy xuống cái đầm, từ đó tình yêu của vua Ia-sa-pen (Aix la Chapelle) chuyển sang cái đầm này. Do đó nhà vua cho xây dựng kinh đô Ia-sa-pen (Aix la Chapelle).

[14]_Đều theo Cô-xanh (Cosquin). *Những truyện cổ tích Ấn-độ và phương Tây*, đã dẫn.

[15]_Ben-phây (Th.Benfey). *Năm sách dạy trẻ*.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

49. ĐÚA CON TRỜI ĐÁNH HAY LÀ TRUYỆN TIẾC GÀ CHÔN MẸ

Xưa có một người đàn ông tính rất vũ phu. Đối với vợ con, hơi động một tý là hấn đánh đập không tiếc tay. Hấn ham chơi gà chọi, ham đến nỗi trên đời ngoài gà ra, hấn cho không còn thú gì tiêu khiển hơn thế được. Lần đó hấn mua được một con gà thật tốt. Con gà ấy có nước đá rất hay, đã từng đoạt được nhiều giải. Hấn quý gà vô cùng, chăm sóc từng ly từng tý một.

Một hôm hấn đi chơi xa, dặn vợ ở nhà trông nom con gà cho mình. Hấn dọa:

- Mạng của nó tức là của mày đó!

Ngày hôm đó gà mấy lần chạy ra ăn đồ phơi ở sân. Người vợ ngồi chặt củi gần đấy đuổi mãi không được. Một lần, sẵn con dao chặt củi, chị cầm ném đuổi gà. Không ngờ dao trúng vào cổ, con gà giãy lên đành đạch, một lát thì chết.

Thấy con gà cưng của chồng chẳng may vì mình mà chết, người vợ xanh cả mặt. Nghĩ đến những trận đòn của chồng, nàng gạt nước mắt khóc. Nàng bảo mẹ chồng:

- Con không may đánh chết gà. Chồng con về chắc sẽ không để yên cho nào. Nhưng con đã có mang được bốn tháng nay, biết làm sao bây giờ?

Bà cụ đáp:

- Con đừng lo, để mẹ nhận là mẹ ném cho. Chả nhẽ nó lại ăn thịt mẹ nó hay sao?

Người chồng trở về, vừa bước chân vào nhà đã hỏi vợ:

- Con gà đâu?

Người vợ run rẩy chưa kịp đáp thì người mẹ đã bảo:

- Tao nhớ tay trót ném chết nó. Rồi ta sẽ đền tiền cho mày mua con khác.

Hắn ta nổi giận đùng đùng, hất hàm hỏi vợ:

- Mày thôi cơm mau mau cho bà ấy ăn no đi!

Cả nhà tưởng hắn dọa dẫm bà cụ. Nhưng cơm nước xong hắn cầm thuổng đi trước, bảo vợ lấy dây trói tay mẹ lại, dắt đi sau. Ra đến cánh đồng, hắn hì hục đào một cái huyệt, quyết định chôn người đã làm chết con gà quý của mình. Nhưng ở trên thiên đình, Ngọc Hoàng đã thấy hết được tội ác của thằng con bất hiếu, liền sai Thần Sét xuống trị tội ngay. Vì thế, huyệt vừa đào xong bỗng đâu trời nổi một cơn gió lớn, giữa đồng có một tiếng nổ rất to. Thần Sét đã nhảy xuống từ khi nào, đánh hắn ngã xuống một bên huyệt và thối mả chữ vào mặt.

Thiên hạ nghe tin đồn đổ xô đến xem rất đông. Khi quan về khám, sai lấy dấm bôi vào mặt, thấy nổi lên tám chữ "*Quý gà chôn mẹ, tội ác không tha*". Ngày nay ở vùng Bắc-ninh có còn cái bia ghi câu chuyện trên [1]. Câu rủa *Con trời đánh* cũng là do truyện ấy mà có.

[1]. Theo *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
[50]. GIẾT CHÓ KHUYÊN CHỒNG

Ngày xưa có hai anh em nhà kia, anh có lắm tiền nhiều bạc, còn em thì cam phận túng bần. Nhưng người anh vẫn không mấy khi đoái hoài tới em mình, trái lại chỉ thân thiết với bọn vô lại, nay rượu chè, mai cờ bạc làm vui. Hăn riết róng với em bao nhiêu thì lại hào phóng với bọn chúng bấy nhiêu. Mặc dầu thế, người em vẫn không oán anh nửa lời. Chỉ có vợ người anh vẫn thường khuyên chồng nên tránh bạn xấu, vì họ chẳng qua "*Khi vui thì vỗ tay vào; Đến khi hoạn nạn thì nào thấy ai*". Chồng ra sức cãi:

- Các bạn tôi đều là những người tốt bụng tử tế cả. Đừng nhảm!

Vợ thấy can không được, bèn tìm dịp cho chồng một bài học.

Một hôm chồng đi vắng, vợ ở nhà đánh chết một con chó to đem chiếu cuốn lại, cột dây thật chặt rồi để ở xó vườn. Tối đến, khi chồng về, vợ giả làm bộ sợ hãi, nói:

- Ban trưa, lúc mình đi vắng, có một thằng bé đến xin ăn. Tôi chưa kịp cho nó đã chửi rửa ầm ĩ. Tức mình, tôi phang cho một đòn gánh, không ngờ nhằm chỗ phạm, nó lăn ra chết. Tôi đành lấy chiếu bó xác để ở góc vườn. Bây giờ phải nhờ một người nào thân tín đến chôn giúp cho và giữ kín miệng, đừng để cho đầy tớ và xóm làng biết.

Chồng nghe nói đến xác chết, sợ hết hồn. Song hăn cũng yên tâm vì nghĩ đến mấy ông bạn thiết. Hăn vội chạy đi tìm họ và kể hết tình thực và nhờ

họ chôn cất. Nhưng khi nghe thủng câu chuyện của hắn, ông bạn nào cũng tái mặt đi. Sợ liên lụy tới mình nên ông nào cũng tìm cơ thoái thác. Cuối cùng năn nỉ khắp lượt mà không được gì cả, hắn tiu nghỉu trở về nói cho vợ biết. Vợ bảo:

- Thế thì sang nhờ chú nó xem sao.

Hắn chạy đi gọi em, em đến ngay. Khi biết rõ chuyện, người em giục làm gấp. Đoạn em xắn áo giúp anh một tay, không nề hà gì cả.

Xong việc, chị vợ bảo chồng:

- Đó, đã thấy chưa! Nào mình còn mong chờ bạn hữu nữa thôi. Nếu không có chú nó thì làm sao lo liệu được cho ổn thỏa.

Chồng nghe vợ nói có ý hối hận. Từ đó đối với bạn hữu có vẻ lạnh nhạt. Không ngờ mấy người bạn thấy thế đến nhà giở mặt dọa nạt, đòi phải cho chúng tiền chúng mới chịu im việc này đi cho. Nghe thế, chồng hoảng sợ, toan đưa tiền bạc ra khấn khứa chúng, nhưng người vợ nhất định không chịu, bảo họ muốn làm gì thì làm. Quả nhiên họ vô lại thấy không xơ múi gì cả, liền đem việc tố cáo với quan trên. Quan tin là một vụ án mạng thực, bèn xuống bắt hai vợ chồng. Trước công đường, người vợ khai rõ đầu đuôi câu chuyện giết chó để thử bạn chồng và em chồng, cuối cùng là kết quả như đã thấy. Quan sai người đến chỗ bãi hoang quật xác lên thì quả nhiên chỉ là một cái xác chó.

Quan bèn tha cho hai vợ chồng về và sai lính đánh đòn mấy tên nguyên đơn xấu bụng. Từ đó người chồng mới cách mấy người bạn xấu và giúp đỡ em ân cần tử tế^[1].

KHẢO DỊ

Có một truyện của đồng bào Thái giống với truyện trên:

Thấy chồng thân với bạn mà ghét em, một hôm nhân chồng săn được nai, vợ bảo thử xem lòng bạn tốt, xấu thế nào, bằng cách nói dối với bạn là mình bắn nhầm phải người. Kết quả các bạn của chồng sợ bị liên lụy đều từ chối cả. Chỉ có người em nghe nói thế vui lòng giúp đỡ anh. Thế là hai anh em đi khiêng nai về chén thịt. Chồng từ đó yêu em hơn trước.

Truyện *Giết chó khuyển chồng* bênh vực thứ tình thân gia tộc trong một xã hội phương Đông còn nhiều dây mơ rễ má với chế độ tông pháp là thứ chế độ coi trọng pháp luật gia tộc và quan hệ tập truyền hơn pháp luật của xã hội nên tư tưởng rất lạc hậu, ít bắt gặp trong cổ tích các nước phương Tây. Mặc dù thế, mô-típ giết súc vật giả người để thử thách quan hệ tình cảm, tâm lý lại khá gần với một số truyện của nước ngoài. Truyện của người Xi-xin (Sicile):

Một anh chàng thường khoe với bạn rằng mình có một người vợ tính hạnh có một không hai trên trần thế: biết thương chồng, chiều chồng. Bạn bảo

hắn thử xem. Một hôm, anh chàng mua ở chợ về một cái đầu dê bọc trong những tầng khăn đẫm máu và bảo vợ: "Tôi có giết một người. Bây giờ cần phải làm cho mất tích. Nàng giấu kín cho nhé!". Không bao lâu, vợ tố cáo chồng lên quan, quan cho bắt chồng về tra tấn. Hỏi chỗ chôn xác, hắn đáp là quăng xuống giếng. Một tên lính được lệnh lặn xuống. Khi sờ phải đầu dê, nó kêu lên rằng đã tìm thấy. Quan có ý mừng. Nhưng rồi tên lính đưa đầu lên, nói thêm: - "Mà có sừng". Quan lặng ngắt.

Truyện *Sự bí mật* của người Pháp:

Nhà nọ có một người vợ có tật mách lẻo, việc gì trong nhà chưa tỏ thì ngoài ngõ đã tường. Chồng kiếm dịp cho vợ một bài học. Một hôm, chồng mua một con lợn giết chết và chôn trong rừng. Về nhà, bảo vợ: - "Tôi nhờ tay giết chết một người bạn và chôn ở mé rừng kia. Mình đừng có mách với ai cả nhé!". Chỉ một khắc sau đó, vợ không giữ được mồm miệng, đã tít tẹo việc ấy cho láng giềng biết và có dặn thêm: - "Này, bà giữ kín hộ nhé!". Từ miệng người láng giềng, câu chuyện "bí mật" truyền đi khắp mọi nơi, ai cũng dặn: - "Đừng kể cho ai cả nhé!". Và cuối cùng tin đó đến tai sở cảnh sát. Quan sai lính bắt người chồng dẫn đến chỗ chôn xác người, nhưng họ tiu ngui khi thấy đó chỉ là xác một con lợn.

Người Đức, người Anh và người Nga cũng có truyện tương tự như của người Pháp.

Truyện của dân tộc Can-múc (Kalmouk) ở Mông-cổ và Liên-xô [cũ]: Ma-hăng-sa-da trở thành quan đầu triều và được lấy con gái vua làm vợ. Một hôm, vua hỏi các quan: - "Nếu ta có việc bí mật thì nên thổ lộ với ai?". Ý kiến của Ma-hăng-sa-da là không nên thổ lộ với ai cả, nhất là vợ lại càng không nên. Thấy mọi người bác đi, ông nói: - "Rồi tôi sẽ chứng minh cho mà xem".

Ít lâu sau, một con công của nhà vua bay ra. Ông ta bắt lấy, giấu đi một chỗ, và kiếm một con khác đưa về cho vợ, bảo: - "Đây là con công của nhà vua số lồng. Ta làm thịt nấu ăn đi và mình hãy giữ bí mật, đừng nói với ai cả nhé!".

Sau đó ông chộc tức vợ, quả nhiên vợ đem việc giết công về kể cho vua cha biết. Nghe kể, vua sai bắt ông ta giam lại. Và mặc dù biết ông ta cốt chứng minh với mình câu chuyện ngày trước, vua cũng sai đao phủ xử trảm. Trước khi chịu cực hình, Ma-hăng-sa-da đã làm mấy câu thơ, ý nói: - "Vua không bao giờ là một người bạn; người đao phủ thì không biết ai với ai cả; và không nên nói điều bí mật với vợ mình"[2].

Truyện của người Ấn-độ và Áp-ga-ni-xtăng (Afghanistan): một người cha trước khi tắt thở có dặn con ba điều: chớ nói việc bí mật với vợ, chớ kết bạn với lính, chớ trồng cây có gai ở trong vườn. Người con không cho là đúng, hăn cố ý làm trái lời cha để thử xem thế nào. Hăn kết bạn với một người lính, và trồng một cây có gai ở giữa vườn. Và sau cùng một hôm để thử vợ, hăn giết một con cừu quăng xuống cái giếng cạn, rồi nói với vợ là có nhờ giết một người, nhớ giữ kín hộ. Chẳng mấy lúc, tật mách lẻo của người vợ đã làm cho câu chuyện đến tai láng giềng. Từ láng giềng, chuyện được truyền đến tai vua. Bấy giờ người lính bạn anh chàng nọ đã thăng đến chức tuần canh. Hăn đến nhà bạn túm cổ bạn lôi đi. Lúc ấy bạn hăn đang ngồi dưới bụi gai trong vườn. Bị lôi kéo, cái khăn mắc vào những cành gai nhọn khiến hăn phải đến yết kiến vua bằng cái đầu trần. Nhưng rồi chẳng ai thấy xác người đâu cả ngoài xác con cừu, nên chàng ta cũng được tha bổng[3].

Câu "*Giết chó khuyển chồng*" thường tiếp liền với câu "*Mài dao dạy vợ*".

"Mài dao dạy vợ" cũng có sự tích:

Xưa có một gia đình, mẹ chồng ở với nàng dâu thường hay xô xát, lục đục. Người con trai ở giữa khổ tâm vô hạn. Một hôm hắn mua một con dao bầu về mài. Vợ hỏi làm gì, hắn đáp rằng bởi mẹ chồng nàng dâu, không ở được với nhau, mà mẹ thì đã gần đất xa trời, chi bằng giết quách đi cho rảnh, khỏi phải nghe tiếng mắng chửi suốt ngày. Vợ nghe nói cảm động, từ đó có bớt nóng nảy. Một bữa khác, thấy chồng lại mài dao làm bộ giết mẹ thật, vợ hoảng hốt can chồng và xin ăn ở tốt với mẹ chồng. Ngược lại, mẹ chồng thấy con dâu đổi tính nết, cũng bỏ hẳn thói cũ[4].

[1] Theo Nguyễn Văn Ngọc, sách đã dẫn.

[2] Nguyễn Văn Ngọc có kể một truyện của ta, có phần nào giống truyện này (*Nem công chả phượng râu rồng; Có hai vợ chồng chẳng hết lòng nhau*). Xem sách đã dẫn.

[3] Theo *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren* của Cô-xanh (Cosquin).

[4] Theo Nguyễn Văn Ngọc, sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

**51. CHA MẸ NUÔI CON BỀ HỒ LAI LÁNG CON NUÔI CHA
MẸ KỂ THÁNG KỂ NGÀY**

Xưa, có hai vợ chồng một nhà nọ làm ăn chí thú. Họ sinh được ba người con, đều là con trai. Hai vợ chồng nuôi con rất chăm chút. Từ lâu, tay họ làm ra rất nhiều tiền của, ruộng vườn, nhưng có miếng gì cũng nhịn ăn để dành, những mong gây dựng cho mỗi con một cơ nghiệp riêng. Cho đến ngày cưới vợ cho đứa thứ ba xong, chồng bảo vợ:

- Chúng ta nhờ trời "con có của nên". Nay chúng ta đã đến kỳ răng long tóc bạc mà con thì đã khôn lớn cả. Vậy cũng nên chia tài sản cho chúng nó làm ăn, đứa nào lo phận nấy, để khỏi có sự tranh giành sau này. Có vậy mới yên hưởng tuổi già được!

Thấy vợ ưng thuận, ông già bèn cho mời họ hàng làng nước lại lập chúc thư. Ông chỉ để lại cho mình và vợ một phần nhỏ tài sản để dưỡng lão, còn bao nhiêu của chìm của nổi đều chia hết cho các con.

Tuy đã ngoài 60 tuổi nhưng ông già vẫn còn khỏe mạnh và chưa chịu để tắt chí kinh doanh. Vì thế, sau khi phân chia tài sản cho các con xong, hai vợ chồng lại lao vào công việc làm ăn. Với phần của dưỡng lão, họ lại đưa ra buôn bán. Không ngờ thần tài còn vượng, lãi mẹ đẻ lãi con, tiền bạc lại tuôn về như nước chảy. Không đầy bảy tám năm sau, họ lại trở nên giàu có như trước. Trong khi đó thì ba đứa con của ông, phần thì thiếu kinh nghiệm, phần thì siêng ăn nhác làm, nên cơ nghiệp mới nhen lên chưa được bao lâu đã trở nên sa sút.

Một hôm, cả ba đứa con đều tìm đến gặp bố mẹ và nói:

- Bây giờ bố mẹ ngày một yếu hèn. Theo ý chúng con, bố mẹ chỉ nên nghỉ ngơi tĩnh dưỡng cho khỏe, để phần tài sản lại cho chúng con quản lý, chúng con sẽ xin phụng dưỡng bố mẹ đến mãn đời.

Ông già trả lời:

- Bố mẹ cũng muốn như vậy lắm. Nhưng ngặt vì xưa nay cha mẹ nuôi con thì được, còn con nuôi cha mẹ có phải dễ đâu!

- Bố mẹ đừng lo gì cả. Bọn con nói tiếp. Người ta không có của cha mẹ để lại cũng nuôi được cha mẹ thay, hưởng hồ phần tài sản của bố mẹ như thế thì lo gì mà chẳng nuôi được!

Ông già nghĩ ngợi hồi lâu rồi hẹn ba tháng nữa sẽ trả lời.

Xung quanh nhà ông già là một vườn cây ăn quả. Ở đấy có rất nhiều tổ chim. Một hôm ông bảo trẻ con lúi xúm trèo lên cây muỗm tìm cho mình một tổ chim. Đứa trẻ trèo một chốc bắt xuống cho ông một tổ trong có bốn con: một cặp vợ chồng chào mào và hai con chim con. Ông già thả bố mẹ nó ra rồi làm một cái lồng đẹp, bỏ hai con chim non vào đó. Đoạn cho treo lồng lên cây. Và ông thấy hàng ngày chim cha và chim mẹ riu rít mang mồi về bám vào lồng, thò cổ vào mà đút cho con. Ông già ngẫm nghĩ: - "Loài chim rất yêu con, dù con có bị bắt cũng không chịu bỏ".

Khi hai con chim đã khôn, ông già lại sai bọn trẻ tìm cách bắt cho được hai con chim cha và mẹ lại. Bắt được rồi, ông bỏ chúng vào lồng mà thả hai con chim con kia ra. Nhưng vừa được phóng thích, hai con chim bay một mạch mất hút, không hề trở lại. Việc đó làm cho ông suy nghĩ nhiều. - "Đồ bội bạc! Chẳng có con nào nhớ tới bố mẹ của nó cả, nói gì tới chuyện đút

mời nữa". Và sau đó ông già kết luận: - "Con người ta cũng vậy thôi. Chỉ có trả nợ xuống mà không có trả nợ lên!"

Ba tháng trôi qua, ba đưa con của ông già lại đến giục bố mẹ trả lời. Ông già kể cho họ nghe chuyện chim chào mào vừa qua, nói lên những nhận xét của mình rồi đáp:

- Bố mẹ chẳng phải muốn giữ của lại làm gì đâu! Khi hai tay buông xuôi rồi, có mang được tý gì xuống âm phủ đâu mà giữ. Nhưng bố mẹ nghĩ rằng những đứa con thường chăm chút cho con mình hơn là cho bố mẹ. Và chẳng, khi đang có ăn thì còn có tình có nghĩa, khi đã túng thiếu rồi thì nào biết bố mẹ là gì nữa. Vì vậy, bố mẹ muốn ở riêng ra như thế này cho đến khi nhắm mắt tắt hơi, làm được gì ăn nấy, không phải làm phiền đến các con!

Nghe nói thế ba đưa con hết lời thề thốt. Đứa thứ nhất thề rằng dù các em có bỏ bố mẹ chẳng nữa thì nó cũng sẽ chăm lo cho bố mẹ đầy đủ. Đứa thứ hai thề rằng nó sẽ không để cho bố mẹ phiền hà lấy một câu. Đứa thứ ba thề rằng dù nó có nghèo khổ đến đâu, thì cũng đi ăn xin về nuôi bố mẹ. Bà vợ ông cũng bảo:

- Con nó đã thề thốt như thế, ông nên nghĩ lại! Chim khác, người khác, ông ạ!

Cuối cùng thấy vợ con nói đi nói lại mãi ông già dần dần xuôi lòng, bèn lại mời họ hàng một lần nữa chia phứt tất cả tài sản còn lại cho ba đứa con mà không dành lại cho mình một tý gì.

Trong những năm đầu, ba anh em phụng dưỡng bố mẹ rất tử tế. Miếng ngon vật lạ hề nghe đâu có bán là cố tìm mua cho bố mẹ ăn. Nhưng từ năm

thứ ba trở đi việc hầu hạ đã có phần chênh mảng. Thêm vào đó, công việc làm ăn của họ lại không khấm khá gì. Cả ba đứa con ông cụ đều là những tay "phá gia chi tử" không kém cạnh gì nhau, nên số tài sản của bố mẹ chia cho không mấy chốc lại đội nón ra đi mất cả. Sự khó khăn ngày một in sâu trên nét mặt họ. Và việc chăm sóc bố mẹ lại càng chênh mảng. Hơn nữa, ba anh em họ, nhất là ba chị em dâu thường ganh tỵ nhau từng đồng tiền bát gạo. Trước kia cả ba hàng năm góp tiền lại cho một người để nuôi bố mẹ. Dần dần sự đóng góp không được đầy đủ như trước. Thấy kẻ này thiếu một vài quan, người nọ cũng nhất định giữ lại chùng ấy không chịu đưa. Về sau, họ bàn nhau mỗi người luân phiên nuôi bố mẹ một năm. Nhưng người anh cả sợ rằng lỡ ra bố mẹ chết sớm thì người chưa nuôi có lợi, mà người đã nuôi sẽ bị thiệt thòi, nên rút xuống nửa năm, rồi lại rút xuống ba tháng. Cuối cùng họ đồng tình mỗi người nuôi một tháng, nhưng không theo thứ tự nào cả mà bằng cách rút thăm. Càng già gân cốt càng suy, đi lại không được, do đó càng đòi hỏi phải chăm chút nhiều hơn. Thế mà trái lại, mỗi ngày sự nuôi nấng cha mẹ mỗi tẻ, thậm chí con chỉ mong đến kỳ hạn để tống bố mẹ đi.

Cứ như vậy chưa đầy ba năm bố mẹ vì không chịu được đói và rét, lần lượt qua đời. Do truyện này mà có câu:

Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng bể,

Con nuôi cha mẹ con kể từng ngày.

Hay là:

Cha mẹ nuôi con bể hồ lai láng,

Con nuôi cha mẹ kể tháng kể ngày [1].

KHẢO DỊ

Việt Nam còn có truyện *Bù chì*:

Có bốn anh em trai đều ở riêng nuôi một cha già. Họ chia nhau mỗi người nuôi một năm. Về sau ganh tỵ nhau, rút xuống còn ba tháng và giao hẹn trước khi nhận bố về nuôi thì phải cân, nếu ai để bố nhẹ cân thì người sau không nhận, bắt người trước phải nuôi cho đến lúc lên cân.

Trong đám con có một người rất keo kiệt, không cho bố ăn đầy đủ. Khi sắp đến phiên bàn giao, hẳn biết rằng sẽ sút cân, nên đúc sẵn một cục chì để lúc cân bắt bố giắt vào cho nặng. Vì vậy có câu tục ngữ "*Còn cha, pha chì nốt.*"

Một dị bản của truyện *Bù chì* kể có hơi khác. Đại thể cũng có bốn anh em trai nuôi một bố già, cũng hẹn nhau mỗi người phải nuôi ba tháng và khi bàn giao cũng phải cân. Cân không đầy đủ thì phải nuôi cho đến lúc lên cân.

Trong số đó có một đứa nhà rất nghèo, nuôi bố bữa đực bữa cái. Sắp đến kỳ bàn giao, rất lo bố sẽ sút cân. Bố thương tình đúc một hòn chì đeo vào cho nặng. Vì vậy có câu tục ngữ "*Cha mẹ bù chì cho con*" [2].

-
- [1] Theo Lãng-đờ (Landes), sách đã dẫn và lời kể của người Nam-bộ.
[2] Theo Trương Vĩnh Tống. *Mỹ Âm tùy bút*.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

52. CHƯA ĐỖ ÔNG NGHÈ ĐÃ ĐE HÀNG TỔNG

Ngày xưa có một người học trò nghèo nhưng học giỏi, được Thiên đình rất chú ý. Trong sổ thiên tào hồi đó đã ghi cho anh chàng đậu tiến sĩ, làm quan đến thượng thư. Mỗi lần anh đi học thường qua một ngôi đền thờ thần ở làng bên cạnh. Vị thần làng đó vốn đã có đọc ở sổ thiên tào nên tỏ vẻ cung kính người học trò ấy. Những khi anh ta đi qua đền thì tượng thần đang ngồi trên bệ lặt đặt đứng dậy rất lễ phép.

Một hôm người từ giữ đền nằm mơ thấy thần bảo: - "Ngày mai người phải quét dọn đền cho sạch sẽ tử tế vì có quan lớn đến chơi nhà ta". Người từ làm y như lời và suốt ngày hôm ấy hẩn đứng trực ở cổng đền chờ đón vị khách quý của ông thần. Nhưng đợi mãi, hẩn ta chả thấy một ai cả, trừ ra anh học trò xơ xác nói trên hôm đó vô tình có ghé vào đền nghỉ chân một lúc. Người từ cho là dân thường không để ý gì đến.

Ít lâu sau, người từ cũng lại chiêm bao thấy ông thần dặn dò như trước. Lần này, hẩn cũng chả thấy ai lạ hơn là anh học trò hôm nọ đến đây ngâm một bài phú rồi lại đi. Nhưng hẩn vẫn không tin. Đến lượt thứ ba cũng thế. Bây giờ người từ mới cho là quả phù hợp với lời thần dặn, bèn kể chuyện cho người học trò nọ nghe và bảo:

- Đã ba lần như thế, nên tôi chắc rằng nhà thầy sau này sẽ đỗ đạt làm quan to chứ chẳng chơi.

Nghe nói, người học trò như mở cờ trong bụng. Anh ta quyết chắc cầm sự vinh hoa phú quý trong tay. Hăn nghĩ ngợi rất nhiều về tương lai của mình. Một hôm khi ngắm lại nhan sắc vợ mình, hăn thấy không được đẹp tí nào cả. Thế rồi đêm hôm ấy nằm dưới bóng trăng, hăn mơ tưởng một người đẹp như chị Hằng. Hăn bụng bảo dạ: - "Rồi ta sẽ cho vợ ta về đi thôi! Một khi đỗ đạt thì thiếu gì nơi ngấp nghé muốn làm bà. Lúc đó ta sẽ tìm những đám con vua cháu chúa; đã da trắng môi son lại vừa lảm của". Nghĩ thế, qua ngày hôm sau hăn kiếm cớ gây sự với vợ và đòi bỏ cho kỳ được. Mọi người đều lấy làm lạ và tỏ vẻ khinh bỉ một người có học như hăn lại có thể nhẫn tâm đến thế được. Nhưng hăn chỉ cười khẩy mà không kể gì dư luận.

Một hôm khác có một người đến đòi nợ hăn. Vừa mới bước chân vào sân, người ấy đã bị hăn chỉ tay vào mặt mắng cho một trận:

- Ta chưa có trả. Không khéo nay mai ta sẽ cắm đất vào vườn ở của mày cho mày biết mặt[1].

Hăn còn đe dọa nhiều người nữa. Gặp ai không vừa ý, hăn nói:

- Rồi chúng mày sẽ biết tay ông!

Tất cả những hành động của người học trò đều được tâu báo về Thiên đình. Ngọc hoàng nghe nói rất phật ý. Cho nên ít lâu sau đó, người từ giữ đèn lại nằm mơ thấy ông thần tin cho biết là không phải kinh sợ đối với người học trò nữa vì trên Thiên đình đã tước sổ mất rồi, không cho đỗ đạt nữa.

Ông từ hỏi: - "Tội của nó như thế nào?" - "Nó bị kết án là "dưới trăng bỏ vợ, trước sân đòi nhà, chưa làm nên đã thất đức"[2]. Bây giờ nó không được hưởng phúc nữa".

Quả nhiên người học trò đó thi mãi không đỗ, muốn nối duyên lại với vợ cũ cũng không được. Cửa nhà hắt ngày một sa sút dần. Do đó mà có câu tục ngữ: "Chưa đỗ ông nghè đã đe hàng tổng"[3].

KHẢO DỊ

Có người kể hơi khác về chi tiết: Người học trò đi qua cổng đền, ở đó có hai con chó đá đều vẫy đuôi mừng, hỏi thì đáp là vì biết ông sắp sửa đỗ ông Nghè. Từ đó người học trò ấy luôn luôn dọa dẫm những người không vừa ý mình. Về sau, hăn gặp chó không vẫy đuôi nữa. Chó bảo: vì ông ăn ở xấu nên Thiên đình không cho đỗ, bây giờ chỉ có cách làm việc thiện mới thay đổi được ý trời. Một hôm hăn qua sông thấy một bầy kiến trôi giữa dòng nước, bèn lội xuống vớt tất cả lên. Nhờ thế về sau hăn lại đậu.[4]

Có hai truyện khác nội dung gần giống với truyện trên:

Truyện *Hai anh em họ Lê ở Thần-đầu*: Xưa có hai vợ chồng một người tiều phu họ Lê. Vì nghèo khổ cô đơn nên bị bọn hương lý trong làng đối đãi rất tệ: phu phen sưu dịch lúc nào cũng tróc vào họ, hơi chậm một tý là bị chúng đánh phạt. Tức mình, vợ chồng cầu khẩn mong có một mụn con để

sau này rửa hờn. Thượng đế sai hai Trạng xuống đầu thai. Hai vợ chồng mừng lắm, cố kiếm củi cho nhiều, lấy tiền cho con đi học. Về sau cả hai anh em đều đậu Trạng. Lúc vinh quy, voi ngựa quân gia đầy đường, đi đến đâu các quan và hương lý địa phương đều phải đón rước tấp nập. Những người khinh bỉ đánh đập hai vợ chồng ngày xưa bây giờ cũng đến chào lạy họ. Hai vợ chồng rất hả hê bảo con: "Ngày xưa chúng nó lấn áp nhà ta đủ điều, bây giờ các con cố làm cho chúng nó biết mặt". Con nghe lời, nhưng sau đó ít lâu, hai ông Trạng làm bậy, có một vị thần bèn tâu lên Thượng đế. Thượng đế liền đòi hai Trạng về.

Một truyện *Thần với Thần đồng*: Làng Cẩm-lâm từ xưa chưa có người đậu đạt làm quan. Một hôm trên Thiên đình phái một ông Trạng đến làng ấy, cho đầu thai vào nhà hai vợ chồng đốn gỗ. Họ ngoài 40 tuổi mới sinh con trai. Thằng bé lên 7, nổi tiếng thần đồng. Gần nhà có đền thờ Thành hoàng, đứa bé thường ngày chơi với các bạn ở đó. Một đêm, ông từ mộng thấy thần bảo: - "Trạng hay đến đây bắt buộc ta vì kính lễ phải đứng dậy luôn. Vậy bảo làng làm cho ta một cái bình phong che trước ngai cho ta ẩn".

Làng nghe nói không tin, cho một người ra ngủ ở đền cầu mộng. Thần lại cho biết như trước. Hương lý bèn xây một cái bình phong để không ai được nhìn vào tượng thần. Và từ đó trở đi nhiều người đâm ra ghen ghét nhà thần đồng, họ gây sự với bố mẹ và làm tình làm tội đánh đập dọa nạt luôn. Thiên đình thấy dân làng vô lễ đối với Trạng, bèn phạt họ bằng cách đòi Trạng về. Cho nên ít lâu sau thần lại báo mộng cho ông từ rằng: - "Chúng mày có thể phá bình phong được rồi vì Thiên đình quyết định không cho Trạng ở làng chúng mày nữa". Vài ngày sau thần đồng chết[5].

Trong *Liêu trai chí dị* có truyện *Gả em thế chị (Tỷ muội dịch giá)* có nói tới một người học trò chưa đỗ đã toan đổi vợ.

Một anh học trò họ Mao, bố trước làm nghề chăn trâu, được nhà họ Trương tư cấp và hứa gả con gái lớn cho. Nhưng cô gái không muốn kết duyên với con nhà chăn trâu, nên đến ngày cưới cương quyết không chịu về. Cô em khuyên dỗ bị chị mắng: "Đừng lắm lời, mày sao không lấy nó đi!" - "Nếu bố mà gả, em đáp, thì em sẽ lấy". Cuối cùng người bố phải đánh tráo người em thế chị.

Tuy biết có sự đánh tráo, lại vợ mới có bệnh chốc đầu, người học trò họ Mao cũng không phản nản, hai vợ chồng ăn ở với nhau tương đắc. Chồng sau đó, một hôm đi thi, qua quán họ Vương được tiếp đãi tử tế. Họ Vương cho biết đêm qua thấy thần báo mộng rằng sáng mai có giải nguyên họ Mao qua đây, sẽ giúp mình khỏi tai ách. Nghe tin này, người học trò họ Mao có vẻ hý hửng. Cũng như truyện trên của ta, hễ bắt đầu nghĩ đến vợ mình đầu tóc xấu xí, nay mai chơi với người sang không khỏi bị chê cười. Sau này khi phú quý sẽ thay đi thôi. Nhưng đến lúc treo bảng không thấy có tên mình, hễ rất buồn thẹn, bỏ về, không dám ghé lại quán họ Vương.

Ba năm sau, hễ lại đi thi; và lại được họ Vương tiếp đãi tử tế như trước. Hễ trách họ Vương lần trước nói không nghiệm. Nhưng họ Vương đáp: - "Hồi ấy thần có báo mộng cho tôi biết vì ngài có âm mưu đổi vợ, nên bị âm ty phạt không cho đỗ". Người học trò họ Mao tỉnh ngộ, tỏ lòng hối hận, nên khoa ấy thi đậu giải nguyên, rồi thi đình đậu tiến sĩ, làm quan tể tướng. Vợ anh tóc cũng mọc dài tốt hơn trước. Còn người chị lấy chồng trọc phú, lười biếng lại hay cờ bạc, vận nhà ngày một suy. Không may chồng chết, trong

khi đó em gái trở nên bà giải rồi bà nghề, cô chị càng thẹn, bèn cắt tóc đi tu.

[1] Ngày xưa ai đỗ tiến sĩ được phép lấy ba mẫu đất làm nhà ở, muốn cắm vào đâu cũng được.

[2] Nguyên văn “Nguyệt hạ phóng thi, đình tiền tử trạch, vị đắc ý cố thất đức”.

[3] Theo Nguyễn Văn Ngọc. Sách đã dẫn

1 Theo *Tạp chí chúng tôi* (1910)

[5] Theo *Lăng-đờ* (Landes). Sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

53. DÌ PHẢI THẲNG CHẾT TRÔI, TÔI PHẢI ĐÔI SẤU SÀNH

Ngày xưa có một anh chàng trẻ tuổi kiết xác, chưa có vợ. Nhà anh ta lại ở bên cạnh nhà một phú ông có cô con gái đến tuổi lấy chồng. Anh ta cũng võ vè năm ba chữ, có ý ngấp nghé con gái phú ông, nhưng ngại vì nhà phú ông với nhà hăn như trời với vực; đời nào phú ông lại chịu gả - "Lấy được cô ả mới gỡ được nạn nghèo, mà muốn lấy cô ả phi dùng mẹo không xong!". Nghĩ thế, hăn mới quyết chí tìm cách để lấy cho được.

Một hôm anh ta thấy có người bán hai con sấu bằng sành, một thứ đồ cổ không đáng mấy hột tiền. Hăn bỗng nghĩ ra một kế, bèn mua về chôn xuống đất, được ít lâu lại moi lên. Ít bữa sau, hăn sang nhà phú ông mượn cái cân. Phú ông thấy hăn vô cớ mượn cân, hỏi: - "Mượn làm gì?". Hăn đáp: - "Cháu mượn về cân ít đồ vật". Buổi chiều hăn mang cân sang trả, phú ông thấy cân có dính đất, trong bụng lấy làm ngờ vực. Sự ngờ vực của phú ông tăng lên khi thấy sau đó vài ngày hăn lại lết tọt chạy sang mượn cân lần nữa. Lần này khi hăn mang trả cân, phú ông thấy cân của mình không những dính đất mà còn dính cả những cái gì như là gỉ đồng. Lần thứ ba cũng lại thế. Phú ông từ đó để ý rình mò anh hàng xóm của mình thì thấy đêm đêm hăn vác cuốc thuổng đi, sáng tinh sương lại mò về: - "Chắc là hăn đào được của". Nghĩ thế, một hôm phú ông giả mượn cố sang nhà dò xem thế nào. Một điều làm phú ông lấy làm lạ là xưa nay chưa từng thấy hăn chơi đồ cổ bao giờ cả, thế mà nay trên bàn thờ nhà hăn có bày hai con sấu sành còn dính đất chưa chùi sạch. Thấy phú ông hỏi, hăn giả bộ ấp úng và sau cho biết là mua ở chợ.

Phú ông về bảo vợ:

- Thằng này hẳn là đào được kho vàng hũ bạc chi đây. Hẳn ranh khôn lắm. Nhưng bộ hẳn không thể giấu được mắt ta.

Từ đó phú ông có cảm tình với hẳn. Từ cảm tình tiến lên thân tình. Thấy hẳn cũng có vẻ nho nhã, phú ông có ý muốn gả con gái cho hẳn, mới mượn mối đánh tiếng. Anh chàng nhận lời nhưng cho mối biết là mình nghèo quá không biết lấy gì dẫn cưới được. Phú ông cười, cho là hẳn giấu của nhưng cũng cam đoan xin chu tất cả phí tổn cưới xin.

Thế là anh chàng bỗng chốc ngẫu nhiên là chồng cô gái phú ông. Hôm về nhà chồng cô gái thấy chồng chỉ khư khư giữ độc có một chiếc hòm gỗ rất nặng, trong bụng đoán chắc là của ở đây rồi, nên không nói gì hết. Nhưng ngày một ngày hai, vợ thấy chồng không có vẻ gì là giàu có thì nảy mỗi ngờ vực. Nhân một hôm chồng đi vắng, nàng trộm chìa khóa mở ra xem thì chỉ thấy một hòm toàn là đá cuội, chẳng có đồng sứt nào hết.

Biết là bị lừa, người vợ chỉ còn ngồi nhà mà khóc. Nhưng sau đó nàng bào chồng:

- Kể ra anh cũng cao mưu thật. Nhưng bây giờ anh phải làm cách gì lấy

được một cô gái nào thật giàu hơn tôi. Được như vậy tôi sẽ ăn ở với anh trọn đời, bằng không tôi nhất định không cho nằm cùng giường đâu.

Nghe nói, hăn gật đầu rồi bỏ nhà ra đi.

Anh chàng đến một tỉnh khác làm đầy tớ cho một nhà phú thương. Phú thương là một tay giàu có nứt đố đổ vách. Cả một dinh cơ, vườn tược rất đồ sộ ở bên bờ sông. Phú thương lại có ba cô con gái chưa chồng, cô nào cô ấy rất xinh đẹp. Anh chàng mới đến ở làm việc tất lực. Không bao lâu hăn được chủ rất tin cậy. Một hôm vào khoảng chập tối có một cái thây trôi qua bên nhà phú thương. Hăn bỗng nghĩ được một kế, bèn vớt trộm thây lên bờ giấu ở chỗ kín trong vườn. Đoạn hăn đi tìm một người quen bảo y giả xưng làm chú ruột mình đến thăm cháu. Người ấy đến, hăn lên nhà trên xin phép chủ cho chú mình ở chơi ít ngày. Phú thương nể hăn nên tiếp đãi chú hăn tử tế, sai dọn cơm nước ra mời. Đến nửa đêm hăn cho ông chú giả của mình cất lên ra về rồi lấy quần áo mặc vào xác chết, vục lên giường. Thế rồi hăn làm bộ tri hô lên. Hăn nói với chủ:

- Không biết ông cho chú tôi ăn uống những gì mà bây giờ chú tôi nằm chết cứng không dậy được nữa.

Nghe nói, phú thương thất kinh lại thấy hăn định làm to chuyện thì không còn hồn vía nào nữa. - "Nếu hăn làm ra chuyện thì chuyện này gia tư điền sản của mình sẽ đội nón ra đi mà thôi. Bọn quan lại chỉ béo bụng nhờ những dịp này". Nghĩ vậy, phú thương đầu dụi, đưa hăn vào buồng thương lượng. Ông bảo hăn muốn gì được nấy miễn là hăn giấu gọn chuyện này cho là được. Bây giờ anh chàng mới nói toạch nguyện vọng thầm kín của mình là chỉ muốn lấy một trong ba cô con gái làm vợ. Phú thương thấy mặt mũi anh chàng cũng không đến nỗi hèn kém lại thấy hăn làm việc đặc lực nên vui lòng đem cô con gái lớn gả phứt cho hăn.

Thế là anh ta lại được vợ mới. Người vợ này của riêng bọn bề, ăn đứt vợ cũ. Lấy nhau được ít lâu, hai vợ chồng đưa nhau về thăm nhà. Khi hai người đàn bà gặp nhau, họ kể chuyện cho nhau biết. Nghe cô con gái phú thương nói hết ngọn nguồn, cô con gái phú ông lắc đầu, bảo nàng rằng:

- Vậy là dì phải thẳng chết trôi, còn tôi phải đôi sấu sành đó![\[1\]](#)

KHẢO DỊ

Người miền Bắc có truyện *Con nghê ngói* (con nghê ngói tức là con sấu bằng sành) cũng là một dị bản của truyện trên (nhưng người kể chỉ nhớ có mỗi đoạn đầu). Trong truyện này, cô gái phú ông lúc biết mình bị lừa đành chỉ ngồi ôm con ru rằng:

Con nghê là con nghê ngói,

Bố mày khéo nói, nó hóa ra con nghê vàng

Ông ngoại mày nghe quàng, gả con cho bố.

Vả cả hai truyện, về hình thức đều tương tự với truyện *Hữu Ké* từ xưa đã được diễn thành văn vần, nhan đề *Hữu Ké tân truyện*:

Huyện Thạch-hà có một chàng trai nghèo tên là Hữu Ké muốn lấy cô Ngọc Dong, con gái của một cụ huyện hưu trí cùng một xã. Biết cụ huyện không đời nào gả con gái cho mình, hăn cũng bắt mẹ mang trầu cau tới hỏi để cho người khác biết hoa đã có người để ý. Sau đó, hăn bàn với chú là xã trưởng, mời làng, trong đó có cụ huyện, lập khoán ước hễ bắt được trai gái tình tự thì buộc hai bên phải kết làm vợ chồng.

Đây là mấy câu khoán:

Hoàng hiệu năm nay,

Trên dưới đều hay:

Khoán lập ra đây,

Cho nghiêm phong hóa,

Trai lớn lấy vợ,

Gái lớn lấy chồng;

Duyên bởi tơ hồng,

Lễ thông mối lái,

Có cheo có cười,

Phải đạo vợ chồng;

Nhược bằng gian thông,

Nường dâu bến bộc.

Không kỳ thế tộc,

Chẳng quản sang hèn;

Bắt được hiện tiền,

Kết làm phu phụ...

Một hôm, làng làm lễ kỳ phúc, ban đêm có hát chèo, trai gái trong làng đều đổ xô ra xem. Chú của Ké đã lập mưu sẵn đang cầm chầu bồng đứng nổi hiệu trống họp làng. Khi mọi người đổ xô đến, chú của Ké nhân danh xã trưởng nói mình thấy bóng một cặp trai gái tình tự ở bụi rậm sau đình nên mời làng lại thi hành khoán lệ. Người ta ra đấy thấy dưới một gốc cây ké có một cái ổ bằng rơm ngời đã nhả chỗ. Họ đoán cặp trai gái tuy đã chạy trốn nhưng trên đầu vẫn còn dính trái ké, vậy cứ tìm người nào trên đầu có trái

ké thì bắt. Liền đó người ta tìm thấy chỉ có Hữu Ké và Ngọc Dong đầu và áo đều dính đầy ké. Cụ huyện đành phải cắn răng gả con gái cho Hữu Ké theo đúng lệ làng, rồi tức uất mà chết. Vì không có con trai, gia tư điền sản về tay con gái - tức là về tay Ké cả. Nhưng Ngọc Dong cũng ra điều kiện: nàng không chịu nằm chung với hắn, nếu hắn không lập mưu lấy được một cô gái khác cũng giàu, cũng đẹp như nàng. Hữu Ké vâng lời nhưng bắt vợ phải ăn thề và giao rằng lúc nào mình về với người lạ thì nàng phải giả nhận làm chị ruột mình. Ké còn cho người làng tiền và dặn lúc nào mình về phải đứng dậy chào hỏi cung kính.

Ké đi ở với một phú ông, hắn làm việc rất đắc lực. Hắn hát gọi tình làm cho cô con gái phú ông phải cảm. Rồi một hôm hắn xin về giỗ mẹ. Phú ông phú bà đi theo hắn và rất ngạc nhiên khi thấy mọi người chào hắn bằng ông, bằng cậu; lại thấy hắn có người chị - tức Ngọc Dong - rất đẹp, đón tiếp rất xứng ý.

Thế là phú ông cho Ké là con quan huyện trá hình đi kén vợ, bèn đem con gái cấm cung gả cho hắn. Ké làm bộ từ chối đôi ba lần mới nhận. Phú ông mở tiệc linh đình cho hai bên làm lễ kết hôn. Ba ngày sau, Ngọc Dong mới cho cô nàng biết sự thật. Nàng khóc lóc trách cha trách mẹ, nhưng ván đã đóng thuyền còn nói gì được nữa. Ngọc Dong cho biết mình còn khổ hơn nàng, chỉ vì một năm ké mà bị buộc phải lấy hắn.

[1] Theo *Phụ nữ tân văn* (1930)

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
54. CÁI KIẾN MÀY KIỆN CỬ KHOAI

Ngày xưa, có một anh chàng sinh trưởng trong một gia đình giàu có. Nhà hắn có ao thả cá, có trâu bò, ruộng vườn khá nhiều. Ngày ấy ở gần làng hắn có một cô gái nết na, nhan sắc xinh đẹp, chỉ phải cái tội nghèo. Hàng ngày cô gái phải làm thuê làm mướn kiếm ăn. Anh chàng nhà giàu kia từng ngây ngất vì nhan sắc của cô. Mặc dầu không môn đăng hộ đối, nhưng hắn ao ước được cùng nàng kết làm bạn trăm năm. Sau đó nhờ có một người đàn bà làm mối, hắn được gặp nàng nhiều lần và chỉ non thề bẽ quyết lấy nàng làm vợ. Nghe hắn nói thế, cô gái vô cùng sung sướng và hiến thân cho hắn không tiếc thương gì nữa.

Nhưng người đàn bà mối lái vốn là người chỉ biết có đồng tiền. Được tiền của anh nhà giàu cho, mẹ vẫn chưa thỏa mãn. Đối với cô gái nhà nghèo, mẹ không "xơ múi" gì. Bấy giờ ở gần vùng đó có một cô gái nhà giàu ế chồng. Mẹ bèn tìm tới tỷ tê với cô nọ bảo nếu cho mình nhiều tiền, mình sẽ đánh tiếng cho anh chàng nhà giàu kia. Cô gái nọ nghe nói mừng lắm, rút tiền cho mối để mẹ ta liệu bề tác thành cho mình.

Từ đó mẹ mối luôn luôn buông lời gièm pha cô gái nhà nghèo: - "Con này - mẹ nói - thế mà không được đoan chính. Đã nhiều lần tôi bắt gặp nó tăng tịu với Đồ Vân. Đồ Vân học giỏi nay mai sẽ đỗ đạt...".

Thế rồi mẹ ta nhen nhóm thêm lòng ghen tuông và tức giận của anh chàng, đồng thời nói tốt cho cô con gái mà mẹ bòn lặn hồi khi năm quan, khi ba quan không biết mỗi. Và mưu kế của mẹ có hiệu quả; anh chàng kia từ ghen tức đến chán ghét người tình cũ. Cuối cùng anh chàng cho người đưa trâu cau dạm hỏi cô gái nhà giàu kia làm vợ.

Ngày cưới hai bên, cô gái nhà nghèo nọ bị tình phụ, lòng đau như cắt. Trong một phút tủi phận hờn duyên, nàng nhảy xuống sông tự tử. Cái chết của nàng đã làm cho cặp vợ chồng mới trở nên hối hận và lo sợ. Nhất là mẹ mỗi thì như sét đánh ngang tai.

*

* *

Khi tất cả mấy người đó lần lượt chết xuống âm phủ, Diêm vương đã đọc hồ sơ, hiểu rõ nỗi oan uổng cũng như tội trạng của từng người và bắt họ phải trở lại dương thế để đền "nợ" hay báo "oán" của chính mình một cách xứng đáng. Mẹ mỗi được thác sinh vào một nhà phú ông, anh chàng phụ tình lại thác sinh làm một người học trò nhưng không đất cắm dùi. Còn người bạc mệnh thì được ở lại cõi âm để theo dõi chúng mà báo thù.

Cái Kiến, cô con gái phú ông rất đẹp và thông minh. Nhưng cha của nàng thì tính khí biến lộn. Ông ta chỉ biết có tiền tài và danh vọng, còn ngoài ra ông chẳng coi ai ra gì. Chàng thư sinh rất khôi ngô, học giỏi, văn hay, nhưng nghèo rớt mồng tơi. Chàng đã từng vác lều chiếu đi thi. Văn tài của chàng nổi tiếng khắp kinh kỳ, thế mà cứ hễ vào trường nhất hay giỏi lắm vào đến trường nhì là bị loại ra ngay. Không làm cho đau bụng thì cũng bắt phạm "trường quy", oan hồn của người bạc mệnh quyết không có hăn đỡ. Mỗi lần không đỗ là một lần sự buồn bực kèm thêm với sự khốn khó dẫn dắt anh chàng. Thế nhưng chàng vẫn lọt vào mắt xanh của cô Kiến. Cô gái phú ông

vẫn tin tưởng rằng người học trò đó sẽ làm nên. Nàng ao ước sẽ được sánh duyên với chàng mới phỉ dạ. Hai người đã gặp nhau và thề bồi với nhau quyết giữ một lòng son sắt. Khi nghĩ đến cha mình, cô gái phú ông rất buồn vì biết ông khó tính: - "Không đời nào ông ấy lại gả con gái cho một người nghèo xơ nghèo xác". Nghĩ thế, nàng lập mưu ăn trộm tiền bạc của cha, mua vàng đúc thành một hình củ khoai. Không gặp nhau được, nàng nhân người yêu giả làm người ăn xin đến nhà mình xin khoai, nàng sẽ tận tay trao cho món ấy để dùng làm sính lễ.

Anh chàng y hện đã cải trang, mang bị gậy đến nhà phú ông xin ăn. Cô con gái mang khoai ra cho, trong đó có giấu củ khoai bằng vàng.

Rồi đó, người mối của anh chàng xin chạm ngõ cái Kiến. Phú ông nghe nói sính lễ là một củ khoai bằng vàng mười thì ngạc nhiên. Nhưng rồi ông cũng nhận lời.

Đến ngày cưới, khi họ nhà trai bưng sính lễ đến, họ nhà gái đổ xô ra xem để biết chàng rể của phú ông giàu có ngăm như thế nào. Củ khoai vàng được gói ba bốn tầng vải hồng điều. Không ngờ khi mở ra xem thì chả thấy vàng đâu cả mà chỉ là một củ khoai lang luộc thực sự. Oan hồn cô gái cố ý làm ra như vậy cho bõ ghét. Cả hai họ bật cười. Phú ông tức giận chửi mắng om sòm. Rồi để chế nhạo, ông cắt khoai biếu mỗi người một miếng.

Chàng học trò không ngờ có sự lạ lùng ấy, vừa buồn rầu vừa xấu hổ đi luôn một mạch không trở về nhà nữa. Còn cái Kiến tưởng người yêu là một tay đại bợm: đã lấy mất vàng lại bày ra trò diều cợt đó nên tức tối thành bệnh mà chết.

Lúc xuống âm phủ lần này, nàng kiện với Diêm vương về việc củ khoai

vàng, nhưng Diêm vương đã giở sổ vạc cho hản biết những tội kiếp trước.
Vì thế mới có câu:

Cái Kiến mày kiện củ khoai

Và sau này những anh con trai nhà nghèo thường thêm vào:

Mày chê tao đói lấy ai cho giàu.

Nhà tao chín đụn mười trâu,

Lại thêm ao cá bắc cầu rửa chân.

Để mỉa mai những cô gái bắc bậc kiêu kỳ. [1]

KHẢO DỊ

Truyện trên phần nào giống với truyện *Vùng khoai lang* về đoạn cuối:

Một nhà giàu có người con gái đẹp, nhiều nơi tới dạm nhưng chưa quyết định nơi nào. Một hôm cô gái để bò mình ăn mất khoai nhà người và do đó có tình ý với con trai nhà kia. Hai bên từ đó gấn bó, định lấy nhau.

Thấy nhà người con trai nghèo khó đến dạm hỏi, cha mẹ cô gái không

thuận, nhưng cuối cùng thấy con quyết chí quá phải chịu gả. Tuy gả nhưng họ rất khinh nhà trai nên không giúp đỡ gì cả. Nhà trai dẫn cưới chỉ có ít trầu cau và một vừng khoai lang. Để chế nhạo, mẹ cô gái mời họ hàng làng nước đến rồi mời đồ dẫn cưới chia cho mỗi người một miếng trầu và một củ khoai. Mọi người cười ồ và bỏ ra về. Tuy vậy cặp vợ chồng vẫn không xấu hổ nên người nhà giàu đành phải cho cưới. [2]

-
- [1]. Trong báo *Trung Bắc tân văn*.
[2]. Theo Nguyễn Văn Ngọc. Sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

**55. VẬN KHỨ HOÀI SƠN NĂNG TRÍ TỬ, THỜI LAI BẠCH
THỦY KHẢ THÔI SINH**

Ngày xưa, có một ông lang xem mạch chữa bệnh rất giỏi. Các môn nội khoa cũng như ngoại khoa ông đều thành thạo. Ông lại là một người chính trực. Mọi nơi tôn ông làm danh sư, vì vậy nổi tiếng một thời.

Ở vùng ông hồi đó có một người đàn bà ngoại tình. Thấy chồng bị cảm, mẹ ta muốn nhân cơ hội ấy giết luôn đi để có thể tự do lấy người nhân ngãi. Mẹ nghĩ ra một mưu kế giết chồng thật êm thấm là đến nhà ông lang xin ông ngâm cắt cho một chén thuốc làm sao cho chồng uống vào không dậy được nữa. Đáp lại, mẹ sẽ biếu ông một món tiền lớn. Nghe nói thế, ông lang một mực từ chối, nói mình không bao giờ nhúng tay vào việc thất đức, nhưng người đàn bà nọ rất kiên nhẫn, vật nài mãi cố làm cho ông xiêu lòng. Khi thấy người đàn bà quả quyết quá, ông giả bộ nhận lời, nhưng chỉ cắt cho một chén thuốc bỏ trong đó có món hoài sơn là vị thuốc chính. Cắt xong, ông nói dối với người đàn bà rằng chỉ về sắc một chén cho chồng uống là chết ngay. Người vợ trở về làm theo lời dặn, sắc thuốc rót ra chén, gác lên chạn chờ cho thuốc nguội để cho chồng uống. Không ngờ có một con rết bò qua trên xà nhà để rơi nọc độc vào chén thuốc. Vì thế người chồng vừa uống thuốc vào tự nhiên vật vã, chỉ được một lúc là chết.

Nghe tin con bệnh - chồng người đàn bà nọ - ngộ nạn sau chén thuốc của mình, ông lang vô cùng ngạc nhiên. Ngồi một mình ông ngâm lại chén

thuốc mình cắt hôm ấy hoàn toàn không có vị gì công phạt, dù có mắc chứng bệnh hiểm nghèo đi nữa cũng không thể chết được. Ấy thế mà lại hóa ra chết thật. Vô tình muốn cứu người thoát chết ông lại trở thành một kẻ giết người.

Tuy không xảy ra việc gì lỗi thôi đến bản thân, nhưng lương tâm ông lang luôn luôn cắn rứt không nguôi. Tức bực đến phần chí, ông bèn khóa tất cả các ô thuốc của mình lại, rồi cầm chùm chìa khóa vứt xuống sông thề rằng: - "Tôi làm thuốc đã bốn mươi năm nay chưa từng làm hại đến mạng người. Nay bỗng dưng con bệnh vì tôi mà chết. Tôi nguyện trên có trời, dưới có Hà bá, nếu chùm chìa khóa này còn trở về tay tôi thì tôi sẽ làm nghề thuốc trở lại, bằng không thì xin bỏ hẳn nghề này". Và từ đó ông cương quyết không đụng đến ô thuốc đao cầu hay kê đơn cho một ai nữa.

*

* *

Ít lâu sau có một người làng chài, vợ đến kỳ sinh không may nghịch không số được. Người chồng thấy vậy hoảng hốt, không kể đêm khuya chạy đi mời mấy ông lang gần đấy, nhưng không một ông nào dám bốc thuốc cả. Tình thế sản phụ rất nguy ngập. Sau cùng có người bảo người chồng cô tìm đến nhà vị danh sư nọ, hết lời cầu khẩn may chỉ còn có hy vọng.

Lúc đó trời đã gần sáng, ông lang đang nằm. Người nhà cho biết ông lang không chữa bệnh nữa. Nhưng người làng chài cố tìm đến trước cửa sổ nói vọi vào phía giường ông, kể lễ bệnh hoạn của vợ và xin thầy cứu cho. Hẳn ta nói mãi. Song ông lang nào có để ý gì đến. Lúc đó ông đã dậy, bèn gọi người nhà "mức nước để rửa mặt". Hẳn ta nghe không rõ, tưởng ông cụ bảo "mức nước đổ vào mặt". Thế là hẳn ba chân bốn cẳng chạy về nhà, mức cả gáo nước thành linh hắt vào mặt vợ. Người sản phụ đang nằm đợi chết, bỗng bị nước lạnh dội vào mặt, giật mình chuyển cả thân thể. Tự nhiên cái thai sổ ra một cách dễ dàng. Tất cả mọi người trong nhà đều khoan khoái như trút được gánh nặng. Họ tắm tặc phục tài nhà danh sư. Qua ngày hôm sau sẵn mẻ lưới bắt được con cá chép rất to, chồng người sản phụ vọi xâu lại đưa đến biếu thầy thuốc.

Khi thấy hẳn ta cảm tạ công ơn mình đã giúp cho vợ hẳn mẹ tròn con vuông thì ông lang rất lấy làm lạ. Ông bảo:

- Hơn một năm nay tôi có làm thuốc cho ai đâu mà lại có sự lạ lùng này.

Nghe hẳn kể, ông ta vẫn chối, nhưng người làng chài nhất định không chịu mang cá về. Cuối cùng thấy chối mãi không được. Ông lang bèn xin nhận một nửa và nói:

- Bây giờ tôi chặt con cá làm đôi: một nửa mừng cho bác gái, một nửa tôi xin lăm nhận.

Nói rồi ông lấy dao thớt chia con cá làm hai khúc. Nhưng khi đang chặt, ông bỗng thấy trong ruột cá có cái gì cộm lên, moi ra được một chùm chìa khóa. Ông nhìn lại thì lạ thay! Chính đó là chùm chìa khóa của mình ngày trước. Từ đó ông lang bỏ ý định cũ, lại bốc thuốc chữa bệnh như xưa.^[1]

KHẢO DỊ

Truyện trên, miền Bắc có người kể khác về chi tiết. Một ông lang nổi tiếng được vua phong chức điều hộ. Một hôm cũng có chị đàn bà đến xin cắt một thang thuốc giết chồng, vì "sắt cầm không đẹp". Ở đây ông lang không từ chối mà làm trái lại, lập tức bốc một nắm hoài sơn, bảo người đàn bà mua vài con chim bồ câu ra ràng hầm với thuốc ăn trong nửa tháng sẽ chết". Chủ ý của ông là cắt thuốc bổ. Không ngờ hóa ra chết thật (mặc dù không có việc con rết nhả độc). Rồi ông lang cũng khóa tất cả các ô thuốc và ném chùm chìa khóa xuống sông với câu thề độc như trên. Phần tiếp theo sau cũng có người làng chài có vợ khó đẻ đến cầu ông. Người làng chài nghe ông lang bảo thẳng nhỏ: - "Đun siêu nước sông pha uống" lại tưởng bảo mình làm cho vợ như vậy, bèn trở về đun nước sông cho vợ uống thì không ngờ vợ đẻ được ngay. Đoạn kết cũng như trên.[2]

Ở Nghệ-an, có một câu chuyện nội dung nói về lai lịch một vị thuốc "thôi sinh", đây cũng là một dị bản của phần thứ hai của truyện trên:

Xưa có một người đàn bà đến kỳ sinh, chuyển bụng đã bốn năm ngày mà thai chưa ra. Người chồng vội vã đi tìm thầy thuốc để cắt một chén "thôi sinh". Thầy thuốc bảo rằng: "Anh không nghe người ta nói sao, "Thai sinh như hoa, đến kỳ thì hoa nở". Anh cứ về rồi tự nhiên nó sẽ sinh". Người chồng trong lúc hốt hoảng nghe câu được câu mất, cứ ngỡ là thầy bảo về

lấy hoa cây tự nhiên mà ăn thay thuốc là thai sẽ ra. Bèn đi kiếm một nhánh hoa tự nhiên đem về cho vợ ăn. Vợ vừa cầm lấy thì thai sổ liền.

Từ đấy người ta tin rằng hoa cây tự nhiên là loài thuốc quý đối với trường hợp khó sinh, hay sinh rồi mà rau chưa ra.[\[3\]](#)

Về tình tiết người đàn bà bí mật xin ông lang cắt cho thang thuốc giết chồng xem thêm truyện *Ăn mề gà mù mắt*, **Khảo dị** truyện số **191**, tập **V**

[1] Theo lời kể của người Hà-tĩnh, Nam-định

[2] Trong *Trung Bắc tân văn* (1920)

[3] *Bản khai của xã Hoàng-nghĩa, Cây tự nhiên*: loại cây ký sinh như phong lan, cây vàng có từng mắt, khúc eo khúc nở, thuộc nòi thạch học.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
56. TRINH PHỤ HAI CHỒNG

Ngày xưa có một gia đình nọ có một người con gái xinh xắn nết na. Lúc nàng lớn lên có một người học trò nghèo họ Đỗ đưa trầu cau đến hỏi làm vợ. Chàng là tay văn hay chữ tốt, tính nết rất hiền lành. Thấy thế, người cha cô gái vui lòng hứa hôn. Cô gái sung sướng được người chồng xứng đôi vừa lứa. Lễ cưới vừa xong thì cha nàng nhuộm bệnh qua đời.

Cô gái về nhà chồng một niềm trinh thuận. Chồng là người mồ côi cha mẹ. Gia tài chỉ có một đám vườn nhỏ với mấy quyển sách, nhưng hai vợ chồng son sống trong một bầu không khí hòa nhã yêu thương. Chồng đọc sách, vợ quay tơ, thú gia đình tưởng không ai hơn được.

Đột nhiên ít lâu sau đó người chồng mắc bệnh hủi. Người vợ lo lắng tìm thầy chạy thuốc. Nàng bán luôn nữ trang của mình, bán cả đám vườn đang ở để dùng vào việc chữa chạy cho chồng. Nhưng bệnh mỗi ngày một nặng, cho đến lúc hết phương điều trị. Chân tay người chồng cứ sưng lên và bắt đầu lở loét. Không một ai dám đến gần. Duy chỉ có người vợ ngày ngày hầu hạ chu tất không chút quản ngại. Thấy thế, anh chàng thương vợ quá. Chàng cho phép vợ ly dị để mặc mình với số mệnh. Nhưng người vợ nhất định không nghe. Nàng nói:

- Vợ chồng là nghĩa lâu dài, còn bệnh tật của chàng chẳng qua là sự không may. Thiếp xin cùng chung số phận với chàng, không đi đâu cả.

Nhưng bệnh của người chồng ngày một đáng sợ hơn. Luôn luôn chồng cố khuyên vợ trở về với mẹ để khỏi vì mình mà khổ thân, tuy vậy vợ vẫn kiên quyết ở lại. Một hôm, để cho vợ khỏi chịu thiệt thòi, chồng cất lên ra

đi. Chồng để lại cho vợ một phong bì thư, nói mình sẽ không bao giờ trở về nhà nữa và cho phép vợ tự do đi lấy chồng khác.

Sau khi chồng đi biệt, người vợ chảy không biết bao nhiêu là nước mắt. Mẹ đẻ của nàng khuyên con đi lấy chồng khác nhưng nàng quyết ở vậy đến già.

Ba năm trôi qua, tin tức của chồng vắng bật. Nhiều người đoán rằng chàng đã quyên sinh cho khỏi đau khổ. Rồi đó, người vợ trả nhà cửa lại cho họ hàng nhà chồng, trở về với mẹ đẻ, lập bàn thờ coi như chồng đã chết. Nhưng mẹ nàng luôn luôn bảo nàng:

- Con thủ tiết với chồng như thế là trọn đạo. Con không nên bỏ phí xuân xanh một đời.

Thấy nàng xinh đẹp lại có đức hạnh, nhiều người muốn hỏi làm vợ, trong đó có một người học trò họ Nguyễn. Tin qua mỗi lại xôn xao làm cho nàng không tự chủ được. Hơn nữa mẹ nàng có ý ép con, bà con thân thích cũng hết lời khuyên dỗ. Cuối cùng, nàng đành nhận lời đi bước nữa cùng với anh chàng họ Nguyễn. Về ở với chồng mới được ba năm, nàng sinh được hai người con trai. Hai vợ chồng rất tương đắc. Người học trò họ Nguyễn sau đó thi đậu tiến sĩ và được bổ làm án sát Sơn-tây.

*

* *

Năm ấy, Sơn-tây và các trấn lân cận mất mùa to, giá thóc gạo lên cao vùn

vụt. Khắp nơi đều có người chết. Đường sá, chợ búa đầy những đoàn người đói khổ đi kiếm miếng ăn. Quan án được lệnh đi phát chẩn cho dân đói.

Lại nói chuyện anh chàng họ Đỗ từ khi trốn vợ ra đi, nhất quyết không trở về quê hương nữa. Chàng không muốn vì mình làm khổ đời một người đàn bà. Chàng cứ đi lang thang nay đây mai đó, sống bằng nghề bị gậy. Cứ thế sau năm năm, bệnh của chàng vẫn như cũ và chàng vẫn sống một cuộc đời đơn độc và đau khổ. Hôm ấy nghe tin có cuộc phát chẩn, chàng lần mò tìm tới, nhập vào đội quân lĩnh chẩn. Bọn lính lần lượt phát gạo hết hàng này sang hàng khác. Khi sắp sửa được lĩnh, chàng kêu lên: - "Tôi là học trò yếu đuối tàn tật, không rá không mùng, không nôi không niêu nên không muốn xin gạo, chỉ muốn xin một ít tiền cho tiện...". Nghe hẳn nói thế, quan án cho gọi tới hỏi mấy câu về văn chương, quả nhiên anh chàng bề ngoài rách rưới tiêu tụy nhưng đối đáp rất trôi chảy, thơ làm ra thao thao bất tuyệt. Sẵn có tình yêu người tài, ông bèn đặc biệt lấy tiền ra cho, có phần hậu hơn những kẻ khác.

Khi về dinh, ông ta thuật chuyện vừa rồi cho vợ hay. Nghe tả hình dạng, người đàn bà ngờ rằng đó là người chồng cũ. Nàng ra chợ tìm cách đứng nấp để xem mặt, thì đúng là người chồng ngày xưa. Tự nhiên lòng thương chồng cũ nay lại bùng bùng bốc lên. Nàng phải nuốt thầm những giọt nước mắt vì mình đang ở vào một tình thế khó xử. Suy đi nghĩ lại mãi, cuối cùng nàng dùng lời nói khéo cố khuyên chồng mới đưa "người học trò khó mà có tài" đó về dinh, cho ở một gian lều sau trại. Như thế vừa làm được một việc nghĩa vừa có người làm bạn văn chương. Được chồng mới ưng thuận, nàng sung sướng vô hạn. Từ đó ngầm sai người hầu chu cấp chăm nom rất tử tế. Nhưng nàng không bao giờ để lộ một hành động gì cho chồng biết và cũng không bao giờ cho người chồng cũ thấy mặt.

Một hôm vào khoảng đêm khuya, người chồng cũ một mình đau bụng đi tả. Nhân khát quá, chàng bèn lần ra một cái chum ở gần trại múc nước uống.

Hôm sau, chàng mới biết là mình uống lầm phải một thứ nước trong đó có một con rắn trắng chết. Nhưng thật không ngờ, một thời gian sau những mụn hủi lở tróc bay hết và dần dần bệnh tự nhiên lành hẳn, da thịt của chàng trở lại trắng trẻo như xưa.

Rồi đó, chàng lại ôn luyện kinh sử và nhờ có sự giúp đỡ hậu tình của quan tán, chàng lại quấy lều chiếu đi thi.

Tất cả những việc đó xảy ra làm cho người đàn bà vừa mừng vừa đau khổ. Nàng thấy mình không thể chịu đựng âm thầm mãi như vậy được. Khi nghe tin chồng cử thi đậu tiến sỹ sắp sửa vinh quy, nàng viết một bức thư rất dài kể hết nông nỗi của mình cho người chồng mới biết. Nàng xin chồng tha lỗi về sự giấu giếm của mình bấy lâu nay. Có hai đứa con trai, nàng xin một đứa cho làm con nuôi ông nghè mới. Đoạn nàng trốn chồng con, bỏ đi biệt.
[1]

KHẢO DỊ

Người Hải-dương kể truyện này có khác một vài tình tiết:

Khi chồng bỏ đi biệt, người vợ cũng bỏ nhà đi tìm. Sau một thời gian tìm kiếm không ra, một nho sĩ mà nàng gặp cho biết mình có thấy xác một người hủi trôi sông, vậy chắc là đã chết. Đoạn bảo nàng: - "Thôi hãy cùng tôi lập một gia đình mới". Nàng đáp: - "Cám ơn, để tôi để tang chồng ba năm cho trọn đạo". Sau ba năm, chàng nho sĩ đến nhà nhắc lại lời hẹn.

Nàng cảm kích nhận lời. Hai bên trở thành vợ chồng. Sau đó chồng cũng thi đậu làm quan.

Đoạn sau cũng nói đến việc nàng tình cờ tìm được người chồng cũ, bấy giờ là ăn mày rách rưới ở một chợ nọ. Vẫn không ra mặt, nàng chỉ nói khéo để chồng mới đưa người "hàn sĩ" đó về ở một gian nhà cất sau huyện đường để tiện hỏi han nghĩa lý sách vở. Đặc biệt nàng có cho đào một cái giếng riêng cho chồng cũ dùng. Không ngờ giếng có mạch nước tiên, chàng uống vào tự nhiên lành bệnh và cuối cùng đi thi đậu trạng. Đứng trước cảnh ngộ khó xử, một hôm nàng bèn nhảy xuống giếng tự tử. Chồng mới, rồi tiếp đó chồng cũ hết sức xúc động lần lượt nhảy xuống chết theo. Không ngờ giếng tiên biến bộ ba thành thần và cuối cùng được Ngọc Hoàng phong làm Táo quân.

[1]. Theo *Thực nghiệp dân báo* (1923)

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
57. KIỆN NGÀNH ĐA

Ngày xưa có hai vợ chồng một người lái buôn hương. Họ chưa có con cái gì cả. Chồng vắng nhà liên miên, chỉ thỉnh thoảng mới về một lần. Có lần chồng đi khá lâu. Vợ ở nhà lọt vào mắt một tên xã trưởng. Dựa vào quyền thế, xã trưởng tìm cách quyến rũ người đàn bà đó và cuối cùng hai người tăng tịu với nhau. Nhưng hắn rất khôn ngoan, thỉnh thoảng mượn cớ đi tuần đến với người đàn bà một lần. Vì thế trong xóm ngoài làng chả một ai ngờ cả.

Lần ấy ông lái hương mãi mê buôn bán nên không tiện về nhà. Ông cất hàng đi rất xa và làm ra rất nhiều tiền. Sau ba năm, một hôm gần giỗ cha, ông mới sức nhớ đến vợ bèn thu xếp tiền nong tìm về quê cũ. Sắp về tới làng thì trời đã tối, ông sức nghĩ tới số tiền công lao mồ hôi nước mắt trong mấy năm trời: - "Ta đi vắng lâu quá! Không biết chừng ở nhà có sự thay đổi". Nghĩ thế, ông đem 120 lạng bạc trong bồ ra buộc làm một gói. Khi đến cây đa đầu làng, ông ta trèo lên và đem số bạc ấy giấu vào hốc cây. Ông khấn:

- Tôi là dân làng này, tôi làm ăn dành dụm được có chừng ấy, tôi gửi cho ngài, trăm sự nhờ ngài giữ hộ.

Vợ thấy chồng về lằng xằng cơm nước tiếp đón hết sức thân mật. Nhưng khi nhìn thấy chiếc bồ không, liền hết lời trách móc:

- Anh buôn thua bán lỗ làm sao mà bỏ vợ đại ở nhà ba năm đằng đẳng không đoái không hoài gì cả. Tiền nong anh vứt đi đâu? Trời ơi sao mà tệ thế!

Thấy tình hình không có gì đáng ngại mà vợ vẫn có vẻ một lòng một dạ với mình, người lái hương yên tâm, nên đêm ấy khi nằm lên giường, ông tỷ tề kể hết việc làm ăn khăm khá của mình cùng việc gửi bạc ở hốc cây đa đầu làng cho vợ nghe.

Không ngờ đêm ấy, xã trưởng theo thói quen tìm đến nhà nhân ngãi. Hẳn quen chó, lại thuộc cách mở cổng nên chả mấy chốc đã lọt vào thềm nhà. Sắp bước vào buồng, hẳn bỗng nghe tiếng trò chuyện nhỏ to. Biết là chồng cô ả đã về, hẳn đứng lại nghe ngóng. Và khi biết rõ người lái hương giấu bạc ở cây đa, hẳn mừng quá, vội lúi một mạch ra đầu làng, cuồn ngay gói bạc. Hẳn lấy một cách ngon lành, chả một ai biết cả.

Rạng ngày hôm sau, khi người lái hương ra lấy bạc thì ôi thôi, bạc đã không cánh mà bay mất tự bao giờ. Xót lòng vì mất của mà không biết kêu van với ai, ông ta đấm ngực kêu trời rất thảm thiết. Mãi về sau nghe tin gần miền có một ông Trạng xử kiện nổi tiếng, ông bèn chặt lấy một cành đa mang đến kiện với Trạng. Tuy thấy sự tình éo le, Trạng cũng nhận lấy cành đa rồi báo người lái hương về, sáng mai lại đến. Lập tức, Trạng sai quân hầu rào bốn bên cây đa lại, không cho một ai đến gần, rồi ngầm sai đào hố ở gốc, cho người xuống nấp dưới đó.

Sáng hôm sau, Trạng đến đóng dinh ở gần cây đa rồi trước mặt bàn dân đông đủ, Trạng bắt nguyên cáo và bị cáo ra đối chất. Cây nhận có giữ gói bạc nhưng không biết người nào lấy đi. Hỏi mãi cây vẫn không khai được một điều gì. Quân hầu của Trạng được lệnh khảo đả cây túi bụi. Mọi người đứng trước dinh Trạng đều nghe bị cáo van khóc rồi rít. Mãi đến ngày thứ ba, bị cáo mới tả cho biết mặt mũi người ăn trộm, nhưng chỉ nói riêng cho Trạng nghe mà thôi. Liền đó, Trạng cho người lái hương về, ba ngày sau sẽ bắt tên trộm hoàn lại số tiền, nhưng trước đó phải dọn cỗ bàn tạ thần mình

và mời làng nước đến ăn mừng về việc tìm lại được của. Trạng còn ghé tai dặn dò ông ta: - "Trong nhà có bao nhiêu chó dữ phải thả ra trong khi khách đến".

Người lái hương tin lời Trạng, về nhà mổ trâu khoán đãi bà con làng nước. Mỗi một người đến ăn cỗ lại làm cho mấy con chó cũi một phen sủa hết hơi. Duy chỉ có xã trưởng vì ba năm lui tới nên chó không còn lạ hơi nữa. Khi thấy mấy con chó vẫy đuôi mừng xã trưởng, lập tức những người của Trạng, trực sẵn ở sau nhà, bắt lấy giải đi.

Trước mặt Trạng, ban đầu xã trưởng chối lấy chối để. Nhưng sau thấy Trạng vạch tội hăn có ngành có ngọn và cho biết thêm là cây đã thú thật mặt mũi người lấy trộm như thế nên hăn đành cúi đầu nhận tội.

Ngày nay, người Nghệ-tĩnh có câu: "*Kiện ngành đa*" ý nói kiện một cách gián tiếp, nghĩa là kiện một sự việc này nhưng chính nhờ đó làm nảy ra ánh sáng một sự việc khác. [1]

KHẢO DỊ

Theo một người khác kể, thì truyện này không nói đến người nhân tình và vợ của người buôn hương, chỉ nói đến một người ngủ dưới cây đa với một tay nải. Tỉnh dậy, thấy mất tay nải, hăn bèn chặt một cành đa kiện với quan. Quan cũng sai bí mật đào hố ở sân, cho người nấp dưới đó rồi truyền lệnh cho người khảo đả cành đa. Trong khi dân chúng đứng ở phía ngoài xem

đông như hội, thì ở trong này, cảnh đa cung xưng: "Xin quan tha đánh, tôi sẽ chỉ mặt tên phạm tội". Rồi nói tiếp: - "Tôi biết rõ mặt nó dù nó đứng lẫn vào đâu tôi cũng nhận ra được. Nhưng công bố tên nó ở đây thì rất xấu hổ, và nó sẽ bị quan trị tội. Ngày mai cũng vào hồi này, tôi sẽ mách tên nó, nếu nó không chịu thú với quan".

Trong số những người đi xem hôm đó có tên trộm. Nghe nói vậy, hấn sợ quá, vội mang tay nải của người kia, thừa lúc vắng, ném trả ở cửa công đường. Vì vậy ngày mai, quan hạ lệnh bãi cuộc tra. [2]

Trong *Bao công kỳ án* cũng có truyện *Chôn tiền bị mất*:

Có hai vợ chồng mới lấy nhau được một năm, chồng vì sinh kế, bỏ đi tỉnh khác làm công cho một hiệu buôn. Ba năm sau mới về với số tiền công của mình. Sắp tới nhà thì trời tối, sợ bị cướp giật nên đào hố chôn ở chân cầu thứ ba. Về nhà, thấy vợ ra vẻ lạnh nhạt vì không thấy tiền, chồng nói thật để lấy lòng vợ, không ngờ tình nhân của vợ đêm ấy nấp dưới giường nghe rõ cả, liền đi đào lấy về.

Sáng dậy chồng đến đào không thấy. Bị vợ mĩa mai, chồng đi kiện với Bao Công, Bao Công hỏi: - "Việc chôn tiền đã nói với ai chưa?". Hấn đáp chỉ nói với vợ. Quan sai đòi vợ đến tra khảo. Vợ không nhận. Chồng thấy vợ bị tra khảo lấy làm thương, xin quan tha, nói là mình không cần số tiền đó nữa. Bao Công lại thả vợ giam chồng, cho là tội đùa với quan trên.

Tối hôm ấy, tình nhân vợ lén đến nhà nói cho biết là số tiền ấy đã vào tay mình. Hấn vừa trao tiền cho nhân tình thì liền bị sai nha do Bao Công phái đến rình sẵn, tóm cổ.

Người Khơ-me (Khmer) có truyện *Vua Dao* trong đó có mtoj chi tiết giống

với truyện trên.

Một anh chàng có số làm vua hai nước. Lúc trẻ được một nhà sư dạy cho câu châm ngôn: "Tìm của chớ ngủ, nằm với vợ chớ nói". Anh đi nhờ thuyền buôn ra nước ngoài định nhờ vả ông anh làm quan to ở đấy, nhưng ông anh chỉ cho có mỗi một vuông vải. Lúc trở về nhà ngồi thuyền, trùm vuông vải lên đầu, nhờ đó (và nhờ không ngủ theo câu châm ngôn), anh đã tóm lấy râu con quỷ Yắc buộc nó phải cho dây, gậy và nôi thần. Bị thuyền trưởng gạt anh lên đảo rồi cho thuyền chạy để chiếm các vật quý, anh lại dùng mẹo chiếm được viên ngọc có phép "đi trên biển như đi trên đất liền" của một con lợn thần, nhờ đó, anh đuổi kịp thuyền buôn, sau đó anh lấy lại các đồ vật đã mất, rồi vượt biển một mình về đến nhà. Đến đây truyện bắt đầu giống với truyện *Kiện ngành đa*.

Trước khi gõ cửa cho vợ mở, anh chôn mọi vật quý dưới chân cầu thang. Vợ đang hú hý với nhân tình, nghe tiếng chồng gọi, vội giấu nhân tình vào một nơi, rồi đón chồng vào. Lúc lên giường, vợ hỏi tình hình nước ngoài ra sao, anh nhớ câu châm ngôn không đáp. Nhưng do vợ nỉ non mãi, anh buột miệng kể hết cho nghe, kể cả chỗ giấu vật quý. Anh nhân tình nghe được liền đào lấy mang đi.

Sáng dậy, thấy mất vật quý, anh chàng vật vã kêu trời rồi đóng gông cái thang lên kiện quan. Quan không xử, anh lại đưa tới kiện vua. Ở đây cách tra xét của vua khá đặc biệt. Vua bảo anh về, cho anh một cái áo choàng đẹp, bảo lúc nào vua mở hội thì trao cho vợ mặc đi dự, còn bản thân thì đừng đi. Đến hôm nhà vua mở hội, vợ thấy chồng ốm thì mang áo ấy cho nhân tình mặc để cùng mình đi dự hội. Người của vua phái đi tìm người mặc áo choàng đẹp, nhận ra được ngay và bắt cả cặp giải về. Họ thú nhận tất cả. Vua giao cho anh chàng phân xử, anh chỉ xin vua bắt hai người lấy nhau.

Đoạn sau, anh biểu vua tất cả các vật quý mà chỉ đổi lấy một con dao sắc. Anh bỏ nước đi đến một nước khác làm con nuôi một đại thần. Và nhờ câu châm ngôn trên, một đêm nọ, anh thức đêm canh gác cho nhà vua chu đáo (trước đó những ông quan khác đi canh đều ngủ quên và bị vua xử chém) được vua khâm phục về sự cần mẫn và tài năng, gả công chúa cho, rồi cho thay vua trị vì. Trở về nước, anh lại được ông vua cũ trọng đãi vì phục tài và gả cho công chúa, rồi nhường luôn ngai vàng.

Cuối cùng, anh không quên đi gọi người anh mình về và cho làm quan. [3]

Đồng bào Tày có truyện *Bút Bời* cũng là một dị bản của *Kiến ngành đa* nhưng hình tượng xây dựng khác hẳn:

Có hai người bạn, một khôn ngoan, một dại dột, đều nghèo đói không con, một hôm rủ nhau đi tìm Bút Bời (Ngọc Hoàng) để xin cho được con có của nên. Mỗi người quảy một gánh gạo, chàng Khôn đi trước Dại đi sau. Khi ngủ ở rừng có ma hiện ra quấy nhiễu, chàng Khôn bảo bạn hãy nín thở, tay trái cầm một nắm đất để lên đầu và cầu Bút Bời phù hộ. Ma liền chạy mất. Đi đã nhiều ngày mà không gặp Bút Bời, chàng Dại toan về nhưng được bạn khuyến khích lại đi. Đêm tới, hai người nằm mộng thấy có người đến khuyên nên trở về vì đường còn rất xa. Sáng dậy, họ gặp một người (tức Bút Bời cải trang) hỏi họ muốn gì? - "Xin đẻ con trai". - "Được, muốn gì nữa?". Chàng Dại xin một gánh bạc, chàng Khôn xin một gánh ba phần bạc một phần vàng. Bút Bời đều hứa cho, chỉ dặn ba điều nên nhớ: 1) Khi lội sông chớ lội thẳng. 2) Thấy cầu chớ luồn phía dưới. 3) Về đến nhà trước ba ngày chớ trèo lên thang.

Lúc về chàng Dại đi trước chàng Khôn. Qua sông anh muốn lội thẳng, Khôn can mãi không được bèn bảo hãy đặt gánh ở bờ, cả hai cùng lội thử.

Mỗi tội được một quăng bỗng thấy có cây chuối rừng trôi quần lấy cẳng. Khôn chém một nhát thấy chuối chảy máu, mới hay đó là rỗng. Lật đặt trở lại quấy gánh lội men qua sông vô sự. Khi gặp một thân cây ngã chắn ngang đường, Đại không nghe lời can của bạn, luồn xuống phía dưới để qua, bị cây đổ đè lên một bên gánh, đánh mất nửa số bạc. Nửa đêm về đến nhà, anh vẫn không nghe lời dặn, đặt gánh dưới nhà, gọi vợ ầm ĩ bảo đốt đuốc cho mình lên. Không ngờ vợ có nhân tình. Thấy chồng cô ả về, hắt lén xuống rình, nhân thấy gánh bạc liền quấy đi mất. Đến khi anh chàng xuống tìm thì không thấy nữa. Anh ta cho rằng vì mình không nghe lời nên Bút Bời lấy lại số bạc.

Về phần anh chàng khôn ngoan, anh giấu gánh ở rừng mà về không. Đến nhà nghe có tiếng nói chuyện tởm tởm với vợ mà không phải giọng của mẹ mình, anh đoán là nhân tình của vợ. Anh giận lắm trở về rừng mài dao định đâm chết cả hai. Đêm sau lại về, lại nghe trò chuyện nhỏ to, nhưng nhớ lời dặn của Bút Bời, tuy ghen mà không dám lên. Lại trở về rừng mài dao, định khuya lại vào lúc gà gáy sáng vừa đủ thời hạn ba ngày, sẽ lên giết chết. Về đến nhà, trời bỗng nổi sấm đầu năm. Người Tày vốn có tục nhân nghe tiếng sấm gọi hồn của người đi xa trở về. Khôn nghe tiếng khẩn của mẹ, rồi tiếng khẩn của mẹ vợ, rồi tiếng của vợ đều gọi hồn mình về. Anh mới biết rõ sự thật. Chờ gà gáy xong, anh trèo lên cầu thang, kể hết mọi chuyện cho gia đình nghe, rồi nói: "Nếu không nghe lời Bút Bời thì có lẽ tôi đã phạm tội giết oan vợ và mẹ vợ". Đoạn, bảo vợ cùng mình đi lấy của giấu ở rừng về.

Chàng Đại đến kể chuyện mất bạc với chàng Khôn. Sau khi trách bạn không nghe lời dặn, chàng Khôn hứa tìm cách lấy lại số bạc đó. Anh bảo bạn phải thật giữ kín, rồi bảo về tìm xem ở sàn nhà có cái lỗ nào vừa một người chui lọt không. Đại về nhà tìm thấy ở chỗ đóng cũi có một cái lỗ, lại có dấu chân. Khôn lại bảo mang mây đến nhà mình để đan một cái rọ. Đan xong, Khôn bảo bạn về nói với vợ già cho một gánh gạo để đi xin Bút Bời lần nữa, rồi gánh tới đây.

Vợ chàng Đại tưởng chồng lại đi thật, đêm ấy gọi nhân tình sang, không ngờ Khôn và Đại đi nửa chừng lên về buộc rọ vào chỗ có lỗ, đoạn Đại gọi cửa ầm lên. Quả nhiên anh nhân tình chui đầu vào rọ, bị trói lại. Cuối cùng hăn không những trả lại gánh bạc còn giấu ở trong rừng chưa đựng đến, mà còn phải nhả người nhà mang bạc - cân vừa đủ sức nặng của người hăn đến chuộc tội gian dâm. Chàng Đại tặng chàng Khôn số bạc này để đền ơn. [4]

Người Ả rập (Arabes) có truyện *Ngoại tình bị bại lộ*:

Vị Kha-lip En Măng-xua thấy có một người mếu máo đến thưa rằng mình đi buôn xa có số tiền giao cho vợ giữ, vợ vừa cho biết bị mất trộm, không tìm ra dấu vết. Hỏi: - "Vợ lấy đã bao lâu?" - "Mới được một năm" - "Có con riêng không?" - "Không" - "Còn trẻ hay già?" - "Trẻ". Kha-lip liền giao cho hăn một lọ nước hoa đặc biệt, bảo: "Đưa cái này về mà giải sầu".

Rồi đó, ông sai bốn người hầu mỗi người đứng gác một cửa thành, dặn ai đi qua nếu ngửi thấy có đúng mùi nước hoa như thế, thì giải đến. Người kia về đưa nước hoa cho vợ bảo: - "Kha-lip cho ta đấy". Vợ bèn ngậm biếu tình nhân. Sau đó anh nhân tình bị bắt. Hỏi: "Nước hoa lấy ở đâu ra" - "Mua" - "Đưa người bán đến đây?". Hăn ta bối rối. Kha-lip bảo cảnh sát: "Hãy giam lại nhưng đừng đánh, bao giờ nó trả đủ số tiền hãy tha, nếu không thì đánh 1.000 roi". Hăn trả đủ tiền, Kha-lip gọi người mất tiền đến phán: "Tiền của người đây, còn vợ thì phú về" [5]

Truyện *Con chồn bị giết oan* của người Lào khác với truyện trên về mô típ nhưng vẫn có liên hệ về ý nghĩa:

Một người Bà-la-môn mang về cho vợ một con chồn đèn (panpong), vợ

nuôi ở nhà, người và vật quen thuộc. Một hôm vợ xuống sông tắm, để con còn bé trên bờ với con chồn. Bỗng một con rắn bò tới toan làm hại đứa bé, nhưng bị chồn vồ chết. Người Bà-la-môn chợt đến, thấy miệng chồn có máu, tưởng nó cắn con, bèn giết ngay. Nhưng khi nhìn kỹ mới hay sự thật. Hối hận, hắn quyết định đi Ba-la-nại (Bénarès) sám hối để lại cho vợ cái khánh (ga-tha) trên có khắc câu: "Chớ hành động thiếu suy nghĩ, nếu không sẽ ăn năn như người Bà-la-môn với con chồn".

Ở làng ấy có một người lái buôn xa nhà để lại người vợ có chữa. Đứa con trai lớn lên cũng làm nghề buôn. Một hôm vợ người Bà-la-môn vì túng tiền nên bán cái khánh cho mẹ con người lái buôn. Đọc câu châm ngôn, họ lấy làm thích thú, người con bèn cho họ khắc câu châm ngôn vào lưỡi gươm mình thường đeo. Người lái buôn lâu năm vắng nhà, một đêm nọ về bất chợt. Vào buồng vợ, thấy một người ngủ bên cạnh cây gươm, gần vợ. Giận quá người ấy cầm gươm toan giết người mà ông ta định ninh là tình nhân của vợ. Nhưng đọc được những dòng trên lưỡi gươm, ông bèn dừng tay lại. Giữa lúc ấy, người vợ tỉnh dậy, thấy chồng, vội chỉ đứa con mà ông vừa toan giết: "Con ta đấy". Người lái buôn bèn đưa hậu lễ đến người Bà-la-môn vì đã bán cho mình một câu châm ngôn vô giá.[6]

Phương Tây còn có một câu truyện *Ba điều dạy của Xa-lô-mông*, hình tượng và ý nghĩa tượng tự với truyện của Lào:

Một người đầy tớ của Xa-lô-mông một hôm xin thôi việc và được chủ trả công là 300 đuy-ca. Từ già chủ rồi, nhưng anh ta nghĩ rằng có biết bao nhiêu người vẫn thường đến mua lời dạy khôn của chủ, nên cũng muốn xin

chủ một điều dạy, bèn trở lại thưa: "Xin ngài cho một điều dạy". Xa-lô-mông đáp: - "Phải trả đủ 100 duy-ca như mọi người" - "Xin vâng". "Việc làm hôm nay đừng để đến ngày mai, nhớ lấy". Vẫn chưa vừa lòng nên Xa-lô-mông lại thấy hăn ta trả lại xin một điều dạy nữa: "Phải trả đủ 100 duy-ca" - "Xin vâng" - "Hãy suy xét việc định làm rồi hãy làm, nhớ lấy!". Hăn vừa bước đi thì chủ gọi lại nói: - "Bây giờ con đi thì chắc hết tiền, vậy chờ đây ta cho ít bánh".

Ra về, hăn gặp một người buôn dầu làm bạn đường. Trước mặt họ có hai con đường: cũ và mới. Người buôn dầu bảo: - "Có đi đường mới với tôi không?" - "Không, 100 duy-ca lời dạy của chủ, tôi cứ theo đường cũ". Hăn bằng lòng với lời dạy vì chả mấy chốc đã thấy người buôn dầu mếu máo quay trở lại vì bị cướp lấy hết cả của cải. Về đến nhà vừa đêm tối, cửa đóng. Nhìn qua lỗ khóa, thấy vợ mình đang ngồi ở bàn ăn với một thầy tu, hăn định rút súng ra bắn chết. Chợt nhớ lời dạy thứ hai của chủ, hăn bèn nuốt giận gõ cửa. - "Ai?" - "Tôi". Vợ nhận ra ngay: - "À, chồng tôi đã về!". Vào nhà hăn hỏi: "Thầy tu kia là ai?" - "Con anh đấy chứ ai: chúng tôi cho nó mặc kiểu thầy tu". Hăn reo: "Ồ, lời dạy quý hóa!". Sắp vào ăn, bỗng nhớ miếng bánh chủ cho, hăn bèn lấy ra cắt, thì trong đó có 300 duy-ca. Hăn lại reo to: "A, chủ lại trả lại tiền cho ta!". Mọi người vui vẻ vào bàn. Vợ hăn nói: - "Hãy gượng, để tôi bảo thợ gặt mai khoan hãy đến, vì là ngày vui của chúng ta". Hăn đáp: "Không, việc làm hôm nay chớ để ngày mai". Gặt xong, bỗng có trận mưa đá, làng xóm mùa màng hư hại nặng, trừ nhà hăn. Hăn ngẫm nghĩ: "Lời dạy của chủ quý vô kể!"[Z]

[1] Theo *Tổng Trân - Cúc Hoa* và lời kể của người Hà-tĩnh. Về việc tra khảo cây, xem thêm truyện *Tra tấn hòn đá* (số **110**) và truyện *Nguyễn Khoa Đăng* (Số **111**) tập **III**.

[2] Theo Lê Doãn Vỹ. *Sách của trẻ nhỏ* (1941), đã dẫn. Nguyễn Văn Ngọc trong *Truyện cổ nước Nam*, tập I, thì: tiếng đồn cây đa biết nói sắp xưng tên đứa lấy tay nải làm cho tên gian lo lắng sợ tội, bèn đến công đường “tiên năng tự thú”. Cũng theo ông thì truyện *Cây đa biết nói* ngày xưa trong dân gian đã diễn thành vở chèo.

[3] Theo Mác-ti-ni (Martini) và Béc-na (Bernard). *Truyện cổ dân gian Căm-pu-chia chưa hề in* và *Truyện dân gian Căm-pu-chia*.

[4] Theo Đơ-jơ-jơ (Degeorge). *Truyền thuyết của người Tày ở An-nam*, tạp chí *Nhân loại*, đã dẫn (1921- 1922). Về tình tiết chàng Khôn nhờ nghe lời Bút Bời nên tránh được việc giết oan vợ và mẹ vợ, trong bộ *Kinh luật dị tướng* có truyện *Người mua khôn* như sau: Một người nghèo vượt biển kiếm ăn trở về có nhiều của. Anh ta có vẻ đặc chí. Một hôm gặp một người bạn, người bạn bảo: - “Gần đây có một người dạy khôn, khắp thành phố người ta đi mua khôn của ông ta. Dù đắt mà được khôn còn hơn”. Anh ta nghe lời tìm đến. Người dạy bày cho một phép: khi có việc gì đó nghi ngờ hãy tiến lên bảy bước rồi lùi lại bảy bước. Làm ba lần như thế, trí khôn sẽ xuất hiện. Anh ta trả 1.000 đồng vàng. Một hôm anh ta đi xa về khuya. Vào buồng vợ thoáng thấy vợ và một người nữa đang ngủ. Anh ta ngờ vợ nằm với nhân tình, cơn ghen bốc lên rút dao toan giết. Chợt nhớ đến trí khôn mới mua được, lập tức làm theo. Giữa lúc ấy người lạ trên giường vợ đã dậy, hóa ra đó là mẹ vợ. Hấn kêu lên: - “Thật là khôn! Một ngàn đồng vàng

là quá rẻ”. Bèn đến nhà người dạy trả thêm 3.000 đồng vàng (Theo Sa-van-nơ (Chavanne). Sách đã dẫn).

[5] Theo Bát- xê (Basset), quyển II, đã dẫn

[6] BEFEO, tập XVII, số 5 (1917)

[7] Theo tạp chí *Muy-dê-ông* (Le Museum) (1884)

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
58. TO ĐẦU MÀ DẠI, NHỎ DÁI MÀ KHÔN

Một hôm voi đang đứng đỉnh đi chơi bỗng gặp hổ. Hai bên chào hỏi chuyện trò chán chê, đoạn hổ bảo với voi:

- Bác với tôi đều là bậc anh hùng ở chốn sơn lâm, mỗi lần đi đến đâu, mọi thú vật đều khiếp sợ. Nay tôi muốn thi tài với bác một chuyến chơi, nếu bác vui lòng thì hai chúng ta cùng nhảy qua một cái ngòi trước mặt đây, hễ bên nào không nhảy được thì sáng mai đến đây đưa thân cho kẻ được cuộc tha hồ mà chén thịt hay chà đạp thế nào tùy ý. Nào bác xem chừng có đủ sức độ tài với tôi chăng?

Nghe hổ nói khích, voi khẳng khái đáp ngay: "Được, tôi sợ gì mà không thi". Nói rồi cả hai cùng nhảy qua ngòi. Hổ làm một vọt sang bờ bên kia như bỡn. Nhưng voi vốn nặng nề cất mình không nổi, bị sa xuống dòng nước. Chân voi tụt xuống bùn lầy làm cho hổ phải xuống kéo mãi đến tối ngày mới đưa lên được. Rồi đó cả hai ai về nhà nấy.

*

* *

Giữ đúng lời hẹn, sáng hôm sau voi phải đi nộp xác cho hổ ăn thịt. Biết hổ

chẳng tha cho nào, voi thấy chân rã rời, bước không nổi. Bỗng thỏ từ sau một gốc cây lớn tiến đến trước mặt voi. Thỏ chào hỏi, voi không buồn đáp lại. Thấy voi buồn thiu buồn thiu, thỏ hỏi:

- Bác voi! Sao bác buồn thế? Có việc gì đáng lo xảy ra hay sao? Bác cứ kể cho tôi biết đi. Chưa biết chừng tôi sẽ giúp ích cho bác nhiều...

Voi dừng lại, kể cho người bạn nhỏ nghe câu chuyện nhảy thi với hổ ngày hôm qua và nói:

- Đêm về tôi nghĩ lại biết mình thi nhảy với hăn là khờ. Nhưng bây giờ đã lỡ thì biết làm thế nào?

Thỏ bảo:

- Thế sao bác không trốn đi, đừng ra đây có hơn không?

- Không được - voi trả lời - Tôi thà chết chứ không muốn sai lời đã hẹn.

Thỏ nghĩ một lát, nói: "Tôi có một kế cứu bác nếu bác bằng lòng làm theo đúng lời tôi dặn" - "Kế ấy thế nào?" - "Kế này cốt yếu nhất là tôi bảo sao bác phải làm đúng như thế mới được". Nói rồi, thỏ đi kiếm lá cây tràm lên đầu mình, cải trang thành một con vật khác hăn. Đoạn cả hai con cùng đến chỗ hẹn với hổ. Thỏ bắt voi nằm ngửa giơ bốn chân lên trời không cựa cựa.

*

* *

Lại nói chuyện hổ từ hôm qua được cuộc, trong bụng vô cùng mừng rỡ. Sáng mai ngủ dậy, hổ hí hửng chờ đến lúc được chén thịt voi. Nhưng khi sắp sửa đến chỗ hẹn, hổ nhìn thấy một cảnh lạ mắt mà hấn không bao giờ ngờ tới. Trước mặt hổ, voi đã nằm chết chổng cẳng và trên mình voi có một con vật nào là lạ đang hùng hục chén thịt. Mà con vật ấy chỉ bé bằng đầu vôi voi mà thôi.

- Lạ thật! Không biết con vật nào kia chỉ có một tý tẹo thế mà dám cả gan vật voi ăn thịt. Voi còn thế, huống chi là mình, không khéo nó nhìn thấy thì bỏ xác.

Nghĩ vậy hổ rụt rè không dám tiến nữa, rồi rón rén quay trở lại, lúi một mạch về nhà. Dọc đường bỗng có khi ở trên cây hỏi vọng xuống:

- Bác hổ, sao bác vội thế? Có việc gì đấy?

Nghe khi hỏi, hổ hoàn hồn dừng lại, kể chuyện vừa rồi cho nghe. Kể xong, hổ chưa hết sợ hãi toan bỏ đi. Nhưng khi vôi giữ hổ lại mà nói:

- Bác đừng sợ! Đây chắc là có mưu mẹo gì đấy thôi! Bác cứ trở lại chỉ cho tôi thấy đi.

Thấy hổ còn ngần ngại, khi lại nói:

- Nếu bác sợ tôi đánh lừa thì bác cứ buộc người tôi vào chân của bác, hể bác ở đâu có tôi đó, bác đừng ngại!

Nói xong, khi đi lấy dây nân buộc thân mình nối liền với chân sau hổ rồi cả hai cùng trở lại. Khi thỏ thấy hổ và khi dẫn nhau tới, biết ngay có khi làm quân sư liền không để cho chúng kịp giờ mưu mô, vội cất tiếng the thé mắng phủ đầu rằng:

- Này khi kia, sao mà chậm thế? Cha mà xưa nợ của tao tính ra đến mười con hổ, vậy mà mãi đến bây giờ mà mới đưa đến được một con. Tại sao mà chây lười đến thế. Muốn tốt phải trả cho đủ số, nếu không tao sẽ xé nhỏ xác mà ra.

Nghe nói, hổ tưởng khi đánh lừa đem mình đi gán nợ cho con vật dữ tợn kia, bèn hốt hoảng cong đuôi chạy một mạch không dám ngoảnh cổ lại. Hổ chạy mãi, chạy mãi, cho đến lúc thấy mồ hôi toát ra đầy người, mệt hết sức, mới dừng lại, nhìn lại khi thì khi đã chết nhản rằng từ bao giờ rồi. Thế mà hổ tưởng là khi còn sống liền mắng cho một trận, và nói:

- Đã thế mà mà còn nhản rằng ra mà cười à? [1]

Có câu tục ngữ "*To đầu mà dại, to dái mà khôn*". Lại có câu "*Nợ mười hùm chưa đủ, mưu một khi thối chí*" đều do truyện trên này mà ra.

KHẢO DỊ

Truyện trên còn thấy ở một vài dân tộc khác như đồng bào Tây-nguyên... Trong truyện của Tây-nguyên, chẳng hạn của người Ba-na (Bahnar), cũng như của Khơ-me (Khmer), thay cho voi là người:

Một con hổ thấy con chim bói cá kiếm ăn một cách dễ dàng khỏe khoắn (từ trên cao chỉ liệng xuống nước một cái rồi bay lên là có cá ăn) cũng muốn bắt chước. Bèn trèo lên cây rình khi có cá ở dưới thì buông người xuống. Chẳng ngờ đã không bắt được cá mà suýt nữa chết đuối. Một người kiếm mật ong đi qua thấy vậy cười nhạo hổ hết lời. Hổ then, xin người ấy giấu cho, mình sẽ tặng một ngày một con thịt. Người ấy nhận lời. Từ đó anh ta rất mực sung sướng. Nhưng vợ anh ta lại cứ nài nỉ anh cho biết lý do vì sao luôn luôn may mắn. Lúc đầu anh giấu, nhưng sau buột miệng nói hết ra. Sáng mai lên rừng gặp hổ, hổ bắt người ấy phải nộp mạng vì đã nuốt lời hứa. Người ấy vâng lời nhưng xin hổ cho về nhà từ giã vợ mai sáng sẽ đến nộp mình.

Sáng hôm sau anh chàng thất thểu ra đi, trên đường gặp thỏ, và chuyện cũng xảy ra như chuyện vừa kể.

Trong một dị bản của người Ba-na (Bahnar) ở vùng Kon-tum thì thay cho chim bói cá là điều:

Một hôm hổ vớ được một con heo rừng, sau khi đã rình mò khá vất vả. Hổ bèn xé xác heo thành mấy mảnh để ăn; những mảnh chưa ăn tới thì ngồi lên giữ, vì sợ mất. Từ trên cao điều nhìn xuống rất thèm. Điều nghĩ được một kế, bất thành linh bay vụt xuống mổ một cái vào hạ bộ hổ. Hổ đau nhói, vội chồm lên, gầm thét vang trời. Thế là điều liền chớp ngay một miếng gan

heo và bay lên cành cao đánh chén. Vừa lúc hổ đang bị điều đớp, một người thợ săn đi qua thấy thế cười sặc sụa. Hổ ngượng quá bèn ngỏ ý xin anh ta giữ kín cho câu chuyện xấu hổ này. Đáp lại, hổ sẽ kiếm thịt hươu, nai đem đến nhà cung đốn. Anh thợ săn chấp nhận lời thỉnh cầu, từ đó anh luôn luôn có thịt rừng để ăn, khỏi phải mất công lặn lội, tìm kiếm. Nhưng một hôm vui bạn, anh chàng nói toạc với bạn câu chuyện hổ bị điều chơi lờm. Đang lúc ấy hổ vác thịt đến nhà. Biết chuyện, hổ nổi giận, đòi anh thợ săn thực hiện lời đã cam kết: nếu nói hớ chuyện ra thì phải nộp mạng cho hổ. Anh thợ săn khất hổ bảy ngày sau sẽ đến chỗ hẹn. Đang trong những ngày buồn tẻ nhất, anh bỗng gặp thỏ. Thỏ hỏi thăm, biết chuyện, bàn mưu với anh làm một chiếc nỏ lớn và hai mũi tên tẩm thuốc độc, để mình tìm cách cứu. Đến ngày hẹn, theo lời thỏ dặn, anh thợ săn bảo hổ phải cùng nhau tới gặp thần Dang Công (thần núi) ở một gốc đa trong rừng sâu để nghe phán bảo tội trạng, rồi mới được thực hiện lời hứa. Hổ đã biết tiếng thần Dang Công nên rất sợ, đành nhận lời.

Khi cả hai kéo nhau đến dưới gốc đa thì đã thấy một vị thần to lù lù đứng đấy, hoa lá phủ đầu người. Thỏ nấp bên trong, cất giọng ồm ồm, bắt cả hai khai thực đầu đuôi để mình phán xử. Muông thú nghe tin thần Dang Công hiển hiện xử vụ kiện giữa người thợ săn và hổ nên cũng nườm nượp kéo nhau đi xem. Thần Dang Công truyền bảo mỗi bên nhận một mũi tên thần, và dùng nỏ thần bắn vào bên kia, ai có tội kẻ đó sẽ chết. Nhưng thỏ đã ranh mãnh trao nỏ cho chàng thợ săn bắn trước mặc dầu hổ ra sức phản kháng. Chàng thợ săn được nỏ bèn gắng sức giương hai cánh nỏ cứng nhắm vào hổ bắn một phát. Mũi tên độc trúng đầu hổ, hổ lăn ra chết liền. Muông thú thấy vậy xô nhau chạy tán loạn, giã đạp lên nhau mà chết. Từ trong đám lá ngụy trang thỏ nhảy phóc ra, hiện nguyên hình, bảo anh thợ săn đem thịt thú rừng về đánh chén.

Cũng cốt truyện này ở một số làng bản Ba-na (Bahnar) khác lại kể rằng: khi anh thợ săn đưa hổ đến gặp thỏ, thỏ thách hổ nuốt thi với mình một cái

xương trâu dựng ngang trong miệng, nếu hổ nuốt được thì mới chứng tỏ anh thợ săn có lỗi. Hổ đồng ý há mồm cho thả bỏ xương vào, nhưng bị xương nhọn chống hàm lên, đau không sao nuốt được. Đến lượt thỏ, thỏ nhanh nhẹn bỏ xương ra sau đít. Hổ tưởng thỏ đã nuốt xương dễ dàng, hốt hoảng bỏ chạy. Người thợ săn thừa dịp giương cung bắn chết hổ. [2]

Ở Việt-nam có nơi kể khác đoạn đầu. Đó là truyện *Con hổ, con cóc tía và con khỉ*.

Cóc tía thấy hổ thường năng đi qua về lại trước nhà, sợ nó giẫm phải, mới tính kế làm cho hổ phải tránh xa. Một hôm chờ hổ đi ngang trước nhà, cóc bèn xông ra nạt: "Đứa nào đấy, đừng có lớ xớ qua đây mà tao giết chết uống mạng". Hổ giật mình hỏi ai thì cóc đáp: - "Tao đây! Tao là cóc tía đây!" - "Ái chà - hổ nói - mày bằng năm tay có tài nghệ gì mà dám láo thế?". Thấy cóc nói nghề gì cũng biết, hổ mời vào nhảy thi. Cóc nhận lời và nói: - "Tao không thèm đứng ngang mày, tao đứng sau mày mà nhảy xa hơn mày mới tài". Cũng như truyện *Cóc kiện trời* trong *Lược khảo về thần thoại Việt Nam*, cóc chờ khi hổ đập đuôi sắp nhảy thì vội cắn lấy đuôi hổ. Hổ sang đến nơi thì cóc đã văng xa trước hổ một quãng. Hổ thua cuộc, cóc nói: - "Tao mới sáng đây mà đã ăn thịt một con hổ rồi!". Rồi há miệng cho hổ thấy một dúm lông mà cóc đã cắn ở đuôi hổ lúc nãy. Thấy thế, hổ sợ quá cong đuôi chạy. Giữa đường hổ gặp khỉ và kết cục cũng y như truyện vừa kể. [3]

Người Nghệ-an kể truyện này cũng giống như trên, nhưng còn có thêm một tình tiết: trước khi hổ mời cóc nhảy thi, hổ đòi ăn thịt cóc. Cóc bảo: - "Chà chà! Quân mày đông hay quân tao đông mà mày dám đòi ăn thịt tao. Này bây giờ mày với tao mỗi bên gọi lên một tiếng xem bên nào có người "dạ" nhiều". Hổ kêu lên một tiếng nhưng chẳng thấy ai phản ứng cả. Còn cóc kêu một tiếng thì cả cánh đồng đều "dạ" ran. Hổ ngạc nhiên, bắt đầu sợ cóc. [4]

Người Quảng-bình kể truyện *To đầu mà đại, nhỏ dái mà khôn* như nhau:

Voi thi với hổ không phải bằng cách nhảy qua suối, mà bằng cách gặm thét sao cho hươu nai sợ chạy trốn (có người kể là làm sao cho chim rừng sợ bay đi). Dĩ nhiên tiếng gặm của voi không làm cho hươu nai sợ bằng tiếng của hổ. Voi cũng hện qua ngày sau đi nộp xác như trên, nhưng ở đây kẻ cứu voi và giả bộ ăn thịt voi, đòi nợ khi, không phải là thỏ, mà là con chim chuyền chuyền (có người kể là thỏ), nhưng khi khi buộc dây dẫn hổ đến thì chim mắng: - "Đồ chó chết, mày vay của tao ba hổ béo nay trả một hổ gầy nhom". Hổ sợ chạy làm khi chết nhăn răng. Hổ dừng lại mắng khi rồi chén thịt luôn. Vì thế sau này dòng dõi khi hể gặp hổ là trốn chạy và kêu la ầm ĩ.

Người Quảng-bình cũng kể cả truyện *Con hổ, con cóc tía và con rùa* (không phải con khi) như sau:

Cóc thách hổ chạy thi (không phải nhảy) rồi khi sắp bắt đầu, cóc cũng ngậm chót đuôi hổ. Hổ chạy qua hết năm núi, mười khe về dừng lại, đập đuôi thì cóc đã văng ra phía trước. Thấy hổ ngoảnh đằng sau tìm cóc, cóc mắng: - "Tao đứng trước mày đây rồi còn ngoái lại sau làm cái gì!". Hổ sợ cóc, bỏ đi, bỗng gặp rùa. Rùa bày cho hổ buộc vào chóp đuôi một hòn đá thì cóc chết chỗ ngậm. Hổ làm theo, quả nhiên lần này cóc không ngậm được đuôi hổ. Nhưng khi nhảy qua suối, hòn đá kéo hổ xuống vực, hổ chết.

[5]

Còn có một truyện khác của ta trong đó cũng có hổ và khi. Diễn biến của truyện như trên, nhưng thay cho thỏ và voi (hay cóc tía) là một người ăn trộm.

Một người ăn trộm đến rình ở chuồng ngựa nhà nọ định ăn trộm ngựa.

Không ngờ đêm ấy có một con hổ cũng đến rình. Trong nhà bỗng có tiếng mẹ dọa con: - "Có nín không, kéo ông Ba bi bị bùm đến cắn chết". Nghe nói, hổ đâm ra lo sợ ông Ba bi bị bùm cắn nên ngập ngừng toan rút. Trộm ta ngủ quên chợt tỉnh dậy thấy hổ tưởng là ngựa, vội nhảy phốc lên lưng hổ. Hổ bị một cú nhảy bất thành linh tưởng là ông Ba bi bị bùm vỗ, bèn cong đuôi chạy một mạch. Còn tên trộm khi biết là hổ, sợ quá, vừa gặp cành bứa dọc đường liền bấu lấy đu lên.

Từ đây truyện lại giống với các truyện trên. Thấy hổ chạy không ngoái cổ lại, khi chặn lại hỏi. Nghe hổ kể, khi tình nguyện đi dò xem ông Ba bi bị bùm là thế nào. Khi biết chỉ là một người như người thường, khi vội về mách hổ. Thấy hổ không tin, khi bảo hổ buộc mình vào đuôi để đưa hổ trở lại xem. Trộm thấy hổ trở lại sợ quá, ngã từ cây bứa xuống đầu hổ. Hổ tưởng ông Ba bi bị bùm vỗ, bèn lại co giò chạy một mạch làm cho khi chết nhăn răng.

Đoạn sau còn nổi thêm nhiều diễn biến buồn cười, do những cái nhầm của vợ người có ngựa và vợ người ăn trộm. [6]

Người Miến-điện (Myanmar) có truyện *Vì sao hổ và khỉ trở nên thù địch*:

Hổ và voi thách nhau không phải nhảy mà là gặm thét, ai hơn sẽ được chén thịt của kẻ thua. Tiếng thét của hổ làm cho các con vật chết khiếp, còn tiếng rống của voi thì không. Bảy ngày sau voi đi nộp mình. Thỏ gặp thấy voi buồn, hứa cứu voi. Thỏ bảo các giống vật khác làm bộ hốt hoảng nói thỏ đánh bại với voi và sắp ăn thịt hổ. Hổ không tin, bảo ai đi chén thịt voi với mình thì đi, nhưng không ai đi cả, trừ khỉ. Hai con thắt đuôi lại với nhau. Hổ đến thấy thỏ ngồi trên đầu voi, ăn chuối bảo là ăn óc voi. Hổ sợ thì khỉ trấn an bảo đó là chuối. Thỏ nói: - "Mày nói đưa đến cho tao một con hổ

béo sao lại nộp hổ gầy". Hổ sợ quá bỏ chạy, hai con co kéo nhau đến khi vấp gốc cây đứt đuôi mới rời nhau được. Từ đấy khỉ và hổ thù nhau. [7]

Người Tày có truyện *Hổ, voi sợ cóc*. Ở đây các vai trò có thay đổi: cóc thay vào thỏ, còn voi không phải là nạn nhân của hổ:

Cóc ăn gỗ mục, ăn đom đóm rồi đến mộc nhĩ. Đang ăn, bỗng có hổ đi qua hỏi cóc ăn gì? Đáp: - "Sang chụ su chạng" (toi vai tai voi). Vì mộc nhĩ giống tai voi, nên hổ sợ quá, toan chạy. Chưa hết sợ thì lại thấy cóc nhả ra từng con đom đóm, mới hỏi: - "Ăn gì đấy?" - "Thưa tha tha thưa" (mổ hắt mắt hổ). Lần này thì hổ sợ thật, liền cầm đầu chạy. Gặp voi, voi hỏi hổ vì sao mà chạy. Hổ cũng kể chuyện vừa rồi. Voi bảo: - "Đừng sợ, để ta trở lại xem". Rồi cũng buộc hổ vào chân. Hai con sắp tới. Cóc đã nói to: - "Mày nợ tao ba hổ, hẹn sáng nay trả đủ sao chỉ có một". Hổ chạy kéo cả voi cùng chạy. Cuối cùng hổ chết hộc máu. Thấy thế voi mừng: - "Chạy mệt bỏ cha lại còn ăn trâu". Lại chạy nữa, một lát ngoảnh lại, thấy hổ nhe răng, voi lại mừng: - "Suýt chết mất mạng mà còn cười ư?"

Ở truyện *Hổ và cáo* của người Mèo thì cáo thay vào hổ, nhưng vai trò và tính cách của các con vật đã biến đổi dần so với truyện của ta:

Một đàn dê kéo nhau đi ăn, tối ngủ ở hang. Một hôm gặp cáo, cáo thấy dê râu dài lấy làm lạ, hỏi: - "Cái này dùng để làm gì?" Đáp: - "Đó là thứ dùng làm nước chấm để ăn thịt cáo". Cáo sợ, bảo: - "Vậy anh làm ơn giữ chặt lấy nó để tôi chạy khỏi nơi này!" Trong khi cáo chạy thì dê thét đằng sau: "Đuổi kịp rồi!" làm cho cáo sợ. Một con hổ vẩn gặp, ngăn lại, hỏi: "Sao chạy nhanh thế?" - "Một túm dài dài dưới hàm, nó bảo làm nước chấm ăn thịt cáo khỏe" - "Ồ, sợ gì, đưa tao trở lại xem!" Cáo lắc đầu. - "Nếu thế thì buộc đuôi nhau". Cáo chỉ dám đứng từ xa mà trỏ cho hổ thấy. Khi biết là dê thì hổ xông lại, nhưng dê chụm sừng húc rất hăng làm cho hổ lăn xuống

chân hang, đồng thời cáo cũng ngã theo. Nghe một tiếng "huych" cáo ngã lên lưng, hổ giật mình tưởng con gì vội chạy như bay. Cáo chết. Hổ ngoảnh lại thấy, mắng: - "Mày còn cười tao à?". Rồi đào hố chôn cáo nhưng lại quên cõng đuôi nên khi hổ bước đi thì lại kéo cáo lên khỏi lỗ, bèn mắng: - "Mày còn theo tao làm cái gì?". Nói rồi ăn thịt cáo. Chỉ khi nhai đuôi cáo mới sực nhớ là đuôi nó còn buộc vào đuôi mình. [8]

Người Trung-quốc có truyện ngụ ngôn *Hổ già và khỉ*:

Một con hổ già muốn ăn thịt khỉ. Khỉ biết ý bèn bảo hổ: - "Thân tôi bé nhỏ không đủ bữa của ngài. Trên núi đối diện có con vật lớn lắm, ngài sẽ bắt chén thỏa thích. Tôi xin đi trước dẫn đường". Hai con cùng đi. Đến chỗ có con nai, nai vừa thấy đã nói trước: - "Này anh bạn khỉ, mày hứa trả cho tao 10 da hổ, nay chỉ có một, còn chín". Hổ nói với khỉ: - "Tao không ngờ mày ác thế, mày đem tao đi trả nợ ư?" [9]

Người Mông-cổ có truyện *A-lát và sư tử* khác nội dung nhưng cũng giống kết thúc:

A-lát một hôm ra ngoài lều, thoáng thấy bóng sư tử vội chạy về bảo vợ: - "Làm thế nào bây giờ?". Đáp: - "Dù to xác đến đâu cũng không bằng trí khôn. Cứ vác cái gậy thông lọng ra đi, nó hỏi cứ đáp: - "Bắt con sư tử về ăn trưa". A-lát làm theo. Sư tử cười: - "Bắt ta thế nào được, ta tộp một cái là chết toi". - "Thế thì chúng ta thử sức, ai mạnh hơn thì được bắt kẻ thua hầu mình". Sư tử bằng lòng. A-lát nhặt một hòn đá và bảo nó bóp nát. Trong khi sư tử không làm được thì anh bóp quả trứng vỡ tan. Sư tử chịu để anh xỏ dây vào mũi, đặt yên lên lưng cười.

Nhưng lâu dần, sư tử tỏ ý khinh thường. A-lát lo, lại hỏi vợ, vợ bảo: - "Mai nó đến, mình cứ hỏi tôi làm gì buổi sáng". Thấy sư tử sắp đến, A-lát cất to

tiếng hỏi vợ. Vợ đáp to: - "Hãy nấu thịt sư tử mẹ và ninh xương sư tử con cũng tạm đủ ăn". Nghe nói, sư tử ở ngoài sợ quá bỏ chạy. Gặp cáo, sư tử kể cho cáo biết chuyện. Cáo ngăn lại nói. - "Chúng nó lừa đấy, ta hãy trở lại xem sao". Khi hai con sắp sửa đến nơi, vợ A-lát nói vọng ra: - "Đồ cáo khốn kiếp, bảo mày đưa một sư tử béo, mày dẫn thứ ấy đến làm gì?" Nghe thế, sư tử va vào đầu cáo một cái chết, rồi cắm cổ chạy mất. [10]

Truyện ở Xâ-lan (Sri Lanka):

Mẹ con nhà hoẵng một hôm dọn đến một hang báo khi báo vắng nhà. Trở về, báo bỗng nghe tiếng mẹ hoẵng quát với đàn con: - "Sao chúng mày không biết gì cả. Đã ăn thịt báo no nên chê chán mà còn chưa vừa lòng ư?" Báo kinh hoàng, quay đằng sau chạy, đến hỏi chồn. Chồn hứa sẽ đến cản cổ cả hai mẹ con hoẵng, lại buộc dây nối người báo với cổ mình để cùng đi. Nhưng cuối cùng báo sợ, chạy nhanh đến nỗi chồn chết tươi.

Truyện trong *Năm sách dạy trẻ (Panchatantra)*:

Một dê đực già một hôm gặp sư tử, quát: - "Tao đây là chúa dê tôn thờ thần Xi-va; ta đã cầu thần cho giết 101 hổ để cúng dâng người, cùng với 15 voi và 10 sư tử". Sư tử hoảng sợ chạy dài, sau đó trở lại cùng với chồn. Nhưng khi nghe tiếng dê đực quát lên như trước, thì cả hai chỉ còn co chân chạy thực mạng.

Ở châu Âu phổ biến là truyện *Dê đực, chồn và gấu* do anh em Grim (Grimm) sưu tập, giống hai truyện vừa kể:

Dê đực nhân khi chồn đi vắng, choán lấy hang làm chỗ ở. Chồn về, thấy trong hang của mình long lanh hai con mắt to thì hoảng lên, bỏ chạy. Dọc đường, gấu ngăn lại, hỏi lý do. Chồn đáp: - "Có một con vật ghê gớm ở

trong hang của tôi có hai con mắt thật là kinh khủng". Gấu nói: - "Ồ, tôi sẽ tổng khứ hấn ra khỏi hang cho mà xem!". Nhưng khi gấu đến thì thấy hai con mắt sáng, đến lượt mình cũng vắt chân lên cổ mà chạy. [11]

Người Nga có truyện *Hổ, ngựa và chó sói* cũng có những nét tương tự. Thay vào voi là ngựa. Lần đầu tiên thi nhảy, ngựa thua. Nhưng ngựa đòi thi lần nữa, ai lấy chân đập vỡ đá thì thắng. Lần này hổ thua cuộc. Thấy móng ngựa đánh vào đá làm tóe những tia lửa, hổ hoảng sợ bỏ chạy một mạch.

Dọc đường hổ gặp chó sói. Sói giữ hổ lại hỏi duyên cớ. Nghe hổ kể chuyện một cách sợ sệt, sói không tin, ngờ đó là thứ ngựa tầm thường mà mình thường chén thịt. Hổ và sói trở lại. Ở đằng xa, hổ hai tay nhắc sói giơ lên cao để sói nhìn xem có thật là ngựa chằng. Không ngờ móng của hổ đã đâm sâu vào thịt sói làm sói chết không cự cựa. Thấy sói chết, hổ lầm bầm: - "Mày mới nhìn từ đằng xa mà đã sợ đến chết như thế, thế mà dám nói phét là đã từng ăn thịt ngựa. [12]

-
- [1]_Theo *Hữu thanh tạp chí*.
- [2]_Theo *Truyện cổ Ba- na*, tập II.
- [3]_Theo lời kể của người miền Nam.
- [4]_Bản khai của thôn *Bùi-ngọc*.
- [5]_Theo Ca-đi-e (Cadière), BEFEO, tập I, số 3 (1901).
- [6]_Theo *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập I.
- [7]_Theo *Truyện dân gian Miến-điện*. Sách đã dẫn
- [8]_Theo Doãn Thanh... Sách đã dẫn..
- [9]_Theo *A-va-da-na*, *truyện ngụ ngôn và cổ tích Trung-quốc*.
- [10]_Theo Năng Mai Hồng, *Truyện Cổ tích Mông-cổ*.
- [11]_Đều dẫn theo *Các-dông (Cardon)*. *Truyện chú hoẵng Pơ-lăng đốc, vua xứ rừng*.
- [12]_Theo *Truyện dân gian Nga* (Nguyễn Hải Sa dịch).

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

59. NHÂN THAM TÀI NHI TỬ, ĐIỀU THAM THỰC NHI VONG

Ngày xưa, có hai anh em nhà kia cha mẹ đều chết cả. Họ ở chung với nhau một nhà. Người anh tính nết tham lam, còn em đang ít tuổi có phần khờ dại. Rồi đó người anh lấy vợ. Cũng như chồng, người đàn bà ấy vừa tham lam vừa độc ác. Không muốn cho em ở chung với mình, hai vợ chồng quyết định chia gia tài, lấy cớ rằng để ai lo phân nấy. Khi chia của, họ chiếm hết gia tư, điền sản quý giá của cha mẹ để lại, chỉ để cho em một gian nhà nhỏ, với mấy thửa ruộng xấu.

Nhưng người em không chút ganh tỵ, vui vẻ nhận lấy phần của mình. Anh ta cày bừa tất lực. Không có lúa giống, anh tìm đến nhà anh một mình năn nỉ xin vay. Hai vợ chồng bằng lòng cho vay, nhưng trước khi giao lúa cho em, người đàn bà đem lược lên tất cả. Người em vô tình cứ thế đem gieo. Và thế là những hạt lúa ấy đều không nảy mầm, trừ có mỗi một hạt vì sót trong mùng không lược đến. Thấy lúa không mọc, người em buồn quá, nhưng không biết làm thế nào. Anh đành đem cây mạ độc nhất ra cấy ở ruộng. Anh chàng chăm chút tưới bón và bắt sâu cho lúa.

Không ngờ cây lúa mỗi ngày một cao lớn vùn vụt. Nó vượt lên quá đầu người, gốc tỏa ra không biết bao nhiêu là nhánh. Dần dần nó to như một cây đại thụ, bông nở chi chít che kín cả ruộng. Anh chàng sung sướng không nói hết, hàng ngày vun tưới chẳng rời. Đến ngày lúa chín, anh ra ở luôn ngoài ruộng canh giữ.

Tự nhiên một hôm có con chim đại bàng ở đâu sà xuống bên cạnh cây lúa của anh mổ lấy mổ để. Tiếc công sức vun trồng, anh cầm gậy xông đến toan đánh nhau với chim. Chim bỗng nói to lên: - "Đừng đánh ta, ta ăn ta sẽ

trả ơn cho!". Anh chàng dừng tay hỏi: - "Trả ơn như thế nào?". - "Tối nay ta sẽ đưa đến một nơi có nhiều vàng bạc, lấy về mà tiêu". Quả nhiên, đêm ấy chim đại bàng đến bảo anh ôm lấy chân mình, rồi vỗ cánh bay mãi ra tận một hòn đảo ở ngoài biển Đông. Từ trên cao, anh đã thấy vàng ngọc sáng rực cả một vùng. Nhưng hòn đảo này ở gần chỗ mặt trời đi qua, mỗi lần mặt trời mọc, ánh nắng thiêu đốt dữ dội không một giống vật nào có thể chịu nổi. Vì thế chim đại bàng vừa đặt anh xuống, đã giục anh lấy nhanh mà về để tránh tai nạn xảy ra. Nghe nói, anh chàng lượm vội một ít vàng ngọc giắt vào người rồi nhờ chim đưa về.

Từ đó, anh tậu ruộng làm nhà, sắm đồ ăn thức mặc, mượn kẻ hầu người hạ, trở nên giàu có sung sướng. Hai vợ chồng người anh thấy em tự nhiên có nhiều của thì lấy làm lạ, bèn đến nhà chơi hỏi thăm cho biết. Nghe kể rõ đầu đuôi, người anh cũng muốn được may mắn như em. Hỏi mượn bụi lúa khổng lồ của em để may chi có thể gặp con chim đại bàng. Người em không đợi anh nài nỉ, vui vẻ ưng thuận.

Quả nhiên chim lại đến ăn lúa. Người anh cầm gậy xông ra, chim cũng hứa với hắn như đã hứa với người em và sau đó đưa hắn đi lấy vàng ngọc. Được rơi xuống giữa một quả núi đầy châu báu, hắn hoa cả mắt. Không biết nên lấy thứ gì và nên bỏ thứ gì, hắn loay hoay tìm tòi mãi trong tối, quên mất cả lời chim dặn. Trời gần sáng mà chim vẫn chưa thấy người trở lại để bay về. Thời gian đã kíp lắm rồi vậy mà hắn vẫn còn mãi mê chọn lựa, không nghe tiếng chim gọi. Mãi đến khi cơn nóng bắt đầu làm rát cả lưng, hắn mới trở lại tìm chim thì chim đã bay đi từ lúc nào rồi.

Không thấy anh về, người em rất lo lắng. Anh chàng tìm gặp chim đại bàng, cố nhờ chim bay ra biển Đông lần nữa, có gì không hay thì mang hộ xác anh mình về. Chim lại đến hải đảo, đã thấy xác của người nọ bị thiêu chín như thịt quay. Con vật người thấy mùi thịt chưa bao giờ thơm và ngon đến thế, bèn sà xuống rĩa lấy rĩa để. Ngon miệng chim mãi mê ăn quên mất

cả về. Khi mặt trời nhô lên, chim muốn cất cánh nhưng không kịp nữa. Bộ lông bén lửa rất mau và chỉ một chốc toàn thân đều bốc cháy.

Do truyện này mà người ta có câu: "*Nhân tham tài, nhi tử, điều tham thực nhi vong*[\[1\]](#)".

KHẢO DỊ

Người miền Bắc kể truyện trên trong hai dị bản, đều khá tiêu biểu:

Một là truyện *Cây khế*: Có hai anh em, cha mẹ mất sớm, người anh tham lam, bủn xỉn còn em thì hiền lành. Khi chia gia tài, anh chiếm hết cả, chỉ để cho em độc mảnh vườn trong đó có một cây khế ngọt. Em vẫn không trách móc gì anh, chỉ lo chăm chỉ làm thuê cuốc mướn nuôi thân. Đến mùa khế có quả, bỗng một hôm có một con chim rất lớn từ đâu bay đến, chọn quả nào chín mồi ăn bằng hết. Người em buồn phiền, kêu xin với chim, chim đáp: - "*Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng*". Anh làm theo lời.

Chim bèn vượt biển, đưa anh đến một hải đảo đầy vàng bạc châu báu. Anh chỉ lấy vừa đầy túi, rồi lại được chim cho qua biển, về nhà yên lành.

Thấy em phút chốc trở nên giàu có lớn, người anh hỏi biết sự tình, liền đòi

đổi gia sản của mình lấy cây khế của em, ít lâu sau, chim lại đến cây khế tìm ăn, câu chuyện diễn ra như lần trước, và chim cũng dặn hăn may túi ba gang theo mình vượt biển. Nhưng muốn lấy được thật nhiều vàng nên hăn đã làm trái lời chim dặn, may một cái túi chín gang. Khi xuống hải đảo, hăn lấy đầy túi xong còn giắt vàng ngọc vào khắp người, đến nỗi lúc chim cất cánh, chỉ bay ra đến giữa biển là chao đảo sả cánh, vì quá nặng. Người anh rơi khỏi mình chim, lặn tòm xuống nước mà chết[2].

Thứ hai là truyện *Chim phượng hoàng* có thêm một đoạn kết nói về cái chết của con chim:

Người anh trong chuyện này cũng hết sức tham lam và biển lận. Mà theo tục truyền, ruột gan người biển lận thường có chứa nọc độc rất mạnh. Hăn cũng chia cho em một cây khế (hay cây ổi), người em cũng gặp chim phượng hoàng và việc cũng xảy ra như truyện *Cây khế*. Nhưng ở đây người anh rơi xuống đất tan xác, ruột gan lòi cả ra ngoài. Chim thấy ruột người, xuống rỉa ăn kỳ hết. Ăn xong nọc độc thấm vào, chim ngã lặn ra chết nốt[3].

Ở Trung-quốc cũng có truyện cổ tích giống hệt truyện *Nhân tham tài nhi tử điều tham thực nhi vong*[4].

Người Mèo có truyện *Người tham vỡ bụng* giống truyện của ta và truyện Trung-quốc, nhưng kết thúc có khác. Một người anh đã có vợ chiếm hết gia tài của bố mẹ rồi đuổi em đi. Em phát nương khỏe, nhưng không có hạt giống, đến xin anh chị ngô giống rồi thóc giống, nhưng người chị dâu có dã tâm, tuy có cho em hạt giống song lại ngấm rang lên tất cả. Hai lần tria không mọc, anh bỏ đi tìm Bụt để hỏi lý do. Bụt cho biết tình thực và bảo cứ

về nhặt thóc lép sau nhà anh chị mà tria cũng đủ. Cuối cùng mọc lên ba cây lúa khổng lồ, hạt to bằng cái chĩnh. Khi chim đến tha hạt, anh đâm bổ đi tìm. Đến một cái hang gặp một bà tiên, bà thú thực là chim của mình trót ăn mất, muốn gì bà sẽ đền. Anh không mong gì hơn là được một ít ngô giống. Nhưng bà tiên lại cho anh một cái cối xay bé tí có thể cầu được đủ thứ kể cả thóc ngô giống.

Từ đấy anh trở nên giàu có, nương ngô tốt như mây. Hai vợ chồng người anh đi qua nương ngô của em thì ngợp mắt, vội tìm đến nhà để hỏi lý do. Biết em có cái cối xay màu nhiệm, anh liền mượn về, hy vọng xay ra tiền ra bạc, nhưng hễ chỉ xay ra rần ra rết, bèn quăng cối xuống suối vỡ tan. Khi em đến hỏi thì ở chỗ ném cối đã mọc lên thành cây, em bèn chặt về đục làm máng lợn ăn. Không ngờ lợn nào ăn vào máng cũng lớn như thổi. Người anh thấy lạ lại mượn máng về, nhưng lợn của y ăn vào máng đều trở nên gày gò, cuối cùng chết cả. Tức giận, y bèn đốt quách. Người em đến chỉ còn vài miếng gỗ cháy dở, bèn nhặt về làm lược chải đầu, chải bao nhiêu đầu tóc trở nên đẹp bấy nhiêu. Còn anh chị khi mượn lược chải, càng chải tóc càng rụng cho đến trọc cả đầu. Khi em sang đòi lược thì lược đã bị đốt thành tro. Em bới tro nhặt được một hạt đỗ tương bèn bỏ vào mồm nuốt. Sau khi đi ngoài, hạt đỗ mọc thành bụi, từ bụi ấy tỏa ra đầy nương chi chít những quả. Anh chị cũng đến xin mỗi người một hạt nuốt vào. Hạt đỗ không chịu ra mà trương lên làm cho chúng vỡ bụng chết[5].

[1] Theo lời kể của người miền Nam.

[2] Truyện này theo Nguyễn Văn Ngọc (*Phượng hoàng đậu cây khế*) thì con chim (phượng hoàng) không đưa người em đi lấy vàng ngoài hải đảo, chỉ “nhả trong mồm rơi xuống một cây khế khác, bao nhiêu hoa tím là bạc, bao nhiêu quả tím là vàng cả”. Đến lúc người anh đổi cả ruộng vườn cho em lấy cây khế. Những ước mong phượng hoàng lại đến ăn quả và cho cây khế bằng vàng bằng bạc như em. Nhưng hăn đợi mãi chẳng thấy phượng hoàng nào đến, chỉ có một bầy quạ đen ngày nào cũng rủ nhau kêu “xấu hổ! xấu hổ!”.

[3] Theo *Tạp chí chúng tôi* (1910).

[4] Trong *Thiếu niên tạp chí*. Ở đây câu tục ngữ trở thành "*Nhân vị tài: tử, diếu vị thực: vong*".

[5] Theo Doãn Thanh... Sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
60. NÓI DỐI NHƯ CUỘI

Ngày xưa có một anh chàng trẻ tuổi tên là Cuội. Từ thuở nhỏ, Cuội mồ côi cả cha lẫn mẹ phải đi ở với chú thím. Hắn ta là tay láu lỉnh, đặc biệt về môn lừa người thì rất thành thạo. Một lão trọc phú ở trong miền nghe tiếng đồn về Cuội tỏ vẻ không tin. Một hôm, hắn cho người gọi Cuội đến và bảo:

- Nghe nói mày lừa người giỏi lắm. Bây giờ tao ngồi ở đây, đố mày lừa tao cho tao ra ngoài cổng thì tao lập tức thưởng cho mày năm quan. Đấy có mọi người làm chứng đấy!

Cuội ta gãi đầu gãi tai đáp:

- Ông ngồi ở đây, lại có đề phòng sẵn thì làm sao mà lừa ông ra ngoài kia được. Nếu ông ra đứng ngoài cổng tôi mới có cách lừa được ông vào nhà.

Nghe nói thế, lão trọc phú chạy ra cổng. Nhưng khi đến nơi, Cuội đã vỗ tay reo:

- Đấy tôi đã lừa được ông ra cổng rồi!

Trọc phú bị tên vì thua cuộc đành phải y ước đem tiền cho Cuội.

Nhà chú thím Cuội có nuôi một con lợn béo. Một hôm nhân lúc mọi người đi vắng cả, Cuội gọi người hàng thịt đến nhà bán rẻ con lợn đó lấy tiền tiêu. Cuội chỉ dặn người ấy giấu kín cho mình và xin lại cái đuôi lợn sống. Hắn đã tìm ra được một mưu để nuốt trôi con lợn. Hắn đào một cái lỗ nhỏ ở

đám đất gần chuồng lợn, cắm cái đuôi vào đó rồi nện đất rất chặt. Chờ lúc người thím đi làm về, hăn làm vẻ mặt hốt hoảng, nói:

- Thím ơi! Thật là số không may. Ông gì ấy ông bắt mất lợn nhà ta. Nó xuống âm phủ mất rồi.

Rồi Cuội dắt thím ra chuồng lợn, nói tiếp:

- Nó đã xuống cả hai chân sau rồi, chỉ còn cái đuôi, bây giờ thím hãy giữ lấy cái đuôi đừng cho nó xuống mà cũng đừng giật mạnh kéo đứt mất là hỏng việc. Cháu sẽ lấy thuổng đào đất xung quanh, may chi bắt nó trở về.

Người thím nghe nói tưởng ông gì bắt lợn thật, vừa lo sợ vừa tiếc của, giục Cuội làm nhanh. Cuội lẳng lặng lấy thuổng đào đất. Đất bở ra cái đuôi không kéo tự nhiên rời khỏi mặt đất. Thấy thế hăn la to lên:

- Thôi! Thế là lợn xuống âm phủ mất rồi. Còn làm ăn gì được nữa.

Một hôm, Cuội cùng chú đi chợ. Cuội xách một cái thúng không. Đột nhiên. Cuội chạy lên trước bỏ quá chú một quãng rồi lấy thúng úp một bãi cứt trâu ở dọc đường. Khi người chú vừa đến nơi, Cuội khư khư giữ chặt lấy thúng, bảo:

- May quá! Cháu vừa úp được một con chim ngói to lắm! Nhưng nếu bây giờ thò tay vào bắt thì nó trượt mất. Vậy chú mau mau về lấy tay lưới giăng chung quanh để bắt cho chắc. Con này mà đánh chén thì tuyệt!

Người chú vốn có máu tham, nghe hăn nói thế tưởng thật, vội vã trở về nhà lấy lưới đến giăng bốn bên thúng rất cẩn thận. Mọi người xúm lại xem rất

đồng. Nhưng khi Cuội giở thúng ra, ai nấy đều phì cười vì chỉ thấy một bãi cứt trâu, chả có chim đâu cả. Riêng người chú bị Cuội đánh lừa, giận thâm gan tím ruột, bèn không đi chợ nữa, dắt Cuội về đánh cho một trận thừa sống thiếu chết.

Một hôm khác, Cuội cùng chú đang cuốc cỏ ngoài đồng. Trời nắng như thiêu như đốt. Khát quá, người chú bảo hẩn về nhà lấy nước mang ra. Vừa đến nhà, Cuội đã làm vẻ hốt hoảng, nước mắt giàn giụa, miệng mếu nói không ra tiếng:

- Khốn khổ lắm thím ơi! Chú bị trâu húc lòi ruột gan ra một đống. Hiện đã tắt thở, còn nằm trên cõn...

Người thím nghe nói chỉ còn biết kêu trời khóc đất rồi bươn bả ra đồng, vừa đi vừa ôm mặt than khóc rất thảm thiết. Cuội ta lại lén theo đường tắt, ba chân bốn cẳng chạy ra đồng. Sắp đến nơi, hẩn cũng làm bộ đau đớn, bảo chú:

- Chú ơi! Trời hại ta. Thím ở nhà không biết leo trèo thế nào bị ngã từ trên gác xuống, chết tím cả mặt, không một ai biết cả.

Người chú nghe nói, tưởng thật, dấm ngực kêu trời rồi chạy về kêu khóc suốt cả dọc đường. Đến khi hai vợ chồng đâm sầm vào nhau mới biết là thằng cháu ác nghiệt đánh lừa. Hai vợ chồng tức giận điên cuồng bèn đan một cái rọ bỏ Cuội vào rồi một mình chồng vác ra sông định vứt xuống nước.

Đến bờ sông, cuội ta cầu khẩn: - "Cháu có tội với chú thím, chú thím bắt chết cũng đáng. Có điều ở dương gian cháu nói láo kiếm ăn được là nhờ có một quyển sách nói láo bấy lâu nay vẫn gác trên sàn bếp. Nay chú làm ơn

nghe đến chút tình máu mủ về lấy giùm quyển sách đó đăng cháu mang theo xuống âm phủ kiếm ăn". Nghe hẳn nói có vẻ thảm thiết, người chú tưởng thật, nghĩ bụng, tay hẳn mình đã trói, rọ lại buộc chặt không thể trốn đi đường nào được, bèn tất tả chạy về lấy sách.

Đang ngồi co ro trong rọ bỗng trông thấy một thằng hủi đi qua, Cuội gọi giật lại:

- Này hủi ơi! Tao trước cũng sừng da thối thịt như mày, nhưng trời run rủi cho tao ngồi vào đây, thế rồi tao được người ta đưa xuống nước chạy chữa, rồi lại không lên, bây giờ lành hẳn cả rồi. Mày cứ mở cho tao ra mà xem.

Hủi tưởng thật, mở rọ cho Cuội ra, tấm tắc khen phép chữa màu nhiệm rồi mừng rỡ nói:

- May cho tôi quá! Thế anh cho tôi ngồi vào đây rồi anh buộc hộ cho tôi với. Có mấy quan tiền xin được nhân thể tôi biếu anh.

Được tự do, Cuội chờ cho hủi vào, buộc rọ lại cẩn thận rồi cầm tiền đi thẳng.

Lại nói chuyện người chú về nhà tìm mãi trên sàn bếp chẳng thấy gì cả, mót biết là mình lại bị lừa lần nữa, giận quá, hăm hăm trở ra, chẳng nói chẳng rằng đạp rọ lăn xuống sông. Thế là hủi ta mất tích.

Cuội theo dọc sông đến một cái cầu, nhân trời nóng nực mới cởi áo xuống tắm. Mấy quan tiền của hủi cho, hẳn sợ để trên bờ có người lấy mất nên mang cả xuống sông. Một ông quan cười ngựa đi qua trên cầu, thoáng thấy có thằng bé lặn ngụp dưới nước, một tay giơ lên cao có cầm cái gì giống như là quan tiền. Quan động lòng tham, dừng ngựa lại hỏi.

- Bé kia, mày làm gì ở dưới đó?

Cuội làm bộ tìm tòi, nói với quan:

- Tôi mang đi cho cha tôi một thỏi vàng, một thỏi bạc và mấy quan tiền, lúc đứng chơi ở cầu không may lỡ lay đánh rơi xuống mất cả. Nay tôi lặn lội tìm chỉ được có mấy quan tiền mà thôi. Giờ tôi mà về, cha tôi thì đánh chết.

Nói đoạn. Cuội hu hu khóc. Ông quan bèn xuống ngựa, cởi quần áo bảo Cuội:

- Mày bước lên mau đi, để tao còn xuống tắm. Cút mau!

Ý của hắn là muốn một mình mò tìm, tìm được thì giấu đi một chỗ để số vàng bạc ấy về tay hắn hưởng. Vừa nói hắn vừa lội xuống nước.

Cuội bước lên bờ vội lấy ngay quần áo của viên quan ra mặc.

Quan hỏi:

- Mày làm gì thế.

Cuội đáp:

- Tôi rét quá, nhờ áo ông mặc đỡ một tý cho ấm.

- Thế tên mày là gì? Quê quán Ở đâu?

- Tôi họ Bái, tên Dưng, ở Bông lông xã, Ba la huyện.

Mặc xong, Cuội chờ lúc quan lặn xuống nước, lên ngựa phi nước đại. Viên quan lặn tìm mấy lần không thấy gì cả, nhìn lên bờ thì đã mất cả ngựa lẫn áo quần. Biết là bị thằng bé đánh lừa, hăn vừa tức giận vừa hoảng hốt. Cuối cùng hăn dùng mấy cái đồ rách của Cuội bỏ lại, che tạm hạ bộ để chạy đi tìm Cuội. Gặp ai hăn cũng hỏi: - "Có thấy tên Bái Dưng vừa chạy qua đây không?" Nghe hỏi thế mọi người chỉ tùm tùm cười. Mãi đến khi gặp một người đàn bà, người này đồ hăn là một tên vô lại chọc ghẹo mình, mới quay lại mắng cho một trận. Hăn biết là dại, đành phải im mồm, rồi sau đó nuốt giận lần về nhà.

Lại nói chuyện Cuội phi ngựa về nhà chú thím. Cả hai vợ chồng, nhất là người chồng rất lầy lăm ngạc nhiên không hiểu tại sao mình đã xô nó xuống sông hai năm rồi mười, thế mà bây giờ nó lại trở về được mà lại ăn mặc đàng hoàng như kia. Hỏi thì Cuội tươi cười đáp:

- Cháu xuống dưới ấy gặp được tất cả mọi người: ông, bà, cha, mẹ, nội ngoại đầy đủ. Cha mẹ cháu giàu có lớn lắm. Nhưng cháu nhớ chú thím quá nên chọn lấy một bộ quần áo, một con ngựa và ít quan tiền trở lên trên này.

Rồi Cuội lại nói thêm:

- Ông bà vẫn nhớ chú thím lắm đấy và có dặn cháu mời chú thím xuống chơi!

Hai vợ chồng người chú nghe nói mừng quá, hỏi Cuội:

- Chúng tao xuống có được không? Cuội trả lời:

- Có khó gì đâu, chú thím cứ làm rọ y như lúc cháu xuống. Nhưng cháu thì không vác nổi đâu, phải mang ra bờ sông, chui vào rọ rồi cháu sẽ lặn xuống thôi!

Người chú vội vàng đan hai chiếc rọ đem ra bờ sông. Đoạn người chú chui vào một chiếc bảo nó buộc chặt lại, vớt xuống. Thấy tấm nước sủi lên sùng sục, Cuội vỗ tay reo:

- A ha! Chú đang lấy đấy!

Nghe nói thế người thím giục Cuội rồi rít:

- Cháu cho thím xuống ngay đi!

Người thím lại chui vào rọ để cho Cuội vớt luôn xuống sông. Thế là từ đó Cuội thừa hưởng cơ nghiệp của chú thím để lại.

Nhưng Cuội ăn chơi loang toàng chả mấy chốc đã bán hết gia tư điền sản. Hắn muốn đi chơi một phen cho thật xa, bèn sắm sửa lương thực rồi một hôm bỏ nhà ra đi.

Cuội đến một vùng rừng núi trùng điệp. Ở đây có rất nhiều voi, Cuội bèn nghĩ kế bắt cho được một con. Hắn ta đào một cái hố rất rộng và rất sâu ở chỗ voi hay qua lại. Trên miệng hố có bắc tre nửa lát phen và ghép cỏ rất khéo. Quả nhiên sau đó ba hôm có một con voi bị sa hố đầu chúc xuống dưới, dít chống lên trời, không cựa quậy được. Cuội dùng đất lấp voi lại chỉ

chừa có cái lỗ dít. Và khoét dít voi thành một cái lỗ lớn hơn, rồi cứ để yên tại đó, chỉ thỉnh thoảng đến trông chừng. Hăn bụng bảo dạ: - "Rồi ta sẽ có một con voi biết bay, đi chu du thiên hạ!".

Sau khi voi chết, quạ và điều người thấy mùi thịt liền rủ nhau tới ăn. Chúng nó chui qua lỗ dít tiến sâu vào thân con voi để rửa lân thịt ở trong đó. Trước còn năm con mười con, sau dần dần có hàng trăm con ngày ngày chui vào chén thịt và lòng rất thỏa thích. Cuội ta chờ đến lúc thịt voi đã gần kiệt, rình khi chim chóc chui vào khá nhiều: mới thỉnh linh đút nút dít voi lại.

Thế rồi Cuội đào đất lên cho cái xác da voi nằm ngay ngắn. Hăn cười lên lưng, dùng gậy đánh nhẹ ở dưới bụng voi. Tự nhiên bầy chim ở trong cái xác da voi bay vụt cả lên, mang cái xác da voi và Cuội lên trời.

Cái xác da voi hay giữa không trung qua những núi dài sông rộng làm cho Cuội nhìn không chán mắt. Cuội cứ để cho bay mãi suốt ngày. Cuối cùng nhìn thấy một kinh thành rộng lớn, trong đó nhà ngói san sát, người qua lại đông không biết bao nhiêu mà kể. Cuội muốn xuống xem thử cho biết. Hăn vỗ mấy cái trên lưng voi, chim chóc thấy động phía trên thì sợ hãi xếp cánh không bay nữa. Cái xác da voi từ từ hạ xuống. Nó rơi xuống trúng giữa sân rồng có các quan đang làm lễ bái mạng.

Nhà vua và tất cả triều thần thấy có một người cưỡi voi từ trên trời xuống thì kinh hãi bội phần, vội vàng sụp xuống lạy Cuội như tể sao. Họ đón Cuội như đón một vị thần vừa giáng hạ. Nhà vua thân đưa Cuội vào nội điện và không dám ngồi ngang hàng.

Cuội sung sướng hưởng những cỗ bàn lễ vật của mọi người đem dâng. Khi nghe Cuội nói đến sự màu nhiệm của con vật, nhà vua cất tiếng run run hỏi: - "Ngài có thể cho quả nhân cưỡi lên voi đi ngắm cảnh gấm vóc trong thiên

hạ được chăng?" Cuội đáp: - "Được lắm, nhưng cần phải làm hai việc: một là nhà vua phải thay đổi áo quần cho tôi, vì con vật nó hay lạ hơi người, hai là khi ra giữa biển phải nhớ mở cái nút đằng sau cho nó uống nước".

Không một ai ngăn cản được lòng ham muốn của nhà vua. Cuối cùng cái xác da voi đưa vua lên không trung. Ra giữa biển, vua nhớ tới lời Cuội dặn, mở nút đằng dưới để cho voi giải khát. Lũ quạ và điều mấy lâu bị giam cầm, nay thấy có chỗ hở lục tục bay ra tất cả. Cái xác da voi rơi xuống biển và chả mấy chốc nhà vua đã lọt vào bụng cá. Còn Cuội mặc áo hoàng bào lên làm vua nước ấy [1].

KHẢO DỊ

1. Người Quảng-bình kể chuyện Cuội, ngoài những tình tiết giống như trên, còn có thêm một đoạn Cuội đánh lừa hổ (trước khi lừa voi).

Cuội vào rừng chặt mây gặp một con hổ đến. Hổ hỏi: - "Làm công việc gì mà lấy nhiều mây thế?". Đáp: - "Trời sắp lụt to đến nơi, lấy về để treo họ hàng bà con lên kéo chết đuối". Tin là thật, hổ cầu khẩn nhờ Cuội treo giúp mình và bà con mình, Cuội nhận lời, hứa sẽ làm sẵn dây rồi định ngày báo hổ đến một khu rừng nọ tự thò đầu vào dây để mình kéo lên kéo mình làm không nổi vì hổ nặng quá. Rồi đó, Cuội lấy mây làm rất nhiều thùng lọng. Đến ngày hẹn, hổ và bà con nhà hổ đến rừng lần lượt chui đầu vào thùng lọng. Cuội đâm chết hết bà con nhà hổ. Còn lại một con hổ cái hết lời cầu

khẩn xin tha mạng. Cuội bằng lòng tha nhưng với điều kiện là hàng ngày phải tìm mồi cho mình ăn.

Một hôm hổ cái gặp voi. Hổ bảo voi phải trốn ngay không thì Cuội giết chết. Voi nói mình có ngà không sợ, sẽ tìm đến giết Cuội cho xem. Đoạn hỏi chỗ ở của Cuội để hôm sau đến. Lúc hổ cái về nộp thịt cho Cuội, kể lại câu chuyện như trên. Cuội bèn đào hố trên phủ cây cỏ. Voi đi tới thấy Cuội định xông lại bắt, nhưng bị sa hố. Câu chuyện đến đây giống như trên đã kể.

2. Truyện *Nói dối như Cuội* còn được một vài quyển sách khác (như *Sử Nam chí dị* và *Truyện cổ tích Việt-nam* [2]) chép nhưng không đầy đủ và có chỗ hơi khác về chi tiết. Theo sách sau thì thay vào thằng hủi là bác xẩm mù. Cuội thấy xẩm qua đó, gọi lại bảo: - "Xẩm ơi! xưa kia tao cũng như mày, chui vào rọ này được sáng mắt ra". Cũng như hủi, xẩm tưởng thật, mở rọ cho Cuội ra rồi chui vào cho hẩn buộc lại. Khi người chú không tìm được sách nói láo của Cuội hằm hằm nổi giận chạy ra, tưởng Cuội nằm trong rọ, mắng rằng: - "Sắp chết đến nơi mà còn nói láo!". Xẩm ta nghe nói thế sợ hãi kêu lên: - "Lạy ông, tôi là xẩm đây". Người chú tưởng Cuội lại còn lừa nữa, gắt: - "Xẩm, ông cũng không tha!". Miệng nói chân đạp rọ lăn xuống sông.

Chỗ Cuội lừa ông quan thì sách này chép là lừa bà lão gánh hàng tằm. Cuội bảo bà lão: - "Bà thì già, gánh thì nặng. Bà đưa tôi gánh đỡ, đến chợ bà cho tôi bữa ăn là đủ". Bà lão hỏi tên họ quê quán, Cuội cũng khai là Bông lông xã, Ba la huyện, còn tên mình thì nói là Cha Căng Chú Kiết. Được gánh hàng Cuội chạy vùn vụt làm bà lão đuổi không kịp, gặp ai cũng hỏi: - "Có thấy thằng Cha Căng Chú Kiết đâu không?"- Khi bà lão biết là mình bị lừa thì Cuội ta đã xấp ướm gánh hàng đem về nhà chú, nói dối là hàng lấy được từ dưới sông lên. v.v...

Xem thêm truyện *Mưu trí đàn bà* (số **109**, tập **III**).

3. Có người kể lẫn lộn truyện *Nói dối như Cuội* này với truyện *Sự tích thăng Cuội cung trăng* (số **127** tập **III**). Ví dụ tác giả sách *Sơn cư tạp thuật* ở truyện *Mạn tử*, v.v...

4. Đoạn Cuội bán lợn rồi cầm đuôi xuống đất lừa thím, tương tự với sự tích vua Đinh Tiên Hoàng: lúc nhỏ vua ở chăn trâu cho người chú. Một hôm giết trâu đãi các bạn ăn, cầm đuôi xuống đất rồi về báo chú là trâu chui xuống đất. Chú lên núi thấy đuôi, nắm kéo bị ngã ngựa. Giận quá, chú đuổi cháu. Cháu chạy đến bến đò, ở đó có người chèo đò tên là Rồng, bèn gọi: - "Rồng mau mau đưa tao sang sông". Bỗng nhiên có con rồng hiện lên đưa ông qua... Truyền thuyết Nguyễn Chích (sửu tầm ở Thanh-hóa) cũng giống như trên, chỉ có khác là không phải con rồng mà là một con rùa đưa ông qua sông. Sự tích vua Minh Thái Tổ (Trung-quốc) cũng có một đoạn tương tự.

5. Truyện *Nói dối như Cuội* của ta tương tự ít hay nhiều với một số cổ tích Đông Tây. Gần gũi nhất là truyện của đồng bào Ja-rai (Djarai) ở Tây-nguyên và truyện của người Khơ-me (Khmer). Chúng tôi chỉ kể ra đây một ít truyện tiêu biểu: Trước hết là truyện của người Ja-rai, nhan đề là *Cơn và Nặc*. Đó là hai người bạn. Bị Nặc chơi ác cho mượn rùa làm gối để nó cắn mình, Cơn quyết trả thù. Hắn lừa chồng nói là vợ chết, lại lừa vợ nói là chồng chết làm cho hai vợ chồng Nặc vì thương nhớ quá lưu ly thất lạc, thân tàn ma dại một thời gian. Khi hai vợ chồng gặp nhau biết mình bị lừa, bèn bắt Cơn bỏ rọ trôi sông, nhưng Cơn đã lừa được một người hủi chết thay cho mình. v.v... Thứ hai là truyện của đồng bào Xơ-đăng và Hrê tương đối phong phú về tình tiết hơn cả. Trong đó Cuội lừa cọp, lừa quan và cũng như truyện của ta, Cuội cười xác voi biết bay bay lên trời [3].

Truyện của người Khơ-me (Khmer): Một anh chàng tìm cách ăn thịt con lợn của người mẹ. Một hôm, hắn cầm thúng dắt mẹ đi, nói là để kiếm vàng. Đến một nơi nọ, thành linh hắn úp thúng xuống đất, bảo mẹ giữ cho chặt rồi ngồi chờ cho hắn về kiếm thuốc để chữa. Hắn về giết lợn đãi bạn bè hàng xóm. Mẹ chờ lâu, đói quá mở thúng ra chẳng thấy gì cả, về nhà thì thấy mọi người đang ăn thịt lợn. Mẹ giận quá bảo em mình bỏ hắn vào bị định quăng sông. Câu chuyện cũng xảy ra như truyện của ta. Hắn nhờ ông cậu về kiếm cho quyển sách nói láo và cũng gặp một người hủi. Nhưng chỗ khác là khi trốn ra khỏi bị, hắn gặp một người khác hỏi làm sao có lăm tiền. Đáp: xuống dưới ấy mọi người đều giàu có và số tiền này là do đánh bạc mà được... Nghe vậy người kia cũng nhảy xuống nước, nhưng chỉ một lúc hắn đã nổi lên với cái mũi bị thương, nói: "Tao cũng có đánh được bạc nhưng hỏi thì họ bảo lên trên mây mà đòi. Tao nói mãi họ cho một đấm chảy máu mũi như thế này".

Anh chàng nghe nói, biết là gặp tay lừa dối cũng vào hạng khá, nhưng cũng vui lòng chia tiền cho và kết làm bạn.

Người Khơ-me còn có truyện *Thơ-mênh Chây* có nhiều tình tiết giống với truyện *Trạng Quỳnh*, trong đó cũng có một số tình tiết gần giống truyện *Cuội*.

Ví dụ tình tiết sau đây:

Thơ-mênh Chây hay lừa người. Vua nghe tiếng gọi đến bảo hãy lừa mình xem. Đáp: - "Việc lừa của tôi là nhờ vào một quyển sách nói dối. Tiếc rằng quyển sách lại để ở nhà mẹ tôi". - "Cho phép người về lấy". - "Vì hôm qua chữa cháy nên bị bỏng chân, đi lại khó khăn. Xin phái một viên quan về lấy". Khi viên quan trở lại nói rằng mẹ Thơ-mênh Chây bảo xưa nay trong

nhà không hề có quyển sách đó, vua nổi giận hỏi Thơ-mênh Chây, hăn ung dung đáp: - "VẬY là tôi đã lừa được nhà vua rồi đó" [4].

Đồng bào Mường cũng có truyện Cuội, có truyện rất dài, có truyện ngắn, nội dung có truyện gần giống với truyện Cuội của ta, cũng có truyện kết hợp thêm một số tình tiết giống truyện *Trạng Quỳnh* (hay *Thơ-mênh Chây* của người Khơ-me). Chúng tôi kể ra đây vài truyện (xem thêm truyện *Eng Cuội* trong *Truyện cổ dân văn Việt-nam*, tập I):

Cuội chơi cho lang một võ rất đau (giả nói là đi bắt rùa rồi tìm cách nằm với hai con gái lang. Khi bị lang hỏi tội thì tìm cách chối bằng cách nhúng b... vào bột nhà lang) nhưng lang chưa có lý do để buộc tội.

Sau đó, Cuội lại chơi cho lang một võ thứ hai, thường ngày mang đến biếu lang những chiếc bánh ngon. Lang hỏi ở đâu ra thì đáp là do con chó quý của mình ỉa ra. Lâu không thấy Cuội đến, lang tìm đến nhà Cuội hỏi bánh. Cuội lôi chó vào buồng đánh ba roi rồi đưa ba vắt bánh ra biếu lang. Thấy thế lang hỏi mua con chó. Cuội đòi đổi một con trâu mộng. Giao chó, Cuội dặn đừng đánh vôi, phải để cho chó nghỉ ngơi một thời gian để quen hơi đã. Chưa được hai ngày lang đã bắt chó ra đánh. Khi ăn thấy không phải là bánh, lang mang chó đến nhà Cuội trả để đòi lại trâu. Cuội hỏi được mấy ngày? - "Hai ngày". "Thế là tại lang vôi vàng nên hồng mất phép màu của con chó". Cuội nói thế, nhất định không trả trâu lại.

Lập mưu giết Cuội, lang bảo dân chuẩn bị nửa vát nhọn. Có một hố sâu từ lâu không ai dám xuống. Lang bảo chỉ có Cuội là xuống được. Trước khi xuống, Cuội quăng xuống hố một gốc chuối. Rồi khi xuống đến đáy hố, Cuội chui vào một ngách, cởi áo của mình ra trùm vào gốc chuối. Ở trên lang bắt mọi người phóng nửa xuống. Tưởng Cuội đã chết, ai nấy bỏ về, nhưng đến chiều lang lại gặp Cuội.

Lang định đan rọ để dìm Cuội xuống sông cho chết. Cuội biết ý nói với người ta rằng: - "Ngâm tôi xuống nước, tôi sống ba năm, còn đặt trên cạn tôi chỉ sống được ba ngày". Lang nghe lời, bèn đặt rọ nhốt Cuội ở chuồng trâu chờ trâu về chuồng sẽ giẫm chết. Ngồi một lúc, Cuội gặp một bà già nhà lang đau mắt đi tìm thuốc qua đó. Cuội bảo cứ vào đây ngồi khắc khoải. Chiều lại, trâu về chuồng đạp chết bà già.

Thấy Cuội vẫn chưa chết, lang định bỏ rọ Cuội ném sông. Cuội cười vang lên cố làm cho lang tin rằng "bè bười thì chìm, bè đá thì nổi". Vì thế lang cho trầy nhiều bươi buộc cùng với rọ Cuội ném xuống sông. Rọ Cuội trôi một quãng xa xuống bến dưới nhờ bươi lại nổi lên. Cuội bèn đóng một gánh xuống mường dưới tìm đến nhà một lang khác nói bươi của lang mình đưa đến biếu và xin muốn một con trâu đực về làm giống. Được trâu, Cuội trở về mường mình nói dối là xuống nước biếu bươi cho vua Thủy được vua Thủy tặng lại một trâu đưa về. Cuội lại nói thêm. Giá có một bè đá cho vua Thủy thì vua sẽ tặng voi. Lang động lòng tham chui vào rọ có buộc đá để Cuội ném xuống sông.

Trong sách *Truyện cổ tích miền núi* có truyện *Nhà lang với anh Tới* của đồng bào Mường cũng là một dị bản của truyện Cuội, có phần giống với truyện của các dân tộc khác hơn là truyện của ta.

Một người dân tên là Tới làm cho một tên lang nọ tức điên ruột vì những hành động chống đối của mình. Lang muốn bỏ Tới vào túi ném xuống sông. Tới bảo: - Túi bằng vải sẽ không ngăn được hồn ma trở về, chỉ có túi giấy là ngăn được". Lang bèn làm túi giấy, Tới nhờ vậy không chết. Tới bắt trâu lang dắt đến nhà lang, nhận là trâu mình do vua Thủy cho. Lang không chịu, Tới hỏi: - "Trâu của lang có mấy hàm răng?" - "Hai hàm" - "Vậy trâu

này đích là của tôi vì khi cho, vua Thủy đã sai vận rằng mất một hàm".
Lang chịu mất trâu.

Thấy Tới nhiều trâu, lang và Âu cũng muốn xuống xin trâu vua Thủy, Tới bảo: - "Chỉ có dân mới vào túi giấy, còn lang thì phải vào túi gấm, Âu thì túi vải". Vợ lang không thấy chồng về, Tới bảo: - "Có lẽ lang và Âu vui quên về vì dưới ấy lắm con gái đẹp". Vợ lang nổi cơn ghen đòi chui vào túi. Cuối cùng Tới cũng cho mụ đi theo chồng và chiếm cả tài sản.

Người Tày có truyện *Hột Nhồi*:

Hột Nhồi ở với chúa đất (quàng). Thấy chúa nói ăn không biết ngon, bèn đưa chúa vào rừng tìm thuốc chữa. Anh dắt hăn qua năm suối mười khe cho đến khi chúa kêu đói, anh cho hăn ăn bát cơm nguội, hăn khen ngon. Lần khác, chúa bắt dâng buồng chuối chín, anh dâng một buồng, quả chỉ có vỏ không ruột. Hỏi thì anh đáp: - "Không thấy chúa dặn có lõi hay không". Lần khác, chúa lại đòi cá chép to lấy cả trong lẫn ngoài, anh đưa lên một con to nhưng đã ương ình. Hỏi thì đáp: - "Không thấy chúa dặn phải lấy cá tươi". Cả ba lần chúa đất giận lắm, nhưng không có lý do để bắt tội.

Một hôm chúa ngồi lên bắt anh lạy. Vì dưới giường lúc ấy có con chó nên lạy xong anh nói: - "Tôi lạy ông cũng như lạy chó". Nói rồi chỉ con chó dưới giường. Chúa giận quá bắt trói ở cửa. Nửa đêm, chúa đau bụng đi ngoài, anh ôm lấy chân, nói: - "Tôi yêu ông lắm, ông đi đâu tôi cũng đi". Nói rồi không chịu thả. Chúa mót quá phải cởi trói cho anh.

Một hôm nhà chúa có người chết, sai anh lên rừng chặt gỗ làm áo quan. Anh chặt cây mọc ở vách đá rồi buộc dây bảo con cháu chúa kéo. Cây đổ đè lên chết cả. Về thấy chúa khóc, anh nói: - "Chết một đồng không khóc, đi khóc một người". Gặp kỵ giỗ anh đốt than thả trên nguồn nước, về bảo

nhà chúa rằng: - "Ai muốn xem bọ hung đi buôn thì ra mà xem". Mọi người đua nhau đi xem, nhân dịp ấy anh xếp xôi thịt làm một gánh vào rừng chén đây. Lần này chúa nhất định bắt anh phải chết. Từ đây truyện giống với *Cuội* của ta, chúa bắt Hột Nhồi bỏ bị đặt ở miệng vực, đợi ăn xong sẽ xô xuống. Một chúa đất khác cưỡi ngựa đi qua, hỏi thì đáp: - "Tôi bị ghê kinh niên nằm vào đây để có người mang đi chữa". Chúa xin nằm thay vì hăn cũng có ghê. Hột Nhồi đợi hăn bị người ta xô xuống sông, mới cưỡi ngựa về, kể với chúa cảnh sống sung túc ở dưới nước, làm cho chúa thêm rỏ dãi. Chúa hỏi: - "Ta và người nhà ta có xuống được không?" - "Càng nhiều càng tốt. Hãy làm cho chúa lồng song, người nhà lồng tre". Mấy ngày sau khi làm cho cả họ nhà chúa chết sạch, Hột Nhồi lại đến kể với vợ chúa hành trình xuống thủy phủ. Ngày thứ nhất qua bản Chăng (chìm), ngày thứ hai qua bản Phù (nổi), ngày thứ ba qua bản Phong (trôi) ngày thứ tư qua Háng ngày cá (chợ quạ) rồi mới đến Xứ sở tổ tiên nhà chúa. Tổ tiên nhà chúa không cho về nữa. Vợ chúa nghe nói thế đi lấy chồng khác [5].

Người Miến-điện (Myanmar) có truyện *Cậu bé nói dối*:

Một thằng bé hay đi lừa, người ta gọi là Thánh Cuội. Một hôm cùng đi với bố có mang theo một túi cơm thịt để đi đường mà ăn, hăn lút lại sau, chén hết sạch, vứt túi. Khi bố bảo đưa túi thì hăn đáp: - "Con tưởng mang đi đường ăn, nên con vứt cho đường ăn lúc này rồi!". Bị bố đuổi, Cuội về lu loa với mẹ rằng bố đã bị rắn cắn chết, may có mà người lang khiêng xác về hộ. Thấy mẹ bặt than khóc, hăn nói: - "Nên quay con lợn nhà để đãi những người mang xác bố về". Mẹ bằng lòng, hăn làm ngay và ngồi chén hết một nửa. Đến chiều bố về thấy vậy, đánh cho một trận, bảo: - "Cho mày nốt chỗ lợn kia rồi cút đi khuất mắt không được về nữa!". Gặp một lão hà tiện đang cuốc vườn, hăn vác lợn đến, nói: - "Bác ơi, cháu biếu bác một nồi đầy thịt quay đây, nhưng phải cho cháu xin chiếc nồi đất, được không?" - "Được". Hăn lại nói: - "Không phải phiền bác trở về nhà làm gì để cháu gặp bác gái, nhờ bác ấy lấy nồi cho". Khi gặp vợ lão hà tiện hăn lại nói khác đi: - "Đây

là thịt quay, bác trai đồng ý đổi một túi vàng đấy!". Thấy bà này tỏ vẻ không tin, hăn gọi to cho lão chồng nghe: - "Bác ời, bác gái không chịu đưa đây này". - "Cứ đưa ngay cho nó đi!". Lão hà tiện quát. Thế là Cuội chuồn với túi vàng. Đi thật xa, Cuội móc túi lấy bốn năm đồng vàng, chôn làm bốn năm chỗ trên đường đi, rồi bẻ một cành cây cầm tay. Một người cưỡi ngựa đi quá, hăn vục roi xuống: "Đưa đây đồng vàng ". Rồi làm cho người kia thấy mỗi một cái vục roi lại được một đồng tiền vàng. Người kia đòi đổi ngựa lấy roi, hăn để cho người kia nản nì chán mới chịu đổi, rồi phóng ngựa đi mất. Đến một nhà giàu, Cuội xin gửi con ngựa vào chuồng. Đêm lại lấy một ít tiền vàng rắc vào cứt ngựa, sáng dậy mượn chủ cái rổ. Lão nhà giàu cho người rình, thấy hăn sàng phân ngựa ra vàng thì đòi mua ngay con ngựa, ngã giá một ngàn đồng vàng. Hăn lấy tiền đi thật xa. Gặp hai ông bà già, hăn khoe mình có phép "cải lão hoàn đồng". Để cho họ tin, hăn dùng nhiều tiền thuê hai mẹ con nhà nọ: trong khi cho cô gái núp sau màn, ở ngoài này hăn làm bộ gõ chày vào người bà mẹ dọa bảo người ấy bước vào sau màn, chốc sau cô gái bước ra nói những lời cảm ơn thầy đã làm phép cho mình trở nên trẻ và đẹp. Thấy vậy, hai ông bà già kỳ kèo xin hăn làm phép cho. Hăn đòi một ngàn đồng vàng. Sau khi gõ xong, hăn bắt họ phải ngồi im trong hai tiếng đồng hồ thì phép mới nghiệm, nhân dịp đó hăn ba chân bốn cẳng chạy trốn.

Hành động của Cuội đến tai nhà vua, vua ra lệnh bắt hăn bỏ vào túi ném sông. Trong khi chờ mặt trời lặn (là lúc thực hiện cuộc hành hình), bọn lính treo túi lên cây rồi đi uống rượu. Nghe tiếng chân voi đi tới hăn kêu; - "Ta không làm thái tử đâu!". Người cưỡi voi hỏi: - "Gì thế?". Đáp: - "Vua không có con nối, bắt tôi về nuôi làm thái tử, mà tôi thì không muốn tí nào" - "Tôi thay vào có được không?" - "Được, nhưng phải chịu treo lên cây như thế này người ta mới đưa về cung" - "Được". Thế là Cuội đánh voi đi thật xa, đâm cho voi chết, rồi khoét rộng bụng voi cho kền kền chui vào rĩa thịt. Như truyện của ta, khi chim vào đông thì lấy giẻ nút lại. Cuội cũng được chim đưa lên không trung và sau đó dặt xuống giữa sân rồng. Vua nhận ra

Cuội: - "Hôm trước ta đã sai đim người rồi kia mà!". Đáp - "Quả có thể, nhưng vua Thủy (na-ga) đã cứu tôi lên và tặng con voi bay". - "Ta có thể cười đi đây đi đó được chăng?" - "Nếu cho tôi làm thái tử thì được". Vua thích thú khi xác voi đưa lên không, nhưng khi tò mò rút cái nút giẻ thì chim lục tục bay ra làm cho hấn rơi xuống chết. Cuội lên ngôi, từ đó bỏ thói đi lừa, người ta gọi là vua anh minh [6].

Người Ấn-độ có hai truyện:

a) Một anh chàng có nuôi một con chim rất khôn. Khi đi làm đồng, vợ chồng anh buộc một cái điều vào chim, thế là chim mang thức hút đến cho chủ. Có sáu người đi qua thấy vậy, bèn mua con chim 300 ru-pi. Một hôm, họ buộc 300 ru-pi vào chim, bảo chim mang đến một nơi nọ. Chim không mang đến đó mà lại mang tiền về cho chủ cũ. Anh chàng lấy ra trong số đó 100 ru-pi cho con bò của mình nuốt. Sáu người kia đến đòi chim và tiền, nhưng thấy bò ỉa ra tiền vàng thì lại bỏ ra 5.000 ru-pi để chiếm lấy con bò quý. Lại đến lượt họ mang bò đến trả và đòi lại tiền vì thấy bò không còn màu nhiệm như trước. Anh chàng mời họ ngồi ăn. Đang ăn anh bỗng cầm gậy đánh vợ và bảo: - "Biến thành con gái đi lấy đĩa khác lại đây!". Một cô gái (kỳ thực là con anh ta) đi vào với đĩa thức ăn. Sáu người kia lại bỏ ra 600 ru-pi mua lấy cái gậy thần. Về đánh vợ, không thấy trả lại, bọn họ bèn chạy đến đòi lại mọi thứ. Anh chàng không có đủ để trả bị họ đốt mất nhà. Anh chàng bèn nhặt tro bỏ vào nhiều bao chở lên lưng trâu đưa đến Răng-pua. Dọc đường, anh ta gặp một toán người chở những bao bạc cho một ông chủ kho bạc. Thừa dịp họ ngủ, hấn đánh tráo hai bao của mình lấy bao của họ rồi trốn về, dùng tiền của đó ăn tiêu rất sung sướng. Sáu người kia hỏi làm sao có bạc thì hấn đáp là tiền bán tro nhà của mình. Nghe hấn nói đưa loại tro đó ra tỉnh bán mấy cũng hết, sáu người thi nhau đốt nhà lấy tro, đóng bao cho ra tỉnh, nhưng chả được gì hơn là roi quất vào đít. Tức quá, bọn họ trở về, trói tay chân hấn lại bỏ vào bao quăng xuống sông ở gần đấy, nhưng bao trôi vướng phải cọc. Thoáng thấy có người cưỡi ngựa đi qua đó,

hắn kêu cứu, hứa xin cắt cổ ngựa cho anh ta không lấy tiền. Nhưng khi được cứu thoát, nhè lúc người kia vô ý, hắn thành linh nhảy lên ngựa phi mất. Về nhà, hắn cho sáu người kia biết là dưới nước có rất nhiều ngựa, cuối cùng sáu người tình nguyện xuống nước như các truyện trên.

b) Một anh chàng đi theo kiếm ăn với một bọn trộm. Một hôm cãi nhau, bị chúng đánh trói và đem đi buông sông. Dọc đường bọn chúng đói bụng bèn bỏ anh dưới gốc cây, đi kiếm cái ăn. Một người chăn bò qua đấy hỏi duyên cớ hắn đáp: - "Ta là con vua, người ta ép lấy công chúa con vua một nước khác, nhưng ta không chịu, bị họ trói đi, bắt lấy cho được". Cũng như truyện trên, người chăn bò xin thay đổi địa vị. Anh chàng dắt bò về nhà và bọn trộm lại nhờ hắn quăng hộ xuống sông, v.v...

Người Áp-ga-ni-xtăng (Afghanistan) cũng có hai truyện:

a) Một đứa bé để bò phá vườn bị chủ vườn cắt mất lưỡi bò. Bò chết. Hắn lột da đem về. Chưa đến nhà, trời đã tối, hắn treo lên một cây cổ thụ nghỉ đêm. Đêm ấy có một bọn trộm ở đâu đến dưới gốc cây chia của, chúng chia không đều, đánh nhau loạn xạ. Anh chàng sợ quá, để rơi tấm da bò xuống. Bọn trộm hoảng hồn bỏ của lại chạy mất. Hắn xuống, vợ lấy rồi về nói dối với mọi người là mình bán da bò được rất nhiều tiền. Mọi người đua nhau giết bò của mình lột da đi bán, bán không được họ trói hắn ném xuống sông và rồi việc cũng xảy ra như trên.

b) Hai anh em nhà nọ, anh là Tay-ga Khan một hôm bảo em dắt dê ra chợ. Dọc đường, em lần lượt gặp sáu tay đi lừa; đứa nào gặp em cũng bảo đấy là con chó chứ không phải dê, đến nỗi cuối cùng người em phải bỏ lại con vật, chạy về không. Tay-ga Khan nghe kể quyết bắt chúng phải bồi gấp trăm. Mai sáng, anh chàng cưỡi một con lừa trên lưng trái chăn rất đẹp đi chơi chợ. Bọn kia gặp, hỏi: - "Tại sao lại tô điểm con lừa đẹp thế." - "Không

phải lừa đâu, đó là con bu-sa-ki" - "Là con gì?" - "Là con vật sống trên 100 tuổi, có phép ỉa ra vàng". Hôm ấy người anh nấn ná ở lại và được bọn kia mời về nhà nghỉ. Tay-ga Khan giấu một ít tiền vàng ở đồng phân. Sáng dậy cho lừa ra đồng phân ỉa và làm bộ nhặt thấy tiền vàng. Sáu người kia mua ngay con lừa 500 ru-pi. Người anh trở về dặn vợ cứ làm như thế như thế, nếu bọn kia đến. Bọn kia quả tìm đến và kêu ca về con lừa. Người vợ nói: - "Chồng tôi còn đi vắng, để tôi sai con thỏ đi gọi về ngay cho các ông". Bèn thả một con thỏ xám và bảo: - "Đi gọi ông chủ về ngay"- Được một chốc, Tay-ga Khan quả về, trong tay cầm con thỏ xám và nói: - "Đang giờ bận, vì nó giục quá phải về". Bọn kia tấm tắc về con thỏ quý, mua ngay 600 ru-pi. Hôm sau, chúng lại đến kêu ca. Tay-ga làm bộ đang cơn giận dữ, cầm dao giết vợ, rồi lại làm bộ hối hận, vào buồng lấy cái gậy chỉ vào người vợ làm cho vợ sống lại. Bọn kia choáng mắt, bỏ ra 500 ru-pi để mua cái gậy. Lúc về bọn chúng nhân cơn giận mẹ, bèn cầm dao giết mẹ, nhưng lúc nguôi giận thì dĩ nhiên gậy không làm sống được. Lại chạy đến đòi, Tay-ga đã trốn biệt.

Truyện của người Xây-lan (Sri Lanka):

Lô-ku Áp-pu vay tiền của một bọn đánh trống mà không chịu trả. Biết họ lại đến đòi, cũng như truyện Ấn-độ trên, hăn dặn trước một bà già và một cô con gái, rồi một mình ngồi gọt một cái gậy. Bọn chủ nợ tới, hăn mời ngồi rồi bỗng đánh vào bà già một gậy bảo bà biến thành con gái và mang trâu ra đây. Một chốc từ trong buồng một cô gái bước ra. Bọn chủ nợ nài để lại cho họ cái gậy màu nhiệm không được, bèn cướp lấy mang đi. Về nhà họ đánh chết bà già mà không thấy trẻ lại. Bọn họ lại đến hỏi, hăn bảo là vì đánh sai đầu gậy. Lại về đánh, không được, họ bèn đến nhà bắt Lô-ku Áp-pu bỏ vào một cái túi định quăng xuống sông. Vừa đến bờ, nghe tiếng trống, họ bỏ túi xuống đất chạy đến chỗ có tiếng trống để xem việc gì. Vừa khi có một người Hồi-hồi buôn vải qua đó. Thấy hăn kêu: - "Ta không biết đọc biết viết sao cứ bắt ta đi cai trị nước", người lái buôn gạ hăn cho thay

đổi địa vị và sau đó cũng như các truyện trên, anh Hồi-hồi bị quăng xuống sông.

Bọn kia lại gặp Lô-ku Áp-pu đang giặt vải, hỏi thì đáp lấy ở dưới sông lên, vì lấm bùn nên phải ngồi giặt. Bọn họ lại nhờ hăn bỏ mình vào túi ném hộ xuống sông.

Người Tác-ta (Tartare) Ở miền Nam Xi-bê-ri (Sibérie) cũng có ba truyện:

a) Một người cười con lạc đà đi chơi và được một người nọ ở dọc đường mời vào nhà chơi: - "Không, anh ta nói, tôi sợ bốn con lạc đà của ông ăn mất con lạc đà của tôi?" - Nếu nó ăn thì chúng tôi sẽ đền cho cả bốn con". Việc quả xảy ra, và anh ta được đền bốn con vật. Lúc về nhà anh ta nói dối với hai anh là mình giết con lạc đà của mình đem bán, sau đó đến một nơi khác dùng tiền đó mua được bốn con. Hai anh tin lời, bèn giết lạc đà đem đi bán nhưng chỉ được gậy vào lưng. Người em lại giết mẹ, buộc mẹ lên ngựa cho đi. Thấy một người lái buôn sắp đi qua, hăn bảo dừng lại kéo mẹ mình lừa có thể ngã ngựa. Người lái buôn không nghe cứ đi, cái xác ngã xuống, phải bồi 1.000 rúp. Lúc về, em bảo anh giết vợ sẽ bán được nhiều tiền. Không được gì, anh trói em lại toan đốt sống. Trong khi anh vào rừng lấy củi thì em gặp một nhà giàu đi qua. Nhà giàu hỏi, hăn đáp: - "Ai chịu trói vào đây sẽ trở thành đại phú". Người kia chịu để trói và phải trả mất 1.000 rúp. Hai người anh đốt xong không ngờ lại thấy em ở đâu về có nhiều tiền. Hai anh bên nhờ em đốt hộ mình. Hai người anh chết, em chiếm cả gia tài.

b) Một người bị trộm lấy hết cả chỉ còn lại 2 đồng rúp và một con ngựa. Hăn tìm cách lừa ba người anh bằng cách giả làm cho ngựa ỉa ra tiền. Khi hai người anh đến kêu ca thì hăn lại bán cho họ một cái vò có thể tự động làm sôi nước ở trong, không phải đun. Sau hai lần bị lừa, ba người anh trói hăn đặt ở bờ sông rồi đi tìm sào để đẩy. Cũng như các truyện trên. Sắp chết

thì hăn gặp một người ăn mặc sang, cưỡi ngựa đi qua, hăn trả lời người kia: - "Người ta muốn tôi làm hoàng tử ở một nước nọ mà tôi thì không muốn". Hai bên cũng đối cho nhau. Khi ba người anh thấy hăn nói lấy được ngựa ở dưới nước lên, cũng nhảy xuống sông, chết đuối.

c) Một tay lừa gạt một hôm đến xin cày giúp cho một nông dân. Trong khi người này đi lấy thức ăn, hăn bắt bò giao cho một đồng lõa dắt đi, chỉ cắt cái đuôi cắm sâu giữa ruộng. Người nông dân về hỏi bò, hăn nói: tự nhiên đang cày thì bò rúc xuống đất, cố lôi mãi không được, chỉ còn nắm được cái đuôi. Thế rồi, cả hai cùng kéo và ngã lăn với cái đuôi. Sau đó, hăn ở nhờ và ăn cơm tại nhà một người khác. Hăn từ giã ra đi vào lúc chủ nhân đang cày ở một đám ruộng tương đối gần nhà. Trước đó, hăn đã đưa mũ của mình cho đồng lõa và ra đi đầu trần. Đi qua đám ruộng, người chủ nhà hỏi: - "Sao mũ ở đâu? Ông quên ư?". Đáp: - "Không phải quên. Vợ ông giữ lấy vì tôi không có tiền trả bữa ăn". - "Ai lại làm thế. Anh cứ về nói với vợ tôi trả lại mũ. Nếu nó không trả thì gọi tôi, tôi bảo cho". Hăn trở lại nói với vợ người kia rằng: - "Ông chủ gả cô gái cho tôi đấy!". Nói rồi bắt cô gái đi. Vợ chủ nhà ngăn lại, hăn chạy ra cửa nói to lên: - "Bà ấy không cho tôi lấy!". Ở ngoài đồng, người chủ nhà giơ cái xẻng quát: - "Cho đi, cho đi, nếu không thì tao giết chết". Thế là hăn đưa cô gái đi luôn.

Trong sách *Nghìn lẻ một đêm*, người Ả-rập (Arabes) cũng có truyện một người hắc nô lừa chủ y như đoạn Cuội về nhà lừa thím rằng chú chết và ra đồng lừa chú rằng thím chết.

Trung-quốc có truyện *Long vương mời tiệc* cũng có tình tiết trên:

Trường Công đi làm cho địa chủ, một hôm ở đồng về tháo cánh cửa, nói dối bà chủ là để khiêng ông chủ về vì đã chết; lại vội vã chạy ra đồng lừa ông chủ nói nhà bị cháy nên cứu được cánh cửa chạy ra đây. Hai vợ chồng

địa chủ bị tên, kiện lên quan. Quan toan bắt tội thì Trường Công nói nhà mình có một cái giá rất quý, ai trèo lên sẽ nghĩ ra cách "xỏ" được người khác. Quan sai người đi lấy giá về, rồi lại sai đập cửa công đường, vì Trường Công bảo hãn giá ấy rất to, không đưa vào lọt. Mặc lừa, quan sai lính đem Trường Công đi dìm ở biển. Dọc đường, Trường Công nhổ gốc một cây rồi lấp lại như cũ. Đến nơi nói: - "Tiếc quá, tôi có một kho châu báu ở chỗ gốc cây nhổ lúc nãy, chưa đào lấy được". - "Mày chỉ lừa dối", lính bảo thế. - "Cứ trói tôi lại, rồi về lật gốc cây lên xem tôi có nói dối hay không". Chúng trói lại cặp vào ván thuyền rồi bỏ về tìm của. Lúc ấy, có một lão địa chủ, dẫn dê đi qua đấy, Trường Công bảo lão sẽ khỏi tật gù lưng nếu bị trói vào ván thuyền. Lão xin thế chân, Trường Công trói lão vào ván thuyền rồi dẫn dê đi. Trong khi lính nhà quan không tìm thấy châu báu chạy ra ném tên địa chủ xuống biển, thì Trường Công đã đem dê về lừa quan rằng: Long vương đang đặt tiệc và chuẩn bị một xe ngọc báu chờ quan xuống! Quan tin thật và hám của, cuối cùng nhảy xuống biển để tìm Long vương [7].

Truyện của người Mông-cổ: Một người ăn mày tìm cách giúp một bác dân nghèo bị sói ăn mất ngựa chỉ còn có cái đuôi. Hãn cầm chặt cái đuôi ở cửa hang cáo rồi ngồi ngoài, nắm chặt bằng hai tay. Lão quan đi qua, hỏi. - "Làm gì đó?". Đáp: - "Không ngờ ngựa của tôi chui tuột vào hang, cũng may năm được cái đuôi". "Ngựa thế nào?" - "Một ngày có thể vòng quanh quả đất 7 vòng" - "Ai cho phép mày chặn ngựa cạnh lều ta. Cút đi!" - "Thưa ông, chân tôi bị đau không đi nổi" - "Con khỉ, cưỡi ngựa ta mà đi, đưa đuôi đây?". Thế là hãn phi một mạch tìm bác dân nghèo giao ngựa. Gặp một lão nhà giàu đầu đội nôi thịt, hãn lại làm quen: - "Đố anh lừa được ta". - "Tôi lừa thế nào được. Kìa trông trời cháy rừng rực". Hãn làm bộ hốt hoảng đến nỗi lão kia phải ngựa mặt trông, do đó đổ mất nôi thịt. Hãn chạy đi gặp vua (Kha Hãn). Vua hỏi: - "Mi biết làm gì? Lều vải đâu?" - "Không có lều nhưng muốn gì là làm được ngay". "Nói láo, tao còn chưa được nữa mày. Có giỏi thì làm tao xuống ngựa thử xem". Cũng như truyện của ta,

hắn vờ gãi tai nói: - "Tôi làm sao lại bắt được vua xuống ngựa, nếu vua xuống tôi làm cho lên thì được". - "Được". Khi thấy vua xuống ngựa, hắn vỗ tay: - "Đây, tôi đã lừa được rồi đây". Vua lại nhảy tót lên ngựa, hắn tiếp: - "Đây, đã làm cho ngài lên ngựa rồi đây" [8].

Ở châu Phi có truyện của người An-jê-ri (Algérie): Một đứa bé mồ côi có một con bê. Bê bị giết, hắn bán da chỉ được một đồng tiền sắt. Ở chợ, gặp hai người ngồi trước một đồng bạc, hắn quăng đồng tiền sắt của mình vào đó rồi hô hoán lên rằng hai người ấy đã lấy mất tiền mình. Người ta xúm lại, hắn nói của mình có những 100 đồng với một đồng sắt. Hai người kia thề: - "Chúng tôi cam đoan là tiền của chúng tôi không có đồng nào sắt cả". Cuối cùng người ta tìm được đồng sắt và xử cho hắn được kiện. Cũng như truyện Ap-ga-ni-xtăng, hắn về lừa chú là tiền bán da bê, chú cũng giết bò của mình để đi bán da. Và sau cũng bắt cháu định ném xuống biển. Cuối cùng lại nhờ cháu đẩy xuống biển để mong có được bầy cừu như cháu, v.v...

Truyện của người Man-gát-sơ (Malgaches) (Madagascar) thì lại là một người ăn trộm bị bắt quả tang và bị người ta bó chiếu định ném xuống sông. Hắn thuyết khéo một người đàn bà đi qua để người kia thay hắn chui vào chiếu, sau đó hắn lại trở về mang theo một món nữ trang mà hắn trộm được, nói dối là lấy từ dưới nước lên. Nghe nói thế người ta tự cuốn chiếu lại để nhờ hắn quăng xuống nước...

Ở châu Mỹ, truyện của thổ dân thuở trước sống trên quần đảo Ăng-ti (Antilles): Một người bị rơi vào tay địch thủ và sắp bị quăng xuống biển. Hắn hát đi hát lại câu: - "Ta còn trẻ quá chưa lấy con vua được?". Trời nóng mà người hắn lại nặng, bọn chúng đặt hắn ở một nơi, rồi tìm quán nghỉ chân. Một người chăn dê đi qua nghe hát thế đòi cho mình thế chân. Người chăn dê bị chết còn hắn đánh lừa được kẻ địch: cuối cùng làm cho bọn chúng chết đuối.

Ở phương Tây tiêu biểu nhất là truyện của người Pháp nhan đề *Ren-nê* với ông chúa: Một người tên là Ren-nê vừa có con bò chết. Hắn lột da để cả đầu bò đội lên vai đem đi bán. Một bọn cướp đang chia tiền ở một khu rừng thấy hắn tưởng là ma, sợ quá bỏ tiền chạy mất. Hắn lấy tiền rồi mua một con lừa, cho lừa ăn cám trong có một ít tiền vàng. Ông chúa nghe đồn lừa ỉa ra vàng đến hỏi mua, hắn đòi hai ngàn đồng vàng. Mua về ngày đầu lừa có ỉa cho một ít vàng nhưng sau chẳng có gì cả. Ông chúa đến trách, giữa lúc Ren-nê đang đun sôi một nồi xúp. Thấy bóng chúa hắn đem nồi đi chỗ khác rồi nói với chúa: - "Tôi có một phép khi nào cần, cho một roi vào nồi là sôi ngay". Thấy hắn làm đúng như lời nói, ông chúa lại mua roi với giá hai ngàn đồng vàng. Mua về chúa đánh mấy cũng không sôi, giận lắm đến trách hỏi. Ren-nê biết trước, làm sẵn một bong máu bảo vợ đem giấu vào bụng. Khi chúa đến, hắn làm cách đánh đập vợ rồi vờ đâm chảy máu. Đoạn thối một tiếng còi, người vợ đã được dặn trước, tự nhiên ngồi dậy, Ren-nê lại bán còi cho chúa lấy hai ngàn đồng. Một hôm chúa ngồi buồn đâm chết vợ, nhưng thối còi mãi vợ không sống lại. Tức mình, chúa đi xe đến bắt Ren-nê, sai người trói tay chân mang xuống hố nước. Đến đây, truyện giống như truyện trên: bọn kia dừng lại vào quán nghỉ, Ren-nê gặp một người chăn bò bèn bảo: - "Người kia bắt tao làm mục sư mà tao không biết đọc biết viết gì cả". - "Còn tao - người kia nói - thì lại biết đọc biết viết". Hai bên cùng thay đổi địa vị cho nhau và cuối cùng Ren-nê lừa ông chúa nhảy xuống hố với hai người hầu để mình trở thành ông chúa.

Một truyện khác của Pháp, *Ri-sơ-đô*, đoạn đầu có hơi khác:

Ri-sơ-đô đông con, nhà nghèo quá phải nghĩ cách gạt ông chúa. Mới sai một đứa nhỏ đến mượn ông chúa một cái đấu. Chúa hỏi: - "Mượn để làm gì?" - "Để đóng bạc". Lúc trả ông chúa thấy có ba lu-i vàng dính ở đáy đấu thì sững sốt hỏi: - "Tại sao mà có nhiều tiền thế?" - "Tôi lột da con bò cái, một cái lông người ta mua một lu-i" - "Đúng không?" - "Đúng". Ông chúa

sai lột da 50 con bò của mình nhưng mang ra chợ chẳng được gì cả. Thấy chúa đến hỏi tội. Ri-sơ-đô bảo vợ nằm xuống giường giả chết. Chúa đến thấy vậy bỏ về, ít bữa sau thấy vợ Ri-sơ-đô còn sống, chúa hỏi thì vợ Ri-sơ-đô đáp: - "Tôi chết nhưng chồng tôi thối vào tai nên lại sống". Chúa về giết vợ, thối vào tai nhưng không thấy nghiệm.

Nổi giận, chúa cho một cỗ xe tới bắt Ri-sơ-đô bỏ vào túi chở đi. Đến đây truyện lại giống với truyện trên nhưng Ri-sơ-đô không gặp người chặn bò mà gặp người chặn cừ. Hắn lừa người chặn cừ để khỏi bị vứt xuống hố. Trở về, hắn lại lừa ông chúa để cho ông chúa tham lam ngu ngốc nhảy xuống hố mất mạng, còn Ri-sơ-đô lên làm chúa.

Một truyện khác cũng của Pháp *Cor-na-chiu*:

Cor-na-chiu nhà nghèo chỉ có một trai một gái và một con bò cái. Con gái anh chặn bò để bò chạy vào vườn vua. Vua sai giết con bò. Anh lột da đi chợ, gọi con trai đi theo. Người con nghe không rõ tưởng bố bảo mang cánh cửa nên mang cả theo. Dọc đường gặp một bọn cướp. Bỏ con trèo lên cây để ẩn. Không ngờ bọn cướp lại nghỉ ở dưới gốc. Vì cánh cửa quá nặng đưa con làm rơi, gãy cả cành cây, làm bọn cướp hoảng hồn: - "Trời sập rồi!". Đoạn bỏ chạy tán loạn. Bố con nhặt được vàng về. Cũng như truyện trên anh sai con gái đi mượn cái đấu của vua để đóng vàng, nghe tin vua sai đầy tớ giết đàn bò lột da đi bán. Không được gì, vua sai bỏ Cor-na-chiu vào túi để đi ném sông, nhân bọn đầy tớ đi giải khát anh cũng lừa được một lão buôn lợn chui vào túi thay mình để dẫn đàn lợn về. Anh sai con gái múa nhảy trước cửa nhà vua, vua đến ngạc nhiên thấy đàn lợn: - "Lấy ở đâu ra mà nhiều thế?" - "Lấy ở dưới nước" - "Đưa tao đi xem". Anh dẫn vua và cả đàn lợn ra bờ sông. Thấy bóng lợn dưới nước, lão vua ngốc nhảy xuống, chết. Cor-na-chiu trở thành chúa lâu đài [9].

Một truyện khác nữa của Pháp ở một địa phương Lo-ren (Lorraine):

Một cô gái bỏ nhà ra đi, nách cắp một con quạ tình cờ bắt được. Vào một nhà nọ vắng chủ, cô nhìn trộm vào khe cửa. Khi người chủ về, chủ hỏi con vật gì? - "Đây là một thầy bói biết hết mọi việc." - "Có bán không?" - "Bán, nhưng để tôi thử cho ông xem". Bèn đánh vào đầu quạ mấy cái cho nó kêu. - "Nó bảo có một người nào trốn ở buồng bên". Chủ nhà quả tìm thấy người trốn. - "Nó lại nói có thức ăn và rượu cất trong tủ ăn". - "Đúng là một thầy bói có tài, dù đắt mấy ta cũng mua". Chủ nhà trả cho nhiều tiền vàng và một con lừa. Cô gái lại đem lừa bán cho một người chủ cối xay bột và nói rằng: - "Có con lừa này khi mắc nợ chỉ cần đưa đến gán là đủ". Cô còn làm cho khách tin rằng lừa ỉa ra vàng. Sau đó cô đi mượn đầu của người mẹ đỡ đầu. Khi trả đầu người ta thấy có ba đồng vàng. Để cắt nghĩa tại sao có vàng, cô gái nói là mình bán một con bò cái, mỗi cái lông một xu. Mọi người đua nhau giết bò để bán lông. Cuối cùng vỡ lẽ, người ta trói cô gái định quăng xuống sông nhưng kết cục cũng xảy ra như truyện trên.

Truyện của người Ê-cốt-xơ (Écosse):

Hai người láng giềng của Đôm-hơ-nun báo thù, vớt mẹ anh ta xuống giếng. Anh vớt lên mặc cho cái xác một bộ đồ rất đẹp rồi chở đến một thành phố, đặt mẹ ở sau hoàng cung cạnh bờ giếng ra vẻ đang ngồi chơi. Một người hầu gái của nhà vua đi qua va phải, cái xác rơi xuống giếng. Anh ta kêu khóc rầm rĩ và bắt vạ. Vua phải bồi thường 500 đồng bằg.

Đôm-hơ-nun về kể chuyện là ở thành phố người ta mua xác chết các bà già giá rất hời. Hai người láng giềng vội giết mẹ họ nhưng khi đưa ra thành phố không được gì cả. Bèn trở về định ném anh xuống nước. Việc cũng xảy ra như truyện của Pháp [10].

Một truyện khác mà chúng tôi quên mất xuất xứ, có lẽ cũng là một loại dị bản của truyện trên:

Có hai anh bạn, Cu lớn, Cu bé, người cùng làng, vì Cu bé hay trêu chọc, nên bị Cu lớn giết mất con ngựa. Cu bé không nói gì cả, làm thịt con ngựa rồi lột da đem ra chợ bán. Đến trước một cái quán, nhân ngồi bán da ngựa vô tình Cu bé nhìn thấy vợ lão chủ quán lừa chồng, nhốt nhân tình của mình ở dưới hầm, chờ chồng đi vắng, thị đưa hũ lên quán ăn, rồi trước khi chồng về lại đưa hũ xuống nắp ở hầm. Chờ cho lão chủ quán về, Cu bé dạm bán da ngựa, bảo nó biết bói tất cả mọi việc. Chủ quán bảo bói thử. Cu bé giả cách ấp tai vào da ngựa rồi nói: - "Da ngựa mách nhà bác có một người nhân tình nắp ở dưới hầm". Khám phá ra việc "tây trời" ấy xong, chủ quán mua tấm da ngựa một đấu bạc.

Lúc về Cu bé đem bạc ra khoe với Cu lớn, bảo ở chợ người ta đang cần mua da ngựa giá đắt, có mấy cũng bán hết. Cu lớn giết ngay hai con ngựa của mình, đưa đi bán, dĩ nhiên là không ai mua. Về nhà Cu lớn giận, đập chết người bà của Cu bé, Cu bé bọc kỹ xác bà bỏ vào xe, đẩy ra chợ vào một quán khác, gọi các món rồi bảo chủ quán ra gọi bà của mình nằm ngoài xe vào ăn. Chủ quán ra gọi mãi không được, sẵn gậy liền đập vào bà cụ để lay dậy. Cu bé lập tức hô hoán lên, bảo chủ quán đã đánh chết người bà của mình. Việc lên quan, cuối cùng chủ quán phải chịu mọi phí tổn tang táng và đền cho Cu bé một đấu bạc. Về nhà Cu bé bảo Cu lớn rằng ở ngoài chợ người ta mua xác bà già rất đắt tiền. Cu lớn lại đập chết bà của mình, chở lên xe đưa ra chợ, nhưng chả ai mua.

Nổi xung, Cu lớn về đan một cái rọ bỏ Cu bé vào, mang đi, định ném xuống sông. Đến bờ, hũn mót quá, bèn đặt xuống đấy rẽ vào bụi. Trong khi đó có một lão chăn bò đi qua hỏi Cu bé ngồi làm gì trong ấy - "Người ta

đưa đi cưới con gái cụ Bá mà tao thì không muốn lấy". Lão chặn bò vốn chưa có vợ, khẩn khoản xin đổi chỗ, Cu bé nhận lời dắt bò đi biệt. Cu lớn ra đập rọ xuống sông nhưng lúc trở về đã thấy Cu bé vô sự với bầy bò ở nhà rồi.

Cũng như truyện trên, Cu bé đã miêu tả cho ông bạn của mình thấy cuộc sống giàu sang sung sướng ở dưới nước và nói "bố mẹ Cu lớn đang mong con xuống để cho rất nhiều trâu bò và của cải". Cuối cùng Cu lớn cũng chui đầu vào rọ để cho Cu bé đập xuống sông mất tích.

Đại thể, truyện *Ren-nê với ông chúa* và các dị bản của nó rất phổ biến ở các dân tộc phương Tây như Anh, Đức, Đan-mạch (Danemark), Thụy-điển (Suède), Na-uy (Norvège), v.v... Ở châu Âu từ thế kỷ XII, truyện đã được ghilại qua một bài thơ La-tinh trong có nhân vật là U-ni-bốt, chàng nông dân ranh ma, láu lỉnh, đã tìm cách trả thù được tên chúa đất từng giết chết con bò của mình. Loại mô-típ này riêng ở Pháp đã có 130 dị bản [11].

Trương Vĩnh Ký kể truyện *Cuội* có đưa thêm vào một tình tiết:

Cuội tới nhà chú mượn vạc đồng để nấu bánh cúng. Chú tưởng thật, lấy cho mượn. Cuội xách vạc bán lấy tiền tiêu. Chú đòi không được, kiện lên quan. Cuội sai vợ mua một con chim vạc đưa lên quan, nhận lỗi là có mượn vạc đồng, nay xin trả trước mặt quan. Chú Cuội không biết làm sao để cãi cho mình thắng, đành nhận con vạc về, trong bụng căm tức vô hạn. Bèn nghĩ cách bắt Cuội bỏ rọ dìm xuống sông... [12].

Tóm lại, truyện *Nói dối như Cuội* gần như một loại hình cổ tích phổ biến của số đông các dân tộc trên thế giới.

-
- [1] Theo lời kể của người Hà-tĩnh, Quảng-bình.
- [2] Nhà xuất bản Nguyễn Du, Hà-nội, 1957.
- [3] Xem truyện *Quây* của dân tộc Hrê ở *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập I, đã dẫn. Trong truyện này người kể đã gần như lẫn lộn *Cuội* trong *Nói dối như Cuội* với *Cuội* trong *Sự tích thằng Cuội cung trăng*.
- [4] Theo *Truyện dân gian Căm-pu-chia*.
- [5] Theo Đức Hùng, Phù Ninh. *Nàng Ái Kao* (truyện cổ tích).
- [6] Theo *Truyện dân gian Miến-điện*. Sách đã dẫn.
- [7] Theo *Bức gấm thêu*.
- [8] Theo Năng Mai Hồng. Sách đã dẫn.
- [9] Theo Mê-ra-vi-ơ (Méraville). *Truyện dân gian miền Ô-véc-nhơ*.
- [10] Phần nhiều các truyện trên đều theo Cô-xcanh (Cosquin). Sách đã dẫn.
- [11] Theo Mê-ra-vi-ơ (Méraville). Sách đã dẫn.
- [12] Truyện *Cháu nói láo hại chú trả thù*, trong sách đã dẫn. Chúng tôi nghi ngờ rằng truyện *Vạc đồng* trên là lẫn lộn với các tình tiết của tiểu lâm.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

**61. CỬA TRỜI TRỜI LẠI LẤY ĐI GIƯỜNG ĐÔI MẮT ẾCH
LÀM CHI ĐƯỢC TRỜI**

Ngày xưa có một người nghèo khổ quá. Ngày ngày ông ra bãi biển cố sức mò cua bắt ốc để lấy miếng ăn, nhưng không bao giờ đủ. Thấy người ta sung sướng giàu có, ông ao ước được như họ. Luôn luôn ông cầu Trời khẩn Phật xin cho đỡ khổ một tí, dù có bị giảm tuổi thọ đi bao nhiêu cũng được. Ông cầu khẩn như thế trong ba năm liền. Tuy không thấy thân phận khá hơn chút nào nhưng ông vẫn kêu xin không mỏi.

Một hôm, trong khi đào cua ở một cái hang, ông bỗng bắt được một thỏi gì vuông vuông nặng nặng và sáng chói. Vừa lạ vừa mừng, ông mang về hỏi hàng xóm. Người hàng xóm cho biết đó là vàng. Mừng quá ông lại cố công đào tìm thêm nữa. Kết quả được cả thảy mười thỏi vàng. Ông hết lời cảm tạ Trời Phật. Ông định giấu kĩ rồi đưa về quê tậu ruộng làm nhà và lấy một người vợ. Không ngờ người hàng xóm không giữ kín miệng, nên tin đồn được vàng lan đi rất nhanh. Một tên trọc phú ở gần đó vừa nghe thế, vội tìm đến làm quen. Hắn dùng những lời đường mật gạt dối ruộng đất của hắn để lấy vàng. Thấy ông chưa có vợ, hắn gả em gái cho. Nghe bùi tai ông vui lòng kết thân với hắn. Từ đó, ông làm ăn ngày một khấm khá: có vợ đẹp, có ruộng cày, có nhà cửa, cuộc sống rất dễ chịu. Nhưng do mưu mô xảo quyệt của tên trọc phú, cuối cùng mười thỏi vàng về tay hắn cả.

Tuy vậy, tên trọc phú nuốt số vàng không trôi. Tin đồn "một người bắt cua

được vàng" bay nhanh đến tai mọi người, và đến tai một viên quan huyện. Nghe nói vàng về tay một tên trọc phú, viên quan huyện không kìm được lòng ham muốn. Hắn gọi lão trọc phú đến tư thất và gạ chia cho mình một nửa. Nhưng gã trọc phú đời nào lại chịu mất không như thế. Viên quan đành giận dữ bụng. Nhân bắt được một đám cướp lộn, hắn bèn bảo chúng khai vu cho tên trọc phú và do đó hắn ép y vào tội "thông phi". Trọc phú bị kìm kẹp đánh đập rất khổ cực, đành phải nhả của ra để mua lấy sự yên thân. Cuối cùng không những 10 thỏi vàng nọ lọt vào tay viên quan huyện mà nhiều tiền gạo khác của hắn cũng đội nón ra đi để đám mồm bọng hương lý, bọn sai nha, v.v...

Lại nói chuyện viên quan huyện chỉ dùng một mẹo nhỏ mà chiếm được số vàng lớn thì mừng quá. Hắn sai con cùng với một người lão bộc bí mật đem số vàng đó về quê để tậu thêm ruộng đất. Nhưng đứa con của hắn là một tay có máu me cờ bạc. Trong khi đi thuyền, thấy có canh bạc to, hắn định đem một số ít vàng của bố để mong "dậy hóa". Mặc dầu người lão bộc can gián hết lời, hắn vẫn không nghe. Quả nhiên chỉ trong một đêm hắn thua hết cả chẳng còn một đồng dính túi. Thế là bao nhiêu vàng của viên quan huyện tự nhiên lọt vào tay một lão lái buôn. Nhờ ngón cờ gian bạc lặn, lão lái buôn và một tên đồng đảng đã vét sạch bàn, và qua ngày hôm sau hai người hí hửng mang số tiền chiếm được một cách khỏe khoắn, trong đó có 10 thỏi vàng của con quan huyện về nhà, mặc kệ kẻ mất của kêu trời khóc đất.

Không ngờ hôm đấy có bốn tên ăn cướp đang lảng vảng ở khu rừng gần đấy. Thấy có hai người bộ hành mang tay nải nặng đi qua, chúng bèn đuổi

theo không rời một bước. Khi hai con mỗi đến chỗ vắng, chúng nhảy xổ ra giết chết và cướp lấy tay nải. Nhìn thấy những thỏi vàng sáng chói, chúng mừng rú lên, vội chia nhau, cứ hai đứa năm thỏi, còn số tiền lẻ bạc vụn thì giao cho hai đứa trong số bốn đứa, đi mua rượu thịt về chén một bữa.

Lại nói chuyện hai tên cướp được cử đi chợ tự nhiên sinh lòng tham, muốn chiếm lấy tất cả số vàng để chia nhau mỗi đứa năm thỏi, chả cần phải cắt phải chặt, cân đi lường lại mất công. Chúng bỗng nảy ra một kế là mua thuốc độc bỏ vào rượu cho hai tên kia uống. Thế là hai đứa vào chợ ăn uống no say, đoạn mua bún lòng và rượu có pha thuốc độc mang về.

Trong khi đó thì hai đứa ở nhà cũng bàn mưu tính kế để độc chiếm số vàng. Cuối cùng chúng quyết định chờ cho hai tên kia về đến nơi, bất thành lình mỗi đứa cầm dao hạ thủ một tên. Và rồi chúng làm y như lời chúng đã bàn. Vừa đi chợ về đến nơi, hai đứa kia đã bị mỗi đứa một nhát dao vào lưng ngã vật ra. Xong việc, hai tên còn lại mới giở rượu thịt ra đánh chén. Nhưng chỉ một lát, sau khi rượu ngấm, chúng cũng vật vã và nằm chết luôn bên cạnh.

Mười thỏi vàng bỗng trở nên vô chủ. Nhưng chỉ nội ngày hôm đó, một người khách thương tình cờ đi qua chỗ nọ đã nhanh tay chiếm lấy làm của mình. Được món của lớn bên cạnh những xác chết, hăn vội vã tìm về thuyền, và mặc dầu chưa cất được hết hàng, hăn đã sai nhõ neo vượt vội để tránh mọi lời thôi xảy đến.

Thuyền đi ra biển đến ngày thứ hai thì tự nhiên có một cơn bão nổi lên rất dữ dội. Cột buồm bị gãy và thân thuyền bị sóng đánh vỡ làm nhiều mảnh. Tất cả mọi thứ đều chìm xuống đáy biển hoặc lọt vào bụng cá. Duy chỉ có một số người ôm được ván và nhờ sóng đánh dạt vào đất liền. Trong số đó có cả người khách thương. Khi được người dân địa phương cứu cho hồi tỉnh, hân chép miệng than thở:

Của trời, trời lại lấy đi,

Giương đôi mắt ếch làm chi được trời.

KHẢO DỊ

Truyện này có nhiều nơi kể khác nhau, hình như nguồn gốc của nó là một Phật thoại. Ở một Phật thoại Việt-nam *Sự tích mười tám ông Phật La hán* có những tình tiết tương tự:

Một người đàn bà đẻ được mười tám người con trai, lớn lên chúng rủ nhau đi ăn cướp. Hồi đó có một phú trưởng giả hay bố thí, nhất là đối với học trò nghèo. Một hôm có một anh học trò đến xin tiền, phú trưởng giả cho luôn một lúc 50 quan và còn cho mượn ngựa trở về, hẹn lúc đến nhà cứ thả ngựa ra là ngựa sẽ tìm về chuồng cũ. Bất ngờ đi được nửa đường, ngựa sinh

chứng, không chịu đi nữa, quẳng người và tiền xuống rồi quay trở về. Anh học trò chưa biết tính thế nào, bỗng có bốn tên ăn cướp đến đánh chết, đoạt lấy của. Như chuyện trên, chúng chia nhau mỗi người 10 quan còn 10 quan cắt hai đứa đi mua rượu thịt. Kết cục cũng giống như trên, hai đứa bị đồng lõa đâm chết, còn hai đứa kia uống rượu có thuốc độc cũng chết nốt.

Thấy ngựa trở về quá sớm, phú trưởng giả sinh nghi mới sai người nhà đi tìm. Khi biết được sự thật, phú trưởng giả suy tính: "Năm mươi quan làm chết năm mạng, vậy trong nhà mình có 300 ngàn quan thì sẽ làm chết bao nhiêu người mà kể". Bèn sai người mang tiền lên thuyền chở đi đổ sông. Vừa gặp mười tám tên ăn cướp đến toan cướp, họ kể đầu đuôi cho hay. Mười tám người kịp ăn năn liền nhảy xuống sông chết một lượt. Phạt đưa lên Nát-bàn thành mười tám La hán[1].

Người Triều-tiên có truyện *Ba anh em*:

Có ba anh em rủ nhau đi kiếm nhân sâm về làm giàu. Họ đào được nhiều lắm. Ngột lên vì của, hai thằng anh giết ngay em thứ ba. Đoạn mỗi đứa nghĩ cách giết đứa kia để độc chiếm nhân sâm. Anh cả bảo: "Chú về mua rượu đến đây ta uống, tôi ngồi chờ". Em mang rượu tới, anh bất thành lình giết ngay, rồi một mình ngồi uống rượu. Không ngờ rượu có thuốc độc vì đứa em đó cũng toan hại anh. Thế là cả ba đều chết, còn số nhân sâm vô chủ. Từ đó người ta cho rằng tình nghĩa anh em là quý hơn cả nhân sâm hay tiền bạc[2].

-
- [1] Theo Jê-ni-bren (Génibrel). *Truyện đời xưa mới in ra lần đầu hết.*
- [2] Theo Ông lão dưới giếng.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

IV. THÔNG MINH TÀI TRÍ VÀ SỨC KHỎE

62. HAI ÔNG TƯỚNG ĐÁ RẪI

Dưới thời nhà Lý, có một ông vua, nhân một hôm đi du ngoạn về miền núi xứ Đoài, tự nhiên thấy ở sườn núi nứt ra một khe rộng, rồi từ trong đi ra hai người to lớn lạ thường, mỗi người vác trên vai một phiến đá tảng như cái bõ, coi bộ không có tí gì là mệt nhọc.

Lấy làm lạ quá, ông vua cho gọi hai người đến hỏi: - "Các người quê ở đâu ta?". Họ đáp: - "Chúng tôi là hai anh em sinh đôi ở trên núi này". - "Các người có tài nghề gì chăng?" - "Chúng tôi chỉ giỏi môn vật!". Nhà vua bèn đưa họ về kinh thành cho tỷ thí với các đô vật khỏe nhất của mình. Nhưng không có một tay nào trụ nổi họ. Hễ ai sơ hở để cho họ mó phải một chỗ nào ở trên người là y như chỗ ấy không gãy xương cũng nát thịt. Nhiều người thấy run sợ lảng tránh, không dám đo sức.

Nhà vua rất kính phục và mừng rỡ, cho họ làm thị vệ, lúc nào cũng bắt hầu bên mình. Người ta gọi là Đô Nghê và Đô Voi. Họ không quen mặc phẩm phục của triều đình; dù trời nóng hay lạnh, lúc nào cũng trần mình đóng khổ như lúc họ mới về triều. Nhà vua cũng không thể bắt buộc họ được. Nhiều lúc vua đi về các hành cung ở địa phương sai họ canh cửa. Hai ông đứng canh luôn mười mấy ngày giữa mưa nắng gió sương mà không mệt mỏi, không đau ốm. Bởi thế người ta cũng gọi là hai ông tướng Đá Rải. Thường thường vào những ngày hội ở triều đình, họ vật nhau và múa nhảy cho người bốn phương thưởng ngoạn.

Trong những năm chinh chiến, hai ông lập được nhiều công trạng. Giữa chiến trận, hai ông đóng khổ bao, đầu đội mũ lưỡi búa, mỗi tay cầm một

cây roi xông vào giữa đám thiên binh vạn mã như vào chỗ không người. Bởi vì gươm giáo chém vào mình họ chỉ quăn lại chứ thịt da không hề xây xát. Nhà vua phong cho họ làm tướng và yêu mến vô cùng.

Thấy điều trái tai gai mắt, hai ông tướng Đá Rãi thường nói thẳng không kiêng nể ai cả. Bởi vậy trong triều có nhiều người kính phục nhưng cũng có nhiều kẻ ghen ghét.

Buổi ấy nhà vua rất sùng đạo Thích Ca. Những công trình đúc chuông tô tượng làm chùa mỗi ngày một nhiều. Theo lệnh vua, giữa kinh đô bắt đầu dựng lên một cái tháp đồ sộ có thể đứng trên tháp nhìn thấy khắp bốn phía ngoài thành. Có hàng ngàn người phải bỏ nhà đến đây phục dịch. Hai ông tướng Đá Rãi một hôm đi qua đó thấy mọi người xúm nhau lại khiêng một cây cột lớn lên tường cao. Không may nửa chừng dây đứt, cây cột rơi xuống nghiền nát mấy người. Hai ông bước tới, cùng một lúc nhắc bổng cây cột lên, vứt đi chỗ khác và than thở:

- Phật chỉ làm chết dân!

Không ngờ câu nói đó vô tình lọt vào tai một tên nịnh thần. Hắn vốn căm ghét hai ông từ lâu. Hắn về kể chuyện cho vua biết và nói thêm:

- Thần thấy hai tên đô vật ấy ngày càng lộng quyền. Sự lộng quyền sẽ dẫn tới sự thoán nghịch. Nếu không sớm trừ đi ắt về sau sẽ có họa lớn.

Thế là qua hôm sau, hai ông bị đưa ra pháp trường. Nhưng đao phủ chém chặt bằm vằm thế nào cũng không thể nào làm họ chết được. Người ta lại cho bốn ngựa phanh thây, nhưng ngựa không chạy nổi. Cho là thần linh, ai nấy đều lắc đầu lè lưỡi, sợ xanh cả mắt. Mãi về sau có một tên hung đồ, tay

chân của viên nịnh thần, hiển một kế là vót một thanh nửa lấy đằng cửa thật sắc, rồi tống ngược từ hậu môn đến mồm.

Viên nịnh thần nghe theo, quả nhiên hai ông chết thật, nhưng hai ông còn lớn tiếng chửi rửa bọn tham quan ô lại trong chiều cho đến lúc tắt thở [1].

KHẢO DỊ

Về đoạn kết của truyện (hành hình hai ông tướng Đá Rãi bằng cách thọc cây nhọn vào hậu môn), một truyền thuyết của người Thái cũng có hình tượng tương tự:

Ăm Poi là tướng của người Xá rất gan dạ, đặc biệt là bắn không thùng, đâm không vào, chém không đứt. Vì vậy, địch thủ cho ông là người thần, hết sức khiếp sợ, tấn công nhiều lần mà không ăn thua. Cuối cùng tướng người Thái là Lạng Chương phải xin kết hôn với con gái Ăm Poi là nàng Pha Nhặng để dùng mưu độc. Trong bữa tiệc cưới, Lạng Chương đề nghị: hai bên nay đã hòa hiếu nên đem tất cả giáo mác và nỏ cùng đặt ở giá. Nói rồi tự mình làm trước. Ăm Poi tin là thật cũng làm theo, không ngờ chàng rể lật lọng, bất thành linh cho quân bắt sống bố vợ và đem hành hình ngay. Sau khi làm đủ cách mà Ăm Poi không chết, hăn mới chuyển sang dùng cây nhọn thọc vào hậu môn, ngược lên, mới giết được [2].

[1] Theo lời kể của người Bắc-ninh, Hưng-yên . Đoạn cuối có người kể: việc dùng nứa giết hai ông Đá Rãi là do hai ông chỉ cho chúng, chứ không phải do tên hung đó bày mưu.

[2] Theo *Quảm tô mướn* (Cầm Trọng và Cầm Quỳnh dịch)

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
63. LÊ NHƯ HỔ

Ở làng Tiên-châu bây giờ thuộc về tỉnh Hưng-yên, ngày trước có một anh học trò họ Lê. Người anh to cao, ăn khỏe như hổ, bởi thế người ta gọi là Như Hổ. Cha mẹ anh nhà nghèo nhưng cũng cố gắng nuôi con ăn học. Từ lúc Hổ biết làm văn bài, mỗi bữa cha mẹ cho ăn một nồi báy cơm. Nhưng chỉ được nửa năm trong nhà hết veo cả gạo, phải cho anh chàng đi gửi rế.

Nhà ông nhạc Hổ là một ông nhà giàu ở làng Thiện-phiến. Khi rế mới đến cho ăn mỗi bữa một nôi năm, nhưng vẫn thấy Hổ ăn rồi lại nằm khểnh không chịu học hành gì cả. Một hôm ông nhạc đến tìm ông thân sinh ra Hổ hỏi: - "Ông bảo con ông là người chăm học làm sao từ khi nó đến nhà tôi, chẳng thấy nó học một tiếng nào?". Cha Hổ hỏi lại: - "Mỗi bữa ông cho cháu ăn bao nhiêu?" - "Một nôi năm" - "Thế thì cháu không học là phải. Nhà tôi dầu túng kiệt cũng phải cho cháu ăn một nôi bảy".

Từ đó cha vợ bảo thôi cho anh chàng một bữa một nôi bảy, mới thấy Hổ cầm sách học được một hai tiếng. Người mẹ vợ thấy vậy tỏ ý không bằng lòng. Một hôm bà phàn nàn với chồng:

- Lấy vợ kén tông, lấy chồng kén giống, ông chọn phải đồ ăn hại, chả làm nên được tích sự gì cả.

Chồng đáp:

- Nó có sức ăn hơn người chắc có tài hơn người. Đừng lo!
- Nếu thế thì chúng ta có mấy mẫu ruộng hoang, thử bảo nó ra đấy vỡ xem có làm nổi hay không thì biết.

Người cha vợ liền bảo Hồ vỡ ruộng giúp. Hồ nhận ngay, nói rằng:

- Được, ngày mai cứ nấu cơm cho ăn, con sẽ xin làm chu tất.

Qua ngày mai, ăn xong, Hồ cầm con dao lớn ra đầu làng ngồi dưới gốc đa. Nhân có gió mát chàng thiu thiu ngủ và làm luôn một giấc ngon lành. Đến khi mẹ vợ đi chợ về qua thấy Hồ vẫn còn ngáy rống dưới bóng cây, tất tả chạy về bảo chồng:

- Ông còn thối nhiều cơm cho nó ăn nữa thôi!... Ông ra mà xem nó vỡ ruộng dưới gốc đa kia kìa. Thật là đồ ăn hại đái nát!

Không ngờ khi bà mẹ vợ gặp Hồ, chính là lúc Hồ sắp tỉnh giấc. Anh chàng vươn vai rồi cầm dao xuống ruộng, chỉ một buổi phát luôn ba mẫu cỏ. Hồ phát nhanh đến nỗi cá chạy không kịp, chết trôi nổi đầy đồng, bắt không biết bao nhiêu mà kể. Đến khi cha mẹ vợ ra ruộng thăm, thì ruộng cỏ đã

phát xong lại được thêm mấy thùng cá. Họ mới biết chàng rể nhà mình là người có tài, tấm tắc khen ngợi.

Khi lúa chiêm đã chín vàng, người mẹ vợ bảo Hồ đi mượn lấy hai mươi công gặt. Anh chàng bỏ đi chơi đâu một lúc lâu rồi về cho biết là không mượn được một người nào cả. Nhưng lúc bấy giờ đã thối xong một nòi ba mươi côm, chỉ còn đợi thợ gặt đến ăn. Hồ bảo: - "Họ không chịu đến gặt, âu là con xin cố sức giúp thầy mẹ". Thế là Hồ ngồi một mình tỳ tỳ chén hết cả một bung lớn tương côm. Thấy mẹ vợ có ý không bằng lòng, anh chàng thưa: - "Mấy mẫu lúa ấy cứ để mặc con gặt và gánh chỉ trong một ngày là xong hết". Nói đoạn Hồ cầm dao chặt tre chẻ lạt mang đi. Hồ gặt độ nửa ngày là xong hai mẫu lúa, thế rồi bó tất cả lại thành bốn năm gánh lớn tướng lần lượt quảy về. Và chỉ đến chập tối là xong tất. Từ đó người mẹ vợ mến phục con rể, cho Hồ ăn đầy đủ để chàng an tâm học tập.

Hồ học đến đâu nhớ đến đấy, không bao lâu thi đậu ông nghè.

Trong thời gian đi thi Hồ đánh bạn với một anh chàng cũng nổi tiếng ăn khỏe tên là Nguyễn Thanh, người trong xứ Thanh. Khi chia tay, mời bạn đến nhà, Hồ hỏi bõn:

- Nhà bác có đủ cho tôi ăn một tháng không?

Nguyễn Thanh trả lời:

- Bác đừng lo. Cứ đến chơi, thế nào cũng đủ.

Sau đó ít lâu, Hồ cùng một người đầy tớ hện đến chơi nhà Nguyễn Thanh. Bấy giờ ông Thanh đi vắng, Hồ bảo vợ bạn:

- Ông nhà ta có hện tôi đến chơi. Nay tôi có việc qua đây, thầy tớ độ ba mươi người, nhờ bác biện cho một bữa.

Vợ ông Thanh lập tức bảo người nhà thối một nồi 50 cơm và mổ một con lợn to làm thành sáu mâm cỗ bưng lên. Trước mặt người đàn bà, Hồ sai người hầu làm bộ lắng xăng vờ ra gọi tất cả đầy tớ vào ăn. Nhưng cuối cùng chỉ một thầy một tớ ngồi chén tỳ tỳ hết mâm này đến mâm kia. Xong đâu đó, Hồ cáo từ ra về.

Hôm sau, ông Thanh trở về nhà, người vợ kể lại chuyện cho biết, ông Thanh nói:

- Thôi đích là Lê Như Hồ rồi!

Năm sau, một mình ông Thanh tìm đến chơi nhà Hồ, Hồ sai mổ hai con lợn và bốn mâm xôi làm cỗ đãi khách. Người nhà bưng cho chủ và khách mỗi người một con lợn và một mâm xôi. Còn Hồ ngốn hết phần ăn của mình rồi lại ăn trèo sang mâm của bạn. Nguyễn Thanh cả sợ nói:

- Sức ăn của bác thật là như hổ. Cơ nghiệp nhà tôi giàu lắm cũng chỉ thết quan bác được mười bữa mà thôi!

Về sau, Lê Như Hổ làm quan to trong triều. Một lần vâng lệnh vua đi sứ Trung-quốc, Hổ đưa theo một người hàng thịt có tài biện bác để theo hầu. Khi sứ bộ đến kinh đô, vua Trung-quốc nghe tiếng sứ giả nước Nam là người ăn khỏe khác thường, mới sai dọn yến để xem thử thể nào. Vua bảo đặc biệt sai dọn 18 mâm cỗ đặt lên 18 tầng cao. Cỗ ở tầng thứ 18, vua sai đầu bếp giỏi lấy đầu cá làm thành một cái đầu trông như thật để dọa sứ giả. Đoạn sai mời riêng Hổ vào ăn, Hổ đập bụng ăn hết cỗ tầng dưới rồi trèo lên ăn cỗ tầng trên, liên tiếp một mạch không nghỉ. Ăn đến cỗ ở tầng thứ 18, Hổ thấy cái đầu người, nhìn qua biết là cái đầu cá, liền cầm đầu đưa móc con mắt giơ lên cho mọi người xem rồi bảo người hầu:

- Ta xưa nay chưa biết mùi thịt người là thế nào, nay được hoàng đế cho ăn đầu người phương Bắc thật là quý. Vậy hãy đem dao lại đây cho ta.

Mọi người đứng dưới đều bịt mắt không dám trông lên. Việc đến tai vua, vua rất kính phục, nhưng cho câu nói của Hổ xúc phạm đến quốc thể, mới sai người hầu bưng đầu đi. Rồi vua sai lấy sơn gắn mắt Hổ lại, giữ riêng ở một nơi. Ba hôm sau, vua sai dắt Hổ đi khắp mọi nẻo trong hoàng thành rồi lại dắt trở về chỗ ăn yến cũ, hỏi: - "Chỗ này là chỗ nào?". Hổ đáp: - "Đây là chỗ tôi ngồi ăn yến hôm nọ". Vua khen là người là có tài, bèn tha cho Hổ không phải gắn mắt nữa.

Bấy giờ Trung-quốc trời làm hạn hán suốt ba tháng không có lấy một giọt mưa. Nhân có sứ giả các nước bốn phương đến châu, vua mới hạ chiếu cho các sứ thần làm lễ cầu đảo. Ai cầu được ứng nghiệm sẽ được phong tước và trọng thưởng. Hổ nhờ người hàng thịt xem tượng trời biết là còn lâu mới mưa, nên tâu rằng: - "Nước chúng tôi là nước bé, xin để sứ giả các nước lớn cầu đảo trước đi đã". Vua y theo. Sứ giả các nước lần lượt vào làm lễ đều chả ăn thua gì. Đến lượt sứ giả Việt-nam, Hổ tâu vua rằng: - "Trong sứ

bộ chúng tôi có một người có phép hô phong hoán vũ. Nếu bệ hạ muốn dùng xin để gọi vào". Vua lập tức cho đi gọi. Hồ đưa người hàng thịt đến cho vua. Người hàng thịt thấy trời chưa có dấu hiệu gì tỏ ra sắp có mưa nên lúc đến nơi, tâu vua: - "Xin bệ hạ cho xây một cái đài cao 10 trượng: trên đó phải sắm đủ lễ vật cần thiết. Thần sẽ chọn ngày tốt để trai giới lên đàn rồi gọi mưa đến". Công việc cứ dềnh dàng mãi cho đến lúc rễ si và cỏ gà đều đâm nõn trắng, họ mới tâu vua xin bắt đầu làm lễ. Cúng ngày hôm trước thì hôm sau trời liền đổ mưa suốt hai ngày đêm. Người Trung-quốc từ vua chí dân đều mừng rỡ, khen sứ giả Việt-nam có bụng chân thành làm cảm động được trời đất. Vua Trung-quốc bèn phong cho người hàng thịt làm "Lưỡng quốc quốc sư" còn Hồ thì phong làm "Lưỡng quốc thượng thư".

Thấy Hồ có tài, vua Trung-quốc lưu lại bắt dạy hoàng tử. Hồ tuy muốn về lắm nhưng không thể chối được, bắt buộc phải ở lại dạy học. Theo phép dạy của Hồ thì "trước học lễ, sau mới học văn". Hễ hoàng tử hơi có tí lỗi là Hồ cầm roi vụt ngay vào đấy. Hoàng hậu thương con hay phải đòn, mới xin vua chọn một ông thầy khác. Vì thế Hồ ta được trở về nước. Lúc hai thầy trò Hồ về, vua Việt-nam cho là họ có công lao, phong thưởng rất hậu. Khi Hồ chết, vua Trung-quốc sai sứ sang điếu và ban cho một cái áo quan bằng đồng[1].

KHẢO DỊ

Trong *Công dư tiệp ký* còn có truyện *Hai anh em Lê Nại, Lê Đình* trong đó có Lê Nại sức ăn rất khỏe phần nào giống với Lê Như Hồ. Nhà Nại nghèo

được ông Thượng Vũ Quỳnh gả con gái cho. Trong khi ở gửi rể, Nại hết ăn no lại nằm không chịu học hành gì cả. Cha vợ tìm đến nhà cha Nại hỏi: - "Nghe nói con ông là một người chăm học thế mà từ khi đến ở nhà tôi thì hết sức lười". Cha Nại hỏi: - "Mỗi bữa ông cho nó ăn bao nhiêu?" - "Một nồi hai cơm" - "Thế thì nó không chịu học là phải. Ngay như nhà tôi mà mỗi bữa cũng phải thổi cho nó ăn nồi năm".

Ông thượng rõ chuyện, mới về bảo người nhà thổi một nồi ba cơm cho chàng rể ăn thì ông Nại học đến canh ba, sau lại cho ăn nồi tư thì lại học đến canh tư, cho ăn nồi năm thì học đến sáng. Ông Thượng mừng, nói: - "Rể ta có sức ăn hơn người tất có tài hơn người". Từ đó sai thổi cơm nồi mười cho rể ăn. Quả nhiên ông Nại học thâu đêm suốt sáng, ít khi ngớt tiếng. Về sau ông thi đậu Trạng cùng làm đến thượng thư như cha vợ. Cha vợ có làm thơ tặng con rể:

Tiên sinh Mộ-trạch, ăn khỏe nồi danh,

Mười tám bát cơm, mười hai bát canh.

Đi thi đỗ Trạng, tên trùm lang Nho,

Chứa vào càng khỏe, phát ra càng to.

Đồng bào Tây-nguyên có truyện *Bớt Rơ kén rể* và chuyện *Chàng Rá*, cũng nói đến một nhân vật đi làm rể, ăn khỏe và ngủ nửa ngày mới dậy, nhưng làm việc thì như thần (hoặc nhờ có phép thần):

Trong truyện *Bớt Rơ kén rể* (của người Bahnar) thì ông Rơ có bốn cô gái, ông sai con gái đi làm đổi công cho các gia đình để tìm một người rể lao động khỏe. Đầu tiên, ông gặp Néc Ne, rồi gặp Hơ-le Hờ-lép. Những anh

chàng này chỉ nhờ thức khuya dậy sớm lao động hùn học nên ông không vừa ý. Sau ông gặp Ma-toong Ma Oắt lao động cù, ông gả ngay hai cô gái đầu. Sau gặp Đam Trong cũng giỏi, gả cô thứ ba cho y. Còn cô gái út xinh nhất ông không thấy người nào vừa ý cả. Có anh chàng Rết xấu xí ăn mặc lôi thôi, lại ngủ trưa mãi đến lúc mặt trời mọc cao mới đi làm. Ấy vậy mà khi làm anh ta nhờ phép thần có một sức mạnh không ai bì kịp, vỡ cả một khu rừng mênh mông trong một loáng, rồi lại đốt rất nhanh. Qua nhiều lần thử thách ông Rơ biết Rết có tài phép bèn gả con gái cho chàng tuy hình thức bề ngoài khù khờ xấu xí bị mọi người dè bêu.

Ở truyện *Chàng Rá* (của người Hrê) thì có một bà cụ nghèo sinh một đứa con xấu xí tròn như quả bầu đặt tên là Rá. Rá ăn rất khỏe, mới lọt lòng đã ăn hết đấu gạo. Lớn lên đi ở với một tù trưởng, ai cũng ghét trừ có cô Tám là thương Rá, nhận hàng ngày đưa cơm cho anh. Khi đến nơi thấy Rá còn ngủ, tiếng ngáy như sấm. Cô gái chờ Rá dậy, đưa cơm cho Rá ăn, rồi đứng nhìn xem thì thấy Rá bỗng tách đôi thành nhiều người rất khỏe, đẹp, hát hay và chia nhau chặt cây, chỉ một loáng là xong. Sau cô gái ôm tương tư đòi lấy chàng Rá. Bố mẹ thuận gả nhưng đuổi hai vợ chồng ra khỏi nhà. Nhờ có phép, Rá trở nên giàu có, còn tù trưởng thì sau hóa thành hổ.

Truyện *Sọ dừa* và một số truyện khác của các dân tộc anh em cũng có hình ảnh tương tự như truyện *Chàng Rá* (Xem truyện *Lấy chồng dê*, số **128**, tập **III**)

Họ Phương Tây có một loạt truyện phần nào giống với truyện *Lê Như Hổ* ở phần đầu. Đây là truyện của Pháp:

Một nhà nghèo có đứa con tên là Phước (Bénédicité), 18 tuổi mà không ra

khỏi giường. Một hôm, người bố bảo: -"Dậy con! Đã đến lúc làm việc!". Phước dậy đến làm công cho một chủ trại trong vùng và đề nghị ba điều: 1. Không dậy trước 5 giờ sáng; 2. Ăn no đủ; 3. Cuối năm trả thóc vừa đủ sức mình mang. Chủ trại thấy điều kiện có lợi cho mình nên chấp nhận.

Sáng hôm sau các đầy tớ khác của chủ trại dậy từ hai giờ sáng đi chặt củi, Phước cứ đúng giờ mới dậy. Chủ cho dọn một bát súp nhỏ, anh đáp: - "Không được! Phải một nồi súp và 3 ổ bánh tương kia". Chủ cho ăn đủ. Ăn đoạn, chủ sai thằng xe năm ngựa đi chở củi về. Dọc đường, anh nhổ 4 cây vút lên xe, ngựa kéo ỳ ạch. Lại bó thêm 2 cây nữa, ngựa không kéo nổi. Phước tháo ngựa bỏ cả lên xe rồi tự tay kéo về, mà lại về trước mọi người.

Chủ ngạc nhiên về sức khỏe của anh, bèn sai đi chặt một ruộng củi nếu không xong thì đuổi. Phước đến rừng, nằm nghỉ ở gốc cây. Cô ở gái mang cơm trưa đến, vẫn thấy ngủ chưa dậy. Nhưng đến chiều thì đã chặt xong. Hôm sau chủ sai đi canh cối xay. Ở đấy có quý dữ, người nào đã đến thì không thể trở về, nhưng khi quý nháy ra khỏi lò sưởi liền bị anh giết chết. Chủ lại sai anh mang thư cho con mình cách đây 30 dặm, dặn con cho Phước ăn đầy đủ rồi giết đi. Anh vác ngựa lên vai 15 dặm rồi cho ngựa mang mình 15 dặm. Con lão chủ bắn súng nhỏ vào anh, anh nói: - "Ở đây có loài ruồi cắn khó chịu nhưng không độc lắm". Bắn súng lớn cũng không ăn thua. Anh lại trở về vô sự. Chủ lại sai anh lau giếng sâu. Đang lau, chủ ném xuống một cối xay 1.000 cân. Cối quàng vào cổ thành cái vòng. Lại ném một cái chuông nặng 2 vạn cân. Chuông úp lên đầu. Lên khỏi giếng, Phước cất chuông chào, nói: đây là cái mũ ngủ, lại cất cối, bảo: đây là khăn quàng cổ.

Chủ phải cho về, anh đòi tiền công. Chú đưa hai bao thóc, anh không lấy; đưa 8 bao, anh chỉ nhắc bằng một ngón tay; đưa 32 bao nhắc bằng 2 ngón. Cuối cùng chủ phải đưa 100 bao, anh mới nhận và vác về.

Truyện của Đức do Grim (Grimm) sưu tập cũng nói tới một "Khổng lồ trẻ" khi thức không chịu dậy, đòi ăn trước khi lên rừng, ngốn hết khoảng trên 20 lít đậu và làm xong việc trước mọi người. Truyện của Hy-lạp (Grèce) có nhân vật là Jăng ra đồng làm việc với bố và các anh. Anh nằm dưới đất ngủ đến chiều mới bắt tay vào làm, nhưng lại làm xong trước mọi người.[2]

Đoạn cuối của truyện *Lê Như Hồ* gần giống với truyện *Trạng Ếch*:

Xưa có một ông quan có một người vợ lẽ rất đẹp nhưng phải ly dị vì người vợ cả của ông có máu ghen. Người vợ lẽ sau đó lấy một người bắt ếch ăn ở với nhau rất vui vẻ. Một hôm, chồng mỗ ếch, bắt được ngọc. Ngọc đó chàng dùng chữa mắt cho nhà vua nên được làm quan. Một lần trời đại hạn, vua hứa ai cầu được mưa sẽ phong cho làm Trạng. Người chồng nhờ xem đù ếch biết trước ngày mưa, vội xin vào cầu. Quả nhiên đúng ngày tháng trời mưa to. Anh chàng được phong làm Trạng nguyên và mang tên Trạng Ếch.

Trong khi đi sứ, Trạng Ếch đã làm cho người nước ngoài kính phục về nhiều cử chỉ vô tình của mình, nên còn được vua Trung-quốc phong làm Lưỡng quốc trạng nguyên[3]. Xem thêm phần **Khảo dị** truyện *Nhà sư và người thợ giày*. (số 192, tập V).

-
- [1] Theo Vũ Phương Đế. *Công dư tiếp ký*
 - [2] Đều theo Cô-xcanh (Cosquin). Sách đã dẫn.
 - [3] Theo Nguyễn Văn Ngọc. Sách đã dẫn

Nguyễn đồng Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
64. CHÀNG LÍA

Ngày xưa có một nhà nông phu nghèo ở Gò Sặt, tỉnh Bình-định có một đứa con trai tên là Lía. Từ thuở lọt lòng, Lía đã mồ côi cha nhưng chóng lớn và khỏe mạnh. Năm lên bảy, một mình Lía có thể hạ bọn trẻ cùng lứa tuổi trong những keo vật. Một vài năm sau tất cả những đứa trẻ trong vùng đó đều sợ Lía.

Một hôm, Lía đấu võ với một đứa lớn tuổi. Lía dồn địch thủ vào một thế rất nguy hiểm làm cho nó hốt quá phải van lên:

- Tôi lạy anh, anh tha cho, tôi xin gọi anh là vua!

Từ đó cái tên "Vua Lía" được bọn trẻ hay dùng. Chúng nó ngày ngày làm kiệu khênh Lía đi khắp nơi.

Một người hàng xóm mách tin đó cho mẹ Lía biết và nói:

- Chao ôi! Bà liệu chừng cái đầu của mẹ con bà đó!

Mẹ Lía đâm hoảng:

- Chết tôi! Lạy Trời cho nó đừng sinh nguy.

- Bà cho nó đi học đi. Dem gửi nó cho ông đồ, ông ấy kèm cho!

Từ đó, Lía phải đi học. Ông đồ tuy dữ đòn nhưng Lía không sợ. Chàng thích học võ hơn là học chữ. Chàng thường lén thầy ra vườn, đi những bài quyền học lỏm được của người khác. Mấy luống rau của ông đồ chả còn có cây nào mọc được. Một hôm, giữa lúc bị thầy nọc cổ xuống đánh, Lía lấy roi bẻ vụn từng khúc. Ông đồ nhìn Lía tặc lưỡi. Ngày hôm đó ông dắt đứa học trò cứng đầu ấy đến trả cho mẹ nó.

Lía khoái chí vì ngày ngày khỏi phải ê a chán ngắt. Chàng lại cầm đầu bọn trẻ đùa nghịch như xưa. Một hôm, Lía chọn mấy đứa lớn khỏe, cùng mình lên núi vắng đón những người lạ mặt đi chợ về cướp lấy gánh gồng tay nải. Được thứ gì, Lía thường chia cho anh em cùng hưởng. Người ta lại mách cho mẹ Lía biết. Lần này mẹ Lía hết đánh con đến van vái con. Lía thề xin chừa. Chàng rất thương mẹ, không muốn để mẹ cực khổ về mình. Nhưng rồi chứng nào vẫn giữ tật ấy. Cuối cùng thì mẹ Lía bắt Lía đi ở chăn trâu cho một nhà giàu ở một làng khác thật xa.

Ở đây Lía lại có bạn mới. Mỗi ngày chàng và bạn phải lừa đàn trâu lên núi cao cho ăn. Sau những cuộc đua chọi bằng đánh cù đánh vật, bọn trẻ ở đây tôn Lía làm đàn anh. Dần dần chàng cùng bọn chúng đón đường cướp giật tay nải của những người bộ hành đi lẻ tẻ trên những con đường vắng vẻ.

Một hôm, Lía hứa với bạn ngày mai sẽ đãi tiệc. Chúng chỉ phải chuẩn bị dao nôi và mắm muối. Hôm sau, khi chúng tập hợp đầy đủ, Lía bảo: - "Chúng mình làm thịt nghé ăn chơi!". Chúng nói - "Không sợ chủ nó bắt đền à?" - "Cứ ăn ngay con nghé của chủ tao, tội vạ tao chịu". Nói rồi giết ngay con nghé tơ xẻ thịt nấu ăn. Chàng bảo chúng:

- Về nhà cứ nói hộ tao rằng cộp tha mất nghé là đủ.

Lần ấy quả có "động rùng" cho nên mưu của Lía đắt. Người nhà giàu tìm nghé mãi không được, tin là bị hổ vồ nên không can vạy gì lắm. Được ăn quen mùi, chúng giở mưu đó làm đi làm lại hết nghé chủ này đến bò nhà khác. Cuối cùng bọn chủ biết được. Chúng bắt đền cha mẹ bọn trẻ. Người ta hay chuyện, ai cũng giận Lía, toan bắt giải quan. Nghe tin không hay, Lía bỏ trốn biệt.

Khi bước về nhà, Lía thấy mẹ đang nằm trên giường bệnh rên khừ khừ. Chàng lại dùng lối cướp giật kiếm tiền mua thuốc. Được của ngon vật lạ, Lía đều đưa cho mẹ ăn. Mẹ hỏi: - "Mày lấy ở đâu ra thế?". Lía nhất định không nói, chỉ năn nỉ mẹ ăn cho là đủ.

Sau khi mẹ chết, Lía không có kiêng nể một ai nữa. Đói thì đi cướp giật để ăn, siêng thì ra đồng luyện võ nghệ. Một hôm, Lía giật cái thúng trong đó có mấy quan tiền của người qua đường. Thấy người ấy òa khóc, chàng gạn hỏi mới biết là anh ta vừa bị một tên chánh tổng cướp đoạt gia sản nay bị đuổi ra khỏi nhà, lưng vốn chỉ còn có bấy nhiêu. Nghe kể chuyện, Lía bưng bưng nổi giận. Mặc dầu bụng đói, chàng trả tiền cho người lạ rồi dò hỏi tìm đến đánh vỡ đầu tên chánh tổng. Quan trên vì việc ấy sai một toán lính về bắt Lía. Nhưng khi về đến làng, bạn của chàng đã tin trước cho chàng đi trốn.

Lía không có họ hàng thân thích nên khi bỏ nhà ra đi, chàng không có chỗ ở nhất định. Tối lại ngủ chùa ngủ đình, đói ở đâu thì cướp ở đó.

Một hôm đi qua truông Mây, Lía thấy một bọn cướp chặn đường đòi tiền mãi lộ. Chàng vờ sợ hãi đưa tay nài ra. Nhưng bọn cướp vừa xông lại liền bị chàng cho mỗi đứa một đá văng ra bốn phía. Cả bọn cướp ở trên núi kéo xuống bổ vây nhưng bị Lía nhổ cây làm gậy đánh cho thất điên bát đảo. Chủ trại thấy võ nghệ chàng tuyệt trần bèn mời chàng nhập bọn. Lía vui lòng dừng chân lại đây để chấm dứt cuộc đời lang thang.

Ba người chủ trại tên là Hổ, Nhẫn và Chân có tiếng võ nghệ cao cường không ai địch nổi. Trong mấy năm họ đóng ở truông Mây mọi người đều sợ. Cả đến quan tỉnh quan huyện cũng đều kiêng mặt. Người ta gọi tôn là

"cha Hổ, chú Nhẫn, mẹ Chân". Từ lúc Lía nhập bọn, bọn cướp truông Mây càng thêm vây cánh và càng lộng hơn trước.

Một hôm, bọn họ kéo nhau ra Bồng-sơn cướp một tiệm buôn lấy được của cải và hàng hóa bộn bề. Trở về trại, họ mở tiệc ăn mừng. Khi chia những của cướp được, bọn cha Hổ toan chiếm lấy phần nhất. Nhưng Lía nhất định không chịu: - "Nếu không có tôi - chàng nói - thì các chú đã dám vào nhà chưa?". Rồi Lía đòi ba chủ trại hãy ra sân cùng mình tỉ thí. Quả nhiên, trong cuộc đọ sức, sức khỏe và võ nghệ của Lía mười phần, bọn cha Hổ không được một. Thấy Lía toàn tài, cả trại đồng thanh tôn chàng làm chủ.

Từ ngày Lía làm tướng, hành động của bọn cướp truông Mây có phần thay đổi. Lía cấm lâu la không được cướp giật của những người qua lại, không được cướp của cải của người nghèo: - "Đã cướp - chàng nói - chúng ta làm những mẻ cho to, gõ vào đầu bọn trọc phú, cần gì đi vét hầu bao của những kẻ khổ rách?". Thường khi cướp được nhiều của, Lía bắt trích một nửa phân phát cho những người nghèo trong vùng. Chẳng những thế, mỗi lần trong tình xảy ra chuyện gì mà Lía cho là trái lẽ, chàng liền kéo bọn truông Mây đến can thiệp.

Từ đó cái tên truông Mây, cái tên Lía được dân nghèo ca tụng. Trái lại, bọn quan lại, bọn nhà giàu trong tỉnh thì sợ mất mặt. Quan tỉnh nhiều phen phái quân đến tiêu trừ nhưng mỗi lần xuất quân đều bị họ biết trước và bị đánh cho tan tác. Bọn quan tỉnh không làm thế nào được, muốn báo về triều

đình, nhưng lại sợ tội trút lên đầu nên đành để mặc Lía và thủ hạ tung hoành.

*

* *

Ít lâu sau, nghe vua mở khoa thi võ, Lía có ý muốn người trổ tài với thiên hạ, lập chút công danh. Bọn cha Hồ không cản được, đành ở lại giữ trại cho Lía cải trang ra đi.

Khoa ấy ở trường Bình-định có một viên chánh chủ khảo ăn tiền như rác. Thí sinh ai có lo lót ít nhiều, hễ mới chịu nhận đơn. Thấy Lía nộp đơn không có "vi thiềng", chánh chủ khảo đập bàn quát: - "Mày là thằng nào mà không biết lệ trường thi. Đơn từ làm dốt nát thế này. Lính đâu, đuổi cổ thằng này không cho thi nữa". Nghe mấy lời đó. Lía căm tức vô hạn, nhưng giữa nơi quân lính đông đảo, gươm giáo sáng lóe, chàng đành nuốt giận không dám ra tay. Chàng đi gấp về sơn trại kể việc đó cho bọn cha Hồ nghe và nhất định đem lâu la xuống núi rửa hờn. Cả bọn cải trang rất khéo và hoạt động rất kín đáo. Chỉ vào khoảng nửa đêm, quân của Lía đã lọt vào thành và phục sẵn, chờ lệnh Lía là hành sự. Chánh chủ khảo đang ngon giấc với nàng hầu thì bị một nhát dao vào cổ. Vợ hăn chỉ còn biết đập đầu van lạy. Thấy nàng đẹp, Lía bắt luôn đưa về sơn trại làm vợ.

Mọi việc quá êm lẹ nên mãi đến gần sáng quan quân mới biết. Suốt tỉnh náo động. Sau cùng dò la mãi người ta mới biết rằng bọn cướp truông Mây gây ra việc đó. Lần này không thể giấu được triều đình, bọn quan lính phải làm sớ tâu vua và xin thêm quân để tảo trừ.

Bên phía quân truông Mây cũng lo đắp đồn luyện quân để phòng thủ sơn trại. Vì thế quân đội triều đình mấy lần xông xáo đều bị thất bại. Các quan ai cũng lấy làm lo. Nếu không lập mưu diệt Lía thì bọn họ không thể nào còn ngồi ấm chỗ.

Nghĩ rằng nếu dỗ được vợ Lía làm nội ứng hẳn rất có lợi, các quan đầu tỉnh bàn nhau sai ba tên lính giả làm lái buôn lượm để dò bụng nàng. Ba tên này nhờ lo lót với bọn canh cửa nên lọt qua truông Mây vào bán hàng cho vợ Lía để dò ý. Giữa khi giờ các súc gấm vóc cho vợ Lía xem, bọn chúng cố ý để lộ cho nàng thấy một chiếc nhẫn của chánh chủ khảo để lại. Người đàn bà hiểu ý, sai đuổi kẻ hầu ra ngoài. Bọn chúng đưa mắt cho nàng và nói nhỏ: -"Chúng tôi lặn lội lên đây là vì mối thù của bà lớn". Đoạn chúng móc trong tầng áo lót, đưa ra một phong thư của quan tỉnh hứa với nàng nếu làm nội ứng trừ được giặc, sẽ có trọng thưởng. Vợ Lía nhận lời và hẹn ngày thi hành kế độc.

Đến ngày ấy, vợ Lía sắm sửa một tiệc rượu rất linh đình mời bọn cha Hổ, chú Nhẫn, mẹ Chân đến dự, nói là ăn giỗ mẹ. Nàng ăn mặc rất đẹp, liếc mắt đưa tình và chuốc chén mời mọi người. Bọn Lía không ngờ là độc kế, cứ uống tràn. Rượu đã có tẩm thuốc mê nên chưa tan tiệc mà bốn chủ trại đã say khướt, không còn biết gì trời đất. Vợ Lía cho bọn lâu la hạ tiệc xuống, ra sau trại ăn uống cùng nhau. Còn lại một mình, nàng lấy thừng lớn trói bọn cha Hổ với nhau làm một đồng. Về phần Lía, biết chàng có sức khỏe phi thường nên nàng dùng mười lớp dây thừng buộc chặt vào tấm phản. Xong đâu đó, nàng cho người tìm phúc ra khỏi sơn trại báo tin.

Nghe báo, quân triều đình lập tức tiến công. Quân truông Mây không có tướng nên tan vỡ rất chóng. Quân triều đình kéo ừa vào trại như vào chỗ không người. Bấy giờ Lía đã hơi tỉnh. Thấy nguy biến, chàng định vùng dậy chạy, nhưng toàn thân mắc cứng vào tấm phản. Biết là đã rơi vào bẫy, Lía bèn dùng hết sức bình sinh giãy đứt dây buộc chân rồi đứng dậy mang cả tấm phản lớn sau lưng. Chàng húc mấy cái vào cột nhưng dây buộc chặt quá không thể làm gì được. Thấy đã quá gấp, Lía cứ để vậy chạy ra phía cửa trại phá vòng vây xông ra. Tấm phản là một chướng ngại lớn cho chàng, nhưng cũng là tấm mộc rất tốt. Mấy tên lính thứ thì bị cái đá của Lía, thứ thì bị tấm phản húc vào đầu nên toáng đảm không dám đuổi, đành trở vào bắt bọn cha Hổ, chú Nhẫn, mẹ Chân giải nạp.

Thoát vây, Lía cứ rùng rờ chạy một mạch. Mãi đến xế chiều bụng quá đói, sức quá mệt, chàng mới dừng lại nghỉ bên bụi cây. Gặp một ông già gánh củi từ rừng sâu xăm xăm bước ra, Lía nhờ ông cõng trói giúp. Khi tấm phản

rơi xuống, ông già rút mo cơm ra cho chàng ăn. Lía không từ chối đón lấy ăn ngay. Ăn xong chàng vái ông già và nói:

- Tôi là thằng Lía, lâu nay vầy vùng một cõi không ai làm chi nổi, nay mắc mưu một đứa nhi nữ, thân thể phải đến nỗi này sống làm chi nữa cho thêm nhơ nhuốc,. Lía này nhờ được ông cời trối lại nhịn bữa cho ăn, ơn ấy không biết lấy gì mà trả. Vậy Lía xin dâng vật này, ông hãy mang xuống nạp quan mà lĩnh thưởng.

Cụ già vừa nghe dứt lời thì đã thấy thủ cấp của Lía nằm ngay trước mặt. Ông cụ vốn hâm mộ Lía. Ông toan giúp Lía đi trốn để khôi phục cơ đồ nhưng không ngờ Lía quá nóng nảy tự hủy tấm thân. Than khóc hồi lâu, ông chỉ còn biết đem thi thể của chàng chôn cất một nơi kín đáo không ai biết.

Ngày nay vẫn có ca dao:

Chiều chiều[1], én liệng truông Mây,

Cảm thương chú Lía bị vây trong thành[2].

KHẢO DỊ

Truyện trên được đồng bào ở Đề-gi thuộc Bình-định kể lại, dựa theo *Về chàng Lía*. Nhưng Trần Việt Ngũ còn sưu tầm được một bài *Về chàng Lía* thứ hai do một người ở Quảng-ngãi đọc. Bài về này không nói đến việc Lía đi thi và những biến cố bi đát xảy ra cuộc đời chàng. Đại thể ở đây cũng nói đến thời trẻ của Lía: nhà nghèo, mồ côi bố, tính hung dữ nhưng lại có hiếu với mẹ. Nhiều lần đi ăn xin về nuôi mẹ bị bọn phú hộ và chức dịch xua đuổi, tức mình Lía bèn đi ăn trộm. Một hôm đang trộm bị bắt quả tang, bị xả trói, đóng gông, nhờ có một hương sư xin tha, đưa về cho đi chăn trâu. Chơi với trẻ chăn trâu, Lía cũng bày trò làm vua, khênh kiệu nhưng không có chuyện ăn thịt trâu của chủ. Nhân một hôm có một con cá lóc từ dưới nước nhảy lên bờ, Lía bắt chước tập miếng võ nhảy cao. Về sau Lía bỏ trốn vì lỡ tay đánh một đứa trẻ võ đầu.

Bước vào nghề cướp bóc, Lía giết chết một tên phú hộ và rạch trán người vợ hương quản để báo thù việc chúng đã xử tệ lúc mình đến nhà chúng ăn xin. Vì nhớ mẹ - mẹ đã chết lúc nghe tin con giết người - Lía lần về quê hỏi tin, bị bọn làng vây bọc, Lía chống đỡ suốt ngày đêm, rồi dùng miếng võ "cá lóc" trốn được.

Ở đây cũng có việc Lía thắng bọn cha Hồ chú Nhẫn và cũng được suy tôn chủ trại. Nhiều lần đón gánh hát bội lên trại mua vui, Lía đều giết bầu gánh vì chúng coi thường khả năng thưởng thức nghệ thuật của Lía, trừ có một gánh được Lía thưởng rất hậu vì hát hay.

Về sau Lía chiêu binh mãi mã củng cố trại. Bọn trọc phú, bọn quan lại đều là đối tượng của Lía. Tin đến tai vua, vua sai đại tướng đem 10 vạn quân đi đánh. Lía đánh cho tan tành, chiếm lấy thành trì, nhưng sau đó bị tên đô đốc vây thành rất ngặt, Lía phải dùng miếng "cá lóc" nhảy khỏi vòng vây, trở về căn cứ thủ hiểm. Đô đốc đánh không nổi, đành xin vua bãi binh[3].

Theo lời một người Bình-định khác kể thì mỗi lần Lía đi thăm các sơn trại, thường có thói quen phóng một cái mâm thau lên trời. Phóng vừa xong Lía đã nhảy theo ngời trên mâm thau để mâm chở mình đi. Mô-típ trên chắc là phần nào chịu ảnh hưởng của loại mô-típ phổ biến trong các truyện anh hùng ca của người Ba-na (Bahnar), Ja-rai (Djarai)... (ví dụ truyện *Ghi-ông Ghi-ở*). Nhân vật anh hùng ở đây thường ném cái khiên lên trời để nó chở mình đi khắp nơi[4].

-
- [1] Cũng có người đọc là *Xập xè*.
 - [2] Theo *Về chàng Lia*
 - [3] Theo *Dân ca miền Nam Trung bộ*, tập II.
 - [4] Xem *Truyện cổ Ba-na*. Sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
65. ANH EM SINH NĂM

Ngày xưa có hai vợ chồng nhà nọ chỉ sinh được có mỗi một người con gái. Vì thế họ nuôi nấng dạy dỗ rất chăm chú. Khi cô gái lớn lên, cha mẹ dạy cho đạo thánh hiền. Năm nàng mười lăm tuổi vẫn bị cấm cung không được tiếp xúc với người ngoài. Một hôm người mẹ lên chùa lễ Phật. Lần đầu tiên bà đưa con gái ra khỏi nhà. Bấy giờ có một vị thiên thần muốn mượn cô gái đồng trinh làm chỗ đậu thai, mới nhân lúc cô gái ra vườn vắng cảnh, hiện làm một bông hoa có năm cánh rất đẹp. Cô gái thích quá ngắt lấy ngắm nghía hồi lâu, rồi bỗng dưng bỏ vào miệng nuốt đi.

Từ đó cô gái tự nhiên không chồng mà chửa. Cha mẹ nàng ngạc nhiên và xấu hổ vô cùng. Hết tra hỏi đến dụ dỗ nhưng cô gái ngây thơ ấy cũng chẳng làm sao mà hiểu được. Tất cả mỗi ngõ của cha mẹ đều đổ dồn vào nhà chùa. Đoán là có một sư ông đã quyến rũ con gái mình trong ngày lễ Phật đạo nọ, họ bèn đuổi con lên chùa và nói: - "Mày lên đó mà ở với sư, đừng vác trở về bội nhọ nhà tao nữa". Hòa thượng trụ trì chùa đó không biết làm thế nào, đuổi đi cũng không nổi, đành phải nhận nuôi nàng và dựng một túp lều sau chùa cho nàng ra đó ở.

Khi gần đến ngày sinh, cô gái bỗng nằm chiêm bao thấy có một thiên thần đến trước mặt dặn rằng: - "Đừng đặt tên con vội, cứ để đến lúc chúng nó biết nói, tự chúng sẽ cho biết tên".

Thế rồi, cô gái sinh một lúc năm người con trai, đặc biệt khuôn mặt giống nhau như tạc. Cả năm anh em đều lớn nhanh như thổi, đứa nào đứa ấy sỡn sơ mạnh khỏe. Khi chúng biết nói, người mẹ hỏi đến tên, thì đứa thứ nhất trả lời: - "Sức con có thể vác một quả núi, con là Mạnh mẽ". Đứa thứ hai

nói: - "Người con dù có dao bằm búa bổ cũng không chết, con là Minh đồng da sắt". Đứa thứ ba tiếp: - "Con có thể ngồi một nơi biết được mọi việc trong thiên hạ, tên con là Vén mây xem trần". Đứa thứ tư: - "Con có thể sống dưới nước cũng như trên cạn, tên con là Khô". Đứa cuối cùng nói: - "Con thì dù ngủ trong lửa cũng cứ dễ chịu như thường, tên con là Ướt".

Năm anh em lớn lên lo làm việc nuôi mẹ. Hàng ngày Mạnh mẽ lên rừng kiếm củi về đổi lấy gạo. Mỗi một gánh củi của chàng chứa đầy một sân. Tiếng tăm của anh chàng truyền khắp mọi nơi trong nước. Hồi ấy nhà vua cần nhiều củi để dùng vào một lễ rất long trọng của triều đình. Vua cho triệu Mạnh mẽ đến, bảo kiếm củi cho mình và hứa cứ mỗi gánh củi đưa đến sẽ đổi một gánh gạo.

Mạnh mẽ kiếm củi mau như chớp. Rừng tuy xa nhưng mỗi một ngày chàng đi đi về về không biết bao nhiêu lần, mỗi lần đưa củi đến lại gánh gạo đi. Đến nỗi lúc viên quan trông nom kho gạo cho nhà vua thấy gạo kho đã vơi quá nửa, hăn lật đật đến báo cho vua biết. Vua nói: - "Thế thì phải bắt nó chết mới được!". Bèn cho đòi Mạnh mẽ đến và bảo:

- Nhà ngươi làm việc như thế chắc là mệt. Thôi cho về nghỉ sức, mười ngày nữa sẽ đến đây phục mệnh.

Mạnh mẽ về kể chuyện cho anh em nghe. Vén mây xem trần vốn đã đọc được những ý nghĩ không tốt trong đầu nhà vua bèn bảo Khô đi thay cho Mạnh Mẽ. Mười ngày sau, Khô đến gặp vua. Vua cứ tưởng hăn là anh chàng gánh vơi kho gạo của mình hôm nọ, bèn thét ngay lính bắt dìm xuống bể cho chết. Khô cứ để mặc cho bọn lính vây bắt trời lại và dìm xuống nước, nhưng dìm lần đầu lồi lên, Khô vẫn sống trơ trơ. Dìm lần thứ hai, thứ ba, Khô vẫn vui vẻ ca hát. Họ lại dìm nữa, nhưng dù dìm thế nào cũng không làm cho chàng chết được. Tức mình, lại sợ mệnh vua, bọn

chúng mới làm một cái cũi bỏ Khô vào cùng với rất nhiều đá tảng dòng dẫy đem thả xuống đáy biển, nhưng mấy tuần sau vớt lên vẫn thấy hảnh sống như thường. Cuối cùng chúng phải đưa anh chàng về kể chuyện cho vua hay. Vua chưa tìm ra cách gì giết được, bèn bảo anh về, hẹn mười ngày sau nữa lại đến.

Vén mây biết lần này vua dùng mưu độc đốt chết nên bảo Ướt đi thay. Ướt đến nơi thì vua đã sai dọn sẵn một căn lầu bằng gỗ dựng riêng biệt sau vườn, xung quanh chất đầy củi. Vua cũng tưởng Ướt là anh chàng hôm nọ, bèn mời gã lên lầu sai dọn mâm cỗ đầy rượu và thức ăn ngon cho ăn. Đoạn bảo quân lính đóng chặt mọi cửa lại rồi phóng hỏa. Lửa liếm rần rật cháy khắp mọi nơi. Nhưng Ướt ta vẫn ngồi một nơi chén tỳ tỳ. Và khi cánh cửa đổ xuống, chàng nói vọng ra cho chúng nghe: - "Ồ! Ở đây mát quá!".

Vua lắc đầu, chưa biết làm thế nào để giết cho được, đành bảo anh về nhà, mười ngày sau nữa lại đến.

Lần này Vén mây bảo Minh đồng da sắt đi. Khi anh chàng này đến nơi, vua thét đao phủ mang ra xử trảm. Nhưng bao nhiêu gươm đao đụng vào người đều quẩn cả lại mà không làm cho anh chàng chết được. Đao phủ tức giận đâm mũi mác vào nách gã, gã chỉ cười rú lên như bị ai cù. Thấy vậy, vua rất bực mình, nhảy xuống rút bao kiếm, cầm bằng cả hai tay chém xuống rất mạnh, nhưng bảo kiếm chỉ gãy đôi mà tội nhân thì không việc gì. Cuối cùng vua bảo anh về nhà mười ngày nữa lại đến.

Thấy chàng kiếm củi có phép lạ nên lần này vua không có ý định làm hại nữa. Vén mây biết được ý đồ nên mười ngày sau cùng với bốn người kia dắt nhau đến kinh đô. Vua thấy cả năm anh em giống nhau như tạc, hỏi chuyện mới biết họ đều là con thiên thần. Vua dắt Vén mây lên ngai vàng, nhường chỗ và gả con cho, rồi bỏ đi tu [1].

KHẢO DỊ

Truyện trên có người kể khác: Một người đàn ông lần lượt lấy một trăm người vợ đều không có con, cuối cùng chỉ sinh được một mụn gái. Khi chết, cha dặn con dan díu với đủ một trăm người đàn ông khác nhau để báo thù việc cha làm ngày trước. Người con nghe lời, sau đó một thời gian nàng đã có chín mươi chín anh nhân tình. Một hôm có một ông thần hiện đến với nàng trong hình dáng một người hủi. Đêm đến, người con gái vui lòng hiến thân cho người đàn ông thứ một trăm kia. Nhưng người hủi chỉ để ngón tay lên bụng nàng.

Cô gái từ đấy tự nhiên có thai và đủ ngày tháng đẻ ra một lúc năm đứa con trai. Chúng khỏe mạnh và lớn như thổi. Đứa con đầu có mình đồng da sắt; đứa thứ hai có nhiều mưu trí, đứa thứ ba thính tai nghe được lời nói của người ở xa, đứa thứ tư có thể sống được dưới nước và đứa cuối cùng có thể đi vào nước sôi lửa cháy mà không chết. Cả mấy mẹ con đều sống trong rừng sâu.

Một hôm, nhà vua yết bảng hứa kẻ nào giết được bà Chằng quấy nhiễu trong vùng thì gả công chúa cho.

Đứa thứ ba nhờ có tai thính tìm được chỗ bà Chằng ở, bèn bảo anh chàng có mình đồng da sắt và anh chàng mưu trí đi trừ khử bà Chằng. Quả nhiên họ tìm đến nơi, qua mấy lần chiến đấu dữ dội, giết được bà Chằng và chặt

đầu đưa đến cho vua. Khi đặt đầu xuống sân rồng, đầu tự nhiên thụt vào trong đất. Vua làm bộ khen ngợi, bảo họ sáng mai đến sẽ gả con gái cho. Cũng như truyện trên, anh chàng thính tai biết ý định không tốt của vua, bảo anh có mình đồng da sắt đi. Mình đồng da sắt đến, vua sai bắt ra chém. Chém không được, vua lại cho về bảo sáng mai lại đến. Sáng hôm sau, người thứ tư đến bị bắt quăng xuống biển nhưng cũng không chết. Sáng sau nữa người thứ năm đến bị đem thiêu sống, nhưng vẫn chả ăn thua gì. Lần cuối cùng anh chàng thính tai đến được vua gả công chúa cho.

Người Mèo có truyện *Chín chàng trai kỳ tài*:

Một người vợ bị chồng la rầy vì đã già mà không hề chữa đẻ, một hôm buồn quá chạy lên rừng. Gặp tiên, tiên cho 9 tấm bánh dày dặn mỗi năm ăn một. Không ngờ đưa về ngon miệng chén tất. Sau đó đẻ được một lúc 9 đứa con trai khỏe mạnh. Gặp tiên lần thứ hai hỏi về cách đặt tên con, tiên bảo: đưa ra đầu đặt tên là Nghe gió, đứa thứ hai là Hai đẩy xà nhà, ba là Ba vác dao, tư là Tư lột da, năm là Năm bừa ruộng, sáu là Sáu bụng to, bảy là Bảy dài căng, tám là Tám già cỗi, chín là Chín nấu rượu.

Chẳng bao lâu đàn con đã lớn. Một hôm Nghe gió biết vua đang xây dựng cung điện, bèn sai em Hai đi giúp vua. Chàng tay xách xà đẩy lên, không ngờ làm đổ nhà, bị vua sai giam để hôm sau đem chém. Nghe gió biết, bèn sai em Ba đi lén thay anh. Lính xẻo thịt suốt ngày mà anh không việc gì. Lại sai giam để mai lột da nhồi trâu. Nghe gió sai em Tư đến thay. Lính lột bao nhiêu da mọc bấy nhiêu. Lại sai giam để vớt cho trâu lồi. Đến lượt anh Năm thay. Vua sai trói rồi buộc anh vào ba con trâu mộng cho chúng lồi đi khắp nơi suốt ngày: trâu mệt nhồi còn anh không việc gì. Anh còn kéo một cái ba con trâu va vào nhau chết. Vua lại sai giam lại, mai làm thịt cả ba con bắt ăn kỳ hết. Anh Sáu bụng to đến thay, chén sạch sanh mà vẫn tỏ ra thòm thèm. Vua lại sai giam lại, mai mang đi quăng xuống vực. Đến lượt Bảy dài căng nhón chân nước chưa ướt gấu quần. Lại sai giam để bỏ vào

cối giã. Tám giã cối đến, vua sai bỏ vào cối có 9 người đập chày mới cất nổi. Giã một ngày chỉ mỗi chân. Lại sai giam để mai nấu rượu. Chén nấu rượu bị bỏ vào chỗ dưới đốt lửa, anh lấy dây gai mang theo ra đàn. Khi lính mở vung anh đàn được 99 chiếc hài xảo, bước ra làm bọn lính hết hồn. Khi vua chịu là tài thì Nghe gió đem tám người em tới. Vua nhường ngôi cho anh [2].

Truyện của người Trung-quốc:

Một bà già có năm người con trai giống nhau như tạc mà mỗi người có một tài lạ. Người con đầu có thể nuốt được biển lớn vào bụng, người thứ hai có da cứng như thép, người thứ ba có cặp giò có thể kéo dài ra vô tận, người thứ tư lửa đốt không cháy, người thứ năm có thể không thở mà vẫn sống được. Từ lâu xóm giềng chẳng ai biết là họ có tài.

Những người hàng xóm thấy người anh cả lúc nào cũng bắt được nhiều cá, nên một hôm nhờ anh dạy cho bọn trẻ cách bắt cá kiếm ăn. Anh đưa bọn chúng ra bờ biển và sau khi nuốt biển vào bụng, ra hiệu chúng xuống bắt cá mắc cạn. Lũ trẻ mãi mê quá, nên khi anh mệt, ra hiệu cho chúng mau mau lên bờ, mà chúng vẫn không biết. Cuối cùng không chịu nổi nữa, anh phải nôn thốc nước biển ra, và thế là bọn trẻ con chết đuối cả.

Mặc dầu anh hết sức phân trần nhưng bố mẹ bọn trẻ cứ lôi anh ra tòa. Anh bị án trăm quyết, Trước khi thi hành bản án, anh được phép về nhà từ giã mẹ già. Nhưng khi bước ra pháp trường thì lại là người em thứ hai đi thay nên dao mác không thể phạm vào được. Sau đó, quan tòa sai ném tội nhân xuống biển thì người em thứ ba thay vào. Cặp giò của anh vừa xuống nước lập tức mọc dài ra, đầu lúc nào cũng nổi lên khỏi mặt sóng. Người ta lại dùng cực hình vạc dầu, thì người em thứ tư đến thay. Anh làm bộ rét bảo họ chum thêm lửa. Cuối cùng người ta nghĩ ra cách bỏ tội nhân vào một tấm

bánh khổng lồ và hầm cho kỳ ngạt thở, nhưng lúc này em thứ năm đến thay, vẫn vô sự. Cuối cùng được tha bổng [3].

Xem thêm truyện *Bốn anh tài* (số **66**) dưới đây.

-
- [1] Theo Lãng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.
- [2] Theo Võ Quang Nhơn. *Chàng Đạm Thi*.
- [3] Theo Cô-xcanh (Cosquin) *Những truyện cổ tích Ấn -độ và phương Tây* (đã dẫn).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
66. BỐN ANH TÀI

Ngày xưa có hai vợ chồng nhà nghèo mà không có con. Hai người khẩn vái hết đèn này đến chùa khác, mãi sau mới sinh được một mụn con trai. Thằng bé lớn lên như thổi. Nhưng càng lớn hăn càng ăn rất tốn: bung kia, cháo nọ nấu lên bao nhiêu cũng vơi. Hai vợ chồng cố sức làm lụng để nuôi con nhưng không nuôi nổi. Trong nhà có vật gì đáng tiền, họ đều bán sạch để cho con chèn dạ dày. Sau rồi họ nghĩ chỉ có cách cho con đi tha phương cầu thực thì mới đỡ khốn vì nó. Một hôm người cha gọi con lại bảo rằng:

- Nay con đã khôn lớn mà cha mẹ thì gần đất xa trời, yếu đuối không làm gì sinh lợi được nữa. Ngày xưa lúc nhà ta còn khá giả, có cho hoàng đế Trung-quốc vay vàng và bạc đến hơn 70 vạn lạng. Bây giờ con tìm cách sang bên đó đòi lấy mà ăn.

Nghe nói, người con vâng lời đi ngay. Chàng cứ dọc bờ biển đi lần về phương Bắc. Một hôm đến một xứ kia, bỗng gặp một người khổng lồ đang tát biển, anh chàng tiến lại, hỏi:

- Anh làm gì đấy?

Khổng lồ đáp:

- Tôi tát cho cạn biển, để tìm vàng ngọc ở dưới đó.

- Sức lực một mình làm sao mà tát cạn được.

- Ta có sức khỏe không ai bì kịp. Không tin anh cứ thử lại xách cái gầu của ta xem.

Nhưng không lờ lấy làm lạ vì thấy hăn cũng nhắc nổi cái gầu của mình, bèn mời về nhà kết nghĩa anh em. Anh chàng bèn rủ: - "Anh hãy đi theo tôi đòi nợ vua Trung-quốc lấy tiền ăn tiêu ngay, còn như tát biển thì chờ lúc nào về sẽ tiếp tục". Không lờ nghe bùi tai liền cùng nhau ra đi.

Một hôm, họ đi đến một hòn núi. Thấy một anh chàng trẻ tuổi đang ngồi trên một tảng đá lớn có vẻ nhàn hạ, hai người tiến đến hỏi hăn làm gì mà ngồi đây. Hăn đáp:

- Tôi ngồi đây thỉnh thoảng lại thổi một hơi làm cho gãy cây ngã cối đưa về làm củi!

Nghe nói lạ, hai người bảo anh làm thử cho xem. Quả nhiên hăn vừa phùng má thổi một hơi thì cây cối ở trước mặt tự nhiên ngã rạp xuống như bị một trận bão nặng nề. Hai người bảo anh rằng:

- Bác có tài như thế nào không đi khắp thiên hạ làm cho nổi tiếng một phen, chứ lại sống chui rúc ở xó rừng này làm gì? Thôi! Bác hãy cùng với chúng tôi đi đòi nợ vua Trung-quốc nó chừng còn thú vị hơn ở đây!

Anh chàng nghe nói bằng lòng ngay. Rồi đó cả bọn cùng lên đường.

Mười ngày sau, bọn họ lại đến một khu rừng khác. Thấy từ trong rừng sâu bước ra một người cao lớn vai gánh một đôi voi đi như bay, cả bọn kính phục vội gọi giật lại, hỏi:

- Bác gánh voi đi đâu thế?

- Tôi hằng ngày vào rừng tìm voi mà bắt. Bắt được con nào thì trói giò lại gánh về để cho rửa thịt lấy một hai cây ngà bán kiếm tiền ăn tiêu.

Cả bọn bảo:

- Thôi! Sức khỏe như thế thì tội gì cạm cũi trong rừng như thế cho khổ. Hãy đi với chúng tôi đòi nợ vua Trung-quốc về chia nhau đi?

Nghe nói anh chàng vừa ý vội bỏ voi lại nói:

- Ủ, thì đi.

Đến kinh đô Trung-quốc, bốn chàng tìm vào hoàng cung. Một toán lính gác cổng cản lại không cho vào. Cả bọn nổi xung lên, nói:

- Chúng ta sang đây đòi nợ chứ có phải đi chơi đâu mà không cho vào.

Và họ toan giã cho chúng một trận, nhưng anh chàng ăn khỏe cản lại rồi biên một bức thư đòi nợ, bảo tên lính đem vào cho vua. Hoàng đế Trung-quốc đọc xong lấy làm lạ, liền sai một viên cận thần ra xem thử người nào mà to gan đến thế. Viên cận thần ra một lát trở vào tâu rằng:

- Có bốn tên dị hình dị dạng ở nước An-nam sang, đưa nào cũng quyết đòi được nợ mới về. Chúng nó toan đánh cả lính.

Hoàng đế nghe nói không vui, nhưng cũng truyền dọn yến đãi đãi tử tế

trước khi gặp họ.

Bốn chàng được mời vào phòng riêng ăn uống nghỉ ngơi trong vài ba ngày. Nhưng họ ăn uống hung quá đến nỗi qua ngày thứ ba, mấy viên quan trông nom về ngự thiện phải vào báo cáo với vua rằng kho thức ăn của hoàng đế vì tiếp đãi bốn người khách lạ đã vơi hết gần nửa. Hoàng đế nghe nói giật mình, vội bảo mấy viên đại thần tìm cách ám hại họ đi cho khỏi phiền. Người ta được lệnh mời bốn anh chàng đi thuyền chơi hồ, rồi nhè lúc thuyền ra giữa hồ thì đánh đắm cho chết đuối tất cả.

Quả nhiên bốn anh em không ngờ sa vào mưu trí bị chìm xuống nước. Nhưng giữa lúc nguy cấp thì anh chàng khổng lồ đã nắm lấy chiếc thuyền như một chiếc gàu rồi tát lấy tát để. Chỉ trong một chốc đáy hồ khô cạn, cứu được ba bạn khỏi chết đuối.

Thấy họ sống yên lành, hoàng đế tức giận, vội sai dọn yến khoản đãi, rồi chờ lúc họ no say mới sai mấy đội quân xông vào vây chém. Hôm ấy bốn chàng vô tình cùng nhau chén tạc chén thù không nghi ngờ gì cả. Bỗng nhiên một tiếng hô vang, phục binh xông ra như kiến. Cả bọn toan chạy, nhưng anh chàng khổng lồ đã ngăn lại mà rằng:

- Các anh cứ ngồi yên, để tôi cho bọn chúng xiêu giạt một phen!

Nói rồi phùng má thổi mấy hơi. Bọn lính chịu không nổi với sức gió, bay văng đi như những cái lá khô. Thế là ở trong này, bốn chàng vẫn cứ ung dung ngồi chén tỳ tỳ cho đến mãn tiệc.

Lần này hoàng đế Trung-quốc lo lắng hết sức. Vua sai triệu các vị Cơ mật đến tính cách đối phó. Nhưng mọi người khuyên vua nên trả quách đi, cho êm chuyện. Vua nói:

- Bảy mươi vạn lạng thì nhiều quá. Các khanh có cách gì bắt chúng giảm bớt được không?

Một viên tâu lên:

- Bệ hạ cứ giả cách bằng lòng trả, nhưng bắt các thần dân, các thuyền bè xe cộ, khắp trong nước không ai được đánh thuê, chở thuê cho chúng nó và bắt chúng nó không được chuyên chở làm nhiều lần. Như thế dù có sức như Hạng Vũ cũng chỉ mang ra được chừng dăm bảy trăm cân là hết nước.

Vua bằng lòng theo cách đó. Đến ngày nhận vàng bạc, người ta thấy một mình anh chàng gánh voi quảy hai sọt lớn vào kho. Chúng không ngờ chỉ một người đó mà thôi, đã thừa sức gánh 70 vạn lạng. Bọn quan coi kho không biết làm thế nào, đành cầm đầu cân lấy cân để, vơi hẳn cả kho vàng bạc.

Được của, bốn anh chàng cúi chào hoàng đế rồi ung dung đi ra khỏi cung. Về nước, họ chia nhau tiêu xài sung sướng trọn đời [1].

KHẢO DỊ

Truyện của ta gần giống với một số cổ tích của các dân tộc, trong đó có truyện *Sáu tài tử*, cổ tích nước Đức do Grim (Grimm) sưu tập là tiêu biểu: một bác lính đi đánh giặc, mãn hạn về được vua trả cho ba đồng bạc. Tức

vì bị bạc đãi, bác bèn đi lập nghiệp. Dọc đường, bác gặp một người cao lớn đang nhổ cây dễ như nhổ cỏ, bèn rủ đi với mình. Người ấy bằng lòng theo đi. Đến một chỗ khác họ gặp một nhà thiện xạ có thể bắn trúng một con ruồi cách xa hai dặm. Nhà thiện xạ nghe lời rủ, cùng đi với họ. Tiếp đến, một người chỉ dùng một lỗ mũi thôi quay bảy cái cối xay, một người khác đi nhanh như gió nếu lắp cả hai chân vào; một người khác nữa có thể làm cho một vùng lạnh toát nếu đội ngay ngắn chiếc mũ chỉ bằng cái nắm tay: cả mấy người đều theo họ đi lập nghiệp. Đến một nước kia, họ thấy có bảng yết ai chạy thì mức nước nhanh hơn công chúa thì công chúa sẽ lấy làm chồng, trái lại thua thì bị chém. Anh chàng có thuật "phi hành" ra thi. Chàng vượt lên trước rất xa, đến mấy mức đầy bình rồi chạy trở về. Dọc đường hơi mệt, chàng gối đầu lên một bộ xương sọ ngựa và ngủ quên lúc nào không biết. Đến lúc công chúa chạy về qua đó thấy hăn ngủ, liền đổ bình nước của hăn rồi chạy về trước. Từ xa nhìn thấy thế nguy, nhà thiện xạ bắn một phát vỡ bộ xương ngựa làm cho hăn bừng tỉnh dậy. Thấy bình nước của mình đã đổ mà công chúa thì sắp về tới nơi, hăn mới lật đật mang bình chạy trở lại máy, mức đầy nước rồi chạy về. Thế mà hăn vẫn đến đích trước công chúa.

Thấy con thua, vua bực mình, định bụng trừ cả bọn cho rảnh. Bèn sai dọn tiệc mời họ vào phòng ăn uống rồi sai đốt lửa ở dưới hầm cho chết. Nhưng nhờ có "Anh chàng đội mũ" sửa chiếc mũ của mình ngay ngắn lại nên họ vẫn không việc gì cả. Biết họ có tài, vua rất sợ, đành phải thương lượng với họ cho họ một số vàng bằng một người vác nặng, để khỏi phải gả công chúa. Bác lính ta bèn gọi bao nhiêu thợ may lại may một cái túi khổng lồ và giao cho "anh chàng nhổ cây" đến lấy vàng. Vua không ngờ tất cả vàng trong kho mang đến đều lọt thỏm vào túi của hăn mà vẫn chưa đầy. Bọn họ ra đi, vua cho binh mã đuổi theo định bắt lại. Nhưng "chàng thối khỏe" đã làm cho chúng bay mọi ngả. Họ đưa vàng về xứ sở, chia nhau sống sung sướng.

Một dị bản khác của người Đức ở Sơ-va-ben:

Vua nước Phổ đau nặng, thầy thuốc bảo nếu trong 8 giờ nữa mà không có thứ cỏ hồi sinh lấy được ở Thụy-sĩ thì vua sẽ chết. Vua sai rao người nào mang được cỏ về chữa cho vua, muốn lấy bạc bao nhiêu tùy ý.

Có bốn anh em: một người Bắn giỏi, một người Chạy tài, một người Thối mạnh, một người Nhổ cây. Nghe vua rao, Chạy tài đi lấy cỏ và mang về cho vua. Lành bệnh, vua giữ lời hứa, nhưng chỉ cho bạc vừa đủ một người mang nặng. Nhổ cây bèn vét hết kho của vua vào cái túi khổng lồ của mình, và Thối mạnh làm cho mấy đại đội của nhà vua - vì tiếc của sai đuổi theo - rơi xuống hồ chết đuối (không thấy nói đến sự trổ tài của Bắn giỏi).

Truyện của người Mô-rơ (Maures) ở An-jê-ri (Algérie):

Một anh chàng nhà nghèo có giọng hát hay. Một hôm có một thầy pháp (ha-kim) đến bảo anh đi hỏi công chúa làm vợ, ông ta sẽ giúp cho thành công. Anh nghe lời, lập tức đến trước cung công chúa giữa ban đêm hát một bài. Công chúa nghe mê mết. Khi người hát ra về, công chúa ngất đi. Sau khi tra xét, vua bắt anh hạ ngục, sai lính canh giữ nghiêm ngặt. Hôm sau nhờ phép màu của thầy pháp, anh vượt ngục mà lính canh không biết. Tối lại, anh đến hát ở cửa cung. Công chúa đang mê tự nhiên tỉnh dậy, chạy đến cửa sổ, rồi lại ngất đi. Thấy anh trốn thoát, vua rất bức, thề không gả con cho tên khốn nạn. Nhưng anh chàng theo lời thầy pháp đến gặp vua xin lấy công chúa. Trước mặt bách quan, vua đặt điều kiện nếu có "một chiếc tàu đi trên đất không cần ngựa hoặc gió" làm sinh lễ, sẽ gả.

Nhờ thầy pháp, anh chàng tìm đến một vị thần; ở đây anh lần lượt nhận được một chiếc tàu và hai chiếc đĩa vàng, khi cưỡi lên chỉ cần mỗi bên một

chiếc đũa gỗ vào là tàu chạy. Đưa tàu về đến bờ sông, anh gặp một người uống cạn nước sông, anh mời đi theo; lại gặp một người thứ hai có tài ăn một bữa một đồng bánh ngọt to như đồng rơm; lại gặp một người thứ ba có tài chạy nhanh như gió tuy mỗi chân đeo một hòn sắt nặng; người thứ tư có thể ghé tai "nghe được quả chín"; và người thứ năm có thể bẻ gãy đại thụ và nhổ bật rễ. Họ đều theo lời mời của anh, lên tàu cùng đi.

Vua tuy thấy có sính lễ như ý muốn vẫn chưa chịu gả "vì sợ các vua khác chế giễu". Cố vấn của vua bày cho vua đặt điều kiện mới: phải uống cho hết nước các giếng trong vườn. Ông bạn đường "uống cạn sông" giúp anh làm mấy tu khô cạn ngay. Vua lại bắt phải ăn 10 đĩa, trên mỗi đĩa có một con cừu. Ông bạn tài ăn ngón sạch, còn hỏi vua xem có còn mười đĩa nào nữa không. Lần thứ ba vua và cố vấn ghé tai nói nhỏ với nhau mấy câu, bảo đoán. Ông bạn "nghe được quả chín" giải quyết được việc này. Lần thứ tư vua bắt chạy thi với một kị sĩ ngựa phi nhanh như chim bay. Ông bạn tài chạy nhường cho ngựa chạy trước rồi mới lê hai hòn sắt đuổi theo, thế mà đuổi kịp ngựa, lại đỡ kị sĩ ngã ngựa trèo lên ngựa, xong rồi vẫn chạy về được trước. Điều kiện lần thứ năm là phải nhấc bổng và di chuyển một cột đá hoa, cấm thờ. Ông bạn "bẻ gãy đại thụ" mời tất cả các người làm chứng ngồi lên cột, rồi nâng lên và đi lại trước mọi người.

Vua và quan thần bối rối, hẹn ba ngày nữa trở lại. Nhờ phép thần của thầy pháp, anh chàng được bí mật chứng kiến cuộc họp kín của vua quan. Một tên quan tâu xin ám sát anh cho đỡ phiền, nhưng cố vấn gạt đi, chỉ ra một điều kiện khó hơn là phải làm sao cho tàu chở được tất cả các thần dân bao gồm già trẻ lớn bé và quân đội trong nước, mới gả.

Nhờ thầy pháp, anh lại có cách làm cho tàu chở mấy cũng vừa. Đến ngày hẹn, vua cho rao khắp mọi nơi bắt tất cả dân trong nước tập hợp lại để lên tàu. Tàu chạy. Vua giảng cho dân biết lý do gả công chúa cho anh chàng, và nói điều kiện mà vua đặt ra "từ xưa chưa hề có vua nào đặt ra như thế cả".

Lễ cưới tổ chức xong, chàng trai trẻ tuổi chặt đầu viên đại thần đã tâu xin vua ám sát mình.

Truyện của Ấn Độ:

Trên đường đi tìm một công chúa để kết hôn, một hoàng tử gặp một vị hung thần có tài đi như bay, vượt sông vượt núi, gọi là Tiểu hành giả. Hoàng tử gọi hắc bằng bác và thuyết phục được hắc đi theo giúp đỡ mình. Đi được ít lâu lại gặp một hung thần có tài ăn gọi là Tiểu thực giả, lần thứ ba gặp một hung thần khác có tài uống gọi là Tiểu ẩm giả. Khi đến kinh đô một nước lạ, gặp lúc nhà vua (Rát-ja) ở đây đang kén rể với điều kiện: kẻ nào ăn một lúc một buồng đầy bánh ngọt, rồi nhảy qua được một con sông, rồi lại uống hết tất cả nước ở trong một bể nước thì được lấy công chúa. Hoàng tử vào cung nhận lời thách cưới của vua. Nhờ có ba người bạn đường biến hình giống hoàng tử lần lượt vào thực hiện xong các điều kiện vua nêu nên vua y ước gả công chúa cho hoàng tử.

Truyện của người Xen-tơ (Celts) ở Ê-cốt-xơ (Écosse):

Ba công chúa con vua Lôch-liu mất tích. Một nhà thông thái cho biết có tên Khổng lồ đã mang nàng xuống dưới mặt đất, và chỉ có một điều kiện cứu thoát là làm cách nào chế một chiếc tàu đi trên đất cũng dễ dàng như đi dưới biển. Vua cho rao khắp nước, hứa gả công chúa đầu cho người nào cứu được cả ba chị em. Con trai một bà góa lật đật đi đến một bờ sông chặt gỗ đóng tàu. Đang làm, có một dì nhân hiện ra xin một miếng bánh ngọt. Anh ta không cho; kết quả việc đóng tàu thất bại. Việc cũng xảy ra như thế đối với người em thứ hai. Riêng người em út đã chia phần bánh của mình cho dì nhân. Người đó bảo anh hãy trở lại sau một năm và một ngày. Đến ngày hẹn, anh tới nơi thì thấy con tàu đã đóng xong, mọi thứ đều sẵn sàng. Lập tức anh nhổ neo đi tìm. Cũng như truyện trên, tàu đi đến bến gặp một

người uống cạn nước sông, sau đó gặp một người ăn tất cả bò của một cái trại, rồi gặp một người thứ ba ghé tai sát đất nghe được cỏ mọc. Anh ta lần lượt thuyết phục họ và mời lên tàu. Tàu đang chạy, bỗng người thứ ba báo tin là đã đến nơi có khổng lồ và công chúa. Đất ở đây có một lỗ hổng to, cả mấy người tụt xuống trong một cái sọt. Đến nhà tên khổng lồ thứ nhất. Tên này bảo phải mang đến một người uống thi, nếu nó thua sẽ xin trả công chúa. Tên khổng lồ uống quá sức vỡ bụng chết. Đến tên thứ hai cuộc thi giữa nó và người ăn bò cũng làm cho nó vỡ bụng trong khi anh này mới no được một nửa. Đến nhà tên thứ ba, nó buộc anh chàng ở hầu nó một năm và một ngày. Đến hẹn, tên này cho điều mang anh ra khỏi thế giới dưới đất.

Truyện của người Xéc-bi (Serbie) có đoạn kết giống với các truyện trên:

Một anh chàng năm chiêm bao thấy được làm rể nhà vua. Trải bao gian khổ, giấc mộng được thực hiện. Có ba đứa con của một lão đại thần (vi-dia) thấy thế thì ghen tức tìm cách bắt lấy công chúa. Chúng mời anh ăn một bữa tiệc và ra điều kiện nếu ăn không hết thì phải gán vợ và lính hầu lại. Trong khi đi dọc đường đến nơi ăn tiệc, tình cờ anh lần lượt gặp một người có thể nghe cỏ mọc, một người chạy như bay, một người ăn khỏe và một người uống cạn hồ. Thế là vào tiệc người ăn khỏe đã ngốn sạch mọi món ăn. Ba người kia lại đòi ra điều kiện nữa, nếu thua thì chúng sẽ gán cho họ vợ và toàn bộ của cải. Điều kiện thứ nhất là vào ngồi trong một lò lửa. Anh uống cạn hồ đã nhảy vào lò sau khi tuôn tất cả nước hồ vào lò. Những điều kiện ra sau làm cho anh chạy như bay và anh ném lao có dịp trở tài. Cuối cùng chàng trai trẻ tuổi trở về với vợ và ba người đàn bà kia cùng tất cả của cải của lũ con đại thần.

Truyện của người Ác-mê-ni (Arménie):

Một chàng trai trẻ tuổi năm chiêm bao thấy mình một lúc làm rể hai ông

vua. Tình dậy anh cười, ai hỏi cũng không nói. Sau đó anh trở thành con nuôi vua phương Đông, lấy công chúa con vua này. Cưới xong, xong lại lên đường lấy công chúa con vua phương Tây như lời vua đã hứa. Trên đường, anh đã lần lượt gặp và đưa đi theo một người nghe giỏi, một người chạy nhanh, một người bạo ăn, một người khỏe đến mức "bỏ lên vai cả thế giới và nâng lên", một người uống khỏe, và cuối cùng một người chặn cừu chơi một chiếc sáo có thể làm cho người, vật, núi, đồi đều nhảy nhót. Vua phương Tây ra điều kiện khó khăn để nuốt lời hứa. Nhưng người bạo ăn đã giải quyết xong. Vua lại mời mọi người vào nghỉ trong một ngôi nhà rồi đốt lửa cho chết, nhưng người uống khỏe đã phun ra một hồ nước cứu thoát. Sau đó, người nghe giỏi lần lượt báo tin cho chàng trai trẻ tuổi biết những âm mưu khác của vua cùng quần thần. Nhưng người khỏe đã nâng lầu đài nhà vua lên và mang đi. Người chặn cừu làm cho núi đồi nhảy nhót, và người chạy giỏi cũng có công việc của mình. Vua đành phải gả con cho chàng trai trẻ tuổi. Trở về, anh mới kể lại câu chuyện chiêm bao của mình cho mọi người biết.

Truyện của người Xi-xin (Sicile):

Một chàng trẻ tuổi nhờ có Thánh Jô-dép giúp đỡ, đã gặp được nhiều vị anh tài, và nhờ họ, anh chàng đã thực hiện được những thử thách gay go của nhà vua. Vua không thể sai lời hứa, đành phải gả công chúa cho anh, nhưng ra lệnh rằng của hồi môn chỉ cho vừa đủ một người mang ra mà thôi. Anh bèn giao nhiệm vụ ấy cho vị anh tài "có thể đặt lên vai một nửa cánh rừng khiêng đi". Và vị này đã mang tất cả những gì ở trong cung, kể cả cái mũ miện của vua rồi chất lên tàu. Tàu đưa công chúa và của cải về nước. Ở đây vua cũng sai một hạm đội đuổi theo hòng cướp lại, nhưng lại không có sự việc nhấn chìm đối phương bằng cách thổi gió. Một trong những vị anh tài đi theo chàng trai trẻ tuổi chuyên môn thu thập mây vào túi, được thánh Jô-dép ra lệnh cho mở túi, nhờ thế tàu được mây trùm kín, thoát khỏi sự tìm tòi của hạm đội, và cuối cùng về nước vô sự.

Hai truyện sau đây lại giống với truyện của ta ở chi tiết đòi nợ vua. Truyện của người Ru-ma-ni (Roumanie) ở Tờ-răng-xin-van-ni (Transylvanie):

Một công chúa trái ý vua cha, yêu một viên tướng trẻ, hai bên muốn lấy nhau. Cuối cùng, vua bằng lòng và gả với điều kiện là viên tướng phải đi đòi nợ hoàng đế Thổ một số tiền lớn vay từ lâu. Viên tướng nhận lời ra đi. Dọc đường anh ta đã gặp nhiều anh tài và đưa họ đi theo. Vua Thổ sẵn sàng trả nợ nếu viên tướng hoàn thành trót lọt một số thử thách. Tất cả đều làm xong nhờ có các vị anh tài. Sau đó vị anh tài Nhổ cây đặt lên lưng mình tất cả số tiền nợ khoảng 100 tạ và khuân lên tàu. Khi tàu kéo buồm, vị anh tài Mắt nhìn thấu mọi nơi báo tin hoàng đế Thổ đã cho một hạm đội đuổi theo để đòi lại. Vị anh tài Thối bèn gây ra một trận bão dữ dội làm tan tành hạm đội. Kết quả, viên tướng thắng lợi trở về được lấy công chúa.

Truyện do bà Ôn-nôi (madame d'Aulnoy) sưu tầm:

Một kỵ sĩ tốt số được vua sai đến vua Ma-ta-pa để đòi một kho tàng mà vua giành được trong một trận chiến tranh. Kỵ sĩ ra đi, và cũng như các truyện trên, dọc đường lần lượt gặp các anh tài và đưa họ đi theo. Đến nơi vua Ma-ta-pa liên tiếp buộc anh phải làm mấy việc, nhưng nhờ anh tài Ăn và Uống giải quyết xong. Không thể sai lời hứa, vua bảo kỵ sĩ hay một người nào đó một mình mang kho vàng ra. Chỉ một mình anh tài Cứng xương đã vét sạch cung vua. Khi ra về, anh tài Tai thính báo tin có một đội kỵ mã do nhà vua sai đuổi theo lấy lại. Anh tài Nhắm giỏi có con mắt nhìn thấu mọi nơi thấy

họ đang trôi thuyền để qua sông. Anh tài Thối vội vàng phòng má thối một hơi làm cho thuyền lật, nhấn chìm đội kỵ mã[2].

Một truyện của đồng bào Tày *Người bảy ống* dường như là một dị bản của truyện ta, trong đó cũng có nói đến tình tiết đòi nợ nhưng diễn biến và kết quả thì lại khác hẳn:

Hai vợ chồng nhà nợ không con. Người vợ một hôm ngồi ở sân nhà nhìn thấy có một đứa bé từ đâu rơi xuống ao, trong khi đó có một con bò đang uống nước ao. Đứa bé rơi qua đầu con bò thuận tay thoi một thoi vào mạng sườn, con bò gãy xương chết ngay. Người vợ ra vớt đứa bé lên đưa về mớm cơm nuôi làm con. Lớn lên mỗi bữa nó phải ăn bảy ống gạo mới no, nên có tên là Bảy ống.

Đứa bé lớn lên lại càng khỏe và hung dữ. Một đứa trẻ chơi với nó, nó chỉ búng một cái chết tươi. Người bố nuôi nghĩ rằng phải tìm cách giết đứa bé mới khỏi khổ vì nó. Một hôm bảo con cùng lên núi đi chặt cọc rào. Bố ở trên cao chặt cọc, vát nhọn, nhắm vào con mà lao, bảo nó bắt. Lao bao nhiêu bắt lệ bấy nhiêu, rồi vác tất cả về nhà. Hôm khác, bố lại rủ con đi chặt cây làm cối. Chặt một cây kè từ sáng đến chiều, cây sắp ngã, bố bảo con cúi xuống nhặt quả rụng. Cây đề lên con, nhưng không ngờ đứa bé vác ngay cây về. Đến làng nợ dựng đứng cây ở bãi, gọi bọn trẻ lại nhặt quả. Khi bọn trẻ đến đông đủ, nó thả cho cây đề chết tất cả.

Bố lại bảo con: - "Ở một làng nợ có một ông già tên là Su-si-lá-năm, ông ấy có vay của bố 10 thỏi bạc to bằng cột nhà, 9 thỏi vàng dài bằng cây tre và một *mụn*[3] bạc vụn. Con đến đòi hộ cho bố!". Chú ý của bố là muốn mượn tay ông già này giết chết đứa trẻ vì ông ta có sức khỏe phi thường. Hẳn đến nơi, ngồi chờ đến tối, bỗng thấy trời u ám, gió bay tung, nhìn ra thấy ông già gánh mỗi bên một bó củi to bằng quả núi, mỗi bên lại có treo ba con

hươu gạc. Su-si-lá-năm quăng xuống sân tiếng kêu như sấm, bảo con gái: - "Con hãy đi nướng sáu con nhái này (chỉ sáu con hươu) ta ăn!". Ăn xong ông ngủ ba ngày ba đêm. Kêu và lay mãi không được, Bảy ống dùng mõ trống đánh bên tai, rồi đi múc sáu ống nước đổ vào mũi cũng không ăn thua. Sau lấy lửa quạt vào mũi mới dậy nghe nói chuyện đòi nợ, Su-si-lá-năm bảo: - "Đi mau không tao giết!". Hai người bắt đầu đánh nhau, cuộc chiến đấu kéo dài từ trên rừng xuống đến dưới biển mà chưa biết ai thua ai được.

Lúc này ở biển có một ông Khổng Lồ (Cồm phả) đang cúi lom khom bắt cá nhưng lưng đụng trời. Thấy có hai người đánh nhau, Khổng Lồ nói: - "Sao lại có hai con nhái đánh nhau thế này!". Nói rồi khuơ tay bắt lấy cả hai bỏ vào giỏ đeo sẵn ở lưng. Hai người vào giỏ vẫn còn đánh nhau khiến cho dây buộc giỏ đứt, giỏ rơi mất. Vì vậy, khi bắt được cá., Khổng Lồ phải ném lên ruộng gần đó, mỗi lần ném, cá đầy một đám ruộng cấy hai ngàn mô mạ. Một người tên là Sắc Sữa (giặt áo) đang giặt áo gần đó, hỏi xin cá. Khổng Lồ đáp: - "Muốn lấy bao nhiêu thì lấy". Nhưng Sắc Sữa chỉ bốc một bốc là hết cả cá[4].

Về hình tượng một cái túi bỏ lọt hàng kho của mà không đầy, xem thêm truyện *Khổng Lồ đúc chuông*, (số 67) sau đây.

-
- [1] Theo Trương Vĩnh Ký, sách đã dẫn, và lời kể của người miền Bắc.
- [2] Đều theo Cô-xcanh (Cosquin). Sách đã dẫn.
- [3] Một *mụn* độ 12 ki lô.
- [4] Theo Đơ-jơ-jơ (Degeorge), đã dẫn, XVI-XVII (1921-1922). Theo chúng tôi đoạn kết của truyện này không thống nhất với đoạn đầu, dường như là hai đoạn của hai truyện khác nhau kết hợp lại.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

67. KHỔNG LỒ ĐÚC CHUÔNG HAY LÀ SỰ TÍCH TRÂU VÀNG HỒ TÂY

Vào đời nhà Lý có một người gọi là Khổng Lồ. Nhìn thấy thân thể ông, các tay lực sĩ trong triều ngoài quận đều khiếp sợ, mặc dầu ông chưa từng độ sức với ai. Từ trẻ Khổng Lồ đã đi tu, ông thường đi chu du thiên hạ. Vật tuý thân của ông có một cây gậy sắt nặng không thể tưởng tượng được. Lại có một cái dây rất màu nhiệm. Dây trông không khác gì những dây thường nhưng có thể bỏ lọt vào dây bao nhiêu đồ vật to lớn, cồng kềnh. Dù chất chứa thế nào dây cũng không đầy và không to thêm.

Buổi ấy nhà vua cần rất nhiều đồng để đúc các khí vật thờ phật, nhưng ngặt vì ở đất Việt không có đồng đen. Nghe tiếng Khổng Lồ, nhà vua cho triệu đến kinh nhờ sư đi sang Trung-quốc quyên giáo. Khổng Lồ nhận lời và xách dây đi về phương Bắc.

Sau bao nhiêu ngày trèo non lội suối, Khổng Lồ đã đến kinh đô Trung-quốc. Thấy một nhà sư to lớn đi vào yết kiến, vua Trung-quốc lấy làm lạ hỏi:

- Hoà thượng từ phương nào lại và đến đây làm gì?

Ông đáp:

- Chúng tôi đến cầu bệ hạ một ít đồng đen để mở rộng Phật pháp trong nước Đại-việt.

Vua ngỗ là còn nhiều người theo ông nữa, bèn hỏi:

- Quý quốc cần dùng bao nhiêu đồng? Hoà thượng đem sang cả thảy bao nhiêu đồ đệ?

Khổng Lồ giơ đũa lên và tâu:

- Kẻ hạ thần chỉ sang có một mình và chỉ xin một đũa này là đủ.

Thấy cái đũa bé tí, vua Trung-quốc mỉm cười:

- Hoà thượng có lấy cả trăm đũa, trăm cũng vui lòng hưởng gì là một đũa.

Đoạn vua sai nội thị mang lệnh chỉ cho quan giữ kho, mở kho đồng đen cho Khổng Lồ muốn lấy bao nhiêu thì lấy.

Trước khi vào kho phải đi qua một cái sân rộng. Ở đó có một cái nền gạch, trên nền dựng tượng một con trâu bằng vàng to như một cái nhà, sáng chói cả một vùng trời đất. Quan giữ kho chỉ vào trâu rồi hỏi đùa Khổng Lồ:

- Hoà thượng có cần dùng cả con trâu này không?

- Không, tôi chỉ cần một ít đồng đen mà thôi.

Rồi đó Khổng Lồ trút tất cả đồng đen lọt thỏm vào trong đũa của mình mà đũa vẫn còn vơi. Đoạn Khổng Lồ mắc đũa vào một đầu gậy quảy về nước.

Quan giữ kho thấy hết nhả cả đồng, vội vã đem sự tình tâu cáo cho vua mình biết. Vua Trung-quốc không ngờ có sự phi thường như thế, lấy làm hối và tiếc bèn sai 500 quân sĩ đuổi theo Khổng Lồ. Lúc ấy mặc dầu gánh nặng đè lên vai, nhưng sư cũng đã đi được ba trăm dặm đường. Vừa đến một khúc sông rộng, ông bỗng nghe có tiếng reo dậy trời ở sau lưng. Ông ngoảnh cổ lại thấy bụi bốc mịt mù, đoán biết là vua Trung-quốc đã cho quân đuổi theo. Ông lật đật thả chiếc nón tu lờ xuống nước, đặt dây lên, rồi vừa bơi vừa đẩy qua sông. Bọn quân sĩ vừa đến bờ thì Khổng Lồ đã ra đến giữa sông rộng. Bọn chúng đánh lừa nói rằng:

- Hoà thượng hãy chờ một tí, hoàng đế cho chúng tôi khiêng giúp đồng và hộ tống ngài về.

Nhưng Khổng Lồ nói với lên:

- Bần tăng gửi lời về cảm ơn lòng tốt của hoàng đế. Còn như cái dây này để mặc bần tăng mang lấy, đâu dám làm phiền đến thiên sứ.

Bọn lính biết là không thể đuổi nổi bèn quay trở lại.

Sau đó Khổng Lồ đi cứ theo dọc bờ biển, đi bộ lần về phương Nam. Đến một cửa sông, ông gặp một chiếc tàu lớn sắp sửa kéo buồm sang nước Việt. Khổng Lồ đặt dây ở bến, đến gặp người chủ tàu xin cho đi nhờ. Chủ tàu thấy một mình hoà tượng với một chiếc dây, ước lượng không nặng thêm cho tàu bao nhiêu nên vui lòng cho ông đi.

Nhưng khi một thuỷ thủ xuống bến xách dây hộ cho nhà sư lên tàu thì anh ta cảm thấy chưa có vật nào nặng đến như thế. Người thứ hai xuống giúp cũng chịu. Người thứ ba, người thứ tư cho đến khi tất cả mọi thuỷ thủ trên

tàu cùng hè nhau khiêng, ai nấy đều phải lắc đầu vì chiếc dẫy vẫn không hề nhúc nhích. Bấy giờ Khổng Lồ ở trên tàu xuống, cười và bảo:

- Để bần tăng tự mang lên cho, không phiền đến các người!

Nói rồi một tay xách dẫy, một tay cầm nón và gậy bước lên tàu trước con mắt kinh ngạc của mọi người.

Thấy tàu quá nặng, nước mấp mé then, mọi người ngần ngại không dám nhổ neo. Khổng Lồ bảo họ: - "Các người chớ ngại, ta quyết không để cho tàu chìm đâu".

Thuận buồm xuôi gió, tàu rẽ nước đi băng băng. Được mấy ngày bỗng xảy ra một trận phong ba dữ dội. Một con ngô công mình dài trăm trượng, miệng há đỏ như lửa đang vẫy vùng giữa sóng gió chồm đến toan nuốt cả tàu. Mọi người ngồi trên chiếc tàu chòng chành, vô cùng kinh sợ. Khổng Lồ nói to:

- Các người cứ ngồi yên mặc ta diệt trừ con quái vật!

Nói đoạn sẵn có quả bí lớn, ông cầm lấy đứng ở miệng mũi tàu ném vào miệng ngô công. Ngô công vừa đón lấy thì ông đã nhảy xuống nước cầm gậy đánh vào mình nó. Ngô công chạy không kịp bị gãy xương, đứt làm ba đoạn và hiện thành ba hòn đảo nổi lên giữa biển. Ngay sau đó, sóng gió yên lặng, tàu lại đi một mạch về tới đất Việt.

Về tới kinh đô, Khổng Lồ vào chầu vua và kể lại mọi việc. Vua sai sứ đem đồng ra đúc thành bốn thứ bảo khí thờ Phật để cho mọi người ngưỡng mộ và truyền lại ngàn đời sau. Khổng Lồ bèn cho gọi bao nhiêu thợ đúc tài giỏi trong nước đến, rồi mở dẫy lấy đồng ra chia làm bốn phần. Đầu tiên ông

cho đúc một cái tháp cao 9 tầng gọi là tháp Báo-thiên. Tháp đúc xong hiện ra giữa kinh thành vọi vọi đứng đầu cũng thấy. Khổng Lồ lại đúc một tượng phật cao vừa 6 trượng, một cái đỉnh to vừa bằng mười người ôm. Rồi còn bao nhiêu đồng, Khổng Lồ cho đúc một quả "hồng chung"- chuông đúc xong lớn không thể tưởng tượng được, đến nỗi khi đánh lên hồi đầu tiên, tiếng ngân vang cùng khắp bốn cõi, vang sang đến tận bên Trung-quốc.

Lại nói chuyện con trâu vàng nằm trước kho đồng của vua Trung Quốc khi nghe tiếng chuông, tự nhiên như được thức tỉnh dậy. Vì đồng đen là mẹ của vàng cho nên do tiếng ngân, nó biết là mẹ của nó đã ở nước Việt. Nó bèn đứng dậy vươn người rồi ba chân bốn cẳng chạy một mạch sang Nam, không một sức nào có thể cản nổi. Cuối cùng nó tìm đến quả chuông do Khổng Lồ mới đúc, hôn hít hồi lâu rồi nằm xuống bên cạnh.

Thấy việc không ngờ lại xảy ra như thế, Khổng Lồ tự nghĩ nếu để chuông lại thì mỗi lần đánh chuông, vàng trong bốn biển sẽ qui tụ cả lại vào trong nước mình. Như thế sẽ rất nguy hiểm vì gây hiềm khích với tất cả mọi nước. Ông bèn tâu vua xin đem quả chuông ném cho mất tích để tránh một cuộc binh đao tai hại có thể xảy tới. Nhận thấy lời tấu có lí, vua cũng bằng lòng. Ngày ném, Khổng Lồ đứng trên núi xách quả chuông vứt xuống hồ Tây. Chuông bị tung lên không bay ra giữa hồ, vang lên một hồi rất dữ dội. Con trâu vàng nghe tiếng, vội theo mẹ nó nhảy ngay xuống hồ. Từ đó về sau thỉnh thoảng những lúc thanh vắng, người ta vẫn thấy quai chuông nổi lên mặt nước. Còn con trâu vàng đôi lúc lên bờ hồ đi dạo, hễ thoát thấy bóng người là lặn xuống ngay. Cũng vì câu chuyện trên mà hồ Tây còn có tên là vực Kim-ngưu (Trâu vàng). Riêng Khổng Lồ về sau được thợ đồng thờ làm thần nghề đúc đồng[1].

KHẢO DỊ

Truyện trên được nhiều người truyền là sự tích thần sư Dương Không Lộ hay Nguyễn Minh Không với nhiều tình tiết phụ thuộc khác nữa (xem thêm truyện Từ Đạo Hạnh, số **120**, tập **III**).

Về chỗ trâu vàng, sách *Truyện đức Lý quốc sư* kể rằng: Con trâu vàng của nhà Tống được người cháu Cao Biền đem bút thần điểm nhãn nên trâu trở nên có cảm giác và hoạt động như trâu thật. Khổng Lồ biết vậy, nên khi về nước đúc chuông xong, đánh một hồi rất dài và kêu. Trâu nghe tiếng liền lồng sang đất Việt. Khi đến kinh đô Thăng-long thì tiếng chuông vừa dứt, trâu đi vắn vơ không biết chuông đâu mà tìm cả. Bấy giờ Cao Thị Na là cháu Cao Biền làm một con điều giấy rất lớn, dùng bút thần điểm nhãn, điều quả bay lên cao, Cao thị bèn cưỡi lên đi tìm trâu vàng. Điều bay đến hồ Tây, trâu vàng sợ bèn lặn xuống hồ[2].

Ở đoạn kết có người kể khác, chuông không bị ném xuống hồ Tây nhưng đến triều vua Lê, vua Chiêu Thống ra lệnh lấy hết chuông khánh đem về đúc tiền, trong đó có quả chuông của Khổng Lồ. Khi quân sĩ mang qua sông Lục Đầu, chuông tự nhiên lặn xuống nước không sức gì có thể kéo lên được. Từ đó những khi thanh vắng, người ta thấy chuông nổi lên rồi lại lặn xuống.

Người ta truyền rằng gia đình nào có một vợ, một chồng mà lại có mười người con trai thì có thể kéo được chuông lên. Bởi thế có câu tục ngữ:

Người nào một vợ, một chồng

Để mười trai cả, chuông đồng thánh cho[\[3\]](#).

Những truyện trên có lẽ người kể đã nhớ lẫn lộn, chấp vá mẫu truyện này vào với mẫu truyện kia.

Sê-ông (Chéon) kể truyện trên có nói đến con trâu vàng. Đường đi của nó ở Thăng-long về sau thành con sông Tô-lich. Còn quả chuông thì không phải được Khổng Lồ ném xuống hồ Tây mà xuống sông Lục-đầu. Cũng tại sông này ở chỗ gần Phả-lại còn có hòn đá tròn mấp mé giữa dòng, người ta nói đó là cái đó Khổng Lồ. Còn con trâu vàng tìm mãi không thấy mẹ nó đâu cả, thì nó bực mình vùng vẫy làm cho cả một đám rừng sụt xuống hoá thành hồ, gọi là hồ Kim-ngư[\[4\]](#).

Về chỗ cái đẩy bỏ vật gì vào bao nhiêu cũng không đầy và không to thêm, truyền thuyết Cham-pa có truyện *Vua Kơ-long Ga-rai*. Ông vua này lúc còn hàn vi cùng bạn lên Tây-nguyên đi buôn trâu. Ông có hai cái sọt có phép lạ làm cho người bán hái trâu trông trên ba đám ruộng bỏ vào mà không đầy. Người bạn đồng hành thấy vậy sợ quá, không dám cùng ăn cùng uống. Để hấn ta cùng ăn với mình, Kơ-long Ga-rai lấy tay rẽ đôi cơm trên lá chuối cho hấn ăn (cho nên từ đấy lá chuối có sọc trắng ở giữa) lại bóp bầu nước chia ra cho hấn uống (cho nên từ đấy quả bầu nậm nào cũng bị eo ở khoảng giữa)[\[5\]](#).

Về Khổng Lồ thần của nghề đúc đồng, xem thêm truyện *Người thợ đúc* và

anh học nghề, số 122, tập III.

-
- [1] Theo lời kể của người miền Bắc.
- [2] Xem thêm truyện *Lấy bấy như Cao Biền dậy non* (số 39).
- [3] Đoạn này tương tự với một truyện trong mục "Thần núi" ở *Lược khảo về thần thoại Việt-nam*.
- [4] *Sưu tầm 100 bài An-nam*.
- [5] Theo Lãng-đơ (Landes). *Truyện cổ tích Cham-pa*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
68. THẠCH SANH

Ngày xưa ở quận Cao-bình có hai vợ chồng tuổi già mà chưa có con. Nhà họ nghèo hàng ngày phải lên rừng chặt những bó củi về đổi lấy gạo nuôi thân. Họ ham giúp người như đắp đường khơi cống, đỡ đần kẻ già người yếu mà không nề hà gì cả. Thấy họ tốt bụng, Ngọc hoàng bèn sai thái tử xuống đầu thai làm con. Từ đó người vợ có mang, nhưng trải đã mấy năm mà không sinh nở. Giữa khi ấy, người chồng lâm bệnh rồi chết. Mãi về sau người vợ mới sinh được một đứa con trai.

Thằng bé khôn lớn thì người mẹ cũng theo chồng từ già cỗi trần. Nó sống cô cút trong túp lều cũ dựng dưới gốc đa. Người ta gọi là Thạch Sanh. Giang sơn của Thạch Sanh chỉ có mỗi một lưỡi búa của cha để lại hàng ngày đưa lên rừng đốn củi. Năm Thạch Sanh bắt đầu biết dùng búa: có thiên thần được Ngọc hoàng phái xuống dạy cho đủ các môn võ nghệ và mọi phép thần thông.

Một hôm có người hàng rượu tên là Lý Thông đi qua ngòi nghỉ ở gốc đa. Hắn thấy Thạch Sanh vừa gánh về một gánh củi lớn tướng, nghĩ bụng: - "Người này khỏe như voi. Nếu nó về ở cùng ta thì lợi biết bao nhiêu". Bèn lại lân la gạ chuyện rồi đòi kết làm anh em. Thấy có người lạ tự nhiên săn sóc đến mình. Thạch sanh cảm động, vui vẻ nhận lời và sau đó chàng từ già gốc đa đến sống chung dưới mái nhà họ Lý.

Nhà họ Lý vốn chuyên môn cất rượu. Thạch Sanh đến, mẹ con hắn quả được một tay đỡ đần rất tốt. Bấy giờ trong vùng có một con Chằn tinh, có nhiều phép biến hóa lạ kỳ, thường bắt người ăn thịt. Quan quân nhiều lần đến bố vây định diệt trừ nhưng không thể làm gì được. Cuối cùng người ta

đành phải lập cho nó một cái miếu, hàng năm khấn một mạng người để cho nó đỡ phá phách.

Không may năm ấy đến lượt Lý Thông nạp mình.

Nghe tin, mẹ con Lý thông hoảng hốt lo sợ, nhưng sau đó mẹ con hăn nghĩ ra được một mưu là lừa cho Thạch Sanh đi chết thay: - "Hăn không cha mẹ, lại vừa mới đến, lạ nước lạ cái chắc là việc sẽ trót lọt". Nghĩ vậy, chiều hôm đó Lý Thông chờ lúc Thạch Sanh đi kiếm củi về dọn một mâm rượu thịt ê hề mời ăn, rồi bảo:

- Đêm nay đến lượt anh đi canh miếu thờ, ngặt vì giờ cất mẻ rượu, vậy em chịu khó đi thay cho anh một đêm, đến sáng lại về.

Thạch Sanh không ngờ vực gì cả thuận đi ngay.

Nửa đêm hôm ấy, Thạch Sanh đang lim dim đôi mắt thì Chăn tinh sau miếu hiện ra, nhe nanh giơ vuốt định vồ lấy chàng. Thạch Sanh với lấy búa đánh lại. Chăn tinh hóa phép thoát biến, thoát hiện, nhưng Thạch Sanh không núng, chàng cũng giơ phép tấn công liên tiếp. Chỉ một lúc sau, yêu quái bị lưỡi búa của chàng xả làm đôi, hiện nguyên hình là một con trăn lớn. Chàng vội chặt lấy đầu và chặt bộ cung tên bằng vàng của yêu quái xách về.

Canh ba hôm ấy, mẹ con Lý Thông đang ngủ bỗng nghe tiếng Thạch Sanh gọi cửa, ngỡ là oan hồn của hăn hiện về, hồn vía lên mây vội cúi đầu lạy lấy lạy để. Khi Thạch Sanh vào nhà kể cho nghe câu chuyện giết Chăn tinh, mẹ con hăn mới thật hoàn hồn. Nhưng Lý Thông bỗng nảy ra được một kế khác. Hăn nói:

- Con trăn ấy là của vua nuôi đã lâu. Nay em giết nó, tất không khỏi bị tội chết. Thôi bây giờ nhân trời chưa sáng em hãy trốn ngay đi. Có chuyện gì để mặc anh ở nhà lo liệu!

Nghe nói, Thạch Sanh kinh hoàng, vội từ giã hai mẹ con họ Lý ra đi. Chàng lại trở về gốc đa cũ kiếm củi nuôi miệng. Còn Lý Thông thì đem thủ cấp của yêu quái trầy kinh, tâu vua là mình đã hạ thủ được Chăn tinh. Vua khen ngợi và phong hãn làm đô đốc.

Lại nói chuyện công chúa con vua hồi ấy đã đến tuổi lấy chồng. Nhưng nàng vẫn chưa chọn được người nào xứng đáng. Bọn hoàng tử các nước cũng có nhiều người sai sứ đến hỏi công chúa làm vợ nhưng không một ai vừa ý nàng. Cuối cùng, vua cha tổ chức một ngày hội lớn cho hoàng tử các nước láng giềng và con trai trong thiên hạ tới dự để công chúa từ trên lầu cao ném quả cầu may, hễ quả cầu rơi trúng vào người nào thì sẽ lấy người ấy làm chồng.

Nhưng khi công chúa sắp sửa ném quả cầu thì bỗng có Đại bàng đi qua trông thấy. Đại bàng nguyên là một con yêu tinh ở trên núi có nhiều phép thần dị. Thấy công chúa đẹp, liền sà xuống bắt thành mình cắp đi.

Bấy giờ Thạch Sanh đang ngồi dưới gốc đa. Tình cờ thấy Đại bàng bay qua, chân có quặp một người, sẵn cung tên chàng bắn theo một phát. Mũi tên trúng cánh Đại bàng. Hắn đau quá phải hạ xuống cắn răng nhổ mũi tên đi rồi lại tha công chúa về hang. Thạch Sanh lần theo vết máu, tìm được chỗ ở của quái vật.

Thấy con bị mất tích, nhà vua xiết bao đau đớn, vội sai đô đốc Lý Thông đi tìm, hứa sẽ gả công chúa và truyền ngôi cho. Vừa mừng vừa sợ, Lý Thông

không biết tính thế nào. Cuối cùng hăn nghĩ, chỉ có người em kết nghĩa cũ họa may có thể gỡ bí cho mình, bèn một mặt cho quân lính đi khắp nơi dò hỏi, mặt khác truyền cho nhân dân mở hội hát xướng mười ngày để nghe ngóng tin tức Thạch Sanh. Nhưng tám chín ngày trôi qua mà vẫn chưa có tin gì mới mẻ. Mãi đến ngày thứ mười, hăn mới tìm thấy Thạch Sanh trong đám người đi xem hội. Thấy Lý Thông nói đến việc tìm công chúa, Thạch Sanh liền thật thà kể chuyện mình bắn Đại bàng cho nghe. Lý Thông mừng quá, lập tức nhờ chàng dẫn đường cho quân sĩ trẩy đến sát hang đá. Cửa hang ăn thông xuống đất sâu thăm thẳm không một ai dám xuống. Thạch Sanh tình nguyện buộc dây ở lưng cho người dò xuống hang thám thính.

Đại bàng từ hôm bị thương về nằm liệt một nơi, bắt công chúa phục dịch. Thạch Sanh xuống đến nơi ẩn vào một xó, chờ lúc công chúa một mình đi qua, mới ra hiệu cho nàng biết. Thấy người trai lạ kia liều chết cứu mình, công chúa vừa ngạc nhiên vừa hết sức cảm phục. Thạch Sanh lấy thuốc mê bảo nàng cho Đại bàng uống. Chờ lúc Đại bàng ngủ say, chàng buộc công chúa ở đầu dây ra hiệu cho quân của Lý Thông kéo lên. Chàng đang chờ đến lượt mình lên thì không ngờ Lý Thông đã ra lệnh cho quân sĩ vùn đá lớn lấp kín cửa hang lại, rồi kéo nhau về. Thạch Sanh không ra được, tức mình vô hạn. Chàng đập phá khắp nơi để kiếm lối thoát. Giữa khi đó Đại bàng tỉnh dậy. Thấy có người lạ, lại thấy mất công chúa, hăn bừng bừng nổi giận xông ra toan giết Thạch Sanh. Thạch Sanh cũng giở phép màu chống lại rất kịch liệt. Đại bàng bị thương sẵn nên chả mấy chốc đã chuốc lấy thất bại. Sau khi giết chết con yêu tinh, Thạch Sanh đi lục lọi khắp mọi nơi. Thấy có một người con trai bị nhốt trong cũi sắt, chàng hỏi ra mới biết đó là thái tử con vua Thủy. Ngày đó cách đây hơn một năm thái tử đi du ngoạn, tình cờ bị Đại bàng bắt đem về nhốt lại ở đây. Thạch Sanh bèn dùng cung vàng bắn tan cũi sắt cứu thái tử ra. Thái tử thoát nạn hết lời cảm tạ chàng và mời chàng xuống chơi Thủy phủ. Vua Thủy sung sướng được gặp lại con, lòng rất biết ơn Thạch Sanh. Vua đãi chàng rất hậu và khi chàng về,

vua tổng tiền thật nhiều vàng ngọc nhưng Thạch Sanh không nhận, chỉ xin có mỗi một cây đàn. Thế rồi, chàng lại trở về gốc đa sinh nhai bằng nghề cũ.

Lại nói chuyện Chấn tinh và Đại bàng sau khi chết: hồn chúng nó không được ai cúng tế, đành đi lang thang để kiếm miếng ăn. Một hôm chúng tình cờ gặp nhau và mỗi bên kể cho nhau biết vì đâu gặp phải số phận long đong. Hai bên bàn nhau tìm cách báo thù Thạch Sanh cho bỏ ghét. Chúng bèn lẻn vào kho vua ăn trộm của cải mang tới quăng ở gốc đa để vu vạ. Quả nhiên sau đó bọn nội thị cứ theo dấu đi tìm, đến gốc đa thì bắt được tang vật. Thạch Sanh liền bị hạ ngục.

*

* *

Lại nói chuyện công chúa từ khi được Lý Thông đưa về cung thì tự nhiên hóa câm. Suốt ngày mặt hoa rầu rĩ không nói không cười. Vua đành hoãn việc cưới xin và bảo Lý Thông lập đàn cầu nguyện cho nàng lành bệnh. Lý Thông bèn cho mời các pháp sư có đủ phép thuật cao cường về cúng cầu, nhưng cầu mãi vẫn không ăn thua. Công chúa ngày ngày ngồi im lặng làm cho hân vô cùng sốt ruột. Giữa lúc đó thì Thạch Sanh bị bắt và thuộc quyền hân xét xử. Lý Thông không ngờ người mà hân cố ý hãm vào chỗ chết lại vẫn sống nhăn. Hân nghĩ: - "Nếu để nó sống, nó sẽ tranh mất công ta và tố cáo ta". Vì thế Lý Thông quyết định khép Thạch Sanh vào tội chết.

Ngồi trong ngục, Thạch Sanh nhân buồn tình đem đàn của vua Thủy cho ra gảy, không ngờ đây chính là cây đàn thần, tiếng văng vẳng phát ra lúc này như oán, như than, như tức, như bức. Càng gảy tiếng đàn càng trách sự hững hờ của công chúa và vạch tội ác của Lý Thông. Tiếng đàn thoát khỏi nhà ngục và truyền đi rất xa. Nó bay vào hoàng cung, lọt vào tai công chúa.

Bấy giờ công chúa đang ngồi trên lầu. Vừa nghe tiếng đàn, tự nhiên nàng đứng dậy cười nói huyền thuyên. Câu đầu tiên của nàng là xin vua cha cho gọi người gảy đàn vào cung.

Nhà vua lấy làm lạ, cho đòi Thạch Sanh đến. Trước mặt mọi người, chàng kể hết đầu đuôi thân phận của mình từ lúc mồ côi cha mẹ đến lúc kết bạn với Lý Thông: nào chém Chân tinh, bắn Đại bàng, nào cứu công chúa, bị lấp cửa hang, nào cứu con vua Thủy Tề và bị bắt đến đây, v.v... Vua và hoàng gia cùng nghe càng thương cảm. Vua sai bắt giam hai mẹ con Lý Thông lại giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng rộng lượng tha cho chúng về quê nhà làm ăn. Nhưng đi về được nửa đường thì chúng bị sét đánh chết.

Nhà vua vui lòng gả công chúa cho Thạch Sanh. Lễ cưới của họ từng bừng nhất kinh kỳ, chưa bao giờ vui đến như thế. Thấy vậy, bọn hoàng tử các nước chư hầu trước kia bị công chúa từ hôn lấy làm tức giận. Họ hội họp binh lính cả mười tám nước lại, sang hỏi tội vua tại sao lại đem con gái càn vàng lá ngọc gả cho một đứa khố rách. Nhưng khi nghe tiếng đàn thần thánh thót của Thạch Sanh, tự nhiên quân sĩ của mười tám nước không còn ý chí đánh trận nữa. Cuối cùng bọn hoàng tử đều nhất tề cuốn giáp. Thạch Sanh sai dọn cơm cho họ ăn. Cả mấy vạn quân sĩ thấy niêu cơm quá nhỏ, ai nấy bĩu môi không buồn cầm đũa. Biết ý, chàng đổ họ ăn hết được niêu cơm sẽ trọng thưởng. Quả nhiên chúng ra sức ăn mãi, ăn mãi nhưng ăn hết bao nhiêu cơm lại đầy bấy nhiêu. Sau khi ăn no họ rập đầu lay tạ và kéo nhau về nước.

Về sau vua không có con trai nên nhường ngôi cho Thạch Sanh [1].

KHẢO DỊ

Đồng bào Tày cũng kể chuyện *Thạch Sanh* như của người Kinh. Đặc biệt ở Hòa-an (Cao-bằng) dân địa phương coi nguồn gốc truyện *Thạch Sanh* là của mình [2]. Không những họ căn cứ ở câu "Ngày xưa, ở quận Cao-bình", mà còn căn cứ vào một cái hang tương truyền là nơi Thạch Sanh chém Chăn tinh, và những đền thờ thờ Thạch Sanh ở một số làng xã, và vào một số phong tục ngôn ngữ liên quan đến tình tiết của truyện, v.v...

Cần chú ý là truyện của ta cũng cùng một "thoại" với truyện *Thạch Sanh* chém chằn trong các vở "dù kê" của đồng bào Khơ-me (Khmer) nên lại có người cho rằng có lẽ nguồn gốc truyện *Thạch Sanh* là từ *Thạch Sanh* chém chằn của người Khơ-me mà ra [3].

Người Mèo có hai truyện:

1. *Sinh Lữ cứu con Ngọc Hoàng.*

Sinh Lữ mồ côi bố, nhà nghèo nhưng có sức khỏe. Vua nghe tin muốn mượn tay anh đón giết rắn lớn sắp bắt con gái Ngọc hoàng đi qua, hứa sẽ gả cho cô gái ấy nếu cứu được. Anh mượn gươm vua ra đi, nhưng rắn quá lớn, sức chém của anh đối với nó chả mùi mẽ gì. Anh theo dấu rắn đến một cái hang sâu. Vua sai dòng dây cho anh xuống. Gặp cô gái, cô can anh đừng trêu nó mà nguy hiểm. Nghe lời cô anh thử nhấc mũi kiếm của nó lên thì không nổi. Anh buồn phát khóc. Tự nhiên một giọt rượu từ trên trời rơi vào miệng, anh nuốt vào thấy khỏe ra, lại nhấc thử thì thấy nổi. Anh lần lượt xin cô gái hai bát rượu cái, cuối cùng nhấc lên nhẹ như lông, anh tung mũ nó lên trời rồi giơ đầu hứng lấy đội vào. Cô gái lại dặn anh phải chém quái vật vào lúc nó mở mắt vì chính lúc ấy là lúc nó ngủ thật sự. Anh làm theo

quả chặt được rắn lớn thành chín khúc. Xong anh giật dây cho cô gái Ngọc Hoàng lên trước. Nhưng thấy cô gái đẹp, vua giữ cô gái cho mình mà không kéo anh lên. Giống như truyện của ta, ở lại dưới hang rắn, anh đi lục lọi khắp nơi, và tìm ra được thái tử không phải con vua Thủy mà là con Ngọc hoàng bị rắn giam vào hang đá trong bao nhiêu năm, hang đá đã liền lại như bức tường. Sinh Lữ đục được tường cứu chàng con vua trời ra. Thái tử đưa anh lên trời, anh được Ngọc hoàng đối đãi rất hậu, nhưng anh nhất thiết chối từ mọi tặng vật, chỉ xin một con chó bếp theo lời mớm của Thái tử. Khi về cõi trần, nhờ chó bếp anh có nhà cửa lâu đài, người hầu kẻ hạ đẹp như tiên, trong đó có một cô đẹp nhất làm vợ Sinh Lữ. Anh đón mẹ về ở, cuộc đời sung sướng bắt đầu. Một hôm, anh bảo mẹ mời vua đến nhà ăn cơm. Thấy những người hầu đẹp đẽ, nhất là thấy vợ anh dung nhan không ai sánh kịp, vua ngây ngất, bèn gạ anh đổi lấy chín vợ của mình cùng cả cơ nghiệp.

Kết cục gần giống truyện *Cửa Thiên trả Địa* (xem truyện số 42). Vợ anh ghé tai bàn nhỏ cứ đổi, nhưng đi một đoạn thì giả vờ quên cái này hay cái khác để trở lại ba lần, sẽ thấy sự lạ. Khi Sinh Lữ trở lại lần thứ ba thì vợ anh đập vào đáy chảo ba cái, tự nhiên một tiếng sét nổ vang, nhìn lại thì vua đã cháy đen, còn nàng vợ tiên cùng đoàn người tiên hầu hạ đã biến mất cả. Sinh Lữ bèn về cung lấy chín người vợ của vua và lên ngai vàng.

2. Hai chàng rể.

Có hai anh em mồ côi chưa kiếm được vợ, chuyên sống bằng nghề bẫy chim và thú nhỏ. Một hôm đi về thấy bao nhiêu thức ăn để dành đều bị mất trộm, mới để ý rình mò thì bắt được một ông lão chui vào rọ. Ông lão xin thả, hứa sẽ đưa đến nhà gả cho hai cô gái xinh đẹp, nhưng khi đến thì lão dùng quạt thần làm cho hai anh em bay lên đỉnh núi. Nhờ có tiếng sáo họ đã làm cho các thú rừng say sưa nghe, và công giúp xuống núi. Lúc này họ làm quen với hai cô gái ông lão, đem quạt giả để đánh tráo chiếc quạt thật,

rồi họ quạt cho lão bay đi rất xa và chiếm hai cô làm vợ. Do sự trù rửa của lão, người anh lấy cô chị bị sa xuống hang rồng, còn người em lấy cô em thì sa xuống hang thỏ. Hai chị em thấy chồng mất tích bèn chạy khắp nơi tìm, khi thấy dấu vết ở miệng hang thì ném xuống mỗi người một chiếc lược. Lược của em bằng gỗ thông ít lâu sau mọc thành cây thông, người em trèo lên thoát nạn. Còn lược của chị là lược tre, cũng mọc lên thành cây nhưng khi người anh trèo lên, vì tre non mềm dễ gãy, nên cuối cùng lại rơi xuống đáy hang sâu thăm thẳm. Đó là lý do làm cho người anh hùng phải ở lại dưới mặt đất.

Người anh đi khắp nơi để tìm lối lên nhưng vô hiệu. Dân cư dưới này là một giống người bé bằng ngón tay. Một hôm anh đi đến một nơi thấy một đoàn người đang hè nhau lay một cây ké (loại cây thảo, quả có gai hay bám lên đầu tóc, áo quần) mà không đổ. Anh cúi xuống làm giúp cho họ đắc lực. Nhưng bọn họ lại tỏ thái độ lo sợ hoảng hốt, kháo nhau: - "Nguy rồi! Quan về thì nguy!". Anh để ý nhìn xem thì thấy chim gõ kiến, rồi sóc, gà, cáo lần lượt tìm đến với thái độ hách dịch. Mỗi lần chúng đến, bọn người tí hon lại thì thào - "Nguy rồi! Quan về!", v.v... Biết đó là kẻ thù của họ, anh lần lượt đánh chết chúng. Từ đó họ chơi thân với anh, cùng nhau sống chung rất vui vẻ.

Ở được ba năm anh muốn về mà vẫn không có cách gì cả. Sau cùng gặp một vị tiên. Tiên bảo anh cứ đi mãi về phía mặt trời lặn, sẽ gặp một cây lim (lem), trên có tổ điều hâu, khi thấy lũ con đang tập bay thì trối lại với nhau, rồi yêu cầu bố mẹ chúng công lên mặt đất. Ở đây kết thúc gần giống với các dị bản sẽ kể ở dưới. Bố mẹ chim về thấy con không bay được, mới đi hỏi tiên. Tiên bảo đây là do ma làm, phải đi đón thầy ở nơi nọ nơi kia mà chữa. Thầy chữa tức là anh, anh đòi trả công bằng cách cống hộ mình lên mặt đất. Anh chữa bằng cách cởi dây trối, nhưng điều hâu lật công. Anh lại nhân lúc bố mẹ chim đi vắng trối lũ con lại. Bố mẹ chim lại đến cầu, năm lần bảy lượt anh mới nhận. Anh xếp ba bồ thịt khô (do bọn người tí hon săn

bắt) lên lưng chim để cho chim có sức bay. Khi sắp lên đến nơi, anh reo mừng làm cho chim giật mình sà cánh, anh lại rơi xuống như cũ. Thấy anh buồn phát khóc, cả bố mẹ và đàn diều hâu lại công anh lên. Thịt trong ba bồ đều cạn, anh phải cắt thịt tay và thịt chân mình dứt cho chúng. Cuối cùng chúng đưa anh về đến nơi vô sự [4].

Truyện *Thạch Sanh* về cục bộ có phần tương tự với một số truyện cổ tích khác của ta (xem truyện *Cứu vật vật trả ân, cứu nhân nhân trả oán* (số 48), truyện *Con chó, con mèo với anh chàng nghèo khổ* (số 92), đều ở tập này, truyện *Ba chàng thiện nghệ* (số 107), truyện *Từ Đạo Hạnh* (số 120) ở tập III, truyện *Tiêu diệt mãng xà* (số 148) tập IV, v.v...) Loại truyện nhân vật anh hùng có sức khỏe vô địch chui vào hang sâu giết quái vật cứu người và lưu lạc ở dưới đó một thời gian như Thạch Sanh, các dân tộc ở trên thế giới có rất nhiều. Chúng tôi chỉ nhặt ra sau đây một số truyện mà hình tượng và diễn biến gần với truyện *Thạch Sanh* hơn cả.

Trước hết là truyện của bộ lạc Giơ (Dzo) ở Băng-gan (Bengale) (Ấn-độ):

Có hai chàng trẻ tuổi tên là Hờ-pô-tia và Hờ-răng-san giải phóng một cô gái là Cun-gô-ri ra khỏi nanh vuốt một con người hổ. Giữa lúc họ đánh người hổ gần chết thì Cun-gô-ri lại bị Cu-a-vang bắt. Hả đưa nàng về làng mình ở dưới mặt đất mà mỗi lần xuống phải đi qua một cái lỗ. Để mách lối cho người đi tìm, cô gái cầm một ống chỉ cho sợi rơi ra dọc đường, Hờ-pa-tia và Hờ-răng-san theo dấu tìm được đến lỗ. Họ nạy hòn đá lớn chui vào hang, bí mật lên tới làng Cu-a-vang. Hờ-pa-tia tìm được cô gái và khó khăn lắm mới đưa nàng ra được. Nhưng khi đến mặt đất, cô gái sức nhớ mình bỏ quên mất cái lược quý.

Hờ-răng-san không dám trở xuống. Hờ-pô-tia vui lòng đi lấy, thừa dịp Hờ-răng-san bắt lấy cô gái đem về và lấp lỗ lại. Về đến nhà cha mẹ mình, cô

gái bị ép lấy hăn, coi như ân nhân cứu mạng. Còn Hờ-pô-tia trốn ra không được, buộc lòng phải ở lại làng Cu-a-vang và lấy con gái hăn làm vợ. Anh chàng gieo một hạt cây "côi" ở gần nhà, cây mỗi ngày một mọc cao. Một hôm nhân vợ đi vắng, anh trèo lên cây, tự nhiên tìm được lối ra khỏi xã hội dưới đất. Về đến nhà cô gái, anh thuật lại mọi việc vừa qua. Sau đó cô gái cầm dao cắt cổ Hờ-răng-san rồi lấy Hờ-pô-tia.

Truyện *Chàng Gấu* của Pháp:

Xưa, có vợ một người tiều phu mang thức ăn cho chồng bị một cành cây cản đường. Đang gỡ cành để kiểm lối đi thì nàng bị một con gấu bắt về hang làm vợ. Sau đó nàng đẻ được một đứa con nửa gấu nửa người gọi là Chàng Gấu. Hăn còn bé quá chưa nâng được hòn đá lớn mà bố hăn dùng lấp kín cửa hang. Lên 7 tuổi hăn nâng lên được và cùng mẹ trốn về nhà lão tiều.

Chàng Gấu đi học nhưng khỏe nghịch ngợm. Một hôm hăn đánh một thoi làm cho các bạn vắng đi rất xa. Thầy giáo mắng hăn, hăn quăng qua cửa sổ. Bị đuổi khỏi trường, hăn đi học rèn. Thấy người chủ lò rèn đối đãi không tốt, hăn tìm đến một chủ thứ hai. Rồi lại đến ở với một chủ khác. Được chủ cho phép, hăn dồn tất cả sắt trong lò lại rèn một cái gậy ngót 500 cân.

Chàng Gấu từ già chủ đi chơi gặp Chàng Cối đang tung một cái cối coi bộ rất nhẹ nhàng. Anh rủ hăn theo mình. Gặp một anh chàng đang trục một hòn núi, anh bảo thả cho núi lăn xuống rồi theo mình. Người thứ ba họ rủ là một anh chàng đang bện một cây "sên" làm thùng buộc củi.

Họ đi được hai ngày hai đêm đến một tòa lâu. Bước chân vào một buồng, họ thấy cỗ bàn dọn sẵn, bèn ngồi vào ăn. Ăn rồi cả bọn vào rừng đi săn, trừ Chàng Cối trúng thăm ở nhà nấu ăn. Đang nấu bỗng có một người khổng lồ

xông vào hỏi làm gì rồi đánh cho ngã lăn, đoạn bỏ đi mất. Khi cả bọn về hỏi thì hăn nói dối là khói bếp làm cho hăn khó chịu. Ngày mai đến lượt Chàng Trục núi ở nhà. Hăn cũng bị khổng lồ đến đánh cho ốm đòn nhưng khi hỏi, hăn cũng nói dối như Chàng Cối. Ngày thứ ba nhằm phiên Chàng Bện cây và việc cũng xảy ra như trước. Hôm sau nữa đến lượt Chàng Gấu và khi khổng lồ đến, anh cho hăn một gậy xẻ làm hai mảnh. Bọn kia lúc về thấy vậy rất phục.

Chàng Gấu đi thăm dò tòa lâu. Nhờ gõ gậy, anh biết nền nhà có chỗ rỗng có lỗ chui xuống. Cả bọn tìm cách xuống. Họ lấy dây buộc Chàng Cối ngang lưng và dùng xuống với một cái chuông lắc. Vừa xuống hăn đã kinh sợ lắc chuông lia lịa xin lên. Đến lượt Chàng Trục núi, rồi Chàng Bện cây cũng thế, cuối cùng Chàng Gấu xuống. Gặp một bà tiên, anh kể cho biết mình đã giết chết tên khổng lồ. Bà tiên chỉ cho hai cái buồng, một buồng trong có quý ở và một buồng khác có ba chị em công chúa bị bắt giam. Chàng Gấu phá cửa vào buồng đầu, giết hết lũ quý. Khi giải phóng cho ba công chúa thì mỗi nàng tặng anh một viên sắt nạm ngọc và kim cương. Chàng Gấu buộc dây ra hiệu cho bọn lần lượt kéo lên. Mỗi người giành lấy một công chúa. Đến lượt Chàng Gấu lên được nửa chừng thì bọn họ cắt đứt dây làm cho ngã gãy chân. Nhờ có bà tiên, anh lại lành chân và lên được mặt đất.

Thấy bọn phản bạn sắp sửa ra về, Chàng Gấu nổi xung cầm gậy đánh đuổi. Ba công chúa cố mời anh về cùng chơi nhưng anh hẹn một ngày khác sẽ đến. Sau đó Chàng Gấu đi chơi đến giang sơn ông vua, cha ba công chúa nói trên, đang trị vì. Chàng giúp việc ở một chủ lò rèn. Giữa lúc ấy vua bắt người chủ lò phải rèn ba viên sắt nạm kim cương và ngọc đúng như kiểu mẫu, nếu không sẽ trị tội. Chàng Gấu hứa với chủ sẽ làm được. Đến hẹn, anh đưa ba viên sắt của ba công chúa cho trước kia ra. Ba công chúa thấy vật cũ của mình thì nhận ra người cũ. Lập tức vua cho người đi gọi Chàng Gấu đến. Chàng được vua gả cho công chúa trẻ nhất làm vợ. Lễ cưới cử hành suốt ba tháng. Còn ba tên phản bạn sau đó bị lên giàn hỏa.

Rất nhiều truyện của các dân tộc trên thế giới có nội dung tương tự với truyện *Chàng Gấu* trên đây, chúng tôi kể ra một số:

Người La-dơ (Lazes) ở It-xtăm-bun (Istanbul) có truyện *Hoàng tử ở cõi âm*. Trong vườn một ông vua có một cây táo. Mỗi năm táo chín thì có một con quỷ (dip) đêm đến ăn trụi. Một năm hoàng tử cả định giết quỷ, nhưng nghe tiếng nó hét lúc bám vào cây như tiếng sấm thì sợ hãi, sáng dậy nói không thấy gì cả. Năm sau đến lượt hoàng tử hai cũng thế. Năm sau nữa đến lượt hoàng tử thứ ba tuy còn bé cũng đi rình và đâm được hai nhát trúng tim. Sáng dậy theo dấu máu tìm đến một giếng sâu dòng dây. Hoàng tử cả đòi xuống trước nhưng nửa chừng đã đòi kéo lên. Hoàng tử thứ hai cũng thế. Hoàng tử thứ ba xuống thấy tối như mực, mãi sau mới có ánh sáng. Theo dấu máu đến một buồng thấy có một cô gái đẹp đang thêu. Cô cho biết mình là con vua, bị bắt được ba năm. Thấy có mùi người, quỷ vội đi mài răng. Lúc nó vào, hoàng tử đóng mạnh cánh cửa làm cho nó bị kẹt đầu và bị chặt luôn. Hoàng tử nhường cho cô gái lên trước. Cô nhổ hai sợi tóc đưa cho, bảo nếu có việc gì thì cọ hai sợi vào nhau sẽ có hai con cừu xuất hiện: một trắng, một đen, cưỡi con trắng thì lên được cõi trần, cưỡi con đen thì nó đưa xuống thế giới ở tầng dưới nữa.

Hai ông anh khi kéo được công chúa lên nên bỏ em lại dưới âm. Hoàng tử ba vì tối quá không nhận ra màu lông cừu nên cưỡi nhầm phải con đen. Xuống đến tầng dưới thấy mọi người đang than khóc, anh hỏi thì đáp là có quỷ dữ. Đến gặp một bà già xin nghỉ và ăn, anh ngửi thấy mùi thức ăn lạ mà không có nước bèn hỏi tại sao lại thế. Đáp: - "Chúng tôi không có nước". - "Thế nấu ăn bằng gì !" - "Nước đái ngựa" - "Vì sao?" - "Ở đây có con quỷ nếu được ăn thịt một cô gái thì nó cho lấy nước một lần trong một năm. Ngày mai đây đến lượt công chúa". Sáng dậy hoàng tử đến chỗ cô gái làm vật hy sinh, trong lúc mọi người ai nấy đều cầm bình đợi lấy nước. Anh bảo cô đứng sau lưng mình. Quỷ hét lớn mồm há to như cái thúng, anh

lấy dao chống hàm, cuối cùng quỷ chết nhưng anh cũng mất hút. Vua giao cho mọi người đến để công chúa nhận ra ân nhân. Nhiều lần đều không thấy. Vua sai tìm xem còn sót ai chẳng. Người ta báo tin có một chàng trai lạ mặt ngủ ở nhà bà già. Khi gặp vua âm, hoàng tử chỉ xin vua giúp cho mình trở lại mặt đất. Vua thú nhận là bất lực. Buồn rầu hoàng tử xin phép đi từ làng này qua làng khác trải ba năm trời. Một hôm anh ngủ dưới một gốc cây, thấy chim kêu xao xác, ngẩng nhìn lên thì thấy một con rắn đang leo cây toan ăn thịt chim non. Anh nhồm dậy giết chết rắn rồi lại ngủ. Một lát chim mẹ về, thân to như đại bàng toan ăn thịt anh. Lũ chim con cản lại: - "Chớ! Chớ! Nó là ân nhân", rồi kể cho mẹ nghe chuyện vừa rồi. Khi hoàng tử thức dậy, chim mẹ bảo muốn gì nó sẽ đền ơn. Đáp: - "Xin cho tôi ra khỏi thế giới này". Nghĩ ngợi một lúc, chim mẹ đáp: - "Trước kia tôi lên xuống một ngày hai lần, nay già yếu rồi, nhưng tôi sẽ cố. Hãy chuẩn bị cho tôi một bát-man [5]_thịt, hai bát-man nước. Khi tôi nói "ga" thì dứt thịt, nói "ghi" thì cho nước. Thế rồi anh leo lên lưng chim, để chim bay lên trần. Trên đường đi, hết thịt rồi mà chim vẫn cứ nói "ga" luôn mồm. Anh bèn cắt thịt ở đùi mình dúi cho nó. Khi đến cội trần chim nhè ra cho anh một miếng thịt. Anh hỏi: - "Sao lại có thịt này?" - "Khi anh dúi, ta biết là thịt của anh nên không nuốt; bây giờ kéo quần lên ta dán vào cho" (Vì thế bây giờ thịt sau bắp đùi chúng ta mềm mại như là dán vào vậy). Khi chia tay, chim cho anh một trong những cánh của nó, bảo: - "Khi có việc gì anh lấy lông này cọ với lông kia sẽ có một hắc nô xuất hiện, sai gì nó sẽ làm nấy.

Hoàng tử ba về đến nơi vào lúc hai anh mình đang giành cô gái chưa ngã ngũ. Cô hẹn: - "Tôi sẽ lấy người nào mang đến một áo cưới có thể gấp bỏ vào trong một cái hạt quả". Hai người đốc thúc các thợ may trong nước bắt một tháng phải có áo, nếu không thì chặt đầu. Hoàng tử đi qua một hiệu may thấy một cô gái khóc lóc, hỏi thì cô trả lời như trên và nói chỉ đêm nay nữa là hết hạn..Anh nói: - "Đừng sợ, mang cho tôi vài đấu hạt đến đây, mai khắc có". Cho đến gần sáng anh vẫn đập hạt ăn luôn mồm nên cô gái rất lo

nhưng sáng mai qua có áo đưa nộp. Nàng công chúa nhận được áo cưới, biết là ân nhân mình đã lên cõi trần vì tin rằng chỉ có anh mới làm được.

Hôm làm lễ cưới, có 50 kỵ sĩ chuẩn bị phi ngựa nhảy qua các hố đào ở giữa đồng. Hoàng tử ba cọ lông chim và ước: - "Đưa cho ta một con ngựa có thể nhảy qua 15 hố. Hắc nô dẫn đến một con ngựa trắng". Các con kia chỉ có thể nhảy qua từng hố một. Hoàng tử xuất hiện cho ngựa nhảy qua 15 hố một lúc. Mọi người kinh ngạc. Vua hỏi: - "Chàng trai này là ai? Dẫn đến đây cho ta". Anh đến nói: - "Thưa cha con là con cha!".

Đoạn kể lại mọi chuyện. Đám cưới của hoàng tử anh trở thành đám cưới của hoàng tử út [6].

Người A-va-rơ (Avars) ở phía Bắc núi Cô-ca-dơ (Caucase) cũng có truyện *Chàng Gấu*, nhưng trong truyện, mẹ của Chàng Gấu là một công chúa bị gấu bắt làm vợ. Chàng Gấu này có đôi tai như tai gấu nên gọi là Tai gấu. Khi nghe mẹ kể chuyện hăn liền đẩy bố gấu rơi xuống đường hẻm chết, rồi dắt mẹ về. Tai gấu vào hầu vua. Vua sợ sức khỏe của hăn, sai làm nhiều việc nguy hiểm. Tai gấu đi gặp một người nhổ cây, rồi lại gặp một người quay cối trên đầu gối, đều rủ đi theo mình. Đến một nơi, cả ba dừng lại đi săn. Hai người bạn lần lượt bị một người lùn râu dài lấy râu trói lại. Tai gấu đến tóm lấy hăn chẹt râu vào cây, rồi người lùn kéo bật cả cây mà đi. Theo dấu chân, Tai gấu tìm xuống một ngôi đền, trong đó có một công chúa bị tù. Anh chiến đấu giết chết người lùn cứu công chúa và hai người bạn rồi tìm cách đưa họ lên, và anh cũng bị bọn bạn làm phản, cắt dây, phải ở lại dưới đất.

Ở đây vốn có một con rồng 9 đầu luôn luôn tác quái. Nó buộc dân cõi âm mỗi năm phải dâng cho nó một cô gái. Tai gấu giết chết con rồng này. Sau đó anh cứu bầy con của con quạ khỏi bị măng xà cắn, nhờ đó quạ mẹ đưa

anh lên mặt đất. Về đến nhà thấy bọn phản bạn đang tranh nhau công chúa, Tai gấu giết chết chúng, đưa công chúa về nước và được vua gả cho làm vợ.

Truyện của người Can-múc (Kalmouks):

Một anh hùng tên là Mát-xang mình người đầu bò. Anh đi chơi đến một khu rừng gặp một người đen do rừng đẻ ra. Được ít lâu lại gặp một người xanh do bãi cỏ đẻ ra. Xa hơn nữa lại gặp một người trắng do núi thủy tinh đẻ ra. Mát-xang đều kết bạn và rủ đi với mình. Đến một nơi, họ ở trong một ngôi nhà, mỗi ngày cử ba người đi săn để một người giữ nhà và nấu ăn. Đầu tiên là phiên người đen ở nhà. Đang nấu, bỗng có một bà già đến xin nếm tý bơ và thịt. Được ăn, bà già lấy tất cả bơ và thịt rồi biến mất. Người đen bèn in dấu chân ở khắp nơi, chờ khi mọi người về nói láo rằng có một toán quân cướp ngựa đến đánh mình và cướp thức ăn. Hôm sau đến lượt người xanh, hôm sau nữa đến lượt người trắng cũng gặp chuyện như thế và đều lập mưu nói láo để khỏi xấu hổ. Đến lượt Mát-xang ở nhà, anh đã đánh bà già chảy máu. Khi các bạn về, anh mắng họ và giục họ đuổi theo dấu máu. Đuổi đến chỗ hang đá thì thấy bà già và một kho của. Mát-xang một mình xuống hang đá bằng một sợi dây và chuyển hết của lên. Lấy xong, anh bị bọn phản bạn rút dây bỏ lại dưới hang. Mát-xang tưởng nguy đến nơi, nhưng sau đó anh tìm thấy thức ăn và ba hạt anh đào. Anh đúc ba hạt ấy và cầu cho nó chóng lớn. Đoạn anh kê đầu vào xác bà già mà ngủ một giấc mấy năm liền. Khi tỉnh dậy thì ba cây anh đào đã cao, anh theo cây trên ra khỏi hang. Anh gặp lại bọn phản bạn nhưng không giết, mà bỏ đi chơi khắp nơi. Anh lên trời với cây cung sắt chống các hung thần.

Truyện của người Xi-gơ-mi ở Trung Á [7]:

Một hoàng tử đi tìm một con chim trĩ trắng màu nhiệm. Dọc đường, gặp

một kỵ sĩ bèn rủ đi theo. Họ đến một lâu đài vắng giữa sa mạc. Sáng dậy kỵ sĩ bảo hoàng tử ở nhà nấu ăn để mình đi săn. Đang nấu, hoàng tử bỗng thấy cửa mở, một người lùn vào nhốt một sợi râu trói tay chân hoàng tử và quăng xuống đất, chén hết thức ăn rồi đi. Hoàng tử lần cởi được dây trói đuổi theo, thì thấy người lùn chui vào một cái giếng và biến mất. Hôm sau, kỵ sĩ ở nhà dùng mưu chém đứt đầu người lùn nhưng liền đó đầu và mình của y lại tìm nối với nhau như cũ, rồi trốn mất. Hoàng tử tết một sợi dây rồi trèo xuống đáy giếng nhưng chỉ được một tý đã kêu lên: -"Kéo mau kéo tôi cháy mất!;. Đến lượt kỵ sĩ trèo xuống đến tận đáy. Ở đây anh gặp nhiều đàn súc vật của người lùn. Đến một thành phố, anh gặp một người ngồi ở cửa một ngôi nhà bày cho anh cách chiến thắng tên lùn là nấp vào giữa hai hòn đá lớn ở gần đấy.

Tên lùn chết, anh tìm được 40 chiếc chìa khóa. Mở buồng cuối cùng, anh gặp một cô gái đẹp bị tên lùn bắt hồi lên 7 tuổi. Sáng dậy anh nhặt nhanh của cải và ra hiệu cho hoàng tử lần lượt kéo cửa của cải và cả cô gái đẹp lên trước mình. Sau đó, anh buộc một con cừu nhưng nửa chừng bị hoàng tử cắt đứt dây. Tuy vậy, cuối cùng hoàng tử biết hối hận và dùng dây cho lên. Lên đến nơi, anh tha tội cho cả hai người, cho họ tất cả của cải và bỏ đi tìm con chim trĩ trắng màu nhiệm.

Truyện của người Xy-ri (Syrie):

Một hoàng tử trẻ canh gác cung điện, bỗng bị thương một tên khổng lồ tới ăn trộm. Mọi người theo vết máu xuống một bể cạn ngầm dưới đất. Người em vua, rồi hoàng tử anh đòi xuống, nhưng vừa xuống được một chốc đã kêu toáng, nhờ kéo dây cho lên ngay, chỉ có hoàng tử em là xuống được. Ở dưới đáy mở ra ba cái hang, mỗi hang có một tên khổng lồ ở với một cô gái mà chúng bắt xuống đây. Trong đó có cô thứ ba đẹp hơn cả. Nhân khi bọn khổng lồ ngủ, các cô bày cho hoàng tử cách giết chúng, và quả sau đó, hoàng tử đã diệt được. Khi trở lại, hoàng tử ra hiệu lần lượt đưa các cô gái

lên. Trước khi cho cô thứ ba tên, hoàng tử thấy cô đang nghịch một con gà vàng và một con gà bạc mổ hạt ngọc. Cô mặc một bộ áo quần không có vết may cắt và mang một chiếc giày vàng đi không bén đất. Cô lưu ý hoàng tử rằng có thể những người thân của hoàng tử sẽ hãm hại, không cho chàng lên. Trong trường hợp đó hoàng tử hãy cưới một con chim mà cô tặng, nó sẽ đưa lên mặt đất. Nhưng trước hết, chàng hãy đi tìm ba con ngựa, nhờ mỗi con một cái lông đuôi, cắt đi, sẽ có việc dùng sau này. Cô còn tặng thêm ba cái vòng: cái đầu sẽ cho gà vàng gà bạc, cái thứ hai sẽ cho áo quần không có vết may cắt, cái thứ ba sẽ cho một chiếc giày vàng. Tất cả những điều xảy ra về sau đúng như lời cô gái. Hoàng tử bị ông chú và ông anh cắt dây không lên được và hoàng tử làm như cô gái dặn.

Khi được con chim thần đưa lên mặt đất, hoàng tử chụp vào đầu mình một cái bong bóng giả làm người hói để không ai nhận được mặt, đoạn tìm vào kinh đô. Lúc này người ta sắp tổ chức đám cưới của ông em vua lấy cô gái thứ ba. Để mua vui, người ta tổ chức một cuộc đua ngựa. Hoàng tử rút lông ngựa ra, xuất hiện trước mặt một con ngựa trên rất đẹp, chàng liền nhảy lên phi theo đám kỵ sĩ và về hàng đầu. Hoàng tử lại lần lượt rút các lông khác, xuất hiện ngựa trắng và sau đó ngựa hung, mỗi một con giúp hoàng tử dự một cuộc đấu. Cuối cùng khi ngựa phi qua chỗ cô gái ngồi, hoàng tử giật lấy mũ của cô, rồi phi ngựa đi mất không ai đuổi kịp. Sau đó hoàng tử vào làm việc cho một người thợ bạc. Lúc này cô gái đã biết là ân nhân của mình trở về, cô đòi muốn cưới cô phải có một con gà vàng một con gà bạc biết mổ hạt ngọc. Vua ra lệnh cho người thợ bạc phải làm cho được những vật kia, nếu không sẽ cắt cổ. Thấy người thợ bạc kêu trời khóc lóc, người hói - tức hoàng tử - hứa làm hộ và chỉ quay cái vòng thứ nhất là có ngay để nộp vua. Được gà, cô gái lại đòi một bộ áo quần không có vết may cắt. Bấy giờ hoàng tử đã đến làm việc cho một thợ may. Việc cũng diễn ra như trên. Khi được áo quần, cô gái lại đòi một chiếc giày vàng. Hoàng tử lại đổi đến làm việc cho một người thợ giày và cũng quay vòng giúp người thợ giày.

Cô gái bấy giờ mới tâu vua xin lấy người làm chiếc giày vàng làm chồng. Người được phái đi điều tra về nói với vua rằng đây là một thằng hói. Cô gái đáp: - "Không phải, tâu bệ hạ, đó là con của bệ hạ, người đã cứu tôi". Vua cho gọi anh chàng hói vào cung, anh lột cái bong bóng ra, hiện thành hoàng tử em kể lại mọi việc, và sau đó được lấy cô gái làm vợ.

Truyện của người Tây-ban-nha (Espana).

Một ông vua Xi-ri (Syrie) nhốt ba công chúa trong một cái tháp không có cửa, không có cửa sổ, và phán rằng hễ ai vào được thì gả cho một trong ba cô. Có ba anh chàng đi thử, trong đó có một chàng dùng dinh đóng để trèo lên, trèo đến đâu nhổ đinh đến đấy và đóng chỗ khác để tiến lên nữa. Nhờ đó vào được trong tháp và đưa các cô gái ra bằng dây cho hai bạn đỡ. Khi đỡ xong bọn kia giật mất dây để tranh công.

Nhưng trước khi đưa các công chúa ra khỏi tháp, các công chúa có dặn ân nhân vào trong một cái buồng, ở đó có ba con ngựa đẹp, nhổ mỗi con một cái lông đuôi giữ lấy khi có nguy cấp thì đốt lên sẽ được cứu. Cô thứ ba còn tặng một chuỗi hạt. Thấy mình bị phản bội, anh chàng vào chuồng ngựa nhảy lên con của cô thứ ba. Ngựa đưa vào một sa mạc, ở đó anh đổi áo quần cho một người chăn dê và lấy tên là Ju-a-ni-lô.

Công chúa thứ ba vẽ mẫu chuỗi hạt của mình rồi truyền rằng hễ ai làm được đúng mẫu sẽ lấy làm chồng. Vua ra lệnh cho một người trong đám luyện đá thành vàng phải làm xong trong hai tháng, nếu không sẽ cắt cổ. Lúc đó Ju-a-ni-lô tới làm công với người kia, nhận làm rồi lấy chuỗi hạt ra nộp. Công chúa nhận ra chuỗi hạt cũ đòi lấy cho được người làm chuỗi hạt, mặc vua rất tức giận.

Truyện của người Tác-ta (Tartare) ở Nam Xi-bê-ri (Sibérie):

Một anh hùng Kan Sen-tơi sau khi lấy vợ, trở về quê với 40 thanh niên, 40 thanh nữ và 60 lạc đà. Một hôm có một quái vật bảy đầu từ dưới đất chui lên cõi trần, nuốt mất vợ anh và tất cả rồi chui xuống. Có ba anh hùng khác đi theo Kan Sen-tơi để trừ quái vật. Nhưng khi họ thò tay thò chân xuống lỗ thì bị chặt đứt đành phải ở lại. Kan Sen-tơi tự buộc mình dòng dây xuống. Đến đây thấy một thế giới mới. Anh đi mãi về phía Đông đến một nơi có nhiều súc vật giữa có ngôi nhà cao như núi. Đó là nơi có quái vật ngủ một giấc bảy ngày bảy đêm. Gần đó vợ anh đang ngồi khóc. Thấy chồng, nàng không tin rằng anh đủ sức đánh lại quái vật. Anh giơ dao chặt một đầu nó, nó vùng lên đánh với anh bảy ngày bảy đêm rồi nghỉ. Nhờ có một người râu xanh đánh quái vật một đòn chết, anh mổ bụng quái vật, những người bị nó nuốt đều sống lại. Anh buộc dây cho mọi người và cả đàn súc vật lên. Nhưng ba người bạn què bỏ anh ở lại. Anh đang nằm ngủ, bỗng bị thức dậy bởi một tiếng động dữ dội, mở mắt thì thấy trên ngọn cây có ba con chim kêu thét vì có một con rồng toan bắt chén thịt. Anh rút gươm chém chết rồng. Chim cảm ơn bảo anh kể lai lịch, rồi lúc chim mẹ về, chúng nó kể lại và bảo mẹ chúng đưa anh lên trần. Chim mẹ bắt anh phải chuẩn bị thật nhiều thịt cho nó ăn đường. Anh bắt rất nhiều hươu chất lên lưng. Trước khi bay cho nó ăn 30 con. Trong khi bay nó ăn 30 con nữa mà vẫn đói, anh phải cắt thịt đùi mình cho ăn. Khi đặt anh xuống, nó thấy anh què, hỏi mới biết sự thật, bèn trả thịt đùi lại cho anh, chân anh lại lành như cũ.

Truyện của người Ấn-độ chép trong sách *Biên truyện (Kachâ Sarit-Sâgara)*:

Một anh hùng tên là Xắc-đi-đô-va săn một con lợn lòi trốn trong một cái hang. Anh bắn một phát rồi đuổi theo con mồi, cuối cùng cũng lạc vào một thế giới khác, trong đó gặp một cô gái. Anh hỏi thì cô nói mình là công

chúa bị quỷ bắt tù. Công chúa còn cho anh biết là con quỷ vừa bị một nhà thiện xạ bắn một mũi tên và đang nằm rên. Anh cho biết nhà thiện xạ đó là mình. Sau đó, anh tiêu diệt con quỷ và lấy cô gái làm vợ [8].

Truyện của đồng bào Treng vùng Kon-tum dường như cũng là một dị bản của truyện *Thạch Sanh* mặc dầu tình tiết có biến cải:

Một anh chàng trong khi yêu một cô gái, kinh địch với một tên tù trưởng có sức mạnh và quyền thế nhất trong vùng. Tù trưởng buộc chàng vào hang Ốp-thua hái quả "xa" của thần Kê-reo - ăn vào gái sẽ đẹp như tiên, trai sẽ khỏe vô địch - hái được thì cho lấy cô gái.

Anh chàng thuận để cho hăn buộc dây dòn xuống hang sâu. Nhưng hăn dòn nửa chừng cắt dây rồi về cướp cô gái làm vợ. Anh chàng đi lần trong hang tối, trải qua bao nhiêu nguy hiểm mới đến được nơi thần Kê-reo ở, xin được năm quả "xa", lại xin được chiếc lông của thần để soi đường ra cửa hang trở về nhà. Nhờ ăn hai quả, anh đủ sức giao chiến với tên tù trưởng và cuối cùng quật chết nó, xác nó hóa thành rắn độc. Anh lấy cô gái làm vợ và tặng cô ba quả "xa" còn lại để cô trở nên xinh đẹp mãi mãi [9].

-
- [1]_Theo Truyện Thạch Sanh.
- [2]_Xem thêm Phan Nhật. Tìm hiểu Thạch Sanh ở Cao-bình, Hòa an, Cao-bằng,Tạp chí Văn học số 6 (1972).
- [3]_Võ Xuân Phổ. Góp ý kiến về nguồn gốc truyện Thạch Sanh, tập san Văn sử địa, số 19 (1956).
- [4]_Theo Doãn Thanh ... Sách đã dẫn.
- [5]_1 bát-man bằng 7,7 kg
- [6]_Theo Đuy-mê-din (Dumézil). *Truyện cổ tích La-dơ*.
- [7]_Ở chân cao nguyên Pa-mia (Pamir).
- [8]_Đều theo Cô-xcanh (Cosquin). Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren, đã dẫn.
- [9]_Truyện cổ tích dân gian của các dân tộc Việt-nam, tập III.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
69. ĐẠI VƯƠNG HAI HAY LÀ TRUYỆN GIẾT THUỒNG
LUỒNG

Ngày xưa, ở làng Hoa-viên, bây giờ thuộc tỉnh Hà-tĩnh, có một anh chàng tên là Hai. Lúc còn trẻ, cha mất sớm, anh chàng mặc sức chơi bời, mẹ không thể ngăn cản nổi. Hàng ngày ra đồng, anh lên một mô đất cao cùng với chúng bạn tập nhảy, tập vật.

Trong nhà có nuôi một con trâu đực dữ, hay chơi, hay lồng. Vì thế đứa ở đi cày thường bị gây cày. Một hôm Hai đi đâu về. Người mẹ trách con:

- Mày hay nghịch hay ngợm, suốt ngày đi mất biết không làm được việc gì.

Hắn trả lời:

- Được mai con sẽ đi cày cho.

Qua ngày mai, Hai vác cày đánh trâu ra đồng. Vừa cày được một vạt đất trâu quen mui tha cày chạy. Anh chàng giận quá vứt cày, chạy vượt lên trước trâu, nắm lấy sừng. Trâu nổi xung húc luôn vào người. Anh chàng thuận tay thoi cho mấy cái, trâu ngã lăn quay xuống đất.

Thấy trâu chết, hắn không hoảng hốt; sẵn dao bên lưng bèn xả trâu làm bốn quày. Đoạn, hắn gọi người làng nhờ khiêng hai quày về cho mẹ mình, còn hai quày nữa buộc vào đòn quảy đi. Khi người mẹ thấy kết quả việc đi cày của con như thế thì giận lắm, vội thuê một người đuổi theo để đánh cho con một trận. Hai đang đi, bỗng thấy một người đuổi phía sau, vẻ hung hăng muốn gây sự, liền đặt gánh xuống vào bụi bẻ một cây lớn, xắn ống tay áo

và nói: - "Muốn nếm thử một cây này thì cứ việc lại đây!". Thấy thế, người kia sợ quá, lùi một mạch.

Hai cứ hướng về phương Bắc đi miết. Lúc nào đói bụng thì xẻ thịt nướng ăn. Miếng thịt cuối cùng vừa hết thì chàng đã ngao du ở tỉnh thành Nghệ-an. Chàng đi lang thang khắp nơi; cuối cùng vào dinh quan bố đánh bạo xin làm thuê. Thấy chàng khỏe mạnh, vợ quan bố nhận cho vào làm. Chàng vỗ bụng xin ăn. Vợ quan bố đưa cho một rá cơm nguội. Chàng ngồi một chỗ ngốn hết rá cơm. Thấy hăn ăn quá tợn, vợ quan bố phàn nàn:

- Ăn dữ như thế, chả biết làm việc có ra gì không?

Hai không nói gì cả chỉ hỏi:

- Bây giờ bà bảo làm việc gì?

- Đi gánh cho tôi ít gánh nước!

- Trong nhà có cái gì để gánh nước không?

Vợ quan bố chỉ một dây vò và bảo:

- Đó, chọn lấy một đôi mà đi!

Hai bấu môi:

- Nhỏ quá! Gánh mất công.

- Thế thì có đôi cong, chỉ sợ anh gánh không nổi.

- Cũng còn nhỏ - hần đáp.

Vợ quan bố hơi ngạc nhiên, chỉ vào một đôi chum:

- Anh có gánh được cái này không?

- Cũng còn bé.

Thấy vợ quan bố ngỡ ngác, anh chàng bảo:

- Bà ra bến mua cho một đôi song lớn, một cây mét [1]_già và chọn trong nhà cho tôi một đôi chum kiệu. Có như thế gánh mới phí sức.

Hôm đó ở tỉnh có mở hội lớn. Anh chàng gánh hai chum kiệu nước về, thấy có đám vật bèn đặt gánh, đứng lại xem. Giữa khi ấy có một đồ vật vô địch, từ sáng đến chiều đã hạ luôn một lúc mười mấy người. Hần đang múa tay thách thức tất cả mọi đồ vật khác với một vẻ kiêu ngạo. Thấy anh chàng gánh được đôi chum kiệu đầy nước, lại có dáng mạnh khỏe, mọi người giục vào đấu. Ban đầu Hai chối từ, sau vì nhiều người nói vào mãi, đành nhận lời, nhưng chàng bắt đối phương phải làm giấy cam đoan: sống hay, chết bỏ.

Mới lượn được vài vòng, Hai đã nhảy vào quật ngã đối phương xuống đất rồi nằm hai chân hần quẳng ra ngoài vòng. Đoạn anh chàng vỗ đùi nhảy lên nóc nhà. Khi người ta nhìn lại người kia thì hần đã sặc máu mà chết.

*

* *

Ở Sông Lam gần bến đò Lách hồi đó có một con thường luồng rất lớn. Mỗi lần có thuyền bè đi qua, nó thường cuộn mình gây thành sóng gió dữ dội làm cho thuyền đắm; bao nhiêu mạng người chìm xuống nước đều không thoát được miệng nó. Bởi thế khúc sông ấy vắng bóng thuyền bè qua lại. Triều đình cũng bó tay. Cuối cùng nhà vua sai yết thị cho mọi miền, hễ ai có cách gì giết được con thủy quái thì sẽ phong cho quan tước.

Hai nghe tin liền ra mắt quan trên, xin tự mình đi diệt trừ con vật. Chàng chỉ xin quan rèn cho mình ba cái khuy sắt và chín chiếc dao găm. Khi đã có những vật cần thiết, chàng sai nối ba dây song tốt, mỗi dây song buộc vào một khuy. Khuy ấy buộc vào người, hai cái ở hai nách: một cái đằng sau lưng. Đoạn chàng buộc thắt lưng vào người, giắt chín lưỡi dao quanh bụng. Trước khi xuống nước, chàng trao đầu dây song cho những người trên thuyền, dặn họ hễ thấy đầu dây giật giật thì kéo lên ngay. Chàng lại dặn họ nấu cho một nồi nước sôi sùng sục để tắm.

Hai xuống nước đi mãi đến tận đáy sông mà không thấy thường luồng. Chàng len lỏi tìm khắp các vực. Cuối cùng bắt gặp con thủy quái đang nằm lù lù một đống trong một cái hang. Thấy động, thường luồng xông ra há miệng rất to toan vồ chàng. Chàng tránh rất lẹ lại nhảy lên lưng, giơ dao đâm vào cạnh sườn. Con vật đau quá tức tối cuộn đi cuộn lại nhưng chàng vẫn bám sát không rời. Những người trên bờ chỉ trông thấy nước ùn ùn sủi lên, sóng từ bên này cuộn sang bên kia, đập dồn dập như ngày có bão táp.

Mãi đến trưa, Hai đã đâm được 6, 7 con dao vào thân thường luồng. Chàng

giật dây cho họ kéo lên. Người chàng và khố của chàng đẩy nhót con quái vật. Phảng phất một mùi tanh lợm mửa. Chàng bảo họ:

- Tôi còn phải lấy thêm dao xuống đăm cho kỳ chết hẳn mới thôi!

Lần này, thường luồng đã bị thương nên sức lực yếu ớt. Hai đăm bồi cho mấy nhát vào bụng nó, con quái vật giãy giữa chết, máu lênh láng đỏ cả mặt sông.

Hai sung sướng chặt thủ cấp quái vật đưa lên khỏi mặt nước. Chàng nhớ mấy người bạn kỳ cợ rất kỹ cho hết máu và nhót của thường luồng dính vào người. Không ngờ nhót độc của thường luồng đã lọt vào hai lỗ mũi chàng, không có cách gì làm cho sạch được. Nhót độc lại từ chỗ đó thẩm dần lên óc. Cuối cùng, Hai bị thối óc mà chết.

Mọi người rất thương chàng. Người ta lập đền thờ gọi là đền Đại vương Hai. Miếng đất chàng luyện tập hồi nhỏ nay vẫn còn: người ta gọi là hòn mô Đại vương, hoặc cũng gọi là hòn mô Cầu Hàn [2].

KHẢO DỊ

Người Phú-thọ cũng có một truyện ông *Hộ giết thường luồng* gần như là dị bản của truyện trên:

Con sông Thao, nơi có vực Dậu-dương, chỗ vùng kẻ Nung, Phú-thọ, ngày

xưa có một con thường luồng chuyên môn làm sóng to đắm thuyền để ăn thịt người. Quan trên cũng yết thị tặng thưởng cho người nào giết được quái vật, nếu chẳng may mà chết thì dân sẽ lập miếu thờ, luôn năm hương khói. Rao đã lâu mà không ai dám nhận. Mãi về sau có một ông Hộ người to khỏe đến xin dân Kẻ Nung đánh cho hai con dao bầu to và sắc. Dao rèn xong, ông cầm hai tay hai dao cời trần lộ xuống sông. Thường luồng lao tới nuốt vào bụng. Trong bụng con quái vật, ông Hộ dùng dao xé dạ dày chui ra rồi rạch nó làm ba khúc. Thường luồng chết xác trôi lên bãi, nhưng sau đó người ta mổ bụng quái vật thì ông Hộ cũng đã hết sống. Để biết ơn người ta lập miếu thờ ông ở nhiều nơi [3].

Trong *Truyền thuyết Hùng Vương*[4] có kể thêm rằng: mỗi năm thường luồng bắt dân vùng Dâu-dương phải khấn cho nó một mạng người thì nó sẽ để cho mọi người và thuyền bè qua lại yên ổn. Thấy vậy, ông Hộ quyết chí liều mình tiêu diệt con quái vật. Ông bèn nói với dân năm đó đem mình nộp cho thường luồng để nhân thể giết chết nó. Thế rồi ông sắm dao nhảy xuống nước cho thường luồng nuốt, rồi rạch bụng nó, như trên vừa kể.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
70. ÔNG Ồ

Ngày xưa ở cửa Sót thuộc Hà-tĩnh có một người làng chài có sức khỏe hơn đời. Ông ta làm việc gấp đôi gấp ba người thường, sức ăn mỗi bữa có thể hết một nồi mười cơm. Nghề vật thì rất giỏi, những tay đô vật trong vùng đều hàng phục. Ông ta vẫn lấy thế làm kiêu hãnh.

Nghe tiếng đồn về một người kẻ Ngật tên là ông Ồ có sức khỏe đặc biệt, nên ông có ý muốn tìm đến đọ tài một phen. Nghĩ vậy, một hôm ông quảy hai chum kiệu nước mắt tìm đường đến kẻ Ngật để nhân bán nước mắt dò hỏi cho ra ông Ồ, xem thử mặt mũi thế nào.

Ông đến kẻ Ngật thì trời vừa trưa. Thấy có một ông già đang cày ruộng bên đường, ông bèn dừng lại hỏi thăm:

- Cụ làm ơn chỉ giúp đường vào nhà ông Ồ.

Ông già đáp:

- Chính tôi là ông Ồ đây, ông muốn hỏi việc gì?

Khách chưa biết ông Ồ là người thế nào nên không muốn nói vội mục đích của mình là thi tài, chỉ đáp:

- Tôi nghe tiếng nên muốn đến làm quen.

- Ông chịu khó chờ một tý, ông già đáp, chỉ còn vài đường cày nữa là xong, tôi sẽ đưa ông về nhà chơi!

Nói rồi ông già giục trâu cày nhanh. Người làng chài đặt gánh bên vệ đường chờ.

Bỗng nghe "rắc" một tiếng, nhìn lại thì ra cái nắp[5] cày bị gãy, người làng chài nghĩ bụng: - "Thôi gãy nắp rồi, thế nào ông này cũng phải về thôi!". Nhưng ông ta lấy làm ngạc nhiên khi thấy ông Ồ thò ngón tay trỏ của mình vào chỗ vỡ xỏ cái nắp để thế cho cái nắp, rồi giục trâu đi như không có việc gì xảy ra. Người làng chài chột dạ, nghĩ bụng: - "Trời ôi! Ông này phải là xương đồng da sắt thì mới dám dùng ngón tay thay cho cái nắp".

Sau khi cày xong, người làng chài thấy ông Ồ thôi cày, tháo ách cho trâu nghỉ, rồi rửa cày đưa lên bờ ruộng. Bỗng lại thấy ông Ồ xuống ruộng dùng

hai cánh tay nhấc bổng trâu lên khóa chân trâu mấy cái ở vũng nước cho sạch bùn rồi bỏ lên bờ. Ông kia thấy vậy từ chợt dạ đến kinh ngạc, nhưng vẫn nghĩ bụng: - "Nhấc bổng trâu như vậy chưa chắc đã là khỏe". Nghĩ vậy, không hỏi gì thêm, ông ta chỉ lẳng lặng quảy hai chum kiệu theo ông già về xóm.

Ông Ô đưa khách về đến nhà rồi nói: - "Chẳng mấy khi ông quá bộ tới chơi, mời ông ở lại ăn cơm với chúng tôi". Đoạn, ông lấy chiếc bung ra bắc lên bếp, đổ gạo vào rồi đi nhóm lửa. Một đứa cháu của ông đang ngủ bỗng thức dậy khóc ré lên, ông phải chạy lại ẵm cháu rồi bảo khách:

- Trong nhà hết mất củi, ngoài góc vườn đằng Đông có một gốc tre khô, nay tôi bện thẳng cháu, phiền ông ra lôi nó vào đây ta đun.

Khách đi ra được một lát lại trở vào mượn cái thuổng để xăn gốc tre. Ông Ô nói:

- Thằng con tôi nó mang đi làm chưa về. Cái gốc tre khô ấy cũng dễ nhổ thôi?

Nói đoạn ông chạy ra vườn, một tay vẫn bế cháu, một tay lay gốc tre khô chỉ vài lần là đã bật gốc. Đến đây khách từ kinh ngạc đến thán phục, nhưng vẫn không nói gì.

Cơm vừa chín, ông Ô đặt mâm, dọn cà mẳm và mời khách ăn thực tình cho. Người làng chài cố nuốt lắm mới hết một phần ba bung cơm. Nhưng ông ta lấy làm kinh ngạc khi thấy chủ nhân cứ ngồi tỳ tỳ chén hết số cơm còn lại trong bung mà coi bộ vẫn còn thòm thèm.

Ăn xong, chủ khách ngồi uống nước. Ông Ô lúc này mới hỏi khách:

- Chẳng hay ông đến gặp tôi có việc gì?

Người làng chài không còn dám nói ý định của mình trước đây nữa, chỉ múc ra một vò nước mẳm và nói:

- Tôi nghe tiếng ông khỏe nên mang đến tặng ông một vò nước mẳm làm quen.

Rồi đó người làng chài quảy hai chum kiệu đi thẳng[6].

KHẢO DỊ

Truyện này ở Hà-tĩnh có nhiều địa phương kể khác nhau về một ít tình tiết. Ví dụ có người kể:

Một người quảy hai chum kiệu nước mắt đi tìm một người (ở đây tên là ông Cồ) để độ tài. Cũng gặp một cụ già cày ruộng. Cụ này (không phải là ông Cồ) lúc cày xong cũng nhắc bổng trâu lên để khóa chân trâu vào vũng nước cho sạch làm cho khách chột dạ nghĩ rằng không phải ông Cồ mà khỏe như thế, chắc ông Cồ còn khỏe đến đâu. Đến nhà ông Cồ thì chủ nhân đi vắng, chỉ có một người trẻ tuổi ra tiếp. Người này nấu lên một bung cơm thết khách nhưng cũng như truyện trên, khách chỉ ăn được một phần ba, còn bao nhiêu người trẻ tuổi ăn hết cả. Khách lại thêm một ngạc nhiên, nghĩ bụng nếu là ông Cồ thì ăn còn khỏe đến đâu. Đang trò chuyện thì bỗng có hai con trâu húc nhau trước ngõ. Người trẻ tuổi xin phép đi gọi ông bác để nhờ ông can giúp hai con trâu. Ông bác đến, mỗi tay ông nắm chắc lấy một sừng con vật rồi đẩy lùi chúng ra xa. Trong này khách kinh sợ nghĩ rằng không nổi tiếng như ông Cồ mà họ khỏe đến thế, nếu là ông Cồ thì còn khỏe đến đâu. Nghĩ vậy nhân lúc người trẻ tuổi chưa về, khách quảy hai chum kiệu nước mắt tềch thẳng.

Hay lại có người kể:

Ở Đông-kèn có một người bán nước mắt tự cậy mình có sức khỏe. Nghe tin ở Đình-lự (đều thuộc Hà-tĩnh) có một người khác khỏe nổi tiếng bèn cũng gánh hai chum kiệu nước mắt định đến thử sức. Đến nơi cũng gặp một người đi cày và sau khi hỏi thăm nhà, người cày bảo hãy đặt gánh chờ một lát. Nhưng người kia không chịu đặt cứ để gánh trên vai mà chờ. Lát sau người đi cày mở trâu và cũng nhắc bổng trâu khóa chân rồi khi về qua một chiếc cầu tre, ông ta cũng nhắc bổng trâu đưa trâu qua cầu. Thấy vậy, người gánh nước mắt đã biết sức khỏe của đối phương như thế nào rồi, vội cáo từ trở về.

Xem thêm truyện Đô hùng đại tướng quân ở Khảo dị truyện Gốc tích ruộng thác đao (số 25, tập I).

Chú thích:

[1] Mét: một loại tre lớn.

[2] Theo lời kể của người Hà-tĩnh.

[3] Theo lời kể của người Phú-thọ. Hiện nay ở gần vực (xã Thượng nông, Vĩnh-phú) có miếu ông Hộ.

[4] Của Nguyễn Khắc Xương.

[5] Náp: miếng gỗ hay tre như cái chốt dùng để điều chỉnh cày sâu hay cạn. Ở Bắc-bộ gọi là "cá cày".

[6] Theo lời kể của người Hà- tĩnh.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
71. ÂM DƯƠNG GIAO CHIẾN

Ngày ấy, có một trận mưa lụt rất dữ dội; khúc đê ở xã Thọ-triền bị vỡ, mùa màng hư hại, nhà cửa, súc vật trôi nổi theo dòng nước bạc. Một ông quận công họ Điền được lệnh vua đi đốc suất dân phu hàn lại đoạn đê đó. Thuyền của ông sắp đến khúc sông làng Kim-lũ, bọn thủy thủ bảo ông rằng: - "Ở đây có miếu Thủy thần rất thiêng, ai có thuyền qua đây phải ghé vào làm lễ mới có thể đi được. Vậy xin ngài hăng cúng Thủy thần để đi cho được yên ổn". Quận công vốn là một nhà bác học uyên thâm lại thông thạo phép phù thủy nên vừa nghe nói thì trừng mắt bảo họ: - "Ta đây phụng mệnh vua đi làm việc nước. Dù hấn là thần đi chẳng nữa, dám cản ta ư". Nói xong cứ thúc thủy thủ chèo đi mà không ghé vào đền.

Lúc đó Thủy thần đang ở bờ sông nghe nói thế, tức mình bèn hóa phép bắt thuyền đứng lại. Bọn thủy thủ cố chèo mãi nhưng mấy chiếc quan thuyền không tiến lên được bước nào. Biết là Thủy thần bắt đầu ngăn trở công việc của mình, quận công sai ghé thuyền lại gần đền, rồi đứng trước mũi thuyền lớn tiếng gọi Thủy thần mà mắng rằng:

- Nhà người ngự trị ở một phương này, bàn dân hương khói luôn năm không khi nào tắt. Vậy mà đã không biết giúp dân để cho đê vỡ làm sinh linh trôi nổi khổ khổ, lại còn ngăn cản công việc hàn đê của ta là nghĩa thế nào? Nhà người biết điều thì hãy giúp ta làm cho xong việc, nếu không ta sẽ cho người phá đền đi đó.

Nghe nói thế Thủy thần nổi giận bèn sai xuất hiện trên sông năm chiếc thuyền đầy những quân hình người mặt cá cầm giáo mác vây xung quanh mấy chiếc quan thuyền. Quận công họ Điền không lấy thế làm lo sợ liền

giở phép phù thủy: ngồi trong thuyền chỉ gươm, đánh quyết, niệm chú, vẽ bùa rồi ra lệnh cho lính tráng của mình bắn tên, lao thương vào địch. Hai bên giao chiến kịch liệt. Thủy thần thấy khó lòng thắng nổi, bèn làm trời đất mịt mù khắp cả một vùng ước đến một trống canh. Khi trời sáng ra, mọi người thấy năm chiếc thuyền kia đã biến mất. Rồi sau đó đoàn quan thuyền cũng tiến được đến chỗ đê vỡ.

Nhưng Thủy thần vẫn tức mình, cố sức theo đuổi để phá cho được. Quận công đốc suất dân phu thuyền bè quyết đắp nổi đê. Khi đê vừa hàn xong, mọi người sắp sửa ra về thì Thủy thần sai các giống cá lớn húc vào chỗ đê mới đắp làm cho đất long lở trôi đi. Riêng Thủy thần hóa làm một con cá chép rất lớn, nổi lên trên mặt nước giương vây như cánh buồm. Cá vùng vẫy mấy cái, sóng nổi ầm ầm, nước đánh vào chỗ hàn đê rất dữ. Thế là công phu khó nhọc của bao nhiêu người lại trôi theo dòng nước. Quận công vẫn không nản chí, lại bắt dân mấy phủ huyện khác đổ tới đắp. Cũng như lần trước, lần này sắp thành công lại bị Thủy thần ngầm ngầm phá hoại.

Mọi người nản lòng, khuyên quận công hãy đầu dụ để khỏi khổ dân. Quận công đành phải đến miếu Thủy thần khẩn rằng:

- Hôm trước tôi qua miếu trót nói mấy câu xúc phạm. Vậy mong ngài nguôi giận phù hộ cho muôn dân đỡ khổ. Đắp xong tôi sẽ lễ tạ ngài.

Lần này đê hàn rất nhanh và rất chắc, to gấp hai đê cũ. Công việc chả mấy chốc hoàn thành. Khi tắt công, quận công cho thuyền đến trước đền, nói to lên:

- Bớ Thủy thần! Lần trước ta lừa ngươi đó thôi. Ta đâu có sợ ngươi. Bây giờ đê ta hàn xong rồi và rất vững, dù có trăm Thủy thần cũng không làm gì nổi.

Nghe nói thế, Thủy thần giận tràn hông, đêm ấy làm nổi sóng lên rất dữ, vì thế đê lại sạt một đoạn lớn. Quận công tức mình nói rằng: - "À đã thế, tao quyết trị đến nơi cho mày biết tay!".

Nói rồi ông sai mấy thủy thủ giỏi lặn lặn xuống điều tra kỹ địa thế khúc sông đó. Họ về cho ông biết ở gần đoạn đê vỡ có một cái vực sâu là sào huyết của thủ hạ Thủy thần. Quận công lập tức sức cho các làng nạp tre, gỗ để đóng cừ xung quanh vực. Đoạn dựng mấy lò vôi, sai quân và dân đi lấy đá trắng về nung, mẻ này tiếp mẻ khác. Quận công còn trưng dụng tất cả các thuyền bè đi chở đá tảng, gạch ngói cùng cối đá thùng, v.v... đưa về chất bên này vực cao như một hòn đồi. Bên kia vực đá vôi nung cũng đổ cao như một hòn đồi. Rồi đó quận công sai một bên ném đá vôi, một bên ném gạch đá vụn. Nước sôi lên sùng sục. Bọn thủ hạ của Thủy thần đội lốt thủy tộc không kịp chạy trốn, chết nổi lênh bênh trên mặt nước vô số. Đoạn ông mới quay sang hàn đê. Quả nhiên nhờ có việc lấp vực nên đê gấn xong ngay.

Thủy thần thù Điền quận công vô hạn. Hắn quyết chí ám hại ông ta. Hơn một tháng sau hắn làm cho quận công ốm nặng. Trên giường bệnh người quận công cứ nóng như lửa. Nhà vua phái các danh sư tới nhà thuốc men điều trị, nhưng bệnh ngày càng trầm trọng. Sau đó thì chết. Quận công có một người chị là Ngô Thuận Phi lấy vua. Một hôm quận công ứng đồng ở làng mình nói: - "Ta mắc kế độc của Thủy thần mà chết. Ta quyết báo thù chứ không chịu thua. Hãy báo giúp với chị ta sắm sửa voi ngựa khí giới để ta trả thù". Nghe tin báo, Ngô Thuận Phi làm theo lời em và khẩn: - "Dầu được hay thua, em cũng tin cho chị biết với!".

Từ khi được voi ngựa, thuyền bè, khí giới, quận công giao chiến với Thủy thần nhiều trận kịch liệt. Người ta thấy trước đền Thủy thần sóng gió ầm

ầm, nước bắn tứ tung, bọt nổi trắng xóa cả một vùng mặt sông. Các loài tôm cá tập hợp rất đông, thỉnh thoảng chạy rạt từ nhánh sông này sang nhánh sông kia.

Sau cùng lại thấy sóng im gió lặng, các loài thủy tộc chết nổi lên nhiều lắm, những con còn lại cũng bỏ trốn khắp nơi. Khúc đê sạt ở làng Thọ-triên sau đó không thấy vỡ thêm nữa.

Ít lâu sau đó, quận công báo mộng cho chị biết mình mấy lần đánh với Thủy thần thắng thì có thắng, nhưng thế lực của hắn vẫn còn mạnh. Vậy nhờ chị hãy lập cho một ngôi đền để ở, hẵng tạm đình chiến một thời gian.

Từ đó ngôi đền của Thủy thần cũng không thiêng như trước [1].

KHẢO DỊ

Theo Phương Nam trong *Việt-nam thần tích* thì lúc bị Thủy thần làm sạt đê lần thứ ba, quận công tức giận vua Hà bá (tức Thủy thần), bèn quyên sinh và báo mộng về cho mẹ và vua Lê biết rằng ông chết không phải bị Hà bá làm chết mà muốn đi xuống dưới đó thao luyện quân sĩ đánh Hà bá để rửa mối hận. Và xin vua giúp cho 4 vạn chiếc thuyền, 5 vạn lính và 3 vạn con ngựa cùng mọi đồ khí giới. Sau khi nhận đầy đủ những thứ mình cần, quận công bắt đầu cuộc chiến. Hai bên đánh nhau dữ dội, phần thắng cuối cùng về phía quận công họ Điền.

Người Phú-thọ có kể truyền thuyết một vị thần tên là Tuấn Cương ở Bạch-hạc đánh nhau với Thủy thần. Nguyên vua Thủy cho một Thủy thần cai trị vùng sông Thao, một hôm hạ lệnh cho thần dâng nước để lấy của lấy người về thủy phủ. Tuấn Cương được lệnh Tản Viên đi đánh. Ông có một đôi sọt thần mỗi gánh bằng cả một quả đồi, chỉ trong một buổi là đắp chặn được hai bờ sông cao như núi. Thủy thần thấy vậy, bèn dâng nước sông phá công việc đang dở dang của Tuấn Cương, và bắt lấy Quế Hoa.

Từ đây trở xuống truyện phát triển gần giống với truyện *Đại vương Hai* (số 69, tập II). Cầm giận Thủy thần bắt mất vợ yêu, Tuấn Cương bèn ra lệnh cho quân bủa lưới vây chặt lấy chỗ ở của Thủy thần rồi một mình cầm dao nhọn xuống đánh. Đánh nhau ba ngày ròng rã, Thủy thần - chính là một con thuồng luồng - bị giết, máu nhuộm đỏ cả khúc sông. (Xem thêm *Truyền thuyết Hùng Vương*, đã dẫn, có kể truyện này với một số tình tiết hơi khác về cách kể).

[1]. Theo Thần tích, Công dư tiệp ký và Thực nghiệp dân báo (1924).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
72. YẾT KIÊU

Ngày xưa có một người tên là Yết Kiêu ở làng Hạ-bì làm nghề đánh cá.

Một hôm, ông ta đi dọc theo bờ biển về làng bỗng thấy trên bãi có hai con trâu đang ghì sừng húc nhau dưới bóng trăng khuya. Sẵn đòn ống, ông cầm xông lại phang mạnh mấy cái vào mình chúng nó. Tự dưng hai con trâu chạy xuống biển rồi biến mất. Ông rất kinh ngạc đoán biết là trâu thần. Khi nhìn lại đòn ống thì thấy có mấy cái lông trâu dính vào đấy. Ông mừng quá bỏ vào miệng nuốt đi.

Từ đó sức khỏe của Yết Kiêu vượt hẳn mọi người, không một ai dám đương địch. Đặc biệt là có tài lội nước. Mỗi lần ông lặn xuống biển bắt cá, người ta cứ tưởng như ông đi trên đất liền. Nhiều khi ông sống ở dưới nước luôn sáu bảy ngày mới lên.

Hồi ấy có quân giặc ở nước ngoài sang cướp nước ta. Chúng cho một trăm chiếc tàu lớn tiến vào cửa biển Vạn-ninh vây bọc, bắt tất cả thuyền bè, đốt phá chà lưới. Đi đến đâu, chúng cướp của giết người gây tang tóc khắp mọi vùng duyên hải. Chiến thuyền nhà vua ra đối địch bị giặc đánh đắm mất cả. Nhà vua rất lo sợ, sai rao trong thiên hạ ai có cách gì lui được giặc dữ sẽ phong cho quyền cao chức trọng.

Yết Kiêu bèn tìm đến tâu vua rằng: - "Tôi tuy tài hèn sức yếu nhưng cũng quyết cho lũ chúng nó vào bụng cá". Vua hỏi: - "Nhà ngươi cần bao nhiêu người ? bao nhiêu thuyền bè?" - "Tâu bệ hạ - ông đáp - chỉ một mình tôi cũng có thể đương được với chúng nó". Nhà vua mừng lắm, liền phong cho ông làm Đô thống cầm thủy quân đánh giặc.

Ông đến Vạn-ninh cho quân sĩ nghỉ ngơi, chỉ bảo họ sắm cho mình một cái khoan, một cái búa. Đoạn, một mình ông lặn xuống đáy biển đi ra chỗ tàu giặc. Ông tìm đến đáy tàu vừa khoan, vừa đục. Ông làm rất lẹ và im lặng, tàu giặc cứ đắm hết chiếc này đến chiếc khác. Trong một hôm, chúng bị đắm luôn một lúc hơn hai mươi chiếc. Thấy thế, quân giặc hoảng loạn cả lên. Chúng sai những tên quân có tài bơi lặn xuống nước do thám. Mấy tên quân đó tìm mãi mới thấy Yết Kiêu đang khoan một chiếc tàu. Bọn chúng xông lại nhưng chúng đâu có phải là địch thủ của ông, cho nên cuối cùng ông không để cho một đứa nào trở về.

Quân giặc vô cùng sợ hãi. Mãi về sau tên tướng giặc đem một cái ống dòm thủy tinh có phép nhìn được thấu qua nước đến đáy biển. Chúng thấy ông đi lại thoăn thoắt như đi trên bộ. Chúng bèn đem cái vó bằng sắt nhân lúc ông đang mài đục một chiếc tàu, buông xuống chụp lấy ông. Nhờ thế chúng bắt sống được Yết Kiêu. Lập tức chúng tra khảo ông: - "Trong nước mà những người lặn như mày có bao nhiêu người?". Ông bảo chúng: - "Không kể những người đi lại dưới nước suốt 10 ngày không lên, còn như hạng ta thì một trăm chiếc tàu của chúng bay cũng không thể chở hết. Hiện giờ ở dưới đó hết lớp này xuống lại lớp kia lên không mấy khi vắng người". Nghe nói thế, bọn giặc kinh sợ cuối cùng chúng dỗ dành: - "Mày muốn tốt phải đưa chúng tao đi bắt sẽ có hậu thưởng, bằng không thì sẽ giết chết". - "Được, theo ta, ta chỉ cho!".

Quân giặc tưởng thật, bắt ông cùng với mười tên quân đem vó sắt ngồi trên thuyền nhỏ ra biển dò tìm. Thừa lúc chúng vô ý, ông nhảy tòm xuống nước trốn đi. Chúng nó trông nhau ngờ ngác. Bấy giờ quân giặc đã bị thiệt hại

khá nặng, lại nghe Yết Kiêu nói nước Nam có nhiều người tài lặn nên cuối cùng chúng đành phải quay tàu trở về không dám quấy nhiễu nữa.

Nhà vua mừng quá, khen ngợi Yết Kiêu vô cùng, phong ông làm đại vương. Sau khi ông mất, mọi người nhớ ơn lập đền thờ ở cửa Vạn-ninh và ở nhiều cửa biển khác[1].

[1] Theo Vũ Phương Đề, sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
73. LÝ ÔNG TRỌNG
HAY LÀ SỰ TÍCH THÁNH CHÈM

Ngày xưa, ở làng Chèm có một người họ Lý khỏe mạnh lạ thường. Đặc biệt thân thể của anh ta quá khổ, đo được hai trượng sáu thước bề cao. Vì thế đi đâu ai cũng kính sợ người ta gọi là Ông Trọng.

Bấy giờ khúc sông Cái ở gần làng Chèm có một con giải rất lớn không biết đến đây tự bao giờ. Con vật thỉnh thoảng bắt một người và súc vật tắm ở bên. Một hôm người mẹ Ông Trọng đi múc nước bị giải tha đi mất. Chàng vô cùng đau đớn, quyết tâm diệt trừ cơn ác vật. Chàng đắp đê chắn ngang khúc sông đó lại rồi cày cục tát cạn hết cả nước. Khi đáy sông và vực đã khô kiệt chàng xuống nắm cổ con giải lôi lên. Tự tay Ông Trọng phanh thây con giải làm lễ tế mẹ. Chàng khóc một bữa rất thảm thiết, rồi sau đó cũng một mình chàng ăn hết cả thịt con giải.

Hồi đó nhà vua cần dùng nhiều phu phen để xây dựng các công trình và cung điện. Lý Ông Trọng ở trong số những người bị bắt đi phu. Số phận những người bị bắt đi phu thật là trầm tình nghìn tội. Chàng bị bọn lính tráng quất roi vào đít những lúc chúng ộp đi làm. Chàng kêu lên:

- Tài trai như ta phải chịu nhục như thế này ư!

Than đoạn, bỏ trốn đi mất. Chàng đi rất xa, vừa học chữ vừa làm việc nuôi thân. Nhưng chẳng bao lâu trong một cuộc ẩu đả, chàng đã phạm tội giết chết kẻ địch. Người ta giải chàng về kinh cho nhà vua phán tội. Vua thấy thân thể chàng như hộ pháp thì không nỡ xử tử, bèn ra lệnh tha chết cho

chàng. Vua cho làm thị vệ và dần dần yêu về sức khỏe, cho hầu bên mình ngự.

Hồi đó nhà vua phải thần phục hoàng đế nước Tần. Tiếng tăm của Lý Ông Trọng không ngờ lan truyền sang đến phương Bắc cho nên ít lâu sau đó hoàng đế nước Tần cho sứ sang đòi nộp Lý Ông Trọng làm cống vật. Nhà vua không có cách gì từ chối, bắt buộc phải để cho chàng về tay kẻ khác.

Được Lý Ông Trọng, vua Tần mừng lắm: phong làm Tư lệ hiệu úy sai đi dẹp giặc. Cuối cùng vua cho chàng làm trấn thủ xứ Lâm-thao. Từ lâu người Hung-nô vẫn xâm phạm vào bờ cõi nước Tần. Quan quân tiến đánh thì họ rút lui, quan quân rút lui thì họ tiến đánh, luôn năm can qua không bao giờ lảng. Họ làm cho quân lính nước Tần rất cực khổ.

Nhưng khi người Hung-nô vừa thấy mặt Lý Ông Trọng thì cho là một vị thần linh giáng hạ. Họ khiếp sợ đến nỗi hề thấy bóng dáng của chàng ở đâu là ở đấy không đánh tự nhiên vỡ. Vì thế, sau mấy năm liền. Ở một dải biên thù, người Hung-nô không dám quấy nhiễu. Vua Tần lại càng kính trọng chàng, phong tước và gả con gái cho.

Rồi đó, Lý Ông Trọng xin phép hoàng đế nước Tần cho trở về quê hương. Chàng rất sung sướng khi gặp lại bà con làng nước. Nhưng ít lâu sau, người Hung-nô thấy vắng mặt Ông Trọng lại rủ nhau vào cướp bóc vùng biên giới. Hoàng đế nước Tần lấy làm lo lắng, lập tức sai sứ sang đòi chàng trở lại trấn thủ Lâm-thao.

Nhưng lần này chàng không muốn đi nữa. Chàng thà sống khổ cực nhưng được ở quê nhà còn hơn là làm quan cho nước Tần. Bà con làng nước có

người khuyến khích chàng hãy ra đi cho trọn công danh, nhưng Lý Ông Trọng cương quyết không đi. Vua Tần tuyên triệu không được toan cất quân sang hỏi tội. Thấy thế, nhà vua hoảng sợ đành phải cho sứ sang nói dối là chàng không may đã bị bệnh tả mà chết. Vua Tần nghe nói không tin, phái một viên cận thần sang khám. Người ta dùng nhiều cách để đánh lừa sứ giả phương Bắc. Lúc đào mộ và nạy ván thiên lên, sứ giả cũng không ngờ rằng trong những tầng vải liệm chỉ là một cái xác bằng gỗ. Nhưng nghe sứ giả về tâu trình, vua Tần vẫn không tin, lại sai sứ sang đòi phải đưa hài cốt của ông Trọng sang làm chứng. Thực là khó xử. Không đi cũng dở mà đi cũng dở; đằng nào cũng khó thoát tội "khi quân". Túng thế chàng phải tự đâm cổ hy sinh để yên việc nước.

Hoàng đế nước Tần thấy hài cốt Lý ông Trọng mới tin là thực. Nhưng còn việc đánh dẹp Hung nô nếu không có Ông Trọng thì thật là rầy rà. Cuối cùng vua Tần cho gọi tất cả thợ đúc lại rồi mở kho đồng ra, sai đúc một cái tượng của Ông Trọng. Tượng tượng rồng, có máy móc điều khiển bàn tay chân. Tượng đúc xong, vua sai đặt ở trước cửa Tư mã tại Hàm-dương. Rồi vua sai người chui vào bụng tượng vận máy cho tay chân cử động y như người thật. Người Hung nô nghe sứ giả đi về kể chuyện, tưởng đó là ông Trọng đang sống, từ đó lại thần phục như trước[1].

Người ta còn nói từ lúc Ông Trọng bắt giải tế mẹ, một khúc sông từ làng Chèm về Đại-la, nòi giống giải không bao giờ dám đến đây trú ngụ nữa[2].

KHẢO DỊ

Về chỗ Lý Ông Trọng giết con gái. *Sự tích xã Bộ-đầu*[\[3\]](#) cũng có tình tiết tương tự:

Một bà cụ đi gánh nước ở bên sông bị con giao long bắt, bà chỉ còn kêu được mấy tiếng. Thiên vương (có người kể là con bà cụ) từ trên trời nghe tiếng vội xuống trần rồi lặn xuống sông, xách cổ hai con giao long lên bờ, lấy chân giẫm chết, rồi lại lên trời. Những dấu chân của Thiên vương vẫn còn lại, in trên đá, đo được hai thước một tấc chiều dài. Từ đó xã lấy tên là xã Bộ-đầu[\[4\]](#).

-
- [1] Theo Lĩnh-nam chí quái.
[2] Theo lời kể của người vùng Chèm.
[3] Thuộc huyện Thường-tín (Hà-tây).
[4] Theo Vũ Phương Đề. Sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
74. BẢY GIAO, CHÍN QUỲ

Ngày xưa ở làng chợ Cả-sê bây giờ thuộc tỉnh Mỹ-tho có hai anh em ruột: một người tên là Bảy Giao, một người tên là Chín Quỳ. Cha mẹ họ mất sớm chỉ để lại cho vài mẫu ruộng xấu. Vốn người lực lưỡng, hai anh em có chí muốn đưa sức ra thi thố với đời. Nghe nói ở Bình định có nhiều tay giỏi võ, họ mới bán hết số ruộng của mình rồi đeo khăn gói ra ngoài đó học. Họ đã học với rất nhiều thầy, chẳng bao lâu thông thuộc đủ mười tám ban võ nghệ. Hai chàng nức chí muốn lập công danh. Nhưng gặp lúc triều đình mở rộng cửa văn khép chặt cửa võ, nên cuối cùng họ không biết làm gì kiếm ăn, đành phải trở về quê cũ. Về đến làng, hai chàng dạy võ cho người ta để kiếm ăn nhưng tiếc thay tài nghệ không đủ nuôi miệng.

Túng thế, họ rủ nhau đi làm cái nghề khoét vách treo tường. Dần dần bạo dạn, họ trở thành những tay đón đường cướp của rất thạo. Nhưng họ chỉ lấy tiền bạc của bọn nhà giàu rồi đem của đã chia cho những người nghèo khó mà họ gặp.

Sau mười năm làm nghề lục lâm, áo rách vẫn hoàn áo rách. Bảy Giao bảo Chín Quỳ rằng:

- Chúng mình toàn đem tài sức giúp thiên hạ nhưng không gặp thời. Sống trốn tránh lẩn lút thế này không thích. Thôi chúng mình hãy bỏ cái nghề này, đi chỗ khác làm ăn!

Hồi ấy ở Cồn-tàu chưa được khai phá, nửa cồn trên toàn là cây "gừa", nửa cồn dưới thì là dừa nước, cây mọc chi chít rậm như rừng. Ở đó có một vị thần rất thiêng, có hai bộ hạ là hổ và lợn rất dữ tợn, hoành hành trong một vùng. Từ lâu, thần ta đã báo cho biết: hễ ai đến chặt phá khoảng rừng đó thì phải nộp một mạng người. Có nhiều người vô ý chỉ đến chặt mặt gánh củi nhưng chưa ra khỏi cồn đã bị thần sai bộ hạ quật chết. Vì thế đã lâu rồi không ai dám lai vãng. Một nhánh củi khô của thần cũng còn nguyên vẹn.

Hai anh em nghe được tin ấy liền đến Cồn-tàu khẩn với thần rằng: - "Chúng tôi nghe tin ngài linh thiêng, hễ ai phá rừng phải dâng một mạng. Nay chúng tôi cũng xin cúng một mạng, nhưng chỉ xin ngài rộng cho trong ba năm đừng phá quấy gì hết. Đủ ba năm rồi, ngài muốn lựa bắt đứa nào cũng được, hãy bắt cả hai chúng tôi cũng xin vui lòng". Thấy họ cam đoan như thế, thần ta bằng lòng cho họ đến. Rồi đó, họ sắm một chiếc ghe chèo đến đây chặt cây, chặt lá chở ra chợ bán. Hết chuyến này họ làm chuyến khác. Chẳng bao lâu chặt trọc một khu rừng hoang. Thần lỡ lời hứa: phải để cho họ làm nhưng trong lòng rất căm tức. Sắp sửa đúng ba năm, hai anh em nhớ tới lời hẹn, bèn nhờ thợ rèn, rèn cho hai cái côn sắt nặng hàng trăm cân. Đoạn, họ đến Cồn-tàu khẩn với thần rằng: - "Chúng tôi y ước tới nộp mạng. Mời thần cho người đến lấy!".

Nói rồi cởi áo, mỗi người một côn sắt đứng đầu lưng lại với nhau thủ thế. Thần sai bộ hạ thứ nhất là hổ đen ra lấy mạng, hổ đen từ trong hang tiến

đến nhảy ngay vào mình Chín Quỳ. Chín Quỳ nhanh tay choảng cho một côn, hổ đen ngã lăn ra chết giắc. Thấy thế, thần nổi giận xung thiên, sai ngay bộ hạ thứ hai là lợn lòi ra hạ thủ. Lợn to bằng con nghé, răng nanh dài hơn gang tay, miệng đầy bọt, chạy xộc xộc xông vào người Bảy Giao. Chàng vụt luôn một côn trúng vào đùi. Lợn tuy què một cẳng nhưng được thần tiếp sức cho nên vẫn rất dũng mãnh, nhảy xô vào Bảy Gian toan cắn. Chín Quỳ quay người lại cứu anh, và cả hai người chật vật lắm mới hạ được con lợn dữ.

Thần ta thấy một lúc mất luôn hai bộ hạ đặc lực của mình thì sợ quá không dám làm gì nữa. Hai anh em đợi mãi đến chiều mới trói lợn và hổ lại đưa xuống ghe và khẩn rằng: -"Nay ngài thương chúng tôi, đã không giết lại thưởng cho thịt, chúng tôi rất cảm ơn. Vậy từ nay hủy bỏ hết những lời hứa trước". Khẩn đoạn, đem về nhà xẻ thịt cho làng xóm ăn.

Người ta nói từ đó thần hết thiêng. Mọi người đổ xô đến Cồn-tàu khai phá, cấy lúa làm ăn và bây giờ trở nên một vùng ruộng đất phì nhiêu[1].

[1] Theo báo *Tân-văn* (1935).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
75. NGƯỜI Ỏ ĐÀO VỚI GIẶC MINH

Làng Đào-đặng thuộc tỉnh Hưng-yên khi xưa có một thôn, trong thôn có nhiều con gái người đẹp hát hay, hầu hết đều làm nghề ỏ đào.

Vào hồi ấy, giặc Minh sang xâm chiếm nước ta. Sau mấy năm hành binh, chúng đặt đồn đóng quân khắp nước. Riêng thôn ấy cũng có một đồn lớn. Đồn rất kiên cố, xây bên một cái ngòi. Đây là một vùng đầm lầy lắm muỗi mà quân Minh thì rất sợ muỗi. Theo thói quen chúng bắt dân nộp vải rồi mỗi người may một cái túi kín, miệng túi có dây rút. Tối lại, toán quân ở trong đồn mỗi người chui vào túi của mình, chỉ để một kẻ thức ở ngoài thắt dây túi khi chúng đi ngủ và cởi dây khi chúng trở dậy.

Quân Minh đi đến đâu chó gà vắng đến đấy. Chúng tha hồ cướp bóc và chém giết. Chúng bắt đàn bà con gái vào đồn hầu hạ và làm đồ chơi cho chúng. Trong thôn bấy giờ có một người ỏ đào nhan sắc rất đẹp. Nàng hát hay múa khéo nổi tiếng một vùng. Quân Minh vừa đến đã bắt được nàng. Chúng rất thích: thường bắt hát để mua vui. Nàng khéo chiều chuộng, dần dần chiếm được lòng tin cậy của giặc. Mãi về sau, chúng giao cho nàng công việc thắt miệng túi hộ, lúc nào dậy lại nhờ cởi ra.

Bấy giờ vì nạn giặc Minh nên những trai tráng trong thôn đều bỏ trốn hết, chỉ còn lại có bảy người. Một hôm nàng bàn với họ mưu kế giết giặc. Nàng sẽ tìm cách làm cho họ lọt vào đồn rồi nhân lúc chúng ngủ say trong túi, khiêng ra ném xuống ngòi chết trôi ra sông Cái là mất tích.

Và từ hôm ấy nàng cùng mấy người làng cứ theo cách đó đêm nào cũng giết được một số giặc. Họ làm cho quân giặc đến đóng ở đồn chết dần chết

mòn mà chúng vẫn không biết gì cả. Lâu ngày mấy tên tướng chỉ huy thấy số quân có phần hao hụt nên chúng phải đắp bên cạnh đồn một cái đấu để đong quân. Từ khi có đấu, chúng mới biết quân mình ngày một vơi dần. Chúng ngờ có quỷ thần ám hại nên dời đồn đi một nơi khác. Người dân vùng ấy nhờ vậy mà được thoát nạn [1].

KHẢO DỊ

Tương tự như truyện trên, sách *U linh lục* có chép truyện một bà Lương ở làng Chuế-cầu, huyện Ý-yên (Nam-định). Hồi ấy quân Minh đóng ở thành Cổ-lộng. Bà lập tam dưng một ngôi hàng bên thành, dùng sắc đẹp để dò tình hình giặc báo cho nghĩa quân. Giặc Minh sợ rét, chúng thường ngủ trong túi vải lớn thắt miệng lại bằng một nút dây, sáng dậy đập tung cho tuột nút ra. Bấy giờ bà được lòng các tướng sĩ nên chúng thường nhờ thắt nút. Khi biết rõ tình hình địch, bà bí mật tin cho vua Lê. Ngày hẹn, bà làm rượu thịt mời chúng ăn uống no say; chúng ngủ ngon bên cạnh những cô gái do bà mới đưa về. Tối lại bà thắt túi hai ba nuộc thật chặt, cho bọn con gái ra mở cửa thành cho quân mai phục ủa vào. Thế là tướng soái Minh đành chịu nằm trong túi, phó cho nghĩa quân mặc sức tiêu diệt. Bà Lương sau đó được vua khen thưởng.

Cũng nên kể thêm ở đây một truyện ở Bắc-bộ tuy không phải dị bản của truyện trên nhưng có phần gần gũi:

Hồi ấy có tên tướng Đãng Diên ở phương Bắc đem hơn một trăm tàu chiến

vượt biển sang đánh ta. Mỗi tàu của chúng có đại bác bắn lên bờ rất lợi hại. Triều đình sai Ninh quân công đi đánh, có Vũ Duy Hải đi theo làm tham mưu. Duy Hải kén độ 300 ả đào nhan sắc xinh đẹp chia nhau bơi thuyền nhỏ ra các tàu giặc làm bộ lả lơ, nhưng mỗi người đều có thủ sẵn một vuông vải đỏ thừa dịp đêm tối thấm ướt nước rồi vắt nước cho chảy vào miệng súng. Sau đó họ tìm cách lên bờ trở về. Sáng hôm sau, quân ta bày trận thành hàng chữ nhất bắn xuống tàu giặc. Đại bác giặc bị ướt thuốc không bắn trả được phát nào bị đại bác ta nhận chìm rất nhiều, chúng hoảng sợ kéo buồm rút lui [2].

[1] Theo Vũ Phương Đề. Sách đã dẫn.

[2] Theo Xô-m-x-thay (Sombsthay). Ba mươi cổ tích và truyền thuyết của người Bắc-kỳ.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
76. BỢM LẠI GẶP BỢM
HAY BỢM GIÀ MẮC BẦY CÒ KE

Ngày ấy, chợ Xuân là một nơi đô hội lớn của trấn Hải-dương. Vào khoảng ngày phiên, khách buôn bán, người qua lại đông nghìn nghịt.

Ở gần chợ có một tay đại bộm sống về nghề ăn sương đã hơn mười năm. Hắn rất tài, mưu mẹo trăm khoan; khi đã có ý định lấy của ai thì dầu giữ gìn thế nào hắn cũng cuỗm được.

Một hôm, có một ông khách đến trọ ở một quán nhỏ trong chợ. Thấy tay nải nặng, hắn theo dõi khách từ lâu. Chủ quán bảo khách:

- Ở đây kẻ trộm như rươi. Tôi đã có sẵn một cái hòm lớn để khách trọ ai có đồ đạc gì thì gửi vào đây khóa chặt lại rồi nằm lên trên. Vậy ông cứ đưa tay nải để chúng tôi cất vào hòm cho.

Người khách cười, trả lời:

- Tôi có của mà lại không giữ được của hay sao? Không phải phiền ông làm gì.

Nói xong ông ta giở tay nải ra kiểm lại tiền nong rồi để ở đầu giường, gối đầu lên mà ngủ. Lúc ấy bọm ta lảng vảng ở ngoài, dòm vào thấy khách lạ lăm của, quyết định thế nào cũng làm một mẻ. Nửa đêm hôm ấy, đợi cho mọi người ngủ say, hắt khoét ngạch vào, chui xuống gậm giường. Ban đầu hắt làm y như tiếng mèo bắt chuột. Dần dần hắt làm những tiếng sột soạt ở bên cạnh chỗ khách nằm như kiểu mèo vồ chuột. Thình thoảng hắt lại cào mấy cái vào chân khách. Khách bỗng tỉnh dậy co chân đạp và lớn tiếng mắng mèo. Đến đây hắt làm y như tiếng mèo bỏ chạy đi mất.

Chờ cho khách chợt ngủ đi, hắt lại giả làm mèo đến cào vào chân như trước. Lần này ông khách tỉnh dậy tức quá ngồi lên rình bắt mèo. Nhưng lúc đó hắt đã lén lại đầu giường vớ lấy tay nải ra đi êm như ru.

Người kia đợi mèo một lúc không thấy lại nằm xuống toan nổi lại giấc ngủ, nhưng khi ngả đầu xuống gối mới biết là đã mất tay nải, bèn đánh thức chủ quán hô hoán mất trộm. Chủ quán thắp đèn lên và trách:

- Đấy, ông không nghe lời tôi nữa thôi.

Khách đáp:

- Khá khen hắt có tài nghệ. Nhưng ông cứ để mặc tôi tự tìm của đã mất,

đừng trình báo lôi thôi.

Đoạn ngược mắt lên xà nhà thấy có một cái lờ bắt cá gác trên đó, ông ta bảo chủ quán:

- Phiền ông cho mượn cái này một lát, tôi sẽ kiếm cách đi lấy tay nải của tôi về.

Nói đoạn, ông ta cầm lờ ra cửa thấy một cây cao bèn trèo lên ngọn trông ngóng. Nghe tiếng chó cắn râm ran ở xóm phía Bắc, khách tụt xuống hướng theo tiếng chó đi tìm. Đi mãi ra tận chợ quanh co hồi lâu thấy một ngôi nhà đang còn thấp đèn, ông đoán là tên trộm, bèn chui qua giậu mà vào rồi mở cổng ra. Dòm qua khe cửa, quả thấy bợm ta đang giở tay nải của mình ra khoe với vợ. Giữa lúc hai vợ chồng đang thích thú mân mê những thỏi bạc trắng tinh thì ông đứng ngoài sẽ cười lên một tiếng. Bợm ta ngạc nhiên, ngược mắt hỏi:

- Đứa nào ngoài ấy.

Đáp:

- Đàn em tin anh đêm nay được cái bống to nên đến xin chia một tý.

- À! Thằng nào đấy, mày định đến trêu ông phải không?

Nói xong bảo vợ cất bạc đi, rồi vác gậy ra toan đánh, ông khách giả cách bỏ chạy nhưng sau đó lại núp vào bụi. Bợm ta chạy ra đến cổng thấy cửa mở

rộng, bèn cứ thẳng đường đuổi mãi. Người khách từ bụi lên vào nhà lấy cái lờ úp vào đầu người đàn bà rồi phá hòm của nó lấy lại tay nải. Đoạn, ông cứ theo đường bờ ruộng lần về đến quán.

Sáng hôm sau, ông khách đang ngồi chải đầu bỗng thấy bọm ta dội đến một mâm xôi và một con gà luộc. Gặp ông ta, hấn sụp lạy và nói:

- Tôi theo nghề này đã hơn mười năm nay, thường tự nghĩ tài nghệ của mình thế này đã là rất mực, không ngờ ngoài ngọn núi này còn có ngọn khác cao hơn. Vậy tôi có chút lễ mọn đến xin làm học trò ngài.

Ông khách vui vẻ trả lời:

- Tôi cũng chơi cái nghề này từ hồi còn nhỏ, nhưng vì thấy nó không có hậu, nên giải nghệ đã lâu. Vì hôm qua anh đến lấy của tôi nên bất đắc dĩ tôi phải đem nghề mọn ra đối phó. Học làm gìnhề ấy. Hiện nay ngoài biên có giặc, anh nên cùng tôi ra đầu quân giúp nước thì hơn.

Nghe nói bọm ta tỉnh ngộ, vui vẻ theo ông khách ra đi[1].

[1] Theo Vũ Nguyên Hanh. Sách đã dẫn

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
77. QUẬN GIÓ

Ngày xưa vào đời vua Lê Thánh Tông ở kinh thành Thăng long có một tay đại bợm. Hắn đã định tâm lấy của ai là thế nào cũng có kết quả. Hắn từng làm cho bọn quan lại và bọn trọc phú mất ăn mất ngủ.

Đã nhiều lần các quan Phủ-doãn cho dò bắt nhưng hắn ẩn hiện như thần không tài nào tóm được. Vì hành tích của hắn nhanh như gió chỗ nào cũng vào lọt nên người ta gọi là Quận Gió.

Một hôm vào dịp gần Tết, nhà vua ăn mặc giả làm một người học trò nghèo đi dạo phía ngoài kinh thành để xem xét dân sự. Tình cờ vua đến gõ cửa nhà Quận Gió. Vua làm bộ túng bắn nói:

- Tôi ngồi dạy học ở phường Đồng-xuân, năm hết Tết đến được ít tiền về quê, chẳng may bị kẻ trộm lấy mất hết cả, nay xin cho trú chân một đêm mai lại đi.

Quận Gió thấy khách nói thế liền đáp:

- Tôi sẽ vì ông mà giúp đỡ ít nhiều để làm tiền ăn đường.

Vua thấy nhà y cột xiêu vách nát, hỏi:

- Nhà ông tôi coi bộ cũng không giàu có gì, làm sao mà giúp tôi được.

- Chả giấu gì ông tôi vốn là Quận Gió đây, nghe nói ông gặp vận đen, tôi

rất thương tình, vậy để đêm nay tôi cố thu xếp cho ông một món.

Nói rồi rượu mời khách uống và nói thêm:

- Tôi chỉ lấy của nhà giàu giúp người nghèo thôi, mà phải là của bất nghĩa tôi mới lấy, còn như những người làm ăn lương thiện tôi không bao giờ động đến. Bây giờ ông thử xét xem có nhà nào giàu mà gian ác bất lương cứ cho tôi biết, tôi sẽ vì ông giúp đỡ. Lấy của chúng nó không có tội vạ gì hết.

Vua nghĩ một lát nói:

- Có nhà ông Bá Vân ở phía Đông thành đấy, hẳn có cửa hàng buôn bán giàu to, giàu có cự vạn.

Quận Gió đáp:

- Nhà ấy cho vay một lớp vốn năm bảy lớp lãi, lấy được. Nhưng ta cứ nuôi cho béo rồi sẽ lấy sau.

Vua lời nói:

- Tôi thấy nhà ông gì gần đây ruộng sâu trâu nái, nhà ngói tường dặc, coi chừng thế nào?

- Không được! Nhà ấy trần lức làm ăn, trời chưa sáng đã dậy ra đồng, mặt trời lặn mới về thối cơm, cần cù như thế, không nên lấy. Thôi! Có anh quan coi kho kia hay ăn bớt của công. Hôm nay nhân thể tôi đi lấy cho.

- Thực thế à?

- Tôi đã tra xét kỹ. Hẳn lấy của công mỗi ngày một ít, đưa về quê tậu vườn tậu ruộng có đến hàng trăm mẫu.

Vua tò mò muốn biết xem tài nghệ của Quận Gió bèn đi theo, Quận Gió trước ngần ngại nhưng sau cũng bằng lòng, và bảo:

- Trước khi lấy, tôi sẽ cho ông thấy đủ tang chứng là của phi nghĩa, nhưng ông phải giữ cho thật im lặng mới được.

Đoạn bảo thầy đồ giả nai nịt gọn ghẽ rồi cả hai cùng ra đi trong đêm khuya. Đến nhà viên coi kho, Quận Gió bảo vua đứng chờ ở bụi, rồi cắt giậu tìm cách mở cửa vào nhà. Sau đó, chàng dắt vua vào buồng mở hòm lấy ra năm nén bạc đưa cho vua xem và nói: - "Đây là bạc hăn mới trộm của kho về để riêng chưa dùng đến. Thôi ông cầm lấy về quê ngày đi mà ăn Tết, đừng có la cà đâu để chúng bắt được. Tôi sẽ tìm cách làm cho hăn không biết là đêm nay có trộm".

Vua nhìn thấy trên mỗi nén bạc có mấy chữ "ngự khố bạch kim", tin lời Quận Gió là đúng và thầm khen hăn có tài. Vua đi luôn về cung, giấu bạc dưới chân thành. Sáng hôm sau là ngày nguyên đán, trăm quan vào châu chúc vua muôn tuổi. Vua cho gọi chủ kho đến hỏi:

- Nhà người đêm qua mất trộm phải không?

Thấy hăn không đáp, vua lập tức sai viên Trung sứ đến dưới chân thành lấy năm nén bạc về. Vua đưa cho hăn xem, hăn cứng lưỡi không trả lời được, đành cúi đầu nhận tội.

Quận Gió sau đó được vua vời vào cung ban cho hiệu là ăn trộm quân tử" và ban thưởng rất hậu [1].

[1] Theo Dã sử và Thực nghiệp dân báo (1924). Sách Dã sử chép Quận Gió là Phong lậu quận công .

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
78. CON MỐI LÀM CHỨNG

Ngày xưa có hai vợ chồng một nhà nghèo đói nọ, có một đứa con, chừng mười một, mười hai tuổi nhưng thông minh lanh lợi hơn người. Thiếu ăn, nhà ấy thường phải đâm đầu đi vay nợ. Một năm nợ, trời làm đói kém, hai vợ chồng phải vay nhà Bá cả vốn lẫn lãi là ba mươi quan. Tuy hạn vay đã hết, họ vẫn không thể góp đủ số tiền để trả. Chủ nợ mấy lần cho người đến đòi, hai vợ chồng nhà ấy một van nài xin khất.

Một hôm, đích thân cụ Bá tới nhà thúc nợ. Lúc tới nhà thấy đứa bé đang ngồi chơi một mình ở sân, hẳn hỏi ngay:

- Bố mẹ mày đâu.

Thấy em bé làm thinh, hẳn lại hỏi dồn:

- Có phải bố mẹ mày trốn nợ hay đi đâu thì phải nói cho thật?

Bấy giờ em bé mới lên tiếng:

- Bố tôi đi chém cây sống trồng cây chết. Mẹ tôi đi bán gió mua que.

Nghe nói, cụ Bá đứng ngẩn người, chẳng hiểu ra làm sao cả, lại hỏi dồn một thôi. Em bé tùm tùm cười:

- Ông cứ đoán đi, dễ lắm mà!

Thấy cụ bá lại hỏi nữa, em bé nói:

- Nếu ông không đoán ra thì phải cho tôi gì, tôi giảng cho.
- Mà cứ giảng đi, nếu đúng, có bao nhiêu tiền nợ nhà mà tao tha cho tất.
- Có thật không? Ông không nói chuyện đưa trâu qua đò đấy chứ.

Cụ Bá đồng dặc:

- Lời tao là lời vàng ngọc, mà lại khinh tao à?
- Nếu thế thì tôi phải đi mời một người làm chứng mới được!

Lão chủ nợ nghĩ bụng: - "Thằng này cũng đáo để lắm, nhưng ta cũng phải kiếm cách gì giã lã với nó cho qua, chả lẽ nói rồi lại thôi". Vừa thấy có một con mồi đang bò ra đớp mồi, lão bèn nói:

- Con mồi kia cũng làm chứng được đấy, mà cứ giảng đi, nếu đúng, tao hứa sẽ xóa nợ cho nhà mà.

Bây giờ em bé mới thông thả nói:

- Bô tôi đi cấy, đi cấy chả phải chém cây sống, trồng cây chết là gì. Còn mẹ tôi thì bán quạt mua tre, bán quạt mua tre chả phải "bán gió mua que" là gì.

Thấy em bé giải đáp đúng, cụ Bá khen nó một câu rồi ra về.

*

* *

Mấy hôm sau nữa, cụ Bá lại cho người đến đòi nợ. Lúc này bố em bé ở nhà. Thấy bố nó phải năn nỉ xin khất, em bé nói riêng với bố:

- Bố không cần phải khất khứa gì nữa. Hôm nợ cụ Bá đã hứa cho con tất cả nợ rồi đấy.

Người nhà của cụ Bá mắng:

- Trẻ con nói nhảm nhí, ai lại cho không mày, chúng có đâu?

- Có chúng có hẳn hoi tôi mới nói.

- Thế thì chúng có đâu?

- Trước mặt cụ Bá tôi sẽ đưa.

Cãi nhau một hồi, người đòi nợ tức mình, nói:

- Thôi, tao không thèm nói chuyện với trẻ con. Còn ông, ông hãy liệu trả đi, nếu không thì mời ông lại quan.

Nói đoạn, hẳn vùng vằng ra về.

Khi người đòi nợ ra khỏi nhà, người bố mới quay trở lại hỏi con:

- Chứng cứ là thế nào con hãy nói bố nghe. Đừng có đại mà chơi với lửa đấy con ạ!

E m bé bèn kể lại đầu đuôi câu chuyện hôm nợ rồi nói:

- Bố đừng lo trả nợ nữa, cứ để mặc con!

Cuối cùng rồi chủ nợ cũng buộc con nợ đi hầu kiện. Lên đến công đường, đã nghe quan đập bàn mắng bị cáo:

- Tên kia, mày quyết nợ của cụ Bá đây phải không?

Nghe theo lời dặn của con, bị cáo đáp:

- Bẩm quan, cụ Bá đã hứa cho con tôi số nợ ấy, chứ tôi không dám quyết.

Cụ Bá nói:

- Anh đừng nói láo. Tôi hứa cho con anh bao giờ? Chứng cứ như thế nào? Xin quan cho đòi thằng bé lên hỏi thử.

Quan lập tức cho lính đòi em bé đến. Trước mặt mọi người em bé kể lại đầu đuôi câu chuyện hôm nợ mình nói chuyện với cụ Bá như thế nào, cụ Bá hứa cho những gì, v.v... Nghe xong, quan hỏi:

- Vậy lúc ấy có ai làm chứng cho câu nói của cụ Bá hứa cho mày hay không?

- Bẩm quan, có kẻ làm chứng phân minh. Chính lúc ấy cụ Bá trở vào con mồi đang leo cột nhà bảo nó làm chứng. Có vậy tôi mới giải đố cho cụ ấy

Nghe nói vậy, cụ Bá vội cướp lời:

- Mối đậu đũa cả chứ làm gì có mối leo cột nhà.

Quan liền phán:

- Như vậy lúc ông hứa với nó quả thị có con mồi làm chứng, thế là đủ. Vậy ông phải làm theo lời đã hứa.

Cụ Bá cứng họng tiu ngriu đi ra. Còn cha con nhà nọ ra về sung sướng vì thắng lợi [1].

KHẢO DỊ

Truyện trên có một dị bản là truyện *Vũ Công Duệ*:

Vũ Công Duệ thuở nhỏ, bố mẹ rất nghèo. Một hôm cả nhà đi vắng chỉ có

một mình ông. Có một chủ nợ tới đòi nợ, cũng hỏi cha mẹ ông đi đâu. Đáp:

- "Bố tôi đi giết người, mẹ tôi đi cứu người". Người chủ nợ hỏi gặng nhưng ông không đáp. Sau hăn dõ ông nói thật sẽ tha nợ cho. Ông đưa ra một cục đất dẻo bảo người chủ nợ in bàn tay vào làm tin. Đoạn ông cho hăn biết: - "Bố tôi di nhõ mạ chả là đi giết người là gì; mẹ tôi đi cấy, chả phải đi cứu người là gì".

Hôm khác chủ nợ lại tới đòi ông đưa miếng đất có in bàn tay của hăn ra làm hăn cứng lưỡi [2].

Mô-típ trên cũng rất phổ biến ở nhiều nước trên thế giới. Sau đây là một số truyện.

Truyện của Pháp vùng Pi-các-đi (Picardie):

Một ông chúa sai đầy tớ đi đến các nhà đòi nợ. Đến một nhà nợ chỉ có một đứa bé giữ nhà. Người đòi nợ hỏi: - "Bố mày đâu?" Đáp: - "Bố tôi đi săn: những gì giết được ông để lại, những gì không giết được ông mang về". Người kia không làm sao hiểu nổi nhưng cũng không thể cạy miệng em bé, đành về báo lại cho Chúa biết. Chúa lại sai người kia đến bảo tha hết nợ cho nhà em bé nếu nó giải đáp cho câu ấy. Em bé nói: - "Bố tôi săn rận".

Truyện trên cũng phổ biến ở Nam Âu như Ý (Italia), Thụy-sĩ (Suisse) và Ti-rôn (Tyrols). v.v...

Một quyển khác *Vua Xa-lô-mông và Mác-côn* phổ biến ở nhiều nước châu Âu tuy rằng mỗi vùng kể khác nhau một vài chi tiết:

Vua Xa-lô-mông đi săn qua nhà Mác-côn, nghỉ lại đây, và hỏi anh này một số câu hỏi. Anh ta trả lời theo kiểu câu đố làm cho vua ngạc nhiên. Vua lần lượt hỏi: - "Bố mày đâu, mẹ mày đâu, anh mày đâu?" v.v... Trả lời: - "Bố tôi ở ngoài đồng, ông ta làm một thiệt hại thành hai". Vua chịu, không hiểu nổi, bắt anh giải. Anh cho biết: bố anh ở ngoài ruộng muốn rấp một con đường đi băng qua ruộng ấy, nên cắm gai góc ở đường, và kết quả là người ta lại đi ra hai bên thành thêm hai lối không trồng trọt được. Về mẹ thì Mác-côn đáp: - "Mẹ tôi đến làm cho bà hàng xóm cái điều mà bà ta không tự làm lấy được" (tức là vượt mắt cho bà hàng xóm chết, việc đó không có ai tự làm cho mình bao giờ) [3]. Về anh. Mác-côn đáp (gần giống với câu trong truyện trên): - "Anh tôi ngồi ở ngoài nhà, gặp ai là giết tất" (tức là bắt rận). Về truyện kể vua Xa-lô-mông và Mác-côn còn xem thêm ở Khảo dị truyện số 84.

Một truyện của Ấn-độ:

Ma-hăng-sa-da đi tìm một người vợ tương lai. Trên đường anh gặp một cô gái đẹp thuộc đẳng cấp cao hơn và có vẻ khiêm tốn. Qua câu chuyện, anh biết tên cô là Vi-xa-ka. Tìm cách thử xem cô có thông minh không, anh hỏi: - "Bố cô đi đâu?". Cô đáp: - "Bố tôi đi làm một đường thành hai đường" (gần giống với truyện trên có nghĩa là ông ta đi kiểm canh cây và búi gai để rấp con đường; nhưng cũng vì thế mà thành ra có hai đường [4]).

Truyện của A-rập (Arabie):

Một người nọ dự định sẽ lấy làm vợ cô gái nào trả lời được câu đố "8, 4, 2." của anh. Anh hỏi nhiều người, ai cũng trả là "14". Một hôm đi đêm gặp một người công một cô gái đẹp như trăng rằm. Anh đem câu ấy hỏi, cô trả lời: 8 là vú chó cái, 4 là vú lạc đà cái, 2 là vú đàn bà". Anh bèn hỏi cô làm vợ.

Hôm cưới, người của nhà chồng hỏi cô: - "Bố cô ở đâu?". Đáp "Bố tôi làm gần cái đã xa và làm xa cái đã gần". Lại hỏi: - "Mẹ cô ở đâu?". - "Mẹ tôi chặt một linh hồn thành hai". Lại hỏi: - "Anh ruột ở đâu?" - "Anh tôi giữ mặt trời."

Người nhà về báo lại, chàng rể đoán biết đó là bố cô ấy kết nghĩa với một bộ lạc chống lại một bộ lạc khác. Mẹ cô ấy đang đi đỡ đẻ cho một người đàn bà. Anh cô ấy đi chăn súc vật và đang chờ mặt trời lặn để trở về, v.v...
[5]

Truyện của người Ma-rốc (Maroc) cũng gần như trên: Mẹ tôi làm cho một linh hồn ra khỏi linh hồn (đỡ đẻ) và anh tôi thì phải đưa kẻ không trở lại nữa (dẫn người chết ra mồ).

Truyện ở Băng-la-dex (Bangladesh): Mẹ tôi đi làm hai người từ một người (đỡ đẻ).

Truyện của người Ka-bi-lơ (Kabyles): mẹ tôi đi nhìn kẻ mà nó chưa nhìn thấy bao giờ (một đứa mới đẻ).

Truyện Ấn-độ ở Ban-nu (Bannoue): cha tôi đi ngăn cách đất với đất (đào huyết chôn ma).

Truyện Ấn-độ từ Ca-sơ-mia (Cachemire): Mẹ tôi đi bán lời nói (làm mối)
[6]

Vân vân...

[1]_Theo Nguyễn Văn Ngọc. Sách đã dẫn.

[2]_Theo Tài trẻ nước Nam.

[3]_Một dị bản khác kể: Về mẹ thì Mác-côn trả lời: - "Mẹ tôi nấu một nồi bánh đã ăn hết", nghĩa là trước đó bà vay bánh để ăn và đã ăn hết, nay nấu nồi khác để trả nợ.

[4]_Một dị bản khác kể như sau: Ma-hăng-sa-đa hỏi người vợ tương lai: - "Bố cô làm gì?" - "Bố tôi làm một thành hai". - "Ông ấy cày phải không?" - "Vâng" - "Cày ở đâu?" - "Ở nơi mà ai đến đó đều không trở về" - "Ở bãi tha ma phải không?" - "Vâng".

[5]_Theo Bát-xê (Basset), tập II, sách đã dẫn.

[6]_Đều theo Cô-xcanh (Cosquin). Sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
79. BÙI CẦM HỔ

Vào thời nhà Lê có một anh chàng nghèo khổ quê ở Kẽ-treo sát chân núi Hồng-lĩnh tên là Hổ. Lúc còn nhỏ Hổ có đi học dăm ba chữ với một cụ đồ già. Lớn lên Hổ sống một thân một mình không cha mẹ anh em gì cả. Cuối cùng chàng phải sinh nhai bằng nghề giữ trâu bò cho xóm, gia sản chỉ có một cái tù và, một con dao và một cái giỏ.

Chàng được xóm làng dựng cho một túp lều ngã ba địa đầu sát chân núi. Trước lều có treo một cái mõ lớn. Hàng ngày sáng dậy cơm nước xong. Hổ đánh một hồi mõ ra hiệu cho tất cả các nhà đem trâu bò ra ngã ba để chàng đưa lên núi cho ăn cỏ. Chiều lại khi mặt trời vừa gác núi. Hổ lừa đàn súc vật về làng. Đến ngã ba là chàng hết phận sự vì con nào tự động về nhà con nấy không lạc nữa.

Tuy có khó nhọc, nhưng Hổ cảm thấy vui thích. Ngoài tiền gạo chàng còn có lộc. Tháng Giêng, ngày Tết hay mỗi khi nhà nào có giỗ, họ thường đem thức ăn đến biếu chàng. Vì thế, Hổ vẫn được chè mật cơm nếp ăn luôn.

Một hôm trời tối, có ông thầy địa lý đi tìm huyết đất lỡ độ đường, ghé vào túp lều của Hổ xin nghỉ chân. Hổ vui vẻ nhường chiếu nhường giường cho ông nằm, lại nhân sẵn có chè xôi dọn ra mời ông ăn. Luôn mấy ngày, ông thầy sáng đi tìm đất, tối về ăn ở trong lều của Hổ. Thấy anh chàng tốt bụng, ông thầy mới tính chuyện tạ ơn. Ông hỏi Hổ: - "Anh có muốn làm quan không? - "Tôi thế này - Hổ đáp - cũng đủ chán, còn làm quan làm gì nữa". - "Ồ làm quan sướng nhiều chứ! Còn vơng lọng ngựa xe. Kẽ hầu người hạ, còn vợ con ruộng vườn, chứ có phải như thế này đâu. Nghe thầy địa lý nói bù tai. Hổ tiếp: - "Người như tôi thì làm quan thế nào được.". Ông thầy

đáp: - "Ta làm nghề địa lý, ta có tìm được một kiểu đất chân trắng làm ngự sử?" chỉ vài mươi ngày là phát. Ta thấy anh tốt lại có phúc tướng, ta muốn cho anh kiểu đất đó".

Thấy H ồ không nói gì, thầy lại hỏi: - "Anh có biết mả cha mẹ ở đâu không?" - "Có biết mả mẹ".

Qua ngày sau, thầy địa giao cho chàng một quan hai tiền bảo đi sắm ngay đồ cải táng. Chàng nghe lời, lập tức trả bò cho xóm không chăn nữa để cùng thầy địa cất mả mẹ. Luôn mấy ngày cả xóm rất phiền vì thiếu người chăn trâu bò cho. Cuối cùng họ cũng kiếm được người thay.

Và họ đuổi H ồ ra khỏi lều để cho người kia ở [1].

Hồ cũng quyết định không ở làng nữa. Có bao nhiêu tiền, chàng giắt lưng khố làm lộ phí đi ra Bắc. Sáng đi tối nghỉ luôn mấy ngày rông. Hồ đã đến kinh đô. Sờ vào lưng thấy chỉ còn có sáu tiền. Hồ cũng bước vào hàng cơm. Hôm ấy khách ăn đang bàn tán xôn xao về một vụ án giết chồng. Hồ nghe rõ đầu đuôi. Một người lái buôn đi xa về, người vợ mua lươn nấu canh cho ăn. Chồng ăn xong thì chết. Người ta giải mụ lên quan, cho là mụ ngoại tình lập mưu giết chồng. Sau bao nhiêu ngày tra tấn, mụ vẫn kêu oan. Mãi đến gần đây mụ đã thú nhận và người ta sắp đem cho voi giày.

Nghe thủng câu chuyện. Hồ tìm đến bộ Hình xin vào gặp mặt quan thượng thư. Thấy chàng ăn mặc lôi thôi, bọn lính đuổi ra khỏi cửa. Hồ kêu to lên và cuối cùng chàng được vào. Gặp quan Thượng, chàng hết sức kêu oan cho người đàn bà vô tội. Quan Thượng bảo Hồ: - "Nhà ngươi có cách gì tỏ rõ trắng đen không?". Hồ quả quyết:

- Có, tôi sẽ làm cho mà xem. Nhưng trước hết hãy hoãn thi hành cái án tử

hình kia đã.

Hai ngày sau, Hồ mang cho quan Thượng một con rắn trông không khác gì những con lươn thường; chỉ có khác là nó hay cất đầu lên cao. Hồ nói: - "Tôi từng biết loại rắn này, nó thường ở chân núi, trông giống lươn nhưng có nọc độc, ăn vào là chết!". Đoạn ông làm thịt và nấu canh y như người đàn bà kia đã làm. Canh chín đem cho chó ăn, chó lăn ra chết quay lơ; cho một tử tù khác ăn, người tử tù ấy cũng chết nốt. Vụ án tự nhiên được tỏ rõ. Người đàn bà mắc oan được tha bổng. Tin ấy truyền đến tai vua. Lập tức vua sai triệu Hồ tới, khen ngợi chàng hết lời. Và cho chàng làm quan ngự sử. Từ đó chàng lấy tên Bùi Cầm Hổ.

Thấy Hồ còn ít tuổi lại không do thi cử mà được làm quan to, bọn triều thần nhiều người không phục. Chúng thường chơi khăm, cố ý làm cho chàng phạm lỗi để làm nhục. Một hôm có kỵ ở nhà Thái miếu, một mình Hồ đến phiên túc trực kiêm làm mọi việc trong khi vua lễ. Chúng đốt trầm trong lư hương không lót tro để khi Hồ bưng lên cho vua cầm, phải bỏng tay. Như thế một là Hồ phải vút lả xuống đất, hai là đứng im không dám động đến lư, ba là trao lư nóng lại cho vua bị bỏng, đằng nào cũng mắc tội "khi quân".

Khi nghe tiếng "dâng hương". Hồ vừa mó đến lư thì đã rút tay lại vì nóng quá. Đang lúng túng không biết làm lúc nào để bưng cái lư đến trao cho vua làm lễ, chàng chợt sáng ý xé ngay thân năm của chiếc áo tể dùng làm một thứ giẻ lót rất tốt và sau đó cả Hồ và vua đều cầm lư không mà không việc gì.

Đến khi Hồ vào quỳ đọc "chúc văn" được nửa chừng thì cây nến đang đỏ bị chúng thổi tắt, Hồ rất bối rối vì ngừng lại là vô lễ. Nhưng nhờ có trí nhớ

tuyệt vời, chàng cứ đọc thẳng một mạch cho đến lúc nển được thắp lại. Nhờ thế, vua lại càng khen ngợi Hồ.

Ở quê hương chàng thường bị nạn hán hán, ruộng đất có cây nhưng ít khi được ăn. Một lần về thăm quê, Hồ trèo lên núi Hồng-lĩnh ngắm lại cảnh xưa. Chàng biết có một khe nước trên núi Đụn chảy ra phía Đông bắc. Để bắt khe nước đó chảy về phía Tây bắc tưới vào đồng điền. Hồ cho gọi tất cả các viên quan sở tại đến hội họp trên hòn Đụn.

Hôm ấy cờ quạt võng lọng rực rỡ cả núi rừng. Chàng cho chọn những con trâu mộng cùng với cày bừa tốt, rồi bắt những viên quan ấy cày cho mấy đường từ khe sâu trên núi Đụn, men theo sườn dốc xuống thẳng phía Kê-treo. Lại bừa cho mấy đường từ phía núi Đồng-trùy ở phía Đông bắc, dồn đất lấp tịt ngọn khe cũ không cho nước chảy lan xuống đó. Tự nhiên một ngọn khe mới lập thành, dòng nước cuộn cuộn tưới cho hàng vạn mẫu đất. Từ đó một vùng Kê-treo năm nào cũng được mùa, bao nhiêu đất hoang đều biến thành ruộng tốt. Nhân dân vùng đó rất cảm ơn Hồ. Họ dựng đền thờ Hồ ở ngay chân núi bên cạnh khe [2].

KHẢO DỊ

Ở Hà-tĩnh, Nghệ-an có người kể hơi khác một vài chi tiết: Ví dụ người đi chăn trâu bò bầy và được thầy địa lý để cho ngôi đất quý không phải là Bùi Cầm Hổ mà là bố của ông. Bùi Cầm Hổ lúc trẻ được bố cho đi học ở kinh đô, nhân có vụ án mạng xử ba năm không xong, ông tiếp xúc với người đàn

bà thấy tính nết hiền lành, mới xin quan xử lại vụ án. Ông sai xây một bể vuông ba bốn mươi thước, đổ nước đầy, rồi cho người đi bắt thật nhiều lươn bỏ vào bể. Thấy có hai con nổi lên, ông sai bắt nấu cho tử tù ăn, tử tù quả chết. Ông tâu vua rằng: -"Con lươn sống được một trăm năm thì hóa thành con hoàng xà, có nọc độc, ăn vào là chết. Người đàn bà này mua lầm phải hoàng xà chứ quả không có bụng giết chồng. v.v..." [3].

Về đoạn Hồ thân oan cho người đàn bà mang tội giết chồng có phần giống với một "thoại" trong sách *Tây oan lục* của Trung-quốc. Theo sách này thì: huyện Duyện-sơn có người dân ăn lươn bị đau bụng mà chết. Xóm giềng cho là vợ giết chồng, giải quan. Quan duyệt án, ngờ là trong lươn có nọc độc bèn bảo làng chài bắt lươn được vài trăm cân đều bỏ vào vò. Có loại ngẩng đầu lên khỏi mặt nước chừng hai ba tấc. Nhặt ra được bảy con. Quan lấy làm lạ biết là loài vật đó chính là rắn giống lươn, bèn hết lòng cứu xét. Mối oan của người đàn bà từ đó mới rõ.

-
- [1]. Đoạn này theo Mạnh Sào Quan. Tài liệu đã dẫn.
- [2]. Theo truyện kể của người Hà-tĩnh và sách *Tang thương ngẫu lục* của Phạm Đình Hổ và Nguyễn An.
- [3]. Theo lời kể của người Kẻ-treo (Hà-tĩnh) và theo Bản khai những truyện dân gian: cây cỏ, chim muông, yêu ma.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
80. EM BÉ THÔNG MINH

Ngày xưa có một ông vua sai một viên quan đi dò la khắp nước tìm người tài giỏi. Viên quan ấy đã đi nhiều nơi, đến đâu cũng đưa ra những câu đố oái oăm để hút mọi người, nhưng tuy mất nhiều công mà chưa thấy có người nào thật lỗi lạc.

Một hôm, viên quan đi qua một cánh đồng làng kia, chợt thấy bên vệ đường có hai cha con nhà nọ đang làm ruộng: cha đánh trâu cày, con đập đất. Ông bèn dừng ngựa lại hỏi:

- Này ông lão kia! Trâu của lão cày một ngày được mấy đường?

Người cha đứng gần ra chưa biết trả lời thế nào thì đứa con chừng bảy tám tuổi nhanh miệng hỏi vặn lại quan rằng:

- Thế xin hỏi ông câu này đã. Nếu ông trả lời được ngựa của ông đi một ngày được mấy bước, tôi sẽ cho ông biết trâu của cha tôi cày một ngày được mấy đường.

Viên quan nghe hỏi lại như thế thì há hốc mồm sửng sốt, không biết đáp sao cho ổn. Ông thầm nghĩ bụng nhất định nhân tài ở đây rồi, chả phải tìm đâu nữa mất công. Quan bèn hỏi tên họ làng xã quê quán của hai cha con rồi phi ngựa một mạch về tâu vua.

Nghe nói, vua lấy làm mừng lắm. Nhưng để biết đích xác hơn nữa, vua bèn sai ban cho làng ấy ba thúng gạo nếp vài ba con trâu đực, ra lệnh phải nuôi

làm sao cho ba con trâu ấy đẻ thành chín con, hẹn năm sau đem nộp đủ, nếu không thì cả làng phải tội.

Khi dân làng nhận được lệnh vua ai ấy đều từng hừng và lo lắng, không thể hiểu thế là thế nào. Bao nhiêu cuộc họp làng, bao nhiêu lời bàn tán, vẫn không nghĩ ra được cách gì giải quyết cả. Từ trên xuống dưới mọi người đều coi là một tai vạ. Việc đến tai em bé con người thợ cày. Em liền báo cha:

- Chả mấy khi được lộc vua ban, bố cứ thưa với làng ngả thịt hai trâu và đồ hai thúng gạo nếp để mọi người ăn một trận cho sướng miệng. Còn một trâu và một thúng gạo, ta sẽ xin làng làm phí tổn cho bố con ta thấy kinh lo liệu việc đó.

- Đã ăn thịt còn lo liệu thế nào? Mày đừng có làm dại mà bay đầu đi đó con ạ!

Nhưng đứa con quả quyết:

- Cha cứ mặc con lo liệu, thế nào cũng xong xuôi.

Người cha vội ra đình trình bày câu chuyện. Cả làng nghe nói vẫn còn ngờ vực, bắt cha con phải làm giấy cam đoan, mới dám ngả trâu đánh chén.

Sau đó mấy hôm, hai cha con khăn gói tìm đường tiến kinh. Đến hoàng cung, con báo cha đứng đợi ở ngoài, còn mình thì nhân lúc mấy tên lính canh vô ý, lẻn vào sân rồng khóc um lên. Vua sai lính điệu vào phán hỏi: - "Thằng bé kia mày có việc gì? Sao lại đến đây mà khóc?". - "Tâu đức vua - em bé vờ vĩnh đáp - mẹ con chết sớm mà cha con thì không chịu đẻ em bé

để chơi với con cho có bạn, cho nên con khóc. Dám mong đức vua phán bảo cha con cho con được nhờ".

Nghe nói, vua và các triều thần đều bật cười. Vua lại phán:

- Mày muốn có em thì phải kiếm vợ khác cho bố mày, chứ bố mày là giống đực làm sao mà đẻ được!

Em bé bỗng tươi tỉnh:

- Thế sao làng chúng con lại có lệnh trên bắt nuôi ba con trâu đực cho đẻ thành chín con để nộp đức vua? Giống đực thì làm sao mà đẻ được kia chứ!

Vua cười bảo:

- Ta thử đấy thôi mà? Thế làng chúng mày không biết đem trâu ấy ra ngả thịt mà ăn với nhau à?

- Tâu đức vua, làng chúng con sau khi nhận được trâu và gạo nếp biết là lộc của đức vua, cho nên đã làm cỗ ăn mừng với nhau rồi.

Vua và đình thần chịu thẳng bé là thông minh lỗi lạc [1], nhưng vua vẫn còn muốn thử cho đến cùng. Qua hôm sau, khi hai cha con đang ăn cơm ở nhà công quán, bỗng có sứ nhà vua mang tới một con chim sẻ và lệnh chỉ bắt họ phải dọn thành ba cỗ thức ăn. Em bé bảo cha lấy cho mình một cái kim may rồi đưa cho sứ giả, bảo:

- Ông cầm lấy cái này về tâu đức vua xin rèn cho tôi thành một con dao để xẻ thịt chim.

Vua nghe nói, từ đó mới phục hân.

Lập tức vua cho gọi cả cha con vào ban thường rất hậu.

*

* *

Hồi đó, có một nước láng giềng lắm le muốn chiếm bờ cõi của nhà vua. Để dò xem bên này có nhân tài hay không, họ mới sai sứ đưa sang một cái vỏ con ốc vặn rất dài, rỗng hai đầu, để làm sao xâu một sợi chỉ mảnh xuyên qua đường ruột ốc.

Sau khi nghe sứ thần trình bày mục đích cuộc đi sứ, vua quan đưa mắt nhìn nhau. Không trả lời được câu đố oái oăm ấy tức là tỏ ra thua kém và phải thừa nhận sự lép vế của mình đối với nước láng giềng. Các đại thần đều vò đầu suy nghĩ. Có người dùng miệng hút mong cho sợi chỉ lọt qua, có người bôi sáp vào sợi chỉ cho cứng để cho dễ xâu. v.v... nhưng tất cả mọi cách đều vô hiệu. Bao nhiêu các ông trạng, các nhà thông thái triệu vào đều lắc đầu bó tay. Cuối cùng, triều đình đành tìm cách mời sứ thần tạm nghỉ ở công quán để có thì giờ đi hỏi ý kiến em bé thông minh ngày nọ.

Một viên quan mang dụ chỉ của vua đến nhà em bé vào lúc em còn đùa

ngịch ở sau nhà. Nghe quan trình bày ngọn ngành câu đố của sứ giả ngoại quốc, em bé không đáp, chỉ hát lên một câu:

Tang tính tang! Tính tình tang!

Bắt con kiến càng buộc chỉ ngang lưng

B ên thời lấy giấy mà bưng,

Bên thời bôi mỡ, kiến mừng kiến sang

Tang tình tang...

Rồi bảo: - Không cần tôi phải về triều làm gì. Cứ theo cách đó là xâu được ngay!".

Viên quan sung sướng lật đật trở về tâu vua. Vua và các triều thần nghe nói như mở cờ trong bụng. Quả nhiên con kiến càng đã xâu được sợi chỉ xuyên qua đường ruột ốc hộ cho nhà vua trước con mắt kính phục của sứ giả nước láng giềng.

Rồi đó, vua phong cho em bé làm trạng nguyên. Vua sai xây dinh thự ở một bên hoàng cung cho em ở để tiện hỏi han [2].

KHẢO DỊ

Trong truyện *Trạng Quỳnh* của ta cũng có đoạn kể chuyện nuôi dê đực chữa và việc *Trạng Quỳnh* đối đáp với vua Lê y như đoạn đầu của truyện *Em bé thông minh* [3]. Truyện *Thơ-mênh Chây* của người Khơ-me (Khmer) cũng có một vài chi tiết tương tự, như đoạn vua bắt dọn ba mâm cỗ với một con chim.

Loại truyện có chủ đề em bé thông minh cũng là loại truyện phổ biến của một số đông dân tộc. Dưới đây, kể sơ lược vài truyện tiêu biểu:

Một là truyện *Trạng* của đồng bào Cham-pa:

Một ông vua chỉ sinh có một nàng công chúa, ra lệnh cho các quan đi tìm người tài giỏi để kén làm phò mã. Cũng như truyện của ta, gặp một người cày ruộng, quan hỏi: - "Từ sáng tới giờ được bao nhiêu đường cày?". Người ấy không trả lời được bị quan đánh, rồi đi. Con người cày ruộng biết chuyện vội đuổi theo quan, hốt vắn lại: - "Từ lúc ra đi đến nay các quan đã qua bao nhiêu làng, bao nhiêu cánh đồng và gặp bao nhiêu người?", - "Ngựa quan phi được bao nhiêu nước đại, nước tiểu?". Các quan không trả lời được, bị em bé đánh trả.

Các quan về tâu vua, vua sai bắt em ấy phải nộp một sợi dây bằng tro dài 20 sải, "nếu không có thì chém ba họ". Em bé bảo mẹ bện rơm thành dây khoanh vào chum cho thò hai đầu dây ra ngoài đốt cháy tất cả rồi mang đến cho vua. Vua lại sai đưa một con chim én cho em, bảo dọn mười món khác nhau mỗi món một đĩa. Em bé bảo mẹ đưa tới cho vua một cái kim nhỏ nhờ đánh cho một cây dao làm thịt chim.

Vua phục tài nhưng còn thử nữa. Từ đây trở xuống truyện khác với truyện của ta. Ví dụ vua bảo làm một bánh biết nói. Em bé bèn nằm khoanh trên mâm, úp lồng bàn lại ngoài dán giấy, bảo mẹ bưng lên cho vua. Hay là vua đổ: - "Gai cam không ai vót mà sao lại nhọn?". Em bé hỏi lại. - "Cây chuối không ai bào mà sao lại trơn?". Tiếp đó vua bắt một con chim bỏ vào tay hỏi: - "Đố người, ta muốn nắm con chim hay là thả?". Em chạy đến ngưỡng cửa, hỏi lại: - "Đố bề hạ tôi muốn vào hay ra?". Vua ép lấy công chúa nhưng em không lấy, phải thả cho về.

Phần cuối, ngoài những lời đối đáp mưu trí khác của Trạng chọi lại những cuộc đố của vua và đại thần còn có việc Trạng đi tìm vợ. v.v... Trong phần này có chỗ giống với truyện *Con vợ khôn lấy thẳng chồng đại, như bông hoa lài cấm bãi cắt trâu* và truyện *Người đàn bà bị vu oan* (xem Khảo dị truyện số 47 và 109)

Người Nùng cũng có một truyện *Chiếc áo lông chim* giống với cả hai truyện *Ai mua hành tôi* và *Em bé thông minh* của ta. Ở đây thông minh không phải là một em bé mà là người vợ đẹp của một anh nông dân. Anh có bức chân dung của vợ hàng ngày mang đi theo để ngắm. Một hôm bức chân dung bị gió bay mất, một tên chúa nhật được đưa lên cho vua. Cả triều đình họp nhau để bàn cách chiếm lấy người đàn bà đẹp vẽ trong đó. Vua phái quan hỏi anh nông dân đang cày: - "Cày được bao nhiêu luống, không trả lời được thì phải nộp vợ, v.v...". Vợ anh gà cho anh hỏi lại quan. - "Ngựa ông chạy được bao nhiêu bước?". Vua lại ra lệnh phải sơn đen ba quả đồi. Vợ anh bảo anh đốt cháy trại cây cối ba quả đồi đó. Vua lại ra lệnh xe một sợi dây bằng kiến. Vợ anh bảo bôi mật cho kiến bâu đầy dây. Vua lại ra lệnh bện một sợi dây thừng bằng tro. Vợ anh lấy giẻ bện giầy đặt lên đá rồi đốt cháy.

Vua không đố nữa, sai lính bắt cóc người đàn bà về cung. Từ đây truyện

chuyển hướng. Trước khi đi, vợ giao cho chồng lúa và táo tiên dặn trả lúa và trồng táo. Khi nào thu hoạch lúa đem cho chim ăn rồi xin mỗi con một cái lông làm thành một cái áo rồi gánh táo đi bán. Chồng làm theo lời, mặc áo lông chim và gánh táo đến cung vua. Người đàn bà đang cầm bông nói được vì nghe tiếng rao của chồng. Vua cho gọi vào, và nghe lời người bán táo, vua đổi áo mình lấy cái áo lông chim mặc vào định bụng làm cho người đàn bà vui cười nhưng chó dữ trong cung tưởng ai lạ xông ra cắn chết [4].

Người Tày cũng kể như trên nhưng có thêm một đoạn đầu có mô-típ giống với truyện *Tú Uyên*(số 118, tập III).

Một anh chàng nhà nghèo thường đi làm thuê kiếm ăn. Anh có con chó khôn đi theo chủ khi làm việc. Một hôm chó bới ở bụi, anh tới nhìn thấy một quả trứng lạ, bèn đem về bỏ vào chĩnh. Từ đấy mỗi khi đi làm về lại thấy có cơm canh sẵn sàng. Một hôm lén về rình, anh bắt gặp một cô gái từ quả trứng chui ra làm công việc nội trợ. Anh ném vỡ chĩnh và trứng làm cho cô gái không có chỗ biến hình. Cô gái từ đấy là vợ anh, sau khi cho cô nuốt dừa cả và dừa con để làm xương, v.v... gọi là nàng Kháy (Kháy = trứng). Thấy vợ đẹp, anh cũng bỏ công ăn việc làm, vợ phải vẽ chân dung như truyện trên.

Về đoạn kết, ở đây vợ ra đi giao cho anh không phải táo mà là hạt giống cam và cũng dặn làm áo lông chim lông thú rồi gánh cam đến cung vua. Anh làm theo. Con chó theo anh và nhờ có chó anh mới vượt được sông rộng. Nhưng khi đến bờ bên kia thì chó tắt thở vì mệt quá. Lại đến lượt một đàn ong từ miệng chó bay ra đưa anh đi. Nhờ có ong báo tin, nàng Kháy biết chồng tới, từ đấy mới mở miệng nói cười. Trước đó vua đã cho nàng một thanh gươm và cho phép được giết ai tùy ý; khi vua thay đổi áo mũ cho người bán cam thì lập tức nàng Kháy ra lệnh chém chết.

Người Tày còn có truyện *Lai lịchông Sấm*:

Xưa có một người đàn bà đẻ ra một người con trai không tay chân, toan bỏ cho chết, nhưng người làng bảo cứ nuôi. Đứa bé rất thông minh. Một hôm bố đi bừa về bảo con: - "Có một vị thần hỏi mỗi ngày bừa được bao nhiêu đường, bố không biết làm sao mà trả lời" - "Ông ta còn đấy nữa không?", con hỏi - "Đi rồi" - "Nếu có đến hỏi nữa thì gọi con ngay". Mai thần lại đến hỏi như trước. Hôm sau nữa, bố mang con theo, thần lại đến hỏi, con đáp: - "Tôi hỏi ông thế này nếu ông trả lời được thì tôi sẽ trả lời câu hỏi của ông: Tại sao trời không cho tôi làm đất, đá, cỏ, cây, mà lại bắt làm một người không tay không chân, thế thì tôi làm sao mà sống? Ai nuôi tôi?". Thần ta không trả lời được, bèn bay về kể chuyện ấy với Trời. Trời bảo thần đưa đứa bé lên xem.

Đến nơi, Trời sai lấy khuôn dân bỏ đứa bé vào đúc, khi tháo khuôn thì thiếu mất chân. Lại bỏ vào khuôn quan thì thấy mất đầu. Lại bỏ vào khuôn vua thì thiếu tay. Trời bực mình bảo mang loại khuôn riêng của Trời ra đúc. Lần này thì thành công nhưng đứa bé bây giờ lại có quyền phép như Trời. Nó mới đuổi Trời đi chiếm lấy ngai vàng. Từ đó ấy, ông Trời cũ phiêu bạt đó đây.

Nhưng ông Trời mới vụng về không biết cách cai quản trần gian, nên mưa nắng nóng rét không phải thì, làm cho hạ giới mất mùa. Trời cũ thấy vậy giận, giẫm chân quát: - "Cái thằng không tay không chân không biết cách cai quản làm tội dân!". Mỗi lần như thế hạ giới thấy có đá rơi và có tiếng sấm sét. Từ đó mới có ông Sấm [5].

Hai là truyện của đồng bào Ba-na (Bahnar) nhan đề là *Vua Rơ, anh Hơ-rít và con thỏ*. Vua Rơ thấy con bò cái nhà Hơ-rít đẻ được một con bê rất đẹp,

mới manh tâm chiếm đoạt. Vua bắt lấy bê bảo là do bò đực của mình đẻ ra. Thỏ giúp Hơ-rít lấy lại bê, bèn kiếm củi cây "rơ nghiêng" bơi vào áo rồi đến nhà vua Rơ, nói "cha tôi mới đẻ em bé tối hôm qua thành ra mất ngủ". Thấy vua Rơ nói trên đời không thể có giống đực đẻ được, thỏ mới vặn lại: - "Sao bò đực nhà vua lại đẻ được bê?". Vua Rơ cứng họng phải trả bê cho Hơ-rít, nhưng hăn bắt Hơ-rít mang chó đến đấu với chó mình, nếu thua thì phải làm tội. Chó vua Rơ chết. Lại bảo mang lợn đến đấu, lợn vua Rơ cũng chết. Đến lượt bò cũng thế. Vua Rơ tức giận bắt voi mình ra đấu với bò. Bò chết nhưng voi cũng không sống được. Trước khi chết, bò bảo chủ đem một nửa xác của mình bỏ xuống nước, một nửa bỏ lên núi và sau đó cả hai nửa con bò đã giúp Hơ-rít thoát những nạn do vua Rơ bày ra như: một mình phải ăn hết cả thịt voi, chặt cây 15 hòn núi, tria giống trên núi đá, v.v... Lần cuối cùng Hơ-rít phải làm một cái nhà trên mặt nước. Cá nghe lời bò giúp Hơ-rít làm một cái nhà rất lạ bằng tất cả giống thủy tộc kết lại mà thành. Vua Rơ thích quá ra đây ở, nhưng đến khi nấu ăn loài thủy tộc sợ nóng nhảy xuống nước cả. Vua Rơ chết đuối, tài sản thuộc về Hơ-rít [6].

Ba là truyện của người Nga: Một người em nghèo có con ngựa cái vừa đẻ được một con. Con ngựa con chui sang nằm ở gầm cỗ xe của người anh. Sáng dậy người anh chiếm lấy, bảo là do xe mình đẻ ra. Kiện nhau lên quan. anh vì giàu có nên được kiện. Vụ kiện đưa lên vua, vua ra bốn câu đố. Câu trả lời của người em do con gái lên bảy tuổi gà hộ, được vua chú ý. Vua lại đố em bé nhiều câu oái oăm nữa, trong đó có lần giao cho 150 quả trứng bắt phải ấp trong một đêm nở con đem nộp. Cha nghe lời con luộc ăn tất cả rồi vào xin vua một thứ kể từ khi gieo đến khi có quả chỉ trong một ngày, để nuôi gà.

Vua chịu thua. Cuối cùng trước mặt vua, em bé gái nói cha mình làm nghề đánh cá trên mặt đất khô. Thấy vua ngạc nhiên "vì xưa nay chưa từng có cá sống trên đất bao giờ", em bé gái hỏi vặn lại "xưa nay cũng chưa từng có xe

để ra ngựa bao giờ. Vua khen thông minh, bắt người anh trả lại ngựa và ban thưởng cho cha con em bé [7].

Người Nga còn có một truyện khác, truyện *Người vợ thông minh*.

Một hoàng tử đi săn lạc đường vào nhà một cô gái. Cô xin lỗi: - "Vườn không có tai, nhà không có mắt nên không biết có khách đến". Hoàng tử hỏi: - "Bố mẹ và anh cô đi đâu?". Đáp: - "Bố mẹ tôi đi khóc đố, anh tôi đem 100 đồng đi lấy 5 hào". Hoàng tử cầu khẩn cắt nghĩa, cô gái cho biết: - "Vườn không tai là nhà không có chó, nếu có nó sẽ sủa mỗi khi có người lạ tới. Nhà không mắt là không có trẻ con, nếu có nó sẽ báo tin. Còn bố mẹ tôi đi đưa đám ma người ta, lúc nào trăm tuổi người ta sẽ tới khóc chia buồn nên gọi là khóc đố. Anh tôi thì cưỡi ngựa đáng giá 100 đồng để đi săn thỏ đáng giá 5 hào".

Hoàng tử về năng nặc đòi vua phải hỏi cô gái cho mình làm vợ. Thấy thế, vua ra ba điều kiện, cô gái thực hiện được mới cho lấy nhau. Lần thứ nhất vua giao một cây gai rất nhỏ bảo lấy sợi của nó dệt cho vua một cái áo. Cô gái bẻ một cái que bảo về đưa cho vua làm cho một khung cửi và thoi để dệt. Lần thứ hai như truyện trên, vua giao 100 trứng luộc bảo ấp để đến ngày cưới lấy đủ số gà dọn tiệc. Cô gái đưa một nhúm bột lúa mạch ở nồi cháo bảo vua gieo cho đủ thức ăn nuôi gà. Lần thứ ba vua bảo cô gái tới xem mặt nhưng không mặc áo mà cũng không cời trần, không cưỡi ngựa mà cũng không đi không, có tặng vật mà cũng không có. Hôm ấy cô gái đến, trên người khoác một tấm lưới sắt nhỏ mắt, tay cầm dây cương nhỏ buộc vào một con thỏ và tặng vua một con chim nhưng mở bàn tay thì chim đã bay mất, vua chịu thua, đành phải cho con lấy cô gái đó.

Thứ tư là truyện của người Lô-bi (Lobis) (châu Phi):

Một người đàn bà tự nhiên có chứa nhưng không phải ở bụng mà ở đầu gối. Một hôm đang lấy nước ở suối, bỗng đầu gối mở ra, mặt đứa con trai rơi xuống. Thằng bé đứng dậy và nói được ngay, nó tự xưng tên mình là Xê-puốc-goa.

Khi theo mẹ nó đi qua đám cỏ tranh, nó hỏi: - "Của ai đám tranh này?". "Của tù trưởng Tăng-goa đấy!" - "Có đốt được không?" - "Của người ta không thể đốt được?". Xê-puốc-goa cứ đốt, đám cỏ tranh cháy hết.

Tăng-goa biết tin, giận lắm, gọi mọi người lại hỏi: - "Ai đốt?" Xê-puốc-goa trả lời: - "Tôi". Tăng-goa giao cho em một hạt mì, bảo ngay ngày mai phải có rượu để cúng thần. Về nhà, Xê-puốc-goa tìm một hạt bầu đưa cho Tăng-goa bảo: - "Vậy mai phải có một bầu nậm từ hạt giống này để đựng thứ rượu tôi làm". Tăng-goa đành thôi. Sau đó Tăng-goa lại giao cho em một con bò đực bơi mỡ ở đít, bảo Xê-puốc-goa nuôi, khi bò đẻ sẽ chia nhau. Mai lại, Xê-puốc-goa chặt một cây sào dài đi chọc lá cây bao-ba (loại cây có lá to dùng để lót ổ). Tăng-goa hỏi: "Lấy lá làm gì?" - "Tôi lấy lá về cho cha tôi mới đẻ đêm qua" - "Đàn ông sao lại đẻ được?" - "Thế bò đực của ông sao lại đẻ con được?". Tăng-goa cứng họng, bảo: - "Mày giỏi hơn tao". Bèn tha tội [8].

Thứ năm là truyện của người Ma-rốc (Maroc) *Cô con gái người thợ mộc*:

Một người thợ mộc, vợ chết để lại một cô con gái bé thông minh tên là Aisa. Hồi ấy có ông vua thường ra những câu đố hiểm hóc bắt phải trả lời. nếu đúng thì thưởng tiền, sai thì chặt đầu. Nhiều người đã bị chết oan. Đến lượt người thợ mộc nhờ con gái nên không việc gì. Lần đầu cô giúp bố trả lời hai câu đố của vua. Sau đó để thực hiện việc "đặt một vườn rau lên lưng lạc đà", cô bảo bố lấy đất trộn phân bỏ trong một cái máng lợn gieo một số

hạt rau để độ một tuần rồi cho lạc đà chở vào cho vua. Lần sau, vua bắt ông đến hầu "vừa cười, vừa đi, vừa cười, vừa khóc", cô bảo bố tìm một con lừa con ngồi lên lưng chân chấm đất, lại lấy hành bôi làm chảy nước mắt, rồi cứ thế đến trước vua mà cười. Lần sau nữa, vua lại bắt ông may một cái áo với một khối đá cẩm thạch. Cô bảo bố đòi vua đưa đến sợi chỉ bằng cát để may. Vua chịu. và thưởng hậu, đoạn hỏi: -"Ai bày cho người"- "Con gái tôi". Vua bèn lấy cô làm vợ chính.

Một hôm có hai người tranh nhau một con ngựa mới đẻ, một người chủ con ngựa đực, một người chủ con ngựa cái, hai con vật cùng ở một chuồng và hai người luân phiên chăm sóc. Khi đẻ thì đến lượt người chủ ngựa đực chăm. Hăn nói ngựa con do ngựa đực đẻ ra vì thấy ở dưới bụng ngựa đực. Vua xử cho hăn được. Người chủ ngựa cái đứng khóc dưới cửa sổ buồng hoàng hậu ở ngay trên tòa án. Biết chuyện, hoàng hậu mách cho anh này tâu với vua: -"Tôi tria hạt lúa mì trên một đám đất ở bờ sông bị cá ăn mất cây". - Vua hỏi: - Đồi nào lại có cá ăn cây lúa". Hăn tiếp luôn: - "Vậy làm sao lại có ngựa đực đẻ con". Vua cứng họng hỏi: - "Ai bày cho đấy?"- "Tôi nghe có tiếng nói vọng qua cửa sổ, không rõ là ai". Biết là hoàng hậu mớm, vua giận, đuổi hoàng hậu về nhà bố mẹ đẻ, chỉ cho phép mang một cái hòm về, bỏ gì vào hòm cũng được. Đêm lại hoàng hậu cho vua ăn một chất thuốc ngủ. Chờ vua ngủ say, nàng bỏ vua vào hòm, sai khiêng về nhà bố. Khi vua tỉnh dậy hoàng hậu nói: - "Theo lệnh của vua tôi chỉ được mang một cái hòm. Vậy thì tôi bỏ vào hòm cái mà tôi quý nhất" [9].

Thứ sáu là truyện của người Mèo *Hoàng tử Cam*:

Một ông vua có hai vợ. Thứ phi không có con thường bị vua ghét. Bà ta buồn, bỏ đi cầu tự. Một lần đi trẩy cam cùng mọi người. Thấy trên một cây cam có một quả chín mọng, bà hái ăn, từ đó có mang sinh được một hoàng tử thông minh, nhưng vì chính phi ghen vu cho bà chữa hoang nên mẹ con bị đuổi ra ngoài cung để chờ ngày xét xử.

Một hôm vua cho gọi các quan lại, phán: - "Hãy làm một bữa cỗ có thịt đàn bà có râu. Các quan không ai hiểu nổi ý vua. Một ông quan già trở về đi qua chỗ giam hai mẹ con thứ phi. Em bé chạy ra hỏi: - "Có gì mà ông có vẻ lo lắng?". Ông này không đáp nhưng sau thấy em hỏi gặng bèn kể cho nghe: - "Cũng dễ tìm thôi", em nói - "Tìm ở đâu?" - "Đàn bà có râu là con dê cái". Về kể với vua, vua khen lão quan thông minh. Vua lại ra lệnh tìm hoa bốn màu. Lão quan lại đi hỏi em bé - "Đó là hoa cây thuốc phiện (trắng, hồng, xanh, tím nhạt)". Vua lại ra một câu khác: - "Món gì ăn có đủ năm vị?". Cũng nhờ có em bé mà lão quan trả lời được, đó là trầu (nồng, cay, đắng, chát, ngọt). Vua lại bắt tìm cho vua một thứ gì "tam biến hiện hóa". Lão quan lại được em bé cho biết đó là mây. Cuối cùng vua lại đổ. Cái gì nhọn nhất? Em bé giảng cho là nước nhọn nhất.

Mấy lần giải đáp thông suốt, lão quan được vua khen ngợi và ban cho quyền cao chức trọng. Sợ để em bé lại thì có ngày lộ chuyện, nên một hôm lão quan nhắc vua xử ngay vụ án thứ phi chữa hoang kéo dài lâu e mất danh giá. Vua bèn sai dọn tiệc linh đình mời hoàng tử (tức em bé) về dự, trong tiệc có chén rượu thuốc độc. Không ngờ hoàng tử uống xong bỗng lớn phồng như thổi làm cho vua quan sợ quá bỏ chạy ra ngoài thành. Cuối cùng bị hổ ăn thịt. Hoàng tử mời mẹ về cung [10].

Người Miêu (Trung-quốc) lại có truyện *Nàng dâu thông minh* hoàn toàn khác với truyện trên:

Một chàng trai lấy được vợ thông minh nhưng lại không được lòng mẹ chồng. Bà này cai quản trong nhà, thường buộc làm nhiều cái oái oăm. Một hôm bà bắt họ phải mua thịt nhưng "không nạc, không mỡ, không xương". Nàng dâu bèn mua cỗ dạ dày. Lần khác, bà bảo làm một công việc "dưới sạch quang, trên vàng ánh". Vợ bảo chồng đi nhổ cỏ vườn chè. Lần thứ ba

bắt làm một việc mà "phía trên như mặt trời mọc, phía dưới như hoa tuyết rơi". Vợ cùng chồng đi cửa gỗ (trên mặt gỗ trắng và nóng, dưới mùn cửa rơi). Lần khác, bà bảo phải đun cơm cho người ta ăn, những người này "qua sông bằng cầu nhưng không cất bước". Nàng dâu bèn làm cơm nắm đưa cho người đi dò ngang ăn. Vào ngày Tết, bà bảo già bột làm bánh nhưng phải dùng gạo nếp ba đấu ba, bốn đấu bốn, một đấu một, rồi lại một đấu hai. Nàng dâu đong vừa đúng một thạch (10 đấu) gạo nếp, đồ xôi rồi già thành bánh giầy. Sau Tết, bà bảo dâu về thăm quê ngoại nhưng phải mang về ba thứ quà: củ cải trắng lòng đỏ, ba ba không chân, đầu tôm hàm không ngạnh. Nàng dâu trở về mang một giỏ trứng gà, một chiếc bánh giầy, và một nắm bánh phồng.

Thấy dâu làm đúng không cãi được, mẹ chồng tức uất lên mà chết.

Nhưng lại đến lượt ông vua phải lòng cô gái thông minh. Để có cơ bắt nàng, lần đầu vua buộc nàng phải tìm một tấm vải che kín trời. Nàng nhận lời nhưng hỏi lại vua xem trời rộng và dài bao nhiêu để may cho đúng. Lần khác, vua bắt nộp một con lợn đầu to như đỉnh núi, mình dài như sườn núi. Nàng hỏi lại trọng lượng của đỉnh núi và chiều dài của sườn núi. Vua chịu, lại bắt nộp một con gà trống đẻ trứng. Cũng gần như truyện của ta và các truyện vừa kể, nàng theo lính về triều. Vua hỏi: - "Sao chồng nàng không cùng đến?". Đáp: "Chồng tôi đang ở cữ". - "Sao đàn ông lại đẻ con được?" - "Vậy thì làm gì lại có gà trống đẻ trứng". Vua choáng váng, đành để người đàn bà tự do trở về [11].

Về chi tiết sâu chỉ qua đường ruột ốc, Trung-quốc có truyện *Sứ giả vua Tạng đi cầu hôn*, có nói đến tài trí của một viên sứ thần thay mặt vua cha đi cầu hôn con gái vua Đường. Vua Đường ngại xa không muốn gả công chúa nhưng cũng không tiện từ chối, mới ra những chuyện đồ oái oăm để cho sứ ta nản chí. Nhưng qua năm lần đồ là năm lần sứ giả được cuộc. Trong đó có một lần vua Đường sai đưa ra một viên ngọc trong có lỗ quanh co xuyên

qua, bảo sứ thần hãy xâu cho được một sợi chỉ. Cũng như truyện của ta, sứ giả nước Tạng buộc chỉ vào lưng một con kiến càng, mặt kia bôi mật. Kiến quả ngửi thấy mùi mật bò sang, mang theo cả sợi chỉ [12].

Người Triều-tiên có truyện *Khổng Tử và cô gái*:

Một hôm Khổng Tử đi chơi có 3.000 học trò đi theo, thấy ở giữa đồng có một cây ăn quả, hai bên cây có hai cô gái ngồi hái quả ăn. Cô ngồi phía mặt trời lặn mặt trắng, đẹp, còn cô ngồi phía đối diện mặt vàng, nhan sắc kém thua. - "Ồ, chị này đẹp thật!", Khổng Tử chỉ vào cô thứ nhất nói thế - "Vâng, nhưng khi phải xâu sợi chỉ qua 90 lỗ của một cái khóa thì sẽ biết là người phía Đông chứ không phải phía Tây", cô kia đáp. - "Cô ấy da xấu lại có vẻ khờ dại". Nói rồi ông đi. Nhưng khi vào chầu, không ngờ vua đưa cho ông một cái khóa đục 90 lỗ, bảo: - "Ông là bậc thánh hãy xâu sợi chỉ vào các lỗ này cho ta". Khổng Tử bối rối, sức nhớ tới cô gái ngồi phía mặt trời lặn nhưng lúc đến thì cô này đi vắng. Khổng Tử nhờ cô kia giúp. Cô gái liền cầm lấy khóa nhúng vào mật. Đoạn buộc một sợi to vào cặng kiến. Kết quả khi ăn mật kiến đã xâu qua các lỗ. Khổng Tử mừng hỏi: - "Cô là ai mà giải được bài toán khó này". Cô kia đáp - "Tôi là người nhà Trời xuống giúp ông, vì ông phải là người trả lời được thông suốt những cái mà người ta hỏi" [13]. Đoạn cô bay lên trời trước mặt Khổng Tử.

Người Nhật-bản cũng có hai quyển cùng một chủ đề nhưng nhân vật chính không phải em bé mà là người già.

Truyện thứ nhất, từng chép trong sách *Makura no sôshi (Thẩm thảo chi)*, ở thế kỷ X:

Ngày xưa có một ông vua không ưa người già, ra lệnh bắt những kẻ đến tuổi bốn mươi phải chết. Một ông tướng có hiếu thấy thế bèn đào lỗ trong

nhà làm chỗ trốn của bố mẹ đã gần bảy mươi. Vua Trung-quốc toan chiếm nước này, trước hết tìm cách xem nước ấy có người tài hay không, mới đưa một khúc gỗ bào trơn, hai đầu bằng nhau, hỏi đấng nào ngọn đấng nào gốc? Không một ai trả lời được. Ông tướng nhờ bố mách nên tìm ra một cách láném khúc gỗ xuống dòng nước chảy, đấng nào hướng ngược lại dòng nước là ngọn [14]. Vua Trung-quốc lại cho đưa sang hai con răn giống nhau hỏi con nào cái con nào đực. Được bố mách, ông tướng lại bảo lấy cành lá nhỏ cọ nhẹ vào đuôi, con nào cựa quậy là cái. Về sau vua Trung-quốc lại sai mang một viên ngọc bắt phải xâu một sợi chỉ qua đường ruột ốc. Ông tướng lại theo mưu kế của bố, buộc chỉ vào hai con kiến lớn, một đầu bôi mật và quả thành công.

Nhận thấy tài năng của ông, vua Nhật toan ban cho chức tước, nhưng ông ta chỉ xin phép cho bố mẹ mình đang trốn tránh được về ở kinh đô.

Trong truyện thứ hai cũng có một ông chúa ra lệnh thủ tiêu tất cả người già. Một chàng hiếu tử công mẹ vào rừng sâu đi trốn. Bà già thả cành lá ở những chỗ đường rẽ. Con hỏi mẹ, mẹ cười không đáp, nhưng khi con về nhờ có cành lá mới nhận ra đường.

Sau đó con lại công mẹ về giấu ở chạn lúa. Lúc này chúa ra lệnh phải nộp một dây bằng tro và một thân cây làm sao cho đầu và đuôi to nặng bằng nhau. Mọi người không làm sao nghĩ ra. Chàng hiếu tử hỏi bà mẹ. Mẹ bày cho con bện dây rơm rồi đốt để có dây bằng tro, và đánh nhiều vào đấng đầu cây, rồi đem nhúng nước, ngấm nước thân sẽ phồng to như đấng gốc, thả xuống nước nặng ngang như gốc. Khi đưa nộp, chúa hỏi ai bày, anh không dám giấu sự thực. Chúa mới nhận ra một sự thực: kinh nghiệm của người già giúp ích tho xã hội. Bèn bãi lệnh giết người già và bảo chàng hiếu tử về chăm sóc mẹ [15].

Giống với truyện Nhật-bản, người Bun-ga-ri (Bulgarie) cũng có truyện *Tại saophải kính trọng người già?* Ở đây cũng có một ông vua tàn bạo hạ lệnh giết người già. Chỉ còn sót lại một người bố của một quý tộc giấu ở một nơi bí mật. Vua có con ngựa quý bất kham, theo lời mụ phù thủy, vua bắt các quý tộc phải nộp dây thòng lọng bằng cát mới thuận được. Nhờ người bố bày mưu "tâu với vua xin một cái làm mẫu", nên vua đành chỉ lệnh ấy. Sau đó gặp đại hạn kho lẫm trống rỗng, vua ra lệnh tìm cho được hạt giống, nếu không sẽ xử tử. Nhờ người bố bày mưu bảo nông dân đi đào các tổ kiến nên kiếm được hạt giống. Vua khen, hỏi: - "Ai bày?" - "Nếu tôi nói thật, bệ hạ sẽ giết tôi mất". - "Ta sẽ không chạm đến sợi tóc của người".

Khi biết sự thật, vua bãi lệnh giết người già, lại bắt dân không được coi thường người già; ra đường phải nhường họ đi trước [16].

Ba truyện trên đều có nguồn gốc từ Ấn-độ. Trong *Đại tạng kinh* có kể: xưa có một nước tên là Khí-lão (loại bỏ người già). Một viên quan có hiếu cũng đào lỗ cho bố trốn tránh, có một vị thần bắt ông vua nước ấy phải giải đáp các câu hỏi, nếu không trả lời được thì trong bảy ngày sẽ phá tan tành cả nước.

Cũng như trên, ông vua ấy nhờ có bố viên quan mà giải đáp được: lần đầu chỉ đúng hai con rắn đực cái, lần thứ hai chỉ đúng gốc và ngọn của khúc gỗ. Và cũng nhờ đó cái lệnh đuổi người già bị bãi bỏ [17].

Trong *Tập bảo tàng kinh* có đến hai truyện cũng một chủ đề như trên nhưng ở đây lại dùng kinh điển tôn giáo để giải đáp một số các câu đố, v.v... [18].

Một loạt truyện khác tuy hình tượng không giống với các truyện trên nhưng

lại cùng một chủ đề, tức là dùng thông minh để biện bạch giúp những người bị phân xử bất công. Sau đây là một vài truyện:

Truyện Mã-lai (Malaysia):

Một người mượn búa của người khác. Khi người này đòi, hắn nói búa đã bị mối ăn mất. Vua sai hoẵng Pơ-lăng-đốc xử. Hoẵng dội nước ướn lông rồi lăn lên trên tro. Vua hỏi: - "Sao lại bắn thế?" - "Tôi đi tắm thấy biển nổi lửa, tôi phải dập cho tắt nên lông đầy tro". - "làm sao lại có biển nổi lửa được nhỉ?". Người kia nói theo: - "Tôi chưa từng thấy bao giờ". Hoẵng liền đáp: - "Đúng thế. Cũng giống như búa sắt vậy, tôi chưa từng thấy mối ăn bao giờ". Vua bắt người kia phải bồi.

Truyện Ấn-độ:

Một tên trộm bắt trộm một con ngựa đang buộc ở cây, người ta đưa nó ra quan tòa chồn, hắn đổ cho cây ăn mất ngựa. Quan tòa nói: - "Đêm qua biển nổi lửa ta phải ôm từng ôm rạ quăng vào lửa để dập tắt, nay ta mệt không xử được hãy để đến mai". Tên trộm nói: - "Làm sao ngài lại làm tắt lửa bằng rạ được?" - "Thế thì làm sao lại có cây nuốt ngựa được".

Truyện Ấn-độ (vùng Păng-jáp (Pendjab)):

Một con ngựa con mới đẻ trong đêm. Sáng ra thấy nó đứng ở gần một cái máy ép dầu, chủ máy này nhận là của mình. Vua xử cho hắn được. Chủ ngựa cầu cứu với chồn. Chồn đến trước vua làm bộ ngã hai ba lần, ngất đi. Vua hỏi lý do. Đáp: - "Đêm qua biển bốc lửa, tôi phải múc nước dội để dập tắt nên mệt quá!" - "Mày nói gì lạ lùng vậy. Làm gì có biển bốc lửa". - "Cũng vậy thôi! Làm gì có máy ép dầu đẻ ra ngựa" [19].

Truyện Cấm-pu-chia:

Có hai người đặt bẫy thú: một người đặt dưới đất, một người đặt trên cây. Sáng dậy người sau đi thăm trước, thấy bẫy người trước được một con hươu, còn của mình không có gì cả. Bèn bắt hươu bỏ vào bẫy của mình. Việc đưa lên quan, quan xử cho người có bẫy trên cây được. Thỏ bày giúp người đặt bẫy dưới đất nói với quan rằng vì thấy một đàn cá leo lên cây hái quả ăn, nên đến hầu chậm. Quan đập bàn: - "Nói không thể tin được. Đòi thưở nào có cá trèo cây". - "Vậy thì, thỏ đáp, đòi thưở nào có hươu trèo cây chui vào bẫy" [20].

Xem thêm truyện *Trạng Hiền* (số 81) sau đây, và truyện *Gái ngoan dạy chồng* (số 88).

-
- [1].Theo Nguyễn Văn Ngọc. Sách đã dẫn.
[2].Theo lời kể của người miền Bắc.
[3].Xem Văn Tân. Văn học trào phúng, tập I.
[4].Theo Truyện cổ tích miền núi.
[5].Theo Đơ-jor-jơ (Degeorge), đã dẫn.

Về truyện này, người Lào và người Thái kể có khác về chi tiết. Người Lào kể: một vị thần Bơ-ra-ma đầu thai thành một đứa bé chân tay ngắn ngủn. Thần In-đơ-ra muốn cải tạo lại bèn mang lên trời giao cho Ngọc Hoàng (Then). Ngọc hoàng đúc khuôn đồng không thành. Lại đúc khuôn bạc, rồi vàng, rồi thủy tinh, đều không thành. Ngọc Hoàng trả lại. In-đơ-ra bèn đúc khuôn kim cương hóa ra tốt đẹp như In-đơ-ra. Mừng lắm bèn cho đầu thai vào lòng nàng Ma-li-ka 10 năm mới đẻ đặt tên là Ra-pha-na-xu-an. Lên ba hăm đã học hết khoa học. Hăm đòi vua một nước nọ phải gả công chúa cũng mới lên ba. Ông vua này thấy hăm hỗn xược, cũng đành phải gả nhưng xin thiên thần cho mình một đứa trai khác để chế ngự hăm. (Truyện *Ramayana* của Lào).

Người Thái kể đoạn đầu như của người Tày. Khi đứa bé (ở đây tên là Lan Phắc) gặp Thiên Thần (ở đây là Ngọc hoàng = Then) thì nó hỏi vặn lại: - "Ngựa của ông đã để lại bao nhiêu dấu ở dọc đường?". Ngọc hoàng cứng họng bèn đến gần, nhìn rồi nói: - "Tại sao cục thịt này lại nghe được nói được?". Lan Phắc đáp: - "Khi đã là người thì ai cũng muốn đẹp. Còn tôi thì rất xấu hổ. Vậy tôi muốn ông làm cho tôi tốt đẹp như như người". Ngọc hoàng y lời đúc lại, lại cho hăm mượn ngựa cưỡi lên trời dạo chơi. Bọn trẻ con Ngọc hoàng nói với nhau: - "Sao có kẻ nào cưỡi ngựa của bố ta". Lan

Phắc quay trở về bảo Ngọc hoàng: - "Ông làm cho tôi được đẹp như ông". Ngọc hoàng lại đúc lại. Hắn lên trời vẫn nghe bọn trẻ con thì thào: - "Người này giống bố nhưng không phải bố". Hắn lại về xin làm cho giống Ngọc hoàng như đúc. Lần này lúc lên, Lan Phắc được vợ con Ngọc hoàng quần quýt vì tưởng chính Ngọc hoàng đã về.

Sau đó Lan Phắc lại xuống bảo Ngọc hoàng: - "Ông hãy chịu khó ở dưới đó vì ông chưa phải là thần tối linh: người nghèo quá nghèo, người giàu quá giàu". Đoạn trở về thừa hưởng mọi thứ của Ngọc hoàng.

Ngọc hoàng giận vì bị phản bội, giẫm chân thì đất sụt rơi xuống thế giới Diêm vương. Từ đó vì có cơn giận của Ngọc hoàng nên thỉnh thoảng lại có một lần động đất dữ dội. Về sau khi nghe có người nói: - "Xin ngài bớt giận, dầu sao Lan Phắc vẫn còn sống". Ngọc hoàng then không làm động đất dữ dội nữa. (Theo La-phông (Lafont): *Cốt tích Phu-thai*, BSEI, tập XLVI, số 1 - 1971).

[6]_Theo *Mọi Kon-tum* của Nguyễn Kinh Chi và Nguyễn Đồng Chi.

[7]_Theo *Gà đất hơn trâu*, bản dịch của Thục Đoan.

[8]_La-bua-rê (Labourer). Những bộ lạc người Ra-mô (Lô-bi).

[9]_Theo Mô-ha-mết En Pha-si (Mohamed El Fasi) và Đéc-men-ghem (Dermenghem). *Truyện cổ tích xứ Phe-dơ (Ma-rốc)*.

[10]_Theo Doãn Thanh. Sách đã dẫn.

[11]_Theo *Truyện dân gian Trung quốc* (Thái Hoàng và Bùi Văn Nguyên dịch).

[12]_Theo *Trung quốc dân gian cổ sự tuyển* của Giả Chi và Tạ Kiếm Băng.

[13]_Theo Ga-rin (Garin). Sách đã dẫn.

[14]_Tình tiết này giống với tình tiết trong *Truyện Trạng Quỳnh* của Việt-nam.

[15]_Theo Nắng Mai Hồng. *Chàng láu giết rồng*.

[16]_Theo Nắng Mai Hồng. *Chàng láu giết rồng*.

[17]_Theo BEFEO, tập XV, số 3 (1915).

[18]_Theo Sa-van-nơ (Chavannes). Sách đã dẫn.

[19]_Đều theo Các-đông (Cardon). Sách đã dẫn.

[20]_Theo *Truyện dân gian Căm pu-chia*, đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
81. TRẠNG HIỀN

Vào thời nhà Trần, ở một làng nọ bây giờ thuộc về Nam-định có một em bé tên là Hiền. Hiền được cha mẹ cạo đầu làm tiểu, cho ở với một ông sư trên chùa. Hàng ngày, Hiền phải hầu hạ sư, quét dọn chùa và làm các công việc vặt rồi mới được sư dạy cho học. Thế nhưng Hiền học một biết mười, chả mấy chốc đã nổi tiếng thần đồng.

Một hôm, Hiền quét chùa, nhân đề nghịch vào lưng một pho tượng mấy chữ "đày ba ngàn dặm". Đêm ấy hòa thượng trụ trì nằm mộng thấy một vị tôn giả đến từ già mình, bảo rằng có việc phải đi xa. Tỉnh dậy hòa thượng trong bụng lấy làm phân vân, khi nhìn thấy lưng tượng Phật có mấy chữ Hán, đoán biết là chữ của Hiền, vội quát bắt phải lấy nước rửa ngay. Đêm hôm ấy hòa thượng lại mộng thấy vị tôn giả tới cảm ơn mình. Từ đấy cả chùa đều đoán Hiền sẽ làm nên sự nghiệp hơn người.

Năm 12 tuổi, Hiền đi thi và đậu luôn Trạng nguyên. Khi Hiền vào bái mạng trước sân rồng, vua thấy Trạng bé loắt choắt trong bộ áo mũ quá khổ, bèn phán hỏi:

- Trạng học với ai?

Hiền đáp ngay:

- Tôi bệ hạ, tôi lúc nhỏ ở chùa không học với ai cả, chỉ khi nào không hiểu mới hỏi nhà sư một vài chữ mà thôi.

Vua thấy Trạng đối đáp cộc lốc, cho là trẻ con chưa biết lễ phép bèn cho

Trạng về nhà học lễ phép trong ba năm, sẽ lại cho làm quan.

*

* *

Hồi ấy có sứ nhà Nguyên đưa sang ta một câu đố để thử xem nước Nam có nhân tài chẳng. Triều đình nhà Trần mở quốc thư ra chỉ thấy có bốn câu thơ chữ Hán:

Lưỡng nhật bình đầu nhật,

Tứ sơn diên đảo sơn,

Lưỡng vương tranh nhất quốc,

Tứ khẩu tung hoành gian [1]

Cả vua lẫn quan đều ngẩn ra, không biết làm sao mà đoán được. Mấy ông cụ già trong Viện Hàn lâm, trong Quốc tử giám vắt óc suy nghĩ nhưng lâu lắm vẫn không tìm được câu trả lời. Mãi về sau có người nhớ đến Trạng Hiền, vua vội sai một viên quan văn đi mời ngay Trạng về triều để may ra có thể giải quyết điều bối rối cho cả triều thần.

Viên quan không quản ngày đêm, phi ngựa nước đại tìm về làng Trạng, thấy một lũ trẻ đang đùa nghịch ở gốc đa đầu làng, quan thử ra một câu đối để dò xem Trạng có mặt trong đám ấy chăng:

- *Tự (字) là chữ, cất giăng đầu, chữ tử (子) là con: con ai con ấy?*

Hiền tay vẫn chơi đùa, miệng đáp lại ngay:

- *Vu (于) là chường, chặt ngang lưng, chữ đinh (丁) là đứa: đứa nào đứa này .*

Đáp đoạn, bỏ chạy về nhà. Khi viên quan tìm được vào nhà thì thấy Hiền đang đun bếp. Hăn lại ra một câu đối:

- *Ngô văn quân tử viễn bào trù, hà tu mị tảo* (Tôi nghe người quân tử xa chỗ bếp núc, sao lại nịnh ông Bếp).

Hiền đối đáp lại:

- *Ngã bản hữu quan cư đình nại, khả tạm điều canh* (Ta vốn ở ngôi khanh tướng nhưng nay tạm nê canh).

Biết đích là Trạng, viên quan đưa chiếu chỉ của nhà vua, mời Trạng về triều để hỏi một việc quan trọng. Nhưng Hiền lắc đầu nói: - "Trước đây vua bảo ta không biết lễ phép, nhưng chính vua không biết lễ phép nữa là ai". Nói rồi nhất định không chịu đi.

Về sau vua phải cho quân gia mang cờ quạt võng lọng đến đón Hiền vào

triều. Trước mặt sứ thần của một cường quốc, ông trạng nhỏ tuổi ấy cầm cục than viết ra một chữ "điền" (田) giữa sân rồng. Thấy giải đáp đúng, sứ thần lặng lẽ rút lui. Vua và đình thần thở dài khoan khoái. Về sau, vua ban thưởng cho Trạng rất hậu và tuy Trạng còn ít tuổi cũng phong chức thượng thư[2].

[1] Bốn câu thơ này nghĩa là:

Hai mặt trời bằng đầu nhau (đồng thời có nghĩa là có hai chữ nhật 日).

Bốn hòn núi nghiêng ngả (tức là có bốn chữ sơn 山).

Hai vua tranh một nước (tức là có hai chữ vương 王).

Bốn miệng ngang dọc trong khoảng đó (tức là có bốn chữ khẩu 口).

[2] Theo *Nam hải dị nhân liệt truyện* của Phan Kế Bính. Xem thêm truyện *Nợ như chúa Chổm* (số 44).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
82. THẦN GIỮ CỦA

Ngày xưa ở vạn Lai-triều thuộc trấn Sơn-nam có một người lái buôn nước ngoài sang ta sinh cơ lập nghiệp. Sau mấy chục năm nhờ có mảnh khố tích trữ: buôn lúc đầu mùa, bán khi giáp hạt, lãi mẹ đẻ lãi con, hăn trở nên giàu có lớn. Trong nhà hăn vàng bạc châu báu kể có ức vạn, những tay vương hầu cơ hồ không ai ăn đứt.

Khi trong tay đã có tiền ròng bạc chảy, hăn nghĩ đến chuyện chuyển của về nước để cho con cháu bên đó hưởng. Nhưng ngặt một nỗi hồi ấy triều đình ta có lệnh cấm rất nghiêm, không cho khách nước ngoài đưa vàng bạc ra khỏi bờ cõi. Đã có nhiều người lén lút đưa ra nhưng không che được mắt nhà chức trách nên của cải bị tịch thu, còn người thì bị đuổi ra khỏi nước. Vì thế, hăn mới nghĩ ra cách giấu một số vàng bạc ở bên này để rồi ngày sau, chờ khi có cơ hội tốt, con cháu hăn sẽ sang lấy về. Hăn chuẩn bị việc đó rất kỹ lưỡng. Lấy cớ thờ Phật, hăn sẽ xin phép làng sở tại dựng một ngôi chùa trên một cái đồi hoang gần nhà. Và trong khi đào móng làm chùa, hăn sẽ bí mật xây một cái hầm chôn của ăn sâu xuống dưới đất. Còn việc bảo đảm cho của khỏi mất, hăn sẽ tìm một người con gái còn đồng trinh chôn luôn bên cạnh vàng bạc để làm thần giữ của. Nếu không phải là người hô đúng tín hiệu mà hăn ước hẹn với thần thì đừng hòng đưa một ly của cải lên khỏi mặt đất. Thần sẽ vật chết bất cứ một người lạ nào đến cửa hầm. Khi mưu tính đã kỹ lưỡng, hăn bèn để ý đi tìm một người con gái còn đồng trinh.

Hồi ấy ở trong vùng có một ông giám sinh, nhà không một mảnh đất cắm dùi. Ông có một cô con gái tuổi mới mười tám, chưa có chồng. Nghe tin, người khách buôn vội mang cau rượu đến hỏi cô gái về làm vợ lẽ. Tuy biết hăn giàu có, con mình có thể được nơi nương tựa, nhưng ông giám sinh

không chút bằng lòng vì không những ông không muốn gả con cho người nước ngoài mà ông còn ghét cái thói con buôn, cho vay nặng lãi của những bọn như hăn. Hăn cũng biết thế, bèn đặt lên mâm một trăm lạng vàng, nói là xin đưa làm sính lễ. Trông thấy những nén vàng sáng chói, ông giám sinh nghĩ đến mấy món nợ chưa cách gì trả được. Cuối cùng ông đành nhận lời gả con cho hăn.

Từ khi lấy vợ về, người khách buôn cho nàng ở một buồng riêng. Hăn rất chăm chút, rất ghen tuông, nhưng có một điều là chẳng bao giờ ăn nằm với nàng. Cả đến cá thịt hành tỏi hăn cũng không cho ăn lấy cớ là phải ăn chay niệm Phật. Ba tháng một lần, hăn lại cho nàng một bộ xống áo mới.

Cứ như thế sau hai năm, cô gái vẫn phòng không bóng chiếc.

Một hôm, nàng cố xin phép chồng về nhà thăm cha. Từ chối mãi không được, bất đắc dĩ hăn phải để cho đi nhưng căn dặn phải kiêng khem và phải trở về ngay. Cha con lâu ngày không gặp nhau, mừng mừng tủi tủi. Ông giám sinh tỉ tê hỏi:

- Từ khi con ra đi, cha rất hối hận. Nếu nhà ta không túng đói thì con đâu chịu cảnh lẽ mọn này. Vậy thường ngày nó đối đãi với con ra làm sao? Vì sao đã hai năm chưa sinh nở gì cả?

Nghe cha hỏi thế, cô gái khóc lóc kể hết sự tình. Ông giám sinh ngạc nhiên:

- Thôi rồi! Chắc là nó chọn con làm thần giữ cửa, không nghi ngờ gì nữa. Vậy con có thấy trong nhà nó có chuyện gì lạ không?

- Trước kia, ăn cơm tối xong là nó khóa cửa ngủ ngay. Chỉ có độ vài tháng

nay tối nào cũng thấy bố con nhà nó vác cuốc thuê đi, gần sáng mới lại về.

Nghe nói, ông giám sinh kêu lên: - "Thế là việc sắp đến nơi rồi đó!". Suy nghĩ một chốc, ông đi lấy hạt vừng và hạt cải gói lại một gói đưa cho con và dặn rằng:

- Con hãy về sớm cho nó khỏi ngờ. Hễ lúc nào nó đem con đi đâu thì nhớ rắc những hạt này xuống bên lối đi, để cho cha biết mà tìm.

Từ đó, ông giám sinh đến thăm con luôn: có khi ba ngày một lần, có khi năm ngày một lần. Ông không vào nhà rẽ, chỉ đứng ngoài cổng nhìn vào. Hễ thấy mặt con gái, ông mới yên tâm lui gót.

Một lần ông giở bận chút việc chưa đến được. Mãi mười ngày sau mới tới thì đã không thấy bóng con đâu nữa. Chờ lâu sốt ruột, ông vội bước vào nhà rẽ, làm bộ tới hỏi thăm. Người lái buôn thấy ông, lảng xảng tiếp đón ra chừng thân mật. Hắn cho ông biết là vợ mình còn bận lên kinh đô cất hàng chưa về. Ông giám sinh vẫn giữ vẻ mặt tự nhiên, nhân lời mời của rẽ rồi ngồi lại ăn cơm trưa. Thừa dịp đi tiểu, ông ra sau vườn nhìn quanh nhìn quất, quả thấy hai bên lối đi dẫn ra đồng, vừng và cải đã mọc xanh lăn tăn như đánh dấu.

Lập tức, ông đi một mạch tới dinh trấn Sơn-nam. Trước mặt quan trấn thủ, ông trình bày mọi việc xảy ra. Quan trấn thủ liền điểm lấy năm trăm quân sĩ đi suốt đêm về vạn Lai-triều. Người ta theo chân ông giám sinh lần theo con đường mà vừng và cải đã kín đáo mách hộ, đi cách nhà người khách chừng nửa dặm, thì đã thấy một cái am con vừa mới xây xong trên một cái đồi hoang. Ông giám sinh thưa: - "Hắn chỗ này chứ không sai. Xin cho đào lên để khám!". Nhưng người rẽ của ông nhất định không chịu. Hắn lấy cớ

động mạch đất có quan hệ với vận mệnh nhà hắc nên cố tình không cho lính đào.

Liền đó, quan trấn thủ bắt hai bên làm tờ cam kết. Nếu đào không thấy gì thì ông giám sinh phải bỏ tiền ra xây lại am và phải bồi thường thiệt hại cho chàng rể. Trái lại, nếu phát hiện được tiền nong của cải gì thì người chủ am đó không được nhận. Giấy làm xong, người khách buôn không chịu ký, nhưng cũng nhất định không chịu thú nhận. Thấy thế, quan lại càng ngờ vực, liền hạ lệnh cho lính cứ đào ngay, sự chủ muốn hay không cũng mặc.

Mới đào được khoảng một khoảng rộng bằng cái nong thì đã thấy hiện ra một bờ gạch xây chìm. Bờ gạch chạy dài chừng một gian nhà, sâu xuống ngập đầu người, trên xây theo lối cuốn bằng gạch Bát-tràng rất kiên cố.

Trong khi người khách buôn lẫn ra khóc nức nở thì một toán lính đã tìm được cửa hầm. Lớp gạch vừa đổ xuống đã hiện ra ánh sáng le lói của hai ngọn đèn. Họ đi lần vào thì thấy cô gái ngồi bên cạnh đèn, trên một cái ghế dựa bằng đá, đầu gục xuống, hai chân dạng ra hai bên, mỗi chân đạp lên một cái cong lớn. Ông giám sinh mếu máo ôm chầm lấy con. Nhưng ông không sao nhấc con lên được vì hai tay cô gái đã bị trói vào bành ghế mà miệng thì bị gấn kín bằng nhựa. Nặng nhựa ra thấy có một củ sâm chưa tan hết. Ngực nàng vẫn còn đập thoi thóp. Người ta vội vực lên để cứu chữa, đồng thời đóng cổng tên lái buôn gian ác giải đi.

Khi toán lính soát mọi vật thì thấy hai cái cong mà cô gái đạp chân lên, mỗi cong có đề mấy chữ: "Một nghìn cân hoàng kim". Bên tả bên hữu có hai dây cong nhỏ mỗi dây mười cái, ngoài đều có chữ đề: "Năm trăm cân bạch

kim". Mở ra điểm lại đúng như số đã đề. Hai cây đèn cũng một bằng vàng, một bằng bạc.

Nhờ được sự chăm sóc chu đáo nên cô gái dần dần tỉnh lại. Nghe kể chuyện, người ta mới biết là cô gái bị hôn sống đã được mười ngày. Quan trấn chia số của cải ra làm ba: cha con ông giám sinh được hưởng một phần, còn bao nhiêu tịch thu làm của công. Còn người lại buôn bị đem ra pháp trường xử trảm[1].

[1] Theo *Sơ cơ tập thuật*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
83. KẸ TRỘM DẠY HỌC TRÒ

Ngày xưa có một tay ăn trộm lành nghề. Lão ta thấy mình tuổi già sức yếu nên muốn truyền cái bí kíp của lối sinh nhai "trèo tường khoét vách" cho một vài đồ đệ. Có nhiều người tới xin nhập môn, nhưng đối với ai lão cũng buộc một điều kiện là phải chịu một cuộc thử thách bằng cách đi "ăn sương" với lão một đêm để cho lão xem bản lĩnh sao rồi mới chịu dạy.

Cách xă có một anh chàng tên là Được mang một mâm xôi gà tới xin theo học. Thấy hắn có vẻ khờ khạo, chậm chạp, lão ăn trộm không muốn nhận. Nhưng vì hắn cứ nài nỉ dủ quá nên lão bảo: - "Thôi được! Tối nay con đến đây, chúng ta cùng đi một chuyến. Có thể nào sẽ hay".

Tối hôm ấy thầy bảo trò nai nịt chỉnh tề rồi dẫn nhau sang thôn bên cạnh. Sau khi cắt giậu, hai bên lén vào một nhà nọ. Thầy ghé vào tai trò: - "Đây là nhà một người đàn bà góa. Nhà nó buôn vải. Hôm nay chúng nó đi vắng cả, chỉ có một người con gái giữ nhà. Cái bọc vải để ở đầu giường, con tha hồ mà chọn".

Thế rồi thầy khoét vách cho trò chui vào. Được quả tìm thấy chỗ cất vải. Nhưng giữa khi hắn đang sờ soạng để phân biệt giá trị từng tấm thì bỗng nghe thấy ở ngoài cổng kêu toáng lên: - "Có trộm! Có trộm!". Hắn hết hồn, toan tìm đường tháo thân thì cô gái đã tỉnh dậy ôm chầm lấy hắn. Hắn chống cự lại nhưng cô gái đã kịp thời nắm lấy búi tóc của hắn vừa sổ ra, đồng thời kêu cứu rất dữ dội.

Được bối rối không biết làm thế nào cả, đành meo máo gọi thầy:

- Thầy ơi! Nó nắm lấy tóc con rồi!

- Con đừng sợ - tiếng lão ăn trộm trả lời - chỉ sợ nó nắm lấy mũi không cắt được, còn như nắm tóc, con cứ cắt phăng đi là thoát.

Nghe nói thế cô gái vội buông tóc mà nắm lấy mũi. Nhưng cũng chính nhờ thế, Được đã giật ra được ngay, và hăn vùng thoát một cách dễ dàng.

Bấy giờ, nghe tiếng kêu cứu, bốn phía đổ ra rất đông đuổi theo tên trộm. Trong lúc nguy cấp, Được không quản ngại gan góc chạy tuông vào một bụi tre bên vệ đường. Tuy bị gai tre cào rách cả da thịt nhưng Được yên tâm vì chẳng một ai tìm thấy mình cả.

Khi yên lặng đã trở lại với hăn, hăn tìm lối ra nhưng bụi tre kín quá không tài nào lách mình được. Mấy lần hăn toan liều chui ra, nhưng thấy gai tre tua tủa đâm rất đau lại thụt trở vào. Cuối cùng hăn đành nằm chết dí trong đó suốt đêm.

Tờ mờ sáng hôm sau hăn vẫn không dám chui ra. May làm sao bỗng thấy vợ thầy học đi chợ qua đó, hăn bèn ra hiệu cho vợ thấy lại gần rồi nói nhỏ nhờ về báo tin cho thầy biết để tìm cách cứu mình một tý. Chẳng ngờ lão ăn trộm tới, đã chẳng giúp được hăn chút gì, lại còn đột ngột la làng mấy tiếng: - "Ồi làng nước! Có tên trộm trốn ở đây!". Thấy thế, Được không còn hồn vía nào nữa, chui nhào chui nháo ra khỏi bụi tre và lủi về nhà một mạch.

*

* *

Người thứ hai thụ giáo với lão ăn trộm là một chàng thông minh lanh lợi tên là Lâu. Tuân theo đúng thể lệ của thầy, hắn vui lòng chịu trải qua một thử thách như những kẻ khác. Đêm ấy, hai thầy trò dắt nhau đến rình ở nhà một phú ông gần miền. Nhờ có tài nghệ của thầy nên mặc dầu nhà phú ông tường cao cửa kín, Lâu cũng lọt vào buồng một cách dễ dàng. Khi đã vào đến nơi, Lâu thấy thầy cầm chiếc chìa khóa mở một cái rương sập [1] rồi bảo mình chui vào: - "Đấy! Đồ quý vật lạ của nhà nó đều để ở trong đó cả, con muốn chọn thứ gì thì chọn!". Lâu nghe lời chui vào. Nhưng khi Lâu còn đang sờ soạng thì bỗng nhiên thầy đã đẩy sập nắp rương lại. Hắn chưa hiểu thế nào thì đã nghe tiếng chìa khóa rút khỏi ổ và tiếng chân thầy lui gót. Không ngờ thầy lại thử mình một cách ngược đời như thế, Lâu điếng người, thầm nghĩ đến những hình phạt sẽ đón chờ mình chỉ vì ông thầy lập tâm chơi ác. Nhưng sau một lúc ngồi thừ trong rương, hắn bỗng nghĩ ra được một kế để thoát khỏi chốn nguy hiểm. Hắn bèn lấy một cái áo thụng mặc vào, trên đầu trùm một cái mũ quan viên che lấp cả mắt. Thế rồi Lâu co chân đạp đùng đùng vào thành rương, vừa đạp vừa thét theo bộ điệu của con đồng bị thánh ộp:

- Hỡi hỡi gia chủ! Mau mau dậy cho ta truyền bảo!

Nghe tiếng động, cả nhà phú ông hoảng hốt tỉnh dậy và chạy đến bên rương. Họ lấy làm kinh ngạc khi nghe trong đó có tiếng nói huyền bí thoát ra: - "Ta là tài thần từ lâu nay đã làm cho chúng mày giàu có... Nay ta hiện về đây ban lộc cho chúng mày... Chúng mày hãy mở khóa rương đón ta ra..." Phú ông chưa bao giờ lại thấy có sự lạ lùng như thế, vừa sợ vừa

mừng, vội vái lấy vái để, khẩn xin tài thần hãy lưu lại một chốc để mình bày cỗ bàn rước đi.

Nói xong, một mặt hăn hối hả giục người giết lợn đồ xôi, một mặt cho con đi mời làng tới dự. Người ta đổ xô đến đông nghịt. Ai nấy đều hồi hộp chờ đợi, trong lúc cả nhà phú ông mỗi người một nén hương cầm tay hướng về phía rường mà vái lạy xì xụp. Và khi nắp rường vừa mở, thì anh chàng Lâu, khăn đỏ chùm kín mặt, nhảy phóc ra, hét với mọi người: - "Hãy theo ta ra đình!". Đoàn hăn khoa chân múa tay rồi chạy một mạch ra khỏi cổng, có cả đoàn người theo sau với dáng điệu vô cùng kính cẩn.

Đến đình làng, Lâu ung dung bước vào thượng điện rồi nhảy lên ngai trên ngai thờ, mặt vẫn trùm khăn kín mít. Hăn phán: - "Đặt cỗ xuống rồi lui ra ngoài sân. Đứa nào vào trong điện sẽ bị phạt học máu tức khắc!".

Nghe nói thế, mọi người chen nhau ra ngoài. Bấy giờ, trong đám đông có anh chàng Được lấy làm lạ cũng tìm đến xem. Nhưng khi nghe giọng nói tài thần thì hăn lấy làm ngờ, đoán chắc là bạn học của mình ở đây rồi, mới chạy vào để xem cho biết. Tuy mọi người can gián, nhưng Được không nghe, quyết vào cho được. Khi thấy rõ tài thần chẳng phải ai khác mà là Lâu, hăn cười hì hì, đòi chia phần. Lâu ra hiệu bảo im và nói: - "Được rồi! Anh đừng làm ầm ỹ lên. Tôi thề rằng thế nào cũng chia cho anh một phần" - "Thề thế nào?" - "Anh thề lưỡi tôi liếm rồi tôi thề lưỡi anh liếm. Nếu kẻ nào làm sai thì trời chu đất diệt".

Nhưng Được vừa kịp trèo lên bệ và thề lưỡi ra thì đã bị Lâu dùng răng cắn cho hăn một cái thật mạnh. Mọi người thấy hăn hốt hoảng từ trong điện chạy ra mồm nói ú ớ, máu trào đỏ ngầu thì lại càng bội phần sợ hãi, cho là thần rất thiêng, vội chạy tan tác mỗi người một nơi. Nhờ thế Lâu thừa cơ trốn về nhà vô sự [2].

KHẢO DỊ

Trương Vĩnh Ký có kể một truyện khôi hài giống với truyện trên ở phần đầu:

Một anh mê gái nhưng lại nhút nhát, mới nhờ một người thạo đời giúp đỡ. Đêm lại, cả hai đi đến nhà cô gái; thầy bảo trò cứ vào mà ghẹo, có mình giúp sức ở ngoài. Hăn lọt được vào giường cô gái giữa lúc cô đang nằm ngủ. Không ngờ cô gái tỉnh dậy và chộp lấy tóc. Hăn sợ quá kêu lên: - "Thầy ơi, nó nắm lấy đầu tôi!". Ở ngoài trả lời: - "Không lo gì, nó nắm mũi mới sợ kia". Cô gái nghe vậy liền buông tóc nắm lấy mũi, hăn ta giật ra được chạy về [3].

Về chỗ thầy nhốt Lâu vào rường, người Nùng có truyện *Hai tên ăn trộm* cũng có tình tiết tương tự:

Có hai tên ăn trộm thiện nghệ là Vặt Cỏ Dầu và Dầu Cỏ Vặt quen nhau, cùng rủ nhau đi ăn sương. Vặt Cỏ Dầu không có bụng thành thật, ngầm mưu hại bạn ba lần, nhưng không ngờ Dầu Cỏ Vặt lại cao tay hơn, thoát được, trừ lần thứ ba thì cả hai cùng bị nạn.

Lần thứ hai, hai người vào một nhà giàu, Vặt Cỏ Dầu mở được một tủ bạc cho bạn vào lấy rồi thình lình khóa tủ lại, bỏ về. Cũng tương tự như chàng Lâu trong truyện của ta, Dầu Cỏ Vặt nghĩ đến kế thoát thân nhưng không

quên khoảng một mẻ. Hắn bèn buộc hai gấu quần rồi tuồn vàng bạc vào, lại xé áo mình thành từng dải nhỏ như tiền giấy. Đoạn giả vờ rên thành tiếng mỗi lúc một to. Cả nhà đang ngủ, nghe tiếng, sợ quá, đoán có lẽ vì để lâu rồi không cúng nên vàng bạc hóa thành tinh, bèn trở dậy chuẩn bị lễ vật để cúng. Nhưng khi mở tủ thì Dầu Cỏ Vặt đầu trùm kín nhảy vọt ra, tay cầm bốn thỏi vàng bạc múa tít. Ánh vàng bạc sáng chói làm cho cả nhà hoa mắt tin là tinh vàng bạc đã xuất hiện bèn sụp lạy khẩn khứa hết lời. Nhè lúc cả nhà không chú ý, Dầu Cỏ Vặt chạy biến đi, vô sự.

Lão chủ nhà thấy bạc mất hút, khóc lóc rầm rĩ:

- Ôi vàng bạc ôi! Sao nở bỏ ta mà đi [4].

Đồng bào Tày cũng có một truyện tương tự với truyện vừa kể.

Có hai tay đại bợm kết làm bạn thân, một người là Trăm Mươi một người là Nghìn Kế, người sau tỏ ra vượt lên trên người trước một bậc. Sau những lần cùng rủ nhau đi ăn sương", một hôm Trăm Mươi theo Nghìn Kế vào một nhà phú hộ. ở đây Nghìn Kế mở tủ chui vào bảo Trăm Mươi khóa lại đi về, hẹn chiều mai vào lúc tắt bóng mặt trời đợi nhau ở bãi tha ma.

Ngày hôm sau, khi phú ông toan mở tủ thì bỗng nghe tiếng rên ở trong. Hắn hốt hoảng hỏi: - "Ai trong đó?" - "Ta là tổ nhà mày, bao nhiêu lần phù hộ cho chúng mày giàu có, chúng mày mau mau cúng lễ để đưa ta ra mồ". Phú ông và cả nhà xì xụp quỳ lạy. Tiếng ở trong tủ lại nói: - "Chập tối chiều nay mang mọi thứ theo ta, không được chậm trễ".

Chiều lại, phú ông mở tủ ra, Nghìn Kế đã trùm kín mặt, nhảy vọt ra khoa chân múa tay, đi ra khỏi cổng. Phú ông hồi hải bảo con cháu gánh gồng lễ mễ đi theo. Đến bãi tha ma phú ông càng ngạc nhiên khi nghe ông tổ gọi bà

tổ, và nhìn vào bụi cây quả có một cái bóng khác hiện ra cũng trùm vải kín. Ông tổ còn nói: - "Bà nó xem có cần giữ đứa nào trong đám con cháu lại hầu hạ không thì giữ". Nghe nói thế, phú ông và con cháu hoảng quá, quẳng gánh lại, ba chân bốn cẳng chạy mất. Hai tên bợm chỉ còn việc khiêng về chia nhau [5].

Về chỗ hai nhân vật thè lưỡi liếm nhau làm tin, truyện cổ tích thế giới cũng có tình tiết tương tự, tuy rằng nội dung nhiều truyện khác của ta.

Truyện của người Khơ-me (Khmer):

Một người đàn bà láu lĩnh chơi cho bốn tên ăn trộm một vỏ, và giam chúng trong một chiếc tàu của một người Trung-quốc. Bà ta trở về nhà được nửa đường, gặp trời tối, bèn leo lên cây đợi sáng. Không ngờ bốn tên trộm tìm cách thoát ra khỏi tàu rồi cũng đi đến đấy vào lúc nửa đêm. Trời tối như mực, ba đứa trèo lên những cành phía dưới, chỉ có một đứa trèo lên ngọn. Gặp lại người đàn bà, hăn toan báo thù. Người đàn bà cho hăn tiền và hứa sẽ lấy hăn làm chồng. Bợm ta chấp thuận nhưng đòi phải có gì để làm tin. Người đàn bà bảo hai bên hôn nhau bằng lưỡi, sau đó người đàn bà cắn đứt chet lưỡi của hăn và xô hăn xuống. Bợm không còn nói được, chỉ kêu lên những tiếng: "lon...lon...". Ba tên kia tưởng người ta đuổi theo bắt, nên bỏ chạy thực mạng (xem thêm **Khảo dị** truyện số **191**, tập **V**).

Truyện của người Ấn ở Păng-jáp (Pendjab) cũng gần giống với truyện Khơ-me về chỗ nhân vật chính là một người đàn bà mưu mẹo, chơi cho một bọn trộm nhiều vỏ cay chua. Vỏ cuối cùng cũng vào đêm tối, người đàn bà ấy cũng nấp ở trên cây trong khi bọn trộm lại ẩn ở dưới gốc. Biết chúng là đối thủ cũ của mình, người đàn bà hát lên một giọng nho nhỏ, còn tay thì cầm một mảnh vải trắng phe phẩy làm như kiểu tiên xuất hiện. Tên đầu đảng bọn trộm trèo lên cây để tỏ tình với tiên. Người đàn bà nói: - "Con người là

chúa lường gạt, hãy thè lưỡi liếm nhau xem thử có thật chẳng?". Hăn vừa thè lưỡi thì bị người đàn bà cắn đứt. Lăn xuống gốc cây, hăn chỉ còn kêu được những tiếng: "Bun-a-bun-un-un...". Mấy tiến đồ đảng tưởng là bà tiên trừng phạt thói xấu của hăn, bèn bỏ trốn mất cả.

Một số truyện của các dân tộc khác như Xâ-lan (Sri Lanka), v.v... cũng có nội dung gần giống với truyện trên, nhưng tình tiết cắn lưỡi tên trộm được thay bằng dùng dùi dao cắt lưỡi [6].

-
- [1]_Một thứ hòm lớn trên mặt rộng bằng tấm phản có thể nằm lên để giữ, dưới có bốn bánh xe để di chuyển, nên cũng gọi là “rương xe”.
- [2]_Theo Lăng-đờ (Landes). *Cổ tích và truyền thuyết An-nam*.
- [3]_Trương Vĩnh Ký. *Chuyện khôi hài*.
- [4]_Theo *Truyện cổ Việt-bắc*.
- [5]_Theo Hoàng Quyết. *Truyện cổ Tày Nùng*.
- [6]_Theo cô-xcanh (Cosquin). *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
84. CON MỤ LƯỜNG

Ngày xưa, có hai vợ chồng một người phú thương trẻ tuổi. Chồng thường rong buồm chạy khắp trong Nam ngoài Bắc và các nước xa xôi, chuyên bán hàng đi và cất hàng về.

Một ngày kia, thuyền đã chứa đầy hàng, chồng từ giã vợ ra đi. Chàng chưa từng đến Hạ-châu bao giờ nhưng vốn nghe xứ này buôn bán dễ dàng, có thể phát to, nên quyết định đi thử một chuyến.

Thuyền đi ra biển suốt năm ngày đêm mới tới thị trấn này. Chàng bảo thủy thủ bỏ neo ở một bến tấp nập nhất, rồi lên bộ tìm nơi nghỉ trọ và tìm mỗi bán hàng. Nhưng vừa lên bờ, đã thấy một ngôi lầu đồ sộ trên bến. Đang đứng ngẩn ra nhìn thì bỗng cửa lầu mở toang. Chủ nhân là một người đàn bà sang trọng bước ra vái chào rất cung kính và cất tiếng nói dịu ngọt mời mọc: - "Chúng tôi nghe nói ngài có một thuyền hàng mới cập bến. Chúng tôi mong muốn làm quen và được giao thiệp lâu dài. Nếu không chê tệ xá nhỏ hẹp, xin mời lên nghỉ ngơi trong những ngày thuyền đỗ tại đây".

Đang khi chưa biết nên trả lời thế nào thì đã thấy kẻ hầu hạ của chủ nhân, nam có nữ có, người nào cũng ăn mặc lịch sự ra đón. Phú thương bụng bảo dạ: - "Ta mới đến chân ướt chân ráo chưa hiểu thế nào cả, nhưng trông

cung cách người này có vẻ tốt bụng. Biết đâu chả là sự may mắn cho ta trong chuyến đi này".

Nghĩ vậy, chàng vui vẻ nhận lời và cố sức làm cho chủ nhân biết mình không phải là kẻ ngờ nghệch. Lập tức, bọn người hầu không cần chờ lệnh chủ, tỏa ra dọn dẹp lăng xăng khắp nơi. Họ làm cho phú thương và một số gia nhân của mình rất đẹp lòng, vì chưa bao giờ được tiếp đãi nồng hậu đến thế. Chủ dẫn khách đi thăm nhà. Các phòng bày biện nói lên sự giàu có quá sức: những cây đèn bằng vàng, những độc bình cổ, những đồ dùng quý giá. Phú thương sờ tay vào một con rùa vàng bày trên một chiếc bàn. Nhân thế, chủ nhân liền giới thiệu kỹ món gia bảo đặc sắc đó của tiền nhân mình.

Đêm hôm ấy, một tiệc lớn bày ra, chủ nhân ăn mặc rất mỹ lệ, chuốc chén mời mọi người. Xong tiệc, họ được mời đi nghỉ ở một buồng có những chiếc giường rất xinh xắn. Không thấy có điều gì đáng ngờ, phú thương và kẻ tùy tùng nằm xuống đánh một giấc ngủ rất ngon lành.

Sáng hôm sau, khi mọi người trở dậy, sự mời mọc lại càng niềm nở. Lại những mâm thức ăn ngon lành bưng ra với những câu mời quyến rũ làm cho phú thương không thể từ chối được.

Thế nhưng, khi phú thương cáo từ trở ra, vừa bước về thuyền thì bỗng thấy cả nhà chủ nhân đổ xô tới: - "Thưa các ngài, nhà chúng tôi vừa mất con rùa vàng mà các ngài đã biết. Vậy có vị nào cầm nhầm hãy cho xin lại".

Mọi người tưởng như nghe tiếng sét. Song phú thương biết tính nết mấy người tùy tùng của mình vốn chả bao giờ ăn cắp trộm gì của ai, nên rất vững tâm. Chàng có ngờ đâu người đàn bà kia chính là con mụ lường gạt nổi tiếng. Hắn có một đám thủ hạ rất đông, chuyên cướp của bằng cách bẫy người vào tròng một cách bất ngờ và êm thấm. Mỗi lần làm, hắn làm những món rất to, và thường nhằm vào những khách giàu sang, nhất là những khách nước ngoài mới tới. Ngón độc của hắn đã từng khiến nhiều kẻ mất đứt cả của lẫn người vào tay hắn, nên của cải của hắn chứa chất không biết bao nhiêu mà kể.

Hôm đó mụ Lường - tên người ta thường gán cho mụ - thấy có một thuyền buôn mới tới với đầy ắp những hàng, mà trông chủ nhân lại chẳng ra vẻ là tay thạo đời. Cho nên mụ quyết cho anh chàng vào tròng. Trong khi phú thương và tùy tùng ăn nghỉ ở nhà mụ, mụ đã sai một số thủ hạ xuống thuyền giả cách xin xem hàng. Chúng mang con rùa vàng theo và lén bỏ vào trong một tấm đoạn.

Thấy mọi người trở mặt vu cho mình ăn cắp và đòi khám thuyền, phú thương nóng mặt, nhất định không cho. Khám thuyền thì phải dỡ hàng mà dỡ hàng là một điều rất phiền và tối kỵ khi chưa bán được một tý gì. Cho nên chàng cũng lý sự:

- Thưa bà, trừ phi có quan chức đến đây, chúng tôi không thể để cho một ai

xuống thuyền được.

Mụ Lường vội cho người đi trình quan. Khi bọn quan và lính ở thị trấn đến, mụ trình bày việc mất trộm, đồ riết cho người nhà phú thương lấy mang đi, và nhất định xin khám thuyền. Phú thương bày tỏ sự thẳng thắn của mình và gia nhân mình, rồi nói:

- Nếu khám không có thì bà tính sao đây?

- Tôi xin "cước" cái nhà lâu và mọi vật ở trong đó. Còn quả có rùa ở trong thuyền ngài thì làm sao?

Phú thương nóng nảy tiếp theo lời mụ:

- Nếu có, tôi cũng xin mất cả thuyền hàng lẫn người ở đây cho bà.

Hai bên lập tức làm giấy ký kết trước mặt quan. Cuộc khám xét bắt đầu. Chỉ một chốc sau, bọn lính đã lôi được con rùa vàng từ trong tấm đoạn ra. Phú thương và gia nhân đỡ dẫn cả người. Không còn đường chối cãi, họ đành phải làm theo lời đã ký kết. Thế là cả một thuyền hàng trị giá đến cả vài trăm vạn quan đều về tay mụ Lường. Phú thương, bọn tùy tùng và thủy thủ đều bị sung làm nô. Theo như luật pháp Hạ-châu quy định, họ phải làm khổ dịch cho chủ nếu không bị bán và nhất thiết không được rời khỏi nơi làm việc.

Từ hôm đó, phú thương phải làm việc quần quật suốt ngày. Chàng bị cắt giữ việc chăn ngựa. Công việc mệt nhọc đó làm cho chàng rã rời tới tả. Chàng chỉ buồn một nỗi là mụ Lường bắt mỗi người ở một phương không bao giờ được gặp nhau. Cứ như thế sau ba năm trời, chàng bật tin của quê

hương xứ sở. Nhưng chàng cũng dần hiểu rõ mưu mô gian xảo và tình hình trong nhà mẹ Lường.

Một hôm đang cho ngựa ăn cỏ ở bến sông, chàng bỗng gặp một đạo sĩ ngồi bên vệ đường. Thấy trước mặt đạo sĩ có bày một quả bưởi, chàng lấy làm lạ, lại hỏi mua ăn. Đạo sĩ lắc đầu:

- Bưởi này không phải bán để ăn đâu.
- Thế thì dùng làm gì?
- Nó dùng để nhắn tin tức với bất cứ người nào trong thế gian.

Nghe nói thế, chàng nhớ đến người vợ yêu của mình sau ba năm đằng đẳng không một tin tức và chắc đã khóc kiệt nước mắt. Cho nên chàng xoắn xuýt:

- Ngăn sông cách núi, chẳng biết có dễ đưa đến nơi chăng?

Đạo sĩ đáp:

- Hãy viết một bức thư, dùng dao rạch một chỗ ở đằng cuống rồi nhét thư vào. Đưa ra trước bến này, khấn to tên và chỗ ở của người mà mình muốn nhắn, rồi vứt xuống nước và nói: "Bớ bưởi, hãy đi cho được việc!" tự khắc nó sẽ vượt sông vượt biển đến tận tay người đó, dù xa bao nhiêu cũng không thất lạc được.

Tuy không tin gì lắm nhưng chàng cũng mua lấy quả bưởi để cầu sự may mắn. Chàng viết một bức thư rất dài kể tất cả mọi việc xảy ra. Và khi nhìn

thấy quả bưởi vượt sóng trôi về phương Bắc, lòng chàng mới thực tràn trề hy vọng.

*

* *

Từ ngày người chồng thân yêu vượt vời thẳm thoát đã ba cái Tết mà không thấy trở về, vợ phú thương hết sức lo buồn. Cả đoàn người trên thuyền không hiểu sao cũng bật không một tin tức. Có lẽ thuyền đã gặp bão, hoặc đã gặp bọn cướp biển và không một mạng nào sống sót. Nghĩ thế nên mọi nhà đã thiết bài vị và để tang. Và nàng đã rơi không biết bao nhiêu là giọt lệ. Dầu vậy, nàng vẫn không chịu tuyệt vọng, hàng ngày vẫn kiên nhẫn ra ngóng những cánh buồm ngoài xa tít.

Một hôm như lệ thường, nàng đang đứng trên bến, chợt trông thấy một quả bưởi trôi ngược dòng. Lấy làm lạ, nàng vội chạy xuống bến đứng xem. Thì lạ sao, quả bưởi lại trôi ngay vào bến và lọt vào tay nàng.

Khi đọc những dòng chữ của chồng, nàng mừng rỡ xiết bao. Nàng rất đổi cảm giận trước mưu mô điên đảo của con mụ Lường, quyết chí sẽ đến tận nơi cứu chồng và trị cho con mụ một mẻ. Sáng hôm sau, nàng giao nhà cửa con cái cho cha mẹ và xin phép đi tìm chồng. Nàng mang theo một con thuyền đầy tư lự găm vóc. Lần này, ngoài số gia nhân và thủy thủ nàng con mang theo một người thợ kim hoàn. Lại có hai con chuột nhắt nuôi trong một cái lồng nhỏ.

Thuyền lại rẽ sóng và tìm đến Hạ-châu, thả neo đúng vào nơi ba năm trước đây thuyền chồng nàng đã đỗ. Mụ Lường thấy có thuyền hàng nước ngoài cập bến mà chủ nhân lại là đàn bà thì mừng quá, quyết làm một mẻ không ngần ngại gì nữa. Tấn tuồng cũ lập tức lại được diễn.

Cũng chào mời đơn đả, tiệc tùng chơi nhời, chị em em em rất thân mật. Cũng có những người lén đưa rùa vàng xuống thuyền định thực hành kế vu vạ. Nhưng lần này, người thợ kim hoàn đã có lệnh sẵn của chủ, nắp kín một nơi rình từng cử chỉ của chúng. Chờ cho chúng ra về, anh bèn trở hết tài nghệ, thụt bể một chốc, rùa vàng chảy ra nước và sau đó hóa thành những thoi vàng nén nằm gọn dưới đáy hòm. Cho nên, khi mụ Lường mời quan đến khám thì hân rất kinh ngạc vì lục soát hết từ mũi chái lái đến mấy lần, vẫn không thấy tăm dạng "con rùa" đâu cả.

Biết là gặp phải tay kinh địch "tương kế tựu kế", mụ Lường đành nhận thua cuộc, nhưng liền đó lại nảy ra một mẹo khác. Mụ bảo vợ người phú thương:

- Chúng ta nhận rằng đã mất ngôi lầu này. Nhưng các người phải đánh cuộc với ta một lần thứ hai. Các người có tin rằng ta có cách bắt hai con mèo đội đèn suốt đêm cho một canh bạc không?

Người vợ phú thương, qua thư chồng, đã biết chuyện hai con mèo đội đèn này rồi, song cũng làm bộ ngạc nhiên:

- Làm gì lại có mèo đội đèn được suốt đêm?

- Vậy thì - mụ Lường tiếp - các người có dám cược với ta: nếu ta sai khiến được hai con mèo đội đèn suốt một đêm thì ngôi lầu kia lại thuộc về chúng

ta, nhược bằng không có con mèo đội được đèn, hoặc đang đội nửa chừng bỏ dở thì ta lại mất thêm một dinh cơ thứ hai cũng ở trong thị trấn này. Có dám không?

Vợ phú thương vui lòng nhận cuộc. Hai bên ký vào giấy và trình quan. Mọi người lại kéo nhau lên lầu nhà mù Lường vừa đánh bài vừa luôn thể chứng kiến sự việc. Quả nhà mù có hai con mèo rất khôn được luyện tập từ lâu, mỗi con có thể ngồi ưỡn người suốt đêm không cựa cựa, trên đầu đội một chiếc đèn thắp ba ngọn nến. Cuộc sát phạt bắt đầu và kéo dài tới canh một, canh hai. Hai con mèo vẫn đội đèn chưa tỏ dấu hiệu gì là mỏi mệt. Nhưng người vợ phú thương vẫn tỉnh táo. Trước lúc vào cuộc, nàng đã bỏ hai con chuột nhắt vào một cái túi vải. Thế rồi, đến bây giờ nàng mới kín đáo thả chuột ra. Hai con mèo thoáng thấy chuột thì nhảy tới vồ. Hai cây đèn đổ tung tóe giữa chiếu bạc. Thế là một lần nữa con mù Lường lại cay đắng thua cuộc.

Nhưng mù còn cố gỡ. Mù lại đứng lên, nói:

- Chúng ta đang còn rất nhiều ruộng đất, trâu bò, voi ngựa. Chúng ta còn có rất nhiều thuyền buôn đang tung ra khắp mọi bến. Vậy nếu các người dám đánh cuộc với ta, ta sẽ trồng một cây đã chết khô, chỉ trong một đêm lại xanh trở lại. Nếu làm được như thế, các người phải trả lại tất cả lầu và dinh cơ của ta cho ta. Nếu không, ta sẽ mất với các người tất cả người cũng như mọi của cải. Có dám không?

Người vợ phú thương, cũng qua thư chồng, đã biết đây là miếng đất màu nhiệm ở bên tả cây táo sau nhà. Và cũng ngay trong đêm đánh bài, nàng đã sai gia nhân bí mật lên tới đào đất ấy đổ đi một nơi rồi thay vào đó một lớp đất khác. Cho nên nàng nhận cược ngay. Phép lạ của mù Lường vì thế lại

mất linh nghiệm. Mụ tái mặt khi thấy qua một đêm, cây khô chẳng xanh lên một tí nào.

Thế là quan chứng nhận ba lần thất bại đều về phần mụ và mụ phải mất cả của lẫn người cho vợ phú thương. Nhờ thế phú thương và những người tùy tùng được trả tự do. Chồng có ngờ đâu có ngày được gặp lại vợ và có ngờ đâu lại giàu gấp mấy trước. Trong một chuyến trở mụ Lường và gia nhân của mụ về nước làm nô lệ, mụ nhảy xuống biển tự tử, vì nghĩ rằng mình không kham được công việc nặng nhọc. Đức Phật cho mụ hóa thành cá he. Người ta nói vì mụ xót của nên lúc nào cũng cứ ngoi lên lặn xuống mãi. Nòi giống cá he sau này vẫn mang thói quen đó[1].

KHẢO DỊ

Có người kể: mụ Lường tức là bà "đầu nậu" làm nghề bắt mối các ghe từ phương xa. Ngoài con rùa, mụ còn có một nải chuối bằng vàng cũng lén bỏ vào thuyền để vu vạ. Ở đây không có việc người thợ kim hoàn thụt bể biển rùa và chuối vàng thành vàng thoi, mà chỉ là do một người gia nhân vớt xuống biển[2].

Dân tộc Ba-na (Bahnar) (Tây-nguyên) có truyện Con Đơn là một dị bản của truyện *Con mụ Lường*:

Một anh chàng ghẻ tình cờ tìm được đường lên trời, được ông Trời gả cho cô gái đẹp đem về làm vợ. Một hôm chàng đi chơi lên vùng Con Đơn, nghỉ

ở nhà một người nhà giàu, được hăn khoản đãi rất hậu. Nhưng nhè lúc chàng ngủ say, hăn sai người bỏ rùa vàng vào chăn, rồi sáng dậy vu cho chàng lấy cắp có tang chứng. Vì vậy chàng bị bắt giữ làm nô. Vợ chàng ghê không thấy chồng lên trời, mới biết là chàng mắc nạn, lại biết được mưu mô xảo quyệt của tên nhà giàu bèn trở về, rồi tìm đến Con Đơn. Đến nơi cũng được tên nhà giàu khoản đãi hậu hĩ. Khi hăn bỏ con rùa để sáng dậy vu vạ thì nàng lén đem rùa bỏ ra sau vườn, nhưng dưới bụng có đặt thêm mấy quả trứng chim. Sáng dậy, hăn đến thì không còn tìm ra rùa, đành phải mất tài sản cho nàng như lời giao ước. Sau đó khi cùng hăn ra vườn thấy rùa, nàng lại đánh cuộc với hăn, nếu rùa đẻ ra trứng thì hăn phải thả tất cả mọi người đang bị giam giữ ra. Quả tìm thấy trứng dưới bụng rùa, hăn đành phải thả tất cả người nô lệ của hăn, trong đó có anh chàng ghê. Từ đó, hai vợ chồng trở nên giàu có[3].

Dân tộc Thái cũng có truyện một người vợ thông minh, dùng mưu mẹo, tương kế tựu kế, lấy lại tài sản mà một tên phú thương trước đây đã cướp đoạt, do vu cho chồng mình ăn cắp. Vật môi giới ở đây không phải là con rùa vàng mà là con mèo bạc. Truyện cũng xảy ra gần giống như trên.

Truyện của ta trên kia khá phổ biến ở nhiều dân tộc trên thế giới với hình tượng con mèo và cây đèn. Co-xanh (Cosquin) trong quyển *Cổ tích con mèo và cây đèn cây ở châu Âu thời trung cổ và ở phương Đông* có kể khá nhiều truyện thuộc loại này. Ở đây chỉ thuật một ít:

Trước hết, có hai truyện của người Tây-tạng và Ả-rập (Arabes), gần với truyện của ta hơn.

Truyện của người Tây-tạng:

Một anh lái buôn trẻ tuổi sang Ấn-độ với nhiều hàng hóa. Một buổi chiều

anh dừng bước trước một ngôi nhà lớn xin ở trọ. Chủ nhà khoản đãi anh rất hậu. Trong bữa ăn chiều, chủ kể những chuyện mà khách không thể tin được. Chủ nói: - "Tôi sẽ làm đúng như lời tôi nói, ví dụ đêm nay tôi sẽ bảo mang ra một cây đèn cầy nhưng không phải người mà là do một con mèo cầm đèn. Ông có dám cược không?". Khách cười nhạo và dự cược với điều kiện nếu đúng thì bao nhiêu hàng hóa sẽ thuộc về chủ. Nếu sai, tất cả gia sản của chủ đều về khách. Mèo quả cầm đèn ra và khách mất hết tất cả, đành phải làm đầy tớ cho chủ để sinh sống.

Vợ anh lái không thấy chồng về, cải trang làm đàn ông đi tìm. Lại đến ngôi nhà lâu, được tiếp đãi tử tế và cũng đánh cuộc với chủ nhà về chuyện con mèo. Nhưng khi ra sân thì nàng gặp chồng, được nghe tất cả câu chuyện. Rồi khi mèo cầm đèn sắp bước vào cửa, chồng nấp sẵn thả một con chuột, mèo còn ngần ngừ; thả con thứ hai, mèo đứng lại và thả con thứ ba thì mèo quăng đèn vồ chuột. Thế là khách thắng, được chiếm tài sản của chủ và vợ chồng lại đoàn tụ.

Truyện của người Ả-rập ở Tuy-ni-di (Tunisie):

Một người lái buôn trẻ tuổi ở Tuy-ni đi Xtăm-bun bán hàng bảo người yêu cùng đi. - "Không - nàng đáp - chồng cứ mang những áo xống đẹp nhất của em theo, tức là có em đi cùng rồi".

Đến nơi, anh chàng trọ ở một nhà nọ, được tiếp đãi tử tế. Chủ chỉ vào một con mèo: - "Anh xem, con mèo này có thể cầm nến suốt đêm". Khách đáp: - "Tôi hoàn toàn không tin" - "Vậy thì ta hãy cuộc nhau: nếu tôi nói đúng, anh sẽ mất tất cả hàng: nếu tôi thua, anh cứ lấy đi tất cả nhà của tôi".

Cũng như truyện trên, mèo đã làm cho chủ được cuộc. Còn người lái buôn thì phải bán bánh nuôi thân.

Một hôm hăn nhớ người yêu quá, đến vật nài chủ cho xem áo xống của người yêu. Thấy hăn ôm đống áo xống ấy hôn hít khóc lóc, người chủ liền đem dâng vua. Vua đoán đây hăn là y phục của người đàn bà đẹp nên gọi người lái buôn đến hỏi thăm nhà cửa quê quán của người tình nhân của hăn. Hăn nói xong, vua sai giam lại và phái bảy người đi tìm cách dỗ cô gái về. Bọn họ đến Tuy-ni giả làm người của anh lái buôn nhằm nàng sang Xtăm-bun. Nàng xin bốn ngày để sửa soạn. Bèn đào một cái hố sâu ở giữa nhà, trên có nắp và lót nệm. Bọn kia đến, bị lăn cổ xuống hố. Nàng dọa chúng nếu không nói sự thật sẽ để cho chết đói.

Khi biết sự thật, nàng cải trang làm đàn ông, sang Xtăm-bun mang theo hai con chuột. Như truyện trên, nàng được cuộc và lấy lại tất cả. Vẫn giả trang như vậy, nàng vào làm thư ký cho vua và được vua tin cẩn. Được một năm xin về Tuy-ni. Vua cho tiền, nàng không nhận chỉ xin thả tất cả tù phạm ra. Vua bằng lòng tha, trừ anh chàng Tuy-ni vì vua hứa rằng lúc nào người yêu nó sang mới thả.

Nàng nói: - "Cho tôi mang nó theo, tôi sẽ quăng nó xuống biển". Vua bằng lòng. Cặp tình nhân thế là đoàn tụ. Về đến Tuy-ni, nàng thả bảy người đã bắt trước ra, cho lên tàu trở về Xtăm-bun và nhờ cầm về cho vua một bức thư. Vua đọc xong, tức đến chết giấc.

Truyện lưu hành ở Trung Á và miền Nam Cô-ca-dơ (Caucase):

Vua Mi-ren gọi một lão lái buôn nước ngoài vào đánh bạc. Như các truyện trên, vua có một con mèo cầm đèn suốt sáng. Điều kiện đặt ra cũng tựa như trên: vua thắng thì lão lái buôn mất hàng hóa và bị tù. Nếu lão thắng thì vua mất nửa giang sơn. Kết quả lão lái buôn thua và bị giam vào ngục.

Vợ lão nghe tin ấy, cải trang làm đàn ông mang đến một thùng chuột sống và chỉ xin vua cái chìa khoá nhà tù nếu mình thắng. Mèo đang cầm đèn thấy chuột thả ra nhiều quá vội vứt đèn để vồ. Thắng cuộc, vợ mở cửa nhà lao tha cho chồng và các tù phạm khác.

Truyện dưới đây phổ biến ở châu Âu:

Mác-côn là người từng cho vua Xa-lô-mông nếm nhiều vố cay chua. Vua giận lắm, bắt ông phải thức đêm với mình nếu không thức được sẽ xử tử. Trong đêm ấy, mỗi lần thấy ông ngáy, vua hỏi: - "Mày ngủ phải không!" - "Tôi không ngủ nhưng tôi suy nghĩ" - "Nghĩ cái gì nói mau!".

Mác-côn liền nói ý nghĩ của mình. Vua hăm dọa: - "Nếu mai mày không chứng thực được điều mày nghĩ thì mày phải chết!".

Cứ thế đến năm lần. Lần cuối cùng, tức là lần thứ năm. Mác-côn trả lời vua: - "Tôi nghĩ rằng tính tự nhiên mạnh hơn giáo dục". Vua lại nói: - "Nếu mai mày không chứng thực được điều đó thì mày sẽ chết!".

Bấy giờ, tương tự như những truyện trên, vua cũng có con mèo biết cầm đèn. Mỗi lần vua ăn tối, nó cầm đèn hầu bữa ăn. Mác-côn sau khi đã chứng thực được bốn câu suy nghĩ đầu, còn lại câu thứ năm. Chờ khi vua ăn xong, ông đến mang sẵn ba con chuột nhắt trong ống tay áo. Thả con đầu, mèo toan chụp nhưng nó thấy vua trừng mắt lại thôi. Thả con thứ hai cũng vậy. Nhưng đến con thứ ba thì mèo vứt đèn vồ chuột. Mác-côn tâu:

- Tâu bệ hạ, tôi đã chứng thực xong.

Tương tự với truyện trên, một truyện ở Pa-let-xtin (Palestine) kể đại khái

như sau:

Một ông vua có hai đại thần: một người Do-thái, một người theo đạo Gia-tô, hai người thường xung khắc. Một hôm vua hỏi hai đại thần rằng: - "Có hai người: một kẻ vốn dòng hèn hạ nhưng được dạy dỗ tốt, còn một kẻ bẩm tính tốt nhưng lại nghèo hèn, vậy thì nên chọn ai ?". Đại thần người Do-thái cho là bẩm tính hơn, người kia nói giáo dục hơn. Người Gia-tô đưa ra một con mèo bưng mâm để chứng minh cho ý kiến của mình, nhưng người Do-thái vớt một con chuột giấu trong ống tay áo ra để chứng minh ngược lại. Mèo quả vớt mâm đuổi theo chuột.

Truyện của người Ả-rập ở An-je-ri (Algérie):

Một ông vua muốn lấy vợ, hỏi đại thần (vi-dia) là một người thông thái. Người này can: - "Hãy chờ ít lâu để sửa chữa cái tính tự nhiên, vì tính tự nhiên của bệ hạ không tốt." - "Được". Vua đáp. Mấy ngày sau vua quên việc lấy vợ. Một hôm vua mời đại thần ăn cơm. Vua cũng có một con mèo cầm nến ngồi châu. Vua nói: - "Có phải con mèo này luyện được tính tốt và thông minh không?" Đáp: - "Vì đâu bệ hạ cho là tính tốt" - Vua nói: - "Hễ đã luyện được tính tốt thì không bao giờ còn quên".

Hôm sau vua cũng mời ăn. Vị đại thần mang mấy con chuột bỏ trong hộp thuốc bằng bạc. Mở hộp, chuột chạy ra. Mèo quăng nến làm nhà tối om. "Đấy bệ hạ xem - đại thần nói - bệ hạ cho rằng đã uốn nắn được cái tính tự nhiên của con mèo, kỳ thực chuột vừa chạy qua là nó bỏ cả nến để đuổi". Mặc dầu nói thế đại thần cũng cưới vợ cho vua. Tiếp đoạn đó, truyện còn nhiều diễn biến khác mà ở đây miễn kể.

Còn khá nhiều những truyện cổ tích khác, trong đó, con mèo không đóng

vai cầm đèn hay đội đèn mà tham gia cùng với chủ lửa bịp trong những ván bạc.

Ví dụ mấy truyện của Ấn-độ:

1. Một hoàng tử đi săn lạc vào nhà một bà chẳng. Bà chẳng rủ chơi súc sắc. Hễ có một con mèo khôn biết làm tắt đèn khi chủ sắp thua, cho nên phần thắng lúc nào cũng về bà chẳng. Và cuối cùng hoàng tử thua bạc bị bắt làm đầy tớ.

Người em hoàng tử nhờ được một vật báo tin rằng anh mình đang bị nguy, vội đi cứu. Nó biết ngón bịp của bà chẳng liền mang theo một con chó. Mèo thấy chó thì bỏ chạy. Nhờ vậy người em thắng, cứu được anh khỏi nạn và chiếm lấy tiền của của bà chẳng.

2. Hoàng tử Ra-sa-lu nghe tiếng vua Si-ri-káp giỏi đánh bạc, thương ra điều kiện là lần đầu đặt cược ngựa, áo quần, đất đai, lần sau cược cả người. Ra-sa-lu bèn tìm đến. Dọc đường hoàng tử cứu một bầy kiến con sắp chết đuối. Sau đó, nghe có tiếng nói: - "Ta biết người tốt bụng, ta bày cho một cách để thắng vua Si-ri-káp: cứ đi dọc sông, hễ thấy có con chuột đầu trắng thì bắt lấy". Tiếng nói đó là của một công chúa con vua Si-ri-káp bị giam trong một cái hang. Công chúa còn vạch cho hoàng tử thấy mưu gian của cha mình: ông ta có một con mèo thần thường giấu trong tay áo, trên đầu mèo có một vàng ánh sáng, nó vừa làm cho người ta lóa mắt vừa làm cho nó trở thành vô hình để nó thay đổi con bài cho chủ.

Trong cuộc bạc, Ra-sa-lu lén thả chuột cho mèo nhìn thấy, mèo nhảy vồ, ánh sáng rơi xuống, kết quả Si-ri-káp thua đậm.

3. Hoàng tử Gô-ôn thích đi săn không muốn lấy vợ. Một hôm đi săn vào lúc

trời nóng, dừng lại bên giếng xin một cô gái cho mình uống nước ở thùng. Bị cô gái chế nhạo, hoàng tử giận, biết cô gái là con thợ rèn, bèn hỏi làm vợ để về đánh cho sướng tay.

Một hôm cầm roi đánh vợ. Vợ nói: - "Hay gì đánh con gái thợ rèn. Lấy được con vua về đánh mới giỏi".

Nghe thế, hoàng tử thề sẽ không trở về nếu không lấy được con vua. Đến một vương quốc có một công chúa rất đẹp. Điều kiện để lấy công chúa là phải thắng ba ván bạc, thua thì phải làm nô. Hoàng tử thua, phải làm đứa chăn ngựa ở hoàng cung.

Không thấy chồng về, vợ cải trang làm đàn ông, cưỡi ngựa đi tìm. Dọc đường cứu một con chuột sắp chết đuối. Chuột cho biết công chúa có con mèo thần - cũng như truyện trên - trên đầu có ánh sáng làm cho vô hình, do đó chủ nó có thể đánh tráo bài mà không ai biết. Người đàn bà mang chuột theo. Mèo vồ chuột làm hỏng việc nên công chúa bị thua, phải giao tài sản và nô lệ cho người thắng. Hoàng tử theo chủ mới về nước. Cuối cùng người vợ bỏ lốt ra, tha tội cho chồng và cho phép chồng lấy công chúa làm vợ hai.

4. Sau khi cưới vợ, một hoàng tử đòi vợ phải để cho mình giẫm lên người để tỏ quyền làm chồng, nhưng người đàn bà khất, nói: - "Tôi chịu rằng ở với cha nhờ cha, lấy chồng nhờ chồng, chồng chết nhờ con; nhưng anh đang ăn nhờ vào bố anh thì có quyền gì. Muốn giẫm, anh hãy làm ra tiền của về nuôi tôi tôi mới chịu". Hoàng tử bèn đưa một tàu hàng ra nước ngoài buôn bán.

Đến một bến cảng, có một người què đến níu áo đòi lại cái chân què, nói rằng vì bố hoàng tử ngày xưa đã lấy của hắn mất cái chân. Nếu không trả

chân thì phải bồi tiền. Hoàng tử không biết thế nào đành phải trả tiền cho êm chuyện.

Đến một bến cảng khác, một người mất một con mắt cũng níu áo đòi như trên, và hoàng tử cũng phải cho tiền y để được yên ổn.

Đến một bến cảng khác, một người đàn bà có vẻ tử tế lại gần, tự xưng bà con, mời mọc cơm nước rất ân cần. Cũng như chuyện của ta, mụ lén bỏ vào túi hoàng tử không phải một con rùa vàng mà một chùm chìa khóa vàng để vu vạ. Hai bên cựa nhau, nếu mụ đúng thì hoàng tử mất cả tàu hàng lẫn người, nếu không thì mụ sẽ mất hết của cải. Mụ quả thắng cuộc, bán hoàng tử cho một tiệm buôn. Nhờ có con bồ câu mang theo, hoàng tử viết thư cho bố kể hết mọi chuyện xảy ra, và viết cho vợ một bức thư khác nhờ bố chuyển, thì lại giấu hết, chỉ nói công việc đang tiến triển rất tốt. Nhưng chim lại không bay về nhà bố mà lại về nhà vợ, nên vợ biết rõ mọi chuyện của chồng.

Vợ bèn cải trang làm một hoàng tử, chở một chuyến hàng ra đi. Đến bến cảng thứ nhất, người què tiến đến níu áo bắt trả cái chân. Hoàng tử giả nhận lời, nhưng bắt hăn cắt chân kia cân đo để về lấy cho đúng kẻ ở nhà có nhiều chân, không biết đặng nào mà chọn. Hăn cứng họng linh mất. Đến bến cảng thứ hai cũng thế, người mất mắt cũng linh mất khi hoàng tử giả đòi móc con mắt còn lại để cân. Đến bến cảng thứ ba, cũng như truyện của ta, hoàng tử giả sau khi tinh ý lén để lại chùm chìa khóa lại nhà con mụ lường gạt, đã thắng cuộc. Kết quả, mụ mất tất cả của cải. Hoàng tử giả sai người đi chuộc chồng nhưng không cho chồng biết mình là ai, chỉ lấy ở hăn chiếc nhẫn. Đoạn, thu xếp cho tàu về nước.

Được tự do, hoàng tử trở về nước. Hắn lại làm phách đòi giẫm lên người vợ, nhưng vợ đã giở cho hắn xem chiếc nhẫn và giấy tờ chuộc, cho biết hắn bây giờ là nô lệ của mình, không còn quyền hành gì nữa[4].

Truyện sau đây phổ biến ở Băng-la-dex (Bangladesh) cũng như ở Nam-tư và ở Ý (Italia):

Một ông vua có năm đứa con. Đứa thứ năm là Un-mu-lúc, khi sinh, thấy bói đoán nếu vua nhìn nó thì sẽ bị mù. Vì thế đứa bé được vua nuôi cách biệt trong một cái lâu rất xa. Nhưng rồi vua cũng bị mù vì gặp lại Un-mu-lúc lúc ấy đã lớn mà không nhận ra. Thầy thuốc bảo chỉ có hoa hồng của Ba-ka-oa-li mới chữa lành. Bốn hoàng tử đầu bèn đi tìm. Dọc đường họ gặp Un-mu-lúc mà không biết là em. Un-mu-lúc tuy không nhập bọn với họ nhưng cũng theo họ.

Đến một tỉnh nọ, bốn hoàng tử vào nghỉ ở lâu của một kỹ nữ, là Lắc-kha, và được Lắc-kha rủ đánh bạc. Nhờ có con mèo nên Lắc-kha chiếm lấy hết cả tiền bạc và bắt bốn người làm nô. Khi Un-mu-lúc đến, biết mưu gian con mèo nên đánh thắng và chiếm lấy Lắc-kha làm nô tỳ. Lắc-kha kể chuyện mình cho anh nghe và nói hoa hồng hiện nay ở tay một nàng tiên là Ba-ka-oa-li. Nhờ có thần giúp, anh vào được đền của Ba-ka-oa-li lấy trộm hoa và nhẫn. Đưa về, anh gặp bốn hoàng tử đang làm nô cho Lắc-kha, bèn giải phóng tất cả. Nhưng khi nghe anh kể chuyện hoa của Ba-ka-oa-li và thử làm cho một người mù trở nên sáng, thì họ xúm lại đánh anh chết giấc và cướp lấy hoa về chữa cho vua cha lành.

Ba-ka-oa-li mất hoa và nhẫn, cất công đi tìm. Tìm đến Un-mu-lúc, Un-mu-lúc lại dẫn nàng đi tìm bốn hoàng tử. Cuối cùng bọn họ bị lộ mặt nạ vì dấu

sẹo của Lắc-kha còn in trên vai khi nàng bắt họ làm nô. Un-mu-lúc được vua cha nhận là con và hỏi Ba-ka-oa-li cho chàng làm vợ.

Truyện của người Béc-be-rơ (Berbères) ở Nam Tuy-ni-di (Tunisie):

Một cô gái có hai người đến dạm. Một người là cháu gọi mẹ bằng cô, một người là cháu gọi bố đẻ bằng bác. Cô bảo bố: tốt hơn cả là giao cho mỗi người một chiếc tàu và hàng hóa, ai tỏ ra thông minh thì cô lấy làm chồng. Hai người trở hàng ra đi. Xa-ít - cháu của mẹ - đến một nước nọ, trên cảng có một bọn cờ bạc mời anh dự cuộc đò đen - "Chơi thế nào?" anh hỏi - "Chúng tôi có con mèo cầm nến bằng hai chân trước, mèo cầm được như thế suốt đêm. Nếu nó đánh rơi nến, chúng tôi nộp cho anh một trăm tàu, nếu không, anh nộp tàu của anh cho chúng tôi". Xa-ít bằng lòng. Rồi cũng như các truyện trên, anh chàng thất bại, phải đi học nghề ở một quán cơm.

Mười ngày sau, Ác-mét - cháu của bố - đến, nhưng có mang theo hai con chuột giao cho một đứa bé đã dạn dò sẵn. Tối lại lúc con mèo của bọn cờ bạc đang cầm nến thì đứa bé chạy vào thả một con chuột, rồi con thứ hai, mèo nhảy vồ làm đổ nến. Anh được một trăm tàu.

Đi chơi phố, anh gặp Xa-ít, hứa trả chiếc tàu cho hẵn nhưng với điều kiện là đóng dấu sắt đỏ ở lưng. Xa-ít bằng lòng. Hẵn về nước trước được cô gả con gái cho. Đúng vào ngày cưới thì Ác-mét về. Đám cưới đi qua nhà, Ác-mét cướp lấy cô dâu. Mọi người xôn xao. Ác-mét gọi Xa-ít tới lột áo hẵn và bảo mọi người hãy đọc những chữ của dấu ấn trên lưng. Đọc xong, họ bảo Xa-ít: - "Người đàn bà này không thuộc về anh". Ác-mét bèn lấy cô gái làm vợ.

Truyện của người Ru-ma-ni (Roumains) ở Tờ-răng-xin-van-ni (Transylvanie):

Một anh chàng vừa cưới vợ thì bỏ đi buôn. Vợ hỏi đi xa có quên mình chẳng? Anh đem câu ấy hỏi lại vợ. Vợ bảo anh ngồi rồi cạo râu cho, và nói: - "Nếu râu mọc lại là dấu hiệu tôi có quan hệ với người khác". Lại đưa một sơ mi trắng như tuyết cho mặc và nói: - "Sơ mi mà đen cũng là dấu hiệu như thế".

Chàng trẻ tuổi đến một thành phố, dừng lại ở quán. Ở đây cũng có chủ quán có con mèo hai chân, mang được ngọn lửa sáng suốt đêm. Cũng đánh cuộc. Anh chàng cũng thua, phải nộp tất cả tiền và bị giam trong một cái hầm, trong đó đã có sáu người khác.

Mọi người thấy anh bị giam lâu mà sơ mi vẫn trắng, mặt anh càng giống với mặt con gái, lấy làm lạ, họ tấn mẫn hỏi, anh kể cho họ nghe câu chuyện riêng giữa hai vợ chồng. Một số người xin với chủ quán cho mình đi lừa người đàn bà. Buổi chiều một ngày họ tìm đến làng anh ta, gõ cửa, tự xưng là bộ hành nghèo lỡ độ đường. Người đàn bà thương hại cho ăn nhưng khi họ xin nghỉ lại, một ý bỗng nảy ra. Nàng bèn cho họ vào ở buồng tốt nhất rồi khoá trái lại. Sáng hôm sau hỏi qua khe cửa mới biết tình hình của chồng, nàng bèn cải trang làm một thầy tu ra đi, có mang theo ba con chuột. Đến nơi, thắng được chủ quán, buộc hẳn phải nộp tất cả tài sản. Nàng lấy chìa khóa mở hầm tha cho mọi người, trả của cải cho họ, và cứu được chồng.

Về sự tích cá he, xem lại truyện số 13, tập I, và các dị bản.

-
- [1] Theo Lãng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.
- [2] Theo Sơn Nam. *Chuyện xưa tích cũ*.
- [3] Theo *Truyện cổ Ba-na*, tập II, đã dẫn.
- [4] Truyện này theo Sô-vô-na Đê-vi (Chauvona Dévi). *Những hòn ngọc phương Đông*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
85. CON SÁO VÀ PHÚ TRƯỞNG GIẢ

Ngày xưa có một con sáo nói được tiếng người và hiểu được ý người. Từ lâu, sáo làm bạn với một bác nông dân rất nghèo. Hôm ấy, bác đi cày bắt được sáo ta bị thương nằm nép trong bụi lúa, bèn đưa về chăm sóc, dần dần dạy sáo học, sáo biết đủ mọi thứ. Đối với sáo bác rất tận tình; mỗi khi có miếng ăn đều dành phần cho sáo. Bác bảo sáo: - "Tao già rồi mà không có con nên tao nhận mày làm con!". Sáo được tự do muốn đi đâu mặc ý, không bị nhốt trong lồng. Nhưng sáo rất quyến luyến bác, không muốn rời.

Gần đây có phú trưởng giả giàu nứt đổ đổ vách. Nhà hăn tiền ròng bạc chảy đến nổi thỉnh thoảng hăn lại đem vàng ra phơi nói là cho đỡ ảm. Một hôm sáo bay qua nhà phú trưởng giả gặp kỳ hăn đang phơi vàng. Sáo biết là của quý vội sà xuống cắp lấy mấy thoi đưa về cho bố nuôi. Từ đây bác nông dân sống dễ chịu hơn trước.

Phú trưởng giả từ ngày mất vàng không biết nghi cho ai được, vì hăn phơi tận trên nóc nhà lại nghiêm cấm không cho một ai tới gần, nên hăn đành nín lặng. Nhưng hăn vẫn để tâm rình mò quyết tìm cho ra. Một hôm khác, hăn lại phơi vàng. Sáo bay qua trông thấy lại sà xuống lấy, nhưng không may bị phú trưởng giả nhanh tay chớp được. Lập tức hăn tra khảo sáo để mong tìm lại những vàng đã mất lần trước. Hăn hỏi sáo:

- Mày ở nhà nào?

Sáo đáp:

- Tôi ở trên rừng.

- Ai dạy mày trộm vàng của tao?

- Chả ai dạy cả.

- Mày trộm về cho ai?

- Tôi quăng lên rừng.

Tức tối vì không tìm ra được manh mối, phú trưởng giả liền sai gia nhân vật lông sáo cho kỳ trụ để cho sáo chết một cách đau đớn. Nhưng mới nhổ được mấy cái lông thì sáo đã giả bộ chết, nằm ngay đơ, cánh sã ra, không cựa quậy. Phú trưởng giả sai vớt sáo ra ngoài bụi tre. Chỉ một chốc sau sáo đã đứng dậy và gượng lần về nhà.

*

* *

Mấy tháng sau, ở một ngôi đền của làng bồng xảy ra một việc rất lạ. Mỗi lần người thủ từ vào thắp hương đều nghe trên tượng Đức ông có phát ra tiếng gọi: - "Sắp có nạn lớn, hãy bảo phú trưởng giả đến cho ta bảo". Người thủ từ trước còn hồ nghi, nhưng nghe đến lần thứ hai thì hết hoảng, vội đi báo tin cho phú trưởng giả biết. Nghe thủ từ nói, phú trưởng giả cũng không kém hết hoảng, vội mang khăn áo tới đền với một mâm cỗ để nghe

Đức Ông phán bảo. Khi hăn đang lễ xì xụp thì tiếng ở trên tượng truyền xuống bảo hăn phải cạo đầu quy y một thời gian mới mong tai qua nạn khỏi. Hăn toát mồ hôi, vâng vâng dạ dạ. Cuối cùng, hăn đành nhờ người cạo phẳng mớ tóc và mặc đồ nâu sồng xin hòa thượng cho vào ở chùa để mong Phật che chở như lời Đức Ông truyền.

Nhưng được mấy ngày sau, Đức Ông lại bảo người tù giữ đền gọi hăn đến. Khi lão phú trưởng giả và mọi người đang quỳ lom khom đợi Đức Ông bảo ban, thì sáo ta từ bức tượng bay ra nói với chúng:

- Hãy mở mắt ra mà nhìn đây! Tao đây chả phải thần thánh gì cả. Chỉ vì mày làm tao đau đớn suýt chết nên tao phải báo thù mày một phen.

Nói đoạn, sáo cười lên một thôi rồi sà xuống mâm mỗ lấy mỗ để.

Cái đầu trọc của phú trưởng giả ngửng lên, và khi thấy được sự thực, hăn giận tràn hông, nhảy xô lại định bắt giết con sáo cho hả giận, nhưng sáo ta đã bay ra khỏi đền và đi mất [1].

KHẢO DỊ

Có người kể hơi khác về chi tiết. Đại thể, lúc sáo vào nhà người ta thấy có mâm cỗ cúng thì trộm giò chả về cho chủ. Người mất của đuổi theo đến nhà thì bắt được quả tang bèn lên trình quan. Quan cho đòi cả người và sáo lên tra hỏi. Sáo nhận hết tội lỗi, bị quan xử tội vật lông. Sáo cũng giả chết

thoát được. Đoạn sau, sáo cũng mượn miệng Đức Ông báo thù không phải chỉ phú trưởng giả mà cả bọn quan, chánh tổng, lý trưởng, v.v... đều phải cạo trọc đầu cả lũ [2].

Người Nghệ-an kể truyện này cũng có một vài chi tiết hơi khác. Ví dụ, thay cho phú trưởng giả là quan huyện. Khi bị quan vật lông, sáo lần được về nhà nói với chủ xin nuôi cho mau sinh lông sinh cánh để báo thù. Đủ lông cánh rồi, vừa gặp khi làng của quan huyện tế thần, nó lén bay vào linh tọa mượn miệng thần vạch tội quan huyện ngày xưa hay ăn tiền dân, bảo làng phải đòi quan ra vật tóc, rồi vật râu quan, v.v... [3].

Truyện trên cũng phổ biến ở nhiều dân tộc. Người nghèo có truyện *Con Vẹt của Ích-ra-va* [4] dường như là một dị bản của nó:

Xưa có một anh chàng tên là Ích-ra-va yêu một cô gái. Bố cô gái đòi phải cầu thần, thần có ưng thuận mới gả. Nhưng khi hai họ đến đền hỏi ý kiến thần, thì con vẹt của Ích-ra-va đã bay vào đền nấp sau pho tượng nói: - "Được lắm, hợp lắm, xứng đôi lắm". Nhờ thế, bố cô gái bằng lòng gả, hai họ cưới hỏi linh đình.

Sau cô gái biết không phải thần mà là do vẹt, liền bỏ về nhà bố tìm cách bắt con vẹt vật trụi lông định nướng ăn. Song vẹt đã trốn được vào rừng, và trở nên vua các loài chim.

Khi nghe nhà vua yêu con thứ bỏ con trưởng, vẹt đeo một cái chuông bay về đậu trên nóc hoàng cung, tự xưng là sứ giả của thần In-đơ-va, bảo vua phải gọi hoàng tử con trưởng về truyền ngôi, nếu không sẽ bị thần phạt. Nghe thế, nhà vua sợ, bèn gọi con trưởng về cho lên ngai vàng làm vua. Nhờ công đó, vẹt được phong làm quan nhất phẩm. Vẹt bèn tố cáo bố con

cô gái. Ông vua mới ra lệnh gọi bố con cô gái tới, bắt cạo trọc đầu để trả thù cho vệt [5].

Người Chăm-hơ-roi cũng có truyện *Em bé và chim vàng anh* cũng phần nào giống với truyện của ta:

Hai vợ chồng một người kiếm củi có đứa con trai múa giỏi, đồng thời có nuôi một con chim vàng anh hót hay. Thấy con chim quý, một lão nhà giàu đến cướp lấy đưa về định nuôi cho nó hót. Nhưng chim không chịu hót, ỉu rĩ không ăn mấy ngày liền. Lão nhà giàu bèn vứt chim ra bụi. Đứa con trai người kia lại nhặt chim về chăm sóc, chim béo khỏe lại hót vui như trước.

Nghe nói chim đã sống lại, lão nhà giàu liền đến nhà giành con chim, nhưng chim đã mổ vào mắt hấn túi bụi [6].

Dân tộc Mèo có hai truyện:

1. Hoàng tử Mua Linh Khú nuôi được một con sáo khôn. Để báo thù cho cha bị người giết chết và tranh ngôi, anh đi ra nước ngoài, lấy con gái nhà giàu, rồi lại lấy con gái vua Trời. Ở đâu, anh cũng luyện tập quân lính chuẩn bị đánh kẻ thù, nhưng không ngờ anh lại bị kẻ thù bắt giam. Nghe tiếng anh khóc, chim sáo tìm vào hầm đá hỏi thăm. Anh nhờ sáo đi báo tin cho hai vợ mình đem quân đến cứu. Quân nhà Trời được tin kéo xuống đánh. Tên cướp ngôi bỏ chạy, hỏi sáo cách thoát. Sáo bảo hấn cạo trọc đầu ẩn trong một cái miếu hoang. Quân nhà Trời tìm không được, rút về. Sau đó quân của con gái nhà giàu kéo đến. Mua Linh Khú hỏi con sáo về tung tích kẻ thù và khi được sáo mách, anh chém đầu y rồi lên làm vua.

2. Seo Mèo Chư mờ côi đi ở cho người. Anh giúp đỡ cho một con chim đang ấp trứng, được chim trả ơn cõng anh lên lưng chở đến cung vua bảo

vua gả công chúa cho anh. Nhưng vua nổi giận đuổi Seo Mèo Chư và vật trụi lông chim. Cũng như truyện của ta, chim chui vào bàn thờ ở cung vua, ăn các thức cúng, rồi khi mọc đủ lông cánh, chim lại lấy lời thần linh bảo vua nếu không gả công chúa cho Seo Mèo Chư sẽ có tai nạn. Vua bất đắc dĩ cho công chúa một con chó quý, một con mèo, một con ngựa thồ bạc và đồ đạc đi lấy chồng.

Lấy nhau được ít lâu, công chúa giao cho chồng ngựa thồ bạc đi đong gạo, có chó quý đi theo. Đến một làng nọ, anh vào nghỉ ở nhà một mục phù thủy. Mục cho anh nghỉ và giao hẹn nếu chuột cắn mà khóc thì anh mất tất cả cho mục. Trái lại thì mục mất tất cả cho anh. Ở đây, truyện tương tự với truyện *Con mục Lường*, chỉ có khác về vai trò con mèo. Nửa đêm đang ngủ, đàn muỗi bay tới cắn, anh nhìn được, nhưng khi đàn chuột xô ra cắn, anh kêu khóc, thế là bị mất của cải và bị làm nô. Chó chạy về báo cho công chúa sự tình. Công chúa mang theo con mèo đến xin trọ ở nhà mục phù thủy và cũng nhận giao ước như trên. Mục cho đàn muỗi, rồi cho đàn chuột ra cắn, nhưng chuột bị mèo chén thịt. Cuối cùng nàng cứu được chồng về [7].

Trung-quốc cũng có truyện *Con khướu*:

Một ông già tốt bụng tên là Già Vương đi ở chăn bò cho Ương Ngựợc. Vì già yếu bị đuổi phải làm nghề kiếm củi. Một hôm ông bắt được một con khướu hát hay. Ông đưa ra chợ cho nó hát, được người ta thưởng cho nhiều tiền. Ương Ngựợc thấy thế bắt lấy khướu và cũng đưa ra chợ bắt người đi chợ nộp tiền để nghe khướu hát. Nhưng khướu không hát, lại mắng lại Ương Ngựợc. Hắn bảo đầy tớ giết đi để nhắm rượu. Chim bảo đầu bếp tha cho mình, rồi bắt một con quạ chết thay vào.

Ở đây, chim cũng bay vào miếu Ngọc hoàng rồi nấp vào chỗ kín, lấy lời Ngọc hoàng bảo ông từ gọi Ương Ngựợc đến, truyền cho y làm Ngọc

hoàng, cả vợ và con đều vinh hiển, nhưng với điều kiện là sáng mai cả nhà phải mặc đồ giấy đến miếu. Trời rét, sau khi gia đình Ương Ngược đến, chim sai khóa chặt cửa miếu lại, rồi bay đến cây cao giữa làng truyền bảo dân làng chia đôi tài sản của Ương Ngược: một nửa cho Gia Vương và người đầu bếp, còn lại đem phân phát cho những người nghèo.

Sau đó, khi ông từ mở cửa miếu vào thì Ương Ngược và vợ con đã chết cứng [8].

[1] Theo lời kể của người Vĩnh-phú, Thái-bình, và Hà-tĩnh.

[2] Theo *Thực nghiệp dân báo* (1924).

[3] Theo *Bản khai thôn Chính-đích*, xã Mỹ-lợi.

[4] Một trong 16 truyện Xa-cu-na-pa-con.

[5] Theo Hoàng Lâm, Xu-văn-thon. *Truyện dân gian Lào*.

[6] Theo *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*, tập IV.

[7] Theo Doãn Thanh, Thương Nguyễn, Hoàng Thao. *Truyện cổ dân tộc Mèo*.

[8] Theo báo *Tân Việt hoa* (1958) dẫn trong sách *Đánh chết Diêm vương* của Lê Bá Cơ.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
86. CON THỎ,
CON GÀ VÀ CON HỔ

Thỏ, hổ và gà có lần ở chung với nhau để hợp sức phát nương rẫy. Ngày đầu tiên, thỏ và hổ đi cắt tranh, giao cho gà nhiệm vụ trông nhà và nấu ăn.

Sau khi quét dọn trong nhà ngoài ngõ, gà nấu cơm. Cơm chín, gà bắc một nồi nước lên bếp. Nước sôi gà nhảy lên miệng nồi, để vào nồi một quả trứng, rồi cất lên mấy tiếng "cục ta cục tác".

Trứng vừa chín thì thỏ và hổ cũng vừa về. Gà bắc trứng ra. Thỏ, hổ vừa mệt vừa đói nên ăn rất ngon miệng. Thỏ hỏi: "Chị gà ơi! Chị làm thế nào mà có món ăn thích khẩu thế?". Gà nói thực cho biết cung cách mình đã chế ra món ăn đó. Sáng hôm sau, họ lại dậy sớm tiếp tục đi cắt tranh. Lần này hổ đi cùng gà, còn thỏ đến lượt ở nhà nấu ăn. Hổ còn dặn thỏ cố lo làm sao có bữa ăn ngon như gà đã làm hôm qua. Thỏ đáp: "Việc đó không khó, bác cứ tin ở tôi!".

Sau khi nấu cơm, thỏ cũng bắc một nồi nước sôi rồi cũng đứng lên thành bếp chìa đít vào nồi và rặn như kiểu gà đã dạy. Xong việc, thỏ hí hửng ra cửa đón hổ và gà về.

Bữa ăn hôm ấy, hổ đói bụng háu ăn, gấp ngay trước mấy miếng bỏ vào miệng. Nhưng chưa kịp nuốt thì hổ đã vội khạc nhổ rồi rít và gầm lên đuổi đánh thỏ. Thỏ vùng chạy nhưng không kịp nữa, bị hổ tóm được đánh cho một trận mê tơi. Hổ dẫn đầu thỏ xuống đất mấy lần làm thỏ toạc cả da miệng. Sau lần bị đòn ấy thỏ giận hổ vô cùng, quyết nghĩ cách báo được thù mới hả. Mấy ngày sau, thỏ và hổ lại tiếp tục công việc. Lúc này tranh

cắt đem phơi đã khô, phải đánh đồng lại đưa về lợp nhà. Trong khi chưa biết làm thế nào để chuyển tranh về thì thỏ đã hiến kế bảo hổ: - "Trong ba ta, tôi thấy bác có sức khỏe hơn cả. Vậy bác hãy nằm xuống để tôi chất tranh lên lưng, dùng dây buộc chặt vào lưng rồi cứ thế bác chở về nhà, chừng một chuyến là xong tất cả". Hổ nghe có lý, nằm ngay xuống cho thỏ chất cỏ tranh lên. Khi đã đầy lưng, thỏ lấy dây cột quàng mấy chục vòng xuống bụng, xuống cổ, quàng cả vào các chân của hổ, v.v... Thế rồi thỏ nhảy lên, lấy đá đánh lửa đốt cho bén vào tranh rồi nhảy xuống chạy mất. Tranh khô được lửa, cháy rất thỏa thích. Hổ vẫn vô tình lo làm xong công việc, đến khi lửa liếm xuống gần lưng, nóng quá, mới hoảng hồn, gầm lên, lăn lộn. Nhưng đồng lửa vẫn dính chắc lấy lưng hổ vì dây cột nhiều và chặt quá. Hổ càng chạy, lửa càng như được quạt mạnh, bùng to lên.

Khi hổ giẫy được khối lửa khỏi lưng thì da đã bị bỏng, lông đã bị cháy sém loang lổ. Hổ giận tràn hông bỏ đi tìm thỏ thì thỏ đã biến đi đâu mất.

Cũng vì thế mà ngày nay người ta nói nòi giống của thỏ và hổ còn mang những vết tích của cha ông chúng để lại: một loài bị xé môi trên; một loài lông vẫn còn những vết cháy sém.

KHẢO DỊ

Một truyện khác có tính chất ngụ ngôn. nói về *Nguồn gốc bộ da con hổ và hàm trên con trâu*:

Một hôm, hổ thấy trâu bị người thợ cày mắng chửi đánh đập mà vẫn cứ cúi đầu phục tùng, bèn chờ lúc trâu được nghỉ, đến gần hỏi: - "Tại sao mày lại chịu nhục nhã như thế?". Trâu đáp: "Vì người có trí khôn".

Hôm khác, hổ lân la đến hỏi xin trí khôn của người. Người đáp: "Trí khôn ta để ở nhà. Nếu mày muốn, ta sẽ về lấy cho. Nhưng phải để ta trói vào gốc cây đã, nếu không mày ăn mất trâu của ta". Hổ chịu để trói. Trói xong, người mang rơm lại đốt, vừa đốt vừa nói: - "Trí khôn của ta đây!". Hổ giãy giụa mãi mới thoát, nhưng lửa đã cháy sém bộ lông. Con trâu thấy thế cười bỏ xiêu bỏ ngả đến nổi hàm trên va vào đá gãy mất cả dãy răng. Vì thế mà ngày nay nòi giống của loài ấy còn mang vết tích của tổ tiên [1].

Về gốc tích bộ da con hổ, người Thái có một truyện:

Xưa, trời dành riêng cho người một sự ưu đãi: biết nói và có quyền ăn thịt mọi động vật. Thấy thế, hổ và rắn không chịu, vây lấy người định đánh. Người làm một cái chòi để rắn và hổ chui vào rồi bịt lại châm lửa đốt. Hổ và rắn hoảng hốt: một con va phải một thanh gỗ đã cháy đen nên bộ da có vân, một con bò trên đồng than nên bộ da lấm chấm đen [2].

Người Nùng kể về *Gốc tích bộ da con hổ* như sau:

Hổ bị thỏ dùng mẹo lừa làm toạc cả da. Đau quá, hổ bỏ chạy. Gặp một người làm hương, hổ nhờ chữa giúp. Người này bốt một nắm mùn cửa nhét vào các vết thương và dẫn đến thợ rèn mà hơ cho khô vết thương. Không ngờ, đến nơi tàn than bay lên bắt vào mùn cửa, cháy âm ỉ mà không biết. Đến lúc nóng, hổ lồng lộn chạy lung tung khắp nơi. Một con gà gô thương hại mach: - "Tắc tà tà" (ý nói nhảy xuống sông). Nghe lời, hổ nhảy tùm xuống sông mới thoát chết. Nhưng từ đấy da hổ có vết cháy. Cũng từ đấy

hồ với gà gô thành đôi bạn chí thân. Ở đâu có gà gô là ở đấy thường có hồ [3].

Truyện của người Miến-điện (Myanma) có những tình tiết hơi khác:

Thỏ và hồ cùng rủ nhau đi cắt rạ. Hồ mang một túi đựng cơm thịt, còn thỏ thì một túi phân bò và cát. Đang làm, thỏ đòi ăn trước nhưng hồ thì chờ làm xong mới ăn. Thỏ nói: nhà hiền triết có nói: đến trước ăn cơm thịt, đến sau chỉ có ăn cát ăn phân. Rồi chén hết túi cơm của hồ, đoạn tìm gốc cây mà ngủ, Hồ làm xong, tìm đến túi chỉ thấy cát và phân bèn mắng thỏ, thỏ nhắc lại câu của nhà hiền triết. Hồ tin lời lại cắt và chuyển rạ. Thỏ vờ lên cơn sốt được hồ cho ngồi trên bó rạ đã chất lên lưng. Đi được một quãng thỏ đánh lửa lên đốt. Hồ bị sém da, hoảng hốt bỏ chạy. Thấy thỏ ngồi bên vệ đường, hồ mắng thì thỏ cãi: - "Tôi đã gặp bác lần nào đâu". Hồ xin lỗi, thỏ nói: - "Tôi chẳng trách bác vì anh em tôi giống nhau như đúc, nhưng lưng bác có nhiều vết bỏng, tốt hơn là cọ vào gốc cây". Hồ làm theo, vết bỏng tóc màu, đau quá bỏ chạy. Lại gặp thỏ và mắng, thỏ lại đáp: - "Tôi đã gặp bác lần nào đâu. Kìa sao bác có máu, hãy lăn lên cát thì lành". Hồ làm theo, đau nhức nhối, chạy như cuồng, lại gặp thỏ nữa, mắng thì thỏ đáp: - "Tôi không hề quen bác. Ở đây có giếng thần, bác đến đó có thể lành". Rồi đem hồ đến, thỉnh linh xô xuống giếng [4].

Về gốc tích cái môi con thỏ, người châu Phi kể:

Mặt trăng lúc tạo thiên lập địa sai rận xuống trần phán bảo cho loài người biết là người được hưởng lệ "sẽ chết và sẽ sống lại". Thỏ nghe được sứ mệnh bí mật ấy, vội xuống trước tuyên bố ngược lại là "người sẽ chết và chết là chết luôn".

Rồi đó, thỏ lên trời khoe công. Giận thỏ làm sai ý mình, mặt trăng đánh thỏ

sút môi, nên từ đó tỏ truyền lại cho dòng dõi của mình môi sút [5].

[1] Theo truyện kể của người miền Bắc và miền Trung. Người Miến-điện (Myanma) có truyện *Vì sao trâu không có hàm trên*, hơi khác: Trâu với bò là hai anh em chú bác, rất thân nhau. Bò chỉ có hàm dưới, một hôm mượn hàm trên của trâu để đi xem ngựa biểu diễn. Ngựa múa hát hay quá làm bò cười như nắc nẻ. Ngựa thấy rằng bò đẹp bèn hỏi mượn để múa hát cho hay hơn. Bò vô tình không biết mưu ngựa nên cho mượn ngay. Ngựa nhảy múa mỗi lúc một xa rồi ba chân bốn cẳng chạy mất. Bò đuổi không kịp đành chịu mất. Ngày nay trâu thường kêu: “Răng của tôi!”, bò kêu: “Bác nói đúng!”, còn ngựa kêu: “Hi hi hi hi” (*Truyện dân gian Miến-điện*; bản dịch của Minh Trí, Vân Minh và Hoàng Hải).

Về đề tài này người miền Nam kể như sau: Xưa trâu có đủ hai hàm răng mà ngựa chỉ có một. Một hôm trâu được mời đi ăn giỗ. Lúc trở về gặp ngựa. Ngựa bảo trâu cho mượn hàm răng trên để đến lượt mình ăn giỗ, rồi sẽ trả lại sau. Trâu không ngờ gì cả cho mượn ngay, nhưng cũng như truyện trên, ngựa đã có dụng ý xấu giữ hàm răng của trâu lại không trả. Một hôm gặp ngựa, trâu đòi, ngựa bảo: -“Chúng ta hãy chạy thi, anh hơn tôi, tôi sẽ đưa ngay”. Nói rồi ngựa chạy, trâu đuổi không kịp và từ đấy đành chịu mất hàm răng trên (Theo lời kể của đồng bào Mỹ-tho và Lăng-đờ (Landes). Sách đã dẫn).

[2] Theo lời kể của người Thái.

[3] Theo lời kể của người Nùng ở Cao-bằng.

[4]. Theo *Truyện dân gian Miến-điện*, đã dẫn.

[5]. Theo Re-vi-dơ (Révisé). *Tôn giáo của các dân tộc lạc hậu*, quyển I.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
87. CON THỎ VÀ CON HỔ

Hổ bị thỏ chơi một mẻ mất mặt, thề từ nay không đội trời chung với thỏ.

Một hôm, hổ đi chơi gặp thỏ đang trèo cây ăn mật ong. Hổ đứng đón dưới gốc, trừng mắt bảo thỏ:

- Mày đừng có hòng chạy nữa nhé! Tao tìm mày lâu lắm rồi. Muốn tốt xuống đây nộp mạng!

Thỏ bèn làm kế hoãn binh:

- Ông làm ơn cho tôi đánh một hồi trống rồi tôi xin xuống để ông bắt tội.

- Được, hổ trả lời.

Thỏ giơ tay giả làm điệu bộ đánh trống liên hồi vào tổ ong. Bấy giờ tiếng ong bay vù vù, văng vẳng có âm thanh phát ra làm cho hổ nghe tưởng là trống thật. Thích quá, hổ bảo thỏ:

- Mày cho tao đánh với!

- Ông đánh cũng được thôi - thỏ đáp - nhưng có điều, ông mà đánh thì tôi sẽ điếc tai long óc mất. Vậy ông làm ơn để tôi đi thật xa đây đã, bao giờ không nghe tiếng hú của tôi nữa thì hãy đánh.

Thế là hổ ta quên mất việc trị tội thỏ, để cho thỏ nhảy xuống chạy trốn mất.

Khi không còn nghe tiếng hú, hổ mới trèo lên cây, đánh mạnh vào tổ ong. Tổ ong vỡ ra, cả bầy ong xông tới đốt cho hổ tối mày tối mặt. Hổ kinh hoàng sẩy chân rơi xuống đất đau điếng cả người. Nhưng ong vẫn không tha, hổ chạy đến đâu chúng đuổi theo đến đó, đốt cho mặt sưng húp mới chịu thôi. Hổ biết là mắc mưu thỏ, giận bầm gan tím ruột.

Hôm khác hổ tình cờ gặp lại thỏ đang đứng bên bụi tre. Hổ chặn đường hét:

- Mày làm ông khốn nạn bao nhiêu phen rồi? Thôi, đứng đó cho ông trị tội.

Thỏ nghĩ ra được một kế khác, nói:

- Ông hãy cho tôi gảy một khúc đàn cha ông nghe đã rồi tôi sẽ để ông bắt tội. Tôi không dám trốn đâu mà ông lo.

Hổ bằng lòng. Thỏ liền nhảy lên bụi tre giả làm như cách gảy đàn. Kỳ thực, lúc nào gió thổi hai cây tre sắp cọ vào nhau thì nó rút chân ra, lúc hai cây tre rời nhau thì nó rút chân vào.

Tiếng tre cọt két làm vui tai hổ, cho nên hổ lại bảo thỏ:

- Mày để cho tao gảy một lúc chơi.

Thỏ nói:

- Ông cứ gảy tùy thích, những chơi cho khéo kẻo hỏng mất đàn của tôi đi!

- Mày dạy tao cách gảy thế nào đã.

- Tay ông to quá đánh hỏng đàn mất. Vậy ông hãy cứ đánh bằng đuôi thì tốt hơn. Đây này! Cứ lúc nào hai cây tre rời nhau thì ông cho đuôi vào giữa, thế là nó bật thành tiếng nghe rất thú. Nhưng ông hãy chờ cho tôi đi xa đây đã. Nói rồi, thỏ nhảy xuống, ba chân bốn cẳng chạy mất. Còn hổ làm đúng như lời của thỏ, bị tre nghiêng đứt mất một khúc đuôi. Hổ đau đớn không thể nói hết, gầm rống vang trời, trông bộ dạng rất thiếu nhã. Hổ quyết bắt cho được thỏ xé xác ra mới hả dạ.

Băng đi một ít lâu, hổ lại gặp thỏ. Nhưng lần này đang lúc thỏ vô ý sa xuống một cái hố sâu không làm sao lên được. Thấy mặt hổ, thỏ vội gọi:

- Trời ơi! Ông còn chưa biết ư? Mau lên không thì nguy khốn đến nơi rồi!

Hổ nghe nói thế, cuống lên hỏi lại thỏ:

- Thế nào? Nói mau!

- Ông ơi - thỏ đáp - ông có thấy gió thổi ào ào, cây cối rung chuyển đó không, đó là dấu hiệu trời sắp sập rồi, chỉ còn một cách nhảy xuống đây mới có thể thoát được mà thôi!

- Thật thế à? Cho tao xuống với nhé!

- Ông xuống ngay đi! Ở lại trên đó là chết bẹp xác.

Thế là hổ không suy nghĩ gì nữa nhảy ngay xuống hố sâu, trong lòng lo ngay ngáy không còn nghĩ gì đến chuyện trị tội thỏ nữa. Thấy thế, thỏ tìm

cách chọc hổ chơi. Bèn dùng tay cù vào nách hổ. Hổ không chịu được lối đùa nghịch của thỏ, mắng:

- Yên. Mày nghịch như quỷ ấy! Nếu còn như thế nữa tao sẽ không đánh mày mà quăng mày lên trên kia, cho trời sập đè bẹp xác.

Thỏ chỉ yên lặng được một chốc rồi lại lên tới cù hổ. Tức mình, hổ nắm lấy hai chân thỏ vút lên miệng hổ. Thỏ đắc mưu, chạy một mạch vào làng báo cho mấy ông thợ săn biết. Lập tức họ vác cung tên giáo mác đến hổ giết chết hổ, quây về xả thịt.

KHẢO DỊ

Truyện *Mưu con thỏ* của người Cham-pa gần với truyện của ta. Nó kết hợp 3 truyện. *Con thỏ, con gà, con hổ* (số **86**); *Con thỏ và con hổ* (số **87**) và truyện *To đầu mà dái nhỏ dái mà khôn* (số **58**).

Thỏ cùng cắt tranh để lọt nhà với các con vật khác, nhưng không phải chỉ có gà, hổ, mà còn có thêm voi và rái cá. Chúng nó cắt phiên lần lượt nấu cơm.

Lần đầu là hổ. Hổ đi một chốc bắt hươu, nai, cây cáo mang về, thứ nấu thứ quay, rồi gọi cả bọn về chén. Họ đều khen ngon và ca ngợi hổ. Qua ngày sau đến lượt rái cá. Rái cá xuống nước bắt những loại cá ngon, thứ nướng, thứ kho, thứ làm mắm, rồi gọi cả bọn về ăn. Họ đều khen ngợi rái cá. Qua

ngày sau nữa đến lượt gà rồi lại đến lượt thỏ đều giống truyện của ta. Gà đẻ trứng cũng được cả bọn khen ngợi. Thỏ không biết làm thế nào cũng bắt chước gà sớt vứt vào nồi, gia mắm muối vào quấy lên, nói dối là canh cá *ha-kan*, cá tan ra trong nước. Rồi thỏ làm bộ đau đầu, lên nằm không ăn. Cả bọn lúc đầu khen ngon, nhưng thỏ chốc chốc lại ngáp và kêu lên mấy tiếng: "*Hay ê ta-put.. hơ-vút ê ta-pay*" [1]. Cả bọn mới biết ăn phải vứt thỏ, nhưng ở đây không có cơn giận của hổ cũng như các con vật khác, vì cả bọn đang chuẩn bị chờ tranh về.

Ăn xong chúng hội nhau lại chia việc: voi thì làm xe, hổ và rái cá làm "bò", gà dẫn đường, còn thỏ thì kêu đau, được đẩy xe. Sắp tranh lên lưng voi rồi, chúng lấy dây chằng lại, buộc dây vào cổ voi, một đầu buộc vào cổ hổ và rái cá. Đi được nửa đường, thỏ làm bộ lên cơn sốt xin phép trèo lên xe. Rồi nó xin mồi lửa của gà để sưởi vì "cơn rét không thể chịu được". Kết quả là tranh cháy dữ dội trên lưng voi; thỏ còn xui hổ và rái cá kéo voi ra trước gió. Cuối cùng rái cá kéo được xuống nước: lửa tắt nhưng voi cũng chết.

Thỏ bỏ trốn đi chỗ khác nhưng lại bị trần quần ngồi im một nơi trong bụi. Hổ bắt gặp, hỏi thỏ: - "Mày làm gì đó?" - "Tôi thắt dây lưng hoa của ông bà để lại" thỏ đáp. Hổ không biết có trần, liền mượn dây lưng để thắt. Thỏ ban đầu làm bộ không cho nhưng sau bảo hổ kiếm cho một cái gai để gỡ nút thắt rồi sẽ cho mượn. Được gai, thỏ chích vào mũi trần, trần đau, giật nảy mình, thỏ thừa cơ chạy mất, nhưng trần cũng kịp thời quần lấy hổ. Thỏ gọi người đến bắt. Thấy người đến, hổ sợ, cắn đứt đuôi trần rồi bỏ chạy.

Lần thứ hai, thứ ba, và thứ tư cũng như truyện của ta, hổ đều bị thỏ chơi cho những vố cay chua như "đánh trống", kỳ thực lừa hổ đánh vào tổ ong vò vẽ để ong đốt; "gậy đàn sa-ra-nai", kỳ thực lừa hổ tặc lưỡi vào giữa hai cành cây sắp cọ vào nhau; và nhảy xuống giếng khô, v.v...

Sau khi bị hổ ném lên khỏi miệng giếng, thỏ đi gọi người ra bắt hổ. Lúc ấy có đám ăn mừng, người ta nghe nói kéo nhau đi xem. Thừa dịp ấy thỏ ăn hết bánh, ăn xong sắp bát đĩa lại một đồng rồi trèo chiếu lên. Lại lấy khăn đỏ quần đầu rồi đánh trống inh ỏi. Trong khi đó ở dưới hổ, thấy bóng người, hổ chạy vụt lên được khỏi miệng giếng. Mọi người trở về thấy mất bánh. Nhìn thấy một đồng lù lù dưới chiếu, họ tưởng là thỏ bèn lấy gậy đánh, làm vỡ hết bát đĩa. Thấy thỏ trên nóc nhà họ rủ nhau vây bắt. Thỏ nhảy từ nóc này sang nóc khác. Họ lấy mỗi lửa ném thỏ, thỏ tránh được nhưng nhà cháy.

Thỏ giả chết nằm giữa đường, một người đàn bà đi chợ về đội một rổ bánh, chuối, đường, v.v... để về làm đám. Tưởng là con thỏ bị đánh chết, bà ta nhặt bỏ vào rổ, nhưng về đến nhà thì thỏ đã nhảy xuống trốn đi sau khi chén hết bánh trái trên rổ.

Thỏ lại gặp một con voi đang khóc. Từ đây trở xuống giống với truyện *To đầu mà đại...* của ta. Cũng vậy, voi thi với hổ bị thua phải nộp mình cho hổ chén thịt, nhưng ở đây không phải thi nhảy qua khe mà là thi hét làm sao cho chim chóc thú vật phải sợ. Thỏ cũng bảo voi làm đúng như lời mình dặn, đặc biệt là tằm sẵn cho mấy miếng trầu. Với nước quết trầu, thỏ làm cho hổ tưởng là thỏ đánh voi chảy máu nên bỏ chạy. Rồi hổ không gặp khi mà gặp rùa. Rùa cũng buộc dây vào mình nối với chân hổ và đưa hổ trở lại. Bị thỏ dọa, hổ cũng bỏ chạy kéocả rùa đi khắp nơi làm cho rùa chảy máu mồm [2].

Một truyện của người Ca-tu *Thỏ rơ-pai* có những chi tiết khác:

Đi-đít đóng thuyền, thỏ làm bộ khôn tới bày vẽ, cuối cùng thuyền hỏng, bị Đi-đít giận ném vào đồng ván bằng cây *i-dơ* đầy nhựa, thỏ bị dính chặt.

Đang lúc không biết làm thế nào, thấy voi, thỏ nói: -"Không biết sức chú có kéo co được với anh một keo không?". Bị khích, voi thò vòi cuốn tung thỏ lên. Thế là thỏ thoát nhưng lại rơi xuống một cái hố sâu. Gặp hố, thỏ gọi: - "Mau xuống đây kéo giặc sắp tới giết thịt". Hố nhảy xuống. Cũng như truyện của ta, thỏ cầm que chọc vào tai, vào mũi, rồi vào đít hố để hố tức, hy vọng hố ném mình lên khỏi hố. Nhưng hố vẫn không giận thỏ. Sau cùng thỏ bảo hố há miệng cho mình nhổ nước bọt sẽ được bữa chén. Nhưng khi hố há miệng thì thỏ ỉa vào một bãi. Giận quá, hố quăng thỏ lên. Thỏ thoát được và gọi dân làng ra bắt hố. Bắt được hố, dân làng đem rượu thịt mời thỏ ăn. Nhưng khi cả làng say rượu, thỏ cởi trói, cho hố ăn no, rồi cả hai bỏ chạy.

Thỏ sai hố đi tìm lửa về phía mặt trời mọc. Vắng hố, thỏ ở nhà chén hết thịt rồi lấy đu đủ, bắp chuối nấu một nồi, khi hố về cho hố ăn bảo đấy là thịt.

Ở đây cũng có tình tiết thỏ chỉ cho hố tổ ong vò vẽ nói là chiêng, hố lên đánh bị ong cắn ngã xuống đất. Lại lần khác, chỉ cho hố hai cây tre cọ nhau bảo là kèn hố ghé lưỡi vào bị cây kẹp, hố lăn ra chết.

Thỏ tìm đến dê rừng nói dối là có con nai chửi nó, lại đến nhà nai nói là dê rừng chửi, làm cho hai con giận nhau, vì vậy húc nhau chết cả đôi.

Thỏ bị mùi chuối trong một cái bẫy rất thơm quyến rũ, bèn xin bẫy một quả. Bẫy trả lời: -"Ta chỉ biết trương lên sập xuống thôi!". Mấy lần xin không được, thỏ cáu tiết đập bẫy một đập, bị bẫy chụp lấy người, không rút ra được [3].

Loại truyện mang chủ đề con thỏ ranh mãnh của ta cũng như của Cham-pa và của Tây-nguyên, (xem thêm **Khảo dị** truyện số **88** sau đây) nói chung cũng đại đồng tiểu dị với truyện của Mã-lai (Malaysia), Khơ-me, Lào.

Thái-lan, v.v... Các-đông (Cardon) có viết một quyển *Truyện chú hoẵng* Pơ-lăng-đốc, vua xứ rừng thu thập và hệ thống hóa những truyện loài vật loại này của người Mã-lai (Malaysia) nhưng ở đây hoẵng đóng vai trò của thỏ. Xem thêm truyện *To đầu mà đại...* (số **58**) và truyện *Em bé thông minh* (số **80**). Tóm lại, truyện con thỏ là một mô-típ phổ biến ở Đông nam Á.

[1].Tiếng *hay ê ta-put* không có nghĩa. Nói lái lại là *hơ vút ê ta-bay* nghĩa là người cút thỏ.

[2].Theo Lăng-đờ (Landes). *Truyện cổ tích Cham-pa*.

[3].Theo *Truyện cổ Ca-tu*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
88. MƯU CON THỎ

Ngày ấy trên rừng không có miếng gì ăn, một chú thỏ mò xuống một ruộng khoai bới trộm. Ngờ đâu chủ ruộng đã nấp sẵn ở túp lều bên cạnh, ập đến tóm ngay lấy thỏ. Thỏ ta giả bộ chết nằm sóng soài. Chủ ruộng khoai lật đi lật lại mấy lần không thấy thỏ động cựa tin là chết thật, vội nằm lấy tai xách về. Đến một cái quán bên đường, hăn vứt thỏ xuống gốc cây, thỏ cũng không chạy. Nhưng thừa dịp người ấy vào hàng uống nước, thỏ ta chồm dậy trốn mất.

Qua mấy ngày đi thất thểu, thỏ không làm sao kiếm được miếng gì vào bụng. Đói quá, thỏ lại lần xuống ruộng khoai hôm nọ bới trộm. Không may, lần này lại bị chủ ruộng tóm được. Biết thỏ ranh mãnh hay giả chết, hăn trối nghiến thỏ lại mang về nhà. Đến nơi, hăn bảo vợ:

- Bu mày nhốt nó vào nơm, mai kia ngày giỗ ta giết thịt!

Thế là thỏ bị nhốt kín trong nơm, trên nơm đè một hòn đá nặng. Thỏ loanh quanh lẩn quẩn vùng vẫy mọi cách, nhưng không thể nào thoát được. Đang khi hết cả mưu kế thì chợt trông thấy gần nơm mình có một chậu nước. Trong chậu có một con cá quả lớn đang quẫy, thỏ khê gọi:

- Cá ơi! Mày có biết mày sắp đến ngày tận số rồi không? Mai là ngày giỗ, chủ nhà nó bắt mày làm thịt đó! Có muốn thoát hãy vùng mạnh lên nữa cho vỡ chậu mà lóc ra ao.

Cá nghe nói, càng quẫy mạnh, quả nhiên, chậu vỡ làm ba mảnh. Nước lênh láng cả mặt đất. Cá ngoe nguẩy cố lóc ra phía hồ ao. Thỏ cho cho cá lóc

gần đến bờ ao mới làm bộ hốt hoảng gọi chủ nhà mau mau ra bắt cá. Cả vợ chồng lẫn con cái cuống quýt khi trông thấy cá đã trườn xuống ao. Đứa con chủ nhà giật vội lấy cái nơm nhốt thỏ chạy ra úp cá. Thỏ không đợi dịp nào may mắn hơn thế nữa, hướng lên phía rừng chạy một mạch.

Chạy một lát, thỏ gặp một con sông rộng. Thật là cùng đường vì chả có cách nào vượt qua cả. Trong khi bối rối thì vừa gặp một con cá sấu đang ghéch mũi lên bãi sông, miệng thở phì phì. Thỏ tươi cười gọi to:

- Anh sấu ơi! Hãy công tôi qua sông rồi tôi sẽ gả chị tôi cho anh. Chị tôi đẹp lắm kia.

Nghe thỏ tán bùi tai, sấu gật đầu. Thỏ nhảy lên ngồi trên lưng sấu, sấu rẽ sóng bơi sang bờ bên kia. Gần đến nơi, thỏ đã làm một phóc nhảy lên bờ. Thỏ rảo bước nhưng không quên chọc tức sấu:

- Cảm ơn nhé! Nhưng chị tao còn để gả chỗ khác chứ có phải thừa đâu mà gả cho mày, sấu ơi!

Bị gạt, sấu giận điên cuồng, nghĩ bụng phải báo thù cho được. Một hôm, thỏ đi chơi, nhân khát nước cồn cào mới mò ra sông uống. Sấu đã trông thấy thỏ từ xa, liền đội một đồng cỏ lên đầu, khẽ bơi đến gần thỏ. Ngỡ là đồng cỏ trôi trên mặt nước, thỏ nhảy lên toan kiếm miếng ăn. Nào ngờ sấu đã tóm ngay được. Sấu ngậm thỏ vào răng, gặm gù tở bộ tức giận. Thỏ bỗng cười phá lên:

- Cái giống nhà mày, "hừ hừ" như dọa trẻ con, chả ai sợ cả. Chỉ có "hà hà" thì tao mới sợ thôi!

Nghe nói, sấu vội mở miệng "hà hà" mấy tiếng, nhưng thỏ đã nhanh chân

làm một phóc lên bờ. Thỏ dừng lại cười khanh khách hồi lâu rồi ung dung đi thẳng [1].

KHẢO DỊ

Cả ba truyện thỏ ở trên rất giống với những truyện cùng một đề tài của đồng bào Tây-nguyên và của người Khơ-me (Khmer). Dưới đây là một truyện (hoặc có thể nói là hai ba truyện gộp lại) mà từ người Xơ-đăng, Bana (Bahnar), ở phía Bắc cho đến người Mạ, Xtiêng ở phía Nam đều kể không khác nhau bao nhiêu:

Một em bé đi bắt ốc, trông thấy một con hổ và một con diều đánh nhau rất dữ dội. Hổ bị diều từ trên cao sà xuống mổ vào mắt tối tăm mặt mày phải van lạy xin tha. Sợ xấu hổ với loài người, hổ bèn biếu em bé một rổ cá, nhờ giấu kín việc ấy cho. Nhưng em bé lại vì mách với mẹ, và từ người mẹ, chuyện hổ bị thua diều truyền đi khắp thôn xóm. Hổ giận, tìm em bé hẹn ngày bắt nó phải đến cho mình ăn thịt. Đến ngày ấy em bé buồn bã ra đi, dọc đường gặp thỏ. Khi biết chuyện, thỏ hứa sẽ cứu giúp cậu bé. Gặp hổ, thỏ bắt hổ thi với mình nuốt một cái chốt gỗ, nếu hổ thắng mới được ăn thịt em bé. Thỏ giả bộ nuốt nhưng cho chốt kín đáo rơi ra phía sau. Đến lượt hổ nuốt không nổi, bị thỏ đuổi chạy và bị em bé bắn tên vào đít.

Để đền ơn, em bé mời thỏ tới chơi nhà. Thỏ lên nhà bị chó rượt, và dù được em bé bảo vệ, ngồi ăn cũng không thấy ngon.

Một hôm, thỏ đến uống nước "giọt" rồi ngồi đấy chờ. Một con dê khát nước, tìm đến, bị thỏ ngăn lại, bảo rằng loài người dặn mình canh giữ, không cho uống. Sau đó một con lợn đến, thỏ cũng bảo thế. Cả hai con đều sợ, lùi thui ra đi. Một con voi đến, thỏ cũng bảo thế, nhưng voi chẳng nói chẳng rằng vút thỏ xuống một cái hố sâu. Thỏ không sao lên được. Vừa gặp hố đi qua, thỏ gọi lại. Cũng như truyện của ta, thỏ lừa rằng trời sắp sập làm hố hốt hoảng nhảy xuống. Thế rồi, thỏ dùng kế đánh rắm để hố nổi giận quăng mình lên miệng hố.

Nhưng rồi hố cũng nhảy lên được. Hố bảo thỏ giúp mình cột tranh vào lưng để đưa về. Cột xong, thỏ cũng thả một mồi lửa, tranh bắt cháy làm cho nó bị sém da, giãy giụa mãi mới thoát.

Biết bị thỏ chơi ác, hố cố tìm thỏ để giết. Lần thứ nhất hố cũng gặp thỏ ở tổ ong và bị thỏ lừa "đánh chiêng của mẹ nó". Lần thứ hai gặp thỏ bên bụi tre và bị thỏ lừa "chơi tù và". Lần này hố nghe lời thỏ, thè lưỡi vào bụi tre nghiêng gần đứt. Lần thứ ba, hố gặp thỏ đang trèo lên một cây gỗ mục. Thỏ bảo hố trèo lên để xem "ngoài biển có nhiều cảnh rất đẹp". Hố trèo lên nhưng không thấy. Thỏ giục trèo lên cao nữa. Hố trèo mãi cho đến lúc cây gãy, hố ngã lăn xuống đá gần chết. Lần thứ tư, hố lại gặp thỏ, thỏ chỉ vào một con rắn mang hoa gần đó, bảo đó là một thứ khố rất đẹp. Hố quấn vào, bị rắn cắn chết.

Sau đó ít lâu, gặp một bà già đang cắt cỏ lúa, thỏ bảo nấu cơm cho mình ăn, mình sẽ làm giúp. Bà già nghe lời, thỏ cầm cúi cắt cả cỏ lẫn lúa. Thỏ ăn ăn xong, bà già ra thăm lúa thấy thế nổi giận, cầm gậy phang thỏ. Thỏ trốn bên cạnh vại nước. Bà già nhỡ tay đánh vỡ vại. Thỏ trốn vào trong một tổ mối, bà già lấy đá chặn lỗ lại rồi về lấy lửa định tâm đốt chết. Thỏ đổ dành cho đứa cháu bà già chui vào, còn mình thì trốn biệt. Lúc bà già mang lửa ra đốt, đứa cháu van lên:

- Bà ơi? Cháu đây!

Bà già tưởng bị thỏ lừa nữa, đáp:

- Cháu, tao cũng đốt!

Đứa cháu chết, bà già đi chợ mua thức ăn để cúng cháu. Thỏ giả chết cứng nằm giữa đường, bà già trông thấy nhặt thỏ vào rổ rồi đội lên đầu đi về. Thỏ nằm trên rổ ăn hết thức ăn rồi nhảy xuống. Khi bà già biết thì thỏ đã chạy mất. Ngày mai bà già lại đi chợ. Thỏ lại giả chết nhưng lần này bị bà già phang cho một gậy chết tươi.

Về truyện của người Ba-na (Bahna) xin xem thêm **Khảo di** truyện *To đầu mà đại, nhỏ dái mà khôn* (số 58).

Truyện con thỏ của người Khơ-me (Khmer) cũng y như những đoạn truyện của người Tây-nguyên vừa kể, có thêm một vài tình tiết. Chẳng hạn thỏ giao ước chạy đua với ốc sên; trước khi chạy, ốc sên bảo cả nhà mình chia nhau đứng rải rác dọc đường. Vì thế thỏ chạy đến đâu đã thấy ốc sên lên tiếng ở đấy. Cho đến khi sắp tới đích đã thấy ốc sên đứng chực ở đích rồi. Mẹo của ốc sên làm cho thỏ đành chịu thua cay.

Trong truyện *Rùa và hổ* của người Ba-na thì cuộc chạy thi lại diễn ra giữa hổ và họ hàng nhà rùa. Cũng như truyện trên, rùa bày mẹo chia nhau đứng mỗi nơi một con làm cho hổ chạy đến đâu cũng đã thấy rùa đến trước, cuối cùng đành chịu thua cuộc [2].

Một tình tiết khác là thỏ giúp cho người lấy lại cá:

Có hai người: một người đặt đó của mình xuống sông đón cá. Người thứ hai nửa đêm ra ăn trộm rồi bỏ cá vào một cái đó khác, vì lút mắc trên ngọn cây. Sáng mai cả hai người cùng ra thăm. Người chủ của cái đó dưới sông kiện lên quan. Quan xử cho anh chàng có đó ở trên cây được kiện. Người kia trở về buồn bã, gặp thỏ và kể đầu đuôi cho thỏ nghe. Thỏ đến quan kể cho quan biết có một con chim công đang ăn cá trên ngọn cây. Thấy quan nhất định không tin, thỏ thừa dịp hỏi quan: - "Nếu cá không thể ở trên ngọn cây thì cá cũng không thể có trong đó trên cây được. Quan biết là mắc mưu thỏ, đành phải xử lại cho người kia lấy lại số cá của mình. [3]

Người Khơ-me (Khmer) còn có một truyện *Thầy bói với hai ông bà già* giống với truyện của ta (số **88**) về đoạn đầu:

Một thầy bói nổi tiếng trong vùng. Gần đây có hai ông bà già không muốn tin. Một hôm họ đi câu bắt được một con cá lớn, trên đường về lại bắt được một con thỏ sắp con thỏ sắp chết đuối. Về đến nhà, họ nhốt thỏ trong một cái nơm ngoài vườn còn cá thì bỏ giỏ ngâm ở ao gần chỗ nhốt thỏ. Rồi đi hỏi thầy bói xem mấy hôm rày nhìn đối nay sẽ được ăn gì. - "Chỉ được ăn nước mắt trong vại thôi!". Thấy thầy nói thế, họ về bắt cá làm thịt định làm cho thầy thấy mình đoán sai. Chẳng ngờ khi bắt, cá quẫy buột tay rơi xuống ao, lật đặt giật lấy nơm để nơm cá thì thỏ vuột chạy nốt. Chồng đành bảo vợ: "Thôi đành ăn cơm với mắt vậy!" [4].

Lăng-đờ (Landes) kể truyện *Cuộc chiến đấu giữa hổ và điều* của người Cham-pa (sách đã dẫn) có một số tình tiết khác với truyện trên:

Hổ mang rổ đi tát ao bắt cá, từ sáng đến chiều mới cạn. Cá nhiều nhưng hổ bắt rất vụng. Một con điều được hổ cho xuống bắt hoi thì lại bắt rất giỏi. Thấy bao nhiêu cá lớn điều nhặt hết, hổ bèn đánh đuổi điều. Điều từ trên

cao mỗ cho hổ những cú bất ngờ và đau điếng. Hổ bèn cầu cứu với một người chặt cây gần đó, như vậy mới đuổi được điều. Hổ xin người ấy giữ kín câu chuyện cho mình, đổi lại sẽ cho hươu nai để trả ơn, nhưng nếu tiết lộ thì nó sẽ ăn thịt.

Được nhiều hươu nai, vợ người ấy muốn biết lý do. Cuối cùng vì vợ van nài mãi, chồng bèn kể sự thật. Không ngờ lúc ấy, hổ rình ở phía ngoài nghe được liền buộc người kia phải đến chỗ hẹn cho mình ăn thịt. Dọc đường người ấy gặp thỏ, kể hết đầu đuôi cho thỏ nghe. Thỏ hứa sẽ tìm cách cứu. Ở đây thỏ không thi với hổ trò nuốt chốt mà chỉ dọa hổ nếu không cho mình người ấy thì sẽ gọi điều đến đánh hổ nữa. Nói rồi thỏ vật vã giả chết. Chỉ một lát đã thấy điều lượn đến. Hổ thấy bóng điều, ba chân bốn cẳng bỏ chạy.

Một truyện khác của người Cham-pa cũng có nội dung thỏ cứu người, không phải khỏi tay hổ mà khỏi tay vua cá: Anh Han-uây đi gánh nước thuê, vô tình dẫm chết một con cá lòng tong. Vua cá cùng bộ hạ nổi giận kéo đến hàng ngàn hàng vạn toan giết anh. Anh khát một đêm để về giã từ cha mẹ anh em. Dọc đường anh khóc, thỏ thấy hỏi vì sao, rồi bày cho anh ngày mai chở đến một xe cây thuốc cá (ra-mốc) nó sẽ cứu cho. Sáng mai, thỏ bày cho anh cạo vỏ cây bỏ thành đồng ở suối rồi đứng giữa suối mà gọi vua cá đến. Vua cá và bộ hạ kéo đến hàng vạn nhưng đều nhiễm chất độc chết hết. Thỏ bảo anh chất lên xe đem về phơi và làm mắm. Từ đó anh trở nên giàu có [5].

Về quan hệ giữa thỏ và cá sấu, người Miến-điện (Myanmar) có truyện *Sấu mất lưỡi*, đại thể như sau:

Quạ lừa sấu đến một sa mạc nói là đến một con sông có thể kiếm ăn tốt, rồi bỏ mặc sấu giữa bãi cát hoang vu. May làm sao nhờ được một bác đánh xe

đi qua chở về chỗ cũ. Nhưng khi đến sông thì sấu lại đớp luôn chân con bò kéo xe. Thỏ bày cho người quất roi túi bụi khiến sấu phải nhả. Giận thỏ, sấu một hôm giả làm khúc gỗ trôi sông. Cũng như truyện của ta, thỏ nhảy lên kiểm ăn bị sấu chụp được. Sấu kêu "hì hì" cho mọi loài thú biết đã bắt được thỏ, thỏ bảo: kêu "hà hà" có hơn không. Sấu làm theo, thỏ nhảy một phóc lên bờ. Ở đây khác với truyện của ta là lúc nhảy thỏ quắp cả lưỡi sấu lên theo giấu vào một bụi cây, rồi đi tìm mèo chỉ cho mèo biết để chén. Nhưng mèo tìm không ra vì lưỡi sấu đã hóa ra cây lưỡi mèo (ky-ong-sa) [6]. Vì vậy ngày nay sấu không có lưỡi.

-
- [1]. Cả ba truyện số **86, 87, 88** đều theo truyện kể của người miền Nam và theo Lãng đờ (Landes). *Cổ tích và truyền thuyết An-nam*, đã dẫn.
- [2]. Theo *Truyện cổ Ba na*, tập II, đã dẫn.
- [3]. Theo Pec-sơ-rông (Percheron). *Cổ tích và truyền thuyết Đông-dương*.
- [4]. Theo Mác-ti-ni (Martini) và Béc-na (Bernard). *Truyện dân gian chưa hề in của Căm-pu-chia*.
- [5]. Cũng theo Lãng đờ (Landes) đã dẫn ở trên.
- [6]. Theo *Truyện dân gian Miến-điện*, đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
89. BỌM GIÀ MẮC BẦY
HAY LÀ MƯU TRÍ ĐÀN BÀ

Ngày xưa có một anh chàng, nhà giàu có nhưng phải cái ngu ngốc thì không ai bằng. Một hôm, nghe nói trong vùng có đám hội lớn mở luôn mười đêm ngày, hăn vội vã sắm bộ cánh rất sang: áo gấm, quần lụa, khăn điều, nón lông, giày hạ. Hăn lại cưỡi một con ngựa có yên khấu trang sức đắt tiền. Dọc đường gặp ai hăn cũng hỏi: - "Ông (hay bà) xem tôi có đẹp hay không?" và hăn lấy làm đắc chí khi thấy người ta trầm trồ khen ngợi mình.

Lúc đến dãy quán quanh đám hội, hăn gặp một tay đại bọm đang tránh ngựa đứng bên vệ đường. Cũng như mấy lần trước, hăn dừng lại hỏi:

- Ông xem tôi có đẹp hay không?

Hăn không ngờ người kia lại trả lời:

- Đẹp thì đẹp đấy, nhưng chưa biết cách ăn mặc cho ra lối nhà quan.

Nghe nói thế, hăn bèn dừng ngựa, cầu khẩn:

- Ông vui lòng bảo giúp tôi một tí, tôi sẽ không quên ơn ông.

Bọm ta lớn tiếng:

- Thế thì hãy xuống ngựa đi! Cởi áo quần ngoài ra đưa đây ta bày vẽ cho.

Ngốc ta không ngần ngại, lần lượt cởi mọi thứ đang mặc trao cho hăn. Còn tên bợm mỗi lần mặc một cái vào người, hăn lại nói:

- Hãy nhìn đây! Như thế này mới là lối nhà quan.

Cuối cùng hăn nằm lấy cương ngựa, vừa trèo lên yên, vừa nói:

- Mở mắt ra mà nhìn cho kỹ cách người nhà quan họ cưỡi ngựa!

Hăn cho ngựa tể quanh hai vòng, rồi sau đó ra roi cho ngựa tểch thẳng. Ngốc ta vùng chạy theo la làng. Nhưng chẳng có một ai tin lời hăn cả vì không thể nào có một tên cướp lại đủ thì giờ thẳng bộ cánh đã cướp được vào người một cách chững chạc như thế kia.

Thế là anh chàng ngốc mất hết cả ngựa nghèo và bộ cánh, đành khoác bộ quần áo tàng của tên bợm bỏ lại mà kéo bộ trở về nhà. Nghe hăn kể chuyện, vợ hăn mắng cho một trận. Qua hôm sau, người đàn bà bắt chồng phải đưa mình đến đám hội tìm cho ra tên bợm. Nhưng nàng dặn chồng hễ bắt gặp nó thì đừng có hô hoán, chỉ ra hiệu cho mình biết mặt là đủ.

Lại nói chuyện tên bợm từ hôm được ngựa và áo quần thì đặc chí, cho là đầu kẻ bị mất có thấy hăn cũng không thể làm gì được nữa. Bởi vậy hăn ung dung cưỡi ngựa và mặc đồ lễ vào, đi dự hội. Khi gặp tên bợm, người đàn bà theo hút không rời. Nàng đã có chủ ý mang sẵn trong người một gói, trong đó có một chiếc hoa tai, một vòng đeo tay bằng vàng. Rồi nàng đứng chực sẵn ở một cái giếng: chờ lúc tên bợm sắp đi qua, lên tiếng khóc rưng rức. Nghe tiếng khóc, hăn bỗng để ý đến nàng, vội dừng ngựa lại hỏi: - "Tại sao lại khóc?". Nàng giơ cho hăn xem những đồ trang sức bằng vàng lóng lánh, rồi đáp: - "Trời ơi! Khổ thân tôi quá! Tôi buột tay để rơi xuống giếng

một chiếc hoa tai và một chiếc vòng. Biết làm sao bây giờ?". Rồi nàng nói tiếp: - "Chồng tôi mà biết thì nó làm tội tôi đến khổ. Chàng có biết tội làm ơn mò giúp cho tôi một tí. Rồi tôi xin trả ơn chàng!".

Bọn ta thấy nàng đẹp, lại đánh hơi thấy việc có thể kiếm chác được, bèn xuống ngựa rồi cởi quần áo ngoài ra. Sắp tội xuống giếng, hăn còn hỏi tên người đàn bà. Nàng bảo hăn:

- Chồng tôi là Ngô Văn Quá, tôi là Lại Thị Côi cũng ở miền này cả thôi!

Đáp xong, chờ lúc hăn ta hụp xuống nước, người đàn bà lập tức vớ lấy tất cả áo quần của tên bọn rồi nhảy lên ngựa phi nước đại về nhà. Bọn vừa nhoi lên thấy mất hút cả người lẫn ngựa, chỉ còn biết hai tay che lấy hạ bộ rồi chạy theo ngựa kêu van inh ỏi:

- Ôi làng nước! Bắt hộ tên Ngô Quá, Lại Côi!

Nghe thế, những người đi đường xúm lại mắng cho hăn một trận. Hăn biết đại đành câm miệng lùi về nhà [1].

KHẢO DỊ

Người Nùng có truyện *Cá bống nuốt cá trê*:

Một ông lão mang mười lạng bạc đi chợ mua lợn giống, bị một tên đại bợm lấy mất cả. Về, vợ chồng cãi lộn. Đứa con mười ba tuổi mượn bố một chiếc nhẫn vàng và một chiếc nhẫn đồng mạ vàng để tìm cách đi lấy lại bạc. Đứa bé đeo nhẫn thật vào tay làm bợm ta theo hút không rời. Em giả bộ nhờ hẳn chỉ chỗ để bán chiếc nhẫn. Bợm ta tận mắt thấy cửa hiệu vàng thử nhẫn của em bé, nhận đúng là vàng mười, trả giá mười lạng bạc. Đứa bé chê rẻ không bán, rồi rủ tên bợm ra bờ giếng uống nước, nhân lúc bợm ta ngoảnh mặt, em rút nhẫn thật giấu đi, đoạn giả lóng ngóng đánh rơi chiếc nhẫn mạ vàng xuống giếng. Thấy đứa bé nhờ mình lấy giúp chiếc nhẫn, bợm ta đặc ý cho là cơ hội tốt đã đến để chiếm lấy chiếc nhẫn, bèn cởi áo quần (trong có mười lạng bạc chưa tiêu) lội xuống giếng. Đứa bé chỉ chờ lúc ấy, vội vơ quần áo chạy và móc túi lấy số bạc của bố mình đã bị nó lấy cắp lúc sáng.

Bợm lội xuống tìm được nhẫn, vùi xuống bùn, định lên nói là không tìm ra. Lên bờ thấy mất quần áo bèn lội xuống lần nữa lấy nhẫn, định đem đi bán hòng bù vào chỗ mười lạng bạc bị đứa bé lấy mất. Nhưng khi thử vào lửa thì mới biết đó chỉ là chiếc nhẫn đồng [2].

[1] Theo Lãng-đờ (Landes), sách đã dẫn và theo lời kể của người Bình-định. Xem thêm truyện *Nói dối như Cuội* (số **60**) cũng có tình tiết Cuội gạt một ông quan để chiếm lấy ngựa và áo quần.

[2] Theo Hoàng Quyết, đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
90. GÁI NGOAN DẠY CHỒNG

Ngày xưa có một người nhà giàu, vợ chết sớm, chỉ có độc một người con trai, đứa con vốn người xấu nết, đần độn, lại là tay chơi bời lêu lổng không chịu học hành hay làm ăn gì cả. Thấy con không lo nổi nghiệp nhà, người nhà giàu rất buồn phiền, biết rằng của cải của mình sẽ có một ngày đội nón ra đi mà thôi. Bởi vậy, ông mới tính chuyện kiếm cho con một người vợ khôn ngoan đảm đang, để may chi nó sẽ ngăn chặn tay chồng, bảo vệ một phần nào cơ nghiệp. Nghĩ vậy, ông cất công đi khắp nơi tìm kiếm, nhưng đi đã nhiều nơi mà vẫn chưa thấy một người nào vừa ý.

Một hôm, đến một vùng kia, nhân mỗi chân, ông nghỉ lại một gốc cây bên đường. Ông bỗng thấy ở một cây táo gần đấy có một bọn trẻ đang tranh nhau trái ăn. Một chốc sau, một cô gái tuổi chừng đôi tám, cũng đến trái táo. Ông mới lân la lại gần hỏi xin ăn. Lúc này, táo chín đã bị bọn người trước trái hết, chỉ còn những quả xanh, nhưng cô gái cũng cố chọn lấy những quả ương ương đưa cho khách.

Thấy cô gái tốt bụng, ông ta nghĩ: -"Sời lời, trời gởi của cho, quản co trời gò của lại. Chỉ có người nào tốt bụng với mọi người mới xứng đáng được hưởng giàu có sung sướng . Bởi vậy ông bèn tìm đến nhà cô gái, giả làm một người lỡ độ đường xin nghỉ trọ một tối. Và rồi ông được gia đình cô gái ân cần tiếp đãi.

Để thử xem cô gái có khôn ngoan không, ông lân la làm quen với nàng. Khi biết cô sắp đi chợ, ông đưa ra một quan tiền, nhờ mua hộ cho mình "một nắm gió, một bó lửa". Cô gái chẳng nói thẳng rằng, mua về cho ông một cái

quạt và một con dao đánh lửa. Thấy thế, ông thầm khen ngợi, nhưng vẫn định thử thêm cho biết.

Qua ngày mai ông dậy sớm, giở tay nải đưa cho cô gái mấy bát gạo nếp, nhờ nàng thổi giúp cho mình một nồi vừa cơm vừa bánh để ăn và đem đi ăn đường. Cô gái không từ chối, vội lấy gạo ra vo. Trước khi cho vào nồi, nàng bớt lại một ít giã làm bột vắt bánh rồi hấp luôn vào cơm. Khi nàng bưng ra, ông già lấy làm vừa ý, cho là con người đó đủ cả đức hạnh, khôn ngoan, đảm đang ít có. Bèn quyết định trở về sửa lễ hỏi cho con trai làm vợ.

*

* *

Đứa con trai của ông từ ngày có vợ lại càng thêm lêu lổng, hăn thường bỏ nhà đi đánh đàn đánh đúm với bọn vô lại, làm cho ông hết sức buồn. Và điều làm cho ông lo lắng nhất là hăn thỉnh thoảng lại trộm tiền của ông, khi dăm bảy quan, khi một vài vác, tung vào cuộc đỏ đen. Mặc dù ông đánh đập, mặc dù vợ khuyên lơn, nhưng hăn chứng nào vẫn giữ tật ấy. Dần dần ông buồn phiền thành bệnh. Một hôm, biết mình sắp chết, ông gọi con dâu đến bên giường dặn nhỏ:

- Nay cha đã gần đất xa trời. Chồng con là một thằng "phá gia chi tử", cơ nghiệp này chỉ còn một sớm một chiều mà thôi. Cha rất thương con xấu số. Từ lâu cha làm ăn dành dụm, có để được một hũ vàng chôn ở sau vườn.

Vậy cha cho riêng con hũ vàng đó, đừng cho chồng con biết. Sau này, chồng con có thật sự ăn năn hãy giúp cho nó làm lại cuộc đời.

Đứa con trai ông sau khi người cha qua đời, lại càng chơi bời mặc sức. Vợ hết duyên nợ đến cầu khẩn, hăn chẳng những không nghe, lại còn phũ phàng với vợ. Mỗi lần thua bạc, hai người lại càng xô xát. Nhiều lần vì vợ cản trở, hăn đánh đập vợ không tiếc tay và làm nhục nàng trước mặt mọi người. Một hôm để khỏi vướng, hăn viết giấy cho vợ đi lấy chồng khác rồi đuổi nàng ra khỏi cửa.

Từ đó: hăn phỉ chí tung hoành không một ai dám cản. Quả như lời đoán của bố hăn, mấy chục mẫu ruộng đều lần lượt "nướng" vào sòng bạc. Hết ruộng vườn tới nhà ở, chẳng bao lâu tất cả cái cơ nghiệp mấy đời truyền lại tiêu sạch sành sanh. Cuối cùng, không một đồng dính túi, không một nghề cầm tay, hăn đành bỏ làng mạc quê quán đi lang thang khắp đầu đường xó chợ, ngửa tay ăn xin qua ngày.

Lại nói chuyện người đàn bà sau khi bị chồng đuổi, bèn đổi tên họ tìm đến trấn thành mở một ngôi hàng nước. Sau ít lâu, kiếm được một số tiền nhỏ, nàng bắt đầu buôn hàng tẩm. Số vốn của nàng ngày một lớn dần lên. Một hôm, gặp hai em bé mồ côi đi ăn xin, nàng thương tình đưa về nuôi làm con, coi như ruột thịt. Cuộc đời dần dần nở hoa trước mắt nàng. Trong một dịp đi kiếm củi, hai con nàng nhặt được một khúc gỗ mục, về chẻ ra thấy có mấy thoi vàng. Có vốn lớn lại có tài kinh doanh nên chẳng bao lâu nàng trở nên giàu có: nổi tiếng trong trấn. Tiền bạc tuôn về như nước. Tuy sống sung sướng nhưng nàng vẫn ở một thân một mình. Thấy nàng giàu có, nhiều kẻ ngấp nghé muốn "gá nghĩa Châu Trần", nhưng người đàn bà ấy nhất thiết từ chối mọi lời đường mật. Mặc dầu người chồng bạc bẽo và mặc dầu mười lăm năm xa cách, nàng vẫn không quên được tình xưa nghĩa cũ. Đã nhiều lần nàng thuê người lần đi các chợ búa phố phường dò hỏi, nhưng tin tức của chồng càng hỏi càng bặt tăm.

*

* *

Năm ấy, sau mấy tháng hạn, lúa khoai chết dần chết mòn trên những cánh đồng nứt nẻ. Giá gạo cứ lên vùn vụt. Ngoài đường, người đi xin ăn kéo từng đoàn. Người đàn bà lúc này đã là bà chủ hiệu. Bà xin phép quan trên cho mình đem tiền gạo ra phát chẩn cho kẻ khó. Làm như thế, nàng còn mong một khi thấy yết thị dán khắp thôn xóm thì chồng mình tất sẽ lần mò về, nếu hẵn còn sống. Y như thế thật, ngày bắt đầu phát, nàng đã thấy bóng dáng của chồng ngồi ở xa xa, lấp ló trong đội quân lĩnh chẩn. Đúng là hẵn. Từ ngày bắt đầu cầm bị gậy đến nay, hẵn vẫn chưa có cách gì để sống khá hơn và đỡ hèn hạ hơn trước. Bây giờ nghe nói có phát chẩn, hẵn vội mò đến đây và ngồi về đầu hàng phía tả. Thế nhưng khi phát, những người giúp việc cho bà chủ hiệu lại được lệnh phát từ phía hữu lại. Khi sắp sửa đến lượt hẵn thì bọn họ tự nhiên nói lớn: - "Hôm nay đã hết gạo, mời bà con về đợi đến ngày mai!". Hẵn buồn bực trở ra. Qua ngày mai, hẵn cố tìm đến thật sớm, ngồi vào đầu hàng bên hữu. Nhưng hẵn không ngờ những người phát chẩn hôm nay lại bắt đầu phát từ phía bên kia. Lúc sắp phát đến hẵn thì chúng lại giơ thúng không lên: - "Hôm nay thế là lại hết gạo, bà con hãy đợi đến mai".

Hẵn thở than cho số đen đủi, lần trở ra về. Qua hôm sau, lại lần mò đến thật sớm. Lần này hẵn len vào ngồi đúng chính giữa đội quân lĩnh chẩn. Trong bụng hẵn nghĩ lần này thì không thể mất phần được. Nhưng đến giờ phát

hắn không ngờ người nhà của bà chủ hiệu hôm nay lại phát hai đầu phát lại và cuối cùng người không được gì cả vẫn lại là hắn. Ba lần hỏng cả ba, hắn rất ngao ngán, bèn đánh liều tìm đến dinh cơ bà chủ để xin ăn. Gặp hai đứa con gái nuôi của vợ, hắn ngả nón kêu van hết lời. Ở trong nhà, người đàn bà nhìn ra biết là chồng đã do mưu của mình mà đến đây, bèn sai người hầu ra hỏi, xem hắn có biết làm việc gì không để thuê mượn. Nghe hỏi thế, hắn vội trả lời:

- Xin ông bẩm với bà lớn rủ lòng thương cho tôi được ở hầu bà, rửa bát, quét nhà, mọi việc tôi đều xin hết sức. Chỉ cho tôi ăn ba miếng là đủ rồi!

Người nhà trở ra cho hắn biết bà chủ nhận lời. Từ đó, hắn chăm chỉ làm lụng, cố làm vừa lòng chủ. Nhưng chung quy hắn vẫn không biết chủ chính là vợ cũ của mình. Về phần người vợ cũng không để lộ một tí gì cho hắn biết, chỉ dặn hai con và người nhà đối đãi tử tế mà thôi.

Sau một thời gian, thấy hắn chịu khó làm ăn, người đàn bà mừng lắm. Một hôm, nàng cho gọi hắn lên nhà hỏi xem có biết chữ nghĩa gì không? Hắn đáp:

- Tôi lúc nhỏ được đi học có biết ít nhiều.

- Vậy từ mai trở đi anh không phải hầu hạ nữa, cho anh ở gian nhà khách dạy đám trẻ học phóng, tôi sẽ trả mỗi năm ba mươi quan.

Nghe nói, hắn sung sướng bội phần, cảm thấy lòng nhân đức của bà chủ đối với mình bằng trời bằng biển, vội nhận lời ngay. Từ đó, hắn đóng vai thầy đồ, cố sức làm cho chủ tin cậy. Nhưng người vợ vẫn thử mãi không thôi.

Một lần, gặp ngày Tết, bà chủ sai lấy tiền ra cho kẻ hầu người hạ. Nàng

nói:

- Ta cho mỗi người năm quan, hãy mang đi đánh bạc cho vui, nếu hết sẽ cho thêm.

Thầy đồ ta cũng được năm quan tiền. Nhưng trong khi mọi người đem tiền nướng vào xóc đĩa bài mười, thì trái lại, hăn mang nguyên vẹn số tiền đó về gửi cho chủ. Bà chủ hỏi:

- Tại sao anh không thích đánh bạc?

Hăn trả lời:

- Bẩm bà, tôi ngày xưa vì cờ bạc mà đến nông nổi này. Cho nên bây giờ buộc chỉ cổ tay thề rằng không đụng đến nó nữa.

Thế rồi luôn miệng hăn kể hết cho chủ nghe, từ cuộc đời cũ có ruộng nhiều, có vợ ngoan như thế nào, rồi bán ruộng đuổi vợ ra sao, cho đến lang thang đói rách, và ngày nay đã ăn năn hối lỗi. v.v... Bà chủ hỏi:

- Anh còn thương vợ nữa không?

Hăn rầu rĩ:

- Tôi đã nhiều lần dò tìm mà không thấy.

- Nghe anh nói tôi rất thương tình. Vậy tôi cho anh năm quan để anh đi tìm vợ. Nếu hết tiền mà vẫn chưa thấy, anh cứ về đây tôi sẽ cho thêm mà tìm cho ra.

Hắn mừng rỡ vâng vâng dạ dạ, mang tiền đi tìm. Nhưng sau ba tháng trở về với bộ mặt thiếu não, hắn cho chủ biết không hề thấy tung tích đâu cả, chắc là vợ đã chết.

Từ đấy, vợ thấy chồng chí tình, lại có lòng tu tỉnh, nên rất mừng. Nhưng nàng vẫn chưa ra mặt vội, chỉ an ủi hắn hãy ở lại đây, may chi sẽ có ngày hội ngộ.

Một hôm, nhân ngày giỗ cha chồng, bà chủ nhờ thầy đồ chép bài văn tế. Hắn ta ngạc nhiên và khôn xiết mừng rỡ khi thấy bài vị của tổ tiên nhà chủ chính là bài vị tổ tiên mình. Lập tức, hai vợ chồng ôm nhau khóc lóc. Rồi sau khi cúng xong, họ mời làng xóm và người nhà ngồi lại kể rõ sự tình. Ai nấy đều cho là một cuộc tái ngộ hiếm có.

Về sau, hai vợ chồng dựng vợ gả chồng cho hai con nuôi, giao cửa hiệu lại cho chúng cai quản. Sau đấy, họ dắt nhau trở về quê hương xưa, chuộc lại vườn tược nhà cửa cũ. Và sau khi đã sống yên ổn ở quê nhà, vợ mới sai đào hũ vàng của bố chồng cho mình ngày xưa lên. Nàng nói:

- Có vàng chắc gì đã có hạnh phúc. Cho nên trong những cơn túng thiếu nhất, tôi vẫn không cần đến nó.

Nói đoạn, đem số vàng ấy cúng cho đền chùa để bố thí cho người nghèo.

Từ đấy hai vợ chồng sống với nhau đến đầu bạc [1].

Câu tục ngữ:

Làm trai rửa bát quét nhà,

Vợ gọi thì: - "Dạ, bầm bà tôi đây!".

là do truyện này mà ra.

KHẢO DỊ

Ở đoạn ông già thử cô gái nấu cơm, người Hà-tĩnh kể:

Ông già đưa ra một bát gạo bảo cô gái nấu cho mình "*cả cơm, cả cháo, cả bánh cổ khảo, lại cả nước chè*". Cô gái liền thối một nồi cơm, chặt ra một ít nước cơm làm cháo, rồi đốt nhiều than vắn cho có cháy, lấy ra một tấm cháy tròn và giòn ở đáy nồi làm bánh cổ khảo. Đoạn, lấy một ít cơm cháy khác rang lên rồi đổ nước vào nấu thành một loại nước chè uống rất thơm mát. Khi tất cả bùng lên. Ông già lấy làm vừa ý.

Người Hải-dương thì lại kể như sau:

Ông già đến nhà đưa ra một bát gạo đỏ nhờ nấu "*tý cơm tý cháo*". Trong khi người chị (truyện ở đây kể rằng nhà ấy có hai chị em) mắng ông già dờ hơi "*một nhúm gạo đỏ đòi nấu cả cơm cả cháo thì nấu sao được*", thì cô em nhận lời. Đoạn cô lấy bát gạo nấu hơi nhiều nước. Khi sôi chặt lấy một ít nước cơm làm cháo, xong, gạo trong nồi còn lại thì cô ghế thành cơm.

Tiếp đó, ông già lại đưa ra ba đồng tiền bảo: - "Nhờ mua cho lão một cái quạt cầm tay, một cái nón đội đầu và tấm bánh ăn trưa". Cô chị lại bĩu môi chế nhạo ông già tiền đưa có ít đồ mua muốn nhiều. Nhưng cô em thì nhận lấy tiền mua về cho ông mấy tấm bánh đa (bánh đa khi nắng có thể che đầu, khi nóng nực có thể dùng để quạt khi đói có thể ăn tạm). Ông già rất xứng ý.

Ở đoạn sau, khi cưới con dâu về rồi, người Sơn-tây còn kể thêm chuyện ông già thử nàng dâu kiêng tên "Chín" của gia đình. Ông già đưa cho cô dâu chín đồng tiền, bảo đi chợ mua "chín nén nhang về cúng chín ông tượng". Đoạn bảo con trai kín đáo đi theo xem con dâu có thực sự kiêng tên không. Cô dâu đến nhà hàng nói: - "Tôi có "thất nhị" đồng tiền, bà bán cho tôi "ngũ tứ" nén nhang". Nhà hàng hiểu ý bán cho nàng đúng số. Khi về, ông già lại bảo con dâu thay mặt gia đình làm lễ rồi nấp ở một xó để xem khẩn vái thế nào. Thì nghe con dâu thực sự kiêng tên đến nơi đến chốn: - "Lạy chư vị, tôi là con dâu ông "bát nhất", vợ chồng tôi có "nhị thất" đồng tiền, mua "ngũ tứ" nén nhang về cúng "lục tam" thánh tượng...".

Ông già khen dâu giỏi.

Ở truyện do người Hà-tĩnh kể còn nói đến một số thử thách khác của ông già đi kiểm vợ cho con trai.

Lúc đến một xóm nọ thấy có nhiều cô gái đi múc nước suối, để thử có người nào thông minh không, ông bèn mang đôi giày vốn cầm ở tay, vào chân để lội qua suối. Các cô thấy thế đều cười ồ cho ông già dở hơi, đường khô không đi giày lại đi vào đường lội. Nhưng có một cô bảo - "Cụ ấy, rất có ý tứ. Đường khô mắt nhìn thấy rõ không cần phải đi giày, chỉ có lội suối

mới đi giày vào sợ giẫm phải gai góc, mảnh sành, mảnh chai què chân. Vậy đi giày là đúng".

Lần thứ nhất ông già chú ý đến cô gái ngoan.

Ở ngoài đường cái, ông già không che ô, nhưng khi vào đến cổng làng đi dưới bóng cây rậm, ông già lại giương ô lên che. Các cô gái lại được một phen cười khòe. Nhưng cô kia nói hộ cho ông lão: - "Cụ ấy là người cẩn thận. Đi ngoài trời chẳng có gì đáng ngại nhưng đi dưới cây rậm, che ô là sợ con sâu con rắn rơi xuống, hoặc có con chim con chóc nó ỉa xuống đầu. Vậy che ô là đúng".

Một lần nữa cụ già chú ý đến cô gái ngoan [2].

Tình tiết vừa kể tương tự với tình tiết trong một vài truyện của Ấn-độ:

Một người bà-la-môn đi tìm vợ cho con quan đầu triều của vua Kô-sa-la. Một hôm đi đến gần suối thấy một toán con gái sắp lội qua suối. Các cô khác đều lột giày ra cầm tay, chỉ có một cô tên là Vi-sa-ca để cả giày mà lội. Sau đó ông tiến tới hỏi, thì cô đáp:

- Trên đất, người ta có thể nhìn thấy rác rưởi, gai, đá, que nhọn, vảy cá, rắn rết, nhưng dưới nước thì chẳng thấy gì cả, vì vậy mà tôi đi cả giày.

Truyện ở vùng Ca-sơ-mia (Cachemire) cũng có một chàng trẻ tuổi con một quan đại thần (vi-dia) làm bạn đường với một nông phu già trở về làng. Dọc đường, anh này có nhiều câu nói thông minh kiểu câu đố làm lão già không hiểu nổi. Cuối cùng lão thấy khi lội qua một con suối anh ta đi cả giày. Về đến nhà, lão cho con gái mình hay là người bạn đường trẻ tuổi là một người dở hơi, đã nói những câu ngớ ngẩn, lại chẳng phân biệt chi suối

với giày. Nhưng cô cho bố mình biết là anh rất thông minh, việc mang cả giày lội suối là để tránh giẫm những vật mà mắt không trông thấy có thể què chân [3].

Người Nam Trung-bộ cũng có truyện *Gái ngoan dạy chồng* nhưng có một số tình tiết khác với truyện kể ở miền Bắc. Ví dụ ở đoạn người nhà giàu đi tìm dâu, thì ông ta không nhắm vào con gái nhà giàu mà tìm nhà nghèo. Ông lấy nhọ nôi và bùn bôi khắp người giả bộ nghèo khó, lại lấy giẻ rách buộc vào ống chân giả bộ ghẻ lở, đi ăn xin khắp nơi. Một hôm, gặp hai mẹ con một người ăn mày, ông trải chiếu nằm cạnh chỗ ở của họ, làm bộ rên đau. Cô gái, con người ăn mày động lòng thương, thăm hỏi và xua ruồi nhặng cho ông. Ngày hôm sau ông lại đến nằm rên đói. Cô gái nấu cơm cho ông ăn. Một hôm khác, ông làm bộ nằm mê, đánh rơi tiền quanh người, cô gái nhặt trả lại đầy đủ. Thấy con người tốt, ông mời về nhà mình, nói rõ sự thật, và sau đó cưới cô gái cho con trai làm vợ.

Ở đoạn chồng gặp lại vợ sau ba lần phát chẩn, thì chồng không đóng vai thầy đồ, mà được vợ cho đi chăn bò. Mỗi ngày vợ cho chồng một mo cơm mang đi ăn trưa. Nhưng chồng lúc này vẫn chưa hết thói cờ bạc, nên hôm nào cũng nhịn ăn, đổi mo cơm lấy tiền để đánh bạc, lúc về nói dối với vợ là đã ăn no. Một hôm vợ làm một mo cơm trong có bỏ một món đồ nữ trang bằng vàng, chồng lại bán mo cơm để đánh bạc, không biết trong đó có vàng. Khi đánh bạc về vợ hỏi:

- Mo cơm đâu rồi!

- Ăn rồi!

- Có thấy gì không?

Thấy chồng ngỡ ngác, vợ hiểu ra là chồng chưa động đến cơm. Tra gạn mãi mới biết là mo cơm đã gán cho một người ở đám bạc. Vợ lập tức cho người đi chuộc về, rồi dỡ năm cơm ra cho chồng thấy vàng. Chồng từ đó hối hận, tu tỉnh thực sự [4].

Đồng bào Tày có truyện *Cô gái ăn mỳ* cũng là một dị bản của các truyện trên:

Xưa có một phú ông góa vợ, trong nhà có một trăm trâu, một trăm đám ruộng và mười chum vàng chôn ở gốc táo. Đứa con trai độc nhất chơi bời loang toàng không chịu làm ăn gì cả. Phú ông định tìm một người vợ đảm cho con nhưng chưa có đám nào vừa ý.

Một hôm, có hai cha con một người ăn mỳ đêm đến ngủ nhờ cạnh đồng rơm trước cổng nhà phú ông. Cô gái thấy trong đồng rơm còn sót nhiều thóc mới nhặt và nhần từng hạt lấy gạo. Làm như vậy suốt đêm được một nhúm gần sáng dậy cô nấu cháo cho bố ăn. Bố hỏi làm gì mà có gạo, cô gái kể lại việc đã làm đêm qua. Phú ông đi qua nghe lỏm được câu chuyện, tấm tắc khen cô gái là một người hiếu hạnh và chịu khó, mới đón người ăn mỳ vào hỏi cô gái làm vợ cho con.

Từ ngày có vợ, đứa con phú ông lại mặc sức phá của. Về sau chê vợ hăn mang theo một số vàng bỏ nhà đi biệt. Hăn đi rất xa, theo đàn theo đúm tiêu hết vàng, và cuối cùng lưu lạc làm nghề ăn xin.

Ở nhà, phú ông buồn bực ốm nặng. Trước khi chết, ông chỉ cho dâu chôn chôn vàng. Sau khi chôn cất bố chồng, cô dâu giao nhà cho bố đẻ, rồi giắt

một ít vàng bạc và người, cải trang làm một người khác hẳn, ăn mặc rách rưới đi tìm chồng.

Sau khi tìm thấy chồng, vợ làm bộ không quen biết, giả cùng làm bạn ăn xin, lần hồi ăn ở với nhau như vợ chồng. Từ ngày ở với người đàn bà mới mà hẳn không biết là vợ cũ, nhờ sức cảm hóa của vợ, hẳn dần dần tu tỉnh. Để thử thách, một hôm vợ đưa cho chồng một số tiền nói dối là tiền chặt lốt được, bảo thích gì cứ tiêu cho thỏa. Chồng cảm động không tiêu, từ đấy thức khuya dậy sớm làm hàng đi bán, bỏ nghề đi ăn xin.

Từ ngày có vốn liếng, chồng tỏ ý muốn về thăm nhà. Vợ cứ vờ như không biết, chuẩn bị cho chồng hành trang, trong đó có giá 500 chiếc bánh dày cho chồng làm quà biếu bố, nhưng trong mỗi cái bánh có bỏ một ít vàng. Chồng đi rồi, vợ gửi nhà cho hàng xóm và đi đường tắt về trước. Đến nhà, vợ bỏ cải trang, trở thành người cũ. Chồng về thấy vợ, vẫn không biết là người bạn ăn xin vừa qua. Hẳn tỏ lời hối hận, định cho vợ đi lấy chồng để mình trở về chỗ cũ. Nhưng vợ đã kể lại mọi việc, rồi bẻ bánh dày cho chồng thấy vàng ở trong ruột, lại dắt chồng đào mười chum vàng ở gốc táo. Chồng mừng rỡ thương yêu vợ hơn trước[5].

Đồng bào Cham-pa có truyện *Chàng ngọc*, dường như cũng là dị bản của các truyện trên:

Hai vợ chồng giàu, có một con trai ngọc, nghĩ rằng nếu họ chết đi, đứa con không làm sau giữ được của. Bèn đào một lỗ giữa vườn chôn vàng bạc, rồi trồng lên trên một cây lựu, một cây ổi, một cây vải, một cây cam và một cây dừa. Lại đúc cho con một cái roi bằng vàng có bảy khúc. Trước khi chết, họ dặn con lấy vợ; lại đọc một câu đố bảo con học thuộc, và dặn đưa

câu đố ấy ra đố vợ; vợ đoán ra thì chớ, nếu không đoán được thì bỏ và đền cho một khúc roi vàng. Câu đố là: "Cái nhúc (?) ở dưới cây vải ai thấy vua ở dưới cây cam?"

Sau khi bố mẹ mất được vài năm, đưa con quả bị người ta lừa lấy hết cả của cải. Không biết cách làm ăn, hăn đành đi xin đưa ngày. Hăn lần lượt lấy ba người vợ rồi lần lượt bỏ cả ba, vì không ai đoán được câu đố. Mỗi lần bỏ vợ hăn đều đền bù bằng một khúc roi vàng. Sau đó, người ta mách cho một đám khác: một cô con gái nghèo mồ côi, đi ở cho người. Sau ngày cưới, hăn đưa câu đố ra đố. Nghe xong, người vợ liền hỏi: - "Nói vườn cũ của cha mẹ ở trước đây có hàng rào không?" - "Người ta đã phá hết", hăn đáp - "Còn cây gì không?" - "Có các cây ăn quả" - "Đưa tôi đến đấy." - "Để làm gì?" - "Cứ đưa đi, đừng hỏi". Thấy các cây, đoán biết ở dưới có của chôn, cô gái không nói gì, chỉ bảo chồng đào cây lựu lấy rễ - "Sao vậy?" - "Cứ việc làm đừng hỏi". Đào lên thấy một đồng tiền, và bảo chồng lấy tiền mua một đôi trâu, một cái xe và thuê hai người lă chở xe về. Chồng làm như lời. Vợ bảo hai người đó chặt cây rào xung quanh vườn và mua gỗ làm một cái nhà. Làm xong, bảo chồng đào các cây lên và lấy được vàng bạc. Vợ chồng Ngốc lại trở nên giàu có[6].

Truyện *Mã Sài Lao Pán* của người Mèo tuy diễn biến có phần khác nhưng chắc chắn có mượn một phần cốt truyện của loại hình *Gái ngoan dạy chồng*:

Hai vợ chồng nhà giàu nọ chỉ có một con trai, cưới vợ cho con xong thì họ qua đời. Đứa con trai thường đi buôn xa. Một hôm, vợ hăn cho một khách buôn nước ngoài ngủ trọ trên gác. Đêm lại khách dùng dây thả những thoi bạc xuống chỗ người đàn bà dệt vải, hy vọng nàng ưng thuận. Lần lượt thả đến 100 thoi mà không ăn thua, người đàn bà chỉ cho hăn ăn rồi phục rượu say để bảo toàn trinh tiết. Khách buôn ra đi, tiếc của, tình cờ gặp chồng người đàn bà, hăn nói: - "Tôi ngủ ở nhà một cô gái nọ, nó quyến rũ tôi lấy

mất một trăm thoi bạc". Nghe nói, chồng nghi cho vợ không trung thành, bèn đem bạc cho hăn rồi về đuổi vợ. Từ đây, truyện giống với truyện của ta: Vợ bỏ đi, lần hồi ra nước ngoài, ăn mặc giả đàn ông, buôn bán trở nên giàu có lớn, người vùng ấy gọi là ông chủ. Từ khi đuổi vợ, chồng trở nên buôn thua bán lỗ, của cải lần lượt phá tán. Hiếu nổi oan của vợ, hăn bèn bỏ làng đi làm thuê, lưu lạc ra nước ngoài vô tình đến chỗ vợ ở mà không biết, nuôi thân bằng nghề kiếm củi. Một hôm vợ gặp, biết là chồng, liền mua gánh củi, dặn hàng ngày mang đến bán, ít lâu sau thuê hăn làm công ở trong nhà, nhưng không cho hăn biết mình là ai. Thấy hăn ký cốp để dành trợn, hỏi thì đáp là để đi tìm vợ, nói rồi hăn kể hết chuyện nhà và tỏ ý hối tiếc hành vi ngày xưa của mình.

Một hôm vợ thử chồng bằng cách rủ hăn đi chơi rồi rủ đánh bạc, nhưng hăn không nghe. Lần thứ hai lại thử bằng cách xin Trời cho hóa hổ rồi vác hăn lên lưng đặt vào nhà một bà góa, sau đó lại đặt vào nhà một cô gái đẹp và giàu, nhưng hăn đều không xiêu lòng. Hăn bỏ chạy về nhà "ông chủ" thì vợ đã trút lột hổ đồng thời trút bỏ cái trang. Hăn dần dần nhận ra vợ, hai vợ chồng từ đó lại sống hạnh phúc[7].

[1] Theo *Thực nghiệp dân báo* (1924) và theo lời kể của người Hà-tĩnh, Hải-dương, Sơn-tây.

[2] Sưu tầm của Thanh Minh.

[3] Đều theo Cô-xcanh (Cosquin). *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren*.

[4] Theo lời kể của người Phú-yên.

[5] Theo *Truyện cổ Việt-bắc*, đã dẫn.

[6] Theo Lăng-đờ (Landes). *Truyện cổ tích Cham-pa*, đã dẫn. Trong truyện này, Người kể chưa giải thích rõ ý nghĩa câu đố và do đó chắc có bỏ đi một số tình tiết hay của truyện.

[7] Theo *Truyện cổ tích dân tộc Mèo*. Sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
91. BÀ LỚN ĐUỜI ƯƠI

Trong vùng rừng núi miền Tuyên Hưng có giống khỉ gọi là dã nữ. Thịnh thoảng người ta bắt được vài con đem về tập cho nói một vài tiếng người. Họ nuôi chơi làm cảnh, và quen gọi là đười ươi.

Ngày ấy ở kinh thành Thăng Long phố xá buôn bán đã mọc lên san sát. Nhiều cửa hiệu to lớn cất đủ mọi thứ hàng như gấm vóc, tơ lụa, pha lê, đồ sứ, v.v... Bọn chủ hiệu chỉ trông nhờ vào sự mua sắm của đám quan lại. Hồi bấy giờ hàng quan võ được coi trọng, mà quan võ thì phần nhiều là người đàn ông, quê hương nhà Chúa. Vợ con họ cũng theo đòi kiểu cách nhà quan: cũng hoa tai vành cánh, cũng cánh xá, cũng con hầu, đầy tớ xúm xít từng đoàn, v.v... Bọn chủ hiệu chỉ thích họ có mỗi một điều là khi mua hàng khai bao nhiêu họ giả bấy nhiêu, ít có sự cò kè bớt một thêm hai như bọn nhà quan xứ Bắc. Cho nên bọn chúng coi họ là khách bở, chào mời rất mực đôn đả, nhiều khi cứ đưa hàng đến nhà rồi mới lấy tiền sau.

Chợt một hôm kia, trên đường phố có một cái cáng mui luyen, lá sắn buông kín mít, khiêng qua. Vẻ lộng lẫy của những người hầu: áo nỉ đỏ, cổ viền kim tuyến, làm cho người ta choáng mắt. Cáng dừng lại trước một dãy phố. Một người hầu tiến lại khúm núm bên cáng. Một lát sau, hần tìm vào một hiệu buôn mà chủ nhân đã đón sẵn, chào mời những tiếng ngọt như mật.

Hần nói nhỏ với bà hàng:

- Bà lớn tôi khó ở, không tiện xuống cáng xem hàng được. Bà lớn tôi muốn mua rất nhiều các thứ gấm, vóc, the, đoạn cùng một số đồ sứ, pha lê như kê trong giấy này. Vậy hiệu đây có những thứ hàng gì tốt hãy đưa để bà lớn tôi mua.

Đánh hơi thấy món hời, chủ hiệu mừng quá, vội dốc tử đưa ra những thứ đắt tiền nhất. Hàng nào không đủ thì hắt lại sai người đến các cửa hiệu quen lấy về. Người đầy tớ hầu lần lượt mang hàng đến bên cáng để bà lớn xem và nói giá cả để bà lớn biết. Thứ hàng gì đưa vào cũng được bà lớn khen "được, được", "tốt, tốt". Chủ hiệu chưa bao giờ thấy một người khách sang dễ tính đến thế, trong lòng mừng khắp khởi, nhắm tính tổng cộng số hàng có đến mấy trăm lạng bạc. Xong đâu đấy người hầu bảo:

- Bà lớn đây là vợ một quan lãnh mới ra kinh lĩnh chức. Dinh quan lớn tôi cách dinh quan tổng đốc mười ba ngô về phía Nam. Nhà hàng muốn lấy tiền hoặc bạc nên hãy chịu khó đến đó mà nhận.

Chủ hiệu vâng vâng dạ dạ rồi rít. Thế rồi chỉ một lát sau, bọn quân hầu kẻ ôm vóc nhiều, người cặp gấm đoạn, kẻ mang đồ lặt vặt chạy rầm rập theo sau cáng bà quan.

Đến nơi, bọn phu cáng dừng lại toan vén màn mời bà lớn xuống. Tên hầu gắt:

- Bà lớn đang ngủ! Chúng mày hãy lấy "ngạc" mà đặt cáng lên rồi đứng trông đây chờ bà lớn dậy. Chủ hiệu thì hãy vào ngồi trong hàng nước kia, đợi chúng tôi mang hàng vào để quan lớn xem đã, rồi sẽ gọi vào nhận tiền.

Sau đó, một toán mang hàng vào dinh. Chờ một hồi lâu, bọn phu cáng cũng lần lượt đi mỗi người một ngả. Cuối cùng chỉ còn trơ lại chiếc cáng với chủ hiệu. Sinh nghi, chủ hiệu bèn tiến lại gần xem sao thì vẫn nghe thấy tiếng ngáy đều đặn của bà lớn. Tuy vậy, hăn bạo dạn khẽ vén lá sắn lên xem thì thấy trong cáng chỉ có một con đười ươi mặc quần áo đàn bà bị buộc chặt với võng, chả có bà lớn nào cả. Đười ươi thoáng thấy người thì nói lên mấy tiếng "được, được", "tốt, tốt". Biết là bị mắc lừa, hăn hốt hoảng, chạy vội vào dinh thì mới hay đây là mấy ngôi nhà, trước kia cũng là nơi đóng quân của đội túc vệ, nay bỏ hoang, phía sau có cổng bỏ ngõ thông với các lối khác.

Sau một thời gian thuê người tìm kiếm mà không thấy tăm hơi lũ bọm đâu cả, hăn đành ôm hận trở về với chiếc cáng cũ và con đười ươi[1].

KHẢO DỊ

Phạm Đình Hồ trong Vũ trung tùy bút cũng có kể một mẹo lừa của bọn lưu manh đời Lê mạt ở kinh thành Thăng Long tương tự với câu chuyện kể trên, chỉ khác là kẻ nằm trong võng không phải là đười ươi mà là một bà già ăn mày mù. Các truyện này phần nào phản ánh thái độ của nhân dân đối với tầng lớp thương nhân, trong điều kiện một xã hội thương nghiệp không phát triển như nước ta.

[1] Theo *Đại Nam đồng văn nhật báo*

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
92. CON CHÓ,
CON MÈO VÀ ANH CHÀNG NGHÈO KHỔ

Ngày xưa có hai mẹ con một anh chàng nhà nghèo rất mừng tươi. Anh chàng lang thang đi kiếm việc làm nhưng chả có ai thuê cả. Mãi sau có một chủ thuyền buôn thấy anh khỏe mạnh lại biết bơi lội mới thuê làm thủy thủ. Hễ hứa cho anh cơm một ngày ba bữa và bốn mươi quan tiền trả trước. Anh chàng mừng rỡ tưởng không có hạnh phúc nào hơn thế nữa, vội cầm ba mươi quan đem về cho mẹ tiêu, còn mười quan thì mang theo định để dành may mặc.

Thuyền cất hàng, vượt biển luôn năm ngày đến một thị trấn lớn. Trên bến người mua kẻ bán chen chúc như hội. Bọn thủy thủ bảo chàng:

- Ở đây thứ gì cũng buôn được. Cứ mua một ít đưa về quê nhà bán là tự khắc có lãi.

Anh chàng xưa nay không quen buôn bán nên cầm mười quan tiền trong tay chưa biết nên mua thứ hàng gì. Bỗng chốc anh thấy có một người mang ra bến một con chó bị trói toan vứt xuống sông. Lấy làm thương, anh vội ngăn lại và hỏi duyên cớ. Người ấy cho biết chó này là của chủ mình. Hôm nay chủ đi chợ mua thịt về dọn tiệc, không rõ cắt đặt thế nào để chó ăn vụng mất cả. Chủ tức giận trói chó đánh một trận thừa sống thiếu chết rồi

sai đi buông sông. Nghe kể thế, anh chàng xin mua lại con chó. Người kia cười mà rằng:

- Nó chỉ chuyên môn ăn vụng, anh mua về làm gì?

Chàng đáp:

- Thây kệ, cứ bán cho tôi đi!

Cuối cùng anh chàng xia ra ba quan mua lấy con chó, cời trói cho nó, đoạn xích lại bên chỗ mình làm việc.

Sau đó một chốc, anh lại trông thấy có một người đàn bà mang một con mèo toan vớt xuống sông. Anh chàng vội ngăn lại và hỏi duyên cớ. Khi biết tội trạng của mèo cũng chỉ là ăn vụng, anh nài nỉ để con vật lại cho mình. Thấy người đàn bà khuyên can không nên mua thứ mèo xấu nết, anh không nghe và nói:

- Thây kệ! Chị cứ bán cho tôi đi!

Thế là cuối cùng mèo cũng thoát chết. Và người chủ mới của nó sau khi xia ra ba quan để mua, đem buộc lại gần bên con chó.

Ngồi một mình trên thuyền, thấy buồn, anh chàng bèn bỏ thuyền lên bộ đi dạo bờ sông. Bỗng chốc anh thấy có ba đứa trẻ chăn trâu bắt được một con rắn nước, toan dùng roi xử tội. Anh chàng vội chạy lại ngăn cản:

- Các em đừng đánh nó, nó là rắn nước, có làm hại ai đâu?

- Mặc kệ chúng tôi - bọn trẻ đáp - Chúng tôi bắt được nó, chúng tôi đánh, ông cần làm gì?

Thấy bọn chúng khăng khăng cố tình giết rắn, anh chàng lại dùng tiền để cứu con vật vô tội. Chúng đòi năm quan. Mãi sau anh mới bớt được một. Thế là tất cả số tiền mang theo đều lần lượt vơi đến hết. Mua được con rắn, anh vội thả xuống sông cho nó trở về xứ sở. Bọn thủy thủ khi nghe anh kể lại những việc mua bán của mình thì đều cười ngất, cho là một người khờ dại ít có. Anh chỉ ngồi lặng yên không nói gì cả.

Khi thuyền bắt đầu trở về, vào khoảng nửa đêm, anh đang chèo bồng thấy con rắn nước bơi từ dưới sông bơi lên trao cho mình một viên ngọc và nói:

- Cha tôi là Long Vương, cảm ơn anh đã cứu mạng tôi, cho tôi đem biếu anh một viên ngọc "băng xuyên" để mời anh xuống chơi. Mang ngọc vào mình, anh có thể đi được dưới nước cũng dễ dàng như đi trên bộ.

Anh chàng nghe nói vội buông chèo đi theo rắn nước xuống Thủy phủ. Quả nhiên, anh được vua Long Vương tiếp đãi rất hậu, tổng tiền ngọc vàng châu báu rất nhiều. Sau đó anh được người của Long Vương đưa về tận nhà.

Chủ thuyền thấy mất hút anh, tưởng anh đã rơi xuống nước, bèn đổ thuyền lại, lên bộ trình với xã sở tại. Nhưng khi mọi người về đến quê hương thì họ rất lấy làm ngạc nhiên, vì anh thủy thủ trẻ tuổi đã về đến nhà ba ngày trước rồi.

Từ đó anh trở nên giàu có. Nhưng anh vẫn sống một cuộc đời bình thường với người mẹ già. Con chó, con mèo được anh cứu vẫn theo anh không rời. Về sau, anh lấy vợ. Vợ anh là một cô gái đẹp. Nàng rất thích đeo nữ trang. Thấy viên ngọc "băng xuyên" chiếu sáng một góc tủ, nàng thích lắm nên một hôm lấy trộm mang đến cho một người thợ kim hoàn bảo đánh cho mình một chiếc nhẫn. Không ngờ, người thợ kim hoàn biết là ngọc quý ít có trong thế gian, bèn đi kiếm một viên khác tương tự như thế đánh tráo vào mà cướp lấy bảo vật.

Khi biết rõ chuyện mất cắp, anh chàng thủy thủ trở nên buồn bã. Hàng ngày anh ra bờ sông mong tìm lại con rắn nước nhưng chả làm sao gặp được. Chó và mèo thấy chủ không vui, một hôm nói với chủ xin đi tìm viên ngọc.

Đường đi đến nhà người thợ kim hoàn phải qua một con sông rộng. Không có cách gì vượt qua cả, hai con vật cứ loanh quanh ở trên bờ. Về sau chúng nó tìm được vào nhà một con rái cá. Chúng kể sự tình cho rái cá nghe và nhờ nó đưa giúp qua sông. Rái cá vui lòng gọi các bạn bè của nó đứng sát vào nhau, kết thành một cái bè cho chó và mèo ngồi lên lưng, chở qua sông yên lành.

Khi đến nhà người thợ kim hoàn, mèo bảo chó:

- Để tao trèo lên nóc nhà kêu lên mấy tiếng cho những con chó trong nhà xúm lại sủa. Thế là mày cứ đường hoàng theo cổng mà vào không ai biết.

Quả nhiên, bây giờ nhà của người thợ kim hoàn nghe mấy tiếng mèo kêu vội xông ra đuổi. Mèo dẫn chúng đi thật xa nên chó ta lên vào nấp dưới một cái hầm, vô sự.

Khi hai con vật gặp lại nhau, chúng tìm tòi khắp trong nhà. Tất cả cửa của cái cửa sổ thợ kim hoàn đều bỏ trong một cái rương xe, luôn luôn khóa kín, không dễ gì lọt vào được. Mèo bèn cố sức tìm tòi, chụp bắt được một con chuột. Chuột van lạy xin tha mạng. Mèo bảo nó dẫn mình đến gặp chuột chúa đàn. Mèo nói rõ cho chuột chúa biết việc mình đến đây, và nhờ hăn giúp mình lấy cho được viên ngọc, đổi lại, mèo hứa sẽ luôn luôn để ý không phạm đến tôn tộc nhà chuột ở đây. Chuột chúa đàn vâng lời ngay:

- Để tôi bảo lũ con cháu, tôi tổ trong nhà khoét chiếc rương của nó ra, tìm cho các ông.

Nhưng đến khi lọt được vào trong rương, lũ chuột tìm mãi vẫn không thấy ngọc. Chuột chúa đàn ra báo lại cho mèo biết, và nói:

- Trong rương này có một cái hộp bằng bạc. Có lẽ nó giấu ngọc trong đó; cái hộp đó thì khó lòng mà gặm được.

- Vậy làm thế nào bây giờ? - Mèo hỏi.

- Chỉ có cách là chúng tôi sẽ nhờ xóm giềng hợp sức cùng chúng tôi khoét rộng lỗ thùng làm sao đưa lọt cái hộp ấy ra đây cho các ông tìm.

- Thế thì làm gấp lên đi!

Chỉ trong một đêm, cả xóm nhà chuột đã gặm nát rương, lấy được cái hộp đưa ra cho mèo. Hai con vật tìm cách phá hộp ra, quả thấy viên ngọc của chủ. Chúng vô cùng mừng rỡ.

Sau khi ra khỏi nhà người thợ kim hoàn, chó tranh mèo mang ngọc. Nhưng đến lúc sắp sửa sang sông, vì mắng nhau với một con chó khác, nên chó đã để ngọc văng xuống nước. Một con cá trông thấy ngọc sáng vội bơi tới đớp và nuốt ngay.

Thấy chó để mất ngọc, mèo giận quá mắng chó một trận thậm tệ. Chó biết lỗi, lặng thinh, cuối cùng mếu máo:

- Biết làm sao bây giờ?

Suy nghĩ một lát, mèo tìm được một kế bảo chó:

- Chúng ta sẽ tìm đến một nhà thuyền chài ở vùng này xin ở với họ. Thế rồi chờ khi họ câu được con cá đã nuốt viên ngọc thì sẽ kiếm cách cướp lấy đem về.

Chó khen mưu kế hay, bèn cùng mèo tìm đến một gia đình ông chài đang đỗ thuyền lại ở bờ sông phơi lưới. Hai con vật tỏ ra rất khôn ngoan, hiền lành nên được cả nhà đối đãi tử tế.

Mấy hôm sau, ông chài đánh mẻ lưới được một con cá chày rất lớn, mổ ruột ra, thấy có viên ngọc. Chó và mèo khắp khởi mừng thầm. Trong khi cả nhà đang trao ngọc cho nhau để xem của lạ, thì mèo lẹ làng tiến lại cọ người vào chân chủ. Nhân khi chủ sơ ý, nó nhảy lên ngoạm lấy viên ngọc và lập tức cong đuôi nhảy lên bờ chạy mất. Thấy thế, chó cũng ba chân bốn cẳng chạy theo làm mấy bố con ông chài ngơ ngác chẳng hiểu vì sao.

Lần này mèo tranh chó mang ngọc. Mèo lên mặt khôn, bảo chó:

- Lần trước ngậm bị rơi mất, lần này có cách rất hay là đội lên đầu. Sắp đến nhà rồi, chả sợ gì nữa.

Nó nói thế nào thì làm như thế.

Nào ngờ mới đi được một quãng đường, bấy giờ có một con quạ đang bay trên không trung, nhác thấy có cái gì lấp lánh trên đầu mèo, thành linh sà xuống đón lấy rồi bay lên đậu trên cành cây cao. Thấy ngọc lại mất, chó đến lượt mắng chửi mèo rất dữ, rồi nói:

- Ngọc rơi xuống nước còn có thể lấy được, chứ bay lên trời thì đừng có hòng.

Mèo buồn rầu, nhưng ngẫm nghĩ một lát, nó lại bảo chó:

- Đúng rồi. Tao đã nghĩ ra được một kế.

Chó hỏi:

- Kế gì?

Đáp:

- Giả chết bắt quạ.

Nói xong mèo chạy xuống bờ sông uống một bụng nước đầy căng. Đoạn trở về xua chó trốn đi một chỗ, còn mình thì tới nằm dưới gốc cây phơi bụng trắng hếu giả vờ chết.

Quạ đang ngậm ngọc đậu trên ngọn cây nhìn xuống thoáng thấy có bóng con vật chết, vội vàng bay xuống toan rửa thịt. Nhưng khi quạ vừa đáp tới thì mèo đã nhảy xổ lên vồ lấy quạ. Quạ van lạy xin trả lại viên ngọc cho mèo để được tha mạng. Mèo chỉ đợi có thế, ngoạm lấy viên ngọc, ra đi.

Lần này, cả hai con đưa ngọc về đến nhà vẹn toàn. Anh chàng thủy thủ lấy lại được món tặng vật của Long vương hết sức vui mừng. Hẳn càng thêm quý mến hai con vật có tình có nghĩa[1].

KHẢO DỊ

Ở Nghệ An, có người kể truyện *Con chó, con mèo và con chuột* cũng có thể là một dị bản của truyện trên.

Một người nghèo nuôi một con chuột, chuột thường sang bên nhà giàu hàng xóm kiếm ăn. Người kia hỏi chuột vì sao nhà ấy giàu. Đáp: -"Nó có một nén vàng" - "Có lấy được không?" - "Được". Chuột bèn khoét hòm tha vàng về cho chủ. Người nhà giàu mất cửa, thấy lỗ khoét mới sai mèo đi tìm. Mèo bắt các con chuột đến đo ở lỗ khoét thì có một con vừa tầm. Tra hỏi thì nó thú tội và nhận đi lấy về trả, có chó với mèo đi theo. Chuột lấy được trao cho mèo. Đến sông mèo để rơi vàng xuống nước. Mèo nhờ con tấy (rái cá) lặn xuống tìm hộ. Được vàng rồi, đến lượt chó mang đi. Dọc đường mệt quá, chó nghỉ dưới bóng cây. Mèo nhận việc trèo cây để canh giữ. Nhưng khi chó ngủ quên, mèo trộm lấy mang về trước, giành công một mình[2].

Một truyện khác ở Nghệ An cũng là một dị bản thứ hai:

Có hai anh em nghèo khổ, ăn không đủ no, sống bằng rượu kê và hàng ngày đi làm thuê. Một ngày họ đào được một cái bình đẹp. Anh cầm lấy xem và nói chơi rằng: -"Trời đã cho ta, ước gì được một bữa no". Hôm ấy đi làm về tự nhiên thấy hai cỗ cơm bày sẵn, anh em ăn no. Lại ước một người vợ. Sáng hôm sau quả có cô gái tìm đến làm vợ. Rồi sau ước vàng bạc của cải và nhờ vậy trở nên giàu có. Lại nuôi được một con mèo, một con chó rất khôn.

Có chủ đất làng khác nghe tin, bèn đến trộm lấy cái bình. Mất bình, anh em buồn rầu, chó mèo thấy thế bèn xin đi tìm. Đến nơi thì cửa đóng chặt không vào được. Bắt được một con chuột to, mèo bảo nó hãy lấy được bình ra sẽ tha. Chuột tìm lần đầu không thấy, lần sau khoét rường lấy được bình cho mèo. Chó mang bình lội qua sông, một con tấy (rái cá) nổi lên đột ngột làm chó hoảng sợ để bình chìm xuống sông. Mèo giả chết nằm bên bờ sông. Một con cộc bay đến bị mèo chụp, cộc phải lặn tìm bình để chuộc tội. Cuối cùng lại tìm thấy bình, cộc bèn đưa cho mèo về nộp chủ[3].

Tương tự với truyện *Con chó, con mèo và anh chàng nghèo khổ*, ta còn có truyện *Con tôm vàng*:

Một người nhà giàu nuôi một con mèo. Con vật hết lòng với chủ. Một hôm chủ mất một con tôm bằng vàng, bảo mèo đi tìm. Mèo bắt một con chuột ra tra gan. Chuột cho biết có anh thợ bạc vào lấy trộm. Mèo bảo chuột cùng đi tìm. Ở đây tình tiết của truyện giống với truyện trên kia nhưng không có chó, mà chuột thì kiêm luôn cả việc đục hòm lấy tôm vàng. Cũng không có việc nhờ rái cá đưa qua sông. Việc tìm tôm vàng dưới nước được giải quyết bằng cách dọa một con cá trong khi nó lóc lên bờ, bắt nó xuống tìm. Đoạn cuối, mèo đòi tôm lên đầu bị quạ tha mất và mưu kế của mèo giả chết bắt quạ y hệt như truyện đã kể[4].

Người Khơ-me (Khmer) có truyện *Chàng Cơm Cháy* rất giống với truyện *Con chó, con mèo và anh chàng nghèo khổ* của ta.

Một đứa trẻ nhà nghèo phải đi xin từng miếng cháy mà ăn, nên người ta gọi là Cơm Cháy. Cơm Cháy ở với bà. Một hôm, nó đi câu nhưng không được gì. Thần Đế Thích thương tình cho ba con cá lần lượt mắc vào lưỡi. Y như truyện của ta, khi Cơm Cháy đưa cá về thì gặp một người toan vớt xuống sông một con mèo ăn vụng của chủ. Chàng xin đổi hai con cá. Lần thứ hai cũng gặp một cảnh gần như thế, chàng đổi được một con chó. Hai con vật hàng ngày chia nhau, con đi trộm cơm, con đi trộm thịt về cho chủ.

Một hôm Cơm Cháy đem chó lên rừng lùng rùa. Bắt được hai cái trứng rất lớn, Cơm Cháy mừng lắm mang về bảo bà mượn cho mình cái nồi lớn để luộc. Không ngờ đây là trứng của vợ Long vương đẻ ra trong một cuộc lên chơi cõi trần. Lần thứ nhất Cơm Cháy không luộc được trứng, vì người làng thấy trứng lạ không cho luộc trong làng; lần thứ hai sắp luộc thì hai

trứng đã nở, có hai con rồng lật đổ nồi bò ra. Cơm Cháy bắt về bỏ vào chậu. Sáng mai thấy lớn đầy cả chậu. Đem bỏ vào vại sáng mai thấy lớn đầy cả vại, lại phải bỏ ra ao. Đến ngày thứ bảy hai con vật to lớn không thể tưởng tượng được. Cơm Cháy không đủ thức ăn mà nuôi nữa. Nhưng hai con của Long vương (Naga) ấy đã rủ Cơm Cháy về nhà chúng. Truyện còn kể, trước khi gặp bố mẹ, hai anh em còn kéo chân mẹ đang tắm và tỷ thí với cha để sau đó được nhận là con. Để trả ơn, Long vương cho Cơm Cháy một viên ngọc ước.

Cơm Cháy trở về bắt bà đi hỏi con gái vua làm vợ. Vua thách làm một nhà vàng, một cầu bạc. Cơm Cháy nhờ ngọc, có đủ mọi thứ cần thiết. Cuối cùng chàng lấy được công chúa một cách dễ dàng.

Nghe tin ở Khơ-me (Khmer) có nhà vàng cầu bạc, vua Xiêm đem quân sang cướp. Cơm Cháy xin đi dẹp, và chàng đã làm cho quân địch tan tác không còn mảnh giáp. Một tên tù binh giặc vào hầu ở nhà Cơm Cháy đã nhân lúc chàng sơ hở, đánh cắp lấy ngọc trốn về nước, nộp lên vua. Cơm Cháy bảo mèo và chó đi tìm hộ. Từ đây câu chuyện gần giống với truyện của ta.

Đại thế mèo cũng ra lệnh cho chúa chuột bảo quân lính của mình thi nhau gặm tủ sắt vua Xiêm trong có viên ngọc. Chúng gặm hăng quá nên con nào con ấy gãy cả răng, (thành ra bây giờ giống chuột chỉ còn mấy chiếc răng cửa). Được ngọc, chó giành mèo mang về, nhưng lại để rơi xuống nước lọt vào bụng cá. Mèo đến bờ sông chop một con rái cá và bắt nó đi tìm. Rái cá tra tìm được ngay. Chó lại tranh mèo mang đi. Gặp điều, chó sửa âm ỹ nên đánh rơi, viên ngọc lọt vào tay điều. Mèo lại phải dùng kế: bắt một con rắn hổ mang buộc nó phải mổ chết một con bò. Thấy có bò chết, điều sà xuống rửa nhưng mèo đã rình sẵn, chop lấy điều và bắt nó phải nhả viên ngọc. Chó lại giành mèo mang ngọc, nhưng lại đánh mất lần thứ ba. Lần này nhờ mưu mèo đưa mặt biểu kiến chúa để kiến tung quân đi tìm.

Được ngọc trở lại, Cơm Cháy làm cho kẻ thù tan tác, và sau khi thắng lợi, được vua nhường ngôi[5].

Phần nhiều các dân tộc ở Tây-nguyên đều có truyện trên nhưng mỗi dân tộc kể một khác.

Truyện của đồng bào Ca-tu thì con thường luồng thay cho con rắn. Anh chàng nghèo khổ trong truyện cứu được con thường luồng con vua Thủy tề bị đá đè phải lưng. Lúc vua Thủy tề trả ơn, nhờ thường luồng mách, anh xin vua quyển sách ước. Có quyển sách màu nhiệm, anh ước ra gạo, ước một con chó giữ nhà và một con mèo bắt chuột.

Lão chủ làng tình cờ đến nhà anh lục được quyển sách ước bèn đánh cắp. Mất sách, anh sai chó và mèo đi tìm. Cũng như các truyện trên, đến nơi, mèo buộc chuột phải tìm sách ước. Tìm thấy rồi hai con vật mang về, nhưng chó lợi sông để cho sách ước trôi, bị cá nuốt vào bụng. Hai con vật lại đến nhà thuyền chài, xin ruột cá để lục tìm. Cuối cùng cũng lấy được sách ước đưa về cho chủ.

Đoạn sau là cuộc chiến đấu giữa chủ làng và nhân vật chính. Nhờ có sách ước, anh bắn chết chủ làng và đồng bọn.

Truyện của đồng bào Ja-rai (Djarai):

Y Rít kết bạn với một con rắn mà anh cứu khi nó sa vào bẫy của một con hổ. Rắn là con vua Thủy tề. Rắn cũng rủ anh về thủy phủ, và dặn anh cố xin cho được chiếc quạt thần mà chủ nhân của nó là một cô gái xinh đẹp. Nhờ quạt thần, anh trở nên giàu có, có vợ đẹp tức là nữ thần quạt.

Trong thời gian Y Rít đi vắng, có vua Y Oéc đưa quân đến cướp của cải, kể cả quạt thần và bắt vợ anh. Y Rít trở về quyết đi tìm, có cả mèo và chó cùng đi. Dọc đường, mèo và chó rủ được chuột bạch và nhím đi theo. Nhờ có con ốc - mà anh cướp được ở tay một con lợn thần - hút cạn nước biển, anh tới nơi ở của Y Oéc. Trước hết chuột bạch nhận công việc đi dò xét. Sau đó Y Rít chia việc: nhím đào hầm, chuột đục thùng hòm sắt để lấy quạt thần. Trong khi đó thì chó và mèo cố đùa giỡn để đánh lạc hướng Y Oéc.

Được quạt, Y Rít vượt biển cạn về nhà. Xong, anh bảo ốc trả lại nước cho biển. Rồi anh dùng quạt quạt lên: vợ anh và của cải lại trở về, cả kẻ thù của anh và của cải của y cũng bị gió đưa tới. Hẳn bị anh chém làm ba khúc và chiếm lấy mọi của cải.

Anh chàng nghèo khổ nhân vật chính trong truyện của đồng bào Ba-na (Bahnar) cũng là Y Rít. Rít ở với bà. Nhân đi chợ, anh mua được con mèo gầy, một con rắn bị đánh gần chết và một con chó ghẻ. Cả mấy con được Rít nuôi dưỡng, chúng kết bạn với anh. Anh muốn có rìu và rựa. Chó và rắn đi lấy nhưng không kết quả, chỉ có mèo là thành công. Được rìu và rựa, lại nhờ chó chỉ cho một cây mai, Rít chặt về. Trong cây có một cô gái hàng ngày hiện ra nấu cơm, cho lợn gà ăn và dọn dẹp nhà cửa, sau trở thành vợ Rít.

Đồng bào Ba-na (Bahnar) còn có một truyện khác là *Bót Hét* có thể xem là một dạng kết hợp giữa truyện *Con chó, con mèo và anh chàng nghèo khổ* với truyện *Cứu vật vật trả ân, cứu nhân nhân trả oán* (số **48**, tập **II**) của ta:

Ông Hét lần lượt dỗ các em bé nín khóc, được bố mẹ chúng cho mác, cuốc và dao. Ông lại dùng những vật này lần lượt đổi lấy một con mèo, một con chó và một con trăn đều sắp sửa bị giết vì tội ăn vụng và trộm. Những con

vật ấy đi theo ông làm bạn. Nhưng con trăn là con vua Thủy tề, nó đưa Hét xuống thăm thủy phủ và được vua tặng một chiếc nhẫn thần. Từ đó ông giàu có, lấy được vợ, sống rất sung sướng.

Nhưng một hôm vợ Hét để cho tên cướp lấy mất nhẫn quý. Thấy chủ buồn, chó mèo tình nguyện đi tìm. Được thần linh chỉ cho chỗ ở của tên cướp ngoài hải đảo, chó mèo tìm cách ra đấy. Đến nơi, mèo bắt một con chuột đi tìm, chuột lấy đuôi quệt vào miệng tên cướp, tên cướp há miệng trong có giấu chiếc nhẫn, mèo lập tức lấy được đưa về. Dọc đường nhẫn cũng rơi xuống nước và nhờ sự giúp đỡ của chim bói cá, mèo lấy lại được nhẫn quý đưa về cho chủ[6].

Người Bắc Ninh lại có một tập truyện dưới dạng kết hợp giữa *Sự tích con dã tràng* (số 15, tập I) với truyện *Con chó, con mèo và anh chàng nghèo khổ*:

Dã Tràng một hôm bắn chết một con rắn vợ ngoại tình, được rắn chồng tặng một viên ngọc, ngậm nó có thể nghe được tiếng loài vật (nhưng nếu để đàn bà ngậm thì ngọc sẽ tan ra nước). Một hôm, anh được đàn quạ mách chỗ có con nai chết; anh quên để bộ lòng cho quạ, bị quạ chửi, anh bắn nó, nó cắn lấy mũi tên có đề tên anh cắm vào xác một công chúa chết trôi. Vì thế anh bị bắt vào ngục. Ở trong ngục có lần Dã Tràng nghe bày kiến gọi nhau chuẩn bị chạy lụt. Anh báo cho vua biết tin ấy kịp thời và nhờ đó giảm bớt thiệt hại cho dân. Vua hỏi chuyện anh, rồi đòi xem viên ngọc, nhưng khi ngọc quý lọt vào tay, vua chiếm đoạt luôn.

Thấy chủ than thở với vợ, chó và mèo nghe chuyện bèn tình nguyện đi tìm ngọc. Ban đầu mèo vào cung dùng đuôi ngoáy mũi vua đang ngủ, vua hắt hơi, viên ngọc ngậm trong mồm văng ra, mèo cướp lấy mang trở về, chó đòi mang thay nhưng chó tham ăn làm rơi ngọc xuống sông rồi về trước vu

cáo mèo với chủ. Trong khi đó thì mèo ở lại, giúp việc cho ông chài và cuối cùng tìm được ngọc ở trong ruột cá. Được lại viên ngọc quý, Dã Tràng thưởng cho mèo, hắt hủi chó (thành ra bây giờ người ta cho mèo ăn vào đĩa bát, còn với chó thì đổ cơm xuống đất cho ăn).

Nhưng về sau ngọc tan ra nước vì vợ Dã Tràng đòi ngậm. Dã Tràng tiếc quá đi thơ thần ra biển rồi chết hóa thành con dã tràng hàng ngày cứ vo cát như kiểu viên ngọc[7].

Nội dung truyện *Chàng Sơn* của đồng bào Mường cũng tương tự với truyện vừa kể, nhưng ở đây chỉ có mèo mà không có chó, và phần cuối diễn biến cũng có những xáo trộn và thay đổi:

Chàng Sơn nhờ cặp vợ chồng rắn trắng cho nước bọt làm tiên thuốc nên sống sung túc. Một hôm anh định bắn chết một con rắn đen để cứu rắn trắng. Không ngờ bắn nhầm phải con rắn trắng vợ. Rắn trắng chồng trước toan báo thù, nhưng sau biết ý định tốt của Sơn, bèn tặng Sơn một viên ngọc nghe được tiếng loài vật.

Một hôm, vì quên để dành bộ lòng cho quạ nên chàng Sơn bị quạ báo thù bằng cách sai chuột đến lấy trộm viên ngọc của anh. Chuột đã thành công nhờ mưu ngoáy đuôi vào mũi Sơn, khiến Sơn hắt hơi làm văng viên ngọc ngậm ở miệng lúc ngủ.

Mèo giúp Sơn đi tìm viên ngọc. Mèo tóm lấy chuột, buộc chuột phải khai sự thật. Khai xong, chuột còn bày cho mèo kế "giả chết bắt quạ". Quạ thấy mèo nằm chết, tưởng có món bở, sà xuống định mổ. Không ngờ mèo chộp được quạ, giành lấy viên ngọc, rồi đưa cho chủ. Quạ giận lắm, một hôm nhân cặp được mũi tên có khắc tên của Sơn, bèn cắm vào xác chết trôi

sông. Sơn do đó bị hạ ngục. Nhưng nhờ có ngọc, Sơn đã tìm thấy ấn ngọc của vua bị mất, nên được tha và được vua gả công chúa[8].

Truyện của người Mèo cũng tương tự hai truyện vừa kể, nhưng có thêm một ít tình tiết: khi nhân vật chính - Cù Minh Sáng - bị hạ ngục, để giải mối ngờ của vua, anh ta phải lần lượt nói cho vua biết câu chuyện của một đàn kiến, một đàn lợn và một đàn chim sẻ, v.v... Khi vua chiếm được ngọc, không bỏ ngọc vào miệng mà bỏ vào hòm, nên để đoạt lại ngọc, mèo và chó phải nhờ đến tài đục khoét của chuột (như truyện của ta đã kể)[9].

Ở truyện In-đô-nê-xi-a (Indonesia) thì không phải mèo với chó mà là mèo với chuột, trong đó công lao tìm nhẫn chủ yếu là của chuột.

Có hai anh em Khi-na và Ma-da cứu hai con rắn, được rắn rử về nhà chơi và được bố rắn tiếp đãi hậu hĩ. Do hai con rắn mách, họ xin được bố rắn một chiếc nhẫn, hễ đeo vào tay thì có phép sờ vào vật gì đều biến thành vàng. Bị một người lái buôn đánh tráo mất nhẫn, hai anh em bèn nhờ một con mèo nhà đi tìm. Mèo rủ chuột cùng đi. Nhờ có chuột khoét hòm nên tìm được nhẫn mang về, nhưng mèo lại đánh rơi xuống biển, nhờ có chuột lặn xuống lấy lên. Lần thứ hai, mèo đánh rơi nhẫn xuống kẽ nứt dưới đất. Lại nhờ có chuột đào lỗ lấy lên. Nhưng lần này được nhẫn, chuột một mình mang về cho chủ[10].

Người Miến-điện (Myanmar) cũng có truyện *Những con vật biết ơn* cũng là loại dị bản của truyện *Con chó, con mèo và anh chàng nghèo khổ*, nhưng ở đây một mình mèo cáng đáng công việc tìm nhẫn, còn chó thì làm việc khác.

Có bốn chàng trẻ tuổi theo học một ông thầy. Một hôm họ xin thầy giảng

cho biết hậu quả của việc ăn ở tốt và tình thương đối với loài vật. Thầy kể cho họ một câu chuyện như sau:

Có bốn người đều giàu có khôn ngoan, cùng kết bạn và hứa sẽ giúp đỡ lẫn nhau. Ít lâu sau, một trong ba người chết đi để lại một đứa con. Mẹ thấy con còn trẻ người non dạ, bèn bảo con đi học khôn với ba người bạn của bố.

Anh chàng đi dọc đường thấy có một người dắt một con chó, hỏi mua, người kia đòi một trăm đồng, anh không mặc cả, mặc dầu con chó gầy gò. Mua xong cho người dắt về cho mẹ. Cũng vậy, hôm khác anh mua một con mèo, rồi một con ích-nơ-mông[11] đều với giá mỗi con một trăm đồng, trả ngay không kỳ kèo, và đều bảo đưa về cho mẹ.

Chó và mèo được mẹ anh chăm sóc tử tế. Còn con vật kia bà không dám nuôi trong nhà, cho ở một góc vườn. Bà sợ nó quá, trở nên ốm o gầy mòn. Một hôm, một người Bà-la-môn coi về phần hồn của bà đến quỳên giáo, thấy vậy, hỏi lý do và khi biết sự thật, bảo bà thả con thú vào rừng. Bà thả nhưng đặt bên cạnh nó một vại thức ăn có rưới dầu béo. Con vật thấy mẹ con người ấy đối với mình tốt nên mang đến tặng người con một cái nhẫn ngọc có phép cầu được ước thấy.

Được nhẫn, anh chàng ước một lâu đài bảy tầng làm cho vua và mọi người ngạc nhiên. Vua gả công chúa cho chàng.

Lấy nhau được ít lâu, một người Bà-la-môn coi về phần hồn của công chúa đến chơi vào dịp anh đi vắng. Hắn gặng hỏi về tình yêu giữa hai vợ chồng và nói nếu quả là yêu nhau thì sao chồng lại không cho vợ đeo nhẫn. Sau đó, nghe công chúa cầu xin, anh chàng nhẹ dạ tháo nhẫn đeo cho vợ, chỉ dặn chớ trao cho bất kỳ một người nào khác. Hôm khác, người Bà-la-môn

lại đến xin công chúa cho y ngấm cái nhẫn chỉ trong chốc lát. Nhưng khi có nhẫn trong tay, hăn lập tức hóa thành quạ bay đến một hòn đảo giữa biển, ở trong một tòa lâu đài bảy tầng.

Mất nhẫn, chồng buồn nhưng không trách vợ. Mèo tìm cách lấy lại nhẫn cho chủ. Ở đây, cách làm của mèo đặc biệt hơn các truyện khác: mèo chờ một hôm có các nàng tiên xuống tắm ở hồ, cưỡi chuối ngọc để trên bờ, bèn trộm lấy giấu đi, buộc các nàng tiên phải làm một con đường ra đảo mới chịu trả. Đến nơi, thấy tên Bà-la-môn đang ngủ say, mèo tháo lấy nhẫn cắp về cho chủ, trong khi đó tên Bà-la-môn rơi xuống biển chết.

Ít lâu sau bỗng có một bọn cướp xông vào toan giết chết hai vợ chồng anh để chiếm lấy chiếc nhẫn thần. Nhưng nhờ có con chó cắn cổ tên tướng cướp làm cho bọn đồng đảng thất kinh, chạy tán loạn, cứu được chủ vô sự.

Sau đó cả ba con tranh công. Việc đưa đến công chúa Thu-đam-ma Sa-ri xử. Công chúa phán: Công của chó là hơn cả vì nó bảo vệ được tính mạng của chủ, nhưng không coi nhẹ công của hai con vật kia[12].

Người Miến-điện (Myanmar) còn có truyện *Hai người đẩy tớ trung thành* cũng là dị bản của truyện trên nhưng tình tiết lại khác:

Một bà góa nghèo sinh nhai bằng nghề bán bánh kẹo, để được một trai đặt tên là Lười. Một hôm, Lười nằm nhà thấy có người dắt cho và mèo đi quãng sông vì tội ăn vụng cơm vua. Thương hại, Lười lấy trộm một đấu gạo ra đổi. Mẹ về thấy hết gạo kêu trời. Lười hứa tìm cách đi làm nuôi mẹ. Ở đây, mèo và chó lại tình nguyện đi tìm một viên ngọc đỏ dưới đáy biển có pháp cầu được ước thấy. Chúng xuống thế giới dưới ấy ban đầu tìm không thấy, nhưng lại bắt được con chuột, chuột xin tha chết để đi tìm hộ. Cuối cùng cũng biết được ngọc nằm trong miệng nhà vua. Chuột cũng thò

đuôi ngoáy vào mũi vua cho vua hắt hơi để ngọc văng ra. Chuột mang ngọc đến cho mèo và mèo được chó công lên thế giới trần gian.

Được ngọc, Lười xin mẹ hỏi công chúa cho mình. Ở đây cũng có tình tiết nhà vua hứa gả cho với điều kiện là phải có một cầu vàng một cầu bạc trước khi mặt trời mọc, nhưng lại không có đoạn cuối với tình tiết công chúa phản lại chồng như truyện trên[13].

Người Chi-lê (Chili) có truyện *Lâu đài và hoa huệ*:

Có hai ông bà già nuôi cháu mồ côi, một hôm sai cháu đi bán hoa quả. Như truyện của ta, ba lần cháu đổi lấy một con chó, một con mèo và một con rắn bị tré đánh. Lần cuối cùng anh thả rắn ra rồi vì sợ ông bà mắng, bỏ đi tìm rắn. Đến một cái giếng thấy nàng công chúa tự xưng là con rắn nọ biến thành. Nàng biếu anh một quả trứng bé có thể cầu được ước thấy. Dem về anh ước một tòa lâu đài, và được như nguyện. Thấy anh giàu có quá sức vua kính phục gả con gái cho anh làm vợ. Nhưng vợ anh vốn có tư tình với một hắc nô, tên này xúi nàng hãy tìm cho ra bùa phép của chồng. Công chúa quả làm cho anh phải phun ra mọi bí mật và chiếm được trứng thần. Được trứng, vợ anh làm biến mất lâu đài để sống với hắc nô. Thấy mất lâu đài vua bắt anh hạ ngục, bảo trong ba ngày phải tìm lại bằng được nếu không sẽ trị tội. Mèo tìm vào nhà ngục được anh giao cho việc đi tìm lâu đài cùng với chó. Hai con đi mãi tới một đồn toàn lính chuột. Lại tới một đồn khác toàn lính mèo, chẳng ai biết lâu đài ở đâu. Lại một đồn nữa toàn lính khi, hỏi thì có con biết và nó dẫn đến nơi. Mèo dùng đuôi ngoáy vào mũi công chúa đang ngủ làm cho nàng hắt hơi văng trứng ra. Chó ngậm lấy mang về. Ở đây chó cũng làm rơi vật quý xuống nước sau nhờ mua được con cá nuốt quả trứng nên lại tìm lại được.

Được trứng anh chàng cho vua thấy tội lỗi của công chúa và hắc nô. Anh

nhờ trứng giải chúng về nộp vua còn mình thì đi tìm công chúa răn. Cuối cùng hai người lấy nhau[14].

Người Xác-tơ (Sartes) ở Trung Á có truyện *Chàng đánh cá trở thành vua* phần nào giống chuyện *Con chó, con mèo và anh chàng nghèo khổ* (ở đoạn cuối) và truyện *Bốn anh tài* (ở đoạn giữa).

Hai cha con một người đánh cá, một hôm câu được một con cá vàng. Không nghe lời can của cha, người con đem dâng vua, được vua cho làm cận thần. Bọn quan triều đình không ưa anh đánh cá, xui vua bắt anh đi tìm một chậu thủy tinh để "có thể ngấm cá từ mọi phía". Anh hẹn bốn mươi ngày. Về nhà bị cha mắng, nhưng rồi cha cũng bảo đến nhà cô nhờ cô giúp. Cô anh là một mụ phù thủy. Cô nuốt cháu vào bụng rồi nhả ra thành quả cây để cho lũ con mình khỏi ăn thịt. Sau đó, đợi khi lũ con ngủ say cô lén thức đưa thứ hai dậy, bảo nó đưa anh đến nhà người bà con để xin chậu. Được chậu đưa về, vua khen anh và thăng chức. Bọn quan trong triều đình lại xui vua bắt anh đi tìm một cái giường vàng để "nằm ngấm cá". Cũng như lần trước, anh lại đến nhờ cô. Được giường mang về, vua cho anh làm quan đầu triều. Bọn quan ghen ghét lại xui vua bắt anh đi tìm một công chúa đẹp nhất thế giới để chia sẻ hạnh phúc với vua trong việc nằm giường ngấm cá. Cô anh lại sai con mình đưa anh đi tìm. Dọc đường anh gặp một chàng khỏe hai tay cầm hai cây lớn ném như ném cầu. Anh tỷ thí với hăn, nhấc bổng hăn lên rồi ném xuống đất mạnh đến nỗi hăn ngập đến thắt lưng. Thấy hăn xin tha, anh kéo lên cho đi theo. Lần lượt gặp người thứ hai tài ăn, tay cầm một cái gương, hễ có vật nào đi qua rọi gương vào là bị quay chín rồi chui tọt vào mồm hăn, ăn bao nhiêu cũng không đủ no. Người thứ ba tài uống cạn nước sông, anh đều thắng họ trong những cuộc đấu và rủ họ đi theo.

Cả bốn người đến một hòn núi cấm đầy đầu lâu, trên đỉnh có một cái trống lớn. Anh bảo người thứ nhất đánh trống. Tiếng trống làm rung trời chuyển đất, làm chết chim chóc thú vật. Một bà già bước ra bảo muốn tìm công chúa phải thực hiện ba điều: một là biến ngàn cân sắt thành bột với cái búa gỗ. Anh sai người thứ nhất làm xong ngay. Hai là, nuốt một đồng rác rưởi và giẻ rách đầy một sân. Người bạn đường thứ hai giúp anh nuốt hết. Ba là, chui vào một cái lò khổng lồ mà bà lão đã đun nóng trong bốn mươi ngày. Người bạn đường thứ ba nốc cạn nước sông phun vào, cả bọn vào tắm ở trong vô sự, lại giục bà lão đun thêm kéo rét. Cuối cùng, bà lão trao cho anh một cái hoa thần có thể cầu được ước thấy.

Sau khi chia tay với những người bạn đường, anh cứu một con mèo, một con chó và cho chúng đi theo. Từ đây truyện phát triển gần giống với truyện Miến-điện kể trên. Khi đi tới gần nước của công chúa, anh đặt hoa vào miệng ước có lâu đài nhà cửa, thành lũy, có người hầu kẻ hạ như một vương quốc. Anh chọn một số người đóng vai sứ giả đến yêu cầu vua nước ấy nếu muốn yên ổn hãy gả công chúa cho mình. Vua đòi sính lễ là một tòa lâu đài lơ lửng giữa không trung. Nhờ có bông hoa nhiệm màu, anh làm được ngay. Vua đành phải gả nhưng buộc anh nán lại vài tuần.

Có một hoàng tử con vua nước láng giềng vốn cũng muốn lấy công chúa, nay được tin này, bèn rao trong nước ai có cách gì bắt công chúa về sẽ trọng thưởng. Một mục già xin đi. Mục đến trước lâu đài làm bộ đói khát, được anh cho ăn uống và nghỉ lại. Rồi mục làm quen với công chúa, bảo công chúa hỏi chồng làm cách gì mà có tòa lâu đài lạ như thế. Công chúa nghe lời, cuối cùng trộm hoa thần đưa cho mục xem. Được hoa, lập tức mục ước chuyển lâu đài về nước hoàng tử, bỏ anh chàng cùng chó và mèo lại.

Thấy chủ than thở, chó và mèo xin đi tìm. Mèo vào thành khi mọi người còn đang ngủ. Nó dùng đuôi ngoáy vào mũi làm mục già hắt hơi văng bông

hoa ngậm trong mồm ra. Mèo chớp lấy mang về. Ở đây cũng có tình tiết mèo đánh rơi hoa xuống sông, nhờ có chó kêu gọi vua loài nhái và vua loài cá bảo thần dân của nó đi tìm. Một con cá đã vô tình nuốt hoa thần, bèn nhả ra trả cho chó. Hai con lại mang về cho chủ. Chàng đánh cá lại ước cho lâu dài trở về chỗ cũ. Anh giết mục già, giết luôn cả hoàng tử và đưa công chúa về cho vua mình. Nhưng công chúa chỉ biết anh là chồng mà không chịu lấy vua. Câu chuyện kết thúc bằng tình tiết: công chúa có một cây roi thần, khi vua ra đón, liền dùng roi biến vua thành một con lừa đực. Lừa đực vừa trông thấy một con lừa cái thì đuổi theo ngay. Còn công chúa và chàng đánh cá thì trèo lên ngai vàng[15].

Một truyện ở đảo Cor-xơ (Corse) cũng có diễn biến phần nào giống với truyện vừa kể nhưng đã loại bỏ nhiều tình tiết rườm rà. Ở đây công lao lấy lại vật màu nhiệm là của chuột.

Một mẹ một con nuôi một gà mái, mỗi ngày nó đẻ cho một trứng. Con là Jô-van-ni, mỗi ngày kiếm củi bán ở chợ vừa đủ tiền mua bánh về ăn với trứng làm thức ăn. Họ cứ sống như thế. Một hôm gặp ngày hội, con bàn bán quách con gà. -"Thế thì ăn bằng gì?" mẹ hỏi - "Con sẽ làm bó củi rơm to là có thức ăn". Bèn đưa gà ra chợ bán cho một mục sư. Mục sư mua, nhờ anh mang về hộ. Dọc đường anh nghĩ: -"Ta nuôi gà mà chẳng được ăn, bèn cắt lấy cái đầu. Tự nhiên trong cổ gà thò ra một chiếc nhẫn. Anh đeo và ngón tay, nhẫn bỗng nói: -"Sai tôi đi!". Anh biết là nhẫn màu nhiệm. Sau khi đưa gà cho nhà mục sư, anh về nhà sai nhẵn dọn một bữa ăn, rồi lại sai làm một cái nhà đẹp trước cung vua, có đủ tiện nghi sang trọng. Công chúa nhìn sang, lấy làm ngạc nhiên, bảo vua cha mời chủ nhà ấy sang thết đãi, Jô-van-ni bắt nhẫn soạn một bữa thịnh soạn để đáp lễ. Công chúa yêu anh, hai bên lấy nhau sung sướng.

Mục sư về hỏi đầy tớ mới biết gà đã mất vật quý bèn đem một hôm đầy nhẫn ngọc vừa đi vừa rao: -"Nhẫn cũ đổi nhẫn mới không?". Công chúa

không biết chiếc nhẫn của chồng là mầu nhiệm bèn đổi quách. Trong khi ấy chồng cùng vua đi săn vắng. Mực sư được nhẫn, sai nhẫn làm biến mất nhà của Jô-van-ni. Anh chàng này cất công đi tìm. Gặp một bà già, anh hỏi chỗ ở của mực sư. Bà già không biết, giới thiệu anh với một người chị. Người này biết được mực sư hiện đang ở giữa biển. Người đó lại cho anh một con mèo, bảo mèo bắt chuột mới có cách lấy lại nhẫn thần. Anh bắt được vua chuột dọa nếu không tìm được nhẫn sẽ cho mèo ăn thịt. Vua chuột cho hội họp toàn dân lại. Thiếu mất một con chuột cái què. Khi tìm được con này, nó xin một cuộn chỉ và một quả bầu. Nó buộc một đầu sợi chỉ vào cây ở đất liền, một đầu vào bầu. Đoạn, ngồi vào quả bầu rơi ra biển. Đến nơi nó nấp dưới giường mực sư. Đến tối, mực sư bỏ nhẫn vào mũi. Chuột cũng dùng đuôi ngoáy, mực sư hắt hơi, nhẫn văng ra. Chuột bèn tha ngay lên quả bầu và kéo sợi chỉ để trở về. Về đến nơi đưa cho vua chuột. Vua chuột trả lại cho Jô-van-ni. Jô-van-ni cho phép chuột được tự do cư trú (vì vậy ngày nay chuột có mặt ở khắp nơi).

Jô-van-ni tìm vợ và bố vợ, trả lại con mèo cho bà già, đoạn về tìm lại mẹ, đưa mẹ về sống với nhau sung sướng[16].

Có một loạt truyện cũng có thể coi là dị bản của truyện *Con chó, con mèo và anh chàng nghèo khổ*, tuy rằng các nhân vật chó và mèo đã được thay thế bằng những con vật khác. Một vài truyện tiêu biểu:

Truyện của người Ca-ma-ôn, ở gần núi Hy-mã-lạp (Himalaya):

Một nàng tiên trở thành vợ một hoàng tử bị vua cha đuổi, một hôm đến gội đầu ở con sông gần một thành phố. Con vua xứ ấy sau đó đi tắm bắt được sợi tóc dài của nàng. Hắn nói với vua cha rằng mình muốn lấy một người có tóc như thế. Vua sai quân đi bắt nàng tiên về. Hoàng tử chồng nàng tiên tìm đến cung vua, có mang theo một con nhái và một con rắn - những con

vật chịu ơn - một con dưới dạng một bà-la-môn, một con dưới dạng một phó cạo. Để trừ khử anh, vua ra lệnh cho anh phải lấy cho được một cái nhẫn mà vua sai người hầu quăng xuống sông, nếu không sẽ bị bắn vào đầu. Người phó cạo trở lại hình nhái nhảy xuống gọi vua nhái cùng lũ nhái rồi huy động cả vua và triều thần, cuối cùng tìm được chiếc nhẫn. Vua toan đánh nhau với chồng nàng tiên nhưng bị người bà-la-môn trở lại hình rắn, cắn chết.

Truyện của người Ý (Italia):

Một ông vua già theo lời xúi giục ra lệnh cho Li-vơ-rét-tô phải đi bắt công chúa Ba-li-san-dra về cho mình. Dọc đường, theo lời dặn của một con ngựa thần, anh đã cứu được một con cá và một con chim ưng. Anh bắt được công chúa, nhưng trước khi lấy ông vua già, công chúa bắt anh phải mang về một cái nhẫn mà mình đánh rơi ở sông và đi tìm một lọ nước thần có phép hồi sinh. Nhờ cá và chim ưng, anh đã lấy được hai thứ trên. Ba-li-san-dra giết anh, cắt ra làm nhiều mảnh quăng vào chảo. Đoạn nhúng tất cả vào lọ nước hồi sinh. Tự nhiên, anh chàng trở dậy đẹp và khỏe hơn trước. Thấy vậy, ông vua già nhờ công chúa làm cho mình trẻ và khỏe lại. Công chúa giết và quăng xác xuống hố, sau đó lấy Li-vơ-rét-tô[17].

Về mô-típ người cứu rắn và được rắn đền ơn bằng cách đón về nhà tặng vật màu nhiệm, xem thêm truyện *Cứu vật vật trả ân, cứu nhân nhân trả oán* (số **48**) và truyện *Giáp Hải* (số **149**, tập **IV**).

-
- [1] Theo Lãng-đờ (Landes). Sách đã dẫn
- [2] Theo *Bản khai của thôn Hương-dương*
- [3] Theo *Bản khai của tổng Thanh-xuyên*
- [4] Theo Nguyễn Văn Ngọc. *Truyện cổ nước Nam B*. Chim muông
- [5] Theo Péc-sơ-rông (Percheron). Sách đã dẫn.
- [6] Theo *Truyện cổ Ba-na*, tập II, đã dẫn. Giống với truyện Ba-na, người Nga cũng có truyện Chiếc nhẫn thần. Nhân vật chính cũng cứu được một con chó, một con mèo và một con rắn. Con rắn đưa anh ta xuống một vương quốc dưới đất và xui anh xin vua cha cho một chiếc nhẫn thần. Có nhẫn, anh bảo mẹ đi hỏi con vua, và nhờ nhẫn, anh có đủ mọi món mà vua thách cưới. Nhưng công chúa không ưa anh, tìm cách lấy trộm nhẫn thần rồi ước cho anh mất hết cả, còn mình thì ước đến xứ sở nhà chuột. Chó và mèo nhận nhiệm vụ đi tìm. Mèo bắt vua chuột phải tìm cho ra. Chuột dùng đuôi ngoáy vào mũi công chúa chiếm được nhẫn. Nhưng khi mang về, nhẫn cũng bị rơi xuống sông. Nhờ được vui tới nhà tôm tìm, lấy lại, cuối cùng hai con vật mang về cho chủ.
- [7] Do Ngô Thương Ẩn sưu tầm
- [8] Theo *Truyện cổ dân gian Việt Nam*, tập II.
- [9] Theo *truyện cổ dân tộc Mèo*, đã dẫn
- [10] Theo *Truyện cổ tích In-đô-nê-xi-a*.
- [11] Một loại chồn chuyên ăn gián
- [12] Theo *Truyện cổ tích Miến-điện*
- [13] Theo *Miến-điện dân gian cổ sự*
- [14] Theo *Tạp chí dân tộc học và truyền thống dân gian*, **tập IV (1923)**.

- [15] Theo Da-sác-cô (Zacharko). *Truyện cổ tích Xác-tơ*, tạp chí *Muy-dê-ông* (Le Muséum), tập 39 (1926).
- [16] Theo Đơ-la-ruy (Delarue) và Tơ-ne-dơ (Tenèze). *Truyện cổ dân gian Pháp*, quyển II.
- [17] Theo Cô-xcanh (Cosquin). *Nghiên cứu văn học dân gian (tìm hiểu sự thiên di của các truyện cổ dân gian và điểm xuất phát)*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
93. NGƯỜI HỌ LIÊU VÀ DIÊM VƯƠNG

Ngày ấy có dòng họ Liêu, không hiểu do nguyên cớ nào mà người trong họ thường bị nạn chết non. Bọn lính tráng của Diêm vương luôn luôn để ý rình mò dòng họ này, hễ thấy người nào chừng quá ba mươi tuổi là bắt đi ngay. Người nào may mắn có sót lại thì cũng chỉ đến bốn mươi là hết hạn. Bởi vậy, những ai trót sinh vào nhà họ Liêu thường bảo nhau cứ đến ba mươi tuổi là trời trăng và sấm hòm ván sớm đi, nếu không là y như vất vả.

Ngày ấy, cũng lại có một ông lão họ Lã sống được hơn ba trăm tuổi. Tuy tuổi nhiều mà sức ông vẫn khỏe, hàng ngày ông vẫn ra ngồi ở bờ biển câu cá. Nhưng ông lão ít nói, không thích giao thiệp với ai.

Bấy giờ trong họ Liêu có một người, thấy cả họ mình chịu số phận như vậy thì tức lắm. Cho nên ông ta quyết kiện Diêm vương bằng được. Ít lâu sau, năm ông ba mươi một tuổi quả đến lượt bị lính Diêm vương đến gõ cửa. Ông xin họ cho mình thông thả một tí, nhưng bọn lính xông bừa vào lôi ông đi. Ông chỉ còn biết trời lại với con một câu là bỏ vào áo quan cho mình ít tờ giấy và đốt cho mình một ít tiền. Rồi đẩy ông tắt thở.

Khi xuống đến âm phủ, ông xin vào yết kiến Diêm vương nhưng bọn quỷ không cho. Sẵn có giấy bút, ông viết một lá đơn kiện rồi sẵn có tiền, ông đút lót cho bọn quỷ nhờ chuyển lá đơn ấy đến tận Diêm vương.

Quả nhiên chỉ ít lâu sau, Diêm vương cho quỷ sứ triệu ông vào cung. Gặp Diêm vương, ông tâu bày rõ ràng nỗi khổ tâm của dòng họ mình, rồi ông nói:

- Tâu bệ hạ, cứ sao bệ hạ bắt công đến thế! Có người chỉ được sống có ba mươi năm như chúng tôi. Trái lại, lại có người như ông già họ Lã ba trăm tuổi rồi mà vẫn sống trơ trơ thế mãi.

Diêm vương nghe nói thì giận người ra, không ngờ lũ quan dưới quyền mình lại làm việc cầu thả như thế. Nhưng vua cũng không vui lòng vì có người đến bói xấu ngay trước mặt mình. Vua làm mặt giận nói:

- Làm gì có người sót số như vậy. Mày chỉ nói càn. Nếu mày tìm đủ bằng chứng, tao sẽ xá tội cho cả họ nhà mày. Bằng không thì chớ trách ta phũ tay!

Nghe nói, họ Liêu rất mừng nhưng cũng rất lo, vì ông chưa biết làm cách nào cạy miệng ông lão họ Lã bản tính kín đáo ấy để ông ta tự khai ra. Khi đưa tên quỷ sứ đến chỗ ông lão ngồi câu, ông bỗng nghĩ ra được một cách, bèn bảo quỷ sứ nấp ở sau hòn đá, rồi một mình tiến đến trước ông lão, chấp tay chào và hỏi:

- Thưa cụ, cháu nghe nói đời ông nội cháu có tìm được ở bờ biển này một hòn đá nổi lên mặt nước, hòn đá ấy đặc biệt có nhiều hốc, nhiều rêu, nhiều màu sắc, lúc nào cá cũng xúm quanh, câu được nhiều lắm. Nhờ thế mà từ đời ông nội cháu rồi đến đời cha cháu có của ăn của để. Bây giờ đến đời cháu không hiểu tại sao không thấy hòn đá ấy nữa; tìm xuôi tìm ngược mãi vẫn không ra. Vậy cụ thường ngồi câu ở đây có thấy hòn đá ấy trôi đi đâu, bảo giúp cho cháu biết để cháu kiếm ăn.

Ông cụ Lã thấy có người nói chuyện kì khôi mới quay lại mắng:

- Cái anh này chỉ nói điêu. Đã ba trăm năm nay lão ngồi câu ở đây chưa hề thấy có một hòn đá nào biết trôi cả. Thôi anh đi đi, cho lão làm việc!

Người họ Liêu chỉ cần có chùng ấy, vội cáo từ lui ra rồi cùng quý sứ trở về. Diêm vương cứng lưỡi, vì bằng chứng đã rõ ràng. Từ đó dòng họ Liêu không bị quý sứ ám ảnh nữa nên đỡ bị nạn chết non hơn trước.[\[1\]](#)

(HẾT TẬP II)

TRÉSOR DES CONTES VIETNAMIENNE NGUYEN DONG CHI[2]

Cet ouvrage en plusieurs volumes (dont 2 parus en 1957 et réédités en 1961) a l'ambition de réunir l'essentiel des contes et légendes du Vietnam traditionnel: c'est en quelque sorte l'équivalent de ce qu'a fait Henri Pourra pour la littérature populaire de la Vieille France (Trésor des contes, Gallimard).

Plusieurs auteurs contemporains, français et vietnamiens, se sont déjà donné pour tâche de recueillir et de faire connaître les contes vietnamiens mais Nguyễn Đông Chi semble être le premier à accomplir ce travail de façon assez scientifique et adéquate. Son ouvrage comporte trois parties dont la première et la troisième sont deux études très utiles pour la compréhension et l'appréciation de ce domaine de la littérature orale vietnamienne: les contes. Nous ne pouvons pas actuellement analyser la troisième partie de l'ouvrage de Nguyễn Đông Chi relative à la signification, à la valeur et aux caractéristiques des contes vietnamiens des points de vue de l'art littéraire et de la pensée philosophique, cette partie se trouvant dans le dernier volume à paraître. Analysons donc ce qui a été publié - la première et un morceau de la deuxième partie.

La deuxième partie de l'ouvrage est constituée par la masse des contes

choisis par l'auteur suivant des critères qui les distinguent assez nettement des autres genres de la littérature orale. Les volumes 1 et 2 renferment 80 contes qui sont, non pas classés mais groupés sous certaines rubriques qui facilitent l'ordre dans la lecture: rubriques "contes explicatifs de l'origine des bêtes et des choses", contes explicatifs des sites célèbres du pays (légendes topographiques et toponymiques), contes tirés des histoires véctues (et devenues exemplaires pour le discernement du bien et du mal et donnant lieu à des locutions proverbiales allusives), légendes exaltant la force, la vertu ou l'intelligence des personnages historiques ou pseudo-historiques.

Cette deuxième partie de l'ouvrage, quoique partiellement publiée, est remarquable par plusieurs qualités: d'abord le style de l'auteur est, quand il raconte, simple, alerte, primesautier, tantôt humoristique, tantôt réaliste, tout à fait adapté au genre du conte narré. A ce point de vue il faut reconnaître la supériorité de Nguyễn Đông Chi sur les autres auteurs contemporains des recueils de contes. Il possède les dons d'un écrivain qui sait transcrire fidèlement la verve, la naïveté et l'émotion des conteurs et poètes populaires. Certains contes, sous sa plume, sont devenus de purs petits chefs-d'œuvre où la poésie et le réalisme de l'existence sont fondus dans une unité d'intérêt (Cf. : la légende de la dame triste, I, p. 205 - 207; la légende du neveu impie transformé en oiseau, I, p. 80-82). D'autres contes sont admirables par la drôlerie et la qualité de l'humour qui jaillissent des circonstances critiques d'une réalité riche en péripéties mouvementées, dramatiques ou tragico-comiques (Cf. la légende explicative de la cicatrice sous le cou des buffles, I, p.136 - 138; la légende explicative de l'origine des rizières dites "thác đao" (litt. "lancer le couteau"); légende du héros populaire paysan Chàng Lía, II, p. 125 - 132).

Remarquable aussi est la diversité de la documentation qui a fourni à Nguyễn Đông Chi la substance des contes. Cette documentation s'appuie

d'abord sur des sources orales recueillies directement par l'auteur dans plusieurs régions, du Nord ou Sud du pays, et aussi chez certains peuples minoritaires tels que les Proto-Indochinois des Haut - Plateaux du Centre Vietnam. Elle s'appuie ensuite aussibien sur les textes écrits en langue chinoise (Bội văn vận phù, Thiếu vi thông giám, Dân gian văn nghệ tuyển tập) que ceux écrits en langue vietnamienne (travaux de Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Văn Ngọc) et française (travaux de Cosquin, Landes, Cesbron, Génibrel, Dumoutier, etc.).

Un des grands mérites de l'auteur du Trésor des Contes Vietnamiens est d'avoir été le premier à établir, après le texte de chaque conte, des "variantes", rapprochements et compléments puisés non seulement dans le domaine Vietnamien mais aussi dans le domaine des contes de plusieurs peuples de l'Ancien Monde: Chine, Inde, Afghanistan, Afrique, Madagascar, Europe, Sicile, Russie, Arabie, Ce travail, prolongeant les recherches de Cosquin, de Przyluski, etc... sur la parenté des contes, sur leur circulation d'un continent ou d'un sous-continent à l'autre, est appliqué pour la première fois aux contes vietnamiens, dépassant le stade analytique, thématique et pour ainsi dire morphologique. Ce travail de recherches sur les sources et les origines des contes sera utile et peut être indispensable à la connaissance de la genèse et du développement de la civilisation vietnamienne aux origines composites multiples.

Pré édant la deuxième partie de l'ouvrage qui renferme le texte des contes dont nous venons d'analyser brièvement le style, le travail de documentation et de présentation, une importante partie introductive s'intitule "les Contes en générales est d'ailleurs fort réduite en regard des considérations particulières à la nature, à l'origine et à l'évolution des contes vietnamiens (I, p. 7-64).

Le chapitre I traite de la nature des contes: l'auteur y aborde

successivement: la critique des systèmes de classification qui ont été proposés avant lui pour les contes vietnamiens; la distinction des contes d'avec les autres genres de la littérature orale et écrite vietnamienne, l'exposition d'une nouvelle classification et la mise en évidence des caractéristiques de ce genre littéraire. Avant de faire la différence parfois fort complexe entre contes et légendes (légendes historiques notamment), fables, histoires drôles, histoires bouffonnes (tiểu lâm), histoires d'actualité (truyện thời sự), roman et histoire, l'auteur a écarté les classifications traditionnellement proposées quand elles ne tiennent pas compte des critères logiques, critères qui doivent être recherchés dans l'essence même des contes. Selon lui, les caractéristiques les plus importantes en sont les suivantes: 1. le caractère ancien des faits racontés, la vétusté des traits prêtés aux personnages, de l'ambiance dans laquelle ils se meuvent, bref une image qui doit être autant que possible immémoriale, familière au peuple dont l'inconscient est fortement imprégné; 2. le caractère populaire, conforme au génie de l'ethnie vietnamienne, des faits racontés: ceux-ci ne doivent pas comporter des éléments étrangers à la mentalité du peuple et sortant de la vision du monde traditionnellement adoptée par lui. Les contes sont d'ailleurs une œuvre collective, reflétant le terroir, les coutumes et les mœurs du peuple. Nguyễn Đồng Chi a insisté sur ce caractère "ethnologique" (dân tộc tính), des contes; 3. le caractère artistique et la signification "philosophique" des contes: ne peuvent être considérés comme des contes que les histoires qui impliquent un intérêt pour l'auditeur ou le lecteur, une signification relative à l'existence humaine, une conclusion, idée, pensée tacite ou clairement exprimée, mais toujours significative. En plus du contenu de la pensée, les contes doivent répondre à une exigence de l'esthétique littéraire, être des histoires pourvues d'une intrigue qui débute, se développe, se dénoue vers une conclusion prévue (ou imprévue mais vraisemblable et satisfaisante pour l'imagination de l'auditeur) et d'une psychologie qui fait mouvoir des personnages dans les limites raisonnables de la pitié, de la terreur, de la désapprobation ou de l'admiration. Un conte

doit être donc une œuvre littéraire relativement élaborée avec un certain talent.

Après avoir dégagés ces caractéristiques des contes, l'auteur a proposé une classification en trois catégories: les contes fabuleux, les légendes historiques et les histoires vraisemblables.

Le chapitre II de la première partie aborde le problème de l'origine des contes. L'auteur y examine notamment: le chemin parcouru des mythes aux légendes et aux contes, la genèse d'un conte à partir d'un fait historique ou d'un fait d'actualité courante, la vision du monde sous-jacente à l'univers des contes qui est aussi celle qu'adopte le peuple vietnamien traditionnel depuis le début de son évolution jusqu'à maintenant. Cette vision du monde peut se résumer dans les traits suivants: l'âme est immortelle grâce à la métempsycose, elle réside soit dans le corps humain, soit dans les animaux, soit dans les végétaux. En dehors du monde terrestre il existe aussi trois autres mondes: ceux du Ciel, des Eaux et de l'Enfer. Le monde terrestre n'est pas seulement l'habitat des humains et d'autres êtres vivants mais aussi le lieu de passage des divinités, immortels démons et diables.

Ces êtres surnaturels se divisent en deux espèces: ceux qui sont bons et ceux qui sont mauvais; on peut encore distinguer ceux qui sont aimables et adorables et d'autres suspects ou haïssables mais dont il faut néanmoins se concilier les faveurs. Ces êtres surnaturels ont des passions, des qualités et

des défauts en tous points semblables aux manifestations du caractère humain.

Le chapitre III examine l'évolution des contes vietnamiens à travers les âges: le premier âge des contes se situe après celui des mythes. Leur naissance date sans doute de l'époque de la domination chinoise qui suit l'époque du régime tribal des Protovietnamiens: des héros et athlètes sont idéalisés, divinisés, et donnent lieu à des légendes qui consolent le peuple en esclavage et nourrissent son désir de s'émanciper, de vaincre. Le deuxième âge correspond à l'époque de la féodalité indépendante: pendant cette époque, contes et légendes foisonnent reflétant d'une part l'existence du paysan, ses conceptions sur la destinée, la vie et le monde et, d'autre part, la vertu, la force et l'intelligence d'un certain nombre de personnages populaires qui représentent le génie national. Les contes subissent l'influence des religions officielles d'importation étrangère (bouddhisme, taoïsme) les êtres qu'ils mettent en scène n'ont plus le caractère spontané, primesautier, insouciant ou insolent des personnages de la mythologie, mais l'art littéraire qui caractérise ces contes et légendes est supérieur à celui des mythes. L'intrigue, les péripéties du récit comportent un enchaînement plus logique, la psychologie des personnages se fait plus complexe, plus nuancée, plus conforme aux traditions humanistes des hommes civilisés. Sous les dynasties Lê et Nguyễn, les contes subissent l'influence du confucianisme, notamment sur le plan moral. Après avoir atteint l'apogée de leur évolution au cours des périodes monarchiques, ils s'acheminent vers une décadence et durant ces derniers siècles sont concurrencés par le développement d'une littérature populaire et savante, fertile en romans, nouvelles et pièces de théâtre, puis par celui des moyens d'information de masse tels que le cinéma, le journal. L'âge de décadence des contes est aussi celui où ils commencent à être collectés et fixés par des

contes chercheurs qui essaient ainsi de sauvegarder cette part du trésor de la littérature populaire.

A vrai dire le travail de collecte des contes a commencé depuis l'époque de la dynastie des Trần avec l'auteur du Việt điện u linh tập, mais les anciens auteurs se sont intéressés à ce travail moins pour les contes eux-mêmes que pour la documentation historique et religieuse. Nguyễn Đông Chi a donné une liste qui semble exhaustive de tous les recueils de contes que nous a laissés la longue tradition des collecteurs d'obédience confucéenne depuis Lý Tế Xuyên jusqu'à Phạm Đình Dục (I, p. 54-58). Il a évoqué enfin quelques auteurs contemporains qui cherchent à préserver le patrimoine culturel populaire du Vietnam en recueillant et en publiant des contes et légendes (I, p. 63). Le travail de ces auteurs animés de la meilleure volonté présente pourtant des faiblesses provenant, de leur méthode de recherche et des critères qu'ils apportent dans l'appréciation des contes, tant au point de vue de la forme qu'au point de vue du contenu. Ces auteurs ont effectué surtout un travail de pionniers. Dans son Trésor des Contes et Légendes Vietnamiens, Nguyễn Đông Chi s'est efforcé de combler les insuffisances de ses prédécesseurs en présentant pour la première fois une introduction assez développée aux problèmes relatifs à l'origine et à l'évolution de ce genre littéraire populaire. La partie concernant l'appréciation de la signification et des valeurs des contes est à paraître, mais avec la publication des deux premiers volumes de ce long ouvrage, l'étude des contes vietnamiens a déjà marqué un net progrès.

LÊ VĂN HẢO

(BEFEO, No 1-1964; p. 275-278)

[1] Theo Lãng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.

[2] Édités par Institut d'Études historiques en plusieurs volumes, Hanoi, 1961, 2 éd., 2 volumes parus: 221 p. et 196 p. in- 12.

Nguyễn đồng Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM
CỦA NGUYỄN ĐỒNG CHI

Tác phẩm gồm nhiều tập này (trong số đó 2 tập đã được công bố vào năm 1957 và được tái bản vào năm 1961) có tham vọng tập hợp lại phần chính yếu của cổ tích và truyền thuyết Việt-nam cổ truyền; có thể nói công trình này cũng tương đương với những gì Hăng-ri Pua-ra (Henri Pourra) đã hoàn thành về văn hoá dân gian của nước Pháp xưa (*Kho tàng cổ tích* (Trésor des contes), Nhà xuất bản Ga-li-ma (Gallimard)).

Nhiều tác giả đương đại, cả Pháp và Việt-nam, đã tự đặt cho mình nhiệm vụ thu thập và phổ biến truyện cổ Việt-nam, nhưng hình như Nguyễn Đồng Chi là người đầu tiên theo đuổi công việc ấy một cách khoa học và hoàn chỉnh hơn cả. Tác phẩm của ông gồm ba phần, mà phần thứ nhất và phần thứ ba là hai công trình nghiên cứu rất bổ ích để hiểu và đánh giá lĩnh vực truyện cổ tích trong văn chương truyền miệng Việt-nam. Hiện nay, chúng tôi chưa phân tích được phần thứ ba trong tác phẩm của Nguyễn Đồng Chi, phần đề cập đến ý nghĩa, giá trị và những đặc điểm của truyện cổ tích Việt-nam, xét từ quan niệm nghệ thuật văn chương và tư tưởng triết học: phần thứ ba ấy thuộc tập cuối, tập sẽ được công bố sau. Như vậy, ta hãy phân tích những gì đã được công bố - phần thứ nhất và một phần của phần thứ hai.

Phần thứ hai của tác phẩm gồm khối lượng những truyện cổ do tác giả chọn ra, theo những tiêu chuẩn qua đó có thể phân biệt một cách khá rõ cổ tích với các thể loại khác trong văn chương truyền miệng. Các tập I và II chứa 80 truyện cổ, không phải được phân loại, mà được tập hợp lại dưới một số tiêu đề, để tạo điều kiện dễ dàng cho trình tự trước - sau trong khi đọc: những truyện giải thích " nguồn gốc sự vật " ; những truyện giải thích gốc

gác các thắng cảnh danh tiếng trong nước (truyền thuyết về địa thế và địa danh); những truyện được rút ra từ các câu chuyện có thực (và đã trở nên mẫu mực để phân biệt chính với tà, đồng thời đã đẻ ra một số thành ngữ mang chất ngạn ngữ và tính ẩn dụ); truyền thuyết tán dương sức mạnh, đạo đức hay trí thông minh của các nhân vật lịch sử hoặc á-lịch sử.

Phần thứ hai này của tác phẩm, tuy mới được công bố có một phần, lại rất đáng lưu ý vì mang nhiều ưu điểm, mà thoát tiên, khi tác giả kể chuyện, là *văn phong* giản dị, linh lợi, vọt lên một mạch, khi thì hài hước, khi lại hiện thực, hoàn toàn phù hợp với tích truyện được kể. Về mặt này, phải công nhận ưu thế của Nguyễn Đồng Chi so với các tác giả đương đại khác cũng viết sưu tập truyện cổ. Ông có năng khiếu của một nhà văn biết cách diễn dịch lại một cách trung thành lòng nhiệt hứng, tính chân chất và nổi rung cảm của những người kể chuyện và nhà thơ dân gian. Dưới ngòi bút của ông, một số truyện cổ đã hoàn toàn trở thành những kiệt tác nho nhỏ, trong đó thi cảm và hiện thực cuộc sống hoà hợp vào nhau thành một thể thống nhất về ý vị (xem: truyền thuyết về đá Bà-rầu, I, tr. 205 - 207; truyền thuyết về đứa cháu vô đạo bị biến thành chim, I, tr. 80 - 82). Một số truyện cổ khác lại tuyệt vời, vì tính buồn cười và phẩm chất hài hước nảy sinh từ các hoàn cảnh nguy cấp của một hiện thực đầy rẫy những sự biến cấp tập, hoặc mang tính bi kịch, hoặc vừa bi vừa hài (xem truyền thuyết giải thích vết sẹo dưới cổ loài trâu, I, tr. 136 - 138; truyền thuyết giải thích gốc gác của loại ruộng " thác đao " mà nghĩa đen là ruộng ném dao; truyền thuyết về người anh hùng dân gian và nông dân mang tên Chang Lia, II, tr.125 - 132).

Cũng đáng lưu ý là tính phong phú đa dạng của hệ tư liệu tham khảo đã cung cấp cho Nguyễn Đồng Chi chất liệu của các cổ tích. Hệ tư liệu ấy thoát tiên dựa trên các nguồn truyền miệng mà tác giả trực tiếp thu thập tại nhiều vùng từ Bắc chí Nam của đất nước, và cả tại một vài dân tộc thiểu số, chẳng hạn người Tien Đông-dương [1] trên các cao nguyên miền Trung Việt-nam. Tiếp đó, hệ tư liệu ấy còn dựa trên các văn bản viết bằng chữ

Nho (*Bội văn vận phủ, Thiếu vị thông giám, Dân gian văn nghệ tuyển tập*), cũng như bằng tiếng Việt (các công trình của Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Văn Ngọc) và tiếng Pháp (các công trình của Cô-xcanh (Cosquin), Lãng-đờ (Landes), Xét-xbrông (Cesbron), Jê-ni-bren (Génibrel; Duy-mu-chi-ê (Dumoutier)...).

Một trong những ưu điểm lớn của tác giả *Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam*: ông là người đầu tiên đã sắp xếp, sau văn bản của từng truyện, một loạt "dị bản", cũng như các mặt đối chiếu và điểm bổ sung, trích ra không chỉ từ lĩnh vực truyện cổ Việt-nam, mà cả từ lĩnh vực ấy của nhiều tộc ở Cựu Thế giới: Trung-hoa, Ấn-độ, Á-p-ga-ni-xtăng (Afghanistan), châu Phi, Ma-đa-gát-xca (Madagascar), Xi-xin (Cicile), Nga, Ả-rập (Arabie). Công việc này nối dài những nghiên cứu của Cô-xcanh (Cosquin), của Pro-di-luyt-xki (Przyluski), v.v... về mối quan hệ bà con giữa các truyện ấy, về con đường truyền bá các truyện ấy từ lục địa này qua lục địa kia, hay từ tiểu lục địa này qua tiểu lục địa kia, lần đầu tiên được đem ra áp dụng vào truyện cổ tích Việt-nam, và như thế là đã vượt qua giai đoạn phân tích chỉ liên quan đến chủ đề, có thể nói là giai đoạn hình thái học. Công việc nghiên cứu đó, về ngọn nguồn và gốc gác của truyện cổ sẽ rất có ích và có lẽ là cần thiết nữa, để hiểu biết sự hình thành và phát triển của nền văn minh Việt-nam, một nền văn minh có nhiều nguồn gốc bác tạp.

Trước phần thứ hai của tác phẩm, phần chứa văn bản các truyện xưa mà ta vừa phân tích một cách tóm tắt, cả văn phong, việc sưu khảo tư liệu và cách giới thiệu, còn có một phần mở đầu quan trọng mang tên *Nghiên cứu truyện cổ tích nói chung và truyện cổ tích Việt-nam*, trong đó số trang dành cho các nhận xét lý thuyết và tổng quát là rất khiêm chế, nếu ta so chúng với những nhận xét đặc thù về bản chất, nguồn gốc và quá trình phát triển của truyện cổ tích Việt-nam (1, tr.7 - 64).

Chương I luận về bản chất truyện cổ tích. Ở đây tác giả lần lượt đề cập đến

các vấn đề sau: phê phán các hệ phân loại đã được đề xuất về truyện cổ Việt-nam trước khi công trình của ông ra đời; phân biệt truyện cổ tích với các thể loại văn chương Việt-nam khác, cả truyền miệng và viết; trình bày một hệ phân loại mới và nêu bật lên những đặc tính của thể loại văn chương này. Trước khi nêu rõ sự khác biệt có lúc vô cùng phức tạp giữa cổ tích và truyền thuyết (trong đó có truyền thuyết lịch sử), ngụ ngôn, truyện khôi hài, truyện tiểu lâm, truyện thời sự, tiểu thuyết và lịch sử, tác giả đã gạt ra một bên những hệ phân loại từng được đề xuất trước đây, chừng nào các hệ đó không hề tính đến những tiêu chuẩn logic, những tiêu chuẩn ta phải tìm ngay trong bản chất của truyện cổ. Theo ông, sau đây là những đặc điểm quan trọng nhất: 1. Tính chất cổ của các sự việc được kể ra, những nét cổ kính gán cho các nhân vật, cho môi trường trong đó họ hoạt động, nói tóm lại, một hình ảnh càng lùi xa về quá khứ càng tốt, hình ảnh quen thuộc với dân chúng vì cội vô thức của họ đã thấm nhuần nó rồi; 2. Tính chất dân gian của các sự kiện được kể ra, mà phù hợp với thiên tài của tộc người Việt-nam; các sự kiện ấy không được bao gồm những yếu tố ngoại lai so với tâm lý dân gian, những gì thoát ra khỏi cách nhìn thế giới mà dân chúng đã chấp nhận qua truyền thống. Vả chăng, truyện cổ là một tác phẩm tập thể phản ánh vùng đất bản địa, những tập quán và phong tục của dân chúng: Nguyễn Đồng Chi đã nhấn mạnh " dân tộc tính " của các truyện cổ; 3. Tính chất nghệ thuật và ý nghĩa " triết lý " của truyện cổ: chỉ có thể xem là truyện cổ những tích bao hàm một hiềm hứng thú đối với người nghe hay người đọc, một ý nghĩa có liên quan đến cuộc sống con người, một lời kết, một ý niệm, dù là tư tưởng tiềm tàng hay được biểu hiện rõ rệt, nhưng bao giờ cũng có ý nghĩa. Ngoài nội dung tư tưởng ra, truyện cổ còn phải đáp ứng một đòi hỏi về thẩm mỹ văn học, phải là các tích chứa đựng những tình tiết hợp thành một chuỗi diễn biến có mở đầu, có phát triển, có mở nút để đi đến một kết luận mà người ta đã đoán trước (hoặc bất ngờ, nhưng cũng hợp với sự thực, và làm mãn nguyện được trí tưởng tượng của người nghe), đã thế lại mang một tâm lý khiến cho các nhân vật hoạt động trong những ranh giới phải chăng của lòng trắc ẩn, của nỗi kinh hoàng, của thái độ

không tán thành hay của lòng khâm phục. Như vậy, một truyện cổ phải là một văn phẩm tương đối được tinh luyện với một tài năng nào đó.

Sau khi đã lọc ra được các đặc điểm trên của truyện cổ, tác giả đề xuất một hệ phân loại gồm ba loại: truyện cổ tích hoang đường; truyện cổ tích lịch sử; và truyện cổ tích thể sự.

Chương II của phần thứ nhất đề cập đến nguồn gốc truyện cổ tích, qua đó tác giả xem xét đặc biệt vấn đề sau đây: con đường dẫn từ thần thoại đến truyền thuyết và cổ tích; sự hình thành của một truyện cổ từ một sự kiện lịch sử hay một sự kiện thể sự thông thường; cách nhìn thế giới làm nền cho vũ trụ của truyện cổ, mà cũng là vũ trụ được dân chúng Việt-nam truyền thống chấp nhận từ buổi đầu của quá trình phát triển cho đến hôm nay. Cách nhìn thế giới ấy có thể được tóm tắt thành mấy nét như sau: linh hồn nhờ luân hồi mà bất tử, và ở trong thân thể con người, hoặc trong các loài vật và các loài thực vật; ngoài trần thế này ra, còn có ba thế giới khác nữa, thế giới trên Trời, thế giới dưới Nước và Âm phủ; trần thế không chỉ là nơi cư trú của con người mà còn là nơi qua lại của thần linh và quỷ quái bất tử; những thực thể siêu nhiên ấy tự phân thành hai loại, tốt và xấu, mà ta cũng có thể phân biệt thành những vị thần dễ thương và đáng yêu và những kẻ đáng ngờ hoặc đáng ghét, thực thể siêu nhiên nói trên cũng biết đam mê, cũng có tính tốt và tính xấu, y hệt về mọi mặt với các biểu hiện của tính tình con người.

Chương III xét đến quá trình tiến hoá của truyện cổ Việt-nam qua các thời đại. Thời đầu tiên được định vị sau thời thần thoại. Buổi ra đời của truyện cổ hẳn khớp với thời kỳ Bắc thuộc tiếp sau thời kỳ chế độ bộ lạc của người Tiền Việt-nam: các anh hùng và lực sĩ được lý tưởng hoá, thần linh hoá, từ đó mà ra đời những huyền tích có tác dụng an ủi dân chúng bị cầm trong vòng nô lệ, nuôi dưỡng ý muốn thoát ly và chiến thắng của họ. Thời thứ hai khớp với thời kỳ chế độ phong kiến độc lập: trong thời kỳ này, cổ tích và

truyện thuyết sinh sôi nảy nở, một mặt thì phản ánh đời sống của người nông dân, các quan niệm của họ về số kiếp, cuộc sống và thế giới, mặt khác lại nói lên đạo lý, sức mạnh và trí thông minh của một số nhân vật dân gian đại diện cho thiên tài của dân tộc. Truyện cổ chịu ảnh hưởng của những tôn giáo chính thức được du nhập từ bên ngoài (Phật giáo, Đạo giáo): những nhân vật được dàn dựng không còn giữ được tính cách bột phát, tự sinh, vô tâm hay xác xược của các nhân vật thần thoại nữa. Nhưng nghệ thuật văn chương in dấu lên các cổ tích và truyện thuyết ấy lại cao hơn nghệ thuật của thần thoại. Diễn biến và các tình tiết của tích truyện được nối liền lại một cách logic hơn, tâm lý của các nhân vật trở nên phức tạp hơn, được điều hoà một cách tinh tế hơn, cho phù hợp hơn với các truyền thống nhân bản của con người văn minh. Dưới các triều Lê và Nguyễn, truyện cổ tích chịu ảnh hưởng của Nho giáo, nhất là trên bình diện luân lý. Sau khi đã phát triển đến đỉnh cao qua các giai đoạn quân chủ, truyện cổ tích đi dần đến tình trạng sa sút: qua các thế kỷ cuối cùng đó, nó bị cạnh tranh do bước phát triển của một nền văn chương dân gian và bác học, với vô vàn truyện dài, truyện ngắn và kịch bản, rồi sau đó lại chịu sự cạnh tranh của các phương tiện thông tin đại chúng, như chiếu bóng, báo chí. Thời suy thoái của các truyện cổ tích cũng là thời mà chúng bắt đầu được các nhà nghiên cứu sưu tầm và cố định lại, trong một cố gắng nhằm cứu vớt phần đang nói đây của kho quý văn chương dân gian.

Thực ra mà nói, việc sưu tầm truyện cổ đã mở ra từ dưới triều Trần, với tác giả của *Việt điện u linh tập*. Nhưng các tác giả thời xưa quan tâm đến công việc này không phải vì bản thân truyện cổ là chính mà chủ yếu vì tư liệu lịch sử và tôn giáo. Nguyễn Đồng Chi đưa ra một danh sách có vẻ đã cùng kiệt về mọi bộ sưu tập mà ta thừa hưởng từ truyền thống lâu dài của những nhà sưu tầm tuân phục đạo Nho, từ Lý Tế Xuyên đến Phạm Đình Dục (1, tr. 54 - 58). Cuối cùng, ông nhắc đến vài tác giả đương đại đã ra sức bảo vệ gia tài văn hoá dân gian Việt-nam bằng cách thu thập và công bố cổ tích và truyện thuyết (I, tr. 63). Việc làm của các tác giả đầy thiện chí ấy, tuy nhiên,

vấn đề lộ ra những nhược điểm xuất phát từ phương pháp nghiên cứu của họ, và từ những tiêu chuẩn họ đề xuất trong việc đánh giá truyện cổ, cả về hình thức lẫn nội dung. Các tác giả ấy là những người đi tiên phong. Trong *Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam* của mình, Nguyễn Đồng Chi đã cố gắng bổ khuyết các thiếu sót của những người đi trước, bằng cách đề xuất lần đầu tiên một phần dẫn luận khá phát triển về những vấn đề có liên quan đến nguồn gốc và cuộc tiến hoá của thể loại văn chương bình dân này.

Phần dành cho việc đánh giá ý nghĩa và các giá trị của truyện cổ rồi đây sẽ ra mắt. Nhưng với việc công bố hai tập đầu của tác phẩm dài hơi này, khoa học nghiên cứu truyện cổ tích Việt-nam đã ghi lại một bước tiến rõ rệt.

LÊ VĂN HẢO

Tập san Trường Viễn Đông bác cổ

/B.E.F.E.O/, Số 1 - 1964, Tr. 275-278.

NGUYỄN TỪ CHI dịch

[1]_Các tác giả Pháp, hay viết bằng tiếng Pháp, thường dùng từ “Tiền Đông-dương” (proto – Indochinois) để chỉ những tộc hiện nay ta quen gọi là Thượng (người dịch).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
V. SỰ TÍCH ANH HÙNG NÔNG DÂN
94. CỐ GHÉP

Ngày xưa, ở dưới chân núi Hồng-lĩnh về phía Đông nam, có một xóm nhỏ gồm mấy gia đình đánh cá. Họ luôn sống giữa những tiếng gầm thét của sóng biển. Nhưng không may, một ngày kia, một trận bão lớn đã cuốn đi khá nhiều nhân mạng cùng thuyền mảng và lưới chài xuống thủy phủ. Những người sống sót hết đường sinh nhai, đành rủ nhau ngày ngày lên núi kiếm củi đem về bán ở chợ. Đó là nghề ít vốn nhất nhưng lại là nghề mệt nhọc nhất đối với họ, vì sườn núi phía họ ở mọc dựng đứng như bức tường, muốn leo núi với gánh củi trên vai không thể không đi đường vòng ngoắt ngoéo qua bao nhiêu thôn xóm khác. Thành ra, rừng thì gần nhưng đường thì lại quá xa. Cho nên mọi người ước làm sao có một con đường từ xóm thẳng lên núi để đi được nhanh chóng.

Bấy giờ trong xóm có một ông lão nhà nghèo sống với vợ con trong một túp lều. Người ta gọi ông là cố Đường, là vì hễ gặp việc gì khó khăn, bất kì việc của ai, ông đều ra đường lấy và quyết làm kì được. Thấy việc trèo núi phải đi đường vòng rất xa, cố Đường cho là việc vô lý hết sức. Thường những lúc rảnh rỗi, ông vẫn một mình lần mò bám đá leo cây để tìm con đường đi kiếm củi gần nhất.

Nhưng mỗi khi đứng trước sườn núi cheo leo ông vẫn bực mình, nghĩ bụng: - " Nếu không ghép đá thành bậc thang thì đừng có hòng vượt lên khỏi mấy cái dốc này! ". Ông đem ý ấy hỏi vợ. Vợ ông cho là việc rồ dại. Ông hỏi thử một vài người làng, họ đều lắc đầu bảo:

- Không được đâu cố Đường ạ! Chúng ta còn phải lo miếng ăn hàng ngày

đã chứ!

Cố Đường trầm ngâm bảo họ:

- Cứ mỗi lần phải đi " năm xóm cây đa, ba xóm cây thị " để vào nơi lấy củi, tôi lại muốn lộn tiết lên được!

Năm tuần trắng trôi qua. Nghề kiếm củi đã trở nên nghề chính của mấy gia đình đánh cá thất bại kia. Họ đã yên tâm với nghề nghiệp mới. Chỉ trừ có cố Đường là chưa thật yên tâm. Một hôm cố bảo vợ:

- Từ ngày mai trở đi, bà gắng đi kiếm củi một mình. Còn tôi, tôi sẽ tìm cách trở một con đường mới lên núi. Ngày nào tôi làm xong, hai vợ chồng mình tha hồ đi củi.

Người vợ vốn biết tính chồng hể nói là làm, nhưng lần này thì bà hết sức can ngăn:

- Ông đừng có địch với vua, đừng có đua với trời. Già kề miệng lỗ rồi chứ còn trẻ trai gì nữa đâu!

Nhưng cố Đường an ủi:

- Bà đừng lo! Biển kia rất rộng người ta cũng vượt được. Dãy Giăng-màn rất cao người ta cũng trèo qua. Bạt núi này thành đường thực ra không khó. Một mình tôi cũng làm được. Bà hãy chịu khó ít lâu. Mai kia ta sẽ đi đốn củi gấp đôi gấp ba hôm nay, lúc ấy cả xóm chúng ta sẽ sung sướng.

- Ông định ghép bao lâu thì xong?

- Không nói trước được. Một năm chưa xong thì hai, hai năm chưa xong thì bốn. Nếu tôi chết đi mà vẫn chưa làm xong thì sẽ có người khác tiếp tục...

Thế là từ hôm đó, cố Đường ngày ngày mang một mo cơm lên núi. Ông bặt đất. Ông nhổ cây. Ông khiêng đá. Và ông ghép đá thành con đường tam cấp hướng thẳng lên núi. Công việc biết bao nặng nề! Nhưng quả không có gì cản được cái chí con chim hồng chim học. Ông càng làm càng khoẻ, càng nhọc càng hăng. Cứ thế trong năm sáu tuần trăng, ông vẫn sớm đi tối về như không biết mỏi là gì. Người vợ không nhịn được nữa, một hôm kêu lên:

- Tội gì để cho mình ông đầu tắt mặt tối, cả nhà ông neoh nhóc rách rưới như thế. Ốc mang mình ốc chưa nổi lại còn mang cả cọc! Đường làm thành thì ai cũng đi, đâu có riêng mình ông. Thôi! Từ nay ông đi đâu thì đi, đừng có về nhà này làm gì nữa.

Nghe nói thế, cố Đường lựa lời dỗ dành vợ. Nhưng người đàn bà cố tình làm cho chồng nản chí. Bà ta nhất định không nuôi báo cô ông nữa.

*

* *

Từ đấy ông thôi không về nhà, dựng một túp lều ngay bên chỗ mình làm việc. Hễ ghép được đến đâu ông lại dời lều đến đó. Thấy ông đói, những con vượn mang hoa quả đến cho ông. Thấy ông đuối sức, những con bò rừng, những con nai ghé sừng nạy những tảng đá giúp ông. Rồi những con chim thay nhau ca hát suốt ngày để cho ông quên mệt. Về sau có mấy

người trong xóm cũng tình nguyện đến làm với ông. Thấy thế, cố Đường như tăng thêm sức mạnh, càng miệt mài với công việc.

Cứ như thế, sau năm lần sim có quả, cố Đường đã mở được một con đường truông ngắn nhất từ xóm mình thông lên những đỉnh cao trên dãy Hồng-lĩnh. Ông đã ghép đá thành tam cấp của ba dốc núi khó đi nhất. Dân xóm lên núi xuống núi rất tiện và từ đó họ có thể trong một ngày kiếm được mấy lần củi.

Ngày nay, ở phía Nam Hồng-lĩnh, chỗ giáp giới hai huyện Nghi-xuân và Can-lộc có một cái truông gọi là truông Vắn [1]_hoặc gọi là truông Ghép. Cái tên cố Đường người ta quen gọi là cố Ghép [2]_.

KHẢO DỊ

Tương tự với truyện của ta, trong cổ tích Trung-quốc có truyện *Ngu Công dời núi*: Xưa ở Bắc-sơn có một ông già 90 tuổi tên là Ngu Công. Ông rất bức bối vì trước nhà mình có hai hòn núi Thái-hàng và Vương-ốc ngăn trở tầm mắt không cho nhìn đến chân trời bát ngát. Ông quyết định hạ núi cho bằng. Ngày ngày ông đào núi đổ đi nơi khác. Có người cười, ngăn ông. Ông đáp: - " Tôi chết đã có con, con tôi lại có cháu, cháu tôi còn sinh nở nữa. Còn như núi thì có thêm gì đâu. Vậy thì tôi sợ gì mà không dời nó đi chỗ khác " .

Bấy giờ có thần Táo Xà thấy vậy mới tâu lên Ngọc Hoàng thượng đế,

Thượng đế phục chí Ngu Công, sai hai con của Nga thị xuống giúp. Sau khi xuống, một người đội một hòn đặt ở Sóc-đông, một người đội hòn kia đặt ở Ung-nam [3].

[1] *Văn* : ngắn, tiếng Nghệ-tĩnh

[2] Theo lời kể của người Hà-tĩnh.

[3] Theo *Liệt tử*, thiên “Lục mệnh”.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
95. ÔNG NAM CƯỜNG

Vào thời ấy chẳng rõ là thời nào, ở làng Quần-anh có một người phù thủy có nhiều phép thuật lạ lùng. Thường mỗi lần năm ngủ, ông ngủ liền ba ngày ba đêm, tiếng ngáy như sấm. Tỉnh dậy một cái, người nhà đã thấy ông lật đật ra đi, không ai rõ là đi đâu.

Cũng thời kì này, nhiều nơi trong nước nổi lên đánh phù phá thành làm cho quân đội của triều đình phải đi dẹp luôn năm không nghỉ. Hành tung của ông phù thủy rất bí mật. Tuy nhiên, cũng có lúc vào khoảng nửa đêm, người ta nhìn ra ngoài đồng thấy âm binh của ông thao diễn rất đông mà ông là tướng cười ngựa chỉ huy. Bên cạnh đó có ngọn cờ to tướng đề hai chữ " Nam cường " nghĩa là nước Nam mạnh. Bởi vậy, người ta quen gọi ông là Nam Cường.

Nam Cường hay đánh bạc, mà đánh đâu được đấy. Mỗi lần đánh, ông thường vét cả bàn. Số tiền được, không mấy khi ông đưa về nhà mà phân phát ngay cho những người nghèo ở chợ. Bởi vậy ông đi đến đâu người vây lấy ông đến đấy.

Một hôm ông đi đến chợ huyện. Ngày ấy đói kém, người ăn xin kéo nhau đi từng đoàn. Ông ghé vào một quán rượu đã thấy động đặc những người vây lấy mình. Trong đây của Nam Cường bấy giờ không còn một đồng một chữ. Ông chợt thấy trong nhà trong, bên mâm rượu có lão lý trưởng đang ăn uống nhồm nhoàm. Hắn mới đi thu thuế về. Bên người hắn có một đầy đầy căng những tiền. Bỗng chốc Nam Cường đứng dậy bảo chủ quán:

- Phiền chủ quán cho xin một ít trấu.

Chủ quán chỉ vào bếp. Nam Cường đi vào xúc đầy đũa của mình rồi trở ra nhà ngoài dẫn mạnh đũa lên chõng. Ông dẫn sắp dần ngựa năm lần bảy lượt, lần cuối cùng đã thấy tiếng kêu loảng xoảng. Ông cười khà khà vẩy tay bảo những người ăn xin đến gần mình, rồi thò tay vào bốc ra từng nắm tiền phân phát cho họ.

Đồng tiền cuối cùng vừa cho xong, Nam Cường cũng ung dung đi ra khỏi quán. Khi lão lý trưởng ăn xong và cất đũa lên vai, hăn hết sức ngạc nhiên thấy đũa vẫn căng phồng nhưng không nặng một tý nào cả. Mở ra, hăn thấy đũa một đũa trấu. Mặt như chàm đỏ, hăn hốt hoảng chạy đi tìm thì Nam Cường đã biến mất đằng nào rồi.

Tiếng đồn về Nam Cường ngày một lan rộng. Những vụ phát tiền bất ngờ cho những người dân nghèo rất mong ngóng ông, coi ông như một vị cứu tinh. Nhưng ngược lại, bọn quan lại to nhỏ cũng rình ông như cáo rình gà mong lập công với triều đình.

Một hôm, đang lúc ông vợ tiền trên chiếu bạc thì tự nhiên thấy bốn mặt gương giáo chĩa vào người. Bọn đầu trâu mặt ngựa xông đến rất đột ngột khiến ông không tài nào xoay trở, đành để cho chúng bắt. Sợ ông có phép xuất quỷ nhập thần, chúng mang đến một cái áo quan, bỏ ông vào, đóng nắp lại, chỉ dùi cho một lỗ để thở. Nhưng lúc khiêng về phủ, lính mở nắp áo quan ra thì không ngờ đó là một cái áo quan rỗng, chỉ còn mấy bãi nước trầu, dấu vết của phạm nhân để lại.

Quan phủ bị tên, giận sôi cả người. Hăn cho mời một đạo sĩ nhờ luyện cho mình một thứ bùa phép để quyết bắt cho được Nam Cường. Mấy tháng sau, được tin báo, hăn lại mật sai lính đến vây bắt. Nhưng khi chúng vào, đã thấy nhà ông vắng teo, cửa ngõ mở toang. Lính sục sạo mãi không thấy gì

cả. Sau cùng chúng nghe ở ruộng lúa sau nhà có tiếng thỏ phì phào, chú ý nhìn xem thì chả thấy bóng người, chỉ thấy có một cây đòng đòng to gấp ba các cây đòng đòng khác. Biết đó là nơi Nam Cường ẩn, chúng bèn dùng chỉ ngũ sắc trói cả cụm lúa lại rồi nhổ lên đưa về phủ. Dọc đường chúng vẫn nghe tiếng thỏ phát ra từ bụi lúa nên rất yên tâm, chắc chuyến này sẽ được hậu thưởng. Bọn quan lại nghe nói bắt được Nam Cường hí hửng đến xem mặt. Nhưng khi sợ chỉ ngũ sắc vừa tháo, ông đã từ trong bụi lúa hiện nguyên hình nhảy vọt ra, chửi cho bọn chúng một thôi một rồi rồi biến mất.

Hai lần bị tưng hửng, bọn chúng nghĩ ra được một kế thâm độc là bắt vợ để truy chồng. Lần thứ ba, sau khi mật báo có Nam Cường mới trốn về nhà, bọn chúng cho rất nhiều quân lính và cả một lão đạo sĩ cao tay kéo về, quyết bắt kì được. Chúng ập đến nhà ông lúc mờ sáng. Nam Cường biết được mưu mô của chúng nên khi chúng sắp đến, ông đã kịp biến vợ thành một người bé bằng ngón tay, đem đút lên một ống tre sau mái nhà. Còn mình thì chạy vội ra sông.

Cũng như mọi lần, bọn lính sục sạo khắp xó vườn góc bếp. Nhờ có lão đạo sĩ nên một lúc sau chúng khám phá ra được trên ống tre sau mái nhà có thò ra một tí dải yếm. Chúng cầm lôi ra, người vợ Nam Cường lại trở nguyên hình. Chúng tra hỏi: - " Chồng mày đâu? ". Hỏi đến mấy lần, người đàn bà vẫn lắc đầu nói rằng không biết. Sau cùng chúng phải giở lối " kìm nóng, kìm nguội " , người đàn bà yếu đuối không thể chịu nổi mới thú thực: - " Chồng tôi hiện ở ngã ba sông trước nhà, trong một con ốc! ". Nghe nói thế, bọn quan bèn sai lính đắp chặn ba phía sông lại rồi mới ra sức tát cạn. Nhờ có lão đạo sĩ, chúng bắt được một con ốc rất to, đập vỏ ốc ra quả bắt được Nam Cường.[1]

[1] Theo lời kể của người Hà-nội, Nam-định

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
96. CỐ BU

Ngày xưa ở làng Phan-xá thuộc Hà-tĩnh - một làng ngay sát nách con sông mà nước thủy triều vẫn lên xuống đều đều - có một người nghèo tên là Bu. Bu mới lọt lòng mẹ, người ta thấy dưới gan bàn chân có ba cái lông trắng, dấu hiệu của tài bơi lội. Lớn lên quả nhiên ông lội rất tài, có thể ở được lâu dưới nước. Không những có tài bơi lội, Bu còn có một sức khoẻ tuyệt trần. Bu đi học võ với một ông thầy. Thấy là người có tài lạ, thầy truyền cho mười tám ban võ nghệ và các môn nhâm cầm độn toán. Bu không có chí làm quan với triều đình, chỉ đi lang thang hết xứ Đông đến xứ Đoài, ở đâu ông cũng có rất nhiều bè bạn.

Cho đến năm năm mươi tuổi, Bu đã đi hầu khắp sông hồ, nghe được nhiều, thấy được rộng. Sau một thời kì lang bạt, Bu lại trở về quê hương. Lúc này ông đã để râu, một bộ râu rất đẹp. Người ta bảo nhau: " Râu như râu cố Bu ". Ông bí mật chiêu mộ tráng sĩ, luyện tập võ nghệ, chia lương thực, có ý muốn lập nên một giang sơn riêng, lấy núi Hồng-lĩnh làm đồn trại. Nhờ có phép thuật và võ nghệ, ông hoạt động rất kín nhem. Lại nhờ có bè bạn ở các nơi làm tai mắt tay chân nên tuy ở trong núi sâu, Bu vẫn nắm được tình hình mọi nơi. Trong những năm mất mùa đói khát, mỗi lần có tin báo, Bu đem các tráng sĩ đến lấy thóc tiền của bọn trọc phú. Lấy xong, Bu đem chia cho tất cả những người nghèo khổ trong vùng. Bu làm rất kín đáo và chóng vánh, không giết chóc, không đốt phá, chỉ bắt buộc bọn chúng phải bỏ thóc bỏ tiền ra giúp mọi người. Cứ như thế, Bu đã cứu nguy cho không biết bao nhiêu thôn xóm đói khổ. Bọn nhà giàu sợ Bu mất mật, nhưng tất cả những người nghèo khổ coi Bu là vị cứu tinh. Quan quân tuy lòng bắt ráo riết nhưng chẳng kết quả gì. Đã hai lần chúng sắp tóm được Bu, nhưng một lần Bu nhảy xuống sông trốn thoát, một lần khác nhờ phép thuật của ông nên chúng mù tịt, chả còn tìm ra manh mối.

Một hôm, Bu bí mật về làng cũ thăm bà con họ mạc. Bọn hào lý đã đánh hơn thấy ông nên chúng cấp tốc đi báo huyện. Huyện sợ bắt không nổi nên vội vàng đi báo tỉnh. Biết Bu không phải là người tầm thường nên bọn quan tỉnh điểm ngay hai nghìn quân sĩ với hai con voi và hai lưỡi sắt đi suốt đêm về làng. Bấy giờ, vào khoảng canh năm, quân gia chia nhau vây bọc bốn phía trùng trùng điệp điệp. Bu đang ngủ. Mọi người sợ nguy đến ông nên vội đánh thức ông dạy bàn cách chạy trốn. Nhưng Bu khoát tay bảo họ: - " Cứ bình tâm! Ta sẽ có cách " . Đoạn ông hỏi thăm tình hình ở mọi nơi. Người ta cho biết là ở xóm phía Nam có một đám ma đang chuẩn bị kèn trống ra đồng. Bu bèn hướng về phía Nam trèo lên một cây cao, đứng im trên đó để nghe ngóng. Vừa khi đám ma đi qua, Bu liền tụt xuống xen vào đám đông, lấy vạt áo che mặt, kỳ thực là che bộ râu, giả bộ khóc lu loa. Thấy có đám ma, bọn lính rẽ ra cho đi. Nhưng khi ra khỏi vòng vây, Bu đã chìa bộ râu, cười lớn, bảo chúng: - " Tao là Bu đây! Chúng mày hãy nói với chủ tướng đừng có vây bọc mất công nữa " .

Nghe nói thế, quan quân xô nhau đuổi theo, nhưng Bu đã nhảy ngay xuống sông. Bọn quan tỉnh sai lấy lưỡi sắt giăng chặn hai đầu sông lại và cho hai con voi xuống giẫm. Nhưng chúng chỉ làm việc mệt nhọc vô ích vì Bu vốn là tay giỏi lặn, lặn luôn một mạch hàng trăm dặm, nên đã biến mất từ lâu.

Một lần khác, Bu đi một mình. Nhân trời tối, ông vào nghỉ ở một làng nọ. Một người dân trong làng có giỗ khấn khoản mời Bu đến ăn. Chưa xong bữa rượu thì quan quân đã kéo về rầm rộ vây kín tất cả các nẻo. Người ta đưa ông đến một cái hầm kín. Trước khi xuống hầm, Bu còn làm phép để đánh lừa quan quân. Bu sai múc một bát nước, đặt lên một chiếc đĩa rồi niệm chú bước qua. Lần này bọn quan quân có đưa theo một thầy độn. Khi sục sạo các nhà không tìm thấy Bu, bọn tướng bảo thầy độn bấm xem thử thế nào. Thầy độn giở phép của mình ra nhưng hăn bị mắc lừa vì bát nước, chiếc đĩa của Bu, nên sau khi bấm xong, hăn ngơ ngác trả lời rằng: - "

Thằng giặc ấy đã đi qua một chiếc cầu tre bắc qua đầm trồn thoát mất rồi! " . Bọn chúng tin lời, cho quân đi lùng sục các chỗ khác. Thế là một phen nữa, Bu lại thoát vòng nguy hiểm.

Một lần khác, Bu đang phát thóc cho dân một xóm gần bãi. Chia vừa xong thì quan quân đã bố vây bốn mặt. Bu lại được mọi người dẫn đi trốn ở một nơi kín. Nhưng trước khi trốn, Bu cũng xin một mảnh chiếu trùm lên người làm phù phép, khiến cho thầy độn của quan quân một lần nữa lại bị lừa, bảo rằng ông đang trốn ở một bụi lác ngoài bãi. Quân quân nghe lời tất cả đổ xô ra bờ sông. Bu thừa dịp lại trốn đi vô sự.

Quan quân cứ mấy lần từng hững như thế, chả làm gì được Bu. Còn Bu thì hết đi vùng này sang vùng khác, đến đâu cũng bí mật giúp đỡ dân nghèo và được họ che chở. Về sau không rõ Bu đi đâu.

Ngày nay ở động Dang trên núi Hồng-lĩnh còn có dấu vết cột cờ, thành lũy và nền nhà, nền kho, tương truyền là đồn trại cũ của cố Bu [1].

KHẢO DỊ

Phần đầu truyện này theo như một số người địa phương Hà-tĩnh kể lại, thì lúc trẻ nhà nghèo Bu phải làm nghề chăn vịt, thường đưa vịt đi ăn ở cánh đồng gần bờ sông. Cũng như truyện *Yết Kiêu* (số 72, tập II), một hôm vào khoảng nửa đêm, Bu thấy hai con trâu từ dưới nước lên bờ húc nhau. Thấy sự lạ, Bu vác gậy đánh đuổi. Khi trâu biến mất, Bu thấy có mấy cái lông

dính ở đầu gậy. Biết đó là lông trâu thần, ông bỏ vào miệng nuốt, nên từ đó bơi lặn rất tài.

Về tình tiết này, trong *Thiên-lộc huyền phong thổ chí* [2], có một truyện tương tự, nhưng lại khác hẳn về kết cục:

Xưa có người tên là Trần Hồ làm nghề đánh cá, thường đậu thuyền ở ngã ba sông Hoàng. Một đêm nọ bỗng thấy một cặp trâu từ dưới nước lên bờ và húc nhau ở gần mũi thuyền. Ông bèn cầm gậy đánh đuổi, hai con trâu lặn xuống nước. Ông nhìn lại thấy có lông dính ở đầu gậy, liền nhặt lấy nhưng không nuốt như Cỗ Bu mà đeo vào nách. Từ đấy lặn xuống nước như đi trên đất liền, nhờ thế bắt được cá không biết bao nhiêu mà kể. Tiếng đồn ngày một rộng. Khi vua Lê Thánh Tông đi qua đấy, nghe tiếng ông, bèn gọi đến thử tài. Ông lặn ngược dòng vài dặm, bắt được một con cá lớn, bề ngang chín tấc, đem lên dâng vua. Sau đó, ông cho là còn bé, lại thả cá xuống sông, lặn xuôi dòng ba bốn dặm bắt được con cá thước tư. Vua khen ngợi. Lúc vua hỏi nguyện vọng, ông chỉ muốn được một khu đất riêng để phơi lưới. Vua bèn ban cho ông một nơi gần đó gọi là hồ Thám.

Về chỗ Bu che râu đi theo đám ma vượt khỏi vòng vây, có người kể: Bu bảo người ta bó chiếu lại như bó người chết, cất hai thủ hạ khiêng, một thủ hạ khác cầm đuốc đi trước, còn mình thì vác cuốc thuổng theo sau, làm thành 1 đám ma giả, rồi cứ thế tiến đến chỗ quân lính vây bọc, xin phép ra đồng chôn. Lính thấy có người chết, không cần căn vặn mà còn cho đi ngay, thế là mắc lừa Bu.

Về câu chuyện "qua cầu tre, nằm bãi lác", trong sự tích Cỗ Nghinh cũng có tình tiết tương tự. Cỗ Nghinh (tức Nguyễn Hữu Nghinh) quê ở Vạn-phúc-đông (Đức-thọ, Hà-tĩnh), là người cuối đời Lê, khi nhà Nguyễn lên không chịu đi thi. Gia Long nghe tin cố học giỏi cho sứ triệu ra làm quan,

song cổ nhất định không chịu. Về sau Minh Mạng sai Nguyễn Công Trứ đem quân đi bắt. Ai cũng lo thay cho cổ, song cổ vẫn điềm nhiên. Một lần quân đến vây bọc, cổ lấy một chiếc chiếu lác bước qua chậu nước, rồi vào nằm trong nhà, đắp chiếu ấy lên. Nguyễn Công Trứ đến, bầm một quẻ độn, nói rằng: - " Nghinh đã chạy qua một con sông, hiện giờ còn trốn trong một bãi lác " . Bèn cho quân vượt sông đi tìm. Ở bên này, Nghinh trốn thoát.[3]

[1] Theo Jê-ni-bren (Génibrel). *Chuyện đời xưa mới in ra lần đầu hết* và lời kể của người Hà-tĩnh.

[2] Của Lưu Công Đạo.

[3] Theo lời kể của người Hà-tĩnh.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
97. QUẬN HE

Vào thời nhà Lê, có hai vợ chồng một nhà nghèo ở làng Đồng-lùi, sinh được một người con trai đặt tên là Nguyễn Hữu Cầu. Thuở trẻ, Cầu mồ côi bố, người mẹ túng bấn phải cho chàng đi ở, nhưng sau cũng cố gắng cho đi học. Trong lớp, chàng là người ngỗ nghịch không chịu kém ai. Bấy giờ có một bạn học kinh địch với Cầu là Phạm Đình Trọng. Hắn là người thường được thầy khen nết na chăm chỉ, nhưng Cầu thì nhất định không phục.

Một hôm thầy đi đám, có cho Cầu và Trọng cùng theo. Lúc về, nhà đám biếu thầy một cái thủ lợn. Hai người ganh tị nhau không chịu xách. Thầy liền ra một câu đối: Huề trư thủ nghĩa là "xách đầu lợn", bảo ai đối hay thì được miễn. Trọng đối lại là Phan long lân nghĩa là "vin vầy rồng". Còn Cầu thì đối là Phá Tần diệt Sở. Thầy gõ một giáo quạt vào đầu Cầu, chê Cầu đối gì mà lại thừa chữ. Nhưng Cầu cố cãi:

- Tôi dẫu đối sai, nhưng tôi không muốn vin vầy rồng mà lóc vầy rồng kia!

Thầy mắng:

- Thế thì tội to đấy, không phải chơi đâu, con ạ! Cuối cùng, chàng bị thầy bắt xách thủ lợn về nhà.

Hôm khác, thầy lại ra một câu đối: Mười rằm trăng náu, mười sáu trăng treo. Trọng đối: Tháng Giêng rét dài, tháng Hai rét lộc. Câu của Cầu là: Tháng mười sấm rập, tháng Chạp sấm động. Thầy bảo cả hai người:

- Thằng Trọng có khẩu khí làm quan to, còn thằng Cầu thì chỉ làm giặc!

Lúc ra chơi, Trọng bảo Cầu:

- Tao sẽ cầm quân tiêu diệt mày.

Cầu đáp:

- Nếu tao làm giặc thì tao sẽ đánh tan xác những đứa vào luồn ra cúi.

Được ít năm, Cầu lại đi học với một thầy đồ khác. Một hôm nhà thầy có việc phải mổ trâu thết khách, nhân ra cho học trò câu đối: Tề hoàng ngư, Cầu đối: Trảm bạch xà. Thầy cho biết như thế là sai luật. Cầu đáp:

- Tôi chỉ nhìn vào ý mà không nhìn vào chữ. "Giết trâu vàng" chính là đối

với "chém rắn trắng" đó ạ!

Thầy tấm tắc khen:

- Thằng bé này ngày sau có chí lớn. Hãy cố lên con ạ!

Nhưng rồi sau đó ít lâu Cầu bỏ văn học võ. Năm mười tám tuổi, người chàng khoẻ như voi, tiếng to như sấm, có thể hai tay cầm hai cối đá ném xa vài trăm thước. Chàng lại giỏi nghề bơi lội, lội suốt một hơi, từ tả ngạn sông Bạch-đăng đến bãi huyện Yên-phong mới lên.

Bấy giờ chúa Trịnh chuyên quyền làm nhiều điều bạo ngược, trăm tình nghìn tội đều đổ vào đầu dân. Dân tỉnh Đông rủ nhau làm giặc. Cầu cũng gia nhập vào đám giang hồ. Dần dần, chàng là bộ hạ đắc lực của Nguyễn Cừ. Bấy giờ Cừ xưng hùng một dải Hải-đông. Cừ rất yêu tài chàng, gả con gái cho và phong làm quận công.

Có lần Cầu bị quan quân bắt được. Chúng đưa chàng ra xử trảm. Sắp bị chém, chàng nói với quản ngục:

- Chém thì chém nhưng hãy lập đàn chay, dựng cột phướn cho ta lễ Phật, rồi sẽ chịu hành hình. Như thế ta sẽ thoả cái linh hồn mà không quấy nhiễu ai nữa.

Bọn quan quân nghe nói cũng sợ, bèn cho lập đàn bên sông. Cầu được cởi trói, thông thả vào lễ Phật rồi trèo lên đài, quan quân vây bọc kín ở dưới. Chúng thấy Cầu chấp tay niệm "nam mô" hai tiếng rồi vụt một cái, đã thấy đâm đầu xuống sông. Chúng hốt hoảng rải quân vây đón hai đầu, nhưng tìm mãi không được. Trong khi đó thì Cầu đã lội suốt theo dọc sông hơn ba mươi dặm mới bỏ lên bộ. Khi quan quân biết, thì chàng đã cướp được một con ngựa chạy như bay, không còn ai đuổi kịp.

Cừ thất bại, Cầu tự lập thành một đảng riêng, tiếp tục công việc của bố vợ. Chàng đem đồ đảng chiếm Đồ-sơn làm căn cứ. Khi tế cờ, chàng bắt kỳ dịch trong làm ấy phải dọn đền thờ Thành hoàng, vứt hết bài vị của thần đi, rồi dựng bài vị mới đề danh hiệu của mình vào mà thờ. Chàng bảo họ: - "Trên có trời, dưới có đất, giữa chỉ có mình ta là hơn cả, thứ thần linh này không đáng thờ bằng ta!".

Hôm khởi nghĩa có con cá he lớn vào sông nên người ta gọi Cầu là "quận He". Thấy chàng lội giỏi và có tài đánh thủy, người ta cũng tôn làm "thần

cá biển". Tuy vậy, chàng đánh bộ cũng rất cừ. Hồi ấy có một con ngựa thần thình thoảng cứ vào buổi trưa lại từ dưới sông hiện lên rồi lững thững tiến vào một cái miếu ở ngoài đồng. Biết là ngựa quý, Cầu đến miếu nấp định bắt nhưng ngựa lạ hơi vừa động vào đã bị nó đá. Cầu bèn lấy thóc mang đặt ở miếu rồi ngồi rình. Ngựa lúc đầu không chịu ăn. Về sau mon men tới ăn. mấy lần như thế. Cầu bắt đầu làm quen và dần dần ngựa chịu để cho Cầu cưỡi. Ngựa thần ngày đi ngàn dặm, hang sâu khe lớn vượt qua như bay. Ngựa lại rất mến chủ. Có khi người và ngựa bị bại trận lìa nhau mấy ngày trời, nhưng chỉ một thời gian sau, ngựa lại tìm về với chủ.

Triều đình cho Cầu là giặc nguy hiểm, cố lo diệt trừ. Chúng sai một quan thuỷ đạo đốc lĩnh rất thiện thuỷ chiến đem binh thuyền đến đánh. Cầu cho mười chiếc thuyền giả cách thua chạy. Bao nhiêu quan thuyền được lệnh ra sức đuổi theo. Thuyền của Cầu lui vào bến Cát-bạc. Ở chỗ đó gió to sóng dữ, quan thuyền cao to lại nặng không tài nào lái được, bị dạt sang bờ bên Đông. Cầu chỉ chờ có lúc ấy liền đem thuyền nhẹ đến vây đánh. Quan quân tan vỡ, thuỷ đạo đốc lĩnh giờ tay chịu trói.

Nhà vua rất lo, phái mười đạo quân, cầm đầu là một viên đại tướng nổi tiếng tới đánh. Cầu tìm chỗ hiểm đặt quân phòng giữ, nhưng bề ngoài thì cho dàn những quân già yếu để lừa địch. Đại tướng khinh thường, dẫn mười đạo quân tiến vào. Tiến đến đâu, quân Cầu giả thua quăng khí giới bỏ chạy đến đấy. Cầu chờ cho chúng tiến đến chỗ phải nối đuôi nhau mà đi, nổ một phát súng hiệu, quân mai phục bốn bề xông ra diện một lúc hết cả mười đạo quân. Đại tướng chỉ còn chạy thoát lấy thân.

Mãi về sau, Phạm Đình Trọng bấy giờ đã là tướng tâm phúc của chúa Trịnh, tình nguyện xin đi đánh Cầu. Trọng trước lúc xuất quân, gửi cho Cầu một vế câu đối: Thổ tiết bán hoành: thuận giả thưởng, nghịch giả hạ (nghĩa là chữ "thổ" cắt đi một nửa ngang, nếu để xuôi là chữ "thưởng", để ngược là chữ "hạ"). Ý bảo Cầu nếu thuận sẽ để yên, nếu nghịch thì tiêu diệt. Cầu nghĩ ngay vế đối gửi lại cho Trọng: Ngọc tàng nhất điểm: xuất vi chúa, nhập vi vương (nghĩa là chữ "ngọc" giấu trong mình một chấm, đưa ra là chữ "chúa", cắt đi là chữ "vương"). Ý bảo ta một là làm chúa, hai là làm vua, chứ không thêm đầu hàng.

Hai bên dàn quân giao chiến luôn mấy trận, quân của Trọng bị đánh tơi bời. Nhưng Trọng cố xin chúa cho mình tập hợp quân xứ Bắc như rươi, quân xứ Đoài như trấu để vây bọc Cầu. Quân của Cầu ít, lại đóng rải rác ở cuối ghềnh đầu bãi, sau đó bị quân địch dần dần dồn lại trong vòng vây. Những kẻ xông xáo định tìm cách vượt ra đều bị chết dần chết mòn. Tình thế rất nguy ngập. Một hôm, Cầu lặn đến thuyền Trọng. Mặc dầu lính canh gác vòng trong vòng ngoài, chàng cũng bám được vào bánh lái trèo được lên quan thuyền trong đêm tối. Bấy giờ Trọng đang ngủ say. Cầu quăng vào một bức thư đại ý nói: "Ta có thể lấy đầu nhà ngươi như thò tay vào túi lấy một vật gì. Nhưng nghĩ tình bạn đồng học nên ta tha cho. Đối lại, nhà ngươi hãy mở cho quân ta một lối thoát". Sáng dậy, Trọng đọc thư thấy sợ quá. Hắn một mặt trưng thu tất cả các chiếu trong vùng kết liên với nhau làm một, rồi trải ra trên mặt sông để đề phòng Cầu lén đến. Mặt khác, "tương kế tựu kế" hắn mở một lối cho quân Cầu rút lui, nhưng lại phục binh đợi khi quân Cầu rút được nửa chừng thì hai mặt xông vào ập đánh. Trận ấy quân của Cầu thứ bị giết, thứ bị đâm đuổi, thứ chạy trốn, tan tác khắp nơi[1]. Một bộ phận thoát được theo chủ tướng chạy vào Nghệ-an. Đến đây không may cho Cầu, thuyền bị bão lớn đắm gần hết phải bỏ lên bộ. Đi qua vùng Hoàng-mai, chàng bị thuộc tướng của Trọng bắt được. Chàng than lên: - "Nếu trời không hại ta thì lũ chó chết đừng có hòng mớ đến người ta!".

Lúc Cầu bị tử hình, vợ yêu của chàng là Nguyễn Thị Quỳnh đến gặp mặt và rút dao đâm cổ, quyết theo chồng về cõi âm cho có bạn. Con ngựa của chàng cũng bỏ ăn ba ngày, rồi đi đâu mất biệt.

Ngày nay dân Đồ-sơn còn thờ Nguyễn Hữu Cầu. Người ta bày ra tục chọi trâu để nhớ lại sức mạnh vô địch của Quận He đã từng một thời làm cho quân triều run sợ. Người ta thường nói "gan Quận He" để chỉ những người nào gan góc dũng cảm.[2]

[1] Theo Phan Kế Bính. Nam hải dị nhân liệt truyện và Thực nghiệp dân báo (1924), tạp chí Nam phong (1919).

[2] Theo Phan Kế Bính. Nam hải dị nhân liệt truyện và Thực nghiệp dân báo (1924), tạp chí Nam phong (1919).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
98. HẦU TẠO

Ở làng Tuần-lễ thuộc xứ Nghệ có một anh chàng tên là Tạo. Tạo sinh ra có một nốt đỏ trong vành tai, người ta cho là có tướng lạ. Chàng chẳng những có sức khỏe như voi mà còn có mưu lược hơn người. Thưở nhỏ, Tạo đi học thường được thầy khen văn hay và viết nhanh. Nhưng anh học trò ấy chẳng thích chuyện thi cử đỗ đạt mà chỉ muốn đua sức mạnh, nên sau đó bỏ văn sang học võ. Sau mấy năm luyện tập đủ nghề khiến mộc giáo roi và binh thư đồ trận, chàng để mẹ và vợ ở nhà, đi lang thang khắp mọi miền. Chàng kết giao với nhiều bạn ở các vùng sông La, sông Lam, đi lại khoảng ngàn Trươi, ngàn Hồng. Và chàng đã tai nghe mắt thấy rất nhiều những việc bất bình trong thiên hạ.

Thấy con nay đây mai đó, mẹ Tạo gọi con về, bắt phải chăm lo việc nhà. Chàng xưa nay rất thương mẹ và không muốn làm trái ý mẹ, đành trở về cày ruộng làm ăn. Nhưng tuy cầm lấy cái cày, bụng chàng còn nghĩ đến những hảo hán, bạn chàng ở bốn phương. Một hôm, trong một canh xóc đĩa, chàng thua rền: có bao nhiêu tiền để dành của mẹ, chàng trộm ra nướng sạch. Đêm ấy, vì không muốn để mẹ than phiền, Tạo tính chuyện vào nhà một tên trọc phú bên cạnh làng làm một mẻ. Nhà này đường ngang ngõ tắt, chàng đã biết hết. Cũng tưởng lọt vào êm như ru, nhưng không may cho chàng, vừa khoét vách lọt vào đã bị chúng phục sẵn chẹn bắt ngay, không kịp chống đỡ gì hết. Sa cơ, chàng bị chúng trói lại và giải lên quan.

Nhưng Tạo không để mình bị giam lâu. Ở trong ngục, chàng tìm cách bẻ được xiềng sắt rồi trèo tường vượt ra ngoài. Thấy người ta truy nã mình ráo riết, chàng không dám về nhà nữa. Chàng rủ bạn bè đi làm giặc. Từ đó, chàng làm cho bọn nhà giàu và bọn quan lại sợ mất mật. Mọi người theo chàng rất đông. Chàng tự xưng tước hầu và lập đồn trại ở truông Mây.

Nhà vua nghe tin quân truông Mây nổi loạn, sai Lê Văn Duyệt ra trấn Nghệ An tìm cách tiêu trừ. Bao nhiêu lần quan quân tiến vào truông Mây là bấy nhiêu lần bị quân của Tào đánh cho tan tác. Lê Văn Duyệt kinh sợ bèn yết bảng treo giải một trăm nén vàng và chức tước lên cho kẻ nào bắt sống hoặc giết chết Tào, người có nốt đỏ ở tai.

Tào nghe tin, bèn cho quân sam đủ cờ quạt vòng lọng, rồi chọn lấy năm mươi người cải trang làm một đoàn quân đặc mệnh của nhà vua phái đi thanh tra các trấn. Tào mặc áo gấm rất oai vệ, nằm trên cáng có diềm xanh diềm đỏ, có kẻ hầu trap, hầu điếu, v.v.... rồi cả đoàn tiến vào thành Nghệ An, Quân sĩ của Duyệt thấy một đội quân gươm tuốt trần, giáo mác sáng ồng tề chỉnh, đi trước có một lá cờ đề hai chữ "khâm sai" thì không nghi ngờ gì nữa, vội vã rước vào rồi chạy đi báo cho quan trấn thủ biết. Lê Văn Duyệt tưởng thật ra khúm núm lạy chào, đưa Tào cùng vào quan sảnh. Duyệt chưa nói câu nào thì Tào đã bảo ngay:

- Nhà người mấy lần ra trấn xứ Nghệ đã biết mặt Tào ra thế nào chưa?

Duyệt cung kính đáp:

- Dạ, chưa biết mặt.

- Tao đây chính thị là Hầu Tào. Đây, nốt đỏ trong vành tai tao đây này.

Duyệt lăm lét nhìn, kinh sợ, chưa biết nên làm thế nào, thì Tào đã nói:

- Hãy ngồi im, hể rục rịch tao giết. Nghe tao hỏi đây. Tao có tội gì mà treo giải bắt?

Duyệt trấn tĩnh đáp:

- Ta thay mặt triều đình làm trấn thủ một phương, ai ai cũng thần phục, chỉ có mình ngươi là không quy thuận, nên ta phải vâng lệnh nhà vua tầm nã. Bây giờ xin tặng ngươi một trăm nén vàng và ba trăm nén bạc, ngươi hãy làm bạn với ta, ta sẽ tâu nhà vua tha tội, và cho làm một chức quan.

Tạo cười, bảo:

- Nên nhớ là bọn chúng tao cũng giúp triều đình một việc rất lớn là trừ khử lũ tham quan ô lại và lũ trọc phú cướp của hại dân đây! Tao đến đây không phải vì chức quan mà cốt nói cho chúng mày biết, đừng có tầm nã nhọc công vô ích. Không những thế, chúng tao còn có thể lấy đầu chúng mày như thò tay vào túi đồ thôi!

Đoạn, Tạo lại nói:

- Các ngươi cho tiền, ta xin nhận. Nào, hãy đưa mau ra đây!

Lê Văn Duyệt thấy hăn cầm lăm lăm thanh gươm thì sợ nguy đến tính mạng, đành phải sai lấy vàng bạc ra cho Tạo. Tạo sai thủ hạ nhận đủ, rồi bắt Duyệt phải đi cùng mình ra khỏi nơi nguy hiểm mới thả cho về, và nói:

- Ta không muốn giết mày mang tiếng thất tín. Hãy coi chừng cái đầu tao gửi trên cổ đó!

Được thả về dinh, Lê Văn Duyệt vừa xấu hổ vừa giận sôi gan. Hăn bắt chém ngay tên lính gác vì đã phạm tội lơ đễnh. Rồi từ đó, hăn dồn toàn lực

vào việc trừ diệt Tào. Thấy dùng binh mã đánh nhau với Tào không nổi. Duyệt dùng đến mưu độc. Hãn sai thám tử đi dò tìm quê quán của Tào và ra lệnh bắt gia quyến Tào đem về dinh trấn để trả thù.

Khi bắt được mẹ và vợ Tào, Duyệt mừng lắm. Hãn sai dựng một cái chòi rất cao, nhốt hai người lên đó để cho mọi người thấy mặt. Đoạn hãn nhắn tin cho Tào biết, nếu quy hàng sẽ để cho mẹ và vợ được yên ổn trở về, bằng không sẽ cho đầu lìa khỏi cổ. Nghe tin này, Tào rất buồn. Chàng bảo chúng bạn:

- Đạo trời chỉ có cha với mẹ là lớn nhất. Ta một đời chưa lúc nào làm cho mẹ ta vui sướng. Nay ta ngựa cưỡi dù che mà để mẹ chết một cách oan khốc thì sống cũng bằng thừa.

Nói rồi trói tay chịu hàng Lê Văn Duyệt.

Bắt được Tào một cách khỏe khoắn, Lê Văn Duyệt trở mặt, sai giam chàng lại chờ ngày ra pháp trường. Trong ngục tối, chàng viết những vần phú lời lẽ hùng tráng nói đến cái chí ngang trời dọc đất của mình, chỉ vì thương mẹ mà chịu chết chứ không sợ ai cả. Duyệt đọc bài phú lại càng lộn ruột, hãn sai lính hành hình ngay. Ngày chàng rơi đầu dưới lưỡi gươm của đao phủ là một ngày hết sức buồn đối với dân Nghệ: không ai là không rửa thù Lê Văn Duyệt. Có những người bỏ cơm ba ngày vì cảm thương chàng. Nhà vua nghe lời tâu của Duyệt, không bằng lòng, lấy cớ là hãn đã tự tiện giết mất một người con hiếu, đáng lý phải chờ xin mệnh lệnh của mình. Vua bèn phạt Duyệt một năm lương! [1]

[1] Theo Jê-ni-bren (Génibrel), sách đã dẫn, và lời kể của người Hà Tĩnh.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
99. LÊ LỢI

Hồi ấy, giặc Minh sang xâm chiếm nước ta, đối đãi với dân ta vô cùng tàn ác. Không một ai là không nghiêng rặng chau mày. Bấy giờ có Lê Lợi nổi quân đánh bại lại chúng; nhưng trong lúc mới khởi nghĩa, quân ít lương thiếu, mấy lần bị giặc đánh đuổi, mỗi người chạy một nơi. Nhưng ông không ngã lòng nản chí. Ít lâu sau, được mọi nơi giúp của giúp người nên thanh thế lại dần nổi lên.

Một hôm, đội quân của Lê Lợi bị thua nặng. Một mình ông thoát được vòng vây chạy về một xóm kia. Nhưng một toán quân Minh đã phát hiện ra, đuổi theo rất gấp. Khi đi qua một lùm cây, ông bỗng thấy hai vợ chồng một ông lão đang be bờ bắt cá ở ruộng. Ông liền chạy xuống nói với ông lão:

- Cụ làm ơn cho tôi bắt cá ở đây với, lũ chó Ngô sắp tới bây giờ!

Ông lão cởi ngay chiếc áo đang mặc ném cho ông, và ra hiệu bảo ông cứ xuống mà bắt.

Lê Lợi vừa thò tay xuống bùn thì cả toán quân giặc đã sòng sọc chạy tới. Một đứa trong bọn nhìn quanh nhìn quất rồi dừng lại bên cạnh đám ruộng:

- Này lão kia có thấy Lê Lợi chạy qua đây không?

Ông lão lắc đầu:

- Từ khi chúng tôi tát cá ở đây chả có người nào chạy qua cả.

Trong lúc những tên giặc khác đang lục soát bờ bụi, thì Lê Lợi cũng ngẩng đầu lên nhìn theo. Ông lão quát:

- Thằng bé kia, mày không bắt đi để còn về ăn cơm, nhìn ngó cái gì?

Lê Lợi biết ý, lại cúi xuống bắt cá như cũ. Quân giặc đứng trên bờ tường người nhà ông lão nên không hỏi thêm gì nữa. Một chốc sau, chúng rút đi nơi khác.

Tối hôm ấy, ông lão đưa Lê Lợi về nhà mình. Một đám quân bị lạc chủ tướng lúc này cũng tìm được đến đây với Lê Lợi. Đây là một thôn ở gần núi, dân cư rất nghèo, thường ngày ăn uống rất kham khổ. Trong nhà ông lão có nuôi một con khỉ. Thấy không có gì đãi quân khởi nghĩa, mà đi mua bán thì sợ không giữ được kín tiếng, hai ông bà bàn nhau giết thịt con khỉ kho lên cho mọi người làm thức ăn, riêng Lê Lợi thì có thêm một đĩa cá chép vừa bắt được lúc chiều. Cơm dọn ra. Cả tướng lẫn quân vừa mệt vừa đói nên ăn rất ngon lành. Mờ sáng hôm sau trước khi từ giã, Lê Lợi nắm lấy tay ông lão, nói:

- Chúng tôi không bao giờ quên ơn lão. Sau này lúc nước nhà hưng phục, sẽ mong có dịp báo đền.

*

* *

Lần thứ hai, Lê Lợi lại bị thua to, quân sĩ không chống nổi với lực lượng hùng hậu của giặc nên tiêu diệt mỗi người một nẻo. Lê Lợi một mình trốn về rừng già, có ba tên giặc đuổi theo sát nút. Qua một đoạn đường rẽ ông bỗng bắt gặp thấy một cô gái bị giặc hãm hiếp và giết chết. Ông vẫn còn đủ thì giờ dừng lại khẩn: -"Xin vong hồn nàng hãy cứu ta lúc này, ta sẽ vì nàng ra sức báo thù lúc khác".

Khẩn đoạn lại chạy, nhưng bấy giờ nguy cấp quá, ông đành chui liều vào một bụi cây. Quân Minh đuổi theo đến khoảng đó thì dừng lại nhìn ngó quanh quất, chưa biết nên tìm ngả nào, chúng xuyt chó đi sục sạo. Thấy con chó cắn vang ở phía bụi có Lê Lợi nấp, chúng liền lấy giáo thọc vào bụi, đâm phải đùi ông. Lê Lợi cắn răng để khỏi phải kêu lên, và trước khi ngọn giáo rút ra, ông vẫn không quên dùng vạt áo lau máu dính ở giáo.

Nhưng chó vẫn cứ nhắm bụi cây cắn inh ỏi. Lũ giặc tin chắc có người nấp trong đây; chung toan lao giáo vào một lần nữa, thì bỗng trong bụi nhảy vọt ra một con chồn. Chó thấy chồn lập tức đuổi theo cắn râm ran. Lũ giặc thấy vậy đánh chó và mắng: -"Chúng tao nuôi mày để săn người An-nam chứ có phải săn chồn đâu?". Và rồi chúng kéo nhau bỏ đi nơi khác. Nhờ thế Lê Lợi lại được thoát nạn.

*

* *

Sau những ngày chiến đấu gian khổ, quân đội khởi nghĩa bắt đầu thu hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, quân Minh cũng tiếp tục mất hết thành nọ đến thành kia. Cuối cùng bọn giặc phải bỏ giáp quy hàng. Lê Lợi lên ngôi vua ở Thăng Long. Nhưng ông chẳng bao giờ quên những người đã cứu giúp mình và nghĩa quân ngày trước. Ông mới sai đại thần mang một mâm vàng bạc về tận nhà hai ông bà già để tặng. Song bấy giờ cả hai vợ chồng đều đã chết cả. Ông bèn sai dựng một ngôi đền ở ngay trên nền nhà cũ. Hàng năm ông bắt các quan phải tới đây làm lễ quốc tế. Cỗ cúng rất đơn giản, chỉ có một đĩa xôi, một bát thịt khỉ và một đĩa cá chép nướng, đúng như lúc hai vợ chồng lão dọn cỗ cho nghĩa quân ăn.

Còn chỗ có cây cô gái chết, ông cũng sai lập một miếu thờ vì nghĩ rằng chỉ có hồn thiêng của nàng đã hóa làm chồn đánh lạc hướng bầy chó của giặc thì ngày ấy mình mới qua cơn hiểm nghèo. Không biết tên của nàng, ông sai gọi nàng là Hộ quốc phu nhân, nghĩa là bà phu nhân giúp nước. Người ta cũng gọi là Hồ Ly phu nhân. [1]

KHẢO DỊ

Người Nghệ-An có truyền thuyết *Núi Phù Lê*:

Ở một hòn núi thuộc huyện Hương Sơn (Hà Tĩnh) ngày ấy có một cây đa sống lâu đến tám, chín trăm năm, ruột rỗng thành lỗ. Bị giặc Minh đánh đuổi, Lê Lợi chui vào cái lỗ ấy ẩn nấp. Giặc xuyt chó đi tìm. Đến cây đa,

chó đánh hơi và sủa mạnh. Từ trong lỗ bỗng vọt nhảy ra một con chồn. Chó đuổi theo và giặc cũng theo chân chó, nhờ vậy Lê Lợi thoát nạn. Khi bước ra khỏi lỗ một quãng thì thấy có thây một đàn bà chết. Lê Lợi nghĩ rằng chính người đàn bà ấy đã hóa thành chồn để cứu mình, bèn bảo quân chôn cất. Và khi dẹp xong giặc nước, vua phong cây đa ấy là cây Phù Lê, núi cũng mang tên ấy. Người đàn bà được phong thần, sau dân lập đền thờ. [2]

Người Nghệ- an còn có một truyện khác cắt nghĩa nguồn gốc cái tên làng Cẩm-bào (nay thuộc xã Diễn- trường, Diễn-châu, Nghệ An):

Khi đánh quân Minh, Lê Lợi có lần bị giặc đuổi, chạy qua đây. Lúc này có một người đang làm ngoài đồng. Người ấy bảo:-"Hãy cởi áo bào tôi cứu cho". Nói xong người ấy đổi áo cho Lê Lợi. Giặc đến thấy người mặc áo bào tưởng là người mà mình đang tìm bèn giết chết. Còn Lê Lợi thì lẩn vào trong xóm thoát được. Khi lên ngôi vua, ông sai đặt tên làng ấy là Cẩm-bào để nhớ ơn. Nay còn cái cầu gần ga Yên-lý mang tên ấy. [3]

[1]. Theo Phạm Đình Hổ. *Vũ trung tùy bút*, đã dẫn.

[2]. Theo *Bản khai xã Thanh-tân*. Cũng có người cho núi này sở dĩ mang tên Phù Lê là do công lao mẹ con bà Bạch Ngọc, hoàng hậu nhà Trần khai thác điền trang ở vùng Hương-sơn, giúp vua Lê nên có tên ấy.

[3]. [3] Theo lời kể của người Nghệ-an.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
100. LÊ VĂN KHÔI

Ngày xưa vào triều Minh Mạng, có một chàng trai nhà nghèo nhưng có sức khỏe tuyệt trần. Anh chàng thường chống đòn ngang ở bến đò Thiên Tả kiếm ăn. Lúc mới sinh, anh có ba cái nốt đỏ ở bụng, ai nấy đều bảo là tướng rất quý. Tiếng đồn thối mỗi ngày một rộng. Quan trên nghe tin, cho là tướng nghịch, toan bắt nộp triều đình để lấy thưởng. Biết được tin ấy, anh bỏ lên miền núi rừng tỉnh Cao Bằng. Từ đây, anh kêu gọi các hài kiệt nhóm họp lại, làm giặc chống lại triều đình. Trong số đồ đảng của anh có Nguyễn Hựu Khôi, một chàng trẻ tuổi, nhưng sức khỏe và gan dạ thì được mọi người trầm trồ khen ngợi.

Dần dần thế lực của họ rất mạnh. Họ chiếm được tỉnh Cao Bằng, rồi đánh lan ra các nơi. Quân đi đến đâu các tỉnh hàng phục đến đấy. Nhà vua lo sợ, sai Lê Văn Duyệt cầm quân đi đánh, nhưng quân của họ chiến đấu rất dũng cảm, mấy lần đánh lui những đạo binh đông đảo của triều đình. Chẳng mấy chốc họ tiến sát Bắc thành. Quân triều đình rút vào cố thủ. Bấy giờ vào tiết tháng Bảy, nước sông lên to. Thấy thế nguy khốn, Lê Văn Duyệt vô cùng lo lắng. Hắn bèn biện lễ vật cầu thần giúp đỡ. Thần báo mộng cho biết: tối hôm sau hễ thấy nơi nào có ngọn lửa xanh thì dồn toàn lực đánh ập vào chỗ đó, thần sẽ "âm phò" cho được thắng lợi. Được lời thần, Lê Văn Duyệt ra lệnh cho các đạo quân sẵn sàng. Vào lúc nửa đêm, bỗng nhiên có một tiếng sét vang, một ngọn lửa xanh xuất hiện ở chỗ quân giặc đang đóng. Quân sĩ triều đình biết là có thần giúp, lăn xả vào chỗ có ngọn lửa. Quả nhiên, họ phá tan được giặc, bắt sống được hàng trăm người trong đó có anh lái đò Thiên Tả và Nguyễn Hựu Khôi.

Khi đưa hàng trăm tội nhân ra pháp trường xử trảm, Lê Văn Duyệt liếc thấy một tù binh dáng người vạm vỡ khỏe mạnh, tướng mạo khôi ngô, thì đem

lòng thương hại, mới gọi đến hỏi:- " Người tên là gì?"-"Nguyễn Hựu Khôi"- người ấy đáp. - " Người có tài nghệ gì không?"- " Lên rừng trói hổ, xuống sông bắt sấu, làm gì cũng được!".

Lê Văn Duyệt bèn bảo lãnh cho chàng để được"đãi tội lập công" rồi đưa vào Nam kỳ.

*

* *

Chẳng mấy chốc Nguyễn Hựu Khôi đã chiếm được lòng tin của Lê Văn Duyệt. Bất cứ công việc gì khó khăn nặng nhọc chàng đều làm cho chủ vui lòng. Sức khỏe và lòng gan dạ của chàng đã làm mọi người khiếp phục. Những tay đồ vật cũng như những nhà côn quyền đều coi chàng là bậc đàn anh. Bao nhiêu công việc hàng voi phục hổ, chàng chẳng coi ra mùi mẽ gì.

Một hôm có sứ thần nước Xiêm đến Gia Định. Để sứ thần biết oai thượng quốc, Lê Văn Duyệt sai Khôi cải trang làm lính, trà trộn trong đám quân sĩ đợi lệnh ra trổ tài cho sứ thần xem. Ở Gia Định hồi ấy, người ta có nuôi hổ trong những cái chuồng đặt trong các "khai" rào kín xung quanh. Lê Văn Duyệt truyền mở hội đấu hổ cho mọi người tới xem rồi mời sứ thần Xiêm và các quan chức cùng mình lên ngồi trên vọng đài.

Dứt tiếng trống, Duyệt truyền lệnh bắt đầu cuộc đấu. Khôi mình trần trụi, một tay cầm côn sắt, một tay cầm đuôi lợn sống tiến lại chuồng hổ mở cửa cho nó ra. Không ngờ gặp phải con hổ quá dữ, vừa ra khỏi chuồng là

chồm ngay lên mình Khôi. Chàng sợ nguy đến tính mạng, đành cho nó một côn, hồ ngã lăn ra tắt thở.

Trong khi sứ thần và mọi người đều vừa run vừa phục tào Khôi, thì Duyệt làm bộ nổi giận lấy cớ tại sao lại tự tiện giết mất hồ quý, liền rút lệnh tiễn truyền quân đao phủ dẫn Khôi ra chém. Khôi sụp lạy xin tha tội để cho mình đi bắt trói con khác. Thế rồi chàng lại cầm đuôi lợn vào "khai" mở cửa một chuồng hồ khác. Giữa những tiếng trống, tiếng reo dậy đất, chàng cùng hồ quần nhau hồi lâu. Cuối cùng một miếng đá của chàng làm cho hồ lăn ra ngã ngửa. Sấn dây ở khố, chàng lấy ra trói lại, vác đưa đến trước đài phục mệnh. Trên vọng đài Lê Văn Duyệt hài lòng, sứ thần Xiêm vô cùng tán phục. [1]

*

* *

Lê Văn Duyệt từ chỗ trọng tào đến chỗ tin yêu, nhận chàng làm con nuôi. Về phần Lê Văn Khôi - tên họ mới của người tù - cũng cảm ơn tri ngộ của chủ. Từ ngày trở thành người thân của quan Tổng trấn, chàng muốn gì có nấy. Cởi áo tù binh khoác áo võ quan, dần dần từ Phó vệ lên Chánh vệ, bước đường công danh tiến nhanh vun vút. Nhưng không bao giờ Khôi quên những bạn năm gai nếm mật đã rơi đầu dưới lưỡi đao của đao phủ. Được Lê Văn Duyệt che chở, vây cánh của Khôi mỗi ngày một đông. Nhưng giữa lúc đang thuận buồm xuôi gió thì không may Lê Văn Duyệt chết.

Lại nói chuyện, trước kia vua Minh Mạng vốn có tỵ hiềm với Lê Văn

Duyệt. Gia Long trước khi nhắm mắt có ý định bỏ trưởng lập thứ, nên cho đòi các quan đại thần về kinh để hỏi ý kiến. Riêng Lê Văn Duyệt tỏ ý bênh cho dòng đích. Nghe được tin này, Minh Mạng xiết bao căm tức. Từ khi lên làm vua, ông muốn ăn gan uống máu Lê Văn Duyệt cho hả giận. Nhưng hồi đó trong tay Lê Văn Duyệt còn nắm binh quyền, nên Minh Mạng đành nuốt giận làm lành. Cho đến ngày Duyệt chết, Minh Mạng mới bãi bỏ chức tổng trấn, giải tán Nam thành; thành Phiên An bây giờ chỉ là thủ phủ của Gia Định, còn sáu tỉnh Nam kỳ trực thuộc với triều đình. Minh Mạng lại cử bố vợ của mình là Bạch Xuân Nguyên làm bố chính Gia Định, dặn cố kiểm lỗi của Duyệt lúc sống để trị tội cho thỏa lòng căm tức bấy lâu.

Lại nói chuyện quốc trưởng Bạch Xuân Nguyên vốn là một tên hung ác. Bước chân tới Gia Định, hăn ra sức bới lông tìm vết để khếp Lê Văn Duyệt vào tội lõng hành. Hăn đã giết mấy mấy người thân tín của Duyệt. Những người còn lại, hăn sai giam giữ để tra khảo. Về phần Lê Văn Khôi thì chàng hết sức đau xót cho chủ, hơn nữa lại nhìn thấy vây cánh của mình đang bị tia dần tia mòn, mưa đổ báo phục có cơ vỡ lở nay mai. Vì vậy ngọn lửa hận càng bùng bùng bốc lên.

Đã đến lúc chàng và phó vệ Hùng, bạn chàng, được Bạch Xuân Nguyên gọi vào dinh. Biết hai người này vốn được Lê Văn Duyệt tin cậy, Bạch Xuân Nguyên hỏi ngay:

- Vậy chớ hai thầy ở với Lê Văn Duyệt lâu năm, hai thầy có biết và làm chuyện chi "bất pháp" hãy nói cho ta hay thử?

Không nhịn được nữa, Lê Văn Khôi lập tức mắng ngay:

- Anh là kẻ hậu sinh mà dám khinh mạn một bậc lão tướng công thần. Nếu như thượng công còn sống thì anh làm một tên lính hầu trà của ngài cũng

không đáng. Nay ngài mới thất lộc mà anh dám kêu tên ngài ra nói xách mé như vậy. Coi chừng kéo chúng tôi lấy đầu đi đó!

Nghe mấy lời nhục mạ mình như sét đánh bên tai, Bạch Xuân Nguyên giận tràn hông, vội thét lính bắt giam Khôi lại để trị tội. Nhưng Khôi không dễ bị giam lâu. Đêm hôm ấy, chàng đã tìm được cách vượt ngục. Lập tức, chàng kêu gọi quân sĩ của mình đột nhập vào các dinh thất bắt bọn quan tnh giam lại. Riêng Bạch Xuân Nguyên bị họ tẩm dầu làm bó đuốc sống đốt trước mồ Lê Văn Duyệt.

Tuy mọi việc chưa sẵn sàng, nhưng đã lờ cười lên lưng hổ, Lê Văn Khôi đành liêu cùng các bạn kêu gọi mọi người kéo cờ khởi nghĩa. Chỉ trong một tháng họ lấy được cả Nam kỳ. Minh Mạng cả sợ, sai tướng đem đại quân vào đánh. Quân của Khôi ít, lại bị dàn mỏng nên sau mấy trận quyết chiến giữ không nổi, cuối cùng phải rút vào thành Phiên An cố thủ. Minh Mạng hăm hở ra lệnh vây thành. Nhưng tuy bị vây, thành vẫn trơ gan đứng vững. Minh Mạng càng nóng lòng nóng ruột muốn hạ mau mau, song dù quân đông tướng giỏi súng nhiều, thành vẫn không làm sao hạ nổi. Việc đó làm cho nhà vua hết sức bức bối.

Một hôm, Minh Mạng giả làm dân thường đi dạo chơi ở cánh đồng phía Tây kinh thành. Vua thấy có một bầy trẻ chăn trâu đang chơi trò xây thành bày trận. Tò mò, ông dừng lại xem. Toán trẻ trong thành hết sức cố thủ, toán trẻ ngoài thành đánh mãi không được bèn nghĩ ra kế chất rơm lên xe đốt lửa đẩy vào, nhờ đó cuối cùng thành bị hạ. Lập tức, Minh Mạng sai các tướng học theo kế hỏa công của bọn trẻ mà làm, và nhờ đó ông hạ được thành Phiên An. [2]

KHẢO DỊ

Đồng bào Tày kể chuyện Lê Văn Khôi như sau:

Ngày xưa có ông Hai Khôi là người rất khỏe ở xóm Na-giam (Cao Bằng). Khôi bị bọn quan bắt đi tải lương. Một hôm đi đến chợ Xum - lau, ông gặp hai người trẻ tuổi đón hỏi làm quen. Hai người tự xưng là Bảo Ngược, là thần thường luồng. Họ nhờ Khôi đưa giùm một bức thư cho hai nàng Sào Ngược ở Na-giam và nhờ giữ thật kín, sẽ xin hậu tạ. Khôi nói: - "Đây là một cái miếu cổ, làm gì có người?" - Họ trả lời: - "Đến đây cứ gọi lên: "Nàng Đang nàng Đạt ở đâu ra mà nhận thư!", khắc có người ra tiếp". Khôi nhận lời, nhưng đi đến Kẹo-vụt, chàng bóc trộm ra xem. Chàng chẳng thấy trong thư có chữ nghĩa gì cả, trừ vết máu đỏ lòe.

Khi đến, quả có hai người con gái đẹp tiếp Khôi. Sau khi đọc thư, họ hứa hậu tạ và dặn khi nào lợi qua khe, hãy nhìn thấy vật gì cũng cứ nhặt lên. Đến lúc qua khe, Khôi chẳng nhìn thấy gì cả trừ một đồng bọ trôi quanh quần ở chân. Chàng vốc không được, nhưng khi há miệng thì bao nhiêu bọ lọt vào miệng chàng tất cả. Từ đó Khôi khỏe mạnh gấp mười ngày trước, có thể tay không đánh chết hổ.

Một hôm đi qua dinh thấy có một bọn lính đông đúc, đang hè hụi khiêng cột gỗ ngâm dưới ao lên dinh, mà khiêng không nổi. Khôi cười nhạt, bảo họ cho cơm ăn, mình sẽ làm hết cả công việc. Bọn lính nhường tất phần cơm của họ cho chàng. Một mình Khôi ngốn hết, rồi xuống bắt tay chuyển gỗ. Mỗi chuyến chàng vác được bốn cột: hai cột hai vai, hai cột cặp nách, đưa lên quãng rầm rầm bên dinh trấn làm cho quan ngủ không được. Khi thấy sức khỏe kỳ lạ của Khôi, quan rất khen ngợi. Nhân lúc ấy Thượng công Lê Văn Duyệt có một con ngựa bất kham, rao khắp nơi rằng ai trị

được sẽ cho làm quan. Quan trấn cử Khôi về. Chàng quả trị được con ngựa. Từ đó mới làm con nuôi Lê Văn Duyệt.

Về sau Khôi nổi binh đánh triều đình. Khôi ước hẹn với người anh là Vân cùng khởi sự. Anh nổi lên ở phía Bắc, em nổi lên ở phía Nam, làm cho triều đình đối phó hết sức vất vả. [3]

[1]. [1] Đoạn này theo Nguyễn Bính. *Truyện cổ tích Việt Nam*.

[2]. [2] Theo Jê-ni-bren (Génibrel). Sách đã dẫn và Trương Vĩnh Tống. *Mỹ Âm tùy bút*.

[3]. [3] Theo lời kể của đồng bào Tày (do Thân Văn Lư sưu tầm).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
101. BA VÀNH

Ngày xưa, ở làng Minh Giám có một chàng trai nổi tiếng khỏe mạnh. Lúc mới sinh có nhiều tướng lạ: tay dài quá gối, răng liền một hàng, trên trán có ba đường chỉ ngang. Vì thế lớn lên, người ta quen gọi chàng là Ba Vành. Còn một điều đặc biệt nữa là ở mỗi bên chân có một chòm lông xoăn. Hai chòm lông này có phép rất mau nhiệm. Hễ lúc nào nắm lấy chòm lông mà vuốt thì thân thể tự nhiên nhẹ nhõm, có thể nhảy một phóc vọt qua nóc nhà, hay từ trên cây cao buông người rơi xuống đất mà không việc gì. Tuy có tướng lạ, Ba Vành vẫn giấu không cho ai biết.

Nhà nghèo, Ba Vành phải đi ở chăn trâu độ thân. Chàng thường chơi với bọn trẻ chăn trâu trong làng. Một hôm, cả bọn rủ nhau bày trò chia phe đánh trận. Phe Ba Vành sau một lúc chiến đấu, bị thua phải bỏ chạy; những đứa trẻ thuộc phe bên kia đuổi theo. Khi sắp tới một khe sâu, bị đuổi kíp quá, Ba Vành liền dừng lại vuốt hai chòm lông rồi làm một nhảy vượt sang tận bờ bên kia. Cả đám trẻ thấy vậy trố mắt đứng nhìn và kêu lên: -"Kìa, trông thẳng Vành có phép phi thân!". Từ đó, chúng thần phục Ba Vành, tôn chàng làm vua, gọi là vua Ba Vành.

Một hôm, Ba Vành đi trâu ăn lúa của một mụ nhà giàu trong vùng. Mụ này nổi tiếng ngoa ngoắt, đã từng được người ta gọi là Chua Lùng. Nghe tin báo, mụ chạy ra réo tên Ba Vành mà chửi ầm ĩ. Không nhịn được chàng liền ra lệnh cho bọn trẻ bắt lấy mụ đưa vào bãi lau gần đấy để trị tội. Ba Vành lấy dao rạch mồm, và bảo: -"Muốn chửi, ta mở rộng mồm mà chửi cho sướng!". Đoạn anh giết con trâu mình đang chăn cho bọn trẻ ăn khao. [1] Việc làm của Ba Vành bị bọn nhà giàu và bọn hào cường thù ghét. Chúng cho người truy lùng anh. Ba Vành trốn trên một lùm cây. Bọn chúng rình mò vây bọc trong mấy ngày trời. Nhưng khi chúng xông vào thì Ba

Vành đã kịp thời vượt lông xoắn làm một phóc vọt qua ngọn tre. Cả bọn kinh hãi bỏ dở cuộc vây bắt.

Từ đó, Ba Vành làm giặc chống lại triều đình. Nghe tin Ba Vành có võ nghệ phi thường, người ta theo về rất đông. Họ vẫn gọi tên chàng là vua Ba Vành. Quân của chàng đánh đâu thắng đấy. Nhờ hai chòm lông, Ba Vành xuất quỷ nhập thần. Có những lúc chàng nhẹ nhàng nhảy vào doanh trại địch diệt sạch những tên chỉ huy. Rồi lại nhẹ nhàng nhảy ra, sau đó đưa quân tiến đánh. Bọn lính địch mất tướng như rắn mất đầu, chỉ còn biết vất chân lên cổ mà chạy.

Về sau, nhà vua sai Nguyễn Công Trứ làm tướng cầm mấy đạo quân triều đình đi đánh Ba Vành. Nhưng quan quân tuy đông, cũng không làm sao thu được thắng lợi. Dù bị vây bọc như thế nào, Ba Vành cũng phi thân nhảy ra được; việc đó làm cho quân triều đình hết sức ngơ ngác và khiếp đảm, tiếng đồn làm họ ngày một ngã lòng. Thấy kẻ địch có phép xuất quỷ nhập thần, Nguyễn Công Trứ cũng e ngại. Ông cho tra hỏi dân chúng các làng xem phép thuật của Vành ra làm sao, nhưng chẳng một ai biết mà trả lời. Nguyễn Công Trứ lại càng lo lắng.

Dò la mãi không được, Nguyễn Công Trứ bèn lập một mẹo mới. Ông ra lệnh cho quân sĩ làm bộ rút lui, và cho phép các cơ đội đón phường chèo về mở cuộc vui trong mười đêm ngày. Quả nhiên, mẹo của ông có kết quả tốt.

Quân lính của Ba Vành có nhiều người say mê hát chèo đến nỗi phải cải trang làm dân thường lén đến doanh trại triều đình, trà trộn trong đám dân làng xem hát. Nguyễn Công Trứ rình bắt được một số đem về tra hỏi, thì trong đó có hai người thân tín của Ba Vành. Ông chỉ cật vấn họ về những điều bí mật xung quanh phép lạ của Ba Vành. Hai người lúc đầu nhất định không chịu nói. Nhưng vị tướng của triều đình rất khôn ngoan, không hề

dùng đến kìm kẹp mà vẫn cho tiếp đãi hai người rất hậu. Họ muốn gì có vậy. Quả nhiên, về sau hai người đành chịu khai ra hai chòm lông xoắn rất màu nhiệm của chủ tướng. Nghe đoạn, Nguyễn Công Trứ liền lần thêm một bước, dỗ dành hai người trở về tìm cách cắt cho được hai chòm lông của Ba Vành, để không những "đái tội lập công" mà còn mong ban thưởng quan cao lộc hậu.

Hai người vâng lời trở về. Gặp lại chủ tướng, họ nói dối là mình bị bắt nhưng nhờ mưu trí nên trốn thoát được. Ba Vành không ngờ họ đã trở thành những tên phản bội, vẫn đối đãi thân cận như xưa. Một hôm đến phiên hai người túc trực cho chủ tướng nằm ngủ, họ lén dùng kéo cắt phăng hai chòm lông ở chân Ba Vành, rồi mật báo cho Nguyễn Công Trứ biết. Được tin, Nguyễn Công Trứ vội thúc quân tiến đánh, vòng vây mỗi ngày một xiết chặt. Ở trong đồn lũy, bộ hạ của Ba Vành khuyên chàng sớm trốn ra. Nhưng tin vào hai chòm lông màu nhiệm của mình, Ba Vành vẫn cười ha hả bảo rằng:

- Cho các người lọt ra trước đi, còn ta, ta chờ chúng đến sẽ nhảy ra cũng chưa muộn.

Không ngờ đến lúc quân triều đình đã lọt vào tận cửa buồng, Ba Vành mới mở đến hai chòm lông thì ôi thôi, chúng đã bị cắt gọn từ lúc nào rồi. Không còn có cách gì trốn tránh được nữa, ông đành giơ tay chịu trói. [2]

KHẢO DỊ

Về loại truyện có tình tiết dùng mẹo bày cuộc hát chèo để đánh phá khởi nghĩa, ở Nghệ An còn có truyện như sau:

Vào thời hậu Lê, ở Sơn Nam có một nhóm khởi nghĩa nổi lên. Vì quân đóng ở làng Hóp nên người ta gọi là "giặc Hóp". Giặc Hóp rất mạnh. Nhà vua sai bao nhiêu danh tướng đi đánh đều thất bại. Có một trận, đại quân triều đình bị đối phương tập kích ngã xuống ao sâu chết không biết bao nhiêu mà kể. Những xác rơi xuống ao bị thối rữa có giò, nên người ta gọi là ao Giòi.

Sau cùng, nhà vua sai Trương Đắc Phú, một viên quan về hưu, quê ở làng Phú Nghĩa đi đánh dẹp. Trương Đắc Phú ra Sơn Nam không tiến công mà lại cho người đến giảng hòa với giặc Hóp. Rồi đánh tiếng là đi làm lễ cầu siêu cho quân sĩ triều đình tử trận, ông đến ao Giòi cho quân đóng lại, một mặt rước thầy cúng bày đàn trắng làm lễ; mặt khác rước một đoàn hát chèo gồm nhiều cô gái đẹp, hát hay múa dẻo đến hát. Ông soạn một vở chèo gọi là "Sĩ nông công thương, ngư tiều canh mục" rất vui nhộn. Cuộc vui mở trong mười đêm. "Giặc Hóp" nghe tin, có nhiều người cải trang đến xem chèo. Đêm vui nhất cũng là đêm quân khởi nghĩa bỏ trại đi xem hầu hết. Thừa dịp đó, quân của Trương Đắc Phú bí mật kéo đến vây trại, trong khi đó thì những tên làm nội ứng đã bí mật lấy trộm vũ khí của trại cất đi. Vì vậy, quân khởi nghĩa bị bắt gọn. [3]

Về truyện *Ba Vành*, người miền Bắc kể sự tích và những trận chiến đấu của quân khởi nghĩa có khác với người Nghệ Tĩnh. Đại khái là:

Ba Vành là người võ nghệ tinh thông, nổi bật là môn nhảy qua nóc nhà, ném cối đá qua tường, phóng và bắt mũi giáo mũi tên, trăm lần không sai, v.v... Thủ hạ của Vành có người sử dụng đại đao, có người phóng giáo

tài tình, có người tướng lạ như tai to bằng lá bàng, mũi lớn lấp mắt, râu dài quá rốn, mặt to vuông tượng, bụng phệ tày bồ, v.v... Câu thành ngữ truyền tụng là: "Tai Tổng, mũi Ước, râu Nơ, mặt Tuần Nhưng, bụng huyện Xứng".

Sau khi phá tan thủy đội của thống chế Cúc, uy danh Ba Vành lừng lẫy khắp Sơn Nam. Chiếm đóng phủ Kiến Xương. Vành cũng đồng thời chiếm được hai cô gái đẹp - hai chị em con Phủ Trúc - làm vợ.

Tiếp theo là những trận Vành giao chiến với thống chế Đặng. Hai bên tỷ thí với nhau suốt ba ngày. Đến ngày thứ ba, Đặng rút thiết côn, Vành làm bộ bị thương ngã ngựa, nhưng kỳ thực ra hiệu cho thủ hạ ném giáo tới cho mình bắt. Bắt được mũi giáo nào, lập tức Vành phóng vào đối phương. Đến mũi thứ năm, thống chế Đặng không tránh kịp, thùng bụng mà chết.

Mất hai tướng, triều đình tức giận dồn quân vây bọc căn cứ. Vành không đường tiến lui tướng nguy đến nơi. Nhưng chàng đã kịp thời ra lệnh cho quân mình ngấm tằm khai một con sông từ căn cứ thông ra biển, chỉ trong một đêm là xong. Trời vừa sáng thì quân của Vành cùng quân nhu khí giới đều rút ra được ngoài biển làm cho tướng lĩnh nhà vua hết sức ngỡ ngàng.

Cuối cùng, bọn tướng lĩnh dùng mưu cổ sức tiêu diệt Ba Vành. Chúng kết án Phủ Trúc vào tội " thông phi", bắt phải dụ bắt chàng rể cho kỳ được để "đái tội lập công". Hôm ấy, nhà Phủ Trúc có giỗ, Vành đưa cả hai vợ về dự. Được tin báo, quân triều kéo về vây bọc trùng trùng điệp điệp. Vành khinh suất không nghe lời can của thủ hạ, đòi ngủ lại sau khi rượu say. Sắp đi nằm bỗng nghe tiếng động, Vành chạy ra. Mười thủ hạ liều chết mở một đường máu cho chủ tướng thoát. Nhưng sức nhớ tới hai người vợ yêu, Vành lại trở vào. Quân triều đổ dồn tới đông vô kể, Vành chạy ra đến bờ sông đã bị thương nặng. Tuy vậy, chàng còn phóng lao làm chết hàng đồng mới chịu để chúng bắt. Đêm ấy Vành cắn lưỡi tự tử. Khi người ta đem đầu Vành bêu ở trấn, hai người vợ Vành đến cúng một tuần rồi cũng đâm cổ chết theo.[4]

Về hình tượng Ba Vành với hai chòm lông xoắn đặc biệt, làm cho chàng có phép nhảy cao, xem lại nhân vật Cỗ Bu trong truyện Cỗ Bu (số 96) cũng nhờ có lông dưới lòng bàn chân nên có phép lặn giỏi. Trong một số truyện của các dân tộc cũng có loại hình tượng nhân vật nhờ một dị dạng nào đó (như có một sợi lông mọc ở chỗ đặc biệt) mà trở nên có phép lạ, nhưng có khác là những nhân vật đó không được xây dựng thành nhân vật chính diện trung tâm của câu chuyện. Ví dụ, ở truyện *Quý háng trắng* của dân tộc Mèo, có một anh hùng đánh nhau với mục quỷ trắng, anh dùng vải phép trói được mục, rồi cầm dao chém, nhưng lưỡi dao bật ra như chém vào đá, cầm giáo đâm thì mũi giáo quẩn lại. Bỗng có người mách rằng: nếu không nhổ cái lông dưới lòng bàn chân mục thì không giết được. Anh bèn lấy dao khoét lòng bàn chân mục quỷ, nhổ ra được một cái lông như lông nhím. Bị nhổ mất lông, mục bỗng rùng mình, tự nhiên lông lá mọc đầy người, biến thành lợn lòi chạy vào rừng.[5]

[1] Đoạn này theo lời kể của người Thái Bình.

[2] Theo lời kể của người Hà Tĩnh (do Mạnh Sào Quan sưu tầm).

[3] Theo *Thần tích xã Phú Nghĩa*.

[4] Theo Thực nghiệp dân báo(1923) và theo lời kể của người Thái Bình, Nam Định

[5] Theo Truyện cổ dân tộc Mèo, sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
102. HAI NÀNG CÔNG CHÚA NHÀ TRẦN

Vào thời nhà Trần có một ông vua sinh được năm nàng công chúa, trong đó có hai nàng xinh đẹp: một người tên là Bảo Nương, một người tên là Ngọc Nương. Năm hai nàng đến tuổi lấy chồng, vua cha toan hạ chiếu kén rể nhưng cả hai đều từ chối. Họ chỉ thích đi xem núi sông cảnh vật trong nước. Họ tâm với vua cha trong một buổi vấn an: - "Thưa phụ hoàng! Phong cảnh nước nhà thật muôn phần cẩm tú. Chúng con chưa muốn lấy chồng. Chúng con chỉ xin phép phụ hoàng đi chơi một chuyến để xem cho thỏa thích".

Vua Trần không biết làm sao can ngăn được, đành phải chiều ý hai con. Họ cải trang thành hai gã con trai, mang theo một số người hầu hạ, và từ đấy, đoàn du hành không quản gió sương, đi khắp mọi nơi trong nước, đặt dấu chân ở nhiều danh lam thắng cảnh.

Vào hồi đó, có giặc Nguyên sang cướp nước ta. Quân của chúng rất hung ác, đi đến đâu thì cướp bóc tàn phá đến đấy. Dưới tay chúng, những đình đài miếu mạo cũng như nhà cửa dân cư đều lâm kiếp tro bụi. Nhà vua phái bao nhiêu quân đội đến biên thù nhưng không sao ngăn được bước tiến của chúng. Chẳng bao lâu, chúng đã chia nhau chiếm khắp đầu gò cuối bãi một vùng hữu ngạn sông Thương, đóng đồn la liệt, để rồi hãm hiếp, chém giết, đốt phá không còn kiêng nể gì.

Bấy giờ, hai nàng công chúa đang ở bên tả ngạn sông Thương. Vì vùng Đa-mỗi có nhiều phong cảnh đẹp, nên hai chị em sai làm nhà trên bờ sông để tiện trú chân ngắm cảnh. Thấy đất nước và dân cư bị tàn phá vì lũ giặc

hung hãn, hai nàng xiết bao căm tức. Họ bèn bàn với nhau cho người về xin phép vua cha một phen liều mình diệt giặc.

Cầm đầu lũ giặc lúc đó ở vùng Bắc Giang có hai tên tướng tiên phong. Chúng lăm le vượt sông tiến nhanh về phía Kẻ Chợ. Hai nàng bí mật bàn với các phụ lão làng Đa-mỗi giúp cho mình thực hiện được mưu kế.

Thấy họ quả quyết, các phụ lão đành vâng lời. Hai nàng bèn trang điểm rất đẹp, giả làm hai cô gái bán hàng ở chợ ben sông, cố làm cho giặc ở bên kia trông thấy. Quả nhiên, hai tên tướng giặc vừa nhác thấy bóng hồng thì tâm thần mê mẩn, chúng liền rút lệnh tiễn cho quân hầu sang sông, truyền lệnh cho lang Đa-mỗi phải đưa sang dâng nạp hai người con gái đó, nếu kháng cự thì dân làng sẽ không thoát được cái vạ "làm cỏ" một khi quân "thiên triều" sang sông. Hai nàng bảo chúng:

- Chị em chúng tôi vẫn có lòng chờ hai tướng quân. Nhưng chúng tôi vốn là con vua cháu chúa cũng biết chút lễ nghĩa. Nếu hai tướng quân có lòng thương thì cho sang đây hai chiếc thuyền hoa, chọn ngày lành tháng tốt, đón về tử tế. Nếu tính chuyện "câu hợp" thì chị em chúng tôi thà nhảy xuống sông phó cho dòng nước, chứ không chịu để nhor nhuốc tẩm thân.

Quân hầu trở về tin lại. Hai tên tướng giặc bèn sai lấy hai chiếc thuyền, trang sức đẹp đẽ, cho mười quân hầu và thị nữ mang vàng bạc chèo sang đón về. Thấy chúng đến, hai nàng đón tiếp rất tử tế, sai dọn cỗ bàn mời chúng ăn. Trong khi đó, có mấy người thợ mộc đã cắt đặt sẵn, kín đáo lôi thuyền lên bãi dùng khoan đục mỗi thuyền chừng vài chục lỗ nhưng chú ý đút nút kín lại, rồi đưa xuống nước như cũ. Sau khi phái mấy người thân tín phi ngựa về Kẻ Chợ báo tin cho quân triều, hẹn ngày tiến quân, đồng thời gửi lời vĩnh biệt của mình tới hoàng hậu, vua cha và anh chị em hoàng thân quốc thích, hai nàng quay ra bảo mấy tên quân hầu của giặc:

- Các người về bẩm với hai tướng rằng chị em chúng tôi đã chọn được ngày lành tháng tốt, đúng giờ thân sẽ xin xuống thuyền sang sông. Nhưng hai chị em chúng tôi phải lên chỗ muôn tên nghìn giáo thì rất sợ hãi, chỉ mong hai tướng quân cùng đi thuyền đến làm lễ hợp cẩn ngay trên thuyền hoa này.

Đúng ngày hẹn, hai nàng công chúa xuống thuyền. Sắp sang bên kia sông, hai nàng nhất định bắt quân hầu cầm lại để đợi. Quả nhiên, hai tướng giặc chờ không được phải thân hành đi thuyền đến. Trông thấy hai nàng xinh đẹp, bọn chúng hết sức thèm muốn. Cho nên sau chén rượu hợp cẩn, chúng đã ra lệnh cho bao nhiêu thuyền khác lui ra xa.

Giữa lúc hai tên tướng giặc đang say sưa vì rượu nồng gái đẹp thì những chàng trai làng Đa-mỗi đã ước hẹn sẵn, lặn ra giữa sông, lần đến dưới đáy hai chiếc thuyền hoa, tháo tất cả những cái nút to nhỏ ra. Nước chảy mạnh vào thuyền và không mấy chốc đưa tất cả xuống thủy phủ.

Bấy giờ quân triều đình đã bí mật kéo tới rất đông. Khi được người Đa-mỗi kể lại tin đó, họ vượt sông ba mặt tiến đến đánh úp. Bọn giặc không tưởng như rắn mất đầu nên tan vỡ rất chóng. Cuối cùng, quân ta đã tiêu diệt được cả một cánh tiên phong địch, chặn được bước tiến của chúng, nhờ đó đủ thì giờ cho vua quan và tướng sĩ rút lui khỏi kinh thành.

Về sau, đến ngày đại quân của nhà vua đuổi giặc ra ngoài bờ cõi, người ra nhớ đến công lao hai nàng công chúa Bảo Nương và Ngọc Nương nên dựng đền tại nhà của họ ở Đa-mỗi để thờ.[\[1\]](#)

[1] Theo Thần tích làng Đa-mỗi, và Trịnh Như Tấu. Bắc giang địa chí.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
103. VỢ BA CAI VÀNG

Ngày xưa ở tổng Hoàng-vân có một viên cai tổng, người ta thường gọi là Cai Vàng. Thưở trẻ ông ta bắt được một viên ngọc kỳ đạ, đeo vào người có phép làm cho những mũi tên hòn đạ sắp đụng vào da thịt phải rẽ đi lối khác. Ông rất mừng rỡ, từ đó đeo vào người không bao giờ rời.

Trong thời kỳ làm cai tổng, có lần Cai Vàng tiêu mất tiền thuế, bị quan tỉnh bắt giam ở ngục, tra tấn rất khổ sở. Lúc quân canh giải qua một khu rừng, Cai Vàng nhân lúc mọi người sơ hở, bẻ gông bỏ chạy. Bọn lính áp giải vừa đuổi vừa bắn, nhưng nhờ có phép màu của viên ngọc, ông trốn thoát vô sự. Từ đấy Cai Vàng chiêu tập đồ đảng, sắm sửa khí giới chống lại triều đình, tự xưng là Thượng công.

Cai Vàng có ba người vợ, đáng chú ý là người vợ thứ ba, mới hai mươi tuổi mà võ nghệ tuyệt trần. Trước ngày mưu đồ việc lớn, ông cho gọi cả ba vợ đến họp với mình để dò tình ý. Ông hỏi:

- Tôi nay không khác gì cưỡi trên lưng hổ, sớm muộn bọn chúng cũng chẳng để yên cho nào. Vậy tôi muốn một phen chọc trời khuấy nước, diệt cho hết lũ tham tàn để vẫy vùng riêng một cõi. Ba nàng nghĩ sao?

Người vợ cả thưa rằng:

- Châu chấu chống xe làm sao được? Chàng đừng nghĩ đại dột! Cái vạ diệt tộc hãy còn rình sau lưng đấy. Mong chàng nghĩ lại thôi. Nếu chàng dấy quân, thiếp đành xin trở về nuôi mẹ. Một mai nhớ có việc gì, thiếp xin phụng dưỡng mẹ già thay chàng.

Người vợ thứ hai cũng tiếp luôn:

Chàng ơi! Nghe thiếp đừng đi,

Cửa nhà cơ nghiệp thiếu gì ăn chơi!

Nhưng nghe hai người đàn bà ấy một mực "bàn ra", người vợ thứ ba không nhin được, tức giận hằm hằm quát to lên rằng:

- Hai chị không biết lúc này là lúc nào ư? Chim không bay được, cây không mọc lên chỉ vì bọn chúng. Hiện nay bốn phương nhao nhác còn chờ Thượng công. Những lời yếu đuối của hai chị nên mang về xó bếp. Thiếp tôi nhất thua nhì được, quyết xin theo chàng đến cùng, diệt phường Kiệt Trụ, gây dựng cơ đồ. Người nào thương mẹ nhớ cha cứ cho về!

Nói rồi cười ngựa thét loa ra bãi tập với các quân sĩ. Thấy ý vợ ba cương quyết nên Cai Vàng không trừ trừ nữa, nhất định tể cờ khởi nghĩa. Chẳng bao lâu mọi nơi hưởng ứng, người ngựa chật đất. Bộ hạ của ông sức khỏe như hùm sói, võ nghệ rất cao cường. Có những người như Lý Hạnh tự xưng là nguyên soái, Lý Chuột tự xưng là quận công, Tuần Cận làm tiền quân, v.v... Vợ ba Cai Vàng trỗi lên giữa đám tướng sĩ đó. Trong trận đánh chiếm phủ thành Lạng-giang, nàng hai tay cầm hai thanh gươm ngồi trên mình ngựa xông ra giữa hàng trận, quan quân chỉ còn biết rê ra mà chạy. Lấy được phủ Lạng, nàng giao thành lại cho chồng, rồi tự cầm quận tiên phong tiến đánh huyện Văn-giang.

Nghe tin Cai Vàng nổi loạn, bọn quan tỉnh dồn tất cả quân sĩ đến vây phủ Lạng, hòng cướp lại. Bấy giờ vợ ba Cai Vàng đang vây huyện lỵ Văn-giang, nghe quân cấp báo, liền nói: -"Thằng nào dám cả gan như vậy! Ta

chỉ vén váy diệt cho một trận thì e chúng mày chạy bằng bay cũng không thoát!". Lập tức, nàng kéo quân trở về kịch chiến với quan quân. Bọn quan tinh địch không nổi, bị đánh tơi bời. Thấy khó đương với giặc, bọn chúng liền làm biểu tâu vua. Vua sai mấy viên đại tướng điều quân sĩ mấy tỉnh khác về, bắt họ diệt cho được Cai Vàng.

Hai bên cầm cự luôn mấy tháng. Mỗi lần giáp chiến, Cai Vàng xông lên trước, tên đạn bên quân triều đình trút vào người ông như mưa, nhưng chẳng ăn thua gì. Thấy thế, bọn chúng khiếp đảm, cho là ông có trời giúp, ai nấy ngã lòng, quân đảo ngũ ngày một nhiều.

Về sau, có một người thủ hạ thân tín của Cai Vàng phạm tội, hăn sợ chủ giết, nhân đêm tối lén sang đầu hàng quân triều đình. Hăn mách:

- Thầy tôi có ngọc đeo vào người, những thứ đạn gang bắn vào thì chẳng khác gì chạm vào vách sắt. Chỉ còn cách lấy vàng đúc đạn mà bắn, họa có trúng chẳng.

Bọn chúng nghe nói, lập tức đúc một số đạn bằng vàng giao cho những tên bắn giỏi, dặn chỉ gặp Cai Vàng mới nhất loạt nổ súng. Ngày hôm sau chúng đem quân khiêu chiến. Nguyên soái Lý Hạnh đem quân chống cự, nhưng chúng nhất thiết chỉ rêu tên Cai Vàng từ sáng đến trưa không nghỉ. Thấy thế, Cai Vàng nổi giận ruổi ngựa tiến ra. Quả nhiên đạn vàng đã làm cho viên ngọc kỵ đạn mất hết màu nhiệm. Đạn xuyên vào đầu ông và làm đứt mất một tai bên phải. Ông chỉ còn ôm đầu phi ngựa trở về phủ thành. Người vợ ba và bọn thủ hạ xúm lại chữa chạy, nhưng vết thương nặng quá, không thể cứu nổi.

Trước khi trút hơi thở cuối cùng, Cai Vàng chỉ còn troi lại với vợ được mấy

câu: - "Nàng ôi! Trời hại ta nửa đường đứt gánh... Ta giao phó tất cả quân sĩ cho nàng... Nàng gắng sức trả thù cho ta!".

Thấy chồng chết, vợ ba Cai Vàng căm uất vô hạn. Một mặt, nàng bắt mọi người giữ kín tin chồng chết và cho quân bí mật đem xác chồng vượt vòng vây đưa về chôn ở quê hương. Còn mình thì tự điều khiển thủ hạ chống cự quân triều. Nàng chọn ba trăm người quyết tử theo mình ra trận. Hôm ấy viên thống lĩnh, người đã chỉ huy quân đội bắn đạn vàng, ra ứng chiến. Nàng chống đỡ mấy hiệp rồi giả cách thua chạy. Thống lĩnh ta đang quáng quàng về thắng lợi, mừng quỳnh vội thúc ngựa đuổi theo rất gấp. Không ngờ thấp cơ thua trí đàn bà, hăn bị nàng dùng chước đà đao, thành linh quay lại bắt sống được. Lập tức nàng cắt nách đưa về thành, sai bỏ cũi giải về quê hương, đốt làm nền tế ma cho chồng.

Từ đó, tướng sĩ lại càng hồ hởi. Trong một trận giao phong khác, vợ ba Cai Vàng lại bắt sống được một viên Hồng lô. Thấy tướng địch là một người trẻ tuổi đẹp trai, nàng không nỡ giết, sai giam hăn lại, cho ăn uống tử tế. Quân lính của nàng còn thắng mấy trận nữa, nhưng lúc bấy giờ quân triều đình biết tin Cai Vàng đã chết, nên lại cố sức vây đánh. Cuối cùng quân của nàng phải bỏ phủ thành tản về các nẻo. Biết cơ khó duy trì được lâu dài, một hôm vợ Cai Vàng hội các tướng sĩ lại, bảo họ:

- Nay Thượng công đã mất, chúng ta chưa gặp thời. Vậy cho mọi người ai nấy về nhà làm ăn, đợi dịp tốt khác sẽ hay.

Các tướng sĩ đành gạt nước mắt chia tay. Nàng cho người giải viên Hồng lô trả cho triều đình với điều kiện để cho quân mình được tự giải tán, không truy nã.

Đoạn nàng sai đem tất cả của cải phân phát cho mọi người rồi bỏ đi, không

biết là đi đâu. [1]

KHẢO DỊ

Người miền Nam kể chuyện *Doãn Uẩn làm vua nước Xiêm* tuy nội dung không giống truyện trên nhưng cũng có hình ảnh viên ngọc kỳ đạn.

Doãn Uẩn quê làng Mùi, huyện Thượng Phúc (Hà Đông). Ngày ấy có quân Xiêm kéo vào bờ cõi, vua sai ông làm tướng đem quân chống cự. Trong mình ông vốn có viên ngọc kỳ đạn. Bèn lên ngồi trên cửa thành, đầu che tán lọng, đồng dặc bảo quân địch: - "Cho chúng bay bắn trong nửa ngày, nếu ta chết quân ta sẽ mở cửa thành cho vào, bằng không chết thì phải rước ta về làm vua nước chúng bay. Một lời đã hứa ta quyết không sai. Có bằng lòng không?". Quân Xiêm nhận lời. Chúng bèn rót đạn vào ông như mưa, tán lọng đều đổ và bọn lính hầu đều chết sạch. Duy có ông vẫn ngồi yên, địch bắn tới nửa ngày không một viên nào trúng. Chúng kinh hoàng toan lui quân thì bỗng ông đứng dậy hô quân nhất tề tiến lên. Địch bấy giờ hết cả đạn thua chạy và quy hàng. Cuối cùng chúng tôn ông làm vua nước Xiêm cho đến 42 năm mới chết. Xác ông được mang về trả cho vua ta.

Về sau có lần vua Xiêm, dòng dõi của Doãn Uẩn, sang ta thăm có đem các quan tùy tùng về làng Mùi để thăm mộ tổ. [2]

Người miền Bắc khi kể về Quận Vùg (tức Nguyễn Cồ) chống Pháp ở Sơn Tây cũng có nói ông có viên "ngọc trận" đeo vào mình thì tên đạn không

bắn trúng được. Giặc Pháp không biết làm cách nào để đàn áp bèn cho một tên Việt gian bắn giỏi giả cách theo Quận Vùng. Quận Vùng không ngờ mưu gian, lại thấy hãn tài bắn bèn nhận làm thủ hạ, cuối cùng bị hãn giết chết bằng dao. [3]

104. VUA HEO

Ngày xưa có một đứa bé không cha không mẹ, được người ta nhặt về nuôi để sai vặt. Vì nó bẩn như lợn nên người ta gọi là thằng Heo. [4] Mặc cho ai muốn chế nhạo khinh bỉ mình thế nào, Heo vẫn coi thường mọi người. Trải qua những năm đói kém, Heo vẫn sống và ngày một lớn. Năm mười lăm tuổi, Heo đến ở với một ông quan lớn.

Một hôm, ông quan bắt Heo múc một thau nước để rửa chân cho mình. Khi Heo mó đến chân quan, quan trở vào mấy cái nốt ruồi và dặn:

- Tao có ba cái nốt ruồi đỏ ở chân đây. Mà hãy coi chừng! Nếu cào xước lên thì cả họ nhà mày cũng khó mà đền cho ta cái tướng quý đó, con ạ!

Heo ta nghe nói nghĩ bụng: - "Cái thứ người mới chỉ mới có ba nốt ruồi vặt đã làm gì mà nặng lên như thế!". Nghĩ đoạn, Heo vạch áo cho quan xem những nốt ruồi của mình và nói:

- Quan lớn chỉ có ba cái nốt ruồi thôi mà đã quý đến thế, còn tôi có đến chín nốt đây này.

Ông quan thấy thằng bé có những chín nốt ruồi đỏ ở sau lưng thì lấy làm lạ lắm, bụng nghĩ thầm: - "Trời ơi! Làm sao mà nó có tướng quý thế kia! Về sau nó không làm vua thì cũng làm chúa mà thôi. Nếu để cho nó làm vua làm chúa thì còn thể thống gì nữa. Phải tìm cách giết đi mới được".

Thế rồi mấy hôm sau, ông quan trao cho đứa hầu gái một gói thuốc độc và bảo nhỏ rằng: - "Mày nhớ rắc thuốc này vào cơm cho thằng Heo ăn. Nhưng phải giữ thật kín miệng, nếu để ai biết tao sẽ giết mày trước".

Người hầu gái cầm lấy gói thuốc độc, bụng thương Heo vô hạn. Nhưng nàng không thể trái lời chủ được đành phải rắc vào bát cơm để dành phần cho Heo. Hôm ấy, Heo phải đi chợ mua giấy bút cho chủ. Trở về thì vừa lúc người hầu gái đang cho lợn ăn. Thấy Heo bưng bát cơm sắp và vào miệng, nàng vội vàng lấy thanh củi, vừa gõ vào cái máng lợn ăn vừa vờ mắng lợn:

- Heo ôn! Heo ôn! Heo ăn Heo chết, mà Heo không ăn heo cũng chết!

Nàng vừa gõ vừa nói như thế đến ba lần. Heo nghe lấy làm chột dạ, nhưng vẫn chưa hiểu ý tứ thế nào liền chạy lại hỏi nhỏ:

- Thế nào? Có việc gì nói cho tôi biết đi!

Cô gái đáp:

- Heo đừng có quên tôi, tôi sẽ cho Heo biết.

Heo gật đầu. Nàng vội dắt Heo ra một chỗ vắng, kể hết sự tình cho nghe, và bảo:

- Nếu Heo không trốn mau, tai vạ sẽ đến nữa. Không sao tránh khỏi.

Heo cảm ơn cô gái vô cùng, ôm lấy đầu nàng hôn hít và nói:

- Sau này nếu tôi làm nên thì nàng cứ tìm đến, nhưng phải đến với mớ tóc lòa xòa như thế này thì tôi mới nhận ra được.

Heo bỏ đến ở với một lão trọc phú. Trọc phú thấy Heo đến xin việc, chưa biết nên dùng vào việc gì. Nhân có mấy đứa con đang chơi bời lêu lổng, hẳn bắt Heo trông nom chúng cho mình. Công việc kể ra cũng nhàn và Heo làm tròn phận sự. Nhưng phải mấy đứa bé nghịch ngợm hết sức; chúng nó làm cho Heo phải theo dõi rất vất vả, lại thường bị mắng oan. Heo cắn răng không nói gì cả.

Một hôm, trọc phú thấy mấy đứa con có vẻ buồn bèn bảo Heo:

- Mày hãy bò xuống làm ngựa cho các anh ấy cưỡi. Có thể các anh ấy mới vui mà tao thuê mày mới đáng đồng tiền.

Heo cực chẳng đã phải phụ phục xuống cho hết đứa lớn đến đứa bé leo lên lưng. Chúng nó thích lắm. Cho nên, ngày hôm sau trò ấy lại diễn ra. Thằng con lớn của trọc phú cưỡi lên lưng Heo, nó beo tai Heo, Heo không nói gì. Một chốc, nó vớ cái roi đánh vào đít Heo, miệng kêu "nhoong nhoong" như kiểu bố nó cưỡi ngựa. Heo không nhịn được nữa, ngoái tay ra sau lưng gạt đứa bé một cái. Đứa bé văng mạnh ra đằng trước, đầu va phải tường vỡ óc mà chết.

Thấy đứa bé chết, Heo sợ, vội vàng bỏ trốn. Heo đi rất xa, tìm đến một ngôi chùa ở trên núi, xin với hòa thượng cho mình được ở lại hầu hạ rồi sẽ cắt tóc quy y. Hòa thượng đang cần một em bé hàng ngày trèo lên bệ lau chùi các pho tượng, nên nhận cho Heo ở chùa. Công việc không có gì đáng phàn nàn. Một hôm, hòa thượng nhìn thấy những chỗ kẽ chân tay của các pho tượng còn đầy bụi bặm bèn mắng Heo làm ăn dối trá. Qua hôm sau, Heo cố

sức lau kỹ vào kẽ tay kẽ chân các tượng nhưng khó mà lau cho sạch. Tức mình, Heo trợn mắt nhìn một pho tượng và nạt lớn: - "Nhấc tay lên cho ta lau!". Tự nhiên pho tượng gõ giơ tay lên trời. Lau xong, Heo lại phán: - "Duỗi chân ra nhanh, không ta cho ăn một gậy!". Pho tượng Phật đang ngồi xếp bằng vội nhồm dẫy duỗi chân cho Heo lau. Nhờ làm theo cách ấy, Heo lau được sạch tất cả các pho tượng. Lau xong đâu đấy. Heo lại hô lên cho các tượng trở về nguyên vị.

Từ đấy trở đi, Heo vẫn làm theo lối đó. Nhưng một hôm, sau khi lau xong Heo quên truyền cho các tượng bỏ tay xuống, và co chân lại, cứ để thế mà về trai phòng. Buổi tối, các hòa thượng lên chùa tụng kinh thấy tất cả tượng Phật đều đứng duỗi chân thì vô cùng kinh ngạc, mới cho gọi hết thầy sư vãi trong chùa tới để chứng kiến một cảnh tượng chưa từng có bao giờ. Khi hỏi đến Heo, chàng thú nhận là do hôm nay mình đãng trí quên bảo các pho tượng ngồi xuống như cũ. Hòa thượng nghĩ bụng: - "Chỉ có thiên tử mới sai khiến được Phật. Đứa bé này đã sai khiến được Phật hẳn có ngày làm vua. Nếu ta không báo quan trên, một mai họ truy nã, tất ta sẽ mang lỗi".

Nghĩ đoạn, hòa thượng liền cho người mật báo lên quan. Nhưng có một chú tiểu khác đã mách cho Heo biết, nên Heo bỏ trốn trước khi quan tới.

Lần này Heo đến ở với một phú thương. Trước nhà phú thương có một hàng cau mọc đều ngăn ngắt. Hẳn giao cho Heo hàng ngày phải múc nước tưới cau. Một hôm, Heo mệt quá ngồi nghỉ dưới bóng cây, Heo chỉ vào ba cây cau, buột miệng nói đùa:

- Cây này là cha, cây này là mẹ, cây này là con!

Tự nhiên, ba cây cau ấy trở nên lớn bé cao thấp khác nhau: cây cau cha vụt

lớn cao hơn tất cả, trái lại cây cau con lùn tịt xuống, buồng của nó cọ gần sát đất.

Qua hôm sau, phú thương bước ra vườn thấy mấy cây cau thay hình đổi dạng thì lấy làm kỳ dị, bèn gọi Heo đến hỏi cho ra duyên cớ. Heo đáp:

- Chính do tôi bảo mà nó thay đổi như thế!

Phú thương rất đổi lạ lùng nhưng cũng bảo Heo:

- Nếu phải thế thì mày hãy làm cho nó trở lại như cũ, bằng không tao sẽ cho mày một trận như đòn.

Heo trợn mắt, bảo hẳn:

- Người ta "ăn một đọi, nói một lời" chứ có đâu lại thế. Tôi nhất định không làm khác với lời của tôi đâu!

Phú thương nổi giận tìm gậy toan đánh Heo, Heo bỏ chạy thực mạng. Mặc dầu bụng đói, chàng không dám dừng lại. Mãi đến nửa đêm, vừa mệt vừa buồn ngủ riu mắt, Heo chui đại vào một nhà kia để kiếm chỗ ngả lưng..Trong lúc ấy các giường chõng đều chật ních những người mà lại ngủ say như chết. Heo trông thấy ở gian bên có bàn thờ Long thần vừa đủ một chỗ nằm, lại có cả chiếu dùng để đắp rất tốt, bèn vút tượng Long thần vào một xó nhà rồi trèo lên bàn làm một giấc rất ngon lành. Tờ mờ sáng hôm sau Heo đã dậy, lại tiếp tục đi nữa.

Khi chủ nhà dậy, thấy Long thần nằm dưới đất mà trên bàn thờ có vết tích người nằm chưa dọn thì lấy làm lạ, vội trái chiếu và đưa tượng lên. Nhưng

khi họ mó tay vào tượng Long thần thì lạ thay, cả bao nhiêu người xúm lại cũng không cất nổi. Đang khi ngơ ngác nhìn nhau thì bỗng có một người thượng đồng lên, thay lời Long thần bảo mọi người rằng:

- Ta vốn ở đất của nhà vua, vua đặt ta ở chỗ nào thì ta ở yên chỗ đó.

Thấy thế mọi người tin là thiên tử đã đến nhà mình tối hôm qua. Tin ấy truyền ra ngày một rộng, giữa khi dân chúng đang ngong ngóng đón chờ một vị minh chúa ra đời, cứu vớt thiên hạ khỏi cảnh lầm than điêu đứng. Hôm ấy, Heo chạy lên núi gia nhập vào một đám giặc. Chàng theo họ đi đánh, dần dần lập được nhiều công trạng. Thế rồi, nhờ sức khỏe và mưu cơ, cuối cùng chàng được cả sơn trại bầu làm trại chủ. Từ đó người ta theo về mỗi ngày một nhiều, nhất là lúc họ biết Heo là người sai khiến được Thần, Phật. Heo cầm quân chống với quân triều, đánh cho chúng nhiều trận thất điên bát đảo. Đất của Heo mở rộng ra mãi. Chàng tự xưng vua, đặt triều đình và quan chức. Kẻ thù của chàng thường gọi chàng là vua Heo.

Cho đến khi xa giá vua Heo có dịp đi qua tỉnh cũ của mình ngày trước, thì bỗng có mấy người trong đội tiền vệ dẫn một cô gái tóc xõa ngang vai đến trước ngự doanh. Thoạt đầu, chàng không nhớ ra là người nào cả. Nhưng khi nhìn đến mớ tóc, chàng nhận ra ngay người hầu gái, bạn chàng và ân nhân của chàng ngày trước. Lập tức, chàng đưa nàng về kinh, lập làm hoàng hậu.[5]

KHẢO DỊ

Dân tộc Dáy ở Lào Cai có truyện Chu Hùng Ú nói về nguồn gốc dân tộc mình, nhưng nội dung lại rất gần với truyện Vua Heo. Đại thể là:

Chu Hùng Ú là con đẻ của một cô gái bị lợn thần bắt làm vợ, anh có sức khỏe hơn người. Lớn lên, anh đi chăn trâu cho một lão nhà giàu. Vùng ấy có một cái hồ, dưới đáy có một con trâu thần thường lên mặt đất ăn cỏ. Nước bọt của trâu thần dầy vào bãi cỏ nào, những con trâu làng tranh nhau gặm kỳ hết. Có lần trâu thần ăn lúa, Ú đuổi và nhặt được một cái lông, anh cầm lấy lội xuống hồ, tự nhiên nước rẽ ra cho đi. Ú xuống đến chỗ trâu thần nhặt được nhiều bọt, đưa về rải lên cỏ cho trâu làng gặm, nhờ vậy trâu không pha hoại hoa màu của dân.

Bọn trẻ chăn trâu đặt lệ hễ ai trèo lên đỉnh núi cao chót vót thì được tôn làm vua. Chẳng đứa nào trèo được trừ có Ú chỉ nhoadi mấy cái là tới đỉnh. Từ đây Ú được chúng hầu hạ suy tôn như vua thật.

Một hôm Ú múc nước rửa chân cho chủ làng, gái phải ba nốt ruồi ở gan bàn chân. Chủ làng bảo: - "Ba viên ngọc ấy chỉ huy một vạn binh đấy". Ú trả lời: - "Quý gì thứ ấy. Tôi có sáu nốt bên chân trái và chín nốt bên chân phải đây". Thấy vậy, chủ làng liền bắt Ú nhốt vào ngục rồi bắt Ú phải đi gánh nước với đôi thùng không đáy, nhưng anh vẫn tìm cách gánh được đầy nước đưa về. Con gái chủ làng yêu anh, đưa thức ăn và vật nài mãi anh mới ăn. Sau đó, cô giúp Ú trốn khỏi nhà giam. Chủ làng cho quân đuổi

theo, Ú gài các nốt ruồi ở gan bàn chân, lập tức cây cỏ biến thành lính, đánh cho quân chủ làng thua liểng xiểng.

Sau đó chủ làng lại đưa tiếp quân tới vây. Ú dốc ống đậu đen ra, đậu đen biến thành lính, giữ quân chủ làng cho Ú chạy thoát. Đến một con sông chắn ngang, anh nhờ lông trâu thần nên sang được bờ bên kia.

Ú xin vào làm tiểu cho một ngôi chùa. Một hôm quét dọn, Ú ra lệnh cho các tượng Phật chạy khắp nhà. Sư ở chùa tin là Ú sẽ làm vua.

Vài năm sau, vùng ấy mở hội chọn người tài lên làm vua. Điều kiện là phải trèo lên được một ngọn cột rất cao cắm trên nóc cung và lấy được một vật làm dấu hiệu xuống trình với mọi người. Không ai trèo nổi, chỉ có Ú trèo lên như một con sóc, lấy được ngay.

Làm vua rồi, Ú đem dân đi đánh các nơi. Đi đến đâu họ phạt chuối đến đấy để biết dấu mà về. Có một lần, Ú đưa dân đến một vùng cứ như bây giờ là Lào Cai, khi tìm đường về thì không thể nào tìm được nữa, vì các cây chuối đã phạt lại mọc lên tốt như cũ, quân của Chu Hùng Ú đành phải ở lại đây sinh cơ lập nghiệp, tức là tổ tiên của dân tộc Dã ngày nay.[6]

-
- [1] Theo Vợ ba Cai Vàng.
- [2] Theo lời kể của đồng bào Cần Thơ.
- [3] Theo lời kể của đồng bào Sơn Tây
- [4] Heo: lợn, tiếng từ Quảng Bình trở vào.
- [5] Theo Lăng-đờ (Landes) và Jê-ni-bren (Génibrel) sách, đã dẫn. Về đoạn bắt tượng giờ tay, xem thêm truyện Nợ như chúa chổm (số 44), truyện Trạng Hiền (số 81) và truyện Đồng tiền Vạn lịch (số 41) đều ở tập II.
- [6] Theo Truyện cổ Việt Bắc đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
105. NGƯỜI THỢ MỘC NAM-HOA

Làng Nam-hoa có một người thợ mộc khéo tay tên là Chuẩn. Thưở trẻ ông lưu lạc khắp nơi vừa làm thuê vừa học nghề. Nghe ở đâu có thợ khéo là ông cố năn nỉ xin học cho được, dù có phải phục dịch thế nào cũng rất vui lòng. Tuy nhiên, sau khi đi lang thang mấy chục năm trời, ông vẫn chưa gặp được thầy nào vừa ý.

Một hôm, ông được dự vào việc xây dựng một ngôi đình ở làng nọ. Giữa bữa ăn trưa, bỗng có một ông già đến xin ăn. Các thợ khác đều lảng tránh hoặc xua đuổi, chỉ có ông Chuẩn sốt nửa phần cơm của mình cho cụ già.

Đến lúc ông tiếp tục công việc thì cụ già mon men đến gần, mượn rìu và đục, thử tạc mấy nét. Ông Chuẩn bỗng hết sức kinh ngạc vì cụ già kia có một tài nghệ phi thường đến nỗi trông những con giống chạm trên gỗ cứ tưởng là con vật sống. Ông bèn sụp lạy, xin cụ già truyền cho mình cái bí quyết của nghề nghiệp.

Từ đó ông Chuẩn trở nên khéo tay không ai bì kịp. Không những ông chạm trổ rất tài mà ông còn làm rất nhanh chóng. Bất kỳ công việc xây dựng nào khó khăn, ông đều cáng đáng được tất cả.

Sau bao năm cách biệt, ông trở về quê hương. Cũng dịp ấy, làng Hoàn Sơn ở gần làng ông có bỏ ra một số tiền lớn thuê thợ mua gỗ dựng một ngôi đình đồ sộ. Một toán thợ chọn trong những người giỏi nhất vùng được mời khởi công. Công việc tấp nập đã kéo dài hơn ba tháng nhưng vẫn chưa xong một góc đình. Ông Chuẩn nghe tin bèn làm ra vẻ đói khổ, tìm đến xin ăn và ngủ đêm tại đó. Sáng hôm sau, toán thợ thấy người ăn mày ấy đốt

cháy mất của mình một cái kẻ chạm, liền đưa trình làng để phạt vạ. Trước mặt các chức dịch, ông Chuẩn nói:

- Toi làm hỏng thì tôi sẽ đền. Vậy xin làng cho tôi một miếng gỗ để tôi chạm lại cái kẻ đó. Nếu quả là xấu không dùng được thì tôi xin ở đây làm phu để đền nợ.

Thế rồi, chỉ một thoáng, ông Chuẩn đã hoàn thành những nét chạm trở cực kỳ tinh xảo trên cái kẻ mới. Mọi người đều tấm tắc khen ngợi. Làng biết ông là thợ khéo, có ý mời ông trông nom việc xây dựng. Nhưng tốp thợ cũ không bằng lòng, họ chưa bao giờ nghĩ rằng có những cây bé con lại vượt lên trên những cây đại thụ được. Họ nói:

- Thà là chúng tôi chỉ làm một nửa đình còn hơn là để cho người khác cầm đầu chúng tôi. Vậy xin chia một nửa số gỗ để làng giao cho người khác. Và chúng tôi mong được đưa tài, bên nào xong trước và khéo hơn sẽ có quyền được lĩnh tất cả số tiền công của bên kia.

Mặc dầu tốp thợ kia đã khởi hành trước đây ba tháng, ông Chuẩn cũng nhận lời. Ông chỉ một mình mà làm rất nhanh, khiến cho cả tốp thợ bên kia đuổi không kịp. Ông chạm rất khéo, đến nỗi đối phương ban đầu còn giấu tài, nhưng sau phải đến bắt chước kiểu mẫu của ông. Sau cùng, thấy không thể thắng nổi, tốp thợ vừa then vừa tức, bỏ dở ra về. Nhờ có ông Chuẩn nên chẳng bao lâu làng đã dựng xong ngôi đình có quy mô rất hùng vĩ, điều đặc biệt là mỗi nửa đình có một kiểu chạm trở khác nhau.

Từ đấy, tiếng đồn về ông thợ Chuẩn ngày một lan rộng. Người ta đua nhau rước ông về dựng nhà cửa đền đài. Tất cả những nét chạm của ông đều làm đẹp lòng bọn quyền quý.

*

* *

Một hôm, ông đang dựng một ngôi chùa lớn ở gần cửa biển. Công việc sắp xong. Bỗng đêm nọ ông đang ngủ, có hai người lạ mặt bước vào đánh thức dậy, bảo ông:

- Đức Long vương nghe tin ông tinh thông nghề mộc nên ra lệnh cho chúng tôi lên mời xuống sửa lại hoàng cung.

Nghe nói, ông rụng rời cả người, định tìm cách thoái thác, nhưng chúng đã nghiêm nét mặt lại:

- Không thể từ chối được lệnh vua đâu. Hãy thu xếp đi ngay, không được chậm trễ!

Ông Chuẩn đành mang cửa đục lên vai, đi theo hai người lính của Long vương. Họ bảo ông nhắm mắt lại rồi rẽ nước cho ông đi xuống. Long vương trông thấy ông thì mừng rỡ vô cùng. Vua bảo:

- Trẫm nghe tiếng đồn về nhà người đã lâu, nay mới có dịp triệu đến. Từ lâu, trẫm đã không thích quy mô nhỏ hẹp của cái cung điện tiên đế dựng lên ngày trước. Bây giờ trẫm đã chọn được một chỗ đất tốt. Nhà người hãy xây cho trẫm một cái điện thị triều sao cho thật tráng lệ. Còn trên gò Bích Lăng người hãy xây một cái Cửu trùng đài thật nguy nga để bốn biển có thể chiêm ngưỡng. Xung quanh đó thì người dựng lên ba cung sáu viện cho thật huy hoàng rực rỡ. Phải làm thế nào cho mỗi một nét chạm ở bất cứ chỗ nào cũng khiến cho mọi người trầm trồ khen ngợi mới được! Người hãy hết

sức vì trăm, trăm sẽ hậu tạ. Cần bao nhiêu gỗ, bao nhiêu phu, bao nhiêu vật hạng đều có đầy đủ.

Nghe nói, ông thợ Chuẩn vừa mừng vừa sợ. Cho đây là một dịp để trổ tài nghệ của mình nên ông dốc tâm sức ra làm việc. Ông đã xẻ biết bao nhiêu là gỗ "chò" trên dương thế chở xuống. Ông vẽ kiếu, ông đẽo gọt, ông đục chạm liên miên không nghỉ. Cứ như thế sau ba năm hì hục quên ăn, quên ngủ, quên cả vợ con trên trần, ông thợ Chuẩn đã hoàn thành đại công trình cho Long vương. Tự tay ông đã dựng lên không biết bao nhiêu cung điện, lầu gác, hành lang, cầu, cửa, thủy tạ, v.v... làm cho một chốn hoang vu trở thành mái san sát, cột giăng hàng, rực rỡ cả một vùng biển cả.

Sau khi đi xem khắp mọi nơi, Long vương và các triều thần vô cùng ưng ý, khen ngợi người thợ mộc hết lời. Ngày lễ lạc thành, vua sai mang ra một cái hòm rồi bảo ông thợ Chuẩn:

- Trăm rất cảm ơn nhà người đã giúp trăm trong việc xây dựng lớn này. Trăm cho nhà người hòn ngọc này để thưởng công. Thế nhưng, tất cả những điều tai nghe mắt thấy ở dưới này, người không được nói cho bất kỳ một ai biết.

Ông Chuẩn một hai xin thề, nhưng Long vương nói:

- Có thêm cái này thì nhà người mới giữ kín miệng.

Đoạn vua bảo ông thợ Chuẩn há miệng ra, bỏ một cái lá rêu vào, bắt nuốt lấy, rồi vua nói tiếp:

- Nếu nhà người tiết lộ những chuyện bí mật trong giang sơn của trăm thì lưỡi dao vừa nuốt đó sẽ không tha thứ cái cổ của người đâu!

Ông thợ Chuẩn chỉ còn biết vâng vâng dạ dạ. Hai tên lính ngày nọ lại được Long vương gọi đến, bảo đưa ông lên cỏi trần. Nước lại rẽ ra cho người thợ mộc đi thẳng về bến sông Nam Hoa với hòm tặng vật. Khi trông thấy làng mạc quê hương, ông thợ Chuẩn tưởng như mình được sống lại. Thấy vợ con còn chít khăn tang cho mình, ông mừng mừng tủi tủi. Nhớ lại lời dặn của Long vương, ông không dám rỉ rã kể lại sự thật, đành phải bịa chuyện cho mọi người yên tâm. Lúc mở hòm, quả có ba mươi viên ngọc lấp lánh. Hai vợ chồng lần lượt bán ngọc để ăn đói. Người ta trả giá không được bao lăm. Mãi về sau gặp một thuyền buôn nước ngoài; người phú thương chủ thuyền khi cầm lấy viên ngọc thứ hai mươi của ông Chuẩn mang ra bán thì không giấu được vẻ kinh ngạc. Hắn nói:

- Đây là ngọc "minh châu" quý giá không thể nói hết!

Đoạn hắn vét tất cả tiền của mình còn lại gần một ngàn quan trao cho ông để được làm chủ viên ngọc. Từ đó, ông thợ Chuẩn trở nên giàu có. Ông bán tất cả, chỉ chừa lại hai viên làm kỷ vật. Rồi ông tậu ruộng, làm nhà cửa, cuộc đời trở nên sung túc hơn trước.

Khi ông thợ Chuẩn làm lễ mừng thọ tám mươi tuổi, biết mình đã đến ngày gần đất xa trời, mới cho gọi tất cả con cháu họ hàng làng mạc lại. Ông bắt đầu kể cho mọi người nghe cái ngày bị Long vương bắt đi xây cung điện như thế nào. Ông kể rất nhanh và rất tỷ mỉ những điều tai nghe mắt thấy ở dưới đó. Kể xong, bỗng nhiên ông lịm đi trên giường. Người ta thấy có một lưỡi dao nhỏ bằng lá rêu đã xuyên qua cổ ông, lòi ra ngoài. Sau khi làm đám ma ông, hai viên ngọc trong hòm cũng không cánh mà tự biến mất. [1]

KHẢO DỊ

Về đoạn đầu truyện này, người Bắc Giang có một truyện kể tương tự. Khi xây dựng đình Nội (thuộc huyện Tân Yên, Bắc Giang), thợ mộc phải làm đến mười lăm năm mới xong. Lúc đầu làng thuê phải một tốp thợ tầm thường. Một người thợ giỏi đi qua ghé chơi thấy thế, bèn giả làm ăn mày, rồi nhóm lửa hút thuốc để lửa bén cháy mất một cái kẻ chạm. Cả tốp thợ đổ ra bắt đem trình làng. Làng toan trối lại để bắt vạ. Người ấy xin chạm cái khác để thay vào. Tốp thợ không nghe, cho rằng làm thế sẽ hỏng mất giá trị của toàn bộ công trình. Sau làng cho làm thử, nếu không xong sẽ phạt vạ sau. Nhưng khi người ấy chạm xong, mọi người đều kinh ngạc vì những đường nét chạm trối chứng tỏ là bậc thợ có tài. Cuối cùng, làng thuê người ấy thi công thay cho tốp thợ trước. [2]

Về đoạn kết thì tương tự với truyện *Người đi câu nơi ao Trời*. Sơ lược là:

Ở Quảng Bình có cái ao Trời rất rộng, đi một ngày không hết. Xung quanh ao vắng vẻ ít ai dám đến. Một hôm, có một người làng đến đây câu cá. Đang câu, tự nhiên thấy từ dưới nước hiện lên một đoàn quân và thuyền đi thám thính khắp nơi rồi lại biến mất. Sau đó một chốc, thấy xuất hiện nào thuyền bè, nào tướng sĩ không biết bao nhiêu mà kể, lên thao diễn trên mặt hồ làm rục rờ ồn ào cả một vùng vắng vẻ. Người đi câu sợ quá nấp trong bụi, nhưng sau có hai viên tướng trông thấy. Họ bắt ông ra hỏi chuyện, tặng ông một cái niêu, hễ bắc lên bếp là tự khắc có cơm. Cũng như tình tiết Long vương bắt ông thợ Chuẩn nuốt lá rêu ở truyện trên, hai viên tướng ở đây cũng bắt người đi câu nuốt một cái lá, và dọa ông hễ tiết lộ là chết. Vì thế, ông chài cũng chờ đến khi bị bệnh nặng mới kể cho con cháu mình

nghe câu chuyện xảy ra ở ao Trời, kể xong, lưỡi dao cũng nhảy ra cắt đứt cổ. [3]

Người Hà Tĩnh có truyện *Đóng giường nằm cho vua Thủy tề* cũng là một dị bản của truyện *Người thợ mộc Nam Hoa*. Ở đây cũng có một bác phó mộc lành nghề. Vua Thủy tề lúc ấy đang cần một chiếc long sàng, nghe tiếng đồn về bác phó, bèn sai sứ lên triệu xuống đóng. Bác phó cố rình xem thân hình nhà vua như thế nào để đóng cho vừa. Dịp may được lọt vào ngự tẩm, bác thấy dáng nằm trên giường là một con rắn rất lớn khoanh tròn đầu góc cao. Bác bèn ước lượng kích tấc đóng ngay: giường vuông vức, giữa có trụ cao cho vua kê đầu. Giường đóng xong, được vua ca ngợi hết lời.

Cũng như các truyện trên, để bắt bác phó giữ tuyệt mật câu chuyện, Thủy tề cũng buộc bác nuốt không phải lá rêu mà là một lưỡi gươm thu nhỏ bằng cái kim. Kết quả, bác cũng đợi đến ngày sắp xuống lỗ mới kể cho con cháu nghe mọi việc ở thủy phủ, để cuối cùng lưỡi gươm trong bụng hiện nguyên hình, đâm ra ngoài cắt đứt cổ. [4]

Truyện *Thánh Tản Viên* của ta cũng nói đến tình tiết nuốt lá thành dao như sau:

Sau mỗi trận kịch chiến với Thủy Tinh, ngôi nhà của Thánh Tản Viên (tức Sơn Tinh) trên đỉnh Ba Vì thường bị hư hại, buộc Thánh phải gọi thợ mộc thợ hồ quanh vùng lên sửa chữa. Những người này được đệ tử của Thánh đón ở chân núi rồi đưa lên đỉnh bằng phép thần. Khi việc sửa chữa đã xong, Thánh cho mỗi người nuốt một lá trúc đào hình giống con dao hai lưỡi dặn họ khi về nhà không được tiết lộ những điều tai nghe mắt thấy, nếu ai không tuân lời sẽ bị phạt chết ngay tức khắc. Đã từng có một người thợ mộc vì rượu say phun ra mọi chuyện, bị lá trúc đào hóa thành dao cắt đứt cổ xuyên ra ngoài. [5]

Ở truyện *Thánh Đản* (Tản Viên) của đồng bào Mường cũng có tình tiết nuốt dao tương tự nhưng đây là con dao ước mà bố Thánh Đản lấy của vua Thủy không chịu trả lại. Nhờ vậy mà nó lọt đến tay Thánh Đản:

Ngày xưa, bố đẻ ra Thánh Đản là bố Trượng làm nghề thầy mo. Một hôm bố Trượng đang cày ruộng và chăn vịt bỗng có người ở Thủy phủ (Mường Khú) mời xuống làm vía cho con vua Thủy bị bệnh nặng. Đến nơi ông thấy một con rắn bị lưới quấn chặt cổ bèn giả phù phép rồi lặn mò gỡ lưới ra. Khi lặn, con rắn mách nước cho ông xin vua Thủy một con dao ước. Vua cho nhưng buộc hết đời phải trả. Bèn lấy dao ước cắm phập vào quả chuối bảo ông nuốt. Khi trở về ông thấy trâu cày và vịt còn ở đồng ruộng đủ số và béo tốt. Từ đấy ông trở nên giàu có. Truyện đến đây kết cục khác với của ta. Cho đến ngày chết, bố Trượng vẫn không trối gì với con cả, nên hôm đưa đám, những người của Thủy phủ theo hẹn lên đòi dao ước. Thánh Đản không biết thế nào mà trả. Thấy thế vua Thủy dâng nước lên cao để lấy dao. Để tránh nước ngập, Thánh vác xác bố nhằm núi Ba Vì chạy mãi, chạy mãi cho đến đỉnh. Chỉ còn một khoảng đất bằng cái nong, nước của vua Thủy không thể dâng được nữa. Từ đó Thánh có con dao ước và trở thành Thánh Đản. [6]

[1]_Theo Nam Hoa mộc tượng ký và lời kể của người Nghệ An.

[2]_Theo lời kể của người Bắc Giang.

[3]_Theo Jê-ni-bren (Génibrel), sách đã dẫn. Người Nghệ An có kể một truyện gần giống truyện trên: Một người đi câu ở một cái hồ thanh vắng. Bên hồ có một cây dừa. Bấy giờ là giữa trưa, đang câu tự nhiên thấy có một con ếch ương ba đầu chín đuôi nổi lên mặt nước *dạo ba vòng thuận, ba vòng nghịch* rồi lặn xuống. Một hồi lâu, lại thấy một chiếc thuyền rồng nổi lên, trên mui kết lá dừa, cờ cũng bằng lá dừa, trống bằng quả dừa; quan quân ngồi trên những chiếc thuyền khác cũng lần lượt nổi lên rất rộn rịp. Người đi câu ngồi xem không chán mắt và không dám lên tiếng. Đến khi ngồi lâu mỗi mệt lại khát nước, mới ho lên một tiếng thì thuyền bè, quan quân, v.v... đều biến mất cả. Một chốc, thấy con ếch ương bị chặt làm ba khúc nổi lên mặt nước. Những lá dừa, quả dừa đều nổi lên cả. Nhìn lại cây dừa thì lá và quả đều trụi hết. Sợ quá, người ấy chạy về nhà và bị bệnh nặng (Bản khai của các sách Hữu Lập, sách Vĩnh Lại, sách Nhiêu Hợp).

[4]_Do Thanh Minh sưu tầm.

[5]_Theo Lê Hường. Truyện tích Việt Nam.

[6]_Theo lời kể của người Mường Hòa Bình, và Trần Tử Bạch Đình. *Cõi sống và cõi chết trong quan niệm cổ truyền của người Mường*, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 141 (1971).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
VI. TRUYỆN PHÂN XỬ
106. NGƯỜI ĐẦY TỐ VÀ NGƯỜI ĂN TRỘM

Ngày xưa có hai anh chàng cùng yêu một cô gái và cùng một lúc đến dạm nàng làm vợ. Trong khi cô gái đang phân vân chưa biết nên lấy người nào thì hai người đàn ông đã rủ nhau ra một quán rượu làm quen và tỏ ý thương lượng với nhau về việc dạm vợ.

Người thứ nhất vui vẻ cho biết tên mình là Trần Lực, làm đầy tớ cày cho một ông bá hộ ở một làng nọ. Thấy hăn có vẻ cởi mở, anh chàng thứ hai tên là Lê Đô cũng không giấu giếm nghề nghiệp đào tường khoét vách của mình. Nhưng khi nói đến chuyện dạm vợ, cả hai người không ai chịu nhường ai. Cuối cùng, Lê Đô bàn với Trần Lực hãy cùng mình thi tài, nếu người này nhận rằng người kia giỏi hơn, thì sẽ tự nguyện rút lui, nhường cô gái cho người kia lấy làm vợ. Trần Lực nghĩ ngợi một lát rồi cũng gật đầu nhận lời.

Lê Đô đưa Trần Lực về nhà mình, tiếp đãi rất tử tế. Tối hôm ấy, hăn bảo anh chàng đi theo mình. Sau khi dắt bạn đi quanh quần bao nhiêu xóm làng, ruộng đồng, đến một nơi kia, hăn bảo:

- Nhà này cũng không giàu lắm, nhưng hăn mới đưa dâu về. Đêm nay tôi muốn mượn tạm chiếc áo cô dâu đang mặc. Và tôi sẽ lấy được cho bác xem.

Nói đoạn, hăn cắt rào chui vào, rồi mở cổng cho Trần Lực vào theo. Hai người trèo lên nóc nhà. Trần Lực rất lo ngại, nhưng Lê Đô ngấm nhìn bốn phía nhà hồi lâu rồi bảo nhỏ bạn:

- Nhà này chỉ có hai cửa. Cửa phía Đông thì có một con chó đang nằm canh giữ. Còn phía Nam có một người đang ngồi vót mây. Thế là khó vào rồi đấy. Nhưng tôi đã có cách.

Hắn bèn tụt xuống đi đến cửa phía Nam rình trong xó tối. Nhìn thấy mây của người kia đang vót là một sợi rất dài, vắt từ trong thềm nhà ra đến cuối sân, hắn bèn lén nằm lấy đầu sợi dây mây giật nhẹ một cái. Người vót mây bị hột tay, dao cửa sâu vào ngón. Nhưng hắn vẫn tưởng mình lỡ tay chứ không biết có người gây nên. Đau quá, hắn nắm lấy ngón tay bị thương, bật lên mấy tiếng "chắt, chắt..." ở đầu lưỡi. Con chó tưởng chủ gọi cho ăn bèn từ cửa phía Đông ngoắt đuôi chạy đến. Thừa dịp tốt đó, Lê Đô đưa bạn vào nhà. Họ tìm đến buồng cô dâu chú rể. Hai người lúc ấy đang ngủ say. Lê Đô tìm một quả trứng đập giập, nhân lúc cô dâu nằm ngoảnh mặt vào vách, bèn cho vương vãi lòng trắng trứng xuống chiếu, rồi trở lại nấp vào một xó ngồi chờ. Được một chốc, cô dâu quay mặt trở ra nằm lên vũng nước trứng, nước trứng thấm vào áo, từ áo thấm vào da, làm cho nàng sức tỉnh. Khi thấy áo ướt, nàng lồm cồm dậy thay, đoạn trở lại nằm xuống như cũ. Lê Đô lập tức trộm lấy chiếc áo rồi nói với Trần Lực:

- Chỉ lấy có chiếc áo thôi, chưa hẳn cô dâu đã dám kêu, mất trộm. Vậy chúng ta phải lấy thêm một cái gì cho chúng nó biết là đêm nay có kẻ vào thăm nhà.

Nói đoạn, hắn lần đến hòm, mở ra, lấy món nữ trang đưa cho Trần Lực xem, rồi hai người tháo lui.

Trần Lực tấm tắc khen hắn tài giỏi. Nhưng anh cũng cố nèo mời Lê Đô về nhà mình chơi. Lê Đô hỏi:

- Anh đang kỳ hạn ở cày với chủ. Vậy đến nhà anh có bất tiện không?

Trần Lực cười và trả lời:

- Không. Đến nhà tôi tức là đến nhà lão chủ của tôi đấy. Lão chủ của tôi kể ra cũng khó tính. Nhưng không việc gì đâu, tôi đã có cách làm cho hắn tiếp đãi bác tử tế. Bác cứ đi với tôi, đừng lo gì cả.

Hai người ra đi. Lúc sắp tới nhà, Trần Lực bảo bạn:

- Lão chủ nhà tôi nóng nảy lắm. Về đây tôi sẽ bảo nó leo lên leo xuống trên mái nhà ít nhất là hai lần để cho nó dịu cái tính nóng đi trước khi tiếp bạn. Và tất nhiên, hôm nay tôi bảo nó để tôi ở nhà ít nhất là một ngày để tôi tiếp bạn tôi. Trước tiên bác hãy khoan vào vội, chỉ đứng ngoài cửa chỗ kho lúa này mà nhìn vào, để thấy chút tài mọn của tôi. Bao giờ tôi ra đón bác hãy vào.

Trần Lực bước vào nhà, Lê Đô đứng ngoài nhìn theo thấy hắn đến kho lúa, bắc thang lên tường, lại dùng chân in những vết chân đất lên tường, lên nóc và lên thang, v.v... rồi mới vào nhà. Một lúc, thấy cả chủ nhà lẫn đầy tớ chạy ra kho lúa nhìn lên những cái dấu chân. Lão chủ bộ dạng hốt hơ hốt hải, bảo Trần Lực:

- Thôi, mày hãy nghỉ cày một bữa rồi trèo lên xem xét tất cả cho tao một lượt!

Trần Lực vâng lời, làm như chủ dặn. Nhưng lão chủ không tin ở đầy tớ. Hắn tự mình cởi áo, chột vật lắm mới đưa được tấm thân phục phịch lên

chạn lúa, rồi leo lên nóc nhà quan sát rất kỹ lưỡng. Thế mà lúc bước chân xuống đất, tính đa nghi bắt hấn ta lại hì hục trèo lên một lần nữa.

Một lúc sau, giữa khi Lê Đô đang ngồi đợi ở một gốc cây, đã thấy Trần Lực bước ra tươi cười:

- Bác có thể vào được rồi. Hôm nay tôi được nghỉ để chẻ lạt tu bổ hàng rào. Tôi đã báo cho chủ biết bác là bạn thân của tôi. Bác chả phải lo gì sất. Chỉ khi chủ nó hỏi, bác cứ nói là mình làm lính lệ ở phủ về chơi. Thế là đủ.

Lê Đô bước vào nhà. Thấy lão bá hộ chủ của Trần Lực, hấn ta có vẻ sợ sệt, chỉ sợ vỡ chuyện nó đi trình làng thì lôi thôi. Ban đầu lão bá hộ khinh Lê Đô ra mặt, chỉ ậm ừ chứ không thềm chào. Nhưng khi nghe Trần Lực nói người quen của mình làm lính lệ ở một phủ gần phủ nhà thì hấn tỏ vẻ cung kính ngay. Mặc dầu là người quen của đây tớ, hấn cũng hỏi hả bảo người nhà làm cơm dọn rượu tiếp đãi rất tử tế.

Xong cuộc đó, Lê Đô vẫn tự cho là mình giỏi hơn Trần Lực. Nhưng Trần Lực nhất định không chịu. Cuối cùng, hai người dắt nhau đến nhà một ông đồ để nhờ ông ta phân xử.

Gặp ông đồ, hai người kể tất cả câu chuyện cho ông nghe. Đoạn cùng nói:

- Cụ vì lẽ công bằng phân xử hộ cho ai là người đáng được làm chồng cô gái đó.

Cụ đồ trả lời:

- Hai người hãy nghe câu chuyện này: có hai con mèo, một con chuyên ăn

vụng của nhà, còn một con chuyên ăn vụng của xóm giềng. Cả hai đều ăn vụng được luôn và lần nào cũng trót lọt. Vậy hai người thử nghĩ cho kỹ xem con nào tài hơn?

Hai người ngẫm nghĩ hồi lâu rồi đồng thanh cho con mèo ăn vụng của nhà là hơn.

Cụ đồ tiếp luôn:

- Vậy thì trong hai người đây, có tài hơn phải là người đã dùng mưu thường xuyên bắt chủ theo ý mình. Chứ còn thỉnh thoảng đi ăn trộm được một vài nhà sơ ý thì đâu phải là chuyện khó. Vả lại cũng chả hay hóm gì khi đem tài trí ra để chiếm đoạt của cải của người khác. Cho nên tôi cho rằng anh Đô nên nhường bước trước cho anh Lục mới phải.

Ở nhà cụ đồ ra Lê Đô vui lòng nhường cô gái cho Trần Lục. Hai người sau đó kết bạn với nhau thân thiết. [1]

KHẢO DỊ

Một truyện của Ba-tư (Iran) có những nét giống với truyện trên:

Một người đàn bà đồng thời lấy hai người chồng. Hai người đàn ông ở chung một nhà, có chung một vợ mà không biết nhau vì một người làm nghề ăn cắp, chỉ ở nhà vào ban đêm, và một người làm nghề ăn trộm chỉ ở

nhà vào ban ngày. Nhờ một cuộc du lịch mà hai người cùng đi với nhau và làm quen nhau. Họ giở cơm gói ra mời nhau ăn và khi so hai miếng thịt cừu ăn khớp, mới biết là cùng bị người đàn bà đánh lừa. Sau một cuộc bàn bạc, họ quyết định mỗi người trở tài xem ai hơn thì người ấy ở lại với vợ, còn người kia đi chỗ khác.

Người ăn cắp đưa người ăn trộm đến chợ. Thấy một lão lái buôn đi trước mặt, hắn lấy được túi bạc trong người lão mà lão chả biết gì. Hắn bảo bạn: - "Tôi sẽ làm cho mọi người đều chứng nhận cái túi này là của tôi". Hắn đem tiền ra đếm, bớt đi một số, lại lấy giấy tờ của lão lái ra, bỏ giấy tờ của mình vào rồi lén đến bỏ túi bạc vào người lão mà lão vẫn không biết. Thế rồi hắn đi trình quan, kiện lão lấy túi của mình. Và cuối cùng túi bạc chính thức về hắn.

Đến lượt người ăn trộm đưa bạn đi chứng kiến "tài nghệ". Họ vào hoàng cung, trèo lên bao nhiêu nóc điện, đến chỗ vua ngủ. Thấy một người hầu ngủ gật hắn trối lại, nhét giẻ vào miệng và trèo lên xà nhà. Rồi hắn ngồi vào chỗ người hầu nhưng đáng lý quạt thì lại cầu mạnh vào chân vua làm vua tỉnh dậy hỏi. Hắn đáp vì mệt thấy sự lạ nên lỡ tay. Rồi hắn kể cho vua nghe chuyện một cuộc đọ tài giữa hai người ăn cắp và người ăn trộm y như những chuyện xảy ra giữa hắn với bạn, rồi cuối cùng hỏi vua ai tài hơn. Vua nghĩ một lát cho người ăn trộm tài hơn. Sau đó hắn lại quạt cho vua nổi lại giấc ngủ.

Hai người trốn ra khỏi hoàng cung. Người ăn cắp nhường cho đối phương được cuộc. [2]

-
- [1] Theo lời kể của người Hà Tĩnh, Quảng Bình.
- [2] Theo bản dịch của Vũ Ngọc Phan, trong Pháp-Việt tạp chí.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
107. BA CHÀNG THIỆN NGHỆ

Ngày xưa, có nhà họ Lê có một cô gái nhan sắc xinh đẹp. Không những thế, nàng còn văn hay chữ tốt, lại thạo đủ các nghề. Những cô gái đẹp trong vùng khó có cô nào ăn đứt. Khi nàng đã đến tuổi lấy chồng, có nhiều chàng trai hoặc con quan, hoặc con nhà giàu, hoặc tú cử đến cầu hôn, nhưng ông già họ Lê đều từ chối. Ông nói với mọi người: - "Con gái tôi không muốn làm bà quan, cũng không thích làm bà phú hộ. Nó chỉ muốn lấy một người chồng có nghề cầm tay mà nghề đó phải tinh thuần không ai hơn mới được. Nếu không thế thì chả nên đến làm gì cho mất công!".

Tin kén rể bay ra, những tài năng bốn phương tấp nập đến xin ra mắt, nhưng chả một ai làm cho ông già họ Lê vừa ý. Người ta chỉ thấy ông than vãn sau mỗi lần thử sức: - "Tài năng trong thiên hạ thực hiếm lắm thay!".

Một hôm, trong buổi sáng ông tiếp luôn một lúc ba chàng trẻ tuổi, khỏe mạnh, đẹp trai. Sau khi nghe họ trình bày tên tuổi, nghề nghiệp, ông già mới biết đó là ba nhân tài quê ở ba nơi, tình cờ gặp nhau tại đây. Một người tự xưng bắn giỏi có thể bắn bất cứ một vật gì dù khó đến đâu, và dù xa bao nhiêu. Một người tự xưng lặn giỏi có thể sống dưới nước hàng tuần mà không sợ nguy hiểm, có thể tìm thấy những vật nhỏ bé ở dưới đại dương. Còn người thứ ba thì tự xưng là một thầy thuốc lành nghề, có thể cải tử hoàn sinh bất kỳ một con bệnh nào, kể cả những con bệnh vừa tắt thở.

Ông già Lê rất vui mừng, vội dắt người thứ nhất ra sân, trồng một cây thông cao chót vót ở bờ giậu mà bảo:

- Tôi sẽ cho người nhà trèo lên ngọn cây đánh dấu vôi vào một cái lá, ngài

cố gắng bần thế nào cho lá đó rụng xuống trước mặt chúng ta, lúc đó tôi mới tin là thực tài.

Nghe nói thế, anh chàng không hề từ chối, vội chuẩn bị cung nỏ. Quả nhiên, chỉ một mũi tên văng ra, ngọn lá thông có dấu vôi rơi xuống trước con mắt kinh ngạc của mọi người.

Khi thử tài người thứ hai, ông già họ Lê dẫn chàng ra bờ biển trước nhà. Đoạn, ông đưa cho xem một chiếc nhẫn và nói:

- Bây giờ tôi cho một người chèo thuyền ra khơi, thả chiếc nhẫn này xuống nước, ngài cứ theo hướng đó tìm hộ đưa về đây cho mọi người trông thấy.

Anh chàng chẳng nói chẳng rằng cởi áo nhảy ngay xuống biển và chỉ giập bã trầu là chàng đã nổi lên khỏi mặt nước với một vẻ đắc thắng, giơ chiếc nhẫn cho mọi người xem.

Để thử người thứ ba, họ lại đem nhau ra chợ. Chỉ vào một người ăn mày đang sắp sửa nhắm mắt tắt hơi, ông già bảo chàng hãy cố chữa cho người đó sống lại.

Người ta thấy anh chàng cúi xuống bắt mạch rồi bỏ đi. Đến một bụi cây, anh rẽ vào kiếm các thứ lá đem về sắc lên, đổ vào miệng người ăn mày. Không mấy chốc, người ăn mày đã ngồi dậy đòi ăn, y như sau một giấc ngủ dài mê mết vừa tỉnh.

Thấy cả ba người đều thiện nghệ, ông già họ Lê bối rối không biết nên gả con gái cho ai. Ông mới bảo họ:

- Cả ba vị quả có chân tài, con gái tôi mà được sánh duyên thật là một điều may mắn. Nhưng ngặt vì "thuyền duyên có một mà anh hùng lại ba", biết làm thế nào bây giờ? Thôi thì chúng ta ra miếu thành hoàng làm lễ, gieo quẻ để hỏi ý. Nếu quẻ chỉ nhằm người nào thì xin để cho "tiện nữ" về với người đó.

Ba người bằng lòng, cùng ra miếu thành hoàng. Nhưng trong lúc làm lễ, bỗng có người nhà hốt hoảng chạy tới báo tin cô gái đang cuốc cỏ ở ruộng bỗng bị chim đại bàng cắp tha đi mất. Nghe nói thế, tất cả mọi người đều bỏ cuộc lễ chạy ù ra đồng thì đã thấy đại bàng đang bay thẳng ra biển. Anh chàng bắn giỏi vội lắp tên vào cung, bắn luôn một phát. Không đợi đến phát thứ hai, đại bàng đã bị trúng tên gãy cánh lặn xuống nước, mang theo cả cô gái xuống luôn. Thấy thế, chàng giỏi lặn lập tức nhảy ngay xuống cứu. Chàng lặn một mạch đến chỗ chim rơi và cuối cùng đưa được cô gái lên bờ. Nhưng bây giờ cô gái chỉ là một cái xác không hồn, bụng trương phình những nước. Đến lượt nhà danh y giỏi tài của mình, tìm thuốc chữa cho cô gái. Chỉ một chốc, nàng đã nôn ra bao nhiêu là nước và hồi tỉnh lại.

Bấy giờ ba chàng cầu hôn tranh nhau kể công lao của họ với cha con ông già họ Lê. Người thứ nhất nói:

- Nếu không có tôi bắn con quái vật thì chưa chắc đã tìm thấy dấu vết của nàng. Vậy nên gả nàng cho tôi.

Người thứ hai cãi lại:

- Hãy khoan đã, nếu không có tôi vớt nàng lên thì dù có bắn giỏi thế nào đi nữa cũng thật là vô ích.

Người thứ ba cũng tiếp luôn:

- Nhưng nếu không có công tôi cải tử hoàn sinh thì dù các anh có cứu được cũng chỉ cứu một cái xác thôi. Vậy tôi xứng đáng được kết duyên với nàng mới phải.

Cả ba người không ai chịu ai. Ông già họ Lê và những người được chứng kiến đều lấy làm bối rối, không biết nên trả lời thế nào. Cuối cùng họ dắt nhau lên quan để nhờ phân xử.

Sau bao nhiêu ngày suy nghĩ, quan cho đòi ba chàng cùng với hai cha con ông già tới công đường. Trước mặt họ, quan phán bảo:

- Trong việc cứu cô gái này, cả ba người đều có công lao ngang nhau, nếu thiếu một người cũng khó mà thành. Nhưng anh thầy thuốc, anh không thể kể công như thế được. Không phải cứ cứu chữa lành cho người ra là đòi lấy người ta làm vợ. Đối với anh, người được cứu sống phải coi như ân nhân chứ không bắt buộc phải coi như chồng. Còn anh thợ bắn, nếu anh biết rằng không có một người nào sẽ lặn ra cứu cô gái thì việc làm của anh chỉ có tính chất báo thù chứ không thể gọi là cứu vớt. Tất nhiên, anh bắn trúng chim chứ không bắn trúng người là có dụng ý tốt. Nhưng giết chết chim mà không nghĩ rằng người cũng rơi xuống nước thì dụng ý đó của anh hãy còn thiếu sót. Vậy đối với anh, cô gái này cũng chỉ coi như một vị ân nhân. Còn anh giới lặn, anh là một trong những người cứu cô gái, mà công việc cứu vớt lại bắt buộc anh phải ôm cô gái trong tay suốt buổi. Sách xưa có nói rằng trừ vợ chồng ra, thì "nam nữ thụ thụ bất thân". Bây giờ anh đã lỡ gần gũi cô gái đó thì hai người phải được kết duyên với nhau mới là hợp lẽ. Tuy nhiên, đối với các ân nhân, hai vợ chồng phải nhận họ làm anh em kết nghĩa.

Nghe quan phân xử có tình có lý, mọi người đều vui vẻ tuân lời. Ba chàng trai kết nghĩa trở thành anh em thân mật hơn ruột thịt. Còn chàng lặn giỏi kết duyên cùng cô gái nọ. Lễ cưới cử hành rất linh đình, có cả hai chàng kia cùng dự. [1]

KHẢO DỊ

Một truyện ở Hà Tĩnh nhan đề *Tứ hải giai huynh đệ* cũng cùng một nội dung với truyện trên, nhưng đáng lý có ba chàng tới cầu hôn thì ở dị bản này lại có thêm một chàng thứ tư có tài nhìn xa muôn dặm. Trong truyện không có cuộc thử thách và việc đến lễ miếu thành hoàng, nhưng cũng có tình tiết chim đại bàng tha cô gái quý, và phú ông - cha cô gái - nói với cả bốn chàng: hễ ai cứu được con thì sẽ gả cho làm vợ. Anh chàng nhìn xa là người đầu tiên nhìn thấy đại bàng mang cô gái bay giữa biển cả, bèn chỉ cho chàng giỏi bắn đuổi theo bắn, và sự việc lần lượt xảy ra như truyện vừa kể. Rốt cuộc, bốn anh chàng ở bốn phương trời trở thành anh em chí thân. [2]

Các truyện trên khá phổ biến ở thế giới. Nhà cổ tích học Pháp nổi tiếng Cô-xanh (Cosquin) trước khi chết có viết dở dang một bài nghiên cứu về các loại dị bản của một cốt truyện - mà ông gọi tên là *Cô gái bị bắt được cứu thoát và những nhân vật có tài lạ* [3] - trong quá trình di chuyển giữa các dân tộc khác nhau. Nói chung, so sánh các truyện lưu hành ở các dân tộc thì đều có những nét tương đồng, nhưng mỗi nhóm dị bản thường có một kết

cục riêng, có nghĩa là cách xử lý cũng như cách đánh giá công lao của các nhân vật có tài trong truyện, ở mỗi dân tộc cũng có những sắc thái riêng biệt. Chúng tôi chỉ kể ra đây một số truyện:

Truyện của người Khơ-me (Khmer), của người Lào giống với truyện của ta hơn cả, nhất là về kết cục:

Có bốn anh chàng hăm hở đến thành phố Tắc-xi-la để học nghề. Một người học về thiên văn bói toán, một người học cách dùng vũ khí, một người học bơi lặn, một người học nghề cứu chữa thiên hạ. Thành tài, họ trở về quê, dọc đường nghỉ ở bãi biển. Sáng hôm sau, chàng học thiên văn cho biết có công chúa con vua Pê-a-rê-an-xây bị chim đại bàng tha đi, sắp bay qua đây. Cũng như truyện của ta, ba chàng kia lần lượt góp phần cứu công chúa, và sau đó cả bốn đều tranh lấy nàng làm vợ. Quan không xử được, đưa lên Bồ-tát, Bồ-tát xử cho người biết thiên văn là thầy của công chúa vì anh dạy cho ba người kia hướng tìm người bị nạn; người bắn nỏ là cha vì anh có công bảo vệ công chúa; người chữa sống lại là mẹ vì anh giành lại cho công chúa cuộc sống; người nhảy xuống biển ôm công chúa vào lòng mới là chồng. Nhưng lấy nhau rồi, hai vợ chồng phải ghi nhớ công ơn của những người kia. [4]

Truyện của người Thái Lan là một câu đố do một hoàng tử đưa ra, trong đó kể câu chuyện bốn người là bà-la-môn cứu một cô gái (đại thể cũng hơi giống truyện trên). Sau đó hoàng tử đố: "Ai đáng lấy cô gái hơn cả?".

Một người bạn của công chúa ứng vào ống nhô trả lời: - "Lấy người chữa cho cô gái sống lại". Công chúa đá cái ống nhô một đá và cãi lại rằng: - "Lấy người lặn vì nó ôm cô gái vào tay".

Một truyện của người Bê-lút-sít-xtăng (Baloutchítan) (dân tộc ở phía Đông

I-răng (Iran)) cũng có kết thúc tương tự với các truyện trên, tức là giống ở quan niệm đạo đức của người phân xử:

Có ba chàng trai trẻ (không phải hoàng tử) mồ côi cha ở với cậu, người cậu đặt điều kiện cho họ nếu ai đi chơi xa tìm được vật quý và lạ thì sẽ gả con gái cho. Ba vật quý mà ba người mua được là: một vật hình quả cầu có thể tiết ra nước, nước ấy có thể làm cho người chết sống lại, một cái giường biết bay và một cái gương có thể nhìn xa hàng vạn dặm. Trên đường về, chàng trai làm chủ cái gương chợt nhìn thấy con gái của cậu đã chết, lúc ấy người ta đang khâm liệm để chôn. Anh vội báo tin cho hai người kia biết và nhờ có hai vật quý còn lại, họ trở về kịp thời, cứu cô gái sống lại.

Người cậu bối rối không biết gả con cho ai, bèn đưa việc lên vua để vua phân xử. Vua phán: - "Chiếu theo luật, ta xử cho người nào thấy cô gái khi người ta đang khâm liệm nàng, được lấy nàng làm vợ, vì hắn đã thấy nàng trong khi người ta rửa ráy thi hài. Nếu không lấy hắn làm chồng, nàng sẽ rất xấu hổ mỗi lúc gặp hắn".

Các truyện dưới đây thì cô gái hoặc không kết hôn, hoặc kết hôn với một trong những người cứu mình, nhưng không xuất phát từ quan niệm đạo đức như trên.

Truyện của người Đức do anh em Grim (Grimm) sưu tập:

Có bốn anh em một nhà nghèo kia từ già cha, mỗi người đi một phương học nghề. Người con đầu gặp một người ăn trộm thiện nghệ và nghe lời hắn, theo học nghề ấy. Sau ba năm hắn trở nên trộm giỏi, đến nỗi muốn lấy của ai chỉ trong nháy mắt là lấy được ngay, mà kẻ bị mất vẫn không biết gì. Người em thứ hai học nhìn xa với một thầy khác và sau ba năm thành tài, được thầy cho một cái ống nhòm, có thể nhìn thấy mọi vật ở ngoài vạn

dậm. Người thứ ba học bắn và sau đó với khẩu súng của thầy cho, hẳn có thể bắn trúng theo ý muốn dù khó mấy cũng chẳng sai. Còn người em út học nghề may, sau ba năm thầy cũng cho một cái kim có thể khâu vá tất cả mọi vật mà không thấy vết.

Đúng ngày hẹn, anh em trở về quê cũ. Họ trở tài cho bố xem, người thứ hai đứng dưới đất mà biết được số trứng chim năm quả trong một cái tổ trên cây cao có con chim mẹ đang ấp; người anh cả trèo lên trộm lấy trứng xuống mà chim mẹ không hay biết gì cả; người thứ ba bày trứng lên mấy góc bàn bắn một phát trúng cả năm mà trứng không vỡ; người thứ tư khâu lại lành lặn như cũ. Đoạn người anh cả lại đưa đặt trứng lên tổ cũ. Sau đó mấy hôm trứng nở mỗi con chim non co một vành đỏ ở cổ, dấu vết đường chỉ khâu của người em út.

Không bao lâu, có tin công chúa bị rồng bắt đi mất. Bốn anh em nghe nói vua sẽ gả công chúa cho kẻ nào cứu được, bèn đến kinh xin một chiếc tàu để đi tìm. Trước tiên, người em thứ hai nhờ cái ống nhòm, nhìn thấy công chúa ở trên một núi đá, còn con rồng thì đang ngủ, đầu gối lên đuôi công chúa. Người anh cả một mình lên núi trộm được công chúa xuống tàu, dong buồm mà chạy. Khi rồng thức dậy thấy mất công chúa, vội đuổi theo tàu. Chàng thiện xạ bắn luôn ba phát, rồng rơi xuống, tàu vỡ tan từng mảnh. Trong khi nguy cấp, chàng giỏi khâu vá đã làm cho tàu liền lại như cũ, cuối cùng về được đến nhà. Thấy họ kể công lao của mình với mục đích giành công chúa, vua cắt nửa đất nước giao cho họ trị vì, để khỏi phải gả công chúa cho người nào cả.

Truyện của người Xla-vơ (Slave) ở Mô-ra-vi (Moravie) giống với truyện của Đức, nhưng người thợ may được thay bằng thợ vá. Người con đầu đi học nghề trở về nói với bố: - "Con làm thợ vá nhưng không phải vá như người ta; hễ thấy cái gì cũ, con chỉ nói hai tiếng "chữa lại" là xong ngay". Và anh nói thử mấy tiếng, cái áo của người bố bị rách cùi tay liền lành lặn

như cũ. Người thứ hai nói: - "Con ăn trộm cũng vậy, chỉ nghĩ đến một vật gì đó, dù xa bao nhiêu, là có thể có trong tay rồi". Người thứ ba nói: - "Con nhìn lên trời, có thể thấy được mọi nơi trên trái đất". Người con út nói: - "Con là thợ săn, nhưng chỉ cần nói đến con vật nào đó là lập tức nó bị bắn chết".

Rồi đó, nhà thiên văn cũng phát hiện ra công chúa bị rồng bắt giam ở một hòn đảo trên Hồng Hải. Bốn anh em đi tàu đến đảo. Người ăn trộm chỉ nói: - "Công chúa đến đây", thế là công chúa có mặt trên tàu. Khi bị rồng đuổi, người thợ săn nói: - "Bắn chết" thì rồng liền rơi xuống, nhưng xác nó lại làm thủng tàu. Thấy thế, người thợ vá chỉ nói một tiếng "vá" là vá xong tàu.

Khi họ tranh giành công chúa, vua bảo:- "Nếu các anh còn tranh nhau, ta sẽ cắt con ta làm bốn cho mỗi người một phần, vì vua không bao giờ nói hai lời, nhưng như thế chả có lợi gì". Bốn người bằng lòng để cho cô gái chọn lấy một anh làm chồng, còn ba người kia làm quan to trong triều.

Người Nùng cũng có một truyện gần giống với hai truyện trên, nhưng lại thêm một người độn thổ để có một đoạn kết với diễn biến hơi khác. Ở đây có năm anh em thiện nghệ: một người ăn trộm, một người bắn tên; một người nhìn ống nhòm (làm bằng hai trăm loại gỗ khác nhau), một người may vá, và một người do cứu con gái Long vương mà học được nghề bơi lội và độn thổ.

Đúng hẹn, họ trở về và cũng có một công chúa bị rồng bắt để cho họ trở tài, hy vọng được lấy công chúa như lời hứa của nhà vua. Anh thợ vá ghép ba trăm tấm ván thành tàu ra biển. Anh có ống nhòm chỉ đúng chỗ ở của rồng. Anh ăn trộm đưa công chúa lên tàu. Anh bắn giết con rồng khi nó đuổi. Anh thợ vá chữa lại tàu vì bị rồng làm cho vỡ tan. Trong khi đó một con yêu tinh (giá chan) tới bắt công chúa mang đi mất. Anh có ống nhòm lại

tìm thấy công chúa ở trong hang sâu dưới núi. Anh độn thổ chui xuống đất công về. Anh bắn tên giết yêu tinh khi mục đuổi theo. Yêu tinh chồng lại tới bắt đưa đi nhưng cũng bị bắn chết. Khi công chúa được cứu về, vì không biết gả cho ai, nhà vua bảo họ làm anh em kết nghĩa với công chúa rồi phong cho làm quan to trong triều. [5]

Truyện của Hy Lạp (Grèce):

Bảy anh em cứu được một nàng công chúa khỏi tay quái vật, đưa về một lâu đài kín, dặn công chúa đừng nhìn qua cửa sổ. Nhưng đêm lại công chúa nhìn ra ngoài vì có tiếng nhạc hấp dẫn, nên bị con quái vật ẩn trong đám mây đen bắt đi. Người giỏi bắn vọi bắn thủng đám mây, quái vật chết. Một trong số những người em có tài tung hứng bèn giơ cánh tay ra đón công chúa rơi xuống kịp thời. Đứa công chúa về đến nơi họ tranh công, vua bảo cắt công chúa làm bảy phần chia cho họ vì xét thấy ai cũng có công ngang nhau. Bảy anh em đều xin thôi, được vua thưởng rất hậu.

Truyện của người Can-đê ở I-răng (Iran) thì kết cục lại để cô gái kết hôn với nhà thiên văn:

Có ba anh em cùng yêu một cô em họ. Người bố không biết xử trí ra sao, bèn bảo họ đi học mỗi người một nghề, ai tài giỏi hơn sẽ gả. Một người học nghề thiên văn, một người học nghề kỹ sư, và một người học nghề thầy thuốc. Cả ba cùng gặp nhau ở một địa điểm. Nhà thiên văn cho biết cô gái đang bệnh nặng, nhà kỹ sư tính toán ngay đường sá, chế một cái xe để đi, và cuối cùng đưa được người thầy thuốc về kịp thời, nhờ đó chữa cho cô gái bình phục.

Khi họ ra sức tranh công, bố mẹ và bạn bè quyết định: người thầy thuốc chữa bệnh thì sẽ trả tiền, nhà kỹ sư thì trả lương, nhưng nếu không có nhà

thiên văn bói ra sự việc để về chữa chạy thì cô gái chết. Bèn cho nhà thiên văn được lấy cô gái làm vợ.

Một trong mấy truyện của Ấn Độ kể trong sách *Hai mươi lăm truyện quý* (*Vêtaḷa pañcācāvīncatī*) (những truyện này đều là những trường hợp khó xử do một con quỷ nêu ra để hỏi ý kiến vua Vi-khâ-ma) thì công lao lại không thuộc về nhà thiên văn hay nhà kỹ sư:

Có ba nhân vật trẻ đẹp, có tài nghệ, cùng một lúc đến hỏi một cô gái làm cho cô và bố mẹ cô bối rối không biết nên như thế nào. Giữa lúc đó thì bỗng quỷ bắt mất cô gái. Người thứ nhất giỏi thiên văn biết quỷ đã đưa lên núi Vin-đi-a. Người thứ ba chế ra chiếc xe mang tới núi. Người thứ hai giết con quỷ và cứu cô gái. Vua phân xử: người thứ hai đáng làm chồng cô gái. [6]

Truyện của người Mô-rơ (Maures) (châu Phi) cũng có kết cục như trên:

Một cô gái bị yêu tinh bắt. Một bà mẹ có bảy đứa con trai, lảng giềng nhà cô gái, nhận sẽ bảo mấy đứa con mình đi cứu. Khi các con bà về, đã thấy bày sẵn giữa sân một cỗ yên cương nạm vàng, ở giữa nhà bày một bộ áo quần đẹp có cả mũ và giày. Họ hỏi mẹ những thứ ấy để làm gì? Mẹ đáp: - "Để thưởng cho đứa nào cứu được cô gái hàng xóm mất tích". Bảy con cùng hăm hở nhận lời.

Trong bảy ngày, một người có tài "nghe được tiếng sương rơi", liền phát hiện ra lâu đài của yêu tinh, báo cho những người kia biết yêu tinh hiện đang ngủ, rằng quỷ cắn lấy tóc cô gái. Người thứ hai có tài "tay đặt vào cửa là khóa mở ra", mở liên tiếp bảy cái cửa. Người thứ ba có tài "gỡ rối những sợi tơ vướng vào bụi gai", đã giật được tóc cô gái ra khỏi miệng yêu tinh mà nó không biết.

Người thứ tư có tài "tung hứng và đuổi nhanh như gió" đã lần lượt ném cô gái lên trời qua bảy lớp cửa, rồi lần lượt chạy vụt ra hứng cô trong cánh tay. Khi họ lên ngựa phi về, thì người thứ nhất báo tin yêu tinh đã biến thành điều hâu đang đuổi theo. Các anh em xúm nhau bắn chết. Sau đó, cô gái lấy người đã gỡ tóc mình ra khỏi miệng yêu tinh.

Một truyện xứ Nga cũng xử cho cô gái lấy người ăn trộm:

Một nông dân có bảy đứa con đều cùng một tên là Xi-mê-ông. Họ trẻ khỏe nhưng lười và đủ tật xấu. Người cha đưa các con đến làm đầy tớ cho vua. Vua hỏi mỗi người: - "Biết làm gì?". Một đứa trả lời: - "Tôi biết ăn trộm". Một đứa khác: - "Tôi biết rèn những vật quý". Người thứ ba "có thể bắn trúng chim bay". Người thứ tư "nếu chim rơi xuống nước, có thể lội ra lấy về". Người thứ năm "trèo lên một chỗ cao nào đó có thể thấy hết cả nước". Người thứ sáu "có thể đóng một chiếc tàu chạy rất nhanh". Người thứ bảy "có thể chữa lành mọi bệnh".

Một hôm, vua muốn lấy một công chúa nước khác nhưng không có cách gì bắt về, bèn giao việc đó cho bảy người. Bọn họ lên tàu do một người đóng tàu, đóng xong trong một thời gian rất ngắn. Đến nơi, một người trèo lên cột cao nhìn và báo tin rằng lúc này công chúa đang ngồi một mình, có thể bắt trộm được. Người thợ rèn rèn ngay hai món đồ đẹp cùng đi với người ăn trộm vào cung để bán. Cuối cùng, người sau tìm được công chúa đem về đến tàu rồi nhổ neo. Công chúa ở đây không bị bắt trở lại mà hóa thành chim thiên nga bay đi. Người đi săn bắn ngay một phát vào đầu cánh trái, chim rơi xuống nước. Người lặn giỏi vớt lên lại hóa nguyên hình cô gái đẹp, nhưng tay cô bị thương. Đến lượt người thầy thuốc chữa lành ngay.

Sau khi đưa công chúa về, vua tự thấy mình quá già. Vua hỏi: - "Nàng

muốn lấy ai trong bảy anh em?". Công chúa chọn người ăn trộm. Bèn gả cho và nhường luôn ngai vàng, lại cho các em của người ăn trộm làm chức quan to (bô-i-a).

Truyện của người Ý (Italia) ở Vơ-ni-dơ (Venise) thì cái may mắn thuộc về người vá tàu.

Một người có bốn con trai và nuôi đỡ đầu một cô gái. Anh nào cũng muốn lấy cô làm vợ. Người cha bảo chúng hãy đi học mỗi đứa một nghề, lúc trở về ai tài giỏi vào bậc thầy sẽ gả cho. Khi họ trở về, cha báo cho biết là cô gái đã bị mất tích. Anh chàng học nghề thầy pháp cho biết cô gái hiện ở trong vườn của hoàng tử. Anh chàng học nghề ăn trộm lén vào vườn bắt ngay cô gái rồi nhảy ra rất lẹ, đưa về thuyền.

Người làm vườn sai một con rồng gác vườn đuổi theo. Rồng toan chụp bắt cô gái, nhưng anh chàng bắn giỏi đã cho một phát súng. Rồng ngã xuống đè lên thuyền, thuyền muốn vỡ tan, nhưng anh chàng học nghề thợ mộc đã nhảy ngay xuống nước, trong nháy mắt chữa được thuyền lành lặn như cũ, và đưa được cô gái về yên lành. Kết quả, người cha gả cô cho anh chàng thợ mộc.

Những truyện dưới đây, nhân vật trung tâm là cô gái, không lấy một trong những người cứu mình, mà lại lấy người cha của họ.

Truyện trong sách Pen-ta-mơ-ron của Ba-di-lơ (Basile).

Một người có năm đứa con. Thấy con không làm nghề nông gì mà chỉ ăn hại, bèn bảo đi tìm học mỗi đứa một nghề, và dặn vào một ngày nhất định thì cả năm phải về nhà.

Đúng hẹn, năm anh em cùng về. Người anh cả là bọm trộm không ai ăn đứt, người thứ hai biết đóng tàu, người thứ ba có thuốc cải tử hoàn sinh, người thứ tư có tài bắn nỏ và người thứ năm biết tiếng chim. Anh chàng út tỏ tài bằng cách báo tin: anh vừa nghe một con chim đậu ở gần đó cho biết, có một con yêu cướp một công chúa đưa đến núi đá, và vua cho rao ai cứu được sẽ phong làm phò mã. Người thứ hai làm ngay một chiếc tàu, trên đó năm người cùng đi với người cha đến núi đá. Cũng như truyện của Đức, yêu tinh cũng đang ngủ say, đầu kê lên đùi công chúa. Người anh cả khiêng một hòn đá cho con yêu kê đầu, rồi trộm công chúa về tàu. Yêu cũng hóa thành mây đuổi theo, và cũng bị một phát tên rơi xuống tàu; công chúa chết ngay cùng với yêu, nhưng được người thứ tư làm cho sống lại. Lúc về, ai nấy đều tranh công. Vua giao cho người cha phân xử. Cuối cùng, vua gả công chúa cho người cha của họ là người quan trọng trong việc cứu công chúa.

Cũng như truyện của người Bê-lút-sít-xtăng đã kể trên kia, một truyện khác của người Hy-lạp (Grèce), của người Xu-a-hi-li ở đảo Dăng-di-bar (Zanzibar) đều có ba anh em và ba vật quý: ống thiên lý kính, tấm thảm bay và thuốc cải tử hoàn sinh (Hy-lạp); gương thần, chiếu biết bay và lọ dầu hồi sinh (Xu-a-hi-li). Những vật này đều có vị trí quan trọng trong việc cứu cô gái. Kết cục của truyện Hy-lạp: để chấm dứt tranh chấp giữa ba hoàng tử, vua cha lấy cô làm vợ. Còn kết cục của truyện người Xu-a-hi-li: khi ba anh bảo cô gái chọn một trong ba người làm chồng, thì cô ta chọn người cha của họ "để cho cả ba gọi mình là mẹ".

So với các truyện vừa kể, truyện của người Tây-ban-nha (Espana) lại có kết cục lạ hơn: lấy cả ba.

Lần đầu tiên, khi người cha cô gái báo chọn một trong ba người con trai đến hỏi, cô trả lời: "Lấy cả ba". Người cha chuyển câu trả lời ấy cho ba

người và thêm vào: - "Vì đó là việc không thể được, nên sẽ gả cho người nào mang về một vật quý và hiếm". Cuối cùng, cô gái cũng được cứu sống nhờ có ba vật của ba người: tấm gương thần, cái thùng bay và dầu hồi sinh, và câu đầu tiên cô nói là: - "Cha thấy không, phải lấy cả ba", rồi truyện dừng lại ở đây.

Hai truyện sau đây có kết cục giống nhau và khá lý thú: cả mấy anh em và cô gái đều hóa ra các vì sao.

Một truyện của Đan Mạch (Danemark):

Có sáu anh em được cha cho đi ra nước ngoài, mỗi người một phương, học mỗi người một nghề. Người anh cả biết đóng tàu tự động chạy được. Người thứ hai có thể lái tàu chạy trên bộ cũng như dưới nước. Người thứ ba ngồi ở nước này nhưng có thể nghe chuyện người ta nói ở nước khác. Người thứ tư bắn giỏi, không phải đợi đến phát thứ hai. Người thứ năm trèo được thành cao. Người thứ sáu, bậc thầy trong nghề ăn trộm.

Truyện cũng có nàng công chúa bị bắt do một mù phù thủy hung ác. Vua cũng hẹn gả cho người nào cứu được. Người anh cả liền đóng một chiếc tàu, tàu ấy do người em thứ hai lái. Người tài nghe phát hiện ra chỗ giấu công chúa trong một hòn núi thủy tinh. Người tài trèo trèo lên đỉnh núi, thấy tên phù thủy đang ngủ, đầu cũng gối lên đầu gối công chúa. Anh ta trèo xuống, công anh giỏi trộm lên và chỉ trong một chốc, anh này trộm được công chúa, rồi cả hai được anh tài trèo công về tàu. Cũng như các truyện trên, tàu chạy chưa được bao lâu thì người tài nghe báo tin tên phù thủy đang bay trên không, đuổi theo tàu. Người tài bắn bắn một phát vào chỗ hiểm nhất trong người tên phù thủy, như công chúa mách.

Cứu được về nhà, cả sáu người đều muốn lấy công chúa làm vợ. Vua và

công chúa rất bối rối. Nhưng lúc bấy giờ, Trời không muốn để cho mấy anh em xung đột nên làm cho họ và cả công chúa hóa thành sao, tức là chòm sao Thất tinh. Người dân Đan-mạch nói ngôi sao sáng nhất trong đó là công chúa, còn ngôi mờ nhất là anh chàng giỏi trộm. Đó cũng là một hình thức đánh giá.

Truyện ở vùng sông Đa-nuýp (Danubie):

Công chúa bị một con rồng hung ác bảy đầu bắt đi. Vua sai viên quan đầu triều đi tìm. Viên quan tướng thất vọng đến nơi thì gặp một bà già, bà này cho biết cứ đi tìm mẹ Rồng thì có thể tìm được công chúa. Gặp mẹ Rồng, mẹ Rồng bảo chờ năm con trai mẹ về sẽ hỏi ý kiến. Năm người con rồng này có phép màu nhiệm: người thứ nhất có thể lấy trộm bất cứ vật gì theo ý muốn. Người thứ hai tìm được vật bị mất. Người thứ ba bắn tên giỏi. Người thứ tư xây lâu đài trong nháy mắt. Người thứ năm đuổi theo một vật nhanh như chớp.

Khi năm chàng rồng trở về, họ bằng lòng giúp vua. Chỗ công chúa bị giam liền được một người trong số họ phát hiện. Người thứ hai tìm vào, chiếm được công chúa, thì con rồng hung ác lại chiếm lại, và đem lên không trung. Nhưng chỉ một mũi tên của người bắn giỏi, rồng rơi xuống, đánh rơi cả công chúa, nhờ có người thứ năm nhanh chân nhanh tay đỡ lấy kịp thời. Bị họ hàng nhà rồng hung ác đuổi theo, cả năm người cùng sứ giả nhà vua ẩn trong lâu đài kín do người thứ tư xây dựng trong chốc lát.

Đến lúc tranh công, bà mẹ Rồng đưa việc đó đi hỏi mẹ Gió, mẹ Gió bảo đi tìm mẹ Trăng. Mẹ Trăng lại chuyển cho mẹ Trời. Mẹ Trời bảo chính mẹ Rồng là người trọng tài tốt nhất. Lúc đó mẹ Rồng phán: - "Các con là con trai ta, còn cô gái này là con gái của ta, là em gái của các con". Từ đó họ bay lên trời và hóa thành bảy ngôi sao gọi là Vi-la-chít-chi. Mỗi năm, bảy

ngôi sao này phải đi thăm mẹ Gió, mẹ Trăng và mẹ Trời một lần, nên hôm đó người ta thấy chúng xuất hiện trên bầu trời.

Người Mông-cổ có một truyện có những tình tiết và kết thúc khác hẳn nhưng xét kỹ, vẫn cùng một loại hình với truyện trên:

Có sáu chàng thanh niên bỏ nước ra đi, khi đến chỗ có sáu con sông giao nhau, họ bắt đầu chia tay mỗi người đi theo một ngã sông, sau khi đã trồng mỗi người một loại cây ứng vào sinh mệnh của từng người. Họ hẹn sẽ gặp nhau vào một ngày nhất định, hễ thấy cây của ai héo thì biết người đó đang gặp nạn, và phải theo hướng ngã sông người đó mà đi cứu.

Một chàng con nhà giàu ngược dòng đến một nơi ở với vợ chồng một ông lão và được họ gả con gái đẹp cho làm vợ. Một hôm lính hầu của vua nhặt được chiếc nhẫn có đá quý nổi trên sông gần đó, bèn đưa về cho vua. Vua bảo phải đi tìm cho được người đàn bà chủ nhân của cái nhẫn. Khi bắt vợ chàng kia về, vua thấy sắc đẹp vượt xa các người vợ của hắn thì muốn nạp vào cung, nhưng người đàn bà đòi giữ thủy chung với chồng. Vua lại ra lệnh cho lính hầu đi giết chồng. Xác người chồng bị chúng chôn ở bờ sông, dần lên mộ một hòn đá lớn.

Khi năm người kia về đến chỗ hẹn, thấy cây sinh mệnh của bạn đã héo. Một người học phép độn tìm ra chỗ chôn xác. Một người học nghề rèn dùng búa đập vỡ hòn đá, và người học thuốc cứu bạn sống lại. Một người học nghề chạm tạc một con chim ga-ru-đa bằng gỗ có thể cho người ngồi vào trong đó và chim bay được. Một người học nghề sơn vẽ tô đẹp cho con chim. Người con nhà giàu cưỡi chim bay đến cung vua, lượn mấy vòng trên không trung. Vua nhìn chim không chán mắt, lại gọi người đàn bà đẹp lên lầu cao để xem và cho chim ăn. Nhân đó, người chồng cũ cho chim sà xuống cắp lấy vợ đi luôn. Nhưng khi về đến nơi, ai cũng muốn lấy nàng,

tranh nhau không ai chịu ai. "Vậy thì chúng ta đều lấy". Họ nói thế và cắt người đàn bà ra từng mảnh. [7]

Truyện của người Ấn-độ và người Ả-rập còn có kết cục lạ hơn. Sau đây là truyện của Ả-rập trong *Nghìn lẻ một đêm*:

Có ba hoàng tử muốn lấy công chúa Nu-ru-ni-har con đỡ đầu của vua cha. Vua cha quyết định sẽ gả cho người nào đi du lịch về mang một vật lạ và quý nhất. Trong lúc họ chưa về thì công chúa bị đau nặng sắp chết. Hoàng tử thứ nhất có cặp kính thần phát hiện ra công chúa chết. Hoàng tử thứ hai có tấm thảm bay mang cả ba về đến tận buồng công chúa. Đến lượt hoàng tử thứ ba cho nàng ngửi quả táo thần nên sống lại. Vua bối rối không biết giải quyết thế nào, mới bảo ba người bắn cung, ai bắn xa hơn thì được lấy công chúa. Mũi tên của hoàng tử thứ ba xa hơn nhưng lại không tìm ra dấu, nên công chúa về tay hoàng tử thứ hai.

Phần sau của truyện chuyển sang một hướng khác. Hoàng tử thứ ba Át-mét do đi tìm mũi tên của mình mà gặp nàng tiên Pa-ri Ba-nu. Hai người đưa nhau về cung và kết làm vợ chồng, nhưng hoàng tử thỉnh thoảng được vợ cho về thăm vua cha. Nghe mồm bọn nịnh thần, vua cha bắt chàng phải đi tìm: lần đầu, một cái màn có thể che được khắp đại đội quân mã của nhà vua nhưng lại có thể cầm gọn trong bàn tay; lần thứ hai, một thứ nước thần ở suối sư tử có thể chữa mọi bệnh; lần thứ ba, một con người lùn dị dạng cầm một cây gậy sắt nặng năm trăm cân. Nhưng lần cuối cùng, khi đưa người lùn dị dạng về triều, với cây gậy sắt, người lùn đã giết chết bọn nịnh thần và đưa Át-mét lên làm vua nước Ấn-độ. [8]

Phần nào giống với truyện của Ả-rập là truyện Triều-tiên: Có ba chàng yêu một cô gái. Cô gái hỏi ý kiến một đạo sĩ ở Hắc-long-sơn, cụ trao cho ba đồng tiền bảo cho mỗi anh một đồng, ai mua được vật gì quý hơn thì lấy.

Anh chàng thứ nhất mua được chiếc gương thần phát hiện ra cô gái ốm sắp chết. Anh thứ hai mua được con lạc đà kỳ diệu, nhờ nó mà cả ba cùng về tới nơi trong nháy mắt. Với quả táo thần của người thứ ba, cô gái khỏi bệnh ngay lập tức. Cô bèn bảo ba anh chàng tranh công tự suy nghĩ xem ai hơn, nhưng ba ngày ba đêm vẫn chưa xong. Trước khi phân xử, cô gái dặn một cái chuông cổ là hễ cô phân xử đúng thì nó sẽ ngân lên. Cô phán như sau: - "Tôi sẽ lấy chàng thứ ba vì chàng mua táo không vì mình, mà vì người khác. Và chẳng, quả táo đã bị ăn mất, còn hai vật kia của hai người vẫn còn nguyên vẹn". Phán xong, chuông cổ ngân lên. Thế là cô lấy anh chàng thứ ba làm chồng. [9]

Thuộc loại truyện phân xử này còn có một loạt truyện khác, cũng hơi gần gũi về kết cấu và chủ đề. Xin kể dưới đây một số.

Ba truyện của người Khơ-me (Khrmer):

1. Nhà sư hoàn tục và ba cô gái: một nhà sư vừa hoàn tục để kiếm vợ. Một hôm tắm ở sông bỗng bờ sông sụt lở đẩy anh ra xa. Không biết bơi, anh chơi vơi kêu cứu. Có ba cô đi lấy nước gần đấy. Cô thứ nhất đẩy ra một khúc gỗ cho anh ôm. Nhưng anh vẫn chơi vơi không vào được. Thấy vậy cô thứ hai đưa ra một sào tre cho anh nắm để kéo vào. Thấy anh trần truồng, cô thứ ba cười ngay tấm chắn ở người cho anh khoác. Thấy anh đẹp trai, cả ba cô tranh công để được lấy làm chồng. Không ai chịu ai nên đưa lên quan. Hai cô đầu đều nói: - "Nếu không có tôi thì chắc tính mạng anh đâu còn". Cô thứ ba nghe quan hỏi, đáp: - "Tôi không cứu tính mạng anh ấy, vì thấy anh ấy lỏa lồ nên tôi quăng chắn cho để che". Sau một hồi suy nghĩ, quan phán: - "Hai cô đầu làm bốn phận một cách tự hào, hành động ấy rất đẹp, đáng được coi như mẹ chàng trai. Còn cô thứ ba thấy người không quần áo nên cười chắn cho. Đó là sự e lệ, là tình cảm nam nữ. Hành động của cô nảy sinh mối quan hệ giữa hai người. Vậy cô đáng được coi là người yêu của chàng trai". [10]

2. Người ăn trộm và bốn cô gái: một người ăn trộm đang hành nghề thì bị bắt treo cổ lên tường, theo lệ phải có một ngàn đồng vàng thì mới được chuộc mạng. Có bốn cô gái vốn yêu hắn từ trước: một cô gái giàu có bỏ tiền chuộc về, nhưng hắn bị thương tích và nằm mê man bất tỉnh, cô thứ hai kiếm thầy chạy chữa cho khỏi chết. Cô thứ ba bán hết tư trang để phụng dưỡng cho hắn. Cô thứ tư hàng ngày rửa vết thương nâng giắc hầu hạ. Chẳng bao lâu hắn bình phục, bốn cô cùng tranh công để được lấy làm chồng. Việc đưa đến vua, vua phán: - "Người bỏ tiền chuộc được coi như cha người ăn trộm; người thuốc thang được coi như mẹ; người bán tư trang được coi như chị; còn người lau rửa vết thương săn sóc hàng ngày được coi như vợ".

3. Cô gái đẹp và ba chàng trai: có ba chàng trai yêu một cô gái nhưng không được bố mẹ thuận gả. Cô gái tự nhiên chết. Ba chàng rất thương xót. Một người làm lễ hỏa táng thu nhặt hài cốt chôn cất tử tế; người thứ hai ôm lấy mộ khóc lóc thảm thiết; còn người thứ ba bỏ quê đi học phép cải tử hoàn sinh, cuối cùng phép thuật của hắn làm cho cô gái sống lại. Cả ba đều tranh lấy cô làm vợ. Việc đưa đến tai vua. Vua xử cho chàng trai thứ nhất là con cô gái vì việc thu cất hài cốt là phận sự của con với cha mẹ; người thứ ba là cha cô gái vì việc cứu vớt chạy chữa là phận sự của cha mẹ đối với con. Còn người thứ hai mới là chồng của cô gái: có là chồng thì mới ôm ấp săn sóc vợ lúc chết cũng như lúc sống. [11]

Trong sách *Hai mươi lăm truyện quý* của Ấn-độ (đã dẫn) có một truyện tương tự truyện vừa kể ở trên, đoạn cuối như sau:

Một cô gái bị rắn độc cắn chết. Cha cô gái làm lễ đốt xác. Người thứ nhất nhặt xương bó lại mang đi hết rừng này sang rừng khác. Người thứ hai nhặt tro rồi làm nhà ở lại mộ. Người thứ ba đi hết nơi này sang nơi khác. Một

hôm vào nhà một người bà-la-môn xin ăn. Chủ nhà mời anh ăn uống tử tế. Giữa lúc ấy, vì đứa con quấy mẹ, người chủ nhà ném thẳng bé vào lò sưởi cháy thành than. Thấy vậy, anh ghen ngào không ăn được nữa. Chủ nhà lấy một quyển sách, đọc một câu chú thì đứa bé lại sống lại. Anh bèn ăn trộm quyển sách ấy về làm sống cô gái. Sống lại, cô gái là đối tượng tranh giành của cả ba người. Vua Vi-krâ-ma xử rằng: người giữ xương là con, người cứu sống là cha, người dựng nhà bên đồng tro mới là chồng.

Cũng quyển sách trên, còn có một truyện:

Có bốn chàng trai đẹp, trẻ, khỏe cùng một lúc đến hỏi một công chúa làm vợ. Người thứ nhất xưng có tài làm áo bán được nhiều tiền. Người thứ hai xưng hiểu tiếng loài vật trên cạn cũng như dưới nước. Người thứ ba xưng đọc được nhiều sách. Người thứ tư xưng bắn giỏi. Cô không biết lấy ai vì họ tài ngang nhau. Quý đem chuyện ấy hỏi vua Vi-krâ-ma. Vua đáp: người làm áo và bán áo thuộc đẳng cấp bình dân (xu-đơ-ra); người biết tiếng loài vật trên cạn cũng như dưới nước thuộc đẳng cấp nô lệ (vai-xia); người đọc sách thuộc đẳng cấp bà-la-môn; người bắn giỏi xứng đáng với công chúa vì thuộc đẳng cấp võ sĩ. [12]

Người Miến-điện (Myanmar) cũng có hai truyện:

1. Tình yêu chân chính: giống với truyện Kơ-me vừa kể: ở xứ Kham-ban-sa có bốn người nhà giàu kết bạn thân, ba người đều có con trai, người thứ tư có cô con gái đẹp; cả ba chàng trai đều tha thiết muốn lấy. Trước khi nhận lời, bố mẹ cô gái hỏi mỗi người xem giả dụ con gái mình chết trước khi cưới thì thái độ của họ như thế nào? Một người hứa thân hành đốt xác trông nom đám ma chu tất. Người thứ hai hứa sẽ chôn cất xương tro làm lăng mộ tốt đẹp. Người thứ ba hứa chăm sóc đêm ngày ở mộ cho đến khi hãn chết. Cô gái quả chết trước mười lăm tuổi. Cả ba chàng trai đều làm

như lời hứa. Sau đó, trong khi người thứ ba trông nom ở mộ thì có một đạo sĩ (y-ô-gi) thương hại hăn, hóa phép làm cho cô gái sống lại. Cả ba tranh công. Cuối cùng phải đưa đến công chúa Thu-đam-ma Sa-ri. Công chúa phán: chỉ có người thứ ba là có tình yêu chân chính, vì hăn tự nguyện làm việc gác mộ là việc mà xã hội khinh thị, loại khỏi đẳng cấp đến bảy đời. Do đó hăn có quyền lấy cô gái.

2. Ba người vợ tranh nhau một chồng: cũng ở xứ Kham-ban-sa có một chàng trai con một nhà giàu lấy vợ sớm. Khi chiêm bao thấy số phận mình sẽ chết vì rắn cắn, hăn bèn dặn người nhà đừng hỏa táng mà cho lên bè thả sông. Sau hăn quả bị rắn cắn mà chết, vợ hăn làm theo lời dặn. Bè trôi đến một nơi có ba cô gái đang gội, nhờ người bố của ba cô có phép màu trị rắn nên cứu được hăn sống lại. Thấy anh chàng rất đẹp trai, ba cô gái lúc đầu giành nhau làm chồng, nhưng sau thỏa thuận thả cho về. Một cô cột cho hăn một dây bùa làm hăn hóa thành con vẹt. Chim bay vào vườn nhà vua cắn phá cây quả. Người ta bắt được, đem nộp công chúa. Công chúa yêu chim, nuôi ở trong buồng. Một hôm vô tình cắt sợi dây bùa, chim bỗng biến thành người. Hai người từ đấy lén lút yêu nhau; đêm là người, ngày là vẹt. Vua thấy công chúa mỗi ngày một khác, ra lệnh truy tìm rất gắt thủ phạm. Hăn nghe tin sợ quá, bay qua cửa sổ đi trốn. Vừa ra khỏi cung, sợi dây bùa rơi, hóa thành người. Bị lính lùng đuổi, hăn lọt vào một nhà nọ, có hai vợ chồng và một người con gái đang ăn cơm. Hăn nói thật với họ và cầu cứu. Nhà ấy cho hăn ngồi vào mâm ăn luôn, và khi lính vào thì nhận hăn là rể. Sau đó, hăn được nhà ấy gả con gái cho làm vợ.

Công chúa mất người yêu, dần dần đâm ra sầu muộn đến đau nặng. Các lang y bó tay. Vua cha hỏi và khi biết sự thật, vua sai mở hội trong cung, buộc tất cả mọi người phải đến dự để con gái nhận người yêu. Khi công chúa nhận ra, thì người vợ cũ của anh chàng cũng nhận ra chồng cũ. Thế là cả ba người đàn bà tranh nhau chồng. Việc đưa đến Thu-đam-ma Sa-ri, người này phán: - "Người vợ cũ khi thả chồng lên bè thế là hết duyên

nghĩa, không có quyền gì nữa. Công chúa khi để cho người yêu đi trốn mà không có phản ứng ngay, cũng là hết tình nghĩa từ đó. Còn cô gái lấy sau cùng, tình nghĩa chưa tỏ ra có gì phai nhạt, nên có quyền được giữ chàng làm chồng. [13]

Truyện cuối cùng *Ba anh em* của Pháp, do Grim (Grimm) kể: Một người cha, tài sản chỉ có mỗi một ngôi nhà, không biết để lại cho ai trong ba đứa con. Bèn bảo các con đi học nghề, hẹn một ngày nào đó phải trở về thi tài, ai hơn sẽ được hưởng ngôi nhà. Người anh cả học nghề bịt móng ngựa. Người thứ hai học nghề phó cạo và người thứ ba học múa gươm.

Khi họ về đông đủ, giữa lúc đang chuyện trò, bỗng có bóng một con thỏ rừng sắp chạy qua, phó cạo ta lập tức lấy dao, xà phòng chờ cho con thỏ chạy ngang nhà, đuổi theo sát xà phòng và cạo nhẵn bộ lông mép mà không làm xây xát. Lát sau, một chiếc xe bốn ngựa phi qua, anh bịt móng ngựa đuổi theo cỗ xe, tháo bốn móng sắt của một con trong đoàn và thay bốn móng mới trong lúc nó vẫn phi nước đại. Để trở tài, người con út nhân lúc trời mưa như cầm vò mà trút, lấy gươm ra múa tít trên đầu, mưa không lọt được xuống đường gươm, quần áo vẫn khô. Người cha tặng ngôi nhà cho con út. [14]

Xem thêm truyện Tranh nhau pho tượng và một truyện khác của Thái-lan trong khảo dị truyện số 39 tập I.

[1]. Theo Tân thanh tạp chí

[2]. Do Thanh Minh sưu tầm

[3]. Trong Tạp chí dân tộc học và truyền thống dân gian, các tập I, II (1920-21).

Một số truyện kể dưới đây đều trích nhật từ tạp chí này.

[4]. Theo Tập san của hội nghiên cứu Đông Dương (BSEUI, 1886); Hoàng Lâm, Xu-van-thon. Truyện dân gian Lào; Lê Trọng Khánh...Truyện dân gian Cam-pu-chia.

[5]. Theo Hoàng Quyết, đã dẫn.

[6]. Theo bản dịch của Đơ-ve-dơ (Devèze). Tạp chí Mui-dê-ông (Le Muséum)

[7]. Theo sách Xít-đi Kur (Cái chết màu nhiệm). Một dị bản khác nói rằng: sau khi tranh công, những người ấy rút dao đâm nhau chết.

[8]. Truyện Nghìn lẻ một đêm (Bản dịch của Ga-lăng (Antoine Galland)): Truyện hoàng tử Át-mét và nàng tiên Pa-ri Ba-nu.

[9]. Theo Quả nho rừng (tập truyện cổ tích các nước bạn). Người Pháp (vùng Hạ Bơ-ta-nhơ (Basse Bretagne)) cũng có một truyện giống truyện trên: có ba anh em ruột muốn lấy một em gái con nuôi của bố. Họ cùng được bố cho mỗi người một ngàn đồng bảo mua vật gì quý nhất thì sẽ lấy. Một người mua được cặp kính thần. Khi đeo vào hắt kinh ngạc phát hiện ra không chỉ em gái mà cả bố mẹ đang hấp hối. Một người mua được chiếc xe thần đưa cả ba về nhà chỉ trong một phút. Người thứ ba mua được ba quả táo thần đưa cho mỗi bệnh nhân một quả, lập tức sống lại. Kết quả cô gái về người mua táo vì “ táo thì bị mất còn hai vật kia vẫn còn”.(Theo Đơ-la-

ruy (Delarue) và Tê-ne-dơ (Ténèze), đã dẫn).

[10] Theo Pa-vi (Pavie). Phái bộ Pa-vi ở Đông Dương (1879-1895)

[11] Hai truyện này đều theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn.

[12] Đều theo tạp chí Mụy-đê-ông (Le Muséum), sách đã dẫn.

[13] Theo Truyện cổ tích Miến-điện, sách đã dẫn.

[14] Truyện trên có người kể hơi khác, như sau: ba anh em đi học: người đầu nghề mùa gươm, người thứ hai nghề bịt móng ngựa, người thứ ba không phải nghề phó cạo, mà là nghề nấu ăn. Lúc trở về, người múa gươm nhân một trận mưa đá, rút gươm múa để che cho vườn nho. Mưa tạnh, không có một là nào bị ướt. Người thứ hai cũng đuổi theo bịt móng cho một con ngựa đang kéo cỗ xe. Còn người thứ ba thấy bố mình thích món trứng tráng có nấm, anh bảo bố cầm đĩa ra đứng chờ ở cổng. Tráng trứng xong, anh đánh vào cán lập- là một cái, trứng văng lên chui qua ống khói, trong khi đó anh chạy ra cổng cầm lấy đĩa hứng, trứng rơi đúng vào đĩa, mà trứng lúc ấy đã lật rồi, đưa mời bố ăn. (Theo H.Pua-ra (Pourra): Kho tàng truyện cổ tích, tập I, Truyện ba chàng thiện nghệ).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
108. CHÀNG NGỐC ĐƯỢC KIỆN

Ngày xưa có anh chàng nghèo khổ không nhà không cửa, không cha không mẹ, tính ngốc nghếch, nên người ta gọi là chàng Ngốc. Anh đi ở với một nhà trọc phú, làm quần quật suốt ngày này sang ngày khác không biết mệt. Trọc phú thấy anh khỏe mạnh dễ sai, nên sau năm năm, lúc anh ngửa tay đòi tiền công, hăn bèn dỗ dành anh làm thêm năm năm nữa. Nghe những lời ngon ngọt của hăn, anh lại vui lòng ở thêm một thời hạn mới. Lại năm năm nữa trôi qua. Thấy anh đòi tiền ông để về, trọc phú lại dỗ:

- Thầy trò mình biết nhau đã lâu, chia tay không nỡ. Thôi! Mày cứ ở với tao năm năm nữa đi! Sau năm năm tao sẽ trả cho mày luôn cả mười lăm năm là ba nén vàng. Lúc đó thì mày sẽ trở nên giàu có.

Nghe bùi tai, anh lại đổ sức đổ lực ra làm việc cho hăn thêm năm năm. Lần này hết hạn, anh nhất định đòi chủ trả công để về. Trọc phú dỗ mấy cũng không nghe, bèn mang ba nén vàng ra trả, chàng Ngốc được vàng hý hửng cầm đi, không biết rằng đó là ba nén vàng giả mà trọc phú cố ý thừa, để lật lừa tiền công. Còn anh khi có tiền trong tay liền định bụng trẩy kinh, ngao du một phen cho thỏa lòng ao ước. Đi được mấy trạm, anh gặp một người thợ bạc, hai người làm quen trên một đoạn đường. Người thợ bạc hỏi anh làm gì và đi đâu, anh không giấu giếm một tý nào cả, nhơn đưa ba nén vàng ra khoe. Người thợ bạc cầm lấy vàng biết ngay là vàng giả, nhưng thấy anh ngu ngốc, hăn ta mới nghĩ đến việc lợi dụng. Hăn bảo anh:

- Ở chốn kinh thành, trừ các nhà quyền quý không kể, còn những bọn như chúng ta cầm vàng rất khó mua bán. Sao anh không đổi ra bạc, đi đến đâu

cũng tiêu được. Sẵn tôi có bạc đây, anh có muốn tôi đổi hộ cho, cứ một nén vàng ăn hai nén bạc. Muốn không?

Chàng Ngốc thấy hăn bàn có lý, liền khẩn khoản nhờ đổi hộ. Không ngờ, đây chỉ là sáu miếng chì được đúc thành sáu thỏi rất khéo, nhưng cả đời anh nào biết mặt mũi vàng bạc là cái gì đâu, nên vui vẻ cầm lấy mà tiếp tục lên đường.

Đi đến một nơi khác, anh gặp một người hàng giấy bèn cũng lân la làm quen, và nhân vui miệng anh kể rõ lai lịch số bạc cùng ý định trầy kinh của mình cho người bạn đường biết. Người hàng giấy nhìn thấy mấy nén bạc biết là của giả, nhưng đang lúc cần chì, hăn bèn gạ đổi một nghìn tờ giấy lấy sáu nén "bạc" của anh. Hăn chỉ vào thứ giấy lựa gió nói:

- Đây là thứ lựa đẹp nhất gọi là "lựa đình kiến", quý lắm, tôi mang đến đâu người ta cũng tranh nhau mà mua. Anh cứ mang đến kinh mà bán, mỗi một vuông lấy một quan thì tha hồ là tiền.

Nghe bùi tai, chàng Ngốc lấy sáu nén bạc ra đổi và mang nghìn tờ giấy đi. Đến một trường học, anh thấy có mấy người học trò đang chơi một cái chong chóng làm bằng những mẫu giấy xanh đỏ rất đẹp mà anh chưa trông thấy bao giờ. Anh chen vào đám đông để xem và hỏi:

- Cái gì thế này?

Một người học trò nói đùa:

- Đây là cái "thiên địa vận", dùng nó có thể thông thiên đạt địa, mọi việc trên thế gian việc gì cũng hay biết trước, quý không nói hết.

Thấy anh có vẻ thèm thường món đồ chơi đặc biệt, bọn chúng lại tán:

- Anh có thích cái "thiên địa vận" này không? Nếu anh muốn mua chúng tôi cũng bán, nhưng phải nhiều tiền mới được!

Chàng Ngốc rất say mê về sự màu nhiệm của cái "thiên địa vận" nên cố vật nài:

- Tôi không có tiền, chỉ có một ngàn "lụa đình kiến" đây, mong các anh đổi cho tôi.

Bọn học trò nhìn thấy đẹp giấy thì không còn gì mừng hơn, nên cuộc trao đổi giải quyết rất chóng vánh.

Chàng Ngốc cầm cái "thiên địa vận" ra đi, trong lòng khắp khởi mừng thầm, vì nghĩ rằng mình sẽ có lúc thông thiên đạt địa và được mọi người kính phục. Anh lại tiếp tục cuộc hành trình. Qua một cánh đồng rộng, thấy một đám trẻ chăn trâu đang ngồi chơi ở vệ đường, chúng nó bắt được một con niềng niềng lớn, có đôi cánh xanh đỏ trong rất đẹp và kỳ lạ. Tò mò, anh dừng lại rồi sấn vào xem. Bọn chăn trâu không cho xem, chúng bịa ra cho anh hốt:

- Đây là "ngọc lưu ly", đeo nó vào người về mùa hè thì mát, về mùa đông thì ấm, vô cùng quý giá, chưa chắc đức hoàng đế đã có được.

Chàng Ngốc không ngờ lại có thứ của quý đến nỗi vua cũng không làm gì có, mới đưa cái "thiên địa vận" của mình ra xin đổi. Bọn trẻ thấy có món đồ chơi đẹp liền bằng lòng ngay. Chúng nó bỏ con niềng niềng vào trong một cái túi vải con, thắt miệng túi lại và dặn anh:

- Lúc nào về đến nhà hãy mở ra xem, nếu không, ngọc nó bay lên trời là mất toi đó.

Được ngọc lưu ly, chàng Ngốc bụng bảo dạ: - "Ta may mắn được hòn ngọc quý mà vua cũng chẳng có. Ấu là khi đến kinh, ta đem dâng lên vua, chắc là vua phải thích". Anh nghĩ sao làm vậy, cho nên qua ngày hôm sau, đến kinh đô, anh lập tức tìm vào hoàng cung quyết gặp mặt vua để dâng ngọc. Bọn lính gác cửa Ngọ môn thấy có một người ăn mặc rách rưới đòi yết kiến thiên tử thì nhất định không cho vào. Chàng Ngốc kể lể:

- Tôi đi ở mười lăm năm được ba nén vàng, rồi sáu nén bạc, rồi một ngàn lụa đình kiến, rồi cái thiên địa vận, mới đổi được hòn ngọc lưu ly này đem dâng hoàng đế.

Vừa khi có một ông quan đại thần sắp sửa vào chầu vua, nghe anh nói thế thì vội chạy lại bảo anh đưa ngọc cho mình xem trước rồi sẽ đưa vào gặp vua. Anh lấy túi vải đưa ra. Không ngờ, khi ông quan vừa mở cái túi thì con niềng niềng đã bay vụt lên trời, không làm sao bắt được. Thấy thế, chàng Ngốc vội nắm lấy áo ông quan kêu khóc âm ỉ, nhất định bắt đền cho được. Bọn lính xúm lại lôi anh ra, anh kêu to lên và quyết nằm vạ. Việc đến tai vua, vua cho dẫn chàng Ngốc vào hỏi đầu đuôi câu chuyện, Ngốc tâu:

- Tôi đi ở mười lăm năm được ba nén vàng, rồi sáu nén bạc, rồi một ngàn lụa đình kiến, rồi cái thiên địa vận, mới đổi được hòn ngọc lưu ly này định đem dâng, thì vì ông này nên nó đã đi mất rồi.

Hỏi mấy lần, anh cũng chỉ đáp có mỗi câu như thế và chỉ vào viên đại thần mà khóc.

Cuối cùng vua phán:

- Tên dân này đưa hòn ngọc lạ với ý định tốt dâng ta. Để mua được viên ngọc, hắn đã tốn bao nhiêu công sức và tiền tài. Vậy kẻ làm mất ngọc không những có tội với ta mà còn phải bồi thường cho hắn đủ số vàng bạc, v.v... Về phần ta, ta sẽ ban cho hắn một chức quan nhỏ để nêu lòng trung.

Thế là viên đại thần phải bồi thường tất cả cho chàng Ngốc. Từ đây anh sung sướng, giàu có và khôn ngoan lên [1].

KHẢO DỊ

Một chuyện *Chàng Ngốc đi buôn* sưu tầm có phần thiếu sót, nhưng đúng là một dị bản của truyện trên:

Một chàng Ngốc nghe lời vợ khuyên, cầm tiền đi buôn. Đầu tiên, anh dốc cả vốn liếng để lấy một con bò vì theo lời người bán bò, "để khỏi vác tiền mãi nặng vai". Đến một bến đò, Ngốc nghe lời một người khác gạt đổi bò lấy một con ngỗng vì "bò nặng vượt sông sẽ chết đuối". Lại gặp một người khác, Ngốc đổi con ngỗng lấy cái gầu, một vật "có thể phun nước hay lửa rất mau nhiệm". Đến đây, cũng như truyện trên, Ngốc lại đổi gầu lấy một cái chong chóng, hy vọng được "thông thiên đạt địa", lại đổi chong chóng lấy viên ngọc lưu ly đựng trong hộp của một em bé, kỳ thực đó là một con cào cào.

Ngốc mang hộp vào dâng vua và nói với vua theo lời em bé dặn là "chỉ được mở vào lúc trời tối, nếu không ngọc sẽ bay mất". Vua còn bận, bảo Ngốc hãy ra ở nhà tế tướng, tối mai lại đến. Ở đây, tế tướng cũng vì tò mò, cố đòi xem cho được. Nhưng hộp vừa mở ra thì cào cào đã bay mất biệt. Tế tướng đành phải đền một viên ngọc khác thay vào, lại cho Ngốc vàng bạc để nhờ anh giấu kín việc ấy cho, đừng để lọt đến tai vua.

Đưa ngọc vào, Ngốc được vua ban thưởng hậu hỹ nên trở về với nhiều của cải và được mọi người kính phục [2].

Người Tây có truyện *Người có mười con trâu*:

Một chàng Ngốc đi buôn mua được mười con trâu đưa về. Dọc đường, thấy một người dắt mười con bò. Vì người kia nói khéo quá, nên Ngốc ta đổi trâu lấy bò. Đi một chặng nữa, lại gặp một người dắt mười con dê, và qua trò chuyện, Ngốc lại bùi tai đổi bò cho hắn để lấy dê. Đến một làng nọ, thấy có đứa trẻ chơi những quả ké-néc (một loại quả có vỏ cứng như cái hộp). Ngốc chưa thấy quả này bao giờ, hỏi thì đứa bé đáp là kim cương than khinh rất quý. Ngốc lại đổi dê lấy mười "viên kim cương". Về đến làng, gặp một đứa trẻ khác chơi con cánh cam rất đẹp. Hỏi là vật gì, đáp là ngọc mu-ni. Lại đổi. Về nhà, Ngốc cày cục làm một cái hộp đẹp, bỏ "ngọc" vào định dâng vua.

Ngốc lên đường thấy kinh. Đi tới bên bờ một vực sâu, một người bạn đường nghe Ngốc nói mang ngọc dâng vua bèn xin được xem. Hắn vừa mở hộp thì con cánh cam bay xuống vực mất tích. Ngốc ta níu áo hắn kêu khóc dữ dội. Vừa có lính nhà vua đi qua hỏi chuyện. Lính ra lệnh cho dân lặn xuống vực tìm ngọc. Không ngờ, những người ấy lại tìm được một viên ngọc mu-

nị thật ở đáy vực. Lính dẫn Ngốc về triều. Vua khen Ngốc, ban cho vàng bạc áo quần. Ngốc trở nên giàu có [3].

Truyện *Một người đại nhất* của dân tộc Mèo tuy diễn biến có khác nhưng cũng là dị bản của truyện *Chàng Ngốc được kiện*:

Một gia đình có hai người con trai: người anh thích làm ruộng, còn em thì ngốc nhưng lại muốn đi buôn. Bố mẹ cho người em năm con ngựa làm vốn và dặn rằng đã đi buôn bán thì phải chú ý mỗi một cuộc trao đổi phải có lãi mới làm.

Dắt năm con ngựa đi, dọc đường gặp một người dắt sáu con dê, anh nài nỉ người ấy đổi lấy ngựa vì những sáu con, vậy là lãi một con. Đi một đoạn khác lại gặp một người mang bảy con gà, anh lại nài đổi, vì thấy lại được thêm một con nữa. Lại gặp một người gánh tám quả bí, anh lại nài đổi. Khi gánh bí về nhà gia đình ngã ngựa người, mắng anh hết lời. Anh biết là đại, buồn quá. Một hôm ngồi buồn tay, cầm dao bổ bí ra thì không ngờ trong đó có một quả có nhiều vàng. Anh trở nên giàu có [4].

1. Theo lời kể của người Hà Tĩnh

[2]. Theo *Truyện cổ tích trẻ em*.

1. Theo Đơ-jơ-jơ (Degeorge). *Truyền thuyết của người Tày ở An-nam*, trong tạp chí *Nhân loại* (1921-22)

[4]. Theo *Truyện cổ dân tộc Mèo*, sách đã dẫn

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
109. NGƯỜI ĐÀN BÀ BỊ VU OAN

Ngày xưa, có hai người lái buôn tơ lụa, một người tên là Lý, một người tên là Tình. Tuy quê ở hai nơi nhưng họ thường đến bán hàng và thường gặp nhau ở một thị trấn nọ. Trong cuộc buôn bán kinh doanh, họ dần dần quen nhau, thỉnh thoảng mời nhau chè chén có vẻ thân mật.

Một hôm, Lý mời Tình đến nhà hàng dự tiệc cùng mấy người bạn buôn khác. Khi rượu đã ngà say, họ xoay sang nói chuyện đàn bà. Một người cho rằng theo hăn, thì hai tiếng tiết trinh dường như thật vô nghĩa giữa cõi đời này. Một người đàn bà giữ chính chuyên suốt đời với một người đàn ông, đó là chuyện kỳ quái khó ai tin được. Lý đặc chí nói thêm vào:

- Đối với tôi, chỉ mất một ít tiền và một vài lời nói ngọt thì dù là người đàn bà sắt đá đến đâu cũng phải mềm ra ngay.

Tình nghe nói thế, cố cãi cho bằng được. Hăn nói vợ hăn ở nhà là một người đàn bà đã đẹp người, lại tốt nết, một tấm gương sáng về sự đoan chính. Thấy mọi người cười mỉa, hăn đoan:

- Nếu bác nào quyến rũ được vợ tôi có bằng cứ hăn hoi, tôi sẽ biếu bác đó tất cả gia tài!

Lý cười ha hả rồi nửa đùa nửa thật:

- Bác có dám đánh đố với tôi không?

Tình khăng khái viết ngay một giấy giao ước, trong đó hăn tình nguyện nộp tất cả gia tư điền sản cho Lý nếu trong một tháng Lý quyến rũ được vợ mình. Ngược lại, nếu cũng trong một tháng ấy mà Lý không làm nổi việc đó thì sẽ mất hết gia tài cho mình. Giấy viết xong, Tình mời Lý ký vào và mời tất cả các bạn buôn cùng ký làm chứng, và hứa rằng mình sẽ ở lại đây cho đến tháng thứ hai mới trở về nhà.

Tìm đến được quê hương của Tình, Lý bắt đầu giờ thủ đoạn.

Gặp vợ Tình ở chợ, hăn theo sát nút, liếc mắt đưa tình giờ giọng ve vãn. Hăn chỉ nghe được những tiếng chửi đáp lại. Nhưng hăn vẫn kiên nhẫn đuổi theo tán tỉnh không ngớt. Cuối cùng người đàn bà ấy phải nhờ tuần phiên can thiệp, hăn mới ôm đầu tháo chạy.

Lần thứ hai, hăn mang những đồ trang sức rất đẹp đóng bộ một tay buôn giàu có và phong tình đến bán cho vợ Tình. Sau khi giới thiệu những món nữ trang quý giá và xinh xắn, hăn dùng lời đường mật để gạt người đàn bà đó. Hăn nói:

- Tôi rất sung sướng được bán hàng cho một vị tuyệt thế giai nhân. Trước hết, tôi xin tặng nàng chiếc nhẫn này. Nếu nàng bằng lòng - chỉ một lần thôi
- tất cả những vật nhỏ mọn này đều là của nàng cả.

Nhưng vợ Tình nghiêm sắc mặt cự tuyệt. Không những nàng quăng lại chiếc nhẫn mà còn mớ hăn ra ngay khỏi cửa. Lần thứ ba hăn lại đến nhà Tình, nhưng đến một cách lén lút. Trong đêm hôm tối tăm. Hăn lẻn được vào buồng người đàn bà với những thỏi vàng cầm tay. Khi liệu chừng mọi người đã ngủ yên, hăn mới tiến đến bên giường lấy giọng ngọt ngào gọi khẽ và ấn những thỏi vàng vào tay nàng. Hăn nói:

- Xin nàng chớ sợ! Tôi đến đây với rất nhiều vàng để giúp nàng khuây khỏa nỗi phòng không bóng chiếc.

Hắn sà xuống ôm lấy vợ Tình, nhưng người đàn bà đã tỉnh liền vùng dậy. Một cuộc vật lộn xảy ra trên giường. Chỉ trong một chốc, người đàn bà đã cho hắn một đạp ngã lăn ra. Hắn lóp ngóp bò dậy và chạy trốn mất. Thấy công việc của mình không một mảy may kết quả mà kỳ hạn thì đã sắp hết. Lý sức nhớ đến tờ giấy giao ước đã trót ký với Tình, đâm ra lo lắng hết sức. Hắn bèn nghĩ một mưu rất thâm độc. Hắn đi dò hỏi và tìm đến một bà mẹ đã từng đỡ cho vợ Tình đẻ. Hắn cho người này rất nhiều tiền, dỗ dành mẹ cho mình biết một vài nét đặc biệt trong người vợ Tình. Bà mẹ là người thấy của thì híp mắt lại, nên khi được tiền của Lý, mẹ ta ghé vào tai hắn: - "Ở quá phía dưới rốn của nàng có một nốt ruồi nhỏ".

Thế rồi Lý trở về gặp lại Tình, hớn hở nói cho Tình biết rằng mình đã quyến rũ được vợ hắn. Tình hỏi bằng chứng và khi nghe Lý dẫn ra cái nốt ruồi kín đáo thì hắn không còn hồn vía nào nữa. Hắn đành giao gia sản cho Lý rồi vì ghen tức đầy ứ, hắn trở về quê đánh cho vợ một trận rất tàn nhẫn và đuổi nàng đi.

Bị vu oan và bị đánh oan, người vợ Tình vô cùng tức giận. Nàng nghĩ đến việc báo thù và tìm cách tự mình oan cho mình. Một hôm, nàng gặp Lý ở giữa đường, bèn xông tới xỉ vả và nắm lấy tóc giằng xé rất dữ dội. Người ta đưa hai người lên quan.

Khi quan hỏi nàng tại sao vô cớ làm nhục một người đàn ông giữa đường thì nàng trả lời:

- Bẩm quan, nó vay của con một số tiền là hai mươi quan, con tin ở nó quen

biết không bắt làm giấy tờ gì cả, nào ngờ đến bây giờ nó trở mặt, đòi mấy cũng không chịu trả.

Thấy vợ Tình vu vạ, Lý chỉ cười nhạt. Hắn bấm quan:

- Tôi xin đoan với quan lớn và mọi người ở đây rằng tôi chả hề quen thuộc gì với người đàn bà này cả chứ đừng nói tới vay hay mượn làm chi!

Nghe nói thế vợ Tình mới kể cho quan biết sự tình: việc chồng mình thách hẳn, âm mưu gian xảo của hắn đối với mình, cùng là nông nổi mất gia tài sản nghiệp như thế nào. Cuối cùng nàng nói:

- Nếu nó không hề quen tôi, thì làm sao nó lại ăn nằm với tôi được chứ.

Tên lái buôn gian xảo điếng người vì câu nói hớ. Sau một cuộc khảo đả, âm mưu của hắn bị bại lộ. Quan xử cho Tình không những không mất tài sản mà còn được thêm tài sản của đối phương, đúng như lời giao ước. Hai vợ chồng nhờ đó lại đoàn tụ. Còn người đàn bà làm nghề bà mụ thì không những có tội làm cho gia đình người khác bị tan nát, mà còn làm trái với lương tâm của nghề nghiệp. Quan xử mụ tù chung thân là tội rất nặng đối với đàn bà để răn những kẻ khác [1].

KHẢO DỊ

Truyện trên giống với truyện *Người vợ chung thủy* của Nga:

Nhi-cô-lai, con trai một người lái buôn giàu có, yêu cô con gái một người thợ rèn đã từng dắt nhau đi ăn mày, tên là Ma-sa. Để thực hiện việc kết hôn, Nhi-cô-lai bí mật làm cho cha con người yêu trở nên giàu sang: sắm cho một ngôi nhà lộng lẫy, với danh nghĩa bá tước, và học mọi cách sống quý tộc.

Sau lễ cưới, bố Nhi-cô-lai chết. Người bạn của bố chàng là I-va-nốp rủ chàng đi buôn. Cũng như truyện của ta, trong thời gian xa nhà, I-va-nốp tìm mọi cách để đánh cuộc với Nhi-cô-lai: hên trong một tháng nếu hăn quyền rũ được Ma-sa thì Nhi-cô-lai sẽ mất hết tài sản cho hăn; nếu trái lại, hăn sẽ nộp gia tài cho Nhi-cô-lai. Vật làm chứng phải là chiếc nhẫn cưới của Ma-sa.

I-va-nốp quay về hết sức tán tỉnh Ma-sa nhưng không ăn thua. Mãi đến khi gần hết hạn, nhờ mưu một bà già ăn mày, hăn lọt được vào buồng Ma-sa ban đêm, lấy trộm chiếc nhẫn, và nhờ đó, hăn chiếm tất cả gia tài của Nhi-cô-lai. Tin là người yêu phụ bạc, anh chàng thất vọng bỏ đi làm thợ đắp lò cho các trại lính. Còn Ma-sa sau đó cải trang làm đàn ông đăng lính, và nhờ dũng cảm tài trí nên cuối cùng thăng võ quan, đứng đầu đạo quân ngự lâm, được nhà vua tin cậy. Khi biết tin chồng mình đang làm thợ đắp lò, Ma-sa ra lệnh cho Nhi-cô-lai được đổi về kinh, chuyển thành người lính hầu của mình, nhưng không hề hở cho chồng biết mình là Ma-sa.

Một hôm võ quan ngự lâm, tức Ma-sa đãi tiệc, mời các thân hào tới dự, trong đó có cả vua và I-va-nốp. Trong bữa tiệc, câu chuyện của Ma-sa dẫn tới chỗ buộc I-va-nốp phải kể lý do vì sao hăn chiếm được gia tài của Nhi-cô-lai. Khi hăn nói đến việc mình dụ dỗ được Ma-sa có chiếc nhẫn làm chứng, thì Ma-sa xin phép ra ngoài một lát. Nàng lén bỏ những đồ cải trang rồi ăn mặc trở lại phụ nữ, đoạn trở vào, dẫn cả Nhi-cô-lai đến trước nhà

vua, vạch âm mưu gian xảo của I-va-nốp. Hẳn cứng lưỡi, phải nộp toàn bộ tài sản của mình cho Nhi-cô-lai. Kết quả, Nhi-cô-lai được vua ban cho chức tước của vợ, còn I-va-nốp và mẹ già hiểm độc thì đều bị trừng trị [2].

Một truyện khác *Hoắc sinh* do tác giả *Liêu trai chí dị* kể, cũng có tình tiết phần nào giống truyện của ta:

Hoắc sinh và Nghiêm sinh lúc trẻ thân nhau, lớn lên dần dần ghét nhau. Một mẹ láng giềng của Hoắc từng đỡ đẻ cho vợ Nghiêm vô tình nói riêng với vợ Hoắc rằng chỗ kín của vợ Nghiêm có hai cái bướu. Nghe tin ấy, Hoắc lập mưu, rình khi Nghiêm sắp đi qua, giả tảng nói với người quen: "Vợ Nghiêm có tình ý với ta". Người quen làm bộ không tin, Hoắc kể một câu chuyện bịa đặt và nói đến hai cái bướu bí mật. Nghiêm đứng ngoài cửa nghe lỏm được câu chuyện, liền bỏ về nhà khảo vợ. Vợ không nhận, hăn đánh lại càng dữ dội. Vợ không chịu được, tự tử.

Nghe tin, Hoắc lấy làm hối nhưng cũng không dám nói thật với Nghiêm. Vợ Nghiêm hóa thành ma kêu khóc suốt đêm làm cho cả nhà không yên. Bỗng dưng Nghiêm chết, ma không khóc nữa. Vợ Hoắc mộng thấy một người đàn bà xoa tóc kêu gào đòi báo thù. Tỉnh dậy bị bệnh, được vài hôm thì chết. Hoắc cũng mộng thấy một người đàn bà chửi mắng mình và dùng ngón tay dí vào môi.

Tỉnh dậy, hăn thấy môi đau và sưng lên. Được ba ngày chỗ sưng nổi thành bướu. Hoắc không dám nói cười vì động mở mồm là đau.

Đồng bào Cham-pa có truyện *Trạng* (xem Khảo dị các truyện số **47** và số **80**, tập **II**) ở phần cuối có tình tiết giống truyện *Người đàn bà bị vu oan*.

Khôn-ai, con một quan đại thần, tìm cách làm cho Trạng bị tội. Muốn thế,

hắn phải cố tạo chứng cứ để vu cho vợ Trạng là gái mất nết. Hắn bèn về làng Trạng mở hội nhiều ngày rồi cho tiền bà mụ đỡ đẻ hỏi vợ Trạng mới lọt lòng để bà mụ cho biết một vài dấu vết trong người vợ Trạng. Đoạn hắn về triều phao tin là đã ăn nằm với vợ Trạng trong mấy ngày hội, để cho vua xử tử Trạng (vì vua đã hạ lệnh nếu Trạng lấy vợ đức hạnh kém thua công chúa, thì Trạng phải tội chết).

Ngày Trạng sắp bị Khôn-ai vâng lệnh vua đi chém, vợ Trạng mở một ngôi hàng nước ở con đường dẫn đến pháp trường. Khi Khôn-ai đi qua quán, vợ Trạng níu áo đòi nợ: "Quan ăn chịu ở hàng tôi mấy lần chưa trả". Mọi người đến xem rất đông, Khôn-ai phân bua: - "Con này điên. Tao biết mày là ai mà mày đòi nợ. Tao chưa gặp mày lần nào cả". Vợ trạng đủ chứng cứ để chứng minh là mình bị hắn vu oan. Vua bèn lại cho phép Trạng chém đầu Khôn-ai, nhưng Trạng tha bổng cho hắn. [3]

-
- [1]. Theo Lãng-đời (Landes) sách đã dẫn và truyện kể của người miền Nam.
- [2]. *Truyện dân gian Nga* (bản dịch của Nguyễn Hải Sa)
- [3]. Theo *Truyện cổ dân gian Việt Nam*, tập I, đã dẫn

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
110. TRA TẤN HÒN ĐÁ

Ngày xưa có hai vợ chồng một người nghèo, suốt năm đầu tắt mặt tối, ăn bữa sớm không biết có bữa chiều. Kỳ ấy năm hết Tết đến mà trong nhà không có lấy một bát gạo. Mãi về sau người chồng chạy hết các cửa nhà giàu, nói sùi bọt mép mới vay được ba công non. Mừng quá, chồng vội vã mang về để đến sáng mai là ngày ba mươi cho vợ kịp đi sắm Tết.

Sau khi mua hết số tiền, người vợ đội mùng lên đầu trở vào cổng chợ. Trên đường về phải lội qua một cái mương nước. Chăng may cho bà ta, khi bước chân lên một hòn đá thì bị trượt chân ngã vật xuống nước. Bao nhiêu gạo, thịt, vàng, hương, v.v... trong mùng đều ngập vào bùn. Thấy số phận đen đui, người đàn bà nọ không buồn nhặt nữa, ngồi xoài xuống bên vệ đường, khóc lóc rất thảm thiết.

Đang khóc, bỗng có một ông quan huyện đi hành hạt ngang qua đó. Thấy chuyện lạ, quan sai lính dừng võng, đòi người đàn bà tới hỏi vì sao mà khóc? Người đàn bà mếu máo kể lại tình cảnh của mình cùng việc xảy ra vừa rồi cho quan nghe và nói thêm:

- Thiếp không sợ chồng đánh mà chỉ thương thân thôi! Chăng biết đến bao giờ thì vận đen mới thôi không ám ảnh nữa.

Quan huyện vốn có lòng thương người. Khi nghe những lời than thở, ông rất động lòng, bèn nghĩ ra một kế để giúp đỡ người đàn bà nọ ăn một cái Tết ngon lành. Ngồi trên võng, ông truyền lệnh:

- Cứ như lời mụ khai thì hòn đá kia là kẻ phạm tội. Dù nó là đá cũng không

thể vượt được phép nước. Ta sẽ vì nhà mụ mà bắt nó bồi thường. Lính đâu! Đưa bị cáo về công đường đối chất.

Thấy bọn lính hầu ngơ ngác, ông thét làm ngay.

Khi thấy đá ò không dậy, ông bảo trói lại và khiêng về huyện tra tấn cho được mới nghe.

Lại nói về chuyện hôm ấy có nhiều người nghe tin quan huyện tra tấn hòng để đòi bồi thường gạo thịt, vàng, hương cho người đàn bà thì ai nấy không ngăn được tò mò, vội đổ xô tới huyện đường để xem một tý. Họ xúm đen đặc ở cổng huyện. Quan truyền cho lính đặt hai cái thúng ở cổng, dặn rằng ai bỏ vào đấy ba mươi đồng kẽm sẽ cho vào xem. Trong khi đó, ở phía công đường có mấy người đã được cắt sẵn việc tra tấn. Tiếng hỏi cung, tiếng quát nạt, tiếng roi vọt văng vẳng phát ra. Mọi người tranh nhau ném tiền để được vào cửa. Khi hai cái thúng đã đầy ắp tiền, quan bèn bảo bọn lính lệ nghỉ roi vọt, rồi ông đứng trước mọi người trở nguyên cáo bị cáo phân xử:

- Bản chức đứng trước một vụ án khá rắc rối. Theo như lời nguyên cáo cùng tất cả chứng tá khai thì tội trạng bị cáo đã rành rành, không thể chối cãi vào đâu được, mặc dầu đến giờ nó vẫn chưa chịu cung xưng. Bản chức quyết bắt bị cáo bồi thường đầy đủ số thiệt hại. Thế nhưng, xét nó không có gì để thi hành bản án này. Tất cả mọi người đến đây vì thương hại bị cáo giúp mỗi người một ít. Vậy bản chức quyết định: số tiền trong thúng bất kể bao nhiêu đều giao cho nguyên cáo có quyền sử dụng. Còn bị cáo được phóng thích trở về chỗ cũ hay đi đâu mặc ý.

Tất cả mọi người biết là mắc mưu quan nhưng không một người nào tỏ vẻ tiếc của cả. Còn người đàn bà nọ sung sướng đưa tiền về nhà [1].

KHẢO DỊ

Truyện trên giống với truyện *Xử phiến đá* trong *Bao Công kỳ án* của Trung Quốc, nhưng ở đoạn kết, tình tiết của hai bên có khác nhau. Ở truyện Trung Quốc, nạn nhân là một em bé bán bánh rán, em đứng trên một hòn đá mài xem diễn trò mất cả tiền. Cũng như truyện của ta, Bao Công cũng truyền cho lính đưa hòn đá về công đường tra tấn. Dân chúng đổ xô tới xem thấy quan đánh đập hòn đá, bật cười lên. Bao Công làm mặt giận, sai lính đóng cổng lại, bảo người nào muốn ra phải nộp một đồng tiền vào một vại nước đặt sẵn ở cổng. Khi nhìn thấy có một đồng tiền nổi váng dầu, Bao Công thét lính bắt người có tiền lại, soát trong bọc có đủ số tiền mà em bé mất. Xem thêm ở truyện Nguyễn Khoa Đăng (số **111** dưới đây) cũng có tình tiết tra tấn hòn đá và việc tìm ra kẻ ăn trộm tiền của người hàng dầu.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
111. NGUYỄN KHOA ĐĂNG

Ngày xưa, có nội tán Nguyễn Khoa Đăng là người có tài xử đoán. Khi còn làm một chức quan nhỏ, ông đến trị nhậm hạt nào thường được mọi người mến phục, không chỉ vì tài xét xử mà còn vì lòng tốt của ông lúc nào cũng lo trừ hại cho dân.

Có lần, ông đến nhậm chức ở một huyện, một hôm có người dân làng kia bị kẻ thù oán, đêm đến lẻn ra đồng phá hết cả một ruộng dưa. Đau xót cho công lao vun trồng, dưa sắp được ăn chỉ trong một đêm bị héo rụng hết cả, người ấy bèn đến kêu khóc với ông, xin ông minh xét. Ông Đăng theo ngay người ấy về tận ruộng dưa khám nghiệm. Tất cả dấu vết đều chứng tỏ kẻ gian đã dùng một cái thuổng xắn đứt ngọn dưa và dùng cán giẫm nát hầu hết các gốc dưa. Nhưng hăn rất khôn ngoan, bao nhiêu dấu chân, hăn đều cố ý xóa sạch. Ông hỏi người trồng dưa:

- Anh có ngờ ai thù oán mình không?

Người ấy kể cho quan nghe tên mấy người ở xóm, lập tức ông sai chức dịch đi thu hồi tất cả các thuổng trong xóm lại, thuổng của nhà nào đều có ghi tên nhà ấy vào cán. Đoạn, ông khám từng cán thuổng một, nhặt riêng mấy cái khả nghi ra một nơi. Rồi ông sai người thè lưỡi liếm trên mấy cái cán thuổng đó. Quả nhiên có một cái, người ta nhận thấy có vị đắng. Ông sai lấy một gốc dưa đập giập vắt nước ra nếm thử thì chất đắng của dưa cùng với chất đắng trên cán thuổng là một. Ông nhìn lại tên ghi ở thuổng thì đúng là thuổng của một trong số mấy người mà nguyên cáo ngờ là có thù oán với mình.

Lập tức ông sai lính bắt người kia giải đến. trước tang chứng và lý lẽ đánh thép của quan, hắn không còn chối vào đâu được, đành cúi đầu nhận tội. Ông bắt hắn phải đền hoa lợi ruộng dưa cho người kia và phạt thêm gấp hai lần để hắn chữa cái thói hại ngầm kẻ khác.

Một hôm khác, có một anh hàng dầu, gánh một gánh ra chợ bán. Trong khi đang bận đóng dầu, có kẻ đã thừa dịp thò tay vào bị lấy trộm tiền. Đến khi anh hàng dầu biết thì tên ăn cắp đã chạy đi nơi khác. Anh ta nhớ tới một người mù hồi nãy quanh quẩn bên gánh của mình, đuổi mấy cũng không đi, đoán chắc là kẻ cắp, bèn gửi gánh hàng cho người quen rồi đi tìm người mù lúc nãy. Nhưng khi gặp, người mù hết sức chối cãi, rằng mình mù thì còn biết tiền của để ở đâu mà lấy. Hai bên xô xát, tuần bắt giải quan.

Khi họ dắt nhau đến công đường, ông Đăng bắt hai bên khai rõ sự tình. Người mù khẳng khăng từ chối không nhận. Ông Đăng hỏi:

- Anh có tiền giắt đi theo đấy không?

Trả lời:

- Có, nhưng đây là tiền tôi mang đi chợ, không phải của nó.

- Được cứ đưa ra đây, của ai rồi sẽ biết.

Khi người mù móc tiền ra, ông Đăng sai người múc đến một chậu nước, rồi bỏ tất cả số tiền vào chậu. Một chốc tự nhiên thấy trên mặt nước có vầng dầu nổi lên. Nghe quan sai bưng chậu nước cho mọi người chứng kiến, người mù hết đường chối, đành chịu tội ngay.

Nhưng quan còn nói thêm:

- Khoan đã, chưa hết đâu. Tội ăn cắp mới là một. Nếu mày mù tịt thì làm sao biết được tiền người hàng đầu bỏ trong bị, cất trong thúng khảo mà lấy được! Đúng là mày giả mù. Lính đâu. Bắt nó nọc ra đánh cho rõ đau, kỳ bao giờ nó mở hai mắt ra hãy thôi.

Người mù trước còn chối lấy chối để, nhưng chỉ qua ba roi là hăn mở ngay hai mắt nhận tội, đúng như lời quan truyền bảo [1].

Một hôm khác, có một người lái buôn giấy đến trình quan rằng mình nghỉ trọ ở làng Hồ-xá bị trộm lấy mất cả một gánh giấy. Ông Đăng hỏi rõ nguồn cơn, sai người do thám mấy ngày liền không có kết quả, bèn thân hành đến làng Hồ-xá nghĩ cách cứu xét. Đến nơi, ông cho triệu dân chúng sở tại và mấy làng xung quanh lại và bảo:

- Trên tỉnh vừa sức về bắt các xã thôn mỗi một người không kể nam phụ lão ấu phải làm ngay một tờ khai tên tuổi quê quán cho mình bạch.

Lệnh ban ra, mọi người đua nhau đi mua giấy. Vì thế giấy ở chợ lên giá vùn vụt.

Lại nói chuyện tên trộm trộm được gánh giấy nhưng chưa có nơi tiêu thụ còn giấu ở nhà. Nay nghe nói giá giấy lên cao bèn mang lên một số ra chợ bán. Hăn không ngờ người nhà của ông Đăng cũng đi rải ở các chợ để chờ hăn. Thế là bị bại lộ, tên trộm không những bị tội phải đền gánh giấy cho người lái buôn mà còn phải đền cho dân các làng mặt tiền mua giấy kê khai tên tuổi.

Một lần khác, ông được đổi đi một hạt miền núi. Khi ông mới đến, người ta cho ông biết là hạt ấy nổi tiếng có nhiều trộm cướp nhà nghề. Các quan trước bó tay không thể nào trị nổi. Ông chỉ cười nhạt không nói gì, nhưng sau đó ngầm sai người thân tín đi dò la hành tung và quên quán từng tên một. Thế rồi, ông vẫn cứ tảng lờ như là không hay biết gì hết.

Một hôm nhân đi hành hạt qua một làng nọ, ông thấy có một hòn đá lớn ở bên vệ đường. Hỏi dân sở tại, họ đáp:

- Đây là ông Mốc, ngài thiêng lắm, ai cầu khẩn việc gì cũng đều được linh ứng.

Ông nghe nói liền họa theo:

- Phải thế thì ta tới cầu ngài giúp ta trừ yên cướp trộm để bớt hại cho dân chúng mới được!

Nói rồi một mình bước tới khấn vái, hồi lại trở ra bảo mọi người rằng:

- Ngài bảo vài hôm nữa rước ngài về, ngài sẽ vạch mặt tất cả bọn gian phi trong toàn huyện.

Ít hôm sau, ông sai mấy người ban đêm bí mật đào hầm ở giữa sân công đường rồi cho người thân tín xuống nấp dưới đó. Tờ mờ sáng hôm sau, ông sai lính đi khiêng hòn đá về đặt lên trên hầm. Trước mặt mọi người đông đủ, ông đồng dục hỏi đá:

- Ta nghe đồn thần rất thiêng, "hữu cầu tất ứng". Nay ta vâng mệnh hoàng

đế đến đây trấn nhậm, nhưng hiện nay trong huyện hạt có nhiều trộm cướp nhiều hại dân cư. Vậy ta mời thần về đây để mách hộ ta truy tìm kẻ phạm pháp. Nếu có công, ta sẽ tâu triều đình phong tặng.

Đá không trả lời. Hỏi mãi, đá vẫn một mực làm thinh, ông nổi giận quát lớn:

- Hay là đá đồng lõa với kẻ phạm pháp. Lính đâu, hãy tra tấn nó cho đến lúc nó phải khai thực!

Bấy giờ, mọi người nghe tin đến xem đông như hội. Lệnh truyền xa, lính dùng roi đánh vào đá túi bụi, tự nhiên đá bật ra tiếng khóc, xin dừng tay lại để khai. Thế rồi, đá lần lượt khai và vạch tội từng tên một. Mỗi lần đá khai một tên nào, ông sai lại mực viết ngay trát, giao cho lính đã chực sẵn đi nã bắt lập tức. Cho đến suốt ngày hôm đó bắt được ba mươi tên cừ khôi. Khi giải cả một xốc về tra tấn, bọn trộm cướp nhìn nhau kinh ngạc, không ngờ lại có việc xảy ra như thế và bắt đúng tên như thế. Chúng cho là chỉ có thần đá linh thiêng mới biết một cách rành mạch tội trạng của mình, bèn không đợi khảo đả, thú nhận tất cả.

Trong thời kỳ làm nội tán, ông đã làm cho suốt một dọc trường nhà Hồ ở Quảng Trị không còn lấy một bóng gian phi. Trước đó, trường này là nơi rừng rậm, con đường Nam Bắc phải đi qua đây. Bọn gian phi đã dùng làm sào huyệt đón đường cướp của.

Nguyễn Khoa Đăng trước hết tìm cách lured bắt trộm cướp. Ông sai chế ra một loại hòm gỗ kín có những lỗ thông khí, vừa một người ngồi lọt, có khóa trong, để người ngồi trong có thể mở tung ra được dễ dàng. Thế rồi, ông kén một số người giỏi võ, cho ngồi vào hòm có để sẵn vũ khí. Đoạn, ông sai quan sãi của mình giả trang làm dân phu khiêng những hòm ấy qua

truông nhà Hồ ra vẻ khiêng những hòm "của cải" nặng nề. Lại cho người đánh tiếng có một ông quan trấn ở ngoài Bắc sắp sửa trở về quê với những hòm tư trang quý giá sẽ đi qua truông. Bọn cướp đánh hơi thấy đây là một cơ hội kiếm ăn hiểm có, bèn rình lúc đoàn "dân phu" đi qua của truông, xông ra đánh đuổi, rồi hý hửng khiêng những cái hòm nặng ấy về tận sào huyệt.

Nhưng khi về đến nơi thì vừa đặt xuống thì những cái hòm tự nhiên mở toang, các võ sĩ ngồi trong đó cầm vũ khí xông ra đánh giết bọn cướp một cách bất ngờ. Đang lúc hoảng hốt chưa kịp đối phó thì bọn chúng nghe tin phục binh của triều đình ở phía ngoài ùn ùn kéo vào đông như kiến cỏ. Chúng đành chấp tay xin tha tội. Nhờ mẹo đó, Nguyễn Khoa Đăng đã tóm được cả lũ [2].

Ông cho phiên chế thành đội ngũ đi khai khẩn đất hoang ở nơi biên giới, lập thành những đồn điền lớn rộng. Sau đó, ông còn cho chiêu dân lập ấp ở dọc hai bên truông, làm cho một vùng trước kia là nơi vắng vẻ, trở nên những làng xóm dân cư đông đúc: tiếng xay lúa giã gạo, tiếng gà gáy chó sủa lẫn lẫn tiếng vượn hú chim kêu. Từ đó, một vùng núi rừng thành ra yên ổn. Bọn trộm cướp còn lại đành phải giải nghệ.

Bởi vậy, người ta có câu: "Truông nhà Hồ nội tán cấm nghiêm" là thế [3].

KHẢO DỊ

Người miền Bắc có truyện *Đồng Đắc*:

Đồng Đắc là người huyện Chí-linh, đậu tiến sĩ làm đến quận công. Thời kỳ làm tri huyện huyện Thanh-trì, có người đến cáo với ông là mình có con trâu bị người ta lén chặt đứt mất đuôi. Ông hỏi: "Có nghi cho ai không?". "Chỉ ngờ cho một người hàng xóm vì trước đây có chuyện hiệp hiềm", người ấy đáp. Ông dặn nhỏ: "Thế thì hãy về lẳng lặng làm thịt trâu mà ăn, đừng trình làng, cũng đừng nói là quan bảo."

Được ba hôm, bỗng có người dân đến cáo giác với ông là làng ấy có người lén lút giết trâu ăn thịt. Quan sai giam giữ hẳn lại tra tấn, thì đúng là thủ phạm chặt đuôi trâu.

Có hai người, Giáp và Ất cùng tranh nhau một tấm lụa, đến kiện với ông. Ông khám thấy tấm lụa có dấu, hỏi, thì hai người đều khai dấu tích của tấm lụa giống nhau, khó mà biết được ai gian ai ngay. Sau đó, ông phân rọc đôi ra, chia cho mỗi người một nửa. Ất nhận lấy phần của mình ra về, còn Giáp thì ngần ngại chưa chịu nhận. Ông có cớ để sai người đuổi bắt Ất lại trả lụa cho Giáp.

Lại có một người mất một buồng chuối đến trình với ông, nói rằng tuy của không đáng bao nhưng vì nhà nghèo nhờ vào hoa quả để bán đong gạo. Ông lập tức về tận làng người ấy ra lệnh cho dân xóm ai nấy phải đến đắp ngay một đoạn đường. Đắp được nửa buổi ông cho tạm nghỉ, sai người mang trầu đi mời mỗi người một miếng. Thấy trong số đó có một người có bàn tay đen, ông sai đưa ra tra khảo. Người ấy thú nhận vì chứng cứ sờ sờ: đúng là mủ chuối còn dính chặt vào tay lúc đêm chưa cọ sạch [4].

Về tình tiết cho người chui vào hòm rồi bất ngờ tung nắp hòm nhảy ra diệt

kẻ địch, trong một truyền thuyết của người Mã-lai (Malaysia) cũng có hình ảnh tương tự:

Một ông vua Sa-he-en Na-u-i một hôm hỏi các tướng có ai dám đi đánh vua xứ Sa-mu-dra (hay Pa-sey) - một nước lân cận giàu mạnh không. Một viên tướng là A-u-i Dit-chu xin đi với bốn, năm ngàn quân và một trăm tàu. Viên tướng đánh tiếng nói với vua Sa-mu-dra rằng mình là sứ giả của vua Na-u-i tới yết kiến. Được mời đến cung, viên tướng sai làm bốn cái hòm, trong có bốn võ sĩ mở khóa từ phía trong. Lúc vào yết, cùng khiêng hòm vào, nói là lễ vật ra mắt. Kỳ thực vừa đến nơi, bốn võ sĩ trong hòm nhảy xổ ra bắt lấy vua địch đưa về [5].

Về tình tiết chặt đuôi trâu, trong *Bao Công kỳ án* cũng có một truyện *Cắt trộm lưỡi trâu* giống truyện của ta, chỉ khác ở chỗ một bên là đuôi, một bên là lưỡi.

-
- [1]. Đoạn này theo lời kể của người Huế.
- [2]. Đoạn này theo *Hi Long di thặng*, trong tạp chí *Nam Phong* (1929)
- [3]. Theo *Đại-nam liệt truyện tiền biên*, quyển 5.
- [4]. Theo *Đông thanh tạp chí* (1933)
- [5]. Theo *Truyền thuyết và truyện kể lịch sử ở bán đảo Ấn-độ* (Mã-lai) và sách *Xát-ja-ra ma-lay-du*, truyện VIII.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
112. SỢI BẮC TÌM RA THỦ PHẠM

Ngày xưa có một tay phú thương tên là Phong. Hắn ta có mười chiếc mảnh lớn chở hàng hóa bán khắp trong Nam ngoài Bắc. Mỗi một chiếc mảnh đều có một người lái do một thủ hạ tin cẩn cai quản. Trong số các lái có một người tên là Ninh, vốn tính nhanh nhẩu được việc, nên được chủ rất tin cậy. Nhưng từ lâu, Ninh đã tăng tịu với vợ Phong mà Phong không hay. Hai người say mê nhau và điều ước muốn của họ là cuối cùng được công khai lấy nhau mới thỏa dạ.

Một hôm, vào ngày đầu năm, mười chiếc mảnh sắp sửa xuất phát. Theo lệ thường khi đến cửa sông, các mảnh buôn có ghé lại trước miếu Ông để làm lễ rồi mới ra khơi. Lần này, Phong theo các mảnh của mình đến miếu làm lễ, đãi các lái và thủy thủ ăn một bữa linh đình, rồi mới trở về nhà bằng đường bộ. Thấy chủ về một mình, lại về vào lúc khuya khoắt, Ninh lén theo đường tắt đón ở một bụi rậm xông ra đánh chết. Đoạn, hắn nhanh chân chạy về mảnh, vừa kịp lúc sắp sửa nhổ neo. Thế là mười chiếc mảnh dong buồm ra khơi, trừ tên sát nhân, không một ai biết rằng chủ mình bị giết, và cũng không một ai ngờ cho lái Ninh là thủ phạm.

*

* *

Án mạng đưa lên, quan địa phương phải chờ đến khi tất cả mọi người trên mười chiếc mảnh trở về, mới bắt đầu tra xét. Nhưng không có một chứng cứ gì để ngờ cho một người nào. Sau bao nhiêu ngày hỏi cung không tìm ra manh mối, quan địa phương đành phải đệ vụ án lên quan trên xét xử. Bọn

quan tỉnh khi nhận được hồ sơ rất lấy làm bối rối. Những cuộc hỏi cung lại tiếp tục nhưng không có kết quả gì. Sau cùng, có một người trong đám ty thuộc, một hôm đến gặp quan tổng đốc xin hiến một mẹo nhỏ có thể tìm ra thủ phạm. Hẳn ghé và tai quan nói thầm mấy câu.

Lập tức quan sai bắt bọn lái và các thủy thủ đến miếu Ông. Quan bảo mọi người phải làm lễ và châu chực ở miếu suốt đêm. Đến canh hai, quan cho gọi tất cả mọi người dậy và bắt mỗi người phải ngậm một đoạn bắc vào miệng, đồng thời mắt nhìn thẳng vào ngọn nến trên pho tượng thần. Quan nói:

- Thần ở miếu này rất thiêng. Thần đã chứng kiến cái ngày ông Phong bị giết và đã biết ai là thủ phạm. Ta đã khẩn xin thần: bắc này ngậm vào, nếu người ngay thì không việc gì cả, nếu là người gian thì nỡ dài hơn của những người khác.

Theo lệnh quan, mọi người ngồi im lặng như thế cho đến sáng rõ mặt người. Trước án thư, mỗi người lần lượt đưa bắc tới đo. Quả nhiên, trong đó có một sợi khác với các sợi khác, nhưng không nỡ dài ra mà chỉ ngắn đi. Sợi bắc ấy chính là của lái Ninh. Khi nghe quan bắt ngậm bắc, Ninh sinh ra bàng hoàng lo lắng. Ngậm được một chốc, hẳn cảm thấy sợi bắc trong miệng dài ra thật. Cho nên lúc gần sáng, hẳn đã cắn bớt đi một tý. Khi đo bắc, hẳn có ngờ đâu, chính vì thế mà bắc của hẳn khác với của mọi người. Biết là sa vào mẹo của quan, và cũng nghĩ rằng oan hồn đến ngày báo phục nên lái Ninh đành thú nhận tất cả. Người ta bắt hẳn cùng với người đàn bà bất chính kia đền tội [1].

KHẢO DỊ

Người Ấn Độ có một truyện kể, có kết cấu gần giống truyện trên:

Một đội quân đến đóng tại một làng nọ. Bỗng trong quân xảy ra một vụ mất trộm ví và giấy tờ. Có bảy người bị tình nghi là thủ phạm. Viên sĩ quan bèn nhờ cụ già chuyên xử án trong làng tên là Đam-xát tìm hộ. Ông này gọi bảy người đến nhà lấy khẩu cung rồi cho về. Chập tối, ông cho mỗi người một chiếc đuă bảo đó là đuă thần đem gói ở đầu giường, dặn hễ sáng mai đuă của ai dài thêm ba phân thì biết đó là kẻ gian. Sáng hôm sau, Đam-xát đến từng nhà thu lại đuă và cuối cùng ông trở vào một người bảo là thủ phạm lấy trộm ví. Hắn thú nhận ngay. Thì ra đêm qua, hắn đã bẻ bớt đi ba phân, tin rằng đuă đã dài ra [2].

-
- [1]. Theo *Lăng-đờ* (Landes), sách đã dẫn.
[2]. Theo báo *Cải tạo* (1948)

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
113. PHÂN XỬ TÀI TÌNH

Ngày xưa, có một ông quan huyện có tài xét xử. Trong dân gian có vụ nào rắc rối gay go nhất, ông đều có cách tìm ra manh mối và phân xử công bằng.

Một hôm, có hai người đàn bà dắt nhau đến công đường với một tấm vải. Trước mặt quan một người mếu máo thưa:

- Bẩm quan, sáng nay con mang một tấm vải đi chợ bán, bà này hỏi mua, con đưa ra cho bà ấy xem. Thế rồi tự dưng nó cướp không tấm vải bảo là của nó, nhất định không chịu trả lại cho con nữa. Thật là chuyện ngược đời! Xin quan đền trời soi xét.

Quan nhìn người đàn bà thứ hai thì thấy bà này cũng rưng rưng nước mắt kể:

- Bẩm quan, chính nó mới là đồ ăn cắp. Tấm vải này là của con vừa dệt xong mang đi chợ. Con để nó trong cái thúng khảo thế mà vừa ngoảnh đi một lát nó dám thò tay vào lấy, chính con bắt được quả tang. Thế mà nó còn dám đặt điều để vu oan giá họa...

Quan ngắt lời hai người, mỗi bên phải cử ra một người ít nhất cũng đã chứng kiến vải của mình bị lấy mất. Nhưng cả hai đều không tìm ra được người làm chứng chỉ vì sự việc xảy ra ở một nơi vắng vẻ, lúc đó chưa có người qua lại. Quan lại gọi hai người lính lệ, bảo chúng đi về tận nhà mỗi bên thử xem có phải đúng vải của họ dệt ra như lời khai hay không. Nhưng khi hai người lính trở về thuật lại thì quan rất lấy làm ngạc nhiên, vì cả hai

đều có khung cửi như nhau, khổ vải bằng nhau và chính sáng sớm ngày xảy ra câu chuyện bên nào cũng mang một tấm vải đi chợ bán. Thật rắc rối làm sao! Quan cố nhìn vào thần sắc từng người để dò ý tứ. Nhưng quan chỉ thấy vẻ đau đớn vì mất của hiện trên nét mặt của cả hai người, không có gì khác hơn. Suy nghĩ một chốc, quan ôn tồn bảo họ:

- Cả hai mụ đều có lý do cả. Biết làm sao bây giờ. Thôi ta phân xử cho thế này: giờ đem cắt tấm vải ra làm đôi, chia cho mỗi người một nửa. Thế là ổn. Hãy đi về nhà mà làm ăn!

Nói xong, quan sai lính đo vải xé ngay giao cho mỗi người một nửa. Thấy thế, một người đàn bà bỗng ôm mặt khóc thút thít. Lập tức quan sai trả cả tấm cho người đàn bà ấy rồi thét lính trói người kia lại vì chỉ có chủ nhân thực sự của tấm vải mới đau xót bật ra tiếng khóc kia. Quả nhiên, sau một hồi tra khảo, người đàn bà kia đành cúi đầu nhận tội.

Một hôm khác, quan đi hành hạt qua một cái chợ. Bỗng nghe tiếng chửi rủa huyên náo, vội tiến lại xem có việc gì. Đến nơi, thấy một người đàn bà đang gân cổ lớn tiếng chửi kẻ bắt trộm con gà của mình. Hỏi người xung quanh thì họ cho biết là mụ ta chửi như thế đã được hai ngày, ai cũng lấy làm khó chịu. Quan vội sai người hầu bước tới dùng lời khuyên can:

- Này mụ kia, sao lắm lời thế?

- Của tôi, tôi xót - người đàn bà đáp - can gì đến chú.

Nói xong lại tiếp tục chửi. Quan bèn cho chức dịch đòi người đàn bà lại hỏi:

- Sao mụ ác khẩu thế! Một con gà phỏng có bao nhiêu mà mụ chửi rủa nặng

lời?

Người đàn bà nói:

- Bẩm quan, con chăm chút bấy lâu mới được một ổ gà. Nay nó lấy mất cả gà lẫn trứng, không cảm tức sao được! Quan hắt hàm bảo bọn chức dịch:

- Ta ghét con mụ này ngoa ngoắt, độc mồm độc miệng làm cho xóm giềng điếc tai nhức óc đã hai ngày, không thể không trị tội được. Vậy cho đi rao trong xóm đòi tất cả mọi người lại đây. Cho mỗi người tát cho mụ một cái vào má, cho rõ đau để trả nợ việc mụ xúc phạm đến sự yên tĩnh của hàng xóm.

Lệnh quan ban ra, mọi người không thể không tuân theo. Mặc dầu ai cũng ghét mụ ngoa ngoắt, người ta vẫn thấy thương con người đã mất gà lại bị đánh, cho nên ai cũng sẽ tay và nhẹ mỗi người một cái vào má cho xong. Chỉ có tên trộm cắp mụ đã gào đến tam đại nhà mình nên hăn cứ theo đúng lệnh quan, vả mụ một cái thật đau cho bõ tức.

Nhưng khi hăn vừa bước ra khỏi đám đông thì quan đã gọi giật lại, vạch đúng tội trạng và tâm lý của hăn. Hăn không thể chối cãi được, đành thú nhận.

Một hôm khác, quan đi qua một ngôi chùa lớn, ghé vào văn cảnh. Sư cụ trong chùa thấy quan, liền ra đón tiếp kính cẩn, mời vào phương trượng ngồi uống trà. Sư than thở với quan rằng mình có giữ cho chùa một số tiền lớn không may bị kẻ trộm trộm mất cả. Nhưng sư không biết ngờ cho một ai. Lại cũng không muốn trình quan, sợ làm khổ lây đồ đệ. Nay sư có ý nhờ quan kín đáo xét hộ mình một tý.

Quan hỏi rõ sự tình vụ trộm trước sau rồi chỉ lên tượng phật bảo với sư cụ:

- Đức Phật ngài thiêng lắm, sao hòa thượng không cầu người tìm giúp, chẳng nhờ tôi ư? Đức Phật có phép làm cho kẻ gian cầm hạt thóc nảy mầm. Nếu hòa thượng muốn, tôi sẽ xin vì nhà chùa thử một phen.

Nói rồi bảo sư cụ biện lễ cúng Phật. Trong khi hòa thượng làm lễ, quan cho gọi tất cả sư vãi và những kẻ ăn người ở trong chùa ra để chạy đàn. Quan bảo mỗi người một tay cầm cành phan và tay kia cầm một nắm thóc, đã ngâm nước, rồi nói:

- Sư cụ có cho biết chùa ta trước đây có mất một số tiền mà không biết rõ ai là người lấy trộm. Ta chắc chỉ có người trong chùa lấy mà thôi. Ta nghe đức Phật ngài rất thiêng. Bây giờ, mỗi người cầm một nắm thóc đã ngâm nước rồi vừa chạy vừa niệm Phật. Nếu đúng là kẻ gian, đức Phật sẽ làm cho thóc trong tay nảy mầm. Như vậy gian ngay tỏ rõ, khỏi phải tra khảo phiền phức.

Cả đoàn người mới chạy được vài vòng thì quan đã thấy có một chú tiểu thỉnh thoảng lại hé tay cầm thóc ra xem. Liền đấy, quan sai mọi người dừng lại, bắt lấy chú tiểu, vì chỉ kẻ có tật mới giật mình, nên thỉnh thoảng lại nhìn trộm như thế.

Chú tiểu thấy vạch đúng lý, nhận tội [1].

KHẢO DỊ

Một số sử sách chép những truyện trên cho là của Nguyễn Mai thời Lê và cho ông là viên quan xử kiện tài tình.

Trong chuyện này, tình tiết hai người đàn bà kiện giành nhau tấm vải gần giống với một số truyện cổ tích Đông Tây.

Ở phương Tây phổ biến nhất là truyện *Vua Xa-lô-mông xử kiện*:

Có hai người đàn bà mang hai đứa trẻ: một sống một chết, đến nhờ vua Xa-lô-mông phân xử; người này đổ cho người kia là mẹ của đứa con đã chết, tranh đứa con sống là con của mình. Vua cất tiếng truyền cho lính chặt đôi đứa trẻ còn sống chia cho mỗi người một nửa. Tức thời, một trong hai người đàn bà bỗng bật tiếng khóc. Thấy thế, vua xử cho người ấy đúng là mẹ của đứa trẻ còn sống, sai trả con lại và phạt tội người kia.

Người Khơ-me (Khmer) có hai truyện:

Truyện thứ nhất tương tự truyện *Vua Xa-lô-mông xử kiện*, nhưng kết cục có khác. Một người đàn bà bế con đi tắm ở sông về. Dọc đường, gặp một bà khác mang xác một đứa trẻ cùng trạc tuổi với con mình. Bà kia nói: "Con bà giống con tôi quá. Bà làm ơn cho tôi ôm hôn cháu một tý". Thế rồi sau khi được bế, bà ta nhất định không chịu trả nữa. Việc đưa lên vua. Vua sai đặt đứa bé sống nằm giữa ở giữa, hai bà ngồi hai bên, rồi ra lệnh cho ai giật được thì đứa bé về người ấy. Hai bà vội vàng giành nhau, cố cướp cho được đứa bé. Nhưng trong đó có một bà giằng xé dữ dội, không kể da thịt

non nốt của nó. Trái lại, bà kia thì giọng nhẹ hơn. Vua đủ chứng cứ để thấy rõ ai là mẹ thật của đứa bé sống.

Thứ hai là truyện phân xử một chiếc ô: một người đi đường tay cầm một cái ô che nắng. Đi được một quãng, gặp một người thứ hai đi không, hắt cho che chung ô. Được một chốc, người kia xin cầm lấy ô. Đến chỗ rẽ, chủ ô đòi lại, thì người kia làm bộ ngạc nhiên nói ô này là của mình. Việc đưa lên quan, quan không xử được. Đưa lên vua, vua sai chẻ đôi chiếc ô cho mỗi người một nửa. Sau đó vua bí mật sai hai người hầu lén theo mỗi người về nhà để nghe ngóng. Người hầu thứ nhất đi về kể lại rằng: "Lúc đến nhà, vợ hắt chạy ra hỏi: - Sao chỉ còn có một nửa ô thôi? Hắt khóc lóc kể lại chuyện bị cướp ô cho vợ nghe". Còn người hầu thứ hai về, kể: "Khi về đến nhà vợ hắt hỏi: - Kìa sao lại nhặt được nửa cái ô ở đâu về thế? Hắt đáp: - Tao chơi cho họ một võ và tao đã thắng được nửa cái ô..."

Vua lập tức cho đòi hai người kia đến, kể tội, và bắt người thứ hai phải đền cho người thứ nhất cái ô mới [2].

Trong *Bao Công kỳ án* cũng có truyện *Cướp ô* giống với truyện *Khơ-me*, nhưng kết cục phân xử có những nét độc đáo:

Sau khi Bao Công hỏi dấu vết chiếc ô, cả hai người tranh giành ô đều nói, vì ô là vật nhỏ mọn nên không có dấu vết. Bao Công cũng sai chẻ đôi chiếc ô cho mỗi người một nửa, rồi cũng cho sai nha đi theo để dò la. Sai nha về báo lại: một người ra khỏi công đường chửi quan là hồ đồ. Bao Công sai gọi cả hai trở lại, kết cả hai vào tội chửi quan. Một người đáp: - "Con đâu dám, chính nó chửi đại nhân, có dân phố chứng kiến". Bao Công cho người đi điều tra, quả đúng như lời hắt nói. Lập tức ông can vãn hắt như sau: - "Trong hai người, thế tất có một người oan nên oán trách ta, điều đó ta tha thứ. Còn mày là đứa che nhờ ô của nó rồi cướp giật, nay được nửa chiếc ô

nên không oán thán gì". Tên kia cứng họng. Bao Công bắt hấn đèn gấp đôi giá trị chiếc ô, và sai đánh bốn chục gậy vào mông.

Về tình tiết tát vào má người bị mất trộm, một truyện *Mẹ chồng đổ tội cho nàng dâu* có lẽ gốc từ Trung-quốc, cũng có đề tài tương tự, tuy kết cấu có khác.

Ở Thái-nguyên, có mẹ chồng và nàng dâu ở cùng một nhà, cả hai đều góa chồng. Trong khi nàng dâu giữ tiết, thì mẹ chồng lại lén lút đi lại với một người làng. Nàng dâu biết, tìm cách ngăn ngừa, bị mẹ chồng ghét, muốn đuổi khỏi nhà. Bèn lên quan vu cáo rằng nàng dâu đón trai về nhà. Quan hỏi tên, mẹ chồng bảo phải tra tấn mới biết được. Hỏi nàng dâu, nàng dâu chỉ đích danh người tình của mẹ chồng. Hỏi người này thì anh ta chối, nói vì mẹ chồng nàng dâu không ưa nhau nên kiếm điều nói xấu cho nhau. Đến khi bị tra tấn, anh ta lại khai rằng mình đi lại với nàng dâu. Quan sai gông nàng dâu lại, nàng dâu kêu oan và kiện lên tỉnh. Lâu rồi vụ án còn treo lại đó.

Hồi ấy có ông tiến sĩ họ Tôn làm tri huyện huyện Lâm Tấn. Quan tỉnh giao vụ kiện cho quan huyện bảo phân xử. Đến lý sở, quan lấy khẩu cung rồi sai người đi kiểm gạch đá, dao phay để sẵn chỗ tra tấn. Hôm sau đòi nguyên cáo bị cáo đến đối chất sơ qua, rồi quan phán bảo: - "Không cần tra khảo cũng biết được ai gian. Mẹ con nhà này vốn nhà tiết hạnh, chẳng qua mắc mưu tên này mới sinh chuyện. Nay ta cho phép mẹ con được trả thù đưa gian nhân, có gạch đá và dao đây, mẹ con muốn ném, muốn đâm, muốn chém như thế nào mặc ý, có ta đây chịu, đừng có lo gì cả!". Cả hai người đến chỗ đồng gạch đá. Trong khi nàng dâu vì căm thù chứa chất nên lấy những hòn đá lớn mà ném, thì mẹ chồng lại nhặt những hòn đá nhỏ quăng nhẹ vào chân. Quan bảo mẹ cầm dao mà đâm, tội vạ mình chịu, thì mẹ từ chối.

Quan có đủ chứng cứ để kết thúc vụ án [3].

Người It-xra-en (Israel) có truyện *Ba anh em và thầy người bố*:

Một người bố chết đi, để lại một con đẻ và hai con nuôi, trước khi chết trời trăng lại gia tài cho con đẻ. Vì không một ai nhận ra người nào là con đẻ, người nào là con nuôi, cho nên ba anh em tranh nhau đòi kiện lên quan, ai cũng tự cho mình là con đẻ. Quan cho treo thầy người bố lên và giao cho mỗi người một mũi tên, bảo ai bắn đúng chỗ phạm nhất thì được. Người thứ nhất bắn vào giữa trán, người thứ hai bắn vào giữa tim, chỉ có người thứ ba khóc, không bắn. Quan có lý do để nhận ra người nào là con đẻ [4].

Về tình tiết xem hạt thóc nảy mầm, cổ tích thế giới cũng có những dị bản tương tự:

1. *Vua Xa-lô-mông và kẻ trộm ngỗng*. Một người đến thưa với vua Xa-lô-mông rằng y bị kẻ trộm bắt mất ngỗng, y đoán kẻ đó cũng chỉ là chỗ xóm giềng.

Vua cho gọi những người láng giềng của hãn đến thánh đường cầu nguyện. Giữa buổi lễ, vua nói: - "Một trong bọn chúng mày có đứa đã bắt trộm ngỗng, vì nay vào đây ta thấy còn có cái lông ngỗng trên đầu". Tự dưng có một người sờ tay lên đầu, vua nói to: "Bắt tên kia, chính nó ăn trộm ngỗng".

Tên trộm nhận tội.

2. Truyện Thổ-nhĩ-kỳ (Turquie): Một vụ trộm xảy ra ở một cửa hàng nọ, tên trộm chui qua lỗ tường còn có dấu vết. Vua Ít-ma-in hội dân làng lại

bảo: - "Ta đến cầu ở lỗ tường, tên trộm không thể thoát". Sau buổi cầu, vua nói: - "Rất đơn giản, cái lỗ tường vừa nói với ta tên trộm có bụi ở khăn trùm đầu". Một người đứng trong góc bèn phúi bụi ở khăn. Vua chỉ mặt: - "Chính là nó!".

3. Truyện Ba-tư (Iran): Có một tên kẻ trộm lấy trộm bông trong một cửa hàng nọ và nó tự vạch tội bằng cách vuốt râu khi quan trấn thủ nói: - "Có bông dính ở râu tên trộm" [5].

[1]. Theo *Thực nghiệp dân báo* (1929)

[2]. Theo *BSEI*, đã dẫn. Truyện này có người kể hơi khác: Một người có ô, nhân khát nước đặt ô trên bờ, xuống hồ uống. Trong khi đó có một người khác trộm lấy chiếc ô. Mất ô, người kia chạy đi tìm. Tìm thấy, hai bên tranh nhau, ai cũng nhận là ô của mình. Việc đưa đến Bờ-tát. Bờ-tát cũng xử như trên và sai hai người thơ lại đi theo về tận nhà, ghi lấy những điều nghe thấy. Người mất ô về đến nhà thì đưa con hỏi: - “Bố ơi, sao chỉ còn có nửa chiếc ô?”. Còn người thứ hai về đến nhà thì đưa con hỏi: - “Bố ơi, nửa chiếc ô ở đâu ra thế?”. Bờ-tát đủ chứng cứ để bắt người sau đền ô cho người trước (Theo *Truyện dân gian Căm-pu-chia*, đã dẫn).

[3]. Theo Pô-luyt Cửa (Paulus Cửa). *Tiếp theo chuyện giải buồn*.

[4]. Theo Đinh Tú. *Cô gái đẹp lấy chồng rắn*.

[5]. Đều theo Bát-xxe (Basset). *Nghìn lẻ một truyện cổ tích, truyện kể và truyền thuyết Ả-rập*, quyển III.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
114. NGƯỜI ĐÀN BÀ MẤT TÍCH

Vào đời nhà Lê, có một người đàn bà trẻ tuổi lấy chồng họ Mai. Một hôm nghe tin người chị ruột của mình đau nặng, nàng bèn nói với chồng để mình đi lại chăm sóc thuốc men vì nhà chị rất neo người.

Nhà người chị ở một làng cách đây chừng ba dặm đường. Người đàn bà đi về không chừng, có hôm sáng đi tối về, có hôm ngủ lại đó sáng mới về. Như thế đã được ba lần. Lúc này, mùa màng rồi rãi nên người chồng để cho vợ đi lại thăm nom chị tùy ý.

Bệnh tình người chị ngày một nguy kịch. Người đàn bà lại đi thăm, nhưng lần này người chồng thấy nàng có đi mà không có về. Cho rằng vợ mình phải ở lại trông nom chị, nên không ngờ vực gì cả. Nhưng suốt ngày thứ hai cho đến ngày thứ ba vẫn không thấy vợ trở về. Chồng lúc này mới sốt ruột, vội nhờ người sang nhà vợ bảo cố về sớm để thu xếp một món nợ.

Nhưng người ấy về cho biết rằng bên nhà người chị không thấy em sang và họ đang có ý trông đợi. Nghe nói thế, cả nhà họ Mai hoảng hốt, vội chia nhau đi tìm khắp mọi nơi. Nhưng suốt một tháng tìm tòi khắp cả từ chợ búa, bến đò, đến rừng rú mà chả thấy tăm hơi đâu cả. Người chồng đau xót đến cùng cực, cuối cùng đổ vạ cho nhà chị, một hôm đến gây sự, chửi nhau một trận, rồi phát đơn kiện lên quan.

Quan nhận đơn, đòi bị cáo đến hỏi cung. Người anh rể cứ sự thực khai rằng mình hoàn toàn không biết gì về việc mất tích của người em vợ. Tra hỏi cả đến thân thích xóm làng hai bên cũng không thấy hé ra một tia sáng nào. Hơn một năm, phủ đường một mặt cho thám tử đi dò la, mặt khác sắc về

các xã thôn truy tìm, vẫn không thấy một dấu vết gì có thể theo dõi được. Thế rồi sáu bảy lần khai án trôi qua, hồ sơ vụ án đành bỏ xó trong phủ đường. Hai viên quan mới thay nhau đến tiếp chân quan cũ cũng không sao tìm ra manh mối.

*

* *

Về sau, một hôm có một ông quan họ Nhữ mới đổi đến. Quan tuy đã đỗ tiến sĩ nhưng trông mặt còn non trẻ, đến nỗi lúc đứng giữa đám nha lại tổng lý, chả một ai biết đó là người có chức vị cao. Khi xem lại những tập hồ sơ còn đọng, ông tỏ vẻ chú ý đến vụ án người đàn bà mất tích này. Nha lại bảo ông:

- Các quan trước cũng đã dùng đến bao nhiêu người để điều tra không phải chỉ trong một phủ, một tỉnh mà rộng sang các tỉnh lân cận, nhưng cuối cùng cũng đành bó tay. Họ có Bao Công tái sinh, án này mới sáng tỏ được.

Ông nói với họ:

- Không hiểu hồi ấy người ta có tra xét từ gần đến xa không, hay là chỉ nhằm vào xa mà nhãng bỏ gần? Tôi, tôi quyết định xét lại vụ này một chút!

Từ đó, viên quan trẻ tuổi suy nghĩ rất nhiều về cái án đó. Lần lượt ông cho đòi người anh rể, nhà chồng và một vài người làm chứng đến hỏi từ nét mặt, cách sống, lối ăn mặc của người mất tích. Người ta cho biết nàng đẹp và đoan chính. Ông lại bảo họ vẽ phác cho mình một bản đồ về con đường đi từ nhà em sang nhà chị; lối đi chính, lối tắt như thế nào, qua những nhà ai, v.v... Khi thấy con đường tắt phải đi qua một cánh đồng vắng, ở đây có

một ngôi chùa; muốn đi từ chùa đến xóm phải giập bã trầu mới tới, ông lẩm bẩm một mình: - "Có thể đầu mỗi năm ở đây chăng?"

Ông liền bí mật cải trang thành một người lái buôn dạo qua đoạn đường đó một chuyến. Nhìn thấy ngôi chùa lớn, xung quanh chùa lại có cây cối rậm rạp, ông không ngăn được mỗi ngờ vực. Ông sai một ả kỹ nữ giả cách mang vàng hương đến chùa ấy lễ Phật. Bọn sư trẻ thấy có bóng dáng phụ nữ vào chùa, xông đến như mèo thấy mỡ. ả ca kỹ liếc mắt đưa tình làm cho bọn chúng không thể giữ được bộ mặt từ bi đạo mạo.

Khi năm đã khá đầy đủ tình tiết, quan bèn sắp quân trẩy đến chùa. Sư cụ ra đón tiếp rất lễ phép. Quan nói:

- Tôi nhân tiện đi hành hạt, nghe nói đây là một nơi linh ứng nên vội đến đây lễ Phật và xin cầu mộng, phiền nhà chùa cho nghỉ tạm một đêm.

Sáng sớm hôm sau quan dậy rất sớm. Các quan sĩ đã được lệnh sẵn, gươm giáo sáng lòe đứng vây bọc quanh chùa. Quan cho đòi tất cả sư ni và tất cả mọi kẻ ăn người ở trong chùa ra hỏi:

- Chùa chiền là một nơi tu hành nhân đức, thế mà tại sao đêm qua ta nằm mộng thấy một người đàn bà trẻ tuổi đến kêu van thảm thiết rồi kể hết sự tình với ta. Vậy nếu có kẻ nào phạm tội hãy mau mau tự thú sẽ có khoan hồng. Bằng không ta sẽ tra khảo, những đứa liên can nhất định sẽ làm án chém hết.

Nghe lời truyền phán đồng dặc, cả chùa đều xanh mắt. Cuối cùng bọn gian ác tin rằng "oan hồn hồn hiện"; không thể cưỡng lại được nữa, cả bọn liền quỳ xuống thú tội. Số là hôm ấy trời mới tờ mờ sáng, nhân thấy có người đàn bà đi qua trước cổng chùa, ba tên ác tăng xô ra bịt miệng đưa vào lùm

cây thay nhau hãm hiếp. Rồi sợ lộ chuyện, chúng bóp chết người đàn bà và chôn ở gần chùa, dần dần xây đá đè lên cho mất tích.

Quân lính được lệnh đào lên, quả tìm được hài cốt người bạc mệnh. Quan cho gọi thân nhân đến nhận về chôn cất. Bọn ác tăng bị điệu về phủ đường xét xử. Bọn sư trẻ "trốn việc quan đi ở chùa" đều bắt hoàn tục.

Khi tin ấy truyền ra, mọi người đều vui mừng hể hả. Nhà vua cho gọi họ Nhữ về triều phong làm thượng thư bộ Hình [1].

[1]_. Theo lời kể của người Hưng-yên, Hà-đông và tạp chí *Nam phong* (1931)

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
115. TINH CON CHUỘT

Ngày xưa có một anh học trò, con một nhà phú hộ, được nuông chiều và chăm chút rất mực. Năm hai mươi tuổi, cha mẹ lấy vợ cho. Vợ chàng là một người có nhan sắc lại đoan chính. Hai người rất yêu nhau. Lấy vợ được nửa năm, chàng được lệnh cha mẹ bảo lên học với cụ nghè trên tỉnh. Chàng đưa theo một người lão bộc để lo cơm nước và hầu hạ. Vì đường xá cách trở, lại vì bài vở học tập ngày một nhiều, nên đã nửa năm, chàng chẳng có dịp nào về thăm vợ cả.

Một hôm, vào khoảng nửa đêm, người vợ đang ngủ bỗng tỉnh dậy, thấy chồng thình lình bước vào buồng. Nàng vừa mừng vừa ngạc nhiên, hỏi: - "Anh về lúc nào?". Đáp: - "Vừa về xong". - "Sao anh không thức thầy mẹ dậy chào hỏi trò chuyện rồi có ăn cơm để em đi thôi?"

Chồng khoát tay ngăn lại mà rằng:

- Chớ! Chớ! Ta nhớ nàng quá lắm. Từ lâu, muốn về, chỉ sợ thầy mẹ mắng chết. Hôm nay lén về đây một chút rồi đến gà gáy lại đi. Nàng chớ thức giấc thầy mẹ dậy làm gì. Còn cơm thì ta đã ăn no ở chợ rồi.

Nói rồi tắt đèn lên giường. Vợ tin là thực, không căn vặn gì cả.

Đêm hôm sau, thấy chồng lại mò về, vợ không ngăn được mỗi nghi ngờ bèn gặng hỏi:

- Nơi anh học cách nhà đến hai ngày đường, sao anh lại về luôn được như thế?

Đáp:

- Ta vì nhớ nàng nên đã giấu thầy mẹ xin về học với cụ huấn Lê cách đây chừng mười dặm để tiện vài ngày về với nàng một lần. Nàng cứ giả cách coi như không biết gì, nhất thiết chớ hở cho ai hay.

Từ đó, chồng cứ vài ba ngày lại về một lần. Vợ vì yêu chồng nên kín tiếng. Vì thế trong nhà ngoài ngõ chả một ai biết cả. Cứ như thế được nửa năm. Bố mẹ chồng thấy con dâu ngày một xanh xao vàng vọt, cho là vì nhớ chồng mà như thế nên một hôm viết thư bảo con trai xin phép về thăm nhà.

Thấy chồng về, vợ coi là chuyện rất thường. Trái lại chồng thì rất vồn vã, nhất là khi vào phòng riêng, chồng nói chuyện rất nhiều, kể lể nỗi niềm nhớ nhung mong mỏi ra làm sao; khi được phép thầy về thì vui sướng hồi hộp như thế nào, v.v... Không thấy vợ nói năng gì chồng tưởng là vợ giận nên lại cố dùng lời dịu ngọt mơn trớn vợ. Vợ vẫn cúi đầu im lặng. Chồng quay ra làm mặt giận, nằm day vào vách. Bấy giờ vợ mới lên tiếng:

- Anh làm như anh cả đời mới về một lần. Đóng trò với thầy mẹ chứ có phải đóng trò với em đâu?

Đến lượt chồng ngạc nhiên, ngồi nhóm dậy, hỏi dồn một hồi:

- Thế nào? Thế nào? Nói mau! Nói mau!

Vợ bắt đầu cho chồng biết mọi việc từ nửa năm lại đây và nói:

- Con người ở cổ có một nốt ruồi đỏ, hai tai râu lỗ, và một cái sẹo giữa trán

nếu không phải anh thì còn ai nữa.

Nghe nói, chồng biết là có sự lộn sòng, liền ôm đầu kêu khóc rất thảm thiết. Bố mẹ và người nhà chạy vào hỏi chuyện. Sau khi nghe chồng kể rõ sự tình, vợ mới biết là trong nửa năm nay đã ăn nằm với một người lạ đội lốt chồng mình. Lại đến lượt vợ ôm đầu kêu khóc và toan sự đập đầu vào cột. Tất cả mọi người phải xúm lại, hết lời khuyên can dỗ dành mới làm dịu được cơn sóng gió.

Sau đó mấy ngày, chồng lại cùng lão bộc lên trường, vợ đã thôi ý định tự tử, còn bố chồng thì xin mấy đạo bùa về dán ở nhà. Ông dặn con dâu hễ thấy có người vào, bất kể ai, cứ nắm lấy kêu lên; cả bọn con hầu đầy tớ đã chực sẵn hễ nghe tiếng kêu sẽ từ bốn phía xông vào, kẻ gian dù có chạy đường trời cũng không thoát.

Mấy ngày yên lặng chả thấy có gì. Bỗng một đêm nọ nghe trong buồng, có tiếng hô hoán, cả nhà nhanh chân chạy ủa vào thì thấy người vợ đang nắm lấy tóc một người, miệng kêu la không ngớt. Họ xông lại trối thủ phạm vào cột nhà và toan nện cho một trận nhưng khi ông bố nhìn kỹ vào mặt thì lạ thay, rõ ràng không phải là ai xa lạ mà từ đỉnh đầu đến gót chân chính là đứa con yêu quý của ông. Đến nỗi bà mẹ khi thấy kẻ gian thì khóc òa lên và một hai bắt phải cời trối ngay cho con mình.

Bấy giờ cả xóm đó tới xem rất đông, không một ai làm sao mà phân biệt nổi. Nhiều người nói:

- Thôi rồi, ông lại bắt lầm lấy con ông rồi!

Mấy cụ già bảo:

- Chi bằng cho người cấp tốc đi gọi con trai trên tỉnh về đây, lúc ấy muốn đoán định ra sao hãy hay.

Đến ngày thứ hai, người con ở nhà trọ tiếp được tin, đi suốt đêm về đến nhà. Tất cả mọi người nhìn lại thì lạ lùng thay, "tuy hai mà một, tuy một mà hai". Họ giống nhau đến nỗi cuối cùng tất cả mọi người không biết ai là thực, ai là giả nữa.

Vì thế, họ đành phải trói cả hai lại, đưa lên trình huyện. Quan huyện chẳng biết làm sao mà phân xử, liền sai giải luôn lên tỉnh. Quan tỉnh sau mấy ngày tra khảo cũng không tìm ra được manh mối gì, mới đệ vụ án về cho vua.

Bấy giờ nhà vua đang trị vì là một tay xử kiện giỏi. Hoàng đế đã từng tìm ra được manh mối nhiều vụ án rất oái oăm. Khi thấy giải hai người đến trước sân rồng, trước hết, vua sai vệ sĩ lột hết áo quần của họ ra. Sau khi khám nghiệm, vua quan đều lấy làm kinh dị lạ không những nét mặt, hình dạng, ngay đến nốt đen, nốt đỏ, những chỗ hiểm trong người cũng đều giống như như rập khuôn vậy. Vua ngoảnh bảo các quan đại thần:

- Đích là trong này có một con ma. Nếu là người thì đâu thể giống nhau thần dị như thế.

Một viên quan tâu lên:

- Tôi nghe loài ma quỷ là vật vô hình, ánh sáng mặt trời có thể xuyên qua không để lại bóng. Xin bệ hạ cho đưa chúng nó ra giữa nắng xem đĩa nào không có bóng là chính thị.

Lời tâu ấy được đem thi hành ngay nhưng không có kết quả, vì khi có hai vừa bước ra ngoài trời, bóng của họ đã in rõ trên nền gạch.

Cuộc hỏi cung bắt đầu. Hai người được đưa ra hai nơi tra hỏi cạnh kề từ cái tên cúng cơm đến những chuyện rất vụn vặt. Nhưng đọc lại hồ sơ thì vua lại càng ngạc nhiên thấy rằng cả hai bên khai đúng như nhau, không sai một ý. Nhà vua vò đầu suy nghĩ. Cả triều đình bó tay không tìm ra được một phương kế nào nữa. Cuối cùng, vua xa giá đến đền Phù Đồng đốt hương cầu thần giúp đỡ. Thần ứng đồng lên nói:

- Nó là một con chuột già sống lâu năm thành tinh, bây giờ lửa nước đồng sắt không làm hại được, bùa chú đối với nó cũng mất linh nghiệm. Chỉ có cách là lên thiên đình mượn Ngọc Hoàng thượng đế viên ngọc mắt mèo, đưa ra, nó sẽ hiện nguyên hình. Nhưng nay trên thiên đình bận nhiều việc nên khó lòng mượn được. Tôi sẽ vì bệ hạ tử ra tay một phen. Trước hết đem hai đạo bùa dán vào lưng để nó không thể trốn được.

Tự nhiên giữa không trung bay xuống hai đạo bùa rơi vào tay vua. Khi xa giá về cung, vua sai thị vệ dán ngay vào lưng hai người và bắt họ ngoảnh lưng vào nhau trước sân rồng. Tự nhiên thấy có một người cố sức dẩy dựa nhưng dường như bị trói chặt không sao cựa nổi. Bỗng chốc mây kéo mù mịt rồi tiếp theo là tiếng sét nổ vang trời. Khi trời đã quang đãng lại, người ta thấy giữa sân chỉ còn có một người, bên cạnh đấy là một con chuột khổng lồ, lông lá xù xì có năm sắc, râu trắng như tuyết, nằm chết ngay đơ không động cựa.

Vụ án nhờ thế được tỏ. Vua sai đốt xác con tinh thành than đem vứt xuống sông. Còn con dâu nhà phú hộ mãi đến hơn một năm mới trừ được hết độc [1].

KHẢO DỊ

Người Nghệ An có truyện *Tại sao gọi chuột là ông cống?* là một dị bản của truyện trên:

Ngày xưa có một nhà nọ nuôi con chuột đực. Con chuột này sống ngoài một trăm năm, trở thành yêu, có nhiều phép biến hóa, có thể biến thành người được, nó lại thông thạo mọi việc trong nhà.

Sau đó, chủ nhà đỗ hương cống, đi làm quan xa lâu ngày không về. Cũng như truyện ở trên, ở đây chuột hóa thành người giống ông cống như tạc, hăn nói dối với người nhà rằng mình mới được phép vua về nhà nghỉ ít lâu. Vợ thấy chồng về thì vui mừng, hai bên ăn ở với nhau hơn một năm, sinh được một đứa con gái.

Một hôm, ông chồng thật về, cả nhà đều ngạc nhiên, nhìn lại cả hai thì giống nhau như hai giọt nước, hỏi đến mọi việc từ kế tự cho đến của chòm của nổi, cả hai đều nói rành mạch, giống nhau không sai một tý gì.

Việc lên quan. Quan hỏi dân làng xem có ai biết được việc riêng của nhà ấy như thế nào thì cho khai ra. Có một người khai rằng: nhà ấy ba đời không nuôi mèo, chỉ nuôi một con chuột đực giữ nhà, những con chuột khác đều không dám đến cắn phá. Hỏi người nhà thì biết rằng gần đây không thấy con chuột ấy nữa, không biết nó đi đâu.

Quan bên đoán rằng: trong hai ông cống này tất có một người do chuột hóa ra. Mới mời một thầy phù thủy nổi tiếng đến. Thầy bắt một tay quyết "linh miêu", lại dọc một đường chú "bồ thử". Lập tức ông cống giả cùng đứa con gái tự nhiên biến thành chuột, vỡ mặt ra mà chết. Vụ rắc rối của nhà ấy nhờ thế được tỏ rõ. Ngày nay, người ta gọi chuột là "ông cống" chính là vì thế [2].

Người Nghệ-an còn có một truyện khác kể rằng:

Có một con chuột ở trên núi, sống lâu năm thành yêu, thường hiện hình làm người, đi hiệp đàn bà. Trong làng có người học trò đi thi chưa về. Chuột bèn hóa thành anh học trò, mặt mũi, quần áo, lời ăn tiếng nói y hệt. Được năm ngày anh học trò thật trở về, ban đêm gọi cống. Vợ anh ở trong nói vọng ra: "Chồng ta đi thi không đồ đã về đây rồi, không biết ai gọi gì ngoài ấy?". Anh học trò phá cống vào. Anh học trò giả cũng mắng. - "Tao đã về đây rồi không biết đứa nào dám mạo nhận". Hai bên đánh nhau. Việc đưa lên quan. Nhờ có một pháp sư cao tay lập đàn cáo với Trời. Trời cho một con "kim miêu" xuống, bắt yêu chuột hiện nguyên hình [3].

Cả mấy truyện đều cùng một chủ đề, cùng một con vật dưới dạng thần kỳ hóa làm hình tượng, và khá gần gũi với một truyện cổ tích của Trung-quốc *Năm con chuột làm náo loạn Đông Kinh, Bao Công bắt yêu (Ngũ thử náo Đông Kinh, Bao Công thu yêu truyện)*. Xem **Khảo di** truyện số **140**, tập **IV**.

Về những truyện có đề tài xử án trong đó có con ma biến thành hình dạng người (chồng hoặc vợ) để ăn nằm với người, các dân tộc gần ta cũng có. Truyện của người Khơ-me (Khmer) *Thỏ làm quan tòa lừa ma*:

Một anh chàng vừa mới lấy vợ thì bị quan bắt đi lính theo vua đánh giặc.

Anh buồn quá ra đi đến một cây đa ngồi khóc, khóc đoạn bỏ về, rồi sợ lệnh quan lại phải ra đi, cứ dùng dằng như thế đến mấy lần. Cuối cùng anh đành phải đi. Trên cây đa có con ma thấy vợ anh đẹp bèn hóa thành anh chàng đem lại mò vào. Người đàn bà hỏi: - "Sao lại về?". - "Quan bảo ta không phải ra trận". Hai bên ăn ở với nhau ít lâu thì cuộc chiến tranh kết thúc, người chồng thật trở về. Vợ kinh ngạc không biết trong hai người ai là chồng thật của mình. Hai người đàn ông tranh cãi. Việc đưa lên quan. Quan tòa bồi rồi tra hỏi người vợ, người vợ cũng không biết sao mà khai. Án đành xếp lại. Người chồng thật buồn quá bỏ đi lang thang gặp một con thỏ kể chuyện cho thỏ nghe. "Đừng lo, thỏ bảo, để tôi sẽ giúp". Bèn đến bảo quan tòa. "Vụ án này chưa xong. Hãy lấy một cái lọ bảo ai chui vào được thì người ấy là chồng". Nghe quan phán thế, người chồng giả rất vui mừng. "Ta sẽ thắng". Bèn thu mình chui vào lọ. Thỏ bảo nút chặt lọ lại vứt xuống sông và nói: "Đó là ma, còn người thật thì không thể chui vào được". Rồi anh chàng dắt vợ về, còn thỏ thì lại lên rừng [4].

Người Lào cũng có một truyện như truyện vừa kể:

Một người kêu kiện với quan về một con ma (phi) hóa thành hình dạng giống người ấy, tranh mất vợ. Quan tòa phán rằng vợ sẽ về với người nào chui được vào một cái lỗ nhỏ (có người kể là cái ống tre). Trong khi chồng thật khóc lóc thì con ma vội vã hóa phép thu nhỏ lại chui vào. Quan có đủ bằng cứ để trả người vợ cho người chồng thật [5].

Cả hai truyện có lẽ xuất phát từ nguồn gốc một truyện của Ấn-độ:

Một người Bà-la-môn rất nghèo, phải bán xới kiếm ăn để mẹ và vợ ở nhà. Trong khi đó, một hung thần hóa thành hình dạng người chồng, làm bộ trở về nhà báo hai người đàn bà rằng mình đã tìm được cách mưu sinh.

Mấy năm sau, người Bà-la-môn thật về. Việc rắc rối cũng xảy ra như các truyện trên và cuối cùng cũng đưa lên vua phân xử. Vua xử cho hung thần được kiện. Người Bà-la-môn thật thất vọng trở về. Qua một cánh đồng, thấy có bầy trẻ chăn bò đang đóng trò vua quan, người Bà-la-môn khóc lóc xin xét nỗi oan khổ. Đứa trẻ làm vua giả, sau khi được vua thật đồng ý cho xử vụ này, bèn đưa ra một cái hũ lớn bảo ai là chồng thật thì chui vào hũ. Trong khi người Bà-la-môn khóc rống lên vì không thể nào chui vào được thì hung thần thu hình chui vào. Lập tức đứa bé bảo nút hũ lại, ném vào lửa [6].

Việt Nam còn có một truyện xử án, có những tình tiết tương tự với các truyện trên:

Làng Hoàng Đồng, châu Thoát-lãng (Lạng-sơn) có người đàn ông họ Quách cưới vợ ở một làng khác cách nửa ngày đường. Ngày cưới, cô dâu ngồi kiệu về. Đến nơi, mở kiệu, người ta thấy không phải là một mà là hai cô dâu giống nhau như tạc. Việc đưa lên quan. Quan sai chằng thừng cao quá đầu người, bảo ai nhảy qua được là vợ họ Quách. Một người nhảy được ngay. Quan sai bắt chém nhưng nó biến mất. Còn người kia không nhảy được đúng là cô dâu, quan cho về đoàn tụ với chồng [7].

Một truyện xử án của Trung Quốc thuộc *Bao Công kỳ án*, hình tượng đầu khác nhưng chủ đề thì tương tự:

Ngày xưa ở Dương Châu có người học trò nghèo học giỏi là Lưu Chân. Một lần Lưu đi thi nhưng đến trường thì đã quá muộn. Chàng trọ lại ở chùa Khai Nguyên, hết sạch cả tiền, đành làm nghề viết thuê chữ thảo kiếm ăn. Vừa gặp thừa tướng họ Kim trọng tài Lưu, gọi vào phủ dạy cho con cháu. Nhân đó, Lưu được trông thấy con gái thừa tướng, trong lòng mê mẩn. Hồi

ấy, ở đầm Bích Du có con cá chép sống được ngàn năm thành tinh, có phép biến hóa. Một hôm, cá biến thành người con gái, đi chơi xa, đến sáng không về kịp vội hiện nguyên hình, nấp vào ao phủ thừa tướng. Cả đêm đêm phun hơi vào khóm mẫu đơn làm cho hoa mẫu đơn đẹp ra khác thường, khiến con gái con thừa tướng mê mẩn về hoa, ngày nào cũng ra đó ngắm nghía. Cá thấy Lưu Chân đẹp trai lại đang mê con gái thừa tướng, liền hóa làm con gái thừa tướng, tìm đến buồng Lưu ân ái.

Được ít lâu, cá rử Lưu trốn về quê quán, sống như vợ chồng. Tuy thấy mất Lưu, cả nhà thừa tướng vẫn không để ý. Nhưng khóm mẫu đơn từ đó chết khô, tiểu thư sinh bệnh. Thừa tướng sai người nhà đến Dương Châu tìm mua một cây mẫu đơn đẹp đem về trồng. Người ấy tình cờ vào nhà Lưu. Thấy vợ Lưu, hân ngạc nhiên ngỡ là tiểu thư, vội về báo cho thừa tướng biết. Thừa tướng sai thuộc hạ đòi hai vợ chồng Lưu về kinh. Trông thấy cá, Thừa tướng rất kinh ngạc vì giống con mình như đúc. Hỏi Lưu thì chàng thú thực là đã cùng tiểu thư dặt nhau đi trốn, nay xin chịu tội.

Thừa tướng nhờ Bao Công phân xử. Bao Công sai đưa hai người (cá và tiểu thư) vào dinh, lấy kính chiếu ma soi vào. Một lát sau cá nhả ra một đám khí đen. Khí đen tan thì cả cá và tiểu thư đều biến mất. Bao Công nhờ Thành hoàng giúp. Thành hoàng lại nhờ Long quân đóng các cửa biển để tróc nã yêu quái. Cá bị đuổi dữ quá chạy vào Nam Hải. Bao Công sai yết bảng rao hễ ai biết yêu tinh cá vàng ở đâu sẽ thưởng năm nghìn quan.

Bấy giờ có ông lão họ Trịnh bình sinh hay giúp đỡ người, lại có thờ Quan Âm. Một đêm, mộng thấy Quan Âm nhờ mình sáng ra bờ sông đưa ra mắt Bao Công. Sáng dậy ra bến, chỉ thấy có một bà cụ già tay cầm giỏ tre. Vào đến phủ Bao Công, bà ta bắt cá trong giỏ ra tra hỏi. Cá kể sự thật và thú là giấu tiểu thư ở đầm Bích Du. Bao Công muốn đem cá mổ thịt nhưng bà ta nhận đưa đi "phát lạc", còn số tiền thưởng xin giao cho ông lão họ Trịnh [8]

.

Tìm được tiểu thư thì nàng đã gần chết. Khi chữa lành, Bao Công xin Thừa tướng gả cho Lưu Chân làm vợ.

Trung-quốc còn có hai truyện tuy không phải thuộc truyện xử án, và tuy cấu trúc và hình tượng có khác nhau nhưng đều cùng một chủ đề với truyện trên:

1. Dương Hùng mồ côi bố được cậu là phó tướng họ Chu trấn ở Hà-châu nuôi. Chu rất yêu chàng vì thông minh. Chu có con gái cùng trạc tuổi với Dương, tuy cho ăn ở chung, nhưng gia pháp rất nghiêm nên không xảy ra việc gì. Bỗng một hôm, Dương đang dạo mát tự nhiên thấy cô gái họ Chu đi theo mình. Hai người từ đấy yêu nhau, hẹn hò tình tự luôn. Mụ quản gia rình biết, bèn báo với chủ. Họ Chu hỏi vợ, vợ nói: "Con gái đêm nào mà chả đi ngủ với tôi". Họ Chu lấy làm khó hiểu, nhưng cũng kiếm cớ đuổi Dương ra khỏi cửa.

Lang thang khắp nơi, cuối cùng chàng phải ở nhờ một ngôi chùa ở Lan Châu. Một hôm, thấy có kiệu dừng ở cửa, nhìn ra mới biết là người yêu đến cùng với nhiều đồ đạc quý giá. Cô gái họ Chu nói mình đi với chú ruột mới được thăng chức thủ bị ở Lan Châu. Dương đến chào người chú yêu, người này đến đáp lễ. Khi thấy cháu ăn ở với Dương như vợ chồng thì ông chú kinh ngạc vì mình chưa nghe nói tới cưới hỏi bao giờ. Một ngày sau nhân có việc, ông chú về Hà Châu kể lại với người anh. Vợ chồng họ Chu nói: "Con gái chúng tôi chưa bao giờ ra khỏi nhà". Cuối cùng họ cũng bàn nhau: nay đã có việc như thế thì con gái không khỏi mang tiếng, chi bằng gả quách cho Dương. Bèn làm theo lời bàn. Khi đưa dâu về thì một người hóa hai. Dương đang hoang mang thì một trong hai cô bước ra nói: "Tôi là hồ ly, vì việc báo ân mà làm như thế, chàng đừng kinh sợ. Xưa người ông chàng đi săn, tôi bị một mũi tên tưởng chết, nhờ ông chàng bó cho rồi thả

ra. Tôi muốn trả ơn mà chưa có dịp. Gần đây biết chàng yêu cô Chu mà không có cách gì. Tôi làm thế này để thay cho việc mai mối. Nay việc đã xong tôi đến chào chàng" [9].

2. Đời Tấn ở Ngô-hưng có một người có hai con. Một hôm, hai người con đi làm đồng, tự nhiên thấy người bố ở đâu đến đánh đập mình không có lý do, rồi đi. Họ nói với mẹ. Mẹ trách bố, bố lấy làm lạ nói: "Ta chưa hề ra đồng. Chắc đó là quỷ lấy hình dạng ta. Nếu nó đến nữa thì cho các con cứ giết đi vô tội vạ". Sáng mai, hai con lại ra đồng, gậy gộc cầm tay. Hôm ấy họ về chậm. Không thấy con về, người bố đi đón, con tưởng quỷ bèn giết chết, rồi chôn ngay tại chỗ. Quỷ thấy vậy bèn hóa thành bố về nói với mẹ. "Thế là ổn, bọn chúng đã giết chết con quỷ". Tối lại, hai đứa con về, cả nhà chuyện trò vui mừng như đạt một thắng lợi.

Vài năm sau, có một pháp sư đi qua ghé vào nói với hai người con: - "Gia đình các anh đang có tai họa". Con về kể lại với bố. Bố thét lên: - "Giết chết nó đi!".

Hai người bảo pháp sư đi ngay kéo có sự chẳng lành xảy ra. Nhưng pháp sư không đi mà tốc thẳng vào nhà đọc bài chú. Tự nhiên người bố biến thành một con chồn già nấp dưới giường. Hai người con biết lần trước mình đã giết mất bố. Bèn cải táng bắt đầu làm ma [10].

Người Huế cũng có truyện *Tinh con chuột* nhưng có nội dung khác hẳn truyện *Tinh con chuột* trên kia. Đại khái cái một người đàn bà góa chồng nghèo khổ. Một hôm, chị gặp một người đàn ông, ăn ở với nhau như vợ chồng.

Nhờ có người chồng hàng ngày mang thức ăn về nên cuộc sống có phần dễ chịu hơn trước. Nhưng dần dần, xóm giềng nhận thấy thức ăn của mình hay

bị mất trộm. Họ rình đánh kẻ gian. Và khi ông lão, chồng người đàn bà, ngã xuống, thì hiện nguyên hình là một con chuột lớn.

Xem thêm truyện *Hà Ô Lôi* (số **116**) sau đây, và truyện *Người học trò với ba con quý* (số **131**).

Một phật thoại, *Lô Chí trưởng giả*, có mục đích giáo dục tín đồ, cũng có hình tượng một vị thần hóa thành người, giống với một vị trưởng giả như đúc, gây rắc rối từ gia đình cho đến vua quan:

Ngày xưa ở nước Xá-vệ, có một trưởng giả tên là Lô Chí nổi tiếng giàu có, nhưng cũng nổi tiếng keo kiệt. Một hôm nhà vua mở hội, mọi người đua nhau ăn uống, đãi khách, vui chơi theo tục lệ, Lô Chí cũng bỏ ra một số tiền mua thức ăn ngon nhưng sợ phải đãi khách, nên mang đi một nơi thật xa ăn uống một mình; ăn rồi rượu say hát múa một mình, tự cho là sướng hơn Đế Thích. Thần Đế Thích hôm ấy đi qua thấy vậy, mới định tâm cho y một bài học. Bèn nhân khi Lô Chí thật còn vui say ở xa nhà, hóa thân thành một Lô Chí khác, rồi đi về nhà Lô Chí, gọi vợ con xóm giềng Lô Chí lại phán rằng trước đây mình bị một con ma "keo kiệt" ám ảnh nên sinh xấu nết, bòn sẻn với mọi người. Nay mình đã học được phép đuổi quỷ, nên đã đuổi được nó đi rồi. Đoạn sai người nhà dọn tiệc mời họ hàng thân thích ăn uống linh đình, và mở kho lấy tiền của ra phát cho mọi người. Trong khi thiên hạ vây quanh đông đúc để nhận phân phát, thì Lô Chí thật tỉnh rượu trở về. Thấy có một người giống mình ngồi giữa mẹ và vợ con, Lô Chí hầm hầm nổi giận, nhưng Đế Thích (Lô Chí giả) vội chỉ cho người nhà biết đó là con ma "keo kiệt" bảo đóng cửa không cho vào. Cuối cùng, hai bên tranh cãi kịch liệt, mọi người không hiểu thế nào cả. Họ đưa nhau lên vua. Vua không xử. Sau đưa đến Phật, Đế Thích bấy giờ mới hiện nguyên hình và trả lại của cho Lô Chí [11].

VII. TRUYỆN THẦN TIÊN MA QUỶ VÀ PHÙ PHÉP

[1]. Theo *Thánh Tông di thảo*.

[2]. Theo *Bản khai những truyện dân gian*. Còn theo Nguyễn Văn Ngọc thì sở dĩ người ta gọi chuột là “ông cống” vì những năm có khoa thi, chuột thường hay vào lục lọi các quyển thi, gặm nát hết cả, quan trường sợ bị tội nên phải kiêng cái tên “chuột” để nó khỏi vào quấy phá. Không biết gọi bằng tên gì họ bèn tặng cho nó học vị cử nhân, gọi tên là “ông Cống” (*Truyện cổ nước Nam*, tập II, đã dẫn). Theo truyện *Tống Trân – Cúc Hoa* thì khi Cúc Hoa bị bố là đình trưởng ép duyên, nàng có hai con hầu mang cỗ dâng mẹ chồng và trao cho bà tám nén vàng để lo ma chay khi chết. Hai đứa bất lương không đưa, chia nhau số vàng nhưng sau đó bị đàn chuột lấy trộm vàng tha về cho Trạng. Trạng bèn phong chuột học vị hương cống:

...Trạng Nguyên cầm lấy liền tay,

Vàng kia đích thực của rày vợ tao.

Chuột kia mày ở nơi nao?

Vàng kia tám nén đưa tao chớ chầy.

Ởn vua tao sống về đây

Phong chức cho mày hương cống chuột kia ...

[3]. Theo *Bản khai của làng Vĩnh An*.

[4]. Theo Mi-đăng (Midan). *Những truyện về quan tòa Thỏ*, BSEI (1933).

- [5]. Theo Phi-nô (Finot). *Tìm hiểu về văn học Lào*, BEFEO (1917).
- [6]. Theo Cô-xcanh (Cosquin). *Nghiên cứu về cổ tích truyền thuyết*.
- [7]. Theo Sê-ông (Chéon). *Sưu tập những bài mới*.
- [8]. Do truyện này về sau, để hình dung Phật Quan Âm, người ta thường nói về một bà già cầm giỏ cá.
- [9]. Theo *Tân tê hai*, quyển 6.
- [10]. Theo *Sưu thần ký*.
- [11]. Theo *Đuốc tuệ* (1936) và Sa-van-nơ (Chavane). *Năm trăm truyện cổ và ngụ ngôn trích từ Kinh Đại tạng Trung-quốc*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
116. HÀ Ô LÔI

Vào thời nhà Trần, ở làng Ma-la gần thành Thăng-long có Đặng Sĩ Dinh tuổi còn trẻ mà đã làm quan to. Ông ta có một người vợ rất đẹp. Hai vợ chồng yêu nhau rất mực. Nhưng một hôm, nhà vua sai ông đi sứ Trung-quốc. Không thể từ chối, ông đành trở về từ biệt vợ lên đường.

Bây giờ có thần thành hoàng làng Ma-la, thừa dịp ông đi sứ vắng bèn hóa phép biến thành Đặng Sĩ Dinh. Đêm khuya đến gọi cửa. Vũ thị không khỏi ngạc nhiên khi nhìn thấy chồng về, bèn hỏi:

- Chàng bảo đi sứ sao lại còn trở về như vậy?

Thần ta kiểm cách nói dối rằng:

- Vua đã sai người khác đi thay ta rồi. Thế nhưng vua lại bắt ta ở luôn bên cạnh để hầu cớ không cho về. Mà ta thì nhớ nàng quá, cho nên chờ khi vua ngủ say, lén về ân ái một lúc rồi phải vội vào ngay không dám để vua biết.

Nghe nói, Vũ thị lòng vẫn chưa tin là thực, nhưng hình dạng, cử chỉ và cách ăn nói thì không thể ngờ vào đâu được. Từ hôm ấy, cứ đêm thần Ma-la lại đội lốt Đặng Sĩ Dinh tới. Và nàng vẫn tự nhiên, coi hẵn là chồng cùng chung chăn gối.

Được hơn một năm, Đặng Sĩ Dinh đi sứ về. Ông rất buồn bực khi thấy người vợ yêu của mình có thai sắp đến ngày đẻ. Nhưng khi tra hỏi, Vũ thị cứ sự thực trả lời. Không biết nên giải quyết thế nào, ông đành làm tờ "trạng" tâu vua. Lập tức, vua sai bắt Vũ thị hạ ngục để tra khảo cho ra thủ

phạm. Nhưng đêm ấy, vua nằm chiêm bao thấy một hung thần đến yết kiến mình; hăn dọa: - "Tôi là thành hoàng làng Ma-la, tôi có đứa con bị Đặng Sĩ Dinh bắt mất. Vậy bệ hạ bảo hăn phải trả con cho tôi. Nếu không, tôi quyết không để cho mọi người yên thân đâu".

Tỉnh dậy, vua rất kinh ngạc và lo lắng, cuối cùng vua cho đòi Dinh đến kể cho nghe giấc mộng đêm qua và phán:

- Thôi! Vợ vẫn là vợ người, nhưng con thì của thần Ma-la.

*

* *

Ba ngày sau đó, Vũ thị sinh ra một cái bọc, trong có một đứa con trai, tay chân mặt mũi như mọi đứa bé thường, chỉ có khác một điều là da đen như mực. Càng lớn lên, da hăn càng đen và nháng như mỡ. Vua bảo đặt tên cho là Ô Lôi. Vì không biết họ của thần là gì nên vua đặt là họ Hà. Năm Hà Ô Lôi mười lăm tuổi vua đưa vào cung để sai bảo, coi như môn khách, đối đãi có phần đặc biệt.

Một hôm, Ô Lôi đi chơi về phía cửa Đông gặp một cụ già ngồi ở gốc cây. Hăn đang bước lững thững thì bỗng cụ già gọi giật lại:

- Thằng bé kia, con có muốn gì không?

Ô Lôi ngạc nhiên:

- Cụ là ai?

- Ta là Lã Đồng Tân đây - ông cụ đáp - Nếu con muốn gì ta sẽ làm cho con được như ý.

Ô Lôi vội sụp lạy:

- Con xấu xí quá chả ai thèm chơi với con. Con chỉ muốn làm sao có khuôn mặt xinh đẹp, có giọng hát hay để mọi người yêu mình mà thôi.

Ông tiên bảo:

- Tưởng gì chứ muốn cái ấy cũng không khó. Nhưng con nên nhớ: ước muốn đó có hay mà cũng có dở; nó sẽ làm hại con.

Thấy hăn khăng khăng chỉ ước muốn có mỗi một việc ấy, ông tiên bèn bảo hăn há miệng ra rồi nhổ vào một bãi nước bọt bảo nuốt đi. Đoạn ông biến mất.

Từ đó Ô Lôi trở nên xinh trai và thông minh một cách lạ thường. tuy không biết chữ, hăn cũng làm được thơ vè rất hay; nói năng có duyên và bất thiệp. Đến giọng hát thì thật là tuyệt. Ai cũng thích nghe hăn hát hoặc kể chuyện, hình như bị một sức quyến rũ. Nhất là đám đàn bà con gái thì lại càng mê mẩn. họ cứ ao ước được xem mặt Ô Lôi mới thỏa. Nhân đó, hăn mới giở thói cợt ghẹo, dụ dỗ cho thỏa tình dục. Thấy hăn có tài, vua lại càng yêu chiều.

*

* *

Bấy giờ trong hàng tôn thất có nàng quận chúa tên là A Kim, có hiệu là Kim Liên. Đúng với tên gọi, nàng mơn mớn như một đóa sen vàng; cái nhan sắc nghiêng thành nghiêng nước ấy tưởng trên trời không ai bì kịp. Chẳng may năm hai mươi ba tuổi chồng chết, nàng theo lễ thủ tiết thề trọn đời không đi bước nữa. Vua từ lâu vốn có bụng muốn chung tình với nàng nhưng tuy oai quyền là thế mà vẫn không thể nào gần gũi được, vì nàng rất đứng đắn.

Một hôm vua bảo nhỏ Ô Lôi: - "Mày có cách gì cho ta chung tình với nàng Kim Liên thì ta sẽ trọng thưởng và biết ơn".

Ô Lôi nghĩ quận chúa là bậc bề trên, lọt vào phủ của quận chúa không khéo có thể mất mạng, huống gì định thả lời ong bướm. Nhưng muốn đẹp lòng vua, hăn nói: - "Thần xin hẹn trong một năm; nếu bệ hạ không thấy về, ấy là thần đã chết mà mưu không thành vậy!".

Tâu xong, hăn lạy tạ ra đi.

Rồi đó, Ô Lôi cải trang thành một kẻ chăn ngựa bán thịt, đóng khố, quấy một đôi sọt tìm về phủ đệ quận chúa A Kim. Hăn biểu người gác cổng một gói trầu để xin vào cắt cỏ. Đám vườn trước nhà quận chúa trồng toàn cây nhài để cho chủ thưởng ngoạn. Buổi ấy vào khoảng tháng Năm, hoa nhài đang hội nở, mùi thơm ngào ngạt. Hăn dùng liềm cắt tất cả hoa bỏ vào sọt. Một người nữ tỳ thấy vậy bèn hô hoán lên cho người nhà ra bắt Ô Lôi. Ô Lôi làm bộ sợ hãi:

- Tôi là kẻ không cha không mẹ, không có chủ, thường đi lang thang làm thuê gánh mướn kiếm ăn. Vừa rồi có ông quan buộc ngựa ở cửa Nam cho tôi năm tiền bảo cắt gánh cỏ. Tôi bụng đói được tiền, mừng quá vào đây,

không biết loại cây này quý, tưởng cũng là cỏ nên cắt tất cả. Nay không có gì bồi thường tôi xin làm tôi tớ để đền nợ hoa.

Nghe nói, bọn chúng cũng thương hại, nhưng đoán hẳn có chủ nên bắt giữ lại ở cổng hồng chờ đợi chủ tới kiểm, bắt chuộc. Từ đó Ô Lôi thường hát cho bọn chúng nghe. Thấy hẳn hát hay quá, bọn chúng đem cơm cho ăn, có khi mê mẩn quên mất cả công việc của chủ.

Một hôm, trời vừa xẩm tối, quận chúa ngồi mò trong nhà. Nàng gọi một thôi một hồi mà không có một thị tỳ nào lên thắp đèn cả. Nàng lấy làm lạ bước xuống giường, vừa đi rảo các buồng vừa gọi. Mãi mới thấy bọn chúng kéo nhau về. Nàng quát mắng toan nọc xuống đánh; chúng sụp lạy kêu rằng: - "Có đứa cắt cỏ hát hay quá, chúng tôi mãi nghe, đành cam chịu lỗi".

Cuối cùng nàng cũng tha cho bọn chúng mà nói:

- Lần sau nếu còn thế nữa thì quyết trị tội không tha.

Một đêm nọ trời oi bức, quận chúa cùng các thị tỳ ngồi ngoài sân hóng gió trông trăng. Bỗng từ bên kia bức tường, tiếng hát của Ô Lôi văng vẳng đưa sang. Quả là tiếng hát tuyệt vời làm cho quận chúa phải bồi hồi ngơ ngẩn. Nàng hỏi:

- Đứa nào hát thế?

Bọn thị tỳ đáp:

- Bẩm, đó là đứa cắt cỏ hôm nọ.

- Gọi nó vào ta xem.

Khi thấy mặt Ô Lôi, quận chúa bỗng có thiện cảm. Thế là từ đó Ô Lôi được làm chân nô bộc, ngày ngày hầu hạ trà nước khi có khách khứa, và hát để mua vui cho cả chủ lẫn khách. Hẳn nhanh nhẩu được việc nên càng đẹp lòng chủ. Dần dần ngày một ngày hai, quận chúa đâm ra say mê, rồi cùng hẳn đàn dứ. Nàng toan tậu ruộng làm nhà cho hẳn, nhưng hẳn không lấy gì cả, chỉ xin cái mũ tiến triều làm kỷ niệm. Cái mũ ấy trên có dát vàng và đính ngọc vốn của Tiên đế ban cho nàng để những ngày triều hạ, ngày Tết thì đội vào chầu Thiên tử. Nhưng trong cơn say đắm, nàng vui lòng tặng hẳn không tiếc gì cả.

Khi được mũ, Ô Lôi trốn thẳng một mạch về cung. Nghe hẳn kể chuyện, vua mừng lắm, bèn hạ lệnh đòi quận chúa vào chầu. Khi Kim Liên đến đã thấy Ô Lôi đội mũ ngọc đứng bên cạnh vua. Vua hỏi nàng:

- Nhà ngươi có quen người này chăng?

Quận chúa đỏ mặt im lặng.

*

* *

Từ đó, Ô Lôi được vua nuông chiều một cách lạ lùng, hẳn muốn gì được nấy. Vua hạ lệnh cho mọi người biết: Nếu Ô Lôi tư thông với con gái nhà ai

mà bắt được giải đến, vua sẽ tạ một nghìn quan tiền. Trái lại, nếu ai tự tiện giết hay làm hấn bị thương thì phải bồi thường một vạn quan. Thiên hạ vì sợ lệnh vua, không ai dám làm gì hấn, Ô Lôi được thể lại càng quá tay, hấn tìm thú vui với con gái các nhà vương hầu.

Một hôm, hấn dan díu với cô con gái Minh Uy vương. Hấn thường lên vào phủ để gặp nàng. Minh Uy vương là cha hoàng hậu quyền thế nghiêng trời. Một hôm, vào lúc xẩm tối, ông ta đang ngồi trên lầu, nhác thấy bóng một người lạ lọt vào cổng vườn. Sinh nghi, ông gọi bọn gia nô lưu ý rình bắt. Quả nhiên cuối cùng họ tóm được hấn trong buồng cô con gái yêu. Minh Uy vương lòng giận bừng bừng, nhưng nhớ tới lệnh vua ông cũng ngại không dám giết hấn ngay. Sáng hôm sau, ông ta vào chầu vua, tâu rằng:

- Đêm qua Ô Lôi vào nhà thần. Vì tối tăm không biết là ai nên người nhà đã lỡ tay trót đánh chết. Vậy số tiền đền bao nhiêu, thần xin nộp?

Vua ngỡ là hấn đã chết rồi, lại nể mặt Minh Uy vương, bèn đáp:

- Thôi, đương đêm không biết là ai, đã trót giết rồi thì không phải đền nữa.

Thế là ông ta trở về nhà sai gia nô thân tín dùng gậy đánh Ô Lôi cho kỳ chết. Nhưng không ngờ đánh mấy hấn vẫn trơ trơ, không bị một thương tích nào. Mãi sau, ông sai bỏ vào cối giã mới chết^[1].

Cũng do truyện này, đời sau khi cô dâu mới về nhà chồng người ta có tục bắt bước qua cối giã gạo, có mục đích xua đuổi những con quỷ sắc dục như Ô Lôi đi theo quấy nhiễu.

[1]. Theo *Lĩnh-nam chí*, đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
117. MIẾNG TRẦU KỲ DIỆU

Ngày xưa, có một anh học trò tầm thường tên là Hồ Sinh. Gia tư của hắn cũng không lấy gì làm thiếu thốn, nhưng ngày đêm, hắn chỉ những mong muốn một chút danh phận. Vì thế, khi nghe nói ở huyện có khuyết chân thơ lại là hắn vội bán ruộng cố đi lo lót cho được. Sau mấy phen chạy vạy không xong, hắn sức nhớ đến một người bạn học cũ có người thân quen biết với cụ Thượng, bèn tìm đến nhờ vả.

Người bạn của Hồ Sinh khi nghe hắn bày tỏ ý mình vội bảo:

- Người ra có câu "Con trong lừ rừng rừng nước mắt, con ngoài lừ ngút ngoắt muốn vô". Sao bác không giữ ruộng lại để cày cấy làm ăn, có hơn là phải quy lụy để mua mấy cái lo vào người cho khổ?

Nhưng sau mấy lần khuyên dỗ, vẫn thấy nét mặt bạn quả quyết quá, mới giới thiệu hắn với một người bạn khác của mình, và nói:

- Người quen của tôi chả có thể lực gì đâu. Sẵn có quen một nhà đạo sĩ trên núi Ba Vì, ông ấy quen biết rất nhiều vị quyền cao chức trọng có thể hơn cả cụ Thượng nữa. Ông ấy có cách làm cho bác nên công danh. Để tôi viết mấy chữ, ông ấy sẽ vì tôi mà giúp bác hết sức.

Hồ Sinh cầm thư của bạn tìm đường lên núi Ba Vì. Hắn hỏi thăm mãi, quả đến một cái hang có một phiến đá lớn lấp kín. Theo lời dặn, hắn kêu to: - "Có phải đây là hang đạo sĩ không? Nếu phải xin mở cửa cho vào". Tự nhiên hòn đá xoay ra mở một lối cho hắn vào. Phía trong rất im lặng nhưng sáng sủa. Hắn bước quá chừng chục bước đã thấy vị đạo sĩ đang nằm trên

một cái chõng, miệng nhai rầu, mắt lim dim nghỉ ngơi. Bên cạnh đó có một cái chõng khác, trên có một cối trầu chỉ còn hai miếng Trầu có khách mà đạo sĩ cũng không ngồi dậy, chỉ với tay cầm lấy thư đọc, miệng vẫn nhai trầu bồm bồm. Một lát, nhìn trừng trừng vào mặt khách, nói:

- Ta sẽ cho anh được làm quan. Nào anh muốn làm quan to hay nhỏ, như thế nào?

Đáp:

- Tôi học hành cũng ít ỏi, chỉ muốn làm một chân thơ lại cũng đã mãn nguyện.

- Được! Anh hãy ngồi nghỉ, ăn một miếng trầu, ta sẽ liệu.

Hồ Sinh rón rén lại ngồi ở giường lấy một miếng trầu trong cối ra ăn. Miếng trầu rất ngon. Nhưng vừa nhai giập thì hắn đã thiu thiu ngủ.

*

* *

Sau khi trở về nhà mấy ngày, bỗng một hôm có một người lính lệ mang trát đến đòi. Hắn sợ quá tưởng có việc gì xảy ra. Nhưng khi vào dinh cụ Thượng, hắn được đón tiếp rất niềm nở. Người ta để dành cho hắn không phải là chân thơ lại ở huyện mà là một chân thông biện ở dinh quan Bố tại tỉnh nhà. Công việc chẳng có gì là khó khăn và tốn kém vì có "tay trong" của nhà đạo sĩ, làm cho hắn hết sức sung sướng. Thế là từ đó, Hồ Sinh hàng ngày ra vào công đường, dạ dạ, bồm bồm khúm núm trước mặt các quan.

Ban đầu hăn thấy nhục, nhưng mỗi lần đứng trước mặt bọn tổng lý và những người dân có việc đến cửa quan thì hăn lại cho là một sự vinh hiển. Ban đầu hăn ngần ngại chối từ cả lễ báp của những người có việc đưa lên lo lót, nhưng dần dần hăn bạo dạn và khôn ngoan hơn. Chẳng những hăn thành thạo trong nghề bóp nặn mà còn học được nhiều mẹo khéo làm tiền kỳ lạ là tạo ra những vụ án bất ngờ mà kết quả cả nguyên cáo lẫn bị cáo tiền bạc xúng xoảng dắt nhau đến công đường đút cho hăn và quan trên của hăn.

Vì thế, trong vài ba năm, tiền của của hăn bọn bề, hăn làm nhà tậu ruộng và sống cuộc đời xa xỉ hơn trước. Hăn lại được một phú trưởng giả trong hạt gả con gái cho. Mười năm sau, vợ hăn đã sinh được hai trai hai gái và được cất nhắc làm một chức quan nhỏ. Một nhà phẫn vua trang điểm, cuộc đời cứ thế lên như diều, không có ai theo kịp.

Nhưng một ngày kia, giữa lúc Hồ Sinh đang ngồi cho vợ chải đầu thì bỗng có lính lệ cầm trát đến đòi. Hăn không nghi ngờ gì cả. Nhưng khi đến dinh cụ Thượng hăn liền bị bỏ ngục. Một viên khâm sai đặc phái cải trang đi thanh tra đã tìm ra được rất nhiều chứng cứ về những vụ tham tang hối lộ của bọn quan tỉnh, mà tất cả đều có liên quan đến hăn. Thế rồi, trong khi chờ đợi xử án thì những người dân bị vu oan giá họa ngày trước đều đổ xô tới quan khâm sai kiện hăn. Đơn kiện cao kể hàng chồng. Ngày xử án hăn là một ngày đông hơn hội. Hăn bị tử hình không đợi tâu về triều vì quan khâm sai có quyền "tiền trăm hậu tấu". Trước khi ra pháp trường chịu tội, hăn hồi tưởng lại chuyện cũ và ăn năn rằng phải chi mình đừng có lên hang đạo sĩ để nhờ lão ấy chạy chọt cho thì đâu đến nỗi này.

Hồ Sinh bỗng choàng dậy vì có một tiếng động rất dữ dội. Hăn mở mắt thì té ra mình vẫn còn nằm trên chiếc giường thứ hai của nhà đạo sĩ, chân đạp phải cối trầu lăn xuống đá đánh choảng một tiếng, miếng trầu còn lại lăn

lóc giữa đường. Còn đạo sĩ miệng vẫn còn nhai trầu, mắt lim dim, chợt ngồi dậy hỏi hần:

- Bây giờ chúng ta sẽ bàn một chút. Anh sẽ cầm thư của tôi đến cụ Thượng..."

Nhưng lúc này Hồ Sinh không còn đủ can đảm để tính chuyện danh phận nữa. Hần vội nhả miếng trầu đang ngậm ở miệng và cáo từ ra về. Từ đó, hần trở nên một tay làm ăn chí thú trên ruộng đất của mình [1].

KHẢO DỊ

Tương tự với truyện của ta, trong kho tàng điển cổ của Trung-quốc có truyện *Giấc mộng Nam-kha* (hay *Giấc mộng kê vàng*) cũng rất phổ biến ở Việt-nam.

Lư Sinh đời Đường, một hôm mặc áo cừu ngắn cưỡi ngựa câu sắp đi săn, gặp đạo sĩ Lã Đồng Tân ở quán Hàm-đan. Chàng kêu khổ. - "Sao mà khổ?", đạo sĩ hỏi. - "Tài trai lập công to làm quan lớn, ăn ngon mặc tốt, nghe hát hay, họ hàng vẻ vang. Tôi tuổi đứng bóng vẫn còn chân lấm tay bùn". Đạo sĩ bèn rút cái gối trong đây ra trao cho anh chàng và bảo: - "Gối vào gối này sẽ được vinh hiển như nguyện". Bấy giờ chủ quán đang quấy một nồi cháo kê. Lư Sinh kê gối nằm ngủ thấy mình lấy vợ họ Thôi đẹp và giàu. Rồi đỗ tiến sĩ làm quan đến tiết độ sứ, cầm quân phá được giặc, trải mười năm làm tướng. Cả triều đình ghen ghét, gièm pha rằng việc thông

biên giới của Lữ là có ý định làm phản. Lập tức anh bị bỏ ngục. Sợ quá, Lữ Sinh khóc lóc bảo vợ: - "Ta vốn làm ruộng ở Sơn Đông, cấy dăm ba mẫu không đến nỗi đói rách, quan quý chi đến nỗi này. Bây giờ dầu muốn áo ngắn ngựa câu rong chơi sẵn bản sao được?". Toan tự tử, vợ con không cho. Dần dần vua biết oan, phục chức cũ. Về sau Lữ Sinh có năm con trai, đều đỗ cao làm quan to. Con sinh đẻ được hơn mười cháu, kết hôn với con nhà vọng tộc, Lữ Sinh sống ngoài tám mươi tuổi thì chết.

Bỗng nhiên chàng bừng mắt tỉnh dậy, thấy mình còn nằm mà nỗi kê vẫn chưa chín. Lấy làm quái lạ, nói: - "Ô hay, đây là chuyện chiêm bao ư?". Lã Đồng Tân cười: - "Ấy, trò đời cũng thế cả".

Trong *Liêu trai chí dị* có truyện *Giấc mộng kê vàng thứ hai* (Tục hoàng lương):

Hiếu Liêm họ Tăng đi chơi với các bạn dòng sang, vào chùa Tỳ-lư nhờ một nhà sư chiêm tinh bói số vận. Sư bảo chàng sẽ làm tể tướng trong hai mươi năm. Mọi người chúc tụng. Tăng đùa phong chức cho các bạn. Nhân mưa, nghỉ lại, mộng thấy có hai trung sứ đến triệu vào cung, được vua phong làm tể tướng. Vinh hiển rồi, Tăng đền ơn trả oán. Dần dần ăn của đút, hiệp gái đẹp, không việc gì không làm. Sau có người làm sớ vạch tội, các quan cũng tố cáo. Tăng bị trích làm quan Vân Nam. Trên đường đi bị quỷ bắt xuống âm phủ chịu hình phạt vạc dầu núi đao, nuốt sắt nóng. Sau đó chuyển kiếp làm con gái một người hành khất chịu đói rét. Mười bốn tuổi gả làm thiếp cho một tiến sĩ họ Cồ, bị vợ cả hành hạ. Một hôm có hai tên giặc giết mất chồng, bị vợ cả vu là đưa trai về giết, việc lên quan, chịu tra tấn kêu khóc ầm ĩ. Bỗng nghe tiếng bạn gọi, Tăng tỉnh dậy. Sư bảo: - "Quẻ bói nghiệm chẳng?". Đáp: - "Xin cảm ơn chỉ giáo". - "Nếu theo đường nhân đức thì trong lò lửa có sen tươi". Lúc về, lòng công danh nguội lạnh. Tăng về sau bỏ đi, không rõ đi đâu.

Tương tự với các truyện trên, người In-đô-nê-xi-a (Indonesia) có truyện *Chiếc chiếu đạo sĩ*:

Một gã tham lam độc ác, một hôm mượn bạn năm mươi nén bạc đi buôn. Dọc đường, hắn làm quen rồi giết chết một lái khác để chiếm lấy bì vàng. Với số vàng đó, hắn lần lượt đút lót để được bổ quan huyện, rồi quan tỉnh, rồi tổng đốc, v.v... Lần cuối cùng, được lệnh trên, hắn cưỡi ngựa cùng mười người thân tín về kinh nhậm chức. Vào nghỉ ở một ngôi chùa, hắn bắt đạo sĩ phải dọn chỗ nằm. Đạo sĩ nói: "Bần đạo có một chiếc chiếu đan bằng tre chẻ mỏng, nó có phép ai ước gì trong mộng đều thấy cả". Nằm lên, hắn mơ thấy mình chém chết đạo sĩ cướp lấy chiếc chiếu. Trên đường về kinh có tin vua vi hành, hắn mưu với tể tướng - là người cất nhắc hắn - giết vua. Khi tể tướng lên ngôi vua thì phong hắn làm tể tướng, nhưng hắn lại muốn làm vua, nên nhân lúc đi săn, hắn bắn chết vua mới, nhưng bị quân đội của thái tử đánh cho đại bại. Hắn chạy bán sống bán chết đến ngôi chùa hắn đã giết đạo sĩ cướp chiếu. Trốn vào chùa hắn bị vấp ngã, giật mình tỉnh dậy, vừa nghe có tiếng: - "Bắt lấy nó". Có mấy người chạy vào, hắn hốt hoảng chạy vào rừng nhưng cuối cùng bị tóm lời về chùa.

Thì ra, một người lái đồ ngày xưa vẫn còn sống, làm nhân chứng cho vụ án giết người lấy bì vàng mà hắn là thủ phạm. Nhân có thái tử đi tuần tra, người lái đồ tố cáo, thái tử ra lệnh lùng bắt, đúng vào lúc hắn đang ngủ ở ngôi chùa cổ. Nhưng hắn thì cứ tưởng thái tử đến bắt về tội giết vua trong giấc mộng. Bị tra khảo, hắn thú tội giết người lái lấy bì vàng, đồng thời thú cả tội giết vua.

Thái tử sai giải hản về kinh xử tử[2].

Loại truyện có đề tài giấc mộng kê vàng cũng khá phổ biến ở một số dân tộc.

Truyện của Ấn-độ đại khái như sau: Có một ông vua nghe tin một bà phù thủy có tài bèn mời đến bảo trở tài cho mình xem. Bà ta đến nhìn thẳng vào mắt vua. Bỗng vua mê man thấy mình cưỡi một con ngựa đen, ngựa phi rất nhanh đưa mình đến một nơi xa xăm và hoang vu thì dừng lại. Vua thơ thần đi tìm cái ăn vì quá đói. Sau đó gặp một cô gái mang cơm, vua xin ăn. Cô gái nói: - "Tôi thuộc đẳng cấp thấp hèn, bàn tay "dơ bẩn" không thể dâng cơm hầu ngài được". Nhưng vì đói quá vua vẫn phải ăn cơm của cô, và vì tình thế bắt buộc vua đành phải lấy cô là vợ. Hai người ăn ở với nhau trong hoàn cảnh hết sức gian khổ lần lượt sinh được 4 con. Ngày lại ngày nối nhau qua, gia đình trải bao lần đói kém. Một lần hạn hán, đưa bé đói lâu ngày chết, vua già lụ khụ hy sinh cho vợ con sống sót thì vừa tỉnh dậy. - "Ôi! 70 năm trời một giấc ngủ ra!". Bà phù thủy nói: - "Vâng ngài mới nằm được một tẹo thôi."

Truyện của Mông-cổ cũng tương tự truyện Ấn-độ, một bà phù thủy cho một ông vua chung sống trong giấc mộng với một người đàn bà nghèo hèn, trải qua nhiều lần đói khổ chật vật sinh được hai đứa con, cho đến lúc cực

kỳ nheo nhóc mới tỉnh dậy thì chén trà do vua sai người hầu rót vẫn chưa nguội.

Truyện của Tây-ban-nha (Espana): Có một mục sư nghe tiếng một bà phù thủy giỏi nên tìm đến nhờ giúp cho mình trở thành một người có địa vị cao tột. Thấy bà từ chối, mục sư cố ép. "Nếu tôi làm theo yêu cầu thì phải cho tôi cái gì mà tôi muốn". "Đồng ý". Mục sư bảo người nhà đẩy tờ giấy bắt con gà rừng vặt lông. Mục sư bỗng thiếp đi và trong giấc mơ quả đạt được ý muốn thay chân vị Giáo hoàng đương kim mới chết. Nhưng khi bà phù thủy đến xin đưa con trai thì ông không thuận. "Con trai tôi để làm Hồng y giáo chủ". Bỗng chợt tỉnh dậy thấy mình vẫn là mục sư mà thịt gà vẫn chưa chín.

[1]. Theo Sê-ông (Chéon). *Sưu tầm mười một truyện An-nam (bản gốc)*.

[2]. Theo Đinh Tú. *Truyện cổ tích Nam-dương*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
118. TÚ UYÊN

Vào đời Hồng Đức, có một người học trò nghèo, cha mẹ chết sớm, trọ học ở phường Bích-câu, phía Nam thành Thăng-long. Chàng rất hay chữ, tuy chưa đỗ đạt gì, người ta cũng gọi chàng là Tú Uyên.

Một ngày, vào mùa xuân, chùa Ngọc-hồ mở hội Vô-già, thiện nam tín nữ ở kinh đô và bốn phương tụ họp rất đông. Tú Uyên không bỏ lỡ cơ hội đi tìm người đẹp. Chàng vui chân đi quanh quần mãi đến tận chiều, bèn ngồi nghỉ ở gốc đa gần chùa. Chợt trông thấy một cái lá bay đến trước mặt, chàng nhặt lên xem, thì ra sau lưng lá có đề một bài thơ đầy những lời trêu ghẹo. Chàng tưởng có người nào ở trên lầu cao ném xuống rồi nấp vào một chỗ. Nhưng ngược nhìn mọi nơi, mãi chẳng thấy gì cả. Đương lúc ngơ ngác, Tú Uyên bỗng thấy một đám người từ trong chùa đi ra, trong đó có một cô gái rất đẹp. Thấy nàng liếc mắt đưa tình, chàng tiến lại bắt chuyện. Hai người vừa đi vừa trò chuyện vui vẻ. Lòng Tú Uyên như nở hoa. Nhưng khi sắp đến đình Quảng-văn thì người con gái bỗng biến mất. Tú Uyên đứng ngẩn ra rất lâu, mãi đến tối mới trở về nhà.

Từ đấy, Tú Uyên đêm ngày mơ tưởng không thiết gì ăn uống học hành. Nghe tin đền Bạch-mã rất thiêng, chàng đến xin quẻ thẻ rồi ngủ quên tại đền cầu mộng. Đêm ấy thần hiện ra trong giấc mộng của chàng, bảo rằng: - "Này anh chàng mê sắc kia, sáng mai hãy đến cầu Đông, ta sẽ cho biết một tin rất tốt".

Hôm sau, chàng y hẹn đến cầu Đông. Đợi mãi chẳng thấy ai cả, cuối cùng mới gặp một ông già bán tranh, ông đưa tới mời chàng một bức tố nữ. Chàng mở ra xem thì không ngờ hình dạng người tố nữ trong tranh trông

chẳng khác gì người mà mình mong đợi. Chàng mua ngay, đem về treo bên cạnh chỗ ngồi. Đến bữa ăn chàng dọn ra hai đôi đĩa, hai cái bát mời người trong tranh ăn như mời người thật. Chàng hơi ngạc nhiên cảm thấy tổ nữ trong tranh hai má đỏ bừng dường như có ý thẹn.

Một hôm Tú Uyên đi học về thì thấy giữa giường đã sẵn sàng một mâm cơm có thức ăn ngon, khác với cơm rau thường ngày. Tuy chưa hiểu là của ai cho, nhưng đói bụng, chàng cũng ngồi vào ăn. Tiếp mấy hôm sau, mâm cơm đều dọn sẵn như thế. Chàng nửa ngờ nửa mừng, không hiểu ra làm sao.

Hôm khác chàng giả tảng đi học, nửa đường lộn về nấp ngoài cửa sổ dòm vào. Chàng thấy tổ nữ từ trong tranh bước ra dọn dẹp nhà cửa và xuống bếp làm cơm. Chàng đột ngột xô cửa bước vào nắm chặt tay nàng mà rằng:

- Để tôi bấy lâu trông đợi mãi mòn con mắt! Thôi bây giờ nhất định không cho nàng ra khỏi đây đâu.

Nói xong Tú Uyên giật bức tranh trên tường xé đi.

Người con gái đỏ hai gò má, sẽ đáp lại:

- Sao chàng ác thế! Thiếp đã lạc vào nhà chàng rồi đâu dám không vâng lời. Rồi nàng cho biết tên nàng là Giáng Kiều, vốn có duyên nợ với chàng nên được xuống trần cùng kết làm đôi lứa. Tú Uyên không còn gì sung sướng hơn thế nữa. Chàng giơ tay lên trời thề bồi. Hai người chuyện trò hồi lâu. Tú Uyên giục nàng thành thân, Giáng Kiều bảo:

- Để thiếp mở tiệc mời các bạn tiên đến chứng kiến cho lễ cưới của đôi ta đã.

Nói xong nàng rút trâm trên đầu hóa phép thành một nơi màn gấm rèm ngọc, kê hầu người hạ rằm rập, đồ ăn thức đựng lộng lẫy. Chỉ một lát cỗ bàn bày ra, đàn sáo vang lừng, các bạn tiên lần lượt đến ăn uống trò chuyện, ca hát nhảy múa rất là vui vẻ.

Nhưng từ ngày được vợ đẹp, Tú Uyên không buồn giở đến sách nữa. Suốt ngày chàng ở bên vợ và đặc biệt một điều là chàng thích uống rượu và ăn ngon. Giáng Kiều khuyên can mãi nhưng Tú Uyên vẫn giữ tật ấy. Ba năm trôi qua, chàng không lai vãng đến nhà học. Dần dà chàng trở nên nghiện rượu, đã uống là uống đến say, khi say không còn biết trời đất gì nữa, thậm chí nhiều lần chửi mắng vợ. Giáng Kiều giận lắm. Một hôm chồng từ tửu quán khật khưỡng bước về, nàng vực vào giường rồi nhân chồng ngủ thiếp đi, nàng liền bay về trời.

Tỉnh rượu, Tú Uyên không thấy vợ, rất lấy làm hối hận. Suốt một tháng, chàng bỏ ăn bỏ ngủ, kêu khóc thảm thiết. Bạn bè hết lời khuyên dỗ nhưng chàng không sao giảm được ưu sầu. Giận thân, chàng chỉ muốn tự tận cho xong đời. Nhưng khăn vừa vắt lên xà nhà thì bỗng có trận gió thoảng đưa mùi hương đến: Giáng Kiều đã hiện ra trước mặt. Chàng vừa vui vừa thẹn, thề xin chữa hẳn rượu. Hai vợ chồng lại vui vẻ như xưa.

Chẳng bao lâu, Giáng Kiều sinh được một trai. Đứa bé lớn lên rất thông minh, học ngày một giỏi.

Một đêm nọ bỗng có hai con hạc đến đón ở sân. Hai vợ chồng dặn con ở lại, rồi cưỡi hạc lên trời [1].

KHẢO DỊ

Truyện này đã được tín đồ đạo thần tiên uốn nắn để đề cao tư tưởng thoát ly. *Truyền kỳ tân phả* và *Bích câu kỳ ngộ* khi kể truyện này đã chịu ảnh hưởng nhiều của tư tưởng đó.

Ở đây chúng tôi dựa vào lời kể của nhân dân, không có thơ từ xướng họa giữa hai nhân vật, không có việc hai thị nữ đi theo Giáng Kiều, cũng không có việc Giáng Kiều khuyên chồng học đạo tiên. Việc Tú Uyên xé rách tranh cũng do nhân dân kể, không có trong các sách trên.

Loại mô-típ người bí mật hiện ra từ một vật nào đó, quét dọn nhà, làm cơm canh sẵn rồi lại thu hình chui vào, nhiều truyện cổ tích của ta và của các dân tộc đều có, tuy rằng có biến dạng nhiều hay ít. Trong truyện *Tấm Cám* (số 154, tập IV), Tấm từ trong quả thị bí mật ra dọn cơm cho bà già, truyện *Lấy chồng dê*, truyện *Sọ dừa* (số 128, tập III), *Người lấy cóc* (số 126, tập III) cũng gần như vậy.

Trong *Sưu thần ký* có truyện *Nàng tiên trong vỏ ốc*:

Một người nghèo khổ sống một thân một mình, thường khấn Long Vương để được số phận khá hơn. Một hôm, nhặt được một vỏ ốc rất đẹp. Như truyện trên, cô gái trong vỏ ốc cũng bí mật chui ra nấu ăn quét dọn cho anh khi anh vắng mặt. Cho đến một hôm, anh về đột ngột bắt gặp, nàng nói mình là con gái Long vương vâng lệnh cha lên giúp đỡ. Rồi nàng biến mất. Từ đó mỗi lần anh túng thiếu thì thấy trong vỏ ốc có tiền. Khi anh chết, vỏ ốc cũng biến mất [2].

Một truyện khác của Việt Nam là *Sự tích cửa ô Cầu-dền*, có những hình ảnh phần nào gần gũi với truyện Tú Uyên:

Đời nhà Mạc, ở làng Kim-liên có một người học trò cha mẹ chết sớm, nhà nghèo lắm, phải đi dạy học kiếm ăn qua ngày.

Một hôm, ngày giỗ cha, anh trở về ngôi nhà nát của mình. Thấy không có gì cúng, anh chỉ ngồi mà khóc. Khóc đoạn ngủ quên. Đêm khuya anh giật mình tỉnh dậy thì thấy trên bàn thờ đèn hương đầy đủ; nhìn vào bếp thấy có một cô gái đẹp đang giục đầy tớ dọn cỗ. Anh chạy vào ôm lấy cô gái hỏi duyên cớ, cô gái cho biết là thiên đình thấy anh nghèo khổ mà hiếu hạnh nên sai xuống kết bạn.

Sau đó, cô gái ở lại làm vợ anh. Được tám năm, cô gái hết hạn về trời. Thấy anh kêu khóc, cô bảo: số anh còn sống đến 99 tuổi, ngày đoan ngo sắp tới sẽ có vợ mới, nhưng có mấy mẫu ruộng mới tậu được hãy trồng rau dền cho nhiều vào.

Anh làm đúng lời cô gái dặn. Mấy năm đói kém, nhờ có mấy mẫu ruộng rau dền nên anh đã cứu giúp được nhiều người qua khỏi nạn đói. Vì thế, người ta gọi chỗ ở của anh là Cầu-dền[3].

Về những khả năng hình thành cảm hứng cho truyện Tú Uyên, xem lại tập

I, phần nghiên cứu, chương II, mục 4: *Quá trình hình thành một truyện cổ tích.*

[1] Dựa theo Đoàn Thị Điểm (*Truyền kỳ tân phả*), *Sử Nam chí dị*, và theo lời kể của người Hà-tĩnh, Bắc-ninh, Hà-đông.

[2] Một truyện Trung-quốc khác là *Nàng tiên ốc* cũng kể đại khái như trên nhưng kết cục là anh nghèo khổ sau khi giấu biển vỏ ốc đã lấy được nàng tiên ốc làm vợ. Hai vợ chồng sống bằng lao động của mình, đầy hạnh phúc.

[3] Theo Sê-ông (Chéon), sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
119. NỢ DUYÊN TRONG MỘNG

Ngày xưa ở động Sơn-la thuộc Hưng-hóa có một chàng trẻ tuổi tên là Chu sinh. Bố mẹ mất sớm, chàng được chú đưa về nuôi cho ăn học. Nhưng người chú yêu dấu cháu bao nhiêu thì người thím lại ghét bỏ bấy nhiêu. Thấy phải nuôi báo cô một đứa cháu dài lưng tốn vải ăn no lại nằm, người đàn bà ấy rất bức mình. Lâu dần, người thím không kiêng nể nữa, mỗi khi có chuyện không vừa ý, chửi mắng chàng hết lời.

Một hôm, chú đi vắng, ở nhà thím la rầy, Chu sinh cãi lại mấy câu. Thấy thế, người thím không ngăn được cơn thịnh nộ:

- Đã thế mày đi đâu thì cút ngay đi, đừng có vác mặt về đây mà ăn nữa!

Nghe mấy câu xúc phạm, Chu sinh bỗng tức giận đầy người. Chàng vào thu dọn áo quần sách vở rồi tức tốc ra đi, thề quyết sẽ không trở lại gặp thím nữa. Chàng tìm về mấy gian nhà nát của bố mẹ bấy lâu vẫn bỏ hoang, trải manh chiếu rách lên giường rồi làm một giấc.

Người chú về biết rõ cơ sự, bèn tìm đến nhà, rủ cháu về. Chu sinh đã nhịn đói hai hôm nhưng nhất quyết không chịu. Người chú đành mang tiền gạo đến cho chàng và cố tình khuyên dỗ. Cháu hẹn chú ba ngày. Nhưng ba ngày trôi qua vẫn không thấy cháu về, chú lại mang tiền gạo sang chu cấp. Cháu lại khất ba ngày khác, nhưng rồi vẫn không về. Người chú cuối cùng cũng bức mình, đến nhà bảo: - "Tao bảo mày không nghe thì kệ xác mày, không hơi đâu mà khuyên dỗ mãi!"

Nói rồi từ đó mặc kệ Chu sinh, nhất định không đoái hoài nữa. Sau khi gạo

tiền đã hết, Chu sinh nằm nhịn luôn trong hai ngày. Tuy bụng đói, chàng vẫn không chịu chạm trán với người thím ác nghiệt. Hôm ấy, sau khi ngâm mấy bài thơ, chàng tự nhiên ngủ thiếp đi. Đang lúc mơ mơ màng màng, bỗng thấy có một viên quan phẩm phục rực rỡ, theo sau có mấy tên thị vệ đến nhà mình. Bấy giờ chàng đang ngồi đọc sách. Chàng tưởng họ vào nhăm nhà, nhưng khi xưng tên tuổi thì thấy quả họ đang tìm mình. Viên quan mở hộp vàng lấy ra một đạo dụ đọc cho chàng nghe. Lúc đầu chàng cứ tưởng hoàng đế đang trị vì triệu mình, nhưng khi nghe xong thì chàng lấy làm ngạc nhiên. Những tiếng "quốc mẫu nước Hoa-thành" thật là mới lạ, chưa nghe nói bao giờ; cả đến giọng đọc của viên quan cũng nghe lơ lớ, không phải người ở vùng kinh kỳ tới.

Khi biết những người khách lạ đến với thiện ý đưa mình tiến kinh làm phò mã thì Chu sinh thấy yên tâm. Chàng nghĩ bụng: - "Hằng cứ phó mặc cho may rủi một phen thử xem". Chàng bèn bước theo chân họ. Đường rất mờ mịt. Chỉ một thôi, họ đã tiến vào một nơi có nhà cửa đẹp đẽ, người đi lại đông đúc như một thị trấn. Vượt qua mấy lần cổng thành lớn. Có lính canh gác nghiêm ngặt, đã thấy trước mặt một tòa lâu đài nguy nga, trên đề chữ "điện Hoàng-kim". Viên quan bảo chờ trước sân rồng rồi tiến vào một nơi có màn ngọc che. Một chốc hăn rón rén bước ra giục chàng vào làm lễ. Chu sinh chỉ mới kịp cúi đầu lạy hai lạy thì ở trong có tiếng truyền ra cho chúc miễn, và bảo dặt lên thềm. Chàng thấy đó là một bà cụ già chừng 60 tuổi, mặt mũi phúc hậu, nhìn mình với cặp mắt có cảm tình. Tuy đói bụng nhưng chàng cố hết sức giữ lễ. Người ta mời chàng ngồi lên sập vàng bên tả chỗ ngồi của quốc mẫu. Sau buổi trà nước, tiệc yến dọn lên, sơn hào hải vị bày đầy cả chiếu. Một chốc, từ trong cung tiến ra một cái kiệu nhỏ, trên có một thiếu niên bước xuống vái chào Chu sinh. Quốc mẫu nói bằng một giọng thân mật:

- Con ra tiếp đi. Chú rể mới bao giờ mà chả thẹn.

Thế rồi hai người chén thù chán tặc. Chu sinh chưa bao giờ cảm thấy sung sướng và ngon miệng hơn thế. Giữa bữa ăn, quốc mẫu cho chàng biết tiên đế là chồng bà với cha chàng đã từng đính ước gả con cho mau. Bây giờ cốt mời chàng đến đây để thực hiện lời hứa đó. Tuy chưa hiểu hai bên quen biết từ bao giờ, lại cũng chưa rõ mặt mũi công chúa Mộng Trang ra sao, nhưng chàng cũng cung kính gật đầu.

Ăn xong, quốc mẫu ngoảnh lại bảo chàng:

- Phò mã hãy trở về đợi ba ngày nữa sẽ lại cho người đến rước.

Liền đó, chàng từ tạ ra về, có cờ trống đàn sáo tiễn ra đến ngoài hoàng cung.

Thoáng có cơn gió lạnh phả vào mặt, Chu sinh giật mình tỉnh dậy thì thấy mình vẫn nằm trên manh chiếu rách cũ, nhưng miệng còn hơi rượu và bụng hãy còn no. Suy đi nghĩ lại, chàng không hiểu ra thế nào cả.

Ba ngày sau, chàng lại nằm mê như trước, lần này, đến điện Hoàng-kim thì đã thấy đèn treo, hoa kết, rực rỡ vô cùng. Chu sinh được dắt vào một gian buồng, thay bỏ đồ cũ để mặc quần áo mới may. Được một chốc, có một bọn người cung nữ đưa công chúa ra gặp tân lang. Chàng chỉ hồi hộp chờ có mỗi phút đó. Và chàng sung sướng vô cùng khi nhìn trộm thấy diện mạo của vợ khó có ai sánh kịp. Hai bên cùng vào làm lễ và cùng rót rượu cho nhau uống giữa nhữn tiếng đàn sáo nhã nhạc và lời chúc tụng hoan hỷ của mọi người.

Sau đó, vâng lện quốc mẫu, hai người đưa nhau vào Tây phòng. Đêm ấy,

Chu sinh sung sướng vô hạn và mặc dầu thoáng thấy có những vắn lạ ở bụng và lưng vợ nhưng chàng vẫn không quan tâm.

Sáng hôm sau, ăn xong hai người lại ra hầu quốc mẫu. Bà bảo chàng:

- Nước đây là nước Hoa-thành. Năm xưa tiên đế mất đi để lại cho ta dân đông, công việc nhiều. Thái tử còn nhỏ tuổi mà ta thì đã già rồi, trông nom không xiết. May có công chúa giúp đỡ từ bấy đến nay. Lấy chồng thì phải theo chồng nhưng công chúa mà đi thì không ai giúp cho ta cả. Vậy phò mã nên thể tình ta, để vợ ở đây, cứ ba ngày một sẽ cho Xuyên Hoa sứ về đón.

Chu sinh chỉ còn biết vâng dạ.

Trò chuyện một lúc, Chu sinh ra về. Công chúa tiễn chồng ra hoàng cung về lầu luyện buồn rầu lộ ra nét mặt. Thái tử nói bỡn:

- Vợ chồng mới cưới hôm qua, hôm nay đã thương nhớ nhau đến thế ư?

Mọi người đều cười rộ làm cho chàng đỏ cả tai.

Thế rồi Chu sinh lại tỉnh dậy sau một giấc ngủ một ngày một đêm. Mùi rượu và mùi hương của công chúa vẫn còn thấy phảng phất. Lần này, chàng không còn coi là một sự lạ nữa. Chàng lại giở sách ôn luyện. Bụng vẫn không thấy đói.

Từ đó cứ ba ngày một lần, Chu sinh lại chiêm bao đến nước Hoa-thành để được gặp gỡ công chúa và để được ăn những bữa tiệc no say. Hết chiêm bao, chàng lại sống cô độc và thiếu thốn trong gian nhà nát. Tuy ngoài giấc mộng chàng không hề ăn uống gì mà mặt mũi vẫn hồng hào tươi tốt.

Cuộc đời cứ đều đặn như thế kéo dài đến hơn một năm trời. Xóm làng cho là chàng có phép tịch cốc, hỏi thì chàng chỉ cười mà không trả lời. Lúc này công chúa vợ Chu sinh đã sinh được một con trai. Quốc mẫu hạ lệnh cho vợ các quan phải đến cho đứa bé bú. Thằng bé chóng lớn. Ngày đầy tuổi tới, chàng đến sớm hơn mọi lần. Lúc đến nơi đã thấy cung đình xúm xít những triều thần, các quan lớn bé cùng các cô hầu ăn mặc rực rỡ, chào hỏi lảng xảng. Họ mang tiền nong, lễ vật đến mừng con chàng nhiều lắm, chất đầy cả sập. Đổi lại, quốc mẫu sai dọn tiệc đãi họ. Chu sinh phải thân đi rót rượu mời mọc khá vất vả.

Một hôm, chàng theo lệ thường đến yết kiến mẹ vợ. Chàng ngạc nhiên khi thấy mặt bà có vẻ buồn rầu hốt hoảng khác thường. Hỏi thì quốc mẫu gạt nước mắt trả lời:

- Từ lâu ta vẫn có ý giấu phò mã. Nhưng nay đã đến lúc không thể giấu được nữa. Đã hai tháng nay, ngày nào cũng có tin cáo cấp ở biên thùy. Bọn giặc dữ đã tràn vào cõi, cướp bóc và tàn hại dân ta không biết bao nhiêu mà kể. Quân ta nghênh chiến bị tử thương vô số. Hôm nay, coi chừng giặc đã phạm đến gần kinh đô. Cho nên ta định ngày mai sẽ thiên đô đi nơi khác.

Chu sinh toan hỏi thêm về tình hình chiến sự thì đã thấy quan thượng thư Bộ binh xin vào yết kiến:

- Tân bộ hạ, quân giặc mỗi ngày một thêm mạnh và đông. Cứ như con số hạ thần nắm được thì quân và dân ta đã hy sinh mất một phần ba. Nếu bộ hạ cố ở lại thì còn dân đâu mà lập nước nữa. Vậy xin kíp thiên đô nội trong đêm nay!

Nghe nói, quốc mẫu sợ hãi, lập tức sai thảo chiếu hỏa tốc đi mọi phương ra

lệnh đúng giờ hẹn khởi hành. Rồi bà dạy lại bảo Chu sinh:

- Quốc gia đại sự, không thể để phò mã đi theo, cũng không dặn dò được nhiều. Chỉ nhắc phò mã biết rằng ta đã sai Xuyên hoa sứ mang tiền của công chúa gửi cho phò mã dùng, phò mã cố gắng học thành tài, sẽ có ngày tái ngộ. Chẳng những công chúa mà còn cháu nhỏ cũng không tiện đi theo phò mã. Hãy tạm chia tay một thời gian, chừng hai mươi sáu tháng nữa, cha con sẽ lại hứ hự với nhau. Thôi vào gặp vợ một tý để còn xuất hành!

Chu sinh bước vào buồng nước mắt ứa ra. Công chúa lúc ấy đang sửa soạn hành trang, nàng bảo chồng:

- Ở đời ly hợp là thường, miễn chàng cố gắng là sẽ gặp nhau không mấy chốc. Thiếp sợ chàng buồn nên đã cho thị nữ là Đồng Nhân làm bạn cho đến ngày tái ngộ. Thiếp lại tặng chàng một hòn ngọc bích làm bằng chất ngọc của các thứ hoa quý, mùa nực đeo vào thì mát, mùa rét thì ấm, chàng luôn luôn đeo bên mình xem như là có thiếp!

Chu sinh vội bảo vợ:

- Nàng có thể theo ta được không ? Hay nếu không thì nàng cho ta theo với.

Công chúa đáp:

- Không được. Hiện nay chàng đang còn sự nghiệp của chàng. Còn thiếp phải giúp mẹ bảo toàn cơ đồ và tính mạng muôn dân. Hai bề chưa vẹn, chưa theo nhau được. Thôi đừng buồn nữa, ngày sau hạnh phúc còn dài.

Nói rồi dứt áo bước ra. Chu sinh lại nín lại hỏi:

- Ngày sao sẽ gặp nhau ở đâu và vào lúc nào, nàng có thể cho ta biết trước được chăng?

Công chúa cầm lấy hòn ngọc, bỏ vào túi áo chàng và nói:

- Trong đó có nói rõ cả.

Khi chợt tỉnh dậy thì Chu sinh thấy cảnh tượng lo lắng ly biệt vừa rồi đã biến đâu mất. Chàng vừa thắp đèn soi thì thấy giữa đường có một gói mưỡi lạng vàng. Chàng móc túi, quả có một viên ngọc màu trắng như ngà, có vân xanh, dài như quả bút, trên có khắc mất câu thơ:

Bao giờ mười vạn tinh binh,

Nhạc quân trống trận rập rình ngoài biên.

Phía Tây Hồ-thủy tiến thuyền,

Hoa-cường nỏ nọ thẳng liền sang Đông.

Chờ khi báo tiếp dâng công,

Non song đề chữ tương phùng về sau.

Xin đừng đắp nhớ đôi sầu,

Mười lăm năm lại gặp nhau đó mà.

Chàng đọc đi đọc lại hai ba lần vẫn không hiểu nghĩa thế nào. Rồi chàng cố suy nghĩ để tìm hiểu sự gặp gỡ bấy lâu nhưng cũng không thể ra manh mối. Óc rối như tơ vò, chàng bụng bảo dạ: - "Rồi thời gian khắc sẽ sáng tỏ. Chả hơi đâu mà nghĩ cho mệt".

Hôm ấy, trời chưa sáng đã nghe có tiếng khóc. Chàng vội chạy sang nhà láng giềng hỏi tin. Họ cho biết là người thím của chàng bị cảm chết sắp sửa đem đi chôn. Nghe thấy thế, Chu sinh quyết định trở lại nhà chú. Người chú thấy cháu ôm sách vở trở về thì không nén được tức giận, bảo:

- Đã hai năm nay mày không đoái hoài gì đến tao, sao không đi luôn một thể, còn về mà làm gì?

Chàng nhanh trí tìm được cách nói dối:

- Hôm qua cháu chiêm bao thấy cha cháu về bảo rằng chú nghèo lắm, lại sắp có gia biến. Vậy có sổ vàng chôn ở nền nhà đào lên đưa về giúp chú. Vì thế bây giờ nghe tin có tang, cháu mới về.

Nói rồi bày cả mười lạng vàng lên bàn. Thấy vậy, chú đổi giận ra mừng. Từ đấy, Chu sinh yên tâm ở lại nhà chú học tập. Chàng không mộng mị như trước và cũng không hề rỉ rả với ai về việc lạ xảy ra.

Khoa ấy, Chu sinh đậu hương cống. Chú dạm vợ cho mấy nơi nhưng chàng nhất thiết từ chối.

Một hôm người chú đi buôn có đưa về một cô gái mười tám tuổi bị lạc đường. Nghe cô gái xưng tên là Đồng Nhân, Chu sinh sực nhớ đến lời vợ

dẫn trước khi chia tay, bèn bằng lòng theo lời bàn của chú, lấy nàng làm thiếp. Hơn một năm, Đồng Nhân sinh cho chàng một đứa con trai. Đứa bé càng lớn, Chu sinh càng thấy nó giống với đứa con của chàng ở nước Hoa-thành do công chúa đẻ với chàng. Chàng tính đốt ngón tay thì vừa hai mươi sáu tháng, đúng như lời quốc mẫu.

Lúc này cuộc đời thật của Chu sinh ngày một vinh hiển và giàu thịnh hơn trước. Chàng làm quan to trong triều, được mọi người nể phục.

Một năm, ở Tuyên-quang có giặc, vua phong cho chàng làm đại tướng mang hai vạn quân đi dẹp giặc. Quan quân sắp tới trại thì gặp một con khe ngăn đường. Hỏi dân gần đấy thì họ cho biết đó là khe Hồ-thủy, trước mặt là Hoa-điệp-cương, đi vòng sang phía Tây hoặc phía Đông một ngày là đến trại giặc. Nghe nhắc đến những tên ấy, chàng bỗng nhớ tới những câu khắc trên hòn ngọc. Chàng mới giở ngọc ra đọc lại bài thơ thì rõ ràng đó là những lời kín đáo bày ra cho chàng mẹo phá giặc. Chàng cứ theo kế đó hai mặt tiến công, quả nhiên giặc thua to, bị giết và bị bắt gần hết.

Sau khi thắng trận, chàng đi thuyền quanh Hoa-cương. Người lái đò cho chàng biết cách đây 15 năm có một đàn bướm độ vài vạn con nửa đêm ở đâu bay tới rợp trời cho nên gọi là Hoa-điệp [1]. Chu sinh hiểu ra, vừa lạ vừa mừng, vội sai dừng thuyền lại nghỉ ngơi. Đêm hôm ấy chàng lại chiêm bao thấy Xuyên Hoa sứ đến đón. Chàng đi ngay. Lúc đến nơi, chàng nhận thấy cảnh vật lúc này đẹp hơn xưa nhiều: lâu đài quy mô, dân cư đông đúc. Vừa tới cửa hoàng cung đã có quốc mẫu ra đón niềm nở:

- Phò mã đi dẹp giặc hẳn là khó nhọc. Chao ôi, bây giờ râu ria mọc đã dài không được trẻ như trước. Ngày tháng chóng thật!

Rồi đó chàng lại gặp công chúa ở Tây phòng, hai bên chuyện trò ái ân vô

cùng nông đượm.

Qua ngày sau, mãi đến chiều, Chu sinh vẫn chưa muốn về. Quốc mẫu vào buồng giục chàng cố làm cho xong việc nước, và bảo:

- Ta nay đã già lắm rồi. Ta quyết định mười hôm nữa sẽ chia đôi nước, một nửa cho thái tử, một nửa cho công chúa. Vậy phò mã nhớ trở lại đây mà coi lấy nước mới. Ngày nay dân sự yên ổn nhưng phò mã cũng nên chú ý phòng ngừa quân địch vẫn thường đột nhập vào quấy rối trong nước Hoa-thành này.

Chu sinh chỉ kịp dạ mấy tiếng trong mơ thì đã có người đánh thức dậy. Bọn tỳ nữ vây xung quanh cho biết là chàng đã ngủ một đêm một ngày. Chàng vội nói tránh cho họ yên tâm:

- Lâu nay việc quân mệt nhọc nên ngủ bù, không ngờ làm phiền chư tướng.

Đoạn, chàng trù tính việc đề phòng cho nước Hoa-thành. Chàng nghĩ, chỉ có loài chim là kẻ thù của bướm nên ngay sau đó chàng tậu luôn ba mươi khu ruộng xung quanh Hoa-cương, cho người cày cấy ăn không với mỗi nhiệm vụ là đuổi bắt chim chóc cho mình.

Thế rồi chàng mang quân về. Nhà vua khen ngợi công lao chàng và ban thưởng rất hậu. Nhưng vua thấy ngạc nhiên khi thấy liền đó, chàng dâng biểu xin từ chức. Vua không ép được đành phải để chàng thỏa chí.

Được thôi quan, một hôm chàng từ giã chú, đưa vợ con lên thăm vùng Hoa-diệp-cương. Sắp tới nơi, tự nhiên cả ba người hóa làm ba con bướm trắng bay lên trời. Vượt qua Hồ-thủy, Xuyên Hoa sứ và cả một đại đội quân nhà bướm tiến ra đón bọn họ [2].

KHẢO DỊ

Trong *Liêu trai chí dị* có truyện *Công chúa Liên Hoa* gần giống truyện của ta:

Một nho sĩ, Đậu Húc, ngủ ngày, chiêm bao thấy một người lạ đến cạnh giường bảo: - "Tôi là người của tướng công ở gần đây. Tướng công mời ngài đến chơi". Đậu đi theo, đến một nơi thấy nhà cửa san sát, lâu đài trùng điệp. Đi quanh quất hồi lâu thấy có cung nhân, nữ quan đón chờ. Thấy khách đến, một quý nhân ra đón tiếp rất cung kính. Sau đó theo hai nữ quan vào mấy lần cửa. Đậu nhìn thấy có đề hai chữ "Quế phủ", một vị vua ngồi trên đèn bước xuống đón rồi sai dọn tiệc đãi. Trong tiệc có sinh ca réo rắt, vị vua trò truyện một lát, bỗng bảo tả hữu: - "Trẫm có một câu đối, phiền các quan đối cho: - "*Tài nhân đặng Quế phủ*" (người anh tài đến phủ Quế). Mọi người đang nghĩ ngợi thì Đậu đã đối là: - "*Quân tử ái liên hoa*" (bậc quân tử yêu hoa sen). Vua rất vui nói: - "Thật là lạ: Liên Hoa là tên của công chúa, nếu không có túc duyên sao lại hợp đến thế". Bèn cho gọi công chúa ra chào. Thấy công chúa trạc mười sáu, mười bảy, đẹp khó có ai sánh kịp, họ Đậu trở nên ngây ngất, ngồi thừ người, quên cả trả lời câu hỏi của vua muốn ướm gả công chúa cho mình. Khi ra về, nghe viên nội quan theo tiễn nói lại, Đậu tiếc ngơ ngẩn, và giật mình tỉnh dậy.

Hôm khác, Đậu Húc đang cùng bạn nằm ở giường, bỗng lại thấy viên nội quan đến gọi đi. Đến cung, nghe vua nói chuyện gả công chúa, thì anh nhận

lời ngay. Tiệc hoa bày ra, hai bên làm lễ rồi về quán xá. Khi động phòng hoa chúc, Đậu lấy thắt lưng ra đo tay đo chân vợ. Công chúa bảo: - "Anh làm gì mà như điên thế?". Đáp: - "Vì hay mộng mỵ nên ghi nhớ cho kỹ để nếu quả là mộng mỵ thì cũng nhớ được lâu".

Bỗng có cung nữ chạy vào kêu: có yêu quái vào cửa cung. Đậu hoảng sợ đến yết kiến vua. Vua cầm tay khóc nói: - "Nước lâm nguy biết sao bây giờ". Rồi đưa cho Đậu xem một tập tâu của đại thần, trong đó nói: có một con mãng xà dài nghìn trượng đến phía ngoài cung, từng nuốt sống hàng vạn mạng người, đi đến đâu lâu đài trúc đổ đến đó. Từ xưa chưa có họa nào lớn bằng. Xin bệ hạ kíp rời hoàng gia ngay đi. Đậu đọc xong tái mặt. Liền đó một cung nữ chạy đến tâu: - "Yêu quái đã đến". Cả điện kêu khóc như ri. Vua cũng khóc bảo: - "Tiểu nữ làm lụy tiên sinh". Đậu thẹn thò, trở về thấy vợ cùng người hầu đang ôm đầu kêu khóc. Vợ bảo chồng: - "Chàng đưa thiếp đi đâu?". Đáp: - "Nhà tôi nghèo chỉ có ba gian lều cô có ở được chăng?" - "Việc đã gấp như thế còn lựa chọn làm gì?". Đậu đưa vợ về. Vợ cho là chỗ này yên ổn, xin chồng làm nhà ngay để vua cha và dân cả nước dời đến ở. Đậu ngần ngại, vợ kêu khóc thảm thiết. Tới đây, Đậu tỉnh dậy.

Nghe tiếng ong vo ve trên gối, Đậu kể lại chuyện chiêm bao cho bạn nghe. Bạn khuyên anh nên làm tổ ong. Làm vừa xong đã thấy ong bay tới liên tục. Dò xem mới biết là bầy ong của ông lão hàng xóm. Người ta kể chuyện họ Đậu cho ông lão hàng xóm nghe, ông lão nhìn vào tổ ong của mình thì thấy vắng tanh vắng ngắt, lại có con rắn dài chừng một trượng, nằm khoanh trong đó bèn bắt giết.

Người Nghệ-an cũng có kể một truyện, cũng có nội dung gần gũi:

Xưa có một ông quan ra trấn ở một quận ngoài. Một hôm, quan cùng với khách ăn tiệc uống rượu dưới một cây hòe lớn. Rượu say, quan nằm ngủ

dưới gốc cây ấy. Bỗng chiêm bao thấy có bậc đại phu nước Đại hòng mời mình vào triều gặp gỡ và cuối cùng gả cho một nàng công chúa. Ông ta lưu lại đây làm tướng võ rồi tướng văn, cuộc đời vinh hiển trải đã mười năm. Khi tỉnh dậy thì thấy mình vẫn còn nằm ở gốc hòe. Nhìn vào hốc cây thấy có một tổ kiến, trong đó có một con kiến chúa, xung quanh có những con kiến nhỏ châu chực và hầu hạ y như ở triều đình mà mình đã trải qua trong giấc mộng [3].

Truyện vừa kể chắc là chịu ảnh hưởng của truyện *Thái thú Nam-kha* của Trung-quốc:

Ngày xưa có Thuần Vu Phần là tay chơi bởi hào hiệp, hay rượu, nhà ở quận Quang-lãng; gần nhà có một cây hòe rất lớn, bóng cây um tùm che đến vài mẫu. Nhân ngày sinh nhật, Thuần mời khách tới đó uống rượu. Rượu say, Thuần được khách dìu về nhà. Nằm một mình, anh chiêm bao thấy hai vị sứ giả áo tía đến bảo có vua nước Hòe-an triệu. Anh lên xe đi, xe chui vào hốc cây hòe rồi bỗng tiến đến một nơi có thành quách, nhà cửa, xe kiệu, người đi lại đông đúc. Đến cửa thành thấy chữ đề "Đại hòe an quốc". Nghỉ ở quán có hữu tướng tiếp đãi rất hậu. Hữu tướng cho biết là nhà vua muốn kén làm phò mã. Khi gặp vua thì quả như thế. Ở đây anh gặp hai người bạn rượu là Chu Biền và Điền Tử Hoa. Công chúa rất xinh đẹp làm anh vui lòng. Tiếp đây là một cuộc đời khoái lạc. Ít lâu, vua bổ làm thái thú quận Nam-kha. Anh xin phép cho hai bạn cùng đi. Đến nơi, cùng hai bạn coi việc quân vài mươi năm, có chính tích tốt, được dân mến, vua trọng, được ban thực ấp và phong tước. Vợ anh đẻ được năm trai hai gái, con trai làm quan, con gái gả cho họ vua, vinh hiển không ai sánh kịp. Rồi có quân nước Đan-la đến cướp, vua sai đi đánh. Anh sai Chu Biền đem ba vạn quân đi. Nhưng Biền khinh địch, bị thua rồi chết. Sau đó, công chúa chết, anh từ chức về triều. Từ đây buông tuông ra oai ra phúc. Có kẻ gièm, vua sai thu

thị vệ, cấm đi lại; anh lại càng oán. Vua nhân khuyên anh về thăm quê, anh không muốn về. Vua cho biết anh không phải quê ở đây. Anh bỗng hiểu ra, nhận lời. Hai sứ giả áo tía lại đưa đi. Đến nhà, xuống xe, bỗng giật mình tỉnh dậy thì thấy mình còn nằm mà khách vẫn còn ở đó. Bèn kể cho họ nghe, mọi người dắt nhau đến hốc cây hòe. Họ khoét rộng rồi chui vào, càng vào càng rộng, trong có tổ kiến độ vài hộc; có độ mười con to, các con kia không dám đến gần, biết đấy là vua quan nước Hòe-an. Trong cùng có một lỗ xuyên lên cảnh Nam, ở đây cũng có tổ kiến, biết đấy là quận Nam-kha. Lại dò theo các cảnh khác, biết đấy là nơi mình thường đi săn, hoặc là nơi mình chôn vợ. Anh lại nhớ đến cuộc chiến tranh với nước Đàn-la, bèn cố đi tìm xung quanh, thì ra đó là một tổ kiến khác ở trong một cây đàn. Nhớ lại hai người bạn rượu là Chu Biền và Điền Tử Hoa, anh cho người đi tìm, thì thấy Chu Biền đã chết, còn người kia đang nằm trên giường bệnh[4].

Người Nghệ-an còn có một truyện, tuy khác về nội dung nhưng cùng một kiểu kết cấu:

Một người ngủ trưa, chiêm bao thấy một người khách ăn mặc lịch sự đến mời đi chơi. Người ấy đi theo đến nhà thì thấy nhà cửa bằng đất nhưng san sát như phố xá, trang hoàng rất đẹp, thấy mọi người thầy tớ vợ con đề huề, làng xóm đông đúc. Ngồi một lát thì có một đám người ăn mặc lịch sự ra tiếp, và đề nghị: - "Chúng tôi ở chốn này đã bốn năm đời, bây giờ nhà ông tự dưng vô cớ lấn vào đất chúng tôi, vậy xin tránh đi chỗ khác cho".

Người ấy tỉnh dậy không hiểu thế nào cả. Sau tìm thấy bói nổi tiếng. Thầy gieo quẻ, bảo nhà "bất an", phải đào nền nhà đổ đi mới hết. Người ấy sai đào thì cùng cả ba gian đều đông đặc những kiến cánh. Liệu không thể trừ hết được, người ấy đành dời nhà đi chỗ khác.

Về sau gặp một pháp sư có thuật đuổi kiến, người này được pháp sư bày cho một phép là vào mùng một Tết, bắc một nồi rang không lên bếp, tay rang miệng đọc: "*Kiến càng kiến kệ, kiến mẹ (mẹ) kiến con, lên núi lên non, kiếm đường mà xéo*". Người ấy làm đúng như thế. Những con kiến cánh ở dưới nền nhà quả bay lên núi tất cả[5].

[1] Hình tượng này của truyện phải chăng xuất phát từ những cuộc di cư có thật của loài bướm chắc từng có xảy ra ở Việt-nam ngày xưa. Việc di cư của những đàn bướm rất đông không phải là việc hiếm có trên thế giới. Theo thống kê của Uy-liêm (William) (người Anh) thì năm 1930 thế giới có 214 loài bướm di cư 1237 lần. Theo ông thì năm 1935, có đàn bướm rầm bay từ Mễ-chích (Méjico) đến Ca-na-da (Canada) và đến A-lát-xca (Alaska), xa 4000 cây số. Ở Trung Quốc thì có 5 lần xảy ra vụ bướm di cư giữa hai tỉnh Vân-nam và Quảng-tây. Báo Thượng hải tân văn chép: “Trưa ngày 2-5-1953 trời âm u, có đàn bướm trắng mấy chục triệu con từ phía Đông bay đến Bản-kiều, một thị trấn cách phía Đông Côn-minh (Vân-nam) 20 cây số. Đàn bướm đáp xuống nghỉ độ 2 tiếng đồng hồ trên khắp rừng cây, ruộng và trên tường nhà, rồi lại bay về hướng Tây...(Trung-quốc hoa báo)

[2] Theo truyện *Hoa quốc kỳ duyên* trong *Thánh tông di thảo* và *Hoa quốc kỳ duyên* bản dịch nôm của Nguyễn Sĩ Sự (1914). Đây là một trong những truyện đặc sắc về mặt tạo hình của cổ tích Việt-nam, nhưng chắc có ảnh hưởng của cổ tích nước ngoài.

[3] Theo *Bản khai thôn Hướng-dương*

[4] Theo *Thái-bình quảng ký* và *Đường nhân tiểu thuyết*

[5] Theo *Bản khai thôn Điền-lễ*

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

120. TỪ ĐẠO HẠNH HAY SỰ TÍCH THÁNH LÁNG

Vào thời Lý có một ông sư quê ở làng Láng gần kinh đô, tên là Từ Vinh. Từ Vinh học được phép tàng hình. Không những thế, hắn còn biết cả phép biến mình thành bất cứ con vật gì hay bất cứ một người nào khác. Khi học được phép lạ, hắn không nghĩ đến việc lợi dụng phép thuật để giúp đỡ người nguy kẻ khó mà chỉ nghĩ cách tìm khoái lạc cho bản thân. Cho nên, hắn đi khắp mọi vùng, bề ngoài làm bộ giảng đạo nhưng kỳ thực là để gần gũi những người đàn bà mà mình ưa thích. Hắn đã có phép, lại không kém khôn ngoan, nên chả một ai hay biết cả.

Từ lúc Từ Vinh thi đậu khoa thi Bạch-liên, được vua phong chức tăng quan đô sát, một chức quan lớn trong triều đình, thì hắn lại lén lút tìm gái ở vùng kinh kỳ. Bấy giờ, ở kinh có một nhà quý tộc tên là Diên Thành hầu có phủ đệ đẹp đẽ trên bờ sông Cốt gần làng Từ Vinh. Diên Thành hầu có một đám vợ và nàng hầu, trong đó có một nàng trẻ tuổi, nhan sắc xinh đẹp trên đời khó ai sánh kịp. Từ Vinh chú ý đến nàng. Phủ đệ Diên Thành hầu canh gác rất nghiêm ngặt, nhưng đối với Từ Vinh thì chẳng mùi gì. Nhè những đêm Diên Thành hầu vắng mặt, Từ Vinh tàng hình lọt vào buồng của nàng, rồi biến thành chồng nàng lên giường giao hoan. Sáng dậy, y lại tàng hình đi ra khỏi cổng trước mắt bọn gác. Vì thế, chẳng những cả nhà Diên Thành hầu không một ai biết mà chính người đàn bà nọ cũng không ngờ là ngoài chồng mình ra, còn có một người đàn ông thứ hai nữa.

Một hôm, giữa lúc Từ Vinh tàng hình bước ra khỏi buồng người đàn bà, thì chính là lúc Diên Thành hầu lại vào với vợ. Người đàn bà vội kêu lên: - "Sao phu quân vừa ra đã lại trở vào?". Nghe nói thế Diên Thành hầu hiểu ngay nông nổi và sau khi tra gạn vợ, ông mới biết gian phụ không phải người tầm thường, nếu không có một pháp sư cao tay thì đừng hòng trị nổi. Diên Thành hầu căm tức vô cùng, sau một lúc lâu suy nghĩ, ông sức nhớ đến nhà sư Đại Diên phép thuật cao cường nhất trong nước, từng được vua ban tước quốc sư và đã trở tài mấy phen trị tà bắt quỷ.

Khi nghe Diên Thành hầu kể lại câu chuyện, Đại Diên đưa cho ông ta một sợi chỉ ngũ sắc và dặn rằng:

- Hầu về đưa sợi chỉ này cho bà ấy, chờ lúc gian tể đến, lặng lẽ buộc vào ngang lưng. Một mặt cho rắc một lớp tro mỏng trước cửa buồng, cho người nấp chỗ kín canh gác. Đợi lúc nào thấy có dấu chân giẫm lên tro thì đóng ngay cửa lại, dán lá bùa này vào rồi cho người tức tốc đến đây báo tin cho bản đạo. Bản đạo sẽ vì hầu trừng trị con dâm quỷ.

Diên Thành hầu về, làm đúng như lời đã dặn. Quả nhiên, một đêm nọ Từ Vinh tàng hình mò tới. Hai tên nô hầu chực đêm ở cửa, bỗng nhìn thấy có những dấu chân tiến vào buồng mà không thấy có người, vội dán lá bùa lên cách cửa rồi phi báo cho chủ biết. Đêm ấy, Từ Vinh vô tình, không ngờ có cạm bẫy đang giương ra chờ mình, nên chỉ một lúc sau người vợ Diên Thành hầu đã buộc được sợi chỉ ngũ sắc quanh lưng mà hắn cũng không hay biết gì cả.

Nghe tiếng động, Từ Vinh vội niệm chú biến thành một con gián. Nhưng chỉ bay đến cửa, hắn mới biết rằng khắp mọi nơi đều có phép thần kín mít như bưng, không một khe hở nào chui lọt. Giữa lúc đó thì Đại Diên đã cầm đuốc tiến vào buồng. Gián ta hoảng hốt bò vào một khe vách nằm im tại đó. Cuộc tìm tòi của Đại Diên đã tưởng như trở nên vô hiệu. Mãi về sau, nhờ có sợi chỉ ngũ sắc buộc quanh người thò ra ngoài vách, nên Đại Diên lôi ngay được gián ra. Trong tay thần của Đại Diên, Từ Vinh hết phương trốn tránh đành chỉ kêu van xin tha mạng. Đại Diên hỏi:

- Mày là ai?

Đáp:

- Tôi là Từ Vinh. Xin hòa thượng nghĩ đến tình đồng triều, đồng đạo, tha cho tội chết.

Nghe kẻ tội phạm xưng tên, Đại Diên nghĩ bụng: - "Phép thuật của hắn có tiếng là cao cường không kém gì ta. Nếu không sa cơ vì mấy lá bùa chưa chắc hắn đã chịu kêu van như thế này đâu. Tha cho hắn sẽ nguy hiểm cho ta. Tất phải trừ đi để khỏi hậu họa". Nghĩ vậy sư ta cười gằn bảo Từ Vinh:

- Mày là kẻ tu hành, lại được triều đình trọng dụng mà cố tình phá giới, phạm tội chồng chất như thế này ư? Tha cho mày sao được! Thôi ta hóa kiếp cho mày để lo tu tỉnh về sau.

Từ Vinh chưa kịp kêu thì đã bị bàn tay Đại Diên bóp nát vụn. Xác con gián

vừa rơi xuống đất thì hiện nguyên hình thành Từ Vinh. Đại Diên đá vào cái thân nói:

Kiếp này đã vụng đường tu,

Hãy đền tội lỗi, đền bù kiếp sau.

Đoạn, ngoảnh bảo Diên Thành hầu:

- Thế là trừ được một con dâm quỷ. Hầu cứ bảo người nhà vớt thân nó xuống sông.

Diên Thành hầu hết lời cảm tạ và sai người nhà mang mười lạng vàng tống tiền quốc sư về chùa.

Nhưng sáng hôm sau, giữa lúc Đại Diên đang tụng kinh thì một tên nô của nhà Diên Thành hầu đã hốt hoảng chạy tới báo tin:

- Bạch sư cụ, cái thân hôm qua không chịu trôi. Nó cứ đứng sừng sững giữa sông Cốt trên mặt nước, tay chỉ vào nhà hầu tôi, mắt nhìn trừng trừng rất dữ tợn. Hầu tôi kính mời sư cụ đến trị ngay cho!

Nghe nói, Đại Diên theo đến, chỉ tay vào thân Từ Vinh, đọc một câu quyết:

Sống chết là giấc chiêm bao,

Dầu giận thế nào không để cách đêm[1].

Tự nhiên cái thây chìm xuống nước và trôi đi.

Lại nói chuyện Từ Vinh có một người con tên là Từ Đạo Hạnh. Chàng mới hai mươi lăm tuổi, rất chăm học và rất có hiếu. Cái đêm cha bị giết, Từ Đạo Hạnh được cha báo mộng cho biết sự tình và nhắc đi nhắc lại tên Đại Diên, dặn phải trả thù cho bằng được. Tỉnh dậy, chàng hốt hoảng đi tìm cha, và chàng xiết bao đau đớn khi thấy thây cha nổi trên mặt nước. Nóng lòng vì báo thù, chàng cầm côn đi tìm Đại Diên. Chờ lúc Đại Diên đi đường một mình, chàng đuổi theo kẻ thù toan chuyện phang cho một côn lên cái đầu trọc. Nhưng vừa định vung côn, chàng bỗng nghe văng vẳng bên tai có tiếng can của cha mình: - "Chớ! Chớ nóng nảy. Muốn bóc vỏ quýt dày cần có móng tay nhọn đấy!".

Vì thế Từ Đạo Hạnh lại thu côn vào nách, nuốt giận trở về. Chàng tính chỉ có cách tìm thầy học phép mới trừ được kẻ thù lợi hại kia. Nghĩ vậy, chàng bỏ nhà đi khắp nơi tìm thầy, thế quyết bao giờ "đắc đạo" mới chịu trở về.

Hồi ấy ở về ven biển phía Nam có hai người bạn tâm giao: một người là Nguyễn Minh Không và một người là Dương Không Lộ. Cả hai đều làm nghề chài lưới nhưng rồi rủ nhau cắt tóc đi tu. Sau bao nhiêu năm đọc kinh gõ mõ vẫn chưa được đắc đạo, một hôm Nguyễn Minh Không nói với bạn:

- Tôi nghe muốn nhìn được xa thì phải trèo lên núi cao, muốn uống nước ngọt thì phải tìm đến tận nguồn. Vậy muốn đắc đạo trừ phi tìm đến quê hương của Như Lai thì không còn cách nào khác.

Dương Không Lộ đáp:

- Tôi sẵn lòng đi với bạn, dù có gặp núi cao biển rộng khó khăn đến đâu

cũng không quản ngại.

Thấy hai chú tiểu cùng phát thệ đi đến đất Phật, một vị sư bác trong chùa cũng hăm hở đòi đi theo. Nhưng hồi ấy đường đất từ nước nhà sang đến Thiên-trúc thật là muôn vàn nguy hiểm và vô cùng gian khổ, cho nên sau khi đi được mấy ngày, vị sư bác đã thấy chùn chân, đành cáo bệnh trở về chùa cũ. Chỉ có hai bạn trẻ vững lòng nhắm hướng Tây tiến bước.

Một hôm, họ đến một vùng núi cao, hai người chui vào một ngôi miếu cổ bên đường để ẩn mưa, bỗng gặp một người trẻ tuổi đang ngồi đốt lửa sưởi ở trong đó. Họ bắt đầu làm quen và biết rằng đây là Từ Đạo Hạnh, cũng lận lội đi tìm thầy học phép để trả thù cho cha. Sau một đêm chuyện trò, ba người kết bạn với nhau. Từ Đạo Hạnh nhiều tuổi hơn được tôn là anh cả. Dương Không Lộ thứ hai và Nguyễn Minh Không là em út.

Cuộc hành trình vất vả kéo dài mấy năm trời. Họ đã trèo qua bao nhiêu là núi rừng, lội qua bao nhiêu là sông suối, chung sống với bao nhiêu là người dị chủng. Mặc cho ốm đau, đói khát, rách rưới, họ vẫn không chịu nản.

Một hôm, vừa qua xứ Mán Răng Vàng, họ bỗng gặp một ông cụ chở chiếc thuyền độc mộc ở giữa sông. Họ gọi lại hỏi đường. Ông cụ cho biết là theo con đường sông này sang quê hương Phật tổ thì không còn bao xa nữa. Ông cụ còn sẵn lòng chở họ đến nơi. Mừng quá, cả ba người xuống thuyền và thuyền đi nhanh vùn vụt chả mấy chốc đã đến đất Phật.

Ông cụ lái đò chình là đức Phật Như Lai. Nghe tin có người thành khẩn mộ đạo đến nỗi không quản gian lao nguy hiểm, nên đức Phật hiện xuống, dùng phép thần thông đưa họ đi. Nhưng khi nghe nói mục đích học đạo của Từ Đạo Hạnh thì đức Phật không bằng lòng. Cho nên khi đến nơi, ông cụ lái đò bảo Từ Đạo Hạnh ở lại trông thuyền cho hai anh em lên thăm dò

trước đã rồi có gì sẽ báo lại sau. Thế rồi đức Phật đưa Nguyễn Minh Không và Dương Không Lộ về độ cho thành chính quả, và truyền cho tất cả các thuật biến hóa huyền diệu. Sau khi đắc đạo, Dương Không Lộ và Nguyễn Minh Không cúi đầu lạy tạ đức Phật rồi lên đường về nước.

Nói chuyện Từ Đạo Hạnh ngồi chờ mãi không thấy hai em trở lại, trong bụng lấy làm lo lắng chưa biết nên tính cách gì. Xảy gặp một bà cụ già từ trên bờ đi xuống bến xin sang sông. Chàng vui lòng chống đò giúp bà cụ. Luôn tiện chàng hỏi thăm:

- Cụ có thấy một ông già và hai anh chàng đi về ngả ấy không?

Bà cụ đáp:

- Có. Họ đã gặp đức Phật và đã đắc đạo rồi!

Nghe nói thế, Từ Đạo Hạnh đoán chắc bà cụ này không phải là người phạm trần, vội sụp lạy kêu nài:

- Xin cụ rủ lòng thương cho, kẻ đệ tử này mỗi thù cha trong lòng canh cánh không lúc nào nguôi.

Bà cụ vốn là một vị Bồ tát được đức Phật sai đến đây, bèn trả lời:

- Chính vì tìm đến cõi Phật với một điều ác trong lòng nên không được độ.

Chàng mếu máo bày tỏ lời thề của mình trước linh sàng của cha cho bà cụ nghe và lạy lục van nài đến kỳ cùng. Bà cụ bảo:

- Nếu lấy oán báo oán sẽ không tránh khỏi "nghiệp báo". Nhưng vì người có lòng thành khẩn nên ta cũng truyền cho.

Đoạn dạy cho Từ Đạo Hạnh mọi thuật biến hóa màu nhiệm và để cho chàng có thể đối địch với kẻ thù, nên Bồ tát còn dạy cho phép hô thần tróc quỷ bằng cách tụng chú Đà-la-ni, v.v...

Thế là từ đó Từ Đạo Hạnh cũng biết một số phép thần thông. Cho nên, lúc Dương Không Lộ và Nguyễn Minh Không từ đất Thánh trở về thì chàng đã độn biết được trước, mới định tâm đùa một mẻ để cho hai bạn hoảng sợ chơi. Khi họ sắp sửa đến bến đò phải đi qua một khu rừng rậm, Từ đã hóa làm một con hổ lớn từ trong bụi rậm xông ra định vồ, nhưng chàng không ngờ rằng hai bạn mình đều đã học được phép Phật, nên khi nhìn thấy hổ thì đoán ngay ra đó là Từ. Họ đồng cười lên. Nguyễn Minh Không đi đầu, nói:

Thôi đừng đùa cợt chi nhau,

Muốn làm kiếp ấy rồi sau được làm.

Nghe thế Từ Đạo Hạnh giật mình tỉnh ngộ. Nhờ phép thần, chàng thấy được kết quả tội lỗi của mình ở kiếp sau. Chàng bèn niệm chú hiện lại nguyên hình rồi cười đỡ thẹn:

- Anh chỉ định tâm thử chơi, không ngờ mua cười với hai em. Phép thuật của hai em như thế đủ biết không phải tầm thường. Anh chỉ mong em ba đến lúc đó sẽ hết sức giúp anh qua khỏi "nghiệp chướng".

Thế rồi ba anh em lên đường về nước. Lần này, họ đi vùn vụt như tên, chả mấy chốc mà trước mắt họ đã thấy sông Lô núi Tản. Ba người chia tay

nhau. Nguyễn Minh Không và Dương Không Lộ về quê hương còn Từ Đạo Hạnh thì không về nhà. Chàng nghĩ bụng: - "Ta phải tìm một nơi nào yên tĩnh để tu luyện thêm cho đến chừng hơn hẳn kẻ địch, lúc bấy giờ sẽ gọi hẳn đến đương trường tỷ thí chứ không thèm đánh lén lút". Bèn tìm đến Thạch-thất, vào một hang đá ngồi xếp bằng tu luyện theo lối trường định. Theo như lời dặn, hàng ngày chàng niệm chú Đà-la-ni một vạn tám nghìn lần.

Sau ba tháng mười ngày khổ luyện, tự nhiên một hôm chàng vừa đọc câu chú, bỗng có một vị thần mặt xanh mỏ đỏ hiện ra trước mắt rồi nói: - "Từ Đạo Hạnh, anh cần sai bảo gì, tôi xin tuân lệnh". Từ biết là đạo pháp của mình đã đến ngày thông được với thần, mừng quá vội nói: - "Ta cần trả thù cha. Lập tức đưa ngay ta về kinh thành". Thốt nhiên chỉ trong nháy mắt, Từ Đạo Hạnh đã xuất hiện ở phía Bắc hoàng cung. Chàng bước lần đến ngã ba sông Cốt ném xích trượng xuống nước. Giữa dòng nước chảy xuôi, gậy cứ lừ lừ trôi ngược. Chàng đuổi theo cây gậy bấy giờ đã lướt sóng như một con rồng cho đến cầu Tây-dương thì dừng lại. Chàng vội tàng hình bước vào nhà Đại Điện. Bấy giờ Đại Điện đang ngồi nói chuyện trước một số đông quan khách. Chàng tiến đến trước mặt, hiện lại nguyên hình và bảo Đại Điện:

- Đại Điện! Mà có biết tao là ai không? Tao là Từ Đạo Hạnh con Từ Vinh. Ác giả ác báo. Mà giết chết cha tao, tao phải giết lại mà! Thôi cho mà sửa soạn đi!

Biết là gặp phải đối thủ không vừa, Đại Điện khởi thế công ngay. Nhưng phép thuật của hắn không thể nào đương nổi chiếc gậy thần của Từ Đạo Hạnh. Vì thế, cuộc chiến diễn ra không lâu. Chỉ một gậy của Từ Đạo Hạnh giáng xuống, hắn ngã vật chết ngay, chỉ kịp nói được mấy tiếng:

- Hồi Từ Đạo Hạnh, tao sẽ diệt mày!

*

* *

Nói chuyện vua nhà Lý, hồi ấy tuổi đã già mà không có con. Bao nhiêu hoàng hậu và phi tần trong hậu cung chưa từng có một người nào chữa đẻ. Nhà vua hết cầu Trời khẩn Phật đến tìm thầy chạy thuốc, nhưng chẳng ích gì. Những phép bùa thuốc men của các pháp sư, các lang y chả có thứ nào ra hồn. Người ta đều nói, vì mẹ vua ác nghiệt nên bị Trời phạt như thế, mà Trời đã phạt thì đừng hòng cưỡng lại.

Thất vọng, nhà vua dự định nuôi con nuôi. Một hôm, viên chuyển vận sứ Thanh-hoa về kinh châu vua có báo một tin rất lạ: một nhà dân chài ở miền biển có sinh được một đứa bé thần dị. Lên ba tuổi, nó đã biết nói và tự xưng là Giác Hoàng. Nó biết tất cả các việc trên trời dưới đất và tất cả mọi việc trong triều, ngoài nội. Và điều này mới đáng để ý, là hoàng thượng làm gì nó cũng biết cả. Nó còn tự xưng là con của hoàng thượng. Nghe nói thế, vua liền cho đưa đứa bé về cung. Thấy mặt mũi nó sáng sủa, hỏi đâu biết đấy, nhà vua đem lòng yêu dấu, muốn nuôi làm con để một ngày kia trăm tuổi sẽ truyền cho ngôi báu. Có mấy vị đại thần khi nghe vua dò ý tứ thì vội can ngăn:

- Tâu bệ hạ, bệ hạ làm thế sợ lòng dân không phục. Nếu nó linh dị như thế, sao không thác sinh vào cung để mang lấy dòng máu của hoàng đế, lại đi làm kiếp con nhà bần tiện.

Nhà vua mang lời tâu ấy kể cho đứa bé nghe. Giác Hoàng xin vua đừng cho

một cái đàn tràng, mời thầy làm lễ trong bảy đêm ngày, nó sẽ có cách đầu thai được. Vua mừng lắm, vội sai các quan làm y như lời nó dặn.

Tin ấy truyền đi khắp nơi và đến tai Từ Đạo Hạnh. Biết ngay đó là kẻ thù của mình, chàng bèn tìm đến nhà chị ruột đưa cho chị bốn lá bùa, nhờ về kinh tìm tới đàn tràng giắt lên mái; mỗi lá giắt về một phương. Quả nhiên sau đó ba ngày, Giác Hoàng bỗng bị bệnh nguy kịch. Gặp vua, hẩn tâu:

- Tâu bệ hạ, bây giờ thì khắp mọi nơi đâu đâu cũng có lưới sắt vây kín, không thể nào thác sinh được. Hạ thần chỉ còn chờ chết. Mong bệ hạ trị tội Từ Đạo Hạnh, vì chính hẩn đã âm mưu giết hạ thần và phá hoại cơ nghiệp lâu dài của bệ hạ.

Nói xong thì chết.

Thấy Giác Hoàng chết, vua nổi cơn thịnh nộ, lập tức sai người đi tra xét, quả bắt được mấy lá bùa có pháp ấn Từ Đạo Hạnh. Vua vội sai mấy đội vệ sĩ đi bắt Từ về kinh trăm quyết. Bị quân lính giải đi, Từ Đạo Hạnh không dám trái mệnh. Qua phủ đệ Sùng Hiền hầu ở phía Tây kinh thành, chàng cố nài bọn họ cho mình vào yết kiến. Sùng Hiền hầu nguyên là em ruột vua. Và cũng như vua, hầu không có con trai. Từ Đạo Hạnh chợt nghĩ ra được một kế cho nên khi gặp hầu, chàng cố nài nhờ hầu giúp để vua tha tội cho mình. Đổi lại, chàng sẽ tìm cách đầu thai làm con hầu và chắc chắn thế nào cũng phải được. Sùng Hiền hầu nghe bùi tai, liền đi vào hoàng cung bênh vực cho Từ:

- Tâu bệ hạ, không nên nghe lời một đứa bé để giết hại một nhà tu hành. Nếu Từ Đạo Hạnh mà diệt được Giác Hoàng thì phép thuật của Giác Hoàng sao ví được với Từ Đạo Hạnh. Bệ hạ nên lưu ý lại để dùng khi quốc gia hữu sự...

Nhân đấy, Từ Đạo Hạnh cũng râu thêm:

- Tâu bệ hạ, nó là tà ma ngoại đạo hiện ra để hãm hại mọi người. Bần tăng không thể ngồi yên mà nhìn để cho tà ma làm loạn cả chính pháp, nên vượt phép bệ hạ trừ bỏ nó đi. Nay việc đã xong, bần tăng xin cúi đầu chịu tội.

Nghe mấy lời nói có lý, nhà vua dần dần nguôi giận, tha bổng cho Từ.

Hôm đó về đến nhà Sùng Hiền hầu, Từ Đạo Hạnh xin phép vào gặp vợ hân. Người nhà cho biết là phu nhân đang bận tắm. Từ bảo:

- Thế thì lại càng hay. Xin cho đưa vào ngay!

Bấy giờ người vợ Sùng Hiền hầu đang gội nước trong buồng tắm, bỗng thấy có một vị hòa thượng xô cửa bước vào. Trong lúc hoảng hốt chưa kịp kêu la thì hòa thượng đã biến đi đâu mất, mà lại thoáng thấy ở trong bồn nước có bóng một đứa trẻ. Người đàn bà ấy chưa hiểu ra thế nào cả thì đứa trẻ cũng đến lượt biến đi. Từ Đạo Hạnh đã bước ra khỏi nhà tắm. Gặp lại Sùng Hiền hầu, Từ dặn: - "Bao giờ phu nhân sắp sửa ở cũ, xin cho người hỏa tốc báo tin cho biết ngay".

Dặn đoạn, trở về Thạch-thất.

Từ hôm ấy, Sùng Hiền hầu trông trông mừng mừng khi thấy vợ có chửa, bụng ngày một lớn. Một đêm nọ thấy vợ chuyển bụng, theo đúng lời dặn, ông vội sai gia nhân phi ngựa lên Thạch-thất báo tin. Hôm đó, Từ Đạo Hạnh đang ngồi trước hang đá thuyết pháp, học trò có đến hàng ngàn người

vây quanh cửa hàng. Bỗng có tin người nhà Sùng Hiền hầu xin ra mắt hòa thượng, Từ Đạo Hạnh bảo các môn đồ:

- Thời đã đến rồi vậy! Ta sắp sửa đi đây!

Nói xong đọc mấy câu kệ dặn dò, rồi xếp bằng lại mà hóa.

*

* *

Giữa lúc Từ Đạo Hạnh chết thì ở Thăng-long người vợ Sùng Hiền hầu sinh hạ một đứa con trai đặt tên là Dương Hoán. Năm mười lăm tuổi, Dương Hoán được vua nuôi là con và sau đó lấy làm đẹp lòng vì tính nết chàng có thể giữ được ngôi báu dòng họ Lý, nhà vua phong cho làm Hoàng thái tử. Năm hai mươi tuổi, Dương Hoán lên ngai vàng kế vị cha nuôi, trị vì thiên hạ tức là Lý Thần Tông.

Nhưng sau khi lên ngôi báu được ba năm thì Lý Thần Tông bỗng bị một bệnh lạ lùng. Thoạt tiên, nhà vua thấy ngứa ngáy khắp cả mình mẩy. Càng gãi bao nhiêu thì lông càng mọc bấy nhiêu. Mãi về sau toàn thân mọc thứ lông màu vàng có vằn đen như da hổ, miệng thỉnh thoảng lại gầm lên những tiếng dữ dội. Nhà vua suốt ngày ngồi lù lù trong một góc buồng, áo quần mặc vào bao nhiêu xé rách bấy nhiêu. Trước tin này, mọi thần dân đều ngờ ngác. Tất cả các viên ngự y đều lắc đầu bó tay, không biết bệnh gì mà chữa. Bọn nội thị kháo nhau: - "Có lẽ hoàng đế hóa làm chúa sơn lâm thì phải".

Triều đình và nội cung vì có việc vua đau cuống quýt cả lên. Ngoài những vị lương y còn có những pháp sư phù thủy được triệu đến làm phù phép,

nhưng luôn trong năm tháng, bệnh của vua chỉ ngày một tăng chứ không có giảm. Hoàng thái hậu lo sợ quá, sai yết bảng rao: nếu ai chữa được vua lành sẽ chia cho nửa nước.

Thì bỗng nhiên, một hôm có vị đại thần đi ra ngoài cửa ô, nghe đám trẻ chăn trâu hát lên mấy câu:

Tập tầm vông!

Có ông Nguyễn Minh Không,

Chữa cho vua khỏi hóa.

Tập tầm vớ!

Muốn chữa vua khỏi hóa,

Phải đón Nguyễn Minh Không.

Viên đại thần vừa ngạc nhiên vừa mừng, vội về triều báo tin cho hoàng gia biết. Lập tức triều đình phái một viên võ tướng mang năm trăm quân sĩ xuống mười chiếc thuyền lớn, xuôi sông đi về biển triệu Nguyễn Minh Không.

Lại nói chuyện từ khi chia tay hai bạn, Nguyễn Minh Không vào Ninh-bình trụ trì ở một ngôi chùa nhỏ, lấy hiệu là Giác Hải. trong những cuộc đi chơi, chàng đã dùng đúng pháp thuật của mình giúp đỡ mọi người. Một lần đi qua xã An-vệ thấy người dân ở đây đang khổ vì đại hạn: lúa héo khắp cả cánh đồng, chàng bảo người làng đan gấp cho mình một cái giỏ bằng tre

thật lớn, ngoài phết giấy. Đoạn, đưa ra sông cả mức nước, một mình đội về giội xuống ruộng, nước chảy lênh láng khắp cả cánh đồng; chỗ nước giội xuống nay hóa thành cừ. Nhờ thế mà lúa lại mọc khỏe, dân làng lại được mùa[2].

Khi quân sĩ tìm được đến chùa thì Nguyễn Minh Không đang tụng kinh buổi trưa. Viên võ tướng mang quốc thư lên trình. Chàng đọc xong, quay lại nói với bọn họ:

- Bây giờ đã quá trưa, các vị đi đường chắc là đói bụng. Nhà chùa thanh đạm chẳng có gì nhưng cũng mời tất cả các vị dùng cơm chay một bữa rồi hăng nhở sào cũng chưa muộn.

Mời đoạn, chàng giục một chú tiểu bắc nồi thối cơm và làm thức ăn. Nhìn thấy chú tiểu bắc một chiếc nồi tý tẹo lên bếp, lại thấy hòa thượng giết thịt một con chim sẻ thì viên tướng không nhin được cười:

- Bạch hòa thượng, chúng tôi đi đây có đến năm trăm quân sĩ. Nay hòa thượng cho ăn như thế chỉ sợ một người vẫn chưa thể nào thòm thềm, huống hồ là năm trăm người. Hiện nay lương thực còn ở dưới thuyền, xin để chúng tôi tự lo lấy cái ăn, khỏi phải làm phiền đến cửa Phật.

Nguyễn Minh Không đáp:

- Các vị chớ ngại, nhà chùa tuy nghèo nhưng không để các vị phải đói đâu.

Nói xong, quay ra đun nấu một tý rồi bảo quân sĩ sắp hàng theo từng đội ngũ, lần lượt vào nhận phần cơm. Quân sĩ lần lượt từng người đến trước hai cái nồi đất tý hon xối cơm và gắp thịt chim sẻ vào bát. Không ai không ngạc nhiên vì từ hai cái nồi màu nhiệm ấy bới hết bao nhiêu lại đầy ùn lên

bấy nhiêu. Nguyễn Minh Không luôn luôn giục họ bối cho thật đầy để an cho rõ no. Và rồi chỉ trong một lúc, năm trăm quân sĩ dự xong bữa tiệc của nhà chùa thết.

Ăn xong, chàng bảo họ ai về thuyền nấy nghỉ ngơi trước khi nhổ sào tiến kinh. Cả tướng lẫn quân quay ra làm một giấc ngon lành. Nhưng khi tỉnh dậy họ đều hết sức sửng sốt vì thấy mình đã đến bến Ngự từ lúc nào rồi. Nguyễn Minh Không theo viên tướng vào hoàng cung. Bấy giờ các pháp sư ngồi đầy cả điện Thái-hòa. Họ đang tùm năm tùm ba vẽ bùa thử phép rì rầm khắp nơi. Thấy một nhà sư có vẻ quê mùa bước vào, họ liền bĩu môi:

Chuông khánh còn chả ăn ai,

Nữa là mảnh chĩnh vứt ngoài bụi tre.

Chàng không nói gì cả, cúi đầu chào mọi người rồi rút trong áo lấy ra một chiếc đinh dài đóng sâu vào cột chường một tấc, đoạn ngoảnh lại nói to lên, bảo rằng:

- Ai tay không nhổ được cái đinh này thì người ấy sẽ chữa lành bệnh cho thiên tử.

Nghe nói thế, các pháp sư đều chạy lại thử rút cây đinh nhưng chả một ai lắc nổi. Cuối cùng, Nguyễn Minh Không bước lại dùng hai ngón tay khê rút ra như bõn trước con mắt kính phục của mọi người. Thế rồi chàng đi thẳng vào nội điện, đến trước long sàng. Lý Thần Tông bấy giờ đang nằm ngửa, xung quanh có đến hàng chục nội thị đang giữ lấy tay chân. Thỉnh thoảng, bệnh nhân lại găm lên và cố sức giãy giụa. Nguyễn Minh Không nhìn trừng trừng vào mắt bệnh nhân và nói lớn:

- Còn nhớ cổ nhân nữa không? Được làm con Trời giàu có bốn biển mà cũng không thoát khỏi nghiệp báo ư?

Nghe nói, nhà vua bắt đầu có vẻ sợ, nằm im thín thít. Chàng sai đặt trước điện một cái vạc lớn đổ thuốc và dầu vào, bắt đầu nấu sôi lên sùng sục. Đoạn chàng xắn tay áo, thò tay vào vạc khuấy đều lên. Chàng ra lệnh vục vua lại gần rồi tự tay cầm gáo múc dầu trong vạc ra tắm cho vua. Dầu chảy đến đâu lông lá trôi đến đấy, da thịt nhà vua lại trắng trẻo như xưa.

Sau khi nhà vua lành bệnh, triều đình không ngớt lời khen ngợi phép thần diệu của Nguyễn Minh Không. Họ y ước cắt đất phong thưởng nhưng chàng không nhận, nói:

- Bần tăng vì một lời hứa với người bạn cũ chứ không phải vì phú quý[3].

Đoạn bỏ về chùa cũ.

KHẢO DỊ

Truyện này đã được nhà chùa uốn nắn lại với dụng ý đề cao Phật giáo, lại cắt xén đi nhiều chỗ, như những đoạn về Từ Vinh, về Từ Đạo Hạnh làm phép đầu thai, v.v... Mặt khác, câu chuyện còn bị nhập cục với truyện sư Khổng Lồ. Ở đây, chúng tôi dựa vào lời kể của nhân dân, khôi phục lại các đoạn bị cắt, tách riêng truyện *Khổng Lồ đúc chuông* (số 67) ra, vì nhận thấy

nó có một kết cấu độc lập. Nhưng chúng tôi vẫn không làm sai nguyên ý của truyện thường kể.

Người Cham-pa có truyện *Pô Ta-bai*, đoạn đầu phần nào giống với đoạn đầu của truyện *Từ Đạo Hạnh*.

Vua Ta-bai đi săn. Vua nhặt được một cái ngà thần trong một cái ao. Chỉ trừ vua ra, không một sức mạnh nào có thể mang lên nổi. Trong ngà có một người đàn bà đẹp (nai ba-lá) bí mật trú ngụ. Thường ngày, vua đi săn vắng, người đàn bà hiện ra dọn các thức ăn, rồi lại chui vào ngà, như vậy đã gần một năm. Người đàn bà ở với vua như vợ chồng.

Rắc Bin-xvơ nghe tin này, một hôm chờ vua đi săn vắng, biến thành một con mối nấp ở cánh cửa. Khi người đàn bà ở trong ngà hiện ra, hấn mê hồn về sắc đẹp, cũng làm phép biến thành một người giống với vua, trừ hai cái răng nanh thò ra ngoài mồm là không giấu được. Người đàn bà hỏi tại sao đang đi săn lại về. Hấn lấy lời vua trả lời rằng vì đi dọc đường tự nhiên mọc ra hai cái răng nanh.

Khi vua về, người đàn bà hỏi: - "Bệ hạ mới về lúc trưa, sao bây giờ lại lộn lại?". Vua hỏi hình dạng người về cung trước mình. Đáp: - "Giống bệ hạ hết cả, chỉ trừ hai cái răng nanh thò ra ngoài". Vua biết là Rắc Bin-xvơ nên hôm sau, lúc đi săn, sai dán bùa vào cánh cửa. Khi Rắc Bin-xvơ đến thấy cửa đóng kín, nhưng hấn cũng hóa phép thành một con vật nhỏ bò vào. Người đàn bà hỏi thì hấn nói những câu nói quen thuộc của vua nên nàng tin là thật, ăn ở với hấn như vợ chồng.

Vua nửa đường lộn về, nhưng thấy cửa đóng kín và bùa còn dán kín nên lại tiếp tục đi sẵn. Khi Rắc ra đi, người đàn bà lưu lại, xin vẽ một bức chân dung để khi xa nhìn cho đỡ nhớ. Vẽ xong, nàng bỏ chân dung dưới nệm giường. Sau đó ít lâu vua đến với người đàn bà. Nằm trần trọc mãi không ngủ được, vua thăm dò các nơi, cuối cùng tìm ra được bức chân dung. Hỏi thì người đàn bà nói thật. Vua ghen, giận đuổi ra khỏi cửa...

Đoạn sau truyện còn dài nhưng tình tiết phát triển khác truyện của ta nên không kể ở đây.

Truyện *Ra-ma-ya-na* của người Khơ-me (Khmer):

Để giấu các người vợ của mình khỏi con mắt của thần Ra-va-na, thần Đế Thích (In-đơ-ra) bèn bỏ họ vào một cái hang, hàng tuần ông đến với họ một lần. Rồi thần đóng kín cửa hang bằng một câu thần chú.

Thần Ra-va-na tìm đến cửa hang cày cục không mở được cửa, bèn hóa thân làm một con mối nấp ở trên cửa hang để nghe trộm câu thần chú của thần Đế Thích.

Khi nghe được rồi, hôm sau thần bèn hóa làm thần Đế Thích đọc câu thần chú mở cửa hang vào ân ái với vợ cả của Đế Thích là Xu-xi-tra...[4]

Theo *Truyện cổ Ca-tu* thì dân tộc Ca-tu có truyện con khỉ: Có một ông vua độc ác nuôi một con khỉ nhưng không biết nó có phép lạ. Thường những lúc vua đi vắng, nó hóa thành người y hệt như vua, vào với vợ vua. Khi vua

về lại biến trở lại thành khí. Về sau truyện tiến triển có khác: khí bày mưu cho dân làng đánh lại vua. Một hôm vua đi vắng, khí biến thành vua. Khi vua thật về, một mặt dân chúng kéo đến vây, một mặt khí xúi vợ vua đem quân bắt vua thật, bảo đó là kẻ thù. Sau đó, khí còn dùng mưu bắt cả rể của vua, đem giết cả hai, rồi tôn một người gia lên làm vua.

Thần thoại Hy-lạp (Grèce) có truyện kể rằng thần Dớt (Zeux) thấy nàng An-xmen (Alcmène) đẹp, nhân chồng nàng là Ăm-phi-tri-ông (Amphitryon) còn bận cầm quân đánh giặc, thần bèn hóa làm chồng nàng để vào với nàng. Đi theo thần còn có thần Méc-quya (Meccure) cũng biến thành Xô-si (Sosie), thủ hạ của Ăm-phi-tri-ông để cho nàng khỏi nghi. Cuộc tình duyên này đã làm nàng sinh ra thần Héc-quyn (Hercule).

Về chỗ nời cơm thần diệu ăn mãi không hết, chúng ta còn có truyện *Sự tích Bồ tát Chân Nhân*. Bồ tát ở làng Bối-kê, huyện Thanh-oai (Hà-đông), cũng có những phép gần như phép Nguyễn Minh Không đãi khách. Bồ tát Chân Nhân thuê một trăm người thợ dựng ngôi chùa lớn ở núi Tiên-lữ. Mỗi bữa chỉ thối một niêu cơm. Lúc đầu đám thợ trông thấy đều bật cười. Bồ tát bảo: - "Khi cơm chín cứ bới ra rá để tôi còn về quê lấy tương cà làm thức ăn". Thợ lại càng cười cho là nhà sư chỉ nói bỡn, vì quê của Bồ tát cách đây gần một ngày đường. Nhưng chỉ trong nháy mắt, Bồ tát Chân Nhân từ chùa núi Tiên-lữ sang chợ Bảo-đà làng Đan-vị lấy hai lọ tương, một lọ muối, rồi từ chợ lại trở về chùa. Lúc về cơm vừa chín tới. Bồ tát gọi thợ lại ăn, nhưng họ ăn không hết một niêu cơm con, vì hễ bới lưng lại đầy[5].

Người Ba-na (Bahnar) cũng có truyện *Y rít* nói tới người con gái nuôi của Y rít có phép thối cơm cho bọn lính nhà vua ăn bằng chiếc nôi bé tí, nhưng họ ăn đến tức cả bụng mà nôi cơm vẫn đầy.

Người Ê-đê cũng có truyện một em bé tên là Nôi (Gơ-la) vì da đen như nhọ nôi. Em vốn do một bà lão ăn một quả xoài trong rừng nên mang thai và đẻ ra. Lọt lòng, em đã nói được, gọi bà lão là "bà nội". Em có nhiều phép lạ, lúc đói đòi cơm, cơm tự động chạy vào miệng. Lúc làm tiệc đãi làng, em chỉ đưa ra một bát cá mà khách ăn mãi không hết.

Trung-quốc có truyện Tả Từ, là người Lư-giang thời Đông Hán, có phép thuật. Một lần gặp Lưu Biểu ở Kinh-châu đang điều binh. Tả Từ nói: - "Tôi có lễ mọn khao ba quân". Hỏi: - "Khao những gì" - "Một bữa no say". Lưu Biểu nhận lời. Đến khi gặp thì thấy Tả Từ cầm một đấu rượu và một cái nem. Lưu Biểu bĩu môi, nhưng Tả Từ trao cho lính, họ chia nhau ăn uống no say mà vẫn không hết[6].

Trong *Kinh Thánh* cũng có truyện chúa Giê-su mấy lần chỉ có trong tay dăm cái bánh và hai con cá mà phân phát cho trên trăm ngàn dân chúng, ai nấy đều ăn no; bánh thừa còn lại hàng giỏ đầy.

Cổ tích và Phật thoại Ấn-độ cũng có truyện Du-đích-thi-ra nhận được của Mặt trời một nôi đồng lấy ra rau, thịt, cá vô tận; và Má-nu-da vâng lệnh Phật sai đi quyên giáo không được gì, bỗng chốc thấy xuất hiện năm trăm bát đầy thức ăn; lại nhờ phép Phật mà hiện ra trước một nghìn vị tỳ-khưu, mỗi người một bát đầy thức ăn, v.v...[7]

Về chỗ Từ Đạo Hạnh học phép và kiếp sau của ông hóa hổ, sách *Lĩnh ngoại u linh lục* chép: lúc bấy giờ có Phật bà giáng xuống chùa Tây-phương ở Sơn-tây dạy đạo. Từ cùng hai ông bạn rủ nhau lên đó học phép của Phật bà. Hai ông kia sáng dạ nên buổi nào cũng được về trước, còn Từ tối dạ cứ phải ở lại sau. Một hôm, thấy Từ ngồi khóc, Phật bà hỏi duyên cớ, ông nói vì ở lại sau nên sinh xấu hổ. Phật bà thương hại, cho một cái gậy để

có thể theo kịp hai ông bạn. Nhờ đó ông vượt trước họ một đoạn đường. Đến cửa chùa làng La-cà, ông ẩn vào một bụi rậm. Đợi hai bạn đến, Từ giả làm hồ gằm lên một tiếng để lờ chơi. Không ngờ, một trong hai ông biết Từ bôn cọt, bèn đọc câu "phát nguyện" rằng:

Phật cho như ý sở cầu

Muốn làm loài ấy, kiếp sau được làm.

Kiếp thứ hai, Từ được giáng sinh cửa đế vương, tức là vua Lý Thần Tông, đang làm vua tự nhiên hóa hổ.

Đến kiếp thứ ba, Từ lại được giáng sinh vào cửa đế vương, tức là vua Lê Thần Tông, cũng đang làm vua tự nhiên hóa hổ. Triều đình nhờ đức thượng sư nội đạo tràng ở Thanh-hóa về chữa. Lúc ấy dân có dịch tễ, thượng sư bèn sai môn đồ mình đi thay với phép "trịch hùng trì chú". Sau khi thiết lập đàn tràng, môn đồ ra phép "hai tay đâm vào ngực, hai chân giẫm xuống đất, đọc chú ba lần". Tự nhiên vua thấy nhẹ nhõm, lông lá rụng hết; diện mạo lại đẹp đẽ như xưa[8].

[1] Dựa vào câu: *Tăng hận bất cách túc,
Sinh tử nhất mộng trường.*

Ý muốn nói: Thôi! Ghét ai giận ai qua một đêm thời thôi mới là quân tử; sống chết cũng chỉ là một giấc chiêm bao (Đoạn này theo *Thiền uyển tập anh*).

[2] Đoạn này theo tạp chí *Nam phong* (1929).

[3] Theo *Lĩnh-nam chính quái*, đã dẫn; *Nước non tuần báo*; và theo lời kể của người miền Bắc.

[4] Đều theo BEFEO (1931)

[5] Theo Vũ Phương Đề, *Công dư tiếp ký*.

[6] Theo *Thần tiên truyện*.

[7] Van Ghen-nép (Van Gennepe). *Tôn giáo, phong tục và truyền thuyết*.

[8] Theo *Lăng Tuyết*, *Sùng-sơn đại chiến sử*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
121. CHÀNG ĐỐN CỦI
VÀ CON TINH

Ngày xưa có một anh chàng nghèo khó, sống một thân một mình. Tuy làm việc tất lực nhưng đói rách vẫn hoàn đói rách. Những bông lúa đẹp do bàn tay chàng vun bón thì cứ thi nhau chạy về nhà lão trọc phú. Cuối cùng, chàng đành bán tất cả những thứ còn lại trong nhà để mua một lưỡi búa, với ý định từ nay làm nghề đốn củi nuôi thân, may chi thay đổi được số phận.

Nhưng kiếm được một gánh củi không phải là dễ. Một hôm, theo lệ thường chàng tiến vào rừng sâu tìm củi. Sắp giờ búa giáng vào một cây đại thụ bỗng có một con tinh từ trong thân cây hiện ra trước mặt van lạy, van nài. Chàng dừng tay hỏi:

- Mày muốn gì?

Đáp:

- Xin ngài làm ơn đi chặt chỗ khác, tha cho chúng tôi ở đây được yên ổn.

Thấy thế, chàng càng làm già:

- Không được. Tao hết hơi, hết sức mới tìm được cây gỗ này chặt về lấy tiền nuôi thân mà mày lại bảo tao đi đâu. Hãy rút ngay cho tao làm việc.

Con tinh thấy anh chàng lại giơ búa, hốt hoảng:

- Cây này với chúng tôi như bóng với hình, không thể nào rời được. Ngài hãy thương cho, chúng tôi sẽ xin kính biếu ngài một vật.

- Vật gì? Đưa ra đây. Mau! Nếu không thì đừng có trách.

Con tinh bảo chờ một lát, đoạn mang đến một cái mâm đồng và nói:

- Ngài chỉ cần gõ vào mâm ba tiếng là có ăn ngay, muốn thức ngon vật lạ bao nhiêu cũng có.

Nghe nói, anh chàng vô cùng mừng rỡ, vội nhận lấy mâm ra về, không quên hứa để cho con tinh được yên ổn.

Khi đi qua chợ, chàng ghé ngay vào quán cơm, nơi mà thường ngày mình vẫn đặt gánh củi nặng trước cửa vào một cái bánh, vài đĩa xôi ăn đỡ đói và đỡ mệt. Lần này, chàng có ý khoe với nhà hàng là từ nay mình sẽ không cần ăn chịu và cũng không cần ăn khổ như trước nữa. Nghĩ vậy, bèn đặt mâm của mình trước mặt vợ chồng chủ quán và mọi người, gõ lên ba tiếng. Tự nhiên trong long mâm tuôn ra những bát cơm, bát canh, những đĩa cá, thịt, giò, chả đầy tú ụ, những chén rượu cúc tràn trề, v.v..., toàn là những thức ăn chưa bao giờ được nếm. Trước con mắt ngạc nhiên của đám đông khách ăn trong quán, chàng đốn củi đặc chí mời họ cùng ngồi dự tiệc.

Ăn xong, say rượu, chàng nằm lăn ra giường làm một giấc ly bì. Lão chủ quán thấy thế thì động lòng tham lam. Thừa dịp mọi người tản đi, hắn vào buồng chọn một cái mâm giống với chiếc mâm màu nhiệm kia, rồi đánh tráo vào. Chàng đốn củi thức dậy không biết là mâm đã bị đánh tráo, hý hửng mang về. Sắp về tới làng, anh nghĩ bụng nên cho mọi người biết số phận của mình từ nay đã khác trước và nhân thể đãi làng xóm chén một bữa ra trò. Cho nên chàng rẽ ngay vào đình đánh trống gọi làng ầm ĩ. Tất cả mọi người từ ông tiên thứ chỉ cho đến anh mô, ai nấy đều tưởng là có việc, lục tục đổ ra đình đông như hội. Anh chàng trình trọng lên tiếng:

- Không mấy khi cháu có bữa rượu, vậy mời quý cụ và đồng dân thượng hạ ngồi vào dự cuộc.

Nói rồi đặt mâm xuống chiếu, gõ lên thành mâm mấy cái. Nhưng anh ngạc nhiên thấy lần này mâm không còn màu nhiệm như trước nữa. Chàng gõ mãi, gõ mãi, mâm vẫn trơ trơ bất động. Cho là đánh lừa mọi người, ông xã trưởng liền sai tuần đinh xông lại nện cho chàng một trận nên thân.

Trở về nhà, chàng đốn củi bực mình vô hạn. Chắc chỉ có con tinh nó lừa mình nên chuyện mới xảy ra như thế. Cho nên qua ngày mai, anh lại vác búa lên rừng tìm đến cái cây cũ ra sức giáng búa vào. Con tinh hốt hoảng chạy ra van lạy chí chết và xin tặng một con ngựa ỉa ra vàng để được tha tính mạng.

- Đưa ngay ra đây cho ta. Đồ lừa đảo!

Chàng quất lên như thế và chỉ lát sau một con ngựa đã hiện ra. Chàng cười lên phi một đoạn để cho ngựa ỉa, quả nhiên có rất nhiều vàng vụn văng ra sáng giấp giời. Chàng mừng quá, giắt búa vào lưng và cười ngựa ra về.

Đến chợ, chàng lại xuống ngựa, vào khoe với vợ chồng lão chủ quán:

- Lần này tôi có con ngựa vô cùng quý báu. Trong bụng nó là cả một kho vàng đấy ông bà ạ! Rồi nó sẽ làm cho mà xem!

Lão chủ quán thấy quả đúng như thế thì hoa cả mắt. Hắn sung sướng được chàng biếu trọn số vàng rơi ra. Nhưng hắn còn muốn được cả con ngựa. Hắn vội dọn cho anh một mâm đầy rượu thịt. Rồi chờ lúc anh chàng ngủ say, hắn lại đi tìm một con ngựa khác cũng có màu lông hung hung y hệt để thay vào, rồi dắt con kia đi biệt.

Khi tỉnh dậy, chàng đốn củi vẫn không ngờ vực gì cả. Chàng lại nhảy lên ngựa cười về đến đầu làng. Bụng bảo vệ: - "Lần trước vì con tinh khiến cho ta mang tiếng là đánh lừa mọi người. Lần này ta phải biếu bà con một ít vàng để bà con thấy ta thực bụng". Thế rồi, chàng lại vào đình đánh trống ầm ĩ. Làng lại đổ ra đình. Chàng nói:

- Tôi lần này có con ngựa rất có phép ỉa ra vàng. Vậy mời làng ra đây để

nhận cho tôi một ít của báu.

Đoạn chàng phi cho ngựa ỉa, nhưng con ngựa ấy thì làm gì mà có vàng. Nhìn thấy đồng phân ngựa vãi ra không hơn gì những đồng phân ngựa khác, các cụ cho là thằng cha đã xỏ xiên cả làng nên không nên được cơn tức giận. Cuối cùng, chàng bị làng tịch thu con ngựa và còn bị tuần nọc xuống đánh ba mươi roi.

Qua ngày hôm sau hăn lại dậy sớm vác búa lên rừng quyết trị cho con tinh một mẻ. Lần này chàng bổ những nhát búa rất dữ dội. Thấy con tinh hiện ra quỳ lạy khóc lóc, chàng quát to:

- Sao mày dám lừa ông làm ông mang oán với mọi người. Mâm và ngựa của mày chỉ là những của vứt đi, không đáng một đồng kẽm.

Con tinh hết sức phân trần, vạch tội lỗi chủ quán, rồi nói tiếp:

- Để tôi xin biểu ngài cái ống này, lúc về có thể lấy lại những của đã mất.

Hăn đưa ống ra và dặn:

- Cái ống này có phép làm cho bất kỳ bao nhiêu người cũng phải chống ngược lên trời nếu cầm ống chỉ lên không ba lần. Cho đến khi nào gõ xuống đất ba lần thì mọi sự trở lại như cũ.

Nghe bùi tai, chàng đốn củi lại dừng tay búa, cầm ống phép bắt con tinh phải chống đít lên trời xem thử, thấy quả nghiệm rồi mới ra về.

Đến chợ, chàng lại ghé vào quán cơm tươi cười hỏi mọi người:

- Các ông các bà có muốn chống chắng?

Vợ chồng lão chủ quán tưởng có món gì bỏ nên vội đáp:

- Cơm ăn no, trâu đầy đây, không chống để làm gì?

Lập tức cái ống màu nhiệm đã bắt cả nhà lão chủ quán chống hai tay xuống đất, chân giơ lên trời không cụ cựa.

Chắc là lần này chàng đồn cũi đã rõ mưu mô gian dối của mình nên cố tâm phạt mình với phép thuật thần dị, lão chủ quán van khóc hết lời. Hứa trả lại mâm và ngựa để xin tha mạng. Anh chàng chỉ cần có mấy món bảo vật cũ, nên vui lòng làm phép tha cho cả nhà lão đứng dậy.

Khi châu đã về hợp phố, chàng phi ngựa nước đại trở về làng. Chàng không quên tiến vào đình thúc một hồi trống lớn mời làng như mấy lần trước. Thế rồi trước mặt quan viên và đồng dân thượng hạ, chàng đặt mâm xuống chiếu mời mọi người chia hàng ngồi vào.

Tiếng gõ mâm lúc này rất có hiệu quả. Cơm rượu và mọi thức ngon vật lạ tuôn ra đầy mâm đầy chiếu. Cả làng không đợi mời nhiều, ai nấy cầm đầu ăn uống mặc sức.

Ăn uống xong đâu đấy, chàng chỉ vào con ngựa và nói:

- Nếu quý cụ và mọi người vui lòng nhận một ít vàng tôi sẽ bảo con ngựa này làm ngay.

Không một người nào từ chối lòng tốt của chàng. Họ đứng ra hai hàng, mỗi người cầm một cái rá chực hứng phân ngựa. Quả nhiên, ngựa chạy đến đâu, người ta đổ xô nhau nhặt đến đấy vì họ thấy lấp lánh trên mặt đất bao nhiêu là vàng vung vãi.

Xong cuộc nhặt vàng, anh chàng giơ ống lên và hỏi:

- Bây giờ còn ống phép này, bà con ta ai muốn chống xin mời đứng về phía này.

Bấy giờ người đã no say lại được vàng giắt lưng, ai nấy chắc mẫm lại có món quà gì nữa, nên chẳng một ai từ chối. Ống vừa giơ lên, tất cả mọi người đều chống dít lên trời, dù cố gắng thế nào cũng không buông xuống được.

Hôm ấy, không ngờ lại có lão trọc phú và con gái lão cũng có mặt ở đấy. Con gái lão là người đã làm cho chàng đồn cùi chết mê chết mệt. Mọi ngày, tuy thấy anh nghèo khổ mà nàng vẫn tỏ lòng quyến luyến, những lúc chàng đến làm công cho lão trọc phú, hai bên từng có cơ hội gặp gỡ, chuyện trò. Nhưng đối với lão thì đừng có hòng tính chuyện lấy nhau. Bây giờ đây, thấy lão van như vạ, chàng tới thỉnh cầu lão gả con gái cho mình. Lão gật. Thế là chiếc ống lại gõ xuống đất buông tha tất cả mọi người.

Rồi đó, anh chàng đồn cùi lấy được vợ như ý muốn. Với ba món bảo bối, chàng đi khắp thiên hạ giúp đỡ những người nghèo khổ và trị tội những bọn tham lam độc ác[1].

KHẢO DỊ

Một dị bản sưu tầm ở Nghệ-an còn có thêm một đoạn mở đầu:

Một chàng đốn củi một hôm ngồi nghỉ ở một gốc cổ thụ, thấy một con chó đen chạy ra. Biết là con tinh, liền gọi chó lại. Khi hai bên đã quen nhau rồi, con tinh mới bảo: - "Anh ở đây với tôi, tôi sẽ cho tiền tiêu". - "Tiền lấy ở đâu?", chàng đốn củi hỏi. - "Đây là nhà tôi, tôi ở đây được vài trăm năm rồi". - "Sao không làm người lại làm chó?" - "Hóa làm chó để cho dễ ăn". Giơ búa lên, chàng hỏi: - "Mày có sợ cái này không?" - "Chỉ sợ cán búa lấy ở cây vạn tuế mà thôi". - "Tại sao lại sợ cây ấy?". - "Vì đó là cây thiêng, tôi chỉ sống có vài năm, nó sống muôn năm, nên tôi mới sợ."

Anh chàng bèn về kiếm gốc cây vạn tuế đẽo thành một cái cán búa. Một hôm lên rừng chặt cây, một con tinh chạy ra van lạy, xin đưa một tặng vật. Kết cục cũng gần như truyện vừa kể[2].

Một truyện khác do người Phú-thọ kể cũng có kết cấu như truyện trên nhưng về hình tượng thì có biến dạng chút ít:

Một người nghèo khổ lại đông con, kiếm ăn rất chật vật. Một hôm đói quá, một mình lên rừng đào khoai mài, bỗng gặp một tiên ông. Nghe hẳn giải bày nỗi khổ, tiên ông cho một cái hũ có phép màu nhiệm là muốn bao nhiêu tiền, chỉ cần nói lên ít tiếng là có ngay. Anh ta đem về nhà và nhờ có món bảo vật, cha con sống rất đầy đủ.

Nhưng hăn lại tiết lộ bí mật cho một người láng giềng biết. Người láng giềng đi báo quan. Lập tức quan đến nhà hăn chiếm lấy cái hũ.

Anh ta đau xót mà không biết kêu ai, bèn lại lên rừng than thở với tiên ông. Lần này ông trao cho hăn một hòn đá với hai câu phù chú: một câu làm cho đá văng túi bụi vào mặt người khác; một câu làm cho đá thôi văng, trở về tay mình.

Thấy hăn về với vật lạ cầm tay, quan tưởng lại có món bở, nên bắt hăn dâng nộp. Nhưng hòn đá đã văng vào mặt quan không biết bao nhiêu lần, đến mỗi người trốn đi đâu đá văng theo đó. Cuối cùng quan phải xin trả cái hũ màu nhiệm để anh ta thu hồi hòn đá về.

Cả hai truyện trên đều dễ dàng tìm thấy trong kho tàng cổ tích của số đông dân tộc trên thế giới.

Một truyện lưu truyền ở Nam Ấn:

Một người bà-la-môn nghèo quá bắt buộc phải gả con gái cho một con lang (kỳ thực thì đó là một hoàng tử biến hình). Một hôm, ông già đói quá, đến xin con rể tư cấp ít nhiều. Rể biếu ông một quả bầu bảo về trồng. Sau khi cây bầu mọc, có đến hàng trăm quả chín. Người bà-la-môn vội trẩy bán hết cho xóm giềng. Về sau, khi biết trong ruột quả bầu có nhiều vàng ngọc, ông mới đi chuộc lại những quả bầu đã bán nhưng nhà nào cũng đuổi ông ra khỏi cửa.

Ông già lại đến nhà chàng rể xin tư cấp. Con lang cho một cái vại, hễ muốn ăn là có cỗ bàn hiện ran ngay. Ông mừng quá đưa về. Một hôm, ông mời một lão nhà giàu hàng xóm đến ăn. Lão lấy làm lạ khi thấy thức ăn lạ và

quý, bèn dỗ dành để ông cho biết sự thực. Năm được bí mật, lão bèn đi mách vua. Vua tìm đến nhà người bà-la-môn và sau khi được đãi một bữa cơm, liền chiếm ngay cái vại.

Ông già lại đến nhà chàng rể kể việc mất chiếc vại quý. Con lang lần này cho một cái vại khác với phép màu nhiệm là mỗi lần mở nắp, tự nhiên có dây và gậy nhảy ra trời và đánh người. Nhờ có cái vại này mà người bà-la-môn trị tội lão nhà giàu và tên vua, lấy lại những vật đã mất.

Một truyện khác lưu hành ở dân tộc Ca-ma-ôn dưới chân núi Hi-mã-lạp (Himalaya):

Một em bé có tính nghịch ngợm, một hôm bảo mẹ làm bánh để đi du lịch. Đến một cái hồ, hắt để bốn tấm bánh ở bốn góc hồ và nói: "Tao sẽ ăn một này, ăn hai này, ăn ba này và sẽ ăn cả bốn". Đó cũng là một câu rủa. Lúc đó, dưới hồ có bốn con rắn từ lâu chia nhau ở bốn góc, nghe câu rủa sợ quá. Con thứ nhất bèn cho em bé một cái giường biết bay, tùy ý muốn đi đâu cũng được. Con thứ hai biếu những miếng vải có thể gọi ra tiền vàng. Con thứ ba biếu một cái chén có thể gọi ra cơm thịt. Con thứ tư cho một cái thìa có thể đưa một vật đến cho mình theo ý muốn.

Em bé mừng quá mang về. Dọc đường trời tối, nghỉ ở nhà một bà già. Thấy em khoe những món đồ màu nhiệm, bà già chờ khi em ngủ đánh tráo tất cả. Sáng dậy, em mang những thứ này về nhà. Đến nơi bảo mẹ đưa thùng lại để đựng vàng. Nhưng những vật đánh tráo này chẳng gọi ra được gì cả.

Em bé lại đến hồ dọa nạt rắn. Bốn con rắn lần này cho em một đoạn côn và một sợi dây có thể hô một tiếng là trời và đánh người. Em về bắt bà già trả các vật quý.

Một truyện ở Bang-la-dex (Bangladesh):

Một người Bà-la-môn vốn sùng bái nữ thần Đuyếc-ga, một hôm bỏ lên rừng than phiền với thần nông nổi nhà mình nghèo khổ, con cái đông. Nữ thần cho một cái bình có thể làm xuất hiện một trận mưa bánh ngọt nếu lật đít bình lên trời. Anh ta đưa về nhà làm thử, quả nghiệm. Sắp ăn, bỗng nhớ tới việc cúng thần, bèn gửi bình cho chủ quán, dặn giữ bình cho mình rất cẩn thận, còn hăn thì xuống ao tắm gội để trai giới làm lễ.

Chủ quán nghe dặn thì ngờ vực, bèn lật ngược bình ngấm nghĩa. Cũng như các truyện trên, khi thấy sự màu nhiệm của chiếc bình, hăn đánh tráo vào một chiếc khác. Anh chàng Bà-la-môn về nhà thấy bình mất linh nghiệm bèn đến hỏi, bị chủ quán đẩy ra khỏi cửa.

Anh ta lại lên rừng cầu khẩn với nữ thần. Thần cho anh một cái bình khác mà mỗi lần lật ngược, có đến vài chục con quỷ to lớn hung ác hiện ra đánh phá. Lão chủ quán quen mùi, cướp lấy cái bình, nhưng lần này bị quỷ xông ra đánh, phải van xin trả lại cả cái bình trước.

Mấy đứa con người Bà-la-môn lên vào buồng cha tranh nhau lật bình để ăn bánh ngọt, chẳng may để rơi vỡ tan tành. Người Bà-la-môn lại lên rừng. Thương tình, nữ thần cho một cái bình thứ ba có phép làm vọt ra sữa ngọt. Bố con đem sữa đi bán lấy tiền tiêu. Một hôm ông quan dò biết việc đó liền bắt anh ta mang bình đến dự lễ cưới con gái mình rồi chiếm lấy bình. Nhờ có phép màu nhiệm của cái bình thứ hai nên người Bà-la-môn lại bắt viên quan trả lại cái bình cũ[3].

Người Pháp có một số truyện cũng tương tự với truyện *Chàng đốn củi và*

con tinh. Dưới đây là một truyện mà hầu hết các dân tộc châu Âu đều kể gần giống nhau:

Một người nghèo, đông con, bỏ đi lang thang kiếm cách nuôi gia đình. Một vị thần gặp anh giữa đường nghe trình bày nỗi khổ thì thương hại, cho một cái khăn có thể gọi ra được thức ăn. Về dọc đường, vào nghỉ ở quán, anh để lộ sự màu nhiệm của cái khăn, bị chủ quán đánh tráo vào một cái khác. Cũng như các truyện trên, cái khăn mang về không có kết quả gì và hăn lại đi tìm thần. Lần thứ hai, được thần cho một con lừa có phép sinh ra vàng, nhưng cũng bị lão chủ quán đổi mất. Lần thứ ba, được một cái gậy với hai câu phù chú: "Ta-pa-la-pau-tau" thì gậy đánh vào kẻ thù; "A-la-pau-tau" thì gậy dừng lại. Cuối cùng, gậy phang cả nhà chủ quán gãy tay chân, chúng phải van lạy và trả tất cả những thứ đã ăn trộm của anh, mới được tha.

Truyện của người Tây-ban-nha (Espana) có một ít tình tiết hơi khác:

Ông Luy-rô mất hết sản nghiệp, trước tình cảnh nghèo túng và sự giày vò của vợ con, toan treo cổ ở cây ô-liu. Một con ma hiện ra cho một gói tiền. Ở đây cũng có một lão chủ quán đánh tráo mất. Bị vợ đánh, ông lại định đi thắt cổ. Ma lại cho một chiếc chiếu gọi được thức ăn ngon; rồi lần thứ ba cho một cái gậy có thể tự động đánh kẻ thù theo ý muốn. Sau khi lấy lại những vật ở tay chủ quán, Luy-rô về nhà. Con thấy bố không có gì, xông ra đánh chửi, bị gậy của bố phang cho ngã xuống nền nhà. Vợ xông lại cũng bị gậy đánh chết. Quan đến bắt, cũng bị gậy giết. Quân đội của nhà vua kéo về cũng bị gậy đánh cho thất điên bát đảo. Nhưng chúng rình lúc Luy-rô ngủ, đến trói gô lại. Khi người ta đưa đi treo cổ thì ông lại tìm thấy gậy và sai khiến được gậy làm cho đao phủ bị giết, những người khác thương vong vô số. Vua buộc lòng phải thả Luy-rô và cho ông một ít sản nghiệp ở châu Mỹ. Ông đến Cu-ba lập một thành phố. Ở đây chiếc gậy còn giết khá nhiều người nên thành phố ấy mang tên là Ma-tăng-giáx (Matanzas) do tiếng Ma-tar (matar) nghĩa là giết.

Truyện của người Pháp ở Thượng Brơ-ta-nơ (Haute-Bretagne) như sau:

Một cặp vợ chồng có một đám ruộng trồng cây lanh. Thu hoạch về bị thần Gió (Nô-ru-át) làm bay xuống biển. Chồng giận, đi tìm. Dọc đường hết lương ăn, vào xin nghỉ nhờ ở quán và hỏi đường. Gặp thần, hăn quát, bắt trả. Thần cho một cái khăn gọi ra thức ăn. Về quán bị chủ quán đổi. Lại đi lên núi, được thần cho một con lừa có vàng. Lại bị đổi. Lần cuối cùng thần cho một cái gậy có hai câu chú. Hăn mang về, sai gậy đánh chủ quán lấy lại những vật đã mất.

Giàu có, hăn mua hai chiếc tàu. Người ta vu cho hăn ăn trộm. Hăn bị quan bắt và kết án chém. Cũng như đoạn kết của truyện trên, sắp sửa lên đài xử tử, hăn xin một ân huệ cuối cùng là xin được nhìn lại cái gậy trước khi chịu rơi đầu. Gặp lại gậy, hăn đọc câu chú sai gậy đánh chết đao phủ, làm thương vong bọn cảnh sát, lật đổ đài, đánh cả người đi xem. Mọi người kêu van xin quan tha hăn để hăn sai gậy trở về[4].

Truyện của người Xy-ri (Syrie):

Một con chồn bị vợ đuổi, được một vị thần cho một cái đĩa gọi ra thức ăn và dặn đừng cho vợ biết. Nhưng hăn lại để cho vợ biết và vợ lại dọn tiệc mời vua chồn ăn. Vua chồn chiếm lấy đĩa. Lần thứ hai, được một con lừa làm ra vàng. Vợ cười đến nhà tắm bị chủ nhà tắm đánh tráo. Lần thứ ba, được một cái túi gọi một tiếng có hai người khổng lồ nhảy ra. Nhờ đó, chồn ta mang về giết vợ, giết vua chồn và giết chủ nhà tắm, lấy lại những vật quý.

Truyện của người Mông-cổ, *Chiếc roi trả hận*:

Một anh chàng nghèo khổ tên là I-khơ-hu-xu, một hôm có con chim vàng bé nhỏ mang đến tặng một cây tùng, dặn đem về trồng, khi cây nở hoa, chỉ cần rung cây ba lần, ước có vàng là có ngay. Cây này sau đó bị tên địa chủ cướp đi, nhưng khi hắn rung để ước thì chỉ được toàn là cóc.

Chim vàng lại mang đến tặng một cái giỏ, bảo khi nào muốn có bánh chỉ nói một tiếng là có ngay. Giỏ cũng lại bị tên địa chủ cướp, nhưng khi hắn ước, cũng như lần trước chỉ được cóc là cóc.

Chim vàng lại mang đến một cái roi bảo anh muốn đánh ai chỉ nói một tiếng là nó làm theo. Được roi, I-khơ-hu-xu mang đến nhà tên địa chủ bảo roi quất cho hắn tới tấp. Hắn kêu bộ hạ tới, roi lại quất vào chúng làm chúng thương vong. Anh lấy lại được hai vật quý kia về[5].

Truyện của người Hy-lạp (Grèce):

Một ông già tài sản chỉ có một cây đậu, bỗng nghe thần mùa Đông và thần mùa Hạ cãi nhau, mỗi bên tự cho mình đúng. Gặp lão, hai vị thần nhờ làm trọng tài. "Cả hai vị đều phải cả, thật khó mà chọn", lão đáp. Hai vị thần hài lòng mới cho lão một cái bình đất, dặn cầm lấy sẽ cầu được ước thấy, nhưng chớ tiết lộ cho ai biết. Lão mang về xin một bữa ăn ngon, quả được như ý. Nhưng sau đó vợ lão biết được bí mật.

Ít lâu sau, một người con của lão yêu một công chúa, bảo mẹ đi hỏi, vua thách phải dựng được một cái lầu đẹp hơn lầu vua. Nhờ có cái bình, mẹ làm được ngay và được vua cho cưới. Nhưng vua lại phục rượu cho lão phun ra bí mật của cái bình màu nhiệm. Vua bèn lấy trộm thay vào một cái bình khác.

Mất bình, lão lại leo cây và lần này được một cái gậy và sợi dây có thể trói đánh người nếu muốn. Lão đem về bắt tên vua phải trả lại như các truyện trên.

Truyện của một dân tộc ở châu Phi:

Trong một trận đói, A-năng-xê vào rừng bắt được một cái bình. Hắn reo lên: - "A! Ta được một cái bình!". Nhưng bình bảo: - "Ta không gọi là bình mà là Hô-ho-rơ (cái chày) có phép làm ra thức ăn". Hắn đưa bình về giấu trong buồng. Một hôm, những người con của hắn lấy ra bắt bình dọn cỗ đánh chén nhưng không may chúng làm vỡ tan.

A-năng-xê buồn quá lại vào rừng gặp một cái roi ngựa treo ở cây. Hắn reo lên: - "A! Ta được một cái roi!". Nhưng roi bảo: - "Ta không gọi là roi mà là A-bơ-ri-đi-a-bơ-ra-du" (đánh bằng roi). Hắn đưa về giấu trong buồng. Những đứa con của hắn tò mò mở cửa buồng lên vào. Roi quát cho chúng như tử. Nhưng sau đó chúng cắt roi ra làm nhiều mảnh. Cũng vì thế mà về sau trong thế gian mới có lắm roi, đáng lý chỉ có một cái[6].

Truyện của người Chi-lê (Chili):

Một bà già bép xép một hôm đến van vỉ với một bà phù thủy người cùng làng: - "Đói khổ quá, bà làm ơn cho xin một phép gì lạ để nhờ đó tôi có thể sống được". - "Bà có cái lưỡi dài quá, cho bà để bà thốc mách cho thiên hạ biết ư". - "Cứ cho đi tôi sẽ giữ mồm giữ miệng" - "Được, cho bà một cái túi này, khi đói bà chỉ nói: - "Túi ơi, hãy làm thức ăn đầy bàn cho ta". Bà lão sung sướng vì thấy phép màu nhiệm. Đến chủ nhật, đi nhà thờ sợ để túi ở nhà có người lấy trộm, bèn mang sang gửi cho bà hàng xóm: - "Này, bà giữ hộ tôi cái túi này. Bà đừng có bảo nó: - "Túi ơi, hãy làm thức ăn đầy bàn

cho ta nhé!". Bà hàng xóm ngồi nhà một mình, thử nói câu kia chơi, hóa ra có thức ăn thực, mới đánh tráo một cái túi khác.

Bà già bép xép mất vật màu nhiệm lại đến khóc lóc với bà bạn phù thủy. Thương hại, bà phù thủy cho một cái sừng phép và dặn chỉ cần gọi: - "Làm đi sừng ời!" là nó sẽ chế tạo đồ gỗ bán lấy tiền mà sắm ăn sắm mặc. Đến ngày đi lễ nhà thờ, bà già lại đưa sang gửi bà hàng xóm nhưng giấu kín không nói gì về câu chú cả. Biết chắc là vật quý, bà hàng xóm trả lại cái sừng tử tế nhưng để ý rình xem như thế nào. Quả thấy bà già vừa đọc câu chú xong thì nhiều người sừng hiện ra, kẻ bào, người đục, kẻ cửa, người đóng đinh, chỉ một buổi là xong một món đồ có giá trị. Chủ nhật sau, khi bà già lại đưa sừng đến gửi, bà này vội đọc ngay câu chú, nhưng lại sợ rằng trong một buổi làm được ít quá chẳng, mới đọc câu chú liên tục để giục già chúng làm cho chóng. Thế là người sừng làm lia lịa; đồ đạc hết thứ này lại làm thứ khác, để đầy cả gian nhà. Khi không có chỗ để làm nữa, họ nhảy tới bà chủ, người bào tóc, kẻ cửa mũi, người đóng đinh vào thân, đau không thể tả. Lại có kẻ đánh véc-ni cho da, thành da đen kịt, v.v... Bà ta kêu la khóc lóc xin thôi mà không được.

Bà già đi lễ xong trở về thấy tình cảnh như vậy, vội chạy đến bà bạn phù thủy để nhờ giải chú. Kết quả, bà phù thủy thu lại phép lạ. Bà hàng xóm tham lam bị một trận như tử nhưng may không chết. Khi lành trở thành người mũi tẹt da đen. Cả bà hàng xóm lẫn bà già bép xép từ đó nhờ vào những đồ đạc người sừng làm ra để sống qua ngày[7].

Truyện của người Kan-múc (Kalmouks) trong sách *Cái chết màu nhiệm*: Ở một nước nọ có anh chàng bướng bỉnh, bị nhà vua (khan) trục xuất. Hắn ta qua một đồng cỏ thấy có con ngựa chết, bèn cắt lấy cái đầu buộc vào lưng

khổ rồi trèo lên một cây cọ để ngủ. Tối đến có một lũ quỷ ngồi ăn dưới gốc cây. Mải nhìn, hăn để đầu ngựa rơi lúc nào không biết. Bọn quỷ toáng đảm chạy mất cả. Hăn xuống tìm, nhặt được một cái bát vàng có thể gọi ra thức ăn. Lại tiếp tục cuộc hành trình. Dọc đường, gặp một người cầm cái gậy có thể sai khiến nó giết người. Hăn đề nghị đổi và được người kia đồng ý. Khi được cái gậy, bất thành lình hăn sai gậy giết người kia và chiếm lại cái bát. Cũng với cách đó, hăn còn chiếm được hai vật nữa: một cái búa gõ chín lần xuống đất thì hiện lên một cái tháp chín tầng; một túi da nếu lắc vài lần thì có thể làm ra mưa.

Hăn cầm bốn thứ bảo bối trở về trả thù nhà vua. Nửa đêm, hăn cho dựng một cái tháp chín tầng ở sau lầu vua. Vua giận, sai lính chất củi đốt, nhưng hăn ở trên lầu lắc cái túi da làm ra mưa. Cuối cùng vua bị gậy giết chết.

Truyện của đồng bào Mèo: *Sự tích cây chuối rừng*, là dạng kết hợp loại hình cổ tích trên đây với một số hình tượng của truyện Tấm Cám:

A Páp làm công cho một chúa đất giàu có quyền thế. Tới ngày hội, anh rất buồn vì không có gì để đi dự hội. Một ông tiên làm phép cho anh có áo quần đẹp và ngựa ô. Thấy chàng đẹp và lịch sự, con gái chúa đất yêu mến. Chúa đất bèn chọc mù mắt anh rồi đuổi vào rừng. Ở đây, anh kết bạn với voi. Ông tiên hiện ra cho anh một hòn đá ước nhờ đó mắt anh sáng ra và giàu có. Thấy A Páo giàu, chúa đất mời đến nhà uống rượu rồi ăn cắp hòn đá ước. Về sau ông tiên lại cho một cái roi. Chúa đất quen mùi lại đến toan chiếm roi thần, bị anh khấn cho roi quật túi bụi. Chúa đất xin nộp tất cả, kể cả cô con gái, để được tha, nhưng roi thần vẫn được lệnh của anh quất tới tấp cho đến chết. Cuối cùng, hăn hóa thành cây chuối rừng[8]. Tất cả những truyện trên có lẽ xuất phát từ một truyện của Ấn-độ trong *Kinh Đại tạng*:

Một người nghèo cố tìm kiếm thức ăn dâng cúng cho một nhà sư trong một năm, được sư cho một cái vại đồng có phép gõ vào miệng thì ước gì được nấy, nhưng dận chó có mời vua đến nhà. Anh ta trở nên giàu có, quên mất lời dặn. Vua đến nhà thấy cái vại bèn cướp lấy. Anh ta kêu khóc với nhà sư, được người này cho một cái bình có thể gọi gậy và đá văng ra, bảo mang đến đòi vua cái vại. Đến cửa cung, anh ta gọi ầm lên. Vua giận, sai mười người hầu ra bắt, những người này bị gậy và đá vọt cho vỡ đầu. Vua lại sai một ngàn lính đến vây. Gậy và đá tung hoành như gió, xác đầy cả cửa. Vua hoảng sợ, trả lại cái vại để được tha. Anh ta lấy vại về, trở nên giàu có[9].

Cũng từ *Kinh Đại tạng* còn có một truyện nữa, tuy nội dung và kết cấu khác hẳn nhưng nó vẫn có nhiều liên hệ với truyện trên về mặt hình tượng:

Có hai vợ chồng không con, bèn cầu trời xin một đứa. Từ đấy, vợ có mang. Nhưng khi sinh ra thì không phải là người mà là bốn thứ đồ vật: 1. Đấu bằng trầm hương đựng gạo không khi nào vơi; 2. Vại đầy thức ăn của thần; 3. Túi ngọc; 4. Gậy phép có bảy mắt. Hai vợ chồng kinh ngạc, lại cố lạy lục trời xin một đứa con. Trời hỏi: - "Có con lợi được những gì?". Đáp: - "Nó sẽ giúp chúng tôi khi cần". - "Vậy thì cái đấu này có gạo vô tận, cái vại này có thức ăn và mật vô tận lại còn có thể chữa khỏi vạn bệnh, cái túi này giúp các người không bao giờ túng thiếu, và cái gậy này bảo vệ các người. Một đứa con có làm nổi như thế không?". Hai vợ chồng bèn trở về. Nghe tin họ có vật quý, nhà vua sai lính tới cướp, nhưng gậy bảy mắt đã đánh cho chúng thất điên bát đảo[10].

[1] Theo lời kể của người Hà-tĩnh.

[2] Theo *Bản khai của sách Hữu-tập, sách Vĩnh-lại, sách Nhiêu-hợp*, đã dẫn.

[3] Truyện này theo Sát-téc-gi (Chatterji) *Dưới những cây xoài* thì bà Chúa Tiên sau khi nghe lời khẩn cầu của anh chàng, tặng cho một cái bình có thể làm ra mưa kẹo. Bị chủ quán đánh tráo, anh lại xin được Chúa Tiên một cái bình khác có thể gọi quỷ đến, nhờ đó lấy lại được bình cũ. Một chủ đất làm lễ cưới vợ cho con, nghe tin, mời anh đến nhờ làm hộ kẹo. Anh xin vào một buồng kín để làm nhưng chủ đất cho người rình biết, bèn chiếm lấy bình của anh. Hôm cưới, anh mang cái bình thứ hai đến gọi quỷ ra đánh cả hai họ và chủ đất, buộc nó phải trả cho mình cái bình kia.

[4] Theo Đờ-la-ruy (Delarue) và Tê-ne-dơ (Ténèze), sách đã dẫn.

[5] Theo *Truyện dân gian Trung-quốc* (bản dịch của Thái Hoàng và Bùi Văn Nguyên).

[6] Truyện này và một số truyện trên đều theo Cô-xcanh (Cosquin). *Truyện cổ tích dân gian miền Lơ-ren*, đã dẫn.

[7] Theo *Tạp chí dân tộc học*, tập IV (1923).

[8] Theo *Truyện cổ dân tộc Mèo*, sách đã dẫn.

[9] Sa-van-nơ (Chavanne), sách đã dẫn.

[10] Sa-van-nơ (Chavanne), *Truyện ngụ ngôn và truyện cổ tích Ấn-độ trích từ Kinh Đại tạng*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
122. NGƯỜI THỢ ĐÚC
VÀ ANH HỌC NGHỀ

Xưa có đức thánh Khổng Lồ, chuyên trông nom về nghề đúc và nghề rèn ở hạ giới. Đức thánh thường thân hành đi lại các nơi; khi giáng xuống miền này, lúc hiện ra xứ nọ, thành người trần, để tìm cách dạy thêm cho những người thợ về kỹ xảo. Nhưng trong khi theo dõi việc dạy nghề, đức thánh nhận thấy đám đệ tử của mình có những kẻ còn phạm thói lọc lừa điên đảo. Bởi vậy, đức thánh lại phải để tâm chữa cả thói hư tật xấu của họ.

*

* *

Có một người thợ đúc rong vai quảy đôi bồ trong có đủ các thứ đồ nghề linh tinh như lò bể, khuôn, kéo, kìm, cặp, v.v... miệng thỉnh thoảng cất tiếng rao: - "Ai đúc nồi, đúc sanh, đèn, chiêng, thanh la, bình hương, bình hoa, biến cũ thành mới không?". Vốn nghề nghiệp thành thạo, nên hễ có ai gọi đến, ông chỉ lúi húi làm một vài ngày là xong. Thế rồi cơm ăn tiền lấy, ông lại quảy gánh lên vai chuyển từ làng này sang làng khác. Một hôm, từ sáng sớm, người thợ đúc đang bước rảo cho kịp phiên chợ. Đang đi, ông bỗng gặp một chàng trai trẻ tuổi, vai cũng quảy đôi bồ. Gã trai thấy ông thì đứng lại chào một cách cung kính, rồi nói:

- Xin cho hỏi thăm một tý. Con theo thầy con học nghề đã mấy tháng nay, không may hôm trước đây, khi qua rừng, thầy trò lạc nhau, tìm suốt mấy ngày không ai biết cả. Xin hỏi ông, ông có gặp một người tên là Chu, trạc ngoài năm mươi, người cao cao, râu quai nón hay không?

Người thợ đúc lắc đầu:

- Ta không hề gặp một người nào như vậy.

Dừng một lát, anh chàng nói tiếp, vẻ khẩn khoản:

- Thật khổ quá! Con học với thầy bấy lâu có biết nghề đúc chút đỉnh, còn muốn học thêm cho thành thạo, không ngờ thầy trò mỗi người đi một đường. Bây giờ xin ông cho đi theo, con xin gánh gồng và hầu hạ chu tất. Chỉ cốt học được nghề cầm tay, ngoài ra không có ý gì khác. Chẳng hay ông có lòng thương hạ cố được không?

Người thợ đúc thoát đầu nhìn anh chàng thấy đã có vẻ ngờ nghệch, nay nghe nói thế thì tỏ ý coi khinh. Ông ta nghĩ bụng: - "Đi đúc rong thì chỉ một mình mình cũng đủ, đến đâu đã có sẵn người của chủ nhà cung ứng đó rồi. Giá thử có một người quảy gánh cho thì vẫn là đỡ mệt nhưng sức mình còn khỏe, cũng chưa cần lắm. Vả chẳng được một vài quan tiền công, không lẽ không chia cho người học việc". Bèn đáp:

- Ta trông anh còn trẻ người non dạ, nhìn bàn tay còn trắng trẻo chưa sém tý nào. Học cái nghề này không phải dễ. Thôi, anh hãy trở về đi cày còn hơn!

Nghe nói, anh chàng chấp tay cầu khẩn:

- Con cũng đã biết đúc võ vẽ, thầy hãy cho con theo. Nếu làm không được, hay hầu hạ sơ suất thì lúc đó thầy đuổi con đi cũng không muộn!

Thấy hấn kêu nài và cam đoan trung thành với mình, người thợ đúc bồng đổi ý kiến, nhận lời. Chàng trai đổi buồn làm vui, sụp xuống làm lễ "bái sư", rồi trút các thứ đồ nghề, nhập gánh của mình với gánh của thầy làm một, đoạn quảy gánh lên vai đi theo ông thầy mới.

Chưa đến chợ, đã có khách hàng đón thầy trò về nhà thuê đúc một chiếc sanh cỡ lớn. Ngã giá, thầy trò bắt tay vào đắp khuôn dựng lò thụt bể, loay hoay trong mấy buổi đã làm xong. Nhưng qua công việc, người thợ đúc nhận thấy anh chàng học việc của mình còn vụng về hết sức, dường như chưa biết cái gì cả.

Bởi thế, sau khi từ giã nhà chủ ra đi, trên đường, người thợ đúc cất tiếng mắng anh ta:

- Tao nghe mày nói có biết nghề võ vẽ nên tao mới nhận, có ngờ đâu mày chỉ là đồ ăn hại.

Ông ta không ngờ anh chàng học nghề không tỏ vẻ gì là then thùng hay bối rối, chỉ ngược mắt nhìn mình rồi bình thản trả lời:

- Thưa thầy, con đi theo thầy cũ của con, học được cách đúc khác kia, chứ không phải như cách đúc của thầy vừa rồi.

Người thợ đúc ngạc nhiên, vội hỏi:

- Sao? Mà nói mà học được cách đúc khác là đúc thế nào?

- Thầy con không đúc nồi niêu, sanh chảo, bình hương, bình hoa, mà là đúc người: đúc người già thành người trẻ, đúc người xấu thành người tốt.

Người thợ tưởng hăn mất trí nên càng sửng sốt:

- Ô, mà nói gì lạ vậy? Tao chưa từng nghe điều đó bao giờ.

- Thưa thầy thật đó ạ! Cách đúc cũng dễ, không khó khăn nặng nhọc gì lắm. Chỉ nhờ vào mấy cái khuôn của thầy con để lại, có mang theo đây.

Nói rồi anh giở khuôn cho người thợ đúc xem. Trong khi thầy tò mò nhìn từng cái khuôn lạ, thì trò lại nói thêm:

- Thưa thầy tuy con mới học võ vẽ, nhưng làm cũng dễ lắm, mà lại được nhiều tiền. Mỗi chuyến thầy làm nhiều lắm cũng bốn năm quan. Nhưng mỗi chuyến thầy cũ của con làm thì được những một hai trăm quan là thường.

Người thợ đúc đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, nhưng thấy hăn ăn nói có vẻ chân thật, nên cuối cùng bụng cũng hơi tin. Sau đó lại hỏi:

- Anh có tự tay đúc được như anh nói không?

- Thưa thầy, thầy con đã từng cho con tự tay làm lấy một mình, nên chắc chắn có thể làm được.

- Thế thầy anh rao hàng thế nào?

- Thầy con thường rao thế này: "*Nào ai muốn đúc người xấu thành tốt; da mồi tóc bạc đúc thành nhan sắc nõn nà; ông lão tám mươi thành đứa trẻ mười ba; bảy mươi đúc thành mười bảy không nào?*".

Nghe rõ đầu đuôi, càng thêm tò mò, người thợ đúc chỉ muốn anh học nghề làm ngay cho mình xem tận mắt, liền bảo hẳn:

- Thôi bây giờ tôi hãy tạm nghỉ công việc của tôi, để xem cách làm ăn của anh chút đã, anh cứ rao như thế đi! Nếu có ai thuê, thì anh thử làm cho tôi xem. Nhưng nên nhớ nếu có xảy ra việc gì thì tôi không biết đâu đấy nhé!

Từ giờ phút đó, thầy nhường cho trò rao và liệu tính hết mọi việc. Đến một làng nọ, một người phú hộ nghe tiếng rao liền gọi vào hỏi:

- Bảy mươi đúc thành mười bảy là thế nào?

Chàng trẻ tuổi đáp:

- Cũng như nồi cũ đúc thành nồi mới thôi! Nhưng đây là đúc người: xấu xí ra xinh giòn, già yếu thành trẻ khỏe.

Nhà chủ nói:

- Tôi có ông cụ, tuổi đã ngoài bảy mươi, yếu lắm năm liệt đã mấy năm nay, nếu đúc cho trẻ và khỏe lại được thì hay quá! Nhưng anh lấy bao nhiêu tiền công?

- Tôi lấy rẻ ông một trăm năm mươi quan, và cơm ăn cho cả hai thầy trò.

Ngoài ra, phải có hai mươi sảo than, mượn cho tôi một cái bung ba mươi và dọn cho tôi một gian buồng kín, không để một ai được nhòm vào.

- Nếu làm được thì trăm rưởi quan cũng không đắt, nhưng vị phởng chết người thì thế nào?

- Nếu chết thì tôi xin bồi mạng. Tôi sẽ biên giấy cam đoan cho ông.

Người thợ đúc từ đầu đã chăm chú theo dõi việc làm của anh học nghề. Ông thấy anh ta có vẻ thông thạo. Trước hết, anh xin giấy bút viết ngay tờ cam đoan. Trong giấy, anh hứa nếu làm không xong thì không nhận tiền, hoặc nếu làm cho khách hàng chết hay bị thương tích gì thì xin chịu tù tội. Thế rồi ung dung chờ cho cơm nước vào đâu đấy, anh dẫn thầy vào buồng kín lấy khuôn ra tô đi nặn lại, vừa làm vừa bày vẽ từng tý cho thầy. Công việc chỉ trong một buổi là xong. Chiếc bung được bắc lên một bếp lửa hồng. Đoạn, anh đưa ông già vào buồng lột áo quần đánh nhẹ một cái. Ông già ngã lả ra chết. Không bồi rồi chút nào, anh đưa xác ông già bỏ vào bung, đổ nước vào, rồi vừa thụt bễ vừa đảo. Sau ba ngày ba đêm nước trong bung đã trở nên quánh. Cuối cùng anh bưng bung nước ấy đổ tất vào khuôn. Đợi nguội ba ngày ba đêm nữa, anh mới tháo khuôn ra. Quả nhiên có người từ trong đó dần dần cựa quậy, rồi nhóm dậy bước ra, mặt mũi vẫn còn phảng phất hình trạng ông già, nhưng má hóp hóa thành má căng, tóc bạc đã trở nên đen nhánh.

Suốt mấy ngày người đúc hồi hộp chờ đợi, giờ đây mới thở phào khi người chết đã sống lại, lại khỏe và trẻ đúng như lời rao. Chủ nhà thấy bố mình được "cải lão hoàn đồng" thì mừng rỡ bội phần. Ông ta vội mang tới đặt lên bàn một trăm năm mươi quan tiền bó mo cùng nhiều tặng vật, rồi tỏ lời cảm ơn hai thầy trò. Anh chàng học nghề chia ngay cho thầy mình một nửa.

Người thợ đúc sung sướng quá đỗi, ngợi khen chàng trai hết lời. Trong bụng ông ta thầm nghĩ:

- Kể ra làm cũng chẳng khó mà lại được nhiều tiền. Thế mà từ lâu không ai biết cả.

Hai thầy trò từ già nhà chủ ra đi. Tới một làng khác, một ông lái buôn giàu có gọi họ vào để thuê đúc lại người vợ cả lưng đã gù, răng đã rụng. Công việc lại diễn ra hệt như trước: cũng viết giấy cam đoan, cũng đưa khuôn ra đập, rồi cũng đánh chết bà già bỏ vào bung. Nhưng lần này thì người thợ đúc không còn hồi hộp. Hắn xắn tay áo giành lấy công việc ở người học trò và chịu khó làm đủ mọi chuyện. Sau sáu ngày sáu đêm chờ đợi, khuôn được tháo ra. Quả nhiên, bà lão đã biến thành người tố nữ làm cho ai nấy đều trầm trồ kinh ngạc.

Khi cầm lấy những quan tiền tốt của anh học nghề trao cho, người thợ đúc suy nghĩ: - "Tất cả phép lạ đều ở trong cái khuôn kia cả. Chỉ nhờ có mấy cái khuôn của ông thầy hắn để lại mà làm ra bọn tiền. Hừ! Một cái nghề ngon ăn biết bao nhiêu! Có lẽ trẻ con nó cũng làm được. Tội gì mà không chiếm lấy để một mình hưởng lợi!".

Nghĩ vậy, một hôm vừa đến một làng kia, người thợ đúc liền đến trình xã trưởng, vu cho anh học nghề của mình đã ăn cắp mấy nén bạc. Chàng trai cố sức cãi lại nhưng anh không làm sao minh oan được vì lúc giở ra khám, mấy nén bạc có đánh dấu không biết tại sao lại nằm lù lù trong "ruột tượng" của anh. Cuối cùng anh bị xã trưởng cho đóng gông lại để giải lên quan.

Người thợ đúc bèn chiếm lấy tất cả đồ nghề rồi quảy gánh đi miết. Hắn đi đến một làng xa mới dừng lại, nhận đúc thuê cho một nhà nọ để "cải lão hoàn đồng" một ông già ngoài tám mươi tuổi. Bắt chước người học trò, hắn cũng làm giấy cam đoan tử tế, rồi cũng giở khuôn ra tô tô đắp đắp như kiểu hắn đã được chỉ vẽ. Khi đưa ông già vào buồng, hắn cũng choảng cho ông già một võ chết lắn, đoạn bắt tay vào những công việc như hắn đã làm lần trước. Nhưng khốn thay, sau mấy ngày đêm, mở nắp khuôn ra, hắn giật mình vì nước vẫn không đông lại thành người. Hết sức lo sợ, hắn lại cố chờ thêm ba ngày ba đêm nữa mà vẫn không thành công. Mấy người con ông già chờ mãi không được, bèn phá cửa buồng mà vào. Hắn hoảng quá, xin khất thêm ba ngày ba đêm nữa. Lại ba ngày ba đêm nữa trôi qua. Cuối cùng khi mở nắp khuôn hắn mới thật sự tuyệt vọng. Mấy người con ông già xông lại, bắt trói người thợ đúc đánh cho một trận thừa sống thiếu chết, rồi đóng gông để giải lên quan.

Trên đường đi, cổ mang gông, mình thâm tím vì đòn, người thợ đúc chợt thấy sự trừng phạt về lòng tham lam gian xảo của mình. Hắn hết sức hối hận. Mồm hắn hết lời cầu khẩn đức thánh Khổng Lồ, hứa xin chữa mọi thói hư tật xấu, và xin đức thánh run rủi cho anh học nghề trở lại để cứu hắn khỏi tử tội. Hắn lầm rầm cầu khẩn suốt mấy ngày trời. Đến ngày thứ ba, lúc hắn đang bị tuần áp giải từ xã lên huyện, vừa ghé vào quán nghỉ chân thì bỗng thấy người học nghề của mình đang ngồi uống nước ở quán. Người thợ đúc liền sụp lạy như tế sao, và xin anh học trò hãy rón tay làm phúc. Anh học trò cười mà rằng:

- Chính ta là Khổng Lồ đây. Ta không ngờ bụng dạ của lũ các người lại nham hiểm đến thế. Đáng lý ta còn trị tội nặng hơn nữa, nhưng đã tỏ lòng hối hận thì cũng tha cho. Các người phải lo bảo nhau: đã đi làm cái nghề của ta thì không được dối trá lường gạt người khác. Dù có nghèo khổ đến đâu, lương tâm cũng phải cho trong sạch.

Nói vừa dứt lời thì vụt một cái, mọi người không thấy anh học trò đâu nữa. Nhưng giữa lúc đó, từ ngoài cửa, một người con của ông già đã học tốc bước vào, nói không ra hơi:

- Thôi đừng giải người ta đi nữa. Bố tôi đã sống lại rồi, hiện đang cựa quậy ở trong khuôn.

Người ta nói từ đấy về sau những người làm nghề đức ai cũng sợ đức thánh Khổng Lồ; không một ai dám gian trá khi hành nghề, nhất là đã cùng làm với nhau thì không bao giờ lừa dối nhau[1].

[1] Theo lời kể của người Hà-tĩnh và *Bản khai của xã Võ-liệt*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
123. SỰ TÍCH ĐÌNH LÀNG ĐA HÒA

Ngày xưa ở làng Đa-hòa có một ông thầy phù thủy cao tay, tên là Động. Không những ông có nhiều phép lạ mà còn có lòng thương người.

Từ lâu, ông được bầu làm hương trưởng, và được dân trong vùng kính phục.

Hồi ấy làng Đa-hòa gặp mấy năm hạn hán, mùa mất liên tiếp, dân tình cơ cực. Nhiều người phải đem vườn ruộng đi cầm đi bán. Nhưng giá gạo ngày một cao, ruộng ngày một hạ. Cuối cùng ruộng đất của dân đều vào tay mấy tên trọc phú. Thấy vậy, ông Động nghĩ cách để cứu giúp người nghèo. Ông bảo bọn nhà giàu:

- Thần thánh phù hộ cho các người, bao nhiêu ruộng nhà nghèo đều lấy về ban cho một số người có của. Đó là lộc thánh. Nhưng nếu không biết tạ ơn thì rồi có lúc sẽ bị thánh phạt đấy.

Biết ông là người có thể thông được với thần, bọn nhà giàu lo sợ, hỏi ông:

- Muốn tạ ơn thánh thì phải làm gì?

Ông Động đáp:

- Làng ta vốn không có đình. Thánh ngự về không có cái mà ở. Vậy phải

mau mau dựng một cái đình.

- Dựng đình tốn kém lắm sao có thể làm nổi.

- Nhà giàu bỏ của, nhà nghèo bỏ công, mỗi người vun đắp một tý thì việc lớn không mấy chốc mà thành. Nếu được như vậy, tôi tuy bất tài cũng xin đứng ra đốc công.

Bọn nhà giàu nghe lời ông. Chúng bèn họp làng quyết định dựng đình: những người có của thì quyên tiền, còn người nghèo thì gánh đất gánh cát. Ông Động thân hành thu góp tiền nong và làm người đôn đốc. Ông bảo bọn trọc phú:

- Thần thánh đều có con mắt, "sời lời trời gởi của cho, quăn co trời gò của lại". Hăng tâm hăng sản ai bỏ nhiều thì được phúc nhiều.

Chúng nghe nói đều thi nhau quyên những món tiền lớn và góp lại trao cho ông. Nhưng thu được bao nhiêu ông phân phát cho dân đói bấy nhiêu. Ông bảo họ gánh đất đắp thành nền đình, xung quanh trồng bờ giậu cho kín, ở sân đình trồng các thứ cây cối kể cả các loại cây dây như cây bìm hìm, v.v... Đoạn, ông hẹn với bọn trọc phú ba tháng nữa đình sẽ hoàn thành. Bọn trọc phú thấy ông phân phát hết tiền thì sinh nghi, nhưng thấy ông nói cứng, thì lại nửa tin, nửa ngờ. Vả xưa nay ông chưa từng thất hẹn với ai, nên cũng không dám hỏi.

Thời gian trôi qua, nền đình đã đắp xong, tiền quyên góp đã nhiều, hạn cũng sắp hết mà chưa thấy động tĩnh gì cả. Thấy gỗ lạt không có một que, gạch ngói chẳng có nửa mảnh, bọn nhà giàu đến thúc ông Động. Ông chỉ đáp gọn lỏn: - "*Đình khắc có đình! Ai sinh sinh sự sẽ sự sinh!*".

Một số phú thương ở làng bên cạnh là làng Vạn-phước trước đây cũng bỏ những số tiền lớn quyền vào công việc làm đình ở Đa-hòa để mong được thánh ban lộc, nay đợi mãi không thấy đình, chúng lấy làm nóng ruột, liền đến vặn ông Dộng:

- Chúng tao qua đây buôn bán thấy việc phúc đức, nên cũng vón tay vào để vo tròn quả phúc. Không ngờ mà "những lạm" đi mất cả rồi, chỉ ngồi trơ thổ địa nói phét.

Nói rồi chúng xúm lại thượng cẳng chân hạ cẳng tay, đánh ông sưng cả mặt mũi. Ông Dộng đáp:

- Đình khắc có đình! Nhưng đánh người là có tội, đánh bậc "cao niên" tội lại càng nặng. Kẻ nào đánh ta thì phải đền tội. Ta không nói chơi đâu!

Đoạn ông mang gậy nón đi sang làng Vạn-phước để bắt đền. Tới nơi, ông vào đình Vạn-phước, ngả gậy nón ngay ở gian giữa mà ngồi.

Rồi ông cởi áo giở chỗ bị đánh phân vua với những người dân Vạn-phước có mặt:

- Các ông các bà xem. Đánh người không phải là chuyện chơi. Bọn những tên Giáp tên Ất ở làng này vô cớ gây sự đánh ta. Kẻ nào sinh sinh sự thì sự sinh! Sẽ phải đền đình!

Nói thế rồi ông cứ ngồi ở giữa gian vót đũa và xe chỉ. Có ai hỏi làm thế để làm gì thì ông trả lời "đính nêo" (tức nói lái là *néo đình*).

Bọn lý hào làng Vạn-phước được bọn phú thương xúi giục, ra đình đuổi ông Dộng đi. Ông không đi, nói:

- Các ông phải trả lời cho tôi cái chuyện người làng này, những tên Giáp tên Ất, tự dưng vô cớ đánh tôi. Tôi được rửa nhục rồi thì sẽ đi ngay!

Chúng hỏi:

- Ông muốn rửa nhục thế nào?

- Kẻ nào đánh tôi thì phải làm đình để đền.

- Không làm đình thì sao?

- Không làm đình thì vay tạm đình này rồi sẽ đền sau.

Cho đòi hỏi của ông là vô lý nên chúng không chịu xử. Cuối cùng chúng lấy thế đông đến đuổi ông đi. Ông đợi cho họ tập hợp đông đủ, rồi mới thủng thỉnh nói:

- Bây giờ tôi sẽ cắm cái gậy này xuống trước sân đình. Nếu làng ta nhớ được gậy lên thì tôi xin đi ngay.

- Nếu không nhớ được thì sao?

- Thì mất đình.

Họ bảo "được". Hai bên làm giấy ký kết.

Rồi đó, ông Động ung dung bước ra sân cầm cây gậy trúc của mình cầm phập xuống sân đình, và nói: - "Nhổ đi! Cho các người nhổ đi!".

Vừa thấy thế, một tên hào cường trẻ tuổi xấp tay áo lên hùng hổ:

- Cần gì phải nhiều người mất công. Xin mời các quan viên hãy ngồi nghỉ, chỉ một mình tôi nhổ cũng đủ. Này này, lão già hãy trông đây, rồi có đường có nẻo rút ngay!

Và hắn chạy tới, dùng một bàn tay nắm lấy cây gậy để nhổ, nhưng không được. Sau đó, hắn lôi bằng cả hai tay, nhưng cũng không nổi. Sau, hắn ôm cả người vào rần sức lắc mà cũng không chuyển. Mồ hôi nhễ nhại, hắn gọi những người xung quanh vào giúp sức. Ông Động nói:

- Ta thách tất cả bọn bất nhân chúng mày!

Mọi người liền xúm xít lại quanh tên hào cường, một người, hai người tới hàng chục người; nhưng lạ thay dù có đến hàng chục bàn tay, chiếc gậy vẫn không nhúc nhích. Bọn lý hào mệt nhoài. Chúng đánh mõ cho trai làng đổ ra buộc thùng mà kéo, song cũng chẳng ăn thua. Cuối cùng, chúng bàn buộc thùng vào cổ trâu, ra roi cho trâu kéo, tuy vậy chúng chỉ làm một công việc vô ích: mọi dây thùng đều đứt, còn gậy của ông vẫn vững như trời trồng.

Ông Động phá lên cười:

- Thế là thua cuộc rồi nhé!

Rồi ngoảnh mặt về phía dân, ông nói:

- Xin đồng dân nhớ cho, nếu làng ta có mất đình, chẳng phải tại tôi. Đó là do bọn tên Giáp tên Ất nó sinh sự sinh. Bắt chúng nó làm lại đình khác để đền!

Nửa đêm hôm ấy, trời bỗng nổi phong ba, sấm chớp ùng ùng, gió rít từng cơn rất dữ. Giữa lúc ấy người ta nghe xen vào những tiếng như tiếng kèn trống cùng những tiếng truyền lệnh của ông Động: - "Nâng lên!... Hạ xuống...Xích về bên trái...". Đình làng Vạn-phước thốt nhiên bay bổng lên không trung cùng với cả những hòn đá tảng kê chân cột; đình vượt qua các lũy tre rồi tiến đến bờ sông lội sang làng Đa-hòa.

Ông Động đã đợi ở đấy từ lâu. Ông ngồi lên chiếc nón tu lờ bơi sang sông theo đình để điều khiển. Đình vượt qua sông là là mặt nước. Sau đó đình bay bổng về Đa-hòa rồi hạ xuống một cách êm thấm trên cái nền mới đắp. Lại có những tiếng hô của ông Động và tiếng ồn ào dội lên ở đây, được một chốc thì vắng lặng như tờ. Soát lại mọi chỗ, ông Động chỉ thấy có một viên đá tảng bị rơi lúc vượt sông, còn mọi thứ đều không hề suy sụp. Cuộc chuyển đình hoàn thành một cách chu đáo.

Sáng hôm sau, dân làng Vạn-phước nhìn đến đình thì thấy chỉ còn một cái nền trơ trọi. Họ đến nhà của mấy tên phú thương đòi đình.

Mấy tên này lo lắng, bèn họp bọn hào lý bắt đệ đơn lên quan tố cáo ông Động ăn trộm đình. Quan huyện đòi ông Động lên hỏi:

- Sao mà dùng phép ma thuật quỷ ăn trộm đình của người?

Ông Động làm bộ ngỡ ngác. Quan lại nói:

- Làng Vạn-phước tố cáo mà ăn trộm đình về cho làng Đa-hòa. Có thể nào cứ thực tường khai để khỏi phải tra khảo.

- Bẩm quan, ông Động nói, chuyện bên nguyên đưa ra "thậm ư vô lý". Vậy xin phép hỏi, đình mất từ bao lâu?

- Mới hôm kia chứ đâu?

Ông Động cười ha hả:

- Quan lớn nhân danh "dân chi phụ mẫu" phụ họa với bọn không đặt làm có, mà cũng nghe được.

Quan huyện đập bàn quát lên:

- Lính đâu, hãy đóng gông tên này lại cho ta.

Ông Động thông thả đáp:

- Xin quan lớn bớt cơn thịnh nộ cho kẻ hạ dân hỏi bên nguyên: Nền đình làng Vạn-phước có dấu tích gì để biết đình mất đã bao lâu?

Bọn lý hào Vạn-phước nói:

- Cái đã lên lá.

Ông Động cười:

- Bẩm quan, một bên mất đình chỉ nói cái vừa trổ lá, còn đình làng tôi thì bìm bìm đã mọc lên tận nóc. Xin mời quan về khám hư thực.

Quan về khám đình làng Đa-hòa thì quả thấy xung quanh đình, bờ giậu đã mọc xanh kín, ở sân đình cây cối um tùm: đặc biệt là dây bìm bìm đã leo lên tới nóc. Thấy vậy, quan đành xử cho ông thắng cuộc.

Bọn hào lý làng Vạn-phước chịu thua kiện, cầm cổ ra về. Sau đó, do dân làng buộc tội, mấy tên phú thương đã đánh ông Động ngày xưa tức là bọn tên Giáp tên Ất phải ngửa cổ đền cho làng Vạn-phước một cái đình khác.

Người ta nói đình làng Đa-hòa cho đến nay vẫn còn, một cột cái của nó vẫn để lơ lửng vì thiếu mất một hòn đá tảng lúc vượt sông.

KHẢO DỊ

Ở một số làng Bắc-bộ còn có nhiều truyện nói về trộm đình hoặc mượn đình bằng phép thuật. Chúng tôi kể ra dưới đây hai truyện:

1. **Mượn đình**

Làng Yên-mỹ thuộc huyện Thanh-trì có một thầy phù thủy cao tay. Một hôm nghe dân làng phàn nàn sắp mở đám hội mùa xuân mà tiếc rằng làng nghèo không có đình để vào đám cho trọng thể, ông bảo họ: - "Tôi sẽ vì làng đi mượn một cái đình, rước xách xong lại trả cho người ta". Dân làng hỏi: - "Mượn ở đâu?". "Làng Trung-quan ở bên kia sông có ngôi đình đẹp, mượn cũng tiện". - "Phí tốn thế nào?" - "Không tốn kém gì mấy. Chỉ xin chọn đất đắp cho một cái nền đình, và khi nào chuyển vận thì mỗi nhà nấu cho một nồi cháo đưa ra bày ở nền để khao âm binh". Mọi người ưng thuận. Khi nền đắp xong, ông dặn: - "Hễ đêm nay nghe tiếng chó cắn xin mọi người ai nấy cứ ngủ kỹ, chớ có tò mò ra nhìn ngó gì mà hỏng việc". Nửa đêm hôm ấy, người làng nghe tiếng chó cắn râm ran khắp nơi, qua đó nghe như có hàng ngàn quân đang tập hợp ở sân đình. Sau đó lại tản đi đâu mất cả. Được một chốc lại nghe rào rào như gió bão, rồi tiếp đến thấy im lặng như tờ.

Sáng dậy, dân làng ra xem quả thấy có một ngôi đình đồ sộ đặt trên nền cùng với cả hoành phi, câu đối và đá tảng. Dân làng Trung-quan thấy mất đình chia nhau đi tìm. Cuối cùng họ biết đình của mình đã sang bên làng Yên-mỹ, nhưng không biết lấy cớ gì để đòi. Dân Yên-mỹ mở hội bảy đêm ngày, mời các làng lân cận, trong đó có Trung-quan về dự rất vui vẻ, nhưng không một ai hé răng nói đến ngôi đình mới của mình. Sau khi đám hội kết thúc, thầy phù thủy lại dùng phép trả đình lại cho làng Trung-quan. Người của làng Yên-mỹ mang một con lợn và mấy cỗ xôi sang tạ lỗi: - "Làng chúng tôi không có đình, nếu nói thật là mượn đình, thì quý thôn chắc cũng chả cho mượn. Vậy đành phải mượn trộm trong mười hôm. Nay xin trả lại đầy đủ chỉ giữ lại mười hòn đá tảng để làm kỷ vật, hết bao nhiêu tiền chúng tôi xin bồi thường".

Về sau, khi làng Yên-mỹ có tiền dựng đình, vì đình quy mô nhỏ nên họ phải xén bớt những hòn đá tảng giữ lại nói trên cho vừa cỡ của cột[1].

2. *Giấu đình dưới giếng*

Làng Mễ-trì, huyện Hoài-đức, một làng hai thôn chung nhau một cái đình. Một hôm dân hai thôn cãi nhau về việc cúng thần. Sáng ra, họ thấy đình đã mất, chỉ còn trơ lại cái nền. Thần ngự đồng lên báo cho biết, vì hai thôn ganh tỵ nhau, nên đêm qua thần bốc đình bỏ xuống giếng gần đấy. Nay việc đã định rồi không cho đưa về nữa. Người ta ra giếng nhìn quả thấy lơ mờ có nóc đình ở dưới nước. Không thấy một ai bàn chuyện di chuyển. Nhưng sau đó mỗi lần cầu việc gì không được (như trời hạn cầu mưa chẳng hạn) dân làng lại ra sức tát giếng làm như cách đưa đình lên để dọa thần. Thần sợ nên hể nước cạn hơi lộ cột ra, thần phải lật đặt làm mưa cho họ thôi tát. Có lần tát lộ cả bốn cột rồi mà vẫn chưa thấy mưa, một người họ Ngô lội xuống giếng vào cung đánh chuông vang rền, nhưng hẵn bị thần phạt. Vì thế từ đấy mỗi khi tát để cầu đảo, làng không cho những người họ Ngô xuống giếng.

Về sau hai thôn phải làm đình riêng, chỗ cũ gọi là bãi nền đình[2].

Người Quảng-nam có truyện *Thầy Thím*, là một dị bản của truyện *Sự tích đình làng Đa-hòa* kết hợp với một vài hình tượng trong truyện *Lấy bấy như Cao Biền dậy non* (số 39, tập I).

Ở làng Trà-luông, huyện Thăng-bình, có hai vợ chồng một đạo sĩ tên là Lánh. Họ dần dần nổi tiếng về những phù phép màu nhiệm, nên dân gọi chung là Thầy, vợ là Thím gọi chung là Thầy Thím. Thấy đình làng hư nát, một hôm Thầy Thím tới gặp các ông hương chức tự nguyện cất cho một đình khác đẹp hơn. Làng tưởng họ nói chơi, cũng vui miệng trả lời ưng thuận. Thầy Thím bảo người dỡ cái đình cũ và đắp đất đắp lại nền sẵn sàng.

Một đêm nọ tự nhiên giông bão nổi lên ầm ầm. Dân làng nghe xa xa có tiếng Thầy Thím hò hét thúc giục, rồi tiếng đục đẽo, tiếng búa gõ ỳnh ỳnh.

Sáng ra đã thấy một cái đình rất đẹp. Làng bên cạnh mất đình, cho người đi dò la thấy đình làng Trà-luông giống với đình mình, bèn đi kiện. Thầy Thím lấy trộm không gọn. Chứng cứ không thể chối cãi được là trên vách tường ngôi đình này còn có vết dây trầu leo mà lại không có gốc. Bọn hương chức Trà-luông đổ vạ cho Thầy Thím. Hai vợ chồng liền bị hắt và cuối cùng bị kết án tử hình.

Trước khi bị chém, Thầy Thím xin phép quan cho mình truyền lại một vật báu. Bèn sai người mang đến một tấm lụa và bút mực. Họ vẽ lên lụa một con rồng. Khi vẽ xong, họ thắp hương, điểm nhãn, rồng vụt bay lên trời mang theo cả hai vợ chồng trước con mắt ngơ ngác của quan và lính.

Đến Nha-trang, họ xuống ở nhờ một bà già lên là Xối. Một hôm Thầy Thím gửi cho bà một bọc vải đựng hạt đậu, treo lên xà nhà, và dặn bà đừng cho ai biết. Không ngờ sau đó đứa cháu bà Xối nghe trong bọc có tiếng xì xào thì tò mò mở ra xem. Tự nhiên trong bọc có nhiều binh lính hiện ra cầm khí giới bao vây lấy nó, làm nó hoảng hốt kêu cứu om sòm (giống với tình tiết

rầm lúa thành binh ở truyện số 39, tập I). May Thầy Thím kịp thời chạy đến hô thần chú cho binh lính rút vào bọc nên không việc gì.

Về sau Thầy Thím chết, quan trên không trị được họ lúc sống, nên báo thù lúc chết bằng cách dùng xiềng sắt xiềng mờ lại. Nhưng đêm đến có voi rừng về phá tan xiềng. Về sau vua phải phong cho chồng là Chí Đức Đại vương, vợ là Chí Đức nương nương[3].

[1] Theo lời kể của người Hà- đông.

[2] Theo lời kể của người làng Mễ-trì.

[3] Theo Sơn Nam. *Chuyện xưa tích cũ*, tập I, và theo Xa-lê (Sallet) trong tạp chí *Viễn Á* số 5 (1925). Lê Thanh Thái kể đoạn cười rồng có hơi khác, như sau:

Thầy Thím từ miền ngoài vào ở làng Tam-tân (Phan-thiết) làm nghề thợ rừng kiêm thầy thuốc. Do chữa được nhiều bệnh hiểm nghèo nên tiếng đồn khắp nơi, đến tai một lão Tây coi đèn ở đây. Linh cảm là không yên, Thầy sai Thím mua một tấm vải điều về vẽ một con rồng nhưng chưa điểm nhãn đã cuốn lại cất đi.

Ít lâu sau, lão Tây đèn và lính tới bắt. Thầy xin phép vẽ nốt mắt rồng để treo bàn thờ tổ đã. Đoạn Thầy trải vải ra sân điểm mắt bên tả xong, bảo vợ bước vào mài thêm mực. Điểm vừa xong mắt bên hữu, thì rồng tự dưng quẫy đuôi bay lên trời, mang theo cả hai vợ chồng, làm cho lão Tây đèn và lính đứng ngây (*Bách khoa*, số 385).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
124. CON CHIM KHÁCH MÀU NHIỆM

Vào một ngày xa xưa, có hai anh em con một nhà quan nọ một hôm đi chơi thấy có một nhà đạo sĩ ngồi bên vệ đường. Trước mặt đạo sĩ có đặt một cái lồng, trong có một con chim khách. Hai anh em sán lại xem và hỏi:

- Chim gì mà trông chẳng đẹp. Nó có hót được không?
- Chim này không phải để nghe hót đâu - đạo sĩ trả lời.
- Thế dùng để làm gì?
- Đây là một con chim khách màu nhiệm. Ai ăn được thịt nó sẽ trở thành bậc vương giả.
- Có bán không?
- Chỉ bán cho người nào mang lại đây bốn ngàn quan tiền. Đưa về nuôi đúng ba tháng mười ngày, sau đó mới làm thịt. Chỉ cần ăn một miếng thịt chim này tự khắc có ngày phú quý sẽ đến, đừng trù lên thiên hạ.
- Có chắc thế không?
- Đã mua thì đừng ngờ. Đã ngờ thì đừng mua. Nhưng hãy nhớ, không phải bất kỳ ai có tiền là mua được chim, cũng không phải bất kỳ ai mua được chim là ăn được thịt. Phải có số, lại phải có tài.

Tin tưởng ở lời nói của nhà đạo sĩ, hai anh em liền chạy về nhà lấy trộm của mẹ mình đủ số tiền mang tới cho đạo sĩ để được làm chủ con chim quý.

Trở về, hai anh em giao chim cho ba người thị tỳ, bắt mỗi người phải nhận một việc: người thứ nhất cho chim ăn, người thứ hai tắm rửa, dọn lồng cho chim, còn người thứ ba trông nom săn sóc chim. Hai người chủ còn dặn:

- Tính mệnh cả ba người gắn liền với con chim đó. Ta hứa sẽ cho các người mỗi người một ngàn quan nếu nuôi chim và giữ chim được tốt. Nhưng nếu để chim chết, hoặc bay mất, nhất định sẽ trị tội không tha!

Dặn đoạn, hai anh em trở lại ngôi trường cách xa một ngày đường, tiếp tục học tập.

Hồi đó, ở một nước ngoài có một người học được phép bấm độn rất tài tình. Ở đâu mất cái gì, hắn cũng có thể dùng phép lạ tìm ra được.

Nhờ có phép lạ, hắn biết rằng ở nước Nam có một con chim khách mầu nhiệm: ai ăn thịt nó sẽ được làm vua. Thấy vậy, hắn bèn bán tất cả gia tài điền sản đóng một chiếc tàu quyết sang tận nơi để tìm bằng được.

Sau những ngày lần mò dò hỏi, hắn đã tìm đến đúng nhà có con chim khách. Nhà rất kín cổng cao tường lại có nhiều đầy tớ canh gác, không dễ gì vào lọt. Nhưng khi biết chủ nhân ngôi nhà chỉ là một người đàn bà góa, hai đứa con trai đều đi học vắng, hầu hạ bên mình chỉ có ba cô gái trẻ, thì hắn rất mừng, quyết lập kế để lọt vào cho được. Hắn nhờ mỗi giới thiệu mình là khách buôn nước ngoài bán rất nhiều hàng nữ trang và lụa là với giá rẻ chưa từng có. Quả nhiên, mưu sâu đã đạt, khi gặp chủ nhân, hắn đưa tặng một chiếc nhẫn ngọc để làm quen. Chỉ một thời gian đi lại, dần dần

hắn đã bắt nhân tình được với người đàn bà này. Nhưng khi hỏi dò đến con chim khách, hắn mới biết rằng chim được bảo vệ hết sức cẩn mật, do ba người thị tỳ chia nhau đêm ngày canh giữ.

Túng thế, người khách buồn lại phải giờ một thủ đoạn khác. Một hôm, hắn làm bộ sửa soạn cho tàu về nước. Người đàn bà góa ăn phải bả tình, hết lời dỗ dành để cầu mong hắn ở lại với mình. Hắn liền ngỏ ý sẽ ở lại suốt đời, nếu được ăn thịt con chim khách nuôi trong nhà này.

- Tưởng như thế nào chứ việc ấy thì có gì là khó khăn.

Đáp đoạn, người đàn bà bèn ra lệnh cho mấy người thị tỳ phải đưa nộp con chim khách.

Nhưng cả ba người nhất định không chịu. Họ trả lời: - "Thưa bà, chúng con không thể trái lệnh của hai công tử đã căn dặn trước khi lên đường".

Để buộc mấy người thị tỳ phải tuân lời mình, người đàn bà nọ bèn hành hạ họ một cách tàn khốc. Cuối cùng họ không thể kiên gan được nữa.

Lại nói chuyện một ngày nọ hai anh em đang ngồi làm bài thì tự nhiên ruồi ở đâu kéo tới vây kín lấy đầu ngọn bút không cho nhúng vào mực. Nghĩ là ở nhà có chuyện chẳng lành xảy ra, hai anh em bèn xin phép thầy về thăm nhà.

Khi họ vừa bước vào cửa thì bangười thị tỳ đã chạy tới dắt họ vào buồng kín rồi quỳ xuống, kể hết những chuyện xảy ra ở nhà cho họ nghe: nào là người lái buôn nước ngoài đi lại không chính đáng với phu nhân, nào là họ bị đánh đập như thế nào chỉ vì không chịu nộp con chim quý, v.v...

Hai anh em hỏi:

- Thế chim hiện giờ ở đâu?

- Đã giết thịt còn kho trên bếp. Chốc nữa ông ấy sẽ đến ăn.

Hai anh em bèn vào ngay nhà bếp ngồi chén kỳ hết thịt con chim khách của mình. Ăn xong, họ lấy trộm tiền mẹ, thưởng cho ba người thị tỳ như lời đã hứa, và dặn họ hãy trốn mau đừng để mẹ mình bắt được. Rồi đó, hai anh em cũng bỏ nhà ra đi. Khi trèo lên một ngọn đèo thì trời vừa tối, hai người ngồi lại nghỉ sức, rồi vì mệt quá nên ngủ quên trên bãi cỏ.

Đang ngủ ngon giấc thì bỗng nhiên trên không trung có hai vị thần bay qua chốn này. Nhìn thấy hai chàng trẻ tuổi nằm giữa cánh rừng hoang, một vị vốn là thần Thiện nói:

- Này này, có hai gã xinh trai, lại có tướng làm vua sao mà lại nằm ở đây không sợ thú dữ ăn thịt? Chúng ta hãy mang họ đến kinh thành giúp cho họ sớm lên ngôi báu.

Nhưng vị kia vốn là thần ác, đáp:

- Không nên! Không nên! Hãy đưa chúng nó đến những nơi trảm sông ngàn gió để xem chúng nó chống chèo với số mệnh ra sao đã mới được.

Hai vị thần tranh cãi nhau mãi không ai chịu ai. Mãi đến gần sáng một vị cặp người anh đi sang nước Tề, một vị cặp người em đi sang nước Sở, thả xuống vào lúc mặt trời chưa mọc.

*

* *

Lại nói chuyện người anh được thần Thiện thả vào nhà một người dân nghèo. Gia đình ấy hàng ngày đi làm thuê, bữa hôm không biết có bữa mai. Thấy người con trai mặt mũi sáng sủa lại chữ tốt văn hay, người chủ nhà coi như trời đưa đến cho mình một đứa con, nên tuy nhà thiếu ăn, ông cũng không nỡ đuổi. Chàng trẻ tuổi cũng lao vào làm bất cứ công việc gì để sống. Vùng này vừa bị mất mùa trong mấy năm liền, miếng ăn kiếm rất chật vật. Chàng trẻ tuổi hết làm thuê, đến kiếm củi, đào củ mài... quần quật suốt ngày vẫn không đủ bỏ miệng. Nạn đói ngày một dữ dội, người chết đói đầy đường đầy chợ. Trong một vài tháng đã xảy ra những vụ cướp thóc. Người chủ nhà đi theo đám đông. Chàng trẻ tuổi cũng hăng hái đi đầu. Thấy anh có tài, người ta tôn thủ lĩnh đại vương. Triều đình nghe tin dân đói nổi loạn, vội điều quân tới đánh.

Máu chảy khắp nơi. Nhưng bên phía dân đói cũng tập hợp thành những đội quân do anh chỉ huy. Quân của anh ngày một đông: từ hàng ngàn chẳng mấy chốc lên hàng chục vạn. Quân triều đình kéo tới lớp nào bị đánh tan tành lớp ấy. Quân của anh kéo về kinh không một ai dám chống lại. Cuối cùng trong một trận kịch chiến, bọn vua quan nước Tề đều bị tiêu diệt. Cõi bờ nước Tề đều giao lại cho nghĩa binh. Người ta tôn anh lên ngai vàng, gọi là Tề vương.

*

* *

Người em được thần ác thả vào một cái thành. Hồi này ở nước Sở đang bị nạn măng xà. Măng xà vốn thích ăn thịt người. Ngày nào nó cũng phải thịt một mạng người mới đủ no. Từ trong hang đá, cứ chừng đúng Ngọ thì nó bò ra đi tìm mồi. Xong bữa tiệc, nó lại trở về hang nằm nghỉ. Vì vậy, cứ vào khoảng nửa buổi, mọi người thi nhau chạy đi tìm nơi ẩn náu. Nhưng măng xà cũng rất tinh khôn, không bao giờ chịu nhịn đói. Suốt mấy năm trời, nó đã ăn hết không biết bao nhiêu mạng người. Nhà vua vô cùng lo lắng, hứa gả công chúa cho người nào có thể trừ được con quái vật.

Chàng trẻ tuổi rơi xuống đúng vào lúc măng xà tìm đến kiếm ăn ở cái thành này. Anh đang đi dạo chơi các phố, bỗng chốc thấy mọi người đều biến đi đâu mất cả. Đang lúc ngạc nhiên thì măng xà đã ở đâu xông lại. Thấy thế nguy, anh tuốt gươm đánh trả. Trận đánh diễn ra rất lâu, mấy lần anh đâm trúng vào đầu con vật. Một mũi gươm bị gãy giắt vào trong đó. Nhưng tuy bị thương, măng xà vẫn còn rất khỏe. Nó quăn anh một nhào. Cuối cùng, anh cũng chém được con quái vật, nhưng vì mệt quá nên lăn ra nằm ngất bên vệ đường.

Khi cơn nguy hiểm đã qua, mọi người lục tục ra khỏi chỗ nấp. Một viên quan nhỏ phi ngựa đến được chỗ xác măng xà trước tiên, liền chém lấy cái đầu đưa lên nộp vua, tự xưng mình là người giết được quái vật.

Vua y ước gả công chúa cho hắn. Lễ cưới tổ chức rất linh đình. Nhưng giữa lúc mọi người đang tiệc tùng thì chàng trẻ tuổi bỗng xuất hiện ở cửa thành. Anh xin vào gặp vua để đòi lại mũi gươm gãy. Bon thị vệ đưa đầu măng xà ra, quả tìm được ngay. Thấy chứng cứ sờ sờ, vua sai bắt viên quan bỏ ngục và phong cho chàng trẻ tuổi chức phò mã.

Sau đó ít lâu vua chết không có con nối. Phò mã được mọi người tôn làm

vua gọi là Sở vương.

Trong một cuộc hội kiến, Tề vương và Sở vương gặp nhau ở biên giới hai nước. Hai anh em nhận ra nhau ngay, và từ đây hai nước giữ hòa hiếu lâu dài. Nhân dân nước Tề và nước Sở được hưởng thái bình thịnh trị chưa từng có [1].

KHẢO DỊ

Truyện kể trên gần giống với đoạn mở đầu của truyện cổ tích Ba-tư (Iran) và Ấn-độ. Truyện của Ba-tư như sau: Một thầy tu mua được một con chim màu nhiệm, mỗi ngày đẻ cho y một viên ngọc. Một thời gian y vắng nhà, vợ y bắt nhân tình với một người đổi bạc.

Nhờ một người bạn là một nhà thông thái cho biết ai ăn được đầu con chim ấy sẽ trở thành vua, nên người đổi bạc bảo tình nhân làm thịt con chim kia cho mình ăn. Người đàn bà vâng lời, nhưng đang nấu thì con khóc. Để dỗ con nín, bà ta vô tình cho nó ăn cái đầu. Thấy mất đầu chim, người đổi bạc tức giận, chạy đi hỏi bạn, bạn bảo ăn đầu đứa trẻ cũng sẽ được làm vua. Hắn định giết đứa trẻ, nhưng khi đến nơi thì người hầu gái đã đem đứa bé trốn đi. Đứa bé qua nhiều cuộc phiêu lưu kỳ lạ được dân một nước khác tôn làm vua.

Truyện Ấn-độ, sưu tầm ở xứ Cát-sơ-mia (Cachemire): Có hai anh em con vua phải trốn khỏi nhà vì bị dì ghẻ bạc đãi. Nghỉ chân dưới một gốc cây, họ

bỗng nghe một con sáo bảo một con vẹt rằng - "Ai ăn thịt ta thì sẽ được làm quan đầu triều". - "Còn ta, con vẹt đáp, ai ăn thịt thì sẽ được làm vua". Hai người dùng cung tên bắn chết hai con chim, người anh ăn con vẹt, người em ăn con sáo. Người anh đến một nước kia sau quả được làm vua. Còn người em đến một nước khác, cũng như truyện của ta, ở đây đang có nạn chần tinh ăn thịt người, mỗi ngày phải nộp một mạng. Vua hứa gả con gái cho người nào giết được quái vật. Người em giết được con vật nhưng vì kiệt sức nằm lăn ra đất. Một người hàng ngày thường quét dọn chỗ chần tinh ăn, hôm ấy thấy quái vật chết, bèn chặt đầu nộp lên vua, xưng rằng chính tay mình đã giết. Về sau sự thật cũng được tỏ rõ truyện của ta [2].

Người Khơ-me (Khmer) có một truyện tương tự: Một hoàng hậu sinh được hai người con trai và được thần cho hai viên kim cương quý đeo vào có thể bay được. Thần còn cho biết: mẹ con sẽ gặp tai nạn trong mười năm, hết hạn sẽ đoàn tụ. Sau đó, ba mẹ con bị một bà phi khác tìm cách hãm hại, nhưng nhờ những người lính thương hại thả cho đi trốn.

Như các truyện trên, ở đây cũng có hai con vật màu nhiệm. Một hôm hai anh em đi đến một nơi thấy hai con gà, một trắng một đen, nói với nhau hễ ai ăn thịt được chúng nó thì sẽ được làm vua hai nước. Chờ lúc hai con chọi nhau một lữ, hai anh em bắt làm thịt ăn.

Hai anh em đi đến một nước kia, ông vua nước này chết không con nối.

Theo lời quan thiên văn, người ta cho đóng voi rồi voi tự nó đi tìm ra người có số làm vua đem về triều. Đến chỗ có hai anh em đang ngủ, voi dừng lại rồi dùng vòi quấn lấy người anh đặt lên ngai đưa về, từ đó người anh trở thành vua.

Người em ngủ dậy thấy mất anh, bèn bỏ đi tìm, không ngờ lưu lạc đến một

nước khác, ở nhờ một bà lão. Bà lão thấy chàng có chiếc nhẫn sáng ngời là yêu tinh, vội đi báo vua. Vua sai lính bắt về giam lại. Hồi ấy có một hung thần đòi nộp công chúa. Vua hứa sẽ gả công chúa và truyền ngôi cho ai trừ được hung thần. Chàng xin đi. Thằng trận trở về được vua khen ngợi nhường ngôi, nhưng anh nhớ đến thời hạn mười năm đã hết nên cố xin về gặp anh mình và mẹ [3].

Khi qua nước của người anh trị vì, người em thấy chân dung của anh treo khắp nơi, vội xin vào cung tìm. Gặp nhau, họ rất vui mừng, rồi đó cả hai dùng nhẫn kim cương bay về xứ sở gặp lại mẹ.

Truyện của người Đức cũng giống các truyện trên: Có hai anh em, một giàu, một nghèo. Hai đứa con sinh đôi của người nghèo, thường ngày phải sang nhà bác xin ăn, trong khi đó, bố nó phải sinh nhai bằng nghề kiếm củi. Một hôm ông này thấy một chim chim lạ, đánh rơi một chiếc lông, rồi một quả trứng bằng vàng. Người em đều mang đến bán cho anh mình.

Người anh dò hỏi, rồi tìm đến tận tổ, bắt được con chim quý đưa về bảo vợ nướng cho mình ăn. Người vợ vô tình làm rơi tim và gan chim, mấy đứa con người em vào bếp nhặt được ăn mất cả. Người vợ đành lấy tim gan gà thế vào cho chồng ăn.

Vì ăn đúng tim gan chim thần nên mỗi sáng hai đứa bé nhả ra từ miệng hai đồng tiền vàng. Bác chúng biết chuyện bèn tìm cách giết cháu, nhưng hai đứa đã kịp thời trốn vào rừng và được một người đi săn nhận làm con nuôi, lại dạy cho nghề bắn thành thạo. Nhờ tài săn bắn, hai đứa trẻ bắt được thỏ, cáo, gấu, chó sói, sư tử mỗi loại một đôi, người và vật quần quýt theo nhau.

Sau đó, hai anh em chia đôi số loài vật trên, mỗi người đi một ngả. Cũng như các truyện trên, người em đi đến một nước có con rồng bảy đầu mỗi năm đòi nộp một cô gái. Đúng năm ấy, công chúa đến lượt phải đi nộp mạng. Nhà vua nước ấy bèn loan tin sẽ gả công chúa và nhường ngôi cho người nào giết được rồng. Anh chàng lên núi tìm được thanh gươm và một lọ thuốc thần, ai uống vào sẽ có sức mạnh vô địch. Anh giấu công chúa vào một nơi, rồi dùng gươm tiêu diệt con rồng. Giết xong, anh được công chúa tặng một chiếc vòng ngọc, một chiếc khăn thêu, anh dùng khăn này bọc bảy cái lưỡi rồng rồi nằm ngủ giữa mấy con vật thân yêu. Không ngờ, tên thừa tướng được vua sai đi thăm dò, nhân lúc người anh hùng và mấy con vật ngủ say, hăn giết chết anh, chặt bảy đầu rồng rồi đưa công chúa về, buộc nàng phải nhận mình là người đã lập nên công trạng. Khi mấy con vật tỉnh dậy thấy chủ chết, chúng đi kiếm lá cứu sống chủ. Sau đó, những con vật khác tìm cách vào cung gặp công chúa vào lúc đám cưới của công chúa sắp được tổ chức với tên thừa tướng. Giữa lúc tên thừa tướng đang ba hoa về bảy cái đầu rồng thì chàng đi sẵn xuất hiện. Anh hỏi nó: "Vậy thì bảy cái lưỡi ở đâu?". Hăn cứng họng không trả lời được. Anh giở chiếc khăn công chúa tặng lấy ra bảy cái lưỡi và thuật lại mọi việc. Tên thừa tướng liền bị án trăm quyết, chức phò mã về tay anh, và sau đó anh được vua truyền ngôi.

Đoạn sau, anh bị một mụn phù thủy biến thành đá cùng với các con vật.

Người anh em sinh đôi khi nhìn thấy lưỡi dao - do ông thầy thợ săn tặng trước lúc chia tay - hoen rỉ, biết là em mình đang bị nạn, liền đâm bổ đi tìm.

Kết quả anh bắt mụ phù thủy phải làm phép biến đá trở lại thành người và vật, đưa về cho công chúa[4].

Người Miến-điện (Myanmar) có truyện *Con gà trống kỳ dị* cũng gần với truyện của người Đức: Có hai anh em nhà nọ: em nghèo ở nơi rừng núi; còn anh giàu ở thành thị.

Một hôm, em ngồi ở gốc cây nhặt được một chiếc lông gà vàng. Dem đến cho anh, em được anh trả cho một đồng. Không biết là của quý, em cho rằng anh trả quá giá, cảm ơn rồi rút. Mấy hôm liền, em nhặt được lông gà đều đưa cho anh và đều được tiền như lần đầu.

Một hôm, em nghe có tiếng gà nói: -"Ai ăn được quả tim của ta thì mỗi ngày sẽ được hai quả trứng vàng ở dưới gốc cây". Em mang tin ấy báo cho anh biết, anh hứa nếu bắt được gà anh sẽ thưởng cho một ngàn đồng. Em từ chối tiền, chỉ xin anh nuôi hộ hai đứa con mình làm con nuôi vì nhà nghèo quá không nuôi nổi. Khi bắt được gà đưa đến, người anh bảo hai đứa cháu đưa xuống bếp làm thịt. Hai cháu vô tình đánh rơi tim gà xuống đất. Đứa này bảo đứa kia: -"Thôi bắn mất rồi, đừng dọn cho bác ăn nữa". Đoạn hai đứa chia nhau ăn quả tim.

Khi ăn cơm, người bác thất vọng thấy mất tim gà bèn đánh đuổi cháu. Hai cháu bỏ về nhà. Từ đấy, mỗi ngày chúng nhặt được đều đặn hai quả trứng vàng. Bố con nhà họ trở nên giàu có[5].

Người Pháp có truyện *Con chim xanh* cũng thuộc loại truyện trên, nhưng đã kết hợp với hình tượng của truyện *Mũi dài* (số 185, tập IV).

Một bà góa có ba con: hai trai một gái. Một hôm bà đi chợ bắt được một con chim xanh mang về cho con. Mỗi sáng chim đẻ cho họ một trứng vàng.

Một hôm, có một hoàng tử đi săn ghé vào trại họ giải khát, thấy con chim trong lồng có chữ vàng đề: "Ai ăn đầu ta sẽ được làm vua, ăn tim ta sẽ được mỗi sáng một đồng vàng dưới gối". Hoàng tử hỏi mua, họ không bán, bèn xin cưới cô gái làm vợ với điều kiện hôm cưới được ăn thịt chim. Họ bằng lòng nhưng vì nghi ngờ, nên hôm cưới họ ăn quách thịt chim, thay vào đó là thịt một con chim bạc má. Sau đó hai anh em sợ bỏ trốn vào rừng. Sáng dậy người anh ăn tim chim - lấy làm lạ thấy dưới đầu mình có những đồng vàng. Hai anh em qua nhiều nơi, đến một thành phố không ai biết vàng là gì, dân ở đấy lấy làm lạ tiến dẫn họ lên vua. Sau đó người em -ăn đầu chim -được lấy công chúa, nhân bố vợ chết, được kế vị.

Người anh từ già em đến một thành phố khác, lấy được con gái một ông chúa. Vợ thấy chồng mỗi sáng có vàng dưới gối thì ngạc nhiên, mới đi tìm hỏi một pháp sư. Pháp sư nói ra điều bí mật và đưa cho người vợ một sợi dây bạc để lúc chồng ngủ có thể lôi tim chim ra mà ăn, để giành lấy sự màu nhiệm của chồng.

Cuối cùng vợ rủ chồng đi trên một chiếc tàu rồi cùng một con hầu vớt chồng lên hoang đảo. Ở đây, trong khi đi tìm thức ăn, anh ăn phải một loại rau cần, tự nhiên hóa ra con lừa. Lừa ta sau đó ăn một loại rau khác lại trở thành người. Nhờ có một chiếc thuyền ghé vào đảo, anh được trở về quê vợ, mang theo hai loại rau lạ. Anh cải trang làm người bán rau đem đến cung bán.

Vợ và con hầu ăn rau vào đều hóa thành lừa cái. Anh bắt chúng làm công việc nặng nhọc trong hai năm, rồi mới cho hóa thành người. Anh dùng sợi dây bạc lấy lại tim chim từ người vợ, rồi từ đấy hai vợ chồng sống với nhau lâu dài[6].

-
- [1] Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn, và lời kể của người Phú-yên.
- [2] Đều theo Cô-xanh (Cosquin). *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren*, tập I
- [3] Theo Vân Hải. *Con cá có mỏ (Tập truyện cổ tích Căm-pu-chia)*.
- [4] Theo *Dũng sĩ Ha-ba-na*. Xem thêm truyện *Đứa con người đánh cá* của người Á-ga-nít-xtăng trong Khảo dị truyện *Tiêu diệt mãng xà* (số 148), hình tượng của hai truyện được xây dựng khá giống nhau.
- [5] Theo *Miến-điện dân gian cổ sự*.
- [6] Theo Xê-bi-ô (Sébillot). *Truyện dân gian ở Thượng Brơ-ta-nhơ Bretagne (Pháp)*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
125. CÂY TRE TRĂM ĐỐT

Ngày xưa, có một anh nông phu nhà rất nghèo, phải đi ở cho một phú ông. Phú ông tính rất keo kiệt. Đối với kẻ ăn người ở, hăn có rất nhiều mảnh khốc để bòn công mà không phải trả thêm tiền. Trong nhà hăn có một cô con gái chưa gả chồng. Thấy anh đầy tớ tuổi đã lớn mà chưa có vợ, hăn vờ vọt:

- Cứ cố làm việc đi con ạ! Lão sẽ gả con gái cho!

Vốn tính thật thà nên khi nghe lời đường mật của chủ, anh chàng bỗng nuôi hy vọng làm rể phú ông. Từ đó, anh đổ sức ra làm việc không biết mệt. Trời chưa sáng anh đã lội bì bõm ở ngoài đồng; cho đến tận khuya vẫn còn trần lực xay lúa giã gạo, kéo trục, bện thừng, v.v... Bao nhiêu công việc của chủ giao, dù khó khăn nặng nhọc thế nào, anh cũng không từ chối.

Phú ông thấy mưu mình đặt thì mừng lắm. Đứa con gái của lão đời nào lão lại chịu gả cho hạng người như anh. Lão đã nhận lời gả cho con một nhà giàu ở làng bên cạnh vừa mang trầu cau đến chạm ngõ.

Song để giấu anh, lão bắt mọi người phải giữ kín. Còn anh, anh vẫn không nghi ngờ gì cả, vẫn quần quật làm việc và gửi gắm hy vọng vào ông chủ.

Lật đặt mà ngày cưới của cô gái đã đến. Hôm ấy trong nhà phú ông người ta bày bàn dọn ghế, giết lợn mổ gà tấp nập. Để cho anh đầy tớ khỏi sinh sự lôi thôi làm lỡ cuộc vui của con mình, phú ông gọi anh đến và bảo:

- Con làm việc khá lắm, lão rất ưng ý. Hôm nay lão đã sửa soạn cỗ bàn rồi đây. Nhưng mà con cũng phải có gì làm sính lễ mới được. Ta không đòi tiền bạc ruộng vườn gì cả. Cứ lên rừng chọn cây tre nào có một trăm đốt chặt mang về đây, lão sẽ cho làm lễ thành hôn. Nếu không có thì lão gả cho người khác đấy!

Anh chàng đứng ngẩn người ra một lúc, nhưng sau đó người ta thấy anh cầm rựa cầm cuí ra đi. Lên rừng, anh cố tìm những bụi tre cao rồi lách vào mà chặt. Nhưng mỗi một cây tre ngã xuống là một lần anh thất vọng. Tre trông cao ngất ngưỡng là thế nhưng nhiều lắm cũng chỉ đến bốn mươi đốt

là cùng.

Tuy vậy, anh vẫn không chịu nản. Anh lại luồn vào những nơi hiểm hóc có những bụi tre già, và mặc cho gai tre tua tủa cào rách cả áo, toạc cả da, anh vẫn không bận tâm, chỉ mong có một cây tre trăm đốt để mang về làm lễ dâng lên bố vợ. Anh giờ cao rửa chặt lấy chặt để. Nhưng tất cả những cây ngã xuống, đếm đi đếm lại cũng chỉ hơn những cây trước chừng dăm bảy đốt là cùng. Buồn rầu quá đỗi, anh quẳng rửa xuống đất, ngồi khóc nức nở. Tiếng khóc của anh vang động cả núi rừng. Nghe tiếng khóc, Bụt hiện lên trước mặt, hỏi:

- Con là ai? Cớ sao lại ngồi đây mà khóc?

Anh gạt nước mắt kể lẽ sự tình cho Bụt nghe. Nghe đoạn, Bụt bảo:

- Con đừng khóc nữa. Hãy đi chặt lấy một trăm đốt tre mang về đây cho ta. Anh nông phu lập tức làm theo lời Bụt dặn. Nhưng khi mang đủ một trăm đốt tre về, thì anh lại khóc:

- Sao con lại khóc?

Anh trả lời Bụt:

- Phú ông bảo con chặt cây tre có một trăm đốt, chứ không phải chặt một trăm đốt tre!

Bụt yên ủi, rồi bày cho anh sắp một trăm đốt tre lại thành một hàng và hô mấy tiếng: - "Khắc nhập! Khắc nhập!". Anh làm theo lời thì màu nhiệm thay, khi mấy tiếng hô vừa phát ra, anh đã thấy tất cả các đốt tre dính vào nhau như là từ một cây sinh ra vậy. Hết sức mừng rỡ, anh vội chạy lại định mang tre về, nhưng dù lấy hết gân sức, cũng không tài nào đỡ lên vai và quay trở được. Loay hoay mãi, cuối cùng anh buông tre rồi ngồi phịch xuống đất khóc. Bụt lại hỏi:

- Làm sao con lại khóc nữa?

- Cây tre dài quá, anh đáp. Con không làm sao mà đưa về nổi.

Bụt lại bảo anh hô lên mấy tiếng: - "Khắc xuất! Khắc xuất!". Anh vừa hô xong thì cũng màu nhiệm không kém gì lần trước, những đốt tre tự nhiên rời ra ngay. Anh mừng quá, hết lời cảm ơn Bụt, rồi xếp tre làm hai bó, quảy ra khỏi cửa rừng.

Anh về đến nhà, giữa lúc hai họ đang cỗ bàn linh đình, cô dâu chú rể sắp

bước vào lễ cưới. Anh lẳng lặng đặt gánh tre giữa sân rồi gọi phú ông ra nhận sính lễ. Thấy các đốt tre, phú ông vội quát:

- Tao bảo mày chặt cho được một cây tre trăm đốt, chứ có phải chặt một trăm đốt tre đâu! Rõ ngớ ngẩn!

Chẳng nói chẳng rằng, anh nông phu luôn miệng hô: - "Khắc nhập! Khắc nhập!". Các đốt tre lần lượt chạy ra khỏi bó rồi dính vào nhau thành một cây cao ngất ngưỡi. Phú ông tức mình chạy lại định lay cây tre cho nó rời ra, nhưng những tiếng "khắc nhập" từ miệng anh hô có phép làm cả người phú ông bỗng dính liền vào cây tre như là một đốt nối thêm vào vậy. Phú ông kêu la ầm ỹ. Tiếng kêu oai oái làm cho hai họ hốt hoảng đổ ra sân. Chàng rể là người đầu tiên chạy đến định gỡ cho vợ, nhưng hai tiếng "khắc nhập" của anh nông phu lại làm cho người hấn dính liền vào cây và đội phú ông lên đầu. Đến lượt ông thông gia đến gỡ con ra cũng bị dính vào nốt. Tiếp đó, họ nhà trai nhà gái cứ mỗi người xông vào gỡ là một lần bị dính cứng vào tre. Trong khi mọi người sợ xanh cả mắt thì anh đầy tớ vẫn bình thản đứng ở góc sân để đợi phú ông trả lời. Cuối cùng, phú ông đành phải van lạy xin được thả ra và hứa sẽ gả con gái cho anh, không dám nuốt lời nữa.

Bấy giờ anh chàng bèn hô lên mấy tiếng: - "Khắc xuất! Khắc xuất!". Lập tức, phú ông và mọi người rời khỏi cây tre. Sau đó chàng rể cùng họ nhà trai cặp góí ra về. Còn anh nông phu từ đó được vợ như mong ước[1].

KHẢO DỊ

Tình tiết người dính vào tre lằng nhằng một lũ tương tự với tình tiết người dính vào ngỗng kéo nhau đi một đoàn của một truyện cổ tích Đức do Grimm (Grimm) sưu tầm: Con ngỗng vàng. Đại khái có một chàng ngốc vào rừng đốn củi, nhờ chia bánh và rượu cho một ông tiên trá hình nên được ông cho một con ngỗng có bộ lông bằng vàng (Trước đó, hai người anh của chàng ngốc vì xấu bụng không chia bánh và rượu nên chỉ bị thương mà không được gì). Về đến quán nghỉ có ba cô gái con chủ quán lần lượt đến định nhổ trộm lông nhưng bị dính chặt vào ngỗng. Anh mang ngỗng đi, kéo theo

cả ba cô. Cha xứ và những người khác đến gỡ hộ cũng bị dính vào thành một chuỗi dài. Đến kinh đô, một công chúa cả đời không cười, thấy thế thì cười ầm lên. Để cho chàng ngốc không lấy được công chúa như đã hứa trước đây (gả công chúa cho người nào làm cho nàng cười được), vua lần lượt bắt anh phải uống một hăm rượu, ăn một núi bánh, chế ra một con tàu đi được cả trên cạn lẫn dưới nước. Nhờ có ông tiên, anh đã giải quyết được cả ba việc, và sau đó được kết duyên với công chúa[2].

Chú thích:

[1] Theo lời kể của người miền Bắc.

[2] Trong Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam, tập IV, có kể truyện Con ngỗng kỳ lạ cũng có những nét gần với truyện trên. Như sau:

Một người nghèo đông con, một hôm lên rừng bỗng thấy một tiên ông đánh nhau với một con quỷ. Anh giương ná toan bắn vào quỷ. Quỷ sợ bỏ chạy. Tiên ông thoát nạn, tặng anh một con ngỗng, dặn khi nào đói thì bắc nồi lên bếp hô: - "Ngỗng vào nồi đi!" ngỗng sẽ rùng mình rụng hết lông nhảy vào nồi. Ăn xong bỏ xương lại một đồng rồi hô: - "Ngỗng đứng dậy!" thì ngỗng sẽ sống lại. Từ đó nhà anh không lo đói.

Lão nhà giàu nghe tin anh có con ngỗng lạ, đòi mua nhưng anh không bán. Lão đến bắt trộm nhưng khi được ngỗng, dầu hô hết hơi, ngỗng vẫn không làm theo ý mình. Tức mình lão dùng gậy đánh. Không ngờ gậy vừa giáng xuống thì dính liền vào ngỗng, còn đầu kia dính vào tay lão, không dứt ra được. Thấy lão kêu cứu, vợ lão chạy ra gỡ lại bị dính vào gậy, lũ con gái xông vào cũng bị dính nốt. Ngỗng lôi cả nhà lão nhà giàu ra chợ rồi lôi về nhà chủ. Anh chờ cho lão nhà giàu cầu khẩn chán chê mới hô mấy tiếng: - "Ngỗng vào nồi đi" để giải thoát cho lão nhà giàu và vợ con lão.

Chúng tôi ngờ rằng truyện này ít nhiều có chịu ảnh của chuyện kia.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
126. NGƯỜI LẤY CỐC

Ngày xưa có hai vợ chồng một người phú hộ hiếm hoi; mãi đến khi tuổi già xế bóng, người vợ mới có mang. Hai người bụng mừng khắp khởi nhưng đến khi giở dạ đẻ ra thì không phải người mà là một con cóc. Cả nhà toan đem ném đi cho khuất mắt. Bỗng cóc cất tiếng nói: - "Đừng ném con đi, cứ để lại, con cũng làm được việc". Rồi cóc "một mẹ hai mẹ" luôn luôn làm cho mọi người vui lây. Thế là vợ chồng phú ông đành lòng nhận cóc làm con. Lớn lên cóc hay lam hay làm. Nó thường trò chuyện mua vui cho cả nhà, lại chăm sóc mọi việc giúp đỡ bố mẹ.

Hồi ấy ở gần làng có anh học trò nghèo, bố mẹ chết sớm. Hàng ngày anh cắp sách sang làng bên cạnh học ở trường cụ đồ Lê. Một hôm, qua đám ruộng lúa chín vàng rất đẹp mắt, thuận tay, anh cúi xuống bờ ngắt một bông để cắn chặt. Bỗng nghe một giọng nhỏ nhẹ từ phía góc ruộng phát ra:

- *Chàng ơi chàng,*

Sao chàng lại ngắt lúa vàng nhà em.

Giật mình, anh nhìn quanh nhìn quất hồi lâu nhưng chẳng thấy một ai cả. Cho rằng tai mình nghe nhầm nên anh lại tiếp tục đi học.

Chiều hôm ấy khi trở về đám ruộng cũ, anh lại cúi xuống chọn một bông lúa khác. Nhưng vừa ngắt xong thì câu nói mà ban sáng anh đã được nghe, bấy giờ lại từ dưới ruộng vọng lên. Lần này thì anh hết sức sửng sốt. Anh nhìn đi nhìn lại khắp nơi, lại lội xuống ruộng cố tìm quanh quẩn ở chỗ phát

ra tiếng nói. Nhưng anh chẳng thấy gì hơn là một con cóc đang ngồi chồm hổm trên một mô đất cạnh một bụi lúa. Anh hỏi băng quơ:

- Vừa rồi cóc nói hay là ai?

- Chính em nói đấy!

Rồi cóc thông thả kể tiếp cho anh biết tên tuổi, quê quán và bố mẹ mình. Đoạn lại nói thêm:

- Vì đám ruộng lúa nhà em chín sớm, lại ở bên đường cái, nên bố mẹ sai em ra đây canh giữ ban ngày. Xin anh khóa về nhà kéo muện, và từ nay đừng ngắt lúa nhà em.

Nghe giọng nói của cóc trong trẻo, dịu dàng, thái độ lại chân thật, vui vẻ, anh học trò bụng hảo dạ: - "Xấu hình nhưng tốt nết, thật là ít có!". Mấy lần qua lại đám ruộng, anh đều thấy cóc đón chờ mình trò chuyện. Dần dần anh đâm ra phải lòng cóc.

Thế rồi, anh quả quyết nhờ mối đến nhà phú hộ để dạm cóc làm vợ. Đang lo con gái mình không có ai tưởng đến, nay bỗng có người tử tế đến dạm, hai vợ chồng ông lão sốt sắng nhận lời và tỏ ý chịu mọi phí tổn cưới xin. Ngày đưa dâu, cóc lạch hạch theo về với chồng.

Tin anh học trò lấy cóc chẳng bao lâu bay ra khắp nơi làm đầu đề cho những câu chuyện mua cười ở các gia đình. Ở nhà trường cụ đồ Lê, những người bạn học của anh luôn luôn xì xào dè bĩu: - "Chắc là vì hấn tham của". Họ đoán như vậy và họ tìm đủ cách để cho anh bị nhục.

Nhưng mặc cho mọi người gièm pha, anh học trò vẫn vui vẻ như không có việc gì xảy ra. Sau cùng, họ quyết định làm cho anh một phen xấu hổ trước mặt thầy và bạn. Nhân nhà thầy sắp có giỗ, họ bàn với trưởng tràng tổ chức một cuộc thi dọn cỗ. Mỗi người học trò có vợ phải bảo vợ mình dọn một mâm cỗ dâng thầy, không được mượn người làm hộ. Cỗ nào ngon nhất sẽ được thầy khen. Bày ra chuyện này, họ định bụng xem xem cô vợ cóc của anh kia sẽ nấu nướng ra làm sao.

Biết như thế nên khi trở về nhà anh học trò chỉ một mực thở dài. Cóc hỏi chồng vì cơn cố gì mà buồn. Ban đầu anh còn giấu quanh, nhưng sau vì vợ gạn hỏi mãi, anh đành kể lại cho nghe câu chuyện.

Nghe đoạn, cóc bảo:

- Tưởng là gì chứ dọn cỗ thì em cũng không đến nỗi vụng về đâu. Chàng đừng lo gì cả.

Nghe và nói thế, lòng anh cũng nguôi nguôi. Nhưng ngày một ngày hai, anh chẳng thấy vợ đi chợ sắm sửa gì lại sinh ra lo lắng. Mãi đến ngày cuối cùng, trong khi anh đi học vắng, cóc mới gọi các nàng tiên từ trên trời xuống, mỗi người một tay làm các món ăn. Chỉ trong chớp mắt, trên giá mâm đầy các thứ nem, mọc, giò, chả, bung, xào, v.v... mùi thơm phưng phức.

Chiều hôm ấy, anh học trò đội cỗ đến nhà thầy mặc kệ những câu đùa nghịch quen thuộc của các bạn. Nhưng họ không ngờ rằng sau khi nếm qua tất cả các cỗ, cụ đồ dừng lại bên cạnh mâm của anh, tấm tắc khen:

- Nấu ăn như người nào đây thật là tuyệt. Có những món ăn chưa bao giờ ta

lại thấy ngon đến thế.

Kết quả lần ấy anh học trò thắng cuộc trước những con mắt ghen tỵ của bạn bè.

Ít lâu sau, nhân ngày sinh nhật của thầy, bọn học trò lại bàn nhau mở một cuộc thi may quần áo. Bộ quần áo nào mà thầy mặc vừa nhất và đẹp nhất sẽ được trúng giải. Nhưng không được một ai đo vào người thầy, và áo quần thì phải do vợ học trò may chứ không được thuê thợ. Bọn họ bảo nhau: - "Chuyến này, xem thử cóc may vá ra làm sao cho biết".

Anh học trò lại bước cao bước thấp trở về. Thấy mặt anh buồn, cóc lại thủ thỉ:

- Có việc gì mà chàng có vẻ không vui?

Anh lại kể cho vợ nghe ý định của các bạn học. Nghe đoạn, cóc tươi cười:

- Tưởng là gì, chứ may vá thì em đây cũng không đến nỗi vụng về. Chàng đừng có lo gì cả.

Ngày hôm sau, đợi lúc chàng cặp sách ra khỏi cổng, cóc bèn vào buồng đóng kín các cửa lại rồi hóa phép biến thành một con ruồi, ruồi bay ra đuổi theo chồng bám vào cổ áo. Khi đến trường, giữa lúc cụ đồ Lê bước ra giảng bài, ruồi ta bay đậu lên vai, lên cổ, lên lưng và lên mọi nơi trên áo quần cụ đồ, nhấm thọc tất cả kích tấc rồi mới bay lộn trở về.

Chiều hôm ấy, anh học trò đi học về đã thấy một bộ quần áo xếp gọn để ở

đầu giường. Anh giở ra xem: đường kim mũi chỉ khó có ai ăn đứt. Nhưng anh chỉ lo không biết thầy mặc có vừa hay không.

Hôm sau là ngày nạp lễ, anh mang bộ quần áo đến trường, giữa lúc ấy các bạn anh đang giở áo quần cho thầy mặc thử. Nhưng chẳng bộ nào thầy mặc xứng ý: được quần thì hồng áo, hay được áo lại hồng quần. Anh học trò đưa bộ quần áo của mình cho thầy mặc thử sau cùng. Cụ đồ mặc vào thật là vừa vặn, áo cũng như quần không chê được một chỗ nào. Cuối cùng mọi người tiu nghỉu vì anh lấy vợ cóc đáng lý là cái đích để mà cười thì không ngờ lại trúng cuộc. Song họ vẫn chưa từ bỏ ý định trêu ghẹo anh.

Ít lâu sau nữa, nhân có hội mùa xuân, bọn học trò lại bàn nhau xin cụ đồ cho mở một cuộc thi vợ đẹp. Hẹn chiều hôm sau mỗi người phải thân hành đưa vợ mình đến cho thầy chấm giải. Bọn họ bảo nhau: - "Lần này thì tha hồ mà cười cho vỡ bụng!".

Thật là một tin không hay cho anh chàng lấy vợ cóc. Anh cảm thấy tê tái và phải cố gắng lắm mới bước về được đến nhà. Thấy chồng nằm dài trên giường chẳng nói chẳng rằng, cóc gạn hỏi mãi mới biết được sự thật. Chồng kể xong, nói tiếp:

- Bắt nàng đến trường để thi... Chúng nó thật là ác độc!

Nhưng cóc thì vẫn tươi tỉnh:

- Chàng đừng lo. Thiếp xin vì chàng đến trường chào thầy và các bạn của chàng. Dầu thiếp xấu xí nhưng cũng có chỗ sánh được với người. Đừng ngại!

Chiều hôm sau, lúc anh học trò bước đi thất thểu đến trường thì cóc cũng

lạch bạch nhảy theo chân. Mặt anh đỏ dừ, vừa ngượng vừa thương vợ. Anh cúi đầu không dám ngoảnh cổ nhìn mọi người. Cóc vẫn bình tĩnh nhảy theo chồng. Lúc sắp đến trường, cóc bảo:

- Chàng đợi thiếp một lát!

Nói xong cóc nhảy ngay vào một bụi cây rậm bên đường. Anh học trò vội chạy đến bụi cây rình xem. Nhưng chưa kịp ghé mắt nhìn, đã thấy từ bụi cây bước ra một cô gái da trắng môi son, mày ngài mắt phượng làm anh ngơ ngác. Ngoảnh vào bụi anh thấy một tấm da cóc vớt lại một đồng lù lù ở gốc cây. Hiểu ra đó là lột của vợ mình, lập tức anh chạy vào xé nát tấm da.

Rồi đó hai vợ chồng sánh vai bước vào cổng trường lúc bấy giờ đã chật ních những người. Mọi con mắt đều tròn xoe kinh ngạc vì vợ anh học trò mà họ tưởng là cóc, thì lại là người so với mọi người đàn bà khác như trời với vực. Quả đó là một vị tuyệt thế giai nhân.

Từ đó hai vợ chồng quấn quýt với nhau không rời [1].

KHẢO DỊ

Người Nghệ-an có truyện *Vợ cóc* là một dị bản của truyện trên nhưng không nói tới các cuộc thi, cũng không nói tới việc cóc đi canh lúa:

Vợ chồng một nhà nọ sinh được một con cóc và nuôi đến chín mười năm.

Một hôm cả nhà đi vắng, cóc ở nhà hóa thành một người con gái xinh đẹp ngồi dệt vải lại dọn dẹp trong nhà sạch sẽ. Có một bọn học trò đi qua, cô gái đẹp ra cửa tằm trầu mời khách ăn. Nhưng đến khi họ vào thì không thấy cô gái đẹp đâu nữa, mà chỉ thấy một con cóc, bèn bỏ đi. Riêng có một anh học trò trong số đó, lúc về giục mẹ đi hỏi: - "Nó là cóc, con lấy làm gì?" - "Mẹ cứ hỏi cho con đi". Bối mẹ cóc nhận lời gả con, không đòi hỏi gì. Ngày đưa dâu chẳng mấy ai dự, người ta bỏ cóc vào vồng đưa về. Ai cũng chê cười: - "Người mà lấy cóc!". Nhưng đến đêm thì cóc hóa thành người, sáng dậy lại trở lại hình dạng cóc. Được ba ngày, chồng bảo vợ: "Người ta cười quá lắm, nàng phải làm cho họ thôi cười mới được". Cóc bèn hóa thành người ra mắt bà con làng xóm. Bối mẹ chồng thấy thế mừng quá, giết trâu bò mời họ mời làng. Người ta nói: "Ăn cưới không bằng lại mặt" là thế [2].

Trong truyện trên, chắc người kể đã lược đi nhiều tình tiết của truyện, nhưng vẫn giữ được một tình tiết đáng chú ý: vợ chàng học trò trước khi chuyển hóa thành người, đã có thời gian ngày là vật, đêm lại là người.

Một truyện khác phổ biến ở miền Nam là truyện *Nàng Út* có một số tình tiết giống và khác với truyện *Lấy vợ cóc*:

Hai vợ chồng nhà nọ hiếm con, hết lời cầu xin đức Phật để có một đứa. Người vợ sau đó tự nhiên có mang và đẻ ra ở đằng trán một cô bé bằng ngón tay nên đặt tên là Nàng Út. Cho là quái, bố mẹ chỉ những muốn vứt bỏ đi đâu cho khuất mắt. Một hôm, người bố đưa Út lên rừng sâu, bảo Út đứng chờ một chỗ, chờ chặt củi xong thì sẽ mang về. Nhưng sau đó ông ta theo đường khác lẻ về, bỏ con lại. Út cứ chờ bố hết ngày này qua ngày khác. Trước đó có một con quạ ăn dưa nhả hạt ở gần chỗ Út đứng. Hạt mọc thành cây. Út dùng lá dưa như một thứ mái để che sương gió. Cây có quả, Út nâng niu quả dưa, định bụng dành cho bố.

Bỗng có một hoàng tử đi săn qua đấy thấy quả dưa chín bèn hái ăn, quăng vỏ lại. Út ăn dưa thừa, tự nhiên có mang, đẻ ra một đứa con trai cũng bé xíu như mẹ nó. Hai mẹ con ở trên cây đa. Sau đó một hôm nhớ tới quả dưa ăn lần trước, hoàng tử bèn tìm đến khu rừng cũ. Trông thấy mẹ con Út, hoàng tử bỏ cả vào hai túi dưa về cung rồi lấy Út làm vợ. Vua cha thấy thế giận lắm, tìm cách chia rẽ.

Một hôm vua ra lệnh cho các cung nữ, ai may áo cho vua vừa vặn thì sẽ cho làm vợ hoàng tử. Bộ quần áo vua mặc vừa vặn và đẹp nhất là của nàng Út. Vua lại ra lệnh ai dọn cỗ mà vua nếm thấy ngon thì được làm vợ hoàng tử. Cỗ ngon nhất lại là của Út. Vua lại sai mở hội trong cung thi sắc đẹp, kén vợ cho hoàng tử. Trong khi hoàng tử lo lắng thì Út lập đàn cầu trời. Thần hiện xuống làm cho nàng lớn lên như người thường, nhan sắc tuyệt vời. Vua hài lòng cho phép hoàng tử lấy Nàng Út [3].

Lê Duy Thiến diễn ca truyện *Nàng Út* có kể lại nàng Út là tiên mà Ngọc Hoàng cho đầu thai. Khi sinh ra chỉ bằng con dế. Người bố mang lên nường để lại ở chòi. Có một thái tử nước Triệu đến tuổi lấy vợ, vua cha định hỏi công chúa các nước cho con, lại cho con mở hội kén vợ, chàng đều không màng. Đi săn vào chòi Út, thấy quả dưa, thái tử bèn ăn, ăn xong vứt vỏ, đá vào vỏ rồi trở về. Út từ chỗ nấp bước ra không biết, ăn phải vỏ dưa có mang sinh được một con trai "to lớn tức thời". Sau ba năm thái tử nhớ chốn cũ lại đi, thấy đứa bé giống mình bèn nhận Út làm vợ, đưa về cung. Ở đây cũng có ba cuộc thi như trên. Lần thi thứ ba, thiên đình làm cho Út thành người lớn, xinh đẹp, lại cho một quạt, một đàn. Quạt đàn này khi các nước đến xâm lăng thì:

... Quạt vào giông tố liền ra.

Đá vắng cây ngã xem đà dũ thay!

... Nghe đồn (đàn) liệt quốc suy lòng.

Âu làm hàng biểu cho xong mà về [4].

Một truyện khác *Người lấy cóc* lưu hành ở một địa phương miền Bắc, nhưng nội dung thì lại giống với truyện *Lấy chồng dê* (số 128), chỉ có khác nhân vật ở đây là cóc [5].

Đồng bào Tày (Thổ) có truyện *Kim Quế*:

Nàng Kim Quế, con gái đức Phật Thiên đàng vì tính tình phóng túng nên bị đày xuống trần, nhưng lại sinh lạc vào xã hội loài khỉ. Tuy vậy, nàng vẫn có tài nghệ hơn đời, thường ngày chẻ tre đan chiếu, chiếu đẹp như lụa thêu, gấm dệt.

Một hôm có bà lão tới nhận đem chiếu đi bán, bà lão bán cho hoàng tử Chúa Ba. Thấy chiếu đẹp, Chúa Ba lên rừng để gặp. Sau khi trò chuyện, mới biết tuy rằng đội lốt khỉ mà là người tiên, bèn rước về cùng nhau ăn ở như vợ chồng.

Muốn trêu tức Chúa Ba, vua ra lệnh cho hoàng tử phải làm cỗ yến, ngon thì sẽ nhường ngôi cho. Kim Quế nhờ chị em tiên xuống làm hộ nên cỗ Chúa Ba được giải nhất. Lần thứ hai thi may áo, lại đoạt giải nhất, nhờ sai ruồi vào cung đo người vua. Lần thứ ba thi vợ đẹp, Kim Quế gọi tiên nữ xuống mang "nha linh đơn" để tắm. Tắm xong, khỉ biến thành người đẹp, lại chiếm giải. Kết quả, Chúa Ba được vua nhường ngôi [6].

Người Mèo có truyện *Nàng tiên khỉ* cũng lấy khỉ thay cho cóc:

Một ông vua có ba hoàng tử, riêng hoàng tử thứ ba người xấu xí, một hôm đi lạc vào nước khỉ và yêu nàng công chúa khỉ vốn là một nàng tiên giáng trần. Khi đưa vợ về, hoàng tử bị mọi người dè bêu, nhất là vua cha. Để buộc con bỏ vợ, vua cho tổ chức lần lượt ba cuộc thi giữa ba người vợ của ba hoàng tử, ai nhất thì chồng được vua nhường ngôi, ai kém thì phải đuổi. Lần đầu thi dọn cỗ, khỉ nhờ hai trăm bạn tiên xuống giúp cho mỗi người một món; lần thứ hai may áo quần, khỉ nhờ bạn tiên mang gấm vóc xuống may và tàng hình vào cung vua đo khổ người; lần thứ ba thi sắc đẹp, khỉ đến cung rung mình hóa thành người đẹp tuyệt trần, áo quần như dát vàng dát bạc. Hoàng tử thứ ba quả được truyền ngôi như truyện của người Tày [7].

Người Miến-điện (Myanmar) có truyện *Nàng Nhái*:

Có hai vợ chồng già hiếm hoi, đẻ được một con nhái. Họ giữ lại nuôi, người ta gọi là "Cô bé nhái". Mẹ cô chết, người bố lấy vợ kế có hai con riêng, chúng nó xấu bụng ghét nhái. Hồi ấy hoàng tử thứ tư làm lễ kén vợ bằng cách ném hoa. Các tiểu thư được gọi vào cung. Nhái cũng đòi đi, chúng chế giễu không cho vào cửa. Nhái nói khéo, được lính cho vào. Các cô tiểu thư xoa tóc, Hoàng tử tung hoa huệ lên trời, không ngờ hoa rơi trúng đầu nhái. Hoàng tử đành kết hôn với nhái, người ta gọi là "bà chúa nhái". Một hôm vua cha muốn truyền ngôi cho con, mới mở một cuộc thi tìm bắt nai vàng. Các hoàng tử khác chỉ tìm được những con nai thường, chỉ có chồng nhái nhờ có nhái, tìm được nai vàng. Vua cha lại mở cuộc thi đem đến thức ăn sống nhưng sau buổi lễ, gạo phải không mốc, thịt không ôi. Các hoàng tử khác đem gạo thịt nấu sẵn, chỉ có nhái đưa gạo thịt sống đến, trải qua mấy ngày mà vẫn tươi. Lần thứ ba vua thi vợ đẹp. Thấy hoàng tử lo lắng định đi tìm một cô gái đẹp, nhái bảo: "Cứ đưa em đến là đủ!".

Khi đến nhái bước lên điện, nhái vẫn là nhái. Hoàng tử thứ tư then đổ mặt khi vua hỏi: "Tiểu thư xinh đẹp của con dâu?" Nhưng nhái đã bước ra nói: "Thưa con đây!". Nói rồi cởi da nhái hóa thành cô gái đẹp như tiên. Hoàng tử vội vàng chụp lấy tấm da ném vào lửa [8].

Người Pháp cũng có truyện *Con nhái* gần giống với truyện trên:

Một người đàn bà đang muốn tìm vợ cho hai con trai. Những cô gái xung quanh đều từ chối. Một hôm hai anh em bàn nhau bói vợ bằng cách mỗi người bắn một phát tên, gặp ai lấy nấy. Mũi tên của người anh rơi vào một chuồng gà, gần đấy có cô gái xinh đẹp mười tám tuổi. Còn mũi tên của em không may rơi xuống bùn, một con nhái nhảy ra.

Em đành phải lấy nhái làm vợ. Nhái đưa chồng về sống chung trong một căn lều, không có ai lai vãng. Một hôm hai anh em tìm đến nhà chú là một vị vua cai trị nhiều nước. Người chú ra một cuộc thi vui nhộn, hẹn mỗi người đem chó đến, chó của ai chạy qua mấy hàng chai lọ mà không đổ thì cho cai quản một nước. Nhái đưa cho chồng một cái hộp, mở ra có một con chó con, chó chạy lon xon tránh né rất gọn, không có một chai lọ nào đổ cả, trong khi đó chó của người anh thì làm đổ lung tung. Thế là chồng nhái được cai quản một nước. Lần thứ hai chú lại mở cuộc thi: ai đưa đến một sợi dây năm gọn trong tay, nhưng có thể quấn quanh lâu dài ba vòng thì cho cai quản một nước khác. Dây của người anh chỉ quấn được hai vòng, còn dây của chồng nhái quấn đến năm vòng. Lần thứ ba người chú lại thi vợ đẹp. Vợ nhái chuẩn bị một cái xe to bằng quả quýt có bốn con chuột kéo và một con mối (thạch sùng) cầm cương. Trước khi lên đường, nhái nhảy xuống bùn một lát, bước lên là một cô gái rất xinh, mặc áo đẹp, xe của nhái hoá thành cỗ xe bốn ngựa có người xà-ích ăn mặc sang trọng. Thế là được chú cho cai quản một nước thứ ba [9].

Truyện của người Ả-rập vùng sông Nin (Nil):

Một ông vua có ba người con. Khi con đến tuổi lấy vợ, người bố bảo họ trèo lên nền của một lâu đài, mỗi người bắn một phát tên, trúng vào đâu thì lấy vợ ở đó. Mũi tên của hoàng tử cả rơi xuống nhà một viên đại thần, được kết duyên với con gái ông ta. Mũi tên của hoàng tử thứ hai rơi vào nhà một viên tướng, cũng được lấy con ông này. Mũi tên của hoàng tử thứ ba rơi vào một gian nhà có một con rùa lớn. Hoàng tử đành phải lấy rùa làm vợ như lời vua cha đã giao ước.

Sau đó, một hôm vua ăn không ngon, ra lệnh cho mỗi hoàng tử phải mang đến một mâm thức ăn. Hai mâm thức ăn của hai người chị dâu đưa đến trở nên tanh tưởi hôi hám (do rùa làm ra như thế), còn mâm của rùa được vua khen ngợi vì ăn ngon. Vua sai dọn tiệc mời vợ các hoàng tử tới dự. Rùa bảo chồng đưa mình đến. Sắp tới nơi, rùa trút vỏ hóa thành một cô gái áo quần rực rỡ, cử chỉ lịch sự. Còn hai chị do rùa hóa phép làm cho áo quần trở nên lố lằng, đã thế lại bắt chước cử chỉ của rùa nên làm trò cười cho mọi người. Trong khi đó thì hoàng tử út bí mật ra đốt cái vỏ rùa, để cho vợ khỏi trở lại kiếp vật.

Truyện của người Thổ Thát-đất ở núi An-tai (Altai):

Một người lái buôn có ba người con, một hôm bảo họ: "Đứa nào mộng thấy vợ như thế nào thì lấy người như thế ấy". Người anh cả lấy con gái một lái buôn, người thứ hai lấy con một viên chức; còn người thứ ba mộng thấy được làm chồng nhái, đành phải lấy một con nhái.

Một hôm bố chồng sắp đi châu vua, bảo nàng dâu thứ nhất may một cái áo, nàng dâu thứ hai may một cái quần, còn nàng dâu thứ ba khâu một đôi ủng.

Nhái đưa cho chồng một đôi ủng thêu rất đẹp. Còn công trình của hai người kia không đáng kể. Sau đó, bố chồng bảo ba nàng dâu làm bánh. Bánh của nhái ăn rất ngon, còn của hai người kia rất dở. Sau đó, bố chồng lại bắt ba nàng dâu tới hát trước mặt mình. Dâu nhái xuất hiện dưới dạng một cô gái, hát những bài hay đến nỗi bố chồng nói với mọi người rằng chưa bao giờ ông thấy có một người thanh sắc tuyệt vời như vậy. Bèn gầy dựng cho con út thành một lái buôn lớn, còn hai người con kia trở thành kẻ chần cừ, vợ của họ thành đầu bếp.

Truyện của một địa phương ở Đức:

Một ông vua bảo ba hoàng tử ai mang về một tấm thảm đẹp nhất, sẽ cho thừa kế ngai vàng. Đoạn vua cho thối lên trời lần lượt ba cái lông chim, để lông chỉ cho từng đứa con hướng đi tìm. Chiếc lông thối cho hoàng tử thứ ba rơi trúng một cửa hầm, hoàng tử nhấc cửa hầm lên thấy có tam cấp đi xuống đất rất sâu, bèn cứ thế trèo xuống, cuối cùng thấy có một con cóc lớn, xung quanh là một bầy cóc con. Biết được cái mà hoàng tử cần, cóc cho hoàng tử một tấm thảm. Đưa về, tấm ấy đẹp vượt xa của các anh. Lần thứ hai, vua bảo các con đi tìm một cái nhẫn. Cũng tại đáy hầm, nhờ cóc, hoàng tử lấy được nhẫn thần đưa về cho vua cha. Lần thứ ba vua bảo mỗi người đi tìm một cô vợ, ai có vợ đẹp nhất sẽ được nối ngôi. Cũng tại đáy hầm, cóc cho hoàng tử một con cóc con, lúc về hóa thành cô gái đẹp [10].

Một loạt truyện sau đây cũng cùng một chủ đề và hình tượng như các truyện trên (người lấy vợ là vật, khi đưa về thì ngày là vật, đêm là người, lại có nhiều phép huyền diệu nhờ đó giành thắng lợi trong các cuộc thi). Nhưng do chồng làm tiết lộ bí mật của vợ, hoặc nôn nóng muốn vợ sớm hóa thành người nên đã gây ra sự chia ly vĩnh viễn (hoặc tạm thời nhờ có sự nỗ lực cứu vãn của chồng qua nhiều thử thách).

Truyện của người Nga *Công chúa ếch*:

Một ông vua cũng có ba hoàng tử, lúc họ đến tuổi lấy vợ cũng có cuộc bói vợ bằng cách bắn mỗi người một phát tên, hễ cô nào nhặt được tên của ai thì sẽ là vợ của người ấy. Kết quả, có hai cô gái nhặt được mũi tên của hai hoàng tử anh, còn mũi tên của hoàng tử thứ ba thì cũng như truyện trên, do một con ếch nhặt được, đành phải tuân theo số mệnh. Một hôm vua cha muốn biết tài may vá của các nàng dâu, lần thứ hai muốn biết tài nấu nướng và lần cuối cùng là tài khiêu vũ trong dạ hội. Hai lần thi đấu, nàng dâu ếch làm đẹp lòng vua cha. Lần thứ ba, thấy chồng buồn, ếch bảo đừng lo, rồi trút lốt thành một cô gái tuyệt đẹp sánh vai chồng vào dự hội. Khi ăn tiệc, ếch bỏ những miếng xương và rượu thừa vào ống tay áo. Hai chị dâu cũng bắt chước. Khi nhảy, ếch vung tay áo, có hàng đàn chim bay ra cùng cảnh núi sông xuất hiện rất đẹp mắt. Khi hai chị vung tay áo thì xương xẩu cùng những giọt nước tung tóe vào khách. Hết dạ hội, hoàng tử thứ ba đi tìm lốt ếch đốt đi. Vợ về nhà tìm mãi không được, chỉ kịp cho chồng biết rằng một khi mất lốt, hai người sẽ phải chịu cảnh chia lìa, đoạn duyên mất.

Được hơn một năm, chồng nhớ vợ bỏ nhà đi tìm. Tìm mãi mới biết vợ mình đang bị biến thành một chiếc quạt vàng của một bà tiên. Hoàng tử cướp được quạt, bẻ gãy chuôi thì công chúa ếch hiện ra. Ếch cho chồng biết chỉ một tý nữa là mình sẽ bị buộc đi lấy chồng. Lập tức hai vợ chồng ngồi lên một tấm thảm bay. Bay được một chốc, chú rể mới biết tin đuổi theo. Đuổi gần kịp thì tấm thảm đã đưa hai vợ chồng vào nước Nga, mọi người ở đây đổ xô ra đón tiếp hai vợ chồng. Từ đây không có gì làm cho họ chia lìa nhau nữa [11].

Một truyện của Ấn-độ:

Một ông vua cũng mở cuộc bắn tên cho bảy hoàng tử bói vợ. Mũi tên của người thứ nhất rơi vào nhà của một viên đại thần, năm mũi khác đều lọt vào lầu của các nhà quý tộc, còn một mũi tên của hoàng tử út thì rơi trúng vào một cây me. Theo quyết định của vua cha, hoàng tử út phải lấy một con khi sống ở cây me, nhưng các nhà tiên tri đều biết rằng vợ hoàng tử là một nàng tiên. Tuy là khi, nhưng vợ hoàng tử lại nói khéo, giỏi âm nhạc và có nhiều tài nghệ (ở đây gần giống với tình tiết trong truyện *Kim Quế* của đồng bào Tày).

Các chị dâu tò mò đòi mở một cuộc lễ cho các nàng dâu tới dự. Vợ hoàng tử thứ bảy thấy chồng buồn, bèn an ủi chồng, nói mình có thể đi dự được. Nói rồi cởi lốt khi thành một cô gái đẹp, mặc áo quần đẹp. Đoạn bảo chồng: - "Hãy giữ cẩn thận cái lốt này nếu mất nó chúng ta sẽ gặp chuyện bất hạnh". Trong cuộc lễ, nàng dâu út đang lúc được mọi người trầm trồ ca ngợi thì bỗng quần quai kêu lên mấy tiếng: "Tôi cháy! Tôi cháy!" rồi biến mất. Chính lúc đó ở nhà hoàng tử đang đốt cái lốt khi. Thế là hoàng tử mất vợ, mất luôn cả lầu đài do vợ hóa phép hiện ra, chỉ còn tìm được có mỗi một chiếc sáo bạc. Hoàng tử cầm sáo bạc đi tìm vợ, cuối cùng gặp một vị thần chỉ đường cho vào vườn nhà trời. Ở đây chồng thấy vợ đang ngồi trên một cái ngai bằng kim cương, bèn mang sáo ra thổi lên một bài: vợ nhận ra chồng. Nhờ vua nhà trời say mê tiếng sáo nên chàng được cùng vợ sum họp và sống trên đó.

Truyện của Phần-lan (Finlande):

Túc-ki-mô là con trai út của một ông vua. Ở đây cũng có một cuộc bói vợ bằng cách bắn tên của ba hoàng tử. Khi Túc-ki-mô đi tìm mũi tên ở trong rừng thì thấy ngồi lên đó là một con nhái: -"Chào hoàng tử, nhái nói, tôi bây giờ là vợ chưa cưới của chàng". Túc-ki-mô mang nhái về không vui một chút nào.

Một hôm vua bảo các nàng dâu: -"Mai ta sẽ đến xem các cô nấu ăn ra làm sao?". Khi trở về, nhái bảo chồng ngủ, để mình còn sửa soạn bữa ăn. Hoàng tử giả vờ ngủ thì thấy vợ đã cởi lốt, hóa thành một cô gái đẹp bước ra cửa sổ gọi lớn: -"Hỡi giống nòi hùng mạnh, gia đình danh tiếng! Hãy tới giúp tôi dọn bữa tiệc cho vua!". Tự nhiên có tám con thiên nga đổ xuống, treo bộ cánh ở tường và hóa thành những cô gái đẹp. Cùng với vợ nhái, các cô dệt những khăn ăn đẹp và nấu những món ăn tuyệt phẩm làm cho lòng kiêu căng của các chị dâu xẹp xuống. Lần thứ hai, hoàng tử mang đến cho vua một sớ-mi do vợ mình dệt tuyệt đẹp. Lần thứ ba trong hội khiêu vũ, vợ nhái đã nhảy những điệu kỳ diệu. Túc-ki-mô đi hỏi một bà thầy bói làm sao để cho vợ sẽ là người mãi mãi. - "Phải trộm cái áo da nhái và đốt đi!". Hoàng tử nghe theo. Trở về, vợ trách chồng hết lời: -"Đáng lý đợi ba hôm nữa, tôi sẽ thành người vĩnh viễn, còn như thế này thì đành phải chia tay". Đoạn biến thành thiên nga bay mất.

Một số truyện sau đây cũng là dị bản của truyện *Người lấy cóc* nhưng kết cấu có biến dạng: một phần kết hợp với hình tượng của truyện *Giáp Hải* (số 149, tập IV), (cô gái trong con vật hiện ra lúc vắng người, nấu ăn quét dọn nhà cửa cho ân nhân) và một phần nữa thì tương tự với truyện *Hoàng tử Amét với nàng Pa-ri Ba-nu* trong *Nghìn lẻ một đêm* (xem Khảo dị truyện số 107, tập III).

Truyện của Ác-mê-ni (Armenie):

Một ông vua có ba hoàng tử. Khi đến tuổi kết hôn, theo phong tục, họ phải đến dự một đám hội và quẳng quả táo vào đám đông để bói vợ. Hai quả táo của hai hoàng tử anh trúng hai cô gái, còn của hoàng tử út rơi vào một cái giếng trong có một con nhái. Coi là định mệnh, hoàng tử đành phải đem nhái về. Mỗi ngày đầu mỗi khi hoàng tử về nhà đều thấy bàn ăn đã dọn sẵn.

Để ý rình xem, hoàng tử thấy một cô gái đẹp từ lối nhái bước ra làm bếp. Hoàng tử bèn đột ngột xông vào ôm lấy cô gái, và mặc dù cô cho biết rằng sẽ phải hối hận, hoàng tử cũng xé lối nhái để cho cô thành người.

Một hôm vua ra lệnh cho các con phải mang một tấm thảm lớn có thể cả một đội quân ngồi lên mà vẫn còn thừa. Hoàng tử về khóc với vợ. Vợ nói: - "Thấy chưa! Tôi đã bảo đừng xé lối của tôi. Nhưng đừng có làm ầm lên. Hãy đến cái giếng mà anh vớt tôi về, gọi to: "Con gái ông bảo tôi đến thừa với ông gửi lên cho nó một tấm thảm bé nhất của ông". Đưa thảm về, vua rất vừa ý. Lần thứ hai lại một thử thách mới, và nhờ bố vợ, hoàng tử cũng làm xong. Thử thách thứ ba là "tìm một con người cao một gang, râu dài hai gang". Vẫn theo lời vợ dặn, hoàng tử đến giếng gọi to: - "Con gái ông bảo đưa lên cho nó một người lùn nhỏ của ông". Đưa đến cung vua, người lùn nhỏ mừng vua sa sả về những đòi hỏi ngu ngốc và tặng cho vua những quả đấm. Đến quả đấm cuối cùng, vua vỡ đầu. Hoàng tử út bèn lên ngôi.

Một truyện khác cũng của người Ác-mê-ni (Arménie):

Một chàng trai theo lời bà dặn mỗi buổi sáng ném xuống biển một tấm bánh. Anh làm việc đó không nản. Bỗng một buổi chiều đi chợ về, anh thấy nhà mình đã được quét tước dọn dẹp sạch sẽ, một hôm khác thì thấy thịt sống mua làm thức ăn đã được nấu lên. Cũng như hành động của nhân vật Giáp Hải hay Tú Uyên, anh giả vờ đi nửa đường lộn về nấp rình thì thấy một con cá từ dưới nước hiện lên trút lối thành cô gái tới làm bếp cho anh. Anh từ chỗ nấp xông ra bắt lấy, và sau đó được sự đồng ý của người bà của con cá, lấy nàng làm vợ.

Thấy vợ chàng xinh đẹp ít có, nhà vua lập tâm chiếm đoạt. Vua bèn đưa ra

những đòi hỏi không thể thực hiện được buộc anh phải làm nếu không thì giết chết. Trước hết, anh phải đi tìm một cái nhà bạt có thể che cho tất cả lính tráng và dân cư trong thành phố mà vẫn còn thừa chỗ. Cô vợ cá thấy chàng kêu khóc, bèn đến bờ biển gọi to: -"Bà ơi, bà mang cho cháu cái nhà bạt bé nhất!". Thấy việc thứ nhất làm xong, vua lại đòi một tấm thảm rộng trải trong nhà bạt. Sự việc cũng diễn ra như lần trước. Sau cùng nhà vua bắt đưa đến một đứa trẻ lên một biết nói biết đi. -"Bà ơi! Cô vợ cá gọi, bà đưa em cháu lên đây để cháu bế týt!". Đứa bé lên gặp vua, nó liền vạch thói xấu của vua, vả vào mặt vua. Vua phải xin lỗi và hứa chừa[12].

Về loại truyện có mô-típ đặc biệt: người nữ ăn thức ăn thừa của người nam và có mang, kho tàng cổ tích ở Đông nam Á hầu như rất phổ biến. Sau đây là một số truyện tiêu biểu:

1. Truyền thuyết của người Thái-lan.

Ngày xưa, có một người đầy mụn lở (gọi là ông chúa Trăm-ngàn-mụn-lở) không biết từ đâu đến vỡ hoang một miếng đất trên bờ sông. Ông trồng nhiều ớt và dưa chuột làm kế sinh nhai. Ở gần nhà có một cây dưa chuột có một quả lớn phi thường nhờ nước giải của ông thường ngày bón cho cây.

Quả dưa chuột ấy sau đó về tay công chúa con vua Trai-trung. Công chúa ăn và tự nhiên có mang. Vua cho người dò la xem con gái mình quan hệ với ai nhưng không tìm ra. Vì thế đưa con trai công chúa sinh ra lên ba tuổi mà không có cha. Vua nghĩ ra một cách để biết ai là bố đẻ của nó, tức là bắt tất cả đàn ông ở Trai-trung mỗi người cầm một món thức ăn ở tay, hễ đứa bé đến xin ăn ở người nào thì người ấy là bố nó. Bèn đánh trống hội họp toàn mừng lại, ban cho mỗi người một vật ăn được như người này cái bánh,

người kia quả cây, v.v...không sót một ai. Vua bảo vú nuôi đặt đứa bé ở cửa lâu trước mặt mọi người. Lúc ấy ông chúa Trăm-ngàn-mụn-lở trong tay đang cầm miếng cơm nguội. Đứa trẻ đi khắp nơi không xin ăn ở ai cả mà đến xin ăn ở ông. Vua lập tức gả công chúa cho người ấy và sai đóng bè đuổi cả hai vợ chồng ra khỏi thị trấn.

Chiếc bè dừng lại ở vườn dừa, hai vợ chồng ở lại đây. Thần Đế Thích (Indo-ra) hiện ra cho họ một cái trống thần bảo hễ ước cái gì thì đánh một tiếng trống, sẽ được ngay. Lời ước đầu tiên của ông là làm sao cho mình được đẹp. Tự nhiên bao nhiêu mụn lở biến mất. Thấy vậy công chúa mừng rỡ, lại ước có vàng đủ đúc cho con trai một cái nôi. Vì vậy mà có tên là hoàng tử Nôi vàng. Về sau họ làm vua, xây dựng thành phố ở đây[13].

2. Truyện của người Cham-pa:

Ta-bong là một chàng lười bẩm sinh, một hôm đi câu. Ba lần câu được cá thì ba lần bị quạ tha mất. Đến con thứ tư hắt dãi vào đầu cá. Quạ lại tha cá đi nhưng đánh rơi vào bể nước ở cung vua. Công chúa thứ ba bắt được cá đem về nấu ăn, không ngờ có mang. Vua muốn tìm ra bố đứa bé, bèn sai công chúa ném khăn trầu vào đám hội có đông đủ dân chúng đến dự xem khăn rơi vào người nào, nhưng khăn lại không rơi vào người nào cả. Vua hỏi xem còn sót những ai. Người ta cho biết chỉ sót anh chàng Ta-bong vì lười mà không đến. Vua cho đi gọi. Ta-bong vẫn không đi. Vua phải cho người cáng hắt đến đám hội. Lần này khăn trầu của công chúa rơi đúng vào khố Ta-bong. Vua sai lính giết cả hai nhưng lính lén lút tha cho họ, rồi lấy máu chó bôi vào gươm để tâu dối với vua.

Nằm thẳng cẳng dưới cây xoài. Ta-bong chờ cho quả rơi vào miệng mới ăn. Vua quạ đến ăn xoài thấy anh, tưởng là cái xác chết bèn sà xuống mổ, liền bị anh tóm cổ. Quạ phải cho anh hòn đá ước. Nhờ có đá, anh ước ra lâu dài

nhà cửa, trâu bò và kẻ hầu người hạ ở trên phía nguồn. Một hôm anh sai quân đắp chặn nguồn nước. Thấy dân khổ vì sông khô cạn không có nước dùng, nhà vua sai người lên phía nguồn thăm dò, thì thấy lâu đài nguy nga, trên có cắm một lá cờ đề chữ "Vua mới". Quân đội nhà vua kéo lên định đánh. Nhưng trên thành lại treo một lá cờ khác bảo vua cũ hãy nhường ngôi cho vua mới, dân sẽ có nước uống. Sau khi nghĩ ngợi, vua thuận nhường ngôi cho con rể[14].

-
- [1] Theo lời kể của người miền Bắc, và Lãng-đờ (Landes), sách đã dẫn.
- [2] Theo *Bản khai của sách Hữu-tập, sách Vĩnh-lại, sách Nhiêu-hợp*, tập I.
- [3] Theo Lãng-đờ (Landes), sách đã dẫn.
- [4] Theo *Thơ Nàng Út*.
- [5] Theo Sê-ông (Chéon). *Sưu tầm một trăm bài tiếng An-nam*.
- [6] Theo lời kể của người Thái-nguyên, Cao-bằng.
- [7] Theo *Truyện cổ dân tộc Mèo*.
- [8] Theo *Miến-diện dân gian cổ sự*, sách đã dẫn.
- [9] Theo *Truyện kể Ni-véc-ne (Nivernais)*, Pháp.
- [10] Một dị bản sưu tầm ở đảo Xi-ra (Syra) (Hy-lạp) đại thể cũng có một ông vua bảo ba người con bắn tên để bói vợ. Kết quả hoàng tử cả lấy được công chúa ở một nước khác, hoàng tử thứ hai lấy con gái một hoàng tử nọ. Còn hoàng tử ba thì mũi tên cắm vào một đồng phân, moi ra thì thấy ở dưới có một tấm đá cẩm thạch lật lên, thấy có đường tam cấp dẫn xuống một cái hang. Ở đây thay cho cóc là những con khỉ ngồi xung quanh một con khỉ mẹ. Mẹ khỉ bảo hoàng tử lấy một trong số con gái mình làm vợ...Tiếp đó là những công việc do vua cha ấn định: vua hứa sẽ nhường ngôi cho người nào trang hoàng nhà cửa đẹp, đưa đến một giỏ trái cây tươi ngon; có người vợ trong ngày hội được tôn là đẹp nhất. Vợ khỉ bảo chồng nhờ mẹ mình làm tốt hai việc trên, còn việc thứ ba thì vợ khỉ mặc áo quần đẹp, cưỡi ngựa đẹp và dĩ nhiên đã biến thành cô gái đẹp, nên được mọi người trầm trồ khen ngợi.
- [11] Theo *Truyện dân gian Nga* (bản dịch của Nguyễn Hải Sa).

[12] Một số truyện trên đều theo Cô-xanh (Cosquin). *Những truyện cổ tích Ấn-độ và phương Tây*.

[13] Theo La-jông-ki-e-rơ (Lajonquière): *Nước Xiêm và người Xiêm*. Về loại truyện như truyện trên với tình tiết vô tình có thai, Prơ-di-luyt-xki (Przyluski) cho biết có nhiều truyền thuyết tương tự trong *Nàng công chúa tanh mùi cá và con rắn thần trong các truyền thuyết ở Đông á, Nghiên cứu châu Á*, tập II (1925).

Có thể xem thêm một số truyện trong *Nghiên cứu những lễ tiết nông nghiệp của người Cao-miên* của Ê-vơ-lin Pô-rê Mát-xpê-rô (Eveline Poret Maspéro).

[14] Theo Lăng-đờ (Landes): *Truyện cổ tích Cham-pa*. Người Mèo cũng có một truyện tương tự: Một anh chàng lười bẩm sinh. Bị bố mẹ đuổi, hăn nằm trên thuyền, thuyền giạt vào một gốc sung. Từ đấy hăn sống bằng cách há miệng chờ sung, ăn đấy ỉa đấy. Cá và quạ rủ nhau đến ăn, chúng cắn nhau, cuối cùng quạ quắp cá mang đi, tình cờ đánh rơi vào vườn vua. Công chúa thấy cá bắt lấy nướng ăn, từ đấy có mang đẻ ra một con trai: thằng bé khóc lóc luôn canh, ai dỗ cũng không nín. Để tìm ra bố đứa bé, vua ra lệnh cho dân chúng mỗi người đến dỗ một lần. Lười không đến, nhưng rồi vua cũng sai lính khiêng đến. Đứa bé quả nín. Vua gả công chúa cho Lười và đuổi đi. Hăn lại đến chỗ cũ sống bằng sung rụng. Một con quạ tưởng là xác chết định rĩa thịt, bị hăn bắt được. Quạ phải cho hăn một cái trống có ba mặt: một mặt đánh ra cơm thịt, một mặt đánh ra áo quần tiền bạc, một mặt đánh ra cuốc và đồ dùng. Trống trống càng lâu càng phải đánh nhiều mới nghiệm. Nhờ đó mà Lười bỏ được tật lười (*Truyện cổ dân tộc Mèo*). Giống truyện trên, người Dao Thanh-y có truyện *Vua Quạ*. Ở đây trống vua Quạ cho có 4 mặt: một mặt đánh ra mưa, một mặt ra nắng, một mặt ra gạo, một mặt ra vàng bạc. Khi giàu rồi, chồng bảo vợ đón bố về chơi. Bố vợ (vua) bảo phải có vàng rải đường mới chịu đi. Chồng gõ trống có ngay. Bố vợ ngốt cả người, mãi ngấm, đầu đập vào tường, chết (Đức Hùng, Phù Ninh: *Nàng Ái Kao*).

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

127. CÂY THUỐC CẢI TỬ HOÀN SINH

HAY LÀ SỰ TÍCH THẲNG CUỘI CUNG TRĂNG

Ngày xưa ở một miền nọ có thằng Cuội làm nghề đồn củi. Tất cả tài sản của Cuội chỉ có một chiếc rìu. Một hôm như thường lệ, Cuội vác rìu đi vào rừng sâu tìm cây mà chặt. Khi lội qua một con suối nhỏ, Cuội bỗng giật mình trông thấy một cái hang hổ. Nhìn trước nhìn sau, chỉ thấy có bốn con hổ con đang vờn nhau trước hang, Cuội bèn xông đến vung rìu bổ cho mỗi con một nhát lăn quay ra đất. Nhưng vừa lúc đó, con hổ mẹ cũng về tới nơi. Nghe một tiếng gầm kinh khủng ở sau lưng, Cuội chỉ kịp quăng rìu leo thoăn thoắt lên một ngọn cây cao. Từ trên cây nhìn xuống, Cuội thấy hổ mẹ lồng lộn trước đàn con đã tắt thở.

Nhưng chỉ một lát sau, hổ mẹ bỗng bỏ con nằm đấy, lẳng lặng chạy đến một gốc cây gần chỗ Cuội ẩn, miệng đớp lấy một ít lá cây rồi trở về nhai mớm cho đàn con. Khoảng giáp bã chiều, bốn con hổ tự nhiên cục cựa, vẫy đuôi rồi sau đó lại đi đứng chạy nhảy như thường. Biết đấy là cây thuốc thần, Cuội chờ cho hổ mẹ tha con đi nơi khác, lần xuống tìm đến cây thuốc kia, đào gốc vác về [1].

Dọc đường, Cuội gặp một ông lão nằm vật trên bãi cỏ. Cuội ghé lại xem thì ra ông lão đã chết. Chàng đồn củi liền đặt gánh xuống, không ngần ngại rút ngay mấy lá cây quý rồi cúi xuống nhai mớm vào miệng ông lão. Mầu nhiệm làm sao, mớm vừa xong, ông lão đã mở bừng mắt tỉnh dậy. Ông hết lời cảm ơn chàng trai cứu mạng và hỏi chuyện. Thực tình, Cuội kể lại tất cả. Nghe xong, ông lão kêu lên:

- Trời ơi! Lão từng nghe nói cây này vốn tên là cây đa có phép "cải tử hoàn

sinh". Thật là lão có phúc mới được gặp con. Con hãy chăm vun bón cho nó để cứu thiên hạ. Nhưng nhớ đừng có tưới bằng nước bẩn mà cây bay lên trời đó.

Nói rồi ông lão chống gậy ra đi. Còn Cuội thì gánh cây về trồng ở góc vườn để tiện chăm sóc hàng ngày. Luôn luôn nhớ lời ông lão dặn, ngày nào Cuội cũng tưới cây bằng nước giếng trong.

Từ ngày có cây thuốc quý, Cuội cứu sống được rất nhiều người. Hễ nghe nói có ai vừa nhắm mắt tắt hơi là Cuội lập tức mang lá cây đến tận nơi cứu chữa. Tiếng đồn Cuội có phép lạ lan đi khắp nơi.

Một hôm, Cuội lội qua sông thấy xác một con chó chết trôi. Thương tình, Cuội vớt lên rồi giở lá giắt trong mình ra cứu chữa cho chó sống lại. Con chó quẩn quýt theo Cuội tỏ lòng biết ơn. Từ đấy Cuội có thêm một con vật tinh khôn làm bạn.

Một lần khác có một lão phú hộ ở làng bên cạnh hớt hơ hớt hải chạy đến tìm Cuội vật nài xin Cuội cứu cho con gái mình vừa sẩy chân chết đuối. Cuội vui lòng theo về nhà và đưa lá ra chữa. Chỉ một lát sau, mặt cô gái đang tái nhợt bỗng hồng hào hẳn lên. Rồi nàng mở bừng mắt ra, vươn vai ngồi dậy. Lão phú ông xiết hao mừng rỡ, bảo Cuội muốn lấy gì cứ việc chọn tùy thích. Cuội ngỏ ý chỉ muốn lấy có gái làm vợ.

Biết Cuội là ân nhân của mình, cô gái thuận làm vợ chàng. Lão phú ông cũng bằng lòng gả con cho Cuội.

Vợ chồng Cuội sống với nhau thật vui vẻ êm ấm. Nhưng trong vùng có bọn con trai hồi trước vẫn ngấp nghé cô gái của lão phú ông, nay thấy bông hoa thơm tự nhiên lại lọt vào tay anh chàng đồn cỏi thì ngấm ngầm ghen tỵ và

cố tìm cách làm hại cho bõ ghét. Một hôm chờ lúc Cuội lên rừng, chúng xông đến định bắt lấy vợ Cuội. Không ngờ vợ Cuội chống cự quyết liệt, chúng bèn giết chết. Giết đoạn, chúng vẫn sợ bị lộ vì biết Cuội có phép chữa cho người ta sống lại, nên chúng lại moi ruột người đàn bà vứt xuống sông rồi mới kéo nhau đi. Khi Cuội gánh củi trở về thì thấy vợ đã chết lạnh từ bao giờ rồi. Cuội vội bứt lá để mớm nhưng mớm bao nhiêu vẫn không công hiệu, vì không có ruột thì làm sao mà sống lại được.

Thấy chủ khóc lóc thảm thiết, con chó lại gần xin hiến bộ ruột của mình để thế vào bộ ruột của cô chủ. Cuội chưa từng làm thế bao giờ nhưng cũng liều nhắm mắt mượn bộ ruột chó thử cứu cho vợ mình xem sao. Quả thực sau khi lắp ruột vào, vợ Cuội lại sống lại như trước.

Thương con chó vì chủ mà chết, Cuội bèn nặn thử một bộ ruột bằng đất lắp vào bụng chó rồi nhai lá thuốc dịt vào; không ngờ chó cũng đứng dậy, vẫy đuôi liếm vào tay Cuội. Vợ với chồng, người với vật từ đây lại quấn quýt hơn trước.

Nhưng Cuội không ngờ rằng cũng từ đấy tính nết của vợ mình có phần thay đổi. Người đàn bà ấy dường như lú ruột lú gan, bảo một đàn làm quàng một nẻo. Điều đó làm cho Cuội lắm lúc bức cả mình. Cuội rất lo, vì không biết bao nhiêu lần chồng dặn vợ - *"Có đáí thì đáí bên Tây, chớ đáí bên Đông, câygiông lên trời"*. Thế mà vợ Cuội nào có nhớ cho lời dặn quan trọng ấy.

Một buổi chiều, chồng còn kiếm củi chưa về, vợ Cuội đang hái rau ở vườn

phía Đông bỗng thấy mót, bèn chạy vội lại gốc cây quý của chồng, chẳng còn nhớ gì đến lời dặn: cứ thế vén váy dài. Không ngờ vừa dài xong, tự nhiên cả một vùng đất chuyển động, cây cối xung quanh rung lên và gió thổi ào ào. Được một chốc cây đa long gốc bật rễ rồi lừng lững bay lên trời.

Giữa khi ấy Cuội đã bước chân về đến cổng. Thoáng thấy cây quý sắp bay mất, bên cạnh đó có cả người vợ đang kêu om sòm, Cuội đoán ra nông nỗi, lập tức vút ngay gánh củi, nhảy bổ đến toan níu cây lại.

Nhưng cây lúc ấy đã rời khỏi mặt đất lên quá đầu người. Cuội chỉ còn kịp móc rìu vào rễ cây cốt để kéo cây xuống, nhưng cây vẫn một mực bốc lên không sức nào có thể ngăn lại. Về phía Cuội, chàng cũng nhất định không chịu buông rìu, thành thử cây thần kéo cả người Cuội bay lên mãi, lên mãi, cuối cùng đến tận cung trăng.

Từ đấy Cuội ở luôn tại cung trăng với cây đa của mình. Cho nên ngày nay mỗi khi nhìn lên mặt trăng ta luôn luôn thấy bóng của Cuội dưới gốc cây thuốc quý. Người ta kể rằng mỗi năm cây đa chỉ rụng có mỗi một lá mà thôi. Ai nhặt được lá cây ấy thì có thể dùng để cứu chữa người chết sống lại. Những con cá heo cũng biết như vậy, cho nên nếu lá rơi xuống biển, chúng tranh nhau đớp lấy coi như của quý để làm thuốc cứu chữa cho tộc loại.

KHẢO DỊ

Truyện trên có lẽ là bóng dáng xa gần của một thần thoại nào đó (xem *Lược khảo về thần thoại Việt-nam*)[2].

Có nhiều dân tộc ở xung quanh ta có những truyện cổ tích hoặc những mảnh thần thoại ít nhiều tương tự với truyền của người Việt. Ví dụ truyện của người Mường *Ta-kheo Ranh với cây thuốc bất tử*:

Có một người thợ săn tên là Ta-kheo Ranh, một hôm lên núi Lô đâm được một con nai. Ngồi nghỉ ở dưới bóng cây, anh bỗng thấy có một con rắn đến nhặt một vỏ cây đem lại áp vào vết thương con nai. Chỉ một lát sau con vật sống lại và lủi thủi đi mất. Anh lại đi săn được một con thú khác và đưa đến chỗ cũ rồi rình xem. Anh lại thấy con rắn đến cứu như lần trước. Anh nhớ lấy cây thuốc quý. Một hôm có một người mắc nạn không may bị chết, Ta-kheo Ranh bèn lên núi Lô lấy vỏ cây về thử cứu chữa. Quả nhiên người chết sống lại. Từ đấy hễ có ai chết là người ta cầu cứu với Ta-kheo Ranh. Chỉ ít lâu sau cả một xứ Mường không một ai chết nữa. Từ đó anh nổi danh với cây thuốc bất tử.

Tin ấy lan truyền đến tận Trời, Trời bên sai sứ giả xuống đón anh và búng cả cây thuốc lên. Từ đấy Ra-kheo Ranh trở thành thầy thuốc của Trời, khắp cõi trời đều trở nên bất tử. Trái lại, ở cõi trần vì mất cây thuốc quý nên ai đã chết là chết luôn. Mỗi lần có người chết lên trời, họ thường tìm đến Ta-kheo Ranh đề cầu cạnh, chẳng hạn nhờ anh giả nhận làm con cháu, để được nhẹ tội, hy vọng khỏi xuống địa ngục.

Truyện của đồng bào Cham-pa giống truyện của ta hơn cả:

Một người đàn bà lên rừng thấy một ổ rắn con, bèn giết chết tất, rồi ngồi ở một nơi gần đó. Rắn mẹ thấy con chết, liền bò đến một cây đa (phun đơ-rai) cắn lấy lá, đem phun vào những cái xác của con. Đàn rắn con tự nhiên sống lại. Biết là cây thuốc cải tử hoàn sinh, người đàn bà ấy lấy một nhánh về trồng sau nhà và hết sức bảo vệ, thường dặn các con không được đái vào cây. Một hôm mẹ đi vắng, mấy đứa con rủ nhau đái vào cây xem thử thế nào. Người mẹ về thấy cây đang lừ lừ bay lên, vội chạy tới níu lấy cây, cây mang cả bà ta lên khỏi mặt đất. Con chó đen thấy thế cũng nhảy lên theo. Cây mang họ lên cung trăng. Người Cham-pa gọi bà là Paja Yan (bà già linh thiêng). Người ta nói khi mặt trời đi ngang trước mặt, bà quỳ xuống, do đó có nguyệt thực[3].

Người Cham-pa còn có một truyện khác *Hoàng tử Khỏe* cũng có hình ảnh cây thuốc cải tử hoàn sinh bay lên trời nhưng nội dung lại không giống truyện trên. Đại thể là:

Một ông vua không có con. Thầy bói cho biết nếu đem của bố thí thì rồi sẽ có nhưng nó sẽ làm cho nhà vua khánh kiệt. Vua quả có con nhưng thằng bé ăn rất khỏe: mỗi bữa chén một gà, lớn lên mỗi bữa một dê, lớn nữa mỗi bữa một trâu. Thấy không thể cung đốn nổi, vua sai Khỏe, tên của hoàng tử, vào rừng chặt cây lớn mong cây đè chết, nhưng nó lại vác được cả cây về. Sau cùng Khỏe xin một số sắt để rèn một cái rìu. Thợ rèn rèn không xong, nó phải tự rèn lấy. Dọc đường gặp Ta Sa kéo một xe nặng không cần trâu, nhưng lại không nhắc nổi rìu của Khỏe. Ta Sa bèn tôn là anh, xin đi theo. Lại gặp Ha-vi-ha-va chặt dây mây của năm quả núi nhưng cũng không đỡ nổi rìu của Khỏe, cũng xin kết nghĩa và đi theo. Họ xin người ta được nửa thuyền cá, đi tìm lửa để nấu thì bị một mục phu thủy đánh lừa giết chết hai em. Đến lượt mình, Khỏe tóm cổ mục, mục nói mình có cây thuốc

cải tử hoàn sinh. Khỏe bèn dùng thuốc đó cải tử hoàn sinh cho hai em rồi khâu mồm và mắt mù lại, ném vào một xó. Chồng mù về, theo dấu bã mía của họ, đuổi theo. Hắn ném hai em Khỏe tụt xuống đất. Khỏe liền cũng ném lão tụt xuống đất chỉ còn hở cái đầu; anh đá một cái, đầu lão văng sang tận Trung quốc. Khỏe và hai em sang đến Trung quốc thì thấy mọi người đang hò nhau khiêng cái đầu mà không nổi, bèn lại đá một cái nữa, đầu văng sang nước Xiêm. Vua Trung-quốc khen, gả cho công chúa. Khỏe xin cho Ta Sa lấy công chúa, giao cây thuốc bảo trồng ở vườn, dặn không được cho người lạ vào, cây sẽ bay lên trời mà mình thì sẽ chết. Đoạn Khỏe cùng Ha-vi-ha-va sang Xiêm. Đến đây lại thấy mọi người khiêng không nổi cái đầu, bèn đá một cái văng ra biển. Vua Xiêm cũng gả công chúa, nhưng Khỏe đề nghị xin cho Ha-vi-ha-va kết duyên với công chúa.

Sau đó, anh xin một hòn núi đá để lấy đá lát đường về nước Chàm.

Không bao lâu Ta Sa quên mất lời anh dặn, để cho người lạ vào vườn, cây liền bay lên trời. Bên này Khỏe bỗng dưng lăn ra chết. Nghe tin, Ta Sa đâm ra hối hận, buồn rầu, bèn xin về ở với anh Ha-vi-ha-va ở Xiêm. Sau cùng nhớ nước quá, anh về Chàm được ít lâu rồi cũng chết[4].

Đồng bào Ba-na (Bahnar) có truyện *Ống thuốc thần* cũng gần với các truyện trên:

Bị trâu rừng ăn mất lúa nương, hai anh em nhà nọ quyết rình để bắn chết. Bắn được trâu, người anh để em ở lại canh, còn mình thì chạy về gọi dân làng ra xẻo thịt. Nhưng trâu đó là của bà tiên. Bà hiện ra xoa ống thuốc thần vào trâu, trâu tự nhiên sống lại, rồi bà cười đi mất. Người em chạy theo đuổi không kịp, chỉ nhặt được ống thuốc thần. Khi người anh và dân làng chạy ra thì không thấy trâu, bèn nổi giận giết chết người em. Nhưng nhờ ống thuốc, người em sống lại. Anh ta nhặt ống thuốc thần đeo vào cổ rồi bỏ

nhà di. Dọc đường người em lần lượt cứu được hai con chó, chúng quần quýt theo anh không rời.

Anh lại cứu được cô gái của Cò-ran. Tin đồn khắp nơi, người ta đào cả mộ lên để nhờ anh giúp cho ông bà tổ tiên sống lại. Anh làm việc không biết mệt.

Bấy giờ vua âm phủ (Mơ-tao mơ-tinh) thấy dân số nước mình hao hụt vì người chết xuống thì ít mà người đã chết rồi sống lại quá nhiều, mới lên buộc Trời phải tìm cho ra lẽ để trả lại dân cho hẳn. Tra hỏi mãi, Trời mới biết ống thuốc cải tử hoàn sinh đã lọt vào tay người trần, bèn sai con gái út xuống trần tìm cách lấy lại. Xuống đất, cô gái nhà Trời tình nguyện làm vợ anh chàng, nhưng chẳng làm thế nào để trộm được ống thuốc cả, vì người và chó canh giữ nghiêm ngặt. Mãi về sau phải dùng đến cách bỏ thuốc mê mới lấy được. Tỉnh dậy, thấy mất ống thuốc, anh bảo chó đuổi theo vợ, chó đuổi lên đến Trời.

Thấy cửa Trời đóng kín, anh cùng chó canh ở ngoài không cho ai vào cả.

Người nhà Trời không đi đâu được, đành phải thương lượng với anh. Một mặt Trời cho hai vợ chồng anh và hai con chó được sống mãi và được chu cấp đầy đủ. Mặt khác anh phải trả cho vua âm phủ ống thuốc thần. Anh ưng thuận. Từ đấy cũng có lúc Trời không chu cấp đầy đủ, thì anh cho chó đến đòi và cắn lung tung làm cho Trời sợ bỏ trốn, những lúc như vậy là những ngày nhật thực[5].

Người Miến-điện (Myanmar) có hai truyện, trong đó có một truyện gần gũi với các truyện trên:

1. *Vì sao có nguyệt thực*: Một người đàn bà goá để lại cho hai đứa cháu một

đưa cái cối, một đứa cái chày. Anh chàng được cối cho là không có ích gì, vứt bỏ, còn người em được chày thì đi đâu cũng mang theo. Một hôm có con rắn đến mượn chày để cứu chồng nó sống lại. Từ đó anh mới biết phép màu nhiệm của cái vật mà bà mình để lại.

Ở đây anh cũng chữa cho một con chó sống lại và nó cũng trở thành người bạn trung thành. Sau đó, một lần anh cứu sống công chúa, được vua gả cho làm vợ. Anh đem chày chữa cho thiên hạ làm cho không ai còn biết tang tóc là gì nữa. Hai vợ chồng thường đưa chày lên mũi ngửi, nên trẻ mãi không già. Nữ thần Mặt trăng thấy thế đâm ra ghen ghét, định bụng ăn cắp cặp chày của anh cho bỏ ghét. Một hôm chày mốc, anh đem phơi nắng, bắt con chó ngồi canh. Nữ thần tàng hình xuống, chó không biết, nhưng khi mang chày đi rồi thì chó đuổi theo hơi của cái chày. Cuộc đuổi bắt kéo dài vô tận. Cho đến ngày nay, chó vẫn đuổi theo, có khi chó ngoạm được cả mặt trăng nhưng vì cổ họng bé nuốt không nổi nên cuối cùng lại phải nhả ra. Lúc đó là có nguyệt thực.

2. *Ông già trên cung trăng*: Một ông già chuyên giã gạo thuê chỉ có một con thỏ làm bạn. Một đêm trăng, lão ước được một người giúp việc sàng cám cho mình. Thương tình, nữ thần Mặt trăng hóa làm một bà già hàng ngày đến sàng giúp ông, tối thì về. Được ít lâu, ông lão hỏi tung tích bà già. Nữ thần nói thật. Ông già xin theo lên cung trăng cùng với con thỏ. Vì thế mà ngày nay ở trong trăng có ông lão giã gạo, bên cạnh có con thỏ chực ăn cám[6].

Truyện của đồng bào Tày *Su-đi-ja-khát* và *Chan-ta-khát*, cũng có một số nét tương tự với các truyện trên.

Có hai vợ chồng và hai con trai: anh là *Su-đi-ja-khát* đã lớn, em là *Chan-ta-khát* còn bé. Một trận đói lớn diễn ra, bố mẹ hàng ngày lên rừng tìm củi

nhưng họa hoằn mới có. Hai anh em tắm ở khe, tình cờ anh lật hòn đá bắt được bốn con cua, dự định chia cho mỗi người trong gia đình một con. Em ăn xong phần của mình, lại đòi nữa. Anh thương em, lấy phần của mình nướng cho ăn. Lại đòi nữa. Anh lại cho con thứ ba và sau đó con cuối cùng. Bố mẹ về thấy vỏ cua hỏi chuyện. Khi nghe anh kể lại, bố mẹ cho là đứa em không biết thương bố mẹ, bèn đuổi đi. Thương em, anh đi theo.

Họ đi ăn xin ở các làng nhưng không được gì, bèn vào rừng. Đến một nơi thấy một con "cà-chiết" cắn nhau với một con rắn. Rắn bị chết. Con kia gặm một vỏ cây gần đó nhả vào cho con rắn. Rắn sống lại. Lần sau con rắn cắn chết con cà-chiết, rồi bỏ đi. Hai anh em bèn lấy vỏ cây làm nó sống lại rồi ra đi.

Dọc đường họ lại cứu một con quạ chết. Quạ muốn đền ơn. Hai anh em nói không muốn gì cả, chỉ cần thả quả cây xuống cho ăn, kéo dài quá. Quạ dẫn họ đi đến một chỗ có Phi Giắc (một loại tinh ăn thịt người) vừa chết vợ, đang giết trâu bò làm ma. Quạ trộm thịt ném cho họ ăn. Phi Giắc bắt gặp, đánh chết quạ và bắt hai anh em định giết thịt, mời họ hàng đến ăn. Trong khi Phi Giắc đi vắng, ở nhà hai anh em cứu sống vợ nó. Khi chồng về, vợ nó xin tha mạng cho ân nhân. Phi Giắc cho hai người một cái quạt và một cái gậy, bảo đi nhanh về phía mặt trời lặn, kéo họ hàng mình bắt gặp thì không hay.

Hai anh em đi đến một nơi gặp một lũ con gái đang múc nước cho đám ma con gái "tạo" mừng. Họ vào nhà xin ăn, bị đuổi, họ lại đến nhà một bà già xin ăn. Bà già giết một con vịt rồi đi múc nước. Ở nhà hai anh em cứu sống con vịt. Bà già đem việc ấy nói lại với tạo. Tạo đến xin họ cứu cho con gái mình. Khi thấy con gái sống lại, tạo bảo họ muốn lấy gì cũng cho. Người anh xin ở lại. Tạo gả con gái cho.

Một mình Chan-ta-khát ra đi. Đến một vùng nọ anh cứu sống người con trai của Khi-sa-phau. Gần đó có con gái tạo mường chết vì móng hổ rơi vào bàn chân. Được Khi-sa-phau mách, tạo gọi Chan-ta-khát đến cứu sống con gái, hứa sẽ chia cho anh hai mường. Anh cứu sống, lấy cô gái làm vợ, rồi ở lại đây.

Một người Sa là Khắt-tha-nêk trước đã đi hỏi cô gái, thấy thế, tức lắm bèn bỏ thuốc độc cho anh ăn. Không chết, anh lại bỏ thuốc độc cho ăn. Khắt-tha-nêk ăn xong phát điên đi lang thang khắp nơi[Z].

Dân tộc Hrê (Hré) có truyện *Quậy* kết hợp giữa truyện *Cuội cung trăng* với truyện *Nói dối như Cuội* (số 60, tập II):

Chàng Quậy nghèo và xấu không ai lấy. Một hôm nằm ngửa ngắm trăng, thấy cô gái và cây đa trên trăng. Quậy tỏ lời ao ước. Tự nhiên có một chiếc lá đa rơi xuống. Quậy lấy lá trồng, lá mọc thành cây, lá cũng phát ánh sáng như ánh trăng, đem lá thử chữa cho các con vật chết, chúng cũng sống lại. Quậy đi hỏi vợ. Bị cô gái chế nhạo, Quậy cầm dao đâm chết rồi cứu cho sống lại. Thấy mọi người kính phục, Quậy nảy ý nghĩ đi chơi mọi nơi, lừa gạt người ta. Quậy bắt đầu gạt ông bác (giết lợn ăn thịt rồi cầm đuôi xuống đất nói dối lợn xuống âm phủ), nhiều lần gạt hổ (một cuộc đi săn bằng bẫy, một cuộc đi ăn trộm gạo, "trúng" lợn, nước biển dâng. v.v...). Sau đó, Quậy lại gạt quan nhiều lần (ăn thịt "mệt", lấy ống điều...), gạt lái buôn, v.v...

Cuối cùng, khi về thì cây quý đã chết. Quậy nhờ làm làm cho một cái thang bằng sắt. Trèo lên đến nơi, thì Quậy gặp cô gái trên trăng, hai bên kết hôn. Vợ Quậy đập cái thang, thang rơi xuống thành mỏ sắt. Quậy xin về, vợ không cho. Quậy chặt cây để làm thang, nhưng cây bị chặt đến sáng lại liền như cũ. Cuối cùng, Quậy đem lương ăn, đến cây đa chặt liên tục không

ngủ, đến ngày thứ tư mệt quá, ngủ lại đấy nhưng lại chú ý gác chân lên chỗ chật. Không ngờ khi chỗ bị chật của cây liền lại thì kẹp luôn chân Quậ vào gốc cây[8].

Đồng bào Mèo có truyện *Chàng Ủ-châu*:

Chàng Ủ-châu (Ủ-châu = út) cùng người anh đi cày nương. Chị dâu làm thịt gà đưa cho chồng ăn, còn em thì chỉ được ăn cám và xác một con rắn mà chị ta đánh chết dọc đường. Ủ-châu không ăn. Bỗng có con rắn lẩn đến cắn một thứ cây phun vào xác rắn. Rắn sống lại. Biết là cây thuốc cải tử hoàn sinh, Ủ-châu nhổ cây, thử phun vào xương gà (do người anh ăn bỏ lại) thì gà sống lại. Gà dẫn dọc đường vè nếu thấy có người chết thì dừng cứu vì người ấy độc ác. Nhưng anh cứ cứu, hóa ra người đàn bà ấy là chị dâu anh bị rắn cắn chết. Anh lại tiếp tục đi nữa và cứu được nàng Ủ-châu, một cô gái đẹp và kết thành vợ chồng. Từ đây, truyện chuyển sang một kết cấu xa lạ.

Anh cứu cho đứa con một lão nhà giàu để học những phép lạ của hắn. Anh lại dùng phép biến mình thành một con ngựa trắng đẹp cho một người anh của mình cưỡi đi chợ đổi cho đứa con lão nhà giàu đó để lấy một con ngựa khác, còn được bù thêm ba mươi sáu lạng bạc. Ngựa trắng -Ủ-châu -do chủ mới dắt về, lúc đưa đi tắm thì nó lặn xuống sông. Thấy thế đứa con lão nhà giàu nhờ một thầy pháp đuổi theo. Ngựa hoá cá, thầy pháp hóa làm rái cá, cá hoá làm cua, cua lại hóa làm bong bóng nước nổi lên, rồi hóa làm chim cắt.

Rắn nước cũng nổi lên hóa làm điều hâu đuổi cắt. Cắt lại hóa làm chuột chui vào hang, còn điều hâu hoá làm mèo rình ở cửa. Chuột hóa làm kiến nhỏ bò ra, rồi hóa thành một lão thầy pháp khác đánh cho mèo một trận như tử, và từ đấy bắt con vật - tức lão thầy pháp - kia cứ giữ mãi mãi lốt mèo[9].

Truyện *Thăng Cuội cung trăng* của ta còn giống với đề tài thần thoại cung trăng của nhiều dân tộc, trong đó cũng có vị thuốc trường sinh bất tử và hình ảnh bay lên mặt trăng. Trước hết là truyện *Hậu Nghệ* của Trung-quốc: Ngày xưa trên trời có một vị thần tên là Hậu Nghệ. Hậu Nghệ rất thông minh, tự chế ra cung tên bắn trăm phát trăm trúng. Thừa ấy là đời vua Nghiêu, thiên hạ gặp lắm nạn. Thượng đế bèn cho Nghệ một cái cung màu đỏ và mũi tên màu trắng, bảo xuống trần trừ nạn cứu dân. Tai nạn của dân hồi đó là hạn hán. Nguyên do ở phương Đông có biển Thang-cốc, ở đó có cây phù tang rất lớn. Mỗi buổi sáng, mười mặt trời đến đấy tắm mát. Tắm xong, chín mặt trời nô đùa dưới cây phù tang, còn một mặt trời thì ngồi trên xe do quạ kéo qua không trung. Một hôm tắm xong, cả mười mặt trời cùng leo lên xe đi, vì thế mùa màng cháy trụi gây nên nạn đói chưa bao giờ có. Nghệ thấy vậy không chút do dự, bắn liên tiếp chín phát rơi chín mặt trời, chỉ còn một mặt trời còn lại cho đến ngày nay.

Vua Nghiêu lại sai Hậu Nghệ đi trừ ác thú, rồi sai đi cứu nạn lụt. Lần sau này, Hậu Nghệ bắn bị thương Hà Bá là kẻ gây ra nạn lụt.

Hậu Nghệ có vợ là Hằng Nga xui chồng lên núi Côn-lôn xin vị thuốc trường sinh bất tử ở bà Tây Vương mẫu. Trái bao gian khổ, Hậu Nghệ mới lấy được vị thuốc quý đưa về giao cho vợ, định cùng uống chung. Không ngờ một hôm Hậu Nghệ đi vắng, ở nhà Hằng Nga uống thuốc một mình. Uống xong, bỗng thấy người nhẹ dần, rồi chân rời khỏi mặt đất, bay lên trời tới mặt trăng. Ở đây, Hằng Nga chỉ có một con thỏ trắng, một con cóc và một cây quế làm bạn, ngoài ra không có gì khác. Khi Hậu Nghệ về, thấy tình hình như vậy buồn rầu vô hạn.

Hậu Nghệ có người học trò là Bàn Ngâm cũng có tài bắn nhưng thua Hậu Nghệ một bậc. Bàn Ngâm ghen tỵ với thầy nên tìm kế hại thầy. Từ ngày

mất vợ, Hậu Nghệ đâm ra nóng nảy, thường ngược đãi tôi tớ. Bàng Mông xui họ chống lại. Nghe lời xúi bẩy, một hôm nhân đi săn không phòng bị, chúng liền ập đến giết chết[10].

Truyện *Sự tích con thỏ cung trăng* của Ấn-độ là một Phật thoại: Ngày xưa, trong một khu rừng nọ có ba con thỏ: một con nâu, một con vàng và một con trắng. Cả ba dày công tu luyện, suốt đời làm việc thiện. Đức hạnh tốt đẹp đó đã động đến Trời. Trời bèn sai một thiên thần xuống để dò hư thực. Vị thần hóa làm một người bộ hành đói rách lỡ bước lạc đường đến khu rừng ấy.

Thỏ nâu và thỏ vàng sẵn có lương thực bèn đem ra biếu tất cả cho người bộ hành. Còn thỏ trắng ta vì đã bố thí hết cả, không biết lấy gì mà cho, chỉ có một bó củi, bèn nói: - "Tôi không thể biếu người cái gì ngoài chính bản thân tôi ra. Vậy thì củi đây, người hãy quay chín tôi mà ăn thịt".

Vị thiên thần cảm động liền bay về trời tâu cáo mọi việc. Trời bèn ban thưởng thỏ trắng bằng cách cho sống một đời sống vĩnh cửu ở mặt trăng, là nơi thanh bình, tinh khiết. Từ đó thỏ ở lại cung trăng cho đến ngày nay[11].

Một truyện kể trong *Đại tạng kinh*: Một người Bà-la-môn sống hàng ngàn năm trên núi, có bốn con vật thân cận là chồn, khỉ, rái cá và thỏ. Hàng ngày chúng đến nghe giảng kinh và thường mang hoa quả đến cho. Một lần người Bà-la-môn hết thức ăn, toan đi chỗ khác. Bốn con vật buồn bã rủ nhau tìm thức ăn nuôi ông. Con khỉ sang một hòn núi khác tìm được nhiều quả ngon. Con chồn biến thành người, kiếm được một túi hạt nường mang về có thể nuôi được một tháng. Rái cá lặn xuống nước, bắt được một con cá to, cũng có thể ăn được một tháng. Còn con thỏ không biết làm thế nào cả, bèn chuẩn bị củi than rồi nhảy vào lửa định tự quay cho người Bà-la-môn ăn. Nhưng vừa nhảy vào thì tự nhiên lửa tắt. Người Bà-la-môn là tiền thân

của Đê-hòa-kiệt, con thỏ là đức Phật, con khỉ là Xa-ri-pu-tra, con chồn là A-nan-đà, con rái cá là Mục Liên[12].

Người In-đô-nê-xi-a (Indonésia) có một truyền thuyết trong đó không nói đến Cuội và cây thuốc cải tử hoàn sinh mà lại nói đến mặt trăng, và đặc biệt có tình tiết đá vào mặt trăng: Ngày xưa có hai mặt trăng thay phiên nhau soi sáng trần gian cho nên không bao giờ có đêm cả. Có mấy tên trộm thấy vậy không hài lòng, vì ánh sáng thường trực làm ngăn trở công việc làm ăn của chúng. Một hôm chúng quyết định đá vào một trong hai mặt trăng. Quả nhiên mặt trăng ấy tắt đi, và biến thành một cái trống rơi xuống đảo Ba-li[13].

Xem thêm truyện của Đồng bào Tày *Con rùa vàng*, mục Khảo dị truyện số 128.

Về hình tượng lấy ruột vật thay vào cho người, người Ca-nác (Canaques) ở Tân Ca-lê-đô-ni (Nouvelle-caledonie) cũng có truyện nói đến một vị thần Gô-ma-uê, một hôm đi chơi gặp hai người lạ, hỏi thì họ chẳng biết nói năng gì cả. Biết được nguyên nhân, thần bèn bắt hai con chuột lấy tim gan và bộ ruột của chúng lắp vào cho họ. Quả nhiên khi vết thương kín lại cả hai người bắt đầu ăn nói, suy nghĩ và có sức khỏe[14].

[1] Đoạn này theo Nghiêm Toàn. *Việt-nam văn học sử yếu*.

[2] Trong bộ sách này chúng tôi có đưa vào một số truyện như *Sự tích thặng Cuội cung trăng* (126), *Thánh Gióng* (134), *My Châu-trọng Thủy* (174), *Ả Chức chàng Ngưu* (182), v.v... mà ở *Lược khảo về thần thoại Việt-nam* đã có kể đến coi như là những thần thoại. Như chúng tôi đã nói: "ở Việt-nam thần thoại đã bị thất lạc mất nhiều", "không còn giữ được nguyên tính chất chất phác của nó như thần thoại của các dân tộc thiểu số", những truyện trên theo chúng tôi vốn xuất phát từ một số hình ảnh của thần thoại xa xưa, còn cấu trúc câu chuyện thì có thể đã chịu ảnh hưởng của nghệ thuật truyền thuyết cổ tích sau này. Cho nên chúng tôi đưa một số truyện vào đây để một mặt cho bạn đọc thấy được nghệ thuật xây dựng loại cổ tích thần kỳ có truyền thống từ nghệ thuật thần thoại, mặt khác để tiện trình bày những dị bản xa gần của chúng cũng khá phổ biến ở nhiều dân tộc anh em ở Việt-nam và trên thế giới. Về vấn đề chuyển hóa *Thần thoại - cổ tích* chúng tôi mong sẽ có dịp đề cập đến trong một bộ sách khác.

[3] Theo Ca-ba-tông (A.Cabaton): *Những tìm tòi mới về người Cham-pa*; còn theo Lãng-đờ (Landes) thì truyện này kể có hơi khác. Đại khái có một anh chăn trâu một hôm lên rừng giết chết một con rắn, bỗng thấy bố mẹ con rắn tha một miếng vỏ cây cò-rếch rồi phun vào xác con, nó sống lại. Anh chăn trâu bèn lấy vỏ cây ấy phun thử vào con cá khô mang theo, thấy nghiệm. Từ đó anh cứu được rất nhiều người chết sống lại, trong số đó có một cô gái đã chết được một tháng.

Cũng giống như truyện của ta, anh cưới cô làm vợ và còn đào cây thuốc quý bí mật về trồng, cấm vợ không được bén mảng vào vườn. Một hôm cây

cũng tự nhiên long gốc rồi bay lên trời, vì trận mưa nước tiểu vô tình của người vợ trong khi lén vào thăm vườn. Chồng về vừa kịp bấu vào cây và cuối cùng cũng bay theo lên cung trăng (*Truyện cổ tích Cham-pa*, đã dẫn).

[4] Theo *Truyện cổ Tây nguyên*.

[5] Theo *Truyện cổ Ba-na*, tập II.

[6] Theo *Miến-điện dân gian cổ sự*, sách đã dẫn.

[7] Theo Đờ-jor-jơ (Degeorge). *Truyền thuyết của người Tày ở An-nam*, tạp chí *Nhân loại*(*Anthropos*), 1921-22.

[8] Theo *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập I. Nên nhớ người Việt nam cũng có truyện kể kết hợp giữa hai truyện (xem *Sơn cư tạp thuật*) nhưng nội dung và tình tiết không đầy đủ như truyện trên đây.

[9] Theo *Chàng xà trị hổ ác*.

[10] Theo *Hoài Nan-tử* và *Truyện dân gian Trung-quốc* (bản dịch của Thái Hoàng và Bùi Văn Nguyên).

[11] Theo *Văn hóa nguyệt san*, số 56 (1960). Một dị bản khác kể rằng: Ngày xưa có một thầy tu đến trước một ngôi nhà xin ăn. Trong khi mọi người đang cúng thức ăn, thì một con thỏ ngẫu nhiên cũng ở đó. Nó không biết kiếm gì để làm thức ăn, bèn nhảy vào nồi nước đang sôi để làm thức ăn cúng dâng cho Bồ tát.

Thầy tu - tức thần In-đờ-ra - rất cảm động, lập tức đưa thỏ lên mặt trăng.

[12] Theo Sa-van-nơ: (Chavannes). *Năm trăm truyện cổ và ngụ ngôn trích từ Kinh Đại tạng Trung quốc*.

[13] Dẫn trong *Nghiên cứu về những lễ nghi nông nghiệp của người Căm-pu-chia* của E.P.Mát-xpê-rô (E.P.Maspéro).

[14] Theo Lin-nác-đơ (Linnardes). *Đô Ka-mô (Con người và huyền thoại ở xã hội Me-lane-di)*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
128. LẤY CHỒNG DÊ

Ngày xưa, ở một vùng gần biển, có hai vợ chồng nhà nọ, đầu tóc đã hoa râu mà vẫn hiếm hoi. Hai vợ chồng cầu khẩn khắp nơi mong có mụn con khỏi phải hiu quạnh lúc tuổi già. Thế rồi người vợ bỗng có mang, chín tháng mười ngày đẻ ra một bọc, khi mở ra thì không phải là người mà là một con dê đực. Chồng bực mình bảo vợ đem ném xuống sông cho khuất mắt, nhưng người vợ không nỡ, khuyên chồng cứ để lại nuôi.

Trong lòng phiền não, người chồng phát ốm rồi từ giã cõi đời. Trái lại, dê thì hay ăn chóng lớn, lại biết trông gà, chặn lợn, giúp đỡ mẹ những việc vặt trong nhà. Vì thế, mẹ dê cũng phần nào khuây khỏa.

Một hôm dê đi chơi đâu về, tới đặt đầu vào lòng mẹ nói:

- Mẹ ạ! Phú ông làng bên có ba cô con gái, mẹ đi dạm cho con một cô!

Mẹ dê nghe con nói không nhin được cười, bảo:

- Mày thật là đứa không biết phận mình. Đời nào phú ông lại gả con cho cái thứ dê như mày cơ chứ!

Nhưng dê một hai bắt mẹ mang trầu cau đến hỏi cho bằng được. Sau cùng, thấy con vật nài hết sức, nên chiều lòng con, mẹ đành đánh bạo đến nhà phú ông. Giáp mặt phú ông, ngần ngại mãi, bà mới dám mở miệng ngỏ lời. Vừa nghe nói, phú ông đã ùng ùng nổi giận, quát mắng om sòm:

- Câm mau cái con mụ này! Đồ láo! Dám vác mặt tới đây hỏi con vàng con ngọc của ta cho con dê của mụ kia à? Muốn tốt thì xéo ngay đi!

Nhưng theo lời con dặn, mẹ dê vẫn cứ nhẫn nhục ngồi lại, một hai nói mãi không thôi. Cuối cùng phú ông bất đắc dĩ bảo:

- Thôi được, ta cũng chiều lòng mụ gọi các con ta ra đây hỏi xem, hễ đứa nào bằng lòng lấy con mụ thì ta sẽ gả.

Nói xong, phú ông cho gọi ba cô con gái đến trước mặt, rồi hỏi ngay con gái đầu lòng:

- Con có muốn về làm dâu nhà mụ này không?

Cô gái nguyền mẹ dê một cái rỗ dài rồi hối hả đi vào, không quên buông một câu nói với:

- Úi dào, chồng người chả lấy, lại lấy chồng dê!

Phú ông cười ha hả. Lại hỏi đến cô con gái thứ hai:

- Còn con có ngại hẳn là dê không nào?

- Thừa cha, con là người không thể lấy được dê.

Đến lượt cô con gái thứ ba, phú ông lại hỏi:

- Còn con nữa, con cũng thế chứ?

Nhưng cô thứ ba đã khép nép cúi đầu thưa:

- Cha mẹ đặt đâu con xin ngồi đấy!

Phú ông chưa bao giờ ngạc nhiên đến thế. Nhưng đã chót hứa với mẹ dê, hẳn không còn biết nói năng ra sao nữa. Hẳn nghĩ: - "Không cần từ chối, ta cứ thách cưới cho rõ nặng, nhất định các vàng cũng không dám "chơi chèo". Hẳn bèn đòi mẹ dê phải đủ sính lễ một trăm trâu bò, một trăm lợn, một mâm vàng, một mâm bạc mới được đón dâu về. Nghe nói, mẹ dê lật đật chạy về kể lại cho con nghe và nói:

- Con ạ! Hãy từ bỏ ý định nông cuồng đi thôi. Phú ông tuy nói gả nhưng lại thách cao như thế, họa có vua chúa mới biện đủ.

- Đừng lo mẹ ạ - dê con trả lời - con sẽ lo được.

Đêm hôm ấy, trong khi mẹ dê ngủ, thì dê bước ra sân trút lột dê thành một chàng trai trẻ. Khi chàng hô lên: - "Lấy cho ta mọi thứ để làm sính lễ", lập tức các gia nô xuất hiện trước mặt chàng rất đông, họ đội đến đủ số vàng bạc và dắt đến đủ số trâu, bò, lợn, rồi biến mất. Chàng trai lại chui trở vào lột dê, gọi mẹ dậy nhận đủ lễ vật để sửa soạn ngày mai đưa sang cho phú ông.

Ngày rước dâu, dê bon bon đi trước, còn cô gái út phú ông lẻo đẻo theo sau cùng với hai chị. Sau khi vào buồng làm lễ hợp cẩn, cô gái bỗng thấy chồng mình trút lột dê ra thành một chàng trai tuấn tú thì vừa sợ vừa mừng. Sáng dậy chồng lại chui vào lột dê như cũ, rồi ra nhà ngoài. Hai người chị vợ cố nán ở lại để xem em mình ăn ở với dê ra làm sao. Nhưng khi gặp người em, họ chả thấy em có vẻ gì là băn khoăn hối hận về việc có chồng là dê cả. Không khỏi lấy làm ngạc nhiên, họ tí tê hỏi dò em cho ra sự thực. Vợ dê kể lại cho hai chị biết mọi việc trước sau. Đêm lại, hai chị lén trở vách buồng của em nhìn vào quả thấy đúng như lời em nói. Họ không ngờ chồng của

em lại khôi ngô trẻ đẹp vượt xa bọn con trai trong thiên hạ. Hôm sau hai chị khuyen em phá lối dê đi để cho chồng không còn biến vào đâu được. Quả nhiên từ đấy dê chần dứt cuộc đời dôi lối dê. Còn hai người chị thì lại hối tiếc và ghen tị với số phận may mắn của em.

*

* *

Hơn một năm sau, một hôm chồng trao cho vợ một con dao và một hòn đá lửa, dặn rằng:

- Tôi có một số công việc phải vượt muôn trùng sóng nước, chưa hẹn được ngày về, cũng không thể đem nàng đi được. Nàng ở nhà nhớ đừng đi đâu xa. Hai vật hộ thân này hãy luôn luôn mang bên người đừng quên, có khi dùng được việc.

Rồi một sáng sớm, Dê từ biệt mẹ và vợ dong buồm ra khơi. Vợ Dê ở nhà thức khuya dậy sớm, hết lòng phụng dưỡng mẹ chồng. Nhớ lời chồng dặn, bao giờ con dao và hòn đá cũng được giắt ở bên lưng.

Một ngày kia, hai chị đến nhà rủ em đi trẩy hội. Vợ dê trước chối từ nhưng sau thấy hai chị dỗ mãi, bèn theo họ ra đi. Cả ba người xuống một chiếc thuyền đậu sẵn ở bến. Thuyền băng băng rẽ sóng, chị em cùng nhau vui vẻ chuyện trò. Qua ngày hôm sau, ba chị em lại quây quần ngắm mây trông sóng ở đằng mũi thuyền. Nhưng đã lập mưu sẵn, hai chị thừa lúc em vô ý bất thần đẩy em xuống biển. Vợ dê chưa kịp kêu lên thì đã bị sóng khóa chìm ngấm. Còn hai chị, thi hành xong kế độc, liền hối hả cho thuyền vào bờ, rồi giả bộ hốt hoảng báo tin rằng em mình không may sẩy chân rơi xuống nước.

Lại nói chuyện vợ dê trong khi đang vùng vẫy có ngoi lên khỏi mặt nước thì bỗng có một con cá kình lao tới đập ngay vào bụng. Sẵn dao bên mình nàng lập tức rút ra đâm chém tứ tung. Cá kình bị thương quẫy rất dữ dội. Nhưng vì bị thủng bụng nên chỉ một lúc sau cá đã tắt thở, nằm phoir bụng nổi lên mặt nước. Chẳng bao lâu sóng biển đánh giạt xác cá vào một hòn đảo. Vợ Dê liền cầm dao rạch luôn bụng cá, chui ra ngoài. Đó là một hòn đảo hoang không có bóng người. Nàng bèn chặt cây dựng lều làm thành một chỗ ở bên bãi biển. Sẵn có đá lửa, nàng đốt củi lên sưởi, và xẻo thịt cá

kình nướng ăn. Sau đó lại vào rừng hái trái đào củ, thay cho lương thực. Cứ như thế tất cả những khó khăn trong cuộc sống dần dần nàng đều vượt qua. Một hôm, vợ Dê nhìn vọng ra ngoài khơi bỗng thấy xa xa có bóng một cánh buồm trắng. Nàng bèn buộc áo vào một cành cây phất lên làm hiệu. Con thuyền nhận được dấu hiệu của nàng, rẽ sóng tiến vào đảo. Khi thuyền cập bến, nàng sửng sốt thấy người trên thuyền không phải ai xa lạ chính là chồng mình. Đúng là chàng dê sau bao ngày vượt vờn đang trên đường trở về quê hương, thấy dấu hiệu cầu cứu nên ghé vào đảo. Hai vợ chồng ôm nhau mừng mừng tủi tủi. Chỉ một lát sau, Dê đã nghe hết đầu đuôi câu chuyện.

Khi thuyền về đến nhà, Dê giấu vợ không cho ai biết, rồi sai người dọn một bữa cỗ linh đình nói là để cúng vợ. Chàng cho mời làng nước và bà con họ hàng, cả gia đình nhà vợ tới dự. Hai người chị nghe tin Dê đã về thì mừng khắp khởi, vội đến ngay. Cả hai làm bộ khóc lóc thảm thiết trong khi bịa ra câu chuyện cái chết thảm thiết của cô em xấu số. Sau đó chúng mấy lần liếc mắt đưa tình để cảm dỗ người em rể tuấn tú mà chúng vẫn ao ước được chung tình. Dê vẫn thung thỉnh đi từ bàn nọ sang bàn kia, mời mọi người ăn uống no say. Đoạn Dê khoan thai bảo hai chị:

- Em xin vào nhà gọi người ra hầu hai chị!

Dê vén màn cho vợ từ trong buồng bước ra. Nàng tươi cười chào hỏi hai chị và mọi người, làm cho ai nấy đều sửng sốt. Hai người chị vừa then vừa sợ, nhân lúc mọi người không chú ý, len lén bước ra khỏi cổng. Nhưng chúng đi chưa được một quãng đường đã bị thần sét nháy xuống đánh chết. Từ đây hai vợ chồng Dê ăn ở với nhau sung sướng trọn đời.

KHẢO DỊ

Trong Thánh Tông di thảo cũng có một chuyện Lấy chồng Dê:

Một người đàn bà ở Thanh Khê góa chồng có hai con gái. Cô bé đã gả chồng còn cô lớn hơn hai mươi tuổi mà vẫn chưa chịu lấy ai. Khi bà mẹ mất, có nhiều nơi đến dạm hỏi nhưng cô đều từ chối. Cô ở với chú may vá làm thuê, kiếm ăn lần hồi. Cô thương mẹ khóc lóc ba năm, ai cũng khen là con có hiếu. Một hôm cô từ mộ mẹ trở về nhà, tự nhiên thấy có một con dê đi theo. Về đến nhà, dê nhảy ngay vào buồng hóa thành một chàng trai, tự

xưng mình là người của ngọc hoàng thượng đế bị đày xuống trần ba mươi năm. Từ đấy chàng trai cứ sáng ra là dê tối lại là người. Ở làng ấy có một người con trai khác từ lâu theo đuổi cô gái. Một hôm, anh ta đến rình ở buồng thấy có tiếng trò chuyện, bèn phá cửa xông vào thì chỉ thấy con dê, anh ta thẹn quá bỏ đi mất.

Sau đó Ngọc hoàng thương giảm hạn, dê được về trời. Lúc từ biệt, vợ đòi đi theo. Dê bày cho vợ câu thần chú để gọi mình xuống mỗi lúc muốn gặp. Nhờ đó hai bên còn gặp nhau nhiều lần. Nhưng bốn tháng sau, cô bị bệnh chết. Khi chôn, người ta thấy trong quan tài có tiếng động, mở ra chỉ thấy một con chim vàng anh .

Chúng tôi ngờ rằng truyện vừa kể xuất xứ từ truyện Lấy chồng dê trên kia nhưng đã qua sự cải biên gọt đẽo mạnh tay của nho sĩ.

Việt Nam còn có truyện Chàng Chuối rất phổ biến ở Miền bắc, gần như cùng một chủ đề với chuyện trên.

Thủy thần một hôm biến thành một người đàn ông lên bộ, rồi ăn nằm với một cô gái. Cô gái từ đấy có mang, đến kì đẻ sinh ra một con cá chuối rất lớn. Thường ngày mẹ vẫn nuôi con trong vại nước. Lớn lên, chuối đòi lấy một trong ba cô con gái quan họ Lý trong miền. Cũng như truyện trên cô thứ nhất và cô thứ hai khi nghe nói chuyện lấy Chuối làm chồng đều tỏ ý dè bủ, trừ cô thứ ba. Thấy vậy họ Lý cũng đòi một món sính lễ lớn, vượt khả năng của nhà trai. Chuối được mẹ thả xuống sông để về xin bố. Bố cho một quả bí, về mở ra trong có đủ mọi sính lễ mà nhà gái đã thách cũng nhiều kẻ hầu người hạ. Cưới xong, đêm đêm Chuối cũng biến thành chàng trai ăn nằm với vợ, ngày lại hóa cá. Một hôm Chuối trút lột cùng vợ đi chơi hội chùa, hai chị không ngờ đó là một chàng trai khỏe và đẹp, đâm ra mê mẩn. Em gái thú thật đấy là chồng mình. Hai chị lúc đầu không tin, họ đến nhà em khoét vách nhìn mới rõ sự thực, và từ đó họ ghen tị với em.

Về sau vua nghe tin đồn, vời Chuối về triều làm đại tướng trấn giữ biên thù. Ở đây cũng có tình tiết hai chị nhân khi Chuối đi vắng, rủ em đi tắm và xô em ngã xuống sông, nhưng cứu thoát cho vợ Chuối lại là Thủy thần. Chuối làm xong việc quan, trở về gặp lại vợ, giấu vợ vào hòm, rồi mang hòm đến nhà bố vợ. Hai chị cũng giả bộ thương xót em gái xấu số rồi tán

tình ve vãn Chuối, nhưng đến lúc Chuối mở hòm thì bị vạch mặt. Hai chị cũng bị sét đánh chết như truyện trên .

Đồng bào Vĩnh Yên, Phú Thọ kể chuyện chàng Chuối có khác ở chỗ, mẹ Chuối do ướm vào dấu chân lạ bên bờ sông mà có mang. Sau khi ra đời, Chuối được thả trong một chậu nước đặt ở gậm giường. Một hôm có hội mùa, Chuối biến thành chàng trai đi dự, thấy có ba cô gái đẹp mới về bảo mẹ đi hỏi. Cũng như trên, nhà gái thách cưới quá nặng. Chuối cũng bảo mẹ thả mình xuống sông rồi cũng mang lên một quả bí. Một tiếng nổ, quả bí vỡ tung, bao nhiêu mâm cỗ và đồ sính lễ tuôn ra nườm nượp. Ở đây không có việc Chuối được vua phong đại tướng. Thừa lúc vắng Chuối, hai chị rủ em ra cầu rồi bất ngờ đẩy xuống sông. Nhưng chàng Chuối đã kịp thời cứu được vợ và đẩy hai chị em xuống nước .

Đặng Lễ Nghi biên soạn Chàng Nhái kiến Tiên Thơ từ một văn bản cũ (không rõ có từ thời nào). Đại khái là:

Ông bà trưởng giả sinh được một con gái xấu xí là Giăng Dung. Lớn lên cô gái không chồng mà chửa, sinh ra một con nhái. Ông bà trưởng giả sau đó qua đời, Giăng Dung hăm hút nuôi con. Nhái mười ba tuổi bảo mẹ đi hỏi con vua Hồ vương (tác giả đoán là Hung- nô). Mẹ chiều ý con. Vua sai đưa nhái đến xem mặt. Vua hỏi: "mày ưng lấy ai?". "Công chúa Kiến Tiên mà thôi". Thấy con gái bằng lòng, vua hứa gả nếu:

"Sắm đủ một trăm mặt trời,
Một trăm mặt nguyệt tùy thời chiếu liên
Một trăm chư Phật chư Tiên,
Thành Hoàng trăm vị ứng liên thỉnh không
Một trăm măng xà có lông,
Một trăm bạch lộc trong rừng chạy ra
Một trăm hùm dữ thay là,
Một trăm sư tử dờn ma kỳ lân,
Để cho dờn chụp trước sân
Sắm đủ trăm thần cời (cười)nó mà đi
Trăm rồng ngũ sắc (sắc) dị kỳ,
Để dờn mặt nhựt (nhật)ta thì xem chơi..."

Nhái biện đủ, đám cưới cử hành long trọng. Sau đó để thử vợ nhái làm cho kiến cắn chết mình, công chúa vật vã than khóc. Sống lại, nhái cõng lốt thành chàng trai xinh tốt. Thấy thế hai chị bắt nhái về ấp, bắt cõng lốt, bắt không được thì lấy gươm cắt lốt, nhái chết nhưng rồi nhái lại sống. Một hôm nhân nhái đi vắng. Kiến Tiên bị hai chị giết quăng xuống sông nhưng nàng được Long vương cứu. Trở về, nhái tìm mười cửa địa ngục ở âm phủ không thấy. Lên trời, Ngọc Hoàng bảo xuống tìm ở Long vương. Đưa được vợ về, nhái tâu vua mọi sự. Vua giao hai chị cho vợ chồng nhái xử, nhưng họ tha bổng. Vua bắt đầy vào rừng sâu. Ở đấy hai chị lấy chăn tinh làm chồng. Về sau vua giao quyền binh cho nhái rồi bỏ đi tu .

Gần giống với chuyện Lấy Chồng Dê và Chàng Chuối, còn có truyện Sọ Dừa của người Cham-pa, khá phổ biến ở miền Nam, nội Dung như sau:

Một người nọ nhà rất nghèo, một hôm cùng con gái lên rừng hái củi. Cô gái bỗng tìm thấy ở một hòn đá một mạch nước chảy, bèn uống và tắm thỏa thích. Nhưng khi người cha đến thì nước không còn một giọt. Cô gái từ đấy có mang, đủ ngày tháng đẻ ra một cục thịt tròn như quả dưa. Thằng bé bảy tháng biết nói, một năm biết tự lặn đi, ba năm biết chăn dê. Sau đó, nó bảo mẹ đưa mình đến cung vua xin làm công việc chăn trâu. Trâu vua có ba mươi vạn, người chăn mà thường vẫn thất lạc, nhưng thấy Sọ dưa cam đoan, nên vua bằng lòng thuê.

Ngày đầu tiên, công chúa bé nhất mang cơm trưa. Công chúa thấy trâu ăn thành từng bầy rất trật tự, nhưng không thấy Sọ Dừa. Gọi một tiếng thì Sọ Dừa từ đâu lặn ra nhận cơm. Chiều lại, đưa trâu về đủ số.

Ngày hôm sau, vua giao thêm công việc cắt dây buộc nhà. Khi đem cơm, công chúa đứng rình thấy giữa rừng có nhà lâu, có dê lợn và kẻ hầu người hạ. Một số người hầu thì đi chăn trâu, còn một số đi cắt dây. Công chúa gọi lên một tiếng, tự nhiên mọi thứ biến mất, còn Sọ dưa thì lặn đến nhận cơm như cũ. Buổi chiều trâu về con nào con ấy dây cuốn đầy sừng. Vua rất thần phục khi thấy quân hầu tháo được một trăm xe. Lần đưa cơm thứ ba, công chúa cũng rình thấy giữa kẻ hầu người hạ đông đúc có một chàng trai đẹp tựa trăng rằm. Khi gọi tên thì chàng trai biến vào lốt, lặn ra như cũ.

Hôm sau nữa hai công chúa lớn từ chối việc đưa cơm nên công chúa em lại

phải đi. Hôm ấy trời mưa gió, lúc Sọ Dừa đánh trâu về lặn vào bếp sưởi, đụng vào chân hai công chúa lớn đang nấu ăn ở bếp bị họ măng chửi.

Hôm khác, vua giao thêm việc chặt tre. Công chúa ba đưa cơm có mang theo một gói trầu do mình tằm để tặng sọ dừa. Tre của Sọ dừa chặt được nhiều quá đến nỗi vua phải huy động dân các làng kéo về, được một trăm xe. Mọi người đều tấm tắc về tài năng phi thường của Sọ Dừa.

Chăn trâu được mười lăm ngày, sọ dừa về nhà giục mẹ đi hỏi cho mình một trong ba công chúa làm vợ. Mẹ bất đắc dĩ ra đi. Vua hỏi ý kiến ba công chúa, chỉ có công chúa ba ưng thuận. Đám cưới kéo dài một trăm ngày, một trăm đêm, có dân các làng được vua mời về dự. Vua bảo hoàng hậu hỏi dò xem con gái ăn nằm với Sọ Dừa như thế nào. Công chúa cho biết: sáng là sọ dừa, đêm là người. Một đêm nọ công chúa đem lốt dấu đi. Sọ dừa đành phải ra mắt mọi người. Thấy chàng đẹp trai, ai nấy nô nức đến cung để nhìn mặt.

Sau lễ cưới nửa tháng, Sọ dừa chuẩn bị tàu lớn đi buôn, có vợ và hai chị vợ đi theo. Lúc tàu ra khơi, hai chị bảo em tháo nhẫn mà Sọ dừa tặng cho xem rồi giả vờ làm tuột tay rơi xuống biển. Em vội nhảy xuống vớt, nhưng tàu chạy rất nhanh, khi Sọ dừa biết thì đã không thấy tăm dạng. Cho tàu quay về, Sọ dừa khóc lóc ngày đêm. Hai chị vợ nấu cơm tằm trầu cho ăn, lại đến ăn nằm với Sọ dừa nhưng chàng vẫn nhớ vợ không nguôi.

Vợ Sọ dừa vớt được chiếc nhẫn nhưng lại bị chìm xuống biển sâu. Nhờ sự màu nhiệm của chiếc nhẫn nàng trở thành một người tí hon ẩn vào trong một vỏ trai lớn. Bị sóng đánh, trai trôi dạt vào bờ. Một cặp vợ chồng làm nghề bắt trai nghe tiếng khóc tí tê trong một vỏ trai, liền nhặt lấy đưa về cất ở nhà. Đến đây truyện giống với tình tiết của truyện Tú Uyên và Tấm Cám. Một lần hai vợ chồng đi vắng, công chúa từ vỏ trai chui ra biến thành người lớn, quét dọn, nấu cơm nước, đoan lại chui vào như cũ. Một hôm họ cũng giả vờ đi nửa đường lại lộn về rình. Bắt được quả tang, họ nhận công chúa làm con nuôi. Công chúa bảo họ mua cho mình một ít bong về dệt thành chăn. Chăn dệt xong, công chúa bảo mẹ nuôi mang đến cung vua bán, lại đưa nhẫn cho mẹ nuôi đeo. Vua thấy tấm chăn giống với chăn của công chúa thứ ba dệt. Còn Sọ dừa thì nhận ra chiếc nhẫn, bèn theo người đàn bà

về nhà. Hai vợ chồng lại tái ngộ. Sau đó Sọ dừa thay vua trị vì thiên hạ .
Một vài truyện Sọ Dừa khác đã có vẻ Kinh hóa, kết hợp phần nào với chuyện Lấy chồng dê, đại thể là:

1. Một bà cụ hái củi một hôm khát quá, uống nước mưa trong một cái đầu lâu, về có mang đẻ ra một cục thịt tròn, nhân đó đặt tên là Sọ Dừa. Sọ Dừa vừa đẻ đã biết nói, lớn lên đi chăn dê cho phú ông và được ba cô con gái của phú ông thay phiên đưa cơm. Đến lượt cô ba, nhìn trộm thấy Sọ dừa hóa thành chàng trai ngồi võng thối sáo, có kẻ hầu người hạ. Cuối cùng cô gái cũng trở thành vợ của Sọ dừa, còn Sọ dừa thì trở thành người học trò giỏi đỗ trạng. Trước khi từ giã vợ đi sứ, cũng như truyện Lấy chồng dê, chồng đưa cho vợ một hòn đá, một con dao, nhưng ở đây có thêm hai quả trứng gà. Vợ Sọ Dừa cũng bị hai chị em dìm chết, cả người lẫn thuyền lọt vào miệng cá kình, nhưng nhờ có dao và đá lửa, nàng tạo nên một cuộc sống mới trên hoang đảo: lại nhờ có hai quả trứng nở thành gà, nàng được chúng báo hiệu chấm dứt cuộc đời lưu lạc bằng tiếng gáy

Ồ ó o o!

Phải thuyền quan trạng, rước cô tôi về.

Truyện kết thúc như truyện Lấy chồng dê

2. Một người nghèo đẻ ra một đứa con chỉ có mỗi cái đầu, đặt tên là Thần lẩn, cho đi ở chăn trâu với một nhà giàu. Chủ bắt chăn bốn, năm chục con trâu đều làm được. Rồi bắt chặt củi, Thần lẩn chặt đủ mỗi con trâu một gánh đặt trên lưng mang về. Chủ sai con gái đưa cơm. Cô cả không chịu đi. Em nói: - "Chị không đi thì tôi đi". Đến cửa núi cô thấy có một võng điều che bốn lọng, Thần lẩn nằm trong võng có người quạt hầu. Ngoài núi có nhiều người chăn trâu chặt củi. Cô gọi: - "Ai đó ra lấy cơm mà ăn". Mọi thứ biến mất chỉ thấy Thần lẩn ra lấy cơm.

Thần lẩn không ở nữa, chủ tiếc lắm, nài mãi Thần lẩn mới bảo: - "Ông gả con gái cho tôi, tôi mới ở". Chủ gọi hai con gái ra hỏi, chỉ có em bằng lòng. Mời làng xã đến ăn cưới. Ba ngày sau chị đến nhà em thấy Thần lẩn là chàng trai đẹp, bèn mời tới nhà mình chơi. Em sang gọi về, chị phàn nàn: - "Chồng người ắp chẳng được lâu. Ấp được hôm trước hôm sau người đòi". Truyện dừng lại ở đây .

Gần giống với các truyện trên có các truyện sau đây:

1. Chuyện Chàng Bầu của đồng bào Mường:

Có hai vợ chồng hiếm con, ước ao để được đứa con đẹp như quả bầu. Ít lâu sau, quả nhiên vợ đẻ ra một cục thịt tròn như quả bầu. Mẹ định quăng đi nhưng con đã nói ngay: - "Mẹ đừng bỏ con, con sẽ làm được việc". Cũng như Sọ dừa, chàng Bầu lớn lên đi ở chăn trâu cho Lang. Nàng Ả, con gái đầu lòng của Lang đi đưa cơm nhưng vì sợ hãi, thường chỉ đứng ở bìa rừng gọi Bầu ra lấy, chỉ có nàng Hai thì mang đến tận nơi. Và nàng Hai cũng khám phá ra là Bầu có phép lạ: biến thành chàng trai năm vóc thối sáo, bốn bên voi châu hổ phục. Hai bên đính ước. Trở về, Bầu cũng bảo mẹ đi hỏi nàng Hai cho mình. Ở đây Lang cũng gọi hai con ra hỏi, sau khi xui con đá vào người mẹ Bầu. Và khi thấy nàng Hai bằng lòng, Lang cũng thách cưới: "Trăm con trâu khoang, trăm hươu chín gác, trăm vạc tám tai, với một đàn hổ xám, một đàn báo hoa". Bầu hóa phép gọi cầu vồng xuống, trèo lên, lấy đủ mọi thứ về. Sau khi Bầu lấy vợ, cũng có việc nàng Ả đến rình và khi biết sự thật cũng tỏ ý hối tiếc, nghĩ cách cướp chồng của em bằng cách rủ em lên mảng ra sông gọi đầu, rồi đánh đắm mảng. Không biết bơi, nàng Hai bị nước cuốn đến một bãi cát hoang. Nhờ có hai vật dao và trứng mà chồng dặn lúc nào cũng phải mang theo bên người, nàng Hai đào củ, dựng lều; rồi ấp trứng, trứng nở thành gà trống. Bầu hết hạn châu Trời trở về, qua bãi cát nhận ra tiếng gà, nhờ đó gặp lại vợ. Về đến nhà, Bầu cũng giấu vợ một nơi, và sau đó vạch mặt người chị vợ khi người đàn bà này giả nhận làm vợ Bầu. Thấy em gái, nàng Ả xấu hổ, chạy lên cầu thang thì cầu thang gãy, rơi xuống chết hóa thành con nhàn nhả suốt ngày chui rúc dưới bùn không dám ngẩng mặt nhìn mọi người. Ở đây cũng có việc người vợ đập nát lốt của chồng và từ đó hai vợ chồng ăn ở với nhau lâu dài

2. Truyện Hai chị em và chàng trẻ tuổi của đồng bào Kar (Tây- nguyên)

Hai chị em - Răng-roa và Đăm - cùng bố làm rẫy, bố khát nước quá nghe tiếng nước chảy nhưng mấy lần đi tìm lại không thấy gì. Một bà tiên chỉ cho chỗ một con rắn đang khơi mạch: - "Lấy rắn làm chồng thì được uống". Chị không lấy, em đành phải nhận lời để bố khỏi chết khát. Lập tức

nước chảy đầy ruộng rẫy. Cưới xong, trần đến giúp bố vợ dọn gỗ, dọn cỏ rất được việc. Một hôm cùng vợ đi tắm. Vợ tắm cuối dòng bỗng thấy da rần trôi, tưởng chồng đã chết bèn kêu khóc. Khi lên trên dòng thấy một người đàn ông tưởng đó là kẻ giết chồng toan đánh, người ấy nói: - "Tôi là trần nay đã thành người, tên là Sa-pan".

Thấy Đăm có chồng đẹp, Răng-roa ghen tị, tìm cách quyến rũ. Đăm bảo chồng đừng chạm vào đồ đạc của chị, vì theo tục chạm vào tức là phải lấy làm vợ. Răng-roa treo áo giữa nhà, đặt bát nước ăn trước mặt cốt cho Sa-pan đụng phải, nhưng chàng đều tránh.

Vợ Sa-pan có mang, chàng đi vắng, dặn vợ chớ có đi đâu. Răng-roa âm mưu hãm hại Đăm: rủ đi lấy củi, lấy nước, Đăm đều lắc đầu. Nhưng khi rủ đánh đi thì Đăm thích thú đi ngay. Răng-roa cửa đứt dây, Đăm vắng xuống sông, Răng-roa lấy quần áo của em mặc vào, lại lấy quả bầu độn bụng giả làm Đăm để được ân ái với Sa-pan, nhưng không may khi leo thang, quả bầu rơi ra, lộ tẩy.

Sa-pan xuôi dòng tìm vợ, một bà cụ (người vớt được vợ) mách cho biết vợ và con anh hiện ở một hòn đảo, hãy về thu dọn nhà cửa đưa ra đây mà ở. Sa-pan về thu dọn, Răng-roa biết ý đuổi theo đến bè. Sa-pan bảo về nấu nồi cơm lớn đưa đi ăn đường, mình sẽ chờ. Đến bờ sông thấy Sa-pan đã chèo bè ra xa. Răng-roa gào mãi không được, bèn lấy nồi cho xuống nước làm thuyền bơi đi, chớ cũng nhảy theo người. Nhưng vì chớ cạy cơm ăn làm thùng nổi, nước lọt vào dìm y và chớ xuống nước .

3. Truyện Chàng rùa của người Xơ-đăng

Một ông già góa vợ có mười người con gái, một hôm bằng lòng để một con rùa sửa giúp cái lò đơm cá với điều kiện gả cho nó một cô để làm vợ. Cũng như các truyện trên, các cô gái của ông đều từ chối, trừ cô út bằng lòng làm vợ rùa. Mỗi lần đến chơi với vợ, rùa đều hóa thành chàng trai, và căn buồng tự nhiên sáng rực lên, làm cho các chị tưởng buồng bị cháy kêu cứu ầm ỹ.

Ông già ốm, muốn ăn óc cá, bảo các chàng rể đi tìm. Chẳng ai lấy được cả, chỉ có rùa lấy được mấy con.

Ông già lại mở cuộc thi trâu rồi thi xây nhà, rùa đều thắng cuộc, làm cho

các chị vợ ghen tức.

Cũng như các truyện trên, trước khi sang Lào buôn bán, rùa giao cho vợ một quả trứng, một con dao, ngoài ra còn có một quả dừa. Ở đây cũng có tình tiết: mấy chị rủ em đi lấy củi, rồi mua muối, vợ rùa đều từ chối, nhưng lại bằng lòng khi nghe nói rủ chơi đu. Bị các chị chặt đu vợ rùa ngã chết, xác văng xuống sông, bị cá nuốt nhưng lại sống lại và sinh con trong bụng cá. Rồi vợ rùa lấy dao rạch bụng cá, bế con chui ra. Quả trứng biến thành gà trống, còn quả dừa mọc thành cây dừa lớn như thổi. Vợ rùa trèo lên, cây cao lên mãi. Ở trên ngọn vợ rùa nhìn sang đến tận nước Lào. Nàng bảo gà gọi chồng về. Nghe tiếng gà gáy, rùa lên đường về ngay. Trời mưa như trút, phải ẩn dưới cây dừa, rùa vừa kêu đói thì cơm trên ngọn rơi xuống, kêu khát thì quả dừa rụng. Hai vợ chồng gặp nhau. Nghe vợ kể mọi chuyện, rùa bỏ vợ con vào gùi mang về, lại trao cho con một cái kim, dặn cứ đâm vào mặt người nào nhòm vào gùi. Thấy gùi nặng, mấy chị vợ hí hửng ra đón. Khi nhìn vào gùi bị kim châm vào mắt, đứa hóa thành chó, đứa hóa thành mèo. Về sau chó mèo ấy chuyên giữ nhà cho vợ chồng rùa .

4. Chuyện chàng Ca-đác (ca-đác = con vật giống cáo) của người Thái.

Một ông vua sinh được mười công chúa đều đẹp, riêng công chúa cả và công chúa mười giống nhau như đúc. Một hôm vua cho mỗi công chúa một chiếc thuyền, bảo xuôi theo dòng sông, thuyền ai bị kẻ nào cản lại, thì lấy người ấy làm chồng. Các công chúa đều lấy được chồng đẹp trai, chỉ có công chúa mười chờ giúp một con ca-đác sang sông, đến giữa sông thuyền dừng lại đành phải lấy nó làm chồng.

Một hôm vua sai các phò mã vào rừng săn hươu. Ca-đác lên rừng chỉ leo trèo hái quả, nhưng cuối ngày được con hươu rất lớn, còn chín người kia thì về không. Lần thứ hai đi đánh cá, chỉ có Ca-đác được một gánh cá nặng. Lần thứ ba đi chặt gỗ dựng nhà. Nhờ có vua Thủy, Ca-đác có một ngôi nhà lộng lẫy, đẹp hơn cả cung vua.

Thấy lạ vua sai người đến rình. Khi thấy Ca-đác trút lột hóa thành chàng trai đẹp, vua sai giấu kín cái lột, Ca-đác đành phải mang hình người. Thấy em rể đẹp, công chúa cả có ý cướp chồng của em. Ở đây truyện xích gần với truyện Lấy chồng dê. Ca-đác trước khi đi văng cũng giao cho vợ một

con dao, một gói thuốc, dặn khi gặp nạn thì ném gói thuốc ra. Vợ ca-đắc cũng bị chỉ cả chặt đứt đu, văng ra giữa sông, nhờ dao thần và gói thuốc nên xuống đến cung vua Thủy. Công chúa cả mặc quần áo giả làm công chúa mười về với ca-đắc. Ca-đắc xuống sông tìm thấy vợ và đưa vợ về. Đến nhà làm một bữa tiệc mời vua cha tới dự. Giữa bữa tiệc, ca-đắc vạch tội chị cả. Xấu hổ, công chúa cả chạy ra cánh đồng bị sét đánh chết, xác hóa thành con niếu nông (niếu nông = con bọ giống con bọ dừa, hay rúc ở bùn.) .

5. Truyện của dân tộc Cao-sơn (Đài loan) Người đẻ trứng.

Có hai vợ chồng hiếm hoi, cầu thần Tử-tức, vợ sau đó có mang sinh ra một quả trứng. Được một năm trứng biết lăn ra khỏi tổ chơi đùa. Lên bảy, đòi đi chăn trâu, bảo mẹ bỏ mình vào tai trâu, rồi hò hét, sai trâu ra đồng theo ý muốn. Lần khác trứng bảo mẹ buộc dao vào người để mình lên rừng đốn củi. Đến rừng trứng tách vỏ chui ra thành một cậu con trai, đốn xong lại chui vào vỏ, rồi về bảo bố đưa xe lên rừng chở củi về. Đi làm đồng cũng vậy. Một hôm trứng chui ra khỏi vỏ làm ruộng, gặp một cô gái cũng làm ruộng ở gần. Hai bên cùng chuyện trò hát xướng, dần dần đâm thương yêu nhau. Trứng đi dự hội thi vật, lăn dưới chân mọi người, thấy ai giẫm phải thì kêu tướng lên cho họ tránh. Khi thi chạy, trứng lăn ra một nơi chui ra khỏi vỏ, rồi về tới đích trước mọi người.

Cô gái tới nhà hỏi thăm trứng, bố mẹ nói dối mình không có con. Nhưng ở trong rổ, trứng đã lên tiếng. Bố mẹ ngỡ ngàng quá bảo trứng sao không biết xấu hổ, trứng đáp: - "Con như thế nào cứ nói như thế ấy, ai yêu thì tới, không yêu thì thôi". Hôm sau trứng cõng lốt đi làm đồng gặp cô gái, cô gái rình biết sự thực, bèn đến nhà mách cho bố mẹ trứng biết. Bố mẹ chờ khi con chui ra khỏi vỏ thì lên đến lấy vỏ giấu đi. Từ đó trứng không biến được, đành mang dạng người và cưới cô gái làm vợ.

6. Truyện của dân tộc Lê (Hải-nam) cũng mang tên Sọ dừa:

Một bà già sinh được năm đứa con, bốn người đầu đều khôi ngô mạnh khỏe, chỉ có con út như một trái dừa nên đặt tên Sọ dừa. Bà ta vứt sọ dừa xuống sông. Một ông lão vớt được bèn đem về nuôi. Lớn lên Sọ dừa xin đi chăn trâu. Lại xin đi chặt tre về đan rổ rá. Con gái ông lão xinh đẹp mang

cơm cho Sọ dừa ăn, một hôm nấp một chỗ rình xem thì thấy từ trong trái dừa xuất hiện một chàng trai trẻ và đẹp. Cô rất ngạc nhiên và cũng rất vui mừng. Về sau hai người yêu nhau và lấy nhau, sống rất sung sướng .

Những truyện có mô típ người (nữ) kết hôn với vật (nam) và vật mang hai giai đoạn biến hóa: người đội lột vật, vật trở thành người là kiểu truyện khá phổ biến ở nhiều dân tộc. Sau đây là một số truyện của các dân tộc an hem, hình tượng đã thay đổi đi nhiều nhưng vẫn còn rõ nét.

Truyện của đồng bào Ê-đê Chồng cóc:

Một hôm YRít đi làm rẫy bắt được một con cóc vàng đem về toan làm thịt. Nhưng cóc bảo để mình sống sẽ giúp chăn gà giữ lúa cho. YRít bèn giữ cóc lại nuôi bảo trông coi thóc phơi. Cóc làm tròn, vì khi nào sắp mưa cóc đều biết trước. Một hôm trời thành linh đổ mưa, cóc nhờ cô hàng xóm là Hơ-bia chuyển thóc hộ. Hơ-bia không đáp nhưng cũng rình xem cóc làm ăn thế nào. Cóc gọi mãi Hơ-bia không được bèn hóa thành một chàng đẹp khỏe, chuyển thóc trong một nháy mắt là xong. Đoạn trở lại lột cóc. Từ đấy Hơ-bia ốm tương tư, bà mẹ tra gạn mãi, biết con gái mê cóc, mới cho hai bên lấy nhau, chia cho một cái nôi đồng đã rạn rồi đuổi đi. Đến một đám rừng hoang, cóc hóa phép thành một tòa nhà rất đẹp có đủ các thứ của cải, người hầu và súc vật. Hơ-bia thấy vậy liền lên vào xé lột cóc. Từ đó cóc giữ mãi hình người và giàu có nhất vùng. Hai vợ chồng có đông con cháu .

Truyện của đồng bào Ja-rai (Djarai) Chàng lợn.

Bà già Pôm ở với cháu gái là Lúi (lúi = út). Một hôm Lúi cùng bà đi hái bong, nhân khát đi tìm nước. Thấy một cái nấm có nước đá lợn rừng, nàng không nghe lời bà, uống nước ở cái nấm ấy về nhà tự nhiên có mang, đẻ ra được một con lợn. Vì xấu hổ cho cháu, bà Pôm chôn lợn nhưng mấy lần đắp đất kỹ càng, về nhà đã thấy lợn về trước rồi. Nghe tin Lúi đẻ lợn, pơ-tao là tù trưởng giàu có đến xem, bà cháu nói dối nhưng lợn đã tự khai cho pơ-tao biết. Khi pơ-tao về không mang lợn theo nhưng thấy lợn nằm gọn trong gùi, mấy lần pơ-tao bắt trả về cho Lúi nhưng khi về đến nhà mình, lợn đã có mặt ở đấy rồi, pơ-tao đành phải nuôi lợn. Pơ-tao có con gái đẹp là Hơ-bia thường đi chăn trâu đàn. Một hôm bận đi tát cá, lợn xin đi chăn thay. Không ngờ lợn chăn giỏi, Hơ-bia đi rình thấy lợn lột xác thành một

chàng trai tuấn tú, nhưng khi hỏi lợn, lợn làm cách không biết. Hơ-bia xin cha chuẩn bị lễ cưới để lấy chồng - một người mà nàng chưa chịu nói tên. Đến khi chuẩn bị xong, cha hỏi lấy ai, nàng nói là lấy lợn. Lợn làm bộ từ chối để cho Hơ-bia nản nì mãi, mới nhận lời. Hôm ăn cưới không đi lấy nước kíp để đổ vào rượu cần, lợn chỉ múc một ống nước nhỏ nhưng rót mãi không hết.

Một hôm dân làng đi săn, lợn hỏi thì họ giấu cọt, Hơ-bia phải an ủi chồng, nhưng chuyển ấy dân làng chẳng săn được con thịt nào, trừ một con đã bị hổ ăn mất một nửa. Đến lượt lợn cùng em vợ đi săn thì được thịt nai phơi đầy cả một nhà. Hôm khác dân làng đi dỡ voi, chỉ dỡ được một con voi què. Đến lượt lợn đi. Lợn trèo lên đầu con voi chúa đàn. Voi chúa chạy và làm đủ mọi cách nhưng lợn vẫn không rơi. Sau voi lặn xuống suối một tháng để đuổi lợn, lợn ngâm mặng cho thối bỏ lên đầu voi, bảo voi nếu lặn lâu thì thối mất đầu. Voi sờ lên thấy thối, tưởng thật bèn chịu hàng lợn, đem cả đàn voi về. Dân làng từ đấy mới phục lợn. Một hôm cùng vợ đi tắm, lợn nhường mãi không được phải tắm trước, Hơ-bia bèn dẫu lốt, lợn đành phải làm người. Khi Pơ-tao già giao quyền và của cải cho lợn .

Đồng bào Ba-na (Bahnar) có hai truyện đều có phần giống với truyện Chàng lợn vừa kể. Truyện thứ nhất: Nàng Hơ-lúi (Hơ-lúi = út).

Nàng Hơ-lúi mồ côi, chưa chồng, một hôm đi hái bông với bạn, nhân khát quá chạy vào rừng tìm nước uống. Tự nhiên có suối nước hiện ra cho nàng giải khát và tắm, rồi lại biến mất. Từ đấy có mang bị bà đuổi lên rừng. Đủ cũ, nàng đẻ ra một con cóc. Cóc nguyền rủa thì trời chuyển động và có tiếng nói vang lên: "Phải mang con của Hơ-lúi về nuôi cho đến chết". Bà Hơ-lúi nghe thế sợ quá, đem cóc về nuôi. Một năm trời đại hạn, mọi người đều khổ vì thiếu nước. Giữa lúc cậu của cóc đến chơi, cóc nguyền rủa, trời mưa như trút, cóc lại hóa thành chàng trai, được dân tôn làm tù trưởng và cưới vợ cho.

Một hôm cóc làm con điều sáo, thả lên tiếng vang rất xa làm cho Hơ-bia, con gái pơ-tao (tù trưởng) sinh ra tương tư. Pơ-tao cho người đi dò la để mua điều nhưng cóc không bán. Mời cóc đến chơi thì Hơ-bia hết bệnh, nhưng cóc đã có vợ, nên Hơ-bia đành phải xin bố cố mua cho được điều.

Ơ-tao phải đem tất cả đàn súc vật: voi, trâu bò ngựa để đổi. Cóc làm phép bỏ đàn gia súc vào ống điều của mình đưa về, từ đấy trở nên giàu mạnh.

Truyện thứ hai: Cóc và Bia Phu.

Con gái của bà Xóc-ia là Bơ-rông-hia phơi thóc ở đường cái. Voi của Đăm Phu đi qua dẫm phải. Bơ-rông-hia tức mình mắng chửi, nhưng vì sợ, hóa thành cái sọt. Đăm Phu tìm không được đái vào nôi cơm.

Bơ-rông-hia không biết, ăn phải cơm, tự nhiên có mang - hình ảnh này giống với các dị bản của truyện Chàng lợn ở trên - đẻ ra một con cóc. Một hôm bác cóc tới chơi, nhà cóc nghèo, nhưng cóc đã làm phép cho một quả bầu lấy gạo mãi không hết. Sau đó cóc theo về nhà bác, nhưng bác không cho vì sợ người ta cười. Cũng như truyện Chàng lợn, bác của cóc về dọc đường mấy lần phát hiện ra cóc ngồi trong ống tên của mình, mấy lần đuổi cóc về nhưng đâu vẫn hoàn đấy. Cuối cùng bác phải cho đi nhưng buộc cóc khi đến nhà mình phải ngồi trong buồng kín không được đi đâu. Cóc không đi đâu nhưng lại ước cho các cô gái đến nhà bác nườm nượp để tìm mình. Cuối cùng bác cóc đành cho cháu ra tiếp. Trong số các cô gái có Bia Phu đẹp nhất vùng quyến luyến cóc. Đêm ấy, cóc ước cho mọi người đi vắng, trừ Bia Phu. Nghe tiếng đàn của cóc - bấy giờ đã hóa thành chàng trai tuấn tú - ở nhà "Rông", lòng Bia Phu không yên phải tìm cho được người gây, nhưng khi nàng đến thì chàng trai đã hóa thành cóc. Mấy lần đi đi về về như vậy nhưng Bia Phu vẫn yêu cóc, dần dần sinh ốm tương tư. Thấy vậy, bố nàng cho mời các chàng trai đến nhưng chỉ làm cho bệnh thêm nặng. Khi cóc đến thì Bia Phu lại lạnh như không có việc gì. Thấy con một hai đòi lấy cóc làm chồng, bố mẹ nàng đành phải gả rồi đuổi đi sau khi làm lễ cưới rất đậm bạc. Nhưng cũng như truyện Ê-đê, đến một khu rừng, cóc hóa phép hiện ra nhà cửa, trâu bò, lúa gạo và nô lệ. Vợ cóc đẻ một trai gọi là Đăm Pen lớn như thổi.

Một hôm Bia Phu bảo con đi mời ông bà ngoại đến chơi. Ông bà ngoại bắt phải đắp một con đường lớn có voi đứng nối đuôi nhau mới chịu đi. Cóc hóa phép làm ngay. Họ ở nhà rể ba ngày, được ăn toàn của ngon vật lạ. Khi ra về được rể tặng một con trâu bé tý, bố vợ cóc thèm lấy, còn lấy điều gỗ vào đầu cho trâu chết, nhưng càng gỗ trâu càng lớn như thổi, cuối cùng to

bằng con voi, phải nhận. Về sau khi ông bà ngoại mời cháu đến chơi, Đăm pen cũng đòi họ phải làm như họ đã thách đồ bố nó trước kia. Nhưng dù cố sức đắp, đường vẫn hẹp, voi thì không đủ. Khi Đăm Pen trở về, ông bà ngoại cũng tặng một con trâu mộng, nhưng nó không chịu nổi một cái gõ vào đầu bằng ống điều của chàng .

Truyện của đồng bào Ka-dong: Chàng cóc.

Một nhà nọ có chín cô con gái đẹp, trong đó có cô thứ ba là Di Dật đẹp hơn cả. Một hôm nhân khát quá, Di Dật thấy giữa hòn đá tảng có nước ngọt bèn uống (thực ra đó là mưu kế của thần Nước). Từ đó nàng có mang đẻ ra một con cóc. Bị làng xóm đuổi, cô đưa cóc vào rừng, và nhờ phép của cóc có hàng trăm người hiện ra làm rẫy cho.

Cóc xin đi chăn trâu cho chúa làng. Ở đây mỗi lần chăn, cóc ném quả ké lên đầu trâu đánh dấu, và bảo trâu cứ ra đồng ăn lúa cho no, ăn xong cóc hóa phép cho lúa mọc như cũ. Sau ba năm, cóc lấy công một con trâu trắng (tức gà trắng), rồi hóa phép làm cho chỗ ở của mình thành một làng giàu thịnh đông đúc. Sau đó, cóc đi tìm bố (tức thần Nước) rủ bố đi xem hội đâm trâu để được gặp mẹ, và làm lễ cưới cho bố mẹ tại làng mình.

Cóc biến thành chàng trai đẹp đi kiếm vợ. Hai cô gái của Vu Dơ-ría rất đẹp, tuy đã đính hôn với Dơ-róc Dơ-rây nhưng nghe tiếng cóc, hai cô cũng như trai gái trong làng đều mê mết, quên hết tất cả. Hôm Dơ-róc Dơ-rây làm lễ cưới, cóc làm cho hai cô gái theo mình. Tức giận, Dơ-róc Dơ-rây làm một trận bão ghê gớm. Cóc hóa làm rắn chặn gió bão, Dơ-róc Dơ-rây định giết, bị cóc - bấy giờ đã hóa thành chàng trai to lớn - đánh bại. Hai bên còn đánh nhau suốt một năm, cuối cùng cóc chém được kẻ địch. Về dọc đường, cóc gặp Cầu-vồng là bố Dơ-róc Dơ-rây, lại đánh nhau. Sắp thua, cóc nhờ mưu mẹo của bồ câu, chém được Cầu-vồng đổ sập, tước lấy binh phép. Cóc còn tiếp tục đánh nhau với Hàm-răng-ma. Và sau đó đánh nhau với thằng lùn cũng đều nhờ bồ câu mà thắng lợi. Sau chiến công đó cóc làm cho làng trở lại giàu thịnh và cưới hai cô gái của Vu Dơ-ría về làm vợ .

Truyện của người Mèo:Ếch lấy con vua

Có ba cô gái rủ nhau đi câu. Cô thứ ba gánh giúp cho một ông già tận tình hơn, ông già dặn cả ba cô câu được con gì thì giữ con đấy mà nuôi, sẽ có

ích. Hai cô kia câu được một tôm một cua mang về nướng ăn, chỉ có cô thứ ba câu được con ếch, đem về nuôi trong một cái hòm giấu không cho ai biết, hàng ngày lại cho ếch bú. Thấy con gái mình xanh xao, bố mẹ căn vặn, cô nói thực. Bị đuổi, cô mang ếch đi xa dựng lều lên ở. Ếch xin đi chăn trâu cho vua. Được ba ngày, ếch về đòi lấy con gái vua. Mẹ nuôi bảo hãy làm cho công chúa bằng lòng đã. Nhờ có tiếng nhại, ếch đã làm cho công chúa mê, nhưng mấy lần công chúa đều không biết là ếch. Một hôm nàng giả vờ ẩn để rình thì thấy ếch hóa thành một chàng trai kéo nhị, thấy động, chàng trai lại chui vào lốt ếch. Ếch lại về báo mẹ đi hỏi công chúa cho mình. Mẹ đi lại mấy lần đêm ngai, bèn quay về nói dối là vua không gả. Sau cùng, vì sợ ếch liều mình, mẹ phải đến nói với vua, vua lúc đầu không chịu gả, nhưng công chúa đòi ăn lá ngón, đành phải nhận lời. Một lần, có vua nước láng giềng mang quân sang xâm lược. Nhờ có rết ếch, vua thắng trận, về sau vua nhường ngôi.

Người mèo còn có một truyện khác Chàng rắn kết hợp một phần truyện Lấy chồng dê với một phần truyện Tấm Cám:

Một ông già vợ chết sớm sinh được ba cô con gái. Một hôm, vì kiệt sức không bấy nổi hòn đá, ông bèn ước: - "Giá có ai giúp, ta sẽ gả cho một đứa con gái". Một con rắn hiện ra xin làm giúp, và sau khi công việc xong, nó giục ông thực hiện lời hứa. Đưa rắn về nhà, ông già lần lượt hỏi ý kiến các con, chỉ có cô gái thứ ba ưng thuận, hai bên thành vợ chồng. Rắn cũng hóa thành người. Ông già một hôm bắt được lốt rắn bèn giấu đi. Hai vợ chồng đẻ được một con trai, đặt tên là Mãng Dư.

Hai chị thấy chồng em đẹp bèn lập kế giành. Ở đây họ không rủ em đánh đu mà rủ em đi cắt cỏ ngựa, rồi đẩy xuống hang cho chết. Rắn về thì chị cả đã nằm sấn giữa giường. Rắn hỏi: - "Sao chị lại nằm ở đây?" - "Tôi là vợ anh, anh hoa mắt hay sao?" - "Nếu là vợ thì mang giỏ cá mọi ngày lại đây xem có đúng không?". Chị cả mang lại, rắn bảo không đúng. Đáp: - "Giỏ cá mọi ngày mèo thấy mùi tanh tha đi rồi". Mãng Dư lại nói: - "Mẹ mọi ngày vào cửa lọt, hôm nay sao vào cửa còn rộng". Đáp: - "Vì mẹ làm nhiều nên gầy". Tuy vậy, rắn cũng ăn ở với chị cả, đẻ được một con. Từ đây truyện giống với phần cuối truyện Tấm Cám. Vợ rắn hóa thành chim, một hôm

bay đến cửa gọi con: - "Chị của mẹ giết mẹ tranh chồng". Con mách với bố. Rắn bảo chim: - "Có phải vợ thì đậu xuống đây". Chim đậu vào tay, rắn mang về nuôi ở buồng. Chị cả bắt chim làm thịt, cho con mình một miếng, Mãng Dư một, và dành cho chồng một. Rắn về hỏi thì đáp: - "Vì chim mổ mắt con nên làm thịt". Rắn ném miếng thịt vào bếp, miếng thịt hóa thành cái kéo. Một bà hàng xóm đi xin tro xúc cả kéo đưa về. Hàng ngày kéo cũng hóa thành người từ trong tráp chui ra, dọn dẹp nhà cửa lo cơm nước sẵn sàng. Bà già cũng giả vờ đi, rồi nửa đường lộn về bắt được, từ đấy nuôi làm con. Mãng Dư sang chơi, thấy giống mẹ bèn về mách bố. Bố bảo con nhổ trộm một sợi tóc đưa về. Khi biết là vợ, rắn bảo con tìm cách dẫn về. Hai vợ chồng gặp nhau, nhưng vẫn còn giấu hai chị. Rắn bảo vợ hàng ngày cài cửa buồng lại. Một hôm vợ quên đóng cửa, cả hai chị đều vào. Chúng nó ngón ngoén: - "Em làm cách gì mà tóc dài đẹp thế?", đáp: - " Nấu một chảo nước thật sôi, bắc ba cái ghế đứng lên rồi xoa tóc mà gội". Hai chị tranh nhau trèo, ghế đổ, rơi vào chảo chết tuốt .

Kiểu truyện như trên cũng phổ biến ở một số dân tộc. Chẳng hạn, truyện của đồng bào Thổ (Tày): Vợ chàng Rắn.

Một ông già có hai (có người kể bốn) cô gái. Một hôm đi tát nước, bỗng thấy một lỗ rò làm cạn hết nước đã tát. Lấp thế nào cũng không ăn thua. Ông bèn ngồi đề lên, bỗng như có cái gì giữ chặt không cất mình lên được. Ông khấn: - "Nhà tôi có con gái, tha cho tôi, tôi sẽ gả cho một đứa". Một con rắn theo ông già khi ông về. Cũng như truyện trên, cũng có cô út bằng lòng lấy rắn. Rắn cũng bỏ lột thành người, và cuối cùng cũng bị vợ giấu lột. Hai vợ chồng đẻ được hai con. Cô chị cũng ghen tức khi thấy chồng em đẹp trai nên cũng lập tâm giết em bằng cách bảo em trèo khế hái quả rồi chặt cây cho rơi xuống ao chết đuối. Rồi chị cũng ăn mặc giả làm em về nhà ở với chàng rắn, mặc dầu bị cả nhà hắt hủi vì họ biết rằng không phải vợ rắn.

Trong ao mọc lên một hoa sen trắng, một hôm người giữ ngựa cho chàng rắn đi qua, nghe có tiếng gọi từ ao: -"Anh cắt cỏ ngựa, anh có thấy hai đứa con tìm mẹ và chồng tìm vợ không?". Lấy làm lạ, anh về kể cho chủ biết. Chàng rắn đến, nghe tiếng vợ bèn lội xuống ao ngắt hoa sen đem về, ngắm

không chán mắt. Thấy vậy, cô chị rút cánh hoa quăng đi, một con gà ăn cánh hoa. Chàng răn nuôi gà trong một cái lồng đẹp hàng ngày chăm chút. Gà lại bị giết thịt. Chàng răn không ăn thịt mà ném ở sau nhà, lại mọc lên một cây khoai sọ. Khoai sọ đến lượt bị đào nấu cho lợn ăn. Nhưng hễ cô chị đứng phía nào thì nồi sôi tung tóe làm bỏng chân. Giận quá, cô chị đổ hết ra sân. Lại mọc lên hai cây tre có bóng mát. Chàng răn ngày ngày ra hóng gió. Tre lại bị chặt làm sào mắc màn. Lúc nào cô chị mắc màn, sào cũng đâm vào mặt. Sào lại bị quăng vào lửa. Khói um lên làm cho cô chị đau mắt, nên giận quăng ra đường. Một bà già đi qua nhặt về làm khung cửi. Mỗi lần bà đi vắng vải không ai dệt cứ ngày càng nhiều thêm. Bà già rình thì bắt chộp được một cô gái đang dệt: -"Tôi chỉ có thịt không có xương, bà hãy lấy dưa cả và nhiều dưa con sắc nước cho tôi uống thì tôi mới cứng cáp như mọi người được!". Từ đó, cô gái - vợ răn - làm bạn với bà già và chẳng bao lâu lại tái ngộ với chồng và con. Ở đây cũng có đoạn kết thúc: cô chị nghe lời em nấu nước sôi tắm để được đẹp như em nhưng bị rơi vào nồi, chết .

Một số truyện sau đây cũng phổ biến ở nhiều dân tộc, có kết thúc mang tính chất khôi hài, nhưng chủ yếu vẫn là những dị bản của kiểu truyện Lấy chồng dê.

Truyện Lấy chồng lang của đồng bào Thái, Nghệ-an:

Một chủ đất sinh được ba cô con gái. Một hôm đi gánh mạ cấy, ông già cất gánh không nổi, mới ước: "Có ba cô con gái mà không ai lấy cả, để có thằng rể nó giúp đỡ ta. Ai gánh hộ gánh này ta sẽ gả cho một đứa". Bỗng nghe sau lưng có tiếng nói: - "Có thực thể thì để tôi gánh cho". "Ai thèm nói láo". Nhưng khi ngoảnh lại thì chỉ thấy một con lang, ông cũng để cho nó gánh. Lúc về nhà ông cũng lần lượt hỏi ý kiến ba con, chỉ có cô thứ ba ưng thuận. Hôm cưới, lang vào buồng trút lốt thành một chàng trai đẹp. Hai vợ chồng yêu nhau và nhờ chồng lang chăm làm, họ trở nên giàu có.

Hai chị thấy thế tiếc quá, một cô bèn bảo bố tìm cho mình một con lang để làm chồng. Người bố nhờ dân làng đi săn được một con đưa về. Đêm động phòng, lúc đầu bố nghe con từ trong buồng gọi ra: - "Ồi bố, nó lấy móng cào chân con". Bố đáp: - "Nó giỡn chơi chứ can gì". Một lát sau lại nghe: -

"Nó cào hai cánh tay con".- "Nó giỡn ấy mà". Lại một lát: - "Nó cào ở hông, lòi ruột ra rồi, con chết mất". "Sắp đến lúc con thỏa lòng mong ước đó". Lâu rồi không thấy con gọi nữa, người bố cho là con đã ngủ yên với chồng, nhưng sáng dậy mới biết là con đã chết mà lang thì trốn biệt

Truyện Chàng dê của dân tộc Mèo:

Một con dê thần có nhiều phép biến hóa, một hôm giữ lột dê vào nhà một ông quan có hai cô con gái đẹp, hỏi một cô làm vợ. Dê nói mãi, quan bắt đắc dĩ gọi hai cô con gái ra hỏi. Cô chị chê, cô em ưng thuận. Quan đòi nhiều vàng bạc, châu báu mới gả. Sáng dậy đã có đủ, lại có cả tiệc dọn toàn của ngon vật lạ đãi họ hàng. Dê ở gửi rể, tối là người, ngày là dê. Một hôm vợ nhân chồng ngủ say lấy lột dê để đốt đi. Từ đấy vĩnh viễn là người, sinh con đẻ cháu đông đúc. Người ta nói ngày nay họ Giàng (do chữ dương - dê) là dòng dõi của dê thần.

Còn cô chị thấy em sung sướng, tiếc quá đòi bố lấy chồng dê. Một hôm có con dê thật đến, cũng như truyện trên, cô bắt lên giường, nó nhảy lung tung, đạp rách chăn màn, xô đổ đồ đạc, lại húc cô ngã lăn ra phải kêu cứu . Một chuyện Ly chồng dê khác của người Việt sưu tầm trong thời gian gần đây:

Có hai chị em Dương và Bạch ở chung nhau. Chị xấu hơn em cả về nhan sắc lẫn tính nết, thường ghen tị và bạc đãi em. Một hôm, cả hai cùng đi dự hội nhà vua tuyển cung phi. Em trúng tuyển. Khi Bạch đi qua khu rừng để tiến cung thì Dương đội lột beo bất thành linh nhảy ra vỗ Bạch, làm cho Bạch sợ hãi quay trở về. Trong khi đó Dương lên đường vào cung nói dối mình là Bạch, nhưng không đắc vì vua thấy xấu xí, đuổi về.

Một hôm Bạch đốt than để sưởi, làm cháy mất chăn của Dương, bị Dương đuổi ra khỏi nhà. Dọc đường Bạch gặp một con dê lông vàng. Dê bảo nàng theo mình rồi đi kiếm hoa quả cho nàng đổi gạo. Thực ra dê chính là người nhà trời bị Ngọc Hoàng bắt làm kiếp dê vì có tội. Đến hôm hết hạn, dê trút lột trở thành một chàng trai tuấn tú. Hai bên kết thành vợ chồng, sống sung sướng giàu có.

Dương ngày một nghèo khổ, nghe tin Bạch có chồng giàu thì đến nhà nhờ vả và hỏi thăm. Nghe Bạch kể, Dương cũng hy vọng được như em, bèn

mua một con dê đực lông vàng về ở chung. Nhưng dê này đã làm cho cô ả nhiều phen xấu hổ, làm cho cô toan treo cổ tự tử. Vừa lúc vợ chồng Bạch tới cứu và sau đó giúp cho nàng làm lại cuộc đời .

Truyện sưu tầm ở Miến Điện (Myanmar): Hoàng tử rắn.

Một bà già thích ăn quả vả, thấy một con rắn nằm vắt ở cành, bèn bảo nó rung cây cho mình nhặt, hứa sẽ gả con. Được ăn, bà già lờ đi tuốt. Lần lượt gập cừu, cá chép, gà trống và cho mỗi con một quả, dặn có ai hỏi thì trả lời: - "Không có ai qua đây cả". Rắn đuổi theo, dọc đường hỏi thăm mấy con vật trên, chúng nó giấu nhưng giấu không nổi. Vào nhà bà già, rắn cuộn vào tay đòi giữ lời hứa. Bất đắc dĩ bà già phải gọi ba con gái ra hỏi. Chỉ có cô ba ưng thuận. Bà cho rắn nằm trong bồ treo ở đầu giường. Khi rình thấy rắn trút lột thành người thì bà bèn lấy quăng vào lửa. Rắn cho biết mình là con vua núi phạm tội hóa rắn, chỉ khi nào gặp người lấy làm chồng mới trở thành người. Từ đó người ta gọi là hoàng tử rắn.

Hai chị hối tiếc, buộc mẹ đi tìm rắn làm chồng. Bà già lên núi bắt được con rắn đang ngủ mê đem về bỏ bồ treo trên đầu giường chị cả. Đêm lại rắn tỉnh giấc nuốt cô gái. Bắt đầu nuốt chân, cô gái kêu: -"Ôi, rắn cắn chân con". Bà già trả lời: - "Nó đùa đấy". Một lát: -"Nó ăn đến đầu gối con" - "Nhảm nào."- "Ăn đến bụng rồi, con chết mất!"- "Không can gì". Không thấy tiếng con nữa, bà già cho là con đã hết sợ chồng rắn. Lát sau vào thấy con rắn to phình nằm giữa nhà, bà già vội hô hoán ầm ĩ. Hoàng tử rắn chạy vào chọt đầu rắn, rạch bụng cứu chị ra nhưng vì vấy máu rắn, nên hóa thành rắn trở lại. Tuy vậy chỉ ít lâu chàng lại được trời cho trở thành người, vì có công liều mình cứu người.

Đoạn sau giống hần với kết thúc của truyện Lấy chồng dê. Hoàng tử rắn có việc đi vắng sau khi trao cho vợ đá lửa và dao, rồi hai chị bày trò đánh đu xô em và con em xuống nước, hai mẹ con lọt vào bụng cá, rồi phải sống ở hoang đảo và gặp lại chồng. Cuối cùng được chồng giấu vào hòm đem hòm biếu hai chị: hai kẻ gian ác kinh hoàng vì tận mắt thấy mưu gian bại lộ, đâm đầu xuống nước chết .

Truyện của đồng bào Tày Con rùa vàng:

Một người đầy tớ gái của chúa làng có mang vì nuốt phải chiếc cúc áo bằng

vàng nhạt được. Cô sinh được một con rùa vàng trước sự hắt hủi của chúa làng. Cũng như Sọ dừa, rùa lớn lên bị chúa làng bắt đi chăn trâu, số trâu không thể đếm xuể. Rùa làm tròn phận sự. Các cô gái chúa làng không chịu đưa cơm cho rùa, trừ cô thứ năm. Nhưng ở đây rùa lại thường trổ tài bay lượn trên không cho cô năm xem và đưa cả cô bay lượn với mình. Khi ở trên không, cô thấy rùa hiện thành một chàng trai trẻ. Từ đó hai bên yêu nhau.

Rùa giục mẹ đi hỏi con gái chúa làng làm vợ. Lần đầu bà mẹ sợ, lúc đến nhà không dám nói thật, chỉ nói xin lửa. Lần thứ hai nói thật, bị chúa làng bỏ lên gác bếp. Lần thứ ba, bà bị bỏ lên cối xay quay, nhưng đều được cô năm che chở. Lần cuối cùng chúa mới hỏi các con gái, nhưng cô nào cũng từ chối, trừ cô năm. Ở đây chúa làng thách cưới: một ngựa chín hồng mao, gà trống chín cựa và mười hai ống mỡ châu chấu. Bằng một tiếng nổ như sét, rùa hóa phép mọi thứ có đủ. Trong lễ cưới, rùa còn hóa phép làm cho buồng sáng như lửa, rồi lại làm cho mọi người cảm một lát. Ở đây cũng có tình tiết các cô chị vợ đến rình ở buồng chú rể cô dâu, và khi thấy rùa là một chàng trai đẹp thì về đòi chúa làng lấy cho mình mỗi người một tấm chồng rùa. Họ quả lấy được rùa thật, gây cười cho mọi người.

Sau đó vì ghen tức, các cô chị bày mưu giết em rể rùa, bèn đặt bẫy ở đường đi. Rùa mắc bẫy, máu chảy thấm cả áo. Đưa áo cho vợ, rùa dặn lúc nào mình sắp chết thì mặc áo vào sẽ được lên trời, vợ chồng sẽ gặp nhau. Vợ rùa sau đó được một ông tiên mách đường lên trời. Dọc đường nhờ được xem một cuộc chiến đấu giữa cáo và rắn, nàng tìm được vỏ cây cải tử hoàn sinh. Mang vỏ cây đi, nàng cứu được nhiều người và vật sống lại. Một hôm nàng chữa cho một chàng trai khỏi chết mà không biết đó là chồng. Nàng mang áo chồng lên đầu suốt để giặt. Dòng nước có máu trôi xuống quện lấy chân chàng trai. Biết là máu của mình, anh đi ngược dòng tìm gặp vợ. Hai vợ chồng mừng rỡ, từ đó ở lại cõi trời. Ông mặt trời bảo hai vợ chồng rùa xuống cõi trần gian hun chết bốn cô chị gian ác. Cho nên từ đó về sau, cứ đến ngày 27 tháng Sáu là ngày mặt trời nóng hơn cả .

Một loạt truyện khác cũng là dị bản của chuyện Lấy chồng dê và Sọ dừa nhưng ở đoạn kết, hai vợ chồng bị chia ly vĩnh viễn (hoặc một thời gian) vì

người vợ đốt bỏ lột vật (hoặc lộ bí mật) của chồng.

Truyện Lấy chồng dê trong Ngìn lẻ một đêm:

Một ông vua cho ba nàng công chúa kén chồng bằng cách ném khăn vào đám hội thanh niên, khăn rơi vào ai thì người ấy sẽ là chồng. Riêng công chúa thứ ba lần lượt ném ba lần đều rơi trúng đầu một con dê. Nhưng khi động phòng hoa chúc thì dê biến thành một chàng thanh niên tuấn tú. Chồng dặn vợ chớ tiết lộ bí mật, nếu không sẽ có nguy cơ chia ly. Một hôm nhân ngày sinh nhật vua, người ta tổ chức đấu võ: hai người chồng của hai công chúa chị thắng tất cả mọi người, nhưng không ngờ bỗng xuất hiện một thanh niên lạ mặt đánh cho hai người kia thua. Ba lần chàng thanh niên đó giật giải là ba lần công chúa ném hoa vào người. Việc đó làm cho vua cha nổi giận vì cho rằng công chúa ba phải lòng chàng trai lạ mặt. Bất đắc dĩ, nàng phải thú thật.

Nhưng từ đó không thấy chồng dê trở về, công chúa ba sau những ngày than khóc, mở một nhà tắm cho tất cả phụ nữ đến tắm không phải trả tiền nhưng buộc mỗi người kể một chuyện về nỗi khổ của mình. Một bà già đến tắm cho biết một hôm bà đang tắm ở suối, bỗng thấy một con lừa đeo hai cái cong không có người đi theo. Bà ta liền theo sát con vật, thấy nó vào một cái hang, sau khi đập chân ba lần lên một tảng đá. Bước vào, thấy bếp ăn rất sang, mùi thơm ngào ngạt nhưng không có người. Bà đụng đến món nào cũng có tiếng nói phát ra: - "Không được, món này là của bà chủ tôi". Bà vào đến một phòng, bỗng thấy có bốn mươi con dê, trong đó có một con đầu đàn biến thành người. Họ ngồi than thở, vì bà chúa không đến được. Sau đó, họ lại biến thành dê và đi ra. Nghe chuyện công chúa ba bảo bà già đưa mình đến nơi đó, quả được gặp chồng .

Một truyện khác của người Mèo Nhảy vào lửa cứu chồng.

Có hai chị em sinh đôi cùng đi lấy chồng trong một ngày. Cả hai cùng không có con mới rủ nhau lên núi cầu tiên. Một cụ ông xách hai lồng gà nặng nhờ họ xách giúp. Em nhận lời ngay, nhưng khi mỗi tay trao cho chị, chị không xách. Nghe họ kể nỗi hiểm hoi, ông cụ lấy ra một bông hoa tươi, dặn mỗi người chon lấy một rồi ủ ở đầu giường. Chị chon hoa tươi, mấy ngày sau nở ra sâu róm, đem đi giết, em lấy hoa héo, nở ra một con rùa,

đem nuôi. Lớn lên, rùa bắt đi hỏi con gái chúa đất. Chúa đất thách cưới nặng (ví dụ rải nhiều trên đường đi, một nghìn ngựa quý, tám trăm lợn béo, v.v...). Rùa biện đủ. Khi đón dâu về, rùa nghỉ dưới chân giường.

Nhưng rùa lại hóa thành chàng trai tuần tú hàng ngày cưỡi ngựa theo vợ đi chợ, cùng nhau hát xướng mà không cho vợ biết. Về sau nhờ bạn mách, biết được rùa cưỡi lột thành người, và biến hòn đá trắng trước nhà thành ngựa, một hôm vợ bèn lên về trước, đem mai rùa quăng vào bếp. Chồng về thấy mất lột, than: -"Trời bắt ta làm kiếp rùa chín năm, nay chưa hết hạn mà lột đã cháy". Bèn nhảy vào đồng lửa, vợ cũng nhảy theo cứu chồng. Trời thương tình cứu sống và tha tội cho cả hai .

Truyện Chàng kỵ mã của Mông-cổ:

Hai vợ chồng nhà nọ nghèo, hiếm hoi, cầu thần mãi mới có mang nhưng lại sinh ra được một con nhái. Được ba năm, một hôm nhái bảo mẹ làm bánh cho mình để tới dạm hỏi một trong ba cô gái con quan làm vợ. Gặp quan, nhái ngỏ lời cầu hôn nhưng thấy quan từ chối, nhái bảo: "Nếu quan không bằng lòng thì tôi sẽ cười". Quan sẵn sàng cho nhái cười, không ngờ mỗi tiếng cười của nhái làm cho đất rung chuyển, nhà cửa cơ hồ muốn đổ, quan buộc phải hứa gả cô gái lớn để nhái thôi cười. Nhưng cô gái lớn không bằng lòng nên lúc theo nhái về, cô cho ngựa nhảy vào người nhái để ngựa dẫm cho chết, lại ném thớt cối vào người nhái. Nhưng nhái tránh được và dẫn cô trả lại quan, đòi gả cô khác, không thì sẽ khóc. Khi nhái khóc thì trời đất mù mịt, nước đổ ầm ầm tràn ngập khắp nơi, quan buộc phải gả cô thứ hai. Cũng như cô chị, cô thứ hai lúc theo nhái về cũng cho ngựa giẫm và ném thớt cối vào người nhái. Nhái lại dắt cô đi trả và đòi gả cô thứ ba, không thì sẽ nhảy. Rồi nhái nhảy, làm cho núi lở cát bay, nhà cửa lều đài lung lay. Quan đành phải gả cô thứ ba. Cô này bằng lòng lấy nhái.

Một hôm trong vùng mở hội, cả nhà đều đi dự, trừ nhái. Đến ngày cuối cùng có cuộc đua ngựa nước rút, người ta thấy xuất hiện một chàng trai áo xanh cưỡi ngựa xanh, có yên cương quý đến đua với các kỵ sĩ đã thắng cuộc. Chàng đi sau, nhưng về đích trước tiên. Không những thế, trong khi đua, chàng còn ba lần bắn chết ba con diều hâu và hai lần xuống ngựa ngắt hoa ném tặng người dự. Nhưng khi mặt trời gác núi thì chàng đã phóng

ngựa quay về bỏ mặc sự mời mọc đón chào của mọi người. Sau đó, cả nhà đi dự mới trở về, họ không ngờ chàng nhái cũng biết mọi việc xảy ra ở đám đua ngựa.

Năm sau nữa, đến ngày hội mọi việc cũng xảy ra như trên làm cho vợ nhái ngờ ngợ đây là chồng mình.

Năm sau nữa, đến ngày hội cũng thế, nhưng vợ nhái thành linh lĩnh nửa chừng về nhà thì thấy chồng vắng mặt, chỉ bỏ lại một tấm da nhái. Nàng bèn đốt cháy tấm da. Khi chàng áo xanh - chồng nàng - cười ngựa trở về thì da đã hóa tro. Chàng cho vợ biết chàng là con thần đất, vì sức lực còn non, không có da sẽ không chịu nổi giá rét, nếu đi cầu thần được ba việc thì sẽ sống. Thần hứa cho vợ nhái nhưng lại bắt nàng phải đem ba điều đó thông báo với từng nhà cho mọi người biết trước khi trời sáng mới được. Việc báo tin này, vợ nhái không làm tròn vì bị bố nàng cản trở. Thế là chàng nhái chết, vợ nhái cũng biến thành đồng đá trước mộ .

Người Ấn-độ có năm truyện:

1. Một người vợ vua đẻ được một con trai giống khỉ. Lớn lên khỉ thành thoảng trút lột đi chơi. Thấy chàng trai ấy thắng nhiều trong cuộc thi, một nàng công chúa nước khác dò biết, bèn đòi bố mẹ cho lấy hoàng tử khỉ làm chồng. Lễ cưới xong, đêm lại trút lột thành người đến với công chúa, và dặn vợ tuyệt đối chớ tiết lộ. Một hôm khi đi dự hội, trút lột cất ở dưới gối.

Công chúa nói sự thật với mẹ chồng. Mẹ chồng khuyên nàng dâu đốt bỏ. Đang đốt, công chúa thấy chồng hốt hoảng trở về trách vợ, nhưng rồi cuộc chồng vẫn không việc gì.

2. Một cô gái tên là Tu-li-sa con một người tiểu phu nghèo, một hôm đi nhặt củi gần một cái giếng hoang giữa rừng, bỗng nghe một tiếng từ dưới giếng vọng lên: - "Có muốn làm vợ ta không?". Cô gái sợ, bỏ về. Lần khác qua đó lại nghe như thế, bèn về kể với bố mẹ. Bố dặn con trả lời: - "Việc ấy cứ hỏi bố tôi". Sau khi nghe cô gái nói thế, tiếng nói dưới giếng lại đáp: - "Bảo bố cô đến đây!". Khi ông bố đến, người bí mật hứa sẽ làm cho ông giàu có nếu ông gả con cho y. Người bố ưng thuận. Người bí mật đưa Tu-li-sa đến một lâu đài đẹp, nhưng cô chỉ thấy chồng vào ban đêm mà thôi. Chồng dặn vợ cấm nhận người lạ vào nhà, nhưng một hôm vợ lại đưa một

bà già vào. Bà già hỏi chồng tên gì, nàng không nói được. Nghe lời xui, tối vợ lại hỏi tên chồng, chồng đáp: - "Nếu ta nói thì nguy mất". Nhưng do vợ nài mãi, chồng đưa vợ đến sông, rồi xuống nước, ba lần bảo vợ có thôi hỏi nữa không. Vợ vẫn không nghe. Chồng nói: - "Ta là Bát-xơ-nắc Dau". Rồi biến mất, được một lát nổi lên cái đầu rắn. Vợ trở lại lâu đài thì lâu đài cũng biến mất, đành trở về, hai cha con lại nghèo như trước.

Sau đó Tu-li-sa cứu sống một con sóc. Một hôm sóc đến tìm, ra hiệu bảo nàng đi theo mình vào rừng. Đến một nơi, nàng nghe những con sóc nói với nhau, mới biết chồng mình là vua rắn bị bà mẹ thù oán từ ngày làm vua. Biết rằng quyền lợi sẽ lại về tay, nếu vua rắn nói rõ tên cho một người trần thế biết, nên bà mẹ sai bà già làm mồi cho vợ vua rắn giục chồng nói tên ra. Những con sóc còn nói: nếu tìm được trứng chim hu-ma mà ấp vào lòng thì vợ chồng sẽ trở lại hạnh phúc. Nhưng còn phải đến gặp mẹ vua rắn chịu qua nhiều thử thách mới được. Tu-li-sa nhờ sóc tìm được trứng chim và đưa đến nhà mẹ chồng. Thử thách đầu tiên là tìm ra một bình thủy tinh đựng một ngàn hương thơm (trước khi đến, nàng đã giúp việc cho một con ong nên nó giúp cho nàng việc này trót lọt). Hai là nhận một vại đầy hạt cải, nhưng phải lấy ra những trang sức đẹp (nhờ sóc giúp). Khi trứng ấp xong nở ra chim, con chim này bay đến một con rắn xanh đang quấn cổ mẹ vua rắn. Phép màu tự nhiên bị phá. Bát-xơ-nắc Dau trở lại làm vua và cưới Tu-li-sa .

3. Một cô gái đi tìm trâu lạc đến một lâu đài, lần lượt qua bốn cửa: đỏ, vàng, xà cừ, mã não. Cô vào một phòng đẹp, trên bàn có nhiều trang sức đắt tiền. Một con chim lớn lông trắng bảo lấy nó thì nó sẽ tìm trâu cho. Cô từ chối trở về. Ngày mai cô thứ hai và ngày sau nữa đến lượt cô thứ ba đến đều gặp những việc như trên. Cô sau này nhân lời ở lại.

Ít lâu sau trong một ngày lễ lớn, một bà già nói với cô là có một chàng kỵ sĩ nào đó được mọi người trầm trồ, chẳng qua là con chim - chồng cô - biến thành. Vậy muốn giữ mãi dạng người thì phải đốt cái nhà chim (vô-jen-hu-jơ). Cô đốt, chim hiện ra nói: - "Ôi, đó là hồn ta, ta chết mất!". Chim biến đi, trở về xứ thần và quý.

Vợ bỏ đi tìm chồng. Trải qua nhiều gian khổ, vợ gặp chồng trên lưng có

một gói giày, Hối thì chồng bảo là phải đi xách nước cho thần và quý dùng, nên đi vệt hết rất nhiều giày. Muốn chồng trở về phải sửa lại "cái nhà chim" và gọi hồn về. Cô gái trở về làm theo lời dặn, quả chồng lại xuất hiện.

4. Vua Prê-ma-xê-na có một công chúa đẹp tên là Ma-đa-na-rếch-kha và hai con trai nhỏ. Một hôm hoàng tử anh ở trên bờ sông bỗng nghe có tiếng: - "Nếu vua không gả con cho ta, tai họa sẽ đến cả thành phố và vua". Lúc về kể lại nhưng không ai tin cả. Đến lượt hoàng tử thứ hai lại nghe tiếng nói trên. Vua hỏi các cố vấn, cố vấn bảo cho người đến sông nọ hỏi câu: - "Là thượng đế, là thần hay là người?". Hỏi xong liền có tiếng đáp: - "Ta là người gác cửa của thần In-đờ-ra, vì có tội phải thác sinh ở thành này làm một con lừa ở nhà một người thợ gốm. Hãy gả công chúa cho ta không thì tai họa". Vua hứa gả sau khi buộc thần làm cho một bức tường đồng bao bọc lấy thành và dựng một lâu đài. Sáng hôm sau có đủ. Thần được vợ bèn trút lột thành người. Công chúa lấy làm sung sướng. Hoàng hậu một hôm đến thăm biết thế, bèn ném lột vào lửa. Thần về tìm mãi không ra, bảo vợ:

- Thế là ta phải về trời vì lời rủa đã mất linh nghiệm. Nói xong biến mất.

5. Hai vợ chồng người Bà-la-môn không con. Cầu cúng mãi, cuối cùng vợ đẻ một con rắn. Sau đó người Bà-la-môn hỏi con gái một người Bà-la-môn khác cho rắn làm vợ. Sau khi cưới, đêm lại rắn trút lột thành một chàng trai xinh. Sáng dậy, người bà-la-môn vào buồng thấy lột rắn bèn nhanh tay chụp lấy, ném vào lửa.

Truyện Pxi-sê (Psychée) trong thần thoại Hy-lạp (Grèce):

Một ông vua có ba nàng công chúa, trẻ và đẹp nổi tiếng là công chúa ba Pxi-sê. Hai chị đều đã lấy các hoàng tử. Bấy giờ có một lời phán truyền bảo công chúa ba phải kết duyên với một con quái vật hình giống rắn ở trên núi. Sau đó thần Gió Dê-phyra (Zéphyre) đưa công chúa ba lên núi vào một lâu đài, thành vợ một người lạ mặt, chỉ đêm mới xuất hiện, nhưng nàng không bao giờ được nhìn mặt chồng. Công chúa sống sung sướng, sau đó nàng đòi gặp chị mình. Chồng cho gặp nhưng dặn phải tuyệt đối giữ bí mật, nếu không sẽ đau khổ. Dê-phyra đưa công chúa chị đến. Em kể cho chị biết. Chị ghen với số phận của em, bảo phải giết y, không thì rắn sẽ ăn thịt mất. Đêm, khi chồng ngủ, công chúa cầm dao nhọn và ngọn nến soi xem mặt

chồng thì một giọt nển bất ngờ chảy xuống vai chồng (Đó là thần ái tình Qui-pi-dông (Cupidon)). Tỉnh dậy, chồng biến mất không trở lại. Tìm khắp nơi không thấy, công chúa phải cầu cứu tới thần Vê-nuyx (Vénus). Vê-nuyx vì thấy công chúa dám lấy con mình, bèn bắt làm mấy việc: 1/ Nhặt các thứ hạt trộn lẫn (một con kiến đã giúp công chúa việc này); 2/ Lấy một nhúm lông vàng của những con cừu hung dữ (một cây sậy giúp); 3/ Mang một cái hộp xuống địa ngục xin hoàng hậu Pro-déc-pin (Prozerpine) cho một ít sắc đẹp. Nhờ có cái tháp bày cho, lấy được, nhưng do tò mò mở ra xem nên một giấc ngủ triền miên đột nhiên đến với công chúa, may nhờ có Qui-pi-dông kịp thời thức cho tỉnh dậy. Vợ chồng gặp lại nhau.

Một loạt truyện sau đây có một số tình tiết khác biệt nhưng cũng đều xoay quay đề tài người chồng kỳ diệu.

Truyện Pháp Con sói trắng:

Một người sắp đi du lịch, cô con gái cả xin cha đưa về cho mình một cái áo đẹp, cô thứ hai cũng thế, chỉ có cô thứ ba thì xin một đóa hồng biết nói. Hỏi khắp nơi không ai biết cả người ấy tự nghĩ: - "Nếu không có thì sao con ta lại đòi". Cuối cùng đi đến một tòa lâu đài nghe trong có tiếng hát. Tìm mãi mới thấy cửa, ông tiến vào sâu, thấy có một cây hồng có hoa đang hát, khắp nơi không một bóng người. Ông ngắt một bông. Bỗng có một con sói trắng hiện ra nói: - "Ai cho phép người đến đây hái hoa, vậy người phải chết!". Đáp: - "Tôi xin trả lại hoa." - "Không được, đã bẻ là phải chết." Thấy người nọ phân trần mình hái cho con gái, sói nói: - "Ta tha cho, nhưng phải mang đến đây người mà người gặp đầu tiên lúc về". Người mà ông gặp đầu tiên không ngờ lại là con gái út. Nghe bố kể xong, cô nói: - "Con sẽ đi chết thay cha". Cha con lại dắt nhau đến. Sói bảo: - "Ta là tiên, bị giam, thành ra thế này, vậy phải hết sức giữ bí mật". Cha con vào phòng có cơm dọn sẵn cho ăn. Đêm sói hóa thành ông chúa đẹp, sáng trở lại thành sói. Vài ngày sau, người cha trở về. Ai hỏi, ông cũng không nói, nhưng sau không thể giấu được nữa, nói toạc tất cả. Bỗng nghe một tiếng rú rùng rợn: một con sói trắng ngã lăn dưới chân .

Truyện của người Băng-la-đex (Bangladesh):

Một ông vua sắp đi xa, cho người hỏi sáu con gái muốn mang gì về, họ đều

muốn có trang sức và vải quý, trừ cô út đang đọc kinh bảo người hầu hãy chờ (chờ, ở đây nói là sa-bơ). Nhưng người hầu lại tưởng yêu cầu của công chúa là "sa-bơ" nên vội chạy về tâu lại với vua. Vua không hiểu là gì nhưng cũng ra đi. Mua xong cho các con gái, vua định quay về, nhưng thuyền không tiến lên được. Sực nhớ tới lời dặn của con gái út, vua bèn sai người hầu lên hỏi ở các cửa hàng. Người ta không hiểu "sa-bơ" là gì, chỉ cho biết có một vị hoàng tử tên là Sa-bơ mà thôi. Khi hoàng tử biết chuyện, bèn đưa người hầu của vua có một cái hộp, bảo đó là yêu cầu của cô gái. Thuyền liền đi được. Đưa hộp về nhà, công chúa mở ra thấy một cái quạt nhỏ, xòe quạt thì hoàng tử hiện ra, xếp lại thì biến đi. Hai người lấy nhau. Công chúa mời bố và các chị tới dự. Các chị ghen em nên rắc mảnh chai vụn lên giường cưới. Vì thế hoàng tử bị thương nặng, nhưng vẫn không cho vợ biết, chỉ bảo vợ xếp quạt để về. Một ngày sau xòe quạt không thấy chồng tới, công chúa bèn cải trang thành một nhà tu ăn mày đi tìm chồng. Một hôm ngủ dưới gốc cây nghe hai con chim nói chuyện với nhau về bệnh của hoàng tử và cách chữa. Đến hoàng cung, công chúa xin vào chữa vết thương của hoàng tử, chữa lành mà chồng vẫn không biết. Khi vua thưởng thì không lấy gì cả, chỉ xin cái khăn tay và nhẫn của hoàng tử. Trở về, công chúa xòe quạt ra hoàng tử lại đến, công chúa đưa hai vật kia làm cho chồng kinh ngạc.

Truyện của người Ý (Italia):

Một người lái buôn giàu có sắp đi chơi, hỏi ba con gái muốn gì sẽ mang về, hai cô chị muốn trang sức, còn cô em thì chỉ muốn một cái bình cây "ruy". Lái ta ra đi quên mất lời dặn của cô con gái út. Nhưng tàu bỗng dưng mắc lại không tiến được. Cai tàu cho biết chắc trong hành khách có ai quên một lời hứa nào đó. Lái ta sực nhớ, bèn xin lên bờ tìm cây "ruy". Người ta cho biết chỉ có vua mới có cây ấy, nhưng dù chỉ xin một lá cũng bị xử tù. Lái ta xin cả cây. Vua cảm động vì lòng thương con của hãn, bèn cho cả cây, dặn mỗi chiều đốt một lá. Đưa về cô gái đốt lá như lời dặn, tự nhiên có hoàng tử xuất hiện, hai người yêu nhau. Một hôm cô đi vắng, người chị ghen ghét đốt cháy cả cái buồng của em. Cây cũng cháy. Hoàng tử hiện ra giữa lửa nên bị bỏng và bị thương vì những mảnh gương bắn phải, liền biến mất.

Cũng như truyện trên, cô gái về thấy cây quý cháy, bèn cải trang đi tìm người tình. Nằm dưới gốc cây ở rừng, cô nghe một con yêu nói với vợ: - "Chỉ có lấy mỡ ở xung quanh tim chúng ta mới chữa được bỏng cho hoàng tử". Thừa lúc chúng ngủ say, cô giết cả hai. Rồi giả làm thầy thuốc đến cung đình chữa lành cho hoàng tử. Hai người lấy nhau.

Truyện của người Thụy-điển (Suède):

Một ông vua có ba cô gái nhưng yêu cô thứ ba hơn cả. Một đêm cô này mộng thấy một tràng hoa vàng rất đẹp. Thấy con gái buồn, vua sai thợ kim hoàn làm cho một tràng hoa vàng đúng như trong mộng, nhưng cũng không làm cho con khuây khỏa. Một hôm công chúa đi dạo trong rừng gặp một con gấu trắng trong tay có một tràng hoa y như trong giấc mộng. Hỏi mua gấu không bán, chỉ muốn lấy công chúa. Công chúa vừa nhận lời thì gấu đưa cho ngay. Ba ngày sau gấu đến như lời hẹn. Vua đã sai một đại đội vây lâu đài để cản đường gấu, nhưng nó đánh ngã tất cả. Vua lại sai hai công chúa chị cải trang để thay, nhưng gấu không bị lừa. Đành phải gả. Gấu mang công chúa về ở một lâu đài, đêm đêm hóa thành người để đến với công chúa, nhưng công chúa không thấy mặt, vì sáng ra người lại hóa gấu. Công chúa đòi về thăm bố mẹ, gấu cho đi, nhưng dặn đừng có nghe lời mẹ. Ở nhà ba ngày. Khi con ra đi bà mẹ trao cho một mẫu nến để đêm nhìn trộm mặt chồng. Cũng như truyện thần thoại Hy-lạp, khi nhìn, công chúa vô ý để giọt nến rơi xuống trán chồng, làm chàng tỉnh dậy, biến mất.

Truyện của người Xi-xin (Sicile):

Một người nghèo khổ, ba con gái lần lượt bảo ông đi tìm thần số mệnh của mình mà cầu xin. Người ấy ra đi, cuối cùng được một ông già tiếp. Ông già lần lượt giao cho ba con ngựa, dặn phải bán giá đắt rồi đưa tiền về cho mỗi đứa con. Con ngựa thứ ba có một ngôi sao trên đầu, ông già dặn chỉ bán cho người nào cho nó ăn mà nó chịu ăn. Đưa về, ai cho ăn nó cũng lắc đầu, kể cả vua. Một nàng công chúa thử cho ăn thì nó ăn ngay. Công chúa liền mua với một số tiền lớn, rồi cho ngựa ở trong buồng. Nguyên con ngựa này là một ông vua bị phù phép hóa thành, đêm là người, ngày là ngựa. "Vua ngựa" lấy công chúa làm vợ, nhưng dặn công chúa không được tiết lộ bí mật của mình với ai mà nguy đến tính mạng. Một hôm công chúa tiết lộ với

một người bạn gái. Ngựa liền biến mất. Đau khổ, công chúa cất công đi tìm, người ta cho biết chồng ở trong một lâu đài, phải có miếng ăn từ miệng một mục chẳng mới được mở cửa. Cuối cùng công chúa cũng lọt được vào nhà mục chẳng trong lúc mục đi vắng. Con gái mục tiếp đãi công chúa niềm nở. Sau khi biết yêu cầu của công chúa, cô giấu công chúa vào một nơi. Khi mục chẳng về ngồi vào ăn, cô hỏi: - "Mẹ đang ăn cái gì đấy". Mục nhả miếng ăn ra, bấy giờ đã nhai thành hình một hạt quả. Cô lấy giấu đi rồi đưa cho công chúa. Nhờ vậy, công chúa lọt được vào lâu đài, thấy chồng đang nằm mê trên một cái giường, bên cạnh có hai cái bình. Công chúa phải khóc nước mắt chảy đầy hai cái bình mới làm chồng tỉnh dậy được. Cuối cùng công chúa cũng cứu được chồng và hai người sống sung sướng.

Truyện của người Chi-lê (Chilli):

Một ông vua thích ăn cá tươi, buộc một ông già câu cá phải cung cấp cá cho mình hàng ngày nếu không thì chém đầu. Ông già có vợ, hai người con gái yêu và một con chó cái. Một hôm ông không câu được gì cả. Bỗng có một con cá nhỏ vẩy đỏ nổi lên mặt nước, bảo: - "Tôi sẵn sàng cung cấp cho ông đủ số cá hàng ngày, nhưng ông phải hứa cho tôi người hay vật đi đón ông trên đường về hôm nay". Ông già nghĩ chỉ có con chó thường đi đón mình hàng ngày nên nhận lời. Không ngờ hôm ấy đón ông không phải là chó mà là con gái út. Ông hết sức buồn khi nghe tiếng con cá nhắc ông giữ lời hứa. Thấy vậy, cô gái nguyện hy sinh. Cô phải ra ngồi ở một hòn đá giữa biển, đợi nước triều lên cho cá đến bắt đi. Nhưng vừa xuống nước thì bỗng xuất hiện một lâu đài đẹp có đầy đủ mọi thứ, chỉ một điều cấm kỵ là thắp đèn ban đêm. Vì thế cô biết có người nằm với mình mà không thấy mặt. Sau một thời gian, cô xin phép về chơi nhà, nhờ mẹ giúp cho một ít nệm và bao diêm, cô được nhìn mặt người chồng là một chàng trai đẹp. Ở đây cũng có tình tiết chàng trai biến mất khi cô vô tình để giọt nệm nhỏ vào người. Buồn rầu, cô nhờ một con chó đưa về nhà bố mẹ chồng. Lúc này cô đẻ một đứa con trai có ổ khóa ở bụng như bố nó. Sau một thời gian nghe tin chồng trở về, cô sợ tội bỏ trốn vào rừng, làm cho cá vẩy đỏ mất công tìm kiếm mãi, cuối cùng hai bên gặp nhau, cá từ đấy mang lột người. Cuộc sống hai vợ chồng lại sung sướng.

Hai dị bản của Miến-điện (Myanmar) có nhiều tình tiết khác với các truyện trên:

1. Một người đàn bà sinh được một con trai, chỉ có đầu, không tay không chân. Chồng định vứt nhưng vợ bảo để lại nuôi, cũng đặt tên là Sọ dừa. Con bảo mẹ bán mình cho một người lái buôn lấy một ngàn đồng. Khi bán rồi, Sọ bảo người lái đưa mình ra chợ cho người xem lấy tiền. Khi người lái thu được đủ số tiền bỏ ra. Sọ lại bảo bán mình cho một thuyền buôn nước ngoài lấy một ngàn đồng. Đoàn thuyền đi ra bị bão, họ định ném Sọ xuống biển. Sọ nói: - "Chớ ném. Hãy trói tôi lên cột buồm, sẽ có sự yên lành". Khi ở trên cột buồm, Sọ thổi gió cho thuyền vượt sóng bình an. Họ trả tự do cho Sọ, Sọ xin ghé ở một hòn đảo dọc đường. Đảo này có yêu tinh. Ở với chúng nó được mấy tháng. Sọ học được của chúng mấy câu phù chú. Khi thuyền buôn về qua, Sọ gọi họ ghé vào xin cho mình trở về nước. Yêu tinh biếu một túi ngọc đỏ, Sọ đem phân phát cho thủy thủ. Rồi bảo họ dẫn mình đến hoàng cung.

Gặp vua, Sọ bảo nếu không gả công chúa và nhường ngôi cho thì sẽ san phẳng thành trì. Vua cười chế nhạo. Sọ lấy ra một cái hộp niệm chú, tự nhiên có hàng vạn kỵ mã vây bọc hoàng cung. Vua đầu hàng. Sọ lấy công chúa và biến thành chàng trai, cuối cùng lên làm vua.

2. Hai chị em lấy chồng, chị sinh một đứa con trai. Còn em thì một con rùa. Chị toan ném đi nhưng em cản lại, nuôi lớn và đặt tên là Rùa vàng. Anh em nhà rùa yêu nhau, đi đâu cũng theo nhau. Chàng trai xin mẹ một chiếc thuyền đi ra nước ngoài buôn bán. Mẹ cho, nhưng không cho đưa rùa theo. Rùa cũng nói mình sợ biển không muốn đi. Nhưng khi thuyền vừa ra khơi đã thấy rùa nằm gọn trong khoang. Bão làm thuyền dạt lên một hòn đảo đầy yêu tinh cái. Chúng hóa thành những cô gái đẹp, cuối cùng kết hôn với những người trên thuyền. Trong khi mọi người say sưa trong tiệc cưới, thì rùa đã nghe được lũ yêu tinh bàn nhau ăn thịt người. Rùa giấu các thứ bảo bối của chúng đi (một hộp đựng sinh mệnh, một viên ngọc giá trị một vương quốc, một cái trống bói cầu được ước thấy), rồi lén đánh thức anh và mọi người dậy kể cho biết chuyện, và đưa họ vào rừng xem xương những người mà chúng ăn thịt. Sau đó rùa đánh cắp tất cả bảo bối xuống thuyền.

Lũ yêu tinh sắp đuổi kịp thì bị tiêu diệt, vì rùa kịp thời đập nát hộp chứa sinh mệnh của chúng. Thuyền cập bến một kinh thành, rùa đưa ngọc làm sính lễ để vua gả công chúa đẹp cho anh mình. Tuy được làm quan to nhưng rùa chỉ muốn về. Nhờ chồng bóí, rùa về gặp mẹ, bảo mẹ tới hỏi công chúa đẹp mà có đến bảy hoàng tử đang tranh nhau cầu hôn. Vua hứa sẽ gả nếu làm được một cầu vàng một cầu bạc nối liền từ nhà rùa đến cung điện. Sáng dậy vua thấy rùa từ cầu bước vào cung, đành phải gả. Bảy hoàng tử mang quân sang đánh vì cho vua đã gả con cho một con vật hèn hạ (tương tự truyện Thạch Sanh). Nhưng với trống bỏi, rùa đã mang quân hùng tướng mạnh của mình phá tan quân bảy nước.

Một đêm công chúa ngủ dậy thấy có chàng trai đẹp, và một cái lốt rùa, bèn ném lốt vào lửa. Chàng trai tỉnh dậy kêu lên: - "Ôi, tôi bị cháy!" Công chúa lật đật dội ngay một thùng nước lã. Từ đấy hai người sống hạnh phúc. Tóm lại những truyện thuộc kiểu truyện Lấy chồng dê và Sọ dừa rất phổ biến ở nhiều dân tộc trên thế giới.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
129. NGƯỜI LẤY ẾCH

Vào đời nhà Lê, có ông bà Trần Cao ngày rằm tháng bảy một năm nọ theo lệ thường mang vàng hương lễ vật tìm đến miếu Long Hải vương để làm lễ cầu phúc. Miếu này ở trên một ngọn núi sát bờ biển có tiếng linh thiêng. Lần này hai vợ chồng lại đưa cả con trai là Trần Sinh đi theo. Cúng xong, cả gia đình quây quần ở trước hiên miếu chuẩn bị ngủ lại để cầu mộng. Đêm ấy, Trần Cao mộng thấy một người mặt đỏ râu dài, oai phong lẫm liệt, mặc áo lụa, lưng thắt đai vàng, đến trước mặt mình mà bảo rằng:

- Ta là Long Hải vương trấn trị ở vùng này. Thấy người thành tâm ta rất vui lòng. Ta có đứa con gái nhỏ vốn có "túc duyên" với con trai người. Nay con trai người cũng đã khôn lớn, nên ta đến đây nói chuyện để cho đôi trẻ thành hôn được sớm. Nếu người cũng bằng lòng thì cứ cho người mang sính lễ đến miếu này, ta sẽ cho đưa dâu về nhà, không cần phải đón rước lồi thối gì cả.

Trần Cao tỉnh dậy cho là mối nhân duyên lạ, vừa mừng vừa sợ, vội đem việc mộng kể lại cho vợ con biết. Nhưng mẹ con Trần Sinh không cho là việc có thực.

- Ô! Mộng mị vô thường ông ạ. Âm dương cách trở làm sao con thần lại kết duyên được với con người kia chứ.

Mặc cho vợ nói, Trần Cao vẫn tin lời thần. Trở về nhà, ông sai người giết lợn đồ xôi và sắm sanh áo quần, trang sức cho cô dâu. v.v... y như chuẩn bị một đám cưới thật sự. Sau đó, đến giờ hoàng đạo ông cho người nhà mang tới miếu Long Hải vương đặt lên hương án khăn vái như lời ông dặn, xong việc, lại trở về nhà báo cho mình biết.

Quả nhiên vào khoảng chập tối, người nhà trở về mới chừng giập bã trầu, thì mọi người đã nghe tiếng đàn sáo nhã nhạc vang vang trước ngõ. Họ vội chạy ra xem thì đã thấy đám rước dâu có họ hàng và kẻ hầu người hạ rộn rịp, chỉ khác một điều là không phải người mà toàn là ếch. Ai nấy đang kinh ngạc thì kiệu hoa đã đặt trước cổng, trong kiệu bước ra một người con gái rất đẹp trang sức lộng lẫy. Cô gái có vẻ bạo dạn đi thẳng vào nhà, quỳ

lạy ông bà Trần Cao mà thưa rằng:

- Con là Bạch Nga Long vâng lời vương phụ về giao hôn cùng chàng Trần Sinh, xin cha mẹ ngồi lên cho con làm lễ.

Lạy đoạn, cô gái rón rén lui ra chào hỏi mọi người rất đơn đả. Hai ông bà Trần Cao thấy con dâu xinh xắn, lễ phép thì rất mừng, mới gọi Trần Sinh lại, hai người làm lễ gia tiên rồi đưa nhau vào buồng. Trong lúc đó người nhà của họ Trần dọn cỗ bàn, mời họ nhà gái ngồi lại ăn. Tuy là ếch, họ cũng ăn uống chẳng khác gì người. Đến quá nửa đêm họ nhà gái mới từ giã ra về, chỉ còn một số là thị tỳ thì ở lại hầu hạ cô dâu.

Sau khi lấy vợ, Trần Sinh được bố mẹ làm nhà cho ra ở riêng. Hai vợ chồng ăn ở với nhau rất hòa thuận. Nhưng Trần Sinh thấy người hầu của vợ toàn là ếch thì trong bụng không vui. Mỗi lần có khách, ếch nhảy nhót đi hầu trà nước làm cho chàng đăm ngượng với khách. Chàng chỉ muốn làm thế nào sớm tống được chúng đi cho rảnh mắt, nhưng vì nể vợ nên không nói gì.

Một hôm, nhân đi chợ thấy có người bán rắn, Trần Sinh mua luôn mấy con. Mang về, chàng giấu vợ, lẳng lặng thả rắn ở gầm giường. Khi lũ thị tỳ ếch thấy rắn thì kêu la om sòm, bỏ chạy toán loạn. Bạch Nga Long đỏ mặt khuyên chồng:

- Sao chàng lại độc ác với chúng nó thế? Nếu chàng không muốn cho chúng nó ở nhà này hầu hạ thiếp, thì cứ bảo cho thiếp biết để thiếp cho chúng nó về, chứ làm thế không nên!

Trần Sinh đang lúc giận dữ, thấy vợ nói thế, quay ra mắng luôn cả vợ. Hai vợ chồng to tiếng cãi nhau. Cơn giận đang muốn dịu đi, bỗng bốc lên bùng bùng, Trần Sinh quát:

- Nếu nàng muốn về ta cũng không cấm.

Nghe nói thế, Bạch Nga Long vội sai con hầu gói ghém tư trang rồi chờ đến chập tối, cả thầy lẫn trò dắt nhau đi mất.

Thấy vắng con dâu, hai ông bà Trần Cao đến nhà con hỏi duyên cớ. Trần Sinh kể lại cho bố mẹ nghe mọi việc xảy ra và nói:

- Con không thể nào sống mãi với một lũ ếch được!

Nghe đoạn, Trần Cao mắng chửi con trai hết lời. Sợ Long thần giận, hai ông bà lại sai biện lễ vật rồi ép Trần Sinh đến miếu Long Hải Vương để tạ

tội.

Nhưng khi đến nơi, họ chỉ thấy mênh mông một trời một nước, chẳng còn núi non miếu mạo đâu cả. Cho là Long thần giận dữ mới làm ra thế, cả ba người sợ hãi, bèn lùi thủi quay về.

Lại nói chuyện Long Hải vương khi thấy con gái trở về thì nổi giận đùng đùng, quyết tìm dịp báo thù cha con nhà thông gia cho bỏ ghét. Hôm cả nhà Trần Cao tìm đến. Long Hải vương không những không tiếp mà còn thừa lúc họ đi vắng, sai bộ hạ lên tới đốt nhà. Một ngọn lửa xanh tự nhiên bùng lên giữa nóc nhà họ Trần, gây nên nạn cháy khủng khiếp. Xóm giềng đổ tới cứu chữa nhưng ngọn lửa đã quá to, không thể dập tắt được. Thế là chỉ trong phút chốc tất cả tài sản của Trần Cao đều tiêu tan. Tin rằng đó chính là sự báo thù của Long Hải vương, ông bà Trần Cao đành gạt nước mắt đi vay mượn xóm giềng một số tiền, dựng tạm một cái quán bán nước sống cùi cút qua ngày.

Một đêm sáng trăng, Trần Sinh mang cần ra sông câu cá. Chàng giật được lên một con ếch. Nhớ lại chuyện vừa xảy ra cho nhà mình, chàng bực bội quăng ếch xuống sông. Lần thứ hai giật lên: lại một con ếch mắc vào lưỡi câu. Chàng lại ném trả lại mặt nước. Nhưng lần thứ ba cũng lại như lần trước. Lần này chàng bắt ếch bỏ vào giỏ đem về. Đến nhà, chàng treo giỏ lên đầu hồi rồi lên giường nằm, nhưng tiếng ếch kêu ồm ộp làm cho chàng không tài nào ngủ được. Tức mình, Trần Sinh trỗi dậy bắt ếch ra đánh. Càng đánh ếch lại càng kêu to. Bỗng chốc ếch tuột khỏi tay người, nhảy đi khắp nơi. Trần Sinh vội đuổi theo để chụp bắt. Ba lần bắt ba lần hụt, nhưng đến lần thứ tư chàng cũng chụp được. Thốt nhiên ếch trút lột ra, hóa thành Bạch Nga Long. Thấy vợ xuất hiện đột ngột trong cánh tay của mình, Trần Sinh thẹn thò buông ngay ra, hai tay ôm lấy mặt không dám nhìn. Bạch Nga Long quỳ xuống, nói:

- Để cho cha mẹ chàng khổ, đó là lỗi tại thiếp!

Nói đoạn tìm đến bố mẹ chồng sụp lạy tạ tội. Ông bà Trần Cao đỡ dâu dậy an ủi, mọi ưu phiền trước đây bỗng nhiên trút sạch.

Rồi Bạch Nga Long đưa vàng của mình ra tậu đất làm nhà, dần dần cơ nghiệp của bố mẹ chồng lại được phục hồi, có phần vinh thịnh hơn xưa.

Nàng còn đón thầy về cho chồng học tập. Về sau Trần Sinh đi thi đỗ trạng nguyên .

KHẢO DỊ

Ở Việt nam xưa dường như không có tục thờ thần ếch. Nhưng theo truyền thuyết thì đời Nguyễn có Hà Tông Quyền quê làng Cát-động (Hà-đông) đậu tiến sĩ năm 1822, người ta cho ông là thần ếch giáng sinh . Vì vậy những hình tượng của truyện cổ tích trên cũng phần nào có cơ sở từ tín ngưỡng. Truyện của ta có đôi nét giống với truyện Thần Ếch xanh trong Liêu trai chí dị:

Vùng Trường-giang Hán-thủy dân gian thờ cúng thần Ếch. Họ rất mê tín, ếch nhái trong miền không ai dám bắt. Ai xúc phạm thì nhà ấy có điềm gở, phải làm gà lợn cầu cúng, thần Ếch có vui lòng tha cho thì mới tai qua nạn khỏi.

Tỉnh Hồ-bắc có người họ Tiết có con là Côn Sinh, còn bé có người tự xưng là sứ giả thần Ếch đến nhà nói rằng thần muốn kén chàng làm rể. Người bố không nghe nhưng về sau đi hỏi dâu mấy đám, đều bị thần báo mộng, nên ai cũng từ chối. Một hôm Côn Sinh đi giữa đường bỗng có sứ giả thần Ếch gọi đi. Đến một nơi thấy thần bệ vệ ngồi ở sảnh đường rồi có một bà lão dắt một cô gái xinh ra. Côn Sinh tỏ ý bằng lòng. Lúc trở về chưa kịp soạn sửa thì xe hoa đã tới. Từ đấy thành vợ chồng.

Côn Sinh hay câu: Một hôm vợ nói nặng lời chàng chửi lại, động tới ếch nhái vợ bỏ về. Côn Sinh vẫn không chịu xuống nước. Tiếp đó mẹ chàng bị bệnh. Người bố phải lên miếu tạ tội, mẹ mới khỏi bệnh và vợ trở về ân ái như xưa.

Hôm khác hai vợ chồng bất hòa, vợ lại bỏ về. Như truyện của ta, cũng có việc nhà họ Tiết bốc cháy. Côn Sinh đến miếu trách thần Ếch rằng có giáng tai họa thì cứ giáng vào đầu mình đừng làm tội cha mẹ. Chàng còn toan đốt miếu nhưng có người làng can mới thôi. Đêm ấy, thần Ếch báo mộng cho xóm giềng họ Tiết bảo phải mang gỗ lát làm nhà cho rể mình. Chẳng bao lâu nhà làm xong, vợ lại về thuận hòa hơn trước.

Cũng như truyện của ta, có việc Côn Sinh bắt rắn nhưng ở đây chồng gói lại bảo vợ mở xem. Vợ giận lại bỏ về, thề xin đoạn tuyệt. Người bố đánh

Côn Sinh rồi xin lỗi với thần. Ít lâu sau có tin thần Ếch gả con gái cho chủ nhà họ Viên. Nhà họ Tiết đến rình thấy nhà họ Viên đang sửa xe hoa. Côn Sinh lâm bệnh, lúc mở mắt lại thấy vợ. Từ đó vợ về ở chung lâu dài và sinh được hai con trai.

Trong vùng ai có việc xúc phạm tới thần Ếch thường đến cầu cứu Côn Sinh. Chàng bảo phải ăn mặc đẹp để vào tận buồng lạy tạ vợ. Nếu vợ cười thì sẽ yên ổn.

Người Ấn-độ cũng có một truyện kể người lấy ếch trong Ma-ha-bha-ra-ta: Một ông vua là A-u-đi-a xin cưới con gái vua ếch là A-in. Vua ếch chỉ ra một điều kiện là không được cho vợ trông thấy nước. Chàng rể cam kết như lời. Đến ngày cưới, cô dâu đội lốt người phụ nữ xinh đẹp. Chàng rể rất thỏa mãn. Nhưng được ít lâu công chúa ếch lấy lại hình dạng động vật, vì chồng đã để cho vợ trông thấy nước, phá vỡ điều cam kết.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
130. SỰ TÍCH ĐỘNG TỪ THỨC

Vào đời nhà Trần ở châu Ái có một chàng trẻ tuổi tên là Từ Thức. Chàng vốn con nhà quan. Năm 20 tuổi nhờ học giỏi thi đỗ cao, chàng được bổ một chân tri huyện ở một huyện vùng Bắc. Khác với bọn quan lại khác, Từ Thức vốn là người phóng khoáng, không chịu ràng buộc vào khuôn phép. Chàng lại không thích những chuyện nịnh trên, nạt dưới, mà chỉ thích uống rượu ngâm thơ, và đi chơi ngắm cảnh. Ở gần vùng Từ Thức trị nhậm có một ngôi chùa lớn. Trước sân và xung quanh vườn trồng toàn một loại cây mẫu đơn. Mỗi năm vào khoảng tháng giêng là mùa hoa nở rộ, cũng là kỳ cúng Phật. Nhân dịp đó, các thiện nam tín nữ các nơi đua nhau về chùa lễ Phật và ngắm hoa. Vì thế người ta cũng gọi là hội xem hoa hay là hội mẫu đơn.

Một năm vào kỳ hội xem hoa, Từ Thức cũng có cái hứng đi hành hương ngắm cảnh. Để khỏi làm kinh động dân chúng, Từ Thức cải trang thành một người học trò. Chàng cũng không cho mang lính hầu và cáng xá đi theo. Hồi này các chùa chiền được triều đình vì nể, nên có những bọn sư sãi ỷ thế hoành hành. Để bảo vệ hoa, chùa này đặt ra một cái lệ ai bẻ hoa hoặc là gãy cây sẽ bị phạt vạ một số tiền. Nếu không có tiền thì nhà chùa sẽ bắt làm nô để đền nợ. Ngày hôm ấy có một cô gái đi xem hội vô tình không biết lệ nhà chùa, thấy có hoa đẹp ở cạnh lối đi bèn rón tay ngắt một bông. Thấy vậy, bọn thủ hộ trong chùa xông ra bắt giữ lại đòi tiền vạ. Cô gái thú thực là mình đi xem hội không mang tiền theo nên không biết lấy gì đền. Nghe nói thế, bọn thủ hộ liền sai trói cô gái vào cột chùa cốt để làm nhục, vạ cho ra tiền chuộc.

Vừa lúc ấy Từ Thức tiến vào cổng chùa. Thấy một người con gái yếu ớt bị bọn vũ phu lăng nhục, Từ Thức không ngăn được cơn giận dữ. Chàng sấn đến đòi cởi trói cho cô gái. Bọn thủ hộ nhất định không cho và chỉ vào mặt chàng:

- Nay, nếu không có đủ một quan tiền chuộc thì anh chớ có động đến đây

trối mà sinh chuyện rầy rà đấy.

Nghe chúng thách thức, cơn giận của Từ Thức bùng bùng bốc lên. Đã toan dùng đến chức vị của mình để trị bọn bất lương, nhưng rồi chàng lại kịp gạt đi vì chẳng muốn làm to chuyện. Không nghĩ ngợi, chàng cởi phăng chiếc áo ngoài vứt cho bọn thủ hộ để chúng trả tự do cho cô gái. Dây trối vừa cởi, cô gái ngỏ lời cảm tạ Từ Thức. Thấy nàng xinh đẹp lại bạo dạn, Từ Thức cũng muốn làm quen. Chàng hỏi:

- Nhà nàng ở đâu? Tôi nghe giọng nói hình như không phải là người vùng này.

Cô gái đáp:

- Quê thiếp ở tận trong châu Ái huyện Tống sơn...

Không ngờ người đẹp lại là người cùng quê, Từ Thức càng thêm niềm nở. Hai người men theo lối cổng chùa, vừa đi vừa ngỏ ít lời lâm sự. Trước khi từ giã, nàng còn không quên mời chàng đến chơi nhà nếu có dịp về thăm quê.

Vẫn không ưa cái nghề roi vọt trị dân, Từ Thức thường bị bọn quan trên hạch tội. Một lần vì để vụ thuế chậm trễ, chàng bị viên an phủ gọi đến quở mắng nặng lời. Chàng than:

- Ta há vì mấy bó thóc mà chịu nhục như thế này ư!

Lúc trở về huyện lỵ, lập tức chàng cởi bỏ ấn tín treo ở trước mái công đường, rồi bỏ đi biệt. Chàng đi thẳng về quê nhà thăm bố mẹ và bà con làng nước. Ở nhà được ít lâu, nhớ đến lời mời của cô gái trong hội xem hoa, Từ Thức liền cất công ra đi. Theo lời chỉ dẫn, chàng lặn lội tìm kiếm, nhưng bóng chim tăm cá mịt mù. Vùng Tống sơn có bao nhiêu cảnh đẹp, chàng đều có để lại dấu chân và những bài ca vịnh, vậy mà chàng vẫn ân hận không gặp lại người đẹp năm xưa. Mặc dầu vậy, Từ Thức vẫn không nản lòng.

Một hôm trên đường đi tìm, từ sáng sớm, Từ Thức đã trèo lên núi cao nhất ra giữa cửa Thần phù. Tự nhiên trước mắt chàng hiện lên một hòn đảo trông y như một đóa hoa sen giữa vùng biển cả. Say sưa nhìn ngắm, chàng bèn dong buồm ra khơi. Chẳng bao lâu thuyền đã ghé đảo. Đang mê mải nhìn, chàng bỗng thấy ở sườn núi đá gần đó có một cửa hang khá rộng. Bèn

vin cây rẽ cỏ tìm đến tận nơi. Vừa bước vào hang được một quãng, thì bỗng dừng cửa hang tối sầm lại. Từ Thức vẫn cứ sờ soạng bước liêu. Đi một đoạn nữa thình lình lại thấy có ánh sáng. Trông ngược lên thấy núi cao chót vót, đá mọc lởm chởm. Khi leo lên đến đỉnh thì Từ Thức bỗng thấy cả một tòa nhà lộng lẫy hiện ra trước mặt. Chưa hết ngạc nhiên trước cảnh lạ, chàng bỗng thấy bóng hai người con gái nhỏ mặc áo xanh. Một người nói:

- Chú rẽ mới nhà ta đã đến kia kìa!

Chàng hết sức ngỡ ngàng nhưng vẫn bạo dạn đi theo hai cô gái. Trên đường đầy hoa thơm cỏ lạ. Đi một chốc thì đến lâu đài. Vừa bước lên thềm Từ Thức đã thấy một người đàn bà dáng quý phái ra đón. Bà tươi cười bảo chàng:

- Đây là hang thứ sáu trong ba mươi sáu hang động ở cõi tiên. Từ lâu ta cai quản thế giới này. May mắn hôm nay lại được đón người trẻ tuổi phong nhã và chí tình. Thế nào, cảnh trí ở đây có làm cho du khách ưa thích không?

Thấy Từ Thức gật đầu, người đàn bà lại nói:

- Khoan đã. Để còn cho gặp một người quen cũ.

Đoạn, ra hiệu cho người hầu gái đi gọi. Chốc sau, một cô tiên từ trong hành lang bước ra, dáng thướt tha kiều diễm, mỉm cười chào chàng. Từ Thức nhìn kỹ thì ra đây là cô gái bẻ hoa mẫu đơn năm nào. Chàng mừng rỡ nói to:

- Ô hay tôi đi tìm nàng khắp nơi mà không thấy, không ngờ lại gặp ở đây!

Câu chuyện từ đây trở nên thân mật đậm đà hơn. Bà chúa động nói:

- Em nó tên là Giáng Hương. Ngày trước đi xem hội mẫu đơn không may gặp rủi ro, nhờ có chàng tận tình cứu giúp. Âu đó cũng là duyên trời. Chàng đã có lòng cất công đi tìm, nay đến gặp nhau, hãy mở tiệc hoa để phỉ lòng khao khát.

Từ Thức thấy không gì đẹp lòng hơn thế nữa. Lập tức đêm hôm ấy trong bữa tiệc tung bừng có quần tiên tụ hội, hai người chính thức làm lễ giao bôi. Khách tiên từ các động vui vẻ cạ chén chào mừng chàng rẽ mới đến nhập tịch làng tiên, và chúc tụng cuộc tình duyên tốt đẹp của hai người.

Ngày lại ngày nối nhau trôi qua, Từ Thức làm rể cõi tiên bấm đốt ngón tay đã được ba năm. Cuộc đời mới hoàn toàn khác với cảnh sống trần gian

ngày trước. Cơm ăn áo mặc và mọi vật dụng cần thiết, chàng đều có sẵn, không thiếu một thứ gì. Sắc đẹp tuyệt vời, tính nết hiền dịu của Giáng Hương luôn luôn làm cho chàng thỏa dạ. Chàng lại được đi ngao du các động tiên, thơ ngâm vịnh làm ra thao thao bất tuyệt. Tuy nhiên, lâu dần, Từ Thức lại thấy như thiếu một cái gì, một hôm chàng tâm sự với Giáng Hương:

- Xa cha ngái mẹ đã lâu, muốn về thăm một chuyến có được chăng?

Thấy vợ ngần ngại chàng nói thêm:

- Chỉ cho về gặp bà con xóm làng một lần chót, rồi tôi sẽ đến đây ở với mình mãi mãi.

Giáng Hương thủ thủ khuyên dỗ chồng hãy bỏ cái ý nghĩ trở về vì cỗi tục và cỗi tiên là hai con đường cách biệt. Nhưng Giáng Hương càng khuyên bao nhiêu thì nỗi nhớ nhà của Từ Thức càng nặng bấy nhiêu. Thấy chồng tuy không đòi về nữa nhưng nét mặt ngày một héo hon. Giáng Hương đành phải thưa với mẹ. Mẹ nàng thương hại:

- Không ngờ gã ấy còn lưu luyến bụi hồng đến thế!

Nói rồi cho người đẩy xe mây đến cho Từ Thức trở về. Chàng vội vã từ giã vợ và mẹ vợ, từ giã các bạn tiên, rồi bước lên xe. Chỉ trong chớp mắt, chàng đã thấy lại quê hương cũ. Các rặng núi, con sông, những lũy tre dưới mắt chàng vẫn không có gì khác xưa. Xe đặt chàng xuống giữa một bến sông, nơi mà ngày còn nhỏ chàng vẫn ra đây tắm mát và bơi lội. Nhưng khi nhìn kỹ cảnh vật thì Từ Thức lấy làm ngờ ngợ. Mới ba năm mà nhà cửa vườn tược làm sao đã khác. Dân làng cũng chẳng có một người nào quen mặt. Hỏi một người đi đường, người ấy cho biết đúng là tên của làng chôn rau cắt rốn của mình. Nhưng khi hỏi đến bố mẹ và em gái thì ai cũng lắc đầu trả lời không biết.

Sau cùng, Từ Thức đem họ tên của mình hỏi thăm các cụ già trong làng, thì một người ngẫm nghĩ hồi lâu rồi đáp:

- Từ lúc còn nhỏ, tôi có nghe truyền lại rằng các cụ tổ năm đời nhà tôi có một cụ cũng tên họ như thế, trước làm quan huyện rồi treo ấn từ về, một hôm đi chơi sa vào hang núi mặt tích. Từ bấy đến nay đã gần ba trăm năm.

Nghe kể chuyện, Từ Thức mới thấm thía lời nói của vợ. Chàng bùi ngùi đứng nhìn cây đa mình trồng đầu ngõ bây giờ đã thành cổ thụ, cây to hàng vằng, cành lá rườm rà, rễ buông từng chùm chi chít. Chàng thần thờ trước đám đông đang vây quanh mình. Sau cùng Từ Thức trở lại chỗ xe mây, thì không ngờ xe đã biến mất từ lúc nào. Buồn rầu vô hạn, chàng lại khăn gói lần mò đến cửa Thần-phù, định bụng tìm lại hang cũ dẫn đến động tiên nhưng mịt mù cây đá kín lối không thể tìm ra được nữa. Chàng đi, đi mãi, về sau không biết là đi đâu. Từ đấy người ta gọi hang núi ở chỗ này là động Từ Thức[1].

KHẢO DỊ

Một số chi tiết của truyện trên, có sách kể hơi khác.

Ví dụ như đoạn hội xem hoa:

Nhà vua một hôm định xây một cái thành trên một cánh đồng xa kinh đô. Tự nhiên ở chỗ ấy mọc lên một cây không biết là cây gì có hoa lất lả, vừa đẹp vừa thơm. Các quan định đem dâng vua, bèn sai quân lính canh gác rất kỹ. Tiếng đồn khắp nơi nên dân chúng kéo về xem rất đông. Có cô tiên Giáng Hương ở một hòn đảo bốn bề đá dựng ngoài biển khơi nghe tin, cũng về xem. Tiên sờ vào hoa không may hoa rụng, liền bị lính bắt[2].

Hay đoạn nói về lý do Từ Thức đòi về cõi trần:

Một hôm chúa tiên cùng quần tiên lên châu thượng đế ăn tiệc bàn đào. Khi ra đi có dặn các tiên đồng không được cho Từ Thức ra cửa sau. Nhưng Từ Thức nghe lỏm được, tò mò lén ra cửa sau để xem cho biết, ra xem thì nhìn thấy cõi trần. Dưới đó, mọi người đang làm ăn vui vẻ, Từ Thức bỗng động lòng nhớ nhà. Lúc chúa tiên và quần tiên về, ông bèn xin về thăm quê v.v... [3]

Người Nhật có truyện Người câu cá trẻ tuổi hình tượng phần nào giống với truyện Từ Thức và truyện Giáp Hải (số 149, tập IV) của ta.

Một người câu cá ở tỉnh Tăng-gô một hôm gặp một em bé bắt được một

con rùa nhỏ, thấy nó nghịch ngợm làm tội con rùa, bèn đến để xin tha. Xin không được, anh xuất tiền ra mua. Thả xong, hôm sau đi câu, anh bỗng nghe rùa gọi tên mình. Hỏi thì nó mời anh xuống thủy phủ để đền ơn cứu mạng. Rùa đang bé bỗng hóa thành to lớn, cho anh ngồi lên lưng và đưa anh xuống nước.

Vua Thủy là cha rùa tiếp đãi rất hậu. Được vài ngày, anh nhớ nhà xin về. Cha con vua Thủy lưu lại không được, bèn tặng anh một hộp quý, dặn đừng mở sẽ ân hận. Anh lại trèo lên lưng rùa trở về làng. Lên đất không thấy bố mẹ, gặp ai anh cũng lạ cả. Mãi sau có một người nghe anh xưng tên mới nói. - "Tôi nghe bà nội tôi kể chuyện trước đây bảy trăm năm ở làng này có một người câu cá trẻ tuổi tên là U-ra-si-ma Ta-rô, một hôm ra khơi không thấy về".

Buồn rầu anh ngồi lại mở hộp ra xem. Chỉ thấy một làn khói nhẹ bay ra phả vào mặt. Bỗng chốc anh soi bóng thấy mình trở thành già khom da mồi tóc bạc[4].

Có hai truyện khác của ta cũng có nhan đề là Từ Thức, nhưng nội dung khác truyện trên kia.

1. Một người đàn bà ở Ninh-bình bị hổ bắt vào rừng buộc phải ăn nằm với hổ, sau yên lành trở về, đẻ một con trai đặt tên là Từ Thức. Lên mười tuổi, Từ Thức có sức mạnh, giỏi võ, nhưng không chịu làm quan mà bỏ vào hang Thần-phù đi tu. Tu được mười lăm năm tự nhiên hóa hổ, đầu là hổ nhưng tay chân mình mẩy còn là người, thường khi gầm như tiếng hổ. Hổ bắt thú vật ăn sống nhưng vẫn có ý thức như người. Trở về với cha mẹ ngày ngủ đêm đi lòng bắt con mồi cho cha mẹ bán lấy tiền. Một đêm nọ đi bắt nai, không ngờ có một tướng cướp là Quán Nhất Tiên nghe tiếng Từ Thức gầm, sợ quá chết giấc. Nhờ vậy quan mới bắt được cướp[5].

2. Một người tên là Từ Hàn ở Thanh-hóa vốn tốt bụng chăm làm việc công ích, được mọi người gọi là Thiện sĩ, một hôm mộng thấy thần cho một tượng đá, sau đó sinh ra Từ Thức. Lớn lên chàng chăm học nhưng thi không đỗ. Một hôm đi chơi chùa Hương-tích, gặp một nhà sư mời vào chùa.

Thấy chàng tỏ vẻ hâm mộ cảnh chùa, sư bèn mời ăn hoa quả, ăn vào, chàng

bỗng quên mọi "tục lệ", lại được mời ra vườn ngắm cảnh. Ở đây Thức gặp một cô gái đẹp, hai bên trò chuyện dần dần gắn bó. Cô gái cho biết mình là tiên, vốn có duyên nợ với Thức. Bên rủ cùng về cung tiên học đạo trường sinh. Búi tai, Thức vào động cùng nàng. Từ đó người ta không biết chàng đi đâu[6].

Ở truyện thứ hai, cũng có chủ đề phảng phất như truyện trên kia, nhưng theo chúng tôi cách kể đã đượm mùi Nho và mùi Đạo nên nội dung trở nên khô khan.

Chú thích

- [1] Theo Thính văn dị lục và lời kể của người Thanh hóa.
- [2] Theo Jê-ni-bren (Génibrel). Chuyện đời xưa mới in ra lần đầu hết.
- [3] Theo Trương Vĩnh Tống. Mỹ am tùy bút.
- [4] Theo Phu-ji- ta. Truyền thuyết Nhật bản.
- [5] Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn.
- [6] Theo Thính văn dị lục.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

131. NGƯỜI HỌC TRÒ VÀ BA CON QUỖ

Ngày xưa, ở một vùng nọ có hai vợ chồng một nhà phú hộ tuổi đã già mới sinh được mụn con gái, nên hết sức chiều chuộng. Cô gái lớn lên hình dung đẹp đẽ ít ai bì kịp, bố mẹ lại càng nâng niu như vàng như ngọc. Họ bỏ tiền ra xây một ngôi lầu cho con ở. Lầu dựng xong, phú hộ lại cho người đi tìm hoa thơm cỏ lạ trồng xung quanh vườn để con thưởng ngoạn.

Bấy giờ trong đám rừng sâu gần đấy có ba con cáo sống lâu năm thành quỳ, có phép biến hóa, thường quen thói hại người. Nghe tin có cô gái đẹp cấm cung mà bố mẹ thì đang bỏ tiền ra mua các cây hoa trồng ở vườn, chúng rắp tâm phá phách, bèn hóa thành một thứ cây có hoa rất lạ. Hoa có ba cánh: một cánh màu xanh, một cánh màu trắng, một cánh màu đỏ. Một người tiểu phu lên rừng hái củi thấy hoa đẹp chưa từng có, liền bứng lấy đưa về bán cho phú hộ. Thấy cây hoa đặc biệt, phú hộ vội mua ngay rồi đem trồng ở vườn. Tuy hoa rất lạ và trông thật đẹp mắt nhưng cô gái lại tỏ vẻ không thích, vì thế mưu kế của lũ quỳ không thành. Lâu ngày hoa tàn cây héo, lũ quỳ sắp sửa bỏ đi nơi khác. Giữa lúc ấy, người phú hộ chặt cây thấy thớ gỗ đẹp, bèn chọn lấy một khúc, đẽo thành then cửa đem về chốt ở cửa buồng của con gái.

Thế rồi sau đó mấy hôm, một đêm kia trong khi cô gái đang ngủ, thì một con quỳ từ chiếc then cửa bỗng hiện ra, lên giường, toan sinh sự với cô. Nhưng cô đã vùng dậy, hết sức chống cự và kêu la inh ỏi. Biết không xong, con quỳ liền hớp lấy hồn nàng rồi lại biến vào then cửa. Khi vợ chồng phú hộ và người nhà chạy vào buồng thì thấy cô gái nằm thiêm thiếp trên giường như người đã chết, ngực thoi thóp đập nhưng lay gọi mãi vẫn không tỉnh. Chưa kịp tìm thầy cứu chữa, thì tối hôm sau, trong khi người cha một mình chăm sóc cho con, con quỳ thứ hai lại hiện ra hớp lấy hồn ông. Tối

hôm sau nữa lại đến lượt một người nhà bị con quỷ thứ ba hớp hồn. Vợ phú ông sợ quá vội cho người mời một thầy phù thủy đến bắt quyết trừ tà. Thầy làm phép trong ba ngày ba đêm thì phú ông và người hầu tỉnh lại. Duy chỉ có cô con gái là quỷ đầu đàn vẫn không chịu buông tha. Thầy tuy đã cao tay nhưng quỷ vẫn chẳng coi ra mùi gì. Cuối cùng thầy đành xách gói cáo từ vì phép thuật đã giở ra hết mà cô gái vẫn nằm lịm trên giường, nửa mê nửa tỉnh. Từ đấy người ta tin rằng ngôi lâu có quỷ nên không ai dám lui tới.

Một buổi chiều nọ, có một thầy cử tên là Long đi thi hội, đến đây thì lỡ độ đường. Thấy có ngôi nhà tốt, anh bèn ghé vào xin nghỉ trọ. Người nhà kể lại câu chuyện đã qua và nói:

- Chẳng giấu gì ông, nhà chúng tôi đang bị lũ quỷ quấy nhiễu. Ông nên tìm chỗ khác mà trọ, kéo mang vạ vào thân.

Nghe đoạn, Long vội nói với vợ chồng phú ông:

- Đã là học trò đọc sách thánh hiền thì yêu tinh ma quỷ dám dẫu trêu ghẹo. Ông bà cứ cho tôi nghỉ lại một đêm. Biết đâu tôi lại không trừ được nạn cho ông bà.

Vợ chồng phú hộ nghe nói bèn mở cửa đón khách vào. Ăn xong bữa chiều, Long khoan thai bước lên lầu. Anh chỉ xin nhà chủ cho mình một ngọn đèn và một con dao sắc. Đêm lại, anh thắp đèn ngồi trước án thư đọc sách, con dao để sẵn bên người. Đến khuya, một con quỷ từ thềm cửa buồng cô gái hiện ra với trang mạo một cô gái xinh đẹp. Long vẫn điềm nhiên đọc sách không nói gì cả cho đến lúc nó biến đi. Lần thứ hai, một con khác tiến vào dưới dạng một người mặt mày hung ác, tóc xõa, lưỡi thè chừng một gang. Nó chạm vào người Long, nhưng anh vẫn thi gan mặc kệ. Đến lượt con thứ ba tức là con quỷ đầu đàn đang hớp hồn cô gái, bước vào. Thấy bóng anh

học trò, nó vội quay trở ra, chỉ kịp rú lên mấy tiếng: - "Có bậc quý nhân... Trốn cả mau!". Long lần này đã cầm sẵn dao ngời rình, nhanh như cắt, nhảy đến chém một nhát, con quỷ đứt mất một chân. Long chạy theo đến cửa buồng cô gái thì thoáng thấy cả ba con quỷ chui biến vào then cửa. Anh cầm lấy chân quỷ soi vào đèn xem, thì thấy đấy là một cái chân con cáo. Vì quỷ đau quá phải buông thả hồn ra nên ngay lúc đó cô gái cũng tỉnh dậy. Long liền đến gần hỏi chuyện. Biết đó là người cứu mình, nàng cúi đầu chào và ngỏ lời cảm ơn. Long dẫn nàng ra cho vợ chồng phú hộ. Lại đem chân con quỷ cho mọi người xem. Ai nấy đều lắc đầu lè lưỡi phục tài anh học trò.

Sáng hôm sau lúc lên đường. Long từ chối vàng bạc của hai vợ chồng phú hộ đưa tặng, chỉ xin họ cái then cửa buồng giắt vào thắt lưng. Đi được nửa ngày, anh đã thấy ba con quỷ hiện ra, phủ phục trước mặt, khẩn khoản xin anh làm phúc bỏ lại cái then cửa. Long cười:

- Không được! Chúng mày có tài phép gì thì cứ giở ra cho hết để tao xem, rồi tao sẽ cho chúng mày vào lửa.

- Xin ngài tha cho chúng tôi - ba con quỷ đáp - chúng tôi xin tặng ngài những vật quý.

- Vậy thì đưa ra đây ngay, nếu không thì đừng có trách!

Con quỷ thứ nhất đưa tặng Long một cái mặt trời đựng trong túi, dặn rằng ban đêm hễ rút ra khỏi túi thì trời sẽ sáng như ban ngày, cất vào túi thì trời lại tối sẫm như cũ. Con quỷ thứ hai tặng một mặt trăng cũng vậy, hễ ban đêm tối tăm rút ra khỏi túi thì không cần đến đèn đuốc. Còn con quỷ thứ ba tặng một con ngựa mỗi ngày có thể đi ngàn dặm đường. Long vui lòng nhận lấy những món quà tặng rồi ném cái then cửa vào một bụi rậm bên đường.

Sau đó, Long nhảy lên lưng ngựa, bảo đưa mình tới kinh đô. Lập tức ngựa hí lên một tiếng rồi lao rất nhanh, bàn chân không chạm đất. Chỉ một lát sau, ngựa đã đặt anh xuống ở phía ngoài hoàng thành. Long ở lại đây sửa sửa mọi thứ để dự kỳ thi hội.

Hôm bắt đầu thi, bài của Long làm rất đặc ý. Cho nên thi vừa xong buổi sáng, anh bỗng nhớ đến vợ. Sẵn có con ngựa quý, anh nhảy lên lưng, bảo nó đưa mình về quê nhà. Ngựa phóng tít mù, chỉ vừa chập tối là đã đến nơi. Anh khe khẽ gọi cửa. Vợ Long đang ngủ, rất kinh ngạc vì thấy chồng mình đi thi chưa được mấy ngày đã vội trở về. Long không muốn thức cha mẹ dậy, nên dặn vợ giấu kín chuyện mình về. Rồi hai vợ chồng nhỏ to trò chuyện cho đến tờ mờ sáng anh mới lại lên đường. Mặc dầu vậy đêm ấy tiếng chuyện trò rì rầm của đôi vợ chồng đã thức tỉnh cha mẹ Long nằm ở buồng bên. Hai ông bà không tin là con trai mình về, chỉ ngờ rằng nàng dâu có nhân tình nhân ngãi chi đây. Cho nên sáng hôm sau ngủ dậy - lúc ấy Long đã cưỡi ngựa trở lại kinh đô để kịp nghe loa báo tin - hai ông bà vội vào buồng nàng dâu gạn hỏi. Vợ Long trước còn giấu quanh, nhưng sau thấy không giấu được nữa, đành phải kể lại câu chuyện chồng về tối hôm qua, cùng những việc chồng mình trị quý và được chúng tặng ngựa quý ra sao, v.v... Nhưng bố mẹ chồng làm sao mà tin được một việc khó nghe đến thế, nên trách mắng con dâu thậm tệ. Vợ Long không biết lấy gì làm chứng, đành chỉ ôm mặt ngồi khóc. May sao chiều ấy Long lại về. Được tận mắt thấy con trai và con ngựa thần, hai ông bà mới tin là thực. Long kể chuyện cho bố mẹ và mọi người cùng nghe:

- Sáng hôm nay ngựa đưa con vào đến kinh đô thì cũng vừa lúc tiếng loa trường thi bắt đầu gọi tên những ai thi đỗ. Nghe loa gọi đến tên con, con mừng rỡ vội ra nhà trọ thu xếp hành lý, phóng ngựa về đây. Ba ngày nữa con lại thấy kinh để còn dự yến đêm do đức hoàng đế đãi các ông nghè ở điện Thiên quang.

Nghe nói có con ngựa thần một ngày ngàn dặm, người cha ngỏ ý muốn cưới thử. Long hỏi:

- Bố muốn đi chơi đâu bây giờ?

- Bố thường ao ước được vào tận trong Đồng-nai Gia-định để du ngoạn một phen.

- Được.

Sáng hôm sau, ông già cơm nước xong, nai nịt chỉnh tề bước ra sân. Long nắm dây cương trao cho cha. Ông già vừa nhảy lên yên thốt ra hai tiếng "Gia-định!", ngựa đã phóng đi vùn vụt, loáng một cái không thấy đâu nữa. Cho đến tận chiều, vào lúc mặt trời gác núi, con ngựa quý lại phóng như bay trở về, đặt ông già xuống giữa sân. Ông vui vẻ mở tay nải lấy quà mời mọi người nếm thử, rồi kể chuyện tai nghe mắt thấy ở Gia-định.

Mẹ Long nghe chồng hết lời ca ngợi con ngựa thần, cũng có ý định muốn đi chơi Đồng-nai Gia-định một chuyến đổi gió. Qua hôm sau, Long lại dắt ngựa ra sân rồi đỡ mẹ lên yên. Nhưng ngựa chưa kịp bước ra khỏi cổng, tự nhiên ngã khuỵu, hất bà già ngã lăn xuống đất. Một luồng khói trắng từ trong mình ngựa phóng ra và bay cuộn lên trời. Mọi người xúm lại xem thì con ngựa đã tắt thở từ lúc nào. Thì ra bà mẹ Long đã cưỡi ngựa thần không đúng lúc vì bà đang thấy kinh nên thần ngựa hoảng sợ, bỏ lốt ngựa mà đi.

Không những mất một tặng vật vô giá, ông tiến sĩ tân khoa còn đứng trước mối hiểm nguy khóthoát được tội "khi quân", vì trước mắt không có cách gì để tiến kinh cho kịp chiều mai dự yến. Đường từ quê Long đến kinh thành đi bộ mất bốn năm ngày đường, đi ngựa cũng phải hơn hai ngày. Không

còn kể gì hơn, Long đành bắt một con ngựa thường, chẳng kịp từ biệt cha mẹ vợ con, vội ra roi cho con vật phi nước đại.

Con ngựa đi đến tối mịt mà vẫn chưa được một nửa đường. Nắmnghỉ ở quán trọ, Long lo lắng hết sức. Anh sức nhớ tới một tặng vật "mặt trời" do con quý thú nhất biểu vẫn còn cất trong túi vải. Thế là Long tìm ra một diệu kế. Ngay hôm sau, Long lại lên ngựa phóng đi Cho đến khi mặt trời sắp gác núi, anh liền lôi "mặt trời" của mình ra treo trước đầu ngựa Thốt nhiên, một chuyện lạ chưa từng có xảy ra: đâu đâu cũng không thấy tắt ánh mặt trời. Cho đến khi con ngựa đưa Long đến trước điện Thiên-quang, anh mới cất "mặt trời" vào túi, bấy giờ bầu trời đang từ ban ngày mới chuyển sang đêm một cách đột ngột.

Long buộc ngựa xong, bước vào điện. Nhưng cũng đã muộn mất rồi. Mọi người chờ mãi không thấy đêm xuống, song thức ăn thì đã nguội cả, nên sau cùng Hoàng đế đành ra lệnh cha các ông tiến sĩ cứ bốn người một, ngồi vào mâm. Khi Long bước vào, thì tiệc rượu đã hầu tàn. Biết việc chậm trễ có thể khiến mình mất đầu như chơi, nên anh cời mũ "phủ phục" trước sân điện, một hai viện lý do "không thấy trời tối" để mong được nhẹ tội. Vua tha cho anh, nhưng để anh nhớ lỗi, bắt bố anh về làm tri huyện một huyện từng nổi tiếng có nhiều vụ án ma. Mặc dầu vẫn nghe nhiều tin đồng rừng rợn rợn từ trước đến nay, hể quan nào được bố về huyện ấy đều bị ma quỷ vật chết, Long vẫn ung dung về trị nhậm.

Theo tục lệ ở vùng này, mỗi khi quan mới bổ đến, dân các làng xã đều phải mang lễ vật đến chào quan. Cho nên những ngày Long mới chân ướt chân ráo đến nơi, dân các làng kéo nhau đội lễ vật đến đầy cả công đường. Long tiếp chuyện mọi người rất ân cần, nhưng nhất thiết từ chối mọi lễ vật. Chàng kín đáo dặn lính hầu mỗi khi có toán dân nào ra về thì lén đi theo để biết rõ tung tích. Vào ngày thứ ba, một trong những người lính hầu mà Long phái đi theo bén gót hai người dân đội một mâm lễ vật trở về. Người

lính thấy hai người này đi mãi, đi mãi, bóng chiều đã ngả mà vẫn chưa đến nơi. Cho đến khi tắt ánh mặt trời mới thấy họ đến sát một cái giếng hoang bên cạnh đường. Thốt nhiên họ đội cả mâm, lội vùng xuống giếng, rồi thoáng một cái đã biến mất. Vừa kinh ngạc, vừa sợ hãi, người lính vội đi suốt đêm trở về báo lại tình hình cho quan biết.

Sáng hôm sau, Long hạ lệnh cho một toán lính huyện tới tát cạn cái giếng ấy. Họ ra sức tát suốt cả một ngày. Nhưng thật là lạ lùng! Tát được bao nhiêu nước lại đầy ắp bấy nhiêu. Mấy ngày sau nữa công việc cũng không nhích lên được tý nào. Bọn lính huyện cảm thấy rất chán nản. Một đêm nọ, vào giữa canh khuya, một người lính nằm ngủ bỗng thức giấc thấy có hai con quỷ đang ngồi vắt vẻo trên cành cây nói chuyện với nhau. Một con hỏi: - "Nếu chúng nó kéo tới đông thì có tát cạn chẳng?". Con kia đáp: - "Nhiều người cũng vô ích thôi. Chỉ có rồng mới có thể tát cạn, ngoài ra không có cách nào khác".

Người lính bèn đem câu chuyện ấy trình lên quan. Long nói ngay:

- Chính ta là rồng đây! Ta sẽ thân hành tát cạn giếng.

Nói xong Long cười ngửa về tận nơi. Sau khi xem xét tình hình, quan xắn áo quần cầm lấy gầu tát lấy tát để. Quả nhiên chỉ một mình Long đã làm cho nước giếng dần dần cạn thấu đáy. Nhưng khi giếng cạn hết, cả quan và lính đều không tìm thấy quỷ. Giữa ban ngày, quỷ có phép tàng hình, mắt người không thể nhìn thấy được. Nhưng đêm đến, quỷ lại dựa vào tối trời, lẫn lút trốn nấp trong các hang hốc làm cho Long và lính hầu tìm hết hơi mà không ra. Họ thắp đuốc lên nhưng bó đuốc nào hễ đưa vào cửa hang cũng đều tắt ngấm, không thể chụm lên được. Long sức nhớ tới món tặng vật bèn mở túi lấy "mặt trời" ra treo lên đầu ngọn tre. Lập tức cả một vùng sáng rực như ban ngày. Nhưng vì là ban ngày nên quỷ lại tàng hình lọt khỏi

con mắt của mọi người. Sau cùng Long nhớ đến món tặng vật thứ hai. Vừa đưa ra khỏi túi, "mặt trăng" tỏa một thứ ánh sáng dịu mát vào khắp mọi nơi. Long liền mang "mặt trăng" đi lần xuống giếng, tiến vào các hang các hốc. Dưới ánh sáng trắng, quý đàn lộ mặt, không thể tàng hình nổi. Cho nên chỉ một chốc, chưa giập miếng bã trầu, quan và lính đã tóm được hai con quý. Chính đó là hai con xà tinh quen thói hại người, thường dùng một cái hang ở đáy giếng làm sào huyệt. Trước mặt Long, hai con quý cúi đầu van lạy xin quan sinh phúc tha cho tính mạng, từ rày không dám làm hại ai nữa. Long sai lính giải chúng đi đày thật xa. Từ đây dân huyện ấy sống yên ổn [1].

KHẢO DỊ

Một truyện của người Mèo *Hang rồng* có một số tình tiết tương tự với truyện trên:

Có hai anh em hàng ngày đi kiếm rau lợn, một hôm thấy có người của nhà vua đến trước núi đá nói ba lần: - "Rồng à, mở cửa!". Sườn núi bỗng mở ra cho họ vào. Khi họ ra, lại nói ba lần: - "Rồng à, đóng cửa lại!", sườn núi khép lại lại như cũ. Chờ khi họ đi xa, hai anh em cũng đến gọi như thế. Sườn núi liền mở ra, hai anh em bước vào thấy nhiều đồ đặc quý giá, trong đó có một cái ngai vàng rất đẹp. Trở về, hai anh em mách cho bố biết rồi dắt bố vào hang. Bố trèo lên ngai vàng ngồi chơi, chẳng may người dính chặt vào ngai không gỡ được. Biết thế nào cũng chết, bố dặn con về làm chiếc nỏ chín sải khi nào có cò trắng xuất hiện thì bắn chết người có cò (vua). Từ đấy cửa hang đóng kín, không mở theo tiếng gọi nữa. Anh em về làm theo lời bố dặn, nhưng lại bắn không trúng người có cò.

Biết việc bí mật bị lộ, vua cho truy hỏi những người vào hang lần trước xem có gặp người nào chẳng? Họ đáp: - "Có gặp hai đứa bé hái rau lợn". Vua sai lính bắt hai anh em về trị tội. Lính đến nhà bắt họ đi. Dọc đường trời tối, tất cả nghỉ lại ở một nhà nọ. Thấy khách lạ, chủ nhà nói: - "Nhà chúng tôi có một đứa con gái bị ma quấy, đêm nào cũng rên la". Đêm ấy, trong khi bọn lính ngủ say, hai anh em đang lo lắng thao thức, bỗng nghe tiếng gọi: - "Ngưỡng cửa, ngưỡng cửa mở mau cho tao vào!". Tiếng trả lời: - "Nhà có quý khách, "ma nước" hãy đi đi, mai lại tới". Ma nước bỏ đi, nhờ thế, đêm ấy người con gái chủ nhà không rên la gì. Chủ nhà cho là hai anh

em có phép bèn nhờ họ trừ hộ. Chờ cho mọi người lui ra, hai anh em tra hỏi cái ngưỡng cửa. Ngưỡng cửa cho biết là dưới cái ao sau nhà có con "ma nước" vốn là một con ếch thành tinh. Cô gái này đi lấy nước đánh rơi chiếc nhẫn xuống ao, ma nước nuốt lấy chiếc nhẫn, từ đó thường về quấy. Muốn trừ nó thì chuẩn bị một ống chỉ buộc một đầu vào chiếc búa, rồi trong khi làm lễ cúng ma, hễ thấy một người đàn bà nào cao lớn hãy dùng búa bổ mạnh vào đầu, ma sẽ mang theo sợi chỉ chạy về. Lúc ấy thuê người tát cạn ao lần theo sợi chỉ mà tìm sẽ bắt được một con ếch làm thịt ếch nướng cho cô gái ăn, sẽ khỏi. Ngưỡng cửa lại bảo khi nào bố mẹ cô gái đền ơn, thì nhớ xin tôi mang theo, tôi sẽ giúp cho nhiều việc. Hai anh em làm theo lời, cô gái qua khỏi. Khi ra đi, họ xin cái ngưỡng cửa thay cho tiền tạ ơn.

Dọc đường họ hỏi ngưỡng cửa làm cách gì để khỏi bị vua làm tội. Ngưỡng cửa dặn khi nào thấy hồ trắng thì bảo nó nằm phục xuống rồi cưỡi lên lưng nói: - "Đây là ngựa ta!". Gặp hồ đen cũng làm như vậy. Gặp tổ ong bò về thì mang cả tổ theo, nói: - "Đây là quân ta!". Khi về triều chúng nó sẽ cứu mạng. Họ lần lượt gặp hồ trắng, hồ đen và tổ ong vò vẽ. Làm theo lời dặn họ cưỡi hồ về triều. Thấy vua quan, hồ xông ra ăn thịt. Quân triều xông lại bị ong đánh đuổi. Hai anh em bèn lên làm vua [2].

Về c hồ Long cưỡi ngựa thần đêm lên về với vợ, sáng dậy lại cưỡi vào kinh làm bài, người Bắc-giang cũng có một truyện dưới dạng thần tích có hình tượng tương tự.

Ngày ấy có giặc Bắc sang xâm lược, vua sai sứ đi tìm người tài giỏi cứu nước. Sứ giả tìm được Vũ Thành, người anh hùng ở xã Tùng linh, huyện Lục-ngạn. Vũ Thành xin vua một thanh gươm, một con ngựa trắng đem quân ra trận. Vua phong là Đầu thượng tướng quân. Nhưng con ngựa vốn có phép thần, nên đêm đêm anh thường lên về với vợ, không một ai biết. Người vợ có thai. Mẹ chồng mắng nàng dâu sao không giữ trinh tiết với chồng. Vợ Vũ Thành đáp: - "Chồng con thường đêm đêm lên về nhà, sáng

mai lại đi sớm. Nếu mẹ không tin, con xin giấu gươm của chồng con trình mẹ hay".

Một đêm, Vũ Thành về nhà, vợ giấu thanh bảo kiếm rồi thay vào một chiếc gươm gỗ. Khi Vũ Thành giáp trận rút gươm ra chém giặc, không ngờ gươm gỗ vô dụng bị quân giặc xông lại chém đứt đầu. Vũ Thành chỉ còn biết ôm lấy đầu phi ngựa về. Đến một nơi nọ gặp một bà lão, bèn hỏi: - "Mất đầu còn sống được chăng?". Bà lão trả lời: - "Mất đầu thì chết!". Nghe đoạn Vũ Thành lăn xuống ngựa chết [3].

Cũng dưới dạng thần tích, người Nùng Lạng-sơn kể như sau:

Ngày xưa có một chàng trai được mẹ cho đi học với một thầy đồ ở làng. Hàng ngày anh phải chăn ngựa cho thầy. Một hôm con ngựa ấy được một đám mây trắng phủ, đẻ ra một con ngựa đá. Anh trèo lên lưng nó cưỡi chơi, không ngờ đó là con ngựa thần, nó bay lên trời, đưa anh đi rất xa theo ý muốn, rồi lại trở về trong phút chốc. Về sau, anh học với một ông thầy khác ở nước ngoài. Nhờ ngựa thần anh sớm tối đi về không phí sức.

Một hôm, vợ anh muốn đùa chơi nên trước khi lên rừng hái củi, giấu kỹ chiếc giày của anh thường mang. Thấy mặt trời đã lên cao mà chưa tìm ra giày, anh liền cưỡi ngựa thần bay lên trời kéo mặt trời xuống, làm đến ba lần như vậy vẫn không tìm thấy giày, bất đắc dĩ anh lấy đất bùn nặn thành một chiếc giày giả rồi cưỡi ngựa đi học. Ở trường, thầy bảo trò: - "Hôm nay mặt trời lên xuống ba lần. Đó là điềm vua (hay trượng) xuất hiện". Sau đó thầy bảo trò mang lưới đi đánh cá để làm thức ăn. Chiếc giày đất của anh

tan ra trong nước. Thầy tức giận cho là vô lễ bèn chém chết. Anh nhặt đầu đặt lên cổ rồi cưỡi ngựa đá về hỏi mẹ: - "mất đầu còn sống được chăng?" Mẹ anh cũng đáp: - "Mất đầu thì chết!". Anh ném đầu xuống ngã ra chết sau khi dặn vợ, đặt xác mình ở đầm, mỗi ngày đốt một nén hương và nấu một nồi cháo để nguội rắc xuống đầm, đủ một trăm ngày sẽ sống lại. Vợ nghe lời, làm được chín mươi chín ngày, nhưng đến ngày thứ một trăm, vợ đi rừng lấy củi, ở nhà mẹ không biết, đổ cả nồi cháo nóng xuống đầm, các con trùng chết hết.

Hồn anh lại báo mộng cho vợ bảo vớt những con trùng chết chôn ở vườn tre, khi tre tốt nếu có ai hỏi mua bảo phải có đủ một trăm đồng tiền mới bán. Vợ làm theo. Một hôm có quan quân đi qua bị gãy đòn cáng. Một người lính tìm đến nhà hỏi mua một cây tre tốt, nhưng hẵn chỉ có chín mươi chín đồng tiền. Người vợ không bán. Nhưng sau đó người mẹ vì không biết chuyện, nên nhận lời bán. Lúc người lính chặt tre, thấy trong cây tre người đã thành hình nhưng còn non yếu, chẳng mấy chốc thì chết. Vì vậy anh không sống lại được nữa[4].

Theo người Tày Cao-bằng thì truyện trên là sự tích của Nùng Trí Cao. Đoạn đầu kể như sau:

Nùng Trí Cao có lần bị buộc phải về châu vua Lý ở Thăng-long, bị vua giữ lại và cho đi học. Vốn có con ngựa thần (có thể thu nhỏ bằng lông tre). Cao đêm đêm lại lén về thăm vợ. Vì thế vợ có thai. Bị mẹ chồng mắng nhiếc, nàng dâu phải thú thật và phải giấu chiếc hài của chồng làm chứng. Như trên, sáng dậy thấy mất chiếc hài. Cao phải ba lần kéo lùi mặt trời để có thì

giờ tìm tòi, nhưng cuối cùng không tìm ra, đành phải nặn một chiếc hài bằng đất để đi tạm. Thấy sự lạ, nhà vua sai quan chiêm tinh đoán cho ra kẻ làm lụi mặt trời, Cũng như trên, bằng mẹo bắt cá, quan chiêm tinh biết Cao là thủ phạm. Nhưng khác với truyện trên, vua không giết mà tha, và gả công chúa cho Cao[5].

Truyện này trong *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*, tập IV, có khác đi như sau:

Hai anh em nhà nọ bị dì ghẻ bạc đãi, đang mùa đông mụ đòi kiếm cho mụ một quả đào thì mới cho đi học. Một bà tiên hiện ra cho họ quả đào, bảo sau khi ăn, xin lấy hột, sau này sẽ cầu được ước thấy. Kim Tự là người anh, học một biết trăm làm cho cả trường ghen tỵ, chúng buộc phải có áo quần, rồi sau đó, phải có giày mới được đi học. Người em mới thuê cho anh được một chiếc, còn một chiếc nữa vì vội nên phải bồi bằng giấy. Nhưng chưa kịp thì trời đã sáng. Túng quá, Kim Tự lấy hột đào ra ước mặt trời lặn xuống.

Phải làm đến ba lần như vậy mới bồi xong. Nhưng sau ba lần ước, hột đào cũng biến mất.

Nhà vua thấy sự lạ phái quan quân đi dò. Thầy trò đi đón quan quân giữa mưa. Giày giấy bị nát, Kim Tự bị bắt. Sau đó chúng biết anh là kẻ gây ra sự lạ nên chém chết. Từ đây truyện giống với truyện trên. Anh bưng lấy đầu về nhà, hỏi mọi người. Câu trả lời của mụ dì ghẻ làm anh ngã chết. Xác anh biến thành sâu do người em nuôi trong chum, hàng ngày nấu cháo để ngúi đổ vào. Nhưng mụ dì ghẻ một hôm đổ cháo nóng làm sâu chết hết. Sâu hóa thành tre. Anh báo mộng cho em nếu có ai đến mua bảo có đủ một trăm

đồng mới bán. Một hôm vua đi chơi bị gãy đòn cáng, sai người đến mua tre nhưng chỉ có chín mươi tám đồng. Người em không chịu bán nhưng mụ dì ghẻ lại bán. Không ngờ khi chặt thì Kim Tự và binh mã xuất hiện đánh cho vua quan thất điên bát đảo. Nhưng vì còn non nên cuối cùng anh và binh mã cũng ngã xuống chết cả.

Từ đấy đến ngày Tết, người ta chặt tre về trồng để ghi nhớ hình ảnh Kim Tự.

Truyện *Sư tích ong mật* sưu tầm ở Tuyên-quang cũng kể gần như trên, chỉ không thấy hình ảnh đôi giày. Và ở đoạn kết, khi binh mã ngã xuống đều hóa thành ong, chàng trai là ong chúa, vợ anh hóa thành một loại cây có hoa cho ong hút mật[6].

Cả mấy truyện vừa kể, sự tiến triển của hình tượng cùng cách giải thích hình tượng không được lô-gich, chắc người kể chưa nắm được cốt truyện cũng như chủ đề.

Xem thêm các truyện *Tình con chuột* (số 115) và *Hà Ô Lôi* (số 116).

Về tặng vật "mặt trời" nhiều truyện cổ tích phương Tây dùng khá phổ biến, có khi không phải "mặt trời" mà là một vật gì đó (ví dụ chiếc lông) có khả năng chiếu sáng làm cho đêm cũng như ngày, v.v... Ở đây nên đối chiếu với hình ảnh của truyện *Nợ như chúa Chổm* (số 44, tập II), tức là Chổm cầu Thượng đế kéo lùi mặt trời lại để cho mình làm nốt công việc.

-
- [1] Theo Lãng-đờ (Landes), sách đã dẫn, và lời kể của người Bình-định.
- [2] Theo *Truyện cổ dân tộc Mèo*, đã dẫn.
- [3] Theo Trịnh Như Tấu. Bắc giang địa chí và Lại-thâm xã thần tích.
- [4] Theo Uyên-cốt xã Cao Quý Minh đại vương phả lục.
- [5] Theo tài liệu của Hoàng Quyết.
- [6] Theo Đức Hùng, Phù Ninh, sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
132. HAI CÔ GÁI VÀ CỤC BƯỚU

Xưa có một cô gái con nhà nghèo khó. Không may cho cô là khi sinh ra đã mang một cục bướu ở mặt. Người càng lớn cục bướu càng to, vì vậy nhan sắc của cô thua em kém chị. Tuy nhiên cô vẫn không lấy thế làm buồn, suốt ngày thường vui đùa ca hát.

Một buổi trưa hè cô theo bạn lên rừng kiếm củi. Vì mê mải tìm nấm, cô vui chân quá bước vào rừng sâu, quên băng trời đã ngả về chiều, và mây thì đang kéo tới mỗi lúc một đen sẫm, báo hiệu một cơn dông sắp tới. Quả nhiên khi cô định trở ra để gặp chúng bạn thì không kịp nữa. Gió thổi mạnh làm cho cây rừng xào xạc, cành khô gãy rãng rắc và những giọt mưa hắt vào mặt. Bất đắc dĩ cô phải chạy đi tìm chỗ ẩn. May làm sao cô chạy kịp đến một hốc cây cổ thụ, thu mình chui vào ngồi để dùng làm chỗ tránh mưa. Nhưng đến lúc mưa tạnh, bước ra khỏi hốc thì trời cũng đã tối mịt. - "Các bạn ta bây giờ chắc đã rủ nhau về cả. Đường rừng trời tối lại đi một mình thật là đáng sợ. Thôi đành ở lại đây đợi sáng, không còn cách nào khác". Nghĩ vậy, cô dọn lại chỗ hốc sạch sẽ rồi lách mình vào đó nằm nghỉ, không quên đặt bó củi chắn ở cửa để phòng thú dữ.

Khuya lại có những tiếng hát tiếng cười và tiếng đàn sáo làm cho cô gái tỉnh giấc. Cô nhìn ra thấy trăng sáng như ban ngày. Ở một bãi đất bằng phía bên kia gốc cổ thụ có một đám người đang múa hát vui vẻ. Cô bước ra khỏi hốc. Thoạt đầu cô cứ ngỡ là có một nhóm người đi rừng nào đó lên đây sớm ngồi đợi trời sáng nên bày ra múa hát mua vui. Nhưng khi nhìn kỹ thì hóa ra không phải. Đó là những người hình dung dị thường, ăn mặc khác lạ, có những bộ mặt đen đui đầy những lông lá gớm ghiếc. Cô gái bụng bảo dạ: "Đúng là một bọn quỷ!" và cô bỗng rùng mình. Nhưng rồi cô lại đánh bạo bước lại nép sau cây cổ thụ nhìn xem. Bọn quỷ vẫn múa hát không biết có người đang nhìn mình. Giọng hát của chúng không hay nhưng thực là

vui làm cho cô vui lây. Cho nên, cô cũng lẩm bẩm hát theo bằng một giọng nho nhỏ trong cổ họng. Dần dần hứng lên, tự nhiên cô cất cao giọng, quên bản mình đang nấp.

Nghe tiếng hát, bọn quỷ bỗng im bật. Rồi cả bọn ùa nhau chạy đến gốc cây. Một đứa nói: - "Hà hà, khá quá! Ra đây, ra đây, ta cùng hát cho vui". Rồi chúng dắt cô ra bãi bảo cô hát tiếp. Cô lấy can đảm hát lại bài hát vừa rồi. Giọng cô rất trong làm cho bọn quỷ phải lắng nghe. Xong một bài, chúng tất tắp khen ngợi rồi nhảy múa thích thú. Chúng lại đưa những quả sim quả ổi mời cô ăn, ăn xong, lại bảo cô hát tiếp. Rồi chúng còn lần lượt đàn hát và nhảy nhót suốt đêm.

Tiếng gà rừng gáy buộc bọn quỷ phải ngưng cuộc vui đùa. Một đứa bảo cô: - "Cô hát hay quá? Tối mai đến đây hát nữa nhé!". Cô gái đáp: - "Cái đó thì cũng còn tùy". Nó kêu lên: - "Ấy, còn tùy là thế nào, Chúng mày ơi! ngộ tối mai cô ấy không đến thì sao?". Một tiếng ứng theo: - "Phải bắt cô ấy để lại cái gì làm tin mới được!" - "Phải đấy, phải đấy!". Một đứa chỉ vào cái bấu: - "Ta hãy giữ lấy cái này, chắc là của quý. Mai cô đến mà lấy nhé!". Nói xong phẩy tay một cái, rồi cả lũ biến đi lúc nào không hay.

*

* *

Sáng hôm sau, cô gái ra về, lòng mừng khắp khởi. Cục bấu đã được bọn quỷ lấy đi một cách thần diệu làm cho mặt cô trở nên nhẹ nhõm. Gặp ai, cô cũng kể lại câu chuyện tối hôm trước cho họ nghe. Chẳng mấy chốc tiếng đồn đã lan khắp đầu đường cuối chợ. Một nhà phú hộ ở làng bên cạnh có một cô gái cũng không may mang một cục bấu trên mặt. Khi nghe câu chuyện, cô này vội vàng đến gặp cô kia xin chỉ chỗ cho mình đi thay, hy vọng nhờ lũ quỷ nhốt cho cái bấu xấu xí trên người. Cuối cùng cô gái nhà phú hộ cũng tìm được đến gốc cổ thụ nọ và nấp sẵn trong hốc cây. Nửa đêm bọn quỷ hiện ra dưới ánh trăng. Chúng vội vã tìm đến chỗ cô gái nấp: -

"Nào, cô hãy xuống hát với chúng tôi đi!". Vốn quen thói gắt gỏng, lại thấy những cánh tay lông lá giơ ra kéo lấy áo, cô vội gạt đi: - "Buông ra đã nào, tránh để tôi xuống. Ôi kinh tởm!". Rồi cô cũng nhảy xuống khỏi hốc nhưng vẫn tỏ vẻ sợ hãi gớm ghiếc, không dám lại gần lũ quỷ. Cô để cho chúng giục hai ba lần mới cất giọng hát, song nét mặt thì không được vui, giọng của cô cũng vì thế mà mất tự nhiên. Mỗi lần cô cố gắng cất cao, thì giọng lại the thé, nghe chẳng hay ho gì. Cô mới hát được một bài, bọn quỷ đã tỏ ý không hài lòng! Một đứa nói: - "Hôm qua sao hát hay thế còn bây giờ thì chán ngắt? Thôi cô về đi cho rảnh" - "Phải đấy về đi". Tiếng đuổi của lũ quỷ nhao nhao làm cho cô gái phật ý, quay lưng trở lui. Nhưng mới đi được mấy bước, cô đã nghe có tiếng chạy theo: - "Này cô kia, trả lại cô cái làm tin hôm qua". Cô vừa ngoảnh lại thì đã thấy có vật gì mềm nhũn văng vào má. Sờ tay vào một biết bây giờ không phải một mà hai cục bấu .

KHẢO DỊ

Truyện trên cùng một dạng với truyện Hai cụ già và lũ quỷ của người Nhật. Đại khái, ở đây thay vào hai cô gái là hai cụ già. Một cụ có bấu ở má bên phải, cụ cũng vào rừng kiếm củi rồi cũng vì mưa phải ẩn trong hốc cây, nghỉ lại suốt đêm. Cũng có lũ quỷ (mặc áo xanh áo đỏ, người một mắt, kẻ không mồm v.v...) đột đồng lửa ngồi xung quanh rồi vừa hát vừa nhảy. Cụ già vui tính cũng ra khỏi chỗ nấp nhưng không hát mà chỉ nhảy với lũ quỷ. Cuối cùng chúng cũng đòi giữ cái bấu của cụ làm tin như truyện trên - "Ô, bấu gắn bó với tôi đã lâu năm, xa nhau không nổi, vậy các ông cứ lấy một con mắt hay một lỗ mũi cũng được chứ đừng lấy cái ấy đi". Lũ quỷ nghe nói đoán là vật quý lắm nên nhất định cứ lấy bấu.

Cụ già thứ hai có bấu ở má bên trái, nghe cụ kia kể cũng đi lên rừng cầu may nhưng ông cụ nhảy tồ. Thấy vậy, lũ quỷ cũng đuổi về và ném trả lại cái bấu giữ làm tin hôm qua vào má bên phải, cụ này đành phải mang cả hai cục bấu trở về .

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
133. NGƯỜI HÓA DẾ

Vào đời nhà Lê người ta hay chơi trò chọi dế. Người ta cố tìm những con dế khỏe mạnh khéo chọi và bán giá cao. Mỗi lần có cuộc chọi dế, người đánh cuộc vây vòng trong vòng ngoài, chủ nhân của những con dế thắng trận vừa được những món tiền thưởng lớn lại vừa được đám đông trầm trồ thán phục. Vì thế, từ quan chí dân, ai nấy đua nhau nuôi dế chọi, chính nhà vua lại là người say mê thú chơi này đệ nhất. Có những viên quan chuyên có mỗi một việc nuôi và chăm sóc đàn dế chọi cho nhà vua. Có những viên nội giám chuyên đi lòng dế trong dân. Trong cung thường mở những ngày hội chọi dế, có nhiều quan lớn các trấn về dự các trận đấu. Để luôn luôn có dế tốt, vua ra lệnh cho mỗi tổng ở gần kinh kỳ phải tìm cho được ít nhất là một con dế chọi đem nộp, nếu quả là dế hay thì sẽ miễn trừ sưu thuế, trái lại nếu nộp dế xấu hay không có dế, thì phải tội nặng.

Bấy giờ vùng Kinh-bắc về tổng Đại-mão, có một ông cai tổng nuôi một con dế chọi hay lắm. Tất cả những con dế có tiếng là hay đem đến chọi với dế của ông cũng đều thua chạy. Vì thế ông quý dế mình hơn vàng, hết sức chăm chút để đợi ngày tiến vua. Ông nghĩ bụng: - "Có thể nhờ nó may ra vụ thuế năm nay được tỉnh giảm ít nhiều".

Sắp tới ngày tiến dế, một hôm ông cai tổng đi chợ để sắm sửa hành trang. Ở nhà hôm ấy chỉ có mỗi một mình thằng con ông còn nhỏ giữ nhà. Buồn tình, nó gọi bọn trẻ lối xóm tới chơi. Chơi được một chốc, chúng nó bày trò chọi dế. Tuy biết dế của bố không được phép mó vào, nhưng nay nhân bố mẹ vắng nhà, thằng bé mở lồng bắt con dế quý ra, cho chọi với dế của chúng bạn. Chẳng biết chúng nó bắt lên bắt xuống thế nào mà chỉ được một chốc con dế quý tự nhiên ngắc ngoải, rồi lăn ra chết. Thấy dế chết, thằng bé vô cùng sợ hãi. Nghĩ đến những trận roi sắp tới của người bố nghiêm khắc, nó không còn hồn vía nào nữa. - "Mất con dế tiến, bố ta mà về thì sẽ vạ cổ không tha!". Nghĩ vậy thằng bé vội bỏ nhà cầm cổ ra đi một mạch.

Khi ông cai tổng trở về, như thường lệ, đến ngay chỗ lồng nâng niu con dế

tiền. Thấy dễ chết, ông gầm lên. Và khi biết thủ phạm là con mình, ông tức tốc sai người đi tìm về toan đánh cho một trận. Nhưng người nhà tìm khắp nơi chẳng thấy thằng bé đâu cả. Ngày một ngày hai không thấy con về, ông đổi giận làm lo. Ông phải viết giấy cho các xã trưởng nhờ tìm tòi, song cũng vô hiệu. Chắc rằng con mình sợ tội, nên đã liều thân hoại thể ở đâu rồi, hai vợ chồng ông hết sức đau xót. Hai vợ chồng bảo nhau: - "Dễ đã chết, không biết lấy gì để nạp lên vua, sự thể chắc thế nào cũng sẽ bị tội nặng, mà đứa con độc nhất cũng chẳng còn, thôi thì thiết sống làm gì nữa". Thế rồi, họ định bụng tối đến sẽ ra vườn sau thắt cổ.

Lại nói chuyện đứa bé sau khi bỏ nhà ra đi, cứ nhắm đường rừng bước miết. - "Ta phải đi thật nhanh kéo bố cho người đuổi theo". Đi mãi đến chiều tối, phần thì mệt và đói, phần thì sợ hãi vì trong rừng sâu không một bóng người, đứa bé nằm vật trên một tảng đá kêu khóc. Bỗng từ sau tảng đá, một đạo sĩ hiện ra hỏi:

- Tại sao con khóc?

Thằng bé mếu máo kể chuyện đầu đuôi cho đạo sĩ nghe, và nói:

- Bây giờ bố cháu không có để nạp vua, chắc là vua trị tội nặng.

Nghe đoạn, đạo sĩ bảo:

- Con đừng lo, để ta giúp con chuộc tội cho bố mẹ.

Nói rồi, đạo sĩ dắt đứa bé về hang, lấy cơm cho ăn và trải giường cho ngủ.

Qua ngày sau, đạo sĩ gọi thằng bé dậy dặn rằng:

- Ta sẽ làm cho con hóa dế, con về giúp bố con có cái để nạp vua. Xong việc, tìm cách trốn về đây ta sẽ hóa phép cho con trở lại nguyên hình. Có muốn thế không?

Thằng bé gật đầu. Đạo sĩ đọc lên một câu thần chú. Tự nhiên thằng bé cứ nhỏ lại dần, nhỏ dần và cuối cùng hóa thành một con dế. Đạo sĩ khoát tay bảo:

- Hãy can đảm đi đi, rồi nhớ đường về đây.

Dế ta cất cánh nhắm đường cũ bay một mạch trở về. Khi về đến nhà thì vừa lúc hai vợ chồng ông cai tổng ra vườn sau toan buộc dây thắt cổ. Dế sán lại gần gáy lên từng hồi. Nghe tiếng dế rất gần, ông cai tổng lấy làm lạ, vội đốt đuốc ra soi thì dế bay đậu ngay vào lòng bàn tay ông. Thấy con dế có vẻ

khỏe, lại quen người, ông cai tổng đôi buồn làm vui "Đây là trời xui đất khiến đưa đế cho mình để thay cho con hôm nọ đây!". Ông quên ngay mọi việc xảy ra và bỏ ý định tự tử, bèn đem đế bỏ vào lồng để mai mang tiến vua cho kịp ngày hội.

Khi đế của ông cai tổng Đại-mão đưa vào cung, vua chưa thấy có con nào bé người mà khỏe đến thế. Vua cho nó đấu thử với các con đế khác, thì không một con nào dám đương đầu. Tất cả những con đế nổi tiếng ở kinh đô đều đại bại. Vua rất đẹp lòng về con đế vô địch, vội xuống chỉ ban cho người tiến đế phẩm hàm và hạ lệnh tha thuế cho tổng Đại-mão trong ba năm để thưởng công phu kiếm được đế tốt. Vua sai đưa con đế quý bỏ vào trong một cái lồng bằng vàng và sai mấy viên quan nội giám hết sức chăm chút. Mấy ngày sau, giữa ngày hội lớn, vua ra lệnh đưa con đế mới ra chơi với đế quan tổng đốc ba trấn miền Nam mới về dự hội. Đấu được ba hiệp, con đế mới đã cặp cho con đế quan tổng đốc gãy càng. Nhà vua chưa lần nào được sáng khoái như thế. Nhưng khi viên nội giám sắp bắt đế bỏ vào lồng thì bỗng dừng đế xòe cánh bay vút lên trời, và chỉ một chốc đã biến mất trước những con mắt ngơ ngác của đám vua quan.

Đế cứ lần theo đường cũ bay trở về hang của đạo sĩ. Trông thấy đạo sĩ, đế đậu ngay vào áo. Đạo sĩ bắt đế vào tay, đọc lên một câu thần chú. Tự nhiên đế lại lớn dần, lớn dần lên, và chỉ trong chớp mắt trở lại biến thành đứa con ông cai tổng. Đạo sĩ vỗ vào vai bảo:

- Thôi con trở về kéo bố mẹ con mong!

Thằng bé lại tìm đường ra khỏi rừng rồi trở về nhà. Trông thấy con, hai vợ chồng ông cai tổng khôn xiết mừng rỡ[1].

KHẢO DỊ

Một bài về sừu tầm ở miền Bắc nhắc đến truyện trên nhưng kết thúc câu chuyện thì không giống:

Nhà Lê, niên hiệu Chính Hòa,

Bốn phương phẳng lặng, âu ca thái bình.

Thôn quê cho chí thị thành,

Lỗi chơi chọi để thường tình biết bao!
Lệnh vua, bất cứ tổng nào,
Cũng nuôi "để chọi" tiến vào trong cung.
Để hay, thăng thưởng tiền công,
Lại tha sưu thuế suốt vùng cả năm.
Bấy giờ ở phủ Thuận-thành,
Thầy cai Đại-mão hiền lành xưa nay.
Tưởng là vận đỏ hồi may,
Được con để quý đợi ngày tiến kinh.
Lòng son nhốt để cạnh mình,
Hàng ngày chăm chút thực tình dám sai.
Nào ngờ thần ám họa lai,
Đưa con đánh chết để quay tức thời!
Sợ đòn, trốn bật tằm hơi,
Làm cho thầy tổng rồi bởi ruột gan.
"Việc này lỡ đến tai quan,
"Khi quân" khép tội an toàn được nao!"
Một mình than vãn hồi lâu,
Liền ra chỗ vắng phía sau đình làng:
Treo đầu lên chiếc cành bàng,
Mượn dây oan nghiệt quyết đàng quyên sinh.
Nghĩ người cai tổng thương tình,
Vì con để mọn thân mình xem khinh![2]
Người Trung-quốc cũng có truyện Con để rất giống với truyện Người hóa
để của ta:
Ngày xưa, dưới triều vua Tuyên Đức, trong cung có tục chọi để. Người ta
nộp để để thay cho thuế. Tri huyện Hoa-âm muốn đẹp lòng bề trên, buộc
các lý trưởng cố tìm để tốt và ra một thời hạn rất gấp. Một lý trưởng họ
Trương cất công đi tìm nhưng đến hạn vẫn không có nộp. Vì thế Trương bị
đánh đòn.

Trong làng có thầy phù thủy gù lưng, vợ Trương đến cầu, thầy đưa cho

mảnh giấy vẽ một con dế ở trong một cái bụi trên mô đất sau chùa. Trương bèn đến chùa làng như trong giấy vẽ tìm, quả bắt được một con dế to và khỏe. Cũng như truyện của ta, nhân lúc Trương đi vắng, đứa con bắt dế quý ra chơi làm gãy hai càng, chết ngay. Thằng bé sợ, nhảy xuống giếng. Vợ chồng vớt lên chỉ còn thoi thóp. Thằng bé sống lại nhưng hôn mê bất tỉnh. Trương buồn phiền toan tự tử. Sáng dậy thấy có tiếng dế ngoài cửa, vội chạy ra thì thấy một con dế tốt, đuổi bắt mấy lần đều trượt. Cuối cùng vẫn không bắt được, trong khi đó lại thấy có một con dế khác nhỏ, đen nhảy vào áo. Bèn đưa vào nhà. Trong làng có người chuyên nuôi dế hay, lúc nào cũng giành phần thắng. Qua nhà Trương thấy có dế mới, bèn đưa dế của mình đến chơi. Thoạt đầu con dế mới ngồi ngây bất động. Người ta lấy lông lợn khích nó ra đấu. Mấy lần vẫn ngồi trơ. Sau cùng nó nhảy ra chơi và thắng con kia. Một con gà ở đâu nhảy đến bắt dế. Trương hết hoảng lo gà ăn mất, nhưng dế đã nhảy lên cắn lấy mỏ gà làm cho gà giãy giụa như bị cắt cổ.

Sau đó, Trương đưa dế nộp lên. Thấy dế bé, quan huyện la mắng, nhưng Trương vội kể chuyện vừa qua cho quan nghe. Sau khi thử thách, quan cho mang dế lên tổng đốc. Tổng đốc bỏ vào lồng vàng dâng vua. Vua thích thú vì con dế khôn và khỏe chưa từng có, bèn ban thưởng cho tổng đốc. Tổng đốc ban ơn cho tri huyện. Tri huyện ban ơn đến Trương. Nhờ thế, Trương đậu tú tài.

Một năm sau đứa con của Trương mới hồi tỉnh. Nó bảo rằng trong những ngày qua nó đã biến thành dế để bẩm báo lên vua và từ đó đã phải dự nhiều trận đấu với đủ các loại dế từ khắp nơi trong nước dâng tiến. Nhà Trương về sau trở nên giàu có[3].

Về sự tích con dế xem thêm truyện Người dì ghẻ ác nghiệt, số 145.

Chú thích:

[1] Theo Sê-ông (Chéon). Sách đã dẫn.

[2] Tri tân, số 30 (1942).

[3] Theo Bồ Tùng Linh, Liêu trai chí dị.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
134. THÁNH GIÓNG

Vào thời Hùng Vương có một người đàn bà đã nhiều tuổi nhưng sống một thân một mình. Một hôm sáng dậy bà đi thăm nương, bỗng nhìn thấy một vết chân giẫm nát cả mấy luống cà. Bà kinh ngạc kêu lên: - "Ôi! Bàn chân ai mà to thế này!".

Bỗng bà cảm thấy rung mình khi đưa bàn chân ướm thử vào dấu chân lạ. Từ đó bà có mang. Đủ ngày tháng, bà sinh được một đứa con trai bụ bẫm đặt tên là Gióng. Nhưng thằng bé lên ba tuổi rồi mà vẫn nằm ngửa đòi ăn, không biết ngồi biết lẫy, cũng không biết nói biết cười gì cả.

Ngày ấy có giặc Ân kéo vào cướp nước ta. Giặc Ân rất hung hăng tàn ác, cầm đầu là một viên tướng tên gọi Ân vương, hình dung cổ quái dữ tợn. Chúng nó đi đến đâu là đốt phá nhà cửa, giết người cướp của đến đấy. Quân đội Hùng Vương nhiều phen xuất trận, nhưng đánh không nổi. Vua Hùng lấy làm lo lắng vội phái sứ giả đi khắp nơi trong nước tìm bậc tướng tài để giúp vua cứu nước.

Một hôm sứ giả đi đến làng chú bé Gióng. Nghe tiếng loa rao nói đến việc nhà vua cầu người tài, bà mẹ Gióng đang ru con, liền bảo đùa con rằng:

- Con ơi! Con của mẹ chậm đi chậm nói làm vậy, thì biết bao giờ mới đi đánh giặc giúp vua được đây!

Không ngờ Gióng nhìn mẹ mở miệng bật lên thành tiếng:

- Mẹ cho gọi sứ giả vào đây cho con!

Nói xong lại im bật. Bà mẹ vừa mừng vừa sợ, vội đi kể chuyện với xóm giềng. Mọi người đổ tới, ai nấy cho là một sự lạ. Sau cùng một người nói:

- Ta cứ đi mời sứ giả đến xem thử nó muốn cái gì.

Khi sứ giả của nhà vua bước vào nhà nhìn thấy chú bé Gióng liền hỏi rằng:

- Mày là đứa trẻ lên ba mới học nói, mày định mời ta đến để làm gì?

Giống trả lời rất chững chạc:

- Về bảo với vua rèn cho ta một con ngựa sắt, một thanh gươm sắt, một giáp sắt và một nón sắt, ta sẽ đánh đuổi giặc dữ cho!

Ai nấy đứng nghe khôn xiết lạ lòng. Cho là thần nhân xuất hiện, sứ giả lập tức phi ngựa về tâu vua. Nghe nói, Hùng Vương mừng rỡ liền ra lệnh cho thợ rèn góp tất cả sắt lại rèn ngựa, gươm, áo giáp và nón như lời xin của chú bé. Mọi thứ rèn xong nặng không thể tưởng tượng nổi. Hàng chục người mó vào thanh gươm mà không nhúc nhích. Vua Hùng phải cho hàng ngàn quân sĩ tìm mọi cách chở đến cho chú bé Giống.

Khi được tin quân sĩ khiêng ngựa sắt sắp đến làng, mẹ Giống sợ hãi chạy về bảo con:

- Con ơi! Việc nhà vua đâu phải là chuyện chơi. Hiện quân sĩ đang kéo đến ầm ầm ngoài bãi, biết làm thế nào bây giờ?

Nghe nói thế, Giống vụt ngồi dậy, nói:

- Việc đánh giặc thì mẹ đừng lo. Nhưng mẹ phải cho con ăn thật nhiều mới được!

Mẹ vội thổi cơm cho con ăn, nhưng nấu lên được nồi nào Giống ngốn hết ngay nồi ấy. Mỗi lần ăn một nồi cơm thì Giống lại lớn thêm một ít và đòi ăn thêm. Mẹ càng cho con ăn thì con lại càng lớn như thổi, bỗng chốc đã thành một chàng thanh niên khỏe mạnh. Hết gạo, bà mẹ đi kêu gọi xóm làng. Mọi người nô nức đem gạo khoai, trâu rượu, hoa quả, bánh trái đến đầy một sân. Nhưng đưa đến bao nhiêu, Giống ăn vội hết bấy nhiêu, mà vẫn đòi ăn không nghỉ.

Sau đó, Giống lại bảo tiếp:

- Mẹ kiếm vải cho con mặc.

Người ta lại đua nhau mang vải lụa tới may áo quần cho Giống mặc. Nhưng thân thể Giống lớn vượt một cách kỳ lạ, áo quần vừa may xong đã thấy chật, thấy ngắn, lại phải mang vải lụa tới để chắp nối thêm. Không mấy chốc đầu Giống đã chạm nóc nhà. Ai nấy chưa hết kinh ngạc thì vừa lúc quân sĩ đã hò hục khiêng được ngựa, gươm, áo giáp và nón sắt tới.

Gióng bước ra khỏi nhà vươn vai một cái, người bỗng cao to sừng sững, chân dài hơn trượng, hét lên một tiếng như tiếng sấm:

- Ta là tướng nhà Trời!

Thế rồi Gióng mặc giáp sắt, đội nón sắt, tay cầm gươm múa quanh mấy vòng. Đoạn từ biệt mẹ và dân làng, nhảy lên lưng ngựa. Ngựa sắt bỗng chồm lên, phun thẳng ra đằng trước một luồng lửa đỏ rực. Gióng thúc chân, ngựa phi như bay, sỏi từng bước dài hàng chục con sào, rung chuyển cả trời đất. Chỉ trong chớp mắt, ngựa đã xông đến đồn trại giặc bấy giờ đang đóng la liệt cả mấy khu rừng. Lưỡi gươm của Gióng vung lên loang loáng như chớp giật. Quân giặc xông ra chùng nào chết chùng ấy. Ngựa thét ra lửa thiêu cháy từng dãy đồn trại, lửa thiêu luôn cả mấy khu rừng. Khói bụi mịt mù, tiếng la hét kêu khóc như ri.

Nhưng tướng giặc Ân vương vẫn cố gào thét hô quân xáp tới, Gióng càng đánh càng khỏe, thân giặc nằm ngổn ngang đầy rừng. Bỗng chốc gươm gãy. Không bối rối, Gióng thuận tay nhổ những bụi tre hai bên đường quật tới tấp vào các toán giặc đang cố gắng trụ lại theo lệnh chủ tướng. Chẳng mấy chốc quân giặc đã tẩu tán khắp nơi, Ân vương bị quật chết tan xác. Bọn tàn binh giặc lay lục xin hàng. Quân đội của Hùng Vương cũng như dân các làng chỉ còn việc xông ra trói nghiêng chúng lại. Không đầy một buổi, Gióng đã trừ xong nạn nước. Lúc bấy giờ ngựa Gióng đã tiến đến chân núi Sóc-sơn. Đến đây, Gióng bèn cởi giáp bỏ nón lại, rồi cả người lẫn ngựa bay thẳng lên trời.

Sau khi thắng trận, để nhớ ơn người anh hùng, vua Hùng sai lập đền thờ Gióng ở làng quê, phong làm Phù Đổng thiên vương.

Ngày nay chúng ta còn thấy dấu vết những dãy ao tròn nối nhau kéo dài suốt từ Kim-anh, Đa-phúc cho đến Sóc-sơn, người ta bảo đó là những vết chân ngựa của Thánh Gióng. Khu rừng bị ngựa sắt phun lửa thiêu cháy nay còn mang cái tên là làng Cháy. Những cây tre mà Gióng nhổ quật vào giặc bị lửa đốt màu xanh ngả thành màu vàng và có những vết cháy lốm đốm, ngày nay giống ấy vẫn còn, người ta gọi là tre là ngà (hay đẵn ngà) .

KHẢO DỊ

Truyện trên chắc xuất phát từ một thần thoại xa xưa, vì nghệ thuật thần thoại trong đó còn khá rõ nét. Về sau truyện Thánh Gióng còn được nhân dân một số địa phương vùng Bắc-ninh, Bắc-giang phát triển, thêm thắt, ghép vào một số tình tiết hoặc thần kỳ hoặc không, làm cho câu chuyện phong phú hơn. Ví dụ:

Sau khi thắng trận, Thánh Gióng đến một nơi, buộc ngựa sắt vào hai cọc đá lớn ngồi nghỉ. Ngày nay một cột đá còn thấy ở làng Cựu-tự cao khoảng ba thước vòng rộng sáu tấc, xâu thẳng xuống một bệ đá tự nhiên hình bầu dục. Ngựa sắt mệt quá sùi bọt mép thành một bãi cát trắng xóa lấp lánh dưới ánh mặt trời. Bãi này nay thuộc xã Ngọc-xá, huyện Quế-võ, đặc biệt ở cách xa bờ sông, người ta gọi là Bạch-nhạn-sa.

Hoặc Thánh Gióng đi qua một làng nọ ven sông Cầu, ở đây có một bà lão bán nước vối. Thánh Gióng dừng lại xin nước uống. Bà lão dâng bầu rượu. Uống xong, Thánh Gióng khen bà lão có lòng tốt, đặt tên là làng Bầu và dặn lúc nào hạn, cho phép cầu mưa sẽ linh nghiệm. Từ đấy, mỗi khi đại hạn, ở đây (nay gồm bảy làng gọi là tổng Bầu) có hội cầu mưa, người ta thường rước thành hoàng làng lên Sóc-sơn để xin nước. v.v...

Cao Huy Đình đã sưu tập rất nhiều những mẫu chuyện này trong quyển Người anh hùng làng Dóng .

Sau đây là một số dị bản truyện Thánh Gióng, những dị bản này đều mang hình thức thần tích.

1 Thạnh tướng quân. Đời Hùng Vương, ở làng Yên-việt có hai vợ chồng hiếm con. Một hôm chồng lên núi, được thần Núi (Sơn thần nhạc phủ) báo mộng cho đá đất làm con (do mẹ đá thụ thai đã ba năm). Một hôm bỗng có tiếng sét nổ vang, phiến đá trong ao nhà họ tự nhiên nứt ra, xuất hiện một em bé. Hai vợ chồng đưa về nuôi. Bảy tuổi chưa biết nói.

Bấy giờ có 50 vạn người Man cầm đầu là Lục Đinh thần tướng sang chiếm

nước ta, thế rất dữ dội. Vua Hùng được thần mách, sai "xá nhân" đến Yên-
việt cầu tài. Lúc đó em bé đang nằm trên giường. Người bố vỗ vào em nói:
- "Nước nhà có giặc vua sai xá nhân đi tìm, sao không dậy giúp nước còn
ngủ mãi ư?". Thạch tướng - đưa bé - nghe nói, bèn đứng dậy mời xá nhân
vào, rồi bảo về nói với vua làm cho một voi đá cao mười trượng cùng lá cờ
thiên đế, sẽ dẹp xong giặc. Vua cũng sai thợ đá tạc như lời yêu cầu. Được
voi và cờ, em bé vươn cao mười trượng, mặt đỏ như mặt trời mọc, nhảy lên
voi cầm cờ có quân sĩ theo sau. Quân Man hồn kinh phách tán, xô nhau
chạy trốn, tướng của chúng bị chém làm ba đoạn.

Thắng trận, Thạch tướng quân trở về làng rồi cưỡi voi lên trời .

2. Lân Hồ đô thống đại vương. Một người đàn bà không chồng ở làng
Đồng-bảng một hôm vào rừng kiếm củi bỗng nghe một tiếng hổ gầm, tâm
thần chuyển động, có mang mười bốn tháng sinh một trai, đặt tên là Lân
Hổ, cao một trượng, có sức khỏe hơn người.

Bỗng có giặc từ phương Bắc tràn xuống tàn phá đến vùng Bạch-hạc. Vua
nhà Trần xuống chiếu cầu bậc có tài dẹp giặc. Lân Hổ ứng mệnh bảo sứ tâu
vua rèn cho mình một ngựa sắt, một roi sắt để ra trận. Được mọi thứ, Lân
Hổ nhảy lên mình ngựa đánh cho giặc tan tành. Vua Trần ban cho tám chữ:
"Nam phương chính khí, Bắc khấu hàn tâm" (Chính khí phương Nam làm
cho giặc Bắc lạnh vía). Ông không nhận quan tước, chỉ trở về quê nuôi mẹ.
Mẹ chết rồi, Lân Hổ cưỡi ngựa đi đến xã Toàn-mỹ mà hóa .

3. Linh Lang đại vương. Đời Lý Thái Tông có cung phi tên là Thị Sung.
Một hôm đi tắm ở hồ Dâm-đàm bị một con thuồng luồng quấn vào người.
Từ đấy có mang, sinh được một người con trai trên mình có hai mươi tám
vết như vẩy rồng, trên ngực có bảy hàng châm óng ánh như ngọc. Vua đặt
tên là Linh Lang, xây nhà cho mẹ con ở tại làng Thị-lệ trên hồ, gọi là hồ
Linh Lang. Chợt có giặc Trinh Vĩnh sang xâm lăng, các tướng chống cự
không nổi. Vua nghe lời thần, sai sứ đi tìm bậc thần nhân làm tướng. Đến
làng Thị-lệ, Linh Lang đang nằm ngựa trên giường, bỗng nói được, bảo mẹ

gọi sứ giả tới, rồi nói xin vua cha một lá cờ đỏ lớn, cán dài, và một con voi đực, sẽ dẹp yên giặc. Được mọi thứ Linh Lang cầm cờ thét lớn: "Ta là tướng nhà trời!" rồi cưỡi voi ra trận. Voi chạy như hay, cờ phất một cái thì giặc tan. Tướng giặc ngã lăn ra chết. Lúc trở về bị bệnh đậu. Sắp chết, xin vua cho đem lá cờ đỏ tung lên trời hễ cờ rơi xuống đâu thì cho lập đền thờ ở đấy. Sau đó, biến thành một con rắn bò đến hồ Dâm-đàm rồi mất .

Nói chung những truyện như các thần tích kể trên thì còn nhiều, nội dung đại đồng tiểu dị.

Người Nghệ-an có truyện Con ngựa đất đường như cũng là một dị bản của truyện Thánh Gióng:

Một em bé mười lăm tuổi ăn rồi chơi nghịch đất, thường lấy đất vắt voi ngựa. Bỗng có giặc đến xâm lăng. Không ai đánh nổi. Nhà vua cũng phải cho người đi cầu bậc tài giỏi. Em bé sau khi gặp sứ giả bèn lấy đất vắt một con ngựa. Vắt xong ngựa tự nhiên lớn phồng lên, biết ăn biết chạy. Em bé bèn cưỡi lên ngựa. Ngựa chở em ra trận cuối cùng dẹp tan giặc .

Xem thêm truyện Vũ Thành trong Khảo dị truyện số 131 cũng là một dị bản của truyện Thánh Gióng.

Các dân tộc anh em cũng có những truyện có nhân vật anh hùng tương tự hoặc ít hoặc nhiều với Thánh Gióng

Trước hết là truyện của đồng bào Tày Lệnh Trứ:

Có hai vợ chồng già hiếm hoi nghe lời đạo sĩ bắc một trăm hai mươi chiếc cầu, cuối cùng người vợ có mang đẻ được một con cóc. Cóc được mười hai tháng chỉ bằng nắm tay, nhưng bố mẹ vẫn nuôi. Một hôm, có sứ giả rao tìm người tài đánh giặc. Cóc bảo bố mẹ gọi vào đòi được giúp nước. Sứ giả đưa về triều. Tuy bé bằng nắm tay nhưng không ngựa nào chịu nổi sức nặng của cóc, đành phải đi bộ. Đến nơi vua hỏi: - "Cần những gì?". Đáp: - "Xin vua cho rèn một ngựa sắt cốt bằng gang ba nghìn cân, ngoài bằng sắt hai nghìn

cân, bờm và đuôi bằng lông tóc của nam nữ mười bốn cân. Lại xin một lá cờ hiệu rộng ba sải tay". Vua chỉ cho đúc có tám nghìn cân nên khi cóc nhảy lên, ngựa khuyu lưng. Nhưng rồi ngựa cũng đi được. Vua phong cóc làm tướng Lệnh Trừ, hứa sẽ gả công chúa nếu thắng. Gặp giặc, ngựa xông vào phun lửa đằng mồm, phun khói đằng mũi. Giặc tối tăm mảy mặt, bị lửa thiêu cháy. Thắng trận trở về, vua lần lượt hỏi ý kiến ba nàng công chúa, chỉ có công chúa ba bằng lòng làm vợ cóc để giữ chữ tín cho bố mình.

Đoạn sau phát triển khác với truyện Thánh Gióng. Vua đành gả nhưng sai làm một trăm hai mươi cỗ kiệu, bắt cóc chỉ đúng kiệu nào có công chúa ba ngồi mới được lấy. Cóc ghé vào một cái quán. Trời mưa, cóc nhảy lên dọi mái cho khỏi giọt. Chủ quán vốn là tiên, mách cho cóc biết kiệu nào có ong bướm bay lượn là đúng. Công chúa về nhà cóc, cóc cởi lột hóa làm chàng trai. Sáng dậy lại mang lột vào. Hai chị hỏi em, công chúa ba thật thà kể lại. Người ta tổ chức bữa tiệc, công chúa ba bảo chồng cởi lột vào dự. Vua quan vào buồng xem lột cóc. Vua thử mặc lột vào, nhưng khi muốn cởi ra thì không cởi được nữa. Thế là vua biến thành cóc. Triều thần tôn cóc làm vua .

Truyện của đồng bào Mơ-nông Dừng sĩ mặt trăng:

Có hai vợ chồng già hiếm hoi, một hôm vợ mộng thấy một con thỏ từ mặt trăng xuống chơi giỡn trước mặt, từ đó có mang rồi đẻ một đứa bé. Cho là con thần linh, sợ mang họa, vợ chồng đem bỏ ở đồng cỏ, chỉ thỉnh thoảng đến thăm. Một hôm chúa làng bắt gặp, quăng em bé xuống suối nhưng nó không chìm, chỉ trôi đến một nơi được bà Iă Pôm vớt về nuôi. Lên bốn, em biết múa khiên đao. Một hôm em đứng trên một phiến đá, khấn: - "Hỡi thiên thần, hãy giúp ta giết tên chúa làng gian ác". Dứt lời hòn đá cựa quậy hóa thành một con ngựa trắng cao to. Ngựa cúi đầu vẫy đuôi trước mặt, tỏ ý thuận phục. Cùng lúc ấy một bà già tóc vàng từ trên trời bay xuống bảo em đến dòng thác lấy vật báu. Em nhìn thấy một vật sáng lấp lánh trôi bập bênh, bèn lội xuống vớt lên thì là một thanh gươm quý. Em rùng mình một cái trở thành một người cao lớn phi thường, cười lên ngựa, ngựa hí phi như

bay, cây cối cúi rạp. Đến nơi, tên chúa sợ, đóng cổng lại. Em múa gươm, gươm tỏa ra muôn ngàn hào quang, đốt cháy cổng, rồi cung điện. Bọn tôi tớ xông ra đều bị ngã hàng loạt. Em giết chết tên chủ làng, rồi lấy của chia cho mọi người, ai về nhà nấy. Lại cưỡi ngựa về chốn cũ. Ngựa không bay lên trời mà hóa thành đá, em ném gươm trả cho dòng thác, còn mình thì được bà chúa mặt trăng đưa lên trời, vì em vốn là con bà.

Truyện của đồng bào Ba-na (Bahnar) Cha gấu:

Một nhà nghèo đẻ được mười cô gái, hàng ngày các cô phải vào rừng đốn củi sinh nhai. Một hôm họ gặp một con gấu đỏ, kể hoàn cảnh nghèo đói cho gấu nghe. Gấu trèo cây hái quả ngon cho ăn, lại cho mỗi người một gùi quả đem về. Cô út sau khi ăn quả của gấu thì có mang, sáu năm sau đẻ được một con trai bụ bẫm. Trong khi bị làng đuổi, cô được gấu đỏ đến nhận con và hái quả nuôi. Từ đây truyện gần với truyện của ta. Chú bé lớn nhanh nhưng không nói được, không đi được. Mẹ rất buồn. Một hôm con nói với mẹ. - "Mẹ nấu cho con năm bung cơm và dọn bốn ché (hũ) mắm chua". Mẹ làm theo. Con ăn một loáng hết sạch, ăn xong, con xin mẹ đi làm nương: nhưng mẹ không cho. Nó bèn vươn vai một cái tự nhiên cao lớn vụt lên: áo quần mẹ may cho rách toạc hết. Mẹ kinh ngạc đi gọi làng xóm tới. Lúc trở về thì con đã thành một trang thanh niên khổng lồ, tay cầm thanh gươm nom rất oai vệ. Ai nấy đang ngơ ngác thì nó đã cưỡi lên khiên bay vụt lên không. Đến đây truyện kết thúc có khác. Lúc này gấu đỏ xuất hiện biến thành người, đến khuyên dỗ vợ rồi cùng ngồi lên khiên bay đi tìm con. Gặp con, hai người rủ nhau đi trị tội một tên chúa làng gian ác nhưng có nhiều phép thuật tên là Ria. Thoạt đầu Ria làm lửa cháy khắp bốn bề. Cha con gấu hóa phép làm cho nước đổ xuống như mưa. Ria lại dâng nước cho ngập lụt, cha con lập tức gọi rồng hút. Ria hoảng hốt chưa kịp chạy trốn, đã bị cha con bắt trời. Nhưng họ không giết Ria, chỉ buộc nó bỏ thói gian ác và chia của cải của nó cho mọi người. Xong, gấu đỏ lại đưa con trở về với vợ.

Truyện của đồng bào Xơ-đăng Đăm Tay:

Đăm Tay là một chú bé không cha không mẹ, đi ở với một tên chủ làng giàu có nhưng độc ác. Vì khổ quá em bỏ đi; đi mãi, gặp một vườn mía vào

bé ăn. Chủ vườn mía là hai ông bà già, thương em khổ, nuôi làm con nuôi. Một buổi sáng, em leo núi thấy trên đỉnh toàn là chiêm ché, trâu bò, voi ngựa, về nhà lại thấy một thanh gươm bằng vàng hào quang lóng lánh. Khi bố mẹ nuôi về em hỏi: - "Của cái trên núi để cho ai?" - "Cho con" - "Thanh gươm đó cho ai?" - "Cho con". Thích quá, em vùng dậy ăn một loáng hết cả một nồi lớn cơm và uống hết một bầu nước. Đi qua suối vàng em xuống tắm, người bỗng vàng ra và cao lớn lên. Em cưỡi voi đi đến một bờ suối thấy trong một cái chòi có tiếng khóc. Từ đây trở xuống giống với truyện Tiêu diệt mãng xà (số 148): Em vào xem thấy một cô gái xinh đẹp. Hỏi thì mới biết dân ở vùng đó bảy năm một lần phải nộp một cô gái đẹp cho yêu tinh, nếu không nó sẽ dâng nước chết hết. Đăm Tay chém chết yêu tinh, từ biệt cô gái, bỏ lại vỏ gươm và một mảnh đuôi khố bị yêu tinh chém đứt. Người bố cô gái gọi các chàng trai đến so đuôi khố và so gươm, hứa sẽ gả con gái cho ai so vừa. Dĩ nhiên chẳng có ai vừa trừ Đăm Tay, nhưng em lại bị bọn nhà giàu ghen ghét bầy chiếc cầu làm cho voi ngã, Đăm Tay rơi xuống nước chết. Xác em được cô gái chôn cất, nhưng sau đó lại được con chó của bố mẹ nuôi đến bới lên, rồi liếm làm cho sống lại. Em lại mang gươm đi các nơi trị tội bọn tham lam độc ác .

Một truyện khác của người Mơ-nông Hai anh em Pờ-rang và Dang là một dị bản của truyện vừa kể:

Xưa, có hai anh em Pờ-rang và Dang ở chung nhau một nhà, anh thương em, nhưng vợ anh thì trái lại. Một hôm Dang đi săn nhờ chó sủa, nhặt được một hòn đá lạ ném trâu, đá xuyên bụng trâu. Chị dâu ghét em, xui chồng giết. Chồng gửi em ở nhà một người bạn, nói dối là đã giết. Nhưng sau vợ biết là chồng lừa, bèn buộc chồng phải giết cho kỳ được. Cuối cùng chồng phải làm một cái trống bỏ em vào cùng với thức ăn, thả cho trôi theo dòng nước. Trống trôi đến một nơi có hai vợ chồng một ông già không con, họ nuôi Dang làm con. Một hôm hai vợ chồng đi xa, dặn Dang đừng đụng tới chum nước để ở góc nhà, nhưng do tò mò, anh thò tay vào, cánh tay tự nhiên vàng rực, càng chùi càng vàng khắp người. Làng ông lão thờ thần rồng cứ bảy năm một lần phải nộp một mạng người, lại phải nộp năm trăm

trâu, năm trăm bò và năm trăm lồng gà vịt. Năm ấy đến lượt Nê-ang Pu, con gái vua nộp mạng. Dang đến thần Giê-ác nhớ thần rèn gươm bằng hòn đá của mình. Rèn xong anh chặt thử, gươm bị gãy. Rèn lại cũng thế, mãi sau mới thành công, chỉ chặt một nhát vào cây là gãy, chặt một nhát vào nước, cá chết đầy sông. Khi có gươm, sức khỏe của Dang tự nhiên tăng lên gấp bội. Một mình ăn hết một nong cơm tám sải, một nong thịt tám sải, một nong ớt tám sải và một nong cà tám sải. Chỉ một quật, anh lật nhà, mái lộn xuống đất. Trở về, Dang giết chết rồng cứu Nê-ang Pu. Nhưng lập công xong anh trở về nhà nằm bên bếp vùi tro lại giấu mình không cho ai biết (tình tiết này giống với các dị bản phương Tây). Nhưng do anh bỏ quên vỏ gươm, nên về sau nhà vua cũng tìm ra. Đoạn sau này xem Khảo dị truyện số 26, tập I.

Truyện của đồng bào Ja-rai (Djarai) Chàng Y Ban:

Có hai vợ chồng bị chủ làng đuổi nhưng lại gặp tiên, được tiên làm cho trở nên giàu có, lại đẻ được một đứa con trai đặt tên là Y Ban, nuôi một con nuôi tên là Y Rít. Chủ làng lại tìm đến nơi giết chồng rồi bán vợ lại cho người khác. Y Ban được Y Rít bỗng chạy trốn đến một nơi, làm con nuôi một gia đình khác. Em ăn một lúc sáu mâm cơm, ngủ sáu ngày sáu đêm liền. Lúc dậy vươn vai, người em tự nhiên cao bằng cây kơ-nia trước sân. Em đánh con quay làm vỡ tan quay, lại đánh nữa cũng vỡ. Phải mua quay bằng sắt giá bằng ba chòi lúa với hai con trâu, phải dùng voi cho con quay về. Em tập múa khiên và dao: khiên vỡ dao gãy. Em chặt một cây cổ thụ bảy người ôm để làm khiên (không thấy nói đến việc rèn búa). Đi đánh nhau, mọi người đều thua em. Sau đó tìm được mẹ, em quyết trả thù cho cha. Sai Y Rít đi dò đường đến nhà tên chủ làng, phải đi bảy ngày bảy đêm mới tới, bị chủ làng đuổi, Y Rít chạy về dẫn đường cho Y Ban đi. Lúc đến nơi Y Ban chỉ giáng một búa, cổng thành vỡ tan, đoạn giết chết chủ làng và sáu đứa em của nó. Sau đó anh lấy cô gái làng ấy .

Cô-xanh (Cosquin) trong Những truyện Ấn-độ và phương Tây khi kể truyện Tro bếp hay Lọ lem (nữ) có nói đến một loạt truyện mà ông gọi là

Tro bếp nam (Cendrillon masculin) trong đó nhân vật chính là nam, lúc còn bé thường ngủ trong tro nhưng có sức khỏe, ăn khỏe (có khi cả ngủ khỏe) với cái gậy (hay chùy, hay giáo) bằng sắt nặng ghê gớm; lập nên nhiều kỳ tích. Dưới đây kể một số:

Truyện của Pháp:

Lu-i đã lên hai mà vẫn nằm, không dậy. Bố mẹ thường bảo: - "Dậy đi con!". Con đòi: - "Khi nào cho con một cái áo bờ-lu và một quần cộc thì con sẽ dậy". Vì không có áo quần nên lên tám, rồi lên mười hai, Lu-i vẫn nằm ở giường. Bố mẹ bảo thì em vẫn trả lời như thế. Đến năm mười lăm tuổi, bố mẹ khâu ba mươi sáu miếng vải nhật được thành áo quần. Em bèn dậy làm việc với một chủ trại với điều kiện là mỗi ngày phải cho em ăn một đồng bánh ngọt và một thùng rượu. Em làm việc khỏe gấp mấy chục lần những người đầy tớ khác.

Một truyện khác ở Thượng Bơ-ta-nhơ (Haute-Bretagne), kể một em bé thường xuyên không nằm trên giường, nhưng bà mẹ cho chơi cho đến mười bốn tuổi, mới bảo làm việc. Em đi rèn một "chiếc đĩa nhỏ" nặng bảy trăm bảng rồi cầm lên như cầm chiếc lông đi chu du thiên hạ. Đoạn cuối giống truyện Chàng Gấu (xem Khảo dị truyện Thạch Sanh, số 68, tập II).

Truyện Iéc-lăng (Irlande):

Một người đàn bà góa nghèo không có áo quần cho con mặc, bèn bỏ con vào bồ tro gần bếp đắp tro nóng vào. Con càng lớn càng đắp thêm tro. Khi con mười chín tuổi, mẹ kiếm cho một mảnh da dê cuốn quanh lưng và bảo đi làm việc kiếm ăn. Em có sức mạnh tuyệt vời, làm nhiều cuộc thám hiểm và lấy được công chúa.

Truyện Đức:

Jăng, chàng Sắt - tên em bé - vì ăn tợn quá nên bố mẹ không cung cấp nổi. Bố mẹ bảo em đi ở với một thầy cả và rèn cho một roi sắt. Em đã ăn bữa ăn chiều bằng bữa ăn của mười hai người đầy tớ, ăn bữa ăn trưa bằng bữa ăn của các nữ tỳ và các đầy tớ, nhưng làm việc mấy chục lần hơn họ. Cuối

cùng để đuổi em, chủ sai em đi tìm đứa con gái của mình bị quỷ bắt, hứa sẽ thưởng một túi tiền mà em vác nặng. Em cầm roi đi đến cửa âm phủ, gõ cửa ầm ầm. Quỷ trốn biệt. Em phá cửa vào đưa cô gái về, và đòi tiền công. Em bỏ tất cả của nả của chủ vào một cái túi mà vác vẫn chưa nặng. Sau khi mang về cho bố mẹ, em đi chu du thiên hạ.

Truyện Thổ-nhĩ-kỳ (Turquie):

Một em bé thường nằm trong đồng tro bếp. Một hôm một chị và hai anh của em bị một con quỷ ba đầu nuốt mất. Em đứng dậy rủ mình cho rơi tro, bỗng xảy ra một trận bão lớn làm cho nhiều nông phu đang cày ruộng phải bỏ cày chạy về nhà ẩn nấp. Em lấy tất cả các cày của họ mang đến cho một người thợ rèn, bảo rèn cho mình một cái giáo. Nhưng khi ném giáo lên trên không rơi xuống, đụng phải ngón tay út, giáo gãy. Rồi em lại lắc mình mạnh hơn trước, lại nổi lên một trận bão lớn hơn. Người ta lại bỏ cày đi trốn, em lại lấy số cày nhiều hơn để rèn giáo lần thứ hai, nhưng giáo vẫn bị gãy. Lần thứ ba em cũng làm như vậy, lần này giáo làm bằng tất cả những chiếc cày còn lại tung lên rơi xuống không bị gãy. Em liền cầm lấy đi cứu chị và hai anh. Đoạn cuối cũng giống như truyện Chàng Gấu của Pháp.

Truyện của người Nga:

I-văng là một em bé ngốc. Mười hai năm ròng em nằm ngủ trong tro của lò sưởi nên người ta gọi em là cậu bé Tro (Pô-pi-a-lốp). Sau đó em dậy, lắc lắc người, làm rơi đến sáu pút tro. Bấy giờ có một con rắn ngăn trở không cho mặt trời mọc làm cho đêm tối ngự trị. I-văng xin cha rèn cho mình một cái chùy sắt năm pút. Chùy rèn xong, em tung lên không, rơi xuống trán, chùy bị gãy vụn. Lại xin rèn một chùy khác mười pút nhưng khi rơi xuống đầu gối em, cũng gãy tan. Đến cái thứ ba mười lăm pút, rơi xuống trán làm móp trán. I-văng bèn cầm lấy để đi đánh rắn.

Ở truyện của người Xla-vơ ở Bô-xni (Bosnie) thì một em bé tên là Hạt tiêu. Sau khi chết mất hai đứa con trai, bố mẹ em cầu xin một đứa con khác, sau đó đẻ ra em chỉ lớn bằng hạt tiêu. Nhưng em có sức khỏe tuyệt vời, thường cầm một chùy sắt vĩ đại như cầm một chiếc lông.

Truyện của người Béc-be-rơ (Berbères) Ở An-jê-ri (Algérie):

Một chàng trai có sức khỏe kỳ diệu nhưng hung dữ. Dân trong xứ xin vua trừ đi. Vua tìm được một cách là lừa anh đến nhà một bà chẳng ăn thịt người để mượn tay bà chẳng trừ hộ, mới bảo: - "Chị mày ở trong tay bà chẳng ấy". Anh chàng bèn đến thợ rèn bảo rèn cho một cái gậy sắt. Thợ rèn rèn cho một gậy nặng mười tạ. Cũng như truyện trên, anh cầm gậy tung lên không, rơi xuống cánh tay, gãy gãy. Anh cầm khúc gậy còn lại đánh người thợ rèn gãy lưng. Lại nhờ một người thợ khác rèn một cái gậy hai mươi tạ. Lần này thử không gãy. Anh cầm gậy nhẹ như một cái lông, đi đánh bà chẳng giải phóng cho chị mình.

Truyện Brê-din (Brésil):

Một ông vua có một đứa con trai, khi mới đẻ đã to lớn và khỏe dị thường. Được mười ngày nó ăn hết một con bò. Vua hoảng quá, gọi cố vấn đến hỏi kế. Cố vấn bảo vua phải cho con đi nơi khác kiếm ăn. Hoàng tử bằng lòng đi, nhưng xin rèn cho một gậy sắt thật nặng, một cái búa tạ, một lưỡi hái to. Được mọi thứ, nó ra đi. Kết cục giống như truyện Chàng Gấu của Pháp (đã dẫn).

Người Ba-tư (Iran) cũng có một truyện như truyện Chàng Gấu của người A-ra-vơ, nhưng ở đây bố của em là một hoàng tử bị gấu cái bắt về làm chồng. Lên ba tuổi khi nghe bố kể chuyện, em lật hòn đá nặng đưa bố ra khỏi chỗ giam lại giết mẹ khi bị đuổi bắt. Vua - ông nội của em - sợ quá cho em ở một nơi hẻo lánh. Lên sáu: em xin đi đánh trận, nếu không sẽ phá hết nhà cửa nơi đó. Vua sai em đến hồ Si-na-dơ nhặt củi với ý định để cho thú dữ ăn thịt, không ngờ em gọi được mọi thú rừng chim chóc bảo chúng đi nhặt củi hộ, đưa về. Vua cho ở kinh đô năm năm, sau đó em lại xin đi đánh trận, nếu không sẽ phá nát cả kinh đô. Vua sai em đi giành lại thành Sim-ken trước đây bị chiếm đoạt. Hỏi cần bao nhiêu quân, nó chỉ xin một thanh gươm nặng bảy vạn bát-man và một cái búa một vạn sáu nghìn bát-man. Vua sai gọt tất cả sắt trong nước lại để rèn, đến bốn mươi ngày mới xong. Gươm rèn xong, cả một đội quân không nhắc nổi. Em chỉ cầm có một tay rồi giắt vào lưng. Đến nơi, em hét lên một tiếng: có bốn vạn người chết, hét tiếng thứ hai: ba vạn, tiếng thứ ba; một vạn. Thế là giành xong. Em đi gọi dân nghèo lân cận tới ở. Đoạn sau xem Khảo dị số 88, tập II .

Ở truyện Xéc-bi (Serbie) thì em bé được mẹ cho bú trong ba thời kỳ liên tiếp là bảy năm. Sau đó em vươn vai đứng dậy thành người to lớn, nhổ một cây "sên" cổ thụ. Không những thế, em còn lật ngửa cây cho gốc lên trời. Ở truyện Nhật-bản cũng có một em bé khỏe tuyệt trần tên là Kin-ta-rô cười ngửa cầm gươm đi dẹp giặc.

Ở truyện Jê-or-gi (Géorgie) thì em bé tên là Nát-xác-khơ-ki-ia (người gãi vung tro như kiểu chó gãi) không những có sức khỏe mà còn có mưu. Em thường ngồi ở bếp đào một lỗ trong tro bếp mà nằm. Bố mẹ em chịu đựng một thời gian lâu, sau đó đuổi em ra khỏi nhà. Đi chu du thiên hạ, em gặp một tên Khổng lồ. Thấy nó bóp đá ra nước, em nói: "Tốt lắm, ta có thể làm tan ra bột bất kỳ hòn đá nào". Đoạn lấy một quả bầu đựng tro giặt sẵn ở thắt lưng ra, vung cho tro bay khắp nơi. Khổng lồ chưa hết kinh ngạc thì đã bị tro làm cho mù mắt .

Người Mô-rơ (Maures) có hai truyện có hình tượng lạ hơn, là một em bé anh hùng được sinh ra cùng với cây gươm thần:

1) Một ông vua có hai người con nhút nhát, bèn cầu thần A-ra cho mình một đứa con đảm không ai thắng nổi, trừ bậc tối cao. Một vị tiên hiện ra bảo trước cho vua sẽ có con can đảm và cho một cây gươm. Hoàng hậu quả đẻ một đứa bé có một cây gươm giắt ở lưng, đặt tên là Bu-xíp (người có gươm). Đứa bé lớn nhanh. Vua thử rút gươm xem thì cây gươm bay ra múa tít rồi lại trở về chỗ lưng đứa bé. Lớn lên, vua cha chết, em đi săn được con thịt nhiều bằng của mười người thợ săn gộp lại. Rồi em cười lừa đi chu du, gặp các anh hùng khác trở tài, làm nên nhiều kỳ tích.

2) Một ông vua lấy một nữ nô lệ da đen để được một đứa bé mang một lưỡi gươm cả vỏ. Vua bắt bà mẹ giấu kín nhất em trong buồng không cho đi đâu cũng không cho giao tiếp với người ngoài. Em lớn lên, vua cho một ông thầy tới dạy chữ. Một hôm vua cho phép em lên gác của hậu phòng. Bắt đầu thấy người và cảnh vật, em đòi đi ra. Vua không cho. Em đâm thủng tường ra đi. Cùng đi với em có một con ngựa thần không ai dám đến gần, và cũng chưa ra khỏi chuồng bao giờ. Vua sai đóng móng bằng vàng và bạc. Em dắt ngựa ra cười. Một bà già bảo em đi tìm mặt trời của mặt trời. Em bảo mẹ chuẩn bị thức ăn rồi ra đi và cũng lập nhiều kỳ tích .

[1] Theo Đét-xpac-mê (Desparmet). Truyện cổ tích Mô-rơ trong Tạp chí dân tộc học và truyền thống dân gian (1921).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
135. AI MUA HÀNH TÔI
HAY LÀ LỌ NƯỚC THẦN

Ngày xưa có một anh chàng trẻ tuổi chưa có vợ, sống bằng nghề làm ruộng. Một ngày nọ anh xách búa lên rừng đốn củi. Trong khi đang lúi húi chặt cây, anh trông thấy một con quạ tha một con chim sẻ tới đậu trên một phiến đá ở gần chỗ mình làm việc. Nhìn thấy thế, anh bỗng động lòng thương con chim bé bỏng sắp sửa lọt vào miệng loài ác điểu.

Anh bèn nhặt hòn đá ném con quạ. Quạ giật mình bỏ vội cánh bay lên. Tức mình vì hồng ăn, quạ chửi rủa om sòm. Anh nhặt đá ném thêm và mắng: - "Đồ chim dữ, hãy cút ngay!". Quạ hậm hực bay đi, miệng còn đe dọa sẽ báo thù. Anh chàng chạy lại nhặt con chim sẻ đang thoi thóp, cố tìm cách ủ cho nó sống lại. Chỉ chừng giập bã trầu, con chim sẻ đã hồi tỉnh và bay được. Nó cảm ơn anh và bảo anh ngồi chờ để nó đưa biếu một vật. Một lát sau, con chim đã bay trở lại miệng ngậm một cái lọ bé xiu đặt xuống bên cạnh và nói: - "Đây là nước thần có phép làm cho người trẻ lại, vật thì lớn thêm, trần gian không ai có". Nói rồi nó vỗ cánh bay đi. Anh ngồi lại tần ngần mở nút ra xem thì thấy đầy một lọ nước mùi thơm ngát ngào. Anh nghĩ bụng: - "Những thứ này chỉ để cho các bà quan làm dỏm, có đâu để hạng như mình dùng". Rồi anh nút lọ lại cẩn thận, khi gánh củi về, treo lọ lên kèo nhà. Và rồi thời gian trôi qua, vì bận công việc làm ăn, anh cũng quên đi, không nghĩ tới cái lọ ấy nữa.

Ít năm sau, chột vật mãi anh chàng mới cưới được vợ. Vợ anh cũng con nhà nông, quanh năm chân lấm tay bùn, nên đen đui, xấu xí. Nhưng hai vợ chồng rất thương yêu nhau.

Một hôm chồng đi cày vắng, vợ ở nhà quét dọn khắp nơi. Thấy một cái lọ con treo trên kèo nhà, chị bèn bắc ghế lấy xuống mở nút ra xem. Khi người thấy mùi thơm, chị ta đồ là dầu thơm gội đầu. Lát sau, chị nấu nước tắm gội rồi tiện tay đổ lọ nước ra xúc khắp tóc tai mình mấy.

Không ngờ sau khi xúc xong, chị ta tự nhiên trở nên xinh xắn trắng trẻo, nhan sắc mỹ miều ít ai sánh kịp. Nước thần trôi xuống mấy luống hành bên cạnh giếng, khiến cho những cây hành cũng lớn phổng lên một cách lạ thường: củ to như bình vôi, dọc dài bằng đòn gánh.

Khi người chồng đi cày về nhìn mặt vợ thì gần cả người cứ tưởng là tiên sa xuống cõi trần, nếu không có tiếng nói thì cơ hồ anh không nhận ra là vợ mình nữa. Nghe vợ nhắc đến lọ nước thơm, anh mới sực nhớ tới chuyện báo đền của con chim sẻ ba năm về trước. Nỗi mừng biết lấy chi cân, anh ngấm và mãi không chán mắt, rồi kể lại câu chuyện cũ cho vợ nghe.

Từ đấy anh cứ quần quýt lấy vợ không rời. Công việc đồng áng vì thế cũng mười phần bê trễ. Nhưng cứ ở nhà mãi thì đói mất nên anh đành phải đi làm. Để khỏi nhớ, anh thuê thợ vẽ hình vợ. Mỗi khi ra đồng làm việc, anh lại treo bức tranh ở bờ ruộng để nhìn cho thỏa. Một hôm anh đang cày ruộng, bức tranh được treo lên một cái cọc cắm ở trên bờ. Vừa cày được mười luống, tự nhiên con quạ năm xưa ở đâu sà xuống quắp lấy bức tranh mang đi. Anh chàng ở bên kia bờ thấy vậy bèn hò hét đuổi theo nhưng không kịp nữa. Quạ đã cất cánh bay cao và bay đi rất xa, chỉ một loáng đã mất hút. Báo thù việc anh ném đá giành mối của nó ngày xưa, quạ mang bức tranh vào đến tận kinh đô, thả xuống ở sân rồng. Bọn lính thị vệ thấy sự lạ lùng, bèn nhặt lên đem trình vua. Cầm lấy bức truyền thần, vua ngấm nghĩa mãi không chán mắt, bụng bảo dạ: - "Trong ba cung sáu viện của ta đã có nhiều người đẹp, nhưng chưa có người nào đẹp bằng người đàn bà trong bức tranh này. Hẳn là trời sai con quạ đến mách cho ta đây!".

Lập tức vua ra lệnh cho một quan đại thần và một trăm thị vệ phải tìm cho được người đàn bà như đã vẽ trong tranh mang về. Quan đại thần cho người về các địa phương sục sạo khắp hang cùng ngõ hẻm. Để việc tìm tòi có hiệu quả, chúng bày ra trò mở hội ở các vùng chúng đến để cho mọi người đổ về xem. Mỗi lần thấy dân tập hợp đông đúc, chúng đưa bức tranh ra giả tảng nói là tình cờ bắt được, người nào mất thì đến mà nhận.

Một hôm, chúng tới vùng quê hai vợ chồng anh chàng có lọ nước thần và cũng bày trò mở hội ba đêm ngày. Quả nhiên anh chàng sa vào mưu gian. Khi nhìn thấy bức tranh anh không đắn đo gì cả, lật đặt bước tới để nhận. Nhưng anh không ngờ bọn lính chộp lấy anh như chộp con mồi. Chúng theo anh về nhà và tìm thấy ngay người đàn bà trong tranh. Mừng quá, chúng vội đưa kiệu rước nàng về kinh đô, mặc kệ cho người chồng vật mình than khóc.

Sau khi bị bắt vào cung, người đàn bà không cười không nói, áo đẹp không mặc, đầu không chải và không cho một ai đến gần. Đem được người đẹp về cung, nhà vua hết sức mừng rỡ, nhưng cũng hết sức buồn phiền vì mọi thứ dễ dàng, dọa nạt đều không thể làm cho người ngọc nở một nụ cười hoặc nói lên một tiếng. Vua bèn hạ lệnh cho rao trong dân chúng hễ ai có cách gì làm cho nàng cười nói lên được, thì sẽ ban thưởng cho quan cao lộc hậu. Nghe tin này, có nhiều người, từ những vai hề nổi tiếng, những ông trạng cười cho đến các bậc lương y, các pháp sư phù thủy, v.v... đua nhau trầy kinh hy vọng dùng tài phép lớn cho người đàn bà phải buột miệng nói cười để mong ân thưởng. Nhưng dù đã giở đủ mọi trò, đều vô hiệu.

Lại nói chuyện anh chồng từ khi vợ bị quan quân bắt đi thì không còn thiết làm ăn gì nữa. Khi nghe tin loan báo ai làm cho người đẹp trong cung nói cười được thì sẽ được vua ban thưởng, anh biết là vợ mình đang ở cung

vua, bèn quyết vào kinh tìm vợ. Trước khi đi, anh nhổ mấy củ hành ở cạnh giếng buộc làm một gánh quẩy theo. Đến kinh đô anh quảy gánh của mình đi lại trước cửa hoàng cung rao to lên những câu:

Dọc bằng đòn gánh,

Củ bằng bình vôi,

Ai mua hành tôi,

Thì thương tôi với!

Tiếng rao của anh vọng vào cung mỗi lúc mỗi lớn. Nét mặt của vợ anh tự nhiên cũng mỗi lúc mỗi tươi. Cuối cùng, nàng quay lại bảo thị nữ:

- Hãy gọi người hàng hành vào cho ta!

Khi nhìn thấy mặt chồng, vợ anh cười lên một tiếng. Thấy người đàn bà lần đầu tiên cười nói, vua sung sướng như mở cờ trong bụng, lại thấy những cây hành to lớn lạ thường thì nhà vua lấy làm kinh ngạc quá đỗi. Vua ngỡ là nhờ những cây hành kỳ lạ này mà người đẹp nói cười. Vua liền nảy ra ý nghĩ muốn tự mình cải trang gánh gánh hành để làm vui lòng người đẹp. Vua bảo anh chồng:

- Hãy đặt gánh hành lại đó và cởi áo ra mau!

Vui cởi áo long bào vứt cho anh và mặc áo của anh vào. Vua còn bắt anh bày cho mình học thuộc câu rao, rồi quẩy gánh hành qua lại trước mặt người đàn bà, cất tiếng rao mới học được. Thấy vậy, vợ anh hàng hành cười

ngặt nghèo. Vua thích thú lại càng làm già. Nhưng đột nhiên người đàn bà bảo thị nữ thả đàn chó ra. Chó thấy vua ngỡ là người lạ liền nhảy xổ tới cắn chết. Người đàn bà vội bảo chồng:

- Mình hãy mau mau trèo lên ngai vàng đi!

Anh chồng lật đặt trèo lên ngai vàng giữa lúc trăm quan và cung nữ rập đầu bái mạng. Từ đó anh làm vua và ở với vợ trọn đời [1].

KHẢO DỊ

Phần đầu truyện trên có nơi không kể việc báo ân của con chim mà là báo ân của một con rồng. Số là anh chồng một hôm làm đồng đàn phải huyết đất rồng (có người nói táng mả vào lưng rồng), làm cho con rồng đau. Rồng báo mộng bảo phải lấp lại (hoặc dời mộ đi nơi khác), nó sẽ cho một thứ nước thần đưa lọ ra mà hứng, v.v...

Đồng bào Tày có truyện *Ba anh em mồ cô* là một dị bản của truyện trên:

Có ba anh em mẹ chết còn bố, tài sản chỉ có một con bò là quý giá. Bố chết, hai em giết bò làm ma. Anh đi xa về thấy thế la mắng em sao không để bò lại mà cày, rồi đây lấy gì làm ăn. Bèn đến mộ bố gào khóc đêm ngày. Hồn của bố thương con cho con bạc đặt ở trên mộ. Được bạc, anh đưa về tiêu dùng một mình, không chia cho các em. Em thứ hai thấy vậy, lại đến mộ bố kêu khóc và được bố cho vàng. Đến lượt em út đến kêu khóc, bố nói không

còn gì nữa cả, chỉ có một hũ nước thần cho về treo lên nóc nhà nút kỹ sẽ có ngày dùng đến. Hắn làm đúng như lời, nhưng vợ hắn lại tưởng là hũ vàng hũ bạc chi đây, bèn nhân lúc chồng đi vắng lấy xuống xem. Cũng như truyện trên, khi thò tay vào khoảng thấy tay trở nên trắng trẻo, chị bèn dùng nước tắm khắp người, thành ra đẹp như tiên. Ở đây không có câu chuyện bức tranh truyền thần và con quạ báo thù. Nghe tin, vua ra lệnh cho chồng đưa vợ tới cho mình xem mặt. Lúc tới, vua chiêm lấy người đẹp, chồng chỉ còn ngồi khóc. Vợ dặn nhớ về bắt nhiều chim sâu vặt lông làm áo quần rồi mặc đến cung. Anh làm theo. Vua thấy lạ, đòi đổi áo. Kết cục cũng như truyện của ta, chó thấy vua tưởng là người lạ xông ra cắn chết và người chồng trở thành vua [2].

Người Mèo có truyện *Chàng thối khèn* cũng là một dị bản của các truyện trên:

Một chàng trai có tài thối khèn làm cho con gái một phú ông đâm ra mê mẩn. Anh phải đi trốn đến một hòn đảo để tránh tai vạ. Ở đây tiếng khèn của anh lại làm đẹp lòng Long vương. Vua sai đón anh xuống thối khèn nhân đám ma bố mình. Cô gái út Long vương đến lượt phải lòng anh, nhưng Long vương không muốn gả, bắt anh phải qua nhiều thử thách. Nhờ có sự giúp đỡ của người yêu, anh đều thắng cuộc. Lần cuối cùng, người yêu của anh biến thành gà để bí mật theo anh về cõi trần. Sau đó nàng còn nhờ tiên xây lâu đài để cho hai vợ chồng ở. Nhưng một hôm, Ngọc Hoàng nghe tin vợ người thối khèn đẹp, bèn đòi anh ta đổi vợ cho mình: một lấy mười. Anh không chịu, Ngọc Hoàng sai lính đến cướp lấy mang về. Cũng như các truyện trên, nhờ có chiếc áo (đây là lông thú không phải lông chim) do vợ dặn mình khâu, anh lên trời rao bán, làm cho Ngọc Hoàng phải đổi áo cho anh để mua nụ cười của người đẹp. Kết cục anh chàng thối khèn làm vua, còn Ngọc Hoàng bị bày chó trong cung lạ hơi vì chiếc áo, xông ra cắn chết [3].

Một số dị bản của truyện *Chiếc áo lông chim* có gắn vào một phần đầu nói về lai lịch của một nhân vật vốn là người thần trong lốt vật. Cô-xcanh (Cosquin) thì cho rằng loại truyện như truyện *Chiếc áo lông chim* vốn xuất phát từ loại truyện có chủ đề người (nam) kết duyên với vật (nữ), thực ra đó là người trong lốt vật như kiểu *Người lấy cóc* (số 126), v.v... Sau đây là truyện của người Dao ở Tuyên-quang:

Một chàng trẻ tuổi chữa bệnh cho vua Rông ở biển bằng cách tháo lưỡi câu mắc vào họng vua. Để trả ơn, vua cho chọn một trong ba cái lọng thần. Anh chàng vô tình chọn được một cái lọng có phép làm mưa, khi trời hạn muốn mưa bao nhiêu cũng được.

Một hôm anh đang làm mưa, tự nhiên rơi xuống một con cá vảy biếc. Anh đem về nuôi trong vại nước. Giống với truyện *Tú Uyên* (số 117), từ đó mỗi lần anh đi vắng, mọi việc nhà đều được một người lạ mặt nào đó đến chăm sóc chu đáo. Để tìm ra sự thật, một hôm anh trốn vào chạn lúa phía trên cái vại tay thủ sẵn một cái chày giã gạo, giả cách đi vắng. Cá bỗng hóa ra cô gái đẹp (vì đó là con vua Rông) bước ra khỏi vại làm công việc nhà. Anh để rơi chày làm vỡ vại rồi ôm lấy cô gái. Không có nước để trở về hình dạng cũ, cô gái từ đó trở thành vợ anh. Hai người rất yêu nhau.

Đến đây truyện bắt đầu chuyển sang dạng truyện *Chiếc áo lông chim*. Một hôm, anh đi làm đồng vắng. Ở nhà lính vua đi qua ngõ thấy có người đàn bà đẹp bèn bắt giải về dâng vua. Vua yêu dấu, nạp làm hoàng hậu và biệt đãi hơn tất cả các vợ khác, nhưng vẫn không làm cho người đàn bà vui lòng. Về nhà không thấy vợ, anh đi theo dấu cái mọt (vì biết rằng đó là dấu của vợ cho mình biết mà đi tìm). Anh đi mãi đi mãi đến nỗi áo rách tơi tả như ăn mày. Cuối cùng cũng đến kinh đô nhà vua. Người đàn bà lúc ấy ở sân rồng vừa thấy mặt chồng thì mỉm cười. Thấy thế vua nói: - "Một năm nay ta chăm sóc yêu dấu mà không thấy nàng cười. Thế mà vừa thấy bóng

đưa ăn mày thì nàng vui ra. Hay là ta cũng ăn mặc như nó để cho đẹp lòng nàng". Cũng như các truyện trên, vua cởi áo đang mặc cho anh, rồi mặc áo rách vào, và cũng bị chó trong cung xé xác. Còn người chồng thật thì trèo lên ngai vàng [4].

Một truyện Mông-cổ chép trong sách *Cái chết màu nhiệm* (*Siddhi Kho* tương tự với truyện trên:

Một chàng trẻ tuổi giải phóng một con nhái, con gái của vua RỒNG, sau đó lại cứu một con rắn khỏi nuốt một con chim dữ, con rắn này là con trai vua RỒNG anh được vua trả ơn bằng một tặng vật có thể gọi được thức ăn ngon. Vua lại cho một con chó cái như kiểu con cá vẩy biếc ở truyện trên. Đêm lại chó cái cởi lột hóa ra người, thành vợ chàng trai, sáng ra lại mặc lột vật vào. Một hôm vợ anh lấy dạng người để đi tắm, ở nhà anh ném lột vào lửa. Vợ về thấy vậy rất buồn vì chồng làm thế tất sẽ có sự chia ly, ít ngày sau, người đàn bà lại đi tắm ở một con sông. Một búi tóc của nàng rơi ra, trôi theo dòng nước. Búi tóc này có năm màu lấp lánh và bảy tính quý, trôi vướng vào bình của một cô hầu trong cung đang múc nước. Thấy búi tóc lạ, người hầu dâng lên vua.

Vua bảo mọi người: - "Trên nguồn phải có một người đàn bà rất đẹp mới có búi tóc như thế này. Các người hãy cố gắng bắt về cho ta".

Khi thấy người của nhà vua sắp đến, người đàn bà biết sắp phải chia ly, mới dặn chồng làm một cái áo lông chim "pi" và lông thú rồi mặc vào, đến cung vua làm những điệu bộ cầu khẩn. Người chồng nghe theo. Thấy chồng đến với cái áo lạ, người đàn bà giờ đã là hoàng hậu, nở một nụ cười, vua nói: "Hơn một năm nay mặc dầu ta chiều chuộng đủ cách mà nàng không cười, nay sao lại cười trước điệu bộ của người kia?". Đáp: - "Tôi cười vì cái bộ lông chim kia. Nếu vua mặc vào tôi cũng cười ngay". Trong khi vua đổi áo

cho anh chàng thì người đàn bà dặn người hầu thả chó dữ ra. Vua bị chết tại chỗ, còn người đàn bà đưa chồng lên ngôi vua [5].

Ở một số dị bản khác của truyện *Chiếc áo lông chim* lưu hành ở một số dân tộc còn có xen vào những tình tiết đấu trí giữa nhân vật chính (nữ hay nam) với tên vua (hoặc quan do vua sai đến) cùng một loại với những tình tiết của truyện *Em bé thông minh*. Ví dụ truyện *Chiếc áo lông chim* của dân tộc Nùng (đã kể ở Khảo dị truyện số 80, tập II) [6].

Dân tộc Dáy có truyện *Vợ chồng anh mò ốc*:

Một anh chàng chuyên mò ốc, một hôm đi bắt được một con ốc lớn lạ thường, đem về bỏ vào chậu nước. Từ đó mỗi ngày đi làm về, anh thấy có cơm canh sẵn.

Tưởng bà con xóm giềng giúp đỡ, anh đứng ở cổng nói thật to mấy câu cảm ơn, nhưng sau mọi người cho anh biết là không ai giúp anh như thế cả. Cuối cùng anh cũng lập mưu bắt được quả tang cô gái đẹp từ vỏ ốc chui ra. Cô bằng lòng làm vợ anh, nhưng đến lượt anh quyến luyến vợ, bỏ bê công việc làm ăn. Từ đây truyện giống với truyện người Nùng. Vợ cũng vẽ cho hai bức truyền thần dặn chồng khi đi cuốc nương thì cầm mỗi bức một đầu, tha hồ ngấm ngứa.

Một hôm anh bỏ quên một bức ở nương, bức tranh bị gió cuốn bay đến sân nhà vua. Muốn thử xem người đẹp có tài không, nên khi gặp anh, vua hỏi: "Một ngày cuốc được bao nhiêu nhất?". - Vợ anh gà cho anh hỏi vặn lại vua: "Ngựa vua một ngày chạy được bao nhiêu bước?". Lần thứ hai vua lại hỏi: - "Có đầm nước trên núi đá đủ 15 con trâu tắm không?". - Vợ anh cho vua biết rằng "chồng mình đi bắt dây mây ba ngày chưa lần đến gốc". Vua không tin có mây dài như thế thì người đàn bà đáp: "Trên núi cũng không

có đầm rộng như thế". Vua chịu thua. Lần thứ ba gặp anh, vua lại hỏi: "Chỗ nào có cái trống đánh từ mồng một, tiếng vang đến ngày rằm?". Vợ anh nói rằng: "Chồng thiếp bận mỗ một con trâu ba ngày mà lột da chưa xong". Không tin thì người đàn bà đáp. - "Lấy da trâu ấy mới bưng được trống đánh từ mồng một vang đến ngày rằm". Vua lại chịu thua. Lần thứ tư gặp người đàn bà vua hỏi: - "Đỗ biết ta đi về hay là xuống ngựa đấy?". Nàng hỏi vặn vua: "Đổng rác này tôi hót đi đỗ một hay hai lần?" - "Một lần", vua đáp. Người đàn bà liền hót rác làm hai lần. Biết là bị mắc mưu, nhưng vua tìm cách bắt mỗi người dân nộp một vác củi rồi để vu vạ anh mò ốc, vua bỏ một con mèo chết vào vác củi của anh và nói: - "Mèo của ta không phải là mèo cũng không phải là hổ, rất quý. Có người đã trả năm mươi lạng rưỡi vàng. Nay đã đánh chết thì một là phải làm sống lại, hai là phải trả đủ số vàng. Không được thì phải đưa vợ đến thay". Không thấy anh mò ốc đến mèo, hôm sau vua đến nhà để đòi, không ngờ khi xô cửa làm rơi một cái muôi gỗ, bị vợ anh mò ốc lý sự: "Muôi nhà tôi không phải muôi, gỗ không phải gỗ, rất quý, có người đã trả sáu mươi sáu lạng sáu vàng. Nếu vua bắt chồng tôi làm cho con mèo sống lại thì vua cũng phải làm cho cái muôi lành lặn như cũ. Nếu bắt đền tiền thì vua còn mắc nợ mười một lạng một vàng". Vua lại chịu thua.

Thấy người đàn bà vừa đẹp vừa có tài trí, vua sai quân đến bắt đi. Từ đây truyện lại trở về dạng truyện *Chiếc áo lông chim*. Theo lời vợ dặn, người chồng cũng làm áo bằng lông các loại chim đánh bắt được, nhưng không phải trông tảo mà là trông hẹ "lá tốt như cỏ tranh". Sau ba năm anh mặc áo ấy và gánh gánh hẹ đi đến cung vua. Tiếng rao của anh cũng làm cho người vợ bỗng bật nói cười. Kết cục như các truyện trên, vua cũng đổi áo cho anh mò ốc, người đàn bà cũng thả chó ra cho cắn chết vua, và anh mò ốc thì trèo lên ngai vàng. Ở truyện của người Nùng thì hai vợ chồng trở lại đời sống ngày trước sau khi đưa của cải của vua phân phát cho mọi người[7]

Truyện *vua A Tú* của dân tộc Miêu (Trung-quốc) cũng có một đoạn giống với các truyện trên:

Chàng trai A Tú đến lợp cung điện cho vua. A Tú nhổ một bãi nước bọt biến thành quả anh đào làm cho công chúa mê anh. Về nhà anh bảo mẹ đi dạm công chúa. Vua bằng lòng gả nhưng bắt phải chịu một số thử thách. Lần đầu là dùng tro bện một sợi dây quấn quanh lâu ba vòng, và mang đến một con trâu sừng dài không đi lọt cửa thành. A Tú lấy rơm bện thành thùng rồi đốt như truyện của người Nùng; lại bóc vỏ cây xuân cắm tiếp vào sừng trâu cho dài. Lần thứ hai phải nộp ba đấu mề gà và ba thăng mắt cá. A Tú bắt mẹ mèo rừng và mẹ rái cá, bảo lũ con phải tìm nhiều mề gà và mắt cá mới thả mẹ chúng ra, nhờ vậy mà đủ số đem nộp. Lần thứ ba phải nhặt đủ số hạt đậu vàng mà vua sai rắc trong núi. A Tú bắt quạ loan báo cho các giống chim phải nhả số đậu đã ăn đem nộp. Lần thứ tư, để lấy ba sợi râu của Long vương, A Tú dùng gậy đập xuống mặt hồ làm cho Long vương ăn ngủ không yên, phải nhổ râu cho A Tú. Sau bốn lần thử, vua bằng lòng gả công chúa, nhưng bắt A Tú phải đoán đúng kiểu công chúa trong số một trăm hai mươi kiểu che kín rước ra cửa cung. Một con ruồi bằng lòng giúp chàng việc này. Đến đây truyện gần giống với truyện của ta.

Vì công chúa đẹp quá nên ngày nào A Tú cũng ngắm nghía không rời, bỏ công ăn việc làm. Công chúa bèn vẽ cho chồng một bức tranh luôn luôn mang theo bên người và dặn đừng huýt sáo. Câu chuyện rồi ren cũng xảy ra vì A Tú quên mất lời dặn. Gió cuốn bức tranh đến nước vua phương Nam. Binh mã của vua mang bức tranh đi tìm người đẹp. Một hôm chúng đến

làng A Tú. Chúng cũng hỏi anh mỗi ngày cuốc được bao nhiêu nhát. Anh chặn họng chúng bằng cách hỏi lại ngựa một ngày đi được bao nhiêu nước. Thấy thế chúng đến nhà với ý định để hỏi đồ nữa. Ở đây chúng tìm được người đàn bà vẽ trong tranh, mặc dầu nàng đã dùng nhọ nồi bôi vào mặt.

Cũng như mấy truyện trên, trước khi ra đi, công chúa dặn A Tú làm áo lông chim và mang khèn đến cung vua. Vào cung ba năm, công chúa không nói một lời và chỉ nói cười khi thấy A Tú đến. Vua mừng rỡ đổi áo hoàng bào lấy áo lông chim của A Tú. Nhưng trong khi vua nhảy múa thổi khèn thì bị công chúa xui chồng bắn chết. Rồi A Tú lên ngai vàng làm vua[8].

-
- [1] Theo lời kể của người miền Bắc.
- [2] Theo Đơ-jor-jơ (Degeorge), đã dẫn.
- [3] Theo Truyện cổ Việt bắc, đã dẫn.
- [4] Theo Bô-ni-pha-xi (Bonifacy). Truyện dân gian người Mán ở Bắc kỳ, BEFEO.
- [5] Theo Cô-xcanh (Cosquin). Truyện cổ tích Ấn-độ và phương Tây, sách đã dẫn.
- [6] Người Nùng còn có truyện *Nàng Xáy* nói đến một chàng trai nhờ con chó chín đuôi bắt được một cái trứng. Từ trứng hiện ra một cô gái, dọn cơm canh hàng ngày khi anh vắng mặt. Về sau anh rình bắt được. Từ đấy Nàng Xáy là vợ anh, nhưng vì anh phạm vào điều cấm kỵ (ăn trứng) nên vợ biến về thủy phủ. Trái bao gian khổ đi tìm vợ nhờ con chó chín đuôi, ruồi và cá anh vũ, nên anh cũng tìm đến nơi. Ở đây anh phải chịu ba lần thử thách của Long vương (bố vợ); nhờ có đom đóm, kiến, chim nên anh làm tròn. Nhưng khi đưa vợ trốn về, vì quá nôn nóng, nên vợ lại bị khi bắt, nhờ có châu chấu giúp, cuối cùng anh về an toàn. Từ đây truyện giống với truyện trên, chỉ có gánh gừng hương thay cho gánh táo (theo *Truyện cổ Việt bắc*, đã dẫn).
- [7] Theo Chàng xà trị hồ ác, đã dẫn.
- [8] Theo Truyện dân gian *Trung quốc*, đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
136. NGƯỜI DÂN NGHÈO
VÀ NGỌC HOÀNG

Ngày xưa, có một nhà kia trải đã mấy đời sống trong cảnh khổ rách áo ôm. Đến đời người cháu nội là một anh học trò không đất cắm dùi. Ngày ngày anh cố công làm thuê làm mướn để tối đến học năm ba chữ, may chi thay đổi được số phận, nhưng mãi đến năm ba mươi tuổi, cuộc sống của anh vẫn không nhích lên được tí nào. Không chịu được nỗi đói khổ dằn vặt, một hôm anh ngồi than thở một mình:

- Tục ngữ có câu: - "Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời". Ấy vậy mà đã ba đời nay dòng họ mình toàn là đói rách xơ xác. Ta nghe nói ngoài biển Đông có Ngọc Hoàng thượng đế thường xuống ngự trên một hòn đảo. Vậy ta phải đi tìm một phen để hỏi cho ra lẽ.

Nghĩ vậy, anh bèn khăn gói quả quyết lên đường.

Anh cứ ngày đi đêm nghỉ đã được mười hôm. Vì tiền, lương mang đi không có bao nhiêu nên chóng cạn. Đành phải lần vào một nhà nọ để xin giúp đỡ. Người chủ nhà này là một phú ông. Phú ông sai người dọn cơm nước đãi anh tử tế, đoạn hỏi:

- Anh đi đâu có việc gì?

Người học trò không giấu giếm một tý nào cả:

- Nghe nói Ngọc Hoàng thượng đế thường xuống ngự trên một hòn đảo ngoài biển Đông, tôi cất công đi tìm Ngọc Hoàng để hỏi tại sao người ta

thường nói: - "Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời", thế mà nhà tôi đói khổ từ ba đời nay không cất mặt lên được.

Nghe đoạn, phú ông đưa cho anh học trò một số tiền ăn đường, và nói:

- Thế thì nhân thế anh làm ơn hỏi giúp Ngọc Hoàng cho tôi một việc. Nhà tôi từ xưa đến rày không hề làm việc gì ác đức, vậy mà không hiểu tại sao vợ chồng tôi chỉ sinh hạ có mỗi một mụn con gái mà lại câm từ thuở nhỏ.

Người học trò gật đầu nhận lời, rồi lên đường, tiếp tục cuộc hành trình. Nhưng số tiền ăn đường của anh chẳng mấy chốc lại hết veo. Anh lại lần vào nhà một người nọ ở dọc đường để cầu giúp đỡ. Người chủ nhà này cũng đãi đằng cơm nước tử tế, đoạn hỏi anh về mục đích chuyến đi. Anh cũng kể lại tỉ mỉ số phận đen đủi của mình cũng với ý định đi tìm Ngọc Hoàng thượng đế. Nghe thủng câu chuyện, người kia mang tiền gạo ra tặng anh, và nói:

- Nếu anh đi gặp Ngọc Hoàng thượng đế thì nhân thế làm ơn hỏi hộ cho tôi việc này một tý. Nguyên nhà tôi có trồng mây cây cam, không hiểu tại sao cây tốt sum suê mà lại không hề có quả.

Người học trò nhận lời và lại tiếp tục lên đường. Anh đi mãi rồi cũng đến đích. Nhưng khi muốn vượt biển để tìm đến hỏi đảo chỗ Ngọc Hoàng thường ngự xuống thì thấy một trời một nước mênh mông, chẳng có thuyền bè gì cả. Anh ngồi lại ở trên bờ chờ đợi. Chờ luôn ba hôm không thấy gì, anh không khỏi sốt ruột. Bỗng một hôm anh trông thấy một con ba ba khổng lồ nổi lên mặt nước bơi vào bờ, hỏi anh có việc gì mà ngồi chờ ở đây. Người học trò liền kể hết tâm sự của mình cho ba ba nghe và nói lên điều mong mỏi trước mắt là chờ gặp một con thuyền để đi nhờ ra đảo. Ba ba nghe vậy liền bảo:

- Anh cứ trèo lên lưng tôi, tôi sẽ vui lòng đưa giúp anh ra đến tận đảo. Nhưng nhân thể nhờ anh hỏi hộ Ngọc Hoàng cho tôi là tại sao tôi sống ở đây đã được một ngàn năm rồi mà vẫn cứ thế này mãi chứ không thay đổi.

Người học trò lại nhận lời của ba ba. Anh ngồi lên lưng ba ba để cho con vật rẽ sóng đưa mình băng qua muôn trùng sóng nước. Đảo xa mù tít ngày một rõ dần. Không bao lâu, bàn chân anh đã giẫm lên đảo. Anh còn tiếp tục đi một đoạn đường rất dài và trèo lên tận đỉnh một ngọn núi. Theo lời chỉ dẫn thì đây chính là chỗ Ngọc Hoàng thỉnh thoảng thường ngự xuống nghỉ ngơi. Cho nên, anh dừng chân lại và găng sức chờ đợi. Quả nhiên ba hôm sau, vào một buổi sáng, bỗng có một vầng sáng từ trên trời bay vụt xuống đỉnh núi, Ngọc Hoàng từ trong vầng sáng bước ra rồi khoan thai tới ngự trên một cái ngai đầy châu báu rực rỡ. Không rụt rè một tí nào, anh học trò tiến đến trước mặt Ngọc Hoàng quỳ xuống tâu xin. Nhìn thấy anh, Ngọc Hoàng chau mày:

- Nhà ngươi muốn cái gì mà đến đây.

Người học trò chưa vội hỏi việc của mình, anh bắt đầu kêu hộ việc của ba ba. Ngọc Hoàng nghe xong, liền nói:

- Nó có hòn ngọc ở trong cổ nên không hóa kiếp được. Chỉ cần bỏ ngọc ra là hóa được ngay.

Anh lại đem việc của người trồng cam ra tâu. Ngọc Hoàng bảo:

- Những cây cam ấy không có quả là vì dưới gốc của chúng có vàng. "Kim khắc mộc" nên mới như thế.

Anh học trò lại chuyển sang hỏi hộ cho người con gái câm. Ngọc Hoàng bảo:

- Nó không nói được là vì chưa có ông trạng nào đến "khai khẩu" cho nó.

Người học trò sắp sửa chuyển sang hỏi việc cho chính mình, thì không ngờ Ngọc Hoàng thượng đế thấy anh hỏi mãi nên học mình, gắt:

- Bực quá! Ta đến ngồi ở đây tưởng cách biệt với thiên đình để kiếm chút yên tĩnh, không ngờ lại bị bọn trần gian tìm đến quấy rầy.

Nói đoạn, Ngọc Hoàng vội cười mây bay về trời. Cho là số phận của mình đen đủi nên mới xui ra vậy, anh học trò đành ngậm ngùi quay trở về. Đến bờ biển đã thấy ba ba chực sẵn ở đó, nó bảo anh trèo lên, chở vào đất liền, rồi hỏi:

- Việc của tôi thế nào?

- Tại trong cổ mày có hạt ngọc mà mày thì cứ khư khư giữ mãi không chịu bỏ ra, nên không thể hóa kiếp được?

Ba ba bèn nhả viên ngọc đưa ra biếu anh và chỉ một chốc sau nó đã được đầu thai làm kiếp khác.

Anh học trò lại lần theo đường cũ trở về. Đến nhà có cây cam, người chủ ra đón anh, hỏi:

- Việc của tôi thế nào?

- Vì dưới gốc cây có vàng chôn, cứ đào lên là khắc có quả.

Người làm vườn bèn lấy thuổng đào, quả tìm thấy dưới mỗi gốc cây có một chĩnh vàng. Ông ta vui lòng chia cho người có công đi hỏi giúp mình một chĩnh.

Anh học trò lại lên đường về. Đi ngang qua kinh thành nhà vua thì một không khí tấp nập làm anh chú ý. Ở đây người ta đang mở khoa thi để kén Trạng nguyên. Nhờ có viên ngọc, anh học trò đã trở nên sáng dạ lạ thường, bao nhiêu kinh sử ôn đến đâu thuộc lầu đến đấy. Vì thế anh bèn nấn ná ở lại. Sẵn có vàng, anh sắm sửa mọi thứ: quyển thi, lều chiếu và lễ vật... để được có tên vào danh sách ứng thí. Khoa ấy, văn bài của anh làm rất xuất sắc. Chánh chủ khảo lấy anh lên đầu bảng. Nhà vua vô cùng khen ngợi vì kén được nhân tài xứng đáng, phong cho anh đậu Trạng nguyên.

Sau đó ít lâu Trạng cười ngựa vinh quy. Một đoàn lính tiền hô hậu ủng theo Trạng cùng đi. Khi đi qua nhà phú ông, Trạng vẫn không quên lời hứa ngày nọ. Chàng bèn dừng ngựa ghé vào. Phú ông lấy làm ngạc nhiên khi thấy có quân gia kéo vào nhà mình, liền khăn áo chỉnh tề ra tiếp đón. Thấy Trạng không phải ai khác hơn người học trò nghèo đi hỏi Ngọc Hoàng dạo trước, phú ông lại càng bội phần kinh ngạc. Nhưng Trạng vừa kịp truyền cho phú ông biết câu trả lời của Ngọc Hoàng thượng đế, thì từ buồng trong, cô gái câm đã bước ra mỉm cười cúi chào Trạng và tự nhiên thốt lên thành lời. Để cảm ơn người có công giúp mình, phú ông bèn đem con gái gả cho Trạng làm vợ [1].

KHẢO DỊ

Mô-típ trên phổ biến ở một số nước châu Á và châu Âu. Ở Triều-tiên, Trung-quốc đều có truyện giống với truyện của ta. Sau đây chỉ kể một số dị bản có tình tiết hơi khác.

Dân tộc Dácy có truyện *Phìn pản phân* (chia đôi):

Xưa có một chàng trai nghèo đi ở cho một nhà giàu, một hôm nhặt được một thoi vàng trên có ba chữ "phìn pản phân" anh bị tên nhà giàu cướp lấy, bảo ba chữ ấy là tên mình. Anh bèn bỏ chủ đi tìm tiên để hỏi. Dọc đường anh cũng lần lượt gặp một nhà có hai cây cam có hoa không quả, một nhà có cô gái câm và một con rắn sống mấy trăm năm mà chưa được lên trời, nhờ hỏi họ lý do. Cũng như truyện trên, anh chỉ hỏi được ba việc cho người, mà không hỏi được việc của mình. Nhưng khi xong việc của con rắn, anh được nó tặng một viên ngọc lấy từ đầu rắn, xong việc thứ hai, anh được nhà nọ gả cho cô gái hết câm; xong việc thứ ba anh được chia đôi số thoi vàng và bạc mà trên mỗi thoi đều có ba chữ "phìn pản phân". Qua đó anh tự giải đáp được luôn câu hai của mình: chính là tên nhà giàu đã cướp không thoi vàng của mình nhặt được. Kết cục câu chuyện, thoi vàng của tên nhà giàu tự nhiên biến thành cục phân [2].

Truyện cổ tích Grim (Grimm) có kể *Ba sợi tóc vàng của chúa quỷ* cũng là một dị bản của các truyện trên, khá phổ biến ở châu Âu.

Một đứa bé đẻ ra đã đội mũ, thầy số đoán nó sẽ lấy công chúa. Nghe nói, nhà vua muốn phá tiên định, bèn bắt thẳng bé bỏ vào hộp thả sông. Một người chủ cối xay nhặt được hộp vương vào hàng cừ, bèn đem về nuôi cho khôn lớn.

Vua đi qua, biết nó là đứa bé mình toan hại trước đây, bèn nhờ anh mang thư về cho hoàng hậu, trong thư dặn vợ giết chết người đưa thư. Nhưng một bọn cướp bắt được anh và bức thư, bèn bí mật chữa lại là "gả công chúa cho người đưa thư". Vì thế anh được lấy công chúa. Khi vua trở về thì mọi việc đã xong đâu vào đấy. Tức giận, vua bèn bắt anh phải đi lấy ba sợi tóc vàng của quỷ, có được mới nhận làm rể.

Đến đây truyện giống với những truyện vừa kể ở trên. Anh đến một thành phố, người lính gác thành phố thấy anh nói gì cũng thông hiểu, bèn xin anh cho biết tại sao giếng ở chợ mọi ngày vẫn chảy ra rượu vang nay lại cạn. Anh hứa lúc về sẽ trả lời. Một người lính gác thành phố thứ hai hỏi anh vì sao cây đang ra quả vàng tự nhiên héo khô. Một người lái đò mà anh gặp sau đó, hỏi anh vì sao suốt đời phải đưa đò ở bến. Anh đều hứa khi về sẽ trả lời. Vào địa ngục, đến nhà chúa quỷ, gặp quỷ vợ, anh nói mục đích của mình và các câu hỏi. Vợ chúa quỷ biến anh thành con kiến nấp trong nếp áo để cho chúa quỷ khỏi ăn thịt - phần nào giống với nhân vật sư và Ác-lai trong *Sự tích cá he* (số 13, tập I). Chúa quỷ về, bảo vợ rằng mình đánh hơi thấy có mùi thịt người. Vợ đánh trống lảng cho qua chuyện, ăn xong, chúa quỷ nằm xuống gối đầu lên đùi vợ nhờ bắt chấy. Vợ nhổ lần lượt ba sợi tóc, mỗi lần nhổ chúa quỷ đau tỉnh giấc, là một lần vợ đem một câu hỏi của anh ra hỏi. Sáng hôm sau khi chúa quỷ đi khỏi nhà, anh được vợ quỷ làm phép trả lại hình người và trao cho ba sợi tóc vàng.

Trở về, anh lần lượt trả lời ba câu hỏi. Với anh lái đò, đợi khi qua sông xong, anh nói: - "Thấy người nào qua sông cứ ấn mái chèo vào tay rồi bỏ đi là từ già được nghề cầm chèo". Với người lính canh thứ hai. - "Bắt con chuột gặm rễ cây giết đi, cây lại có quả vàng". Người ấy tặng anh một con la chở đầy vàng. Với người lính canh đầu tiên - "Bắt con cóc dưới đáy giếng thì lại có rượu vang", cũng được tặng hai con la đầy vàng.

Vua được ba sợi tóc rất mừng. Nhưng nghe nói bên kia sông có nhiều vàng thì động lòng tham, quyết đi tìm vàng. Lúc vua qua sông, người lái đò dúi mái chèo vào tay vua rồi đi mất. Thế là vua phải ở lại làm nghề chèo dò.

Người Pháp có truyện *Bà tiên chồn*:

Một người anh chiếm hết cả gia tài, chỉ chia cho em một ít tiền. Em đông con, ăn hết tiền lại đến vay của anh. Anh bảo cưỡi truồng ra đầm mưa rồi lăn vào trong chạn đầy bột của mình, dính được bao nhiêu cho lấy bấy nhiêu. Em làm theo lời, chỉ được bột vừa đủ làm nửa cái bánh, nhưng sau đó phơi bánh ở cửa sổ, gió thổi bay đi mất. Lại đến xin người anh lần nữa. Anh bảo đi tìm bà tiên chồn mà hỏi. Em đi ngay. Trong khi đi đường, em được một gốc đa che cho khỏi lạnh, cây nhờ hỏi họ tại sao những cây khác đều có quả mà mình thì không. Lại được một con diều lớn nằm giữa đất cho nấp dưới cánh, chim cũng nhờ hỏi họ vì sao mình lại không bay được. Một dòng suối mà chàng lội qua cũng nhờ hỏi vì sao những suối khác đều có cá mà mình thì không. Khi gặp bà tiên chồn, bà tiên trả lời ba câu hỏi họ người, đến câu hỏi của mình thì bà trao cho một cái liềm vàng. Em về lội qua suối rồi nấp sau một đồng đất nói với suối rằng - "muốn có cá phải nuốt một người". Sau khi ngủ dưới cánh diều một đêm, sáng dậy chàng gỡ một hòn đá trong nách chim, chim liền bay được. Sau khi ngủ một đêm dưới gốc đa, chàng đào dưới gốc được hai hũ hạt, cây từ đó có quả. Đưa về nhà thì hòn đá ở nách chim hóa thành kim cương, hai hũ hạt thành hai hũ vàng.

Nghe tin em giàu có, người anh tìm đến hỏi, rồi vội bỏ đi gặp bà tiên chồn; nhưng cây đa đã có quả, chim đã bay mất, hẳn không còn chỗ ẩn nấp, khi qua suối lội xuống bị nuốt chửng. Từ đó, suối trở nên lắm cá.

Truyện của người đảo Cor-xơ (Corse) *Bạn của những người nghèo*:

Một ông chúa vì làm phúc mà phá sản. Tin tưởng ở đức chúa Trời, ông đeo túi lên vai đi tìm để hỏi. Dọc đường, gặp một ông chúa lâu đài nhờ hỏi hộ vì sao đất của mình không sinh sản. Gặp một thầy cả nhà dòng nhờ hỏi vì sao nhà dòng trở thành địa ngục và các thầy tu lại sinh đánh nhau. Cuối cùng gặp một người đàn bà nghèo nhờ hỏi vì sao con gái mình không kiếm được chồng.

Khi đến nơi, chúa Trời trả lời cho ông các câu hỏi, rồi cho ông một túi sỏi đủ cho ông và vợ làm phúc suốt đời. Trở về qua chỗ người đàn bà nghèo, ông trao cho bà và các cô con gái mỗi người một hòn sỏi. Sỏi hiện thành kim cương, các cô gái liền kiếm được chồng. Đến chỗ nhà dòng, ông bảo thầy cả phải đem cây thập tự cho người đầu bếp và rung tất cả các chuông lên. Quỷ ộp vào người đầu bếp, làm hắn chạy trốn và kêu rống. Cả nhà dòng sợ hãi, từ đó các thầy tu không đánh nhau nữa. Đến chỗ ông chúa lâu đài, ông bảo hạ tường xuống đất thì đất sẽ sinh sản được [3].

Một số truyện khác của Việt-nam dường như xuất phát từ một số hình tượng chính của truyện *Người dân nghèo* và *Ngọc hoàng* mà phát triển thành, ví dụ truyện *Nhà sư và cá kình* (giống với hình tượng người học trò và con ba ba):

Một nhà sư trụ trì đã lâu năm mà chưa thành chính quả: một hôm mộng thấy thần linh bảo phải đi đến nước Phật để tìm một câu tụng niệm, rồi tự mình tụng lấy thì đắc đạo. Sư ra đi với một đám đệ tử, nhưng đường sá gian nguy, các đệ tử rơi lại dọc đường, còn một mình sư vẫn không nản chí. Đến bờ biển không có thuyền bè nào dám chở. Một con cá kình ngẫu nhiên qua đó ghé cho sư lên. Biết sư đi tìm Phật, cá nhờ hỏi Phật cho một câu. Sư ta nhận lời (nhưng như vậy là phạm lỗi vì đáng lý phải ngậm thinh). Cá nói mình đã sống một nghìn một trăm năm nay và gần đây để chuộc lỗi lầm cũ,

không hề ăn một con tép nhỏ, nhưng không hiểu sao vẫn chưa thành chính quả. Sư sợ cá bỏ mình dọc đường (ý nghĩ đó là phạm lỗi lần thứ hai) nên tuy biết không thể hỏi được nhưng cũng hứa liều (phạm lỗi lần thứ ba). Cám ơn sư, cá chở đến tận bờ. Đến nơi, sư nhận được của Phật một quyển kinh trong đó có câu tụng niệm, nhưng vì lỗi lầm làm mờ ám, sư chỉ dọc được câu đầu sách và lặp đi lặp lại: "Nam-mô-a-di-đà-phật". Sau đó sư bỏ kinh vào đây trở về.

Đến bờ biển gặp lại con cá kinh cũ. Sư lại trèo lên lưng cho nó chở về. Đến nơi cá hỏi, sư run rẩy vì lỗi lầm của mình nên đánh rơi đây. Cá tưởng Phật cho mình bèn nuốt chửng đây kinh rồi đi luôn. Sư bước lên bờ: đây là đảo Phú-quốc. Sư dừng lại ở đây trụ trì, và sau đó ghi lên hang núi một câu: "Kẻ đệ tử đã đi sang Tây-trúc tìm được câu tụng niệm là "Nam-mô-a-di-đà Phật" [4].

Người châu Âu có khá nhiều truyện có nói tới một nhân vật đi tìm cho vua ba sợi tóc vàng (hay thuốc trẻ lại). Đặc biệt hầu như các truyện đó đều có hình ảnh người lái dò ngang từng làm việc lâu năm và muốn tìm người thay thế. Ví dụ truyện *Thằng bé gù*, có nói tới một hoàng tử đi tìm thuốc trẻ lại, dọc đường gặp một con chồn biếu một cái khăn có thể gọi ra thức ăn và dặn: thuốc trẻ lại ở trong một lâu đài rất xa. Lâu đài này có một ông chàng, một con hổ và một con sư tử canh giữ. Muốn đến lâu đài phải qua sông bằng đồ ngang, người lái dò làm nghề này đã mười tám thế kỷ, xuống đồ nếu người nào bước thụt lùi một bước, là phải thay chân người lái mãi mãi, v.v...

(HẾT TẬP III)

[1]. Theo Lãng-đờ (Landes), sách đã dẫn.

[2]. Theo *Chàng xà trị hổ ác*, sách đã dẫn.

[3]. Chúng tôi chưa nắm được ý nghĩa của tình tiết sau cùng này.

[4]. Theo *Tạp chí Đông-dương* tập XIII, số 1 (1910). Một dị bản của truyện này như sau: Một nhà sư sang Tây-trúc thỉnh kinh, đến bờ biển không có đò, nhờ có con rùa nổi lên chở đi. Dọc đường rùa dặn: - "Xin ông hỏi hộ với Phật tại sao tôi cứ phải ở nước mãi khổ lắm". Sư ta nhận lời. Khi sư quay về lại được rùa đón chở. Đi được nửa đường rùa hỏi về điều mình nhờ hỏi hộ. Sư đáp: - "À quên". Rùa giận lặn mất, vì thế kinh kệ ứt cả, may có con diều tha kinh lên phơi phóng. Do câu chuyện này người ta cho rằng rùa bị tội đội bia. Còn diều thì được biểu dương bằng cách ngâm phướn (*Bản khai của sách Hữu-lập, sách Vĩnh-lại, sách Nhiêu-hợp* đã dẫn, tập I). Xem thêm Khảo dị truyện số 13, tập I.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
KHO TÀNG
KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM CỦA NGUYỄN ĐÔNG
CHI

Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam đã ra được ba tập và có tập đã in lại đến lần thứ tư, thứ năm, trong vòng trên mười lăm năm. Chỉ sự việc đó thôi, cũng đã nói lên một phần giá trị của bộ sách. Đáng lẽ phải chờ cho sách ra trọn bộ, để có thể nghiên cứu cả ý kiến của tác giả về "ý nghĩa, giá trị và đặc điểm của truyện cổ tích Việt-nam thế nào? Phương pháp nghệ thuật và nội dung tư tưởng của nó có khác gì với truyện cổ tích Đông Tây?" (Bản in đã dẫn, tập I, tr. 71), và xem toàn bộ hệ thống truyện được chọn lọc ở cả những tập cuối, rồi mới góp ý kiến thì hợp lý hơn. Nhưng chúng tôi thiết nghĩ ba tập sách ra đời, trải qua thời gian hơn mười lăm năm, cũng tạm đủ thử thách để có thể cho phép chúng ta rút ra một số nhận xét, kết luận cần thiết. Hai nữa, chờ cho sách ra được trọn bộ e có thể còn lâu, vì "kho tàng" truyện cổ tích Việt nam trên khắp cả đất nước ta vô cùng phong phú, công phu sưu tầm và nghiên cứu của tác giả dù đã rất lớn, chắc cũng còn phải bỏ vào đấy khá nhiều.

Những tập đã công bố của Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam có hai phần chủ yếu :

Phần thứ nhất: Nghiên cứu truyện cổ tích nói chung và truyện cổ tích Việt-nam.

Phần thứ hai: Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam (phần này mới chỉ gồm 120 truyện).

Phần nghiên cứu in ở đầu tập I đề cập đến ba mặt của vấn đề truyện cổ tích: Bản chất truyện cổ tích, Lai lịch truyện cổ tích, Truyện cổ tích Việt-nam qua các thời đại. Đây có thể coi là phần "tuyên ngôn", nêu rõ quan điểm của các tác giả về loại hình truyện cổ tích, quy luật cũng quá trình hình

thành truyện cổ tích, bước đường tiến hóa của nó trong lịch sử văn học truyền miệng và lịch sử văn hóa dân tộc (tác giả đề cập đến sự xuất hiện và sự suy tàn của truyện cổ tích Việt-nam những trong đó có dụng ý khái quát tiến trình vận động của loại hình truyện cổ tích và tuyên truyền miệng nói chung). Còn phần "tổng kết", đánh giá toàn bộ truyện cổ tích Việt-nam, chắc cũng sẽ có tầm quan trọng tương xứng với phần "tuyên ngôn", như đã nói ở trên, sẽ được in ở lớp cuối của bộ sách, là phần thứ ba, khép lại của toàn tập.

Trong khi chờ đợi sách ra trọn bộ, và cũng để đọc liền mạch cả hai phần nghiên cứu, để trình giải cho xác đáng những ý kiến có tính hệ thống của tác giả (trong đó nhiều ý kiến đã được các học giả phương Tây luận bàn[1]), chúng tôi xin phép được hẹn một dịp khác sẽ trực tiếp phân tích, đánh giá một cách tổng thể phần nghiên cứu quan trọng này. Riêng phần văn bản truyện cổ tích, chỉ qua ba tập đã in ra, tác giả đã giới thiệu cho chúng ta 120 truyện, xoay quanh những chủ điểm sau:

1. Nguồn gốc sự vật (25 truyện)
2. Sự tích đất nước Việt (10 truyện)
3. Sự tích các câu ví (25 truyện)
4. Thông minh, tài tử và sức khỏe (32 truyện)
5. Sự tích anh hùng nông dân (12 truyện)
6. Truyện phân xử (10 truyện)
7. Truyền thần tiên, ma quỷ và phù phép (6 truyện).

Ngoài ra, ở dưới mỗi truyện, trong phần Khảo dị, tác giả còn giới thiệu thêm rất nhiều dị bản, nhiều truyện cổ tích khác có khía cạnh tương tự về mặt này hay mặt khác với truyện đã kể. Đây là hàng loạt cổ tích của các dân tộc thiểu số trong nước ta hoặc cổ tích của nhiều dân tộc trên thế giới...

Qua ba tập sách, người ta đã thấy đây đúng là "kho tàng", dù chỉ mới xếp xong có "ba kho". Ở chủ điểm nào cũng thấy sự phong phú đa dạng của

loại hình cổ tích. Đọc xong một sự tích của ta, bạn đọc lại bị lôi cuốn vào hàng loạt sự tích cùng loại của thế giới (chẳng hạn ở truyện Sự tích con khỉ (tập I), phần Khảo dị tác giả kể thêm 25 dị bản; ở truyện Nói dối như Cuội có thêm 24 dị bản; truyện Ba chàng thiện nghệ (tập III) có thêm 30 dị bản...). Rất ít truyện không có Khảo dị. Nếu đồ đồngghơn bù kém cứ sau một truyện chính lại gọi thêm chừng 10 dị bản, thì số lượng truyện cổ đến trong cả ba tập - với những hình thức và chi tiết khác nhau - phải tính đến con số ngàn.

Kho tàng này còn đáng quý ở chỗ bao gồm được những truyện đã được thời gian sàng lọc - tất nhiên được tác giả kỳ công tìm tòi, tuyển chọn và kể lại - để có giá trị tiêu biểu bậc nhất cho truyện cổ tích Việt-nam. Vì thế, có thể nói, Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam của Nguyễn Đồng Chi đánh dấu một bước tiến quan trọng trong công tác sưu tầm, giới thiệu, nghiên cứu truyện cổ tích Việt-nam; nó đạt được những thành tựu vững chắc hơn không ít các tập truyện cổ tích đã xuất bản từ trước đến nay, về cả hai mặt số lượng và chất lượng.

Về mặt ngôn ngữ truyện kể, tác giả đã cố gắng để không rơi vào hai xu hướng lệch lạc khá phổ biến xưa nay là tiểu thuyết hóa hoặc đơn giản hóa truyện cổ tích. Nhiều truyện kể hấp dẫn, làm nổi bật chủ đề, sự việc diễn biến dồn dập, lôi cuốn, như Sự tích chim tu hú, Gốc tích tiếng kêu của Vạc, Cộc, Dủ dẻ, Đa đa và Chuột, Sự tích đầm Mực... (tập I). Của Thiên trả Địa, Chàng Lúa...(tập II), Con chó, con mèo và anh chàng nghèo khổ, Ba Vành... (tập III), vân vân... Tác giả đã dụng công kết cấu từng truyện đúng như cái cốt ban đầu của chúng, để cho mỗi truyện lôi cuốn người đọc theo sự kết hợp mô-típ và chủ đề riêng của nó, tránh dàn đều xóa nhòa sự dị biệt, đặc thù nếu có, lại càng tránh xu hướng hiện đại hóa lộ liễu. Người đọc không hề phải khó chịu vì đọc những đoạn văn tả cảnh, tả tình dài dòng như ở một số tập truyện cổ tích khác. Lời văn kể chuyện trong cả ba tập nói chung giản dị, dễ hiểu, đôi chỗ dí dỏm, vui tươi. Có thể nói, ở đây, tác giả đã cố gắng sử dụng ngôn ngữ kể chuyện của người bình dân và cách diễn đạt dân gian mà vẫn không làm cho các truyện rơi vào thô thiển. Cái khó của

truyện kể là xác định cho đúng chủ đề tư tưởng ban đầu của câu chuyện cổ, rồi kể làm sao cho nổi, cho sáng chủ đề tư tưởng đó một cách nghệ thuật, hợp với luận lý. Ở truyện Sự tích đầm Mực, qua lời trao đổi của Chu An với hai anh học trò là con vua Thủy: - "Các con cố thử nghĩ xem có thể lấy nước ở đâu được không? Không cứu được nhiều thì ta hẵng tạm cứu ít vậy!" - "Dạ, oai trời rất nghiêm nhưng là thầy thì rất trọng. Chúng con xin vâng lời thầy", tác giả đã cho ta thấy đạo đức của ông thầy và tình nghĩa thầy trò sâu nặng. Người ta thường gọi lối kể này là "khéo léo phục chủ đề qua sự việc".

Tuy vậy, ở một số truyện, rải rác vẫn còn đôi chỗ dùng từ cầu kỳ hoặc chen vào một đôi lời bàn không cần thiết, như. "Ngày xưa, có một vị hòa thượng trẻ tuổi nổi tiếng chân tu. Mọi "thị dục" của bản thân, hòa thượng đều kiên quyết cắt đứt, chỉ một lòng chuyên chú vào lẽ hư vô của đạo Thiền", hoặc "Thế là chuyển đó Phật bà Quan âm không được hài lòng. Giận vị hòa thượng đã thiếu kiên trì trước sức cám dỗ của thị dục"... (Sự tích con nhái, tập I, sách đã dẫn, tr.119-121). Chữ "thị dục" tuy có giữ lại được màu sắc cổ kính của từ ngữ, nhưng nên chằng đổi sang một chữ khác cho bình dị hơn?

Ở một vài truyện, ngôn ngữ đối thoại có lẽ còn phảng phất ảnh hưởng của những văn bản thuộc loại hình khác, không phù hợp lắm với lối kể dân gian. Ví dụ trong truyện Vợ ba Cai Vàng, khi Cai Vàng mời ba vợ đến họp bàn, tác giả kể lại cuộc đối thoại giữa họ với nhau:

"Ông nói. - "Tôi nay không khác gì cưỡi trên lưng hổ, sớm muộn bọn chúng cũng chẳng để yên cho nào. Vậy tôi muốn một phen chọc trời khuấy nước, diệt cho hết lũ tham tàn để vẫy vùng riêng một cõi. Ba nàng nghĩ sao?". Người vợ cả thưa rằng. - "Châu chấu chống xe làm sao được! Chàng đừng nghĩ đại dột! Cái vạ diệt tộc hãy còn rình sau lưng đấy! Mong chàng nghĩ lại thôi. Nếu chàng dấy quân, thiếp đành xin trở về nuôi mẹ. Một mai nhờ có việc gì, thiếp xin phụng dưỡng mẹ già thay chàng".

Người vợ hai cũng tiếp luôn:

"Chàng ơi, nghe thiếp đừng đi,

Cửa nhà, cơ nghiệp thiếu gì ăn chơi" v.v...

Về mặt khảo dị, tác giả đã dày công nghiên cứu và tìm tòi tư liệu ở khắp mọi nơi và khắp mọi nguồn, để có thể gọi ra hoặc kể tóm tắt nhiều dị bản ở trong nước, ngoài nước, giúp ích rất nhiều cho người đọc trong việc so sánh, để tìm những nét đại đồng tiểu dị trong nội dung những truyện kể thuộc cùng một chủ đề, hoặc một chủ điểm trong cách kết cấu của những truyện cùng loại hình, trong sự lặp lại hoặc phát sinh của những "mô-típ, hình tượng; mặt khác thấy được những nét độc đáo của truyện cổ tích Việt-nam và sự giao lưu văn hóa giữa các nước.

Điều đáng nói là tác giả đã cố gắng tìm được nhiều dị bản ở nhiều địa phương trong nước. Điều này quan trọng hơn rất nhiều so với việc so sánh dị bản ở nước ngoài. Vì càng có được trong tay nhiều dị bản về một cốt truyện đã chuyển hóa qua nhiều nơi, nhiều vùng, thì càng có cơ sở tô đậm tính dân gian của truyện cổ tích, càng giúp người đọc dễ nắm bắt được chủ đề đích thực của từng câu chuyện. Đọc xong truyện Cứu vật trả ân, cứu nhân trả oán (tập II), rồi đọc thêm dị bản Bạc hươu cầm thú ở Hà-tĩnh, và những truyện khác ở Nghệ an, ở phường An-phụ (Hà-nội)... chúng ta càng thấy sức sáng tạo của quần chúng mỗi nơi mỗi vẻ, cũng như nét nhân bản rất rõ trong truyện cổ tích Việt-nam (con người không thể không cứu đồng loại, mặc dầu biết rõ đồng loại là loài khôn ngoan nhất, nên có thể trở thành "nguy hiểm" cho mình). Đọc sự tích Tô thị vọng phu ở Lạng-sơn, sự tích đá Vọng phu ở Bình định và một loạt dị bản khác được dẫn dắt khéo léo trong tập sách của Nguyễn Đông Chi, ta mới biết sự khác nhau về chủ đề vẫn thường gặp trong một số truyện cổ tích có bề ngoài hình như giống nhau.

Có thể nói, giá trị của Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam tăng lên nhiều, một phần quan trọng là nhờ sự phong phú, dồi dào của phần Khảo dị. Tuy vậy,

bạn đọc vẫn muốn yêu cầu tác giả trong những lần tái bản sau, nâng cao hơn nữa số lượng dị bản ở trong nước, để không những phù hợp với tên bộ sách là Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam mà chủ yếu đáp ứng một yêu cầu khoa học thực tiễn cấp thiết của giới nghiên cứu, và của đông đảo công chúng. Đó là vấn đề: tính dị bản của cổ tích Việt-nam, cho đến nay vẫn chưa được đặt thành vấn đề nghiên cứu một cách thật hệ thống. Có nhiều nhà cổ tích học đã sưu tập được hàng trăm dị bản và một cốt truyện ở nhiều nước khác nhau, nhiều dân tộc khác nhau, như Ê-ma-nuy-en Cô-xcanh (Emmanuel Cosquin) với cốt truyện "cô gái bị bắt được cứu thoát và những nhân vật có tài lạ", hoặc như Đinh Gia Khánh với loạt truyện Tấm Cám... Song đó là vấn đề đặt ra cho loại sách khảo cứu chuyên đề. Còn đối với sách "kho tàng" cổ tích của một dân tộc, như Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam thì thiết tưởng yêu cầu đầu tiên là làm nổi bật các dị bản của các địa phương trên địa bàn Việt-nam (đó là sự vận động nội tại của loại hình này, qua các mối giao lưu văn hóa trong lịch sử), rồi sau mới tính đến các dị bản của thế giới.

Cách sắp xếp ở phần Khảo dị cũng có những phần chưa được nhất quán. Phải chăng nên có những khảo dị rành rọt về từng loại: khảo dị truyện cùng chủ đề, khảo dị truyện cùng loại kết cấu, khảo dị truyện có mô-típ, hình tượng giống nhau... Làm như thế chắc sẽ mất công nhiều hơn (mà bộ sách này tác giả đã bỏ ra bao nhiêu là tâm huyết), và cũng chiếm nhiều trang hơn (trong khi sách cũng đã rất dày), nhưng nêu lên như trên chứ không nhất thiết truyện nào cũng phải có đủ cả các phần khảo dị như đã nói. Ví dụ: ở truyện Sự tích con khỉ có lẽ nên khảo dị trước hết những truyện cùng mô-típ người hóa khỉ, rồi Khảo dị đến những truyện cùng kết cấu hai người tốt và xấu và mỗi người chịu kết quả báo ứng tương xứng với tính nết của họ" như truyện chính; sau đó mới mở rộng đến truyện cùng kết cấu "một cặp chị em tốt và xấu và mỗi người chịu kết quả báo ứng tương xứng với tính tiết của họ". Như vậy, trình tự của khảo dị sẽ mạch lạc, và người đọc để nghiên cứu cũng dễ nắm được các dẫn liệu của công trình. Mặt khác, qua phần Khảo dị mà tác giả trình bày, cũng có thể nghĩ rằng, có một số truyện

nên tách ra để xếp vào kho truyện chính. Chẳng hạn, ở phần Khảo dị Sự tích đá Vọng phu, truyện Sự tích sao Hôm, sao Mai và sao Rùa hay Sự tích cây Phật thủ đều có đủ tư cách để đứng riêng thành một truyện chính tiêu biểu trong Kho tàng. Không hiểu do sự giới hạn số lượng dự định trước hay một lý do nào đấy đã khiến tác giả không đẩy cao hơn nữa những tư liệu quý giá của mình?

Việc sưu tầm và nghiên cứu truyện cổ tích nói riêng, văn học dân gian nói chung - đúng như tác giả viết trong Lời nói đầu - "nếu chưa thành một công việc của tập thể, được khởi động thành một phong trào rộng lớn trong cả nước thì vẫn chưa thể gọi là toàn diện và do đó cũng chưa đạt kết quả dứt điểm như ý muốn". Trong khi chờ đợi công trình tập thể mơ ước đó, cho tới nay, một mình tác giả đã cho ra mắt bạn đọc ba tập Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam, với phong cách riêng và những ưu điểm như đã nói ở trên, thật là một cống hiến kịp thời và rất đáng coi trọng.

TẠ PHONG CHÂU

(Tập chí Văn học, số 2- 1975)[2]

[1] Xin xem bài của M.Durand và bài của Lê Văn Hảo trên BEFEO, số 1 - 1964.

[2] Trong bản in trên Tập chí Văn học, tác giả ký bút danh Anh Phong, nhưng trong bản bổ sung và sửa chữa hoàn chỉnh gửi cho thân phụ chúng tôi, ông đã ký tên thật. Bản in này dựa trên văn bản đó (NHC).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
Phần II -

1. Trong phần kho tàng truyện cổ tích trình bày sau đây, chúng tôi đã gắng chọn lọc lấy những truyện tiêu biểu, sắp xếp theo thột hệ thống nhất định, bỏ bớt đi một số những truyện hoặc không phải là truyện cổ tích Việt-nam, hoặc không có giá trị tiêu biểu cho truyện cổ tích Việt-nam. Nói chọn lọc không phải những truyện được đem vào đây là hoàn toàn có tư tưởng tiến bộ. Chúng tôi cũng đem vào một số truyện lạc hậu về phương diện này hay phương diện khác: để bạn đọc thấy được toàn diện truyện cổ tích nước nhà.

2. Phương pháp kể chuyện của chúng tôi là không đơn giản hóa, cũng không tiểu thuyết hóa. Chúng tôi cố gắng kể theo thột hình thức riêng, để vẫn giữ được ít nhiều phong vị và không khí cổ của câu chuyện; tất nhiên sẽ vẫn dùng một số từ ngữ quen dùng trước đây. Trừ những truyện cần kể một cách vắn tắt trong mục Khảo dị chúng tôi sẽ chú ý không thêm hoặc bớt những tình tiết quan trọng trong khi xây dựng từng truyện một.

3. Những tài liệu mà chúng tôi sử dụng có hai phần:

- Tài liệu trong các báo chí sách vở (một số lớn là do nhớ lại hoặc do ghi được từ trước, chứ không có trong tay khi viết bộ sách này, cho nên hầu hết các đơn vị không ghi chú được đầy đủ các chi tiết, ví dụ số bài, số trang...). Xem Thư mục tham khảo ở cuối tập V.

- Tài liệu do các người thân và quen biết kể lại (trong đó có một số do phụ thân của chúng tôi lưu lại).

Những tài liệu trên có truyện kể rất vắn tắt, có truyện kể hơi khác nhau về chi tiết. Trong khi xây dựng lại từng truyện, chúng tôi sẽ căn cứ ở tài liệu nào đầy đủ hơn và được nhân dân truyền tụng nhiều hơn, nhưng vẫn không quên tóm tắt dị bản ở các Khảo dị.

4. Chúng tôi có ý tập hợp những truyện giống nhau về một mặt nào đấy vào từng mục riêng như. Nguồn gốc sự vật; Sự tích các câu ví; Thông minh tài trí và sức khỏe, v.v... để tiện cho việc sắp xếp bộ sách, chứ không phải phân loại truyện cổ tích.

137. SỰ TÍCH CÔNG CHÚA LIỄU HẠNH

Ngày xưa, ở trên thiên đình có cô con gái Ngọc Hoàng tên là Liễu Hạnh. Tính tình cô phóng túng ngang bướng, không chịu theo khuôn phép nhà trời. Ngọc Hoàng hết lòng dạy dỗ nhưng vô ích, cô chứng nào vẫn giữ tật ấy. Giận vì trong nhà có con gái hư không thể làm vì cho thiên hạ, Ngọc Hoàng quyết trị tội để cho con tu tỉnh. Nhân một lần Liễu Hạnh phạm lỗi, Ngọc Hoàng bèn đày nàng xuống trần trong ba năm. Sau khi xuống trần, Liễu Hạnh hóa thân thành một cô gái đẹp, dựng một cái quán ở chân núi đèo Ngang. Đây là nơi rừng núi vắng vẻ nhưng cũng là nơi con đường thiên lý từ Bắc vào Nam vắt qua, nên hàng ngày không bao giờ ngớt bộ hành đi lại. Từ xưa đến nay, vì sợ giặc cướp và thú dữ, không ai dám đến đó mở quán bán hàng. Vì vậy ngôi hàng độc nhất của Liễu Hạnh ngày nào cũng đông khách. Bất kỳ ai lên đèo xuống đèo, đã đi qua quán không thể không ghé lại nghỉ chân, hưởng gì trong quán lại có cô gái tuyệt sắc.

Từ khi bị đày, Liễu Hạnh vẫn chưa bỏ được nét cũ, khinh mạn và trêu chọc mọi người. Cho nên, hễ ai vào quán ăn bánh uống nước rồi tiếp tục ra đi thì không sao. Nhưng hễ thấy chủ quán xinh đẹp mà giở thói cợt nhả, hoặc có ý cậy sức, cậy thế, cậy thần làm điều bất chính thì nàng quyết trị tội không tha: lúc trở về nếu không lăn ra chết cũng trở thành điên rồ ngậy dại.

Hồi ấy là thời vua Lê Thái Tổ trị vì thiên hạ. Tiếng đồn về một cô gái đẹp một mình mở quán ở đèo Ngang không mấy chốc lan truyền rất rộng. Khắp nơi bàn tán xôn xao. Người thì nói chủ quán là một cô gái võ nghệ hơn đời, mình nàng địch nổi trăm người một lúc. Kẻ thì cho cô là một ả giang hồ thành thạo, không những giỏi quyến rũ trai tơ mà còn làm nhiều nghề không lương thiện khác. Cũng có người cho cô là một nàng tiên xuống thử người phàm trần. Mỗi người nói một phách không biết thế nào mà tin. Nhưng tiếng đồn xa gần về cô chủ quán đèo Ngang cũng thu hút vô số chàng trai vô công rồi nghề từ làng quê đến kẻ chợ. Hoàng tử con vua Lê bấy giờ đang trẻ người non dạ, nghe tin ấy bụng cũng say mê. Hoàng tử muốn sai ngay quân lính đi bắt người con gái kia về, nhưng vốn biết tính

vua cha rất nghiêm khắc, làm náo động cả một phương là chuyện không bao giờ nhà vua cho phép. Và lại nghe nói người con gái ấy đã giỏi võ nghệ lại có nhiều phép thuật nên cũng ngần ngại.

Sau cùng không ngăn nổi lòng ao ước và trí tò mò, một hôm, hoàng tử giấu vua cha và hoàng hậu, sắm sửa cang xá hành lý, đóng vai một nhà quý tộc trẻ tuổi dẫn đoàn thị vệ cải trang ra đi. Sau hơn mười ngày đường, hoàng tử vượt qua sông Lam, rồi núi Nam-giới, và sắp bước chân lên đèo cao nhất.

Từ trên đèo Ngang, Liễu Hạnh đã biết có hoàng tử đến tìm mình, lại cũng biết đó là một chàng trai tầm thường, không có bản lĩnh gì, nhưng lại kiêu căng, dặt lặc. Để ngăn cản, nàng hóa phép thành một cây đào tiên mọc ở vệ đường, chỗ hoàng tử đang nghỉ chân; trên cây có một quả chín mọng rất đẹp mắt. Hoàng tử vừa chợt thấy quả đào đã thèm rỏ giải, bèn không đợi sai lính hầu, vội trèo lên ngắt xuống toan ăn. Quả đào đang thơm ngát và ngon lành, bỗng đâu khi sắp bỏ vào miệng thì trở nên mềm nhũn trên tay hoàng tử, rồi thu nhỏ, cuối cùng mất biến không còn tí gì nữa. "Quả đào này có ma?". Bọn thị vệ kinh hãi la lên và khuyên hoàng tử hãy nên cẩn thận. Hoàng tử cũng cảm thấy rờn rợn. Nhưng vì vẫn không thể hiểu được ý nghĩa răn đe kín đáo của Liễu Hạnh, nên một chốc sau chàng lại giục phu cang tiếp tục đi nhanh đến chân đèo.

Khi giáp mặt Liễu Hạnh quả nhiên cả thầy lẫn tớ ai nấy đều thảng thốt sửng sờ. Chưa bao giờ hoàng tử lại mê mẩn đến như thế. Người con gái này có nhan sắc kiêu diễm đúng như lời đồn, trong cung đình vua cha để không có người nào sánh kịp. Hoàng tử bèn kín đáo hạ lệnh cho cả đoàn dừng chân ở quán, lân la hết ăn đến uống kéo dài đến tận chiều, rồi khi mặt trời gần lặn, bảo với chủ nhân:

- Đường xa trời tối. Chúng ta muốn nghỉ lại ở đây một đêm. Chẳng hay nữ chủ nhân có bằng lòng không?

Liễu Hạnh đã thừa rõ tâm tư của hoàng tử, bèn khước từ:

- Thừa công tử, ở đây hàng quán chật chội, vả lại chỉ có mấy chị em là đàn bà con gái, công tử và các vị ở lại sợ không tiện. Cách đây nửa dặm về phía Đông có làng xóm. Các vị đến đó trú sẽ có sẵn nhà cửa và dân phu phục dịch.

- Chúng ta chỉ cần nghỉ ở đây thôi! Nữ chủ nhân đừng lo. Chỉ cần một chỗ trong quán để căng màn là đủ. Ngoài ra xin hứa là không làm gì phiền đến nữ chủ nhân cả.

- Nếu thế thì công tử cứ tùy tiện.

Tối lại, mọi người ăn cơm xong sửa soạn đi ngủ. Những phu cáng và lính hầu trải chiếu nằm la liệt giữa sân. Riêng hoàng tử đã có hai thị vệ căng màn trường ở trong quán. Trời mùa hè mát mẻ, trăng gió hữu tình. Dưới ánh đèn dầu, hoàng tử dựa cột trò chuyện với nữ chủ quán không rời. Liễu Hạnh vẫn chịu khó ngồi nán lại tiếp. Mỗi lời nói của nàng đều đẹp lòng khách làm cho hoàng tử càng thêm mê hồn. Chàng quên mất lời hứa, đánh rơi cả vẻ đạo mạo lúc mới tới và bắt đầu tả lối. Liễu Hạnh cự tuyệt và chạy vào buồng. Trong cơn si mê, hoàng tử không cần gì thể diện nữa, bèn chạy theo vào. Có ngờ đâu chỉ trong nháy mắt, Liễu Hạnh đã biến hình, phi thân lên núi bắt một con khỉ cái về cho hóa thành một cô gái đẹp để đánh lừa hoàng tử. Không thấy chủ quán đâu nhưng thấy một cô gái khác trong buồng, hoàng tử liền cầm lấy tay dắt tới trước đèn. Nhìn thấy cô gái này cũng đẹp không kém gì cô chủ, hoàng tử liền giở trò suồng sã. Nhưng bỗng chốc hăn rú lên một cách dễ sợ làm cho bọn lính hầu đều tỉnh dậy. Trong tay hoàng tử không phải là một cô gái nồn nà nữa mà là một con khỉ cái lông lá đầy người. Bọn lính hầu xông lại. Vụt một cái, con khỉ lại biến thành một con rắn hổ mang hoa từ trên người hoàng tử vươn lên kéo nhà, há miệng phun lửa phì phì, rồi biến mất. Khi bọn lính hầu thắp được đèn lên thì hoàng tử đã ngã vật ra quán mê man, mặt cắt không còn giọt máu.

Nửa đêm hôm đó người ta cắt ngựa trạm đưa hoàng tử về kinh. Về đến cung, hoàng tử trở nên mất trí, ai hỏi cũng không trả lời, chỉ cười nói một mình. Hoàng hậu và phi tần hết sức lo sợ. Một mặt, Hoàng hậu cho giấu kín chuyện "vi hành" khinh suất đó, mặt khác cho mời các bậc ngự y và thầy thuốc giỏi khắp kinh thành. Tuy nhiên, các danh sư được đón vào chữa chạy cho hoàng tử đều lắc đầu bó tay. Trong cung càng thêm bối rối hoảng hốt. Sau cùng, có người mách nên vào xứ Thanh xin bùa phép ở tám vị Kim Cang họa may mới khỏi.

Lại kể chuyện một ngàn năm về trước, Phật bà Quan âm một hôm hiện ra ở

biển Đông hóa phép thành hai cái túi: một nổi lên ở giữa biển, còn một, ở trên núi Ói làng An-đông xứ Thanh. Sau một thời kỳ lâu dài, hai cái túi nở ra hai đóa hoa, và từ trong mỗi đóa hoa hiện ra bốn vị tướng có phép biến hóa cực kỳ huyền diệu. Theo lệnh của Phật bà, tám vị tướng thân chinh đi tám phương đánh dẹp tà ma quỷ quái đang hoành hành quấy nhiễu. Dẹp xong, Phật bà gọi họ về ở lại chỗ cũ. Người ta quen gọi là Bát bộ Kim Cang.

Lập tức bọn thị vệ được lệnh vua vào Thanh-hóa để xin bùa phép của tám vị Kim Cang. Nhờ có bùa phép, hoàng tử dần dần khỏi bệnh. Sau khi bình phục, hoàng tử cúi đầu nhận tội với vua cha, kể lại cho vua nghe tất cả câu chuyện gặp gỡ giữa mình với nữ chủ quán ở đèo Ngang. Vua Thái Tổ hết sức giận dữ, vì hoàng tử đã dám khinh thường lệnh vua, bỏ phủ đi chơi, hãm mình vào cảnh thân tàn ma dại, nên xuống chiếu cất ngôi hoàng tử mà lập con thứ lên thay. Nhưng vua còn hết sức giận dữ vì ở trên bờ cõi mình trị vì lại có một người con gái dám khinh nhờn phép nước. Vua bèn ban lệnh hỏi quan trấn thủ xứ Nghệ về lai lịch nữ chủ quán đèo Ngang. Sau một thời gian cho người cất công dò la, quan trấn thủ mới gửi sớ về tâu bày, trong sớ nói đó là một nữ yêu không biết từ đâu đến, hay bắt hồn đàn ông con trai, nếu không có phép cả tài cao thì khó lòng khuất phục.

Vua lại lệnh cho với các pháp sư phù thủy cao tay đi trừ yêu. Nhưng chẳng bao lâu họ đã trở về triều xin chịu tội vì chẳng những không trị nổi yêu mà mọi phép giở ra đều bị Liễu Hạnh thu mất cả. Vua lại đành phải cầu cứu tám vị Kim Cang. Nhận lời vua, tám vị phi thân vào đèo Ngang. Được tin chẳng lành, Liễu Hạnh ra ứng chiến. Cuộc chiến đấu dần dần trở lên dữ dội. Mới đầu Tám vị Kim Cang làm một trận bão lớn, mưa dầm gió giạt khủng khiếp, cây đổ khắp lượt, nước tràn vào vây lấy đèo Ngang. Liễu Hạnh cũng hóa phép chống lại. Nàng làm cho cây rừng đã đổ lại đứng dậy cùng với đất đá bay rào rào vào kẻ thù. Thấy Liễu Hạnh pháp thuật cao cường, tám vị Kim Cang lại hóa phép thành thú dữ tập hợp nhe nanh múa vuốt xông vào hàng đàn toan xé cắn, nhưng Liễu Hạnh đã kịp thời bay lên không trung, rồi dùng phép tiêu diệt hết bầy mãnh thú.

Trận đánh diễn ra ba ngày ba đêm. Đèo Ngang trở thành một bãi chiến

trường rừng rợn. Mọi phép thuật của hai bên lần lượt giở ra mà chưa phân thắng phụ. Về sau tám vị Kim Cang biết mình bất lực, bèn bay lên trời cầu khẩn Phật bà. Phật bà ném cho họ một cái túi. Nhờ đó nên cuối cùng Liễu Hạnh sa vào túi của Phật bà. Tám vị Kim Cang mang túi về kinh báo tiếp.

Vua lập tức ra sân điện tra hỏi.

- Người là ai?

- Tôi bệ hạ, là con gái Ngọc Hoàng bị đày xuống cõi trần, lấy vùng đèo Ngang làm nơi trú ngụ.

- Là con Ngọc Hoàng sao lại phá phách dân sự và làm hại hoàng tử con ta?

- Việc trừng trị bọn con trai chòng ghẹo nhi nữ, ăn hiếp người cô đơn là tuân theo phép nước, không phải phạm phép nước.

Thấy Liễu Hạnh nói là con Ngọc Hoàng, lại thấy nàng đối đáp khôn ngoan, vua đổi giận làm vui. Cho nên sau cuộc thẩm vấn, vua hạ lệnh tha bổng, chỉ khuyên nàng đừng gây náo động và tàn hại dân lành.

Ít lâu sau Liễu Hạnh sinh một đứa con trai, mỗi bàn tay có sáu ngón, nàng mang con đến ngôi chùa trên núi Hồng-lĩnh gửi cho một nhà sư nuôi dạy, dặn nhà sư hãy giúp cho con mình được lừng danh trong nước. Rồi đó, đủ ba năm. Liễu Hạnh trở về trời.

Nhưng không bao lâu Liễu Hạnh lại bị Ngọc Hoàng đày xuống trần một lần nữa. Lần này Liễu Hạnh đến đèo Ba-dội cũng là nơi vắng vẻ, rồi dựng lên ở đây một cái lầu ba tầng, bốn bên có thành bao bọc. Trong thành có vườn, đủ các thứ hoa thơm cỏ lạ. Trong vườn tập hợp đủ các giống chim. Cạnh vườn có ao, thả đủ các giống cá. Hàng ngày nàng sai mở cửa cho khách bộ hành đi qua về lại được tự do vào nghỉ chân và nhìn ngắm. Ở đây có quán xá, và cũng như lần trước, Liễu Hạnh thường hóa mình cô gái bán hoa quả, quà bánh, trà nước và đồ chơi. Ai ăn uống mua bán rồi đi thì không sao, nếu giở chuyện trộm cướp trắng hoa, lập tức bị nàng trừng trị.

Ở được mấy năm, Liễu Hạnh lại sinh một con trai thứ hai. Đứa bé thiếu mất ở mỗi bàn tay một ngón. Nàng đem con gửi cho một sư nữ ở chùa Bà-đỏ, bảo sư rằng:

- Ta hai lần xuống trần để được hai đứa con, cũng định cho chúng trở thành vương giả nhưng không đạt, vì một đứa quá thừa, một đứa lại quá thiếu.

Hãy làm cho nó được nổi tiếng, ít nhất cũng trở thành Trạng.

Rồi đó, hết hạn ở trần. Liễu Hạnh đốt tất cả lâu đài mà trở về trời.

Những đứa con của Liễu Hạnh về sau quả nhiên nổi tiếng, trong đó có một đứa tên là Trạng Quỳnh. Chỗ di tích ngôi đền của Liễu Hạnh xây lên ở xứ Thanh và ở xứ Nghệ, người ta dựng thành đền thờ trên núi. Không một ai dám động đến một vật gì ở các ngôi đền này cả, vì sợ Liễu Hạnh báo thù.

KHẢO DỊ

Truyện Liễu Hạnh từ lâu đã được nho sĩ cải biến thành một truyện đượm màu sắc tôn giáo và nho hóa khác với truyện dân gian, mặc dầu cho đến nay, truyện kể trong dân gian cũng đã ít nhiều biến đổi về chủ đề: các hình tượng và tình tiết đã được cắt xén, sàng lọc.

Theo Thính văn dị lục và một số thần tích thì Liễu Hạnh là con gái Ngọc Hoàng, vì đánh vỡ chén ngọc bị giáng xuống trần đầu thai ở nhà Lê Thái Công, xã Vân-cát (Nam-định) mang tên là Giáng Tiên. Lớn lên làm con nuôi một viên quan hưu họ Trần, được học hành nên có tài văn chương, giỏi đàn sáo. Năm mười tám tuổi lấy chồng là Đào lang, con một viên quan ở làng. Được ba năm hết hạn đầy không bệnh mà chết, để lại cho chồng một trai, một gái. Nhưng vì "trần duyên chưa dứt", Ngọc Hoàng lại cho xuống trần, lần này với phép biến hóa huyền diệu. Nàng gặp lại bố mẹ và chồng con, nhưng sau đó lại bỏ đi, tính tình phóng túng, tung tích vô định: khi làm cô gái thối sáo, khi hóa bà già chống gậy, ẩn hiện bất thường. Ở Lạng-sơn, nàng làm thơ ghẹo nho sĩ, ở hồ Tây làm cô hàng rượu ngâm vịnh và dự tiệc với các ông Phùng Khắc Khoan, họ Ngô, họ Lý, v.v... Lại vào Nghệ-an kết duyên với người học trò, thường ngày thơ ca xướng họa với chồng, sau sinh được một trai, rồi lại trở về trời.

Sau ba năm nhớ cõi trần, Liễu Hạnh lại xin vua cha cho xuống trần một lần nữa. Lần này có đem theo hai người thị nữ. Họ trú ngụ ở phố Cát (Thanh-hóa) về sau được dân địa phương ở đây lập đền thờ. Triều đình sau một thời kỳ sai thuật sĩ tiểu trừ mà không xong, đành thừa nhận và sắc phong là Mã hoàng công chúa .

Sách vở của phái Nội đạo tràng miêu tả cuộc chiến tranh giữa Tiên quan với Liễu Hạnh như sau:

Khi đầy Liễu Hạnh xuống trần, Ngọc Hoàng thấy chân bên tả của con đi dón gót, biết là xuống dưới ấy sẽ thành yêu, liền sai Tiền quan giáng sinh luôn để kịp thời ngăn chặn.

Có thói tàn nhẫn, Liễu Hạnh đi đến đâu gặp điều không vừa ý thì ra tay sát hại. Cho nên ở đâu nàng cũng làm cho người và vật tử thương. Thành hoàng phải "xuất ngoại". Người ta sợ nàng đến nỗi bỏ công ăn việc làm, ban ngày đóng cổng không dám lên tiếng hoặc phải bày đàn ở ven đường cúng lễ.

Về sau đến Sùng-sơn (Thanh-hóa) thấy cảnh đẹp, Liễu Hạnh báo mộng cho hào trưởng vùng ấy phải lập cung miếu. Thấy họ còn dùng dằng, nàng làm cho trong năm ngày chết hơn một nửa dân. Khi cung miếu dựng xong, nàng thường hoá thành gái đẹp bán hàng, hễ bọn trai trẻ và nho sĩ trêu ghẹo thì tâu về triều. Vua sai các vị pháp sư nổi tiếng đến trị, nhưng họ không trở về được. Có lần chúa Trịnh vào Lam-sơn. Liễu Hạnh cùng bộ hạ đón đường quấy phá. Chúa trở về giận lắm, sai người mời tất cả pháp sư phù thủy và hội tất cả thành hoàng vào đánh nhưng họ chỉ chuốc lấy thất bại.

Lại nói chuyện vị Tiền quan được giáng sinh làm con trai thứ ba một vị Thượng sư - là tổ sư phái Nội đạo tràng - cả ba anh em đều được Phật tổ truyền cho phép thuật, hai anh là Tả quan và Hữu quan tu tại Côn-sơn, còn Tiền quan thì ở ngay lại làng quê, tức là làng Từ-minh (Thanh-hóa) luyện đạo và truyền đạo cho học trò. Sau lần thất bại của các pháp sư phù thủy, nhà vua sai sứ đi triệu Tiền quan về kinh phong làm Thượng tướng cầm ba vạn quân đi đánh Liễu Hạnh.

Đến Tam-diệp. Tiền quan sai đóng quân lại, còn mình thì cải trang làm dân thường, cưỡi ngựa trắng tìm đến Sùng-sơn. Gặp Liễu Hạnh, Tiền quan làm bộ thân mật: - "Ta báo cho biết sắp sửa có nạn lớn vì nàng đã trêu chọc vua chúa. Họ sắp cử đến đây một pháp sư cao cường. E rằng nàng không địch nổi, nên ta đến xem nàng có phép gì, nêu thiếu ta sẽ dạy cho". Liễu Hạnh không ngờ gì cả, giở tất cả ba ngàn phép cho khách xem. Tiền quan hết lời ca ngợi, nói: - "Như thế này thì không cần phải học gì nữa". Khi Tiền quan về rồi, Liễu Hạnh mới biết là mình bị mắc mưu, nhưng đã muộn. Cuộc giao chiến bắt đầu. Bên Liễu Hạnh có các thần bộ hạ đến giúp. Bên phía Tiền

quan có hai ông anh cùng với bát bộ Kim Cang làm tiên phong, hai bên tả hữu có hắc hổ, bạch xà, trung tâm có lục đỉnh lục giáp. Sau ba ngày ba đêm chiến đấu, trời nổi mưa to lớn, bụi cát mù mịt, sấm sét đùng đùng, cây cối nhà cửa tơi tả, người vật chết khắp nơi, nước sông đỏ như máu. Cuối cùng, quân của Liễu Hạnh thất bại. Quỳnh Hoa, Quế Hoa bỏ chạy. Tiền quan ngồi trên voi chín ngà giục thần tượng đem lưới sắt vây bọc. Liễu Hạnh hóa làm một đứa trẻ nhưng bị đuổi kịp quá, lại hóa thành con rồng trốn trong một cái giếng. Tiền quan bắt được trói bằng dây đồng giải về kinh đô. Vua chúa đang ngồi trong điện bỗng thấy một đám mây đen đầu rồng đuôi lân, rơi xuống vắng lên ba lần ở sân điện, biết là Tiền quan đã thắng trận.

Nhưng Phật tổ không muốn để con gái Ngọc Hoàng chịu sự trừng phạt của người trần, nên đã kịp thời xuống gặp ba anh em, bảo họ giao cho mình làm cho nàng cải tà quy chính .

Có người kể thêm đoạn kết như sau:

Khi Liễu Hạnh bị bắt thì Phật tổ hiện ra giải cứu. Ngọc sư (tức Tiền quan) vâng lời Phật tổ cho nàng một bộ áo cà sa, một cái mũ ni-cô để quy phật. Vì vậy, ngày nay ở nhiều chùa có dựng thêm điện ở phía sau để thờ Liễu Hạnh .

Ở vùng Hà-tĩnh, Quảng-bình trước đây, dân gian thường lưu truyền nhiều mẫu chuyện về một cô gái thanh thoát hiện hình trên ghẹo những khách bộ hành đàn ông, nhất là các thầy khóa, thầy cử đi lại trên đường quốc lộ. Ví dụ truyện Cô Doạt (Hà-tĩnh). Nàng Ha (Quảng-bình). Có người nói những mẫu chuyện ấy vốn xuất phát từ Sự tích công chúa Liễu Hạnh mà phát triển ra. Lưu Trọng Lư đã từng viết một truyện lãng mạn nhan đề là: Người nữ tỳ của bà chúa Liễu có lẽ cũng hư cấu từ những truyện loại ấy.

Ở vùng Hà-đông cũng có lưu truyền nhiều mẫu chuyện về Liễu Hạnh, ví dụ một mẫu chuyện sau đây:

Liễu Hạnh bị một pháp sư lừa bắt được bỏ vào một cái lọ nút kín, phía ngoài dán bùa rồi treo lên cây đa ở rừng vắng trên đường đi Vạn-phúc. Có hai vợ chồng đi bán dâu qua đó, nghe tiếng nói văng vẳng phát ra: - "Các con đến đây cứu mẹ, mẹ sẽ hậu tạ". Hai vợ chồng trước sợ hãi, nhưng sau đánh bạo trèo lên cây, đưa lọ xuống. Khi đập vỡ lọ thì thấy có một con

bướm trắng bay ra, tự xưng là Liễu Hạnh, rồi biến mất.

Ở nhà mình, pháp sư, do tín hiệu riêng, biết giờ chết đã đến vì Liễu Hạnh đã trốn thoát và sẽ báo thù. Bèn sai con đem tro sàng khắp nền nhà, đoạn tắm rửa sạch sẽ rồi lên giường nằm, đóng cửa lại, dặn vợ con đến giờ ngọ hãy mở ra. Khi vợ con mở cửa thì thấy pháp sư đã chết, trên nền nhà có dấu bàn chân đi lại chi chít, v.v... .

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
138. NGƯỜI THỢ SĂN VÀ MỤ CHẰNG

Ngày xưa có một người thợ săn trẻ tuổi. Như lệ thường, một hôm anh vào rừng sâu săn thú. Mải đuổi theo một con hươu, không ngờ anh lạc vào một nơi chân mình chưa bước tới bao giờ. Đói và mệt, anh cố tìm đường trở ra. Nhưng anh càng đi lại càng lạc.

Cho đến lúc vạch cây rẽ lá lần xuống khe để tìm nước uống, anh mới trông thấy một ngôi nhà bên bờ suối. Mừng quá, anh tiến đến gọi cửa xin nghỉ chân. Một cô gái từ trong nhà bước ra. Cô có vẻ mừng khi nhìn thấy chàng trẻ tuổi. Cô mời anh vào nhà và không giấu giếm ý nghĩ của mình là từ lâu vẫn muốn kiếm một người bạn trai, nay được gặp anh, cô rất vui lòng. Thấy anh đói, cô dọn thức ăn cho anh ăn. Tuy nghi hoặc, nhưng người thợ săn vẫn ăn uống thỏa sức, ăn xong, cô gái nói:

- Bây giờ anh hãy theo tôi để đưa đi giấu ở một nơi kẻo nguy hiểm đến tính mạng?

Người thợ săn ngạc nhiên, hỏi:

- Tại sao lại nguy?

Đáp:

- Ôi! Anh không biết ư? Mẹ tôi là mụ Chằng, ăn thịt người không tanh. Hôm nay mẹ tôi còn bận đi kiếm mồi. Mẹ tôi mà gặp thì mạng anh khó chu toàn. Nhưng có tôi thì anh chẳng còn phải lo, miễn chúng ta sẽ kết thành

đôi lứa. Trong buổi đầu anh hãy tạm ẩn một nơi, đợi tôi khuyên dỗ mẹ, rồi hãy hay.

Đoạn, cô gái đưa anh đến một cái hầm, rồi vắn đá lấp kín cửa lại.

Trời tối hắt mù chẳng mới về. Đến cửa, mù khịt khịt mũi nói:

- Có mùi thịt người! Có mùi thịt người.

Mặc dù con gái có giấu quanh, mù chỉ tìm một lát là lôi được người thợ săn ra khỏi hầm. Cô gái chạy lại:

- Xin mẹ tha nó cho con. Con cần có một người chồng. Mẹ đừng giết nó đi!

Mụ Chẳng hỏi anh đi săn:

- Mày có bằng lòng lấy nó làm vợ không?

Trước tình thế bắt buộc, anh đành phải trả lời:

- Xin vâng! Xin vâng!

Thế là từ đấy anh thợ săn ở lại đây đóng vai con rể mụ Chẳng.

Hai người ăn ở với nhau được ít lâu. Người thợ săn buồn nhớ làng quê, bụng muốn trốn lắm, nhưng nghe vợ nói mụ Chẳng nhiều phép thuật nên còn ngần ngại. Một hôm, mụ Chẳng đi kiếm mồi, anh cố dỗ vợ để được

xem bảo bối của mẹ. Vợ anh dẫn anh đến một gian buồng kín, mở ra và nói:

- Cái buồng này luôn luôn khóa kín, mẹ tôi không hề cho ai vào. Hôm nay nhân trộm được chìa khóa mở ra cho anh xem.

Trở vào một cái gậy, vợ anh bảo:

- Đây là cái gậy thần, gõ đầu này thì làm chết người, nhưng gõ đầu kia lại làm cho người chết sống lại.

Lại trở vào hai cái túi:

- Đây là hai thứ bảo bối: một cái có thể làm cho sông biển nổi thành rừng, một cái có thể làm cho núi đồi sụp xuống thành biển, rất mau nhiệm!

Người thợ săn làm bộ nghi ngờ, vợ cố cãi, nói:

- Không tin, lúc nào mẹ tôi làm thì anh sẽ biết.

- Nếu thế, để tôi thử dùng gậy gõ vào người nàng xem có hiệu nghiệm không, rồi tôi sẽ làm sống lại sau.

Cuối cùng vợ anh cũng bằng lòng để cho chồng thử. Chồng vừa gõ vào một gậy, vợ lăn ra chết ngay. Nhưng người thợ săn đã có chủ ý sẵn, anh không làm cho con gái mẹ Chăng sống lại nữa, mà cướp lấy chiếc gậy và hai túi đựng bảo bối rồi trốn đi.

Anh đi suốt cả một buổi từ sáng đến trưa, không dám dừng lại nghỉ. Khi

bóng mặt trời đã ngả về chiều, bỗng nghe có tiếng ào ào đằng sau lưng biết rằng mục Chưởng về trông thấy cơ sự đã đuổi theo kịp mình vì nghe nói mục có phép rút đất, anh bèn ném mạnh túi bảo bối thứ nhất ra phía sau. Lập tức cả một dãy núi lởm chởm mọc lên, cây cối, tre pheo bạt ngàn sơn dã. Anh lẩm bẩm:

- Cho dù có tài phép gì thì vượt được dãy núi này còn bỏ hơi tai!

Nói đoạn lại cầm đầu chạy miết. Nhưng khi mặt trời gác núi, anh đã nghe tiếng mục Chưởng hét ở đằng sau:

- Thằng kia, muốn tốt hãy dừng lại!

Người thợ săn hoảng quá, nhưng anh cố trấn tĩnh rút ngay túi bảo bối thứ hai ném mạnh về đằng sau. Sau lưng anh vốn đang là một giải đất liền, bỗng hóa ngay thành một biển nước mênh mông, bờ xa tít tắp. Anh lại vừa chạy vừa lẩm bẩm:

- Muốn đuổi được ta họa có là bay!

Nhưng anh không ngờ rằng mình chạy nhanh là thế, chỉ được một quãng đã thấy mục đuổi theo gần kịp. Lúc này anh đã mệt quá. Trong cơn nguy cấp, anh đứng lại thủ thế sau một gốc cổ thụ. Khi mục vượt qua, anh xông ra bất thành lình gõ cho một gậy mục ngã lăn ra chết quay lơ. Trừ được nạn mục Chưởng, anh ngồi nghỉ cho lại sức. Cuối cùng anh cũng tìm được đường về đến nhà. Bà con xóm giềng thấy anh còn sống ai nấy đều mừng cho anh. Anh không quên dùng gậy phép để cứu giúp mọi người.

Buổi ấy, mẹ vua đột nhiên bị một chứng bệnh nguy kịch. Nhà vua là người rất có hiếu, sai rao khắp nước xem ai chữa được sẽ thưởng cho quan cao lộc

hậu. Nghe tin anh thợ săn liền vác cây gậy phép đi vào kinh đô. Nhưng khi vào đến nơi thì mẹ vua chết đã được mấy ngày, sắp làm lễ chôn cất. Anh đến cửa Ngọ môn xin vào chữa. Lính thị vệ cản lại không cho vào. Anh nói:

- Tôi nghe nói hoàng đế đang cầu người chữa bệnh cho hoàng thái hậu kia mà.

Họ trả lời :

- Hoàng thái hậu đã chết cách đây năm ngày rồi, ông vào làm gì nữa.

- Chết rồi, tôi cũng chữa được!

Nghe nói thế lập tức họ dẫn anh vào cung. Vua sai mở nắp áo quan cho anh làm phép. Chỉ một gậy gõ vào xác, mẹ vua đã ngồi nhồm dậy. Vua và hoàng gia hết sức mừng rỡ, ban thưởng cho anh rất hậu, lại cho làm quan [1].

KHẢO DỊ

Mô-típ trên phổ biến ở nhiều nước trên thế giới, chủ yếu là châu Á. Trước hết, truyện của bộ lạc Giô (Dzo) ở Băng-la-dex (Bangladesh) gần với truyện của ta hơn cả. Một người nhờ phù phép lấy một cô gái là Cun-gô-ri làm vợ. Lấy xong hăn hóa hổ, mang vợ đi mất. Cha cô hứa ai đưa được con

mình về sẽ gả cho. Có hai thanh niên là Hơ-pô-tia và Hơ-răng-san nhận đi cứu. Khi đến nơi họ được cô gái giấu vào chỗ kín. Người hổ về nói: "Ta nghe có mùi người". Vợ lấp liếm: - "Chỉ có tôi thôi". Mai sáng người hổ lại đi săn. Một người già bày cho hai anh mang theo các hạt giống lửa, nước và gai góc. Họ nghe lời. Đang chạy thì một con chim mách: - "Chồng nó đang đuổi". Họ ném hạt giống lửa, rừng tự nhiên cháy dữ dội, người hổ không qua được. Lửa tàn, hắt lại đuổi. Chim lại mách. Họ ném hạt giống nước hóa thành sông lớn ngăn cách. Người hổ chờ nước trôi hết lại đuổi. Chim lại mách. Họ ném hạt giống gai góc, gai góc mọc đầy, người hổ mở được một lối, đuổi kịp, nhưng Hơ-pô-tia đã cho một mũi dao, y chết. Đoạn sau xem **Khảo dị** truyện *Thạch Sanh* (Số **68**, tập **II**).

Truyện Ả-rập (Arabic):

Một người có hai con: Một gái, một trai, vợ chết, hắt lấy vợ khác. Hàng ngày đi săn, hắt chỉ được vài con đa đa đem về nấu lên chia nhau. Vợ thấy khẩu phần ít ỏi, bèn xui chồng bỏ hai con lên rừng. Chồng đành nghe lời, nhưng đứa chị nghe lỏm được mưu ấy. Nó bèn bỏ vào rổ của mình một ít thứ quả như chà là, nho khô, hạnh nhân và cám. Sáng hôm sau nó đi cuối cùng, thỉnh thoảng rắc các thứ quả xuống dọc đường, nên cuối cùng chị em lại nhận ra được đường về. Lần thứ hai, bố lại mang con vào rừng sâu. Cô chị lại rắc các thứ quả xuống nhưng vì lần này đứa em đi sau cùng, lần lượt nhặt hết những thứ mà chị nó bỏ xuống, vì vậy hôm ấy không tìm được đường về. Hai chị em đành treo, lên cây để nghỉ đêm. Sáng dậy gặp một người, chúng nhờ chỉ đường, người kia cho hai cuộn chỉ trắng và đen, dặn đến ngã ba thì tung cả hai lên, hễ cuộn chỉ trắng rơi xuống đường nào thì đi theo đường ấy. Nhưng dọc đường em ném các cuộn chỉ để chơi làm chỉ rối tung rồi đem vứt bỏ. Vì thế, khi đến ngã ba, chúng bị lạc vào nhà một bà Chằng. Sáng mai mẹ cầm bình nước đi múc nước chuẩn bị làm thịt hai đứa trẻ. Biết mình sắp chết, chúng nó khóc nức nở. Một con quạ chỉ đường cho chúng trốn, lại cho ba cái túi, dặn khi nào mẹ đuổi gần kịp thì lần lượt ném

ra sau lưng. Đoạn, con quạ hai lần đánh đổ nước của mụ Chăng để cho chúng có thì giờ chạy xa. Khi biết mất hai đứa trẻ, mụ đuổi theo. Đang chạy, chị bảo em ngoái nhìn đằng sau. "Có cái gì như là một con chim!" - em nói. Một lát lại nói: - "Như con lạc đà". Một lát nữa: - "Mụ Chăng sắp đuổi kịp". Chị bèn ném cái túi đầu tiên, tự nhiên cây mọc rậm rì; nhưng chỉ một lúc sau mụ lại đuổi kịp. Cô chị ném cái túi thứ hai hóa thành sông. Một lúc sau mụ lại đuổi sát nút, cô ném cái túi thứ ba hóa thành một con đường đầy dao cạo và muối. Lần này mụ không đuổi nổi vì dao cạo làm đứt chân mụ và muối làm xót chân. Mụ nói theo: - "Thế là chúng mày thoát rồi đấy. Hãy nghe ta dặn đây: Nếu dọc đường gặp một con cừu nằm ngang bảo cắt hộ lông thì chớ có nghe lời mà chết, lại nữa, nếu gặp hai con chim cãi nhau thì chớ có can, nếu thấy bình nước trong thì chớ có uống". Chúng nó lần lượt gặp các thứ như mụ dặn. Nhưng khi thấy nước, đứa em khát quá đòi uống cho bằng được, mặc dầu chị can mãi. Nó uống xong thì cả người lẫn bình biến mất.

Còn một mình chị, sau đó gặp một người chăn cừu, bèn xin mua một tấm da chó, khâu lại rồi mặc vào cho giống con chó. Một hoàng tử thấy chó thì dắt về cho ở một buồng. Đêm đến hoàng tử nghe thấy tiếng ho biết không phải chó, bên rình xem thì hóa ra là một cô gái đẹp. Hoàng tử xin lấy làm vợ. Các ông anh can: - "Sao không lấy người, lại lấy chó". Nhưng khi vua cha thấy cô gái mặc áo quần đẹp vào ra mắt mình, thì cho làm ngay lễ cưới [2].

Truyện Ấn-độ ở bán đảo Đê-căng (Déccan):

Một người trẻ tuổi bị hung thần (rắc-sa) đuổi. Anh lần lượt ném các vật phép thành sông lớn, rồi núi cao, rồi một đám lửa cháy rừng nhưng hung thần đều vượt qua và cuối cùng đuổi kịp, giết chết.

Truyện của người Kiếc-ghi-dơ (Kirghizs) ở Nam Xi-bê-ri (Sibérie):

Một người đàn bà trẻ tuổi bị một mụ già độc ác đuổi theo. Chị lần lượt ném một cái lược thành rừng, một cái gương thành hồ lớn để chặn bước tiến của mụ.

Ở truyện của người Xa-mô-y-ét (Samoyèdes) thì ba vật báu ném ra sau lưng là: một là hòn đá mài hóa thành sông, hai là đá cò súng hóa thành núi, ba là cái lược cũng hóa thành rừng.

Ở một truyện của Thái-lan, vật báu được thay bằng thuốc phép, túi thuốc thứ nhất hóa thành cọc nhọn dựng lên tua tủa, nhưng bà Chăng đã dùng phép phá tan; túi thuốc thứ hai hóa thành núi cao, cũng thế, túi thuốc thứ ba hóa thành biển. Đến đây bà Chăng hết phép đành phải quay về.

Đến truyện của người Ca-phơ (Cafres) châu Phi thì có khác. Ở đây cô gái con bà Chăng trốn với người mà cô yêu. Bị bố đuổi lần đầu, cô ném một quả trứng hóa thành sương mù dày đặc, lần thứ hai ném một túi da dê đựng sữa hóa thành hồ nước lớn, lần thứ ba ném một cái bình làm cho trời tối tăm mù mịt, lần thứ tư ném hòn đá thành núi lởm chởm.

Ở truyện người Man-gát-sơ (Malgasches) có một con chuột mách cho cô gái trước khi trốn mang theo một cái chổi, ném thì hóa thành bụi rậm, một quả trứng hóa thành một cái hồ lớn, một cây sậy hóa thành rừng, và một hòn đá hóa thành núi lởm chởm.

Ở truyện người Pô-li-nê-diêng (Polynésiens) ở Xa-moa (Samoa) thì lại là một người con trai mang theo người yêu đi trốn và cũng có tình tiết ném lược thành rừng.

Một số truyện sau đây cũng có truyện ném các vật phép thành núi, sông, v.v... nhưng nội dung và kết cấu lại khác.

Việt-nam có truyện *Con tìm mẹ*:

Một cô gái sống trong một cái hang trên rừng với một đạo sĩ. Đạo sĩ truyền cho cô nhiều phép lạ. Lớn lên, cô lấy chồng và đi theo chồng ở kẻ chợ. Nhưng khi sinh được một con trai, thì tự nhiên một hôm cô bỏ về ở rừng, và không cho chồng biết chỗ ở của mình. Con lớn lên, một hôm hỏi bố: - "Mẹ con đâu?" Đáp: - "Không biết". Con bèn đến hỏi thầy học. Thầy học vốn có phép độn. liền trở đường cho học trò, và dặn: - "Khi tìm được mẹ rồi thì con hãy nhớ: 1) đừng nói với mẹ là ai chỉ đường cho con; 2) nếu mẹ con cho con quả cây gì thì đưa về nhà hãy ăn, hay nếu ăn thì quăng hột ra sau lưng, đừng quăng ra phía trước". Đứa bé quả tìm thấy mẹ. Nhưng hăn vốn lơ đãng, quên mất cả những lời dặn dò của thầy. Mẹ hỏi ai chỉ đường, hăn nói thật. Mẹ bèn dùng phép làm cho nhà thầy học cháy để trả thù. Ở nhà, thầy học đã độn biết được việc này nên trước khi đi vắng, dặn người nhà phải dọn đồ đạc cho xong trước canh ba. Nhưng người nhà lại không tin, cứ chần chừ không chịu dọn, nên mọi thứ trong nhà cháy mất cả.

Trước khi ra về, người con được mẹ cho một quả cây. Dọc đường đói bụng, hăn lấy ra ăn. Nhưng lại quên lời dặn của thầy, hăn không quăng hột ra sau lưng, mà quăng ra trước mặt. Tự nhiên những hột này mọc thành rừng. Cây cối bờ bụi dày đến nỗi hăn phải khó khăn mới tìm được đường về, và sau đấy phải bỏ hăn dự định dẫn bố đi tìm mẹ [3].

Truyện của đồng bào Ca-tu *Chàng Dưa*:

Có hai vợ chồng hiếm hoi, ngày nọ làm rẫy thấy quả dưa ngon mắt, bèn hái

ăn. Từ đó vợ có mang đẻ được đứa bé không bú, không khóc nhưng lớn như thổi. Lớn lên con ăn rất khỏe, đặc biệt khi nó làm đồ chơi thì những con giống đều biết cử động như thật. Chàng Dừa đi chơi lang thang. Một chúa làng thấy đứa bé có phép lạ liền dọa bắt phải nặn cho hẳn thật nhiều voi. Trốn đi, chàng Dừa lại đến một nơi gặp một cô gái đang tắm. Chàng xuống tắm nặn cá to cho lợi. Nhưng không ngờ cô gái vốn là con của nữ thần Mặt Trời cũng có phép như thế. Cô nặn một con voi hai đầu, con voi cũng trở thành voi thật. Chàng Dừa rủ cô gái cùng mình trốn về quê. Cô ta đi mang một guì phép. Hai người cưỡi voi đi suốt ngày đêm. Bị bố mẹ đuổi kịp, cô ném lại đằng sau một hòn đá hóa thành lèn đá dựng chặn đường. Bố mẹ lại đuổi kịp, cô ném một cành tre hóa thành bụi rậm. Lại bị đuổi, cô hóa phép làm thành dãy núi cao (nay là hòn Rơ-gu). Lại bị đuổi nữa, cô hóa phép làm thành con sông lớn (nay là sông Re). Đến đây bố mẹ cô gái đành chịu, phải trở về. Hai người về tới nhà, bố không nhận ra con trai, bèn lấy xôi vắt lại ném vào con, tất cả những vắt xôi đều chui tọt vào mồm hẳn - "Đúng là con tôi rồi!" - người bố reo lên. Họ ăn mừng, giết nhiều trâu, bò, lợn, gà đều do hai vợ chồng chàng Dừa nặn ra. Tên chúa làng nghe tin chàng Dừa về thì đến đòi nợ, bắt đắp một con đường sang Lào. Hai vợ chồng nặn một nghìn con voi đi phá đường một lúc xong ngay. Hẳn lại bắt làm một cái cầu bắc qua sông Re. Hai vợ chồng làm phép gọi các loại cá tập trung làm thành cầu. Chúa làng rất thích kéo cả họ hàng và các chúa lân cận lên cầu chơi. Hai vợ chồng lại làm phép cho cá lặn hết cả. Bọn chúng đều chết đuối [4].

Truyện của đồng bào Ja-rai (Djarai): *Y Rít*.

Một tù trưởng bắt một chàng trẻ tuổi tên là Y Rít đi tìm cô gái đẹp như tranh do anh vẽ. Y Rít tìm mãi, đến nhà một cô con gái tên là Trát Tô, do một con hổ nhốt được đưa về nuôi kết nghĩa ông cháu. Lúc ấy hổ đang đi vắng. Y Rít rủ nàng theo anh về, Trát Tô bắt một con voi khỏe nhất ra đi, không quên lấy những đồ vật có phép lạ của hổ. Nhưng đi được một chốc,

hồ đã đuổi kịp. Cô gái lấy lược phép của hồ cắm xuống thành một rừng trúc. Hồ liền rừng đuổi theo: cô gái trút ống nước phép thành sông. Nhưng rồi hồ cũng vượt qua được, bắt Y Rít ăn thịt, công cháu gái về.

Trát Tô xia răng cho ông, rơi ra một cục thịt, cục thịt biến thành cây nấm. Từ nấm lại biến thành Y Rít. Hai người lại rủ nhau trốn nhân ông hồ đi vắng, lần này Trát Tô mang theo những vật màu nhiệm nhất của con hồ. Hồ đuổi theo, cô gái ném viên đá mài làm mọc lên một dãy núi dựng đứng trơn tuột, hồ trôi không nổi đành phải trở lại.

Về đến nơi, họ được bà Y Rít là Iă Pôm cho phép lấy nhau. Tù trưởng bắt Y Rít phải đi tìm một bông hoa đỏ bên kia biển, nếu không được sẽ bị mất vợ. Trải bao gian khổ Y Rít lấy được hoa, nhưng bị cá voi nuốt, nhờ dân làng giết cá, mổ bụng cứu được ra. Tù trưởng còn lần lượt bắt chàng phải đi lấy sữa voi, sữa gấu, sữa hổ, lấy dây mây rồi lại bắt chàng đưa cả gia đình xuống hang sâu để lấy chiêng vàng. "ché" bạc. Sóc, nhím, chuột, chồn giúp chàng trong việc cuối cùng này và làm cho tù trưởng và gia đình nó bị chôn dưới đất [5].

Truyện Pháp *Hoàng tử và con ngựa*:

Một ông vua một hôm giao cho hoàng tử chìa khóa và bảo: - "Cha bận đi vắng mười hôm, có đi xem lâu đài thì đừng vào phòng cấm." Hoàng tử đáp - "Vâng", nhưng khi còn lại một mình, thì chàng cứ mở cửa phòng cấm vào xem. Thấy một cái giếng, chàng nhúng thử một ngón tay vào nước. Rút ra, ngón tay vàng khè, chùi không sạch, chàng đành buộc giẻ lại, khi vua cha về hỏi: - "Có vào phòng cấm không?" - "Không" - "Ngón tay làm sao thế?" - "Đứt tay" - "Đưa đây xem". Khi biết sự thật, vua than: - "Không tin con thì biết tin ai bây giờ".

Hôm khác vua đi, lại giao chìa khóa cho hoàng tử. Lần này hoàng tử lại vào phòng cấm nhúng áo và đầu vào nước giếng. Trong phòng còn có chuồng ngựa có hai con. Hoàng tử hỏi một con tên là Mo-rô: - "Một bước đi được mấy dặm?" Đáp: - "Mười tám dặm". Lại hỏi con kia là Bay-da, nó đáp: - "Mười lăm dặm". Bèn cưỡi con sau ra đi. Trở về, vua không thấy hoàng tử bèn đi tìm. Hỏi ngựa Mo-rô: - "Con Bay-da đâu?". Đáp: - "Nó đi với hoàng tử". Vua bèn cưỡi lên đuổi theo. Đến đây, tình tiết giống với các truyện trên.

Hoàng tử cưỡi con Bay-da đi được khá lâu, bỗng con vật nói: - "Chết mất, đằng sau có hơi thở của con Mo-rô, ông chủ hãy cầm cái bọt biển này quăng lại đằng sau cho cao cho xa". Bọt biển tự nhiên nổi lên thành rừng. Nhưng chỉ một lát, ngựa Mo-rô lại đuổi gần kịp. Bay-da lại đưa cho chủ cái kỳ lân ngựa bảo ném. Kỳ lân ngựa biến thành sông ngăn cách [6]_. Nhưng rồi Mo-rô lại vượt qua. Bay-da lại trao hòn đá ném thành núi cao. Mo-rô đau chân không trèo được đành phải trở lại.

Một truyện khác cũng của Pháp sưu tầm ở Ô-vec-nơ (Auvergne): *Cô gái tóc vàng*.

Một người đàn bà nhà nghèo đông con, bỗng nhiên một hôm có Khổng lồ đến bảo: - "Bà sẽ đẻ một cô gái tóc vàng nhưng phải trao cho ta nuôi thì nó mới sung sướng, nếu không thì khổ". Người đàn bà ưng thuận, khổng lồ nuôi cô con gái rất chăm, không thiếu thứ gì, nhưng hăn cấm cung cô, đặc biệt hàng ngày hăn chải tóc cho cô, đếm kỹ từng sợi. Cô gái sống rất đầy đủ nhưng cũng rất khổ.

Một hôm có người thợ săn trẻ tuổi đến lâu đài Khổng lồ lúc hăn đi vắng. Chàng lần đến cửa sổ buồng cô gái trò chuyện rồi xin một sợi tóc. Cô

vui lòng nhổ cho. Khi Khổng lồ trở về chải tóc thấy thiếu, hăn mắng cô. Lần thứ hai, lần thứ ba cô vẫn nhổ tóc cho chàng đi sẵn. Khổng lồ giận, càng canh giữ riết.

Một hôm khác, chàng đi sẵn đưa cô lên ngựa đi trốn. Khổng lồ về thấy mất cô bèn cưỡi ngựa đuổi theo. Sắp đuổi kịp thì cô gái ném một sợi tóc thành một cái hồ. Nhưng rồi Khổng lồ cũng vượt qua. Lần thứ hai, cô lại ném một sợi tóc thành một dòng sông. Khổng lồ cũng vượt được. Lần thứ ba ném hóa thành một lưới lửa, lần này hăn chịu, hai người nhờ đó đi thoát [7].

Một truyện của người Jê-or-gi (Géorgie) sưu tầm ở Ba-tum *Anh chàng diệt quỷ*:

Một ông vua có ba con, chỉ dạy cho con cả nghề làm vua. Một hôm vua bắt được quan đầu triều đang ngồi cùng với một phi tần trong cung, bèn hỏi vợ và con nên xử tội thế nào. Vợ đáp: - "Treo cổ quan đầu triều". Người con cả: "Treo cổ cả hai". Người con thứ hai: - "Anh con khôn ngoan hơn, con không biết nói gì hơn". Vua không hỏi con út nhưng nó đáp: - "Không nên treo cổ khi tội chưa rõ". Vua giận, sai đuổi con út ra khỏi nước.

Hoàng tử đi mãi đến một nơi gặp một bà già, bèn hỏi đường. Bà nói: - "Đường này đi đến xứ quỷ, có đi không trở về vì chúng biến con thành đá". - "Nhưng con phải đi không thể trở về được". - "Vậy ta bày cho con cách tránh. Hễ thấy người đá chớ mó tay vào, thấy gì quý lạ chớ nhìn. Gặp người già thì chỉ nói mình bị lạc đường. Họ sẽ giao chìa khóa bốn chục căn buồng, nếu mở đúng buồng con cừu thì thoát."

Đúng như lời, hoàng tử gặp bọn quỷ hình dạng ông già. Chúng giao cho

anh chìa khóa bốn chục căn buồng. Mở được ba mươi tám buồng có đồ đạc quý giá nhưng anh không nhìn ngắm. Vào một buồng khác gặp một cô gái, anh kể chuyện cho cô nghe. Cô bảo anh cố mở buồng con cừu, nhưng mở không được. Cô bảo phải trốn nhanh kéo bọn quý giết chết. Hai người cưỡi lên một con ngựa bạch. Ít lúc sau bọn quý đuổi theo, cô rút lược ném hóa thành dãy núi. Quý vượt được. Lần thứ hai ném một nắm kim cương, hóa thành bãi đá lởm chởm. Cũng thế. Lần thứ ba ném một chai nước hóa thành biển. Trong khi bọn quý nguy khốn giữa biển thì hai người quay trở lại, tìm vào buồng quý lấy trộm một gói đất có phép màu nhiệm ném vào người sống thành chết, ném vào người chết thành sống. Sau đó, họ quay ra dùng đất ném chết mục quý canh cửa, rồi lại dùng đất ném cho những người đã sống lại. Mọi người không trở về mà ở lại, tôn hoàng tử làm vua. Anh lấy cô gái làm vợ.

Tiếng đồn về chàng diệt quý làm cho các vua láng giềng sợ hãi. Bọn này gồm bảy ông vua, hội quân bảy nước đến đánh, nhưng đều thất bại. Trong số bọn vua bị bắt có vua cha hoàng tử, anh chừa lại không giết. Anh vạch cho cha biết mình cũng làm được vua. Tuy nói vậy, sau đó anh nhường ngôi cho anh mình[8].

Truyện *Cục thịt* của người Miến-điện (Myanmar):

Một bà hoàng hậu sinh ra một cục thịt. Vua giận, sai ném xuống sông và bắt cạo đầu hoàng hậu, cho làm người tưới vườn hoa. Một mục yêu tinh vớt được cục thịt, cục thịt vỡ nháy ra một em bé trai. Mục nhận là con. Một hôm

mụ đi vắng bảo con chớ có trèo lên tháp nước, chui xuống hang hoặc vào bếp.

Ở nhà em bé trèo lên tháp thấy một cụ già bị trói. Cụ kể cho em biết mẹ em là yêu tinh ăn thịt người. Em xuống hang thấy đầu lâu, xuống bếp thấy ba viên thuốc màu nhiệm trong hũ gạo (do cụ già cho biết).

Em đi trốn, mụ đuổi theo em ném một viên hóa thành một giải rừng sâu bảy dặm. Mụ vượt được. Em lại ném viên khác hóa bảy ngọn núi cao. Mụ vẫn vượt được. Lại ném viên cuối cùng hóa biển lửa dài bảy dặm. Mụ bị thiêu chết.

Nhờ tài bắn, em chiếm được những gói cơm của trẻ chăn trâu thua cuộc. Em lấy cơm đãi thần Na-tơ. Thần trả ơn bằng cách báo cho vua biết. Cuối cùng vua nhận em làm hoàng tử, khôi phục địa vị của hoàng hậu[9].

Một loạt những truyện khác tuy cũng có bà con với các truyện trên nhưng hình tượng thì biến cải khá nhiều. Đặc biệt ở đây người đi trốn biến thành một kẻ khác hẳn hoặc thành một vật gì đó dễ đánh lừa người đi tìm. Kể một vài ví dụ:

Truyện Pháp *Con chim xanh*:

Một anh chàng con nhà giàu thích dạo rừng. Một hôm đang dạo thấy có con chim xanh đẹp bèn đuổi theo, không ngờ lạc đường. Nửa đêm thấy có ánh sáng bèn đến gõ cửa. Một cô gái ra mở cửa nói ngay: - "Cha tôi là ông Chăng ăn thịt người, sắp về". Đáp: - "Không cần, miễn là tôi được ngủ". Cô gái đành đưa vào. Ông Chăng về bảo ngay: - "Có mùi thịt người". Cô gái chống chế: - "Có một thanh niên. nhưng đừng giết vì nó biết làm nhiều nghề". Sáng dậy, trước khi đi bảo anh phải gỡ rối các sợi chỉ nếu không

xong thì ăn thịt. Anh đang bối rối thì cô gái gõ chiếc đũa thần, mọi việc xong ngay. Hôm sau ông Chăng lại bắt anh phân loại một đồng lông chim. Lại nhờ cô gái nên cũng làm xong. Hôm sau nữa, khi lão đi vắng, cô gái hỏi xem bố mình bắt anh phải làm việc gì. Anh đáp: - "Không bảo làm gì cả" - "Thế là bố tôi muốn ăn thịt rồi đấy." Bèn dắt nhau đi trốn. Đi được hồi lâu cô gái bảo anh nhìn xem có phải cha mình đuổi theo không. - "Có, đang đi nhanh như gió." Ở đây cô gái không ném gì cả mà hóa làm một cây táo và biến anh thành người đàn bà trầy táo. Ông Chăng đến hỏi: "Có thấy một trai một gái đi qua đây không?". - "Không". Ông Chăng trở về kể lại với vợ. Vợ bảo: - "Thế là ông nhầm rồi: cây táo là con mình, người trầy táo là nó đấy". Ông Chăng lại đi đuổi. Lần này cô gái hóa thành một ngôi đền, anh kia thành một thầy tu quét mạng nhện. - "Có thấy ai qua đây không?". Thầy tu đáp: - "Không". Ông Chăng trở về kể lại, vợ hăn lại cho biết sự thật. Hăn lại đuổi theo. Lần thứ ba cô gái hóa thành cá gáy, anh kia làm sông. Ông Chăng nhảy xuống nước bắt cá bị chết đuối. Hai người sau khi qua khỏi tai nạn bèn kết thành vợ chồng.

Người Ấn-độ có một truyện trong sách *Biển truyện*:

Một hoàng tử một hôm đi lạc vào một lâu đài của một lão Chăng (rắc-sa-xa) ở giữa rừng có vua tên là A-nhi-xi-kha. Cô con gái lão lại yêu hoàng tử. Cô nói với bố nếu không lấy được làm chồng, thì sẽ chết. Lão bằng lòng với điều kiện là chàng rể phải làm được bốn việc sau đây trước khi lấy nhau. 1) nhận ra cô gái giữa 100 chị em giống nhau như đúc (cô gái cho anh biết trước cô sẽ buộc trên đầu một chuỗi ngọc nên anh nhận ra ngay). 2) phải cày một đám đất đủ gieo một trăm thúng vừng. 3) nhặt những hạt vừng vừa gieo xong (cô bảo kiến làm giúp), 4) đi mời người em của bố vợ (cô cho một con ngựa phi rất nhanh và những đồ vật màu nhiệm, dặn hễ mời xong là trốn về ngay, không có nó sẽ ăn thịt).

Lão Chăng thấy anh chàng làm xong mọi thử thách lấy làm lạ, bèn gả con

gái cho. Ít lâu sau, hoàng tử muốn về quê, vợ hện cùng về nhưng phải giữ thật kín. Hai người cưỡi ngựa đi trốn. Chẳng bao lâu lão Chẳng biết, đuổi theo. Sắp đuổi kịp, cô gái làm cho chồng và ngựa biến đi, còn mình thì hóa thành một nông phu đang cầm rìu chặt củi. Lão đến hỏi: - "Có thấy một cặp trai gái cưỡi ngựa qua đây không?" - "Không" - "Tại sao mắt ướt?" - "Vì vua rắc-sa-xa là A-nhi-xi-kha chết, nay phải chặt củi để đốt". Lão về hỏi người nhà, người nhà cho biết vua còn sống. Lão lại đuổi. Sắp kịp thì cô gái hóa thành người đưa thư, ta cầm một phong thư. - "Mày đi đâu?" - "Đưa thư". - "Thư nói gì?" - "Nói vua A-nhi-xi-kha bị tử thương, nay gọi người em đến để giao nước cho". Lão lại chạy về, biết là mình bị lừa nhưng không đi tìm nữa[10].

Truyện của bà Ôn-noi *Cây cam và con ong*:

Một hoàng tử lạc đến một xứ Chẳng: ở đây có một công chúa cũng bị bắt, hai bên yêu nhau rồi cùng cưỡi lạc đà đi trốn, mang theo chiếc đĩa thần. Người xứ Chẳng đuổi theo. Lần đầu công chúa dùng đĩa thần hóa con lạc đà thành hồ, hoàng tử thành chiếc tàu, công chúa thành bà chúa tàu già. Lần thứ hai, hóa lạc đà làm cột, hoàng tử làm ảnh treo cột, công chúa làm một thẳng lùn. Lần cuối cùng hóa lạc đà làm cái thùng, hoàng tử làm cây cam. Công chúa làm con ong bay lượn.

Ở truyện của người Thụy-điển (Suède) thì lần đầu hai người hóa thành hai con chuột, lần thứ hai hai con chim, lần thứ ba hai cái cây.

Trong một anh hùng ca của người Tác-ta (Tartares) ở Nam Xi-bê-ri (Sibérie) có kể: Người anh hùng Ai To-li-si bắt cóc một cô gái. Ba người em của cô gái đuổi theo. Cô gái làm phép hóa con ngựa thành cây bạch dương, hai người thành quả đậu trên cây. Ba người em không biết đành trở về không[11].

-
- [1] Theo Lãng-đờ (Landes), sách đã dẫn.
- [2] Theo *Báo châu Á*, đã dẫn (1889) .
- [3] Theo Lãng-đờ (Landes), sách đã dẫn.
- [4] Theo *Truyện cổ Ca-tu*, sách đã dẫn.
- [5] Theo *Truyện cổ dân gian các dân tộc Việt nam*, đã dẫn, tập I.
- [6] Ở chỗ này có lẽ người kể đã lẫn lộn giữa cái bọt biển với cái kỳ lân ngựa.
- [7] Theo Mê-ra-vi-ơ (Méraville). *Truyện cổ tích dân gian ở Ô-véc-nhơ*.
- [8] Theo Đuy-mê-din (Dumézil). *Truyện cổ tích La-dơ*.
- [9] Theo *Truyện dân gian Miến-điện*, sách đã dẫn.
- [10] Theo Xô-ma Đơ-va (Soma Deva).
- [11] Đều theo Cô-xanh (Cosquin), sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
139. QUAN TRIỀU
HAY LÀ CHIẾC ÁO TÀNG HÌNH

Ngày xưa ở vùng Cao-bằng có một chàng trẻ tuổi, nay đây mai đó làm nghề chài lưới, tên là Triều. Gia sản của anh không có gì ngoài một bộ đồ nghề làm ăn. Nhưng tính anh vốn hay thương người. Mỗi lần đánh được nhiều cá, anh thường đổi lấy gạo đem chu cấp cho những người túng thiếu mà anh gặp. Vì vậy người nghèo khổ trong vùng ai cũng mến anh.

Ở Cao-bằng một thời gian, Triều lại dời sang đánh cá ở vùng Thái-nguyên. Ở đây, anh lại cứu giúp mọi người không tiếc sức. Một hôm anh không đánh được mẻ cá nào cả. Nhưng lúc về dọc đường, anh bỗng thấy một ông lão ăn mày trần truồng đang nằm run rẩy dưới gốc cây. Động lòng thương, anh cởi ngay chiếc áo đang mặc đắp vào người ông cụ.

Băng đi một dạo, một hôm anh đang buông chài giữa sông, bỗng nghe trên núi cao có tiếng đàn vắng vắng. Anh dừng lại nghe một cách say sưa. Qua ngày hôm sau, anh lại được nghe tiếng đàn trên núi như hôm qua. Hôm sau nữa, cũng từ trên ngọn núi cũ, tiếng đàn quen thuộc lại bay đến tai anh. Lấy làm lạ, anh vội thu xếp đồ nghề của mình, rồi tìm đường trèo núi, quyết tìm cho ra người gảy đàn. Lần theo tiếng đàn, anh vạch cỏ rẽ lau tiến bước. Cuối cùng, đến một bãi đất rộng, anh thấy một cụ già đang ngồi trên một phiến đá. Ông cụ mê mải gảy đàn không biết có người tới gần. Triều nhận

ra khuôn mặt cụ già này rất giống với ông cụ nằm ở gốc cây hôm nọ. Chờ cho bản đàn dứt hẳn, anh đến trước mặt hỏi:

- Thưa cụ, cụ là ai mà ngồi đánh đàn ở đây?

Ông cụ ngược mắt nhìn anh một cách âu yếm, rồi chỉ vào một phiến đá trước mặt, bảo:

- Ta ngồi đợi con đây! Con trèo núi có mệt lắm không? Con hãy ngồi xuống đây nghỉ một tý.

Triều vừa đỡ chén nước ở tay ông cụ, đã nghe ông cụ hỏi:

- Con có nhớ ta không?

- Có, Triều đáp ngay. Cụ có phải là người nằm ở gốc cây đa đầu làng hôm nọ không?

- Đúng, ông cụ trả lời. Hôm nọ con đành chịu mình trần để nhường áo cho ta. Tấm lòng ấy thật là ít có. Nay ta muốn đền cho con một chiếc áo khác.

Nói xong, ông cụ cởi chiếc áo đang mặc quàng vào mình Triều rồi biến mất.

*

* *

Từ ngày được áo của Tiên cho, Triều mới biết đây không phải là chiếc áo thường mà là một bảo vật, có phép làm cho người ta tàng hình. Mỗi lần mặc áo, không một ai nhận ra có anh ở trước mặt. Triều mừng quá, từ đây anh đi chu du khắp nơi. Anh thường mặc áo rồi tìm đến nhà bọn giàu có, đường hoàng đi vào tận buồng của chúng lấy tiền gạo ra chia cho những người nghèo. Anh kín đáo giúp dân lành, cũng kín đáo trị tội những kẻ bất lương, bạc ác. Có những người vì quá cơ cực đang nằm là bên vệ đường mà thở than thì bỗng thấy những quan tiền ở đâu bay đến trước mặt. Có những tên quan đang nọc người ra giữa công đường mà đánh, thì chính hăn bỗng bị quất vào lưng đau quắn lên, nhưng ngoảnh lại vẫn không hề tìm thấy một ai. Nhiều sự việc giống nhau xảy ra, làm cho lời đồn đại lan ra khắp cả một vùng. Người lo, kẻ mừng, nhưng ai cũng tin rằng Trời Phật đã có con mắt.

Cứ như thế, Triều đi khắp mọi nơi và giúp đỡ những người cùng khổ. Một hôm anh tìm đến đất kinh kỳ. Mặc áo vào, anh tha hồ đi đó đi đây xem cho thỏa mắt. Hết vào nhà bọn quyền quý, anh lại vào cung cấm là nơi từ xưa không một người nào như anh dám bước chân đến. Thấy người nghèo khó nhan nhản khắp phố phường, anh lẻn vào kho tàng nhà vua lấy của ra phân phát cho họ. Vì thế kho công luôn luôn bị hao hụt, nhưng không một ai tìm ra thủ phạm cả. Trong khi đó thì khắp kinh đô đồn ầm lên rằng có một vị Tiên thường cứu giúp những người đói khổ và trừng trị những tên gian tà. Ở đâu Tiên cũng có mặt, nhưng lại không "xuất đầu lộ diện" bao giờ. Về phía Triều, anh vẫn ngày ngày làm công việc cứu giúp dân nghèo, coi đây là phận sự của mình, mà không hề bận khoản đến chuyện báo đáp. Anh đã làm cho bọn giàu sang xiết bao sợ hãi lo lắng khi thấy bạc tiền của chúng tự

nhiên không cánh mà bay, mặc dầu trong nhà ngoài ngõ đều có người canh gác cẩn mật.

Nhưng một hôm, sau khi trừng trị một tên quyền quý đang ý thể đánh người, anh vội lên ra khỏi nhà hẩn ngay vì thấy kẻ hầu người hạ của hẩn nghe tiếng động đổ xô tới rất đông. Giữa lúc vội vàng, anh vướng vào một chiếc gai tre ở bờ giậu làm cho chiếc áo toạc mất một miếng. Sợ rằng để vậy có thể bị lộ, nên anh đã dùng một mụn giẻ vá lại. Sau đó hàng ngày anh lại vào kho nhà vua tiếp tục phận sự của mình.

Từ ngày thấy của kho luôn luôn bị hao hụt, nhà vua hết sức lo lắng. Vua hạ lệnh cho bọn quan coi kho phải tìm cách bắt kỳ được tên trộm bí mật, nếu không sẽ trị tội không tha. Bọn này nhiều phen cố sức rình mò nhưng chỉ hoài công vô ích. Tiền bạc trong kho cứ vơi dần mà chúng vẫn không tìm ra một dấu vết gì đáng kể. Sau cùng, chúng sai thừa một kiểu bẫy lưới rất nhậy để chụp vào những nơi mà chúng ngờ. Hôm ấy, bọn quan coi kho bỗng thấy có một con bướm trắng từ ngoài cổng bay vào kho. Bướm bay đi dạo lại trên những đỉnh bạc trắng xóa, rồi bướm lại thủng thỉnh bay ra. Chúng nhìn lại thì thấy thiếu đi mấy đỉnh. Lập tức chúng chụp ngay lưới xuống chỗ có bướm. Và thế là Triều bị bắt. Chỉ vì miếng vải vá vào chiếc áo tàng hình khiến anh bị lộ. Bắt được Triều, bọn quan coi kho mừng lắm, liền giải anh lên vua. Vua sai bỏ ngục để chờ ngày xét xử.

*

* *

Hồi ấy, có ông vua một nước láng giềng từ lâu vẫn ngầm mưu mô đánh chiếm nước ta. Giữa lúc Triều bị hạ ngục thì hàng chục vạn binh mã của nước láng giềng cũng đang ùn ùn kéo sang. Nhà vua đã cho quân đội ra chống giữ nhưng đánh trận nào thua trận ấy, không sao ngăn cản được kẻ địch tiến như vũ bão. Tình hình bỗng trở nên nguy ngập. Tin cấp báo từ biên giới một ngày đưa về không biết bao nhiêu chuyển ngựa trạm, làm cho kinh đô nháo nhác. Nghe được tin này, Triều liền bảo quan coi ngục tâu vua cho mình được đi dẹp giặc cứu nước. Nhà vua mừng quá, vội sai tháo xiềng cho anh, và gọi anh đến hỏi:

- Nhà ngươi cần bao nhiêu binh mã?

- Tâu bệ hạ, anh đáp, chỉ một mình tôi cũng có thể đuổi được giặc dữ. Chỉ xin bệ hạ cho tôi một thanh gươm.

Vua liền cởi gươm của mình trao cho Triều và phong anh làm Hộ quốc tướng quân. Vua còn ra lệnh cho quân đội phải tuân theo lệnh anh. Trước ngày lên đường, những người nghèo khổ từ lâu được Triều cứu giúp, nay nghe tin anh được tha và được phong tướng đi đánh giặc, đều tìm đến cảm ơn và tình nguyện đi theo. Triều cho sắp xếp thành đội ngũ và cùng kéo nhau lên đường.

Lúc đến vùng quân giặc đang chiếm đóng. Triều mặc ngay chiếc áo tàng hình vào người rồi cầm gươm đi thẳng vào trại giặc. Chỉ một lát sau, anh đã chém chết tên chỉ huy toán quân tiên phong. Bọn giặc mất tướng như rắn không đầu bỏ chạy tán loạn. Những người đi theo Triều chỉ có việc chia nhau đón khắp các nẻo tóm cổ đưa về. Đến những trại khác của giặc, Triều cũng làm như vậy. Không bao lâu cả đội tiên phong tinh nhuệ của giặc bị tiêu diệt và bị bắt sống không sót một tên. Các đội quân khác còn lại kinh

hoàng cho là bên phía Đại-việt có vị thần thiêng trợ chiến nên bao nhiêu tướng tài của mình đều bị chém đầu. Thấy quân sĩ ngã lòng, tên vua láng giềng đành hạ lệnh rút lui. Từ đấy biên giới lại vô sự. Khắp nơi ai nấy ca tụng công lao của Triều.

Lúc Triều kéo quân khải hoàn, vua khen ngợi anh hết lời. Vua phong cho anh làm quan đại thần, cắt đất hai huyện cho anh ăn lộc, lại gả con gái cho anh làm vợ. Từ đấy người ta quen gọi anh là Quan Triều.

Ngày nay ở Cao-bằng và ở Thái-nguyên còn có đền thờ Quan Triều[1].

KHẢO DỊ

Người Bắc-giang kể chuyện *Quan Triều* như sau:

Ở xã Quan-triều (Thái-nguyên) có một người đánh cá nghèo tên là Dương Tự Minh. Một hôm câu cá xong anh nghỉ ở cầu, gặp một nàng tiên cho một cái áo có phép tàng hình. Cũng như truyện trên, được áo, anh vào kho vua lấy vàng bạc về tiêu. Thấy mất của kho, người ta tăng cường canh phòng, nhưng nhờ chiếc áo, anh vẫn lọt lưới. Anh thường vào kho giờ "thân tỵ" ra giờ "ngọ mùi". Một hôm áo thần của anh bị chuột cắn, anh lấy miếng lụa vá vào. Một người lính gác thấy có một con bướm hàng ngày bay lượn tới kho bèn tau lên.

Bấy giờ vào đời vua Lý Anh Tông. Quan coi kho tau báo mọi việc lên vua.

Vua sai tìm cách bắt cho được con bướm sẽ có thưởng. Khi bướm bay vào một hời trống nổi lên, các cơ đội giăng lưới bủa vây quanh kho và họ tóm được anh. Vua sai giam lại để chờ xét xử. Một hôm có tên giặc nhà Tống là Đàm Hữu Lượng đem 33 vạn quân kỵ cướp bóc vùng Tuyên - Thái. Quân đội triều đình thất bại. Vua hứa ai trừ được giặc sẽ chia cho nửa nước và cho làm quan to. Nghe tin, Dương Tự Minh xin vua rèn cho mình một cây gươm đồng và cấp cho mười hai người lính. Anh lại xin cho một ông quan đi theo để chứng kiến. Vua sai đại thần là Anh Vũ đi theo. Từ xa, Anh Vũ thấy tự nhiên thành lũy giặc bị phá tan quân giặc chạy trốn, đầu rụng khắp nơi. Đàm Hữu Lượng cuối cùng bị bắt sống. Vua gả công chúa Thiều Dung cho anh, phong làm phò mã, cai quản huyện Phú-lương.

Đoạn sau, truyện còn kể Dương Tự Minh bắt giam Anh Vũ vì tội tư thông với mẹ vua, lại đem quân đi đánh giặc Biên-hòa Thủy-xá, được vua gả thêm cho công chúa Diêm Bình và được phong đất từ Cao-bằng đến Lục-đầu. Về sau khi Anh Vũ được ân xá, hăn rất giận, tâu vua rằng Tự Minh có ngôi đất quý xin cho người đi đào và chôn vào đó một cột đồng để yếm. Biết là vua đã ghét mình, Tự Minh đi đến núi Thạch-long, xã Đông-đạt rồi hóa[2].

Đồng bào Tày cũng có truyện *Quan Triều* giống hệt truyện của ta. Đại khái, cũng có một anh chàng câu cá nghèo được thần cho chiếc áo tàng hình, nhưng ở đây thần cởi áo đắp cho trong lúc anh đang ngủ trần truồng. Đoạn này có người kể: do việc thu nhật thi hài của một quan tướng chết trận bỏ vào chum chôn cất tử tế nên anh được linh hồn quan tướng đó trả ơn bằng cách tặng một cái "áo giáp thần kỳ" (có phép tàng hình). Anh mặc áo về, vợ anh chỉ nghe tiếng mà không thấy người, sau đó họ mới biết sự mầu nhiệm của cái áo.

Rồi anh cũng vào kho lấy tiền bạc của nhà vua phân phát cho dân nghèo, nhưng khi áo rách, không phải anh lấy mụn giẻ vá mà dùng giấy dán lại.

Bọn lính gác kho cũng tưởng có con bướm nào đó bay vào bay ra, và cũng dùng lưới chụp được. Cuối cùng anh cũng được thả ra để tìm kế chống giặc. Anh bèn xin vua rèn cho "một mã tấu ngàn cân" và xin vài chục lính theo mình.

Thắng trận trở về, anh không nhận vàng bạc chức tước, nói: - "Vàng bạc phát cho dân nghèo, chức tước nhường cho người coi kho". Rồi tiếp tục nghề câu cá[3].

Theo chúng tôi, truyện của ta ở trên có lẽ bắt nguồn từ truyện của đồng bào Tày.

Người Sơn-tây cũng có một truyện *Chiếc áo tàng hình* nhưng nội dung khác với truyện trên và có dáng dấp một truyện khôi hài:

Một người đốn củi một hôm chặt một cây duối. Thần cây duối hiện ra xin đừng chặt, rồi tặng một chiếc áo tàng hình. Mừng quá, người ấy mặc vào đi khắp nơi và tự cho mình có quyền lực lợi phá phách và tước đoạt. Một nhà nọ có giỗ, người ấy trèo lên bàn thờ ăn vụng. Chủ nhà cho là ông bà hiện về hưởng cỗ của con cháu nên không khai trình gì cả. Các nhà khác khi cúng giỗ đều bị người ấy đến ăn như vậy, nhưng họ vẫn vui mừng tin rằng ông bà linh thiêng.

Vợ thấy chồng từ ngày có áo trở nên bê tha, say sưa suốt ngày nên rất bức mình, bèn đốt quách cái áo. Mất áo, người ấy lại vác rìu đến chặt cây duối. Thần hiện ra bảo hãy lấy tro của cái áo nhào nước cho đều rồi bôi khắp người, cũng sẽ màu nhiệm như mặc áo. Người ấy làm y như lời, và từ đấy những cuộc ăn vụng cỗ bàn các nhà lại tiếp tục. Chẳng may một hôm bị chủ nhà nọ hắt phải chén nước vào lưng do đó tro bị trôi mất, lộ ra hai mông

đít. Cho là ma quỷ hiện hình, chủ nhân cầm gậy nện vào mông làm cho anh chàng chết ngất[4].

Người Ma-rốc (Maroc) có truyện *Đứa con người thợ vá giày* cũng có nhân vật tàng hình, nhưng nội dung lại khác nữa:

Một anh chàng con của một người thợ vá giày tương tự một nàng công chúa đến phát ốm. Người bố vốn có phép làm cho người ta trở nên vô hình, bèn vẽ lên trán con một đạo bùa. Anh chàng đường hoàng đi vào chốn cấm cung của công chúa mà không một ai biết cả. Khi công chúa ăn, anh cũng ăn cùng một đĩa. Đĩa thức ăn thừa đưa ra khỏi buồng có hai chỗ khuyết tổ cáo không phải một người ăn. Thấy thế, vua giận lắm, chạy vào buồng công chúa nhưng ngoài con ra không thấy một ai. Bèn cho gọi một pháp sư Do-thái đến tìm cách trừ hộ. Ông này không làm phù phép gì cả, chỉ sai đốt một đồng lửa to trong buồng công chúa. Nóng quá, anh chàng mô hôi nhễ nhại, trong một lúc anh đưa tay lên trán quệt mồ hôi, làm cho đạo bùa biến mất. Việc gian của anh vì thế bị bại lộ. Tuy vậy về sau anh cũng được vua đem công chúa gả cho[5].

Trong *Nghìn lẻ một đêm* có truyện *Người điên thứ ba* cũng tương tự với truyện vừa kể:

Một nhà thông thái dùng một thứ bột thần bôi lên mi mắt một chàng trẻ tuổi giúp anh ta tàng hình để đi vào buồng công chúa. Những hành động của hắn làm cho người ta tưởng là ma quỷ. Một bà già hầu hạ trong cung bèn đốt cứt lạc đà trong buồng để đuổi tà ma. Không chịu được khói, hắn lấy tay dụi mắt, vô tình chùi mất thứ bột màu nhiệm nên lộ nguyên hình.

-
- [1] Theo lời kể của người Thái-nguyên.
- [2] Theo *Thần tích xã Thế-lộc* và *BEFEO*, X, q . 4 (1910).
- [3] Theo lời kể của đồng bào Tày ở Cao-bằng và theo Hoàng Quyết, sách đã dẫn.
- [4] Theo lời kể của người Sơn-tây.
- [5] Theo Mô-ha-mét En Pha-si (Mohamed El Fasi) và Đéc-men-ghem (Dermenghem). *Truyện cổ tích Pha-dit (Ma-rốc)*.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

**VIII. TRUYỆN ĐỀN ƠN TRẢ OÁN _140. THỬ THẦN
VÀ MIÊU THẦN HAY LÀ SỰ TÍCH CHUỘT VÀ MÈO**

Ngày ấy các kho của nhà trời thường hay bị nạn trộm cắp, vì vậy Ngọc Hoàng thượng đế cần tìm một kẻ chuyên trông nom kho tàng. Nhiều người tiến cử Thử thần vì cho rằng ông ta là người tốt, chăm chỉ, lại nhanh nhẹn, được việc. Thấy thế, Ngọc Hoàng bèn trao cho Thử thần chùm chìa khóa, phong cho chức Thiên khố giám và dặn:

- Trẫm giao phó cho người trông nom tất cả các kho lẫm của trẫm. Mặc dầu của Trời là vô tận, nhưng cũng không thể bỏ vạ vật khắp nơi mà không coi sóc. Gần đây đã thấy xảy ra những vụ trộm cắp nhỏ to. Vậy người hãy đặt lính túc trực ngày đêm ở các nơi để canh gác. Còn thực phẩm thì người hãy cho sắp xếp vào kho kéo phí của trời. Cứ mỗi năm hai lần, người tâu báo tình hình cho trẫm biết.

- Hạ thân xin tuân lệnh!

Thử thần đáp như vậy và vui vẻ nhận chức. Trong những năm đầu, Thử thần làm tròn phận sự. Mọi thứ được sắp đặt đâu ra đấy không hề suy suyển. Ngọc Hoàng thượng đế thấy vậy rất hài lòng. Nhưng ở trên trời cũng như bất cứ ở đâu, "sao dời vật đổi" vẫn là điều thường thấy. Ngày một ngày hai, Thử thần tỏ ra phụ lòng tin cậy của Ngọc Hoàng. Thấy cửa nhà Trời thật là nhiều không đếm xiết, xuất ra bao nhiêu, chẳng mấy chốc lại đầy ắp bấy nhiêu, ông ta bèn nghĩ đến chuyện bớt xén. Bụng bảo dạ: - "Ta chỉ lấy mỗi kho một năm thôi, cũng đủ cho vợ con no đủ sung sướng trọn đời mà chẳng ai biết cả". Bèn nghĩ sao làm vậy. Từ đó trong nhà Thử thần cuộc sống trở nên dư dật, vợ con béo tốt và diêm dúa hơn xưa. Thứ dùng vào ăn

tiêu, thứ cho người thân và bạn bè, Thử thần ngày càng xâm phạm của Trời không tiếc tay.

Chẳng bao lâu, Ngọc Hoàng thượng đế cũng biết được việc kho lẫm nhà Trời bị thiếu hụt mà thủ phạm chẳng ai khác hơn là Thử thần. Bắt được tang chứng rành rành, Ngọc Hoàng nổi cơn thịnh nộ. Lập tức Thử thần bị đày xuống cõi trần và bị hóa kiếp làm con vật tí hon nhon mồm, dài đuôi mà người dưới trần vẫn quen gọi là con chuột.

*

* *

Tuy bị bãi chức và bị đày ải, Thử thần vẫn chứng nào tật ấy. Quen thói vụng trộm, giờ đây lại được cái thân thể bé nhỏ, vào đâu cũng lọt, nên chuột ta mặc sức lục lọi ăn vụng những thức ăn của con người, bất kể ngày đêm. Không những thế, nó còn cắn phá mọi đồ dùng của người bày ra trước mắt, thôi thì áo quần, sách vở, thúng mủng, rương hòm, v.v... không kiêng nể gì cả. Vì thế loài người hết sức căm giận. Họ cũng để tâm bắt giết, nhưng cuối cùng không làm sao trị xuể, vì từ khi giống má nhà chuột xuất hiện ở cõi trần thì chúng sinh đẻ rất nhanh, lan tràn khắp nơi, do đó chúng đã làm cho họ thiệt hại không biết bao nhiêu mà kể.

Cực chẳng đã, con người phải tha thiết kêu nài với Thổ công, nhờ vị thần này lên Trời tâu bày với Ngọc Hoàng thượng đế về nỗi khổ tâm do sự phá phách quá trớn của loài chuột. Nhận thấy lời kêu nài của con người là đúng:

Thổ công vội lên Thiên đình tâu báo số thiệt hại to lớn do Thử thần gây ra mà loài người là kẻ chịu đựng; lại không quên nói đến sự sinh nở quá nhanh chóng của dòng giống Thử thần trên cõi đất. Đoạn nói tiếp:

- Tâu bệ hạ, cố sao bệ hạ lại không hay biết gì cả. Con người được sống ở cõi Trần là nhờ ơn tác thành của bệ hạ. Nhưng kho lẫm của con người chỉ có hạn, không như kho lẫm của nhà Trời, vì con người vốn nghèo đói làm không ra ăn. Nếu bệ hạ để cho Thử thần hoành hành thế ấy, thì tôi e rằng chẳng bao lâu loài người sẽ không còn sống nổi trên mặt đất nữa.

Nghe Thổ công tâu bày, Ngọc Hoàng thượng đế rất kinh ngạc, không ngờ cái hại của con vật bé xiu do mình tạo nên lại to lớn đến thế. Suy nghĩ hồi lâu, Ngọc Hoàng ra lệnh đòi Miêu thần đến phán rằng:

- Trẫm không ngờ Thử thần là kẻ bị trẫm trừng phạt lại gây hại cho loài người dường ấy. Nhưng bây giờ đòi hẳn trở về thì đã quá muộn. Nay trẫm phái người xuống dưới ấy giúp loài người ngăn cản bàn tay phá hoại của Thử thần. Người hãy nói rõ cho Thử thần biết rằng con người vốn nghèo túng, đừng có xâm phạm thực phẩm và đồ dùng do họ làm ra. Nếu hẳn không nghe thì bây giờ hãy thẳng tay trừng trị.

Miêu thần tỏ vẻ lo lắng, tâu:

- Tâu bệ hạ, cứ như lời Thổ công nói thì họ hàng dòng dõi Thử thần bây giờ đông vô kể, lan tràn khắp nơi, đó là một điều khó đối với hạ thần. Lại nghe nói vóc người của hẳn nhỏ nhắn nhưng nhanh nhẹn, leo trèo, chui lủn, lẩn tránh lăm cách tài tình, đó là hai điều khó muốn trừ được cũng không phải dễ.

- Được. Trẫm sẽ cho người thu nhỏ vóc lại chỉ bằng hai bằng ba Thử thần

mà thôi, nhưng lại mềm mại, có bắp thịt cứng để chạy nhảy mau lẹ, và cho móng nhọn, mắt sáng, để có thể tóm bắt tội nhân ngay cả trong đêm tối. Người đã bằng lòng chưa?

Vốn có mối thù với Thử thần trước đây. Miêu thần không ao ước gì hơn thế, vội cúi đầu vâng lệnh đi ngay. Thế là để giải quyết nạn chuột do mình vô ý gây ra, Ngọc Hoàng đã sáng tạo ra một con vật khác được mệnh danh là chú mèo.

*

* *

Từ khi xuống trần, Miêu thần làm việc rất miễn cưỡng. Một mặt ông ta luôn luôn cảnh cáo chuột không được gây thiệt hại cho con người vì họ rất nghèo, (vì vậy mà con người quen gọi ông ta là "mèo" nói chệch tiếng "nghèo", "nghèo" mà ông ta thường gào vào tai Thử thần). Mặt khác Miêu thần làm những cuộc săn bắt dữ dội, tiêu diệt dòng giống nhà chuột một cách không thương xót.

Từ đó, chuột có phần nào giảm nhẹ việc cắn phá những thức ăn, đồ dùng của con người. Con người cảm ơn Miêu thần vô hạn. Khác hẳn cách đối đãi với những con vật khác, con người thường cho ông ta ăn uống tử tế, lại thường xới vào bát đĩa hằm hoi cho ông ta ăn.

Nhưng cũng từ đó, bực mình vì phải xa cách các bạn tiên ở cõi Trời, Miêu thần đâm ra tức giận Thổ công là kẻ gây cho mình cảnh sống chia ly ấy. Cho nên nhiều lần Miêu thần đã đến phóng uế bữa bãi ở chỗ ở của Thổ công cho bõ ghét.

Câu ca dao:

Chuột kia xưa ở nơi nao,

Bây giờ làm hại chúng (hay nhà) tao thế này.

là do truyện trên mà ra [1].

KHẢO DỊ

Trung-quốc có truyện *Năm con chuột* vốn là một dị bản của truyện *Tinh con chuột* (số 114, tập III) có nói đến vì sao chuột bị đày ải xuống cõi trần:

Xưa ở thiên cung có một nhà sư tinh thần đạo đức đã thoái hóa. Y phân thân biến thành năm con chuột đều có phép biến hóa màu nhiệm. Chúng đuổi một con rùa để chiếm lấy hang làm chỗ trú ẩn. Mỗi con thỉnh thoảng xuống trần biến thành người hay vật quấy phá để thoả mãn dục vọng. Con chuột thứ năm một hôm biến thành một người nam, mở một cái quán dọc đường để quấy nhiễu khách bộ hành. Hồi ấy có thầy tở Thi Tuấn tiến kinh

thi hội qua đây. Trong khi trò chuyện, biết Thi Tuấn có vợ đẹp vắng chồng, nên chủ quán ta - chuột thứ năm - đầu độc cả thầy lẫn tớ, rồi hóa thành Thi Tuấn giả đến nhà, nói mình thi hỏng trở về. Vợ Thi Tuấn không ngờ gì cả. Cho đến khi thầy trò Thi Tuấn lành (nhờ được một đạo sĩ cứu chữa) thì thi cử đã xong từ lâu. Buồn đau, thầy trò trở về đến nhà thì lại bị Thi Tuấn giả xông ra đánh đuổi. Thi Tuấn thật đến cầu cứu bố vợ. Bố vợ không biết làm sao mà phân biệt, bèn đưa đến nhờ thầy học phân xử. Thầy ra bài cho hai người làm để thử, nhưng Thi Tuấn giả cũng làm được văn. Việc đưa lên Vương thừa tướng. Thừa tướng dò hỏi mới biết Thi Tuấn thật vốn có một nốt ruồi ở vai bên phải. Nhưng khi bắt ra tra hỏi, thì Thi Tuấn giả cũng hóa phép làm cho mọc lên một nốt ruồi như vậy. Sau đó thấy Vương thừa tướng sắp tra ra mưu gian, chuột thứ năm - Thi Tuấn giả - bằng phép thần thông, báo cho con chuột thứ tư phi thân tới tòa án hóa thành một Vương thừa tướng giả làm cho vụ án thêm rắc rối. Việc đưa lên vua Nhân Tông. Sắp sửa vạch ra thật giả, thì đến lượt một vua Nhân Tông khác lại xuất hiện do con chuột thứ ba được tin báo, phi thân tới, hóa ra. Vụ án lại chồng thêm một rắc rối mới. Người ta mời mẹ vua ra cứu xét; nhờ thử ngọc tử của vua, hoàng thái hậu phân biệt được vua giả. Trong khi ra lệnh bắt giam, thì con chuột thứ hai được tin báo tới hóa thân thành một hoàng thái hậu thứ hai. Triều đình sau đó phải cho mời Bao Công. Bao Công đưa theo hai mươi bốn người hầu và ba mươi sáu hình cụ tới. Bắt đầu ông cho thần Thành hoàng tra hỏi, nhưng con chuột thứ năm đã kịp thời báo tin cho chuột thứ nhất phi thân tới hóa thành một Bao Công giả. Trong khi mọi người thất vọng vì vụ án phức tạp khó hiểu, thì Bao Công thật quyết định xuống âm phủ để tìm cách tra cho ra lẽ. Ngọc Hoàng sai mười vị khâm sai đi giúp Bao Công. Cuối cùng Bao Công mượn được con mèo Ngọc diện kim miêu (đã được Phật làm cho bé lại để Bao Công bỏ vào tay áo). Lên trần, Bao Công sai đắp nền đất rồi đứng lên trên, bắt những người thật và giả sắp hàng đứng phía dưới. Được thả ra, mèo thần liền lần lượt chụp những con chuột mang lột người, trừ con chuột thứ năm mau chân chạy thoát. Những con chuột chết, xác to lớn, không có máu, vua sai làm thịt cho quân đội ăn.

Riêng con chuột thứ năm sau đó bị Ngọc Hoàng bắt nộp cho Phạt. Phạt bắt hãm hóa thành kiếp chuột ngày nay, vĩnh viễn ở cõi trần sống bằng những thứ lén lút ăn trộm được của con người [2].

[1] Theo Lê Doãn Vỹ, đã dẫn, số 17 (1940), và theo lời kể của người miền Bắc.

[2] Theo *Ngũ thử náo Đông-kinh*, *Bao Công thu yêu truyện*, dẫn trong. *Nghiên cứu về truyện và tiểu thuyết Trung-quốc của Lê-vi (Lévi)*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
141. CON CỐC LIÊM NƯỚC MƯA

Có hai người bạn Ân và Nghĩa cùng làm nghề sơn tràng. Thường ngày họ vào trong rừng sâu tìm cây đốn ngã xuống, phạt cành lá, rồi cho trâu kéo ra bán cho bọn lái gỗ. Những ngày lên rừng họ thường làm chung với nhau, và cùng sống cạnh nhau vui vẻ hòa thuận. Sau đó ít lâu Ân lấy vợ. Vợ Ân rất đẹp. Hai vợ chồng sống rất tương đắc.

Nhưng mặt hồ đang phẳng lặng bỗng tự nhiên nổi cơn sóng gió. Trước hạnh phúc của bạn, tâm hồn Nghĩa dần dần trở nên khác trước. Hắn đâm ghen với bạn, oán số kiếp mình. Hắn thường nghĩ bụng: - "Tài trai như mình hơn hẳn nó mọi thứ, thế mà cuộc đời của nó mưới, mình không được một". Trong lòng người đàn ông ấy ngày một chứa đầy ghen ghét và ầm ứ.

Rồi một ngày nọ đến kỳ làm việc ở rừng, hai người lại cùng nhau vác búa đi tìm gỗ. Nghĩa lừa Ân đi qua ba ngọn núi cao, sáu thác nước xiết, bảo rằng có người mách cho biết có một cây vàng tâm chừng ba người ôm. Nếu được một cây như thế thì tha hồ mà bắt chẹt bọn lái. Ân tin bạn thực bụng, dẫn sâu vào rừng thăm. Trong khi Ân đang ngửa mặt tìm gỗ quý thì bất thành linh Nghĩa ném ra một sợi dây xiết chặt hai tay Ân lại. Ân giãy giụa cố gắng thoát thân, nhưng sức Nghĩa vốn khỏe như vâm, lại thêm có chủ ý từ trước, nên chỉ trong một lát, Ân đã bị trói gô lại. Ân cầu khẩn:

- Xin anh tha cho tôi! Nếu anh cần dùng tiền nong thế nào, tôi xin chạy đủ

số.

Nghĩa nói:

- Tao nói thật cho mày biết, tao muốn lấy vợ mày nhưng nếu để mày sống thì tao làm sao mà lấy được. Vậy tao phải giết mày. Mày có còn điều gì trối lại thì cho cứ nói đi!

Ân trước còn van lạy mong bạn hồi tâm nghĩ lại, nhưng sau thấy kẻ thù của mình đã nhất quyết quá, dù có nói hết hơi cũng không thể lay chuyển lòng lang dạ sói của hăn, nên anh nghiêng răng chửi rửa hăn thậm tệ. Giờ cây búa lên, Nghĩa nói:

- Mày cứ yên lòng mà chết đi! Mỗi năm tới ngày này tao sẽ làm lễ cúng cho mày!

Nghĩa định giáng lưỡi búa vào giữa đầu Ân, nhưng cặp mắt đau thương nguyên rửa của Ân giương to lên gặp đôi mắt của hăn làm hăn rợn cả người. Hăn nghĩ: - "Không cần giết, nó cũng phải chết. Không lọt vào hàm cạp thì cũng hết thở vì đói khát mà thôi. Chẳng có ma nào dám bén mảng tới chốn rừng sâu núi thẳm này làm gì". Nghĩ thế, hăn ném búa, đem Ân trói giật cánh khỉ vào một thân cây cho loài cạp beo thường đi qua đây kết liễu hộ mình. Xong, Nghĩa trở về nói dối với vợ Ân là chồng chị còn vào rừng sâu kiếm gỗ mấy hôm nữa sẽ về.

Hai hôm sau, Nghĩa lại lên chỗ Ân bị trói xem thử đã chết chưa. Từ đằng xa nhìn tới, Nghĩa thấy Ân vẫn còn cựa, mà đầu thì hơi ngẩng lên cao. Hăn ngạc nhiên tự hỏi thầm: - "Nó đang làm cái gì mà lại ngẩng đầu lên như thế kia nhỉ?". Vừa lúc hăn nhận ra cái lưỡi của Ân cứ từng lúc lại thè ra ngoài.

Thì ra vì khát quá nên Ân đã làm như vậy mong hứng lấy những giọt sương mai rơi từ lá cây xuống, hy vọng duy trì sự sống.

Nghĩa trở về. Hai hôm sau hẵn lại lên nữa. Hẳn trông thấy rõ ràng Ân đã chết, đầu gục xuống ngực. Lần này Nghĩa về rất yên tâm. Nghĩa phao lên cái tin rằng Ân tự dưng bỏ mình, bỏ quê hương đi làm ăn ở phương xa không tưởng gì đến vợ con làng nước nữa.

Thế rồi Nghĩa thỉnh thoảng lại vãng đến nhà vợ Ân làm bộ hỏi thăm tin tức chồng nàng. Thấy nàng túng thiếu, hẳn làm bộ hào hiệp giúp đỡ khi cần quan, khi ba quan không tiếc. Trong lúc chồng đi xa, lại được bạn chồng tận tâm săn sóc, vợ Ân rất cảm động. Nàng chưa từng thấy có một người nào lại tốt bụng đến thế. Cho đến ngày cái tin Ân bị lũ cướp ở biên giới giết chết trong xó rừng đến tai nàng, thì nàng thấy không thể nào là Nghĩa được nữa.

Rồi sau đó khi đoạn tang, hai người lấy nhau, và đưa nhau về quê hương của Nghĩa ở một tỉnh xa ngoài Bắc.

*

* *

Hai người ăn ở với nhau thắm thoát đã được chín mười năm trời. Chồng vẫn không thổ lộ gì với vợ, mà vợ cũng không ngờ vực gì người chồng

mới. Nghĩa bây giờ không phải vào rừng đốn gỗ nữa mà là một ông lái buôn bè giàu có: nhà lim sân gạch, kẻ hầu người hạ, cuộc sống rất dễ chịu.

Một buổi chiều hè trời mưa phùn, hai vợ chồng cùng ngồi ăn cơm dưới mái hiên. Bỗng nhiên Nghĩa trông thấy một con cóc đang chống chân bò lại gốc cây cau, dựng đứng người lên, thè lưỡi để hứng lấy những giọt nước mưa bay qua đầu. Hắn sức nhớ tới cái lưỡi của Ân một ngày xa xôi nào cũng thè ra hứng lấy những giọt sương như con cóc bây giờ. Tự nhiên Nghĩa bật ra một tiếng cười ghê rợn. Người vợ buông đĩa sừng sốt nhìn chồng và tò mò hỏi chồng.

- Anh nghĩ gì mà cười thế?

Hắn trả lời ngập ngừng:

- Nhìn thấy con cóc liếm nước mưa tôi sức nhớ tới ngày xưa...

Biết mình lỡ lời, Nghĩa dừng câu chuyện. Thấy vậy, vợ tò mò hỏi gặng. Hắn giấu quanh nhưng giấu một cách vụng về. Vợ ngờ chồng có tình duyên vụng trộm gì đó nên lại càng hỏi dồn. Câu chuyện cuối cùng biến thành một cuộc cãi vã giữa hai vợ chồng.

Nghĩa bụng bảo dạ: - "Vợ mình ăn ở với mình đã gần ấy năm trời, từ nghèo khổ đến giàu có, vậy thì dù có biết rõ câu chuyện kia, hắn cũng chẳng phàn nàn gì mình, mà biết đâu lại chẳng thương mình hơn vì thấy mình phải vượt qua lắm nỗi khó khăn mới đến được hạnh phúc ngày nay". Nghĩ thế, hắn liền dặn vợ giữ kín câu chuyện sắp nói, rồi thuận miệng kể toạc ra tất cả mọi điều bí ẩn ngày xưa.

Người vợ ngồi nghe trở nên trầm ngâm yên lặng. Nàng thấy kẻ ngồi trước

mặt mình không còn là loài người. Tất cả lòng tử tế, sự âu yếm của giống sài lang ấy từ trước tới nay toàn là giả dối. Nàng thương xót người chồng yêu quý chỉ vì đứa bất lương phản bạn mà chết một cách oan khốc. Tuy không tỏ thái độ gì ngay nhưng trong lòng nàng có cả một đồng lửa đang ngày một bốc lên ngùn ngụt.

Một hôm nhằm ngày giỗ Ân - ngày giỗ mà Nghĩa vẫn không quên bày lễ cúng hàng năm như lời hứa - người đàn bà đi chợ mua rượu thịt về cúng vong hồn người bạc mệnh. Sau khi lễ tất, hai vợ chồng cùng ngồi vào ăn. Nàng cố chuốc cho Nghĩa uống thật nhiều. Khi đứa gian ác đã thật sự say gục xuống chiếu, nàng trói chặt hăn vào giường. Rồi cầm một con dao bầu đã mài sẵn, nàng rạch bụng hăn lấy quả tim bỏ vào đĩa, đặt lên bàn thờ cúng chồng một lần nữa.

Đoạn nàng đến công đường tự thú[1].

KHẢO DỊ

Đồng bào Cham-pa có truyện giống hệt với truyện trên về kết cấu và về hình tượng con cóc thè lưỡi.

Có hai người thanh niên cùng một làng: một người tính ác hay gây gổ, không ai chơi với, cũng không người đàn bà nào chịu lấy làm vợ; một người hiền lành hay giúp người thì cả làng ai cũng mến. Sau đó người hiền

lấy vợ. Vợ chàng là một cô gái xinh trong vùng làm cho anh chàng kia ganh tị. Vợ chồng sau đó sinh được một trai.

Một hôm người ác rủ người hiền vào rừng sâu đào con kỳ nhông làm thức ăn. Mãi mới tìm được một hang, nhưng đào rất mệt vì hang lắm góc ngách. Người ác đào được một hồi kêu mệt, nghỉ tay nhường cho người kia đào. Hiền cố công đào mãi, lúc bắt được con kỳ nhông là lúc sức đã kiệt. Vừa nằm xuống thì anh bị người bạn ác xông tới trói vào gốc cây và nhét cỏ vào mồm, nhưng cũng như truyện của ta, hễ để vậy cho chết chứ không giết ngay. Về đến nhà, hễ nói là bạn bị hổ vồ. Thế rồi hễ cũng làm bộ thương xót, chu cấp cho vợ con bạn. Được mấy bữa hễ lại lên rừng, thì thấy người bị trói đã nhè được cỏ ra khỏi mồm và đang thè lưỡi. Thấy người ác đến, người hiền gật đầu ra ý xin tha, nhưng hễ lắc đầu nói: - "Vợ mày sắp về tay tao, tao không thể để mày sống được!" Nói rồi bỏ về.

Ba năm mất tang, hễ lấy được vợ bạn. Một hôm thấy một con cóc thè lưỡi hễ cũng buột miệng nói câu nói làm cho vợ nghi ngờ, hỏi gạn mãi. Sau cùng hễ nghĩ rằng ván đã đóng thuyền nói ra cũng chẳng hại gì, nên cũng thú thật với vợ. Vợ đem việc ấy trình làng; làng bắt hễ đưa đường vào tìm hài cốt người bạc mệnh. Rồi đó, làng trói hễ lại, làm đuốc cho người đàn bà đốt làm đám cho chồng[2].

Đồng bào Ha-lang có truyện *Sự tích núi Yang-kô* (đầu thần) hay là truyện *Đầu nó vỡ rồi* cũng có những nét gần gũi với hai truyện trên:

Có hai người bạn chơi thân với nhau. Một người có vợ đẹp vừa mắt người kia. Người sau này bèn nảy âm mưu hại bạn để được lấy vợ bạn. Một hôm hai người rủ nhau đi săn. Đến một hòn đá cao trên đỉnh núi, tên gian ác xui

bạn trèo lên để nhìn xa ngắm cảnh cho thích thú. Người kia trèo, không may bị trượt ngã, đầu va vào đá; hăn reo lên "Đầu nó vỡ rồi!" rồi bỏ bạn lại mà về, báo tin cho mọi người biết rằng bạn đã chết. Sau đó hăn lấy vợ bạn. Nhưng khác với hai truyện trên là người bạn lại không chết, nhờ có thần kịp thời giúp đỡ nên chỉ bị thương, sau đó mò mẫm lê về đến một túp lều được người ở đây chữa chạy, chăm sóc hơn một tháng thì lành. Trở về thấy bạn đã chiếm mất vợ, người ấy đánh bạn vỡ đầu chết, rồi đuổi vợ đi, bắt phải phạt vạ cho mình. Nay hòn núi ấy còn mang tên "Đầu nó vỡ rồi", hay là Yang-kô[3].

-
- [1] Theo báo *Tràng an*.
[2] Theo lời kể của đồng bào Phú-yên .
[3] Theo *Truyện cổ Tây-nguyên*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
142. THẦY CỨU TRÒ

Ngày xưa có một anh học trò côi cút hiền lành. Nghe tin ở một tỉnh Đàng ngoài có một ông thầy nổi tiếng tài cao học rộng, ngoài "bách gia chư tử", các môn "nhâm, cầm, độn, toán" thấy đều tinh thông, anh học trò liền để người vợ trẻ ở nhà, cõ lặn ngòi noi nước tìm đến tận nơi theo học. Học được ba năm, một hôm anh bỗng nhớ tới vợ bèn xin phép thầy trở về thăm quê. Thầy bảo trò ngửa bàn tay cho xem, xem xong, thầy bảo:

- Con về lần này lành ít dữ nhiều, không nên con ạ!

Tuy người học trò vâng lời, nhưng thầy thấy vẻ mặt anh ta không được vui việc học có phần trễ nải, nên sau đó ít lâu, thầy lại bảo:

- Như chí con đã quyết thì con cứ về. Con sẽ gặp một số tai nạn, để ta đọc cho nghe mấy câu này, con nhớ kỹ lấy và theo đúng thì mới tránh được:

Gặp đình chó tới,

Gặp thơm chó gọi ,

Gặp gà chó đuổi,

*Ba , Bốn, Sáu chó hỏi **[1]**.*

Anh học trò nhắm lấy thuộc lòng và từ giã thầy ra về. Đi luôn mấy ngày đường, một hôm anh bỗng gặp một trận mưa lớn, lúc ấy anh đang đi giữa một cái đồi vắng, anh vội vã bước mau để tìm chỗ nấp. Vừa hay trong lùm cây trước mặt, anh thấy thấp thoáng có một ngôi đình cổ trong đó có mấy người đang ẩn mưa. Anh co cẳng chạy tới nhưng lúc sắp tới nơi bỗng sức nhớ tới lời dặn đầu tiên của thầy nên anh dừng lại. Những người nấp trong đình gọi rồi rít:

- Anh kia chạy vào mau kéo ướ!

Anh thùng thỉnh đáp:

- Thầy tôi đã dặn không được trú trong đình, bà con hãy ra đi kéo nguy.

Mọi người đều cười khi thấy anh cứ đứng giữa mưa gió mà không chịu vào. Nhưng chỉ một chốc sau đình bỗng dưng đổ xuống rầm một cái mấy người nấp trong đó đều thiệt mạng. Anh học trò chỉ còn biết nhỏ nước mắt khóc cho những người xấu số, rồi lại tiếp tục lên đường về nhà.

Lại nói chuyện người vợ của anh, sau khi chồng đi học vắng, ở nhà tăng tịu với một gã trai khác. Hai người say mê nhau và điều ước muốn của họ là làm sao lấy được nhau mới thỏa dạ. Cuối cùng họ trù tính chỉ có tìm cách khử anh chồng của ả kia đi thì mới có thể sum họp với nhau lâu dài.

Thấy chồng về, vợ làm bộ mừng rỡ rồi rít. Chuyện trò được một chốc, vợ đòi đi chợ để sắm cái ăn, kỳ thực là chạy đến nhà tình nhân báo tin cho y biết để y định liệu. Anh tình nhân bảo người đàn bà:

- Về nhớ nấu nước bồ kết trong đó bỏ vào một ít lá thơm cho nó gội. Đêm đến ta sẽ có cách.

Vợ trở về nhà nên cứ y kế nấu nước thơm cho chồng gội đầu. Hắn bảo chồng:

- Mình yêu quý của tôi ời! Hãy tắm gội thay áo quần đi kéo đi đường bao nhiêu ngày bụi bặm. Tôi đã nấu sẵn bồ kết nước thơm cho mình đây!

Chồng nghe nói đến hai tiếng "nước thơm" thì giật mình, sức nhớ tới lời dặn thứ hai của thầy, bèn chối từ không gội. Vợ cố dỗ dành đôi ba lần. Thấy vợ nài mãi, chồng kiếm cách nói cho vợ khỏi phật lòng:

- Ngày hôm qua khi đi qua bến tôi đã tắm gội sạch sẽ, mình đừng có lo gì cho tôi cả.

Vợ thấy nói không được mà đổ đi thì tiếc của, sẵn đầu tóc lâu ngày chưa gội, cuối cùng đành dùng nước ấy gội đầu cho mình.

Đêm hôm ấy, khi hai vợ chồng đang ngủ say, thì người tình nhân lên đến bên giường tay cầm một con dao sắc. Tuy đêm hôm tối tăm hắn cũng tìm ra cái đầu thơm một cách dễ dàng và dùng dao cắt cổ êm thắm và mau lẹ. Khi

giết xong, hắn toan gọi tình nhân dậy để cùng mình khiêng xác vứt xuống sông, nhưng bỗng hắn nhận ra là mình đã giết nhầm người yêu. Sợ quá, hắn bèn nhanh chân thoát ra khỏi nhà, may làm sao không một ai biết cả.

Anh học trò ngủ một giấc mê man mãi đến sáng mới tỉnh dậy. Anh hết sức kinh ngạc khi thấy vợ mình đã đầu lìa khỏi cổ. Anh vội kêu cứu ầm lên. Làng xóm đổ tới rất đông. Anh kể hết mọi việc. Có mấy người đồn rằng anh này đã tự tay giết vợ rồi bày chuyện la làng để đánh lừa mọi người. Bọn hào lý không cần phân biệt phải trái, sai đóng gông anh lại và giải lên quan.

Sau những ngày tra khảo, anh học trò vẫn một mực khai rằng mình không can có gì làm hại vợ cả. Vả chăng, nếu đã định tâm giết vợ thì trốn đi, đại gì mà kêu làng tới. Nhưng anh cũng không có cách gì để chỉ ra thủ phạm, vì thế vẫn cứ phải giam vào ngục để còn cứu xét.

Một hôm ở nhà giam người ta phơi thóc để bắt tù phạm xay giã. Anh học trò được bọn lính cắt cho công việc canh gà là việc nhẹ nhất. Anh ngồi ở một góc sân nhìn ra. Bầy gà trong trại thấy có thóc thì rủ nhau mò tới kiếm ăn. Nhưng anh học trò bỗng nhớ tới lời dặn thứ ba của thầy nên cứ để cho gà ăn mà không chịu xua. Bọn lính gác thấy vậy mắng anh:

- Sao bảo canh gà mà mày cứ ngồi trơ ra như phỗng thế?

Anh chỉ cười khì không đáp. Sau đó mấy lần bầy gà lại sà vào, anh vẫn ngồi nhìn và không nhúc nhích. Thấy vậy, bọn lính cho anh là một tên bướng bỉnh, sẵn roi quất cho một trận. Anh nhăn nhó kêu khóc rầm lên. Lúc bấy giờ quan đang ngồi ở công đường, nghe tiếng ồn ào, vội sai người đến xem chuyện gì. Khi biết đầu đuôi, quan bèn cho gọi anh tới và hỏi:

- Anh là học trò mà lại là kẻ có tội, vậy tại sao lại bướng thế? Người ta

thương hại chỉ bắt xua gà là công việc nhẹ, sao anh nhất định không chịu làm?

Anh học trò đáp:

- Bẩm quan, trước khi ra về thầy học của tôi có cho tôi bốn câu thơ để phòng thân. Tôi đã theo hai câu đầu, nhờ đó tránh được tai nạn, nên câu thứ ba không thể không theo.

- Thơ như thế nào? Quan hỏi.

- Câu thứ nhất là "Gặp đình chớ tới". Suýt nữa tôi đã tự chuốc lấy cái chết thê thảm vì trên đường về toan vào ẩn mưa trong một ngôi đình sắp đổ. Tránh được là nhờ nhớ đến câu ấy. Câu thứ hai là: "Gặp thơm chớ gọi". Chính vợ tôi đã gọi nước thơm thay tôi nên bị một kẻ lạ mặt cắt cổ. Còn câu thứ ba thầy tôi dặn là "Gặp gà chớ đuổi." Vì vậy mà tôi không dám đuổi gà, chứ không phải bướng đầu.

Quan vội hỏi tiếp:

- Vậy còn câu thơ thứ tư là gì?

- Bẩm quan, câu thứ tư là: "Ba bốn sáu chớ hỏi".

Đêm hôm đó quan nằm suy nghĩ mãi về câu thơ thứ tư. "Ba bốn sáu chớ hỏi, vậy thì chỉ có thể là Năm. Phải chăng có một người nào đó tên là Năm đã hạ sát người đàn bà". Nghĩ vậy, sáng dậy, quan lập tức thảo trát đòi lý hương của xã xảy ra án mạng phải khai ngay trong xã có người nào tên là Năm hay không. Nếu có ai đúng tên đó thì phải bắt giữ lại và giải lên quan.

Trong xã ấy quả có một người tên là Năm. Và chính nó là tình nhân của người đàn bà. Khi thấy bỗng nhiên vô cớ có nha lại về bắt giải đi, hăn nghĩ rằng nếu không phải oan hồn của người nhân ngãi bị mình giết nhằm hiển hiện, thì làm sao quan lại bắt được đích danh như thế. Nghĩ vậy, hăn không đợi tra tấn, tự thú[2].

[1] Nguyên văn chữ Hán là:

Phùng đình mạc túc,

Phùng thang mạc dục,

Phùng kê mạc trực,

Phi tam, phi tứ, phi lục.

[2] Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn và lời kể của người Nghệ-an, Hà-tĩnh.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
143. HAI CON CÒ VÀ CON RÙA

Ngày trước, có một người đàn bà rất mực kiêu căng và chua ngoa. Hễ giận người nào hay gặp việc gì trái ý là bà ta nói cạnh nói khóe chửi bới không tiếc lời, cổ gào đến tận tam đại người ta cho được mới nghe.

Khi người đàn bà ấy chết, Diêm vương cho đầu thai làm một con rùa nhỏ. Con rùa ấy từ lâu sống một mình ở ao sen. Một năm kia trời làm đại hạn. Ao sen nước cứ khô dần cho đến lúc chỉ còn một vại vũng bùn, sắp cạn. Một hôm, có hai con cò ở đâu tới sà xuống ao kiếm ăn. Chúng nó mới lội bì bõm một lúc bỗng được vại ba con tép riu, thì bỗng rùa bắt gặp. Sợ cò ăn hết thức ăn của mình, rùa bèn ra đứng trước cửa hang chửi ầm lên.

- Đứa nào đấy? Muốn tốt thì xéo ngay đi, không có bà ra bà vật lông bây giờ.

Hai con cò thấy rùa chửi bới thì không vui nhưng cũng đầu dụi, kiếm chuyện làm quen để rùa khỏi làm lời thôi. Cho nên chúng làm bộ vui vẻ:

- Ủa, chị rùa, chị cũng ở đây sao? Chúng tôi không đến tranh ăn của chị đâu. Chúng tôi đến đây muốn kết bạn với chị, chúng ta sẽ cùng giúp nhau kiếm ăn trong thời buổi khó khăn này.

Rùa đáp rất xẵng:

- Thì thôi! Bạn với chả bè. Tôi đây từ nhỏ đến lớn một thân một mình cũng sống được.

- Nhưng mà chúng tôi cũng đến báo cho chị và bà con ở đây biết một tin: ao này có thể khô cạn không còn gì mà ăn nữa.

Rùa nghe nói thế lại càng nổi giận, đáp:

- Không có gì ăn thì kệ xác chúng tôi có được không? Ai bảo các người nhúng mũi vào công việc của người khác làm gì.

- Chị rùa, chị đừng vội nóng! Chúng tôi bay từ xa tới đây qua bao nhiêu đường đất, có nhiều vũng nước đầy ăm ắp, không thiếu gì thức ăn ngon lành, chứ chúng tôi có cần gì kiếm ăn ở nơi khô rỗng rốc như thế này đâu. Sở dĩ chúng tôi đến đây là để làm quen với chị và nhân thể báo tin cho chị biết để kịp lo liệu với nhau. Trời có thể còn nắng lâu dài, và ao này thì nhất định rồi sẽ không còn một tí gì mà ăn nữa.

Rùa bấy giờ chuyển giận thành lo. Rùa vội hỏi cò:

- Thế thì tôi phải làm thế nào mà sống đây?

- Nếu chị muốn, chúng tôi sẽ dẫn chị tới một nơi cách đây không xa, nhưng nước thì thật là ê hề, cây cối xanh tươi, thức ăn không bao giờ cạn.

- Tôi không biết bay thì làm sao mà đi đến đấy được?

- Có khó gì việc ấy. Chị cứ cầm thật chặt vào giữa một cái gậy, còn chúng tôi thì cầm vào hai đầu gậy. Cứ thế mà bay thì có thể đưa chị đi đến cùng trời cuối đất cũng được. Nhưng chị phải nhớ là dọc đường hãy ngậm miệng đừng nói, dù có thấy gì lạ hay có ai kêu gọi, trêu chọc, cũng cứ một mực làm thinh, đừng có mở miệng mà rơi xuống chết oan đó.

Nghe bùi tai, rùa ta cảm ơn hai con cò và làm theo. Quả nhiên hai con cò vỗ cánh mang được rùa lên không trung.

Lúc bay qua một cái quán nước, những người ngồi ở quán trông thấy cảnh tượng lạ mắt, vội bảo nhau: - "Ô kìa, có hai con cò tha một cục cứt trâu". Rùa giận lắm, nhưng nhớ tới lời cò dặn, không dám nói gì hết. Một lát sau, bộ ba bay qua một cái chợ. Những người đi chợ thấy vậy bèn reo lên: - "Kìa có hai con cò tha một con chó chết!"

Lần này rùa nổi giận xung thiên nên không kìm giữ được thói cũ của mình, định chửi lại một câu thật đau, nhưng vừa mở miệng thì đã rơi bịch xuống đất, bị người đi chợ bắt về ăn thịt.

Hai con cò thấy rùa chết bảo nhau:

- Tội nghiệp, chị ấy không chịu nghe lời. Cũng đáng kiếp cho cái tật ngoa ngôn. Thôi bây giờ chúng ta có thể trở lại ao sen kiếm ăn mà không sợ ai chửi bới nữa[1].

KHẢO DỊ

Người Lào cũng có truyện *Rùa kết bạn với vịt trời*:

Xưa trong hồ Póc-kha-ra-ni có một con rùa và hai con vịt trời. Gặp khi hồ cạn, hai con vịt trời muốn đi chỗ khác kiếm ăn. Rùa xin họ đưa mình đi theo. Vịt trời ưng thuận, chỉ dặn là rùa không được mở mồm. Cũng như truyện trên, chúng nó bảo rùa cắn vào giữa một cái gậy rồi hai con cắn hai đầu, cứ thế bay đi. Có hai con chồn trông thấy, nói với nhau, một con nói: - "Kìa có hai con ngỗng tha một con rùa". Một con trả lời: - "Sao lại nói thế, biết có phải là hai con ngỗng tha một con rùa hay là một con rùa gánh hai con ngỗng". Rùa giận lộn ruột muốn chửi, nhưng vừa mở miệng đã bị rơi xuống chết[2].

Trong *Kinh Tam tạng* cũng có truyện *Hai con ngỗng và con rùa* có phần chắc là nguồn gốc của hai truyện trên.

Xưa, trong một cái hồ có nhiều ngỗng và nhiều rùa ở chung với nhau. Trong đó có một con rùa kết bạn thân với hai con ngỗng. Gặp năm hạn hán kéo dài, nước hồ sắp cạn, hai con ngỗng đến từ biệt rùa để đi chỗ khác kiếm ăn. Rùa lấy tình bạn xin đi theo và bày ra cách cắn vào gậy như trên. Hai con ngỗng nói: - "Chúng tôi không từ chối, nhưng vì anh vốn lắm lời không kìm được mồm miệng, nhỡ có thế nào chúng tôi rất ngại". Đáp: - "Tôi biết giữ mồm tôi chứ!" Bèn làm theo lời; cả ba bay lên trên không. Đến một thành phố, những người đi chợ gọi nhau: - "Này xem có hai con ngỗng ăn trộm một con rùa!" Rùa tức lắm nhưng chịu đựng, lặng thinh. Lại qua một thành phố khác, những người ở chợ lại kêu như trên. Rùa nghĩ bụng. "Sao có thể chịu mãi được cái khổ cổ thì ưỡn dài mà mồm thì ngậm thinh này. Bèn định nói: - "Đây là tôi muốn như thế chứ không phải ngỗng

bắt trộm". Nhưng chưa nói đã rơi, bị trẻ con đánh chết. Hai con ngỗng ngậm ngùi rồi bay đi[3].

Cũng ở kinh trên, lại có một truyện khác: *Con sếu và con rùa*. Một con rùa gặp năm đại hạn, hồ cạn không có gì ăn. Rùa cầu cứu sếu. Sếu lấy mỏ cắn rùa tha đi. Qua một thành phố, rùa không ngớt miệng hỏi - "Cái gì đây?" - "Cái gì kia?". Sếu muốn trả lời nhưng vừa mở miệng thì rùa đã rơi bịch, bị người ta bắt ăn thịt[4].

Trong *Ngụ ngôn O-dốp* (Fables Ésopiques) có truyện *Rùa và le biển*, đại thể là: Một con rùa nằm phơi nắng gặp một con le. Rùa ao ước: - "Giá được ai cắp cánh bay cao thì hay quá!" - "Cho ta gì ta sẽ mang cho", le đáp - "Tôi sẽ tặng báu ngọc dưới đáy biển" - Le bèn cắp rùa lên mây xanh, chẳng may sảy, rùa rơi chết. Rùa than: - "Ta vốn nài đi chậm quen ở chốn bùn lầy, sao lại mong ước lên cao. Vả lại trên ấy nào có ai họ hàng quen thuộc, lên mà làm gì chết là đáng lắm!".

Một truyện ngụ ngôn của ta *Cóc và chuột* hình tượng có khác nhưng đề tài tương tự:

Một con cóc kết bạn với một con chuột, thường mời chuột về nhà đãi đằng hậu hĩ. Đến lượt chuột mời cóc đến nhà nó. - "Tôi làm thế nào để lên chỗ ở của bác trên cây cao được", cóc hỏi - "Bác cứ ngậm vào đuôi tôi là khắc xong". Rồi đó chuột đưa cóc lên cây cao. Chưa đến nơi thấy vợ chuột ra chào, cóc mở miệng định chào lại thì bị rơi xuống chết (có người kể là bị oằn lưng như ngày nay vẫn thấy)[5].

-
- [1] Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn.
- [2] Theo Hoàng Lâm, Xu-văn thon. *Truyện cổ tích Lào*.
- [3] Theo Sa-van-nơ (Chavannes), sách đã dẫn.
- [4] Theo Sa-van-nơ (Chavannes), sách đã dẫn .
- [5] Theo Xi-mác-đơ (Simardes). *Cổ tích và truyền thuyết An-nam*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
144. CÔ GÁI LẤY CHỒNG HOÀNG TỬ

Ngày xưa ở một làng nọ có một cô con gái đẹp. Thấy mọi người đều trầm trồ về nhan sắc của mình, cô bỗng có cái nguyện vọng thầm kín là được lấy hoàng tử làm chồng. Ngày ngày cô đi chợ mua hương đến một ngôi đền trong vùng cầu thần phù hộ cho mình lấy được chồng như nguyện.

Ở chợ hội ấy có một người lái buôn hương. Thấy cô gái xinh đẹp lui tới gánh hàng của mình, hễ thường thả lời chòng ghẹo, nhưng lần nào cũng bị cô nghiêm sắc mặt cự tuyệt. Tuy vậy hễ vẫn tìm cách lân la gạ chuyện không nản. Một hôm, hễ chợt có ý muốn tìm biết ngày nào cô gái cũng chịu khó mua hương để làm gì. Nhân khi cô vừa mua bán xong sắp sửa ra về, hễ vội gửi gánh hàng cho người quen rồi lén đi theo bên gót. Thấy cô gái vào đền, hễ cũng theo vào. Nấp sau một cánh cửa, hễ nghe được tất cả những lời khẩn khứa rì rầm của nàng và hiểu được điều nàng muốn.

Lần khác, sau khi cô gái mua hương xong, hễ đã ba chân bốn cẳng chạy trước tới đền, nấp sau pho tượng thần. Khi nghe cô khẩn vừa dứt, hễ nói vọng xuống, giả làm lời thần phán:

- Con gái như thế kia làm sao dám đòi lấy chồng hoàng tử. Trên thiên đình đã định cho con làm vợ người lái buôn hương ở chợ. Số con là thế: không thể khác được!

Nghe lời truyền phán rõ ràng, cô gái lủi thủi ra về, trong bụng đinh ninh không thể tránh được số trời đã định. Ngày hôm sau, khi cô đi chợ, người buôn hương lại thả lời ong bướm, nhưng khác với các lần trước: lần này hễ được cô gái bắt lời. Biết là mưu mẹo của mình có kết quả, hễ hết sức

tán tỉnh và cuối cùng cá đã cắn câu. Nhưng người buôn hương nghĩ rằng mình đã nhiều tuổi, nếu đưa lễ vật đến dạm hỏi, chắc chắn bố mẹ nàng không đời nào chịu gả. Vì thế hắn có ý định tìm cách dỗ dành cho cô gái theo không, rồi kín đáo đưa nàng trốn về quê. Mà phải làm sao cho bà con xóm giềng của nàng không có ai hay, kéo họ tìm cách ngăn trở. Khi thấy miếng mồi mừi phần đã chắc ăn cả mừi, hắn bèn hẹn nàng một ngày nọ tới chờ mình ở một lùm cây sau chợ, hắn sẽ đưa đi trốn.

Đúng hẹn, hai người gặp nhau ở lùm cây. Người buôn hương bảo cô gái ngồi vào trong một chiếc bồ lớn đầy mẹt và buộc chặt lại để hắn gánh đi cùng với một bồ khác đựng hàng. Hắn ghé vào tai dặn nàng: - "Làm như thế sẽ không bị lộ, qua một thời gian anh sẽ về thú thật với bố mẹ sau". Cô gái nọ cả tin ở số phận nên vâng theo lời hắn không chút ngần ngại.

Đường đi phải qua một khu rừng vắng. Trong khi người lái buôn hương lòng mừng khắp khởi với gánh hàng quý trên vai, thì tiếng thét của một toán lính làm cho hắn giật nảy mình. Hắn không ngờ rằng ngày hôm ấy có một hoàng tử đang đi săn ở khu rừng này. Đầu cửa rừng, người, ngựa, chó săn đang vây bọc các ngả. Vì đang làm việc gian lận, lái hương ta sợ quá, vội quăng cả gánh hàng mà chạy. Sau đó, có mấy con chó săn đi qua cái bồ, ngửi thấy hơi người bèn lên tiếng cắn sủa inh ỏi. Nghi ngờ, bọn lính dừng lại lục soát. Khi thấy trong bồ có một cô gái đẹp, bọn chúng rất đổi kinh ngạc, vội dẫn nàng đi gặp hoàng tử lúc đó cũng vừa phi ngựa đến nơi.

Hoàng tử chưa bao giờ thấy có một người con gái xinh đẹp đến thế, bèn xuống ngựa bảo nàng ngồi lại chuyện trò. Nghe cô gái kể hết nỗi lòng, hoàng tử ngỏ ý đưa nàng về cung làm vợ. Nhân sẵn được một con hổ, hoàng tử bèn sai bỏ con thú vào bồ đầy mẹt và buộc chặt lại như cũ. Đoạn ra lệnh cho mọi người trở về kinh thành.

Sau khi hoàng tử và quân lính đi đã xa, người lái hương từ chỗ trốn lại quay về tìm gánh hàng quý của mình. Thấy cặp bồ vẫn còn nguyên chỗ cũ, hắn vội vã đặt gánh lên vai và rảo bước một mạch về nhà. Đến nơi, người nhà xúm lại, hỏi hắn:

- Bồ gì mà nặng thế?

Hắn đáp đùa để dọa:

- Đừng có nhìn mà chết. Hồ đấy?

Nói đoạn, hắn vội xách bồ quý vào buồng đóng cửa lại. Nhưng vừa mở mẹt thì con hổ từ trong đã nhảy ra, vồ hắn ăn thịt [1].

KHẢO DỊ

Một truyện của người Can-múc (Kalmouks) chép trong sách *Cái chết màu nhiệm* gần giống với truyện của ta:

Có hai ông bà già để được một cô gái, thường đến chùa cầu khẩn đức Phật cho con mình được lấy chồng khá, hứa sẽ cho con một món ngọc quý làm của hồi môn. Một người bán quả cây đi qua, nghe lỏm được câu chuyện. Một hôm, hắn nấp sẵn vào ruột pho tượng Phật, chờ cho hai vợ chồng nhà ấy đến cầu, nói vọng ra: - "Phải gả cho người nào đến hỏi đầu tiên". Sáng

hôm sau hăn đến sớm, hai vợ chồng gả con gái ngay và cho cả ngọc quý. Hăn bèn đưa cô gái về, và vì đã có vợ con, dọc đường hăn nghĩ cách giải thích sao cho mọi người khỏi nghi ngờ về nguồn gốc của cải và cô gái mà mình sắp đưa về. Hăn bèn bỏ ngọc quý và cô gái vào một cái hòm, chôn xuống đất có lỗ thông hơi, rồi về báo tin rằng mình học được phép lạ, sẽ đọc bùa chú lấy của cải từ dưới đất lên. Nhưng khi hăn chôn xong về nhà, một người con vua (khan) đi qua có mang theo một con hổ săn được. Thấy có đất mới lấp, hoàng tử cho đào lên xem, không ngờ lại được cô gái đẹp; hoàng tử muốn lấy cô làm vợ, bèn bỏ con hổ vào hòm thay cho cô gái, lấp đất lại rồi đưa nàng về. Anh kia lúc đến nhà dặn vợ con rằng hễ mình có đưa hòm gì về thì dù thế nào cũng cấm không được vào buồng. Khi mở hòm, hổ nhảy ra vồ lấy hăn, hăn kêu van ầm ĩ nhưng vì đã được dặn dò nên chẳng một ai đến cứu.

Một truyện của Ấn-độ cũng tương tự:

Một người làm nghề đổi bạc có cô con gái rất đẹp. Một người tu hành theo kiểu im lặng (vô ngôn), ngày ngày đi xin của bố thí, một hôm đến nhà nàng. Thấy cô gái, hăn kêu lên một tiếng. Bố cô gái chạy ra, hăn nói: - "Ta từ lâu không nói với ai một lời, nay ta nói ra là vì thương hại cho nhà ngươi. Người con gái này đẹp nhưng sẽ là mối họa ghê gớm. Ba ngày nữa cả vùng này sẽ bị phá hủy. Muốn cứu vẫn hãy bỏ nó vào một cái thùng, trong thắp đèn sáng rồi quẳng xuống sông Gô-đa-va-ri". Tin là bậc tiên tri bố cô gái làm theo không ngần ngại. Khi trở về chùa, hăn bảo các môn đồ rằng ngày mai, có một cái thùng trôi sông, nếu vớt được sẽ được tám phép lạ, chớ để mất thời cơ. Nhưng một hoàng tử đi săn nhân mỗi một ngời ở bờ sông thấy có cái thùng trôi, nên sai người vớt lên. Thấy cô gái đẹp, hoàng tử sai giữ lấy cô gái và bỏ một con khỉ độc già thay vào, đóng nắp lại như cũ rồi lại quẳng xuống sông. Môn đồ của thầy tu vớt được thùng lên, đưa vào chùa. Thần dặn trò: - "Dù các người có nghe tiếng gì đi nữa cũng không được vào buồng ta, sau đó các người sẽ sung sướng". Khỉ độc xông

ra vồ lấy hăn. Hăn kêu to lên nhưng chẳng một ai vào. Một người lính hầu được hoàng tử phái đi theo dõi cái hòm, trở về kể lại mọi việc xảy ra, hoàng tử cười ngất. Sau đó chàng cưới cô gái làm vợ.

Truyện của người Ca-phơ (Cafres) châu Phi:

Một tay ăn thịt người đi dọc đường bắt được một cô gái. Hăn dỗ dành cô, bỏ cô vào một cái túi, đi từ làng này đến làng khác xin ăn trước khi về nhà. Ai cho thịt ăn, hăn bảo cô gái trong túi hát ít câu nhưng không mở túi, chỉ nói đó là chim hát. Đi đến làng quê cô gái, người em cô này nghe tiếng, đoán ra tiếng của chị mình, bèn chỉ cho hăn một nơi có thể đến xin được nhiều thịt (nhưng chính là nơi có tù trưởng, bố cô gái). Nghe tiếng con hát, ông này lừa cho tay ăn thịt người đi xa, hứa sẽ không mở túi, nhưng khi hăn đi rồi liền mở cho con ra và bỏ răn, cóc thay vào. Trở về, hăn thấy túi y nguyên, bèn xách về nhà rồi mời bạn hữu đến "dự bữa tiệc người no nê". Nhưng khi mở túi thấy cóc răn, khách dự tiệc cho là giễu cợt họ, bèn giết hăn ăn thịt.

Truyện của người Ca-ta-lan (Catalans):

Một cô gái trèo cây anh đào. Một người đi qua xin một quả không được, bèn bắt cô bỏ vào bị. Đi đến một làng khác, hăn muốn dự lễ nhà thờ, bèn vào một nhà nọ gửi nhờ cái bị. Hăn không ngờ nhà này là nhà bà dì của cô gái. Bà mở bị đưa cháu ra, bỏ chó mèo vào. Khi về, hăn vừa mở ra bị chó đuổi, bỏ chạy.

Một loạt truyện khác phổ biến ở nhiều dân tộc cũng có kết thúc giống với các truyện trên nhưng mở đầu lại khác: ở đây người đi lừa lần lượt thu được thắng lợi bằng cách bắt vạ người ta. Chúng tôi kể ra đây ba truyện tiêu biểu:

Truyện của Ý (Italia):

Một người ăn mày được một người đàn bà cho một hạt đậu to. Đến một nơi, người ấy gửi hạt đậu lại cho chủ nhà, dặn đừng để cho gà mổ mất. Khi hăn đến thì gà đã ăn mất hạt đậu. Hăn bắt vợ, được người ta đền cho con gà. Đến nhà một người đàn bà khác, hăn nhờ giữ hộ con gà đừng để lợn cắn. Sau đó lợn cắn chết con gà và hăn được bồi thường con lợn. Lại mang lợn đến một nơi có bò, dặn đừng để bò giết mất lợn. Bò làm chết mất lợn và hăn được bồi thường con bê. Lại đến nhà một người đàn bà khác có cô gái ốm thềm ăn thịt bò, hăn gửi bê nhưng dặn đừng ăn tim. Hăn đòi phải đền cô gái, khi cô này giết mất bê. Người đàn bà đành phải đền, bèn lừa khi cô gái ngủ bỏ cô vào bị, trao cho hăn vác về. Từ đây truyện phát triển giống với các truyện kể trên. Đến một nơi nọ hăn đặt bị vào một chỗ để nghỉ, mai lại đi. Nhưng nhà chủ đã lén giải phóng cô gái thay vào một con chó đại, và sau đó, chó cắn hăn chết.

Một truyện của người Ka-bi-lơ (Kabyles):

Một con lang giẫm phải gai nhờ một bà già nhể hộ. Sau đó lang ta cố đòi cho được cái gai mà bà già đã vô tình quăng mất, và rồi được đền bù một cái trứng. Đến một làng nọ, lang gửi trứng cho người khác đặt ở chỗ máng dê. Đêm lại, nó lén ăn trứng đi rồi sáng dậy bắt chủ nhà phải đền dê. Được dê, nó dắt đến làng một người khác gửi ở chuồng ngựa. Nó lại lén ăn thịt dê và được đền con ngựa. Đến một làng khác nữa nó gửi ngựa ở chuồng bò. Lại ăn thịt ngựa và được đền con bò. Đến một làng khác nữa nó gửi bò nhưng không biết cột bò vào đâu. Người ta bảo cột vào giường của một cô gái. Đến đêm nó lại ăn thịt bò, và quăng lòng lên người cô gái. Sáng dậy nó đòi phải bồi thường cô gái. Người ta đành phải bỏ cô gái vào một cái bị đưa

cho. Đến một cái đồi nó mở bị toan ăn thịt cô gái, không ngờ trong bị nhảy ra một con chó săn cắn nó chết.

Một truyện sưu tầm ở vùng Phlăng-đơ (Flandre), tức là truyện *Jăng đuy Gô-ghê đi Héc-nhi ăn ngỗng*.

Jăng được người ta cho một năm lúa. Ngủ ở bờ rào bị gà ăn mất lúa, hăn khóc lóc bắt vạ, được chủ đền cho con gà. Đến một nơi khác gà bị bò đạp chết và được đền con bò. Sau đó hăn ngủ lại ở một trại nọ, nhốt bò ở chuồng. Chủ nhà sai cô đầy tớ vắt sữa. Bò không chịu để vắt, quất đuôi vào mặt. Cô này đâm thủng bụng bò. Jăng khóc to lên và được đền cô gái. Hăn trói lại bỏ vào bị vác lên vai, nghĩ bụng: - "Đến Héc-nhi, ta sẽ cưới cô này làm vợ và ăn thịt ngỗng". Dọc đường ghé lại một nhà nọ, để bị ở ngoài cửa. Một người thấy cái bị cửa quây, mở ra thấy cô gái, bèn giải phóng cho cô mà bỏ vào một con chó. Đến Héc-nhi, hăn tay mở bị, miệng hỏi: - "Có muốn lấy ta không?" Nhưng một tiếng sủa phát ra làm hăn sợ, thả dây, chó nhảy ra toan cắn. Jăng trèo lên một cây liễu già, nhánh gãy rơi xuống chó, chó chạy. Jăng nhìn thấy trong hốc cây liễu có cái gì sáng chói, hóa ra đó là một con ngỗng vàng [2].

[1] Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn và Trương Vĩnh Ký. *Chuyện đời xưa*.

[2] _Đều theo Cô-xcanh (Cosquin). *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren*, sách đã dẫn, tập I.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
145. NGƯỜI DÌ GHÈ ÁC NGHIỆT
HAY LÀ SỰ TÍCH CON ĐẾ

Ngày xưa, có một người đàn ông hai vợ, người vợ cả chết sớm để lại một đứa con trai còn bé tên là Văn Linh. Người vợ lẽ cũng sinh được một đứa con trai khác tên là Văn Lang. Văn Lang hơn Văn Linh những năm tuổi, nhưng hai anh em chơi với nhau thân thiết hơn cả anh em cùng một mẹ. Những khi Văn Linh bị trẻ con lối xóm ăn hiếp, Văn Lang lập tức bênh vực. Nhưng Văn Lang không biết rằng mẹ chàng trai lại coi Văn Linh như kẻ thù.

Văn Linh ngày một lớn khôn, người bố cho chàng theo nghiệp sách đèn. Còn Văn Lang thì từ lâu đã theo bố tập quen nghề trồng coi cày cấy. Nhà họ vốn có của ăn của để. Cả một tư cơ đồ sộ chắc chiu đã vài ba đời được gần vài chục mẫu ruộng và một mẫu vườn, có nhà ngói cây mít, thuộc vào loại khá nhất trong vùng.

Đột nhiên người bố ốm nặng rồi qua đời. Người dì ghẻ ngoài mặt thì đối đãi với Văn Linh ngọt ngào tử tế nhưng trong bụng muốn nhổ cái gai trước mắt. Là con đích, Văn Linh sẽ được gần như toàn bộ tài sản. Còn mẹ con Văn Lang thì nhiều lắm cũng được vài ba mẫu ruộng xấu với một cái trại ở bên kia đồi. Tục lệ đã đặt số phận của hai anh em là như vậy. Người dì ghẻ bỗng nảy tà tâm, muốn giết chết con chồng để chiếm lấy tất cả gia tài. Ý nghĩ ấy ngày một nung nấu trong lòng mẹ, càng nung nấu nhiều hơn từ hôm người chồng, kẻ bênh vực cho Văn Linh không còn nữa.

Một hôm, người mẹ ghẻ sai hai anh em mang tiền đi mua gỗ. Trước khi đi, mẹ gọi con đẻ vào buồng riêng dặn dò: - "Con ơi! Con hãy tìm cách "khử"

nó đi. Rừng nhiều thú dữ, sức con thì khỏe gấp đôi nó, nếu khôn khéo và kín đáo thì con chẳng sợ tội vạ gì hết!..." Người mẹ còn rĩ tai: - "Nếu nó mà sống được thì mẹ con ta không đất cắm dùi... Có trừ đi được, chúng ta mới mong sung sướng...". Văn Lang không muốn nghe lời mẹ, nhưng cũng không muốn làm phật ý mẹ, bèn cứ giả tảng vâng lời khăn gói ra đi. Đến cửa rừng. Văn Lang nói thật cho Văn Linh biết mọi việc, rồi bảo:

- Mẹ tôi trước sau cũng tìm cách hại anh. Vậy anh hãy tìm cách trốn đi. Số tiền mua gỗ anh hãy cầm lấy tất cả mà tiêu. Đến một lúc nào đó anh hãy trở về, chúng ta sẽ sống bên nhau.

Khi Văn Linh đi rồi, Văn Lang giết một con chó lấy máu bôi khắp nơi, rồi trở về nói cho mẹ biết là mình đã hạ thủ Văn Linh xong, mặt khác nói với mọi người rằng anh mình đã bị hổ vồ mất tích. Xóm làng không một ai nghi ngờ. Người dì ghẻ cho là mưu của mình đã đạt, từ đấy không còn lo lắng gì nữa.

*

* *

Lại nói chuyện Văn Linh đau khổ từ già Văn Lang ra đi. Một thân một mình chưa từng rời khỏi nhà bao giờ nay bơ vơ giữa một nơi xa lạ, chàng ngật ngưỡng không biết đi đâu. Loanh quanh mãi, cuối cùng một đêm nọ chàng lại lần về mồ mẹ, nằm úp lên mộ than khóc rồi ngủ quên. Ở dưới mồ, mẹ chàng thương con quá, bèn hiện lên thành con chim phượng hoàng lớn

ấp con vào đôi cánh. Thấy trời sắp sáng, phượng hoàng dùng chân quắp lấy Văn Linh rồi bay đi rất xa. Từ một hòn núi cao, phượng hoàng hạ cánh. Tỉnh dậy, Văn Linh sửng sốt, nhưng phượng hoàng đã nói:

- Ta là mẹ con. Con hãy ở đây chờ về mà nguy hiểm. Rồi hàng ngày mẹ sẽ đến với con.

Nói rồi phượng hoàng hóa thành nhà cửa và mọi đồ ăn thức dùng để Văn Linh ăn ở tại đây. Sợ con xao nhãng học tập, phượng hoàng lại mang sách vở tới cho con ôn luyện. Ban ngày phượng hoàng biến đi, nhưng đêm lại, nó bay đến chỗ Văn Linh ở để bảo vệ chàng. Tờ mờ sáng nó còn gáy lên để đánh thức con dậy học, rồi mới chịu cất cánh bay về.

Bấy giờ ở phía dưới núi có một xóm dân cư rải rác, trong xóm có nhà một cô con gái tên là Ngọc Châu. Ngọc Châu đẹp như hoa mà chưa có chồng. Nàng có một người đầy tớ gái tên là Hồng. Hai người sống nương tựa vào nhau, lấy nghề dệt vải nuôi thân. Từ dạo Văn Linh đến ở trên núi, hai thầy trò Ngọc Châu lấy làm lạ không hiểu vì sao trên núi từ xưa vắng bóng người, thế mà lúc này cứ mờ sáng khi họ ngồi vào khung cửi đã nghe tiếng chim phượng gáy, rồi nghe tiếng học trò học sang sảng cho đến sáng.

Một hôm gà gáy canh năm, Ngọc Châu giả cách làm tắt đồng nhấm để bắt nàng Hồng lên núi xin lửa của người học trò bấy giờ đã cất tiếng đọc sách. Hôm ấy Văn Linh dậy sớm thắp đèn ngồi học, bỗng nghe có tiếng gọi cửa. Chàng mở cửa ra thì là một cô gái. Sau khi cho lửa, anh hỏi vay cô gái một hũ dầu vì dầu nhà mình đã cạn. Nàng Hồng chỉ nhà để anh xuống lấy. Nhờ đó Văn Linh làm quen với Ngọc Châu. Thế là chàng đã có bạn xóm giềng, tối lửa tắt đèn có nhau. Từ chỗ quen nhau họ muốn được nên vợ nên chồng. Một hôm, Ngọc Châu mời chàng về ở cùng mình một nhà để tiện bề đèn sách. Được con báo tin, chim phượng hoàng mang tới cho áo quần và tiền

bạc. Rồi đó nó không trở lại nữa. Đám cưới cử hành đơn giản nhưng cũng rất vui. Từ nay bên anh đọc sách bên nàng quay xa, cảnh đầm ấm ấy không ai hơn được. Sau năm năm học thành tài, Văn Linh quảy lều chiếu đi thi. Đậu trường hương, chàng vào kinh quyết tranh đua ở trường hội. Chàng sung sướng khi nghe loa báo có tên mình ở bảng tiến sĩ. Hôm vinh quy, cờ quạt chiêng trống và quân gia rầm rộ kéo về quê. Thấy anh vinh hiển trở về, Văn Lang hết sức mừng rỡ. Trong khi ấy người dì ghẻ nghe tin đột ngột không kịp trốn, bèn chui xuống nấp dưới gầm giường. Nhưng vì quá sợ hãi mù đã vỡ mắt mà chết, hóa thành con dế [1].

KHẢO DỊ

Một truyện nhan đề là *Tất suất bi thu* (dế sâu mùa thu) của ta cũng nói đến sự tích con dế:

Ngày xưa có một người con gái nhan sắc và nết na tên là Nguyệt Diệu. Cô đóng cửa kén chồng. Năm hai mươi sáu tuổi, một người học trò hay chữ tên là Chiêm Khôi tới hỏi làm vợ. Nàng thuận lấy chàng và hai người sống một cuộc sống êm đẹp.

Nhưng chỉ được một năm thì tự nhiên Chiêm Khôi lăn ra chết, lại chết vào tháng Tám. Nguyệt Diệu hết sức đau đớn, ngày đêm than khóc rất thảm thiết. Nàng lủi thủi một mình không chịu chuyện trò cười nói với ai. Sau ba năm hết tang tiếng khóc vẫn không tắt. Rồi một hôm Nguyệt Diệu tự nhiên hóa dế lại càng da diết [2].

[1] Theo lời kể của người Hà-tĩnh (sưu tầm của Mạnh Sào Quan và Nguyễn Văn Nghĩa).

[2] Theo Sê-ông (Chéon), *BSEI* (1890).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
146. LÀM ƠN HÓA HẠI

Xưa có Trần Công là người có lòng sốt sắng. Ai có việc gì nhờ vả, ông đều sẵn sàng. Trong đời ông, ông đã từng đi lại nhiều nơi, đến đâu cũng hết lòng giúp đỡ người nguy kẻ khó mà không quản ngại.

Một hôm Trần Công vai đeo dầy, tay chống gậy tới vùng Hạ-hòa. Ở đây đang có nạn hạn hán. Trời nắng chang chang như thiêu như đốt, ruộng nứt nẻ hết. Trải qua một đoạn đường dài, ông thấy khát khô cổ nhưng đi mãi vẫn không gặp một hàng quán nào cả. Ông ghé vào một nhà nọ ở bên đường. Cả nhà đều đi vắng. Nhìn vào chum vại, ông thấy khô kiệt. Vào nhà thứ hai cũng vậy. Ông vội đi tìm giếng nhưng không thấy đâu cả. Ông bèn trèo lên một hòn đá đứng để tìm ao hồ, nhưng bao nhiêu ao hồ đều khô rông rốc. Mãi sau mới thấy một đám đông đang lúi húi chặt mạch ở một vũng nọ, ông vội tìm đến nơi. Gặp một người cầm bình nước, ông gọi xin uống. Uống xong, Trần Công tỉnh ra liền hỏi;

- May quá, nếu không gặp ông, có lẽ tôi chết mất. Không ngờ ở đây hột nước lại hiếm đến như vậy.

Người kia đáp:

- Vâng, chúng tôi đều nguy mất. Đã hai năm nay cái bà thần Mưa ác nghiệt đã quên mất vùng này. Giá có ai lên đó nhắc bà ấy hộ nhĩ.

Trần Công khảng khái nói ngay:

- Vậy thì tôi xin đi tìm thần Mưa giục phải làm mưa sớm cho bà con ta!

Từ già ra đi, Trần Công quyết tìm đến xứ sở của thần Mưa. Ông trèo lên nhiều núi, lội rất nhiều khe, qua rất nhiều ngày mà vẫn chưa đến. Một hôm, Trần Công trèo lên một quả đồi. Một con vượn già bị mắc bẫy, thấy có người đến thì kêu lên:

- Cứu tôi với! Cứu tôi với!

Ông vội chạy lại tháo bẫy cho nó. Được tự do, vượn hết lời cảm ơn ông. Nó hỏi:

- Ông đi đâu bây giờ?

- Ta đi tìm xứ sở của thần Mưa.

- Xứ sở của thần Mưa còn xa đây lắm, ông già rồi làm sao có thể tới nổi?

- Dù xa bao nhiêu ta cũng quyết đi để giục thần Mưa phải mau mau cứu vùng Hạ-hòa đang bị hạn.

- Thế thì để tôi biếu ông một vật.

Vượng bèn bảo ông ngồi chờ, rồi chạy vội vào rừng, chốc sau nó trở lại với một cái gậy con. Đưa cho Trần Công, vượng nói:

- Cái gậy có phép rút đất, ông có thể đi bất cứ nơi nào cũng được, chỉ cần nói chỗ mình đến là đủ.

Trần Công vui vẻ nhận món tặng vật, cảm ơn vượng rồi bảo gậy:

- Hỡi thần gậy, hãy đưa ta đến xứ sở của thần Mưa.

Tự nhiên ông thấy mắt hoa lên, cây cối núi non hai bên như chạy rạt rất nhanh về phía sau, chỉ độ nửa buổi là đứng lại. Ông nhận thấy mình đứng giữa một nơi quang cảnh lạ lùng. Nhưng ở cũng có người và vật như ở trần gian. Ông hỏi nhà thần Mưa, người ta chỉ cho ông. Ông gọi đến cổng. Có tiếng nói vọng ra: - "Ai đó mời vào".

Bước vào nhà, ông thấy một bà già hom hem đang nằm trên giường. Ông hỏi:

- Bà có phải là thần Mưa không?

- Phải.

- Tại sao bà để cho trần gian có những vùng hạn hán đến nỗi không đủ nước mà uống. Sao bà ác thế? Bà không biết ở hạ giới người ta rửa bà hàng ngày hàng giờ đấy ư?

Bà già không nói gì, mời ông ở lại khoản đãi cơm nước tử tế. Ở được vài ngày vẫn không thấy bà làm gì cả, suốt ngày chỉ nằm rên khừ khừ, Trần Công lại tới nhắc. Bà già nói:

- Ta vốn có phận sự làm mưa ở trần gian. Nhưng mấy lúc này ta bị một ác chứng không thể đi đâu được. Ta có ý chờ con gái ta về, nhưng không hiểu sao nó đi chơi lâu quá! Nay trời cũng có lệnh truyền bảo làm mưa, ta muốn cậy ông làm hộ.

- Tôi thì biết gì mà làm.

- Công việc kể ra không có gì khó lắm, chỉ cần làm theo lời dặn là đủ. Ông nhìn trên vách kia có một cái bầu, nếu ông bằng lòng đi, tôi sẽ múc nước đầy bầu cho ông. Bên cạnh bầu có một nhánh lá. Chỉ cần trèo lên lưng con sư tử mà ngồi cho vững. Nó sẽ đưa ông đi tới những miền đã định sẵn. Thế rồi ông cứ nhúng những nhánh lá vào bầu mà vẩy xuống, nhưng phải vẩy từ từ mới được.

- Thế thì tôi sẵn lòng làm giúp. Bà cứ sắm sửa mọi thứ ngay đi!

Bà già ngồi dậy ra bể múc đầy bầu nước và gọi một con sư tử đến dẫn dò mọi việc, Trần Công trèo lên lưng sư tử, một tay cầm bầu, một tay cầm hành lá. Sư tử liệng một vòng trên không rồi bay xuống hạ giới lần lượt đến những chỗ làm mưa. Trần Công nhìn xuống thấy mọi vật đều nhỏ li ti như hạt bụi. Nhưng ông lo lắng đến công việc đã hứa. Ông bèn cầm hành lá nhúng vào bình rồi vẩy lia lịa. Nhìn xuống đã thấy một phía trời mịt mù. Ông đoán chắc là mưa to, trong lòng lấy làm thích thú. Ông cứ lần lượt vẩy mãi, vẩy mãi, mỗi lần đến một chỗ mới. Khi đi đến vùng trời Hạ-hòa, ông chợt nhớ tới những lời than phiền hạn hán của những người dân nơi đây, bụng bảo dạ: -"Ta phải cho họ thêm một ít nước để bù vào những cơn nắng hạn dữ dội, chứ mưa như thế chắc không thấm tháp gì. Và lại để đền ơn cho họ đã cứu ta khỏi chết khát". Bèn không vẩy nữa mà cầm cả bầu dốc ngược. Thấy thế sư tử tỏ vẻ hoảng sợ ngoái lại bảo ông dừng tay, rồi quay trở về. Chỉ một lát sau nó đã về đến nhà. Bà già ra đón hỏi. Ông thực thà kể lại đầu đuôi. Nghe đoạn, bà già chép miệng:

- Thôi, thế là ông đã làm hại người ta rồi. Ở chốn ấy bây giờ chắc chẳng còn một mống nào sống sót.

Trần Công nghe nói giật mình, nhưng vẫn không tin lời bà già lắm. Hôm sau ông từ giã thần Mưa ra về. Chiếc gậy rút đất lại đưa ông xuống cõi trần một cách chóng vánh. Đường đi qua vùng Hạ-hòa, ông dừng lại để xem thử thế nào. Thì ra ở nơi này nhà cửa, cây cối, người và vật đều chẳng còn một tí gì. Cả cái mô đất cao cũng bị hóa bằng, nếu không có hòn đá lớn mà ông nằm nghỉ hôm nọ còn lại, thì cơ hồ ông cứ tưởng là cõi hoang vu nào thưở trước. Ông tặc lưỡi hồi hận:

- Thật có ai ngờ làm ơn hoá hại[1].

[1] Theo *Bản khai thôn Ngọc-sơn, xã Xuân-lâm* và lời kể của người Nghệ-an.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
147. HUYỀN QUANG

Vào thời nhà Trần có một người học trò trẻ tuổi ở xứ Bắc tên là Huyền Quang. Nhà chàng không đất cấy dùi nhưng cha mẹ chàng thì cố công cố sức làm thuê làm mướn các nơi để nuôi con ăn học. Khi Huyền Quang đến tuổi lấy vợ, cha mẹ dạm cho một cô gái, con một nhà khá giả trong vùng.

Trải mấy năm trời, chàng đã từng sêu tết và đi làm rể bên nhà vợ khá là vất vả. Cho đến ngày gia đình sắm lễ vật xin cưới thì đột nhiên bên nhà gái trở mặt, trả lễ lại và từ hôn. Huyền Quang lấy làm buồn lòng vì thói đời tráo trở, chàng càng đau khổ hơn khi thấy cô gái thuận lấy người cháu họ một viên an phủ sứ.

Sau đó, cha mẹ chàng lại tìm cho con một đám khác, nhưng cuộc nhân duyên lần này cũng dở dang, chỉ vì nhà gái chê nhà trai không có mã làm nên, không phải là nơi nương tựa. Vì vậy cho đến năm hai mươi tuổi Huyền Quang vẫn một thân một mình.

Từ khi thất vọng về đường tình duyên, Huyền Quang lại càng bám chí về đường kinh sử. Năm hai mươi tuổi, chàng thi đậu ở trường thi quê nhà, rồi vào thi đình đậu luôn Trạng Nguyên.

Nghe tin Huyền Quang đậu Trạng Nguyên, có mấy tay phú hộ ở quanh vùng bấn tin cho con gái đến tuổi lấy chồng kèm theo cả một tư cơ đồ sộ. Một ông quan lớn ở kinh kỳ cũng mời quan tân khoa về thái ấp mình để xem mặt cô con gái yêu tuổi vừa đôi tám. Tiếp đó, ngày chàng vào kinh bái mạng để nhậm chức, một viên quan nội giám đến gặp riêng chàng và rỉ vào tai:

- Hoàng hậu đang kén phò mã cho công chúa ba đấy. Nếu quan Trạng muốn, thì việc tốt đẹp nhất định phải thành.

Thấy tính đời như vậy, Huyền Quang than:

Khó khăn thì chẳng ai nhìn,

Đến khi đỗ Trạngtám nghìn nhân duyên.

Than đoạn, chàng nguyện sống suốt đời sẽ không lấy vợ. Thế rồi người ta thấy chàng nhất quyết từ chối mọi hứa hẹn tốt đẹp. Nhưng cuộc đời danh vọng của Huyền Quang cũng không làm chàng thấy vui lòng. Nhìn thấy những cảnh tượng xấu xa trong đám quan trường, chàng lại càng ghê tởm. Từ đấy Huyền Quang tỏ ra chán đời. Làm quan chưa được bao lâu, chàng đã đệ đơn lên vua xin từ chức để đi tu. Bấy giờ cha mẹ chàng đã nối gót nhau qua đời.

Vua không thể nào bắt ép chí của chàng được. Huyền Quang tu hành rất chăm chỉ. Chẳng bao lâu, chàng đã thông thuộc tất cả kho tàng kinh sách của nhà Phật. Rồi đó, nhờ có học vấn không ai bì kịp, Huyền Quang được nhà vua ban cho danh hiệu Quốc sư. Vua còn cho chàng trông nom thư viện Trúc-lâm và cho trụ trì ở một ngôi chùa lớn cai quản hàng mấy nghìn tăng ni. Còn ít tuổi như chàng được trở thành một bậc giáo chủ, người đời bấy giờ coi là việc hiếm có.

*

* *

Hồi bấy giờ vua Anh Tông mới lên ngai vàng. Thấy vị tổ Trúc-lâm là một người còn ít tuổi, vua không tin là có thể chịu đựng nổi sự diệt dục khổ hạnh. - "Cứ đưa đến một cô gái đẹp, nhất định thế nào thầy cũng sa ngã". Nghĩ vậy, vua có ý định thử xem đạo đức của vị tổ trẻ tuổi này như thế nào. Nhân mấy ngày hoàng hậu se mình, vua cho triệu tổ về kinh làm lễ cầu siêu. Sau mấy đêm ngày, công việc cầu siêu đã xong, trước khi chàng trở về chùa, vua sai ban cho 10 lạng vàng để đền công khó nhọc. Huyền Quang không tiện chối từ đành phải cầm lấy, nhưng chàng đâu có ngờ rằng cái bấy đã bắt đầu giương ra để đợi người nhẹ dạ.

Thế rồi sau đó ít lâu, vua cho một cung nữ nhan sắc xinh đẹp tên là Điểm Bích, tìm cách đến chùa, nơi Huyền Quang trụ trì, bảo phải quyến rũ cho bằng được. Vua còn dặn Điểm Bích phải làm sao lấy ở sư thầy ít nhất là một lạng vàng đưa về làm tang chứng.

Lại nói chuyện Huyền Quang hôm ấy nghỉ tại một thiền trai cất trên một ngọn đồi cách viện Trúc-lâm chừng vài dặm. Đây là một gian nhà nhỏ rất

tĩnh mịch mà vua sai xây cho chàng để nghỉ ngơi sau những ngày giảng kinh mệt nhọc. Vào khoảng tắt mặt trời, chú tiểu đưa vào một cô gái vẻ mặt hốt hoảng nhợt nhạt, áo xống tồi tả.

- Bạch thầy, người này bị cướp đuổi vừa gọi cửa kêu cứu.

Đó là Điểm Bích, lúc này đã cải trang thành một cô gái quê mùa. Nàng khóc sụt sùi, một hai xin chùa cho ở trọ đêm nay. Nàng bịa ra câu chuyện bị côn đồ đuổi và phải chạy chốn vất vả như thế nào làm cho Huyền Quang không thể nào từ chối được. Cuối cùng theo lệnh của chàng, chú tiểu sắp xếp cho Điểm Bích một chỗ nghỉ ở phía ngoài thiền trai.

Sự việc vừa xảy ra làm cho Huyền Quang thấy trong lòng không được yên tĩnh. Chàng để cho chú tiểu đi nghỉ, rồi giờ quyển kinh ra tụng niệm mãi tới khuya. Sắp sửa đặt lưng xuống giường, chàng bỗng nghe thấy tiếng rên rĩ của người đàn bà. Chàng lại phải đánh thức chú tiểu dậy xem thử như thế nào. Khi nghe nói người đàn bà muốn xin được vào nằm phía trong thiền trai, vì ở ngoài không ngăn được sự sợ hãi, Huyền Quang lấy làm bối rối. Nhà thì hẹp chỉ có ba gian, nhân thân chỉ có hai thầy trò; các tầng chúng đều ở xa không tiện gọi.

Suy nghĩ giây lát, Huyền Quang bất đắc dĩ cho người đàn bà vào ở chỗ tiếp khách, còn mình thì lui vào trai phòng khóa cửa lại. Nhưng vừa chợp mắt đi được một lúc, đã nghe tiếng rên rĩ ở phía ngoài. Chàng lại ngồi dậy cầm lấy tràng hạt và quyển kinh. Nhưng khi bước ra khỏi trai phòng, qua ánh đèn dầu le lói, chàng thấy người đàn bà nằm lả lờ trên bộ ván. Chàng bước vội trở vào và quyết định ngồi trên giường tụng niệm cho tới sáng để tránh sự cảm dỗ. Không ngờ giữa lúc những tiếng tụng niệm vừa cất lên, thì Điểm Bích từ phòng ngoài đã chạy vào, sấn lại ngồi bên cạnh chàng, nói những câu cảm ơn nhưng lại xen vào nhiều lời khêu gợi.

Biết người đàn bà này đến đây có mục đích không lương thiện, Huyền Quang liền nghiêm nét mặt lại:

- A-di-đà Phật. Nàng là ai? Tại sao lại tìm đường vào đây để quấy rối người tu hành? Nếu không mau mau cải tà quy chính, ta sẽ hô hoán lên cho mọi người đến cầm lá dốt ra khỏi tu viện.

Thấy Huyền Quang không phải là hạng người dễ quấy rối, Diêm Bích đành phải thay đổi thái độ. Nàng chuyển sang bộ mặt rầu rĩ và bịa ra câu chuyện để gọi lòng trắc ẩn.

- Thiếp vốn là con nhà thế phiệt. Bố thiếp làm quan một huyện ở vùng biển. Mùa tháng Năm vừa rồi nhân đi thu thuế được ba nghìn quan, cho dân phu đài tải về kinh. Không ngờ bị bọn cướp đường đón lấy mất cả. Quan trên thương tình cho khất đến cuối năm. Hiện nay bố thiếp đã thu góp tư trang mới được chừng một nửa. Bởi vậy thiếp phải đi khắp đó đây xin các nhà từ thiện kẻ ít người nhiều để bù vào số thiếu. Hôm nay đánh bạo đến đây định xin hòa thượng rủ lòng thương xót quyên cấp cho ít nhiều. Nhưng thấy cảnh chùa tôn nghiêm, nếu nói thật chưa chắc đã được, vì vậy phải dùng mẹo nhỏ để gặp hòa thượng, sau đó mới tỏ bày mục đích. Dám xin hòa thượng mở lượng hải hà cứu vớt bố thiếp và cả nhà thiếp. Thiếp nguyện đưa thân nữ tì hầu hạ suốt đời.

Nghe nàng sụt sùi kể lể, Huyền Quang không ngăn được cảm động. Chàng vội trả lời:

- Nàng đừng có lo lắng gì cả. Ngày mai ta sẽ tiến triều, tâu với vua xin tha tội cho cha nàng.

Sợ Huyền Quang về triều thì việc của mình không đạt, Điểm Bích lại nói:

- Bạch hòa thượng, việc của bố thiếp còn may là chưa đến tai Thánh thượng. Hòa thượng về tàu giúp cho thật là công đức vô biên, nhưng thiếp không muốn vì việc nhà thiếp làm phiền hòa thượng phải xuống núi nhọc sức.

Huyền Quang sức nhớ tới mười nén vàng của vua còn bày ở trai phòng. Chàng vội lấy ra đưa cho người đàn bà mà rằng:

- Ta biếu nàng tất cả, nàng đưa về mà chuộc tội cho cha!

*

* *

Lại nói chuyện khi trở về cung, Điểm Bích liền đưa nộp mười nén vàng và tàu đối với vua rằng mình đã cảm dỗ được con mối. Để vua tin, nàng còn đọc lên một bài thơ yêu đương nói là của Huyền Quang đã ngâm tặng mình trước khi phá giới.

Văng vặc trăng mai ánh nước,

Hiu hiu gió trúc ngâm sinh.

Người vừa tươi tốt, cảnh vừa lạ,

Mâu Thích Ca nào chẳng hữu tình.

Nghe xong câu chuyện và nhìn thấy mấy nén vàng, nhà vua thở dài hối hận:

- Chao ôi. Bậy quá! Ta đã làm hại một vị tu hành trẻ tuổi. Tự dưng vô cớ đi gài bẫy, nhất định con chim khó có thể tránh được. Biết làm thế nào bây giờ?

Nghe nói thế, một viên quan ghé vào tai vua hiến kế:

- Tâu bệ hạ, xin bệ hạ cho thiết lập một lễ cúng Phật dọn toàn cỗ mặn rồi mời thầy về làm lễ. Nếu quả là thầy còn trong sạch thì chư Phật sẽ độ cho cỗ mặn hóa thành chay, ngược bằng hư hỏng rồi thì chẳng bao giờ được độ.

Vua cho là phải, bèn hạ lệnh cho gọi Huyền Quang về triều để chàng làm một lễ chay trọng thể vào dịp rằm tháng Bảy sắp tới. Vua còn bắt quân hầu dựng một đàn tràng nguy nga, các rạp đều trần trướng toàn bằng lụa hoàng quyền. Trái hẳn với tục lệ nhà chùa, hôm bước vào chính lễ, vua ra lệnh cho giết bò và lợn, dọn toàn cỗ mặn.

Khi sắp bước vào rạp. Huyền Quang biết nhà vua cố ý làm nhục mình. Các mâm cỗ mặn tanh tưởi bày trên đàn kia nếu không phải là một sự xỉ vả thì còn gì nữa. Lụa hoàng quyền nói lái lại rõ ràng ám chỉ hai tiếng "Huyền Quang". Chàng bèn ngửa mặt lên trời lớn tiếng khấn:

- Kẻ đệ tử này nếu có điều gì bất chính, xin chư Phật cho đày xuống A-tì địa ngục, còn nếu không, thì xin cho những cỗ mặn kia hóa thành chay tất cả!

Tự nhiên một trận gió mạnh nổi lên, cát bụi mù mịt, trời đất tối sầm cả lại. Một chốc gió tan, mọi người nhìn lên đàn tràng thì, lạ thay, tất cả các mâm cỗ mặn đều biến thành cỗ chay tinh khiết thơm tho, mọi mùi tanh tưởi đều đã bị quét sạch từ bao giờ. Huyền Quang thủng thỉnh bước lên đàn tràng giữa tiếng reo hò của chúng tăng và mọi người. Vua Anh Tông được tin, lập tức ra lệnh bắt Điểm Bích tra hỏi cho ra sự thật. Biết là bại lộ, người cũng nữ ấy cúi đầu thú hết tội lỗi. Vua truyền bắt Điểm Bích bỏ ngục để chờ ngày phán xử, rồi xa giá tới gặp Huyền Quang tạ lỗi. Câu nói đầu tiên của Huyền Quang là xin vua tha tội cho Điểm Bích[1].

KHẢO DỊ

Theo lời kể của một số người Bắc-ninh khác thì phần sau của câu chuyện có khác với truyện vừa kể. Hồi ấy nhà vua ngự giá chơi chùa có tặng Huyền Quang hai mươi lạng vàng. Việc nhận vàng làm cho nhà vua nghi ngờ tấm lòng cao thượng của Huyền Quang. Lúc về cung, vua cho gọi các phi tần cung nữ xem ai có thể nhận nhiệm vụ thử thách vị tổ trẻ tuổi. Không một ai chịu đi cả. Sau cùng có cô công chúa thứ ba - một cô gái học giỏi - nhận lời. Cũng như truyện trên, công chúa cải trang tìm đến chùa, bịa ra câu chuyện cướp đuổi, xin trợ, Huyền quang cho ở phía ngoài. Sự khiêu khích lần đầu của công chúa không có hiệu quả. Trong chùa, Huyền Quang tụng hết quyển kinh này sáng quyển kinh khác.

Ngoài này, công chúa dùng bút giấy ghi chép tất cả. Sáng hôm sau, Huyền Quang lục thúng khảo của công chúa thấy có những bản ghi chép không sót

câu nào, thì ngạc nhiên tưởng là tiên, bèn xiêu lòng. Sau đó công chúa xin về, trong thúng có hai mươi lạng vàng Huyền Quang tặng.

Vua có đủ chứng cứ, cho đòi Huyền Quang về bắt làm tỳ tỳ thú. Có câu:

Tụng ba mươi sáu quyển kinh,

Bụi trần chưa sạch, tơ tình còn vương.

Nay nhờ ơn lệnh quân vương,

Rộng dung ân xá đội ơn nghìn trùng.

Các quan đều quì lạy xin tha cho Huyền Quang. Một người hiền kế cho vua như đã kể. Nhưng phép của sư còn thiêng, bao nhiêu cỗ mặ đều hóa chay cả. Vua tha cho, nhưng Huyền Quang không được thành Phật. Có câu ngạn: "Từ Thức tu không thành tiên, Huyền Quang tu không nên Phật"[2].

Trong sách *Huyền Quang hành*[3] có kể truyện Huyền Quang nội dung tương tự với lời kể trên. Đại thể là:

Sư Huyền Quang nổi tiếng chân tu được nhà vua Trần Minh Tông kính

trọng, ban mười lạng vàng. Nhưng sau đó vua sai Nguyễn Thị Bích đi thử, dẫn lấy cho được vàng làm tin. Lúc đầu sư cự tuyệt không cho vào nhưng vì nàng dùng lời nói khéo khẩn cầu, nên sư cho ở phía ngoài tầng phòng. Đêm khuya gió mát, trăng sáng như ban ngày. Sư ngủ không được bèn đi bộ quanh chùa, thấy khách hơi lơ đãng, bèn bỏ đi.

Nhưng rồi sư trở lại, không giữ được lòng nữa, bèn làm thơ tỏ tình. Đến lượt cô gái cự tuyệt, khiến sư phải cho vàng mới xong. Thấy vàng, vua bèn gọi sư về bày đàn thuyết pháp. Trông thấy bức màn bằng lụa quynh nhuộm vàng, sư nói: - "Hoàng quynh nhuộm sắc, tức là ta". Đoạn sau, không có chuyện cổ mặn hóa thành chay[4]. Còn có câu ca truyền lại:

Dù mà tát cạn Bình-than

Rửa làm sao sạch tiếng oan cho thầy[5].

Về nàng Điểm Bích cũng có truyện riêng. Tương truyền nàng là con một người đàn bà ăn xin ở huyện Đường-hào (Hải-dương). Sinh ra không có cha, người mẹ đem nàng cho một nhà giàu làm con nuôi, mang tên là Tam nương (nàng Ba) và được theo đòi bút nghiên. Dần dần học rộng, giỏi thơ văn, được vua Trần Anh Tông kén làm cung nữ, có lúc vua vì trọng tài gọi nàng là "gái thần đồng". Vì vụ oan cho Huyền Quang, Điểm Bích sau đó bị giáng làm nữ tì hầu ở chùa trong cung Cảnh-linh[6]. Trong *Vũ trung tùy*

bút, Phạm Đình Hổ có nói rằng hồi còn bé ông có được nghe kể chuyện về
Điểm Bích, và người ta còn đào được mộ nàng.

-
- [1] Theo *Tam tổ thực lục* và lời kể của người Hải-dương, Bắc-ninh.
- [2] Theo người Diêm-xá (Bắc-ninh) kể.
- [3] Theo *Vũ trung tùy bút* thì tác giả là Nguyễn Hoàn người làng Cỗ-đô (Sơn-tây) soạn bằng chữ nôm, có lẽ nguyên văn nay đã mất.
- [4] Theo *Sơn cư tạp thuật*.
- [5] Theo *Vũ trung tùy bút*.
- [6] Theo *Tam tổ thực lục*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
148. TIÊU DIỆT MĂNG XÀ

Ngày xưa, trong một hang núi nọ có một con măng xà. Đầu nó to bằng cái chum, trên đầu có mào đỏ, hai mắt như hai quả quýt, thân dài hơn trượng. Nó đi đến đâu là cuốn thành bão đến đấy, cây cối đổ rào rào, bụi bốc mù mịt. Nó đã ăn thịt không biết bao nhiêu là súc vật và người. Người ta dùng nhiều cách để diệt trừ, nhưng măng xà đã không chết mà còn phá hoại dữ dội hơn. Cuối cùng nhà vua phải sai dựng cho nó một cái đền và hứa mỗi năm khấn một mạng người để nó đỡ phá phách. Nhà vua ra lệnh bắt các làng mỗi năm phải nộp một người con gái để dâng cúng măng xà, nhưng cũng cho rao trong nước, ai tiêu diệt được con quái vật ấy thì sẽ phong quận công và cho lấy công chúa làm vợ.

Bấy giờ có một chàng trẻ tuổi từ lâu được một nhà sư đưa lên nuôi trên một ngôi chùa ở núi cao. Hàng ngày nhà sư truyền cho anh nghề múa gươm và các môn võ nghệ. Thành tài, anh được thầy tặng một thanh gươm quý và cho phép "hạ sơn". Hôm ấy anh trở về làng. Sau khi kéo bộ suốt cả một ngày mệt nhọc, anh thấy một tòa đền có ánh sáng le lói, không biết là đền măng xà, bèn ghé vào nghỉ chân. Vừa bước vào cổng đền bỗng nghe có tiếng khóc thút thít ở phía trong, anh lấy làm ngạc nhiên vội lần vào thượng điện. Dưới ánh đèn dầu, anh thấy một cô gái trạc mười tám, hai mươi tuổi, bị trói vào cột ở một góc điện. Anh lập tức bước đến cởi trói cho nàng và nói:

- Làm sao cô lại bị trói ngồi ở đây?

Cô gái gạt nước mắt nói:

- Chàng là ai, ở xứ nào mà không biết đây là đền thờ măng xà ư?

Đoạn cô kể lại những hành động của măng xà, mỗi năm phải nộp một mạng người ra sao, cuối cùng cô nước nở:

- Nhà thiếp có một mẹ một con, nghĩ mình chết đi cũng không tiếc, chỉ thương mẹ già không có ai nuôi. Nhưng thôi chàng hãy đi mau khỏi chốn này, nếu không măng xà nó đền thì chẳng còn tính mạng.

- Thế bao giờ thì nó đền đây?

- Chỉ nộp trong đêm nay!

Chàng trẻ tuổi ân cần:

- Tôi muốn thay nàng nộp mạng cho măng xà để nàng được về với mẹ.

Cô gái đáp:

- Thiếp không muốn vì mình mà người khác phải chết. Cứ để mặc thiếp chịu số kiếp thâm, tiền oan nghiệp chướng này. Chỉ mong chàng nếu có đi qua làng, hãy làm ơn ghé vào an ủi mẹ già giúp thiếp.

- Không. Nàng hãy kịp tránh khỏi nơi đây để mặc tôi với con quái vật.

Rồi rút gươm ra khỏi bao, chàng nói tiếp:

- Nó không thể làm hại được tôi đâu. Tôi sẽ bắt cái này ra đối mặt một phen với nó. Nàng hãy chạy về làng mau đi!

Nói đoạn, anh dẫn cô gái ra khỏi cánh rừng, rồi trở lại đèn nai nịt gọn ghẽ, quyết thức đợi mãng xà.

Vào khoảng nửa đêm, bỗng phía ngoài có tiếng rào rào, cành cây gãy rã rã. Một mùi tanh tươi xông vào mũi đến lộn mửa. Chàng trẻ tuổi đứng dậy rút gươm nấp vào bên thượng điện. Mãng xà quen như mọi khi, từ từ vắt mình qua tường tiến vào. Nhưng nó vừa thò cái đầu vào đèn thì chàng trẻ tuổi đã khởi thế công ngay. Lưỡi gươm của anh lóe lên trong đêm tối như chớp giật. Con quái vật bị thương, lao tới toan nuốt sống kẻ thù. Nhưng đường gươm lợi hại của anh đã lại bồi cho nó một nhát thứ hai. Mãng xà đau quá, rống lên, hà hơi phun gió rồi quật đuôi tới tấp làm anh lăn đi mấy vòng. Sắp bị lọt vào miệng quái vật thì may sao, anh đã kịp đứng bật dậy, thủ thế đâm cho nó một mũi thứ ba, nhưng vì đâm mạnh quá nên mũi gươm bị gãy. Anh bèn bồi tiếp mấy nhát, mãng xà bị thương nặng. Cả khúc thân của nó quằn quại mạnh đến nỗi tường và mái đèn đổ sụp, gạch ngói lăn xuống rào rào. Anh giơ lưỡi gươm chặt lấy cái đầu con ác thú.

Giết được mãng xà, chàng trẻ tuổi khát nước quá chạy khắp rừng đi tìm suối giải khát, rồi vì mệt quá, anh lăn ra bên bờ suối ngủ thiếp một ngày một đêm.

*

* *

Trưa hôm sau, một viên quản có phận sự gác ở khu vực này tiến vào đèn để

dò động tĩnh. Hắn vô cùng kinh ngạc khi thấy mãng xà nằm trên vũng máu, mà cô gái thì không biết đã biến đi đường nào. Nhưng nghĩ đến lời hứa của vua, hắn lập tức xách lấy đầu mãng xà phóng ngựa về kinh lĩnh thưởng. Trông thấy đầu con quái vật, nhà vua rất vui mừng. Vua hỏi:

- "Ai đã giết được mãng xà?" Viên quan đáp: - "Tâu bệ hạ chính là kẻ hạ thần này". Vua khen ngợi hồi lâu, rồi ban sắc chỉ phong cho làm quận công, lại truyền gả công chúa như lời đã hứa.

Đám cưới tổ chức rất linh đình. Nhưng giữa hôm cưới, trong khi vua quan tề tựu đông đủ, thì bỗng có một người khách lạ xin vào yết kiến. Vua truyền cho vào. Người khách lạ chính là chàng trẻ tuổi đã giết mãng xà. Vua hỏi:

- Nhà ngươi đến đây có việc gì?

Chàng trẻ tuổi đáp:

- Tâu bệ hạ, chỉ xin phép bệ hạ cho tôi được lấy lại một mảnh gương gãy còn giắt trong đầu mãng xà mà thôi!

Vua hết sức ngạc nhiên:

- A, vậy ra không phải là phò mã của ta đã hạ thủ mãng xà ư?

Vua nhìn sang phò mã. Phò mã mặt đã tái đi, nhưng vẫn cố cãi:

- Nó là thằng bá vợ nào dám vào đây nhận xằng!

Vua liền sai hoãn ngay lễ cưới lại rồi bảo vệ sĩ bỏ đầu mãng xà để tìm mảnh

gươm. Một lát sau vệ sĩ đã đưa mảnh thép về dâng nộp, khi ráp vào với gươm của chàng trẻ tuổi thì vừa như in. Vua thét:

- Thì ra phò mã đã lừa dối trăm và mọi người.

Lập tức vua sai lột thẻ vàng quận công của hãn rồi đeo vào cho chàng trẻ tuổi. Sau đó vua dắt anh ngồi vào chỗ ngồi của phò mã, và ra lệnh cho lễ cưới lại tiếp tục như cũ. Trong khi đó thì viên quản bị giải ra pháp trường [1].

KHẢO DỊ

Về mô-típ này, Việt-nam chúng ta còn có rất nhiều dị bản các loại. Trước hết là một phần của những truyện *Thạch Sach* (số **68**, tập **II**), *Con chim khách màu nhiệm* (số **124**, tập **III**).

Trong *Lĩnh-nam chính quái* có truyện *Quỳ Xương Cuồng* hay ăn thịt người. Vua Kinh Dương Vương làm bùa phép để trừ, nhưng không trừ nổi. Cuối cùng người ta phải dựng một ngôi đền, mỗi năm cúng cho nó một người vào ngày 30 tháng Chạp. Đời Tần có Nhâm Ngao muốn phá bỏ tục lệ này nhưng bị Xương Cuồng ăn thịt. Đến đời Đinh Tiên Hoàng, nhờ có một pháp sư bày ra các phép lạ (giống như trò xiếc) cho quỷ Xương Cuồng đến xem say mê, rồi bắt thần chém chết.

Sê-ông (Chéon) có kể một *Truyện rắn thần* ở làng Mễ-đỗ, tổng Tang-giá,

huyện Quỳnh-côi (Thái-bình). Làng này hàng năm phải nộp cho thần một cô gái, không có thì làng động không yên. Lệ làng phải cắt phiên từ tiên thứ chỉ lần lượt cho đến người dân cuối cùng, hết vòng lại trở lại. Đến lượt ai thì người ấy thường mua sắm con gái nuôi cho lớn để nộp (nếu không, phải nộp con đẻ). Vào khoảng rằm tháng Chạp làng mở hội tế thần, xong, bỏ người con gái vào hậu cung khóa lại, rồi ai về nhà nấy.

Một năm đến lượt một cô con gái nhà giàu phải làm vật hy sinh. Một anh ăn trộm qua đó nghe tiếng khóc lấy làm lạ, chạy vào hỏi mới biết chuyện, bèn phá cửa vào cùng ngồi với cô, tay thủ sẵn hai con dao găm. Khi rắn thần hiện ra nó há miệng bằng gàu giai, anh chàng một tay dùng dao chống hàm con rắn, tay kia cầm dao khác đâm vào cổ họng. Rắn chết, anh đưa cô gái về nhà, được bố mẹ cô gả cho làm vợ, ở gửi rể [2].

Trong *Thính văn dị lục* có truyện *Thần yêu* ở xã Thanh-lâm, Thanh-hóa, mỗi năm cũng phải khấn một gái trinh: cho trai giới, ăn chay, mặc áo quần mới. Lúc sắp vào lễ mỗi ngày tắm một lần. Ngày lễ chính còn phải có cỗ xôi con lợn cũng đưa cả vào đền khóa lại. Nhưng nhân vật anh hùng ở đây lại là Gia Long và Lê Văn Duyệt. Lần ấy qua đó nghe tiếng khóc, họ vào cời trói cho cô gái về, rồi ngồi chén cỗ. Khuya lại, thần tới như một trận cuồng phong nhưng bị những đường gươm nên linh mất. Sáng dậy, họ gọi phụ lão làng ấy vào rừng tìm thì thấy xác một con rắn lớn.

Sơn Nam kể truyện *Mãng xà vương Tân-băng* ở làng Tân-băng, sông Cán-gáo thuộc U-minh-thượng (Rạch-giá). Để được yên ổn, dân làng mỗi năm phải nộp mạng hai đứa trẻ. Vào canh ba giờ tý, hai con quái vật từ vịnh Xiêm-la hiện lên, đi đến đâu làm rung chuyển đến đó. Bấy giờ có Nguyễn Hữu Long ngự y cho nhà vua đến đây đứng vào hôm hiến tế. Ông sai thay hai đứa trẻ vô tội bằng hai con chó to béo, cạo lông mổ ruột trong nhồi thuốc mê, ngoài vẽ mặt mũi như người. Hai con mãng xà tới chén no sau khi giỡn mồi bị thuốc mê ngấm nằm bất tỉnh. Nhưng đáng lẽ giết đi thì ông

lại sai đem sơn bôi vào chúng: một con màu xanh, một con màu đỏ. Tỉnh dậy, chúng tưởng lạ, cắn nhau rồi đuổi nhau chạy xuống biển, và từ đấy không trở lại nữa [3].

Lăng-đờ (Landes) cũng kể một truyện, nhưng vai trò anh hùng ở đây lại là bức tranh Quan Đế:

Ở phủ Kiến-xương có một cô gái mồ côi sống bằng nghề may thuê vá mướn. Một hôm cô đi chợ thấy có bán tranh Quan Đế. Bắt chước những người khác, cô nhin ăn bỏ tiền mua một bức đem về mỗi ngày dâng cúng trước khi ăn, đi đâu cũng mang theo.

Một hôm đi qua làng Nhân-lý, làng này thờ thần Lợn, mỗi năm cũng phải dâng một người con gái. Cô gái thấy có hội làng, chen vào xem. Bọn hương lý làng này giả thuê cô làm một số công việc ở đền trong mấy ngày hội, hứa sẽ trả cho một số tiền lớn. Đêm lại chúng bỏ cô một mình ở đền. Cô lấy bức tranh ra treo ở tường rồi dâng hương. Nửa đêm thần Lợn xuất hiện, nhưng vừa tới gần thì đã bị Quan Đế từ trong tranh bước xuống chém làm ba khúc [4].

Vũ Ngọc Phan cũng kể truyện một thần Lợn - con lợn thành tinh - mỗi năm làng cũng phải hiến một người con gái chưa chồng. Một anh học trò nghèo đi qua đền đúng vào lúc một cô gái bị đưa đến đền. Anh cầm dao ngồi ăn với thần Lợn, có bọn "tiểu yêu" của nó hầu hạ. Thừa lúc thần Lợn không để ý, anh chém cho nó một nhát gãy chân. Thần hiện nguyên hình là một con lợn, chạy trốn mất. Cả làng đổ ra, theo vết máu đi tìm, cuối cùng bắt được con lợn chén thịt. Còn chàng trai và cô gái về sau lấy nhau [5].

Một loạt truyện khác tuy khác nội dung nhưng vẫn cùng cấu trúc, nhất là hình ảnh nộp mạng người cho ma quỷ:

Truyện *Ma rai*:

Có một con ma rai ở trong hang đá, dân chúng phải cúng mỗi tháng một mạng người. Đến phiên nhà nọ, nhà chỉ có một mẹ goá con cô. Hai mẹ con không muốn rời nhau, nên cả hai cùng đi, mỗi người cầm một bó đuốc vào đến cửa hang. Ma vốn sợ lửa nên bảo họ đừng đưa vào.

Hai mẹ con không nghe, cầm đuốc tiến thẳng vào, ma sợ chạy ra ngoài đồng, chết thành con ruồi [6].

Truyện *Muối thần* gần giống với truyện trên:

Cạnh động Toàn-sơn có một hang rất sâu có con muối thần to bằng con bê. Hàng tháng làng phải nộp một mạng người để cho con quái vật "chích huyết làm rượu, lấy thịt làm đồ nhắm".

Một hôm đến phiên nhà nọ cũng chỉ có hai mẹ con. Mẹ thương con cùng đi với con. Đến nơi hai người đem mía ăn, chờ muối thần. Ăn xong đốt bã mía để sưởi, không ngờ khói luồn vào hang, hun chết quái vật. Sau đó, Diêm vương bắt y hoá thành muối, từ đó muối chuyên chích trộm máu người [7].

Một loạt truyện khác, tuy không có hình ảnh nộp mạng định kỳ nhưng cũng gần gũi với các truyện trên.

Truyện *Con bà Dẫn*:

Tại xã Phú-kê (Cẩm-kê) có một cái động bà Dẫn hay ăn thịt người.

Người ta đánh nhau với nó, nhưng hễ chém đứt đầu hay tay chân thì những bộ phận ấy tự tìm về và dính lại với nhau như cũ.

Một hôm bà Dẫn bắt được một cô con gái định nuôi béo ăn thịt, nhưng nó lại sợ cútt gà. Cô gái bị bắt đi đồ cútt gà, nhân biết chỗ yếu của mụ, bèn làm cho mụ sợ, rồi trốn đi. Về làng, cô báo tin với dân. Họ mang nhiều cútt gà tới vung vào, lại dùng gươm bôi cútt gà, chém bà Dẫn làm trăm mảnh. Những mảnh ấy hoá làm vắt, muối và đĩa [8].

Một truyện khác, *Quyền làm chồng*, có bàn tay tô điểm của nho sĩ với đôi nét hài hước:

Một làng kia thờ thần thiêng ở chân núi. Lúc tế thì bưng cỗ vào miếu, hôm sau đã sạch như chùi. Một hôm thần báo mộng phải nạp một người học trò nợ cho thần làm chồng. Làng họp bàn. Người học trò nhận lời đi nạp mạng, nhưng bảo làng chuẩn bị cho mình một dùi sắt, một vò rượu ngon.

Đến ngày, anh giấu dùi sắt vào người, tay cầm roi song. Đến nơi nhảy lên ngai thờ ngồi. Được một lát có một người con gái hiện ra mang tráp trầu vào mời. Anh thét: - "Tao là chồng, chủ mày là vợ, sao chồng đến đây đã lâu mà không thấy vợ ra mắt, hãy kêu chủ mày ra đây ta bảo". Lát sau nữ thần hiện ra ăn mặc diêm dúa, anh nọc ra đánh ba chục roi lấy cố khinh người. Thần mời: - "Xin mời chàng vào". Anh đi theo vào một hang đá rồi trèo lên ngồi trên bàn đá. Cơm dọn ra thấy thức ăn nguội anh lại nọc đánh ba chục roi. Đem hâm nóng, lại bị đánh. thần không biết làm sao mà chiều, mới ngồi khóc. Bấy giờ anh rút dùi sắt ra đập phá khắp nơi, một hồi chúng tan hết cả. Anh bèn đánh trống ngũ liên mời làng ra triệt hạ ngôi miếu. [9]

Một truyện nữa *Người đàn bà lấy rồng* kết cục khác hẳn với các truyện trên:

Một ông vua không có con nối dõi, một đêm đi dạo vườn thấy một rắn mẹ và một ổ rắn con. Thấy vua than thở nỗi không con, một rắn con theo vua về. Từ đó hoàng hậu có mang đẻ ra một con rắn xanh, mắt sáng như ngọc. Nó lớn như thối, chỉ ba ngày hóa thành rồng, rú lên những tiếng dữ dội. Vua và hoàng hậu sợ, bỏ đi ở chỗ khác. Đưa thứ gì rắn cũng không ăn, càng rú dữ dội. Một viên đại thần tra tìm sách vở bảo vua rằng loài này phải có thịt con gái mới yên. Vua không dám làm việc ác đức nhưng cũng thử bắt đại thần đưa con gái đến. Đại thần hiến kế: - "Hạ thần sẵn lòng nhưng như thế không đủ, mà bắt con gái dân thì họ sẽ nổi loạn. Chi bằng cho lính ra biên giới bắt con gái dân láng giềng".

Một bà tiên hiện ra bảo vua cứ làm, sẽ có điều hay.

Nghe tin lính đến bắt người, một mù dì ghẻ muốn hại con chồng, bèn sai cô con gái chồng - Bạch nương - đi chăn trâu xa, chiều tối hãy về, vì vậy mà cô bị bắt. Nhưng trước khi phải làm mồi cho rồng, Bạch nương được bà tiên tiên hoá phép làm cho nhan sắc đẹp đẽ, lại cho một cái áo mặc vào để có thể thoát khỏi nguy hiểm. Nhờ có áo, cô đã hàng phục được rồng. Rồng biến thành một chàng trai, sau đó lấy cô làm vợ. Người mù dì ghẻ nghe tin này sợ quá hoá điên, bị khỉ ăn thịt [10].

Các dân tộc ở Tây-nguyên cũng có nhiều truyện thuộc mô-típ này. Xem truyện của người Mơ-nông ở *Khảo dị truyện Sự tích hồ Gươm* (số 26, tập I).

Truyện của người Ja-rai (Djarai) *Y Rít giết đại bàng*:

Có hai con đại bàng bay tới toan ăn thịt cô gái Hơ-bia Bơ-dung ngồi dưới gốc cây. Cô đáp: - "Dạo này tôi gầy lắm, để vài tuần trắng nữa ăn mới

ngon". Nghe xuôi tai, chúng bỏ đi. Đến ngày hẹn, người bố đem trâu rượu mời dân làng đến canh giữ, hứa ai cứu được sẽ gả. Nhưng khi đại bàng đến thì nó thu hồn họ lại làm cho mọi người ngủ say như chết. "Tôi vẫn còn gầy lắm, đợi ba trăng nữa ăn mới ngon". Chim hút thử máu đầu ngón tay cô gái thấy đúng, liền bỏ đi. Trai làng tỉnh dậy thì đại bàng đã đi xa.

Lại sắp đến ngày hẹn với đại bàng. Trong làng còn sót một anh chàng nghèo khổ là Rít ở một túp lều rách cuối làng là chưa được mời. Hơ-bia bèn mời anh đến canh giữ với các trai làng. Thấy Rít đến, trai làng chế giễu, bắt ngủ dưới sàn cạnh chuồng gà. Đại bàng tới thu hồn mọi người nhét vào ống tre đút nút lại. Vì Rít ngủ ở dưới sàn nên không ở trong số đó. Rít lén lên chuồng Hơ-bia, chờ khi đại bàng thò cổ vào định bắt Hơ-bia liền rút gươm chém chết, rồi cầm ống tre lén ra về. Trong đêm tối, Hơ-bia không biết là Rít, chạy theo nắm lấy vỏ gươm và khố của ân nhân, nhưng Rít kịp thời dùng gươm cắt đứt dây buộc vỏ gươm và đuôi khố đi mất. Về đến nhà, họ tranh công nhưng đem so vỏ gươm và khố thì không ai vừa cả. Sau khi Hơ-bia đến nhà Rít so thì vừa, bèn nhận làm chồng. Hai vợ chồng bị bố đuổi đi, nhưng họ làm ăn siêng năng tài giỏi, khắp nơi tôn làm pơ-tao [11].

Người Mèo ở Thanh-hóa có truyện *Giết quỷ bốn mồm năm mũi*:

Một con quỷ bốn mồm năm mũi buộc dân bản mỗi tháng phải nộp cho nó một mạng thì nó mới không phá phách. Đến phiên anh Khó, anh mài dao chuẩn bị. Có các con vật như ong, rùa, cáo, rắn và các cây rêu, ớt, bầu bí cùng giúp anh trong công cuộc diệt trừ quái vật. Những con vật và loài cây nói trên tiến vào chỗ quỷ ở. Thừa lúc nó ngủ say, các con vật xông vào đánh trước. Quỷ đau rống lên, chạy ra bị rêu, ớt, bầu bí làm cho ngã lăn mù mắt. Khó và trai gái trong bản thừa dịp vác dao chém chết [12].

Mô típ truyện *Tiêu diệt mãng xà* cũng rất phổ biến ở các nước trên thế giới.

Hai truyện của người Áp-ga-ni-xtăng (Afghanistan) ở Căng-đa-har (Kandahar):

1. Vua Căng-đa-har bị bắt buộc phải hứa cho một con rồng mỗi ngày một cô gái. mỗi sáng người ta đặt cô gái làm vật hy sinh lên lưng lạc đà. Khi đi qua chỗ ở của rồng thì nó hít mạnh, lập tức cô gái lọt vào mồm nó. Một hôm, đến lượt cô gái đẹp con vua phải nộp mình. Vừa lúc gặp chàng A-li đi qua. Thấy cô khóc, anh nhận đi thay cho cô, cũng ngồi trên lưng lạc đà cho rồng hít. Nhưng khi vừa bị hít tới mồm thì nhanh như cắt, anh tuốt gươm chém ngay một nhát, đầu rồng đứt đôi.

2. *Đứa con người đánh cá*: Một người đánh cá câu được một con cá lớn. cá bỗng nói: - "Đừng giết tôi, tôi sẽ cho nhiều cá". Anh thả ra, quả nhiên như lời. về nhà, anh kể với vợ, vợ bỗng nảy sinh ý ăn thịt con cá lớn. Hai hôm sau anh đi câu cũng lại được con cá lớn, mấy lần đều thả ra, nhưng do vợ dọa, cuối cùng anh phải mang về, bảo với cá là vợ mình thèm ăn thịt nó. Cá nói: - "Thế thì lấy xương tôi chia ba đem chôn ở góc vườn, ở sau nhà và ở dưới chỗ chó cái ngựa cái nằm. Lại lấy ra ba ống máu của tôi; khi con anh khôn lớn thì giao cho mỗi đứa một ống. Sau này hễ đứa nào gặp nạn, các ống máu sôi lên sẽ biết mà đi tìm". Anh làm theo. Sau đó vợ anh đẻ ba đứa con trai. Chó cái và ngựa cái cũng đều đẻ được ba con, chỗ chôn xương sau vườn đào lên được ba lưỡi giáo. Ba đứa bé lớn lên, một hôm chúng chia nhau mỗi đứa cưỡi một con ngựa và đem một con chó ra đi, hẹn sẽ cứu nhau nếu thấy ống máu sôi lên báo hiệu.

Người anh cả đi đến một ngôi làng nọ thấy mọi người đều để tang, hỏi, thì họ đáp: mỗi năm phải nộp một cô gái cho quái vật bảy đầu, nay số phận rơi vào công chúa. Anh lên rừng tìm gặp công chúa, bảo nàng lên ngựa nấp vào một nơi. Khi quái vật đến, nhờ chó giúp, anh giết được nó. Công chúa cảm ơn, mời về nhà, anh từ chối; nàng tặng một cái khăn có tên của mình. Anh cắt lấy bảy cái lưỡi quái vật, lấy khăn bọc lại, rồi chia tay. Công chúa

sau đó gặp ba người đốt than liền kể chuyện cho họ nghe. Ba người đe dọa bắt nàng phải về nói với vua là chính tay họ giết. Vua tin là thật hứa gả cho một trong ba người, nhưng công chúa hẹn sau một năm và một ngày mới cho cưới. Từ đấy công chúa buồn thành bệnh. Đến ngày hẹn, vua chuẩn bị lễ cưới, thì cái tin ấy đến tai người anh cả. Anh chàng đến kinh đô, bảo con chó của mình vào cung tìm thức ăn. Nó lấy về hai cái đĩa. Đầu bếp nhà vua báo tin ấy cho vua hay. Vua sai một toán lính đi tìm con chó, nhưng anh đã giết cả bọn, trừ một người trở về. Anh lại sai chó đi lấy bánh của vua. Vua sai lính đi tìm chó, lại bị anh diệt. Vua thân hành đến nơi mời anh lên xe vua đưa về dự tiệc. Khi món tráng miệng bưng ra, vua bảo mỗi người kể một câu chuyện, bắt đầu từ ba người đốt than. họ bèn kể chiến công diệt quái vật và nói: - "Đây là bảy cái đầu do chúng tôi chém rụng!" - "Thế thì xem có bảy cái lưỡi ở trong ấy không?" anh chàng người đánh cá hỏi thế. Họ tìm không thấy, anh lại nói: - "Vậy công lao là thuộc về người có lưỡi hay người có đầu?". Vua nói: - "Về người có lưỡi". Anh đưa gói lưỡi ra. Công chúa nhận ra khăn của mình, nói: - "Đây mới là người cứu con". Vua sau đặt một cây thập tự treo cổ ba người kia lên, rồi gả công chúa cho con người đánh cá.

Truyện còn thêm một đoạn kết như sau:

Sau bữa tiệc, lúc về buồng, từ nơi cửa sổ chồng thấy có ánh lửa, hỏi, thì công chúa đáp: - "Mỗi tối đều như thế, không hiểu tại sao". Chờ cho công chúa đi ngủ, anh lén dậy ra đi. Đến một bãi cỏ, giữa có một lâu đài, anh gặp một bà già, bà già nói: "Nhờ ông xuống ngựa đỡ hộ cho già bó củi". Anh làm ngay, nhưng bà già - tức mụ phù thủy - đã biến anh và cả chó lẫn ngựa của anh thành bãi cỏ. Người em thứ hai thấy lộ máu sôi, bèn đi tìm. Lúc đến nơi thì cũng là lúc công chúa đang trông chồng về. Thấy người em đến, công chúa tưởng là chồng vì họ giống nhau như đúc - "Sao anh về muộn" công chúa hỏi - "Xin lỗi, tôi bận ra lệnh một công việc mà người ta chưa làm". Khi về buồng trông thấy ngọn lửa, người em cũng hỏi lửa gì, công

chúa đáp: - "Anh đã hỏi rồi kia mà!". Anh lại chờ khi công chúa ngủ lén dậy ra đi và cũng gặp mù phù thủy. Sự việc cũng diễn ra như trước. Đến lượt người em thứ ba thấy máu sôi cũng tìm đến gặp công chúa và cũng theo ánh lửa mà vào rừng. Nhưng khi mù phù thủy bảo anh xuống ngựa đỡ hộ bó củi, anh không đỡ mà nắm lấy tóc mù, bắt phải làm sống dậy hai người anh. Mù làm sống dậy, anh giết chết kẻ thù. Thấy ba người trở về giống nhau, công chúa hỏi: - "Người nào là chồng tôi?". Người anh cả đáp: - "Tôi đây!". Hai người em sau cũng được kết duyên với hai cô em gái của công chúa. Lễ cưới cử hành linh đình trong sáu tháng [13].

Truyện của người A-va-rơ (Avars) ở Cô-ca-dơ (Caucase) *Chàng gấu*:

Tai-gấu đến một thành phố lớn dưới âm xin nước uống ở một bà già. Bà nói là không thể cho được vì có một con rồng chín đầu ở gần suối, mỗi năm đòi dâng một cô gái, và chỉ riêng ngày đấy thôi mới để cho dân lấy nước tự do. Tai-gấu đến, không đúng ngày đó và mức được hai bình. Rồng để cho anh mức đến lần thứ hai. Tiếng đồn khắp nơi. Vua cỡi âm hứa nếu anh giết được rồng thì muốn gì cũng được. Tai-gấu bèn làm hai cái che tai bằng da, bọc hai tai lại và mang bình đến suối. Rồng mắng sao cứ đến luôn. Tai-gấu mắng lại. Rồng trỗi dậy dùng móng quặp cái mũ che tai. Tai-gấu dùng gươm kim cương thu được trong một cuộc thắng trước đây, chặt được lần lượt chín cái đầu rồng, rồi cắt lấy mười tám cái tai mang về cho vua. Vua gả cho anh nàng công chúa năm ấy phải hiến cho rồng. Nhưng anh chỉ xin vua giúp cho cách trở lên dương gian (xem thêm **Khảo dị** truyện *Thạch Sanh*, số **68**. tập **II**).

Người Ấn-độ có nhiều truyện, sau đây là hai truyện tiêu biểu:

1. Hồi ấy trong một thành phố cổ ở nước Tây Ấn, có một chúa quỷ cầm đầu một lũ quỷ dữ làm hại dân. Chẳng bao lâu thành phố vắng vẻ vì nạn quỷ.

Sau cùng, dân hội nhau lại xin mỗi năm nộp mỗi ngày một mạng người. Chúa quý đồng ý, nhưng buộc phải để cho người hy sinh làm vua trong ngày đó, các đại thần phải tuân theo tuyệt đối.

Một hôm có một đoàn lái buôn dừng lại ở bờ sông gần thành phố, trong đó có một người đầy tớ đi theo tên là Vi-kra-ma-đi-ti-a. Tối lại, họ nghe có tiếng chó sói gào ở gần: - "Trong hai ngày nữa có một cái thây trôi qua đây, ai bắt gặp sẽ lấy được của nó bốn viên ngọc đắt tiền giắt ở thắt lưng và một cái nhẫn ở tay; nhưng nhớ cho ta ăn thây đó, ta sẽ cho người đó làm vua trên bảy xứ". Vi-kra-ma-đi-ti-a vốn hiểu tiếng loài vật, bèn làm đúng như thế. Ngày hôm sau anh đi qua các phố, thấy có một đàn ngựa yên cương sẵn sàng. Đến trước cửa một nhà thợ gốm, có các quan đang đứng châu chực tại đây. Người ta đỡ đứa con của người thợ gốm lên lưng voi rước về cung, nhưng cả nhà đều khóc như ri. Vi-kra-ma-đi-ti-a biết vậy, xin thay đổi số phận, và hứa sẽ diệt quỷ. Anh mang áo bào về cung làm vua. Chiều, quý đến như thường lệ. sau một trận kịch chiến, chúa quý bị chặt đầu, lũ quý tẩu tán. Sáng dậy, người ta cho anh là bậc phi thường, tôn làm vua [14].

2. Có hai hoàng tử tìm đủ cách để buộc Li-la-va-ti gả công chúa cho họ. Cuối cùng vua nhận lời với điều kiện là họ phải giết được con sư tử dữ nhất. Hai người giết được và chặt một khúc đuôi. Trong khi đó thì một người thợ giặt ở hoàng cung thấy xác sư tử, bèn chặt đầu đưa về và nói là mình đã giết, và đòi lấy công chúa. Khi hôn lễ đang cử hành thì hai hoàng tử xuất hiện. Người thợ giặt bị xử tử. Công chúa lấy hoàng tử thứ hai. Ít lâu sau hoàng tử anh lại đánh nhau với người khổng lồ cứu công chúa, rồi bỏ ra đi sau khi giao cho em một cái hoa, dặn nếu hoa héo thì mình gặp nạn. Truyện còn tiếp diễn dài, đại khái gần với đoạn sau của truyện *Đứa con người đánh cá* trên kia.

Truyện Ả-rập (Arabie) trong *Nghìn lẻ một đêm*:

Hoàng tử con vua Yê-men đến chơi một thành phố. Ở đây mọi người đang đau khổ vì mỗi năm phải nộp một cô gái cho quái vật. Năm ấy đến lượt công chúa con vua phải nộp mình, hoàng tử đến chỗ công chúa đang ngồi đợi, hứa sẽ cứu nàng. Cuộc chiến đấu xảy ra dữ dội, hoàng tử giết được quái vật và sau khi cứu cô gái, bỏ về một mình. Vua ra lệnh cho tất cả dân thành phố đến trước công chúa để công chúa nhận mặt, nhưng mãi không thấy. Cuối cùng nhờ có người mách rằng có một người lạ mặt chưa chịu đến. Vua cho đưa người đó về cung. Công chúa mừng rỡ chào ân nhân.

Trong sách *Tờ-rít-xtăng và I-dốt (Tristan et Iseult)* cũng có đoạn nói về người anh hùng Tờ-rít-xtăng giết con rồng trong khi đến Ái-nhĩ-lan đón người đi hỏi nàng công chúa tóc vàng I-dốt cho người cậu vua xứ Cor-nu-ai. Sau khi nắm được tin tức, Tờ-rít-xtăng từ mờ sáng phi ngựa đến cổng thành giao chiến và cuối cùng giết được con rồng thường nuốt các cô gái, nhưng cũng bị khói độc làm cho mê man bất tỉnh. Một viên tướng Ái-nhĩ-lan thấy rồng chết bèn cắt đầu lên trình vua, hy vọng được gả công chúa như đã hứa. Nhưng Tờ-rít-xtăng lại được công chúa chữa cho tỉnh lại. Đến ngày hẹn, viên tướng mạo nhận công lao bị vạch mặt vì Tờ-rít-xtăng đưa lưỡi rồng đã cắt cất trong túi ra làm chứng.

Ở mấy truyện dưới đây việc giết quái vật có vai trò của chó tham gia, giống truyện *Đứa con người đánh cá*.

Truyện Trung-quốc:

Trong một hang núi ở một vùng nọ có một con rắn lớn. Một ngày, nó ra hiệu cho dân cư phải nộp cho mình một thiếu nữ, nếu không sẽ gây tai họa. Nó buộc họ phải nộp lần lượt chín cô gái, các cô này đều chọn trong đám những người có tội và nô lệ. Rắn vẫn đòi ăn không chán. Dân chúng bối rối

không biết tìm đâu ra. Ki, cô gái con một viên quan, xin cha cho một lưỡi gươm sắc và một con chó; lại bảo chuẩn bị cho nhiều gạo nấu với mật rải ra ở cửa hang. Khi con rắn ăn phải thứ chè mật đó thì cô gái thả chó ra đuổi. Chó cắn đằng trước, cô chém đằng sau, cuối cùng giết được rắn. Hoàng tử nước ấy thấy cô gái đảm, bèn lấy làm vợ.

Truyện của người Ô-na ở Tân Hê-bơ-rít (Nouvelles-Hébrides):

Một con rắn nhỏ được hai người đàn bà đưa về nuôi. Rắn mỗi ngày một lớn kinh khủng, đến nỗi nuôi trong gáo dừa, gáo dừa nứt đôi. Lại bỏ vào thúng, thúng cũng rách. Bỏ vào rọ lợn, rọ lợn tung ra, bỏ vào chuồng thì chuồng gãy. Hai bà chưa hết sợ thì rắn đã xông đến ăn thịt. Rồi nó đến đón ở con đường mòn, hễ ai đi qua rượt chén thịt. Sau đó, rắn báo với tù trưởng nếu tự thân đến nộp thì nó sẽ tha cho dân. Con gái tù trưởng xin đi thay. Trước khi đi, cô được bố trang sức và bôi dầu khắp người. Đi qua nhà hai vợ chồng nọ cô được hai người mời cơm. Sau đó, chồng sai một con chó đi theo cô. Trong khi rắn lè lưỡi toan nuốt cô gái, thì con chó đã lên ra đằng sau ngoạm vào đuôi. Rắn quay lại bị chó cắn chết. Cô gái yên lành trở về với bố.

Một người khác thấy vậy, đến nói với tù trưởng rằng mình đã cho chó cắn giết rắn để cứu cô gái, nay xin được lấy nàng làm vợ. tù trưởng tưởng thật toan bằng lòng. Nhưng con chó cùng vợ đã tìm đến hỏi hăn: - "Ai là người đã cứu cô gái?"

- "Chính con chó của ta" - "Vậy hãy đưa con chó ra ấy ra đây và bảo nó nôn". Khi chó nôn ra, không thấy có gì cả. Còn con chó của vợ chồng người kia thì nôn ra được cái đuôi rắn. Thấy vậy, tù trưởng đuổi tên gian đi và đem con gái gả cho người này [15].

Truyện của Chi-lê (Chili) *Nhẹ và Nặng*:

Có hai anh em một cô gái mồ côi, kiếm ăn rất chật vật. Một hôm, người anh gặp một ông già cho mượn hai con chó (tên là Nhẹ và Nặng) và một khẩu súng. Từ đấy, anh em luôn có thức ăn. Một hôm chó dẫn họ đến một nơi có lâu đài của một tên khổng lồ, anh em làm quen với nó rồi đến đấy ở, nó giao cho tất cả chìa khóa, chỉ dặn không được mở cái phòng xanh. Một hôm người em gái ở nhà một mình tò mò, mở cửa phòng xanh, bị khổng lồ bắt làm vợ. Nó bảo cô phải tìm cách giết anh. Đã ba lần cô gái nghe theo khổng lồ âm mưu giết anh, nhưng nhờ hai con chó cứu được. Cuối cùng người anh biết em đã trở thành kẻ phản bội, bèn bỏ đi.

Anh đến nơi gặp một cô gái đang ngồi khóc, hỏi thì mới biết cô là công chúa phải làm vật hy sinh cho một con rắn bảy đầu. Cũng như một số truyện trên, anh gói đầu vào đầu gói cô gái, có Nặng và Nhẹ nằm bên cạnh. Khi rắn đến, cô gái khóc, nước mắt rơi xuống làm anh thức giấc, thuận tay anh bắn một phát xuyên bảy cái đầu rắn. Anh cắt lưỡi rắn bỏ vào túi mang đi. Một người da đen được vua sai đi chặt củi, thấy rắn đã chết, bèn chặt lấy đầu rắn đưa về lĩnh thưởng. Công chúa bỗng bị câm. Nhưng lễ cưới công chúa với người da đen vẫn được tiến hành. Chàng mồ côi sai Nặng và Nhẹ lần lượt đến giết lấy thức ăn trên tay chú rể. Vua sai một đội quân hai mươi lăm người đến bắt. Nặng và Nhẹ đã cắn chết tất cả. Vua sai đưa ba cỗ xe đi đón anh như anh yêu cầu. Vua hỏi: - "Tại sao lại dám giết lính?". "Chính tôi mới là người cứu công chúa". Người da đen cãi: - "Chính tôi là người chém rắn" - "Vậy thì lưỡi nó ở đâu?" anh hỏi. Đáp: - "Trong mồm nó". Người ta xô tới tìm không thấy. Anh bèn rút lưỡi rắn trong túi ra. Công chúa bỗng nói được, kể lại sự thật. Vua đuổi kẻ gian rồi đưa anh ngồi vào chỗ chú rể.

Từ ngày lấy công chúa, anh quên súng và chó. Một hôm có người đàn bà

mặc đồ tang xin vào nghỉ nhưng lại lén vào buồng anh nhét một vật vào giường rồi trốn đi. Anh vào giường nằm, tự nhiên lăn ra chết. Công chúa liệm xác, sắp chôn thì Nặng và Nhẹ chợt đến dùng răng xé đồ liệm, lấy ra những cái răng thuốc độc giắt vào phổi, tim và dạ dày anh (đó là do khổng lồ sai cô em gái cải trang đến làm hại anh). Anh sống lại. Lại đi săn. Bỗng gặp lại ông già ngày trước đòi lại chó và súng. Anh xin giữ lại hai con chó vì cho là nó đã quen mình. Ông già đáp - "Không, nó quen tôi hơn, không tin anh ngồi bên kia, tôi ngồi bên này, mỗi người gọi thử, xem nó quen ai?" Hai con chó qua theo ông già. Anh xin đi theo ông. Ông già trải một cái chăn, đặt hai con chó và khẩu súng ở ba góc chăn. Tự nhiên chó và súng hóa ra ba nàng tiên, mỗi nàng cầm một góc chăn bay lên không trung. Đi qua địa ngục, thấy một người đang kêu gào giữa đồng lửa, ông già hỏi: - "Anh có biết người đấy là ai không?" - "Ồ, đấy là em gái tôi, xin ông cứu cho với!" Thấy ông già lắc đầu, anh lại nói: "Em tôi đau khổ là tôi đau khổ". Ông già bèn đưa cô gái ra khỏi lửa mang đi theo[16].

Người Nhật có hai truyện:

Truyện thứ nhất: *Sip-pây-ta-rô* cũng có một con chó cứu tinh:

Một chàng võ sĩ đi phiêu lưu, ngẫu nhiên nghỉ đêm ở một ngôi đền bỏ hoang. Khuya tỉnh dậy thấy một lũ mèo nhảy nhót kêu gào: - "Hãy giữ kín chó nói với Sip-pây-ta-rô". Gầm sảng chúng biến mất. Khi tìm được đến làng, võ sĩ thấy một bà già đang khóc, cho biết mỗi năm thần núi đòi một người, đêm nay đến lượt con gái mình, người ta sẽ bỏ vào cũi mang đến đền. Hỏi về cái tên Sip-pây-ta-rô thì bà cho biết: đó là tên một con chó của một người ở cách đây khá xa. Võ sĩ đi tìm chủ con chó, cố nài mượn con vật một đêm. Đoạn bỏ chó vào cũi thay cô gái mang đến đền. Mọi người về

cả còn võ sĩ ở lại, thấy đàn mèo ma lại xuất hiện, ở giữa có một con đen lớn hung dữ. Sau khi nhảy nhót kêu gào con vật mở cũi vồ mồi nhưng chó đã xông ra cắn, võ sĩ cũng kịp thời nhảy ra cho một nhát kiếm.

Truyện thứ hai: *Con rắn tám đầu* có nguồn gốc từ một thần thoại:

Nữ thần tạo thiên lập địa lúc sắp mất chia tài sản cho hai trai một gái. Con gái A-ma được mặt trời, con trai đầu Su-sa-nô được biển, con trai nữa được mặt trăng. Giận vì được biển lạnh lùng, một hôm Su-sa-nô nhảy lên trời đập phá lung tung. A-ma kịp thời trốn vào hang đóng cửa lại. Vì ánh sáng mặt trời phát ra từ đôi mắt A-ma nên từ đấy thế giới tối đen. Để cứu vãn, các nàng tiên đến trước hang nhảy múa hát cười làm cho A-ma không nhịn được cười phải hé cửa nhìn. - "Ra mà xem cô tiên mới đẹp hơn cả cô đấy!" Các cô đặt trước hang một tấm gương. A-ma không biết người trong gương là mình, bèn đi ra thì họ liền đóng cửa hang lại, không vào được nữa. A-ma đành trở về, nhưng đòi phải phạt vạ Su-sa-nô. Anh chàng bị đánh đau và bị đuổi xuống cõi đất.

Ở đây, trong lúc đi dạo bờ sông, anh gặp vợ chồng một ông già đang khóc thảm thiết - "Có việc gì thế?" - "Chúng tôi có tám con nhưng gần nhà có con rắn tám đầu mỗi năm xuất hiện một lần ăn mất một. Nay chỉ còn một con gái sắp cho nó ăn nốt". Chàng hứa sẽ cứu, bèn làm một hàng rào có tám cửa, mỗi cửa có một bình rượu (xakê). Rắn tới cho mỗi đầu vào hàng rào tu rượu. Rắn say lảo đảo, bị Su-sa-nô nhảy ra chém cả tám đầu. Khi chặt vào mình rắn thì thấy đuôi nó có một thanh gươm cán gấn đá quý, đẹp chưa từng thấy. Anh lấy gươm và được kết duyên với cô gái^[17] (có chỗ nói về sau người ta tôn họ là thần kết hôn, đền thờ dựng lên ở Ô-i-át-hi-rô).

Truyện của Ý (Italia) *Mụ tiên ác* cũng có con vật nhiều đầu:

Một mụ tiên mỗi năm bắt một thành phố nộp cho mình một trinh nữ, nếu không sẽ thả xuống một vật làm cho mọi người chết hết. Năm ấy đến lượt công chúa. Người ta rước công chúa đi có kèn trống, có cha mẹ và bà con theo khóc. Đến đỉnh núi họ đặt nàng ngồi trên một cái ngai rồi rút về. Tiên hoá thành đám mây đáp xuống hút máu đầu ngón tay. Khi công chúa ngã vật ra thì mây mang tới một lâu đài ở trên trời. Bấy giờ, có một thanh niên dũng cảm hoá làm điều bay theo rồi đậu ở ngọn cây ngoài lâu đài. Nhìn qua cửa sổ anh thấy một gian buồng đầy các cô gái nằm la liệt, sống dở, chết dở, luôn mồm gọi mẹ. Khi tiên đi vắng, anh lọt vào buồng xin ăn, rồi bảo các cô tìm cách hỏi khéo mụ làm thế nào thì mụ có thể chết được, anh sẽ cứu. Tiên về, các công chúa làm bộ thân mật hỏi mụ liệu nụ có thể chết được chăng? - "Ta thì không thể nào chết được" - mụ đáp. Hỏi lần khác mụ đưa đến một nơi bảo: - "Chúng mày hãy nhìn lên hòn núi xa kia, trên hòn núi có một con hổ cái bảy đầu. Chỉ có sư tử mới địch được nó. Có chặt được bảy cái đầu mới lấy được chiếc trứng trong người nó. Nếu cầm trứng ấy đánh vào trán ta thì ta mới chết. Nhưng nếu ta lấy được trứng thì con hổ bảy đầu sẽ sống lại và ta cũng không việc gì". Nghe nói, các cô gái thất vọng nhưng cũng làm bộ chúc tụng: - "Hoan hô, mẹ ta không bao giờ chết!".

Lần sau chàng thanh niên lại đến. Khi nghe kể chuyện, anh bèn hoá thành sư tử quần nhau với hổ. Mụ tiên ở lâu đài bắt đầu thấy khó ở. Mỗi ngày anh chặt được một đầu. Sức của mụ cứ yếu dần. Sau hai ngày nghỉ sức, anh lại chặt nốt đầu thứ bảy, chiếm lấy trứng trong người nó. Nhưng trứng bị rơi xuống biển. Nhờ có một con chó biển lặn xuống lấy giúp lên. Về đến lâu đài mụ thấy trứng, bèn xin. Anh buộc mụ trả lại sức khoẻ cho các cô gái. Khi mụ làm xong, anh đánh trứng vào giữa trán mụ, mụ tắt thở[18].

Hai truyện dưới đây có mục đích tuyên truyền cho tôn giáo:

Truyện của Pháp *Thánh Jor*:

Thánh Jor cưỡi ngựa trắng đến một thành phố bên cạnh hồ thấy mọi người đang than khóc, hỏi, thì đáp là đã ba năm nay có một con rồng đến đây, quân đội không trừ được, hơi thở của nó đủ giết chết mọi người. Mỗi một ngày người ta mang đến hai con chiên đấm họng, nay hết chiên đến lượt người. Hôm nay đến lượt con gái của vua. Nhà vua hứa ai cứu được sẽ cho tất cả vàng bạc và chia cho nửa nước. Thánh Jor bèn tìm đến nơi, thấy công chúa mặc áo vàng đeo vòng tay như ngày cưới, đang đợi con quái vật. Jor nói ý định của mình, công chúa đáp: - "Hãy tránh đi kéo chết, không cứu được đâu!". Nhưng Jor đã dùng phép đâm chết con rồng, rồi bảo công chúa lấy thắt lưng buộc vào cổ cho mình kéo về. Dân chúng sợ hãi chạy toán loạn. Sau khi chặt, phải mười hai đôi bò mới kéo nổi đầu rồng.

Truyện của người Xanh-ga-le (Singalais) theo đạo Hồi:

Dân đảo Man-đi-vơ (Maldives)[19] mỗi tháng phải mang hiến một trinh nữ cho một hung thần từ biển hiện lên dưới dạng một chiếc tàu đầy đèn sáng rực. Cô gái hy sinh được dẫn đến một ngôi đền có cửa sổ hướng ra biển, ở đó suốt đến đêm, sáng dậy thì chỉ còn xác không hồn. Mỗi tháng bắt thăm trúng ai, người ấy chịu. Một hôm có người dân Béc-be theo đạo Hồi thuộc lòng kinh Co-răng (Coran), đến trú tại đây, ở nhờ nhà một người đàn bà. Thấy mọi người khóc lóc như có đám tang, hỏi thì mới biết số phận đen đủi rơi vào con gái của bà - "Tôi sẽ đi thay cho con bà", anh nói. Khi đến ngôi đền, anh ngồi đọc kinh suốt đêm. Thần hiện lên nghe tiếng đọc kinh lại biến vào biển. Sáng dậy mọi người thấy anh còn sống bèn đưa anh đến cho

vua. Anh khuyên vua theo đạo Hồi. Vua bảo đợi một tháng, khi thấy không có tai họa nữa bèn ra lệnh cho cả đảo theo đạo Hồi.

Các câu truyện trên có lẽ xuất phát từ tục hiến tế bằng máu người rất phổ biến trong thời cổ đại. Sau đây là một truyện của thần thoại Hy-lạp:

Một ông vua tên là A-tha-mát có một trai một gái. Vua lấy vợ kế có hai con. Vợ kế ghen ghét con vợ trước, âm mưu trừ bỏ. Trước hết mụ sai đàn bà trong xứ bí mật rang lúa mì giống trước khi đem vãi. Dĩ nhiên không một hạt nào mọc. Dân làng lâm vào nạn đói. Vua cho hỏi tiên tri ở đền Đen-phơ, nhưng mụ ta ngăn trở sứ bộ và dặn về phải trả lời là nạn đói sẽ còn tiếp diễn nếu không đem con của A-tha-mát làm vật hy sinh ở đền thờ của thần Dớt. A-tha-mát sai người đi tìm con. Lúc này chúng đang chăn cừu, trong đó có một con lông vàng; con vật này mách cho hai anh em biết, và bảo hãy đi theo mình trốn mau không thì nguy. Hai anh em bèn trèo lên lưng thì chiên lông vàng bay lên không trung. Em gái tuột tay rơi xuống biển chết, còn anh trai đến xứ khác làm vua, lấy con gái vua ở đấy đẻ ra Xi-ti-so. Anh cúng con chiên cho thần Dớt, còn bộ lông vàng thì cho bố vợ đóng vào một cây "sên" do một con rồng giữ. Lúc này ở nhà, lời phán truyền lại bảo rằng A-tha-mát phải làm vật hy sinh cúng thần. Người ta đưa lẵng hoa dắt vua ra bàn thờ thần. Sắp bị giết thì cháu nội là Xi-ti-so do thần Héc-quyn mách, đến cứu được. A-tha-mát được cứu nhưng hóa điên, thấy con của vợ sau tưởng là thú dữ bèn giết đi. Sắp giết đứa con thứ hai thì mẹ nó đến cứu, rồi cả mẹ lẫn con nhảy từ núi cao xuống chết. Về sau mụ hoá thành thần biển, được dân đảo Tê-nê-đốt thờ, hàng năm dân phải hiến tế trẻ em[20].

Xem thêm truyện của người Đức ở phần **Khảo di**, truyện số **123**, tập **III**.

-
- [1] Theo lời kể của người Phú-thọ.
- [2] *Sưu tầm những bài mới.*
- [3] Theo Sơn Nam. *Chuyện xưa tích cũ*, tập II
- [4] *Truyện cổ tích và truyền thuyết An-nam*, đã dẫn.
- [5] *Truyện cổ tích Việt-nam.*
- [6] Theo *Bản khai của tổng Thanh-xuyên.*
- [7] Theo *Truyện cổ dân gian Việt Nam*, tập I
- [8] Theo *Truyện cổ dân gian Việt Nam*, tập I
- [9] Theo *Bản khai Hữu-tập*, sách *Vĩnh-lại*, sách *Nhiều-hợp*, đã dẫn
- [10] Theo La-vây-xi-e-rơ (Laveissière). *Truyện cổ tích Việt-nam.*
- [11] Võ Quang Nhơn. *Chàng Đam-thí.*
- [12] Theo *Truyện cổ dân gian Thanh-hoá*, tập I.
- [13] Theo *Đông và Tây*, tập II.
- [14] Theo Phrê-dơ (J. G. Fraser). *Kho tàng truyền thuyết của nhân loại.*
- [15] Theo *Tạp chí Nhân loại học*, tập XXI (1915-1916)
- [16] Theo *Tạp chí Nhân loại học*, đã dẫn, tập XII (1917).
- [17] Đều theo *Truyện cổ tích của nước Nhật cổ*, sách đã dẫn.
- [18] Theo Pua-ra (Pourra): *Kho tàng truyện cổ tích*, tập II
- [19] Quần đảo ở Tây nam Ấn-độ, trước là thuộc địa của Anh
- [20] Đều theo Phrê-dơ (J. G. Fraer), sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
149. GIÁP HẢI

Vào đời nhà Lê, tại làng Công-luận thuộc trấn Kinh-bắc có một người đàn bà góa nghèo khổ không nơi nương tựa. Từ lâu bà mở một ngôi hàng nước ở ven đê để sống qua ngày.

Một hôm, có một ông khách vào hàng bà uống nước. Lúc ra đi, ông khách bỏ quên ở hàng túi đựng đầy bạc. Bà bèn đem túi bạc cất đi. Mấy hôm sau, thấy ông khách cũ trở lại, bộ dạng hốt hơ hốt hơ hải, bà đã biết ý liền thủng thỉnh mang túi bạc ra trả. Ông khách đếm lại thấy số bạc của mình vẫn còn nguyên vẹn thì cảm ơn không ngớt, rồi trích hẵn một nửa đem biếu bà hàng. Nhưng người đàn bà lắc đầu:

- Không phải mồ hôi nước mắt do tôi làm ra, tôi đâu dám nhận.

Ông khách cố nài mãi, nhưng bà nhất định không lấy, và nói thêm:

- Nếu tôi có lòng tham của, thì tôi đã chẳng phải ngồi nhặt từng đồng kẽm thế này.

Ông khách chưa từng thấy người nào trọng nghĩa khinh tài như vậy nên ân cần bảo:

- Tôi là thầy địa lý chính tông ở Bắc quốc sang đây. Bà có tấm lòng vàng

như vậy tất con cháu sẽ được hưởng phúc dày của bà. Vậy phần mộ tổ tiên bà ở đâu hãy chỉ cho tôi, tôi sẽ tìm cho một ngôi đất quý hiển.

- Tôi bây giờ đã xế bóng - bà hàng trả lời - Chồng con anh em chẳng còn một ai, dù được đất tốt cũng chả làm được gì. Tôi cứ sống với nghề hàng nước như thế là đủ rồi.

Nhưng ông khách vẫn cố tìm lời lẽ để cho người đàn bà xiêu lòng. Ông nói là mình mới chọn được một miếng đất phát trạng nguyên tế tướng lại ở sát gần đây, thật là hiếm có. Nếu táng được mồ tổ vào đấy thì sau này đến tuổi già sẽ có nơi nương tựa không gì tốt bằng. Ông còn nói: bà là người phúc đức xứng đáng được hưởng phú quý vinh hoa, chớ nên từ chối.

Thấy ông khách bần vào mãi, bà hàng sau đó ưng thuận, bèn đưa ông ta ra đồng chỉ ngôi mộ của bố mình để cho ông lo việc cải táng. Công việc xong, trước khi từ giã, thầy địa lý không quên dặn bà hãy cố gắng giúp đỡ người nguy kẻ khó thì rồi phúc đức sẽ đến sớm hơn.

Sau mấy tháng, một hôm vào khoảng chập tối, trời sắp nổi mưa to gió lớn, bà hàng nước bỗng nghe tiếng gọi cửa cầu cứu. Bà mở cửa ra thì thấy một người đàn ông đóng khố, toàn thân ướt sũng đang rên hừ hừ. Người ấy nói mình ở làng bên cạnh, nhân đi đánh giậm xa bị cảm lạnh, lại vì mưa gió không thể về nhà được, nên xin vào nghỉ nhờ tại đây. Thấy người ấy run lẩy bẩy, nước da tái nhợt, tay chân lạnh toát, người đàn bà lấy làm thương hại,

bền dừ vào nhà đố lửa cho sưởi rồi sau đó lại thổi cơm cho ăn. Bấy giờ vào khoảng tháng Mười trời rất lạnh, nhà bà ta chỉ có một chiếc chõng và một chiếc chiếu thì đã nhường cho khách nằm. Khuya lại rét quá, bà cũng phải ghé lưng vào nằm bên cạnh. Người đánh giậm, sau một giấc ngủ say đã thấy bớt mệt. Cả hai người trong gian nhà vắng, cuối cùng không ngăn được lửa dục. Nhưng không may cho người đàn ông, vì bị hàn thấp ngộ phòng, nên vừa ân ái xong đã lẫn ra bất tỉnh.

Thấy người đánh giậm chết, người đàn bà sợ liên lụy đến mình bền nhân đêm tối, đem vùi thây người bạn một đêm ấy xuống chân đê.

Từ đấy bà hàng nước có mang, chẳng bao lâu đủ ngày đủ tháng sinh được một đứa con trai. Mặc cho những lời nhiếc móc, bà hết lòng nuôi nấng, chăm sóc con, không rời ra một bước. Nhưng chẳng may khi thằng bé lên bốn tuổi, một hôm đang lững thững chơi một mình ở bờ sông bỗng có một người lái buôn thấy mặt mũi nó khôi ngô, bền dỏ dành đưa xuống thuyền rồi dong buồm đi mất. Chiều lại, bà hàng nước không thấy con về, bền đâm bổ đi tìm khắp nơi. Mãi không thấy con đâu, bà đoán là nó đã ngã xuống sông, hai là mẹ mình dỏ mất, đành gạt nước mắt mà trở về nhà.

*

* *

Lại nói chuyện người lái buôn vốn họ Giáp người làng Dĩnh-kế. Vì không có con trai nên từ khi bắt trộm được đứa bé, hẳn mừng lắm liền đặt tên là Hải, bắt nó gọi mình bằng bố, và sau đó, nuôi nấng chăm chút như con đẻ. Năm lên sáu tuổi, Hải được cấp sách đi học. Nhờ thông minh linh lợi, Hải học càng tấn tới. Năm mười chín tuổi, Hải đã thi đỗ á nguyên nhưng thi hội hai lần bị hỏng, phải tìm thầy học thêm. Cuối cùng, được bố cho tiền lưng gạo bị đến kinh đô theo học ở trường một cụ nghè.

Một hôm đi học qua bến Bồ-đề, Hải thấy một người đánh cá bắt được một con ba ba nhỏ xinh xắn sắp đem làm thịt. Tự nhiên động lòng thương hại, Hải liền ngăn lại, hỏi mua, người đánh cá đòi những bốn quan tiền. Không kỳ kèo, Hải vội về nhà lấy tiền đưa ngay. Mua được về, Hải bỏ ba ba vào ngăn kéo. Hàng ngày cứ thường lệ buổi sáng chàng để bụng đói đi học, trưa về mới thổi cơm. Cứ đến bữa cơm lại mở ngăn kéo đem ba ba ra cho cùng ăn.

Được mấy ngày, một hôm Hải đi học về, bỗng thấy có cơm canh bày sẵn ở trên bàn mà không biết ai dọn. Chàng hơi ngạc nhiên, nhưng cứ ngồi vào bàn ăn ngon lành. Hôm sau và hôm sau nữa cũng vẫn như vậy. Hải từ ngạc nhiên đến tò mò, sáng sớm bèn giả cách đi học, nửa đường lộn trở về thì thấy con ba ba từ trong ngăn kéo bò ra, hóa thành một người con gái đẹp. Từ chỗ nấp, Hải chạy vội vào giấu xác ba ba vào hòm khóa lại. Cô gái không có chỗ biến hình nữa, thẹn thò bảo chàng:

- Thiếp là con gái vua Thủy, hôm nọ đi chơi chẳng may bị chúng bắt được, may có chàng cứu cho mới thoát nạn. Nên thiếp nấn ná ở đây để trả ơn chàng.

Từ đấy hai người ăn ở như vợ chồng. Một hôm cô gái bảo Hải:

- Thiếp vắng nhà đã lâu ngày, chắc bố mẹ đang sốt ruột trông đợi. Thiếp muốn về thăm nhà, nhân thể mời chàng xuống chơi ít lâu cho biết.

- Ta là người trần làm sao mà xuống được, Hải đáp.

- Không hề gì. Chàng cứ trả lại lốt ba ba cho thiếp và đi theo thiếp.

Nhưng Hải còn băn khoăn:

- Ta đang luyện văn bài để đợi khoa thi. Đi như vậy không tiện.

- Nhà thiếp có Trạng nguyên họ Lương, chàng xuống đó có thể hỏi nghĩa lý sách vở rất tiện.

Hải nhận lời ngay. Hai người dắt nhau ra bờ sông. Cô gái khoác lốt ba ba rẽ nước cho Hải xuống. Vua Thủy trông thấy con gái về thì vui mừng khôn xiết. Vua tiếp đãi người ân nhân của con rất hậu và cố lưu lại tiệc tùng

khoản đãi không ngớt. Mấy ngày sau, Hải gặp được Trạng nguyên họ Lương, trong khi ông đang ngồi giảng kinh *Dịch*. Được nghe giảng, Hải rất mừng vì gặp người thầy giỏi. Vua Thủy sai dọn một ngôi lầu tĩnh mịch cho chàng ôn luyện sử sách.

Hải vui chơi dưới Thủy phủ suốt mấy năm liền quên cả về. Một hôm, vua Thủy giục chàng về gấp để giành lấy trạng nguyên. Vua còn tổng tiền bạc vàng rất hậu. Hải rất bịn rịn khi phải chia tay với cô gái vua Thủy.

Vừa lên khỏi mặt nước thì Hải đã nghe tin nhà vua xuống lệnh chỉ cho mở khoa thi. Không kịp trở lại quê nhà báo tin, chàng vội tìm đến nhà trọ cũ ở kinh đô để chuẩn bị lễu chiểu vào trường. Sau đó Hải đậu tiến sĩ rồi vào thi đình đậu luôn trạng nguyên. Tính từ lúc xuống Thủy phủ cho đến ngày vinh quy vừa đúng mười một năm. Người lái buôn họ Giáp từ ngày Hải xuống Thủy phủ vẫn đinh ninh là con nuôi đã mất tích, ngày đêm than khóc không nguôi; chợt một hôm nghe tin trường thi yết bảng có tên con trai mình đứng đầu, lòng mừng không lấy chi cân, bèn hối hả sai người nhà sắm sửa nếp gạo, lợn bò và trang hoàng nhà cửa để con về vinh quy bái tổ.

Bấy giờ dân đình hàng huyện bị buộc phải mang trống chiêng cờ quạt, cơm gói muối đùm đi đón quan Trạng, ai nấy đều tỏ vẻ không bằng lòng. Trong số đó có người dân làng Dĩnh-kế vốn biết Trạng không phải quê gốc ở làng mình huyện mình, bèn nói vụng với nhau: - "Cái anh nghè này không biết

quê cha đất tổ ở đâu tự nhiên về làm con nhà họ Giáp, bắt chúng ta phục dịch ngày đêm đến là khổ sở!"

Trạng Hải bấy giờ nằm trong cáng, nghe lỏm được câu phàn nàn của dân phu bèn sinh mỗi hồ nghi. Ngẫm lại, chàng thấy giữa mình với bố mẹ khuôn mặt cũng như vóc người không có gì tương tự. Nhưng Hải vẫn không truy vấn người lái buôn vì thấy lòng không nỡ. Nhưng cũng từ đấy chàng bắt đầu để bụng dò la. Mãi sau mới có người mách cho biết Trạng là con một bà hàng nước nào đó chứ không phải là con đẻ của ông lái buôn họ Giáp. Chẳng qua vì hiếm hoi nên ông ta tìm cách bắt trộm về làm con mình. Điều hồ nghi trong lòng chàng vì thế càng trở nên day dứt.

Một hôm, Trạng Hải cùng người hầu tình cờ đến làng Công-luận, thấy ở hàng ven đê có một bà lão ngoài 70. Trạng sai người đến hỏi thăm bà lão, thì bà cho biết trước kia mình có sinh một đứa con, năm lên bốn tuổi ra bờ sông chơi bị sẩy chân rơi xuống sông, bây giờ sống một thân một mình không nơi nương tựa. Hỏi có tìm được xác không thì bà lão cho biết vì không có tiền thuê người tìm tòi, và không nghe ai nói tìm thấy xác, nên coi là mất tích.

Tuy chưa biết có đích thực hay không, Trạng cũng sai người bảo bà lão:

- Quan tôi trông thấy cổ già cả, chồng con không có, muốn đem về làm phúc, chẳng hay cổ có bằng lòng không?

- Nếu quan lớn có lòng thương đến kẻ già thì còn nói gì nữa - bà lão đáp.

Từ đấy bà lão đi theo Hải đến chỗ làm quan, cái ăn cái mặc được chu cấp tử tế. Một hôm bà lão trông thấy Trạng thì bỗng òa lên khóc. Mọi người xúm lại hỏi bà, bà lão nói:

- Trước khi đẻ được con trai có cái nốt ruồi ở chân bên phải. Bây giờ tôi trông thấy ở chân phải quan có cái nốt ruồi, tôi nhớ đến con tôi, xin các ông tha lỗi cho.

Bấy giờ Trạng mới tin bà lão đích thì là mẹ mình. Hai mẹ con nhận ra nhau và ôm nhau mà khóc. Còn người lái buôn tự biết mình có lỗi đến thú tội với Trạng, nhưng Trạng xét công lao của bố nuôi đã cho mình học nhờ đó mới có ngày hôm nay, nên vẫn tỏ ra một lòng hiếu kính, phụng dưỡng bố mẹ nuôi và mẹ đẻ như nhau.

*

* *

Về sau có lần Trạng được vua sai làm chánh chủ khảo đi chấm thi ở trường Sơn-nam. Trạng ra đầu bài hiểm hóc, học trò ứng thi không có hy vọng được đỗ, bèn bí mật bàn nhau ước định nổi dậy phá trường thi. Nghe tin, Trạng lấy làm lo sợ phải ra đầu bài khác để cho họ thi lại. Sau đó, Trạng cho người dò la, cuối cùng cũng bắt được người học trò chủ xướng. Tuy mới chỉ là âm mưu, nhưng Trạng cũng khép y vào tội chết. Bố mẹ người học trò đến kêu khóc với Trạng nói nhà mình "độc đinh", chỉ có nó là con nối dõi, vậy xin nộp một ngàn quan tiền để chuộc mạng. Nhưng Trạng đang cơn giận dữ, nhất định ra lệnh trăm quyết không tha.

Được ít lâu, con trai của Trạng là Giáp Phong không có bệnh tật gì, tự nhiên lăn ra chết. Trạng thương tiếc quá bèn sai người mời phù thủy đến đánh đồng thiếp cho mình xuống âm phủ đi tìm con, nhưng chẳng có thầy nào làm cho Trạng vừa lòng.

Một hôm có một đạo nhân mặc áo rách đi giày rách đến cửa xin gặp. Trạng vốn ghét đồng cốt quàng xiên nên không chịu tiếp, nhưng đạo nhân đòi gặp mặt Trạng mới chịu đi. Khi hai người gặp nhau, đạo nhân trừng mắt, hỏi:

- Có muốn gặp con không?

Trạng tự nhiên mất vẻ trịnh thượng, đáp:

- Có

- Vậy thì hãy ngồi im nhắm mắt lại, ta sẽ đưa tới nơi.

Nói đoạn, đạo nhân liền thư phù rồi đọc một câu thần chú. Giáp Hải bỗng thấy tối sầm cả lại, rồi thấy người ấy dẫn mình đi. Trạng đi mãi, đi mãi, tuy thấy chồn chân nhưng vẫn không dám dừng lại. Cho đến lúc tới một nơi nhà ngói tường dặc, bên trong lầu son gác tía, người hầu kẻ hạ tấp nập, thì thấy đạo nhân đi chậm lại, rồi dẫn mình vào một dãy hành lang. Đến đây, đã thấy Giáp Phong đang đánh cờ với một ông quan trong một ngôi lầu bát giác xa tận phía trong. Thấy vậy, Trạng một hai xin phép vào gặp con ngay, nhưng mấy lần lính vào bẩm, Giáp Phong vẫn cứ làm ngơ không trả lời. Mãi sau ván cờ tàn, ông quan kia hỏi Giáp Phong:

- Anh không quen thuộc gì với người ấy ư?

- Có - Giáp Phong đáp - trước kia tôi có trọ nhà ông ta hai chục năm, nhưng vì ông ta giết oan mất một người học trò, nên tôi không ở nữa.

Khi tỉnh dậy, Trạng biết đó là sự báo oán, bèn sai gọi bố mẹ người học trò bị chém, cho họ tiền để về sửa lễ làm chay cho con[1].

KHẢO DỊ

Về những truyện có tình tiết người cứu vật được đền ơn (hoặc nó hóa thành cô gái theo về làm vợ, hoặc nó giúp cho mình tìm vợ và giàu có), Việt-nam và các dân tộc khác đều có, tuy rằng mỗi truyện phát triển một kiểu khác nhau. Xem thêm truyện *Cứu vật vật trả ơn, cứu nhân nhân trả oán* số **48**, tập **II** và truyện *Cô gái con thần Nước mê chàng đánh cá*, số **175**, tập **IV**. Sau đây là một vài truyện tiêu biểu:

Truyện của người Choang: *Anh Ba và quan thổ ty*:

Một cụ già trước khi tắt thở bảo ba con mỗi người kiếm nghề làm ăn. Vì lười, người anh cả tiêu hết tiền, chết đói. Người thứ hai học nghề trồng rau, người thứ ba nghề câu cá. Một hôm người anh em câu được một con cá đập, về mổ bụng thấy một con cá chép vàng đang còn thoi thóp. Anh thả vào chậu, cá chép sống lại, nhưng một hôm anh đi vắng cá biến mất. Buồn rầu, anh đi chơi ven sông, bỗng gặp một chàng trai (không phải là cô gái như truyện của ta) tự xưng là cá vàng vốn là con Long vương, mời anh

xuống chơi để đền ơn cứu mạng. Long vương yêu quý tặng anh nhiều vàng bạc, nhưng nghe lời dặn của cá vàng, anh từ chối tất cả, khi ra về chỉ xin con gà trắng. Từ đấy ngày nào đi câu về anh cũng thấy cơm canh sẵn sàng. Sau đó một hôm anh giả vờ đi câu nửa đường lộn về, thì thấy một cô gái đẹp. Cô gái đang lúng túng toan chui vào lồng gà nhưng không kịp. Đó là con gái Long vương. Hai người trở thành vợ chồng.

Thổ ty thấy vợ anh đẹp muốn bắt, liền buộc anh phải nộp một trăm hai mươi con cá chép, mỗi con mười bảy lạng, con nào cũng đỏ như nhau. Vợ anh lấy giấy đỏ cắt đủ một trăm hai mươi miếng rồi hóa thành cá nộp cho thổ ty. Lần thứ hai, thổ ty lại bắt dặt một tấm vải màu xanh da trời dài bằng con đường đi. Vợ anh xuống sông đưa lên một quả bầu thần, ước một cái có ngay tấm vải. Lần thứ ba, hăn lại bắt nộp một đàn dê đỏ, anh đều có đủ. Lại bắt nộp một trăm hai mươi con quái vật. Anh cũng nộp ngay. Nhưng quái vật lại đòi thổ ty cho chúng ăn đầu, ăn xong nửa đêm chúng la hét om sòm. Thổ ty châm đèn không ngờ lửa bén vào quái vật. Nóng quá chúng chạy khắp nơi. Cơ nghiệp của thổ ty cháy hết[2].

Truyện của người Mèo *Tiếng khèn Tổng Páo*:

Tổng Páo mồ côi đi ở chăn bò cho bà cô. Sợ anh quyến rũ con gái, bà đuổi anh ra khỏi nhà. Giúp đỡ cho người, anh lên núi học được nghề thổi khèn với một cụ già. Thành nghề, anh được cụ cho chiếc khèn. Cô gái con vua Thủy mê tiếng khèn của anh, mời anh xuống Long cung giúp vui trong lễ của vua Thủy; nhân đó anh dạy cho cô gái thổi khèn. Khi vua trả công, anh chỉ xin cái cốc bé như lời mớm của cô gái. Nhưng cốc bé lại chính là con gái con vua Thủy. Hai người trở thành vợ chồng có lâu đài, súc vật, của cải, v.v... Tiếng khèn Tổng Páo làm Ngọc Hoàng say mê. Nhưng khi Ngọc Hoàng thấy mặt vợ anh thì đòi đổi vợ - chín lấy một. Nhờ mưu vợ, anh lên kiệu về trời làm Ngọc Hoàng còn Ngọc Hoàng sau đó bị giết chết. Đoạn cuối còn thêm chi tiết: Con trai anh (do cô gái con vua Thủy bấy giờ đã

trốn về Long cung, đẻ ra) cùng mẹ lên trời tìm bố. Sau khi trải qua một vài thử thách, Ngọc Hoàng tức Tồng Páo gặp lại vợ và con[3].

Ở truyện của người Ma-rốc (Maroc) thì cốt truyện lại phát triển theo một hướng khác:

Một người câu cá nghèo một hôm thả lưới cùng với người con trai, lần thứ nhất được một con lừa chết, lần thứ hai một hòn đá, lần thứ ba mới được một con cá lớn. Trong khi người bố bận việc về nhà trước thì người con vì thấy cá khóc nên tỏ lòng thương hại, đã thả cá xuống nước. Sau đó, sợ bố đánh mắng anh bỏ đi một mạch. Dọc đường anh gặp một người con trai chào đón rất niềm nở, rồi rủ anh đi đến một thành phố nọ, luôn luôn tiếp đãi rất ân cần. Đi qua một cửa hiệu tơ lụa có nhiều hàng đẹp, thấy anh trầm trồ có vẻ ưa thích, người con trai lạ thuê ngay một cửa hàng còn lớn hơn nhiều cho anh quản lý. Ở đây có lắm thứ hàng quý lạ, thu hút sự chú ý của mọi người. Vua thấy anh giàu có mời anh đến ăn tiệc và cho phép anh tự do thăm các cung điện. Anh gặp công chúa và được công chúa mời uống chè. Một hôm, anh thấy buồn, người trai lạ hỏi lý do, anh nói muốn lấy công chúa mà không biết làm sao: - "Đề lắm, người trai lạ nói, anh cứ đến hỏi có gì ta sẽ liệu". Hôm sau anh ngỏ lời với vua. Vua bàn với hoàng hậu. Hoàng hậu đưa ra một viên ngọc quý bảo anh phải mang một viên giống thế đến làm sính lễ. Người trai lạ cho anh cả một túi ngọc quý. Anh mang đến cho vua và được ở trong cung với công chúa. Anh ở lý đấy đến một năm, quên mất lời hẹn với bạn. Sau đó bạn cũng giúp anh đưa công chúa về thăm quê bằng cách chuẩn bị chỗ ăn chỗ nghỉ dọc đường rất chu đáo. Khi gần đến quê, bạn nói thật cho anh biết mình vốn là con cá bị bắt đạo nọ cốt giúp anh để trả ơn. Rồi lại cho anh một thứ bột để khi cần thì rắc một ít vào chỗ câu cá năm xưa, nó sẽ đến giúp[4].

Ở truyện của Ả-rập (Arabie) sưu tầm ở Cai-rô (Le Caire), thì cốt truyện còn phát triển khác hơn:

Mô-ham-mết, con một người câu cá, do trả lại sự sống cho một con cá mà mình câu được, nên được nó trả ơn bằng cách giúp anh đến cung vua, lập được nhiều công trạng. Vua muốn vỗ ơn anh. Một đại thần bày cho vua kể sai anh đi hỏi công chúa ở xứ Đất xanh đây nguy hiểm. Cá bảo anh đòi vua một chiếc tàu vàng. Vua cho. Cá dẫn đường cho tàu chạy. Đến nơi thấy tàu đẹp mọi người đổ xô ra xem, trong đó có công chúa; chờ công chúa bước lên khoang, anh cho tàu chạy về nước. Công chúa ném nhẫn xuống biển. Cá đớp lấy. Đưa về, vua muốn lấy công chúa. Công chúa đòi phải tìm cho được chiếc nhẫn cưới dưới biển mới lấy. Vua bắt Mô-ham-mết đi tìm. Anh lại nhờ cá và lấy được nhẫn cưới cho vua. Công chúa lại nói phong tục nước mình khi kết hôn phải đào một con kênh nối lâu đài với sông, lại chất đầy củi rồi đốt lửa cho chàng rẽ nhảy vào tắm lửa, sau đó sẽ trở về với vợ. Vua nhận làm, nhưng khi đốt củi lên thì bắt Mô-ham-mết nhảy vào lửa trước xem sao. Cá bày cho anh cách cầu thần để nhảy vào lửa mà không chết. Khi bước ra đẹp hơn lúc vào. Thấy thế, vua và đại thần nhảy vào lửa, bị thiêu ra tro. Mô-ham-mết cưới công chúa và lên ngai vàng[5]. (Hình tượng cuối cùng này giống một truyện của người Ý, xem **Khảo di**, truyện số 92, tập II).

Về chỗ người mẹ Giáp Hải được thấy địa lý trả ơn, tìm cho một đám đất quý, nhờ đó Giáp Hải về sau đậu Trạng làm quan, ở ta có rất nhiều truyện có tình tiết tương tự, chẳng hạn truyện *Nguyễn Văn Giai*:

Bố mẹ Nguyễn Văn Giai nhà nghèo mở quán làm nghề hàng nước. Một hôm có những người khách phương Bắc bị bão đắm tàu đến quán hàng này mấy lần ăn chịu, lại vay tiền làm tiền ăn đường. Hai vợ chồng cảm nỗi, áo lấy tiền giúp họ không tính chuyện trả ơn. Sau đó, được họ tìm cho một đám đất quý để táng mộ bố. Người vợ một hôm đi múc nước giếng thấy có sao rơi vào bình, bèn uống lấy, từ đấy cảm động có mang, sinh ra Nguyễn Văn Giai. Nguyễn Văn Giai lớn lên thông minh, có sức khỏe, đi thi đậu

đầu, về sau có công "phù Lê diệt Mạc" làm đến chương lục bộ quận công[6].

Về chỗ Giáp Hải xuống âm phủ tìm con nhưng không được con nhìn nhận, ở ta còn có hai truyện, đầu đề là *Con là nợ*, đều có hình tượng tương tự:

1. Một nhà phú hộ có ba người con. Người con cả ham mê cờ bạc, nướng hết của nhà. Người con thứ hai, trái lại cần cù làm ăn, đưa về rất nhiều tiền bạc, nhưng lại dè xẻn chẳng tiêu gì cả. Còn người con út thì hết ăn no lại nằm. Tự nhiên cái chết mang cả ba đi một cách đột ngột. Người phú hộ thương xót vô cùng, bèn mời thầy đồng thiếp cho mình đi tìm con.

Xuống đến địa ngục, người cha gặp ba đứa con đang cưỡi ngựa. Mừng quá, ông chạy theo gọi tướng lên. Nhưng hai đứa đầu thấy mặt bố, vẫn cầm cổ thúc ngựa chạy đi, không ngoảnh lại, trừ có người con út. Người cha ôm lấy nó khóc lóc: - "Sao các con lại bạc bẽo thế, bỏ cha mẹ mà đi cùng một lúc, cho nên cha phải xuống tìm, thế mà hai đứa kia cứ cầm cổ mà đi!". Người con trả lời: - "Chúng tôi vốn không phải là con ông. Người đầu là kẻ ông từng mắc nợ, nên nó đánh bạc tiêu xài cho đến khi hết số nợ mà ông phải trả. Còn người thứ hai là kẻ mắc nợ ông, cho nên nó phải làm ăn chặt bóp để trả đủ số nợ. Còn tôi chỉ là người làm chứng. Khi thấy đôi bên đã "lại hoàn đủ số" thì chúng tôi ra đi[7].

2. Có hai vợ chồng già mà chưa có con. Hàng ngày họ thành khẩn cầu nguyện. Thấy thế, Ngọc Hoàng bảo đức Phật giúp cho họ một đứa con. Đức Phật nói với Diêm vương, Diêm vương bảo quan hầu xem có ai thiếu nợ ông già thì cho đầu thai lên trả. Quan đáp: - "Không có ai thiếu nợ ông ta cả, chỉ có ông ta thiếu nợ của người mà thôi" - "Vậy thì cho người ấy đầu

thai ngay!" Từ đó bà già có mang để được một con trai. Đứa con lớn lên ăn xài vô độ, tiêu hết tiền dành dụm của bố mẹ. Sau đó, tự nhiên nó đau nặng rồi chết. Cũng như truyện trên, thấy con chết yếu, người bố buồn quá, đánh đồng thiếp xuống thăm. Khi cha con gặp nhau, chẳng những hăn không mừng mà còn hỏi xóc: - "Cha chết rồi hay sao mà xuống đây?". Ông già kể chuyện cho nghe, hăn đáp: - "Kiếp trước ông thiếu tôi ba ngàn quan. Từ ngày về với ông, tôi đã tiêu hết hai ngàn bảy trăm. Thấy ông tốt, tôi miễn cho ba trăm, vậy là tử tế lắm". Ông già cứ nằng nặc khuyên con trở về. Nó bỏ đi mất, ông lại đi tìm, đón đường hết lời khuyên dỗ. Nó lại bỏ đi. Giận quá, ông già về đào mả đốt xương con quăng khắp nơi. Không ngờ lửa lan ra làm cháy mía của các chủ ruộng khác, bị họ bắt đền, tổng cộng hết ba trăm quan. Ông nghĩ lại: - "Vậy là cuối cùng tròn số ba ngàn quan"[8].

Một truyện thứ ba *Thái thú Diễn-châu* tình tiết có khác ít nhiều:

Vợ một ông tri phủ Diễn-châu đẻ mấy bận không nuôi được. Một lần có mang, chồng mộng thấy thần cho một lưỡi tằm sét bảo đánh cho con một chiếc vòng chân. Bèn làm theo. Đứa con trai lần ấy quả nuôi được, đặt tên là Kim Tích. Kim Tích mười bảy tuổi đỗ cử nhân, một hôm bảo người bố: - "Nay con đã khôn lớn, chả nhẽ cứ phải đeo vòng mãi sao". Bố cho là phải, bèn tháo ra, nhưng vừa tháo thì Kim Tích chết. Thương con quá, ông bắt cả nhà đi tang.

Một cô gái bán cau ở gần làng có quen biết nhà này, một hôm đến chơi cho biết Kim Tích hôm kia đến chơi nhà mình có xe ngựa và đầy tớ rậm rịch, chắc làm quan to. Lại bảo: - "Muốn biết thì hai hôm nữa đến nhà tôi nấp xem sẽ thấy". Người bố làm theo, quả gặp. Nhưng khi thấy bố, Kim Tích mắng: - "Mày giam hãm tao mười bảy năm nay còn mặt mũi nào mà nhận cha con nữa". Nói xong biến mất. Người bố tức quá về đốt hết đồ tang đi[9].

Tương tự với truyện trên, Trung-quốc có truyện như sau:

Một người họ Trương tên là Thiện Hữu thường ăn chay niệm Phật, lấy vợ họ Lý tuy làm ăn khá giả nhưng chưa có con. Gần làng có một người tên là Thiệu Đình Ngọc, nhà nghèo, mẹ chết không có tiền làm ma, mới tìm đến ăn trộm nhà Thiện Hữu lấy được sáu mươi lạng bạc trót lọt. Sau đó, có một nhà sư ở Ngũ-đại-sơn đi quyên giáo đến gửi cho Thiện Hữu hơn một trăm lạng của nhà chùa. Chồng đưa cho vợ cất. Một hôm bận đi hành hương ở miếu Đông-nhạc, chồng bảo vợ hễ sư đến thì giao. Nhưng khi nhà sư đến, người vợ kiểm điều đuổi đi, nói nhà mình không giữ tiền nong gì cả. Khi chồng về, vợ nói dối là đã giao tiền cho sư rồi.

Hai năm sau, người vợ đẻ được một con trai, từ đó nhà làm ăn khấm khá. Năm năm sau lại sinh được đứa thứ hai. Con cả thức khuya dậy sớm, ăn không dám ăn, tiêu không dám tiêu. Trái lại con thứ hai thì cờ bạc hát xướng không lúc nào ngơi, nợ như tổ đũa. Bố mẹ thấy thế, chia của làm ba phần, hai con hai phần, mình giữ lấy một. Nhưng đứa thứ hai phá tan gia tài chỉ trong nửa năm. Hết, lại đến đòi bố mẹ. Được ít lâu người anh cả ốm nặng rồi chết, tài sản lại lọt vào tay em, nó ăn chơi vô độ, tiêu hết rồi chết. Người mẹ buồn rầu khóc lóc đến chảy máu mắt rồi cũng qua đời. Liên tiếp gặp mấy cái tang. Thiện Hữu đau xót quá, bèn đến trước miếu Đông-nhạc kêu gào với thần. Bỗng năm thiếp đi, thấy mình đến trước Diêm-vương. Thiện Hữu lại kêu với Diêm vương. Diêm vương hỏi: - "Có muốn gặp con không?". "Có". Quỷ vâng lệnh vua đưa hai đứa đến. Thiện Hữu mừng rỡ bảo con cả: - "Con ơi! Con trở về với cha nhé!". Nó lạnh lùng đáp: - "Tôi không phải là con ông. Kiếp trước tôi là Thiệu Đình Ngọc vì trộm bạc của ông nên tôi phải đầu thai làm con để trả đủ vốn lẫn lãi đó thôi!". Người cha lại quay sang đứa thứ hai: - "Con về với cha nhé". Đáp: - "Tôi không phải con ông. Xưa tôi là sư ở Ngũ-đại-sơn vì ông cướp không số tiền quyên giáo, nên tôi đầu thai để đòi cả vốn lẫn lãi". Thiện Hữu nói: - "Tôi mà cướp

tiền duyên giáo của nhà chùa ư? Vợ tôi chả đã giao cho hòa thượng đủ số rồi kia mà!". Diêm vương hỏi: - "Có muốn gặp vợ không?" - "Có". Quỷ lại đưa vợ đến với gông ở cổ, xiềng ở chân. Thiện Hữu hỏi về số tiền duyên giáo. Vợ kể cho biết sự thật, và cho biết mình đang ở tầng địa ngục thứ mười tám, bị hành hạ rất khổ sở. Nói xong níu lấy áo chồng kêu cứu. Thấy vậy, Diêm vương đập bàn quát tháo. Thiện Hữu chợt tỉnh dậy, sau bỏ đi tu[10].

-
- [1] Theo Vũ Phương Đề. *Công dư tiếp ký*.
- [2] Theo *Truyện dân gian Trung-quốc*, đã dẫn.
- [3] Theo *Truyện cổ Việt-bắc*, đã dẫn.
- [4] Theo Mô-ha-mết En Pha-si (Mohamed El Fasi), sách đã dẫn.
- [5] Theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn, tập II.
- [6] Truyện này chép đầy đủ trong *Văn học dân gian sưu tầm ở xã Ích-hậu* (chưa xuất bản).
- [7] Theo Jê-ni-bren (Génibren), sách đã dẫn.
- [8] Theo Sơn-nam, sách đã dẫn.
- [9] Theo Đại-nam, kỳ nhân liệt truyện, sách đã dẫn.
- [10] Theo Vi-ê-jê (Wiéger): *Sách sơ yếu (bạch thoại). Truyện kể*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
150. TAM VÀ TỨ

Ngày xưa có một người làm nghề bưng trống tên là Tam. Mỗi lần làm xong một số hàng có đủ trống con trống lớn, ông thường mang đi các vùng lân cận để bán. Bán hết, ông lại trở về làm chuyện khác. Một hôm ông gánh hàng đi bán ở một vùng khá xa. Vừa trèo lên một ngọn đồi, ông bỗng thấy một người ngồi ẩn dưới bóng một cây đa. Thấy mệt và nóng bức nên ông cũng dừng lại ở đây nghỉ chân. Trong khi trò chuyện, hai người hỏi tên tuổi và nghề nghiệp của nhau. Người hàng trống biết khách thân là Tứ làm nghề buôn vật nhưng hết vốn, đang định tìm chỗ làm thuê để nuôi miệng.

Tam thương cảnh ngộ của Tứ, bèn giở gói cơm ra mời ngồi lại cùng ăn, đoạn bảo Tứ:

- Bây giờ anh hãy gánh giúp cho tôi một đoạn đường từ đây tới khi anh rẽ lối khác. Tôi sẽ trả anh một số tiền.

Hai người bắt đầu xuống núi. Đi một thời đường, họ thấy khát nước, và sau đó, cả hai đều dừng lại bên một cái giếng khơi ở vệ đường. Nhìn thấy giếng sâu, thành đứng lại đầy rêu, không biết làm sao mà múc, Tứ bảo Tam:

- Bây giờ ta làm cách này thì uống được. Tôi buộc sợi dây lưng vào người, ông nắm chặt lấy một đầu dây, để tôi bám vào thành giếng trèo xuống. Uống xong ông kéo lên cho. Sau đó đến lượt ông lại làm như tôi để xuống.

Họ làm như lời đã bàn. Nhưng đến lượt Tam xuống thì Tứ để mặc Tam dưới đáy giếng rồi quảy gánh trống đi luôn một mạch. Tam gọi mãi không thấy Tứ, biết là bị lừa, bèn đứng dưới giếng kêu cứu ầm ĩ. Không may cho

Tam là đoạn đường ấy rất vắng nên kêu khản cả cổ mà chả có một tiếng trả lời. Mãi đến chiều tối mới gặp được mấy người khách bộ hành đi qua, nhờ đó được họ kéo lên khỏi giếng.

Tam vừa xót của vừa giận phường bội nghĩa, đi thất thểu mãi đến chiều rồi lạc vào một ngôi chùa. Ông gọi người thủ hộ, nài nỉ xin cho mình được vào nghỉ nhờ một đêm. Thủ hộ bảo:

- Ở đây có bốn con quỷ "quàn tài" dữ lắm. Thường đến canh ba thì chúng hiện ra. Người quen thì chớ, còn người lạ thì chúng nó bóp cổ. Thôi, ông đi chỗ khác mà trú, đừng lân la nơi đây mà thác uống mạng!

Tam bấy giờ đầu gối đã mỏi, mắt đã riu, nên đáp liêu:

- Bạch thầy, thầy cứ làm ơn cho tôi ẩn nấp một chỗ nào đó kín đáo, để tôi ngủ nhờ một tối, kéo tôi bây giờ không thể lê bước đi đâu được nữa.

Thủ hộ chỉ vào một cửa hang và bảo:

- Đó là cái hang mà bốn con quỷ hay ra vào, bên cạnh cửa hang có một chỗ kín có thể nấp được, ông vào đó mà ngủ may ra thì thoát. Ngoài đó ra chả có nơi nào kín kết!

Tam đành chui liêu vào chỗ thủ hộ chỉ, rồi đặt mình xuống một giấc. Đến canh ba, tỉnh dậy, thấy bốn con quỷ vừa đi đâu mới về. Chúng nó đứng lại ở cửa hang trò chuyện với nhau. Con quỷ thứ nhất nói:

- Phía sau ngôi chùa này, cách mười bước về phía bên trái có chôn sáu chĩnh bạc.

Con quý thứ hai nói:

- Phía sau ngôi chùa này, cách mười bước về bên phải cũng có chôn sáu chĩnh vàng.

Con quý thứ ba nói:

- Còn tôi, tôi có biết một chỗ giấu một viên ngọc quý, ai mà bắt được thì có thể làm chúng ta chết ngay lập tức!

Con quý thứ tư nói:

- Ngọc ở đâu?

- Ở bên cạnh cửa hang này.

Nghe nói thế, Tam nhớ lại lúc đi ngủ quả có thấy một viên gì tròn tròn và sáng ở ngay cạnh chỗ nằm; lập tức chàng với tay chộp lấy ngọc. Giữa lúc mấy con quý chưa kịp bỏ đi, Tam đã vung tay ném hòn ngọc vào giữa chúng, làm cho cả bốn đều chết thẳng cẳng.

Sáng dậy, Tam bước ra khỏi chỗ nằm đi tìm thủ hộ để cảm ơn. Sau đó ông trở về gọi người nhà tìm đến chùa, đào lấy mấy chĩnh vàng và bạc. Từ đó, Tam trở nên giàu có sung sướng.

Còn Tứ sau khi cướp được gánh trống của Tam, bèn tìm đi một nơi xa để bán. Chiều tối hẵn ghé lại một cái quán xin nghỉ trọ. Chủ quán bảo:

- Ở đây khuya lại có quỷ hiện ra làm hai khách lạ. Vậy ông hãy gắng đi thật xa mới khỏi làm mối cho chúng.

Nghe nói Tứ hoảng sợ, nhưng bấy giờ tìm đến làng xóm thì đã quá muộn, hẳn đành phải xin chủ quán chỉ cho một chỗ kín đáo để nấp tránh lũ quỷ. Chủ quán chỉ cho Tứ một cái hang kín. Tứ đặt gánh trống ở ngoài cửa hang, chui vào nằm ngủ.

Khuya lại, quả có một lũ quỷ kéo đến cửa hang. Chúng vô tình giẫm lên mặt trống, trống phát tiếng "thùng thùng". Giật mình kinh sợ, mỗi con quỷ chạy trốn vào một xó. Một con quỷ chui nhào vào hang Tứ nằm giữa lúc hẳn đang ngủ mê. Thế là tiện tay quỷ bóp cổ, hẳn chết [1].

KHẢO DỊ

Truyện của ta giống với khá nhiều truyện của các dân tộc Đông và Tây:

Trước hết là truyện của Băng-la-dex (Banglades):

Một hoàng tử và một người con viên cảnh sát (kôt-oal), một thiện, một ác, cùng kết bạn với nhau để đi ra nước ngoài. Một hôm qua một cái giếng, nhân khát khô cổ, hoàng tử bảo người bạn dòng mình xuống để uống. Người kia bỏ hoàng tử xuống giếng rồi đi thẳng. Đêm lại, hoàng tử nghe dưới giếng có hai vị thần (bơ-hut) nói chuyện với nhau. Một vị nói mình

bắt được một nàng công chúa và phải làm phép như thế, công chúa mới được giải cứu. Vị thần kia cho biết dưới một gốc cây gần giếng có năm lọ vàng mà mình là kẻ canh gác. Phải làm phép như thế mới có thể đưa vàng lên khỏi mặt đất.

Sáng dậy hoàng tử được một người qua đường giúp đỡ đưa lên khỏi giếng. Người qua đường này lại chính là người được vua sai đi rao khắp thiên hạ rằng ai cứu được công chúa khỏi tay hung thần sẽ chia cho nửa nước. Hoàng tử lập tức theo đúng cách đã nghe lỏm được, cứu thoát cho công chúa rồi đến giếng chiếm lấy năm lọ vàng. Biết có người nghe lỏm, hai vị thần tức giận từ đấy hết sức đề phòng.

Đứa con viên quan cảnh sát một hôm nghe câu chuyện hoàng tử gặp may, nổi lòng tham bèn tìm đến giếng trèo xuống. Nhưng hai vị thần đã rình sẵn tóm lấy y giết chết.

Gần như là một với truyện trên là truyện trong *Nghìn lẻ một đêm*:

A-bu Ni-ut (Thiện) nhân khát nước, nhờ một người bạn đường là A-bu Ni-út-tin (Ác) buộc dây dòng mình xuống một cái giếng. Nhưng đang giải khát thì người bạn đã cắt dây, bỏ anh lại. Đến khuya, A-bu Ni-ut nghe dưới đáy giếng có hai hung thần nói chuyện với nhau về cách chữa bệnh cho một công chúa và cách tìm kho vàng. Sáng mai, nhờ một người bộ hành đi qua, anh được kéo lên khỏi giếng. Anh bèn đến cung vua xin chữa bệnh cho công chúa và sau đó, lấy được nàng làm vợ, lại đào lấy được kho vàng. Ít lâu sau gặp lại người bạn đường cũ, anh kể hết cho hắn nghe. A-bu Ni-út-tin cũng muốn được may mắn nên tự mình trèo xuống giếng nhưng hai hung thần lúc này đã gặp lại nhau, tin cho nhau biết việc bí mật của họ bị bại lộ. Nổi giận, họ lấy đá lấp giếng lại. A-bu Ni-út-tin bị chết dưới giếng.

Truyện của người Xa-ri-kô-li (ở Trung Á, phía Tây cao nguyên Pa-mia (Pamir)) không nói đến giếng mà nói đến cái hang:

Có hai anh bạn Thiện và Ác cùng đi với nhau. Một ngày đầu họ ăn lương thực của Thiện. Ăn hết rồi, Ác đòi Thiện phải chọc một con mắt thì mới cho anh ăn vào lương thực của mình. Bữa thứ hai hẳn bắt anh chọc nốt con mắt kia. Cuối cùng, hẳn bỏ người bạn lại dọc đường. Thiện ẩn vào một cái hang. Đêm lại, anh nghe có ba con vật: chó sói, gấu và chồn nói chuyện với nhau về một nàng công chúa bị mù và cách chữa mù bằng một thứ cây và một thứ nước giếng ở gần hang. Thiện đi tìm thuốc chữa lành mắt mình lại đến kinh đô chữa lành mắt cho công chúa, được vua kén làm phò mã. Khi gặp Ác, Thiện cũng kể chuyện mình cho Ác nghe. Ác bèn cũng mò đến cái hang kia, nhưng ban đêm, các con vật nghe tiếng động của Ác bèn xúm lại vỗ chết.

Một loạt truyện ở Á và Âu tuy không nói đến giếng hay hang nhưng đều có tình tiết tương tự. Dưới đây là một vài truyện tiêu biểu:

Truyện của người Kiéc-ghi-dơ (Kirghizs) giống truyện vừa kể ở chỗ cũng có hai nhân vật Thiện và Ác (nhưng khi ăn đến chỗ lương thực của Ác, thì ở đây, Ác đòi phải cắt hai tai và chọc hai mắt Thiện). Khi bị bỏ ở rừng, Thiện nghe câu chuyện của ba con vật: hổ, chồn và chó sói. Chồn nói đến một thứ cây chữa lành tai và lành mắt. Hổ nói đến một con chó nọ, xương nó có thể làm cho người chết sống lại. Còn con chó sói mách một chỗ có một khối vàng to bằng đầu người. Sáng dậy, Thiện đi tìm cây quý, tự chữa lành tai và mắt, rồi đi nhặt khối vàng, đoạn lấy một số vàng mua lại con chó quý. Tới một nước nọ, Thiện lấy xương chó chữa cho vua sống lại. Để tạ ơn, vua gả công chúa cho anh. Khi Ác nghe kể câu chuyện, liền giục Thiện cắt tai, chọc mắt cho mình và đưa mình đến rừng để mong cũng được phú quý, nhưng hẳn đã bị ba con vật kia vỗ chết.

Người Kiếc-ghi-dơ còn có một truyện khác: có ba vị hoàng tử cùng nhau lên đường để tìm một con chim họa mi biết nói mà vua cha nằm mộng thấy, hứa thưởng cái ngai vàng cho người nào tìm ra. Hoàng đế trẻ là Hem-ra sau đó trở thành chồng một nàng tiên, và nhờ vợ, cuối cùng anh làm chủ được con chim màu nhiệm. Về đến một quán hàng, anh gặp lại hai người anh lúc này đã trở thành nô lệ cho người hầu làm bếp. Hem-ra lấy tiền ra chuộc và đưa hai anh về. Dọc đường, hai người móc mắt Hem-ra quăng xuống giếng, đoạn lấy chim mang về. Khi gặp vua, chim mách vua biết tình hình của Hem-ra. Trong khi đó, nhờ có nùi tóc của vợ mang theo, Hem-ra gọi nàng tiên đến cứu anh lên khỏi giếng.

Truyện của người U-dơ-bếch (Ouzbeks):

Tu-gơ-lây (thành thực) cưỡi ngựa đi tìm cách sống, gặp U-gơ-lây (giả dối) bèn kết bạn. Anh không bị bạn chọc thủng mắt nhưng lại bị lấy trộm mất ngựa. Dọc đường trời tối, anh ngủ trong một cái lò bánh mì bỏ hoang mà đêm đêm các thú rừng thường tụ họp. Anh nghe một con cáo nói có một hang đá gần đây có nhiều đồ ăn thức uống quý giá. Một con gấu nói có một loại cây quý ở gần đây có thể chữa bệnh cho một công chúa. Một con chó sói nói có một đàn dê bốn vạn con, mỗi ngày nó chén hai con, nếu người chăn dê mua được một con chó to ở một chỗ nọ thì chính nó sẽ bị chó diệt. Một con hổ nói có một đàn ngựa đông, mỗi ngày nó ăn thịt một con, nếu có người nào cưỡi được con ngựa khoang trong đàn thì nó sẽ bị tóm cổ. Sáng dậy, Tu-gơ-lây tìm cây thuốc hái lá cất đi. Anh mua con chó to đưa biểu bác chăn dê. Lại đến tìm người chăn ngựa báo lấy yên cương lắp vào con ngựa khoang cho mình bắt hổ. Anh ném thòng lọng bắt được hổ giết chết. Người chăn ngựa biểu anh con ngựa khoang. Anh cưỡi đến cung vua xin chữa bệnh cho công chúa. Công chúa lành bệnh, anh từ chối chức quan chỉ xin một túp nhà bên núi có hang đá như con cáo nói, và nhờ đó được sống sung sướng.

U-gơ-lây nghe chuyện cũng tìm đến lò bánh mì nằm ngủ. Nghe các con vật kể cho nhau về nỗi thất bại của mình, vì có kẻ nào đó nghe lỏm nên giấu mất luôn cây thuốc, hổ thì bị giết chết, chó sói bị đuổi, và hang của cáo có người đến chiếm, sư tử liền ra lệnh tìm cho ra kẻ gian. Một con gà rừng chỉ cho chúng biết trong lò có người nghe trộm. Lập tức chúng chui vào xé xác U-gơ-lây.

Truyện của người Pháp:

Một người lính giải ngũ tự chọc mù mắt mình để cho một người thứ hai dắt đi ăn xin, nhưng sau đó anh thấy mình thiệt thòi vì được miếng ngon nào, người kia đều hưởng mất cả. Thấy anh kêu ca, hăn bỏ anh lại trong rừng. Đêm lại, ngồi trên cây, anh nghe câu chuyện của bốn con vật (chồn, lợn lòi, chó sói, và hoẵng) nói về một con sông có nước chữa được mù mắt, về một công chúa bị bệnh và chỉ chữa khỏi bệnh bằng nước con sông nọ, về dòng suối của một thành phố kia bị tắc vì một cây cổ thụ, v.v... Sáng dậy, anh lại đi tìm dòng sông để chữa mắt cho mình. Xong đến thành phố mách cho quan quân biết cách tìm ra dòng nước, nhờ đó được thưởng một vạn năm nghìn quan. Cuối cùng đến gặp vua, anh bày cách chữa bệnh cho công chúa, được vua cho làm phò mã. Về sau anh gặp lại bạn cũ và sự việc diễn biến y như các truyện trên: các con vật thấy câu chuyện của mình bị lộ, tức giận, nhìn thấy có người ngồi trên cây, bèn làm cây đổ, vỡ chết.

Truyện vừa kể khá phổ biến ở các dân tộc châu Âu, tình tiết có khác đôi chút theo địa phương. Có nơi còn đèo thêm một đôi điều thuyết lý về đạo đức. Ví dụ truyện của người Đức:

Một người chủ nói với tớ rằng: không phải sự thật và công bằng mà chỉ có giả dối và phản phúc ngự trị. Tớ nói trái lại. Hai bên hẹn nhau đi tìm bằng

chứng, ai nói đúng sẽ được chọc mắt đối phương. Họ gặp ba nhân vật đều chứng cho lời nói của chủ là đúng. Thế là tớ bị chọc mù mắt, bơ vơ giữa rừng. Đêm lại, tớ nghe theo những con quỷ nói chuyện với nhau về một loại cây nào đó ở gần đây chữa lành mắt. Tớ đi tìm cây tự chữa lành, rồi còn chữa lành mắt cho một công chúa và được lấy nàng làm vợ. Sau đó chủ nghe tớ kể cũng tìm đến rừng ấy, nhưng bị quỷ chọc cho mù mắt.

Truyện của người Ấn ở miền Nam:

Một hoàng tử tên là Xu-bu-đi nói với con một viên đại thần tên là Đuốc-bu-đi rằng lòng thiện sẽ thắng, còn người kia thì nói ngược lại. Một hôm hai người cùng nhau đi săn. Tức giận vì thấy hoàng tử hay chế giễu mình nên người kia bất ngờ nhảy tới móc mắt và bỏ chàng lại giữa rừng. Hoàng tử bò lê đến một cái đền, vào ẩn trong đó, rồi đóng cửa lại. Thần đền này là Kâ-li, khi trở về thấy cửa đóng, toan rửa chết người nào đóng cửa, bỗng thấy tiếng hoàng tử nói vọng ra: - "Tôi bị mù sắp chết, thần bắt tôi chết cũng được, nhưng nếu thần cứu tôi, tôi sẽ mở cửa". Thương tình, thần hứa, và sau đó chữa lành mắt cho Xu-bu-đi. Thần lại kết bạn thân với hoàng tử và mách cho biết ở một nước nọ có một công chúa bị bệnh hóa mù, ai chữa khỏi sẽ được làm vua: - "Chỉ cần lấy một ít tro của đền ta bỏ vào mắt nàng trong ba ngày, ngày thứ tư sẽ khỏi". Hoàng tử mang tro đi chữa và được lấy công chúa. Về sau, gặp Đuốc-bu-đi đi ăn xin, hoàng tử nhiều lần giúp đỡ cho hắn, nhưng lần nào hắn cũng lấy oán trả ân, cuối cùng hắn bị hại.

Truyện của người Mèo *Người anh tham lam*:

Có hai anh em bố mẹ chết để lại một đàn lợn béo. Chôn cất xong, hai anh em đưa lợn ra chợ bán. Qua một miếu thần, người anh vào quỳ hỏi: - "Lòng ngay thẳng hơn hay lòng gian ác hơn?". Thần bảo cái sau hơn. Anh bèn chọc mù hai mắt của em rồi chiếm lấy đàn lợn. Em lạc vào rừng sâu rồi trèo

lên một cây cao nằm ngủ, không ngờ dưới gốc cây vốn là chỗ thú vật hội họp. Em lắng tai nghe câu chuyện của chúng. Hồ nói: - "Tao thấy dưới sàn nhà nọ có ba hố bạc". Lợn nói: - "Tao đào củ ở một chỗ nọ thấy ba hòm tiền". Gấu cũng chỉ một kho của ở bìa rừng. Khi chỉ một quả cây vắt nước vào mắt người mù thành sáng. Chúng hỏi : - "Cây nào?" khi chỉ vào cây mà người em đang ngồi. Sau khi các loài thú vật bỏ đi, người em hái quả, nhỏ nước vào mắt, quả nhiên mắt sáng lại. Rồi anh lần lượt đi tìm các vật quý như các con vật đã kể. Khi người anh bán xong lợn về đã thấy em mình ở nhà, mắt sáng và giàu có. Nghe em kể chuyện, người anh lại đi hỏi thần miếu. Thần miếu trả lời như cũ. Anh về bảo em chọc mù mắt mình. Em không chịu. Anh tự chọc mắt rồi tìm cây nọ trèo lên. Nhưng khi đã trông thấy hẳn liền báo cho các con vật khác biết. Chúng rung cây, người anh rơi xuống bị xé xác. Thần miếu bỏ chạy [2].

Một truyện khác của người Ấn sưu tầm ở chân núi Hi-mã-lạp (Himalaya):

Một người Bà-la-môn nghèo đi ăn xin. Một hôm đi qua bốn cái làng mà không được miếng gì. Đến làng cuối cùng hẵn gõ cửa nhà một vị lão làng. Người vợ lão làng mở cửa cho ăn. Nhưng khi lão làng về, thấy vậy liền cầm giày đánh đuổi. Người Bà-la-môn chạy qua nghĩa địa thấy có lửa, ghé lại sưởi, nhân đó gặp một con ma. Con ma trước cười sau khóc. Người Bà-la-môn cũng làm như vậy. Ma hỏi lí do. Người Bà-la-môn cũng hỏi như thế. Ma đáp: - "Cười là ngồi một mình có bạn, khóc là vì chốc nữa có bốn mụ chẳng từ bốn phương lại, sẽ ăn thịt tao hoặc mày" - "Có cách gì thoát không?" - "Trèo lên cây kia".

Anh vừa trèo lên cây thì bốn mụ chẳng tới ăn thịt con ma và kể cho nhau nghe về bốn cái cốc bạc dưới một gốc cây nọ, về cách dùng mật một con chim để làm người già trẻ lại, về cách chiếm lấy chuỗi hạt của một con chuột, và về một hòn núi đá ở một nơi kia có rất nhiều vàng, v.v... Sau đó, người Bà-la-môn lần lượt đi lấy cốc bạc, lấy mật chim và chuỗi hạt của con

chuột. Nghe tin có ông vua hủi, anh tìm đến xin chữa. Bị đuổi ra, nhưng rồi cũng được vào cung, sau sáu ngày quả lành bệnh. Vua hứa sẽ cho bất kỳ cái gì anh muốn. Anh chỉ xin quyền sở hữu một hòn núi đá nọ mà thôi. Vua cho là điên, nhưng thấy trước sau người ấy chỉ xin có chừng ấy, bèn cho anh làm chủ quả núi cùng với vài đồng vàng. Nhưng vua không ngờ nhờ hòn núi, người Bà-la-môn trở thành đại phú.

Về sau, vị lão làng gõ cửa ăn xin nhà người Bà-la-môn. Người này bảo vợ xức một đĩa ngọc ra cho. Lão làng lắc đầu. Người Bà-la-môn bèn kể lại chuyện cũ cho y nghe. Lão làng bùi tai đến nghĩa địa để gặp được ma. Ma cũng bày cho trèo lên cây. Bốn mục chẳng lại đến ăn thịt ma và than thở với nhau về những điều bí mật kể cho nhau nghe lần trước bị lộ. Nhác thấy lão làng, bốn mục xông tới ăn thịt [3].

Một truyện của đồng bào Cham-pa *Run và Rai* cũng là một dị bản của các truyện trên nhưng các phần sau lại gần giống với *Tấm Cám* (số 154) và *Sự tích con khỉ* (số 12, tập I).

Người Khơ-me (Khmer) có truyện *Sóc-lành Sóc-ác* hay là *Sự tích cây cỏ may* cũng là một dị bản, nhưng đoạn cuối phát triển theo hướng khôi hài. Sóc-lành mồ côi ở với bà, nhà nghèo, người làng ai cũng thương. Sóc-ác người cùng làng nhà giàu nhưng độc ác, nên ai cũng ghét. Một hôm Sóc-ác rủ Sóc-lành đi chặt tre về sửa nhà cho bà Sóc-lành, Sóc-lành nói: -"Tôi không có dao rựa và lương ăn". Đáp: - "Ta sẽ cho mượn đồ dùng và cho ăn". Lên rừng, Sóc-lành làm được nhiều, còn Sóc-ác chỉ chơi. Khi ăn, Sóc-ác chọc hai mắt Sóc-lành rồi đập xuống suối, về nhà nói dối là đã bị hổ ăn thịt. Sóc-lành rơi xuống suối miệng luôn mồm cầu nguyện: -"Lạy đức Phật!". Một con cá sấu thấy thế thương hại đưa về cho chúa. Nghe Sóc-lành kể, chúa gắn ngọc vào hai mắt, mắt lại lành như cũ, đoạn cho một nắm cát đưa về rải lên chùa, cát hóa thành vàng bạc châu báu. Từ đấy bà cháu Sóc-lành trở nên giàu có.

Nghe kể chuyện, Sóc-ác nhờ Sóc-lành chọc mù mắt mình và đập hộ xuống suối. Nhưng dầu hăn cầu nguyện "Lạy đức Phật!" rầm rĩ cũng chẳng một ai đến cứu. Cái đầu lâu Sóc-ác tuy bị rửa hết thịt, vẫn kêu "Lạy đức Phật!" luôn mồm. Mấy cô gái con một người lái buôn nhật được đem về cho bố. Thấy thế bố liền đặt lên mâm đưa vào triều. Y đánh cược với các quan một trăm lạng vàng, nếu y sai khiến được đầu lâu nói: -"Lạy đức Phật!". Nhưng y mất số tiền cược vì đầu lâu lại không chịu nói. Tức giận, y ném đầu lâu xuống suối. Một nhà sư nhật được đem về làm lễ cầu siêu độ rồi thiêu hóa, đem tro ấy trộn sơn quét lên chiếc xe của mình. Nhưng từ đấy chiếc xe lại thỉnh thoảng văng tục vào người đi đường và đã hai lần làm cho nhà sư vất vả chạy trốn để khỏi bị họ trừng phạt. Cuối cùng chiếc xe bị đốt cháy, nhưng tro của nó biến thành cỏ may; hạt cỏ may cứ luôn luôn bám vào quần áo của người đi đường làm cho người ta khó chịu [4].

Cuối cùng là một phật thoại *Ông Thiện ông Ác* của Ấn-độ:

Một ông vua nước Ba-la-nại (Bénares) tên là Ma-la-ha-xa có hai người con: một, do chính phi sinh ra tên là Thiện, một, do thứ phi sinh ra, tên là Ác. Hai người tính nết trái ngược nhau từ thuở nhỏ. Thiện vốn thương người, một hôm đi chơi ngoài thành thấy nỗi khổ của dân chúng thì về xin vua cha mở kho để bố thí. Vua vì yêu con nên để cho Thiện tự do. Nhưng khi thấy vơi hết hai ba phần ba kho vàng, các quan khuyên vua hãm lại. Nghe nói Long vương ở biển Đông có viên ngọc ma-ni có thể cứu vớt chúng sinh. Thiện không ngại nguy hiểm, cương quyết ra đi mặc dù bố mẹ can ngăn. Vua không giữ được, đành chiêu mộ năm trăm người lính tình nguyện trong đó có Ác đi theo. Nhưng đến bờ biển, Thiện bảo họ trở về mà đi một mình. Được Long vương tặng ngọc, trên đường về Thiện lại gặp Ác. Để chiếm viên ngọc, Ác nhân khi Thiện ngủ, chọc thủng hai mắt anh rồi về một mình, nói dối với vua cha rằng anh mình đã chết.

Bị mù, Thiện lưu lạc ở nước Lợi-tu-bạt (vốn có công chúa trước hứa gả cho Thiện) làm nghề gảy đàn rong. Cuối cùng được một người gác vườn ngự cho làm nghề đuổi chim. Hàng ngày Thiện phải giật dây khi nghe có tiếng chim, nhưng anh chỉ giật khi chim đã ăn xong. Một hôm công chúa dạo vườn thấy Thiện, không biết là người hứa hôn, đâm ra mê mẩn và xin vua lấy làm chồng. Vua không ngăn được, đành phải cho hai người lấy nhau. Một hôm, công chúa đi chơi vắng, lúc về bị chồng trách. Công chúa nói mình đến thăm chị em. Chồng vẫn không tin: - "Nếu lòng tôi trung chính xin cho một mắt của anh sáng lại". Công chúa thề như thế. Một mắt của Thiện tự nhiên sáng ra. Đến lượt vợ trách chồng. Thiện nói: - "Tôi không phải ai khác mà là con vua Ba-la-nại". Vợ không tin. Chồng thề: - "Nếu tôi nói đúng thì xin một mắt kia sáng nốt". Con mắt thứ hai của Thiện trở lại sáng như xưa. Thấy rõ lành mắt, vua nhường ngôi cho.

Bấy giờ bố mẹ của Thiện thương khóc con đến mù lòa. Một hôm hoàng hậu viết thư bảo con bạch nhận - con vật nuôi của Thiện ngày trước - đi tìm. Bạch nhận quả tìm được chủ. Đọc thư, Thiện mừng quá, liền viết thư kể hết mọi việc, sai nhận đưa về. Vua cha được thư liền bắt Ác bỏ ngục và sai người đi đón vợ chồng Thiện về nước. Thiện về đến nơi xin tha tội cho Ác. Anh được vua cha nhường ngôi. Với hòn ngọc do Ác trả, anh giúp cho cha mẹ khỏi lòa và làm cho dân chúng được ấm no hạnh phúc [5].

-
- [1] Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn.
- [2] Theo *Truyện cổ dân tộc Mèo*.
- [3] Đều theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn, tập I
- [4] Theo Mác-ti-ni (Martini) và Béc-na (Bernard). *Truyện dân gian Campuchia* chưa hề in
- [5] Theo *Đuốc tuệ* (1936).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
151. BÍNH VÀ ĐÌNH

Có hai anh em một nhà họ Nguyễn: anh tên là Bính đã có vợ, còn em tên là Đình thì còn bé, chưa vợ con gì. Từ ngày bố mẹ mất, Đình sống chung với anh chị một nhà. Nhưng tính của vợ chồng Bính tham lam, thường coi em như kẻ ăn người ở. Bao nhiêu ruộng tốt, nhà gạch và đồ đạc quý giá của bố mẹ để lại, Bính giành lấy tất cả. Đã thế đối với em, vợ chồng Bính thường tiếng chì tiếng bác suốt ngày. Đình lớn lên thấy khó chiều ăn ở, bèn xin ra ở riêng. Vợ chồng Bính chia cho Đình một gian nhà tranh, mấy đám ruộng xấu, một ít đồ đạc lặt vặt không đáng kể và nói:

- Cửa bố mẹ ngày xưa để lại chả có gì. Tư cơ của anh chị hiện nay là do anh chị làm ra. Anh chị chia cho em như vậy là hậu với em lắm đó!

Đình làm việc quần quật mà chẳng khá hơn chút nào. Năm hơn 20 tuổi, anh vẫn chưa lấy được vợ. Vì nợ nần nên lần lượt những đám ruộng anh được chia đều lọt về tay người khác. Đình hàng ngày phải đi làm thuê hoặc lên rừng kiếm củi nuôi thân. Mặc dầu người anh ruột chẳng ngó ngang gì đến, Đình vẫn không chút phàn nàn.

Một ngày như lệ thường, Đình đi làm thuê cho một phú ông. Lúc về đến nhà thì trời đã tối mịt. Sắp bước vào ngõ, anh bỗng va phải một người nằm co bên vệ đường. Đình cúi xuống đỡ dậy nhưng người ấy mấy lần gắng gượng mà vẫn không đứng nổi. Bèn kiểm đuốc ra soi thì thấy đó là một ông lão gầy gò rách rưới, nằm mê man lại phóng uế ra bên cạnh, mùi hôi thối xông lên nồng nặc. Đình lấy làm thương hại, vội vục ông lão vào nhà lau rửa rồi đặt lên giường xoa bóp. Được một lát hơi tỉnh, ông lão rên rĩ nói mình ở làng bên cạnh, ngày thường vẫn đi ăn mày, nhân đến đây bị cảm không thể đi được, đành nằm vật xuống rồi mê man không biết gì nữa. Đình nghe nói thế, bèn đi kiếm lá nấu lên cho ông lão xông. Nhờ vậy mà ông dần dần khỏe ra. Đình lại thối cơm mời ông dậy ăn. Ông lão không từ chối. Đình ngạc nhiên thấy ông tuy yếu mà ăn rất khỏe, anh phải bớt bát

nhường cho khách. Ăn xong ông lão lại đắp chiếu nằm ngủ. Tiếng ngáy, tiếng khạc của ông làm râm suốt đêm. Độ ba bốn lần Đình đang ngủ ngon giấc, bị ông lão đánh thức dậy bảo đưa mình đi giải. Đình vẫn không cho thế là phiền.

Sáng hôm sau, Đình lại dậy sớm thổi cơm rồi thức ông lão dậy ăn. Nhưng lần này ông lão không ăn nữa, cất tiếng đồng dục bảo Đình:

- Con thật là một người tốt bụng. Chả lẽ một người tốt bụng mà phải chịu nghèo khó mãi ru! Từ tối hôm qua con đã hết lòng giúp ta. Vậy ta cũng có ít nhiều gọi là giúp lại con. Con hãy mang ra đây cho ta một cái chậu và một cái gáo.

Vâng theo lời ông lão, Đình mang chậu và gáo đến. Anh không ngờ ông lão sau khi hứng chậu sát vào mặt, tay cầm cán gáo bất thành lình đánh vào mũi mình mấy cái thật mạnh. Đình ngỡ ngác tưởng ông lão điên, vội giành lấy gáo. Nhưng ông khách, tuy già mà rất khỏe, xô Đình ra rồi cứ đập mạnh vào mũi mình. Tự nhiên máu ở mũi ông tuôn ra như xối, được một lát thì đầy chậu. Đình đang sững sốt vì hành động kỳ lạ, chợt nhìn kỹ vào chậu thì lạ thay, máu đã đông lại thành một chậu vàng. Anh chưa biết nói thế nào thì thoáng một cái ông lão đã biến đi đâu mất.

Từ đấy Đình trở nên giàu có: anh tậu vườn, làm nhà ngói tường dấp, sắm mọi thứ đồ đạc quý giá, lại cưới được một cô vợ đẹp. Vợ chồng Bính nghe tin Đình tự nhiên khấm khá hẳn lên thì rất đổi ngạc nhiên. Hai người tìm đến nhà em làm bộ vồn vã thăm hỏi. Trong câu chuyện, Bính cố dò la để hỏi cho ra cơ cớ vì đâu mà một đứa trẻ như Đình với mấy đám ruộng còi lại tự nhiên giàu bốc lên đột ngột như vậy. Đình không giấu giếm tí nào cả. Anh kể tỉ mỉ nào là gặp tiên ông giả làm ông lão bị cảm như thế nào, anh chăm sóc ông như thế nào, và ông tiên đã đập mũi cho máu chảy thành vàng để trả ơn ra sao. Hai vợ chồng Bính nghe xong còn hỏi kỹ mặt mũi hình dáng ông tiên và tỏ vẻ ao ước được gặp ông để có may mắn như Đình vừa kể.

Ít lâu sau, một hôm Bính đi chơi về đến cổng làng gặp một ông lão râu tóc bạc, quần nâu áo vá đang chống gậy lần từng bước. Bính nhìn đi ngẫm lại nét mặt ông lão, thấy hao hao giống với ông tiên mà em mình kể chuyện lần trước. Lập tức, hấn tiến đến khẩn khoản mời ông về chơi nhà mình. Ông lão lấy làm ngần ngại, ngỏ lời từ chối, nói mình còn bận. Nhưng Bính đã miệng mời tay kéo, cố nèo ông về cho được. Đến nhà, hấn đưa ông ngồi lên sập, rồi giục vợ mua rượu làm gà, dọn cỗ linh đình mời ông xơi. Thấy ông lão một mực từ chối, hai vợ chồng lại càng mời già; họ thay nhau hầu hạ rất kính cẩn, lại ép ông phải ăn uống thật no say, và nói:

- Xin tiên ông cứ thật tình cho, chúng tôi chỉ trông nhờ vào cái mũi của tiên ông mà thôi!

Ông lão tỏ ý không hiểu câu chuyện ra sao cả, mấy lần lắc đầu từ chối nói:

- Có lẽ anh chị nhầm lẫn, lão đây có phải là tiên ông đâu!

Đoạn cầm lấy cây gậy toan bước ra cửa. Nhưng hai vợ chồng nào có nghe, họ cố giữ lại, ép ông lão ăn xong, lại trải chiếu quạt màn mời ông lão ngủ. Khi ông lão vừa đặt lưng xuống thì hai vợ chồng đã sắp sẵn một cái chậu lớn đặt ở dưới sập.

Sáng hôm sau, ông lão ngủ dậy sớm, định cáo từ ra về. Nhưng ông làm sao mà thoát được. Hai vợ chồng Bính đã lôi cái chậu ở dưới sập ra hứng sát vào mặt ông lão, tay cầm một cái dùi đục đưa cho ông. Ông lão ngỡ ngác không biết để làm gì, từ chối không cầm. Mấy lần Bính toan gõ vào mũi ông, ông lão sợ hãi run lập cập lấy tay che mũi. Bính nói:

- Thôi, xin tiên ông đừng thử nữa. Tôi xin ngài đầy chậu này mà thôi.

Nói xong, hấn bảo vợ giữ nghiêng lấy tay ông lão, còn mình thì cầm dùi đục giương thẳng cánh đập vào mũi cụ già. Chỉ một giáng, máu mũi ông tuôn ra như xối. Bính mừng khấp khởi, nói với vợ:

- Quả y như lời chú nó thật. Chúng ta sắp sửa đầy chậu vàng!

Thấy máu ngừng chảy, hấn lại bồi thêm cho ông mấy cái nữa, làm ông ngã lăn ra, nhìn lại thì thấy ông bị gãy luôn một lúc mấy cái răng, máu tuôn lênh láng. Đau quá, nhưng ông lão cũng cố giẫy giụa rón sức kêu xồm kêu

làng.

Nghe tiếng kêu cứu, dân xóm đổ tới rất đông. Hỏi hai vợ chồng Bính tại sao tư nhiên vô cớ đón ông lão về đánh ông gãy răng như vậy, thì chúng không biết làm sao mà trả lời. Hỏi ông lão thì ông thều thào nói không ra hơi, chỉ cho biết mình là nghề bán tương ở làng bên cạnh. Người ta vội mách cho con cái ông lão biết. Đứa con ông lão này lòng giận bưng bưng sôi lên, vội ba chân bốn cẳng chạy đến nhà Bính. Khi thấy bố mình nằm giữa vũng máu thì hăn liền gô cổ hai vợ chồng Bính xuống nện cho một trận nên thân. Đoạn vồng bố về phát đơn kiện lên quan.

Thế là vợ chồng Bính không những mất một số tiền khá lớn để chạy chữa cho ông già, mà còn mất bao nhiêu là tiền để đám mỗm bọn quan nha hào lý. Mặc dầu thế, quan vẫn khép Bính vào điều luật "độc đả cao niên", bắt hăn nộp đánh ba mươi trượng .

KHẢO DỊ

Trong sách Pan-cha-tan-tơ-ra (Panchatantra) có truyện tương tự:

Một người lái buôn rơi vào cảnh nghèo túng và định đổi nghề làm thầy tu. Một đêm nằm chiêm bao thấy một vị thần là Pat-ma-ni-di, hiện thân của chín kho vàng ở Ku-ve-ra, hứa giúp cho hăn trở nên giàu có. Theo lời dặn thì ngày mai thần sẽ đến nhà dưới hình thức một thầy tu ăn xin. Người lái buôn chỉ có việc đánh một gậy vào đầu thầy tu ấy để nó biến thành vàng. Việc xảy ra như trong giấc mộng, người lái buôn trở nên giàu có lên. Nhưng một phó cạo nhìn trộm thấy được, bèn bắt chước người lái buôn, mời các thầy tu đến nhà và khi họ đã vào rồi, hăn cầm gậy phang vào đầu họ. Kết quả hăn bị những người lính tuần phòng xông vào tóm cổ giải đi. Các truyện trên có lẽ bắt nguồn từ truyện Vua nước Ba-la-nại (Bénarès) nghe tiếng gọi ở bãi tha ma trong Tạng bảo tàng kinh (được dịch ra chữ Hán từ năm 472):

Xưa ở Ba-la-nại có một ông vua tên là Bơ-ra-ma-ya-xa, đêm nào cũng nghe ở bãi tha ma có tiếng gọi: "Ôi vua! Ôi vua!" đến ba lần. Vua kể lại cho các

thầy Bà-la-môn, các nhà chiêm tinh, thầy bói để hỏi ý kiến. Họ đáp: "Nên cho một người nào can đảm ra đấy xem sao". Vua treo giải năm trăm đồng vàng cho người nào dám ra chỗ ấy. Có một chàng mồ côi nghèo khổ nhận đi. Khi nghe tiếng gọi, hần hỏi, thì có tiếng đáp: "Ta là kho vàng chôn cất ở vùng Tai-sò. Đêm nào ta cũng gọi vua để đưa vàng đến cho vua mà vua không hề trả lời. Nay anh đáp lời thì ta cho riêng anh. Ngày mai ta cùng bảy người nữa đến nhà đấy". "Tôi phải làm gì để đón tiếp đây?". "Quét dọn nhà cho sạch, cắm hoa và trang hoàng. Dọn ăn cho bảy nhà sư và ta. Khi cho uống thì anh cầm gậy lần lượt đánh vào đầu mỗi người, và chỉ cho họ đi vào nơi mà anh chuẩn bị chứa của". Chàng ta trở về kiểm điều nói dối vua. Với năm trăm đồng vàng tiền thưởng anh về lo liệu mọi thứ, lại có một phó cạo đến cạo mặt cho mình. Quả nhiên khách y hẹn đến, anh lần lượt giáng gậy vào đầu mỗi người và bỗng dưng họ biến thành những vại tiền vàng. Phó cạo nhìn trộm qua khe cửa thấy thế, cũng bắt chước mời tám thầy tu đến nhà mình và cũng nện cho mỗi người một gậy y như chàng mồ côi đã làm. Nhưng mấy thầy tu bị đánh nằm lăn lóc trong vũng máu, trừ một người thoát được kêu cứu ầm ĩ. Vua sai bắt phó cạo giải đến. Hăn kể cho vua nghe đầu đuôi. Vua sai người đến khám nhà chàng mồ côi, nhưng khi họ toan chiếm kho vàng thì vàng đã biến thành những con rắn độc, miệng phun ra lửa. Vua phán: "Của ấy thật là sở hữu của nó!" .

Một số truyện dưới đây có chủ đề "giàu sang có số" với hình tượng vàng biến thành rắn, khi nó vào tay kẻ không xứng đáng được hưởng. Ví dụ:

Truyện Việt Nam do người miền Nam kể: Cô hồn đèn ơ.

Một ông bá hộ chăm cúng cô hồn vào ngày rằm tháng bảy. Một người hàng dầu đầu đêm ngủ ở bãi tha ma nghe ma nói chuyện với nhau rằng: "Ông ấy có lòng tốt nhưng cúng không tinh khiết vì lá chuối vấy máu". Hăn kể lại cho ông bá hộ nghe. Ông này biện một lễ cúng khác. Đêm lại, người hàng dầu lại nghe ma nói với nhau: "Lễ cúng lần này vẫn ô uế vì nấu phải củi chuồng lợn". Nghe người hàng dầu mách, bá hộ vẫn không nản, bèn nhờ nhà chùa biện lễ cúng lần thứ ba. Hôm sau, người hàng dầu nghe chúng nói: "Một trăm ngày nữa sẽ đèn ơ". Vì tham lam, hăn không thông báo tin này cho bá hộ. Đúng ngày, hăn rình ở cửa nhà bá hộ quả thấy có ma khiêng

ba cái chum đến đặt trước sân. Mở ra hẵn thấy vàng bạc nhưng khi thò tay vào thì lại là răn. Hẳn sợ rút tay lại, thì răn lại hóa ra vàng bạc như cũ. Hẳn bèn gõ cửa làm bộ báo tin cho bá hộ để lấy công. Bá hộ đền ơn bằng cách biếu hai thoi vàng, hai thoi bạc. Hẳn ra chợ uống rượu say bị người ta lấy cắp, cuối cùng về tay không .

Truyện do người miền Bắc kể Hũ vàng hũ răn:

Một người nọ đi cày đào được một cái hũ, mở ra thấy có vàng. Anh để lại chỗ cũ. Về kể lại với vợ, vợ bảo: "Anh ngốc thế! Sao không mang về?". "Nếu là của trời cho thì trời phải đưa đến nhà chứ". "Nếu có ai biết họ lấy mất thì sao?". "Không ai lấy được cả. Mà nếu ai lấy được, tức là trời không cho ta". Lúc ấy có một tên trộm đang rình ở sau nhà, nghe nói vậy bèn ra đồng mang hũ vàng về nhà. Không ngờ khi mở ra xem thì là một hũ lúc nhúc những răn. Cho là vì người nọ nói láo làm cho mình mắc hợm, hẳn bèn mang hũ đến vứt vào nhà người kia, định bụng để răn cắn cả nhà cho bỏ ghét. Sáng dậy, người kia mở cửa thấy cái hũ, mở ra xem thì là một hũ vàng. Hẳn bảo vợ: "Tao nói có sai đâu. Của trời cho thì trời phải mang đến tận nhà!" .

Giống truyện của ta, người Tày kể như sau:

Một ông già đào được một hũ bạc thoi. Ông ta đập lại như cũ rồi về, đêm lại, kể cho vợ biết. Vợ hỏi vì sao không lấy về, thì ông đáp: "Đây mới là đất cho. Đất cho nhưng trời chưa cho, thì chưa lấy". Cũng có hai tên trộm đang rình sau nhà, nghe được câu chuyện của hai vợ chồng. Chúng cũng vội lên ra chiếm lấy hũ bạc, nhưng khi thò tay vào khoảng thì thấy một hũ đầy răn. Giận ông già bịa chuyện lừa, chúng bèn khiêng hũ đến nhà trèo lên mái vạch tranh ra rồi dốc hũ xuống định cho răn bò vào giường cắn cho bỏ ghét. Nhưng không ngờ khi răn rơi xuống đều hóa thành bạc thoi. Ông già tỉnh dậy bảo vợ: "Đây, bây giờ trời mới cho chúng ta đấy!".

Hai tên trộm thấy vậy chỉ còn biết vào lạy lục xin hai ông bà già cho họ một ít .

Người Miến-điện (Myanmar) thì lại kể như sau:

Có hai vợ chồng người kiếm củi cầu khẩn mong được của. Thần cây me báo mộng cho cả hai: Đi quá ba bước từ cây me đầu làng về phía Đông sẽ

được hũ vàng. Hai vợ chồng tỉnh dậy kể cho nhau biết giấc mộng, nhưng cả hai đều cho rằng mộng mị vô chừng không đào làm gì mất công. Một tên ăn trộm nghe nói, ra cây me đào lên quả thấy một hũ, nhưng lại là hũ rỗng. Cho là vợ chồng người kiếm củi lừa mình, hăm bèn vác hũ đến bỏ trước nhà. Cũng như các truyện trên, sáng dậy hai vợ chồng thấy trong hũ không phải rỗng mà là vàng .

Về hình tượng rắn hóa ra vàng, xem lại truyện Hai chị em ở Khảo dị truyện số 12, tập I. Một truyện khác Rắn hóa vàng kết hợp giữa truyện Hai chị em với truyện Hũ vàng hũ rỗng, nhưng hình tượng phần nào có chịu ảnh hưởng của truyện đồng bào Tày:

Một người em bị anh chiếm đoạt hết tài sản của bố để lại, nên phần của mình không còn gì. Đói khổ quá, một hôm em ra đồng xúc tép, nhưng xúc mấy lần cũng chỉ được một con rắn liu điu, bèn đem về bỏ vào vại đầy lại. Sáng ra thì thấy rắn đã hóa vàng. Từ đấy trở nên giàu có.

Biết chuyện, vợ chồng người anh cũng đi xúc rắn về bỏ vào trong vại. Nhưng khi mở ra xem thì rắn vẫn là rắn, không thấy có vàng. Cho là em bắt được vàng nhưng lại phao tin láo để lừa họ, họ bèn mang đến dỡ mái tranh đổ rắn xuống chỗ hai vợ chồng người em nằm cho bõ tức. Nhưng khi em dậy chẳng thấy rắn đâu mà lại thấy vàng nên càng giàu thêm. Người anh lại thêm tức, bèn tìm cách ăn trộm vàng của em về giấu trong một hầm kín. Nhưng vàng của em không vì vậy mà suy suyền. Trái lại vàng của anh đưa về thì lại hóa thành rắn chui rúc khắp nơi làm vợ chồng hết sức lo buồn, rồi chết .

Người Hà-tĩnh có một truyện nói đến một bà tiên đi thử người trần. Gặp bà lần đầu là một người nghèo nhưng tốt bụng, anh ta thấy một người ăn mày nghèo khổ không biết là tiên, đón về cho ăn, ngủ. Đến nửa đêm thấy người ấy kêu đau bụng, anh lại đưa chậu cho mà đi ngoài. Sáng dậy thì bà đã biến mất mà trong chậu đầy vàng. Một tên nhà giàu nghe được tin ấy cũng đi đón bà tiên ăn mày về nhà, đãi rất hậu, và cũng đưa chậu cho bà đi ngoài. Nhưng sáng dậy chỉ thấy một chậu rắn rết .

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
152. HÀ RẦM HÀ RẠC

Ngày xưa, một nhà nọ có hai anh em cha mẹ mất sớm để lại một tư cơ cũng vào hạng khá trong vùng. Từ trước hai người vẫn ở chung với nhau. Ít lâu sau người anh lấy vợ. Anh bảo em:

- Bây giờ đã đến lúc phải chia gia tài ra để cho mày học ăn học làm với người ta.

Đến ngày chia của, anh chìa một tờ giấy, bảo em:

- Của cải của cha mẹ để lại chỉ có ba giống: Giống đực, giống cái và giống con. Mày bé bỏng nên tao nhường cho mày tất cả những đồ đạc giống đực, còn giống cái và giống con thì phần tao. Nghe chưa, nếu mày bằng lòng thì ký vào đây!

Em ngây thơ tưởng là anh thương thật nên không nghi ngờ gì cả, ký ngay vào giấy. Cuộc chia của bắt đầu. Nhưng đồ vật nào mà chẳng là "cái" hay "con". Người anh đếm mãi: "Cái nhà này: của tao, con trâu này: của tao, cái chum này: của tao, cái cày, cái bừa này: của tao...". Suốt từ sáng đến chiều những của chìm của nổi chia đã sắp với mà vẫn chưa có một vật nào thuộc giống đực cả. Mãi đến lúc trời đã tối, người em tức mình mới chụp lấy một cây dao rựa dựng ở bờ hè mà nói rằng:

- Đây là "đực rựa" [1]_thuộc về phần tôi!

Nói xong, vác rựa lúi lúi đi ra giữa lúc người anh cười ha hả vì thấy mưu kế của mình đã đạt.

Từ đấy, người em ngày ngày vác rựa vào rừng chặt củi làm kế sinh nhai. Vì không có nhà ở nên anh ta phải ăn nhờ ở đậu hết nhà người bà con này qua nhà người quen khác. Có hôm phải nằm đình nằm chùa, ngủ cầu ngủ quán như kẻ cầu bơ cầu bất. Nhưng anh vẫn chăm chỉ làm ăn để khỏi phải cái nhục ngửa tay ăn xin.

Một hôm trăng non vừa mọc, anh đang ngủ say tỉnh dậy tưởng trời đã sáng, bèn vớ lấy rựa đi miết lên rừng. Đến cửa rừng mới hay là mình nhầm: trời vẫn còn khuya. Bèn nằm duỗi chân dưới một gốc cây cổ thụ đợi sáng, nhưng bỗng dưng ngủ quên lúc nào không hay. Anh chàng không ngờ rằng nơi đây là chốn chơi đùa của một bầy khỉ. Hôm ấy chúng cũng kéo nhau đến đấy, nhưng khi thấy dưới gốc cây có một người lạ nằm thẳng đuốn thì đồ là một thầy người; chúng bèn xúm nhau khiêng đi chôn để lấy chỗ nhảy nhót. Đang đi, anh chàng bỗng tỉnh giấc, toan la lên, nhưng thấy chuyện hay hay, nên cứ nằm im để xem bọn khỉ khiêng mình đi đến đâu. Hồi lâu, anh nghe bầy khỉ dừng lại nói với nhau:

- Hà rằm hà rạc, chôn vào hố bạc, không chôn hố vàng!

Nhưng trong bầy khỉ có một con khỉ đột đứng đầu, bảo chúng:

- Hà rằm hà rạc, chôn vào hố vàng, không chôn hố bạc!

Thế là bầy khỉ lại tiếp tục khiêng anh tới một chỗ khác xa hơn. Đến nơi, chúng đặt anh xuống rồi kéo nhau trở về gốc cổ thụ. Anh chàng nhìn thấy xung quanh mình có những cục vàng sáng chói thì mừng lắm, bèn chờ cho chúng đi khuất mới đứng dậy nhặt đầy túi mang về. Từ khi trở nên giàu có lớn, anh chàng hết làm nhà cửa lại tậu ruộng vườn, nuôi trâu bò, cuộc đời muôn phần tươi hơn trước.

Câu chuyện về người tiều phu lên núi bắt được vàng từ đó lan đi khắp nơi. Người anh nghe nói nửa tin nửa ngờ. Một hôm vào ngày giỗ cha, hắn thấy em mình tìm đến mời về nhà ăn giỗ. Hắn vội vã nhận lời. Bước vào nhà em, người anh không giấu được kinh ngạc.

- Từ dạo ấy đến giờ chú mày làm thế nào mà phát tài dữ vậy?

Em vui vẻ kể tỉ mỉ cho anh nghe câu chuyện lên rừng gặp khi, và từ hố bạc tình cờ được chúng chuyển sang hố vàng. Nghe đoạn, người anh mượn ngay cây rựa, và cũng chờ một đêm trăng non, một mình vác rựa lên cửa rừng. Hắn ta cũng giả vờ duỗi chân nằm dưới gốc cây cổ thụ nọ. Lát sau quả có một bầy khỉ đến nhảy nhót xung quanh gốc cây, và khi thấy có người lạ nằm choán chỗ chúng vui đùa, chúng cũng xúm lại khiêng đi chôn, vì chúng tưởng rằng đó là một cái thây người chết. Nhưng đến lúc nghe bầy khỉ nói: -"Hà rầm hà rạc, chôn vào hố bạc không chôn hố vàng!" thì hắn vội ngẩng đầu cãi lại:

- Chôn vào hố vàng chứ! Chôn vào hố vàng chứ!

Bầy khỉ không ngờ cái thây người vẫn còn sống, cuống cuồng quăng hắn xuống rồi bỏ chạy. Hắn bị lăn xuống sườn núi, đầu va vào đá, vỡ sọ chết [2]

.

KHẢO DỊ

Người Quảng Bình có truyện *Đực rửa* cũng giống như truyện trên nhưng không có đoạn cuối:

Nhà nọ có hai vợ chồng một nhà hái củi xích mích sinh ra cãi nhau không ai chịu ai. Một hôm chồng bảo: "Đã không nghe nhau nữa, thì chúng ta nên ly dị, có cái gì trong nhà chia ra cho hết, rồi mỗi người đi mỗi ngả". Cũng như truyện trên, người vợ tinh ranh giao ước rằng mình sẽ lấy những vật gì gọi là cấy (cấy: cái, tiếng miền Trung) còn vật gì gọi là đực thì phần chồng. Thành thử thúng mủng, nồi niêu, bát đĩa, mọi cái đều về tay vợ. Của trong nhà sắp với mà chồng thì chưa được chia cái gì. Tức mình, anh chàng thấy cái rửa đựng ở góc nhà, vội chụp lấy nói: "Đây không phải là "cấy" mà là "đực", của tao". Không mấy ai gọi rửa là đực, nhưng vì là đồ dùng thiết thân nên anh chàng phải nói thế vì sợ vợ chiếm mất. Từ đấy, người ta cho rằng người đàn ông đi đâu cũng luôn luôn mang rửa bên mình, là do truyện này mà ra [3].

Đồng bào Vân-kiều có truyện *Vì sao có tục treo cua đầu nường* cũng là một dị bản của truyện *Hà rằm hà rạc*, nhưng không có đoạn đầu:

Có hai anh em Tong và Tênh trồng bắp ở rẫy thường bị phá hoại. Một hôm Tong nghĩ kế bắt cua giã nhỏ bỏ vào ống nứa đem treo khắp nường, định bụng làm cho khỉ sợ ùi tanh mà tránh xa. Đoạn anh lên chòi nằm. Bầy khỉ đến thấy mùi tanh cho là có người chết, leo lên chòi thấy có người nằm, tưởng là xác chết, bèn gọi nhau khiêng đi. Tong cứ nằm im để xem bầy khỉ làm gì, thì thấy chúng soạn sửa đám ma cho mình linh đình: bắt chước người, chúng cũng mang về những đồ quý như thanh la, nồi đồng... định chôn theo. Nhưng Tong đã bất thành linh nhốm dậy, bầy khỉ hoảng hốt bỏ chạy, anh nhặt của quý mang về.

Tên nghe kể đòi đi thay. Tên cũng làm như anh và cũng bị bày khi không đi chôn, nhưng chúng sợ người chết sống lại như lần trước, nên ném Tên xuống vực sâu chết. Từ đấy khi cũng kệt không dám đến những nường rẫy có treo cua. Vì thế người ta treo cua ở nường rẫy để cho chúng khỏi phá [4].

Truyện của người Cham-pa gần như là một dạng với truyện của chúng ta:

Một người trồng được rẫy bắp, sắp thu hoạch, anh làm chòi canh rồi tối đến, mang chiếu cuộn tròn nằm ngủ. Hôm ấy lũ khỉ (kra-thon) đến ăn, thấy anh ngủ tưởng là xác chết bèn bàn nhau chôn trước khi ăn. Một con hỏi: - "Nên chôn ở núi sắt, núi vàng hay núi bạc?" - "Núi vàng", cả lũ đáp rồi chúng không anh đến đó đào lỗ quăng vào, đoạn bỏ đi ăn, định bụng sẽ trở lại lấp đất. Anh tỉnh dậy lấy được một ôm vàng, rồi lại cuộn chiếu giả ngủ. Lũ khỉ ăn no quay lại, lại bỏ ý định trước, không trả anh về chòi.

Người anh cả thấy em làm nhà tậu ruộng bèn hỏi lý do. Hẳn cũng đến nằm ở chòi. Nhưng khi lũ khỉ hỏi nhau chôn ở đâu, nhiều con trả lời chọn đâu cũng được. Anh ta kêu: - "Đưa tôi đến núi vàng mới phải". Lũ khỉ sợ, quăng anh, anh bị gãy lưng chết [5].

Người Nùng có chuyện *Chàng trồng bí*:

Có hai anh em mồ côi. Sau đó người anh lấy vợ. Một hôm chị dâu vu vạ rằng em định làm nhục mình. Nghe vậy, người anh bèn tống cổ em đi. Em lên núi phá hoang định trồng bí, bèn về xin anh một ít hạt giống. Chị dâu không cho, em nhặt được hai hạt bí rơi về tria. Không ngờ mọc lên hai cây bí tốt lạ lùng, quả ngon và thơm, người ta tranh nhau mua. Đêm đến, em lên rẫy canh. Trong lúc đang ngủ có một đàn khỉ kéo nhau đến. Chúng bảo:

- "Ông chủ nương bí chết, nên khiêng vào hang vàng để đèn ơ". Nhờ vậy, em lấy được vàng về.

Thấy em giàu có, người anh đòi để mình đi rầy thay. Chị dâu nấu cơm cho chồng ăn thật no để có sức gánh về nhiều vàng. Nửa đường vì ăn quá no, người anh tuôn ra một tràng rắm. Đàn khỉ bảo nhau: "Ông chủ chết thối rồi, quăng đi thôi!". Người anh nói: - "Ấy phải đưa ta đến hang vàng chứ!". Chúng sợ quá quăng anh xuống dốc, chết [6].

Truyện của người Mèo cũng có hai anh em mồ côi và một chị dâu xúi bẩy chồng đuổi em. Em cũng nhặt được hai hạt giống rơi - nhưng ở đây là lúa mạch - sau khi xin anh chị không được. Hai hạt tự nhiên mọc đầy đám nương. Em làm chòi canh. Khi đến ăn, em đuổi. Ở đây truyện lại phần nào giống với truyện *Cây khế* (xem **Khảo dị** truyện số 58, tập II), khi bảo anh: - "Ăn một bông lúa trả một cục vàng". Ăn no, chúng bảo anh giả chết để chúng khiêng đi, ai hỏi cũng không nói, ai gọi cũng không thưa, đưa đến một nơi lấy vàng. Anh bèn để chúng khiêng. Dọc đường nghe có tiếng trao đổi: - "Đứa này chết à? Chôn nó ở núi vàng hay núi bạc?". "Xác nó thơm chôn núi vàng". Đến một cái hang, chúng đặt anh xuống bảo: "Vàng đấy, lấy đi".

Thấy em trở nên giàu có, người anh đổi tài sản của mình để lấy nương lúa mạch. Khi cũng đến ăn và hứa như trên. Cũng như truyện của người Nùng, khi ra đi hẳn nghe lời vợ cố ăn thật no để có sức mang vàng, nên khi đàn khỉ hỏi nhau, hẳn đau bụng không nén được cái rắm. Chúng nó bảo: - "Thằng này bụng trương sắp vỡ, thối quá!". Bèn quăng xuống vực [7].

Đồng bào Ca-tu có hai truyện:

1. Có hai anh em A-lan và A-ly mồ côi từ nhỏ. Khi A-lan lấy vợ thì giành

lấy hết tài sản, chỉ cho em một đòn xóc và một cái rựa. Em đi đốn củi ngủ ở gốc cây đa ven rừng. Một hôm nằm chiêm bao thấy mình trèo lên bó củi, tự nhiên bó củi chạy thẳng xuống chợ. Tỉnh dậy anh làm thử, quả đúng. Từ đấy anh được nhiều tiền. Một hôm bị bọn cướp đón lấy hết tiền và đánh đau, anh cố lê về gốc đa. Nửa đường không đi nổi, nằm lại gốc sung, có đàn khi tới ăn sung tưởng là người chết, bèn bảo nhau: "Hò rì hò rạc, chôn vào hầm bạc, đừng chôn hầm vàng!" - "Hầm bạc gần gốc sung sợ bay mùi thối, thôi chôn hầm vàng!". Đến hầm vàng chúng đặt anh xuống, đi hái sung. Anh cởi khố bọc mang về, trở nên giàu có. A-ly mời anh tới chơi, anh bảo phải có "gấm lót đàn, vàng lót ngõ" mới đến. A-ly cũng chiều làm theo. Mời anh ăn xong còn tặng vàng mang về.

A-Lan biết chuyện của em, bèn quần nhiều khổ đến gốc sung nằm giả chết. Nghe đàn khi hát: - "Hò rì hò rạc, chôn vào hầm bạc đừng chôn hầm vàng", hăn vùng la lên: - "Hãy chôn vào hầm vàng!". Chúng sợ ném hăn xuống ghềnh chết nhăn răng.

2. Có hai anh em A-rinh và A-tang. Anh thì tham và lười còn em vốn chăm chỉ. Một hôm A-tang đi đến một làng khi giàu có. Vốn biết ăn thức ăn của khi thì nổ ruột chết, nên anh đề phòng. Anh giả tảng ăn uống no say, tối lại cho nổ ống tre giả vỡ chết, lại buộc ruột lợn giả làm nổ ruột. Khi đưa đến nơi làm phép cho sống, có bà già vú dài cho bú. A-tang vẫn nằm im. Chúng nó khiêng để lên ngọn cây, hát, lại đưa xuống thuyền xung quanh chắt áo quần, chiêm ché, gạo bắp, lợn gà... Thuyền trôi qua chín khe mười suối, cuối cùng về đến nhà trở nên sung sướng.

A-rinh cũng lần mò đến làng khi giả vỡ chết. Bà vú dài cho bú nhưng vì sữa hôi, hăn phun phì phì. Đàn khi móc ruột hăn kéo ra hai sải. Đau quá, hăn vắt ruột lên vai cắm đầu chạy. Khi về đến nhà, hăn bỏ ruột vào chảo mong co lại. Mùi khét xông lên, hăn ngã vào chảo chết hóa thành con "đơ-reng hanh" có miếng da đen trên lưng [8]. (16)

Truyện của người Tày *Hố vàng hố bạc*, có đoạn mở đầu hơi khác:

Một anh chàng nghèo đi câu cá. Một lũ khỉ đến hỏi: - "Câu bằng mồi gì?". "Ruột khỉ". Nghe nói thế, lũ khỉ sợ hãi bỏ chạy. Chốc sau chúng lại đến hỏi, anh vẫn trả lời như cũ. Cho là người này giết khỉ thật, lũ khỉ bẻ cây đánh anh. Anh đau nằm vật xuống giả chết. Lũ khỉ bảo nhau: - "Chôn đâu bây giờ? Hố vàng hố bạc hay hố hủi?" - "Hố bạc". Nhờ vậy anh chàng trở nên giàu có. Một người khác nghe tin cũng đi câu cá, gặp lũ khỉ và sự việc cũng diễn ra như trên. Đến khi nghe chúng hỏi nhau chôn ở đâu, một con đáp: - "Hố hủi", hăn nhóm dậy nói: - "Không, hố vàng kia" - "À, ra hăn còn sống". Chúng nói thế rồi quăng hăn xuống ghềnh [9].

[1]_Tiếng “đực” không dùng làm quán từ như “cái” và “con”. Từ Nghệ - Tĩnh trở vào cũng có nơi có lúc dùng để chỉ vật gì to khỏe, bậm bạp, ví dụ: một đực bò, một đực rận, một đực rửa, v.v...

[2]_Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn.

[3]_Theo Ca-đi-e (Cadière), *BEFFO* (1904).

[4]_Theo Truyện cổ dân gian các dân tộc Việt Nam, tập III, đã dẫn.

[5]_Theo Lăng-đờ, *Truyện cổ tích Champa*.

[6]_Theo Hoàng Quyết, đã dẫn.

[7]_Theo *Truyện cổ dân tộc Mèo*, đã dẫn.

[8]_Theo *Truyện cổ Ca-tu*.

[9]_Theo Đơ-jơ-jơ (Degeorge), đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
153. ÔNG GIÀ HỌ LÊ

Ngày xưa có một ông già góa vợ họ Lê. Nhà ông tiền kho bạc đụn không sao tiêu hết. Nhưng ông lại không có con trai, chỉ sinh độc một mụn con gái, lớn lên, gả cho một anh chàng con nhà gia thế trong vùng. Chàng rể của ông người họ Bùi. Hễ lấy con gái ông là cốt nhìn vào gia tài kếch sù của ông. Về phía ông già họ Lê cũng bụng bảo dạ: - "Ta nay tuổi đã ngoài sáu mươi khó có thể có con được nữa chưa nói là con trai. Vậy thì con nào cũng là con thôi!". Từ đó ông có ý định cho con gái mình ăn thừa tự. Khi đứa cháu ngoại của ông sinh ra, ý đó lại thêm quyết.

Một hôm ông sang nhà con rể chơi. Đứa cháu của ông lúc này đã lên ba tuổi. Giữa lúc hai ông thông gia đang chuyện trò với nhau ở ngoài vườn thì đứa bé đã được mẹ nó bảo ra mời ông vào ăn cơm. Nó bập bẹ: "Mời ông vào ăn cơm". Ông già họ Lê hỏi đùa nó: - "Cháu mời ông nào?". Đứa bé chỉ vào ông nội của nó là người mà nó quen thuộc. Ông già họ Bùi hỏi lại: - "Cháu mời ông nào nữa?". Đứa bé trả lời: - "Không". Ông lão trở tay vào ông ngoại nó và hỏi: - "Thế cháu có mời ông này không?". Đứa bé lắc đầu chạy về phía ông nội nó. Bỗng nó bảo đến mấy lần, nó vẫn không chịu mời. Ông nội nó nói đùa: - "Ông ấy có tiền bạc nhiều lắm, cháu có mời ông, ông sẽ dành cho mà tiêu, nếu cháu không mời, ông không cho nữa". Chung quy đứa bé vì lạ đối với ông ngoại nó nên không chịu nghe lời. Tuy việc không có gì đáng kể nhưng bụng ông già họ Lê cảm thấy không vui.

Lúc trở về, ông già họ Lê nghĩ lại câu chuyện vừa qua và nhiều chuyện cũ khác. Ông không giận đứa cháu ngoại, nhưng những chuyện ấy lại gợi cho ông rất nhiều về tâm tính của hai cha con ông già họ Bùi. Bụng bảo dạ: - "Hai cha con nhà này chỉ là một hạng thèm tiền khát của, và chúng có vẻ hả hê vì được phá phách tài sản của ta". Rồi ông ngẫm nghĩ: - "Ôi! Bao nhiêu

mồ hôi nước mắt của ta và ông cha ta mấy đời gom góp lại bỗng chốc lọt vào tay quân bất lương. Sao có thể như thế được nhỉ?".

Trong lòng ông nảy ra một sự bức bối ghen ghét, nó cứ làm ông bồn chồn day dứt. Ông toan đem phần lớn của cải cho họ và làng. Nhưng rồi lại gạt đi: - "Trừ phi không có con, chứ đã có con không ai làm thế bao giờ". Trước kia ông có ý định ở vậy cho đến mãn đời. Nhưng bây giờ đã có sự thay đổi. Một ý nghĩ vụt lóe ra trong óc ông già - "Hay ta cứ lấy vợ rồi đến đâu hay đấy!". Thế là chỉ ít lâu sau, người ta bỗng thấy ông nhờ mối đánh tiếng gá nghĩa với một người đàn bà góa chồng ở làng bên cạnh.

*

* *

Người vợ kế sau khi về làm bạn với ông được ba năm thì sinh một đứa con trai. Nỗi vui mừng của ông già họ Lê tưởng không gì hơn thế nữa. Ông chăm sóc cho con đến mức trong làng ngoài xóm phải đồn nhau: chưa một nhà quyền quý nào chăm được như vậy. Đã lo cho đứa bé trước mắt, ông lại còn lo cho nó mai sau. Thấy chàng rể hung bạo, nhiều lúc đến chơi nhà nhìn đứa con trai bé bỏng của mình bằng cặp mắt ganh ghét, ông đâm ra lo sợ. Ông thầm nghĩ: - "Mình nay đã gần đất xa trời. Nếu một mai khuất núi giữa lúc thằng bé hầy còn trứng nước thì nó không ngại gì mà không ra tay ám hại. Bởi vì nó thừa hiểu là theo luật của triều đình thì bao nhiêu tài sản của ta phải thuộc về thằng bé. Chao ôi, nguy hiểm cho tính mệnh con ta biết chừng nào?". Vì thế, không một giây phút nào ông quên tìm cách bảo toàn cho đứa bé trong tương lai.

Và rồi cuối cùng mọi người đều tỏ thái độ ngạc nhiên khi thấy ông già họ Lê thường tỏ thái độ lạnh nhạt đối với hai mẹ con người vợ kế. Người ta

bàn tán rất nhiều về cái tên "Phi" [1]_mà ông đặt cho đứa bé. Một người nói: - "Chỉ có ngờ nó là con hàng xóm thì mới đặt tên như vậy!" - "Đúng, người khác tiếp. Chắc bây giờ ông lão mới hiểu ra là bảy mươi tuổi thì không thể nào có con được, lại là có con trai!". Ông già họ Lê có nghe rất nhiều lời bàn tán về mình, nhưng ông chỉ cười thầm không nói gì cả.

Cho đến ngày sắp mất, người ta vẫn không thấy ông nhắc nhở gì cho mọi người biết về việc thừa kế tài sản của mình. Chúc thư ông để lại chỉ vồn vẹn có hai mươi một chữ Hán, mà tuồng như là viết dở dang trước khi tắt thở:

"Thất thập nhi sinh phi ngô tử dã kỳ điền sản giao dữ tử tế ngoại nhân bất đắc tranh đoạt" [2]_.

Vì vậy, sau khi chôn cất xong, lập tức chàng rể độc nhất của ông cứ chiếu theo chúc thư chiếm hết gia tài điền sản, chỉ để lại cho hai mẹ con thằng bé Phi một gian nhà nhỏ với vài thửa ruộng xấu.

Thực ra, trước khi chết, ông già họ Lê đã gọi riêng hai mẹ con lại, trao cho một tượng gỗ. Tượng này tạc hình người, đặc biệt có một cánh tay giơ ra đằng trước, nhưng ngón tay lại chỉ quặt về phía bụng. Người vợ kế của ông không hiểu thế nào cả, chỉ một mực ngồi ôm lấy con mà khóc. Ông ghé vào tai an ủi:

- Sau này nếu chúng nó tranh giành tư cơ của ta để lại, thì mẹ con cứ nhẫn nhục chịu vậy, đợi khi thằng Phi đã lớn khôn, hễ thấy có ông quan nào công minh bổ về hạt mình, bấy giờ hãy mang pho tượng này đưa lên quan phân xử.

Dặn đoạn, ông tắt nghỉ.

*

* *

Cho đến ngày thằng Phi đã có vợ và sắp có con. Trong những năm qua, hai mẹ con từng gạt biết bao là nước mắt mỗi lúc nhìn thấy hoa lợi trên ruộng đất đều tuôn về nhà họ Bùi. Trong xóm ngoài làng không ai không ái ngại cho tình cảnh mẹ góa con cô không nơi nương tựa của họ. Nhưng người ta thấy bề ngoài, hai mẹ con vẫn tỏ ra yên lòng với số phận, không kêu ca, không oán trách. Như thế đã được mười tám năm trời.

Một hôm người mẹ hay tin có một ông quan mới đổi đến huyện nhà nổi tiếng thanh liêm, xử kiện rất công bằng. Ông thường đi về các làng nghe ngóng dân tình và không bỏ sót những điều chương tai gai mắt. Nghe tiếng đồn như thế, mẹ thằng Phi nhớ đến lời dặn của chồng, vội dắt con mang pho tượng lên quan. Cầm pho tượng, quan không hiểu ý tứ thế nào cả. Nghe người đàn bà thuật lại tình cảnh của mẹ con trong bao nhiêu năm, ông rất thương hại. Ông bèn bảo bà trở về, ba ngày nữa lại đến.

Khi người đàn bà chào lạy ra về, mặt dầu trời đã khuya, quan vẫn cầm lấy pho tượng miên man suy nghĩ. Ông lật xuôi lật ngược. Tất cả đều không có gì khác thường. - "Ngón tay chỉ vào bụng. Phải chăng trong bụng có vật gì đây!". Nghĩ vậy, ông hết lắc lại gõ. Qua tiếng kêu, ông nhận ra là ruột tượng rỗng. Lập tức ông đi lấy một con dao, dùng mũi dao nhọn thăm dò khắp nơi. Cuối cùng ông nạy được một miếng gỗ trám ở một bên nách pho tượng.

- Mọi việc đều ở đây cả!

Ông mừng rỡ kêu lên. Nhìn vào, quả tìm được một bản chúc thư chính thức của ông già họ Lê. Trong chúc thư, người chủ tài sản dặn trao toàn bộ cho hai mẹ con thằng Phi, chứ không phải cho thằng rế.

Ngày hôm sau, ông cho đòi anh chàng họ Bùi đến công đường báo phải nộp chúc thư văn khế về gia tài của bố vợ cho quan cứu xét. Tất cả giấy tờ y nộp quan cũng chỉ vền vện có hai mươi một chữ Hán đã nói ở trên. Quan đưa pho tượng, rút chúc thư chính thức cho hăn xem, và đồng đạc phán:

Tất cả giấy tờ đều nói rằng ý muốn của người chết là để toàn bộ tài sản lại cho đứa con trai. Ngay cả mảnh giấy có dòng chữ mà anh giữ mấy lâu nay, cũng chỉ có nghĩa là để ruộng đất lại cho thằng Phi. Không tin ta giải cho anh nghe. Nghĩa của hai mươi một chữ đó là thế này: - "70 tuổi mới sinh thằng Phi, đó là con trai ta. Ruộng đất trao cho con. Còn rế là người ngoài, không được hiếm đoạt" [3]. Thế mà anh dám cắt nghĩa bừa để chiếm lấy tất cả, không thương gì đến đứa em bé bỏng và mẹ của nó. Bây giờ ta lệnh cho anh phải trả lại ngay tất cả mọi thứ anh đã chiếm đoạt kể cả hoa lợi ruộng đất ấy trong mười tám năm nay!

Anh chàng họ Bùi cứng họng khi nhấm lại ý nghĩa mảnh di chúc, cuối cùng phải đành cúi đầu vâng lệnh. Còn hai mẹ con Phi hết lời cảm tạ quan huyện và từ đó bắt đầu một cuộc đời sung sướng [4]. (21)

KHẢO DỊ

Trong *Kim cổ kỳ quan* có truyện *Gia sản một bức tranh* có phần gần gũi với truyện trên.

Thái thú họ Nghệ nhà giàu có ước vạn, có một con trai tên là Thiện Kế đã có vợ con. Tuy tuổi đã ngoài bảy mươi, ông vẫn còn lấy vợ lẽ và sau đó người ấy đẻ được một con trai. Thấy Thiện Kế coi người em khác mẹ như cừu thù, ông lão đoán chắc thằng anh sẽ sát hại đứa em bé bỏng vì chuyện gia tài. Vì vậy trước khi chết, ông làm chúc thư chia cho Thiện Kế hầu hết gia sản, còn vợ lẽ và đứa con còn bé thì ông bí mật cho một bức chân dung của mình có vẽ ngón tay chỉ xuống đất. Ông dặn nếu thằng anh không nhìn nhận và không chia tài sản cho em, thì tìm một ông quan nào công minh, đưa bức tranh ấy đến nhờ phân xử.

Về sau quả Thiện Kế đối xử với mẹ con người em rất tệ. Một ông quan sau khi xem bức tranh, đã khám phá ra một mảnh giấy do ông lão bôi vào trong tranh trước khi chết. Trong giấy ghi rằng mình có chôn ít chum bạc và một chum vàng để lại cho đứa con trai út. Sau khi nắm được sự thật, quan làm ra bộ hồn thiêng của ông lão báo mộng cho mình biết, dặn đến làm chứng cho mẹ con nhà ấy đào lên lấy của trước con mắt tức tối của Thiện Kế.

Truyện của ta ở trên kia có người kể hơi khác đoạn cuối: Ông già làm thành hai bản chúc thư, một bản gồm hai mươi mốt chữ giao cho rể, còn một bản bỏ vào hòm bí mật chôn ở một nơi trước cổng đền, trong đó nói rõ toàn bộ tài sản giai cho con người vợ kế. Đoạn ông dặn vợ học thuộc lòng hai câu thơ:

Nguyệt đáo trung thiên nhị thập tam,

Nghê đầu ảnh lượng chúc thư hàm.

(Nghĩa là trăng đêm 23 khi lên giữa trời, bóng đầu con nghê chiếu xuống ở đâu thì ở đó có hòm chúc thư), lại dặn phải cố gắng cho con đi học.

Sau khi ông mất, đứa bé học giỏi đỗ tiến sĩ, anh ta nhớ lại câu hát của mẹ và tìm đến cổng đền đào lên lấy được chúc thư, giành lại tài sản của bố để lại [5].

[1] *Phi*: chữ Hán nghĩa là không phải, có thể hiểu: không phải là con ta.

[2] Có thể hiểu là: Bảy mươi tuổi mới đẻ ra nó, không phải là con ta, ruộng đất ta, giao cho con rể, người ngoài không được tranh chiếm.

[3] Câu văn chữ Hán trên, chỉ cần chấm câu lại thì có nghĩa như quan giải thích. Đây là cách chơi chữ của nhà nho bình dân, tác giả truyện cổ tích này.

[4] Theo lời kể của người Hà-nội, Hà-tĩnh.

[5] Theo lời kể của người Hà-tĩnh (Hồ Hữu Phước sưu tầm).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
154. TẤM CÁM

Ngày xưa, có Tấm và Cám là hai chị em cùng cha khác mẹ. Hai chị em suýt soát tuổi nhau. Tấm là con vợ cả, Cám là con vợ lẽ. Mẹ Tấm đã chết từ hồi Tấm còn bé. Sau đó mấy năm thì cha Tấm cũng chết. Tấm ở với dì ghẻ là mẹ của Cám. Nhưng dì ghẻ của Tấm là người rất cay nghiệt. Hàng ngày, Tấm phải làm lụng luôn canh, hết chần trâu, gánh nước, đến thái khoai, vớt bèo; đêm lại còn xay lúa giã gạo mà không hết việc. Trong khi đó thì Cám được mẹ nuông chiều, được ăn trắng mặc trơn, suốt ngày quanh quẩn ở nhà không phải làm việc nặng.

Một hôm người dì ghẻ đưa cho hai chị em mỗi người một cái giỏ bảo ra đồng bắt con tôm cái tép. Mẹ ta hứa hẹn: - "Hễ đứa nào bắt được đầy giỏ thì thưởng cho một cái yếm đỏ!".

Ra đồng, Tấm nhờ mò cua bắt ốc đã quen nên chỉ một buổi là được đầy giỏ vừa cá vừa tép. Còn Cám thì đủng đỉnh dạo hết ruộng nọ sang ruộng kia, mãi đến chiều vẫn không được gì.

Thấy Tấm bắt được một giỏ đầy, Cám bảo chị:

- *Chị Tấm ơi chị Tấm! Đầu chị lấm, chị hụp cho sâu, kẻo về dì mắng.*

Tin là thật, Tấm bèn xuống ao lội ra chỗ sâu tắm rửa. Cám thừa dịp trút hết tép của Tấm vào giỏ của mình rồi ba chân bốn cẳng về trước. Lúc Tấm bước lên chỉ còn giỏ không, bèn ngồi xuống bưng mặt khóc hu hu.

Bấy giờ Bụt đang ngồi trên tòa sen. Bỗng nghe tiếng khóc của Tấm liền

hiện xuống hỏi:

- Con làm sao lại khóc?

Tấm kể sự tình cho Bụt nghe. Bụt bảo:

- Thôi con hãy nín đi! Con thử nhìn vào giỏ xem còn có gì nữa không?

Tấm nhìn vào giỏ rồi nói:

- Chỉ còn một con cá bống.

- Con đem con cá bống ấy về nhà thả xuống giếng mà nuôi. Mỗi bữa, đáng ăn ba bát thì con ăn hai, còn một đem thả xuống cho bống. Mỗi lần cho ăn, con nhớ gọi như thế này:

Bống bống, bang bang

Lên ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta,

Chớ ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người

không gọi đúng như thế nó không lên, con nhớ lấy!

Nói xong là Bụt biến mất. Tấm theo lời Bụt thả bống xuống giếng. Rồi từ hôm ấy trở đi, cứ sau bữa ăn, Tấm đều để dành cơm giấu đưa ra cho bống. Mỗi lần nghe lời Tấm gọi, bống lại ngoi lên mặt nước đớp những hạt cơm

của Tấm ném xuống. Người và cá ngày một quen nhau, và bống ngày một lớn lên trông thấy.

Thấy Tấm sau mỗi bữa ăn thường mang cơm ra giếng, mụ dì ghẻ sinh nghi, bèn bảo Cám đi rình. Cám nấp ở bụi cây bên bờ giếng nghe Tấm gọi bống, bèn nhăm cho thuộc rồi về kể lại cho mẹ nghe.

Tối hôm ấy mụ dì ghẻ bảo Tấm sáng mai dậy sớm chăn trâu, và dặn:

- Con ơi con! Làng đã bắt đầu cấm đồng rồi đấy. Mai con đi chăn trâu, *phải* chăn đồng xa, chớ chăn đồng nhà, làng bắt mất trâu.

Tấm vâng lời, sáng hôm sau đưa trâu đi ăn thật xa. Ở nhà mẹ con con Cám mang bát cơm ra giếng, cũng gọi bống lên ăn y như Tấm gọi. Nghe lời gọi, bống ngoi lên mặt nước. Mẹ con Cám đã chực sẵn, bắt lấy bống đem về làm thịt.

Đến chiều Tấm dắt trâu về, sau khi ăn uống xong Tấm lại mang bát cơm để dành ra giếng. Tấm gọi mãi nhưng chẳng thấy bống ngoi lên như mọi khi. Tấm gọi mãi, gọi mãi, cuối cùng chỉ thấy một cục máu nổi lên mặt nước. Biết có sự chẳng lành cho bống, Tấm òa lên khóc. Bụt lại hiện lên, hỏi:

- Con làm sao lại khóc?

Tấm kể sự tình cho Bụt nghe, Bụt bảo:

- Con bống của con người ta đã ăn thịt mất rồi. Thôi con hãy nín đi. Rồi về nhặt lấy xương nó, kiếm bốn cái lọ bỏ vào, đem chôn xuống dưới bốn chân giường con nằm.

Tấm trở về theo lời dặn của Bụt đi tìm xương bồ, nhưng tìm mãi các xó vườn góc sân mà không thấy đâu cả. Một con gà thấy thế, bảo Tấm:

- Cục ta cục tác! Cho ta nằm thóc, ta bới xương cho!

Tấm bốc nắm thóc ném cho gà. Gà chạy vào bếp bới một lúc thì được xương ngay. Tấm bèn nhặt lấy bỏ vào lọ và đem chôn dưới chân giường như lời Bụt dặn.

*

* *

Ít lâu sau, nhà vua mở hội luôn mấy đêm ngày. Già trẻ trai gái các làng đều nô nức đi xem. Trên các nẻo đường, quần áo mới ba mới bảy dập dìu tuôn về kinh như nước chảy. Hai mẹ con con Cám cũng sắm sửa quần áo đẹp để đi trải hội. Thấy Tấm cũng muốn đi, mẹ dì ghẻ nguýt dài. Sau đó mẹ lấy một đấu gạo trộn lẫn với một đấu thóc, bảo Tấm:

- Con hãy nhặt cho xong chỗ gạo này rồi có đi đâu hãy đi, đừng có bỏ dở, về không có gì để thổi cơm dì đánh đó.

Nói đoạn, hai mẹ con quần áo xúng xính lên đường, Tấm ngồi nhặt một lúc mà chỉ mới được một nhúm, nghĩ rằng không biết bao giờ mới nhặt xong, buồn bã, bèn khóc một mình. Giữa lúc ấy Bụt hiện lên, hỏi:

- Con làm sao lại khóc?

Tấm chỉ vào cái thúng, thưa:

- Dì con bắt phải nhặt thóc cho ra thóc, gạo ra gạo, rồi mới được đi xem hội. Lúc nhặt xong thì hội đã tan rồi, còn gì nữa mà xem.

Bụt bảo:

- Con đừng khóc nữa. Con mang cái thúng đặt ra giữa sân, để ta sai một đàn chim sẻ xuống nhặt giúp.

- Nhưng ngộ chim sẻ ăn mất thì khi về con vẫn cứ bị đòn.

- Con cứ bảo chúng thế này:

Rặt rặt (tức chim sẻ) xuống nhặt cho tao

*Ăn mất hạt nào thì tao đánh chết **[1]**.*

thì chúng sẽ không ăn của con đâu.

Tự nhiên ở trên không có một đàn chim sẻ đáp xuống sân nhặt thóc ra một đống, gạo ra một nỏ. Chúng nó lảng xảng riu rít chỉ trong một lát đã làm xong, không suy suyển một hạt. Nhưng khi chim sẻ đã bay đi rồi, Tấm lại nức nở khóc. Bụt lại hỏi:

- Con làm sao còn khóc nữa?

- Con rách rưới quá, người ta không cho con vào xem hội.

- Con hãy đào những cái lọ xương bống đã chôn ngày trước lên thì sẽ có đủ mọi thứ cho con thấy hội.

Tấm vâng lời, đi đào các lọ lên. Đào lọ thứ nhất lấy ra được một bộ áo mớ ba, một cái xống lụa, một cái yếm lụa điều và một cái khăn nhiễu. Đào lọ thứ hai lấy được một đôi giày thêu, đi vừa như in. Lọ thứ ba đào lên thì thấy một con ngựa bé tí, nhưng vừa đặt con ngựa xuống đất bỗng chốc nó hí vang lên và biến thành ngựa thật. Đào đến lọ cuối cùng thì lấy ra được một bộ yên cương xinh xắn.

Tấm mừng qua vội tắm rửa rồi thắt bộ vào, đoạn cưỡi lên ngựa mà đi. Ngựa phóng một chốc đã đến kinh đô. Nhưng khi phóng qua một chỗ lội, Tấm đánh rơi một chiếc giày xuống nước không kịp nhặt. Khi ngựa dừng lại ở đám hội, Tấm lấy khăn gói chiếc giày còn lại rồi chen vào biển người.

Giữa lúc ấy thì đoàn xa giá cũng vừa tiến đến chỗ lội. Hai con voi ngự dẫn đầu đoàn đến đây tự nhiên cậm ngà xuống đất kêu rống lên không chịu đi. Vua sai quân lính xuống nước thử tìm xem; họ nhặt ngay được chiếc giày thêu của Tấm đánh rơi lúc nãy. Vua ngắm nghía chiếc giày không chán mắt, bụng bảo dạ: - "Chà, một chiếc giày thật xinh! Người đi giày này hẳn phải là trang tuyệt sắc".

Lập tức vua hạ lệnh cho rao mời tất cả đám đàn bà con gái đi xe hội đến ướm thử, hễ ai đi vừa chiếc giày thì vua sẽ lấy làm vợ. Đám hội lại càng náo nhiệt vì các bà, các cô chen nhau đến chỗ thử giày. Cô nào cô ấy lần lượt kéo vào ngôi lầu giữa bãi cỏ rộng để ướm thử một tý cầu may. Nhưng

chả có một chân nào đi vừa cả. Mẹ con con Cám cũng trong số đó. Khi Cám và dì ghẻ bước ra khỏi lầu thì gặp Tấm. Cám mách mẹ:

- Mẹ ơi, ai như chị Tấm cũng đi thử giày đấy!

Mụ dì ghẻ của Tấm bấu môi:

- Con nỡm!

Chuông khánh còn chả ăn ai,

Nửa là mảnh chính vứt ngoài bờ tre.

Nhưng khi Tấm đặt chân vào giày thì vừa như in. Nàng mở khăn lấy chiếc thứ hai đi vào. Hai chiếc giày giống nhau như đúc. Bọn lính hầu hò reo vui mừng. Lập tức vua sai đoàn thị nữ rước nàng vào cung. Tấm bước lên kiệu trước con mắt ngạc nhiên và hăn học của mẹ con con Cám.

*

* *

Tuy sống trong hoàng cung, Tấm vẫn không quên ngày giỗ cha. Nàng xin phép vua trở về nhà để soạn cỗ cúng giúp dì. Mẹ con con Cám thấy Tấm sung sướng thì ghen ghét đố kỵ. Nay thấy Tấm về, lòng ghen ghét lại bùng bùng bốc lên. Nghĩ ra được một mưu, mụ dì ghẻ bảo Tấm:

- Trước đây con quen trèo cau, con hãy trèo xé lấy một buồng để cúng bố.

Tấm vâng lời trèo lên cây cau. Lúc lên đến sát buồng thì ở dưới này mụ dì cầm dao dẫn gốc. Thấy cây rung chuyển, Tấm hỏi:

- Dì làm gì dưới gốc thế?

- Gốc cau lắm kiến, dì đuổi kiến cho nó khỏi lên đốt con.

Nhưng Tấm chưa kịp xé cau thì cây đã đổ, Tấm ngã lộn cổ xuống ao, chết. Mụ dì ghẻ vội vàng lột áo quần của Tấm cho con mình mặc vào rồi đưa vào cung nói dối với vua rằng Tấm không may bị rơi xuống ao chết đuối, nay đưa em vào để thế chị. Vua nghe nói trong bụng không vui nhưng vẫn không nói gì cả.

Lại nói chuyện Tấm chết hóa thành chim vàng anh. Chim bay một mạch về kinh đến vườn ngự. Thấy Cám đang ngồi giặt áo cho vua ở giếng, vàng anh dừng lại trên một cành cây, bảo nó:

- *Phơi áo chồng tao phơi lao phơi sào, chớ phơi bờ rào, rách áo chồng tao.*

Rồi chim vàng anh bay thẳng vào cung đậu ở cửa sổ, hót lên rất vui tai. Vua đi đâu, chim bay đến đó. Vua đang nhớ Tấm không nguôi, thấy chim quyến luyến theo mình, vua bảo:

- *Vàng anh vàng anh, có phải vợ anh, chui vào tay áo.*

Chim vàng anh bay lại đậu vào tay vua, rồi rúc vào tay áo. Vua yêu quý vàng anh quên cả ăn ngủ. Vua sai làm một cái lồng bằng vàng cho chim ở. Từ đó, ngày đêm vua chỉ mê mãi với chim không tưởng đến Cám.

Cám vội về nhà mách mẹ. Mẹ nó bảo cứ bắt chim làm thịt ăn rồi kiểm điều nói dối vua. Trở lại cung vua, Cám nhân lúc vua đi vắng, bắt chim làm thịt ăn, rồi vứt lông chim ở ngoài vườn. Thấy mất vàng anh, vua hỏi, Cám đáp:

- Thiếp có mang thềm ăn thịt chim nên trộm phép bệ hạ đã giết thịt ăn mất rồi.

Vua không nói gì cả. Lông chim vàng anh chôn ở vườn hóa ra hai cây xoan đào. Khi vua đi chơi vườn ngự, cành lá của chúng sà xuống che kín thành bóng tròn như hai cái lọng. Vua thấy cây đẹp rợp bóng, sai lính hầu mắc võng vào hai cây rồi nằm chơi hóng mát. Khi vua đi khỏi thì cành cây lại vươn thẳng trở lại. Từ đó, không ngày nào là vua không ra nằm hóng mát ở hai cây xoan đào.

Cám biết chuyện lại về mách mẹ. Mẹ nó bảo cứ sai thợ chặt cây làm khung cử rồi kiểm điều nói dối vua. Về đến cung, nhân một hôm gió bão, Cám sai thợ chặt hai cây xoan đào lấy gỗ đóng khung cử. Thấy cây bị chặt, vua hỏi thì Cám đáp:

- Cây bị đổ vì bão, thiếp sai thợ chặt làm khung cử để dệt áo cho bệ hạ.

Nhưng khi khung cử đóng xong, Cám ngồi dệt vào dệt lúc nào cũng nghe thấy tiếng khung cử rửa mình:

Cót ca cốt két,

Lấy tranh chồng chị,

Chị khoét mắt ra.

Thấy vậy con Cám sợ hãi vội về mách mẹ. Mẹ nó bảo đốt quách khung cửi rồi đem tro đi đổ cho rõ xa để được yên tâm. Về đến cung, Cám làm như lời mẹ nói. Nó mang tro đã đốt đem đi đổ ở lề đường cách xa hoàng cung. Đống tro bên đường lại mọc lên một cây thị cao lớn, cành lá sum suê. Đến mùa có quả, cây thị chỉ đậu được có một quả, nhưng mùi thơm tỏa ngát khắp nơi. Một bà lão hàng nước ở gần đó một hôm đi qua dưới gốc người thấy mùi thơm, ngẩng đầu nhìn lên thấy quả thị trên cành cao, bèn giơ bị ra nói lẩm bẩm:

- Thị ơi thị, rụng vào bị bà, bà đem bà người, chứ bà không ăn.

Bà lão vừa dứt lời thì quả thị rụng ngay xuống đúng vào bị. Bà lão nâng niu đem về nhà cất trong buồng, thỉnh thoảng lại vào ngắm nghía và ngửi mùi thơm.

Ngày nào bà lão cũng đi chợ vắng. Từ trong quả thị chui ra một cô gái thân hình bé nhỏ như ngón tay nhưng chỉ trong chớp mắt đã biến thành Tấm. Tấm vừa bước ra đã cầm lấy chổi quét dọn nhà cửa sạch sẽ, rồi đi vo gạo thổi cơm, hái rau ở vườn nấu canh giúp bà hàng nước. Đoạn Tấm lại thu hình bé nhỏ như cũ rồi chui vào vỏ quả thị. Lần nào đi chợ về, bà lão cũng thấy nhà cửa ngăn nắp, cơm ngon canh ngọt sẵn sàng thì lấy làm lạ.

Một hôm bà hàng nước giả vờ đi chợ, đến nửa đường lại lén trở về, rình ở bụi cây sau nhà. Trong khi đó, Tấm từ quả thị chui ra rồi cũng làm các việc như mọi lần. Bà lão rón rén lại nhìn vào các khe cửa. Khi thấy một cô gái xinh đẹp thì bà mừng quá, bất thành linh xô cửa vào ôm choàng lấy Tấm, đoạn xé vụn vỏ thị. Từ đó Tấm ở với bà hàng nước, hai người thương yêu

nhau như hai mẹ con. Hàng ngày Tấm giúp bà lão các việc thổi cơm, nấu nước, gói bánh, tằm trầu để cho bà ngồi bán hàng.

Một hôm vua đi chơi ra khỏi hoàng cung. Thấy có quán nước bên đường sạch sẽ bèn ghé vào. Bà lão mang trầu nước dâng lên vua. Thấy trầu tằm cánh phượng, vua sức nhớ tới trầu vợ mình tằm ngày trước cũng y như vậy, liền phán hỏi:

- Trầu này ai tằm?

- Trầu này con gái già tằm, bà lão đáp.

- Con gái của bà đâu, gọi ra đây cho ta xem mặt.

Bà lão gọi Tấm ra, Tấm vừa xuất hiện, vua nhận ra ngay vợ mình ngày trước, có phần trẻ đẹp hơn xưa. Vua mừng quá, bảo bà hàng nước kể lại sự tình, rồi truyền cho quân hầu đưa kiệu rước Tấm về cung.

Cám thấy Tấm trở về được vua yêu như xưa thì nó không khỏi sợ hãi. Một hôm Cám hỏi chị:

- Chị Tấm ơi chị Tấm, chị làm thế nào mà đẹp thế? Tấm không đáp, chỉ hỏi lại:

- Có muốn đẹp không để chị giúp!

Cám bằng lòng ngay. Tấm sai quân hầu đào một cái hố sâu và đun một nồi nước sôi. Tấm bảo Cám xuống hố rồi sai quân hầu dội nước sôi vào hố. Cám chết, Tấm sai đem xác làm mắm bỏ vào chĩnh gửi cho mẹ dì ghẻ, nói

là quà của con gái mụ gửi biếu. Mẹ con Cám tưởng thật lấy mắm ra ăn, bữa nào cũng nức nở khen ngon. Một con quạ ở đâu bay đến đậu trên nóc nhà kêu rằng:

- *Ngon ngon ngon ngon! Mẹ ăn thịt con, có còn xin miếng?*

Mẹ con Cám giận lắm, chửi mắng ầm ĩ rồi vác sào đuổi quạ. Nhưng đến ngày mắm gần hết, dòm vào chĩnh, mụ thấy đầu lâu của con thì lăn đùng ra chết [2].

KHẢO DỊ

Truyện trên do người miền Bắc kể, trong đó có vài chi tiết mỗi nơi một khác. Ví dụ câu nói của vàng anh với Cám khi Cám giặt áo cho vua, người Nghệ An có nơi kể là:

- Giặt áo chồng tao, thì giặt cho sạch, nhuộm bằng không sạch, tao rạch mặt ra.

- Phơi áo chồng tao, thì phơi bằng sào, đừng phơi bờ rào, tao cào mặt ra [3].

Hay là câu của quạ:

- Ngon ngon ngon ngon, ăn cả thịt con, thực ngon lắm phỏng [4].

Riêng ở vùng Bắc-ninh, thì truyện Tấm Cám được truyền tụng như là lịch sử Thái phi Ý Lan. Quyển *Lý triều đệ tam hoàng hậu sự tích* đã chép truyện bà Ý Lan gắn liền với nhân vật Tấm (khác với truyện trên, ở đây gọi ngược lại Tấm là Cám và Cám là Tấm. Ý Lan thái phi là Cám) và tước bỏ đi nhiều chi tiết của truyện dân gian:

Ở làng Thổ-lỗi (hay Siêu-loại) huyện Gia Lâm có ông Lê Công Thiết và vợ là Vũ Thị Tinh chuyên trồng dâu nuôi tằm. Một đêm vợ nằm chiêm bao thấy mình nuốt mặt trăng, sau đó sinh một cô gái tên là Cám (hoặc Khiết Nương). Vợ chết, chồng lấy vợ kế là Chu Thị, sinh một gái khác là Tấm. Thế rồi, câu chuyện cũng diễn ra với đủ các tình tiết bắt cá, nuôi bống và nhặt xương bống chôn chân giường đúng như truyện trên vừa kể, chỉ có khác ở chỗ Bụt lại là nhà sư Đại Liên, tu ở chùa Linh-nhân. Và điều khác thứ hai đáng lưu ý là xương bống chôn một trăm ngày đào lên được một đôi hài quý, nhưng khi Cám phơi đôi hài, thì một con quạ thần trông thấy, cắp lấy một chiếc bay đến kinh đô rồi thả xuống sân điện. Vua bấy giờ là Lý Thánh Tông chưa có con, cho đấy là điềm lành, bèn loan báo cho đàn bà con gái khắp nơi đi ướm hài.

Từ đây truyện phát triển hoàn toàn khác với cổ tích nói trên. Vua đi cầu tự ở chùa, xa giá đến đâu mọi người đua nhau đi xem đến đấy. Chỉ có Cám vẫn chăm chỉ hái dâu. Một ông hàng dầu thấy một đám mây che trên đầu Cám, bèn mách cho quan quân biết. Vua cho gọi Cám đến hỏi tại sao không đi xem vua trẩy? Cám tâu là vì đi bắt đi hái dâu. Vua cho ướm chân vào hài thì vừa như in. Vua bèn lấy làm vợ, gọi là Ý Lan.

Truyện còn nối vào một mẩu nữa, kể việc Nguyễn Bông đầu thai: Ý Lan

làm vợ vua lâu ngày vẫn chưa có con. Đại Đế gặp Nguyễn Bông (là người vua sai đến chùa) hỏi: "Có muốn làm hoàng tử không?". Bông đáp: "Muốn". Đại Đế dẫn Bông lên vào buồng tắm của hoàng hậu trong lúc hoàng hậu đang tắm (tình tiết này giống với tình tiết của truyện *Từ Đạo Hạnh* số 120, tập III). Kết quả, việc làm của Bông bại lộ, Bông bị án chém. Tối hôm ấy, Thánh Tông mộng thấy một tiên ông đưa đến cho một đứa con trai. Quả nhiên Ý Lan có mang đẻ ra một hoàng tử. Nhưng hoàng hậu họ Dương lại bắt trộm mất hoàng tử, nói dối là con do mình đẻ ra, và thay vào một con mèo nói là con của Ý Lan (giống với tình tiết của các truyện ở Khảo dị số 166, tập IV). Lớn lên, hoàng tử nhận ra mẹ đẻ của mình và giết chết hoàng hậu họ Dương cùng bảy mươi một cung nữ [5].

Ở Bắc Ninh còn có người kể xen vào những tình tiết khác. Ví dụ: một trong bốn cái lọ đào được có một lọ nước thần, Nhờ lọ nước, Cám tắm vào, da dẻ trở nên trắng trẻo, người đẹp tuyệt trần (giống với tình tiết trong truyện *Ai mua hành tôi*, số 135, tập III).

Hay là: do Đại Đế bày vẽ, Bông lên vào trước buồng tắm của hoàng hậu, bôi cát nằm xuống tự vui mình, khi hoàng hậu dội nước, cát trôi, Bông lộ nguyên hình (giống với tình tiết trong truyện *Sự tích đầm Nhất Dạ và bãi Tự-nhiên* số 28, tập I).

Hay là: khi hoàng tử lên ngôi (lúc đó hoàng hậu họ Dương còn mạo nhận là con mình), một hôm bỗng "nhật nguyệt mờ mịt phát phân", bèn đi tra cứu lại các nhà ngục, nhờ đó nỗi oan của Ý Lan mới được bày tỏ. Mẹ con nhận ra nhau do có dấu chữ vương dưới chân vua [6].

Hay là: chiếc giày của Cám (Tấm) bị thất lạc, không phải do quạ thần tha đi mà là do chen chúc trong hội Chen (trước đây ở làng La-miệt thuộc huyện

Quế Võ, có hội Chen, trong ngày hội trai gái tha hồ chen nhau (có khi ngã cả xuống ao) v.v... [7]

Trước đây ở làng Nam-sơn, huyện Võ-giàng còn có đền thờ Bà Tắm, Bà Cám, nhân dân thường kiêng tên, gọi gạo tắm là đốn, cám là bồi (hàng năm có rước xách).

Chúng tôi cho rằng những tình tiết nói trên là do người đời sau gán ghép vào truyện *Tắm Cám*, làm cho nó có bóng dáng một thần tích, chẳng khác gì một số tình tiết mà nhân dân vùng Bắc-ninh ghép vào truyện *Thánh Gióng* (Khảo dị truyện số 134, tập III).

Ở Nam bộ cũng có lưu hành một truyện Tắm Cám có những tình tiết gần giống với những tình tiết của truyện *Lý triều đệ tam hoàng hậu sự tích* vừa kể. Sau đây là nội dung truyện kể ở miền Nam mà Jan-nô (G. Jeanneau), người sưu tầm sớm nhất đã ghi được ở Mỹ Tho năm 1886:

Có hai vợ chồng sinh hai cô gái Tắm và Cám, là con sinh đôi. Tắm được bố mẹ chăm nom chiều chuộng rất mực, còn Cám thì bị đối đãi như tôi đòi. Một hôm người cha cũng giao cho mỗi con một cái giỏ, bảo đi bắt cá, ai bắt được nhiều hơn thì được gọi bằng chị. Cám được nhiều hơn, nhưng Tắm bảo đưa giỏ cho mình giữ hộ để đi hái rau thơm về kho cá. Cám trở về thì bao nhiêu cá đã bị Tắm lấy mất chỉ còn một con bống mú. Do đó Tắm được làm chị. Cũng như truyện kể ở miền Bắc, Cám được thần hiện lên bày cho cách nuôi cá bống mú, nhưng nuôi được ít lâu cá cũng bị Tắm tìm cách bắt ăn thịt. Thần hiện lên bày cách bỏ xương cá vào hũ chôn xuống đất, sau sẽ được nhiều vật quý. Một con gà cũng mách cho Cám chỗ vùi xương bống. Sau ba tháng mười ngày, Cám đào lên quả được áo quần đẹp và một đôi giày. Một hôm Cám đem giày đi ra đồng bị ướt, phải đem phơi, bỗng một con quạ cắp mất một chiếc đem bỏ vào cung vua. Hoàng tử bắt được cho

rao mời đàn bà con gái mọi nơi về thử, ai đi vừa sẽ lấy làm vợ. Tấm được bố mẹ cho ăn mặc đẹp trầy kinh, còn Cám thì phải ngồi nhặt một mớ đậu và vừng trộn lẫn. Thần cho bồ câu đến giúp (có người kể con quạ lần trước tha giày đến bày cho Cám cách sàng để nhặt được nhanh). Sau đó Cám đến kinh thử giày, và trở thành vợ hoàng tử.

Một hôm, Cám nghe tin bố đau nặng bèn về thăm. Thật ra Cám bị lừa, dưới giường chỗ bố nằm có để nhiều tấm bánh đa nướng để khi trở mình nghe tiếng răng rắc. Cám tưởng bố gãy xương thương lắm, khóc rưng rức. Rồi Cám cởi áo trèo cau theo lời bố. Cây cau bị Tấm chặt gãy, Cám rơi vào hồ nước sôi chết. Nhờ có mặt mũi giống Cám, Tấm mặc áo quần rồi vào cung mà không ai biết, kể cả hoàng tử, nhưng hoàng tử ngày một nguội lạnh với Tấm. Cám hóa thành chim quành quạch, và cũng như truyện kể ở miền Bắc, chim bay vào cung gặp Tấm đang giặt áo. Chim cũng nói câu: "Phơi áo chồng tao..." và sau đó cũng được hoàng tử đem về nuôi ở lồng. Tấm cũng bắt chim ăn thịt và nói rằng mình có mang thêm ăn thịt chim. Chỗ vút lông chim mọc lên một măng tre, sau đó bị Tấm chặt làm thức ăn. Vỏ măng hóa thành một cây thị chỉ có mỗi một quả, mỗi lần hoàng tử ở nhà thì cành lá xòa xuống thấp, nhưng khi đi vắng thì cây vươn lên cao vút, vì thế Tấm muốn hái thị ăn mà không được. Sau đó thị rơi vào bị một bà lão ăn mày. Tiên nữ trong quả thị cũng nhiều lần hiện ra giúp bà lão, sau cùng bà lão cũng rình bắt được, bèn xé nát vỏ thị.

Một hôm, Cám hóa phép làm cỗ bàn rất linh đình để dọn cúng chồng bà lão, nhưng lại ép nài bà đi mời hoàng tử tới dự. Hoàng tử đòi phải có thảm trải từ cung đến nhà mới chịu đi. Quả có thảm trải thật, lại có cả miếng trầu têm rất đẹp làm hoàng tử chú ý, hỏi thì bà lão nói dối là mình têm. Hoàng tử bảo bà thử têm cho mình xem. Cám hóa làm con ruồi vẽ cho bà cách têm, nhưng khi hoàng tử đuổi ruồi thì bà lão lại không têm được, đành phải thú thật là do con gái mình têm. Nhờ đó hoàng tử gặp lại vợ cũ.

Đoạn kết giống hẳn với truyện trên: Tấm hỏi Cám làm sao lại đẹp. Cám nói nhờ ngã vào hồ nước sôi. Tấm nhảy vào nước sôi mà chết. Cám liền làm mắm gửi cho dì ghẻ, dì ghẻ cũng khen ngon, rồi cũng có con quạ đến mách và bị đuổi. Khi ăn gần hết, thấy đầu lâu con gái mẹ Tấm lẫn ra chết [8].

Duy-mu-chiê (Dumoutier) có sưu tầm được một dị bản, cũng ở Bắc-ninh, có lẽ xuất phát từ nguồn gốc thần tích, cách kể và một số tình tiết có khác với các dị bản trên:

Vào cuối thời Hùng Vương có một người tên là Đào Chí Phẩm ở làng Lãm-sơn, huyện Quế-dương (Bắc Ninh), vợ đẻ được một con gái là Tấm rồi mất. Đào Chí Phẩm lấy vợ sau là Thị Cao đẻ được Cám. Khi chồng chết, Thị Cao bực đãi con ghẻ. Các tình tiết bắt cá, nuôi bống, ăn thịt bống, nhặt xương bống chôn dưới gầm giường, và đổ lẫn các giống hạt bắt nhặt (ở đây là các giống đỗ) v.v... đều đại khái giống với các truyện *Tấm Cám* đã kể. Khi Bụt mách cho Tấm đào những lọ dưới chân giường, Tấm đào được trong lọ một cô gái hầu, các lọ kia là áo giày và ngựa (nhưng về sau không thấy cô gái hầu xuất hiện trong các tình tiết kế tiếp). Do chiếc giày của Tấm đánh rơi khi đi xem hội, mà hoàng tử tìm được Tấm. Thấy nàng đẹp, hoàng tử muốn lấy làm vợ, Tấm bảo về hỏi người mẹ ghẻ. Hoàng tử phái quan đến hỏi, Thị Cao thuận gả nhưng đến ngày cưới lại bảo Tấm đi chơi xa, rồi lấy áo quần Tấm mặc cho Cám, đưa Cám vào cung. Tấm về thất vọng nhảy xuống giếng chết. Hồn Tấm hóa thành chim vàng anh bay vào cung. Thấy Cám giặt áo cho hoàng tử, chim cũng dận không được phơi bờ rào "rách áo chồng tao". Nghe nói thế, hoàng tử biết mẹ con Thị Cao lừa gạt, bèn hỏi chim: - "Có phải vợ anh chui vào tay áo". Chim bay ngay vào tay áo.

Truyện không nói đến những hành vi độc ác của Cám và mấy lần tái sinh của Tấm mà cho rằng Cám thấy chim, biết đó là chị nó thì sinh ra hối hận, bèn nhảy xuống giếng chết.

Đuy-mu-chiê (Dumoutier) còn cho biết: người ta thờ chung cả hai cô vào một đền ở Lâm-sơn. Những lúc có hạn hán, dân làng đến đây cầu đảo thường nghiệm [9].

Đồng bào Chăm-pa có truyện *Ca-dong* và *Ha-lốc*.

Truyện này với truyện *Tấm Cám* (do người miền Nam kể) gần như là một.

Ngày xưa có hai nhà nọ có hai cô gái Ca-dong và Ha-lốc. Ha-lốc là con đẻ, còn cô kia là con nuôi. Nhưng hai cô cùng một lứa tuổi như nhau, không ai chịu nhường ai làm chị. Bà mẹ liền trao cho mỗi cô một cái giỏ bảo đi bắt cá, ai nhiều hơn thì được làm chị. Ca-dong bắt được độ nửa giỏ thì mệt, bèn lên bờ nằm ngủ. Ha-lốc bắt được ít, thừa dịp lấy trộm bỏ vào giỏ của mình. Khi Ca-dong dậy, hỏi ai lấy hết cá, Ha-lốc nói không biết. Biết là Ha-lốc lấy trộm, Ca-dong rất buồn. Xuống ao lần nữa, cô chỉ bắt được cọt con cá gia-rốc.

Trở về, Ha-lốc được làm chị. Ca-dong không nói gì chỉ nuôi con cá gia-rốc làm em, vì nghĩ nó cũng trơ trọi như mình. Ngày nào ăn cơm, cô cũng không quên đến giếng gọi: "Oì cá! Lên mà ăn với chị!". Ha-lốc cũng đến rình và cuối cùng bắt cá về làm thịt ăn.

Ca-dong mất cá, khóc lóc ngày đêm. Cô chiêm bao thấy cá kể lại việc bị bắt và bảo hãy lấy xương bỏ vào gáo dừa đem chôn ở ngã tư đường, nơi hàng ngày cô cho dê qua lại. Ca-dong làm theo lời. Một hôm đi qua, cô thấy một đôi giày vàng. Cô chỉ nhặt được một chiếc, còn chiếc kia bị quạ tha đi mất. Quạ bay đến cung thả rơi chiếc giày trước mặt vua. Vua xuống chiếu cho các cô gái đến ướm thử, hứa sẽ lấy cô nào ướm thử vừa làm vợ.

Trong khi Ha-lớc soạn sửa ra đi, thì Ca-dong được mẹ giao cho một cuộn chỉ rồi, bắt gõ. Lại lấy một đấu vừng trộn lẫn với một đấu ngô bắt nhặt xong mới được đi. Ca-dong khóc. Thần hiện ra sai mọi giống chim, mỗi, kiến, bò cạp, gián vàng, gián đỏ đến nhặt giúp. Xong, Ca-dong lấy chiếc giày gói vào khăn ra đi một mình. Trong khi các cô gái giàu có sang trọng "kẻ thì mặt trắng rằm, người thì vú tròn như quả dưa" chen chúc ướm chân, thì Ca-dong ăn mặc rách rưới chỉ đứng nấp bên ngoài cung điện. Mọi người ướm xong, không ai vừa chân cả. Vua hỏi còn ai nữa không? Người hầu cho biết chỉ còn Ca-dong đứng nấp bên ngoài. Vua cho gọi vào ướm thử thì vừa như in. Vua sai người hầu đưa cô đi tắm và lấy làm vợ. Hỏi về gia đình, cô đáp là bố mẹ đẻ đều chết, ở với mẹ nuôi. Hỏi còn chiếc giày nào nữa thì cô đưa chiếc trong khăn ra. Vua biết đó là người có số làm hoàng hậu.

Ít lâu sau, mẹ Ha-lớc đến xin cho Ca-dong về nhà vài ngày kéo "nhớ lăm". Ca-dong về không được ăn, cũng không được ngủ trên chiếu. Sáng dậy ha-lớc rủ Ca-dong đi trảy dưa. Ca-dong trèo cây thì Ha-lớc chặt gốc. Ca-dong chuyển sang một cây khác, Ha-lớc lại chặt cây kia. Ca-dong rơi xuống hồ hóa thành rùa vàng ở dưới hồ.

Mẹ Ha-lớc đưa con đến cung nói là để thế cho Ca-dong đi đâu mất không tìm thấy. Vua nhận, nhưng tỏ ý không vui. Một hôm vua đi săn đến hồ tự nhiên thấy người buồn bã, bèn bảo dừng lại, cho người lặn xuống hồ, và rất mừng khi thấy người ấy bắt được một con rùa. Vua ôm lấy rùa đưa về cung nuôi trong chậu vàng.

Một hôm vua đi chơi. Ha-lớc bắt rùa làm thịt, quăng mai ở sau nhà. Từ cái mai mọc lên một măng tre. Thấy mất rùa, vua hỏi, Ha-lớc nói không biết. Vua hỏi thầy bói. Ha-lớc mới thú thật rằng mình có mang nên thêm thịt rùa. Vua không nói gì, chăm chút cho măng tre, nhưng rồi Ha-lớc lại chặt măng

nấu ăn khi vua đi vắng. Vua về hỏi, Ha-lớc lại đổ cho là vì có mang nên thèm ăn mẳg. Vua cũng không nói gì. Vở mẳg sau đó lại hóa thành chim bẻch (sáo) đến hót ở cung. Vua bảo: "Có phải Ca-dong thì đậu vào tay áo". Chim đậu vào tay áo, vua giữ lại nuôi. Ha-lớc lại bắt chim làm thịt ăn, quẳg lông ra đường cái. Lông chim mọc thành cây pen (thị). Vua hỏi, Ha-lớc đáp: - "Chim bay qua nôi canh đang sôi rơi vào, tôi vớt cho chó ăn". Vua cũng không nói gì.

Cây pen chỉ có một quả. Quả chín bay mùi thơm khác thường làm ai đi qua cũng thèm nhưng nhìn lên thì không thấy, trừ một bà già. Cũng như ở truyện Tấm Cám, bà già ước nó rơi xuống, và nó rơi ngay, bà đưa về rẳm vào vại.

Từ đoạn này về sau đều y như truyện của ta, chỉ thêm một tình tiết là khi bà già mời vua tới ăn cỗ, vua ăn bánh thấy giống hệt bánh Ca-dong làm ngày trước. Hỏi bà già thì bà nói vì có nhiều người làm giúp nên không biết bánh của ai. Vua ăn trầu lại thấy giống hệt trầu của Ca-dong tằm. Vua thờ dài. Ca-dong trong buồng cũng thờ dài. Nghe tiếng, vua chạy vào thì gặp vợ. Một tình tiết khác nữa là khi Ca-dong bảo người hầu đưa mẳm Ha-lớc về cho mẹ nó ăn có nhằn tin mời mẹ Ha-lớc đến chơi. Mẹ Ha-lớc đến, thấy Ca-dong lại tưởng là Ha-lớc, nói rằng: - "Có phải con mời mẹ đến chơi không?". Ca-dong đáp: "Không". Mẹ Ha-lớc mới biết là Ca-dong còn sống, thẹn trở về. Ăn gần hết mẳm thấy có bàn tay (không phải đầu lâu), mụ nhận ra chiếc nhằn của con gái mình mới biết là con đã chết [10].

Người Khmer có truyện *Nàng Can-tóc và nàng Song Ang-cát* rất gần với truyện của ta và của Cham-pa, chỉ khác không có đoạn cuối:

Một người đàn ông góa vợ có một con gái tên là Can-tóc (xinh), lại lấy vợ kế có con riêng là Song Ang-cát (đầu mẩu củi). Ở đây cũng có tình tiết

người bố bảo hai con bắt cá, ai được nhiều hơn thì làm chị. Song Ang-cát chỉ bắt được một con cá quả bằng ngón tay nhưng bằng mẹo xách hộ, hắt tráo lấy giỏ cá đầy của Can-tóc về trước để giành làm chị. Thấy Can-tóc khóc, một pháp sư hiện ra bảo thả con cá quả xuống ao, hàng ngày bỏ cơm cho ăn và gọi: "Quả đẹp quả xinh, lên ăn cơm lành, cho mau chóng lớn". Khi phát giác ra việc nuôi cá do con gái mách, người dì ghẻ giấu nồi cơm. Can-tóc phải ngâm cơm ở miệng đem cho cá. Dì lại bắt ăn xong phải há miệng. Can-tóc giấu cơm vào tóc. Mụ lại cấm không cho ra ao. Sau đó, mụ định bắt con cá, nhưng không làm sao gọi được nó lên, bèn thả lỏng Can-tóc để rình xem cách cô gọi cá. Nhờ vậy mụ mới bắt được. Mất cá, Can-tóc khóc lóc, vị pháp sư lại hiện ra bảo nhặt xương bỏ dưới gầm giường. Đặc biệt có tình tiết pháp sư hiện ra lần nữa bảo ở gầm giường có một đôi giày chỉ nên lấy một chiếc cất đi. Can-tóc làm theo. Chiếc kia bị Song Ang-cát nhặt nhưng không biết làm gì, bèn vứt qua hàng rào. Một con quạ bay qua cắp lấy bay đi, thả xuống sân nhà vua.

Thái tử theo tục lệ phải lấy vợ mới được lên ngôi. Nhân nhặt được chiếc giày đẹp, thái tử hứa ai đi vừa sẽ lấy làm vợ. Song Ang-cát đến thử không vừa. Nhận ra đó là giày của Can-tóc, hắt bảo mẹ không cho Can-tóc đi thử. Can-tóc bị dì giam lại, nhưng lừa lúc mọi người ngủ say, cô trốn đi. Người bố cô về hòa với dì ghẻ hành hạ con. Cô bị bố đi tìm bắt về đánh đòn. Không chịu được, cô nhịn ăn. Người bố bèn rắc gạo đầy sân cỏ, bảo nhặt sao cho đầy bình sẽ cho đi. Trong hai ngày kiên nhẫn nhặt gạo, cuối cùng bố cô phải cho đi. Khi ướm chân vào giày thì vừa khít. Can-tóc mở gói lấy chiếc thứ hai ra. Lập tức thái tử rước vào cung làm vợ.

Nghe lời vợ xúi giục, bố Can-tóc viết thư xin vua cho hoàng hậu về thăm mình, rồi nhân lúc Can-tóc tắm, dội nước sôi vào người cô. Rồi ông bảo Song Ang-cát mặc áo của Can-tóc vào cung, giả làm hoàng hậu. Vua biết có sự lộn sòng, nhưng không nói gì. Từ đó vua trở nên buồn bã, thường đi chơi cho khuây khỏa.

Chỗ chôn Can-tóc mọc lên một cây chuối. Người bố chặt cây chuối nhưng lúc trở lại, ở chỗ gốc chuối đã mọc lên một cây tre. Sợ quá, hấn ngã xuống sông, bị sấu ăn thịt. Thấy tre có bóng mát, vua đến nghỉ. Tre rủ cành che và quạt cho vua ngủ. Vua quyến luyến cây tre, ngày nào cũng đến đấy nghỉ. Can-tóc hiện ra khẽ chạm vào người vua mấy lần. Và cũng mấy lần vua tỉnh giấc. Cuối cùng hai vợ chồng gặp nhau, cùng nhau cười vui về cung. Thấy thế Song Ang-cát bỏ chạy vào rừng. Từ đấy không ai còn thấy mẹ con hấn [11].

Trước khi tìm hiểu một số dị bản khác của truyện *Tấm Cám*, cần phải thấy *Tấm Cám* là một trong những truyện cổ tích phổ biến nhất thế giới. Mê-lê-tin-xki (Mélétinski) trong *Nhân vật trong truyện cổ tích thần kỳ* xuất bản ở Mat-xơ-va năm 1958 cho biết, con số dị bản của truyện *Tro bếp* (tên nhân vật chính của loại truyện *Tấm Cám* ở châu Âu) trên thế giới đã lên đến năm trăm và còn có thể nhiều hơn nữa. Tuy nhiên, theo chúng tôi, truyện của ta cũng như truyện của Cham-pa, v.v... cũng là loại dị bản đặc biệt. Nếu một truyện cổ tích có thể phân đoạn được thì truyện *Tấm Cám* của ta có thể chia làm ba đoạn, mỗi đoạn có một chủ đề với những hình tượng như sau:

1. Mâu thuẫn giữa dì ghẻ và con chồng tập trung quanh hình tượng chủ yếu là con cá bống và đôi giày.
2. Những cuộc tái sinh của Tấm xoay quanh hình tượng chủ yếu là con chim vàng anh và quả thị.
3. Cuộc báo thù của Tấm với hình tượng lọ mỡ làm bằng thịt con Cám, trong đó có cái đầu lâu con Cám.

Những truyện của các dân tộc thường chỉ có một hoặc hai đoạn có thể kết

hộp hay không với một vài hình tượng của truyện khác.

Trước hết, cũng nên nói đến một loạt dị bản mà trong đó sự khác biệt với truyện của ta là ở chỗ, trong đoạn đầu còn có thêm nhân vật bà mẹ cô Tấm. Bà cũng bị giết và hóa thành một bà tiên hay một con vật gì đó thỉnh thoảng lại hiện lên giúp Tấm vượt qua những khó khăn mà mẹ dì ghẻ gây ra cho nàng.

1. Truyện của đồng bào Tày *Tua Gia Tua Nhi* cũng có đủ ba đoạn như truyện của ta. Ở đây bà mẹ là nàng tiên.

Có hai chị em, chị là Tua Gia đẹp và hiền, em là Tua Nhi con gái riêng của dì ghẻ, thì trái lại. Mẹ Tua Gia là vợ cả bị chồng giết chết sau một chuyến đi bắt ếch (y bỏ ếch vào giỏ rách, ếch lọt ra ngoài hết, lại tưởng là vợ tham ăn, không để dành cho mình). Chỗ này giống như truyện *Nàng Khao Nàng Đăm* (Khảo dị truyện số 12, tập I). Tua Gia từ đấy bị dì đối xử tệ, thường đặt điều để hành hạ, như bảo đi múc nước bằng ống bưng thủng (nhưng nhờ qua bảo giúp nên không việc gì), hay bảo bưng nồi cháo nóng (bỏng tay làm đổ hết thức ăn). Từ đấy về sau không được ăn no. Nhưng nhờ một nàng tiên bí mật hiện ra bảo các con vật mang thức ăn đến cho. Tua Gia ăn, nên nàng vẫn không gầy ốm. Một hôm nàng gặp hoàng tử trong khi đi chăn vịt, hai bên yêu nhau, cùng nhau hát lượn và tặng trầu. Lúc về thì dì thấy đỏ môi, hỏi thì đáp là "vì ăn cứt vịt". Dì bảo Tua Nhi giành lấy công việc chăn vịt để được như Tua Gia, nhưng Tua Nhi chẳng thấy môi đỏ tý nào. Chỗ này giống với truyện *Côi, cô gái mồ côi* (Khảo dị truyện số 12, tập I). Một hôm Tua Gia chăn vịt gặp một bà cụ nhờ nhổ tóc bạc. Thấy đầu cụ có se, hỏi mới biết đó là mẹ mình. Mẹ đưa con về thủy phủ, cho con ăn ngon và cho một con gà về nuôi. Cũng như hình tượng cá bống, gà nuôi lớn, dì sai nàng đi lấy củi rừng xa, ở nhà bắt làm thịt ăn, quăng xương ra bờ ao. Ra sông ngồi khóc, nàng lại gặp mẹ, mẹ trao cho một cái hộp nhỏ, bảo bỏ xương vào rồi chôn dưới chân giường. bảy ngày sau cô đào lên thì thấy có

giày áo đẹp. Tua Nhi hỏi vì sao mà có, thì nàng đáp: - "Đem áo quần cho trâu ăn, rồi thò tay vào đít trâu sẽ lấy ra được đồ đẹp". Tua Nhi làm theo nhưng chẳng được gì, lại mất hết áo xống, trần như nhộng chạy về.

Hoàng tử nhớ Tua Gia, bèn cho mở hội "bắt cá" (bư-pia) buộc nam nữ đều phải tham dự. Vì dì bắt Tua Gia đi muộn nên hoàng tử không gặp. Lần thứ hai hoàng tử nhân hội chợ, lại ra lệnh cho mọi người đi dự. Mụ lại trộn vừng vào gạo bắt Tua Gia nhặt xong mới cho đi. Mặc dù có nàng tiên sai sóc xuống giúp, nhưng nàng cũng đến muộn nên lại không gặp. Tua Gia về qua cầu đánh rơi giày xuống suối. Hoàng tử nhặt được, cho người loan báo cho tất cả các cô gái đến ướm chân. Cuối cùng chỉ có Tua Gia ướm vừa, nhưng dì nàng không bằng lòng, bắt phải thử thêm bằng cách đặt cáng dưới mái nhà để cho hai cô lăn từ trên nóc xuống, ai rơi vào cáng thì lấy được hoàng tử. Tua Nhi thử trước, lăn bịch xuống đất. Tua Gia lăn đúng vào cáng, mụ dì đành để nàng lấy hoàng tử.

Sang đoạn thứ hai và thứ ba thì giống với truyện của ta, nhưng cũng có tình tiết khác: Một hôm bố ốm, dì nhả Tua Gia về. Ở đây Tua Gia cũng trèo cây hái quả cho dì. Thấy bố chặt gốc, nàng van khóc, bố bảo cởi áo quần ném xuống thì thôi, nhưng tuy con đã ném xuống, bố vẫn cứ chặt. Cây đổ, Tua Gia chết. Tua Nhi đóng bộ vào giả làm Tua Gia đến với hoàng tử, nói là mình phải trông nom bố nên hốc hác. Mặc dầu con không nhận mẹ, và hoàng tử tỏ ý hững hờ, nhưng Tua Nhi cứ ở lại với hoàng tử.

Tua Gia hóa thành chim yểng bay đến hỏi người chăn ngựa xem hoàng tử có còn nhớ vợ cũ nữa không. Thấy yểng, hoàng tử cũng hỏi: - "Yểng à, có phải Tua Gia, chui vào tay áo", yểng bay đến, hoàng tử đưa về buồng. Yểng biến thành Tua Gia, kể lại mọi việc và dặn cứ để yên xem Tua Nhi làm những gì. Từ đấy đêm là Tua Gia, ngày là yểng. Chỗ này khác với truyện của ta. Một hôm Tua Nhi nhìn vào buồng thấy Tua Gia thì nổi ghen, bèn chờ dịp giết chết yểng, vùi vào gốc tre. Từ đấy mỗi khi hoàng tử đi qua thì

cây tre cúi xuống vuốt ve, còn Tua Nhi đi qua thì nó cào xước mặt mũi. Tua Nhi chặt tre làm cọc màn, cọc đâm vào tay mỗi lần mắc màn. Lại ném vào lửa, cọc tỏa khói làm cay mắt. Một bà lão đến xin lửa, cầm cọc màn chạy về. Chỗ này giống với tình tiết trong *Vợ chàng rắn* (Khảo dị truyện số 128, tập III). Đưa về nhà cọc biến mất, chỉ để lại hai quả trứng. Rồi cũng có hai cô gái từ trứng chui ra dọn dẹp, lo cơm canh cho bà lão mỗi lần bà lão vắng nhà. Bà lão cũng giả tảng đi vắng, bất chợt nửa đường lộn về bắt gặp cả hai cô. Đó là Tua Gia và nàng hầu. Tua Gia bảo bà mời hoàng tử tới ăn cơm. Hoàng tử bắt phải trái lựu làm đường đi. Tua Gia bảo bà trái lá chuối rồi hóa phép biến thành lựu. Hoàng tử đến ăn thấy món ăn giống những thứ Tua Gia dọn cho mình ngày trước nhưng vẫn chưa gặp vợ. Nhờ có con mèo tha cái đùi gà, đứa con đuổi theo chạy vào buồng thì nhận ra mẹ nó. Hai người gặp lại nhau. Đoạn sau Tua Gia giả làm cô hàng bánh, bày cho Tua Nhi làm đóm bằng cách nhảy vào nồi nước sôi. Và cũng như hình tượng của các truyện trên, Tua Gia cũng làm mắt Tua Nhi gửi về cho dì và bố. Một con quạ bay đến hỏi "ăn thịt con gái có thơm không?". Mụ sinh nghi, tìm thấy đầu lâu con, mụ lăn ra chết. Người bố cũng đi lang thang chết ở xó rừng [12].

Ở một truyện khác của Pháp, người mẹ cũng là bà tiên:

Một lãnh chúa góa vợ, có một con gái vì làm việc bên bếp gọi là Tro Bếp. Vợ kế của lãnh chúa có hai đứa con, thường cay nghiệt với con chồng. Mẹ đỡ đầu của cô này dặn nàng hãy chú ý có sai bảo gì thì làm bộ bắt chấy rồi lén bỏ muối vào bếp cho nổ lép bép, chúng sẽ dễ yên. Quả nhiên, chúng tưởng là chấy như sung nên hét lên: - "Chớ có đến gần chúng tao". Một hôm mẹ con mụ đi dự hội, Tro Bếp cũng muốn đi, nhưng mụ đã đổ một túi đậu giữa bếp và bắt nhặt không được sót một hạt. Đang nhặt thì mẹ cô là tiên xuất hiện. Bà dùng đũa thần làm cho những hạt đậu trở về túi. Lại dùng đũa chạm vào người cô, tự nhiên hóa thành một cô gái xinh đẹp, áo quần trang sức đắt tiền, giày bằng thủy tinh. Bà dặn con phải về trước khi lễ tan.

Cô nghe lời, cho nên khi mẹ con mù đi về thì cô đã làm việc dưới bếp như thường lệ. Chúng khoe với cô là có một cô gái áo quần đẹp lắm. Chủ nhật sau lại đi lễ, mù đi lại đổ một túi tro khắp nhà bắt cô hốt sạch, nhưng bà tiên lại hốt hộ và ban cho mọi thứ để đi dự hội. Hoàng tử gặp, đuổi theo cô. Khi bước qua bậc thềm nhà thờ, cô đánh rơi một chiếc giày, hoàng tử nhặt được, hỏi khắp nơi không ai biết. Bèn sai người đi từng nhà ướm thử, hẹn ai vừa thì lấy làm vợ. Hai chị em con mù đi cũng thử, cô chị đi không vừa, cô em cắt bớt gót, cố nhét chân vào. Lúc đưa cô này đến nhà thì hoàng tử nghe một con chim hót vạch rõ sự thật và chỉ chỗ Tro Bếp ở. Mù đi nói: - "Đừng có nghe con chim chết tiệt!". Hoàng tử nghe chim hót lần thứ hai bèn tìm đến thì gặp Tro Bếp. Cô rút một chiếc giày kia ra đi vừa vặn. Trước khi hoàng tử rước cô, bà tiên mẹ cô lại xuất hiện, bà gõ chiếc đũa, cô có áo đẹp rực rỡ [13].

2. Ở truyện *Con rùa* của Miến-điện (Myanmar) thì người mẹ là một con rùa:

Vợ chồng một người đánh cá có một cô gái đẹp tên là Bé. Một hôm hai vợ chồng đi đánh cá. Bắt được con cá nhỏ, vợ bảo để cho con ăn. Lại được con thứ hai, con thứ ba, vợ cũng nói như vậy. Chồng nổi giận đánh vợ một mái chèo. Vợ ngã xuống biển chết, sau đó hóa thành một con rùa lớn. Ít lâu sau, người đánh cá lấy vợ kế là một phù thủy, mù có cô con gái xấu xí. Thấy Bé đẹp, mẹ con mù ghen ghét ra sức hành hạ, nhưng người bố không quan tâm. Một hôm Bé ra bờ biển ngồi, bỗng con rùa nổi lên nhìn cô mà khóc. Bé đoán là mẹ, ôm chầm lấy rùa. Từ đó chiều chiều Bé ra biển thì rùa lại nổi lên. Mù đi ghẻ biết chuyện, bèn giả ốm, lấy bánh đa bỏ dưới chiếu nằm lên, nói là xương bị gãy, lại đút tiền cho thầy lang, bảo thầy cứ nói ăn thịt rùa mới khỏi. Mù bảo chồng theo Bé ra bờ biển, lúc rùa nổi lên thì bắt giết thịt. Bé không ăn thịt rùa nhưng lại nhặt xương rùa đem chôn, khẩn xin một cây có quả vàng quả bạc. Cây mọc lên như lời. Một hôm vua đi qua thấy cây lạ, hỏi của ai. Mù đi ghẻ nói là của con gái mình, nhưng khi con gái

trèo lên thì không sao hái được. Láng giềng cho vua biết đó là cây của Bé. Bé đến ngồi dưới gốc khấn: - "Nếu cây này của ta thì quả rụng vào lòng ta". Quả vàng quả bạc liền rụng xuống. Vua bèn rước Bé về làm hoàng hậu. Mụ dì ghẻ viết thư xin lỗi Bé và mời Bé về thăm nhà. Về đến nhà, Bé dặn lính hầu tháng sau đến đón. Ở nhà được mấy ngày, một hôm mụ dì ghẻ giả vờ đánh rơi thìa trong bếp cho Bé cúi xuống nhặt rồi hắt nước sôi vào đầu. Bé chết, biến thành bồ câu trắng bay đi. Khi lính đến đón hoàng hậu thì con gái dì giả làm Bé. Thấy hoàng hậu mặt đỏ, vua hỏi, thì đáp liều là mới bị bệnh đậu mùa, hỏi tại sao bây giờ trán lại đỏ ra, đáp là vì đầu óc luôn nghĩ đến vua, hỏi tại sao mũi lại dài, đáp là vì nhớ vua, khóc nhiều, phải vuốt mũi luôn. Vua lại bảo thử dệt áo cho vua xem. Đang khi lúng túng vì không biết dệt thì bồ câu trắng (tức là Bé) thương chồng, dùng mỏ dệt thành áo đẹp. Nó chờ chim dệt xong, cướp lấy áo dâng vua, lại lấy thoi ném chết chim. Sai làm thịt đưa vua ăn. Vua thương bồ câu không nở ăn, những người hầu cũng không ăn, họ đem chôn. Hôm sau ở chỗ ấy mọc lên cây đu đủ. Có hai vợ chồng bà lão bán củi nghỉ dưới gốc, tự nhiên quả đu đủ rơi vào bọc bà lão, bà đưa về rửa, đợi chín xẻ ăn. Về sau một cô gái cũng từ quả đu đủ hiện ra, dọn nhà nấu cơm khi vợ chồng ông lão vắng mặt, rồi họ cũng giả vờ đi vắng, nhưng nửa đường bất chợt lộn về giữ lấy cô gái. Sau đó họ đưa cô gái - tức Bé - vào cung tâu bày với vua mọi việc của mẹ con mụ dì ghẻ. Hoàng hậu giả không nhận tội, xin vua mời thần linh phán xử theo tục lệ. Người ta trao cho bị cáo (hoàng hậu giả) một cây gươm sắt. Còn nguyên cáo (Bé) một cây gươm gỗ để đấu với nhau. Nhưng gươm sắt của hoàng hậu giả bỗng nhiên rơi xuống mềm nhũn, còn gươm gỗ của Bé lại biến thành gươm sắt bay ra chém đứt đầu đối phương. Đoạn cuối cùng giống truyện của ta: vua sai làm thịt hoàng hậu giả ướp muối đem biếu mụ dì ghẻ. Mụ cùng chồng ăn khen ngon. Bỗng mụ kêu lên: - "Đây là ngón tay, giống tay con ta!". Rồi lại kêu: - "Kia là ngón chân, giống chân con ta!". Nhìn vào hũ mắm thấy cái mặt đỏ, mụ thét: - "Đích là con ta!". Chồng cho là mụ nói nhảm đánh cho một trận [14].

3. Truyện Thái Lan *Con cá vàng* cũng gần gũi với truyện Miến-điện. Người mẹ ở đây chính là con cá vàng.

Một người đánh cá có hai vợ và ba con gái. U-ay là con vợ cả. Ai và Le là con vợ lẽ. Một hôm, chồng cùng vợ đi đánh cá. Kéo mãi lưới chỉ được con cá nhỏ. Vứt đi, cũng lại con cá đó mắc lưới. Vợ xin đưa về cho con. Chồng ghét vợ sẵn, cho là vợ xấu vía nên hôm nay không được gì, toan đánh thì vợ ngã xuống nước chết. Bối vè, U-ay nghe nói mẹ chết thì khóc lóc. Từ đấy cô thường bị bố và dì ghẻ hành hạ.

Một hôm cô ra bờ sông ngồi khóc mẹ thì một con cá vàng nhỏ bơi lại tự nhận là mẹ. U-ay mang cá về nuôi ở giếng. Việc cũng xảy ra như truyện của ta: Ai biết chuyện, mách mẹ, mẹ bảo U-ay mai đi chăn bò đồng xa, rồi cũng bắt cá làm thịt ăn, xương xẩu vứt cho chó mèo ăn sạch. Khi U-ay về thì một con vịt mách mọi chuyện và đưa cho cô một chiếc váy cá còn sót lại. Đem chôn ở rừng, vảy mọc lên hai cây ma-khua. Mụ dì hay chuyện, lại chặt lấy quả ăn, vứt hột. Vịt nhặt đưa cho U-ay. Đem gieo vào rừng sâu mọc lên hai cây bồ đề, một cây lá vàng, một cây lá bạc.

Vua đi săn thấy cây quý, cho người hỏi, mới hay là do U-ay trồng bèn lấy nàng làm vợ. Vua cho voi nhổ cây đưa về trồng như không nổi, chỉ có U-ay đến gần cúi lạy thì nhổ được ngay. Ở đây cũng có tình tiết mụ dì ghẻ nhử U-ay về thăm bố ốm, cô bị thụt sào rơi vào nồi nước sôi do mụ bày, chết. Ai cũng mặc áo quần giả làm U-ay vào cung, Còn U-ay biến thành chim chào mào. Gặp vua, chim nói vào tai, trách vua say vợ mới quên cây bồ đề đã héo chết, rồi kể vua nghe mọi chuyện. Vua làm lồng vàng cho chim ở. Nhưng một hôm vua đi vắng, ở nhà Ai bắt chim làm thịt, ở đây chim giả vờ chết thoát được lọt vào hang một con chuột nhờ chuột đưa ra khỏi cung vua. Cuộc hành trình vất vả vì gặp con rắn toan ăn thịt, nhưng rồi cũng thoát nạn chạy được vào nhà một pháp sư. Nhờ phép của pháp sư, chim lại

hóa thành U-ay. Pháp sư cho một đứa trẻ về kinh gặp vua, vua thấy ở cổ có một cái khăn quàng trên có ghi chép mọi việc về U-ay bèn cho người đi đón về. Ai và đầu bếp bị vua bắt uống thuốc độc chết. U-ay xin tha nhưng không kịp. Rồi vua cũng sai làm thịt Ai cho bố mẹ nó ăn. Ăn xong hai người sợ quá chạy vào rừng.

Một vị đạo sĩ cho vua biết kiếp trước của U-ay là kẻ đã giết một con gà mẹ, còn gà con thì bắt cho con chơi, đánh rơi vào nồi nước sôi nên phải chịu quả báo như vậy. Kiếp trước của bố nàng là một con vẹt và mẹ nàng là một con mèo. Vì ghen tức vẹt được chủ yêu, mèo bèn rình lúc vắng chủ vật chết vẹt, nên cũng chịu quả báo trên [15].

4. Ở một số truyện của người Thái, Tày, Nùng, thì mẹ cô gái nạn nhân của mù dè ghẻ, đáng lý là rùa hay cá, lại là hổ. Ví dụ truyện *Ồ PênỒ Kín* của đồng bào Nùng:

Có hai chị em cùng cha khác mẹ làỒ Pên,Ồ Kín. MẹỒ Kín đẹp, lại được chồng yêu, trái lại mẹỒ Pên bị chồng ghét, bắt làm mọi công việc nặng. Sau đó, một hôm bà bị chồng đánh chết quăng lên rừng.Ồ Pên từ đó phải làm mọi việc, kể cả việc đêm đêm phải lên rừng canh nương. MẹỒ Pên hóa thành hùm tinh, thường đến giúp đỡ con, lại bắt thịt rừng cho con ăn.

ThấyỒ Pên nói nhờ hùm tinh mà lại trở nên béo tốt, dè ghẻ choỒ Kín đi canh nương thay, nhưng đã không được gì của hùm tinh, trái lại bị hùm tinh tát chết kéo vào buồng đắp chiếu lại. Một con quạ bay về báo tin: "Quạ quạ, con mày chết đêm qua". MẹỒ Kín không tin, cho rằng con mình đang được hùm tinh cho thịt ăn và tặng mọi thứ. Quạ bảo đến lần thứ ba, mẹ mới cùng chồng chạy lên. Khi biết sự thật thì hùm tinh đã nấp ở góc nhà ra cắn chết cả hai [16].

Ở truyện của đồng bào Thái Ý Uời Ý Noọng cũng gần với truyện của Thái Lan (hình ảnh con hổ vẫn còn nhưng đã tách ra khỏi bà mẹ). Truyện có hai chị em cùng cha khác mẹ, chị là Ý Uời, em là Ý Noọng. Ý Uời cũng bị dì ghẻ hành hạ. Một hôm, người bố sai hai con đi xúc cá, hứa ai xúc được nhiều thì khen. Ý Noọng vừa xúc vừa chơi không được gì, lừa Ý Uời: - "Đầu lăm cứt trâu, xuống gọi đi kéo về bố mắng". Rồi chờ cho Ý Uời hụp xuống nước, cướp lấy giỏ cá về trước. Đến đây, truyện mở ra một hướng khác, gần giống truyện của người Nùng: vì không xúc được cá, Ý Uời bị đánh đuổi, phải đem chó chạy vào rừng, đêm ngủ trong túp lều lợp bằng lá chuối. Có một con hổ tới đòi ăn thịt, và sau đó thương Ý Uời, nó ăn chó thay người, lại dặn hãy tìm đến hốc đá, nơi nó thường ỉa. Sáng dậy, Ý Uời tìm đến thì thấy có áo quần trang sức. Mặc xong, nàng gặp chúa đất "tạo" Khôn Chương (hay Khum Chương) đi săn. Tạo thấy đẹp đưa về làm vợ, sinh được một con trai.

Tiếp đến là đoạn Ý Uời về thăm bố cũng bị mẹ con Ý Noọng xui trò cây bồ quân hái quả. Đang trò thì mẹ dì chặt gốc, nàng hỏi cũng trả lời là "dì đuổi kiến cho con". Cây đổ, Ý Uời rơi xuống ao chết. Xác bị cá rĩa hết chỉ còn miếng phổi hóa thành chim gáy. Trong khi đó Ý Noọng mặc quần áo của chị đến với tạo. Chim gáy đến hót, tạo rút gươm hỏi: - "Có phải vợ ta thì đậu lên gươm". Chim đậu, tạo đem về nuôi trong một cái lồng đẹp. Chim nhức Ý Noọng dệt vải hay đứt, bị Ý Noọng ném cái thoi chết, quăng vào lửa. Một bà già đi xin lửa thấy chim tưởng là than, bèn cầm về, vô tình đánh rơi vào chậu nước, chim lại hóa thành người. Nàng ở với bà cụ dệt vải. Một hôm con tạo đi chơi qua gầm sàn, nàng bỗng đánh rơi thoi, thò tay xuống nhờ nhặt. Đứa bé thấy cánh tay, nhận ra mẹ mình bèn về mách bố. Hai vợ chồng lại sum họp (tình tiết này cũng giống truyện *Nàng Khao Nàng Dăm*). Kết thúc truyện giống hầu hết các truyện đã kể. Và cũng giống Nàng Dăm, Ý Noọng theo lời Ý Uời tắm nước sôi cho được đẹp, bị chết bỏng,

sau đó xác bị làm mắm gửi về cho mẹ nó. Ăn gần hết thấy đầu lâu con, mẹ ngã lăn ra chết [17].

Tóm lại, các truyện của Tày, Thái *Ý Uời Ý Noọng*, *Ý Uời Ý Ôi*, *Ý Đón Ý Đăm* cũng giống với *Ò Pên Ò Kin*, *Nàng Khao Nàng Đăm* đều cùng chung một cốt truyện và chi tiết đặc thù nổi bật trong đó, so với loại hình Tấm Cám nói chung, là sự có mặt của một bà mẹ hổ.

5. Ở truyện của người Mèo, *Gầu Nà* (gái cô) và nhiều truyện khác thì mẹ nhân vật lại là bò.

Mẹ Gầu Nà vì gia đình thiếu bò bèn hóa ra bò cho chồng cày ruộng. Hàng ngày ra đồng, bò hóa thành người, giúp đỡ con xe lanh, bắt chấy, tối lại hóa thành bò trở về nhà. Cho đến khi người bố lấy vợ kế, vợ kế ghét Gầu Nà vì nàng đẹp hơn và se lanh giỏi hơn con riêng của mình là Gầu Rềnh. Một hôm đi hỏi vì sao se lanh nhiều và đẹp. Gầu Nà cũng đáp như Cô trong truyện của người Thổ và Tua Gia trong truyện của người Tày: - "Bò đá thì uống, bò ỉa thì ăn, tự nhiên lanh se hết". Nhưng Gầu Rềnh nuốt hết cứt đá bò đến hết nửa mà lanh vẫn se không nên, bèn thọc tay vào đít bò, liền bị bò lôi đi khắp nơi đau không tả xiết. Thấy thế, dì loi Gầu Nà ra đánh, rồi giả ốm lấy lời thần bảo chồng phải giết con bò cúng thần mới lành. Thế là mẹ Gầu Nà bị giết.

Một hôm ngày hội, mẹ con Gầu Rềnh trước khi đi dự bắt Gầu Nà phải ngồi nhặt riêng đậu với gạo, xong mới được đi. Đang nhặt, nàng bỗng nghe tiếng gọi, một cái gói xuất hiện ở máng cỏ có đủ áo quần trang sức và giày. Chàng trai Nù Náng mấy lần gặp Gầu Nà nhưng lại mất hút. Lần thứ ba, chàng rắc tro, Gầu Nà chạy vội rơi mất giày, Nù Náng nhặt được đem thử chân mọi người không vừa, mãi đến Gầu Nà mới vừa, bèn xin lấy làm vợ. Nhưng dì ghẻ lại tìm cách gièm pha (ví dụ lấy vừng rang nói Gầu Nà nhiều

rận). Biết thế, Nù Náng trả miếng lại mụ (lấy hạt lanh rang nổ to hơn để nói rận Gầu Rềnh to). Ngăn trở không được, mụ tìm cách đánh tráo. Đợi hai người ngủ say, mụ bế Gầu Nà ra chỗ khác thay Gầu Rềnh vào, nhưng Nù Náng biết lại lén mang Gầu Nà về. Mụ dì không ngờ có việc ấy, bèn lấy sáp ong gắn mắt lại không biết đây là con mình. Mờ sáng hai người trốn đi, khi mụ dì biết con mình bị đánh tráo thì đã không kịp.

Đoạn thứ hai, nhờ quạ chỉ, Gầu Rềnh cũng tìm được đến với Nù Náng. Một hôm Gầu Rềnh rủ Gầu Nà ra suối tắm, rồi cầm dao đâm chết, khi về tự nhận mình là Gầu Nà. Ở đây Gầu Nà cũng hóa thành chim "là lầy" bay về với chồng và con. Lại bị Gầu Rềnh giết, rồi lại tái sinh làm ba cây bương. Bương lại bị chặt, đốt thành tro. Một bà già Đàng Pa (bà Ma) đến xin tro, về sàng nhặt được một cái nhẫn, bèn bỏ vào hũ. Một cô gái cũng từ cái hũ hiện ra dọn cơm canh cho bà, về sau cũng bị bà rình bắt được. Bà đập vỡ cái hũ để cô khỏi biến đi và bắt đi chăn bò. Cô gái (tức Gầu Nà) gặp lại con, nhờ đó vợ chồng tái ngộ, nhưng bà Đàng Pa không cho lấy. Bụt vẽ cho cách cưỡi ngựa cướp vợ và tung tro ốt ra sau để cho bà Đàng Pa không đuổi được. Đoạn thứ ba kết thúc, cũng như các truyện trên. Gầu Nà bày cho Gầu Rềnh đổ nước sôi lên người cho đẹp. Gầu Rềnh chết. Gầu Nà cắt thịt làm cỗ mời dì đến ăn. Ăn xong, mẹ vào thăm con gái, mở chiếu ra chỉ thấy một cặp vú và một con lợn, mụ lẫn ra chết. Nhưng hồn mẹ con lập tức hóa thành hai cây gạo to ngăn cách hai vợ chồng Nù Náng không cho gặp nhau, hễ đục cây thì lỗ thủng liền lại ngay. Nù Náng bèn hóa thành cỏ tùa túa (một loại lanh), Gầu Nà hóa thành ong "mua", đưa con hóa thành chim lượm có mỏ dài. Loại chim này thường đến ăn mật ong mà ong không đốt vì theo người kể ong là mẹ nó [18].

Có nhiều truyện từ khắp Á, Âu, Phi có chung mô-típ mẹ cô gái mồ côi bị biến thành bò.

Truyện Trung-quốc:

Một cô gái bị dì ghẻ hành hạ. Mẹ cô bị biến thành bò cái. Cô phải làm nhiều việc lao động khó nhọc nhưng đều vượt qua được nhờ có bò giúp sức. Biết thế, mẹ dì ghẻ cho giết bò ăn thịt. Cô gái theo lời bò, nhặt xương cất đi. Sau đó cũng nhân ngày hội, hai mẹ con dì ghẻ đi xem hội. Cô gái tìm thấy quần áo đẹp ở chỗ cất xương bò. Cô đi xem hội, gặp quan Trạng và được ông này lấy làm vợ.

Truyện Ấn-độ:

Một người đàn bà bị người vợ kế của chồng hóa phép biến thành bò. Nhờ mẹ bò, cô gái mồ côi làm xong những việc khó khăn mà dì ghẻ giao cho. Kế đó cũng nhờ mẹ bò, cô có đồ trang sức đi dự hội nhưng nửa đường đánh rơi chiếc vòng đeo mũi xuống sông. Một con cá nuốt chiếc vòng về sau rơi vào tay đầu bếp của nhà vua. Khi vua ăn cá thì bắt được chiếc vòng. Vua cố tìm ra chủ nhân chiếc vòng, tìm được bèn lấy làm vợ. (Xem thêm một dị bản khác ở trang 1194 trong cùng Khảo dị).

Truyện của người Mô-rơ (Maures) châu Phi:

Một mẹ phù thủy biến người vợ trước của chồng thành một con bò cái rồi nói với chồng rằng vợ cả đã bỏ theo trai. Từ đó hai anh em con của người vợ cả bị dì ghẻ hành hạ, ăn không đủ no. Nhưng nhờ bò ngày ngày cho bú nên chúng vẫn béo tốt. Mẹ phù thủy biết thế, bèn xui chồng giết bò ăn thịt rồi vùi xương ở vườn. Từ chỗ chôn xương mọc lên một cây cọ có quả giống như cái vú người. Hai anh em hàng ngày trèo lên bú quả đó. Con gái mẹ dì ghẻ nhìn thấy thế, bèn về mách mẹ. Mẹ bèn chặt cây nhưng cây vẫn trơ trơ bất động. Sau cùng mẹ phải dùng phép nhấc cây lên. Khổ quá, hai anh em trốn đi, đến một con suối. Hễ ai uống nước suối này vào đều bị biến dạng, mắt nhìn thấy vật gì thì biến thành vật đó. Người anh sau khi uống

nước suối, vừa nhìn thấy con hươu nên hóa ra hươu. Cô em gái cùng hươu đi mãi đến một cái giếng. Hôm ấy hoàng tử đang làm lễ tắm gội ở giếng, thấy có cô gái đẹp bèn lấy làm vợ. Nghe tin, mẹ phù thủy đến, nhân lúc vắng đây cô gái xuống giếng rồi đem con gái của mình thay vào làm vợ hoàng tử. Nhờ được thần giúp đỡ nên cô gái rơi xuống giếng nhưng không chết. Nhờ có hươu chạy quanh giếng gọi em nên hoàng tử gặp lại vợ và con mình. Truyện cũng kết thúc bằng hình ảnh một vạc nước sôi do hoàng tử nấu lên rồi ném mẹ con phù thủy vào đó.

Về tình tiết anh hay em cô gái hóa thành con vật (hươu hay chiên) xem truyện của người Ác-mê-ni (Arménie) (Khảo dị truyện số 12, tập I).

Truyện của Xéc-bi (Serbie):

Cô gái Tro Bếp có một bà mẹ bị thuật phù thủy biến thành bò cái. Hàng ngày cô phải đi chăn bò và kéo một số sợi nhất định, nhưng nhờ có bò giúp, ngày nào cô cũng hoàn thành. Dì ghẻ biết chuyện, liền giết bò. Trước khi chết, bò dẫn cô thu thập xương chôn lại một nơi, về sau muốn gì thì đến đấy mà ước sẽ được. Sau đó cô tìm thấy ở đấy có áo quần trang sức mà cô đang ao ước để mặc đi xem hội, trong đó có cả một đôi giày. Cô cũng vô tình đánh rơi giày, hoàng tử nhặt được, mang giày đi thử khắp nơi. Khi hoàng tử đến nhà cô, người dì ghẻ giấu cô dưới một đồng củi, chỉ cho con gái riêng ra tiếp mà thôi. Nhưng việc thử giày không có kết quả. Hoàng tử vừa bước chân ra cửa thì một con gà bỗng gáy lên: - "Cộc cồ cô, có cô gái dưới đồng củi khô". Hoàng tử phát hiện thấy Tro Bếp, thử giày thì vừa vặn, hai người bèn kết duyên.

Ở truyện Thổ-nhĩ-kỳ (Turquie) còn có cả bóng dáng bà tiên: Một bà thầy pháp mỗi ngày giao cho đám học trò gái mỗi người một gói bông buộc phải nhặt sạch bụi, sau ba ngày mang đến, nếu ai không làm xong thì sẽ biến mẹ

người đó thành bò đen. Một cô không làm đúng hẹn, bị thầy rửa. Khi cô trở về thì mẹ mình đã hóa thành bò. Bố cô bèn tái giá với một người đàn bà có con gái riêng. Mụ dì chửi mắng cô luôn, buộc cô phải làm nhiều việc. Cô khóc và ở bên cạnh bò. Một hôm, mụ bắt bố giết con bò. Theo lời dặn của bò, cô góp xương lại chôn dưới một gốc cây tường vi. Thế rồi, dì và con gái được mời đi dự đám cưới. Cô gái bị đánh, đến khóc trước mộ bò. Tự nhiên xuất hiện một bà tiên gọi cô bằng "con gái ta" và cho áo đẹp cùng một cỗ xe. Cô đến dự đám cưới được mọi người ca ngợi. Lên xe trở về thì một chiếc giày rơi. Hoàng tử con vua nhặt được, đoán rằng chiếc giày đẹp chắc chủ nhân nó cũng đẹp. Bèn nhờ hoàng hậu đến từng nhà có con gái trong kinh thành để thử giày. Đến nhà cô gái, cô bị mụ dì bỏ dưới một cái máng. Một con gà trống gáy: - "Cộc cò cô, chủ của chiếc giày đang ở dưới một cái máng". Hoàng tử cất máng thấy cô gái, thử giày thì vừa vặn bèn lấy làm vợ.

Truyện của Bun-ga-ri (Bulgarie):

Nhiều cô gái ngồi kéo sợi gần một cái lỗ thông xuống vực thẳm. Một ông già râu bạc hiện ra bảo họ: - "Hãy coi chừng, nếu ai để con quay rơi xuống đó, thì mẹ người ấy sẽ hóa thành bò cái". Nói xong ông biến mất. Do tò mò, các cô xúm lại nhìn xuống lỗ thông. Bất ngờ một cô đẹp nhất trong mấy cô đánh rơi mũi quay. Về nhà, quả nhiên mẹ cô đã biến thành bò. Như truyện của Thổ-nhĩ-kỳ trên, cô bị dì bạc đãi. Bò giúp cô kéo một số sợi lanh. Sau đó bò bị giết. Chỗ cô chôn xương bò, cũng nhặt được một hộp đầy áo quần. Ở nắp hộp có hai con chim bồ câu. Chúng giúp cô làm công việc nhà để cho cô đi lễ nhà thờ. Một hoàng tử mê mẩn nhan sắc của cô và sau đó nhặt được chiếc giày của cô rơi ra. Cũng có cuộc thử giày. Cũng có tiếng gà gáy mách cô gái đang bị mụ dì giấu dưới đồng củi khô như các truyện trên.

Truyện Hy-lạp (Grèce) có đoạn mở đầu lạ hơn:

Có ba cô gái cùng kéo sợi với mẹ của họ. Họ giao ước với nhau nếu một trong bốn người để sợi đứt đầu tiên thì người ấy sẽ bị giết và bị những người kia ăn thịt (một dị bản khác kể hai người chị muốn trừ bỏ mẹ già thương yêu riêng con gái út nên giao ước như thế để giết mẹ vì bà già đã nhiều tuổi, sợi kéo thế nào cũng đứt. Một dị bản nữa kể rằng nhân có một nạn đói lớn, mẹ con giao ước ai đánh rơi mũi quay sẽ bị những người kia ăn thịt). Sợi của người mẹ đứt. Các cô nói: - "Lần này tha cho vì bà ấy có công mang chúng ta trong bụng". Lại tiếp tục kéo. Sợi của bà mẹ đứt lần thứ hai. Các cô lại tha, bảo: - "Vì có công nuôi ta bằng sữa của bà ấy". Sợi của bà mẹ lại đứt lần thứ ba, hai cô đầu bèn giết mẹ làm thịt nấu lên rồi ăn. Cô út không làm theo hai chị. Cô nhặt xương bỏ vào vại. Sau bốn mươi ngày cô thấy trong vại có áo đẹp, giày đẹp và ngựa đẹp. Cô đi cự hội ngày chủ nhật, giày bị rơi, hoàng tử cũng nhặt được, v.v...

Ở truyện của đảo Corse (Pháp) thì con bò đồng thời là tiên, mẹ cô gái:

Mẹ của Ma-ri-u-xen-la chết không ai biết. Bố nàng tái giá với một mục dè ác nghiệt, bắt nàng chăn bò và mỗi ngày kéo một gói lớn bông thành sợi. Không làm được, nàng khóc. Con bò cái đến gần bảo: - "Chớ khóc, ta là mẹ con, ta đã thành tiên, ta kéo cho". Khi mục dè biết, toan giết con bò. Bò bảo cô tìm trong ruột mình lấy ba quả táo, một đem ăn đi, một ném lên nóc nhà, một bỏ trong một hố ở vườn. Quả cuối cùng này mọc lên một cây đầy quả nhưng có gai, không ai dám đến. Quả thứ hai hóa thành con gà trống. Cũng có tình tiết hoàng tử yêu cô gái nhưng mục dè cũng đánh tráo con gái mình. Con gà trống gáy lên: - "Cộc cồ cô! Ma-ri-u-xen-la trong thùng, còn Đinh-ti-ơ-na (tên con mục dè) thì ở trên lưng ngựa đẹp!". Nhờ đó hoàng tử nhận ra người yêu.

Con bò trong truyện của người Ka-bi-lơ (Kabiles) đã không còn là người mẹ cô gái nữa, nhưng vẫn có liên quan đến người mẹ :

Một người có một trai, một gái. Vợ chết, dượng chồng dưng bán con bò cái đi: - "Đó là con bò của lũ con côi!". Chồng lấy vợ khác, hai người con bị dì bạc đãi không được ăn no, nhưng chúng lại bú sữa bò nên khỏe mạnh. Mụ dì sai con mình đi dò. Một đứa con gái dì muốn bú bò nhưng bị bò cho một đá đui mắt. Tức giận mụ dì buộc chồng bán bò cho đồ tể. Hai đứa con khóc trên mộ mẹ, mẹ bảo lấy ruột bò bỏ trên mộ. Ít lâu sau bỗng mọc lên hai cái vú: một cho bơ, một cho mật ong, hai đứa lại được bú thỏa thích. Mụ dì lại sai con đi dò, khi chúng ngậm vào đầu vú thì một bên hút ra sữa, một bên hút ra hắc ín. Mụ dì giận, bằm vú quăng đi. Hai đứa lại khóc trên mộ mẹ. Mẹ bảo chúng bỏ nhà ra đi. Một hôm chúng đến giúp việc cho một ông vua. Sau đó vua lấy cô em làm vợ.

Ba truyện khác của Ấn-độ:

Một con bò cái (có nơi kể là con cá) giúp một cô gái bị dì ghẻ bạc đãi. Mụ dì thấy cô gái được bò cho bú sữa, bèn tìm cách giết bò. Trước khi chết, bò cũng bảo cô nhặt xương da đi chôn chứ đừng ăn. Bấy giờ hoàng tử đang hạ lệnh cho các cô gái tới cung cho mình chọn vợ. Cô gái đẹp bị dì bắt ở nhà để nấu ăn, còn con dì thì được đưa tới lầu đài dự tuyển. Con bò tự nhiên sống lại, kiếm cho cô quần áo đẹp, giày vàng, v.v... Thấy cô xinh đẹp, hoàng tử đuổi theo, cô đánh rơi chiếc giày rồi trốn vào trong hầm. Khi hoàng tử đến, nhờ có con gà mới tìm ra, mang về làm vợ. Truyện cũng kết thúc bằng sự trừng phạt mụ dì và đứa con gái.

Về con bò cái giúp cô gái mồ côi bị bạc đãi xem thêm các truyện sưu tầm ở Cô-ca-dơ (Caucase) và ở Thượng Ai-cập (Égypte). (Khảo dị truyện số 12, tập I). Ở các truyện này không thấy nói đến mẹ của cô là bò.

Truyện dưới đây thì người mẹ không hóa ra bò mà hóa chiên:

Một người đàn bà đuổi theo một con chiên lạc bầy gặp một mẹ Chăng. Mẹ dùng phép biến người ấy thành một con chiên. Sau đó mẹ lại hóa phép biến mình thành người đàn bà kia dắt chiên về nhà bà ta. Mẹ bảo người chồng rằng mình đã tìm được con chiên lạc, nhưng phải giết đi mới được. Cô gái chạy ra chuồng báo cho mẹ nó - con chiên - biết tin chẳng lành. Con chiên bảo cô hãy chôn xương mình ở một chỗ nọ. Hàng ngày cô đến mộ chiên khóc lóc, chiên cũng giúp cho cô xinh xắn, được ăn ngon mặc đẹp, và cuối cùng cô cũng lấy được hoàng tử như một số truyện trên.

Ở một truyện khác sưu tầm ở Xri-na-ga thì người mẹ là con dê:

Một người Bà-la-môn dặn vợ đừng ăn khi mình vắng mặt nếu không sẽ hóa thành dê, vợ cũng dặn chồng như vậy nếu không sẽ hóa thành hổ. Một hôm, người vợ trong khi bón cho con, ném thử một miếng không nghĩ rằng lúc ấy chồng đang vắng mặt. Lập tức bị hóa thành dê. Chồng về chăm sóc cho dê. Ít năm sau, chồng lấy vợ khác. Người dì ghẻ tỏ ra nghiệt ngã với con chồng, không cho chúng ăn no. Dê nghe các con than thở, thấy con gầy guộc, dặn con khi nào đói thì lấy gậy gõ vào sừng mình, sẽ có ăn. Từ đó các con béo tốt khỏe mạnh.

Mẹ dì có một cô con gái, mẹ dặn khi chơi chú ý xem các con chồng ăn những gì. Nó về kể lại tất cả. Mẹ mưu giết con dê bằng cách giả ốm rồi đút tiền cho thầy thuốc (ha-kin) để nhờ thầy kê đơn thuốc có món thịt dê cho mình. Con thấy bố sắp giết dê thì kêu khóc, dê dặn con nhặt xương chôn xuống một nơi nọ, khi nào đói thì đến khấn, sẽ có ăn.

Ít lâu sau, trong khi các cô con gái nhà đó rửa mặt ở suối nước chảy qua trước nhà, chiếc vòng mũi của một cô rơi, bị cá nuốt mất. Con cá ấy sau bị làng chài bắt, rồi vào tay một bác đầu bếp nhà vua. Thấy chiếc vòng, người

đầu bếp đem dâng vua. Vua cho rao ai mất vòng thì đến nhận. Em cô gái đến nói là vòng của chị mình. Vua cho gọi đến và khi thấy mặt cô, vua say vì nhan sắc, bèn lấy làm vợ (xem lại các trang 1189-1190).

Ở một số truyện khác nữa thì người mẹ cô gái lại hóa thành cây, ví dụ cây cam trong Pơ-ria Pơ-ró của dân tộc Chăm-hơ-roi:

Pơ-ria Pơ-ró là hai chị em cùng cha khác mẹ. Cũng như truyện trên, mẹ Pơ-ró được chồng yêu. Mẹ Pơ-ria chết, nàng ra mộ khóc, một buổi sáng thấy trên mộ mọc lên một cây cam có quả, còn nàng cũng trở nên đẹp hơn trước. Một hôm đang hái cam ăn thì có hoàng tử đi săn qua, hai bên yêu nhau. Pơ-ria được đưa về cung làm vợ hoàng tử. Đoạn thứ hai truyện này giống với truyện Tấm Cám. Nhân khi Pơ-ria về dự lễ "bỏ mả" cha mẹ, dì ghẻ bảo nàng trèo cau. Nàng trèo lên ngọn cau thì mẹ con ra sức chặt gốc, nàng nhảy sang cây khác, cây này cũng bị chặt gốc, nàng đành phải nhảy chuyên mãi, sau ngã xuống chết. Người dì ghẻ lột lấy quần áo cho Pơ-ró giả làm Pơ-ria vào cung.

Pơ-ria chết được tiên cho hóa thành hoa "bung bay" mọc trên mộ mẹ. Một bà cụ hái về, hoa tươi mãi không héo. Ngày ngày khi vắng bà cụ, Pơ-ria hiện ra bổ cau tằm trầu, hề thấy bóng người thì biến mất (không có tình tiết rình bắt như truyện của ta). Hoàng tử đi qua nhà, thấy miếng trầu quen thuộc bỗng nhớ đến vợ. Một giọt nước mắt rơi vào bát nước. Thấy bóng vợ trong đó, hoàng tử ngất đi. Thương chồng, Pơ-ria hiện ra và hai người tái ngộ. Ở đây không có câu chuyện báo thù mẹ con Pơ-ró, vì Pơ-ria xin tha tội chết cho chúng, nhưng hoàng tử cũng đuổi chúng lên núi cao. Sau đó mù dì hóa thành điều hâu, con hóa thành hoa mơ-miêng hôi thối [19].

Trong một số truyện sau đây, hình ảnh cái cây tuy không phải là mẹ cô gái hóa ra, nhưng cũng có vai trò quan trọng trong sự phát triển của cốt truyện.

Truyện Pháp Cô bé An-nét:

An-nét, một cô bé mất mẹ từ hồi mười lăm tuổi. Người bố lấy một mụ góa có ba con gái. Hàng ngày chúng được ăn trơn mặc trắng, còn An-nét thì phải làm mọi việc, trong khi đó chỉ được ăn mẩu bánh, khát thì vục tay vào nước suối uống. Một hôm nhớ mẹ, An-nét ngồi khóc. Bà thánh Đồng trinh hiện ra cho một chiếc đĩa bảo gõ vào con cừu đen sẽ có ăn. An-nét quả có bữa ăn thịnh soạn, nhờ đó ngày một trở nên béo tốt. Thấy lạ, dì ghẻ cho con gái thứ nhất đi theo để dò. Hai đứa chơi chán, An-nét chải tóc cho nó và ru, dần dần nó ngủ quên. Về nói không có gì lạ. Đứa con gái thứ hai đi dò cũng thế. Đứa thứ ba cũng thế, nhưng nó lại có con mắt thứ ba không nhắm. Vì thế việc bí mật của nàng bại lộ. Mụ dì ghẻ giả ốm bảo chồng làm thịt cừu đen ăn mới lành.

An-nét báo tin cho cừu biết. Cừu bảo: - "Hãy xin miếng gan chôn ở sau vườn". Ở chỗ gan mọc lên một cây cao có quả ngon, nó thường sà xuống cho An-nét ăn. Một hôm hoàng tử đi qua muốn ăn, hứa cô nào trèo lên được thì lấy làm vợ. Chẳng một ai trèo lên được cả. Mụ dì ghẻ muốn cho con gái mình lấy hoàng tử bèn làm một cái thang dài, nhưng cây lại vươn lên cao. Mụ với tay ra hái nhưng mất thăng bằng bị ngã gãy cổ. Hoàng tử thèm ăn rõ dãi. An-nét lại gần cây, cây tự nhiên sà xuống cho cô hái đầy rổ. Cô trở thành vợ hoàng tử [20].

Một dị bản khác của Pháp: *Chuông vàng*. Cô gái trong truyện này lại là con vua. Hoàng hậu đau sắp chết bảo con chẵn một con chiên trắng. Lại dặn khi bị dì bạc đãi thì lấy đĩa gõ vào tai phải chiên, sẽ có một bàn ăn dọn sẵn, nếu gõ vào tai trái thì bàn ăn biến đi. Mụ dì cũng sai con gái đi dò. Cô gái bắt chấy cho nó nên nó ngủ quên, nhưng lần sau nó giả ngủ, thấy hết mọi việc. Mụ dì bèn giả ốm đòi ăn thịt chiên. Trước khi chết, chiên bảo nhặt

xương chôn dưới cây lê, cành nó sẽ mọc chuông vàng, luôn luôn rung thành tiếng nếu tắt đi là có điềm chẳng lành. Cũng có ông vua đi qua trông thấy cây có chuông đẹp bảo ai hái được sẽ lấy làm vợ. Con gái mù dì ghè trèo, mẹ ở dưới đẩy lên, nhưng càng trèo cây càng cao, không hái nổi. - "Còn cô nào nữa không?", vua hỏi. - "Có, nhưng nó chỉ chần chiên là giỏi". Vua cố gắng chờ. Cô gái về bảo cây cúi xuống cho cô hái rồi bỏ vào tạp dề cho vua. Vua bèn lấy làm vợ. Ít lâu sau, vua đi đánh trận, hoàng hậu đang đau, vua bảo mù dì chăm sóc. Mù dì ném cô xuống sông rồi cho con thay. Chuông từ đây không kêu nữa. Không nghe tiếng chuông, vua nhớ đến lời vợ dặn, trở về. Đi qua sông thấy một bàn tay thò lên mặt nước. Vua kéo lên thì ra đó là vợ mình vẫn còn sống. Đưa vợ về vua ra lệnh treo cổ mẹ con mù dì ác nghiệt [21].

Hình tượng tái sinh nhiều lần của Tấm cũng là hình tượng quen thuộc trong nhiều truyện cổ tích của các dân tộc.

Người Xrê (Xré) (Tây Nguyên) có truyện Gơ-liu Gơ-lát (nồi lớn nồi bé):

Là hai chị em cùng cha khác mẹ cùng xinh như nhau nhưng Gơ-liu thì tính nết hiền hậu, còn Gơ-lát thì gian ác. Ở đây, truyện lược mất đoạn đầu, chỉ kể rằng một hôm có con quạ mang một đôi hài không phải của một trong hai cô gái mà là của hoàng tử Chăm thả xuống một nơi cho phụ nữ ướm chân, ai vừa thì hoàng tử lấy làm vợ. Gơ-liu ướm vừa chân, được đón về cung, Gơ-lát được phép theo chị. Một hôm trong lúc chồng đi đánh giặc, Gơ-liu bị Gơ-lát giết rồi phao tin chị chết bệnh. Gơ-lát xin thay Gơ-liu làm vợ, hoàng tử nhận nhưng tỏ ý ghét. Ở mộ Gơ-liu mọc lên một khóm trúc, hoàng tử cho là hồn vợ tái sinh, sai rào kín, nhưng cây bị Gơ-lát chặt mất trong khi chồng đi vắng. Hồn Gơ-liu lại nhập vào con chim nhỏ lông vàng, một hôm nó thả xuống trước mặt hoàng tử một hộp trầu. Thấy hộp trầu quen thuộc, hoàng tử cũng bảo: - "Có phải Gơ-liu thì xuống đây với ta". Chim bay xuống, nhưng khi hoàng tử đi vắng, Gơ-lát bắt làm thịt. Cũng

như truyện của ta, lông chôn bên đường hóa thành cây thị chỉ có độc một quả. Một bà cụ đi qua nghe có tiếng gọi, một hộp trầu tự nhiên rơi vào tay bà, có tiếng gọi bảo bà đưa đến cho hoàng tử. Hoàng tử theo bà cụ đến bên cây thị thì quả thị rơi xuống như lời khấn của bà cụ, rồi sau hóa thành Gơ-liu.

Đoạn sau, khi hoàng tử biết rõ chuyện, sai xẻ thịt Gơ-lát làm mắm gửi về biếu mẹ dì ghẻ. Mẹ ăn hết mắm đến thăm con vào lúc vợ chồng hoàng tử đang ăn mừng sum họp. Bị đánh đuổi và khi biết mình ăn thịt con, mẹ nhảy xuống sông chết. Ở đoạn kết thúc này, con quạ xuất hiện không phải để báo tin mà để rửa thịt mẹ [22].

Xem thêm truyện của người Mèo *Chàng rắn* ở Khảo dị truyện số 128, tập III.

Truyện Ấn Độ sưu tầm ở cao nguyên Đê-căng (Deccan):

Một cô gái tên là Xuya-ri-a Bay được vua lấy làm vợ. Hoàng hậu cũ ghen sai ném cô xuống ao. Trong ao mọc lên một cây hoa vàng rất đẹp, mỗi khi vua tới ngắm thì hoa hướng về phía vua. Lấy làm lạ vua mê ngắm suốt ngày. Hoàng hậu lại ra lệnh bẻ hoa ném vào lửa. Hoa cháy ra tro, nơi đổ tro mọc lên một cây có quả rất đẹp. Không ai dám hái, còn dành cho vua. Một hôm mẹ Xuya-ri-a Bay là người vắt sữa nghèo đi qua nghỉ ở dưới cây, quả rơi vào bình sữa. Bà mang về giấu trong buồng. Khi lấy ra tự nhiên trong quả có một người đàn bà nhỏ đẹp bước ra, rồi lớn lên dần dần, và trở thành người thật, đó là con bà.

Một đoạn của truyện Băng-la-đex (Bangladesh):

Có hai đứa trẻ: anh trai, em gái bị giết theo lệnh của hoàng hậu là dì ghẻ

của chúng, gan của chúng được ném vào một chỗ, về sau mọc lên ở đó một cây to có hai hoa to đẹp, kết thành hai quả đẹp. Hoàng hậu trèo lên hái quả, nhưng mỗi lần với tay thì hai quả lùi dần. Hoàng hậu sai người chặt cây, nhưng cây chống lại. Việc đó diễn ra trong mấy ngày. Vua được tin ra xem, hai quả cây tự nhiên rơi vào tay vua. Vua mang vào buồng để ở trên bàn gần giường nằm. Đêm lại, nghe một tiếng nhỏ phát ra từ một quả: - "Anh", và có tiếng đáp từ quả kia: - "Em hãy nói nhỏ nhỏ chứ. Mai vua bỏ quả ra, nếu hoàng hậu biết thì mẹ sẽ giết chết. Trời cho chúng ta tái sinh ba lần, nếu chết đến lần thứ tư thì không thể thành người được nữa". Nghe đoạn, vua bỏ quả cây liền thấy hai đứa bé chui ra. Gấp lại con và nghe mọi việc, vua bèn giết người dì ghẻ.

Truyện của người Xắc-xông (Saxons) ở Tơ-răng-xin-va-ni (Transylvanie) mà người Ru-ma-ni (Roumains), người Di-gan ở Bu-cô-vin (Bucovine), ở Hung (Hongrie), ở Va-la-kơ (Valachie) và Xéc-bi (Serbie) đều kể như nhau:

Một hoàng hậu sinh được hai đứa trẻ tóc vàng. Một đứa hầu gái âm mưu chôn sống hai đứa bé trong đồng phân, khi vua về tìm cách vu cáo hoàng hậu và cuối cùng hẳn được lấy vua. Chỗ chôn hai đứa bé mọc lên hai cây thông vàng. Thấy thế, hoàng hậu mới - người hầu gái - làm bộ ốm đau, đòi nằm trên ván thông vàng mới đỡ. Vua sai chặt hai cây, cửa ván, một làm giường cho vua, một làm giường cho hoàng hậu. Đêm lại, giường này nói với giường kia: - "Anh bị con mẹ ác nghiệt nằm lên nặng quá!" - "Còn em thì cha ta nằm lên, rất nhẹ". Hoàng hậu nghe được câu chuyện, sai người đốt giường. Trong khi cháy có hai cái tàn bay vào mớ hạt mà người ta cho cừu ăn. Cừu mẹ ăn xong đẻ được hai con cừu lông vàng. Hoàng hậu lại đòi ăn tim cừu cho lành bệnh. Vua lại ra lệnh giết. Ruột cừu đem rửa ở sông có hai khúc trôi dạt vào bờ, hiện nguyên hình thành hai đứa trẻ sống.

Người Nga kể truyện này cũng giống như trên, chỉ hơi khác đoạn kết. Khi người ta giết hai con cừu thì họ ném ruột lên đường. Mẹ hai đứa trẻ ấy là

hoàng hậu bị chồng đuổi, nhặt được, không biết ruột từ đâu tới bèn lấy nấu ăn, sau đó có mang đẻ được hai con trai. Lần hồi chúng lớn lên và được vào cung, tình cờ một hôm gặp vua cha, thuật lại gốc tích, v.v...

Hai truyện của Hy-lạp (Grèce):

1. Tro Bếp được hoàng tử lấy làm vợ. Hai chị của Tro Bếp dùng phép biến em thành chim. Chim bay tìm đến hoàng tử. Hai chị lại giết chim. Ba giọt máu của chim văng ra mọc lên một cây táo. Hai chị lại xui hoàng tử chặt cây táo. Đang chặt hoàng tử thấy một bà già đến xin: - "Cho tôi một quả táo". Hoàng tử cho một quả. Quả này trong có Tro Bếp. Bà già mang về bỏ vào trong một cái hộp. Cũng như trong truyện Tấm Cám, vắng bà già, Tro Bếp hiện ra khỏi hộp, quét nhà nấu ăn cho bà. Bà già lấy làm lạ, nhưng vẫn chưa biết sự thật. Một hôm bà mời hoàng tử đến ăn tại nhà mình: - "Ngài hãy đến, tôi xin đãi một đĩa thức ăn ngọt và một quả táo ngon của cây táo của ngài". - "Bà còn giữ quả táo tôi cho à?" - "Vâng". Hoàng tử đến, bà già mở hộp ra và rất ngạc nhiên khi thấy cô gái xuất hiện từ quả táo: - "Sao con lại ở đây?". Tro Bếp kể lại chuyện của mình. Bà già dọn cho hoàng tử những hạt quả rồi nói rằng: - "Quả táo mà hoàng tử cho tôi đã thối hết không dùng được nữa". Cuối cùng bà cũng cho hoàng tử gặp cô gái và hai người nhận ra nhau.

2. Một cô gái yêu một hoàng tử. Một nữ nô lệ có phép thuật biến cô thành cá vàng rồi tự thay địa vị của cô. Thấy hoàng tử thích ngắm cá vàng, nữ nô làm bộ ốm đau, đòi ăn canh cá vàng mới lành. Người ta được lệnh giết cá. Có ba giọt máu rơi xuống đất. Chỗ ấy mọc lên một cây bạch dương. Nữ nô lại làm bộ ốm đau, bảo đốt cây thành tro như cấm không cho ai lấy lửa. Đang đốt một bà già từ đâu đến gần. Bà bị người ta xua đuổi nhưng một mảnh tàn đã dính chặt vào áo bà. Hôm sau bà đi vắng. Lúc về đã thấy nhà cửa quét dọn tử tế. Nhiều lần như vậy, bà nấp rình, bắt được. Bà nuôi cô làm con. Về sau cô gặp lại hoàng tử [23].

Một truyện khác của Pháp:

Một hoàng hậu trẻ bị giết theo lệnh của hoàng thái hậu. Xác bị ném vào hồ nước cạnh lâu đài. Một cô gái khác được bí mật đưa tới thay thế địa vị của hoàng hậu. Một hôm vua ngồi ở cửa sổ thấy trong hồ nước có một con cá kỳ lạ có ba màu: hồng đào, trắng và đen. Vua ngắm mãi khiến cho hoàng thái hậu bức mình giết con cá. Hoàng hậu giả lúc đó có thai đòi ăn. Bỗng chốc trước cửa sổ lâu đài có một cây ba màu mọc lên. Bà già sai đốt cây. Tro của cây bốc lên hóa thành một lâu đài rực rỡ có ba màu. Nhiều người trèo lên lâu đài nhưng không mở được cửa. Khi vua trèo lên thì mở được ngay. Vua bước vào thấy hoàng hậu vợ mình vẫn còn sống.

Một truyện khác của Hy-lạp (Grèce) tình tiết có khác nhưng vẫn cùng dạng người biến thành chim:

Hai người chị của hoàng hậu vốn ghen tỵ với số phận của em. Một hôm hai người vào buồng hoàng hậu khi bà này sinh con. Họ cắm vào đầu hoàng hậu một cái kim thần. Tự nhiên hoàng hậu hóa thành chim bay đi. Một trong hai chị lên giường thay em làm hoàng hậu. Vua vốn có thói quen ăn sáng ở vườn. Một hôm thấy có một con chim bay đến hỏi: - "Hoàng thái hậu, vua và hoàng tử đêm qua ngủ có ngon không?" - "Có" - "Mọi người ngon giấc nhưng hoàng hậu thì ngủ một giấc không dậy nữa".

Những người làm vườn xin vua giết con chim, Vua cản lại. Một ngày sau, chim lại tới đậu vào bàn ăn với vua. Nhìn thấy cái kim cắm trên đầu, vua rút ra. Chim lại hóa thành hoàng hậu.

Về hình tượng chiếc giày của Tấm rơi xuống chỗ lội, chúng tôi kể ra đây

hai truyện biết được thời điểm sưu tầm (do đó mới có cơ sở đoán rằng kiểu truyện Tấm Cám đã được lưu hành từ khá xưa).

1. Truyện Ai Cập:

Một hôm có một kỹ nữ là Rô-đô-pix đi tắm ở sông Nin. Một con quạ tha một chiếc giày từ tay cô hầu rồi bay đến thành Mem-phix và thả rơi đúng tà áo của vua trong khi ông này đang xử kiện giữa một tòa án lộ thiên. Nhận thấy chiếc giày đẹp, vua bèn sai người đi tìm người đàn bà chủ nhân chiếc giày. Người ta tìm thấy Rô-đô-pix ở thành No-cra-tix dẫn về. Vua lấy làm vợ. (Truyện trên do Xtra-bông (Strabon) ghi chép vào thế kỷ 3 trước công nguyên. Hai thế kỷ sau một tác giả khác cũng người Hy-lạp là Ê-liêng (Éllien) kể lại có tô chuốt chút ít và gán tên cho một nhân vật trong truyện là Pxam-mê-ti-quyx, vua có thật ở Ai-cập).

2. Truyện Nàng Diệp Hạn trong sách *Dậu dương tạp trở* [24].

Một người lấy hai vợ, một vợ có con gái là Diệp Hạn. Sau khi bố mẹ chết, nàng bị mẹ ghẻ hành hạ, bắt làm những công việc nặng nhọc và nguy hiểm. Một hôm bắt được một con cá vảy đỏ mắt vàng, nàng nuôi ở chậu, sau thả xuống ao vì cá mỗi ngày một lớn. Dì ghẻ muốn bắt cá, nhưng hễ không thấy bóng Diệp Hạn thì cá không nổi lên. Một hôm mẹ bắt nàng đi gánh nước xa rồi lấy áo của nàng vừa thay mặc vào, đón bờ gọi cá. Cá tưởng Diệp Hạn, nổi lên, mẹ bắt làm thịt, xương chôn ở khu đồi. Thấy mất cá, Diệp Hạn khóc, một người hiện ra hỏi vì sao mà khóc. Nghe kể chuyện, người ấy bảo Diệp Hạn đem xương cất đi sẽ cầu được ước thấy. Nhờ đó, cô có áo quần đẹp, giày vàng. Đi xem hội cô là người đẹp nhất đám, nhưng cũng như truyện của ta, cô đánh rơi chiếc giày vàng. Dân bắt được chiếc giày đem bán cho vua Đà Hãn, Cũng xảy ra câu chuyện ước giày và cuối cùng Diệp Hạn đi vừa, được đón vào cung không quên mang theo năm

xương cá. Truyện kết thúc bằng cái chết của mẹ con mụ dì ghẻ do "phi thạch" trên trời rơi xuống đầu. Dân thương hại chôn cất và thờ làm thần se duyên (Môi thần). Về sau vì vua ước quá nhiều nên xương cá không còn hiệu nghiệm, bèn đem chôn cùng một trăm đầu hạt châu và vàng ở bờ biển, nhưng đến khi đào lên thì mọi thứ đều biến mất.

Cô-xcanh (Cosquin) trong *Những truyện cổ tích Ấn-độ và phương Tây* dựa trên hình thức truyện *Cô Tro Bếp* (Cendrillon) phân thành ba loại: 1) Giày rơi xuống nước; 2) Giày rơi xuống đất; 3) Giày được đưa lên trên không để tìm dấu vết di chuyển của truyện này trên các khu vực địa lý khác nhau. Ông còn kể ra một số các truyện khác (không phải loại truyện *Cô Tro Bếp*) đều sưu tầm tại Ấn-độ, trong đó có hình tượng chiếc giày (hay một vật gì đó) làm môi giới. Ví dụ một số truyện sau đây:

Một truyện do Xo-đơ-va Ba-i (Sodeva Bair) sưu tập (truyện này có bà con với truyện *Cô Tro Bếp*):

Một chiếc giày rất đẹp và đắt tiền do một ông vua có thể lực, thường cho công chúa con gái mình. Một hôm công chúa đi dạo chơi, bị mất một chiếc. Vua sai người đi các nơi rao, bữa ai nhặt được sẽ có thưởng. Lời rao đó lọt đến tai một hoàng tử. Hoàng tử cố gắng đi tìm giày về, rồi cuối cùng được kết duyên với công chúa.

Một truyện của người Ca-na-ra (Canaras) (từng được ghi chép bằng chữ dân tộc):

Một nàng công chúa sau khi được giải thoát khỏi tay một người khổng lồ bèn lấy một hoàng tử. Một hôm công chúa đánh rơi chiếc giày trong một bể nước. Một người đánh cá bắt được đem bán cho một hàng xén. Người này thấy giày đẹp đem dâng vua. Đến lượt vua say mê chiếc giày, bèn hứa

thường lớn cho người nào tìm ra chủ nó. Một bà già nhận lời và tìm được. Bà này còn tìm cách chiếm lấy lòng tin của công chúa, lọt được vào buồng công chúa, thừa dịp trộm lấy cái bùa hộ mệnh của chồng nàng. Thấy chồng chết, công chúa để mặc cho người ta mang mình đến cung vua, mong tìm dịp báo thù cho chồng. Trong khi công chúa tìm kế hoãn binh để khỏi lấy vua, thì người em chồng nhờ một vật thiêng liêng đã đến đúng lúc, cứu được anh sống lại và giải phóng cho công chúa thoát khỏi tay vua.

Truyện sưu tầm ở Bắc Ấn:

Nhờ một chiếc nhẫn thần do một con rắn trả ơn, con của một lái buôn lấy được nàng công chúa làm vợ. Hai người ở chung trong một lâu đài bên bờ sông. Một hôm người vợ ngồi gần mặt nước đánh rơi một chiếc giày, chưa kịp vớt lên thì giày đã bị một con cá to nuốt mất. Gần đó có vương quốc của một ông vua (rát-gia). Những người làng chài đánh được con cá to đem dâng vua. Khi đầu bếp mổ ra thì bắt được chiếc giày đẹp, đem nộp. Vua cho truyền rằng ai là chủ chiếc giày sẽ rước về làm hoàng hậu. Bèn sai các bà già trong kinh thành mang giày đi ướm chân. Kết thúc cũng gần với truyện trên.

Một truyện sưu tầm ở Ca-sơ-mia (Cachemire) thì thay vào giày là chiếc lược: có một cô gái, một hôm chải tóc trước cửa sổ. Đang chải, cô để tạm lược trên bậu cửa thì bỗng một con quạ sà xuống quắp đi mất. Sau đó nó đánh rơi xuống biển, bị một con cá nuốt vào bụng. Cuối cùng chiếc lược cũng vào tay đầu bếp nhà vua. Vua lấy làm lạ, cũng muốn biết mặt chủ nhân của chiếc lược bèn cũng sai người đi tìm. Kết quả vua lấy cô gái tìm được làm vợ, v.v... Xem thêm truyện Ấn-độ ở trang 1191 và trang 1995 trong cùng Khảo dị. Ở đây vật bị cá nuốt không phải giày hay lược mà là một trang sức đeo ở mũi (nô-dơ-ring).

Mô-típ dì ghẻ đánh tráo con mình thay con chồng làm vợ vua (hay hoàng tử) cũng được sử dụng phổ biến trong một loạt truyện cổ khác với dạng truyện *Tấm Cám*. Dẫn ra sau đây một số truyện tiêu biểu:

Truyện Pháp Cô Ma-ri ở túp lều trong rừng:

Một người đàn bà có hai con gái: cô chị ở tỉnh còn cô em ở với mẹ trong rừng. Một hôm cô em đang kéo sợi, một ông vua đi săn ghé vào thấy cô đẹp muốn lấy làm vợ, nhưng mẹ cô ghét cô, chỉ muốn giới thiệu cô chị. Mặc dầu vậy, đám cưới vẫn cử hành. Ít lâu sau nhà vua đi đánh giặc. Hoàng hậu về chơi với chị, bị chị ghen tức nhảy xổ vào móc mắt, bẻ răng, cắt chân tay rồi bỏ vào rừng. Vì có khổ người giống em, nên cô chị đóng giả hoàng hậu vào cung. Hoàng hậu thật gặp một ông già được ông giúp cho ba điều ước tùy mình lựa chọn. - "Tôi chỉ ước được lành mắt, răng, tay và nếu được ước nữa thì cả chân", hoàng hậu nói. Ông già bảo một đứa trẻ mang một cái xa kéo sợi bằng vàng đến lâu đài của mẹ con hoàng hậu giả đổi lấy hai con mắt. Hoàng hậu giả trông thấy vật quý, hỏi mẹ, mẹ chỉ cho cặp mắt trong một cái hộp. Đưa về, ông già làm cho mắt hoàng hậu sáng trở lại. Ông lại lần lượt đưa những vật khác để đổi lấy răng, hai tay và hai chân, cuối cùng hoàng hậu hoàn toàn lành lặn như xưa. Ông già chỉ đường cho nàng ra khỏi rừng, rồi biến mất. Vua trở về thấy hoàng hậu giả hình dung đối khác, tưởng vì vắng mình nàng buồn nên mới như vậy. Hoàng hậu giả đưa những thứ đổi được ra khoe với vua. Bỗng ông già nọ xuất hiện, được vua đón vào cung tiếp đãi. Vua hỏi thăm ông thấy gì ở dọc đường. - "Tâu bệ hạ tôi có gặp một người bị móc mắt, bẻ răng và bị chặt chân tay. Chị của bà ấy đổi với em như thế đấy! Tôi đã nhờ một em bé đem các vật quý đổi lấy mắt, răng, tay, chân về cho bà ấy. Nếu bệ hạ muốn cứ đến chỗ nọ sẽ gặp". Nhận ra vợ cũ vua đem về lâu đài, rồi ra lệnh cho xiềng mẹ và chị vợ quăng cho thú dữ.

Truyện của người Ka-bi-lơ (Kabiles):

Một cô gái có nhiều tướng lạ, khi đi cỏ hoa nở dưới gót. Hoàng tử nghe tin, đón về làm vợ. Cô cùng mẹ con dì ghẻ ra đi. Dọc đường mẹ dì cho cô ăn rất mặn. Khát quá, cô đòi nước: - "Muốn uống phải chịu móc mắt mới được", mẹ dì bảo thế. Cô đành phải nghe theo. Mẹ dì sau khi móc mắt bỏ cô lại, cho con gái thay vào, nhưng cô này không có tướng lạ nên bị lộ và bị hoàng tử đuổi về. Còn cô gái mù được con điều tra cho cặp mắt, và qua nhiều phiêu lưu rắc rối cuối cùng gặp lại hoàng tử [25].

Truyện Ý (Italia):

Một cô gái nhận được một số quà tặng của một con rắn biết ơn. Sau đó cô được một ông vua chọn làm vợ. Hai chị cô ghen tỵ cắt tay, móc mắt cô, rồi một trong hai chị tìm đến lâu đài tự xưng mình là người yêu và được vua lấy làm vợ. Còn cô gái kia được người ta thương hại đưa về chăm sóc. Một hôm giữa mùa đông, có con rắn đến báo tin rằng hoàng hậu có mang đang thèm ăn quả vả, nếu tìm và đưa về thì có thể đổi lấy lại cặp mắt. Một lần khác, rắn lại đến bảo cô tìm quả đào để đổi lấy đôi tay. Nhờ thế cô gái được lành lặn, sau đó cô trở về lâu đài gặp vua.

Truyện khác của Ý sưu tầm ở Tô-xcan (Toscane):

Một bà hoàng thái hậu không ưa con dâu mình. Thừa lúc vua đi vắng, hoàng hậu sai đầy tớ dắt dâu vào rừng giết đi. Nhưng hai người kia động lòng thương, không giết mà chỉ móc lấy cặp mắt đem về cho hoàng thái hậu tin. Bị mù lòa, hoàng hậu gặp một ông già và nhờ ông giúp đỡ, nhận được ở một con rắn ba vật quý. Sau đó nàng nhờ người dắt về lâu đài. Với tấm mạng che mặt, hoàng hậu đem hai vật quý đổi lấy hai mắt để được sáng lại

như xưa. Lành rồi nàng lại đem vật quý thứ ba tặng mẹ chồng để được phép ngủ bên cạnh buồng nhà vua, do đó vua nhận ra nàng.

Truyện Nga:

Một cô gái là người yêu của vua, một hôm bị một nữ tỳ hóa phép làm cho ngủ say rồi móc hai con mắt. Đoạn hắt bỏ về cung thay chủ lấy vua. Về phía cô gái được một người chăn cừu già nuôi nấng chăm nom. Đêm đêm cô làm mũ đội theo kiểu mũ nhà vua, rồi bảo ông già lần lượt đem đi bán để đổi lấy đôi mắt, v.v...

Về đoạn kết mẹ ăn thịt con, một số truyện ở các nước cũng có những hình ảnh và mức độ trừng phạt tương tự. Sau đây là một số truyện:

Truyện Xi-xin (Sicile):

Một người dì ghẻ giết con gái của chồng vốn là vợ vua, rồi đem con mình thế vào, đại thể cũng gần với diễn biến của nhiều truyện trên. Sau đó mười gian bị bại lộ. Vua sai cắt cô gái này làm ngàn mảnh đem ướp vào thùng, gửi về cho mẹ dì ghẻ nói là mắt cá thu của con gái. Khi mẹ bắt đầu ăn, một con mèo nói: - "Cho tôi chút gì tôi khóc giúp cho!". Mẹ đánh đuổi mèo. Nhưng khi sắp ăn hết thấy đầu lâu con, mẹ đập đầu vào tường mà chết. Con mèo nhảy lên hát: - "Mẹ không cho tôi gì cả, tôi chẳng khóc giúp đâu!".

Một truyện khác của người Ka-bilơ (Kabiles):

Một cô gái bị mẹ con người dì ghẻ làm cho cực khổ. Sau khi lấy chồng, cô vạch người chồng thấy tội ác của chúng và nhờ trả thù họ. Chồng hỏi: - "Trả thù như thế nào?" - "Buộc nó (em gái con dì ghẻ) vào đuôi ngựa, cho

ngựa kéo qua các bờ bụi". Chồng làm theo. Sau đó, cô cắt thịt nấu lên gửi về cho mẹ nó và em nó. Đứa em, ăn đến con mắt, ngờ vực nói: - "Ô mẹ! Con mắt này là của chị con". Người mẹ không muốn tin. Một chốc sau, nó lại nói: - "Mẹ nhìn này, con đem miếng thịt này cho một người nào đó để họ khóc cho chị con một tý". Một con mèo nói: - "Vậy thì cho tôi miếng ấy, tôi sẽ khóc bằng một mắt".

Truyện của người Béc-be-rơ (Berbères):

Một đứa trẻ tên là Ba-gơ-di-đít bị mù chẳng bắt. Trong khi bận đi gọi khách đến dự tiệc, mẹ giao cho con gái mình ở nhà làm thịt đứa trẻ nấu ăn. Trong hang, Ba-gơ-di-đít hát lên. Cô gái muốn nghe tiếng hát, bèn kéo hẳn lên khỏi hang. Ba-gơ-di-đít xay hạt với nó rồi chơi trò chẵn lẻ, hên ai thắng thì được cắt tóc kẻ thua. Ba-gơ-di-đít thắng, cầm dao cắt tóc cô kia rồi bất ngờ cắt cổ. Đoạn, mang bộ tóc và áo quần của nó vào để cải trang. Lại bỏ thịt vào nồi sau khi cắt cặp vú bỏ dưới chiếu. Khi mẹ mời khách về, ăn thịt con vẫn tưởng là thịt Ba-gơ-di-đít. Một con mèo nói: - "Thịt ấy có mùi sữa bà đây!". Mẹ đánh đuổi mèo, nói: - "Đi ra mau, bố mẹ mày, bố mẹ giống nòi mày nói điều!".

Truyện ở Bắc Ấn:

Một đứa trẻ trèo cây hái quả. Sắp ăn thì một mẹ phù thủy đi qua làm bộ hỏi xin một quả. Nó vít nhánh xuống cho mẹ hái, bất ngờ mẹ chụp được tay, bắt bỏ vào bị. Dọc đường mệt quá, mẹ đặt bị nghỉ lại. Nó chui ra, lén bỏ đá và gai vào bị rồi trốn về. Mấy ngày sau, nó lại bị mẹ bắt được. Mẹ bảo con dâu chặt từng miếng bỏ vào nồi để mẹ còn đi mua tiêu muối. Sắp hạ thủ, con dâu ngấm thấy thằng bé xinh, bèn nói: - "Con mắt mày sao đẹp thế, đầu lại tròn...". Đáp: - "Mẹ tôi chăm chút lắm mới được thế đấy. Mẹ tôi lấy kim nung lửa rồi châm vào mắt, còn đầu thì dùng chày giã gạo sữa mãi mới

được thế" - "Tao muốn được giống như mày". - "Khó gì". Em dùng chày bất thành linh choảng cho nó chết rồi chặt khúc bỏ vào nồi. Đoạn mặc quần áo của nó ngồi ở góc buồng. Mụ về nấu xong múc súp cho cả nhà ăn, cho con mèo một phần. Mèo nói: - "Nhổ đi, mẹ chồng ăn thịt nàng dâu!". Mụ hỏi: - "Mày nói cái gì?". Đứa bé nói: - "Để tôi ra ngoài một tý rồi tôi sẽ nói cho mà biết!". Rồi chạy mất. Mụ chờ mãi không thấy, khi nhìn vào nồi mới rõ sự thật.

Người Ấn-độ còn có truyện kể một hoàng hậu hành hạ con chồng, cuối cùng giết chết nó. Về sau, hành vi của mụ bị vua phát hiện và xử vào tội chết, nhưng ở đây, mụ bị đốt cháy lấy xương gửi về cho mẹ mụ.

Ở truyện của người Tô-xcan (Toscane) thì mức độ trừng phạt nặng hơn, bằng hình ảnh mụ dì ghẻ tự tay mình đổ nước sôi vào con đẻ:

Một cô gái tên là Nê-na hàng ngày phải đi chăn bò, còn phải kéo cho dì ghẻ nửa cân len. Một bà già bảo con bò cái kéo giúp. Ngày hôm sau, mụ sai con mình đi theo để dò biết tại sao Nê-na làm tròn công việc. Bà lão bảo cô chải tóc cho em để nó ngủ say, rồi mới sai bò kéo len. Hôm sau, cô em lại đi nhưng giả bộ ngủ say, nhờ đó biết được sự thật và Nê-na bị dì đánh.

Hoàng tử đến hỏi Nê-na "cô gái đẹp" làm vợ. Mụ dì ghẻ đánh tráo con mình vào để thay thế, còn cô chị thì mụ bỏ vào thùng, định giội nước sôi cho chết. Một con mèo kêu lên: - "Meo, meo, cô gái đẹp thì ở trong thùng, còn cô gái xấu thì ngồi trên ngựa vua". Hoàng tử nghe ra, bèn đi tìm, quả thấy "cô gái đẹp". Lập tức bỏ cô kia vào thùng và đón Nê-na về. Mụ dì không biết việc đó, cứ giội nước sôi, thành ra chết con đẻ [26].

Trái với truyện trên, ở nhiều truyện của một số dân tộc khác, sự trừng phạt đối với mẹ con mụ dì ghẻ lại có vẻ nhẹ nhàng. Chẳng hạn như truyện của

Ru-ma-ni (Roumanie) mà Hoàng Thị Dậu [27] có nhắc đến. Ví dụ truyện *Bồ câu của nàng I-lê-a-na Cô-sin-de-a-na* (không có việc trả thù); truyện *Con gái ông lão và con gái bà lão* (mụ dì ghẻ không bị phạt, chỉ cô gái mụ phải sống cô độc suốt đời, v.v...). Theo tác giả, nếu "chúng ta so sánh sự đối xử của mẹ con mụ dì ghẻ trong các bản khác nhau của Ru-ma-ni với những hành động tàn bạo của mẹ con mụ dì ghẻ trong các bản khác nhau của Việt Nam, ta sẽ thấy mức độ ác nghiệt, tàn bạo rất khác nhau; do đó mức độ trừng phạt cũng khác nhau. Tuy vậy, những truyện thuộc loại Tăm Cám của Việt-nam và của Ru-ma-ni đều biểu hiện chung tư tưởng là "ác giả, ác báo", "gieo gió thì gặt bão".

Cô-xcanh (Cosquin) trong sách đã dẫn, có trình bày một loạt truyện lưu hành ở các nước mà ông gọi là *Tro Bếp nam* (Cendrillon masculin), nhân vật chính không phải nữ mà là nam, lúc bé có vẻ lười biếng, ngây ngô, nằm mãi không dậy, lấm lem vì vui trong tro, v.v... Nhưng đến một lúc nào đó trở nên có sức mạnh ghê gớm, ăn khỏe, làm nên những kỳ tích, v.v... (Xem Khảo dị truyện *Thánh Gióng*, số 134, tập III).

[1] Câu này theo *Bản khai của xã Điền Lễ*.

[2] Dựa theo Đỗ Thận. *Một truyện kể An-nam về cổ tích Tro bếp*, BEFEO, tập VII, q. 1-2 (1907), và lời kể của người miền Bắc.

[3] Theo bản khai của xã Hoàng-tràng.

[4] Theo *Loại cổ tích hay*, đã dẫn.

[5] Theo Phong Châu. *Tăm, Cám có thật ở Việt Nam không?* Tập san *Nghiên cứu Văn sử địa*, số 39 (1958).

[6] Theo lời kể của người vùng Dương-xá (Bắc-ninh).

[7].Tình tiết này theo Đinh Gia Khánh, *Sơ bộ tìm hiểu những vấn đề của truyện cổ tích qua truyện Tấm Cám*.

[8].Trong Tạp chí *Đông-dương*, tập XX (1913) và Lãng-đờ (Landes), sách đã dẫn.

[9].*Một truyện Tro Bếp An Nam*, Tạp chí *Nghiên cứu truyền thống dân gian* (tiếng Ý) *Pa-léc-mơ* (1896).

[10].Theo Lãng-đờ (Landes). *Truyện cổ tích Champa*.

[11].Theo Lê Trọng Khánh, An Ly, Đỗ Thiệu. *Truyện dân gian Campuchia*.

[12].Theo *Truyện cổ Việt Bắc*, đã dẫn

[13]Theo Pha-ra (Pourra) sách đã dẫn, tập I. Truyện *Cô TroBếp* hay là *Chiếc hài cườm pha lê* phổ biến ở châu Âu cũng như ở Pháp lại kể như sau: Có hai chị em cùng cha khác mẹ. Dì ghẻ bắt con chồng làm việc nặng nhọc. Tuy rách rưới nhưng Tro Bếp (hay Lọ Lem) vẫn xinh đẹp. Một hôm hoàng tử mở dạ hội, cho mời những người danh giá tới dự. Hai cô chị được mời, ăn mặc rất choáng lộn, bắt Tro Bếp vấn tóc cho chúng, v.v...Khi chúng đi rồi, Tro Bếp ngồi khóc. Một nàng tiên (ở đây không nói là mẹ cô) xuất hiện bảo ra vườn hái một quả bí.

Đoạn, gỗ gậy vào, bí bỗng hóa thành một cỗ xe mạ vàng. Lại bắt sáu con chuột nhắt gỗ gậy vào hóa thành sáu con ngựa, một con chuột cống hóa thành người đánh xe. Lại biến sáu con mồi thành sáu người hầu, biến quần áo rách rưới của Tro Bếp thành áo bằng gấm vóc và cho thêm một đôi hài cườm pha lê. Sắp đi, nàng tiên còn dặn đến nửa đêm phải về, bằng không thì có chuyện không hay.

Hoàng tử nghe tin báo có một nàng công chúa đẹp và sang, vội chạy ra đón vào nhảy. Lúc ấy trăm con mắt đều nhìn nàng trăm tròng. Cho đến 11 giờ, Tro Bếp nhớ lời nàng tiên, vội trở về thật nhanh. Đến khi hai chị về gõ cửa, Tro Bếp giả vờ dụi mắt bước ra. Đến hôm sau Tro Bếp lại đi dự, nhưng cô mãi thích thú quên cả lời nàng tiên dặn. Đồng hồ điểm 12 giờ mới vội chạy về, đánh rơi chiếc hài. Hoàng tử nhặt được và cũng có chuyện ướm chân.

Hai chị ướm không vừa, còn chế giễu Tro Bếp, không ngờ Tro Bếp chẳng những đi vừa lại còn rút nốt chiếc hài trong áo ra đi nốt vào chân kia. Nàng tiên lại hiện ra hóa phép cho Tro Bếp có áo quần lộng lẫy. Hai chị mới biết nàng công chúa hôm nọ với Tro Bếp là một. Sau khi làm lễ cưới, Tro Bếp đem hai chị gả cho hai quan to trong triều (theo Pê-rôn (Perrault)).

[14] Theo *Miến Điện, dân gian cổ sự*.

[15] Theo Đinh Gia Khánh, sách đã dẫn.

[16] Theo *Truyện cổ Việt Bắc*, đã dẫn. Xem thêm truyện *Nàng Khao Nàng Dăm* ở Khảo dị truyện số 12, tập I, cũng có người mẹ hổ.

[17] Theo *Truyện cổ dân gian Việt Nam*, tập I, đã dẫn.

[18] Theo *Truyện cổ dân gian Việt Nam*, tập I. Truyện này theo chúng tôi, người kể chắc bỏ sót một số tình tiết.

[19] Theo *Truyện cổ dân gian Việt Nam*, tập II, đã dẫn.

[20] Theo Đơ-la-ruy (Delarue) và Tê-nê-dơ (Ténèze). *Truyện cổ tích dân gian Pháp*, quyển II.

[21] Theo *Cô-xanh* (Cosquin), sách đã dẫn, tập I.

[22] Theo *Truyện cổ dân gian Việt Nam*, tập II.

[23] Một truyện trong *Pen-ta-mơ-ron* giống truyện trên. Đại thể là: một cô gái yêu một hoàng tử bị một nữ nô hóa phép thành chim bồ câu rồi lấy hoàng tử thay cô gái. Bồ câu nhiều lần bay đến lầu đài hỏi đầu bếp mọi việc. Nữ nô ra lệnh cho đầu bếp bắt bồ câu làm món rô-ti. Chỗ quăng lông bồ câu mọc lên một cây quýt đẹp có ba quả. Vua hái một quả bóc ra tự nhiên thấy người yêu thật xuất hiện.

[24] Tác giả sách này là Đoàn Thành Thức (?-863). Truyện trên do ông sưu tầm “ở phương Nam”. Đinh Gia Khánh, sách đã dẫn, đoán là vùng *Ung-châu*, tức là vùng dân tộc Choang (Quảng-tây, Trung-quốc).

[25] Người Hy-lạp (Grèce) kể truyện này như sau: Một cô gái đi với người vú nuôi đến xứ người yêu để làm vợ một hoàng tử. Vì vú nuôi chủ ý cho ăn mặn nên khát quá, cô xin nước uống. Vú nuôi bảo: - “Ở xứ này nước đất, mỗi một ngum đổi lấy một con mắt”. Cô lần lượt chịu cho móc hai mắt để khỏi chết khát. Vú bèn bỏ nàng lại, đưa con gái đẻ của mình vào cung làm vợ hoàng tử. Cô gái mù được một bà già hảo tâm nuôi nấng. Cô vốn có

tướng khi cười thì có hoa hồng hiện ra. Bèn sai bà già mang hoa hồng vào cung đổi lấy mắt. Cuối cùng mắt cô cũng sáng trở lại và được lấy hoàng tử.

[26] Phần nhiều những truyện kể trên đều theo Cô-xcanh (Cosquin). *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren* và *Những truyện cổ tích Ấn Độ và phương Tây*, v.v...

[27] Trong bài *Một số tư liệu để tiến tới so sánh truyện Tấm Cám của Việt Nam và Ru-ma-ni* (*Tạp chí văn học*, số 3-1963).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
156. PHẠM NHĨ
HAY LÀ SỰ TÍCH ÔNG BA MƯƠI

Đã từ lâu lắm, trên cõi trời có một người có sức khỏe lạ lùng, những việc dời núi, lấp biển, đội đá, bẻ cây,... không một ai bì kịp. Nói về tài phép, ông cũng thần thông biến hóa vượt xa nhiều vị trên Thiên Đình. Đặc biệt ông có hai vành tai dài và rách, vì lúc nhỏ ông thường dùng hai tai cho nhiều người móc vào mà đu, rồi xoay họ như chong chóng. Cũng vì thế người ta quen gọi ông là Phạm Nhĩ. Vốn tính nghịch và hung hăng quen thói từ hồi trẻ, Phạm Nhĩ không mấy khi ngồi yên. Ông thường hay gây sự đánh nhau với những kẻ mà ông thù ghét. Nhưng người ta đều tránh né ông, chẳng mấy ai dám đo sức, vì đã từng có bao nhiêu anh hùng hảo hán không chịu nổi chỉ một cú đấm, cái gạt của ông.

Thấy mọi người đều thua tài, Phạm Nhĩ ngày một tỏ ra kiêu căng tự phụ. Ông cho rằng các vị thần xung quanh Ngọc Hoàng chẳng qua chỉ là đồ bị thịt, tài nghệ và sức khỏe không có tý gì. Và ông lấy làm bức mình vì sao bấy lâu danh tiếng mình nổi như cồn mà vẫn không được Ngọc Hoàng vời vào để trao cho một chức vị xứng đáng. Mỗi ngày lòng kiêu căng tự phụ của ông một lớn thêm mãi. Cho đến lúc Phạm Nhĩ đâm khinh nhờn cả Ngọc Hoàng, tự nghĩ rằng có sức mạnh và tài phép như mình thì nên làm vua nhà Trời mới phải. Thế rồi chẳng bao lâu ông đã tụ tập xung quanh mình một số bộ hạ cũng có sức khỏe và tài phép hơn người, thành một đội quân bất trị. Đội quân này ngày một đông, đã từng gây náo loạn ở Thiên Đình mà vì sợ oai Phạm Nhĩ nên không một ai dám bắt. Cuối cùng, Phạm Nhĩ cầm đầu đội quân tiến đến Thiên Cung đòi hạ bệ Ngọc Hoàng để cho mình trị vì thiên hạ.

Nghe tin chẳng lành, Ngọc Hoàng thượng đế vội vàng sai các bậc tướng

lĩnh đem quân nhà Trời ra ngăn chặn. Có đến mười tám vị tướng, vị nào cũng lục trí thần thông, miệng thét ra lửa, tay bẻ gãy cổ thụ, chân đạp đổ núi, nhưng không vị nào đối địch với Phạm Nhĩ được lâu. Không đầy mười ngày chỉ còn ba vị sống sót chạy về.

Ngọc Hoàng lại sai năm mươi lực sĩ hầu cận, người nào cũng tài ba và sức khỏe, ra chống chọi với Phạm Nhĩ. Nhưng cũng chẳng mấy chốc ông đã làm cho bọn này nếm mùi thất bại chua cay. Quân đội nhà Trời vốn đông như kiến cỏ, không ngờ kéo ra bao nhiêu bị diệt bấy nhiêu, cuối cùng bỏ chạy tán loạn như ong vỡ tổ. Thừa thắng, Phạm Nhĩ thúc quân tiến lên vây chặt Thiên cung.

Thấy thế, Ngọc Hoàng thượng đế hết sức lo lắng. Theo lời bàn của các triều thần, Ngọc Hoàng vội sai Bắc đẩu cầu cứu đức Phật. Nghe tin cấp báo, đức Phật liền sai Chuẩn Đề đi bắt Phạm Nhĩ. Nhưng đức Phật không ngờ Chuẩn Đề tài phép cao cường là thế, lại bị ăn đòn nặng nề của Phạm Nhĩ đến nỗi lê lét chạy về, xiêm giáp tả tơi.

Sau rốt, đức Phật đành phải tự thân ra đi. Trong lúc Phạm Nhĩ đang hung hăng múa may chửi bới Ngọc Hoàng và bọn triều thần bất tài bất lực, thì đức Phật đã xuất hiện giữa không trung. Phạm Nhĩ vội xông lên toan dùng sức đánh, không ngờ sa ngay vào túi thần của đức Phật, toàn thân co rúm, không cất chân động tay được nữa. Thế là ông bị bắt. Bọn bộ hạ mất tướng như rắn mất đầu, không ai bảo ai tẩu tán khắp nơi.

Trước khi ra về, đức Phật giao lại tên tù cho Ngọc Hoàng xử trí, nhưng cũng dặn làm sao cho y hối lỗi chứ đừng giết hại. Ngọc Hoàng bèn quyết định đày Phạm Nhĩ xuống cõi trần làm kiếp vật. Nhưng trước hết Ngọc Hoàng sai cắt bỏ đôi cánh của ông để tước bớt sức mạnh, e rằng bất thần ông lại bay trở về Trời thì rất nguy hiểm. Hơn nữa, Ngọc Hoàng còn lo

Phạm Nhĩ vốn mang cốt tướng nhà Trời, có thể nghe hết mọi chuyện bốn phương ngay trong giấc ngủ, mặc dù cách xa hàng ngàn dặm. Bởi vậy để làm giảm bớt trí nhớ của ông, Ngọc Hoàng hóa phép bắt lỗi tai ông mỗi khi tỉnh giấc thì khép kín lại. Tuy nhiên, thể theo lời dặn của đức Phật, Ngọc Hoàng cũng phong cho Phạm Nhĩ làm chúa tể sơn lâm để an ủi đôi phần.

Từ khi xuống trần, tài phép của Phạm Nhĩ giảm sút đi nhiều vì không còn có cánh mà bay. Mặc dầu vậy, ông vẫn còn giữ được một sức khỏe tuyệt trần, khiến mọi thú vật khiếp sợ, xứng với danh hiệu chúa tể mà Ngọc Hoàng phong cho. Cho đến sau này, dòng dõi nhà ông vẫn nối nhau làm chúa sơn lâm. Ngay loài người cũng phải kiêng ông, không dám gọi cái tên "Hổ", mà chỉ gọi tránh là ông "Ba Mươi". Tại sao lại gọi là ông Ba Mươi? Đó là vì khi có người nào săn được hổ thì nhà vua có lệ thưởng cho ba mươi quan tiền vì đã trừ được cho loài người một con thú hung ác. Nhưng vua cũng bắt người đó phải chịu ba mươi hèo để cho vong hồn Phạm Nhĩ được thỏa mà không tác quái nữa.

Ngày nay còn có câu:

Trời sinh ra hùm có vây

Hùm mà có cánh, hùm bay lên trời

để nhớ cuộc náo động Thiên cung của Phạm Nhĩ xưa kia [1].

[1] Theo Sơn Nam, sách đã dẫn và theo lời kể của người Hà-tĩnh.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
157. CON MA BÁO THÙ

Ngày xưa ở Gia-định có một tên cướp lợi hại bị bắt và kết án tử hình. Trong ngục, hắn ta bảo người nhà đem hậu lễ đến chạy chọt với tên quan án để mong quan cố tìm cách cứu hắn thoát chết. Quan án nhận lời, đòi phải có đủ hai mươi nén bạc mới có thể lo lót xong. Người nhà tên cướp lo đủ số bạc. Nhưng sau khi nhận đủ bạc rồi, quan lại muốn ăn không một mình, không muốn chia với bọn quan đầu tỉnh và bọn quan trong bộ. Vì thế, cái đơn xin ân xá của tên cướp bị bộ bác, tên cướp vẫn bị đem ra pháp trường xử trảm. Còn quan án ta sau đó, để tránh mặt, bèn cố chạy chọt để được đổi về kinh làm lang trung bộ Hộ.

*

* *

Một hôm, có một ông cử quê quán ở Gia-định sửa soạn về kinh thi hội. Nhưng nhà ông nghèo quá không biết lấy gì để chi tiêu dọc đường. Ông đi vay hết mọi nơi nhưng vẫn không đủ số. Sắp đến ngày phải ra đi, bỗng có một người khách tự xưng tìm đến làm quen, nói rằng mình cũng sắp trẩy kinh nên đến rủ ông cùng đi cho có bạn. Thấy ông cử than rằng mình chưa lo xong tiền ăn đường, người khách lạ ấy hứa sẽ chịu mọi phí tổn, quý hồ được cùng đi với ông là tốt rồi.

Sau ngày khởi hành, ông cứ dần dần thấy người bạn đồng hành của mình quả tốt bụng hơn ông tưởng. Mỗi lần đến một chặng nghỉ ở nhà trạm, ông thấy hăn chăm lo cho ông từ cơm nước cho đến chỗ ăn, chỗ ở, hơn cả một người hầu. Tiền nong hăn chịu tất, trái lại về phần hăn, chẳng thấy hăn lo liệu gì sốt. Không bao giờ hăn chịu ăn cùng mâm, nằm cùng chiếu với ông. Càng ngày ông cử càng thấy áy náy không yên. Từ chỗ chịu ơn đến ngạc nhiên, ông thấy không thể im lặng mãi, nên nhân lúc vượt qua một cái đèo, bèn hỏi:

- Bác lo lắng chỗ ăn chỗ trọ cho tôi thực là chu đáo. Tôi không biết cảm tạ thế nào cho xứng cả. Nhưng tại sao về phần bác, tôi chẳng thấy bao giờ bác bận tâm đến mình. Thế bác ăn ở đâu? ngủ ở đâu?

Người khách lạ không ngần ngại trả lời:

- Chả giấu gì bác, tôi không phải là người mà chỉ là một con ma. Tôi theo bác là chỉ cốt nhờ bác làm ơn chỉ đường cho để báo thù...

- Báo thù ai? Ông cử vội hỏi.

- Báo thù một kẻ trước đây đã ăn tiền của tôi mà nuốt lời hứa để tôi thọ tội.

- Tên hăn là gì?

- Là án sát Đặng.

- Trời ơi! Ông Đặng này là thầy học cũ của tôi.

Nghe ông cử kêu lên như thế, người khách lạ nói tiếp:

- Không can gì. Tôi mang oán thì tôi cứ trả oán; còn bác chịu ơn thì cứ lo mà đền ơn. Chỉ cần bác giúp tôi khi đến kinh chỉ nhà tên đó cho tôi là đủ.

Khi hai người đến kinh bèn từ giã nhau. Một người tìm vào khu trường thi để sắp đặt chỗ trọ, còn con ma thì tìm đến nhà viên án sát để nghĩ cách báo thù.

Thoạt đầu hẳn làm cho đứa con quan án phát điên. Thằng bé trạc mười bốn, mười lăm tuổi, đang hiền lành lễ phép, bỗng dưng sinh ra hung hăng dữ tợn, hoa chân múa tay, miệng nói nhảm nhí gây gổ với mọi người.

Cơn điên bốc mạnh, thằng bé cầm con dao múa lên rồi chạy khắp nơi, cuối cùng làm bị thương một đứa bé khác và đâm chết một người đi đường. Thân nhân người chết khôn xiết đau đớn, vội mang xác đến nhà cha mẹ đứa bé bắt đền mạng. Quan án phải bỏ ra một lúc rất nhiều tiền không những để sắm hòm ván, thuê chôn cất và đền cho thân nhân người bất hạnh, mà còn dùng chút lót cho quan nha sở tại để họ khỏi sinh sự lôi thôi. Trong khi đó, quan phái người nhà tìm bắt con về để tìm thầy chạy thuốc. Nhưng bao nhiêu thuốc men uống vào đều vô hiệu. Quan án lại mời một thầy phù thủy cao tay đến để trị tà bắt quỷ. Nhưng sau ba ngày ba đêm chứng điên của thằng bé vẫn không thuyên giảm chút nào. Thầy thú thực rằng vì tà ma quá mạnh không thể trấn áp được. Quan án tuy tiêu tốn đã nhiều công của, vẫn không nản lòng, hứa sẽ thưởng một số tiền lớn cho người nào chữa được con mình lành bệnh.

Cho đến ngày trường thi treo bảng, ông cử Gia-định mới biết mình "trượt

vỏ chuối". Đang khổ vì tứ cố vô thân, không biết xoay đầu tiền ăn đường, thì bỗng gặp lại người khách lạ. Hăn bảo ông:

- Bây giờ là lúc bác có thể trả ơn cho thầy học của bác được rồi đấy. Tôi ra đây lúc đầu định vật chết con nó báo thù chơi, nhưng sau nghĩ lại thấy tội của nó chỉ đáng làm cho con nó điên khùng một dạo là đủ. Bây giờ bác đến đây trả ơn cho người ta, lại vừa có thể kiếm một số tiền lộ phí. Còn tôi, tôi phải vội về trước.

Ông cử liền tìm đến nhà thầy học cũ. Quan án vì trong nhà đang có chuyện bối rối, không muốn tiếp người học trò của mình, bèn bảo người nhà ra nói dối là mình đi vắng. Nhưng ông cử vội đáp:

- Tôi đến đây là vì công tử con thầy đấy!

Nghe nói thế, quan vội sai mời ông vào.

Ông cử giả thác rằng mình có một phương thuốc bí truyền có thể chữa chạy những bệnh điên cuồng rất hiệu nghiệm. Cách chữa của ông rất giản dị: hàng ngày ông đến trước con bệnh, mặc cho nó gào thét múa may, ông thông thả ngâm lên những bài phú cổ. Ông cứ kiên nhẫn làm như vậy suốt ba ngày. Bệnh của đứa bé lui đi trông thấy. Cuối cùng, khi thấy thằng bé đã hết điên, ông cắt cho nó những chén thuốc bổ. Quan án vô cùng mừng rỡ, ca ngợi không tiếc lời tài thuốc của người học trò cũ, và trước khi người ấy ra về, mang tặng hai mươi nén bạc để đền công đã chữa cho đứa con mình [1].

KHẢO DỊ

Một truyện của Trung-quốc có vài nét tương tự:

Vào thời Càn Long có một người tên là Cố Nghiêu Niên vì việc gạo tăng, kêu gọi dân chúng đánh lại quan, bị viên án phủ Tô-châu bắt tội chém. Hồn ma tìm đến nhà Giang Vũ Phong làm quan ở Tô-châu, ám vào đứa con là Giang Bảo Thần để báo thù. Bảo Thần đi Kim-lăng thi hương, lúc trở về tự nhiên bị bệnh nguy kịch. Họ Giang tìm danh y khắp nơi nhưng ai nấy đều lắc đầu. Nghe nói có một danh y là Quân Nhất Biều, họ Giang bèn nhờ một người bạn mời hộ. Khi danh y sắp đến thì người bệnh nói chuyện với ma ở trong buồng: - "A, Cố Nghiêu Niên đã đến đấy ư, mời anh ngồi". Ma đáp: - "Ta báo cho anh biết là anh đã đậu thi hương thứ ba mươi tám. Còn bệnh của anh thì cũng dễ thôi, anh cho ta bữa rượu để ta đi". Giang Vũ Phong nghe nói, vội chạy vào buồng báo: - "Cố Nghiêu Niên, anh đi đi, muốn gì ta sẽ cho". Đáp: - "Tôi chưa đi được vì ngoài cửa có một người, lại có nhà danh y sắp đến, tôi sợ hai người ấy". Khi Quân Nhất Biều đến, nghe người bạn kể lại chuyện này, bèn rủ bạn cùng vào, rồi một người bắt mạch cắt thuốc, một người cầm chổi đập khắp buồng. Quả nhiên, bệnh Giang Bảo Thần lui đi trông thấy. Đó là vì con ma bỏ đi không quấy nữa [2].

-
- [1] Theo Lãng-đờ (Landes), sách đã dẫn.
- [2] Theo *Tân tề hài*, quyển 2.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
158. RĂN BÁO OÁN

Ngày ấy, trong một gò đất cây cối mọc um tùm ở làng Nhị Khê gọi là gò Rùa, có một con rắn mẹ sống với một đàn con. Con rắn làm tổ ở đó đã ngót một trăm năm, chỉ còn chờ ít lâu nữa là thành xà tinh có thể đi mây về gió, biến hóa huyền diệu. Vào thời ấy có một ông đồ họ Nguyễn mở trường dạy học trong làng. Thấy đám đất ở gò Rùa có mạch rất đẹp: trước mặt là đầm làm minh đường, sau lưng là gò làm án, ông đồ bèn xin làng cấp cho mình đám đất để dựng một ngôi nhà làm nơi tĩnh mịch dạy học. Được phép làng, một buổi chiều nọ trước khi tan lớp, thầy bảo trò:

- Từ mai các con tạm nghỉ học một vài ngày rồi đến phát dọn hộ cho thầy đám đất bên gò Rùa kia.

Nghe tin ông đồ sắp cho người đến phá phách chỗ ở của mình, đêm ấy rắn mẹ bèn đến báo mộng cho ông đồ biết. Ông đồ đang ngủ mơ màng thấy có một người đàn bà vẻ mặt hầm hầm đến sừng sộ:

- Này ông kia! Nào ta có gây thù chuốc oán gì với nhà người mà nhà người lại toan phá nhà cửa của ta. Muốn tốt thì chớ có động đến, nếu không thì đừng hòng ăn ngon ngủ yên với ta đâu

Nói xong quay ngoắt trở ra. Ông đồ giật mình tỉnh dậy thì trời đã sáng. Suy nghĩ mãi về giấc mộng lạ, ông chưa hiểu thế nào cả. Sực nhớ hôm nay là ngày học trò mình bắt tay khai phá đám đất hoang, ông cho rằng hẳn có ma quỷ gì ở đấy muốn ngăn cản không cho mình tới ở. Sợ tai vạ, ông đã toan bảo học trò ngừng tay, nhưng suy đi nghĩ lại, ông thấy không nên: - "Ồ, mộng寐 vô chừng, tội gì phải bận tâm cho mệt". Rồi đó ông đồ chống gậy

đi đến khoảnh đất mới xem học trò làm việc. Lúc đến nơi thì thấy học trò đã dọn quang một đám khá rộng. Ông đồ hỏi: - "Các con có thấy gì lạ không?". Học trò đáp: - "Thưa thầy, không có gì lạ cả". - "Nếu có gì lạ hãy báo cho thầy biết nghe không".

Đêm hôm sau con rắn lại báo mộng. Ông đồ đang mơ mơ màng màng, bỗng thấy người đàn bà hôm trước lại đến, tay bế ba đứa con nhỏ, nhưng lần này vẻ mặt thay đổi hẳn: - "Xin nhà thầy hoãn cho ba hôm nữa, để cho đàn con tôi cứng cáp đã rồi sẽ xin đi". Thấy người đàn bà vật nài mấy lần, ông đồ động lòng trắc ẩn, nói: - "Được, được, tôi sẵn lòng để cho nhà chị nán lại ít hôm".

Sáng dậy ông đồ nghĩ mãi vẫn chưa hiểu ra thế nào. Ông bèn đi tới đám đất đang được phát dọn xem sao. Vừa đến nơi, người trưởng tràng đã chạy đến nói với ông: - "Thầy ạ, vừa rồi có một con rắn lớn, tiếc rằng chúng con mới chém phải một nhát ở đuôi thì nó đã chạy mất. Trong hang có một ổ ba con rắn con, chúng con đều đánh chết cả". Ông đồ bèn hiểu ra, bèn tặc lưỡi ân hận: - "Đúng là người đàn bà ở trong con rắn đã đến cầu khẩn với ta. Nhưng ta không kịp cứu bầy con nó như lời ta đã hứa".

Lại nói đến con rắn mẹ tự nhiên bị chết mất cả đàn con lại bị thương tích nặng nề, thì cảm tức ông đồ vô hạn. Nó quyết tìm dịp báo thù. Một tối trong khi ông đồ đang đọc sách ở một ngôi nhà vừa mới dựng xong, con rắn lén bò vào mái tranh, đến gần sát chỗ ông ngồi, toan cắn chết. Nhưng ông đồ vừa liếc thấy đã kịp hô hoán cho người nhà chạy lại. Rắn ta hoảng hốt bỏ trốn, chỉ kịp nhỏ xuống trang sách một giọt máu. Ông đồ kinh hãi nhìn lại trang sách thì thấy giọt máu nhỏ thấm tới tờ thứ ba. Thở dài, ông lẩm bẩm: - "Chắc nó sẽ báo oán đến đời con cháu ta chứ không sai".

*

* *

Mấy chục năm đã trôi qua. Con rắn ẩn nấp trong chằm lúc này đã lành vết thương và đã trở thành xà tinh. Nhớ lại món nợ cũ, nó bèn hóa thành một người con gái rất đẹp đi tìm kẻ thù. Lúc này ông đồ đã mất, con ông cũng lưu lạc chết ở quê người, chỉ còn cháu bé lúc này là Nguyễn Trãi bấy giờ đang làm quan đại thần ở kinh đô, chức cả quyền cao, vua quan đều trọng vọng. Một hôm, Nguyễn Trãi nhân thông thả đi chơi chợ ở phía ngoài kinh thành. Con rắn biết tin, bèn hóa thành một người con gái gánh một gánh chiếu đi chợ bán. Cho nên, lúc ông vào đến chợ, đã trông thấy một cô gái trẻ tuổi đang đặt gánh chiếu đứng đọc tờ cáo thị dán ở cổng. Thấy người con gái bán chiếu ăn mặc nghèo khổ mà mặt mũi đẹp tựa trăng rằm, lại dáng điệu thanh tú, chẳng có gì là lam lũ, ông sai dừng cưỡi, bảo người lính hầu gọi cô tới và hỏi:

- À tên là gì, con cái nhà ai, tại sao lại làm nghề này?

Nàng đáp:

- Thiếp tên là Nguyễn Thị Lộ, vì bố mẹ đã mất cả không biết nương tựa vào ai, nên đi ở với một người dệt chiếu.

- Làm sao lại biết chữ?

- Hồi còn nhỏ, cha mẹ thiếp có cho theo đòi bút nghiên.

- Nếu vậy thì ta có bài thơ này, thử họa lại xem:

Ả ở đâu, bán chiếu gon?

Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn?

Xuân xanh chừng độ bao nhiêu tuổi?

Đã có chồng chưa? Được mấy con?

Cô gái liền đọc bài thơ sau:

Tôi ở Tây-hồ bán chiếu gon

Cớ chi ông hỏi hết hay còn

Xuân xanh mới độ trăng tròn lẻ

Chồng còn chưa có, có chi con.

Nguyễn Trãi tấm tắc khen:

- Chao ôi! Tài này thật nàng Ban, ả Tạ dễ không sánh kịp! Ta đang cần một người hầu bút nghiên, chẳng hay nàng có muốn bỏ nghề bán chiếu, về ở với ta trong phủ không?

Biết là mưu đã dặt, cô gái gặt đầu. Sau lần đi dạo chợ ấy, Nguyễn Trãi đưa Thị Lộ về làm hầu gái. Càng ngày ông càng yêu vì nết, trọng vì tài. Với ông, Thị Lộ vừa là một người vợ, vừa là một người bạn văn chương. Sắc đẹp của nàng làm cho cả phủ nổi ghen. Nhưng nàng lại rất khôn ngoan, biết lấy lòng tất cả mọi người. Đối với Nguyễn Trãi thì hết sức chiều chuộng, lại giúp ông thảo các giấy tờ việc quan rất trôi chảy, nên ông rất yêu dấu.

Tiếng đồn về người hầu gái của Nguyễn Trãi chẳng mấy chốc vang đi khắp nơi. Buổi ấy nhà vua đang cần một người hầu giảng sách, nghe tiếng Thị Lộ tài sắc hơn đời, vua bèn buộc Nguyễn Trãi dâng luôn cho mình. Thị Lộ lại trổ tài và hết mực chiều chuộng ông vua trẻ. Càng ngày vua càng yêu mến không rời, phong cho làm nữ học sĩ.

Một hôm, mẹ vua bị bệnh đau mắt rất nặng, thái y viện không có cách gì chữa khỏi. Nghe tin này, Thị Lộ bèn tâu vua: - "Thiếp ngày xưa, ngoài việc học chữ còn võ vẽ đôi chút về nghề y. Nếu được phép bệ hạ, thiếp xin thử chữa cho hoàng thái hậu xem sao". Vua không ngờ nữ học sĩ lại lắm tài nghề, bèn y cho. Thị Lộ đến nơi, chỉ dùng lưỡi mình liếm vào con mắt của mẹ vua, tự nhiên bệnh đau mắt của mẹ vua khỏi hẳn, không cần tra thuốc men gì. Sau việc ấy vua lại càng yêu dấu và tin cậy.

Một hôm, vua bị bệnh đau lưỡi. Sực nhớ tới Thị Lộ, nhà vua bèn đòi nàng vào cung để chữa cho mình. Thấy đúng là cơ hội báo thù đến nơi, Thị Lộ bèn bảo nhà vua lè lưỡi cho mình chữa. Vua thè lưỡi ra, rần liên cắn vào lưỡi một cái. Vua ngã chết ngay không kịp kêu lên một tiếng. Triều đình lập tức bắt giam Thị Lộ và bắt giam luôn cả họ nhà Nguyễn Trãi để xét xử. Chẳng mấy chốc mà cái án giết vua đã thành. Thị Lộ bị tội trăm quyết. Khi đao phủ sắp sửa đem xử tù, thì nàng xin phép được xuống sông tắm gội lần chót. Người ta y theo lời xin, cho một người lính gác tù đi theo canh giữ.

Nhưng khi vừa bước xuống nước, rần lập tức trở lại nguyên hình và trườn xuống sông mất tích. Người lính gác để sống mất nữ tù liền bị bắt giam và theo luật phải chết thay.

Vụ án Thị Lộ, vì chính phạm trốn mất, nên búa rìu dư luận tự nhiên giáng xuống đầu cả họ Nguyễn Trãi. Theo lệnh triều đình, bà con thân thích của ông bất kể nam nữ già trẻ, tất cả đều bị xử giáo. Riêng có Nguyễn Trãi và người lính gác tù thì bị đem đi chôn sống. Người ta đào một cái hố, đẩy phạm nhân xuống rồi lấp đất lại. Đó là cách hành hình kinh khủng nhất của triều đình. Hôm thi hành bản án, người lính gác là kẻ chịu cực hình đầu tiên. Khi sắp sửa đến lượt Nguyễn Trãi, bỗng có một người đàn bà vợ anh lính gác, ở đâu chạy tới nhảy chồm lên mộ chồng gào khóc thảm thiết, đòi một hai chết theo cho trọn đạo. Trước cảnh thương tâm, Nguyễn Trãi khuyên chị:

- Ta vì một người thiếp mà chết oan cả họ, còn chồng nàng thì lại vì ta mà bị thiệt thân. Thôi, nàng hãy coi đó là số mệnh, đừng khóc nữa. Hãy ngửa bàn tay cho ta ghi lại một chút dấu tích. Sau này nếu có việc gì thì đừng quên ta!

Khi người đàn bà ngửa tay ra trước mặt ông, ông bèn nhõ vào lòng bàn tay một bãi nước bọt.

*

* *

Vợ người lính gác vừa hứng lấy bãi nước bọt thì bỗng nhiên rùng mình cảm động. Từ đấy nàng có mang, đủ chín tháng mười ngày sinh được một người con trai rất khôi ngô. Nàng đặt tên là Anh Vũ. Và nghĩ rằng đó là dấu tích

của vị đại thần bị chết oan, nên tuy mình họ Phạm, nàng cũng khai cho con họ Nguyễn. Khi con lớn khôn, nàng cố gắng cho nó đi học. Anh Vũ thông minh, học chóng tấn tới. Năm Anh Vũ hai mươi tuổi cũng là năm có lệnh ân xá cho cả nhà Nguyễn Trãi, vì đức hoàng đế mới lên ngôi đã thấu rõ mối oan tày trời của bậc công thần. Tất cả những của cải, ruộng đất, nô tỳ trước đây triều đình tịch thu đều trả lại cho dòng dõi của ông. Nhưng dòng dõi của Nguyễn Trãi thì chẳng còn một ai. Thấy thế, vợ người lính gác bèn đưa Anh Vũ đến kinh thành đánh trống dâng văn. Nhà vua cho gọi vào. Trước sân rồng, nàng kể lại cho vua nghe mọi việc kể từ lúc Nguyễn Trãi nhổ bãi nước bọt vào tay đến lúc mình nuôi con khôn lớn. Vua nghe đoạn trầm ngâm một hồi, rồi phán rằng: - "Đúng đây là dấu tích của Nguyễn Trãi. Chưa nói đến sự hiển ứng, chỉ xem nét mặt cũng phảng phất giống vị công thần". Anh Vũ bèn được coi là con đẻ của Nguyễn Trãi và được bổ làm quan. Càng ngày lòng vua thương xót vị đại thần chết oan càng dồn vào Anh Vũ. Sau một thời kỳ bước dần lên nấc thang danh vọng, Anh Vũ được cử đi sứ Trung Quốc vì nhà vua biết chàng không những có tài văn chương mà còn có tài hùng biện.

Lại nói chuyện con rắn từ ngày báo được thù cũ và trốn thoát thì nó ngao du trên mọi ngả sông hồ, không có chỗ ở nhất định. Một hôm, nghe tin dòng dõi của Nguyễn Trãi vẫn còn, lòng căm tức của nó lại bùng bùng bốc lên. Lúc thuyền sứ bộ qua hồ Động Đình thì bỗng dưng mọi người thấy một con rắn lớn đuổi theo thuyền; đuôi nó như cột buồm quấy sóng rất dữ làm cho thuyền trông chừng sợ hãi muốn chầm chậm. Cả đoàn sứ bộ và thủy thủ đều sợ xanh mặt. Một lúc sau, con rắn vừa lội theo thuyền vừa ngóc đầu lên khỏi mặt nước réo tên Anh Vũ. Thấy vậy, Anh Vũ biết là món nợ của tổ tiên hãy còn dai dẳng chưa thôi. Ông phải tính liệu một bề để cứu lấy mọi người trên thuyền. Suy nghĩ một chốc, ông ra đứng ở mũi thuyền nói to: - "Hỡi rắn thần, nghe ta nói đây! Hãy để cho ta làm tròn sứ mạng của nhà vua. Xong việc nước, ta sẽ về đây nộp mình".

Nói đoạn tự nhiên sóng êm, gió lặng. Con răn đã biến đi mất.

Mấy tháng sau, công việc giao thiệp đã xong, thuyền sứ bộ lại trên đường về qua hồ Động Đình. Răn lại hiện ra đằng mũi thuyền sứ rêu tên Anh Vũ.

Sau khi dặn dò sứ bộ mọi điều, Anh Vũ cầm một con dao nhọn vào tay và nói:

- Tôi phải xuống để báo thù cho cha tôi!

Đoạn từ mũi thuyền, chàng lao thẳng xuống mặt hồ.

Cả đoàn sứ bộ nhìn theo ứa nước mắt khi thấy vị chánh sứ trẻ tuổi của mình một đi không trở lại. Nhưng lúc ấy, bọt tung sóng vỗ, rồi máu đỏ lênh láng trên mặt nước [1].

KHẢO DỊ

Duy-mu-chiê (Dumoutier) kể đoạn kết truyện trên như sau:

Lúc trở về hồ Động Đình thấy con răn thần hiện ra, Anh Vũ bèn viết hai bức thư: một cho vua Trung-quốc, một cho vua Việt-nam để nói rõ trường

hợp cái chết của mình, rồi cho người mang đi. Đoạn ông mang áo mào sứ thần nhảy xuống nước. Rắn đã chực sẵn vội vồ lấy và nuốt ngay.

Vua Trung-quốc nhận được thư ông, liền sai một pháp sư nổi tiếng mang một đạo bùa đến hồ để trị con quái vật. Kết quả con rắn bị phép thần đánh chết, xác nổi lên mặt nước. Người ta kéo lên bờ mở bụng lấy xác Anh Vũ ra làm đám trọng thể, rồi chặt rắn làm ba khúc ném xuống hồ. Ba khúc hóa thành ba hòn đảo nổi lên giữa hồ, ngày nay vẫn còn. Vua Trung-quốc lại sai dựng đền thờ Anh Vũ ở trên bờ. Vì thế hồ là hồ Trung-quốc nhưng thần là thần Việt Nam [2].

Truyện trên còn có một dị bản như sau:

Nguyễn Trãi là thái sư nhà Lê, được ở Chí-linh thỉnh thoảng mới phải về châu vua. Một hôm, chính ông chứ không phải người ông nội của ông, nằm mộng thấy một người đàn bà xin cứu mạng cho mười ba mẹ con. Tỉnh dậy chưa kịp nghĩ ra thì đã có lệnh vua đòi. Lúc về, người nhà cho biết đã chém một con rắn có một ổ trứng mười hai cái khi dọn vườn. Ở đây cũng có chuyện rắn nhỏ máu xuống khi ông nằm vờng đọc sách, thấm đến ba tờ giấy (có người kể giọt máu thấm xuống chỗ có chữ "đại" nghĩa là "đời"). Cũng có việc gặp Thị Lộ - con rắn hóa thân - bán chiếu đưa về làm nàng hầu. Khi vua Thái Tông thấy Thị Lộ đẹp, hỏi, thì đáp là con nuôi. Vua cũng sai đưa vào cung hầu hạ. Ít lâu sau vua đi chơi, đưa Thị Lộ theo. Qua Chí-linh vua ghé vào nhà Nguyễn Trãi trong lúc ông đi vắng. Thị Lộ pha trà cho vua, trong chén trà có nước bọt của nó. Vua uống chết ngay. Nguyễn Trãi về biết rõ cơ sự, liền sai đặt xác vua vào vờng, cho đưa xuống thuyền nói dối là vua đau. Về đến cung, ông đánh trống cho các quan vào châu rồi kể lại đầu đuôi nhờ các quan luận án. Thấy không một ai dám xử, ông khóc nói: - "Phép nước xưa nay tội giết vua phải "tru di tam tộc", xin cứ thế mà làm". Đoạn ông uống thuốc độc chết. Các quan đành lập án như lời ông, cho bắt ba đời đem giết, còn Thị Lộ thì bỏ cũi sắt chìm sông, nhưng nàng

hóa rắn lợi đi mất. Ở đây không có chuyện nhổ nước bọt vào tay người đàn bà, nhưng lại có tình tiết một người vợ bé của Nguyễn Trãi lúc ấy đang đi chợ, chợt nghe tin chẳng lành, bèn trốn sang nước Bồn Man, về sau đẻ một người con trai (tức Anh Vũ). Cũng có việc vua Nhân Tông biết là oan tha tội, và về sau phong tước cho Anh Vũ y như bố. Không có chuyện rắn đuổi theo làm hại Anh Vũ lúc chàng đi sứ [3].

Người Hà-tĩnh có truyện *Sự tích về chùa Thiên-tượng*:

Một cụ đồ dạy học, một hôm sai học trò vỡ đất hoang để dựng nhà học. Cũng như truyện trên, cụ đồ mộng thấy một mẹ dặt năm đứa con nhỏ xin khoan khoan cho mình vài ba bữa. Cụ đồ sáng hôm sau dậy muộn, khi ra đến nơi vỡ đất thì học trò đã giết chết mấy con rắn con và làm bị thương con rắn mẹ. Đêm hôm ấy con rắn cũng nhỏ máu vào sách cụ đồ đang đọc xuống đúng chữ "tộc" thấm đến ba tờ.

Vợ cụ đồ sau đó có mang đẻ được một cô gái xinh đẹp. Lớn lên cô gái kết duyên với quan huyện, học trò cũ của cụ đồ. Lấy được ít lâu cô gái giết chết người vợ cả quan huyện rồi trốn đi. Cả nhà cụ đồ vì có ấy mà bị kết án tử hình. Còn cô gái trốn lên chùa dan díu với một chú tiểu, chẳng bao lâu chết cả hai.

Quan huyện cũng ngã bệnh nguy kịch, bao nhiêu danh sư đều bó tay. Nghe đồn một sư già ở chùa Thiên-tượng giỏi bùa phép, người nhà quan đến cầu xin, sư cho một đạo bùa bảo về cất mồ người vợ lẽ và chú tiểu đi nơi khác. Khi đào lên không thấy xương cốt, chỉ thấy hai con rắn to lớn lạ thường, bèn xúm lại đánh chết. Bệnh dần dần lành [4].

Trung-quốc có hai truyện rắn báo oán giống của ta:

1. Truyện *Phương Chính Học*: Phương Chính Học đòi Nguyên, khi người ông nội mất sắp đào huyệt cất đám thì đưa con (tức bố Phương Chính Học) đêm nằm mộng thấy một bà già hiện ra bảo: - "Chúng tôi ở đây đã lâu, xin ông thư thả cho chúng tôi di chuyển đi một nơi khác, rồi hãy đào". Người con tỉnh dậy không biết thế nào cả. Ngày hôm sau những người đào huyệt thấy một ổ rắn rất nhiều con, bèn dùng gậy đánh chết tất cả. Lúc ấy con dâu người chết (tức mẹ Phương Chính Học) đang có mang. Bà ta bỗng thấy một luồng hắc khí bay vào nhà nơi mình ngồi. Khi Phương Chính Học sinh ra có cái lưỡi giống lưỡi rắn. Về sau Phương Chính Học cũng bị vạ diệt tộc, người ta cho đó là do đàn rắn thác sinh vào Phương Chính Học để báo thù.

2. Truyện *Ngô Trần*: Ngô Trần đời Tống có lần đóng quân đất Thục cho người khai phá khu rừng rậm ở Kim Bình, vì sợ nơi ấy là chỗ ẩn nấp của giặc cướp. Lệnh đốt rừng sắp thi hành, bỗng có một bà già dắt con đến cửa dinh kêu rằng: - "Nghe nói tướng quân sắp cho đốt quả núi này. Đó là quân lệnh tôi không dám ngăn trở. Nhưng mẹ con tôi ở đây đã lâu, xin tướng quân cho thư thả một chút để cho chúng tôi dời đi nơi khác đã". Ngô Trần thét mắng mẹ già, mẹ ra đi còn nói: - "Nếu tướng quân không nghe, sẽ bị diệt cả họ!". Ngô Trần giục quân cứ đốt. Ngày hôm sau họ thấy ở trong núi có hai con rắn chết. Nhưng trong khi lửa bốc cháy thì một luồng hắc khí vọt bay về phía Đông Nam đúng vào lúc con dâu nhà Ngô Trần đẻ ra Ngô Hy (theo *Giang hồ kỷ văn*) [5].

Chúng tôi ngờ rằng truyện *Rắn báo oán* của ta chủ yếu chịu ảnh hưởng từ hai truyện trên. Và như chúng tôi đã có dịp phân tích, đây là câu chuyện do tầng lớp nho sĩ bịa đặt ra nhằm huyền thoại hóa tấn thảm kịch của người anh hùng Nguyễn Trãi, xóa mờ sự thật về tấn thảm kịch ấy, để có một cách giải thích hợp với lý trí trước cái chết oan khốc của một người như ông và cả dòng họ ông. Chính vì vậy, câu chuyện có những nhân tố hoang đường, thậm chí còn xuyên tạc hình ảnh một nhân vật tài hoa như Thị Lộ. Tuy

nhiên, chúng tôi vẫn chọn vào đây để bạn đọc thấy được một tiêu bản của dạng truyện thần kỳ có cái cốt lịch sử song đã phân khai hẳn với lịch sử. Xem thêm truyện số **4**, tập **I**, *Sự tích cây huyết dụ*, cũng có hình ảnh con vật báo mộng cho người.

-
- [1] Theo lời kể của người miền Bắc, Lãng-đờ (Landes), sách đã dẫn và *Úc trai thi tập*.
- [2] Duy-mu-chiê (Dumoutier), *Lược khảo về người Bắc kỳ*.
- [3] Theo *Sử Nam chí dị*.
- [4] Tài liệu của Mạch Sào Quan.
- [5] Theo Lang Anh. *Thất tu loại cáo*, quyển thượng (Tài liệu của Trần Văn Giáp).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
159. RẠCH ĐÙI GIẤU NGỌC

Ngày xưa, một ông vua nước ngoài có một viên ngọc vô cùng quý giá. Viên ngọc có hai điều lạ: một là cầm trên tay tưởng chừng rất nhẹ, thế nhưng đặt vào đâu thì ở đấy nặng trĩu; hai là đêm đến ngọc tỏa ánh sáng rực, dầu cất chỗ kín thế nào đi nữa, ánh sáng vẫn cứ lọt ra ngoài. Từ lúc được làm chủ viên ngọc, nhà vua mừng lắm, đêm ngày ôm ấp không rời.

Nhưng một hôm ngọc quý bỗng không cánh mà bay. Nhà vua tiếc ngơ tiếc ngẩn, hạ lệnh cho thần dân khắp hang cùng ngõ hẻm phải hết sức dò tìm, tuy vậy vẫn vô hiệu. Mãi về sau, vua sai người đem kính thiên lý ra nhìn, thì mới biết ngọc đã bay về phương Nam. Lập tức vua sai một viên đại thần đem năm trăm quân sĩ ngồi lên mấy chiếc thuyền lớn, theo hướng Nam mà đi. Lệnh vua truyền thế nào cũng phải dò tìm bằng được. Sau bao ngày vượt biển tìm tòi, viên đại thần theo dõi kính thiên lý bỗng nhìn thấy viên ngọc bay vụt vào nước Nam, bèn ra lệnh cho quân sĩ cứ hướng ấy đuổi theo.

Bấy giờ ở làng Đại-lại, huyện Gia-bình có một người tên là Điển Chi. Một đêm nọ, ông đang ngồi chơi ở sân, chợt thấy có ánh sáng lạ bay xuống chiếu sáng cả một khu vườn. Ông lấy làm kinh ngạc, nhưng cũng đánh bạo chạy tới chỗ ấy tìm xem, không ngờ bắt được một viên ngọc. Biết đó là của hiếm trên thế gian, ông mừng quá, vội đưa về nhà cất trong hộp gỗ. Nhưng ông lấy làm lạ khi thấy đêm đến, ánh sáng của viên ngọc vẫn tỏa sáng khắp nhà. Ông lại cho vào một cái thùng sắt đậy kín, nhưng thùng sắt cũng không đủ sức che kín ánh sáng chói chang. Sợ ngọc có thể bị lộ và về tay người khác mất, ông bèn đào hố chôn đi. Nhưng dầu đào sâu chôn chặt bao nhiêu cũng hoài công vô ích. Đêm đêm, ngọc vẫn phát ra ánh sáng. Sau nhiều ngày mò mẫm đủ cách, ông mới biết chỉ có bỏ ngọc vào giữa thịt

sống thì ánh sáng của ngọc mới được che kín trọn vẹn. Cuối cùng, ông đánh liều cầm dao rạch đùi mình nhét ngọc vào rồi khâu lại. Từ đó chân ông đau tê buốt không đi lại được, nhưng của báu thì hoàn toàn giấu kín không ai biết cả.

Lại nói chuyện quan quân nước ngoài theo dõi dấu ngọc tới vùng Gia-bình thì bỗng mất hút. Kính thiên lý cũng không còn tìm ra. Quan đại thần bèn cho quân sĩ vào dò la khắp miền, nhưng thấy đều vô ích.

- "Hẳn có người nào ở vùng này bắt được ngọc biết cách dấu vào da thịt nên ngọc không phát sáng nữa". Viên đại thần nghĩ vậy. Và ông cố moi óc tìm ra một kế để đưa ngọc về. Ông mới sai quân sĩ dựng rạp trên một hòn đảo giữa sông, rồi giết bò mổ lợn làm tiệc linh đình. Đoạn nhờ quan huyện ở đây mời tất cả nam phụ lão ấu các làng tới dự. Mỗi người đến dự tiệc đều phải đi qua một chiếc bè nửa thả nổi trên sông, nối liền với đảo. Ông còn cắt mấy người đứng đón ở bè nửa, dặn hễ thấy lúc nào có người đi qua, bè chìm thì báo ngay cho ông. Suốt mấy ngày liền, dân làng các vùng Gia-bình, kể cả dân làng Đại-lại lũ lượt đến ăn tiệc hết lớp này đến lớp khác, nhưng chẳng một ai có sức nặng làm cho bè chìm. Viên đại thần vẫn không nản lòng. Ông cố cho hỏi trong đám khách dự tiệc các làng xem may còn sót ai chưa đi chẳng. Một người ở làng Đại-lại mách:

- Người làng tôi thiếu mặt họa chỉ có ông Diễm Chi vì ông ta gần đây bị đau chân không đi đâu được.

Nghe nói thế, viên đại thần vội sai mấy người lính sắm sửa cáng xá, đến tận nhà ông Diễm Chi dặn họ cố dùng lời nói khéo mời ông đi. Về phần ông Diễm Chi, không biết được mưu sâu nên nghe lời mời, liền vui vẻ lên cáng. Quả nhiên, vì có viên ngọc nhét trong đùi cáng ông vừa bước lên bè nửa,

thì bè trôi tránh dữ dội rồi chìm ngập xuống nước. Thấy vậy, viên đại thần reo lên:

- Ngọc đây rồi! Ta tìm được ngọc đây rồi!

Không thể giấu được nữa, ông Diên Chi đành phải thú thực mọi việc. Viên đại thần nói:

- Hoàng đế nước chúng tôi mất một viên ngọc, hòn ngọc bay sang quý quốc, ông bắt được ngọc đó là một điều may mắn. Chúng tôi không có ý lấy không của ông. Nhưng để có ngọc về nộp hoàng đế, mong ông vui lòng đánh đổi hoặc quan tước, hoặc bạc vàng cho chúng tôi. Ông muốn gì, cũng xin làm cho ông vui lòng.

Thấy bọn quan quân không có gì ác ý, ông Diên Chi bảo họ:

- Hãy chồng tiền vác cao bằng đầu người từ chỗ tôi đứng cho tới nơi nào hòn chì của tôi ném ra dừng lại!

Viên đại thần nước ngoài gật đầu. Cuộc trao đổi giải quyết chóng vánh. Từ đấy, ông Diên Chi trở nên giàu có, trong nước ít người sánh kịp.

Tin ông Diên Chi bỗng nhiên giàu bốc lên bay đến kinh đô. Nhà vua bèn cho đòi ông về kinh hỏi chuyện. Thấy ông tốt số kỳ lạ, vua chọn một công chúa gả cho ông, phong ông làm phò mã.

Hai vợ chồng ông Diên Chi sống với nhau rất tương đắc. Công chúa chiều chuộng ông rất mực. Ông Diên Chi những tưởng đời mình không còn gì sung sướng hơn thế nữa.

Nhưng một hôm, một người bạn nổi khố của ông từ phương xa tới thăm. Ông vui vẻ dắt bạn đi khắp nơi xem tư cơ đồ sộ của mình. Thấy bạn luôn miệng tấm tắc khen ngợi, ông có vẻ đắc chí:

- Giàu như tôi mới thật là nhất nước!

Không ngờ câu nói ấy lọt vào tai công chúa. Không chịu được sự ngạo mạn của chồng, trong một lúc giận dữ, công chúa vội vàng về mách cha. Nhà vua không ngăn được cơn thịnh nộ, lập tức cho triệu phò mã về triều và ra lệnh:

- Nhà ngươi tự khoe mình giàu có nhất nước. Được lắm! Bây giờ ngươi hãy thi với ta đem tiền ra phát chẩn cho dân. Ta phát ba ngày đầu, ngươi phát ba ngày cuối. Nếu ta không đủ tiền để phát thì coi như lời ngươi nói đúng, ngươi sẽ không có tội gì cả. Nhưng nếu ngươi không đủ tiền để phát, thì tức là ngươi đã nói láo, đã khinh mạn "quan gia", phải phạt tội lột da nhồi trấu để làm gương cho thiên hạ!

Nghe lời truyền đồng dặc, ông Điền Chi khôn xiết kinh hoàng. Ông sụp xuống dưới chân vua kêu xin tha tội. Nhưng nét mặt vua thản nhiên như không nghe thấy. Chẳng biết tính sao nữa, ông đành tuân lời.

Sau những ngày bận rộn chuyển vận tất cả của cải về kinh đô, ông Điền Chi lại ra mắt vua. Cuộc thi bắt đầu. Mấy ngày đầu vua phát chẩn, dân chúng chưa mấy ai biết tin nên đến lĩnh chẩn còn thưa thớt. Cho nên số tiền vua ứng ra vẫn không phát hết. Nhưng đến lượt ông Điền Chi phát thì khắp nơi dân chúng đã hay tin, nên nô nức tuôn về lĩnh chẩn ùn ùn. Ông Điền Chi phát mãi, phát mãi, vội hết cả kho tiền mà vẫn không đủ. Hết tiền ông lại đem gạo trong kho ra phát, mong có thể cứu được tính mạng. Nhưng không

may cho ông, các kho gạo bắt đầu vơi mà dòng người vẫn tuôn về như nước chảy. Vì thế ông đành chịu thua cuộc.

Nhà vua vẫn không chút thương hại chàng rể ngạo mạn. Ông Diên Chi bị quân lính bắt ra lột da nhồi trấu, đem bêu trước cửa thành. Tất cả tài sản còn lại của ông đều bị sung công.

Thấy chồng bị vua cha làm tội, công chúa đâm ra hối hận. "Thì ra ta là gái giết chồng" Câu nói ấy luôn luôn ám ảnh lòng nàng. Rồi một hôm, công chúa giao tất cả ruộng đất của mình cho dân làng, bỏ đi tu. Ngày nay ở làng Đại-lại vẫn còn cánh đồng mà công chúa cúng cho dân, người ta gọi đó là cánh đồng Mả, cũng có người gọi là cánh đồng Ngọc [1].

KHẢO DỊ

Đại-việt sử ký toàn thư có kể một câu chuyện được ngọc gần giống với truyện trên: thời Trần Minh Tông có người bố của Ngô Dẫn bắt được một viên ngọc rất rất to. Dẫn đem ngọc nhờ sở thương bạc ở Vân Đồn bán hộ. Một chủ tàu buôn nước ngoài biết là của hiếm nên đã dốc hết tất cả vốn liếng của mình để được làm chủ viên ngọc. Nhờ vậy Dẫn trở nên giàu có lớn. Vua Minh Tông nghe tin, triệu về kinh gả cho công chúa Nguyệt Sơn, phong làm phò mã.

Ngô Dẫn cậy mình giàu có, tư thông với một người đàn bà khác, và thường nói những lời khinh rẻ công chúa. Công chúa đem việc ấy tâu vua. Nhưng

khác với số phận Diên Chi, ở đây Ngô Dẩn được vua tha cho tội chết, chỉ bắt tịch thu gia sản.

[1] Theo lời kể của người Bắc-ninh (tài liệu của Lê Thước và Hồ Vi).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
160. NGƯỜI HỌC TRÒ
VÀ CON HỔ

Một con hổ đi dạo trong rừng, vô tình bị lọt vào bẫy. Con vật hung hăng giãy giụa, hết húc đầu đến dùng răng gặm bẫy tìm cách chui ra, nhưng bẫy làm bằng những cây tre đục rất chắc nên không thể làm gì được. Đường cơn nguy khốn, bỗng có một người học trò đi qua. Thấy người học trò, hổ bèn lấy giọng ngọt ngào:

- Chào thầy tú, làm sao thầy tú lại đi vào nơi nguy hiểm này. Chao ôi! Thầy không biết rằng bạn bè tôi hiện đang ở khắp mọi ngả để rình mồi đấy ư? Thôi, chúng ta hãy giao ước với nhau điều này nhé! Về phía thầy, thầy làm ơn mở nắp cho tôi ra. Về phía tôi, tôi sẽ luôn luôn bảo hộ thầy, không để cho một con hổ nào động đến. Mặt khác, tôi sẽ làm cho dân vùng quanh đây kính trọng thầy, tôn thờ thầy như một vị thần.

Người học trò đáp:

- Nhưng nếu ta mở cho người ra, người sẽ ăn thịt ta mất!

Nghe nói thế, hổ một hai xin thề và nói:

- Chao ôi! Thầy tú! Thầy há lại không biết rằng tôi là kẻ xưa nay chưa hề nói dối! Tôi đã nói không ăn thịt thầy thì lẽ nào vì một miếng ăn mà tôi làm sai lời. Tôi là chúa sơn lâm có đâu lại phí mất tiếng tăm của tôi. Thầy hãy mở cho ra, suốt đời tôi sẽ không quên ơn.

Người học trò nhẹ dạ nọ cảm động về những lời khẩn cầu của chúa sơn

lâm, và tin vào những câu thề thốt nặng lời của nó, nên vui lòng rón tay làm phúc. Cần bấy một khi kéo lên, hồ ta nhanh nhẹn chui ngay ra, ngáp dài và gầm lên một tiếng làm cho người học trò giật mình kinh hãi:

- Ôi! - người học trò nói, người hét to quá làm ta đình tai nhức óc.

Nhưng nếu lúc này hồ tỏ ra hèn hạ quy lụy bao nhiêu thì bây giờ lại lộ mặt hung hăng trắng trợn bấy nhiêu. Nó đối giọng:

- Tiếng của tao làm mày khó chịu ư? Tao còn muốn ăn thịt mày nữa kia đấy!

- Người vừa mới giao ước thề bồi với ta chưa buông mồm, sao đã trở mặt nhanh như vậy?

Người học trò chưa kịp dứt lời, hồ đã gầm lên:

- Tao cảm ơn lòng tốt của mày. Nhưng mày phải hiểu rằng cái bụng đói của tao thì không cần biết phải trái gì hết. Tao nhịn đói đã mấy ngày nay và bây giờ thì cần có sức để trở về hang cái đã. Vậy mày hãy nộp mạng cho tao đi!

Trong khi con vật phản phúc đang tìm cách nuốt trôi lời hứa thì một vị thần Núi biết được câu chuyện. Thương hại người học trò bị mắc lừa, thần Núi bèn hiện ra trước mặt hai bên với trạng mạo một ông quan tòa mặt mũi dữ tợn, mắt sáng long lanh, râu tóc trắng xóa. Thần nạt lớn:

- Chúng mày làm gì mà cãi nhau ồn ào ở đây? Ai phải ai trái? Hãy nói ngay cho ta rõ, ta sẽ phân xử cho.

Người học trò vội kể lại câu chuyện vừa qua. Nhưng hổ đã chỉ vào cái bẫy mà cãi biện:

- Làm gì có chuyện đó. Tôi đang ngủ yên lành trong kia thì bị tên này ở đâu đến quấy nhiễu. Không những nó không cho tôi nghỉ ngơi mà còn tìm cách hại tôi. Vì thế, tôi phải ăn thịt nó để trả thù.

Thần phán bảo:

- Đúng! Người có quyền trả thù kẻ nào dám xâm phạm chỗ ở của người. Nhưng ta lại không tin rằng đó là chỗ ở của người. Vì thân hình người to lớn dường vậy làm sao có thể nằm trong một chỗ chật hẹp như kia được chứ? Bây giờ thì hai bên sẽ trở lại đúng nguyên vị trí cũ, ta sẽ xem xét và phân xử sau.

Hổ tin rằng mình thắng nên hí hửng chui vào bẫy. Lập tức vị thần hạ cần bẫy xuống và mắng hổ:

- Đồ khốn kiếp! Mày đã bội ước và lấy oán trả ơn đối với người đã cứu mày. Giờ thì mày đừng có mong ai cứu cho nữa.

Và quay lại phía người học trò, vị thần nói:

- Và đây là một bài học rất quý cho người! Cần phải tốt và nhân hậu đối với mọi người, nhưng trước hết phải nhớ rằng chó có bao giờ tốt và nhân hậu đối với kẻ độc ác cả [1].!

KHẢO DỊ

Một truyện khác của ta *Không nên lấy oán trả ân* cũng là một dị bản của truyện trên:

Một con báo bắt hai con khỉ cáng đi chơi. Thoáng thấy bóng một con lang, khỉ quăng cáng trèo lên cây trốn. Báo cũng ba chân bốn cẳng chạy trốn, nhưng bị lang đuổi theo. Dọc đường gặp một ông già, báo lay lục xin cứu mạng. Sẵn có cái túi vải, ông già bảo báo chui vào nằm im và thắt túi lại. Con lang tới hỏi thì ông già đáp rằng không thấy. Lang đi rồi, ông mở túi cho báo ra, nhưng báo trở mặt đòi ăn thịt. Ông già bảo: - "Đồ bội bạc, mày nhất định lấy oán trả ân ư?" - "Chính vì mày làm tao suýt chết ngạt nên tao phải ăn thịt mày". Ông già đòi báo cho mình đi tìm một người phân xử, nếu đáng chết cũng đành chịu. Báo ưng thuận. Hai bên tìm đến một cây cổ thụ, ông già kể hết mọi sự cho cây nghe và nhờ phân xử. Cây nói: - "Con người là bạc ác bất công. Loài chúng tao giúp cho nó nhiều công việc như làm nhà cửa, đồ dùng, thế mà nó luôn luôn cửa chặt chúng ta rất thâm hiểm. Chính nó là loài bạc ác, ăn thịt là đúng". Ông già bảo báo: - "Nếu không cửa chặt thì làm sao có thể làm đồ dùng. Nó nói không nghe được. Xin để tìm một trọng tài khác". Báo ưng thuận. Gặp một con trâu già. Trâu phán: - "Chúng tao lợm khộm giúp việc cho người suốt đời cho đến chết. Thế mà khi chết nó còn lột da xẻo thịt, thật vô ơn biết bao nhiêu. Ăn thịt nó là phải". Ông già lại bảo báo: - "Nó ngu lắm, nếu đã chết rồi thì dù có lột da xẻo thịt phỏng có can gì. Người ta có nói "sự bất quá tam", xin để tìm một trọng tài thứ ba". Báo lại ưng thuận. Gặp một chàng trai. Sau khi nghe cụ già kể, chàng trai hỏi: - "Sao một cái túi bé như thế này mà báo lại có thể chui vào nổi! Hãy làm lại tao xem thì tao mới phân xử được". Khi báo chui

vào, chàng trai thắt miệng túi lại, dùng gậy đánh chết báo và nói: - "Ông cứu mày mà mày lấy oán trả ân, chết là đáng lắm" [2].

Đồng bào miền Nam có truyện *Sự tích chuông, trống và mõ* cũng cùng một chủ đề và hình tượng, chỉ khác ở đây mãng xà thay cho báo:

Một nho sĩ đi chơi cứu một con lươn lạ khỏi tay bọn chần trâu. Thấy lươn xin tha, nho sĩ đem thả sông. Sau đó ít lâu, anh hồng thi, trở về làng; dọc đường phải qua một con đò ngang. Người ta cản không cho anh đi, nói rằng gần đây xuất hiện một con mãng xà khổng lồ hay làm đắm thuyền để ăn thịt người. Anh đoán đó là con lươn lạ mà mình thả dạo nọ. Nhưng anh lại tin rằng nó sẽ nể mình là người cứu nó, bèn tình nguyện một mình đi qua sông. Thuyền chèo ra giữa sông, mãng xà nổi lên đòi ăn thịt. Anh kể lại công ơn mình cứu nó ngày nào, nhưng mãng xà nhất định không tha. Chàng nho sĩ đòi tìm trọng tài. Mãng xà cũng ưng thuận. Lần đầu gặp trâu, trâu bảo ăn thịt là phải. Lần thứ hai gặp cá gáy cũng thế. Sau cùng gặp một cụ già, kỳ thực đó là đức Phật Thế tôn hiện hình. Phật cho gọi cả những con vật làm trọng tài vừa rồi lại, mắng sự vô ơn bạc nghĩa của mãng xà rồi biến mãng xà thành cái chuông, con trâu thành cái trống, cá gáy thành cái mõ [3].

Truyện này tương đối phổ biến ở nhiều dân tộc. Trước hết là truyện Trung-quốc, nội dung hầu như không có gì khác truyện *Không nên lấy oán trả ân* của ta ở trên.

Truyện của Lào:

Một con hổ vô tình nằm trên một lỗ răn độc bị răn cắn chết. Một thầy tu đi qua, lấy thuốc chữa cho hổ sống lại. Nhưng sau khi sống lại, hổ đòi ăn thịt thầy tu với lý do là nó có quyền vô chết bất cứ ai xâm phạm chỗ ở của mình, dù làm điều thiện cũng vậy. Bò, chó sói, khỉ, quạ, thần cây được hai

bên lẫn lượt nhờ làm trọng tài đều hoặc vì sợ hổ, hoặc vì ích kỷ, hoặc vốn bất bình với người, cho lẽ phải thuộc về hổ. Chỉ có con thỏ là kẻ được nhờ làm trọng tài cuối cùng đã tìm cách cứu thầy tu và trị thói vô ơn của hổ. Thỏ giả cách không xử nếu cả nguyên và bị không trở lại vị trí cũ để cho mình kiểm tra. Đến nơi, hổ nằm lại vị trí cũ bị răn cản chết lần thứ hai. Thỏ bảo:

- Hỡi tu sĩ, anh há lại không biết rằng bản chất của hổ là vô ơn và hung tàn. Anh hãy dành những hành động tốt đối với những người tốt [4].

Truyện của Căm- pu- chia:

Một người đánh cá gặp một con cá sấu trong một cái ao cạn. Sấu nhờ chở hộ mình về chỗ có nước. Người ấy nói: - "Xe của ta chật chội mà xác mày thì to, không chở được!". Sấu xin buộc vào dưới xe là đủ. Được chở về một cái hồ đầy nước, khi được thả, sấu bảo người ấy: - "Hãy lại đây cho ta ăn thịt". - "Sao mày vô ơn bạc nghĩa nhanh thế?". - "Vì mày buộc tao quá chật làm tao suýt chết ngạt". Người kia đành xin trở về từ giã vợ con rồi sẽ tới nộp mình. Đi đường gặp một con thỏ. Thấy hẩn khóc lóc, thỏ hỏi duyên cớ, rồi bảo hẩn trở lại, sẽ tìm cách cứu. Đến nơi, thỏ làm trọng tài hỏi sấu: - "Vì sao mày lại đòi ăn thịt nó?" Sấu đáp cũng như trước. Thỏ hỏi: - "Buộc như thế nào mà chật, hai bên hãy làm lại ta xem. Có phải buộc như thế này không?" Sấu đáp: - "Nếu buộc như thế thì ta đã không nổi giận". Thỏ ra hiệu cho người kia riết chặt. Sấu nói: - "Đúng, nó buộc như thế đấy!". Thỏ bảo người kia: - "Còn đợi gì mà không cho kẻ vô ơn một bài học!". Người kia bèn dùng gậy quật chết sấu [5].

Gần giống với truyện vừa kể, người Mã-lai (Malaysia) có truyện *Nước mắt cá sấu pu-a-nha*:

Cá sấu đi lạc đến một bãi cát nóng bỏng may mắn gặp một anh thanh niên, bèn nhờ anh công giúp mình trở về sông, sẽ đền ơn. Nhưng khi anh công về rồi, cá sấu nhỏ nước mắt cảm động đòi xơi một cangk của anh, nói rằng đáng lý nó phải nuốt chửng toàn thân nếu không vì phải trả ơn anh. Họ bỗng gặp cò, nhờ làm trọng tài. Cò làm bộ không tin là anh thanh niên lại có thể công được cá sấu, bảo anh hãy công đến chỗ cũ thử xem. Đến nơi, cò bảo sấu liệu không có anh thanh niên thì có sống được chăng? Sấu tỏ vẻ nhũn nhặn nhỏ nước mắt xin cứu, nhưng cò và anh thanh niên bỏ sấu lại đi mất [6].

Trong sách *Pan-cha-tan-tơ-ra (Năm sách dạy trẻ)* cũng có một truyện giống với truyện trên:

Một con cá sấu biết một người Bà-la-môn sắp đi hành hương trên sông Hằng, hăn nhờ mang mình theo vì con sông nó ở thường bị cạn. Người Bà-la-môn vì lòng thương xót, bỏ sấu vào túi mang đi. Đến nơi, sấu cũng đòi ăn thịt và được trọng tài là bò cái và cây xoài bênh vực. Cuối cùng nhờ mưu của chồn làm cho cá sấu chui trở lại vào túi để cho người Bà-la-môn trừng trị xứng đáng thói bạc nghĩa vô ơn của sấu.

Cũng trong sách trên còn có một truyện khác, trong đó rắn thay sấu:

Bồ tát xưa là một tu sĩ, tu ở núi Hy-mã-lạp hội họp được quanh mình năm trăm đồ đệ. Một người trong số đó có tính bướng bỉnh. Thấy một con rắn, anh nhặt về cho ở trong một kẽ nứt cây tre, nuôi và mến như con, đặt tên là vợ-lu-ka (vợ-lu tiếng pa-li nghĩa là tre), tự gọi tên mình là Vợ-lu-ka-pi-ta (cha của cây tre nhỏ). Bồ tát bảo: - "Chớ có tự đắc về một con rắn". Đáp: - "Nhưng tôi yêu nó như con". - "Được, nhưng nên nhớ là nó vô ơn". Ít lâu sau anh ta đi rừng cùng với các tu sĩ khác, ở lại đấy mấy ngày. Rắn ở nhà đói lắm, khi anh trở về đưa thức ăn, nó giận, cắn anh chết.

Như truyện vừa kể, một loạt truyện sau đây đều lấy rắn làm con vật đại diện cho sự vô ơn bẩm sinh:

Truyện của Xy-ri (Syrie):

Cậu bé Giê-du tập hợp bọn trẻ lại và được chúng tôn làm vua. Chúng trải quần áo của chúng cho vua ngồi, và kết một vòng hoa lên đầu làm mũ miện, lại ngồi hai bên tả hữu như kiểu các đại thần ngồi bên cạnh vua. Ai đi qua chúng cũng kéo lại: - "Hãy đến cúi lạy trước mặt vua đã".

Một người từ Giê-ru-da-lem lại cũng bị buộc đến chào vua. Khi người này đến, Giê-du thấy có một con rắn quấn cổ đến nghẹt thở. Giê-du hỏi: - "Rắn quấn cổ từ bao lâu?". Đáp: - "Từ ba năm nay". - "Nó ở đâu đến?". - "Tôi đã làm ơn cho nó, nó trả lại bằng oán". - "Anh làm ơn và nó trả oán như thế nào?". - "Trong mùa đông thấy nó sắp chết rét, tôi bỏ vào lòng đưa về nhà, đặt trong một cái bình đầy lại. Mùa hè ấm tôi mở bình ra thì nó nhảy lên cổ tôi và quấn lấy, không chịu xuống". - "Thế thì anh đã phạm sai lầm. Trời sinh ra nó sống trong bụi cây có lạnh, có ấm, ai bảo anh không để mặc nó sống như trời đã tạo ra, lại mang về nhốt vào bình không cho ăn. Anh chịu hành hạ là đáng lắm". Rồi Giê-du bảo rắn: - "Hãy xuống, sống ở đất". Rắn rời khỏi cổ người. Người kia cảm ơn nói: - "Ngài quả là vua các loài vua và các thần tiên. Tôi thừa nhận vương quốc của ngài".

Một truyện ngụ ngôn của Pháp:

Một người đào đất trong mùa đông thấy một con rắn chết lạnh trong lỗ. Thương hại, người ấy mang đến gần lửa cho nó sưởi ấm. Khi rắn tỉnh lại, nó vùng dậy cắn người. Người ấy kêu nài, nó trả lời: - "Ta vâng theo luật tự nhiên không biết gì đến việc trả ơn".

Các nhà ngụ ngôn từ Pin-pay (Ấn-độ), Ê-dốp (Ésope) (Hy-lạp), Phe-đơ-rơ (Phèdre) (La-mã), đến La Phong-ten (La Fontaine) (Pháp) đều có truyện người và rắn. Sau đây là ngụ ngôn của Phe-đơ-rơ:

Một nông dân thấy một con rắn chết rét, bèn đặt vào lòng cho nó sưởi ấm. Khi rắn tỉnh lại, nó xoắn vào người cắn chết. Một con rắn khác hỏi lý do, trả lời là: ta dạy cho con người đừng làm ơn cho kẻ độc ác.

Ngụ ngôn của La Phong-ten (La Fontaine) giống với truyện của ta trên kia:

Một người ngồi trên lạc đà đi qua khu rừng có một đám cháy. Giữa đồng lửa có một con rắn mai hoa đang cầu cứu. - "Nó là kẻ thù của người, nhưng một hành động tốt là quý, ai làm phúc sẽ hưởng phúc". Nghĩ thế, hắn buộc một cái túi vào đầu giáo chìa ra cho rắn chui vào. Cứu được rồi, người ấy bảo rắn đi đâu thì đi, đừng làm hại người. Rắn đáp: - "Ta không làm theo cách đó mà muốn cắn chết người cùng con lạc đà". Hai bên đưa nhau đến trọng tài là một con bò cái, rồi một cái cây. Cả hai trọng tài đều phân xử có lợi cho rắn. Đến trọng tài thứ ba là con chồn. Chồn buộc rắn chui trở lại vào túi để chứng thực thì mới xử. Khi rắn vào rồi, chồn bảo người: - "Bây giờ thì anh làm chủ kẻ thù của anh!". Người ấy cột túi lại lấy đá ghè chết rắn.

Có hai truyện ngụ ngôn giống với truyện của La Phong-ten:

Một truyện của Xec-bi (Serbie):

Thánh Xa-bát cứu một con rắn khỏi nạn lửa bằng cách giơ gậy làm cầu. Thoát nạn, rắn quấn cổ đòi mổ chết. Thánh kêu nài. Cuối cùng nhờ một con chồn đi qua phân xử. Chồn bảo rắn phải tới ngồi trên hòn đá gần đó mới xử được công bằng. Rắn đến ngồi, chồn bảo thánh cầm gậy đánh chết.

Một truyện của Ý (Italia):

Một con rắn bị bọn mục đồng trói vào thân cây. Một người đi qua thương hại, cởi trói và sưởi ấm cho rắn. Sống lại, rắn nhảy vào quần cổ thắt người đó nghệt thở. "Sao mày lại lấy oán trả ân?". - "Ta làm theo thiên tính". Tranh cãi không xong, nhờ chồn phân xử. Chồn cũng bảo phải trở lại tình trạng buổi đầu mới xử được. Rắn để cho trói lại vào cây. Xong, chồn bảo người ấy đánh chết rắn nếu hăn muốn.

Một truyện cổ trong *Sách các truyện* có phần gần với truyện của người Xy-ri (Syrie):

Thời vua Đa-vít có một ông già thấy ở dọc đường một con rắn chết rét. - "Phải thương mọi vật trời sinh", nghĩ vậy ông mang về ủ vào lòng. Rắn sống lại thắt lấy cổ ông già. Trọng tài bò đực, rồi đến lừa đều xử phần thắng về phía rắn. Ông già đến nhờ vua Đa-vít. Vua không xử. Cuối cùng đến gặp vua Xa-lô-môn lúc đó còn là một đứa trẻ. Được lệnh vua cha, Xa-lô-môn kết thúc vụ kiện bằng cách tạo cơ hội cho ông già giết chết con rắn vô ơn bạc nghĩa. [7]

Trong sách *Nghìn lẻ một đêm* cũng có truyện *Người đánh cá và hung thần*:

Bị vua Xa-lô-môn giam hàng thế kỷ trong một cái gò gần kín quặng xuống nước, một hung thần được một người đánh cá vô tình vớt lên và vô tình thả ra. Hung thần toan giết người đánh cá, nói rằng mình đã có câu thề độc: Ai cứu sẽ giết chết (vì sau một thời kỳ rất lâu hứa thưởng cho những ai cứu mình mà không thấy nên hung thần thề ngược lại là sẽ phạt người nào cứu mình). Người đánh cá làm bộ không tin, nói hung thần to lớn như thế làm sao lại có thể chui được vào bình. Bị nói khích, hung thần hóa làm đám

mây đen chui tọt vào, người đánh cá lập tức đóng nút lại và ném xuống sông.

Việt-nam còn có truyện với chủ đề lấy oán báo ân, nhưng hình tượng thì khác với các truyện trên:

Một người làng chài đang đánh cá ở trên sông, bỗng nghe có tiếng kêu cứu, bèn chèo thuyền đến chỗ có người chìm, cầm sào xuống cho kẻ bị nạn níu vào trèo lên. Hắn được thoát, nhưng mũi sào làm cho mắt hắn bị thương. Hắn bèn phát đơn kiện đòi bồi thường con mắt, nếu không thì người làng chài phải đi ở cho hắn suốt đời. Quan đòi người làng chài đến hỏi: - "Sao anh lại làm bị thương con mắt hắn?". Người làng chài chưa kịp trả lời thì người kia đã nói: - "Tôi đang ở dưới nước. Nó lấy sào đâm xuống làm con mắt tôi bị thương". Quan bắt tội người làng chài: - "Vì mày làm mắt nó bị thương, vậy mày phải làm cho mắt nó lành". Quan lại hỏi người kia: - "Lúc mày chìm dưới nước, mắt đã bị thương chưa?". - "Còn tốt hoàn toàn". Quan bảo lính: - "Vậy thì hãy quăng nó xuống nước đúng vào chỗ cũ để cho người làng chài này tìm cách chữa lành con mắt cho hắn". Người kia nghe quan xử như thế, bèn rút đơn kiện [8].

[1]_Theo Se-nhô (Chaigneau), *Ký ức về An-nam*.

[2]_Theo Xi-mac-đơ (Simard), sách đã dẫn và Trương Vĩnh Ký, sách đã dẫn.

[3]_Theo Lê Văn Phát: *Cổ tích và truyền thuyết ở xứ An -nam*.

[4]_Theo Lơ-cle-rơ (Leclère), *Truyện cổ tích Lào và truyện cổ tích Căm-pu-chia*.

[5]_Kể trong *BSEI* (1933).

[6]_Theo *Ba túi chuyện*.

[7]_Người Do Thái kể đoạn đầu của truyện này như sau: Một người mang bình sữa gặp một con rắn đang rên rỉ giữa đồng liền hỏi: -“Sao lại rên?” -“Vì khát. Mày mang cái gì trong tay?” -“Sữa” -“Làm ơn cho ta ăn, ta sẽ chỉ cho một kho vàng”. Người ấy cho rắn uống sữa. Rắn bèn mang đến chỗ một hòn đá có vàng. Người ấy cầm lấy, bỗng chốc rắn nhảy lên cuốn cổ, nói: -“Ta sẽ làm mày chết, vì mày lấy của ta”. Người kia đáp: -“Hãy đi với ta đến tòa án Xa-lô-mông”, v.v... Một số truyện trên đều theo Cô-xcanh (Cosquin). *Những truyện cổ tích Ấn-độ và phương Tây*.

[8]_Theo *Dã sử*, “Phiến ngôn chiết ngục”.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
161. SỰ TÍCH ĐỀN CỜN

Ngày xưa có một ông vua một nước láng giềng tên là Đế Bính. Vua lên ngôi giữa lúc nước nhà có giặc ngoài đột nhập bờ cõi. Quân giặc rất đông và rất mạnh. Quân đội nhà vua chống chọi không nổi đành chịu thất bại. Vì thế chúng tiến rất nhanh, đi đến đâu cũng như vào chỗ không người. Chẳng bao lâu chúng đã chiếm lấy kinh thành và ruổi về phương Nam. Vua tôi Đế Bính chỉ còn đem nhau chạy dài. Trong cơn nguy cấp, một người trung thần đưa vua và hoàng hậu lên thuyền kéo buồm chạy trốn ra biển khơi. Không ngờ đoàn thuyền đi được ba ngày thì một trận bão nổi lên đánh đắm tất cả. Những người trên thuyền đều không tránh khỏi tai nạn, trong đó có Đế Bính. Chỉ còn hoàng hậu và hai người con gái bầu vào được một mảnh ván đành để mặc cho nước trôi sóng giat.

*

* *

Hồi ấy ở cùng cửa Cờn xứ Nghệ có một ngôi chùa cổ dựng trên một hòn đảo. Trong chùa có một sư ông trụ trì. Là người quyết chí tu hành, nên sư ta tìm đến hòn đảo hẻo lánh này để rũ sạch bụi trần, bạn cùng kinh kệ. Hôm ấy trời về chiều, sư đang đi tản bộ quanh chùa, miệng lầm nhẩm đọc kinh, tay lần tràng hạt. Thốt nhiên khi nhìn ra ngoài khơi, sư trông thấy thấp

thoáng có một vật gì bập bênh trên mặt sóng. Sư cố nhìn mãi để đoán xem nó là cái gì.

- Có thể là người đi biển bị nạn. Sau trận bão vừa qua có biết bao nhiêu là ván và đồ đạc trôi vào bờ. Ta phải chèo thuyền ra xem, may ra có cứu được một mạng người nào thì thật là "phúc đẳng hà sa".

Nghĩ vậy, sư vội vàng xuống bãi, cởi dây buộc thuyền rồi chèo ra khơi. Chỉ một chốc sau, sư đã đến gần vật lạ. Thì ra đó là ba người đàn bà đang bám vào một mảnh ván. Lập tức, sư đỡ từng người một lên thuyền của mình. Nhìn cách ăn mặc, sư đoán họ là những người thuộc dòng quyền quý.

Khi thuyền chèo về đến đảo, một mình sư lần lượt vực từng người lên chùa rồi đốt lửa cho họ sưởi, lại nấu cháo cạy miệng đổ vào. Sự chữa chạy tận tình của nhà sư không uổng. Khoảng độ canh năm, cả ba người đàn bà dần dần tỉnh lại. Sư chăm sóc vẫn không chút ngơi tay. Đến sáng hôm sau, cả ba người đều đã ngồi dậy được. Họ cho biết mình là ba mẹ con, đi thuyền không may bị bão. Tuy giấu kín tung tích nhưng họ không giấu được vẻ xinh xắn và lịch sự. Khi biết rõ ai là ân nhân của mình, ba người đàn bà cúi rạp xuống lạy tỏ ý cảm ơn. Nhà sư vui vẻ nhường cho họ chỗ nằm trong tầng phòng, rồi lui ra ngoài nghỉ cho lại sức.

Ba ngày sau, sư vẫn hết lòng chăm sóc ba người bị nạn. Họ đã dần dần đi lại được và ăn trả bữa. Có bao nhiêu lộc chùa, sư đều lấy ra khoản đãi. Sư còn chèo thuyền vào đất liền để tìm những thức ăn mà nhà chùa không có.

Mười lăm ngày trôi qua. Giờ đây sức khỏe của họ đã trở lại bình thường. Họ chỉ hàng ngày ngồi than khóc. Nhưng về phía nhà sư thì trong lòng không được bình thản như trước. Chưa bao giờ sư được nhìn thấy những người đàn bà mà ngài mắt phượng xinh đẹp đến thế, lại đã từng được gần

gửi đụng chạm nên sư đâm ra thần thờ. Đã nhiều lần sư đọc kinh cầu nguyện suốt buổi, cố tránh sự cảm dỗ, nhưng công trình hơn ba mươi năm tu luyện cũng không thể kìm giữ được lòng ham muốn. Vì vậy việc trả họ vào đất liền để trao cho quan sở tại là việc dễ làm nhưng sư vẫn dùng dằng không quyết. Giữa một ngôi chùa trơ trọi, xung quanh là trời với nước, bên cạnh lại có ba người đàn bà yếu đuối và cô đơn, sư cho đó là một cơ hội hiếm có. Rồi một đêm kia, nhân lúc hai cô gái ngủ say, sư bèn đến bên cạnh người thiếu phụ... Nhưng người đàn bà đã nghiêm nét mặt lại:

- Ôi! Sao lạ thế? Anh là người cứu sống mẹ con chúng tôi, mẹ con chúng tôi suốt đời không quên công ơn to lớn đó. Nhưng còn việc đòi bại thì đừng có hòng! Tôi là gái có chồng và cũng biết nhân luân đạo lý. Còn anh là một kẻ ăn chay niệm Phật, lẽ nào nói đến chuyện sắc dục mà không thẹn miệng.

Nghe lời đầy lẽ phải, sư ta lui thủi đi ra. Nhưng đến khuya, sư lại mò vào, tay cầm một con dao nhọn:

- Nếu nàng không chịu, ta sẽ giết chết cả ba mẹ con rồi vứt xác xuống biển.

Lời dọa của sư vẫn không làm cho người thiếu phụ sợ hãi. Nàng đánh thức hai con gái dậy và nói to:

- Nếu anh cứ cố tình phạm vào người mẹ con chúng tôi thì sẽ phải hối hận. Mẹ con chúng tôi thà chết chứ không chịu nhục!

Thấy ba người đàn bà quyết tâm kháng cự và toan đập đầu vào cột chùa, nhà sư đâm ra hối hận. Sư bèn ngăn họ lại rồi nói:

- Đừng làm thế! Đừng làm thế! Chính ta mới là kẻ đáng chết. Chao ôi! Ta có ba tội đáng chết. Đi tu mà chẳng trót đời: đó là một. Ép nài người đàn bà

sa cơ lỡ vận: đó là hai. Ép nài không được lại toan hành hung: đó là ba. Ôi! Ba tội như thế, ta đáng chết lắm!

Nói đoạn sư cầm ngược lưỡi dao đâm thẳng lên cổ.

Thấy cái chết của ân nhân diễn ra quá đột ngột, người đàn bà tỏ ra hết sức hối hận. Nàng gục xuống bên cái thây ma mà than khóc:

- Ôi! Ta nhờ có anh mà sống. Thế mà anh lại vì ta mà chết. Vậy ta còn mặt mũi nào mà sống lấy một mình nữa.

Trong một cơn xúc động đến cực điểm, bà liền chạy ra khỏi chùa rồi nhảy xuống biển tự vẫn.

Thấy mẹ chết, hai cô con gái than khóc rất thảm thiết rồi cũng nhảy xuống biển chết theo.

*

* *

Mấy ngày sau, những người dân chài ở cửa Cồn vớt được xác ba người đàn bà. Nhìn kiểu ăn mặc và nhờ những tin tức nhận được, các quan chức cũng đoán ra đó là ba mẹ con bà hoàng hậu Đế Bính. Cũng vào lúc ấy, những người dân địa phương còn tìm thấy xác sư ông tự tử trong ngôi chùa trên đảo. Quan sở tại sau khi mở cuộc điều tra, dần dần cũng vén được tấm màn bí mật bao phủ lấy câu chuyện éo le trong ngôi chùa cổ. Về sau, để kỷ niệm những người đàn bà tiết liệt, dân chúng đã tạc tượng ba mẹ con, lập đền thờ

gọi là đền Cờn. Trong đền cũng có cả tượng nhà sư để nhắc đến một kẻ vừa là ân nhân, vừa là nạn nhân của họ [1].

KHẢO DỊ

Truyện này theo một vài bản *Thần tích* khác thì có một số tình tiết không giống với truyện kể trên:

Ví dụ theo *Đại Càn quốc gia Nam-hải tứ vị ngọc phả lục* thì có bốn người nhảy xuống biển: Hồng đại nương (hoàng hậu), Hồng Mai, Hồng Hạnh (công chúa), Hồng thị (cung nữ), họ trôi giạt vào xã Hương-cần (Nghệ-an). Sư bảo tiểu ra cứu sống. Sư cho ở phòng riêng cấm mọi người không được vào; như thế đã được một năm rưỡi. Mẹ con thường nấu cháo cho nhà chùa. Một hôm sư tụng niệm khuya thấy không bưng cháo lên, vào bếp thấy mẹ con nằm ngủ, bèn bước nhẹ đến lấy cháo. Không ngờ từ đó Hồng đại nương có mang. Sư hối hận bỏ đi mất. Mẹ then nhảy xuống biển chết cùng các con và cung nữ. Hoặc theo *Tứ thánh miếu sự tích* của xã Đại-trạch (Bắc-ninh) thì sau khi ba mẹ con bấu vào được tấm ván trôi giạt vào cửa Cờn được sư ở đấy cứu chữa nuôi dưỡng chu toàn. Ở chùa có một chú tiểu thấy hoàng hậu đẹp bèn cưỡng dâm. Hoàng hậu xấu hổ nhảy xuống biển tự tử, hai con cũng nhảy theo. Hòa thượng trụ trì ở chùa vì chú tiểu mà mang tiếng, cũng xấu hổ nhảy xuống chết luôn.

Một truyện khác đậm màu sắc huyền thoại kể về *Sự tích đền Cờn* như sau:

Đời Trần có một ông già làm nghề câu cá ở cửa Cờn. Một hôm, vào ngày mồng sáu tháng sáu âm lịch, ông ra bãi thấy có một cây gỗ lớn không biết là cây gì, bèn trèo lên, dùng cây gỗ ấy làm thớt cắt mồi, bỗng thấy ở chỗ thớt gỗ bị dao chặt phải rỉ máu, có mùi thơm. Ông về báo với làng. Dân làng ra xem. Bỗng thần ứng đồng lên nói: - "Ta là hoàng hậu. Vì tránh giặc dữ mà chết, thành thần ở cõi này. Hãy lấy cây gỗ này tạc hình bốn mẹ con ta mà thờ". Các bô lão làng nhận lời. Cây liền từ dưới nước ngược dòng trôi thẳng đến khu dân ở. Khi dân làng quyết định làm đền thờ thì tự nhiên trời mưa to, gỗ trên rừng trôi về rất nhiều. Số gỗ trôi về đủ cho làng dùng vào việc dựng đền.

162. HOÀNG TÍN HẦU

Vào thời nhà Lê, có một người nhờ sức khỏe và võ nghệ cao cường nên lập công to với triều đình, được vua cho làm quan đại thần, lại được phong tước quận công. Quận công còn được vua ban cho một làng ở Hải-dương là làng Phú-thị để hưởng lộc và bắt dân phục dịch. Có quyền thế nghiêng trời, lại được vua tin chúa cậy, nên từ ngày về tri sở, quận công rất hống hách với dân trong vùng. Ai đi qua trước cửa phải cúi đầu hoặc xuống ngựa. Ai hơi trái ý là đòi đến nọc cổ đánh ngay, bất kể người đó là quan hay dân. Cho nên cả một trấn chẳng ai dám ho he. Đối với dân làng Phú-thị, quận công tuyên bố ngài sẽ rộng lượng tha cho tất cả sưu thuế, phu phen, nhưng mọi chi phí trong gia đình ngài thì làng phải đài thọ; mọi việc trong nhà ngài, làng phải chu toàn. Khi ngài muốn bất cứ điều gì, làng phải làm ngay không được chậm trễ.

Không bao lâu quận công chết đi, để lại tám cậu con trai. Tuy không làm quan như bố, nhưng các cậu lại được "tập ấm", ngôi nhất nhị phẩm. Cho nên, trừ một cậu Tám mới mười hai, mười ba tuổi, còn thì cả bọn đều hống hách lại có phần hơn cả bố chúng. Chúng ra lệ bắt dân làng phải chia phiên nhau nuôi nấng và hầu hạ. Hàng ngày chúng không ăn cơm nhà, bắt các gia đình phải cắt lượm làm cỗ cho mình ăn, hết nhà này sang nhà khác; hễ cần ăn ở đâu thì bọn sai nhân đến cầm đòn xóc trước cửa báo cho biết trước một ngày. Mỗi lần đến kỳ tế thần, làng phải dọn hai cỗ thịnh soạn, phải đặt giường lều trên thượng điện bên cạnh ngai thờ cho chúng ngồi ăn, trong khi đó phải có ả đào múa hát đàn địch, chuốc chén "quỳnh tương", và ở ngoài sân dân làng phải áo mão chỉnh tề, chiêm trống rộn rịp, làm lễ tế đủ ba châu như lễ tế thần, chúng gọi đó là "lễ tế sống".

Dựa theo lệnh cũ của bố chúng để lại, chúng muốn gì là mọi người phải làm, không được chậm trễ. Cho nên cũng có lúc một cậu nào đó trong bọn chúng thấy con gái nhà ai vừa mắt, thì cho sai nhân đến báo trước cho nhà ấy phải đi vắng cả nhà để nó đến với một mình cô gái, muốn làm gì mặc ý. Hễ ai trái lệnh thì bày côn quang võ sĩ của chúng sẽ kéo tới phá phách không tiếc tay và đánh đập vô tội vạ.

Về phía dân làng thì sự căm thù chất chứa đã lâu, nhưng chẳng ai dám động đến lông chân của chúng, vì sợ đòn gậy của bọn côn quang thì ít, mà sợ lệnh vua thì nhiều. Tuy vậy, mỗi thù ngày một chất cao như núi. Họ bảo nhau: - "Một bọn trẻ ranh tám đứa bắt dân ta phải nuôi ăn, nuôi mặc, rồi lại nuôi dâm. Thế mà hàng năm lại phải lạy sống. Chẳng có cái nhục nào bằng cái nhục này. Không giết chết chết chúng đi thì dân ta không thể sống được!".

Vào dịp Tết năm Thân, người ta rộn rịp chuẩn bị làm lễ tế thần vào hôm mùng sáu tháng giêng. Nhưng lần này dân làng có cuộc họp kín, bàn nhau trừ khử "tám thằng ác nghiệt". Theo lệ, sau khi tế xong, bọn ả đào lui ra ngoài, trên thượng điện đóng cửa lại cho chúng ăn uống ở trong, chỉ để lại một vài người phục dịch. Bọn võ sĩ ở hạ điện cũng xúm lại các mâm cỗ, ngồi chén chú chén anh với nhau. Sau khi bọn chúng ăn xong ra về, mới đến lượt dân làng vào tiệc. Cho nên theo lời bàn kín thì phải cố tìm cách hạ thủ cả tám đứa một cách thật êm thấm trong khi chúng đang ăn ở trên thượng điện. Muốn khỏi xô xát sinh to chuyện, thì ở phía ngoài phải chuốc rượu cho bọn côn quang say mềm để chúng không thể ứng cứu cho chủ chúng được.

Mọi việc đều diễn ra như dự định. Dân làng đã chọn hai tay lực sĩ thay vào chân những người phục dịch. Sau khi bọn côn quang ở ngoài gục xuống vì mấy chén rượu có tẩm thuốc, thì ở trong thượng điện, các lực sĩ bắt đầu ra

tay. Vì chúng có lệ khám xét kỹ càng những người dân vào hầu cơm nước, không ai được mang một tắc sắt trong tay, nên các lực sĩ sau khi đã vật ngã mấy "cậu" xuống đất, chỉ dùng mỗi người một chiếc đuă cǎ, lần lượt đâm chết chúng. Sắp đâm đến cậu Bảy thì đưă em nó là cậu Tám lồm cồm bò dậy, mở cửa thượng điện chạy ra ngoài kêu cứu. Một lực sĩ chạy đuổi theo nhanh như cắt, nắm lấy cổ nó như nắm một con nhái và sắp quật xuống đất. Bấy giờ có một bô lão cao tuổi của làng đang ngồi ở chiếu trên thấy vậy, động lòng trắc ẩn, bèn bước tới ngăn lại:

- Khoan, khoan. Chú hãy khoan, nghe ta nói. Chúng ta chỉ trừng trị những thằng đại ác, còn thằng này nó còn bé bỏng chưa làm gì nên tội. Hỡi dân làng, nghe lời ta tha cho nó. Thần minh sẽ chứng giám tấm lòng độ lượng của chúng ta.

Một cuộc họp chớp nhoáng để lấy ý kiến. Hầu như tất cả mọi người dân đều nghiêng về phía cụ già. Cậu Tám được tạm tha, sẽ xử trí sau. Trong khi đó cả làng kéo vào cướp phá tan tành dinh cơ của "tám thằng ác nghiệt".

*

* *

Lại nói chuyện cậu Tám được thoát chết, nhân lúc dân làng còn bận tưu tít về việc chia nhau những của cải chiếm được, liền cất lên ra đi, bên mình có một bô già. Hai người cứ ngày đi đêm nghỉ, suốt năm năm ngày lên đến xứ Mường là quê hương của bô. Số là ngày xưa, quận công sau khi đã bình được "giặc" sông Đà, có tha tội chết cho người đàn ông này, đưă về làng nuôi và dần dần coi như một người thầy tổ tin cần. Đến bây giờ người bô già này tự thấy là lúc phải cố sức cứu lấy giọt máu của ân nhân để báo đền. Cho nên thằng bé được gia đình bô già chăm sóc chu đáo, và giữ rất kín

tiếng vì sợ dân làng Phú-thị cho người đến tìm mà giết chằng. Lớn lên cậu Tám còn học nói tiếng Mường và lại học được nghề thuốc Mường do một "thầy mo" có những môn thuốc bí truyền và các phép chữa bệnh thần diệu ở vùng ấy truyền cho. Không đầy mười năm nó học được mọi phép chữa bệnh. Dần dần nó chữa cho rất nhiều người trong vùng và nổi tiếng mát tay. Có những thứ bệnh kinh niên qua bao nhiêu thầy, tốn bao nhiêu thuốc, phải đến tay nó mới lành. Có những con bệnh "thập tử nhất sinh" nhờ nó mới được cứu sống. Từ đó, tiếng đồn về thầy lang Mường trẻ tuổi truyền đi khắp nơi.

Buổi ấy trong cung có bà hoàng thái hậu mắc chứng ho, uống thuốc đã nhiều mà không khỏi. Sâm nhung quế phụ bồi bổ như cơm bữa, nhưng bà vẫn ho rạc cả người. Nhà vua là người con có hiếu, rất thương cảm, từng cho người tìm thầy giỏi thuốc hay, hy vọng kéo dài tuổi thọ cho mẹ, nhưng bao nhiêu danh sư mọi miền được triệu về đều lắc đầu bó tay. Sau cùng, các quan phụ đạo xứ Mường báo về cho biết xứ ấy có một thầy lang trẻ tuổi nổi tiếng chữa bệnh như thần. Lập tức vua sai sứ giả triệu về, hứa sẽ ban thưởng rất hậu nếu thuốc công hiệu. Quả nhiên chỉ một vài thứ lá của cậu Tám, bệnh của hoàng thái hậu tự nhiên khỏi hẳn. Nhà vua hết lời khen ngợi thầy lang Mường, và quyết định ban ơn cho thầy, hễ muốn gì sẽ cho được nấy. Bấy giờ, cậu Tám ta mới kể lại một lượt cho vua nghe, nào là bố mình đã có công lao với triều đình như thế nào, nào là dân làng Phú-thị đã giết chết bảy người anh của mình ra sao, rồi được bố già đưa lên xứ Mường nương náu, và học được nghề thuốc như thế nào... Rồi nó xin:

- Tâu bệ hạ, "sát nhân giả từ", chỉ xin bệ hạ cho phép kẻ hạ thần được quyền trừng trị cả làng ấy theo ý mình.

Vua đang mang ơn nặng nên y cho, bèn viết ngay chiếu chỉ, lại cho năm trăm quân sĩ đi theo để thi hành mệnh lệnh.

*

* *

Vào một buổi sáng tinh sương, dân làng Phú-thị đang ngon giấc, bỗng nghe tiếng loa gọi râm ran khắp nơi. Ai nấy giật mình lồm cồm trở dậy thì đã thấy quân sĩ đông như kiến cỏ đang vây bọc từng nhà. Chúng trói mọi người giật cánh khi không sót một ai, rồi lôi cả đoàn ra sân đình. Khi tất cả nam phụ lão ấu đều đã tề tựu, một viên quan bước ra nâng chiếu chỉ lên đầu rồi giở ra đọc. Trong chiếu chỉ, nhà vua ra lệnh trừng trị dân làng Phú-thị về tội giết các cậu ấm con vị quận công đã quá cố. Vây đàn ông đều chém ngang lưng, đàn bà một số xử giáo, một số sung làm tỳ nhà quan, còn làng thì triệt hạ.

Đọc xong, viên quan lui ra, rồi một người khác đứng lên, dân làng xanh cả mắt khi nhận ra đó là cậu Tám, người mà họ tha cho tội chết ngày xưa, giờ đây đã trở về với quyền hành ghê gớm trong tay. Nó đồng dục tuyên bố:

- Hỡi dân làng Phú-thị, hãy giương mắt lên mà nhìn đây! Ngày xưa chúng mày giết chết bảy người anh ruột thịt của tao, chủ của chúng mày. Nô tỳ giết chủ, tội như thế nào, chúng mày cũng đã biết. Bây giờ tao chỉ đòi một mạng của anh tao phải đổi trăm mạng của chúng mày, còn thừa tao sẽ tha cho làm phúc. Lính đâu, hãy giải chúng nó lên trên cồn cao cho ta và cứ lệnh thi hành.

Tiếng năm trăm quân sĩ vây bọc xung quanh dạ ran như sấm. Dân làng bị lôi đi. Tiếng kêu khóc như ri xen lẫn tiếng loa vang vang, tiếng giáo mác va vào nhau lách cách.

Nhưng khi sắp sửa khai đao, bỗng xuất hiện một viên quan cưỡi ngựa với mấy chục lính hầu tiến vào, đòi gặp cậu Tám và sứ giả, để hỏi lại cho biết, vì sao có vụ xử tử hàng loạt như vậy. Đó là Hoảng Tín hầu, phụng mệnh vua đi tuần tra dân tình Hải Dương vừa qua đây. Khi nghe kể rõ tình đầu, Hoảng Tín hầu thấy việc không đánh xử trí nhần tâm đến thế bèn lên tiếng:

- Bản chức khâm mạng triều đình đi tuần tra trấn này. Ta thấy trong việc này có sự lạm sát. Vậy các người phải tạm đình chỉ để ta dâng biểu về triều, đợi lệnh nhà vua lần nữa, rồi sẽ thi hành cũng chưa muộn.

Cậu Tám không nghe, đưa chiếu chỉ ra cho Hoảng Tín hầu và nói:

- Chiếu chỉ của nhà vua đã cho phép trảm quyết, hầu không được can thiệp, chống lệnh của nhà vua sẽ mắc tội "khi quân".

Hoảng Tín hầu đáp:

- Nhà vua ở nơi lầu son gác tía, chỉ mới nghe lời xiểm nịnh của người mà chưa nghe được lời nói của dân làng. Ta đây vâng mạng khảo sát dân tình, thấy việc bất công, cần phải thẩm vấn kỹ càng, làm sớ tâu lên đợi lệnh. Kẻ nào dám trái lệnh thì hãy nhìn cây bảo kiếm của nhà vua đây!

Đoạn Hoảng Tín hầu rút kiếm giơ cao gọi:

- Bớ ba quân!

Tiếng ba quân dạ ran. Hoảng Tín hầu tiếp:

- Hãy cởi trói cho mọi người, đợi ta thăm vấn cho rõ ngọn ngành. Kẻ nào dám trái lệnh, ta sẽ "tiền trăm hậu tấu".

Dân làng được cởi trói ai nấy reo hò mừng vui như được sống lại. Cậu Tám và bọn sứ giả mặt tái như gà cắt tiết lủi thủi kéo đi. Sau cuộc thăm vấn, Hoảng Tín hầu dâng sớ về triều, cuối cùng nhà vua quyết định huỷ bỏ bản án giết dân cũng như triệt hạ làng Phú-thị.

Từ đó dân làng Phú-thị mang ơn nặng Hoảng Tín hầu. Cho mãi về sau này, cứ đến ngày Tết, dòng dõi của họ vẫn không quên cử người đến nhà thờ ông ở làng Tự-nhiên (Hà-đông) để thắp hương kỷ niệm. Người ta gọi ông là "ông già Hoảng" và gọi việc đến nhà thờ kỷ niệm là "Tết đền ơn" [2].

KHẢO DỊ

Đồng bào Mường có một truyện có phần giống với truyện trên, chỉ khác ở kết thúc:

Một ông lang mường Chénh (Lang Chánh) Thanh-hoá một hôm ra lệnh bắt dân ai có con gái trước khi về nhà chồng phải đến ở với lang ba đêm. Người nào cưới vợ, trước khi rước dâu cũng phải đưa vợ đến ở với lang ba đêm. Cầm thù chất chứa, dân bèn nổi lên giết sạch cả nhà lang đạo "cho hết nòi dâm ác". Một người vợ lẽ của lang vốn người mường Tró (Hoà-bình) là người ăn ở với dân tương đối tốt. Bà này đang có thai, dân định giết cho

mất nòi, may có một người đầy tớ trung thành đưa đi trốn về quê ngoại. Sau bà ấy đẻ được một con trai, nhưng vẫn giấu kín vì sợ dân mừng Chénh tìm đến báo thù.

Về sau dân mừng Chénh không ai nghe ai, sinh ra đánh nhau loạn xạ. Sau đó họ cử người đi tìm người vợ lang ở mừng Tró may ra nếu đẻ con trai thì đón về làm lang. Tới nơi, người ấy hỏi thăm không ra. Thấy có bốn đứa trẻ chơi cù: ba đứa thua mãi một đứa. Ba đứa kia nổi giận, mắng: - "Mày là con không cha đến ở bên ngoại làm phách, chúng tao đánh chết vô tội vạ". Biết đó là kẻ mà mình đang tìm, người ấy bèn bế đứa bé đến tìm người mẹ và ông ngoại nó để đưa về làm lang [3].

Về tình tiết hưởng quyền trâu gheo gái làng, hay là "quyền đêm đầu", người miền Bắc có truyện *Đô dũng đại tướng quân*:

Một người tên là Vũ Đắc Đô có sức khỏe, giỏi lặn. Có lũ giặc biển đi mười chiếc tàu đến cướp phá, bắt phụ nữ vùng ấy. Dân hàng tổng rao ai dẹp được thì "sống hàng tổng tốt, chết hàng tổng giỗ" và muốn lấy chức gì, đòi bất cứ việc gì, hàng tổng cũng cho. Ông ấy nhận. Bèn ăn mặc rách rưới giả làm người mò cua bắt ốc ở chỗ gần tàu giặc. Khi bắt được đầy giỏ thì đem lên bán, hoặc xin ăn và có lúc cung cấp một vài tin tức lặt vặt. Giặc không nghi ngờ, nên ông lân la làm quen, biết được đâu là tàu lính, đâu là tàu tướng. Sau một hôm dậy sớm, ông lặn xuống nước tìm đến tàu tướng trèo lên. Thấy chúng còn ngủ say, ông bèn chụp lấy hai thanh kiếm nằm ở hai tay mặc sức chém giết rồi nhảy xuống nước trốn về. Giặc mất tướng như rã mất đầu, rút lui.

Thắng lợi, ông đòi ăn lộc của làng mình, và được hưởng đêm đầu với gái làng. Hàng tổng giữ lời hứa. Nhưng thanh niên làng thì không chịu. Họ vác sào đến đánh ông. Ông cầm kiếm ra, họ chạy; khi ông trở vào, họ lại đến.

Cứ như vậy, một hôm ông vấy kiếm, không ngờ vô tình chém phải cổ mình. Ông chết nhưng tay vẫn cầm kiếm. Sau ba ngày quạ kêu, mới biết. [4]

-
- [1] Theo lời kể của người Nghệ-an. *Thần tích xã Lý-trai*; và Lê Hữu Trác. *Thượng kinh ký sự*.
- [2] Theo lời kể của người Hải-dương.
- [3] Theo báo *Thanh Nghệ tĩnh tân văn* (1931).
- [4] Theo *Thực nghiệp dân báo* (1924).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
163. QUÂN TỬ

Ngày xưa, có một anh chàng nghèo sống một thân một mình. Anh thường ăn ở nhân đức với mọi người, lòng nhân đức của anh còn ban phát đến cả giống vật. Bởi thế người ta quen gọi anh là Quân tử.

Trong nhà có bao nhiêu của nả, anh lần lượt đem ra giúp đỡ cho người nguy kẻ khó, còn mình thì sống rất đạm bạc. Một hôm, gần ngày kỵ cha, Quân tử có để dành được mấy bát gạo nếp và một con gà để làm giỗ. Có một con chuột quen mui ăn vụng, hôm ấy chui vào hũ gạo, bắt đồ bị anh chộp được. Anh bảo chuột:

- Chuột ơi! Nhà tao nghèo, chỉ có từng ấy gạo nếp để làm giỗ cha. Mà đi tìm những thứ khác mà ăn. Đừng có ăn vụng của tao tội nghiệp!

Nói đoạn thả chuột ra.

Tối lại, có con cáo lén vào bắt gà, nhưng chưa kịp lọt ra khỏi chuồng thì đã bị Quân tử nắm lấy gáy. Cáo nằm chờ chết thì đã nghe Quân tử nói:

- Cáo ôi! Nhà tao nghèo lắm chỉ có con gà dành cho ngày giỗ cha. Mà hãy thương tao đi kiếm ăn nơi khác, đừng có bắt mất gà tao, đến ngày ấy biết lấy gì mà cúng.

Nói đoạn cũng thả cáo ra. Cáo được phóng thích lủi một mạch.

Đến ngày giỗ cha, Quân tử đồ xôi luộc gà, thắp hương đèn sửa soạn vào

làm lễ, thì một chú ruồi đánh hơi bay đến đậu vào cổ xôi đánh chén thỏa thích. Nhưng Quân tử đã nhanh tay quơ được. Bị kẹt chặt, ruồi ta hết đường giãy giụa, chắc là khó thoát cái chết. Nhưng rồi ruồi cũng may mắn được thả ra sau khi nghe những lời của Quân tử:

- Cổ xôi của ta dâng cúng lên cha mẹ, sao mày lại hỗn hào dám đến ăn trước. Mày hãy đi đi, có gì chốc nữa lại tới.

Tiếng đồn về lòng nhân đức của Quân tử vang khắp nơi. Buổi ấy nhà vua đang muốn kén chọn người tài đức để gả công chúa. Nghe tin đồn về Quân tử, vua bèn sai quan quân đi triệu về kinh. Nhưng khi gặp mặt Quân tử, thấy anh ăn nói không được lễ phép thì vua không được hài lòng. Để tiện từ chối, vua bèn phán:

- Ta vui lòng gả công chúa cho nhà ngươi, nhưng nhà ngươi cũng phải có một mâm vàng làm sính lễ mới được.

Nghe vậy Quân tử lui thui trở ra, tin rằng không có hy vọng làm phò mã. Ngày hôm sau anh đi dạo rừng, mặt buồn rười rượi. Bỗng anh gặp con cáo ngày nọ chạy ngang trước mặt. Nó hỏi anh vì sao mà buồn. Quân tử bèn kể chuyện đầu đuôi cho cáo nghe. Nghe xong, cáo nói: - Thế thì cứ đi theo tôi, tôi sẽ mách cho một chỗ có vàng.

Quân tử lần theo chân cáo tiến vào một hang sâu. Trong một góc hang có bày một dãy ba cái hũ. Giở nắp ra anh thấy toàn vàng bạc, châu báu. Anh cảm ơn cáo, rồi chuyển ba cái hũ về, và ngày hôm sau anh đã cho người đội mâm vàng vào cung dâng vua. Vua không ngờ anh lại có đủ vàng làm sính lễ, đành phải y ước gả. Nhưng vua vẫn chưa vừa lòng. Cho nên đến ngày cưới, vua gọi anh vào cung, phán:

- Ở đây có mười mâm cỗ, trong đó có một cỗ Tư hồng dành cho người và công chúa. Nhà người hãy chọn đúng mâm cỗ ấy mà ngồi. Nếu ngồi vào mâm cỗ khách thì ta sẽ coi như khách.

Quân tử nhìn vào thấy mười mâm cỗ giống nhau như hệt, không biết nên ngồi vào đâu. Trong khi đang bối rối thì chàng đã nghe tiếng ruồi vo ve bên tai:

- Tôi đã chịu ơn trước đây, nay xin giúp để đền ơn. Hễ tôi sà vào mâm nào thì anh cứ ngồi vào mâm ấy.

Nghe nói thế, Quân tử yên tâm. Sau đó anh ung dung bước vào mâm cỗ có con ruồi đậu. Vua thấy anh ngồi vào đúng cỗ Tư hồng thì ngạc nhiên, nhưng vua vẫn còn bắt anh chịu thử thách lần nữa chứ chưa thôi. Sau khi yến tiệc xong, đến giờ động phong hoa chúc, vua phán bảo: - "Nhà người hãy tự đi tìm buồng của công chúa mà vào, nếu vào không đúng buồng thì chịu vậy".

Lại một lần nữa Quân tử lấy làm bối rối vì cả một dãy buồng đóng kín, buồng nào buồng ấy cửa lớn cửa sổ cũng đều ngăn ngắt, phía ngoài treo đèn kết hoa y hệt như nhau. Trong khi chưa biết làm thế nào thì con chuột ngày nọ đã bò tới nói nhỏ:

- Tôi vẫn nhớ ơn anh tha chết cho tôi ngày nọ. Anh cứ đi theo tôi, tôi chạy vào buồng nào thì đúng là công chúa ở đấy.

Quả nhiên khi Quân tử mở cửa buồng vào thì đã thấy công chúa tươi cười bước ra đón.

Thấy cả ba lần anh đều thắng cuộc, vua đành vui lòng nhận anh là phò mã. Khi vua chết, vì không có con trai nối dõi nên Quân tử được các quan đưa lên ngôi [1].

KHẢO DỊ

Việt Nam còn có một dị bản truyện *Quân tử ruồi*. Ở đây con vật đóng vai kẻ giúp đỡ là một mình ruồi chứ không có chuột và cáo.

Một anh chàng có học thường tự xưng là Quân tử, đặc biệt đối đãi với ruồi thì rất tử tế, chẳng những không đánh con nào mà còn thường mời chúng ăn uống. Bấy giờ vua kén phò mã. Quân tử và những người khác cùng dự. Vua cho làm một cung chín gian, gian nào gian ấy cửa đóng then cài, ra lệnh chỉ cho vào từng người một, ai mở đúng gian có công chúa thì được gả. Những người vào trước mở lầm cửa đều bị đánh đòn, đuổi ra. Quân tử bối rối, mới khẩn ruồi:

- "Bấy lâu tôi đãi các bác tử tế, nay có việc nhờ các bác giúp cho. Nếu thấy công chúa ở buồng nào thì bay đến cho biết". Đáp: - "Được, chúng tôi sẽ báo tin". Nhờ vậy mà Quân tử chỉ gian thứ ba, mở ra quả đúng. Vua chưa nghe, lại sai bày chín cỗ yến như nhau viết tên Quân tử đặt dưới một mâm, bảo tìm đúng mới gả. Lại khẩn ruồi, và ruồi lại ra sức giúp. Quân tử chỉ vào cỗ thứ năm lật mâm quả đúng. Vua y ước cho tổ chức lễ cưới. Người ta gọi là "Quân tử ruồi" [2].

Dân tộc Mèo ở Việt-bắc có truyện *Người em tài giỏi* là một dị bản của các truyện trên nhưng đã kết hợp với một vài mô- tip khác, ví dụ mâu thuẫn giữa anh và em giống truyện *Run và Rai* (**Khảo dị** truyện số 13, tập I), v.v... Sơ lược như sau:

Một người anh đối xử với em ruột còn bé quá tệ, thậm chí em phải ăn rận trừ bữa. Một hôm bắt được con rận lớn bằng hộp thuốc, em dùng nó đánh cuộc với những người mà em gặp, luôn luôn thắng lợi, nhờ vậy mà được nuôi sống qua ngày. Nhưng một hôm, một người đục cối xay đã đánh chết con rận, em bắt hăn phải đền một con cáo ở núi đá đen. Nhờ có cáo, em lại được người ta cho ăn, cho tiền, vì con cáo này biết hát. Thấy em mình làm ra tiền, người anh bèn bắt lấy con cáo; gặp ai hăn cũng đánh cuộc rằng nếu cáo nói được tiếng người thì đối phương mất tiền, nếu không biết nói thì mình ăn phân. Nhưng khi giục cáo hát thì nó đứng im. Thua cuộc, người anh tức mình giết con cáo. Chỗ cáo bị giết mọc lên một cây hai cành: một cành làm rơi tiền, một cành rơi thịt. Người anh lại đến chiếm lấy cây quý, nhưng cây chỉ làm rơi phân và nước đái lên đầu. Hăn chặt cây. Người em mang một khúc về đeo thành máng lợn ăn. Lợn ăn ở máng ấy béo phổng lên trông thấy, nhưng khi máng vào tay người anh thì lợn lại gầy rạc. Hăn bổ máng làm củi đun. Em nhặt một mảnh về làm lược, càng chải đầu tóc càng dài mượt, còn khi lược vào tay người anh thì chải đến đâu tóc rụng đến đấy. Đến lượt lược bị ném vào lửa, người nhặt một mảnh sót về vót làm lưỡi câu, hễ câu là được cá, bán nhiều tiền. Người anh câu được toàn răn. Người em đi tìm lưỡi câu do răn tha đi. Đến đây truyện mới xích gần với truyện của ta: Dọc đường bắt được một con cua, anh toan nướng ăn. Cua xin tha vì mình còn đàn con bé dại. Anh nghe lời thả ra. Lại tiếp tục đi và cứu được một con ruồi bị vướng mạng nhện, rồi một con chuột bị ngã. Sau đó gặp hai cô gái khóc sưng mắt nói bố mình bị tai nạn sắp chết. Anh bảo hai cô gái dẫn mình đi sẽ cứu cho. Họ rẽ nước đưa đến cung Long vương. Long vương hứa sẽ gả con gái nếu chữa lành bệnh cho mình. Thấy tai nạn

của vua chẳng có gì hơn là mắc lưỡi câu của chính anh, anh bèn chỉ khẽ rút lưỡi câu, vua đỡ ngay. Nhưng không ngờ vua lật lọng. Thấy vậy, anh bảo vua há miệng cho mình chữa nốt, rồi đặt lại lưỡi câu vào chỗ cũ. Lần này vua y ước gả công chúa, nhưng lại bắt anh phải qua mấy lần thử thách. Thử thách đầu tiên - không có ở truyện ta - là phải chỉ đúng một trong chín quả bí trong đó có đựng hồn cô gái mà anh yêu. Nhờ có vua giúp, anh chỉ đúng nàng công chúa út rất xinh. Vua lại bảo anh ngồi vào một trong chín bàn tiệc do chín công chúa dọn, ngồi đúng bàn tiệc cô nào dọn sẽ lấy cô ấy. Nhờ có ruồi giúp nên anh thành công. Lại đến lượt chọn một trong chín buồng, nhờ chuột anh đã chọn đúng buồng công chúa út. Long vương đành để anh mang quả bí có hồn công chúa út về. Hai người lấy nhau. Sau đó, truyện còn phát triển nhiều tình tiết khác, nhưng ở đây miễn kể [3].

Dân tộc Tày có truyện *Nàng tiên trứng* cũng là một dị bản của truyện này, nhưng lại kết hợp với một mô-típ khác, tương tự với truyện *Nàng tiên trong vỏ ốc* (xem **Khảo di** truyện số **117**, tập **III**). Một anh chàng mồ côi và một con chó mực nhặt được một quả trứng lạ đưa về cất ở góc chạn, chưa kịp luộc ăn thì trứng đã tỏ rõ sự lạ bằng cách bí mật dọn thức ăn, sửa soạn nhà cửa khi anh và chó vắng mặt. Một hôm nửa đường lộn về, anh thấy từ trong trứng hiện ra một cô gái cầm chổi quét nhà. Khi anh đột ngột chạy vào nắm lấy áo, cô bảo anh cho mình một chiếc đĩa cả, một chiếc nhãn, một cái vòng để nuốt vào cho có xương mới sống được. Và khi lấy anh làm chồng, cô còn dặn anh phải kiêng ăn trứng, nếu không sẽ có sự chia ly. Từ đây anh sống vui vẻ cùng cô gái.

Một hôm vui bạn, anh ăn món canh trứng. Về nhà đã thấy vợ đi đâu mất. Bèn cùng chó mực đi xuống một hang sâu. Qua bao nhiêu gian khổ mới gặp được vợ và mới biết vợ là con gái thứ mười hai của thần Sông. Thần bắt anh làm một số công việc, có xong mới cho đưa vợ về. Từ đây truyện phát triển theo hướng gần gũi với truyện của ta, nhưng lại không có tình tiết cứu giúp ruồi và chuột. Thử thách đầu tiên là phải ăn đúng bát cơm do vợ

anh xối, bát này đặt lẫn lộn giữa mười hai bát khác, nếu ăn sai sẽ bị chém đầu. Nhờ ruồi anh thắng cuộc. Thứ hai là vào đúng buồng vợ (cũng là một trong mười hai buồng), có chỉ đúng thì cho đưa vợ về. Một con chuột bảo anh buộc lá khô vào đuôi mình, rồi chờ, hễ nghe tiếng sột soạt ở buồng nào thì cứ mở ra là đúng. Sáng hôm sau thần Sông cho anh một cái hộp dẫn về đến nhà hãy mở, còn vợ thì sẽ cho về sau. Hộp càng về gần đến nhà càng nặng. Không ngăn được tò mò, anh mở ra xem, thì hoá ra vợ anh ở trong hộp. Nhưng vì vội mở, một con khi chúa đến bắt vợ đem đi mất. Tìm mãi đến một cái hang, nhờ có tắc kè kêu giúp làm cho hang nứt đá lở, anh mới được vào gặp vợ. Hai người lập mẹo lừa cả đàn khi để trốn đi. Dọc đường họ nhờ nhện giăng tơ phủ kín dấu chân, nhờ gà bới đất xoá vết, lại nhờ châu chấu lừa cho đàn khi phải nhìn lên mặt trời chói mắt. Khi biết bị lừa, khi chúa nổi giận, đánh vào châu chấu, châu chấu đậu đầu khi này sang đầu khi khác làm cho khi chúa vụt lấy vụt để, nhưng khi chưa vụt thì chấu đã bay mất, cuối cùng đàn khi chết hết. Trong khi tức đến phát điên, lại bị một con nhái nép dưới chỗ ngồi chế giễu, khi chúa tìm giết nhái, nhái lén đi, hăn nhìn thấy hai hòn dái của mình, tưởng là nhái bèn đập mạnh vào dái nên chết luôn. Hai vợ chồng trở về an toàn [4].

Người Pháp có truyện *Cô gái con vua và ba công trạng* mà các dân tộc châu Âu đều kể giống nhau, cũng là một dị bản của truyện *Quân tử*:

Jăng bảo mẹ đến hỏi cho mình cô gái con vua. Vua giao hẹn hễ làm tròn ba việc sẽ gả. Trên đường đi đến kinh đô, Jăng gặp một đàn vịt con do một vịt mẹ dẫn đi. - "Khéo kéo giẫm vào con tôi, người ta vô ý đã giẫm chết nhiều rồi đấy". Đáp: - "Đừng sợ, tôi xin cẩn thận". Lại đi tiếp. Jăng gặp một đàn cây. Con cây mẹ cũng dặn đừng giẫm phải con nó và Jăng cũng trả lời như trên. Sau đó lại gặp một đàn ong, con đầu đàn cũng dặn: - "Khéo kéo giết mất con ta" - "Đừng sợ", Jăng bảo thế.

Đến cung vua, vua sai lấy chìa khoá tủ áo của công chúa ném xuống vực,

bảo tìm được sẽ gả. Jǎng bối rối vì không biết bơi. Nhưng con vịt cái hôm nọ đã lặn xuống và lấy lên cho anh. Vua lại sai lấy một túi gạo, ném gạo vào một bụi cây gai rậm, bảo nhất định để sót. Nhờ con cây mà túi của anh lại đầy, Jǎng lại thắng cuộc. Vua lại bảo công chúa cùng hai cung nữ trẻ tuổi và trang sức giống nhau đứng trước một chuồng gà, bảo anh chỉ đúng sẽ gả. Nhờ có đàn ong hôm nọ đến đậu ở vai công chúa, anh lại thắng và được vua y ước [5].

-
- [1] Theo Thái Kim Đĩnh. *Cá gáy hóa rồng và lời kể của người Nghệ-an.*
- [2] Theo Nguyễn Văn Ngọc. *Truyện cổ nước Nam, A - Người ta.*
- [3] Văn học dân gian cổ truyền Hà-giang.
- [4] Theo *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập I.
- [5] Theo Đờ-la-ruy (Delarue) và Tê-ne-dơ (Ténèze). *Truyện cổ tích dân gian Pháp.*

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
164. CƯỜNG BẠO ĐẠI VƯƠNG

Ngày xưa ngày xưa, có một chàng trẻ tuổi làm nghề mò tôm bắt cá tại vùng sông Bồi. Tuy quanh năm chỉ che thân một mảnh khố rách, chui rúc trong một túp lều ven sông, nhưng anh vẫn vui vẻ làm ăn, miệng luôn ca hát. Bỗng mất từ thuở lọt lòng, anh sống với người mẹ cho đến khôn lớn, rồi bỏ nhà đến đây. Vốn tính ngang tàng, từ người đến thần, anh chẳng sợ một ai, lại thường tự xưng mình là Cường Bạo. Nhất sinh Cường Bạo chỉ làm quen với Táo Quân. Lúc bắt được cá ngon tôm béo, Cường Bạo thường dọn mời Táo Quân cùng ăn. Bởi thế hai bên chơi với nhau thân thiết lắm. Những khi trời sắp bão lụt, hay ở đâu có xảy ra việc gì lạ, Táo Quân thường báo cho Cường Bạo biết. Cây có chỗ dựa tốt, Cường Bạo ngày càng tỏ ra kiêu căng, khinh thị mọi yêu ma thần thánh, thậm chí coi Trời chỉ bằng cái vung.

Từ ngày có vợ, Cường Bạo đối đãi với mẹ không được như trước. Đã nhiều lần anh tỏ ra ngỗ ngược quá lắm, làm cho người mẹ hết sức giận dữ, phải kêu lên đến tận Trời.

Thấy một tên dân hạ giới không tuân phép tắc, Ngọc Hoàng thượng đế phái ngay Thiên Lôi xuống trừng phạt. Nghe tin chẳng lành, Táo Quân liền báo cho anh biết. Cường Bạo vẫn kể: - "Làm thế nào để tránh được lưỡi búa của Thiên Lôi?" Táo Quân đáp: - "Tối nay anh đừng có đi đâu cả, Thiên Lôi xuống thế nào cũng phải đứng trên nóc chòi. Vậy giá có một thứ nước nhờn đặt trên nóc làm Thiên Lôi trượt ngã thì hay nhất. Lúc đó chỉ việc cho hân ăn đòn."

Cường Bạo nghe lời, cứ theo cách ấy để trị Thiên Lôi. Bèn lấy rau mùng tơi

giã ra lấy nước rồi hòa với dầu vừng thành một thứ nước nhờn sền sệt như mỡ. Đoạn anh dùng thứ ấy rưới lên nóc lều, lại quét vào lá chuối gác lên mái. Xong mọi việc, anh nấp trong xó tối ngồi đợi Thiên Lô.

Quả nhiên đêm hôm ấy, Thiên Lô cùng với thần Mưa thần Gió âm âm lao xuống. Vừa đặt chân lên nóc lều Cường Bạo, Thiên Lô vô tình giẫm phải thứ nước trơn, trượt chân ngã lăn oạch xuống đất. Thế là Cường Bạo nhảy xổ ra cầm gậy vụt lấy vụt để. Sa cơ, Thiên Lô bị đòn đau, cố gắng lắm mới nhóm dậy được rồi chạy vụt về Trời. Trong khi hốt hoảng, Thiên Lô đánh rơi cả búa. Cường Bạo mừng lắm, nhặt lấy búa Thiên Lô làm vũ khí tùy thân. Từ đấy đi đâu cũng khoe với mọi người rằng đã đánh ngã được Thiên Lô rồi.

Về đến Thiên đình, Thiên Lô chẳng những đau ê ẩm cả người mà còn bị Ngọc Hoàng mắng cho một trận nên thân. Lập tức Ngọc Hoàng ra lệnh cho vua Thủy phải trừ ngay Cường Bạo vì hắn đã xúc phạm đến tướng nhà Trời. Vua Thủy vốn có một lũ bộ hạ rất đông và đặc lực. Thoạt đầu Vua Thủy giao công việc ấy cho Quận Rết. Quận Rết vâng lệnh bò đến chỗ nằm của vợ chồng chàng đánh cá, chui vào trong gối, định đến khuya sẽ ra cắn vào cổ. Táo Quân được tin, vội báo cho Cường Bạo biết. Anh bèn bảo vợ nấu một nồi nước sôi rồi đem chiếc gối nhúng vào, Quận Rết chết không kịp ngáp.

Đợi mãi không thấy Quận Rết về, Vua Thủy lại sai Quận Rắn lên. Biết hai vợ chồng Cường Bạo hay đi hái đêm ở sau hè, Quận Rắn bèn nấp vào đồng rạ gần đó. Táo Quân lại kịp thời mách cho Cường Bạo biết. Đêm ấy hai vợ chồng hai gậy đón đánh đập đầu Quận Rắn.

Thấy cả hai bộ hạ có đi không về, vua Thủy vô cùng tức tối, mới tìm đến Diêm Vương kể chuyện cho nghe và nhờ báo thù.

- Hà ! Hà! Việc ấy chẳng có gì khó. Để tôi sai bộ hạ lên lôi cổ nó xuống giam dưới tầng ngục thứ mười tám cho nó biết tay. Bác cứ yên trí.

Diêm Vương nói vậy, lập tức sai Quận Cú lên làm phận sự.

Quận Cú lên trần đúng vào lúc Cường Bạo còn đang đi đánh cá vắng. Đứng trên nóc lều của Cường Bạo, Quận Cú kêu lên ba tiếng. Ngay lúc đó vợ Cường Bạo nằm trong lều thiếp đi và tắt thở. Chờng Cường Bạo về thấy thế, vội vã đi cầu cứu Táo Quân, Táo Quân bảo:

- Anh khéo tay, hãy làm cho tôi một cái lồng chim cho thật đẹp. Tôi sẽ có cách cứu vợ anh.

Cường Bạo đan lồng không mấy chốc đã xong. Táo Quân xách lồng đi một mạch xuống cõi âm tìm đến nhà Quận Cú. Thấy cái lồng Quận Cú vui vẻ:

- Kính chào ngài Táo Quân. Ngài đi đâu mà xách cái lồng xinh thế kia. Ngài có thể vui lòng cho tôi xin được không?

Táo Quân đáp:

- Thật chẳng đáng là bao, ta sẵn sàng biếu người. Nhưng trước hết người hãy vào lồng xem có vừa mắt không đã. Quận Cú không nghi ngờ gì cả, chui ngay vào lồng. Lập tức Táo Quân đóng sập cửa lại, bảo:

- Người bây giờ là tù của ta. Ta chỉ cho mở cửa là người đi đứt.

- Cẩn cố lạy ngài Táo Quân. Xin ngài sinh phúc tha cho tôi.

- Được thôi. Miễn là người cho ta biết cách người làm cho người ta chết như thế nào. Cứ nói thật đi, ta hứa sẽ tha.

- Tôi có hai cái lưỡi: một lưỡi âm và một lưỡi dương. Hễ bao giờ tôi kêu bằng lưỡi âm thì có người phải chết, kêu bằng lưỡi dương thì người sống lại.

- Người hãy thè lưỡi âm ra cho ta xem.

Quận Cú vừa há miệng thè lưỡi âm thì Táo Quân bèn rút dao xéo đứt ngay. Đoạn Táo Quân xách lồng đi gấp lên nhà Cường Bạo, bắt Quận Cú phải kêu lên ba tiếng. Tiếng kêu vừa dứt thì người vợ Cường Bạo tự nhiên sống lại. Táo Quân mở lồng cho Quận Cú về.

Diêm Vương tiu nghỉu khi thấy tướng tài của mình phải đi trở về thân tàn ma dại, bèn tâu báo lên Ngọc Hoàng biết. Ngọc Hoàng chưa bao giờ kinh ngạc và giận giữ đến như thế. Bèn hạ lệnh cho vua Thủy phải hợp sức với Thiên Lôi và các thần Mưa, thần Bão mau mau dâng nước cho thật cao làm cho vợ chồng Cường Bạo chìm xuống tận đáy biển, lôi cổ đến để trị tội. Được tin, Táo Quân lại mách cho Cường Bạo hay. Cường Bạo hỏi kể, Táo Quân bảo:

- Vua Thủy và thần Mưa chỉ giỏi về nghề dâng nước đổ nước; thần Bão và thần Gió chẳng qua cũng chỉ thổi bạt đi đó đi đây. Hãy chuẩn bị làm cho cái bè thật chắc, như thế dù cho nước dâng đến tận đâu, bão thổi bạt đi đến phương nào, cũng không làm gì được. Nhưng nhớ phải chuẩn bị cái ăn và phải đề phòng Thiên Lôi đánh lén.

Cường Bạo một mực tuân lời. Lúc vua Thủy bắt đầu dâng nước thì vợ

chồng Cường Bạo đã ngồi trên một bè chuối, trên bè có dựng rạp bằng lá chuối quét sẵn thứ nước trơn hôm nọ. Ngoài ra anh còn cắm mỗi góc một lá cờ và đặt trước chỗ mình ngồi một cái trống, một cái chiêng. Lại có mang theo một con gà. Chẳng bao lâu, nước dâng lên mênh mông như biển cả, ngập hết làng mạc núi non; mặt khác, bão thổi ùng ùng mỗi lúc mỗi dữ dội. Nhưng trên bè, Cường Bạo đã ung dung phất cờ giông trống chiêng. Lại giục gà trèo lên nóc lều gáy lên từng hồi đồng dục. Đoạn đứng dậy múa lưỡi búa lấy được của Thiên Lôì và nói:

- Phen này ta quyết lên phá trời một chuyến chơi! Ngọc Hoàng đang ngồi ở trên thiên đình chột nghe tiếng chiêng trống vang lừng và tiếng hô hét, bèn phái một thiên thần xuống xem thử là tiếng gì. Thiên thần nghe ngóng lúc lâu rồi về báo là Cường Bạo đang chống cự với các thần, và nhân nước lớn đang đe dọa lên phá cả thiên đình. Ngọc Hoàng thượng đế sợ, bèn phán:

- Thôi, kíp bảo Thủy thần lập tức rút nước ngay đi, và gọi các thần kia lập tức trở về Trời, mặc cho nó muốn làm gì thì làm, để dịp khác sẽ hay.

Nhờ vậy, Cường Bạo lại sống yên ổn với vợ. Anh càng yêu quý Táo Quân và không quên biện rượu thịt, thỉnh thoảng mời Táo Quân chè chén.

Nhưng một hôm, trong khi Cường Bạo đi thăm đồng, anh bỗng thấy từ dưới ruộng đi lên một con cua. Cua dừng lại trước mặt anh giương mắt, giơ cả hai cái càng đòi kẹp. Cường Bạo hề hề nói:

- Thiên Lôì, Hà Bá, tao chẳng sợ thay, thứ mày tí hon có mấy sức mà dám hỗn láo. Nói rồi co chân đập một cái như trời giáng xuống mình cua; cua chết không kịp ngáp. Nhưng Cường Bạo đâu ngờ rằng cái càng cua có mảnh nhọn xóc vào chân mình, lâu dần da thịt thối loang ra. Vợ Cường Bạo lo lắng, hết sức tìm thầy chạy thuốc, nhưng không kịp nữa. Chẳng bao lâu

Cường Bạo lăn ra chết. Đó là bộ hạ của vua Thủy theo lệnh chủ tìm cách lên trần hại Cường Bạo bằng chước khiêu khích.

Người ta nói do việc Cường Bạo la hét, đánh trống chiêng, cho gà gáy, chống cự các thần và làm cho Ngọc Hoàng phải ra lệnh lui binh, nên từ đấy về sau, Thiên Lôi rất sợ tiếng gà gáy, còn vua Thủy thì lại sợ tiếng chiêng trống, tiếng la hét. Mỗi lần có sấm sét người ta bắt chước tiếng gà gáy để cho Thiên Lôi không dám bén mảng, hay khi bão lụt người ta thường gióng chiêng trống hay la hét cho Thủy thần phải trốn chạy, hy vọng nhờ thế nước lụt có thể mau rút [1].

KHÁO DỊ

Người Bắc-giang có truyện *Sự tích ông Bạo Ngược* vốn là dị bản của truyện trên, nhưng ở đây truyện đã gắn bó với đặc điểm địa lý của một vùng:

Ngày xưa, ở trung tâm tổng Tiên-bát có một hòn đá lớn giống thực khí của nữ, người ta gọi là Thạch-tĩnh (giếng đá). Tự nhiên một hôm đá nứt ra, xuất hiện một người đàn ông sức khỏe tuyệt trần. Không cha, không mẹ, không thầy, không vua, ông thường làm chuyện ngược ngạo, đặc biệt là không sợ một ai, nên thường gọi là ông Bạo Ngược.

Cũng như chuyện trên, Bạo Ngược chỉ thân với thần Bể. Người ta kiện ông lên đến Trời. Trời sai thần Sét xuống đánh, nhưng mấy lần đánh đều hụt vì

nhờ có thần Bếp mách nước (các tình tiết cũng tương tự như ở chuyện *Cường Bạo đại vương*). Nhưng kết thúc câu chuyện lại khác. Một hôm ông đi cày, đang cày bỗng cá cày gãy, ông bèn đứt ngón tay trở của mình vào thay cho cá cày để thanh toán nốt góc ruộng. Ở thiên đình, thần Sét thấy không có dịp nào tốt hơn thế nữa, bèn nhảy xuống đánh chết. Ngày nay, làng Hạ-lát có một khu bãi (ở tả ngạn sông Cầu) rộng độ 200 mẫu, tương truyền đó là chỗ cư trú đồng thời là nơi hàng ngày luyện tập của ông Bạo Ngược. Hình thể đất đai ở đây gồ ghề, đất chỗ nào cũng như bị cày xới lên không làm sao bằng được. Nhờ có những chiến tích đó, dân làng giành được bãi đất về địa phận mình, không để làng khác chiếm [2].

Người miền Nam có truyện *Sự tích cây tràm* cũng là dị bản, nhưng lại có nhiều tình tiết đặc biệt. Đại khái cũng có một anh chàng ngỗ ngược tên là Tràm, chuyên môn nhờ ông Táo mà không nhờ vị thần nào khác. Các thần tức lắm, một hôm đem tội của anh tâu với Ngọc Hoàng, Ngọc Hoàng sai "Thiên Lôi chuyên lột da" xuống trị tội. Ông Táo bày cho anh làm một cốt người bằng nan giống anh như hệt, đoạn tráng bánh tráng (tức bánh cuốn) dán ra ngoài nhiều lớp, rồi chui vào cốt lật úp lại mà nấp. Thiên Lôi xuống thấy cốt nan tưởng là tội nhân, bèn tới lột da ném thử một miếng thấy ngon, tức thì lột được bao nhiêu chén hết bấy nhiêu. Ăn chán, chạy về tâu với Ngọc Hoàng: "Tâu bệ hạ, nó có phép, thần lột hết tầng da này đến tầng da khác, nó vẫn trơ trơ không việc gì". Lần thứ hai, Ngọc Hoàng sai một Thiên Lôi khác xuống. Ông Táo bày cho anh kiếm thật nhiều gà chọi thả khắp vườn, lại cột lên cả nóc nhà nữa. Thiên Lôi xuống, đi đến đâu cũng bị gà của anh nhảy lên đá, nên hoảng sợ bỏ chạy. Người ta gọi là Thiên Lôi gà đá. Lần thứ ba, Ngọc Hoàng lại sai Thiên Lôi khác. Thiên Lôi này vốn là dân nghiện. Ông Táo bày cho anh bày đèn bàn giữa giường. Thấy có đèn bàn, Thiên Lôi sà xuống tiêm tiêm hút hút. Hút no ngủ quên. Anh chàng bèn từ chỗ nấp chạy ra rút lưới tằm sét mà giắt đầu cán chổi thay vào. Tỉnh giấc, Thiên Lôi cầm chổi vung tít vài cái mới biết là đã mất búa, bèn hốt hoảng chạy về. Nghe lời tâu, Ngọc Hoàng nổi giận bèn cách chức.

Cũng như truyện *Cường Bạo đại vương*, lần khác Ngọc Hoàng sai Thủy thần dâng nước, đồng thời cũng sai hai Thiên Lôi trước cùng xuống phụ lực. Ông Táo cũng bảo anh kiếm một chiếc thuyền đặt cốt người đắp bánh tráng, xung quanh có các gà chọi, đằng mũi thuyền đặt một trống lớn, một thanh la, hễ thấy nước dâng lên đến đâu thì nổi trống và thanh la tới đấy. Chuyến ấy hai Thiên Lôi vốn đã sợ sẵn nên không dám động tay, vì vậy Thủy thần chỉ mất công chẳng được tích sự gì. Thoát nạn anh mua một con gà luộc lên đãi ông Táo. Không hiểu vì lẽ gì mà có một miếng mỡ là món ngon nhất lại thiếu, còn anh thì lại tưởng ông Táo ăn. Ông Táo giận để bụng, bèn tâu với Ngọc Hoàng cách trị Tràm. Thế là một hôm đang đi chơi, anh bỗng bị thiên thần bóp cổ chết, xác hóa thành cây tràm. Người ta bảo rằng cây tràm có lá nghiêng nghiêng, một cạnh ngoảnh lênh trời, một cạnh ngoảnh xuống đất, đó là dấu hiệu của sự bạo thiên nghịch địa [3].

Người Nghệ-an có chuyện *Người học trò không sợ Trời* cũng là dị bản của các truyện trên:

Một người học trò thông thái từng vào Đường trong ra Đường ngoài, nổi tiếng khắp nơi, nhưng tính thì khinh người báng thần, chẳng sợ một ai cả. Một hôm anh thuê thợ đến dựng nhà. Ngày "phạt mộc", anh bắt thợ làm đúng vào ngày "thiên hỏa địa hỏa với lại trùng tang". Thợ nói: - "Tôi không dám làm". Anh bảo: - "Cứ làm, tội vạ tôi chịu". Sau việc đó Trời giận, bảo Diêm vương trị tội anh học trò. Diêm vương sai cú xuống. Cú đến nhà anh vừa kêu mấy tiếng: - "Cú cú", anh nói ngay: - "*Kêu chi đó cú? - cố thụ vinh hoa*".

Cú bỏ đi. Diêm vương lại sai hét ma đưa lười xấu ra kêu, nhưng mới kêu được một tiếng thì anh đã nói ngay: - "*Kêu chi đó hét ma? - thám hoa tiến sĩ*". Hét ma thất bại chạy về. Lại đến lượt đủ di. Anh cũng nói: - "*Kêu chi*

đó đủ dĩ? - tham nghị triều đình". Dù dĩ cũng không làm gì được. Sau đó Diêm vương sai quỷ kéo quân tới. Sẵn có tổ ong trước thềm, anh mở nắp cho ong bay ra cắn. Quỷ bỏ chạy thực mạng. Thấy tình hình như vậy, Trời nói: - "*Như thế thì ta phải lên cao mà ở*" [4].

Nguyễn Văn Ngọc có kể chuyện *Làm giường cho vợ đẻ*, trong đó cũng có một nhân vật không sợ thần, giống truyện vừa kể.

Một người có vợ gần đến ngày sinh, thấy xung quanh ngôi đền thành hoàng lắm tre; bèn biện một cái lễ đến đền để xin tre. Anh khẩn xong, gieo tiền xin âm dương. Thần không muốn cho, nên làm cả hai đồng tiền cùng dựng đứng. Anh kia nói: - "Thế là thần cho chặt một cây đằng trước một cây đằng sau". Bèn cứ thế chặt về đóng giường. Thần tức mình bèn tìm cách dọa anh ta, chờ khi giường đóng xong, làm cho giường chạy khắp nhà. Vợ sợ quá, nhưng chồng bảo: - "Sợ gì. Người chỉ có hai chân còn muốn đi, nữa là giường những bốn chân". Thần cụt hứng, liền sai chim dù dĩ (dủ dĩ) đến đậu trước nhà kêu lên mấy tiếng. Thấy vợ lại tỏ ý sợ hãi, anh ta nói: - "*Dù dĩ kêu chi? Tiến sĩ trạng nguyên*". Dù dĩ biết là không ăn thua, bay về. Thần lại sai át ma (hét ma) đến. Vợ lại sợ, nói với chồng. Chồng bảo: - "*Át ma kêu à? đa điền đa cốc*". Át ma lại bỏ về. Thấy dù dĩ, át ma không làm gì được, thần bèn sai quân đến định bắt cả hai vợ chồng. Quân tới vừa lúc người vợ chạy vội, bị ngã. Chồng bảo đùa: - "*Làng quàng như Thành hoàng mắc bẫy*". Quân nghe nói tưởng anh kia định đánh bẫy bắt cả thần, liền rủ nhau chạy biệt. Từ đó, thần để cho hai vợ chồng yên ổn [5].

Nguyễn Văn Ngọc còn kể một chuyện khác về ông Na Á, đại thể gần giống truyện *Cường Bạo đại vương*, nhưng không có tình tiết chống đối nhà Trời:

Mấy lần bị tướng của Diêm vương lên định ám hại, Na Á vẫn không việc gì. Có lần Thủy thần dâng nước lên cao để giết vợ chồng Na Á, nhờ có bè

chuối, vợ chồng họ vẫn vô sự. Tuy vậy, trần gian lúc đó bị một trận lụt chưa từng có. Cho đến khi nước rút, muôn loài chết hết, chỉ còn lại hai vợ chồng. Bấy giờ không nhà, không cửa, họ phải nương nấu trên cây. Vì thế có câu:

Trời làm một trận lụt to,

Để cho Na Á phải bò lên cây.

Sau đó vợ chồng sinh được năm người con trai, mỗi người đi một phương kiếm ăn. Mỗi người tìm được một vợ, sinh con đẻ cháu ngày một đông đúc. Loài người sau đó định xây một cái tháp thật cao để trèo lên thiên đình. Nhưng Ngọc Hoàng sợ họ làm loạn. Bèn khiến thiên thần làm cho tiếng nói của mỗi người mỗi khác. Vì thế không ai hiểu được tiếng nói của nhau, công việc xây tháp đành bỏ dở. Từ đấy tiếng nói loài người mỗi nơi một khác [6].

Đồng bào Mường có truyện *Rớt và Quý* là một dị bản của truyện *Cường Bạo đại vương* nhưng chỉ giống ở phần cuối:

Rớt vừa sinh ra thì mẹ đã chết, được một người đánh cá đưa về nuôi. Người ấy chết, Rớt nổi nghề. Một hôm đi câu, mấy lần một hũ sành nút kín cứ mắc vào lưỡi câu. Tức mình, anh ném vỡ hũ thì có một con quý bước ra, người cứ mỗi lúc một to dần. Quý cho biết vì mình chộc con gái Ngọc Hoàng nên bị nhốt vào hũ ném xuống sông. Quý mấy lần biến hóa để dọa Rớt nhưng Rớt không sợ, vì thế quý phục và nhận Rớt làm anh. Nhờ có Quý, Rớt diệt được Da Nơ, lấy lông mũi và tóc của mụ làm dây câu, câu được nhiều trâu bạc lợn vàng, và cũng nhờ có mợ của Quý, Rớt lấy được con Ngọc Hoàng làm vợ.

Một hôm Ngọc Hoàng hóa thân xuống thăm con gái, mới biết Rớt là một

anh làm ruộng bình thường, liền tìm kế giết rết để bắt con về. Đến đây gặp truyện của ta. Đầu tiên, Ngọc Hoàng sai rắn trắng đi giết Rết, Rắn núp trong màn đợi vợ chồng vào ngủ sẽ cắn chết người chồng. Không ngờ Quỷ phát hiện sớm, đánh một gậy chết tuốt. Lại sai rắn đen đi giết Rết. Rắn đen ẩn trong đồng tro đợi Rết cúi xuống thổi lửa sẽ mổ vào mắt, không ngờ đúng lúc ấy Quỷ xúc tro đi đổ, thấy rắn, bèn chém chết. Không thấy rắn về, Ngọc Hoàng bảo mục Vó xuống tìm cách giết Rết để bắt vợ. Mục xuống thì Rết và quỷ còn bận việc ở ngoài đồng. Mục uốn lưỡi kêu ba tiếng, vợ Rết chết, quỷ vội bay lên đuổi theo. Đuổi kịp, bắt mục trả hồn. Mục uốn lưỡi kêu lên ba tiếng. Ở dưới trần nàng tiên tỉnh dậy. Cũng như truyện trên của ta, quỷ hỏi mục cách làm như thế nào? Đáp: - "Tôi vốn có hai lưỡi: kêu lưỡi độc thì người chết, kêu lưỡi lành thì người chết sống lại". Quỷ bảo mục thè lưỡi độc rồi cắt đi, đoạn thả mục về trời. Mục sợ tội không dám bay về, bèn vào rừng, kiếm ăn qua ngày. Từ đó biến thành gà rừng (gà ươi). Người Mường trước đây vẫn cho tiếng kêu của loài gà này báo hiệu có người chết.

Ngọc Hoàng sợ quỷ và người lên làm loạn thiên đình, nên hóa phép nâng trời lên cao hơn để cho cách biệt với trần gian [7].

Đồng bào Tày có truyện *Người kết anh em với quỷ* gần như là một với truyện trên:

Chạ - chàng mồ côi - làm được một đám đất trồng rau nhưng bị một con quỷ xuống nhảy nhót để chữa cái chân què, làm hỏng cả rau. Anh không bắt đền mà còn kết bạn với nó. Lành chân, quỷ cùng anh đi chơi đến kinh kỳ. Nhờ thuốc của quỷ, anh chữa mắt cho mọi người mà nổi tiếng, rồi nhờ chữa mắt cho công chúa mà xin được sáu chiếc "lông bù nhìn", dùng nó, anh câu được ngựa vàng, con vật có phép ỉa ra vàng và biết bay. Lại nhờ quỷ, Chạ lấy được vợ, vợ Chạ rất đẹp làm cho Ngọc Hoàng thèm muốn Ngọc Hoàng bèn sai thiên sứ xuống định bắt cóc, nhưng quỷ cười ngựa xuống trước, bảo vợ Chạ xoa nhọ mũi vào mặt, làm cho sứ giả thấy xấu xí

không bắt, bỏ về, tâu rằng vợ Chạ quá xấu. Không tin, Ngọc Hoàng sai Thiên Lô đi bắt. Nhờ quỷ xuống báo trước và bày cách chống dít lên trời, làm cho Thiên Lô lấy làm lạ, về tâu là vợ Chạ "bị ai chém mất đầu và bổ đôi ngực". Ngọc Hoàng vẫn không tin, lại sai tướng Mãng xuống. Quỷ lại báo trước và bày kế cho Chạ kể mời ăn cỗ trong có món củ ráy làm cho nó ngứa lưỡi. Tướng Mãng bị quyến rũ vì sắc đẹp của vợ Chạ, nhận lời mời, nhưng chất củ ráy làm cho hấn ngứa lưỡi đến điên người. Quỷ bảo hấn: - "Đã thế thì cắt đi để làm gì cho khổ". Tưởng thật, tướng Mãng tự cắt lưỡi mình, rồi vì quá đau chạy về, không nói được nữa mà chỉ phát ra mấy tiếng "quái, quái" (cho nên ngày nay con mãng còn kêu "quái, quái"). Ngọc Hoàng giận dữ lại sai tướng Hồ mang đi bắt. Hồ mang nấp vào nôi chõ, chờ đến sáng Chạ dậy lấy chõ đồ xôi thì nhảy ra cắn. Quỷ lại mách. Sáng dậy, Chạ lấy vải bịt ngay miệng chõ, đem gác lên lửa. Nóng quá, Hồ mang kêu van xin tha mạng, sẽ không dám làm gì. Chạ mở cho ra, thì da Hồ mang đã bị phồng rộp lên và đen thui vì ám khói (cho nên ngày nay da Hồ mang còn giữ dấu vết). Thấy tướng Hồ mang thân tàn ma dại, Ngọc Hoàng bèn cắt thân ra đi. Không ngờ nóng nảy vội vàng, Ngọc Hoàng ngã lộn nhào từ trời xuống đất, chết không kịp ngáp. Thấy vậy quỷ lên trời báo các quan thiên đình: - "Nay Ngọc Hoàng đã lấy được chị dâu tôi, ngài mê mẩn không về nữa. Ngài cho tôi lên thay ngài ít lâu". Quỷ được lên ngôi, đón vợ chồng Chạ lên trời [8].

Truyện chàng mồ côi của người Lào cũng tương tự với hai truyện trên:

Thao Khăm-pha, mồ côi nghèo khổ ở với bà, một hôm nghe lời bà, đan một cái đồ để bắt cá ở suối. Hôm sau đến xem thì không ngờ có một con cáo chui vào đó. Thấy cáo lạy lục xin tha, hứa xin báo ơn, anh thương hại bèn thả ra. Lần thứ hai một con hổ mắc vào đó. Vì hổ cầu xin nên lại thả. Lần thứ ba một con tê giác, lần thứ tư một con voi, lần thứ năm một con ma Phi Nọi, và lần cuối cùng một con rắn. Chúng đều được tha vì anh thấy chúng lạy lục và hứa báo ơn. Riêng voi tặng anh một chiếc ngà. Từ đó mỗi lần bà

cháu đi vắng, nàng tiên ở trong ngà voi hiện ra dọn dẹp nhà cửa và nấu thức ăn rồi biến đi trước lúc họ về. Sau đó Khăm-pha bắt chợt đập vỡ ngà voi, buộc nàng tiên phải ở với mình làm vợ. Thấy nàng tiên ngà rất đẹp, một viên quan đem việc ấy báo với vua (pha-nha). Vua buộc anh nhường vợ không xong, bèn dùng kế. Đầu tiên bắt anh mang gà đến chơi với gà mình, nếu thua thì phải nộp vợ. Nhờ cáo hóa thành gà có móng sắc đá cho gà vua chết. Lần thứ hai, vua bắt đấu bò, nhờ hổ hóa thành bò húc cho bò vua lòi ruột. Lần thứ ba đấu voi, nhờ tê giác, voi vua cũng chết. Lần thứ tư vua bắt anh thi bơi thuyền với lính của mình. Rắn hóa làm thuyền giúp anh thắng cuộc, rồi tiếp đó họ hàng nhà rắn sai con làm sập mái lầu đề lên vua. Vua chết, nhưng lại hóa thành ma Phi Hại. Phi Hại bảo bộ hạ hóa rắn nằm trong nôi chực cắn. Phi Nọi báo tin này cho anh. Anh bảo vợ nấu một nồi nước sôi đổ vào. Rắn chết, Phi Hại lại nhờ Mé Ngọt và Nốc Khậm đến cắn chết anh, nhưng chúng bị Phi Nọi giết. Phi Hại lại nhờ Bàng (cú mèo) đến kêu lên mấy tiếng. Nàng tiên ngà tự dừng tắt nghỉ. Phi Nọi bảo anh đừng vội chôn, để mình cứu. Đoạn đi tìm Bàng bảo ngồi vào sọt mang hồn nàng tiên về nộp cho Phi Hại. Khi cùng ngồi vào sọt, Phi Nọi bảo hăn thử làm cho người chết sống lại xem tài năng thế nào. Bàng "vỗ cánh rồi giơ một chân lên, đập cánh ra, rướn cổ rú một tiếng dài". Nàng tiên ngà sống lại. Phi Nọi kịp thời tóm lấy cổ Bàng cắt lưỡi. Phi Hại thất vọng mà chết.

Từ đó mọi người sống yên. Pha-nha chết không con nối, triều đình thấy Khăm-pha tài giỏi, liền cho voi đến rước anh lên ngôi. Anh từ chối, chỉ xin làm một người dân lương thiện như lời Phật dạy. Nghe nói thế, các quan cũng trả áo mão về nhà. Không có vua, dân chúng hưởng cảnh thái bình sung sướng [9].

Đồng bào Thái ở Tây-bắc cũng có truyện *Anh chàng lười* gần như là một với truyện của Lào: Có một chàng lười tình cờ kết bạn với một con ma (phi) Gia hang. Ma bày cho anh đặt bẫy lần lượt bắt được cáo, hổ, voi, đều thả ra. Chúng hứa sẽ đền ơn, trừ voi tặng ngay một chiếc ngà. Cũng có một

cô gái đẹp ra khỏi ngà, rồi trở thành vợ anh. Cũng có tình tiết vua buộc anh lần lượt đưa gà, trâu, rồi voi đến đấu với gà, trâu, voi của vua, nhưng nhờ các con vật báo ơn nên anh đều thắng, không phải gán vợ. Vua tức giận mà chết, nhưng ở đây hồn vua lên trời tâu cáo với Ngọc Hoàng (then). Từ đây hình tượng có khác với chuyện của Lào. Gia hang lên, ngồi rình ở dưới sàn nhà của Ngọc Hoàng nghe ngóng, thấy Ngọc Hoàng gọi bộ hạ xuống bắt hồn vợ chàng lười về. Một bộ hạ là sâu Ngoãn tong tâu: - "Tôi sẽ xuống đậu lên búi tóc của nó để bắt hồn". Gia hang kịp về báo cho bạn bảo vợ bôi nhiều dầu lên tóc rồi ngồi bên cạnh nồi nước sôi. Vì dầu trơn, sâu Ngoãn tong vừa đậu lên búi tóc đã rơi tuột xuống nồi nước sôi chết. Anh quăng cho gà ăn. Hồn sâu về trời tâu cáo. Gia hang lại lên nghe ngóng thấy Ngọc Hoàng hỏi bộ hạ: - "Ai có thể đi?" Quạ đáp: - "Tôi sẽ xuống đậu ở thềm, nếu thấy nó ra, tôi quắp vào cổ bắt hồn về". Gia hang lại về trước dặn vợ bạn chớ có ra khỏi nhà, còn mình thì thủ sẵn cung nỏ chờ cho quạ đậu xuống, bắn một phát chết ngay. Gia hang lại theo hồn quạ lên trời, răn nói sẽ xuống nằm trong ống thổi, khi nó nhóm bếp nấu cơm sẽ cắn lấy hồn. Chờ khi răn chui vào ống, Gia hang lấy đá chặn lại rồi đốt lửa, răn chết. Đến lượt ma Gia vang vâng lệnh Ngọc Hoàng xuống, bắt được hồn vợ chàng lười bằng cách kêu mấy tiếng "Khloát khloát". Lần này khi lên trời, Gia hang đã thấy nhà trời ăn mừng giết trâu mổ lợn, uống rượu linh đình. Thấy tay Gia hang cầm một cái rọ lợn, chúng xúm lại hỏi cái gì. - "Để cho trẻ con chui vào chơi rất thú". Gia vang xin chui vào thử, và bị Gia hang buộc rọ lại xách về. Đến nhà chàng lười, Gia hang bảo: - "Mày hãy làm cho nàng sống lại, tao mới tha". Gia vang kêu lên mấy tiếng "Mơ-né, mơ-né", vợ chàng lười sống lại. Gia hang lại bảo: "Mày thè lưỡi tao xem". Lưỡi của Gia vang thè ra có ba mũi nhọn, Gia hang chỉ cắt bỏ cái mũi nhọn làm cho người ta chết [10].

Dân tộc Dao Cao-lan có một truyện đúng là một dị bản của *Cường Bạo đại vương*; những hình tượng của truyện này gợi cho ta rất nhiều về dấu vết một thần thoại xa xưa nay đã biến dạng:

Xưa có một người tên là Thang Vua có sức khỏe tuyệt trần, thú rừng và ma quỷ đều sợ. Thấy Thiên Lô độc ác, anh bèn tìm đường lên trời định giết để trừ họa cho mọi người. Đi đến ngày thứ năm, một bà cụ gặp anh hỏi chuyện, rồi bày cho anh dựng một ngôi nhà nóc lợp lá ráy và lá chuối để bắt Thiên Lô. Dựng xong, bà bảo anh giả cách đánh mình, và kêu la ầm ĩ. Nghe tiếng kêu, lại thấy người trẻ đánh người già, Ngọc Hoàng lại sai Thiên Lô xuống trị tội. Nhưng vừa đứng lên mái nhà lá, Thiên Lô bị hẫng, thụt hai chân xuống. Thang Vua nắm được hai chân, trói lại, nhốt vào một hang đá định chén thịt. Trong khi anh đi mời khách thì ở hang, Thiên Lô đánh lừa hai đứa con của anh, bảo chúng cho mình xin một ngum nước, và để đền ơn lại, Thiên Lô nhổ một cái răng của mình bảo chúng đem gieo. Răng mọc thành một cây bầu có quả. Thiên Lô dặn khi nào thấy mưa to gió lớn thì chui vào quả bầu. Dặn xong đâu đấy, được ngum nước Thiên Lô phun ra, tự nhiên biến thành bão táp mưa lụt, phá tung cửa hang. Thế là Thiên Lô chốn thoát. Nhưng Thang Vua không phải tay vừa. Vừa về, thấy Thiên Lô đã lên trời, anh vờn vai một cái cao lên tận mây xanh, nắm được chân Thiên Lô kéo xuống. Nhưng bấy giờ Thiên Lô đã nắm được cửa nhà trời, không làm sao kéo xuống được nữa, trời bẻ hai đùi đập vào chân mình. Rồi để báo thù, Thiên Lô tâu với Ngọc Hoàng xin cho một trận mưa bão lụt kinh khủng cho người trần chết hết. Chỉ có hai đứa con của Thang Vua nhờ chui vào quả bầu nên không chết. Chúng trở thành ông bà tổ của loài người. Còn Thiên Lô từ đấy mình người chân gà, hàng năm vẫn chưa quên mối thù cũ, vì vậy vẫn gây nên lụt bão [11].

Dân tộc Kơ-dong có truyện *Lưỡi búa của thần sét* cũng có tình tiết người trần bắt thần Sét và hình tượng con cóc gọi lên vai trò "Con cóc là cậu ông Trời" trong thần thoại của ta:

Y Reng là nô lệ của một tù trưởng, hàng ngày phải đi chăn một đàn trâu, nhưng vì bị đối đãi quá tàn tệ, một hôm liền nghĩ đến chuyện báo thù. "Phải

có một lưỡi búa của thần Sét thì mới có thể giết được nó!" Bèn làm một cái bẫy sập lớn gài ở cửa hang. Đoạn bẻ cành cây làm cày, rồi bắt một con cóc vàng buộc vào bắt cày bắt kéo. Vì cóc là dòng dõi của Ngọc Hoàng, nên khi thấy thế, Ngọc Hoàng nổi giận, sai thần Sét đi đánh Y Reng. Thần Sét cầm búa nhảy xuống, vừa đến cửa hang thì bẫy sập, bị nhốt ngay vào trong. Thất cơ, thần Sét đành phải năn nỉ, cuối cùng phải cho Y Reng búa thần để đánh đổi lấy tự do. Nhờ có búa của thần Sét, Y Reng đã tiêu diệt tên tù trưởng [12].

Ngành Đơ-ruôn (Tây-nguyên) có truyện *Ông Sét* phần nào cũng gần với truyện *Cường Bạo đại vương*:

Trời sai thần Sét đem quân xuống trần đánh chết - ở đây không phải đàn ông mà là một người đàn bà - vợ anh Năm ở một làng nọ. Trong khi Trời còn dặn dò thì một người bạn của anh Năm ở thiên đình nghe lỏm được, vội xuống báo cho bạn biết và bàn cách cứu. Bèn sửa soạn rượu ngon thức nhắm tốt để sẵn ở chiếc lều dựng bên đường thần Sét đi qua. Đúng ngày giờ đã định, thần Sét búa giắt lưng, biến thành người, dẫn quân tới. Bạn anh Năm mời họ vào tiếp rất niềm nở. Thần Sét chưa bao giờ được uống thỏa thích đến thế nên say mềm, cùng bộ hạ lăn ra ngủ quên. Khuya lại, tỉnh dậy thì đã quá hạn không đánh được nữa, đành lui thủi trở về [13].

Người Miến-điện (Myanmar) có truyện *Đánh thần Sét* cũng có tình tiết mời thần Sét ăn uống:

Thần Sét thấy một nhà nọ ở dưới trần có cô gái đẹp đang quay tơ, bèn nhảy xuống gây nên một tràng sấm. Thấy cô gái giật mình kinh hãi, thần nói: - "Cô đừng sợ, có tôi, tôi sẽ vì cô che chở". Sau khi tán chuyện, thần Sét lại vác búa đi. Cô về kể chuyện vừa rồi cho chồng chưa cưới của mình. Anh bảo: - "Làm một bữa cơm ngon đón thần Sét xuống, ta sẽ có cách". Khi

thần Sét đến, anh lại dặn dò cô gái: - "Nếu thần hỏi lấy em, em cứ giả tảng đồng ý". Cô gái dọn ăn, thần Sét không từ chối. Ăn đoạn, thần Sét hỏi cô gái về chuyện hôn nhân. Thấy cô gái gật đầu, hân mừng: - "Tốt lắm". Khi thần Sét hỏi ý kiến chàng trai, anh đáp: - "Đó là vinh hạnh của chúng tôi". - "Bao giờ thì cưới được" - "Ba hôm nữa, chỉ xin đến một mình thôi". Anh liền đặt trong bếp một cái vò miệng nhỏ, bỏ các món ăn thơm ngon vào. Đúng hẹn thần Sét đến, cô gái mời mọi người ăn uống no say. Nhưng thần Sét vốn tay ăn khỏe, còn đói, nửa đêm vào bếp lục lọi, cuối cùng chui đầu vào vò. Chàng trẻ tuổi đã rình sẵn, thấy vậy bèn hô lớn: - "Trộm! trộm! Đánh đi". Thần Sét kinh hoàng không rút đầu ra kịp, bèn đội cả vò mà chạy. Gậy nện như mưa, may mà chạy được một quãng đựng đầu vào cột nhà, vò vỡ, nhờ vậy trông thấy đường đi thần Sét bèn một mạch phi về Trời, không dám ngoảnh cổ lại. Từ đấy, những lúc gây chuyện sấm sét ở dưới trần, thần thường giấu mặt vì sợ xấu hổ [14]. [\[TD1\]](#)

Trung-quốc có truyện *Điền Phương Sinh đánh chết Diêm vương*, tuy mang chất khôi hài, cũng gần như là một dị bản của truyện *Cường Bạo đại vương*:

Một nông dân mưu trí tên là Điền Phương Sinh bị Diêm vương sai một tên quỷ xuống bắt. Nghe tiếng quỷ gọi, Điền Phương Sinh nhìn qua khe cửa đoán ra nguy cơ, bèn lấy lưới làm thành một cái vọt bắt cá, rồi giả vờ lên tiếng bảo quỷ chui vào chỗ thùng của mái tranh. Quỷ rơi tọt vào lưới. Điền bắt bỏ vào chum nút kín, đoạn đào hố bỏ xuống lấp đất lại. Diêm vương chờ mãi không thấy quỷ về, bèn lại sai một tên quỷ khác đi. Biết quỷ này mắt toét, nên khi hân gọi cửa, Điền làm bộ đáp: - "Vâng, cho tôi nấu xong nồi thuốc chữa toét mắt đã". - "Nấu thêm cho ta với". Anh nấu cao da bò, khi tra vào mắt quỷ, quỷ không còn thấy đường lối nào nữa, bị đẩy xuống giếng sâu. Diêm vương chờ không được, lại sai một quỷ khác xuống đòi. Thấy tên quỷ này đi chân không, Điền làm bộ nói: - "Tôi đang bận rèn một tỳ". - "Rèn gì?" quỷ hỏi. - "Rèn giày để đi đường xa" - "Rèn hộ cho ta một

đôi". Điền bèn lấy lưới cày nung đỏ. Quỷ bị bỏng chạy về, kêu khóc ầm ĩ. Giận quá, Diêm vương bèn tự thân ra đi. Đến nơi bắt Điền Phương Sinh, Điền nói: -"Vâng tôi xin đi, nhưng ngài cưỡi ngựa thiên lý thì làm sao theo kịp, vì tôi có trâu vạn lý" - "Hãy đổi cho ta" - "Vâng, nhưng ngài phải thay quần áo kéo nó lạ hơi người". - "Đổi cho ta ngay". Điền bèn đổi áo cho Diêm vương lại vẽ mặt cho Diêm vương giống mình, mình giống Diêm vương. Anh xuống trước bảo quỷ sứ đón, hễ thấy Điền Phương Sinh đến thì đánh chết tươi. Trâu đi quá chậm. Diêm vương phải cuốc bộ, cuối cùng khi về đến cõi âm bị quỷ sứ đánh chết [15].

Tóm lại, truyện *Cường Bạo đại vương* có nguồn gốc là một thần thoại và dường như chỉ lưu hành trong một khu vực nhất định ở Đông nam Á, trong đó có Việt-nam.

[1]_Theo Tô Linh Thảo dịch trong *Đại-nam kỳ nhân liệt truyện*; Trương Vĩnh Tống. *Chuyện lạ nước Nam*; và lời kể của người Hà-tĩnh (Mạnh Sào Quan).

[2]_Theo lời kể của người Bắc-ninh do Nguyễn Văn Tấn cung cấp.

[3]_Theo báo *Bông lúa* số 46 (1975).

[4]_Theo *Bản khai của thôn Bùi-ngọc*.

[5]_Sách đã dẫn.

[6]_Theo *Phổ thông độc bản*, Vĩnh Hưng Long thư quán, Hà-nội, 1933. Đoạn cuối này tương tự với thần thoại *Ông bà Trống* của đồng bào Ba-na (Bahnar).

[7]_Theo *Truyện cổ dân gian các dân tộc Việt-nam*, tập III.

[8]_Theo Hoàng Quyết, Hoàng Thao, Mai Sơn...*Truyện cổ Việt-bắc*.

[9]_Theo Hoàng Lâm, Xu-văn-thon. *Truyện dân gian Lào*.

[10]_Theo Đơ-jor-jơ (Degeorge). *Truyền thuyết của người Tày ở An-nam*, tạp chí *Nhân loại (Anthropos)* (1921 - 1922).

[11]_Theo Đức Hùng, Phù Ninh. *Nàng Ái Kao*, Ty Thông tin văn hóa Tuyên Quang, 1974.

[12]_Theo *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập II. Truyện *Em Cốc* của dân tộc Hrê (Hré) cùng kể y như trên, duy đoạn kết có chi tiết như sau: Sau khi chiếm được búa của thần Sét, một hôm em làm mất một con trâu. Tù trưởng định giết em thế mạng trâu. Em xin hãn khoan cho một đêm để về cúng mẹ và từ giã dân làng. -“Được, ta cho sống đến mai”. Bèn đào sẵn một cái hố để đợi khi em đến, hãn sẽ đẩy em xuống hố, nhưng không ngờ em rút búa thần Sét ra, một ánh chớp sáng lòe nổ rầm trời. Tù trưởng chết,

dân làng tới chia của cải của hắn. (Theo Đỗ Thiện, Ngọc Anh, Đinh Văn Thành. *Truyện cổ Tây-nguyên*).

[13] Theo *Truyện cổ Tây-nguyên*, đã dẫn.

[14] Theo Đinh Tú: *Truyện cổ tích Miến-điện*.

[15] Theo Lê Bá Cơ. *Đánh chết Diêm vương*.

[TD1] Ở chú thích này, trong sách in là *Diễn-điện*, mình tự sửa thành *Miến-điện*

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
165. MŨI DÀI

Ngày xưa, có một anh chàng trẻ tuổi tên là Đê. Nhà anh nghèo khó, cha mẹ phải cho đi ở tại một nhà lão trọc phú. Trọc phú bắt anh chăn trâu. Nhưng anh có thói ham chơi bời, khi đã lao vào cuộc đánh khăng, đánh đáo hay bày trận, thả diều thì chẳng còn biết gì trời đất. Vì thế đã nhiều phen anh để cho trâu ăn lúa, ăn khoai và cũng nhiều phen, anh bị chủ nọc đánh dữ dội.

Một hôm, Đê cùng các chúng bạn bày cuộc thi bơi lội. Đàn trâu thả trên đồi vắng. Cuộc tranh lèo giật giải đã đến độ làm cho Đê không dứt ra được. Hết lặn đến hụp, bơi sắp đến bờ ngửa, cuộc vui kéo dài mãi đến gần trưa. Bỗng nhiên khi nhìn lên đàn trâu thì thấy mất hút một con. Con trâu ấy lại là con của Đê chăn. Bọn trẻ hoảng hốt chia nhau đi tìm hết bụi bờ này đến lùm đồi kia, chẳng thấy tăm hơi đâu cả. - "Thôi rồi, trâu thằng Đê bị kẻ trộm dắt đi rồi!" Bọn trẻ la lên như vậy rồi đứa nào đứa nấy dong trâu của mình về nhà. Chỉ một mình Đê ở lại vật vờ kêu trời khóc đất. Khóc một hồi lâu rồi ngủ quên.

Đang ngủ, thốt nhiên anh tỉnh dậy vì có cái gì chạm vào mặt. Anh hé mắt nhìn thấy một đàn quạ đang xúm quanh. Thì ra chúng tưởng có xác chết nên kéo đến định làm bữa chén. Một con sà vào toan mổ mắt. Thấy thế, Đê lập kế thành linh vùng dậy chụp được chân một con quạ, còn những con khác thì bay tán loạn.

- Hừ, ta sẽ cho mày hay. Dám đến mổ vào mắt ta ư!

Nghe nói thế, quạ hết lời van vãn:

- Xin ngài tha cho tôi, tôi sẽ biếu ngài một vật quý.

- Vật gì, đưa đây xem!

Quạ vội nhả từ trong miệng ra một viên ngọc nhỏ nhưng sáng lấp lánh, đưa cho anh và nói:

- Đây là viên ngọc nhỏ nhưng quý nhất thế gian. Ngài muốn cầu xin việc gì sẽ có ngay vật đó!

Đê nghĩ:

- Vậy sẵn ta đang mất con trâu, thử cầu xem có hiệu nghiệm chăng. Bèn nói to:

- Ngọc! Ngọc! Ta muốn được một con trâu thay cho con vừa mới mất!

Bỗng chốc từ dưới chân đồi lững thững đi lên một con trâu. Vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ, anh vội trả tự do cho quạ rồi cười trâu về.

*

* *

Từ đó Đê trở lên sung sướng, giàu có. Anh trả trâu cho trọc phú rồi trở về nhà ở với cha mẹ. Nhưng anh chỉ mới dám cầu những cái vặt vãnh. Một hôm anh lấy ngọc đặt trong lòng bàn tay mình rồi nói:

- Ngọc! Ngọc! Ta muốn có một tòa lầu đài lộng lẫy và giàu có.

Tự nhiên sáng hôm sau ngủ dậy, anh không thấy mái nhà tranh lụp xụp của bố mẹ nữa, thay vào đó là một ngôi lầu cao ngất, mái ngói tường hoa, cột kèo trạm trổ tinh vi. Đặc biệt là trong nhà mọi thứ bày biện rất sang, kẻ hầu người hạ nhộn nhịp, ngoài vườn cây cối um tùm, trước sân hoa thơm cỏ lạ không thiếu thứ gì. Đê chưa bao giờ thỏa thích đến thế.

Chẳng bao lâu Đê lại lấy ngọc ra cầu:

- Ngọc! Ngọc! Ta muốn có một người vợ đẹp.

Lời ước vừa dứt thì anh đã thấy có một người từ ngoài cửa bước vào. Đó là một mụ mỗi tìm đến đánh tiếng cô con gái một vị trưởng giả trong vùng. Sau khi cùng mụ đi chợ coi mắt, anh thấy cô gái đúng là một giai nhân mày ngài mắt phượng, xem chừng thiên hạ khó có ai hơn. Mụ mỗi còn nói:

- Trưởng giả đang lác mắt về sự giàu có của anh. Nếu anh muốn, tôi sẽ lo liệu chu toàn và nhanh chóng.

Đê hết sức mừng rỡ, bèn giao cho mụ mỗi và người hầu thay mình định liệu mọi việc. Quả như lời mụ nói, không đầy một tuần, cô gái tuyệt sắc nọ đã trở thành vợ anh. Nhưng anh đâu có ngờ vợ mình lại là một người xấu bụng. Lấy chồng, nàng chỉ muốn giúp bố nàng khám phá cho ra cái bí quyết làm giàu nhanh chóng của chồng. Vì vậy, sau khi về làm vợ Đê, nàng thường tỷ tê dò hỏi mọi việc. Nhưng Đê không muốn để ai biết được điều bí mật của mình. Anh chỉ đáp giả lả cho qua trước những câu hỏi tò mò của vợ. Viên ngọc quý anh luôn luôn cất vào một nơi kín đáo. Tuy vậy vợ anh vẫn cố công dò la tìm hiểu không nản. Một hôm vợ mua rượu phục cho

chồng uống bí tử. Trong cơn say, anh quên hết mọi việc, có gì bí mật đều phun cho vợ biết cả. Nhè lúc Đê nằm mê man, người vợ bèn lấy trộm viên ngọc, rồi lên về nhà trưởng giả.

*

* *

Khi Đê tỉnh dậy, chàng thấy vắng bóng vợ. Đi tìm ngọc cũng không thấy đâu. Biết vợ mình đã lấy trộm mất viên ngọc quý, chàng đành sang nhà trưởng giả mong lấy nghĩa lý làm cho vợ hồi tâm. Nhưng không những vợ anh không chịu nhận việc lấy viên ngọc, mà anh còn bị ông bà trưởng giả xua đuổi thậm tệ. Vừa mất ngọc vừa mất vợ. Đê buồn quá đổi, thất thểu ra về. Qua một ngôi đền, anh ghé vào nghỉ chân, rồi khi nghĩ đến ngọc, anh khóc tức tưởi. Bỗng có một vị thần râu dài tóc bạc hiện ra trước mặt hỏi:

- Làm sao con lại khóc?

Đê kể lại tình đầu, không giấu giếm một tý gì.

Vị thần bảo:

- Con đừng buồn! Ta sẽ bày cho con một cách lấy lại vật quý.

Nói rồi vị thần bước tới chỗ bình hoa trên hương án, bẻ một bông hoa trắng và một bông hoa đỏ, và nói:

- Con hãy mang bông hoa trắng này gài vào cửa nhà nó. Nhất định nó sẽ

gặp chuyện không hay. Lúc đó con sẽ dùng bông hoa đỏ để lấy lại viên ngọc.

Nói xong vị thần biến mất. Theo đúng lời thần dặn, Đê bèn đem bông hoa trắng lên đến gài ở cửa sổ nhà trưởng giả, chỗ buồng của vợ rồi ra về.

Lại nói chuyện vợ Đê bấy giờ đang ngồi mân mê viên ngọc quý, chợt người thấy mùi thơm ngát ngào tỏa khắp gian phòng. Theo mùi tìm kiếm, chẳng mấy chốc nàng đã thấy bông hoa gài ở cửa.

- Quái, làm sao lại có thứ hoa thơm kỳ lạ thế này.

Vừa nói nàng vừa cầm hoa lạ đặt vào mũi hít lấy hít để. Vợ chồng trưởng giả thấy mùi thơm cũng chạy vào cầm lấy bông hoa xem và cũng đưa lên mũi thưởng thức mùi thơm. Nhưng chẳng mấy chốc, họ cảm thấy đầu mũi ngứa ngáy, họ bèn ra sức gãi, nhưng càng gãi mũi càng sưng, và dần dần mọc dài ra. Họ cùng la lên:

- Ôi! Cái hoa này có ma. Mũi tôi làm sao lại thế này.

Ba người nhìn nhau vô cùng hoảng sợ, vì thấy mũi của người nào người ấy không ngừng nhô thêm mãi. Trước chúng còn dòm mồm, sau đã dài quá cằm. Nhưng chúng vẫn chưa chịu dừng. Mũi vẫn thòng xuống quá ngực rồi quá bụng, và còn dài xuống nữa, xuống nữa, gần chấm đất mới chịu thôi.

- Ôi! Xấu hổ quá, trông như cái vòi voi!

Vợ Đê nước mắt đầm đìa nghĩ đến nhan sắc có một không hai của mình trước đây. Cả mẹ lẫn con vội trốn vào buồng tránh mặt kẻ hầu người hạ.

Chỉ có trưởng giả lấy khăn che mặt, hối hả bảo người nhà đi mời thầy thuốc. Nhưng khi nhìn thấy bệnh lạ, thầy thuốc nào cũng lắc đầu:

- Cái mũi này của cụ chỉ còn có nước chảy, nhưng chảy chưa chắc đã lành, nó chỉ làm xấu thêm và nguy hiểm nữa là khác.

*

* *

Hai ngày sau, Đê mới chạy sang nhà bố mẹ vợ, trong bọc có thủ sẵn bông hoa đỏ. Khi thấy cái mũi dài của trưởng giả, Đê không nhịn được cười, hiểu rằng đó là do sự mâu nhiệm của bông hoa thần. Trước câu hỏi của Đê, trưởng giả kể lại đầu đuôi. Đê đáp lời:

- Cái đó không có gì lạ. Nó do việc lấy trộm ngọc của vợ tôi mà ra. Nếu trả lại viên ngọc ấy cho tôi, tôi sẽ có phép làm cho mũi ngắn lại và lành lặn như cũ.

Trưởng giả không còn cách nào khác, đành giục con gái trả món bảo vật lại cho chồng. Sau khi đã nhận đúng viên ngọc của mình, Đê bèn đưa bông hoa đỏ ra cho họ ngửi, chỉ trong chốc lát, cái vòi dần dần co lại, co lại cho đến khi mũi trở lại nguyên hình như xưa.

Đê đưa vợ về, hai vợ chồng từ đó sống với nhau hòa thuận, vui vẻ. Mỗi lần làng xóm có việc gì khó khăn, họ lại cầu xin với Đê để nhờ viên ngọc giúp đỡ.

Về sau, lúc Đê đã già yếu, một hôm đang nằm trên giường bệnh, bỗng thấy

con quạ năm xưa đến đậu ở cửa sổ nói với vào:

- Trả ta viên ngọc! Trả ta viên ngọc!

Nghe nói, Đê liền thò tay xuống dưới gối lấy viên ngọc giơ ra cho quạ, nhưng chưa kịp trao thì quạ đã nhảy vào chộp lấy ngọc trên tay rồi bay đi mất [1].

KHẢO DỊ

Việt-nam còn có truyện *Mẹ con hoàng hậu bị dài mũi* là một dị bản của truyện trên:

Có hai bố con nhà kia, bố sắp chết dặn con mình chôn mình xuống ao trước nhà, ba năm sau tát ao thấy cái gì thì cứ lấy mà dùng. Người con theo đúng lời dặn, tát ao được một cái túi, một thắt lưng và một chiếc sáo. Túi càng giũ càng ra tiền bạc; thắt lưng thắt vào, người tự nhiên nhẹ bỗng chạy nhanh như bay; sáo thổi lên, có nhiều quan quân hiện ra xung quanh bảo vệ. Gặp dịp nhà vua kén rể, người con mang cả ba thứ đó đến trog tài. Anh dùng thắt lưng chạy vù đến kinh đô. Rồi trước mặt vua, anh giũ túi ra một đồng bạc. Khi người của vua xông lại, anh thổi sáo liền có quân gia hiện ra canh giữ không cho lấy. Vua sợ, cho anh đính hôn với công chúa, bảo công chúa và hoàng hậu đánh cắp các bảo vật rồi đuổi đi. Thất vọng, anh đi hái củi để sống. Gặp một cây na, ăn thử một quả thấy ngứa mũi, càng gãi mũi càng dài, tới một nơi nọ khát nước, anh vục xuống một cái ao giải khát,

không ngờ nước ao ấy lại làm cho mũi anh ngắn lại như cũ. Anh lấy những quả na và một lọ nước, đưa về kinh cải trang, rao bán cho vua. Mẹ con hoàng hậu ăn na vào, mũi mọc dài thêm. Tìm thầy chữa, mũi càng dài thêm đến một sải. Bấy giờ anh chàng đóng bộ một người con gái ăn mày xin vào chữa, bảo là phải đánh vào người, đem phơi nắng ba ngày mới khỏi. Anh đánh công chúa trước, sau đó bôi một tý nước, mũi có co lại. Qua ngày thứ ba, anh không bôi, chỉ nói: - "Thế là không thể khỏi hẳn được, chắc là có phạm một lỗi gì đó, như lấy cái gì của ai chẳng hạn". Công chúa thú nhận có lấy chiếc sáo, rồi thắt lưng. Đưa trả, anh chữa thêm cho công chúa và nói: - "Còn gì nữa, trả cho hết mới khỏi hẳn". Cuối cùng công chúa trả cái túi. Anh nói: - "Chúng mày là đồ gian ác, phải chịu số phận dài mũi là đúng rồi bỏ đi." [2].

Truyện trên cũng khá phổ biến ở Âu và Á. Hình ảnh của các dị bản có khi là chiếc mũi mọc dài như vòi voi giống truyện của ta. Đó là truyện của Đức (do Grim (Grimm) sưu tập), truyện của Ý (Italia) ở La-mã và truyện của Iéc-lăng (Irlande), nhưng không phải người hoa mà là ăn phải quả táo hay quả vả. Có khi là đầu mọc sừng, như truyện của Pháp, của Ả-rập (Arabie). Có khi mọc đuôi như truyện của Ý (Italia) ở Mác-sơ (Marche), hay hóa thành đầu nai như truyện Ê-cốt-xơ (Écosse). Lại cũng có khi hóa khỉ như truyện của Ấn-độ, hay hóa lừa như truyện của người Can-múc (Kalmouks), v.v... Sau đây là một số truyện có hình ảnh đầu mọc sừng. Trước hết là truyện của Pháp: *Túi tiền, cái còi và cái mũ*, gần với dị bản của ta vừa kể:

Có ba anh em: một người là đội, một người là cai và một người coi phu dịch, đều có nhiệm vụ luân phiên gác rừng. Một hôm đến lượt người thứ ba. Đang gác bỗng thấy một bà già đến nhà xin sưởi, anh nói: - "Đừng có vào, các anh tôi mà dậy thì chúng giết bà mất". Bà già đáp: - "Ta sẽ cho anh một cái túi". - "Để làm gì?" - "Hễ thò tay vào khi nào cũng có năm lu-i". - "Đưa đây!". Anh cho bà già vào để được cái túi. Tối mai, đến lượt người thứ hai. Chuyện cũng xảy ra như trên, nhưng lần này không phải túi tiền mà

là một cái còi, thổi vào có thể xuất hiện binh lính. Đêm khác lại đến lượt người thứ nhất, nhưng lần này lại là chiếc mũ đưa đi bất cứ đâu.

Một hôm, người thứ ba chơi bài với một công chúa. Công chúa có một tấm gương nhìn vào có thể thấy được bài của đối phương. Thế là anh thua, mất cả túi tiền. Trở về rừng gặp lại bà già, bà già hỏi tại sao mà buồn. Anh cho biết sự thật, bà bảo mượn cái còi sẽ gỡ lại cái túi. Nhưng anh lại thua cay, mất luôn cái còi. Bà già bảo đi mượn cái mũ, lại đến lượt mất cả mũ. Bà già bèn cho anh mấy quả táo: - "Đây có năm quả, đem bán cho công chúa". Công chúa mua táo, cho người nữ tỳ hai quả, mình ăn ba. Kết quả nữ tỳ mọc hai sừng trên đầu, công chúa mọc ba. Gọi thầy thuốc đến cắt, càng cắt càng mọc khỏe. Lúc này bà già lại trao cho anh hai chai nước: - "Đây, chai này làm mọc sừng, chai kia làm mất sừng, anh liệu mà đến lấy lại các vật đã mất". Cải trang đến lâu đài, anh tự xưng là lang y có thể chữa rụng các sừng. Anh hữu ý cho người nữ tỳ uống nước rụng sừng, còn công chúa uống nước mọc sừng. Công chúa hỏi: - "Tại sao đối với tôi, thuốc không công hiệu?". Đáp: - "Ấy, chắc có chuyện gì đó thuộc về lương tâm". - "Không có". - "Thế thì tại sao một người lành bệnh, một người lại mọc thêm. Phải thành thực hối lỗi mới xong". - "À, tôi có lấy của người ta một cái túi quái ác". - "Đưa đây cho tôi, cần phải trả lại cái gì không phải của mình". Anh chỉ cho công chúa uống rụng một cái sừng sau khi nhận lấy cái túi. Rồi lại nói: - "Đường như chưa hết tội lỗi". - "Ta có lấy một cái còi dơ bẩn", công chúa tiếp, - "Đưa đây, phải trả lại chứ". - "Ừ thì trả". Anh lại cho uống rụng sừng thứ hai. Lại nói như trên. Công chúa thú nhận: - "Ta có lấy cái mũ thổ tả". - "Đưa đây". Nhưng khi lấy lại chiếc mũ, anh ba chân bốn cẳng bỏ đi, mặc kệ công chúa với chiếc sừng còn lại [3].

Giống với các truyện trên là truyện đồng bào Thái (Nghệ-an): *Quả chuối tiêu kỳ lạ*:

Có bốn cha con được ông thần thưởng cho về nết không tham: một cái "nắp

ép khâu" có thể làm ra gạo, một con dao cùn có thể hạ bất cứ cây rừng nào và một cái gậy có thể đi bất cứ đâu; nhưng thần lại không cho biết tính mâu thuẫn của chúng. Hai người anh từ khi thấy "nắp ép khâu" làm ra gạo thì sinh lòng ghen ghét, trừ người em siêng năng nên phát hiện ra sự mâu thuẫn của hai vật sau. Anh dùng dao cùn với bố vợ nương, lại dùng gậy đi đến cung vua, được công chúa yêu, nhưng vua - bố công chúa - thấy anh thuộc dòng hèn hạ thì không bằng lòng, đòi phải làm một con đường bằng gạo mới gả công chúa. Nhờ "nắp ép khâu", anh làm không khó khăn. Khi đánh hơi thấy anh có vật quý thì vua thuận gả, nhưng lại ép anh rượu say để anh phun mọi bí mật. Rồi làm bộ không tin, vua bảo anh mang đến làm thử cho xem. Thế là tiếp đó anh bị giam cầm, mọi bảo vật đều bị tước đoạt. Nhờ người canh ngục giúp đỡ, anh thoát khỏi ngục lên rừng, không ngờ bắt gặp một cây chuối tiêu có quả to kỳ lạ. Anh ăn một quả tự nhiên đầu mọc nhiều sừng.

Sau đó gặp một cây cam có quả ăn vào thì sừng lại rụng. Anh bèn cải trang mang chuối về dâng vua làm cho cả hoàng gia đều mọc sừng, trong cung rồi rít cả lên. Anh lại đóng bộ thầy thuốc vào chữa, và cũng như các truyện trên, cho bệnh nhân biết chỉ có bày đàn cúng oan hồn chàng rể với những vật của nó thì mới hy vọng lành. Vua chỉ đưa con dao cùn. Anh cho ăn một múi cam, sừng rút ngắn một tí. Anh làm bộ không chữa nổi, bỏ về. Vua cuống quýt mang nốt hai vật kia ra trả, nhưng anh mắng cho vua một trận rồi cười gậy thần mà đi. Vừa xấu hổ, vừa uất ức, vua hộc máu mà chết. Còn anh sau đó lấy được một cô gái khác nết na làm vợ [4].

Người Pháp còn có một truyện *Phor-tuy-na-tuyx* (Fortunatus) xuất bản từ năm 1530, nội dung cũng là một dị bản của các truyện trên:

Một anh chàng phiêu lưu tên Phor-tuy-na-tuyx lạc vào rừng, nhận được của bà Tài thần một cái túi không bao giờ cạn tiền. Sau hăn lại dùng mẹo chiếm được của một ông vua (xuyn-tăng) ở A-léc-xăng-đri một cái mũ có thể chở

đi theo ý muốn. Hắn chết để hai vật quý lại cho con trai Ăm-pê-đô và Ăng-đa-lô-si-a. Người con đi du lịch với cái túi bị A-grip-pin, con gái vua nước Anh biết và chiếm lấy túi. Trở về lấy cái mũ thần của người anh, anh vào lâu đài vua Anh, dùng mũ đưa công chúa đến một nơi hoang vắng ở Hi-béc-ni. Ở đây có những cây táo sai quả. Công chúa đòi ăn, anh gửi mũ để trèo lên cây. Lập tức công chúa ước một mình trở về lâu đài. Ăng-đa-lô-si-a hoảng quá, nhưng họa vô đơn chí, anh ăn táo và đầu mọc hai sừng, đành ngồi than khóc. Một tu sĩ đi qua nghe tiếng khóc, bèn chỉ cho một loại táo khác ăn có thể làm mất sừng. Thế rồi cũng như các truyện trên, anh cũng trảy cả hai loại táo, tìm cách về Luân-đôn bán loại thứ nhất cho công chúa, rồi giả đóng bộ lang y chữa cho rụng sừng trước khi lấy lại các vật quý. Đoạn bảo mũ mang cả mình và công chúa đến một nhà tu kín, rồi bỏ nàng lại đấy mà đi.

Trong văn học phương Tây thời Trung đại cũng có một quyển truyện kể một hoàng tử nhận của cha mình ba vật quý. Anh bị rơi vào bẫy của một cô gái đẹp; cô này đánh hơi biết được giá trị của ba vật bèn tìm cách chiếm đoạt. Cuối cùng hoàng tử bị cô gái phản bội mang đi bỏ trong một sa mạc. Đói quá, anh đi thất thểu, dọc đường thấy có loại quả cây, ăn vào không ngờ bị bệnh hủi. Lại ăn một quả khác thì lành. Khi đến một xứ nọ, anh thử dùng loại quả thứ hai chữa cho một người hủi, được họ coi là bậc đại lang. Về đến thành phố cũ, đại lang y (hoàng tử) được cô gái đón vào nhà chữa bệnh, nhưng cô ta không nhận ra diện mạo của anh. Vị đại lang nói: - "Bệnh này sẽ lành nếu bà biết sám hối những tội lỗi đã phạm trước đây, nếu không tôi cũng bó tay". Cô kia thú nhận. Nhưng ở đây sau khi đã lấy lại ba bảo vật, hoàng tử cho kẻ thù ăn quả cây hóa hủi rồi bỏ đi biệt [5].

Truyện Ấn-độ:

Một ông vua chuẩn bị một chuyến du lịch. Bèn giao ước lại cho quan đầu triều, bảo rằng nếu quá một năm mà mình chưa về, thì y phải giao nước cho

quan thứ hai của triều đình để đi tìm mình. Vua đi đến nơi gặp bốn tên trộm, trộm được bốn vật quý, đang cãi nhau không ai chịu ai. Bốn vật quý là: một gương có thể chặt đầu kẻ thù ở cách xa, một bát sứ chỉ cần ra hiệu là có thức ăn ngon, một tấm thảm có thể hái ra tiền và một cái ngai có thể mang người đi bất cứ đâu. Được chọn làm trọng tài, vua bảo ai lặn xuống nước được lâu hơn thì kẻ ấy chọn lấy cái quý nhất, v.v... Khi họ húp đầu, vua vội cướp lấy tất cả, rồi trèo lên ngai bảo nó đưa mình đến một thành phố xa. Ở đây vua mê một gái đi nổi tiếng đẹp và lấy vàng từ tấm thảm để cung phụng. Ngạc nhiên vì tấm thảm lạ, cô gái sai đầy tớ rình biết được giá trị tấm thảm và các vật khác, bèn dỗ cho vua mang mọi thứ tới, đoạn rủ đi gặp vua nước mình để cùng nhau đi săn. Khi hai ông vừa ra đi thì nàng lấy trộm giấu kín các của quý, đoạn nổi lửa đốt nhà. Từ xa nhìn thấy lửa vua vội chạy về thì đã thấy cô gái làm bộ xòa tóc nằm giữa đất than khóc. Vua hỏi: - "Những vật kia đâu?" - "Không biết". Thế là hết tiền, vua bị gái đi hắt hủi và cũng không có cách nào để trở về nước.

Một năm trôi qua, quan đầu triều bèn bỏ đi tìm vua. Đến một nơi nọ có một cái giếng nước đen sùi sục, một con chồn đến uống nước bị một vài giọt bắn lên đầu nó, tự nhiên nó hóa thành khí. Thấy vậy ông quan bèn múc lấy một bình mang đi. Khi gặp vua, ông đưa cho vua vàng, bảo tìm đến nhà gái đi và đưa mình đi theo giả làm đầy tớ. Trong lúc nói chuyện, quan đầu triều lén nhỏ nước lên đầu cô gái và cô liền hóa khí. Người nữ tì thấy vậy sụp lạy xin làm cho chủ trở lại nguyên hình. - "Phải đưa đây cây gương, bát sứ, tấm thảm mới được". Người nữ tì mang đến, hai người vội trèo lên ngai, chỉ một lúc sau đã trở về nước cũ.

Những truyện dưới đây đều kết hợp một phần với mô-típ truyện *Con chim khách màu nhiệm* (số 153). Ví dụ một truyện khác của Ý (Italia).

Một chàng trẻ tuổi ăn quả tim một con chim màu nhiệm nên mỗi sáng đều nhặt được ở dưới gối một hộp tiền. Trong khi đi du lịch đến một thành phố

nọ, chàng trai nghỉ ở nhà một người đàn bà và cô con gái của bà. Cô gái rất đẹp làm cho anh vui miệng khoe khoang số phận của mình và còn nói toạc cái bí mật của món của cải thu hoạch đều đặn hàng ngày. Mẹ con động lòng tham, bèn cho anh chàng ăn một thứ thuốc làm cho quả tim chim bật ra ngoài để chiếm lấy, đoạn đuổi anh ra khỏi cửa. Nhờ được một bà tiên thương hại cho một chiếc nhẫn thần có phép đưa người đi xa, anh lại trở lại nhà cô gái, không ngờ cô gái cũng lại biết được. Cô đề nghị đi chơi núi. Cuối cùng cô bỏ anh trên núi cao rồi trộm nhẫn thần trở về một mình. Ở đây anh chàng đói bụng cũng tìm ăn, nhưng không phải táo mà là một thứ xà lách, tự nhiên hóa thành lừa. Lừa đi dần xuống chân núi gặm cỏ. Không ngờ ăn phải một thứ cỏ lạ, lại hóa thành người. Anh hái cả hai thứ về, cải trang, rao bán xà lách trước nhà mẹ con cô gái. Cô gái mua xà lách ăn, hóa thành lừa. Anh cũng chữa cho cô lành với điều kiện phải trả lại tất cả các vật quý.

Truyện của người Can-muc (Kalmouks) trong sách *Cái chết màu nhiệm*:

Có hai chàng trẻ tuổi: một người là con vua (khan) và một người là bạn của người kia, bị bắt, sắp bị đem làm mồi cho hai con nhái dữ tợn từng bắt dân địa phương mỗi năm nộp một mạng người. Nghe nói ai ăn được thịt hai con vật ấy sẽ nhả ra vàng và đá quý, hai chàng bèn tìm cách giết chết hai nhái rồi ăn thịt. Đoạn ra đi sau khi nhả ra vô số báu vật. Đến chân một hòn núi nọ hai chàng trọ tại nhà hai mẹ con làm nghề bán rượu. Biết khách có báu vật, mẹ con bèn phục rượu cho say, cướp lấy, rồi đuổi ra khỏi cửa. Hai chàng đi một đoạn đường khá xa, gặp một bọn trẻ đang tranh nhau một cái mũ có phép làm cho người ta tàng hình. Họ bảo chúng: - "Mũ sẽ về tay đứa nào chạy đến đích trước nhất". Chúng nghe lời, nhưng khi chúng chạy, họ cướp lấy mũ, cũng bằng cách ấy họ chiếm được một đôi hia bảy dặm mà hai con quỷ đang tranh nhau. Qua nhiều cuộc phiêu lưu, một hôm họ ghé vào một ngôi đền. Nhìn qua khe cửa thấy người giữ đền đang giăng một tờ giấy rộng rồi quần vào người, quần xong tự nhiên hóa thành lừa. Lại quần

giấy vào lần thứ hai thì trở lại thành người. Họ vào đền lấy trộm cuộn giấy, mang đến nhà mẹ con người bán rượu bảo nếu dùng giấy ấy cuộn vào người sẽ được nhiều vàng. Hám của, mẹ con nghe theo, đều hóa thành lừa cái. Để trừng phạt chúng, họ bắt chúng làm công việc nặng nhọc trong hai ba năm, chờ đến khi hồi lỗi mới cho trở lại nguyên hình. Kết thúc truyện này giống với một truyện của Pháp *Con chim xanh* (xem **Khảo di** truyện số 123, tập III).

Truyện Ả-rập (Arabie):

Một người trẻ tuổi sau khi ăn cổ họng một con chim lạ, bỗng nhiên trở nên có sức khỏe hơn người. Anh đến một nước nọ, ở đây có niềm yết ai thắng công chúa trong một cuộc thi vật sẽ được kết hôn cùng công chúa, nhưng nếu thua thì bị mất đầu. Anh xin đấu. Công chúa (vốn khỏe nổi tiếng, từng làm cho các đối thủ rơi đầu) không thắng nổi anh. Hai bên nghỉ sức đợi mai đấu tiếp. Đoán trong người chàng trai có cái gì lạ, buổi chiều người ta cho anh uống một thứ thuốc mê; khi mê, thầy thuốc cởi áo khám, biết sức khỏe của anh là do cái họng của con chim lạ mà có. Họ bèn dùng phép lấy cái họng ấy ra khỏi dạ dày. Tỉnh dậy thấy mất sức khỏe, anh bèn bỏ trốn. Ở đây cũng có truyện dọc đường anh gặp ba người đang tranh nhau ba vật quý (một tấm thảm bay, một cái bát gọi thức ăn ngon, và một cối xay tay có thể quay ra tiền). Anh bèn ném một hòn đá ra xa, bảo ai nhặt đưa về trước sẽ được làm chủ các vật quý. Thế rồi trong lúc họ chạy, anh ước tấm thảm cho mình lên núi Cáp, rồi lại đưa về chỗ công chúa, đề nghị tiếp tục vật trên tấm thảm của anh. Khi cả hai người bước lên thảm, anh ước cho thảm mang cả hai lên núi Cáp. Thấy vậy công chúa cả sợ, hứa trả họng chim cho anh nếu anh đưa nàng trở về. Tưởng thế là xong, nhưng anh lại để lộ hai vật quý kia làm cho công chúa động lòng tham, bèn bảo anh đưa mình đi dạo chơi. Trong một lúc anh bước chân ra khỏi tấm thảm, lập tức công chúa ước trở về với bố. Thế là mất tất cả mọi thứ, chàng trẻ tuổi chỉ còn biết ngồi mà khóc. Cũng gần giống các truyện trên, trong khi đi thất thủ dọc đường,

anh tìm được hai cây chà là: một màu vàng, ăn quả vào bị mọc sừng; một màu đỏ, ăn vào thì sừng rụng. Anh hái đầy túi mang về, cải trang, rao bán ở cửa lâu. Công chúa ăn mười sáu quả mọc luôn tám sừng. Mọi thầy thuốc đều bó tay. Vua hứa gả công chúa cho kẻ nào chữa lành. Anh chàng tới, bắt đầu cho ăn một quả chà là đỏ, một sừng rụng xuống, tiếp tục mỗi ngày một quả cho đến ngày thứ tám thì được lấy công chúa làm vợ, và nhờ đó chiếm lại mọi vật quý [6].

Một số truyện dưới đây cũng có tình tiết trừng phạt kẻ xấu bằng cách làm cho dài mũi, nhưng không thuộc loại mô-típ trên, chỉ có kết hợp phần nào với mô-típ truyện *Tam và Tứ* (số **149**):

Người Dao có truyện *Quả lúc lắc*:

Có hai anh em nhà kia, người anh chiếm đoạt tất cả tài sản của bố mẹ để lại, lại còn bắt em lao động nặng nhọc. Một hôm người em một mình canh lúa nương, đuổi theo con chim ri ăn lúa, tình cờ leo núi đến một nhà nọ có bảy cô tiên, lại có một quả lúc lắc, khi ước thì có cơm dọn ra. Anh chàng trộm lấy quả quý về nhà nhờ đó ăn uống thỏa thích, lại còn thết đãi bà con làng xóm. Biết em mình nhờ đuổi chim mà được của quý, người anh cũng đi canh lúa đêm và cũng đuổi theo chim ri, nhưng lúc đến nơi không ngờ vì lần trước mất quả lúc lắc nên bảy cô tiên lập tâm rình. Bắt được hẳn, mỗi cô véo mũi một cái, mũi hẳn tự nhiên sưng tấy dài tới rốn. Người anh về cầu cứu em, em lại đi rình ở nhà bảy cô tiên, nghe lỏm được phép chữa lành mũi sưng là gõ quả lúc lắc vào mũi với câu thần chú: "Sống thật thà! Sống thật thà". Nhờ đó anh chàng chữa được cho anh mình lành lặn như cũ, sau khi bắt anh chịu sự nhức nhối của cái mũi sưng trong nhiều ngày để trừng phạt [7].

Người Miến-điện (Myanmar) có truyện *Chàng nghiện rượu và chàng*

nghiện thuốc phiện rất giống chuyện vừa kể:

Có một anh chàng nghiện rượu và một anh chàng nghiện thuốc phiện, bị làng xóm ruồng bỏ thành đôi tri kỷ. Họ đi lang thang bạ đâu ngủ đấy. Một hôm chàng nghiện rượu ngủ quên ở một quán gần bãi tha ma. Đêm lại, có mấy con quỷ vào, nói: - "Có mùi thịt sống". Chúng đi kiểm soát, nhưng anh bắt chước chúng rất khéo. "Một, hai, ba, bốn, một tý không sai", nên chúng không ngờ gì nữa, lại mách cho biết có một hũ vàng dưới chỗ ngồi. Sáng dậy, anh đào lấy đưa về và trở lên giàu có. Chàng nghiện thuốc phiện cũng bắt chước ngủ ở quán, hy vọng được của, nhưng không may, lũ quỷ vì mất của nên lần này để tâm rình. Bắt được anh, chúng kéo mũi dài đến chín thước để trừng phạt. Chàng kia lại đi chơi với lũ quỷ, nhân hỏi cách chữa, quỷ bày cho lấy chày cọ vào mũi thì lành [8].

Việt-nam có truyện *Chàng tẹt mũi* cũng tương tự như hai chuyện trên.

Một người cha sắp chết để lại 30 nén bạc cho hai đứa con trai. Hai anh em rủ nhau đi lập nghiệp. Nhưng người anh cướp lấy tất cả. Người em ngủ trong một cái miếu nghe các vị thần kháo chuyện. Một vị hỏi: - "Cây bưởi ở một làng nọ đang xanh tốt tại sao lại héo?". Đáp: - "Nếu giết được hai con chuột bạch cắn mất rễ thì cây xanh trở lại". - "Có bà già làng nọ có cây dưa mỗi năm ra hai quả bằng vàng, có sao nó cứ héo mòn?". - "Nếu bà ấy chăm sóc con ngựa cẩn thận thì cây lại xanh". Một vị khác lại nói: - "Tôi có cái trống đánh ba tiếng thì có thức ăn". Nói rồi lấy trống ra đánh để dọn cỗ mời nhau chén. Sáng dậy, người em thấy các vị thần đã biến đi đằng nào, bèn lấy cái trống thần rồi tìm đến làng có cây bưởi bày cho dân làng ấy bắt giết hai con chuột bạch, rồi lại đi đến làng có bà già, bày cho bà ta cách cứu chữa cây dưa quý. Bà ta gả con gái cho anh, hai người sống sung sướng.

Khi gặp lại người anh tham lam, người em kể cho nghe câu chuyện của

mình. Người anh cũng tìm đến ngôi miếu cổ. Lúc này các vị thần tỏ ra bức tức và chỉ nói với nhau về những câu chuyện của họ không hiểu sao bị tiết lộ. Tìm thấy anh chàng, họ lôi ra đánh túi bụi, bắt phải trả cái trống thần. Hăn khất sẽ về lấy. Các vị thần bèn kéo dài cái mũi của hăn. Hẹn khi nào trả xong trống sẽ hóa phép làm cho ngắn lại. Nghe chuyện người em lại đến ngôi miếu cổ. Nghe các vị thần bảo nhau nếu dí trống vào mũi, mũi sẽ trở lại nguyên hình. Người em bèn về, dí trống vào mũi anh mình, nhưng ở đây hăn dí quá tay làm cho mũi tẹt lõm vào [9].

Xem thêm các truyện ở **Khảo di** truyện số **149**.

[1]_Theo Lê Doãn Vỹ. *Sách của trẻ nhỏ*, số 8 (1940) và Nguyễn Văn Ngọc, sách đã dẫn.

[2]_Theo *Truyện cổ Hà-sơn-bình*, Ty Thông tin - Văn hóa Hà-sơn-bình, 1977.

[3]_Một dị bản sưu tầm ở Ê-cu-rây (Écoureil) đại khái cũng có ba người đều là lính từ chiến trường về, vào một lâu đài đẹp thấy có cơm dọn sẵn bèn cùng nhau ăn. Ăn xong, họ dạo vườn được một con mèo cho ba vật quý: người thứ nhất được một túi luôn luôn có đầy tiền, người thứ hai được một chiếc đu có thể gọi ra quân lính, người thứ ba được một tấm phiếu có phép mang người đi bất cứ đâu. Sau đó cũng có tình tiết chơi bài với một công chúa. Công chúa vét bàn và lấy làm ngạc nhiên thấy anh thứ nhất không khi nào hết tiền. Bèn làm một cái túi y như thế đánh tráo. Mất cái túi màu nhiệm, anh mượn chiếc đu thần của bạn, cũng mất. Sau nữa mượn tấm phiếu thần mời công chúa đi chơi biển. Tấm phiếu đưa họ ra đảo. Thấy một cây táo có quả, công chúa bảo anh trèo lên hái. Anh trèo, vô tình đánh rơi tấm phiếu. Công chúa nhặt lấy và hô lên để phiếu đưa một mình mình trở về. Anh chàng ở lại hái táo ăn, không ngờ đầu mọc sừng. Anh lại đi lang thang chỗ khác thấy cây lê, hái lê ăn thì những sừng trên đầu lại rụng đi. Anh gặp một bà tiên, bà bảo anh cải trang thành người bán hoa quả, hái quả ấy về bán. Người nữ tỳ mua táo cho công chúa ăn, công chúa mọc sừng. Trong khi thầy thuốc bó tay thì cũng như truyện trên, anh chàng đóng giả lang y, được mời vào lâu đài chữa cho công chúa. Lần đầu, thầy cho uống thuốc nhì nhằng không công hiệu. Thầy bảo: - “Nếu trong lòng có tội lỗi mà không sám hối thì bệnh này rất khó chữa”. Công chúa nói: - “Để mai

tôi sẽ đi xưng tội”. Sáng mai anh đến trước nắp vào chỗ rửa tội, bảo công chúa: - “Có chuyện gì thuộc về lương tâm cứ nói thật thì sùng mới rúng”. - “Tôi có lấy một cái túi quái ác”. Anh đưa cho ăn hai quả lê làm rúng một số sùng. Và cứ thế cho đến khi anh lấy lại được cả ba vật quý. Anh bảo tẩm phiếu mang mình đến nhà các bạn để trả lại. Sau đó cả ba trở lại và họ được kết duyên với các cô công chúa.

[4]. Theo *Truyện cổ Thái*, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà-nội, 1980.

[5]. Trong *Ghe-xta Rô-ma-nô-rum* (*Gesta Romanorum*).

[6]. Đều theo Cô-xanh (Cosquin). *Truyện cổ dân gian miền Lo-ren*, tập I.

[7]. Theo *Truyện cổ Việt-bắc*, tập II, nhà xuất bản Việt-bắc, 1974.

[8]. Theo *Miến-điện dân gian cổ sự*.

[9]. Theo *Cây đàn kỳ diệu*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
166. BỐN CÔ GÁI MUỐN LẤY CHỒNG HOÀNG TỬ

Ngày xưa, có vợ chồng một nhà phú hộ nọ sinh được bốn cô con gái. Lớn lên, cô nào cô ấy nhan sắc sinh đẹp, trong vùng khó có ai sánh kịp. Cha mẹ các cô muốn tìm nơi môn đăng hộ đối để gả chồng, nhưng khi hỏi đến, cả bốn cô đều trả lời: - "Chúng con chỉ muốn lấy chồng hoàng tử". Cha mẹ các cô bảo:

- Chúng mày là con nhà dân, những hạng con vua, cháu chúa trong thiên hạ thiếu gì bạc "quốc sắc thiên hương". Làm sao lại mơ tưởng xa xôi như vậy cho khổ tâm thân.

Song dù khuyên dỗ thế nào, các cô cũng không chịu nghe. Lâu rồi, vợ chồng phú hộ tức mình, bèn cho mỗi cô một nén bạc, bảo đi đâu thì đi cho khuất mắt. Bốn chị em cầm lấy bạc, và rủ nhau lên đường tìm đến kinh kỳ.

Buổi chiều ngày thứ hai, họ đi trên một đoạn đường vắng toàn đồi núi. Đi mãi, mặt trời sắp lặn mà chẳng gặp một ai. Cuối cùng đến một ngã ba đường, họ gặp một bà già. Mừng quá, các cô xúm lại hỏi thăm: - "Thưa bà, nhà bà ở đâu?" Bà già cũng tỏ bộ thân mật: - "Chà các con đi đâu đây?" - "Chúng con tiến kinh, đến đây thì trời tối". Chỉ vào một lùm cây xa xa, bà già nói: - "Nhà già ở trong kia". - "Bà làm ơn cho chúng con nghỉ nhờ một tối, có được không?" - "Nếu các cô không chê nhà già chật hẹp thì xin mời các cô ghé nghỉ. Nào, các cô hãy đi theo tôi".

Không ngần ngại, bốn chị em đi theo bà già, qua một đoạn đường khá dài thì đến một lùm cây, trong có một ngôi nhà nhỏ. Chỉ vào một cái giường, bà già nói: - "Giường đây, các con có thể nằm ở đây, còn già thì ngủ ở trong

buồng kia". Thấy nhà vắng vẻ, các cô lại hỏi: - "Thưa bà, bà ở một mình?" - "Có đưa con gái nó đi vắng mấy ngày nay chưa thấy về".

Vì đi đường mệt, các cô gài trèo lên giường làm một giấc li bì. Chỉ có cô út vì giường chật lại nằm mé ngoài, không ngủ được. Cô bỗng ngửi thấy phảng phất một mùi tanh. Chờ khi nghe tiếng bà già ngáy rống ở trong buồng, cô mới lén dậy tìm khe cửa nhìn vào. Thì ra dưới gầm giường nằm của bà già, đầu lâu và xương trắng vút khắp nơi, ruồi nhặng lao xao, mùi tanh xông ra đến lợm mửa. Đúng đó là nhà một con yêu cái chuyên đi dỗ trẻ về ăn thịt. Thấy bốn cô gái trẻ măng đang cần chỗ nghỉ, yêu ta không còn mừng nào hơn thế, bèn rủ về, chuẩn bị giam họ vào hầm kín chờ con gái về lần lượt bắt chén thịt. Khi thấy rõ tình thế nguy ngập, cô út liền đánh thức các chị dậy, rí tai kể cho nghe mọi việc, rồi nói:

- Đây là nhà yêu tinh, không còn nghi ngờ gì nữa. Vậy nhân lúc nó đang ngủ, chúng ta hãy mau trốn khỏi nơi này, nếu không thì tính mạng chẳng toàn.

Cả mấy chị em lật đật mở cửa rồi ba chân bốn cẳng đi ra khỏi lùm cây. Nhưng đi chẳng được bao lâu, họ biết là mình lạc đường. Loanh quanh một hồi, họ bỗng gặp một ngôi đền. Chị em mệt quá vào ngôi nghỉ một lát. Nhưng rồi lại sợ yêu tinh thức dậy đuổi kịp, nên họ lại hối hả ra đi. Bấy giờ vị thần ở ngôi đền vốn biết bốn chị em là "quý nhân". Nên hiện ra trước mặt họ, ôn tồn hỏi: - "Các con đi đâu thế này?". Bốn cô đáp: - "Chúng con tiến kinh" - "Các con đi đêm khuya mà không sợ ư?" Bốn chị em kể cho nghe câu chuyện gặp yêu tinh và bị lạc đường. Vị thần nói: - "Ta là thần ngôi đền này. Hãy đi với ta, ta sẽ che chở cho đến tận kinh đô". Nói rồi vị thần hóa thành một người cao lớn bảo các cô đi theo, nép vào trong áo tơi của mình.

Đi được một chốc, bốn cô nghe có tiếng rầm rập ở đằng sau. Vị thần bảo:

- Hãy giữ hết sức yên lặng, con yêu đã đuổi kịp chúng ta.

Nói rồi thần bốc các cô lên ngồi trong túi áo mình, cứ hai cô một túi. Một chốc, con yêu đã bước kịp, hỏi:

- Này lão kia, có thấy bốn đứa con gái đi đường này không?

Đáp:

- Có gặp, nhưng chúng đã rẽ về lối kia, lâu rồi.

- Quái lạ, tại sao ta thấy có mùi thịt người?

- Thế thì ta vừa mới ăn xong đấy những thức ăn thừa còn vứt dọc đường kia kìa, mà có đói thì trở lại nhặt mà ăn.

Khi con yêu quay đi, vị thần cứ để nguyên các cô gái trong túi áo mà bước đi vùn vụt. Gà chưa gáy canh năm đã tới cửa ô. Vị thần lại bốc các cô đặt xuống đất và nói:

- Bây giờ đã đến kinh kỳ. Trời cũng sắp sáng. Các con tìm quán mà nghỉ, để ta trở lại.

Vừa bước xuống đất, bốn cô cùng sụp lạy, hết lời cảm ơn cứu mạng. Nhưng khi họ ngẩng lên thì vị thần đã biến mất.

*

* *

- Lại nói chuyện yêu tinh khi quay trở lại, sục sạo tìm mãi không thấy bốn cô gái đâu. Miếng mồi ngon sắp lọt vào miệng lại để trượt mất, nên hăn tức giận tràn hông. Sau đó ít lâu, hăn nghe tin ở kinh kỳ cử hành hôn lễ của hoàng tử lấy một lúc bốn chị em. Không ngờ bốn con mồi của mình lại trở thành vợ hoàng tử, cơn giận của hăn đã lắng xuống giờ lại bùng bùng bốc lên: - "Hừ, ta sẽ tìm cách làm cho chúng nó phải thân tàn ma dại mới hả". Nghĩ vậy, hăn đợi dịp hoàng tử lên ngôi, biết ông vua mới là một tay hiếu sắc, bèn biến con gái mình thành một trang nồn nà tuyệt sắc, rồi một ngày nọ đưa con gái về kinh, trong một đêm bỏ vào ngự uyển, nơi vua thường đi dạo hàng ngày. Trông thấy cô gái đẹp đi lại giữa các luống hoa, nhà vua sững sốt đến mê mẩn. Vua hỏi:

- Nàng ở đâu tới đây?

Đáp:

- Mẹ thiếp đưa thiếp lên thăm kinh kỳ rồi vì mê cảnh quá chân, hai mẹ con lạc nhau. Cuối cùng thiếp vì say hoa, lọt vào chốn này, không biết đây là vườn cấm.

- Nàng có muốn chung sống với ta ở chốn hoàng cung không?

- Trong cung bệ hạ đã có những bà nhận sa cá lặn, thiếp xấu xí, chẳng xứng với bệ hạ.

- Thế mà cứ như ý ta, nàng lại bỏ xa bọn họ. Thôi, hãy theo ta vào cung, nàng muốn gì ta cũng bằng lòng.

Bấy giờ cô gái yêu tinh mới nói toạc ý định của mình.

- Nếu bệ hạ muốn chung chăn gối với thiếp thì trước hết xin hãy đuổi khỏi cung điện tất cả những người vợ cũ của bệ hạ.

Vua đang cơn say đắm, đáp ngay:

- Khó gì việc ấy?

Bèn dắt cô gái đẹp về cung, lại hạ lệnh cho cung nữ lập tức đuổi bốn chị em ra khỏi hoàng thành.

Khi nghe lệnh truyền, bốn chị em tưởng chừng như nghe tiếng sét. Nhưng lời của vua phán, bọn cung nữ không thể không thi hành. Bấy giờ cô út đang có mang. Mặc dầu cô tha thiết kêu nài, nhà vua cũng không thương hại. Bọn cung nữ và thị vệ cứ theo lệnh dẫn họ ra khỏi cửa cung.

Yêu tinh sau khi thi hành kế độc, bấy giờ cũng đang đón chờ họ ở kẻ chợ. Hắn hóa phép thành một cái quán trọ có đủ mọi thứ đồ dùng lịch sự, lại biến mình thành bà chủ quán, chờ khi bốn cô đi lang thang mỏi mệt, mới cất tiếng đón đả chào mời:

- Cửa hàng chúng tôi có chỗ trọ thơm mát, xứng đáng với các bậc quý khách dậm ngải đường xa. Xin mời các bà vào an nghỉ.

Không nghi ngờ gì cả, bốn bà hoàng thất thế đành tạm vào quán nghỉ chân. Khuya lại, yêu tinh lẻn vào buồng nhằm khi họ đang ngủ say mót luôn tám con mắt của họ một cách rất êm thấm. Đoạn, hăn hóa phép làm biến mất quán trọ cùng tất cả mọi thứ đồ dùng, rồi phi thân một mạch về nhà.

*

* *

Sáng mai, bốn chị em tỉnh dậy thấy mình nằm giữa mảnh đất trống, mắt trở lên mù tịt, thì kêu khóc rất thảm thiết. Bụt đang ngồi ở tòa sen chợt nghe tiếng kêu than nức nở bèn lập tức xuống ngay. Bụt hỏi: - "Làm sao các con lại khóc?" Các cô kể cho Bụt nghe về số phận của mình. Nghe xong, Bụt bảo: - "Các con đang gặp nạn lớn. Hãy cố sống để nuôi con, sẽ có ngày tái hợp". Đoạn, Bụt hóa phép làm thành một gian nhà, trong đó có một vạn tiền, một vại gạo, dặn rằng hễ lấy vơi bao nhiêu lại đầy lên bấy nhiêu. Nghe lời Bụt, bốn cô yên lòng ở lại đây.

Cô gái út đủ ngày tháng sinh được một đứa con trai. Thằng bé sồn sồn, chóng lớn. Lên năm tuổi, Bụt đêm đêm hóa thành người đến dạy cho các môn võ nghệ, văn chương. Thằng bé thông minh, khỏe mạnh, học chóng tấn tới. Lên tám tuổi, nó đã tinh thông mọi môn văn võ, lại gan dạ nhanh nhẹn, biết mọi cách ứng đối tiến thoái. Bụt bèn kể cho nó nghe chuyện cũ của mẹ và các dì nó, nào lúc gặp yêu tinh, nào lúc bị vua ruồng đuổi và bị yêu tinh mót mắt. Đoạn cho nó một con ngựa, và bảo:

- Con hãy một mình tìm đến nhà yêu tinh. Con tự xưng là cháu ngoại đến thăm bà. Con hãy đem hết khôn khéo để cho nó không ngờ vực, rồi tìm cách trả thù cho mẹ và các dì con.

Thằng bé ruỗi ngựa theo lời chỉ dẫn của Bụt, tìm được đến nhà mù yêu. Nó xuống ngựa chào rất lễ phép:

- Thưa bà, mẹ cháu là hoàng hậu, cho cháu về thăm bà.

Yêu tinh hỏi thử mấy câu thấy nó đối đáp trôi chảy, tin là cháu ngoại thật, mừng rỡ đón cháu vào. Ở được vài ngày, thằng bé thấy nhiều sự lạ, miệng hỏi không ngớt: - "Thưa bà, cái gậy kia bà dùng làm gì?". Yêu tinh trả lời: - "Ồ, thứ đó quý lắm, nó dùng để chỉ sông sông cạn, chỉ núi núi bằng" - "Thưa bà, cái vìm kia đựng những đôi mắt, bà dùng làm gì vậy?" - "Đó là những con mắt bà lấy được ở bốn chị em nhà nọ, món đồ dưỡng lão của bà đấy". - "Thưa bà, chén nước kia bà dùng làm gì?" - "Nếu ta đổ chén nước ấy vào vìm đựng con mắt thì mắt trở về với chủ cũ của chúng". - "Còn con sư tử kia bà dùng làm gì?" - "Con giống ấy giữ sinh mệnh của bà và của mẹ con. Dầu bà hay mẹ con có bị ai chặt đầu cũng không bao giờ chết được. Nhưng nếu chặt đầu con sư tử thì bà và mẹ con đều chết cả".

Bấy giờ Bụt hóa làm con chuột bạch bò lên mái nhà yêu tinh làm lay động cái chuông con treo trên nóc. Cái chuông ấy ít khi kêu, mỗi khi kêu tức là chúa yêu ở trên rừng thăm gọi bộ hạ đến gặp mình. Vì thế khi nghe tiếng chuông, yêu tinh lật đật bảo cháu:

- Cháu ở nhà đây, bà phải đi có việc, ba ngày nữa mới về. Cháu nhớ giữ gìn mọi thứ cho bà nhé!

Nhưng yêu tinh đâu có ngờ trong khi hăn đi vắng, thì thằng bé đã gom góp mọi thứ bảo bối rồi cưỡi ngựa về kinh. Đến nơi, nó đi thẳng vào cung xin gặp vua. Vua cho vào, nhưng vì không biết nó là ai, bèn hỏi: - "Mày là đứa nào? Đến đây có việc gì?" - "Tâu bệ hạ thần là con trai của bệ hạ, do một

trong bốn chị em trước đây bị bệ hạ ruồng rẫy đẻ ra". Nói rồi thằng bé kể một mạch cho vua nghe tất cả mọi chuyện, từ lúc mẹ và các dì nó bị đuổi ra khỏi hoàng cung cho đến lúc nó đánh lừa con yêu cái năm được tang chứng trong tay. Đoạn nói tiếp: - "Vương phụ từ bỏ những người vợ hiền thực để vui thú với yêu tinh. Hiện nay tính mạng vương phụ như trứng để đầu đẳng...". Vua đáp: - "Bảo hoàng hậu là yêu tinh, việc ấy ta hoàn toàn không tin?". - "Nếu vương phụ không tin thì con đem con sư tử này chặt đầu, sẽ biết hư thực". Bèn chặt con sư tử thành ba khúc. Hoàng hậu đang nằm trong cung tự nhiên ngắt lịm rồi chết luôn. Trong khi đó yêu tinh mẹ đang ở trên động với yêu chúa cũng ngã lăn ra bất tỉnh nhân sự. Bấy giờ vua mới nhận rõ sự thật, bèn sai ném xác hoàng hậu ra ngoài bãi. Thịt của nó rửa nát biến thành ruồi, muỗi và các thứ sâu bọ. Vua bèn theo hoàng tử đi thăm các người vợ cũ. Đúng lúc bước chân vào nhà, hoàng tử cầm chén nước của yêu tinh đổ vào chiếc vịn đựng mắt, thế là những con mắt bỗng dưng như có phép thần, nhảy lên gắn vào hố mắt của bốn người đàn bà. Mẹ hoàng tử và các dì của nó lại nhìn thấy mọi vật và xinh đẹp như xưa [1].

KHẢO DỊ

Dân tộc Thái có truyện *Ú Thêm*, một dị bản gần của truyện trên:

Vua nước Cham-pa có một người vợ vốn là hầu gái trong cung, tên là Pa Bương. Gần nước này hồi ấy có một nước quý gọi là Phi-nhạc, chúng chuyên sống bằng thịt người, lại có nhiều phép biến hóa kỳ lạ. Một hôm có một quý cái biến thành một cô gái đẹp lấy tên là Khăm-ca, tìm đến mê hoặc vua nước Cham-pa. Vua không ngờ nó là quỷ liền lấy làm vợ, dần dần xa

lánh Pa Bương. Khăm-ca được yêu chiều, thường hành hạ Pa Bương, đi đến móc mắt nàng, gói lại định dành gửi về cho mẹ mình. Bị mù, lại đang có thai gần kỳ sinh, Pa Bương lần mò đến sống trong một hang đá, sau đó sinh được một đứa bé đặt tên là Ú Thêm. Nhờ hươu, nai, chim chóc nuôi ăn chóng lớn, chẳng bao lâu Ú Thêm đã biết đào củ hái rau nuôi mẹ.

Một hôm Ú Thêm đào được một giỏ củ mài định đem ra suối rửa, không ngờ lỡ tay đánh rơi, nước cuốn giỏ trôi đi mất. Trong khi lội theo để vớt, chàng lạc đến một cánh đồng rộng chưa từng thấy bao giờ. Bọn trẻ chăn trâu ở đây thấy Ú Thêm là người lạ, bèn thách vật với điều kiện nếu thua thì chúng mất gói cơm, nếu thắng thì Ú Thêm phải đi chăn trâu cho chúng. Kết quả Ú Thêm hạ hết đứa này sang đứa khác. Tiếng đồn đến tai vua. Vua cho gọi về cung, hỏi ra mới biết là con mình. Nhân Khăm-ca không con, vua giữ lại nuôi và sai người đi đón vợ cũ về.

Ú Thêm càng lớn càng khỏe, làm cho Khăm-ca lo sợ, tìm cách giết hại. Một hôm mụ trao cho chàng một bức thư và một gói quà dặn đến quê mẹ mình để học phép giữ nước. Sự thực gói quà đó là đôi mắt của Pa Bương, còn nội dung bức thư dặn bao giờ người đưa thư đến thì bắt mà ăn thịt, còn nếu nếm quà thấy ngon thì cả nước quý kéo nhau sang Cham-pa để chén thỏa thích.

Dọc đường trời tối, Ú Thêm ngủ tại nhà một người tên là thầy Thiêng. Thầy Thiêng hỏi chàng đi đâu, chàng không giấu giếm tí nào cả. Nhưng khi chàng ngủ Thầy Thiêng lục được bức thư mới biết mọi việc. Thấy tính mạng chàng trai sắp nguy đến nơi, Thầy Thiêng bèn viết một bức thư khác đánh tráo vào, trong thư nói: - "Con là Khăm-ca đã lấy được vua Cham-pa để được đứa con này là Ú Thêm, hãy chăm sóc cho cháu cẩn thận và cho nó học phép nữa, hễ thành tài thì cho nó về đánh lấy Cham-pa". Gói quà có hai con mắt, Thầy Thiêng giữ lại thay vào đó bằng gói khác. Ú Thêm sáng dậy cứ thế ra đi, không biết gì cả. Mẹ Khăm-ca đọc thư, tin chàng là cháu ngoại

nên đối đãi tử tế, lại dạy nhiều phép lạ. Ở được ít lâu, Ú Thên mới biết mình lọt vào nước quỷ, mỗi buổi sáng từ vua đến dân kéo nhau đi kiếm ăn, mọi nhà đều vắng ngắt; chiều lại, chúng mới lại lục tục về chia nhau thịt người và súc vật ẩm ỹ, rồi chẳng nấu nướng gì, cứ thế ăn uống nhồm nhoàm. Chàng lại thấy có cái hồ nước luôn sôi sùng sục. Một hôm ở nhà chàng ném chơi một hòn sỏi xuống mặt hồ. Một lát ông bà ngoại và một bọn quỷ hốt hoảng chạy về, dặn cháu không được nghịch như vậy kẻo ông bà ngoại chết mất. Biết tất cả sinh mạng của nước quỷ gửi gắm vào đó, chàng giả vờ vâng dạ cho chúng yên lòng.

Khi học được phép lạ, lại được bà ngoại tặng một cây gươm thần, Ú Thên nhân lúc mọi người đi vắng, bèn dùng gươm chém ngang chém dọc vào nước hồ, mỗi nhát chém, nước sủi nhẹ dần, cho đến cuối cùng nước yên lặng như tờ. Biết là quỷ Phi-nhạc đã chết hết, chàng bèn nhảy lên một con ngựa, ngựa đưa chàng bay vút lên mây, qua nhà Thầy Thiêng, chàng cho ngựa hạ xuống, Thầy Thiêng trao cho chàng cái gói ngày nọ, dặn về nhà gặp mẹ hãy mở. Về đến nhà, Ú Thên mới biết là quỷ cái Khăm-ca đã chết vào lúc mình chém nước hồ. Gặp mẹ, chàng vừa mở gói ra, thì hai con mắt trong gói tự nhiên bay lên sáng long lanh và lọt gọn vào hố mắt của mẹ. Pa Bương hết mù từ đó và đẹp hơn xưa [2].

Đồng bào Vân-kiều có truyện *Xóc cà tục* gần với truyện của ta hơn:

Một con quỷ (Xóc cà tục) hóa làm một đứa bé để cho một cặp chị em đưa mình về nuôi; quỷ ta chỉ chờ dịp ăn thịt cả hai. Nhưng về sau, hai chị em biết được, bèn bỏ trốn rất xa, tìm đến làm vợ một tù trưởng (a-nha) và sinh được mỗi người một đứa con trai. Mất mối, quỷ cất công đi tìm. Tìm được đến nơi, quỷ bèn hóa làm một cô gái đẹp làm cho tù trưởng mê mẩn, sau đó cưới nó làm vợ mà lãng quên hai người vợ cũ. Chờ lúc tù trưởng đi vắng, quỷ ta lại hiện hình, móc mắt hai chị em. Tù trưởng về thấy vậy đã không thương, còn đánh và đuổi họ vào rừng, may nhờ có hai đứa con đi kiếm

thức ăn về nuôi. Một hôm hai đứa xin phép mẹ đi xa, dọc đường gặp một ông già chỉ cho các thứ cây thuốc đem về chữa lành mắt hai người mẹ. Nghe hai mẹ kể chuyện cũ, hai chàng vội đi tìm Xóc cà tức để báo thù. Cuối cùng hai chàng tìm đến nhà bố A-nha giết được con quỷ đang hiện hình, chỉ cho bố biết, rồi đưa bố đi đón hai người vợ cũ, mẹ của họ [3].

Người Thái-lan cũng có một truyện gần với truyện *Xóc cà tức*, nhưng ở đây vợ cũ của vua không phải hai mà đến những mười hai nàng công chúa chị em ruột. Một bà chẳng (y-ắc) hóa thành một cô gái đẹp làm cho vua hết sức mê mẩn, lấy nó làm vợ yêu. Muốn đuổi những người vợ vũ của vua, bà chẳng giả làm bộ lên một cơn bệnh giữ dôi. Vua đến thăm, nó bảo phải có mắt của mười hai người để cùng một mẹ thì mới lành. Vua đang lúc say mê, bèn sai móc mắt những người vợ cũ của mình cho bà chẳng, vì chỉ có trường hợp ấy mới đủ số mắt của mười hai chị em ruột. Kết thúc câu chuyện cũng có một chú bé con công chúa út, nhờ sức khỏe và tài trí tiêu diệt được bà chẳng, đưa mẹ và các dì về với địa vị cũ và với cặp mắt lành lặn như xưa.

Truyện *Con ốc vàng* của người Lào cũng là một dị bản của các truyện trên, nhưng ở đây có thêm nhiều tình tiết khác:

Vua nước Xa-vi-môn tuổi già mà không có con nối dõi, ra lệnh cho cung tần ai đẻ được con trai sẽ phong làm hoàng hậu. Một cung nữ là Chăn-thê-vi có mang, nhưng khi sinh thì không phải người mà là một con ốc. Tuy vậy, hoàng hậu cũng sợ mất địa vị nên giấu kín không cho vua biết việc này, và xúi vua đuổi Chăn-thê-vi ra khỏi thành. Không ngờ từ vỏ ốc lại bí mật hiện ra một chàng trai (như truyện *Nàng tiên trong vỏ ốc*, **Khảo dị** truyện số 117, tập III) có phép lạ và sau đó Xăng Thoong - tên chàng trai - ở với mẹ sau khi vỏ ốc bị đập vỡ. Nổi vui mừng của Chăn-thê-vi không lâu vì nhà vua cho là ma quỷ, sai đao phủ ném Xăng Thoong xuống sông. Vua Thủy cứu chàng, nhưng lại giao cho một nàng hầu, vốn là quỷ đội lốt

người, nuôi. Quý chưa kịp ăn thịt thì một hôm Xăng Thoong tình cờ lọt vào buồng lúc quý đi vắng. Chàng thấy được mọi bí mật và mọi báu vật của nó. Sau đó, nhằm một hôm quý không có nhà, chàng vào múc nước vàng trong chum tắm, toàn thân bỗng sáng ngời như pho tượng, lại mặc quần áo, đi giày, cầm kích, người bỗng trở lên cao lớn và bay được. Quý về biết vậy đuổi theo, nhưng không kịp nữa rồi, nó chỉ còn trèo núi vẽ những đạo bùa, rồi đập đầu vào đá mà chết. Xăng Thoong là người biết ý nghĩa của những đạo bùa ấy, trở thành có tài phép thần thông, nhưng vì không muốn khoe mẽ, nên chỉ biến thành một chàng trai xấu xí bán thiêu lấy tên là Chậu Ngọ.

Đến đây truyện có thêm tình tiết: công chúa thứ bảy của vua Xa-vi-môn kén chồng, nhưng lại từ chối tất cả mọi chàng trai, mà chỉ ưng có một Chậu Ngọ. Vua nổi giận đùng đùng, đuổi cả hai ra khỏi kinh thành. Sau đó vua lại buộc bảy chàng rể (trong đó có Chậu Ngọ) dự cuộc đi săn thú, rồi câu cá. Chậu Ngọ lần nào cũng thắng cuộc và lần nào cũng chia cho họ một ít với điều kiện hoặc cắt mũi hoặc cắt tai. Về sau nước nhà có giặc, các chàng rể kia không dám xông trận, chỉ có Chậu Ngọ tiến đến đâu giặc tan đến đấy. Đại thắng trở về, chàng mới biến trở lại thành Xăng Thoong trước sự hoan hỷ của mọi người. Bấy giờ chàng mới cùng vợ đi tìm mẹ (Chăn-thê-vi) đưa về cho vua cha để lên ngôi hoàng hậu [4].

Truyện của người Băng-la-đex (Bangladesh) cũng có một số tình tiết giống với truyện của người Lào:

Một cô em trong bảy chị em nói rằng mình sẽ đẻ một đứa con kỳ lạ. Nghe thế, vua lấy cô làm vợ. Người vợ cũ của vua ghen, bèn lấy một cục đá thế vào đứa con trai lúc cô này sinh, rồi vứt em lên núi. Nhưng đứa bé được các con vật nuôi nấng, sau đó lại được một con ngựa thần bảo hộ. Nhờ ngựa thần chỉ bảo, hoàng tử biến mình thành một người xấu xí, vào làm đầy tớ trong cung. Tuy vậy, anh cũng làm cho nàng công chúa trẻ nhất mê mẩn, lấy anh làm chồng, nhưng thường bị những người anh rể chế giễu. Như

truyện của Lào, một hôm anh cùng họ đi săn thi, họ không được gì cả, còn anh thì được rất nhiều con thịt. Anh nhường cho họ một ít với điều kiện phải đóng dấu sắt nung vào người. Rồi cũng nhờ ngựa giúp, anh biến trở lại thành chàng trai đẹp trước đây, khiến công chúa vợ anh lại càng yêu hơn nữa. Một hôm, nhân để báo thù mấy người anh rể, anh vạch những dấu hiệu trong người chúng cho mọi người thấy. Nhờ ngựa chỉ dẫn, cuối cùng anh làm cho bố biết mình là ai và buộc vua về với mẹ.

Những truyện dưới đây tuy hình tượng đã xa dần với các truyện trên, nhưng có phần chắc đều là những dị bản xa gần của chúng. Lược kể ở đây mỗi thứ một vài truyện tiêu biểu.

Trước hết, một số truyện gần mô-típ của truyện *Tấm Cám* với chủ đề dì ghẻ đánh tráo con mình thay cho con chồng là vợ vua (hoặc em âm mưu hại chị để cướp tình yêu) với hình ảnh nổi bật: móc mắt. (Xem thêm **Khảo dị**, truyện số 153, truyện của Pháp: *Cô Ma-ri ở túp lều trong rừng*).

Một truyện khác của Pháp là *Con nai cái trắng*:

Một ông vua muốn lấy vợ không biết chọn ai giữa hai cô gái đẹp. Cuối cùng vua cũng thành hôn với một cô. Ít lâu sau, hoàng hậu đẻ được một đứa con trai. Trong khi vua đi vắng, cô kia vốn có phép phù thủy, bèn nhân dịp đến thăm biến hoàng hậu thành một con nai trắng, còn mình thì thay vào hoàng hậu. Người bị phép phù thủy hể sau ba ngày mà không có ai giải phép thì sẽ thành nai suốt đời. Cô hầu hoàng hậu có biết việc này, nhưng vì sợ quá, không dám hé răng.

Ngày hôm sau vua về. Vào buồng hoàng hậu, vua không nghi ngờ gì cả, bèn hỏi thăm sức khỏe. Hoàng hậu giả đáp: - "Sức khỏe của thiếp hiện nay rất xấu, nếu không được ăn thịt nai cái trắng thì mai sẽ chết". Vua bèn tổ

chức một cuộc săn đuổi, nhưng con nai (hoàng hậu) trốn được. Tối lại, nai về đập cửa, cô hầu mở cửa thấy nai biết là chủ của mình. Thấy con trai mình, nai nói: - "Con ôi, chỉ còn hai đêm nữa, nếu cha con không giải phép được thì mẹ suốt đời cứ là nai". Cô hầu không nói gì. Ngày mai vua lại đến thăm, hoàng hậu giả lại rên rỉ như hôm qua. Vua lại đi săn, vẫn không được nai. Tối đến, nai lại tìm về, lần này cô hầu kể tất cả cho vua nghe. Ngày hôm sau, vua cũng giả tảng đi săn, chiều về nấp ở góc buồng. Khi nai đến, vua nhảy ra ôm lấy, nai hóa thành người. Vua đủ chứng cứ trị tội mụ phù thủy [5].

Một truyện tương đối phổ biến ở châu Âu:

Một người đàn ông góa vợ có chín người con trai và một cô gái xinh đẹp. Ông ta lấy một người vợ kế có một con riêng. Hàng ngày những đứa con trai có phận sự phải đi tuần xung quanh lâu đài nhà vua. Một hôm chúng nói với vua rằng mình có một người em gái mỗi lần rửa tay rơi ra vàng và bạc, mỗi lần chải tóc thì rơi ra lúa mì và lúa mạch. Vua phán: - "Đưa đến đây cho ta, ta sẽ cưới nàng làm vợ. Nếu không đúng như thế ta sẽ treo cổ chúng mày". Ngày mai họ chở em gái và cả mẹ con dì ghẻ lên xe. Dọc đường họ bảo dì trông chừng hộ em mình để họ còn bận đi vắng một lát. Cô gái không được biết chuyện này. Bèn hỏi dì các anh cô dặn gì. Mụ dì đáp: - "Các anh con bảo dì móc một con mắt của con đưa cho con gái ta". Nói rồi làm ngay. Sau đó mụ cho xe chạy, lại móc luôn con mắt thứ hai, rồi đẩy cô gái xuống bùn. Khi chín chàng trai đến cung vua thì ngạc nhiên không thấy em gái, chỉ có con gái mụ dì ghẻ. Vua thử thấy không đúng, bèn sai treo cổ chín chàng trai và lấy cô gái con mụ dì làm vợ.

Trong vũng bùn, cô gái khóc lóc thảm thiết. Một người đi qua thấy vậy đưa cô về nhà. Ít ngày sau, cô rửa tay ra vàng ra bạc, lại làm một đồ vật với vàng của mình, bảo người vợ chủ nhà đem đi bán ở cửa nhà thờ, và dặn: - "Nếu vợ vua hỏi mua thì bán và chỉ đòi đổi một con mắt". Người vợ chủ

nhà bán được và đưa mắt về. Mấy ngày sau, cô lại làm một cuộn chỉ vàng. Cũng thế, người vợ chủ nhà đổi được con mắt thứ hai. Bỏ mắt vào hồ mắt, cô gái lại lành như xưa.

Sau đó cô gái từ giã chủ nhà ra đi, mang theo một con chó cái. Cô tìm đến cung vua, tự xưng mình là em của chín chàng trai bị treo cổ. Vua thấy nàng làm rơi ra vàng bạc, lúa mì, lúa mạch thì hồi hận. Tìm lại mục dì, vua hỏi: - "Một người mà giết chín người trai một người gái thì nên xử thế nào?" Mục dì đáp: - "Nên bỏ vào vạc dầu và muối". Lập tức mục ta bị bỏ vào vạc dầu và muối, còn con gái mục bị thay đổi địa vị làm người rửa bát. Vua lấy cô gái kia làm vợ.

Truyện của Ấn-độ gần Bom-bay (Bombay):

Bắp Kha-đi - cô út trong bảy chị em - sau những ngày phiêu lưu (gần giống với Tấm, cũng có tình tiết mất giày trong ngày hội) trở thành vợ một ông vua. Trong khi vua đi xa vắng nhà, cô đẻ liên tiếp hai con trai và một gái có nhiều dấu kỳ lạ trên người. Các cô chị vốn ghen tỵ sẵn, nay thấy thế, bèn bắt những đứa trẻ chôn sống mà thay vào đó những vật như đá, chồi, v.v... Vua về thấy vợ đẻ ra đồ vật, sai giam lại và lấy sáu người chị làm vợ. Một vị thần linh tối cao cứu những đứa con cô út, bảo chúng đi khắp nơi ăn xin để sống. Một hôm chúng đến lâu vua. Khi sáu người vợ vua định cho chúng ăn thì chúng từ chối. Thấy vua tỏ ý lấy làm lạ, chúng nói: - "Bệ hạ hãy thả người vợ thứ bảy đang bị giam ra. Hãy đặt bảy bức màn giữa bà ấy với chúng tôi và nhìn xem thế nào thì biết". Vua làm theo. Tự nhiên thấy từ vú Bắp Kha-đi chảy ra ba tia sữa, chui qua bảy bức màn và lọt vào miệng mấy đứa bé. Sáu cô chị khi vua tra hỏi đành phải thú thật.

Một truyện khác của Ấn-độ từng được Pháp Hiền ghi lại từ thế kỷ thứ III có hình tượng giống truyện trên:

Hoàng hậu Vai-xa-li đẻ ra một cục thịt (hay một hoa sen) trong có một ngàn đứa con. Vì ghen tuông, một (hay nhiều) bà vợ khác của vua bỏ cục thịt vào thùng ném xuống sông Hằng. Một ông vua khác thấy thùng trôi, sai vớt lên, mở ra thấy một ngàn đứa bé còn sống, bèn ra công nuôi. Lớn lên, chúng được phái đi đánh thành Vai-xa-li, không biết đó là nước của bố mẹ chúng. Để giải vây, hoàng hậu mẹ của chúng bèn đứng trên tháp cao nói với chúng rằng mình là mẹ. Đoạn, để chứng minh, bà ta dùng tay ép vú mình, một ngàn tia sữa vọt ra, mỗi tia chui vào miệng của mỗi đứa.

Mô-típ này có nhiều dị bản ở nhiều dân tộc mà Cô-xcanh (Cosquin) từng sưu tập trong quyển *Sữa bà mẹ và cái thùng trôi* (truyền thuyết cổ tích và huyền thoại so sánh nhân một truyền thuyết lịch sử đạo Hồi ở Ja-va (Java)) [6].

Truyện của dân đảo Xê-lep (Célèbe):

Một nàng công chúa nói với người chị rằng mình sẽ đẻ 99 đứa con trai và 1 con gái. Cũng như một vài truyện trên, một ông vua nghe được, bèn lấy nàng làm vợ. Lúc có mang vua lại đi vắng. Sắp đẻ thì cô chị ghen tuông có âm mưu sẵn, bèn bày cho em nút tai bằng nhựa, gấn mắt bằng sáp. Công chúa đẻ ra một lúc 99 con trai và 1 con gái, mỗi đứa chỉ bằng con mối. Cô chị bỏ chúng vào một cái vò đem bỏ lên rừng, và nói dối là em đã sinh ra những cái đinh và những đồ vật vô giá trị khác chỉ đáng vứt bỏ. Lúc về nghe tin ấy, vua bèn sai người đưa vợ mình vào rừng chôn sống, chỉ chừa có cái đầu. Một vị thần giúp cho nàng sống. Còn những đứa con thì được một ông già nhặt về nuôi. Khi chúng biết làm việc, chúng bèn giúp ông làm ruộng. Một lần chúng làm cho em gái mình một con ngựa gỗ. Cô cười lên ngựa cầu nguyện ít câu, tự nhiên ngựa gỗ biết đi, cuối cùng ngựa dẫn cô đến chỗ người đàn bà bị chôn, cô đào lên dẫn về cho các anh, bấy giờ họ

mới biết đó là mẹ. Càng lớn cô gái càng đẹp, cô nổi tiếng về nhan sắc, về tài trí và phúc đức. Trong thời gian ấy thì vua lấy cô chị của vợ, khi nghe tiếng đồn về cô gái lạ, bèn cất công đi tìm. Gặp cô, được nghe kể câu chuyện 99 chàng trai và 1 cô gái do một người đàn bà đẻ ra, vua mới biết là bị lừa. Vua muốn gặp vợ cũ ngay, nhưng bị cô gái ngăn cản. Mãi về sau, cô cũng cho gặp để mẹ mình tự quyết định lấy, nhưng cô buộc bố phải giáng người chị của mẹ thành nữ nô.

Truyện của người Xla-vơ (Slaves) lưu hành ở Nga và Phần-lan (Finlande):

Có ba nàng công chúa cùng nhau trò chuyện, tự bảo mình nếu trở thành vợ vua I-văng thì sẽ đẻ con như thế nào. - "Tôi sẽ đẻ chín đứa thần đồng", cô út là Mác-pha đáp. Vua nghe lỏm được, bèn lấy cô út làm vợ. Một hôm vua đi săn vắng, vợ vua đẻ ra ba đứa con trai có phép thần. Một mẹ phù thủy (ba-ba i-ya-ga) vào làm bà mẹ, thay vào ba con chó con, rồi vớt mấy đứa bé lên rừng gần một cây sên. Việc này diễn lại hai lần nữa, cũng thế. Đến lần cuối cùng, người mẹ giấu được một đứa con mình vào ống tay áo trước khi người ta tới. Vua hai lần trước kiên nhẫn chờ xem, đến lần thứ ba thì thất vọng, bèn sai bỏ vợ vào thùng quăng xuống biển. Thùng trôi vào bờ, đứa bé lớn phồng lên từng giờ một, làm vỡ thùng. Nó cầu thần cho xuất hiện một thành phố có lâu đài, vườn tược, v.v... Mọi việc đều được như nguyện, hai mẹ con sống đầy đủ tại đây. Một hôm có bọn ăn mày đi qua được Mác-pha tiếp đãi tử tế. Gặp vua I-văng, chúng kể mọi chuyện cho vua hay. Trong khi vua tỏ ra chú ý lắng nghe thì mẹ phù thủy - có con gái lấy I-văng sau khi đuổi vợ cũ - nói: - "Đó là một sự lạ, nhưng tôi còn thấy có sự lạ hơn thế: có tám đứa thần đồng ở trong một rừng cây nọ gần cây sên". Bọn ăn mày khi trở lại, lại kể chuyện này với Mác-pha. Mác-pha bảo con: - "Đó là những đứa anh của con do mẹ đẻ ra đấy!". Người con chuẩn bị hành trang đi tìm. Mác-pha bèn làm cho nó nhiều bánh nướng nhồi với sữa của mình. Thằng bé tìm thấy các anh nó trong một cái hang. Đưa bánh cho ăn, các anh nó nhận ra mùi sữa của mẹ. Bèn dẫn nhau về. Bọn ăn mày lại về

nói với vua rằng ở lâu đài lúc này lại có thêm tám đứa trẻ thần đồng. Vua sai người đi theo chúng tìm về, cuối cùng nhận ra vợ con [7].

Truyện Pháp: *Con chim nói sự thật*:

Một ông vua bận đi đánh giặc, vợ ở nhà có mang. Hoàng thái hậu vốn không ưa con dâu. Hoàng hậu đẻ được 2 con: một trai một gái, nhưng hoàng thái hậu viết thư cho vua chỉ đẻ một chó một mèo. Viết thư trả lời, vua bảo: - "Hãy ném chúng xuống biển". Vâng lệnh vua, người ta làm theo sau khi bỏ hai đứa bé vào một cái thùng. Một người lái buôn và vợ đi bán hàng qua đó vớt chiếc thùng trôi và nuôi hai đứa bé. Chúng có phép lạ: mỗi ngày ở thẳng bé tự nhiên xuất hiện 50 đồng ê-cu, còn ở cô gái thì một ngôi sao bằng vàng trên ngực. Một hôm thằng bé đi học với con người lái buôn, nhân xin nó một ít bánh. Con người lái buôn bảo: - "Mày đâu phải là em tao, mày là con hoang" - "Nếu thế thì tao phải đi tìm bố mẹ", thằng bé đáp. Nói rồi nó dắt em gái ra đi, bố mẹ nuôi giữ thế nào cũng không được. Phiêu lưu nhiều ngày, đến lâu đài nhà vua, chúng nó tiến vào xin việc làm. Người ta cho đứa anh làm việc giữ ngựa, còn em thì rửa bát. Thấy chúng, hoàng thái hậu mắng: - "Chúng nó bẩn lắm, đuổi cổ đi thôi!" Rồi nói với vua rằng thằng bé khoe nó biết chỗ có nước biết nhảy, vậy hãy sai nó đi tìm. Vua cho gọi đến, bảo phải tìm cho được nếu không sẽ thiêu sống. Thằng bé đi đường gặp một bà tiên, bà hỏi: - "Đi đâu đấy hoàng tử?" - "Tôi đâu phải con vua, mẹ vua bảo tôi đi tìm nước biết nhảy" - "Cho gì ta, ta sẽ chỉ cho" - "50 ê-cu". Bà tiên bèn chỉ cho nó lấy một chai nước mang về. Ngày hôm sau hoàng thái hậu lại nói với vua bắt thằng bé đi tìm hoa hồng biết hát. Cũng như lần trước, nhờ bà tiên nó tìm được đưa về. Sau đó mẹ lại bắt cô gái đi tìm con chim nói sự thật. Bà tiên lại chỉ cho cô bé để đổi lấy ngôi sao bằng vàng của cô, nhưng vì cô bé không chú ý đến lời dặn của bà tiên nên bị hóa đá. Không thấy em về, người anh xin đi tìm. Bà tiên chỉ chỗ tìm chim và ngoài việc dặn dò anh để khỏi hóa đá, còn chỉ bảo cách cho chim mổ vào đầu em, em sẽ sống lại. Khi mang được chim về vua mở tiệc lớn đã

các lãnh chúa. Trong bữa tiệc, vua bảo chim nói, chim đáp: - "Sự thật mà tôi nói ra đây sẽ làm cho một vài vị hổ thẹn" - "Cứ nói", vua phán. Chim bèn kể chuyện mẹ vua viết thư nói dối rằng dâu đẻ ra chó và mèo để nhử tâm vùi hai đứa cháu xuống biển. Rồi chim chỉ vào hai đứa bé: - "Đây là hai đứa con của nhà vua". Nghe xong, vua sai ném hoàng thái hậu vào vạc dầu.

Truyện của Tây-tạng:

Có hai nữ tỳ của một công chúa đang thèm khát cuộc sống sung sướng. Một hôm chúng rủ công chúa đi chơi trên bờ sông. Công chúa mang theo một cái chậu bằng vàng, còn chúng thì chậu đồng. Họ bảo công chúa cùng mình ném chậu xuống nước để xem chậu nào giá trị. Chậu vàng chìm còn chậu đồng thì nổi, chúng nói: như vậy là công chúa không thể về cung được nữa rồi, về thì vua cha sẽ không tha. Công chúa bảo một đứa về xem thử thái độ của bố đối với mình ra sao. Vua tha cho, nhưng khi gặp công chúa, nữ tỳ nói ngược lại. Cả ba cô bèn ngồi lên một ngựa ra đi. Được tám ngày đến kinh đô một nước khác, gặp ông vua nước ấy đang đi chơi ở ngoại ô. Hai nữ tỳ tự xưng chính mình là công chúa đang muốn kén hoàng tử. Vua hỏi: - "Các người biết là gì?" Nữ tỳ thứ nhất đáp: - "Một năm giẻ có thể làm thành áo quần của một trăm người". Nữ tỳ thứ hai đáp: - "Một năm gạo có thể làm no một trăm người". Công chúa khiêm tốn không nói gì cả. Thấy vua giục mãi, cuối cùng công chúa đáp: - "Nhờ phép Phật, tôi sẽ đẻ một đứa con trai ngực vàng, bụng xà cừ, chân ngọc". Nghe nói, vua lấy làm thích bèn đưa công chúa về cung phong làm hoàng hậu, còn hai người kia là nữ tỳ. Bỏ tất nhập vào người công chúa sau chín tháng đẻ được một trai như nguyện, nhưng hai nữ tỳ ghen tỵ, đem chôn đứa bé ở thềm, rồi bảo công chúa không đẻ ra người mà chỉ đẻ ra cái nhau. Công chúa bị đuổi, vua lấy hai nữ tỳ làm vợ. Từ đó mỗi khi vua đi qua thềm thấy có bàn tay vô hình kéo chéo áo. Hai nữ tỳ biết chuyện này, đi tìm thấy đứa trẻ, bèn bắt giấu vào lỗ tường ở trên cung. Mỗi lần vua đi qua, lại thấy có ai kéo tóc.

Chúng lại bắt đầu đưa trẻ ở dưới ngai vua. Cũng vậy. Lại giấu dưới máng chuồng ngựa. Ngựa không dám đến ăn cỏ. Khi vua muốn tìm lý do vì sao như thế thì chúng đem chôn đứa bé dưới bãi cỏ. Ở đây mọc lên một cây có ba màu. Người ta kể cho vua nghe về cái cây lạ lùng này. Trước khi vua đến xem cây thì cây đã bị cừu ăn mất. Vua tìm khắp nơi không thấy, lấy làm ngờ, hỏi hoàng hậu bị đuổi thì bà này quả quyết là mình đã đẻ được đứa con lạ. Sau đó một hôm, một con cừu đẻ được bốn con khác thường. Người chăn cừu hỏi rằng nên đem nộp cho vua hay giữ lại. Cừu bảo anh mai đến sẽ cho biết. Sáng mai anh đến, cừu bảo anh nhắm mắt lại một lúc lâu, khi nó bảo anh mở mắt thì anh đã thấy một tòa lâu đài hiện ra rất nguy nga, xung quanh có vườn đẹp. Cừu giảng cho nghe về đạo Phật rồi hóa thành một đứa trẻ ăn mày đi thẳng đến cung vua, gõ cửa. Vua mở cửa hỏi nó là ai. Nó kể lai lịch của mẹ mình. Nghe nói, hai hoàng hậu nổi giận, thì nó liền biến đi. Trở về với người chăn cừu, đứa bé sai anh đi tìm vua, mời vua và mọi người tới dự hội ở lâu đài mới. Trong buổi hội, đứa bé kể cho vua biết mọi chuyện và nói nguyên do chỉ là vì quỷ ngự trị thế gian. Lập tức vua tái hợp với hoàng hậu cũ [8].

Xem thêm truyện của người Xắc-xông (Saxons) ở Tơ-răng-xin-van-ni (Transynvanie) (**Khảo dị** truyện số **153**) cũng có hình tượng đứa bé con đẻ của hoàng hậu trước bị hãm hại, rồi mấy lần tái sinh, sau mấy lần bị ám hại nữa, cho đến lúc em gặp được vua cha trình bày sự thật, giành lại địa vị cho mẹ đẻ.

Người Lào còn có truyện *Bốn cây phượng* cũng cùng một mô-típ:

Xưa có một ông vua tên là Si-vít có hai vợ. Một hôm vua bận đi săn voi dữ, ở nhà hoàng hậu là Ma-hê-si đẻ một lúc bốn đứa con trai. Người vợ hai của vua vì ghen tị, nhân phép che mắt cho Ma-hê-si lúc sinh, bèn bắt bốn đứa trẻ bỏ lên bè thả sông, rồi thay vào bốn con chó con. Vua về thấy chó, nổi giận đuổi hoàng hậu ra khỏi cung, bốn đứa bé may mắn gặp một bà làm

vườn đem về nuôi. Nhưng hoàng hậu độc ác nghe tin bốn hoàng tử còn sống, lại sai đầy tớ lén đánh thuốc độc giết chết. Ở bốn ngôi mộ của bốn đứa trẻ mọc lên bốn cây phượng vĩ. Hoàng hậu lại sai lính đến chặt cây vứt xuống sông. Một chú tiểu thấy dính ở tay không phải nhựa cây mà là máu. Bèn về kể chuyện với một nhà sư tiên tri. Ông này biết có bốn vị thánh trên trời xuống nhập vào cây, bèn dùng nước thánh vẩy vào: bốn cây phượng biến thành bốn chàng trai đẹp thông minh. Họ ở lại cùng nhà sư học tập võ nghệ và đọc kinh. Sau đó họ xin phép đi tìm bố. Đến một vương quốc, họ biết vua Si-vít là cha mình, nhưng vua thì lại không biết. Vua sai một toán lính bắt bốn chàng, nhưng bốn chàng chống lại kịch liệt làm cho chúng thua chạy. Vua giận quá, tự mình cầm quân đi đánh. Những mũi tên của vua bắn ra lại hóa thành bánh ngọt, trong khi đó những mũi tên của họ hóa thành hoa. Vua mới hiểu đó là con mình, bèn đón họ vào cung, bảo họ đi tìm mẹ trở về, đồng thời vua đuổi cổ hoàng hậu độc ác [9].

Một số dị bản khác còn kết hợp với mô-típ truyện *Người thợ săn và mục chẳng* có hình tượng nổi bật ném bảo bối thành núi hoặc thành sông nhằm cản chân mục chẳng đuổi theo. Xem thêm truyện *Cục thịt* của Miến-điện (Myanmar), **Khảo dị** truyện số 137.

-
- [1]_Theo “Lời kể của người đáp cầu” trong *Tạp chí Đông-dương* (1904).
- [2]_Theo lời kể của đồng bào Thái, Thanh-hóa. *Kể chuyện đời xưa*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà-nội, 1975. Trong *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập II đã dẫn, có truyện *Ú Thần và Phi-nhạc* là một dị bản, nhưng một số tình tiết hơi khác với truyện trên.
- [3]_Theo Mai Văn Tân, *Truyện cổ Vân-kiều*, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà-nội, 1974.
- [4]_Theo Hoàng Lâm, Xu-văn-thon, sách đã dẫn.
- [5]_Theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn, tập II.
- [6]_Xuất bản tại Pa-ri, 1908.
- [7]_Một dị bản của truyện này kể như sau: đứa bé sau khi ra khỏi thùng nhặt được một cái túi trong có máy lửa và súng đá (hay một cái còi) đều có phép cầu được ước thấy. Con gái mù phù thủy (trở thành hoàng hậu) để cho vua khỏi chú ý về những câu chuyện do bọn ăn mày kể, bèn khoe với vua rằng mẹ nó có một cái gương soi có thể tìm thấy mọi vật trên thế gian. Sau khi nghe bọn ăn mày đến kể lại chuyện này, đứa bé bèn sai người rèn một cây gậy sắt, rồi cầm gậy tìm đến nhà mù phù thủy, và sau một trận chiến đấu giữ dội, đã chiến thắng, buộc mù phải đưa cho mình cái gương; nhờ gương này mà nó tìm ra được tám người anh bị mù biến thành bồ câu (hay chó sói). Cả nhà lại đoàn tụ (Trở lên theo Cô-xcanh (Cosquin): *Sửa bà mẹ và cái thùng trôi*, đã dẫn)).
- [8]_Đều theo Huy-ê (Huet), *Truyện kể về các chị em ghen tuông*, tạp chí *Dân tộc và xã hội học* (1910 - 1911).
- [9]_1. Theo Gu-i-nô (Gouineau) trong *Pháp Á tạp chí*, số 118 - 120 (1956).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
167. ÔNG DÀI ÔNG CỘC
HAY LÀ SỰ TÍCH THẦN SÔNG KỲ-CÙNG

Ngày xưa, ở vùng sông Tranh thuộc về tỉnh Đông có hai vợ chồng một nhà nọ, gia tư cũng vào hạng khá, nhưng tuổi già mà chưa có con. Thường ngày họ cầu trời có một đứa con cho vui tuổi già. Một hôm, trong khi ra đồng phát ruộng, người chồng nhặt được hai quả trứng to bằng nắm tay, bèn đưa cho vợ xem. Xem xong, chồng định vứt đi, nhưng người vợ ngăn lại: - "Đừng vứt, cứ để cho nó nở xem thử con gì. Bèn đưa về bỏ vào vò đặt cạnh bếp. Chỉ trong mấy ngày, trứng nở thành một cặp rắn nhỏ trên đầu có mào đỏ rất xinh. Thấy vậy, người chồng định đánh chết, nhưng người vợ ngăn lại: - "Đừng đánh tội nghiệp. Cứ để mặc tôi, tôi nuôi chúng làm con". Hai con rắn rất khôn, từ đó quấn quýt với người, đi đâu cũng đi theo. Chúng chóng lớn, mới bằng chiếc đũa, chẳng bao lâu đã to bằng ngón tay. Một hôm người chồng cuốc vườn, cặp rắn bò theo sát nút để kiếm cái ăn trong đất mới lật. Vô tình một nhát cuốc bổ xuống làm đứt đuôi một con. Con rắn quằn quại. Người vợ kêu lên: - "Chà, tội nghiệp! mà cứ quấn bên ông lão làm gì cho khổ thân thế này!". Từ đó con rắn bị đứt đuôi ngày một trở lên hung dữ hơn con kia.

Hai con càng lớn càng ăn khỏe. Chúng thường bò vào chuồng gà các nhà lân cận tìm bắt gà con. Bị xóm giềng chửi bới luôn canh, một hôm chồng bảo vợ: - "Thôi, ta đem thả chúng xuống sông cho chúng kiếm ăn kéo lại có ngày mang họa". Hai vợ chồng bèn mang cặp rắn đến bờ sông thả xuống và nói:

- Bớ các con! Các con hãy ở đây tự kiếm lấy cái nuôi thân, đừng có trở về, bố mẹ không có đủ sức nuôi các con nữa!

Cặp rắn vừa thả xuống nước, lập tức sóng gió nổi lên ầm ầm, các loài thủy tộc ở các nơi về tụ hội bơi lượn đông đảo. Hai vợ chồng rất kinh ngạc. Đêm lại, chúng về báo mộng cho họ biết là chúng đã được vua Thủy cho cai quản khu vực sông Tranh.

Từ đó hai con rắn làm oai làm phúc suốt cả một khúc sông rộng. Người ta lập đền thờ chúng bên sông, gọi chúng là Đức ông tuần Tranh, cũng gọi là ông Dài, ông Cộc. Tuy mọi thứ cần dùng đã có bộ hạ cung đốn đầy đủ, nhưng chúng thỉnh thoảng vẫn bắt người và súc vật qua lại trên sông. Duy ông Cộc bản tính dữ tợn, ngày một trở lên ngang ngược, lại tỏ ra hiếu sắc. Thuyền bè đi qua đó, nó thường xoáy nước nổi sóng dữ dội làm cho bị đắm để bắt người lấy của. Mỗi lần nghe tin có xảy ra tai nạn, hai vợ chồng bố mẹ nuôi ông Dài và ông Cộc vẫn thường ra bờ sông hết lời van vái hai con, để mong chúng đỡ phá phách. Chúng cũng có nghe, nhưng rồi chứng nào vẫn giữ tật ấy.

*

* *

Một hôm có hai vợ chồng người họ Trịnh có việc đi thuyền qua đấy đổ lại. Người vợ là Dương thị vốn người xinh đẹp làm cho ông Cộc mê mẩn. Đêm lại, bỗng dưng từ dưới nước có hai người con gái bước lên thuyền, mỗi người đầu đội một mâm lễ vật. Chúng đặt mâm xuống trước mặt anh học trò và nói:

- Đây là lễ vật của ông Cộc, đức ông chẳng bao giờ hạ mình làm những việc như thế này, nhưng chỉ muốn nhà thầy vui lòng nhường lại cho người vợ.

Người học trò chưa bao giờ gặp chuyện trắng trợn đến thế, bèn tức giận quát lớn:

- Về báo với đức ông chúng mày hãy mau mau bỏ thói ngang ngược. Ta là người đọc sách thánh hiền, không bao giờ lại sợ loài quỷ quái.

Chưa dứt lời đã không thấy hai người con gái đâu nữa. Tuy nói cứng là vậy nhưng vốn từng nghe những câu chuyện về ông Dài ông Cộc nên người học trò cũng có ý sợ bèn bảo vợ cầm lấy tay nải rồi cả hai từ giã chủ thuyền bước lên bờ.

Nhưng không kịp nữa rồi. Ông Cộc đã nói là làm. Thấy con mồi đã lên bộ, ông bèn đuổi theo, hóa làm một trận mưa bão kinh khủng làm cho họ không thể tiếp tục đi được. Chồng đành đưa vợ vào trú ở một ngôi đền gần đó. Mưa bão kéo dài suốt đêm. Sáng dậy, bão tạnh, người học trò tỉnh dậy đã thấy vợ mình biến đâu mất. Anh theo dấu đếm bờ sông chỉ còn thấy quần áo của vợ chút bỏ lại đó.

Đau xót vì mất người vợ yêu, anh chàng họ Trịnh bèn đi lang thang khắp nơi tìm cách trả thù. Trải qua bao nhiêu ngày tháng, một hôm qua một cái chợ, anh bỗng gặp một ông thầy bói hình dung cổ quái đang ngồi đón khách. Anh ngồi xuống xin một quẻ về gia sự. Thầy bói gieo quẻ, nói:

- Nhà người đang có sự lo buồn.

Anh đáp lại:

- Xin thầy cứ cho biết.

- Vợ nhà người bị một kẻ có thể lực cướp mất.

- Chịu thầy. Xin cho biết vợ tôi hiện nay ở đâu? Và có cách gì cứu được vợ tôi không?

- Không dấu gì nhà người, ta vốn là Bạch Long hầu vốn có phận sự làm mưa ở vùng này. Thấy việc tác quái, ta muốn giúp nhà người trả được mối thù. Ta đợi nhà người ở đây đã lâu. Kẻ kia tuy quyền thế nhưng không thể làm loạn chính pháp. Vậy nhà người hãy theo ta. Trước hết hãy dò tìm tung tích vợ người để nắm được chứng cứ đầy đủ.

Người học trò không còn gì mừng hơn thế nữa, bèn sụp lạy Bạch Long hầu, rồi bước theo bèn gót, Bạch Long hầu bảo anh nhắm mắt, đoạn rẽ nước đưa anh đi mãi, đi mãi đến một hòn đảo xa tít ngoài biển Đông. Sáng hôm sau, ông hỏi:

- Người có mang theo vật gì của vợ để nàng làm tin không?

Người học trò đáp:

- Có. Nói rồi đưa ra một cành thoa của vợ.

Bạch Long hầu cầm lấy đi ngay. Chỉ hai hôm sau, ông đã về kể cho chàng nghe tất cả mọi việc và nói:

- Vợ người vẫn một lòng một dạ với người. Đó là một người thủy chung. Vậy mai đây ta sẽ đưa nhà người đến triều đình đánh trống "dăng văn", khi

đưa nàng ra đổi chất, tự nàng sẽ tố cáo kẻ thù. Nhưng người cũng viết sẵn một lá đơn kiện mới được.

Chưa đầy ba ngày, vụ kiện của người học trò đã xử xong. Ông Cộc không ngờ Dương thị lại vạch tội hãm trước tòa án vua Thủy, tuy rằng nàng đã sinh với hãm một đứa con. Vua thủy khi thấy chứng cứ sờ sờ về hành động gian ác của bộ hạ mình thì dùng dùng nổi giận. Vua thét: - "Hãy bắt đầy nó đi thật xa cho đến cùng trời cuối đất!". Dương thị được đưa trở về cỗi trần với họ Trịnh, hai vợ chồng lại đoàn tụ. Còn đứa bé do Dương thị đẻ ra với ông Cộc thì giao cho ông Cộc nuôi.

Ngày ông Cộc đi đầy, tôm cá rần rết náo động cả một khúc sông Tranh. Quân lính áp giải ông Cộc ra biển rồi đi ngược lên phía Bắc. Trải qua nhiều ngày, một hôm họ đến một vùng nhìn vào thấy rừng cây mịt mù, không hề có khói lửa. Ông Cộc hỏi một số người địa phương: - "Đây là đâu?". Họ đáp: - "Nơi đây đã sắp hết địa phận nước Việt rồi. Đi quá nữa là sang nước khác". Ông Cộc bảo quân lính áp giải: - "Vậy là đến chốn kỳ cùng rồi đó. Theo lệnh nhà vua, ta sẽ ở lại nơi đây". Cả đoàn bấy giờ rẽ sóng kéo vào cửa sông. Nhưng ở khúc sông này từ lâu có một con thuồng luồng trấn trị. Hãm không muốn chia sẻ quyền hành với kẻ mới đến. Cho nên khi thấy ông Cộc tới, lập tức một cuộc giao phong diễn ra dữ dội từ cửa sông cho đến tận thượng nguồn. Bấy giờ nước bắn tung tóe, tôm cá chết như rạ. Hai bên bờ lở sụp, sinh mệnh tài sản của dân ven sông bị thiệt hại rất nhiều. Hai bên đánh nhau mấy ngày không phân thua được. Ông Cộc bị thương tích đầy người nhưng thần thuồng luồng cũng bị toạc da chảy máu và bị đứt mất một bên tai. Thấy thế, những quân lính áp giải vội về báo cho vua Thủy biết. Cuối cùng việc lại đưa đến tòa án vua Thủy. Vua bắt hai bên phải chia đôi khu vực, định lại ranh giới rõ ràng, và từ nay về sau không được xâm lấn đất của nhau. Ông Cộc bèn cho đưa một tảng đá lớn như hình một cái đầu đặt ở ven sông. Bên phía thuồng luồng cũng làm phép hiện ra một cái chuông úp ở bờ bên này làm giới hạn.

Nhưng thần thường luồng vẫn chưa hết giận, vì cho rằng bổng tự dưng vô cớ bị chia sẻ quyền hành là do ông Cộc mà ra. Bởi vậy thường luồng thỉnh thoảng lại gây sự đánh nhau với ông Cộc. Dân chúng ở hai bên bờ sông mỗi lần nghe tiếng chuông, tiếng nước sôi động âm âm thì biết rằng sẽ có cuộc giao tranh kịch liệt. Về sau vua Thủy giận thường luồng "bất tuân thượng lệnh", bèn sai quân kếp tới bắt sống, xích lại, giao cho thần núi địa phương canh giữ, còn ông Cộc từ đấy được cai quản cả hai khu vực.

Ngày nay, bên bờ Nam sông Kỳ-cùng, chỗ chân cầu tỉnh lỵ Lạng-sơn còn có một hòn đá lớn như hình cái đầu. Còn bờ bên kia, trong một ngôi chùa cổ còn có cái chuông bị xích, nhưng đã đứt mất một bên tai. Người ta nói cái đầu bằng đá là do ông Cộc đặt làm mốc, còn cái chuông là hiện thân của thường luồng bị thần Núi xích tại đây. Cái tên sông Kỳ-cùng cũng xuất phát từ cuộc đầy ải ông Cộc mà có [1].

KHẢO DỊ

Về truyện *Ông Dài ông Cộc*, riêng miền Bắc có rất nhiều dị bản, phần nhiều dưới dạng truyền thuyết, với hình ảnh con rắn bị bố mẹ nuôi chém đứt đuôi. Vùng Lạng-sơn còn có người kể như sau:

Tại sông Kỳ-cùng có một ông lão nhà nghèo làm nghề chài lưới, có một đứa con trai. Một hôm, ông lão bắt được một quả trứng lạ rất lớn, đem về

giấu ở thúng trấu rồi quên băng đi mấy ngày, không ngờ trứng đã nở ra một con rắn trắng. Rắn quen với người và mỗi ngày một lớn. Ông lão mang rắn để thả sông. Nhưng rắn lại về nằm lì ở nhà. Ông lão hỏi đùa: - "Có muốn lấy vợ chẳng?" Rắn gật. - "Khi nào con thấy có người đàn bà mặc áo đỏ đứng ở sông thì bắt lấy, tức là người ra cưới cho mày đó". Rắn lại gật tỏ ý bằng lòng, và còn dặn cứ gọi "Banh Bạch" thì nó lên.

Về sau ông lão cưới vợ cho con trai mình. Một hôm cô dâu mới ra sông tắm giặt bỗng mất hút. Ông lão giận lắm, gọi rắn lên định giết chết, nhưng nhát chém của ông chỉ làm nó đứt khúc đuôi. Rắn báo cho ông biết: Vua Thủy cho hẳn coi khúc sông này và cảm ơn bố nuôi về việc cưới vợ cho nó. Sau đó, một hôm rắn đưa bố nuôi xuống chơi nhà mình ở dưới sông. Nhà hẳn cũng có vô số đồ đạc của cải, chẳng khác gì nhà giàu sang ở trên trần. Gặp con dâu, ông lão bảo nó bỏ thủy phủ theo ông về trần. Nó không nghe và nói: - "Duyên trời đã định rồi, còn về làm gì nữa". Người ta lập đền thờ thần rắn ở gầm cầu [2].

Người Tày Lạng-sơn ven sông Kỳ-cùng thì kể như sau:

Đời Lý Nhân Tông niên hiệu Long Phù, ở bản Chúng có một thổ ty họ Bế nhà giàu có hai đứa con: một trai là Trần Sinh đã có vợ và một gái là Ngọc Quyên xinh đẹp. Một hôm mùa xuân, anh em đi thăm mộ, chiều về họ gặp một chàng trai tuấn tú đến nhà xin với người bố nghỉ trọ một đêm. Hỏi tên họ thì đáp: - "Tôi thuộc họ rồng tên là Hải Sinh, định về kinh ứng thí, đây tớ đã đi trước, còn mình vì đường xa mệt nhọc lại phải nghỉ lại". Thổ ty bằng lòng cho nghỉ lại. Nhưng đêm lại. Hải Sinh được sự ưng thuận của Ngọc Quyên, lên vào buồng ân ái, từ đó cứ gà gáy ra đi, nhưng đêm thì lại mò tới. Đến đêm thứ năm, Hải Sinh nói mình là con vua Thủy có lệnh phải về, hẹn đến tết đoan ngọ sẽ gọi nàng xuống thủy phủ. Ngọc Quyên từ đấy có mang. Người bố biết chuyện của con, muốn giết, nhưng bị bà mẹ can lại. Đến lúc nàng sắp sinh bố lại mài dao nhọn trực giết vì không muốn thấy

những đứa cháu thuộc nòi thường luồng. Đến ngày đoan ngo, Ngọc Quyên sinh ra được hai con răn, một con trườn đi thoát còn một con bị ông chém đứt khúc đuôi (sau này người ta gọi là "Ông Cộc"). Gia nhân đuổi theo thì trời bỗng nổi cơn mưa to gió lớn, đất chuyển ầm ầm, nứt thành lỗ cho hai con chui vào. Ở nhà, Ngọc Quyên cũng tắt thở. Sau đó, ông Cộc ngự trị ở chỗ thác nước trước làng, người ta gọi là Khuổi Ngù (thác Răn). Nay còn có đền thờ trên đường từ Lạng-sơn đi Lộc-bình.

Vùng ven sông Cầu, sông Thương thì lại kể như sau:

Ở làng Giá, xã Hướng-thượng (Thái-nguyên) xưa kia có một người đàn bà góa làm nghề chăn tằm. Một hôm đang hái dâu ở bãi sông nhân khát nước lội xuống sông uống, thấy có hai trứng lạ bèn đem về cho gà ấp. Trứng nở ra hai con răn: một trắng, một đen, đều có mào đỏ. Bà nuôi chúng thành quen thuộc, đi đâu chúng cũng đi theo. Nhưng hình thù chúng ngày một lớn, phải bỏ xuống giếng. Thấy chúng vẫn trở về, cuối cùng bà phải thả ngoài vực Cả sông Cầu. Từ đây chúng mới chịu yên. Mỗi lần bà muốn qua sông chỉ việc gọi chúng là chúng nổi lên cống đưa qua. Một hôm bà vun dâu ở bãi, chúng tìm đến quẩn quít, vô tình bà cuốc phải đuôi một con. Từ đó dân làng gọi chúng là ông Cộc và ông Dài, và cũng lập miếu thờ, v.v... [3].

Cho đến vùng Nghệ - Tĩnh, truyện kể đã có phần khác, nhưng vẫn còn hình ảnh con răn bị đứt đuôi:

Đời Lý, có hai vợ chồng người làng Chi-châu, huyện Thạch-hà, lấy nhau đã lâu mà chưa có con. Một hôm họ hứng nước mái nhà, đến canh tư thấy có ngôi sao sa vào vò, người vợ uống nước ấy có thai, nhưng ba năm chưa đẻ. Sau đó đẻ được ba quả trứng vỏ xanh, nở ra được ba con răn. Chúng thường quẩn quít đi theo bố mẹ, vì vậy một hôm người bố vô tình chặt đứt

đuôi một con. Nó tự nhiên biến thành chàng trai lịch sự nói: - "Chúng tôi đầu thai giúp nước, nay con đã bị bố lỡ tay như vậy, sẽ lên trời làm sóng gió cho thiên hạ biết". Nói rồi biến đi, sau trở thành thần sông, còn hai con kia ở lại trở thành tướng tài của nhà Lý, thường cầm quân bảo vệ biên cương chặn đứng giặc ngoài xâm lược [4].

Người Nghệ-an còn có truyện *Rắn cụt đuôi*, sơ lược như sau:

Một người ở làng kẻ Nhoi, xã Yên-đổ đi thuyền ra sông chài lưới, tự nhiên được một cái trứng, đưa về cho gà ấp nở ra một con rắn có mào đỏ. Người ấy mấy lần bỏ xuống sông, nó lại theo về nhà, đành phải nuôi như con. Rắn càng lớn trông như rồng. Ông muốn giết, bèn nhân khi đào bờ ruộng lấy thuổng xắn cho chết, không ngờ chỉ đứt một khúc đuôi. Bỗng nhiên thấy trời nổi gió bão. Người ấy sợ, bèn bế rắn về, đắp thuốc cho nó. Từ đấy gọi nó bằng ông Cụt. Một hôm ông bảo rắn: - "Đã thế thì con ưng ở nơi nào, nói cho cha biết, kéo cứ thế này mãi tiếng đồn lên quan, quan sẽ bắt tội". Thấy nó gật, ông chèo thuyền đi, nó bơi theo sau. Vực nào rắn cũng lặn xuống, nhưng đều lắc đầu. Đến vực Câu nó mới chịu ở, từ đấy không về nữa. Nhưng cũng từ đấy người hay súc vật lội qua đây thường bị rắn bắt, nên ít ai qua lại. Về sau nhân một vụ thiếu thuế, quan liền báo lên Thiên tào nói là tại ông Cụt, nên dân bỏ phế công việc. Thiên tào phải chặt vật lắm mới bắt được rắn đem giam ở hồ, dân mới đỡ khổ [5].

Người Mường có truyền thuyết *Mẽ Cụt*, nội dung có khác với truyện trên, nhưng hình ảnh con rắn cụt đuôi và bà mẹ nuôi vẫn còn rõ nét:

Có hai anh em ruột nhà kia: anh trai em gái phạm tội loạn luân, bị làng xóm buộc phải chịu hai cuộc thử thách. Thử thách thứ nhất là vượt qua một quả đồi có nhiều con rết khổng lồ hay ăn thịt súc vật. Em dùng xơ kén bó kín bốn cẳng trâu, còn anh cưỡi con trâu ấy vai vác một cái bừa, hễ thấy rết cản

chân trâu, răng vướng vào xơ kén không gỡ được thì anh thả bừa xuống. Răng bừa cắm chặt vào thân rễ như đóng đinh rồi nhảy xuống giết chết. Thử thách thứ hai là lội qua một con sông nhiều rắn (khú). Trong khi anh ngồi trên bờ mài dao thì có một người xuất hiện trước mặt hỏi: - "Mài dao làm gì?". Đáp: - "Để xuống nước giết khú". - "Dao thế nào mà dám giết?" - "Có thể chặt đứt mọi vật". - "Có cái gì không chặt được?" - "Chỉ có thân cây chuối (loóng)". Anh phải nói dối như thế vì biết kẻ đối diện với mình là quân do thám của xã hội nhà rắn. Khi anh bước xuống sông thì mặt nước bỗng nổi lên rất nhiều thân cây chuối, anh lia dao chém hết, mỗi khúc chuối hiện nguyên hình là một con rắn đã bị giết. Xã hội nhà rắn lần ấy bị tiêu diệt sạch, trừ một con bị đứt đuôi. Ẩn trong một khúc mương, rắn ta đau quá khóc suốt đêm ngày. Trong vùng có một bà thầy thuốc nghe tiếng khóc thì thương hại bèn chữa cho lành với điều kiện từ nay về sau không được ăn thịt người nữa. Lành rồi, người ta gọi nó là thằng Cụt, gọi bà kia là mẹ Cụt. Thằng Cụt vẫn còn thèm thịt người nhưng phải giữ lời hứa. Mọi người biết vậy, nên mỗi khi lội sông, nếu nó có hỏi thì đáp: - "Con mẹ Cụt đây!" thế là rắn ta không dám động đến. Nhưng nó cũng rất bức mình. Một hôm, người lội là con gái thực của mẹ Cụt. Rắn hỏi: - "Ai đó?". - "Con gái mẹ Cụt đây!" Rắn nổi giận: - "Mế Cụt làm gì mà lảm con thế, tao không tin". Bèn nhảy tới vồ lấy nuốt luôn. Mế Cụt hay tin, ra sông nguyên rửa cho nó chết. Vì thế thằng Cụt chết ngay [6].

Ở truyền thuyết của đồng bào Tày ven sông Lô (Tuyên-quang), con rắn cũng bị bà mẹ nuôi chém phải, nhưng với ý thức là để giúp con trong một cuộc giao tranh với con rắn khác:

Một người đàn bà góa nghèo họ Ma, xóm Mô-cuống, làng Khúc-phụ, huyện Chiêm-hóa, thường ngày vẫn kiếm ăn bằng nghề mò tôm bắt cá. Cũng như các truyện trên, một hôm, bà nhặt được một quả trứng lạ vứt bỏ mấy lần vẫn gặp lại, bà bèn đem về cho gà ấp. Trứng nở thành một con rắn trắng. Bà nuôi nó trong vại. Chẳng bao lâu lớn đầy vại, phải thả xuống vực.

Rắn có thể hóa thành người giúp bà kiếm thức ăn, bà muốn bao nhiêu tôm cá cũng có. Một lần, có một con rắn đen ngự trị ở một khúc sông khác đến gây chuyện với rắn trắng. Hai bên đánh nhau ba ngày không phân thắng phụ. Rắn ta bèn nhờ mẹ nuôi giúp mình bằng cách trong khi giao tranh hễ thấy con đen nổi lên thì chém. Không may là bà già không chém phải rắn đen mà lại chém nhầm vào bụng rắn trắng. Rắn chết, người ta đem chôn ở cánh đồng, gọi là mộ thần rắn Cuống [7].

Tóm lại, truyện *Ông Dài ông Cộc* dường như xuất phát từ một loại truyền thuyết có đề tài thờ rắn (hay thường luồng, giao long) xa xưa, trong đó nổi bật là hình tượng rắn được người nuôi và bị chém nhầm đứt đuôi. Truyền thuyết ấy đã được nhà văn dân gian - nếu không phải chính Nguyễn Dữ tác giả *Truyền kỳ mạn lục* - tô điểm thành một truyện hoàn chỉnh có phần khỏe mạnh hơn các dị bản của nó (hầu hết đều chưa vượt khỏi dạng truyền thuyết).

Sau đây chúng tôi trích dẫn một truyện do Bento Thiện sưu tầm vào giữa thế kỷ XVII, từng được ghi bằng quốc ngữ, cũng có thể coi là một dị bản của truyện *Ông Dài ông Cộc*, tuy rằng kết cục có khác hẳn. Nguyên văn như sau:

"... Xưa có một người ở bên Ngô, ở xứ Hồ-quảng, hay đi săn chơi trên rừng. Ngày ấy thấy một trứng bỏ giữa đàng, thì người ấy lấy về mà để chơi. Ngày sau trứng nở ra được cái rắn. Liền cho nó ở nhà, thì nó đi bắt gà lợn người ta mà ăn thịt, hết nhiều của người ta lắm, thì người ta kêu. Ông ấy liền đem nó lên trên rừng là nơi trứng cũ ngày xưa, mà rằng: - "Con ở đây, chớ về nhà làm chi, con sẽ kiếm ăn rừng này vậy". Nó liền ở đấy, có gặp ai thì bắt ăn thịt, dù là trâu bò hay ngựa cũng vậy. Thiên hạ sợ, chẳng có ai dám lại đấy nữa, thì kêu cùng vua rằng: - "Đất ấy có cái rắn dữ, chẳng có ai đánh được nó". Mà vua có sai ai đi, thì nó cắn chết, thì chẳng còn ai dám đi. Vua liền rao thiên hạ rằng, ai mà đánh được rắn ấy thì vua cho làm quan.

Thấy vậy, người nuôi nó ngày trước liền chịu lệnh vua mà đi đến nơi nó ở. Nó liền ra toan cắn ông ấy, thì ông ấy rằng: - "Con cắn ông ru, này là ông nuôi con ngày xưa, mà con chẳng biết ông ru?" Nó liền đến chân ông ấy, như lạy người vậy. Ông ấy liền chém một lát, nó liền chết. Ông ấy về tâu vua, thì vua phán cho làm quan, thì ông ấy rằng: - "Tâu vua, tôi chẳng đáng làm quan". Vua phán rằng: - "Mày muốn điều gì tao cho". Ông ấy thì rằng: - "Tôi muốn ăn cho đủ", thì vua cho hể là trong xứ ấy có của gì mới thì cho ông ấy ăn trọn đời. Vì vua để cho coi đất ấy, đến ngày sau ông ấy chết, thì xứ ấy còn thờ ông ấy như xưa, gọi là Chúa đất..." [8]

[1] Theo Nguyễn Dữ *Truyền kỳ mạn lục* và theo *Thiên lôi bị đòn* (*Truyện cổ tích Việt-nam*). Nhà xuất bản Nguyễn Du, Hà-nội, 1957.

[2] Theo *Trung Bắc tản văn* (1924). Một dị bản khác lưu hành ở bản Mồng thì rắn không phải nở từ một quả trứng lạ do ông lão bắt được, mà do bà lão chiêm bao thấy một đứa bé có một con rắn cuốn quanh người rồi biến vào bụng bà. Từ đó bà có mang sinh một trai và một con rắn. Rắn sau đó cũng thả ra sông, lớn lên nó cũng cướp chị dâu làm vợ, cũng bị ông lão chém đứt khúc đuôi, v.v...

[3] Đều theo Bô-na-pha-xi (Bonifacy). *BEFEO*, tập XVIII (1918). Mô-típ truyện vùng sông Cầu đồng thời cũng lưu hành ở dân tộc Lô-lô với truyền thuyết: *Người đàn bà góa và hai con rắn* có thêm đoạn cuối chặt gỗ tạc tượng rắn và người đàn bà.

[4] Theo Jê-ni-bren (Génibrel). *Truyện đời xưa mới in ra lần đầu hết*. Một dị bản khác kể: Xưa gần thôn Chỉ-châu có hai vợ chồng là ông Mái mẹ Mái. Người vợ một hôm nhặt được (không phải đẻ ra) ba quả trứng lạ, bèn đem thả ở ngã ba sông, tự nhiên thấy sóng gió ùng ùng, một chốc mới tạnh. Sau đó một hôm, ông Mái cuốc bờ ruộng, ba con rắn đến vây quanh nhảy nhót, không ngờ ông cuốc nhầm phải đuôi một con. Rồi đó cả ba con ẩn dưới vực Đan-hai, người ta gọi chúng là Tam lang, tức là chàng Cả, chàng Hai và chàng Ba Long vương (Theo *Nghệ-an phong thổ chí*).

[5] Theo *Bản khai của tổng Quỳ-châu, Quỳ-dương*.

[6] Theo Trần Tử và Bạch Đình. *Cõi sống và cõi chết trong quan niệm cổ truyền của người Mường*; tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 141.

[7] Theo Bô-ni-pha-xa (Bonifacy), đã dẫn; và Hoàng Lương, *Bản góp về*

vấn đề tô-tem của người Việt nguyên thủy, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 5 (1959). Một số truyện Trung-quốc có đề tài về cuộc chiến đấu giữa hai con rắn một trắng (rồng) một đen (yêu tinh mới đến) có người giúp sức bên trắng (nhưng không nói việc cụt đuôi). Tuy không giống truyện của ta, nhưng có thể có đôi chút liên quan.

[8]_Đỗ Quang Chính, *Lịch sử chữ quốc ngữ*, Sài-gòn, 1972; “Tài liệu viết tay năm 1659”.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
168. SỰ TÍCH THÁP BÁO ÂN

Ngày xưa ở xã Bình-Quân, huyện Cẩm- giăng, có vợ chồng một phú ông nọ sinh được mỗi một cô con gái. Cô xinh đẹp nhất làng, tính nết lại dịu dàng, hiền hậu. nhà cô có nuôi thầy cho con trai học, phú ông cũng cho con gái theo đòi nghiên bút. Cô rất thông minh học chóng tiến tới, chẳng bao lâu đã thông kinh sách.

Nghe tin cô đẹp người, tốt nết lại hay chữ, bọn con trai quanh vùng cũng đã nhiều kẻ rắp ranh. Nhưng phú ông tự nhủ: -"Con gái ta phải sánh duyên với người nào văn chương lỗi lạc, chứ về với bọn phàm phu tục tử thì thật uổng phí xuân xanh một đời." Nghĩ vậy có mấy đám con nhà giàu và quyền quý cho người tới dạm, ông đều lắc đầu từ chối.

Cô gái càng lớn càng xinh, càng chăm học, thơ phú làm ra khó có ai theo kịp. Nhưng không ngờ thật là trớ trêu. Trong người cô mang một chứng bệnh mà thầy thuốc đành bó tay: đó là bệnh hủi. Trước cô còn e lệ giấu kín không cho ai biết. Nhưng ngày một ngày hai, những chỗ sưng thối lở loét bắt đầu hành hạ, cô không thể che mắt thiên hạ được nữa. Thấy bà con làng xóm xì xào về bệnh của con gái, và cũng e ngại chứng bệnh dễ lây, phú ông đành phải làm một ngôi nhà bên cạnh đường nhưng xa làng để cho cô ở riêng biệt, chỉ thỉnh thoảng cho con hầu mang tới gạo muối tiền nong cho cô chi dùng hàng ngày, không để thiếu thốn. Cứ như thế, cô gái xấu số nọ chịu nhận cuộc sống cô đơn buồn rầu đã hơn một năm.

Một hôm có một thầy cử trẻ tuổi trên đường đi thi hội. Vừa đi lọt vào lùm cây thì trời bỗng đổ cơn mưa, anh nhanh chân tìm một hốc cây để ẩn nấp. Nhưng trận mưa kéo dài mãi đến tối. Cho nên vừa ngớt hột mưa, anh phải vội vã đi tìm chỗ nghỉ trọ. Vừa hay bên cạnh đường, anh thấy le lói có ánh đèn, bèn chạy tới gọi cổng, không biết đấy là nhà cô gái hủi. Tiếng cô gái nói vọng ra:

- Ai đấy, hãy đi kiếm chỗ khác mà trọ, ở đây nhà cửa chật chội không ở được đâu!

Đứng ở ngoài cửa thầy cử ta kéo nài:

- Tôi đây. Xin làm ơn cho vào hơi nóng một tý, kéo vừa rồi mưa ướt hết cả.

- Xin mời khách đi nữa sẽ có chỗ trọ, nhà tôi vắng vẻ không tiện mời vào.

- Tôi là cử nhân họ Trần đi thi hội, vì làng xóm còn quá xa xin cho nghỉ lại một tý, nếu không tiện thì tôi sẽ đi.

Thấy giọng có vẻ cầu khẩn, lại nghe khách tự xưng là con nhà lễ giáo, cô gái bỗng động lòng thương, bèn ra mở cổng mời vào. Dưới bóng đèn, cô thấy khách là một chàng trai ngoài hai mươi tuổi, dáng người nho nhã, ăn nói lễ phép, thì không nỡ từ chối, nên tươi cười:

- Bố mẹ đi vắng cả, chỉ có thiếp ở nhà. Người xưa có nói "nam nữ thân trọng từ cái trao tay", mời chàng trọ lại đây thật là bất tiện. Nhưng nay thấy chàng đi đường mệt nhọc và ướt át, chẳng dám khăng khăng giữ lễ, vậy mời chàng cứ nghỉ lại đây, có cần gì thiếp xin giúp đỡ.

Nói rồi đốt lửa cho khách sưởi, lại thối cơm mời ăn. Thầy cử thấy cô gái mặt mũi xinh đẹp, ăn nói khôn ngoan, tốt bụng, lại có vẻ con nhà có học thì trong bụng lấy làm mến, bèn hỏi:

- Đa tạ cô chẳng nề phiền hà, hết lòng giúp đỡ, việc đó tôi không dám quên ơn. Tôi cũng không ngờ cô lại là kẻ theo nghiệp sách đèn. Chẳng hay cô là con cái nhà ai, bố mẹ làm gì?

Cô gái nói thật tất cả, trừ cái bệnh của mình. Thấy cô học giỏi, thầy cử bèn cùng cô xướng họa. Hai bên đối đáp với nhau đến khuya. Dần dần, từ chỗ yêu mến, thầy cử đâm ra bạo dạn, lại thấy chủ nhân một thân một mình, thầy bèn ngỏ lời đính ước kết hôn. Thương thân tủi phận, cô gái rơi nước mắt, nói:

- Phận thiếp xấu số không đáng là kẻ nâng khăn sửa túi cho chàng. Xin chàng hãy để tâm vào việc thi cử trước mắt, sau này có gì cũng chưa muộn.

Thấy nàng sụt sùi, thầy cử không biết ẩn tình, bèn bước lại khuyên dỗ. Cuối cùng không ngăn được lửa tình anh nắm lấy tay nàng đòi cầu thân. Cô gái tuy e lệ cũng không từ chối. Hai bên coi nhau như vợ chồng.

Sáng dậy thầy cử vội ra đi cho kịp ngày thi. Khi hai bên từ giã, anh hẹn:

- Một lời vàng đá thề quyết trăm năm. Xin nàng hãy chịu khó chờ. Chuyến này dù đỗ hay hỏng, tôi cũng sẽ cậy người đưa "lục lễ" đến rước nàng làm vợ.

Sau khi thầy cử ra đi, cô gái nghĩ đến số phận hẩm hiu thì vô cùng đau khổ.

Cô tự nghĩ: -"Ta may mắn được chàng thương tới, nhưng chàng đâu có biết ta bệnh hoạn khốn khổ thế này. Nếu chàng mà biết thì ta còn mặt mũi nào nữa, chẳng thà chết quách còn hơn". Suốt ngày hôm ấy, nàng vừa tưởng nhớ vừa tuyệt vọng. Trong một cơn phẫn chí đến cực độ, cô gái bỗng đứng ngất đi, hồn lìa khỏi xác lúc nào không biết.

Sau đó mấy ngày, vợ chồng phú ông mới hay tin; cả nhà đổ tới chỉ còn biết than khóc và an táng người bạc mệnh ở ngay trong ngôi nhà của nàng.

Lại nói chuyện thầy cử sau khi già từ, đi luôn mấy ngày mới đến kinh kỳ. Hình ảnh cô gái tài hoa gặp nhau trong một đêm đầy tình nghĩa ái ân choán hết tâm trí chàng trẻ tuổi. Vào trường thi, bài của anh làm rất trôi chảy. Nhưng khi vào kỳ cuối, bài "văn sách" đầu đề ra có phần hiểm hóc làm anh ngậm bút mãi. Cuối cùng cũng viết thành bài, nhưng sau khi ra trường bước về quán trọ, anh mới nhớ là mình đã viết nhầm mấy chỗ. Anh lắc đầu tặc lưỡi: -"Chết thật! Thế này thì còn đỡ với đạt thế nào được nữa".

Lúc ông chủ khảo chấm đến bài của anh thì thấy không thể đỡ được. Sắp hạ bút xuống phê chữ "liệt" (kém), chủ khảo bỗng thấy tay mình như bị ai giữ cứng. Ông đành phải bỏ bút xuống bàn. Bỗng ông cảm thấy buồn ngủ riu mắt. Chợp đi một lúc, ông mơ màng thấy có một cô gái rất xinh tiến đến trước mặt chấp tay vái lia lịa, và nói: -"Đây là quyển thi của chồng tôi, xin ngài làm ơn rộng bút cho". Tỉnh dậy, chủ khảo lấy làm lạ, bèn đọc lại bài văn một lần nữa thì cũng lại thấy không thể lấy đỡ được. Toan cầm bút phê thì quản bút tự nhiên rơi xuống đất, ông chưa kịp nhặt lên bỗng lại chợp đi, bóng cô gái lúc nãy lại hiện ra trước mặt, một hai xin hãy vớt cho quyển văn ấy. Ông bèn hỏi: -"Nàng ở đâu ta?" Đáp: -"Tôi là con gái học Nguyễn, quán xã Bình-quận, huyện Cẩm-Giàng...". Thế rồi bóng cô gái lại biến đi. Chủ khảo giật mình tỉnh dậy. Ông hết sức ngạc nhiên, miệng lẩm bẩm: -"Quái lạ, nhà thí sinh này hẳn có âm công gì đây, nên âm hồn theo từ xa

đến để báo, ta cũng không nỡ thẳng tay". Nghĩ vậy, cuối cùng cũng lấy vót cho đỡ.

Hôm thầy cử - bây giờ đã là quan tân khoa - cùng các bạn đến chào chủ khảo, thì ông này lưu một mình tân khoa họ Trần lại, đoạn hỏi anh: -"Anh đã có vợ chưa?". Anh đáp: -"Thưa chưa". - "Thế nhà anh có làm "âm công" gì không?". Anh lắc đầu: -"Tôi không nghe ai nói gì, chắc là chẳng có". Chủ khảo bèn kể cho nghe về một cô gái hai lần báo mộng trong khi chấm bài, sau này ráp "phách" mới biết đó là bài của anh, rồi nói: -"Anh đáng lý không được đỗ vì bài "văn sách" làm kém, được đỗ cũng nhờ cô gái ấy". Nghe đoạn, anh ngồi ngẫm nghĩ hồi lâu, nhưng cũng không hiểu ra thế nào cả, đành nói ít câu cảm ơn rồi cáo từ ra về. Lần vinh quy ấy, quan tân khoa họ Trần nhắm người nhà phải sắm thêm cái võng thứ hai. Anh dự định khi đoàn về ngang ngôi nhà của người yêu thì đón nàng về, luôn thể "vinh quy cùng với vu quy một ngày". Không ngờ khi xô cổng bước vào, đã thấy một ngôi mả mới nằm lù lù ở giữa nhà. Anh giật mình tưởng như có gáo nước lã giội vào lưng, nghĩ rằng lần trước mình gặp phải ma. Lập tức anh cho người nhà đi dò hỏi. Người nhà trở về báo cho anh biết đó là mả một cô gái con nhà phú ông họ chưa chồng, nhưng bị hủ phải ở riêng tại đây, chỉ mới mất trong vòng nửa tháng nay. Bấm đốt ngón tay anh mới biết người yêu mất sau khi mình đi một ngày. Sức nhớ tới câu chuyện kể của chủ khảo, anh hết sức thương cảm, miệng lẩm bẩm: -"Như thế là hồn nàng đã theo ta đến kinh kỳ để giúp ta khỏi bị đánh hỏng".

Sau khi công việc vinh quy đã xong, anh tìm đến nhà phú ông kể hết mọi việc cho nghe, rồi nói:

- Mặc dù nàng đã chết, cũng xin ông cho tôi được làm rể. Vì một ngày cũng là nghĩa.

Phú ông không ngờ lại có chuyện lạ lùng như thế, chối từ không dám nhận. Nhưng vì quan nghề mới nói mãi, nói mãi, cuối cùng ông đành vâng lời. Bấy giờ anh mới sắm sửa một lễ tế trọng thể, đưa đến nhà nàng lấy danh nghĩa là chồng tế vợ. Lại thuê thợ xây bên cạnh mả một cái thá, trong lòng có mấy chữ: "Cô Nguyễn Thị...là vợ của tiến sỹ họ Trần". Dân quanh vùng gọi thá ấy là thá Báo-ân[1].

169. NÀNG XUÂN HƯƠNG

Ngày xưa ở tỉnh Bắc có nàng con gái trong trắng như hoa thủy tiên nên có tên là Xuân Hương. Cha nàng là một ông đồ nhà nghèo, đã mất từ lâu. Nàng ở với mẹ, hai mẹ con tần tảo nuôi nhau. Vào thời ấy, các cô gái con nhà gia thế thường được bố mẹ cho đi học. Xuân Hương lúc nhỏ có được bố dạy cho chữ nghĩa, nên cô cũng biết võ vẽ. Năm mười lăm tuổi, nàng xin phép mẹ đến học ở trường một cụ đồ già trong làng.

Ngày ấy có một chàng thư sinh đẹp trai họ Tống, tên là Như Mai, con một viên quan đầu tỉnh. Vốn sẵn thông minh, chàng chuyên tâm vào nghiệp đèn sách, quyết nêu tên trên bảng vàng.

Một hôm vào ngày tết đoan ngọ, Như Mai cùng một tiểu đồng đi dạo cảnh. Qua lớp học của cụ đồ già, chàng thoáng thấy có mấy cô gái đang nô đùa sau vườn một ngôi chùa cổ. Dưới gốc cây đa, có một cô búi vào rẽ phụ đu đi đu lại là là mặt đất, đó là nàng Xuân Hương. Sắc đẹp của nàng khiến chân chàng không đành cất bước. Hai thầy trò thơ thẩn hồi lâu trước cổng chùa. Chàng buột miệng khen:

- Ôi! Ta đã từng nghe ca ngợi con gái xứ Bắc, nhưng chắc chưa có ai xinh bằng cô gái đánh đu vừa rồi.

Từ đó Như Mai thường lấy cớ đi lại ngôi chùa cổ. Tưởng nhớ đến người đẹp đánh đu, có đường ngôi trắng giữa hai mái tóc xanh, khiến chàng mất ăn mất ngủ. Tiểu đồng thấy chủ biếng học thì khuyên dỗ hết lời, nhưng

Như Mai vẫn không thể quên được. Một hôm thấy chủ giục mình lại cùng đi chơi chùa, tiểu đồng đe mách với bố chàng. Như Mai năn nỉ:

- Đừng. Nếu mày là tâm phúc của ta thì không những phải giấu kín cho ta, mà còn nên giúp ta cho được việc.

Tiểu đồng đáp:

- Nếu quan lớn biết thì công tử bị phạt đã đành, còn tôi thân phận hèn hạ, chịu làm sao nổi roi vọt.

- Nếu thế thì ta sẽ ở nhà học bài, còn mày hãy vì ta một mình đi dò xem cô nàng tên là gì, con gái nhà ai, có cách gì gặp gỡ được chăng, thì ta sẽ trọng thưởng.

Ba hôm sau, tiểu đồng trở về cho chủ biết về nàng Xuân Hương. Nó còn ghé vào tai dặn nhỏ:

- Nếu công tử cho tôi một món tiền lớn, tôi sẽ bày cách làm cho công tử có thể gần gũi cô nàng.

Như Mai thủng thỉnh đáp:

- Được! Mày muốn bao nhiêu cũng có, miễn là việc xong.

Khi có tiền trong tay, tiểu đồng liền sắm cho chủ một bộ áo xống phụ nữ và dặn chàng:

- Tôi thấy công tử có nước da trắng trẻo, bộ mặt và giọng nói y như con

gái, nên nghĩ rằng nếu công tử đóng bộ này vào thì không mấy chốc sẽ được làm quen với nàng. Công tử thử mặc vào cho tôi xem.

Quả nhiên sau khi cải trang, Như Mai đã biến thành một cô gái duyên dáng không một ai có thể ngờ là trai.

Sau đó, theo lời kể của tiểu đồng, Như Mai tìm đến nhà Xuân Hương. Gặp bà mẹ nàng, Như Mai chào hỏi đơn đả, nói dối mình là ái nữ của quan đầu tỉnh, năm nay tuổi vừa đôi tám, học tại một trường gần đây, nhân ngày nghỉ đi mua ít tấm lụa. Bà mẹ Xuân Hương không nghi ngờ gì cả, liền gọi con gái ra tiếp. Nghe nói Như Mai là con quan, lại học giỏi, Xuân Hương tỏ ra ân cần và muốn làm quen. Sau khi chuyện trò mua bán đã xong, nàng dặn lúc chia tay:

- Thỉnh thoảng mời chị tới chơi hai ta cùng giảng bàn nghĩa sách.

Từ đấy, Như Mai năng đến nhà Xuân Hương. Chẳng mấy chốc hai người đã trở thành đôi bạn. Tài học của Như Mai làm cho Xuân Hương kính phục, thường nhờ vả về văn bài. Về phía Như Mai, chưa bao giờ lòng chàng tràn ngập niềm vui đến như thế. Tuy vậy, chàng vẫn giữ lòng mình đứng đắn, chưa có gì tỏ ra sàm sỡ.

Một hôm Xuân Hương rủ Như Mai ngủ lại nhà mình. Biết đây là dịp may hiếm có, nhưng Như Mai cũng từ chối, lấy cớ là chưa được lệnh bố mẹ. Nhưng rồi sau đó ít lâu, một cơ hội khác lại đến. Hôm ấy bà mẹ Xuân Hương về ăn giỗ quê ngoại. Thấy Như Mai đến vừa đúng lúc, mẹ Xuân Hương bèn năn nỉ bảo ở lại với con mình mấy hôm để có chị có em cho đỡ cô quạnh. Như Mai nhận lời. Buổi chiều hôm ấy, sau khi hai người đã vùi đầu chán chê vào thơ phú, bèn rủ nhau đi dạo chơi trong vườn chùa. Họ vừa đi vừa đàm đạo cho tới lúc trăng mọc. Bỗng dưng Xuân Hương hụt chân

ngã chúi về phía trước, nhưng nàng đã được Như Mai nhanh tay ôn lấy, Xuân Hương thốt lên:

- Cảm ơn chị. Ôi nếu chị là con trai thì tôi phải lòng chị mất!

Như Mai đỡ lời ngay:

- Nhớ lấy nhé! Một lời nói như ném châu gieo vàng. Chị sẽ cầu Phật bà độ cho hóa thành con trai. Lúc đó thì em có phải lòng nữa không?

Đang đà nói đùa, Xuân Hương trả lời ngay:

- Sao lại không. Tôi xin thề có trời đất...

- Không được. Thề cá trê chui ống. Nếu thật thế thì hãy viết giấy cam đoan chị mới tin.

- Khó gì, về nhà sẽ có ngay.

Về đến nhà, Xuân Hương lập tức lên đèn, viết giấy đưa cho Như Mai. Đợi khi hai người lên giường, Như Mai bèn trút bỏ đồ cải trang thành một chàng trai khỏe mạnh. Thấy vậy Xuân Hương chẳng còn hồn vía nào nữa, hai tay che mặt kêu lên:

- Trời đất ơi! Ta mắc tay bọm già rồi. Người là ai dám đến đây lừa ta. Ta kêu làng xóm lên bây giờ.

Nói đoạn ngồi dậy toan chạy, nhưng Như Mai đã nắm lấy tay nàng:

- Nàng chớ sợ. Ta không làm hại nàng đâu. Rồi ta sẽ xin cưới nàng làm vợ.

Nói rồi kể tất cả mọi việc cho Xuân Hương nghe, những là gia thế, học hành ra sao, rồi từ phen kỳ ngộ ở vườn chùa, sinh ra đêm mơ ngày tưởng như thế nào, cho đến lúc tiểu đồng hiến kế cải trang, v.v... Đoạn chàng nói:

- Ta vì nàng phí bao nhiêu tâm cơ, đâu phải vì chuyện "trên bệ trong dâu" chốc lát, mà cốt để trở thành đôi lứa trăm năm bạc đầu.

Trong khi Như Mai dùng lời dịu ngọt dỗ dành, thì Xuân Hương chỉ ngồi khóc. Hồi lâu nàng bảo:

- Không được, rồi chàng sẽ bỏ tôi như thay một cái áo, tháo một bức phen. Tôi là con nhà dân làm sao có thể kết duyên với con nhà quan được chứ.

Như Mai đáp:

- Nói trên có trời, dưới có đất, trước mặt có bóng thần đăng: dù mẹ cha có ngăn trở thế nào, ta thề sẽ không đời nào bỏ nàng.

- Vậy thì chàng hãy làm giấy đi!

Lại đến lượt Như Mai làm giấy cam đoan. Trong giấy chàng trình trọng hứa quyết cưới Xuân Hương làm vợ. Nếu bỏ nàng thì trời tru đất diệt.

Bấy giờ Xuân Hương mới tỏ bộ vui vẻ, cầm lấy giấy, nói:

- Chàng đã làm cho tôi tin. Nhưng liệu hồn đấy! Nếu chàng mà lừa dối tôi

thì tôi sẽ đi thưa, thưa cho đến tận tòa Tam pháp chứ chẳng chơi đâu.

Ngày hôm sau Như Mai ra về sau khi đã được toại nguyện. Đột nhiên sau đó ba hôm, thân phụ chàng có chỉ của vua triệu về kinh làm chức học sĩ. Chàng cũng bị buộc phải đi theo để được phụ thân rèn cặp. Nghe tin này, Xuân Hương tưởng nghe tiếng sét. Nhưng Như Mai lại coi là dịp tốt. Chàng hết sức an ủi nàng, cho nàng biết rằng chuyến này đi xa, chàng sẽ cố công học tập thành tài, vì chốn kinh kỳ có nhiều sách hay thầy giỏi. Một khi công thành danh toại, chàng mới có cách để xin chính thức cưới nàng. Khi chia tay, chàng còn dặn:

- Dù có đá nát vàng phai, ta cũng chỉ biết có nàng. Đối lại ta chỉ xin nàng một lòng chờ đợi.

Ngày lại ngày nối nhau trôi qua. Tống Như Mai từ ngày theo thân phụ về kinh đã được năm năm. Trong thời gian này, chàng ra sức mài kinh sử. Lòng càng nhớ Xuân Hương, chàng lại càng để tâm vào việc học tập. Quả nhiên công phu của chàng không uổng. Khoa thi năm ấy, chàng đậu đầu, rồi tiếp tục vào thi đình, đậu luôn trạng nguyên. Thấy chàng con trẻ tuổi mà thông minh, nhà vua phong làm khâm sai đại thần, cho đi thanh tra các tỉnh. Chàng vui vẻ nhận chức. Trước hết, chàng xin phép về công cán tỉnh Bắc, nhân thể thăm dò tình hình người yêu năm năm qua không một tin tức.

Lại nói chuyện Xuân Hương. Từ ngày chia tay Như Mai, lòng nặng buồn rười rượi. Tin ở lời thề thốt của chàng, nàng quyết một lòng chờ đợi. Có nhiều đám đến dạm hỏi, nàng đều từ chối. Để cho bọn con trai khỏi theo đuổi, nàng bỏ vào tất cả những áo xống đẹp cùng hoa hột vòng xuyên mà Như Mai cho mình rồi đem chôn cất. Nàng bỏ học, ăn mặc nâu sồng, ở nhà giúp mẹ nuôi tằm trồng dâu. Tuy nhiên nàng vẫn không giấu được nhan sắc nhạt sa cá lặn của mình. Một viên án mới bổ đến, nghe tiếng đồn về sắc

đẹp Xuân Hương thì trong lòng hâm mộ. Gặp nàng ở chợ buôn lời trêu ghẹo, nhưng nàng nghiêm sắc mặt cự tuyệt. Quan giận đẽ bưng, sau đó ít lâu ngầm cho người đến gây sự với nàng đặt điều về việc bội hôn, để việc đưa đến cửa công, cuối cùng quan cho bắt nàng giam lại. Vẫn chưa cam thất vọng, quan lại sai người thân tín vào nhà giam dỗ dành, hứa nếu nàng thuận theo mình thì sẽ được làm nàng hầu, ăn mặc sung sướng, nhưng bằng không thuận sẽ làm cho nhục nhã. Một lần nữa quan án lại bị nàng nhiếc mắng ê chề. Hôm sau, Xuân Hương liền bị quan kết tội bội hôn và lăng mạ trưởng quan, bị đánh đòn 80 roi trước công chúng.

Ngày gia hình đã đến. Hôm ấy cũng là ngày phiên chợ, nên người đông nghìn nghịt. Trên một cái bàn gần chợ, quân lính sắp hàng chỉnh tề. Xuân Hương tay bị trói, do một người lính điệu ra trước mặt các quan để tuyên án. Một tên lính cầm roi sắp sửa giáng vào người nàng. Nhưng giữa lúc viên đề lại tội trạng, thì hàng quân bỗng dạt ra, nhường chỗ cho một người đang cưỡi ngựa tiến vào, theo sau có một tên lính cầm cờ có hai chữ "khâm sai". Thấy vậy, mọi người đều sụp lạy. Người cưỡi ngựa chính là Tổng Như Mai. Nguyên khi ra đến tỉnh Bắc, chàng cho lính hầu giữ kín mọi việc, riêng mình cải trang thành một người hành khất. Chàng không ngờ người yêu của mình đang lâm nạn. Tay bị tay gậy, chàng đã đến với từng người tìm hiểu sự thật về Xuân Hương. Người ta cho biết nàng là con người đoan chính, rằng nàng không chịu lấy ai, chỉ thủ tiết đợi chờ một chàng thư sinh nào đó đang theo học ở kinh kỳ. Khi hỏi về viên quan án, ai nấy đều tỏ vẻ khinh bỉ, rửa là đồ chó lợn, chỉ quen hối lộ và làm điều phi pháp, nhưng vì sợ thần sợ thế, nên chẳng ai dám ho he.

Sau khi nắm được mọi chân tơ kẽ tóc, Tống Như Mai trở lại với bộ áo mào thanh tra. Vừa nhảy xuống ngựa, đợi cho mọi người ngẩng đầu lên, chàng đồng dặc lên tiếng:

- Hỡi ba quân và dân chúng! Ta là khâm sai đại thần, vâng lệnh hoàng đế đi thanh tra các tỉnh xứ Bắc này. Ta đã tra cứu kỹ, thấy nàng Xuân Hương không làm gì nên tội, đáng được tha bổng. Còn tội nhân lại chính là nguyên cáo và vị quan đã xử án nàng. Hãy bắt giam chúng lại đợi ta thẩm vấn.

Các hàng lính ai nấy đều dạ ran. Những người dân đứng vây vòng trong vòng ngoài, trong đó có những bạn học của Xuân Hương hò reo như sấm dậy. Tên lính giải Xuân Hương không kịp tìm dao, dùng răng cắn đứt dây trói cho nàng, lại tháo xiềng xiềng quan án và tên vu cáo lại. Khi biết quan thanh tra là Như Mai, Xuân Hương mừng đến té xỉu. Mọi người vội vực nàng về chạy chữa.

Sau đó không lâu, quan thanh tra trẻ tuổi tâu trình lên vua và không quên xin phép cưới nàng Xuân Hương làm vợ. Nhà vua thấy cuộc tình duyên ly kỳ, nên y cho. Lễ cưới tổ chức linh đình trong ba ngày. Ngày cưới, bà mẹ Xuân Hương vui vẻ bảo mọi người:

- Ta không có con trai, nhưng con gái ta lại làm ta đẹp lòng hơn có con trai[2].

KHẢO DỊ

Trong văn học Triều-tiên có Xuân Hương truyện (ra đời ở thế kỷ XVIII) nội dung giống với truyện của ta chủ yếu ở đoạn sau:

Công tử (đạo lĩnh) họ Lý tên Mộng Long cũng có người yêu tên là Xuân Hương. Lý đỗ trạng nguyên, được vua phong làm ngự sử và sai đi tuần thú các địa phương. Để dễ dàng nắm được tình dân, chàng cải trang thành một người ăn xin. Đến đất Nam-nguyên quê của Xuân Hương, gặp lúc viên tri phủ (sử đạo) tên là Biện Học mở tiệc mừng thọ, có các quan đến dự đông đảo, ca hát ăn uống linh đình. Biện Học trước đây ép Xuân Hương làm tỳ thiếp không được, bèn vu cáo nàng, kết án tử hình, định sau ngày kể thọ thì đưa ra pháp trường. Lý đến xin vừa lúc các quan đang cao hứng làm thơ chúc thọ. Chàng tự xưng là hàn sĩ, cũng xin tham dự. Được các quan cho giấy bút, chàng viết ngay bốn câu:

"Rượu nồng trong chén vàng là máu ngàn người;

Nhắm tốt trên mâm ngọc là mỡ muôn họ.

Lúc giọt nến rơi là lúc giọt nước mắt dân rơi,

Nơi giọng hát cất cao là nơi tiếng oán hờn lên cao".

Độc thơ, một số người dự tiệc biết khách không phải người thường, nên e sợ, lục tục rút lui. Nhưng Biện Học thì quát mắng om sòm, sai lính đánh đuổi chàng. Lý trở ra, đem quân tùy tùng đến vây phủ. Biện Học kháng cự bị quân của Lý giết chết. Nhờ vậy Xuân Hương được cứu thoát[3].

Chúng tôi cho rằng chuyện của ta có lẽ xuất xứ từ đây mà ra. Chẳng những thế, bài thơ hán *Thị bách quan* (Bảo các quan) có bốn câu giữa là:

"Ba chén rượu vàng là máu dân đen,

Vài chén trà xanh mỡ trăm họ.

Lúc nước mắt trời rơi là lúc nước mắt người rơi,

Nơi giọng hát cất cao là nơi tiếng khóc lên cao".

Tương truyền là của Thành Thái sáng tác vào khoảng những năm đầu thế kỷ, có lẽ cũng sử dụng ý từ mấy câu thơ trên.

[1] Theo Tô Linh Thảo, sách đã dẫn.

[2] Theo Tít-xô (Tissot). *Tiếng An-nam cho lớp cao học*.

[3] Theo *Triều-tiên văn học thông sử*, Viện hàn lâm khoa học Triều-Tiên xuất bản, 1956.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
170. VỤ KIỆN CHÂU CHẤU

Ngày ấy có một con châu chấu mãi mê kiếm ăn lạc mất đường về. Tối đến, trời rét lại mưa rơi rả rích, làm cho châu chấu ta run rẩy. Nó muốn tìm một chỗ ngủ, nhưng bóng đen dày đặc chẳng biết đường nào mà lần. - "Ta có bò liều may gặp chỗ nào khỏi ướt thì nằm tạm một đêm". Nghĩ vậy, chấu ta cứ lồm cồm bò mãi trên một cành cây mới bám được. Cuối cùng, không ngờ nó lại lọt vào nhà chim ri. Đến đây, châu chấu thấy ấm áp dễ chịu. Nhưng một tiếng hỏi cất lên:

- Đêm hôm khuya khoắt, ai vào nhà tôi đó ? Khéo kéo đạp lên mấy đứa con tôi!

Thấy chim ri mẹ đứng lên hỏi thế, chấu rên rĩ đáp không ra hơi:

- Tôi là chấu đây!...Đêm lạnh quá...Làm ơn cho ngủ nhờ một đêm, sáng dậy là đi ngay.

- Nhà rách nát chật chội, mấy mẹ con nằm không đủ. Thôi chú tìm nơi khác đi!

Nhưng chấu vẫn van nài:

- Cho ghé lưng nằm một tí phía ngoài này cũng được, kéo tôi lạnh cóng không thể bước đi đâu được nữa.

Nghe nói, chim ri mẹ thương hại, bèn đáp:

- Thôi được, cho chú mày nằm ghé bên kia, nhưng phải co căng kéo đạp vào mấy đứa con ta.

Thế là châu xếp hai cẳng vào bụng, đặt lưng ngay bên cạnh mấy con bé của chim ri. Chỉ một chốc sau, châu cũng như chim ri ai nấy đều ngon giấc.

Đang ngủ say sưa, bỗng nhiên một tiếng nai kêu "tác" bên cạnh nhà. Tiếng kêu quá to làm cho châu châu giật mình tỉnh dậy. Châu vươn vai rồi quên mất lời chim ri dặn, đuổi thẳng đôi cẳng dài thượt của nó. Nhà chim ri vốn đặt lơ lửng trên một cành na, nhà quá rách nát vì gió đánh tả tơi lâu ngày chưa kịp chữa. Châu châu đuổi mạnh đôi cẳng làm cho cả một chỗ nằm rãng rặc:

- Ôi chao! Đổ mất, đổ mất.

Chim ri mẹ kêu tướng lên. Quả nhiên cái đuổi chân của châu đã làm hại nó. Mấy con chim con bị đạp dồn về một phía, cái nhà nghiêng hẳn, chỉ một chốc rời khỏi cành na, một con chim non còn ngủ say cũng lăn theo và rơi tòm xuống sông. Mẹ con chim bay loạn xạ đi tìm thì nó đã bị nước cuốn trôi mất.

Tức giận, vì châu châu tự dưng vô cớ đến gây tai họa cho nhà mình, sáng hôm sau mẹ con chim ri bèn đi kiện với Bụt. Nghe nguyên cáo trình bày đầu đuôi, Bụt liền theo đến tận nơi xem xét rồi gọi châu châu đến hỏi:

- Tại sao nhà người đêm hôm đến làm hại nhà người ta?

Châu châu cúi đầu nhận rằng quả nó có gây tang tóc cho nhà chim ri,

nhưng nó cũng cho Bụt biết rằng nó vốn không có ác ý:

- Tôi không phải là kẻ vô ơn bạc nghĩa đâu. Vì con nai tự dừng ở đâu đến kêu thét vào tai làm cho tôi giật nảy mình. Chính vì thế mà tôi đuổi chân theo thói quen nên mới ra nông nỗi.

Thấy châu chấu thức tỉnh nên Bụt cũng thương hại, bèn cho gọi nai đến, kể cho nai biết đầu đuôi sự việc xảy ra, rồi bảo:

- Nhà đổ, con chết, rõ ràng là tại tiếng kêu thét của nhà người. Tại sao nhà người đêm hôm khuya khoắt đến đây kêu rống lên làm gì để gây nên tai vạ?

Nai vội vàng trả lời:

- Oan tôi quá! Lúc ấy tôi cũng đang lim dim đôi mắt. Tự nhiên một quả na xanh rơi xuống trúng vào mặt làm tôi toáng đảm kêu lên. Vậy là tại quả na chứ không phải tại tôi.

Nghe nai bày tỏ có lý, bụt quay sang hỏi cây na:

- Vì sao người lại để cho quả xanh rơi trúng vào mặt con nai, làm cho nó hét tướng lên, gây tai vạ cho nhà người. Người đã biết tội chưa?

Na đợi Bụt buộc tội xong, lập tức trả lời:

- Bẩm ngài. Tôi đâu có muốn quả xanh của tôi rơi. Vì con sâu nó làm hại tôi, nó cắn cuống quả xanh, cho nên quả mới rụng đấy ạ!

Đến lượt sâu được Bụt sai gọi đến kể cho nghe sự tình rồi kết tội:

- Nhà người đã thấy rõ chưa? Nếu nhà người không cần quả na xanh thì làm gì có tai vạ xảy đến cho nhà chim ri. Vậy người không tránh được tội lỗi.

Nhưng Bụt không ngờ sâu cũng không nhận tội. Sâu đáp:

- Bẩm ngài, tôi vốn sống yên ở trong đám lá khô dưới kia. Ở đó tôi có nhiều thức ăn ngon lành. Nhưng mấy hôm nay có con gà ở đâu đến sục sạo tìm giết cả họ nhà tôi rất kinh khủng. May mắn làm sao, tôi ba chân bốn cẳng bò được lên đây. Chẳng có gì nhét vào bụng nên tôi phải gặm chút vỏ quả na cho đỡ đói. Nếu có rơi trúng vào nai hay con gì khác thì điều đó không phải tại tôi mà là tại con gà kia.

Lại đến lượt gà được gọi đến đối chất. Gà vốn không phải quê tại khu vực này. Nó có một đàn con. Mẹ con thường dẫn nhau đi kiếm ăn. Nhưng thức ăn ngày một hiếm. Ngày hôm kia, mẹ gà nhờ được vịt, chỗ quen biết chở qua sông hứa sẽ xin ấp trứng để đến ớn. Vì thế mấy hôm gà được no bụng. Nhưng khi nghe Bụt bụt buộc tội vì đã gây vạ cho chim ri gà chờ người không biết tìn câu gì để chống chế vì khu vực này không phải quê quán của mình. Hỏi đến ba lần, gà không trả lời được, nên bị Bụt giam lại.

Bầy con của gà có bốn con mái một con trống. Khi nghe vịt cho biết là mẹ mình bị giam ở bên kia sông thì chúng nó hết sức hốt hoảng. Chúng khẩn khoản nhờ vịt chở sang thăm mẹ. Bốn con gà mái nhớ thương mẹ quá tranh đi trước. Chúng nó chỉ biết kiếm sâu tìm mồi nuôi mẹ mà không biết kêu van với Bụt để mẹ được tha, nên cuối cùng lại về không. Hôm sau đến lượt con trống con đi thăm mẹ nó kể đầu đuôi sự tình vì sao Bụt bị bắt giam, gà trống con bèn đi tìm Bụt rồi phân trần:

- Bẩm ngài, ngài bắt giam mẹ con quả thật oan ức.

Bụt chau mày, hỏi:

- Lại còn oan nỗi gì. Nếu mẹ mày cứ kiếm ăn ở bên kia sông đừng qua bên này, thì làm gì có chuyện con sâu bò lên cần quả na xanh, làm gì có chuyện quả na xanh ấy đứt cuống rơi vào mắt con nai để con nai kêu thét lên, rồi làm gì có chuyện con châu chấu giật mình đuổi chân đạp đổ nhà chim ri và làm cho con nó chết. Chính thủ phạm là mẹ mày, mày còn kêu oan nỗi gì.

Gà trống con lễ phép thưa:

- Bẩm ngài, chính vì thế mà con phải kêu oan cho mẹ con, vì rõ ràng trong lục súc sáu loài, loài nào loài ấy khi sinh con để cái đều được trời cho có sữa nuôi con riêng loài gà chúng con thì tuyệt nhiên không có lấy một giọt sữa. Vì thế gà phải chạy vạy tần tảo nuôi con. Mẹ con phải vất vả đi các nơi khác kiếm ăn là vậy. Bên kia người khôn của khó nên phải lần mò sang bên này. Tình cảnh khó khăn buộc phải thế, đâu có phải là tội tại mẹ con!

Bụt thấy gà trống con cãi cho mẹ có lý có lẽ, đành phải thả cho mẹ nó về.

Thấy gà trống bé người mà khôn ngoan, ai nấy đều khen ngợi. Từ đó mỗi lần có kiện tụng việc gì, người ta thường mang gà trống theo, hy vọng nhờ sự có mặt của nó mới thắng kiện. Còn gà thì phải ấp trứng vịt để trả ơn, dòng dõi của nó sau này vẫn thế [1].

KHẢO DỊ

Đồng bào Tây Việt-bắc có truyện tương tự: *Tại sao bụng con ve không có ruột?*

Xưa, chim chích kết bạn với cào cào, hai con chơi với nhau rất thân thiết. Một hôm đi làm về bị mưa to, cào cào xin nghỉ nhờ nhà bạn một đêm. Nhà chim chích chỉ có hai mẹ con chật chội, còn cào cào chân dài: mình nằm trong nhà nhưng chân lại thò ra ngoài sân. Nghe lời bạn, cào cào co chân lại và cứ thế đánh một giấc ngon lành. Cũng như truyện của ta, nửa đêm nghe tiếng hươu kêu, cào cào giật mình đuổi chân, không phải đạp đổ nhà mà đạp phải bụng con của bạn, lòi ruột ra. Chim chích kêu kiện ở xã trưởng là ké đột - giống chim lớn hơn chim chích. Ké đột không xử được. Nội vụ đưa lên cai tổng là bìm bịp. Bìm bịp tra vấn cào cào. Cào cào đổ lỗi cho hươu. Đến đây truyện bắt đầu khác với của ta. Hươu bị đòi đến lại đổ lỗi cho sóc: -"Vì con sóc ném quả xuống đầu tôi". Sóc đến lượt bị đòi đến đổi chất lại đổ lỗi cho ve: - "Vì con ve nó kêu nên tôi sợ tôi phải về, vội vàng đánh rơi hạt dẻ". Lại đến lượt ve bị đòi đến, trả lời: - "Vì mưa tạnh mát trời nên tôi kêu chơi". Bìm bịp liền kết tội ve là thủ phạm, bắt ve moi ruột gan để đền cho con của chim chích. Vì thế ngày nay loài ve không có ruột mà hàng ngày kêu chẳng có giờ giấc gì cả [2].

Người Thái cũng có truyện: *Tại sao ve (mành khăm) không có ruột?* có khác với truyện của người Tày:

Một hôm Trời (Then) phái ve xuống trần để làm nhiệm vụ hàng ngày báo tin mặt trời sắp lặn cho mọi giống vật sớm tìm đường về hang ổ. Vừa xuống, lập tức ve cất giọng kêu thử. Không ngờ tiếng kêu làm cho mọi giống vật hốt hoảng. Gấu đang kiếm ăn gần đấy liền chạy nhanh về. Vội

quá gấu va phải bí. Bí đứt cuống lẫn xuống va phải gốc vừng. Vừng bị lay, hạt nứt nẻ văng vào mắt gà đang kiếm ăn gầm đó. Gà mắt nhắm mắt mở mồm nhăm phải tổ kiến vàng, kiến vàng bò toán loạn đốt phải chân sóc. Sóc đau nhức, chạy lung tung đập phải cây cùn ngựa. Quả cùn ngựa (vốn đựng đầu làm ngựa đó) rơi, không may rụng trúng lưng trâu. Trâu ngựa quá chạy tìm ao để tắm mình, không ngờ đập phải mô đất. Mô đất lẫn xuống ao dè bẹp ruộng nòng nọc. Nòng nọc bèn bắt đền mô đất; mô đất đổ tại trâu; trâu đổ tại cùn ngựa; cùn ngựa đổ cho sóc; sóc đổ cho kiến vàng; kiến vàng đổ cho gà; gà đổ cho vừng; vừng đổ cho bí; bí đổ cho gấu; gấu cuối cùng đổ tại ve. Ve đổ vấy cho "Then". Nòng nọc bèn kiện lên then. Then phán: -"Chưa tối mà đã kêu thế là chính lệnh bất nhất. Vậy ve phải rút ruột đền cho nòng nọc?". Bởi vậy ngày nay bụng con nòng nọc thì to, con ve không có ruột [3].

Ở truyện người Dao thì ve sầu cũng được trời giao nhiệm vụ như trên, tức là báo tin trời sắp tối cho mọi giông vật biết. Nhưng ở đây lý do sinh ra vụ kiện là vì hôm ấy ve lười không chịu đi kiếm ăn. Đói bụng ve cất tiếng kêu ảo não không đúng lúc. Các thú vật nghe tiếng ve, như thường lệ vội vã chạy về. Sóc chạy vội va cào cây chiêu cô piếu (loại cây có quả to bằng quả bưởi có cùi dày ăn được). Quả chiêu cô piếu rụng, rơi đúng xuống lưng nai. Nai giật mình chạy, vô tình đâm phải rùa làm cho mai rùa bị rạn. Rùa bị thương nặng kiện lên trời. Trời gọi nai đến. Nai đổ cho chiêu cô piếu. Chiêu cô piếu đổ cho sóc. Sóc cuối cùng quy tội cho ve. Thế là ve ta bị trời hành tội bằng cách rút ruột. Từ đấy ve kêu không đúng giờ đúng giấc, tiếng kêu ai oán nên gọi là ve sầu. Còn rùa thì được trời chữa cho lành, nhưng mai còn mang dấu vết rạn nứt, cho đến con cháu ngày nay vẫn còn [4].

Một truyện khác cũng của người Dao lại gần với truyện của ta, nhưng ở đây truyện được kể có phần nào thiếu lô-gic.

Sét sành (một loại chấu có càng to) chở thuế nộp cho vua, dọc đường trời

tối, xin ngủ trọ tại nhà chim. Chim đánh ấp trứng sắp đến ngày nở. từ chối, nhưng thấy sệt sành nói mãi cuối cùng cũng cho trọ. Đêm lại, tự dựng một cây gần đó đổ, sệt sành giật mình đập tung để bay ra, vì thế trứng rơi vỡ, đàn con của chim chết cả. Chim kiện lên vua. Vua bắt sệt sành, sệt sành đổ tại cái cây đổ làm nó giật mình. Cây đổ lỗi cho mối ăn ruỗng gốc. Vua bắt tội mối, mối đổ tại gà. Gà bị vua bắt ném xuống nước cho chết. Không biết bơi gà tưởng đi đứt nếu không có vịt tới cứu. Từ đó gà ấp trứng vịt để đền ơn [5].

Người Ít-xra-en (Israël) có truyện *Thủ phạm là con sói hung* cũng là dị bản của các truyện trên:

Sói hung một hôm định giết cây hương vì có con gửi cho nó trông hộ, không ngờ bị nó giẫm chết. Các thú vật trong rừng họp lại xử tội. Hỏi cây, cây thưa: -"Tôi đang ở trong nhà chột nghe quạ khoang vỗ cánh kêu quàng quạc cố ý gây sự. Tôi vội chạy ra xem, không may giẫm phải". Các thú vật bắt tội quạ, quạ thưa: -"Tôi nhận là có vỗ cánh kêu oan nhưng là để đối phó với khi đỏ đất, vì nó ở đâu nhảy tới nhe răng kêu kheng khéc". Tra vấn khi, khi thưa: -"Tôi có làm như thế thật, nhưng tôi đâu có chủ đích đánh quạ khoang mà do nai mốc xông tới định húc, tôi phải chạy và kêu cứu". Hỏi nai, nai đáp: -"Vì hươu sao chạy ở đâu tới húc tôi nên tôi phải chạy". Tới lượt hươu bị tra hỏi, hươu đáp: -"Tôi đang ăn khế ở đàng kia, bỗng thấy thỏ nhanh nhẩu chạy tới giục: "Chạy đi! Chạy đi!" nên tôi hoảng quá chạy vội mà húc phải nai, chứ có muốn thế đâu". Các thú vật nổi giận đòi đánh thỏ nhanh nhẩu, thỏ thưa: -"Khoan. Vì tôi bị sói hung đuổi bắt ăn thịt nên sợ mà chạy, gặp hươu thì tôi bảo chạy ngay kéo nguy". Các thú vật bấy giờ nhìn lại sói hung, sói gượng gạo: -"Nhưng con tôi chết thì sao đây. Cây hương phải đền mạng chứ". -"Chính mày gây nên chuyện, -các thú vật thét- Con mày chết nguyên do tại mày. Gieo họa gặp họa còn gì nữa". Sói linh mất. Cáo cũng cúp đuôi chạy [6].

Một truyện của Việt-nam: *Chiền chiện* và ông sư kết hợp giữa một số tình tiết của truyện *Sự tích chim tu hú* với *Vụ kiện châu châu*:

Có hai vợ chồng con chiền chiện [7] làm tổ bên tai ông sư để được một con. Một hôm chim vợ đi kiếm ăn không được gì lại bị hoa sen cụp lại nhốt ở trong không về được. Ở nhà chim chồng có một con cào cào vào ngủ, nhưng vì chân dài vô ý nên nó đè gãy chân chim con. Sáng dậy chim vợ về, chim chồng đánh ghen quát tháo om sòm. Chim vợ chửi cào cào đã không nhận lỗi thì chớ, lại to tiếng chối phắt làm ầm ỹ điếc cả tai. Ông sư tức mình vứt cái tổ xuống. Vì thế mà sư ta không được đắc đạo [8]

[1]_Theo lời kể của người Cao-Bằng.

[2]_Theo *Truyện cổ Việt-bắc*, tập I, nhà xuất bản Việt-bắc, 1973.

[3]_Theo *Truyện cổ Hà-sơn-bình*.

[4]_Theo *Truyện cổ Hà-sơn-bình*.

[5]_Theo *Truyện cổ Việt-bắc*, tập II, đã dẫn. Ở truyện của người Mèo kể trong *Truyện cổ dân tộc Mèo, chuyện về giống chuột* còn thêm một con vật nữa là Chuột. Tiếc rằng cấu trúc của truyện này phần nào đã bị phá vỡ không đúng như sơ đồ của các truyện trên;

Chuột con phá ngô bị người đánh đau. Chuột già mời ve sầu về làm thầy cúng, nhưng ve vắng nhà, cháu đi thay. Cháu đã không biết cúng lại giờ lời đạo đức khuyên chuột làm ăn lương thiện, nên cháu bị chuột đánh đuổi chạy tới nhà chim đang ấp trứng, xin ngủ nhờ một đêm vì chân đau. Thương hại, chim cho nằm ghé. Cũng như truyện của ta, nửa đêm có tiếng hoẵng kêu to, cháu giật mình đập tung, trứng rơi vỡ hết. Chim kiện cháu ở Trời. Cháu lúc đầu đổ cho hoẵng. Hoẵng đổ cho cây đổ đè lên người mình, cây đổ cho gà bới ruộng gốc. Ở đây gà tự biện bạch vì phải nuôi lấy đàn con lại không có vú, hơn nữa chỉ ăn sâu chứ không gặm gỗ. Trời đang lúng túng không biết xử ra sao, thì cháu lần này lại kể tội chuột cắn phá của người. Cháu kể đúng bệnh của chuột, nhưng chuột lại đuổi đánh nó nên phải xin ngủ nhờ. Các con chuột lúc này đều đồng thanh đổ cho chuột xấu nết. Trời bèn phạt chuột, bắt chuột phải bé người lại.

[6]_Theo Đinh Tú: *Cô gái đẹp lấy chồng rắn*.

[7]_Chiến chiến: ở đây là một loài chuồn chuồn cánh vàng (theo lời người

kê).

[8] Theo Nguyễn Văn Ngọc, *Truyện cổ nước Nam*, B- Muông chim.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
IX - TÌNH BẠN, TÌNH YÊU VÀ NGHĨA VỤ
171. BÀ CHÚA ONG

Ngày xưa có một người học trò nhà nghèo rất mừng tên là Sĩ. Anh ở với bà mẹ già lụ khụ. Anh muốn lấy vợ để vợ đỡ dần công việc nhà và phụng dưỡng mẹ già, nhưng hỏi mấy đám, người ta thấy nhà anh luôn năm thiếu ăn nên đều lắc đầu từ chối. Vì thế, anh vẫn phải sống một thân một mình với nghề đi củi. Hàng ngày, buổi sáng tinh sương, anh lên rừng chặt củi đem ra chợ bán. Chiều lại, ăn xong, anh mới cầm lấy quyển sách.

Cứ như vậy cho đến ngày anh học thành tài. Kỳ ấy nhà vua mở khoa thi ở kinh đô để kén nhân tài. Các sĩ tử đua nhau chuẩn bị tiền gạo, lều chiếu để vào dự thi. Trong lòng Sĩ cũng hăm hở muốn đua chen chốn trường văn trận bút, nhưng tài lực nhà anh quá kém cỏi, chẳng biết lấy gì dùng để nuôi mẹ già những ngày vắng mặt, cũng chẳng có gì để ăn tiêu dọc đường. Sắp đến kỳ thi, mấy người bạn anh lần lượt thấy kinh mà không rủ anh. Sĩ cố chạy vạy mấy nơi, nhưng không kết quả. Mãi về sau mới có mấy nhà láng giềng tốt bụng nhận nuôi nấng mẹ già cho anh để anh yên tâm ra đi. Và rồi cuối cùng anh cũng đánh liều cất bước lên đường, tuy rằng trong lưng không có một đồng một chữ.

Thoạt đầu anh gánh hàng thuê cho bọn lái buôn. Làm hết hơi hết sức trong hai ngày, anh nhận được ở họ cơm ăn và một quan tiền công. Có vốn, anh lại tiếp tục đi nữa. Sau hai ngày tiêu rất dè sẻn, số tiền mới kiếm được cũng lại hết nhẵn. Mặc dầu vậy, anh vẫn không dừng lại, hy vọng dọc đường sẽ tìm được việc làm. Nhưng rủi thay, ngày hôm ấy trời mưa, không một ai thuê mướn cả. Vì chỉ còn ba ngày nữa đã bắt đầu nhập trường, anh không thể nấn ná được. đành phải cầm củi bước liều trong lúc không có một hột gì vào bụng. Trời xế chiều, anh đi tới một khu rừng rậm. Trong khi đang bước

thấp bước cao mong tìm ra một ngôi nhà nghỉ trọ, thì anh bị lạc đường. Anh quanh quẩn mãi giữa đêm tối trong lùm cây mà không nghe qua một tiếng gà gáy chó sủa. Cuối cùng bụng đói, cật rét, sức mệt, anh trèo lên một cây cổ thụ, định tìm một chỗ tạm nghỉ chân. May làm sao, lúc trèo lên đến nhánh chẻ ba, bỗng thấy thấp thoáng bên phía tay trái có ánh đèn. Lòng mừng khắp khởi, anh vội tụt xuống lần về hướng ấy. Chỉ một lát, anh đã đứng trước một ngôi nhà lá nhỏ. Anh hồi hộp gọi cửa, và rất ngạc nhiên thấy cánh cửa mở ngay như có người chờ sẵn. Một cô gái tay cầm một cây đèn sáp bước ra. Dưới ánh đèn Sĩ trông rõ cô gái mặt mũi xinh xắn, nhưng hai mắt lại mù. Cô đơn đả:

- Chào thầy khóa. Thiếp chờ thầy đã lâu. Mời thầy vào trong này.

Nghe lời chủ nhân, Sĩ không còn hồn vía nào nữa. Làm sao cô gái mù này biết mình là học trò và đang chờ mình. Chỉ có yêu tinh ma quỷ đang giương bẫy đón mời thì mới có thể như vậy. Sĩ rất ngần ngại, nhưng cái bụng và sức khỏe không cho phép anh bước đi đâu được nữa. Anh đánh liều bước vào nhà, không quên đề phòng mọi sự bất ngờ có thể xảy đến. Trong nhà, ngoài cô gái còn có một người bô già. Sau khi mời Sĩ ngồi, cô gái bảo bô già mang hỏa lò lại cho khách hơ áo quần. Sĩ vừa cảm thấy khô ráo ấm cúng thì bô già đã bưng lên một mâm cơm, có cô gái mù đi theo mời mọc:

- Nhà thiếp thanh đạm chẳng có gì. Xin mời thầy khóa cứ thực tình cho.

Sĩ lúc đầu ngờ vực không dám đụng đũa. Nhưng sau, cơm đói đã át tất cả. Anh cầm lấy bát nếm thử một miếng, thấy không có vẻ gì khác, nên cầm đầu ăn. Bữa cơm quả là thanh đạm, nhưng cơm nóng canh sốt làm anh cảm thấy chưa bao giờ ngon miệng đến thế. Ăn xong bô già đã dọn ổ rơm, trải chiếu cho khách nằm. Sĩ mệt quá, nằm xuống nhưng không dám ngủ, cố ý

ình xem ma quỷ còn giở những trò gì. Nhưng chỉ một lúc anh đã chớp mắt và ngủ thiếp đi.

Đến nửa đêm, sĩ bỗng giật mình tỉnh dậy. Gió bão thổi tới mỗi lúc một nặng nề. Thình thoảng trời lại gầm lên dữ dội. Anh nghe tiếng cô gái nói:

- Bô già ơi, gió đổi sang phía bắc rồi. Nó rít mạnh quá bô nhi? Đấy cái tổ nhỏ ở cạnh thứ ba bị đổ mất rồi. Bô thử ra xem nào.

Sĩ rất lấy làm lạ sao cô gái mù lại ăn nói như người hoàn toàn sáng mắt. Anh đang suy nghĩ vấn đề thì lại bỗng ngủ thiếp đi.

Không bao lâu, gió thổi càng mạnh như muốn bốc cả nóc nhà. Sĩ lại tỉnh dậy lần nữa. Lần này anh nghe tiếng cô gái nói ở ngoài nhà:

- Bô già ơi! Gió mạnh thế này thì chắc chúng nó sẽ lạc nhiều đấy. Nhưng chẳng sao, mai kia chúng nó lại về đủ. Ở cái tú thứ bảy có nhiều con đang chờ mà chưa vào được!

Liền đó, Sĩ nghe tiếng tờ nón của bô già lạch xạch lần ra vườn. Bão vẫn dữ dội. Anh ngồi dậy và tiện chân bước ra cửa. Qua những làn chớp, Sĩ thấy cô gái mù đang đứng dưới một cây có cành lá xò ra như một cái tán. Ở những cành thấp ở dưới gốc, ong vàng đậu chi chít, đậu cả lên nón, lên áo cô gái. Ong vàng con đậu con bay nhiều vô kể; tiếng vù vù của ong cơ hồ át cả tiếng bão.

Trong khi cô gái và bô già đang làm việc ở phía ngoài, Sĩ lại trở vào trong nhà, trong lòng vẫn chưa hết nghi hoặc. Trên án thư ở đầu ổ rơm, ngọn nến vẫn đang cháy dở. Thấy có một quyển sách. Sĩ vội giở ra xem. Hóa ra quyển sách nói về đạo phật. Anh cầm lấy đọc rất mê mải.

Cho đến gần sáng, bão đã bắt đầu tạnh, cô gái và bô già bước vào nhà. Sĩ gập sách lại, lên tiếng hỏi:

- Tôi bị lạc đường, rất cảm tạ cô và bô già cho ăn cho nghỉ. Nhưng có một điều tôi lấy làm khó hiểu là tại sao hai người lại sống trơ trọi trong khu rừng này? Sống như vậy lấy gì nuôi thân? Tại sao cô lại biết tôi sắp đến đây và còn biết tôi đi thi? v.v... Tôi rất mong được giải tỏ những điều đó trước khi từ giã nơi này.

Cô gái đáp:

- Nhà này vốn là nhà của thầy mẹ thiếp. Thầy thiếp trước có làm quan, vì ghét bọn quan trên nên từ về, tìm đến khu rừng này sống bằng nghề nuôi ong. Cách đây ba năm, thầy mẹ thiếp lần lượt qua đời còn mình thiếp cùng với bô già và đàn ong. Đàn ong cho mật và sáp, bô già mang ra chợ đổi lấy gạo. Mắt thiếp tự dưng bị đau rồi hỏng. Tuy mù, linh tính của thiếp lại biết hết mọi chuyện. Tự nhiên thiếp cảm thấy đàn ong bị nạn thì nó bị nạn thật. Như hôm qua, thiếp cảm thấy có một chàng thư sinh đi thi bị lỡ độ đường và đang cần được giúp đỡ. Thiếp vừa thắp đèn lên thì nghe thấy tiếng gõ cửa của thầy khóa. Quyển sách trên bàn đó là của thầy thiếp để lại, thầy khóa cứ đọc đi. Nhưng thầy khóa đi làm gì vội còn bảy ngày nữa mới bắt đầu thi kia.

Nghe nói, Sĩ lấy làm thương cô gái mù mà cảnh ngộ còn gian nan hơn cảnh ngộ của mình. Anh cầm sách đọc cho đến sáng. Nhớ tới ngày thi, anh từ giã cô gái và bô già ra đi. Thấy mời mọc không được, cô gái đưa cho anh một nắm cơm và một quan tiền. Sĩ vội trả lại tiền chỉ nhận nắm cơm và nói:

- Đa tạ cô và bô già. Sau này nếu được vinh hiển, tôi sẽ không bao giờ quên

tấm lòng vàng của cô và ông.

Chiều hôm sau vào đến kinh đô, Sĩ giật mình khi được tin vì hoàng đế se mình, nên kỳ thi kỳ thi hoãn lại năm ngày nữa đúng như lời cô gái.

Kỳ thi năm ấy vua ra đầu đề bài văn có nhiều điển tích về đạo phật.

Các bạn của anh ở quê nhà cũng như sĩ tử bốn phương vì không đọc qua sách phật nên bị loại quá nhiều. Có kẻ đã lọt vào trường ba rồi cũng hỏng. Chỉ có Sĩ nhờ vô tình đọc quyển sách giữa cái đêm gió bão ở nhà cô gái mù nên trả lời trôi chảy. Anh đỗ tiến sĩ được vua ban cho tiền bạc, áo mũ, cờ quạt và lính hầu về vinh quy. Trên đường về quê anh dự định rẽ vào khu rừng có nhà cô gái mù nuôi ong để tạ ơn.

Nhưng khi đoàn vinh quy vừa bước lên đèo, Sĩ đã thoáng thấy một cô gái có cặp mắt đen láy đang đứng đợi ở đỉnh đèo. Hai tay cô mang một rổ hoa; trên áo cô, ông vàng bám lấy chi chít như thêu kim tuyến. Sĩ nhớ lại cái đêm gió bão đứng ở trong nhà nhìn ra, thấy cô gái mù cũng được ông bám vào như thế. Đúng là cô gái nuôi ong đây rồi. nhưng tại sao hai mắt cô lại không mù. Sĩ vội bước xuống cáng chạy lại đón cô gái. Anh nói ngay:

- Đây là cô gái nuôi ong phải không? Nhưng ai đã hóa phép làm cho mắt nàng sáng lại như cũ? Ôi! Nếu không có quyển sách của thầy nàng để lại thì tôi cũng hỏng như hầu hết các bạn của tôi. Không biết nói làm sao để cảm ơn nàng cho xiết được!

Cô gái đáp:

- Thiếp nhờ có ong chúa hút được nhị hoa thần và nhả nhị vào mắt làm cho mắt mở lại tỏ. Sáng hôm nay thiếp cảm thấy tân khoa sắp về nên vội vàng đi đón ở đây.

Cô gái nhìn Sĩ má đỏ hồng hồng. Sau đó, Sĩ và đoàn tùy tùng kéo nhau đến ngôi nhà nhỏ của cô gái. Ở đây được mấy ngày, Sĩ đưa cô gái và bà già về quê nhà. Chàng xin phép mẹ được kết duyên với cô gái nuôi ong. Đám rước dâu linh đình từ rừng xuất phát, có cờ quạt, chiêng trống quân gia rầm rộ. Đặc biệt là những con ong vàng ngậm mỗi con một bông hoa bay trên đầu bà chúa của chúng, đẹp như một đám mây ngũ sắc[1].

[1] Theo *Tiểu thuyết thứ bảy* số 335 (1940); và *Loại cổ tích hay*

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
172. ANH CHÀNG HỌ ĐÀO

Ngày xưa ở huyện Đông-sơn có một anh học trò họ Đào. Anh đẹp trai, học giỏi, chỉ phải một tội là nhà rất nghèo. Thường ngày anh cắp sách sang làng bên cạnh học với một ông đồ. Nhưng cũng có những lúc anh phải đi làm thuê, làm mướn để kiếm tiền gạo nuôi thân. Cuộc sống bữa no bữa đói khá là vất vả. Trong năm năm, mặc cho kẻ cười người chê, anh vẫn vừa làm vừa học không chịu bỏ dở. Ở chỗ làng anh đến học, có một cô gái con nhà khá giả yêu anh và cũng được anh yêu lại. Hai bên có tình ý với nhau như vậy đã được vài năm.

Ít lâu sau, anh chàng họ Đào mướn mồi đến dạm cô gái. Nhưng cha mẹ cô gái chê nhà anh nghèo, không gả. Họ bảo thẳng người mồi: -"Nhà anh ấy một thân một mình kiếm ăn còn chật vật thay. Con gái tôi về đây càng làm cho anh thêm bần". Khi người mồi cho biết tài học của anh chàng có thể mai sau thay đổi được số phận, thì họ trả lời: -"Nếu thế thì đợi lúc ngựa xe vòng lọng trở về hãy hay".

Thấy vậy, anh chàng họ Đào vừa giận vừa thẹn. Anh nghĩ bụng phải bỏ nhà ra đi, quyết chí lập được công danh mới trở về để cho cha mẹ nàng không dám giở giọng khinh bạc với mình nữa. Nghĩ vậy anh bỏ nhà đến kinh đô. Ở đây anh vẫn vừa làm thuê, vừa học. Nhờ sáng dạ, anh học rất tấn tới. Sau năm năm, anh đi thi đỗ luôn cử nhân.

Hôm vinh quy trở về nhà, lòng anh mừng khắp khởi. Bụng bảo dạ: -"Nhất định bố mẹ cô ta sẽ vui lòng gả con cho mình và hối hận về những câu nói khinh người trước đây". Nhưng không ngờ, khi nah đến chào thầy học cũ, người ta cho biết là cô gái, sau khi anh bỏ làng ra đi, đã bị cha mẹ ép gả cho

một người làng, mặc dầu cô không ưng thuận và có bụng chờ anh. Nghe nói, chàng họ Đào hết sức buồn. Anh bỏ dự định đến nhà cha mẹ người yêu và cũng chẳng bụng dạ nào đến nhà vợ chồng người yêu, vì sự gặp mặt lúc này chỉ làm anh thêm đau khổ, cũng có thể khiến chồng nàng ngờ vực. Nhưng lúc trở về, trên con đường cắt ngang qua cánh đồng, anh bỗng gặp nàng đang mang cơm ra đồng cho chồng. Hai người e lệ nhưng cũng dừng lại hàn huyên: họ bày tỏ nỗi đau khổ vì sự éo le củ duyên phận. Khi chàng họ Đào từ giã, cô gái gạt nước mắt nhìn theo. Nàng đâu có ngờ rằng, từ đằng xa, người chồng của mình đã nhìn thấy được cảnh chuyện trò vừa rồi, và cơn ghen của hăn bốc lên bùng bùng. Nàng vừa đến nơi, hăn lấy có cơm canh chậm chạp, liền xông lại gây sự. Vợ nói lại mấy câu thì con người vũ phu đó nổi xung lên không đợi tìm hiểu phải trái, trong tay đang cầm cái cuốc để cuốc khoai, thuận đà hăn ném vào người vợ. Không ngờ phạm nhầm chỗ hiểm, người vợ gục xuống bất tỉnh nhân sự. Hăn lo sợ, lén lút vực vợ về nhà nói dối là ngộ cảm, rồi sau đó tiến hành chôn cất không để cho một ai sinh mỗi nghi ngờ.

Vừa về đến làng mình, chợt nghe tin người yêu chết một cách đột ngột , anh chàng họ Đào không ngăn được kinh ngạc và thương cảm. Anh bèn làm một cỗ cúng, rồi vì không tiện đến nhà, chờ lúc đêm khuya, đem sang cúng ở mộ người yêu. Nhưng điều không ngờ là trong lúc sục sùi khấn khứa thì bỗng nghe trong mộ có tiếng động phát ra. Thấy sự lạ, anh vội trở về gọi người nhà đem quốc thuổng đến đào lên. Khi nạy nắp áo quan mới biết là người chết sống lại. Số là cô nàng bị chồng ném cuốc ngất lịm đi, nhưng chưa chết thật, con người chồng thì sợ mang tội giết người nên vội khâm liệm rồi đem chôn cất sơ sài, cho chóng xong. Sau khi bị chôn, người chết mới dần dần hồi tỉnh và co cẳng đập vào cầu cứu , đúng lúc người yêu đang đứng ở mộ.

Anh chàng họ Đào trong lòng mừng rỡ, bèn cùng người nhà đắp mộ lại như cũ, rồi vực nàng về nhà hết sức chữa chạy. Khi đã bình phục trở lại, cô gái

kể tất cả mọi chuyện cho anh nghe. Anh dặn người nhà giữ rất kín chuyện này và sau đó kín đáo đưa người yêu đến chỗ làm quan. Hai người trở thành vợ chồng không cheo cưới.

Lại nói chuyện anh chồng cũ cũng như mọi người trong làng vẫn không ngờ rằng người chết đã được cứu chữa sống lại. Cho nên, hàng năm hễ vẫn cúng đơm theo đúng tục lệ. Ba năm sau, một hôm nhân có dịp thấy hội chùa ở một trấn đằng ngoài. Trên đường đi tới chùa hễ bỗng thoáng gặp một bà quan đi cáng trông nét mặt hao hao giống vợ mình. Hễ lấy làm lạ, vội đuổi theo để mong được nhìn kỹ càng tận mắt. Đứng đón nấp đằng sau cổng chùa, hễ thấy bà quan ấy từ mặt mũi dáng đi đến giọng nói quả đúng là vợ mình, không nghi ngờ gì nữa. Rồi hỏi thăm mấy người lính hầu, hễ lại biết thêm rằng chồng nàng không ai xa lạ mà chính là người học trò thi đậu cử nhân ở làng bên cạnh đã đứng nói chuyện với vợ mình trước khi hễ ném cuốc vào người nàng. Nhưng tại sao hễ đã chôn nàng hai năm rồi mười mà bây giờ nàng lại sống đường hoàng như thế kia? Trong bụng hễ nghi nghi hoặc hoặc, đoán chắc có sự lừa gạt chi đây. Cho nên vừa trở về tới làng, hễ đã bày ra chuyện bói toán cải táng để đào mộ vợ lên xem cho rõ sự thật. Và khi thấy áo quan rỗng, hễ vội phát đơn kiện anh chàng họ Đào tội đã quyến rũ vợ mình.

Nhưng sau khi nắm được mọi uẩn khúc, quan xử cho hễ không những mất vợ mà còn bị án khổ sai chung thân về tội đã phũ phàng đánh chết vợ và lén lút đem chôn, có đầy đủ tang chứng do tội nhân tự khai ra. Còn vợ hễ thì được phép lấy anh chàng họ Đào, người đã có công giành lại nàng khỏi tay tử thần [1].

KHẢO DỊ

Một truyện của Trung quốc phần nào giống với truyện trên:

Thời Tấn Vũ Đế, ở Hà-giang có một đôi trai gái yêu nhau hứa hẹn sẽ lấy nhau. Đột nhiên chàng trai phải đi lính thú lâu ngày không thấy về. Cha mẹ cô gái sau này ép gả cô gái cho một người khác, mặc dầu cô hết sức chống lại. Ở đây cô gái buồn rầu mà chết. Chàng trai hết hạn đi thú trở về. Biết là người yêu đã chết; bèn ra mộ khóc lóc. Trong một lúc thương xót quá độ, chàng đào mộ người yêu mong được nhìn mặt một tý. Không ngờ khi mở nắp áo quan, cô gái bỗng sống lại. Mừng quá, chàng công lên lưng đưa về chạy chữa, dần dần bình phục, bèn lấy làm vợ. Nhưng bấy giờ người đàn ông được bố mẹ cô gái hứa gả phát đơn kiện. Quan không xử được, việc đưa lên đình úy. Đình úy sau khi cứu xét, nói: - "Lòng thành cảm cách đến trời đất, nên đã chết mà được sống lại. Vậy không nên xử theo luật thông thường". Bèn phán cho cô gái về với anh chàng đào mộ [2].

Một truyện Nôm của ta, có nói đến một nhân vật nữ tên Dương Liễu vốn có tình ý với Mộng Hiền nhân một lần gặp gỡ chàng tại một ngôi chùa. Khi bố mẹ Mộng Hiền đến cầu hôn cho con thì Tào ông- bố Dương Liễu - tuy nhận lời hứa hôn, nhưng cho rằng vợ mình chết sớm nên con gái mình "xác lớn mà nết còn ngây", bảo hãy đợi vài năm nữa. Không ngờ trong thời gian đó, nhà Mộng Hiền sa sút đột ngột, ruộng đất tiền của hết sạch, bố lại bị bệnh. Cho đến lúc cùng túng, Mộng Hiền tìm đến nhà Tào ông thì Tào ông đã chết và vì không có con trai, nên gia sản vào tay Tào Nghê chú của Dương Liễu. Tào Nghê bảo chàng "phải đem ngàn lượng mới tròn hôn nhân".

Mộng Hiền thất vọng trở về sau khi nhờ người mang một bức thư đến cho Dương Liễu.

Lại đến lượt nhà Tào Nghê sa sút: trong một đêm, bọn cướp tới lấy sạch của cải. Sau đó có Lý Sinh mang 100 lạng vàng đến mua Dương Liễu về làm thiếp. Tào Nghê bằng lòng cho cưới ngay. Phải đi mất mười ngày mới tới quê Lý Sinh. Được Dương Liễu, Lý Sinh "mừng cờ đã vào tay" nhưng đêm động phòng cô gái "lưỡi đàn đao cắt, máu lênh láng đầy". Ở đây truyện gặp tình tiết của cổ tích. Nhà họ Lý sợ, chôn cất Dương Liễu "áo vàng xiêm nhẹ phủ phê", sau khi cắt người giữ xác ba ngày. Chôn xong, có một bọn cướp nghe tin, đêm tới hi vọng đào mả kiếm chác. Chúng không ngờ Dương Liễu nhan sắc vẫn như thường, chống tay ngồi dậy. Bọn cướp tưởng là ma hoảng sợ mất vía chạy hết, còn nàng thì trút hết mọi thứ khâm liệm, chỉ "mang tờ rách, đội nón cời" do bọn cướp để lại và đi xin ăn lần về Đường-lâm, quê của Mộng Hiền. Và cuối cùng hai anh chị lấy nhau, chỉ khác với cổ tích là họ sống êm thấm không xảy ra kiện cáo gì lôi thôi[3].

-
- [1] Theo Tô Linh Thảo, sách đã dẫn.
 - [2] Theo *Thái-bình quảng ký*, quyển 375
 - [3] Theo Quật Đình Ứng Ân. *Mộng Hiền Truyện*, bảo nôp chép tay.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
173. DUYÊN NỢ TÁI SINH

Ngày xưa, có một anh học trò trẻ tuổi nhà nghèo xơ nghèo xác. Vì có cha mẹ già, anh phải lang thang đây đó làm nghề gõ đầu trẻ để nuôi thân và nuôi cha mẹ. Mãi về sau, anh được một phú ông ở một làng nọ mời về "ngồi" tại nhà mình để dạy cho con học. Anh mừng thầm từ nay có chỗ yên thân để ôn luyện văn bài. Phú ông có nhiều nhà, y cho thầy đồ ở riêng ngôi nhà thờ ở góc vườn để được tĩnh mịch dạy học. Ngoài ba bữa cơm hàng ngày của phú ông, anh còn nhận được tiền gạo của những người khác có con đến học với anh, nên anh cảm thấy đầy đủ.

Phú ông có một cô con gái đã đến tuổi lấy chồng. Từ ngày có anh đồ tới, cô con gái cảm thấy lòng mình đỡ trống trải. Mặc dầu ở ăn cách biệt, cô gái và anh đồ vẫn nhiều phen gặp gỡ. Cô đâm ra yêu chàng ngày một tha thiết và cô cũng được chàng yêu lại. Mỗi tình vụng trộm cứ thế mỗi ngày trở nên keo sơn, không thể gỡ ra được nữa. Vì thẹn thò và sợ hãi, cô gái cũng không dám nói thật cho cha mẹ biết.

Hai người yêu nhau như vậy đã được vài năm. Nhưng một ngày nọ, có một nhà phú hộ khác ở cùng miền, mang trầu cau đến dạm cô cho con. Cha mẹ cô gái thấy hiếm có đám nào môn đăng hộ đối hơn thế, nên hối hả nhận lời. Nhưng khi hỏi ý kiến con gái thì phú ông đâu có ngờ rằng con mình xưa nay ngoan ngoãn là thế, trước việc nhân duyên tốt đẹp của mình lại tỏ ra khó tính lạ lùng. Cả vợ lẫn chồng hết lời dỗ dành con, nhưng không kết quả. Mãi về sau, cô gái mới cho cha mẹ biết là mình đã chỉ thề non hẹn biển với anh đồ và quyết kết nghĩa trăm năm. Nghe nói thế, phú ông từ lòng thương con chuyển sang giận dữ. Đời nào ông lại chịu hạ mình gả con cho một người kiết xác như vậy. Ông nhất định không để con gái làm sai chuyện hứa hôn. Cô gái trước còn khẳng khái từ chối, nhưng sau bị gia

đình và họ hàng ép buộc, nên tuy uất ức mà đành ngậm miệng. Con về phía anh học trò biết phận mình không đất cắm dùi, nên cũng không dám tỏ bày nỗi lòng với vợ chồng phú ông. Vì vậy, sự định đoạt của phú ông coi như mười phần đã xong đến tám chín.

Thấm thoát mà đã một năm nữa lại trôi qua. Con trai nhà phú hộ sau mấy lần sêu tết đã chuẩn bị xong lễ cưới. Vì không có ai bên vực, không một người đồng tình nên cô gái nhẵn nhụa kia cảm thấy quẫn trí. Không còn biết cầu cứu với ai, cô quyết tự liều tấm thân còn hơn phải lấy người mà mình không ưa. Một đêm nọ, trước ngày đón dâu, cô trốn lên nhà học tự tình với anh đồ. Hai bên chuyện trò than vãn với nhau đến tận sáng. Cuối cùng cô gái lấy gói thuốc độc mang sẵn trong mình ra uống lén, và chỉ một lát quần quai chết ngay trong lòng anh học trò.

Thấy người yêu tự vẫn mà trước sau vẫn không một lời bộc bạch cho mình biết, anh học trò lòng đau như cắt. Nhưng dầu không ngăn được nước mắt giàn giụa, anh cũng cảm thấy hết sức bối rối và sợ hãi, nghĩ đến cái chết bất ngờ của người yêu nhất định sẽ làm cho mình mang tai vạ vào thân.

- Nếu mình đeo gông ngồi tù thì cũng đành cam chịu, nhưng cha mẹ già rồi đây biết cậy nhờ vào ai?

Càng nghĩ anh càng bủn rủn chân tay. Cho đến lúc gà gáy canh năm mà anh vẫn chưa biết xử trí thế nào. Cuối cùng anh nghĩ ra một kế. Anh đứng dậy đi kiểm cuộc thuổng rồi đào dưới gậm giường mình nằm một cái huyệt. Đào xong anh ôm lấy thi thể của cô gái mà thề với vong linh nàng:

Kiếp này duyên đã lỡ duyên

Quyết xin giữ trọn lời nguyện kiếp sau.

Sẵn có bút son trên bàn, anh viết vào tay cô gái hai câu:

Thử sinh duyên vị liễu;

Nguyện kết hậu sinh duyên [1].

Viết đoạn, anh đặt xác cô xuống huyết, lấp đất lại, lại sửa sang nền nhà thật cẩn thận, nhật từng hòn đất, sắp từng viên gạch, rồi chùi rửa cuộc thưởng không để một vết tích gì khả nghi. Xong đâu đó anh lại lên giường nằm đợi trời sáng.

Lại nói chuyện nhà phú ông sáng hôm sau thấy con gái mất hút, bèn cho người đi khắp mọi ngả để tìm. Bên nhà trai nghe tin cũng cho người đi khắp miền. Nhưng ngày một ngày hai vẫn không một manh mối, không một tin tức gì mới mẻ. Phú ông đoán con gái mình vì không cam chịu ép duyên nên đã liều thân hoại thể ở chỗ nào xa xôi. Mặt khác sợ bọn quan nha lính tráng dựa dẫm vào việc này để đục khoét, nên ông cố im đi không dám trình báo. Cuối cùng, sau những ngày hối tiếc thở than của bà con thân thích, sau những cuộc bàn tán xôn xao của xóm giềng, câu chuyện cô gái mất tích cùng với thời gian xóa mờ dần trong mắt trong ký ức mọi người.

Về phần người học trò, sau khi bí mật chôn xác người yêu, phần vì thương cảm quá độ, phần vì muốn tránh mặt vợ chồng phú ông, nên được ít lâu anh thôi dạy. Phú ông cho là thầy đồ thất tình, cũng không nghi ngờ gì cả. Rồi nhà phú ông, anh đi thật xa, kiếm được một chỗ ngồi dạy khác, rồi cố nén đau khổ, tự rèn luyện thành tài để đợi khoa thi. Sau mười lăm năm sôi kinh nấu sử, sức học của anh uyên bác không ai bì kịp. Anh đi thi và đậu luôn tiến sĩ. Những ngày vinh quy rộ ràng tấp nập đã qua, nhà vua bổ anh làm quan ở một trấn gần kinh kỳ, bố mẹ cũng như hàng xóm mỗi lần gặp anh, ai

cũng khuyên anh lấy vợ kéo muôn người nối dõi, nhưng anh một mực mỉm cười, không gật đầu cũng không từ chối.

Hồi bấy giờ ở một thị trấn do quan tân khoa trị nhậm, có một nhà phú hộ hiếm hoi sinh được một cô gái nhan sắc sinh đẹp, nhưng lại có tật. Từ lúc sinh ra, mấy ngón tay cô bị văng dính liền nhau, và vì thế bàn tay trái luôn nắm lại không thể mở ra được. Thấy con tật nguyền, nhà phú hộ lấy làm buồn phiền. Họ hẳn tin ra sẽ ai chữa khỏi cho con gái mình thì sẽ vui lòng hậu tạ tất cả gia sản.

Bao nhiêu danh y nội khoa, cũng như ngoại khoa tìm đến chữa chạy bằng đủ các món thuốc, nhưng cô gái chứng nào vẫn tật ấy.

Quan tân khoa lúc mới tới vùng đó đã loáng thoáng nghe được tin này. Mặc dầu đó là cái tin hơi lạ, quan tân khoa vẫn không bận tâm. Mãi về sau, nhân một chuyến đi hành hạt, quan ghé vào nhà phú hộ định bụng xem thử cho biết. Thấy có quan đến nhà phú hộ tiếp đón rất trọng thể. Nghe con hỏi về chuyện bàn tay con gái, chủ nhân cho biết con gái mình đẻ vào ngày, tháng, năm nọ, nhưng vừa lọt lòng không may đã mang tật nguyền. Nghe lời trình bày của phú hộ, quan đã lấy làm chột dạ, vì ngày tháng năm sinh của cô gái này lại trùng khớp một cách lạ lùng với ngày tháng năm mất của người yêu của mình trước đây. Quan liền nói:

- Chúng tôi cũng biết chút nghề y. Cụ hãy cho cô em ra đây thử xem sao.

Nhà phú hộ vào buồng dắt cô gái ra, khi thấy mặt nàng, quan bỗng nhiên bồi hồi xúc động, vì giống hệt mặt người yêu xưa, hầu không sai một nét. Quan liền sai người hầu múc đến cho mình một thau nước lã. Đoạn quan cầm bàn tay nàng nhúng vào nước, rồi tự mình vuốt các ngón tay. Tay quan vuốt tới đâu, vầng bóng trôi đi tới đó. Cuối cùng năm ngón búp măng của

cô lại xòe được ra như thường. Khi mấy ngón tay vừa duỗi một mối kinh ngạc đến với mọi người, vì họ thấy lộ ra những dòng chữ:

Thử sinh duyên vi liễu,

Nguyện kết hậu sinh duyên.

Mười chữ son vẫn còn đỏ thắm trong bàn tay cô gái. Nhưng tất cả mọi người lấy làm ngạc nhiên hơn khi quan luôn tiện kể lại câu chuyện cũ của mình chôn kín trong lòng từ bao nhiêu năm nay: nào là hai người yêu nhau ra làm sao, cô gái nhà phú ông nọ bị ép uống như thế nào, cuối cùng cô đã tự tử vào lúc nào và được mình chôn cất, thề bồi, v.v... Quan ứa nước mắt kể mãi, kể mãi; sau đó quan chỉ vào cô gái và nói:

- Thật là có trời! Đúng là một cuộc tái sinh không thể nào ngờ được!

Nhà phú hộ sau đó gả cô gái cho quan và biếu chàng rể tất cả gia sản làm của hồi môn. Đám cưới tổ chức rất linh đình, co vị đại thần, người của nhà vua về dự. Rồi quan đưa vợ về quê chào cha mẹ họ hàng. Quan còn không quên đưa vợ tìm đến nhà phú ông cũ, người đã đón mình ‘ngồi” dạy học tại nhà ngày trước. Thấy người đàn bà giống với con gái mình thừa xưa như đúc, phú ông rất đổi kinh ngạc. Phú ông càng ngẩn người khi nghe quan kể lại câu chuyện về đứa con mất tích thừa nào. Mới đầu phú ông tỏ ý không tin. Nhưng khi quan chỉ chỗ chôn cô gái ở gậm giường, và sai đào lên, quả đúng như vậy.

Từ đấy quan nhận cả hai người phú hộ làm ông nhạc, và ăn ở với cô gái trọn đời [2].

KHẢO DỊ

Một dị bản cũng do người Hà-tĩnh kể, có phần khác về đoạn kết:

Cô gái tái sinh làm con bà bán nước ở chợ (không phải là con nhà phú hộ). Tay cô bị què bẩm sinh. Quan tân khoa làm tri huyện, nghe tin, một hôm đi qua quán nước dừng lại mua bát nước uống. Cô múc nước vào bát bằng một tay cầm đưa cho quan. Quan cho là vô lễ không nhận đòi phải bưng hai tay. Tự nhiên tay cô gái không què nữa, hai tay bưng được bát. Uống xong quan nắm lấy tay cô gái vuốt tới đầu, ngón tay mở được đến đấy. Hai chữ "tái sinh" (ở đây là hai chữ, chứ không phải mười chữ) lộ ra, quan bèn kết hôn với nàng.

Còn có hai truyện khác của ta cũng tương tự với truyện trên:

1. Ngô Trí Hòa làm đến thượng thư đời Lê, người làng Lý-traí huyện Đông-thành (Nghệ-an), lúc nhỏ học ở kinh đô trọ nhà một người lính. Bên hàng xóm có cô gái 18 tuổi, con gái một người binh phiên người làng Nhân-mục (Hà-đông) thấy ông thì yêu, hai bên thề thốt nặng lời. Mẹ cha cô không biết chuyện ấy, gả cô cho một người làng. Cô không chịu. Cũng như truyện trên hôm sắp rước dâu đêm canh ba, cô đến nhà ông tự ả. Ông sợ quá bí mật đào huyệt dưới giường, cũng lấy son viết vào bàn tay mấy chữ:

Thử duyên kim vị liễu,

Tái kết hậu sinh duyên.

Rồi chôn. Sau ông thác kế di trú ngụ chỗ khác. Nhà binh phiên cũng không biết con gái đi đâu.

Mười năm sau ông đậu tiến sĩ, làm tả tham chính Sơn-tây đến sáu bảy năm. Ngoài công đường khi ấy có cô con gái bán trầu 16 tuổi. Người nhà cho biết cô gái ấy trong lòng bàn ấy có hai câu thơ. Ông gọi vào xem thì đúng là nét mình. Sau đó ông cưới nàng làm vợ kế. Hồi này người binh phiên làm trưởng lại ở thừa ty Sơn-nam. Người ta đùa gọi hắn là ông nhạc vờ (giả phụ ông), gọi ông là rể vờ (giả nữ tể) [3].

2. Võ Hoàng làm đến thượng thư nhà Lê, vốn người xã Lương-giang, huyện Lạng-tài (Kinh-bắc). Lúc trẻ, ông đỗ hương cống, lấy con gái của Đàm Cử (Thượng thư cầm đầu sáu bộ) ở làng Đông-ngân cùng tỉnh, mới 16 tuổi. Hai người rất yêu nhau. Không ngờ được nửa năm, vợ chết. Ông rất thương, lấy bút son viết vào tay mấy câu thơ: "*Con gái quan Thượng, là vợ giám sinh, nàng sao lại đi? Lòng ta sầu bi*".

Về sau, ông thi hội đậu tiến sĩ, làm tham chính Sơn-tây. Bấy giờ ở làng An-lạc cùng tỉnh, có một cô gái nhận lễ cưới của nhà trai, rồi giở quẻ không chịu lấy nữa. Bên nhà trai kiện cô ta là bội phu. Vụ kiện đưa cô đến thừa ty là nơi Võ Hoàng nhậm chức. Người nhà ông cho biết bị cáo từ khi sinh ra đã có mấy chữ son ở tay, xóa mấy cũng không sạch. Ông cho gọi cô đến, xem ra thì đúng nét chữ của mình ngày xưa, bèn lấy làm vợ thứ [4].

Việt-nam còn có chuyện *Kiếp này chẳng lành để dành kiếp sau*, cũng là một dị bản của truyện trên:

Có hai người học trò kết bạn, giao ước gả con cho nhau. Về sau một người giàu một người nghèo, nhưng họ vẫn không làm sai ước cũ. Cô con gái người nhà giàu lúc về nhà chăm lo làm ăn không quản ngại khó nhọc. Một hôm vợ gánh đồ đạc cho một đám cưới. Gặp một bọn chằng dây ra một câu đối hiểm hóc, cả đám nhà trai không ai đối được. Người vợ về gọi chồng vốn là học trò thi mãi không đỗ ra giúp. Chồng gỡ rối cho đám cưới bằng văn chương tài hoa của mình. Cả đám cưới, ai nấy đều khen ngợi tài học của anh. Một thầy số cho biết sở dĩ anh chưa đỗ đạt làm nên là vì số vợ cản trở. Người vợ nghe được tin này, để cho chồng khỏi phải vướng vì mình, bèn tự tử. Chồng không ngờ vợ lại thế, thương quá, viết vào tay vợ hai chữ "tiết nghĩa" khi khâm liệm.

Về sau người chồng đi thi đỗ cử nhân. Viên chánh chủ khảo khoa thi vốn có một người con gái độ 15, 16 tuổi, cũng như các truyện trên, từ lúc mới sinh bàn tay đã nắm lại không duỗi ngón ra được. Nhưng khi quan tân khoa đến bái yết chánh chủ khảo, tự nhiên cô gái chạy ra đón anh, ban tay bỗng xòe ngón ra dễ dàng. Nhìn thấy trong lòng bàn tay cô có hai chữ "tiết nghĩa", anh bèn kể lại câu chuyện cũ của vợ mình trước đây. Nghe đoạn, chánh chủ khảo gả cô gái cho anh làm vợ [5].

Một truyện nôm *Sơ kính tân trang* cũng có sử dụng tình tiết tái sinh, tuy phần nào mờ nhạt và không nói đến hình ảnh về bàn tay có tật:

Phạm kim nhân một chuyến du lịch tình cờ quen biết Trương Quỳnh Thư. Đôi bên thi từ xướng họa trái hai năm yêu đương. Dự định kết hôn thì bỗng ngày nọ chàng có việc phải về quê, trong khi đó nàng bị một đô đốc chính quyền mới uy thế nghiêng trời, buộc bố nàng phải gả con cho mình. Trước tình thế nghiêm trọng, nàng chỉ biết viết thư báo tin chàng đến, rồi đang đêm lén tới chỗ trọ cùng chàng than thở. Ở đây cũng có việc viết chữ vào lòng bàn tay: "thiếp nay tuy (tay) có son in; "Quỳnh nương" hai chữ thì xin

nhớ cùng". Trở về, nàng uống thuốc độc tự tử, còn chàng thì đau xót bỏ đi tu. Về sau chàng lấy Thụy Châu là người vốn do bố mẹ xưa kia "ước hẹn gương lược". Nhưng trong lòng chàng vẫn khắc khoải khôn nguôi, cho đến khi người vợ mới ngửa bàn tay có dấu chữ để chồng nhận ra đó là hậu thân của người yêu cũ, mới hết băn khoăn. "*Nàng (Thụy Châu) nghe nói đến chữ "Quyên"; nghĩ tiền duyên hẳn là mình chẳng sai. Ngửa tay xem dấu tổ mường; Vậy hay sinh hóa cơ trời lạ thay!"* [6].

Người Nghệ-an có truyện *Cái hoa chanh* (hay hoa khế) có nội dung khác hẳn, trừ hình ảnh bàn tay nắm lại. Mặc dầu vậy nó vẫn cho phép ta xem như cùng mô-típ với các truyện trên:

Một anh chàng cưới vợ, giữa tiệc cưới ban đêm, có họ hàng hai bên cùng dự, thì bỗng nhiên có giấy của nhà vua về bắt anh phải đi lính thú ngay, không được chậm trễ. Hai vợ chồng mới không biết tính sao, đành xin phép bọn lính tráng hương chức cho mình một lát để đưa nhau ra gốc chanh (hay gốc khế) tự tình. Đoạn chồng từ giả vợ ra đi.

Trong những ngày chồng vắng mặt, thì người vợ ở nhà có thai. Làng xóm bắt vạ người đàn bà, lấy cớ chồng vừa cưới đã phải đi ngay, sao lại có con. Người vợ then thò không biết trả lời thế nào, đành chịu nộp vạ. Đủ ngày tháng, sinh được một đứa con trai mặt mũi khôi ngô, nhưng bàn tay lúc nào cũng co ngón lại, ai mở cũng không được. Sau năm năm hết hạn lính, người chồng trở về. Thấy bàn tay con như thế, anh ngồi lại khế vuốt ra. Cũng như các truyện trên, vuốt đến đâu tay cháu bé duỗi ra đến đó, không ngờ giữa lòng bàn tay có một cái hoa chanh (hay hoa khế), tang chứng cho lòng trinh bạch của người vợ [7].

Người Chăm-pa có truyện *Con gà trắng và chiếc nhẫn đồng*, phần nào gần gũi với mô típ của truyện *Cái hoa chanh*, ở chỗ trong lòng bàn tay là một

đồ vật chứ không phải dòng chữ, nhưng tiến triển của truyện lại có nét khác biệt:

Cặp Thành Chớ và Mơ Nai vốn từ nhỏ được bố mẹ - nông dân nghèo khổ - ước hẹn làm thông gia. Lớn lên, họ cùng đến ở đợ cho nhà phú hộ nhưng vẫn yêu nhau thắm thiết. Để tỏ lòng chung thủy, một hôm họ làm lễ thề nguyên một con gà trắng cúng trời và bẻ đôi chiếc nhẫn đồng mỗi người giữ một nửa để làm vật tin. Thấy Mơ Nai đẹp, con trai phú hộ định bắt về làm vợ lẽ, bèn đuổi Thành Chớ ra khỏi nhà. Thành Chớ lén đưa Mơ Nai đi trốn nhưng không thoát. Mơ Nai bị đánh đập, sầu não rồi ốm thành bệnh mà chết. Thành Chớ lúc ấy mồ côi bố mẹ, đón mẹ Mơ Nai cũng bị nhà phú hộ đuổi về - về nuôi. Nhớ người yêu, một hôm Thành Chớ đánh đồng xuống âm phủ tìm. Khi gặp, họ xin được phép vua âm phủ cho Mơ Nai được về dương gian.

Từ đó mẹ Mơ Nai không chồng mà có thai. Trong khi đó Thành Chớ bị quan bắt giam vì cho là tội phạm, người mẹ Mơ Nai đẻ được một đứa con gái, càng lớn càng xinh, nhưng có bàn tay nắm lại như các chuyện trên. Thấy nàng đẹp, nhiều người muốn lấy, nàng đặt điều kiện bất kể là ai hễ chữa được tay mình thì lấy làm chồng. Trai trong vùng thi nhau đến nhưng không một ai mở được. Một hôm, một người ăn mày từ xa xin đến chữa. Mặc dầu bị bọn con trai dè bủ, người ấy vừa chạm vào tay nàng thì tự nhiên ngón tay xòe ra được. Trong lòng bàn tay cô ấy lúc ấy có nửa chiếc nhẫn đồng. Người ăn mày thấy vậy cũng rút trong người ra nửa chiếc khác, đem so lại thì vừa như in. Đó là Thành Chớ, bao năm bị giam chấp lang bạt, nay mới trở về. Sau đó hai người thành vợ chồng [8].

Đồng bào Dao có truyện *Nghĩa vợ chồng* cũng là một dị bản, nhưng ở đây có những tình tiết lạ hơn, và ngay mô-típ chính của truyện cũng không phải là chữ viết hay một vật gì đó trong lòng bàn tay, mà là vết sẹo:

Một anh chàng sau khi đi lính thú một năm thì vợ ở nhà chết. Sau ba năm anh về, sắp tới chân núi quê nhà, chợt thấy bóng dáng một người đàn bà giống vợ mình, lại gần thì mất. Về nhà mới biết là vợ đã chết, mà bóng ấy chỉ là bóng ma. Theo dấu, anh cất công đi qua nhiều nơi, lội qua nhiều suối lạ. Tới một xóm, anh xin nghỉ nhờ. Qua ngày mai, ông cụ chủ nhà dẫn anh đi nhận mặt một phụ nữ trong xóm ra gánh nước, trong đó tìm được một người đúng là vợ anh. Nhưng phải bằng cách phun nước vào mặt vợ do ông cụ bày cho, người vợ mới nhận ra chồng. Sau đó vợ đưa chồng đi xa, nhưng mặc dầu bằng nhiều cách, vợ chồng vẫn không thể nào lội qua được những dòng suối mới. Vợ bèn bảo chồng: -"Chỉ còn có cách đầu thai làm kiếp khác mới nên vợ nên chồng được". Đoạn cầm một cái kéo. Rồi biến mất.

Chồng sau đó phiêu lưu mãi, lạc tới một vương quốc nọ, đi chăn trâu cho nhà vua. Hoàng hậu đề được một công chúa xinh nhưng khó tính. Khi kén chồng, công chúa cứ đòi xem bàn tay chàng trai nào đến làm rể. Đàn ông tứ xứ đổ về hầu khắp lượt, nhưng công chúa vẫn chưa tìm ra người mong đợi. Chỉ còn một người chăn trâu cho nhà vua đã luống tuổi không có ước mong được làm phò mã nên chưa dám tới thử. Nhưng đến lượt chàng, công chúa nhận ra cái bàn tay có vết sẹo hình cái kéo (ở đây không thấy nhắc đến vết sẹo trong lòng bàn tay công chúa). Công chúa quyết định lấy làm chồng trước sự bức tức của vua cha. Nhưng giữa tiệc cưới, công chúa đã hóa phép làm cho chồng trẻ lại[9].

Trong *Liêu trai chí dị* có truyện *Chử Sinh* cũng có hình ảnh bàn tay của người tái sinh có đề chữ, nhưng nội dung khác hẳn các truyện của ta:

Một người họ Trần đồ hiếu liêm có người bạn thân là Chử Sinh. Nhà Chử nghèo mà Trần thì giàu. Trần thường trả tiền học giúp đỡ Chử. Việc ấy bị người bố biết nên sau đó người bố bắt con về không cho học nữa. Thấy thế, thầy học bèn nuôi Chử ăn học coi như con. Ít lâu sau bố Trần chết, Trần lại theo học với thầy cũ, nhưng sức học của anh đã bị Chử bỏ xa. Đến kỳ thi, Trần lo không thể đỗ. Chử bèn tình nguyện đi thay bạn. Hôm thi, Trần bỗng thấy có người dắt mình đi chơi, khi trở về thì nhằm vào lúc những người trong trường thi bước ra cổng. Trần nhìn Chử thì thấy bạn tựa hồ không phải Chử mà diện mạo lại giống mình như đúc. Hỏi thì mới biết Chử đã là ma, lúc này đang mượn xác Trần để đi thay cho bạn, Chử cho Trần biết là nay mai sẽ về đầu thai làm con thầy học. Lúc hai người chia tay, Chử bảo Trần viết vào lòng bàn tay mình mỗi bên một chữ "Chử".

Về sau, Trần đến thăm thầy học cũ, vừa gặp lúc vợ thầy sinh con trai, anh mở bàn tay đứa bé quả thấy có chữ "Chử".

Sau hết, *Truyện Nàng Câu Dặc* của Trung-quốc cũng đáng xếp vào dạng dị bản nguyên thủy của các truyện trên:

Theo *Hán Vũ cổ sự* thì nàng Dặc từ khi lọt lòng, bàn tay vẫn nắm lại không mở ra được. Khi nàng lớn lên, Hán Vũ Đế nghe tin lạ bèn triệu đến xem. Cũng gần như các truyện trên, khi vua mó vào, bàn tay cô gái tự nhiên mở ra, nhưng khác với truyện trên là trong tay không phải có chữ mà lại có viên ngọc "câu". Vua bèn lấy làm vợ[[10](#)].

-
- [1] Hai câu này cũng đồng nghĩa với hai câu lục bát ở trên.
- [2] Theo lời kể của người Hà-tĩnh.
- [3] Theo *Đại-nam Kỳ truyện*.
- [4] Theo *Đại-nam Kỳ truyện*.
- [5] Theo Lưu Văn Thuận, Phạm Văn Phuong. *Truyện cổ tích. q. I*.
- [6] Theo Phạm Thái. *Sơ kính tân trang* (Khảo thích của Lại Ngọc Cang), nhà xuất bản Văn Hoá, Hà-nội, 1960
- [7] Theo Bản khai sách Hữu-lập, sách Vĩnh-lại và sách Nhiêu-hợp. Truyện này cũng khá phổ biến ở nhiều địa phương miền bắc.

Sau đây, xin dẫn một truyện kể vào thời kháng chiến chống pháp về “Một nữ du kích bí mật” mà Trần Tiến cho biết là đã sưu tầm được ở Nam-hà, để bạn đọc thấy một cốt truyện như truyện cổ tích *Cái hoa chanh* có sự tự phát tiến triển, chuyển hóa sang cốt truyện hiện đại, và vẫn vận động theo quy luật của nó với tính cách là một thực thể văn học dân gian. Nói cách khác, khi một truyện kể được lồng vào với cốt truyện cũ, thì truyện dù biến dạng đến đâu, thay đổi sắc thái và kết cấu như thế nào, cái cốt truyện cũ cùng với những mô-típ cơ bản nói chung vẫn được giữ lại. Ở đây, hình tượng bàn tay nắm lại và cái hoa chanh còn được bảo lưu tương đối nguyên vẹn với cả những nét thần kỳ của nó.

Một cô gái ở vùng địch hậu lấy chồng được hơn một tháng thì làng bị chiếm đóng. Cô tham gia du kích và tình báo trong khi chồng trốn ra vùng tự do. Để tiến hành điều tra hành động của giặc, cô phải chịu đựng tủi nhục đóng vai lẳng lơ, và lập được nhiều công trạng mặc dầu bị dư luận chê bai. Một hôm cô được lệnh bí mật tiếp một cán bộ quân báo của ta do cấp trên

cử về tại một khu vườn chanh bỏ hoang. Không ngờ người cán bộ đó lại là chồng của mình, cô bèn cùng chồng qua một đêm ân ái; từ đó có mang , bị người làng và bố mẹ chồng phỉ nhổ. Rồi cô sinh được một bé gái có bàn tay nắm chặt không mở được. Ít lâu sau, giữa khi làng sắp được giải phóng thì cô bị một mảnh đại bác của địch vô tình giết chết. Chồng về chỉ còn gặp con, bàn tay con tự nhiên mở ra được, trong đó có cái hoa chanh, chứng tích của đêm ân ái. Xem thêm toàn truyện trong *Tạp chí văn học*, số 4 (1970).

[8] Theo *Truyện cổ Chàm*, Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc, Hà-nội, 1978.

[9] Theo Doãn Thanh, Lê Trung Vũ. *Truyện cổ Dao*.

[10] Dựa theo tích truyện này, người ta bày trò chơi “tàng câu”, một trò chơi chủ yếu có một người cầm giấu trong tay một vật gì đó để đánh đố đối phương. Trò này cũng phổ biến ở Việt-nam. Theo Lê Quý Đôn thì đời Hồng Đức người ta lập đàn lễ phật bày trò chơi tàng câu là có ý làm cho quý thần vui vẻ. Trò này có người đóng vai Đại tạng Đình Thiên Quý làm quản giáp tục gọi là “con giáp” (kép). Lại cho gái đẹp đóng vai nàng Câu Dặc. Lại truyền cổ năm sinh phách tục gọi là “lá phách”. Một là hồi trống đầu trò chơi tàng câu, tục gọi “tiếng cơm tầm vông”, một là mã la, tục gọi “tiếng nàng dịch dịch” (*Kiến văn tiểu lục*).

Nguyễn đồng Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
174. MỸ CHÂU - TRỌNG THỦY
HAY LÀ TRUYỆN NỔ THẦN

Ngày xưa trị vì cõi đất Âu-lạc có một ông vua tên là An Dương Vương. Vua có một nàng công chúa tên là Mỹ Châu. Mỹ Châu rất xinh đẹp và ngày ấy đã đến tuổi yêu đương. Vua chỉ có một mình nàng là con gái nên rất yêu thương chiều chuộng.

Vua An Dương Vương lại là người chăm lo việc triều chính. Từ khi bờ cõi mở rộng, vua nghĩ đến việc kinh doanh và phòng thủ đất nước, -"Phải có một tòa thành kiên cố thì mới giữ được giang sơn xã tắc lâu dài".

Nghĩ vậy, vua sai người đi chọn đất đặt kinh đô và ra lệnh cho đình tráng cả nước phải lần lượt về phục dịch việc xây thành. Nhưng điều làm cho mọi người ngạc nhiên là thành hễ xây lên cao quá đầu người, thì chỉ trong một đêm tự nhiên đổ sụp. Xây đi xây lại đã mười bận, lớp dân phu này về có lớp khác đến, ấy thế mà thành vẫn không xong.

Chắc là do trời làm, vua nghe lời các quan, bèn sai lập đàn rồi tự mình trai giới cầu cúng. Sau mấy ngày đêm, một buổi sáng bỗng thấy một cụ già từ biển đi vào báo cho vua biết là sẽ có thần Kim Quy là sứ giả của thần Thanh Giang đến giúp vua xây thành. Quả nhiên sáng hôm sau trong khi

mọi người châu chực ở Cửa Đông thì trên mặt nước, thần bỗng xuất hiện dưới dạng mạo của một con rùa vàng to lớn rực rỡ. Đặt chân lên đất, rùa liền tự xưng là sứ giả Thanh Giang. Thị vệ đã chực sẵn bèn đem đến một mâm vàng cho rùa trèo lên. Gặp vua, thần Kim Quy cho biết:

- Thành sở dĩ xây lên đổ xuống là vì có nhiều yêu quái phá phách. Chúng nó biến hóa thiên hình vạn trạng. Thấy nhà vua có lòng thành, tôi sẽ vì nhà vua tìm cách diệt trừ.

Chẳng bao lâu nhờ phép thần thông của thần Kim Quy, yêu quái bị tiêu diệt không còn một mống. Thần còn ngày đêm bảo cách cho nhà vua xây thành. Để bảo vệ hoàng cung, thành được đắp nhiều lớp vòng quanh theo lối tròn ốc chưa đâu có. Vì thế người ta gọi là Loa thành (thành ốc). Kẻ địch dù có vượt qua cửa thành này cũng phải trả giá đắt nếu muốn lọt vào tận cung vua. Chỉ trong vòng nửa tháng, tòa thành đồ sộ xây xong. Vua An Dương Vương mừng rỡ, đãi thần rất mực cung kính. Trước khi thần từ biệt ra về, vua nói:

- Cảm tạ thần linh đã giúp cho việc diệt trừ yêu quái, xây xong tòa thành vững vàng này. Dân Âu-lạc đời đời không dám quên ơn. Nhưng một mai nếu có giặc ngoài đến vây đánh thì lấy gì mà chống?

Thần Kim Quy bèn rút một cái vuốt của mình trao cho vua và nói:

- Ta biếu nhà vua cái này, dùng nó làm lẫy nỏ thì không còn lo gì nữa.

Thấy vua vẫn còn tỏ vẻ lưu luyến, thần lại dặn tiếp:

- Nếu một mai có việc gì cần, thì cứ gọi "Sứ giả Thanh Giang" ba lần, ta sẽ đến giúp!

Nói đoạn, thần đi thẳng xuống biển. Vua An Dương Vương đưa vuốt cho viên tướng Cao Lỗ, bảo làm lẫy nỏ như lời dặn của thần. Nỏ làm xong, mỗi một phát bắn hàng ngàn mũi tên tua tủa bay vút ra, kẻ địch dù đông cũng khó lòng sống sót.

Hồi bấy giờ, ở phía Bắc Âu-lạc có nước Nam-việt của Triệu Đà là một nước cường thịnh. Cậy có đất rộng, dân đông, lại thiện chiến, Triệu Đà mấy lần kéo quân sang đánh, nhưng mỗi lần vượt cõi là một lần chuốc lấy thất bại. Bên này An Dương Vương sai đem nỏ thần ra bắn. Mỗi phát bắn ra, tên bay rào rào, quân Nam-việt chết như rạ. Thấy nhiều phen bị thiệt hại nặng nề, Triệu Đà đành phải gác chuyện can qua. Tuy vậy hăn vẫn còn căm tức, ngày đêm trù mưu tính kế để chiếm cho được Âu-lạc mới thỏa dạ.

Nghe nói vua An Dương Vương có cô con gái chưa chồng, Triệu Đà mượn cớ giảng hòa, cho sứ giả sang cầu hôn My Châu cho con trai mình là Trọng Thủy. Mục đích đích của hăn không phải là thắt chặt tình giao hiếu giữa hai nước mà để dò xét tình hình Âu-lạc. Thấy địch muốn chuyện cầu thân, đổi bụng hăn thù ra đường tình nghĩa, An Dương Vương vui lòng nhận lời. Cuộc hôn nhân không mấy chốc đã thành. Theo phong tục, chàng rể phải sang ở nhà bố vợ một thời gian, gọi là ở gửi rể. Hôm động phòng, tai tài gái sắc gặp nhau, tình cảm mặn nồng không nói hết.

Lấy được My Châu rồi, Trọng Thủy lân la hỏi vợ về nội tình Âu-lạc như lời bố mình dặn dò trước lúc đi làm rể. Chàng tỉ tê gạn vợ:

- Tại sao dân Âu-Lạc không đông, nhưng mỗi lần ra quân đều thu được

thắng lợi?

My Châu trước chỉ mỉm cười không đáp. Nhưng ngày một ngày hai, thấy chồng thật lòng yêu thương, và nghĩ hai nước đã trở nên một nhà, nên nàng không còn nghi ngờ gì. Dần dần nàng cho chồng biết nào là việc yêu quái phá thành, việc cầu được thần Kim Quy diệt trừ yêu quái, nào việc thần dạy cho cách xây thành, việc tặng cho vuốt thần để làm lẫy nỏ, v.v... Trong cơn say đắm, My Châu không tiếc gì cả. Nàng còn giấu cha mình dẫn chồng đến xem trộm nỏ thần ở một ngôi đền cấm cạnh cung vua. Nhân vợ không để ý, Trọng Thủy bèn lấy trộm nỏ thần thật mà đánh tráo vào một lẫy nỏ giả.

Sau đó mấy hôm, Trọng Thủy nói dối với vợ và bố vợ rằng mình xa cha gái mẹ đã lâu, nên xin phép được về thăm cho thỏa lòng mong nhớ, rồi ít lâu sau lại xin trở lại. Cả vợ chàng và An Dương Vương đều bằng lòng.

Lúc từ biệt vợ, Trọng Thủy tỉ tê:

- Chuyến đi này tôi nhớ nàng khôn xiết. Trong khi tôi về bên ấy, ngộ nhờ hai nước lại có chuyện bất hòa, Nam bắc cách biệt, tôi muốn đi tìm nàng thì biết làm thế nào để gặp được nhau?

My Châu đáp:

- Thiếp có cái áo lông ngỗng, lông nó sáng rực khác thường, thiếp sẽ mặc vào người, đi đến đâu rút lông rắc dọc đường. Chàng cứ theo dấu ấy mà tìm gặp.

Lại nói chuyện Triệu Đà vừa nắm được lẫy nỏ thần vào tay, lập tức hạ lệnh

kéo quân xâm lăng Âu-lạc. Nghe tin biên giới báo về gấp, vua An Dương Vương cười ha hả mà rằng:

- Giặc Đà hết sợ nỏ thần của ta rồi hay sao?

Nói rồi vẫn một mực coi thường không lo lắng gì cả. Cho đến khi quân địch đã đến sát chân thành, vua mới sai đem nỏ thần ra bắn, thì ôi thôi lấy nỏ đã bị đánh tráo, không còn mầu nhiệm như trước nữa.

Thấy quân địch ào ào xông tới vây thành như kiến cỏ, vua An Dương Vương vội vã nhảy lên mình ngựa, bảo Mỵ Châu ngồi sau lưng, rồi nhân tối trời thoát ra khỏi thành cho phi một mạch về hướng Nam.

Trong khi quân Nam-việt chưa biết vua An Dương Vương chạy về hướng nào để mà đuổi thì Trọng Thủy theo dấu lông ngỗng của vợ, bèn thúc ngựa đuổi theo sát nút. Phía trước, con ngựa chở cha con An Dương Vương cứ theo dọc bờ biển phi miết, luôn mấy đêm ngày. Một buổi sớm, ngựa đến sát dưới chân một hòn núi, cung quanh là làng xóm đông đúc. Vua hỏi một bô lão bên đường:

- Núi này là núi nào?

Bô lão đáp:

- Tàu bệ hạ, đây là núi Mộ-dạ, đã sắp đến vùng Nam-giới.

Thấy đã tới lúc cùng đường, vua sức nhớ tới lời dặn của thần Kim Quy, bèn ngựa cổ kêu lên mấy lần:

- Hồi sứ giả Thanh Giang, mau mau trừ giặc giúp ta!

Bỗng nhiên từ biển cả, thần Kim Quy hiện kên sừng sững khỏi mặt nước, nói to:

- Người ở sau lưng nhà vua chính là giặc đó!

Vua An Dương Vương quay lại nhìn không thấy ai chỉ thấy Mỵ Châu, liền hiểu ra nông nổi. Cơn giận bốc lên đùng đùng, vua bèn tuốt kiếm chém chết con gái yêu. Đoạn vua tìm lại thần Kim Quy thì thấy thần đang rẽ nước cho mình đi xuống biển cả.

Trọng Thủy theo dấu lông ngỗng đến núi Mô-dạ thì chỉ còn thấy xác Mỵ Châu. Vừa thương vợ, vừa hối hận về việc mình làm, Trọng Thủy bèn ôm xác vợ than khóc hồi lâu, rồi cũng nhảy xuống một cái giếng tự tử.

Người ta nói máu Mỵ Châu chảy xuống nước, những con trai con hến ăn vào đều hóa thành ngọc. Ai bắt được ngọc ấy đem đến rửa ở giếng Trọng Thủy trăm mình thì sắc ngọc tự nhiên rực lên[1].

KHẢO DỊ

Về tình tiết vua An Dương Vương trừ yêu quái phá thành, *Lĩnh-nam chí* chép như sau:

"Vua ra cửa đông chờ đợi, chợt thấy một con rùa vàng từ phương Đông lại, nổi lên mặt nước nói sôi tiếng người, tự xưng là sứ Thanh Giang, thông tỏ mọi việc trời đất, âm dương, quỷ thần. Vua mừng rỡ nói: -" Điều đó chính cụ già đã báo cho ta biết trước". Bèn rước vào trong thành ngồi trên điện, hỏi vì sao xây thành không được. Rùa vàng đáp: -"Cái tỉnh khí ở núi này là con vua đời trước, muốn báo thù cho nước, lại có con gà trống trắng sống ngàn năm hóa thành yêu tinh ẩn ở núi Thất diệu. Trong núi có ma, đó là hồn người nhạc công triều đại trước chôn ở đây. Ở bên cạnh có một quán trọ cho khách vắng lai, chủ quán trọ tên là Ngộ Không. Ngộ Không có một người con gái. Lại có một con gà vốn là dư khí của quỷ tinh, phàm có khách qua đường nghỉ chân ở quán, quỷ tinh biến hóa thành muôn hình vạn trạng để làm hại. Vì thế người chết rất nhiều. Nay con gà trống trắng lại lấy con gái chủ quán. Nếu giết được con gà trống thì trấn áp được quỷ tinh. Quỷ tinh sẽ tụ âm khí thành yêu, hóa ra chim cú ngậm lá thư bay lên cây chiên đàn tâu cùng thượng đế xin phá thành. Thần sẽ xin bắn rơi lá thư, nhà vua tức tốc nhặt lấy, thành sẽ xây được".

Rùa vàng bèn bảo nhà vua giả làm kẻ hành nhân nghỉ trọ ở quán, đặt rùa ở phía trên khung cửa. Thấy có khách tới, Ngộ Không bảo: -"Quán này có yêu quái, đêm thường giết người. Hôm nay trời chưa tối, xin ngài đi mau, chớ nghỉ lại đây". Vua cười, nói: -"Sống chết có mệnh, ma quỷ làm gì được, ta không sợ". Bèn cứ nghỉ lại. Đến đêm quỷ ở ngoài vào, thét lớn: -"Kẻ nào sao chẳng mau mau mở cửa ra". Rùa vàng thét: -"Cứ đóng cửa thì mày làm gì?". Quỷ bèn biến hóa trăm hình vạn trạng, muôn kể nghìn phương để hòng dọa nạt, sau cùng cũng chẳng dọa nổi vua. Đến lúc gà gáy sáng, quỷ tinh chạy tán, Rùa vàng cùng vua đuổi theo. Tới núi Thất-diệu, quỷ tinh thu hình biến mất. Vua bèn quay về quán. Sáng hôm sau, chủ quán sai người đến định liệm xác khách trọ để chôn. Thấy vua vẫn cười nói hớn hở, họ bèn cùng chạy tới lạy vua mà nói rằng: -"Ngài được thế, tất là thánh nhân. Vậy xin ban thuốc thần để cứu sinh dân". Vua bảo: -"Nhà người giết

con gà trắng để tế thần quỷ tinh sẽ tan hết'. Ngộ Không y lời đem gà trắng ra giết, người con gái lập tức quay ra chết.

Vua bèn sai đào ở núi Thất-diệu lấy được nhiều nhạc khí cổ và xương cốt. Mới đốt tán thành tro, đem đổ xuống dòng sông. Trời gần tối, vua và rùa vàng lên đến núi Việt-thường, thấy quỷ tinh đã biến thành chim cú sáu chân, ngậm lá thư bay lên cây chiên đàn. Rùa vàng liền biến thành một con chuột đen theo sau, cắn vào chân cú, lá thư rơi xuống đất. Vua vội nhặt lá thư đã bị nhấm rách quá nửa. Từ đó quỷ tinh bị diệt. Thành xây nửa tháng thì xong"[2].

Chúng tôi cho rằng đây là một truyện thần kỳ có thể khá lý thú, nhưng người chép ban đầu có lẽ không nắm được đầy đủ nội dung, bỏ sót tình tiết, hoặc giả sửa chữa đôi nét nào đó của truyện, vì vậy, rất tiếc là sự phát triển của câu chuyện có chỗ khó hiểu không được lô-gic.

Tạm lý giải câu chuyện trên như sau:

Nghe tin thần Kim Quy sẽ đến giúp, từ sáng vua An Dương Vương đã ra cửa đông đón. Chợt từ biển Đông tiến vào một con rùa vàng. Vào đến nơi, rùa tự xưng: -"Ta là thần Kim Quy, là Sứ Thanh Giang!". Vua mừng rỡ đón về cung, hỏi: -"Xin cho biết vì hâu xây lên lại đổ?" thần đáp: -"Đó là do âm hồn của một hoàng tử cốt báo thù việc nhà vua đã gôm thôn nước của y. Hoàng tử đã nhờ một con yêu tinh tên là Bạch Hùng Kê sống ngàn năm thành tinh, dùng núi Việt-thường làm sào huyệt. Nó thường hóa thành chim cú sáu chân, miệng ngậm một đạo bùa, đạo bùa này có liên quan đến sinh mệnh của nó. Đạo bùa này mà vào tay ai thì nó sẽ chết ngay. Để giúp hoàng tử, nó bay lên cây chiên đàn cao tận trời gọi hung thần về làm đổ thành. Nó còn hay đi lại núi Thất-diệu. Ở đây có con quỷ vốn là âm hồn một nhạc công thường biến hóa nhiều cách để làm hại khách qua lại. Yêu tinh và quỷ

đã từng hãm hại rất nhiều người. Gần núi Thất-diệu lại có một cái quán, chủ quán tên là Ngộ Không. Ngộ Không tối tối thường không ở lại quán mà về nhà ở làng. Ngộ Không có một người con gái và một con gà trống trắng. Con gà này chính là một vía của Bạch Hùng Kê. Nó đã lén lút bắt cô gái làm vợ. Nếu giết được nó thì Bạch Hùng Kê sẽ yếu đi. Bây giờ tôi sẽ tìm cách làm cho Bạch Hùng Kê phải nhả đạo bùa. Nhà vua phải nhặt lấy, phá tan đạo bùa thì nó sẽ chết, Bạch Hùng Kê mà chết thì thành sẽ xây xong".

Nói đoạn, thần Kim Quy khuyên vua cải trang thành một khách bộ hành đến xin trọ ở quán Ngộ Không. Thần cùng đi với vua. Đến nơi thần giấu mình ở phía trên khung cửa. Thấy vua xin trọ, Ngộ Không nói: -"Quan này có quỷ, đêm thường hại người. Bây giờ hãy còn sớm, quý khách nên tìm trọ nơi khác, đừng nghỉ lại đây". Vua cười đáp: -"Sống chết có số. Nếu số ta chưa đến lúc chết thì ta sợ gì ma quỷ". Bèn cứ ở lại đóng chặt cửa. Đêm ấy vua nghe tiếng quỷ gọi cửa ầm ầm. Vua vẫn im lặng xem quỷ làm gì. Không vào được, quỷ liền hóa hết phép này đến phép khác, nhưng vì có thần Kim Quy, cuối cùng vẫn không vào được. Cho đến gà gáy, quỷ đành rút lui. Thần Kim Quy cùng vua đuổi theo. Tới núi Thất-diệu chỗ có một cái gò, quỷ liền biến mất.

Sau đó vua trở lại quán của Ngộ Không. Sáng ngày ra, Ngộ không dẫn người nhà đến quán định để chôn xác người khách trọ hôm qua, nhưng y ngạc nhiên khi thấy vua còn sống, bèn sụp lạy và nói: -"Ngài hẳn là một vị Thánh. Xin ngài làm ơn ban cho phép thần để cứu sinh dân". Vua bảo: -"Người hãy về giết con gà trắng để làm lễ cúng thần, quỷ sẽ hết". Ngộ Không nghe lời, về bắt gà giết. Gà chết đưa con gái của Ngộ Không cũng chết theo. Vua ra lệnh cho đào chỗ gò ở núi Thất-diệu, tìm được các nhạc khí và xương cốt, bèn cho đốt thành tro đổ xuống sông.

Chập tối hôm ấy, vua cùng thần Kim Quy lên núi Việt-thường. Lúc bày yêu tinh đã biến thành chim cú sáu chân đang ngậm đạo bùa bay lên cây chiên

đàn. Thần Kim Quy lập tức biến thành con chuột đen bò ngay lên cây, thoát chốc đã đuổi kịp cắn vào chân chim cú đang đậu ở cành. Cú đau quá há miệng đánh rơi đạo bùa xuống đất. Vua đã chờ sẵn, nhặt lấy hủy ngay, yêu tinh liền bị diệt.

Từ đó yêu quái trong vùng trừ xong, vua xây được thành[3].

Ngày ấy ở làng Nhội xuất hiện một bầy yêu quái, cầm đầu là một con gà trắng hai mỏ (Bạch Kê) quấy nhiễu dân lành, làm cho mọi người vô cùng đau khổ. Làng Nhội vì thế trở nên xơ xác, người ta gọi là làng Ma-lôi. Khi vua An Dương Vương xây thành thì yêu quái đêm đến biến thành một bầy lợn dữ dùng nang dũi đổ thành. Thấy thành xây mãi không xong, các nàng tiên thương hại, một đêm nọ đem quang sọt xuống đắp giúp. Sau khi đào đất chất đầy sọt, các nàng gánh tới định xây thành, nhưng Bạch Kê đã giả cất tiếng gáy. Nghe tiếng gà gáy các nàng tưởng là đã đến lúc phải về trời nên đổ vội đất dọc đường để về. thế là việc giúp không xong. Ngày nay, chỗ các nàng tiên đào đất người ta gọi là Ngã ba Xà, đất đổ thành gò đồng, nay là đồng Năm, đồng Mẹo, đồng Vẹo... và làng có tên là làng Tiên-hội.

Yêu quái từ đấy đặc chí phá phách mãi không thôi. Vua An Dương Vương lo sợ, bèn lập đàn cầu. Tự nhiên một hôm có một nhà đạo sĩ chống gậy đến gặp vua xin chỉ mình trừ yêu. Vua tiếp đón rất trọng thể. Tay cầm gậy, tay cầm kiếm, đạo sĩ thọc kiếm vào gò cuối cùng kéo ra cái đầu của Bạch Kê đưa cho vua và bảo: -"Thế là trừ xong, Bệ hạ cứ bêu cái đầu này lên, yêu quái sợ sẽ tránh xa". Vua lưu luyến hỏi: -"Xin người cho biết người từ đâu tới, nay về đâu?'. Chỉ tay lên núi Thất-diệu, đạo sĩ nói: -"Ta tu luyện trên núi kia, cảm lòng thành của vua, đến giúp trừ yêu diệt quái để xây cho xong thành. Nay mọi việc đã xong, ta trở về". Nói rồi đạo sĩ về núi sau khi tặng vua cây gậy hình lông chim và nói: -"Đó là lông chim thần của thầy ta cho, nó có phép chỉ sông sông cạn, chỉ núi núi tan, chỉ ngàn ngàn cháy". Khi vua

An Dương Vương xây xong thành, liền lên núi lập đền thờ, phong là Trấn Thiên Huyền Võ Thiên Chân[4].

Trung quốc có chuyện *Rùa giúp Trương Nghi xây thành*:

Tần Huệ Vương muốn đánh xứ Thục mà không biết đường, bèn làm năm con trâu đá, lấy vàng dắt ở đuôi, phao tin là trâu đá ỉa ra vàng. Vua Thục nghe tin, lòng tham nổi lên, sai trai tráng tìm cách đem con trâu ấy về. Do đó họ san núi lấp khe làm thành lối đi. Vua Tần sai Trương Nghi và Tư Mã Thác cứ theo con đường sẵn ấy, kéo quân vào đánh nước Thục. Vì thế con đường ấy có tên là đường Thạch-ngưu (trâu đá).

Sau khi diệt được nước Thục, Trương Nghi cho xây ở đây một cái thành, nhưng thành hồ xây lên lại đổ. Sau đó từ chân hồ bỗng xuất hiện một con rùa lớn ra đi cho nganh quẩn. Trương Nghi bèn cho người noi theo dấu chân của rùa mà xây thành. Nhờ vậy mà thành xây xong. Vì thế thành có tên là Quy thành (thành rùa)[5].

Sự tích thần Bạch Mã đại vương thờ ở phường Hà-khẩu, Thăng-long, cũng có mô-típ tương tự. Khi nhà Lý xây dựng thành Đại-la của Cao Biền, đắp mãi không xong. Bỗng một con ngựa trắng từ trong đền xuất hiện rồi chạy theo hướng của nó một vòng, dấu chân in sâu xuống đất, cuối cùng lại chạy vào đền biến mất. Quan quân theo dấu đắp mà thành công[6].

Về chỗ lấy vuốt (hay móng) rùa làm lẫy nỏ và sự phản bội đất nước của Mỵ Châu, sách *Việt kiều thư* chép như sau:

Xưa, vùng các động người Man ở Nam-việt thời nhà Tần nổi tiếng có sức mạnh. Về phép dùng nỏ thì họ rất giỏi: mỗi một phát tên bằng đồng của họ bắn ra xuyên qua hơn 10 người. Vua Nam-việt là Triệu Đà sợ. Hồi ấy vua Man có người con gái tên là Lan Châu xinh đẹp, lại giỏi nghề làm nỏ. Triệu Đà bèn kết hiếu với vua Man, cho con trai mình sang làm rể, lấy Lan Châu làm vợ. Sau ba năm làm rể, người con Triệu Đà học được phép làm nỏ. Lúc trở về, Triệu Đà bèn cử binh đánh bắt được vua Man.

Một truyện khác của Việt-nam tình tiết cũng y hệt như truyện *My Châu - Trọng Thủy*, nhưng ở đây nhân vật chính lại là Cáo nường và Nhã lang:

Triệu Quang Phục ở trong đầm lầy nhiều năm cầm cự với tướng nhà Lương. Trước tình thế khó khăn, Triệu bày đàn đốt hương cầu đảo. Bấy giờ mới có tiên Chử Đồng Tử cười rồng đi qua, tiên bèn nhổ một cái móng rồng trao cho, bảo gắn lên trên mũ đầu mâu. Nhờ vậy trận nào Triệu cũng thắng lợi. Sau khi đuổi được quân Lương về bắc, Triệu làm vua ở thành Long-biên. Bấy giờ có Lý Phật Tử nổi nghiệp nhà Lý, đem quân năm lần đánh nhau với quân Triệu. Biết Triệu có phép lạ, không thể thắng được, Lý bèn giải hòa, hai bên chia địa giới ở bãi Quân-thần. Lý lại cho con trai là Nhã Lang lấy con gái Triệu là Cáo nường. Trong thời kỳ ở rể, Nhã Lang bảo vợ: -"Cha nàng có thuật gì đánh lui được quân cha ta?" Cáo Nường cả tin, cũng như My Châu, bèn lấy trộm mũ đầu mâu có móng rồng cho chồng xem. Nhã Lang bèn trộm móng rồng, rồi cũng xin phép trở về thăm bố mẹ. Được móng rồng, Lý Phật Tử đem quân đánh úp Triệu, Triệu thua, đưa con gái đi trốn và cùng nhảy xuống biển chết[7].

Thần thoại Hy-lạp (Grèce) có câu chuyện tương tự với các truyện trên:

Ni-xốt vua nước Mê-ga-rơ chống nhau với Mi-nốt vua xứ Cờ-rét. Con gái

Ni-xốt là Xy-la lại là người yêu của Mi-nốt. Nhân lúc bố mình ngủ say, nàng bèn nhổ sợi tóc đặc biệt của bố (sợi tóc này màu đỏ mang sinh mệnh của Ni-xốt cũng như của cả nước Mê-ga-rơ). Nhưng Mi-nốt lại không nhận lễ vật (sợi tóc) của Xy-la mà đốc quân vây thành. Chiếm được thành, Mi-nốt ném Xy-la xuống biển. Thất vọng, nàng bơi theo tàu của cha bấy giờ đang trên đường đi trốn. Về sau, nàng hóa thành con cò, còn Ni-xốt hóa thành quạ biển. Quạ biển về sau thường đuổi theo cò, mổ vào đầu có để trị tội phản bội.

Pro-di-luyt-xki (przyluski) trong *Nàng công chúa tanh mùi cá và con rắn thần trong các truyền thuyết ở Đông Á* có ý xếp khá nhiều truyện cổ ở phương Đông, trong đó có truyện hoàng hậu vua của nước Phù-nam là một con rắn (nơ-gi) lấy Kôn-đi-ni-a, một người khách lạ được thần cho một cây cung kỳ diệu, nhờ đó chiếm được tình yêu của hoàng hậu và trở thành vua nước Phu-nam, coi như là một dị bản của truyện *My Châu - Trọng Thủy*.^[8]

Về mô-típ dùng quan hệ hôn nhân để ăn cắp nỏ thần, người Thái còn có truyền thuyết: *Lạng Chương đánh Mường Muỗi*.

Lạng Chương mấy lần cho quân đánh chiếm Mường Muỗi, nhưng đều bị Ấm Poi, tù trưởng người Xá đánh bại. Bèn xin làm rể kẻ địch, lấy con gái Ấm Poi là Pha Nhặng. Và trong bữa tiệc cưới, Lạng Chương nói với bố vợ: -"Nay hai bên hòa hiếu, việc gì phải cầm giáo mác cung nỏ nữa cho nó kém vui. Xin đặt cả lên giá". Rồi y cho quân mình thực hành trước. Bên Ấm Poi cả tin làm theo. Không ngờ giá ấy có dây dòn lên xà nhà. Thành linh giữa bữa tiệc, giá được kéo lên cao. Bị tước mất vũ khí, Ấm Poi liền bị bắt sống và sau đó bị giết^[9]. Xem thêm ở **Khảo di** truyện số **62**, tập II *Hai ông tướng Đá Rãi*.

-
- [1] Theo Vũ Tường Khanh, *Truyện cổ Việt-nam*.
- [2] Theo *Lĩnh nam chích quái*
- [3] Phần nào có dựa theo Toan Anh. *Nếp cũ, hội hè đình đám*, quyển Thượng.
- [4] Theo *Vùng ven sông Nhị*, tập I, Nhà xuất bản Hà-nội, 1979.
- [5] Theo *Thủy kinh chú*.
- [6] Theo *Bạch Mã đại vương thượng tự kinh lục bảo tập*. Truyện trên có lẽ cũng bắt nguồn từ một câu chuyện của Trung-quốc tương tự, nói về việc xây một phần của Vạn-lý trường thành.
- [7] Theo Đông thanh tạp chí (1932).
- [8] *Nghiên cứu của châu Á*, EFEO, t.II (1925).
- [9] Theo Cầm Trọng, Cầm Quỳnh: *Quả tổ mướn*.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

175. CÔ GÁI CON THẦN NƯỚC MÊ CHÀNG ĐÁNH CÁ

Ngày xưa, có một chàng đánh cá trẻ tuổi có giọng hát trong trẻo du dương. Nhà chàng vốn nghèo, tài sản chỉ có một con thuyền nhỏ và một túp lều dựng ở ven sông. Ngày ngày chàng chèo thuyền ra giữa sông cùng với cha buông câu thả lưới làm kế sinh nhai. Trong khi làm việc, chàng thường cất cao giọng hát. Tiếng hát ấy vọng khắp xa gần làm cho mọi người ưa thích. Tiếng hát ấy còn làm cho một nàng công chúa thủy phủ say mê. Hàng ngày nàng vẫn đội lốt cá quanh quần bên thuyền để được nghe tiếng hát của chàng trai người trần.

Một hôm, giữa khi đang mê mải nghe hát bên cạnh thuyền, nàng công chúa thủy phủ không may sa vào lưới. Khi gỡ cá dính lưới, người bố chàng trẻ tuổi thấy có con cá lạ có vảy đỏ long lánh đẹp mắt thì ném vào lòng thuyền định để cho con nuôi chơi. Nhưng rồi ông già lại quên đi không cho con biết. Cho nên, mấy ngày đầu sống dưới gầm thuyền chẳng có gì ăn, nàng công chúa thủy phủ sắp lả ra vì đói. Nhưng may sao, buổi sáng hôm sau, chàng trẻ tuổi đang ăn bỗng đánh đổ cơm lọt xuống gầm thuyền, nhờ vậy cá ta mới được một bữa no nê. Thấy cá lội tới đớp những hạt cơm rơi, chàng trẻ tuổi vội bắt lấy, ngăm nghía mãi không chán. Từ đó chàng bỏ cá vào chậu hết sức chăm chút cá không khác gì bạn thân.

Một hôm, chàng trai bắt cá lên ngăm nghía, chẳng may buột tay đánh rơi cá xuống sông. Vẳng nhà lâu ngày mới được thả ra, nàng công chúa đội lốt cá lập tức quay trở về thủy phủ.

Cuộc chia ly gây nên niềm thương nỗi nhớ giữa hai bên. Chàng trẻ tuổi rất

ân hận là đã đánh rơi cá đẹp xuống sông. Chàng rất nhớ cá, hàng ngày chàng cứ nhìn xuống mặt nước hy vọng tìm lại con cá quen thuộc. Về phần cá thì không quên được sự ân cần chăm sóc của chàng trẻ tuổi cũng như giọng hát mê ly của chàng. Nhưng từ ngày bị sa lưới trở về, nàng công chúa bị bố mẹ canh giữ ráo riết. Không được nghe tiếng hát quen thuộc, dần dần nàng nhuốm bệnh. Thấy bệnh con ngày một nặng, bố mẹ nàng tra hỏi. Nàng đành thú thật: không những mê tiếng hát của chàng trai trẻ trên trần mà còn ao ước được kết duyên với chàng. Nghe nói thế: vua Thủy ùng ùng nổi giận. Vua hạ lệnh phải canh giữ con gái mình nghiêm ngặt hơn nữa. Nhưng sau đó, nhờ hoàng hậu thương con ôn tồn khuyên can nên cơn giận của vua cũng dần dần nguôi. Khi thấy công chúa ngày một héo hon, cuối cùng, vua cũng đành để cho nàng toại nguyện.

*

* *

Ba năm trôi qua...

Lúc này chàng đánh cá trẻ tuổi vẫn làm nghề cũ giọng hát của chàng vẫn vang trên sông vẫn trong trẻo du dương. Nhưng người bố của chàng thì đã vắng bóng. Bây giờ chàng dựng một túp lều bên cạnh hòn Non-nước nổi lên giữa dòng sông mênh mông như một hòn đảo.

Một hôm ngồi trên thuyền câu, chàng đang cất cho giọng hát, thì bỗng một con cá vảy đỏ lóng lánh nhảy lên mạn thuyền. Bắt cá lên tay, chàng thấy cá nhìn mình đầy triu mến. Bỗng chốc cá biến thành một cô gái xinh đẹp làm cho chàng kinh ngạc.

- Nàng là ai? Chàng đánh cá hỏi.

- Thiếp là con cá nhỏ năm xưa từng được chàng ân cần chăm sóc.

Nói rồi cô gái kể lại cho chàng trai biết mọi việc xảy ra sau khi trở về thủy phủ.

Đoạn nói tiếp:

- Bây giờ hãy làm ơn cho thiếp sống bên chàng để được ngày ngày nghe chàng hát.

Chàng đánh cá từ đấy có vợ. Chàng hát nhiều hơn trước. Hai vợ chồng sống với nhau êm đềm sung sướng.

Câu hát trong dân gian:

Xung quanh những chị em ngồi,

Giữa hòn Non-nước mình tôi với chàng.

là nói lên cuộc tình duyên êm đẹp đó[1].

KHẢO DỊ

Một truyện Duyên tiên kể có hơi khác như sau:

Có hai cha con một người dân chài ở hòn Non-nước. Con là Lý Lâm một hôm tát thuyền nhặt được một con cá nhỏ sót lại, có vây đỏ óng ánh đẹp mắt, bèn thả vào chậu nước, đặc biệt săn sóc. Cá lớn lên trông thấy và dưới dạng một cô gái đẹp thường trò chuyện với Lý Lâm trong giấc mộng. Một hôm có tên hào cường thấy cá đẹp toan bắt, nhưng Lý Lâm cố giữ, hai bên giằng nhau. Chậu vỡ, cá tuột xuống nước đi mất. Đó là con gái vua Thủy bị sa vào lưới nay mới trở về. Nhưng những ngày ở cõi trần được thấy Lý Lâm, nàng đâm ra tương tư. Lâu dần sinh bệnh, nhưng nàng không dám nói thật với bố. Khi vua Thủy biết sự thật, ông ra lệnh cho các tướng canh giữ nghiêm ngặt. Nhờ có người nữ tỳ dùng kế phục rượu cho các tướng say mềm, cô gái vua Thủy lại tìm đường đến hòn Non-nước hóa thành người, gặp lại Lý Lâm. Hai người trở thành vợ chồng rất tương đắc.

Truyện còn thêm một đoạn kết có chất khôi hài là: một hôm nữ tỳ lên báo cho vợ Lý Lâm biết vua cha gọi nàng về gặp, có các tướng sắp tới bắt. Mười kẻ cũ lại bày ra. Vợ Lý Lâm dọn tiệc cho thưởng lương, ba ba làm cho hai

tướng mềm môi, nhưng trong rượu có thuốc độc nên cả hai đều chết cả. Sau đó mưa to gió lớn nổi lên, các tướng khác của vua Thủy kéo tới định bắt cô gái bướng bỉnh, nhưng họ lại bị dân làng hết sức che chở chống cự, nên không làm gì được. Từ đấy hai vợ chồng sống yên ổn[2].

Dân tộc Cor có truyện Nàng tiên cá cũng là một dị bản của các truyện trên: Một anh chàng đánh cá có một túp lều bên bờ hồ. Hàng ngày quăng lưới, anh hát giọng hát du dương, có lúc lại đánh nhạc chiêng. Một hôm kéo lưới thấy nặng tay, bỗng có một bàn tay người giơ lên vẫy vẫy, và có tiếng nói: - "Xin chàng thả em ra!" Kéo lên thì là một cô gái đẹp da trắng, tóc đen nằm gọn trong lưới. Chàng đánh cá ngấm không chán mắt, đoạn buông thả. Về đến thủy cung, cô gái thầm cảm ơn chàng trai. Về phía chàng trai cũng đâm ra nhớ cô gái, lại ra chỗ cũ kéo lưới. Cô gái cũng tìm đến chỗ cũ để được nhìn mặt và nghe giọng hát của anh chàng người trần. Một hôm, nàng bỏ thủy cung lên bờ, hai người đẹp duyên. Nàng tiên cá sau đó đẻ được hai người con trai đều giống bố. Lớn lên chúng lấy vợ người làng, cũng sinh con. Một hôm, có một trận bão dữ dội thổi nàng tiên cá ra hồ, rồi biến mất. Không thấy vợ trở về, chồng khóc thương vô hạn. Hàng ngày, chàng thường ra chỗ gặp gỡ cũ ca hát, nhưng giọng không còn trong trẻo nữa. Đau buồn, thất vọng, chàng chết, người ta chôn bên cạnh lều. Thế rồi một hôm nàng tiên cá lại xuất hiện, đến lều tìm chồng. Đêm nào nàng cũng ngồi cạnh mộ khóc than, nhưng không thể làm cho chồng sống lại được nữa[3].

Truyện Chàng Ta Luông của người Dao có đoạn đầu cũng cùng một mô-típ với hai truyện trên, duy đoạn sau thì gắn với hình ảnh một số truyện như: Nàng tiên trong vỏ ốc (Khảo dị truyện số 118) và Ai mua hành tôi? (số 135), đều ở tập III, như sau:

Ta Luông khỏe mạnh, đẹp trai, nhưng mồ côi, nhà nghèo, sống bằng nghề đốn củi và câu cá, có giọng hát rất hay làm cho các cô gái trong vùng mê như điệu đờ, nhưng anh chưa để ý một ai. Gần vùng có một vực sâu ăn thông với các sông hồ gọi là Vững-sâu. Ta Luông ngày ngày câu ở đây. Tiếng hát của anh vang đến tận thủy phủ làm cho vua ở đây là Long vương

nghe mê mẩn, ngày nào cũng biến thành một con cá nhỏ đến nghe. Không ngờ một hôm có một ông lão kéo vó gần đó bắt được "cá nhỏ". Thấy cá đẹp, Ta Luông xin về chơi nhưng không biết bỏ vào đâu, cuối cùng lại thả xuống vũng. Được giải phóng, Long vương cảm ơn anh bằng cách cho người lên mời ân nhân xuống chơi thủy phủ, đãi anh rất hậu, và khi anh về tặng anh một bình nước thần có thể làm mưa lụt. Như các truyện trên, công chúa con gái Long vương sau khi gặp Ta Luông mê anh đến tương tư thành bệnh. Long vương can không được, cuối cùng cho lên trần lấy Ta Luông nhưng bắt thu hết phép màu. Công chúa hóa thành con cá vàng theo trận mưa rơi xuống ở nhà Ta Luông, được anh nuôi trong một vại nước. Từ đấy nhà Ta Luông ngày ngày có cơm canh dọn khi anh vắng mặt. Anh để tâm rình, và cuối cùng biết cá vàng chính là nàng công chúa mà anh gặp ở thủy cung và anh cũng thầm yêu trộm nhớ từ ngày ở thủy phủ về. Từ đấy họ thành vợ chồng.

Nhưng công chúa rất đẹp khiến Ta Luông không muốn xa vợ giây phút nào. Vợ bèn tự vẽ chân dung của mình cho anh ngắm nghía trong lúc đi làm. Bức tranh ấy một hôm không phải bị quạ tha mà bị một cô láng giềng của Ta Luông vì ghen yêu nên trộm lấy đem dâng một tên vua hiếu sắc. Thế là trong khi Ta Luông vắng nhà, vua cho lính bắt vợ chàng về kinh. Nhận ra dấu hạt cải do vợ rắc. Ta Luông tìm đến kinh đô. Trong khi đó thì tên vua vẫn chưa chinh phục được cô gái thủy phủ, vì từ lúc vào cung nàng vẫn không chịu nói cười. Và nàng chỉ cười khi nghe tiếng hát của chồng từ ngoài cổng thành. Thấy vậy, vua sai đưa Ta Luông vào. Cũng như truyện Ai mua hành tôi, nhưng ở đây không có gánh hành, vua buộc chàng đổi áo quần hy vọng có giọng hát hay như anh ta. Vừa đổi xong thì Ta Luông đã hô lính chém chết vua và khi bọn lính nhận ra Ta Luông không phải là vua thì chàng đã gọi bình nước thần, thành một trận lụt, nhận chìm hết chúng. Ta Luông từ đó lên ngôi vua[4].

Loại truyện cùng một sơ đồ như các truyện trên có khá nhiều ở các dân tộc

anh em cũng như ở Đông nam Á, nhưng mỗi truyện có ít nhiều tiến triển và sắc thái khác nhau. Ví dụ truyện Nàng Long Nữ và chàng Tam Lan của Trung-quốc cũng nói đến một chàng trẻ tuổi có tiếng đàn (hay sáo) tuyệt vời làm cho con gái Long vương nghe mà mê mết và thầm yêu trộm nhớ, nhưng cũng bị bố giam giữ không cho liên lạc với người yêu như truyện của ta. Cuối cùng được một nhân vật khác giúp, chàng trẻ tuổi dọa đùn sôi nước biển khiến cho Long vương hoảng sợ, buộc phải để cho đôi bên lấy nhau, v.v... Xem thêm các truyện Chàng thối khèn (Khảo dị số 135, tập III), Tiếng khèn Tồng Páo (Khảo dị số 149) của người Mèo, Anh Ba và quan thổ ty (Khảo dị số 148) của người Choang (Trung-quốc), đều ở tập IV, v.v...

Người Nùng có truyện Tài Xì Phòong[5] gần như là một với truyện Người con gái cá của người Xạ Phang (xem Khảo dị truyện Cửa Thiên trả Địa, số 42, tập II) đều có một số hình ảnh có phần tương tự với các truyện trên.

(HẾT TẬP IV)

[1] Theo Đinh Gia Thuyết. Non nước Ninh-bình, trong Thực nghiệp dân báo và theo lời kể của người Ninh-bình.

[2] Theo Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam, tập III.

[3] Theo Đỗ Thiện, Ngọc Anh, Đinh Văn Thành. Truyện cổ Tây-nguyên, đã dẫn.

[4] Theo Hoàng Quyết, Hoàng Thao, Mai Sơn,... sách đã dẫn.

[5] Xem Hoàng Quyết. Truyện cổ Tày Nùng.

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM ĐÔI ĐIỀU Suy Nghĩ

Tính từ ngày tập I của bộ sách được xuất bản (1957), cho đến khi tập V ra đời (1982), tới nay (1993), đã gần bốn chục năm qua, giá trị của bộ sách và công lao của soạn giả đã hoàn toàn được khẳng định. Sách được tái bản nhiều lần, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của bạn đọc, tôi muốn nói đến các thế hệ bạn đọc. Lớp này nối tiếp lớp khác. Cả người nghiên cứu và độc giả bình thường, đều thấy cần có sách, mà là có cả bộ, chứ không phải từng quyển riêng lẻ. Có cả bộ trọn vẹn - cả phần Nghiên cứu và phần Khảo dị - chứ không phải chỉ có riêng phần Truyện để đọc cho vui. Không đợi đến các nhà chuyên môn phân tích đánh giá, khuynh hướng bạn đọc như vậy chứng minh một sự thực cần được nhắc lại: đây là một công trình khoa học, chứ không phải chỉ là một sách sưu tầm bình thường. Tôi muốn nhấn mạnh điều này, để lưu ý những bạn yêu thích truyện cổ và đã thích thú sưu tầm, nên rút kinh nghiệm của người đi trước nhằm nâng cao thêm chất lượng các loại sách tương tự sẽ ra đời. Vì phải nói thực rằng, từ sau 1982, không hiếm gì những bộ sưu tầm cổ tích mới, song chưa có bộ nào đuổi kịp bộ Kho tàng. Đó là chưa nói đến không ít những truyện vay mượn Kho tàng, vay nhiều khi vụng, mà mượn nhiều khi sót[1].

Sự công nhận giá trị bộ sách đã là nhất trí. Điều hầu như ai cũng thấy rõ là một công phu tích lũy lâu dài, đặc biệt là trình độ uyên bác của người soạn. Không thiết tha với kho tàng cổ tích, không theo dõi và thu thập tài liệu một cách cần mẫn bao quát, rộng rãi thì không thể tiến hành việc khảo dị một cách khá đầy đủ ở sau mỗi câu chuyện chính văn như vậy được. Người đọc cảm thấy như thế, và các bài phê bình cũng xác nhận như thế. Song nếu chỉ dừng lại với nhận xét ấy thì quả là chưa thỏa đáng đối với những đóng góp của soạn giả. Tôi rất hy vọng, nhất là trong giới nghiên cứu phôn-clo (folklore) ở Việt-nam, nhất là các nhà khoa học chuyên sâu về loại hình tự

sự dân gian, sẽ có dịp bàn sâu về bộ sách này. Bộ sách đã đặt ra những vấn đề, về mặt lịch sử là hoàn toàn mới với phương pháp tiếp cận, về mặt chuyên môn thì có nhiều gợi ý cho việc đi vào các nhận định khoa học. Nhà học giả tuy đã khuất, nhưng chắc cũng như các bạn đồng nghiệp vẫn chờ đợi tri âm. Bao giờ thì có?

Xin thú thực rằng, tuy cũng say mê nghiên cứu phon-clo, và cũng đã có dịp được cái duyên là bạn vong niên của tác giả mà tôi luôn luôn xem là người Anh, người Thầy, nhưng lại không chọn địa bàn cổ tích làm miếng đất chuyên sâu, nên ở góc độ này, tôi chỉ có thể góp thêm một vài cảm tưởng. Tôi nghĩ đến phương pháp tiếp cận của Nguyễn Đồng Chi trong bối cảnh chung về việc sưu tầm cổ tích. Không nói đến những Việt điện u linh, Lĩnh nam chích quái, Thính văn dị lục hay Kiến văn lục (và nhiều bộ sách khác nữa) là những tác phẩm ra đời trong hoàn cảnh xã hội trước, những cuốn sưu tầm cổ tích (hay truyện cổ) từ khi chúng ta tiếp xúc với văn hóa phương Tây, kể cả một số nhà trí thức nước ngoài có sống ở Việt-nam nữa, rõ ràng chỉ thiên về tạp trở (miscellanées) hoặc về hợp tuyển (chrestomathie). Việc sưu tầm của họ chứng minh được nhiệt tình hoặc sự quan tâm, nhiều hơn là ở ý đồ nghiên cứu. Tôi nói về mặt lịch sử, Nguyễn Đồng Chi có cái mới là ở đó (rất tiếc là ở nhiều cuốn sưu tầm cổ tích gần đây nhất, vẫn chưa thể hiện được cái mới này). Tôi nhớ lại ngày đầu tiên, được Anh tặng tập I bộ Kho tàng, tôi hỏi anh có phải anh có ý đồ làm một bộ sách như của anh em Grim (Grimm) hay không. Anh đã cười không nói. Anh không nói, nhưng ý đồ khoa học thì rất rõ ràng.

Tất nhiên cũng phải thừa nhận một thực tế là, trong thời gian khá lâu, trước và sau 1945, có lẽ ở nước ta chưa mấy ai nghĩ rằng nghiên cứu cổ tích là một đề tài khoa học.

Một số người được học trong các trường đại học Pháp (ở Paris chứ không phải ở Hà-nội) chọn đề tài khác, chỉ có Nguyễn Văn Huyền mới đi vào ca

dao. Cho nên vấn đề khoa học như việc nghiên cứu so sánh cổ tích là điều ta chưa quen lắm. Cuốn Sơ bộ tìm hiểu những vấn đề của truyện cổ tích qua truyện Tấm Cám của Đinh Gia Khánh mãi đến 1968 mới ra đời. Trước đó, năm 1963, khi soạn cuốn Truyện Từ Thức, tôi đã nêu những ý kiến khác biệt giữa hai quan niệm của Cô-xanh (E. Cosquin) học giả Pháp và Lãng (Andrew Lang) học giả Anh, nhưng khi sách được phê bình, không ai hưởng ứng điều này. Những tập đầu của bộ Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam của Nguyễn Đông Chi (từ 1957) tuy không đẩy lên cuộc trao đổi gì, nhưng thực sự đã có tác dụng gợi ý cho một cách nhìn cổ tích Việt-nam bởi phần phiên diện, dân tộc học hẹp hòi. Gần đây nhất, chúng ta mới làm quen được với các nhà nghiên cứu nước ngoài, đặc biệt là với lý thuyết về "típ" và "mô-típ" của học giả Liên-xô cũ Prốp (Ia Propp) mở ra một hướng tìm tòi xuất sắc. Ở phần Khảo dị trong bộ Kho tàng của Nguyễn Đông Chi, tuy nhà học giả chúng ta không trực tiếp bàn đến vấn đề (bộ sách của Anh có mục đích và có chủ đề khác), nhưng rõ ràng ta có thể khẳng định sự hơn hẳn của bộ sách so với đương thời (trong nước ta và cả nhiều nước ngoài sưu tập cổ tích Việt-nam. Các truyện cổ tích Việt-nam đều có thể đem ra so sánh sự tương đồng hoặc khác biệt giữa các típ hoặc mô-típ. Xét địa danh xuất xứ của các truyện ấy (dân tộc hay quốc gia), có thể tiến đến vẽ con đường đi của các truyện để thấy rõ mối giao lưu văn hóa cổ kim, Đông Tây. Đó là cách tiếp cận khoa học mà ở ta, trước Nguyễn Đông Chi (cả không ít người sau Anh nữa) chưa mấy ai nghĩ đến. Thêm một ý nhỏ trong việc lần theo sợi dây tương đồng này, tôi còn cảm thấy có một sự lướt qua ở nhiều người đọc. Khi làm Khảo dị, Nguyễn Đông Chi thường chú ý tìm những dị bản trong các tộc người Việt-nam và ở châu Á, nhất là Đông-nam Á. Một thí dụ: Truyện Thạch Sanh (tập II) có 10 dị bản, thì 2 ở Việt-nam. 1 ở Pháp, còn nữa ở Ấn-độ và Trung Á. Tôi không tin rằng cách khảo dị như thế lại không ẩn một khuynh hướng gì.

Vấn đề phân loại cổ tích Việt-nam cũng là vấn đề khoa học có thể nghĩ đến khi đọc sách của Nguyễn Đông Chi. Mặc dầu tác giả đã tự khiêm tốn nói

rằng chưa làm việc này, chỉ mới gộp lại thành từng mục (grouper) chứ không phải là chia loại (classifier). Tôi đồng ý như vậy, nhưng vẫn nghĩ đến tình hình chung của việc nghiên cứu truyện cổ. Vào những năm 30, 40 của thế kỷ này, có nhiều người đã nghĩ đến việc phân loại. Chia loại lớn thì có những cổ tích thần kỳ, cổ tích thể sự. Chia loại nhỏ thì phân ra cổ tích diễm tình, cổ tích lịch sử, v.v... (còn nhiều nữa). Đã có những ý kiến phê bình tính cách hình thức, hoặc sự ngộ nhận, sự xô bồ trong việc phân loại này. Bộ Kho tàng của Nguyễn Đồng Chi đã không rơi vào sự lúng túng đó trong khi xếp thành các mục. Mười mục trong bộ sách này được trình bày theo các thứ tự:

- 1 Nguồn gốc sự vật
2. Sự tích đất nước Việt
3. Sự tích các câu ví
4. Thông minh, tài trí, sức khỏe
5. Sự tích anh hùng nông dân
6. Truyện phân xử
7. Truyện thần tiên, ma quỷ, phù phép
8. Đền ơn trả oán
9. Tình bạn, tình yêu, nghĩa vụ
10. Truyện vui tươi dí dỏm

Tôi nghĩ rằng, có hai điểm đang được lưu ý trong cách xếp mục (chưa nói phân loại) này. Những cốt truyện được gộp vào một mục, đối chiếu với những mục khác, như có ý đồ lần theo hướng đi của cổ tích trong tiến trình chuyển đổi hình thái dần dà của xã hội Việt-nam. Chặng đường phát triển của loại hình tự sự dân gian chưa ai phác ra, nhưng có lẽ sau thần thoại, sử thi (Nguyễn Đồng Cho đã có riêng một cuốn Lược khảo về thần thoại Việt-nam), thì các truyện khác phải ra đời ở từng chặng thời gian nào đó. Lần theo mười mục của Nguyễn Đồng Chi có thể cảm nhận dấu vết thời đại (cổ nhiên không thể rành mạch như việc phân kỳ lịch sử) cho việc xuất hiện

các cốt truyện tương ứng. Đây chính là sự trình bày trong thực tiễn những kiến giải tổng quát ở phần nghiên cứu (Phần I chương III: Truyện cổ Việt nam qua các thời đại) mà M. Đuy-răng (M. Durand) và Lê Văn Hảo đều đã thừa nhận[2]. Một vài nhà nghiên cứu có cách định vị cho trường hợp truyện này hay truyện khác, nhưng hình như đã không quan tâm đến tổng thể cũng như đến lịch trình. Tôi vẫn nghĩ rằng cách nhìn của Nguyễn Đồng Chi, đến nay là thỏa đáng và đi trước nhiều người.

Còn một điều nữa. Phải chăng cách gộp những câu chuyện theo những mục trên đây - lấy ngay vấn đề xã hội làm hệ quy chiếu, chứ không theo kiểu căn cứ vào tính chất của câu chuyện thường được nhận định khác nhau - có phần hợp với cách hiểu của người Việt-nam, có thể gây cảm tưởng về một "phôn-clo Việt-nam như tự nó" hơn. Tôi đã nói điều này với Anh. Anh không trả lời về sự đồng tình của tôi, mà chỉ tán thành ở một khía cạnh nhận thức. Sự tán thành của anh đã động viên tôi về luận điểm: "folklore Việt-nam ra đời". Tôi đã ghi lòng biết ơn anh về điểm đó[3].

*

* *

Còn một vấn đề nữa cũng nên nghĩ đến khi miệt mài nghe Nguyễn Đồng Chi kể chuyện trong tập Kho tàng. Tôi không rõ trong sự say mê của người đọc bộ sách có bao nhiêu phần vì nội dung của truyện và bao nhiêu phần vì cách kể của soạn giả. Bởi vì, quả thực, cho đến hôm nay, tìm được một tác giả xuất sắc kể truyện cổ tích Việt-nam, cũng còn phải đắn đo suy nghĩ. Và ngay yêu cầu khoa học, yêu cầu thẩm mỹ của phương pháp kể cũng có ý kiến khác nhau. Có người bảo phải kể cho đúng phong cách dân gian. Có người còn nghĩ rằng phải biết đối tượng nghe là người thời nay, thì cách kể cũng phải cho hợp thời một chút. Viết cổ tích là làm một công trình nghệ

thuật, chứ không đơn giản là một việc sưu tầm như đi ghi âm lời của các ông già bà cả. Rất mong là sẽ có dịp nhất trí về vấn đề này. Song tôi vẫn cứ băn khoăn khi đọc nhiều soạn giả. Rất nhiều người muốn nhân việc kể chuyện để làm văn, cứ như họ viết truyện ngắn. Nhiều người khác, nhất là các nhà văn, còn đảo lộn lên, thêm thắt chi tiết, miêu tả phong cảnh, phân tích tâm lý hoặc hiện đại hóa câu chuyện (đáng buồn là người ta lại cho như vậy mới hợp với "tư duy hiện đại"). Các cụ ngày xưa thường viết gọn hơn, nhưng lại hay khuôn theo đạo đức, lễ giáo phong kiến, làm mất khá nhiều bản sắc dân gian. Những tác giả cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX, với văn quốc ngữ buổi đầu, giữ được ít nhiều phần chân chất, song thường là kể chuyện không trôi chảy. Các học giả tân học có vốn kiến thức Nho học buổi giao thời (nhất là ở miền Bắc) giữ được phong cách cổ kính hơn cả, lại thường thu gọn lại như lối biên soạn những mẫu "cổ học tinh hoa". Các nhà tân học kể chuyện bằng tiếng Pháp, dẫu có được lối diễn đạt sáng sủa của Pháp văn (không nhiều người làm), nhưng lúc ấy cái hồn Việt văn lại giảm bớt. Tôi thấy Nguyễn Đồng Chi - dù chưa toàn bích - đã cố gắng để tránh được những hạn chế của người đi trước, kể cả những người đồng thời với anh. Cách kể của anh hồn nhiên, có ít nhiều vẻ dân dã và phong cách cổ. Ở những trang mở đầu và kết luận bộ Kho tàng, anh đã lưu ý đến những đặc trưng của cổ tích: Tính chất cổ của sự việc, của hình tượng, bản sắc dân tộc của câu chuyện kể, và trình độ tư tưởng và nghệ thuật cao trong loại hình tự sự dân gian. Khi kể chuyện, anh đã tỏ ra tôn trọng những đặc điểm mà anh đã nêu ra. Đồng thời, anh vẫn có tư cách một nhà văn. Cách kể của anh mộc mạc, có vẻ biến hóa, và điều đáng quý hơn cả: rất đáng tin. Nói một cách nôm na, đọc truyện cổ tích của anh, tôi không phải cảnh giác như khi đọc những truyện người khác kể, có nhiều chi tiết cứ phải băn khoăn là thật hay không thật. Trong nhà phân-clo học Nguyễn Đồng Chi, có cả nhà văn và nhà sử học. Hai nhân vật sau này không lấn át nhân vật trước, mà lại làm nên sức thuyết phục cho công trình của Anh. Tiếp cận bộ Kho tàng của Nguyễn Đồng Chi, không thể quên điều đó.

25-III-1993

PGs. VŨ NGỌC KHÁNH

(Kiến thức ngày nay, SỐ 110,
1-VI-1993, TR.3-6)

[1] Có thể xem lại một số sách của một số Nhà xuất bản ở miền Bắc mười năm lại đây để thấy sự vay mượn này. Thậm chí có người còn mượn cả tên sách Kho tàng truyện cổ tích Việt nam và cách phân chia 5 tập để in những bộ sách giả nhằm đánh lừa độc giả như sách của Nguyễn Cừ, Nhà xuất bản Văn học in những năm 1996-1997. Còn ở miền Nam trước 1975 thì đã xảy ra một vụ án văn chương mà lý do là lấy gần như nguyên xi tài liệu trong sách của Nguyễn Đồng Chi. Xem Văn hóa Á châu, 1959, và Bách khoa, 1972. Những người "vay mượn" Nguyễn Đồng Chi trong Lược khảo thần thoại, Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam và cả Sơ thảo lịch sử văn học đều đã phải ra tòa.

[2] Xem: BEFEO, số 1 - 1964.

[3] Xem: Dân luận nghiên cứu folklore Việt Nam, Nhà xuất bản Khoa học xã hội Hà Nội, 1991; tr.27.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM TẬP V
176. QUAN ÂM THỊ KÍNH

Ngày xưa ngày xưa, có một người trải đã nhiều kiếp, kiếp nào từ bé đến lớn cũng giữ mình đức hạnh và thành bậc chân tu. Cứ luân hồi chuyển kiếp như vậy liên tiếp đến chín lần, nhưng chưa kiếp nào được thành Phật.

Đến kiếp thứ mười, người này được thác sinh ở nước Cao-ly làm con gái ở một nhà họ Mãng, có tên là Thị Kính. Nàng có vẻ người đầy đặn, mặt mũi dễ coi, tính tình điềm đạm. Lớn lên, nàng thờ cha mẹ hết lòng, việc nhà việc cửa chăm lo khá đảm. Khi đến tuổi lấy chồng, nàng được bố mẹ gả cho một anh chàng học trò họ Sùng tên là Thiện Sĩ. Cũng giống như nhà vợ, bên nhà chồng cũng chẳng khá giả gì. Thấy chồng chăm học, không chơi bời, Thị Kính không ao ước gì hơn; nàng càng ra công tần tảo cho chồng dốc lòng nấu sữ sôi kinh.

Một đêm, bên cạnh án thư, Thiện Sĩ ngồi đọc sách, Thị Kính cũng ngồi may một bên, hai người chung nhau một ngọn đèn dầu. Chồng học mãi thấy mệt mỏi, bèn ngả lưng xuống giường, kê đầu lên đầu gối vợ chuyện trò một chốc rồi thiu thiu ngủ. Thị Kính cố giữ yên lặng cho chồng yên giấc. Nàng có thì giờ ngắm nghía kỹ khuôn mặt tuần tú của chồng. Bỗng nàng nhận ra ở cằm chồng có một cây râu mọc ngược.

- "Ồ sao lại có râu xấu xí thế này. Người ta bảo râu mọc ngược là tướng bạc ác. Ta phải lén nhổ đi cho chàng mới được!" Nghĩ vậy, sẵn con dao nhíp trong thúng khâu đựng đồ may, Thị Kính liền cầm lấy mở ra định nhổ sợi râu, không ngờ lưỡi dao sáng loáng vừa đưa đến gần thì Thiện Sĩ cũng vừa chợt tỉnh; trông thấy vợ tay cầm dao chĩa vào mặt trong lúc mình chợt ngủ

quên, Thiện Sĩ nghĩ ngay đến chuyện đen tối liền vùng dậy nắm lấy cổ tay và la lên:

- Chết thật! Nàng định cầm dao giết ta lúc đang ngủ ư?

Thị Kính đáp:

- Không phải đâu. Thấy chàng có sợi râu mọc ngược thiếp định tâm nhổ nó đi kẻo trông xấu xí lắm!

Nhưng trong cơn nghi ngờ và hoảng hốt, chồng nhất định không chịu tin như vậy.

- Thôi thôi! Đừng khéo chống chế. Làm sao lại có chuyện nhổ râu khi ta đang ngủ. Muốn nhổ thì đợi ta tỉnh dậy, hoặc ban ngày ban mặt có hơn không?

Giữa lúc ấy, người mẹ Thiện Sĩ nằm ở buồng bên cạnh nghe tiếng cãi nhau cũng đẩy cửa bước vào. Vừa nghe con trai kể lại câu chuyện, bà mẹ đã mồm loa mép giải:

- Trời ôi! Con này to gan thực! Dám đang tay làm những việc tày trời. May mà con ta tỉnh dậy kịp, không thì còn gì là tính mạng.

Thị Kính nước mắt giàn giụa cố gắng phân trần:

- Mẹ nghĩ xem, con có thù vợ oán chạ gì mà phải làm như vậy. Chẳng qua con muốn làm cho chồng đẹp mặt...

- Rõ ràng mày định tâm giết chồng, bị bắt hai năm rồi mười mà còn chối leo leo.

Người mẹ Thiện Sĩ vốn chẳng ưa gì nàng dâu nên một mực đổ riệt. Thị Kính thấy giải bày mãi không ăn thua, nên ngồi sụp xuống cúi đầu nức nở. Câu chuyện từ bé xé ra to. Cuối cùng gia đình họ Sùng không muốn con cháu có nòi ác nghiệt, nên Thị Kính bị đuổi về nhà bố mẹ đẻ.

Buồn chán cho số phận éo le, một hôm nàng cải trang thành một chàng trai,

nhân đêm tối bỏ nhà, khăn gói ra đi. Nàng đi, đi mãi, cố tìm trú ngụ một nơi cho thật xa quê hương để xóa bỏ những ký ức đau xót. Sau cùng đến một tỉnh khác, ở đây có chùa Vân, nàng tìm đến xin gột đầu quy y. Sư cụ không biết là gái bèn nhận cho làm tiểu, đặt hiệu là Kính Tâm. Sự đời đã tắt lửa lòng, từ đây nàng yên tâm bạn cùng kinh kệ.

Nhưng tu hành ở chùa Vân chưa được bao lâu thì một việc mới lại xảy đến với nàng. Tuy ăn mặc nâu sồng nhưng vẻ mặt của chú tiểu mới đã làm cho nhiều trái tim của các cô gái làng thôn thức. Trong làng có Thị Mầu, con gái của một phú ông, những ngày đi lễ chùa thấy tiểu Kính Tâm thì đem lòng yêu trộm dẫu thầm. Hai ba phen bị khước từ, Thị Mầu càng say mê, càng cố tìm cách quyến rũ. Sau đó, tuy cá chẳng cắn câu, nàng vẫn không sao quên được chú tiểu. Quen thói trăng hoa, Thị Mầu bèn tư thông với một người đầy tớ trai trong nhà. Qua nhiều phen đi lại, không ngờ bụng ngày một lớn. Bị làng phạt vạ, cô gái nghĩ rằng nếu thú thật thì chẳng hay ho gì, bèn đổ riết cho tiểu Kính Tâm. Vì thế tiểu Kính Tâm cũng bị làng đòi đến khảo tra. Nhưng dù bị đánh tới tã, nàng vẫn không dám nhận liều cũng như không để lộ mình là gái. Sư cụ chùa Vân thấy tiểu bị đòn đau thì thương tình, kêu xin với làng nộp vạ, bảo lãnh cho tiểu được tha về. Nhưng sợ miệng thế mai mĩa ô danh chốn thiền môn, nên sư cũng bắt tiểu phải chum một cái lều cư ngụ ở phía ngoài cổng chùa. Nàng cam tâm nhận sự hành hạ này, can rằng không hề một lời van xin hay than thở.

Thị Mầu sau đó sinh được một trai. Đã trót đổ vấy cho tiểu Kính Tâm, nên nàng lại đem đứa con bỏ liều ở cổng tam quan. Kính Tâm lại thêm một phen bối rối. Nhận lấy đứa bé thì không khác gì một hành động thú tội, mà không nhận thì làm ngơ sao đành trước một đứa bé vô tội thế kia. Nhưng những tràng khóc oa oa của đứa trẻ sơ sinh đã khiến nàng mất hết ngại ngần. Lập tức nàng bế đứa bé vào lều chăm sóc, và từ đó ngày ngày một công việc mới choán hết thì giờ và tâm trí của nàng: nàng phải bế nó đi xin sữa ở đầu làng cuối xóm. Mặc cho dân làng kẻ cười người chê đến rát cả

mặt, nàng vẫn âm thầm chịu đựng, tuyệt không có lấy một lời oán thán. Cứ như thế sau sáu năm, nàng trông nom con người như con đẻ. Trong khi đứa bé ngày một sồn sồn khôn lớn, thì sức của nàng trái lại ngày một mỏi mòn kiệt quệ. Một hôm, biết mình không thể sống được nữa, tiểu Kính Tâm bèn viết một phong thư để lại cho bố mẹ đẻ, trong đó nàng thuật lại đầu đuôi nỗi mình nhẫn nhục bấy chầy. Lại dặn dò đứa bé sau khi mình chết thì trao thư lại cho sư cụ trên chùa. Khi khâm liệm, mọi người mới hay tiểu Kính Tâm là đàn bà, và ai nấy đều nhận thấy rằng sự chịu đựng của nàng từ bấy đến nay quả là cùng cực. Để tỏ lòng hối hận, sư cụ chùa Vân bên cho lập một đàn chay cầu cho nàng được siêu sinh tịnh độ. Dân làng còn bắt Thị Mầu phải để tang và bắt phải trả mọi chi phí ma chay. Hôm cử hành đàn chay, thì trên trời, giữa một đám mây năm sắc, đức Phật Thiên Tôn hiện ra phán truyền cho Kính Tâm thành Phật Quan Âm. Ngày nay, để chỉ mối oan to lớn, người ta thường bảo "oan Thị Kính", là từ truyện này mà ra[1].

KHẢO DỊ

Trong truyện Quan âm Thị Kính theo điệu kể hạnh của nhà chùa thì sau khi Thị Kính thành Phật, ông bà họ Mãng và đứa bé cũng được lên tòa sen, còn Thiện Sĩ thì hóa thành chim vẹt hầu ở bên cạnh.

*"... Truyền cho nào tiểu Kính Tâm,
Phi thăng làm Phật Quan âm tức thì.
Lại thương đến đứa tiểu nhi,
Lên tay cho đứng liền khi bấy giờ.
Kìa như Thiện Sĩ lơ đờ,
Cho làm chim vẹt đứng nhờ một bên.
Độ cho hai khóm thung huyền,*

*Ra tay cầm quyết bước lên trên tòa,
Siêu thăng thoát cả một nhà,
Từ đây phúc đặng hà sa vô cùng.*

Người Nghệ-an có hai truyện có tình tiết gần với truyện Quan Âm Thị Kính:

1. Sự tích cây chay: Có cô con gái mới về nhà chồng. Một hôm chồng nằm ngủ, nàng thấy ở cằm chồng có cây râu mọc ngược, bèn cầm dao toan cắt. Chồng chợt tỉnh dậy thấy dao kề cổ, bèn kêu lên. Cha mẹ chồng chạy đến nói: - "Trường là dâu thế nào, ai ngờ bạc ác, toan giết chồng". Cô gái kêu trời mà khóc, khóc mãi, sau chết đứng hóa thành cây chay. Chay ăn với trầu cũng hóa đỏ là vì tấm lòng son của cô gái nên mới như thế[2].

2. Đứa con của thần: Huyện Thanh-chương có một người đàn bà góa tên là Huỳnh Thị Phước, 40 tuổi, xin vào chùa đi tu. Một đêm nọ nằm chiêm bao thấy có một người mặt đỏ như son, mặc áo xanh. Tỉnh dậy, người đàn bà kể lại với hòa thượng trụ trì chùa. Hòa thượng bảo: - "Có lẽ Thần Phật cho nàng đứa con, vậy nàng nên ra khỏi chùa để sinh con đẻ nở lộc, kéo xóm làng nghi". Sau đó người đàn bà sinh được một đứa con trai. Hương chức làng bèn lên án hòa thượng, buộc hòa thượng phải nuôi đứa bé. Lên mười tuổi, đứa bé học giỏi, nhưng chưa biết đặt tên nó là gì. Một đêm nọ, thần báo mộng: - "Trên ngọn cây kia có khắc tên của nó. Vậy bảo trẻ em trèo lên tìm xem". Sáng dậy, người ta tìm được ba chữ Lương Quy Chính khắc trên ngọn cây. Bèn dùng đặt tên cho đứa bé. Về sau đứa bé đi thi đỗ cao làm quan to. Khi vị hòa thượng ở chùa chết, người làng lên khâm liệm mới biết ông vốn là ái nam ái nữ[3].

Riêng vì sự tích Quan Âm cũng có nhiều dị bản. Việt-nam còn có Phật thoại Bà chúa Ba hay là Quan âm Nam-hải tương đối phổ biến ở miền Bắc: Xưa có Diệu Thiện, một nàng công chúa xinh đẹp con gái Diệu Trang Vương, nàng có hai người chị: Diệu Thanh và Diệu Âm, cả ba kiếp trước

đều là con trai họ Thi, một gia đình nhân đức. Hai chị đều lấy chồng, còn Diệu Thiện thì trái lại chỉ muốn tu hành. Vua cha tức giận truyền giam cầm, và mặc dù hoàng hậu và hai chị hết lời khuyên dỗ, nàng cũng không đổi chí. Diệu Trang Vương lập kế giả vờ bằng lòng cho nàng đi tu tại một ngôi chùa lớn, nhưng lại bí mật ra lệnh cho hòa thượng bắt công chúa phải sớm khuya làm lụng cực nhọc để cho thoái chí. Nhưng nàng vẫn chịu đựng được; việc giao ngày càng nhiều, bằng việc của hàng chục người; nàng vẫn làm xong (có chim tới nhặt rau, rồng lấy nước hồ...). Không thấy công chúa nản lòng trở về, vua nghi hòa thượng không tuân lệnh mình, bèn sai người đốt chùa. Diệu Thiện tự trách mình là nguyên nhân chính của tai nạn bèn cắn ngón tay cầu nguyện, tập tức có rồng xuống phun nước dập tắt ngọn lửa. Vua lại ra lệnh đem công chúa ra xử trảm, nhưng gươm bị gãy khi chạm vào cổ. Đột nhiên có một mảnh hổ nhảy vào tha nàng đi trong khi trời đất tối sầm, sấm ran chớp giạt. Lúc này hồn nàng được Thập điện Diêm vương mời xuống thăm. Trông thấy tất cả những cảnh trừng phạt, nàng liền niệm Phật làm cho Diêm vương ra lệnh ân xá tất cả tội nhân.

Khi Diệu Thiện trở về cõi trần thì Phật đã hóa làm một chàng trai tuấn tú để thử thách. Thấy nàng quả vững lòng tu, Phật bèn chỉ cho "rằng có một chùa tại Hương- tích san (san); gần bể Nam-việt thanh nhàn; sang tu chốn ấy sẽ toan viên thành". Sau nhiều năm tu luyện, nàng trở thành Phật bà Quan Âm "Một thân hóa được ra nghìn muôn thân" (vì vậy ngày nay người ta diễn tả thành Phật ngàn tay ngàn mắt). Theo hầu có hai đệ tử: 1) Thiện Tài, một em trai mồ côi; 2) Long Nữ, con gái Long vương, đều được cứu vớt và qua nhiều thử thách.

Về sau vua Diệu Trang Vương bị bệnh nan y, yết bảng sẽ trao ngôi báu cho ai chữa lành. Nhưng mọi thứ thuốc đều không công hiệu. Nghe tin này, Diệu Thiện biến thành một thầy thuốc đến giặt bảng và cho biết bệnh ấy chỉ có tay và mắt của một tiên nữ tu tại núi Hương-tích mới khỏi. Vua bèn cho người sang nước Đại-việt cầu xin được một tay một mắt. Bệnh quả lành, nhưng chỉ lành có được nửa thân. Thầy thuốc lại giục xin nốt một tay một

mắt còn lại của tiên nữ. Khi bệnh lành hẳn vua định truyền ngôi cho thầy thuốc như đã hứa, nhưng thầy đã bỏ di mất. Vua và hoàng hậu quyết tìm đường sang Hương-tích để tạ ơn tiên nữ. Đoàn ngự giá đang trên đường sang Nam, thì ở kinh đô Hưng-lâm bỗng xảy ra cuộc biến, ngai vàng suýt vào tay kẻ phản bội nếu không có Diệu Thiện sai hai đệ tử đi cứu. Trong cuộc này, hai người chị Diệu Thanh và Diệu Âm bị bắt giam ở ngục, và khi được cứu thoát, hai người đuổi theo đoàn ngự giá. Sau bao nhiêu ngày gian khổ, cả đoàn cũng đến được Hương-tích. Khi nhận ra con gái với hai mắt bị móc, hai tay bị chặt, máu còn chưa khô, hoàng hậu ngã ra bất tỉnh. Diệu Thiện cho biết nếu bố mẹ nguyện bỏ ác làm thiện thì mình sẽ lành lặn như xưa. Sự việc quả như lời khi vua và hoàng hậu phát thệ. Cả nhà ở lại đây tu hành. Diệu Thanh cũng trở thành Văn Thù bồ tát và Diệu Âm trở thành Phổ Hiền bồ tát[4].

Truyện vừa kể chịu ảnh hưởng từ Phật thoại Nam-hải Quan Thế Âm toàn truyện của Trung-quốc. Giữa hai truyện, tên nhân vật không có gì thay đổi.

Nước Hưng-lâm ở đây được xác định không phải là đất Trung-quốc mà là một nước phía Tây giáp Thiên-trúc, phía Đông giáp Tam-phật-tề, phía Bắc là Xiêm-la, phía Nam là Thiên-chân. Nội dung hai truyện cơ bản là một, chỉ có khác một vài chi tiết.

Hai vợ chồng vua Diệu Trang muộ con, cúng cầu mãi mới sinh được ba nàng công chúa, dự định nhường ngôi cho một trong ba chàng rể. Nhưng công chúa ba là Diệu Thiện chỉ muốn tu hành với cuộc sống độc thân. Kết quả là nàng phải chịu đựng sự trừng phạt từ thấp đến cao: bị lột áo quần, đánh roi và giam đói. Cũng có việc được đi tu với những công việc lao động nặng nhọc, việc ngôi chùa bị đốt và việc đập tắt đám cháy bằng một trận mưa huyền bí do công chúa cầm chiếc trâm vào họng và nhổ máu lên trời cầu nguyện Linh Sơn thế vương. Cũng có việc xử trảm sau một thời kỳ hết dụ dỗ đến dọa nạt mà không ăn thua. Theo lệnh của Ngọc Hoàng, công

chúa được bảo vệ đến nỗi đao phủ bất lực, cuối cùng chỉ còn dùng hai tay bóp cổ. Nhưng thần Thành hoàng đã kịp thời hóa hổ, giải tán đám đông và đưa xác nàng lên núi. Cũng lại có việc hồn công chúa được sứ giả Diêm-la mời xuống để chứng kiến cực hình của con người tội lỗi. Ở đây, những lời cầu nguyện của nàng đã làm cho họ được giải phóng trở về dương thế, đến nỗi cả địa ngục bỗng hóa thành thiên đường và vua Diêm-la phải cấp tốc cho đưa nàng về vì nạn thiếu dân. Phật Như Lai đã đón nàng đưa đến không phải chùa Hương-tích ở Đại-việt mà là chùa đảo Phổ-đà sau khi vượt qua ba năm hiểm trở. Sau chín năm tu hành, công chúa đắc đạo và cũng thu được hai đồ đệ Thiện Tài và Long Nữ sau nhiều cuộc thử thách.

Trời phạt vua Diệu Trang về tội đốt chùa và giết con gái, bắt chịu đựng một bệnh nan y: thịt da mọc đầy mụn lở và bầy nát. Cũng có việc công chúa biến thành một thầy tu già ra mắt nói là chỉ có tay và mắt của người thân thì mới có thể lành. Vua sai đại thần đi tìm. Trong lúc đó hai chàng rể của vua vì tham vọng được làm vua sớm nên định tâm giết thầy tu và đầu độc vua. Biết được ý đồ của chúng, công chúa đã làm đổ chén thuốc độc và làm bại liệt kẻ ám sát. Kết quả là hai chàng rể tự tử và hai người chị của công chúa hối hận đi tu. Rồi cũng có hai lần xin tay và mắt, và cuộc hành trình của vua và hoàng hậu đến đảo Phổ-đà để cảm ơn con gái. Nhìn thấy con không tay không mắt ngồi trên tòa sen, vua cầu nguyện cho con được "toàn thể toàn nhân" và thế là công chúa lại nguyên vẹn như xưa. Vua và hoàng hậu cũng ở lại đây tu hành[5].

Đại khái cả hai truyện nói chung là một mớ hỗn tạp những mẫu Phật thoại, tiên thoại ghép với nhau thành truyện. Tượng Quan Âm của Trung-quốc thường là một người nữ tay cầm bình cam lộ, gần đấy có một con chim mỏ cắn một chuỗi ngọc, dấu hiệu của sự tôn quý. Hoặc có khi Quan Âm (đứng hoặc ngồi) tay cầm quyển kinh, dưới chân một bên là Long Nữ tay cầm hòn ngọc, và một bên là Thiện Tài hai tay chấp lại hướng lên chủ mình như đang cầu nguyện.

177. NGUYỄN THỊ BÍCH CHÂU

Ngày xưa, có nàng Nguyễn Thị Bích Châu là vợ vua Duệ Tông nhà Trần. Nàng có nhan sắc xinh đẹp, hơn nữa lại văn hay chữ tốt, trong cung đình nhà vua khó có phi tần nào sánh kịp. Vì vậy khi được tuyển vào cung hầu hạ, Bích Châu sớm được vua yêu, chỉ ít lâu sau được nhắc lên bậc quý phi, thường giúp vua trong việc giấy tờ nghiên bút.

Bấy giờ vua Duệ Tông ham mê chơi bời, chẳng có tài trị nước. Đã vậy, vua thường tự kiêu, lại cả tin bọn nịnh thần. Thấy cơ nghiệp nhà Trần ngày một suy vi, Bích Châu thường tỏ ra lo lắng. Nàng bèn dâng lên vua một bài "Kê minh thập sách", trong đó trình bày mười việc chính sự cần sửa đổi. Nhưng Duệ Tông còn mải rượu chè nào có để ý đến. Thế mà vua còn nghe lời bàn của một viên quan, chuẩn bị đội ngũ để tự mình "thân chinh". Thấy vậy, nàng thở dài: - "Chết thật! Thế này thì đến nguy mất. Nhà vua là người hiếu thắng chẳng chịu tự lượng sức mình". Bích Châu lại viết một bài biểu lời lẽ tha thiết, khuyên chồng nên nghĩ lại. Nhưng bài biểu của nàng cuối cùng cũng bị xếp vào một xó. Thấy chồng quyết tâm kéo quân đi, Bích Châu rất buồn nhưng rồi nàng cũng xin phép chồng cho mình đi theo. Duệ Tông ưng cho. Nàng là một trong mấy chục phi tần cung nữ đi theo ngự giá; họ ngồi trong một chiếc màn riêng, luôn luôn đi cạnh long thuyền nhà vua.

Bấy giờ trời yên biển lặng. Đoàn quân gồm năm trăm chiếc màn lớn xuất phát từ Thăng-long, dong buồm theo đường biển. Chỉ trong năm ngày, đoàn màn rợp cờ xí đã tiến vào một cửa biển lớn, ghé vào đậu tại bãi Bạch-tân. Vua ra lệnh cho quân sĩ lên bộ nghỉ ngơi ít ngày. Nhưng buổi chiều, sau khi ghé bến được một chốc thì trời bỗng nổi một trận gió lốc dữ dội. Vua lo lắng, cho đòi một số bộ lão địa phương tới hỏi. Một cụ già đáp:

- Tàu bè hạ, mùa này vốn là mùa lạnh gió. Dân chài chúng tôi vốn thường ra khơi làm ăn. Trận gió lốc này cũng là triệu chứng lạ. Trước mặt đây có một miếu thờ thần Biển rất thiêng. Khách đi ghe màn qua lại thường ghé

cầu cúng sẽ được yên ổn, nếu không thì thần phạt làm cho buồm gãy lái xiêu. Hoặc giả đó là do thần Biển gây ra cũng chưa biết chừng.

Nghe nói, vua vội sai quan biện xôi lợn vàng hương đến đền cầu cúng. Canh ba đêm ấy, vua nằm mộng thấy một vị thần thân thể to lớn, râu tóc lò xoà, mặt mũi dữ tợn, đến ngồi trước mặt, cất giọng oang oang như lệnh võ:

- Ta đây là Giao thần. Một dải biển này một tay ta trấn trị. Hà hà? Nhà vua cũng là người biết điều đấy! Nhưng muốn cầu yên cho mấy vạn nhân mạng mà chỉ có con lợn hồ rượu thì sao đủ. Ta nghe chuyển đi này nhà vua đưa theo lắm nàng tuyệt sắc mà ta thì lại chẳng có ai khuây khỏa. Vậy ta muốn nhà vua thả xuống cho ta một giai nhân. Đổi lại, ta sẽ giúp cho cuộc hành quân thuận buồm xuôi gió. Nào, nhà vua có bằng lòng không?

Thấy Duệ Tông cúi đầu không rí răng, vị thần cười một cách ghê rợn, rồi nói tiếp:

- Hừ, không cho ta cũng không được đâu. Ta sẽ mượn vài lượn sóng đưa đoàn mình nhà vua xuống thăm thủy phủ. Bấy giờ dù có hối cũng không kịp!

Nói đoạn xô ghế đứng dậy rồi biến mất.

Duệ Tông giật mình tỉnh dậy vô cùng khiếp sợ, vội cho đòi các quan tướng và các phi tần đến chỗ ngự tẩm báo cho họ cái tin không hay này. Ai nấy nín lặng nhìn nhau, mặt cắt không được giọt máu. Trong khi các quan tướng chưa biết ứng đối thế nào, thì Bích Châu từ sau trướng bước ra, nói:

- Việc linh ứng của thần nhân như vậy là đã rõ ràng, chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Tiện thiếp tình nguyện liều thân bèo bọt này để chu toàn cho đoàn ngự giá và quan quân.

Thấy nàng quyết liều mình, Duệ Tông rất thương, bèn nói:

- Lành dữ có số, họa phúc do trời. Ta há vì mộng寐 vô thường để chịu thiệt một mình nàng sao. Không được. Kẻ kia muốn làm gì thì làm, ta quyết không sợ!

Bích Châu lại tiếp:

- Sự thể đến nơi rồi, khó mà cưỡng lại. Xin bệ hạ lấy tính mạng ba quân làm trọng, coi ái ân làm nhẹ. Chỉ tiêu một người cứu được muôn người, con đường ấy dễ đi hơn cả.

Nhưng Duệ Tông vẫn chưa chịu nghe. Bấy giờ cơn gió vẫn còn thổi mạnh, các thuyền mảnh thả neo bị sóng chao đảo dữ dội. Một vị tướng hầu gần rí vào tai vua, xin vua nghe theo lời quý phi để cho yên việc lớn. Sau đó Bích Châu lạy vua rồi bước lên một chiếc thuyền câu. Trong ánh sáng mờ mờ của buổi bình minh, chiếc thuyền lướt ra biển cả như một chiếc lá trôi. Bỗng chốc một đợt sóng dâng lên ngập trời. Khi sóng hạ xuống thì thuyền đã biến mất, mọi người chỉ còn nghe mấy tiếng văng vẳng:

- Đa tạ "quan gia"[6]... từ nay vĩnh quyết...

Một lát sau, trời vừa sáng rõ thì sóng lại yên, gió lại lặng. Giao thần đã y ước rút lui để cho đoàn quân tiếp tục cuộc hành trình.

*

* *

Gần một trăm năm sau.

Ngày ấy, ở bãi Bạch-tân lại từng bừng đón hàng ngàn chiếc mảnh lớn chở đoàn quân thân chinh do vua Lê Thánh Tông làm tổng chỉ huy. Cũng như lần trước, đoàn mảnh cờ xí rợp trời lại ghé vào bến cắm neo. Quân sĩ được lệnh lên bộ lấy nước kiếm củi và nghỉ ngơi hai ngày.

Đêm hôm ấy nhà vua nằm ngủ, chiêm bao thấy mình đang ngồi trên long thuyền ngắm cảnh, bỗng từ ngoài khơi có một người đàn bà đi trên mặt nước khoan thai tiến vào, rồi dừng lại trước long thuyền vái chào.

Vua phán hỏi:

- Nàng là ai? Đến đây có việc gì?

Người đàn bà đáp:

- Thiếp là Nguyễn Thị Bích Châu, vợ vua Duệ Tông nhà Trần, đến nhờ bệ hạ ra tay cứu vớt.

- Đầu đuôi thế nào hãy nói rõ cho ta biết?

- Trước đây chồng thiếp kéo một đoàn quân thân chinh cũng dừng lại ở cửa biển này. Giao thần trấn trị ở cõi biển này buộc chồng thiếp phải cho y một người vợ mới chịu để yên. Để cứu toàn quân, thiếp tình nguyện cho Giao thần bắt. Nhưng từ ngày xuống thủy phủ, mới biết y là một hung thần

chuyên làm việc đồi bại trong vùng. Thiếp không thể sống mãi với tên dâm ác. Ngày nay may mắn được biết bệ hạ đi qua vùng này, vì vậy đến đây xin bệ hạ hãy giúp thiếp trừ khử tên hung thần, đem lại sự yên ổn cho một cõi.

Vua vội hỏi:

- Trẫm phải làm thế nào thì trừ khử được nó?

- Xin bệ hạ hãy viết một bức thư cho Quảng Lợi Vương là vua của các vua trên biển Đông này, vạch tội ác của Giao thần đối với thiếp rồi dùng súng thần công bắn ra tận ngoài khơi. Hễ việc đến tai Quảng Lợi Vương thì đến lượt thiếp, thiếp sẽ tự mình tố cáo tội ác tày trời của nó. Nghe xong câu chuyện, nhà vua gật đầu. Lập tức bóng người đàn bà biến mất.

Ngày hôm sau, vua sai tập hợp thủy quân cơ nào đội nấy chinh tề hàng ngũ. Đoạn trên long thuyền, vua ra lệnh cho đội thần cơ bỏ bức thư có đóng dấu ngự bào vào nòng, bắn ra khơi cho Quảng Lợi Vương. Chỉ một lát sau, người ta thấy trên một vùng biển cả sóng gió mịt mù, một con giao long đang vùng vẫy chạy trốn, có hàng ngàn con khác đuổi theo. Cho đến nửa chiều, sóng yên gió lặng. Tự nhiên có xác của một người đàn bà nổi lên mặt nước, trôi vào trước long thuyền. Mọi người nhìn lại, thấy dung mạo nàng còn tươi như sống.

- Đúng là người phi của đức vua triều trước đã liều tấm thân để cứu ba quân mà sử sách có ghi chép.

Vua nói vậy rồi truyền an táng nàng theo lễ vương phi tại bến Bạch-tân. Vua lại ra lệnh cho mấy chục thần cơ chĩa vào miếu thờ Giao thần nhả đạn. Chỉ trong phút chốc, một tòa đền trở thành đá tan ngói vụn. Sau ngày khai hoàn trở về, vua truyền cho dân địa phương dựng đền thờ Bích Châu tại cửa biển này và phong cho nàng làm Chế Thắng phu nhân.[7]

KHẢO DỊ

Một dị bản khác của truyện Nguyễn Thị Bích Châu là truyện Công chúa Mai Châu, nội dung như sau:

Công chúa Mai Châu là con gái vua Lê Thánh Tông xinh đẹp tuyệt trần, lớn lên thích học võ nghệ và binh thư đồ trận. Năm ấy có giặc Ngô Bát

Ngạo cầu kết với quân Chiêm gây chiến ở biên giới, quân nhà vua phải đi đánh, thường bị thua thiệt. Thấy vậy, công chúa tuy còn nhỏ tuổi cũng xin vua cha cho mình cầm quân cứu nước. Vua giao cho năm vạn quân với mười chiếc tàu. Đến núi An-ngang (Quảng-bình) thì trời bỗng nổi cơn sóng gió. Một vị thần nổi lên mặt nước tự xưng là Giang thần đòi bắt nàng làm vợ nếu không sẽ nhận chìm mười chiếc tàu xuống thủy phủ. Công chúa thấy cần phải hy sinh thân mình để cứu lấy năm vạn quân, bèn gọi các tướng kể rõ mọi việc, và nói: - "Ta đành phải liều mình để chu toàn cho ba quân. Nhưng các tướng hãy về triều báo với cha ta để cha ta vào báo thù". - Nói xong, nai nịt gọn ghẽ rồi cầm gươm nhảy xuống biển.

Được tin báo, nhà vua nổi giận kéo quân vào, trước hết sai lấy chiếc minh kính chiếu tìm nơi ở của Giang thần rồi bắn xuống dữ dội. Không thể cự nổi, Giang thần đành phải trả công chúa. Xác công chúa bèn nổi lên ở vùng Ao-bạch. Vua sai dựng đền thờ ở bờ ao rồi cho đem xác về kinh mai táng. Về sau công chúa hiển ứng, được phong tôn thần[8].

Thần tích làng kẻ Sặt (Hưng-yên) cũng có hình ảnh tương tự với các truyện trên:

Một quan tướng trước khi đánh giặc có hứa với một vị thần rằng mình sẽ hiến một cô gái đẹp nếu thần giúp cho mình đạt được thắng lợi. Trận ấy quả chiến thắng. Sau khi khai hoàn, quan tướng đi qua đền thần quên mất lời hứa; thuyền quân tự nhiên không tiến lên được. Quan tướng nhớ lại, đành phải ném một cô gái xuống nước. Dân vùng kẻ Sặt thờ nàng làm thần, và làng được thần hiển hiện nhiều việc linh ứng. Nhưng đến khi dân kẻ Sặt chuyển sang Thiên chúa giáo thì họ phá đền và thôi cúng[9].

Thần tích đền Quả thuộc Anh-sơn (Nghệ-an):

Khi quân Lê Lợi tiến vào Nghệ-an, đến vùng Bạch-ngọc, qua đền thần Quả thì thuyền không tiến được nữa. Thần phụ đồng cho biết nếu vua hiến một người vợ thì thuyền sẽ lại đi được và thần sẽ giúp cho chiến thắng. Vua hỏi các bà vợ. Một người trong đó là Phạm Thị Ngọc Trần đã sinh với vua được một con trai tình nguyện làm vật hy sinh[10].

Người Nhật cũng có truyện Người vợ hy sinh cho thần Biển cứu chồng cũng gần giống truyện của ta:

Dưới triều vua Kei-kô có một cuộc nổi dậy của một bộ lạc ở những hòn đảo phía Đông. Vua sai một hoàng tử tên là Ya-ma-tô cầm quân đi đánh.

Trước khi xuất quân, hoàng tử đến đền một nữ thần để cầu. Sau đó, đại quân dong buồm ra khơi. Đến vịnh Yê-đô, không ngờ thần biển làm một trận bão lớn làm le nhặn chìm đoàn tàu xuất chinh. Thần mách: mọi thứ sẽ toàn vẹn nếu chủ tướng vui lòng nhường cho thần cái gì quý nhất của mình. Mọi người đều biết cái quý nhất trong đời chủ tướng là Ta-chi-ba-na, người vợ yêu. Trong lúc nguy cấp, bà Ta-chi-ba-na xin hoàng tử cho mình hy sinh để cứu toàn quân.

Sau khi người đàn bà gieo mình xuống nước, bão quả tạnh. Khi tàu cập bến, hoàng tử nhảy lên bờ bị trượt chân ngã, tay chụp nhầm một cái lược gỗ có mùi thơm phảng phất, mới biết là lược của người vợ cũ. Về sau hoàng tử chiến thắng, đi kinh lược các miền. Trèo lên hòn núi nhìn về hướng Đông nam, ông ta sức nhớ đến người vợ yêu bèn kêu lên "át-su-ma" (vợ tôi). Từ đó cái tên át-su ma được dùng để chỉ nhiều hòn đảo ở Nhật-bản. Một ngôi đền được dựng lên ngay chỗ hoàng tử ngã để kỷ niệm bà Ta-chi-ba-na, trong đó còn đặt cái lược đựng mùi thơm[11].

Người Triều-tiên có truyện Sim-chen không giống các truyện trên, nhưng lại có đề tài một cô gái tình nguyện nhảy xuống biển để cứu người cha khỏi mù:

Vào một thời rất xưa, ở nước San Na-ra có một ông già mù nghèo sinh được một cô gái xinh đẹp. Một hôm một nhà sư hỏi ông: - "Nếu Phật làm cho sáng mắt thì ông cúng những gì?" - "Ba trăm túi thóc", ông đáp liền - "Lấy đâu ra?" - "Tôi không lừa Phật". - "Được, cứ mang đến chùa, mắt sẽ sáng". Ông già về nhà nghĩ mãi nhưng không có cách gì để thực hiện lời hứa nên buồn rầu, quên ăn quên ngủ. Thấy vậy, cô gái hỏi ông. Ông không trả lời, nhưng do con gái cứ căn vặn mãi, cuối cùng ông cũng cho biết sự thật.

Ít lâu sau, có một bọn lái buôn đến vùng ấy tìm mua một cô gái nhà nghèo để dự bị dâng thần Biển mỗi khi thần nổi giận trong lúc vượt vờ. Cô gái tự bán mình lấy ba trăm túi thóc mà không cho bố biết. Mặc dầu vậy, bố cô cũng đoán ra; ông tìm đến bọn lái buôn ngăn cản, nhưng việc đã rồi, và con gái

ông tỏ ra hết sức kiên quyết, hy vọng để bố sáng mắt. Thuyền bọn lái chuyển ấy đi biển có sóng to, cô gái che mặt nhảy xuống nước và quả nhiên biến lặn.

Xuống thủy phủ, cô gái được ở với vua Thủy. Khi bọn lái trở về, qua nơi cô gái hy sinh thì thấy nổi lên mặt nước một đóa hoa hồng tuyệt đẹp - "Đó là cô gái hóa thành". Nhà vua đau nặng, người ta bảo chỉ có hoa hồng giữa biển chữa là lành. Bọn lái tìm đến vua bán đóa hoa. Trong khi đó vua Thủy đưa nàng lên trần, đặt ở vườn hoa. Vua bắt gặp bèn lấy nàng làm vợ. Cô gái kể chuyện ngày xưa cho chồng nghe. Vua sai đi tìm ông già, và hai cha con nhận ra nhau[12].

Trong thần thoại Hy-lạp (Grèce) có truyện I-phi-jê-ni (Iphigénie) có đề tài hy sinh tương tự, nhưng nội dung có khác:

A-ga-mem-nông sắp kéo đại quân vượt biển đánh thành Tơ-roa báo thù cho vua anh là Mê-nê-lát bị cướp vợ. Nhưng thần Gió chơi khăm, ở đây thần không làm bão tố như truyện của ta và của Nhật, mà lại làm cho không có một tý gió nào để có thể dong buồm. Một vị tiên tri cho biết: muốn cho đại quân vượt biển thuận lợi thì phải hiến tế I-phi-jê-ni, nàng công chúa yêu, trước bàn thờ nữ thần Đi-an.

Vua không nỡ, nhưng sau vì lòng hiếu thắng trước toàn quân, buộc phải hy sinh tình cha con. Về phần I-phi-jê-ni bị bố lừa tới nói là để gả cho một vị tướng, nhưng khi biết sự thật, cũng can đảm nhận lấy cái chết. Nhưng lúc lưỡi dao sắp đâm vào cổ nàng thì nữ thần Đi-an đã đón nàng đi, thay vào đó một con nai tơ[13].

[1] Theo Quan Âm Thị Kính, nhà in Mai Du Lâm, Hà-nội, 1933; và Quan Âm chính văn tân truyện (nôm) bản in Phúc An (1919).

[2] Theo Bản khai sách Hữu-lập, Vĩnh-lại và Nhiêu-hợp, tập II.

[3] Theo Jê-ni-bren (Génibrel), sách đã dẫn.

[4] Theo Trúc Lâm Tục Đăng. Nam Hải Quan Âm bản hành quốc ngữ

(nôm), bản in năm Tự Đức thứ 3 (1850).

[5] Theo Đờ Grut (De Groot). Những lễ lạt hàng năm cử hành ở Ê-mu-y (thuộc Phúc-kiến, Trung-quốc).

[6] Từ dùng để chỉ vua thời Trần

[7] Theo Đoàn Thị Điểm. Truyền kỳ tân phả, truyện "Hải khẩu linh từ".

[8] Theo Jê-ni-bren (Génibrel), sách đã dẫn; và Lê Hương. Truyện tích Việt-nam.

[9] Theo Bát-xê (Basset). Truyện cổ tích và truyền thuyết ở Viễn đông, tạp chí Dân tộc học và truyền thống dân gian, tập 1 (1920).

[10] Theo Thần tích xã Bạch-ngọc (Nghệ-an).

[11] Theo Hô-vơ-lắc-cơ (Hovelaeque). Các dân tộc phương Đông, quyển II: Nhật-bản, Pa-ri, 1921.

[12] Theo Ga-rin (Garin): Truyện cổ tích Triều-tiên.

[13] Theo Từ điển thần thoại.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
178. SỰ TÍCH BÃI ÔNG NAM

Ngày ấy, những người dân chài vùng biển Nam trong khi ra khơi làm ăn thường bị nạn bão tố. Mỗi lần bão tố thành hình xảy ra, nếu trên đất liền chỉ đổ cửa đổ nhà thì trên mặt biển khơi có thể chết hàng trăm hàng ngàn mạng người. Không những thế, nó còn chôn vùi xuống đáy biển biết bao nhiêu là chài lưới thuyền mảng, những cửa cải mồi hôi nước mắt tích góp không phải chỉ một ngày. Vì vậy, những dân chài vùng biển Nam luôn luôn kêu gào oán trời trách đất độc ác phủ phàng, làm cho con mất cha, vợ lìa chồng, táng gia bại sản. Cuối cùng lời kêu gào của họ cũng động đến tòa sen.

Một hôm, đức Bồ tát ngự trên tòa sen nghe tiếng than khóc, bèn cúi nhìn xuống toàn cõi biển Nam. Nhận thấy muôn ngàn sinh linh bỏ mạng đều là những con người nghèo khổ, lương thiện, chất phác, thì động lòng thương, bèn cởi ngay chiếc pháp y mình đang mặc, xé thành từng mảnh ném xuống mặt biển rồi niệm chú cho mỗi mảnh hóa thành một con vật để chúng làm công việc cứu giúp dân chài. Vừa xuất hiện ở Nam hải, những con vật ấy bèn bơi lội khắp nơi, cố gắng làm những việc được giao, nhưng tiếc thay, thân tuy dài nhưng không lớn mấy, không thể chống chọi với những cơn bão tố, chẳng đủ sức che chở cho ghe thuyền, nên cuối cùng kết quả không có bao lăm. Bởi vậy, một hôm chúng họp lại trình lên tòa sen để Bồ tát biết sự bất lực của chúng.

Thấy vậy Bồ tát bèn lại mượn mấy bộ xương voi ném xuống biển, biến vật nhỏ bé trước thành những con vật vừa dài vừa có vóc dáng khổng lồ. Bồ tát dặn:

- Ta đã làm cho thân thể các người đủ sức đương đầu với bão tố. Từ nay ta giao cho các người chuyên giữ phận sự cứu nguy trên vùng Nam hải. Các

người hãy cố gắng làm tròn bốn phận. Để giúp đỡ các người, ta sẽ cho một số quân đi theo hầu hạ, đồng thời nhắc nhở các người không được lơ là với công việc.

Nghe lời truyền phán, những con vật mới vui lòng chia nhau bơi đi các nơi làm chức trách của mình. Bọn quân hầu cũng chia nhau đi theo hết lòng giúp rập.

Nhưng rồi Bồ tát vẫn chưa vừa ý. Nhận thấy mấy con vật mới sáng tạo vì quá to xác nên không được hoạt bát nhanh nhẹn, Bồ tát lại ban cho chúng phép thần thông để có thể sớm phát hiện ra tiếng kêu cứu xa hàng nghìn dặm. Đối với bọn quân hầu của chúng, Bồ tát cũng cho một tên dùng mực để chỉ đường vạch lối cho chủ chúng đi được nhanh, một tên thì cầm một ngọn đao luôn luôn hộ vệ tả hữu. Như vậy là Bồ tát đã tạo nên cá voi, cá mực và cá đao.

Nhờ thế, dân chài vùng biển Nam cũng được an ủi đôi phần, từ đó họ gọi cá voi bằng cái tên ông Nam hay cá Ông[1].

*

* *

Bấy giờ ở một cửa biển Nam có một vàm sông[2] quen gọi là vàm Ông-đốc, cá một cá ông làm trấn thủ tại đây. Cá ông làm việc tận tụy, ít khi xa rời vùng mình cai quản. Nhưng một hôm nó có ý muốn được ngao du một chuyến ra khỏi cõi bờ đi ngắm xem cho thỏa thích. Bèn tỏ ý ấy với những kẻ tùy tùng. Cá mực và cá đao đều trả lời:

- Hiện nay chưa phải là mùa đông bão, ngài có đi xa cũng chẳng sao. Chỉ

mong ngài phải nhớ trở về sớm, đừng có la cà mà hồi không kịp. Hơn nữa cũng cần phải bảo vệ tấm thân vì ngài đang kỳ thai nghén.

Được lời, cá Ông bèn quyết chí xuất hành cùng với cá mực và cá đao. Chương trình đã định là sẽ vòng theo mũi biển, cứ như bây giờ gọi là mũi Cà-mau, lần lượt tiến dần về phía Đông bắc đi thăm các vàm khác, ở đó sẽ gặp một số bạn bè và người thân thuộc, cuối cùng lại vòng theo mũi biển trở về chỗ cũ. Nhắm một buổi tối trời, cả đoàn kéo nhau ra đi. Vừa qua khỏi mũi đất, họ tiến vào vàm sông Bồ-đề. Đối với cá Ông, cuộc ngao du trở nên ngày một thú vị khi được gặp lại những người quen thuộc và được thấy những cảnh đẹp ở vùng biển Đông. Cho nên cả đoàn lưu lại nhiều ngày ở vàm sông Bồ-đề để xem cho thỏa thích trước khi rời lên phía Bắc.

Nhưng một đêm nọ, bỗng nhiên khi lạnh làm rớn da mọi người: báo hiệu một cơn sóng gió hãi hùng sắp nổ ra. Không ngờ bão tố lại xuất hiện bất thường như vậy, cả đoàn hết sức hoảng hốt. - "Trời nổi bão rồi. Chúng ta phải mau mau trở về đi thôi, vì thế nào cũng có người bị nạn". Tiếng chủ tướng kêu lên. Và nó ra lệnh cho cả đoàn tập hợp đông đủ để chuẩn bị trở về.

Nhưng khi quay về, vì có phép thần nên cá Ông đã biết tin có một chiếc ghe đang vô tình vượt ra khơi thuộc vàm sông Ông-đốc. Cá Ông than thở: - "Ôi! vẫn còn có một chiếc ghe vật vờ ngoài vàm. Bây giờ mà trở về vùng ấy nhanh nhất cũng phải mất một ngày. Biết làm sao bây giờ?".

Thấy cá đao thỉnh thoảng lại thúc bên hông, cá Ông hết sức lo lắng.

- Bây giờ về đường biển thì e không kịp vì phải đi quanh. Chỉ có cách là chúng ta chịu liều đi tắt và vàm sông Bồ-đề, tuy có nguy hiểm nhưng may ra có thể cứu kịp.

Bèn nói sao làm vậy. Cả đoàn lại tiến phát. Nhưng khi lọt vào vàm thì bão đã nổi lên mỗi lúc một mạnh. Hơn nữa, sông Bồ-đề thì nước cạn mà thân

của Ông Nam lại quá vĩ đại. Tuy vậy, theo dấu cá mực, nó vẫn cố trườn, có lúc phải trườn trên bãi đầy cây tràm và cây đước xây sát cả mình mấy. Hồi này nó đang mang thai. Vì phải cố gắng dùng hết sức lực nên cái thai bị sảy. Cá bé ra đời đáng lý có thể sống được, nhưng vì nước cạn nên chẳng mấy chốc thì tắt thở. Tuy lòng đau như cắt và mệt hết sức, Ông Nam vẫn không bịn rịn, vẫn cố xuyên qua dòng nước để về cho kịp vàm sông Ông-đốc, nơi mình có trách nhiệm với dân chài.

Chẳng mấy chốc cả đoàn về được đến nơi. Bão khi ấy đang tung hoành dữ dội hết mức. Cá Ông vùng ngay ra khơi, chỉ một nháy mắt nó đã đội chiếc ghe sắp bị chìm lên lưng đưa vào bờ. Dọc đường nó còn cứu được năm chiếc khác đang vật vờ trong sóng biển.

Vì đuối sức nên chuyến ấy Ông Nam bị đau đến mấy tuần. Biết được mọi việc xảy ra, Bồ tát cũng vui lòng xá cho đoàn đệ tử tội tự ý rong chơi mà không bẩm báo.

Từ đó, dân chài vàm sông Bồ-đề lập miếu thờ đưa con vô tội của cá Ông để rơi trong khi làm phận sự.

Hiện nay cái miếu ấy vẫn còn, người ta quen gọi là miếu Ông Nam. Cả cái dòng nước mà Ông vượt qua ngày nay đã bồi thành bãi, người ta cũng gọi là bãi Ông Nam[3].

179. CHIẾC GIÀY THƠM

Ngày xưa, ở chợ Đồng-xuân có cô gái họ Trương, con một gia đình giàu có

lớn. Cô gái mặt hoa da phấn và đã đến tuổi yêu đương. Thường ngày sống trong nhung lụa, có kẻ hầu người hạ nên cô ít khi bước chân ra ngoài.

Một hôm cô ngồi hóng mát trên lầu tây. Đang dựa bao lơn nhìn xuống đường phố, cô trông thấy có chàng trẻ tuổi cưỡi ngựa đi qua. Bên phía chàng trai nhác thấy bóng hồng thì say vì nhan sắc, đứng lại ngăm mãi không rời. Cô gái họ Trương thấy có người nhìn chòng chọc vào mình liền thẹn thò lui gót. Chàng trẻ tuổi tên là Lý Quốc Hoa còn đang dùi mài kinh sử, là con một vị tướng ở vệ Kim Ngô đóng tại kinh thành. Hôm ấy, sau khi nhìn thấy người đẹp chàng đâm ra thần thờ, không còn muốn giục ngựa đi tiếp. Nhưng khi nhìn lại nhà cô gái, thấy tường cao cổng kín, chàng mới biết đó là người không phải dễ dàng gặp gỡ. Mặc dầu vậy, chàng vẫn không quên ngôi nhà lầu, chỗ giai nhân vừa ngồi ngăm cảnh, có bao lơn con tiện và rèm the, bụng bảo dạ:

- Thật là một trang phong lưu tuyệt sắc! Thế nào cũng phải tìm cách gần gũi nàng mới thỏa dạ.

Từ đó chàng ra công dò la tông tích, hy vọng có ngày được mắt xanh.

Một hôm chàng đi qua cửa, gặp mặt người ra dáng con hầu từ nhà ấy đi ra. Chàng sán đến gần, làm quen. Qua trao đổi một vài câu chàng mới biết đó là người nữ tỳ của nhà họ Trương tên là Hồng Hạnh, đi mua phấn cho cô chủ. Chàng khẩn khoản nhờ nàng làm ơn giúp mình trao cho cô chủ một bức hoa tiên. Thấy Hồng Hạnh nhận lời, chàng mừng rỡ cảm ơn.

Lần đầu tiên đọc bức thư cầu thân, cô gái họ Trương cảm thấy trong lòng nở hoa. Đoán biết đó là ánh chàng cưỡi ngựa chòng chọc nhìn mình hôm nọ, nàng mỉm cười, nhớ lại khuôn mặt tuấn tú của chàng. Hàng ngày nàng đọc đi đọc lại bức thư không chán. Rồi cuối cùng nàng cũng viết mấy dòng lên hoa tiên trả lời.

Hồng Hạnh từ đấy trở thành con thoi thông tin tức cho hai bên, vì vậy không mấy chốc họ đã trở thành cặp bạn tình. Lần đầu cô gái họ Trương

hẹn chàng đến vườn hoa nhà mình một đêm trăng. Chàng họ Lý lén lút tìm đến, cảm thấy vừa hồi hộp vừa thích thú. Và chàng sung sướng vô hạn khi được đối diện và người ngọc. Cuộc tình duyên cứ thế nảy nở thuận lợi. Sau bao lần gặp gỡ khác, họ lại hẹn vào mùng ba tháng Ba sẽ gặp nhau trên một chiếc cầu vắng ở phía cửa Đông.

Nhưng không may cho cặp bạn tình, đêm ấy quan Kim Ngô giữ anh chàng lại ở dinh để thảo hộ cho ông một tờ trình rất dài mãi đến canh ba rồi canh tư mà vẫn chưa xong. Cô gái họ Trương lần đầu một mình ra khỏi nhà trong đêm tối. Nàng đã giấu cha giấu mẹ, giấu cả bọn con hầu đầy tớ, trừ có một mình Hồng Hạnh. Nhưng Hồng Hạnh phải ở nhà để đề phòng bất trắc. Một mình nàng lủi thủi đến cầu, chờ mãi không thấy tăm hơi người yêu đâu cả. Cầu vắng tanh. Nép sau bụi cây, nàng thấy mỗi lúc một sốt ruột: - "Chẳng lẽ chàng lại lừa dối ta". Nhưng trống lầu đã đổ canh hai mà vẫn biệt vô âm tín. - "Chàng tặc tử!" Đêm hôm khuya khoắt, lại thân gái một mình, nàng đành phải trở về không thể rồn đợi. Nhưng nàng đã hữu ý để lại một chiếc giày của mình ở chỗ hẹn, cũng là một cách báo cho chàng biết rằng mình có tới.

Mãi đến gần canh năm, Lý Quốc Hoa mới làm xong công việc khẩn cho bố. Vừa đặt bút xuống, chàng đã ba chân bốn cẳng chạy đến nơi hẹn đầu cầu. Nhưng ôi thôi, người ngọc đâu còn ở đó. Nhờ có chiếc giày của nàng để lại mùi thơm phảng phất, nên chàng không nghi ngờ gì nữa. Chàng đoán là nàng đã đợi mình sốt ruột, đã trách mình hết lời và chắc là từ nay nàng mất lòng tin cậy ở mình. - "Ôi! Bố ta đã báo hại ta, bây giờ thì nàng còn coi ta ra gì nữa". Chàng cảm thấy như có một sự đổ vỡ ghê gớm, không cứu vãn được. Cầm lấy chiếc giày, chàng âu yếm mãi và trong một lúc rầu lòng đến cực điểm, tự nhiên hồn lìa khỏi xác. Và chàng ngã vật xuống bên cầu bất tỉnh nhân sự.

Sáng dậy, người nhà quan tướng Kim Ngô không thấy Lý Quốc Hoa, đâm bổ đi tìm nháo nhác. Họ ra đến cầu thì thấy xác công tử với chiếc giày

thơm còn ôm ở ngực. Cả nhà họ Lý xúm quanh khóc nước nỡ. Câu chuyện đưa lên quan. Bấy giờ coi việc kinh thành có quan thiếu sự họ Trần. Nhìn thấy chiếc giày trong tay xác người trẻ tuổi, ông đoán đây hẳn là một vụ án về tình duyên. Bèn sai người đem chiếc giày để đi tìm chủ nhân của nó. Không bao lâu đến nhà họ Trương, họ đã tìm ra cô gái. Nghe tin người yêu nằm chết bên cầu, cô gái họ Trương kinh ngạc và bội phần đau xót. Nàng không đợi viên sai nhân bắt mình ướm giày nữa mà cầm luôn chiếc còn lại, ra thú thực với thiếu sự, và xin quan cho mình được phép đến than khóc trước người bạc mệnh. Đến nơi, giữa đám người đông nghịt, nàng chen đại vào, gục đầu vào thây chàng than khóc rất thảm thiết.

Không ngờ "âm dương cảm cách", Lý Quốc Hoa như được truyền hơi thở, tự nhiên bừng tỉnh rồi vùng ngồi dậy y như sau một cơn mê. Nhà họ Lý khôn xiết mừng rỡ, lạy tạ quan thiếu sự họ Trần. Thiếu sự xoa tay vui vẻ nói:

- Đôi lứa xứng đôi đây, còn đợi gì mà không cho họ kết hôn với nhau. Ta vì vụ này vô tình trở thành mục mối cho hai nhà.

Cả hai gia đình vui vẻ nhận lời. Thế là sau một tiệc cưới mà tiếng đồn vang dậy kinh thành, chàng và nàng trở thành vợ chồng[4].

KHẢO DỊ

Truyện này đã có người đặt thành thơ thất ngôn cổ phong chữ Hán mà Lê Quý Đôn trong Toàn Việt thi lục xếp vào văn học đời Trần.

Có những đoạn miêu tả khá đẹp, như: (dịch)

*Ai ngờ việc đời khó vừa ý,
Kim Ngô cầm chân chàng họ Lý.
Cô nàng đêm ấy một mình ra,*

Nào tìm thấy đâu người yêu ta?
Khá thương, trên cầu trắng một vùng,
Sông chảy dưới cầu, nước lạnh lòng.
Thấy cảnh khôn khuây niềm tưởng nhớ,
Đau lòng chẳng nói, lệ tuôn dòng.
Chuông điểm canh đầu đông hồ giọt,
Chờ lâu sai hẹn giận càng xót.
Bèn để chiếc giày tỏ tình sâu,
Khi chàng Lý đến hiểu lòng nhau.
Canh năm chàng Lý được ra đi,
Đi đến đầu cầu trời vẫn khuya.
Ngoài cột mùi thơm còn phảng phất,
Bồn bề không ai, lòng héo hắt.
Non Vu mây tỏa, vượn dứt hồn,
Giang nam xuân già, quốc máu tuôn.
Máu khô ruột đứt tình chữa hết,
Ôm giày ngủ mãi, sức mỗi mệt.
Hương hồn bay tới lâu họ Trương,
Tương tư bên cầu chàng đã chết.
Buổi ấy may gặp Trần thiếu sư,
Chuyện tình gái trai ông biết thừa.
Sai đem chiếc giày tìm tung tích,
Đến nhà họ Trương quả thấy vừa.
Thoạt đầu cô nàng chưa nói rõ,
Ngập ngừng câu được, câu nức nở.
Bỗng nhảy ôm khóc thây Lý lang-
- "Duyên đà chẳng hợp, xin cùng lữ!"
Nhờ thế âm dương cảm cách nhau,
Giấc mơ biến biệt lại tình mau.
Ná Sỏ không chiêu, hồn tự lại,
Cung Tần có hẹn, phượng càng gào.
Sống lại ngày nay nhờ ai hỡi,

*Cùng lạy thiếu sư ơn đức xối.
Thiếu sư bỏ về cười mà rằng.
Ta vì các người thành mụ mối...*

Trung-quốc có quyển Chiếc giày để lại làm chứng mà các nhà sân khấu đã biên soạn thành vở tuồng vào đầu thế kỷ XIX, gần với truyện của ta:

Một cô gái mười tám tuổi coi một cửa hàng hương. Nàng yêu một học sinh tên Quốc Loa và được yêu lại. Một hôm nàng hẹn tình nhân đến một ngôi chùa. Anh đến quá sớm và nhân ngồi chờ, có làm mấy chén rượu hâm nóng của một quán hàng gần đấy. Uống xong nằm say như chết. Khi cô nàng đến, anh còn say lử, cô bèn đặt lên thân người yêu một chiếc giày thêu của mình bọc trong một khăn là, rồi bỏ về. Quốc Loa tỉnh dậy thấy chiếc giày thì hối hận vì đã lỡ hẹn với bạn tình. Chàng bèn nuốt luôn chiếc khăn, rồi bỗng nhiên nằm vật xuống.

Tiểu đồng của người học trò đi tìm chủ, đến chùa thì đã thấy chủ bất tỉnh nhân sự. Cho là sư chùa đã giết chủ mình, hấn vội cáo lên quan. Quan bắt sư tra khảo. Nhưng vì có chiếc giày thêu, người ta bỏ đi tìm. Bắt được cô gái hàng hương đem về tra hỏi. Cô đến, thấy có tý góc khăn thò ra ở miệng anh chàng, bèn kéo mạnh. Khăn vừa lòi khỏi miệng thì anh chàng cũng tỉnh dậy như không việc gì.

Kết quả quan mắng cho chị ta một trận vì tội dùng chùa làm nơi hẹn hò dâm dăng, và buộc hai người lấy nhau. Họ không mong gì hơn thế[5].

Sách U minh lục (Trung-quốc) có quyển Cô mái bán phấn, cũng là dị bản của các truyện trên:

Một anh chàng con nhà giàu một hôm đi chợ, gặp một cô gái đẹp bán phấn làm trang sức. Ngày nào anh cũng đem tiền đến mua phấn để được ngắm cô nàng. Cô gái dần dần sinh nghi. - "Chàng mua phấn hàng tôi làm gì mà mua luôn vậy?", một lần cô hỏi thế. Anh đáp: - "Vì yêu cô". Từ đấy họ gắn

bó với nhau. Một hôm, trong cuộc hẹn đầu, anh chàng quá sung sướng ngất đi. Thấy anh ngã xuống, cô gái sợ, bỏ về. Bố mẹ đi tìm con trai thấy con đã chết, vào buồng học thấy có nhiều gói phẩn. - "Có lẽ vì phẩn này mà con ta chết đây". Bèn đi tìm ở chợ thì thấy cô gái bán phẩn có những gói giống như ở buồng con mình, bèn bắt giải quan. Cô gái thú là mình có yêu chàng và xin phép được khóc trước xác người yêu. Quan cho phép.

Thấy áo quan còn mở nắp, cô ôm lấy xác người yêu hôn hít Chàng trai tự nhiên sống lại. Hai người được phép lấy nhau. Họ đẻ nhiều con[6].

Một truyện Lửa tình cũng của Trung-quốc, cũng là một dị bản, tuy kết thúc có khác:

Công chúa nước Bắc Tề cùng một thiếu niên họ Trần hẹn gặp nhau tình tự ở một cảnh chùa nọ vào ngày Tết. Thiếu niên đến trước năm đợi, rồi ngủ quên. Công chúa đến thấy người yêu ngủ say thì giận, nhưng hữu ý để lại một vòng ngọc trên người chàng, rồi bỏ về. Chàng họ Trần tỉnh dậy thấy vòng ngọc thì uất lên vì hối hận. Lửa trong tim chàng phát ra đốt cháy cơ thể lại thiêu luôn cả cảnh chùa[7].

Chú thích:

[1] Đoạn này theo Toan Ánh. Nếp cũ hội hè đình đám, quyển Hạ; và Văn hóa tập san, số 3 (1973).

[2] Vàm sông: tức cửa sông hoặc cửa biển, chỗ sông đổ ra biển.

[3] Theo Sơn Nam. Truyện xưa tích cũ, tập I.

Người dân chài ở vùng Côn-lôn cho rằng mỗi lần cá voi đi đâu thì ở phía trước có cặp cá đao rất lớn, kể đó là một cặp cá mực rất to, nhưng là để kiếm mồi cho cá voi. Cá đao phải dùng "gươm" của mình để lừa các loài cá nhỏ vào cái miệng khổng lồ của chủ tướng, còn cá mực thì phun chất mực

đen trong nước biển khiến cho các loại cá nhỏ không thấy đường mà đi, phải chạy vào miệng chủ tướng. Khi miệng đã đầy cá, cá Ông bèn ngậm lại, ăn một cách ngon lành, lại còn xịt nước lên cao thành vòi để cảm ơn những kẻ tùy tùng đã giúp cho mình ngon miệng. Còn ở một số vùng khác thì cho rằng cá Ông đi đâu, tiên đội thường có cá mực dẫn đường, lại phun chất mực như để đánh dấu cho chủ tướng biết đường mà đi, còn hai bên sườn thì có cá đao đi hộ vệ.

[4] Theo bài Hường miết hành trong Toàn Việt thi lục.

[5] Theo Việt-nam cổ văn học sử, Nhà xuất bản Hàn Thuyên, Hà-nội, 1942.

[6] Theo An-mơ-ra (Almeras). Người đàn bà yêu đường trong đời sống vờ trong văn học (nghiên cứu tâm sinh lý học), Pa-ri.

[7] Theo Lưu Kính Thúc. Dị uyển.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
180. BÁN TÓC ĐÃI BẠN

Ngày xưa, có ba người học trò là Tùng, Trúc, Mai, quê ở ba miền khác nhau, tình cờ cùng học với nhau một thầy. Cha mẹ họ đều nghèo túng nhưng vẫn cố gắng cho con đi học. Trong những ngày xa nhà vùi đầu vào sách vở, bộ ba ấy kết bạn và nhau rất thân thiết. Họ ước với nhau rằng nếu sau này người nào làm ăn khấm khá thì sẽ không quên những người cùng sống trong buổi hàn vi, và sẽ cố tìm cách giúp đỡ bạn qua cơn nghèo ngặt. Sau một thời gian học hành, cả ba người đều vì hoàn cảnh nên từ giã nhau mỗi người đi một ngả.

Tùng là người thứ nhất có số phận trở nên may mắn. Sẵn có óc thông minh, anh cố công theo đuổi nghiệp sách đèn. Vì nghèo rất mừng tươi, anh cày cục theo hầu một cụ Nghè để vừa được ăn vừa được học. Thấy anh học giỏi, cụ Nghè hết lòng dạy dỗ, coi anh như con. Trải mấy năm trường sôi kinh nấu sử, cuối cùng anh thi đỗ tiến sĩ và được bổ làm quan ở kinh đô. Từ đấy cuộc sống của Tùng lên như điều gặp gió, khó có ai theo kịp.

Tuy sống trong cảnh giàu sang, Tùng vẫn không quên những người bạn đèn sách xưa kia. Cho nên, một hôm, Tùng xin phép nghỉ việc công để đi tìm bạn. Sợ đi có cáng xá lính hầu sẽ làm phiền đến mọi người, nên anh cải trang làm một người dân thường. Không bao lâu anh đã tìm tới nhà Trúc, một trong hai người bạn thân ngày trước.

Lại nói chuyện Trúc từ ngày thôi học, được thừa hưởng một phần ruộng đất của ông bà bên ngoại để lại. Hẳn ta biết cách xoay sở và chịu khó. Vì thế chỉ trong mười năm, hẳn đã trở nên khá giả: ruộng sâu trâu nái, vườn cau ao cá đủ cung cấp cho hẳn và gia đình sống một cuộc đời sung túc. Nhưng Trúc tính khí biến lộn. Tuy giàu có, hẳn vẫn không muốn mất cho ai một đồng một chữ nào. Cũng vì thế, hẳn quên mất cả những lời hứa hẹn với mấy người bạn nối khố ngày xưa: -"Ôi dào! Tìm làm gì cho mất công. Các

ông ấy cũng chẳng nhớ gì đến bạn nữa là ta". Nghĩ vậy, Trúc rất yên tâm về hành động của mình.

Khi gặp Trúc, thấy Trúc giàu có, để thử lòng bạn cũ. Tùng không nói vội đến hoàn cảnh đổ đạt của bản thân: chỉ cho biết rằng vì nhớ bạn nên anh tìm đến nhà chơi. Thấy bộ dạng bề ngoài của Tùng. Trúc đoán già đoán non rằng Tùng may lắm mới đủ ăn, nay tìm đến nhà mình không khéo lại dụng tình vay mượn chi đây. Nghĩ vậy, sau khi chào hỏi Tùng, Trúc cũng làm ra vẻ khó khăn: - "Thú thực với anh nếu không mắc mấy chuyện làm ăn thất bát thì tôi đâu có thua em kém chị thế này. Hồi ấy tôi đã định ra ngoài Huế tìm anh, nhưng vì mấy trận mất mùa liên tiếp, kể đó là một trận đói khủng khiếp, trong nhà có mấy thửa ruộng tổ nghiệp phải cầm đi, gần đây mới chuộc về được."

Trúc còn nói nhiều nữa, chủ tâm là để khóa mồm Tùng nếu hắn có ý định vay tiền. Và để tỏ ra là mình thực sự nghèo khó, Trúc đãi bạn theo mức bình thường. Buổi sáng hôm sau, khi người đầy tớ nhà Trúc đến thưa với chủ xin làm một mẻ lưới ở ao kiếm vài con mè béo đãi khách để y còn ra đồng cày ruộng, thì Trúc đã ngăn lại:

- Úy! "Dần bất khả hạ trì" (giờ dần không nên xuống ao) mà lại không nhớ câu ngạn ngữ ấy ư? Mà muốn làm cho tao sạt nghiệp hay sao mà đòi bắt cá vào giờ này?

Biết ý chủ, người đầy tớ lẳng lặng lui ra. Đến chiều hôm ấy, khi gà vào chuồng, vợ Trúc bảo người nhà nhốt riêng một con để giết thịt. Nhưng khi đưa gà ra cắt tiết, Trúc đã vội chạy xuống bếp:

-Ồ! "Dậu bất khả sát kê" (giờ Dậu không nên giết gà), bản cũ tâm giao ăn gì mà chẳng được, còn giết gà vào giờ này thì kiêng lắm đấy!

*

* *

Khi tới nhà Mai - người bạn nổi khổ thứ hai, Tùng vẫn khoác bộ cánh một người nghèo như lúc tới nhà Trúc. Và Tùng vẫn giấu kín không lộ cho Mai biết hoàn cảnh thực của mình. Mai từ lúc thôi học, trở về gặp cảnh nhà bán bách, anh cố sức chèo chống nhưng không gặp thời. Anh đi buôn mấy chuyến bị lỗ vốn, quay sang dạy học thì bị ốm, có mấy sào ruộng tổ nghiệp phải bán đi để chạy thuốc. Cuối cùng hai vợ chồng phải làm nghề cày ruộng rẫy, có khi phải ngày ngày đi làm thuê mới đủ nuôi miệng. Tuy sống trong lều tranh vách đất, kiếm miếng ăn rất chật vật, nhưng hai vợ chồng không chút phàn nàn.

Thấy Tùng đến chơi nhà, Mai đón tiếp rất niềm nở. Mai giới thiệu bạn với vợ:

- Đây là người bạn thân thiết nhất ngày còn đi học với cụ đồ trên tỉnh. Từ dạo ấy đến giờ, dễ đến mười lăm năm. Mình nhớ chạy kiếm thứ gì về đãi anh ấy, nghe!

Tùng thấy vợ bạn vâng lời chồng cấp rồ đi chợ. Trưa lại, anh thấy người đàn bà ấy đội một rổ thức ăn về, nhưng trên đầu lại trùm một chiếc khăn đen mặc dầu không phải vào mùa gió rét. Lúc đầu Tùng không để ý. Sau đó, trong khi anh đi thư thần ở hồi nhà thì thấy Mai và vợ kéo nhau vào buồng rì rầm trò chuyện. Ghé trông vào, một điều kinh ngạc đập vào mắt anh: lúc này vợ Mai đã lột bỏ chiếc khăn, nhưng mái tóc xanh trên đầu thì không còn nữa. Vì vậy, khi vợ chồng Mai bước ra khỏi buồng, Tùng vội hỏi lý do vì sao nàng lại cắt tóc. Biết không giấu được nữa, vợ Mai đành cắt nghĩa:

- Lúc sáng ra đi không có tiền, định hỏi mượn mấy người quen, họ cũng không sẵn. Nhân có nhà hàng tóc giả cần mua mấy lọn, sẵn có mớ tóc dài, tôi liền bán đi. Một đời một kiếp bạn mới đến chơi nhà, không lẽ ngồi nhìn nhau sưng tình ư? Anh đừng ngại, tóc cắt đi rồi nó lại mọc, lo gì.

Tùng hết sức xúc động về hành động của vợ Mai. Anh bèn nói thật với bạn biết, nào chuyện mình thi đỗ làm quan, cất công tìm bạn, rồi đến nhà Trúc

được y đổi đôi tệ bạc thế nào, v.v... Nói xong, Tùng lục tay nải đưa ra cho vợ Mai một hộp trầu bằng vàng, và nói:

- "Hàm răng cái tóc là góc con người", tôi rất ân hận không được biết trước để ngăn chị đừng bán mất mái tóc quý giá. Nhưng cũng nhờ đấy mà tôi mới biết được tấm lòng vàng của chị. Bây giờ xin tặng chị vật này, chị cứ bán đi mà tiêu, sau này tóc dài, sẽ lại kiếm cách đi làm ăn.

Sau khi trở về được ít lâu, Tùng lại cho người đưa tiền đến cho Mai và cho Mai đi Nam-định học nghề thuộc da. Khi học đã thành nghề, Tùng còn giúp Mai mở một xưởng thuộc da ở ngay tại làng. Công việc kinh doanh của họ ngày một phát đạt. Mai - còn đem nghề của mình truyền bá cho dân làng. Nghề thuộc da trở thành một nghề làm ăn thịnh vượng chưa từng có trong một vùng.

Còn Trúc mãi về sau mới nghe tin Tùng đã làm quan to ở kinh thì lấy làm ân hận. Kế đó lại nghe tin Mai nhờ Tùng mà làm ăn khấm khá. "Phải chi hồi đó ta tiếp bạn ta cho hậu, thì lo gì bạn ta lại không chạy cho được một chút phẩm hàm", hăn bực bảo dạ thế. Một hôm, hăn bèn khăn gói lần lượt tìm đến nhà hai người thăm hỏi. Song đến nhà ai, hăn cũng được tiếp đãi một cách nhạt nhẽo. Hăn đành tui nghỉu trở về [1].

KHÁO DỊ

Về chỗ mở xưởng thuộc da, ở Hà-tĩnh còn có người kể là giúp vốn buôn da trâu bò.

Trung-quốc có một vở tuồng đời Nguyên nhan đề *Bà mẹ họ Đậu cắt tóc lấy tiền thết khách* có nội dung gần giống với truyện của ta:

Có anh chàng họ Đậu vì nhà quá nghèo, không biết lấy gì để tiếp đãi ông bạn làm quan đi kinh lý trong quận, bèn viết bức thiệp cầm đồ lấy mấy quan tiền. Khi biết rõ chuyện, mẹ chàng buộc con phải mang đi trả, rồi cắt tóc mình bán cho người ta lấy 5 quan. Nhờ vậy, anh chàng họ Đậu thết khách tử tế.

Khách cảm động về tấm lòng của bà mẹ, bèn đưa bạn về kinh cho ăn học. Sau đó chàng thi đỗ làm quan.

Trong *Kinh luật dị tướng* có truyện *Cô gái bán tóc để thết Phật*:

Một cô gái có mái tóc dài màu hung hung rất xinh. Một bà vợ vua thấy vậy đòi mua một ngàn đồng vàng. Cô muốn bán nhưng rồi lại thôi. Một hôm gặp đức Phật thuyết pháp, cô muốn mời Phật đến nhà đãi ăn một bữa, bèn tỏ ý ấy với mẹ. Mẹ cô bảo: - "Nhà ta nghèo quá biết lấy gì mà mời?". - "Cứ bán mái tóc của con". Bèn mời Phật mai đến chơi nhà. Cô gái đến gặp bà phi tỏ quyết tâm bán tóc, thì bà này lại bắt chẹt, chỉ trả có năm trăm. Cô cầm tiền đi mua thức ăn. Khi đức Phật đến, thấy lòng tốt của nàng, bèn hóa phép cho tóc nàng mọc lại như cũ [2].

[1] Theo Lãng-đờ (Landes), sách đã dẫn; và theo lời kể của người Hà-tĩnh (Mạnh Sào Quan).

[2] Theo Sa-van-nơ (Chavannes) . *Năm trăm truyện cổ tích và ngụ ngôn trích ở Đại tạng kinh*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
181. TRỌNG NGHĨA KHINH TÀI

Ngày xưa ở Thanh-hóa có một người tên là Nguyễn Đình Phương. Nhà ông vườn cau ao cá, lại có chừng ba chục mẫu ruộng: trong nhà, vợ con, kẻ làm người lụng khá đông. Nhưng ông vốn là người hào hiệp. Khi có ai túng thiếu đến nhờ vả, ông sẵn lòng chu cấp, hay cho vay mượn, ít khi để họ phải về không.

Nguyễn Đình Phương có một người bạn cố tri tên là Trần Bính Cung làm nghề buôn gỗ. Bính Cung trước kia có của ăn của để. Trong nhà năm miệng ăn đều do một mình Bính Cung lo liệu. Nhưng từ dạo ông đi mấy chuyến bè thất bại, có bao nhiêu ruộng vườn đều cầm bán sạch. Tiếp đó Bính Cung bị một trận ốm nặng, trở nên nợ đũa. Quá hạn không trả được, chủ nợ cho bọn nặc nô đến đòi rất ráo riết. May mà có Nguyễn Đình Phương chạy tiền trả hộ, nếu không thì gia đình Bính Cung chẳng có cái mà ở. Sau đó, Bính Cung còn cho vợ con đến nhờ vả khi năm quan khi ba quan làm tiền thuốc men, Đình Phương vẫn vui lòng chu cấp. Thấy bạn quá tốt bụng vợ mình, vợ chồng Bính Cung vô cùng cảm kích.

Không ngờ bệnh của Trần Bính Cung mỗi ngày một nặng. Trước còn đi lại được, nhưng sau ốm hết giường. Biết mình sắp chết, một hôm Bính Cung cho mời bạn tới. Khi thấy mặt Đình Phương, ông nói:

- Tôi mắc nợ của anh một số tiền đã lâu rồi mà chưa nói đến chuyện trả, thật là phụ tấm lòng tử tế của anh.

Đình Phương liền gạt đi:

- Anh đừng nói thế! "Tiền là gạch, ngãi là vàng". Tình nghĩa mới là cái đáng quý, còn tiền bạc nào có nghĩa lý gì. Anh đừng nhắc đến nữa.

- Không - Trần Bính Cung tiếp - Tôi sợ dĩ vãng anh đến đây là vì món nợ làm tôi không lúc nào nguôi. Bây giờ tôi tính thế này. Ngôi nhà này của tôi coi như gán vào món nợ, có văn khế viết sẵn ở đây. Nhưng trước mắt tôi: con thơ vợ đại, em yếu, mẹ già, tình cảnh đáng quan ngại. Một mai tôi mất đi, nếu gia đạo tôi có việc gì, dám xin anh tìm cách cứu vớt. Về sau, con tôi ăn lên, gia đình tôi cất đầu lên được, nó sẽ không bao giờ quên ơn.

- Sao anh lại nói thế. Mẹ của anh cũng như mẹ của tôi, con của anh cũng như con của tôi. Còn nhà của tôi cũng như nhà của anh. Dù có thế nào: tôi cũng xin gắng sức. Anh cứ thuốc men cho lành, còn món nợ hãy gác lại, đừng bận tâm gì vì nó cả.

Bính Cung không nghe lời, cứ ấn văn khế vào tay Đình Phương, lại gọi con mình ra bảo lạy sống Đình Phương, rồi nói:

- Bây giờ tôi chết mới nhắm mắt. Đa tạ bạn. Tôi sẽ xin kết cỏ ngậm vành kiếp sau.

Ngay sau khi Bính Cung tắt nghỉ. Nguyễn Đình Phương tỏ ra là người biết giữ lời hứa của mình. Ông bỏ tiền làm ma cho bạn chu tất. Ông sốt sắng giúp đỡ gia đình hạn: khi quan tiền, khi thúng thóc không biết sên. Cả nhà Bính Cung coi ông như cây cột trụ. Làng mạc xóm giềng đều khen ngợi không tiếc lời.

Nhưng dần dà người ta thấy lòng hào hiệp của Nguyễn Đình Phương không phải là vô hạn. Sự giúp đỡ theo thời gian cứ thưa dần. Càng về sau, việc vay mượn của gia đình Bính Cung trở nên khó khăn. Nhiều lúc người con Bính Cung phải đợi suốt buổi, mà cuối cùng vẫn phải vác rá về không. Đình Phương tuy có mặt ở nhà, nhưng người nhà vẫn đáp là "đi vắng". Thái độ chuyển từ sốt sắng ra lạt lẽo của Đình Phương làm cho mẹ con Bính Cung thất vọng, coi như một sự lừa gạt. Một hôm, sau những ngày thiếu ăn, mấy lần đến vay không được, người vợ Bính Cung đón đường cố tìm gặp Đình Phương để hỏi cho ra lẽ. Khi gặp mặt, người đàn bà vật nài:

- Mẹ con bà cháu chúng em đói no là nhà ở một tay bác. Mong bác rón tay giúp đỡ cho qua hội này.

Đình Phương vội vàng từ chối:

- Gia đình chúng tôi dạo này cũng túng bấn tợn. Chị có thể chạy hỏi các nơi khác xem thử.

- Mẹ con chúng em chịu ơn bác rất nhiều, không bao giờ quên được. Biết đi lại mãi cũng làm phiền bác, nhưng tin vào lời hứa của bác với nhà em lúc sắp mất nên một hai cây dựa vào bác. Chẳng lẽ tình nghĩa ngán ngủi có thể thôi ư?

Vợ Bính Cung không ngờ tới câu trả lời chát chúa của Đình Phương.

- Chị dạy thế là lầm. Tôi cũng có vợ có con của tôi chứ. Có đâu cứ phải tư cấp cho gia đình chị mãi được. Không khéo tôi phải bán ngôi nhà bên nhà chị để trang trải vài món nợ đây!

Nghe lời nói như một gáo nước lạnh giội vào lưng, người vợ Bính Cung đành gạt nước mắt ra về, không quên kể lại sự tình cho mọi người trong nhà nghe. Cả nhà ngồi lại khóc rấm rứt. Bỗng có một ông lão lồi xóm chạy đến hỏi vì sao mà khóc. Người vợ Bính Cung kể lại đầu đuôi từ lúc tình bạn đậm đà, cho đến những câu trả lời tuyệt tình vừa rồi của Đình Phương, rồi nói:

- Cụ tính, bác ấy là ân nhân của chúng tôi mà thay lòng đổi dạ chóng thế, thì cả nhà còn biết làm sao mà sống bây giờ!

Nói xong lại khóc nức nở. Ông lão đáp:

- Thăm lắm thì phai nhiều, âu đó là thường tình của người đời. Thôi bây giờ mẹ con bà cháu nhà mợ hãy cố gắng tìm lấy một nghề mà nuôi nhau.

- Cụ tính, trong nhà một đồng một chữ cũng không có. Ngôi nhà này là của họ, họ còn dọa bán, nay mai biết trú ngụ vào đâu. Thế thì cụ bảo làm nghề gì?

- Mợ cả và cô có biết dệt sồi chăng?

- Nuôi tằm dệt lụa cũng có thể học mà làm được cả, nhưng vốn liếng ở đâu lấy gì mua khung cửi, lấy gì làm lương ăn cho cả nhà cho đến lúc có sồi đem đi chợ?

- Tôi thì chả phải giàu có gì, nhà mợ cũng biết. Nhưng thấy tình cảnh nhà mợ cũng đáng thương. Bây giờ tôi bàn thế này. Cứ phải luôn luôn nhờ vả người ta mãi quả là không tiện. Trong tay cần phải nắm chắc lấy một nghề, có biết chèo lái thì mới hòng đưa con thuyền qua được sóng cả. Nhà tôi vốn làm nghề dệt đã ba đời nay. Nếu mợ quyết chí thì tôi sẽ xin truyền cái nghề của chúng tôi cho mợ. Còn vốn liếng khởi sự, tôi sẽ xin cố giúp, sau này đợi lúc khá giả sẽ hoàn lại cũng được.

Ông lão nói rồi bắt tay vào làm ngay. Người vợ Bính Cung không ngờ một ông lão dệt sồi ở xóm lại tỏ ra hào hiệp có phần vượt xa Nguyễn Đình Phương. Ông xuất tiền một lúc mua ngay khung cửi và một đồ lễ khác để cho hai người đàn bà học dệt. Lại bỏ vốn cân tơ. Ông lão còn mất khá nhiều thì giờ để bày vẽ cho họ mọi bí mật của nghề nghiệp. Chẳng mấy chốc họ đã có sồi đem ra chợ bán. Càng ngày nghề của họ càng tinh. Mẹ con bà cháu tần tiện cũng đủ bát ăn và bắt đầu cho đứa bé đi học. Không bao lâu, gia đình đã dành dụm được tiền đem đi chuộc nhà và sổ ruộng vườn về. Từ khi chuộc được nhà, họ lơ hảnh Nguyễn Đình Phương coi như người xa lạ, trái lại ân cần coi ông lão là một vị ân nhân.

Thấm thoát bảy tám năm trôi qua, người con gái Bính Cung đã có người dạm hỏi. Hôm cưới, trong nhà rộn rịp giết lợn bày cỗ rất linh đình mà theo ý người vợ Bính Cung là để cho bố những ngày gian truân vừa qua.

Nhưng giữa tiệc cưới vui vẻ, khách khứa tấp nập, người vợ Bính Cung nhắc thấy Nguyễn Đình Phương - người mà bà đã có chủ định không mời - cũng khăn áo đến dự. Vợ Bính Cung tiến ra đón ở cửa, chua chát:

- Bác hôm nay cũng đến đây ư? Chao ôi! Tôi cứ tưởng bác phải quên chúng tôi lâu rồi. Chắc bác nghĩ rằng gia đình chúng tôi phải chết giấm chết giúi từ đời thuở nào, còn đâu được bác chiếu cố đến thăm nhà hôm nay nữa...

Vợ Bính Cung còn định tìm những câu đau hơn nữa để nói cho Đình Phương biết mặt, nhưng lúc bấy giờ ông lão ân nhân đã bước ra, rí vào tai:

- Mợ cả, mợ đừng vội nóng, để tôi nói mợ nghe. Tất cả vốn liếng mà tôi giúp mợ, cả công lao bày vẽ của tôi nữa đều là tiền bạc của ông Phương đây cả. Tôi chỉ là người trao hộ, làm hộ mà không nói ra cho mợ biết đó thôi[1]!

KHẢO DỊ

Truyện này về chủ đề có phần giống với truyện *Lưu Bình - Dương Lễ* đã được dân gian đặt thành chèo.

Lưu Bình và Dương Lễ là đôi bạn thân. Dương Lễ đỗ cao làm quan, trong khi đó Lưu Bình thi hỏng, cửa nhà sa sút. Lưu Bình tìm đến nhà nhờ vả bạn, nhưng Dương Lễ tỏ vẻ lạnh nhạt không tiếp.

Khi Lưu Bình giận bỏ ra về thì Dương Lễ kín đáo sai Châu Long, người vợ thứ ba, mang vàng đi nuôi bạn, dặn khi nào bạn học thành tài hãy trở về. Gặp Lưu Bình, Châu Long giả bộ đánh ước, nhưng lại ngăn buông làm đôi, hẹn chỉ đến lúc thi đỗ mới được vào. Lưu Bình nhờ phần chí nên học tấn tới, sau đỗ cao. Lúc vinh quy trở về thì không thấy Châu Long đâu nữa. Cho tới khi đến chơi nhà Dương Lễ, bạn cho Châu Long mang trầu ra chào. Lưu Bình mới vỡ lẽ ra là bạn đã chí tình với mình. Từ đó tình bạn lại thăm thiết như xưa.

Khoảng cuối thế kỷ XVIII Đoàn Thị Điểm có viết một truyện nhan đề là *Tùng bách thuyết thoại* có nội dung giống hệt truyện *Lưu Bình - Dương Lễ*:

Thấy Hà sinh có văn tài mà bỏ học đi làm ruộng, Nguyễn sinh sau khi kết bạn, bèn khuyên bạn đi học. Nghe lời, Hà sinh sau ba năm học tập đỗ thi Hương và thi Hội. Trái lại, Nguyễn sinh cậy tài thi hỏng. Khi Nguyễn sinh mang lễ vật đến mừng bạn thì Hà sinh tỏ vẻ lạnh nhạt không tiếp, nhưng cũng như Dương Lễ, chàng bí mật sai một người thiếp đi giúp bạn. Được sống gần người đẹp và được nàng hứa hẹn sẽ cùng kết duyên sau khi thi đỗ, Nguyễn sinh nỗ lực học tập và cuối cùng đỗ hoàng giáp. Đỗ rồi, chàng đến nhà bạn với một vẻ kiêu ngạo, và trong câu chuyện với bạn có nói đến một nàng tiên giúp mình. Nhưng khi Hà sinh cho gọi người thiếp bưng trầu ra mời, chàng mới biết sự thật[2].

Người Đun-gan ở tỉnh Cam-túc (Trung-quốc) có truyện *Lu Lô nhận ra Ma Chuân và sau đó thấy rõ lòng chàng*, cũng có những nét tương tự với các truyện trên:

Vì đến kinh kỳ dự thi với tay nải rỗng, Ma Chuôn đành dừng lại ở nhà một phú hộ chuyên bỏ của làm việc thiện tên là Lu Lô. Không những giúp đỡ người khách lỡ độ đường, Lu Lô còn nhận Ma Chuôn làm anh em kết nghĩa. Nhờ tài học của mình cũng như sự hào hiệp của Lu Lô, Ma Chuôn cuối cùng đến kinh, thi đỗ trạng làm quan to. Về sau, Lu Lô bị khánh kiệt gia sản, tìm đến nhà Ma Chuôn để nhờ giúp đỡ, nhưng người này tiếp anh một cách lạnh nhạt. Lu Lô buồn bã trở về và lấy làm tiếc rằng phải đến nhờ vả một người như Ma Chuôn. Nhưng trên đường trở về anh gặp nhiều người không quen biết, và tuy chỉ mới gặp lần đầu, Lu Lô thấy họ vui vẻ mời mình về nhà khoản đãi tiệc tùng thân mật. Khi anh về đến nhà, thì từ trên nền nhà cũ của mình có những người thợ khéo tay đã xây lên một ngôi nhà hai tầng rất đẹp. Khi biết rằng ngôi nhà ấy cũng như sự mới mọc ân cần nhận được trên dọc đường về là theo lệnh của Ma Chuôn, Lu Lô rất cảm động. Sau anh chết, Ma Chuôn còn lo chôn cất bạn như đối với anh ruột[3].

[1] Theo *Thực nghiệp dân báo*.

[2] Theo *Truyền kỳ tân phả*.

[3] Theo Ríp-tin (B. Riftine) và Kha-xa-nốp (M. Khassanov). *Truyện cổ và truyền thuyết dân gian Dun-gan*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
182. Ả CHỨC CHÀNG NGƯU

Vào một ngày rất xưa, trong khu rừng sâu có một giếng nước trong mát luôn năm không bao giờ cạn, gọi là giếng tiên. Vì giếng ở cách xa dân cư, người trần không mấy ai qua lại nên các nàng tiên trên trời thường dùng chỗ ấy làm nơi hội tụ. Ở đấy họ thỉnh thoảng đến lấy nước, hoặc có khi trút bộ cánh trên bờ, xuống bơi lội đùa giỡn cho thỏa thích.

Cũng ngày ấy, ở cõi trần có một chàng trai làm ăn chăm chỉ nhưng sống một thân một mình. Một hôm anh lên rừng đốn củi không ngờ quá chân lạc bước đi mãi vào khu rừng sâu. Trong khi tìm lối ra, anh bỗng đi qua cái giếng tiên lúc ấy có ba nàng tiên đang bơi lội cười đùa trong làn nước. Anh chàng lặng lẽ đứng nhìn mê mẩn quên cả về. Thấy có ba bộ cánh trắng toát để lại trên bờ cỏ xanh, anh tính chuyện rình bắt một cô theo mình. Nghĩ vậy anh rón rén bò lại lấy trộm một bộ, rồi nấp vào một gốc cây.

Sau khi tắm xong, ba nàng tiên thông thả lội lên bờ. Hai nàng được cánh của mình bay vút lên trời, còn một nàng mất cánh ngơ ngách tìm tòi khắp nơi. Thấy vậy, anh chàng từ chỗ nấp bước ra. Nàng tiên cầu khẩn:

- Hỡi chàng trai lạ! Chàng hãy vui lòng trả cánh cho ta để ta về!

- Không được! Chàng trẻ tuổi tươi cười trả lời. Bộ cánh này đã lọt vào tay ta thì đừng có hòng lấy lại. Nàng hãy theo ta về nhà làm vợ. Ta sẽ làm cho nàng sung sướng!

Mặc dầu nàng tiên van khóc hết lời, chàng trai nhất định không chịu trả. Trời đã xế chiều, anh chàng làm bộ cương quyết ra về. Túng thế nàng tiên

đành phải lẻo đẻo đi theo. Về tới nhà, trước tiên anh bí mật giấu kỹ bộ cánh rồi ra soạn sửa cơm nước, áo quần, chăn chiếu cho nàng tiên dùng. Từ đó nàng tiên trở thành vợ anh.

Lấy nhau không được bao lâu, vợ chàng sinh một đứa con trai. Thấm thoát đứa con đã lên ba tuổi. Chồng sung sướng nhìn con mập bẹ tập nói, còn vợ thì đã thừa nhắc đến chuyện đòi lại bộ cánh để trở về trời.

Một hôm, anh chàng có việc phải đi xa và đi lâu. Trước khi lên đường, anh dặn vợ:

- Mẹ con ở nhà, có ăn thì ăn đụn lúa vang, rồi sang đụn lúa rẹ, chớ ăn đụn lúa rẹ, có tổ ong vò vẽ, đốt cả mẹ liền con.

Nhưng vợ ở nhà không làm theo đúng lời dặn của chồng. Sau khi ăn hết đụn lúa vang, nàng liền chuyển sang ăn đụn lúa rẹ. Không thấy có tổ ong vò vẽ nào đốt cả, nàng tiên bèn sinh mỗi ngày vực. Lời dặn của chồng, nếu trước đây là một lời dạm dọ, thì lúc này đã trở thành một câu mách ngầm. Quả nhiên, sau một hồi tìm tòi, nàng tiên đã tìm thấy bộ cánh cũ của mình giấu kín dưới cút thóc mà chồng dặn phải kiêng không đụng đến.

Được cánh, nàng tiên nóng lòng về thăm bố mẹ, chị em đã từ lâu xa cách. Nhưng khi lắp cánh vào thì thấy ngưỡng ngưỡng. Đã lâu lắm không bay, nàng cảm thấy nặng nề khi cất cánh. Từ đó, hàng ngày nàng phải giở cánh ra tập luyện. Mỗi lần mẹ bay la bay bổng, đứa con trai ngây thơ cười như nắc nẻ.

Thấy con cười, mẹ mắng:

- Cười sặc sặc có khi rạc cổ, cười ha hả có khi rã xương!

Chẳng bao lâu thói quen đã trở lại. Nhưng vì thương con, nàng tiên vẫn nán nã chưa chịu về trời.

Lật bật đã sắp đến ngày về của chồng. Nàng quyết định phải ra đi. Một buổi chiều, nàng tiên làm một mẻ rất nhiều bánh. Sáng hôm sau, mẹ đưa con vào buồng, dặn: -"Con ở nhà hễ khi nào đói thì vào buồng lấy bánh mà ăn đừng có đòi mẹ nhé!". Rồi mẹ gài lên áo con một chiếc lược và dặn:

- Con nhớ giữ lấy lược cho cha nghe!

Dặn đoạn, nàng tiên vỗ cánh bay bổng lên không trung.

*

* *

Người chồng trở về thấy mất vợ, lại thấy lược vợ cài vào áo con thì đoán ra nông nỗi: con chim trời đã về tổ cũ. Từ đấy cha con cui cú, lòng anh buồn rười rượi; thằng bé vắng mẹ kêu khóc đêm ngày. Một hôm, chàng lại bế con tìm lên giếng tiên. Chàng vẫn nhớ con đường đi ngày nọ xuyên qua mấy khu rừng sâu. Nhưng lần này cây cỏ rậm rì che kín hết lối. Chàng tìm mãi hết ngày này sang ngày khác. Cuối cùng chàng cũng lần tìm ra chốn cũ. Lập tức chàng đưa con đến nấp bên bờ giếng tiên, hy vọng sẽ được gặp lại vợ ở đây. Chờ mãi đến trưa hôm sau, cha con mới thấy một bà già từ trên trời xách thùng xuống múc nước. Từ chỗ nấp bước ra, chàng trai nắm lấy thùng cầu khẩn:

- Hỡi bà tiên! Bà hãy thương tôi giúp cho tôi một việc.

- Việc gì? Bà tiên hỏi.

- Tôi là chồng nàng tiên ba năm trước đây xuống tắm chốn này. Nàng đã là vợ tôi và là mẹ của thằng bé này. Thế mà nàng đột ngột bỏ về trời không một lời để lại. Vậy bà làm ơn giúp cha con chúng tôi, nhắn tin cho vợ tôi xuống đây gặp chồng gặp con một tý. Đây là chiếc lược của vợ tôi để lại làm dấu tích, bà cứ cầm về, vợ tôi khắc biết ngay.

- Ta biết rồi. Nàng tiên đó là ả Chức hằng ngày dệt vải nhưng vẫn nhớ chồng nhớ con. Được, ta hứa sẽ đưa giúp.

Hai cha con lại cất công ngồi chờ cho đến tận chiều hôm sau mới thấy có hai người từ trên trời xuống. Họ có đem theo mọi thứ dây túi để đưa cha con lên trời. Họ dặn cha con phải nhắm mắt và phải giữ hết sức im lặng. Vào khoảng canh khuya, hai cha con đã bước vào cõi trời, và khi có lệnh "mở mắt", họ đã yên vị trong nhà ả Chức. Vợ chồng, mẹ con gặp nhau mừng mừng tủi tủi.

Nhưng chỉ được hai ngày sau, hai cha con lại phải rời "thượng giới". Lệnh cấm của Ngọc Hoàng rất nghiêm. Bất cứ người trần nào dám cư trú ở cõi trời đều bị coi như kẻ địch. Người nào chứa chấp cũng bị tội nặng. ả Chức tuy thương chồng con vô hạn, nhưng không thể xuống sống ở cõi trần. đành phải chia tay.

Ngày hôm đó, vợ gạt nước mắt trao cho hai cha con một cái trống, một mo cơm, và dặn: -"Hễ chân chạm đất thì cứ đánh ba tiếng trống để trên này biết mà cắt dây".

Hai cha con xuống được nửa đường thì trời đã trưa. Thấy thằng bé khóc

đói, anh chàng bèn dừng lại giở mo cơm đặt lên mặt trống cho con ăn. Thằng bé bốc cơm ăn làm vương vãi trên mặt trống. Một đàn quạ thấy vậy bèn sà xuống mổ lấy mổ để. Ở trên kia, ả Chức nghe có tiếng trống tưởng là cha con đã xuống đến đất, bèn cứ việc cắt dây. Dây đứt, cha con rơi xuống biển cả. Thấy việc không ngờ lại xảy ra như thế, đàn quạ biết là lỗi tự mình, bèn bay lên trời kêu vánh cả lên. Thế là việc phạm lệnh cấm của nhà ả Chức lọt đến tai Ngọc Hoàng.

Sau khi biết rõ tình cảnh của họ, Ngọc Hoàng lấy làm thương hại, bèn hạ lệnh cho cha con lên trời, giao cho chàng công việc chăn trâu. Sau này người ta gọi anh là chàng Ngưu, hay chàng Ngâu. Hàng ngày chàng Ngưu thả trâu của nhà trời ăn cỏ nhưng chỉ được phép thả trâu và cư trú bên kia bờ sông Ngân. Bên này bờ, ả Chức vẫn ngày ngày dệt vải. Mỗi năm Ngọc Hoàng chỉ cho hai vợ chồng gặp nhau một lần vào ngày mừng bảy tháng Bảy. Đàn quạ có lỗi thì ngày hôm ấy phải đội đá bắc cầu cho hai vợ chồng qua lại.

Từ đấy, cứ đến ngày mừng bảy tháng Bảy, trời thường rỉ rả mưa phùn, người ta gọi là mưa Ngâu, cho rằng đó là những giọt nước mắt của vợ chồng được gặp gỡ trong một ngày, rồi lại ly biệt cho đến năm sau. Giống nòi quạ cho đến nay vào ngày ấy thường bị sói đầu, người ta cho là vì phải làm phận sự đội đá bắc cầu nên mới thế[1].

KHẢO DỊ

Về chỗ chàng Ngưu cùng con đứng chờ ở giếng tiên, có người kẻ hơi khác như sau:

Qua mấy ngày chờ đợi, chàng Ngưu không thấy nàng tiên nào xuống tắm, cuối cùng chỉ thấy một thị tỳ quảy thùng xuống mức nước. Cha con lân la đến xin uống. Trong khi chàng Ngưu than thở kể lể chuyện mình với người đàn bà, thì đứa bé vô tình đánh rơi chiếc lược (hoặc cái trâm) của mẹ nó vào thùng. Không ngờ người đàn bà ấy lại là thị tỳ của ả Chức. Lúc về đổ nước ra dùng, ả Chức nhận ra chiếc lược của mình, hỏi chuyện mới hay chồng và con đang đi tìm. Bèn lấy ra một chiếc khăn phép trao cho người hầu, bảo xuống giếng tiên đưa cho cha con đội lên đầu là có thể theo người hầu lên trời[2].

Ở Nghệ-an có người kể lại như sau:

Một người đàn ông chưa có vợ một hôm đi gặt, tự nhiên thấy có một cái cánh ở lưng chừng trời sa xuống, bỗng chốc nhìn lại thì hóa ra là một người đàn bà xinh đẹp. Người này để lại bộ cánh trên bờ ruộng, lần mò xin gặt thuê. Anh chàng nhận lời cho gặt, nhưng khi lượm lúa, anh trộm lấy cánh giấu vào bó lúa. Chiều tối người đàn bà mất cánh đành phải về theo anh làm vợ, sau sinh được ba người con. Một hôm người chồng phải đi lính, khi đi dặn vợ:

- Ăn hết cót lúa vang, ăn sang cót lúa ré, đừng có ngó ghé đến cót lúa chiêm[3].

Vợ nghi ngờ, bèn mở cót lúa chiêm ăn trước, quả tìm được cánh, bèn về trời. Chừng người chồng mãn hạn lính trở về, cha con dắt nhau đi tìm, than khóc không nguôi. Bụt hỏi vì sao mà khóc. Anh ta kể lại đầu đuôi. Bụt bảo

ngày mai nếu thấy có dây từ trên trời thả xuống thì cha con cứ nắm lấy mà trèo lên. Hôm sau, nhờ sợi dây anh chàng leo được lên đến cửa nhà trời, gặp lại vợ. Kết thúc cũng có tình tiết cha con trở về với cái trống, gói cơm và cũng bị đàn quạ (ác là) làm cho người nhà trời vắn (?) dây, đưa đến cái chết của hai cha con. Nhưng người kể lại cho rằng cha hóa thành con cóc, con hóa thành con ve, chứ không phải được lên trời như truyện trên[4].

Một dị bản *Người lấy tiên*, lại có những tình tiết khác nữa: Có hai anh em, bố mẹ mất để lại một số tài sản. Anh tham lam chiếm lấy tất cả, chỉ chia cho em một thửa ruộng xấu. Cày không được, người em chỉ ngồi khóc. Một vị tiên xuất hiện, hỏi: "Vì sao con khóc?" Hân trả lời: "-Ruộng khô cứng cày không nổi, biết lấy gì mà sống đây!". Tiên bèn chọc gậy xuống đất, tự nhiên nước theo lỗ phun lên đầy ruộng. Người em cày cấy. Đến mùa lúa chín bội thu, người em gặt không xuể (có người kể gặt đến đâu lúa mọc lên đến đấy) lại ngồi khóc. Tiên lại hiện ra hỏi lý do rồi cho năm tiên nữ xuống gặt giúp. Người em thấy các nàng xinh đẹp, bèn giấu đi một cặp cánh. Cuối cùng nàng tiên mất cánh trở thành vợ chàng như các truyện trên. Sau khi tìm được cánh, nàng tiên bèn rang bỏng trộn mật cho con ăn dần, lại đặt một chậu nước ở giữa nhà cho con uống dần. Ở đây người chồng lên trời tìm vợ tiên bằng cách đốt "cơ nghiệp" để cho ngọn khói đưa hai cha con bay lên. Đến nơi, họ không biết lối, trong khi đi tìm, họ dừng lại bên giếng nhà trời xin nước uống đỡ khát, vô tình đứa bé đánh rơi lược mẹ vào thùng nước, nhờ vậy mà chồng gặp lại vợ. Sau đó theo người kể, cả vợ chồng con cái cùng xuống trần mỗi người một nơi, về sau họ mới lại lên trời[5].

Mô-típ truyện *Á Chúc chàng Ngưu* hầu như ít vắng mặt trong cổ tích thần thoại của nhiều dân tộc, đặc biệt các dân tộc ở Đông Nam Á nói riêng, ở Á - Úc nói chung. Chúng tôi chỉ kể sau đây một số truyện có tính chất điển hình.

Trước hết là truyện của đồng bào Cham-pa *Lưỡi dao thần*, tình tiết có nhiều

nét độc đáo:

Một chàng trai mồ côi chăn trâu cho người, một hôm lấy trộm xiêm áo của ba nàng tiên thường đáp xuống chỗ xoáy nước tắm, không ngờ bị họ làm phép chẳng những lấy lại được xiêm áo mà còn giết chết chàng trai. Một con rùa - con thần Nước - vốn trước đây được chàng trai cứu khỏi nạn đá đè, thấy vậy, bèn nhổ một cây thuốc thần có phép cải tử hoàn sinh làm cho ân nhân - bấy giờ xác đã nát rữa - sống lại. Nhờ cây thuốc này mà phép của nàng tiên không còn hiệu nghiệm khi chàng lại trộm xiêm áo lần thứ hai. Thế là nàng tiên thứ ba, người mất trộm xiêm áo lần này, đành trở thành vợ chàng và sinh với chàng một đứa con trai. Một hôm chồng đi chăn trâu như thường lệ, vợ đổ thóc trong bồ ra phơi thì tìm được xiêm áo bấy lâu chồng giấu trong đó, bèn mặc vào rồi bay về trời. Chàng trai trở về thấy mất vợ, bèn mang cây thuốc và bế con tìm đến chỗ xoáy nước để tìm. Gặp lại rùa thần, rùa cho hai viên thuốc quý và khỏe hơn trước bội phần. Trên đường đi tìm, họ gặp đại bàng (rác), đại bàng bắt cha con hàng ngày phải đi tìm lươn cho nó ăn. Một hôm mưa lụt không có lươn, đại bàng nuốt họ vào bụng. Không ngờ nhờ cây thuốc thần, họ chẳng những không chết lại còn dùng dao rạch ruột chim chui ra. Sau đó họ nhổ của chim hai chiếc lông, cắm lên thuyền, thuyền tự động bay bổng lên trời đến chỗ nàng tiên. Ngọc Hoàng - cha nàng tiên - cho quân vây bọc trùng trùng điệp điệp để bắt, nhưng nhờ lưỡi dao thần, hai cha con làm cho chúng chết không kịp ngáp. Chồng vào cung tiên cứu được vợ bấy giờ đang bị Ngọc Hoàng bắt trói, rồi đưa vợ về thuyền và xuống trần bình yên[6].

Đồng bào Cham-pa còn có truyền thuyết giải thích vì sao những người theo đạo Hồi không ăn thịt lợn, cũng có hình tượng gần gũi với một hình tượng của *Á Chức chàng Ngưu*:

Một nàng tiên có tên là Phu-ta-mứ được Ngọc Hoàng sai xuống trần lấy chồng, đẻ được hai con (ở đây không có hình ảnh trộm cánh). Nhưng một

hôm thiên đình bắt chợt gọi Phu-ta-mứ về trời. Thấy nàng ngần ngại không muốn đi, thiên thần dạy cho nàng làm 37 thứ bánh (trong đó nhiều nhất là loại bánh đa) để lại cho chồng dùng dỗ con nín khócặng yên tâm mà về trời. Con, trước chịu ăn, nhưng sau lại khóc nữa, dỗ mãi không được. Về sau thiên thần sai Tu-trư (nguyên là lợn) xuống thay Phu-ta-mứ, cho hai con nàng bú. Vì thế hai đứa trẻ coi Tu-trư như mẹ, không khóc nữa. Từ đó người Cham-pa kiêng ăn thịt lợn[7].

Truyện của đồng bào Ê-đê *Rum Dứ với nàng tiên* gần với truyện *Lưỡi dao thần* của Cham-pa, nhưng tình tiết khác nhiều:

Rum Dứ nhà nghèo làm nghề câu cá nuôi mẹ, một hôm ngồi câu bỗng thấy có chín nàng tiên từ lưng trời đáp xuống suối tắm. Sợ hãi, chàng bỏ chạy. Một vị thần ngăn lại bảo: - "Sao không chọn một cô làm vợ mà lại chạy?". "Lấy thế nào được!" - "Cứ chọn một nàng nào đẹp nhất, trộm lấy chăn (vải choàng) của cô ta, là cô ta phải theo". Hôm sau anh làm như lời dặn. Nhưng khi nàng tiên gọi anh, anh ngoảnh mặt lại, lập tức bị biến thành bãi phân bò. Vì thế nàng tiên bay thoát. Ở đây, vị thần thương hại Rum Dứ, xin trời làm cho chàng sống lại. Đoạn, dặn chàng lúc nào nàng tiên gọi thì chớ có ngoảnh mặt lại. Nhờ thế, Rum Dứ lấy được nàng tiên đẹp nhất làm vợ. Vợ đẻ con. Trời hay tin, sai bộ hạ xuống bắt nàng tiên phải về nếu không sẽ giết chết. Túng thế, nàng phải tìm chăn để về trời. Chờ lúc Rum Dứ đi vắng, nàng nói khéo với mẹ chồng lấy cho mình cái chăn để bay cho mẹ xem. Được chăn, nàng bay mất.

Thương chàng trai mất vợ, Bụt (?) cho anh một con công sắt ba cánh để đi tìm. Anh công con, được công đưa lên trời. Gặp vợ, vợ cho biết là Đăm Lít đang ép nàng lấy nó làm chồng. Kết quả Rum Dứ giành lại được vợ bằng cách trổ tài trong các cuộc thi với Đăm Lít như làm nhà, đào sông, đào núi v.v...[8]

Truyện *Nàng tiên thứ chín* của người Hrê (Hré) là một dị bản của truyện vừa kể:

Một chàng trai nghèo ở với mẹ già cũng được ông tiên bày cho một cách tìm vợ và trộm lấy cánh của cô gái nhà trời thường đáp xuống hồ trên núi để tắm. Quả nhiên anh buộc được cô thứ chín đẹp nhất làm vợ; ở đây không có chuyện bị biến thành bãi phân bò. Họ cũng sinh được một trai và sau đó cũng có chuyện bộ hạ nhà Trời (ở đây là thần Sét) xuống buộc nàng phải trở về nếu không sẽ giết cả chồng lẫn con. Nàng tiên bèn lấy ba ống nửa vắt sữa để lại cho con, cắt một nắm tóc để lại cho chồng, rồi theo thần Sét về trời; không có chuyện tìm cánh hoặc bay thử cho chồng xem. Trở về thấy mất vợ, anh chàng cũng được con công sắt (không phải do thần mà là do thợ rèn chế ra) biết bay. Sắp tới thiên đình, còn phải vượt một con sông. Chồng đã thấy vợ ngồi giặt áo ở bờ bên kia, nhưng chim sắt không thể vượt nổi. Hai bên chỉ trông nhau mà khóc.

Dân nhà trời thấy vậy bèn họp nhau lại xin phép vua cho họ gặp nhau. Nhưng vua đã có ý định gả nàng cho người nhà trời, nên không thuận. Nhưng dân lại dùng áp lực buộc vua phải theo. Cuối cùng vua nhận, nhưng buộc chàng trai phải chịu ba cuộc thử thách: 1) phải nhặt cho hết số vừng gieo trong một cánh rừng dài khoảng chim bay mỗi cánh (nhờ có chim sẽ giúp trong việc này); 2) phải ăn cho hết ớt chín trong một khu rừng toàn ớt (nhờ có thầy cúng hóa thành chim chào mào ăn hộ); 3) phải làm một ngôi nhà đẹp giữa sông (nhờ thần Cá ra lệnh cho các giống thủy tộc cùng nhau làm nên kỳ công này, gần giống với truyện Ba-na (Bahnar): Vua Rơ, anh Hơ-rít và con thỏ, xem **Khảo dị**, truyện số 80), nên vợ chồng mẹ con gặp nhau. Trong khi đó vua nhà trời vì có cái hứng nhóm lửa trên ngôi nhà mới, nên giống thủy tộc thấy nóng lần lượt trốn chạy làm cho vua và bộ hạ chết đuối. Vì thế anh chàng được dân nhà trời cho thay vua cai quản thiên đình[9].

Truyện *Đuơng Be* của dân tộc Ca-tu cũng là một dị bản của hai truyện trên. Trong truyện này, cuộc chiến đấu của chàng trai lấy vợ tiên không phải diễn ra ở trên trời, mà ở ngay trên mặt đất.

Một đứa bé vừa sinh ra đã có răng, biết đi, biết nói, nên bị bố mẹ đem bỏ trên rừng. Tuy vậy nó vẫn sống bằng cách đi trộm ngô khoai rau trong các nương rẫy. Không ngờ một hôm đến trộm của ông nội thì bị bắt. Từ đấy em ở với ông, được ông thường cho đi câu, đặt tên là Đuơng Be (chàng lưỡi câu). Cũng có tình tiết gặp hai nàng tiên xuống gần chỗ mình câu. Nghe lời ông nội xui, chàng trộm lấy áo quần nàng tiên rồi chạy. Nhưng gần như truyện trên, nghe tiếng gọi của nàng tiên. Đuơng Be quay lại, nên người chàng tự nhiên trở thành mềm nhũn rồi tan ra như bãi cứt trâu. Chiều tối, người ông không thấy cháu về, bèn đốt đuốc đi tìm. Ở đây chàng sống lại không phải do phép trời mà do người ông lấy lá gói đem về bỏ vào nồi đun đổ ra sắn. Sau đó, Đuơng Be lại đến trộm áo quần hai nàng tiên rồi chạy, nhưng nhờ đề phòng trước, không quay cổ lại, vì vậy hai nàng trở thành vợ chàng. Ở đây hai nàng hóa phép làm cho chồng có đủ đồ dùng thức ăn rất sung sướng.

Nhưng rồi tiếng đồn Đuơng Be lấy được vợ đẹp đến tai vua. Vua ra lệnh cho chàng phải đi tìm sữa hổ, nhờ vợ, chàng tìm được. Kế lại bắt tìm sữa gấu, sữa bò tót, cũng nhờ vợ, chàng đều thành công, lại được gấu và bò tót gả con gái cho làm vợ. Vua lại bắt đi kiếm cây mây dài ba trăm sải. Vợ trao cho chồng một đoạn mây ngắn rất màu nhiệm để cầm tới nộp vua, mây càng kéo bao nhiêu càng dài bấy nhiêu.

Vua lại buộc Đuơng Be phải đưa chó, rồi trâu đến chọi với chó và trâu của mình. Nghe lời vợ tiên, chàng đưa vợ gấu của mình cắn chó nhà vua chết, rồi đưa vợ bò tót đánh bại trâu nhà vua. Vua lại bắt chàng đi kiếm sữa cá

sấu. Nhờ vợ tiên đưa thú dữ đến giúp và lần này đến lượt vua bị thú dữ làm cho thuyền đắm, rồi bị Đương Be bắt về xử tội. Cuối cùng chàng trở thành vua[10].

Người Ca-tu còn có truyện *Anh chàng canh rẫy* gần với truyện của chúng ta hơn:

Một chàng trai ở với mẹ thường đi canh rẫy. Ở chỗ suối nước, anh làm một cái "túc" (máy bằng tre dùng sức nước bật lên thành tiếng cho thú rừng sợ) để thay mình canh thú rừng. Nhưng mấy lần máy bị đứt dây. Tức mình, anh đi tìm rình thì thấy có con chim từ trên cao sà xuống trút bộ cánh thành cô gái đẹp, rồi giấu cánh vào hang đá xuống suối tắm làm đứt dây "túc". Anh bèn đến trộm lấy bộ cánh giấu đi rồi ngồi chờ. Cô gái lên, anh lấy áo quần của mình cho nàng mặc rồi đưa về làm vợ như các truyện trên. Sau đó vợ cũng sinh được một trai. Một hôm chồng đi vắng, vợ gửi con cho mẹ, xúc lúa phơi, bỗng tìm thấy cánh dưới đáy bồ. Nàng lấy ra tập bay phành phạch - "Làm gì thế?". Mẹ chồng hỏi - "Con xay lúa mẹ ạ!". Sau đó nàng bay lên trời.

Chàng trai về bế con đi tìm vợ. Gặp một con tắc kè, anh kể lẽ nông nổi. Tắc kè nói: - "Cho ta gì ta mách cho". Anh cho nó một cái "túc" và được gặp vợ ở cõi trời. Nhưng vợ anh lúc này đã bị Khổng lồ bắt. Sợ Khổng lồ ăn thịt, vợ bảo hai cha con ngồi vào rổ treo lên sàn nhà, nhưng rồi Khổng lồ cũng biết được. Nhờ vợ can ngăn nên Khổng lồ tha không ăn thịt, nhưng lại bắt chàng phải ăn hết một nương mía. Một con thần lặn giúp anh bằng cách báo tin cho đàn khỉ một đêm tới ăn hết. Khổng lồ lại bắt phải uống hết một chum rượu. Một con mọt giúp anh bằng cách đục thùng chum nên trong một đêm rượu cạn khô. Khổng lồ lại bắt anh ngồi lên bẫy có mắc một lưỡi dao rất sắc. Thần lặn lại giúp bằng cách liếm một lượt lên người anh, vì vậy khi bẫy sập, lưỡi dao chỉ lướt nhẹ không việc gì. Thấy vậy, Khổng lồ tưởng

là lưới dao cùn, bèn thử chui đầu mình vào bẫy, bị lưới dao chém đứt cổ. Vợ chồng lại đưa con xuống cõi đất[11].

Truyện của dân tộc Xơ-đăng - *A-sét A-tiên* - ở đây không phải một mà là hai người lấy vợ tiên:

Có hai anh em A-tiên, A-sét sống với mẹ già. Họ trồng được một nương dừa có nhiều quả nhưng thường bị các nàng tiên xuống trộm ăn. Tức mình, A-sét rình khi họ đáp xuống tắm, trộm lấy một chiếc áo giấu đi, vì thế nàng tiên mất áo đành ở lại làm vợ A-sét. Thấy em có vợ, A-tiên tưởng là hươu có thể biến thành người, nên cố công cố sức săn bắt một con, hy vọng có vợ nhưng không được. Phải đợi khi vợ A-sét đẻ, trong khi các chị em nàng tiên xuống giúp, A-sét lại tìm cách trộm áo của một nàng để cho anh mình bắt giữ làm vợ.

Một hôm hai anh em cùng đi vắng lâu ngày, hai nàng tiên ở nhà mang lúa ra phơi thì tìm được áo, đem khoe với mẹ chồng. Hai nàng không muốn xa chồng xa con, nhưng do mẹ chồng muốn để dâu bay cho mình xem, xem bay thấp còn muốn xem bay cao. Đến khi bay quá cao, vui cảnh trời, họ không về nữa.

Thấy mất vợ, A-sét nhờ một con bọ hung giúp cho cha con lên trời. Vì đập muỗi, họ đã làm cho bọ hung mất đà, phải đợi đến lần thứ hai mới lên được đến nơi. Lúc này cha của hai nàng đã gả hai nàng cho thần Sét, A-sét tìm đến suối gặp vợ, vợ xin cha về sống với chồng con, nhưng thần Sét hay tin nổi giận định giết chết cha con A-sét. Một cuộc chiến đấu dữ dội nổ ra giữa hai người, cuối cùng kẻ bại trận lại là thần Sét. Vợ chồng, mẹ con đoàn tụ. Sau đó ít lâu, A-sét thả dây xuống, nhưng chỉ đưa được người anh lên còn mẹ chàng thì đã mất[12].

Truyện của dân tộc Ba-na (Bahnar), *Con trai bốc Rơ*:

Hai vợ chồng ông Rơ sinh được một trai xấu xí, lớn lên chẳng cô gái nào thèm để ý. Một hôm anh chàng tìm lên một hòn núi cao định xuống khe bắt một mẻ cá, bỗng thấy nhiều cô gái đang tắm lội, anh nấp nhìn không chán mắt. Luôn mấy ngày đều thấy như vậy và anh đâm mê một cô xinh nhất trong bọn. Một ông tiên mà anh gặp bày cho lấy khăn (hoặc tấm khăn choàng) của cô nào thì sẽ lấy được cô ấy làm vợ. Anh đánh bạo làm theo. Trong khi các cô khác hoảng hốt bay về trời, thì cô gái mất khăn đuổi theo anh, anh nhử dần cho cô theo về đến nhà, trở thành vợ. Một tù trưởng thấy vợ anh đẹp, bèn cho gọi anh tới gạ đổi. Cũng như truyện *Đuơng Be* của người Ca-tu, thấy gạ không được, nó bắt anh đi lấy sữa gấu, rồi sữa hổ, rồi sữa voi với điều kiện không lấy được thì sẽ mất vợ. Nhờ vợ cho một chiếc áo thần, các con vật cho anh sữa đầy bầu, lần lượt mang về. Sau đó, tù trưởng lại bắt anh đi lấy ngọc rết thần. Lần này anh nhờ có gấu, hổ, voi kêu cả đàn của chúng tới đánh cho rết thần thua liểng xiểng, đoạt được ngọc mang về. Khi anh đưa cho tù trưởng thì viên ngọc tự nhiên phụt ra một tia lửa đốt cháy hãn trong chớp mắt. Anh đoạt được của hãn một con voi cưỡi về làng sống sung sướng với cô vợ tiên[13].

Truyện của dân tộc Vân-kiều: *Tiêu Ca-lang*:

Một anh chàng mồ côi nhờ cứu một con "tru" nên được nó đưa về kết nghĩa. Nó giúp cho anh thực hiện được ý định là lấy một trong tám nàng tiên thường xuống tắm ở khe, không phải bằng cách giấu áo, khăn, hay giấu cánh như các truyện trên, mà bằng cách kéo chân giữ nàng ở dưới nước. Tiêu Ca-lang, chồng chưa cưới của nàng tiên này, hay tin xuống cứu, nhưng hễ sà xuống mặt nước thì "tru" lại kéo nàng tiên xuống vực, hễ bay lên lại cho nổi lên. Mấy lần như vậy Tiêu Ca-lang đành bỏ (Theo phong tục người Thượng, người đàn ông phải có phận sự bảo vệ (tơ-chơng) người yêu, nếu

không làm tròn thì coi như hủy bỏ hôn ước). Bấy giờ, chàng mồ côi ta mới làm bộ cứu vớt, trước hết chiếm lấy đôi vòng tay của nàng là vật màu nhiệm có thể bay được. Sau đó, anh đưa nàng về làm vợ, cũng để được một trai, rồi cũng đi vắng, để cho vợ ngẫu nhiên tìm được một chiếc vòng và bay về trời như các truyện trên. Mất vợ, anh nhờ "tru" giúp cho chiếc áo biết bay, cây gậy thần, lại nuôi giùm đứa bé để anh lên trời tìm vợ. Anh dừng lại ở bến trời xin nước của một bà già uống đỡ khát, bỏ chiếc vòng tay của vợ vào bầu cho vợ biết là mình đã lên. Nhưng vợ anh lúc này đã là vợ của Tiều Ca-lang. Hay tin anh lên, Tiều Ca-lang sai hai con gà khổng lồ ra đánh. Anh lập mẹo cho hai con đánh nhau, một con chết, còn một con bị anh dọa chạy về. Tiều Ca-lang lại sai hai con trâu, rồi hai lợn khổng lồ ra, nhưng anh đều lập mẹo và kết quả cũng diễn ra như trước.

Bị mất ba con vật quý, Tiều Ca-lang đành để anh vào, nhưng lại hóa phép làm cho con đường từ bến đến nhà mình như một sợi da trâu, đi rất nguy hiểm. Gậy thần đã giúp anh thành công. Tiều Ca-lang lại hóa phép làm cho các nấc thang đi lên sàn nhà đều sắc như lưỡi dao bặt ngựa; cũng lại nhờ gậy thần nên anh dù bị buộc đi bằng đầu gối, vẫn không việc gì, trái lại Tiều Ca-lang trèo lên thì bị lưỡi dao cắt đứt gối phải bó thuốc bảy ngày mới lành. Đến đây, tình tiết của truyện có phần giống với tình tiết của truyện *Quân tử* (số **183**, tập **IV**), Tiều Ca-lang buộc anh chàng chỉ đứng buông vợ anh trong số ba mươi buông, anh vẫn nhờ gậy thần chỉ hộ bằng cách làm tiếng mèo kêu. Tiều Ca-lang lại bảo ba mươi người vợ giấu mặt, chìa mỗi người hai ngón tay trở cho anh nhận ra vợ, đúng thì lấy, nếu không thì bắt làm tôi. Gậy thần lại sai ruồi vàng chỉ hộ. Tiều Ca-lang đành phải trả vợ cho anh, nhưng còn muốn ám hại kẻ tình địch bằng cách đãi một bữa rượu có pha thuốc độc. Gậy thần lại giúp anh bằng cách cho mỗi đực thủng đáy vò. Thấy anh không chết, Tiều Ca-lang đâm ngờ, uống thử thì bị thuốc làm cho mê man.

Thừa dịp, anh dắt vợ bay về trần, nhưng Tiều Ca-lang đã kịp tỉnh dậy đuổi

theo. Ở đây hăn bị gậy thần đánh cho thương tích đầy người, nhưng nhờ anh mồ côi thương hại chữa chạy cho lành trở về. Đến nhà, bị vợ con và đầy tớ nói khích, hăn lại bay xuống đòi đánh nữa. Gậy thần lại được dịp nện đau và anh chàng mồ côi lại giúp hăn lành lặn trở về. Đến lần thứ ba, anh mồ côi để mặc, Tiều Ca-lang không trở về được nữa, hóa thành điều hâu[14].

Truyện của dân tộc Tày-hạ: *Sự tích chị Hằng*:

Phiêng Còn chăn trâu cho chúa đất bị hổ vồ mất một con. Sợ chúa đất giết bèn nghe lời chim đa đa trốn vào rừng sâu. Anh phát rẫy, nhưng vì không có giống, nên nghe lời gấu trìa một số hạt của nó, trong ba năm chỉ ăn bằng củ nâu. Đến năm thứ tư lúa Phiêng Còn nhiều bằng lúa chúa đất. Anh tốt không kịp ngồi khóc. Có bầy chim mỏ vàng lông xanh tới tốt giúp. Chúng cõ cánh xếp lại một chỗ để dễ làm việc. Phiêng Còn trộm lấy một đôi giấu biệt, vì vậy tốt xong, sáu con bay đi, còn một con ở lại bằng lòng làm vợ anh sau khi rũ mình ba cái biến thành cô gái đẹp. Vợ đẻ một con gái. Cũng như một số truyện trên, một hôm lấy lúa ra giã, tình cờ nàng tìm thấy cánh, liền bay lên trời. Trở về không thấy vợ, Phiêng Còn bế con tìm đường leo lên trời. Nhưng được nửa đường kiệt sức, lăn xuống lưng chừng núi chết cả hai cha con (người ta nói dân tộc Tày-hạ thường sống trên núi cao rừng sâu là để tưởng nhớ sự tích Phiêng Còn). Vợ chàng ở trên trời nhìn xuống thấy cảnh bi thảm, thì khóc lóc không nguôi, nước mắt rơi xuống thành mưa phùn. Những đêm trăng sáng là vợ Phiêng Còn nhìn xuống trần gian để tưởng nhớ chồng con. Hàng năm vào đầu xuân, lũ quạ khoang thường họp nhau ở núi để làm giỗ cho cha con Phiêng Còn[15].

Một loạt dị bản sau đây, bên cạnh hình tượng nàng tiên tắm ở giếng nước phải lấy chàng trai đánh cắp cặp cánh của mình làm chồng, còn có hình tượng người biến hươu (hoặc nai) dùng sừng chỉ cho con nơi sinh cơ lập

nghiệp. Điều đáng lưu ý là những dị bản này thường lưu truyền ở các dân tộc anh em ở miền Bắc.

Truyện của dân tộc Tày: *Chàng con cô (Ý Pơ-ja)*:

Một người thợ săn vì giết hại nhiều hươu nai, bị Ngọc Hoàng bắt hóa dần thành nai đực. Người ấy từ biệt vợ con lên rừng ở. Khi con - tên là Pơ-ja (Pơ-ja: mồ cô) - lớn lên, một hôm nó hỏi mẹ: - "Bố con đâu?" - "Bố con đã hóa nai không về được nữa". Anh bảo mẹ nấu cơm cho mình lên rừng tìm. Vì tuy ở với nai, người bố vẫn ăn đồ chín, anh tìm đến đồng than có vùi hoa chuối, đặt gói cơm vào rồi treo lên cây nắp rình. Quả nhiên anh thấy bố mình nửa người nửa nai về ăn gói cơm có vẻ ngon lành. - "Bố ơi, con đón bố về ở với mẹ" - "Không về được đâu", nai đáp, "bố sắp biến hoàn toàn thành nai rồi". Do con khuyên nài mãi, nai theo về, nhưng đến cổng bị chó vàng cắn đuổi, nai lại lao vào rừng. Người con lại tìm sau khi đã nhốt chó, nhưng vẫn bị chó tung cả nơm ra cắn. Đến lần thứ ba, con đón về sau khi giết chó, nhưng khi thấy đầu chó trong chảo, nai cũng hoảng sợ chạy ra cửa, sừng mắc phải cột gãy mất. Bố dặn con: - "Từ nay bố không thể về được nữa vì đã hoàn toàn thành nai rồi. Con hãy lấy dây buộc cái sừng này mà kéo, hễ nó mắc vào đâu" thì ở đấy mà sinh cơ lập nghiệp". Sừng sau đó mắc vào nơi ở của một bà góa, không lôi đi được. Anh bèn thương lượng với bà dọn nhà đi nơi khác, còn mình thì ở đấy khai phá trồng lúa. Không ngờ đến mùa lúa chín, anh gặt không xuể vì bông lúa vừa gặt đằng trước thì đằng sau lại hiện ra. Có bảy nàng tiên đi hái dâu tình nguyện gặt giúp, gặt đến đâu các nàng nhổ nước cốt trâu (hoặc rắc phấn tiên, hoặc lấy giấy nút lại) nên lúa không ra bông nữa. Vì vậy ngày nay cây lúa chia thành từng lớp, mỗi lớp có lớp xộp trắng và đỏ v.v... Thấy các nàng đẹp, anh trộm đôi cánh của cô thứ bảy giấu đi. Đến đây câu truyện bắt đầu giống với truyện của ta. Nàng tiên thứ bảy đành làm vợ chàng trai vì nhà không có, không ván, chỉ có một chiếc giường. Ăn ở được ít lâu, nàng sinh được hai con. Khi chồng vắng, vợ ở nhà thì con hay quấy, trái lại khi vợ vắng, bố ở nhà

thì con lại vui vẻ. Một hôm mẹ hỏi thì con đáp: - "Bố có cánh hoa văn hoa văn, thích lắm" - "Thế bố để đâu?" - "Ở đồng thóc già năm kia, ở đồng thóc non năm ngoài". Được cánh, mẹ dặn con hễ bố đánh bằng đũa hoặc cán chổi thì gọi mẹ, mẹ sẽ xuống đón. Về nhà thấy mất vợ, anh mới hay con đã chỉ chỗ giấu cánh cho mẹ nên cầm roi đánh. Nhưng đánh bao nhiêu chúng vẫn cười. Tức mình, anh đánh nữa, chúng vẫn chịu đựng. Một lần anh trở cán chổi đánh, chúng khóc òa lên (vì vậy người ta cho rằng ai đánh con bằng chổi là có tội). Ở trên trời, nàng tiên nghe tiếng con khóc, liền thả xuống một cái túi bằng vải hoa cho hai con lên. Thấy con được lên với mẹ chúng, bố cũng kêu khóc inh ỏi. Vì túi vải quá bé, nàng tiên bèn thả xuống một cái túi giấy, nhưng kéo chồng lên được nửa chừng, người nặng, túi rách, bố rơi xuống hóa thành cây han linh và vắt.

Đến đây truyện lại chuyển sang giải quyết số phận của hai đứa con nàng tiên bằng cách đưa vào một số hình tượng mới với chủ đề mâu thuẫn giữa hai anh em. Đại khái: Cho con ở cùng mình được ít lâu, nàng tiên lại phải cho con xuống, vì dân nhà trời vốn thềm thịt người trần. Mẹ bèn cho hai đứa hai năm cơm, một con ngỗng, một cho chó chín đuôi, một dao quắm và một cái gậy rồi dặn: - "Khi nào ngỗng kêu hãy ăn cơm, gặp dòng nước trong hãy đi, đừng đi theo dòng nước đục!". Làm trái lời mẹ dặn, người anh chọc cho ngỗng kêu để ăn ngay vì đói bụng, nhưng khi mở gói hăn đành phải vứt vì chỉ thấy có than và phân. Hăn không chờ dòng nước trong mà cứ lội bừa dòng nước đục, cuối cùng đi mãi tới một làng khi. Săn bắt được một con khi cái, bèn lấy luôn làm vợ và ở lại đây. Trong khi đó người em đi theo dòng nước trong. Chờ nghe tiếng ngỗng kêu mới mở gói ra ăn, thì trong đó ngoài cơm có cả vàng và bạc. Đến một làng vắng người anh thấy trên một sân nhà nọ có một chiếc cối úp, bèn ngồi lên nghỉ, bỗng thấy có cái gì như kiến cắn dưới đất. Lật cối lên xem, hóa ra có hai cô gái vì tránh nạn mù chẳng (dà dìn) ăn thịt nên nấp vào đây. Anh gọi mù chẳng đến, hai bên đánh nhau, nhưng hễ chém được nhát nào thì mù lại thè lưỡi liếm, vết thương lại lành như cũ. Tối lại anh tìm đến nơi ở của mù, mới hay chỉ cần

bôi phân lợn phân chó vào lưỡi dao thì phép của mẹ sẽ không còn màu nhiệm. Anh làm theo, liền tiêu diệt được mẹ và mấy đứa cháu mẹ, trừ được mối họa cho dân.

Để tìm người anh ruột, anh đưa hai chị em cô gái lội theo dòng nước đục. Gặp một con khỉ cái đang giặt quần, anh hỏi: - "Quần này có phải của anh ta không?" Khỉ không đáp chỉ cười, anh rút dao chém chết. Gặp lại người anh, sau khi tâm sự, người anh hỏi: - "Có thấy chị dâu giặt quần ngoài sông không?" - "Chẳng thấy ai cả", em đáp, "chỉ thấy một con khỉ, em đã giết chết rồi". "Đó là chị dâu mày đó". - "Bây giờ có hai chị em, anh lấy chị, em lấy em, ta cùng làm ăn với nhau". Người anh tuy nhận lời lấy chị, nhưng thấy vợ em đẹp nên có ý muốn chiếm. Một hôm hăn bảo em trèo cây hái quả, rồi chặt, cây đổ làm em rơi xuống hố sâu. Đoạn hăn bỏ về nói dối là em đã chết, bắt em dâu phải lấy mình. Con chó chín đuôi thấy vắng chủ bèn đi tìm, thấy chủ dưới hố sâu bèn thò đuôi xuống cho chủ nắm kéo lên, nhưng mỗi lần kéo là một lần đứt đuôi, đứt đến tám lần vẫn không lên được. Chủ bảo chó về lấy cho mình một con dao, một cái gậy ném xuống hố. Có dao, người em gọt một cái còi (chu ýt), khi thổi lên các giống vật tập hợp trên miệng hố say sưa nghe. "Ai cứu được ta lên, ta sẽ tặng chiếc còi này!". Nhiều con vật đậu vào cây tre làm cho trĩu ngọn xuống hố, anh chàng bám vào ngọn, được tre đưa lên mặt đất. Thấy giống vật cứu mình quá đông anh nói: - "Bây giờ ta tung còi lên, ai cướp được thì giữ lấy!" Một con diều hâu cướp được chiếc còi. (Vì vậy ngày nay diều có giọng hót: "chu ýt chu ýt"). Người em thay hình đổi dạng làm người ăn xin, đến xin ở chân trâu cho người anh. Một đàn quạ ngày ngày đến trước nhà kêu: - "Chủ ngồi ghế chủ chết, chủ chăn trâu chủ sống". Người anh tức mình lấy tên nó ra bắn nhưng không trúng - "Để tôi thử bắn xem!" Người em nói vậy và cầm lấy tên nỏ. Lập tức em chĩa vào ngực anh bắn một phát, chết[16].

Người Tày ở Cao-bằng còn có truyện *Ông tiên hươu* là một dị bản của truyện vừa kể:

Xưa, ở Cao-bằng có một người tên là Vi Xuân Ngân là người có hiếu. Mẹ bị bệnh lạ, thầy thuốc bảo chỉ có uống sữa hươu mới lành. Anh vào núi tìm hươu không được, ngồi khóc, đến ngày thứ ba bỗng gặp một đạo sĩ đội mũ vàng, hỏi: - "Tại sao con khóc?" - "Vì không kiếm được sữa hươu về chữa bệnh cho mẹ". "Muốn kiếm được sữa hươu phi hóa hươu không xong". "Chỉ mong bệnh mẹ được lành, còn thân này dù hóa hươu có ngại gì". Đạo sĩ bèn đưa cho một cái da hươu bảo mặc vào, rồi dặn: - "Đừng nói tiếng người, chỉ kêu "ao, ao" gọi bầy là đủ". Anh đi lẫn vào bầy hươu để lấy được sữa đưa về và bệnh mẹ anh quả lành.

Sau khi mẹ chết, anh tống tang rồi bỏ nhà đi biệt, người nhà tưởng là đã chết. Một hôm con là Vi Xuân Lan vào rừng hái củi gặp một con hươu, hươu bảo: - "Ta là cha mày đã hóa hình về núi. Vì tình cha con nên ta cố tìm gặp để chỉ cho một cách sinh nhai". Nói đoạn húc đầu vào gốc cây cho gãy sừng, lấy sừng trao cho con, dặn: - "Hãy lấy dây buộc sừng rồi kéo đi, sừng vướng vào đâu thì đó là đất làm ăn được và sẽ lấy được vợ đẹp!" Con bèn làm theo, sừng mắc vào một nơi, bèn đến đấy dựng nhà khai hoang trồng trọt. Ở đây không phải là nàng tiên gặt giúp, mà nàng tiên bí mật đến nhặt cỏ rác sau mỗi lần cày bừa. Lấy làm lạ, một hôm anh nấp trong bụi rậm, đến chiều thấy một nàng tiên từ trên mây bay xuống giấu cánh vào một hốc cổ thụ rồi ngồi nhặt cỏ. Anh lén lấy trộm cánh đem về giấu ở cót thóc. Nàng tiên cũng trở thành vợ anh rồi sinh một đứa con. Để đỡ con khi vắng vợ, anh thường lấy cánh tập bay cho con nín. Cho nên mỗi lần chồng đi vắng, vợ bế con đi qua cót thóc thì con khóc lóc như đòi vật gì. Nhờ đó vợ tìm ra đôi cánh của mình, bèn cho con ăn no, đặt con trong một nồi lớn rồi vỗ cánh bay mất. Chồng về thấy con ngửa mặt lên trời mà khóc, biết là vợ đã bay đi rồi. Một đêm nọ buồn bã chong đèn ngồi đến khuya, bỗng nghe ngoài sông có tiếng sột soạt, chạy ra nhìn thì hóa ra là vợ. - "Thiếp là con gái hạc, vợ nói, chàng là con chúa tiên hươu, bố chàng sai thiếp xuống trần giúp chàng, nay duyên số đã hết, chỉ đến đây giúp chàng gặp bố một

phen". Hai vợ chồng bèn ngồi lên xe có bánh bằng lông. Chẳng mấy chốc đã đến động, anh thấy bố ngồi trên giường đá, một bầy hươu vây quay độ mười con. Vợ chồng vào lạy chào kể chuyện hàn huyên một lúc. Ông không nói gì chỉ gặt đầu độ ba bốn lần, rồi chỉ vào bình sữa hươu bảo uống. Uống xong, ông hất tay có ý bảo đi. Hai vợ chồng ra xe trở về. Nghe tiếng gà gáy, vợ giục chồng xuống xe rồi bay đi mất. Kết cục gần giống đoạn cuối của truyện *Từ Thức*. Anh chàng nhìn lại thấy phong cảnh khác xưa, mà con mình thì đã lớn. Hỏi thì con cho biết bố mẹ đi vắng đến nay đã ba mươi năm. Ngày nay ở Cao-bằng còn có làng gọi là làng Tiên (Tiên thôn), ruộng ở đây gọi là ruộng hươu (lộc điền)[17].

Người Dao có truyện *Chiếc sừng nai và mụ Hùm*, hay truyện *Nhã*, người *săn nai* cũng là một với truyện của người Tày, chỉ có khác một vài tình tiết. Ví dụ về lý do hóa hươu (hoặc nai) có người kể: Vì giết hại nhiều thú rừng nên người đi săn sau khi nuôi con khôn lớn bỏ nhà đi sống với đàn nai để khỏi lụy tới đời con cháu (truyện Dao quần Chẹt, Dao tiền). Hay có người kể: Người chồng thợ săn khờ dại và ngỗ nghịch. Vợ bảo chồng kiếm mộc nhĩ, chồng nghe không rõ tưởng là lộc nhĩ (tai hươu) bèn cố công săn được nhiều hươu nai, chỉ cắt lấy tai về cho vợ. Vì giết hại nhiều nai, Ngọc Hoàng bắt hóa thành nai (truyện Sán Dìu).

Về chỗ nàng tiên đưa chồng con lên trời, có người kể: nàng bắc cầu vồng xuống cho con mà không cho chồng lên; có người kể nàng buông xuống một chiếc thang bên đỏ bên xanh dặn hai con trèo trước, rồi đến chồng, rồi mới đến chó vàng. Chồng quên lời dặn, cho chó trèo thang trước mình, thấy dít chó nhún nhảy, hăn không nhịn được cười nên ngã lộn cổ.

Về chỗ sắp đặt cho hai con xuống trần, nàng tiên còn dặn con "phải đến nhà mụ Hùm mượn thanh la, chiêng, trống, tù và, ấn tín để về làm ma cho bố. Mụ sẽ cho mượn nhưng khi trả, mụ lại tìm cách bắt hai con ăn thịt, vì vậy mẹ cho hai con hai chiếc kim biết đối đáp". Nhờ có kim đối đáp thay mình,

nên hai đứa bé trốn được rất xa, mẹ Hùm mới biết; đuổi theo thì đã không kịp.

Truyện cũng có đoạn cuối nói đến sự chia rẽ của hai đứa con nàng tiên, anh làm trái lời mẹ chịu hậu quả xấu, còn em làm đúng, giết được yêu tinh (ở đây chiếm được của nó cái gậy đầu sinh, đầu tú), cứu được hai cô gái, lấy một cô làm vợ, còn cô chị (ở đây mắt và tai của chị bị mối ăn mất) đưa đến gả cho anh mình thay cho khi, hươu, lợn, do anh lấy làm vợ. Cuối cùng người em cũng bị anh gạt, xô xuống hang (ở đây là hang hổ), nhờ mưu trí và nhờ con chó nên em thoát chết, trở về. Không có tình tiết em bắn chết anh, nhưng người anh cũng bị chó cắn chết[18].

Người Thái cũng có chuyện *Lục Pịa* (pịa: mồ côi), nội dung cũng như truyện *Ý Pơ-ja* của người Tày, nhưng tình tiết có nhiều nét khác:

Một người thợ săn có vợ ốm nghén thèm món nấm tai hươu nhưng vì hết mùa nấm, chồng đành năn nỉ với hươu cho mình mượn tai về cho vợ ăn, hẹn đến mùa nấm sẽ kiếm tai khác chấp đền. Vợ ăn rất thỏa mãn, chẳng bao lâu đẻ được một trai tức Lục Pịa. Đến hạn hươu đòi tai, dĩ nhiên không có trả, chồng phải ở với hươu để trừ nợ. Trước khi đi, chồng dặn vợ phải chăm sóc cho con, đến ngày con lớn giao cho nó một bộ cung tên bảo bắn chỉ thiên, tên rơi xuống đâu có lửa bốc lên là nhà ở đó. Ở với hươu được bốn năm, một hôm nhớ nhà, người nai - người thợ săn - trốn về thăm, không ngờ chó không nhận ra chủ, cắn ầm ỹ. Hoảng sợ, hăn nhảy xuống đất, sừng bị gài. Hăn trao sừng cho vợ: - "Khi muốn trồng cây thì kéo sừng đi, hễ vướng gốc thì phá ruộng, vướng chông gai thì phá nương", rồi bỏ đi biệt. Lục Pịa làm theo lời bố. Ở đây không phải sừng mắc lại mà "kéo sừng đến đâu, cây cối chông gai bờ bãi bằng đi đến đấy". Anh bắn một phát tên lên trời, khi mũi tên rơi xuống một chỗ đất "tức thì chỗ ấy bốc lửa đốt sạch cỏ rác". Cũng có việc cắt lúa, cắt đến đâu lúa đâm bông đến đấy, cũng có ba nàng tiên đặt cánh ở trên bờ ruộng đến gạt đôi công cho Lục Pịa để chàng

hái hộ lá dâu, cũng có việc nàng tiên trẻ nhất đành ngồi nhờ nhà Lục Pịa vì bị chàng giấu cánh. Vì nhà chỉ có một giường, hai người nằm chung nhưng đã hữu ý ngăn đôi bằng lá khoai nước, hẹn nếu Lục Pịa làm rách thì không được lấy nàng tiên, trái lại nàng tiên làm rách thì phải lấy Lục Pịa. Cuối cùng nàng tiên đành phải lấy Lục Pịa vì mẹo của chàng. Nàng tiên cũng đẻ được hai trai là Nóng (Pông) và Lạnh (Dân), cũng tìm ra được cánh và bay về trời với câu dặn: - "Nếu bố đánh bằng chổi thì khóc to lên để mẹ tìm cách đón, và khi mẹ thả dây xuống thì nhớ leo dây đỏ và dây vàng, đừng leo dây trắng." Sau đó con lên được đến trời, còn Lục Pịa vì không được biết lời dặn, leo lên bằng dây trắng nên dây đứt ngã lộn cổ, chết hóa thành đĩa và vắt.

Cũng như truyện của người Tày và người Dao, truyện còn phát triển cho đến đoạn cuối nảy sinh mâu thuẫn giữa anh và em. Và trước khi xuống trần, còn có đoạn thử thách giữa hai đứa trẻ và bà ngoại chúng: bà ngoại của Nóng và Lạnh là yêu tinh rất thèm thịt người. Mụ buộc hai cháu lần đầu tiên phải phát cho được chín gò, mười đồi núi. Nhờ có kim và chỉ của mẹ, chúng làm xong. Tiếp đó, mụ bắt chúng đến mượn trống ở nhà em gái mình - vốn là hùm tinh. Nhờ khôn ngoan nên chúng chẳng những thoát chết mà còn đánh lừa mụ này buộc lọ và ống vào người để lội sông nên chết đuối. Tiếp đến bà ngoại bắt chúng chui vào trống cho mụ đánh. Nhờ tháo tang trống, nên đánh mấy cũng không việc gì. Trái lại khi mụ chui vào, chúng bít chặt tang trống mà đánh, làm mụ chết tươi.

Khi tiễn hai con xuống trần, nàng tiên cũng cho chúng một con ngỗng, một con chó và hai gói cơm, ở đây không có dao và gậy, nhưng lại có sợi chỉ và cái kim, cũng dặn hễ ngỗng kêu mới được mở gói ra ăn, đóng thuyền thì đóng bên đường không nên đóng trong rừng, đi trên sông thì, ngược lại với truyện trên, chọn dòng đục chớ chọn dòng trong. Nóng thiếu kiên trì nên chịu đựng hậu quả xấu; giờ gói cơm ăn khi ngỗng chưa kêu nên chỉ toàn đất và sỏi; đóng thuyền ở rừng sâu để khỏi phải mất công kéo gỗ, vì vậy

không được ai chỉ vẽ nên kỳ cạch mãi không xong; đi dòng trong nên không gặp xóm làng, đành phải lấy khi làm vợ. Trái lại, Lạnh làm đúng lời mẹ dặn nên khi giở gói cơm ra ăn có xôi trắng thơm tho, đóng thuyền ở bên đường được người qua kể lại chỉ bảo nên chóng hoàn thành, đi dọc sông đục nên đánh được nhiều tôm cá và gặp nhiều làng bản. Lạnh cũng gặp hai cô gái dưới cái cối úp sấp, chàng cũng phải chiến đấu với yêu tinh, và còn có xà tinh và hùm tinh. Nhờ chiếm được chiếc gậy đầu sinh đầu tử, chàng đã tiêu diệt chúng và làm sống lại người và súc vật đã bị chúng ăn thịt.

Cũng như các truyện trên, Lạnh cũng đi tìm Nóng sau khi lấy cô em làm vợ. Lại cũng đưa cô chị (cũng bị mối ăn cụt tai) đến cho Nóng làm vợ sau khi vô tình giết con khỉ cái đang giặt quần, vốn là vợ của Nóng. Nhưng truyện không kết thúc bằng cuộc xung đột giữa Nóng và Lạnh, mà trái lại bằng một không khí gần bó giữa hai người, nhờ đó dựng lên một bản mường thịnh vượng[19].

Người Tày còn có truyện *Trứng trời*, cũng là một dị bản có nhiều tình tiết khác với các truyện trên, đặc biệt việc chàng trai lấy vợ tiên có cánh lại tương tự với truyện *Nàng tiên trong vỏ ốc* (**Khảo dị** truyện số 117, tập III):

Có hai an hem mồ côi ở Mường Lũm. Ngày bố mẹ mất, họ giết trâu bò làm ma quá nhiều nên trở thành nghèo. Một hôm hai anh em làm rẫy đem theo một con chó vá. Nghe chó sủa ở đồng cỏ, hai người thấy một quả trứng lớn lạ lung. Bèn đi báo với tào. Tào bắt lặn trứng về nhà mình, lặn không được, lại bảo lặn tới nhà bố mình, cũng không được. Nhưng khi bảo lặn về nhà hai an hem thì lặn được. Từ đó, mỗi lần đi làm về thấy cơm canh sẵn sàng, củi nước đầy đủ, áo rách vá lành...Anh bảo em: - "Mai mày đi làm, tao rình xem". Anh thấy từ trong trứng chui ra một nàng tiên có bốn cô hầu hạ, mỗi người làm một công việc. Xong lại chui vào trứng, trứng liền lại như cũ. Hôm sau đến lượt em rình, khi trứng nở, hần nhảy ra ôm lấy nàng tiên, bốn cô kia bay mất. Nàng tiên bị tước mất cánh, đành ở lại làm vợ, trong bảy

tám năm để được hai trai. Một hôm anh chàng đi xa, bảo nhỏ hai con: - "Cánh của mẹ, bố cất trong ống thối cơm để trong một cái gùi, chớ nói cho mẹ biết". Nhưng bằng cách dỗ dành con, mẹ cũng tìm biết được. Được cánh, mẹ bỏ chiếc nhần vào nồi nước cho hai con mê chơi rồi bay về trời. Bố về biết con đã tiết lộ, bèn bảo con chặt mỗi đứa một bó sậy, rồi rút sậy đánh con, gãy cây này thay cây khác. Em chặt sậy non, anh chặt sậy già nên bị đánh nhiều hơn em. Đoạn bố bỏ đi tìm mẹ. Không thấy bố về, hai anh em ngồi bên bếp khóc mãi. Chúng tìm thấy hạt một cây kè, bèn giao ngay ở bếp. Chỉ trong mấy ngày cây đã mọc lớn - "Mọc cao lên!" chúng nói; cây mọc cao thêm - "Thấp xuống!" Cây cúi xuống, - "Cho ta quả!" Cây tự nhiên có quả. Một đàn chim "nghe" thấy quả tới ăn, - "Hãy mang chúng tao đến mẹ, chúng tao sẽ cho ăn!". Không mang được, chim đành bay đi. Đến lượt chim bồ tát đến, chim bảo chúng lấy lưới tự ngồi vào trong rồi buộc ở chân chim. Chim bay mãi đến một bờ sông, bỏ chúng lại rồi đi mất. Ở đây có một con chó chín đuôi. - "Ơ chó, đưa đến chỗ mẹ chúng tao ở!". Chó bảo nằm lấy đuôi, đưa chúng qua sông, rồi cũng đi mất. Ở đây cũng có tình tiết hai đứa bé xin một người đàn bà nước uống rồi đánh rơi nhần vào thùng, cuối cùng mẹ nhìn thấy nhần liền đoán ra con, bèn xin phép Ngọc Hoàng (Pô Then) cho con đến với mình. Ngọc Hoàng cũng buộc chúng phải qua ba cuộc thử thách: 1) buộc cho đúng hai trăm thừng vào hai trăm con trâu, trâu nào thừng ấy (một con sâu "ngoằn" đến giúp việc này); 2) đếm một đồng kim rất lớn (con "nieng kim" giúp); 3) chỉ đúng tay của mẹ trong số những tay của con gái Ngọc Hoàng từ buồng thò ra (sâu "ngoằn" lại giúp). Mẹ con gặp nhau mừng rỡ, cuối cùng Ngọc Hoàng buộc cả mẹ lẫn con về trần sau khi cho mỗi cháu một cây gươm: anh gươm bạc, em gươm sắt. Dọc đường gặp một thân cây chắn ngang đường. Hai đứa con bước qua vô sự, nhưng khi mẹ định bước qua thì cây ngóc lên, định lòn xuống dưới thì cây lại hạ xuống, mà đi đường khác thì không có lối. Thấy thế, hai con rút gươm chặt cây, không ngờ có máu từ thân cây chảy ra, mẹ chúng bảo: - "Thôi thế là các con giết mất bố rồi! Vậy cho các con xuống, mẹ lại trở về trời". Trước khi từ giã, mẹ cũng dặn khi lội suối thì lội suối nước trong đừng lội nước đục, ở đây còn dặn khi ăn thì ngồi đá bằng, đừng

ngồi đá dốc, v.v... Và truyện cũng có một đoạn kết thúc bằng mâu thuẫn giữa anh và em như truyện *Ý Pơ-ja*[[20](#)].

Đồng bào Mường có truyện *Chàng trai săn*:

Một chàng trai làm nghề đi săn cũng có một người bố vì săn bắt nhiều hươu nai quá nên bị Phật bắt làm kiếp hươu để trả nợ. Một hôm nghe mẹ kể chuyện, anh mang nắm cơm đi tìm bố. Đến chỗ có nhiều hươu nai, anh ném nắm cơm vào nhưng chẳng có con nào rờ tới, trừ một con, - "Bố đây phải không?", anh hỏi, - "Ừ", - "Bố về với mẹ đi!" - "Bố như thế này về sao được. Con gắng nuôi mẹ già, nhưng đừng săn nai mà phải tội như bố", - "Không có ruộng thì lấy gì mà làm ăn". Hươu cũng trao cho con cái sừng của mình, bảo buộc dây mà kéo, đến chỗ nào mắc lại là có thể khai phá thành ruộng được. Cũng có truyện lúa gặt trước đâm bông sau, cũng có năm nàng tiên giúp anh gặt, gặt đến đâu bít ống lúa lại đó, cũng có chuyện giấu cặp cánh giữ lại một nàng làm vợ, sinh được hai con trai. Khi anh vâng lệnh vua đi đánh giặc, cũng như truyện của ta, anh dặn vợ: - "*Có ăn thì ăn chín cót lúa trằm, đừng ăn năm cót lúa nếp*". Cũng có chuyện con hay quấy khóc - "Tại sao lúc ở nhà với bố thì ít khóc, còn ở với mẹ lại hay khóc thế?". Mẹ hỏi như vậy thì con đáp: - "Vì bố thường lấy cái lồ lồ vắn vắn xanh xanh đo đỏ cho con chơi", - "Để ở đâu?", - "Ở cót lúa nếp". Được cánh, mẹ cũng bay về trời, nhưng nghe tiếng con khóc lại bay trở lại, bỏ hoa tai vào chậu nước, dỗ: - "Khi nào hoa nổi thì hãy nhìn theo mẹ nhé!". Chồng dẹp giặc về thấy mất vợ, bỏ con ở nhà đi tìm. Lúc này có loạn rừng, anh phải đi săn hổ cứu hươu nai (vì sợ nó bắt mất bố hươu). Diệt xong nạn hổ, anh lại lang thang đi tìm. Trong khi đó, con ở nhà khóc suốt ngày đêm. Trên trời, nghe tiếng con khóc, mẹ thương quá bèn xin với Phật, Phật động lòng cho nàng xuống với con. Chàng trai đi mãi không tìm được cũng trở về, thấy vợ con thì sung sướng quá. Hai vợ chồng cùng kể chuyện cho nhau nghe rồi khóc, nước mắt của họ biến thành hồ rộng, vợ chồng con cái biến thành hoa sen[[21](#)].

Người Nghệ-an có truyện giống với truyện của đồng bào Mường:

Một người đói khổ không biết lấy gì để ăn bèn ngồi khóc. Bụt hiện lên hỏi: - "Vì sao mà khóc?", - "Đói khát mà không biết cách gì làm ăn", hăn đáp, - "Con đừng khóc nữa, ông cho con một cành rào (cành rào: ngọn tre bao gồm cành lá gai góc). Kéo đến đâu mắc lại là ruộng của con đó". Hăn làm theo, từ đó có ruộng đất cày cấy làm ăn. Cũng như các truyện trên, đến mùa lúa chín, gặt đến đâu lúa lại đâm bông đến đấy. Lại ngồi khóc. Tự nhiên một nàng tiên từ trên trời xuống gặt giúp. Ở đây, nàng tiên lấy chỉ buộc đầu lúa không cho mọc thêm. Nàng tiên cũng không trở về được vì bị hăn giấu mất cánh. Hai người cùng ăn ở với nhau, đẻ được một con trai. Chồng cũng đi lính giấu cánh vợ dưới bồ lúa ré, dặn vợ hết gạo thì xúc lúa mùa mà ăn, "*chớ ăn lúa ré, chết cả mẹ liền con*". Vợ cứ xúc lúa ré nên tìm được vật cũ. Thấy mẹ tập bay, con cười, mẹ nói: - "*Con ơi con chớ có cười, để mẹ thử tập lên trời con xem.*" Trước khi lên trời, ở đây mẹ đóng cửa sập rèm, nấu một nồi cháo múc ra từng bát, đặt khắp cả nhà để con đói bò đến đâu ăn đến đó. Chồng đi lính về thấy mặt vợ. Chuyện dừng lại ở đây[22].

Đồng bào Thái (Nghệ-an) cũng có truyện *Lúa chàng Nai* gần với truyện trên:

Một người đàn bà góa một hôm lên núi giải khát ở một vũng nước nai thường uống, từ đó có mang, sinh ra một đứa bé đặt tên là Nai. Lớn lên, Nai đi tìm cha ở vũng nước. Gặp một con nai già cho một cái gạc (sừng) thần, bảo dùng nó làm rẫy. Nhờ có gạc, Nai vỡ được một đám ruộng, gọi là ruộng cha Nai. Cũng như các truyện trên, khi lúa chín, gặt đang này lại trở thành khác, không thể gặt xuể. Nghe tiếng anh khóc, hai cô tiên đi hái dâu đến gặt giúp, gặt đến đâu nút rạ lại đến đó. Nhưng một trong hai nàng bị hăn giấu cánh, đành phải ở lại làm vợ, đẻ được một trai một gái. Một hôm

vợ nai cũng tìm được cánh trong bó lúa, bèn lấp vào tập bay. Thấy con cười, mẹ cũng bảo: "*Sảng sặc chi bay, ba ngày vắng mẹ thì bày xương ra*". Nàng tiên cũng nấu cháo mức làm nhiều bát trước khi lên trời. Chồng về hai tay mang hai con vào rừng tìm vợ. Ở đây phương tiện lên trời do con nai già hiện ra bảo cưỡi lên lưng mình mang đi tìm. Đến đất trời, cha con gặp các nàng tiên đang chuẩn bị lễ mừng cho con gái vua Then - vợ Nai - mới trở về. Nai nhờ hai nàng bế con đến gặp mẹ nó. Vợ chồng sau khi gặp nhau đến xin phép vua Then cho đoàn tụ. Vua cho. Nhưng một thời gian sau Nai nhớ cỗi trần, đòi vợ trở về. Nai già nghe lời khẩn lại hiện ra công chồng và hai con, theo sau là vợ Nai bay trốn khỏi cõi trời[23].

Người Choang (Trung-quốc) có truyện *A-dao dũng cảm* tương tự với truyện của người Tày:

Một em nhỏ nhà nghèo tên là A-dao bị lũ trẻ nhạo là con không bố, hỏi mẹ, mẹ bảo: - "Mười năm nữa sẽ cho biết!". Một hôm mẹ bị bệnh nặng mới cho con biết: bố nó vốn là thợ săn giỏi, bị lão nhà giàu đuổi vào rừng để săn những thú dữ bị bố bắn chết. Nay muốn tìm phải leo lên đỉnh núi cao nhất mà gọi. A-dao làm theo thì nghe tiếng vọng đáp lại hứa mai sẽ về. Ngày mai quả thấy bố đầu có đôi sừng dài, mình mẩy lông lá, chui vào nhà đã bị chó cắn đuổi phải chạy, sừng va phải cửa rơi ra. Hôm sau A-dao lại lên núi gọi, bố cũng bảo lấy dây buộc sừng kéo đi, sừng cắm vào đâu làm ruộng ở đó. Khi lúa chín, gặt đến đâu lúa cũng không đâm bông nữa. A-dao cũng giấu một đôi cánh nhỏ, nàng tiên không về trời được đành làm vợ A-dao. Lão nhà giàu thấy vợ A-dao đẹp bắt dẫn vợ tới, nhưng nàng tiên lấy cánh bay lên trời rồi dùng dây cho chồng lên.

Bố vợ ghét chàng rể, một hôm sai rể đi mượn thanh la của yêu tinh để dùng vào ngày sinh nhật, thực ra là để cho yêu ăn thịt A-dao. Nhờ có ba cái kim của vợ cắm trên đầu, trong nhà, ngoài cổng trả lời thay chàng những câu hỏi của yêu tinh trong khi nó bận mài răng định ăn thịt. Khi yêu tinh biết sự

thật thì A-dao đã cầm thanh la về đến nhà rồi. Hôm sau bố vợ lại sai rể đi bắt hổ. Nhờ chiếc ô sắt của vợ, A-dao nhè khi hổ há to miệng, đâm ô vào tận cuống họng, giương ô ra, rồi cứ thế kéo hổ về. A-dao lại được vợ cho một đoản đao đi men theo khe nước đục để tìm thôn xóm, nhưng tới nơi nào cũng thấy vắng bóng người (vì họ cũng bị yêu tinh ăn thịt), một hôm phát hiện ra một em gái mười hai tuổi nấp dưới máng ngựa úp sấp. Ở đây yêu tinh cũng bị chém, bị nhát nào, liếm lại lành ngay nhát ấy. Cũng có việc A-dao lên đi theo, biết được cách giết mục yêu là bôi phân người, phân chó vào lưỡi đao. Khi mục yêu chết, chàng đến nhà chiếm được cái gậy đầu sinh đầu tử, làm cho hai con mục chết và cứu người và vật sống trở lại. Đoạn kết: A-dao đưa vợ xuống dùng gậy chỉ chết lão nhà giàu, từ đấy họ sống hạnh phúc[24].

Người Mèo có truyện *Rì căn rì câu* cũng là một dị bản:

Chứ mồ côi cha mẹ từ thưở lọt lòng. Khi có mang người mẹ chàng thêm thịt chim "rì căn rì câu", bảo chồng đi tìm - "Không biết hình dáng nó như thế nào?", chồng hỏi - "Một cánh một chân" - "Làm tổ ở đâu?" - "Cứ đi tìm không rừng này thì rừng khác". Tìm mãi không được, chồng chết hóa thành giống chim ấy. Lớn lên, Chứ chơi với bọn trẻ, về hỏi mẹ: - "Bố con đâu?" - "Còn vào rừng bắn chim". Một hôm Chứ gặp một ông già, ông bảo làm một chiếc sáo rồi trèo lên cây cao nhất mà thổi, hễ thấy ai đến sau là bố. Chứ thấy một con vật có chín sừng, con vật nói: - "Có phải Chứ thì xuống với bố", bèn dẫn Chứ về hang ở. Một hôm bố bảo: - "Con lớn rồi, lấy vợ đi!" Chứ đi ra khỏi hang gặp một cô gái bị hổ đuổi, anh đánh chết hổ cứu được, cô ngất đi, khi tỉnh dậy bằng lòng lấy Chứ (không có hình ảnh cặp cánh) rồi sinh được một con. Chứ nhớ mẹ đòi về thăm, con vật chín sừng - bố Chứ - bèn đi tìm được một con lợn rừng béo và một vò rượu ngon để thiết.

Về nhà được ít lâu, vợ chồng lại trở về hang. Ở đây không có hình ảnh lấy dây buộc sừng kéo mà chính người bố lấy sừng cày cho chín đám ruộng rồi

húc đổ cây làm chín ngôi nhà. Làm xong bố bảo: - "Bố sắp phải đi xa, vậy các con nhớ khi nào đằng Đông hiện ra đám mây thì đến ở nhà, sẽ có đủ đồ cần dùng". Vợ chồng quên mất lời dặn nên ba năm sau mới tới, chỉ thấy một cái sừng. Hai người từ đấy dùng sừng cày ruộng không cần trâu, húc đổ cây không cần chặt. Giàu có, họ cho dân bản cùng dùng, mọi người đều giàu có sung sướng[25].

Truyện *Củ và Kỳ* của người Pu Péo dường như cũng thuộc loại truyện trên, nhưng lại không nhắc gì đến hình tượng con hươu và cái sừng hươu (hoặc nai). Truyện chỉ bắt đầu từ chỗ chiếm bộ cánh của nàng tiên:

Một chàng thợ săn thấy một bầy thiên nga tháo cánh hóa thành những cô gái xinh đẹp xuống hồ bơi lội, bèn giấu đi một cặp cánh buộc một nàng trở thành vợ. Sau sáu năm, vợ sinh được hai trai là Củ và Kỳ. Cũng có việc vợ trở về trời sau khi phát hiện cặp cánh bằng cách quét chổi thấm nước năm lần vào cánh cửa tù. Ở đây, sau ba ngày người vợ đón cha con lên bằng ba tia chớp. Người bố mở mắt phạm vào điều cấm kỵ, thấy tia chớp là con rồng thì sợ, dùng dao chém rồng, cuối cùng cả rồng lẫn người rơi xuống núi đá chết. Trong khi đó hai đứa con đến được với mẹ nhưng lại bị vua trời - ông ngoại - ghét, tìm cách giết đến bốn lần nhưng nhờ chiếc kim biết đối đáp của mẹ nên tránh được: 1) ông cháu đi chặt cây, ông đứng trên cao lao cây xuống cháu; 2) ông cháu đi đòi tranh, khi cháu lọt vào giữa đôi, ông đốt; 3) ông sai cháu đi mượn trống của yêu tinh nhưng nói dối là bạn già, hai đứa mượn được mà không bị yêu tinh ăn thịt; 4) ông bắt cháu chui vào trống, ông đánh, cháu lấy kim dùi thủng mặt trống, không chết, ngược lại khi ông chui vào, cháu lấy sáp bịt lỗ, ông chết. Cũng có việc mẹ con xuống trần, nhưng mẹ không đi được vì có cây nằm chắn đường cứ ngóc lên mỗi lần mẹ định bước qua. Củ và Kỳ đành từ giã mẹ. Qua sông, Củ thấy có chuối trôi có hoa đỏ đẹp, bèn chặt, không ngờ hoa chuối chính là mẹ chúng (không phải bố như truyện của người Tày). Nửa cái hoa chuối vào tay Kỳ hóa thành một con mèo. Sau đó anh em chia tay mỗi người đi một đường.

Kỳ đến một nơi cũng phát hiện ra hai cô gái nấp dưới cối úp. Anh bảo họ xay lúa cho yêu tinh về. Chúng liền về hàng đàn hàng lũ làm anh chém mỗi tay, nhưng cũng nhờ con mèo mới đuổi được chúng và nghe lỏm được cách hại chúng bằng việc vung phân gà. Nhờ vậy yêu tinh chết hết trừ một con, tra hỏi mới biết cách làm sống lại những người đã chết. Từ đó làng bản lại đông, Kỳ lấy hai cô làm vợ, rồi đem mèo đi tìm Củ lúc này đang sống với một đàn khi cái là vợ. Trong khi dẫn nhau về làng, Kỳ tìm cách giết chết đàn khi, rồi cũng như các truyện trên, anh nhường cô gái bị mất vành tai cho Củ. Thấy vợ em đẹp, Củ hại em bằng cách đào hố đẩy em xuống. Mèo tìm được hố, hăng ngày thả cơm xuống cho Kỳ. Nhưng rồi mèo nhảy xuống tình nguyện để Kỳ giết lấy xương khoét thành sáo. Nghe tiếng sáo, chim thú tìm đến thả dây cho Kỳ lên. Ở đây kết thúc bằng việc Củ thấy em về thì sợ và xấu hổ, tự thắt cổ chết[26].

Truyện *Ả chức chàng Ngưu* của ta có những tình tiết giống với truyện của Trung-quốc và của một số các dân tộc khác.

Trung-quốc có ba truyện *Khiên Ngưu Chức nữ*:

1) Theo *Sử ký* của Tư Mã Thiên: phía Đông Ngân-hà có Chức nữ con gái vua Thiên đế. Mỗi năm, nàng cố công cố sức dệt áo quần của nhà Trời như mây. Trời thấy nàng ở một mình bèn gả cho Khiên Ngưu ở bên kia sông. Sau khi cưới, người đàn bà ấy bỏ bê việc dệt làm cho Thiên đế nổi giận, bắt trở về chỗ cũ. Về sau chỉ cho phép mỗi năm một lần qua sông để gặp chồng.

2) Cũng như truyện trên, sách *Kinh Sở tuế thời ký* kể như sau:

Chức nữ là một vì sao Thiên tôn (cháu gái nhà trời) coi việc canh cửi tại Thiên cung. Nàng ở về Hà-đông (phía Đông Ngân-hà) là người công dung

ngôn hạnh toàn vẹn, nghề canh cửi rất chăm chỉ và tinh xảo, thường dệt thành gấm màu mây (vân cấm) để may áo chầu cho Ngọc Hoàng. Tại Hà-tây (phía Tây Ngân-hà) bấy giờ có Ngưu lang, một vì sao Khiên Ngưu (dắt trâu) làm việc chăn nuôi chuyên cần, tài đức đều trội. Thấy vậy, Ngọc Hoàng bèn triệu Ngưu lang gả cho Chức nữ. Hai bên thành hôn vào ngày mồng bảy tháng Bảy gọi là tiết Thất tịch.

Sau khi cưới, vợ chồng đem nhau về Hà-tây. Nhưng từ đó họ say đắm quên hết cả. Chức nữ suốt năm không về Thiên cung, bỏ bê việc canh cửi, chàng Ngưu cũng trễ nải chăn nuôi. Ngọc Hoàng nổi giận sai bắt Chức nữ lại trở về Hà-đông mà lưu Ngưu lang ở Hà-tây, chỉ chuẩn cho hàng năm vào tiết Thất tịch, ra lệnh Hà Bá (thần sông) sai chim thước (chim khách, cũng gọi là chim chèo choẹt) đốc suất đàn chim ô (quạ) bắc cầu sông Vân-hán (tức Ngân-hà) cho phép Ngưu lang từ Hà-tây sang Hà-đông tới Thiên cung gặp vợ một ngày. Sáng mồng 8 phải có mặt ở Hà-tây.

3) Chức nữ là con gái Tây Vương mẫu, một ngày nọ đến tắm ở suối nước nóng với các nàng tiên khác. Một con trâu của Ngưu lang bảo anh lấy trộm áo của nàng tiên đặt ở bờ hồ. Ngưu lang làm theo, nàng tiên bị mất áo lại là Chức nữ, nàng đành lấy Ngưu lang làm chồng, đẻ một trai một gái. Một hôm Chức nữ tìm được áo bèn bay về trời. Ngưu lang đuổi theo. Sắp bị chồng bắt, Chức nữ kêu: - "Ôi mẹ, cứu con với!" Bà mẹ đang cầm cái trâm ở tay liền vạch một cái, một dòng nước mênh mông ngăn đôi: đó là Ngân-hà. Sau đó vợ chồng xin Trời cho phép gặp nhau. Trời cho mỗi năm một lần vào ngày mồng bảy tháng Bảy. Ngày đó, những con chim sẻ ở dưới trần đến làm cầu trên sông để cho hai người qua lại. Trên trời có bốn ngôi sao tụ bên Ngân-hà giống đóa hoa đó là Chức nữ; và ba ngôi khác hình tam giác là Khiên Ngưu, gần đó lại có hai ngôi nhỏ là con của họ.

Truyện của người Lô-lô Puê-puê ở đảo Ô-ba (Hobart) (châu Úc-Australie);
Ta-ca-rô và Ba-ni-hi Ma-ma-ta, người đàn bà ở xứ Mặt trời:

Có những người đàn bà ở xứ Mặt trời xuống trần lấy nước biển. Xong họ đặt cánh trên bờ rủ nhau xuống tắm. Một anh chàng là Ta-ca-rô thấy vậy bèn rình xem. Thấy Ba-ni-hi đẹp nhất đám, anh bèn trộm lấy cánh vùi dưới đất ở dưới cửa nhà mình. Tắm xong, mọi người bay về trời, duy có Ba-ni-hi cùng với con đàn ở lại. Ta-ca-rô dỗ dành bảo nàng lên nhà trồng khoai mài với mẹ mình. Nói rồi anh ta đi. Ba-ni-hi đành lấy anh làm chồng. Một hôm đưa bé ngắt lá khoai mài bảo: - "Mọc! Mọc". Lá tự nhiên mọc thành cây. Thấy vậy, mẹ Ta-ca-rô tưởng đưa bé đào trộm cây mài bèn nổi giận mắng mỏ. Mẹ đưa bé nói: - "Không phải trộm, nó lấy lá làm thành cây đấy!" Rồi ngồi tựa cửa khóc, nước mắt chảy xuống xói đất, cánh lộ ra. Ba-ni-hi moi lấy cánh mang vào, rồi đem con về xứ Mặt trời. Ta-ca-rô về không thấy vợ, bảo chim bói cá bay lên tìm, chim lên đến nơi thấy mẹ con đang nhuộm chiếu. Đậu ở cây, chim vẽ hình Ta-ca-rô ném xuống. Đứa bé nhặt lên đưa cho mẹ nó. Người đàn bà bảo chim: - "Về bảo Ta-ca-rô lên đây, ta sẽ xuống." Được tin, Ta-ca-rô bèn làm cung tên rất khỏe. Phát thứ hai cắm vào đuôi mũi tên thứ nhất. Cứ thế cho đến mũi thứ một trăm đã đụng đất. Anh bắt rễ cây đa cho bám vào cái cầu bằng tên ấy. Đoạn anh thổi hơi vào và nói: - "Rễ hãy mọc lớn lên! lớn lên!". Rễ đa mọc rất nhanh, không mấy chốc quấn chặt lấy mũi tên bám lấy mặt trời. Bói cá bảo anh trang điểm rồi leo theo mình. Khi gặp Ba-ni-hi, anh bảo nàng xuống ở với mình. Ba-ni-hi mang chiếu công con đi theo Ta-ca-rô. Nửa đường, Ba-ni-hi cầm rìu chặt đứt rễ đa trước mặt. Ta-ca-rô và bói cá rơi xuống, mẹ con trở lại. Từ đấy đường lên trời bị cắt đứt vì không thể bắn tới được nữa[27].

Truyện của bộ lạc Ban-tích (Bantiks) ở đảo Xê-lép (Célèbes):

Có tám nàng tiên từ trên trời xuống tắm trong một cái giếng trên một hòn đảo. Một chàng trai tên là Ka-sim-ba-ha thấy họ bay, lúc đầu tưởng là bồ câu, lại gần mới biết là người. Khi các nàng vùng vẫy dưới giếng, anh cũng lần tới chỗ họ để áo trộm lấy một cái. Áo ấy là của nàng tiên U-ta-ha-ghi.

Nàng đành ở lại lấy anh và sinh được một con. Nàng dặn chồng đừng nhổ sợi tóc trắng của mình. Nhưng anh quên mất, nhổ xong tự nhiên trời nổi một trận bão dữ dội và nàng tiên lại trở về trời. Chồng không biết nuôi con, bèn công con đi tìm. Có một cây mây đâm thẳng lên trời nhưng gai mây dày đặc không thể leo được. May có một con chuột đồng giúp anh bằng cách gặm gai. Anh leo lên, dọc đường nhờ nhiều con vật khác giúp nên lên đến nơi. Lại nhờ một con chim mách cho chỗ ở, một con đom đóm chỉ cho anh biết buồng của vợ. Nhưng vẫn chưa hết. Người anh của vợ còn đưa ra chín đĩa đầy kín bảo chỉ đúng đĩa của vợ rồi mới cho gặp. Một con ruồi giúp anh trong việc này. Vợ chồng mẹ con sum họp được ít lâu, mẹ phải dùng dây cho con xuống. Đứa bé trở về, sau trở thành ông tổ của người Ban-tích (Bantiks).

Truyện của người đảo Lưu-cầu (Lucon):

Một chủ trại chưa vợ tên là Minh Linh Xu. Gần nhà có một giếng nước ngọt. Một hôm hần đi múc nước, từ xa nhìn giếng thấy có vật gì sáng. Nhìn kỹ mới biết có một người đàn bà tắm, áo quần còn mắc trên cây thông gần đó. Hần lén đến trộm lấy áo quần mà màu sắc nom rất kỳ lạ. Người đàn bà quỳ xuống để xin lại áo quần - "Tại sao lại tắm ở đây làm vẩn đục nước của ta?", hần quát, - "Nước sông suối giếng ao là của trời, tất cả mọi người ai cũng dùng được". Nhưng cuối cùng người đàn bà phải lấy hần làm chồng. Hai người sống với nhau trong mười năm sinh được một trai một gái. Ở đây không có chuyện tìm ra được cánh, một hôm thấy duyên số đã mãn, vợ nhăm khi vắng chồng, trèo lên cây nói ít câu từ biệt con, rồi cười mây mà đi.

Truyện của Miến-điện (Myanmar) do người Tây-tạng kể, cũng tương tự:

Thành phố Núi Bạc cách ly với thế giới người trần bằng ba hàng rào: 1)

bằng lau sậy và gai góc; 2) con suối đồng luôn chảy; 3) có quý dữ. Một hôm có chín nàng công chúa của thành phố này mang thắt lưng thần có phép bay như chim, đi thăm một cánh rừng đẹp tận biên giới hòn đảo Nam ở cõi trần. Thấy hồ nước, họ rủ nhau xuống tắm. Trong khi vùng vẫy, họ giật mình vì có một chàng đi săn ném thong lọng vào một cô trẻ nhất là Ma-nan-hu-ri rồi dắt về cho một hoàng tử ở Pi-en-sa. Thấy nàng đẹp tuyệt trần, hoàng tử bèn đặt vào chính cung mặc dầu mới kết hôn với con gái một vị chiêm tinh cho hoàng gia. Sau đó ít lâu hoàng tử bị vua cha bắt phải cầm quân đi đánh giặc. Nhân dịp vắng hoàng tử, nhà chiêm tinh giải nghĩa một giấc mộng cho nhà vua là phải làm giảm nhẹ cơn giận của hung thần bằng cách hiến tế cô Ma-nan-hu-ri. Thấy người yêu của con trai có nguy cơ bị hy sinh, hoàng hậu mẹ hoàng tử bèn tìm đến nàng dâu, trả cho nàng cái thắt lưng thần mà người đi săn đã nhặt được. Công chúa lại bay về Núi Bạc, dọc đường dừng lại ở nhà một tu sĩ già trong rừng, kể chuyện mình cho tu sĩ nghe và đưa cho ông một cái nhẫn cùng những vị thuốc có thể nhờ nó mà vượt qua các hàng rào ngăn cách.

Đánh giặc về thấy mất người yêu, hoàng tử bèn cất công đi tìm. Gặp được tu sĩ, hoàng tử nắm được bí quyết vượt qua các hàng rào, rồi trải nhiều phen phiêu lưu mới tới được thành phố Núi Bạc. Vua xứ Núi Bạc nổi giận vì có một người trần cả gan vào nước mình một cách tự tiện, bèn ra lệnh cho công chúa bắt hoàng tử phải chịu ba cuộc thử thách mới được kết duyên với chàng: 1) phải thuần được ngựa và voi hoang. Hoàng tử làm xong; 2) phải bắn một phát tên trúng đích ở lâu đài. Vốn có tài bắn, hoàng tử cũng làm xong; 3) phân biệt ngón tay của Ma-nan-hu-ri với các ngón tay của các công chúa khác thò ra ở vách. Nhờ vua ruồi giúp nên hoàng tử thắng lợi[28].

Truyện Ba-tư (Iran) có nguồn gốc từ Ấn-độ:

Một đàn bồ câu từ lưng chừng trời bay xuống bờ hồ, cởi bộ áo lông ra và

hóa thành những cô gái đẹp. Khi đang vùng vẫy dưới làn nước thì một chàng trai trộm lấy bộ áo của một cô trẻ nhất, đẹp nhất. Cuối cùng cô nàng cũng trở thành vợ anh. Có lần chồng buộc phải đi xa, giao cho một bà già canh giữ chỗ bí mật giấu áo nàng tiên. Một hôm bà già ngắm nàng, khen nàng xinh đẹp, - "Tôi còn đẹp nữa nếu được mặc áo quần ngày trước", cô nói. Bà già bèn lấy áo cho nàng mặc để được ngắm nghía thỏa thích, không ngờ nàng tiên mặc áo vào là bay luôn. Đoạn cuối cũng có tình tiết chàng thanh niên đi tìm vợ, hai vợ chồng cũng lại gặp nhau tại một xứ xa xôi và bí hiểm.

Truyện Ấn-độ:

Một chàng chăn dê tên là Tô-ri-a thường cho dê ăn cỏ ở bờ sông. Các cô gái xứ Mặt trời thường có thói quen theo sọt nhện để xuống đây vùng vẫy. Một hôm họ gọi Tô-ri-a xuống tắm và bơi lội. Mỗi lần tắm xong, các cô lại bay về trời. Lâu dần thành quen, anh chàng chăn dê đâm ra yêu một cô trong bọn. Bèn lập kế để bắt, - "Nào ta thử xem ai lặn sâu hơn?" hăn đề nghị. Đang lúc vui, các cô đồng ý. Trong khi các cô ngụp xuống nước thì hăn trồi lên trước, lấy váy (sa-ri) của cô nàng rồi trốn đi. Cô đuổi theo hăn đến nhà. Tô-ri-a trả nhưng không dám bắt tay cô; về phía cô gái thấy chị em đều bay trốn cả, bèn xin làm vợ anh chàng.

Cũng như một số truyện trên, tiếp đến đoạn anh đấu tranh với tên vua định chiếm mất vợ. Một người hành khất mách cho vua biết nhan sắc của vợ Tô-ri-a. Vua mê hồn vì sắc đẹp, tìm cách đuổi chồng để bắt vợ làm hoàng hậu. Bèn ra lệnh buộc Tô-ri-a trong một đêm phải đào một cái hồ đổ đầy nước, xung quanh bờ trồng cây, v.v... nếu không xong thì chết. Nhờ vợ, Tô-ri-a làm xong. Vua lại bắt anh phải gieo hạt đầy một cánh đồng, khi lúa chín lại bắt gặt và dồn thành một đồng trong một ngày. Vợ gọi bồ câu tới giúp và cũng giải quyết xong. Cuối cùng, giống với kết thúc truyện *Ren-nê* với ông chúa (**Khảo dị** truyện số 60, tập II), Tô-ri-a bị vua sai bắt trói quăng xuống

hồ, nhưng anh đánh lừa được mọi người để khỏi bị ném xuống, lại lừa được vua để vừa tình nguyện nhảy xuống hồ với hai người hầu. Truyện còn thêm một đoạn nữa không dính gì đến chủ đề người trần lấy vợ nhà trời nên ở đây miễn kể.

Truyện trong *Nghìn lẻ một đêm*:

Gian-sá, con một ông vua, sau khi đi nhiều nơi đến lâu đài của một ông già nọ được mời ở lại. Một hôm ông giao cho chàng chòm chìa khóa, cho chàng tự do, chỉ cấm mở có mỗi một cửa. Không ngăn được tò mò. Gian-sá mở cửa ấy ra, thấy ở giữa một cảnh vườn đẹp có một cái hồ. Bỗng thấy có ba con chim lớn dạng như bồ câu đáp xuống bờ hồ, trút bộ lông ra hóa thành gái đẹp xuống tắm, và sau đó lại mang áo chim vào bay đi mất. Từ đó Gian-sá đâm ra buồn rầu. Ông già phát hiện ra cái tội tò mò của anh, nhưng cũng tha cho và giúp anh tìm cách bắt cô gái đẹp. Ông cho biết đó là ba cô con gái vua thần thường tới tắm ở hồ. Cũng như các truyện trên, Gian-sá rình trộm một bộ lông để lấy một cô làm vợ. Nhưng sau đó ít lâu, nàng tìm được bộ lông bay đi, không quên nhắn với chồng nếu có yêu thì tìm mình ở thành Kim-cương. Gian-sá cất công đi tìm, hỏi khắp các vua chim, vua thú, vua thần về thành Kim-cương, nhưng không một ai biết cả. Sau đó anh gặp một pháp sư, nhờ ông này dò hỏi trong một cuộc họp giữa thần, thú, và chim. Một con chim đến họp chậm, biết đường đến thành Kim-cương và thuận mang anh đi. Đến nơi, cha vợ và vua thần tiếp đãi anh nồng hậu và cho anh gặp vợ (theo bản dịch của Ga-lăng (Galland)).

Truyện của người Ả-rập (Arabes) ở An-jê-ri (Algerie):

Một nhà tu sĩ đạo Hồi (tu-lép) trộm được "tấm da bồ câu" của người xứ thần (Jơ-nun) đang tắm. Hắn ra một điều kiện chi trả lại khi nàng ưng thuận những yêu cầu của hắn - "Anh muốn gì?" - "Muốn lấy nàng làm vợ". Người

đàn bà đành phải lấy hẩn, sống nhiều năm để được nhiều con. Một hôm bọn con của nàng đang chơi đùa, bỗng tìm ra được "tấm da bồ câu", vội vàng mang đến cho mẹ chúng. Người mẹ liền mang vào rồi trở về xứ Jơ-nun.

Truyện của người Man-gát-sơ (Malgaches) ở Ma-đa-gát-xca (Madagasca):

Một chàng trẻ tuổi tên là An-đri-a-nô-rô nghe nói có ba cô gái tuyệt đẹp thỉnh thoảng từ trời bay xuống tắm tại một hồ nào đó. Nhờ có một thầy bói chỉ chỗ và bày cách bắt, anh lấy được cô trẻ nhất làm vợ. Một hôm chồng đi vắng, vợ ở nhà bị mẹ chồng hành hạ đến chết, khi chồng về lại sống lại. Vợ liền xin chồng đi tìm bố mẹ mình. An-đri-a-nô-rô muốn đi theo, - "Đi thì rất nguy hiểm vì sẽ trải qua nhiều thử thách" - "Ta cứ đi!" Anh nói thế, và trước khi xuất hành, anh giết bỏ đái các giống chim muông, nhờ giúp đỡ trong chuyến đi. Đến nơi, anh cũng bị bố vợ bắt phải làm ba việc: 1) chặt một cây to; 2) kéo một số đồ đạc đã quẳng xuống ao có nhiều cá sấu lên bờ; 3) tìm cho ra vợ giữa đám đông các cô gái y hệt như nhau. Nhờ các giống vật giúp anh thành công.

Truyện của người Nga:

Một hoàng tử được vua cha hứa hôn với công chúa con vua Thủy. Một hôm anh gặp một tay phù thủy (ba-da-ya-ga), hẩn xui anh lấy áo của một cô cả trong số mười hai cô dưới hình dạng chim bay đến bờ biển tắm. Anh lấy xong, cô bị mất áo cũng tìm đến lạy lục để xin lại áo. Không ngờ cô ấy lại là con gái vua Thủy.

Truyện của người Xa-mô-y-ét (Samoyèdes):

Một chàng trẻ tuổi được một bà già mách cho biết đến rình ở một cái hồ giữa rừng sẽ thấy bảy cô gái xuống tắm, áo quần của họ bỏ lại trên hồ, cứ

việc lấy một bộ rồi trốn đi, sẽ có vợ. Anh làm theo. Cô gái mất áo theo đến xin. Anh nói: - "Không, ta không trả, nếu trả thì nàng lên trời mất". Cũng như các truyện trên, cô gái trở thành vợ chàng.

Truyện của người Xcăng-đi-na-vơ (Scandinaves) trong *Ét-đát*:

Có ba an hem hoàng tử đi săn đến một cái hồ, thấy trên bờ có ba người đàn bà đang kéo sợi lanh, gần đó có ba bộ lông thiên nga. Họ thuộc nòi thần linh (van-ki-ri). Khác với hầu như tất cả các truyện trên, ở đây cả ba an hem đưa ba người đàn bà về làm vợ trải qua bảy mùa đông. Sau đó, một hôm ba người vợ của họ bỗng bay đi không trở lại, vì ở đây không có chuyện giấu bộ lông.

Truyện của người đảo Sét-lăng (Shetland) và Or-ca-đơ (Orcaades) ở châu Úc (Australie). Ở đây nhân vật chủ yếu không phải từ trời bay xuống, mà lại từ dưới nước lên:

Một người đi câu một hôm thấy có hai người đàn bà đẹp chơi ở bãi biển. Gần đó có hai tấm da hải báo. Anh cầm một tấm lên xem. Bỗng một trong hai người đàn bà chạy đến lấy tấm còn lại vội vã mặc vào và lặn mất. Còn một người nữa thì đến lạy lục xin anh tấm da, nhưng anh không cho, bèn trở thành vợ anh. Hai người ăn ở với nhau được mấy năm, sinh hai con. Một hôm tình cờ tìm thấy tấm da, người vợ bèn mặc vào và trốn đi cùng với một đồng loại[29].

Sau đây là những truyện mà mô-típ cơ bản: chàng trai lấy nàng tiên làm vợ bằng cách lấy trộm áo quần (hay lông cánh) trong khi nàng bận tắm, vẫn còn đậm nét, nhưng nội dung đã biến hóa khác hẳn hoặc đã chuyển sang một loại chủ đề khác. Chỉ kể một số truyện tiêu biểu.

Truyện của Băng-la-đex (Bangladesh):

Một ông vua có hai con là Săng-đra và Si-va Đất do hai người vợ khác nhau sinh ra. Vua vốn ghét mẹ người sau nên bắt hai mẹ con ra khỏi hoàng cung, cho ở một túp lều, sống bằng nghề hành khất. Si-va Đất vốn thờ thần Xi-va và được thần cho một cây gươm có thể cầu được ước thấy. Một đêm vua nằm chiêm bao thấy một người đàn bà đẹp sáng chói cả cung điện, mỗi lần thở có một luồng lửa thò ra khỏi mũi như một đóa hoa. Vua bắt quan đầu triều phải tìm cho ra người đàn bà này nếu không thì xử tử. Quan đầu triều ra đi với hoàng tử Săng-đra và đông người hầu. Nghe tin, Si-va Đất cũng xin vua cha cho đi theo. Cả đoàn dừng lại trước một cánh rừng không thể vượt nổi. Nhưng nhờ có gươm thần nên Si-va Đất một mình vượt qua dễ dàng. Đến một nước nọ, anh giúp việc cho vua nước này lập nhiều công trạng nên được vua gả công chúa. Lại nhờ gươm thần anh đến xứ sở của các hung thần (rắc-sa-xa). Anh bị hai hung thần giải đến cho vua họ, nhưng vua lại kết bạn với anh và gả con gái đẹp cho. Một hôm anh kể giấc mộng của cha mình cho vua nghe. Vua nói người đàn bà ấy có thực. Bèn sai người đưa anh đi gặp một ẩn sĩ trong rừng để hỏi rõ sự tình và tìm cách bắt. Ẩn sĩ bảo: trong rừng nọ có một cái hồ, vào những đêm trăng tròn có năm vũ nữ (áp-sa-ra) nhà trời, trong đó có nàng Ti-lốt-ta-ma (người mà vua cha nằm mộng) nhờ một con mèo màu nhiệm đưa xuống đấy tắm. Vậy muốn bắt, chỉ có cách trộm lấy quần áo của họ. Si-va Đất làm theo, bắt được cả năm người. Khi các vũ nữ xin lại quần áo thì anh buộc họ phải giao nàng Ti-lốt-ta-ma, sẽ trả. Thế là Ti-lốt-ta-ma đành phải ở lại với chàng Si-va Đất. Một thời gian sau, đôi bên từ già, nàng cho chàng một cái sáo có thể gọi nàng đến bất cứ lúc nào. Si-va Đất trở về với vua hung thần, vua lại gả thêm cho một công chúa nữa. Anh lại trở về với bố vợ trước rồi nhờ gươm đưa cả ba vợ đến chỗ hoàng tử Săng-đra đang chờ, báo tin đã tìm thấy

người trong mộng. Săng-đra lập mưu xô Si-va Đát xuống giếng để chiếm công, nhưng trước mặt vua và các tiểu vương, hắn không thể nào gọi Ti-lốt-ta-ma đến được, bị vua cha đày cả mẹ lẫn con đi xa. Nhờ có gươm thần, Si-va Đát không chết, trở về yên lành. Lại nhờ có ba vợ tâu vua mọi việc, Si-va Đát được đón vào triều. Chàng thối sáo, người đàn bà sáng chói xuất hiện đúng như trong giấc mộng của vua cha. Cuối cùng vua cho Si-va Đát lên ngôi thay mình.

Truyện của người A-va-rơ (Avars) ở núi Cô-ca-dơ (Caucase):

Một hoàng tử cưới một con ngựa thần đến một nơi thấy đêm sáng như ban ngày. Lấy làm lạ, hoàng tử nhìn thấy giữa cánh đồng vắng có một vật sáng rực, nhặt lên thì ra đó là một chiếc lông. Hoàng tử hỏi ngựa: - "Có nên nhặt không?" - "Nếu nhặt sẽ đau khổ, không nhặt cũng thế". Bèn giắt lên mũ. Đến một thành phố, hoàng tử nằm ngủ giữa đồng. Vua và triều thần nước này đều lấy làm lạ vì đêm cũng sáng như ngày, bèn sai lính đi tìm. Lính đưa hoàng tử về, vua hỏi, anh trao chiếc lông. Vua buộc hoàng tử đi tìm cho ra người có chiếc lông lạ này. Ngựa cho hoàng tử biết đó là cô con gái vua Biển, mỗi ngày nàng cùng hai chị hóa làm bồ câu bay đến một hồ nọ để tắm. Vậy rình khi cô xuống nước phải chiếm lấy bộ quần áo lông thì có thể buộc cô theo mình. Hoàng tử chiếm được cô gái đem về cho vua. Vua muốn lấy nàng làm vợ. Cô ra điều kiện: - "Ai muốn lấy toi phải trẻ lại thành người hai mươi tuổi", - "Làm sao để trẻ lại?", vua hỏi, - "Đào một giếng sâu năm mươi thước đổ đầy sữa bò rồi xuống tắm". Khi giếng sữa đã làm xong, vua ngần ngại không dám xuống, bèn sai dẫn đến một đôi vợ chồng già bắt xuống tắm. Trở lên họ quả trẻ lại. Vua liền nhảy vào giếng sữa thì bị chết đuối. Tình tiết này tương tự với một truyện của Ý (Italia) (xem **Khảo dị** truyện số 92, tập III).

Truyện của người Thổ-nhĩ-kỳ (Tures) ở Nam Xi-bê-ri (Siberie):

Một anh chàng có số phận phiêu lưu kỳ lạ. Một lần bị sóng đánh giạt lên một đảo hoang. Đi ít lâu gặp một cụ già ngồi than khóc - "Sao lại khóc?", anh hỏi, - "Ta có đứa con giống như anh, nó đã chết, anh sẽ là con ta, công hộ ta với", - "Không đủ sức vì đói quá", - "Đến đằng kia có cây, ăn quả nó sẽ lại sức". Anh ăn xong, ông già bảo: - "Mang hộ ta lên vai đến một thành phố gần đây thôi". Anh vừa công đã bị lão đánh - "Sao lại đánh tôi?", - "Mày là ngựa, từ giờ phải để ta cưỡi". Anh đành phải công. Đến một nơi thấy dân ở đây cũng có người được công như thế. Ở lại đây sau nhiều năm, một hôm anh gặp một cây phong có quả chín. Đói sẵn, anh ăn vào bị say lão đảo làm cho lão mất thăng bằng. Anh mời lão ăn, ăn xong lão mất trí, anh quật lão xuống rồi giết đi.

Lại trôi nổi đến một nơi nọ. Vào một lâu đài, khi mở cổng sau ngoảnh ra đồng, anh thấy một cái hồ ở giữa đồng. Anh ngồi dưới một gốc bạch dương, bỗng thấy có ba con thiên nga từ trên trời bay xuống đậu trên bờ. Hai con bước xuống nước thành hai cô gái, gọi: - "Mau xuống đi!" Nhưng thiên nga thứ ba đáp: - "Có mùi đàn ông ở đâu đây!", "Không, họ ở cách đây xa lắm!". Nghe nói thế, thiên nga bèn cởi áo lông bước xuống nước hóa thành cô gái. Lập tức anh chui ra khỏi chỗ trốn cướp lấy áo. Cô gái hoảng hốt kêu lên: - "Tôi đã bảo mà, thế mà hai chị nói không có ai cả". Hai cô kia liền vội vã lên bờ bay đi để cô thứ ba lại cho anh, v.v...[30]

Truyện của Pháp: *Con mèo cái trắng* khá phổ biến ở các dân tộc phương

Tây:

Jăng (Jean), con nhà giàu, một hôm được người bố cho hai vạn quan đi chơi hội. Anh nường hết vào sòng bạc. Một người bạn cho vay sáu ngàn, cũng lại cháy túi. Thất thểu trở về, gặp một yêu tinh hỏi anh vì sao mà buồn. Anh kể chuyện thua bạc. Yêu tinh cho anh vay hai vạn quan, hẹn một năm và một ngày phải đem đến trả ở Rừng đen. Về nhà kể chuyện lại cho bố mẹ hay, bố mẹ giục phải đi trả ngay, nếu không sẽ mắc tai họa. Lập tức anh đi tìm kiếm Rừng đen, phải mất một năm và một ngày mới tới nơi. Sắp tới, gặp một bà tiên mách cho anh cách để thoát khỏi tay yêu tinh: - "Ở đây có một cái giếng, có ba cái lông xanh, vàng, đen đang tắm. Hãy lấy cái áo của lông xanh và hôn một cái, nó sẽ cứu anh!" Anh làm theo lông xanh biến thành một cô gái, cô làm thân với anh. Cô bảo: - "Yêu tinh này là bố tôi đấy. Khi nào anh đến, bố tôi bảo ngồi ghế nào, thì nhớ ngồi ở chiếc ghế khác, chỉ bàn cũng vậy. Nếu đưa đĩa hay cốc thì từ chối, nói là theo tục lệ. Chỉ buồng ở trên cao thì đếm đủ mười tám bậc thang hãy vào, nếu chỉ cho nằm giường nào thì nằm ở giường bên cạnh". Anh đến gặp yêu tinh, mọi việc đều làm y như lời cô gái dặn. Đêm lại, yêu tinh làm cho giường xoay chuyển mọi phương, nhưng sáng dậy hăn ngạc nhiên thấy anh vẫn sống. Hăn lại giao cho anh búa bằng bìa, cưa bằng gỗ, dao quắm bằng cao-su để lên rừng đốn gỗ buộc để chiều phải đưa về. Lông xanh đưa cưa cho anh và chỉ bằng một gỗ đũa, giúp anh làm xong. Yêu tinh lại bắt anh dựng một lâu đài chạm trổ, trước nhà phải có một mũi tên như thế như thế, cắm lên nóc. Lông xanh đưa cưa, bảo anh: - "Tôi sẽ làm ngay cho anh một lâu đài đúng như cha dặn. Rồi sẽ hóa thành một con mèo trắng, anh hãy giết đi, nhúng nước sôi, lọc lấy xương rồi sắp xương lại đúng chỗ để tôi sống trở lại. Lúc ấy trong người tôi sẽ có một mũi tên đẹp, hãy đem cắm lên lâu đài". Anh làm như lời, nhưng khi sắp xương thì có một đốt xương chân đặt sai chỗ. Yêu tinh lại bắt anh bịt mắt chọn cho đúng lông xanh trong ba lông, hứa sẽ gả. Anh chỉ đúng. Đêm ấy có gió to, cô gái bảo: - "Trốn theo tôi!". Khi đến gần nhà, cô ôm anh, anh trở thành một chàng trai đẹp, cô dặn: - "Về chớ

cho người thân ôm mà lại xấu đi". Nhưng khi về, anh từ chối được cả, chỉ có bà nội, anh để cho bà ôm hôn, nên xấu trở lại.

Truyện còn kể khi yêu tinh ngủ dậy thấy mất hút anh, bèn đuổi theo, nhưng dọc đường hăn chỉ gặp những người điếc (do cô gái bố trí) nên hỏi mãi không ra, chán nản trở về. Thấy Jăng trở về với cô gái đẹp, có người đem nhiều tiền đến định bắt tình với nàng, cô gái nhận, nhưng lại tìm cách lẩn trốn, để cho Jăng đánh đuổi hăn. Nhiều lần như vậy, hai người trở nên giàu có, họ bèn kết hôn[31].

Truyện của người Mi-lăng (Milan) ở Bắc Ý (Italia):

Một anh chàng tìm đến vua xứ Mặt trời để đánh một ván bi-da mà vật cược là công chúa con vua. Anh khăn gói ra đi. Dọc đường anh gặp một ông già chỉ giúp con đường dẫn đến lâu đài nhà vua và dặn là hãy trộm lấy áo quần những người con gái vua khi họ tắm, chỉ bằng lòng trả khi nào họ dẫn đến vua cha. Ông già còn nói thêm: sau đó vua Mặt trời sẽ sai bịt mắt anh để chỉ nhắm cô nào phải lấy cô ấy; vậy phải tìm cô nào có ngón tay cụt là nàng đẹp nhất. Anh làm theo và kết quả diễn ra tốt đẹp như lời người mách[32].

Truyện của người Nhật: *Ha-rô-gô-mô là chiếc áo lông*:

Một người chài nghèo ở Mi-hô, tỉnh Xu-ra-ga - một bán đảo gần núi Phú-sĩ - một hôm đang đặt sọt thức ăn dưới gốc thông bỗng ngửi thấy mùi thơm lạ. Nhìn lên thì thấy một chiếc áo treo ở cành cây, bèn trèo lên lấy xuống. Thấy áo có cánh, ông đoán là áo tiên, bèn mang về nhà. Nửa đêm mọi người đang ngủ, bỗng giật mình tỉnh dậy vì có tiếng gọi, đó là một nàng tiên đến xin áo. Ông trả lời không biết và đóng cửa. Nàng tiên nài nỉ mãi

không được, bèn khóc sụt sùi. Động lòng, ông lão bèn đưa áo ra trả. Nàng tiên mặc áo bay lên trời. Ông già từ đấy giàu có sung sướng[33].

Truyện của người Et-xki-mô (Eskimo) ở Ca-na-đa (Canada): *Người dụ dỗ*:

Một chàng trẻ tuổi tên là Ki-vi-ốc làm nhiều cuộc phiêu lưu kỳ lạ. Thuyền chàng bị bão giạt lên một bãi biển, gặp một mục tử ăn thịt người. Nhờ con chim sẻ giúp đỡ, anh tìm lại được thuyền và thoát nạn. Rồi anh còn thoát được nhiều quái vật khác ở biển, tìm đến một nơi có mấy người đàn bà vốn là nhện hóa thân. Anh ngủ tại đây, lấy của họ một số ngọc đẹp. Lại đến một nơi có những người đàn bà vốn là chim mỏ nhát. Họ chèo rất khỏe đưa anh về đến quê hương. Anh chia ngọc cho phụ nữ trong làng rồi lại tiếp tục cuộc phiêu lưu. Đến một nơi có mấy người đàn bà vốn là chó sói, anh lấy một cô trẻ nhất làm vợ, hàng ngày đi săn nai. Nhưng không ngờ một hôm mẹ của vợ ghen con, giết con để mình thế vào. Anh khóc người vợ trẻ và khỏe, rồi bỏ đi. Lại đến sống ở xứ sở của những người đàn bà vốn là chồn hóa thân. Đến đây truyện mới bắt đầu gần gũi với các truyện đã kể. Một lần đi qua một cái hồ thấy có nhiều phụ nữ đang tắm, anh trộm lấy một bộ quần áo đẹp của họ bỏ trên bờ. Sự xuất hiện của anh làm cho các cô thét lên, vùng chạy lên bờ thoát chốn biển thành ngỗng trời bay đi. Chỉ có cô mất áo quần phải ở lại làm vợ anh, cũng sinh được hai con. Ở đây không có tình tiết tìm lại được áo; trái lại, truyện kể: những khi anh đi săn vắng, vợ anh không cho con ăn thịt mà lại tập cho chúng ăn cỏ, cát, sỏi, - "Chúng con phải ăn thịt nai của bố săn đây này", anh bảo thế nhưng chúng vẫn không ăn. Hàng ngày mẹ lượm lông chim kết làm cánh cho mình và cho hai con. Rồi một hôm họ hóa thành ngỗng trời bay đi mất. Buồn rầu, Ki-vi-ốc bỏ đi tìm. Nhờ cha lợn chỉ cho hướng đi nhưng có một cái hồ rộng mênh mông chặn đường. Cha lợn lại gọi một con cá lớn cõng anh lên lưng chở sang. Khi đến nơi, con anh mừng rỡ báo tin vui cho mẹ. Nhưng mẹ đã lấy chồng khác rồi, không muốn gặp nữa. Anh bước vào nhà. Chồng mới của vợ sợ hãi trốn mất, vợ kêu khóc như ri. Cuộc đoàn tụ không vui vẻ. Cuối

cùng anh phạm tội giết người, lại trốn đến xứ người da trắng trở thành chủ nhân của năm chiếc tàu, thỉnh thoảng anh lại đi du lịch các nơi[34].

Dân tộc Dáy ở Việt-nam có truyện *Con chim toóc toóc* cũng có sử dụng hình ảnh cướp cánh nàng tiên:

Có bảy anh em có tài dùng trán đóng cọc để đập đập cấy lúa. Nhưng đập lần nào đều bị phá vỡ lần ấy. Tức mình, họ để tâm rình, mới hay có bảy nàng tiên ban đêm từ trên trời rơi xuống, đặt áo quần và cánh trên bờ rồi xuống tắm. Trong khi nô đùa, họ lắc cọc nghiêng ngả nên đập bị lở. Bảy anh em bèn xuất hiện chiếm lấy áo quần và cánh, hỏi họ tại sao lại phá đập của mình. Cuối cùng bảy nàng tiên đành phải làm vợ bảy anh em. Đoạn sau còn kể một cụ già, để trị bảy anh em kiêu ngạo, cho họ biết ở dưới đất có những người "ản-eng" tuy tiny hơn nhưng lại tài giỏi hơn. Bảy anh em bèn tìm xuống để độ tài. Thấy người "ản-eng" bé nhỏ, bảy anh em làm đồ nôi cơm (bằng vỏ trứng gà) của họ. Họ vẫn không nói gì. Thấy có hòn chì bằng quả bưởi mài nhẵn bóng, bảy anh em hỏi: - "Cái này dùng để làm gì?" - "Của bố chúng tôi dùng để luyện tập". - "Luyện tập thế nào?" - "Tung lên tí mây xanh rồi dùng mũi đỡ. May cho các bác là bố chúng tôi hôm nay đi vắng, chứ nếu có nhà chỉ lấy mũi đỡ, văng vào ai kẻ ấy chết ngay". - "Chúng tao cũng làm được". - "Không có tài như bố chúng tôi thì đừng làm mà chết uổng mạng". Nhưng bảy anh em bị mắc mưu lời nói khích của người "ản-eng", hòn chì lần lượt tung lên giáng xuống làm chết tất cả. Sau đó họ hóa làm chim toóc toóc[35].

Người Tây nguyên cũng có truyện *Cây đàn*, ở đây nàng tiên không từ trời xuống mà lại từ dưới đất lên:

Chuột và nhím một hôm đào hang đến nhà người Kinh (Doan) ăn trộm cây đàn. Tiếng đàn gảy lên làm cho một cô gái đêm đêm lên nhảy múa với

chúng. Một hôm chuột giấu áo cô xuống dưới đồng thóc, khiến cô không về được. Chủ của chuột và nhím tên là Sét mê cô gái đẹp, cuối cùng hai người lấy nhau. Được ít lâu người Kinh đi buôn về kiện chuột và nhím ăn trộm đàn, chúng đành phải trả lại. Không có tiếng đàn, cô gái buồn héo đến chết. Nhớ vợ, Sét cây cựa chế ra một cây đàn khác. Tiếng đàn làm cho một cô gái đêm đêm đến nghe trộm, mờ sáng đã về. Một hôm Sét buộc chỉ vào áo cô gái, chờ khi về, lần theo sợi chỉ mới biết cô chui vào mộ vợ mình. Sét gọi to lên, vợ Sét tỉnh dậy và sống lại như xưa[36].

Về hình ảnh người chồng (hay đứa con) đánh rơi cái lược (hay chiếc nhẫn) vào thùng nước của thị tỳ nàng tiên, người Lào có truyện *Đám cưới của Thao Bút-sa-ba* cũng có hình ảnh tương tự, lại kết hợp phần nào với hình ảnh của truyện *Quân tử* (số 162). Đại lược là:

Thao Bút-sa-ba là người trai đẹp, giản dị, lại thường có lòng tốt đối với các giống vật. Đến tuổi lấy vợ, anh đi khắp nơi để tìm một nàng. Một hôm dừng chân ở bờ suối gần hoàng cung gặp một cô gái quảy hai thùng nước - "Gánh nước đi đâu?", anh hỏi. - "Cho công chúa, chủ tôi" - "Cho xin uống được chăng?" - "Được!". Về, cô gái kể lại cho công chúa hay. Trong khi gội đầu thấy một chiếc nhẫn rơi xuống, công chúa bảo cô gái chạy ra bờ suối xem thử người khách lạ đánh rơi nhẫn vô tình hay cố ý. Nếu quả là vô tình thì cứ bảo chàng "về đi hỏi công chúa Keo Pha làm vợ, rồi sẽ được lại nhẫn". Bút-sa-ba đến cầu hôn như lời dặn. Ở đây chàng cũng qua ba cuộc thử thách: 1) nhặt cho đủ số lúa đã đếm trong một thúng đem rắc vào rừng (nhờ sâu và kiến giúp thành công); 2) nhặt số lúa ấy đem ném xuống sông (nhờ cá và thần sông giúp); 3) nhận cho đúng ngón tay của công chúa lẫn trong số ngón tay của nhiều cung nữ thò ra ngoài vách (nhờ có công chúa đeo chiếc nhẫn), chàng thắng lợi[37].

Người Phu-noi ở Thượng Lào có truyện *Công chúa Nân (hoặc Nang) Ma-*

nô-ra gần như là một với truyện của người Miến-điện (Myanmar) đã kể trên:

Nước Út-ta-ra thịnh vượng nhờ một con rái thần giúp. Nó cho vua bốn giếng đầy của cải ở bốn góc hoàng cung. Hoàng hậu lại sinh được hoàng tử đặt tên là Su-đạt-na-ku-ma-ra vốn là Bồ tát giáng sinh. Một ông vua láng giếng ghen tỵ, sai một Bà-la-môn đi giết con rái cá. Nhưng rái cá nhờ một người đi săn giúp đỡ, giết được đạo sĩ. Lại nhờ có dây thừng của rái, người đi săn bắt được chim thần Kin-na-ri tắm ở hồ bằng cách giấu cánh và đuôi. Đó là công chúa Nân Ma-nô-ra, con gái vua núi Cai-lát. Hắn đem dâng hoàng tử làm vợ. Trong lúc hoàng tử bận đi đánh dẹp thì vua cha mộng thấy ruột non lòi ra ngoài. Thầy bói cho biết phải giết mọi thú vật, vùi vào than hồng làm nghi lễ. Nghe lời đại thần, vua còn muốn hy sinh cả cô dâu. Sắp bị bắt thì nàng xin lại được đuôi và cánh, nên lúc vệ binh đến, công chúa đã bay lên trời, không quên trao nhẫn và khăn choàng cho một pháp sư bảo đưa lại cho chồng.

Hoàng tử thắng trận trở về thấy mất vợ, xin phép đi tìm. Nhờ pháp sư chỉ đường, phải khó khăn lắm mới vượt bao hiểm trở để đến nơi vợ ở. Thấy một thị tỳ đội nước về cho công chúa, hoàng tử bỏ nhẫn vào bình và đỡ bình lên đầu cho thị tỳ. Khi thị tỳ đội nước cho công chúa thì nhẫn theo dòng nước lọt vào ngón tay của nàng. Biết là chồng đã đến, nàng báo cho bố mẹ đi đóng phò mã vào hoàng cung. Bố mẹ vợ tiếp đón chàng rể tử tế, nhưng không trả lại vợ. Tức mình, hoàng tử bắn một phát thị uy. Bại trận, vua cho các công chúa ra cho chàng nhận mặt. Họ giống nhau quá làm cho hoàng tử bối rối. Nhờ có thần Đế Thích hóa làm con ruồi vàng đậu vào Nân Ma-nô-ra, nên chàng nhận ra. Hoàng tử ôm vợ vào lòng. Sau đó hoàng tử và vợ trị vì nước Út-ta-ra.

Người Phu-noi và người Lào tin rằng họ là con cháu thần chim Kin-na-ri. Hội lớn được tổ chức tám hay mười năm một lần, trong có điệu múa chim,

có vũ sĩ đeo mặt nạ, khoác cánh và đuôi chim làm bằng tre. Nơi hoàng tử tìm thấy Nân Ma-nô-ra gọi là Phu-pha (ở Phong-sa-lỳ). Hồ mà thần Kin-nari tắm là hồ Nàng Ba cách đây bốn cây số[38].

Người Cham-pa còn có truyện *Công chúa Xa I-nữ*:

Nước Cham-pa có một công chúa đẹp tên là Xa I-nữ bị một ông vua láng giềng bắt làm vợ, nàng sinh một đứa con. Người anh của công chúa là Pô Ca-thít không chịu lên ngôi nếu dân không tìm cách đem em gái mình về. Nhờ thầy bói cho biết chồng công chúa cùng đứa con đi vắng dài ngày, dân bèn cử ra ba người giỏi có mưu mẹo đem theo ba chiếc vòng (hoặc nhẫn) có dấu hiệu vua Cham-pa. Họ đến chực ở bờ giếng hoàng cung mà cung nữ của Xa I-nữ thường đến múc nước. Khi giúp cho người cung nữ bưng vò nước nặng đặt lên đầu, họ lén bỏ vào vò một chiếc vòng. Xa I-nữ rửa mặt thấy chiếc vòng rơi ra, nhận ra dấu hiệu của anh. Lập tức ba người được mời vào, nàng sai làm nhiều bánh nói là tiệc chiêu đãi rồi lén cùng họ xuống thuyền trốn về nước.

Thấy em gái về, Pô Ca-thít bèn lên ngôi. Ông vua mới sai xây thành đắp lũy, đường vào thành có một con đập chắn ngang sông. Lại sai làm một chiếc đò khổng lồ đặt ở cửa đập, trên đó bắc một chiếc cầu máy có thể kéo dây làm cho cầu lật. Chồng Xa I-nữ biết tin vợ trốn, bèn cất quân đi đánh. Dân chúng Cham-pa được lệnh rút vào thành. Quân địch đi qua cầu đều bị rơi vào chiếc đò khổng lồ. Thất bại, chồng Xa I-nữ bèn giả dạng một người hành khất dắt con đến đầu cầu, xin với người lính gác vào thành - "Đợi ta vào trình với công chúa đã". Nghe người lính gác kể, Xa I-nữ đoán là chồng và con. Bèn ra lệnh chỉ cho con vào, còn với chồng thì nàng sai đưa cơm cho ăn. Chồng ăn xong nàng lại sai người đưa tới đập nước. Thấy cửa đập mở, nước chảy ào ào vào một cái đò khổng lồ, chồng Xa I-nữ chợt hiểu nguyên nhân thất bại, liền đi một mạch về nước, không dám trở lại tìm vợ con nữa[39].

-
- [1] Theo lời kể của người Hà-tĩnh, Bắc-ninh.
- [2] Theo Lang-đờ (Landes), sách đã dẫn.
- [3] Câu này người Vĩnh-phú kể là: “*Ăn thì ăn cót lúa dé (ré) đừng ngó nghé đến cót lúa chiêm*”.
- [4] *Bản khai thông Chích-đích, xã Mỹ-lợi.*
- [5] Theo Lưu Văn Thuận, Phạm Văn Phương. *Truyện cổ tích*, đã dẫn.
- [6] Theo *Truyện cổ các dân tộc thiểu số miền Nam*, tập II.
- [7] Bồ Thuận và Nguyễn Khắc Ngữ: *Tại sao người Chăm Ba-ni kiêng thịt heo*
- [8] Bồ Thuận và Nguyễn Khắc Ngữ: *Tại sao người Chăm Ba-ni kiêng thịt heo và thịt [kỳ] không? Văn hóa nguyệt san số 53 (1960)*
- [9] Theo *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập II, đã dẫn.
- [10] Theo *Truyện cổ Ca-tu*.
- [11] Theo *Truyện cổ Ca-tu*.
- [12] Theo *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*, tập IV.
- [13] Theo *Truyện cổ Ba-na*, tập II.
- [14] Theo Mai Văn Tấn, sách đã dẫn.
- [15] Theo *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*, tập IV, sách đã dẫn.
- [16] Theo *Truyện cổ Việt-bắc*, tập II, đã dẫn.
- [17] Theo Lê Trọng Hàm. *Minh đô sử; Sê-ông (Chéon). Sưu tập những bài mới*.
- [18] Theo *Nàng Át Kao và Truyện cổ Việt-bắc*, tập I, đã dẫn. Trong *Truyện cổ Dao* thì người kể chia làm hai truyện (1. Người chồng hóa nai; 2. Trộm

áo nàng tiên) tuy có nhiều tình tiết mới, nhưng sự tiến triển của truyện có chỗ không được lô-gích.

[19] Theo Vũ Ngọc Phan. *Truyện cổ Việt-nam*.

[20] Theo Đờ-jor-jơ (Degeorge), báo đã dẫn

[21] Theo lời kể của đồng bào Mường ở Hòa-bình.

[22] Theo *Bản khai sách Hữu-lập, sách Vĩnh-lại và sách Nhiêu-hợp*, tập I.

[23] Theo *Truyện cổ Thái*, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà-nội, 1980.

[24] Theo *Truyện dân gian Trung-quốc*

[25] Theo Doãn Thanh, Thương Nguyễn, Hoàng Thao. *Truyện cổ dân tộc Mèo*.

[26] Theo *Truyện cổ Việt-bắc*, tập II, đã dẫn.

[27] Theo Su-át (Chouate). *Huyền thoại và truyền thuyết thổ dân ở đảo TânHê bờ-rít (Nouvelle Hébride) châu Úc (Australie)*, tạp chí *Nhân loại* tập VII (1912). Một dị bản kể như sau: Một bọn người có cánh đến tắm ở sông Oa-tun (Watun) trong đó cũng có người đàn bà có con bé. Cánh của nàng cũng bị một người đàn ông lấy trộm và nàng đành làm vợ anh. Một hôm hai người cãi nhau, chồng quát: - “Chúng mày ở đâu thì xéo đi!” Vợ khóc, nước mắt cũng làm xói đất, làm lộ bộ cánh giấu dưới đó. Vợ nhân lúc chồng vắng nhà bế con bay đi. Chồng về hỏi vợ cả, vợ cả không biết. Như truyện trên, anh trèo lên núi đá Mut bắn tên lên trời, tên trúng vào cây đa gần nhà người đàn bà. Các mũi tên sau cũng tiếp tục cắm vào đuôi nhau, anh lấy rễ cây đa cho bắt vào mũi tên cuối cùng, rễ cũng bò đến cành đa trên trời. Anh ta leo lên, mang theo một thúng quả cây. Đến nơi thấy con chơi ở khe, từ trên cây anh ném xuống các thứ quả. Mỗi lần nhặt được, đứa bé mang về cho mẹ. Mẹ nó kêu lên: - “Ồ, đây là loại quả mà chúng ta ăn ở dưới kia!” Lần thứ ba, mẹ nó chạy ra nhìn lên cây thấy chồng: - “Làm sao đến được đây?” - “Tao đi theo một con đường riêng”. - “Tìm ai?” - “Tìm mày về” - “Tao không muốn”. Nhưng người đàn ông cố ép. Người đàn bà buộc phải bế con đi theo và nửa đường nàng cũng chặt đứt rễ đa sau lưng anh chồng - “Mày làm gì thế?” - chồng hỏi, - “Rễ cây đã chặt, mày về làng mày, còn tao về làng tao”. (Theo Tát-tơ-vin (Tattevi), *Huyền thoại và truyền thuyết ở phía Nam đảo Păng-tơ-cốt*, tạp chí *Nhân loại*, tập XXVII,

1931)

[28] Theo một số báo *Hội [nghiên cứu] Á châu của Băng-gan* (1839).

[29] Phần nhiều các truyện trên đều theo Cô-xcanh (Cosquin), *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren*, tập II.

[30] Theo *Báo châu Á* (1886). Đoạn đầu truyện tương tự với cuộc hành trình lần thứ năm truyện nhà hàng hải Sinh Bá trong *Nghìn lẻ một đêm*.

[31] Truyện của người Ý (Italia), Tây-ban-nha (Espana), Bồ-đào-nha (Portugal) có phần tương tự với truyện trên:

Một chàng trẻ tuổi hay cờ bạc, một hôm đi chơi đến một nơi, vào một quán đánh bạc. Chủ quán vốn là tay phù thủy nên cuối cùng anh bị lột sạch túi. Anh lại đem thân ra đánh, giao hẹn nếu thua thì một năm sau sẽ đến chuộc. Lại thua nữa. Đến hẹn không có tiền chuộc, phải đi gán thân, dọc đường gặp tượng thánh Ăng-toan, anh bèn cầu nguyện. Thánh hóa thành một thầy tu gặp anh, bày cho cách tự cứu là đến một cầu nợ sẽ thấy ba con chim bồ câu trắng, chim sẽ bỏ bộ lông trên bờ biển thành con gái xuống tắm. Hãy lấy bộ lông của cô trẻ nhất giấu đi, và nhờ cô ấy có thể chuộc được thân. Anh làm theo lời, cô gái bị mất bộ lông tìm đến xin trả. Anh đặt điều kiện giúp mình giải quyết món nợ. Cô nói rằng người phù thủy ấy là bố mình. Bèn dẫn về. Phù thủy cũng giao ba việc, làm xong sẽ xóa nợ. Nhờ cô giúp nên chẳng những sạch nợ mà còn lấy được cô làm vợ, v.v...

[32] Phần nhiều các truyện trên đều theo Cô-xcanh (E-Cosquin), sách đã dẫn.

[33] Theo Phu-ji-ta (Phujita), *Truyền thuyết Nhật-bản*.

[34] Theo Pê-rê (Péret): *Tuyển tập thần thoại, truyền thuyết và truyện cổ tích dân gian châu Mỹ*.

[35] Theo *Chàng xà trị hổ ác*.

[36] Theo Tạ Minh Hội và Đào Tử Chí, *Lấy vợ tiên*.

[37] Theo Gu-in-nô (Gouineau), báo đã dẫn. Truyện *Hoàng tử Thụy-đan* cũng kể y như trên, duy ngón tay của công chúa không phải đeo nhẫn mà là giặt một hạt kê ở kẽ móng tay (theo Bu-sô (Bouchor)). *Truyện cổ tích kể theo truyền thống Đông phương*.

[38] Theo *Văn hóa nguyệt san*, số 29 (1958).

[39] Theo *BEFEO*, tập V (1905).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
183. BỐN NGƯỜI BẠN

Xưa có bốn người bạn, mỗi người quê quán một phương. Vì thưở trẻ cùng học với nhau một thầy nên họ có dịp sống chung lâu ngày, rồi dần dần trở nên những người bạn nối khố. Về sau lớn lên họ lại từ giã thầy, mỗi người làm ăn một ngả. Trong số bốn người ấy, chỉ có Giáp làm chủ một tư cơ đồ sộ, mỗi ngày một giàu đến nứt đố đổ vách, còn ba người kia thì nghèo rớt mùng tơi. Nhưng Giáp lại là một người thâm hiểm và hiếu sắc. Tuy giàu có sung sướng, trong lòng Giáp vẫn cảm thấy phiền muộn, vì hắn lấy phải một người vợ tuy mang về nhiều của nả nhưng bề nhan sắc lại chẳng ra gì. Ngày còn đi học được trông thấy người vợ của Ất - một trong ba người bạn - xinh đẹp dễ coi, hắn đâm ra ganh tỵ với bạn. Hắn suy nghĩ rất nhiều về người đàn bà này và ao ước có ngày chiếm được người ngọc vào tay mới thỏa dạ.

Một hôm nhân có Ất đến chơi nhà. Giáp đon đả bảo bạn:

- Bác bảo bác nghèo túng sao bác không ném sách đi buôn một phen?

Ất lắc đầu:

- Đi buôn thì phải có vốn. Vốn đâu dư dật ở tôi mà buôn với bán.

Giáp bèn đặt ra trước mặt Ất một trăm quan tiền mà rằng:

- Chỗ bạn bè, tôi vui lòng cho bác vay số tiền này làm vốn mở đầu. Tôi sẽ mách bác một người tôi quen, bác có thể buôn chung với họ một ít lâu cho

thạo nghề. Chỉ mong rằng khi tiền trăm bạc ngàn tuôn về nhà bác thì bác đừng có quên tôi và số tiền nhỏ mọn này là đủ.

Không ngờ bạn lại quá tốt bụng với mình như thế, Ất bối rối cảm tạ và giơ tay lên trời một hai thề bồi rằng mình sẽ suốt đời không quên ân nhân. Cuối cùng Ất mang tiền về, tìm đến nhà người lái buôn theo lời Giáp mách, lo làm ăn một phen xem thử ra sao.

Sau khi biết Ất vắng nhà, Giáp mới bắt đầu thi hành mưu kế. Một hôm, nhân lúc người vợ tắm cáng đang ngủ say, hắn ta bóp cổ giết chết, rồi cắt lấy đầu giấu dưới một cốt thóc. Đoạn, Giáp đến nhà Ất dùng lời nói khéo mời vợ Ất đến nhà mình. Hắn bảo:

- Anh ấy trước khi đi buôn có gửi tiền cho nhà tôi, bảo chị tới nhận nhưng dặn đừng cho ai biết cả, kéo bọn chủ nợ hay được thì chúng không để cho chị tiêu đâu!

Người đàn bà nợ vốn được nghe chồng ca ngợi về lòng tốt của Giáp. Và đang cơ túng thiếu, nên nghe nói thế thì không mấy may nghi ngờ, bèn theo hắn sang nhà. Khi đưa được vợ Ất về nhà, Giáp đem tiền của và lời nói ngọt hết sức dỗ dành, nhưng không ngờ người đàn bà ấy lại một lòng một dạ với chồng, thà chịu chết chứ không chịu nhục. Cuối cùng hắn đành phải giam nàng trong một buồng kín khóa lại. Hắn dặn đứa đầy tớ gái của mình phải trông chừng và hàng ngày đưa cơm nước cho vợ Ất, hy vọng ngày một ngày hai sẽ ép được nàng thuận chung sống với mình. Rồi đó, nhân đêm tối hắn lại lén đem xác vợ mình ném vào nhà Ất. Hắn còn lo đứa đầy tớ gái sẽ phanh phui chuyện kín của hắn, nên bắt nàng uống một liều thuốc mua được của một người khách buôn nước ngoài. Uống xong cô gái tự nhiên rụt lưỡi, miệng ú ớ nói không thành tiếng.

*

* *

Lại nói chuyện Ất, sau chuyến buôn đầu tiên được chia một phần tiền lãi, hí hửng định mang về khoe với vợ. Anh không còn hồn vía nào nữa khi thấy vợ mình chỉ còn là một cái thây lả lổ không đầu, thịt đã muốn rữa. Chưa kịp than khóc thì tuần trăng đã ập vào nhà, gong cổ lại, và giải lên quan. Ất một hai kêu oan, nhưng anh không có cách gì giải được mối nghi ngờ của đám nha lại. Sau những ngày tra khảo, không chịu được kìm nóng kìm nguội, Ất đành phải nhận liều. Bọn quan huyện cũng như quan tỉnh đều nhất tề khép Ất vào tội giết vợ. Cái án ấy cuối cùng được bộ y. Ất bị tổng giam chỉ còn đợi ngày ra pháp trường.

Ngày ấy có lệ những tội nhân bị án tử hình nộp vào kho công một ngàn quan và có người bảo lãnh thì có thể chuộc được tội chết. Vì thế khi Ất bị giam, bà mẹ Ất chạy vay khắp nơi để vay mượn và để cầu thập phương bố thí. Thân thích xóm làng cũng như khách qua đường khi nghe kể chuyện, ai nấy đều thương hại cho con bà gặp phải cảnh ngộ không may. Họ vui lòng giúp kẻ ít người nhiều. Mặc dầu vậy mẹ Ất cũng không sao có đủ một số tiền quá lớn ngay trong một thời gian ngắn ngủi được.

Hai người bạn khác của Ất một người là Bính, một người là Đình, nghe tin Ất bị nạn, vội vã tìm đến nhà ngục thăm hỏi. Sau đó họ gặp người mẹ của Ất đang đứng ở ngã tư đường cái nước mắt giàn giụa cầu khẩn lòng thương của kẻ qua người lại, hy vọng có đủ số tiền chuộc mạng cho con. Nghe mẹ Ất kể chuyện, Bính và Đình sức nhớ tới Giáp là người giàu có, lại vừa là bạn cũ của Ất, có thể vì tình bạn bè giúp đỡ nhau trong cơn hoạn nạn. Nghĩ

vậy họ bèn an ủi mẹ Ất và hứa sẽ làm hết sức mình để cứu bạn khỏi cái chết oan khốc.

Khi Bính và Đình tới nhà Giáp, họ kể lể mọi việc xảy ra tại nhà Ất: nào bao nhiêu tai họa từ đâu bay tới quàng vào cổ, nào tình cảnh mẹ già đang ngày ngày dầm mưa dãi nắng cầu khẩn lòng tốt của khách qua đường... Cuối cùng, hai người ngỏ ý:

- Hiện nay nếu đem số tiền thân thích xóm giềng và khách thập phương cho vay và quyên góp cộng với số tiền bán gia tư điền sản của chúng tôi thì may lắm cũng chỉ được độ năm trăm quan. Còn năm trăm quan nữa không biết làm thế nào, chúng tôi đành lại đây kêu gọi tình bạn của anh. Anh chỉ gảy móng tay một cái là có thừa số tiền đó. Hãy cứu lấy tính mạng người bạn thân của chúng ta đang bị oan uổng tày trời. Đó là bốn phận của anh cũng như của chúng tôi.

Nhưng hai người đâu có ngờ rằng trong thâm tâm Giáp chỉ mong cho Ất chết, có thể mọi việc của hắn mới mong trôi chảy. Câu trả lời của Giáp làm họ quá đổi ngạc nhiên và thất vọng:

- Ai dám chắc anh ấy lại không là thủ phạm. Xem việc anh ấy quyết tôi một trăm quan tiền thì biết. Anh ấy cầu khẩn vay tiền nói là đi buôn, tôi sẵn lòng cho anh ấy vay, nhưng mấy lần đi đòi, chẳng thấy trả được một đồng nào. Sát nhân giả tử. Anh ấy giết vợ thì trời sẽ hại, dù chúng ta cố hết sức cứu cũng không thoát. Tôi không dư tiền dư bạc để làm cái việc mua ơn như vậy đâu!

Thấy không thể lay chuyển lòng dạ của Giáp, Bính và Đình bèn quyết định hy sinh thân mình để cứu bạn. Họ bèn lên quan nói rằng vì thấy vợ Ất quá đẹp nên hai người thừa dịp Ất đi vắng đến bắt để hãm hiếp; xong cuộc, sợ

nàng tố cáo bèn giết đi, chặt lấy đầu vứt xuống sông cho mất tích. Nay cả hai người hết sức hối hận, biết rằng thế nào cũng có ngày bại lộ nên ra thú trước để may chi nhờ lượng trên khoan giảm.

Quan nghe chuyện, lập tức sai giam Bính và Đình lại mà tha bổng cho Ất. Án của hai người không mấy chốc mà thành. Họ bị tội lăng trì từng xẻo và bêu thây, nhưng vì "tiên năng tự thú" nên chỉ làm án chém. Và ngày giải ra pháp trường đã đến.

Nhưng khi đao phủ sắp sửa khai đao thì người ta bỗng thấy một cô gái cổ len khỏi vòng người chặt ních, tất tả chạy đến trước mặt quan. Hai tay cô ta chỉ chỉ trỏ trỏ, miệng nói ú ớ, làm dấu hiệu ngăn cản. Quan lấy làm lạ, nghĩ rằng người này hẳn có biết ít nhiều uẩn khúc chi đây, nên vội hạ lệnh cho đao phủ ngừng tay, giải tội nhân trở về nhà giam để đợi tra cứu.

Về đến công đường, quan sai tìm thầy thuốc cắt cho người con gái nọ một chén thuốc chữa tật câm. Chén thuốc rất hiệu nghiệm, cô gái vừa uống đã lần lần nói được: đó là người đầy tớ gái nhà Giáp. Và cô ta đã kể lại rành mạch những hành động của chủ mình cho mọi người hay.

Vụ án nhờ thế được sáng tỏ. Quân lính được lệnh kéo ngay đến nhà Giáp mở cửa buồng trả vợ Ất về với chồng. Đồng thời, quan sai đóng gong Giáp lại, điệu vào nhà lao nhận lấy cái án tử hình, thay cho Bính và Đình. Nghĩ tình bạn bè, hai người này cố sức trình bày với quan để Giáp được khỏi chết với số tiền chuộc tội một ngàn quan. Cuối cùng Giáp cũng tạm được miễn tội. Nhưng khi tội nhân vừa được tháo gông bước ra khỏi công đường thì bỗng dưng một tiếng sét nổ ran giữa trời quang mây tạnh; thần sét đã nhảy xuống thành linh đánh hấn chết tươi. Và khi người ta khiêng xác Giáp về dọc đường thì một con hổ từ đâu trong bụi cây nhảy ra vồ lấy xác mang đi mất tích [1].

KHẢO DỊ

Người Căm-pu-chia có một truyện có một số tình tiết giống với truyện trên. Đây là một trong mười hai truyện phân xử của đức Bồ tát (vua):

Một người đàn bà đẹp đã có chồng, một hôm đi tắm. Có một anh chàng cứ đứng ngắm mãi không rời. Người đàn bà bảo hăn cắt đi, hăn vẫn không nghe, đòi phải được ăn nằm mới chịu. Cuối cùng cô nàng nhẹ dạ đành để cho hăn thỏa mãn, nhưng xong việc, hăn vẫn không chịu về, đòi phải lấy nhau mới chịu. - "Được chúng ta sẽ tìm cách". Người đàn bà hứa như vậy. Đến đây tình tiết phát triển theo chiều hướng gần giống với tình tiết trong truyện của ta. Khi thấy một cái thây phụ nữ chết trôi, hai người bèn bí mật mang về, nhằm khi chồng người đàn bà ngủ say, lén đặt vào giường rồi cùng dắt nhau đi trốn sau khi đã cho một mối lửa vào nhà. Người chồng tỉnh dậy hốt hoảng chỉ còn thoát lấy thân. Khi lửa tàn, thấy xác chết, yên trí rằng vợ mình ngủ quên đã bị chết cháy, bèn đem chôn cất.

Sau đó một thời gian, người chồng cũ đi buôn, một hôm gặp lại vợ. Một cuộc tranh cãi nổ ra giữa hai người đàn ông. Việc đưa lên vua. Vua phải phân xử, chỉ sai người khiêng ra một cái trống lớn, trước hết bắt người đàn bà với người chồng cũ phải khiêng cái trống đi khắp các nẻo đường từ sáng đến chiều. Hai người không nói gì với nhau. Hôm sau, vua lại bắt khiêng cái trống như hôm qua, nhưng lần này kẻ phải khiêng là người đàn bà với người chồng mới. Dọc đường, người đàn bà nói: - "Nếu tao chung thủy với

chồng thì đâu có khổ như thế này". Người kia đáp: - "Thôi chịu vậy, đừng nói mà người ta biết". - "Sao lại không nói, mà chỉ gánh có một lần, còn tao phải gánh hai lần nặng gầy cả vai!" Họ không ngờ vua đã bố trí sẵn một người nằm trong trống. Người này kể lại cho vua nghe. Vua sai đem bán người vợ và người chồng mới cho người ta làm nô tỳ, được bao nhiêu tiền trao tất cả cho người chồng cũ. Ấy là vua đã xử xong [2].

-
- [1] Theo Lãng-đơ (Landes), sách đã dẫn.
[2] Theo *BSEI* (1886).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
184. NGƯỜI CUỐI MA

Ngày xưa có một anh đồ họ Lê, nhà nghèo khó phải bỏ đi khắp nơi làm nghề gõ đầu trẻ. Về sau, anh được phú ông một làng nọ đón về "ngồi" ở nhà để cho con khỏi phải đi học xa. Phú ông có một cô con gái chưa chồng. Từ ngày có anh đồ đến ở nhà mình cô gái đâm ra phải lòng chàng trẻ tuổi. Thấy cô gái thực bụng yêu mình, anh đồ cũng yêu lại một cách thắm thiết. Hai bên từng chỉ non thề biển quyết sống với nhau đến đầu bạc răng long.

Nhưng khi bố mẹ anh đồ mang trầu rượu tới dạm cô gái cho con, thì phú ông nhất quyết không chịu. Không những thế, sợ để thầy đồ "ngồi" tại nhà mình lâu ngày sẽ không có lợi, nên hết năm đó, lấy cớ là con lên tỉnh học với cụ Cử chỗ bà con, phú ông mời thầy dọn đi chỗ khác. Thấy mối tình bị chia rẽ cô gái phú ông lòng đau như cắt, nhưng vì e thẹn, cô không dám bày tỏ cho một ai biết, chỉ mình tự khóc với mình mà thôi. Xa người yêu, cô sinh ra tương tư, lâu dần sâu não thành bệnh. Mặc dầu thuốc thang chăm sóc cũng nhiều, bệnh cứ mỗi ngày một nặng, chẳng bao lâu nụ hoa mơn mớn đã sớm lìa cành.

Thương tiếc con gái, vợ chồng phú ông tỏ ý hối hận. Họ bỏ tiền ra làm ma chay rất hậu. Người ta bỏ vào áo quan tất cả những vật kỷ niệm của nàng. Để tưởng nhớ lâu dài, người ta đập tấm gương soi của nàng làm hai mảnh: một mảnh bỏ vào áo quan còn một mảnh đem đặt ở giường thờ.

Lại nói chuyện anh đồ họ Lê, từ khi bị phú ông từ chối và cấm cửa, cũng

đau xót không kém gì cô gái. Nhưng vì sinh kế, anh phải bỏ đi dạy học ở một tỉnh xa. Tuy vậy, anh vẫn không quên theo dõi tin tức của người yêu. Khi biết nàng đã sâu não mà chết, lòng anh thương tiếc không lúc nào nguôi. Từ đấy anh quyết định ở vậy cho đến già, khước từ tất cả mọi đám do bà con mối manh hoặc tìm giúp.

Ba năm trôi qua.

Một hôm vào dịp cuối năm, anh đồ khăn gói trở về quê hương. Đường đi phải qua làng người yêu, nhưng vừa bước chân đến đây thì trời đã tối. Bỗng trời nổi lên một cơn giông, gió bụi mù mịt. Đang đi đường thấy sắp sửa mưa to, anh đồ lật đật chạy tìm một nơi trú ẩn. Chạy quá mấy lùm cây thì may sao anh nhìn thấy xa xa le lói có ánh đèn. Anh vội băng đồng tìm tới. Khi đứng trước một ngôi nhà nhỏ, anh kêu cửa xin vào trọ. Cửa vừa mở, một cô gái cầm đèn bước ra. Anh hết sức ngạc nhiên vì người ấy không phải ai xa lạ, mà chính là người yêu của mình ngày xưa. Anh kêu lên:

- Ôi! Người hay là ma đây? Nghe người ta đồn là nàng đã chết rồi kia mà? Tại sao bây giờ lại ở đây?

- Thiếp chưa chết đâu. Cô gái tươi cười đáp. Nếu chết rồi thì làm sao còn đứng đây nói chuyện được với chàng. Mấy năm nay, thiếp hàng ngày tựa cửa đợi chàng. Hôm nay được gặp lại nhau, thiếp vui mừng biết mấy. Mời chàng vào đi kéo mưa.

- Nhà có ai không? Nàng ở với ai thế?

- Ở với người cô. Ở đây đôi ta có thể được tự do. Không một ai quấy nhiễu ngăn cản chúng mình cả.

Nghe lời nàng nói, chàng họ Lê có vẻ ngờ vực. Anh rụt rè bước vào.

Trong nhà bày biện có vẻ khác với ngôi nhà ngày xưa anh ngồi dạy học, nhưng anh không tiện nói. Nhà vắng vẻ chỉ có một bà cô hom hem và nặng tai. Nhưng chỉ trong một chốc, cô gái đã gọi tới năm bảy người có cả đàn

ông và đàn bà. Họ vật lợn, giã giò, đồ xôi, gói bánh, khiêng bàn dọn ghế rất tấp nập. Anh hỏi cô gái khi cô gái lại ngồi bên cạnh:

- Giết lợn đồ xôi làm gì vậy?

- Để làm lễ cưới chúng ta đấy! Sao chàng hiểu chậm thế!

- Không có bố mẹ họ hàng hai bên dự sao?

- Có chứ. Có cô ruột. Có ông bà nội. Nhưng cũng phải làm giầu giếm một tý. Nếu có bố mẹ thì chàng chẳng lấy được thiếp đâu. Vả, còn có xóm làng quanh đây đến chứng kiến cho đôi ta.

Cô gái thấy anh có vẻ bờ ngõ, liền dắt anh vào buồng. Trong buồng bài trí rất đẹp. Cô gái lấy ra tất cả những vật kỷ niệm hồi còn trẻ trong đã có chiếc lược anh đồ họ Lê tặng mình ngày trước, cho anh xem.

Nhìn thấy chiếc lược sừng cũ, anh đồ cảm thấy yên tâm hơn. Anh rụt rè sờ thử vào người cô gái. Thấy nàng vẫn xinh xắn mềm mại như ngày xưa, mọi ngờ vực của anh đồ bỗng trút đi đâu mất sạch. Chỉ trong một chốc, cỗ bàn đã bày xong. Khách đến dự khá đông, có cả ông bà nội cô gái, bà cô lúc này và nhiều ông già bà lão khăn áo đều đẹp để chỉnh tề. Người ta mời hai anh chị vào trước bàn thờ làm lễ. Mùi hương trầm sức nước. Một ông cụ khăn vái hồi lâu rồi cuối cùng quay ra chúc cho hai anh chị "bách niên giai lão". Chàng họ Lê thấy cô gái đứng trước ánh đèn, gò má đỏ lên vì có vẻ thẹn thò.

Sau đó họ ngồi vào mâm. Hai vợ chồng được ngồi riêng một mâm ở trong buồng. Cô gái ăn nhỏ nhẹ, nhưng anh đồ bụng đói sẵn nên cảm thấy ngon miệng. Phía ngoài, tiếng đĩa bát chạm nhau và tiếng chuyện trò râm ran. Cuối cùng cảnh vật lại chìm vào vắng lặng như lúc mới đến.

Hai người cùng nằm lên giường tỉ tê trò chuyện. Anh đồ chưa bao giờ thấy sung sướng và thoải mái đến thế. Anh đọc những vần thơ tả nỗi nhớ nhung sâu muộn từ ngày cách biệt cho vợ nghe. Cô gái hỏi anh: - "Thế là chúng ta đã thành vợ chồng, thỏa lời nguyện ước, chàng có vui sướng không?" - "Có - chàng đáp - Nhưng giá được phép bố mẹ thì còn vui sướng gấp bội". - "Thế ngộ nhờ có việc gì liệu chàng có còn thương đến thiếp không?" - "Thương" - "Thương nhiều hay thương ít?" - "Thương mãi mãi" - "Thiếp chết rồi, chàng còn thương nữa chăng?" - "Dù có thế nào, vẫn thương hết mức".

Rồi đó sau cuộc ân ái, anh đồ lăn ra ngủ say.

Đến sáng mai, khi anh bừng mắt tỉnh dậy thì không thấy cô gái và nhà cửa ở đâu cả, chỉ thấy mình nằm trên một ngôi mộ xây rất đẹp. Anh mới biết rằng tối hôm qua mình mới lạc vào làng ma và được gặp người yêu. Anh chỉ lấy làm lạ rằng bụng mình vẫn còn no, mũi vẫn còn phảng phất mùi hương trầm.

*

* *

Sau những ngày nghỉ ngơi ở quê nhà, anh đồ họ Lê lại trẩy vào mấy tỉnh đường trong để trở lại với công việc dạy học. Một năm nữa lại trôi qua một cách chóng vánh. Năm ấy tết đến, vì ma bệnh giày vò, anh không về được. Khi lành bệnh anh lại tiếp tục dạy học cho đến tháng Năm. Một hôm anh đồ họ Lê bỗng cảm thấy lòng xao xuyến nhớ người yêu khôn tả. Hồi tưởng lại cái đêm năm xưa, anh tha thiết muốn được gặp lại nàng một lần nữa, dù

có thể nào cũng cam lòng. Anh bèn sửa soạn khăn gói từ giã đám học trò để trở về thăm quê. Qua làng của người yêu, anh không ngờ chân anh tự nhiên đưa anh bước theo lối cũ tới đúng vào cái nơi anh từng dự lễ thành hôn với người mình yêu dấu, và lần này cũng đúng vào lúc đêm hôm khuya khoắt như hôm nào. Gõ cửa, anh lại thấy người yêu ra mở cửa. Nhưng trong tay nàng giờ đây còn có một đứa bé chừng bảy tám tháng. Nàng trách chàng:

- Sao chàng đến muộn thế? Thiếp giận lắm đấy!
- Con ai thế này? Anh đồn họ Lê hỏi.
- Con chàng chứ còn con ai. Đây thử nhìn xem, nó giống chàng như đúc.

Hai người dắt nhau vào dưới ánh đèn. Anh đồ liếc nhìn thấy vợ có phần xinh hơn trước, tuy rằng nước da hơi xanh. Thằng bé trong tay nàng bụ bẫm và có vẻ khôi ngô. Nàng nhìn anh cười:

- Sau này chàng nhớ dạy cho nó học. Nó sẽ làm hơn cả bố đấy!

Sau khi ăn cơm xong, hai người lại lên giường. Nhưng lần này vợ bảo chồng:

- Hai chúng ta đã kết nghĩa vợ chồng, thật là thỏa tấm lòng mong ước. Nhưng thú thật với chàng: thiếp vốn là người ở côi âm, còn chàng là người dương thế, không thể sum họp với nhau lâu dài. Nay chúng ta đã có một đứa con. Xin giao lại để chàng đưa nó về nuôi.

Thấy chồng có vẻ ngần ngại, vợ lấy trong hòm ra một mảnh gương vỡ trao cho và nói:

- Chàng đừng lo phải bận bịu vất vả về việc nuôi con. Bố mẹ thiếp từ ngày thiếp mất đi đã biết hối hận. Vậy chàng cứ tìm đến nhà bố mẹ thiếp mà ở, thế nào ông bà cũng không tuyệt tình với cháu ngoại đâu. Chàng đừng lo ngại gì cả. Với lại, chàng giữ lấy mảnh gương này, khi con khóc đưa ra cho nó soi, tự khắc nó nín.

Tình tự ân ái suốt đêm, anh đồ lại ngủ quên. Sáng dậy, cũng như lần trước,

mọi cảnh vật lẫn người yêu đều biến mất cả. Nhưng lần này trên ngôi mộ ngoài anh ra còn có một đứa bé con với mảnh gương soi đã vỡ.

Nhớ lời dặn của vợ, anh đồ họ Lê bế con tìm vào nhà phú ông. Sợ vợ chồng phú ông không nhận, anh chỉ xin họ cho ở nhờ để mở một lớp dạy học trò. Nhưng anh không ngờ vợ chồng phú ông lần này tiếp đãi mình rất tử tế và sốt sắng nhận lời. Lại nhờ có phú ông giúp đỡ, trường học của anh ngày một đông học trò. Từ đấy, anh đỡ vất vả hơn trước. Đứa con của thầy đồ cũng được gia đình nhà chủ nuôi nấng chăm sóc mà không tính công.

Nhưng mỗi khi thằng bé khóc nư thì không một người nào có thể làm cho nó nín được: dỗ dành cũng như dọa nạt đều chỉ phí công. Chỉ có đưa cho bố nó bế thì bao giờ nó cũng nín ngay. Một hôm phú ông để ý rình xem tại sao thầy đồ lại có cách dỗ con tài tình như vậy. Khi trông thấy mảnh gương vỡ trong tay thầy đồ, phú ông vội kêu lên, ngỡ là thầy đã tự tiện lấy trộm mảnh gương vỡ bày trên bàn thờ con gái.

Anh chàng họ Lê phải hết sức biện bạch cho mọi người hiểu rằng đó là vật kỷ niệm của vợ để lại, chẳng phải là trộm cắp của ai. Phú ông vào lục tìm ở bàn thờ thì thấy mảnh gương của con mình vẫn còn. Và cả nhà rất lấy làm ngạc nhiên khi đưa cả hai mảnh ra so thì vừa như in, những đường vỡ của hai bên khớp nhau một cách kỳ lạ. Nhưng sự ngạc nhiên càng tăng lên gấp bội khi họ thấy cả hai mảnh gương bỗng nhiên dính liền với nhau làm một.

Anh đồ họ Lê đành phải thuật lại sự tình cho vợ chồng phú ông nghe. Từ đây vợ chồng phú ông nhận anh là rể và nhận con anh là cháu ngoại. Anh ở

vậy nuôi con, không lấy vợ khác. Đứa con anh về sau học giỏi, thi đỗ làm quan đúng như lời mẹ nó báo trước[1].

KHẢO DỊ

Một truyện Người cưới ma khác, cũng do người Hà-tĩnh kể, không giống truyện trên nhưng phần nào lại có sử dụng một số hình ảnh của truyện Hồn Trương Ba, da hàng thịt:

Xưa, có một anh chàng thư sinh học giỏi nhà nghèo. Nghe tin vua mở khoa thi, anh sắm sửa hành trang lên đường tiến kinh.

Một thầy bói gặp dọc đường cho biết là anh phải lấy một người vợ ma, nó sẽ giúp anh qua nhiều cơn hiểm nghèo, nếu không thì chẳng đỗ đạt gì, mà còn có thể chết. Nghe nói, anh không tin, cứ tiếp tục cuộc hành trình. Không ngờ chiều hôm đó trời mưa đường vắng, như truyện trên, để tìm một nơi nghỉ trọ, anh đi mãi, càng đi càng lạc. Cuối cùng theo ánh đèn, anh đến một ngôi nhà, gọi cửa, một người con gái xinh đẹp bước ra đón vào, cho biết là bố mẹ còn bận đi ăn giỗ, chỉ có một mình ở nhà. Không tiện đi đâu nữa, anh xin ở lại, giờ cơm gói ra ăn rồi vì mệt nên ngủ quên. Khuya tỉnh dậy, anh trò chuyện với cô gái, mới hay tên là Ba, họ Trương, có theo đòi bút nghiên, vì mấy năm mùa màng thất bát nên đến đây mở quán bán hàng. Hai người làm thơ xướng họa, rồi đi đến chỉ non thề biển hẹn sẽ lấy nhau. Tờ mờ sáng, hai bên từ biệt, cô gái dặn: - "Dù đỗ hay hỏng, chàng cứ trở lại đây, đừng quên nhé". Đi được một đoạn đường, sức nhớ mình bỏ quên con dao, vật kỷ niệm của bố mẹ, anh trở lại kiếm nhà mãi không thấy mà chỉ thấy một ngôi mộ trên có con dao của mình, mới biết là đã gặp ma.

Kỳ thi ấy, anh đỗ hội nguyên. Vinh quy về làng, khi sắp sửa qua chỗ cũ, anh ra lệnh cho đoàn võng lọng rẽ sang lối khác. Bỗng có tiếng cô gái lọt vào tai anh: - "Chàng quên lời thề hôm trước rồi sao? Nếu cố tình trốn tránh hẳn sẽ gặp chuyện chẳng lành". Hoảng sợ, anh bèn cho đoàn mang cờ biển về trước, còn mình thì lần đến chỗ gặp gỡ cũ. Sau khi tình tự, cô gái bảo anh hãy cứ về quê mười ngày nữa lại tới để tính chuyện kết hôn. Anh hỏi lý do, cô gái cho biết sự thực: - "Thiếp vốn là con gái chết oan vì thầy lang cho uống nhầm thuốc. Nhưng thiếp đã có cách tái sinh bằng việc nhập hồn vào xác một người khác. Sau khi chết, thiếp đã báo mộng cho bố mẹ mình hay rằng một ngày kia thiếp sẽ trở về chẳng phải một mình mà còn có cả chồng nữa. Thấy bố mẹ thiếp tỏ ý không tin, thiếp bảo bố ghi lên giấy ngày tháng thiếp hẹn trở về để chiêm nghiệm. Mười ngày nữa, chàng lại tới đây, chúng ta sẽ về cho đúng hẹn". Cô gái lại nói: - "Vì thiếp bị chết oan, nhưng lại không chịu đầu thai nên hồn lang thang vợ vẫn ở đây, chỉ có hồn mà không có xác. Ngày nào chàng đến, thiếp sẽ cùng chàng đi đến chợ, hễ thấy có cô nào đẹp ưng ý, chàng làm hiệu mách cho thiếp, thiếp sẽ vật cho cô nàng chết. Đoạn chàng theo dõi xem người ta táng cô ấy tại đâu, đêm lại chàng lén đào mộ đưa xác cô ấy về đây, thiếp sẽ nhập hồn mình vào xác nọ làm cho sống lại." - Anh hỏi: "Công việc lời thề kia, tôi bàn tay học trò làm sao có thể đảm đương nổi?" - "Đừng lo, thiếp sẽ luôn luôn theo giúp đỡ chàng, làm cho công việc nhẹ nhàng trôi chảy".

Nghe thủng câu chuyện, anh chàng cảm thấy thích thú, không lo sợ như trước. Mười ngày sau, anh đến, cùng hồn cô gái đi chợ. Dạo một hồi vẫn chưa thấy có ai ưng ý. Sau cùng đến chỗ hàng thịt, anh thấy cô gái con người bán thịt mặt mũi khá xinh, bèn đi đến ngã ba đường nói thoảng: - "Mình, tôi đã chấm con ông hàng thịt!". Khi trở vào, anh thấy cô hàng thịt đã ngã xuống, miệng sùi bọt, chết tại chỗ. Vì hôm sau là ngày "trùng" nên ông hàng thịt đưa con về chôn cất ngay. Anh chàng làm theo lời dặn, đêm đến đào mộ đưa xác về nhà cô gái ma. Chỉ một lát sau, cô hàng thịt đã sống

lại. Cô bảo anh: - "Sáng mai, đúng ngày hẹn, chúng ta sẽ trở về trình diện bố mẹ và kết hôn". Nhưng khi hai người về đến nơi, bố mẹ cô gái không chịu nhận, mặc dù cô đã nhắc đến sự báo mộng trước đây. Phú ông mời xã trưởng tới phân xử. Xã trưởng bảo cô gái nhắc lại các chuyện cũ làm chứng, cô kể ra vanh vách mọi chuyện, bấy giờ phú ông mới tin, sai làm một gian nhà tại góc vườn cho ở sau khi đã tổ chức lễ cưới.

Được mấy năm, bỗng có lệnh vua đòi quan tân khoa về tội thi đỗ mà không chịu ra làm quan. Nghe tin, Trương Ba - vợ anh - biết mọi việc sẽ xảy ra như thế nào, bèn bảo chồng: "Chuyến này đi sẽ có chuyện chẳng lành, nhưng chàng cứ việc đi, có gì sẽ liệu sau". Vua có công chúa chưa chồng, thấy anh học giỏi đẹp trai, định kén anh làm phò mã, nhưng anh từ chối, nói rằng đã có vợ ở nhà. Vua không nói gì, song công chúa thì không hài lòng, bèn xin vua cha cho đầy quan tân khoa đến một huyện sơn cùng thủy tận để cho biết hối. Anh không thể không nhậm chức. Đường đi qua nhà, vợ anh dặn: - "Vùng ấy có nhiều ma, đó là những con hổ (dã nhân) thường hiện hình người đến hầu quan rồi thành linh bắt ăn thịt. Trước đây đã có nhiều quan bị hại như vậy". Nói rồi đưa ra một cái gương bảo chồng: - "Mỗi khi có người nào đến gặp, anh khoan cho vào, hãy đưa gương soi qua khe cửa, hãy thấy trong gương không phải hình người mà là dã nhân thì lập tức ra hiệu cho lính chém ngay". Quả như lời vợ, sau khi nhậm chức, một lần có hai ông già đầu râu tóc bạc bưng một cái mâm sơn son thếp vàng trên có hai quả cam, đến xin ra mắt. Quan đưa gương ra chiếu thì thấy đó là hai con hổ. Liền ra mật hiệu, lính chém một người đầu rơi xuống đất hóa thành đầu hổ, còn người kia cũng hóa hổ chạy mất.

Sau một thời gian, anh lại được lệnh vua gọi về kinh. Ghé qua nhà, vợ anh cho biết là con dã nhân chạy thoát đã hoá thành một cô gái đẹp về triều được vua kén làm vợ. Và gần đây hắc đã có mang, càng được vua nâng niu chiều chuộng, hy vọng sinh được hoàng tử. Để báo thù anh, hắc giả thác bệnh nặng, mượn lệnh vua triệu anh về, để đòi ăn gan anh, nói là cho lành

bệnh. Bèn đưa cho chồng một thanh gươm và bốn trăm quan tiền, dặn: - "Đến kinh đô, chàng khoan vào chầu vội, hãy dùng số tiền này đút lót bọn gác cổng, mỗi cổng một trăm quan, phải lọt bốn lần cổng mới vào được đến buồng hoàng hậu. Hãy nhớ là con dã nhân ấy nằm ngủ bao giờ đầu cũng ngoảnh về hướng Tây". Làm theo lời vợ, anh lọt được vào buồng hoàng hậu. Tìm mãi mới thấy một người đàn bà nằm đầu hướng về hướng Tây, bèn rút gươm chém. Hắt một tiếng kinh hồn, đầu rơi xuống hóa làm đầu hổ. Nhà vua ở buồng bên cạnh nghe tiếng hét tướng hoàng hậu đã sinh con lật đật chạy sang. Anh quỳ xuống kể lại mọi việc.

Mừng quá, vua hứa thưởng cho anh bất cứ gì anh muốn. Anh chỉ xin về quê gặp vợ và bố mẹ. Vua y cho. Hôm ấy, anh cùng vợ đi chợ mua quà về thăm bố mẹ đẻ. Nhưng đến hàng thịt thì người hàng thịt giữ chặt lấy bà quan - vợ anh - một hai nói là con mình. Như kết thúc truyện Hồn Trương Ba, da hàng thịt, việc cũng đưa lên quan phân xử, nhưng ở đây, cuối cùng, ông hàng thịt cũng được anh coi như bố vợ.

Người miền Nam có truyện Người lấy ma hình tượng và tình tiết đều khác với các truyện trên:

Tại làng Tân-thuận Đông (Sa-đéc) có một nông phu sống trong một gian nhà lá trơ trọi giữa đồng. Vùng này nổi tiếng nhiều ma. Đối với làng xóm, anh tự nhận là đã có vợ con. Nhưng chẳng bao giờ người ta thấy mặt, chỉ thỉnh thoảng nghe tiếng anh bảo vợ nấu nước, làm thức ăn, hoặc la rầy đứa con nghịch ngợm. Hay khi có người nào định ngồi vào võng thì anh cản lại, nói có con mình nằm trong đó. Dân làng để tâm nhìn mò quả thấy trong nhà anh có bóng một người đàn bà và một đứa bé chừng bốn tuổi, nhưng khi vào nhà lại chẳng thấy gì.

Một hôm bỗng có tiếng sét nổ, nhà anh bốc cháy, người ta thấy anh khóc sướt mướt kể chuyện cho xóm giềng hay: vợ anh là một cô gái chết oan không chịu đi đầu thai, lại vốn có duyên nợ với mình nên lấy nhau, sinh được một con. Tiếng sét vừa qua đã giết mất cả vợ lẫn con. Sau đó người ta thấy anh bỏ nhà bỏ cửa đi biệt[2].

Người miền Bắc có truyện Sinh nở dưới mồ, có hình ảnh nuôi con của ma:

Một người đàn bà quê ở châu Vạn-ninh (Quảng-yên) có mang được bảy

tám tháng, bỗng nhiên bị bệnh chết. Lúc sống, mẹ có quen một bà lão bán hàng nước ở bến sông. Một hôm bà hàng nước ngạc nhiên thấy mẹ cầm mấy đồng tiền hỏi mua đường. "Mua để làm gì?" - "Mới sinh con không có sữa cho bú, phải mua đường cho nó ăn". Bà hàng bán xong trông theo, thấy mẹ đi về đến ngôi mộ cách đấy không xa, rồi tự nhiên biến mất. Hôm sau lại thấy mẹ đến mua nữa. Bà hàng bèn mách cho nhà chồng biết. Người chồng đến rình.

Ban trưa khi mẹ đến, chồng từ chỗ nấp bước ra hỏi. Vợ không đáp, bỏ chạy, chồng đuổi theo. Lại biến mất. Chồng đến mộ nghe ở trong có tiếng trẻ khóc, mới đào lên. Khi tháo nắp áo quan thấy có một đứa bé mới sinh chưa rụng rốn, miệng còn dính đường. Bèn bế về nuôi, lấp mộ lại. Anh xin sữa cho con bú nhờ, nhưng ai cũng sợ, bèn mớm cơm cho con[3].

[1] Theo lời kể của người Hà-tĩnh (do Trường Kỳ Nguyễn Văn Hồng cung cấp).

[2] Theo Lê Hường. Truyện tích Việt-nam, sách đã dẫn.

[3] Theo Tô Linh Thảo, sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
185. VỢ CHÀNG TRƯỞNG

Ngày xưa, ở làng Nam-xương có cô gái tên là Vũ Thị Thiết, người đã xinh đẹp lại thùy mị nết na. Nàng lấy chồng là Trương sinh vốn là người cùng làng. Trương sinh có tính cả ghen, hay để tâm xét nét vợ, nhưng vợ chàng thường giữ gìn khuôn phép nên không có chuyện gì xảy ra.

Vợ chồng hương đượm lửa nồng chưa được bao lâu thì bỗng nghe tin chốn biên thùy có giặc, chồng vâng lệnh quan phải từ giã mẹ và vợ đi lính thú. Bấy giờ vợ đang có thai. Buổi chia tay thật là bịn rịn, mẹ chúc cho con chân cứng đá mềm, chồng khuyên vợ gắng phụng dưỡng mẹ già và nuôi con khôn lớn.

Sau khi chồng vắng được mười ngày thì Vũ Thị Thiết sinh được một đứa con trai, đặt tên là thằng Đản. Thằng bé sồn sồn mạnh khỏe, còn bà nội của nó vì nhớ con sinh ra đau ốm. Vợ chàng Trương hết lòng mời thầy chạy thuốc, nhưng bệnh của mẹ chồng mỗi ngày một nặng, chẳng bao lâu thì mất. Nhờ có bà con xóm giềng, mọi việc tổng táng đều lo liệu chu toàn.

Đã mấy thu qua không thấy chồng về, một mẹ một con mỗi mòn trông đợi. Hàng ngày chăm lo đồng áng, tối lại nàng mới có thì giờ chăm sóc cho con. Có những hôm phải chong đèn khâu vá dọn dẹp và nô đùa với con. Những lúc con khóc, nàng thường chỉ vào bóng của mình trên vách mà bảo:

- Nín đi con! Kìa, kìa bố đã về. Đấy! Đấy!

Đứa bé nhìn vào bóng, nín bật.

Cứ như thế lâu dần thành thói quen. Thằng Đản thường đòi gặp bố trước khi đi ngủ. Cái bóng đen đen trên tường từ đấy đối với cả mẹ lẫn con như một người thân thích.

*

* *

Rồi chiến tranh kết liễu, cõi biên thù lại yên lặng, những người đi lính thú lại được trả về quê quán. Trương sinh cũng ở trong số đó. Sau bao năm tháng ly biệt, hai vợ chồng gặp nhau mừng mừng tủi tủi. Chàng đau lòng vì mất người mẹ thân yêu nhưng lại vui sướng vì có đứa con.

Thằng bé Đản bây giờ lên ba tuổi, đã biết nói bập bẹ. Tuy nó để cho bố nó bế nhưng vẫn tỏ ra xa lạ. Qua mấy ngày sau, Trương sinh hỏi mộ mẹ rồi bế con đi thăm. Ra đến đồng, thằng bé Đản quấy khóc nhè.

Trương sinh dỗ dành:

- Con nín đi đừng khóc, bố yêu. Rồi bố mua quà cho mà ăn.

Thằng bé đáp ngay:

- Không. Ông không phải là bố của Đản... Bố Đản khác kia... Chỉ đến tối

bố Đản mới đến nhà thôi.

Nghe nói, Trương sinh thấy nhói ở tim. Chàng nhìn vào con hỏi dồn:

- Thế thì bố của Đản như thế nào? Con nói đi!

- Tối nào bố Đản cũng đến... Mẹ Đản đi cùng đi, mẹ Đản ngồi cùng ngồi...
Chẳng bao giờ bố bế Đản cả...

Mấy lời nói vô tình của đứa bé làm cho Trương sinh tin là vợ mình ngoại tình, không còn ngờ gì nữa. Nghĩ đến người vợ xinh đẹp trong tay kẻ khác, cơn ghen tự nhiên bùng bùng bốc lên. Chàng lẩm bẩm: - "Thật là quá rõ. Không ngờ trong khi mình gian lao thế ấy, thì nó ở nhà lại như thế kia".

Về đến nhà Trương sinh mắng nhiếc vợ tàn tệ:

- Tao không ngờ mày là đồ thất tiết. Mẹ chết, chồng đi vắng, tối tối rước trai về nhà.

Chàng mắng dữ dội nhưng không bảo là tự miệng con nói ra. Vợ chàng một mực chối cãi:

- Cách biệt ba năm, thiếp vẫn một lòng một dạ, đâu có hư thân mất nết như lời chàng nói. Xin chàng đừng ngờ oan cho thiếp.

Vợ càng phân trần thì cơn giận của chồng càng không thể dãn xuống được nữa. Chồng bắt đầu dùng lối vũ phu để tra khảo vợ. Hàng xóm láng giềng nghe tin vợ chồng lục đục đổ tới can ngăn nhưng chẳng ăn thua gì. Chồng cho là vợ khéo mồm khéo mép nên được mọi người che lấp tội lỗi.

Trong cơn phần uất, người thiếu phụ ôm lấy con khóc nức nở, rồi nhân lúc chồng sang hàng xóm, chạy một mạch ra bến Hoàng-giang đắm đầu xuống nước.

Khi Trương sinh về thấy mất hút vợ, biết có sự chẳng lành. Nghe nói vợ đã tự trầm thì rất hối hận, vội chạy ra sông. Nhưng dòng nước chảy xiết mò đến tối ngày cũng không tìm thấy xác. Tối lại, thằng bé khóc. Trương sinh thấp đèn dõ cho nó nín. Chợt thằng bé kêu lên:

- Ồ, bố Đản đã đến kia kìa!

- Đâu con?

Nó trở vào bóng chàng trên vách mà nói: - "Đấy! Đấy!". Nhớ lại lời con nói khi đi thăm mộ, Trương sinh mới hiểu ra nông nỗi. Chàng nhận ra nỗi oan tày trời của vợ chỉ vì lòng ghen tuông nóng nảy của mình.

Nhưng đã muộn mất rồi, còn làm gì được nữa. Chàng chỉ còn biết ngày ngày ẵm con nhìn xuống dòng sông mà khóc.

Từ đó chàng ở vậy nuôi con không lấy vợ khác.

Về sau người ta dựng ở bến Hoàng-giang một cái miếu thờ nàng Vũ Thị Thiết, quen gọi là miếu Vợ chồng Trương [\[1\]](#).

KHÁO DỊ

Để cho có hậu, truyện trên đã được người đời sau nối thêm những nét thần kỳ vào phần cuối:

Cùng làng với Vũ Thị Thiết có một người là Phan lang làm đầu mục bến đò Hoàng-giang, một đêm nọ nằm chiêm bao thấy có một người con gái áo xanh đến kêu xin tha mạng. Sáng dậy, Phan lang thấy có người làng chài mang đến biếu mình một con rùa mai xanh. Sức nghĩ đến giấc mộng, Phan lang bèn thả rùa xuống sông. Về sau Phan lang chạy giặc, bị đắm thuyền, chết. Xác trôi xuống thủy phủ được bà Linh phi -vốn là con rùa mai xanh ngày nọ -cứu cho sống lại, lại dọn tiệc thết đãi. Trong tiệc có nhiều mỹ nhân, trong số đó có Vũ Thị Thiết, nhưng Phan lang ngại không dám nhận. Tiệc xong, Vũ Thị Thiết tìm đến, nói: -"Là người cùng làng, cứ sao lại mau quên?". Phan xin lỗi rồi hỏi: - "Vì sao lại có mặt ở đây?", thì nàng trả lời: - "Hồi ấy khi nhảy xuống nước, các tiên ở thủy cung thương tôi vô tội, liền rẽ nước cho tôi xuống nên sống đến ngày nay". - "Có nhớ quê hương không?" - "Bị chồng ruồng rẫy, mặt mũi nào trông thấy nhau nữa". - "Còn con thì sao?" - "Tất có ngày tôi sẽ tìm về".

Khi Phan lang trở về, vợ chàng Trương trao cho y một chiếc thoa nhờ đưa hộ cho chồng mình và bảo nhắn chồng nếu có thương tiếc thì cho lập một đàn giải oan, lấy thần đăng chiếu xuống nước, mình sẽ về. Nhận được thoa, chàng Trương tin là thật, bèn lập một đàn tràng ba đêm ngày ở Hoàng-giang. Quả nhiên thấy vợ xuất hiện giữa dòng sông, ngồi trên một chiếc kiệu hoa, theo sau có đến năm mươi kiệu khác, có tàn tán cờ biển như một đám rước.

Trương gọi, vợ đáp: - "Đa tạ chàng, thiếp không thể quay về được nữa".

Rồi biến mất tất cả. Người đời ấy bèn lập miếu thờ, gọi là miếu Vợ chàng Trương [2].

Một truyện *Sự tích mặt nạ* (hồ phù) có nội dung giống truyện trên, chỉ khác kết thúc:

Một cặp vợ chồng có con mới sinh. Chồng bỗng có lệnh đi thú. Vợ một mình đêm đêm chỉ vào bóng bảo con đó là bố. Vì thế khi bố về, đứa con không chịu cho bế: - "Bố tôi khác kia. Bố tôi tối tối đến với mẹ". Chồng liền nghi vợ có sự tăng tịu bậy bạ. Hai vợ chồng xô xát, kết cục vợ cũng đi trầm mình.

Trước khi nhảy xuống nước, khẩn: - "Nếu là oan xin cho hóa làm ngọc trai để bày tỏ cho mọi người biết". Quả hóa làm ngọc trai. Thấy oan, chồng làm đàn tràng xin cho gặp mặt vợ. Vợ cũng cho gặp, nhưng chỉ nổi khuôn mặt lên khỏi nước. Người ta nói: "Chỉ có mặt nạ không có người nạ". Từ đó, nhà điêu khắc nghĩ ra lối chạm mặt nạ (hồ phù hay rồng ngang) [3].

Trung-quốc có một truyện vì ghen tuông ít nhiều có dáng dấp như truyện *Vợ chàng Trương*:

Năm Càn Long thứ ba, ở một vùng nọ tự nhiên sét đánh chết một người lính. Người ta thương hãn vốn người tốt nết mà không may chết oan. Nhưng có một người lính già khác cùng cơ đội với hãn, kể cho nghe câu chuyện như sau: - "Có lẽ gần đây hãn ăn ở tốt với mọi người. Nhưng cách đây hai mươi năm, trong một trận đánh, hãn phạm một tội tày trời mà vì tôi là bạn cùng ngũ nên tôi biết. Hôm ấy quan tướng rảnh việc quân, đi săn ở

đỉnh núi Cao-đình, hăn được theo đóng trại ở bên đường. Buổi chiều hôm ấy có một sư nữ đi qua.

Thấy vắng vẻ, hăn kéo sư nữ vào trại. Sư nữ chống cự bị hăn xé quần. Nhưng sau sư nữ chạy trốn được. Hăn đuổi theo, vì trời tối, cây cối lại rậm rạp nên không tìm ra. Sư nữ trốn được vào một nhà nọ, trong nhà chỉ có một người đàn bà trẻ và một đứa bé con chồng. Người đàn bà từ chối không cho trọ nhưng sư nữ hết sức kêu nài, và kể chuyện vừa rồi cho nghe. Cảm động, người đàn bà cho vào và cho mượn một cái quần mặc. Sáng dậy sư nữ từ tạ ra đi, hứa mai sẽ trả. Sau đó chồng người đàn bà đi đâu mới về, vì áo quần bẩn bảo vợ lấy đồ thay. Vợ vào buồng chỉ thấy quần của mình, mới biết là đêm tối đưa nhầm quần của chồng mình cho sư nữ. Chưa biết trả lời sao với chồng, thì đứa bé đã nói ngay: - "Có một ông sư cả đêm tới đây lấy quần mặc". Bố nó căn vặn, đứa bé kể lại mọi chuyện theo nó thấy. Chồng hỏi vợ, vợ đáp: - "Đó là một ni cô". Chồng không nghe, nổi ghen đánh vợ tàn tệ, rồi kể chuyện cho xóm giềng. Vợ phẫn uất treo cổ tự tử. Sáng hôm sau, sư nữ mang quần tới trả kèm theo một thúng quà. Vừa thấy sư nữ đứa bé nói: - "Đấy, ông sư hôm ấy đã đến". Bố nó biết là nhầm, hối hận, bèn đánh chết đứa con trước áo quan của vợ, rồi cũng treo cổ tự tử. Hàng xóm thương tâm chôn cất cả ba, nhưng không báo cho quan biết.

Một năm sau, quan tướng lại đến thăm nơi này. Dân làng mới kể chuyện cho tôi biết. Tôi chỉ nói riêng với hăn ta. Hăn ta biết hồi và tự nguyện làm điều thiện để chuộc lại. Bây giờ, sau hai mươi năm, hăn bị sét đánh chết, mới biết lười trời lồng lộng, khó thoát"[4].

-
- [1] Theo Vũ Ngọc Phan, sách đã dẫn.
- [2] Theo *Truyền kỳ mạn lục*, *Loại cổ tích hay*, sách đã dẫn.
- [3] Theo lời kể của người Thanh-hóa. Một truyện khác kể sự tích mặt nạ như sau: Ngày xưa vua Vũ đi tuần du mặt biển. Các loài thủy tộc đều ngoi lên mặt nước để chào. Có con nạ (rồng) vì thân thể to lớn quá chỉ nổi lên có cái mặt, còn thân thì bị các con vật khác chen lấn che lấp nên không lộ ra: Do tích này mà có tiếng "mặt nạ". (Theo tạp chí *Phương Đông* số 7, 1972).
- [4] Theo *Tân tề hài*, quyển 4.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
186. SỰ TÍCH KHĂN TANG

Ngày xưa có vợ chồng nhà phú hộ nọ sinh được năm người con gái. Giàu có, lại không con trai, nên bao nhiêu tình thương, họ đều dồn vào những cô con gái. Họ cưng như trứng mỏng, hễ con đòi gì là được nấy.

Lần lượt năm cô lớn lên, lấy chồng và đi ở riêng.

Vì con gái đứa nào cũng lấy chồng xa nên sau khi cô út ở riêng được ít lâu hai ông bà phú hộ cảm thấy nhớ các con quá. Họ còn tính chuyện chia nhau đi thăm các con. Một hôm, vợ bảo chồng: - "Sắp tới, ông chịu khó ở nhà trông nhà cho tôi đi thăm chúng nó một lượt, sau đó tôi lại về trông nhà cho ông đi". - "Phải đó", chồng đáp, "nhưng bà phải đi nhanh nhanh lên mới được, đừng bắt tôi phải đợi lâu" - "Không được đâu, tôi tính ở lại với các con đứa nào ít nhất cũng phải một tháng, năm đứa vị chi là năm tháng, còn đi đường tổng cộng độ vài ba chục ngày, như vậy cũng phải mất ngót nửa năm đó ông ạ!". - "Thôi được, bà nó đi đi, bà nhớ đừng để cho đứa nào quần quýt quá, rồi ăn dầm nằm dề làm cho tôi trông đợi".

Rồi đó người vợ cùng con hầu ra đi. Nhưng chỉ được vài tháng, chồng đã thấy vợ trở về vẻ mặt buồn xo. Chồng hỏi dồn: - "Cơ cớ làm sao mà bà về nhanh như vậy, có gặp điều gì dọc đường hay không mà vẻ mặt không được vui?". Vợ đáp: - "Chẳng có gì hết, tôi vẫn bình yên, chúng nó đều mạnh khỏe, tôi về sớm là vì tôi muốn để ông khỏi trông, ông cứ đi một lần cho biết". Thấy vợ nói úp mở, phú hộ chưa hiểu thế nào cả, cuối cùng ông cũng sắm sửa hành lý ra đi.

Ông ghé nhà người con gái thứ nhất. Chàng rể đón tiếp ông niềm nở làm

ông rất hài lòng. Nhưng con gái ông thì lại không được như vậy. Nó cũng chuyện trò giả lả được ít câu rồi quay vào công việc của nó.

Nhà các chàng rể của ông phần nhiều đều thuộc vào hạng khá giả không kém gì nhà ông. Cho nên con gái của ông còn mãi trông nom kẻ ăn người ở, không lúc nào rảnh rỗi. Đến chừng chồng nó ra đồng trông cày coi cấy thì con gái ông còn chuyên việc bếp núc, lúi húi suốt buổi trong bếp, cha con chẳng có dịp chuyện trò. Mãi đến gần trưa, ông cảm thấy bụng đói cồn cào, nhưng con ông lại chẳng chịu cho ông ăn ngay.

Ông toan bảo nó cho mình ăn trước như khi còn ở nhà, nhưng rồi lại nghĩ thầm: - "Để còn xem nó đối đãi với cha nó ra sao cho biết". Ông thấy con gái chờ cho chồng mình đi làm về mới dọn cơm ra. Nhưng chàng rể của ông lúc ấy tuy đã về rồi còn bận một số công việc. Cho nên ông lại phải đợi. Đến chừng ấy thấy đã quá trưa, con gái ông lên tiếng gọi chồng: - "Mình ơi, hãy để đó vào ăn cơm đi cho ông già ăn với!". Nghe con nói thế ông cảm thấy không được vui. Bữa cơm chiều và liên tiếp mấy ngày sau cũng như vậy. Con gái ông chăm sóc cho chồng nó chứ chẳng phải cho ông. Ông rất buồn, bụng bảo dạ: - "Thì ra bây giờ nó coi cha nó chẳng ra cái quái gì. Nếu chồng nó không ăn thì có lẽ mình phải ngồi nhịn đói".

Ở chơi được ít ngày, thấy con gái không được vồn vã thăm hỏi như xưa, ông bèn bỏ dự định cũ là ở chơi trong một tháng, đã vội vã từ giã chàng rể và con gái mà đi đến nhà người con gái thứ hai cách đấy non một ngày đường. Trong cuộc hành trình lần này, ông lầm bầm: - "Chắc những đứa sau phải khác, chẳng lẽ đứa nào cũng như vậy cả sao. Vợ chồng ta còn trông cậy chúng nó rồi đây sẽ chia nhau về phụng dưỡng lúc bố mẹ tuổi già kia mà".

Nhưng khi đến, ông lại đâm ra thất vọng. Nhà chàng rể thứ hai tuy không

giàu bằng chàng rể thứ nhất nhưng cũng có của ăn của để. Vợ nó thấy bố đến thăm cũng tiếp đãi gọi là cho tròn bốn phần rồi lại loay hoay vào công việc nhà chồng, chẳng chịu bớt chút thì giờ hàn huyên cho bố những lúc cha con xa nhau. Lần lượt ông đi thăm đủ cả năm cô gái quý nhưng chẳng đứa nào là không bận bịu với công việc của mình, chẳng đứa nào quan tâm chăm sóc đến ông như lúc còn ở nhà. Sau cùng ông chép miệng:

- Vậy là con gái một khi bước về nhà chồng thì chẳng còn là con của mình nữa. Nó xem chồng trọng hơn bố mẹ.

Rồi đó ông quày quả ra về. Ông tính lại thời gian thăm con cả đi lẫn về không đầy hai tháng, so với chuyến đi của vợ lại còn ngắn hơn. Nỗi buồn phiền làm cho ông khó ở trong một vài tuần. Khi đã bớt, ông gọi vợ lại bàn rằng: - "Thế là để được mấy đứa con gái, có cũng như không. Hy vọng dựa cậy vào chúng nó đỡ dần lúc tuổi già là không được nữa. Bây giờ bà nó ở nhà để tôi đi kiếm một đứa con nuôi đặt mai sau nó săn sóc chúng mình lúc mắt loà chân chậm. Bà nó nghĩ sao?". Vợ phú hộ trả lời: - "Thôi ông ạ! Ông đừng có đi mất công nhọc xác. Con đẻ rút ruột ra mà chúng nó không đoái không hoài thì con nuôi mà làm gì. Để tôi kiếm cho ông một người vợ lẽ. Không biết chừng nó đẻ cho chúng ta một đứa con trai có người nối dõi tông đường chẳng phải tốt hơn ư!". - "Trên đời này có kẻ tốt người xấu, không phải ai cũng như ai, bà đừng ngại. Nếu tôi đi tìm dăm bữa nửa tháng mà không xong thì trở về tính liệu sau cũng chưa muộn". - "Được rồi, ông cứ đi đi, cố tìm một đứa con ngoan phụng dưỡng, mọi việc ở nhà mặc tôi lo liệu".

Phú hộ bèn đóng bộ một ông già nghèo khó cất mình ra đi. Ông đi từ làng này đến làng khác, đến đâu ông cũng rao:

- Có ai mua cha thì ra mà mua. Mua ta về làm cha chỉ mất năm quan tiền

thôi.

Mọi người nghe ông già rao như vậy ai cũng tưởng ông điên. Có người vui miệng nói: - "Mua lão già ấy để về nhà mà hầu ư, và để rồi đây lão ta trăm tuổi có được đồng nào còn phải lo tổng táng ư. Thà là nuôi một người đầy tớ còn hơn". Tuy có nghe nhiều lời mỉa mai cười cợt, phú hộ vẫn không nản chí, vẫn đi hết xóm này tới ấp kia, miệng rao không ngớt.

Bấy giờ ở một làng nọ có hai vợ chồng một nông phu nghèo. Nghe có người đi bán mình làm cha, chồng bảo vợ: - "Hai đứa mình mồ côi từ tấm bé chưa bao giờ được hưởng tình cha con, lại chưa có mụn con nào, thật là buồn. Thôi thì ta mua ông già này về thủ thi với nhau khuya sớm cho vui cửa vui nhà". Thấy vợ bằng lòng, anh chàng chạy ra đón ông già vào và nói:

- Ông định bán bao nhiêu tiền?

- Năm quan không bớt.

- Thú thật với ông, nhà tôi nghèo muốn mua nhưng không sẵn tiền. Vậy ông ngồi chơi để tôi bảo nhà tôi đi vay xem.

Phú hộ ngồi chờ hồi lâu, thấy chị vợ chạy đi một lát lại trở về, nhưng số tiền vay được chỉ có hai quan. Anh kia bèn nói:

- Hai ngày nữa mời ông trở lại, chúng tôi sẽ có đủ tiền.

Hai ngày sau phú hộ lại tới. Anh nông phu trao tiền cho ông, mời ông vào nhà, "cha cha, con con" rất thân tình. Đoạn anh bảo vợ đi chợ lo cơm nước.

Phú hộ thấy đầu tóc người vợ hôm nọ còn dài, bây giờ đã biến đi đâu mất, bèn ngạc nhiên hỏi:

- Tại sao đầu tóc của vợ con lại cắt cụt đi như vậy?

Anh nông phu tần ngần hồi lâu rồi đáp:

- Chẳng giấu gì cha, nhà con nghèo không đủ tiền mua, mà nếu không mua thì cũng ít có dịp nào tốt hơn. Vì vậy, vợ con phải cắt tóc bán đi mới đủ số tiền năm quan đó.

Nghe nói, phú hộ vẫn làm thinh. Từ ngày có người cha nuôi, hai vợ chồng anh nông phu tỏ ra rất niềm nở và chịu khó chăm sóc hầu hạ không biết mệt. Phú hộ vẫn không cho biết quê quán gốc tích thật của mình, hàng ngày vẫn ăn no ngủ kỹ, đôi lúc lại kêu váng đầu mỗi lưng, bắt họ phải xoa bóp hoặc tìm thầy chạy thuốc. Mặc dầu vậy, hai vợ chồng vẫn cơm nước săn sóc không bê trễ. Cứ như vậy được vài tháng sau, nhà họ đã nghèo lại nghèo thêm. Họ phải cố gắng làm thêm để nuôi cha, có bữa phải nhịn đói để nhường cơm cho ông già. Tình hình như vậy kéo dài được nửa năm, nợ nần của họ chồng chất quá nhiều mà trong nhà thì gạo và tiền đã kiệt. Một hôm hai vợ chồng tỉnh dậy đã thấy người cha nuôi khăn gói chỉnh tề. Ông bảo họ: - Các con hãy đốt cái nhà này, rồi đi theo ta!

Vợ chồng đưa mắt nhìn nhau tưởng ông phát điên. Nhưng sau đó đã thấy phú hộ giục:

- Làm con thì phải vâng theo cha mẹ, chớ có sai lời. Cha đã bảo các con đi theo ta kiếm ăn, còn cái nhà này ọp ẹp chẳng đáng bao lăm, đừng tiếc nữa. Vợ chồng không dám cãi, đành nhặt nhanh một vài món đồ buộc thành một gói, rồi châm lửa đốt nhà. Đi theo ông già, họ thấy ông lần hồi xin ăn, tối

lại vào nhà người xin ngủ nhờ. Họ vẫn vâng lời không chút phân vân. Ba người lần hồi đi xin ăn như thế được năm ngày. Sau cùng đến một nơi nhà ngói tường dấp, ông mới vui vẻ bảo họ:

- Các con, đây đã đến nhà ta rồi!

Vợ phú hộ bước ra cổng đón vào, ông tươi cười bảo vợ:

- Đây mới thật là con của chúng ta!

Bấy giờ vợ chồng anh nông phu mới biết cha mẹ nuôi mình là một nhà giàu có. Phú hộ bảo anh nông phu lấy theo họ mình và từ đó hai vợ chồng bước vào một cuộc đời sung sướng.

Ít lâu sau, phú hộ lâm bệnh nặng. Biết mình sắp gần đất xa trời, ông bèn làm tờ di chúc để phần lớn tài sản cho đứa con nuôi, đoạn ông gọi vợ đến troi:

- Sau khi tôi chết, bà nhớ đừng cho năm đứa con gái biết. Nếu chúng nó nghe ai mách mà về đây chưa biết chừng tôi sẽ "bứt néo" [1]_cho mà coi. Việc để tang thì đứa con trai cứ theo cổ tục cắt tóc đội mũ quần rơm trên đầu để chứng tỏ mình chịu cực chịu khổ với cha mẹ thì thôi cũng được, nhưng đứa con dâu thì bà bảo nó khỏi cắt tóc, vì tôi chưa bao giờ quên cái việc nó đã phải bán mớ tóc dài của nó để mua cha, vậy nó chỉ cần đội khăn tang là đủ.

Nhưng sau khi khâm liệm cho chồng xong, bà phú hộ vì nặng lòng thương con nên cũng cho người lén báo tin cho năm đứa con gái biết.

Khi chúng về, bà đón ở cổng thuật lại lại trời của cha chúng cho nghe và bảo chúng đừng có vào nhà kẻo có sự chẳng lành. Năm người con gái tỏ lòng hối hận những việc đã rồi. Khi đưa linh cữu ra đồng, các con gái cố đòi đi đưa cho bằng được. Mẹ khuyên can con mãi không xong, cuối cùng đành phải xé cho chúng, ngoài khăn tang còn thêm mỗi đứa một vuông vải xô cho chúng che mặt lại để mong linh hồn bố chúng khỏi biết.

Từ đó, người ta bắt chước để tang theo cách gia đình này đã làm: con trai cắt tóc vành rơm, mũ mấn, dây lưng chuỗi như cổ tục, con dâu được miễn cắt tóc, chỉ đội khăn tang, lại miễn cả che mặt, còn con gái thì ngoài khăn tang còn có một mảnh vải con để che mặt [2].

KHẢO DỊ

Truyện trên nhắc đến một số phong tục tín ngưỡng ngày xưa, trong đó có phản ánh một loại mâu thuẫn trong gia đình phụ hệ phong kiến: người con gái ra đi lấy chồng cầm như cắt đứt quan hệ với gia đình bố mẹ đẻ.

Việt-nam còn có truyện *Của để bán*, một dị bản của truyện trên:

Một phú hộ có con gái lấy chồng xa làng đã có cháu ngoại. Một hôm ông đến chơi nhà rể. Như đoạn đầu của truyện *Ông già họ Lê*, rể bảo con đi gọi ông về ăn cơm. Nhưng đứa bé chỉ gọi có ông nội nó, ông ngoại hỏi: - "Sao cháu không gọi cả hai ông?" - "Người ta bảo đi gọi ông nội". Cũng như truyện trên, giận con gái và rể, phú hộ trở về bảo vợ: - "Có con gái tức là không có gì cả, cậy mình ở nhà để tôi đi kiếm đứa con" - "Để tôi kiếm cho một người làm lẽ". Ông già không chịu. Ra đi, đến đâu ông cũng rao: - "Ai muốn mua ta làm cha không?". Ông giả điếc trước những lời cười cợt, vẫn đi và rao không mệt mỏi. Cuối cùng cũng có một cặp vợ chồng nghèo đón ông vào hỏi giá rồi chồng bảo vợ đi vay năm quan trao cho ông già. Được vợ chồng chăm sóc, và lũ con -vì cặp vợ chồng này có mấy người con - coi mình như ông nội, phú hộ ngày ngày ăn no ngủ kỹ.

Hai vợ chồng nuôi bố nuôi bị khánh kiệt. Bèn bán một đứa con. Khi nói cho ông biết, ông cũng mặc kệ; năm quan vẫn cất dưới gối không động đến. Lại đến lượt bán đứa con thứ hai, rồi chồng tự bán mình. Ông già vẫn tỏ ra không quan tâm. Sau hai năm hết ăn, một hôm phú hộ bảo dâu đưa mình đến nhà chồng đang bị cầm cố (ở đợ), nói với chủ: - "Xin phép ông cho con

tôi về ít ngày có việc cần". Rồi ông bảo dâu và con chuẩn bị lên đường. Về lại dinh cơ của mình, phú hộ bảo vợ nhận lấy con dâu mới đưa về. Cuối cùng đưa tiền cho con và dâu trang trải nợ nần và chuộc mấy đứa cháu về. Từ đó họ sống với nhau vui vẻ sung sướng. Truyện không nói đến khăn tang như truyện trên [3].

Người Tày có truyện *Ngọt miệng chua lòng* tuy có khác với truyện của ta, nhưng theo chúng tôi, hai bản dường như có cùng một nguồn, vì chủ đề và hình tượng gần gũi:

Một ông già có hai con gái đã gả chồng, và một con trai đã chết, chỉ còn một con dâu trẻ tuổi và đứa cháu nội còn bé. Ông có một số vàng thoi bạc nên dành dụm trong "già đời người" từ lâu cất giấu định chia cho các con gái vì ông thấy cháu hầy còn măng sữa mà dâu thì dù sao cũng là người ngoài.

Một hôm, ông gói kín vàng bạc bỏ vào tay nải, trước tiên mang đến nhà cô con gái lớn. Đi đường rừng đến trưa mới tới vào lúc cả nhà đang ăn. Con gái hỏi: - "Bố đã ăn cơm chưa?" - "Bố ăn từ sáng". Tuy nghe nói vậy, cô gái vẫn không mời thêm. Sau đó ông già lại mang tay nải đến nhà con gái thứ hai.

Thấy bố đến, cô này cũng hỏi: - "Bố đã ăn cơm chưa?" - "Bố ăn từ sáng". Cũng như người chị, cô này cũng không mời thêm. Thấy trên lò có bắc nồi chõ, người bố hỏi gợi ý: - "Chõ gì đấy?" - "Con hấp cái mản và áo quần để giết rệp". Biết con nói láo, ông già bảo: - "Có con trâu ăn ruộng mạ nhà ai ở đầu làng". - "Đúng ruộng mạ nhà con". Trong khi con gái chạy vội ra đồng, ông già thử mở vung nồi chõ thì thấy đầy một chõ xôi, bèn bốc ăn. Khi ông già trở về nhà mình, con dâu sắp đi thăm đồng, nhưng thấy bố chồng đã về, bèn nán ở lại để thổi cơm. Để thử con dâu, ông nói: - "Bố đã ăn rồi". Mặc

dầu vậ, cô con dâu vẫn thối cơm và khi cơm chín dọn ra, ông già nói: - "Cha đã bảo ăn rồi mà" - "Bố cứ ăn mười bữa cơm người không bằng một bữa cơm ta". Thấy con dâu tốt bụng, ông già liền cho dâu số vàng bạc. Đoạn ông bảo nó rằng mình giả vờ chết, hãy báo tin cho hai con gái biết. Được tin, hai cô con gái khóc từ ngoài cổng khóc vào. Cô lớn kể lễ: - Sáng nay bố đến thăm con, con còn làm thịt chó cho bố ăn"... Cô hai: - "Sáng nay bố đến thăm con, con còn mổ gà mời bố". Giận quá, ông già liền nhồm dầy cầm gậy đuổi đánh chúng [4].

Người Đun-gan ở tỉnh Thiểm-tây (Trung-quốc) có truyện *Ba cô con gái của ông già* giống phần nào với truyện trên ở đoạn đầu:

Có hai vợ chồng một ông già chỉ để được ba người con gái, đều đã đi lấy chồng. Một hôm ông già thân hành đi thăm các con. Đầu tiên ông đến nhà cô con gái cả, nhưng cô này không mời bố mình ăn cơm, với lý do là "hành còn hơi sương", nên chưa nhổ. Bỏ nhà cô gái thứ nhất, ông đến thăm con thứ hai. Cô này cũng không giữ bố già lại dùng cơm trưa, vì "trời nóng nực quá không thể đi ra ngoài mua rau được". Cô con gái út - người mà ông già đặt hy vọng nhiều hơn - cũng tìm cách để không phải mời bố mình ở lại, và cô còn đập thật kín vung nồi hấp bánh bao. Ông già đành bụng đói trở về với vợ, ăn bữa ăn tối do bà ta dọn [5].

Về chỗ coi trọng con dâu và sự ưu đãi nàng dâu khi để tang bố mẹ chồng, người Thái cũng có một truyện cắt nghĩa vì sao có rượu cần và vì sao nàng dâu cả lại có vai trò quan trọng trong gia đình:

Xưa có một người lấy vợ cho con trai. Người bố muốn thử xem đứa con trai và vợ nó, ai khôn ngoan lanh lợi hơn. Bèn ra lệnh cho mỗi đứa hãy tự tay dọn cho mình ăn một món gì vừa no, vừa ngon, vừa thích khẩu. Đứa con trai lập tức đem lưới ra suối đánh được một con cá to bằng bắp chân,

vội làm thịt kho lên làm cơm cho bố mẹ. Bố mẹ ăn cũng cho là được. Còn cô dâu thì không thể đi đánh được cá to, cô chỉ quen đi xúc, cuối cùng cô cũng xúc được một rổ cá vụn. Đưa về, cô bỏ mọi thứ gia vị và đồ lên thành một món mềm thơm, bố mẹ ăn rất thích. Nhưng cô còn lấy các thứ lá cây làm men, lại lấy nếp đồ, ủ rồi bỏ vào bình. Khi thành rượu, cô cắm cần đồ nước cho bố mẹ uống gọi là uống "nước chảy ngược". Bố mẹ ăn cơm với cá đã lấy làm ngon, lại được uống rượu ngọt bằng cần nên rất thỏa thích. Sau đó bố mẹ thừa nhận là nàng dâu quả khôn ngoan lanh lợi hơn con trai. Lại nói: - "Con dâu là con người ta, chỉ là kẻ kết duyên với con trai mình, thế mà biết chăm sóc bố mẹ chồng như thế. Vậy từ nay về sau phải coi nàng dâu cả là người chủ chốt của gia đình".

Từ đó về sau người Thái có tục coi nàng dâu cả có một vai trò đặc biệt.

Khi tết nhất, nếu lỡ vắng mặt nàng dâu cả là cả nhà thường "cáo". Khi bố mẹ chồng chết, dâu cả là người duy nhất khăn ma xó [6] của gia đình để nhờ ma này đi nhắn hồn người chết ở các nơi về hội họp. Nàng dâu cả thường mặc một chiếc áo đỏ rất đẹp, không phải làm lụng gì cả, chỉ ngồi ở trước bàn thờ. Nếu nàng dâu cả chết thì vai trò ấy thuộc về nàng dâu thứ. Nếu vắng mặt hoặc không có con dâu thì dù nhà giàu, lễ lạt tết nhất cũng thường không biện cỗ bàn gì mấy [7].

[1] *Bút néo*: ngày xưa có lúc người ta không đóng chốt quan tài, chỉ buộc dây ở ngoài gọi là "néo". Bút néo là hiện tượng đứt dây, người ta tin rằng đó là một cách tỏ sự giận dữ của người chết.

[2] Theo Lê Hương. *Truyện tích Việt-nam*, sách đã dẫn.

[3] Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn.

[4] Theo Hoàng Quyết, Hoàng Thao, Mai Sơn, sách đã dẫn.

[5] Theo Rip-tin (Riftine) và Kha-xa-nốp (Khassanov), sách đã dẫn.

[6] Người Thái không thờ tổ tiên, nhưng lại thờ ma xó. Mỗi lần có lễ lạt hoặc ma chay thì nàng dâu cả phải khấn ma xó bảo nó đi mời ma bến đò, ma bến đò lại đi nhắn với ma Then (trời) để gọi hồn người chết trú ngụ các nơi về.

[7] Theo lời kể của đông bào Thái, Thanh-hóa.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
187. NGẬM NGẢI TÌM TRẦM
HAY LÀ SỰ TÍCH NÚI MẪU-TỬ

Ngày xưa, trên một vùng núi cao tại một tỉnh Đàng trong, có hai vợ chồng nhà nọ đến sinh cơ lập nghiệp. Họ cũng trồng lúa bắp, chăn nuôi gà lợn và săn chim bắt thỏ như mọi nhà khác. Nhưng nhờ của cải của bố mẹ để lại, họ sống có vẻ phong lưu. Vì thế tuy có vất vả, hai vợ chồng vẫn vui thú gia đình với đứa con trai lên năm tuổi.

Đột nhiên một hôm có một người bạn cũ tới thăm. Hai người đàn ông lâu ngày không gặp, tay bắt mặt mừng. Người bạn nói: - "Nghe nói anh chị dời đến ở đây đã lâu. Nay có việc đi lối này, tôi mới ghé thăm được. Sẵn có cặp ngỗng mang tới biếu anh chị". Chủ hỏi: - "Mấy lâu nay anh ở đâu mà không hề có tin tức gì cả. Chẳng hay anh làm nghề gì?". - "Tôi chẳng nghề ngỗng gì cả. Chẳng giấu gì anh, từ lâu tôi đi tu tiên để mong đắc đạo. Trong năm năm liền ngồi tù cặng một nơi, bây giờ có việc phải lên núi". - "Lên núi để làm gì?" - "Để tìm trầm. Phải có trầm đốt lên khi muốn đạt một lời cầu nguyện. Trầm sẽ đưa lời cầu của mình lên cung Tam-thanh. Nhờ đó "chư tiên" mới biết được điều ước muốn của mình và sẽ cho mình như nguyện". Chủ lại hỏi: - "Núi rừng trùng điệp, cây cối bạt ngàn, làm sao mà tìm cho ra trầm?". Khách đáp: - "Khó gì. Tìm trầm phải ngậm ngải". Nói rồi khách móc trong tay nải ra một gói nhỏ bọc vải điều, giở ra lấy ngải cho bạn xem rồi nói:

- "Đây là ngải tôi đã luyện, trải bao nhiêu năm nay mới thành. Chỉ cần ngậm mót tý ngải này, có thể đi suốt năm trong rừng sâu, không sợ hùm beo rắn rết làm hại, không cần phải ăn uống gì cả, lại có hy vọng được "chư tiên" phù hộ, giúp cho tìm thấy trầm. Lúc đó thì có thể cầu được ước thấy, trường sinh bất lão".

Chủ nhân thấy bạn cũ tu luyện sắp thành công, có thể cầm chắc sự phú quý trong tay, thì hoa cả mắt. Hắn cầm lấy ngải nâng lên đặt xuống mấy lần, bụng bảo dạ: - "Chà, chỉ một tý thuốc này có thể cầu được ước thấy, trường sinh bất lão, sung sướng biết bao nhiêu". Vui miệng hắn cũng kể cuộc sống của mình trong mấy năm qua cho bạn nghe, rồi giục vợ làm cơm rượu khoản đãi. Trong mấy ngày cầm khách ở lại, vốn biết tính khách thích chơi cờ, chủ nhân lấy ra một bộ cờ bằng ngà mời khách cùng đánh. Hắn chọn một con cờ đưa cho bạn, nói:

- Bộ cờ này của tiền nhân tôi để lại bằng ngà rất quý. Nhưng chúng không quý bằng con tốt này. Nó bằng ngọc bích không mấy may thì vết, mà bao giờ cũng sáng óng ánh, kể cả khi để trong xô tối.

Khách cầm lấy con cờ bằng ngọc xem đi xem lại, thấy quả là của quý hiếm có ở thế gian thì tắc lưỡi khen thắm, đoạn tự nhủ: - "Làm sao ta có được một viên như thế để dâng lên Lão tổ...".

Tuy hai bên suy nghĩ nước cờ nhưng trong bụng người nào cũng chỉ những tìm mưu lập kế chiếm đoạt của nhau: một bên muốn làm chủ gói ngải, còn một bên muốn có con cờ bằng ngọc.

Ngày chia tay đã đến. Giữa khi chủ khách đang "vượt xe thách pháo" thì bỗng nghe tiếng gọi của vợ, chủ vội đi vào nhà trong. Sau đó một tiệc rượu bùng ra. Trong khi thu dọn con cờ, khách đã giấu biến con tốt bằng ngọc vào trong tay áo. Nhưng khách không ngờ chính mình cũng bị tước đoạt. Sau khi chén chú chén anh được một chốc, khách nằm vật xuống bên trường kỷ. Thấy người bạn đã bị mấy chén rượu pha thuốc của mình làm đổ gục, chủ nhân vội lục tay nải chọn lấy gói ngải, rồi lật đặt ra đi không kịp từ giã vợ con.

Khách ngủ một giấc đến hai ngày sau mới tỉnh dậy. Hắn ta giật mình khi sờ vào tay nải đã không còn thấy gói ngải quý đâu nữa, tìm bạn bạn cũng đi mất đường nào, hỏi vợ con bạn cũng không ai biết đâu mà trả lời. Khách bèn lúi thủi ra đi quyết tìm cho thấy bạn để đòi lại vật quý.

Từ núi này sang núi nọ, khách trèo liên miên không nghỉ, nhưng tuyệt nhiên không thấy bóng kẻ bắt lương. Một hôm, hắn trèo lên một đỉnh núi cao để phóng mắt nhìn ra xa, nhưng chẳng may trượt chân rơi xuống dốc, viên ngọc văng ra hóa thành đá, thân hắn hóa thành cây, rễ cây luôn luôn quắp chặt lấy đá như muốn bảo vệ của quý.

Còn về phía chủ nhân khi bước chân ra đi, nghe theo cách bày vẽ của bạn, hắn cũng bỏ ngải vào miệng để tìm trầm. Nhưng hắn đi mãi, đi mãi, vượt qua trăm núi ngàn khe mà trầm đâu chẳng thấy. Khi bụng đã chán nản muốn quay trở về thì khốn nỗi lại quên mất lối. Năm này qua năm khác, gói ngải dần dần chỉ còn lại một tí bằng cái móng tay.

Hắn đâu có ngờ rằng hễ bao giờ ngải tan hết thì con người sẽ hóa thành hổ. Lúc này da hắn lông đã mọc tua tủa thay cho những chỗ quần áo rách bươm. Rồi một hôm hắn biến thành con hổ xám.

Lại nói chuyện vợ con của hắn ở nhà trông đợi mỗi mòn. Nước mắt hai mẹ con mỗi ngày chảy một ít đã xói đất thành suối. Cuối cùng, ngày lụn tháng qua, hai mẹ con biến thành đá cùng với mấy gia súc và các đồ dùng quen thuộc.

Về sau, hổ xám ta cũng tìm được lối về nhà cũ. Từ đằng xa nhìn thấy bóng dáng vợ con, cả con chó, con gà đang quanh quẩn bên cạnh, hổ lấy làm

mừng rỡ, bèn ba chân bốn cẳng vọt nhanh. Nhưng khi biết vợ con và gia súc đã hóa đá thì nó lồng lộn, gầm lên mấy tiếng đau xót, rồi bỏ đi biệt.

Ngày nay ở quận Khánh-dương, tỉnh Khánh-hòa, còn có núi đá gọi là núi Mẫu-tử, nổi bật là một hòn đá dựng, bên cạnh có một hòn nhỏ hơn, người ta nói đó là mẹ con. Xung quanh đá còn nhiều hòn khác nằm rải rác, người ta nói đó là con chó, con gà, cái rổ may và sợi chỉ, cái cối xay, cối giã, cái chày, cái sàng, cái chổi, v.v...Lại còn một tảng đá khác vuông vắn người ta nói đó là bàn cờ có nhiều quân nhưng thiếu mất con tốt. Gần đây có một dòng suối gọi là suối Tiên, nước không bao giờ cạn, người ta nói đó là do nước mắt của hai mẹ con khơi thành.

Trên dòng suối thanh thoảng có bóng một cặp ngỗng vùng vẫy, người ta cho là dòng dõi của cặp ngỗng mà khách mang đến biếu, sợ dĩ chúng không hóa đá là vì chúng chưa phải là gia súc quen thuộc của chủ.

Còn ở tỉnh Phú-yên, trên núi Tịnh-sơn có một hòn đá tròn gọi là đá Con cờ, người ta cho đó là con tốt bằng ngọc trong áo khách vắng ra.

Bên cạnh là một cây cổ thụ to hàng vừng, rễ mọc chi chít, nhưng rễ cây bao giờ cũng quấn chặt lấy đá, người ta nói đó là người bạn biến thành **[1]**.

KHẢO DỊ

Về tình tiết người ngậm ngải hóa hổ, Việt-nam còn có truyện *Ngải trăm*

ngày (Bách nhật ngải):

Dưới chân núi Hoành-sơn (Nghệ - Tĩnh có một chàng tên là Nghĩa ngậm ngải vào rừng bị lạc đường, quá một trăm ngày không tin tức, người nhà đoán là đã chết. Một hôm anh ta tìm được về đến nhà. Nhà vắng, chỉ có đứa con đang chơi, anh ôm lấy nó. Người vợ từ ngoài đồng về, nhìn thấy chồng, bên cánh tay trái còn đeo túi trầm hương, người thì đã mọc lông, móng tay móng chân đã thành vuốt mà áo quần rách bươm. Thấy con đang ở trong tay chồng, nàng thét lên: - "Thả ra ngay không thì chết mất, anh đã mang tinh hùm beo rồi, con chồn con cáo trong tay anh còn không chịu nổi nữa là con người".

Nghe nói, hắn liền buông con ra, rồi đi tìm đá mài mài móng tay. Vợ lên ra gọi hàng xóm tới. Người ta bảo thử bỏ thịt lợn sống và chín ra trước mặt hắn để xem thế nào. Họ thấy hắn ăn cả hai. Có người bàn giết đi. Nhưng một số người khác cho rằng xem cách ăn có thể biết nó chỉ mới nửa người nửa thú. Và nó còn biết tiếc của và thương con. Người hóa ra thú được thì tìm cách cho nó trở lại thành người cũng được. Vậy nên chữa cho nó, chứ đừng giết.

Bèn xúm nhau lại bắt, phải vất vả lắm mới trói nổi được hắn. Trước hết móc họng lấy ngải ra, sau đó chữa chạy hơn nửa năm mới khỏi [2].

[1] Theo Quách Tấn. *Xứ Trầm hương*; và lời kể của đồng bào Khánh-hòa.

[2] Theo Lê Trọng Hàm. *Minh dã sử*, đã dẫn; tập 7, quyển 15. Cũng theo sách này và sách *Vân nang tiểu sử* thì ngải là một thứ cỏ thiêng, ở phương Nam "gọi là ngải mà không phải cây ngải (tướng quân)", người miền núi cho rằng ngậm cỏ này vào miệng đi vào rừng thì thú dữ mà gặp đều chạy giạt, mắt trông thấu được dưới đất, bụi bờ, sẽ có thể biết được chỗ nào có trầm hương, kỳ nam để thu lượm. Người ngậm nếu để quá một trăm ngày thì ngải lọt vào họng, người sẽ mọc lông, mọc đuôi mà thành thú.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

188. CÁI VẾT ĐỎ TRÊN MÁ CÔNG NƯƠNG

Ngày ấy có một ông thượng thư đầu triều nổi tiếng là người nghiêm khắc và hách dịch. Ông có tính nóng như lửa. Đã thế ông lại có quyền "tiền trăm hậu tấu" nên không khỏi giết oan một số người vô tội. Trong triều ngoài quận người ta coi ông như vị hung thần. Mỗi lần ông thét đao phủ chém một người nào, thì dù là kẻ thân thiết nhất cũng không ai có thể can được, cho nên những người ở gần đều sợ ông như cọp.

Ông thượng có một sở thích đặc biệt nhất là món hát bội. Ngày ấy chưa có rạp tuồng bán vé cho công chúng vào xem như sau này, cho nên các nhà quyền quý thường nuôi gánh hát riêng. Chẳng những ông thích xem hát mà còn tự tay biên soạn nhiều vở tuồng, vì vậy ông cũng có một gánh hát trong nhà. Trong số đào kép của gánh hát này thì có kép Châu là một tay xuất sắc. Kép Châu tuổi trẻ tài cao, thường được người xem tán thưởng về hát hay múa dẻo, nhất là đám nữ giới mỗi lần thấy anh thủ vai chính trên sân khấu thì thường mê như điên đảo về cả thanh lẫn sắc.

Ông thượng không có con trai, chỉ có một cô con gái rất xinh tên là Nhung. Cũng như thói thường của mọi nhà quyền quý khác, ông chăm dạy cho con mọi điều công, dung, ngôn, hạnh. Thấy con gái thông minh và tài hoa, ông yêu dấu rất mực. Đến nỗi hàng ngày hút thuốc, nếu không có thuốc do con ông quăn thì ông hút không ngon. Tuy nhiên, một việc oái oăm ông không bao giờ ngờ tới là cô Nhung được ông dạy dỗ chăm sóc là thế lại thầm yêu trộm dấu kép Châu. Về phần kép Châu tuy biết thân phận hèn kém, tuy biết tính mạng treo đầu sợi tóc cũng không nỡ vô tình với công nương. Hai bên đã nhiều lần kín đáo gặp gỡ và cũng đã từng chỉ non thề biển, quyết sống chết có nhau.

Một hôm ông thượng ăn mừng thọ. Ngoài tiệc tùng đãi khách như thường lệ, còn có một đêm hát bội đặc biệt diễn một vở do ông biên soạn. Thủ vai chính không có ai khác ngoài kếp Châu. Trong khi đào kếp đang cố gắng trở tài trên sân khấu thì ông thượng chăm chú cầm châu. Hứng thú, ông đốt hết điều này sang điều khác. Bỗng chốc số thuốc quăn sẵn đựng trong một cái hộp bằng vàng đã hết nhãn, ông bèn sai lính hầu vào bảo công nương quăn tiếp cho ông mười điều nữa.

Nhưng tên lính hầu đi quá lâu làm cho ông sốt ruột. Cho đến khi hẵn bưng được hộp thuốc vào, ông mắng ngay:

- Mày đi đâu mà lâu thế?

Tên lính hầu đáp:

- Bẩm, vì công nương không có nhà nên con lại phải đi tìm, công nương vừa quăn xong là con mang đến đây liền.

Ông thượng không nói gì. Nhưng khi cầm lên một điều ông lập tức chau mày. Thuốc của con gái ông quăn bao giờ cũng khéo: vừa gọn vừa chặt bằng giấy quuyến tinh khiết, mười điều không sai một. Đằng này đã quăn lỏng lại có nhiều vết bẩn. Bực mình, ông quát tên lính hầu:

- Vào gọi công nương mày tại đây tao bảo.

- Dạ.

Ấy thế nhưng lần này tên lính hầu cũng lại đi mất hút. Đợi một thôi một

hồi, ông mới thấy cô con gái yêu đến. Ông mắng phủ đầu ít câu về điều thuốc quẩn không thành điều, rồi đuổi con ra. Nhưng khi cô Nhung lui gót, ông vừa nhìn theo chợt trông thấy trên má của con có một cái vết đỏ. - "Hừ, làm sao nó lại có vẻ nhem nhuốc thế kia". Nghĩ thế, song ông vẫn để tâm trí vào trống châu.

Giữa lúc ấy, đến lượt kép Châu bước lên đài. Ông thượng liếc nhìn thấy bộ mặt hóa trang của hần cũng nhem nhuốc, nhợt nhạt, thì ông bỗng đoán ra nông nổi. Một cơn giận bùng bùng bốc lên: - "Chà thằng này láo thật. Đồ xướng ca vô loài". Rồi ông lại nghĩ đến con gái: - "Không ngờ con gái ta lại đâm ra mê say nó, giở trò trên bệ trong dẫu. Không thể tha thứ được. Tuy nghĩ vậy, ngoài mặt ông vẫn điềm tĩnh, tay vẫn đánh trống châu không nhầm lỗi.

Khi màn bắt đầu hạ để chuyển sang một cảnh khác, lập tức ông đứng dậy đồng dục truyền lệnh:

- Quân dẫu, dẫn kép Châu ra sân, chém đầu!

Tiếng quân hầu dạ ran. Các quan khách và mọi người đang xem hát ai nấy đều ngơ ngác kinh hồn. Chẳng ai hiểu duyên cớ vì dẫu mà có cái án tử hình đột ngột này. Đây đó tiếng người thì thầm: - "Có lẽ nó đã làm điều gì đó hỗn xược với cụ lớn". Hay là - "Chắc tên kép ấy đã phạm "húy" cụ lớn hay là phạm "húy" hoàng đế thì phải".

Trong khi kép Châu còn nguyên cả y phục tướng bị đao phủ lôi ra sân, thì cô Nhung vẻ mặt hốt hoảng chạy tới trước của cha mình ngồi thụp xuống vái lạy vái dề:

- Trăm lạy cha, xin cha tha cho anh ấy. Có giết xin cha cứ giết mình con

đây!

Nghe câu nói, ông thượng vẫn không động lòng, mà ông còn cảm thấy như bị thách thức. Trợn mắt, ông quát:

- A, nếu thế thì quân bay hãy cởi trói cho kếp Châu mà bắt giải công nương ra chết thế.

Bọn quân hầu nhìn nhau toáng đảm, không ai dám ra tay động chân. Ông thượng đứng bật dậy quát:

- Chúng mày đã nghe rõ lệnh ta chưa?

Lại có tiếng dạ ran. Lính hầu xúm lại dẫn cô Nhung đi ra sân. Không có một lời can ngăn. Không một ai nhúc nhích. Một lát sau, một tiếng rú của công nương bật lên ai oán, rồi tất cả rơi vào im lặng.

Bấy giờ ông thượng quay lại phía bọn đào kếp đang chui vào một xó, nhắc:
- "Chúng mày hãy diễn tiếp đi!"

Tiếng đàn, nhị, trống, chiêng, v.v...thốt nhiên lại cất lên. Người xem tuy chẳng còn hứng thú xem tiếp, nhưng không một ai dám bỏ chỗ ngồi ra đi. Ông thượng miệng vẫn hút thuốc, tay vẫn nắm lấy dùi trống châu như không có việc gì xảy ra.

Màn diễn đến đoạn cuối: vai chính sẽ than thở bên xác người yêu. Kếp Châu lại bước lên đài, mặt cắt không được giọt máu. Anh hát những câu hết sức buồn thảm, anh khóc thật và tỏ điệu bộ não nùng chưa bao giờ làm rung động người xem đến thế. Cứ như vậy, tiếng than khóc mỗi lúc một ai

oán. Cho đến câu hát cuối cùng vừa dứt, kếp Châu kêu lên mấy tiếng thảm thiết không có trong vở:

- Em ôi! Em hãy đợi anh với!

Đoạn rút trong tay áo một con dao găm đâm ngay vào cổ họng và ngã lăn xuống khán đài [1].

KHẢO DỊ

Truyện này gần như là một truyện thuộc loại muộn nhất của cổ tích, đã mang dáng dấp truyện ngắn hiện đại. Mặc dầu vậy nó cũng có dị bản, nhưng kết cục của dị bản lại không bi đát như truyện trên:

Trong nhà một ông tuần nọ có nuôi một gánh hát riêng. Trong số diễn viên cũng có một kếp trẻ tuổi đẹp trai hát hay, lời cuốn được nhiều người, nhất là giới phụ nữ. Cũng như truyện trên, kếp ta lọt vào mắt xanh con gái ông tuần. Thế rồi mối tình thâm lén ngày một nảy nở. Ở đây không có cái vết đỏ trên má cô nàng, mà là bức thư tình của cô do một bạn đồng nghiệp của kếp lấy trộm đưa tới ông tuần. Con thịnh nộ của ông bùng lên, ông tuốt kiếm bảo người đi tìm kếp dẫn đến cho ông tức khắc. Nhưng kếp lại vắng mặt lúc đó, nên kết thúc của truyện mang đôi chút hài hước. Trong khi chờ đợi tội nhân, ông cho giam con gái lại, thấy đôi hia đế cong của kếp, ông dùng kiếm bấm vằm như bấm vằm người thật để hả cơn giận. Cơn giận dịu đi trông thấy. Đến chiều, theo dự định, vở tuồng "Từ Thứ quy Tào" sẽ diễn

mà vai chính Từ Thứ thì ngoài kếp ra không ai có thể thay được. Nhưng, kếp ta có lẽ vì sợ vẫn chưa về mà nếu về cũng không có hia để đóng. Cuối cùng, ông tuần bảo người nhà đi mua một đôi kia khác và giục đi tìm kếp về gấp để cho vở tuồng không bị hoãn lại [2].

[1]. Theo *Tiểu thuyết thứ bảy* (1935); tạp chí *Đông Nam Á*, số 16 (1950); và *Phổ thông*, số 3 (1952).

[2]. Theo *Bách khoa*, số 382 (1972).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
189. CHÀNG NGỐC HỌC KHÔN
X. - TRUYỆN VUI TƯƠI DÍ DÒM

Ngày xưa, ở một làng nọ có anh chàng Ngốc bố mẹ mất sớm. Ngày bố mẹ anh còn sống có cưới cho anh một người vợ và để lại cho hai vợ chồng một ngôi nhà, một đám vườn và vài sào ruộng. Nhưng thấy Ngốc đần độn, vợ anh có ý định bỏ anh đi lấy người khác. Cho nên, sau khi bố mẹ chồng nối nhau qua đời, vợ Ngốc cũng bỏ về nhà bố mẹ đẻ hơn một năm trời không trở lại. Giữa lúc ấy có một thầy khóa góa vợ, thấy vợ Ngốc coi được thì muốn lấy tranh. Bố mẹ vợ Ngốc vốn ham của và ham chức vị nên hối hả nhận lời. Bèn bảo chàng rể mới cứ chuẩn bị lễ vật rồi làm lễ cưới bừa, dù Ngốc có biết cũng không hơi sức đâu mà kiện tụng, vả chẳng anh em họ hàng nhà Ngốc chẳng còn có ai để mà bày vẽ. Về phía Ngốc, tuy bị vợ bỏ, nhưng anh cũng không biết làm thế nào để khuyên dỗ vợ trở lại với mình, cũng chẳng nghĩ gì đến chuyện thừa kiện, vì đối với anh, việc đó to lớn rắc rối quá, y như chim chích lạc vào rừng vậy.

Lật đật mà ngày cưới của đôi bên đã đến. Ngốc ta tuy biết, nhưng chẳng có ai bày mưu tính kế, nên anh cũng cứ để mặc. Mãi đến trước ngày cưới một hôm, một người đàn bà xóm giềng thương hại Ngốc, bèn đến báo tin:

- Này anh kia, anh sắp mất vợ đến nơi rồi. Chỉ nội nhật ngày kia là chúng nó làm lễ cưới đấy. Anh có biết gì không?

- Có biết, Ngốc đáp.

- Thế tại sao anh không làm cách gì để trị cho chúng một mẻ?

- Tôi có biết cách gì đâu, làm thế nào bây giờ?

- Không biết thì phải đi học khôn với người ta chứ!

*

* *

Qua ngày mai, chàng Ngốc dậy sớm quyết định đi học khôn một phen như lời bà láng giềng khuyên bảo. Anh cứ thẳng đường đi mãi. Khi mặt trời đã lên cao, anh vẫn chưa có dịp học được cái gì, vì mọi người còn bận công việc làm ăn của họ. Qua một bãi cỏ rộng, anh thấy một lũ trẻ chăn trâu đang chơi đùa vui vẻ. Anh sán lại gần, bỗng nghe một đứa nói: - "*Thên thên ngòi đám cỏ xanh hơn ngòi chiếu hoa*". Ngốc ta thấy câu nói hay hay, liền lẩm nhẩm học thuộc lòng.

Anh lại đi thêm một đoạn đường dài. Đến một bờ ruộng, anh thấy có một người đang lom khom bắt chuột. Người ấy hì hục đào lỗ, đặt hom, rồi đốt một nắm rạ, quạt khói vào hang. Bỗng có một con chuột từ trong hang thò đầu ra khỏi lỗ sắp chui vào hom, nhưng thấy bóng người, lại thụt trở vào. Người kia giơ ngón tay chỉ và nói: - "*Thập thò, thập thò, lo chẳng chết!*". Ngốc ta thấy câu nói hay hay lại lẩm nhẩm học thuộc.

Bỏ người bắt chuột, chàng Ngốc lại tiếp tục cuộc hành trình. Qua một cánh

đồng khác, anh nhìn thấy có hai người lực điền tát nước, đang ngồi nghỉ dưới gốc cây, hút thuốc. Người này bảo người kia: - "*Thượng điều tích thủy, hạ điền khan*" [1]. Ngốc ta cho là câu nói hay, lại lẩm nhẩm học thuộc.

Bấy giờ trời đã trưa, anh lại đi thêm một đoạn đường nữa. Trước mặt anh là dòng sông nước chảy xiết. Giữa sông, anh nhìn thấy có một cái bè gỗ đang xuôi dòng. Một ông lão mà anh gặp đứng ở trên đồi nhìn xuống cái bè, rồi bỗng chốc thốt lên một câu: - "*Đại mộc lưu giang bất đắc hồi cố*" [2]. Ngốc ta cho là câu nói hay quá, lại lẩm nhẩm học thuộc.

Buổi chiều, trên đường về, anh đi qua một hàng cơm. Có hai người từ trong cửa hàng bước ra, mặt đỏ gay, đang chuyện trò với nhau rôm rả. Sau đó một lát, họ từ giã nhau, người này nói với người kia: - "*Thôi, cơm no rượu say, tôi xin vô phép, mai ta lên quan sớm*". Ngốc ta lại học thuộc lòng câu này. Cho như thế là đã đủ, và đi bộ suốt ngày đã mệt, bụng lại đói, chàng Ngốc bèn trở về nhà thổi cơm ăn, rồi lên giường nằm nhẩm lại những câu vừa học. Đoạn ngủ quên lúc nào không biết.

Ngày hôm sau, chàng Ngốc ăn mặc chỉnh tề đi sang nhà bố mẹ vợ.

Khi đến nơi đã thấy khách khứa tấp nập, cỗ bàn bày la liệt, hai họ đang chia nhau ngồi vào tiệc. Ngốc ta chẳng nói chẳng rằng bước vào cổng.

Một người nhà chạy vào loan báo cho bố mẹ vợ Ngốc và chàng rể mới biết là chàng rể cũ tự nhiên không mời mà đến. Mọi người cười ồ tỏ ý khinh thường, nhưng cũng bảo người nhà ra mời Ngốc vào xem hễ ta định làm gì cho biết. Họ ngạc nhiên thấy Ngốc ung dung ngồi phịch xuống một đám cỏ trước sân, vừa ngồi vừa nói câu nói thứ nhất học được ngày hôm qua:

- Thênh thênh ngồi đám cỏ xanh hơn ngồi chiếu hoa.

Cho rằng lời nói đó có ngụ ý thách thức, nhiều người từ chỗ coi thường Ngốc chuyển sang lo lắng. Họ bèn đứng lối nhỏ ở cửa nhìn ra để dò thái độ. Ngốc đang ngồi, nhìn thấy họ, sức nhớ tới câu thứ hai đã học được, liền chỉ ngón tay vào nhà mà nói:

- Thập thò, thập thò, lo chẳng chết?

Từ lo lắng, mọi người chuyển sang sợ sệt khi cảm thấy trong câu nói thứ hai của Ngốc không phải chỉ là sự thách thức mà còn có ý đe dọa.

Thầy khóa hết đứng lại ngồi, rấm rứt như sắp có tai vạ. Hẳn bảo bố vợ: "Thằng này không phải ngốc nghếch như bố tưởng. Con cho rằng nó đang có âm mưu gì đây". Nhưng người bố vợ thì vẫn coi thường Ngốc, đáp: - "Con đừng lo. Nó ù lì như một hòn đá. Bố dám đoan với con rằng nó chẳng có phá đám gì đâu!".

Tuy nhiên, ông cũng ra lệnh cho mời chàng Ngốc vào nhà, nhưng chỉ đưa anh vào ngồi ở những mâm phía dưới dành cho kẻ hầu người hạ. Đó là hạng cỗ xoàng đã không có nem, mọc, giò, chả, lại cũng không có rượu. Họ thấy Ngốc ta vui vẻ bước vào ngồi lên chiếu. Và sẵn đói bụng, anh cầm đĩa bát ăn rất ngon lành. Bố vợ bảo nhỏ chàng rể mới: - "Con thấy không. Thậm chí nó cũng không biết nhục. Bố nói có sai đâu mà". Nhưng đang ăn, Ngốc ta cũng không quên câu nói thứ ba đã học được, nên anh ngừng lại, mỉm cười nói:

- Thượng điền tích thủy, hạ điền khan.

Nghe câu đòi rượu uống một cách rất văn hoa, thầy khóa sợ xanh cả mắt. Hăn bụng bảo dạ: - "Nó nói được những câu như thế thì nhất định nó không chịu để mất vợ đâu, chỉ tại lão già khuyên dỗ, một hai nói nó chẳng biết gì. Thực ra nó đâu có ngốc như người ta tưởng. Việc này rồi sẽ lôi thôi to. Cái bằng khóa sinh không khéo bị lột mất, vì ta đã phạm đến danh giáo".

Nghĩ vậy, hăn biết là dại, liền hăm hăm làm mặt giận, bỏ ra về. Thấy chàng rể mới toan bỏ dở cuộc, bố vợ chạy ra cố sức níu hăn lại, bảo: - "Con cứ nghe bố ngồi lại mà dự cho xong đám cưới. Nó là thằng ngốc, nó nói gì thì nó cũng không thể làm được gì sất". Những người khác cũng chạy ra giữ thầy khóa ở lại. Trong khi kẻ lôi người kéo ngoài sân thì ở trong nhà người ta bưng rượu đến cho Ngốc. Cầm chén rượu, Ngốc ta sức nhớ tới câu thứ tư, anh nói ngay:

- Đại mộc lưu giang bất đắc hồi cố!

Thầy khóa đang chần chừ, nửa muốn về nửa muốn ở lại, chợt nghe câu nói ấy, liền bước thẳng ra cổng không ngoái cổ lại, vừa đi vừa lẩm bẩm: - "Nó "chửi chửi" mình đấy! Thế mà ông lão cứ một hai bảo nó ngốc đặc". Thấy Ngốc ăn nói khôn ngoan khác trước, người bố vợ lúc này mới chợt dạ, sai người ra tiếp Ngốc tử tế. Sau khi uống mấy chén rượu mặt đã đỏ gay, chàng Ngốc đặt đĩa đứng dậy ra về. Đến sân, anh còn ngoảnh lại nói nốt câu nói cuối cùng:

- Thôi, cơm no rượu say, tôi xin vô phép. Mai ta lên quan sớm!

Cả nhà nghe câu nói đồng dục bao nhiêu hồn vía đều lên mây. - "Thằng này nó dọa đi kiện đây! Chắc đã có đứa nào làm thầy cho nó. Đành phải bảo con gái trở về với nó, không thì oan gia". Tuy nghĩ vậy, bố vợ Ngốc vẫn

chưa tin là Ngốc đã có thể biết đường kiện cáo, bèn cho tên người nhà là Kềnh chạy sang nhà Ngốc rình xem Ngốc làm gì để biết mà lo liệu.

*

* *

Chàng Ngốc từ nhà bố mẹ vợ trở về đánh một giấc ngủ say. Khi tỉnh dậy thấy trong người ngứa ngáy khó chịu, liền cởi áo xoay trần bắt rận.

Giữa lúc đó Kềnh đã lén tới trèo lên một cây ổi ở góc vườn, nhìn vào cửa sổ để nghe ngóng. Hắn chỉ thấy Ngốc quay lưng về phía mình, người đang cúi xuống trước một vật gì trắng trắng. Kềnh bụng bảo dạ: - "Có lẽ hắn đang viết đơn kiện". Trong lòng hồi hộp, Kềnh nín thở lắng tai nghe. Lúc này, Ngốc ta bắt được hai con rận lớn, bèn reo lên:

- A! Thằng Đực và con Cái! Phải giết [3] chúng mày mới được!

Kềnh giật thót mình. Hắn lo sợ đến tái mặt. Vì Đực và Cái chính là tên vợ chồng lão chủ nhà hắn. Hắn nói thầm: - "Như vậy là hắn đã viết tên ông bà chủ mình vào đơn".

Kể đó, Kềnh lại nghe tiếng Ngốc nói:

- Lại thằng Béo, giết.

Béo là tên thầy khóa. Kênh vẫn cố lắng tai nghe. Tiếng của Ngốc lại vọng ra:

- Lại con Lớn, giết.

Lớn là tên vợ Ngốc. Kênh vẫn lắng tai. Lại có tiếng của Ngốc:

- À! Thằng Kênh! Giết, giết.

Kênh sửng sốt: - "Không ngờ hắn viết cả tên mình vào đơn. Thật là tai vạ". Bèn tụt xuống đất rồi chạy vào nhà van lạy, nước mắt giàn giụa:

- Thưa ông, ông tha cho con. Việc gả bán là ở ông bà chủ của con và thầy khóa cả. Phận con là đầy tớ, có biết gì đâu. Xin ông sinh phúc tha cho, đừng viết tên con vào đơn! Ngốc nói:

- Vậy thì, mày hãy về bảo với ông bà phải trả vợ cho tao.

Nghe nói, Kênh ba chân bốn cẳng chạy về. Đến nhà, hắn vừa thở hổn hển vừa kể lại mọi việc. Mẹ vợ Ngốc bảo chồng:

- Thôi ông ạ! Vô phúc đáo tụng đình! Bảo con chịu khó trở về với nó đi thôi. Trả lễ lại cho thầy khóa! Đừng để cửa trong nhà tự dưng vô cố đội nón ra đi! **[4]**.

KHẢO DỊ

Về chỗ những câu Ngốc học được, người Nghệ-an và Quảng-bình có kể khác đi, ví dụ thay cho câu: "Thên thên ngòi đám cỏ xanh hơn ngòi chiếu hoa" bằng câu: "Tọa non xanh xem bằng giường ngọc", hay "Tọa thảo mao hình như tịch thượng" [5]. Lại một câu khác Ngốc học được của một người thốt ra khi thấy có con diều xuất hiện, các con chim khác bay tán loạn: "Nhất diều vãng, vạn diều phi" (hay là "nhất diều lai, vạn diều kinh" [6]). Câu này được Ngốc ứng dụng vào lúc chàng rể và một số người khác bỏ ra về.

Nhiều dân tộc anh em cũng có truyện tương tự, chỉ khác chi tiết. Sau đây là truyện của người Mèo:

Một chàng Ngốc đi ở, lấy được con gái phú ông. Phú ông một hôm tìm cách cho chàng rể đi buôn xa để gả con gái cho người khác. Bèn giao cho rể ba trăm đồng với một cái "lầu" dặn buôn khi nào bạc đầy "lầu" hãy về. Ngốc đi với mấy người lái buôn và mỗi lần nghe được câu nào hay thì nhắm lấy thuộc lòng lại lấy tiền ra thưởng. Khi hết tiền vốn, tuy mới học được năm câu, nhưng Ngốc cũng về.

Khi về đến nhà phú ông thì người ta đang tổ chức đám cưới linh đình. Một người mách cho anh biết phú ông sắp gả vợ cho kẻ khác. Ngốc vẫn thản nhiên nói câu nói thứ nhất học được:

- Khó thì khó, ta cũng chỉ đi có một lần.

Nghe nói, phú ông mời Ngốc lên nhà dọn cơm cho ăn nhưng mâm chỉ có một bát cơm nguội, một bát canh suông. Ngốc nói câu thứ hai:

- Cái ao này sâu thì sâu thật, nhưng không có cá.

Nghe nói, phú ông sai người dọn thêm rượu thịt cho anh. Thấy Ngốc ăn nói sâu sắc, phú ông và mọi người nấp quanh nhìn xem thái độ như thế nào. Ngốc lại nói câu thứ ba:

- Ruồi nhặng bám đầy quanh, thối quá!

Họ tưởng Ngốc nhiech mình nên họ tản ra. Chỉ có vợ Ngốc mặc áo quần cưới đến gặp. Ngốc lại nói câu thứ tư:

- Cây hoa tươi cành lá sum suê đẹp thật, nhưng mục ruỗng từ lâu.

Nghe nói, vợ Ngốc ngồi khóc, trách bố làm hại. Ngốc ăn xong đứng dậy ra về, không quên nói câu cuối cùng:

- Dân không tài làm gì cũng khó, quan có tài làm gì cũng dễ, sướng nhất chỉ có làm bạn với nhà quan.

Phú ông tưởng Ngốc đi kiện quan nên lật đật gọi Ngốc trả lại vợ[7].

-
- [1] Câu này nghĩa là: ruộng trên ứ nước, ruộng dưới khô.
- [2] Câu này nghĩa là: cây gỗ lớn trôi ở sông không thể quay trở lại.
- [3] Tiếng "giết", có một số địa phương phát âm nghe dễ lẫn với tiếng "viết".
- [4] Theo Lê Doãn Vỹ. *Sách của trẻ nhỏ*, số 5 (1940) đã dẫn; và theo lời kể của người Hà-tĩnh.
- [5] Theo Lưu Văn Thuận, Phạm Văn Khương, sách đã dẫn.
- [6] Theo Lưu Văn Thuận, Phạm Văn Khương, sách đã dẫn.
- [7] Theo Hoàng Quyết, Hoàng Thao, Mai Sơn, sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
190. PHIÊU LƯU CỦA ANH CHÀNG NGỐC
HAY LÀ LÀM THEO VỢ DẶN

Ngày xưa có một anh chàng ngốc nghếch dần dần. Từ ngày có vợ, vợ anh thấy chồng ăn không ngồi rồi ngày này sang tháng khác, thì không được vui lòng. Cho nên một hôm, nàng thủ thi:

- Ngồi ăn núi lở. Anh phải đi làm một nghề gì nuôi thân, nếu không thì khó mà ăn ở với nhau được lâu dài.

Ngốc ta đáp: - "Tôi chữ nghĩa đã không có, đi cày thì dở, làm thợ thì dốt, biết làm nghề gì đây?". - "Đi buôn vậy!" - người vợ trả lời. - "Tôi sẽ đưa tiền cho anh để anh đi buôn". - "Buôn gì?". - "Cái gì có lãi thì buôn. *Đầu thì buôn vịt buôn gà, sau thì buôn gỗ làm nhà cũng nên*".

Mấy hôm sau Ngốc ta cầm tiền ra đi. Nhớ tới câu dặn của vợ, nên anh có ý đi buôn vịt. Qua một thoi đường, anh nhìn thấy có một bầy vịt độ một chục con đang kiếm ăn trên mặt đầm. Không biết đó là vịt trời, anh quyết tâm đi tìm chủ bầy vịt để hỏi mua. Gặp một đám trẻ chăn trâu đang chơi trên bờ đầm, anh ghé lại hỏi: - "Vịt của ai đó?".

Bọn chúng hỏi lại: - "Ông hỏi làm gì?" - "Ta muốn mua buôn". Thấy có người hỏi trớ trêu, bọn chúng đáp liền: - "Vịt ấy là của chúng tôi. Nếu ông mua được cả, chúng tôi bán rẻ mỗi con năm tiền, mười con vị chi là năm quan". Nghe chúng cho biết giá rẻ, Ngốc ta không ngại ngần gì nữa ngồi xuống xĩa tiền ra trả. Biết là gặp phải anh ngốc, bọn chúng nhận lấy tiền, chia nhau, rồi bảo anh: - "Đó, bầy vịt bây giờ là của ông. Ông ngồi đây mà canh, đến chiều lại lừa chúng về". Đoạn chúng mỗi đứa cười trâu đi một

ngả. Ngốc ta ngồi lại bờ đầm canh chừng vịt. Chưa quá trưa, anh định lội xuống nước để lừa vịt về thì bầy vịt nhác thấy hóng người, bay vọt lên trời một chốc mất biến. Ngốc ta từng hững, đành trở về kể lại với vợ.

Vợ tiếc của mắng cho chồng một trận nên thân rồi bảo:

- Đó là vịt trời giống hệt vịt nhà, nhưng nó biết bay. Sau này trước khi mua muốn biết vịt biết bay hay không, anh cứ giơ gậy lên dứ vào chúng là biết ngay!

Mấy ngày sau chàng Ngốc lại cầm tiền ra đi. Đến chợ thấy có người bán ba con lợn con. Lợn được thả trong một cái rặc quây thành vòng tròn, bờ thành không cao lắm. Anh sà vào hỏi mua. Nhớ lại lời vợ dặn, nên trước khi trả tiền, anh giơ gậy lên dứ vào mấy con lợn. Mấy con lợn thấy vậy sợ quá nhảy tót ra ngoài rặc, rồi chạy vào bụi mất cả. Người hàng lợn bèn nắm lấy áo anh bắt vạ. Có bao nhiêu tiền vốn mang đi, anh phải lấy ra đền. Xót của, anh mếu máo về kể chuyện lại cho vợ nghe. Vợ lắc đầu:

- Khốn nạn! Mấy con lợn thì làm gì biết bay mà phải dứ. Anh cứ mua đưa về đàn ông chả phải thử làm gì mất công.

Ít ngày sau anh lại mang tiền đi. Lần này anh mua được một gánh nôi đất. Nhớ lời vợ dặn anh cứ gánh nôi đi nghênh ngang giữa đường. Người đi đường gặp anh đều phải tránh xuống ruộng. Không ngờ hôm ấy có một bầy trâu đến mấy chục con được chủ lừa đi ăn. Đường hẹp, trâu không biết tránh nên va vào gánh nôi của anh vỡ gần hết. Anh về kể lại với vợ. Vợ bảo:

- Chết nôi. Nôi là vật dễ vỡ, gặp trâu bò hay con vật nào khác thì ta phải tránh đi lối khác, hoặc cho cho chúng đi qua sẽ gánh về cũng không muộn.

Ít lâu sau nữa, anh lại đi buôn. Lần này anh mua được một gánh vôi đá mới nung. Gánh về dọc đường anh thấy có một con chuột chết nằm chính giữa mặt đường. Nhớ lời vợ dặn, anh lẩm bẩm: - "Chà chà, có con vật này nằm cản đường ta phải tránh nó mới được!". Nghĩ vậy anh không dám bước qua con chuột, bên lội xuống ruộng nước để tránh.

Nhưng không ngờ nước ở đấy hơi sâu, vôi đá chạm phải nước tự nhiên sôi lên ầm ầm, anh hoảng quá vứt cả gánh mà chạy. Về nhà anh khóc lóc kể lại cho vợ hay. Người vợ giẫm chân kêu trời, đoạn bảo anh:

- Quả là không ai ngu ngốc bằng anh. Thôi bây giờ tiền trong nhà chẳng còn một đồng để buôn với bán nữa rồi. Ngày mai anh tìm cách gì kiếm lấy ít quan mà tiêu.

*

* *

Hôm khác, Ngốc ta bỏ nghề buôn, quyết định làm nghề ăn trộm. Chờ tối đến, anh lẻn vào nhà một người nọ trong lúc họ còn ngủ say. Cuối cùng anh cũng lần mò lục tìm được một số tiền. Nhân trong nhà đèn chưa tắt, anh đưa đến gần để đếm và nhờ tinh mắt anh phân biệt được mấy đồng "xoèng" **[1]**. Anh liền tìm đến chỗ chủ nhà ngủ, lay họ dậy và nói:

- Dậy! Dậy mà đổi tiền xấu!

Chủ nhà đang ngủ ngon giấc sức tỉnh, thấy trong nhà có kẻ lạ mặt bèn hô hoán lên: - "Bắt, bắt lấy nó!". Ngốc ta hoảng hồn bỏ cả tiền mà chạy, may thoát được. Về được đến nhà, anh kể lại cho vợ nghe. Vợ bảo:

- Trời ôi! còn đổi mấy chác mà làm gì. Thôi mai đi kiếm ít gạo, về ăn, nhà chẳng còn hột nào nữa.

Tối hôm sau Ngốc ta lại đi ăn trộm. Anh cũng đào ngạch vào được nhà nọ một cách dễ dàng. Nhớ lời vợ dặn nên anh không chú ý đến những cái khác mà chỉ đi tìm gạo. Nhưng những chỗ mà anh sờ soạn đều chứa thóc là thóc, chẳng có hạt gạo nào. Sẵn có cối xay gần đó, anh bèn đổ thóc vào xay. Tiếng xay lúa ầm ầm làm cho nhà chủ tỉnh dậy. Khi họ xông tới toan bắt, anh may mắn lại chạy thoát. Về kể lại với vợ, vợ kêu lên: - "Ngốc ơi là ngốc! Thôi mai thì thấy gì lấy nấy, cứ đưa về đây, chẳng cần phân biệt gì nữa".

Tối hôm sau, Ngốc lại lọt vào một nhà khác. Anh vừa vào đến sân đã thấy nhiều thứ đồ đạc nhằm chừng có thể lấy được. - "Hừ, vợ ta dặn có gì lấy nấy chẳng cần phải đào ngạch vào nhà làm gì cho mất công".

Nghĩ vậy anh nhặt nhanh đủ thứ chất một gánh nặng quảy về nhà. Vợ thắp đèn lên xem thì hóa ra toàn là chổi cùn, rế rách, đòn ghế, gỗ vụn, cào tre, cuốc gãy, lại có cả một nồi nước giải. Vợ chặt lưỡi hôi lâu rồi bảo chồng:

- Thôi! Mai đừng đi ăn trộm nữa mà có ngày chết oan. Anh cứ chịu nhục làm nghề ăn xin, may ra được miếng gì bỏ vào miệng nuôi lấy tấm thân là được rồi.

*

* *

Mấy hôm sau, anh nghe lời vợ làm nghề nghiệp mới. Gặp một ông quan ăn mặc sang trọng đang đi dạo anh bước đến ngửa tay xin ăn. Nhưng vừa mở miệng nói mấy câu học được: - "Lạy ông đi qua, lạy bà đi lại..." thì có hai tên lính theo hầu quan đã bước tới quất roi vào đít.

Để khỏi ăn thêm đòn, anh ba chân bốn cẳng bỏ chạy. Về kể lại với vợ, vợ bảo anh:

- Đó là ông quan, đừng có đụng đến mà chết. Đi xin thì tìm chỗ đông người, không xin được người này thì còn người khác thế nào cũng được ăn.

Hôm sau anh đi xin gặp một đám ma. Nhớ lời vợ dặn anh sà vào chỗ đông người đang xúm xít khóc than ở sau linh cữu rồi ngửa tay xin hết người này đến người khác. Nhưng anh đã chẳng được gì mà lại còn bị mắng chửi đuổi đánh. Anh về kể lại với vợ. Vợ bảo:

- Đó là đám ma, anh cứ đi theo "ô hô" ít câu là sẽ được người ta cho ăn.

Ít hôm sau, anh ra đi lại gặp một đám đông người khác. Không biết là đám rước dâu, anh làm theo lời vợ dặn, đuổi theo đám đông vừa đi vừa bùm mặt

nắc lên mấy tiếng "ô hô!". Những người trong đám rước dâu cho là anh cố ý làm cho họ xui xẻo, liền hò nhau đánh đập tới tấp.

Bị đòn đau, nhưng anh cũng cố giật ra được chạy về. Sau khi kể cho vợ nghe, vợ bảo:

- Đó là đám cưới. Anh chỉ cần đi theo nói mấy câu "tốt đôi, tốt đôi" là có ăn rồi.

Ít hôm sau anh lại đi. Gặp một đám đông người đang chữa cháy. Nhớ lời vợ dặn anh đến gần, mồm nói lia lịa: "Tốt đôi! Tốt đôi!". Thiên hạ cho anh là thủ phạm đốt nhà vì "tốt đôi" nói lái là "tôi đốt", liền bắt anh trói lại nện cho một trận, lại định giải lên quan. Anh phải vất vả lắm mới lạy lục xin thả cho về. Về nhà anh kể lại cho vợ nghe. Vợ bảo:

- Đó là đám cháy. Thấy vậy anh cứ múc nước dội vào rồi người ta sẽ thưởng công cho.

Mấy hôm sau anh lại đi. Gặp mấy người thợ rèn đang hì hục đập trên đe một thanh sắt nung đỏ. Anh bèn múc một vò nước đến dội vào sắt, vào bể lửa nhà thợ rèn. Thấy chuyện trở trêu, cả mấy người thợ quăng búa xúm lại giã cho một trận như đòn rồi mới cho về. Về nhà anh meo máo kể cho vợ hay. Vợ bảo:

- Đó là những người thợ rèn sắt. Anh cứ xông vào quai búa với họ là họ sẽ cho ăn.

Ít lâu sau nữa anh lại đi. Lần này Ngốc cũng tìm đến một đám đông người. Thấy có mấy người đánh nhau, chẳng nói chẳng rằng anh hùng hổ xông vào giơ tay thui người này, co cẳng đá người nọ. Mấy người đánh nhau tuy

đang la hét giận dữ, nhưng thấy một người lạ vô cớ đánh đá mình, bèn bỏ đánh nhau, quây lại thui cho anh những quả bằng trời giáng. Anh đau điếng chạy về kể lại về vợ. Vợ bảo:

- Đó là đám đánh nhau. Anh hãy can người ta ra miệng nói "dĩ hòa vi quý" không khéo được người ta rủ rê chèn chèn cũng nên.

Ít lâu sau anh lại đi, gặp một đám đông người khác. Thì ra họ đang xem hai con trâu húc nhau chí tử. Ngốc ta nhớ lời vợ dặn, chạy vào cố sức vỗ về can hai con vật, miệng nói: - "Thôi thôi dĩ hòa vi quý, đừng báng nhau nữa". Nhưng không may cho anh, trong lúc đối thế, một con đã húc nhằm vào người anh làm anh thủng bụng chết.

Thế là hết đời anh chàng ngốc [2].

KHẢO DỊ

Một số người khác ở Quảng-bình kể đoạn cuối của truyện này là không phải Ngốc gặp hai con trâu húc nhau mà là hai con hổ cắn nhau. Anh cũng nhớ lời vợ dặn, xông vào can ra, cuối cùng bị hổ ăn thịt. Nguyễn Văn Ngọc có truyện kê *Tù lì tám tiền*, gần như là một dị bản của truyện trên, nhưng ở đây không có việc Ngốc đi buôn và đi ăn trộm:

Một chàng Ngốc thấy vợ ở cũ thì thương, luôn luôn đến bên giường hỏi vợ ăn gì để mua. Hỏi mãi, vợ bức mình, đáp: - "Ăn gì? ăn cái con tù lì". Kiếm

được tám tiền Ngốc liền ra đi. Đến chợ hỏi khắp nhưng chẳng ai bán tù lì cả.

Đi nhiều nơi không tìm ra, trở về, mệt quá, thấy sông bèn cõi khố xuống tắm. Tắm xong bước lên, thì khố đã bị mất. Bèn cứ trần truồng đi tìm khố. Từ đây diễn biến gần giống với truyện trên. Gặp đám ma thấy có ngọn cờ, Ngốc ta tưởng là khố của mình bèn đến đòi. Tang gia cho là lão xược bèn đánh cho một trận. Ngốc bỏ chạy về kể lại với vợ. Vợ thương hại, bảo: - "Phải chi anh vào "ô hô" mấy tiếng sẽ được người ta mời mọc". Hôm sau Ngốc lại đi mua tù lì, gặp một đám rước dâu. Nhớ lại vợ dặn bèn đến "ô hô" ba tiếng. Lại bị đánh.

Về, vợ bảo: - "Phải chi mang trầu cau đến mừng "tốt đôi" thì sẽ được mời ăn cỗ".

Hôm sau cũng gặp một đám cháy nhà, bèn kiếm cớ trầu đến mừng tốt đôi. Chủ nhà tưởng nói "tốt đôi" là "tôi đốt", bèn đánh, định trói đưa lên quan.

Về, vợ bảo: - "Phải chi lấy cuốc cào giúp người thì sẽ được ăn".

Hôm sau gặp đám đánh nhau, Ngốc sẵn cuốc, cuốc vào cả hai người, lại bị đánh. Về, vợ bảo: - "Nếu gặp đám đánh nhau thì nên lánh cho xa kẻo mang họa". Hôm sau gặp hai chim cu chọi nhau, Ngốc chạy ù một mạch về nhà. Vợ nghe kể lại, bảo:

- "Hoài của. Phải chi bắt về làm thịt đánh chén".

Ngốc tiếc, đi tìm chim, lạc lối lên rừng, thấy hổ mẹ đang giỡn với hổ con, bèn đến toan bắt, may có bọn thợ săn cứu khỏi hồ vồ (có người kể là Ngốc bị hổ ăn thịt). Ngốc lại đi tìm mua tù lì, gặp một người bán mèo không ai

mua nên xách về. Thấy Ngốc chạy theo hỏi mãi bán con gì, người kia bực mình đáp: "Bán cái con tù lì". Thế là Ngốc đưa cả tám tiền để mua cho được. Dọc đường về gặp ao bèo lại xuống tắm. Sợ mất khố như lần trước, nhưng lại không biết để đâu cho khỏi mất, bèn buộc khố vào mèo. Tắm xong lên bờ chẳng thấy "tù lì" lẫn khố. Lại chạy, gặp ai cũng hỏi: "Tù lì của tôi". Chạy theo bờ sông một quãng, Ngốc nhìn xuống thấy bóng của tù lì dưới nước, toan nháy xuống bắt. Nhờ một em bé cho biết là con vật còn ở trên cây cùng với cái khố. Anh mừng quá trèo lên, đưa về. Đến nhà reo lên là đã mua được tù lì. Vợ bật cười. Từ đó người ta cũng gọi con mèo là con tù lì (hay cũng gọi là đù đi) [3].

Chúng tôi cho rằng người kể vô tình hay hữu ý đã ghép cả hai truyện: *Tù lì tám tiền* và *Phiêu lưu của anh chàng Ngốc* (phần sau) lại làm một.

Truyện *Phiêu lưu của anh chàng Ngốc* cũng có dị bản ở một số dân tộc mặc dầu hình ảnh trong mỗi dị bản có những biến thái khác nhau.

Truyện của Miến-điện (Myanmar):

Một thằng Ngốc nghe lời mẹ vào rừng đi kiếm thức ăn. Hắn bắt được một con chim mắc bẫy. Ngốc ta bảo chim: "Nào cho mày bay đến chỗ mẹ tao để cho bà ấy làm thịt mày chốc nữa về tao ăn". Nói rồi thả cho chim bay đi. Khi hắn về nhà không thấy chim mới kể chuyện cho mẹ nghe. Mẹ hắn bảo: - "Đồ ngốc, phải dùng dao giết chết rồi mang về chứ".

Hôm khác Ngốc lại vào rừng kiếm thức ăn, thấy một đám nấm mọc dưới gốc cây. Ngốc ta dùng dao bằm tiệt rồi vợ về. Mẹ trông thấy bảo: - "Mày là đồ ngốc làm nát hết nấm còn ăn với uống gì. Lần sau phải nhớ nhổ cả rễ đưa về nhé!".

Hôm khác thấy một tổ ong. Ngốc kêu lên: - "Ta có mật ăn rồi!". Sực nhớ lời mẹ dặn, hăn định nhổ cả cây có tổ ong. Nhưng vừa laymấy cái đã bị ong xông ra đốt cho sưng vù mặt mũi. Đau quá, Ngốc kêu ầm ĩ rồi bỏ chạy về nhà. - "Mày là đồ ngốc, -mẹ hăn bảo -con phải lấy lửa đốt để khói hun cho chúng bay đi mới lấy được".

Lần khác Ngốc gặp một nhà sư: - "Nhất định ông sẽ bắt được!". Bèn rón rén đi đến sau lưng, châm lửa đốt cháy áo cà sa. Nhà sư bị nóng lẫn lóc mấy vòng trên cỏ. Ngốc cứ chạy theo châm nữa. Cuối cùng hăn bị nhà sư và những người đi đường đánh cho một trận nên thân. Khi gặp mẹ, Ngốc kể lại, mẹ Ngốc bảo:

- "Mày là đồ ngốc. Thấy mặc áo cà sa thì biết đó là nhà sư, phải quỳ xuống mà vái chào chứ".

Lần sau Ngốc lên rừng gặp một con hổ. Thấy bộ lông vàng, hăn cho là nhà sư, bèn quỳ xuống vái chào, hổ liền vồ lấy ăn thịt **[4]**.

Người Miến-điện (Myanmar) còn có một dị bản nữa nhan đề là *Bốn chàng ngốc* xem **Khảo dị** truyện *Rủ nhau đi kiếm mật ong* (số **196**).

Truyện Trung-quốc:

Một chàng ngốc có một người bố cũng vào loại ngớ ngẩn. Bố có một con lừa, một hôm con hỏi bố: - "Lừa ấp ra đấy phải không?" -"Phải", bố đáp - "Vậy cho con con lừa ấy đẻ bố cho ấp con khác". - "Không được, tao cho một quả trứng lừa về mà ấp". Bèn đưa cho con một quả dưa. Con đưa về ấp ngày ấp đêm chẳng thấy gì cả, bèn ném dưa vỡ tan. Thấy trong quả dưa có ruột đỏ hăn kêu lên: - "À, nó đã bắt đầu có máu rồi, nếu ta ấp thêm vài ngày

nữa thì hẩn thành con". Hẩn bèn đến xin bố một trứng lửa khác. Ấp mãi không được, ngốc lại ném đi. Không ngờ ném đúng vào chỗ có con thỏ nấp. Thỏ từ chỗ nấp vọt chạy ra. Thấy thế, hẩn nói: - "À đúng rồi nó đã nở thành con, đã có tai dài". Bèn đuổi theo. Thỏ chui vào một cái lỗ. Hẩn lấy khăn bọc trên miệng lỗ rồi đứng rình. Được một chốc, thỏ chạy vọt ra mang cả khăn đi mất.

Từ đây truyện xích gần với truyện của ta. Hẩn đuổi theo thỏ, đến một làng đang có đám ma, dừng lại hỏi mấy người đưa ma: - "Các người có thấy một con lửa đội miếng vải trắng trên đầu không?" Họ tưởng hẩn hỏi có ý châm chọc, bèn đánh cho một trận. Về nhà hỏi bố, bố bảo: - "Đáng lẽ con khóc lên ba tiếng, rồi nói, tôi sẽ có văn điếu mang đến". Hôm sau hẩn lại đi tìm, gặp một đám cưới, bèn làm theo lời bố, bị họ đánh như tử. Lại về hỏi bố, bố bảo: - "Đáng lý con phải nói xin chúc mừng, xin chúc mừng". Hôm sau lại đi gặp một đám chày, bèn làm theo lời bố, lại bị họ đánh cho. Lại về hỏi bố, bố bảo: - "Đó là đám chày, phải kêu to lên và tưới nước cho tắt". Hôm sau lại đi, gặp thợ rèn đang rèn sắt, bèn kêu chày và giội nước vào cho tắt cũng bị thợ rèn đánh cho. Về hỏi bố, bố bảo: - "Đáng lý phải nói: "Nào ta đánh nào", rồi cầm búa đánh với họ". Hôm sau lại đi gặp đám dân làng đánh nhau, hẩn làm theo lời bố, bị họ nện cho một trận. Về hỏi bố, bố bảo: - "Đáng lý con phải can ra và nói: "Thôi thôi, tôi can hai người". Hôm cuối cùng lại đi và gặp hai con bò húc nhau, hẩn làm theo lời bố bị chúng húc chết [5].

Truyện Pháp: *Pi-e, anh chàng ngốc*:

Một hôm Pi-e được mẹ sai mang hạt đi đến xưởng xay bột thuê. Vì sợ con nhầm nên bà mẹ dặn nhớ thu lại cho đủ: - "Hãy bảo chủ cối xay rằng: một cúp (chỉ số ít cám lấy ra khi xay) mỗi xơ-chê". Đi dọc đường vì sợ quên nên hẩn lặp lặp mãi câu này. Không ngờ khi qua cánh đồng, lúc này nông dân ở đây đang tria hạt, nghe Pi-e nói mãi câu ấy họ cho là điềm xấu, bèn

lên đường mắng cho một trận. Pi-e về hỏi mẹ vì sao lại như vậy. Mẹ bảo: - "Đáng lý khi đi qua những người tria lúa thì cần phải nói: Chúc cho được đầy xe".

Anh lại lặp bập học câu ấy trong khi đi đường. Qua một chỗ có một đám ma, những người đi đưa đám nghe Pi-e chúc thế thì chửi lại anh. Pi-e lại về hỏi mẹ. Mẹ bảo: - "Đáng lý con phải nói: Chúc cho Chúa mang hồn của nó đi!".

Hôm sau Pi-e lại lặp bập câu ấy. Bấy giờ có một con chó sói tha một con cừu, người chăn cừu đang đuổi theo chó sói, nghe Pi-e nói thế thì tức quá bèn xuyt chó cho cắn anh. Pi-e lại về hỏi mẹ. Mẹ bảo: - "Đáng lý phải nói câu: Để đó không phải của mày".

Lần khác, Pi-e gặp một đám cưới. Chàng rể nghe anh nói câu ấy thì nổi giận bèn đánh đuổi. Pi-e ba chân bốn cẳng bỏ chạy.

Ngày khác Pi-e lại được mẹ sai mang hạt đi xay. Dọc đường thấy gió thổi, anh mở túi hạt ném cho gió, bảo gió chuyển hộ đến cối xay. Khi đến nơi anh hỏi chủ cối xay xem đã xay xong chưa - "Chẳng có ai mang hạt đến cả", chủ cối xay đáp. Khi về hỏi mẹ, bà mẹ đáp: - "Đồ ngốc, con phải mang nó ở sau lưng chứ gió có làm hộ cho ai đâu".

Lần khác được mẹ sai đem một con lợn ở chợ về. Nhớ lời mẹ dặn, Pi-e mang con lợn lên lưng cầm hai chân trước của lợn lên vai đến nỗi bị lợn nhấm cho tai chảy máu vẫn không thả. Về nhà bà mẹ bảo: - "Sao con không buộc dây vào cổ lợn mà dắt có hơn không?".

Lần nữa được mẹ sai đi đến nhà người bà con lấy cái bình sành về muối thịt. Pi-e buộc dây vào cổ bình kéo về, đến nhà nhìn lại đầu dây chẳng còn

gì nữa. Bà mẹ mắng: - "Sao con không thọc gậy vào bình rồi cầm lấy đầu gậy kia vác lên vai".

Lần sau khi phải mang một khối bơ đặc, Pi-e thọc gậy vào giữa rồi vác gậy lên vai. Về đến nhà thì bơ đã chảy hết, chẳng còn một chút gì. Bà mẹ bảo: - "Mày thật là ngốc. Sao không đựng vào một cái gì cho im mát mà đưa về".

Lần cuối cùng mẹ bảo anh đi mua năm cây kim đan. Pi-e đi sau một cái xe chở rơm - "Lần này thì không thể mất đi đâu được". Nghĩ vậy, hắn cắm tất cả kim vào đồng rơm. Lúc về anh lục tìm trong đồng rơm mãi không thấy. Bà mẹ hỏi: - "Sao con không mua được cái kim nào?". Pi-e đáp: - "Con đã cho vào một chỗ im mát, không thể chảy như bơ hôm nọ được" [6].

Xem thêm **Khảo di** truyện số 196.

[1] *Xoèng*: tiếng cổ lưu hành ở Nghệ - Tĩnh chỉ loại tiền có pha đồng đỏ, theo thị trường ngày xưa là kém giá trị. Có câu thơ "*Tiền đồng trăm trự (chữ), sáu mươi xoèng*".

[2] Theo lời kể của người Quảng-bình, Nghệ-an, Hà-tĩnh.

[3] Theo *Truyện cổ nước Nam*, A. Người ta; đã dẫn.

[4] Theo *Miến-điện dân gian cổ sự*.

[5] Theo Vi-ê-jê (Wiéger): *Sách sơ yếu* (bạch thoại): *Truyện kể*.

[6] Theo Mê-ra-vi-ơ (Méraville). *Truyện dân gian miền Ô-véc-nhơ*.

Chúng tôi có lựa vào đây một số trên mười truyện cùng các dị bản của chúng.

Những truyện này kể ra về nội dung cũng có thể sắp xếp vào loại truyện

khôi hài hay hoạt kê như đã phân loại trong phần nghiên cứu ở tập I. Tuy nhiên, về hình thức, chúng lại khó phân biệt với truyện cổ tích. Chúng là những truyện thường kết cấu chặt chẽ, có đầu có đuôi, hơn nữa, nói chung, thường mang tính mục đích: mỗi truyện có ý nghĩa nhất định: cũng không phải là những truyện có tính cách tập hợp từng mẫu, mỗi mẫu thường mang một ý nghĩa, hợp thành một chùm truyện như loại truyện Trạng Quỳnh, truyện Ông Ó, v.v... cũng không phải là những truyện có kết thúc nửa chừng khi nụ cười hay ý nghĩa câu chuyện đã tới điểm nút như phần nhiều các truyện tiểu lâm, ngụ ngôn, v.v... Tất nhiên, trong những truyện kể ở đây, cái không khí vui tươi dí dỏm thường được thay vào cái không khí nghiêm trang của phần đông các truyện cổ tích, chẳng khác gì một số truyện đã kể ở các tập trước, như Thầy hít (Số 40), Dì phải thẳng chết trôi, tôi phải đôi sấu sành (số 53), Nói dối như Cuội (số 60), Chàng ngốc được kiện (số 108), v.v... Những truyện như vậy không phải là hiếm hoi trong kho tàng truyện cổ tích của các dân tộc. Có điều, như ở cổ tích, sự dặt dắn của các tình tiết có làm bật ra tiếng cười thì đấy cũng là những tiếng cười nhẹ nhàng lành mạnh, không hoặc ít mang cái chất tục tĩu, thô bạo như phần nhiều truyện tiểu lâm. Chúng tôi tập hợp chúng vào mục cuối cùng này để bạn đọc có thể thấy nghệ thuật truyện cổ tích (và cả thần thoại) nói chung không phải không hề biết đến cái vui tươi dí dỏm, hơn nữa, để có điều kiện so sánh và phân biệt ranh giới giữa một số truyện cổ tích với truyện khôi hài (cũng như với các loại truyện khác) vốn không phải lúc nào cũng tách bạch dễ dàng.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
191. THỊT GÀ THUỐC CHỒNG

Xưa, có hai vợ chồng nhà nọ lấy nhau lâu ngày. Người vợ bỗng sinh trắc nết dan díu với một chàng trai. Hai bên say mê nhau và điều ước muốn của người đàn bà là làm sao cho chồng sớm chết để mình được tự do đi lại với tình nhân. Hàng ngày người đàn bà sửa lễ ra đèn khấn vái cầu thần hoá phép cho chồng chết đi, sẽ xin hậu tạ. Việc ngoại tình của người vợ cuối cùng cũng đến tai người chồng. Hắn đã rình rập đôi ba phen nhưng chưa kết quả. Thấy vợ lui tới đền thờ thần luôn thì hắn sinh mỗi ngờ vực, bèn một hôm len đến trước, nấp ở saupho tượng.

Khi nghe lọt những lời khấn khứa của vợ, hắn bỗng mỉm cười, rồi nhân thể đổi giọng giả làm lời thần nói vọng xuống, đủ lọt vào tai vợ:

- Về mổ một con gà mái ghẹ, bỏ vào một nắm hoài sơn, nấu lên cho ăn thì nhất định nó phải chết.

Vợ tưởng là lời thần phán thật, bèn trở về làm như là dặn. Buổi chiều hôm ấy sau khi một mình chén cả con gà, chồng giả cách lên giường nằm vật vã. Vợ chắc mẩm thuốc bắt đầu ngấm, mừng thầm trong bụng, làm bộ hầu hạ săn sóc. Khi thấy chồng quẫn quại thì lấy chiếu đắp lại rồi lập tức chạy đến báo cho tình nhân hay và rủ lại nhà mình để kịp thời tính liệu.

Vốn đã có chủ ý, nên sau một hồi làm bộ mê mết, chồng bỗng nhóm dậy giục vợ nấu cho mình một nồi nước.

- Nấu nước để làm gì? - Vợ hỏi.

- Tôi nghe trong bụng cồn cào như đứt từng khúc ruột, chắc là không qua được. Muốn tắm một cái cho sạch để đợi giờ chết.

Vợ tin là thật, bỏ đi nấu nước, trong khi đó thì tình nhân của nàng lên tới kín đáo chui vào một cái chum đầy nắp ở trên. Dĩ nhiên việc đó không qua mắt được người chồng.

Nước nấu xong, chờ khi vợ ra giếng gánh nước lã về pha, chồng bèn trở dậy bưng nồi nước sôi đổ ụp vào chum. Người kia chết không kịp ngáp. Lúc vợ gánh nước về, chồng khoát tay bảo rằng:

- Không cần tắm nữa. Bây giờ thì tôi nóng ruột quá, muốn chạy đi đâu cho khuây khỏa.

Nói đoạn bỏ đi mất. Vợ đang lo lắng vì tình nhân còn nấp trong nhà, nay thấy chồng bỏ đi thì mừng quýnh, chờ chồng đi khuất, vội chạy đến chum. Vừa giở nắp đã thấy tình nhân trôi đầu lên, vội nói:

- Ôi! Vui sướng chi mà anh lại cười! Đi cho mau kéo nó về thì khốn.

Nhưng đến khi nhìn kỹ thì mới biết hắn ta đã chết nhăn răng từ bao giờ.

Trước cái xác chết, người đàn bà đâm ra bàng hoàng lo lắng. Bụng bảo dạ:
- "Phải làm thế nào cho mất tích, nếu không thì khó lòng giữ được cái đầu trên cổ". Đang lo nấu ruột thì một mưu kế chợt đến. Xóm giềng có mụ Hoa chuyên nghề nấu rượu. Đầu hồi nhà mụ có một dãy chum chứa hèm để bán cho người nuôi lợn. - "Phải rồi, chỉ cần làm sao đưa cái xác lọt qua hàng rào nhà mụ bỏ vào chum là ổn". Nghĩ vậy, chờ đêm tối, người đàn bà bắt

tay làm ngay. Nhà mụ Hoa rào dậu đổ nát nên chị ta làm việc đó một cách êm thấm.

Sáng hôm sau, mụ Hoa như lệ thường, mang hèm rượu vừa nấu mẻ tối qua đổ vào chum. Mụ bỗng toáng đảm khi thấy có cái xác chết ngồi gọn ở trong. Mụ toan la lên một tiếng, nhưng đã biết kịp thời ghìm lại. - "Chết thật! đứa nào đây hại ta. Vô phúc có đứa nào biết thì cả cái cơ nghiệp này chỉ còn có nước khẩn vào mồm quan nha lính tráng mà thôi. Mà thôi con gái ta vốn nổi tiếng "đa mưu túc trí", phải nhờ nó lo cho mới được!". Nghĩ vậy, mụ bèn gọi con gái vào buồng. Hai mẹ con thăm thì to nhỏ. Chỉ một chốc sau đã thấy hai người lằng xằng mang áo quần lụa là vải vóc và nhiều đồ quý giá khác phơi đầy một sân. Có người hỏi, mụ nói: - "Tư trang của con gái tôi đấy".

*

* *

Gần xã vốn có hai bợm quanh năm làm nghề đào tường khoét vách. Đi qua quán rượu của mụ Hoa, chúng nhìn mọi thứ phơi phóng thì hoa cả mắt. Đứa nọ bảo đứa kia: - "Toàn hàng quý!... Biết bao nhiêu là tiền... Không ngờ mụ chủ quán lại lăm của thế". - "Còn đợi gì mà không làm một mẻ".

Thế là đêm lại, hai bợm đã cắt được vách chui vào nhà. Chúng không phải mất nhiều công tìm tòi, vì cái hòm áo quần tư trang lại đặt nghênh ngang giữa nhà, hình như mẹ con nhà chủ quán sau khi phơi phóng tư trang chỉ

mới kịp xếp cất, chưa gác được lên chạn. Hai bợm ta thấy không còn cơ hội nào tốt hơn, bèn cứ thế len lén khiêng ra cổng, đi thẳng một mạch.

Nhưng khiêng được về đến nhà, nạy hòm ra thì hai bợm giật nảy mình khi thoáng nhìn thấy cái xác. - "Thảo nào mà nặng như vậy, tao tưởng phải có vài trăm quan là ít", một đứa nói: - "Đúng là chúng mình mắc hợm với mẹ con nhà chủ quán", đứa kia tiếp: - "Phải cho mẹ con chúng nó biết tay mới được!". - "Nhưng dù sao thì cũng phải là tiêu huỷ cái của nợ này đi đã". Cuối cùng chờ tối đến, hai đứa đành phải khiêng xác đi chôn, miệng không ngớt lầm bầm chửi rửa mẹ con mụ Hoa.

*

* *

Chừng một tuần sau, một hôm cô gái con mụ Hoa đi chợ, đến một quãng vắng thì hai tên bợm ở trong bụi nhảy xổ ra:

- Mẹ con nhà mày vừa chơi chúng tao một vố. Khá lắm. Bây giờ thì chúng tao xử tội mày. Có bao nhiêu hoa hột vòng xuyến và tiền nong phải bỏ ra ngay đi!

- Xin hai anh tha cho em.

Cô gái hoảng sợ chắp hai tay cầu khẩn. Nhưng rồi sau phút bối rối, cô cũng

biết tương kế tựu kế:

- Muốn lấy tiền, xin hai anh đưa em đến chỗ có tàu ô cập bến mà bán sẽ được vô khối là tiền. Chứ còn đi chợ, em có mang bao nhiêu đâu mà lấy cho bõ.

Thấy đứa con gái bàn có lý, hai bợm bèn xoay lại ý định: - "Thôi được! Hãy đi với chúng tao. Nhưng nếu bỏ chạy thì chớ chết". Nói rồi cả ba cùng nhau ra đi. Sắp đến bến, cô bảo chúng dừng lại và nói:

- Tàu ô trước mặt đó. Hai anh đứng lại đây, đợi tôi xuống ăn giá đậu vào đây rồi hãy xuống nhận tiền. Đàn ông không mua bán quen, chúng nó bóp chẹt chẳng được bao nhiêu.

Hai bợm nghĩ rằng trước mặt là sông rộng nếu nó có chạy đi đâu cũng không thể trốn nổi nên nghe lời ngòi lại đợi. Gặp chủ tàu ô, cô gái nói:

- Này ông chủ, tôi có hai tên nô người miền núi, có sức khỏe lại giỏi thức khuya, muốn thức mấy đêm cũng được. Ông chủ mà dùng chúng vào việc canh gác thì tuyệt. Chúng hầu hạ tôi đã lâu, vì cần tiền nên tôi bán rẻ cả hai đứa chỉ lấy mười lạng bạc.

Chủ tàu nghe nói có món hàng hời thì ửng ra mặt, giục đưa xuống để mua. Cô gái chỉ lên bờ nói:

- Kìa, ông trông hai đứa đang đứng ở đấy. Chúng là người miền núi rất sợ nước, nên tôi không dám đưa xuống đây, vì hễ thấy nước là chúng trốn. Nếu ông ngã giá xong thì cứ giao tiền cho tôi, đoạn cho người thành lĩnh bắt hai đứa trói lại, chớ để chúng chạy. Sau đó đưa xuống hầm tàu, bao giờ nhổ neo mới lại cởi trói cho chúng, bắt chúng làm việc.

Chủ tàu ô nghe bùi tai bèn làm theo lời. Cô gái lên bờ bảo hai bọm rằng mình đã ăn giá xong, hãy xuống tàu mà nhận tiền. Nhưng chưa kịp nhận, chúng đã bị bọm thủy thủ bắt trối giật cánh khuỷu, nhét giẻ vào mồm và ném xuống hầm tàu. Cô gái thừa dịp linh mất.

Đợi cho đến lúc nhổ neo, chủ tàu ô cho mở trối, hai bọm mới được tự do, và việc đầu tiên của chúng là nhảy ùm xuống sông bơi đại vào bờ. Lão chủ tàu tiếc của, cho thủy thủ quay tàu vào rồi lên bờ đuổi theo. Nhưng bọm chúng lạ nước lạ cái, làm sao có thể đuổi bắt được hai tên bọm vốn đã am hiểu đường ngang ngõ tắt, nên cuối cùng đành nuốt hận trở về.

Mặc dầu trốn thoát, tối hôm đó hai bọm phải trèo lên một cây to ẩn náu. Không ngờ chính trên ngọn cao của cây cổ thụ ấy, cô con gái mù chủ quán rượu cũng vì tối trời không về được nên đã tìm lên ẩn nấp từ trước. Một trong hai đứa trèo lên ngọn thì gặp cô ả. Thấy nó, cô gái tươi cười đơn đả:

- Ồ, anh cũng đã về được đấy ư? Em tin chắc thế nào hai anh cũng thoát được quân tàn bạo ấy, để một ngày nào đó em sẽ được cùng anh kết duyên...

- Thật không? Có thật là nàng sẽ thuận lấy ta không?

- Thật chứ. Nhưng anh phải xa lánh anh kia và bỏ cái nghề làm ăn nguy hiểm này thì em mới lấy.

- Vậy thì thử thề đi ta xem.

- Thề cũng được thôi. Nhưng thề "cá trê chui ống". Chỉ có thể thề lưỡi liềm

nhau là cách hứa hẹn chắc chắn hơn cả.

Nhưng khi bọm ta vừa ghé sát mặt cô gái, thè lưỡi định liếm thì cô đã cắn cho hằn một cái rất mạnh. Chót lưỡi đứt, hằn đau quá ngã lộn cổ xuống đất. Bọm kia còn ở dưới cành thấp chẳng hiểu đầu đuôi ra sao, tưởng trên ngọn có vị thần linh nào làm cho thằng bạn của mình học máu ngã xuống, nên cũng vội vàng tụt xuống khỏi cây rồi ba chân bốn cẳng chạy mất [1].

KHẢO DỊ

Truyện của ta đã được biên soạn thành vở tuồng đồ nhan đề là *Giáp Kén - xã Nhộng*.

Có xã Nhộng dan díu với vợ giáp Kén, nhưng đoạn đầu không có câu chuyện cầu thần và làm thịt gà để thuốc chồng. Nhộng lập kế bắt Kén lên rừng đốn gỗ về sửa đình để có cơ hội đi lại với vợ hằn. Đoán biết âm mưu, Kén làm bộ ra đi, nhưng đến khuya, lại trở về giữa lúc Nhộng đang ở trong buồng nhà Kén. Vợ Kén bảo Nhộng ngồi vào một cái chum như truyện trên. Kén về nói rằng lên rừng thiêng quên tắm rửa, sợ thần phạt nên quay về tắm cái đã, xong lại đi. Từ đây trở đi giống như các tình tiết của truyện cổ tích, Kén bảo vợ nấu cho mình một nồi nước sôi. Khi vợ ra sông gánh nước lã để pha vào cho nguội mà tắm, thì Kén cho Nhộng về châu ông vãi với nồi nước dội vào chum, rồi khi vợ về, hằn nói mình đã tắm xong rồi và ra đi. Vợ Kén cũng mở nắp chum tìm Nhộng rồi bật kêu lên: - "Trời ơi! Vui sướng chi mà cậu còn cười".

Và khi biết Nhộng đã chết, hăn cũng hồi hải lặn cái chum qua nhà Tú Nường chuyên nghề nấu rượu để lặn vào dây chum nhà mụ; cũng có việc vợ Tú Nường phát hiện ra cái xác và sau đó cùng con gái là Tuyết Nường lập kế phoir thật nhiều áo quần để câu lòng tham của bọn trộm. Cũng có hai tên trộm - tên là Cao Phi và Viễn Tẩu (vì thế cũng có người gọi vở tuồng này là *Cao Phi - Viễn Tẩu*) lén vào khiêng hòm đi, trong đó có cái xác. Lại cũng có chuyện hai bộm bắt gặp Tuyết Nường, nhưng ở đây thì đòi giết chết nếu không chịu chuộc một trăm bạc. Tuyết Nường cũng lừa được chúng đi cùng mình đến chỗ tàu ô và Cao Phi, Viễn Tẩu bị thủy thủ trói khi dắt nhau xuống tàu nhận tiền. Nhưng hai bộm đã gạt được chủ tàu cởi trói cho chúng để nhảy xuống sông thoát.

Cũng có chuyện gặp Tuyết Nường trên cây và Viễn Tẩu bị cấn đứt lưỡi. Nói chung, các tình tiết đều như truyện vừa kể, trừ một màn cuối cùng mà ở truyện cổ tích không có là hai bộm lại tìm đến nhà Tuyết Nường báo thù. Đến nơi, vợ Tú Nường chỉ cho một cái hang dùng để nấu rượu, bảo con gái mình ở dưới đó. Nhưng khi hai bộm lặn xuống thì hai mẹ con chắt củi kín cửa hang rồi nổi lửa đốt chết.

Truyện của ta trên kia giống hệt với truyện của người Khơ-me (Khmer) *Mưi đàn bà*, ngoại trừ một vài tình tiết cá biệt. Đại thể, sau khi người chồng đổ cả nồi nước sôi vào vại trong đó tình nhân của vợ ẩn trốn, thì hăn bảo vợ không cần tắm nữa, cũng không nói rõ lý do. Đến lượt người vợ thấy tình nhân đã chết, muốn làm phi tang cái xác, bèn thương lượng với bốn tên trộm - 4 chứ không phải 2 - để chúng khiêng cái vại đi, ngờ rằng đó là một vại vàng.

Khi biết mình bị lừa, chúng nổi giận, thề báo thù. Chúng không đón đường mà tình cờ bắt gặp nàng đang buôn hàng trên một chiếc tàu của người

Trung-quốc. Thấy thế nguy, nàng xin lỗi chúng và hứa chia cho chúng một số tiền mà nàng bảo là chủ tàu mắc nợ mình. Gặp lại chủ tàu ở chỗ khác, nàng thương lượng với y, nhờ y mua giúp cho mình bốn tên nô lệ khó tính. Chủ tàu bằng lòng mua và cả bốn bọm đều bị bắt trói giữ lại trong khoang giữa khi nàng cầm tiền ra đi. Đoạn cuối cũng giống truyện của ta. Xem tiếp ở **Khảo dị** truyện *Kẻ trộm dạy học trò* (số 83, tập III).

Đồng bào Thái có truyện *Ăn mề gà mù mắt*, cũng là một dị bản gần gũi của các truyện trên:

Một anh chàng nợ biết vợ ngoại tình, một hôm bảo vợ: - "Từ hôm tôi ăn cái mề gà, con mắt tự nhiên sinh ra mờ, có lẽ mù mất!". Rồi từ đấy trở đi, chồng giả cách ngày một trở nên thông minh, còn vợ thì cố ý mua gà để có mề cho chồng ăn, tin rằng chồng ngày một mù lòa thật.

Một hôm, vợ táo bạo đưa trai vào nhà. Chồng đang ngủ, biết chuyện bèn ngồi dậy. Cũng như truyện của ta, thằng trai sợ bị lộ, trốn trong một cái chum.

Chồng bảo vợ: - "Từ hôm bị mù đến nay không tắm được, mình nấu hộ cho tôi nồi nước". Vợ nấu sôi xong, bỏ đi nường, còn chồng thì đổ nồi nước vào chum rồi lên giường nằm ngủ. Khi người vợ về, thấy tình nhân của mình nhô đầu lên khỏi chum lại nhe răng tưởng là cười với mình bèn nói nhỏ: - "Thấp xuống kéo *"người tấy sẽ tha"* (tức là nói lái: người ta sẽ thấy)". Chồng nói: - "Tôi đã nằm rồi còn bảo thấp gì nữa". Khi người vợ biết là tình nhân đã chết, vội bế đi bỏ vào một chuồng gà nhà khác trong lúc người ta vắng nhà.

Tối đến, đàn gà nhà này lên chuồng nhác thấy có bóng người thì sợ không dám vào. Chủ nhà lấy làm lạ, nhìn vào thấy cái xác, tưởng là trộm rình bắt

gà, bèn gọi cả nhà đến đánh cho một mẻ cho đến khi cái xác ngã ra, tưởng là mình quá tay. Người này lại đem bỏ vào chuồng dê của một nhà khác.

Thấy đàn dê chiều về không chịu vào chuồng, chủ nhà đến xem, thấy cái xác tưởng có tên trộm dê ngồi rình trong góc, bèn cũng gọi người nhà xúm lại đánh như tử. Rồi khi xác ngã xuống, lại cũng tưởng là mình quá tay, bèn nghĩ cách tống khứ cái xác đi. Sáng hôm sau hẳn đưa cái "ban" (một thứ bồ dùng đựng vải và của quý) ra phơi để lộ vải lụa và của quý. Như truyện của ta, cũng có hai tên trộm tối đến lên vào thấy cái "ban" để giữa nhà bèn đặt lên vai khiêng đi. Dọc đường, một đứa thò tay vào khoảng thấy có xác người liền bỏ chạy, vừa chạy vừa kêu: -"Có người". Đứa nọ tưởng đâu có người đuổi đằng sau thật, đeo cả "ban" mà chạy lỏn vào rừng. Cho đến khi biết là có xác chết vùi vút "ban" vào bụi [2].

Giống với truyện trên, có truyện của người Ti-rôn (Tirols) phía Bắc nước Ý (Italia):

Một người đàn bà trong bụng muốn chồng trở thành mù để được tự do đi lại với trai. Một hôm vợ bảo chồng rằng mình sẽ đi xưng tội. Chồng làm bộ nghiêm trang bảo vợ nên tìm đến một ông thầy giỏi khoa bói toán sống trong một hốc cây "sên" nọ, ông thầy này thường không cho ai thấy mặt, nhưng việc gì cũng biết. Vợ tìm đến cây "sên" không biết rằng chồng đã đến trước ngòi nấp ở trong. Vợ đứng ngoài chỗ miệng vào nói lên ý muốn của mình. Chồng ngồi trong bảo: -"Cứ mỗi ngày cho ăn một con gà thì sẽ mù dần mà chẳng ai ngờ cả". Trở về, vợ cho chồng biết là thầy bói bảo từ nay phải ăn ở tốt, phải chăm sóc chồng, cho chồng ăn mỗi ngày một gà. Bèn nói sao làm vậy. Chồng giả cách làm ra vẻ mỗi ngày một mù lòa. Và khi tin rằng chồng đã mù thật, vợ bạo dạn gọi nhân tình đến hú hí tại nhà, nhưng liền bị người chồng chớp được giết chết.

Các truyện trên có lẽ bắt nguồn từ một truyện của Ấn-độ trong *Năm sách dạy trẻ (Panchatantra)*:

Một người vợ mang lễ vật đến ngôi đền một nữ thần xin bày cho cách làm cho chồng trở nên mù. Không ngờ chồng lúc ấy lại nấp đằng sau pho tượng, bèn nói vọng xuống, bảo hàng ngày phải cho chồng ăn bánh ngọt và kẹo thì sẽ hiệu nghiệm, sau đó chồng dần dần làm ra vẻ bị mù thật và bằng cách đó hẳn có dịp đánh lão nhân tình của vợ đến chết.

Người Khơ-me (Khmer) cũng có một dị bản khác gần như là đoạn đầu của truyện kể trên kia: Một người vợ muốn bỏ chồng để lấy người khác. Một hôm chồng bận đi đào củ từ trong rừng, nghỉ trưa tại một ngôi đền. Đúng vào lúc ấy, vợ mang lễ đến cầu thần làm cho chồng chết. Chồng bèn nấp sau tượng thần nói nhỏ xuống bảo mua loại gà đang ấp trứng cho ăn thì chồng sẽ chết. Vợ làm theo. Chồng ăn xong giả cách bệnh nặng, vợ đưa nhân tình vào nhà, và chồng có cơ hội đánh chết [3].

Một truyện của Ả-rập (Arabie) cũng là dị bản của các truyện trên, nhưng có nhiều nét độc đáo hơn:

Ở Ai-cập có một anh nông dân lấy một chị vợ đẹp, vợ thì hay chê chồng và đi lại với một chàng trai. Ngày ngày chồng phải đi chăn bò, vợ chỉ cung cấp như thường lệ hai tấm bánh khô và sữa chua, trong khi đó ở nhà, vợ đón trai đến làm thịt thỏ rán bơ cho ăn. Một hôm, có một thằng bé đến xin người chồng cho mình đi theo giúp đỡ để kiếm miếng ăn. Nó có một con mèo nhỏ tinh khôn thường bỏ vào túi áo mang theo. Chồng bằng lòng cho. Một lần thằng bé về nhà sớm, trèo ghế nhìn qua cửa sổ thấy người vợ chủ đang mổ gà rán bơ rồi bày thành một đĩa ngon lành. Bèn ra gọi chủ về. Chủ về bảo vợ mang thức ăn, vợ lại đưa bánh khô và sữa chua như thường lệ rồi

bỏ đi. Thằng bé bấm con mèo, mèo kêu: -"Nó nói gì thế?", chủ hỏi. -"Nó bảo có thịt gà ở chỗ nọ, tội gì mà ăn bánh". Anh nông dân bèn vào đúng chỗ mèo chỉ lấy gà ra chén, rồi đi. Khi người tình nhân đến, thấy không có gà bèn đánh người đàn bà.

Hôm sau, người đàn bà đi chợ mua một con gà mái tây cũng rán bơ bỏ vào hộp cất đi. Thằng bé cũng về rình và gọi chủ về, vợ cũng chỉ dọn bánh khô và sữa chua, con mèo lại bị bấm để chỉ chỗ có món ăn ngon, và sự việc cũng diễn lại như hôm qua.

Một hôm khác, đưa bé vào một nhà nọ mượn một cái áo và con lừa, cải trang đóng bộ một người bán thuốc. Lại lấy trứng làm thành các loại bột đựng vào hộp và cưỡi lừa đi rao bán: có các loại độc được uống chết trong một giờ, một ngày, hai ngày, vân vân. Vợ ông chủ tưởng thật chạy ra hỏi: "Có thuốc độc nào chết ngay trong một phút không?". - "Có" - "Cho tôi mua". Thằng bé đưa hộp bột lòng trắng trứng và dặn: - "Mỗi một con gà mái béo rán bơ rồi rắc bột này lên. Ai ăn phải, hễ nghe y nói: "A! Bụng tôi", thì tìm sắt hơ nóng mà dí vào gót, nếu thấy y không nói gì cả, thế là đã chết". Bán xong thằng bé trả áo và lừa cho người, rồi ra đồng kể lại mọi việc vừa qua cho chủ nghe. Chủ về nhà. Lần này vợ dọn gà tây rán cho chồng ăn. Ăn vừa xong, chủ và tớ cùng nằm xuống sau khi nói mấy tiếng: A! Bụng tôi." Vợ chủ lấy sắt nung đỏ dí vào gót không thấy nhúc nhích, liền đi gọi tình nhân đến bảo mình đã đầu độc xong. Hai người cùng vào ngồi ăn và đùa giỡn. Người nông dân vùng dậy giết chết cả hai [4].

Về chỗ xác chết bị chuyển từ nơi này đến chỗ nọ, trong *Nghìn lẻ một đêm* có truyện *Thằng Còm*:

Có hai vợ chồng một người thợ may. Một hôm chồng đang may áo thấy có thằng Còm đến ở góc phố đánh trống và hát, bèn gọi nó vào để hát cho vợ

nghe. Vào thì cơm đã dọn lờ, bèn mời Còm cùng ngồi ăn. Nhưng Còm không may mắc xương, chữa mấy cũng không được. Sợ quá, nhân lúc hoàng hôn, hai vợ chồng khiêng xác Còm đến nhà thầy thuốc đặt đầu cầu thang, cho một em bé đưa bạc để lễ thầy, mời thầy xuống coi mạch, rồi bỏ chạy. Thầy xuống, vô tình đá phải xác Còm lọt xuống nhà dưới. Cho là vì mình mà con bệnh chết, thầy hoảng sợ bèn cùng vợ đem xác Còm bỏ vào ống khói nhà một người theo đạo Hồi. Khi cắt cái ống khói để bắt chuột, người này thấy cái thầy đứng sững thì tưởng là trộm chui vào ống khói, bèn đánh vô hồi kỳ trận. Cái xác ngã xuống, y nghĩ rằng mình đã quá tay, bèn chờ lúc nhá nhem, đem xác đặt đứng ở bức tường đầu phố. Vào lúc ấy có một anh chàng say rượu qua đó dừng lại đá. Cái xác vô tình ngã xuống đè phải người, hấn ta thuận tay vừa đâm, thoilia lịa vừa kêu "ăn trộm". Lính tuần chạy tới cho anh ta là kẻ giết người. Khi tỉnh rượu, anh không làm sao cãi nổi. Án đưa lên vua, vua ra lệnh xử giảo.

Nhưng trước giờ hành quyết, bỗng có một người theo đạo Hồi tới nhận tội. Quan tha cho anh say rượu. Nhưng khi sắp xử tử người theo đạo Hồi thì một ông thầy thuốc lại ở đâu tới nhận tội. Rồi tiếp đến lượt người thợ may đến nhận tội khi đao phủ sắp hành hình ông thầy thuốc. Một cái án mà có nhiều chuyện phức tạp, vua ra lệnh hoãn, cho gọi tất cả đến, bắt mỗi người kể lại câu chuyện lạ. Đến lượt người thợ may kể chuyện, trong đó có nói tới một người thợ cắt tóc, thì vua sai đi gọi người thợ cắt tóc đến. Hấn xem xác Còm, cười rồi lấy một ít thuốc đổ vào miệng, cuối cùng Còm hắt hơi văng ra một khúc xương cá và sống lại [5].

Xem thêm truyện *Vận khứ hoài sơn năng trí tử, thời lai bạch thủy khả thôi sinh* (số 55, tập II) cũng có một nhân vật nữ đến cầu thầy lang cắt cho một thang thuốc để giết chồng, thầy không muốn mang án giết người, cũng bảo mua chim bồ câu hầm với vị hoài sơn ăn trong nửa tháng sẽ chết. Nhưng ở đây truyện có diễn biến ngược lại, hơn nữa nội dung cũng như kết thúc đều khác với các truyện trên.

-
- [1] Theo lời kể của người miền Nam.
 - [2] Theo lời kể của người Yên-bái.
 - [3] Đều theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn.
 - [4] Theo *Báo châu Á* (1889).
 - [5] Theo bản dịch của Ga-lăng (Galland).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
192. HÒA THƯỢNG
VÀ NGƯỜI THỢ GIÀY

Có một nhà sư tên là Diệu Kế trụ trì ở một ngôi chùa lớn làng Bích-khê. Sư ta vốn ít chữ nhưng được cái sáng dạ, trải qua những ngày cạo đầu cấp níp đi theo các bậc tu hành cũng vô vẻ được ít nhiều kinh kệ. Sống lâu lên lão làng, nhờ chuyện cần gõ mõ tụng kinh, nên chẳng mấy chốc được leo lên hàng sư bác. Từ đó Diệu Kế đã được dân làng vùng này vùng khác đón về thờ Phật cai quản chúng tăng. Qua nhiều lần ăn mày lộc Phật ở rất nhiều chùa, Diệu Kế đã nắm được cái chân lý: cuộc đời tu hành của mình chẳng qua cũng là một cách mưu sinh. Vậy thì tội gì mình theo "năm điều răn" cho mệt xác. Vì vậy, về mặt đức hạnh, Diệu Kế tuy không phải là hạng hồ mang, nhưng cũng chẳng phải thuộc hàng chân tu. Thỉnh thoảng sư ta cũng biết lén lút tìm cách làm vội bột những món tiền quyên cúng của thập phương đang ngộn lên ở tráp.

Ở gần chùa có một người thợ giày cũng trạc tuổi và cùng khổ người khổ mặt với Diệu Kế. Hai người dần dần quen nhau rồi trở nên một đôi bạn nối khố. Khi đã tương đắc, người thợ giày thường mang rượu thịt vào tặng phòng vào những lúc vắng vẻ, rồi cả hai đóng cửa lại, chén tạc chén thù. Họ tỉ tê kể cho nhau nghe những câu chuyện vượt ra ngoài mảnh vườn và mái chùa nhà Phật. Được cái người thợ giày am hiểu việc đời nên Diệu Kế ta rất thích. Mỗi khi thấy ông bạn túng thiếu, Diệu Kế thường phóng tay chu cấp khi năm quan ba quan không biết tiếc. Tuy nhà sư không bao giờ xao nhãng việc tụng kinh gõ mõ nhưng bọn hào lý trong làng cũng chẳng phải không có kẻ ghét ghen. Họ ngờ rằng về mặt kinh kệ, vốn liếng của sư ông hình như không có bao nhiêu. Hơn thế, mỗi lần nghe sư ông tụng kinh, thấy chỉ ê a suốt buổi, điểm vào những câu lạc lõng, tựa hồ không phải là

kinh Phật. Mặc dầu vậy, họ cũng chẳng biết gì nhiều về tiếng kinh câu kệ vốn rất khó hiểu, nên chưa có cách nào để tìm cho ra sự thật.

Hồi bấy giờ ở một ngôi chùa phương Nam có một vị hòa thượng nổi tiếng đạo học và đức hạnh. Vị hòa thượng này đã từng tu luyện rất nhiều năm và từng sang đất thánh. Vào lúc này bậc đại đức ấy được vua ban tước quốc sư, cho phép đi chơi khắp mọi cảnh chùa trong nước. Tuy tuổi già, hòa thượng chuyên ăn chay năm đất: lại có điều đặc biệt là do thuộc phái "vô ngôn", nên người nhất thiết không nói năng gì với ai, chỉ khi cần lắm mới làm dấu hiệu, hoặc viết ý nghĩ của mình lên mặt giấy.

Nghe tin bậc đại đức này sắp quá làng mình, bọn hào lý Bích-kê bèn sửa soạn một cuộc đón rước trọng thể tại chùa và nhân thể nhờ hòa thượng kiểm tra hộ sự ông Diệu Kế về mặt đạo học. Nếu quả đúng như mỗi ngò bấy lâu thì họ sẽ mời sư đi chỗ khác.

Nghe tin này, Diệu Kế rất lo. Cuộc khảo hạch này chắc chắn sẽ làm lòi cái cốt của mình và có thể nếu không bị đuổi thì cũng mất mặt trước thiện nam tín nữ. Than ôi! Còn đâu là những ngày ngồi ung dung hưởng hàng chục mẫu hoa lợi và bao nhiêu tiền của thập phương. Nghĩ vậy, Diệu Kế quyết vắt óc tìm cách để ra khỏi cảnh khó khăn. Sức nhớ tới ông bạn nổi khổ thường tự xưng là người túc trí đa mưu. Diệu Kế bèn nhắn bạn đến chùa để cùng mình bàn tính. Sau khi nghe thủng câu chuyện, người thợ giày liền an ủi:

- Tưởng gì chứ việc ấy thì để mặc tôi lo liệu. Tôi sẽ thay bạn trả lời tất cả những câu khảo hạch của lão già ấy.

- Nhưng làm sao mà thay được, Diệu Kế hỏi.

- Khó gì. Vì cùng trạc người như bạn, tôi sẽ kín đáo lên đến đây đứng vào hôm lão già ấy tới chùa. Chỉ cần bạn đòi bọn hào lý cho được một mình đối diện với lão ấy ở tầng phòng đóng kín cửa, không một người thứ ba nào cùng dự là ổn. Tôi sẽ từ chỗ nấp bước ra sắm vai của bạn. Tôi cam đoan sẽ chu toàn mọi việc. Bạn đừng lo gì cả!

Nghe người thợ giày hiến kế, sư ông Diệu Kế có phần vững tâm. Mấy ngày sau, vị hòa thượng quả nhiên ghé vào chùa theo lời mời của bọn hào lý, và gật đầu nhận lời họ về việc khảo hạch sư ông. Khi cửa tầng phòng đã cài then, dưới ánh đèn le lói người thợ giày đầu mới cạo bóng nhoáng, mình mặc áo cà sa từ bệ bước ra trước mặt hòa thượng để chịu sự thử thách.

Cuộc khảo hạch bắt đầu. Vị đại đức không hề hé răng, chỉ thông thả đưa bàn tay phải sờ lên đầu mình. Thấy vậy, người thợ giày thành linh co căng trái đập mạnh xuống nền tầng phòng một cái "thịch". Tiếp đó vị đại đức ngửa mặt lên trời hồi lâu rồi sờ tay vào vách. Để trả lời, người thợ giày lại quờ cánh tay mình ra đằng sau và đâm vào lưng mấy cái. Tiếp đó, vị đại đức mỉm cười và giơ ba ngón tay ra trước mặt. Người thợ giày liền trợn mắt cũng giơ bàn tay giăng đủ năm ngón lên trời.

Sau đó, vị đại đức gật gù, không làm dấu hiệu gì nữa bước ra khỏi tầng phòng, trong khi người thợ giày lại trở về chỗ nấp cũ.

*

* *

Trước khi từ giã làng Bích-khê, vị hòa thượng mà tên tuổi được mọi người tôn kính, không quên viết mấy câu vào mảnh giấy trao cho bọn hào lý, nói rõ kết quả cuộc khảo hạch vừa rồi. Đại ý trong giấy viết:

"Từ thôn quê đến thị thành, ta chưa từng thấy có người nào thông hiểu nghĩa lý đạo Phật thâm thúy nhà sư ông Diệu Kế. Không những sư ông hiểu rõ những dấu hiệu ta đưa ra hỏi, mà còn dùng dấu hiệu để đối đáp với ta, y như những vế biển ngẫu tài tình. Thoạt đầu ta muốn nói: "Luôn luôn trong đầu phải tâm niệm lời dạy của đức Thích Ca" thì sư ông đã trả lời: "Cần phải giẫm xuống dưới chân những cám dỗ của Ma vương". Ta lại muốn nói: "Con hạc cặp dưới cánh lời cầu nguyện mang lên thượng giới". Sư ông trả lời: "Con rùa ghé tẩm lưng đội bia đứng trước chùa". Cuối cùng ta giơ ba ngón tay để nói "Tam quy". Sư ông giơ cả bàn tay để đối lại là "Ngũ giới". Đó là điều không phải những kẻ đạo học tầm thường có thể trả lời một cách nhanh gọn được. Sư ông Diệu Kế quả là một ngôi sao trong rừng thiền chúng ta".

Đọc xong, bọn hào lý làng Bích-khê cúi chào vị hòa thượng già, rồi sau đó trở về chùa xin ra mắt sư Diệu Kế. Bọn họ hết lời xin lỗi:

- Chúng tôi quả thật người trần mắt thịt, không biết được đạo học của hòa thượng sâu rộng như biển. Chẳng qua chỉ vì có một vài người xấu thói theo dục điều này tiếng nọ vu cho hòa thượng nên buộc làng chúng tôi phải rước bậc đại đức đến chùa để bày cuộc thử thách. Giờ đây tất cả mọi nghi ngờ đều đã tiêu tan. Xin hòa thượng miễn chấp cho lũ ngu độn này.

Sau khi bọn hào lý đã ra về hết, người thợ giày bèn ra khỏi chỗ nấp. Diệu Kế hỏi:

- Bạn hãy mau mau cho biết bạn đã trả lời như thế nào về những câu hỏi của ông già ấy làm cho danh tiếng của tôi bỗng nổi lên như cồn trước bọn hào lý vậy?

Người thợ giày đáp:

- Có gì đâu. Thoạt đầu lão già ấy chỉ tay lên đầu ý hỏi tôi có biết làm mũ ni hay không? Tôi đạp chân xuống đất để trả lời rằng tôi chỉ biết đóng giày mà thôi. Thế rồi lão lại chỉ vào nách để hỏi tôi có thứ da nào mềm như da nách để thừa một đôi. Tôi chỉ vào lưng để nói rằng dạo này chỉ còn thứ da dày như da ở lưng, nhưng dùng để đóng giày cũng khá bền tốt. Thế rồi ông lão quyết định thừa một đôi nhưng lại mà cả có ba quan. Tôi nhất định không chịu, đòi phải có đủ năm quan mới làm. Thế là ông lão bỏ đi ra, chắc ông lão bủn xỉn chê đắt không thừa [1].

KHẢO DỊ

Một dị bản có tên là *Quan huyện và người thợ giày*:

Xưa có quan huyện mới bổ đến huyện nọ, thường xuống các làng hành hạt. Tính quan hay thơ. Đến một làng hỏi hương chức có ai biết thơ hay câu đối gì thì đối đáp cho vui. Hương chức trả lời: - "Chúng tôi đều dốt nát, may ra hòa thượng trên chùa có thể biết". Quan bèn đi viếng chùa. Hòa thượng bối rối vì không làm thơ bao giờ. Một người thợ giày ở trọ trong chùa lãnh

phần làm thơ với quan. Ở đây người thợ giày cũng cải trang làm sứ nhưng làm bộ ít nói. Cũng như truyện trên, hai bên đối đáp bằng dấu hiệu: quan vỗ đầu một cái. Người thợ giày đáp lại bằng một cái giậm căng. Quan chỉ vào bụng. Người thợ giày vỗ vào đít. Quan giơ năm ngón tay, người thợ giày giơ mười ngón. Quan quày quả ra về tấm tắc khen hòa thượng giỏi thơ. Cai tổng hỏi vì sao hai bên chỉ làm dấu tay dấu chân mà lại biết hay thơ. Quan đáp: - "Các ông chưa hiểu, để tôi nói cho nghe: Tôi vỗ đầu ý nói: "Thiên cao đẳng đẳng". Hòa thượng giậm chân nói "Địa hậu trùng trùng". Tôi chỉ bụng là "Chỉ phúc thiên hạ phục". Hòa thượng vỗ đít là "Tọa thượng thái dân an". Tôi đưa năm ngón là "Ngũ bách la hán". Hòa thượng giơ mười ngón là "Thập loại cô hồn".

Sau khi quan về, hòa thượng hỏi anh thợ giày, thợ giày nói: "Có gì đâu, hồi nãy quan vỗ đầu là hỏi tôi có biết làm nón không. Tôi giậm chân đáp rằng chỉ biết đóng giày thôi, quan chỉ bụng để hỏi da bụng đóng có tốt không, tôi vỗ đít để trả lời: da mông đít đóng tốt hơn. Thế rồi quan trả năm đồng một đôi. Tôi cho quan biết có được mười đồng mới đóng. Quan chê đắt bỏ về" [2].

Một truyện khác, *Trạng ếch* cũng có nội dung ít nhiều gần gũi:

Xưa có một người câu ếch bắt được con ếch có viên ngọc, anh dùng ngọc chữa khỏi bệnh đau mắt của vua nên được làm quan. Nhờ tài coi chân ếch biết trước trời mưa, anh vâng mệnh vua cầu đảo ứng nghiệm vì vậy được vua phong là trạng: người ta gọi là Trạng Ếch.

Trạng Ếch phụng mệnh đi sứ Trung-quốc. Trong một bữa tiệc, một viên quan Trung-quốc thử tài sứ giả các nước, bèn giơ bốn ngón ra ý muốn ra vẻ đối: "Tứ di lai tân". Các sứ giả ngơ ngác không hiểu thế nào. Về phần Trạng của ta tưởng y hỏi trên mâm có một đĩa bốn chiếc bánh ăn có hết

được không, nên giơ tám ngón tay lên ý nói "tám chiếc như thế ta ăn cũng hết". Viên quan đoán là Trạng đối lại "Bát phương tiến cống", nên tỏ ý khâm phục. Viên quan lại giơ ngón tay trở chỉ vào bụng, ý ra về đối "Hung trung bình giáp"- Trong khi các sứ giả kia chưa trả lời, thì Trạng Ếch tưởng viên quan chế mình ăn lắm thì nứt bụng ra, bèn chụm bàn tay lại và giơ lên trời, có ý bảo "bánh nhỏ vừa bằng lòng bàn tay có gì mà đến nứt bụng". Nhưng viên quan Trung-quốc lại ngỡ là Trạng đối "Chưởng thượng kinh luân" nên phục lăn, y bèn vào tâu cho vua biết. Vua Trung-quốc bèn phong Trạng làm "Lưỡng quốc Trạng nguyên" [3].

Người Ả-rập (Arabes) có truyện *Ngôn ngữ của những dấu hiệu* cũng là một dị bản.

Một ông vua một nước Hồi giáo, nghe tin vua Hy-lạp (Grèce) nước láng giềng Thiên chúa giáo chuẩn bị đem quân đến xâm lược, bèn định sai một sứ giả có tài ăn nói đến cầu hòa. Vua hỏi các đại thần xem nên cử ai. Người nào cũng giới thiệu một người mà mình cho là giỏi nhất, trừ một đại thần làm thính. Vua hỏi người ấy: - "Sao nhà người lại im lặng?". Đáp: - "Vì những người được tiến cử đều không làm nổi việc ấy". - "Theo nhà người thì cử ai?". Đại thần chỉ vào một người nói: - "Đây, người này!". - "Nhà người muốn nhạo ta ư, dám đề cử một người ít miêng lưỡi như thế". - "Với người ấy, tôi đoán rằng có thể làm nổi sứ mệnh". Cuối cùng vua nghe lời. Vua Hy-lạp khi nghe nói đến tên vị sứ giả, thì bảo riêng người hầu của mình:

"Đó là một vị lớn nhất trong những người đạo Hồi, ta sẽ có cách thử hăn trước khi tiếp". Lúc sứ giả vào, vua chỉ một ngón tay lên trời. Dùng ngón tay của mình, sứ giả chỉ lên trời rồi lại chỉ xuống đất. Vua giơ ngón tay chỉ vào mặt sứ giả, sứ giả giơ hai ngón tay chỉ vào mặt vua. Vua lấy một quả ô-liu ở dưới nệm đưa cho xem, sứ giả móc túi lấy quả trứng đưa ra. Bấy giờ vua làm dấu chữ thập, mời sứ giả ngồi một cách kính nể, rồi mới hỏi mục

đích đi sứ và sau đó thương nghị mọi việc chóng vánh với sứ giả. Sau khi sứ giả ra về, đình thần hỏi vua về những dấu hiệu, vua nói: - "Chưa bao giờ ta thấy một người thông minh như thế. Ta chỉ lên trời muốn nói: - "Chúa ở trên các tầng trời". Hăn chỉ xuống đất ý nói: - "Chúa cũng ở đây nữa". Ta chỉ vào hăn muốn nói: - "Anh không biết mọi người có một nguồn gốc chung là A-đam ư?" Hăn giơ hai ngón là nói: - "Cả A-đam và E-va". Ta lấy ra một quả ô-liu để nói: - "Cái này lạ biết chừng nào!" Hăn đưa ra quả trứng là nói: - "Cái này còn lạ hơn vì nó ra từ một sinh vật". Cho nên ta dừng lại, vì chừng ấy cũng đủ biết là nó thông hiểu". Còn sứ giả khi về kể chuyện lại cho vua: - "Tôi không thấy có người nào tỏ ra u mê và thô bạo như vua Hy-lạp. Khi tôi đến, ông ta nói: - "Ngón tay ta sẽ chop anh và bắt anh đi". Tôi trả lời: - "Tôi cũng bắt ông bằng tay tôi và cho ông xuống đất đen". Ông ta lại tiếp: - "Ta móc mắt mày với ngón tay ta". Tôi trả đũa lại: - "Tôi cũng móc mắt ông với hai ngón". Rồi đó ông ta lại nói: - "Ta không có gì cho anh cả trừ quả ô-liu này còn thừa trong bữa ăn của ta". Lập tức tôi đổi lại; "Thế thì tôi còn hơn ông vì tôi thừa một quả trứng trong bữa ăn sáng, vậy tôi xin biếu ông". Thế là ông ta sợ, phải giải quyết công việc cho tôi [4].

Một truyện *Người thợ dệt và sứ thần* cũng có tình tiết đối đáp bằng dấu hiệu, nhưng không thuộc loại dị bản của các truyện trên. Đại thể là:

Xưa có một nước lớn mạnh có ý định xâm lược một nước nhỏ yếu khác bên sai sứ thần tới. Sứ thần nghênh ngang đi lại giữa sân rồng rồi chẳng nói chẳng rằng lấy một viên phấn trong túi áo ra vẽ một vòng tròn chung quanh ngai vàng, đoạn ngồi đợi trả lời. Vua và các quan kinh ngạc không hiểu thế nào cả. Cuối cùng vua đưa mắt cho tể tướng bảo phải tìm được cho được người tài có thể giải đáp kéo nhục quốc thể.

Sứ giả nhà vua đi mãi không tìm được một ai có thể trả lời. Cuối cùng họ lọt vào nhà một người thợ dệt thì thấy nhà vắng vẻ, nhưng ở góc hè có một

cái nôi trong có đứa bé đang ngủ, đặc biệt là không ai đưa đẩy mà nôi vẫn đưa. Lại thấy có mẻ thóc phơi giữa sân, bên cạnh có một cây lau không gió mà cây động nên gà không dám bén mảng. Sứ giả đoán đây hẳn là nơi ở của một nhân vật lỗi lạc bên đi thẳng vào nhà thì thấy một người đang dệt. Hỏi vì sao nôi không người mà vẫn đưa đẩy, cây không gió mà vẫn lay động. Người thợ cho biết đó là do con thoi của mình có dây buộc vào nôi và cây lau nên mới như thế.

Thấy anh ta là người có tài, sứ giả bèn kể cho anh nghe chuyện sứ thần nước lớn đến vẽ vòng như thế nào và ngạo mạn ra sao,... rồi ngỏ ý đón anh về kinh để nhờ giải đáp hộ. Người thợ vui lòng ra đi. Trước khi đi anh nhặt hai cái xương bánh chè súc vật mà trẻ con vẫn dùng để đánh đáo, bỏ vào túi. Ra tới cửa, anh còn chụp một con gà giắt vào lưng. Đến nơi, anh lặng lẽ nhìn viên sứ thần không nói gì, lấy hai cái xương bánh chè ném xuống trước mặt. Thấy thế, sứ thần móc túi lấy một nắm kê vãi ra đất. Người thợ liền thả con gà ra, gà mổ một chốc hết hạt kê. Sứ thần thấy thế lui thui ra về. Khi hẳn đi khỏi, vua quan đổ xô lại hỏi, người thợ đáp: - "Sứ thần vẽ vòng tròn là có ý nói sẽ mang quân tới vây để xem ý bên ta thế nào. Tôi ném hai cái xương ý muốn trả lời: so với chúng tôi, quân đội ông chỉ là trẻ con. Thế rồi hẳn rắc hạt kê là ý khoe quân của nước hẳn đông vô kể. Tôi cho gà mổ là để nói: một người nước ta có thể diệt hàng trăm người của họ. Thế là hẳn hiểu ý, chỉ còn có cách rút lui" [5].

Cũng như truyện trên, truyện *Thơ-mênh Chây* của người Khơ-me (Khmer) cũng có đoạn kể Chây đánh đố với sứ thần nước lớn bằng dấu hiệu, nhưng ở đây diễn biến có khác:

Thơ-mênh Chây, một nhân vật chuyên dùng mưu trí để đả kích và lừa người (như *Trạng Quỳnh* và *Cuội* của ta) từng chơi cho vua quan nhiều vở khá đau (có nhiều tình tiết giống tình tiết của truyện *Cuội*, *Trạng Quỳnh* và *Em bé thông minh*...). Một hôm bị vua sai lính đưa đi giết, Chây lừa lính

nhảy xuống nước trốn được. Sau đó, vua Trung-quốc nghe tin Chây chết, cho rằng người thông minh số một của nước láng giềng không còn nữa, bèn sai một sứ bộ gồm bốn nhà thông thái đến, ra những câu đố hiểm hóc với điều kiện: nếu không trả lời được thì phải quy phục. Vua lo sợ cho người đi tìm Chây, may cuối cùng tìm được, bèn đưa về triều. Khi sứ giả và Chây đối diện, sứ giả giơ một ngón tay chỉ lên trời. Chây chỉ vào mặt trời. Họ chỉ về phía chân trời, Chây chìa ngón tay lên trời. Họ chỉ xuống đất, Chây lại chỉ vào ngực mình. Sứ giả hỏi: - "Khi chúng tôi chỉ ngón tay lên trời ông hiểu ý nghĩa gì?". Đáp: - "Là hỏi có gì ở trên trời. Còn tôi chỉ vào mặt trời các ông có hiểu ý nghĩa như thế nào không?" - "Là nói có mặt trời và mặt trăng. Thế chúng tôi chỉ về chân trời có nghĩa là gì?", - "Là hỏi ở đây có gì? Còn tôi đưa ngón tay chìa lên cao các ông hiểu như thế nào?". - "Là nói có biển và dưới biển có núi Cha-cờ-ra-la-van (phân ranh giới cõi trần theo thuyết nhà Phật). Thế chúng tôi chỉ xuống đất có nghĩa là gì?". - "Là hỏi có gì trên mặt đất. Còn tôi chỉ vào ngực là nghĩa thế nào?". - "Là muốn nói trên đất này chỉ có người với người".

Đến đây hai bên tạm nghỉ. Qua hôm sau, bốn nhà thông thái lại đến triều gặp Chây. Họ vẽ một vòng tròn xuống đất bằng ngón tay. Lập tức Chây giơ cùi chỏ vào phía họ. Tiếp đó, họ xòe bàn tay hướng về phía Chây, Chây nắm chặt tay chỉ chừa lại một ngón. Biết Chây trả lời đúng họ lại trở về thuyền tạm nghỉ. Một vị sư cả hỏi ý nghĩa cuộc đối đáp bằng dấu hiệu vừa rồi. Chây nói: - "Họ vẽ vòng tròn ý nói ta bắt cá bằng vây lưới, tôi giơ cùi chỏ ý nói như thế thì phải có cá to bằng cánh tay. Họ xòe bàn tay ý nói bắt được cá như thế thì phải xẻ làm năm khúc, tôi đưa ra một ngón ý nói mỗi ngày ăn một khúc thì một con phải ăn năm ngày". Nhưng khi các quan đại thần hỏi thì Chây lại đáp: - "Họ vẽ vòng là ý nói muốn vây đánh nước ta; tôi giơ cùi chỏ là nói quyết chống lại. Họ xòe bàn tay ý nói chúng tôi đông lắm; tôi giơ một ngón tay là nói dù một người cũng cứ đánh". Nhưng khi vua hỏi, Chây lại trả lời khác đi: - "Họ vẽ vòng tròn ý hỏi trên thế giới có gì; tôi giơ cùi chỏ để nói có dãy núi Tu-di ở giữa. Họ xòe năm ngón tay

muốn hỏi năm đức Phật thuyết pháp như thế nào, tôi giơ một ngón tay ý nói năm đức Phật, bốn vị thuyết pháp còn một vị không". Qua hôm sau đến lượt Chây đố các nhà thông thái. Chây đưa họ vào một buồng có tiếng các em học ê a. Mở cửa vào thấy các em đọc sách bằng một cuộn giấy trên có vết mực chi chít (mà hôm trước, Chây đã làm sẵn bằng cách cho cua nhúng chân vào mực tàu thả cho bò lên mặt *giấy*. Chây bảo sứ giả đọc giúp cho mình thứ văn tự kia. Sứ giả không hiểu thế nào mà trả lời. Chây cho biết đó là một thứ chữ cổ của Khơ-me (Khmer). Bốn vị thông thái thú nhận thất bại. Chây buộc họ phải nộp cho nước mình cả đoàn thuyền sứ bộ thay vào việc nộp lãnh thổ [6].

Có thể kể thêm truyện *Vua Đa-ri-uyx* (Darius) cũng có những đối thoại tương tự đã được thay bằng những vật biểu tượng:

Xưa, Đa-ri-uyx, vua đế quốc Ba-tư (Iran) gửi cho A-lếch-dăng, vua Ma-xê-đoan (Macédoine) một cái vợt, một quả cầu và một hạt vừng, ý coi đối phương là trẻ con không thể quản lý nổi vương quốc, chỉ chơi cầu như trò trẻ, và sẽ phải giao chiến với quân mình đông như vừng. Bên phía A-lếch-dăng thì lại cho rằng đối phương quăng đế quốc của nó cho ta như là cái vợt để hất quả cầu. Vừng thì có dầu nhưng vị của nó chả có gì cay đắng. Ta sẽ đánh chiếm của cải của nó một cách ngon lành. Vua bèn viết thư trả lời Đa-ri-uyx có tính chất thách thức, lại kèm theo một túi hạt mù-tạc để nói quân đội của mình tuy ít nhưng có sức mạnh và ý chí như là mù-tạc (chất gia vị vừa nóng vừa cay làm cho người ăn có thể phát khóc).

Cũng như vậy, người Xít-tơ (Scythes) trong khi chống đánh quân Ba-tư xâm lược có gửi cho vua Đa-ri-uyx thứ nhất ba con vật: chim, chuột, nhái và năm mũi tên. Đa-ri-uyx tưởng là họ muốn đầu hàng vì cho rằng chuột sống ở dưới đất ăn thức ăn như người, nhái sống trong nước, chim là chỉ ngựa năm mũi tên là chỉ chủ lực quân của họ. Trái lại người Xit-tơ thì lại muốn nói: Nếu chúng mày không hóa thành chim bay lên trời, không hóa

thành chuột rút xuống đất, không hóa thành nhái nhảy xuống ao thì không thoát được. Chúng mày sẽ chết bởi những mũi tên của những người thiện xạ chúng tao [7].

-
- [1] Theo *Pháp Á tạp chí*.
- [2] Theo báo *Tân văn* (1935).
- [3] Theo Nguyễn Văn Ngọc, sách đã dẫn, A. Người ta.
- [4] Theo Bát-xê (Basset). *Nghìn lẻ một cổ tích, truyện kể và truyền thuyết Ả-rập*, quyển I.
- [5] Theo Tùng Lâm. *Truyện cổ chọn lọc*.
- [6] Theo Lê Hương. *Truyện thắng Chey*.
- [7] Theo *Lịch sử các vua Ba-tư*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
193. HAI ANH EM
VÀ CON CHÓ ĐÁ

Ngày xưa có hai anh em ruột, người nào cũng đã có vợ và ở riêng. Vợ chồng người anh thóc bồ rạ đụn, có cửa ăn của để, nhưng keo cú thì không ai bằng. Trái lại, vợ chồng người em tuy không đất cắm dùi nhưng lại tốt bụng, đối đãi với bà con làng xóm như bát nước đầy. Tuy họ phải đi làm thuê làm mướn nuôi thân, nhưng ai nghèo khó vẫn sẵn lòng giúp đỡ.

Một hôm có lão ăn mày rách rưới lần vào ngõ nhà người anh để xin ăn. Nhưng vợ chồng nhà này vừa trông thấy lão thì mặt đã răn lại như đá cuội. Chúng đã không thí cho lão chút gì lại còn thả chó dữ ra khiến lão phải nhanh chân lui bước. Khi lão lọt vào cổng của nhà người em thì vợ chồng nhà này đang ăn cháo bữa chiều. Trông thấy ông già có vẻ đói lả người chồng liền ra dắt tay đưa vào ngồi bên cạnh mâm. Anh bảo vợ múc cháo thêm ra bát, và nói:

- Mời cụ ngồi ăn bát cháo với chúng tôi cho đỡ dạ, rồi hãy đi nhà khác.

Ông lão ăn xong một bát, lại xin thêm bát nữa, rồi bát nữa. Tuy cháo không nhiều, hai vợ chồng vẫn múc không ngần ngại. Ăn xong, ông lão chống gậy đứng lên rồi bỗng đột ngột bảo hai người:

- Các con nghèo mà lại thảo, thật là đáng quý. Ta biết có một chỗ có nhiều vàng bạc. Vậy hãy theo ta lên núi, ta chỉ cho.

Cả hai vợ chồng nhìn nhau ngơ ngác. Thấy ông lão thúc giục đôi ba phen mới tin là ông không đánh lừa, bèn đánh bạo đi theo lên núi. Trèo lên một

hòn núi cao đã nhìn thấy một nền gạch có mấy bậc thềm. Vào sâu một đoạn nữa, thấy có hai con chó đá đang chầu trước một cái bệ. Ông lão bước lại gần, sẵn cái gậy trúc ở tay, ông cầm gõ vào đầu chó ba cái. Bỗng nhiên chó đá há miệng thật to. Ông lão bảo:

- Đấy. Các con muốn lấy bao nhiêu vàng bạc thì lấy!

Hai vợ chồng đang rụt rè thì bỗng chốc ông lão đã biến đi đâu mất. Chồng đánh bạo thò tay vào miệng chó mà khoắng thì quả nhiên lấy ra được những thỏi sáng giấp giời. Bèn lấy vội mỗi người mấy thỏi giặt lưng đem về. Từ đó họ giàu có sung sướng.

Vợ chồng người anh thấy em đang nghèo xơ nghèo xác bỗng chốc tậu ruộng, làm nhà, mua trâu, thuê người v.v...,thì hết sức ngạc nhiên. Bèn tìm đến nhà em để xem tai sao lại có chuyện lạ lùng như vậy. Vợ chồng người em vốn thật bụng, vui lòng kể lại vận đở gặp một ông tiên giả dạng ăn mày cho anh chị nghe. Nghe xong, người anh vội nói:

- Tưởng là ai chứ ông lão ấy thì hôm nọ có đến ăn xin ở bên nhà. Rõ tiếc chửa. Thế mà chúng ta lại không biết.

*

* *

Từ đó, hai vợ chồng người anh thường để ý tìm ông lão ăn xin, hy vọng được của như em. Họ cất công đi các chợ búa làng mạc. Họ còn thuê người đến tận các nơi xa để tìm tòi, nhưng chẳng thấy bóng dáng đâu cả. Một hôm vừa ra khỏi cổng, người chồng đã bắt gặp ông lão đang ngồi bên vệ đường, vẫn chiếc áo nâu rách, cây gậy trúc, và bộ râu trắng xóa không thể lầm vào đâu được. Hẳn bèn chạy ngay đến, cung kính chào hỏi và khác với lần trước, hẳn cố chèo kéo ông lão về nhà mình cho bằng được. Khi ông lão đã ngồi yên vị đâu đấy, hẳn quát người nhà giết gà làm cỗ mời ông lão xơi. Đợi cho ông ăn xong, hai vợ chồng mới đến gần, quỳ xuống nói.

- Hôm nọ tiên ông giúp cho nhà chú nó được vàng được bạc, thật là quý hóa. Chúng tôi với chú nó là chỗ ruột rà. Vậy xin tiên ông rủ lòng thương cho cả hai anh em được đội ơn luôn thể. Vợ chồng chúng tôi không bao giờ quên.

Ông lão nghe xong, gật gù nói:

- Cũng được. Vậy thì hãy đi theo lão.

Hai vợ chồng hí hửng mang theo quang gánh lật đặt chạy theo. Đi đến nơi: ông lão cũng dùng gậy trúc gõ vào đầu một con chó đá. Chó vừa há miệng thì chồng đã nhanh tay thò vào. Nhưng tay hẳn chưa kịp rút ra thì chó đá đã ngậm miệng lại. Hẳn ta cuống cuống quay lại cầu cứu tiên ông thì tiên ông đã biến mất từ lúc nào. Vợ cố lôi kéo hộ chồng, nhưng miệng chó đá ngậm chặt không thể gỡ nổi.

- Thôi đích là ông tiên trừng phạt về tội tham lam của chúng ta.

Nói xong, hai vợ chồng nhìn nhau khóc lóc than thở. Cuối cùng chồng bảo

vợ: - "Nay chết thì không chết, mà rút cũng không rút ra được. Bây giờ trời đã chiều, nàng hãy về kiếm cơm cháo hàng ngày đưa lên cho tôi với để may chi kéo dài cuộc sống thừa".

Từ đó hằng ngày vợ lo cơm nước lên núi cho chồng ăn. Khi chồng ăn xong, vợ lại về để chuẩn bị cho ngày mai. Cứ như thế, trong ba năm đi đi về về không biết mệt, người vợ cũng đã bán hết ruộng vườn nhà cửa để cung đốn cho chồng.

Một hôm, sau khi ăn xong, chồng bảo vợ:

- Ta vì tham của nên mới ra nông nổi này. Nay tài sản đã khánh kiệt chắc không thể kéo dài cuộc sống như thế này được mãi. Thôi sẵn hôm nay vắng vẻ, nàng hãy xích lại đây cho ta được vui đùa một lát, kéo chết là hết.

Thấy chồng van nài nhiều lần, vợ cũng thương hại, bèn chiều chồng, xích lại một bên. Nhưng khi vợ vừa cởi áo xống thì chó đá đã há miệng ra cười. Chồng vội vàng rút cánh tay bị cầm giữ bấy lâu trong hàm chó. Rồi cả hai chẳng nghĩ đến sửa soạn, cứ thế chạy một mạch xuống núi. không dám ngoảnh cổ lại [1].

Ngày nay còn có câu tục ngữ: "Chó đá biết cười", ý nói có những việc thậm chí làm cho chó đá cũng không thể nhịn được, là do truyện trên mà ra.

KHẢO DỊ

Người Mèo có truyện *Anh em mồ côi* gần giống với truyện của ta.

Có hai anh em sống côi cút, lúc đầu thương nhau, nhưng khi lấy vợ, anh đuổi em đi, vu cho em có hành động không tốt đối với chị dâu. Em tìm lên hang đá ở, cửa hang có phiến đá bằng cái giường, em khóc mãi khóc hoài, nước mắt làm cho đá lõm xuống. Phiến đá bèn hỏi: - "Sao lại khóc?". Em kể chuyện cho nghe. Nghe xong đá bảo: - "Hãy thò tay vào lỗ hõm móc lấy tim, gan, phổi mỗi thứ một ít sẽ có đủ đồ ăn thức dụng". Nghe lời, em lấy mỗi thứ một ít bỏ vào bát, thì tim tự nhiên hóa thành vàng, gan thành bạc, phổi thành kho lúa, kho ngô.

Khi giàu có, người em lấy vợ. Một hôm vợ bảo: - "Nhà chỉ có hai anh em dù sao cũng không nên tuyệt tình". Em bèn mời anh đến chơi nhà. Anh thấy em nhờ đá mà giàu có cũng về bảo vợ làm bộ đánh đập đuổi lên hang đá, rồi cũng giả bộ khóc lóc ngày đêm. Sự việc cũng xảy ra như trên, nhưng chưa kịp rút tay thì đá đã ngậm lại. Ở đây kết thúc cũng như truyện của ta. Để nuôi chồng ngày này qua ngày khác, vợ bán dần hết gia sản. Một hôm, chồng bảo vợ hãy cho xem "cái ấy" một tí để rồi có chết cũng thỏa. Vợ nghe lời cời áováy chạy lại, đá liền cười ngất, chồng lập tức rút tay thoát [2].

Người Cham-pa có truyện Ca-đớp và Ca-đoéc cũng là một dị bản của hai truyện trên.

Một phú ông chết để lại cho hai con trai gia tài khá lớn. Lúc em Ca-đoéc đi chôn bố thì anh là Ca-đớp giấu tất cả vàng bạc. Em về hỏi: - "Vàng bạc của cha đâu?". Đáp: - "Không biết". Thấy em không nói gì. Ca-đớp còn lần tới: "Của cha mẹ chỉ có cái nhà này, tao có vợ con, mày chưa có gì, mày hãy nhường cho tao, đi ở chỗ khác". Nói rồi chiếm lấy tất cả, chỉ chia cho em

một con chó, một con mèo và một mảnh ruộng hoang. Không có sức kéo, Ca-đoéc bắt chó và mèo kéo cày. Chúng lười không nổi. Chàng đánh mạnh tay làm chúng kêu ầm ĩ. Một hòn đá gần đấy thấy vậy bèn há miệng cười để lộ vàng sáng lấp lánh. Ca-đoéc bèn lấy về tậu ruộng cấy nhà, trở nên giàu có.

Khi nghe em kể sự tình, Ca-đốp nổi giận đánh Ca-đoéc và nói: "Sao không gọi tao với!". Rồi giành lấy chó và mèo, lại thuê xe bảo vợ và người nhà cùng đến chỗ có đá. Cũng bắt chước em đánh chó và mèo, và miệng đá cũng há ra cười. Nhưng chưa kịp rút tay thì đá đã ngậm lại. Biết là chết, hăn gọi vợ lại cho hăn vui đùa. Và cũng như kết thúc của hai truyện trên, đá cũng lại há miệng cười. Thoát nạn, hăn lại về đánh em một lần nữa. mắng: - "Đồ xỏ lá và tham lam, dám lừa ta. Anh em mà không biết thương nhau" [3].

Một dị bản của ta do người miền Nam kể cũng giống với truyện Cham-pa.

Đại khái người anh tham lam chiếm tất cả tài sản của bố mẹ để lại, chỉ cho em một con chó, một con mèo và một đám ruộng. Người em cũng bắt chó và mèo cày ruộng. Nhưng mỗi lần anh chàng giục chó đi nhanh thì chó nói: - "*Chó kêu ăng, thủng thủng mà đi!*". Còn khi anh đánh mèo vì mèo đi sai đường thì mèo nói: - "*Mèo kêu ngao, thấy sao hay vậy!*" Anh đánh mấy chúng vẫn nói thế khiến chó đá bật cười làm rơi ranhiều vàng. Sự việc diễn ra cũng tương tự như trên.

Người Kat-chin ở Miến-điện (Myanmar) có truyện *Hai đứa mồ côi* cũng có hình ảnh con chó kéo cày nhưng mô-típ của truyện lại không cùng loại với các truyện đã kể:

Có hai anh em mồ côi, gia sản để lại chỉ có một con trâu. Anh bảo em: -

"Tao nắm đầu trâu, mày nắm đuôi trâu kéo xem ai được cái githì lấy cái ấy". Kết quả người anh được cả con trâu, còn em chỉ được một con rận sau khi để tuột mất đuôi. Em bắt về nuôi, con rận trở nên to béo nhưng bị gà xóm giềng ăn mất. Bèn bắt bời thường, không chịu lấy vật đền nào khác mà chỉ lấy con gà. Đem về chăm chút được vài ngày gà lại bị chó xóm giềng ăn mất. Lại được đền con chó, đem về chăm sóc. Mùa cày đến vì không mượn được trâu, em bắt chó ra cày. Mỗi lần cày một đường em đặt cơm ở phía trước, chó thấy cơm thì ra sức kéo để được ăn. Cứ như thế mà cày xong ruộng. Một bọn lái nghe nói không tin, đánh cược tất cả ngựa thồ và hàng hóa. Em thắng cuộc trở nên giàu có. Người anh thấy vậy bèn bảo em cho mượn con chó một hôm, nhưng dù đánh đập bao nhiêu, chó cũng không kéo cày. Tức mình hăn chém chết chó. Em khóc chó và đem chôn. Sáng hôm sau, chỗ chôn đã mọc lên một cây tre có con chim hót: "bạc, bạc". Em đưa rổ ra hứng và quả được bạc. Ngày nào cũng vậy. Người anh lại hỏi mượn cả tre lẫn chim, hứa sẽ không làm hại. Nhưng lúc này chim đổi giọng, hót là: "dut, dut", rồi đánh rơi cứt xuống áo và mặt hăn. Anh giận chặt cây tre, còn chim thì bay mất. Em đưa cây tre về chẻ ra từng thanh, đan thành lồng gà, cứ mỗi sáng bỏ vào một con thì đến chiều gà đầy lồng. Người anh lại đến mượn lồng, nhưng hễ bỏ gà vào bao nhiêu đến sáng biến mất bấy nhiêu. Hăn lại chặt nhỏ lồng. Em nhặt về dùng làm củi, mỗi thanh đun cả một ngày. Người anh lại đến xin ba thanh, đưa về bỏ cả ba vào bếp. Lửa bỗng cháy bùng lên rất dữ thiêu cả nhà. Từ đó hăn trở thành nghèo khổ [4].

Hình ảnh miệng đá (hoặc chó đá) ngậm lại giữ chặt tay người cũng có trong sử thi *Đẻ đất đẻ nước* của dân tộc Mường: Khán Đồng được lệnh lang Cun Cần đi bắt rùa vàng để rửa "nhà chu". Một hôm đi nương, đến hang Hến hang Hạp, thấy có rùa, Khán Đồng vội đuổi theo. Rùa chạy vào hang, anh thò tay vào bắt, bị "hàm đá dưới cắn lên, hàm đá trên vập xuống", rút tay không được. Ở đây cũng có chó và người yêu (không phải vợ), anh bèn nhờ chó chạy đi "cắn gấu váy" đưa người yêu của mình là nàng Sông Đón đến.

Thấy nàng khóc lóc đến nỗi cây cỏ cũng động lòng thương. Bụt thương tình, bèn sai hàm đá mở ra. Anh thoát nạn, lại bắt được rùa vàng cho lang [5].

-
- [1] Theo Nguyễn Văn Ngọc, A. Người ta, sách đã dẫn.
- [2] Theo Doãn Thanh, Thương Nguyễn, Hoàng Thao. *Truyện cổ dân tộc Mèo*, sách đã dẫn.
- [3] Theo Jan-nơ Lơ-ba (Jeanne Lebat). *Cham-pa, một vương quốc đã mất*, Tri tân số 99 (1943). Người Cham-pa còn có dị bản *Chà Lúc Chà Lắc* nhưng lại kể khác đi chút ít như sau: Chà Lúc là anh chiếm hết gia tài, chỉ để cho em là Chà Lắc một mảnh ruộng đá sỏi. Cày không được, em chỉ khóc. Thần núi hiện ra hỏi vì sao lại khóc. Em kể sự thật. Thần đọc câu chú, kẻ đá tự nhiên nứt ra cho hăn lấy vàng. Lấy xong kẻ đá khép kín lại. Sau khi biết chuyện, Chà Lúc buộc em đổi cho mình gia tài rồi cũng đến ruộng giả ngồi khóc. Thần núi cũng làm cho kẻ đá nứt ra, nhưng nửa chừng kẻ đá khép, giữ tay hăn lại. Vợ hăn cũng đi đi về về mang cơm nước cho chồng. Được mấy ngày, hăn bảo vợ cho yêu một lần chót. Thần núi thấy vậy bật cười, kẻ đá mở ra. Chà Lúc rút được tay. Về nhà hăn mừng em. Chà Lắc sợ, bỏ đi mất, hăn chiếm luôn gia sản (*Văn hóa Á Châu* số 15, 1959).
- [4] Theo tạp chí *Nhân loại* (1909).
- [5] Theo *Đẻ đất đẻ nước*; Ty Văn hóa Thanh-hóa, 1975.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
194. CHÀNG RỄ THÔNG MANH

Có một anh chàng đẹp trai, lanh lợi, nhưng bị tật thông manh từ thuở nhỏ. Cặp mắt anh vẫn trong trẻo nên người ngoài không ai biết là mù. Nhưng anh thì rất khôn khéo, cố tìm cách giấu không cho người lạ biết mình có tật.

Một hôm nghe nói có một đám hát ở một làng nọ, vui bạn, anh theo nhóm trai làng đi xem. Đêm tối, người đông chen chúc, mỗi người tìm ngồi một nơi, nên lúc về họ lục tục mỗi người đi một đường, bỏ quên anh lại. Anh phải nằm đó đợi sáng, nhưng lúc về vì không thấy rõ đường, anh cứ đi liều. Cuối cùng bị lạc, anh lọt vào một nhà nọ. Nhà này đang sẵn có cuộc vui. Thấy chàng trai lạ đến, họ mời anh vào dự. Anh không từ chối, đi theo người dẫn vào ngồi phía tận cùng. Đến lúc mãn cuộc anh phải sờ vào vách để tìm cửa ra. Chủ nhân thấy thế, bèn hỏi: - "Anh làm gì đấy?". Anh nhanh miệng đáp: - "Dạ, cháu đo xem chiều dài nhà này có bằng nhà bố mẹ cháu chẳng". - "Thế bên nào rộng hơn?". - "Dạ, cũng suýt soát như nhau!". Chủ nhân cho rằng nhà anh này cũng thuộc loại khá giả như mình. Khi đã tìm được cửa ra, anh vội cáo từ chủ nhân để về, nhưng chủ nhân cố lưu anh lại ăn cơm. Đói bụng, anh từ chối lấy lệ rồi cũng ngồi vào mâm. Trước mặt anh là đĩa rau, nên anh cứ gắp mãi vào món ấy. Chủ nhân bảo: - "Kìa thịt cá đây sao không ăn, lại cứ gắp rau mãi?". Anh đáp: - "Nhà cháu rau dưa quen thói, chứ không phải làm khách đâu ạ!". Chủ nhân cho anh là con nhà cần kiệm nết na. Ăn xong bước ra hè anh vấp phải cái cào, cán cào va vào đầu đau điếng bèn ngồi lại nhặt cào, sẵn sờ thấy cái vồ bên cạnh, anh cầm lấy gõ vào đầu cán cào mấy cái cho hả giận. Chủ nhân thấy vậy, hỏi: - "Anh làm gì đấy?". Đáp: - "Cháu tra cán cào!". - "Ồ, tốt quá?". Chủ nhân cho anh là con nhà siêng năng, hay lam hay làm. Trong bụng ông nghĩ: - "Con nhà ai đây, nhà thì không đến nỗi nghèo, mà lại siêng năng cần kiệm nết na, thật là

ít có. Ta có đứa con gái nên gả cho hạng trai như thế này mới phải". Cho nên khi chàng thông manh cáo từ ra về, chủ nhân ghé vào tai bảo:

- Anh khá lắm. Có muốn lấy con gái lão, lão sẽ gả cho.

*

* *

Cuối cùng anh chàng thông manh cũng lần về được đến nhà. Khi về đến nơi, anh giục bố mẹ đi hỏi cô gái nhà nọ cho anh làm vợ. Do được bố vợ thỏa thuận từ trước, nên mọi việc cưới hỏi đều diễn ra êm thấm trót lọt. Chỉ còn một việc quan trọng là đi làm rể, mà việc này thì không ai thay thế được anh. Vì vậy anh chàng đành phải dẫn thân ra đi. Đến nhà vợ mới được một hôm, anh phải đi cày ruộng. Khi ra đồng, nhờ mẹ vợ dắt trâu đi trước nên anh theo không chút vất vả. Tới ruộng, mẹ vợ chỉ cho anh phần đất phải cày. Ruộng sẵn có bờ nên anh cũng dễ phân biệt. Vì vậy anh cày đúng ruộng nhà vợ, nhưng đôi lúc cũng cày lấn sang cả ruộng láng giềng, thậm chí còn cày lật cả một đoạn bờ. Khi mẹ vợ ra gọi anh về ăn trưa, thì bà kêu lên: "Chết nỗi, sao con lại cày sang ruộng của người ta!". Anh đáp không chút ngần ngại: - "Vì bờ ruộng thấp nên con cày cả hai bên để lấy đất đắp bờ đấy ạ!". Nghe nói xuôi tai, bà nhặc không nghi ngờ gì cả.

Ăn cơm xong, anh lần ra giếng khơi, vô phúc thế nào lại ra tôm xuống nước không lên được, nhưng anh kiên gan không kêu la. Chừng vợ anh ra múc nước, thấy anh dưới giếng thì hết hoảng: - "Ôi chao, mắt mũi để đâu mà lại

ngã xuống giếng thế?". Anh đáp ngay: - "Giếng rong rêu bẩn quá, tao phải xuống khai cho sạch". - "Thế sao không lấy thang mà trèo?". - "Vội quá không tìm được thang, nên tao phải men tường trèo xuống. Thôi bây giờ vớt hết rồi, hãy bắc thang xuống cho tao lên, kéo mệt quá". Cả nhà đã không ngờ, mà còn khâm phục.

Mấy hôm sau, vợ anh đi vắng, mẹ vợ thối xôi bới ra một đĩa mời chàng rể ăn. Đĩa xôi đặt trên mâm nan. Trong khi mẹ vợ cúi húi dưới bếp mà anh thì chưa kịp tới ngồi, con chó thấy vắng người bèn trèo lên mâm chén hết cả. Khi mẹ vợ ở bếp lên thấy đĩa đã sạch trơn xôi, vội nói: - "Con đã ăn hết rồi ư? Có ăn nữa không để mẹ bới thêm?". Biết là con chó đã ăn mất xôi, nhưng anh không ngạc nhiên, chỉ đáp: - "Đủ rồi mẹ ạ!".

Bận khác, vợ lại đi vắng, mẹ vợ lại thối xôi dọn ra mời anh ăn. Trong khi bà ta chạy xuống bếp thì anh đã chú ý rình kéo chó ăn mất như bận trước. Đến khi bà ta mang thức ăn lên, đang cúi húi đặt vào mâm. anh tưởng là chó bèn dẫm một cái, không ngờ nhằm vào mặt mẹ vợ. Đau quá, bà ta kêu lên. Biết là mình nhằm, anh buông dũa không nói gì cả. Giữa lúc ấy người vợ về. Nghe mẹ mình kể lại câu chuyện vừa rồi, chị ta găm lên. Anh thủng thỉnh đáp:

- Theo phong tục tổ tiên, chỉ có vợ bưng cơm hầu chồng. Lần trước mẹ đã làm trái, con không dám nói. Nay thì không thể làm trái lần thứ hai. Xin mẹ thứ lỗi cho, con làm thế là bất đắc dĩ. Chẳng qua là để khỏi có sự dị nghị.

Nghe nói thế, mẹ vợ và vợ hết giận. Còn bố vợ sau đó về nghe kể thì tấm tắc khen ngợi. Ông bảo xóm giềng:

- Bây giờ tôi mới hay thằng ấy lại là con nhà có học. Nó làm việc gì cũng đúng phép tắc.

Một hôm bố vợ bảo anh dẫn người nhà vào rừng chặt gỗ làm cày. Đường rừng khó đi, sai một bước là đụng phải cây, vì thế chàng thông minh rất ngại, bèn bảo người nhà: - "Đi đường im lặng buồn lắm anh em ạ! Nên thay nhau hò hát ít câu cho vui và bớt sợ". Họ hát lên, anh đi len vào giữa, không sợ lạc nữa. Cả mấy người dẫn được mấy cây gỗ ghé vai khiêng về. Anh cũng dẫn được một cây, nhưng anh biết rằng đi đường rừng mà mất mù thì không thể nào vác về một cách trót lọt. Mấy người cùng đi bỗng thấy chàng thông minh ta đột nhiên kêu đau bụng ầm lên và quăng gỗ xuống đất. Xoa bóp mãi không lành, họ đành dìu anh lên một cái chòi bỏ trống ở gần đường cho anh ở lại, còn họ phải đem gỗ về trước.

Sáng hôm sau, có hai người cưỡi ngựa đi qua. Anh rên to tiếng trên chòi. Hai người ghé lại hỏi: - "Sao lại nằm rên một mình ở đây?" Anh đáp: "Chao! Tôi đi dẫn gỗ để cày cho chủ tôi, nhưng chưa được thì không may bị bệnh đau bụng, đến nay cũng chưa lành". Hai người ấy lại hỏi: - "Anh có cần chúng tôi đưa giúp về không?". - "Nếu các ông có lòng thương tôi, thì sẵn rìu đó làm ơn để hộ cho chủ tôi cái cày, kéo về đấy ông ấy không trả công cho thì tội lắm, biết lấy gì để nuôi con. Còn bệnh đau bụng của tôi thì cứ để vậy ít bữa nữa rồi cũng lành". Nói rồi anh lại rên hừ hừ. Hai người kia thương hại bèn xuống ngựa để hộ anh, chỉ một lát được một cái cày rất đẹp.

Họ đi được hồi lâu thì vợ anh mang cơm nước và thuốc men đến. Đến chòi, vì chị ta đi nhẹ nhàng không lên tiếng, nên anh không biết. Thấy chồng nhìn mình mà không nhận ra, chị ta hồ nghi, vội hỏi:

- Mắt anh làm sao thế? Hay là có điều gì lạnh nhạt đối với tôi? Vì thấy tôi mà không lên tiếng thì chỉ có một trong hai điều đó thôi.

Anh chàng chống chế ngay:

- Thú thật là tao cũng có nhìn thấy nhà nó đến, nhưng vì vừa đẽo xong cái cày, thích chí quá nên mãi ngẫm mà quên đi, có việc gì đâu mà lạnh nhạt.

Lại một lần nữa, vợ giải được mối ngờ. Rồi đó hai vợ chồng trở về. Bố vợ thấy cái cày đẽo đẹp, khen lấy khen để.

Một hôm khác, bố vợ giết trâu mở tiệc mừng thọ. Cỗ bốn người một mâm, anh chàng thông minh cũng được dự ngồi một cỗ. Anh lần lượt gắp ăn, nhưng chẳng biết gắp thế nào cho trúng, mà gắp không trúng thì e rằng những người cùng dự chê cười. Anh bèn bàn:

- Cỗ chỉ có mấy món thôi, giá ta trộn cả vào với nhau thì ăn ngon hơn. Thế rồi ta chia nhau mỗi người một phần lại càng tiện.

Họ đều nghe theo. Nhờ thế anh ung dung gắp ăn phần của mình. Nhưng không may cho anh là ăn phải miếng thịt trâu thái to quá, mà anh lại vội nuốt nên bị nghẹn ở cổ, nhả ra không được. Anh ngồi chống đũa có nuốt, nước mắt giàn giụa mà miếng thịt vẫn không chịu vào. Mãi sau, anh lấy hết gân sức cố nuốt, cuối cùng miếng thịt cũng trôi được vào dạ dày. Nhưng thật là may mắn, con mắt anh nhờ thế đột ngột sáng ra. Nhìn thấy mọi người mọi vật, anh mừng quá. Anh bỗng có ý muốn nhìn một vợ một tý để xem xem con người như thế nào. Nhưng khi đi vào nhà trong thì đàn bà con gái ngồi ăn cỗ ở đây khá đông, anh chả biết làm sao mà phân biệt. Bèn nghĩ được một mẹo: anh giả bộ say, chân đi thất tha thất thểu. Đến chỗ có phụ nữ, anh giả vờ đụng vào người này lại va vào người khác. Thấy thế, vợ anh nổi ghen, vả cũng sợ chồng mình quá chén còn làm điều gì thất thố nữa chẳng, nên vội chạy lại dìu anh vào buồng. Từ đó anh mới biết mặt vợ [1].

KHẢO DỊ

Truyện *Chàng rể thông minh* tương đối phổ biến ở Trung và Nam-bộ, tuy rằng mỗi nơi kể có xuất nhập ít nhiều. Đồng bào Cham-pa cũng có truyện giống như truyện vừa kể.

Sau đây là một dị bản *Anh chàng thông minh*, có một số tình tiết hơi khác:

Một anh chàng thông minh một hôm vào ăn xin ở nhà một trưởng giả. Nghe trong nhà có tiếng dao băm vằm chí chát, anh tưởng họ đang dọn cỗ, cứ ngồi nài xôi thịt mãi. Lúc sau có đứa bé trong nhà cho biết đó là người ta đang đẽo gổ mít sơn son để sắp tới đưa ra đình cho ai đoán đúng thì gả cô chị chứ chả có cỗ bàn gì cả. Nghe vậy, hăn ta chờ ngày trưởng giả mở cuộc đố liền tìm đến. Trong khi mọi người đoán sai thì hăn dựa theo lời em bé ngày nọ trả lời, quả đúng, và cuối cùng được làm rể trưởng giả. Ở đây cũng có việc ăn cỗ, hăn chỉ gấp mãi vào đĩa rau trước mặt chứ không gấp thịt cá bày ở xa. Người ta hỏi thì hăn đáp: - "Nhà tôi quen rau dưa". Cũng có việc đi cày cho nhà bố vợ, khi đi anh chàng dò dẫm rơi xuống rãnh nước. Mẹ vợ kêu: - "Mắt mũi đâu mà đường không đi lại bước xuống rãnh".- Đáp: - "Con thấy con cá giếc to quá bước xuống chụp nhưng không may trượt mất". Khi cày, hăn cày sang ruộng của người khác, mẹ vợ chạy ra kêu lên: - "Sao ruộng nhà không cày lại cày sang ruộng người?". Hăn đáp: - "Mẹ cứ yên chí, những thửa ruộng quanh đây rồi sẽ thuộc về nhà ta cả". Lúc về hăn lạc vào một bụi tre. - "Làm gì mà loay hoay trong bụi thế?". - "Có nhiều tre

được thẳng, con muốn chặt một cây về làm bắp cày". - "Vườn nhà ta thiếu gì". Hẳn theo hướng mẹ vợ nói lần ra được đường đi.

Nhà trưởng giả tát ao, anh chàng cũng phải mon men xuống bắt, chẳng may lọt vào một đồng chà mà người ta vứt vào một góc ao. Nhân bắt được con cá chép to, hẳn giơ cho mọi người xem. Họ bảo hẳn ném lên bờ nhưng hẳn lại ném lạc vào giữa ao. - "Hoài của, sao lại ném xuống ao?" - "Bắt con cá nhép ấy làm gì, tôi cốt bắt con lớn kia"- Nhưng hẳn vẫn lúng túng trong đồng chà, may sao bắt được một con niềng niềng, hẳn bảo bọn trẻ: - "Đứa nào rước tao lên bờ thì tao cho!"- Nhờ vậy anh chàng lên được.

Bữa cơm hôm ấy có nồi canh riêu, anh chàng luýnh quýnh thế nào đập đổ mất. Vợ kêu lên: - "Khốn nạn! Mù hay sao mà nồi riêu đặt sờ sờ trước mắt lại bước vào". Lập tức hẳn nằm lăn xuống, hai tay che mắt: - "Trời đất ơi, vợ tôi rửa phải giờ thiêng. Bây giờ thì mù đặc rồi!". Thế là người ta xúm lại trách vợ sao lại rửa chõng để đến nông nỗi. Từ đấy hẳn được vợ nuôi báo cô [2].

Trương Vĩnh Ký dưới mục *Thăng quáng [thong manh] đi làm rể* có một dị bản, nhưng tiếc rằng ghi sót đầu sót đuôi. Đại khái cũng có tình tiết chàng rể đi cày ruộng cho bố vợ rồi rơi xuống giếng, nhưng ở đây lại không kể cụ thể cày như thế nào. Ở dưới giếng thì làm sao mà trèo lên. v.v... Chỉ có tình tiết dưới đây khá độc đáo (mà người Nghệ - Tĩnh cũng kể giống thế): Chàng thong manh ngồi ăn, vì mù tịt nên để cho chó trèo lên mâm ăn thức ăn. Thấy thế, mẹ vợ bảo: - "Sao con không đánh chó, để nó ăn vào mâm?". Hẳn đáp ngay: - "Tục có câu: "Đánh chó phải kiêng chủ nhà" nên con không dám đánh". - "Không hề gì, có dùi đục đây, nếu nó hỗn thì cho con cứ đánh khỏe vào". Hồi lâu mẹ vợ thấy hẳn không gấp thức ăn, cho là làm khách, bèn lại gần mâm, gấp bỏ vào bát. Nghe tiếng động, hẳn tưởng con chó vừa rồi quen mồm lại hỗn nữa, bèn choảng một dùi đục, không ngờ giáng vào mẹ vợ chảy máu. Truyện kết thúc ở đây [3].

Ở người Nghệ -Tĩnh thì, khi người ta hỏi hẵn tại sao lại vô cớ đánh "mụ gia" (bà nhạc), hẵn trả lời liêu: - "Ai bảo bà ấy đẻ "cái ấy" ra".

-
- [1] Theo lời kể của người Quảng-nam.
- [2] Theo *Truyện cổ dân gian các dân tộc Việt-nam*, tập IV, đã dẫn.
- [3] Theo *Chuyện đời xưa* (lựa nhón lấy những truyện hay và có ích)

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
195. LÀM CHO CÔNG CHÚA NÓI ĐƯỢC

Ngày xưa có một nàng công chúa con một ông vua nước nọ nổi tiếng xinh đẹp, nhưng có điều đặc biệt là nàng vốn ít điều ít lời, thường rất hà tiện lời nói. Trừ những lúc thật cần thiết, còn ít khi nàng chịu mở miệng nói ra. Khi công chúa đến tuổi lấy chồng, nhà vua cho niêm yết khắp nơi rằng cho phép bọn con trai bất kể là sang hay hèn, thôn quê hay thị thành, ai có cách làm cho con gái mình nói lên ba câu thì sẽ gả ngay cho người đó. Nhưng nếu trong một ngày mà không làm xong thì sẽ đánh trăm trượng, đuổi về.

Tin kén rể của nhà vua loan ra, đã có nhiều chàng trai, trong đó không thiếu gì hàng công tử vương tôn, đến xin thử thách, nhưng đều không thành công, cuối cùng đành phải nhận lấy trận đòn máu rơi thịt nát mà về. Bởi vậy cũng đã lâu năm rồi, hoàng gia vẫn chưa kén được phò mã.

Một hôm, có một chàng trai trẻ tuổi trông vẻ khốn khó, gốc nghềch, tên là Mồ Côi, tự dưng ở đâu tìm đến cổng hoàng thành xin nộp đơn. Thấy chàng ăn mặc lôi thôi, bọn lính thị vệ toan không cho vào. Nhưng rồi tuân theo niêm yết, họ đành phải thu nhận. Theo lệ, người ta dẫn Mồ côi vào hoàng cung cho ở ngoài sân trước cửa lầu của công chúa sau khi bắt đọc kỹ một lượt tờ niêm yết. Đoạn báo tin cho công chúa biết để chuẩn bị. Trong khi đó có những viên quan đã cắt đặt sẵn, ngồi ở sau màn làm phận sự theo dõi để chứng thực việc công chúa có nói hay không.

Người ta thấy buổi sáng hôm ấy Mồ Côi bước vào sân, chưa nghĩ đến việc tiếp xúc với công chúa đã bắt đầu lo bữa ăn trưa của mình. Anh hỏi mượn nôi, xin củi, vo gạo, tìm đá kê làm bếp ở ngay bên thềm. Nhưng đá kê anh chỉ nhặt có hai hòn mà đít nôi thì tròn, nên đặt lên mấy lần đều bị nghiêng

đổ. Mỗi lần nôi đổ, Mồ Côi lại kiên nhẫn xê dịch hòn đá, nhưng dù sửa soạn thế nào, nôi đặt lên cũng chông chênh chỉ toan lật xuống. Bấy giờ công chúa ngồi trên lầu nhìn xuống, thấy chàng trai loay hoay mãi với hai hòn đá kê đã bao nhiêu lần mà nôi vẫn đặt không vững, nên cảm thấy bức mình. Nhân một lúc nôi lại nghiêng nghiêng sắp đổ, công chúa nói chỗ xuống:

- Tìm một hòn đá nữa mà kê!

Nghe theo lời, Mồ Côi chẳng nói chẳng rằng, bỏ đi tìm một hòn đá thứ ba đưa về, bấy giờ nôi đặt lên mới vững. Sau khi trút gạo vào nôi, Mồ Côi bắt đầu đánh đá lửa. Anh đánh đi đánh lại nhiều lần đều không được. Vì anh đặt bùi nhìn lên phía trên đá nên tinh lửa tuy bật ra nhưng đều không bén vào bùi nhùi. Anh đánh no nê chê chán vẫn không ăn thua, vì mỗi lần không được anh lại sửa soạn ở chỗ hòn đá, chứ không soạn chỗ bùi nhùi. Trên lầu nhìn xuống, công chúa thấy sốt cả ruột, nên vào lúc đánh đến lần thứ mấy mươi, nàng bèn nói chỗ xuống:

- Đặt bùi nhùi xuống dưới!

Như cái máy, Mồ Côi nghe theo lời, sửa lại vị trí bùi nhùi thì quả nhiên đánh lửa bén ngay. Vẫn không một lời cảm ơn hay nói gì với công chúa, anh cứ cắm cúi làm công việc của mình. Sau khi cơm canh đã chín, Mồ Côi nấu luôn ấm nước chè. Nước sôi rồi, có việc rót nước từ ấm vào cái bầu nậm mà chàng thường mang theo bên người. Miệng bầu nậm thì bé, miệng ấm thì rộng nên anh rót chảy cả ra ngoài. Anh cố sửa soạn để nước chè khỏi chảy phí mất, nhưng mỗi lần làm là một lần mất công, nước vẫn lênh láng ra ngoài. Thấy thế, công chúa bức mình bảo:

- Đặt vào đấy một chiếc đũa!

Mồ Côi lại cúi đầu làm theo. Quả nhiên nước chảy theo đầu chiếc đĩa lọt gọn vào miệng bầu nậm.

Bấy giờ vị quan làm phận sự theo dõi công chúa đã đến gặp vua, nói:

- Tâu bệ hạ. Công chúa đã nói chuyện với chàng trẻ tuổi đến lần thứ ba. Hạ thần đã ghi xong.

Vua lấy làm ngạc nhiên, sai dẫn Mồ Côi tới xem mặt. Thấy chàng ăn mặc lôi thôi, vua không được hài lòng. Nhưng nghĩ rằng biết bao nhiêu người không thể làm cho con mình mở miệng, thì người này hẳn là phải có tài năng xuất chúng gì đây, vả lại một ông vua không bao giờ hai lời, nên cuối cùng quyết định gả công chúa cho Mồ Côi [1].

KHẢO DỊ

Về hình ảnh nhân vật anh hùng "ăn mặc lôi thôi" xin vào thử thách, có người kể đó là một anh chàng ăn mày đóng khổ.

Về hình ảnh bắc nồi cơm trên hai hòn đá, đồng bào Thái (Nghệ-an) có truyện *Hai anh em*, đại ý nói: Có hai anh em: anh đã có vợ, em chưa. Anh để vợ ở nhà đi buôn. Vợ sau đó bỏ nhà, theo con một tên phú hộ. Em cất công đi tìm không được. Anh về nghi ngờ và mắng mỏ em, định giết. Trước hết bảo em nấu cơm. Em bắc nồi trên hai cái cọc đóng làm kiềng.

Anh bảo: - "Sao ngu thế, kiềng hai chân bắc nồi sao được". Cơm chín, em lại đưa cho anh một chiếc đũa. Anh cũng bảo: - "Sao ngu thế, đũa phải có đôi chứ!" Người em mới dùng hình ảnh "kiềng ba chân" và "đũa có đôi" để khuyên anh nghĩ lại. Người anh hối hận từ đó mới biết vợ bội bạc, và ăn ở hòa thuận với em [2].

Tương tự với truyện của ta trên kia, đồng bào Tày có truyện *Nói khoác mất con gái* mà người Nùng, người Dáy cũng kể giống nhau:

Một trưởng giả giao hẹn nếu ai làm cho con gái mình nói được ba câu trong một buổi thì sẽ cho không làm vợ. Chạ - chàng trai nghe tin này đến trong một ngày giỗ để giúp việc mỗ lợn - xin được thử (ở đây không có chuyện phạt một trăm trượng như truyện của ta) và nhờ các bô lão có mặt trong ngày giỗ làm chứng hộ. Lần đầu, chàng bảo cô gái trưởng giả đi gánh nước để về đun sôi cạo lông. Nhưng cô mất công gánh bao nhiêu lần đổ xuống vô hiệu, vì Chạ đặt sập chảo. Lần thứ mười một, cô gái không nén được bực mình, bảo Chạ: "Phải lật ngửa chảo mới đổ được. Dốt ời là dốt!". Thế là Chạ có được câu nói thứ nhất. Nước đun xong, Chạ bảo cô gái giữ lợn cho mình chọc tiết, nhưng anh không đâm bằng mũi dao mà lại đâm bằng chuôi làm cho cô gái phải đè lợn hết sức vất vả vì những cái quẩy của nó. Bực mình cô gắt: - "Đâm đằng mũi ấy. Dốt ời là dốt!". Chạ lại được câu nói thứ hai. Tiệc ăn xong. Chạ cùng cô gái làm phận sự rửa bát, nhưng anh lại bỏ tất cả đĩa bát vào sọt toan xóc xóc như kiểu rửa rau, khiến cô phải kịp thời ngăn lại với câu. - "Rửa từng cái một chứ. Dốt ời là dốt!". Thế là Chạ có đủ cả ba câu nói của cô gái và được các bô lão chứng thực, làm cho trưởng giả đành phải y ước gả con [3].

Riêng truyền đồng bào Cao-lan kể, có một vài tình tiết hơi khác. Lần đầu, để buộc cô gái phải nói, là việc chàng Mồ Côi - ở đây là Mô Côi - lật úp chảo như trong truyện trên. Lần thứ hai không phải đâm chuôi dao vào lợn mà chàng Mồ Côi buộc thông lọng vào đuôi lợn để bắt lợn - "Phải buộc vào

chân thì mới trói nổi lợn, chứ buộc vào đuôi thì trói nổi gì", cô gái kêu lên thế. Lần thứ ba, không phải rửa bát mà là dọn cỗ. Mồ Côi đã có chú ý giấu đi một số đĩa làm cho khách mấy mâm phải ngồi chờ. Bị bố trách, cô gái phải đi gọi Mồ Côi lấy đĩa cho khách. Thế là ba lần cô gái mở miệng, kết quả Mồ Côi thắng lợi buộc phải y ước gả [4].

Một dị bản khác của người Dao thì cô gái mở miệng nói ra không phải ba mà đến năm lần. Mỗi lần cô nói, chàng trai lại bập một nhát dao vào cột để đánh dấu. Lần đầu chàng trai làm phận sự bắt lợn để giết thịt, lại nhè phải con lợn nái. Cô gái kêu lên. - "Ấy, mỗ con lợn béo trong chuồng chứ!". Lần thứ hai chộc tiết lợn, anh cầm dao chộc vào đít lợn. Tiếng cô gái: - "Ấy chộc ở cổ, sao lại ở đít". Lần thứ ba cạo lông, anh chỉ giội vào lợn bằng nước lã. Lại tiếng cô gái: - "Phải nấu nước sôi giội vào chứ!"- Lần thứ tư luộc lòng, anh cứ để nguyên bộ lòng lợn cả phân. Cũng lại tiếng cô gái: - "Ấy phải đun cho sạch phân đã chứ!". Lần thứ năm, cũng như một truyện trên kia, khi làm phận sự rửa bát, anh cũng cầm sọt xóc lên xóc xuống. - "Xóc thế vỡ mất thôi!". Cô gái than. Anh thắng cuộc [5].

Cũng cùng một mô-típ trên nhưng khác hình ảnh, có truyện của người Ma-rốc (Maroc): *Công chúa Sát-sa hay là Mát-cút-sa*:

Một công chúa rất đẹp nhưng cũng rất ác, tuyên bố chỉ lấy người nào làm cho mình nói, nếu không, trong hạn một đêm phải chém đầu. Những chàng trai khinh suất chết vì việc này khá đông, phơi ở cổng thành đã đến 93 thủ cấp. Một ông vua nước láng giềng có bảy người con trai. Do biết việc trên, nên trước khi chết vua di chúc lại dặn con không được vượt quá biên giới. Người con cả lên nối ngôi, một hôm đi săn ở núi, không ngăn được tò mò, bèn vượt qua, rồi phi ngựa đến kinh thành. Một bà già ở một hang gần đấy cản lại nhưng hắn không nghe, chỉ gửi ngựa và túi vàng lại, rồi tiến vào xin được thử thách. "Đã biết điều kiện chưa?", vua láng giềng hỏi - "Biết". Bèn đưa vào, đi qua bảy tấm màn. Ở đây cuộc thử thách không tiến hành ban

ngày mà là ban đêm. Hoàng tử cùng công chúa ngồi ăn uống với nhau nhưng không ai nói một câu. Trời sáng, sắp đến giờ đọc kinh, hoàng tử bị điệu đi xử tử. Hoàng tử thứ hai đến lượt mình lên ngôi, cũng lại đi và cũng thất bại bỏ xác. Bốn người em khác cũng lần lượt lên ngôi và cũng chịu rơi đầu. Hoàng tử út thề quyết báo thù. Sau khi lên ngôi, chàng cũng ra đi, nhưng xin vua láng giềng hạn cho trong bảy ngày. Vì hăng giỏi chơi đàn nên vua cho ở một ngôi nhà xinh đẹp đánh đàn. Ngày thứ sáu, công chúa vẫn không nói một câu. Nhưng những con chim bồ câu sau khi được nghe những bài đàn bèn nói với nhau: - "Làm sao để cứu cái anh chàng cho chúng ta nghe những tiếng đàn êm tai kia khỏi chết?" - "Làm sao?", con khác hỏi. - "Chúng ta hãy đến giả bộ xin anh ta xử cho một việc, thế nào rồi công chúa lại chẳng tham gia". Sang ngày thứ bảy, những con bồ câu đến đậu ở cửa sổ xin phân xử: chúng tôi có ba chị em chia của, con thứ nhất đòi chiếm 3/6, con thứ hai chiếm 2/6, còn lại 1/6 thì con kia không chịu. Xin anh phân xử hộ. Hoàng tử út nói: - "Phải chịu như thế. Nghe nói, công chúa tức mình vì mình vốn thông hiểu luật lệ và phong tục, vội cãi: - "Xử như thế là sai, phải chia như thế này này...". Viên quan ngồi sau màn ghi chép ngay lời nói của công chúa. Thế là hoàng tử thắng cuộc, mang công chúa về làm vợ [6].

-
- [1]_Theo lời kể của người Thái-nguyên.
- [2]_Theo *Truyện cổ Thái*, sách đã dẫn.
- [3]_Theo Hoàng Quyết, Hoàng Thao, Mai Sơn..., sách đã dẫn.
- [4]_Theo *Truyện cổ Việt-bắc*, tập III, Nhà Xuất bản Việt-bắc, 1976.
- [5]_Theo Doãn Thanh, Lê Trung Vũ. *Truyện cổ Dao*, đã dẫn.
- [6]_Theo Mô-ha-mét En Pha-si (Mohamed El Fasi) và Đéc-men-ghem (Dermenghem - *Truyện cổ tích Pha-dít* (Ma-rốc)).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
196. RỦ NHAU ĐI KIẾM MẬT ONG

Có hai anh tên là Bự và Ngốc đều không ai chịu kém ai về mặt ngu đần. Nhưng Bự vẫn thường cho mình là khôn hơn Ngốc. Một hôm, nghe người ta nói đi kiếm mật ong vừa được ăn, vừa bán có tiền, hai anh bèn rủ nhau đi làm một chuyến. Nhưng cả hai lại quên hỏi xem đi hướng nào thì có tổ ong. Suy nghĩ hồi lâu, Bự làm mặt thạo, bảo Ngốc:

- Mày ạ! Mật là chất có nước, vậy thì lên rừng không có đâu, phải tìm ở dưới nước mới thấy!

Ngốc không chối cãi, gật đầu ngay. Hai anh bèn chèo thuyền ra đi. Chèo mãi suốt mấy ngày chẳng thấy tăm hơi tổ ong đâu cả. Ngày thứ ba, khi trời sắp tối, chúng cắm thuyền bên bờ sông để nghỉ. Sáng hôm sau khi thức dậy, cả hai nhìn thấy dưới nước có bóng một tổ ong rất lớn. Bự vỗ vai Ngốc:

- Tao nói có sai đâu. Lấy được tổ ong này thì được ăn no và còn bán được vô khối là tiền, bỏ công chúng ta đi tìm từ mấy hôm nay. Mày giỏi lặn thì hãy xuống lấy đi!

Ngốc vâng lời cởi áo nhảy tùm xuống nước. Nhưng lặn mãi tìm đỏ cả mắt mà vẫn chẳng thấy gì. Thấy Ngốc lên tay không, Bự chỉ xuống nước nói:

- Ong nhiều như thế sao mày lại không lấy được một chút gì. Cái giống ong hay bay, phải lặn lâu mới được, mày ạ!

Ngốc ta lại lặn xuống tìm tòi một hồi lâu rồi lại trôi đầu lên. Thấy vẫn không được gì, Bự suy nghĩ hồi lâu, bỗng reo lên:

- Vì mày lần nào cũng vội lên nên chẳng được gì. Cái giống ong phải mất công tìm mới được. Sắn có nạng đây, tao sẽ lấy nó ghìm mày ở dưới nước cho thật lâu thì mày mới tìm ra.

Ngốc lại lặn xuống để cho Bự cầm nạng đứng trên thuyền dè. Bự dè mãi gần nửa buổi mới thả nạng ra thì Ngốc đã chết nhăn răng từ bao giờ. Thấy xác Ngốc nổi lên mặt nước, Bự lại tưởng hắn còn sống nên mắng ngay:

- Cái thằng tham lam, ăn một bụng mật ở dưới ấy rồi còn nhăn răng ra mà cười.

Bấy giờ có một chiếc thuyền chèo qua đó, bọn lái thuyền thấy có một cái xác nổi bập bênh, bèn bảo Bự:

- Thằng kia chết rồi, sao mày không chôn đi, để như vậy thối hoảng ai mà chịu nổi.

Nghe nói, Bự mới biết là Ngốc đã chết, bèn đưa xác lên bãi đào lỗ chôn cất. Sau khi chôn xong, hắn lại trở xuống thuyền. Bỗng nhiên hắn đánh một cái rắm. Thoáng thấy mùi thối, nhớ lại lời bọn lái, hắn bèn bụng bảo dạ: - "Thối quá! Vậy là mình cũng đã chết rồi nên mới thối như vậy. Thôi, ta phải chôn ta đi mới được, không thì ai mà chịu nổi. Nghĩ vậy hắn bèn xuống bãi đào một cái lỗ tự chôn mình. Nhưng khi vừa bốc mấy nắm bùn lấp lên đầu, hắn thấy ngọt ngạt khó chịu quá, nên lại ló đầu lên. Trông thấy có những chiếc thuyền qua lại gần bãi Bự gọi to:

- Thuyền kia đi xê ra, kéo đụng vào mả của người ta thì thối không chịu nổi đâu!

Nghe Bụt nói thế, một lũ trẻ cho trâu ăn gần đó không nhin được cười. Chúng nó lấy một cây roi mây xuống bãi quất túi bụi vào người Bụt, vừa quất vừa nói:

- Nào, xem thử là chết hay là sống!

Đau quá, Bụt nhảy vọt lên khỏi lỗ chôn cắm đầu chạy. Đang chạy, hăn bỗng nghĩ ra rằng chính là mình đã chết rồi, nhưng may nhờ cây roi của chúng nó đánh mấy cái mới sống lại được. Vậy là cây roi ấy nhất định phải có phép thần thông. Đó là cây roi rất quý, ta phải trở lại xin chúng nó mới được.

Nghĩ vậy, Bụt bèn quay trở lại xin lũ trẻ cây roi. Bọn chúng không cho Bụt phải lay lục mãi, cuối cùng bọn chúng mới vứt cho. Được roi, Bụt hết sức mừng rỡ, cho rằng từ nay mình có phép cải tử hoàn sinh. Thế là Bụt cầm roi lên đường với ý định cứu chữa cho thiên hạ. Đi một hồi lâu, Bụt trông thấy một đám ma. Làm ra vẻ nghiêm trang, Bụt tiến lên đòi gặp cho được tang chủ. Khi gặp tang chủ, Bụt nói:

- Ta đây có cây roi có phép cải tử hoàn sinh đã từng thí nghiệm công hiệu như thần. Vậy các ông các bà hãy mở áo quan ra, ta sẽ cứu cho người chết sống lại mà về nhà làm ăn.

Nghe Bụt nói thế, tất cả những người trong tang gia ngừng tiếng khóc. Họ sụp lạy Bụt và đồng thanh:

- Ngài thương đến cho cụ chúng tôi sống lại, chúng tôi căn cớ lạy ngài và đời đời không quên ơn.

Đám ma bèn được lệnh hạ đòn đặt xuống đám đất bên vệ đường. Mọi người xúm lại nạy ván thiên lên. Cái xác bị lật trần đặt sấp trên ván theo lệnh của Bự. Thế rồi Bự thong thả tiến lại giang thẳng cánh quạt rất túi bụi vào cái xác, vừa quạt vừa nói: - "Xem thử là chết hay là sống! Xem thử là chết hay là sống!". Nhưng quạt đến roi thứ mười: da thịt văng khắp nơi mà vẫn không thấy "ông cụ" của mình sống lại, bọn con cháu và thân thuộc người chết bèn xông lại kẻ đâm người thoi vô hồi kỳ trận làm cho Bự ngã lăn ra chết giấc [1].

KHẢO DỊ

Truyện của ta có một số tình tiết tương tự với truyện của một vài dân tộc anh em:

Trước hết là truyện của người Miến-điện (Myanmar): *Bốn chàng ngốc*. Truyện này có thể xem là một dạng kết hợp giữa truyện *Rủ nhau đi kiếm mật ong* với truyện *Phiêu lưu của anh chàng ngốc* (số **190**):

Có bốn anh chàng thất nghiệp đến gặp một bà già để xin việc làm. Bà già thuê họ bứt rạ để lợn nhà. Người thứ nhất bứt xong trước, đội bó rạ về tới nơi nói: - "Thưa, để rạ ở đâu?" - "Để ở sau bếp", bà già trả lời. Người thứ hai đội rạ về tiếp theo cũng hỏi: - "Thưa, để rạ ở đâu?". Cho đến người thứ ba, thứ tư đều hỏi như thế. Bà già phải trả lời đến bốn lần đã tỏ ra bực mình. Lại đi bứt chuyến thứ hai. Người thứ nhất đội về lại hỏi: - "Thưa, để

ra ở đâu?". Bà già quát: - "Đồ ngốc, để trên đầu tao đây này"- Anh chàng thuận tay ném bó rạ vào đầu bà già. Khi xem lại thì bà già đã chết. Sau đó, dân làng bảo họ đi chặt cây làm áo quan. Họ phân công, một người chặt, một người trèo lên ngọn để đỡ phía trên, hai người ghé vai gần gốc để đỡ phía dưới. Cây đổ đè chết hai người dưới gốc và làm bất tỉnh người trèo ngọn. Dần dần y tỉnh lại. Tưởng hai người kia chưa chết, y và người chặt cùng ngồi chờ. Ba ngày sau, có một bác thợ rừng đi qua, hỏi: - "Đã chặt cây rồi mà sao còn ngồi ở đây?"- Đáp: - "Chúng tôi chờ hai người kia dậy để cùng về nốt thể" - "Nó chết rồi." - "Sao lại biết?" - "Nó thối thể kia, chẳng phải chết là gì". Hai người này bèn ra về. Dọc đường một người đánh cái rắm (một dị bản kể là ợ) thấy có mùi thối, tự nhủ: - "Thối thể là ta cũng chết rồi". Bèn nằm lại giữa đường. Tiếp đến người thứ hai đánh một cái rắm cũng tự cho là mình chết, cũng nằm lại giữa đường. Lúc ấy vừa có người quản tượng cười voi đi qua, thấy có hai người nằm giữa đường thì giục họ tránh. Hai ngốc ta đáp: - "Chúng tôi đã chết rồi không tránh được nữa". Quản tượng lấy dùi đâm vào hai người buộc họ phải đứng dậy - "A hóa ra đã chết đâu!". Cũng như truyện trên, cho là cái dùi có phép cải tử hoàn sinh, hai người bèn khẩn khoản xin đổi cái rìu chặt cây lấy cái dùi của quản tượng. Dọc đường về, họ gặp một đám ma. Cũng thế, họ báo với tang gia rằng mình có cái dùi phép có thể làm sống lại người đã chết. Đám tang cũng dừng lại để đưa xác ra khỏi áo quan. Hai người dùng dùi đâm nát cả cái xác. Không thấy người chết sống lại, những người đưa ma phang cho hai ngốc một trận như tử phải nằm lại dọc đường. Một người đi qua hỏi nguyên nhân vì sao bị đánh. Hai người đáp là vì muốn kiếm cơm. - "Ngốc, người kia nói, nếu thể thì cứ khóc lên ba tiếng là sẽ kiếm được ăn". Sau đó, gặp một đám cưới, hai người đón đường khóc váng lên. Lại bị đòn nằm lại, lại có người đi qua hỏi nguyên nhân vì sao bị đánh - "Vì kiếm cơm." - "Đáng lý ra phải múa hát và chúc hạnh phúc". Sau đó họ gặp hai vợ chồng đánh nhau. - "Chúc các bạn hạnh phúc". Lại bị đòn. Lại gặp một người hỏi vì sao. - "Vì kiếm cơm." - "Đáng lý phải can ra và nói xin bớt giận". Sau đó gặp hai con trâu chọi nhau, họ xông vào can và nói: "Xin bớt giận". Nhưng chưa kịp can thì đã bị trâu húc chết [2].

Về tình tiết đi tìm tổ ong dưới nước, một truyện Căm-pu-chia *Bốn ông lão ngốc đi tìm vợ*, cũng có đoạn tương tự:

Có bốn người hói có tính ngốc kết bạn cùng nhau. Vì không có vợ nên họ cùng đi với nhau để tìm vợ. Đến một nơi nọ, có một anh chàng vì ăn nằm với một cô gái bị bố mẹ cô bắt được, họ nhờ bốn ông lão xử hộ - "Tại sao mày lại xấu thói?" - Bốn lão hỏi chàng kia. - "Vì cô này là nhân tình của tôi", chàng kia trả lời. - "Láo", cô kia cãi lại, "nó là đứa gian, không phải nhân tình". Bốn người trao đổi với nhau: - "Bây giờ quyết định thế nào? Cô ấy quả quyết không nhận nó là nhân tình". Người thứ nhất nói: - "Khi cái ngoè đã mắc vào thì quả cam phải rơi". Người thứ hai: - "Đâu có cứt thì đó có chó ỉa". Người thứ ba: - "Nếu đào lỗ thì nước sẽ chảy xuống đấy". Người thứ tư: - "Đâu có bí, đẩy mọc bầu ra. Bố mẹ cô gái nghe họ trao đổi như thế, bèn đem cô gái gả quách cho anh kia. Bốn người lại đi. Họ bắt được năm con rùa định chia nhau nhưng cãi nhau hơn thiệt không ai chịu ai. Bỗng gặp một người đi qua, họ nhờ chia hộ. Người kia chia cho mỗi ông lão một con, còn mình cũng một con. Ai nấy đều thỏa mãn. Đến một cái hồ, họ thấy có bóng tổ ong ở mặt nước. Như truyện của ta, họ cử một người lặn xuống tìm, còn ba người nữa thì dùng nạng dè nghiêng ông ta suốt buổi. Lão kia chết đuối. Thấy có cứt nổi lên mặt nước, ba người nói: - "Nó xấu thói! Nó ăn lấy mật, chỉ cho chúng mình sấp". Bèn làm dối bỏ đi. Dọc đường họ lại gặp một người khác cũng hói, hỏi thì người kia nói là mình đang đi tìm vợ. Và y bảo họ: - "Hãy đi theo tôi!". Gặp một bà già không chồng, bốn người quyết lấy làm vợ chung và thề không bỏ nhau. Về phần người đàn bà thì nghĩ rằng nếu chỉ lấy một, tất ba người kia sẽ không chịu, chi bằng lấy cả để bắt mỗi người làm một việc đỡ cho mình. Bốn lão phải làm việc nhiều, mệt quá. Một hôm bàn nhau đi tìm một tên nô. Bèn rủ nhau đi. Bấy giờ có một anh chàng giỏi đan nhưng lại muốn giấu nghề, mới đem tre nửa trèo lên cây cọ ngồi đan. Anh này cũng có dự định nuôi một tên nô. Vừa đan hẳn vừa nghĩ rằng nếu mua được nô về mà nó không chịu làm việc thì

ta sẽ đá cho nó một cái. Thuận chân, hấn đá, thế nào lại mất thăng bằng rơi xuống, may nín được một tàu cộ thành ra cả người treo lơ lửng. Từ đây về sau, truyền diễn ra y như kết thúc của truyện *Cái chết của bốn ông sư*, xem số **200**, mục **Khảo dị**.

Người Mường Thanh-hóa có truyện *Trứng ngựa* cũng có một số tình tiết gốc ít nhiều tương tự với các truyện trên:

Xưa, có một mường từ lang đến dân đều ngốc. Họ thấy người mường Chénh cưỡi ngựa thì ao ước làm sao cũng có một con để cho lang cưỡi. Một hôm gặp người mường Chénh đi chăn ngựa, một anh bèn hỏi dò: - "Ngựa đẻ con hay đẻ trứng?". Người kia thấy hỏi trớ trêu, bèn đáp đùa: - "Đẻ trứng, ấp sẽ có con". Hấn bèn về trình với lang xin đưa quà cáp cho người mường Chénh để xin trứng ngựa. Người kia đưa cho một quả gấc chín, dặn: đốt một đám cỏ tranh cho rộng, xung quanh rào kín, giữa đào một lỗ sâu cho trứng vào, lấp đất. Xong để ngỏ bốn phương bốn cửa, cho người nấp từ xa, hễ thấy trứng nở ra ngựa thì đóng các cửa lại, cứ bắt lấy mà cưỡi. Họ làm theo lời, hôm sau, một con nai thấy trong đó có cỏ tranh non, đi lẫn vào ăn. Mấy người canh trông thấy cho là trứng đã nở ra ngựa, bèn chia nhau đóng bốn cửa lại. Bắt được, lấy dây cột ngựa (nai) lại, mời lang tới, lại báo tin cho dân đi xem lang cưỡi ngựa. Khi lang cưỡi lên, nai được tháo dây, chạy thực mạng. Lang bị cây va phải ngã chết. Thấy xác lang, dân tưởng lang mệt, nên bảo nhau im lặng để lang ngủ. Canh mãi không thấy lang dậy, lại ngửi thấy mùi thối, chúng bèn đổ cho nhau phóng uế, dấm đá nhau không thôi. Mãi sau, một người đập phải xác lang thấy bầy nát mới biết là đã chết. Khi chặt cây gỗ làm áo quan, chúng muốn rằng cây đừng ngã về phía dưới, bèn trước hãy buộc dây vào đầu ngọn cho vài chục người đứng trên dốc núi kéo lại. Không ngờ cây không chịu ngã theo ý muốn mà lúi cả bọn theo về phía dưới. Những người đứng xem reo lên: - "Kìa, có mấy thằng biết bay!" [3].

[1]_Theo truyện đăng trên báo Sài-gòn vào năm 1934, quên mất tên.

[2]_Theo *Truyện dân gian Miến-điện*.

[3]_Theo *Thanh Nghệ Tĩnh tân văn* (1930). Riêng về truyện *Trứng ngựa*, có một số dị bản như sau: trước hết là một truyện khôi hài của Ba-tư (Iran) mà các nhân vật trong đó đều gốc: *Tám cuộc phiêu lưu của tôn sư (gu-ru) Pa-ra-mác-tha* có đoạn nói đến việc mua trứng ngựa... Hai đồ đệ mua được trứng (kỳ thực đó là quả bí da xám), một người kính cẩn đội trứng lên đầu, còn người kia đi trước chỉ đường. Bỗng đụng phải một cành cây nhô ra giữa đường, bí rơi xuống nát thành mảnh văng vào bụi rậm. Một con thỏ xám kiểem ăn gần đấy giật mình bỏ chạy. Hai người reo lên: - "Ngựa đây rồi". Bèn chia nhau chạy tìm bắt, nhưng áo quần toạc hết mà không được gì. Về nhà họ kể lại với tôn sư: - "Chúng tôi chưa bao giờ thấy một con ngựa bé mà nhanh nhẹn như vậy, vừa ra khỏi trứng đã chạy biến". Tôn sư an ủi: - "Mất tiền mua kể cũng đáng tiếc, nhưng ngựa chạy nhanh như thế, ta cũng sợ. Sau này kiểem con nào già già chứ ngựa non ta sợ lắm". (tạp chí *Muy-dê-ông* tập VII, 1889)

Truyện *Trứng ngựa* của người Pháp vùng Lo-ren (Lorraine): Một chàng gốc đi chợ thấy những quả bí, hỏi là cái gì. - "Trứng ngựa", người kia đáp. - "Làm sao để thành ngựa?". - "Cho một bà già ấp trong sáu tuần". Hẳn nghĩ: - "Ta có bà mẹ vợ, nhân trứng ngựa rẻ, mua về cho bà ấy ấp". Bèn mua một trứng về bắt bà nhạc ấp. Ấp sáu tuần không thấy gì. Lại ấp bốn tuần nữa, cũng thế. Hẳn nói: - "Hoặc là ấp tồi, hoặc là trứng ung". Bèn quăng vào bụi. Bất đồ có một con thỏ trong bụi chạy vụt ra. - "A, ngựa của ta!". Nhưng hẳn tìm hết hơi mà không thấy (A-đam (Adam): *Tiếng địa phương Lo-ren*).

Một truyện *Trò đùa và lừa gạt* của người vùng Thượng Bơ-ta-nhơ (Haute Bretagne). Một gã ở Blét-xa-la thấy có những quả bí trong một cái trại -

"Cái gì đây?", hăn hỏi. Người ta đáp: - "Trứng lừa". - "Ấp có nở ra con không?". - "Sao lại không" - "Bán cho tôi một trứng". Đưa về, hăn giục vợ ấp. Mười lăm ngày qua không thấy gì, chồng lại thay vợ ấp thêm tám ngày nữa. Thấy không kết quả, hăn ném trứng vào bụi. Một con thỏ đang ăn ở gần đấy vụt chạy ra. Hăn kêu lên: - "Tiếc quá. Giá ta ấp thêm ba ngày nữa có phải được lừa con rồi không. Nó đã có tai dài, nhưng đuôi còn ngắn" (Xê-bi-lô (Sébillot). *Truyện dân gian ở Thượng Bơ-ta-nhơ*, Pháp). Xem thêm **Khảo dị** truyện *Phiêu lưu của anh chàng ngốc*, số **190**.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
196. RỦ NHAU ĐI KIẾM MẬT ONG

Có hai anh tên là Bự và Ngốc đều không ai chịu kém ai về mặt ngu đần. Nhưng Bự vẫn thường cho mình là khôn hơn Ngốc. Một hôm, nghe người ta nói đi kiếm mật ong vừa được ăn, vừa bán có tiền, hai anh bèn rủ nhau đi làm một chuyến. Nhưng cả hai lại quên hỏi xem đi hướng nào thì có tổ ong. Suy nghĩ hồi lâu, Bự làm mặt thạo, bảo Ngốc:

- Mày ạ! Mật là chất có nước, vậy thì lên rừng không có đâu, phải tìm ở dưới nước mới thấy!

Ngốc không chối cãi, gật đầu ngay. Hai anh bèn chèo thuyền ra đi. Chèo mãi suốt mấy ngày chẳng thấy tăm hơi tổ ong đâu cả. Ngày thứ ba, khi trời sắp tối, chúng cắm thuyền bên bờ sông để nghỉ. Sáng hôm sau khi thức dậy, cả hai nhìn thấy dưới nước có bóng một tổ ong rất lớn. Bự vỗ vai Ngốc:

- Tao nói có sai đâu. Lấy được tổ ong này thì được ăn no và còn bán được vô khối là tiền, bỏ công chúng ta đi tìm từ mấy hôm nay. Mày giỏi lặn thì hãy xuống lấy đi!

Ngốc vâng lời cởi áo nhảy tùm xuống nước. Nhưng lặn mãi tìm đỏ cả mắt mà vẫn chẳng thấy gì. Thấy Ngốc lên tay không, Bự chỉ xuống nước nói:

- Ong nhiều như thế sao mày lại không lấy được một chút gì. Cái giống ong hay bay, phải lặn lâu mới được, mày ạ!

Ngốc ta lại lặn xuống tìm tòi một hồi lâu rồi lại trôi đầu lên. Thấy vẫn không được gì, Bự suy nghĩ hồi lâu, bỗng reo lên:

- Vì mày lần nào cũng vội lên nên chẳng được gì. Cái giống ong phải mất công tìm mới được. Sắn có nạng đây, tao sẽ lấy nó ghìm mày ở dưới nước cho thật lâu thì mày mới tìm ra.

Ngốc lại lặn xuống để cho Bự cầm nạng đứng trên thuyền dè. Bự dè mãi gần nửa buổi mới thả nạng ra thì Ngốc đã chết nhăn răng từ bao giờ. Thấy xác Ngốc nổi lên mặt nước, Bự lại tưởng hắn còn sống nên mắng ngay:

- Cái thằng tham lam, ăn một bụng mật ở dưới ấy rồi còn nhăn răng ra mà cười.

Bấy giờ có một chiếc thuyền chèo qua đó, bọn lái thuyền thấy có một cái xác nổi bập bênh, bèn bảo Bự:

- Thằng kia chết rồi, sao mày không chôn đi, để như vậy thối hoảng ai mà chịu nổi.

Nghe nói, Bự mới biết là Ngốc đã chết, bèn đưa xác lên bãi đào lỗ chôn cất. Sau khi chôn xong, hắn lại trở xuống thuyền. Bỗng nhiên hắn đánh một cái rắm. Thoáng thấy mùi thối, nhớ lại lời bọn lái, hắn bèn bụng bảo dạ: - "Thối quá! Vậy là mình cũng đã chết rồi nên mới thối như vậy. Thôi, ta phải chôn ta đi mới được, không thì ai mà chịu nổi. Nghĩ vậy hắn bèn xuống bãi đào một cái lỗ tự chôn mình. Nhưng khi vừa bốc mấy nắm bùn lấp lên đầu, hắn thấy ngọt ngạt khó chịu quá, nên lại ló đầu lên. Trông thấy có những chiếc thuyền qua lại gần bãi Bự gọi to:

- Thuyền kia đi xê ra, kéo đụng vào mả của người ta thì thối không chịu nổi đâu!

Nghe Bự nói thế, một lũ trẻ cho trâu ăn gần đó không nhin được cười. Chúng nó lấy một cây roi mây xuống bãi quất túi bụi vào người Bự, vừa quất vừa nói:

- Nào, xem thử là chết hay là sống!

Đau quá, Bự nhảy vọt lên khỏi lỗ chôn cắm đầu chạy. Đang chạy, hăn bỗng nghĩ ra rằng chính là mình đã chết rồi, nhưng may nhờ cây roi của chúng nó đánh mấy cái mới sống lại được. Vậy là cây roi ấy nhất định phải có phép thần thông. Đó là cây roi rất quý, ta phải trở lại xin chúng nó mới được.

Nghĩ vậy, Bự bèn quay trở lại xin lũ trẻ cây roi. Bọn chúng không cho Bự phải lay lục mãi, cuối cùng bọn chúng mới vứt cho. Được roi, Bự hết sức mừng rỡ, cho rằng từ nay mình có phép cải tử hoàn sinh. Thế là Bự cầm roi lên đường với ý định cứu chữa cho thiên hạ. Đi một hồi lâu, Bự trông thấy một đám ma. Làm ra vẻ nghiêm trang, Bự tiến lên đòi gặp cho được tang chủ. Khi gặp tang chủ, Bự nói:

- Ta đây có cây roi có phép cải tử hoàn sinh đã từng thí nghiệm công hiệu như thần. Vậy các ông các bà hãy mở áo quan ra, ta sẽ cứu cho người chết sống lại mà về nhà làm ăn.

Nghe Bự nói thế, tất cả những người trong tang gia ngừng tiếng khóc. Họ sụp lạy Bự và đồng thanh:

- Ngài thương đến cho cụ chúng tôi sống lại, chúng tôi căn cớ lạy ngài và đời đời không quên ơn.

Đám ma bèn được lệnh hạ đòn đặt xuống đám đất bên vệ đường. Mọi người xúm lại nạy ván thiên lên. Cái xác bị lật trần đặt sấp trên ván theo lệnh của Bự. Thế rồi Bự thong thả tiến lại giang thẳng cánh quạt rất túi bụi vào cái xác, vừa quạt vừa nói: - "Xem thử là chết hay là sống! Xem thử là chết hay là sống!". Nhưng quạt đến roi thứ mười: da thịt văng khắp nơi mà vẫn không thấy "ông cụ" của mình sống lại, bọn con cháu và thân thuộc người chết bèn xông lại kẻ đâm người thoi vô hồi kỳ trận làm cho Bự ngã lăn ra chết giấc [1].

KHẢO DỊ

Truyện của ta có một số tình tiết tương tự với truyện của một vài dân tộc anh em:

Trước hết là truyện của người Miến-điện (Myanmar): *Bốn chàng ngốc*. Truyện này có thể xem là một dạng kết hợp giữa truyện *Rủ nhau đi kiếm mật ong* với truyện *Phiêu lưu của anh chàng ngốc* (số **190**):

Có bốn anh chàng thất nghiệp đến gặp một bà già để xin việc làm. Bà già thuê họ bứt rạ để lợn nhà. Người thứ nhất bứt xong trước, đội bó rạ về tới nơi nói: - "Thưa, để rạ ở đâu?" - "Để ở sau bếp", bà già trả lời. Người thứ hai đội rạ về tiếp theo cũng hỏi: - "Thưa, để rạ ở đâu?". Cho đến người thứ ba, thứ tư đều hỏi như thế. Bà già phải trả lời đến bốn lần đã tỏ ra bực mình. Lại đi bứt chuyến thứ hai. Người thứ nhất đội về lại hỏi: - "Thưa, để

ra ở đâu?". Bà già quát: - "Đồ ngốc, để trên đầu tao đây này"- Anh chàng thuận tay ném bó rạ vào đầu bà già. Khi xem lại thì bà già đã chết. Sau đó, dân làng bảo họ đi chặt cây làm áo quan. Họ phân công, một người chặt, một người trèo lên ngọn để đỡ phía trên, hai người ghé vai gần gốc để đỡ phía dưới. Cây đổ đè chết hai người dưới gốc và làm bất tỉnh người trèo ngọn. Dần dần y tỉnh lại. Tưởng hai người kia chưa chết, y và người chặt cùng ngồi chờ. Ba ngày sau, có một bác thợ rừng đi qua, hỏi: - "Đã chặt cây rồi mà sao còn ngồi ở đây?"- Đáp: - "Chúng tôi chờ hai người kia dậy để cùng về nốt thể" - "Nó chết rồi." - "Sao lại biết?" - "Nó thối thể kia, chẳng phải chết là gì". Hai người này bèn ra về. Dọc đường một người đánh cái rắm (một dì bàn kể là ợ) thấy có mùi thối, tự nhủ: - "Thôi thể là ta cũng chết rồi". Bèn nằm lại giữa đường. Tiếp đến người thứ hai đánh một cái rắm cũng tự cho là mình chết, cũng nằm lại giữa đường. Lúc ấy vừa có người quản tượng cười voi đi qua, thấy có hai người nằm giữa đường thì giục họ tránh. Hai ngốc ta đáp: - "Chúng tôi đã chết rồi không tránh được nữa". Quản tượng lấy dùi đâm vào hai người buộc họ phải đứng dậy - "A hóa ra đã chết đâu!". Cũng như truyện trên, cho là cái dùi có phép cải tử hoàn sinh, hai người bèn khẩn khoản xin đổi cái rìu chặt cây lấy cái dùi của quản tượng. Dọc đường về, họ gặp một đám ma. Cũng thế, họ báo với tang gia rằng mình có cái dùi phép có thể làm sống lại người đã chết. Đám tang cũng dừng lại để đưa xác ra khỏi áo quan. Hai người dùng dùi đâm nát cả cái xác. Không thấy người chết sống lại, những người đưa ma phang cho hai ngốc một trận như tử phải nằm lại dọc đường. Một người đi qua hỏi nguyên nhân vì sao bị đánh. Hai người đáp là vì muốn kiếm cơm. - "Ngốc, người kia nói, nếu thể thì cứ khóc lên ba tiếng là sẽ kiếm được ăn". Sau đó, gặp một đám cưới, hai người đón đường khóc váng lên. Lại bị đòn nằm lại, lại có người đi qua hỏi nguyên nhân vì sao bị đánh - "Vì kiếm cơm." - "Đáng lý ra phải múa hát và chúc hạnh phúc". Sau đó họ gặp hai vợ chồng đánh nhau. - "Chúc các bạn hạnh phúc". Lại bị đòn. Lại gặp một người hỏi vì sao. - "Vì kiếm cơm." - "Đáng lý phải can ra và nói xin bớt giận". Sau đó gặp hai con trâu chọi nhau, họ xông vào can và nói: "Xin bớt giận". Nhưng chưa kịp can thì đã bị trâu húc chết [2].

Về tình tiết đi tìm tổ ong dưới nước, một truyện Căm-pu-chia *Bốn ông lão ngốc đi tìm vợ*, cũng có đoạn tương tự:

Có bốn người hói có tính ngốc kết bạn cùng nhau. Vì không có vợ nên họ cùng đi với nhau để tìm vợ. Đến một nơi nọ, có một anh chàng vì ăn nằm với một cô gái bị bố mẹ cô bắt được, họ nhờ bốn ông lão xử hộ - "Tại sao mày lại xấu thói?" - Bốn lão hỏi chàng kia. - "Vì cô này là nhân tình của tôi", chàng kia trả lời. - "Láo", cô kia cãi lại, "nó là đứa gian, không phải nhân tình". Bốn người trao đổi với nhau: - "Bây giờ quyết định thế nào? Cô ấy quả quyết không nhận nó là nhân tình". Người thứ nhất nói: - "Khi cái ngoè đã mắc vào thì quả cam phải rơi". Người thứ hai: - "Đâu có cứt thì đó có chó ỉa". Người thứ ba: - "Nếu đào lỗ thì nước sẽ chảy xuống đấy". Người thứ tư: - "Đâu có bí, đẩy mọc bầu ra. Bố mẹ cô gái nghe họ trao đổi như thế, bèn đem cô gái gả quách cho anh kia. Bốn người lại đi. Họ bắt được năm con rùa định chia nhau nhưng cãi nhau hơn thiệt không ai chịu ai. Bỗng gặp một người đi qua, họ nhờ chia hộ. Người kia chia cho mỗi ông lão một con, còn mình cũng một con. Ai nấy đều thỏa mãn. Đến một cái hồ, họ thấy có bóng tổ ong ở mặt nước. Như truyện của ta, họ cử một người lặn xuống tìm, còn ba người nữa thì dùng nạng dè nghiêng ông ta suốt buổi. Lão kia chết đuối. Thấy có cứt nổi lên mặt nước, ba người nói: - "Nó xấu thói! Nó ăn lấy mật, chỉ cho chúng mình sấp". Bèn làm dối bỏ đi. Dọc đường họ lại gặp một người khác cũng hói, hỏi thì người kia nói là mình đang đi tìm vợ. Và y bảo họ: - "Hãy đi theo tôi!". Gặp một bà già không chồng, bốn người quyết lấy làm vợ chung và thề không bỏ nhau. Về phần người đàn bà thì nghĩ rằng nếu chỉ lấy một, tất ba người kia sẽ không chịu, chi bằng lấy cả để bắt mỗi người làm một việc đỡ cho mình. Bốn lão phải làm việc nhiều, mệt quá. Một hôm bàn nhau đi tìm một tên nô. Bèn rủ nhau đi. Bấy giờ có một anh chàng giỏi đan nhưng lại muốn giấu nghề, mới đem tre nửa trèo lên cây cọ ngồi đan. Anh này cũng có dự định nuôi một tên nô. Vừa đan hẳn vừa nghĩ rằng nếu mua được nô về mà nó không chịu làm việc thì

ta sẽ đá cho nó một cái. Thuận chân, hấn đá, thế nào lại mất thăng bằng rơi xuống, may nín được một tàu cộ thành ra cả người treo lơ lửng. Từ đây về sau, truyền diễn ra y như kết thúc của truyện *Cái chết của bốn ông sư*, xem số 200, mục **Khảo dị**.

Người Mường Thanh-hóa có truyện *Trứng ngựa* cũng có một số tình tiết gốc ít nhiều tương tự với các truyện trên:

Xưa, có một mường từ lang đến dân đều nghèo. Họ thấy người mường Chénh cưỡi ngựa thì ao ước làm sao cũng có một con để cho lang cưỡi. Một hôm gặp người mường Chénh đi chăn ngựa, một anh bèn hỏi dò: - "Ngựa đẻ con hay đẻ trứng?". Người kia thấy hỏi trớ trêu, bèn đáp đùa: - "Đẻ trứng, ấp sẽ có con". Hấn bèn về trình với lang xin đưa quà cáp cho người mường Chénh để xin trứng ngựa. Người kia đưa cho một quả gấc chín, dặn: đốt một đám cỏ tranh cho rộng, xung quanh rào kín, giữa đào một lỗ sâu cho trứng vào, lấp đất. Xong để ngỏ bốn phương bốn cửa, cho người nấp từ xa, hễ thấy trứng nở ra ngựa thì đóng các cửa lại, cứ bắt lấy mà cưỡi. Họ làm theo lời, hôm sau, một con nai thấy trong đó có cỏ tranh non, đi lẫn vào ăn. Mấy người canh trông thấy cho là trứng đã nở ra ngựa, bèn chia nhau đóng bốn cửa lại. Bắt được, lấy dây cột ngựa (nai) lại, mời lang tới, lại báo tin cho dân đi xem lang cưỡi ngựa. Khi lang cưỡi lên, nai được tháo dây, chạy thục mạng. Lang bị cây va phải ngã chết. Thấy xác lang, dân tưởng lang mệt, nên bảo nhau im lặng để lang ngủ. Canh mãi không thấy lang dậy, lại ngửi thấy mùi thối, chúng bèn đổ cho nhau phóng uế, dẫm đá nhau không thôi. Mãi sau, một người đập phải xác lang thấy bầy nát mới biết là đã chết. Khi chặt cây gỗ làm áo quan, chúng muốn rằng cây đừng ngã về phía dưới, bèn trước hãy buộc dây vào đầu ngọn cho vài chục người đứng trên dốc núi kéo lại. Không ngờ cây không chịu ngã theo ý muốn mà lúi cả bọn theo về phía dưới. Những người đứng xem reo lên: - "Kìa, có mấy thằng biết bay!" [3].

[1] Theo truyện đăng trên báo Sài-gòn vào năm 1934, quên mất tên.

[2] Theo *Truyện dân gian Miến-điện*.

[3] Theo *Thanh Nghệ Tĩnh tân văn* (1930). Riêng về truyện *Trứng ngựa*, có một số dị bản như sau: trước hết là một truyện khôi hài của Ba-tư (Iran) mà các nhân vật trong đó đều gốc: *Tám cuộc phiêu lưu của tôn sư (gu-ru) Pa-ra-mác-tha* có đoạn nói đến việc mua trứng ngựa... Hai đồ đệ mua được trứng (kỳ thực đó là quả bí da xám), một người kính cẩn đội trứng lên đầu, còn người kia đi trước chỉ đường. Bỗng đụng phải một cành cây nhô ra giữa đường, bí rơi xuống nát thành mảnh văng vào bụi rậm. Một con thỏ xám kiểem ăn gần đấy giật mình bỏ chạy. Hai người reo lên: - "Ngựa đây rồi". Bèn chia nhau chạy tìm bắt, nhưng áo quần toạc hết mà không được gì. Về nhà họ kể lại với tôn sư: - "Chúng tôi chưa bao giờ thấy một con ngựa bé mà nhanh nhẹn như vậy, vừa ra khỏi trứng đã chạy biến". Tôn sư an ủi: - "Mất tiền mua kể cũng đáng tiếc, nhưng ngựa chạy nhanh như thế, ta cũng sợ. Sau này kiểem con nào già già chứ ngựa non ta sợ lắm". (tạp chí *Muy-dê-ông* tập VII, 1889)

Truyện *Trứng ngựa* của người Pháp vùng Lo-ren (Lorraine): Một chàng gốc đi chợ thấy những quả bí, hỏi là cái gì. - "Trứng ngựa", người kia đáp. - "Làm sao để thành ngựa?". - "Cho một bà già ấp trong sáu tuần". Hẳn nghĩ: - "Ta có bà mẹ vợ, nhân trứng ngựa rẻ, mua về cho bà ấy ấp". Bèn mua một trứng về bắt bà nhạc ấp. Ấp sáu tuần không thấy gì. Lại ấp bốn tuần nữa, cũng thế. Hẳn nói: - "Hoặc là ấp tồi, hoặc là trứng ung". Bèn quăng vào bụi. Bất đồ có một con thỏ trong bụi chạy vụt ra. - "A, ngựa của ta!". Nhưng hẳn tìm hết hơi mà không thấy (A-đam (Adam): *Tiếng địa phương Lo-ren*).

Một truyện *Trò đùa và lừa gạt* của người vùng Thượng Bơ-ta-nhơ (Haute Bretagne). Một gã ở Blét-xa-la thấy có những quả bí trong một cái trại -

"Cái gì đây?", hăn hỏi. Người ta đáp: - "Trứng lừa". - "Ấp có nở ra con không?". - "Sao lại không" - "Bán cho tôi một trứng". Đưa về, hăn giục vợ ấp. Mười lăm ngày qua không thấy gì, chồng lại thay vợ ấp thêm tám ngày nữa. Thấy không kết quả, hăn ném trứng vào bụi. Một con thỏ đang ăn ở gần đấy vọt chạy ra. Hăn kêu lên: - "Tiếc quá. Giá ta ấp thêm ba ngày nữa có phải được lừa con rồi không. Nó đã có tai dài, nhưng đuôi còn ngắn" (Xê-bi-lô (Sébillot). *Truyện dân gian ở Thượng Bơ-ta-nhơ*, Pháp). Xem thêm **Khảo dị** truyện *Phiêu lưu của anh chàng ngốc*, số **190**.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
197. CÔ GÁI LỪA THẦY SÃI,
XÃ TRƯỞNG VÀ ÔNG QUAN HUYỆN

Ở một huyện nọ có một chị góa chồng mặt mày sáng sủa dễ coi, lại khôn ngoan lanh lợi. Thấy có đóa hoa xinh dễ vin dễ hái, nhiều anh chàng thường ngấp nghé. Trong số những người lui tới, có cả một thầy sai, một xã trưởng và một quan huyện. Cả ba đều dày công thả lời ong bướm, ai cũng tưởng mình lọt vào mắt xanh cô nàng. Thực ra cô nàng chưa chút tơ vương. "Cả ba người đều có vai có vế, nhà ta từng đôi ba phen nhờ vả, thật khó mà ngang nhiên cự tuyệt". Nghĩ vậy, chị ta vẫn tiếp đãi cả ba rất ngọt ngào; trước những cái liếc mắt đưa tình, những câu bóng gió, tuy chị không vồ vập, nhưng cũng không tỏ ra thờ ơ. Cả ba thấy thế tưởng rằng cá đã cắn câu nên lại ra công theo đuổi. Tuy nhiên cuối cùng cô nàng cũng buộc phải tỏ rõ thái độ, không thể giả lả qua ngày, nhất là đối với xã trưởng là tay quyền thế trong làng, lại gần đường lui tới nên cứ sẵn đón luôn canh. Chị ta bụng bảo dạ: - "Thật là đáng ghét, chúng nó bám lấy ta như đĩa đói. Phải tìm cách cho cả ba một mẻ, không thể kéo dài mãi được".

Một hôm cô nàng đang ngồi ở nhà thì thầy sai ở đâu bước vào. Sau khi trầu nước, thầy sai bắt đầu tỉ tê đòi được một buổi hẹn hò. Chị ta đáp ngay: - "Thầy sai muốn gì nào, tối nay có được không?". Sai ta như mở cờ trong bụng: - "Ô thế thì hay quá! Có chắc như vậy không?". - "Chắc như đánh đống cột. Thầy nhớ đến chơi vào canh một nhé!". Sau khi thấy sai ra về, chị ta cũng lật đật chạy đi báo cho xã trưởng làm cho xã trưởng sướng run lên vì cái tin đột ngột. Tiếp đó, đến lượt quan huyện cũng tràn ngập niềm vui vì nhận được ở cô nàng một lời hứa chờ đợi từ lâu. Đêm hôm ấy, vào khoảng trăng lặn, thầy sai đã đến gọi cửa. Chị ta ra mở cho vào. - "Trong nhà có ai không?" - Thầy sai hỏi. Đáp: - "Không. Cả nhà thiếp đều đi vắng". Sai ta chỉ đợi có câu ấy bắt đầu lừa dối. Thấy chị chàng không ra bộ cự tuyệt, sai

càng làm già. Nhưng giữa lúc thầy sãi sắp lên giường thì bỗng có tiếng gọi cửa. Như gáo nước lạnh giội vào lưng, sãi ta run lập cập. Người đàn bà làm bộ ngạc nhiên:

- Tiếng ai như tiếng thầy xã, chẳng biết đêm hôm thầy tới đây làm gì? Nghe nói thế, thầy sãi lại càng cuống quýt, nhờ người đàn bà chỉ chomột chỗ nấp. Cuối cùng thầy đành theo lời chỉ, chui đại xuống gầmgiường, vì nhà không có cửa sau.

Xong đâu đấy, chị ta mở cửa đón xã trưởng vào. Sau những câuchào hỏi mời mọc, người đàn bà nói: - Nhân thể thiếp có chút việcmuốn hỏi thầy xã" - "Việc gì, cứ nói đi", xã trưởng hỏi: - "Phận đàn bàcon gái không biết phép vua lệ làng. Xin hỏi: như thầy sãi bỏ chùa màđi ve gái thì làng xử ra làm sao ạ?". Xã trưởng cười hề hề đáp ngay: - "Ồ! Quân đó là đồ trốn râu lậu thuế, bắt được thì đem chém quáchcho rồi, để làm chi!".

Cũng như thầy sãi, khi biết nhà vắng vẻ, xã trưởng ta bắt đầu giờchuyện bài bầy. Cô nàng cũng không ra vẻ cự tuyệt. Câu chuyện đang đi vào mận nồng thì thành linh lại có tiếng gọi cửa. Xã trưởng thất kinhvì hăn nhận ra tiếng quan huyện. - "Chết nỗi, đêm hôm khuya khoắt, chẳng biết quan đến đây làm gì? Làm sao bây giờ đây?". - "Thầy đừnglo. Để thiếp tìm cho thầy một chỗ nấp". Cuối cùng xã ta cũng được dắt vào buồng, ngồi ẩn vào một xó. Xong đâu đấy, chị ta lại mở cửa đón quan huyện vào. Sau khi dọn trà mời nước quan, chị ta hỏi: - "Thiếp có chút việc muốn hỏi quan".- "À, việc gì đó cứ nói đi!", quan đáp. - "Bẩm quan, như thầy sãi ban đêm bỏ chùa mà đi chơi gái thì nên xử vào lỗi gì?" - "Ồ!". Quan cười đáp: "Bắt được thì đánh cho năm roi, mười roi, rồi bắt phạt râu cũng như đối với dân sự vậy!".

Quan vừa đáp xong thì thầy sãi từ dưới gầm giường ló ngóp bò ra, lạy lấy lạy để, vừa lạy vừa nói:

- Bấm quan lớn, ngài minh lăm: chứ không như anh xã nấp trong kia thực là quá tay. Tội có như vậy mà anh ấy đòi xử chém [1].

KHẢO DỊ

Trong vở tuồng *Nghêu Sò Ốc Hến* cũng có đoạn kết đầy kịch tính như truyện vừa kể. Ở vở tuồng này, nhân vật chính là Thị Hến góa chồng, làm nghề buôn bán. Vì mua phải của ăn trộm, chị chàng bị Trùm Sò bắt lên quan. Nhờ có chút nhan sắc, Thị Hến làm cho từ xã trưởng, đề lại đến quan mê như điên đảo, và cố lo chạy chọt cho thị được khỏi liên lụy để gây cảm tình. Theo lời hẹn của Thị Hến, ở đây, xã trưởng đến trước. Ngồi chưa nóng chỗ thì đề lại đã tới gõ cửa. Thị mở cửa đón vào sau khi chỉ cho xã trưởng chỗ nấp dưới gầm giường. Ở đây cũng có một câu hỏi do Thị Hến đưa ra cho đề lại giải đáp, nhưng đối tượng lại là xã trưởng: - "Xã trưởng đêm hôm đi mò đàn bà góa thì luận tội gì?" - "Đem chém nó đi!", đề lại trả lời. Đến lượt quan huyện gõ cửa, đề lại kinh hoàng rúc dưới mớ dây khoai. Ngồi với quan, Thị Hến lại nêu câu hỏi vừa rồi. Câu trả lời của quan là: "Chỉ đem phát lạc nó là đủ". Cũng như ở truyện cổ tích, tác giả tuồng cũng mượn miệng xã trưởng và hành động lóp ngóp chui ra tạ ơn quan cứu hãn để gây cười cho khán giả. Nhưng tuồng chưa dừng lại ở đó, còn cho xuất hiện thêm hai nhân vật nữa là vợ quan và vợ thầy đề để tăng thêm tính phức tạp và vui nhộn. Họ cùng đến nơi đập cửa đánh ghen. Kết cục quan chưa kịp chui xuống gầm giường thì đã bị kéo căng lôi ra và bị vạch mặt chỉ trún cùng với đề lại [2].

Truyện trên vốn có nhiều dị bản trong kho tàng cổ tích của nhiều dân tộc từ Đông sang Tây, mỗi dị bản đều có nét độc đáo của nó.

Trước hết là truyện của Trung-quốc: *Khước Yêu*.

Khước Yêu là một nữ tỳ của Lý Dữ ở Hồ-nam, người đẹp, giỏi từ lệnh, quán xuyến công việc nhà chủ, được đối đãi tốt. Lý có bốn người con trai đều muốn gheo Khước Yêu mà không làm gì được. Một hôm vào tiết Thanh minh, Đại lang nắm lấy tay nàng buộc phải cho mình gặp riêng. Nàng trao cho hắn một chiếc chiếu nhỏ dận đêm khuya đến đứng đợi ở góc Đông nam nhà sảnh. Tiếp đó lần lượt ba người em hắn đều hẹn hò và buộc cho mình được gặp riêng. Cũng như đối với anh chúng, nàng cũng lần lượt trao cho mỗi người một chiếc chiếu nhỏ, hẹn gặp không phải vào những giờ khác nhau mà là cùng một giờ ở quanh nhà sảnh. Đêm lại, người anh cả (Đại lang) đến trước nép vào một nơi để đợi người con gái, thì chợt thấy ba đứa em của mình lần lượt đi vào, ai nấy đều tìm chỗ nấp. Chốc sau, thấy Khước Yêu cầm đuốc tiến ra, mở cửa nhà sảnh, nói lớn: - "Không biết các công tử đưa nhau đến tìm gì ở chỗ ở của gái hèn này?". Ai nấy đều quảng chiếu che mặt bỏ chạy. Về sau không dám gheo nữa [3].

Hai truyện sưu tầm ở Bắc Ấn-độ:

1. Một người đàn bà đẹp, lương thiện, bị một quan thượng (vi-dia) theo đuổi. Để có thể được gần gũi người đàn bà, quan bảo vua rằng chồng nàng có thể lên rừng tìm bắt một con chim chưa ai thấy, gọi là rang-ta-ti-ya. Vua muốn có ngay con chim lạ, bèn đòi anh kia đến, ra lệnh đi tìm con chim theo lời quan thượng, giao hẹn nội một tháng phải có. Ở cung vua về, anh kể lại cho vợ nghe. Vợ bảo: - "Đừng đi, quan thượng muốn giết anh đấy", lại nói: "Được, nếu thế thì tôi sẽ có một mưu còn sâu hơn mưu của quan

thượng"- Bèn bảo chồng đào một hố ở trong buồng, đặt xuống đấy một vại đầy mật. Lại trải một tấm vải rộng trên giường, rải lên một lượt bông chưa bật có nhiều màu. Xong việc chị chàng hẹn với quan đến nhà. Quan vừa vào được một chốc sắp được vui thú, thì ở ngoài đã có tiếng đập cửa. - "Có lẽ chồng tôi đã tìm bắt được chim đưa về", nàng nói với quan. - "Xin chỉ cho một chỗ trốn". Người đàn bà dắt hăn vào buồng. Đang đi thì hăn ngã vào vại mật, hăn nhờ nàng kéo lên và chùi hộ. Làm xong việc này nàng bảo hăn lên nằm trên tấm vải trải ở giường và bọc lại như cái gói. Đoạn ra mở cửa cho chồng vào, chỉ cái gói bọc và nói: "Đây là chim rang-ta-ti-ya". Chồng mang cả bọc đến vua và nói: - "Tâu bệ hạ, đây là con chim mà quan thượng mách. Nếu giội nước vào thì màu nó còn lấp lánh đẹp hơn". Vua sai làm như lời. Nước chảy đến đâu quan thượng lộ hình đến đấy. Vua cười, truất chức hăn mà cho anh kia lên thay.

2. Một ông vua theo đuổi vợ một người dân. Một hôm đứng trước vua, thấy vua và quan thượng cười, anh cũng cười theo. - "Mày cười gì đấy?", quan thượng hỏi. - "Không", anh đáp: - "Không là cái quái gì? Mày hãy đi tìm cho được nó rồi đưa nó về đây. Vua tán đồng, ra lệnh bảo phải đi tìm, không có không được. Anh buồn bã trở về kể cho vợ hay. Vợ bảo rồi sẽ tìm cho, không khó. Bèn cho đào mấy hố trong buồng của mình, đặt vào đó một thùng đầy nhựa. và ở một hố khác, một thùng đầy lông chim. Rồi bảo chồng đến báo với vua là đã tìm được, mời vua đến vào một giờ hẹn. Vua đến là lời với người đàn bà. Sau đó không lâu có tiếng đập cửa. Người đàn bà hỏi: - "Ai?" - "Ta là chồng nàng" - "Sao lại về?" - "Để lấy vũ khí". Nghe nói, vua sợ, hỏi: - "Trốn đâu bây giờ?". Người đàn bà mở cửa buồng thứ nhất cho vua vào. Vua rơi vào thùng nhựa. Nàng kéo lên và cho vào buồng thứ hai, vua lại rơi vào thùng lông. Đoạn nàng ra mở cửa cho chồng vào, nói là mình đã tìm hộ cho cái "Không", cái "Không" này không phải là người cũng không phải là chim. Anh vục cái "Không" về cung, chẳng ai hiểu đó là vua. Từ đó vua tổn đến già. Hai vợ chồng sống yên ổn.

Truyện của Tây-tạng đã có chép trong sách *Can-jua (Kandjour)*:

Ma-hăng-sa-đa, quan đầu triều, có một người vợ rất đẹp và khôn ngoan tên là Vi-sa-ka. Nàng đã làm cho sáu quan thượng thư mê mẩn. Mỗi người đeo đuổi nàng với nhiều hứa hẹn mà không ăn thua. Cuối cùng Vi-sa-ka xin chồng làm một chuyện cho chúng tên. Bèn bảo chồng đắp bệnh nằm nhà. Tin ấy đến tai các quan thượng. Nàng gửi cho mỗi người một thư mời đến nhà vào giờ nọ giờ kia. Trước đó nàng thuê làm sáu cái hòm lớn đặt vào sáu buồng khác nhau. Mỗi quan đến giờ hẹn tới nhà nàng được tiếp ân cần và cứ đến lúc sắp được hưởng ơn huệ cao nhất thì có tiếng gõ cửa và bị bỏ vào một hòm. Sáng dậy, nàng báo tiếng là Ma-hăng-sa-đa chết, mang đến cho vua sáu hòm của các quan. Vua chưa hiểu ra thế nào thì Ma-hăng-sa-đa đã tới cùng với vợ trang sức đầy hoa. Nàng kiện các quan thượng. Sau đó các hòm mở ra. Ma-hăng-sa-đa kể cho vua hay mọi việc và được vua khen ngợi.

Truyện của người Ca-sơ-mia (Cachemire) và người Ả-rập (Arabes), người Xi-ri-a-cơ (Siriaques) cũng kể tương tự:

Chồng nàng U-pa-cô-sa đi hành hương ở núi Hy-mã-lạp (Himalaya). Hàng ngày, nàng ở nhà đi tắm sông Hằng. Một hôm trên đường về lần lượt gặp ba người, một thượng thư, một linh mục (pu-rô-hi-ta) và một chánh án, đều muốn dùng bạo lực bắt nàng. Để được thoát nạn người đàn bà ấy hẹn với mỗi người đến nhà mình trong một đêm, nhưng với giờ giấc khác nhau. Trước đó nàng sai con hầu mang tiền đến cho một lái buôn mà khi chồng ra đi dặn gửi cho hắn. Nhưng nàng lại quên không lấy chứng từ nên bị tên lái buôn phải ngủ với hắn một đêm, nếu không thì mất. Nàng hẹn hẹn hắn đến nhà vào giờ chót. Nàng còn bảo con hầu chuẩn bị cho mình một thứ nước trộn bồ hóng, dầu và nước thơm. Lại thuê thợ đóng một cái tủ lớn có từng cánh có khóa. Canh một, viên thượng thư đến. Nàng bắt hắn ta phải tắm đã

mới cho chung gối. Con hầu dẫn hăn vào một phòng tối nói là xoa bóp, kỳ thực là bôi nước bồ hóng. Đang làm dở dang thì linh mục tới. Chủ tớ bèn giấu thượng thư vào ngăn đáy tủ khóa lại. Linh mục và tiếp sau là chánh án đều lần lượt bị bôi bồ hóng từ đầu đến chân như thượng thư và đều nằm vào ngăn thứ hai, thứ ba, v.v... Nàng tiếp tên lái buôn ở ngay cái buồng có tủ. Trao đổi với hăn về số tiền gửi, lái ta nói rất tự nhiên: - "Nàng đừng lo. Tôi đã nói là tôi nhận số tiền của chồng nàng gửi cho tôi rồi". Ngoảnh về phía cái tủ, nàng nói to: - "Các ông Thần Bếp nhà tôi, các vị có nghe anh ta nói gì không?". Đoạn cũng bảo con hầu đưa hăn vào buồng tối tắm nước bồ hóng, nói dối là tắm nước lã và vì lúc ấy trời sắp sáng, nên tổng hăn ra cửa. Sáng dậy, nàng đến gặp vua và kiện người lái buôn không chịu trả số tiền của chồng mình gửi. Vua cho đòi lái đến. Hăn chối phăng. Nàng nói là có nhân chứng biết việc này tức là ông Thần Bếp mà chồng nàng đã cất vào tủ. - "Hãy chờ tủ đến đây", vua bảo. Khi tủ được mang đến, nàng nói to. - "Các vị hãy thành thực chứng nhận lời của người lái buôn này đi, nếu nói sai ta sẽ đốt các vị cùng với cái tủ". Lập tức từ cái tủ có ba tiếng nói phát ra chứng nhận lời của người đàn bà. Tên lái kinh ngạc thú nhận. Vui sai mở tủ thì thấy có ba bóng đen nhả nhui chui ra. Mọi người cười ồ. Nàng kể lại mọi việc cho vua hay, được vua ban vàng bạc. Và vua đuổi cổ ba người kia.

Một truyện khác của Ả-rập (Arabic).

Một thiếu phụ đẹp có chồng thường xa nhà, dan díu với một anh chàng khác. Một hôm gã trai này đánh nhau với một lão thầy tướng, bị tổng giam. Thiếu phụ nghĩ cách cứu, bèn tìm đến phòng làm việc của cảnh sát trưởng. Người này đòi được ngủ một đêm sẽ tha. Nàng mời đến nhà mình vào lúc mặt trời lặn. Lại đến yết kiến quan chánh án. Chánh án cũng đòi như trên và cũng được hẹn vào lúc nhá nhem. Sau đó lại đến lượt tế tướng, rồi vua, và họ đều được hứa hẹn vào những thời gian muộn hơn. Sau cùng thiếu phụ đến nhà người thợ mộc đặt một cái tủ nằm ngăn, mỗi ngăn có cánh và khóa

riêng, hẹn chiều phải xong. Thợ mộc cũng đòi một ân huệ đặc biệt thay cho tiền công và được nàng hẹn vào nửa đêm.

Đến giờ hẹn, cảnh sát trưởng tới. Nàng đưa cho hắn mặc một bộ đồ ngủ màu vàng. Sắp bước vào cuộc vui thì chánh án tới, gõ cửa. Cảnh sát được chui vào nằm ở ngăn tủ dưới cùng, khóa lại. Chánh án sau khi viết cho nàng bức thư tha tội gã tình nhân bị giam (mà nàng bảo là anh ruột mình) cũng được nhận bộ đồ ngủ màu đỏ, và cũng hốt hoảng chui vào ngăn tủ thứ hai sau khi nghe tiếng gõ cửa của tể tướng. Lại đến lượt tể tướng với bộ đồ ngủ màu xanh và chui vào ngăn tủ ba sau khi nghe tiếng gõ cửa của vua. Tiếp đến, vua cũng nhận bộ đồ ngủ màu lam và chui vào ngăn tủ tư khi có tiếng gõ cửa của người thợ mộc. Khi người thợ mộc sắp sửa lừa dối, nàng bỗng bảo hắn: - "Sao cái ngăn tủ quá hẹp?". - "Hẹp thế nào được". Hắn nói thế rồi trèo vào nằm thử để cho nàng thấy mình làm đúng. Nhưng thiếu phụ đã bất chợt đóng ập cửa lại khóa luôn hắn vào trong, rồi đi đến nhà giam đưa giấy của chánh án cho chủ ngục. Tình nhân được thả, nàng đưa về nhà. Hai người đùa giỡn vui thú bên cạnh cái tủ. Sau đó họ nhặt nhanh mọi thứ của quý và mấy bộ áo quần tốt của mấy người kia, đoạn họ sang nước khác. Năm người nằm phục vị trong tủ luôn trong hai ngày. Mót quá, anh thợ mộc đá xuống đầu vua, vua đá xuống đầu tể tướng, tể tướng đá xuống chánh án, chánh án đá xuống cảnh sát trưởng. Cuối cùng họ nhận ra nhau nhưng chẳng có cách gì để tự giải thoát cả. May sao, giữa lúc ấy anh chồng thiếu phụ về. Thấy nhà trống mà có cái tủ lạ và tiếng rì rầm bên trong, hắn bèn cạy khóa. (Một dị bản kể là hàng xóm nghe tiếng kêu cứu đến phá cửa ra). Để an ủi anh chàng mất vợ, vua phong cho hắn làm hữu thừa tướng [4]

.

Trong *Nghìn lẻ một đêm*, truyện trên được kể giống với một loại truyện mà người phương Tây quen gọi là "truyện ngắn kéo" [5]: bốn anh chàng mê gái - ở đây là gái có đức hạnh - bị gái lừa và biến thành những con người kỳ cục (vì cũng như các trường hợp đã kể, khi sắp được hưởng ân huệ, cô

gái bắt họ thay những áo quần lố lằng mà mình đã chuẩn bị sẵn), và chưa được gì thì đã có tiếng đập cửa, rồi bị đẩy vào những gian buồng khác nhau. Sau khi từ những căn buồng này bước ra, người nào cũng buộc phải nhảy hết hơi và mỗi người phải kể một câu chuyện vui.

Truyện của Ba-tư (Iran)- *Nhà kiến trúc, vợ anh ta và ba vị đại nhân của vua Gu-va-chia:*

Thành phố Bim xứ Kéc-man có một nhà kiến trúc giỏi nhưng lười. Một hôm vợ bảo đi sang nước Gu-va-chia để xây dựng sự nghiệp nếu không thì xấu hổ. Khi chồng ra đi, vợ giao cho một cây bạch dương, bảo: nếu cây héo là lòng trung thành bị giảm sút: nhưng nếu cây tươi thì nên nhớ là vợ mình đang đợi. Đến nơi, anh mới biết các nhà kiến trúc nước này đều bị vua giam, vì vua sai làm một cung điện và một lầu bát giác, hẹn nếu không xong thì phạt một nghìn đồng, nhưng không ai chịu làm. Anh xin phép vào ngục hỏi những người bị giam, rồi trở về quyết vẽ mẫu thi công. Làm xong, anh được vua khen ngợi, cho làm quan với số tiền thưởng đã hứa, lại cất nhắc làm đại thần. Có ba vị đại thần cũ ghen tị, tìm cách hãm hại. Một hôm anh cầm cây bạch dương tươi bỗng nhiên nhớ vợ, khóc rồi ngủ vùi. Một người lấy rượu thịt bỏ vương vãi ở xung quanh anh và ở ngai vàng, rồi tâu cáo với vua rằng anh say sưa đến mức có hành vi thiếu tôn kính. Vua cho đòi đến, anh nói thực về cây bạch dương và sự trung thành của vợ, lại nói mình chưa ăn uống gì, chắc là bị người vu cáo. Vua cho người ngửi ở mồm quả không thấy có mùi men, nên tha. Nghe lời anh tâu, chúng bèn dọn tiệc cỗ phục rượu để hy vọng lúc say, anh phun ra những điều bí mật. Thế rồi một hôm trước mặt vua, bọn đại thần gièm về đức hạnh của vợ anh. Anh đưa cây bạch dương xanh tươi tỏ vẻ không tin và nói: - "Nếu ai đem về được một chứng cứ gì thì tôi quyết ở lại đây trọn đời". Vua ra lệnh giữ anh lại trong mười ngày, để một đại thần đi thủ. Đại thần thứ nhất ra đi với một số người hầu, đến Bim, cho tiền một mụ làm nghề moi lái để được gặp vợ nhà kiến trúc. Nàng nhận lời tiếp nhưng dặn một nữ tỳ đánh thuốc mê rồi

bỏ hẳn xuống hầm. Khi biết đó là đại thần ở Gu-va-chia đến, nàng buộc hẳn hàng ngày phải chải một cân bông mới cấp cho một cân bánh để ăn. Thấy hẳn không về, đại thần thứ hai cũng lại đem gia nhân ra đi, cũng nhờ mụ mối để gặp nàng và cuối cùng cũng bị bỏ vào hầm tối. Đến lượt đại thần thứ ba cũng vậy. Thấy ba đại thần của mình có đi không có về, vua bèn cải trang ra đi. Nhờ mụ mối, vua cũng được vợ nhà kiến trúc tiếp, nhưng lần này vua không bị đánh thuốc mê. Đang tìm cách dỗ dành người đàn bà, thì bỗng vua nghe tiếng đập cửa. - "Ai đấy?", vua hỏi - "Đó là các anh tôi về". "Ta nấp vào đâu bây giờ?" - "Ở đây có một buồng kín trong vườn". Vua xuống hầm thì gặp các đại thần của mình. Thấy bọn này lạy vua, vợ nhà kiến trúc sợ sai nữ tỳ mang đuốc đến cùng với nệm cho vua ngồi, rồi mình thân đến lạy vua kể lại mọi việc. Vua khen ngợi, nhận nàng làm em gái. Vua sai bắt giải bọn đại thần về nước, sai đeo vào cổ mỗi người một cái biển có đề chữ "Ganh tị và vu cáo". Còn nhà kiến trúc thì được vua ban thưởng cho trông nom công việc triều đình, vợ anh thì trông nom hậu cung [6].

Xem thêm một số truyện ở mục **Khảo di**, số **84** và truyện *Người đàn bà bị vu oan* số **109** tập **III**, cũng có một số tình tiết tương tự.

Một truyện rút từ sách *Bri-hat-ca-tha (Brihatcathâ)* của Ấn-độ cũng gần với truyện trên:

Thần Si-va cho mỗi người trong cặp vợ chồng một hoa sen đỏ. Hoa này sẽ không bao giờ héo nếu vợ trung thành với chồng và sẽ héo nếu ngược lại. Người chồng trước khi ra nước ngoài buôn bán được mẹ vợ trao cho một bông hoa huyền bí nói trên. Anh giao thiệp với bốn lái buôn trẻ tuổi. Trong một bữa tiệc, bị phục rượu say, anh tiết lộ tính năng của bông hoa huyền bí. Bốn người này bèn tìm cách đến quê anh trong khi anh vẫn chưa về. Cũng gần với các truyện trên, mỗi lái được Đê-va-mi-ta, vợ anh hứa hẹn, và họ lần lượt vào nhà do một thị tỳ của nàng ăn mặc như nữ chủ nhân tiếp, rồi

trước giờ vui thú, được mời uống rượu có trộn chất cà độc được làm cho mê man, bị đóng ấn sắt nung đỏ lên trán hình dấu chân chó, rồi còn bị lột trần truồng ném vào một hố rác. Sau đó Đê-va-mi-ta cải trang làm đàn ông tìm đến cung vua của bốn chàng lái buôn kiện về việc có bốn tên nô lệ bỏ trốn. Ra trước tòa, bốn người kia chối. Trước công chúng, nàng lần lượt đến từng người vạch cái dấu chân chó trên trán mà bọn họ cố ý trùm khăn che khuất đi. Thế là bốn lái ta phải nộp tiền chuộc.

Truyện của Ba-tư (Iran) đã được một nhà thơ Ba-tư Hồi giáo thế kỷ XIII diễn tả thành thơ:

Một anh lùn nhà nghèo có vợ đẹp. Một hôm hăn bảo vợ cố ý đánh lướimột vài tay nhà giàu để kiếm tiền tiêu, vợ tìm đến một ông quan (qua-di) để nhờ giúp cho một vụ kiện. Thấy nàng đẹp, quan bảo sẽ giúp nếu được ân ái một đêm. Người đàn bà hèn ngày. Khi quan vừa vào nhà trò chuyện một lát thì lùn ta đập mạnh cửa. Ở đây quan được dẫn trốn vào trong một chiếc hòm. Sáng dậy anh lùn làm như không biết gì cả, mang hòm đi bán. Quan ta nhờ có một ông bạn biết chuyện cố mua cái hòm với giá cao (100 đi-na) để cứu cho khỏi mất mặt. Năm sau, thấy vợ lùn đến, quan nói: - "Cút đi, ta không mắc bẫy lần nữa đâu".

Tương tự với mô-típ này, người Căm-pu-chia có truyện *Sóc và Sau*:

Một người tên là Sóc, nhà nghèo túng. Trong khi đó hăn lại bị vợ lừa, đi lại với con trai một trọc phú. Bạn của anh chàng nhà nghèo là một người có học, tên là Sau. Người này biết rõ câu chuyện bí mật của vợ bạn, nhưng không tiện nói ra, bèn tìm cách giúp bạn. Một hôm người bạn bảo anh nhà nghèo làm một áo quan và đem đặt nó vào buồng. Sau đó rủ anh cùng mình làm một chuyến du lịch độ vài ngày. Văng chồng, người vợ đón tình nhân về nhà. Hai người kia đi được nửa đường lộn về vào lúc nửa đêm trước

hẹn. Nghe tiếng đập cửa, gã tình nhân thấy không có chỗ trốn nào tốt hơn là chui đại vào áo quan đặt ở xó nhà. Khi vào nhà, người bạn làm bộ lại gần gõ vào áo quan nói rằng nghe tiếng kêu, như vậy là điềm gỡ cần phải đốt đi thì mới tiêu trừ được tai họa. Nghe nói, người đàn bà hoảng sợ bèn báo tin cho trọc phú biết; ông này tới tìm cách xin mua lại cái áo quan để cho con mình thoát khỏi nguy hiểm. Cuối cùng, trọc phú cũng làm chủ được cái áo quan với một giá đắt kinh khủng [7].

Người Nùng có truyện *Bán cái tủ đứng* cũng cùng mô-típ:

Một lão nhà giàu (lão pán) đưa tiền cho một người làm công bảo đi thuê người chặt gỗ xẻ ván, rồi trong khi anh này đi vắng, hắn đến nhà gặp người vợ mà hắn đã từng trêu ghẹo, định dùng tiền để được ân ái một đêm. Vợ anh giả bộ ân cần, lại dọn cháo gà đãi hắn. Đang ăn thì người chồng cô ả về. Hắn hốt hoảng chui đại vào một cái tủ đứng. Sáng dậy vợ chồng khiêng đến bán cho vợ lão, đòi một số tiền lớn. Do nghe được tiếng chồng nói nhỏ trong tủ, vợ lão đành phải cắn răng mà mua vậy [8].

Một truyện khác cũng của Ba-tư (Iran) trong sách *Tu-ti Na-mếch*:

Để thử cái hoa hồng huyền bí của một người lính, một hoàng tử sai hai người đến bắt tình với vợ người lính ấy. Họ cũng được người đàn bà hẹn vào những giờ khác nhau. Người thứ nhất tới, trò chuyện chưa được bao lâu thì người tớ gái của nàng - đã cùng với chủ bàn mưu trước - gõ mạnh cửa. Nàng nói. - "Ông anh tôi đã tới!". Anh kia hoảng hồn, người đàn bà đưa giấu vào một nhà kho khóa cửa lại. Đến lượt người thứ hai cũng thế. Trong nhà kho có một cái giếng cạn mà trước đó hai thầy trò cô chủ đã treo lên miệng giếng một cái giường bằng những sợi dây bực. Hai người bị nhốt thấy mỗi một bèn lần đến giường ngồi lên định nghỉ ngơi, song dây đứt, cả hai lẫn xuống giếng.

Truyện của người vùng Thượng Băng-la-dex (Haut Bangladesh).

Có bốn người: một cảnh sát trưởng (cốt-oan), một cố vấn của vua, một thượng thư đầu triều và vua đều mê một cô gái chưa chồng. Cũng như một số truyện Bắc Ấn trên kia, cô cũng hẹn bốn người đến vào bốn giờ khác nhau. Cảnh sát trưởng đến đầu tiên. Nghe gõ cửa, hấn sợ quá hỏi trốn ở đâu. Cô gái đưa vào buồng tối làm cho hấn dính mặt từ đầu đến chân và cho chui vào một cái bao đựng lông rồi buộc lại đặt ở gần cửa sổ. Vua là người đến thứ hai, thấy có bao lông đang cựa cựa, vua hỏi: - "Ai đấy?". Nàng đáp: - "Đó là một con yêu ăn thịt người (rắc-sa-xa)". Nghe nói thế, cảnh sát trưởng nhảy dựng. Vua sợ quá lủi một mạch. Hai người kia lần lượt tới, cũng thế. Cuối cùng cảnh sát trưởng cũng tháo được dây, mình đầy lông, lủi ra khỏi túi, chạy mất.

Ở truyện của người Tây-tạng gần Ấn-độ thì cô gái tên là A-ma-ra, đối tượng của cô là bốn nhà học giả (păng-đi) cố vấn nhà vua. Cuối cùng cả bốn người đều bị cạo đầu, bị hành hạ và bị bỏ vào bao tải để sáng dậy cô gái cho người mang tới nộp vua.

Ở truyện của người Ả-rập (Arabes) thuộc Tuy-ni-di (Tunisie) thì lại kết hợp với mô-típ truyện *Con mụ lường*: Bảy người được vua sai đi dỗ dành một người đàn bà, vợ chàng lái buôn, không phải lần lượt mà cùng đến một lúc, và cùng một lúc rơi xuống hố trên có nắp bẫy (Xem **Khảo dị**, truyện số **84**, tập **III**).

Một truyện nôm của ta là *Hoàng tú tân truyện* cũng có nội tình tiết tương tự với truyện trên. Hoàng Tú đậu trạng, đi sứ nước ngoài, phải ở lại đấy nhiều năm. Vợ là Ngọc Côn vốn bị chồng hắt hủi vì có lỗi lầm, bèn cải trang làm một người đàn bà khác, vượt biên tìm chồng. Sau những ngày vật lộn gian

khổ nàng đến nơi, được chồng cưới làm vợ mà không biết đó là vợ cũ ở nước nhà sang. Có tên Tống thần thấy nàng đẹp, lại thấy Trạng được vua ưu đãi, nên *"Có lòng ăn trộm ấn vàng, gieo tai gieo vạ cho chàng Trạng nguyên"*. Hoàng Tú liền bị vua bắt đầy đi *"sơn hải mười niên"*. Trong khi đó Tống thần ta tìm đến nhà Ngọc Côn để gạ *"ái ân sự lòng"*. Tương kế tựu kế, Ngọc Côn sai người hầu *"cửa sau gian giữa, hố đào bên trong"*. Tống thần y hện, nửa đêm hí hửng mò tới, bị sa xuống hố. Sau khi tra hỏi, vợ Trạng nắm được những chuyện vu cáo của y, bèn vào tâu vua. Vua cho khám mới biết là Trạng bị vu oan, bèn tha cho Trạng về.

Truyện *Con ma* của người La-dơ (Lazs) thì lại kết hợp với mô-típ của truyện *Cái chết của bốn ông sư* (số **200**): Có ba người thuộc loại quan to say mê một người đàn bà. Một hôm chị này mách chồng. Chồng bèn đào giữa nhà một cái hố và đặt sẵn một cái thang, bảo vợ hện mỗi người một giờ khác nhau, còn mình thì nấp ở sau nhà. Người thứ nhất sau khi hoảng hồn vì tiếng đập cửa, được đưa vào ngồi ở nấc thang dưới đáy hố. Người thứ hai ngồi nấc trên, và người thứ ba nấc trên cùng. Chồng bảo vợ nấu một nồi nước sôi, rồi giội từ trên xuống giết chết một lúc cả ba. Sau đó hẩn kéo thây lên, bọc vào vải liệm và giấu ở những gian buồng khác nhau. Sáng dậy hẩn đi gọi một phu chôn xác nói rằng: - "Mẹ tôi chết đã chôn, nhưng đêm qua lại hóa ma (hoóc-tơ-lắc) hiện về nhà. Nếu anh chôn sao cho bà ấy không về nữa, tôi sẽ trả năm đồng vàng". Thấy tiền công hậu, người kia bùi tai, nhận lời. Chôn xong, lúc hẩn về, người chồng bảo: - "Anh chôn không kỹ rồi. Kìa bà ta lại đã về". - "Để tôi thử cắm vào mộ một cái nêm bằng gỗ rắn xem có về được nữa không?". Nói rồi lại vác đi chôn. Lúc về, người chồng lại nói: - "Đấy, bà ta lại về kia. Anh cắm cọc vụng chăng?", - "Tôi sẽ đưa bà ta đến một nơi không thể về được". Lần này hẩn đưa đến cầu ném xuống sông. Không ngờ lúc ấy có một giáo chủ (i-mam) đang bơi ở đấy thấy có vật ném xuống đầu sợ quá, vội lên bờ bỏ chạy. Hẩn kêu: - "Đó, con ma đã lại chạy về. Bèn đuổi theo bắt được, nhét vào túi buộc lại, quăng

xuống sông. Chờ cho xác trôi xa, y mới nói: - "Bây giờ thì chắc là xong" [9].

Truyện *Anh tình nhân trong cái hòm* tuy diễn biến có khác, nhưng cũng thuộc loại gần gũi với các huyện trên:

Lốc-mân đi theo một gia đình di cư. Một hôm anh ta thấy một người đàn bà hò hẹn với tình nhân. Trong khi công việc chưa đi đến đâu thì chồng người đàn bà lừa đàn gia súc về. Người vợ bỏ gã tình nhân vào một cái hòm. Cuộc di cư lại tiếp tục vào ban đêm. Vợ bảo chồng mang hộ cái hòm nói dối là áo quần trang sức của mình. Chồng đội lên đầu ra đi. Dọc đường anh nhân tình mót đá không ngăn được. - "Nước gì trong ấy chảy lên đầu ta", chồng hỏi. - "Chỉ có lọ thuốc xức", vợ đáp. - "Khai quá?". Chồng ném thùng xuống, nấp vắng ra, anh nhân tình trốn lên núi cao. Chồng đuổi bắt được, đề nghị Lốc-mân xử hộ. Người này sai bỏ anh nhân tình vào hòm, bắt người vợ đội cho đến chết [10].

-
- [1] Theo Trương Vĩnh Ký. *Chuyện khôi hài*.
- [2] Theo bản phiên âm *Nghêu Sò Ốc Hến*, quốc ngữ.
- [3] Theo *Thái-bình quảng ký*.
- [4] Theo *Hà-nội báo* (1935).
- [5] Ý nói từ truyện này lôi ra nhiều truyện khác (conte à tiroirs).
- [6] Theo Đờ-cuốc-đờ-măng-sơ (Decourdemanche): *Vui sau khi mệt*.
- [7] Theo Lê Hường. *Truyện cổ Cao-miên*.
- [8] Theo Hoàng Quyết. *Truyện cổ Tày-nùng*, sách đã dẫn.
- [9] Phần nhiều những truyện trên đều theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn.
- [10] Theo Đờ-cuốc-đờ-măng-sơ (Decourdemanche): *Mưu đàn bà*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
197. CÔ GÁI LỪA THẦY SÃI,
XÃ TRƯỞNG VÀ ÔNG QUAN HUYỆN

Ở một huyện nọ có một chị góa chồng mặt mày sáng sủa dễ coi, lại khôn ngoan lanh lợi. Thấy có đóa hoa xinh dễ vin dễ hái, nhiều anh chàng thường ngấp nghé. Trong số những người lui tới, có cả một thầy sai, một xã trưởng và một quan huyện. Cả ba đều dày công thả lời ong bướm, ai cũng tưởng mình lọt vào mắt xanh cô nàng. Thực ra cô nàng chưa chút tơ vương. "Cả ba người đều có vai có vế, nhà ta từng đôi ba phen nhờ vả, thật khó mà ngang nhiên cự tuyệt". Nghĩ vậy, chị ta vẫn tiếp đãi cả ba rất ngọt ngào; trước những cái liếc mắt đưa tình, những câu bóng gió, tuy chị không vồ vập, nhưng cũng không tỏ ra thờ ơ. Cả ba thấy thế tưởng rằng cá đã cắn câu nên lại ra công theo đuổi. Tuy nhiên cuối cùng cô nàng cũng buộc phải tỏ rõ thái độ, không thể giả lả qua ngày, nhất là đối với xã trưởng là tay quyền thế trong làng, lại gần đường lui tới nên cứ sẵn đón luôn canh. Chị ta bụng bảo dạ: - "Thật là đáng ghét, chúng nó bám lấy ta như đĩa đói. Phải tìm cách cho cả ba một mẻ, không thể kéo dài mãi được".

Một hôm cô nàng đang ngồi ở nhà thì thầy sai ở đâu bước vào. Sau khi trầu nước, thầy sai bắt đầu tỉ tê đòi được một buổi hẹn hò. Chị ta đáp ngay: - "Thầy sai muốn gì nào, tối nay có được không?". Sai ta như mở cờ trong bụng: - "Ô thế thì hay quá! Có chắc như vậy không?". - "Chắc như đánh đống cột. Thầy nhớ đến chơi vào canh một nhé!". Sau khi thấy sai ra về, chị ta cũng lật đật chạy đi báo cho xã trưởng làm cho xã trưởng sướng run lên vì cái tin đột ngột. Tiếp đó, đến lượt quan huyện cũng tràn ngập niềm vui vì nhận được ở cô nàng một lời hứa chờ đợi từ lâu. Đêm hôm ấy, vào khoảng trăng lặn, thầy sai đã đến gọi cửa. Chị ta ra mở cho vào. - "Trong nhà có ai không?" - Thầy sai hỏi. Đáp: - "Không. Cả nhà thiếp đều đi vắng". Sai ta chỉ đợi có câu ấy bắt đầu lừa dối. Thấy chị chàng không ra bộ cự tuyệt, sai

càng làm già. Nhưng giữa lúc thầy sãi sắp lên giường thì bỗng có tiếng gọi cửa. Như gáo nước lạnh giội vào lưng, sãi ta run lập cập. Người đàn bà làm bộ ngạc nhiên:

- Tiếng ai như tiếng thầy xã, chẳng biết đêm hôm thầy tới đây làm gì? Nghe nói thế, thầy sãi lại càng cuống quýt, nhờ người đàn bà chỉ chomột chỗ nấp. Cuối cùng thầy đành theo lời chỉ, chui đại xuống gầmgiường, vì nhà không có cửa sau.

Xong đâu đấy, chị ta mở cửa đón xã trưởng vào. Sau những câuchào hỏi mời mọc, người đàn bà nói: - Nhân thể thiếp có chút việcmuốn hỏi thầy xã" - "Việc gì, cứ nói đi", xã trưởng hỏi: - "Phận đàn bàcon gái không biết phép vua lệ làng. Xin hỏi: như thầy sãi bỏ chùa màđi ve gái thì làng xử ra làm sao ạ?". Xã trưởng cười hề hề đáp ngay: - "Ồ! Quân đó là đồ trốn râu lậu thuế, bắt được thì đem chém quáchcho rồi, để làm chi!".

Cũng như thầy sãi, khi biết nhà vắng vẻ, xã trưởng ta bắt đầu giờchuyện bài bầy. Cô nàng cũng không ra vẻ cự tuyệt. Câu chuyện đang đi vào mận nồng thì thành linh lại có tiếng gọi cửa. Xã trưởng thất kinhvì hăn nhận ra tiếng quan huyện. - "Chết nỗi, đêm hôm khuya khoắt, chẳng biết quan đến đây làm gì? Làm sao bây giờ đây?". - "Thầy đừnglo. Để thiếp tìm cho thầy một chỗ nấp". Cuối cùng xã ta cũng được dắt vào buồng, ngồi ẩn vào một xó. Xong đâu đấy, chị ta lại mở cửa đón quan huyện vào. Sau khi dọn trà mời nước quan, chị ta hỏi: - "Thiếp có chút việc muốn hỏi quan".- "À, việc gì đó cứ nói đi!", quan đáp. - "Bẩm quan, như thầy sãi ban đêm bỏ chùa mà đi chơi gái thì nên xử vào lỗi gì?" - "Ồ!". Quan cười đáp: "Bắt được thì đánh cho năm roi, mười roi, rồi bắt phạt râu cũng như đối với dân sự vậy!".

Quan vừa đáp xong thì thầy sãi từ dưới gầm giường ló ngóp bò ra, lạy lấy lạy để, vừa lạy vừa nói:

- Bấm quan lớn, ngài minh lăm: chứ không như anh xã nấp trong kia thực là quá tay. Tội có như vậy mà anh ấy đòi xử chém [1].

KHẢO DỊ

Trong vở tuồng *Nghêu Sò Ốc Hến* cũng có đoạn kết đầy kịch tính như truyện vừa kể. Ở vở tuồng này, nhân vật chính là Thị Hến góa chồng, làm nghề buôn bán. Vì mua phải của ăn trộm, chị chàng bị Trùm Sò bắt lên quan. Nhờ có chút nhan sắc, Thị Hến làm cho từ xã trưởng, đề lại đến quan mê như điên đảo, và cố lo chạy chọt cho thị được khỏi liên lụy để gây cảm tình. Theo lời hẹn của Thị Hến, ở đây, xã trưởng đến trước. Ngồi chưa nóng chỗ thì đề lại đã tới gõ cửa. Thị mở cửa đón vào sau khi chỉ cho xã trưởng chỗ nấp dưới gầm giường. Ở đây cũng có một câu hỏi do Thị Hến đưa ra cho đề lại giải đáp, nhưng đối tượng lại là xã trưởng: - "Xã trưởng đêm hôm đi mò đàn bà góa thì luận tội gì?" - "Đem chém nó đi!", đề lại trả lời. Đến lượt quan huyện gõ cửa, đề lại kinh hoàng rúc dưới mớ dây khoai. Ngồi với quan, Thị Hến lại nêu câu hỏi vừa rồi. Câu trả lời của quan là: "Chỉ đem phát lạc nó là đủ". Cũng như ở truyện cổ tích, tác giả tuồng cũng mượn miệng xã trưởng và hành động lóp ngóp chui ra tạ ơn quan cứu hãn để gây cười cho khán giả. Nhưng tuồng chưa dừng lại ở đó, còn cho xuất hiện thêm hai nhân vật nữa là vợ quan và vợ thầy đề để tăng thêm tính phức tạp và vui nhộn. Họ cùng đến nơi đập cửa đánh ghen. Kết cục quan chưa kịp chui xuống gầm giường thì đã bị kéo căng lôi ra và bị vạch mặt chỉ trún cùng với đề lại [2].

Truyện trên vốn có nhiều dị bản trong kho tàng cổ tích của nhiều dân tộc từ Đông sang Tây, mỗi dị bản đều có nét độc đáo của nó.

Trước hết là truyện của Trung-quốc: *Khước Yêu*.

Khước Yêu là một nữ tỳ của Lý Dữ ở Hồ-nam, người đẹp, giỏi từ lệnh, quán xuyến công việc nhà chủ, được đối đãi tốt. Lý có bốn người con trai đều muốn gheo Khước Yêu mà không làm gì được. Một hôm vào tiết Thanh minh, Đại lang nắm lấy tay nàng buộc phải cho mình gặp riêng. Nàng trao cho hắn một chiếc chiếu nhỏ dận đêm khuya đến đứng đợi ở góc Đông nam nhà sảnh. Tiếp đó lần lượt ba người em hắn đều hẹn hò và buộc cho mình được gặp riêng. Cũng như đối với anh chúng, nàng cũng lần lượt trao cho mỗi người một chiếc chiếu nhỏ, hẹn gặp không phải vào những giờ khác nhau mà là cùng một giờ ở quanh nhà sảnh. Đêm lại, người anh cả (Đại lang) đến trước nép vào một nơi để đợi người con gái, thì chợt thấy ba đứa em của mình lần lượt đi vào, ai nấy đều tìm chỗ nấp. Chốc sau, thấy Khước Yêu cầm đuốc tiến ra, mở cửa nhà sảnh, nói lớn: - "Không biết các công tử đưa nhau đến tìm gì ở chỗ ở của gái hèn này?". Ai nấy đều quăng chiếu che mặt bỏ chạy. Về sau không dám gheo nữa [3].

Hai truyện sưu tầm ở Bắc Ấn-độ:

1. Một người đàn bà đẹp, lương thiện, bị một quan thượng (vi-dia) theo đuổi. Để có thể được gần gũi người đàn bà, quan bảo vua rằng chồng nàng có thể lên rừng tìm bắt một con chim chưa ai thấy, gọi là rang-ta-ti-ya. Vua muốn có ngay con chim lạ, bèn đòi anh kia đến, ra lệnh đi tìm con chim theo lời quan thượng, giao hẹn nội một tháng phải có. Ở cung vua về, anh kể lại cho vợ nghe. Vợ bảo: - "Đừng đi, quan thượng muốn giết anh đấy", lại nói: "Được, nếu thế thì tôi sẽ có một mưu còn sâu hơn mưu của quan

thượng"- Bèn bảo chồng đào một hố ở trong buồng, đặt xuống đấy một vại đầy mật. Lại trải một tấm vải rộng trên giường, rải lên một lượt bông chưa bật có nhiều màu. Xong việc chị chàng hẹn với quan đến nhà. Quan vừa vào được một chốc sắp được vui thú, thì ở ngoài đã có tiếng đập cửa. - "Có lẽ chồng tôi đã tìm bắt được chim đưa về", nàng nói với quan. - "Xin chỉ cho một chỗ trốn". Người đàn bà dắt hăn vào buồng. Đang đi thì hăn ngã vào vại mật, hăn nhờ nàng kéo lên và chùi hộ. Làm xong việc này nàng bảo hăn lên nằm trên tấm vải trải ở giường và bọc lại như cái gói. Đoạn ra mở cửa cho chồng vào, chỉ cái gói bọc và nói: "Đây là chim rang-ta-ti-ya". Chồng mang cả bọc đến vua và nói: - "Tâu bệ hạ, đây là con chim mà quan thượng mách. Nếu giội nước vào thì màu nó còn lấp lánh đẹp hơn". Vua sai làm như lời. Nước chảy đến đâu quan thượng lộ hình đến đấy. Vua cười, truất chức hăn mà cho anh kia lên thay.

2. Một ông vua theo đuổi vợ một người dân. Một hôm đứng trước vua, thấy vua và quan thượng cười, anh cũng cười theo. - "Mày cười gì đấy?", quan thượng hỏi. - "Không", anh đáp: - "Không là cái quái gì? Mày hãy đi tìm cho được nó rồi đưa nó về đây. Vua tán đồng, ra lệnh bảo phải đi tìm, không có không được. Anh buồn bã trở về kể cho vợ hay. Vợ bảo rồi sẽ tìm cho, không khó. Bèn cho đào mấy hố trong buồng của mình, đặt vào đó một thùng đầy nhựa. và ở một hố khác, một thùng đầy lông chim. Rồi bảo chồng đến báo với vua là đã tìm được, mời vua đến vào một giờ hẹn. Vua đến là lời với người đàn bà. Sau đó không lâu có tiếng đập cửa. Người đàn bà hỏi: - "Ai?" - "Ta là chồng nàng" - "Sao lại về?" - "Để lấy vũ khí". Nghe nói, vua sợ, hỏi: - "Trốn đâu bây giờ?". Người đàn bà mở cửa buồng thứ nhất cho vua vào. Vua rơi vào thùng nhựa. Nàng kéo lên và cho vào buồng thứ hai, vua lại rơi vào thùng lông. Đoạn nàng ra mở cửa cho chồng vào, nói là mình đã tìm hộ cho cái "Không", cái "Không" này không phải là người cũng không phải là chim. Anh vực cái "Không" về cung, chẳng ai hiểu đó là vua. Từ đó vua tổn đến già. Hai vợ chồng sống yên ổn.

Truyện của Tây-tạng đã có chép trong sách *Can-jua (Kandjour)*:

Ma-hăng-sa-đa, quan đầu triều, có một người vợ rất đẹp và khôn ngoan tên là Vi-sa-ka. Nàng đã làm cho sáu quan thượng thư mê mẩn. Mỗi người đeo đuổi nàng với nhiều hứa hẹn mà không ăn thua. Cuối cùng Vi-sa-ka xin chồng làm một chuyện cho chúng tên. Bèn bảo chồng đắp bệnh nằm nhà. Tin ấy đến tai các quan thượng. Nàng gửi cho mỗi người một thư mời đến nhà vào giờ nọ giờ kia. Trước đó nàng thuê làm sáu cái hòm lớn đặt vào sáu buồng khác nhau. Mỗi quan đến giờ hẹn tới nhà nàng được tiếp ân cần và cứ đến lúc sắp được hưởng ơn huệ cao nhất thì có tiếng gõ cửa và bị bỏ vào một hòm. Sáng dậy, nàng báo tiếng là Ma-hăng-sa-đa chết, mang đến cho vua sáu hòm của các quan. Vua chưa hiểu ra thế nào thì Ma-hăng-sa-đa đã tới cùng với vợ trang sức đầy hoa. Nàng kiện các quan thượng. Sau đó các hòm mở ra. Ma-hăng-sa-đa kể cho vua hay mọi việc và được vua khen ngợi.

Truyện của người Ca-sơ-mia (Cachemire) và người Ả-rập (Arabes), người Xi-ri-a-cơ (Siriaques) cũng kể tương tự:

Chồng nàng U-pa-cô-sa đi hành hương ở núi Hy-mã-lạp (Himalaya). Hàng ngày, nàng ở nhà đi tắm sông Hằng. Một hôm trên đường về lần lượt gặp ba người, một thượng thư, một linh mục (pu-rô-hi-ta) và một chánh án, đều muốn dùng bạo lực bắt nàng. Để được thoát nạn người đàn bà ấy hẹn với mỗi người đến nhà mình trong một đêm, nhưng với giờ giấc khác nhau. Trước đó nàng sai con hầu mang tiền đến cho một lái buôn mà khi chồng ra đi dặn gửi cho hắn. Nhưng nàng lại quên không lấy chứng từ nên bị tên lái buôn phải ngủ với hắn một đêm, nếu không thì mất. Nàng hẹn hẹn hắn đến nhà vào giờ chót. Nàng còn bảo con hầu chuẩn bị cho mình một thứ nước trộn bồ hóng, dầu và nước thơm. Lại thuê thợ đóng một cái tủ lớn có từng cánh có khóa. Canh một, viên thượng thư đến. Nàng bắt hắn ta phải tắm đã

mới cho chung gối. Con hầu dẫn hăn vào một phòng tối nói là xoa bóp, kỳ thực là bôi nước bồ hóng. Đang làm dở dang thì linh mục tới. Chủ tớ bèn giấu thượng thư vào ngăn đáy tủ khóa lại. Linh mục và tiếp sau là chánh án đều lần lượt bị bôi bồ hóng từ đầu đến chân như thượng thư và đều nằm vào ngăn thứ hai, thứ ba, v.v... Nàng tiếp tên lái buôn ở ngay cái buồng có tủ. Trao đổi với hăn về số tiền gửi, lái ta nói rất tự nhiên: - "Nàng đừng lo. Tôi đã nói là tôi nhận số tiền của chồng nàng gửi cho tôi rồi". Ngoảnh về phía cái tủ, nàng nói to: - "Các ông Thần Bếp nhà tôi, các vị có nghe anh ta nói gì không?". Đoạn cũng bảo con hầu đưa hăn vào buồng tối tắm nước bồ hóng, nói dối là tắm nước lã và vì lúc ấy trời sắp sáng, nên tổng hăn ra cửa. Sáng dậy, nàng đến gặp vua và kiện người lái buôn không chịu trả số tiền của chồng mình gửi. Vua cho đòi lái đến. Hăn chối phăng. Nàng nói là có nhân chứng biết việc này tức là ông Thần Bếp mà chồng nàng đã cất vào tủ. - "Hãy chờ tủ đến đây", vua bảo. Khi tủ được mang đến, nàng nói to. - "Các vị hãy thành thực chứng nhận lời của người lái buôn này đi, nếu nói sai ta sẽ đốt các vị cùng với cái tủ". Lập tức từ cái tủ có ba tiếng nói phát ra chứng nhận lời của người đàn bà. Tên lái kinh ngạc thú nhận. Vui sai mở tủ thì thấy có ba bóng đen nhả nhụi chui ra. Mọi người cười ồ. Nàng kể lại mọi việc cho vua hay, được vua ban vàng bạc. Và vua đuổi cổ ba người kia.

Một truyện khác của Ả-rập (Arabic).

Một thiếu phụ đẹp có chồng thường xa nhà, dan díu với một anh chàng khác. Một hôm gã trai này đánh nhau với một lão thầy tướng, bị tổng giam. Thiếu phụ nghĩ cách cứu, bèn tìm đến phòng làm việc của cảnh sát trưởng. Người này đòi được ngủ một đêm sẽ tha. Nàng mời đến nhà mình vào lúc mặt trời lặn. Lại đến yết kiến quan chánh án. Chánh án cũng đòi như trên và cũng được hẹn vào lúc nhá nhem. Sau đó lại đến lượt tế tướng, rồi vua, và họ đều được hứa hẹn vào những thời gian muộn hơn. Sau cùng thiếu phụ đến nhà người thợ mộc đặt một cái tủ nằm ngăn, mỗi ngăn có cánh và khóa

riêng, hẹn chiều phải xong. Thợ mộc cũng đòi một ân huệ đặc biệt thay cho tiền công và được nàng hẹn vào nửa đêm.

Đến giờ hẹn, cảnh sát trưởng tới. Nàng đưa cho hắn mặc một bộ đồ ngủ màu vàng. Sắp bước vào cuộc vui thì chánh án tới, gõ cửa. Cảnh sát được chui vào nằm ở ngăn tủ dưới cùng, khóa lại. Chánh án sau khi viết cho nàng bức thư tha tội gã tình nhân bị giam (mà nàng bảo là anh ruột mình) cũng được nhận bộ đồ ngủ màu đỏ, và cũng hốt hoảng chui vào ngăn tủ thứ hai sau khi nghe tiếng gõ cửa của tể tướng. Lại đến lượt tể tướng với bộ đồ ngủ màu xanh và chui vào ngăn tủ ba sau khi nghe tiếng gõ cửa của vua. Tiếp đến, vua cũng nhận bộ đồ ngủ màu lam và chui vào ngăn tủ tư khi có tiếng gõ cửa của người thợ mộc. Khi người thợ mộc sắp sửa lừa dối, nàng bỗng bảo hắn: - "Sao cái ngăn tủ quá hẹp?". - "Hẹp thế nào được". Hắn nói thế rồi trèo vào nằm thử để cho nàng thấy mình làm đúng. Nhưng thiếu phụ đã bất chợt đóng ập cửa lại khóa luôn hắn vào trong, rồi đi đến nhà giam đưa giấy của chánh án cho chủ ngục. Tình nhân được thả, nàng đưa về nhà. Hai người đùa giỡn vui thú bên cạnh cái tủ. Sau đó họ nhặt nhanh mọi thứ của quý và mấy bộ áo quần tốt của mấy người kia, đoạn họ sang nước khác. Năm người nằm phục vị trong tủ luôn trong hai ngày. Mót quá, anh thợ mộc đá xuống đầu vua, vua đá xuống đầu tể tướng, tể tướng đá xuống chánh án, chánh án đá xuống cảnh sát trưởng. Cuối cùng họ nhận ra nhau nhưng chẳng có cách gì để tự giải thoát cả. May sao, giữa lúc ấy anh chồng thiếu phụ về. Thấy nhà trống mà có cái tủ lạ và tiếng rì rầm bên trong, hắn bèn cạy khóa. (Một dị bản kể là hàng xóm nghe tiếng kêu cứu đến phá cửa ra). Để an ủi anh chàng mất vợ, vua phong cho hắn làm hữu thừa tướng [4]

.

Trong *Nghìn lẻ một đêm*, truyện trên được kể giống với một loại truyện mà người phương Tây quen gọi là "truyện ngắn kéo" [5]: bốn anh chàng mê gái - ở đây là gái có đức hạnh - bị gái lừa và biến thành những con người kỳ cục (vì cũng như các trường hợp đã kể, khi sắp được hưởng ân huệ, cô

gái bắt họ thay những áo quần lố lằng mà mình đã chuẩn bị sẵn), và chưa được gì thì đã có tiếng đập cửa, rồi bị đẩy vào những gian buồng khác nhau. Sau khi từ những căn buồng này bước ra, người nào cũng buộc phải nhảy hết hơi và mỗi người phải kể một câu chuyện vui.

Truyện của Ba-tư (Iran)- *Nhà kiến trúc, vợ anh ta và ba vị đại nhân của vua Gu-va-chia:*

Thành phố Bim xứ Kéc-man có một nhà kiến trúc giỏi nhưng lười. Một hôm vợ bảo đi sang nước Gu-va-chia để xây dựng sự nghiệp nếu không thì xấu hổ. Khi chồng ra đi, vợ giao cho một cây bạch dương, bảo: nếu cây héo là lòng trung thành bị giảm sút: nhưng nếu cây tươi thì nên nhớ là vợ mình đang đợi. Đến nơi, anh mới biết các nhà kiến trúc nước này đều bị vua giam, vì vua sai làm một cung điện và một lầu bát giác, hẹn nếu không xong thì phạt một nghìn đồng, nhưng không ai chịu làm. Anh xin phép vào ngục hỏi những người bị giam, rồi trở về quyết vẽ mẫu thi công. Làm xong, anh được vua khen ngợi, cho làm quan với số tiền thưởng đã hứa, lại cất nhắc làm đại thần. Có ba vị đại thần cũ ghen tị, tìm cách hãm hại. Một hôm anh cầm cây bạch dương tươi bỗng nhiên nhớ vợ, khóc rồi ngủ vùi. Một người lấy rượu thịt bỏ vương vãi ở xung quanh anh và ở ngai vàng, rồi tâu cáo với vua rằng anh say sưa đến mức có hành vi thiếu tôn kính. Vua cho đòi đến, anh nói thực về cây bạch dương và sự trung thành của vợ, lại nói mình chưa ăn uống gì, chắc là bị người vu cáo. Vua cho người ngửi ở mồm quả không thấy có mùi men, nên tha. Nghe lời anh tâu, chúng bèn dọn tiệc cỗ phục rượu để hy vọng lúc say, anh phun ra những điều bí mật. Thế rồi một hôm trước mặt vua, bọn đại thần gièm về đức hạnh của vợ anh. Anh đưa cây bạch dương xanh tươi tỏ vẻ không tin và nói: - "Nếu ai đem về được một chứng cứ gì thì tôi quyết ở lại đây trọn đời". Vua ra lệnh giữ anh lại trong mười ngày, để một đại thần đi thủ. Đại thần thứ nhất ra đi với một số người hầu, đến Bim, cho tiền một mụ làm nghề moi lái để được gặp vợ nhà kiến trúc. Nàng nhận lời tiếp nhưng dặn một nữ tỳ đánh thuốc mê rồi

bỏ hẳn xuống hầm. Khi biết đó là đại thần ở Gu-va-chia đến, nàng buộc hẳn hàng ngày phải chải một cân bông mới cấp cho một cân bánh để ăn. Thấy hẳn không về, đại thần thứ hai cũng lại đem gia nhân ra đi, cũng nhờ mụ mối để gặp nàng và cuối cùng cũng bị bỏ vào hầm tối. Đến lượt đại thần thứ ba cũng vậy. Thấy ba đại thần của mình có đi không có về, vua bèn cải trang ra đi. Nhờ mụ mối, vua cũng được vợ nhà kiến trúc tiếp, nhưng lần này vua không bị đánh thuốc mê. Đang tìm cách dỗ dành người đàn bà, thì bỗng vua nghe tiếng đập cửa. - "Ai đấy?", vua hỏi - "Đó là các anh tôi về". "Ta nấp vào đâu bây giờ?" - "Ở đây có một buồng kín trong vườn". Vua xuống hầm thì gặp các đại thần của mình. Thấy bọn này lạy vua, vợ nhà kiến trúc sợ sai nữ tỳ mang đuốc đến cùng với nệm cho vua ngồi, rồi mình thân đến lạy vua kể lại mọi việc. Vua khen ngợi, nhận nàng làm em gái. Vua sai bắt giải bọn đại thần về nước, sai đeo vào cổ mỗi người một cái biển có đề chữ "Ganh tị và vu cáo". Còn nhà kiến trúc thì được vua ban thưởng cho trông nom công việc triều đình, vợ anh thì trông nom hậu cung [6].

Xem thêm một số truyện ở mục **Khảo di**, số **84** và truyện *Người đàn bà bị vu oan* số **109** tập **III**, cũng có một số tình tiết tương tự.

Một truyện rút từ sách *Bri-hat-ca-tha (Brihatcathâ)* của Ấn-độ cũng gần với truyện trên:

Thần Si-va cho mỗi người trong cặp vợ chồng một hoa sen đỏ. Hoa này sẽ không bao giờ héo nếu vợ trung thành với chồng và sẽ héo nếu ngược lại. Người chồng trước khi ra nước ngoài buôn bán được mẹ vợ trao cho một bông hoa huyền bí nói trên. Anh giao thiệp với bốn lái buôn trẻ tuổi. Trong một bữa tiệc, bị phục rượu say, anh tiết lộ tính năng của bông hoa huyền bí. Bốn người này bèn tìm cách đến quê anh trong khi anh vẫn chưa về. Cũng gần với các truyện trên, mỗi lái được Đê-va-mi-ta, vợ anh hứa hẹn, và họ lần lượt vào nhà do một thị tỳ của nàng ăn mặc như nữ chủ nhân tiếp, rồi

trước giờ vui thú, được mời uống rượu có trộn chất cà độc được làm cho mê man, bị đóng ấn sắt nung đỏ lên trán hình dấu chân chó, rồi còn bị lột trần truồng ném vào một hố rác. Sau đó Đê-va-mi-ta cải trang làm đàn ông tìm đến cung vua của bốn chàng lái buôn kiện về việc có bốn tên nô lệ bỏ trốn. Ra trước tòa, bốn người kia chối. Trước công chúng, nàng lần lượt đến từng người vạch cái dấu chân chó trên trán mà bọn họ cố ý trùm khăn che khuất đi. Thế là bốn lái ta phải nộp tiền chuộc.

Truyện của Ba-tư (Iran) đã được một nhà thơ Ba-tư Hồi giáo thế kỷ XIII diễn tả thành thơ:

Một anh lùn nhà nghèo có vợ đẹp. Một hôm hăn bảo vợ cố ý đánh lướimột vài tay nhà giàu để kiếm tiền tiêu, vợ tìm đến một ông quan (qua-di) để nhờ giúp cho một vụ kiện. Thấy nàng đẹp, quan bảo sẽ giúp nếu được ân ái một đêm. Người đàn bà hèn ngày. Khi quan vừa vào nhà trò chuyện một lát thì lùn ta đập mạnh cửa. Ở đây quan được dẫn trốn vào trong một chiếc hòm. Sáng dậy anh lùn làm như không biết gì cả, mang hòm đi bán. Quan ta nhờ có một ông bạn biết chuyện cố mua cái hòm với giá cao (100 đi-na) để cứu cho khỏi mất mặt. Năm sau, thấy vợ lùn đến, quan nói: - "Cút đi, ta không mắc bẫy lần nữa đâu".

Tương tự với mô-típ này, người Căm-pu-chia có truyện *Sóc và Sau*:

Một người tên là Sóc, nhà nghèo túng. Trong khi đó hăn lại bị vợ lừa, đi lại với con trai một trọc phú. Bạn của anh chàng nhà nghèo là một người có học, tên là Sau. Người này biết rõ câu chuyện bí mật của vợ bạn, nhưng không tiện nói ra, bèn tìm cách giúp bạn. Một hôm người bạn bảo anh nhà nghèo làm một áo quan và đem đặt nó vào buồng. Sau đó rủ anh cùng mình làm một chuyến du lịch độ vài ngày. Văng chồng, người vợ đón tình nhân về nhà. Hai người kia đi được nửa đường lộn về vào lúc nửa đêm trước

hẹn. Nghe tiếng đập cửa, gã tình nhân thấy không có chỗ trốn nào tốt hơn là chui đại vào áo quan đặt ở xó nhà. Khi vào nhà, người bạn làm bộ lại gần gõ vào áo quan nói rằng nghe tiếng kêu, như vậy là điềm gỡ cần phải đốt đi thì mới tiêu trừ được tai họa. Nghe nói, người đàn bà hoảng sợ bèn báo tin cho trọc phú biết; ông này tới tìm cách xin mua lại cái áo quan để cho con mình thoát khỏi nguy hiểm. Cuối cùng, trọc phú cũng làm chủ được cái áo quan với một giá đắt kinh khủng [7].

Người Nùng có truyện *Bán cái tủ đứng* cũng cùng mô-típ:

Một lão nhà giàu (lão pán) đưa tiền cho một người làm công bảo đi thuê người chặt gỗ xẻ ván, rồi trong khi anh này đi vắng, hắn đến nhà gặp người vợ mà hắn đã từng trêu ghẹo, định dùng tiền để được ân ái một đêm. Vợ anh giả bộ ân cần, lại dọn cháo gà đãi hắn. Đang ăn thì người chồng cô ả về. Hắn hốt hoảng chui đại vào một cái tủ đứng. Sáng dậy vợ chồng khiêng đến bán cho vợ lão, đòi một số tiền lớn. Do nghe được tiếng chồng nói nhỏ trong tủ, vợ lão đành phải cắn răng mà mua vậy [8].

Một truyện khác cũng của Ba-tư (Iran) trong sách *Tu-ti Na-mếch*:

Để thử cái hoa hồng huyền bí của một người lính, một hoàng tử sai hai người đến bắt tình với vợ người lính ấy. Họ cũng được người đàn bà hẹn vào những giờ khác nhau. Người thứ nhất tới, trò chuyện chưa được bao lâu thì người tớ gái của nàng - đã cùng với chủ bàn mưu trước - gõ mạnh cửa. Nàng nói. - "Ông anh tôi đã tới!". Anh kia hoảng hồn, người đàn bà đưa giấu vào một nhà kho khóa cửa lại. Đến lượt người thứ hai cũng thế. Trong nhà kho có một cái giếng cạn mà trước đó hai thầy trò cô chủ đã treo lên miệng giếng một cái giường bằng những sợi dây bực. Hai người bị nhốt thấy mỗi một bèn lần đến giường ngồi lên định nghỉ ngơi, song dây đứt, cả hai lẫn xuống giếng.

Truyện của người vùng Thượng Băng-la-dex (Haut Bangladesh).

Có bốn người: một cảnh sát trưởng (cốt-oan), một cố vấn của vua, một thượng thư đầu triều và vua đều mê một cô gái chưa chồng. Cũng như một số truyện Bắc Ấn trên kia, cô cũng hẹn bốn người đến vào bốn giờ khác nhau. Cảnh sát trưởng đến đầu tiên. Nghe gõ cửa, hấn sợ quá hỏi trốn ở đâu. Cô gái đưa vào buồng tối làm cho hấn dính mặt từ đầu đến chân và cho chui vào một cái bao đựng lông rồi buộc lại đặt ở gần cửa sổ. Vua là người đến thứ hai, thấy có bao lông đang cựa cựa, vua hỏi: - "Ai đấy?". Nàng đáp: - "Đó là một con yêu ăn thịt người (rắc-sa-xa)". Nghe nói thế, cảnh sát trưởng nhảy dựng. Vua sợ quá lủi một mạch. Hai người kia lần lượt tới, cũng thế. Cuối cùng cảnh sát trưởng cũng tháo được dây, mình đầy lông, lủi ra khỏi túi, chạy mất.

Ở truyện của người Tây-tạng gần Ấn-độ thì cô gái tên là A-ma-ra, đối tượng của cô là bốn nhà học giả (păng-đi) cố vấn nhà vua. Cuối cùng cả bốn người đều bị cạo đầu, bị hành hạ và bị bỏ vào bao tải để sáng dậy cô gái cho người mang tới nộp vua.

Ở truyện của người Ả-rập (Arabes) thuộc Tuy-ni-di (Tunisie) thì lại kết hợp với mô-típ truyện *Con mụ lường*: Bảy người được vua sai đi dỗ dành một người đàn bà, vợ chàng lái buôn, không phải lần lượt mà cùng đến một lúc, và cùng một lúc rơi xuống hố trên có nắp bẫy (Xem **Khảo di**, truyện số **84**, tập **III**).

Một truyện nôm của ta là *Hoàng tú tân truyện* cũng có nội tình tiết tương tự với truyện trên. Hoàng Tú đậu trạng, đi sứ nước ngoài, phải ở lại đấy nhiều năm. Vợ là Ngọc Côn vốn bị chồng hắt hủi vì có lỗi lầm, bèn cải trang làm một người đàn bà khác, vượt biên tìm chồng. Sau những ngày vật lộn gian

khổ nàng đến nơi, được chồng cưới làm vợ mà không biết đó là vợ cũ ở nước nhà sang. Có tên Tống thần thấy nàng đẹp, lại thấy Trạng được vua ưu đãi, nên *"Có lòng ăn trộm ấn vàng, gieo tai gieo vạ cho chàng Trạng nguyên"*. Hoàng Tú liền bị vua bắt đầy đi *"sơn hải mười niên"*. Trong khi đó Tống thần ta tìm đến nhà Ngọc Côn để gạ *"ái ân sự lòng"*. Tương kế tựu kế, Ngọc Côn sai người hầu *"cửa sau gian giữa, hố đào bên trong"*. Tống thần y hện, nửa đêm hí hửng mò tới, bị sa xuống hố. Sau khi tra hỏi, vợ Trạng nắm được những chuyện vu cáo của y, bèn vào tâu vua. Vua cho khám mới biết là Trạng bị vu oan, bèn tha cho Trạng về.

Truyện *Con ma* của người La-dơ (Lazs) thì lại kết hợp với mô-típ của truyện *Cái chết của bốn ông sư* (số **200**): Có ba người thuộc loại quan to say mê một người đàn bà. Một hôm chị này mách chồng. Chồng bèn đào giữa nhà một cái hố và đặt sẵn một cái thang, bảo vợ hện mỗi người một giờ khác nhau, còn mình thì nấp ở sau nhà. Người thứ nhất sau khi hoảng hồn vì tiếng đập cửa, được đưa vào ngồi ở nấc thang dưới đáy hố. Người thứ hai ngồi nấc trên, và người thứ ba nấc trên cùng. Chồng bảo vợ nấu một nồi nước sôi, rồi giội từ trên xuống giết chết một lúc cả ba. Sau đó hẩn kéo thây lên, bọc vào vải liệm và giấu ở những gian buồng khác nhau. Sáng dậy hẩn đi gọi một phu chôn xác nói rằng: - "Mẹ tôi chết đã chôn, nhưng đêm qua lại hóa ma (hoóc-tơ-lắc) hiện về nhà. Nếu anh chôn sao cho bà ấy không về nữa, tôi sẽ trả năm đồng vàng". Thấy tiền công hậu, người kia bùi tai, nhận lời. Chôn xong, lúc hẩn về, người chồng bảo: - "Anh chôn không kỹ rồi. Kìa bà ta lại đã về". - "Để tôi thử cắm vào mộ một cái nêm bằng gỗ rắn xem có về được nữa không?". Nói rồi lại vác đi chôn. Lúc về, người chồng lại nói: - "Đấy, bà ta lại về kia. Anh cắm cọc vụng chăng?", - "Tôi sẽ đưa bà ta đến một nơi không thể về được". Lần này hẩn đưa đến cầu ném xuống sông. Không ngờ lúc ấy có một giáo chủ (i-mam) đang bơi ở đấy thấy có vật ném xuống đầu sợ quá, vội lên bờ bỏ chạy. Hẩn kêu: - "Đó, con ma đã lại chạy về. Bèn đuổi theo bắt được, nhét vào túi buộc lại, quăng

xuống sông. Chờ cho xác trôi xa, y mới nói: - "Bây giờ thì chắc là xong" [9].

Truyện *Anh tình nhân trong cái hòm* tuy diễn biến có khác, nhưng cũng thuộc loại gần gũi với các huyện trên:

Lốc-mân đi theo một gia đình di cư. Một hôm anh ta thấy một người đàn bà hò hẹn với tình nhân. Trong khi công việc chưa đi đến đâu thì chồng người đàn bà lừa đàn gia súc về. Người vợ bỏ gã tình nhân vào một cái hòm. Cuộc di cư lại tiếp tục vào ban đêm. Vợ bảo chồng mang hộ cái hòm nói dối là áo quần trang sức của mình. Chồng đội lên đầu ra đi. Dọc đường anh nhân tình mót đá không ngăn được. - "Nước gì trong ấy chảy lên đầu ta", chồng hỏi. - "Chỉ có lọ thuốc xức", vợ đáp. - "Khai quá?". Chồng ném thùng xuống, nấp vắng ra, anh nhân tình trốn lên núi cao. Chồng đuổi bắt được, đề nghị Lốc-mân xử hộ. Người này sai bỏ anh nhân tình vào hòm, bắt người vợ đội cho đến chết [10].

-
- [1] Theo Trương Vĩnh Ký. *Chuyện khôi hài*.
- [2] Theo bản phiên âm *Nghêu Sò Ốc Hến*, quốc ngữ.
- [3] Theo *Thái-bình quảng ký*.
- [4] Theo *Hà-nội báo* (1935).
- [5] Ý nói từ truyện này lôi ra nhiều truyện khác (conte à tiroirs).
- [6] Theo Đờ-cuốc-đờ-măng-sơ (Decourdemanche): *Vui sau khi mệt*.
- [7] Theo Lê Hương. *Truyện cổ Cao-miên*.
- [8] Theo Hoàng Quyết. *Truyện cổ Tày-nùng*, sách đã dẫn.
- [9] Phần nhiều những truyện trên đều theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn.
- [10] Theo Đờ-cuốc-đờ-măng-sơ (Decourdemanche): *Mưu đàn bà*.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
198. THẦY LANG BẤT ĐẮC DĨ

Ngày xưa có một anh chàng tên là Tân làm nghề cày ruộng. Anh là người thông minh nhưng tính tình có phần nhút nhát, lại phải cái hay phũ phàng với vợ. Người vợ căm lắm, quyết tìm dịp báo thù cho bõ ghét.

Một hôm người vợ đi chợ, bỗng nghe văng vẳng có tiếng gọi loa: "Ai có tài chữa bệnh thì mời về triều sẽ được thưởng quan cao lộc hậu". Hỏi mọi người, chị mới hay đó là sứ giả nhà vua đi tìm thầy lang giỏi về cứu chữa cho công chúa bị hóc xương. Thấy cơ hội báo thù đã đến, người vợ bèn tìm gặp sứ giả, nói:

- Tôi biết trong làng này có một thầy lang chữa bệnh hay như thần, có thể chữa cả những người sắp chết.

Sứ giả đi mấy ngày chẳng gặp một ai, nay được người mách thì lấy làm mừng, vội hỏi:

- Thế thì hay quá. Có thật thế chẳng?

- Thật đấy! Nhưng ông thầy này có một điều lạ là không muốn tự nhận mình là thầy lang, luôn luôn giả bộ ngờ nghệch. Ai nhờ chữa thì bao giờ cũng chối đây đẩy, chỉ có roi đánh quắn đít mới chịu nhận và mới chữa mát tay.

- Thế thầy lang hiện giờ ở đâu?

- Ngài cứ theo con đường này dẫn ra đồng. Hễ thấy người nào râu cá trê, đang cày với một con bò đen trên một đám ruộng khoai, thì chính là thầy lang. Tên thầy là Tân.

Sứ giả cũng mấy người lính hầu vội rẽ ra đồng. Khi gặp con người đứng như lờ mách, sứ giả lễ phép nói:

- Chúng tôi vâng thánh chỉ mời thầy về triều chữa cho công chúa bị hóc xương đã ba ngày nay.

Anh chàng Tân thấy việc trở trêu lấy làm lạ, bèn đáp:

- Ô hay! Các quan nhầm rồi Tôi quê mùa dốt nát, có biết làm thuốc bao giờ, đâu phải là thầy lang mà mời.

Nhớ đến lời dặn của người đàn bà, sứ giả toan dụng võ ngay, nhưng cũng cố dẫu dịu:

- Xin thầy đừng giấu nghề; vả lại việc này là việc cấp bách và theo lệnh của hoàng đế, xin thầy hãy vui lòng tiến kinh cùng chúng tôi. Người bệnh lại là con vua cháu chúa, không nên từ chối.

- Tôi nói thật đấy mà! Hàng ngày tôi chỉ tay cày tay cuốc, làm gì biết đến việc hệ trọng như việc xem bệnh bốc thuốc.

Nghe những lời khẳng khăng từ chối, sứ giả bụng bảo dạ: -"Thật thân lừa ưa nặng, tất phải dùng roi vọt mới xong". Nghĩ vậy, hăn bèn thét lính ra roi túi bụi. Tân không chịu đựng nổi mười roi, vội vã kêu lên:

- Thôi thôi, xin các quan ngừng tay. Tôi là thầy lang đây.

Sứ giả mừng quá vội cho Tân lên ngựa phi về hoàng cung, đưa vào buồng công chúa.

Bấy giờ công chúa đang nằm chờ chết, cái xương còn mắc ở cổ, khạc mấy cũng không chịu ra. Tân vừa đến, lấy làm bối rối không biết cất tay động chân thế nào. - "Hừ, ta thử làm cho công chúa cười một chút xem sao?".

Nghĩ vậy trước mặt công chúa, anh bèn nheo mắt méo miệng làm ra trăm kiểu ngộ nghĩnh như anh vẫn từng quen gây cười trước đám đông hàng xã. Chưa đến trò thứ ba thì công chúa và bọn cung nữ hầu hạ xung quanh đã bật cười, và còn đua nhau cười ngặt nghẽo. Tự nhiên cái xương trong cổ công chúa văng ra lúc nào không biết. Thế là bệnh lành. Mọi người đều trầm trồ kinh ngạc. Nghe tin, nhà vua và cả hoàng cung lật đật chạy vào mừng cho con gái và tíu tít cảm ơn thầy. Vua liền phong Tân làm chức thái y, sai lấy vàng bạc mũ áo ban thưởng. Về phần Tân, bụng bảo dạ: - "Ta dùng một mẹo nhỏ may mắn mà lành, thật là chó ngáp phải ruồi. Vậy ta hãy cố chối từ, thà về cày ruộng còn hơn là ở đây có ngày mang họa". Bèn đáp:

- Tôi bệ hạ, kẻ hạ thần này thực sự quê mùa dốt nát không biết việc thuốc men là gì. Vậy xin nhường chức tước ấy cho các vị lang y, còn hạ thần chỉ xin bệ hạ cho phép được trở về quê làng.

Vua vốn đã được nghe sứ giả cho biết tính tình kỳ lạ của người thầy thuốc, bèn quát thị vệ ra roi.

Tân cuống quýt xin nhận mũ áo.

*

* *

Lại nói chuyện khi nghe tin có thầy lang đại tài được vua đón về kinh đô, mới chữa một vụ hầy như thần, thì các con bệnh kinh niên khó trị từ bốn phương lục tục kéo nhau về, hy vọng được thầy ra tay cứu chữa. Chẳng bao lâu con số đã tăng lên đến tám mươi người. Hàng ngày họ đứng chực trước cửa ngọ môn đợi thầy ra, lính đuổi mấy cũng không đi. Nghe tin này, một hôm nhà vua bảo Tân:

- Dân chúng còn có người đau khổ là lòng ta chưa yên. Vậy nhà ngươi hãy đem tài thánh y gắng chữa cho con đỏ của ta được lành.

Tân lo lắng, vội nói:

- Tâu bệ hạ, kẻ hạ thần tài hèn chẳng có gì, mà con bệnh nan y quá đông, làm sao chữa xuể.

Vua hất hàm cho bọn thị vệ chuẩn bị roi vọt. Thấy thế, Tân đành nhắm mắt nhận lệnh không dám từ chối. Nhưng để có thì giờ suy nghĩ, anh cũng xin vua cho được ở riêng cùng với bệnh nhân để tiện xem bệnh. Vua bèn ra lệnh đưa cho thầy cùng các bệnh nhân đến sở dưỡng tế của kinh kỳ.

Khi đã được đứng riêng một mình cùng tám chục bệnh nhân. Tân liền sai đóng cửa lại, ra lệnh cho lính gác cổng chỉ cho người ra mà không cho vào. Rồi sai sắp củi đốt một đồng lửa giữa sân, đoạn đồng dục lên tiếng:

- Chữa cho các người thật là vất vả, song ta xin gắng. Ta có môn thuốc thần hiệu là cho thiêu một người sống, lấy tro ấy luyện thuốc trong ba tháng. Sau khi luyện xong thì thuốc của ta sẽ "bách bệnh tiêu tán, vạn bệnh khu trừ", thần diệu không thể nói hết. Tục có câu: "Liều một người, cứu muôn người" là thế. Vậy trong số các người đây, ai là người bệnh nặng nhất thì hãy chịu hy sinh tấm thân, tình nguyện để ta thiêu sống. Ta sẽ luyện thành "hảo dược" chữa lành cho bảy mươi chín người còn lại. Nào, ai đó chịu liều thân, hãy bước đến bên đồng lửa!

Các bệnh nhân đang hăm hở, nay nghe nói vậy thì rụt cả lại, ai nấy kinh hoàng, mặt tái như gà cắt tiết. Tân lại tiếp:

- Nào mau lên. Trừ những ai bệnh nhẹ hoặc chưa đến nỗi nào, còn trong số những người bệnh nặng, người nào nặng nhất, hãy trông gương người xưa, chịu liều mình để phước lành cho con cháu. Vậy ai là người bệnh nặng nhất, ra đây!

Không một ai nhúc nhích. Tân lại tiếp:

- Có lẽ các người chưa biết bệnh của mình là như thế nào đâu. Thế thì các người hãy để cho ta khám từng người một để chọn một người nặng nhất.

Chỉ vào một con bệnh đứng gần, Tân hỏi:

- Nào lại đây. Ta trông nhà người xanh xao, chắc là sức yếu lắm.

Người kia không dám bước lên, run lập cập nói.

- Thưa tôi khỏe lắm ạ!

- Thế thì nhà người vào đây làm gì?

Hắn lật đật lùi dần, lùi dần, rồi bỏ chạy ra khỏi cổng.

Tân lại chỉ vào một người thứ hai.

- Nhà người có vẻ hom hem tợn. Nào bước lên đây cho ta bắt mạch.

Hắn ta chẳng những đã không bước lên mà còn lui lại sau: mặt cố giấu bớt vẻ nhản nhó, đáp:

- Không, bệnh tôi đã nhẹ đi nhiều.

Nói rồi hắn cũng lẫn mất. Cứ như thế, Tân đã làm vợi hẳn số bệnh nhân. Người cuối cùng vừa chạy ra cổng thì gặp lúc nhà vua cũng vừa xa giá tới. Vua nhìn hắn hỏi:

- Nhà người đã lành rồi ư? Vừa rồi bệnh nặng lắm kia mà?

- Tâu bệ hạ, kẻ hạ thần đã đỡ nhiều, hẳn đáp.

Vua bước vào giữa lúc sở dưỡng tể đã sạch bóng bệnh nhân. Vua ngợi khen Tân hết điều. Sau đó vua cho phép chàng trở về quê quán. Vợ chàng không

ngờ kết quả trở trêu của cách báo thù của mình là làm cho chồng được quan cao lộc hậu [1].

KHẢO DỊ

Một truyện của Ả-rập (Arabie):

Một người thợ dệt ngày nọ đi qua nhà một thầy thuốc thấy ông thầy cho người này uống thứ lá nọ, kẻ khác dùng thứ hoa kia mà thu được nhiều tiền. "Sao ta lại không làm như hăn nhỉ.". Nghĩ vậy, bèn về bảo vợ kiếm cho mình một chiếc khăn để đóng bộ thầy thuốc. Vợ bảo: - "Coi chừng kéo mày giết người ta, rồi người ta sẽ giết mày". Ngày đầu anh ta cho đơn, thu được nhiều tiền (ca-ra). Tiếp ngày sau có một nữ tỳ gọi đến nhờ chữa cho bà chủ, bà này bệnh cũ đã lui, chỉ còn yếu sức. Anh bảo bà ăn một con gà mái luộc. Bà kia ăn xong khỏe hẳn lên. Vua nghe tin mời đến chữa bệnh cho mình. Khi anh đến, các quan hầu cận tâu vua: - "Nó là tên thợ dệt thì biết thuốc men gì chứ". - "Nhưng nó đã chữa cho người ta khỏe", vua đáp. - "Xin bệ hạ hãy hỏi vặn nó để thử xem". - "Cho các người cứ làm". Bọn quan hỏi anh nhiều câu, anh đáp: - "Nếu tôi trả lời thì các ngài không hiểu đâu, ngay cả những thầy lang thường cũng không hiểu nổi. Bây giờ thế này: Ở đây có bệnh xá không?" - Đáp: - "Có". - "Có bệnh nhân nào lâu ngày mà chữa chưa lành không?". - "Có". - "Thế thì đưa tôi đến đấy, nhưng không được để ai vào".

Đến nơi, anh dặn người gác cổng: - "Nếu anh nói với ai ta làm những gì thì

ta sẽ giết anh. Nhưng nếu anh không lộ chuyện ta sẽ cho nhiều tiền". Đáp: - "Tôi không nói đâu". Anh bắt hẩn thề. Thề xong, anh hỏi: - "Có dầu không?" - "Có" - "Đưa ra đây". Bèn ra lệnh nấu trong vạc mấy chai dầu sôi sục. Đoạn gọi một bệnh nhân đến, hỏi: - "Nhà người đau đã bao lâu?" - Đáp: - "Đau đầu đã ba năm nay". Anh bảo. - "Muốn lành thì phải ngồi vào vạc". - Bệnh nhân phát hoảng: - "Xin ngài hãy khoan". - "Không được, làm ngay". - "Tôi không còn chút nhớt đầu nào nữa" - "Thế thì cho anh ra và báo cho người ta biết". Hẩn ra khỏi cổng khen thầy giỏi. Những người khác đến lượt cũng thế [2].

-
- [1] Theo *Truyện cổ tích Việt-nam* (Truyện cười), Nhà xuất bản Nguyễn Du.
- [2] Theo Bát-xê (Basset). *Nghìn lẻ một cổ tích, truyện kể và truyền thuyết Ả-rập*, quyển I, sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
199. "GIẬN MÀY TAO Ở VỚI AI"
HAY LÀ TRUYỆN PHƯỢNG HOÀNG ĐẤT

Ngày xưa có một phú ông tự cho mình có tính nhẫn nại, ít ai bì kịp. Phú ông có một cô con gái nhan sắc xinh đẹp. Ngày con gái đến tuổi lấy chồng, phú ông cho yết bảng ở cổng nói rằng hễ ai làm cho lão nổi nóng hoặc giận dữ thì lão sẽ gả ngay con gái cho người đó. Nhưng trong vòng một tháng mà không làm được thì sẽ bị đánh một trăm hèo rồi đuổi về. Đã có nhiều chàng trai lần lượt nộp đơn xin làm rể với nhiều mưu mẹo mà vẫn không làm được lão nổi giận, đành chịu nhận lấy trận đòn đau mà tay không trở ra, mọi công phu làm rể coi như xôi hỏng bỏng không. Vì thế đã bao năm tháng, cô gái vẫn phòng không bóng chiếc.

Một hôm có một chàng trai bộ dạng gầy gò đến xin ra mắt. Phú ông hỏi: - "Anh muốn gì?". Chàng trai đáp: - "Tôi muốn được làm rể ông". Phú ông căn vặn: - "Thế anh đã đọc kỹ những lời ta giao hẹn yết ở bảng chưa?". - "Thưa đã". Nhìn anh chàng từ đầu đến chân, phú ông nói: - "Ta sợ rằng anh không chịu nổi một trăm hèo của ta đâu". - "Thưa chịu được!". "Vậy thì ngày mai là ngày bắt đầu, anh cứ việc tới đây".

Đến ở chưa được mấy ngày, anh chàng đã rủ phú ông: - "Sáng mai thầy với con đi săn một chuyến kiếm vài con cầy, con chồn về ăn". Nghe nói đi săn, phú ông tỏ ý ham thích, nhưng lại bảo: - "Đi săn nhưng nhà ta không có chó săn thì làm thế nào?". Anh đáp ngay: - "Thưa thầy, con sẽ làm chó cho".

Hai người vào lùm săn được một con cầy. Đưa về nhà, phú ông bảo anh: - "Đi làm thịt cầy đi mày". Anh lắc đầu: - "Con làm chó thì làm thịt sao

được". Phú ông lại bảo: - "Thế thì đi mua rượu vậy!". Anh chàng vẫn lắc đầu: - "Là chó thì đi mua rượu sao được?". Phú ông đành một mình hì hục làm thịt cây, nấu nướng, trong khi đó anh chàng đánh một giấc ngon lành. Nấu xong, phú ông tất tả đi mua rượu vì nhà hôm ấy vắng người. Thừa dịp ở nhà một mình, anh mang thịt cây ra chén hết. Phú ông mang được rượu về thấy nôi đã hết nhãn, nhưng lão vẫn không tỏ thái độ gì, chỉ hỏi: - "Mày ăn cũng được, nhưng có để phần tao miếng nào không?". Anh thản nhiên đáp: - "Chó treo mèo đây. Đã để cho chó ăn mất thì làm sao còn mong để phần". Phú ông đành trả lời: - "Thôi được!". Chờ một chốc sau, anh chàng sẽ rí tai: - "Thầy có giận con không đấy, thầy?". Lão cười đáp: - "Giận mày tao ở với ai?".

Một hôm khác, hai người lại rủ nhau đi săn. Lần này thì phú ông định tìm cách trả đũa chàng rể láu lỉnh, nên nhận làm chó. Biết thế, lần này anh lại nhắm vào những nơi đầy gai góc mà cắm lưới. Cứ mỗi lần thấy phú ông không dám xông vào, anh cầm roi quất vào đít và giục: - "Mau lên! Vào đi! Làm chó thì phải cố chui rúc mới hòng được mồi. Phú ông mấy lần bị đòn, đành phải xông vào. Thấy lão thở không ra hơi, lại bị gai cào toạc cả mặt mũi, anh hỏi: - "Thầy có giận con không thầy?". Lão vẫn tươi cười: - "Giận mày tao ở với ai?".

Hôm ấy hai người cũng săn được một con cây. Về nhà, anh làm thịt cây và nấu nướng xong, bảo phú ông: - "Thầy đi mua rượu đi!". Phú ông đáp: - "Chó nào có chó biết đi mua rượu!". Anh chỉ đợi trả lời thế, đi lấy xích xích chân phú ông lại bên cột nhà, nói: - "Giống chó chúa ăn vụng, phải xích mới được". Nói rồi bỏ đi mua rượu. Mua được về, anh một mình ngồi chén tì tì, bao nhiêu xương xẩu vứt lại chỗ phú ông. Chén xong anh mới mở xích cho lão và hỏi: - "Thầy có giận con không, thầy?". Anh vẫn nghe câu trả lời quen thuộc: - "Giận mày tao ở với ai?".

Thấy chưa thắng được phú ông, anh chàng hơi lo. Một hôm anh bàn: -

"Nay công việc đồng áng hơi rồi, con xin thầy đi buôn một chuyến kiếm ít lãi về, thầy con chia nhau". Phú ông đáp: - "Được!". Ra đi anh dặn: - "Chiều mai thầy ra chỗ ngã ba đầu làng đón con một đoạn đường. Con đặt gánh hàng ở đó rồi phải đi ngay làm chuyến khác. Vì vậy thầy gánh hàng, thầy cứ gánh về hộ con". Chiều hôm sau, phú ông ra chỗ hẹn đã thấy một đôi bồ đập nấp chẳng dây cẩn thận để sẵn ở đó. Lão cất lên vai, gánh hàng thật là nặng. Nhưng cứ theo lời dặn, lão ì ạch gánh về nhà. Đến nhà lão mở ra thấy một bồ đựng toàn đá, còn bồ kia thì thấy thằng chàng rể trời đánh ngồi thu lu ở trong. Anh đứng dậy vừa cười vừa hỏi: - "Thầy có giận con không, thầy?". Phú ông vẫn cười đáp: - "Giận mà tao ở với ai?". Lần sau, phú ông quảy bồ đi buôn. Lão cũng dặn anh chiều hôm sau ra bờ sông cuối làng gánh hộ hàng về. Đoán được âm mưu của lão, chiều hôm sau, anh mang theo một chiếc mo cau khô và mấy cái đục đục. Đến bờ sông đã thấy một đôi bồ đập nấp chẳng dây để đó, anh liền vỗ vào mo cau, mo phát thành những tiếng lộp bộp như tiếng ngựa chạy. Anh lại lắc đục đục nghe tiếng loong coong, còn miệng thì la lối:

- Gánh gồng của ai để giữa đường kia chắn lối không cho ngựa quan đi à?

Ngồi trong bồ, phú ông nghe tiếng la, tưởng là ngựa quan sắp tới thật nên đâm hoảng, lúng túng thế nào để bồ lăn mấy vòng rồi rơi tòm xuống sông. Anh chàng để cho lão làm một bụng nước rồi mới giả hộ hốt hoảng xuống vớt lên. Lần ấy về nhà, anh hỏi: - "Thầy có giận con không, thầy?". Lão cười gượng: - "Giận mà tao ở với ai?".

Thấy kỳ hạn sắp hết mà vẫn chưa làm được phú ông nổi giận, anh chàng tỏ ra lo lắng hết sức. Hôm sau, người ta thấy anh quảy đôi sọt ra đi. Được một lúc, anh chạy về gọi chủ rồi rít: - "Thầy ơi, con úp được một con phượng hoàng đất rất đẹp. Thò tay vào mà bắt thì sợ nó sống mất tiếc của. Thầy ra giữ hộ con, để con còn tìm lưới bủa xung quanh mà bắt cho chắc. Con đã chặn lên mấy hòn đá, thầy ra ngay đi". Phú ông vốn thích nuôi chim, nghe

nói rất mừng, liền ra chỗ dọn thì thấy có chiếc nón úp giữa đường có dẫn mấy hòn đá, bèn sụp xuống ôm lấy nón.

Vừa lúc ấy, có vua và quan lính trẩy qua, nhìn thấy một người nằm phủ phục khư khư ôm lấy chiếc nón, vua bèn cho dừng lại hỏi:

- Nhà người làm gì thế này?

Phú ông đáp:

- Tâu bệ hạ, kẻ tiện dân này có úp được một con phượng hoàng đất rất đẹp. Nó ở trong nón này. Hiện đang chờ người về lấy lưới ra bắt kéo nó sống.

Nghe nói phượng hoàng đất, vua không ngăn được tò mò, vội truyền cho quân lính tìm cách bắt ngay cho vua xem, không đợi đưa lưới. Nhưng khi giở chiếc nón lên thì chỉ thấy lù lù một đồng phân trâu, chẳng có phượng hoàng đất nào cả.

Giận vì có kẻ dám trằng trợn đánh lừa mình, vua thét lính nọc phú ông ra đánh một trận như tử. Đợi chờ vua quan và lính tráng đi rồi, anh chàng mới từ trong bụi chạy ra đỡ phú ông dậy xoa bóp, rồi hỏi: - "Thầy có giận con không, thầy?". Phú ông tức quá đáp: - "Mày làm cho ông suýt mất đầu, không giận mày sao được!".

Mấy ngày sau người ta thấy nhà phú ông có đám cưới, ấy là đám cưới của chàng trai lấy con gái chủ nhà mà anh đã thắng cuộc [1].

KHẢO DỊ

Truyện của ta với truyện *Không bao giờ biết giận* của dân tộc Nùng [2] và truyện *Kén rẽ* của dân tộc Cham-pa [3] gần như là một, chỉ có khác một vài chi tiết không quan trọng, ví dụ bên ta là vua, là phượng hoàng đất, thì bên Nùng, bên Cham-pa là quan, là chim lửa trời, hay bên ta là một gánh bồ hàng (không nói là hàng gì) còn bên Nùng là gánh bông, bên Cham-pa là gánh lúa, v.v...

Các truyện trên có nhiều dị bản ở các dân tộc. Trước hết là truyện của Pháp: *Jăng và Pi-e*.

Một người mẹ có hai đứa con. Pi-e là em đến ở trọ với một người, đòi một trăm đồng e-cu một năm. - "Được", chủ đáp, "nhưng nếu một trong hai chúng ta ai tỏ ra giận dữ điều gì thì sẽ bị đánh gãy lưng". Mới được tám ngày, chủ trọ cãi nhau. Pi-e tức giận, là chủ đánh đau đuôi về. Jăng nghe nói, bèn cũng đến ở và chịu nhận điều kiện trên. Chủ sai đánh xe đi chợ bán hạt cây. Hăn bán hết tất, cả xe lẫn ngựa rồi đưa tiền cho em. Anh hỏi chủ: - "Có giận không?" - "Giận gì cái vật ấy". Hôm khác, chủ sai đi chặt cây "sên" to nhất, cốt để cho anh không làm được thì phát cáu. Anh bán cả xe bốn ngựa rồi về tay không. Chủ hỏi, anh đáp: - "Xe để ở bìa rừng vì không chuyển cây ra được". Rồi hỏi: "Có giận tôi không?" - "Không".

Hôm khác, hai vợ chồng chủ ngồi ăn cơm không gọi anh ăn. Đang đập lúa, anh đem lúa bán lấy tiền, vào quán chén ngon lành. Chủ hỏi: - "Lúa để đâu?". Đáp: - "Ông không cho tôi ăn, tôi phải bán kiếm tiền đánh chén". Rồi hỏi: - "Có giận không?". - "Không".

Hôm khác chủ sai anh đi chăn lợn ở một cánh đồng có lão chẳng (ô-gơ-rơ),

cốt mượn tay lão ăn thịt hổ. Jăng mang theo một con chim sẻ, nên khi thi ném xa với lão, anh được cuộc. Hai người lại thi ăn. Trong khi ăn, Jăng lén cho thức ăn vào một cái túi đeo trước bụng. Ăn xong anh lấy dao rạch túi làm bộ rạch bao tử, thức ăn trào ra. Lão chẳng chịu thua, nhờ anh rạch hộ bao tử của mình như kiểu anh đã làm. Lão chết. Anh cắt tất cả đuôi lợn, đem lợn đi bán rồi cắm đuôi xuống bùn như một tình tiết trong truyện *Nói dối như Cuội* của ta (số **60**, tập **II**). Lúc về chủ hỏi: -"Lợn đâu?". Đáp: -"Chúng chui tất cả xuống bãi lầy, nhưng vẫn còn thấy đuôi". Chủ đi kéo đuôi lợn, dĩ nhiên bị tưng hửng. Anh hỏi chủ: -"Có giận không?". -"Không". Chủ lại sai anh đi chăn ngỗng. Anh bán mất một vài con, rồi về báo tin là có một con thú ăn mất ngỗng. Hỏi: -"Có giận không?". -"Không".

Hôm sau vợ chủ đòi đi rình. Anh nghe lỏm được, bèn bảo chủ cho mình mượn khẩu súng để rình bắn con thú đã ăn thịt ngỗng. Vợ chủ nấp trong bụi, anh cho một mồi ngà lẫn quay. Sau đó anh hỏi chủ: -"Có giận không?". -"Mày giết vợ tao sao tao lại không giận?". Anh bèn đánh chủ gãy lưng như đã giao ước.

Truyện này phổ biến gần như khắp châu Âu. Phần lớn đều thống nhất điều giao ước "không được giận", một số khác đổi rằng "không được tiếc rẻ". Còn về hình phạt thì hầu hết là lột da lưng, ở truyện của người Mô-ra-vi (Moravie) thì cắt mũi, ở người Đức và Bắc Pháp thì cắt tai, v.v...

Truyện của Ấn-độ phổ biến trong các dân tộc theo đạo Hồi:

Có hai anh em là Ha-lam-da-đa và Ha-ram-da-đa. Người anh đi làm công cho một lão chánh án (qua-di) với điều kiện: nếu anh tự tiện bỏ tôi, tôi cắt tai và mũi anh, và ngược lại, cũng thế. Còn thức ăn thì phải cho đầy mỗi lăm một ngày. Chủ sai anh đi chăn bò, dê, mỗi ngày cho ăn cơm đồ đầy một lá ta-ma-ranh (lá bé như lá đa). Anh kêu ăn ít quá không đủ sống. Chủ vin vào

điều giao ước, không giải quyết. Cuối cùng anh không chịu nổi, bỏ đi, bị chủ cắt tai và mũi. Đến lượt người em cũng đến xin làm công. Khi ăn, anh đưa ra một tàu lá chuối. Chủ không có lý do từ chối. Sau đó anh giết một con dê đãi bạn. Ngày hôm sau, anh bán luôn mười hai con dê, bốn con bò. Lúc về nói với chủ: - "Trời thương hại tôi cứu tôi thoát nạn". Chủ hỏi: - "Sao?". - "Một lũ chó sói mang đi bốn bò, mười hai dê, may tôi treo cây mới thoát".

Ngày hôm sau nữa, chủ sai cưỡi ngựa đi có việc. Anh bán luôn con ngựa, chỉ xin cái đuôi. Về nhà anh đút đuôi ngựa vào lỗ chuột rúc, lên kỹ. Sáng dậy anh kêu với chủ: - "Ô, ngựa bị chuột bắt mất rồi. Chỉ còn thò ra nửa cái đuôi". Chủ đến kéo dĩ nhiên đuôi bật ra. Anh kêu: - "Thôi! Thế là chuột ăn hết ngựa rồi!". Lão chánh án sạt nghiệp, phải cho anh về. Anh cắt mũi và tai lão theo giao ước.

Truyện của dân tộc Xa-ri-cô-li (Saricolic) ở Trung Á:

Một người cha sắp chết bảo ba đứa con chớ có đến gần một cái cối xay nọ, ở đó có một ông già chột sẽ ăn thịt. Cha chết, người anh cả không nghe lời, đến chỗ cối xay, ông già nhận nuôi làm con. Ông sai anh quét dọn chuồng lừa. "Nhưng, ông nói, ta có cái tật: nếu ai giận ta thì ta móc mắt, còn nếu ta giận ai, ta cũng cho người ấy làm như vậy". - "Vâng!". - Anh đáp. Hết ngày mà chưa dọn phân xong. Nản quá anh trở về chỗ cối xay ném dụng cụ xuống đất. Ông già hỏi: - "Anh giận ư?". - "Sao lại không? Ông bắt tôi làm quá cực". Ông già nhảy tới móc con mắt anh. Ít lâu sau, người em thứ hai lại đến. Sau khi anh này quét dọn xong, ông già bảo anh đi kiếm củi, nhưng lại bảo riêng con lừa rằng. - "Khi nào nó chất củi lên lưng thì mày nằm xuống". Lừa làm đúng như thế. Anh chàng bèn cắt một tai lừa. Tự nhiên lừa tỏ ra thuần hơn trước. Khi ông già thấy tai lừa bị cắt liền hỏi anh tại sao lại làm như thế. Anh hỏi lại: - "Lão có giận tôi chăng?". Ông già đáp: - "Ừ", anh bèn nhảy tới móc mắt lão và lão chết.

Truyện của người Xơ-ri Lan-ca (Sri Lanka):

Một tên chúa làng (ga-ma-ra-la) có cái tật hễ thấy ai thở dài thì tỏ ra ghê tởm. Khi hẵn thấy ai làm thế thì lập tức nhảy xổ vào người khốn nạn, cắt đứt mũi. Có một anh cả trong hai anh em đến làm việc với chúa làng này, và vì thế bị hẵn cắt mất mũi. Trở về, anh kể lại cho em nghe. Em là Hốc-ca quyết báo thù. Bèn vào xin làm đầy tớ cho lên chúa làng ấy. Từ đó anh chơi nhiều ngón khiến chủ hiểu rằng đây không phải là một kẻ vô lại, mà là một tên ranh mãnh. Nghĩ vậy, chủ buông tiếng thở dài. Hốc-ca đã rình sẵn bèn nhảy tới cắt mũi chủ.

Truyện của người Áp-ga-ni-xtăng (Afghanistan):

Một chàng trẻ tuổi đến làm việc cho một người với điều kiện: chủ phải cung cấp cho tớ một cày, một đôi bò. Về phía tớ thì phải hàng ngày gieo một giỏ hạt và kiếm củi cũng như thức ăn cho gia đình. Ai làm không đúng bị cắt mũi. Ngày hôm ấy, đầy tớ làm không tròn công việc bị chủ cắt mũi. Người anh về kể chuyện cho em nghe. Em lại đến xin làm việc, nhận những điều kiện đã nêu. Ra đồng, anh đổ hạt xuống đất, giết một bò và bẻ gãy cày. Lúc về nói là đã làm xong. Ngày thứ hai, người em cũng lại làm như thế. Đến ngày thứ ba, chủ không thể cung cấp hạt giống, cày và bò nữa nên lại bị anh cắt mất mũi [4].

Truyện của người Đun-gan:

Một bà mẹ có ba con trai. Người anh cả được mẹ cho đi học ở nhà một ông quan. Viên quan này giao hẹn với anh phải làm xong công việc nếu không thì bị giết. Hẵn đưa cho anh một cái rây bột bảo lấy rây ấy đi múc nước cho hẵn. Dĩ nhiên anh không thể nào hoàn thành phần việc được giao và bị hẵn

giết. Đến lượt người con thứ hai của bà mẹ lại đến học và chịu chung số phận. Biết được chuyện này, người con út quyết trả thù. Bèn tìm đến nhận điều kiện của viên quan. Anh lấy nhựa gắn đáy rây và múc được nước đưa về trước vẻ mặt kinh sợ của chủ. Thế là anh trả được món nợ: trước tiên anh giết đứa con của hắn, rồi đến hắn và vợ hắn. Đoạn chiếm tất cả gia sản rồi trở về [5].

-
- [1] *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập I; và lời kể của người Việt-trì.
- [2] Xem *Truyện cổ Tày - Nùng* của Hoàng Quyết, đã dẫn.
- [3] Xem *Truyện cổ Chăm*, sách đã dẫn.
- [4] Đều theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn
- [5] Theo Rip-tin (B. Riftine) và Kha-xa-nốp (M. Khassanov), sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
200. CÁI CHẾT CỦA BỐN ÔNG SƯ

Xưa có một người làm nghề kiếm mật ong và sáp nuôi thân. Hàng ngày ông ta đeo trên lưng một chiếc gùi [1], tay cầm cán có buộc bụi nhùi và giẻ đi vào rừng tìm tổ ong. Một hôm đang đi trên một con đường vắng, ông bỗng nghe ong kêu vù vù, ngẩng nhìn lên thì thấy một tổ ong mật. Mừng quá, bèn như thường lệ, ông đốt bụi nhùi rồi trèo lên cây đuổi ong đi để gỡ lấy sáp và mật. Nhưng tổ ong hôm ấy lớn quá, ông thu được một gùi đầy ắp nên không thể xuống được, vì cây vốn đã khó trèo, lại sợ không khéo đổ hết mật thì uổng. đành phải ngồi lại ở một cành chẽ ba, đợi có người đi qua nhờ họ giúp cho xuống. Đợi đến trưa, ông bỗng nhác thấy bóng một con voi sắp sửa đi tới, trên đầu có một thẳng nài. Người kiếm mật mừng quá, bèn nói lớn: - Anh nài ơi anh nài! Vì tôi lấy được nhiều mật và sáp mà cây lại khó xuống, anh hãy làm ơn đỡ tôi một tí, tôi sẽ chia cho một nửa về mà dùng.

Từ xa, anh nài đã nhìn thấy thế cheo leo của người kiếm mật, liền nghĩ ngay một cách giúp bèn đáp:

- Ông hãy leo nhanh ra phía ngoài nhánh cây, hai tay nắm lấy nhánh rồi buông thông chân xuống, tôi đứng ở lưng voi, tôi sẽ đỡ ông. Mau lên!

Nói đoạn anh nài bèn đứng dậy chuẩn bị tư thế chờ voi đến nơi để kịp thời đỡ người kiếm mật. Nhưng khi hai tay anh nài nắm lấy hai chân người kiếm mật, thì con voi tưởng là giục nó đi nhanh, bèn cứ thẳng đường rảo bước. Thành thử nài ta hổng chân, đã không đỡ được người kiếm mật mà lại đu người vào chân ông ta. Về phía người kiếm mật đã đeo một gùi nặng sau lưng lại đeo thêm một khối nặng ở dưới chân, bên cầu nhàu:

- Ối! Anh hãy buông tôi ra mau, không có nhánh cây mà gãy, cả hai rơi xuống gãy cổ chết hết bây giờ.

Nài ta cũng nổi xung nhưng nén giận, nói:

- Buông sao được! Buông thì què mất còn gì. Tôi không ngờ vì ông mà phải thế này. Thôi ông hãy níu cho chắc đừng có buông mà chết cả đôi.

Thế là cả hai rên rỉ trên cây cao, riêng nài ta vẫn bám chặt vào hai chân người kiếm mật.

May sao, chỉ chừng giập bã trầu, bỗng có bốn ông sư đi làm đám về qua đó. Thấy họ, hai người mừng rỡ như gặp cứu tinh, bèn nói chỗ xuống:

- Bạch các thầy, xin các thầy hãy thương lấy chúng tôi. Cứu được một người phúc đẳng hà sa. Có sếp đây gửi đây, chúng tôi xin dâng tất cả để cúng Phật.

Bốn nhà tu hành "phát bồ đề tâm", vội nghĩ cách cứu hai người bị cảnh nguy cấp. Họ đều bối rối không biết tính thế nào. Sau cùng có một người hiến kế giở tấm vải bọc quyển kinh ra, buộc mỗi góc tấm vải vào cổ một người, và ai nấy đều đứng ưỡn cổ ra phía sau, thủ thế dưới chỗ nhánh cây cho hai người kia nhảy xuống đúng vào giữa tấm vải.

Như vậy dù vải có rách thì cũng không làm cho họ đau đớn, ít nhất là khỏi chết oan mạng. Nghe nói, cả ba vị sư kia đều lấy làm phải, và họ bắt tay vào làm ngay. Xong, họ ra hiệu. Trên cây cả hai người buông tay rơi trúng đích, lăn vào lòng tấm vải. Nhưng thật là bất ngờ. Vì quá nặng, nên bốn cái

đầu trượt va vào nhau quá mạnh, chết ngay tại chỗ, không kịp la. Hai người kia thấy vậy, nghĩ đến gông cùm đang chờ mình ở công đường, nên không ai bảo ai, trốn ngay tấp lự.

Gần chỗ xảy ra tai nạn không xa, có một cái quán bán rượu. Chủ quán là một người đàn bà, nhưng hôm ấy lại đi vắng, mãi đến quá trưa mới về. Thấy có bốn cái xác sư ông chết ở gần quán của mình, thì hồn vía mù lên mây, không phải vì sợ hồn ma quấy phá, mà sợ rồi đây quan nha lính tráng hương chức làm tình làm tội, khó lòng sống nổi. Nghĩ vậy mù quán đem hết can đảm và sức lực lần lượt lôi bốn cái xác kia về phía sau quán để tìm cách chôn đi cho biệt tích.

Khi mù kéo xong cái xác thứ tư thì ngoài cửa bỗng có một người đi vào. Mù quán xanh mắt tưởng việc của mình đã bại lộ. Vừa lộ mặt ra nhìn, mù mới biết đó là một lão sãi [2], khách hàng quen thuộc vẫn hay đến quán mù để thỉnh thoảng làm vài chén ấm bụng. Chợt nghĩ ra được một kế, mù quán ân cần rót cho khách một chén rượu ngon, rồi làm bộ rầu rĩ, nói:

- Tôi vô phúc có một đứa cháu trai mấy lâu đi ở với người ta, rồi nó mang bệnh trở về. Tôi đã cạo đầu cho nó để may ra nhờ Phật tổ tế độ cho khỏi tiền oan nghiệp chướng, không ngờ ngày hôm qua nó nhiễm gió độc mà chết. Tôi già cả chẳng biết tính liệu làm sao, thật là cơ khổ.

Sãi ta vốn quen nghề chôn cất thuê, liền đáp ngay:

- Khó gì việc ấy. Chỉ một vài nhát thuổng là xong, tôi sẽ giúp cho mù. Còn công xá thì mù cho tôi vài bầu rượu là đủ.

Mù quán không từ chối tấm nhiệt tình của sãi, bèn nói:

- Lão cứ giúp tôi chu tất, rồi muốn uống bao nhiêu cứ đến đây mà uống, tôi có tiếc gì.

- Thế thì mượn cho tôi một cái cuốc, một cái thuổng, chập tối tôi sẽ đến.

Chập tối lão sãi đến rất đúng hẹn. Mụ quán đã lấy chiếu bọc cái xác thứ nhất bó thành một bó. Lão vác lên vai rồi cầm cuốc thuổng dò dẫm đi lên cồn hoang quen thuộc sau khi phải qua một cái cầu tre gập ghềnh.

Nhưng khi lão chôn xong, vừa về quán đã thấy mụ quán đang ngồi khóc trước một bó chiếu đặt giữa quán. Lão chưng hửng:

- Lạ chưa, lại còn xác nào đây?

Mụ mếu máo nói:

- Lão chưa biết, cháu nó vốn mồ côi cha mẹ nên rất mến tôi. Hồi nó đi ở, tôi phải la mắng năm hồi bảy chập, nó mới chịu ra đi. Nay nó chết oan, không nỡ bỏ tôi, lại tìm cách lộn trở về. Ôi cháu ơi là cháu?

Lão sãi sờ vào đầu quả thấy cái đầu trọc, thì tỏ vẻ tin, nói:

- Lạ quá! Thôi được, tôi sẽ mang đi xa hơn và đào sâu hơn, coi thử nó có về được nữa hay không?

Thế rồi cầm bát rượu của mụ quán trao cho, lão làm một tợp rồi vác bó chiếu cắm cổ ra đi.

Nhưng lúc lão ta về quán lần thứ hai thì lại đã thấy một bó chiếu đặt nằm giữa quán như trước. Lão không còn hiểu thế nào nữa, hỏi dồn:

- Lạ chưa. Nó vẫn còn về sao?

Mụ trả lời nước mắt giàn giụa:

- Tôi đã dọn rồi, không đào sâu chôn chặt thì nó còn làm khổ cả tôi và ông. Cháu tôi thiêng lắm.

- Thôi được, lần này tôi chôn thì không thể nào về được nữa.

Nói rồi lão lại vác bó chiếu lên vai ra đi. Nhưng lần thứ ba trở về lão lại thấy lù lù giữa quán một bó chiếu như cũ. Lão dụi mắt nhìn cho rõ. Vẫn cái đầu trọc lấp ló trong chiếu.

Lần này mụ quán làm mặt giận, nói:

- Tôi tưởng lão đã quen với việc đó, có ngờ đâu cứ để nó lộn về mãi thế này. Thật là cháu tôi làm tội làm tình lão mà rồi đêm nay nó còn làm phiền tôi đến đâu.

Sãi ta tuy bực hết sức nhưng cũng dịu giọng:

- Cả đời tôi chôn biết bao nhiêu là xác rồi, chưa bao giờ tôi thấy lạ lùng như hôm nay. Thôi mụ bớt giận. Để tôi chôn lần nữa coi. Nếu nó còn về thì tôi thề không làm cái nghề này nữa.

Nói rồi lão lại vác bó chiếu đi. Đến một nơi xa, lão đào lỗ sâu quá đầu người rồi mới bỏ bó chiếu xuống, lại nện đất thật chặt mới ra về.

Khi lão về đến cầu, tuy đêm hôm tối tăm, lão vẫn nhận ra một cái bóng như bóng người đang ngồi xồm ở mép cầu. Tiến lại gần: lão đã nhìn thấy thấp thoáng một cái đầu trọc. Lão chép miệng: - "Chết thật. Cả đêm nay, tao những khổ sở về mày. Mày có quyến luyện bác mày cũng phải nể tao với chứ. Tao đã vì mày đào sâu chôn chặt đến bốn lần rồi, vậy mà bây giờ mày còn định làm tội làm tình như thế nào nữa?". Số là người ngồi ở cầu vốn là một chú tiểu đêm khuya ra ngồi phóng uế, không ngờ lại nhằm vào lúc lão sãi vừa chôn cái xác thứ tư trở về. Thấy có người tới, tiểu ta vội đứng dậy định đi, nhưng lão sãi đã cho một đạp lộn cổ xuống sông, vừa đạp lão vừa nói:

- Tao mệt lắm rồi, thôi lần này cho mày xuống thủy phủ đi thôi [3].

KHẢO DỊ

Cũng ở miền Nam, truyện này còn có một dị bản *Bốn anh thầy chùa đi làm đám*, kể như sau:

Có bốn thầy chùa và một hòa thượng (thầy cả) đi làm đám. Chủ dọn cơm, cả năm từ chối không ăn, cốt để lấy tiền. Về dọc đường bụng đói, thấy có cây dừa có quả, bèn bàn nhau bẻ trộm đưa về ăn. Thầy cả nói: - "Chúng ta là

kẻ tu hành, dữa quăng xuống thành thành làm động đất, người ta mà biết thì xấu hổ". Cũng như truyện trên, hăn nghĩ cách quăng dữa xuống không có tiếng động bằng cách cho bốn thầy nằm bốn chéo một tấm chăn, để mình leo lên hái, ném vào chăn. Không ngờ thầy cả tham lam, hái một lúc cả buồng nặng quá. Khi thả xuống, chăn kéo mạnh, bốn người va đầu vào nhau, chết cả. Thầy cả thất kinh chạy nhanh về chùa. Thấy một tên trộm đang rình, thầy bảo hăn đừng ăn trộm, thầy sẽ thuê chôn một thầy chùa "mắc dịch" với số tiền một trăm quan, nhưng cũng dặn chôn kỹ kéo nó về. Tên trộm nhận lời, và cũng như lão sãi trong truyện trên, mắc lừa thầy cả, mất công đến bốn lần. Nhưng ở đây lần thứ tư, tên trộm không chôn nữa mà ném xác xuống sông. Tiếng động làm cho một người hủi trọc đầu ngồi ở cầu giạt mình ngã lộn cổ xuống sông. Hăn vội bơi vào bờ, nhưng tên trộm lại tưởng đó là xác thầy chùa lộn trở về liền chạy xuống bờ đập đầu hăn xuống nước, và nói: -"Mày còn hành tội tao nữa hay thôi" [4].

Mô-típ trên đây cũng phổ biến trong truyện của một số dân tộc, trong đó có truyện của Chăm-pu-chia là gần với truyện của ta hơn cả. Truyện này khá dài, gồm nhiều truyện nhỏ mang chất hài hước từng được in trên báo phát hành ở Phnôm-pênh. Đoạn kể dưới đây là phần cuối:

Có bốn người tuổi già đầu hói, chưa vợ, may được một bà già thuận làm vợ cả bốn. Nhưng vì bị vợ bắt phải làm việc quá mệt nên rủ nhau đi tìm một nô lệ. Họ gặp một anh đàn rổ giỏi, nhưng giấu nghề, đem lên cây cọ ngồi đan chằng may trượt chân rơi, nhờ nắm được một tàu lá, rồi lại nhờ một thằng nài cứu, nhưng cũng như truyện của ta, vì voi đi nhanh nên cuối cùng cả hai ở trong tư thế thằng nài ôm lấy chân anh đàn rổ, anh đàn rổ bám lưng lẳng vào một tàu lá (Xem Khảo dị truyện số 196). Để cứu hai người kia, ở đây bốn người này lấy khố quần vào cổ, mỗi người cố ưỡn về phía sau, và kết quả cả bốn đều chết một lúc. Thấy họ chết, hai người kia đi báo cho bà già vợ chung của họ biết. Người này cũng bí mật kéo xác về, thuê một người làm nghề thiêu xác (chứ không phải chôn xác) thiêu giúp, và cũng

thêu thiêu một xác, nhưng lại lần lượt đưa ra đến bốn xác, nói dối là: - "Ông thiêu thế nào mà chồng tôi đã về đây rồi. Ông không nhớ tôi đã nói với ông là chồng tôi thương tôi lắm sao". Người kia sau khi thiêu đến lần thứ tư, về dọc đường gặp một người làm nghề đốt than trở về. Tưởng là xác chết lại lộn về lại, người thiêu xác bảo: - "Mày thật là đồ ác nghiệt, tao đã phải đốt đến lần thứ tư, thế mà bây giờ mày lại dẫn xác về đây rồi". Nói xong hăn ôm lấy người đốt than. Lão này chống lại, nhưng sức yếu, cuối cùng bị hăn đánh chết ném vào lửa [5].

Dị bản này ở người Thái-lan là truyện *Nhà sư già muốn lấy vợ*.

Một nhà sư leo lên cây, hụt tay rơi xuống, may bám được một cành lá thốt nốt treo lơ lửng. Nhờ bốn người tu hành khác đi qua giúp cho xuống bằng cung cách mà họ tưởng là an toàn, như các truyện trên. Kết quả cũng thế, bốn cái đầu va vào nhau chết cả. Trong khi nhà sư bỏ trốn, thì một người đàn bà nhà ở gần đấy sợ bị va lây bèn đi tìm một sư già nhờ đốt xác hộ. Sư già chỉ bằng lòng với điều kiện là chị ta phải lấy mình sau khi mình hoàn tục. Chị này vốn chẳng thích lấy sư già nhưng không có cách nào khác, đành phải nhận.

Cũng như truyện trên, sư già phải đốt đến bốn lần. Lần thứ tư, hăn bực mình, chặt đứt đầu cái xác mà đốt. Vừa lúc ấy có một nhà tu hành khác đi đường bị bọn cướp chém phải đầu, vùng thoát được, chạy đến định nhờ sư già băng bó. Không ngờ sư già lại tưởng là ma sống lại, bèn nắm lấy hăn ném vào lửa, nhưng hăn còn khỏe, vùng chống lại và cuối cùng cả hai đều chết trong lửa. Thấy vậy người đàn bà yên lòng vì chị ta rất không muốn kết duyên với sư già [6].

Dị bản ở người Lào cũng gần như truyện của Thái-lan:

Có bốn chàng trai đầu hói. Họ gặp hai chị em, cả bốn anh đều thích cô em. Vì bốn anh em giống nhau như đúc nên cô em nhầm, thành ra tặng tịu với cả bốn. Cô chị ghen tức, một hôm bỏ thuốc độc trộn vào cơm dọn cho ăn làm cả bốn người cùng chết một lúc. Hoảng sợ, cô nhờ một người phu thiêu xác giúp đỡ. Nhưng cũng như các truyện trên, cô chị lúc đầu đưa ra một cái xác thuê một số tiền là hai mươi бат và dặn phải đốt kỹ kéo ma lại lộn về. Thế rồi, khi người phu thiêu xong cái xác thứ nhất, cô lại đẩy ra cái xác thứ hai, và cứ thế lần lượt đẩyra đến cái xác thứ tư. Người phu thiêu bực mình sẵn, khi đốt xong xác thứ tư, gặp một người đầu trọc đi qua. - "Mày đi đâu?", hăn hỏi. Người kia đáp: - "Đi chợ" - "Đừng hòng nói dối. Tao đốt mày bốn lần rồi mà mày còn cứ về quấy mãi". Cũng như truyện vừa kể, hăn nói rồi bèn kéo người kia vào đồng lửa, nhưng ychống lại kịch liệt, cuối cùng cả hai đều chết [7].

Người Lào còn có một truyện *Bốn nhà sư*, nhưng lại thuộc nhóm truyện phân xử, có kết thúc khác với truyện vừa kể:

Một người treo cây xoài hái quả, mất thang bằng bị ngã, cũng níu được một nhánh treo tòn ten trên đường đi. Cũng có một người nài cười voi đi qua. Người kia xin giúp, hứa trả một trăm đồng vàng. Nài ta cũng đứng dậy giơ tay đỡ, nhưng voi cứ trốn voi đi, làm cho nài phải nắm lấy chân người kia và cả hai đành treo tòn ten. Sau đó thấy một người thợ săn đi qua, nài ta xin biếu một trăm đồng vàng nhờ cứu hộ. Người thợ săn cuối cùng giúp được hai gã khỏi nguy, không có chuyện chết chóc như các truyện trên.

Nhưng tiếp đến là một cuộc cãi lộn nổ ra giữa hai người về số tiền đã hứa. Việc đưa lên vua Muyn-la Tan-tai. Vua xử cho người nài phải trả hai phần ba số tiền với lý do là chẳng những nó phải hàm ơn người thợ săn mà còn hàm ơn người hái xoài vì nếu không cơ hai cánh tay lực sĩ của người sau thì nó không tránh khỏi chết [8].

Người Đức có một truyện ngụ ngôn cũng tương tự với các truyện trên:

Một người đàn bà có chồng giúp, lần lượt tổng khứ được ba thầy tu hồ mang bằng cách đẩy chúng vào thùng nước sôi. Người chồng thuê một người học trò say rượu ném hộp xác xuống sông. Cũng như các truyện trên, thuê thì một xác, nhưng lại đưa ra đến ba, cũng nói dối là ma lộn trở về, lại làm bộ mắng sao không làm chu đáo. Quảng đến lần thứ ba, người học trò thấy một tu sĩ đi chơi, tưởng là ma lại trở về nữa, bèn ôm lấy tu sĩ vớt nốt xuống sông.

Một loạt chuyện sau đây tuy có khác nội dung, nhưng cũng cùng một loại với các truyện đã kể. Truyện của Pháp: *Jăng nghèo và Jăng giàu*:

Một bà già có hai con trai, bao nhiêu của nả bà ta cho người con thứ tất (Jăng giàu), còn con đầu lòng đã có vợ con thì không được gì (Jăng nghèo). Người anh thường bảo em: - "Thế là mày ăn trộm của tao, nhưng rồi tao sẽ lấy lại". Một hôm mẹ ốm, em mời anh đến nhà. Người anh cho mẹ mình ăn một thứ bánh để đã bảy năm. Mẹ chết. Người anh bảo em mặc quần áo đeo trang sức vào xác cho đẹp và đưa chôn. Đêm lại, anh lại đào lên mang đến nhà em đặt ở máng ngựa. Sáng dậy, người em thấy thế sợ quá, gọi anh đến nhờ chôn. Anh đòi phải nhiều tiền. Đêm, anh lại mang xác mẹ đặt trên tường nhà của một nam tước gần cây táo, lại đặt một quả táo ở bên cạnh. Nam tước dậy tưởng là ăn trộm liền đẩy xuống khỏi tường. Khi thấy xác chết sợ quá, mời Jăng nghèo tới nhờ chôn hộ. Hăn đòi phải có tám chục nghìn quan. Chờ tối, hăn lại mang xác tới nhà một tu sĩ, gọi nhỏ bằng một giọng thâm trầm: - "Hồi lỗi đi tu sĩ, hồi lỗi vì Chúa". Tu sĩ dậy thấy xác, khẩn khoản thuê Jăng nghèo mười bảy nghìn quan, nhờ chôn. Hăn ta lại mua một con lừa cột xác mẹ lên lưng với tư thế đang ngồi và dắt lừa đi chợ. Đến chợ, hăn để lừa đi tự do, lừa giẫm phải hàng đồ gốm. Lão hàng gốm ném

một hòn đá, cái xác ngã lăn ra. Jǎng nghèo bắt vạ, lại được một mẻ tiền nữa.

Truyện của người Ê-cốt-xơ (Écosse):

Có hai anh em: anh thì giàu có, còn em nghèo xác xơ. Nhà người em có người đầy tớ mưu trí. Trong nhà chỉ toàn ăn lương khô, người đầy tớ bảo tội gì mà không đi ăn trộm con bò cái của người anh. Người anh mất bò, không bắt được quả tang, bèn cho mẹ vợ nằm vào một thùng kín có khoét lỗ thở, đoạn giả bộ gửi thùng ở nhà em, kỳ thực là để nghe ngóng xem có phải em ăn trộm con bò của mình không. Đầy tớ biết là trong thùng có người, bèn lấy miếng pho-mát nút lỗ lại. Khi người anh đem thùng về, thấy mẹ vợ đã chết, bèn đưa đi chôn. Đêm lại đầy tớ đào lên lấy vải khâm liệm, rồi đặt xác trong nhà người anh cho ngồi gần lò sưởi, que còi lửa đặt ở đầu gối. Sáng dậy, người anh hoảng sợ, phải đi kiểm em nhờ chôn hộ. Em đòi tiền công cao mới chôn.

Lần thứ hai, đầy tớ lại đào lấy xác cho đứng ở bàn. Rồi lại đến lượt đào lên đặt ở chuồng ngựa, buộc xác lên lưng ngựa con. Mỗi lần như thế, người anh lại phải nhờ em chôn, muốn lấy bao nhiêu tiền công cũng trả. Sau người em trở nên giàu bằng anh.

Cũng như truyện vừa kể, ở truyện của người Xu-áp-bơ cũng có tình tiết:

Một mục sư cho mẹ vợ nằm trong thùng kín để dò la con lợn bị mất, vì ngờ cho người giữ đồ thánh ăn trộm của mình. Người này biết việc đó bèn đốt một miếng lưu huỳnh, người đàn bà nằm trong thùng bị ngạt mà chết. Mục sư sợ người tacho là mình tiếc của (vì lúc bà nhạc ốm không gọi thầy thuốc) nên khẩn khoản nhờ người giữ đồ thánh bí mật chôn hộ với một số tiền lớn. Người này lén mang xác đặt ở kho lúa của mục sư. Sáng dậy, mục

sư trông thấy kinh hoàng, cho là bà mẹ vợ mình vốn là một tay phù thủy nên hay trở về. Lại nhờ hăn chôn lần thứ hai với số tiền một trăm đồng. Hăn mang xác vào rừng. Trong khi đi đường, gặp một người bán hàng rong đang ngủ, hăn lén bỏ xác vào thùng hàng. Tỉnh dậy, người bán hàng không ngờ gì cả cứ thế chở thùng thẳng đến cho khách hàng mà khách hàng hôm ấy lại là mục sư. Mục sư mở thùng lại thấy xác bà nhạc thì thất kinh, lại phải thuê hăn -người giữ đồ thánh -hai trăm đồng, và thêm hai trăm đồng nữa để hăn chôn thể nào cho đừng trở về.

Truyện của người Bồ-đào-nha (Portugal) phần nào giống với truyện của Pháp:

Có hai anh em trai, anh chiếm hết gia tài của bố mẹ để lại, em có nhiều con thì lại rất túng bấn. Một hôm một con bê của người anh rơi xuống rãnh. Mấy đứa con của người em làm thịt chén và cho bố ăn. Ở đây cũng có chuyện người nằm trong thùng kín như hai truyện vừa kể, nhưng không phải bà nhạc, mà là vợ của người anh. Khi mấy đứa con người em cao hứng kể lại chuyện bắt trộm con bê, mẹ đàn bà trong thùng nghe được không ngăn nổi cơn giận dữ. Nghe trong thùng có tiếng động, mấy đứa tưởng là chuột, bèn đổ nước sôi vào chỗ có lỗ vì không biết đó là lỗ thở. Mang thùng về thì vợ đã chết, người anh tưởng là bị Chúa Trời phạt vì đã nghi bậy cho em. Trước khi chôn, người ta đặt xác ở nhà thờ. Đêm lại, em tới lột hết đồ trang sức và đặt dựng đứng xác trên bàn thờ. Sáng dậy, mọi người trông thấy, khiếp đảm. Sau khi chôn xong, em lại đào lên lấy đồ trang sức một lần nữa, rồi bỏ vào trong một cái túi đựng lợn mà một bọn học trò đã dùng để ăn trộm một con lợn nhưng chưa đưa đi thoát. Bọn này khi mở túi để lấy lợn, thấy cái xác, liền dựng xác trước cửa một nhà nọ. Người nhà này tưởng là kẻ trộm, nên đánh thẳng tay. Thấy kẻ trộm ngã xuống mới biết là đã chết, hăn bèn cột xác lên lưng một con lừa.

Sau nhiều cuộc phiêu lưu nữa, cái xác lại tình cờ trở về nhà người anh, và

người này phải trả cho em phần tài sản đã chiếm đoạt để hy vọng vợ mình được Chúa tha tội không trở về nữa [9].

-
- [1]Gùi: đồ đựng của người miền núi đan bằng tre có dây đeo vai khi đi đường như kiểu mang "xắc" ngày nay.
- [2]Sãi chỉ những người làm một số nghề lao động nhất định, như chôn ma thuê, chèo đò, phục dịch nhà chùa, v.v...
- [3]Theo Lăng-đơ (Landes), sách đã dẫn và Jê-ni-bren (Génibrel). *Chuyện đời xưa mới in ra lần đầu hết*.
- [4]Theo Jê-ni-bren (Génibrel), như trên.
- [5]Theo Mác-ti-ni (Martini) và Béc-na (Bernard). *Truyện dân gian Cămpu-chia chưa hề in*.
- [6]Theo Pháp Á tạp chí.
- [7]Theo Bren-gơ (Brenques). *Truyện dân gian Lào*, trong *Tạp chí Đông-dương* số 1 (1904).
- [8]Theo BEFEO, tập XVII, số 5 (1917).
- [9]Đều theo Cô-xanh (Cosquin), sách đã dẫn.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
201. HAI BẢY MƯỜI BA

Ngày xưa, ở huyện Hà-đông thuộc tỉnh Quảng có hai vợ chồng nhà nọ, chồng quen thói lẩn lướt vợ, nhưng vợ cũng không phải tay vừa.

Một hôm nhà có giỗ. Người vợ nấu một nồi chè để cúng. Chè nấu xong, vợ lần lượt múc vào bát. Nhưng vì mâm ở bếp còn bận, nên vợ cứ hai tay hai bát bưng lên cho chồng bày lên bàn thờ. Cứ như thế, vợ lần lượt bưng đến bảy chuyến mới hết. Vợ lẩm bẩm một mình: - "Bảy chuyến vị chi là mười bốn bát".

Chồng xếp tới xếp lui mấy bát chè vào lòng mâm trên bàn thờ. Cuối cùng thấy thừa một bát, xếp gọn thế nào cũng không để lọt. Bụng bảo dạ: - "Chẳng lẽ lại đặt nó lẻ loi ra ngoài mâm. Thôi, sẵn dịp vắng vẻ không có ai, ta hãy ném thử, chắc vợ mình cũng chẳng đếm đâu mà biết". Nghĩ vậy nhân lúc vợ còn loay hoay sau nhà, chồng bèn lấy bát chè thừa đưa ra sau bàn thờ húp lấy húp để. Húp xong, hẩn ra bể cạn rửa, rồi đi vào bếp úp cái bát sạch vào rổ. Đoạn trở lên nhà trên làm nốt công việc khác.

Đến chùng cúng xong, bưng mâm chè xuống, người vợ ngẩn ra khi thấy đếm đi đếm lại mấy lần vẫn cứ thiếu một bát chè. Vợ tự hỏi: - "Quái, chắc là chồng ta ăn, hay là trong khi xếp làm đổ mất một. Ta phải tìm cho ra lẽ mới được". Nghĩ vậy vợ bèn hỏi chồng:

- Tại sao lại thiếu một bát chè?

Chồng làm ra vệtự nhiên:

- Ủa, mình bưng lên bao nhiêu thì tôi bày ra bấy nhiêu đó.

Vợ phân trần:

- Tôi bưng lên cả thấy là bảy lần, mỗi lần hai bát, hai bảy mươi bốn. Đầu đuôi là thế. Tại sao bây giờ chỉ còn mười ba?

Chồng không ngờ vợ đã có đếm hần hoi, nhưng chẳng lẽ bây giờ lại nhận là mình ăn thì đâm ngượng. - "Nhận mình ăn cũng chẳng sao, nhưng có nhận thì nhận ngay từ đầu, để đến bây giờ đã muộn". Bèn làm mặt giận:

- Tôi biết đâu đấy. Hay là mình nghi cho tôi ăn chẳng?

Vợ không nhịn được:

- Còn gì nữa. Trong nhà lúc ấy chỉ có tôi với mình, con thì đi vắng. Vậy chẳng lẽ ai vào đây mà nuốt mất bát chè.

Đến đây chồng đỏ mặt tía tai, sừng sộ:

- Mà bảo tao ăn thì tang chứng đâu? À quân này láo!

Nói rồi chồng sẵn lại. Vợ không xuống nước, nhất quyết đồ riệt cho chồng ăn vụng. Thế là một cuộc xô xát xảy ra giữa hai người, đi liền theo là mâm bát đổ vỡ, bàn ghế xiêu vẹo. Bữa giỗ vì thế không những mất ngon mà còn thiệt hại cả đơn lẫn kép.

*

* *

Thấy mình nắm chắc phần đúng trong tay, không ngờ kết quả lại đến thế, người vợ vừa đau thân vừa giận đời, bèn phát đơn kiện lên quan.

Biết vậy, người chồng từ chỗ hung hăng chuyển sang lo lắng. Hắn nghĩ bụng: - "Nếu nó làm ra chuyện thì chuyện này không những xấu hổ với bà con làng xóm mà rồi đây còn khó ăn khó nói với con cái trong nhà!". Hắn bèn mang lễ vật lên lo lót quan, xin quan gỡ cho để khỏi "mất mặt". Nhìn món lễ vật hậu hĩ, quan gật gù:

- Được được, ta sẽ lo cho êm thấm.

Hôm ra trước công đường, sau khi nghe nguyên cáo trình bày, quan phán:

- Giỗ là giỗ ông bà nhà nó, không lẽ nó lại thất lễ với ông bà. Hơn nữa hai bảy không nhất thiết là mười bốn, cũng có khi hai bảy mười ba kia đấy. Nay, hãy ngược mắt nhìn những đường đòn tay trên mái công đường mà xem. Mái trước bảy đường, mái sau cũng bảy đường. Vậy mà hai bảy chỉ có mười ba thôi. Đó, cả vợ lẫn chồng hãy mở to con mắt thử đếm xem có đích là hai bảy mười ba không?

Vợ chồng cùng ngửa mặt lên nhìn. Chồng chịu là quan có tài. Nhưng vợ thì còn muốn cãi lại. Quan đập bàn phán tiếp:

- Thánh nhân có nói: "Phu xướng phụ tùy". Vợ chồng chúng bay hãy dẫn nhau về ăn ở hòa thuận, đừng có bày điều kiện tụng làm cho thiên hạ chê cười. Lần này ta tha cho, lần sau tái phạm ta sẽ phạt nặng.

Nói rồi thét lính đuổi cả vợ lẫn chồng ra khỏi công đường.

Khi họ về đến nhà, bà con xóm giềng tới hỏi thăm. Giữa lúc người chồng hoa chân múa tay có vẻ thích chí, thì người vợ than:

Nực cười ông huyện Hà-đông,

Xử vị lòng chồng hai bảy mươi ba.

Không nghe tan cửa hại nhà,

Nghe thì hai bảy mươi ba cực lòng [1].

Người ta còn nói câu tục ngữ: "Cha mẹ nói oan, quan nói hiếp, chồng có nghiệp nói thừa" là do truyện trên mà ra.

KHẢO DỊ

Một dị bản khác cũng kể như trên, duy ví dụ của quan về hai bảy mươi ba không phải là những đường đòn tay của hai mái công đường mà là con số đếm được từ tháng Bảy này cho đến tháng Bảy khác. "Đây này", quan nói, "ta tính cho nghe: tháng Bảy, tháng Tám, tháng Chín, tháng Mười, tháng Một, tháng Chạp, tháng Giêng, tháng Hai, tháng Ba, tháng Tư, tháng Năm,

tháng Sáu, tháng Bảy. Đó chúng mày tính lại xem có phải hai lần bảy là *mười ba* không [2].?".

-
- [1] Theo lời kể của người Quảng-nam.
[2] Theo *Bách khoa*, số 357 (1971).

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
PHẦN THỨ BA
NHẬN ĐỊNH TỔNG QUÁT
VỀ KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

Chúng tôi tạm kết thúc công việc dẫn dắt bạn đọc đi thăm kho tàng truyện cổ tích Việt-nam, một bộ phận quan trọng của những sáng tác tự sự truyền thống nói riêng và của nền văn hóa dân gian nói chung.

Tuy gọi là kho tàng, nhưng thật tình đây chưa phải là toàn tập truyện cổ tích Việt-nam - thực tế chưa ai dám tự cho mình là người nắm được tất cả - mà chỉ mới là một phần nào đó, phần tiêu biểu nhất, đã được chọn lọc và ổn định qua thời gian và nổi lên như một dòng chủ lưu trong đời sống truyện kể luôn luôn biến hóa sinh động của văn học dân gian dân tộc qua mười thế kỷ. Phần lớn những truyện tiêu biểu này đã được nhiều thế hệ nhà văn tiếp nhận và ghi lại trong sách vở. Dĩ nhiên đa số trong kho tàng sưu tập của chúng ta là những truyện lành mạnh, hay nói đúng hơn sự phát triển của cốt truyện, nhân vật, tình tiết... của chúng không quá đối nghịch với tâm lý, đạo đức con người cận hiện đại, vì để đến được với chúng ta, chúng đã phải lọc qua rất nhiều màng lọc những hệ quy chiếu đạo đức và thẩm mỹ của nhiều thời đại. Tuy nhiên, để bạn đọc nhìn nhận một cách đầy đủ toàn bộ diện mạo và cấu trúc truyện cổ tích Việt-nam, chúng tôi cũng không bỏ qua một số truyện mà sự sàng lọc nói trên vẫn chưa mài nhẵn hết những góc cạnh gồ ghề nguyên thủy; đó là những truyện cổ tích mà ta thường xem là có khiếm khuyết mặt này mặt khác, hoặc có kết cấu khác thường.

Nói chung, những hiện vật - truyện cổ tích - bày ở kho tàng này là do quần chúng nhân dân các đời sáng tạo, gọt giũa, hoàn chỉnh. Những truyện ấy có thể xuất hiện gần ta hơn, vào đầu thời kỳ cận đại, nhưng cũng có thứ chắc chắn đã ra đời và tồn tại từ hàng nghìn năm nay.

Nếu văn chương bao giờ cũng có mối liên hệ mật thiết với cuộc sống vật chất, tinh thần của mỗi một thời kỳ lịch sử thì kho tàng" này sẽ là những nguồn tài liệu quý báu giúp chúng ta hình dung một cách cụ thể con đường riêng biệt mà cộng đồng người Việt đã tự vạch cho mình, trên quá trình vật lộn gian nan để tồn tại và phát triển, giữa một thế giới có vô số tộc người, với muôn nghìn số phận khác nhau, kể từ khởi thủy cho đến sát trước thế kỷ XX. Vì thế, ngoài lĩnh vực phôn-clo (folklore) chúng còn góp phần vào việc nghiên cứu nhiều bình diện của quá khứ dân tộc, nhất là về dân tộc học và xã hội học lịch sử. Ngay trong lĩnh vực phôn-clo (folklore) thì đây cũng là một nguồn tư liệu vô giá, có khả năng làm sống lại diện mạo tổng hợp của một kiểu thức sinh hoạt văn hóa dân gian, trong đó nghệ thuật ứng tác, trần thuật được đan chéo, hỗn hợp với các hình thức biểu hiện của tín ngưỡng, tôn giáo, tâm lý, phong tục,... và chúng làm thành một hợp lực, chi phối hứng thú thẩm mỹ, sức sáng tạo của tư duy, để rồi cùng với tiến trình lâu dài của lịch sử dân tộc, sẽ hình thành nên *bản sắc nghệ thuật truyện kể* của loại hình truyện cổ tích Việt-nam. Xác định cho được bản sắc này là mục tiêu cao nhất của giới cổ tích học dân tộc trước nay.

Lẽ tự nhiên nói đến nghệ thuật truyện cổ tích là bàn tới một vấn đề không đơn giản. Vì việc tiếp cận nghệ thuật một loại hình sáng tác nào bao giờ cũng phải xuất phát từ ngôn bản, mà ngôn bản truyện cổ tích cũng như văn học tự sự dân gian nói chung, do tính chất truyền miệng của chúng lại *không cố định* như văn học thành văn. Có hai chiều hướng biến hóa cần tính tới khi khảo sát nghệ thuật của thể loại này:

1. Sự biến đổi lâu dài trong quá trình lịch sử, do môi trường sinh hoạt, quan hệ xã hội, và tín ngưỡng, phong tục, tập quán đổi thay. Những biến đổi về mặt này chắc chắn đã làm thay đổi diện mạo truyện cổ tích khá sâu sắc kể từ hình thức bề ngoài của các mô-típ, cho đến tình tiết, sự kiện và nhân vật của câu chuyện. Nhưng ngày nay muốn khôi phục lại diện mạo ban đầu để truy tìm xuất xứ của số lớn các truyện trong kho tàng truyện của chúng ta là điều không dễ, bởi chúng đã bị biến đổi không phải chỉ một lần. Nhiều "lớp áo" khác nhau đã khoác lên chúng ở nhiều thời đại khác nhau, và lâu dần đã trở thành những thành tố "nội tại".

2. Sự biến đổi do phong cách của người kể chuyện và tập quán của từng vùng, kể cả do giao lưu văn học giữa nước này và nước khác. Những biến đổi theo chiều hướng thứ hai này tuy cũng không phải không sâu sắc nhưng thường ít khi ảnh hưởng đến cốt truyện và các mô-típ cơ bản, chỉ thêm bớt tình tiết hoặc thay đổi ngoại hình nhân vật trong từng truyện theo hướng *dân tộc hóa* và *bản địa hóa* mà thôi; và bằng phương pháp so sánh cũng giúp ta sớm nhận ra sự thêm bớt co giãn giữa vùng này và vùng kia, dân tộc này và dân tộc kia, người kể này và người kể kia.

Như vậy, tựu trung, có thể xác nhận tính ổn định tương đối của văn bản nghệ thuật truyện cổ tích ở từng thời kỳ khi *xem xét hai thành tố cốt truyện và mô-típ của từng truyện cụ thể*. Đó là những thành tố tạm gọi là *bất biến*. Trái lại, cũng có thể khảo sát sự vận động của văn bản nghệ thuật truyện cổ

tích qua việc so sánh tình tiết và cách kết hợp mô-típ này với mô-típ nọ ở từng loại cốt truyện. Đó là những thành tố tạm gọi là *khả biến*. Đặc điểm nghệ thuật truyện cổ tích của từng dân tộc tùy thuộc chủ yếu vào cái bất biến, và cũng tùy thuộc cả ở cách kết hợp giữa cái bất biến và cái khả biến hoặc *chuyển hóa từ cái khả biến thành cái bất biến* - sự kết hợp và chuyển hóa này chính là chỉ số nói lên tính cách, tâm lý, nét đặc thù trong tình cảm, tư tưởng của mỗi một dân tộc.

Bằng cách khảo sát như đã nói, mặt khác không cô lập việc nghiên cứu nội dung xã hội truyện cổ tích với việc nghiên cứu hình thức biểu hiện của nội dung ấy - hai thành tố này bao giờ cũng là hai mặt của một thể thống nhất, nhất là đối với thể loại tự sự truyền miệng, hình thức không gắn với nội dung thì càng dễ biến động - chúng tôi mong muốn gợi lên dưới đây một vài điểm ít nhiều có thể đặc trưng cho bản sắc nghệ thuật truyện cổ tích Việt-nam, nhằm giúp bạn đọc đi sâu thêm vào thế giới tâm hồn người Việt cổ truyền, cả mặt đặc sắc và mặt khiếm khuyết, cả về quan niệm nhân sinh lẫn quan niệm thẩm mỹ, đồng thời qua đó cũng thử tìm những ảnh hưởng do sự giao lưu đưa lại, tức là xem xét cội nguồn truyện cổ tích Việt-nam.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

IV. ĐẶC ĐIỂM CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

1. YẾU TỐ TƯỢNG TRƯNG TRONG LOẠI HÌNH TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM NÓI CHUNG ÍT XA LẠ VỚI NHÂN TÍNH; LOẠI TRUYỆN SINH HOẠT CHIẾM MỘT TỶ LỆ TƯƠNG ĐỐI CAO; LOẠI TRUYỆN THẦN KỲ, TRUYỆN LÀI VẬT, TRUYỆN PHIÊU LƯU MẠO HIỂM CHIẾM MỘT TỶ LỆ TƯƠNG ĐỐI THẤP.

Trước khi đề cập đến đặc điểm thứ nhất này cũng nên biết trong kho tàng truyện cổ tích Việt-nam, loại truyện thần kỳ không có nhiều, hay nói khác đi, yếu tố thần kỳ tuy vẫn có mặt trong kho tàng truyện cổ tích chúng ta, nhưng không đậm nét. Như ở *Phần thứ nhất* đã có trình bày, có thể chia truyện cổ tích Việt-nam thành ba loại (hay tiểu loại) [1]: 1) *tiểu loại thần kỳ* (hay hoang đường); 2) *tiểu loại thế sự* (hay sinh hoạt); 3) *tiểu loại lịch sử*. Từ những truyện sưu tầm được của bộ sách này (bao gồm cả truyện chính lẫn truyện phụ, nhưng không tính vào đó những truyện ngụ ngôn, khôi hài, tiểu lâm và những mẫu chuyện, v.v...), chúng tôi tạm làm thử một thống kê, cũng đã thấy:

1) Tiểu loại thần kỳ có 10%

2) Tiểu loại thế sự có 30%

3) Tiểu loại lịch sử có 18%

Ta sẽ thêm vào đó một tiểu loại nữa để bao quát được những truyện chủ yếu là thế sự nhưng có mang trong nó ít nhiều yếu tố thần kỳ [2] (hay hư ảo), thì tiểu loại này chiếm đến non nửa: 42%. Nếu cộng gộp cả hai tiểu loại thế sự và nửa thế sự thì rõ ràng chúng chiếm đến hai phần ba tổng số.

Như vậy, dù muốn hay không, cũng phải thừa nhận một thực tế: *không như kho truyện của nhiều dân tộc, truyện cổ tích thần kỳ của ta vẫn không nhiều.*

Tại sao ta lại có ít truyện thần kỳ?

1. Hẳn ai cũng biết những hình tượng quái đản, hoang đường mang đậm tính siêu nhiên vốn là đặc trưng sáng tác phổ biến của một thời kỳ tối cổ trong lịch sử. Con người lúc đó bị muôn nghìn nỗi khủng khiếp của thiên nhiên vây bọc, và thiên nhiên được nhận thức "như là một lực lượng xa lạ, vạn năng, ngoài tầm hiểu biết của con người" [3]. Trí tưởng tượng của dân gian pha trộn với mê tín, hoang tưởng, đã gán cho nhiều hiện tượng thiên nhiên những quy mô kỳ vĩ, những hình trạng quái lạ, và những hành vi phóng đại của nhân cách... tạo nên một thế giới khác biệt, xa lạ với thế giới con người đang sống, nhưng cũng chi phối thế giới đó một cách thần bí. Đó chính là sự ánh xạ đảo ngược môi trường sinh thái nguyên sơ của con người thời cổ, trong đầu óc tô-tem (totémisme) của họ, thông qua cái tâm lý vừa hoảng sợ trước thiên nhiên, lại vừa bị thiên nhiên trói buộc và quyến rũ.

Dần dần, trong cuộc đấu tranh sinh tồn, con người ngày một nhích ra khỏi sự phụ thuộc vào tự nhiên, có ý thức rõ hơn về sự tồn tại của mình, thì những sản phẩm của trí tưởng tượng của họ càng gần với thực tế mặc dầu thói quen ảo hóa vẫn gắn liền với sự sáng tạo truyện kể. Nhân vật chính và phụ của truyện cổ tích đã bớt vẻ kỳ quái dã man và đượm tính người hơn trước - nó đã có thuộc tính xã hội. Và càng bước vào xã hội văn minh thì thuộc tính xã hội của nhân vật càng rõ hơn, tuy chưa phải thuộc tính tự nhiên đã mất hẳn đi.

Tất nhiên, không phải truyện thể sự mãi về sau mới xuất hiện; nó cũng đã ra đời khá sớm. Nhưng phải đợi đến lúc hình thái xã hội nguyên thủy tan rã,

những mâu thuẫn trong gia đình, trong thị tộc, trong công xã giữa các nhóm người, giữa các dân tộc, các quốc gia ngày một trở nên phiền phức, chông chéo, thì loại truyện thể sự mới ngày càng nảy nở một nhiều. Nó là ký ức của con người ở một thời kỳ mới mẻ: chẳng đường chuyển từ tấn "bi hài kịch thần thánh" sang tấn "bi hài kịch nhân loại"; chẳng đường con người bắt đầu nhìn vào chính nó, ước lượng thế giới qua tầm vóc thực của nó, và say mê vẻ đẹp do nó tạo nên, trong cuộc sống nhiều mặt mà con người đã trở thành vai chính. Đó là những câu chuyện sinh hoạt, người thực việc thực, dĩ nhiên đã được khái quát hóa và mô hình hóa. Yếu tố hoang đường chỉ có thể len vào nhiều hay ít để tăng thêm sức kích thích, cũng để thỏa mãn ảo giác của con người trước một thế giới mà nó ước mơ chinh phục nhưng vẫn đầy bất ngờ và hiểm họa đối với nó; tuy nhiên "cái hoang đường" chỉ đóng được vai trò nghệ thuật nếu không làm cho con người lãng quên hoặc đầu hàng hiện thực.

Vì thế, nếu có những truyện cổ nào đấy mà yếu tố thần kỳ vẫn còn được bảo lưu đầy đủ, được sử dụng để làm cái "nút" chính cho câu chuyện, như *Cây tre trăm đốt*, số **125**; *Người thợ đúc và anh học nghề*, số **122**; *Bốn cô gái muốn lấy chồng hoàng tử*, số **166**; thì ở nhiều truyện khác, yếu tố này chỉ còn là nét điểm xuyết cho bức tranh thể sự thêm hấp dẫn (*Sự tích chim hít cô*, số **5**; *Sự tích đá Bà-rầu*, số **33**; *Sự tích đá Vọng-phu*, số **32**); hoặc làm đường viền cho nhân vật lịch sử thêm nổi bật (truyện *Huyền Quang*, số **147**), làm chất xúc tác cho một nhóm địa danh lịch sử vốn còn rời rạc trở thành câu chuyện dính kết chặt chẽ với nhau (*Sự tích hồ Gươm*, số **26**).

2. Lịch sử Việt-nam từng trải qua một thời kỳ tồn tại và phát triển trên dưới ba, bốn thiên niên kỷ. Trong quá trình lâu dài đó đã diễn ra không ít biến cố về chính trị, xã hội, về tín ngưỡng, tôn giáo, và cả về ngôn ngữ văn tự... Những biến cố này nhất định cũng đã ảnh hưởng đến tư duy nghệ thuật của quần chúng nhân dân nhiều đời, tạo nên những "biến cách" trọng đại trong truyền thống sáng tác dân gian ở nhiều chặng đường lịch sử, mà nổi bật

nhất, theo chúng tôi là hai chặng mốc lớn: cuối thời kỳ huyền sử về các vua Hùng bước sang thời kỳ Bắc thuộc lần thứ nhất, và cuối thời kỳ Bắc thuộc lần thứ hai bước sang thời kỳ tự chủ của các quốc gia Đại-việt (thời đại Lý - Trần).

Ở chặng mốc đầu tiên, sự du nhập của nền văn minh Tần - Hán với những tổ chức xã hội chặt chẽ hơn tổ chức các liên minh bộ lạc cư dân bản địa, đã làm đảo lộn không nhỏ nếp sống của người Việt cổ truyền, kéo theo nó là sự rạn vỡ và biến mất của nhiều tục lệ, tín ngưỡng cổ xưa, có thể vốn rất đa dạng trong đời sống cộng đồng Việt - Mường ở vùng núi cũng như vùng xuôi (hai thành tố Việt và Mường lúc này chưa chia tách). Việc các vị quan lại đô hộ Trung-hoa đem phong tục "Thiên triều" "dạy dân lễ nghĩa" chắc đã kèm theo nhiều biện pháp nhằm xóa bỏ phong tục lâu đời của nhân dân bản xứ, bị coi là "huyền hoặc", "man rợ", không thích hợp với lý tính, trong một xã hội mà chữ "lễ" và chữ "pháp" bắt đầu cùng được áp đặt. Và hậu quả hẳn cũng có thể dự đoán được: cả một hệ thống thần thoại chứa đầy huyền tích nguyên thủy gắn liền với vô số hình thức lễ hội, ma thuật, tôn giáo... để diễn xướng chúng, bị cấm đoán, khinh miệt, lần lượt rơi rụng, mất mát và pha trộn dần đi. Đó là một trong những lý do khiến cho kho thần thoại Việt-nam không phong phú, lại mang tính chất rời rạc, gián đoạn, thiếu hệ thống như dấu vết còn lại ngày nay.

Nhưng ách đô hộ của ngoại tộc đâu sao cũng không tàn phá được hết ngay một lúc mọi dấu vết của tư duy nguyên thủy. Sự tàn phá chỉ diễn ra dần dà, tự nó, với thời gian đô hộ kéo dài suốt một nghìn năm, và với những biện pháp chính trị và quân sự đi kèm với văn hóa, như một sự xâm thực ngấm ngầm. Cho đến chặng mốc lịch sử thứ hai đánh dấu bước toàn thắng của công cuộc khôi phục nền độc lập dân tộc (kể từ năm 938) thì người Việt trên thực tế đã có một hố ngăn cách quá sâu với cuộc sống tinh thần quá khứ của chính họ; có còn chút liên hệ nào chẳng chỉ là từ trong huyền sử và dã sử, tiềm thức và vô thức. Và những cuộc cải cách toàn diện mà các lực

lượng chính trị tiên tiến trong lòng dân tộc kế tiếp nhau đề xướng, nhằm củng cố vững chắc nhà nước độc lập quân chủ, lại theo hướng rập khuôn mô hình Trung-hoa một cách mạnh mẽ hơn trước, càng làm cho kiểu tư duy huyền thoại của người Việt mất mảnh đất sinh sôi nảy nở, kể cả trong sinh hoạt phon-clo (folklore). Rồi từng bước ăn sâu bén rễ của văn hóa Đường, Tống trong lòng xã hội cũng là từng bước áp đảo và đẩy lùi những tàn dư tín ngưỡng bản địa chắc vẫn còn tồn tại rải rác trên địa bàn cư trú của người Kinh, lúc bấy giờ đã tách khỏi người Mường. Bao nhiêu đền miếu bị coi là "dâm từ" đã bị phá hủy dưới thời Trần. Phần còn lại, Nho giáo kế chân Phật giáo ở các đời sau đời Trần, sẽ làm nốt công việc phá hoại của nó, theo một phương thức tinh vi hơn mà ta có thể gọi là hình thức "cải hóa dị đoan", như tinh thần của Khổng Tử [4]. Được trang bị bởi một hệ tư tưởng coi "tam cương ngũ thường" là "thiên kinh địa nghĩa", các đệ tử của đạo Nho dưới các triều Lê, Nguyễn luôn luôn có ý thức đem các khuôn mẫu "trung, hiếu, tiết, nghĩa"... áp đặt vào mọi hình thức tín ngưỡng dân gian, để làm cho phong tục "thuần hậu" hơn. Họ đã say mê viết lại tiểu sử các vị thần trong thần tích, phả ký, theo hướng lịch sử hóa truyền thuyết cổ tích (nhân vật rõ ràng là hư cấu, nhưng lại cố nặn ra đủ họ tên, quê quán, bố mẹ, thời điểm và địa điểm sinh ra và chết đi đặc biệt thay thế hành trạng ngẫu nhiên của thần mà họ coi là xấu xí thô kệch: thần ăn mày, thần gắp phân, thần sinh thực khí... thành các vị thần có hoạt động phò vua giúp nước), do đó đã biến rất nhiều huyền thoại kỳ lạ chưa được giải mã, thành một loạt lý lịch "trong sạch", "đẹp đẽ" nhưng cũng hết sức tẻ ngắt và nhàm chán. Và ta có cơ sở để giả định rằng trong liên mấy trăm năm cần mẫn làm công việc "khai hóa" như thế, nhà nho đã góp phần tước bỏ mất số lớn những tình tiết và cốt truyện giàu chất liệu nghệ thuật vốn chứa đựng trong kho truyện kể dân gian Việt-nam [5]. Mặt khác, cũng có một số trí thức địa phương thường thêm thắt, phụ họa vào những truyền thuyết, cổ tích vốn đã định hình (như truyện *Thánh Gióng*, số 134; *Sự tích đầm Nhất-dạ và bãi Tự-nhiên*, số 28) biến chúng thành những mẫu chuyện phái sinh từ truyện chính, nhằm phục vụ cho tập tục, tín ngưỡng [6].

Cần nói thêm rằng nhà nho còn đóng vai trò chính trong việc sưu tập truyện cổ, một công việc được tiến hành vào một thời kỳ rất muộn trong lịch sử; đã thế việc này lại chỉ thông qua một hình thức văn tự ngoại lai, nên có thể ngay từ đầu, chiều hướng *Nho hóa* đã chi phối việc ghi chép truyện cổ một cách khó cưỡng, làm cho nhiều câu chuyện vốn rất ly kỳ bị đơn giản hóa, hoặc mỹ hóa, hợp lý hóa, theo kiểu sách vở nhà nho [7].

Chính vì tất cả những lý do như trên mà không riêng gì thần thoại, cả kho anh hùng ca và truyện cổ tích thần kỳ của Việt-nam còn giữ lại được cũng không lấy gì làm nhiều và không đa dạng về sắc thái như kho truyện của các dân tộc khác. Hơn nữa, chất hoang đường, quái đản, phi lý tính trong các di sản này luôn luôn có nguy cơ bị "tha hóa" theo thời gian để trở thành những câu chuyện trơn tru, có hạt nhân duy lý, có mối liên hệ nhân quả, và ngụ những bài học đạo lý có phần thực dụng của các đời sau. Hình ảnh những kiểu nhân vật mang nét đặc trưng của thời tiền sử cũng thường được nhào nặn lại, tước bỏ những gì thô kệch thái quá, để khoác một diện mạo văn minh hơn, biết suy xét phải trái, biết hành động nói năng hợp với lý trí hơn, v.v...Tựu trung, chiều hướng vận động có tính quy luật của truyện cổ tích Việt-nam là những biến đổi song hành theo tỷ lệ nghịch giữa yếu tố thần kỳ và ý thức thực tại: *sự tăng trưởng về nhận thức lý tính của khối cộng đồng cư dân ở một hình thái xã hội nào đấy thường kéo theo sự suy giảm các yếu tố hoang đường kỳ ảo trong truyện cổ tích thần kỳ, và do đó giảm thiểu số lượng cổ tích thần kỳ và bù đắp vào đấy số lượng cổ tích thế sự*.

3. Nhưng nói đến nghệ thuật truyện cổ tích cũng không nên quên phong cách sáng tác của từng dân tộc. Phong cách dân gian Việt-nam xưa nay hình như vẫn liên quan mật thiết đến đặc điểm tư duy của người Việt ở chỗ *ít khi xarời lý trí thế tục*. Nếu như cách điệu và phóng đại ở cấp độ siêu lý tính là thủ pháp rất được ưa chuộng trong cổ tích thần kỳ của nhiều dân tộc

thì đối với cổ tích Việt-nam, những thủ pháp này lại có phần xa lạ, ngay những loại hình ngụ ngôn, khôi hài, tiểu lâm cũng không mấy khi dùng. Những cách nói có tính chất tượng trưng, chẳng hạn "uống cạn nước sông", "ăn hết một phòng bánh ngọt", hay "con ngựa chạy một ngày 7 vòng quanh quả đất" hoặc "ném miếng thịt vào bếp, miếng thịt biến thành cái kéo", v.v...thật không dễ dàng lọt tai các thế hệ thính giả truyện cổ tích Việt-nam xưa cũng như nay. Nói thế không phải là truyện của chúng ta không biết đến nói ngoa hoặc phóng đại, nhưng liều lượng của sự phóng đại bao giờ cũng có giới hạn.

Ngay cả khi chịu ảnh hưởng cách nói của nước ngoài, truyện cổ tích dân tộc cũng phải hoán cải lại sao cho hợp lý - đó là *tính chừng mực về "độ"* trong tư duy nghệ thuật Việt-nam. Chẳng hạn như ở **Khảo dị** truyện số **64** đã so sánh: chịu ảnh hưởng của một số anh hùng ca truyện cổ của người Tây-nguyên (Ba-na (Bahnar) và Ja-rai (Djarai)), về tình tiết nhân vật anh hùng (Ghi-ông) ném cái khiên (mộc) lên trời rồi nhảy theo ngòi lên, để nó đưa mình lên cửa nhà trời đánh nhau với địch thủ, một dị bản của truyện *Chàng Lía* (số **64**) cũng có tình tiết tương tự là Lía "thường có thói quen phóng mâm thau lên trời" rồi nhảy theo ngòi lên, nhưng tính chừng mực về "độ" ở đây không cho phép nhân vật vượt ra khỏi không gian nghệ thuật của mình: Chàng Lía chỉ dùng mâm để... "đi thăm các sơn trại" của chàng. Cũng vậy, ở truyện *Sọ dừa* của người Cham-pa, nhân vật anh hùng một mình, không tay không chân mà chặn một lúc ba mươi vạn con trâu cho nhà vua, trong khi đó, những dị bản của truyện *Sọ dừa* của người Kinh thì, hoặc chỉ chặn năm chục con trâu cho một nhà giàu [8], hoặc chặn một đàn dê cho phú ông [9], v.v...

Không chỉ sự ràng buộc trong tâm lý thực tiễn đã ảnh hưởng đến tưởng tượng nghệ thuật của cổ tích, mà triết lý nhân sinh của người Việt cũng tác động mạnh mẽ đến sự sáng tạo này. Chẳng phải không có lý khi cho rằng trong tâm thức người Việt cổ truyền vốn đã ít chứa đựng cảm quan tôn

giáo. Sự áp đặt của văn hóa, tư tưởng Trung-hoa trong khoảng 10 thế kỷ, như trên đã nói, lại làm cho thói quen tư duy của cộng đồng dân tộc nghiêng về cách nhận thức cụ thể hóa, như việc phân cắt một hiện tượng phức tạp thành các phần tử, các con số đơn giản [10], chứ không nghiêng về cách nhìn nhận những mối liên hệ trừu tượng và siêu hình (tư duy Ấn-độ). Bấy nhiêu đặc điểm từ nội dung đến hình thức của tư duy, hợp lại, trước sau sẽ hình thành nên *tâm lý sáng tạo nghệ thuật dân tộc*, góp một phần quan trọng chi phối con đường vận hành của truyện cổ tích Việt-nam, trong đó *sự thanh lọc các yếu tố siêu nhiên đã diễn ra thường xuyên và gần như vô thức để đồ thị phát triển của cổ tích ngày càng đi gần tới trục biểu hiện nhân tính*.

Để cho ý kiến vừa nêu không rơi vào võ đoán, chúng ta hay cùng nhau đi tìm dấu vết "nguyên sinh" của một vài hình tượng. Trong những truyền thuyết bao quanh nhân vật Lê Thánh Tông có truyền thuyết về bà nữ mẫu của nhà vua có cặp vú rất dài, phải "bặn qua vai" mỗi khi đi lại cử động [11]. Hay truyền thuyết về Bà Triệu "vú dài ba thước vắt lưng" mà ít ai không nhớ nhập tâm từ tuổi còn thơ ấu. Những hình tượng này nói gì với chúng ta?

Phải chăng đó là dấu vết chưa bị tước bỏ của một nguyên mẫu nghệ thuật nào đấy từ xa xưa mà sự tình cờ đã may mắn để sót lại? Hay phải chăng đây là một yếu tố hình thức đã được sự kiểm soát của nhân tính chấp nhận, trong quá trình thanh lọc gay gắt đối với truyện cổ tích thần kỳ? Có nghĩa là tính chất quái dị trong truyện cổ thần kỳ Việt-nam sẽ được tiếp nhận theo hướng giữ lại những mô-típ nào chỉ có giá trị khuếch đại tầm thước nhân vật là chủ yếu, và loại trừ những mô-típ nào bóp méo và cách điệu quá mức hình thù nhân vật, gây khủng khiếp cho thính giả? Có thể là như vậy. Dầu sao, vấn đề cần nói ở đây là về mặt phương pháp luận, chúng ta không thể suy nguyên quá xa để đưa ra những giả định không thật chắc chắn về khả

năng tư duy của người Việt cổ. Trái lại, mọi nhận xét, đánh giá chỉ có ý nghĩa, khi trở lại bám sát thực trạng hiện tồn.

Nếu cứ tùy tiện giả định thì có lẽ sẽ còn phải bàn cãi rất lâu về trạng mạo của giống đại bàng trong truyện cổ tích thần kỳ Việt-nam, vì có sách vở nào từ xưa miêu tả chúng cụ thể đâu. Nhưng một vài dòng thấp thoáng về chúng trong các truyện *Cây khế*, *Nhân tham tài nhi tử*, *điều tham thực nhi vong* (số **59**) cũng cho ta thấy, cha ông ta không tưởng tượng chúng theo kiểu những con vật thần thoại hung dữ được miêu tả trong các bức cổ họa phương Tây. Trên đại thể, hư cấu của người Việt ở đây đã không thiên về chi tiết, không quan tâm đến những nét cổ quái khác lạ, mà chỉ chú ý phác họa kích thước khổng lồ của con vật, và sự đồng nhất tâm lý giữa vật với người (người tham của thì chim cũng tham ăn). Thuồng luồng cũng vậy, được lưu truyền là một loài thủy quái nhưng nào ai biết miệng, răng, mắt, mũi của chúng ra sao. Chỉ biết chúng có mùi tanh, nhớt của chúng rất độc, nếu lọt vào lỗ mũi, từ mũi thấm lên óc có thể làm chết nhân vật anh hùng (*Đại vương Hai hay là truyện giết thuồng luồng*, số **69**). Giao long là thần Nước có khi ở biển (truyện *Nguyễn Thị Bích Châu*, số **177**), có khi ở hồ (*Sự tích hồ Ba-bể*, số **27**), và tuy là nỗi kinh hoàng đối với dân lành, nó cũng biết phân biệt người tốt, kẻ xấu, kể cả đối với người xấu cũng không nỡ tàn hại đến tuyệt chủng. Không phải ngẫu nhiên mà con rồng từng có bóng dáng trong thần thoại chúng ta nhưng cơ hồ đã vắng mặt trong cổ tích: người Việt vẫn đặt nó vào phạm trù "vật tổ" với một niềm thành kính, nhưng lý trí lại bắt họ hoài nghi sự tồn tại hiện thực của nó. Đười ươi (orang - outang) trong thực tế là con vật hung dữ, thế mà đi vào truyền thuyết và cổ tích Việt-nam đã trở nên hiền lành [12], vì thế bọn lưu manh thời trung đại mới biết cách thuần phục để bắt nó tham gia vào những vụ trộm cắp (*Bà lớn đười ươi*, số **91**).

[1]. Nếu xem cổ tích là một *loại* trong nhiều thể loại tự sự dân gian thì 3 loại *thần kỳ, thế sự và lịch sử* trong cổ tích sẽ là 3 tiểu loại. Nhưng cũng có thể phân loại chi tiết hơn nữa, và 3 tiểu loại trên đây lại có tư cách là 3 *tổng loại* bao gồm nhiều tiểu loại khác.

[2]. Chúng tôi coi những truyện như: *Sự tích núi Ngũ-hành* (số 35), *Tấm Cám* (số 154) chẳng hạn là những truyện thần kỳ; những truyện như: *Trạng Hiền* (số 81), *Huyền Quang* (số 147) là những truyện lịch sử; những truyện như *Thần giử của* (số 82), *Gái ngoan dạy chồng* (số 90) là những truyện thế sự; còn những truyện như *Đứa con trời đánh* (số 49), *Rạch đui giãungọc* (số 159) là nửa thế sự, v.v...

[3]. Mác và Ăng-ghe-n (K.Marx và F.Engels). *Bàn về nghệ thuật*, tập I.

[4]. Luận ngữ, 論語 thiên "Vi chính" 爲政 `子曰攻乎異端斯害也已` Tử Viết: Công hồ dị đoan tư hại dã dĩ". Nghĩa là: Khổng Tử nói: công kích dị đoan thì cái hại sẽ hết. Theo một số nhà khảo chứng thì chữ *công* ở đây có nghĩa là *trị* 治, tức là dùng lý lẽ để thuyết phục, đem vào khuôn phép.

[5]. Chẳng hạn, cuối thế kỷ XV có Nguyễn Bính là viên quan chuyên môn soạn lại thần phả cho các làng gần như theo một mẫu mực giống nhau, chắc chắn trong khi cải biên, ông đã tước bỏ vô tội vạ nhiều huyền tích quý giá được lưu truyền trong dân chúng. Cũng một hành vi tương tự, đầu thế kỷ XIX Bùi Dương Lịch trong *Nghệ-an ký* đã ra sức dùng quan điểm "khí hạo nhiên" để bác bỏ một truyền thuyết về sự hội tụ tinh anh hào kiệt ở núi Kim-nhan thuộc xứ Nghệ mà Nguyễn Thiếp ghi lại được với thái độ đồng tình. Rất tiếc, một vài nhà nghiên cứu gần đây đã thích thú với sự bác bỏ này, cho rằng Bùi Dương Lịch đã đứng trên quan điểm "duy vật" để chống lại quan điểm duy tâm của Nguyễn Thiếp.

[6]. Ví dụ một số địa phương ở Bắc-ninh còn truyền nhiều mẫu chuyện phụ họa xung quanh cốt truyện *Thánh Gióng* (mà có người hiểu nhầm cho đó là dị bản, hoặc những tình tiết bị bỏ sót của truyện). Cũng vậy, truyện *Chử Đồng Tử* (số 28) đã được thêm thắt tô vẽ để tuyên truyền cho đạo tiên (xem

thêm *Phần thứ nhất*, tập **I**; tr. 69-71). Cũng may là những vá vú, những lỗi "vẽ rắn thêm chân" này cũng dễ phân biệt khi ta lọc ra thật kỹ một kết cấu bất biến của cốt truyện để so sánh, hơn nữa các tình tiết thêm thắt lại thường nghèo tính nghệ thuật.

[7]_Ví dụ: một số hình tượng đã được cô đúc thành các nhân vật mang những cái tên biểu tượng như Mồ Côi, chàng Út, cô Tro Bếp... còn thấy xuất hiện lặp lại trong truyện cổ của nhiều dân tộc, nhưng không còn được bảo lưu mấy ở cốt tích của người Kinh nữa. Hay trong truyện *Từ Đạo Hạnh* hay là *sự tích thánh Láng* (số **120**), về lý do cái chết của Từ Vinh, các sách *Lĩnh-nam chí* quái, *Đại-nam kỳ truyện* đều chỉ chép lướt qua, có lẽ vì ngại nói đến thói dâm tà của nhân vật.

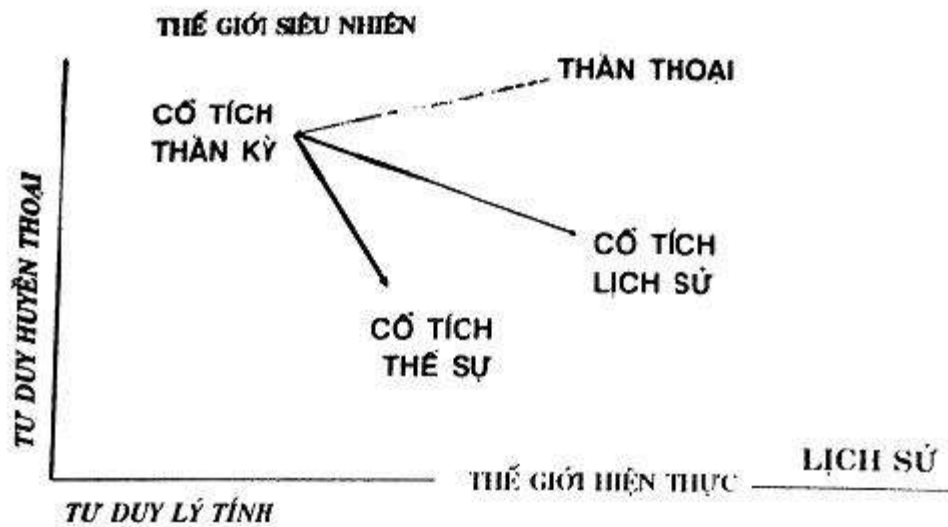
[8]_Trong *Bản khai sách Hữu-lập*, *sách Vinh-lại* và *sách Nhiêu-hợp*.

[9]_Trong *Truyện cổ Việt-nam* của Vũ Ngọc Phan, sách đã dẫn.

[10]_Chẳng hạn cách tư duy *ba nhất, năm tốt, ba đảm đang*... cũng là dấu vết của cách nhận thức khái quát chú trọng sự phân chia về lượng như đã nói.

[11]_Xem Thái Kim Đĩnh. *Núi Thiên cầm*, Ty văn hóa Hà-tĩnh, 1976. Hình tượng vú dài, ví dụ ở thần thoại Ba-na (Bahnar), bà Đui Đại Tai Tỏ, cai quản cửa âm phủ (mang lung) chuyên khám xét người trần. Bà có cặp vú dài, mỗi khi trẻ em trần gian xuống âm phủ, bà thường cho chúng bú.

[12]_Truyền thuyết của người Hà-tĩnh kể rằng những người đi củi phải vào núi sâu thường dùng hai ống tre lồng vào cánh tay, mỗi khi gặp đười ươi, nó chụp lấy tay và ngửa mặt lên trời mà cười, chờ lúc mặt trời lặn mới cúi xuống móc mắt. Nhân lúc nó đang cười ta chỉ việc rút tay ra khỏi ống tẩu thoát.



VẬN ĐỘNG LOẠI HÌNH CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH

Như vậy, chiều hướng tiến triển *không rời xa nhân tính* của nghệ thuật truyện cổ tích thần kỳ là một thực tế không thể bác bỏ. Đây cũng là con đường vận động trùng hợp với xu hướng *nhích gần đến lý tính* của tư duy cổ tích dân tộc. Đó vừa là *nội dung* và cũng là *nghệ thuật*, góp phần tạo nên những đặc trưng cũng như diện mạo riêng biệt của truyện cổ tích Việt-nam.

4. Tuy truyện thần kỳ của ta không nhiều, yếu tố thần kỳ không đậm, và phải coi đây là một nhược điểm, nhưng bù đắp lại, tác giả truyện cổ tích Việt-nam lại thường biết vận dụng yếu tố huyền ảo một cách uyển chuyển, tạo nên những đột biến trong chất lượng truyện kể. Một trong những phong cách của cổ tích Việt-nam là ở chỗ cái hư và cái thực thường lẫn lộn hoặc quện vào nhau. Nhưng cái hư cái thực được trình bày ở đây không phải là tùy tiện, ngẫu nhiên. Trái lại, nó là sự hiện thực hóa quan niệm *luân hồi* hoặc *số mệnh*, hai động lực chủ yếu chi phối thể giới quan truyện cổ tích nhiều dân tộc phương Đông. Do quan niệm luân hồi, nhân vật chính diện

hoặc phản diện trong truyện thường không chết mà hóa thân sang nhiều kiếp khác, hoặc thành người, hoặc thành thú vật. Do quan niệm số mệnh, nhân vật không phải lúc nào cũng làm chủ được vận mệnh của mình mà thường bị một lực vô hình dẫn dắt, để chịu đựng hết nạn nọ đến nạn kia, từ thử thách này sang thử thách khác. Trong truyện cổ tích Việt-nam hai đường dây luân hồi và số mệnh thường được sử dụng *kết hợp xuyên chéo* như những phương tiện nghệ thuật hữu hiệu để tác giả mở rộng không gian truyện kể, đặt nhân vật của mình vào nhiều thế giới khác nhau - ngoài thế giới cõi trần còn có thế giới cõi mộng, cõi trời, cõi nước, cõi âm - và bắt nhân vật phải ứng xử trong nhiều tình huống đầy nghịch lý. Những sự đối lập của các tình huống chỉ có tác dụng làm cho tính cách nhân vật hoặc sự trở trêu của số phận ngày càng lộ rõ. Cũng thế, các thế giới khác nhau trong truyện cổ tích không đứng tách biệt nhau mà lồng vào nhau, và cùng góp phần soi chiếu cho thế giới cõi trần, làm cho những điều còn ẩn khuất trong thế giới đó từng bước sáng tỏ. Đó là *thủ pháp đối sáng hay "chiếu xạ" của truyện cổ tích Việt-nam: Lấy cái mờ soi vào cái rõ, lấy cái ảo làm ánh lên cái thực*. Trong truyện *Cái kiến mày kiện củ khoai* (số 54), các nhân vật sau khi đã sống với chính số phận của mình trên trần thế, chết xuống âm phủ, chịu sự phán xét của tòa án Diêm vương, hầu hết lại được tái sinh thành người, nhưng mỗi người có số phận khác nhau để đền nợ hoặc chịu đựng sự báo oán ở kiếp trước của mình. Câu chuyện tưởng chừng bị cắt ra làm hai cảnh, tuy vậy hai cảnh vẫn gắn khít với nhau, không có cảnh này thì không giải thích được lý do tồn tại của cảnh kia. Có thể nói mỗi cảnh đều được "mã hóa" để người đọc qua đó giải mã cảnh đã diễn ra trước hay sau nó. Và chỉ có đặt chung trong tương quan chéo (hai chiều đối ứng) thì hứng thú thẩm mỹ của chúng ta mới thật thỏa mãn.

ảnh 2

Đối sánh và *lạ hóa* được sử dụng phổ biến trong cả ba tiểu loại cổ tích thần kỳ, thể sự và lịch sử, nhưng nổi bật nhất vẫn là tiểu loại cổ tích thần kỳ. Việc áp dụng uyển chuyển thủ pháp này hay thủ pháp kia, hay có khi phối hợp cả hai thủ pháp, đã tạo nên nhiều dạng kết cấu điển hình của truyện cổ tích Việt-nam. Chẳng hạn kết đối sánh từng cặp nhân vật vốn có cùng một điểm xuất phát (anh cả - em út; chị cả - em gái; chị em khác mẹ, 2 người bạn; phú ông - người ở;...) nhưng tính cách không giống nhau (tốt bụng - xấu bụng; ngốc nghếch mà hiền - khôn ngoan mà ác độc; liêm khiết - tham lam;...) rồi cuộc số phận ngược chiều nhau. Hoặc đối sánh từng đoạn đời khác nhau của cùng một nhân vật do số phận dun dủi, hoặc do sự cưỡng chống với số phận ít hay nhiều, rồi cuộc giành được hạnh phúc hay vicnh viễn chịu bất hạnh.

Nhiều khi quan niệm luân hồi hay số mệnh còn được triển khai thành một cấu trúc chuỗi, tạo nên không phải hai mà nhiều chặng *lạ hóa* và *đối sánh* khác nhau. Trong truyện *Tấm cám* (số **154**), Tấm phải hóa thân liên tiếp qua nhiều kiếp vật để lẩn trốn kẻ thù, nhưng ở bước hoá thân nào nàng cũng vẫn bộc lộ một bản chất duy nhất là niềm tin bền chặt vào sức mạnh thần kỳ của tình yêu. Sự *lạ hóa* kế tiếp ở đây giúp ta có điều kiện nhìn sâu thêm vào tính cách nhân vật Tấm mà trong ngôn bản truyện kể dường như cố không để lộ ra. Hay trong truyện *Cửa trời trời lại lấy đi, giường đôi mắt ếch làm chi được trời* (số **61**), mười thoi vàng cứ qua tay hết người này đến người kia như cái "tiên triệu" của một tai vạ tà đình sẽ lần lượt ập đến với từng người. Nhưng thực ra, mười thoi vàng có làm gì nên tội. Có chăng chúng chỉ là cái cớ cho những máu tham ấp ủ từ lâu trong con người nổi dậy. Và sự đối sánh ở đây lại cho ta hình ảnh đa dạng về một mặt yếu của tính người - lòng tham vô độ - và những hậu quả không hay khi con người không chế ngự nổi cái "ma lực" bên trong của mình.

Để thay đổi hình thức *đối sánh* và *lạ hóa*, tác giả truyện cổ tích thần kỳ còn

sử dụng nhiều yếu tố ngẫu nhiên, các phép lạ, vật thiêng, người thần (Bụt, Ngọc hoàng Thượng đế, tiên, thánh...) can thiệp vào cốt truyện, tạo nên những cảnh huống bất ngờ, những cái nút đột ngột, khiến cho câu chuyện có được những bước tiến nhảy vọt, những nghịch cảnh sinh động. Vật thiêng do con tinh cung cấp cho chàng đốn củi trong truyện *Chàng đốn củi và con tinh* (số 121) không có gì quá ghê gớm, nhưng đã tạo ra ba hoạt cảnh thú vị cho người nghe truyện, trong đó hoạt cảnh thứ ba - cái ống phép màu nhiệm làm cho lão chủ quán và bà con y phải "chống" - có vẻ giống như một ma thuật liên quan đến tín ngưỡng thờ "sinh thực khí" thời cổ, nhưng ngày nay đã mất nghĩa[1]. Nếu không có bộ da cóc để hóa thân thì nàng con gái phú ông trong truyện *Người lấy cóc* (số 126) dù tài phép đến mấy cũng không gây được sự bất ngờ đến sững sốt cho hết thảy đám môn sinh bè bạn của chồng. Bộ da cóc cũng chính là "vật thiêng" có tác dụng lạ hóa nhân vật trong truyện cổ tích này. Dù xuất phát từ một hành vi ma thuật tôn giáo hay một biểu tượng nghệ thuật đơn thuần thì các yếu tố thần kỳ đưa vào những truyện trên đều rất đắt, có giá trị thắt và cởi nút cho toàn bộ câu chuyện, và do đó làm nên phần sinh sắc của mạch truyện. Cái thực và cái ảo xen kẽ nhau, pha trộn nhau, chuyển hóa cho nhau một cách thần tình và đúng lúc. Ở truyện *Hồn Trương Ba; da hàng thịt* (số 45), phép lạ cải tử hoàn sinh nằm trong tay thần Đế Thích, nhưng vai trò của Đế Thích thực tế lại phải thông qua một nén hương do con người thắp lên. Vì thế, câu chuyện mới dẫn đến tấn hài kịch đánh tráo hồn nọ xác kia ở đoạn cuối, và đến đây thì thực và ảo đã trở nên lẫn lộn. Người nghe tưởng chừng việc hồn Trương Ba nhập vào xác anh hàng thịt để sống lại là chuyện có thật, có thể xảy ra, khác với anh Trương Ba sống lại trên thân xác của chính mình.

[1] Ở Thanh-hóa còn truyền một bài ca dùng để tế lễ (bao gồm cả diễn xướng) trong những ngày tế thần ở một ngôi đền thờ "dâm thần":

Cái l. tếch nghếch,

Cáiđít chơi loi,

Chống cho thần coi,

Để thần phù hộ.

Liên hệ đến một chi tiết trong truyện cổ tích trên đây, khi anh chàng đồn củi hỏi "Có chống không?" thì lão chủ quán trả lời: "Cơm no rượu say rồi, không chống thì để làm gì?", ta có thể đoán: "Chống" phải chăng là một hình thức sinh hoạt suồng sã của người thời cổ sau giai đoạn tạp giao, trong một cộng đồng thị tộc, được bảo lưu mãi về sau.

ảnh

Tóm lại, sức hấp dẫn của hầu hết các truyện cổ tích thần kỳ Việt-nam không phải ở cấp độ phi lý của bản thân câu chuyện, mà ở khả năng phối hợp và hoán chuyển tài tình cái huyền ảo và cái hiện thực. Cái hiện thực bị nhào ra cái phi lý, cái phi lý nằm ngay trong cái hợp lý. Nói như một nhận xét của Duy-răng (M. Durand) và Nguyễn Trần Huân: trong truyện tự sự dân gian Việt-nam "cái huyền ảo thường pha lẫn với cái xác thực và chúng

ta thấy rõ khuynh hướng tinh thần Việt-nam là không xác định ranh giới giữa siêu nhiên và thực tại. Những sự kiện lịch sử xen lẫn với truyện ma quái, thần thông; vũ trụ ảo mộng gắn liền với vũ trụ nhân sinh"[1]. Ấu đó cũng là thêm một lời xác nhận nét đặc thù sau đây của truyện cổ tích Việt-nam: có nhiều truyện vừa thần kỳ hư ảo vừa không thần kỳ hư ảo, tức là tiểu loại *nửa thế sự* vốn chiếm gần một nửa kho tàng truyện cổ tích chúng ta.

5. Những lý do trình bày ở trên phần nào cũng đã cắt nghĩa hiện tượng vắng mặt một vài loại truyện trong các loại hình truyện kể dân gian Việt-nam, mặc dầu ở một số dân tộc khác thường có khá nhiều, như loại truyện về loài vật, truyện phiêu lưu mạo hiểm.

Thường thì trong truyện cổ tích về loài vật, bao giờ cũng có những con vật đã qua sự chọn lựa của dân gian đóng vai chính diện hoặc phản diện và không hề có sự can thiệp của con người. Mỗi dân tộc có cách chọn lựa riêng của mình về những con vật này (ví dụ ở người Mã-lai (Malaysia) là chú hoẵng khôn ngoan chứ không phải chú thỏ, ở người Nhật-bản là khi, ở người Pháp có khi là chồn...). Với người Việt cũng có những con vật khá đặc trưng, như cóc tía gan lỳ, voi to xác mà khờ, v.v...Do đó, có thể đoán từ ngày xưa, truyện về loài vật của ta cũng không đến nỗi hiếm. Nhưng có lẽ do phong cách và đặc điểm tư duy dân tộc nên cũng như tiểu loại cổ tích thần kỳ, những sáng tác về loài vật ngày một ít dần hoặc "tha hóa" dần đi. Cho đến thời cận đại thì trong các loại hình cổ tích Việt-nam, kể cả loại hình ngụ ngôn, đã gần như không còn mấy những truyện cổ đơn thuần về loài vật[2], nếu không tính vào đây những truyện mới sáng tác cốt dành cho trẻ em (đồng thoại) hơn là người lớn. Khoa học tự nhiên ở Việt-nam chậm phát triển cũng góp phần hạn chế sự tiếp xúc giữa con người và thế giới cầm thú, trên cơ sở đó nhà văn dân gian có thể khái quát đầy đủ đặc tính về loài của nhiều giống vật (trong môi trường nhiệt đới riêng biệt mà người Việt cư ngụ) và tiến tới "nhân hóa" chúng bằng nhiều câu chuyện kể hoàn

chính, như một số truyện *Mưu con thỏ*, số 88; *Con thỏ, con gà và con hổ*, số 86; *Con thỏ và con hổ*, số 87. *To đầu mà dại, nhỏ dái mà khôn*, số 58...được kể trong bộ sách này. Quả tình cái trực lý tính và nhân tính chi phối quá nặng trong mọi sinh hoạt tinh thần đã hạn chế người Việt vượt lên trên thực tại, tìm thêm nhiều con đường, mở ra những cung bậc mới cho sự sáng tạo cổ tích Việt-nam.

Cũng như trên, so với truyện cổ của nhiều dân tộc, loại truyện phiêu lưu mạo hiểm cũng hầu như vắng bóng trong kho tàng truyện cổ chúng ta. Loại truyện phiêu lưu mạo hiểm thường lấy nhân vật anh hùng hiệp sĩ làm trung tâm, và triển khai cốt truyện theo những cuộc hành trình định kỳ hoặc phiêu lưu vô định của nhân vật, qua đó nhân vật lập nên nhiều kỳ tích và cũng gặp gỡ không ít những chuyện rắc rối ly kỳ (ví dụ anh hùng I-ly-a (Ilya) của người Nga, hoặc bảy chuyến đi của nhà hàng hải Sinh Bá, Ả-rập (Arabie))[3]. Thực ra người Việt cũng có loại truyện phiêu lưu nhưng khá đơn giản, thường mang tính cách trào phúng hoặc khôi hài. Cuộc phiêu lưu của chàng Cuội trong *Nói dối như Cuội* (số 60), cuộc đời vô định của Ngốc trong *Phiêu lưu của anh chàng Ngốc hay là làm theo vợ dặn* (số 190) và *Chàng Ngốc được kiện* (số 108)... đều thuộc loại này. Nhưng loại truyện này trong kho tàng cổ tích Việt-nam cũng không có nhiều.

Cũng có thể từ ngày xưa chúng ta đã từng có loại truyện phiêu lưu dài hơi hoặc tương đối dài hơi nhưng về sau đã bị cắt xén, chia tách thành nhiều mảnh. Chẳng phải trong *Lĩnh-nam chí* quái vẫn còn dấu vết một thiên thần thoại khá liên tục về hình ảnh Lạc Long Quân chiến đấu chống Hồ Tinh, Ngư Tinh và Mộc Tinh nhưng đã mang hình thức của 3 truyện cổ riêng rẽ? Mặt khác, nếu tin vào giả thuyết người Việt cổ vốn có nguồn gốc từ chủng tộc Anh-đô-nê-diêng (Indonésiens), tức là tộc người Đra-vi-diêng (Dravidiens) ở dưới chân Hy-mã-lạp-sơn (Himalaya), đã từng di cư nhiều đợt, trải qua nhiều chặng đi dài, từ khoảng 5.000 năm trước đây để cuối cùng đến định cư ở mảnh đất chữ S này, thì vì sao tổ tiên chúng ta không

giữ được một chút ký ức gì về những cuộc phiêu lưu vô cùng kỳ vĩ đó[4]? Hoặc giả, môi trường sống ổn định và đóng kín trong khoảng hơn hai nghìn năm lại đây, với phương thức canh tác ruộng nước, với tầm nhìn chật hẹp, chưa dám quay mặt ra biển cả mà chỉ muốn ngoái nhìn lại phía sau, sống lại thói quen trồng tría hái lượm trên đồi núi thuở xa xưa (xem truyện *Cổ ghép*, số 94) đã không cho phép người Việt sáng tạo được những truyện phiêu lưu mạo hiểm, ly kỳ?

Nếu xét một cách cụ thể hơn thì điều kiện hàng đầu của loại truyện phiêu lưu là phải đi liền với chữ viết, vì việc sáng tác loại hình này đòi hỏi phải kéo dài liên tục, đều kỳ, hết truyện này bắt sang truyện khác, mãi mãi vẫn không dứt, nếu không được ghi lại kịp thời thì khó lòng tránh khỏi rơi vào những mâu thuẫn buồn cười trong tình tiết cũng như nhân vật. Nhưng chữ viết ở Việt-nam lại đóng một vai trò khá muộn trong đời sống văn chương sách vở, và nhất là không thông dụng trong tầng lớp bình dân. Vì thế, nếu trong quá khứ xa xăm người Việt có sáng tác loại truyện phiêu lưu thì trước sau chúng cũng đã biến mất, chỉ sống được trong trí nhớ dân ba thế hệ là cùng. Nho sĩ Việt-nam xưa kia vốn quen coi "nôm na là cha mách quẻ" nên chắc chắn không mấy ai chịu nhận công việc ghi chép truyện phiêu lưu một cách tự nguyện như các học giả phương Tây đã làm đối với kho truyện của các nước cận Đông.

Đáng để ý nữa là: ở Việt-nam cũng không có loại truyện ngắn kéo (contes à tirois) như của Ả-rập (Arabie) (*Nghìn lẻ một đêm*), hay của Lào (*Vi-xa-ya-ma-chi-a*) v.v...mà chỉ có loại *truyện chuỗi*, thường bao gồm một chuỗi truyện nhỏ, hoặc gồm một chuỗi giai thoại, nhưng tư tưởng từng truyện nhỏ thường gắn bó với chủ đề chung (*Trạng Quỳnh*, *Trạng Lợn*, *Ông nghề Tân*, *Ông Ó* và có thể kể luôn truyện *Cổ Bợ*[5]).

Loại truyện chuỗi này cũng không thoát khỏi hình thức khôi hài hoặc trào phúng như những truyện phiêu lưu của chàng Ngốc mà trên đã dẫn.

[1] M. Đuy-răng (M. Durand) và Nguyễn Trần Huân. *Dẫn luận văn học Việt-nam*, Pa-ri, 1969; tr. 14.

[2] Trong *Truyện cổ nước Nam*, Nguyễn Văn Ngọc có sắp xếp riêng một tập 2gồm những truyện về loài vật lấy tên là "Muông chim", nhưng chúng tôi thấy trong đó ngoài một số truyện đơn thuần về loài vật (phần đông mang tính cách ngụ ngôn), còn thì hoặc có mục đích giải thích đặc điểm giống vật (như *Chó ba cẳng*, *Thằn lằn trộm chân lươn*), giải thích phong tục (như *Rùa đội bia*, *Nhện báo tin*), hoặc dựa vào phong dao tục ngữ mà diễn ra (như *Gián và nhện*, *Lươn và cá rô*), hoặc tuy là truyện về loài vật nhưng vẫn không thoát được sự can thiệp của con người (như *Chó đen và chó vàng*, *Long vương và ếch*). Đó là chưa kể có những truyện đã bị Nho hóa một cách vụng về (như *Cua và ếch*, *Khướu dạy học*, *Tranh bay trước bay sau...*).

[3] Trong *Nghìn lẻ một đêm*.

[4] Giả thuyết trên đây ra đời từ lâu, nhưng cũng được nhiều người bàn cãi, tranh luận và phê phán, vì chưa đủ độ tin cậy. Hiện nay giới dân tộc học tương đối thống nhất cho rằng người Việt-nam thuộc chủng Mông-gô-lô-ít Nam (Sud Mongoloide).

[5] Truyện lưu hành ở Nghệ - Tĩnh, đặc biệt nhân vật chính chuyên môn tàng hình, thường trêu chọc mọi người, có ngọn lửa thần làm vũ khí tùy thân. Tai nạn cháy nhà thường xuyên xảy ra ở Nghệ - Tĩnh trước đây do sức mạnh của gió Lào là nguồn gốc thực của truyện này.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

2. TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

2. TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM THẨM ĐẬM CHẤT LIỆU ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VIỆT CỔ; LÀ BIỂU TRƯNG NGHỆ THUẬT CỦA CÁI HIỀN HÒA, NHÂN ÁI, HAY TÍNH CHỪNG MỰC TRONG TÂM LÝ DÂN TỘC.

1. Mặc dù trong kho tàng cổ tích truyền thuyết của dân tộc có một phân số không nhỏ vốn mang nguồn gốc ngoại lai hoặc có liên quan với truyện của các dân tộc khác như chương sau sẽ đề cập, nhìn chung truyện cổ tích Việt-nam vẫn là những ống kính vạn hoa đặc sắc, giúp ta nhìn vào bề sâu lịch sử cộng đồng dân tộc Việt, tìm kiếm lại bóng dáng sự sống nhiều vẻ và đầy hoạt động của các hình thức xã hội Việt-nam cổ truyền. Mặt khác, thông qua quy luật thẩm mỹ, đây cũng là những tia hồi quang soi rõ vẻ đẹp và sức sống của tâm hồn, tình cảm, trí tuệ dân gian Việt-nam.

Có lẽ sẽ lý thú và bổ ích nếu dựa vào hiệu quả cụ thể của bộ môn thống kê, ta xác nhận được rằng ở Việt-nam đầy dẫy khắp mọi vùng miền đều có sự vận hành đều đặn của cái chu trình sáng tạo và truyền bá truyện tự sự dân gian, nhất là truyện cổ tích. Kết quả điền dã trong nhiều năm ở nhiều địa phương trong nước đã giúp chúng tôi nhìn ra một hiện tượng trùng lặp có ý nghĩa: hầu như ở làng xã nào cũng lưu hành song song hai loại truyện cổ: những truyện cổ đã *phổ biến* và những truyện cổ *chưa phổ biến*. Những truyện sau, ngoài đời sống truyền miệng trong sinh hoạt làng xã, có khi còn nằm lại trong các gia phả, tộc phả, thần phả, xã chí, v.v... Năm 1964, trong khi tiến hành khoanh vùng sưu tầm văn học dân gian tại một xã (xã Ích-hậu thuộc tỉnh Hà-tĩnh) chúng tôi đã tập hợp riêng về truyền thuyết cổ tích được cả thảy 53 đơn vị. Trừ 14 đơn vị không được hoàn chỉnh hoặc thiếu ý nghĩa, thì có đến 20 đơn vị vốn đã được công bố trong bộ sách này và 19 đơn vị tương đối hoàn chỉnh chưa công bố nhưng mang rõ tính đặc thù của

địa phương, trong đó có một đơn vị gồm 15 mẫu chuyện nhỏ [1]. Đó là chưa kể các loại hình tự sự khác, như thần thoại, tiểu lâm, ngụ ngôn...

Từ hiện tượng trên, một nhận xét có thể rút ra là, bất kỳ ở đâu, trong khi lưu hành truyện cổ tích, một số lượng không ít những truyện này thường được người kể gắn vào một địa điểm hay một di tích, một nhân vật, một phong tục, một sự kiện, một giống chim, một loài thú... đặc biệt của vùng mình. Việc gán ghép nhiều lúc có vẻ khiên cưỡng hoặc không được hài hòa cho lắm (ví dụ truyện *Tấm Cám* (số 154) đem áp đặt vào sự tích "Lý triều đệ tam hoàng hậu" ở Siêu-loại, nay thuộc Bắc-ninh), nhưng ở nhiều truyện thì lại có vẻ rất tự nhiên và y như thật, dầu vẫn biết đó là hư cấu (ví dụ truyện *Sự tích sông Nhà-bè* hay là truyện *Thủ Huồn* (số 30) gắn vào sông Nhà-bè, nay thuộc Sài-gòn, v.v...). Trong số 53 đơn vị truyện cổ sưu tầm ở Ích-hậu nói ở trên, chỉ lấy 19 đơn vị cuối đã có: 3 đơn vị gắn với chùa đền, 2 gắn với cồn, 2 gắn với cánh đồng [2], 1 với đê đập, 3 với tục lệ, còn nữa đều gắn với nhân vật cụ thể. Và trong số 15 truyện nhỏ thì có: 1 gắn với núi, 1 gắn với giếng [3], 1 gắn với ao, 1 gắn với chợ, và 1 gắn với cánh đồng.

Phải chăng có thể tìm thấy ở đây một đôi điều có giá trị gợi ý về sự hình thành cổ tích truyền thuyết? Có nghĩa là đa số truyện cổ - nếu không nói tất cả - đã được sáng tạo nên từ một đối tượng đặc thù nào đây (ví dụ một nhân vật cá biệt, hay có tầm cỡ siêu việt; một địa danh hay di tích linh thiêng liên quan đến những hiện tượng hiển ứng được dư luận không ngớt nhắc đi nhắc lại; một vật nào đó là đầu mối của một sự kiện thu hút sự chú ý của nhiều người, hay là một câu chuyện thú vị, một tấn bi kịch, hoặc hài kịch khó quên, v.v...). Và ngược lại, cũng chính nhờ bắt nguồn từ một "đối tượng" đột xuất, được cả vùng để ý tán dương hoặc chê trách, nên truyện sớm đi vào trí nhớ qua nhiều lời đồn, lời kể, rồi từ những lời ấy cứ thêm thắt dần mãi, cuối cùng thành *truyện*, được ghi chép và lưu truyền. Đó là vấn đề rất đáng được các giới cổ tích học nghiên cứu kỹ lưỡng. Với nhận

xét sơ lược ở đây, chúng tôi chỉ muốn nói rằng truyện cổ tích Việt-nam thường gắn bó chặt chẽ với đất nước và con người Việt-nam trên rất nhiều chặng đường lịch sử, nó *tô điểm cho đất nước và con người thêm ý nhị, truyền vào cho đất nước và con người sức sống của nhiều thế hệ quá khứ kết tinh lại.*

Nhiều địa danh rất cổ trong bảng từ vựng địa lý nước ta chắc hẳn đã mượn từ truyền thuyết cổ tích, như núi Vọng-phu, sông Kim-ngư, hồ Hoàn-kiểm hay hồ Gươm, đầm Mực, núi Cánh-diều, núi Mẫu-tử... Không ít loài cây loài vật đồ dùng trong đời sống dân tộc đã được mang những cái tên ngộ nghĩnh bám sát truyện cổ tích, như trái sầu *riêng*, ông *ba mươi*, chim *hít cô*, chim *bóp-thì-bóp*, con *dã tràng*, con *thạch sùng*, thằng *lốc ruộng thác đao*... Và nếu như các hình thức vần vè trong ngôn ngữ đời sống từng đi vào cổ tích, giúp cổ tích sớm chặt lọc được những câu nói có tính định hình, mang hơi hướng cổ ngữ, chẳng hạn "*Ăn một quả - Trả cục vàng - May túi ba gang - Mang đi mà đựng*" (truyện *Cây khế*, Khảo dị truyện số 59), hoặc "*Cót ca cốt kết - Lấy tranh chồng chị - Chị khoét mắt ra*"; "*Phơi áo chồng tao - Phơi lao phơi sào - Chớ phơi bờ rào - Rách áo chồng tao*" (truyện *Tấm Cám*, số 154), v.v...Thậm chí có những câu thành ngữ, tục ngữ, vè, ví, ca dao, vốn có thể tồn tại ngoài đời trước rồi mới đi vào cổ tích sau, như "*Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng bể - Con nuôi cha mẹ con kể tháng ngày*", "*Bụng làm dạ chịu*", "*Của thiên trả địa*", "*Nợ tình chưa trả cho ai - Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan*", "*Con vợ khôn lấythằng chồng đại - Như bông hoa lài cấm bãi cắt trâu*", "*Cứu vật vật trả ân - Cứu nhân nhân trả oán*" v.v... thì nhất định cũng có không ít những hình thức vần vè, những thành ngữ, tục ngữ phải từ một truyện cổ tích cụ thể nào đấy mới đúc nên được rồi sau đó sẽ "trừu tượng" hóa dần lên và tách khỏi cổ tích, đi vào cuộc đời chẳng hạn "*Nợ như chúa Chổm*", "*Thạch Sùng còn thiếu mẹ kho*", "*Lấy bầy như Cao Biền dậy non*", v.v... Hơn nữa, từ truyện cổ tích còn đẻ ra cả một loạt hình dung từ mới, mang những sắc thái ngữ nghĩa rất ý vị,

được đời sống ngôn ngữ của nhân dân chấp nhận, như *nói cuội, mưa ngâu, bù chì, con trời đánh v.v...*

Rõ ràng các hình thức giao tiếp phong phú, cụ thể trong sinh hoạt muôn vẻ của quần chúng, cũng như các sự tích "địa linh nhân kiệt" không bao giờ thiếu trên mọi vùng miền đất nước đã luôn luôn kích thích hoạt động sáng tạo truyện cổ tích, và đến lượt nó, sự kết tinh nghệ thuật của cổ tích tới mức chắt lọc ra được những từ ngữ, mô-típ, nhân vật điển hình, có sức khái quát rộng rãi, không thể thay đổi, thì chúng lại thâm nhập vào cuộc sống, thấm vào từng mạch máu, thớ thịt của đời sống dân tộc ở mọi vùng miền. Cuộc sống trở lại bắt chước cổ tích, hay là sức mạnh của nghệ thuật dân gian đã kích thích sự sáng tạo trong tâm lý quần chúng một lần thứ hai, để tiếp nhận và cải biên nghệ thuật cổ tích, làm giàu thêm cho các hình thức của đời sống.

ANH 1

2. Như vậy, sẽ chẳng lấy gì làm khó hiểu khi thấy thiên nhiên, đất nước Việt luôn luôn là chất liệu cho mọi tình tiết của truyện cổ, làm nền tảng phát triển của cốt truyện cổ tích, dù đó là những truyện thuần túy truyền kỳ. Chàng đốn củi trong *Chàng đốn củi và con tinh* (số **121**) không những nhận của con tinh những vật màu nhiệm dưới các dạng thức quen thuộc (con ngựa, cái mâm, cái ống) mà còn đánh trống gọi làng theo phong tục quen thuộc ở nông thôn Việt-nam. Cuộc chiến đấu dữ dội của Thủy thần và Điền quân công (số **71**) chẳng qua chỉ xoay quanh một trục lõi: một bên ra sức phá đê và xoi đê, còn một bên lại cố công đắp đê và hàn đê - đó đều là

những hiện tượng thiên tai và chống thiên tai trường kỳ dai dẳng ở miền Bắc nước ta mà vào một thời kỳ xa xưa, thiên thần thoại *Sơn Tinh - Thủy tinh* đã lấy cùng một nguồn cảm hứng. Mô-típ truyện *Nợ duyên trong mộng* (số **119**) là một kiểu mẫu tạo hình khá độc đáo, nhưng không nghi ngờ gì nữa, nó được hư cấu xuất phát từ hiện tượng di cư của loài bướm vốn không phải hiếm ở các vùng nhiệt đới.

Rồi còn nào là cây tre, cây đa, cây trầu, cây cau, nào là cái cò, cái vạc, con trâu, con voi, con hổ..., chúng đều có sẵn ở đồng ruộng và rừng núi nước ta. Những lực lượng giúp đỡ cô Tấm trong *Tấm Cám* (số **154**) ngoài Bụt - đối tượng tôn thờ của một tôn giáo ngoại lai nhưng từ lâu đã được dân tộc hóa triệt để ngay từ tên gọi - còn có cá bống, con gà, chim sẻ là những giống vật *có mối liên quan về chức năng* trong sinh hoạt của Tấm chứ không hẳn đã có ý nghĩa ma thuật gì...; và những hình thức tái sinh của Tấm là chim vàng anh, cây xoan đào, quả thị... đều không ra ngoài bảng động, thực vật gần gũi với nhân dân ta[4]. Nếu những giọt mưa ngâu trong *A chức chàng Ngưu* (số **182**) giải thích đặc điểm của vùng khí hậu thường chỉ diễn ra hàng năm ở miền Bắc thì những quả sầu riêng trong *Sự tích trái sầu riêng* (số **3**) cũng lại là một thứ đặc sản riêng được thi vị hóa của vùng khí hậu miền Nam.

Bên cạnh những cỏ cây, thú vật quen thuộc là những đồ dùng cũng rất quen thuộc trong nếp sống bình thường của xã hội Việt-nam cổ xưa: ông núc, ông bình vôi, cái rương xe, cây nêu, kể cả cái "mẻ kho" của kẻ khó, một cái "nút" nghệ thuật mang đậm chất tư duy phôn-clo (folklore) trong *Thạch Sùng còn thiếu mẻ kho* (số **36**) v.v...Cùng với "mẻ kho" là "đực rửa", cũng là một từ đóng vai trò bản lề trong nghệ thuật chơi chữ của truyện *Hà rằm hà rạc* (số **152**), một từ nôm na và rất cổ để chỉ con dao rửa, một vật dụng của đời sống người Việt hàng ngày.

Không chỉ sử dụng chất liệu hình ảnh cuộc sống dân tộc, truyện cổ tích Việt-nam còn đề cập đến cung cách làm ăn muôn đời của người dân Việt cổ truyền. Những cảnh làm ruộng, mò cua bắt ốc, chăn trâu cắt cỏ đánh giậm, đốn củi, mổ lợn, chống đòn ngang, chợ búa, chôn thuê, đi mót, đi ở, bán hàng nước... luôn luôn có mặt trở đi trở lại thường xuyên trong nhiều câu chuyện. Một bảng phân hạng chính xác những nghề nghiệp này và tần số lặp lại của chúng, trong các dị bản cổ tích, theo chúng tôi sẽ giúp *xác định rõ các kiểu cốt truyện mang tính bản địa nguyên sinh* của truyện cổ tích Việt-nam. Tuy nhiên, từ góc độ xã hội học lịch sử, ta cũng có thể tìm thấy ở đây diện mạo của một thời kỳ mà kinh tế nông thôn, trong đó có kinh tế của những gia đình riêng lẻ, đóng vai trò quan trọng nếu không nói là phổ biến. Đó cũng là thời kỳ thần thoại và anh hùng ca đang ngưng lại và mất dần ảnh hưởng, truyện cổ tích và truyền thuyết đang sinh sôi nảy nở và đưa lại những cảm hứng mới mẻ trong đời sống tinh thần của cả cộng đồng. Về mặt hình thái xã hội, hẳn đây là thời kỳ ngự trị của những công xã nông thôn để dần dần hội nhập vào cơ chế mới của xã hội quân chủ. Chính vì thế, đằng sau vô số truyện cổ tích vẫn thường ẩn hiện lúc mờ lúc rõ bức tranh sinh hoạt làng xã. Nhưng mỗi làng xã góp vào thế giới truyện của chúng ta một gương mặt độc đáo. Mang đậm nét tính cách một cộng đồng làng nghiêm túc, có thiết chế chặt chẽ, khép kín, hơn nữa có dáng dấp một thái ấp, là truyện *Hoàng Tín Hầu* (số **162**). Cả một tập thể bị đặt dưới quyền sinh sát của "bảy thằng ác nghiệt" - những chủ đất quyền thế nghiêng trời ngất đất xưa. Nếu có một tập thể làng chuyên môn làm cái nghề đàn phách bán vui cho thiên hạ trong *Người ở đàng với giặc Minh* (số **75**), thì cũng lại có một tập thể làng khác dựa vào điều kiện địa lý hết sức đặc biệt cùng nhau làm cái việc cướp của giết người trong *Bò béo bò gầy* (số **37**). Hay là hai truyện *Sự tích đình làng Đa-hòa* (số **123**) và *Người thợ mộc Nam-hoa* (số **105**) đều có đề tài liên quan đến cái đình, kiến trúc công cộng quan trọng và thiêng liêng trong mô hình văn hóa làng Việt cổ truyền.

Trong kho truyện cổ tích Việt-nam, hầu như không thấy bóng dáng thành thị, trừ một vài trường hợp hãn hữu có nói đến kinh kỳ, có phố xá đô hội (*Bà lớn đười ươi*, số **91**), có chợ phiên thị trấn (*Bọm lại gặp bọm*, số **76**), nói đến thương cảng nước ngoài (*Con mụ Lương*, số **84**) v.v... Mặc dù có rất ít truyện về thành thị nhưng truyện cổ tích lại không hiếm những đề tài mà hình ảnh tầng lớp thương nhân đóng vai chủ chốt, thậm chí là đại thương nhân hay phú thương, thường có ghe mành buôn bán khắp nơi, hoặc trao đổi hàng hóa với nước ngoài, như các truyện *Đồng tiền Vạn Lịch* (số **41**), *Thạch Sùng còn thiếu mẻ kho* (số **36**), *Con mụ Lương* (số **84**), *Sợi bắc tìm ra thủ phạm* (số **112**), *Người đàn bà bị vu oan* (số **109**)... Tuy nhiên, đối chiếu cốt truyện của những truyện này với những chuỗi dị bản đồng dạng của cổ tích nước ngoài, ta có khuynh hướng tin rằng đây là những cốt truyện nhập tịch từ ngoài đến và nhập tịch bằng con đường thuyền buôn là chủ yếu. Sỡ dĩ chúng sớm ổn định và bản địa hóa, vì nghề buôn vốn cũng không xa lạ trong đời sống của người Việt thời trung đại. Nhất là vào các thế kỷ XVI, XVII, XVIII hoạt động của nhiều thương cảng ở Bắc hà cũng như ở Nam hà khá tập nập, người nước ngoài đến buôn bán ở Việt-nam đã gây nên một tâm lý xã hội mang tính hai mặt: vừa tò mò, thích thú, vừa cảnh giác, khinh thường ("*Ngô nhớn Ngô con răng trắng nhờn*" - Tú Xương). Kết cục thường không trọn vẹn của số phận hầu hết nhân vật trong các truyện vừa dẫn, và những yếu tố có tác dụng "lạ hóa" ở những truyện này chứng minh tâm lý hai mặt của người nông dân cũng như của kẻ sĩ trong xã hội Việt cổ đối với nghề buôn đường biển mà họ cảm thấy như vẫn là một đám "giang hồ tứ chiếng" với đạo đức có phần "phá cách", và lối sống rất đổi lạ lùng.

Kinh đô trong một số truyện cổ tích chúng ta cũng chỉ là nơi ở của vua chúa, quý tộc, quan lại, nơi tích tụ giàu sang, tập trung những hội hè long trọng, nơi qua lại của các bậc anh hùng hào kiệt, nơi các nho sĩ thường đến đua tài, chứ chưa phải là nơi công thương nghiệp phát triển như ở phương

Tây. Hình ảnh vua trong cổ tích không nhiều vì vua dường như không phải là đối tượng mà sáng tác dân gian nhắm tới, mặt khác, cũng có một khoảng cách không thể san bằng giữa thế giới của vua (mà dân gian không được biết) với thế giới thế tục. Người dân vẫn chỉ có thể hình dung hoàng đế như một đấng chí tôn và vô thượng như quan niệm cha truyền con nối mà họ vẫn tuân theo. Bên cạnh vua nhà, trong kho truyện Việt-nam cũng như kho truyện Khơ-me (Khmer) nhiều khi còn thấp thoáng bóng dáng ông vua Trung-quốc, một hình ảnh chí tôn và vô thượng khác, nhưng vai trò nhân vật này xuất hiện trong một số truyện chỉ để làm đối thủ (nhân vật cản trở) của nhân vật chính, và thắng lợi cuối cùng dĩ nhiên không thuộc về phía đối thủ (*Bốn anh tài*, số **66**; *Khổng Lồ đúc chuông*, số **67**; *Lê Như Hồ*, số **63**...).

Kho truyện cổ tích Việt-nam cũng có nhắc đến nhưng thật là ít ỏi hình ảnh những nàng công chúa, những ông hoàng tử, và vai trò của họ ở đây xem ra không có gì nổi bật như những nàng công chúa, ông hoàng tử trong kho truyện của Ấn-độ hay của phương Tây, trừ một vài nhân vật rất cá biệt, ví dụ công chúa Tiên Dung trong *Sự tích đầm Nhất-dạ và bãi Tự-nhiên* (số **28**), hay công chúa Bảo Nương và Ngọc Nương trong *Hai nàng công chúa nhà Trần* (số **102**).

Bộ mặt kinh đô được truyện cổ tích quan tâm đến nhiều hơn là ở khía cạnh sinh hoạt của cái xã hội bình dân, phường phố: câu chuyện về những người thợ thủ công, lớp người góp phần tạo nên sự sống của thành thị, như thợ kim hoàn, thợ đúc, thợ giày, thợ bưng trống, lái hương, hàng dầu, hàng rượu... Bên cạnh đó là những anh học trò đi học, đi thi, những thầy đồ mở trường dạy học, những nhà tu hành đạo Phật, lác đác còn có những đạo sĩ, phù thủy, thầy thuốc, thầy địa lý... Và xen lẫn với họ là có một tầng lớp lưu manh, sản phẩm của lối sống lọc lừa, lấy chợ búa, thành thị làm nơi hoạt động, nơi đi mây về gió và nấu hình ẩn tích của mình (*Bà lớn đười ươi*, số **91**; *Quận Gió*, số **77**...).

Thật ra, các tầng lớp làm nghề thủ công, buôn bán, nhà sư, đạo sĩ và học trò, cả đám lưu manh, trộm cắp... không nhất thiết quy tụ ở kinh đô nên hình ảnh của họ trong truyện cổ tích không đặc trưng cho sinh hoạt kinh đô. Nhưng hoạt động của họ cũng không còn bó chặt lại trong phạm vi nông thôn; họ là nhân tố bước đầu phá vỡ sự khép kín của làng xã, là cầu nối giữa nông thôn và các thành thị kiểu cổ. Vì vậy, trong xu hướng ngày càng tha hóa của các yếu tố thần kỳ, truyện cổ tích thể sự hay sinh hoạt đã tự nhiên hướng đến những loại nhân vật này như một biện pháp "lạ hóa" trong nghệ thuật biểu hiện. Nhờ đó, đề tài xã hội mà truyện cổ tích chiếm lĩnh giờ đây cũng đã rộng hơn hẳn trước, không còn giới hạn trong câu chuyện một làng, một xóm hay quần quanh trong một gia đình... Dầu sao, nhìn một cách tổng quát, tưởng tượng trong sáng tác cổ tích vẫn chưa vượt khỏi hình ảnh một xã hội quân chủ kiểu phương Đông với hệ thống làng xã dày đặc làm chân rết cho nó, mà những mối giao lưu hiếm hoi bằng đường biển, đường sông, đường bộ... hay những cuộc khởi nghĩa, nổi loạn của nông dân... vẫn chưa làm cho nề nếp sinh hoạt của nó mất vẻ phẳng lặng. Nhìn vào bề sâu xã hội này cũng đã có một ít nét đa dạng, và ít nhiều đã có cá tính.

Ở đây cái nghèo thì thật là nghèo, nghèo đến mức cả gia đình phải thay đổi nhau độc một manh khố rách (*Sự tích đầm Nhất-dạ và bãi Tự-nhiên*, số **28**), nhưng mặt khác, sự phân hóa giàu nghèo cũng chưa đến nỗi dữ dội, gay gắt, đẩy truyện cổ tích đến những xung đột nghệ thuật đi ra ngoài các thủ pháp ước lệ thường thấy. Sự xa hoa tột bậc trong *Nghìn lẻ một đêm* hình như không có đất tồn tại trong truyện cổ tích Việt-nam và tính chất khuôn phép của một xã hội ngự trị bởi lễ giáo nghiêm ngặt, trong *Kim cổ kỳ quan*, *Cổ kim tiểu thuyết*... hình như đối với truyện cổ tích Việt Nam cũng vẫn là xa lạ. Trên một phương diện nào, đây là một xã hội luộm thuộm, không đến đâu đến đâu, nhưng cũng vì thế nó vẫn giữ được tính nhân bản hồn nhiên, và vẻ đẹp hiền hòa trong quan hệ giữa người và người.

3. Không có gì khác lạ so với truyện của các dân tộc, xung đột gia đình, làng xã, xung đột đẳng cấp, xung đột về sinh hoạt đạo đức, về quan hệ duyên ái... đều là động cơ phát triển của những hành động cổ tích. Có những vấn đề rất hẹp nhưng lại phổ biến, có ý nghĩa xã hội sâu sắc trong một thời đoạn lịch sử nào đấy, chẳng hạn vấn đề quyền lợi đứa con riêng (*Tấm Cám*, số 154[5]), hay số phận người em út, đứa con mồ côi... không còn được cơ chế xã hội thị tộc bảo vệ, khi hình thái công hữu bắt đầu tan rã và chế độ phụ quyền thiết lập, giành cho đứa con trưởng quyền thừa kế trong gia đình (*Bính và Đình*, số 151; *Hai anh em và con chó đá*, số 193; *Nhân tham tài nhi tử, điều tham thực nhi vong*, số 59; *Chàng đốn củi và con tinh*, số 121; *Hà rằm hà rạc*, số 152). Rồi cũng với các bước tiến của xã hội, chế độ tiểu tư hữu ra đời, trong mỗi quan hệ gia đình lại nảy sinh bao nhiêu điều tồn tại mới; vấn đề đẻ của cho con trai hay con gái (*Ông già họ Lê*, số 153), vấn đề phụng dưỡng bố mẹ già (*Cha mẹ nuôi con bế hồ lai láng, con nuôi cha mẹ kể tháng kể ngày*, số 51), vấn đề quan hệ giữa người con gái đi lấy chồng với bố mẹ đẻ (*Sự tích khăn tang*, số 186), vấn đề quan hệ họ hàng thân tộc (*Giết chó khuyển chồng*, số 50), vấn đề dì ghẻ con chồng (*Sự tích con dế*, số 145)... Nói chung, chủ đề chữ "hiếu" đã thấm vào toàn bộ mạch cảm hứng của loại truyện lấy xung đột gia đình làm nền tảng, ở thời kỳ trung đại về sau.

Ở một cấp độ cao hơn, truyện cổ tích cũng động đến những vấn đề xung đột thuộc phạm vi cộng đồng làng xã: việc tranh chấp ruộng đất giữa làng này và làng kia (*Gốc tích ruộng thác đao*, số 25), mâu thuẫn giữa chủ và tớ, giữa người giàu và kẻ nghèo (*Cây tre trăm đốt*, số 125; *Sự tích con khi*, số 12); rộng hơn nữa là những vấn đề liên minh hoặc thôn tính giữa bộ lạc này với bộ lạc khác, những cuộc đấu tranh tự vệ của dân tộc Việt trên quá trình hình thành nhà nước, quá trình ngăn chặn sự bành trướng của kẻ thù phương Bắc và mở rộng lãnh thổ về phía Nam (*My Châu - Trọng Thủy*, số 174; *Sự tích thành Lôi*, số 34; *Người ả đào với giặc Minh*, số 75). Có điều,

nếu so sánh về tỷ lệ thì loại truyện mang đề tài gia đình, làng xã vẫn có số lượng cao hơn so với loại truyện mang đề tài đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc. Vì sao? Có lẽ đây cũng là một hạn chế tự nhiên không tránh khỏi, trong ý thức và tầm nhìn của các tác giả dân gian. Chúng tôi ngờ rằng trong đời sống nông thôn Việt-nam cổ xưa cho mãi đến sát thời cận đại, sự phân hóa đẳng cấp vẫn chưa lấy gì làm rõ rệt, và chưa nổi cộm thành những quan hệ đối kháng nhức nhối, thu hút sự chú ý của người sáng tác truyện kể. Cũng vậy, vấn đề chống xâm lăng hay bảo vệ chủ quyền dân tộc là một tình cảm thiêng liêng, một nghĩa vụ xã hội được nhận thức rất sớm trong các tầng lớp đầu lĩnh, hào trưởng, nhưng đối với quần chúng nông dân, trong đó các nghệ sĩ dân gian, tình cảm này vẫn tiềm tàng như một trực cảm tự nhiên và chỉ được nâng cấp dần lên qua các khái niệm *cộng đồng làng xã* mà họ từng gắn bó từ rất lâu đời. Bởi vậy, dù người dân Việt ngay trong thời Bắc thuộc đã được hun đúc khá nhiều về lòng yêu nước, kết tinh lại ở nhiều truyền thuyết, anh hùng ca..., vẫn có thể phỏng đoán số lớn loại truyện cổ tích về đề tài quốc gia xã tắc là do bàn tay nho sĩ sáng tạo về sau - dưới thời quân chủ độc lập (sau năm 938) - mà dân gian chỉ đóng vai trò tiếp nhận và lưu truyền, bản tính hồn nhiên của họ cũng làm cho câu chuyện được hiểu một cách uyển chuyển chứ không cứng nhắc (chẳng hạn truyện *Lê Lợi*, số **99**, là muốn nói đến tinh thần đùm bọc của nhân dân đối với một con người nghĩa khí, cũng như đối với *Chàng Lía* (số **64**), chứ không phải là nhân dân sớm nhận ra ở đây là hình ảnh một vị "chân chúa" như trong các truyền thuyết khác của nhà nho về Lê Lợi). Hoặc chính dân gian cũng đóng góp phần điều chỉnh, đưa thêm vào đó những chủ đề mới, làm rõ nét hơn những nhân tố phù hợp với cảm quan thẩm mỹ của mình. Truyện *My Châu - Trọng Thủy* (số **174**) là một bằng chứng cụ thể. Gần đây chúng ta bàn đến câu chuyện này khá nhiều, và nhiều người chỉ muốn gò ép cốt truyện thành một "bài học cảnh giác với kẻ thù xâm lược". Nhưng xem xét lại văn bản gốc ta sẽ thấy truyện không phải chỉ đơn thuần có một lớp nghĩa. Có lớp nghĩa quả hướng về bài học cảnh giác, đúng hơn là một kinh nghiệm xử thế đòi hỏi không bao giờ được sống hời hợt; đắp thành kiên cố để ngăn chặn giặc, có ngờ đâu giặc lại lọt vào tận lòng ruột của mình; tìm

đường chạy trốn giặc có ngờ đâu giặc lại ở ngay sát sau lưng; đời cha dốc bao nhiêu xương máu xây dựng nên cơ đồ thế mà chỉ một sớm một chiều vì nhẹ dạ, đời con lại làm cho tan nát... Nhưng cũng không thể bỏ qua một lớp nghĩa thứ hai, không kém quan trọng, hướng về mối tình của My Châu - Trọng Thủy; tình yêu chân thành, ngây thơ và trong trắng nhiều khi lại là nạn nhân của mọi tranh đoạt tàn khốc, nhưng chỉ kẻ nào mưu đồ tranh đoạt mới là tội lỗi, còn tình yêu không vụ lợi thì bao giờ cũng được đền bù. Đó là cách nhìn độ lượng của dân gian đối với tấn bi kịch của My Châu. Nước giếng Trọng Thủy làm sáng ngọc trai cũng là một biểu tượng nghệ thuật hoàn hảo mà chỉ riêng quan điểm "xã tắc" của nhà nho không thôi không thể sáng tạo nên được.

4. Như vậy, nội dung xã hội của truyện cổ tích trước hết không phải là ý nghĩa xác thực của câu chuyện kể. Nếu muốn tìm giá trị phản ánh hiện thực của loại hình này chắc chắn những điều chúng ta rút ra được sẽ rất đơn giản, không đáp ứng nổi các bước trù tượng cao của nhận thức, và cũng không giúp ta nắm được sức mạnh nghệ thuật chủ yếu của loại hình. Truyện cổ tích Việt-nam bám rất sát chất liệu đời sống xã hội Việt cổ, nhưng không thể qua truyện cổ tích để dựng lại một cách chi tiết và chính xác bức tranh hiện thực về các mối quan hệ xã hội cụ thể - lịch sử của người nông dân Việt-nam trong quá khứ, hay về các chặng đường tiến triển của xã hội nông nghiệp Việt-nam cổ truyền, vì lẽ truyện dân gian không phải là tài liệu lịch sử, và phương thức tư duy nghệ thuật tự sự dân gian cũng khác với văn học thành văn. Chỉ có thể rút ra được ở truyện cổ tích những bài học về kinh nghiệm xử thế, về triết lý sống hóm hỉnh, thâm thúy mà cũng rất thực tiễn của nhân dân, và những dạng thức của đời sống đã được mô hình hóa mà sự từng trải giúp cho người ta nhận ra đây là dạng thức có thể lặp lại ở đâu đó không phải chỉ một đôi lần. Bên cạnh đó, còn có khá nhiều lời răn về tu dưỡng đạo đức, như rèn luyện tính kiên trì nhẫn nại (*Sự tích chim tu hú*, số **6**), cảnh giác trước bản năng mãnh hơn giáo dục (*Sự tích đèn Cồn*, số **161**), dự phòng sự hủ hóa của tâm tính (*Thử thần và*

Miêu thần, số **140**), ngăn ngừa trước cơn bão của dục vọng (*Ngậm ngải tìm trầm*, số **187**), v.v... Và tất cả, soi chiếu cho nhau, sẽ tạo nên chân lý của cái đẹp trong cổ tích, là *cái chân thực có tính chất dân gian* của truyện cổ tích Việt-nam - nét đặc thù từng khiến người đọc truyện truyền thống phải nghĩ rằng truyện tất đã xảy ra ở đâu đó ngay gần nơi mình sống, hay nếu không cũng xảy ra ở một vùng quanh địa phương của mình. Hơn đâu hết, truyện cổ tích là *một sự giải bày tâm trạng và một sự ngụ ý*, ở đó mỗi tương thông giữa người kể và người nghe kể là họ cũng được đặt vào một môi trường sinh hoạt mà mình quen thuộc từ chân tơ kẽ tóc, và do đó cùng có những phản xạ dây chuyền trong tình cảm không khác gì nhau. Chính vì thế cũng có thể nói, trong quá trình nhào nặn nên từ chất liệu của đời sống, của cảnh quan và địa hình, địa mạo đất nước, truyện cổ tích, kể cả những cốt truyện vay mượn của nước ngoài, đã *kết tinh đậm nét tâm lý dân tộc, nhất là tâm lý người bình dân Việt-nam*. Nhận diện đặc điểm truyện cổ tích Việt-nam không thể quên điều ấy, và mấu chốt của quy luật "bản địa hóa" trong truyện cổ tích Việt-nam cũng là ở chỗ ấy.

Như chúng tôi đã nói ở đặc điểm thứ nhất, tính chừng mực về "độ" là một nét trong tâm lý của dân tộc chúng ta. Đối với người bình dân Việt-nam thì tính chừng mực về "độ" lại được biểu hiện dưới một sắc thái riêng mà ta có thể tạm gọi là cái bình dị. Mọi tưởng tượng nghệ thuật của người bình dân đều lấy mẫu trong cuộc sống hàng ngày. Ngay cả những thế giới kỳ ảo của địa ngục, thiên đường được hình thành qua truyện cổ tích cũng không có gì là ghê gớm. Từ cách thức sinh hoạt đến tâm tính nhân vật, các không gian cõi trời, cõi nước, cõi âm, cả cõi mộng nữa, của truyện cổ tích đều không khác biệt với không gian cõi trần. Riêng thế giới cõi âm, do chịu ảnh hưởng của Phật giáo nên có hình ảnh Địa ngục với mười tầng hay mười tám tầng sâu - mà ta có thể nhận ra qua các cụm tượng bằng đất hoặc bằng gỗ do bàn tay dân gian chế tác ở nhiều ngôi chùa dân dã. Nhưng đấy là nơi lũ quỷ sứ trừng phạt tội nhân theo lệnh của Diêm vương, một loại nhà tù phân loại theo thứ bậc nặng nhẹ, còn ngoài ra, cõi âm cũng vẫn bình lặng, có núi

sông và cảnh vật đẹp đẽ, và không hề trải qua những khổ đau quần quai như cái thế giới địa ngục trong thần thoại Hy-lạp (Mythologie Greque) do vị thần Ha-đex (Hades) cai quản, hay thế giới huyền ảo mà Đan-tê (A.Dante) miêu tả trong *Thần khúc* (*La divine comédie*) ở thế kỷ XV. Chẳng phải trong truyện *Phạm Công - Cúc Hoa*, Phạm Công nhớ vợ, được đánh đồng thiếp để xuống âm phủ tìm nàng, nhưng đi tìm khắp nơi vẫn không thấy, cuối cùng cả người và ngựa lần xuống một dòng sông tắm mát, ngờ đâu gặp lúc bọn đầy tớ gái nhà Cúc Hoa cũng đang tắm ở đây; chúng đã ngượng ngùng bỏ chạy lên bờ, sau đó chạy về trình với chủ, nhờ đó mà hai người gặp lại nhau...? Cái thế giới mà Phạm Công phải xông xáo khắp nơi để tìm nàng Cúc Hoa nào có gì phân biệt với cõi dương gian đâu!

Có thể là trong thế giới quan của người Việt từ thời cổ đại vốn đã mang những quan niệm đơn giản, thô sơ về vũ trụ, nên khả năng tưởng tượng về sau đó ít có điều kiện nảy nở. Nhưng ít nhất, theo chúng tôi thì tâm lý của lối sống làng xã phẳng lặng vào giai đoạn trung thế kỷ đã ảnh hưởng một phần khá lớn, vì như ta biết, giữa người Việt và người Mường vốn có mối liên hệ lâu dài và gần gũi, vậy mà tưởng tượng của người Mường trong truyện *Đẻ đất đẻ nước* lại khác chúng ta rất nhiều: cái không gian của thế giới bên kia được câu chuyện vẽ ra thật lăm nặc, như Mường Trời (Klời), Mường Bằng (Pửa) và Mường Bằng dưới (Pửa tén). Và so với xã hội trần gian thì những xã hội này ít nhiều đều là biểu hiện đối nghịch, hoặc huyền ảo hơn nhiều, ví dụ xã hội trần thế: bên này sáng thì bên kia là tối, bên này đêm thì bên kia là ngày, "bên này chó thì bên nọ là chim"...

Cũng như đã được nhắc đến ở đặc điểm thứ nhất, xu hướng đi gần với lý tính trong tưởng tượng nghệ thuật cũng là một sản phẩm của tâm lý dân tộc vốn đã xuất hiện từ rất lâu đời. Trong truyện cổ tích Việt-nam, không những người ta muốn có những kiểu hư cấu theo mẫu hình người, mà người ta còn muốn gạn lọc, tước bớt đi những gì có vẻ như thái quá hay bất cập. Trạng thái đối lập nhiều mặt trong quan hệ nhân vật (nhất là quan hệ

đẳng cấp) bị giảm thiểu, và những tình huống gay cấn, những cách xử lý tàn khốc, những căng thẳng về kịch tính trong chiều hướng phát triển của nhiều truyện, cũng bị xén gọt đi. Có nghĩa là nghệ thuật truyện cổ tích Việt-nam không cho phép đẩy tình tiết tới những kết cục không có hậu và tạo ra những nút thắt quá bất ngờ.

Và đứng về phương thức tư duy cổ tích, nhìn chung, người đọc dễ nhận thấy một không khí hiền hòa, êm dịu trùm lên toàn kho truyện. Đây là điều khác biệt với kho truyện cổ tích của nhiều dân tộc. Những chi tiết gây tâm lý kinh hoàng khủng khiếp nhiều khi đạt đến kỷ lục trong truyện của Ấn Độ, Ả-rập (Arabie), Hy-lạp (Grèce) nhưng lại tuyệt đối hiếm trong truyện cổ tích Việt Nam.

Tất nhiên, không phải trong truyện của chúng ta không có những yếu tố "bi" chi phối từ đầu đến cuối, như *Sự tích đèn Cờn* (số **161**) hay *Rắn báo oán* (số **158**); nhưng cái bi trong *Rắn báo oán* có tính chất ngẫu nhiên và gần như số mệnh, còn cái bi trong *Sự tích đèn Cờn* là kết quả của những hành động bảo toàn danh dự mà qua đó các nhân vật đều đã chuộc lại được sự thiện lương; cho nên tuy bi nhưng tình cảm người đọc đã được nâng đỡ bên trong. Trong truyện cổ tích Việt-nam cũng không phải không có những yếu tố "ác", - những cách xử lý sát phạt và những kết cục khốc liệt cho nhân vật - chẳng hạn truyện *Rạch đùi giấu ngọc* (số **159**), hay *Tấm Cám* (số **154**); nhưng nếu ở truyện *Rạch đùi giấu ngọc*, cái "ác" là do đấng thiên tử gây ra, mà nói đến thiên tử thì mọi hành vi đều "bất khả lý giải", thì cái "ác" trong kết cục *Tấm Cám* - một hành vi trả đũa có phần hả hê nhưng cũng gớm ghiếc - lại gần như là một mô-típ du nhập từ ngoài tới chứ không phải "nội sinh". Đánh rằng không ai có quyền chê trách việc làm của Tấm ở đây là không thỏa đáng, nhưng hẳn cũng khó có thể nói khác rằng đây là một kiểu kết thúc ít thấy trong các dạng truyện cổ tích Việt-nam thông thường. Thông thường, người ta cố tránh cho nhân vật chính diện một sự can thiệp trực tiếp vào cái kết cục thâm thúy cuối cùng của kẻ xấu. Thay vào

đấy, người ta sẵn sàng mượn lực lượng siêu nhiên và tự nhiên làm hộ (sấm sét, ma quỷ, hổ lang,...). Câu chuyện tất nhiên không đạt được sự khoái cảm mỹ mãn như khi theo dõi một mâu thuẫn diễn tiến tự nó, với những tình tiết căng thẳng đến phút cuối cùng. Nhưng vẻ đẹp của nhân vật chính diện bao giờ cũng giữ được toàn vẹn. và thính giả truyện cổ tích sẽ có được cảm giác hoàn toàn thanh thản trong tình yêu đối với nhân vật của mình. Một phần số nhỏ truyện cổ tích Việt-nam còn phá vỡ kết cấu đấu tranh chính - tà theo kiểu truyền thống bằng những biện pháp táo bạo: thay đổi chiều hướng diễn tiến của một vế (chính hoặc tà) ngay vào giữa tiến trình câu chuyện. Trong tình huống như vậy truyện cổ tích không còn kết thúc như nó đáng lẽ phải diễn ra (cái ác bị triệt tiêu) mà kết thúc bằng sự song song tồn tại của cả hai vế *chính* và *tà* như cũ, hoặc có chuyển hóa nhưng cơ bản vẫn tồn tại. Tuy thế, ý nghĩa của truyện không hề bị hạ thấp mà lại được nâng cao hơn nhiều.

Trường hợp vì lý do gì đấy mà cái ác thay đổi, lô gích câu chuyện không có gì khó hiểu vì mâu thuẫn *chính - tà* đã được xóa bỏ. Nhưng trường hợp cái *thiện* thay đổi thì không phải thiện lại chuyển hóa thành ác (tâm lý dân gian Việt-nam loại trừ khả năng này), mà chính là bản thân nó thay đổi cách nhìn đối với ác; nó hiểu ác cũng là một mặt của cuộc sống, đối lập nhưng không tách rời với nó, vì thế từ mục tiêu trừng trị nó chuyển sang mục tiêu răn đe và cảm hóa để tác hại của ác bị hạn chế đến mức tối thiểu, và như thế sẽ có ý nghĩa thiết thực hơn nhiều (xem hình vẽ: **Dạng kết cấu I**). Đương nhiên, ở những trường hợp này cái *thiện* đã đạt đến mức "chí thiện", và truyện cổ tích thường hình dung đấy là thiện của các bậc siêu nhân (Trời, Phật, hay đức thánh Khổng Lồ...), nhưng với cách xử lý đặc biệt đó, tác giả cũng có dịp đề cao lòng khoan dung độ lượng, sự thể tất nhân tình như là vẻ đẹp cao quý của phẩm chất NGƯỜI nói chung, phẩm chất *người* gắn với tâm lý cộng đồng người Việt nói riêng (các truyện *Phạm Nhĩ* hay là *sự tích ông ba mươi*, số 156; *Người thợ đúc và anh học nghề*, số 122).

ANH 2

Nhưng cũng có khi hiện tượng đột biến của kết cấu *chính - tà* diễn ra còn lắt léo hơn vì nhân vật chính diện mang trong mình nó không phải một phẩm chất *thiện* thuần nhất mà là một *phẩm chất trung gian* (lẫn lộn cả hai khả năng "hướng thiện" và "hướng ác". Với tư cách này, đòi hỏi nhân vật tự giác thực hành *thiện*, hoặc vươn lên trên cái *thiện* để trở thành *chí thiện*, thật không phải dễ. Mặc dù vậy, tác giả dân gian đã loại trừ ngay chiều hướng bất thiện của nhân vật và gán cho nhân vật một quá trình đi từ mê muội đến tỉnh ngộ. Để hướng thiện được, nhân vật đã phải đấu tranh với cái *ác* ở ngay trong lòng nó. Và sự thắng lợi của cuộc đấu tranh "nội tại" này tuy rất vất vả nhưng cũng chính là sự thắng lợi của của *chính* đối với *tà* trong đường dây tiến triển của câu chuyện. Kết quả, nhân vật được người nghe yêu mến và thích thú, vì điều người ta không ngờ tới là phẩm chất "người" tưởng còn le lói ở trong no, hóa ra lại trở thành nổi trội, lấn át dần cái mặt "phi nhân" (xem hình vẽ: **Dạng kết cấu II**). Truyện *Con ma báo thù* (số 157) là thuộc dạng kết cấu nói trên. Vốn xuất hiện từ đầu câu

chuyện trong tư cách một "con ma", mà tiền kiếp là một tên cướp bị xử trảm, nhân vật chính của truyện có vẻ rất khó giữ được nhân tính. Hơn thế nữa, cái việc y báo thù cho mình lại có lý do chính đáng, lẽ thường ai cũng thông cảm, vì kẻ thù của y đã từng nuốt trôi lời hứa, để y vừa mất tiền vừa phải chịu tội tử hình. Ấy thế nhưng chỉ mới sau một lần trả thù, lương tri của nhân vật đã kịp thời được đánh thức. Ở phần kết thúc, khi "con ma" tự phân bua với bạn: "Làm cho con nó điên khùng một dạo như thế là đủ" nhằm giải thích việc nó từ bỏ sự trả thù vô nghĩa, thì vô hình trong đằng sau bóng dáng "phi nhân" của nhân vật cũng đã lấp lánh một phẩm chất *người*.

anh 3

Với tâm lý thể tất nhân tình truyền thống trong nhiều mối quan hệ ứng xử (trong họ, ngoài làng, và giữa "bàn dân thiên hạ" cả nước) tác giả dân gian còn tìm ra nhiều hình thức phát triển của kết cấu *chính - tà* rất đặc sắc, nhằm đề cao lòng nhân ái của cả cộng đồng. Chẳng hạn, khi cái ác đã có chiều hướng chuyển hóa, truyện cổ tích bao giờ cũng đẩy cho sự chuyển hóa đó nhanh hơn, và đền đáp cho sự tự nguyện chuyển hóa này những phần thưởng đích đáng, nhiều khi vượt quá mức bình thường. Trong truyện *Sự tích sông Nhà-bè hay là truyện Thủ Huồn* (số 30), nhân vật chính là người từng gây ra bao nhiêu tang tóc, làm "táng gia bại sản" không biết bao nhiêu người. Nếu cứ đúng tội gia hình thì dù hối lỗi đến đâu y cũng không làm sao có thể toàn mạng. Thế nhưng khi y đã ý thức được sự nghiêm trọng của tội lỗi và quyết tâm rửa bằng sạch, tác giả lập tức cho y được đền bù ở

kiếpsau, thậm chí còn được đền bù nhiều hơn cái mức người nghe truyện chờ mong: sau khi chết Thủ Huồn được đón ngay về làm vua Trung Quốc. Như thế, trên bình diện tư tưởng, truyện cổ tích Việt Nam đã đặt một vấn đề có tầm triết lý sâu sắc: mục tiêu của cuộc đấu tranh *chính - tà, thiện - ác* của con người không phải là diệt trừ cái *ác* cho đến tận gốc - mong mỗi điều đó biết đâu lại chẳng là một ảo tưởng - mà vấn đề cốt thiết hơn nhiều là làm sao chuyển *ác* thành *thiện*, làm cho cái mặt *chính* lớn dần ngay trong bản thân về đối lập với nó là *tà* (Xem hình vẽ: **Dạng kết cấu III**). Nói như Lão Tử "*Tự tri giả minh, tự thắng giả cường*" 自知者明, 自勝者強. Cũng vì mục tiêu đó mà cuộc đấu tranh bao giờ cũng cần dừng lại đúng lúc, khi điều kiện để chuyển hóa mặt đối lập đã đạt được. Sự chùng mực về "độ" trong tâm lý dân tộc ở đây trở thành một thành tố nghệ thuật đầy ý nghĩa.

ANH 4

Không phải là tình cờ mà trong truyện *Sự tích hồ Gươm* (số 26) cây gươm thần của Long Quân trao cho Lê Lợi đã tung hoành trên mọi trận địa chống giặc Minh hung ác, nhưng sau khi làm xong công việc cứu nước, nó lại được Long Quân sai rùa vàng lên đòi lại, và nhà vua đành vui lòng trao trả tại hồ Gươm. Hay trong truyện *Khổng Lồ đúc chuông hay là sự tích trâu vàng hồ Tây* (số 67), quả hồng chung tốn bao nhiêu sức người sức của để đúc nên, thế mà vừa đúc xong nó lại được mọi người chấp thuận ném xuống hồ Tây, chỉ vì để khỏi "gây hiềm khích với các nước khác". Đây quả là những hình tượng tuyệt đẹp phản ánh không chỉ nguyện vọng riêng của

tác giả dân gian mà là nguyện vọng chung của dân tộc nhằm duy trì một thể ứng xử lấy an cư lạc nghiệp làm quốc sách, "một sự nhịn là chín sự lành".

Thắng hoặc nếu có lúc nào cuộc đấu tranh *chính - tà* diễn ra một cách không cân nhắc, không lấy sự thể tất nhân tình làm lõi cốt, do đó mà vô tình hay cố ý vượt quá "độ" cho phép, thì kết thúc truyện dường như lại có một đôi tình tiết phát sinh, có ý nghĩa răn đe trở lại đối với những hậu quả do sự mù quáng của chính cái *thiện* gây ra. Chẳng hạn truyện *Từ Đạo Hạnh* hay *sự tích thánh Láng* (số **120**), truyện *Giáp Hải* (số **149**)... Trong truyện *Giáp Hải*, nhân vật Giáp Hải vốn là một hình ảnh chính diện tiêu biểu, nhưng chỉ vì một lần phụ trách chấm thi ra đề quá hiểm hóc, bị thí sinh làm reo, ông phải đối phó bằng cách giết chết kẻ cầm đầu mới dẹp yên được, thế là dù cách xử sự của ông chỉ là bất đắc dĩ, ông cũng phải chịu ngay "quả báo": người con ông đang khỏe mạnh tự nhiên lặn ra chết; cố nhờ đạo sĩ làm phép cho được gặp con thì con lờ đi như không quen biết, chỉ bảo với bạn: "Trước kia tôi có trọ nhà ông ta hai chục năm, nhưng vì ông ta giết oan mất một người học trò nên tôi không ở nữa". Có thể thấy đây là loại đề tài mà quan hệ *chính - tà* không diễn ra một chiều đơn giản, mà diễn ra theo *quan hệ kép*, vừa thuận chiều, lại vừa có nghịch chiều (Xem hình vẽ: **Dạng kết cấu IV**). Về mặt tư tưởng nó càng góp phần soi tỏ tâm lý hướng thiện thấu đáo của dân tộc.

Tóm lại, cuộc sống được phản ánh trong truyện cổ tích chúng ta là cuộc

sống đã bớt tàn nhẫn và thô bạo. Nó trở nên hiền hòa, êm dịu hơn. Tất nhiên, cuộc sống đó đã thông qua sự kết tinh của nghệ thuật. Nhưng nếu bảo nghệ thuật là sự tô chuốt lại sự thật, làm dịu hóa sự thật thì ở đây phải có sự can thiệp của tâm lý, tính cách dân tộc. Tình cảm tự nhiên, tinh thần lạc quan, lý tưởng nhân đạo sẽ kết hợp nhuần nhuyễn với chủ đề, với phong cách, và biểu hiện ra một cách tổng hợp thành cảm quan thẩm mỹ của quần chúng. Kết thúc có hậu của dân gian cũng đáng được kể đến ở đây. Biến hóa thần diệu thay cho chết chóc trong *Sự tích trầu, cau và vôi* (số 2) và *Sự tích chim hít cô* (số 5) chẳng hạn, sẽ khiến cho cốt truyện giảm tính chất bi thảm, gây niềm bồi hồi nhẹ nhàng của người nghe kể, đó cũng lại là truyền thống nghệ thuật mang đậm bản sắc Việt-nam.

[1] Tức là *Những truyền thuyết về Hầu thượng Ngật* (Nguyễn Văn Giai) trong sách *Văn học dân gian sưu tầm ở xã Ích-hậu* (một thể nghiệm bước đầu về sưu tầm phon-clo (folklore) khoanh vùng hẹp, chưa xuất bản).

[2] Chẳng hạn như truyện *Ông tổ họ Hoàng giúp làng Thượng-nguyên*, đã có thuật sơ lược trong **Khảo dị** truyện số 25, tập I.

[3] Tức giếng Tran, hay giếng Sao-sa, đã có kể sơ lược trong **Khảo dị** truyện số 126, tập IV.

[4] Trong những mối quan hệ gần của sinh hoạt nông thôn thì ngày nay chim vàng anh (Ioriot) đã trở nên hiếm, nhưng xưa kia đó là loại chim rất sẵn, và được coi là chim quý, vì có bộ lông vàng rất đẹp.

[5] Trong lần in thứ nhất, chúng tôi quan niệm *Tấm Cám* là loại truyện mang đề tài dì ghẻ con chồng, nhưng xem xét lại có lẽ đây là đề tài cổ hơn nhiều, là tàn tích của một chế độ “tất cả chị em gái cùng lấy chung chồng” (Ăng-ghen (Engels) trích dẫn phát hiện của Ba-cô-phen (Bachofen) về hình thức chế độ quân hôn Bắc Mỹ, trong *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ*

tư hữu và của nhà nước, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-Nội, 1972; tr.77). Đề tài dì ghẻ con chồng có lẽ là lớp nghĩa có sau. Xin xem thêm những phân tích cụ thể về sơ đồ truyện *Tấm Cám* ở Mục 2, Chương V, phần *Tổng luận*.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

3.TÍNH CÁCH PHÊ PHÁN HIỆN THỰC

KHÁ ĐẬM TRONG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM; NHÂN VẬT TÍCH CỰC THƯỜNG TỎ RA KHÔNG BẰNG LÒNG VỚI TRẬT TỰ TẬP TỤC CÓ SẴN, PHẢN ỨNG LẠI CÁI TI TIỆN TẦM THƯỜNG.

1. Như ở *Phần thứ nhất* đã sơ bộ giới thiệu, một số nhà cổ tích học từ anh em Grim (Grimm), Muyn-le (M.Muller), v.v... thuộc trường phái thần thoại ngữ văn học Ấn-Âu, trong khi xác định nguồn gốc truyện cổ tích, đã có xu hướng coi đó là "tiếng dội cuối cùng" của thần thoại, là sự xây dựng lại thần thoại dựa trên những quan niệm và hiểu biết mới, phù hợp với phương thức sinh hoạt của con người trung cổ. Thực tế thì giữa hai loại hình có những mối tương quan nhất định, có sự tiếp nối và kế thừa, nhưng mỗi loại vẫn có những đặc trưng riêng và đảm nhiệm những chức năng khác nhau. Trong giai đoạn lịch sử mới, loại hình truyện cổ tích ra đời thay thế cho thần thoại không chỉ là thay đổi một kiểu thẩm mỹ đã không còn thích hợp, mà đồng thời cũng lĩnh lấy một trọng trách mới mẻ và phức tạp: trọng trách xã hội, mà trước đó thần thoại hầu như chưa biết đến. Với triển vọng to lớn đó, trong nhiều thế kỷ của nhân loại, truyện cổ tích đã đạt được một bước phát triển chưa từng thấy so với bất kỳ một loại hình văn xuôi tự sự dân gian nào khác, vô luận về số lượng cũng như về khả năng phổ biến rộng rãi. Chính vì thế, có nhiều nhà nghiên cứu phôn-clo (folklore) thế giới khi phân loại thường đề nghị xếp cổ tích thành một loại riêng biệt và tất cả những loại hình "văn xuôi phi cổ tích" góp thành một loại khác. Hiển nhiên nếu chỉ làm công việc tái hiện lại thần thoại hay sử thi mà không có chức năng độc lập, không mang ý nghĩa xã hội trực tiếp, truyện cổ tích sẽ khó có một sự phát triển rực rỡ đến nhường ấy trong đời sống tinh thần của nhân loại. Và mặc dầu không bao giờ được xếp ngang với tiểu thuyết của thời kỳ cận hiện đại, trong cuộc đấu tranh để sinh tồn của con người vào một giai đoạn tối tăm mù mịt, dai dẳng, truyện cổ tích quả là một trong những phương

tiện nghệ thuật ưu việt có tác dụng kích thích và nâng đỡ tinh thần của quần chúng. Vừa thay thế cho tư duy thần thoại, vừa chịu ít nhiều ảnh hưởng của thần thoại, truyện cổ tích trở thành một truyền thống sáng tác mới mẻ, hoặc đậm tính chất kỳ ảo, hoặc đậm tính chất thế sự, nhưng nói chung dù kỳ ảo hay thế sự thì nét nổi bật ở nó vẫn là *nghệ thuật ngụ ý*. Bằng hình thức dẫn nhập lý thú, mỗi một truyện cổ tích thường đưa người nghe đi dần tới một kết luận định sẵn, hoặc đi tới một lời khuyên bóng bẩy, kín đáo. Đúng như nhận xét của Puskin (A.Pouchkine): "Truyện cổ tích là dối trá, nhưng trong truyện cổ tích có những gợi ý, những bài học cho những cu cậu hảo tâm". Gần đây, khi nói đến đặc trưng thể loại cổ tích, tác giả *Mỹ học trongphôn-clo (folklore)* cũng trở lại ý này: "Truyện cổ tích khái quát hóa kinh nghiệm sống của nhân dân dưới một hình thức mà mọi người có thể tiếp thu được và có hiệu lực về mặt thẩm mỹ, và trong đời sống của bản thân nhân dân, nó là một phương tiện giáo dục quan trọng đối với thế hệ trẻ" [1].

Nói đến truyện cổ tích như là một công cụ để đấu tranh, một phương tiện để góp phần vào việc giáo dục, tức là nói đến tính tư tưởng của cổ tích. Cũng như truyện cổ tích của bất cứ dân tộc nào trên thế giới, truyện cổ tích Việt-nam sản sinh trong sinh hoạt của dân tộc, nhất là trong những môi trường gần gũi với cuộc sống thực tiễn, ở đó phẩm cách của dân tộc được bộc lộ một cách trọn vẹn qua hoạt động sáng tạo của lớp người đông đảo nhất và cũng giàu sức sống nhất. Thấm nhuần lòng yêu thiên nhiên xứ sở và tinh thần nhân đạo, nội dung truyện cổ tích thường mơ tưởng đến một cuộc sống tốt đẹp hơn, khát khao một sự công bằng xã hội vốn dĩ là niềm mơ ước chung của nhân loại từ bao nhiêu đời nay.

Với ý thức và cảm quan thẩm mỹ lành mạnh, pha chút ngây thơ của người bình dân, truyện cổ tích thường bộc lộ quan niệm cho rằng sự thật nhất định sẽ thắng dối trá, cái thiện bao giờ cũng thắng cái ác, cái tích cực trước sau sẽ đè bẹp cái tiêu cực; nó ca ngợi ngoài sự thông minh, tài trí, sức khỏe, là những phẩm chất cao đẹp: lòng thủy chung, ngay thẳng, tính cương trực,

hành động vì lẽ phải, v.v... đồng thời cũng chĩa mũi nhọn vào những thế lực hắc ám, tàn ác, những thói hư tật xấu của con người.

Đương nhiên quan niệm thiện - ác, tốt - xấu này không thể thoát ly hoàn toàn nhân sinh quan và luân lý quan của giai cấp thống trị. Đứa con tiếc gà định chôn mẹ bị thần Sét đánh chết; người anh tham lam, ngu ngốc chuốc lấy hậu quả bi đát; cả một cộng đồng làng trở thành một tổ chức cướp của giết người bị triệt hạ và bị hành hình, v.v... đó là công lý của nhân dân nhưng không có gì trái ngược với đạo đức và pháp lý chính thống. Cũng vậy, truyện *Người thợ đúc và anh học nghề* (số 122) răn đe sự phản bội, lòng nham hiểm cũng như tính tham lam; truyện *Thử thần và Miêu thần* (số 140) nói về mối quan hệ giữa tội ác và hình phạt gắn với nhau như hình với bóng; truyện *Người đầy tớ và người ăn trộm* (số 106) bao hàm một sự so sánh hơn kém giữa tài trí trong bất lương với tài trí mà lương thiện, v.v...; chắc chắn ở những truyện đó cách hiểu của nhân dân và cách hiểu của giai cấp thống trị cũng chỉ là một mà thôi. Thậm chí, không ít truyện cổ tích lẽ ra chiều hướng giải quyết có thể khác đi, nhưng vì bị khuôn trong mô hình đạo lý chính thống quá chặt, tác giả vô tình đã sử dụng hệ thống ấy làm đường mạch phát triển của truyện. Ví dụ trong truyện *Ông già họ Lê* (số 153), cảm hứng của người kể đã nghiêng hẳn về phía pháp lý chính thống khi bắt buộc vợ chồng người chị gái phải trả lại cho đứa em trai khác mẹ tất cả của cải của người bố để lại; truyện *Giết chó khuyên chồng* (số [50]) có gì khác hơn là sự đề cao chế độ gia trưởng, trong đó người ta chỉ cần biết mối quan hệ huyết thống giữa các thành viên trong một dòng họ, một gia đình; hay là truyện *Sự tích khăn tang* (số 186): thái độ và hành động tuyệt tình của ông bố đối với các cô con gái của mình phải chăng cũng nhằm biểu lộ lập trường của nhân dân, từ trong tiềm thức vẫn coi chế độ phụ quyền là hợp lý...

Tuy nhiên, nếu xét toàn bộ kho tàng truyện cổ tích Việt-nam thì không thể nói quan niệm đạo lý của dân gian không có gì đặc biệt, càng không thể nói

chúng hoàn toàn rập khuôn đạo lý chính thống. Trong khá nhiều truyện, nhân dân vẫn có cách nhìn riêng của mình về mọi lý lẽ ở đời, không chịu lệ thuộc một sự khu xử áp đặt nào. Không những thế, một số truyện cá biệt còn bộc lộ ngấm ngầm một thứ quan niệm mà ta có thể nói là "bạo thiên nghịch địa", tức là mang dạng thức đối nghịch với hệ thống nhân sinh quan và luân lý quan vẫn được xã hội thừa nhận.

2. Trước hết, *đối tượng đầu tiên* được tác giả truyện cổ tích bênh vực và hết lòng che chở thường là những con người nghèo khổ bất hạnh, những kẻ bị đè nén, những nhân vật luôn luôn hăm hiu, xấu số trong mọi sự xung khắc gia đình: những đứa con cô, em út, con vợ trước, những anh chàng khờ dại ngốc nghếch... mà chúng tôi đã có dịp điểm đến khi bàn về đề tài trong truyện cổ tích Việt-nam. Mặc dầu những danh hiệu Mồ cô, Út, Tro bếp... đã vắng bóng trong cách gọi tên nhân vật cổ tích nhiều nước, nhưng loại mô-típ ra đời trong buổi đầu phân hóa của các tế bào công xã thị tộc này vẫn được bảo lưu không ít trong kho tàng truyện cổ tích. Điều đáng lưu ý là dù xuất hiện rất lâu đời, với những hình tượng được xây dựng theo một ước lệ thẩm mỹ ít khi thay đổi: xấu xí bề ngoài tốt đẹp bên trong, với bố cục bao giờ cũng có hai chuyển đoạn trong số phận nhân vật: bất hạnh ở quãng đời trước và sung sướng hạnh phúc ở quãng đời sau, nhóm truyện cổ tích mang đề tài gia đình của chúng ta không vì thế mà kém phần hấp dẫn. Trái lại, đây là nhóm truyện giữ được một tỷ lệ cao trong số những truyện kể sinh động. Có thể là vì chúng xuất hiện ở một thời kỳ tương đối cổ, trong tư duy còn giữ được nhiều nét hồn nhiên. Nhưng chủ yếu, theo chúng tôi - chính là nhờ các truyện này nói lên một chân lý phổ quát trong tình cảm của dân gian: lòng trắc ẩn trước mọi sự thiệt thòi, khổ khổ, yếu hèn. Vì thế, ít ai không biết sự đổi đời của chú nông phu trong *Cây tre trăm đốt* (số 125), niềm vinh quang chiến thắng của chàng đốn củi trong *Chàng đốn củi và con tinh* (số 121), khuôn mặt trở nên xinh đẹp của cô gái người ở trong *Sự tích con khỉ* (số 12) đều chỉ là mơ ước mà thôi chứ hiện thực làm gì có được. Nhưng không một ai có chút hoài nghi đối với hạnh phúc mười

mười của họ. Từ thân phận kẻ ăn người làm xấu xí, gốc nghềch, bị hắt hủi, phứt chốc trở nên thông minh, giàu sang, làm chủ được số phận, chỉ nội một mơ ước không tưởng thế thôi cũng đủ chứng tỏ cái nhìn thách đố của người nông dân đối với sự an bài đầu tiên mà trật tự xã hội dành cho mình.

Đối tượng thứ hai được tác giả truyện cổ tích đề cao và ủng hộ là những anh hùng lập nên các kỳ tích trong đời sống, kể cả những nhân vật tài nghệ, mưu trí, dũng cảm, sức khỏe, bất kể họ già hay trẻ, nam hay nữ, và thuộc đẳng cấp xã hội nào. Truyện cổ tích nhắc đến từ một chú bé vô danh biết dùng trí thông minh để buộc chủ nợ phải xóa nợ cho bố mẹ chú (*Em bé thông minh*, số **80**), cho đến một "trạng Hiền" tuổi còn rất nhỏ đã đỗ đầu khoa thi của nhà nước quân chủ và giải đáp nổi câu hỏi hóc hiểm của sứ giả Trung-quốc, gỡ thế bí cho cả một triều đình (số **81**). Truyện cổ tích cũng không quên tài đức chạm thần dị của ông thợ Chuẩn, một người thợ mộc bình thường nhưng chỉ vài đường chạm đã làm cho hình các con giống hiện lên như sống thật trên chiếc kẻ gỗ, đến nỗi Thủy phủ cũng nghe danh (*Người thợ mộc Nam-hoa*, số **105**). Ngay chỉ một chàng chăn trâu Bùi Cầm Hổ (số **79**), tứ cố vô thân mà dám tìm đường tiến kinh, và với đầu óc phán đoán sắc sảo của mình làm nhà vua đương thời phải kính nể, bổ luôn chức quan ngự sử. Rồi còn sức khỏe của Đại vương Hai (số **69**), tài ăn của Lê Như Hổ (số **63**), sức vác của Khổng Lồ (số **67**), thân hình của Lý Ông Trọng (số **73**), tài lặn của Yết Kiêu (số **72**)... tất cả. đều được truyện cổ tích "xếp hạng" một cách vô tư, không phân sang hèn, cao thấp. Chuẩn mực của mọi giá trị ở đây được đo bằng những thước đo giản dị nhưng rất thiết thực: 1. Đấy quả là tài năng nổi bật khác người, và 2. Tài năng đó phải có ích cho đời. Cách đánh giá của cổ tích thực đã vượt lên trên mọi ràng buộc, thiên kiến, và đạt được sự công bằng.

Số lớn những truyện cổ tích nói về các nhân vật có tài nghệ đặc biệt trong kho truyện cổ tích Việt-nam đều thuộc tiểu loại cổ tích lịch sử. Điều đó cho thấy trước khi đi vào cổ tích, họ vốn là những nhân vật có thật được truyền

thuyết hóa. Nhưng gốc rễ lịch sử chỉ còn giúp họ giữ được cái tên, không biến thành phiếm chỉ, còn hành trang và tài năng thì đã hoàn toàn biến cải theo quy luật mỹ học phon-clo (folklore).

Họ là những mẫu mực của tài năng nhưng là mẫu mực dựa trên tiêu chí dân gian chứ không phải dựa trên cách sắp xếp thứ bậc của xã hội chính thống. Truyện Bùi Cầm Hổ tưởng chừng muốn đặt lại một quan niệm có phần táo bạo về bảng giá trị thực sự của con người: phải căn cứ vào đóng góp thực tế của mỗi người mà sắp xếp chức tước, học vị chứ không phải dựa vào thi cử. Câu nói của trạng Hiền với sứ giả: "Trước đây vua ta bảo ta không biết lễ phép, nhưng chính vua cũng không biết lễ phép nữa là ai" chứng tỏ dân gian rất có ý thức về tư cách độc lập của những tài năng được lựa chọn bởi chính mình.

Như vậy, ca ngợi con người có tài, truyện cổ tích Việt-nam ít hay nhiều đã khởi sự một cuộc đấu tranh thứ hai nhằm vào cái trật tự đã an bài của xã hội.

Đối tượng thứ ba được truyện cổ tích nhiệt liệt biểu dương là những nhân vật có tính tình ngang bướng, không chịu thu mình vào khuôn phép, hơn thế nữa thường có những phản ứng tự phát chống đối lại bề trên của mình. Loại nhân vật này gần như tập trung vào một ý nghĩa: *sự phủ định quyền lực*. Cường Bạo đại vương (số **164**), Phạm Nhĩ (số **156**) là những nhân vật quá khổ, dám chống lại các thiên thần và chống ngay cả Ngọc Hoàng thượng đế tối cao. Cỗ Bu (số **96**), Ba Vành (số **101**), Chàng Lía (số **64**) và nhiều anh hùng nông dân khác thì lại chẳng ưa gì bộ máy vua quan do cõi trần bày ra. Họ muốn tung hê một phen cho hả, hoặc chí ít cũng bằng hành vi phá phách của mình bày tỏ thái độ cứng cỏi, không chịu phục tùng. Tất nhiên, đây không phải là kiểu anh hùng hiệp sĩ với phong cách hào hoa mã thượng, mà là kiểu anh hùng nông dân. Nếu *Quận Gió* (số **77**) là câu chuyện về một tên trộm tài ba, từng làm chấn động kinh thành bởi một chủ

trường kì dị: "chỉ lấy những của cải bất nghĩa", thì Chàng Lía (số **64**) lại là một tướng cướp có khí phách: chuyên cướp của nhà giàu chia cho nhà nghèo, và chủ động can thiệp vào những chuyện oan trái, bất công. Là anh hùng nông dân, họ cũng bộc lộ cả những tỳ vết của người nông dân tiểu tư hữu. Một chàng Lía tài nghệ song toàn, khinh thường vua quan rất mực, nhưng lại có cái thích thú muốn được đi thi võ cử để nổi danh. Một Ba Vành (số **101**) với chòm "lông xoắn" thiên phú nên xông vào giữa tên đạn như không, nhưng khi đã thu phục được đông đảo quần chúng, đánh đâu thắng đấy thì lại đâm ra tự mãn, cả tin ở tài phép của mình, kết cục đến bị tiêu diệt và thất bại.

Về mặt loại hình, cũng như nhóm truyện cổ tích nói về người có tài nghệ, nhóm truyện anh hùng nông dân phần nhiều đều thuộc tiểu loại cổ tích lịch sử. Nhưng ở nhóm truyện này, phong cách kể truyện của dân gian có sự đan chặt hai yếu tố lãng mạn và hiện thực. Do đó, tuy có sử dụng yếu tố thần kỳ, câu chuyện thường ít khi đưa người nghe vượt ra khỏi thực tại. Yếu tố thần kỳ chỉ điểm xuyết vào chất liệu thực của đời sống, nhằm thỏa mãn khuynh hướng kỳ vĩ hóa các bậc anh hùng. Mặt khác, đó cũng là cách mà dân gian dùng để biểu hiện sự khác biệt về chất giữa thế giới các nhân vật mà mình đang tôn vinh, ca ngợi và thế giới của đời thường. "Lạ hóa" và "đối sánh" quả vẫn là hai thủ pháp quen thuộc của truyện cổ tích Việt-nam.

Khắc họa nên loại nhân vật thứ ba trong truyện cổ tích là một đỉnh cao của dân gian nhằm khẳng định ước mơ được sống vẫy vùng, vượt ra ngoài lề của xã hội quân chủ. Đó là hình thức bảo lưu tích cực nhất của tinh thần dân chủ công xã (mặc dù trong đó cũng không tránh khỏi những ảnh hưởng nặng nề của chủ nghĩa bình quân). Tất nhiên, chính cảm quan dân gian cũng đã thấy ngay đó là những ước mơ không tưởng.

Phần cuối các truyện cổ tích về anh hùng nông dân thường bao giờ cũng dẫn đến những kết thúc bi kịch, những cái chết không tránh khỏi của nhân

vật, đành rằng chính cái chết cũng là một sự rọi sáng, làm cho phẩm chất người anh hùng được bộc lộ hoàn toàn (*Hầu Tào*, số **98**; *Chàng Lía*, số **64**).

Cần nói thêm, đối với ba loại nhân vật mà dân gian ký thác niềm khát vọng ở trên, truyện cổ tích còn sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật nhằm biểu lộ những mối cảm tình và cách đánh giá cụ thể của quần chúng. Một trong những biện pháp thường được dùng đến là các phần thưởng dành cho họ ở cuối câu chuyện. Phân tích tính chất của các phần thưởng này ít nhiều cũng sẽ thấy được quan niệm bao quát của dân gian về vị trí lý tưởng của mỗi loại người trong bậc thang xã hội.

Phần thưởng nói chung cho những người tốt là sự phú quý (tiền của, chức tước...) và hạnh phúc gia đình. Có khi nhân vật được gả công chúa, lại có khi được tặng cả cái ngai vàng. ở chỗ này truyện cổ tích Việt-nam cũng giống truyện cổ tích của nhiều nước. Nhưng truyện cổ tích Việt-nam không coi ngai vàng là cái gì quá đặc biệt, nên ban thưởng nhiều khi cũng khá rộng rãi; truyện cổ tích Việt-nam cũng không coi phú quý là cái gì quá hệ trọng, nên đã cho chính nhân vật anh hùng chối bỏ phú quý, như Thánh Gióng (số **134**), Nguyễn Minh Không (số **120**)... Rốt cuộc, phần thưởng đích đáng nhất mà dân gian trao cho nhân vật một cách ý nhị hơn cả lại là những *danh hiệu* dùng để tôn xưng nhân vật của mình. Đó không chỉ là những cách xưng hô thuần túy mang tính ước lệ. Mỗi một cách xưng hô đều biểu thị một cấp độ riêng trong tình cảm của người xưng hô với đối tượng. Ta thấy có bốn cấp độ chính:

1. Ở cấp độ uy tín, nhân vật có khi được gọi là "vua" (trường hợp này cũng tương tự với truyện dân gian Nga). Vua, song không nhất thiết câu chuyện phải đưa nhân vật lên ngôi, mà niềm tôn kính của dân gian nghiêm nhiên đặt nhân vật vào ngôi ấy. Nghĩa là nhân vật xứng đáng tư cách thủ lĩnh (về oai phong, võ nghệ, khả năng thu phục người khác), đứng vượt lên trên tất cả mọi người không cần bàn cãi. Ví dụ "vua Lía", "vua Ba Vành"...

2. Ở cấp độ tài năng, nhân vật nhiều khi được gọi là "trạng". Đây là cách gọi tương đối phổ biến trong cổ tích. Trạng, bắt nguồn từ chữ "trạng nguyên" được dân gian hóa, là người giỏi nhất, đứng đầu về một năng lực, một sở trường, ví dụ: trạng Ăn (Lê Như Hổ), trạng Vật, trạng Cờ, thậm chí trạng Lợn, trạng Quỳnh. Trạng không đạt đến một uy quyền tối cao như vua nhưng lại gần gũi xã hội bình dân hơn hẳn vua.

3. Ở cấp độ phép thuật, nhân vật cũng có khi được gọi là "thánh", như Thánh Gióng, Thánh địa lý Tả Ao, Thánh Khổng Lồ... Năng lực của nhân vật mang tính siêu nhiên, thần bí, vượt khỏi xét đoán của thế giới cõi trần và được nâng lên bình diện tín ngưỡng. Nhưng *thánh* với nghĩa gốc "thánh nhân" đã mang theo một giá trị mới, nặng tính chất dân gian, chứ không còn là bậc thánh của nho sĩ, cũng không có nghĩa thánh thần trong thần tích do nho sĩ tô vẽ. Và số lớn nhân vật vẫn thuộc tiểu loại cổ tích lịch sử, chỉ một số không nhiều lắm trở thành cổ tích thần kỳ. Sức mạnh của nhân vật chủ yếu vẫn hướng về cuộc đời, giải đáp những yêu cầu mà cuộc đời đòi hỏi.

4. Ở cấp độ quan hệ ân nghĩa sâu nặng đối với dân chúng một vùng miền cụ thể, nhân vật lại có thể được thay thế cách xưng hô thông thường bằng cách gọi họ hàng thân tộc, ví dụ "cha Hồ, chú Nhẫn, mẹ Chân" (truyện *Chàng Lía*, số **64**).

Có thể ngờ đây là thói quen còn sót lại của một kiểu xưng hô đối với thủ lĩnh vốn có từ thời công xã thị tộc xa xưa mà ta có thể liên hệ với danh hiệu Bồ Cái đại vương từ lâu đã đi vào lịch sử [2].

3. Nói đến tính tư tưởng của truyện cổ tích, thiết tưởng cũng không nên

quên những yếu tố tiến bộ trong thế giới quan dân gian mà ta có thể bắt gặp một cách tản mạn đó đây trong khá nhiều truyện. Ai cũng biết truyện cổ tích không tránh khỏi sự chi phối nặng nề của tư tưởng thiên mệnh, nhưng điều trớ trêu là thiên mệnh trong cổ tích nhiều khi lại bắt nguồn từ sự cưỡng chống thiên mệnh mà có. Chẳng hạn trong *Con chim khách màu nhiệm* (số **124**) thiên mệnh được biểu trưng bằng quả tim và cái đầu con chim khách, nhưng phải đầu cứ ăn xong những vật ấy là hai anh em trong truyện đã nghiễm nhiên trở thành hiền quý, ngồi không mà đợi sự quý hiển cũng đến gõ cửa nhà mình. Mà họ còn bị ném vào những nơi "trăm sóng ngàn gió" để tự mình chống chèo với vô số thử thách nguy nan. Thành ra thiên mệnh lại là hệ quả của một quá trình kiểm nghiệm bản lĩnh và tài năng.

Không những không thụ động trước thiên mệnh, trong nhiều trường hợp, truyện cổ tích Việt-nam còn bày tỏ rõ ràng nguyện vọng của dân gian muốn cải tạo thiên mệnh. Cải tạo bằng tu dưỡng đạo đức là cách nghĩ thông thường nhất. Đối với người bình thường thì tu dưỡng đạo đức không phải là một mục tiêu gò bó, lúc nào cũng phải thận trọng lời ăn tiếng nói, giữ gìn từng cử động như một nhà nho trước hai hũ đậu [3], làm mất cả nếp sống tự nhiên. Điều cốt nhất là giữ được căn tính hồn hậu nguyên sơ của mình. Cô gái xinh đẹp trong *Cô gái lấy chồng hoàng tử* (số **144**) vốn chẳng có lá số tử vi nào báo cho biết mình sẽ được lấy chồng hoàng tử, nhưng ý nguyện chân thành và tấm lòng trong trắng vô tư của cô cuối cùng đã giúp cô toại nguyện, trong khi kẻ mưu toan chiếm đoạt cô bằng sự lừa dối lại chuốc lấy số phận bị hổ vồ. Riêng đối với những ai từng nhúng tay quá sâu vào tội lỗi, nghiệp chướng tích lại quá dày, thì sự cải tạo số phận có khó khăn hơn, song cũng không hẳn đã tuyệt vọng. Một sự cố gắng vượt bậc và chân thành cải tà quy chính, nói như ngày nay là "nâng động cá nhân cao", thì thế nào cũng xoay chuyển được tình thế, giảm thiểu đến mức tối đa trạng huống bi đát, lẽ ra phải chịu, như một Thủ Huồn kiên trì thu nhỏ cái gông của mình ở địa ngục, cho đến lúc đổi hẳn kiếp, được thác sinh làm vua Trung-hoa. Ngược lại, đối với kẻ vốn được thiên mệnh nuông chiều, ngay

từ đầu đã dành cho một sự ưu đãi, thì thế nào? Dân gian không bao giờ lại chấp nhận dễ dàng một cách xếp đặt "tiên thiên" như vậy. Phải cọ xát, sàng lọc phẩm chất của mỗi con người trên hành trình sống thực tế của họ. Nếu căn cốt người nào không vững, phạm hết từ sai lầm này đến tội lỗi khác, thì dù có "phúc đức sâu dày" bao nhiêu đi nữa, cũng đến phải bó tay trước "phép công" [4] mà thôi. Anh nho sinh trong truyện *Chưa đỗ ông nghè đã đe hàng tổng* (số 52) chẳng phải có một bản mệnh vô cùng tốt đẹp đấy hay sao? Nhưng anh ta ỷ vào điềm báo do người thủ từ cung cấp, chưa đỗ ông nghè đã toan bỏ vợ và chiếm đất của người, kết quả anh bị xóa tên trong sổ thiên tào, thi mãi không đỗ, cuộc đời dần dần tàn lụi. Thiên mệnh dưới con mắt nhìn của truyện cổ tích rõ ràng không phải là một cái gì nhất thành bất biến, mà thực tế con người có thể tác động để thay đổi nó. Đó là ước mơ và cũng là triết lý nghiệm sinh của dân gian. Còn nếu gặp những trường hợp đặc biệt, con người phải đối diện với một sự bất công gay gắt của mệnh mà không tài nào hiểu nổi, bằng tu dưỡng đạo đức cũng không tìm được lối thoát ra, thì dân gian sẽ không loại trừ khả năng kêu gọi sự vùng lên chống lại. Trong truyện *Sự tích đầm Mực* (số 29), hai anh em nhà Gàn, con thần Nước, đã tự nguyện đánh đổi lấy cái chết, để giúp đỡ thầy học chống lại lệnh "phong bế" vô lý của thiên đình. Họ chết nhưng lý trí sáng suốt đã chiến thắng sự mù quáng tàn bạo của mệnh trời. Câu chuyện là một vở bi kịch lạc quan của con người trước khát vọng làm chủ số phận.

Bên cạnh tư tưởng "thiên mệnh", thế giới quan dân gian cũng liên quan đến tư tưởng tôn giáo. Nhưng như đã nói, ở Việt-nam tư tưởng tôn giáo không có điều kiện bắt rễ sâu trong đời sống, và loại truyện truyền bá tôn giáo yếm thế trong khi truyện cổ tích Việt-nam vốn không có nhiều. Còn các nhân vật vốn là biểu tượng của tôn giáo như Bụt, Tiên, Ngọc Hoàng... thì đều đã được cái nhìn thực tiễn của dân gian - dân tộc nhân cách hóa để trở thành những lực lượng cứu tinh đối với mọi người dân cùng khổ. Hình ảnh Bụt được người Việt xếp cao hơn cả vị vua cõi trời là Ngọc Hoàng Thượng đế, ví dụ ở truyện *Phạm Nhĩ hay là sự tích ông Ba mươi* (số 156), tài phép

như Ngọc Hoàng vẫn núng thế trước Phạm Nhĩ, phải cầu đến phép thần thông của Phật mới bắt được tội nhân. Truyện cổ tích Việt-nam thường xây dựng Ngọc Hoàng thành một nhân vật khó tính, trang nghiêm, còn Bụt mới thật sự hiện thân cho vẻ đẹp hiền từ và nhân hậu. Bụt luôn luôn xuất hiện đúng lúc để giải cứu cho những ai đang ở trong tình thế quẩn bách nhất, nên đây cũng là một phương tiện thẩm mỹ giải tỏa ẩn ức, làm người nghe truyện thỏa mãn.

Đạo giáo in dấu trong cổ tích không được rõ nét bằng Phật giáo và Nho giáo. Tư tưởng nhân bản, chủ nghĩa hư vô là miếng đất khá màu mỡ của văn học thành văn, nhưng lại khá xa lạ với văn học dân gian Việt-nam. Truyện *Phạm Viên* dường như có mục đích đề cao một nhân vật tu hành theo Đạo giáo, có nhiều phép thuật linh thiêng, nhưng câu chuyện lại có thể gây phản tác dụng với chính Đạo giáo khi nội dung cho thấy, muốn trở thành bậc tiên phong đạo cốt, người tu hành phải trải qua đủ mọi thử thách vừa vất vả vừa kinh khủng. Kiểu sống lánh đời vô vi của Đạo giáo nói chung không mấy khi mê hoặc được những con người bám trụ trong thực tiễn. Nho giáo được truyện cổ tích mặc nhiên đề cao bởi lẽ như ta biết, nho sĩ là một lực lượng quan trọng góp phần vào hoạt động sáng tác và chỉnh lý truyện dân gian. Truyện *Người học trò với ba con quỷ* (số 131) cho ta hình ảnh anh học trò chỉ "đọc sách thánh hiền" vậy mà trị được quỷ dữ hơn cả pháp sư và phù thủy.

Có lẽ ở đây cách nghĩ thiết thực của dân gian về cuộc đời đã bắt gặp thái độ "kính quỷ thần nhi viễn chi" 敬鬼神而遠之 - kính trọng quỷ thần nhưng xa nó - của đạo Khổng. Mặc dù vậy, hình ảnh Khổng Tử, bậc thầy chí tôn của nhà nho, vẫn không hề thấy xuất hiện trong cổ tích (trừ một vài lần hiếm hoi đóng vai phản diện trong truyện cười) như vai trò của Bụt hay Ngọc Hoàng.

Một mặt bình dân hóa tư tưởng tôn giáo nhằm mượn nó lý giải những

nguyện vọng thực tiễn, mặt khác dân gian cũng trực tiếp tấn công vào tôn giáo bằng tư tưởng vô thần. Trong sinh hoạt nghi lễ ở đền chùa, những "thần tượng" của tôn giáo (thần, phật) lúc nào cũng hiện lên uy nghi, nhưng đi vào cổ tích không phải không có lúc chúng trở thành đối tượng châm biếm, chẳng hạn các truyện *Vua Heo* (số **104**), *Quận He* (số **97**), *Trạng Hiền* (số **81**), *Nợ như chúa Chổm* (số **44**)... Trong truyện *Vua Heo*, anh nông dân Heo là người có mệnh thiên tử. Nhưng anh tuyệt không biết gì đến mệnh ấy; sự sống khổn khó và thực dụng buộc anh có lúc phải làm những việc bất kính là vứt cả tượng Long thần xuống đất để kiếm chỗ nằm. Khó có thể biết Heo đạt được thắng lợi cuối cùng là do "mệnh", hay chính do tư tưởng vô thần đã giúp Heo gạt bỏ được mặc cảm trước mọi thứ uy lực vô hình và đi đến đích! Dưới một hình thức khác, mưu trí và sức khỏe của Bảy Giao và Chín Quý (số **74**) làm cho bao nhiêu phép thiêng của thần Cồn-tàu mất hết linh nghiệm, chỉ còn biết trơ mắt ngồi nhìn dân chúng quanh vùng tập nập kéo đến phá rẫy làm ăn.

Tuy loại truyện mang chủ đề tôn giáo chiếm số lượng ít, người Việt lại có khá nhiều truyện dường như là để cảnh giới những kẻ tu hành. Thực tế thì đó là những truyện thuộc loại hình giáo huấn nói chung, mượn nhân vật tu hành để răn dạy người đời, đồng thời về khách quan, cũng có đượm một nụ cười châm biếm đối với thói giả dối của sư mô, như *Sự tích chim tu hú* (số **6**), *Sự tích con nhái* [5] (số **10**), *Sự tích cá he* (số **13**), *Sự tích ông bình vôi* (số **22**)... Qua tiếng cười dân gian, chúng ta đều tìm thấy mối liên kết tư tưởng giữa các truyện này với nhau, đó là thái độ hoài nghi của người nông dân trước giáo lý đạo Phật kêu gọi mọi người tìm vào cõi bất sinh bất diệt.

Một số truyện khác bề ngoài có vẻ lý tưởng hóa tôn giáo, đề cao triết lý thoát tục, nhưng từ góc độ cái nhìn dân gian, chúng vẫn mang ít nhiều tư tưởng vô thần khỏe mạnh. Từ Thức (số **130**) chẳng hạn, tuy vui sống ở cõi tiên mà tấm lòng nhớ quê nhà vẫn nặng trĩu. Tiên Dung (số **28**) không dám cự mệnh vua cha nhưng đã tự tiện kết hôn với "chàng không khổ" mà tuyệt

không hề hỏi ý kiến của cha. "Vật tiền thân" của người nô lệ Mai An Tiêm (số 1) có bóng dáng một món hàng Phật giáo mới du nhập, kỳ thực lại là một khái niệm hữu hiệu để đối phó với tư tưởng coi mọi vật đều là ân huệ của đấng quân vương, chứ không phải do sức người làm nên.

Có thể nói thế giới quan trong kho tàng truyện cổ tích Việt-nam nhìn trên tổng thể là thế giới quan của người nông dân gia trưởng trong cộng đồng làng xã. Nó có những mặt lành mạnh, tiến bộ và cả những giới hạn tất yếu, do tính chất tĩnh và khép kín của sinh hoạt làng xã quy định. Nhưng cũng chính môi trường làng xã với không gian thu hẹp đó là điều kiện cho một cách nhìn thế giới với những cảm quan duy vật thô sơ và tự phát có dịp phát huy ảnh hưởng tự nó, chưa bị gò vào những hệ thống tôn giáo phức tạp siêu hình, cũng chưa bị hệ tư tưởng chính thống làm cho lệch lạc, hoặc áp đặt một cách sống sượng, nặng nề.

4. Cả hai bình diện "quân quyền" và "thần quyền" từ lâu đã kết thành xương sống chính của xã hội quân chủ, nâng đỡ tinh thần cho xã hội đó tồn tại ở Việt-nam trong suốt mấy nghìn năm [6]. Dưới nhiều hình thái khác nhau, truyện cổ tích Việt-nam đã dám phản kháng cả quân quyền và thần quyền. Về bản chất, đó là cuộc đấu tranh xã hội chủ chốt, lâu dài của cộng đồng người Việt được phản ánh qua cổ tích, được mỹ học dân gian chắt lọc để đúc nên những mẫu hình tiêu biểu cho *cái đẹp* và *sự sống* có tính chất hồn nhiên, dân dã, trên nhiều chặng đường lịch sử. Những mẫu hình này mang đậm cốt tính dân tộc ngay từ thừa dân tộc chưa ra đời. Sức đề kháng đối với những tập tục, thành kiến đè nặng lên con người, khát vọng sáng tạo nên những giá trị mới thay thế các giá trị cũ kỹ, sự phản ứng thường trực đối với những gì tầm thường, ti tiện và ước mơ xây dựng một trật tự công bằng hơn, hợp lý hơn... đó là những gì căn bản nhất đã góp phần làm cho thế giới nhân vật đa dạng của cổ tích dân tộc gắn kết lại một cách nhất quán với nhau.

Và các nhân vật của cổ tích bất kể xuất hiện trong tư cách nào và hoạt động ở môi trường nào, đều như có một động lực thôi thúc bên trong, khiến họ trở nên gần gũi. Không phải chỉ có Hầu Tào (số **98**), chàng Lía (số **64**) dám khinh rẻ bọn quan lại chấp chính đương thời và lực lượng hùng hậu của chúng, đến Từ Thức (số **130**), ông Dộng (số **123**) cũng tỏ ra bất bình đối với thiết chế xã hội. Nếu cái chết của hai ông tướng đá Rãi (số **62**) như một lời nguyên nghiêm khắc của lịch sử, trước mọi ý thích dựng xây đồ sộ, phung phí sức người sức của, của những kẻ cầm đầu không tỉnh táo, thì cái chết của ông Dầu bà Dầu (số **31**) lại là một lời nguyên rửa khác của công luận, vạch đúng tim đen kẻ cá nhân vị kỷ, làm nhức nhối tâm trí nhà vua bạo tàn. Với tấm lòng khẳng khái, vô tư và tài năng sẵn có, Quan Triều (số **139**), Cỗ Bu (số **96**), Nam Cường (số **95**) đã giành được những món tiền và thóc bất lương đem phân phát cho người nghèo khó, thì cũng phải với một tinh thần vị tha cao cả, Cỗ Ghép (số **94**), Đại vương Hai (số **69**), Điền quận công (số **71**) mới dám đứng ra đương lấy những "đại sự" trong tình thế bắt buộc phải quên mình. Một sự phản tỉnh của Thủ Huồn (số **30**) là ước mơ của dân gian đưa con người trở lại với lương tri lương năng (cũng là ước mơ không tưởng xóa bỏ mọi sự áp bức bất công bằng sám hối tự nguyện), thì một sự phản tỉnh của Lý Ông Trọng (số **73**), lại là ước mơ được sống yên ổn trong cộng đồng bộ lạc thân thiết của mình, không bị một kẻ thù bên ngoài mạnh hơn uy hiếp (về sau sẽ được bồi đắp, củng cố thành truyền thống yêu nước).

Đành rằng truyện tự sự dân gian nước nào cũng kết tinh những phẩm chất đẹp đẽ của cộng đồng dân tộc, nhưng cái phẩm chất được cố kết lại thành một nét đặc trưng của rất nhiều hình tượng nhân vật trong truyện cổ tích của người Việt: nhạy cảm với nỗi nhục bị đè nén, không chịu nổi lối sống hèn mọn và bất khuất trước mọi kẻ thù, cũng là nét đặc trưng cao nhất xuyên suốt mọi tiến trình lịch sử của đất nước chúng ta. Không ai đánh đồng các phẩm chất xã hội học với các phẩm chất mỹ học với nhau, nhưng

trên một chuỗi vận động rất dài, "*cái lịch sử*" được cải tạo thành "*cái thẩm mỹ*" là một hiện tượng có ý nghĩa. Ở một chừng mực nào cũng có thể khẳng định, sự kết tinh đó là một trong những đặc điểm quan trọng của truyện cổ tích Việt-nam. Ý nghĩa của nó, như lời Ăng-ghe-n (F.Engels) nói về văn học dân gian Đức, là nó "có khả năng làm trong sáng tình cảm đạo đức của nhân dân, đưa đến cho họ sức mạnh [...], thức tỉnh ở họ lòng dũng cảm và tình yêu Tổ quốc" [7].

[1] V.E.Gu-xép (V.E.Gousseb): *Mỹ học trong phong-clo* (folklore), Nhà xuất bản Khoa học, Phân sở Lê-nin-grát, 1967 (bản dịch Hoàng Ngọc Hiến).

[2] Có người muốn giảng từ “cái” trong “bố cái” nghĩa là lớn, thực ra từ “cái” có nghĩa là lớn hiện nay vẫn còn dùng, nhưng “cái” trong “bố cái” thì phải hiểu là mẹ, đó là từ cổ, hiện không phổ biến nữa nhưng nét nghĩa chưa mất hẳn.

[3] Điển cổ Trung-hoa có nhắc đến chuyện một nhà nho tu dưỡng bản thân bằng cách đặt hai cái hũ bỏ đậu đen và đậu trắng, mỗi ngày làm được việc tốt thì bỏ một hạt đậu trắng vào hũ trắng, ngược lại thì bỏ đậu đen vào hũ đen. Lúc đầu hũ đậu đen nhiều hơn hũ đậu trắng, nhưng lâu dần, hũ đậu trắng đầy lên mà hũ đậu đen vẫn vơi.

[4] Truyện *Phạm Tải – Ngọc Hoa*:

Thương anh em để trong lòng

Việc quan em cứ phép công em làm.

[5]_Cao Huy Đình có lấy truyện *Sự tích con nhái* so sánh với một mẫu chuyện trong Ma-ha-bha-ra-ta (Mahabharata) nói về một đạo sĩ là Vi-sua-mi-tơ-ra (sư phụ của Thích Ca) để cho đó là truyện của ta Việt hóa truyện tôn giáo và truyện dân gian Ấn-độ, “không thay đổi tư tưởng chủ đề tôn giáo mà chỉ đặt cốt truyện phù hợp với sinh hoạt Phật giáo ở Việt-nam” (*Nghiên cứu văn học*, số 5, 1963; tr.41-42). Theo chúng tôi, truyện *Sự tích con nhái* đúng là phục vụ cho đạo Phật, nó có mục đích giáo dục tư tưởng cấm dục khắc khổ, nhưng mặt khác, cũng như *Huyền Quang* (số 147), *Sự tích đèn Cờn* (số 161), nó còn giáo dục lòng kiên trì cho con người; tuy nhiên ở đây nó cũng đồng thời cho thấy mãnh lực cám dỗ của thị dục, lòng dục, một bản tính tự nhiên không dễ dàng vứt bỏ. Khác với ý kiến trên, chúng tôi coi đó là truyện dân gian hơn là Phật thoại.

[6]_Nếu tính từ trước thời Bắc thuộc, chế độ quân chủ của chúng ta đã tồn tại rất lâu, mặc dù hình thái kinh tế xã hội có thể khác nhau.

[7]_Mác, *Ăng-ghen toàn tập*, tập II, “Những truyện dân gian Đức”.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

4. TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

**CÓ MỘT MẢNG ĐÁNG KỂ NÊU BẬT VAI TRÒ TÍCH CỰC CỦA
NGƯỜI NỮ: ĐỀ CẬP ĐẾN ƯỚC MƠ TÌNH YÊU VÀ HÔN NHÂN TỰ
DO.**

Thời kỳ chế độ quân chủ ngự trị cũng chính là thời kỳ địa vị của người nữ trong gia đình và trong xã hội thực tế trở nên thấp kém so với người nam. Điều đó được phản ánh khá rõ trong văn học bác học cũng như văn học dân gian của nhiều dân tộc. Nhân vật anh hùng đánh Đông dẹp Bắc lập bao nhiêu kỳ tích thường là nam giới, như I-van (Ivan) con người hùng trong cổ tích Nga, chàng Gấu (hay Tai Gấu) dũng mãnh trong cổ tích người A-va-rơ (Avares) v.v... Truyện cổ tích Việt-nam cũng không ra khỏi thông lệ đó. Người nữ trong số lớn truyện cổ của chúng ta thường đóng vai thụ động, là nơi gửi gắm niềm trắc ẩn, hay là đối tượng ra tay giải cứu của các trang nam tử anh hùng. Là nạn nhân của những con quỷ hiếu sắc đã đành, họ còn phải cáng đáng cả những nghĩa vụ nặng nề mà vai trò người nam lẽ ra phải thay thế, như việc nộp mạng thường kỳ cho măng xà, chần tinh, thủy phủ... Điều đó chứng tỏ dấu vết của nghi lễ hiến tế trong các tập tục tín ngưỡng thời cổ đã để lại ảnh hưởng tâm lý sâu nặng, kích thích nghệ thuật sáng tạo cổ tích, mà một trong những nhân tố kích thích mạnh nhất là lòng xót thương đối với người phụ nữ chịu mọi sự thiệt thòi.

1. Tuy nhiên, trong truyện cổ tích Việt-nam vẫn có một mảng đáng kể, ở đó ta lại bắt gặp những nhân vật nữ được tác giả hết sức trân trọng, đề cao. Đây là những nhân vật hoặc có tài năng xuất chúng, hoặc trong ngôn ngữ hành vi có nét đặc sắc, bộc lộ một nhân cách khác thường. Chúng ta sẽ không nói tới ở đây những truyện lịch sử, như Hai bà Trưng, bà Triệu [1] và rất nhiều tướng lĩnh của Hai bà (như bà Thánh Thiên, bà Lê Chân...) mà ngày nay rất tiếc đã bị biến thành những thần tích khô khan, nếu không

cường ép thành câu chuyện lịch sử. Nhưng ngoài những truyện đó thì trong đời sống văn học dân gian của dân tộc ở nhiều vùng miền khác nhau, những truyền thuyết hấp dẫn về "*nữ kiệt*" (anh kiệt) [2].- những người nữ tài ba, dũng cảm, lập được một kỳ tích vượt hãn nam giới được cả vùng hâm mộ, vẫn còn lưu lại khá nhiều. Chẳng hạn các truyện *Ao Phạt* (số 155), *Vợ ba Cai Vàng* (số 103), v.v...

Các truyện này có thể là cổ tích thể sự hoặc thần kỳ, nhưng phần lớn là cổ tích lịch sử. Trí nhớ của dân gian vẫn còn tô đậm hành vi cụ thể - lịch sử của nhân vật, đặc biệt là những hành vi vũ dũng. Và càng gần với thời cận đại thì sự bảo lưu ký ức lại càng rõ nét: số lượng truyện về các nhân vật nữ đảm lược nhiều hơn hẳn trước kia, tên tuổi cũng gần với sự thật hơn, như các truyện bà Thiều phó mà có tác giả dân gian đã đặt thành truyện về [3]., vợ Quận Tề, vợ ba Đề Thám, vợ Đốc Quất, vợ lẽ Đội Quyên... Hầu hết nhân vật nữ trong các truyện này đều tham gia trận mạc cùng với chồng, nhằm chống lại chính quyền đương thời. Nhưng khi đi vào truyền thuyết hoặc cổ tích, họ lại không có tên riêng, chỉ giữ lại chức tước hoặc tên của chồng. Có lẽ đây là hiện tượng nói lên được phần nào quy luật vận động từ lịch sử đi tới truyền thuyết. Lịch sử chính là những cuộc nội chiến, cuộc khởi nghĩa chống triều đình, hoặc chống Pháp... mà người chồng của các nhân vật nữ đóng vai chủ chốt, như những trận kịch chiến chống Nguyễn Ánh của Trần Quang Diệu, phong trào Đề Thám... Nhưng bản lĩnh và tài năng đột xuất của các bà vợ tham gia phong trào đã nổi bật lên giữa ba quân, đập mạnh vào cảm quan dân gian. Dân gian đã chọn riêng họ làm chủ đề của truyện chứ không lấy nguyên câu chuyện của cả phong trào, bởi đây là lịch sử được ánh xạ qua cảm quan thẩm mỹ. Mặt khác cũng có thể thấy, mối quan tâm của sáng tác dân gian về người phụ nữ *khác thường*, trước hết hướng về người phụ nữ có tài thao lược, có vai trò trong chiến trận. Tất nhiên do đây là loại người độc đáo, phi phàm, nên họ đều có kết thúc đột ngột bằng cái chết oanh liệt, hoặc hóa thân vào cõi bất tử. Không một ai sống già với thế tục.

Thực ra, đứng về bản chất mà nói, nhóm truyện "nữ kiệt" cũng là những truyện đề cao sự phản kháng của người nữ đối với trật tự xã hội. Vì thế, trên nhiều phương diện, chúng lại khá gần gũi với hai nhóm truyện mà chúng tôi sẽ dẫn giải kế tiếp dưới đây, mặc dù xét từ tính thuần nhất của chủ đề ca ngợi người nữ thì có thể giữa ba nhóm vẫn có nét khác nhau.

Nhóm truyện đáng nói sau "nữ kiệt" chính là "*nữ quái*" (kỳ quái). "Nữ quái" bao gồm những nhân vật nữ có tính khí ngỗ ngược, không chịu khuôn mình vào thói thường. Nếu "nữ kiệt" hấp dẫn tác giả dân gian ở tài trí, vũ dũng, thì "nữ quái" lại hấp dẫn ở phong cách bướng bỉnh, ngang tàng. Họ luôn luôn có những hành vi bị tập tục coi là "phạm thượng", như chống lại phụ quyền và nam quyền. Họ bị người đời trách móc, đàm tiếu, đồn đại, nhưng chính sự đồn đại cũng phản ánh một nghịch lý: ngay trong tâm lý sợ hãi người ta đã rất thích thú trước một cái gì khác lạ, vượt lên trên tầm hiểu biết của mình. các nhân vật Liễu Hạnh (số 137), Tiên Dung (số 28)... đều thuộc loại người này. Cả hai mặt thích thú và sợ hãi đã cùng lúc tác động đến tâm lý sáng tạo của dân gian, khiến nhiều nhân vật "nữ quái" được thể hiện trong truyện cổ tích với một bản sắc đa dạng: vừa bị xem là thần tiên, yêu ma, lại vừa là nơi ấp ủ niềm tin, gửi gắm khát vọng, ý chí tự do của quần chúng. Ở chỗ này dân gian có khác với nho sĩ. Đối với loại nhân vật đi quá khuôn phép, nho sĩ dù có đồng tình đến mấy vẫn phải trình bày họ dưới hình thức phản diện, như Nguyễn Dữ trong truyện *Ma cây gạo*, *Nghiệp oan của Đào thị* (*Truyền kỳ mạn lục*), trong khi đó nhân quan dân gian lại rộng rãi, phóng khoáng hơn, cho phép mình thể hiện họ như những con người có cá tính, đầy sức sống, và có lúc có nơi còn bày tỏ không giấu giếm thái độ đồng tình. Chỉ duy ở kết cục, bao giờ dân gian cũng thần kỳ hóa nhân vật, cho họ đi vào cõi anh linh, không giữ lại gốc rễ thể tục của họ, và như thế là về kết cấu cũng thống nhất với loại truyện "nữ kiệt". Phải chăng thần kỳ hóa trong trường hợp này là một phương thức đáp ứng được

sự chuyển hóa trong cảm xúc thẩm mỹ: xa lạ mà chính là gần gũi, phê phán mà chính là ca ngợi [4].?

Còn có một nhóm nhân vật thứ ba, thấp hơn hai loại trên một bậc, nhưng vẫn là một dạng nhân vật nữ đặc biệt, được truyện cổ tích chú ý khai thác, mà ta có thể tạm gọi là nhóm nhân vật nữ "*thức tỉnh*". Họ là những con người bình thường, hết lòng tin vào trật tự, công lý, tín ngưỡng, tập tục, do xã hội an bài. Nhưng một biến cố nào đây đã làm sụp đổ tất cả. Họ chợt bừng tỉnh trước thực tế quá tàn nhẫn. Và để phản ứng lại, họ đã hành động một cách dữ dội, quyết liệt, qua đó nhân cách và bản lĩnh được soi rõ. Cái đôn hậu hàng ngày bỗng biến thành cái cứng rắn. Nhân vật Thanh Đề trong *Sự tích cái chân sau con chó* (số **19**) đã dùng đến ngón đòn trả đũa cay nghiệt là làm bánh nhân thịt chó để lật tẩy thói háms lợi của những kẻ nấp bóng nhà chùa. Còn người vợ anh thợ sơn tràng lấy nhảm phải tên phản bạn trong truyện *Con cóc liếm nước mưa* (số **141**) thì còn ghê gớm hơn: nàng đã phục rượu cho người chồng mới rồi trối hăn lại, mổ lấy quả tim để cúng vong hồn chồng cũ. Họ đều là những đối tượng thẩm mỹ có tính đa nghĩa: tàn nhẫn mà chính trực, thấp hèn mà vô cùng cao cả [5].

2. Bên cạnh loại nhân vật nữ phản kháng, truyện cổ tích Việt-nam cũng không quên các loại nhân vật nữ đại biểu cho vẻ đẹp mẫu mực của cả cộng đồng. Nhóm nhân vật mà ta có thể xếp ngang với "nữ kiệt" là những người nữ dám đánh đổi tính mạng của mình để bảo vệ công lý, danh dự, hoặc sự an toàn của xã hội. *Nguyễn Thị Bích Châu* (số **177**), *Hai nàng công chúa nhà Trần* (số **102**) là những trường hợp chủ động hy sinh trong tình thế an nguy của quân vương, xã tắc. Mấy mẹ con Đế Bính trong *Sự tích đền Cờn* (số **161**), lại là sự liều mình tự nguyện để bảo toàn danh tiết, chữ trinh, và công bằng với người đã cứu mình thoát cơn hiểm nghèo. Những con người này về hành động cũng dữ dội không kém gì những nhóm người thuộc loại đầu, nhưng hành vi của họ không phải để chống đối ai mà để giữ gìn cái đẹp, nó biểu hiện một sự trong suốt, hồn thuần trong đức hạnh của họ. Họ

là con người xả thân chứ không đòi hỏi người khác. Họ thuộc nhóm nhân vật "*nữ liệt*" (tiết liệt).

Đứng dưới "*nữ liệt*" là nhóm nhân vật "*nữ trí*" (mưu trí). Họ bị đặt vào những tình cảnh nguy ngập, tuyệt vọng, có khi tan nát gia đình, có khi bị phụ bạc, bị lừa đảo, có khi chồng con gặp nạn hiểm, có khi chính mình bị đe dọa tính mạng, nhưng không ai chịu buông xuôi theo số phận. Bằng đức tính bền bỉ hiểm có và sự khôn ngoan rất mực, họ đã xoay đổi lại tình thế, giành được phần thắng cuối cùng về mình. Ví dụ người vợ chàng thương nhân trong *Con mụ Lường* (số **84**), vợ chàng Dê trong *Lấy chồng dê* (số **128**), vợ anh lái buôn Tình trong *Người đàn bà bị vu oan* (số **109**), vợ cũ của chàng Vạn Lịch trong *Đồng tiền Vạn Lịch* (số **41**), vợ chàng ngốc trong *Bọm già mắc bẫy hay là mưu trí đàn bà* (số **89**)... Những con người này tuy phải trải qua lắm phen tranh chấp, lẫn lộn với cái ác, cái xấu, phải tính toán trăm mưu ngàn kế, nhưng vẫn không mất đi bản tính thủy chung, trong sáng của người phụ nữ phương Đông. Nếu căn cứ vào các câu chuyện cụ thể, có thể nhận xét thêm: nhóm nhân vật "*nữ trí*" đều có liên quan ít hay nhiều đến tầng lớp thương nhân, buôn bán. Như chúng tôi đã có dịp nhận xét ở một chương trên, trong đời sống xã hội Việt cổ, nhân quan nông dân cũng vẫn có mặt bắt nguồn từ nhân quan chính thống, nên luôn luôn coi "*thương*" là thành tố "*nghịch dị*" đối với cộng đồng. Thành tố này theo họ dễ gây ra sự tha hóa, lộn xộn về đạo đức. Cuộc đấu tranh của các nhân vật "*nữ trí*" chính là để chống lại sự tha hóa đó, trả lại cho xã hội hệ giá trị cũ, bền vững của nó.

Truyện cổ tích Việt-nam còn đề cập đến một loại nhân vật nữ chính diện nữa mà phẩm hạnh tiêu biểu là sự kiên trì chịu đựng. Đó là nhóm nhân vật nữ "*nhẫn nại*". Số phận của họ là lấy phải những anh chồng ngu ngốc, bạc nhược, những kẻ "*phá gia chi tử*" nhiều lúc phũ phàng với vợ... nhưng họ vẫn không đành tâm dứt bỏ, trái lại, cắn răng chịu đựng, thủy chung với người mình đã gá nghĩa trăm năm. Chẳng hạn các nhân vật trong *Gái*

ngoan đại chồng (số 90), *Người lấy ếch* (số 129)... Nói như thế không có nghĩa là dân gian muốn lý tưởng hóa một mẫu người chỉ xứng đáng là nô lệ của chế độ gia trưởng chứ bản thân không có ý nghĩa gì tích cực. Dân gian đã không hạ thấp tiêu chuẩn cái đẹp đến mức ấy. Trong khi đề cao sự kiên trì chịu đựng, dân gian đồng thời cũng gửi gắm vào họ triết lý sống "thừa trừ" và "tương đối": sự xứng đôi vừa lứa về sắc về tài trong xã hội, xưa nay vẫn là chuyện vô cùng. Chỉ có thể bằng lòng với cái mình có chứ không bao giờ có cái vẹn toàn (*Con vợ khôn lấy thằng chồng đại, như bông hoa lài cắm bãi cứt trâu*, số 47). Hơn nữa, quan niệm của dân gian về sự kiên trì chịu đựng không hề đồng nghĩa với thụ động, cứng nhắc. Những người phụ nữ trong truyện giữ thủy chung với chồng nhưng bằng trí thông minh, lòng nhẫn nại, và thiên bẩm của người phụ nữ, đã tìm được cách dạy khôn cho chồng, làm cho chồng sáng mắt, đổi tính, trở lại đắm thắm với vợ (*Gái ngoan dạy chồng*, số 90), hoặc trở nên sáng láng, gây dựng được cơ nghiệp và hạnh phúc gia đình (*Đồng tiền Vạn Lịch*, số 41). Để cực tả vẻ đẹp của nhóm nhân vật nữ "nhẫn nại" ở đây, thủ pháp thường thấy của truyện cổ tích là xây dựng *hình ảnh sóng đôi* của từng cặp nhân vật: bên cạnh hình ảnh người phụ nữ mẫn tiệp, sắc sảo, nhạy cảm, bao giờ cũng có hình ảnh người chồng bị cách điệu hóa theo hướng trào phúng hay hoạt kê thành một mẫu người đối xứng: ngốc nghếch, ngớ ngẩn, phũ phàng, nóng nảy...

Bây giờ chúng ta có thể tổng kết cả hai hệ thống nhân vật nữ được truyện cổ tích Việt-nam biểu dương: một bên là hệ thống nhân vật đối kháng với xã hội (hệ thống I), xếp theo thứ tự từ cao đến thấp: *anh kiệt*, *kỳ quái*, *thức tỉnh*; một bên là hệ thống nhân vật nữ bảo vệ trật tự xã hội (hệ thống II), cũng xếp theo thứ tự từ cao đến thấp: *tiết liệt*, *mưu trí*, *nhẫn nại*. Các phẩm chất quy định đặc trưng của mỗi nhóm trong từng hệ thống thật ra không hoàn toàn tách biệt với nhau mà có lúc lẫn lộn, và cũng dễ dàng chuyển hóa, chẳng hạn về mặt thông minh mà nói, hai nhóm nữ "mưu trí" và "nhẫn nại" không thể nói là thua nhóm nữ "tiết liệt"... Nếu xét tương quan giữa hai hệ thống thì sự khác nhau cơ bản là một bên, hình tượng thẩm mỹ *man*

ý nghĩa công phá, và một bên, hình tượng thẩm mỹ *manh ý nghĩa bảo toàn*. Tuy nhiên, xét cho cùng, giữa hai hệ thống vẫn có một cơ sở lý tưởng chung: gọi là "công phá" nhưng mục tiêu công phá chủ yếu vẫn là cái ác, cái xấu trong xã hội, cốt để giành lại chỗ đứng cho cái thiện lương, và gọi là "bảo toàn", nhưng mục tiêu bảo toàn chủ yếu vẫn là cái tốt, cái đẹp, muốn vậy thì đâu có thể dung tha cho cái bất thiện. Đây chính là điều kiện để chúng ta hiểu sâu hơn quan niệm của dân gian về các phạm trù "thiện" và "mỹ" trong truyện cổ tích. Nhìn chung, truyện cổ tích cũng chỉ ca ngợi người phụ nữ mẫu mực theo những tiêu chí của xã hội chính thống: sự chung thủy, chữ trinh... mà thôi. Nhưng nhờ gắn bó với đời sống thực tiễn, dân gian đã không hiểu những mẫu mực này một cách bất biến, mà rất "động". Giữ chữ trinh nhưng vì lý do nào đấy vẫn có thể hiến dâng cho người mình yêu trước ngày cưới mà chữ trinh vẫn không sút mẻ (*Nàng Xuân Hương*, số **169**): giữ lòng thủy chung, nhưng ở cảnh ngộ nào đấy vẫn có thể đi bước nữa mà vẫn rất chung thủy với chồng (*Trinh phụ hai chồng*, số **56**). Cũng vậy, không chịu từ chối người mình yêu theo lệnh của cha, nhưng trong ý tưởng vẫn không chống lại cha (*Sự tích đầm Nhất-dạ và bãi Tự-nhiên*, số **28**); giết chồng để tể chồng mà vẫn giữ trọn đạo nghĩa làm vợ (*Con cóc liếm nước mưa*, số **141**)... Rõ ràng giữa hai hệ thống vẫn có một mạch ngầm qua lại, phản ánh sự thống nhất chỗ đứng trong tiêu chí thẩm mỹ. Chỉ có điều, đối với hệ thống I (những nhân vật nữ chống đối) hành động của nhân vật thường có nguy cơ làm xã hội mất an toàn, thần tượng đổ vỡ, cho nên dân gian bao giờ cũng kết liễu số phận nhân vật bằng cách bắt nhân vật chịu đựng sự trừng trị do hậu quả của mình (luật pháp, thần, Phật...). Đó là hạn chế, và cũng là hiện thực.

Bảng sơ đồ sau đây nhằm nói lên tính riêng biệt cũng như sự giao thoa giữa hai hệ thống: mỗi quan hệ dọc tạo nên sự chuyển hóa và mỗi quan hệ ngang tạo nên *các phạm trù đối lập - thống nhất* giữa từng nhóm nhân vật.

3. Đề cao nhân vật nữ, truyện cổ tích Việt-nam cũng không bỏ quên một mảng đề tài gắn bó mật thiết với tính cách nhân vật nữ: mảng đề tài về tình yêu và hôn nhân. Một hiện tượng gần như phổ biến là nhân vật đóng vai trung tâm của những chuyện duyên ái không phải là nông dân thuần túy, cũng không thuần túy là vương hầu. Thông thường nam là một anh học trò chưa vợ, dù con nhà nghèo đói cũng có dùi mài kinh sử hoặc chuẩn bị đi thi, nghĩa là học vấn khá và có triển vọng bước đến một tương lai rạng rỡ. Về nữ thì thường là con gái phú ông, hoặc trưởng giả, cũng có khi là con gái nhà quan. Sẽ là điều lý thú, nếu ta so sánh với truyện cổ tích phương Tây: đóng vai trung tâm trong các truyện tình yêu của cổ tích phương Tây cũng không phải là nông dân, mà có khi là hoàng tử và công chúa, có khi là kỵ sĩ và công nương [6]_. Phải chăng có sự gặp gỡ nào đó giữa Tây và Đông? Có lẽ khi nói đến tình yêu lý tưởng thì người ta thường tìm những mẫu người hào hoa phong nhã (nam), những người đẹp (nữ), những nhân vật mà ta quen gọi là "traoi tài gái sắc". Hoàng tử hay kỵ sĩ, công chúa hay công nương chính là những mẫu người lý tưởng tiêu biểu cho hạng trai tài gái sắc ở xã hội phương Tây trung cổ. Xã hội Việt-nam dưới các triều đại quân chủ, hoàng tử và công chúa cũng có thể là mẫu người tiêu biểu cho cái hào hoa phong nhã và cái đẹp. Vì vậy, trong truyện cổ tích mới có những cô gái đẹp ước ao lấy chồng hoàng tử, ví dụ *Cô gái lấy chồng hoàng tử* (số **144**), *Bốn cô gái muốn lấy chồng hoàng tử* (số **166**). Và cũng có những chàng trai xuất thân nghèo khổ có vinh hạnh được lấy công chúa như *Chử Đồng Tử* (số **28**); những ông nghề, ông trạng, quan tân khoa tốt số được vua đính ước gả con, như *Tống Trân* (trong *Tống Trân - Cúc Hoa*). Cũng phải là biểu tượng của người đẹp, thì công chúa mới được dùng để treo giải cho những anh hùng nào tiêu diệt được đại bàng, mãng xà... (như trong *Thạch Sanh*, số **68**; *Tiêu diệt mãng xà*, số **148**, v.v...)

Tuy nhiên, đối với các xã hội phương Đông cổ truyền, trong đó có Việt-nam, giữa nước này và nước khác ít xảy ra những cuộc tình duyên cung đình, nếu không phải là những cuộc hôn nhân bắt nguồn từ ngoại giao thuần túy (My Châu và Trọng Thủy (số **174**), công chúa Huyền Trân và vua Cham-pa (số **34**), công chúa Văn Thành với vua Tây-tạng...). Cho nên, dù có muốn chẳng nữa, dân gian cũng khó có điều kiện dựng lên những cuộc tình duyên thơ mộng giữa hoàng tử và công chúa, giữa nước này và nước kia [7]. Rốt cuộc, đối tượng của những cuộc tình duyên thơ mộng dễ chấp nhận hơn cả, hơn nữa, cũng dễ tìm thấy trong hiện thực, thường là cô gái phú ông hoặc cô gái nhà quan với anh học trò (*Duyên nợ tái sinh*, số **173**), hay với nhà nghệ sĩ (*Cái vết đỏ trên má công nương*, số **188**). Ít thấy những đề tài cổ tích khai thác tình duyên của người võ sĩ. Có lẽ trong con mắt quần chúng đông đảo, mẫu người hào hoa phong nhã khó tìm được ở người võ sĩ sống theo quân lệnh, hơn là ở nho sĩ hay nghệ sĩ sống bằng sách vở, thơ phú, hay nhip phách, tiếng đàn. Còn như cái đẹp của người nữ thì cũng phải tìm đến những con nhà phú quý hay con nhà quan (mới có điều kiện "má phấn môi son", trau dồi nhan sắc), chứ không dễ tìm ở con nhà dân thường.

Nói đến tình yêu trong cổ tích là nói đến vai trò chủ động và mạnh dạn của nhân vật nữ. Về mặt này, quan điểm của dân gian rất công bằng và độ lượng. Những truyện *Người cưới ma* (số **184**), *Duyên nợ tái sinh* (số **173**)... đều mang rất rõ ý nghĩa tích cực chống lại những tập tục hôn nhân không vì hạnh phúc lứa đôi mà chỉ nhằm vào "môn đăng hộ đối", hay nhằm vào tài sản. Các nhân vật nữ trong truyện đều đã không chịu sống gò bó theo thói thường. Phản ứng việc "cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy", họ đã có những hành vi cực đoan, lựa chọn lấy một kết thúc quyết tuyệt: chết theo người mình yêu, thậm chí tự mình quyên sinh. Nhưng quyên sinh không có nghĩa là toàn bộ hy vọng của họ đã dập tắt. Theo quan điểm luân hồi, phản ứng tự tận của họ chỉ nhằm bảo vệ và tiếp tục cuộc tình dưới một hình thức khác.

Dân gian sẽ cho họ được toại nguyện bằng thủ pháp tái sinh (mô-típ người đẹp hậu thân sinh ra, trong bàn tay có ghi lời nguyện của người đã chết), hoặc cho họ giành được hạnh phúc ở một thế giới ngoài thế giới cõi trần.

Ở nhiều truyện nôm khuyết danh, nhân vật nữ được miêu tả như những con người phóng khoáng, quả quyết, không chịu để cho bố mẹ định đoạt hôn nhân của mình; nhưng đáng tiếc, sau này, khi vấp phải hoàn cảnh gay cấn, khắc nghiệt, có lúc họ lại trở thành nhẫn nhục, cam chịu. Chẳng hạn những nhân vật nữ trong *Hoàng Triều, Tống Trân - Cúc Hoa...* Họ không thể ví được với những nhân vật nữ của truyện cổ tích như *Đồng tiền Vạn Lịch* (số 41), *Người đốt than* (**Khảo di** truyện trên) có ý thức vượt ra khỏi hoàn cảnh, và vượt bằng được nhờ một quyết tâm cao. Đặc biệt, nhân vật nữ họ Trương trong **Khảo di** truyện *Người cưới ma* (số 184) mặc dù có lòng vào những nét huyền ảo, từ đầu chí cuối là một nhân vật đầy cá tính, biết chủ động, mưu trí, có thủ đoạn, dám giành cái sống từ cái chết, lấy được chồng như ý muốn và còn giúp chồng thành đạt trong cuộc đời làm quan.

Sắc thái tâm lý của nhân vật nữ được thể hiện trong các truyện cổ tích về tình yêu cũng đáng được nhắc đến. Ở một số truyện, trong yêu đương, người nữ vẫn tỏ ra e dè, kín đáo, nhưng khi cần cũng trút bỏ lối e lệ để được sống chết với bạn tình (*Chiếc giày thơm*, số 179). Ở một số truyện khác, tính cách bạo dạn còn được nhấn mạnh rõ ràng hơn, được nâng lên mức tưởng như bất cần, liều lĩnh (*Con gái thần nước mê chàng đánh cá*, số 175). Trái lại, ở một số truyện nữa thì họ lại được miêu tả như những con người bề ngoài trầm lặng, ít bộc lộ, vốn là bản tính muôn thuở của nữ giới, nhưng kỳ thực bên trong lại là người hết sức sôi nổi và kiên định trước tình yêu. Ở truyện *Duyên nợ tái sinh* (số 173), tác giả hình như muốn ghi lại một cách trung thành vẻ đẹp bí ẩn của nội tâm nhân vật nữ, một người giữ im lặng từ đầu đến cuối, không hé lộ cho người yêu biết tí gì; cho đến lúc bật ra như một tiếng sét là cái hành động nàng tự kết liễu cuộc đời bằng liều thuốc độc bên cạnh người mình yêu. Hẳn đó cũng là tính cách điển

hình của một loại phụ nữ xưa, phải chịu dồn nén tình cảm quá lâu, trong một xã hội bị nhiều tầng lễ giáo vây bọc.

Chất trữ tình dân gian qua nghệ thuật cổ tích còn có những khía cạnh tế nhị và độc đáo trong tâm lý cá nhân và có khi cả tâm lý đẳng cấp. Truyện *Trương Chi (Khảo di, số 43)* là một ví dụ. My Nương - con gái quan thừa tướng - trước nghe tiếng hát du dương của Trương Chi - con nhà thuyền chài - thì tương tư thành bệnh, nhưng sau khi được nhìn tận mặt chàng bèn hết hấn sâu não. Oái oăm thay, đến lượt Trương Chi được gặp mặt My Nương lại đâm ra "phải lòng". Trước mối tình đơn phương và tuyệt vọng, chàng đành tự kết liễu đời mình. Tác giả kết thúc bản tình ca tự sự bằng một mô-típ đã trở thành tượng trưng mỗi khi muốn tô đậm sự u uất tuyệt vọng (trái tim kết thành một khối đỏ như son, trong như thủy tinh). Nhưng ở đây, tính chất "khép" của mô-típ đã bất ngờ bị phá vỡ, bởi có thêm một tình tiết cuối: những giọt nước mắt của My Nương nhỏ xuống làm tan vỡ cái khối đỏ được tiện thành chén trà. Đây phải chăng vẫn là bước tiếp nối của nghệ thuật tượng trưng phương Đông, như một hình ảnh có hậu, ám chỉ sự ưu uất của mối tình vô vọng đã được "hóa giải"? Hay là một dự cảm còn đi xa hơn: mọi khát vọng yêu thương muốn vượt qua bức thành đẳng cấp chung quy đều khó thành?

4. Cuối cùng cũng nên nhắc qua những mặt tiêu cực của nhân vật nữ trong cổ tích. Nếu có những truyện đề cập đến lòng chung thủy và đức hạnh, thì cũng có số ít truyện nói đến hành động bất nghĩa (*Sự tích con muỗi, số 11; Sự tích con dã tràng, số 15*), sự phản bội đối với chồng và âm mưu giết chồng (*Thầy cứu trò, số 142*), thói buôn gian bán dối (*Con mụ Lường, số 84*)... Như mọi cái xấu, cái ác ở bất kỳ loại nhân vật nào khác, đối với cái xấu, cái ác trong các truyện trên, thái độ của dân gian đều dứt khoát lên án. Cũng là điều dễ hiểu. Nhưng đọc kỹ lại các truyện đã dẫn, ta cảm thấy trừ truyện *Sự tích con muỗi* ra, các truyện còn lại đều không nhằm mục tiêu chĩa vào nhân vật phản diện, mà chỉ muốn mượn nhân vật phản diện để

chứng minh cho một loại chân lý khác, có khi rất xa cách với hiện tượng đã nêu. Vậy có thể gọi đó là loại nhân vật ngẫu nhiên. Dụng ý phê phán người nữ ở đây không nằm trong chủ đề của tác phẩm.

Lại cũng có một vài truyện lấy cảm hứng từ sự đầu hàng số phận, cam lòng đón nhận cảnh ngộ một cách âm thầm. Nói cho đúng nhân vật nữ trong truyện đã can đảm hứng chịu mọi sự rủi ro đưa tới cho mình một cách thanh thản, với tấm lòng rất vị tha (*Quan Âm Thị Kính*, số 176). Truyện không những không phê phán mà lại gợi lên ở người nghe niềm kính trọng đối với nghị lực phi thường của nhân vật. Tính cách dân gian vẫn đậm nét nhưng không khỏi có nhuộm chút màu sắc tôn giáo, thoát tục.

*

* *

Tóm lại, qua kho tàng truyện cổ tích phong phú của Việt-nam, chúng ta đã có thể nhận ra được đây đó một số nét mang tính đặc thù. Tìm hiểu đầy đủ các biểu hiện đặc thù này là việc cần thiết, cũng là việc có thể làm, nhưng muốn khái quát thành các đặc trưng tiêu biểu chỉ riêng truyện cổ tích Việt-nam mới có thì không phải dễ. Bởi lẽ truyện cổ tích là một thể loại phổ cập có ý nghĩa nhân loại, ra đời trước khi nhân loại hình thành các cộng đồng dân tộc rất lâu. Đem những đặc điểm có tính chất "hậu sinh" đó quy định một hiện tại tồn tại trước, e có khi sẽ dẫn đến những ngộ nhận sai lầm. Trong quan hệ giao lưu rộng lớn của kho tàng cổ tích thế giới xưa nay, khó có thể nói có một sự đặc thù nào mà lại không hiện diện ở nhiều dân tộc

khác, trong nhiều môi trường sinh hoạt tương tự. Bốn đặc điểm rút ra được ở trên, vì thế, luôn luôn có ý nghĩa tương đối, và cần được nhìn nhận một cách tương đối. Có thể tóm lược lại như sau:

1. Yếu tố tưởng tượng của người Việt-nam trong sáng tác cổ tích gần như ít xa lạ với nhân tính. Truyện thần kỳ của chúng ta nói chung khá lý thú, là kết quả của sự phối hợp khéo léo giữa hai nhân tố *thực* và *ảo*, nhưng số lượng lại không nhiều.

2. Truyện cổ tích Việt-nam thường bắt rễ từ môi trường sinh hoạt của một xã hội quân chủ kiểu phương Đông, lấy làng xã làm nền tảng. Nó thường toát lên vẻ đẹp cân bằng, cái hiền hòa, cái nhân đạo.

3. Nhân vật tích cực trong cổ tích Việt-nam thường tỏ ra không bằng lòng với hiện thực; luôn luôn hướng tới một thế giới mới, với những hệ giá trị mới, công bằng hơn, hợp lý hơn.

4. Nhiều truyện đề cập đến vai trò năng động của người nữ, và thường phản ánh khát vọng tình yêu và hôn nhân tự do.

Bốn đặc điểm trên vừa bao quát cả nội dung tư tưởng lẫn phương thức tư duy nghệ thuật, cấu trúc và hình tượng của truyện cổ tích Việt-nam. Tựu trung, truyện cổ tích Việt-nam phản ánh bằng hình thức thẩm mỹ dân gian - dân tộc *ước mơ hạnh phúc nhiều đời* của quần chúng nhân dân. Đó là *cuộc đấu tranh thầm lặng, lâu dài giữa lý tính ngày càng trỗi dậy, chống với mọi thành kiến giáo điều, "hóa giải" mọi sự cực quyền vô lý và bảo thủ*. Đó cũng là tất cả ý nghĩa, giá trị của truyện cổ tích Việt-nam.

[1].Truyện bà Triệu đã từng được Lưu Hân Kỳ, một nhà sưu tập truyện cổ đời Tấn kể lại trong *Giao châu ký* 交州記 (trong bộ *Thuyết phu* 說郛).

[2].Chúng tôi tạm gọi tắt những chữ “anh kiệt” thành *kiệt*, “kỳ quái” thành *quái*, “tiết liệt” thành *liệt*, “mưu trí” thành *trí*, và ghép với chữ *nữ*, nhưng không ghép theo Hán ngữ như “liệt nữ”, “kỳ nữ”... mà ghép theo tiếng Việt

[3].Tức là *Về bà Thiếu Phó*, phân biệt với *Về bà Phó* tức là truyện *Mã Long Mã Phụng* chịu ảnh hưởng của tuồng.

[4].Chúng tôi không căn cứ vào ngôn ngữ truyện kể lưu truyền hôm nay để nói rằng những truyện đó chỉ có ca ngợi nhân vật mà không có chỗ nào phê phán.

[5].Cũng có thể xếp vào nhóm này nhân vật nữ kiện chồng trong truyện *Hai bảy mươi ba* (số 201). Câu chuyện tuy có vẻ khôi hài nhưng ý nghĩa phản kháng rất sâu sắc. Hành động đi kiện chồng của người vợ bề ngoài chỉ vì một bát chè chồng ăn vụng, nhưng thực chất là để phản ứng lại sự áp bức của nam quyền, mà câu chuyện đúc kết thành lời nói vần về đặt vào kết thúc: “*Cha mẹ nói oan, quan nói hiếp, chồng có nghiệp nói thừa*”.

[6].Phương Tây thường có loại truyện cổ ca ngợi tình yêu cung đình, thủ vai chính là hoàng tử, công chúa hoặc kỵ sĩ, công nương, như những truyện *Ác-tua* (*Arthur*), *Tơ-rít-xtăng* và *I-dơn* (*Tristan et Iseult*) xuất hiện vào khoảng thế kỷ XII-XIII.

[7].Truyện *Hoàng Triều* thực ra là một cốt truyện nước ngoài. Còn ở trong nước thì ngay đến những cuộc tình duyên giữa công chúa và các ông trạng tân khoa, các quan trong triều, truyện cổ tích Việt-nam cũng không nói tới, trừ chuyện *Tống Trần – Cúc Hoa*, vì một lẽ giản dị là cuộc sống cung đình quá cách biệt với dân gian, nên mọi “thông tin” giàu chất “truyện” ít lọt đến tai các tác giả cổ tích.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

V. THỬ TÌM NGUỒN GỐC TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT - NAM

1. CÁC TRƯỜNG PHÁI CỔ TÍCH HỌC XƯA NAY VỚI VẤN ĐỀ CÁI "CHUNG" VÀ CÁI "RIÊNG" TRONG LOẠI HÌNH CỔ TÍCH

Như chúng ta biết, lịch sử bộ môn văn học dân gian thế giới phát triển mạnh mẽ chừng khoảng một thế kỷ gần đây đã gợi lên nhiều vấn đề lý thú, làm nổ ra nhiều cuộc tranh luận đến nay hầu như chưa với ý nghĩa, đóng lại nhiều hướng tìm tòi đã quá lỗi thời, cũng như mở ra nhiều con đường thuận lợi giúp các nhà cổ tích học nhiều nước xích lại gần nhau về phương pháp, do đó đưa lại nhiều triển vọng trong nhận thức, khám phá ra nhiều điều mới mẻ của thế giới cổ tích nước mình mà trở về trước tưởng chừng như luôn luôn vẫn là điều bí ẩn.

Không kể một thời kỳ khoảng một thế kỷ rưỡi trước đây, từ trường phái thần thoại ngữ văn Ấn - Âu ra đời vào những năm nửa đầu thế kỷ XIX mà chủ xướng là hai anh em nhà cổ tích học nổi tiếng người Đức Grim[1], qua trường phái Ấn-độ[2] rồi trường phái nhân chủng học[3], cho đến trường phái địa lý học lịch sử xuất hiện ở Phần-lan (Finlande) vào đầu thế kỷ này[4], thì vấn đề nghiên cứu các loại hình tự sự dân gian trong đó có cổ tích, quả thực đã phá vỡ được hàng rào quốc gia chật hẹp để trở thành một vấn đề có ý nghĩa và phạm vi quốc tế. Mặc dầu không thể không cảnh giác trước bao nhiêu ý kiến lệch lạc của các trường phái này, trong đó có những thiên kiến hẹp hòi, thậm chí có lúc có người đã sa đà vào chủ nghĩa chủng tộc, người ta vẫn không kém ngạc nhiên trước vô số thành tựu cụ thể mà các trường phái nói trên đã tổng hợp được. Nó cho phép gạt bỏ đi dần tới một phương pháp thực sự đúng đắn, qua đó có thể nhìn nhận truyện tự sự dân gian của mọi dân tộc như là một di sản tinh thần thống nhất, với những đặc trưng thống nhất về tư tưởng cũng như loại hình.

Việc vạch ra một nguồn gốc chung của truyện cổ dân gian một số nước Đông Tây, chẳng hạn nguồn gốc A-ri-an (Aryens)[5] trong trường phái thần thoại học, hay nguồn gốc Ấn-độ trong trường phái Ấn-độ học, tuy rằng chưa đựng không ít sai lầm về mặt quan điểm, và nếu cứ nhắm mắt tin theo thì vô tình sẽ ảnh hưởng đến việc nhận thức đúng đắn tiến trình vận động của loại hình tự sự dân gian trong quá khứ; nhưng ít ra về một mặt nào đó, những nhận định cực đoan kiểu này cũng bao hàm trong nó một hạt nhân hợp lý: mối quan hệ mật thiết và sự giao lưu thường xuyên trong đời sống văn hóa, tinh thần của các dân tộc thời cổ đại và trung cổ là một hiện tượng có thực, đã diễn ra theo những con đường trao đổi hàng hóa và truyền bá tôn giáo phổ biến từ Âu sang Á, từ Á sang Âu. Và trong những mối quan hệ qua lại không bao giờ thụ động và một chiều đó, thì ảnh hưởng tích cực của những "bếp lửa" văn hóa nhân loại thời cổ, như Ấn-độ, Ai-cập (Égypte), Hy-lạp (Grèce), Trung-hoa... đối với các nền văn hóa khác là điều ít ai có thể nghi ngờ.

Cũng như vậy, việc phân loại tỷ mỉ truyện cổ tích thành hàng trăm hay hàng nghìn mô-típ phổ biến, và việc phân tích sự kết hợp các mô-típ ấy thành vô số típ hay mẫu đề trong kho tàng cổ tích thế giới của trường phái Phần-lan (Finlande), tuy tựu trung vẫn chưa thoát khỏi hình thức chủ nghĩa, và ít nhiều có làm cho tính chất hữu cơ trong kết cấu truyện cổ dân gian bị cắt rời thành từng mảnh, nhưng dù sao, đây vẫn là những phát hiện bước đầu hết sức quan trọng mà nhờ đó khoa phân tích truyện cổ tích mới thoát khỏi sự suy đoán tùy tiện để đi vào một thời kỳ mới với hy vọng tìm ra được cái kết cấu đích thực bên trong, cái quy luật vận động chung nhất và cái lô-gích của tư duy nghệ thuật dân gian.

Dĩ nhiên, bước tiến nào cũng kèm theo một bước lùi tương đối. Khi người ta phát hiện ra cái "chung" của truyện cổ tích, thì một câu hỏi tự nhiên cũng nảy sinh làm các nhà cổ tích học băn khoăn lúng túng: vậy thì truyện cổ tích có còn hay không cái phần "riêng", tức là cái bản sắc dân tộc của mỗi địa phương đã sáng tạo ra nó, hoặc tiếp nhận và lưu hành nó như di sản của chính mình? Phải chăng đúng như ý kiến của Cô-xcanh (E.Cosquin), đại diện trường phái Ấn-độ học, rằng đi tìm cái "nhãn hiệu" Ấn-độ trong kho tàng truyện cổ dân gian các dân tộc mới là việc thực sự có ý nghĩa, còn như ngược lại, đi tìm yếu tố độc đáo dân tộc ở những kho tàng phong phú đa dạng đó chỉ là điều đối trá mà thôi? Hoặc là "không bao giờ có thể căn cứ vào các truyện du nhập từ nước ngoài để tìm cá tính của các dân tộc đã thu hút các truyện đó"[6] "vì trong các dị bản tuyệt nhiên không có yếu tố tưởng tượng độc đáo của người kể truyện"[7], vân vân và vân vân...

Quả là trong công tác nghiên cứu truyện cổ dân gian, việc phát hiện ra cái "chung" của loại hình này vẫn chưa phải là đã tới đích cuối cùng của nhà nghiên cứu. Rốt cuộc đấy cũng chỉ mới là một cái mốc và đầu là một cái mốc rất đáng kể đi nữa, nếu như nhà nghiên cứu thỏa mãn và dừng lại ở đấy, rồi tuyệt đối hóa nó, coi nó là yếu tố chi phối tất cả, chắc hẳn kết luận của họ sẽ phạm phải không ít sai lầm.

Đành rằng trong những thời kỳ lịch sử xa xăm, trên con đường phấn đấu gian nan của các dân tộc nhằm chống lại những lực lượng trở ngại trong tự nhiên cũng như trong xã hội để tồn tại và phát triển, dân tộc nào mà chẳng trải qua những bước tiến hóa lịch sử gần như nhau, với những tình cảm, tư tưởng, quan niệm nhân sinh, đạo lý ứng xử... có tính nhân loại; nhưng nếu xét về hình thức biểu hiện của những nhân tố rất gần nhau ấy, thì rõ ràng chúng lại hiện ra dưới những đường nét sắc màu hết sức phong phú và đa

dạng. Và đứng ở góc độ đó mà xét, có dân tộc nào lại giống hệt với dân tộc nào?

Hơn thế nữa, làm gì lại có một dân tộc "thượng đẳng" nào đấy, được thượng đế ban cho một chức năng cao quý là chuyên sáng tác ra vô vàn truyện kể kỳ thú để ban phát cho cả loài người cùng thưởng thức, trong khi đó thì các dân tộc khác, trí tuệ, tài năng cũng chẳng phải là kém cỏi, mà lại cứ phải đóng vai người "thính giả", hay người "kể chuyện" trung thành? Nói cách khác, tưởng tượng và mơ ước, suy nghĩ và sáng tạo vốn là những khả năng hầu như vô tận của trí óc con người nhằm dựng nên một thế giới bằng ngôn ngữ và bằng âm thanh để tô điểm cho cái thế giới mà mình đang sống, để bổ sung những chỗ khiếm khuyết của con người bằng ước mơ, phải đâu là độc quyền riêng của một vài dân tộc! Và ngay cho dù có một dân tộc nào đó là có nhiều khả năng hơn những dân tộc khác trong lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật thì trong quá trình sinh hoạt, tiếp xúc và giao lưu với các dân tộc khác, phải đâu họ chỉ làm người "chủ động ban phát" mà không hề tiếp nhận những ảnh hưởng ngược trở lại? Cũng vậy, đối với dân tộc "tiếp nhận" cũng phải đâu trong khi chuyển hóa những vốn liếng của nước ngoài vào điều kiện lịch sử - xã hội của nước mình, dân tộc đó cứ một mực thụ động "sao y bản chính", mà không hề cải tạo, gạn lọc, nghĩa là không dám nghĩ đến cái công việc sáng tạo lại một lần thứ hai?

Cho nên, để có một nhận thức đầy đủ về truyện cổ dân gian, thì sau khi đã phát hiện ra cái "chung", lại rất cần trở lại với cái "riêng". Đó là hai phương diện khác nhau cùng làm nên giá trị của loại hình cổ tích, là hai yếu tố nảy sinh từ những nguồn gốc khác nhau, trong quá trình hình thành, vận động, lưu chuyển của thể loại tự sự đó trong phạm vi một nước cũng như rộng ra cả một vùng bao gồm nhiều nước, nhiều dân tộc.

Và tuy nguồn gốc có khác, tuy vai trò cũng không đồng nhất, nhưng hai

yếu tố này lại gắn với nhau trong loại hình cổ tích như một chỉnh thể và thường được biểu hiện thành mối quan hệ thẩm mỹ giữa nội dung và hình thức, giữa cốt truyện và mô-típ, giữa chủ đề tư tưởng và sự cụ thể hóa chủ đề ấy bằng nhân vật, bằng sự tiến triển của câu chuyện. Xác định cho được giá trị thẩm mỹ của mối quan hệ biện chứng nói trên trong các loại hình truyện tự sự dân gian, đó chính là yêu cầu lý tưởng đối với phương pháp nhận thức và đánh giá của khoa cổ tích học hiện nay.

Mấy chục năm qua, do tích lũy được nhiều tài liệu mới, nhiều quan sát mới liên quan đến bản thân phon-clo (folklore) nói chung, cổ tích nói riêng, do kế thừa đúng đắn thành tựu của ngành phon-clo học, của khoảng một thế kỷ rưỡi phát triển, nên các nhà cổ tích học nhiều nước trên thế giới đã đạt được những thành tựu lớn lao chưa từng thấy. Qua sự tiếp cận với những cốt truyện cổ tích cũng như những thần thoại (hoặc huyền thoại) anh hùng ca (hoặc sử thi) v.v... của nhiều dân tộc, bằng phương pháp so sánh, đối chiếu, các công trình nghiên cứu hiện đại đã hướng vào việc giải thích tính quy luật của sự ra đời truyện cổ tích - chủ yếu là tiểu loại cổ tích thần kỳ, các huyền thoại, các sử thi - và đề xuất được nhiều luận điểm có giá trị nhằm lý giải một cách toàn diện và xác đáng hơn hẳn trước, chân tướng cũng như nguồn gốc, quá trình di chuyển của những truyện cổ tích. Sự giống nhau của các cốt truyện - một đặc điểm của bản thân đối tượng - trong nhiều trường hợp có thể xem như là quốc tế về mặt loại hình, nhưng lại là dân tộc về mặt lịch sử - xã hội, bởi vì truyện dân gian của một dân tộc vốn gắn bó với hệ thống những quan hệ sinh hoạt xã hội cũng như với trình độ nhất định trong sự phát triển của một hình thái kinh tế và văn hóa nào đấy, và với những biểu tượng của nhân dân nảy sinh hợp với quy luật của hệ thống ấy. Một tác phẩm phon-clo (folklore) - theo Prôp (V.Ia. Propp)[8] - "ra đời hoặc biến đổi là hoàn toàn hợp với quy luật và độc lập với ý muốn của con người ở tất cả những nơi hình thành những điều kiện tương ứng cho điều đó trong sự phát triển lịch sử. Hiện tượng về sự giống nhau có tính chất

toàn thế giới đối với chúng tôi không phải là vấn đề. Đối với chúng tôi, hiện tượng vắng mặt của một sự giống nhau như vậy mới là điều dường như không thể giải thích được. Sự giống nhau nói lên tính quy luật, cụ thể là sự giống nhau của các tác phẩm phon-clo (folklore) chẳng qua chỉ là trường hợp một bộ phận của tính quy luật có tính chất lịch sự xuất phát từ những hình thức như nhau của sự sản xuất văn hóa vật chất dẫn tới những thể chế xã hội như nhau hay giống nhau, và trong lĩnh vực ý thức hệ, dẫn tới sự giống nhau của những hình thức và những phạm trù của tư duy, của những biểu tượng tôn giáo, của đời sống nghi lễ, của ngôn ngữ và của phon-clo (folklore)"[9].

Cho nên cốt truyện của truyện cổ tích cũng như những hình tượng của truyện tự sự nói chung thường được tạo nên bằng con đường lý giải lại, hoán cải lại một cách thẩm mỹ dựa theo những yếu tố truyền thống trong sinh hoạt của dân tộc. Điều đó chắc chắn sẽ bác bỏ hoặc điều chỉnh lại những lý thuyết phiến diện lệch lạc của các trường phái trước đây mà ở phần trên đã đề cập.

Theo chúng tôi, truyện cổ tích cũng như mọi sản phẩm văn hóa khác, nhất là những sản phẩm không tên tác giả, nghĩa là những sản phẩm có xu thế hoàn chỉnh giá trị trên quá trình lưu chuyển, sau khi xuất hiện tại một vùng nào đấy sẽ dễ dàng được nhiều người khác gọt giũa, hoàn chỉnh trở thành tài sản chung của cả xã hội (cái bất biến), và từ đó nó sẵn sàng vượt biên giới xứ sở để gia nhập vào tài sản tinh thần một dân tộc khác dù xa hay gần. Cho nên hiện tượng lặp đi lặp lại, hiện tượng dị bản (cái bất biến kết hợp với cái khả biến) trong cổ tích nói chung là việc bình thường. Có điều là vấn đề không phải là ở chỗ cứ đổ cho thuyết di chuyển, hay giải thích bằng sự vay mượn một cách vô tội vạ, tức là nhìn nhận hiện tượng bất chấp quy luật. Trong điều kiện có thể cũng cần phải biết một tác phẩm cổ tích, cốt

truyện nảy sinh từ đâu, vào lúc nào? Và bằng con đường nào, ở đâu và lúc nào nó đã chuyển từ nơi này sang nơi khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác? Một truyện kể có hình thức đầu tiên là gì và sự thay đổi kế tiếp là gì? Vì sao? v.v.... Tất cả những vấn đề trên cũng tức là việc tiến hành giải thích bằng cách đi tìm cội nguồn trong lịch sử, và chỉ có thể đạt được không phải chỉ bằng cách so sánh đơn thuần mà bằng cách nghiên cứu rộng rãi theo phương pháp lịch sử - loại hình, một phương pháp trong thời gian gần đây đã cho phép các học giả khám phá ra được nhiều điều lý thú.

Mặc dù tài liệu về truyện cổ tích quốc tế hiện nay của chúng ta thiếu thốn nghiêm trọng, chúng tôi cũng mạo muội nhìn sâu một chút vào cái "chung" và cái "riêng" trong kho tàng truyện cổ tích Việt-nam, đúng hơn là thử đi tìm nguồn gốc ngoại lai cũng như nguồn gốc bản địa của một số truyện cổ tích của chúng ta.

2. NGUỒN GỐC NGOẠI LAI CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM.

Nói đến cái "chung", chúng ta hãy hướng về một mảng gồm khá nhiều truyện có những dấu hiệu cho biết chúng có nguồn gốc ngoại lai vì vẫn còn những dị bản hoặc gần hoặc xa thuộc kho truyện của các dân tộc lớn nhỏ trên các lục địa và đảo quốc. Trong đó đáng nêu lên đầu tiên - và cũng chỉ nêu như thế trong tình hình tài liệu hiện nay - là một số những dị bản có liên quan đến những truyện cổ tích và những huyền thoại Trung-quốc và Ấn-độ, con đẻ của hai nền văn minh vĩ đại và cổ kính trên thế giới, lại gần gũi về không gian với Việt-nam.

1. Trước hết, Trung-quốc là một nước tiếp liền biên giới với nước ta, và như đã nói, là nước đã từng đóng vai "kẻ xâm lược và đô hộ" đất nước

chúng ta trong ngót mười thế kỷ; không những thế, mãi đến thời kỳ độc lập sau này cha ông ta vẫn tiếp thu văn hóa Trung-hoa, sử dụng văn tự của họ, nên giữa hai dân tộc dễ có những ảnh hưởng lẫn nhau trong phương thức tư duy nghệ thuật. Văn học Trung-quốc lại là một trong những nền văn học vừa phong phú, vừa đa dạng về nội dung cũng như hình thức. Văn học truyền miệng hay văn học viết đều xuất hiện từ rất lâu đời, và quện với nhau. Kho tàng truyện tự sự dân gian nói chung và truyện cổ tích nói riêng của họ thật đồ sộ, được ghi lại cũng khá sớm.

Từ thế kỷ thứ III trong kỷ nguyên chúng ta, thư tịch về truyện của người Trung-quốc tích lũy được đã nhiều không kể xiết[10]. Chỉ kể những tên sách chuyên tập hợp loại truyện cổ tích thần kỳ và truyền thuyết, thần thoại, huyền thoại cũng đủ bề bộn. Nào là Liệt tiên truyện 列仙傳 của Lưu Hưởng 劉向 Cao sĩ truyện 高士傳 của Hoàng Phủ Mật 皇甫謐, Bác vật chí 博物志 của Trương Hoa 張華 (thế kỷ III), Thần tiên truyện 神仙傳 của Cát Hồng 葛洪, Sưu thần ký 搜神記 của Can Bảo 干寶 (thế kỷ IV). Nào là Thần dị kinh 神異經, Sưu thần hậu ký 搜神後記, Linh ứng lục 靈應錄, U minh lục 幽明錄, Minh tường ký 冥祥記, Dị uyển 異苑 (thế kỷ V), Thuật dị ký 述異記 (thế kỷ VI), Chí quái lục 志怪錄, Linh quái lục 靈怪錄 (thế kỷ VII), Văn kiến ký 聞見記 (thế kỷ VIII), Tập dị ký 集異記, Lục dị ký 錄異記, Văn kỳ lục 聞奇錄, Dậu dương tạp trở 酉陽雜俎 (thế kỷ IX), Thái-bình quảng ký 太平廣記 (thế kỷ X), Văn kiến tiền lục 聞見前錄, Văn kiến hậu lục 聞見後錄, Tục bác vật chí 續博物志 (thế kỷ XIII), Bao công kỳ án 包公奇案, Tây dương ký 西洋記 (thế kỷ XVI), Liêu trai chí dị 聊齋志異 (thế kỷ XVII), Tân tề hài 新齊諧 (thế kỷ XVIII)[11]. Và còn vô số thư tịch khác không thuộc loại sưu tập, nhưng trong đó chứa đựng rất nhiều truyện cổ hoặc những yếu tố truyện cổ, như sử ký có Sử ký 史記, Tả truyện 左傳 ..., địa lý có Thủy kinh chú 水經注, Sơn hải kinh 山海經, tiểu thuyết có Tam quốc diễn nghĩa 三國演義, Thủy hử 水滸, Kim cổ kỳ quan 今古奇觀, Cổ kim

tiểu thuyết 古今小說 ..., giáo huấn có Nhị thập tứ hiếu 二十四孝, Âm thất đăng 暗室燈... vân vân và vân vân.

Kho tàng truyện cổ Trung-quốc còn đặc biệt ở chỗ, từ rất xưa nó đã thu hút truyện cổ của rất nhiều dân tộc. Trong quá trình phát triển và bành trướng lâu dài để trở thành một đế quốc rộng lớn, truyện cổ tích của các dân tộc ngoài Hán tộc, hoặc có biên cương bị gồm thâu vào bản đồ Trung-quốc, hoặc trở thành những dân tộc phiên thuộc triều cống, mặc nhiên lớp này lớp khác lần lượt nhập vào kho chung. Lấy một ví dụ: truyện Nàng Diệp Hận - một dị bản của truyện Tấm Cám, tức là nàng Tro Bếp phương Tây - được chép trong sách Dậu dương tạp trở 酉陽雜俎 của Đoàn Thành Thức 段成式 với lời ghi chú của chính tác giả cho biết là sưu tầm được tại một địa điểm thuộc "phương Nam" Trung-quốc, hẳn nằm vào trường hợp này, vì chủ yếu nó chỉ xuất hiện và lưu truyền ở phương Nam mà dường như chưa tìm thấy một dị bản nào ở phương Tây và phương Bắc Trung-quốc[12].

Ngoài ra, trong những thế kỷ đầu công nguyên, đạo Phật từ Ấn-độ cũng được du nhập vào Trung-quốc, do đó nước này lại còn tiếp thu rộng rãi các Phật thoại thông qua việc truyền bá giáo lý. Những bích họa miêu tả một loạt trích đoạn rút ở sự tích đức Phật còn được giữ lại trong hang đá Đôn-hoàng 敦煌, chứng tỏ chúng không phải chỉ được kể bằng miệng, mà từ khá lâu còn được viết, được vẽ để cho tín đồ dễ thuộc, dễ hiểu. Do ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo nên không chỉ có Phật thoại, mà còn hệ thống truyện cổ tích và huyền thoại sử thi của Ấn-độ, Ba-tư (Iran) v.v... cũng được lan truyền vào Trung-quốc khá sớm.

2. Như đã nói, Ấn-độ là nơi được nhiều học giả phương Tây coi là cái nôi của huyền thoại và cổ tích thần kỳ. Hơn bất kỳ kho tàng truyện cổ của dân

tộc nào, kho tàng truyện cổ tích nước này không những rất giàu về số lượng mà còn có niên đại rất sớm vì chúng sớm được cố định hóa nhờ ghi lên giấy mực. Bộ kinh Vê-đa (Véda: Tri thức) xuất hiện và hoàn chỉnh vào khoảng từ 2.500 đến 500 năm trước công nguyên, bộ A-va-đa-na Ja-ta-ka (Avadana Jataka: Lịch sử các tiền kiếp của đức Phật) thế kỷ III trước công nguyên; bộ Ma-ha-bha-ra-ta (Mahâbhârata: Cuộc đại chiến Bha-ra-ta) khoảng thế kỷ II trước công nguyên; qua nhiều lần hoàn chỉnh cho đến thế kỷ IV sau công nguyên, Ra-ma-ya-na (Râmâyana: Anh hùng ca Ra-ma) thế kỷ II trước công nguyên; Ka-tha-xa-rit-xa-ga-ra (Kathâsaritsâgara: Đại dương của dòng truyện, nói gọn là Biển truyện) vốn có từ thế kỷ II hoặc III nhưng được biên soạn lại nửa sau thế kỷ XI; Pan-cha-tan-tơ-ra (Panchatantra: Năm sách dạy [trẻ]) thế kỷ II đến V; Bri-hat-ca-tha (Brihatcathâ: Truyện dài) thế kỷ II hoặc III cho đến thế kỷ V; Bri-hat-ca-tha man-ja-ri (Brihatcathâ manjari: Bó hoa của truyện dài) thế kỷ VI; Vê-ta-la-pan-ca-vi-mê-a-ti-ca (Vêtalapancavimeatika: 25 truyện quý Vê-ta-la) thế kỷ XII[13] ... Và còn vô số những sưu tập khác, chẳng hạn những truyện giáo lý Puy-ra-na (Purâna), hay Bha-ga-vat Gi-ta (Bhagavad Gitâ: Thánh ca thượng đế), v.v... Chính vì được ghi chép rất sớm, truyện cổ tích thần kỳ Ấn-độ phần lớn còn giữ được sắc thái quái dị hoang đường nguyên thủy của chúng. Cái siêu nhiên thần bí trở thành một đặc điểm cơ bản và kho truyện cổ Ấn-độ trong khi lan truyền qua nhiều dân tộc, vẫn bảo vệ được khá đầy đủ yếu tố siêu nhiên thần bí, nên rất dễ phát hiện. Có phần chắc giả thuyết của một số học giả phương Tây coi truyện cổ tích Ấn-độ là cội nguồn duy nhất của cổ tích thần kỳ thế giới, bắt nguồn từ đó.

Truyện cổ tích Ấn-độ du nhập vào Trung-quốc ít nhiều dưới dạng bị hoán cải trên cơ sở ngôn ngữ văn tự và nghệ thuật Hán, tức là Hán hóa. Ví dụ quan niệm luân hồi, quan niệm quả báo đã mang nhiều sắc thái Trung-quốc. Từ cái tên "Yama" (tiếng Phạn), hình tượng nhân vật làm chủ thế giới âm phủ đã có một cái tên Hán mới đối với nước ta cũng rất quen thuộc là

"Diêm vương". Các hình ảnh âm phủ, địa ngục, dạ soa... ít nhiều đều bắt nguồn từ đạo Phật. Truyện vua Thái Tông nhà Đường du lịch xuống cõi âm trong một giấc mơ xem ra cũng ảnh hưởng của mô-típ Đại Mục Kiền Liên thăm mẹ dưới địa ngục của Phật thoại[14].

3. Truyện cổ tích Trung-quốc lưu truyền vào kho tàng truyện cổ tích Việt-nam bằng 3 con đường:

- 1) Con đường giao lưu tự phát của quần chúng nhân dân hai bên qua trao đổi thương phẩm cũng như trao đổi văn hóa; trong đó còn phải kể cả sự tiếp thu gián tiếp thông qua các dân tộc thiểu số ở vùng giáp ranh hai nước như Tày, Nùng, Dao, Mèo, Lô-lô, v.v...
- 2) Con đường học thuật, chủ yếu do nho sĩ truyền bá.
- 3) Con đường tôn giáo tín ngưỡng, do các tu sĩ, đạo sĩ, các pháp sư, phù thủy, bói toán, phong thủy... truyền bá.

Mặc dầu Ấn-độ cách đất nước ta rất xa so với Trung-quốc, truyện cổ tích Ấn-độ lại ảnh hưởng đến kho tàng cổ tích Việt-nam khá sâu đậm. Truyện Ấn-độ chỉ có thể truyền vào nước ta bằng hai con đường:

- 1) Con đường tôn giáo. Đạo Phật truyền bá vào ta có bộ phận là từ phía Nam lên (Tiểu thừa), nhưng có bộ phận và bộ phận này mới là chủ yếu, lại từ Bắc xuống sau khi đã Hán hóa (Đại thừa). Những kinh sách nhà Phật được dịch ra chữ Hán từ sớm, ví dụ Đại tạng kinh 大藏經 (dịch từ thế kỷ III), Tạp tạng kinh 雜寶藏經, Lục độ tập kinh 六度集經 (dịch từ thế kỷ V) v.v... trong đó có nhiều truyện cổ tích, ngụ ngôn giáo huấn, có mục đích làm cho tín đồ dễ tiếp thu.

- 2) Con đường giao lưu văn hóa, chủ yếu vào ta một cách gián tiếp, qua các dân tộc thiểu số ở miền Nam, các dân tộc thuộc các nước Đông-dương và

rộng ra là các nước Đông nam Á, vốn chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa Ấn-độ và Phật giáo cũng như Ấn-độ giáo. Cũng như truyện ngụ ngôn Ê-dốp (Esopé) từng có lúc giữ địa vị thống trị ở một số nước Đông Âu, nhiều loại truyện kể của Ấn-độ đã từng thâm nhập sâu rộng vào đời sống các dân tộc Đông cũng như Tây với tất cả sức quyến rũ[15]. Vì thế dĩ nhiên nó còn vang vọng trong văn học nói và văn học viết của các dân tộc ấy cho đến tận ngày nay, và còn dội tới cả kho tàng truyện cổ tích Việt-nam[16].

Nói đến nguồn gốc ngoại lai của truyện cổ tích Việt-nam, trước hết cũng cần lưu ý có những trường hợp do dùng chữ nước ngoài để ghi chép tác phẩm dân gian nên có thể tình tiết hoặc hình ảnh nhiều lúc bị méo mó, vì chữ nghĩa đã làm cho cách hiểu trở nên sai lạc, chẳng hạn hình ảnh "con tinh". Theo quan niệm của dân gian Việt-nam, con tinh không phải là yêu quái, cũng không ai lẫn lộn nó với ma quỷ. Về hình thù, nó có phép biến hóa thành người hay vật. Nó thường chòng ghẹo, nát dọa, thậm chí đôi khi lén lút có quan hệ tình cảm hoặc quan hệ sinh lý với người, cũng đôi khi theo đuổi việc báo oán, báo ân. Nhưng gần như không mấy khi nó tàn hại mọi người mà nó gặp. Các con tinh chủ yếu có nguồn gốc giống nhau là từ một con vật sống lâu năm (ví dụ Tinh con chuột, số 115), hay một cây cổ thụ (ví dụ Chàng đốn củi và con tinh, số 121) mà sinh ra. Truyện Kỳ ngộ ở trại Tây trong Truyền kỳ mạn lục là câu chuyện nói về những cây liễu, cây đào bị bỏ quên trong một vườn hoang của nhà quý tộc, hiện hình thành những cô gái cùng xướng họa thơ từ và giao hoan với chàng thư sinh, đó đích thị là những con tinh. Đồ đạc bỏ quên lâu năm không dùng đến, cũng có thể hóa thành tinh (như Tinh cái chổi trong một truyện của Trung-quốc cũng như một dị bản của người Đun-gan)[17].

Tóm lại, trong quan niệm của người Việt cổ, con tinh không phải là con vật quái dị và cũng không gây tác hại gì ghê gớm. Nhưng từ khi nhà nho sử dụng chữ Hán để ghi truyện cổ thì chữ "tinh" gần như đã được dùng một cách rộng rãi để chỉ bất cứ loại yêu quái nào. Ví dụ trong Lĩnh-Nam chích quái có những con Cửu vĩ hồ tinh, Ngư tinh, Mộc tinh, Hồ tôn tinh; truyện Thạch Sanh, truyện Ao Phật đều có Chăn tinh là những quái vật gây hại lớn cho người và vật cả một vùng. Từ đó trở đi khái niệm "tinh" đã biến đổi

hắn, và gây nên sự lộn xộn nếu không nói là làm sai lệch nội hàm của một hình ảnh dân gian vốn có từ lâu trong truyện tự sự.

4. Nguồn gốc Trung-quốc, Ấn-độ trong truyện cổ tích Việt-nam như thế nào? Ở đây không thể làm công việc điểm lại tất cả kho truyện; chỉ xin dẫn ra một vài trường hợp có tính cách tiêu biểu với một ít nhận xét sơ lược nhất.

Có thể có người cho rằng trong ngót một nghìn năm Bắc thuộc và gần một nghìn năm sau đấy cùng tồn tại bên cạnh nhau, cùng dùng chung văn tự, cùng học chung sách vở, hẳn bao nhiêu truyện cổ trong kho tàng tự sự giàu có của Trung-quốc đều đã chuyển hóa - hoặc chí ít cũng nằm trong tiềm năng chuyển hóa - thành truyện của Việt-nam? Thực tế không giản đơn như vậy. Người Việt không muốn chỉ đóng vai "kẻ tiếp nhận". Ngay vấn đề bắt chước phong cách tạo hình cũng chỉ diễn ra dè dặt. Cả một bộ sách *Bác vật chí* 博物志 của Trương Hoa 張華, trong đó tác giả áp dụng cao độ thủ pháp nghệ thuật nói ngoa, nói phóng đại đối với một loại hình đáng được coi là đặc biệt trong kho huyền thoại[18], thế nhưng nho sĩ Việt-nam các đời không thấy ai mô phỏng, chưa nói các nhà sáng tác dân gian.

Đối chiếu nhiều hiện tượng văn học, có thể nhận thấy cha ông ta trong sáng tác có chịu một số ảnh hưởng nhất định trong sáng tác truyện kể, chẳng hạn những truyện trong *Tuyên kỳ mạn lục* mà Lê Quý Đôn phát hiện thấy đã chịu ảnh hưởng của sách *Tiền đăng*[19]. Về văn học truyền miệng, cụ thể là loại hình cổ tích, trừ một số trường hợp cá biệt có tính cách "vay mượn" gần như nguyên xi, nhiều trường hợp khác đều tiếp thu có chọn lựa, hoặc về hình tượng, hoặc về mô-típ, hoặc có khi là những tình tiết vốn đã quen thuộc đối với dân tộc, được sử dụng đan xen vào những truyện do mình sáng tạo.

Chẳng hạn một hình ảnh rấm lúa (hoặc đậu, hoặc vừng). Sau một thời gian nhất định (ví dụ 1.000 ngày, hoặc 100 ngày, hay 3 tháng 10 ngày) thì những thứ hạt được rấm sẽ biến thành binh lính, sẵn sàng chịu sự điều khiển của người rấm. Đó là phương thuật của người phù thủy, chắc chắn chưa hề vượt quá phạm vi tưởng tượng. Hình ảnh này được sử dụng trong truyện *Lầy bầy* như *Cao Biền dậy non* (số 39) và truyện *Thầy Thím* (Khảo dị, truyện số

123). Trong kho tàng truyện kể của đồng bào Tày, Nùng, hình ảnh này được lặp đi lặp lại trong khá nhiều truyện. Không những thế, ở kho truyện của đồng bào Tày, Nùng còn có một vài hình ảnh cùng loại (chẳng hạn nuôi một giống sâu bọ nào đó trong chum bằng cháo, sau một thời gian nhất định, giống sâu bọ ấy sẽ biến thành người, hay là trồng một giống tre (hoặc vầu) sau một thời gian nhất định, mỗi lóng sẽ nổ tung, từ trong vọt ra một con người cưỡi ngựa, đều sẵn sàng tuân lệnh chỉ huy). Hình ảnh rấm lúa thành binh nói trên cũng xuất hiện nhiều lần trong văn học nói và viết Trung-quốc thời cổ, mà khởi đầu có lẽ từ truyện Bình thoại Tam quốc 三國評話 nói về một hoạt động của quân sư Gia Cát Lượng biết cách ném hạt đậu cho chúng biến thành quân.

Hay là một ví dụ về tình tiết. Trong truyện Kẻ trộm dạy học trò (số 83) có nhân vật Lâu, một anh chàng bản tính khờ khạo đi theo học nghề ăn trộm, hôm ấy bị người đuổi gấp, phải chui vào một bụi tre, may khỏi bị bắt, nhưng vì gai tre dày đặc, nên không dám chui ra. Khi ông thầy được nhắc đến cứu, ông chỉ kêu lên một tiếng: - "Ồi làng nước, có tên trộm trốn ở đây!". Thế là chàng học nghề chui phắt ra khỏi bụi, thoát về nhà bình yên. Tình tiết trên giống với một mẫu chuyện về Tào Tháo và Viên Thiệu. Hồi còn trẻ tuổi, hai người này là bạn, thích đi tìm cái thú trong phiêu lưu. Một đêm nọ, họ đến một nhà kia có hai vợ chồng mới cưới. Họ cùng lên vào vườn, đột nhiên kêu lên: - "Có trộm!". Khi mọi người đổ ra thì Tào Tháo bước vào nhà tuốt kiếm năm lấy cô dâu, còn Thiệu nhanh chân chui vào một bụi gai. Nhưng vì bụi gai quá rậm nên chui vào dễ mà chui ra rất khó. Thấy vậy, Tháo lại thét lên: - "Kẻ trộm đây rồi!" Thiệu nghe vậy rất hoảng bèn vùng ra khỏi bụi, rồi cả hai cùng bỏ chạy.

Tình tiết hay mẫu chuyện này được Lưu Nghĩa Khánh 劉義慶 (403-444) ghi lại trong tác phẩm của ông: Thế thuyết tân ngữ 世說新語 mở đầu của chương nói về sự lừa bịp[20].

Một ví dụ về mô-típ. Như đã trình bày ở phần truyện, truyện Sự tích con dĩa tràng (số 15) của ta chính là sử dụng mô-típ người hiểu tiếng loài vật bị tội oan, tức Công Dĩa Tràng trong Luận ngữ 論語. Nhưng tác giả dân gian Việt-nam đã kết hợp phần nào với mô-típ người hiểu tiếng loài vật của Ấn-

độ trong Kinh Tam tạng 三藏經 và Pan-cha-tan-tơ-ra (Panchatantra) để sáng tạo thành một truyện mới với chủ đề mới: người chồng hiểu tiếng loài vật và người vợ không thủy chung, có bố cục sít sao hơn, ý nghĩa sâu sắc hơn và đương nhiên khỏe mạnh hơn những truyện cũ.

Hay một mô-típ khác: câu chuyện chặt cây thần, chặt bao nhiêu vết chém trên cây liền lại bấy nhiêu. Ở truyện của người Kinh là Sự tích thần núi Tản-viên[21]; ở đồng bào Mường là phần Chặt chu kéo lợi trong Đẻ đất đẻ nước; ở đồng bào Cham-pa là tình tiết chặt cây krêk trong truyện Vua Rômê, và còn nhiều dị bản của nhiều dân tộc khác, gần là Đông-dương, xa thì châu Âu, châu Mỹ, đều có mô-típ này hoặc tương tự. Nhưng mô-típ này lại có mặt trong sách Dật dương tạp trở 酉陽雜俎 (thế kỷ IX) và sớm hơn nữa là Thủy kinh chú 水經注 (thế kỷ III)[22]. Theo chúng tôi, đây vốn là dấu vết của một mảnh thần thoại xa xưa lưu hành ở Đông nam Á, rộng ra là Á - Úc và từng được thư tịch Trung-quốc ghi lại từ sớm.

Có trường hợp chỉ sử dụng của truyện nước ngoài mỗi một cái tên (con vật hoặc con người). Có khi đó là cái tên dễ chấp nhận, nhưng cũng có khi ghép vào trong truyện Việt, tên trở nên lạc lõng. Ví dụ tên "Cửu vĩ hồ tinh" trong một truyện cùng tên, hay tên "Lã Đồng Tân" trong truyện Hà Ô Lôi (đều được ghi trong Lĩnh-nam chí quái). Cửu vĩ hồ tinh (tinh cáo chín đuôi) nghe ra có vẻ quen thuộc, nhưng nó lại là hình tượng của truyện dân gian Trung-quốc được ghi từ rất xưa, trong sách Dật Chu thư 逸周書 tương truyền có từ thời Chiến quốc, tức là trước kỷ nguyên của chúng ta. Muộn hơn thì trong Phong thần truyện 封神傳 đời Minh, tác giả sách này cho tinh cáo chín đuôi là hiện thân của Đát Kỷ. Còn Lã Đồng Tân là ai và vì sao lại lạc lõng tưởng cũng dễ hiểu: đó là nhân vật có thật, sống vào đời Đường, nhưng lại nổi tiếng là một trong tám nhân vật bất tử trong Tiên thoại Trung-quốc. Kể ra, trong truyện Cửu vĩ hồ tinh của Việt-nam, nếu có miêu tả con tinh dùng chín cái đuôi để làm một việc gì cụ thể (như truyện Chàng con cô (Ý Pơ-jạ) của đồng bào Tày (xem Khảo dị, truyện số 181) cũng có con chó chín đuôi, nó dùng những đuôi của mình để cứu chủ, v.v...) thì cũng có thể tin rằng cái tên Cửu vĩ hồ tinh không phải là cái tên vay mượn. Đáng tiếc là chín cái đuôi của Cửu vĩ hồ tinh trong Lĩnh-nam chí

quái lại không có một chức năng gì đáng kể. Căn cứ vào xu hướng của tập sách thường tỏ ra chịu ảnh hưởng cứng nhắc của truyện thần kỳ trong sách vở nước ngoài, nên chúng tôi nghiêng về ý nghĩ cho rằng những cái tên Cửu vĩ hồ tinh cũng như Lã Đồng Tân là bằng chứng của một sự tô điểm vụng về của người kể hoặc người sưu tập, đã "thêm râu" cho cốt truyện của ta.

Trong trường hợp tiếp thu cốt truyện, ta sẽ thấy dù vay mượn nguyên xi hoặc gần nguyên xi, người kể vẫn có những nét thêm bớt nhất định, tối thiểu là thêm hay bớt những tình tiết làm cho tiến trình của câu chuyện không y hệt như cũ, hoặc có những cải biến nhằm lái vấn đề của câu chuyện theo hướng giải quyết mới. Và yêu cầu khách quan không phải là di chuyển một truyện cổ tích vượt qua ranh giới một nước; yêu cầu chính là xây dựng lại, tái sáng tạo một tác phẩm, sao cho phù hợp với quan điểm thẩm mỹ cũng như khuynh hướng tư tưởng của dân tộc tiếp nhận.

Hãy lấy hai truyện làm lệ chứng:

1. Truyện Ông già họ Lê (số 153), qua so sánh thấy rõ là tiếp thu từ truyện Tờ di chúc (án thứ 46) trong Bao Công kỳ án 包公奇案 Trong truyện gốc này, chứng cứ Bao Công dựa vào chỉ vền vện có mấy câu chữ Hán có ý nghĩa "lưỡng dao luận" nếu không nói là mơ hồ[23]. Cho nên để xây dựng lại cũng cốt truyện ấy nhưng với lý lẽ chắc nịch hơn, tác giả Việt-nam đã đưa thêm vào một tình tiết rút trong truyện Gia sản một bức tranh ở sách Kim cổ kỳ quan 今古奇觀. Chắc chắn đối với thính giả là người Việt-nam, thì ví thử không có tờ di chúc thật nằm trong pho tượng, mảnh giấy có 21 chữ Hán của ông già để lại sẽ chẳng có nghĩa lý gì cả[24].

2. Truyện Nữ hành giành bạc (số 38) cũng tiếp thu từ truyện Nhờ câu đối mà tra ra án (án thứ 34) của Bao Công kỳ án 包公奇案[25]. Dem đối chiếu hai truyện, sẽ thấy truyện của ta có tình huống và sự tiến triển mạch lạc hơn, lô-gích hơn. Mặt khác, truyện của ta loại bỏ được yếu tố huyền ảo vốn có trong truyện gốc, nó chỉ làm tăng phần siêu hình mà nhẹ phần lý trí, là phần người nghe đang mong đợi. Tóm lại, nó đã được hoán cải tuy có vẻ nhẹ nhàng nhưng lại đổi mới kết cấu của truyện cũ.

Hai trường hợp dưới đây cho thấy việc đi tìm cội nguồn truyện cổ tích quá

là vấn đề khó, càng tìm những cội nguồn xa xôi lại càng khó khăn.

Truyện Người lấy ếch (số 129) sơ bộ tìm hiểu có thể kết luận là vay mượn của cốt truyện Thần ếch xanh 青蛙神 trong Liêu trai chí dị 聊齋志異. Như Từ điển thần thoại Trung-quốc của Uéc-ne (Werner)[26] có nói đến, người dân Nam Trung-quốc đặc biệt có tục sùng bái đối với loài ếch. Họ lập miếu thờ chúng, chẳng hạn hiện tượng còn thấy ở các tỉnh Giang-tô, Trấn-giang, v.v... Ở đây người ta cầu xin thần ếch xanh phù hộ cho mình buôn bán phát tài và tránh các bệnh tật... Vì vậy, có thể tin truyện Thần Ếch Xanh 青蛙神 trong Liêu trai chí dị 聊齋志異 bắt nguồn từ một truyện cổ tích dân gian hay ít ra Bồ Tùng Linh cũng dựa vào tín ngưỡng mà hư cấu nên.

Nhưng truyện của Việt-nam tuy có một số tình tiết tương tự với truyện của Liêu trai chí dị 聊齋志異 vẫn có cơ sở để nghĩ rằng nó cũng thoát thai từ trong tín ngưỡng của người Việt nếu như truyện đó không chịu ảnh hưởng trực tiếp từ một truyện nào khác ngoài truyện của Liêu trai. Hiện nay ở Việt-nam đã không còn tục thờ thần ếch, hơn nữa, người Việt-nam lại là dân tộc có tập quán dùng ếch làm thức ăn. Song từ xưa dân ta vẫn cho loài ếch là vật linh thiêng, biết trước mưa gió, cũng linh thiêng không kém gì cóc. Ở Nghệ - Tĩnh mãi đến ngày nay nông dân vẫn có thói quen xem xương đùi ếch để đoán trước trời có mưa hay không, và mưa vào khoảng nào trong tháng. Lại có câu: Ếch oa gọi ra mưa rào". Sách Thoái thực ký văn của Trương Quốc Dụng có chép: "Nay tục cho rằng [năm nào] ếch (điền oa) kêu sớm mà tiếng kêu nhộn nhịp thì được mùa, kêu muộn mà thưa thớt thì mất mùa. Lại những con cóc [thiền thừ] và nhái xanh [thanh oa] trong những tháng nắng mà [cất tiếng] kêu thì có cái triệu sắp mưa" [27]. Không những thế, trước chúng ta vào đầu thế kỷ, Đờ Grút (De Groot) đã sớm nói đến ý nghĩa của ếch nhái đối với tín ngưỡng của các dân tộc phương Đông, nó là biểu tượng của sự phồn thực. Điều này còn được trống đồng chứng minh[28]. Tiếp theo, Pen-li-ô (P. Pelliot) cũng thông báo một nhận xét khi ông dịch quyển Chân Lạp phong thổ ký 真臘風土記 ra tiếng Pháp[29]: từ thế kỷ XIII, người Khơ-me (Khmer) ở phía Nam Đông-dương cũng không có tục bắt ếch nhái làm thức ăn. Sự việc đó hẳn có liên quan ít

nhiều đến tín ngưỡng.

Những tài liệu cũng như ý kiến về ếch nhái nói trên sẽ giúp ta tìm hiểu tín ngưỡng, phong tục tập quán của người Việt xa xưa liên quan đến truyện Người lấy ếch. Đáng tin cậy hơn nữa là, trong truyện của chúng ta, nhân vật nàng ếch lại mang cái tên là Bạch Nga Long và là con gái của Long Hải Vương, tức là ếch nhưng lại có quan hệ trực tiếp đến nòi rồng. Những cái tên này tuy có vẻ chẳng có gì là quan trọng, nếu gặp người kể chuyện ưa nói phiếm chỉ, rất có thể đã bỏ qua. Nhưng thật may mắn, nó lại được bảo lưu đến nay để cấp cho chúng ta một thông tin có thể liên quan đến nguồn gốc truyện Người lấy ếch, nếu ta liên hệ truyện cổ tích này với một câu tục ngữ của dân tộc Mông-cổ phản ánh một quan niệm cổ truyền của họ: Rắn và ếch là những con vật thù ghét nhau, song chúng đều có họ hàng với Long vương cả". Hơn cả chúng ta, người Mông-cổ tin rằng ếch có nhiều tài phép, ví dụ có thể làm ra mưa đá. Nó hút lấy nước vào bụng rồi bằng phép huyền bí, biến nước ấy thành những trận mưa đá, v.v...[30].

Như vậy phải chăng truyện Người lấy ếch của ta là do cha ông chúng ta sáng tạo, có sự trùng hợp ngẫu nhiên hay cố ý nào đó với truyện Liêu trai chí dị 聊齋志異? Hay phải chăng truyện ấy vốn có gốc từ một vùng xa xôi nào đó (ví dụ Mông-cổ) rồi bằng một con đường nào đó truyền đến Việt-nam? v.v... Tưởng cũng cần chờ sự tìm tòi nghiên cứu thêm của các nhà cổ tích học.

Truyện Tinh con chuột (số 115) của ta kể câu chuyện một con chuột sống lâu năm thành tinh nhân khi chủ nhà đi vắng hóa thân thành một người giống hệt như chủ lén lút đi lại với vợ chủ. Cho đến khi việc vỡ lở vẫn không chịu thôi. Do đó y đã gây ra vụ án oái oăm, nếu không có thần lực của Phù Đổng thì cả vua lẫn quan đều bó tay. Truyện này có nhiều dị bản quốc tế như của Lào, Khơ-me (Khmer), Ấn-độ, Trung-quốc, v.v..., nhưng có lẽ bản của Trung-quốc trong Bao Công kỳ án 包公奇案, tức là truyện Con mèo mặt ngọc (án thứ 4) là gần với ta hơn cả. Phải chăng truyện của ta trực tiếp bắt nguồn từ cốt truyện này? Xem xét kỹ truyện của Trung-quốc ta thấy nhân vật phản diện ở truyện này gồm đến 5 con yêu"[31] chuột chứ không phải 1 như truyện của ta... Cũng ở đây nữa, tình tiết của truyện

Trung-quốc không đơn giản như truyện của ta và các dị bản quốc tế khác, diễn biến câu chuyện mỗi lúc một phức tạp làm cho người đọc có ấn tượng là tác giả Bao Công kỳ án đã đi quá xa một truyện kể thông thường, có nghĩa là phần nào đã tiểu thuyết hóa nó. Chính vì thế, chúng tôi ngờ truyện Con mèo mặt ngọc là dựa trên cơ sở một truyện dân gian (cũng có thể là dựa trên một dị bản nào đó tương đồng với truyện của ta) rồi phát triển thành, chứ không phải truyện của ta vay mượn" truyện trong Bao Công kỳ án và rút số lượng nhân vật phản diện từ năm xuống một. Căn cứ vào kết cấu và hình tượng của truyện, có thể suy luận rằng, nếu truyện của ta có nguồn gốc ngoại lai chẳng nữa thì cũng có thể chịu ảnh hưởng của Ấn-độ gián tiếp qua truyện của Khơ-me (Khmer), hoặc của Lào.

Mặt khác, theo Lê-vi (A. Lévi) trong Nghiên cứu truyện [cổ tích] và tiểu thuyết Trung-quốc thì truyện trên của Trung-quốc, ngoài Bao Công kỳ án 包公奇案 ra đời vào năm 1597, còn thấy chép trong Tây dương ký 西洋記, sách này có lẽ do La Mậu Đăng 羅懋登 soạn (bài tựa đề năm 1597). Như vậy về mặt niên đại, truyện của Trung-quốc chỉ có thể được ghi chép hoặc biên soạn vào cuối thế kỷ XVI còn truyện của ta vốn được lưu truyền rộng rãi trong dân gian[32], mô-típ của nó còn để dấu vết lại trong truyện Hà Ô Lôi ở Lĩnh-nam chích quái (sưu tập từ đời Trần), bản thân nó được biên soạn hoàn chỉnh trong sách Thánh Tông di thảo. Và nếu đúng sách này là di thảo của Lê Thánh Tông thì dễ thường câu chuyện còn được hoàn chỉnh trước truyện của Trung-quốc gần nửa thế kỷ[33]. Đó là nhận xét rút ra từ văn bản học. Nhìn chung ở cả hai phía, ý kiến đều có sự ăn khớp nhất định. Mặc dầu vậy, vấn đề vẫn cần được nghiên cứu sâu thêm.

Tóm lại, kho tàng truyện cổ tích Việt-nam thực tế có chịu ảnh hưởng của truyện cổ tích Trung-quốc. Nhưng sự tiếp nhận của người Việt là có chọn lựa và có chừng mực. Rất ít khi cha ông ta sử dụng cả cốt truyện mà chỉ vay mượn từng bộ phận. Khi được lắp ghép, hoán cải, mỗi bộ phận thường trở thành những truyện khỏe mạnh, thích hợp với cảm quan thẩm mỹ của dân tộc.

5. Đối với Ấn-độ, một nhận xét đầu tiên dễ được chấp nhận là kho tàng truyện cổ tích Việt-nam thường tiếp thu ở họ hầu hết những truyện cổ tích

thuộc tiểu loại thần kỳ. Sự thật là vậy. Nhiều truyện thần kỳ của chúng ta nếu không có mặt trong sách Pan-cha-tan-tơ-ra (Panchatantra), một sưu tập những truyện giáo huấn khá phổ biến do Vi-nu-xác-man (Vinoussarman) biên soạn thì cũng có thể có mặt trong các bộ kinh Tam tạng, Đại tạng, hay là bộ sách lớn Ka-tha-xa-rít-xa-ga-ra (Kathâsaritsâgara: Biển truyện) do Sô-ma Đê-va (Soma Déva) sưu tập.

Truyện Tiêu diệt mãng xà (số 148) nói về một nhân vật anh hùng giao chiến với mãng xà - con vật chuyên ăn thịt phụ nữ, được nhà vua định kỳ cung đốn hằng năm. Truyện này rất phổ biến ở nhiều địa phương trong nước ta, với những hình tượng biến đổi khác nhau (ví dụ mãng xà có khi là rết thần, có khi là lợn thần, có khi là muỗi thần, cũng có khi là quỷ Xương Cuồng, ma Rai, bà Dẫn, v.v...); cách giết là bằng dao kiếm, nhưng cũng có khi bằng mẹo, bằng hun lửa, hoặc bằng cứt gà, v.v... Có lẽ đây là câu chuyện gắn với một cổ tục xa xăm: việc hiến tế bằng máu người mà dường như ở Việt-nam dưới thời phong kiến vẫn còn lưu tàn tích. Nhưng Tiêu diệt mãng xà cũng lại là mô-típ quen thuộc của kho tàng cổ tích từ Á sang Âu. Riêng ở Trung-quốc, Ê-béc-hac-đơ (W. Éberkhard) giới thiệu cho ta đến 14 dị bản. Vậy cốt truyện từ lâu đã mang tính quốc tế. Sách Sưu thần ký 搜神記 từng chép nó vào khoảng thế kỷ IV. Nhưng trong Sưu thần ký lại không thấy chép phần sau của truyện vốn cũng phổ biến không kém gì phần đầu (tức là từ chỗ nhân vật anh hùng đi tìm mảnh kiếm gãy giắt trong đầu mãng xà làm cho sự đối trá của nhân vật cản trở bị bại lộ). Ở truyện Ấn-độ, thay cho mảnh kiếm là khúc đuôi mãng xà; ở truyện Áp-ga-nít-xtăng (Afghanistan) cũng như trong Tờ-rít-xtăng và I-dơn (Tristan et Iseult) thì nhân vật anh hùng sớm cắt được cái lưỡi quái vật; cả ở truyện của dân tộc Ja-rai (Djarai) là nhờ cô gái (nạn nhân được cứu) giữ được vỏ gươm và đuôi khố ân nhân..., nói chung đều là dấu hiệu để người được cứu nhận ra ân nhân thực của mình. Chính vì thế, chúng tôi cho rằng truyện này là do người Việt-nam tiếp thu được của Ấn-độ hơn là của Trung-quốc.

Truyện Người dân nghèo và Ngọc hoàng (số 136) của ta là một câu chuyện có cấu trúc rất chặt chẽ, hình tượng nhân vật và mọi tình tiết đều mang tính dân tộc đậm đà, tính tư tưởng cũng khá nổi. Mục đích của nhân vật chính là

đi tìm Ngọc hoàng để hỏi sự việc cho chính mình "Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời", nhưng dọc đường, anh đã nhận lời hỏi giúp người khác thêm ba câu nữa. Gặp Ngọc hoàng, trước tiên hỏi hộ cho người, còn câu hỏi của mình thì để lại sau cùng, ngờ đâu ý định đó không thực hiện được, vì Ngọc hoàng chỉ giải đáp ba lần rồi vì bức mình bỏ về trời. Nhưng chính kết quả của những lời giải đáp cho người lại vô tình làm sáng tỏ vấn đề của đương sự, vì tiến triển về sau của câu chuyện đều giúp cho nhân vật lần lượt đạt được nguyện ước: nhận viên ngọc để có sự thông minh, nhận vàng để được đi thi đỗ cao, và cuối câu chuyện cũng lấy được cô gái cam do chính mình "khai khẩu" sau khi đỗ Trạng.

Thế nhưng cốt truyện của truyện này lại là cái "chung" rất phổ biến của quốc tế, mà mỗi dân tộc thường có nhiều dị bản (Trung-quốc có 11 dị bản, Nhật-bản 18...). Tuy vậy, theo Ê-béc-hac-đơ (Éberkhard) thì truyện Trung-quốc là từ Ấn-độ truyền sang. Tuy mang sắc thái dân tộc tính khá đậm, truyện của ta cơ bản lại phù hợp với sơ đồ cốt truyện mẫu của Ấn-độ được trình bày trong bảng tra cứu của A-ác-nơ (A. Aarne) và Tô-m-xông (S. Thompson)[34], chỉ có khác là hình tượng nhân vật thay đổi hẳn: Ngọc hoàng → ở sơ đồ là nhà thông thái; con ba ba thắc mắc vì sống trên một nghìn năm mà chưa hóa kiếp được → ở sơ đồ là con cá bị các con cá con cắn xé; cây cam → ở sơ đồ là cây táo. Truyện của chúng ta có thêm tình tiết nhân vật chính đi thi đỗ Trạng là hình thức sinh hoạt đặc thù của cổ tích dân tộc mà sơ đồ dĩ nhiên không có. Còn nói chung, những câu hỏi trong truyện của ta rất chuẩn so với những câu hỏi của sơ đồ.

Truyện Con chim khách màu nhiệm (số 124) cũng là một cốt truyện mang cái "chung" phổ biến của quốc tế, lấy đề tài về một con chim kỳ lạ, nhờ ăn được thịt nó (hoặc ăn tim gan, hoặc ăn đầu, hoặc ăn thịt hai con trống mái, hay đen trắng...) nên hai anh em nhân vật chính trở nên có số làm vua trên hai vương quốc hoặc mỗi sáng nhả ra hai trứng vàng, hoặc nhặt được hai quả trứng vàng...). Người Khơ-me (Khmer) cũng có một truyện tương tự nhưng hình tượng nghệ thuật và diễn tiến của câu chuyện lại không giống hẳn. Ê-béc-hac-đơ (W. Éberkhard) thì cho cốt truyện này không lưu hành ở Trung-quốc[35] mà phổ biến ở Ấn-độ. Trong bản Sách dẫn về mô-típ văn

học dân gian[36], Tô-m-xông (S. Thompson) cũng cho là có nguồn gốc từ Ấn-độ. Có thể truyện của ta chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những truyện khá gần gũi của Ấn-độ và Ba-tư (Iran) chăng?

Thực ra, truyện Con chim khách màu nhiệm của chúng ta có phần gần gũi với truyện A-rơ Y-răng của người Cham-pa hơn là truyện của người Khơ-me (Khmer). Điều đó kết hợp với suy luận của Cô-xcanh (E.Cosquin) đã dẫn ở trên gợi cho chúng tôi ý nghĩ rằng phần lớn truyện của Ấn-độ được truyền gián tiếp vào ta qua con đường Cham-pa hơn là con đường Khơ-me. Còn nhiều truyện nữa như Thạch Sanh (số 68), Bạc hơn cầm thú (Khảo dị số 48), v.v... đều có chứa đựng những mô-típ phổ biến của quốc tế nhưng sắc thái biểu hiện thì có nhiều nét gần gũi với truyện Ấn-độ, có lẽ bắt nguồn từ Ấn-độ.

Lại cũng có một số hình tượng hoặc tình tiết thần kỳ nằm lẫn trong một số cốt truyện nào đấy mới đọc qua không có gì đáng nói, nhưng nếu truy tìm kỹ sẽ thấy đó là truyền thống sáng tác chịu ảnh hưởng từ bên ngoài. Ví dụ hình tượng rắn hoá thành vàng (hay ngược lại vàng hóa ra rắn khi lọt vào tay kẻ không có số được hưởng). Hình tượng này chỉ giới hạn trong một vài mô-típ quen thuộc lưu hành ở một số dân tộc; chẳng hạn gần gũi với ta ở vùng Đông nam Á thì có các bản của người Kinh, Mường, Tày, Miến-điện (Myanmar)... (Xem Khảo dị, số 151). Hóa ra chúng đều tiếp thu từ một "bản gốc": bản trong Tạng bảo tạng kinh, vốn được dịch ra chữ Hán từ năm 472. Có nghĩa là về mặt thời gian, "bản gốc" được nhập tịch theo lối truyền miệng vào các dân tộc nói trên, có thể còn sớm hơn nữa, mà cội nguồn phát sinh phải là nơi ra đời của đạo Phật.

Hình tượng rắn (hay chằn tinh) phun lửa trong Sự tích công chúa Liễu Hạnh (số 137), Thạch Sanh (số 68), v.v... cũng vậy. Theo A-ni-kin (V. P. Anikine) thì nên liên hệ đặc điểm này của con rắn cổ tích với việc thờ lửa[37]. Cả hình tượng rắn phun lửa lẫn việc thờ lửa đều có thể dễ dàng tìm thấy trong kho tàng truyện cổ cũng như phong tục cổ ở Ấn-độ nếu như ta không muốn tìm xa hơn, chẳng hạn ở châu Phi.

Một loại hình tượng cũng không thể bỏ qua là tướng người của các nhân vật cổ tích. Chúng là những dấu hiệu đáng kể, mách bảo cho ta nhiều điều

về xuất xứ của các quan niệm tín ngưỡng mà dân gian vẫn lưu truyền. Ví dụ "tay dài quá gối, răng liền một hàng, trên trán có ba đường chỉ ngang" là tướng của Ba Vành (số 101), dấu hiệu báo tin một nhân vật phi thường, trong đó "cánh tay dài quá gối" thường đi cùng với "đôi vành tai dài và dày", vốn là hai trong những tiêu chí về hình ảnh đức Phật (kể cả hình ảnh mẫu dùng để tạo tượng Phật) được đưa đến Trung-quốc (và có thể cả Việt-nam) vào những thế kỷ đầu công nguyên[38]. Nhà văn dân gian Việt-nam sở dĩ không muốn sử dụng tiêu chí thứ hai "hai vành tai dài và dày" gán cho tướng mạo nhân vật Ba Vành vì có lẽ tiêu chí này mang dạng vẻ từ bi đạo mạo, không phù hợp với tướng mạo của một nhân vật có hành động bạo nghịch.

Còn như số lượng quá nhiều nốt ruồi trên cơ thể nhân vật chính của truyện Vua Heo (số 104), cũng là thứ dấu hiệu dùng để chỉ con người phi thường (quý tướng). Tướng quý này có lẽ lại chịu ảnh hưởng từ phía Trung-quốc vì trong sách sử xưa của họ có ghi nhận nhân vật Hán Cao Tổ với "dị tướng": ở vế bên phải có 72 cái nốt ruồi[39].

Nhưng nếu như các tiêu chí về tướng mạo vừa nói vốn có nguồn gốc ngoại lai, thì cái tướng "răng liền một hàng, trên trán có ba đường chỉ ngang" lại có thể xuất phát từ bản địa, tuy chưa thành một thứ tiêu chí ổn định. Chỉ riêng "chòm lông xoắn" mọc ở hai bên chân nhân vật cho phép nhân vật có tài phi thân, thì theo chúng tôi, tuy không phải là vắng bóng trong các hình tượng cổ tích quốc tế (như đã có dịp nói đến trong Khảo dị số 101) nhưng không có ý nghĩa biểu tượng cho tướng mạo. Hơn nữa đặt vào cốt truyện của Việt-nam, "chòm lông xoắn" này lại là một hình ảnh giữ vị trí cái "nút" nghệ thuật có liên quan đến sự tiến triển và kết thúc câu chuyện (sự phản bội của hai nhân vật cản trở, bộ hạ Ba Vành). Là bộ phận quan trọng cấu thành của cốt truyện, nên tất yếu nó gửi gắm dụng ý tìm tòi sáng tạo của tác giả.

Tóm lại, kho truyện cổ tích phong phú của Trung-quốc và Ấn-độ từ lâu đời vẫn là nguồn cảm hứng quan trọng cho người Việt trong nghệ thuật sáng tạo truyện kể, đã đóng góp nhiều chất liệu quý báu vào kho tàng truyện cổ tích Việt-nam. Nếu như một bên (Trung-quốc) mang đến yếu tố của truyện

thần kỳ và thế sự thì một bên (Ấn-độ) lại truyền vào hầu hết những truyện thần kỳ, làm đa dạng thêm khả năng tưởng tượng của thế giới cổ tích chúng ta.

[1] Tức là anh em Grim, chủ yếu là người em (Whilhelm Karl Grimm) (1786-1859). Bộ sách Truyện cổ tích dân gian, 2 quyển, viết năm 1812-1815, do người này chấp bút. Sau khi thành công, trong tập 3, ông còn nghiên cứu nguồn gốc cổ tích Đức, cho rằng có một tổ tiên chung Ấn – Âu. Ông trở thành nhà sáng lập khoa phân-clo (folklore).

[2] Do Ben-phây (Théodor Benfey, 1809-1881), nhà ngữ văn học và nghiên cứu tiếng Phạn người Đức, sáng lập. Ông là dịch giả Phan-cha-tan-tơ-ra (Panchatantra) ra tiếng Đức 1859. Trong lời tựa, ông cho rằng truyện cổ tích là từ truyện Ấn-độ mà lan truyền ra khắp các dân tộc Đông và Tây. Cô-xcanh (Emmanuel Cosquin, 1841-1921) như chúng ta đều biết, là đại diện nổi tiếng của trường phái này, phát biểu trong Nghiên cứu phân-clo (folklore) và Những truyện cổ tích Ấn-độ và phương Tây (1922).

[3] Do Lãng (Andrew Lang, 1844-1912), nhà dân tộc học và nghiên cứu phân-clo (folklore) Anh, một trong những đại diện xuất sắc của trường phái nhân chủng học. Ông viết nhiều sách, sáng lập ra khoa thần thoại học. Theo ông, “để hiểu thần thoại, phải hiểu xã hội, luật lệ, tập quán của những người đang sống trong trạng thái man rợ và nguyên thủy”, những nguyên lý này may ra có thể thấy gì bên ngoài lịch sử vì không phải “bất kỳ một thần thoại nào cũng có tâm lý và trạng thái tinh thần nguyên thủy thông qua nguồn gốc” như ông giả định.

[4] Trường phái này mở đầu có Crôn (Julius Krohn, 1835-1888), nhà văn và ngữ ngôn học Phần-lan (Finlande), người sáng lập phương pháp nghiên cứu lịch sử - địa lý, có Crôn con (Kaarle Krohn, 1863-1933) tiếp tục, cho

đến A-ác-tơ (Anti Aarne, 1867-1925), đại diện xuất sắc và là người phát triển phương pháp này. Ông có tác phẩm nổi tiếng Thư mục về các cốt truyện.

[5] A-ri-ăng (Aryens): tổ tiên của các chủng tộc Ấn – Âu, như Ba-tư, Ấn-độ (Hindous), Xen-tơ (Celts), Hy-lạp (Grecs), La-tinh (Latins), Đức (Germaines), Xla-vơ (Slaves), Ác-mê-niêng (Arméniens) v.v... Theo Muyn-le (Max Muller, 1823-1900), nhà ngôn ngữ học, Đông phương học và thần thoại học, cũng là người hoàn thành việc dịch kinh Rig Véda. Ông cho nguồn gốc các thần thoại ở Ấn – Âu đều ảnh hưởng từ kinh này.

[6] Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren (1886); tr. XXXX.

[7] Truyện cổ tích dân gian và nguồn gốc của chúng (1895); tr. 11.

[8] Nhà cổ tích học nổi tiếng của Liên-xô [cũ], nghiên cứu truyện cổ tích về mặt hình thái học.

[9] V.Ia.Prốp (V.Ia. Propp). Đặc trưng của phân-clo (folklore). Công trình kỷ niệm Hội đồng khoa học của trường đại học Lê-nin-grát. Bộ phận Khoa học ngữ văn. Lê-nin-grát, 1946 ; tr. 142. Dẫn trong Pu-li-lốp (Poutilov). Phương pháp luận nghiên cứu lịch sử so sánh về phân-clo (folklore).

[10] Nhà Hán thường đặt ra chức “tỳ quan” cho đi về nông thôn góp nhặt các truyện dân gian dù là truyện nhỏ nhặt, chép mang về, mục đích là để cho triều đình thẩm tra cách cai trị hay dở của chính quyền địa phương.

[11] Những sách trên có thứ đã thất lạc, có thứ có sự thêm thắt của người đời sau, thậm chí có thứ ngụy tạo, v.v...

[12] Đinh Gia Khánh trong Sơ bộ tìm hiểu những vấn đề của truyện cổ tích qua truyện Tấm Cám, đoán truyện này của họ Đoàn tìm được ở vùng dân tộc Choang (Quảng-tây). Đinh Nại Tôn, một học giả Trung-quốc, lại đoán là tìm được ở Việt-nam. Dựa trên sự phân tích 8 dị bản truyện ấy của Trung-quốc, 3 bản Tây-tạng, 2 bản Choang, 3 bản Mèo, 2 U-gua, 1 Triều-tiên, 5 Việt-nam, 3 Cham-pa, 1 Khơ-me, 1 của dân tộc Y, và qua nghiên cứu phong tục Trung-quốc và phong tục một số dân tộc Đông-dương, tác giả đã đi đến kết luận là dạng truyện này có hai loại: Loại 1 (tiêu biểu là Nàng Diệp Hận) được phản ánh trong văn học trung thế kỷ, có lẽ bắt nguồn từ một nơi nông thôn nào đó ở Việt-nam, nằm giữa Hà-nội, Hải-phòng ngày

nay, sau đó lan truyền ra các tỉnh Nam Trung-quốc (Quảng-đông, Quảng-tây), từ đây lại được truyền sang phía Tây: Vân-nam, Tây-tạng. Loại 2 (tiêu biểu là một dị bản trong Khảo dị số 154) thể hiện phong tục tập quán Trung-quốc hiện đại, có thể xuất hiện khoảng 5 hoặc 600 năm gần đây, cũng ở miền Nam Trung-quốc (Quảng-đông). Tác giả kết luận: miền Tây và Bắc Trung-quốc vốn không có truyện cổ tích thuộc loại này. Ông còn cho rằng Đoàn Thành Thức ngày ấy có thể là người Việt-nam (đời Đường). Về ý kiến trên, Rip-tin (B. Ryftine) và Kha-xa-nốp (M.Khassanov) trong sách đã dẫn, thì cho rằng “sự có mặt của truyện cổ tích loại này trên đất Triều-tiên chứng minh một cách gián tiếp có sự tồn tại của cốt truyện tương tự ở miền Bắc Trung-quốc”.

[13] Niên đại của các tác phẩm trên mỗi sách ghi mỗi khác, chúng tôi chủ yếu dựa vào bộ Từ điển các tác phẩm (Dictionnaire des ceuvres) của Laffont-Bompiani, S.E.D.E, Pa-ri, 1962.

[14] Xem Khảo dị truyện số 19, tập I.

[15] Theo nhiều nhà cổ tích học, như Ben-phây (T. Benfey) chẳng hạn, thì tác phẩm Nghìn lẻ một đêm thu hút nhiều truyện cổ dân gian Ấn-độ.

[16] Nhà cổ tích học Cô-xcanh (Cosquin) trong sách Truyện cổ tích Ấn-độ và Tây phương, dựa vào truyện mà ông gọi là Đòi nợ tức là truyện Anh chàng mê công chúa (Xem Khảo dị truyện số 43) có mấy dòng nhận định về truyện cổ tích của chúng ta. Ông cho rằng các dân tộc Miến-điện (Myanmar), Thái-lan, Lào, Căm-pu-chia cũng như Cham-pa đều tiếp thu trực tiếp truyện cổ từ Ấn-độ thông qua đạo Phật, và cả từ trước nữa, qua Ấn-độ giáo. Còn người Việt thì không thể, họ chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung-quốc. Chỉ riêng truyện này, theo ông, phải chăng là truyện còn sót của Cham-pa, hay là được du nhập thông qua Trung-quốc? Ông còn cho rằng dù sao đi nữa, dù đã có một nền văn hóa trung gian, thì cũng phải coi Ấn-độ là xuất xứ. Gần đây, nhà bác học Liên-xô [cũ] Ji-rơ-mun-xki (V. M. Jirmunski) trong sách Những công trình nghiên cứu lịch sử - ngữ văn, cũng có ý cho truyện cổ tích Việt-nam chịu ảnh hưởng nhiều của Ấn-độ trong khi ở In-đô-nê-xi-a (Indonésia) thì lại không chịu ảnh hưởng mấy. Ông viết: "Những mẫu mực của truyện cổ tích In-đô-nê-xi-a dường như cho thấy

rằng ở một nơi nào đó thuộc đảo Xu-la-vê-đi (Soulavédie), sự lan tràn mạnh mẽ của những cốt truyện cổ tích Ấn-độ được hệ thống hóa bằng thư mục của A-ác-nơ (Aarne) bị ngưng lại, và trên bình diện thứ nhất xuất hiện những cốt truyện không quen thuộc đối với chúng ta [...]. Ngược lại, những truyện cổ tích Việt-nam trong đa số trường hợp lại phù hợp với thư mục đó" (tr. 289).

[17] Theo Ríp-tin (B. Ryftine) và Kha-xa-nốp (M. Khassanov), sách đã dẫn, thì đại để người Dun-gan cũng quan niệm về "con tinh" như ta tuy có nhiều nét tiểu dị, cụ thể là: con tinh gần như con người, chỉ có điều nó không có linh hồn trọn vẹn của một con người thực sự mà chỉ có một phần nhỏ linh hồn. Hay là một đồ dùng rất lâu năm, trong quá trình dùng nó, tinh thần của con người sẽ truyền sang mỗi ngày một tí, cho đến khi truyền đầy đủ thì vật đó sẽ thành tinh.

[18] Ví dụ một đoạn truyện Dị nhân 異人 của Bác vật chí 博物志 như: "Dân nước Vô-khởi ở hang ăn đất, không phân biệt được là trai hay gái. Khi họ chết đem chôn, quả tim không nát, để đến một trăm năm sau lại hóa thành người. Dân nước Tề [sau khi chết đem chôn] buồng gan không nát, một trăm năm sau lại hóa thành người, họ cũng đều ở hang, hai nước này cùng một nòi giống. Dân Mông-song ngày trước có họ Cao Dương có hai trai gái cùng một mẹ mà làm vợ chồng với nhau. Nhà vua đầy đi Bắc-dã, hai người ôm nhau mà chết, có chim thần đem cỗ bát tử phủ lấy xác. Bảy năm sau hai người lại sống, cùng chung một cái cổ, có hai đầu, bốn tay". Ngay sách Sơn hải kinh có nhiều truyện cũng sử dụng nghệ thuật phóng đại, ví dụ nói đến một giống rắn khổng lồ nuốt được cả voi, ba năm sau mới nhả xương ra, v.v..., nhưng không ngoa đến cực độ như Bác vật chí.

[19] Tức là sách Tiễn đăng tân thoại 剪燈新話 của Cù Tông Cát 瞿宗吉 hay Tiễn đăng dư thoại 剪燈余話 của Lý Xương Kỳ 李昌祺, tiến sĩ, đều sống dưới đời Minh (chứ không phải đời Nguyên như ghi trong Lê triều thông sử).

[20] Có dẫn trong Ríp-tin (B. Ryftine). Anh hùng ca lịch sử và truyền thống văn học dân gian ở Trung-quốc, Nhà xuất bản Khoa học, Viện Hàn lâm

khoa học Liên-xô, Mát-xcơ-va, 1970.

[21] Trong Lược khảo về thần thoại Việt-nam.

[22] Thủy kinh chú kể rằng: đời Xuân thu, vua Tần Văn Công sai 40 người đi chặt một cây kỳ lạ, nhưng đứt nhất nào nó lại liền nhất ấy. Một người trong số được phái đi vì bị thương ở chân phải nằm lại dưới gốc cây, tình cờ nghe lỏm được câu chuyện của các vị thần về cách hạ cây ấy. Nhờ đó cuối cùng chặt được cây, nhưng khi đổ xuống, cây hóa làm trâu thần, chạy xuống nước. Dậu dương tạp trở kể rằng: trong mặt trăng có cây quế cao 500 trượng, dưới cây có một người thường ngày chặt cây. Cây hề bị chặt lại liền như cũ. Người ấy họ Ngô tên Cường người Tây-hà, vì học đạo tiên có lỗi nên bị sai đi làm công việc chặt quế.

[23]八十老母生一子人言非是吾子者家產田園盡傳 (Bát thập lão ông sinh nhất tử nhân ngôn phi thị ngô tử giả gia sản điền viên tận phó dữ nữ tể ngoại nhân bất đắc tranh chấp). Vì không có chấm câu, nên bên nào cũng cắt nghĩa có lợi cho mình.

[24]七十而生非吾子也其田產交與子婿外人不得爭奪 (Thất thập nhi sinh phi ngô tử dã kỳ điền sản giao dữ tử tể ngoại nhân bất đắc tranh đoạt).

[25] Truyện kể rằng: một nhân vật nữ có học, hôm mới về nhà chồng ra một vế đối bảo chồng có đối được mới cho chung chăn gối: 點燈登閣各攻書 "Điểm đăng đẳng các, các công thư". Không đối được, chồng thẹn, bỏ đến trường, thú thật với bạn bè. Nghe tin này, một trong những bạn học, tìm ngay đến nhà, giả làm chồng, nhân tối tắm ăn nằm với người đàn bà, rồi bỏ đi mất. Sáng dậy, chồng về, người vợ biết mình bị lừa gian làm nhục, bèn tự tử.

Chồng không hiểu lý do đành lo chôn cất. Sau 3 năm, một hôm Bao Công đi tuần đến đây, gặp rằm tháng Tám, nhân nghĩ được vế đối 移椅倚僮同玩月 "Di ý ý đồng, đồng ngoạn nguyệt", chưa nghĩ ra vế kia thì buồn ngủ, chiêm bao thấy một người nữ đối được câu của mình. Bao Công khen, hỏi tên tuổi, quê quán, cô bảo cứ hỏi mấy anh tú tài trong huyện thì biết. Sáng mai, Bao Công cho đòi các viên tú tài đến, đem vế đối của mình ra đề. Chồng nhân vật nữ có mặt trong số đó đối lại bằng câu của vợ ra năm xưa.

Bao Công gọi tới hỏi riêng. Anh kể lại mọi việc. Bao Công hỏi: - "Thế trong trường lúc ấy có ai có tính hay đùa cợt không?". Anh nói đến một người. Bao Công sai lính bắt hắn đến. Hắn chối nhưng bị tra tấn, chịu không nổi, đành phải nhận tội. Bèn bị xử tử.

[26] F. T. C. Werner. A dictionary of Chinese Mythology, Shanghai, 1932.

[27] Chương "Vật loại", trong bản dịch của Nguyễn Lợi và Nguyễn Đồng Chi, Nhà xuất bản Tân Việt, Hà-nội, 1944.

[28] Viết về trống đồng cổ, dẫn trong một bài giới thiệu sách đăng ở BEFEO, số 2 (1902).

[29] Trong một bài giới thiệu sách đăng ở BEFEO số 2 (1902), tr. 218. Sách Chân-lạp phong thổ ký 眞臘風土記 do Chu Đạt Quan 周達觀 viết trước năm 1312. Lê Hường đã dịch ra quốc ngữ (Kỷ nguyên mới xb, Sài-gòn, 1973), đoạn văn ấy dịch như sau: "Người bốn xứ (Khơ-me] không ăn thịt ếch, vì thế về đêm chúng ra đầy đường" (tr. 92-93).

[30] Dẫn theo Ríp-tin (B. Ryftine) và Kha-xa-nốp (M. Khassanov), sách đã dẫn.

[31] Việc dùng từ "con yêu" của sách Trung-quốc (Bao Công thu yêu truyện 包公收天傳) là đúng, vì đó là một con yêu phân thân thành năm con chuột, hay là có năm con chuột ở Tây Thiên-trúc đến núi tu luyện nhiều ngày "biến hóa vô cùng", v.v... Còn truyện của ta dùng từ "con tinh" cũng rất chính xác, như trên kia đã trình bày.

[32] Truyện đã được sưu tập trong Bản khai những truyện dân gian và Bản khai của làng Vĩnh-an (Nghệ - Tĩnh).

[33] Ở đây có thể đặt ra hai giả thuyết: Một là truyện của ta ra đời sớm hơn truyện Trung-quốc, cụ thể nó không chịu ảnh hưởng truyện Con mèo mặt ngọc của Trung-quốc. Hiện nay chưa có lý do để bác bỏ Thánh Tông di thảo là tác phẩm của Lê Thánh Tông, như vậy giả thuyết này sẽ càng được củng cố. Hai là truyện của ta chịu ảnh hưởng của truyện Con mèo mặt ngọc, đã vậy thì sách trên là do người đời sau thác tên nhà vua làm ra.

[34] A-ác-nơ (A. Arne) và Tô-m-xông (S. Thompson): Sơ đồ truyện cổ tích trong văn học thế giới, Hen-xanh-xki, 1928.

[35] Tuy nhiên, theo chúng tôi, Trung-quốc cũng có một truyện có thể coi

là một dị bản của truyện Con chim khách màu nhiệm được. Đó là truyện thấy trong Tả truyện 左傳 và trong Đông Chu liệt quốc 東周列國. Đại khái là: Một người ở đất Trần-sương bắt được một con vật lạ, định đem dâng vua Tần. Đi được nửa đường bỗng gặp hai đứa trẻ bảo: - "Con ấy gọi là con vị, ở dưới đất nó hay ăn óc người chết". Lúc ấy con vị cũng bảo: - "Hai đứa kia là trĩ tinh, một con trống, một con mái, ai bắt được con trống làm nên nghiệp vương, bắt được con mái làm nên nghiệp bá". Nghe nói thế, người kia liền bỏ con vị mà đuổi theo hai đứa trẻ. Nhưng chúng đã hóa làm hai con chim trĩ mà bay đi mất. Tần Văn Công, sau khi nghe người kia thuật lại câu chuyện, sai chép việc ấy vào sách. Đến đời Tần Mục Công, lại có người ở Tần-sương chăng lưới bắt được con trĩ mái, tự nhiên chim hóa ra con gà bằng đá kỳ lạ, liền đem dâng vua. Một viên quan tâu: - "Ấy, tức là điềm bắt được con mái làm nên nghiệp bá đó!". Ở đây thay vào tình tiết "ăn thịt" là tình tiết "bắt được", người bắt được cũng có số phận như người ăn thịt. Chúng tôi cho rằng có thể từ Ấn-độ truyền vào, truyện đã được hoán cải mạnh tay hơn, nhưng vẫn không mất những nét cơ bản: cặp chim lạ, ai bắt được con trống có số phận làm vua, ai bắt được con mái có số phận bá chủ (một loại vua đứng đầu nhóm vương quốc).

[36] Stith Thompson. Motif-index of Folk-literature, 6 quyển (1932-37).

[37] V.P. A-ni-kin (V.P. Anikine). Cổ tích dân gian Nga, Mát-xcơ-va, 1959, dẫn trong Sáng tác dân gian là một loại hình nghệ thuật, của K. C. Đa-vle-xtốp (K. C. Davlestov).

[38] Quý Tiễn Lâm 季羨林, nhà nghiên cứu tiếng Phạn của Trung-quốc có cho biết các sử gia xưa của Trung-quốc, kể từ Trần Thọ 陳壽 (233-297) viết Tam quốc chí 三國志 cho đến các soạn giả Tấn sử 晉史, Bắc triều sử 北朝史 đều sử dụng những yếu tố miêu tả này của văn học Phật giáo: hai tay dài quá gối (Sthitanvanataja nupralambahun) và đôi tai dài và dày (Pinayakarnah) làm công thức để miêu tả hình dáng một ông vua khác thường. Chỉ bắt đầu từ đời Tùy (thế kỷ VI-VII), chúng mới biến khỏi những tác phẩm lịch sử nhưng vẫn tiếp tục tồn tại trong truyền thống truyền miệng và văn học tự sự, như là tiêu chí của một người đã được số phận thích dấu (Theo B. Rip-tin (B. Ryftine), sách đã dẫn).

[39] Chép trong Hán thư 漢書 của Ban Cố 班固 và Sử 史記 của Tư Mã Thiên 司馬遷.

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

3. THU HÚT TINH HOA KHO TRUYỆN CỦA CÁC DÂN TỘC ANH EM

Ngoài hai nguồn quan trọng nói trên, kho tàng truyện cổ tích Việt-nam còn thu hút rất nhiều những "truyện hay tích đẹp" của các dân tộc gần xa, mà trước hết là của các dân tộc anh em trong cộng đồng quốc gia chung. Không được phép quên rằng bên cạnh kho tàng truyện cổ tích của dân tộc chủ thể, còn có rất nhiều kho tàng truyện cổ tích và văn học dân gian của trên 50 dân tộc sống rải rác trên nhiều vùng miền của đất nước. Có thể nói, mỗi kho truyện của một dân tộc lại là một thế giới riêng, với ngôn ngữ riêng, cách tạo hình riêng.

Về mặt dân tộc học, như ta biết, ở Việt-nam có những dân tộc vốn có nguồn gốc bản địa, nhân khẩu đông, mật độ dày, cư trú tại một địa bàn nhất định từ lâu đời; nhưng cũng có những tộc người, thậm chí những nhóm người, nhân khẩu ít, mật độ thưa, đã từng theo làn sóng di cư, hoặc từ ngoài vào, hoặc từ một nơi nào đó trong nước chuyển đến một nơi mới, thế rồi do cuộc sống đưa đẩy mà phân tán thành nhiều vùng, mang nhiều tên gọi khác nhau. Trong quá trình lịch sử hàng trăm, hàng nghìn năm, tất yếu diễn ra những sự xô đẩy nhau, hòa hợp nhau, thậm chí pha trộn nhau, nhưng nói chung, ai nấy đều lần lượt gắn mình vào cộng đồng quốc gia chung, dưới một thể chế nhà nước thống nhất do dân tộc chủ thể điều khiển. Dù sao mỗi dân tộc vẫn bảo vệ sắc thái riêng của mình, nên cũng trong quá trình chung sống lâu dài ấy, kho tàng truyện cổ của từng dân tộc vẫn được bảo lưu, tích lũy; và đó là vốn liếng tinh thần quý giá luôn luôn ánh xạ lẫn nhau trong mối quan hệ hội nhập và giao lưu văn hóa diễn ra ngấm ngấm nhưng liên tục, sâu sắc trên suốt chiều dài lịch sử của các cộng đồng trong quốc gia. Các dân tộc sẽ không ngừng cung cấp cho nhau một cách tự phát những sơ

đồ, mẫu đề, mô-típ trong việc hoán cải cũng như sáng tác truyện cổ. Kết quả là hàng loạt những dị bản xung quanh từng loại cốt truyện đã được hình thành, như các chuỗi sợi đan dệt kho truyện cổ tích của người Việt với kho truyện cổ tích của các dân tộc anh em thành một mạng lưới sống động, gắn bó khăng khít. Tìm hiểu các hiện tượng liên kết đa dạng này chắc chắn còn giúp chúng ta nhìn sâu vào nhiều mối quan hệ lâu dài hơn, không phải chỉ trong tư duy nghệ thuật, truyền thống sáng tạo mà cả trong tập quán sinh hoạt, phong tục, tín ngưỡng, lời ăn tiếng nói và có thể cả nguồn gốc chủng tộc... giữa nhiều tộc người trên dải đất Việt-nam.

1. Trước hết là truyện của các dân tộc thiểu số miền Bắc. Đáng kể là những dân tộc vốn sống xen kẽ với người Kinh từ lâu, đã từng có một lịch sử giao lưu đậm đà thân mật, như Tày, Nùng, Mường, Thái, Khơ-mú, Dao, v.v... Kho truyện tự sự của họ có nhiều loại hình đặc biệt độc đáo, ví dụ người Tày, Nùng có các truyện thơ; người Mường, Thái có các bài mo kể truyện, đều là văn học thành văn truyền miệng. Nói chung kho truyện cổ của họ còn để lại nhiều huyền thoại và nhiều truyện thần kỳ.

Truyện Ông Dài, ông Cộc hay là Sự tích thần sông Kỳ-cùng (số 167) có đề tài về hai con rắn làm con nuôi của một cặp vợ chồng già, về sau một con vô ý bị chặt cụt đuôi, tính khí trở nên dữ tợn, gây nhiều chuyện rắc rối cho cả một vùng, mà rắc rối nhất là việc rắn hóa phép cướp vợ người. Truyện này lưu hành phổ biến trong vùng người Tày, người Kinh ở khu vực Đông bắc; những dị bản của nó có nhiều, lan vào tận Nghệ - Tĩnh và lên đến cả xứ Mường, thường gắn bó với tín ngưỡng của những địa phương truyện lưu hành. Có lẽ cốt truyện liên quan đến tục sùng bái rắn (hay thường luồng), đồng thời lại cũng phản ánh tập tục hôn nhân cướp đoạt mà trước đây không lâu, dấu vết vẫn còn đậm ở một số tộc người nơi biên giới. Và theo chúng tôi, truyện này và truyện Nguyễn Thị Bích Châu (số 177) tuy là hai

đề tài khác nhau nhưng chủ đề vẫn có mặt thống nhất, đó là răn (hay giao long) lấy người trần làm vợ bằng một cuộc hôn nhân cưỡng bức. Trước đây Phrê-dơ (J.G. Frazer) đã từng lưu ý chúng ta về những truyện có nói đến sự hy sinh của một nhân vật nữ bị đem hiến cho thần Nước, hay là cưới vợ trần cho thần Nước, hay cả việc bắt người để cúng thần, v.v...[1]. Ở Việt-nam, hình thức hiến tế phụ nữ cho thần Nước mãi đến nửa đầu thế kỷ XV vẫn còn, như câu chuyện Lê Quý Đôn ghi được trong Đại-việt thông sử về cái chết tình nguyện của người vợ thứ Lê Lợi - mẹ Lê Thái Tông sau này - tại làng Trào-khẩu trên bờ sông Lam, thuộc huyện Hưng-nguyên (Nghệ-an) vào năm 1425, nhằm đáp ứng lời cầu xin của thần Phổ Hộ "muốn cưới một người vợ thiếp trần gian", để thần "ngầm giúp ba quân đánh thắng giặc"[2]. Sự đồng dạng khá rõ giữa lịch sử và truyền thuyết là một bằng chứng về tính phổ biến của tập tục khiến ta còn có thể xâu chuỗi các mô-típ trên với những mô-típ khác như Tiêu diệt mãng xà (số 148), v.v... Tuy nhiên, như trên đã đề cập, mỗi khi truyền thuyết địa phương được nhà văn dân gian nâng lên thành một tác phẩm có kết cấu hoàn chỉnh, thì nó đạt được khả năng khái quát nghệ thuật rộng lớn, vượt xa dạng ghi chép thô sơ buổi đầu (như một số dị bản còn giữ lại).

Truyện Sự tích đá Vọng-phu (số 32) nội dung nói về việc anh em ruột thịt lấy nhầm phải nhau (hay là hôn nhân tiền định) là kiểu cốt truyện có nguồn gốc bản địa, có thể xuất phát từ một truyền thuyết nào đó của đồng bào Tày vùng Lạng-sơn, nơi có ngọn núi mang tên Vọng-phu. Cần phân biệt truyện núi Vọng-phu của người Việt với truyện núi Vọng-phu của Trung-quốc, ở chỗ tuy cùng một nhan đề, cùng một kết thúc, nhưng khác chủ đề. Chủ đề truyện của ta là hôn nhân tiền định giữa anh với em, so với những truyện hôn nhân tiền định mang tính quốc tế cũng có khác[3]. Theo Cao Huy Đình thì, nó "bắt nguồn từ một hiện tượng hôn nhân rất cổ mà các xã hội văn minh về sau nhất định phải kết án. Vì vậy cốt truyện chuyển dần sang một sự không may, một sự ly tán rồi một sự lầm lẫn tình cờ rất xót xa của một

đôi trai gái ruột thịt nghèo khổ trở nên thành vợ chồng"[4]. Truyện về sau sẽ lan truyền gắn bó với những địa điểm khác có núi đá hình dạng mẹ ôm con (ngoài Lạng-sơn còn có Thanh-hóa, Bình-định), mỗi nơi lại xuất hiện một vài dị bản, nhưng vẫn cố gắng bảo lưu chủ đề vốn có.

Truyện Thánh Gióng (số 134): hình như ngay từ buổi phôi thai, việc hoàn chỉnh hình tượng nghệ thuật Gióng đã có sự đóng góp, tu sức bởi truyện Lệnh Trừ của đồng bào Tày; hay cũng có thể ngược lại, truyện người Tày chịu ảnh hưởng của truyện người Kinh, vì giữa hai bên cơ bản giống nhau. Nhân vật chính của truyện Lệnh Trừ không phải là em bé lên ba, mà là một con cóc thần. Cũng có tình tiết sứ giả theo lệnh vua, rao tìm người tài để đánh đuổi giặc. Yêu cầu của cóc đưa lên vua cũng là rèn gươm sắt, ngựa sắt, nhưng có nêu số lượng cụ thể: 3.000 cân gang làm cốt, 200 cân sắt làm vỏ và 14 cân lông tóc của nam nữ làm bờm và đuôi[5], v.v... Vua cho làm ngay nhưng vật liệu không đủ như số đã nêu, nên khi cóc cười, ngựa không chịu đựng nổi bị khuyu lưng, tuy vậy rồi cũng cố gắng chạy được. Gặp giặc, ngựa cũng phun lửa đằng mồm, phun khói đằng mũi[6].

Nhưng không những giống với truyện của đồng bào Tày, truyện Thánh Gióng của chúng ta còn là tập đại thành của một loại hình tượng nghệ thuật gần gũi trong kho tàng truyện cổ của đồng bào các dân tộc Tây-nguyên, như Mơ-nông (Mnong), Ba-na (Bahnar), Ja-rai (Djarai), v.v... vì nhân vật anh hùng ở đây cũng mang dạng phổ biến là một em bé, cũng ăn rất khỏe, có khi lên bốn đã thạo sử dụng khiên đao, hoặc có khi vươn vai cao bằng cây "kơ-nia", cũng có tình tiết nhờ thần rèn gươm hộ, phải rèn đi rèn lại đến mấy lần mới thành, hoặc có tình tiết bắt được con ngựa thần từ một khối đá hóa ra. Đó là chưa kể cốt truyện của chúng ta còn có họ hàng xa với nhiều dị bản của truyện Tro Bế nam - Cendrillon masculin, theo cách gọi của Cô-xcanh (E. Cosquin) - cũng mang ít nhiều mô-típ tương tự.

Nhưng dù sao thì giữa truyện Thánh Gióng và truyện của đồng bào Tày cũng có mối quan hệ mật thiết hơn vì lẽ ngoài sự giống nhau về hình tượng và kết cấu, hai truyện còn có chung một địa bàn sinh thành và phát triển. Truyện của ta có nhắc đến cái tên "bộ Vũ-ninh"[7] vốn là địa danh cổ bao gồm cả Bắc-ninh và Bắc-giang xưa trải dài cho đến Lạng-sơn. Mà cho đến nay một phần của vùng đất ấy còn là mảnh đất cư trú của dân tộc Tày. Tuy nhiên, truyện Lệnh Trừ của đồng bào Tày hiện nay đã bị pha trộn với một mô-típ khác - mô-típ vốn có trong bảng tra cứu sơ đồ truyện cổ quốc tế: đó là mô-típ Lấy chồng ếch (hay cóc nhái, rắn, rùa, lừa, cáo, lợn, chồn, v.v...) mà của ta là truyện Lấy chồng dê (số 128), một kiểu cốt truyện khá xưa của mô-típ này, đã có mặt trong Pan-cha-tan-tơ-ra (Panchatantra)[8].

Nếu truyện Thánh Gióng có đề tài chống ngoại xâm, thì truyện Quan Triều hay là chiếc áo tàng hình (số 139) cũng đề cập đến đề tài này, trong khi vấn đề chủ yếu của nó lại là đấu tranh trong nội bộ xã hội. Truyện Quan Triều của ta hẳn là tiếp thu từ truyện của đồng bào Tày. Đó là một câu chuyện tưởng tượng lý thú phản ánh ước mơ san bằng giàu nghèo và bẻ gãy mũi nhọn xâm lược. Nếu bằng vào thần tích[9] cũng như sự thờ cúng địa phương thì cũng có thể phỏng đoán truyện được "Kinh hóa" vào khoảng thế kỷ XII hoặc XIII.

Nhiều truyện của Việt-nam không thấy có dị bản nào khác ngoài một số dị bản của các dân tộc Tày, Nùng, Mường, Thái, Dao... Điều đó cho phép giả định rằng nếu những cốt truyện này không phải từ đâu xa lạ truyền đến thì chính là kết quả sáng tạo từ một dân tộc trong số những dân tộc đã dẫn, rồi được lan truyền sang các cộng đồng cư dân khác, trong đó có người Việt, theo hướng tô điểm và hoán cải, bằng phong cách của từng dân tộc. Nhân

vật người - hươu chẳng hạn, có mặt trong một số dị bản của người Tày, Choang (Trung-quốc), Dao, Mường, Thái... (xem Khảo dị truyện Á Chức chàng Ngưu, số 182) là một kiểu nhân vật nửa người nửa vật đặc sắc nhưng cũng chỉ lưu truyền giới hạn trong những dị bản đó mà thôi, chứ không đi xa hơn[10]. Điều đáng lưu ý ở đây là hình ảnh cái sừng của nhân vật trao lại cho đứa con - chỉ riêng với đứa con - dặn nó cứ kéo đến chỗ nào sừng cắm lại thì ở đó, đứa con có thể trồng trọt làm ăn thịnh vượng. Người - hươu rất có thể là biểu tượng của nghề săn bắn vào thời nguyên thủy nhưng cái sừng hươu trong truyện phải chăng lại là một biểu tượng giao thoa mang hai lớp nghĩa, vào giai đoạn nghề săn bắn đã và đang chuyển sang trồng trọt? Truyện Sự tích hồ Ba-bể (số 27) cho thấy khá rõ một dấu vết hoán cải theo tinh thần giáo huấn tôn giáo đối với một cốt truyện có nguồn gốc thần thoại của đồng bào địa phương. Đề tài truyện của ta chỉ là sự thử thách và trừng phạt của bà thần đối với bọn người giả dối, chỉ biết thờ Phật ngoài cửa miệng mà không chút từ tâm trước những lời kêu cứu của một con người già nua bệnh tật. Các dị bản của nó ở đồng bào Tày, Dao, Thái phần nào giúp ta hình dung trở lại các dạng lưu hành của bản gốc. Tuy nhiên, ở truyện của ta, nét cổ kính vẫn chưa mất hết; vẫn còn bóng dáng con giao long vốn là biểu tượng của thần Nước. Có lẽ từ đầu, người đời cổ muốn cắt nghĩa hiện tượng đất sụt (hay động đất) bằng sự vùng vẫy của một giống bà trùng khổng lồ nào.

Truyện Vụ kiện châu chấu (số 170) đề cao tài biện luận của con gà trống con, về nội dung khác với các dị bản của Tày, Dao, Thái, Mèo... mà đề tài thường hướng vào việc giải thích nguồn gốc sự vật (tại sao con ve không có ruột) mặc dầu giữa chúng đều cùng có một kiểu cấu trúc (trừ truyện của dân tộc Mèo cấu trúc có khác). Rõ ràng truyện của ta phần nào đã được nâng lên về mặt nghệ thuật, có nghĩa là nó không hẳn là bản gốc.

Truyện Vua Heo (số 104) vốn được lưu hành chủ yếu ở miền Nam (cái tên Heo là một bằng chứng), thế nhưng một dị bản của nó lại là truyện Chu Hùng Ú có liên quan đến lịch sử di chuyển về phía Nam của dân tộc Dãy - ở vùng biên giới Tây bắc Bắc-bộ. Cả hai truyện đều có chủ đề số mệnh: nói đến một đứa trẻ có số làm vua nên đã vượt qua mọi cản trở, cuối cùng bước lên ngai vàng. Nhưng truyện của ta, về bố cục đã tương đối hoàn chỉnh. Nhân vật chính là một đứa trẻ bướng, lại có một số phận may mắn; từ đầu đến cuối các tình huống và hình ảnh xoay quanh nó đều thể hiện mối xung đột giữa bướng (dễ gây cản trở) và may mắn (cản trở nào cũng bị gạt bỏ) một cách nhất quán. Nhân vật cứ tiến triển giữa hai lực vô hình đó, không cần một chút cố gắng bản thân nào cả. Trong khi đó ở truyện Chu Hùng Ú, nhân vật có lúc phải dùng đến mưu trí (lấy bột trâu thần) và tài năng (leo cao), tức là không còn do số mệnh đưa đẩy. Ở đây nữa, truyện của ta biết quán xuyên chủ đề và quả đã được nâng lên về nghệ thuật.

Cốt truyện Bốn cô gái muốn lấy chồng hoàng tử (số 166) vốn có dị bản ở nhiều dân tộc. Truyện lấy đề tài về một con yêu hóa thành gái đẹp, trở thành vợ vua, mê hoặc vua, móc mắt bốn chị em vốn là vợ cũ của vua, rồi đuổi đi. Nhưng nhờ có nhân vật anh hùng con của một trong bốn chị em, lớn lên học được phép thuật, tiêu diệt được mẹ con con yêu, đưa lại hạnh phúc cho mẹ và các dì của mình. Nhưng so sánh kết cấu cốt truyện thì truyện của ta gần với truyện của dân tộc Thái hơn cả. Từ những nhận xét về mặt mạnh cũng như mặt hạn chế trong khả năng tư duy siêu hình của người Việt cổ, đã được trình bày ở chương trên, chúng tôi thiên về giả thuyết coi truyện Bốn cô gái muốn lấy chồng hoàng tử là bắt nguồn từ cốt truyện của Thái chứ không phải ngược lại; sự sáng tạo ban đầu về các nhân tố kỳ ảo không thuộc về chúng ta, chúng ta chỉ hoàn chỉnh ở bước tiếp theo.

2. Thứ đến là truyện của các dân tộc thiểu số miền Nam: Cham-pa, Khơ-me

Nam-bộ và mấy chục tộc người ở Tây-nguyên mà phần trước cũng đã nhắc đến một cách sơ lược. Các dân tộc thiểu số trên vùng đất phía Nam gia nhập vào đại gia đình Việt-nam có phần muộn hơn các dân tộc phía Bắc, nhưng mỗi giao lưu văn hóa giữa người Kinh với họ thì lại diễn ra tương đối sớm, rất sớm nữa là khác. Không phải ngẫu nhiên mà ta có thể dễ dàng bắt gặp những nét gần gũi trong kho truyện cổ tích và cả thần thoại của cả hai bên. Điều đặc biệt là các cộng đồng cư dân này vốn chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa Ấn-độ, Á, Úc, v.v... từ lâu nên khi gia nhập vào cộng đồng quốc gia Việt cũng mang theo cả những tinh hoa tiếp thu được từ các chân trời mới mẻ bồi đắp vào kho tàng chung của văn hóa Việt-nam.

Truyện Nợ tình chưa trả cho ai... cũng như truyện Trương Chi (số 43 và Khảo dị) của ta có đề tài tình yêu vượt đẳng cấp, nổi bật là hình tượng trái tim đông kết thành khối đỏ như son và trong như thủy tinh ("Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan") của một trong hai nhân vật chính, khi gặp những giọt nước mắt của "đối tượng" rơi vào mới chịu tan rã. Tính chất thần kỳ của hai truyện chỉ có thế. Có lẽ cốt truyện của cả hai đều chịu ảnh hưởng ở cốt truyện Anh chàng mê công chúa của đồng bào Cham-pa vốn đậm chất thần kỳ hơn nhiều, mà như Cô-xcanh (E.Cosquin) đã nói, đó là trường hợp có thể lấy chất liệu từ truyện Ấn-độ.

Truyện Tấm Cám (số 154) như ta biết, là kiểu cốt truyện rất phổ biến trên thế giới. Từ lâu các nhà cổ tích học gần như đều thừa nhận truyện được phát sinh tại Ấn-độ. Một nhà nghiên cứu còn nói rõ thành phố Dva-ra-va-ti (Dvâravâthi) là nơi truyện ra đời, nhưng điều đó thì chưa có gì làm xác chứng. Riêng truyện của ta do người miền Nam kể, được sưu tập vào năm 1886, so với dị bản của Cham-pa tưởng đâu chỉ là một tấm gương hai mặt. Vì thế, có nhiều người cho là cốt truyện Ấn-độ đi vào ta bằng con đường Cham-pa. Trong truyện có tình tiết: khi Tấm chết, Cám mặc nhiên vào triều

thay thế Tấm, và nhà vua cũng mặc nhiên coi Cám là vợ. Truyện không hề lý giải thêm bằng một hình ảnh cưới xin nào. Trường hợp của ta, của người Cham-pa, Khơ-me (Khmer), Tày và các dân tộc ở Đông-dương, v.v... đều có tình tiết này trong khi nhiều truyện của các dân tộc khác thì không thấy có. Có khả năng là cả loạt truyện đều từ một cốt truyện ban đầu và phân ra nhiều nhánh, và khi đến cư ngụ ở phía Nam bán đảo Đông-dương, chính cốt truyện ban đầu đã hội nhập ngay với một phong tục phổ biến: Vợ chết, chồng có thể lấy luôn chị hoặc em của vợ (levirat) mà ở nhiều dân tộc trong vùng, ví dụ người Ba-na (Bahnar) ở Tây-nguyên cho đến thời cận đại vẫn chưa biến mất.

Truyện Sự tích thành Lôi và Sự tích tháp Nhạn (số 34 và Khảo dị) kể câu chuyện xây thành thi giữa hai đội quân Chăm và Việt nhằm tránh cho cả hai một cuộc chiến tranh đổ máu, chắc hẳn chịu ảnh hưởng trực tiếp từ truyện Sự tích vua Klong Ga-rai xây tháp thi của người Cham-pa. Người Cham-pa, người Khơ-me (Khmer) còn lưu truyền nhiều truyện cổ nói về những truyện xây cất công trình nhà cửa, trong đó có hình ảnh dùng mẹo để chiến thắng đối phương.

Giữa hai dân tộc Kinh và Cham-pa còn có khá nhiều truyện cùng được kể giống nhau, được phổ biến rộng rãi như nhau, nhưng thật khó biết bên nào ảnh hưởng của bên nào. Ví dụ truyện Con cóc liếm nước mưa (số 141): nhân vật nữ giết người chồng mới để báo thù cho chồng cũ, sau khi được biết vai trò nhân vật cản trở do chính hấn đóng (âm mưu tàn bạo hãm hại chồng cũ) và cũng do miệng hấn tự tố cáo. Hay là truyện Chàng rể thông minh (số 194): nhân vật chính rất láu lỉnh, tuy mù nhưng vẫn làm cho mọi người trong gia đình nhà vợ tưởng là mình sáng mắt. Phải chăng các truyện này đều xuất hiện trong quá trình chung sống giữa hai dân tộc rồi mỗi bên tự coi đó là tác phẩm của mình?

3. Cũng do chiều hướng tiếp thu các mô hình Đông nam Á ở các dân tộc thiểu số miền Nam diễn ra mạnh mẽ và vốn có từ lâu, nên nhiều cốt truyện của họ khi đi vào kho truyện của người Việt thì thực tế đã là những sơ đồ phổ biến của cả khu vực này. Và ý nghĩa tích cực của sự tiếp thu là đã góp phần chuyển dịch kho truyện chúng ta sát gần lại mô hình tư duy nghệ thuật của cả một vùng rộng lớn, ở đó cộng đồng người Việt là một thành viên về xã hội - địa lý.

Một loạt truyện loài vật có chủ đề con thỏ ranh mãnh có lẽ dân tộc ta tiếp thu được từ phương Nam, vì các dân tộc ở đây (Cham-pa, Khơ-me (Khmer) và từ người Xê-đăng, Ba-na (Bahnar) phía Bắc cho đến người Mạ, Xtiêng phía Nam Tây-nguyên) đều có dị bản của mình. Không những thế, nó còn là loại truyện của hầu hết các dân tộc ở Đông nam châu Á, có thể có cội nguồn từ Ấn-độ.

Truyện Cái chết của bốn ông sư (số 200) nội dung có nhiều yếu tố kịch tính gây cười: đầu tiên là cuộc đụng chạm giữa người nài và người kiếm mật, tiếp đến là giữa hai người trên với bốn ông sư, và cuối cùng là giữa lão sãi mê tín và mục quán ranh mãnh, thuê có một nhưng bắt chôn những bốn, v.v... Truyện này vốn lưu hành khá phổ biến giữa các dân tộc Đông-dương theo Phật giáo: Khơ-me (Khmer), Lào, Thái-lan... nhưng truyền vào ta hẳn là qua con đường Khơ-me (Khmer). Duy ở đây cũng cần chú ý một điểm. Trong truyện Khơ-me (Khmer) Bốn ông lão gốc đi tìm vợ có đề cập tới một hiện tượng một vợ bố chồng; bản của Lào tình tiết rõ hơn: bốn chàng trai chỉ tranh nhau lao đầu vào lấy mỗi mình cô em, trong khi nhà nọ có đến hai chị em; đó là nguyên nhân gây nên cơn ghen giết người của cô chị. Từ hiện tượng ấy, có người đã ngờ rằng cốt truyện ít nhiều là vết tích của một

thời kỳ xa xôi, khi chế độ một vợ nhiều chồng (polyandri) đang chuyển hóa nhưng chưa chịu biến mất hẳn.

Truyện Hà rằm hà rạc (số 152) cũng như truyện Hai anh em và con chó đá (số 193) khai thác chủ đề từ mối mâu thuẫn giữa anh và em: anh tham lam bị trừng phạt trong khi em nhờ làm thiện may mắn trở nên giàu có. Như các nhà cổ tích học đã nói, đó là sự xung đột giữa thành viên "trưởng" với thành viên "thứ" trong gia đình và trong thị tộc, là sự xung đột quyền lợi giữa những con người đại diện cho bước khởi đầu phân hóa đẳng cấp. Hai truyện này chúng ta tiếp thu được: một, từ đồng bào Tây-nguyên; một, từ đồng bào Cham-pa, chúng cũng đã lan rộng ra nhiều dân tộc lân cận.

Đặc biệt, có truyện Sự tích hồ Gươm (số 26), một bức tranh có phần chắc được chấm phá nên vào những thời kỳ dân tộc Việt đã trưởng thành mạnh mẽ, biết mượn văn chương tự sự - truyền miệng để phơi bày bản lĩnh, cũng biết ký thác vào văn chương triết lý sống an lạc thái bình. Thế nhưng, đề tài gươm thần bảo vệ nước, bảo vệ giống nòi, với hình tượng lưỡi gươm và cán gươm vốn đang rời rạc, khi ráp lại với nhau bỗng biến thành sức mạnh vô địch, cũng đã lưu hành từ rất lâu ở nhiều dân tộc trong phạm vi Việt-nam nói riêng và Đông nam Á nói chung, chưa biết đâu là chính gốc. Người Cham-pa, người Khơ-me (Khmer), nhiều tộc người Tây-nguyên, người In-đô-nê-xi-a (Indonésia)... đều có chuyện gươm thần riêng của mình và ít nhiều đều trùng hợp với truyện của Việt-nam về mặt hình tượng, trong số đó có truyện được nói đến từ thế kỷ III[11].

4. Đã nói đến mối liên hệ giữa truyện cổ tích của ta với truyện cổ các nước Đông-dương và các nước Đông nam Á, không thể không nói qua ít nét gặp gỡ giữa truyện của chúng ta với truyện cổ các nước Á - Úc. Nếu như bóng

dáng con trâu nước với sợi lông thần diệu của nó làm cho người ta "đi được dưới nước cũng dễ dàng như trên bộ" thường thấp thoáng trong kho truyện của ta cùng với kho truyện nhiều nước Á - Úc, thì truyện Mang lén giống ngô của ta[12] không ngờ lại cũng dễ dàng bắt gặp từ trong kho truyện của nhiều dân tộc ở Á và Úc, chỉ với nội dung đơn giản là một nhân vật ở cõi trần lên thiên đình lấy trộm lửa và hạt giống cây, trong đó có hạt giống ngô, v.v...

Truyện Á Chức chàng Ngưu (số 182) của ta chứa đựng một mô-típ thần kỳ lý thú, nhân vật người trần ăn trộm bộ cánh, nhờ đó buộc được cô gái từ trời xuống làm vợ mình. Nhưng xét kỹ đây cũng là một mô-típ quen thuộc có tính quốc tế, có mặt trong huyền thoại của nhiều cộng đồng dân cư ở Tây-nguyên và dãy Trường-sơn. Các cư dân miền Bắc cũng lưu hành mô-típ này song đã được kết hợp với mô-típ người - hươu, như đã nói ở trên. Theo chỗ chúng tôi phỏng đoán thì mô-típ trộm cánh và lấy tiên (hay người - chim) làm vợ có lẽ vốn là cái "chung" của nhiều dân tộc Á và Úc, sau đó mới lan ra các nơi, truyền vào các dân tộc người Tây-nguyên, Cham-pa từng có mối liên hệ văn hóa xa xưa với Á, Úc rồi từ đấy lại truyền vào ta. Tuy nhiên truyện của ta không chỉ lặp lại mô-típ cũ một cách đơn thuần; trong khi lưu truyền, nó tìm được một mô-típ của truyện kể Trung-quốc và kết hợp chặt chẽ, trở thành một truyện khỏe mạnh hơn, cắt nghĩa nguồn gốc những giọt mưa ngâu rải rác vô cùng độc đáo. Trong khi đó thì truyện cũng vào các dân tộc Tày, Mường, Thái, Dao... và kết hợp với mô-típ người - hươu, v.v...

Truyện Cường Bạo đại vương (số 164) có nhân vật anh hùng - Cường Bạo - là người trần đã dám chống cự lại các thiên thần. Mô-típ này cũng không phải khó tìm dị bản, trong phạm vi các nước Đông nam Á. Theo chúng tôi, nó có gốc từ một mảnh vụn của một thần thoại nào đó, có liên quan đến câu

chuyện đại hồng thủy phổ biến trong các dân tộc châu Á và châu Úc, về sau được một số địa phương - trong đó có chúng ta - cổ tích hóa để đề cao một mẫu người không bằng lòng với hiện thực - kiểu anh hùng "bạo thiên nghịch địa" dám chống lại trật tự do tầng lớp thống trị mới dựng lên sau khi chế độ nguyên thủy tan rã.

Những ý kiến sơ bộ trên còn phải thẩm tra thêm, khi có thêm tài liệu thật phong phú. Trong lĩnh vực cổ tích quả còn nhiều vấn đề đáng được đặt ra, cũng như cần phải cắt công rà xét, lật đi lật lại. Chẳng hạn ở truyện Ông Hộ giết thường luồng (Khảo dị truyện số 69) nhân vật anh hùng phải chui vào bụng con quái vật để tiêu diệt nó từ bên trong; hay ở truyện Lấy chồng dê (số 128) nhân vật vợ dê chỉ giết được con cá sau khi để nó nuốt mình vào bụng; những hình tượng như thế điểm lại không nhiều, thế nhưng cũng nên biết chúng phát sinh từ đâu và vào lúc nào. Có hẳn rằng loại hình tượng chém rồng (hay thường luồng, hay cá) từ bên trong phải được xem là có trước loại hình tượng tấn công rồng từ bên ngoài như Ia. Prôp (V.Ia-propp) [13] nói? Chỉ một câu hỏi đơn giản thế thôi cũng đã gợi biết bao những điều hấp dẫn khi đi vào cội nguồn của những truyện cổ tích cụ thể cá biệt trong kho truyện dân tộc.

Tóm lại một bộ phận không nhỏ truyện cổ tích của người Kinh chúng ta còn thu hút tinh hoa từ các kho truyện cổ của các dân tộc anh em trong cộng đồng quốc gia Việt-nam và các dân tộc láng giềng xa gần.

Trên con đường nhận thức lại quá khứ, những truyện ấy có thể mách cho chúng ta nhiều vấn đề bổ ích: về tàn dư phong tục thời cổ đại, về nguồn gốc dân tộc và về sự hòa hợp dân tộc, v.v...[14].

4. NGUỒN GỐC BẢN ĐỊA CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM

Cuối cùng, ta hãy nói tới mảng truyện không biết xếp vào bất kỳ một mô hình nào trong các sơ đồ cốt truyện quốc tế cũng như các sơ đồ khu vực, sau khi đã trải qua khâu đối chiếu so sánh nhiều lần. Khâu đối chiếu này chắc chắn còn phải thực hiện tiếp, với nhiều thao tác chi tiết và khoa học hơn nữa. Dù sao trong một chừng mực tương đối, cũng có thể hướng tới một kết luận có nhiều khả năng gần sự thật nhất: đây là nhóm truyện có nguồn gốc không ở đâu xa mà là từ bản địa.

Tính về số lượng, trong số 200 truyện chính của cả "kho tàng" - một kho tàng đã được chọn lọc - nhóm truyện bản địa chiếm 75, khoảng một phần ba tổng số. Chắc chắn nếu đối chiếu nhiều lần nữa, con số này sẽ còn ít hơn. Nhưng như thế cũng đã là điều đáng khích lệ đối với chúng ta. Bởi nó là bằng chứng không thể bác bỏ xác nhận sự tồn tại của cái "riêng trong cổ tích của một dân tộc, trong khi cái "chung" đã là vấn đề quá hiển nhiên đối với cổ tích học thế giới. Nhưng cái "riêng có tính chất định lượng mà ta vừa tìm thấy, nói lên được điều gì ? Mục nhỏ cuối cùng này của bộ sách sẽ không bàn trở lại những đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của truyện cổ tích Việt-nam mà chúng tôi đã giải quyết trong toàn bộ Chương IV, phần Tổng luận. Sở dĩ chúng tôi muốn xem xét đặc điểm truyện cổ tích Việt-nam khi chưa chia nhỏ chúng ra, căn cứ trên kết quả truy tìm nguồn gốc "ngoại nhập" cũng như "nội sinh" của từng nhóm, vì lẽ nói đến đặc điểm truyện cổ tích là nói đến một loại hình văn xuôi tự sự dân gian như nó vẫn tồn tại, cái "chung" và cái "riêng" còn nằm lẫn cả ở trong đó, gắn bó, hòa trộn vào nhau, là lực đẩy đồng thời cũng là lực hút của nhau. Và người đọc từ xưa đến nay, bao giờ cũng tiếp nhận chúng một cách trọn vẹn, như một dòng văn nghệ không phân thứ hạng, một cái gì đã được thanh lọc, đã vượt qua nguồn cảm xúc và ánh sáng trí tuệ của dân tộc, để trở thành tiêu chuẩn cái đẹp của tâm thức Việt-nam. Còn khi đã tách ra theo từng nhóm xuất xứ thì mỗi nhóm không còn đủ tư cách đại diện cho cả loại hình, dù rằng đó là nhóm truyện có nguồn gốc "bản địa". Mỗi nhóm chỉ có thể cấp cho ta

những tia sáng để lần theo đó đi tìm các dạng sơ đồ nguyên thủy, trước khi chúng được hội nhập vào dòng chảy của cả con sông. Chúng phải trải qua xáo trộn, biến đổi về chất để trở thành những giá trị lớn hơn.

Xem xét lại con số thống kê, khối lượng nhóm truyện bản địa bao gồm nhiều nhất là tiểu loại thế sự và nửa thế sự và tiểu loại lịch sử. Có rất ít truyện thuộc tiểu loại thuần túy thần kỳ. Dựa trên chỉ số đó, chúng tôi xin nêu lên dưới đây một vài gợi ý sơ lược về một ít biểu mẫu, sơ đồ có thể là chưa tiêu biểu - để người đi sau dễ dàng nhìn sâu hơn vào gốc rễ dân tộc trong tư duy cổ tích Việt-nam.

1. Trước tiên hãy nói đến tiểu loại nửa thế sự. Gọi là nửa thế sự nhưng yếu tố thế sự mới đóng vai trò chủ yếu. Yếu tố thần kỳ chỉ đóng vai trò phối thuộc. Đề tài thế sự phần lớn là các mối quan hệ gia đình được xã hội hóa: vợ chồng (hoặc rộng hơn nam vũ nữ yêu nhau rồi thành vợ thành chồng), anh em (hay cô cháu, bác cháu, dì cháu...), bạn bè... Chủ đề thường giới hạn ở ba phương diện, nhưng không tách hẳn nhau: 1. Tình yêu (mặt trái là ghen tuông, ngờ vực), tình chồng vợ (mặt trái là không tốt với đứa con riêng, không tốt với bạn chồng); 2. Đạo đức (mặt trái là dối trá, bất nhân, bạc ác); 3. Xã hội: giàu nghèo, đói kém... Triển khai các chủ đề trên thường bao giờ cũng đẩy mọi quan hệ đến những xung đột không thể hòa giải (trừ một vài truyện khai thác sự chung thủy của tình yêu). Và kết cục là cái chết thương tâm của nhân vật. Yếu tố thần kỳ xuất hiện đúng ở điểm kết thúc, theo những ước lệ có sẵn trong tư duy truyền thống: nhân vật chết nhưng hóa chim, hóa đá, hóa cá, hóa cây... Nhưng cũng nhiều khi yếu tố thần kỳ còn can thiệp sâu hơn, vận dụng phối hợp một vài hình thức tín ngưỡng có hoán chuyển ít nhiều, tạo ra những kết thúc không đơn giản. Và như thế, ta có hai dạng sơ đồ về tiểu loại nửa thế sự.

Dạng sơ đồ 1:

Sự tích chim hít cô (số 5): cô và cháu sống gần bó với nhau (cháu ở đây có lẽ được cải biên từ nhân vật đứa trẻ mồ côi). Nhưng trời làm mất mùa đói kém, lại vào ngày giáp hạt nên cả hai cùng bị cơn đói đe dọa. Ruộng lúa bắt đầu chín, cô ốm nặng, cháu đi mót được một nắm thóc đem về xay giã, nấu cháo. Khi cháu đi khỏi thì cô húp hết cháo. Cháu về, thất vọng, rửa cô ("Còn chút cháo đấy, hít nốt đi cô! Hít cô!"). Cháu chết, hóa thành chim hít cô.

Chú ý: sơ đồ truyện này gắn rất chặt với môi trường sinh hoạt lúa nước: sự khốn khó truyền kiếp của người làm ruộng trong ngày giáp hạt; và cũng gắn với môi trường thiên nhiên dân tộc: giống chim hít cô.

- Sự tích chim quốc (số 7): Quắc và Nhân là hai người bạn chí cốt, thương nhau hết lòng. Sau khi xa nhau, Nhân lấy vợ phú thương trở nên giàu có, còn Quắc vẫn nghèo khổ. Nhân không quên tình bạn, đón Quắc về cùng sống. Nhưng vợ Nhân (con nhà buôn, lại không có những ngày hàn vi) không chấp nhận. Xung đột nổ ra ngấm ngầm, đè nặng lên tâm trạng Quắc. Quắc đành trốn đi, giả cách bỏ áo ở cửa rừng để che mắt bạn. Nhưng Nhân vẫn vào rừng tìm Quắc, luôn miệng gọi "Quắc", cuối cùng chết hóa ra chim quốc.

- Sự tích đá Bà-rầu (số 33): vợ xinh đẹp con thuyền chài, và chồng làm nghề buôn chuyến, rất yêu nhau. Sau những ngày ái ân họ phải chia tay. Chồng theo thuyền buôn ra đi. Thuyền gặp bão, nhiều tháng vắng bật tin tức. Nhưng rồi chồng trở về. Sự xa cách đã len mỗi nghi kỵ vào lòng chàng trai. Vợ chồng mất yên ấm. Chàng lại bỏ ra đi. Sau nhiều năm tháng, chàng mới trở về thì nhà vắng bóng vợ. Bỏ đi tìm, ra đến bến sông, vợ đã hóa đá.

Ta để ý hai sơ đồ sau cũng gắn với môi trường thiên nhiên nước Việt, qua tiếng kêu quen thuộc của con chim quốc, và địa hình núi đá có dáng người; và còn gắn với một tâm lý rất nặng nề của xã hội Việt cổ mà chúng tôi đã từng lưu ý: nghi kỵ lối sống buôn bán. Về sơ đồ Sự tích đá Bà-rầu, nếu ta đổi mô-típ "hóa đá" thành một mô-típ muộn hơn: nhảy xuống sông chết hóa thành thần thiêng ở cửa sông, thì về cơ bản, sơ đồ vẫn giữ nguyên, nhưng đã mang một màu sắc mới: truyện Vợ chàng Trương (số 185).

Dạng sơ đồ II:

- Sinh con rồi mới sinh cha, sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông (số 46): Ất và Giáp chơi thân. Giáp giàu thường cưu mang Ất. Ất vay tiền Giáp, bỏ đi nơi khác cùng vợ làm nghề buôn, dần dần giàu có. Giáp tìm đến định giúp đỡ, nhưng vợ chồng Ất nghi ngờ, tưởng đến đòi tiền, bèn bàn nhau giết chết, chôn dưới cây khế. Cây khế sinh hoa, kết độc một quả. Vợ Ất ăn, sinh đứa con trai câm. Bảy năm sau, con đột ngột bảo bố mẹ mời quan đến nhà. Quan đến, con kể hết sự thật. Vợ chồng Ất bị xử trảm.

Chủ đề "bất nghĩa, phản bạn" diễn biến lúc đầu vẫn giống như sơ đồ cho đến chỗ Giáp bị giết. Nhưng đến đây tác giả lại không vận dụng yếu tố thần kỳ đơn giản của sơ đồ I để kết thúc mà lồng vào đó quan niệm luân hồi, quả báo, với một tình tiết chuỗi: Cây khế chôn người chết nảy ra quả khế → vợ Ất ăn khế sinh ra đứa con câm. Đứa con câm bật nói là cái "nút" của câu chuyện, đồng dạng với những mô-típ có trong truyền thống nghệ thuật Việt từ xưa (tình yêu vụng trộm dưới gốc cây khế (hay cây chanh) sau đó đứa con sinh ra bị dân làng nguyên rửa, nhưng một tay đứa bé nắm lại; lúc người bố trở về, con xòe tay ra, một bông hoa khế thơm lừng rửa sạch nỗi oan[15]).

- Bà chúa ong (số 171): Chàng học trò như nghèo vừa làm ruộng nuôi bà vừa học rất giỏi. Đến kỳ thi chàng vừa phải gánh thuê vừa vào kinh đi thi.

Trời tối bị lạc vào rừng, gặp một ngôi nhà giữa rừng, nhà có một cô gái mù xinh đẹp đã biết trước mọi chuyện. Chàng được tiếp đãi ân cần nhưng vẫn e sợ. Vì gặp bão, chàng phải ở lại, nhân đọc được những cuốn kinh Phật có sẵn. Cô gái mù vốn là con một vị quan bỏ về ở ẩn, làm nghề nuôi ong. Do mù, cô có một linh cảm đặc biệt, biết trước mọi chuyện xảy ra. Cô biết khoa thi ấy bị hoãn. Khi chàng trai vào thi quả như lời cô. Nhờ có đọc qua sách Phật chàng trả lời được câu hỏi hóc hiểm của chủ khảo và thi đậu trong khi người khác đều hỏng. Vinh quy trở về, qua rừng thì cô gái xinh đẹp đã sáng mắt, đứng giữa một đàn ong vàng. Họ cưới nhau và hạnh phúc. Sơ đồ câu chuyện không có gì thần kỳ. Lẽ ra đây là một cốt truyện hoàn toàn thể sự, khai thác đúng quan hệ nam nữ truyền thống (nam: học trò nghèo; nữ: con gái đẹp con quan thanh bạch; tác hợp sau khi công thành danh toại). Nhưng yếu tố thần kỳ đã được sử dụng như một khả năng "thần giao cách cảm" của nhân vật nữ, có tác dụng soi sáng tâm thức nhân vật chính, giúp nhân vật đi đúng con đường đến đích. Yếu tố thần kỳ không đậm nét nhưng cũng không đơn giản như ở sơ đồ I, nó đóng vai trò một sợi dây vô hình nối liền mối quan hệ trai tài gái sắc, và làm cho một câu chuyện không có gì bí ẩn, bỗng trở nên huyền ảo, thấm quyền hương sắc trữ tình. Và nếu chúng ta thay mô-típ "tiên tri" của nhân vật nữ bằng một mô-típ kỳ ảo rõ nét hơn (cô gái là ma hoặc có năng lực siêu nhiên) thì sơ đồ sẽ lập tức biến sang dạng truyện Sự tích tháp Báo-ân (số 168).

2. Sau tiểu loại nửa thể sự là tiểu loại thần kỳ. Tiểu loại này chỉ có thể đếm được rất ít. Và ngay giờ đây, vạch một số sơ đồ đặc thù cho tiểu loại cũng là quá sớm, bởi lẽ những nhân tố huyền bí trong các truyện chưa được truy nguyên đến nơi đến chốn để hiểu rõ các chặng đường biến thái của chúng từ nguyên thủy đến trung đại. Ta chỉ có thể nêu một vài nhận xét về những hình thức tồn tại muộn của chúng ở ba sơ đồ mà chúng tôi chưa nhìn thấy rõ dấu vết truyện cổ tích thần kỳ nước ngoài can thiệp: Hà Ô Lô[16] (số 116), Người thợ đúc và anh học nghề (số 122), Cây tre trăm đốt (số 125).

Cả ba sơ đồ đều nhấn mạnh xuất xứ của nhân vật thần kỳ: Đó không phải là những người trần bình thường mà là con thần sinh ra (Hà Ô Lô), hoặc có khi chính là thần (thánh Khổng Lồ trong Người thợ đúc và anh học nghề).

Dạng thấp nhất là người trần nhưng được thần (hoặc bụt, tiên) bày cho phép lạ (Cây tre trăm đốt). Truyện Cây tre trăm đốt theo chúng tôi là sự hoán cải mô-típ "đưa con mồ côi" trong sơ đồ quốc tế thành một truyện thần kỳ của Việt-nam. Do đó, xét ở một mặt, truyện có kết cấu của Chàng đốn củi và con tinh (số 121) nhưng đơn giản hơn, mặt khác sắc thái dân tộc cũng rõ nét hơn.

Cả ba sơ đồ đều sử dụng các ước lệ kỳ ảo đã có trong truyền thống tín ngưỡng người Việt quá khứ. Tài phép của chàng nông dân trong Cây tre trăm đốt là nhận được từ Bụt, một biểu tượng tôn giáo ngoại lai từ lâu đã bản địa hóa. Câu thần chú "Khắc nhập" "Khắc xuất" không thể không liên quan đến bùa chú ma thuật của đạo phù thủy là một tôn giáo có phần pha trộn nhưng có sức sống mạnh mẽ trong môi trường cư dân nông nghiệp Việt cổ. Bộ khuôn đúc người già trẻ lại chắc có liên quan mật thiết đến những truyền thuyết huyền bí về nghề đúc đồng cổ xưa ở Việt-nam mà ngày nay rất tiếc đã thất truyền. Còn việc giao hoán giữa thần và người là tàn dư của thần thoại, việc giết nhân vật người - thần bằng cách bỏ vào cối giã vốn còn tàn tích trong phong tục và tín ngưỡng, ngay cả việc nuốt nước bọt của thần để trở nên đẹp trai, hát hay, tuy khó tìm được một mô-típ hoàn toàn đồng dạng, nhưng cùng tính chất thì có rất nhiều (nuốt lông trâu thần hoặc nuốt bọt để trở thành khỏe mạnh...). Như thế, truyện thần kỳ bản địa Việt-nam quả đã tìm thấy nguồn sữa nuôi dưỡng mình trong các hình thức tôn giáo, tín ngưỡng dân tộc chủ yếu là từ thời trung đại về sau.

Điểm cuối cùng, tuy gọi là tiểu loại thần kỳ, cả 3 sơ đồ đều không thỏa mãn được một yêu cầu cơ bản: vận dụng yếu tố thần kỳ làm đường dây tiến triển liên tục của mạch truyện. Yếu tố thần kỳ hoặc chỉ được sử dụng ở đầu và ở cuối (Hà Ô Lôi), hoặc được dùng làm một mặt "đối chứng" với hiện thực (Người thợ đúc và anh học nghề hoặc được sử dụng như một nhân tố kết thúc (Cây tre trăm đốt)... Và mạch truyện thế sự ở cả ba truyện cứ luôn luôn hiển lộ chứ không bị thần kỳ che khuất. Hơn nữa, mục đích khuyên răn đạo đức lại được gửi gắm rõ ràng (trừ truyện Hà Ô Lôi).

Không còn nghi ngờ gì nữa, ba nhận xét vừa trình bày đã cho chúng ta những cơ sở khá chắc chắn để xác nhận lại một lần nữa chiều hướng vận

động không tách rời lý trí và nhân tính của tư duy nghệ thuật cổ tích Việt-nam, ngay cả lúc đang phải tìm đến sự giải thoát bằng một thế giới hư ảo.

3. Về tiểu loại truyện lịch sử: đây là nhóm truyện giàu có nhất, phải nói là quá nhiều so với số lượng mà bộ sách này lựa chọn và tập hợp.

Nhưng kể cũng thú vị: tiểu loại cổ tích lịch sử của Việt-nam lại không tách rời yếu tố thần kỳ. Vì sao? Chỉ có thể giải thích bằng nhu cầu nội tại của tiểu loại. Cần nhớ là lịch sử ở đây không phải là lịch sử của đất nước nói chung mà là lịch sử của chính quần chúng, được quần chúng nhận thức và tái sáng tạo thông qua các biểu tượng thẩm mỹ - người anh hùng của họ. Một sự tái sáng tạo như vậy tất yếu phải mang cảm quan kỳ vĩ hóa đối với anh hùng. Để làm được việc này, nhà văn dân gian đã sử dụng yếu tố kỳ ảo ở bất kỳ tình tiết nào có thể mở rộng cảm hứng và kích thích trí tưởng tượng đối với nhân vật (tài năng siêu việt, hành trạng phi thường). Nhưng có hai cái mốc trong tiểu sử nhân vật được quan tâm đặc biệt là mốc ra đời và mốc kết thúc - yếu tố kỳ ảo gần như tập trung đậm đặc ở đây (nhất là ở mốc ra đời). Nếu mọi con người sinh ra trên trần thế đều do số mệnh định đoạt thì nhân vật anh hùng của dân gian tất phải có một số mệnh khác người. Vì thế, dân gian sẵn sàng mượn tất cả những ước lệ vốn có để giải thích sự "sinh ra" của anh hùng. Từ thần thoại và huyền tích (mẹ giãmm phải dấu chân lạ mang thai; mẹ được thần nhân giao hợp; mẹ bị khi, rái cá cưỡng hiếp), đến đạo tiên (anh hùng do người của Ngọc hoàng Thượng đế thác sinh; mẹ chiêm bao nuốt sao vào bụng...), cho đến cả tín ngưỡng phong thủy (tình cờ được huyệt đất quý táng mộ tổ, có khi là hàm rồng, ngựa đá, có khi là "mối đùn", "hố táng"...).

Đối với hành trạng của người anh hùng, dân gian có vận dụng yếu tố thần kỳ một cách chừng mực (ngọc kỵ đạn của Cai Vàng, chòm lông xoắn của Ba Vành...), nhưng không bỏ quên yếu tố hiện thực, bởi đây dù sao vẫn là nhân vật lịch sử. Có trường hợp, để thay cho yếu tố thần kỳ, thủ pháp phóng đại đã được sử dụng thích đáng, gây phấn hứng cho người nghe truyện không kém gì yếu tố thần kỳ. Truyện Lê Như Hổ (số 63) xây dựng một nhân vật song nghĩa: hình thức nhà nho, bản chất nông dân, có tài ăn khỏe, lao động chân tay rất khỏe, lúc đi sứ ăn liền một lúc 18 tầng cỗ của

vua Tàu, ăn bằng sạch món cá giả đầu người để trả đũa ngụ ý chơi khăm của ông vua trịch thượng. Truyện còn có thêm một nhân vật phụ: một người hàng thịt "tháp tùng trong chuyến đi của Lê Như Hồ đã trở tài "gọi mưa" theo kinh nghiệm đoán thời tiết của người làm ruộng lâu đời phương Nam, làm cho vua quan "thiên triều" sửng sờ kinh ngạc.

Nhưng đa số trường hợp, nhân vật anh hùng của dân gian đều bám sát lịch sử, không cách điệu theo hướng phóng đại, cũng không kỳ vĩ hóa, chỉ sử dụng hư cấu gần như một thủ pháp nghệ thuật thông thường (Quận He, số 97; Lê Văn Khôi, số 100). Mặc dầu vậy, sự hư cấu đã chắp cánh cho lịch sử, cũng làm cho câu chuyện từ các mảnh truyền thuyết rời rạc đi đến một kết cấu hoàn chỉnh hơn. Ví dụ ở truyện Quận He, các biểu hiện tương phản về tính cách giữa nhân vật chính (Nguyễn Hữu Cầu) và nhân vật cản trở (Phạm Đình Trọng), diễn ra ngay từ lúc còn là đôi bạn học, cho đến những cuộc chạm trán nảy lửa giữa chiến trường, càng làm tôn phong độ nhất quán (phóng khoáng, cao cả) của nhân vật chính. Hay ở truyện Lê Văn Khôi, tình tiết vua Minh Mạng học tập trò chơi đánh trận của trẻ chăn trâu nhờ đó hạ được thành Phiên-an, là một kết cục hoàn mỹ cho câu chuyện, lại vừa có tính trào phúng cao.

Cần phân biệt qua số truyện cổ tích của chúng ta xét về kiểu cốt truyện (cái bất biến thì vẫn thuộc tiểu loại lịch sử, nhưng ở một số tình tiết đã có vay mượn phần nào cốt tích quốc tế. Chẳng hạn trong truyện Giáp Hải (số 149) có mô-típ nhân vật chính mua được một con rùa nhỏ sắp bị giết, vô tình cứu được con gái Long vương. Mô-típ này sẽ dẫn tới những biến thái khác nhau (cái khả biến), được lặp lại nhiều lần trong khá nhiều cốt truyện: một cô gái xinh đẹp tuyệt trần sẽ từ trong con rùa mua được hiện ra (Giáp Hải) - hay từ quả thị (Tấm Cám), hay từ bức tranh (Tú Uyên) - để sửa soạn cơm nước ngon lành cho ân nhân và dọn dẹp cửa nhà sạch sẽ, ngăn nắp. Ở truyện Bùi Cầm Hổ (số 79) có mô-típ nhân vật chính lý giải được vụ án oan ức về nồi cháo lươn giết chồng, hay là ở truyện Rắn báo oán (số 158), có hình tượng con tinh rắn báo thù đến mấy đời, v.v... những mô-típ và hình tượng này đều đã có bóng dáng trong tịch cổ Trung-quốc, có thể truyện của Việt-nam chịu ảnh hưởng từ đấy. Trong điều kiện yếu tố vay mượn chỉ

đóng vai trò phối thuộc không làm rạn vỡ cốt truyện gốc, các loại truyện có vay mượn chút ít như thế vẫn thuộc loại truyện có nguồn gốc bản địa.

4. Dạng cuối cùng là tiểu loại thể sự có nguồn gốc bản địa. Về số lượng, dạng này cũng phong phú không kém gì tiểu loại lịch sử; về đề tài có lẽ còn phong phú hơn. Môi trường sinh hoạt cổ truyền của dân tộc thực ra không lấy gì làm đa dạng, tâm lý xã hội của cổ tích dân tộc lại thường lánh tránh các đề tài gay cấn, ly kỳ, dù vậy truyện cổ tích thể sự vẫn là sự tích lũy dần dà đủ mọi loại đề tài đã từng có mặt trên nhiều chặng đường lịch sử mà các hình thái xã hội Việt-nam đã trải qua. Mỗi đề tài chỉ có tính chất đặc trưng cho một kiểu quan hệ nào đấy mà thôi, nhưng dồn góp lại cũng đã có được một bộ mặt nhiều vẻ.

Cũng vì lý do này, nói đến tiểu loại cổ tích thể sự mang sắc thái bản địa, chúng tôi quan tâm đến khả năng đi tìm thời điểm xuất hiện của chúng trong lịch sử. Căn cứ để tìm kiếm hẳn là không ngoài một số tiêu chí xã hội học. Ví dụ truyện Sự tích dưa hấu (số 1) có nói đến việc mua bán gia nô, phải chăng gắn bó với thời kỳ tồn tại của chế độ nô tỳ; truyện Hoàng Tín hầu (số 162) liên quan đến chế độ điền trang thái ấp, cả hai đều có mốc niên đại từ Lê sơ trở về trước. Còn truyện Chưa đỗ ông nghề đã đe hàng tổng (số 52) không thể ra đời trước thế kỷ XV, bởi lẽ chỉ từ Lê Thánh Tông trở đi, triều đình phong kiến mới định ra một tiêu chuẩn hết sức đặc biệt để ưu đãi những người có học vị trong các đại khoa. Nếu truyện Chàng ngốc được kiện (số 108) có thể tạm cho là vào khoảng cùng thời với những truyện đại loại như Cây tre trăm đốt... trong đó tác giả dân gian bênh vực những anh nông dân khờ khạo, ngốc nghếch, thì truyện Chàng Ngốc học khôn (số 189) lại phải lùi xuống thời kỳ Hán học thịnh hành, vì trong truyện này có những câu chữ Hán đã được quần chúng quen dùng như là những khẩu đầu ngữ, v.v... Hơn nữa, truyện này còn phản ánh thời kỳ luật pháp phong kiến đã có những quy định hết sức chặt chẽ đối với vấn đề hôn nhân và gia đình, vì thế, trước một anh ngốc đặc, gia đình vợ Ngốc đành dẹp bỏ mưu toan gả bán con cho người khác.

Nhiều truyện cổ tích thể sự có thể cho phép phỏng đoán một cách tương đối chắc chắn thời điểm ra đời muộn màng của chúng, do màu sắc cổ - một đặc

trưng của loại hình cổ tích - cũng như do kết cấu cổ truyền của một truyện kể, đã bị vi phạm. Truyện Bà lớn đười ươi (số 91) đúng ra chỉ có thể xuất hiện vào thời kỳ kinh tế hàng hóa phát triển, khoảng cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Phạm Đình Hồ - tác giả Vũ trung tùy bút - sống vào thời đó có cung cấp cho ta một dị bản. Thời kỳ này ở Thăng-long, công thương nghiệp có cơ thịnh đạt, dân số đông đúc, đó là bối cảnh hoạt động thuận lợi cho những tổ chức của bọn lưu manh. Nếu cốt truyện Lưu Bình - Dương Lễ ra đời muộn nhất là gần với thời kỳ nữ sĩ họ Đoàn viết Tùng bách thuyết thoại - một dị bản của Lưu Bình - Dương Lễ - thì một dị bản khác nữa của nó, cốt truyện Trọng nghĩa khinh tài phải ra đời muộn hơn nhiều, vì rõ ràng nó mang dáng dấp sinh hoạt cận đại. Truyện Cái vết đỏ trên má công nương (số 188), Hai bảy mươi ba (số 201) cũng có thể xuất hiện khá muộn, vì một mặt kết cấu nghệ thuật quá mới, mặt khác chế độ phong kiến mà truyện phản ánh tuy vẫn còn sức mạnh nhưng sự phản ứng đối với nó lại còn mạnh hơn và quyết liệt hơn, mặc dù mâu thuẫn chỉ diễn ra trong nội bộ gia đình.

*

* *

Trong cuộc hành trình của các dân tộc vào vũ đài lịch sử, Việt-nam đã góp mặt khá sớm bằng nhiều kỳ công dựng nước và giữ nước. Điều kiện thiên nhiên vùng nhiệt đới làm cho mỗi bước phát triển của dân tộc có những thuận lợi và khó khăn nhất định. Đó là một quá trình phấn đấu gian nan, quyết liệt và trường kỳ nhằm chiến thắng mọi trở ngại thiên nhiên, đẩy lùi mọi nguy cơ đồng hóa và "thực dân hóa", giành bằng được cơm áo và độc lập tự do, xây dựng cho mình một nền văn hóa riêng biệt ở một góc Đông nam châu Á. Điều đó là hiển nhiên, vì những gì còn để lại dấu vết từ lòng đất, hoặc còn được chép trong thư tịch, đều đã chứng thực.

Tuy nhiên, một số người trước đây chỉ biết nhìn một cách cận thị vào những hoạt động chính trị, văn hóa chính thống của nhà nước quân chủ, nghĩ rằng văn hóa Việt-nam chẳng qua là bản sao lại của văn hóa Hán mà thôi. Một số người khác tầm nhìn có rộng rãi hơn nhưng cũng không kém

phần hình thức khi cho rằng Việt-nam - một trong ba nước Đông-dương - có vị trí nằm giữa ngã ba đường của các dân tộc, vốn là nơi đọng đầu của hai nền văn minh lớn thế giới: Ấn-độ và Trung-quốc, nên đã là nơi trộn lẫn bao nhiêu nhân chủng cũng như thu hút bao nhiêu nguồn văn hóa khác nhau mà thành của mình. Đã vậy thì ở đó làm gì có một nền văn hóa độc lập, cũng làm gì có một chủng tộc riêng biệt?

Những ý kiến nông nổi nói trên dần dần đã bị thực tiễn khoa học bác bỏ. Và tới nay, không phải ít những công trình nghiên cứu của những khoa học gia tên tuổi quốc tế, bao gồm nhiều chuyên ngành: sử học, văn học, chính trị, quân sự, xã hội học... đã đưa ra nhiều "thiết chứng" xác nhận bản sắc đặc thù của văn hóa Việt-nam, một nền văn hóa không phải mới xuất hiện gần đây và mang từ đâu đến mà là một nền văn hóa bản địa, tồn tại từ lâu, và được kế thừa, tiếp nối ngay trên mảnh đất này.

Dĩ nhiên không ai phủ nhận mảnh đất Việt-nam vốn nằm ở ngã ba đường, điểm nút của nhiều mối giao tiếp phức hợp, do đó không tránh khỏi giữa nhiều tộc người đã có sự chiếu ứng, bồi đắp lẫn nhau. Nhưng hẳn cũng không ai bác bỏ là trong số những tộc người cư trú trên lãnh thổ Việt-nam xưa kia, tộc người Lạc-việt đã sớm có trình độ phát triển cao và khả năng tích hợp và dung hóa mạnh mẽ. Nhờ đó mà từ xa xưa, trên đất nước Văn-lang lịch sử đã dần dần hình thành nền văn hóa tổng hợp của các cộng đồng cư dân phương Nam với chiều hướng ngày càng hội tụ, nền văn hóa này cũng có những đóng góp nhất định vào văn minh chung của loài người.

Trong giai đoạn phong kiến hóa, điều kiện lịch sử đã đặt văn hóa Việt nam vào trong khu vực của nền văn hóa Hán. Ảnh hưởng nhiều mặt của văn hóa Hán đối với văn hóa chúng ta cũng là bình thường.

Nhưng nếu thừa nhận một cách thực tế rằng bộ phận sống động nhất, nằm chìm khuất trong bề sâu tâm hồn, cốt tính con người Việt-nam là văn hóa dân gian, thì điều cũng khá lạ lùng là chính bộ phận này của văn hóa dân tộc lại ít chịu những áp lực "ngoại nhập" cưỡng chế hơn cả; không những thế, đây còn là môi trường lý tưởng để "thanh lọc", "hóa giải" mọi sự pha trộn sống sượng của các yếu tố văn hóa bên ngoài.

Vào các thời kỳ nền văn tự khối vuông còn được sử dụng như một công cụ

ngôn ngữ chính thống, sự sáng tạo văn học viết trước sau chỉ giới hạn trong dòng văn học bác học của nho sĩ trí thức và quý tộc phong kiến. Quần chúng nhân dân từ Nam chí Bắc vẫn sáng tác một cách nô nê bằng các thể loại văn học truyền thống vốn phổ cập từ lâu trước khi khai sinh ra nền văn học viết, và lưu truyền cho nhau bằng phương tiện duy nhất có thể có đối với mình: nghìn năm "bia miệng" vẫn còn... và trong kho "bia miệng" đó, thì các loại hình tự sự, đặc biệt là truyện cổ tích, bao giờ cũng là bộ phận quan trọng hàng đầu, vì nó là một hình thức phát triển cao của ý thức nghệ thuật, ý thức thẩm mỹ của dân tộc.

Mặc dù chỉ lưu hành bằng con đường truyền miệng, nó lan truyền rất nhanh chóng, được mọi thế hệ người Việt đời này, đời khác, thuộc mọi lứa tuổi và mọi tầng lớp xã hội khác nhau đón nhận, thích thú. Có thể nói loại hình cổ tích, từ sáng tác đến ứng diễn, đã xóa bỏ trong khoảng khắc những sự cách bức nghiêm mật để tạo nên những mối giao cảm, làm cho không khí tinh thần của xã hội có mặt nào đó trở nên cân bằng.

Từ đời này qua đời khác, kho tàng truyện cổ tích Việt-nam còn thu hút rất nhiều nguồn truyện, "biến truyện" của các dân tộc anh em và các dân tộc gần xa. Giao lưu văn hóa vốn là hành động tự nhiên của xã hội loài người, vì thế sự di chuyển của truyện cổ tích cũng là hiện tượng thông thường trên thế giới. Một số truyện thần kỳ chịu ảnh hưởng từ phía Ấn-độ, một số khác tiếp thu từ phía Trung-quốc, nhưng nhiều trường hợp đã được tái tạo thành những truyện mới khỏe mạnh hơn, phù hợp với tâm tính dân tộc hơn.

Rõ ràng, trong hàng nghìn năm bền bỉ phấn đấu xây dựng cho mình một nền văn hóa riêng, chỉ đứng về phương diện cổ tích, con người Việt nam - người bình dân Việt-nam - đã không tự co lập mình với xung quanh, với cái mặc cảm cho rằng chỉ mình mới là tài nhất, như cách nghĩ của những lực lượng thống trị cực quyền xưa nay trong lịch sử. Con người ấy luôn luôn biết thái độ dung nạp những tư tưởng khác với nó, biết thừa hưởng mọi thành quả tốt đẹp của nhân loại, và cũng biết "tái chế" những thành quả ấy để trả lại cho nhân loại cái phần đích thực của riêng mình.

Trước cả một gia tài bộn bề phong phú của cổ tích nhân loại, như hình ảnh lão cự phú Thạch Sùng, người bình dân Việt-nam chỉ đem thêm vào một

chiếc "mẻ kho" cũng đủ làm cho thế giới cổ tích nhân loại có thêm một nụ cười hài hước trong trẻo và thâm thúy.

Trước vô vàn hình tượng thần kỳ tài ba siêu việt, phép thuật vô biên của cổ tích nhân loại, như hình ảnh những chàng dũng sĩ chém chằn tinh, diệt đại bàng mà thế giới ai ai cũng sợ phục, người bình dân Việt-nam chỉ tặng thêm cho chàng một chiếc đàn độc huyền nhỏ bé, và thế là chàng có được một kho báu âm thanh dịu ngọt bên trong, như một nỗi nhớ nhung khắc khoải, làm cho trái tim cô công chúa ngọc ngà phải thổn thức, và quân đội 18 nước chư hầu đành lui binh.

Và hãy thử tưởng tượng xem, bao giờ trên thế gian này không còn nữa những vị hoàng đế "thiên triều" nham hiểm, quyền uy, để cho những chàng Lê Như Hổ chỉ có mỗi một tài "ăn" khỏi cần nhận lời thách đố khó khăn ăn gọn "cổ đầu người" hóc hiểm? Bao giờ không còn nữa những chàng Phạm Đình Trọng chữ nghĩa đầy túi mà trước quyền lực tỏ ra khúm núm, để cho những chàng Nguyễn Hữu Cầu thôi không phải ước mơ vùng vẫy đôi cánh tự do "Phá vòng vây bạn với kim ô"? Bao giờ không còn nữa những tập đoàn "bảy thằng ác nghiệt" nham hiểm, độc tài, để người dân lành khỏi mỗi mắt trông chờ một Hoàng Tín Hầu đại diện cho sự công minh của luật pháp? Truyện cổ tích Việt-nam là như vậy đấy, rất chung mà rất riêng, rất xưa mà rất mới. Truyện cổ tích - một lời mời gọi đầy ắp tính hiện đại.

[1] Phơ-rê-dơ (J.G. Frazer). Nguồn gốc huyền diệu của ngôi vua, Pa-ri, 1920.

[2] Lê Quý Đôn. Đại-việt thông sử. tr. 119. Chúng tôi đoán rằng đến giữa thế kỷ XV khi Lê Thánh Tông lên ngôi, áp dụng mô hình Nho giáo vào bộ máy nhà nước, thì các tập tục cổ truyền nào quá xa với lý tính đều bị bãi

bỏ, trong đó có tập tục hiến tế đã nói. Và sử sách của nhà nho cũng xóa bỏ hết các sử liệu về những việc làm họ coi là man rợ.

[3] Về chủ đề này, Cô-xcanh (E. Cosquin) đã dẫn ra khá nhiều truyện trong Cổ tích con mèo và cây đèn cây ở châu Âu thời trung cổ và ở phương Đông.

[4] Cao Huy Đình. Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt-nam, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà-nội, 1974; tr. 58.

[5] Theo quan niệm cổ, lông tóc con người còn là nơi trú ngụ của sức mạnh (ví dụ nhân vật Xăm-xông (Samson) trong Kinh thánh (Bible), của năng lực ma thuật (ví dụ nhân vật Séc-mô-nô-xcơ của Pu-skin (Pouchkine), của sinh mệnh (ví dụ nhân vật Ni-xốt (Nixos) trong thần thoại Hy-lạp, xem Khảo dị, số 17).

[6] Ia. Prôp (Ia.Propp) cũng đã từng lưu ý chúng ta rằng nói chung trong các truyện cổ tích, con rắn cũng như con ngựa đều là giống vật phun ra lửa. Chúng ta sẽ thấy ngựa và rắn đôi khi có những liên hệ kỳ lạ, ví dụ nhân vật trong truyện Con tuần mã của Ô-léc, hoàng tử xứ Ki-ép (Kiev) bị một con rắn vốn nằm trong đầu con ngựa quý của mình chui ra cắn chết (truyện thơ Pu-skin). Riêng truyện Vua Cóc của người Sán Dìu, một dị bản của truyện Lệnh Trừ, thì ngựa chở vua cóc không phun lửa mà là cóc phun lửa: cóc phun bên trái ra lửa, bên phải ra khói.

[7] Ghi chép của Lĩnh-nam chích quái.

[8] Những mô-típ này của truyện Lệnh Trừ, dường như cũng không vay mượn trực tiếp từ phía Ấn-độ, vì kết thúc của nó lại gần giống với truyện của dân tộc Lê và một truyện khác của Trung-quốc sưu tầm ở phía Nam Quảng-đông. Cả hai đều có hình ảnh này của đoạn kết : nhân vật vua thử mặc tấm lột cóc (hay ếch), tấm lột tự nhiên dính chặt vào người, và nhân vật ấy mãi mãi biến thành cóc trong khi đó thì nhân vật cóc trèo lên ngai vàng làm vua sau khi đã cởi tấm lột hóa thành người .

[9] Thần tích xã Thế-lộc. Xem thêm BEFEO, X, q.4 (1910).

[10] Có truyền lên đến vùng người Mèo ở Việt-nam, và vào đến Nghệ - Tĩnh - nhưng cũng chỉ dừng lại ở vùng người Nhà-làng (Phủ-quỳ).

[11] Tức là truyện kể về gươm thần của Phạm Văn của người Cham-pa, còn

chép trong sách Thủy kinh chú.

[12] Truyện kể rằng sứ thần của ta sang Trung-quốc, lúc trở về có mang theo một số hạt giống cây mà bên ta chưa có. Nhưng lần ấy do người Tàu khám xét quá ngặt nên sứ thần đành phải giấu vào chỗ hiểm, mới đưa được một số ít hạt về nhân giống ra. Vì hạt giống cây lấy từ Trung-quốc nên người ta gọi nó là "cây ngô" và ngày nay vẫn quen gọi như thế. Truyện này nếu xét về mặt lô-gích thì có phần vô lý. Không những giống ngô không phải đợi sứ thần đi Trung-quốc mới kiếm được, chỉ riêng việc giấu một ít hạt giống thì hà tất phải nhét vào chỗ hiểm? Sau khi đối chiếu so sánh, chúng tôi nhận thấy có lẽ đó là vang bóng (cũng tức là dị bản) của những huyền thoại hay truyền thuyết về nguồn gốc sự vật của một số tộc người ở Á, Úc, và châu Phi, Mỹ, v.v... (theo A. E. Jen-sen. Những huyền thoại và sự thờ cúng ở các cư dân nguyên thủy, Pay-ô, pa-ri, 1954).

[13] V.Ia. Propp (V.Ia.Propp): Nguồn gốc lịch sử của cổ tích thần kỳ, Lê-nin-grat, 1946.

[14] Nhân đây xin nhắc lại một đề tài của Pro-di-luyt-xki (Przyluski) công bố cách đây trên 50 năm, nhan đề: Nàng công chúa tanh mùi cá và con rắn thần (Nãgi) trong các truyền thuyết ở Đông Á có kể ra một loại huyền thoại, cổ tích thần kỳ và truyền thuyết lưu hành từ xa xưa tại nhiều nước như: Ấn-độ (gồm nhiều dị bản trong đó có truyện của Bắc Ấn, Nam Ấn, Cô-la, truyện Phật giáo, truyện trong bộ Ka-tha-xa-rít-xa-ga-ra (Kathâsaritsâgara), v.v...), Trung-quốc (3 truyện), Phù-nam (truyện Côn-đi-ni-a), Căm-pu-chia (truyện đã được tạc thành phù điêu Bay-don ở Ăng-co Thom), Cham-pa (truyện có khắc ở bia), Miến-điện (Myanmar) (truyện U-pa-gút-ta), Pê-gu (truyện vua Tha-ton), Thái-lan (truyện Phya-a Ru-ang), lưu vực Sa-lu-en (truyện chàng Hói), Việt-nam (truyện Lạc Long Quân và truyện Mỹ Châu - Trọng Thủy), In-đô-nê-xi-a (Indonésia) (truyện Tchan-jou-koua mang tên Long tinh), Nam-chiếu (truyện Cừu-long), Ta-li (truyện vua Ssen-p ing), Mun-đa (truyện vua Sô-ta Na-pua), v.v... trong những truyện đó nhân vật chính thường là nữ, chưa chồng, nhưng do tiếp nhận (hay cảm thụ) một cách huyền bí tinh khí của một rắn thần (hay rồng, hay người - rắn) có mang, sinh ra con trai; đứa bé này thường làm nên sự

nghiệp kỳ lạ và có dòng dõi thường là đế vương, v.v...

Sau đây đơn cử sơ đồ một vài huyền thoại:

Của Ấn-độ:

- Một nhân vật nữ tên là A-đơ-ri-ka bị Bra-ma biến làm cá, sống ở hồ Y-a-mu-ra. Một hôm, có con diều tha một lá cây trên có nước giải của vua U-pa-ri-ca-ra đánh rơi ở hồ. Nuốt lá cây ấy, cá có mang, sau đó bị sa lưới, người ta mổ bụng thấy có một trai một gái, bèn đưa nộp vua U-pa-ri-ca-ra. Vua nuôi đứa trai làm con đặt tên là Mat-si-a (cá), sau nó trở thành vua. Còn đứa con gái tanh mùi cá thì vua cho một nô lệ nuôi. Khi nó lớn, có một nhân vật là Pa-ra-xa-ra đi lại cùng nàng sau khi đã làm cho nàng mất mùi tanh mà lại có mùi thơm như mong muốn của nàng. Rồi đó nàng sinh ra Vi-a-sa, tác giả bộ Ma-ha-bha-ra-ta (Mahârata).

Của Trung-quốc:

- Xưa kia, có hai con rồng thần đến trước vua Hạ Kiệt nhả rãi trong miệng ra mà nói: -"Chúng ta là hai vua ở Bao-thành". Có người cho biết rãi ấy là tinh khí của rồng nên vua cho hứng vào hộp cất đi. Trải rất lâu đời, một hôm, một ông vua về sau nhân thấy hộp có ánh hào quang, bèn sai mở ra xem, chẳng may đánh rơi hộp, rãi chảy lênh láng cả cung điện hóa thành những con giải nhỏ trong đó có một con chạy vụt vào cung cấm làm cho một cung nữ 7 tuổi có mang. Đến năm 16 tuổi, người cung nữ ấy đẻ được một gái. Người ta cho đứa bé là quái vật đem vứt xuống sông. Một người phạm tội đang trốn tránh, vớt được liền đưa sang Bao-thành bán cho một người khác làm con nuôi lấy tên là Bao Tự. Nhân vật nữ này có nhan sắc tuyệt trần, về sau được vua Chu U Vương nạp vào cung. Sức quyến rũ của nhân vật này làm cho vua vô cùng say đắm cuối cùng đưa đến cái chết của nhà vua.

Của Phù-nam:

- Một nhân vật bà-la-môn tên là Côn-đi-ni-a mộng thấy thần cho một cái cung và mời lên thuyền. Sáng dậy, nhân vật đến đền thần quả thấy một cái cung thần ở một gốc cây, bèn nhận lấy và sau đó đi thuyền ra biển đến xứ Phù-nam. Ở đây có một con rắn thần (nãgi) ngự trị là hoàng hậu Sô-ma. Côn-đi-ni-a bắn một phát tên làm cho hoàng hậu thuần phục, bèn lấy làm

chồng. Nhân vật trở thành vua Phù-nam từ đó.

- Riêng truyền thuyết My Châu - Trọng Thủy của ta thì tác giả Nghiên cứu về nghi lễ nông nghiệp của người Chăm-pu-chia Ê-vơ-lin Pa-rê Mat-xpê-rô (Éveline Poret Maspéro) không cho là đúng. Bà nói: "Trong dị bản mà ông ta [Prơ-di-luýt-xki] đưa ra là một nàng công chúa bị nhà vua dùng gươm chém chết ấy [My Châu] máu của nàng chảy xuống biển hóa thành ngọc trai; với ông ta, con rắn (nãgi) mà Côn-đi-ni-a lấy "trở thành nàng công chúa" của truyền thuyết An-nam. Sự so sánh này không thuyết phục được tôi" . Mặc dù vậy theo chúng tôi, phát hiện của Prơ-di-luýt-xki (Przyluski) cũng cho ta một ví dụ khá cụ thể về mối liên hệ giữa truyện cổ của các nước trong một khu vực rộng rãi ở Đông nam châu Á.

[15] Xem lại Khảo dị truyện Duyên nợ tái sinh (số 173).

[16] Cũng có thể cái tên Hà Ô Lôi về mặt ngữ âm có liên quan đến một cái tên nước ngoài nào đấy mà chúng ta cần nghiên cứu thêm.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
LỜI SAU SÁCH

Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam đến đây là trọn bộ gom tất cả năm tập.

Sở dĩ tập cuối công bố có phần muộn là vì sau ngày Bắc Nam thống nhất, chúng tôi thấy cần tìm tòi thêm ít nhiều những truyện cổ lưu hành tại nửa nước phía Nam, hy vọng không bỏ sót những hòn ngọc quý trong di sản lâu đời của dân tộc.

Cuối bộ sách này còn có Sách dẫn các tên nhân vật, đề tài, mô-típ, song hiện nay vì giấy in khó khăn nên xin tạm gác lại, sau này có điều kiện sẽ đưa vào trong một lần in đầy đủ.

Trong thời gian ngót 30 năm (nếu kể thêm lao động quá khứ của người thân trong gia đình thì dễ đến ngót 40 năm), chúng tôi sẽ không bao giờ quên sự giúp đỡ, đóng góp của các bạn xa gần. Bằng tấm lòng thân ái, nhiều người đã mách cho, hoặc gửi đến cho những ý kiến, lời khích lệ và chủ yếu là những tài liệu quý báu. Sự giúp đỡ, đóng góp này cũng là một quá trình ngày một thêm dày nặng. Có thể nói, bộ sách nếu đáng được coi là một loại kho tàng thì không phải chỉ có công sức của một người, một nhà[1], mà còn chất nặng công sức của bao nhiêu con người rải rác ở nhiều địa phương trên đất nước.

Một lần nữa, xin đặt ở cuối bộ sách này một lời cảm ơn chung trân trọng.

Hà-nội, ngày 6 tháng I năm 1982
NGUYỄN ĐÔNG CHI

(HẾT TẬP V)

THƯ MỤC THAM KHẢO

Những sách báo, tài liệu kê dưới đây không phải thuộc một tổng thư mục chuyên đề về truyền thuyết cổ tích. Nó chỉ bao gồm những thư tịch nào mà bộ sách này có sử dụng, hay nếu không cũng ít nhiều liên quan (hoặc phần truyện chính, hoặc phần khảo dị, hoặc phần nghiên cứu, v. v...)

Sách báo của các nước trên thế giới kể truyện cổ tích, truyền thuyết hoặc đề cập đến cổ tích truyền thuyết thì nhiều đến khó lòng tính xuể. Song ở đây, chúng tôi chú ý thu thập trước hết những truyện cổ tích truyền thuyết của Việt-nam và của các dân tộc anh em trong Tổ quốc Việt-nam, rộng ra nữa là các dân tộc trên bán đảo Đông-dương. Đó là công sức đóng góp của những nhà sưu tầm nghiên cứu thời cổ và chủ yếu là thời cận hiện đại. Vì vậy trong bảng thư mục tham khảo này, phần sách báo quốc văn và Pháp văn chiếm số lượng nhiều nhất.

Những tác phẩm trong nước hoặc ngoài nước, nghiên cứu hoặc sưu tầm đều được sắp xếp theo trật tự a b c tên tác giả (sách nào không có tên tác giả thì dựa vào tên sách) mà không phân loại, nếu là tên tác giả hoặc tên sách nước ngoài cũng không phiên âm hoặc dịch nghĩa như ở các chú thích dưới các truyện, trừ một số cá biệt, cốt để bạn đọc tiện tra tìm. Những vần d tiếng Pháp sẽ xếp tiếp sau vần đ tiếng Việt.

Sau phần tác phẩm, chúng tôi có lập một bảng riêng kê tên các báo chí (chỉ những báo chí nào có tài liệu sử dụng vài ba lần trở lên, một số báo chí có chữ tắt) và một bảng kê tên các tài liệu Hán-nôm hoặc quốc ngữ chưa in hoặc chưa phiên dịch (trong đó có cả những tài liệu do một số bạn có lòng yêu cung cấp).

Một số chữ viết tắt trong Thư mục:

H: Hà-nội

P:Paris

S:Sài-gòn

q: quyển

t:tập, tome

tr.: trang

Ed.:Nhà xuất bản

Nxb.: Nhà xuất bản

Imp.: Nhà in

Lib.:Hiệu sách

x.:xem

xb.: xuất bản

I. SÁCH VÀ BÀI

AARNE (A.), THOMPSON (S.) - Types of the Folktale in World literature - FFC, số 74, Helsinki, 1923.

ARCHAIMBAULT (CH.) - Le cycle de Nang Oua - Nang Malong et son substrat sociologique - FA, số 170 (1961).

ARNOUX - Contes annamites: La belle - mère qui accuse sa bru. L habile tailleur - RI, 1974.

AULNOY (Comtesse d) - Contes des fées - 1698.

AYMONIER (E.) - Littérature cambodgienne (textes traduits pour la première fois) - P, 1877.

- Légendes historiques des Chams - ER, số 32, 1890.

B.(T.K.O.) - Conte annamite. Les quatre jeunes filles qui veulent épouser un fils du roi - RI, số 2, 1904.

Ba túi chuyện (Tập truyện cổ tích) - Nxb. Kim đồng, H, 1960.

BẠCH LAN (L.T.) - Vietnamese legends - Kim lai ấn quán, S, 1958.

Bản quốc dị văn lục - Sách hán chép tay (A. 3178).

BÀNG THỨC LONG, GIÀNG MI SÀI - Tình yêu Nàng Phai và Chọi với vua (Truyện cổ tích dân tộc Mông) - Nxb. Phổ thông, H, 1957.

BÀNG THỨC LONG - Nux Mfleiz (Nùng Phai). Tập truyện cổ tích miền núi - Nxb. Dân tộc, H, 1962.

Bao Công kỳ án 包公奇案 (Trần Văn Bình dịch) - Tín đức thư xã, S, 1954.

BARTHÉLEMY (A.) Histoire du roi Naaman (Conte arabe dans l idiome vulgaire de Syrie) - JA, 8^e série, t. X, 1887.

BARTHÉLEMY (Marquis de) - Mon vieil Annam (Ses hommes, contes et récits) - Challamel, P, 1927.

BASSET (R.) - Folklore d Éthiopie - Revue d Ethnographie et de sociologie, t. II, 1911.

- Les contes indiens et orientaux dans la littérature chinoise - RTP, VII - 1912.

- Contes et légendes de l Extrême-Orient - RTP, 1920 và RETP, t. I, 1920.

- Contes et légendes de la Grèce Ancienne - RETP, t. I. 1920 - 21.

- Mille et un contes, récits et légendes arabes - Maisonneuve frères, P, 1927.

BAYARD (J.P.) - Histoire des légendes - Presses universitaires de France, P, 1961.

BERMAN (L.) - Contes du Talmud (choisis et transcrits de l hébreu) - Rieder, P, 1927.

BERNARD (S.) - Quelques aspects de la chance dans les contes populaires du Cambodge - BSEI, t. XXVII, số 3, 1952.

BERNARD (S.), THIERRY - Notes de littérature populaire comparée. BSEI, t. XXVIII, số 1, 1953.

BÌNH THANH - Đôi mắt lại sáng (Cổ tích Mèo). Ở hiền gặp tiên - NCVH, H, số 11, 1960.

BITARD (P.) - Essai sur la satire sociale dans la littérature du Cambodge - BSEI, t. XXVI, số 2, 1951.

BONIFACY (A.) - Contes populaires des Mans du Tonkin- BEFEO, t. II,

q.3, 1902.

- Contes Thỗ recueillis sur les bords de la rivière Claire - RI, III - 1905.
 - La légende de Tsun, d après les Mans Quần Cộc - RI, XII - 1905.
 - Légendes indochinoises. Le pèlerin, conte annamite - Revue des Troupes coloniales, I, 1907.
 - Légendes indochinoises. Le pieux orphelin, conte Thỗ - Revue des Troupes coloniales, II, 1907.
 - Fragilité de la vertu des femmes, conte Man - Revue des Troupes coloniales, II, 1907.
 - Cinq cents contes et apologues extraits du Tripikata chinois (4 t.) - E. Leroux, P, 1910.
 - Traduction. Contes et légendes du Bouddhisme chinois - P. 1921.
- CHÉON (A.) - Légende tonkinoise. Pourquoi le chant du Grillon est-il si plaintif à la venue de l Automne? - BSEI, q.2, 1890.
- Chuyện anh xứ Đông với anh xứ Nam (Conte annamite) - H, 1898.
 - Recueil des compositions données aux Examens de la langue annamite et de caractères chinois au Tonkin - F. H. Schneider, H, 1899.
 - Recueil de onze textes annamites originaux - F. H. Schneider, H, 1901.
 - Recueil de six textes annamites - F. H. Schneider, H, 1902.
 - Recueil de textes nouveaux (Faisant suite au cours de langue annamite) - F. H. Schneider, H, 1903.
 - Recueil de cent textes annamites (Annotés et traduits et faisant suite au cours d Annamite) (2è éd.) - F. H. Schneider, H, 1905.
- CHỈ QUA THỊ - Mười đàn bà (Truyện ngắn Ba-tư) - Nhà sách Thăng-long, H, 1953.
- Chiếc nhẫn thần (Tập truyện cổ tích) - Nxb. Kim Đồng, H, 1960.
- CHIVAS - BARON (CH.) - Contes et légendes de l Annam - Challamel, P, 1917.
- CHU NGỌC CHỈ - Chuyện Trương Chi - Nhà sách Thụy Ký, H, 1928.
- Chuyện trẻ con của Ch. Perrault tiên sinh (Les contes de Perrault traduit par Nguyễn Văn Vĩnh) - H, 1928.
- Con bò biết bay (Truyện cổ tích Ấn-độ) - Nxb. Kim Đồng, H, 1959.

Con ngựa vàng - Nxb. Khu tự trị Việt-bắc, Thái-nguyên, 1960.

Conte d Aboukir et d Abousir (Texte arabe et traduction par J. Richet) - Alger, 1876.

Contes chinois (Traduits par Panking et Kou Hong-ming) - La Politique de Pékin, Pékin, 1924.

Contes chinois de Ye Cheng-tao - Ed. en langues étrangères, Pékin, 1960.

(Les) contes du Perroquet. Texte persan publié et traduit pour la première fois en français par L. Bogdanoi, I - P. Geuthner, P, 1927.

(Les) contes du vieux Japon (Traduits par J. Dautremet) - publiés par T. Hasegawa, Tokyo.

COSQUIN (E.) - L origine des contes populaires européens et les théories de M. Lang - Bibliothèque des Annales économiques, P, 1891.

- Les contes populaires et leur origine (Dernier état de la question) - Lib. Bouillon, P, 1895.

- Fantaisies biblico-mythologiques d un chef d école (M. Edouard Stucken et le folklore) - V. Lecoffre, P, 1905.

- Le lait de la mère et le coffre flottant (Légendes, contes et mythes comparés à propos d une légende historique musulmane de Java) - P, 1908.

- Le conte du chat et de la chandelle (Dans l Europe du Moyen-âge et en Orient) - H. Champion, P, 1912.

- Les Mongols et leur prétendu rôle dans la transmission des contes indiens vers l Occident européen - Clouzot, Niort, 1913.

- Contes populaires de Lorraine (Comparés avec les contes des autres provinces de France et des pays étrangers) I. II - F. Vieweg, P, 1915.

- Un épisode d un évangile syriaque et les contes de l Inde - Revue biblique de l École pratique d Études bibliques, P, I-IV - 1919.

- Les contes indiens et l Occident - H. Champion, P, 1922.

- Études folkloriques (Recherches sur les migrations des contes populaires et leur point de départ) - H. Champion, P, 1922.

COX (Miss MARIAN) - Cinderella - Londres, 1893.

Cổ tích miền núi - x. TRƯỜNG SỰ PHẠM MIỀN NÚI.

CÔNG THÀNH (sao lục) - Chuyện tiểu lâm và cổ tích, I, II - Phạm Văn

Mạnh xb, Gia-định, 1950.

CỬA (PAULUS) - Chuyện giải buồn. Rút trong các sách hay (in lần thứ tư)
- Imp. Commerciale, S, 1904.

- Tiếp theo chuyện giải buồn - Bản in nhà hàng, S, 1886.

Dã sử 野史 - Sách hán chép tay (A. 1303).

Dã sử 野史 (bản dịch Hồ Đắc Ý) - Trung tâm học liệu, S, 1968.

Dân gian văn nghệ tuyển tập 民間聞藝選集 - Nhân dân văn học xb. xã,
Bắc-kinh.

[Nam Hải] dị văn [南海]異聞 - Sách hán chép tay (phụ trong Lĩnh-nam
chích quái) (VHv. 1266).

DOÃN THANH, LÊ TRUNG VŨ - Truyện cổ Dao - Nxb. Văn hóa dân tộc,
H, 1978.

DOÃN THANH, PHAN ĐĂNG NHẬT - Truyện khèn chàng Phờ-lay -
NCVH, H, số 8, 1962.

DOÃN THANH, THƯƠNG NGUYỄN, HOÀNG THAO - Truyện cổ dân
tộc Mèo - Nxb. Văn học, H, 1963.

Dũng sĩ Ha-ba-na (Tập truyện cổ tích dân gian của nhiều nước) - Nxb. Kim
Đồng, H, 1964.

DUY CƯỜNG - Chàng kỵ mã nhái (Truyện cổ tích chọn lọc) - Nxb. Phổ
thông, H, 1957.

- Tham thì thâm, Cây bút thần, Thầy Tôn Quả, Mưu thần (Truyện cổ tích) -
Nxb. Phổ thông, H, 1957.

DUY CƯỜNG, THỰC ĐOAN - Gà đất hơn trâu - Nxb. Kim Đồng, H,
1958.

Dưa vàng đậu bạc - Tập truyện dân gian Trung-quốc (Trần Hải và Lê Bàu
phỏng dịch) - Nxb. Kim Đồng, H, 1962.

DƯƠNG ĐÌNH KHUÊ - Vài nhận xét về loại truyện dị thường của Tây
phương và Việt-nam - BK, S, số 322, 323, 1970.

ĐA-VLE-XTỐP (K.X. DAVLESTOV) - Sáng tác dân gian là một loại hình
nghệ thuật - Nxb. Khoa học, Mát-xcơ-va, 1966.

Đại Nam kỳ truyện 大南奇傳 - Sách hán chép tay (A. 229).

ĐÀO QUẢN, TRƯỜNG SƠN, ĐÌNH VĂN THÀNH - Vô quýt chưa dày -

Nxb. Phổ thông, H, 1958.

ĐÀO TỬ CHÍ, ĐÌNH VĂN THÀNH - Cô gái thứ mười (truyện cổ tích của đồng bào Re và Tây-nguyên) - Nxb. Kim Đồng, H, 1957.

ĐÀO [VĂN] TIẾN - Sự tích "sáo ôi" hay là truyện chàng Khun Lồ và nàng U Tiêm - NCVH, H, số 9, 1962.

- Chú Cuội (truyện dân gian Mường) - NCVH, H, số 5, 1961.

ĐÀO VŨ - Nhị Lang bắt mặt trời (Truyện cổ tích Trung-quốc) - Nxb. Kim Đồng, H, 1957.

ĐẶNG LÊ NGHI - Chàng nhái Kiến Tiên thơ (Bốn cũ soạn lại) - Nhà sách Phát Toán, S, 1910.

- Con Tấm con Cám thơ (Bốn cũ soạn lại) - Nhà sách Phát Toán, S, 1911.

ĐẶNG MINH LƯƠNG, TRẦN DŨNG - Sự tích con gà rừng (Tập truyện cổ tích miền núi) - Nxb. Kim Đồng, H, 1959.

ĐÌNH GIA KHÁNH - Qua việc nghiên cứu danh từ riêng trong một số truyện cổ tích - NCVH, H, số 3, 1962.

- Sơ bộ tìm hiểu những vấn đề của truyện cổ tích qua truyện Tấm Cám - Nxb. Văn Học, H, 1968.

ĐÌNH GIA KHÁNH, CHU XUÂN DIÊN - Văn học dân gian I, II (Giáo trình lịch sử văn học Việt-nam) - Nxb. Đại học và trung học chuyên nghiệp, H, 1972 - 73.

[ĐÌNH TÚ] - Thiên lôi bị đòn (Truyện cổ tích Việt-nam) - Nxb. Nguyễn Du, H, 1957.

ĐÌNH TÚ - Cô gái đẹp lấy chồng rắn (Truyện cổ tích các nước) - Nxb. Nguyễn Du, H, 1957.

- Chuột biến thành người (Truyện cổ tích) - Nxb. Nguyễn Du, H, 1958

- Truyện cổ tích Diến-diện - Nxb. Nguyễn Du, H, 1958.

- Truyện cổ tích Nam-dương - Nxb. Nguyễn Du, H, 1958.

- Truyện cổ tích Mã-lai - Nxb. Nguyễn Du, H, 1958.

- Truyện cổ tích nước Lào - Nxb. Nguyễn Du, H, 1958.

ĐÌNH VĂN THÀNH - Truyện cổ tích Tây-nguyên - Nxb. Nguyễn Du, H, 1957.

- Ú và Cao (Cổ tích Tây-nguyên) - NCVH, H, số 10. 1960.

- Tu-cờ-rơm (Dân tộc Cor - Văn nghệ, H, số 45, 1961.
- Chuyện chàng gãy cửa (Cổ tích Chiêm-thành) - NCVH, H, số 6, 1961.
- ĐOÀN CÔNG HOẠT - Truyền thuyết Sơn tinh Thủy tinh ở vùng núi Ba-vì
- Tập san Văn hóa Hà-tây, VII - 1969.
- (HỒNG HÀ phu nhân) ĐOÀN [THỊ ĐIỂM] 紅霞夫人鍛 [氏點] - Truyền kỳ tân phả 傳奇新譜 - Lạc Thiện đường tàng bản, Gia Long 10 [1811].
- (HỒNG HÀ nữ sĩ) ĐOÀN THỊ ĐIỂM 紅霞夫人鍛氏點 - Truyền kỳ tân phả 傳奇新譜 (Ngô Lập Chi, Trần Văn Giáp dịch và chú) - Nxb. Giáo dục, H, 1962.
- ĐỖ HÀO ĐÌNH - Bàn về truyện cổ An-nam ta - NP, số 46, 1921.
- ĐỖ THẬN - Une version annamite du conte de Cendrillon - BEFEO, t.VII số 1-2, 1907.
- ĐỖ THIỆN - Chú thỏ tinh khôn (Dân tộc Khơ-me) - Văn nghệ, H, số 45, 1961.
- ĐỖ THIỆN, NGỌC ANH, ĐÌNH VĂN THÀNH - Truyện cổ Tây nguyên - Nxb. Văn Hóa (Viện Văn học), H, 1961.
- ĐỨC HÙNG, PHÙ NINH - Truyện cổ tích (Nàng Ái Kao) - Ty thông tin văn hóa Tuyên-quang, 1974.
- Đường nhân tiểu thuyết 唐人小說 (Bành Trạch, Uông Quốc, Viên Tịch Cường hiệu lục) - Cổ điển văn học xb. xã, Thượng-hải, 1955.
- DANDOUAU (A.) - Contes populaires des Salalava et des Tsimihety de la région d Anslalava - J. Carbonel, Alger, 1922.
- DAUDIN (P.) - Récits populaires Yunnanais - BSEI, t. X, số 4, 1935.
- DE GROOT (J.J.M.) - Les fêtes annuellement célébrées à Emoui (Amoy) - Annales du Musée Guimet, t. IIe, E. Leroux, P, 1886.
- DECOURDEMANCHE (J.A) - Les ruses des femmes (Mikrizenan) et extrait du Plaisir après la peine Feredj bad chiddch (Traduits du Turc) - E. Leroux, P, 1896.
- Les plaisanteries de Nasr-Eddin Hodja (Traduits du Turc), seconde éd. augmentation des Naïvetés du Karacouch - E. Leroux, P, 1908.
- DEGEORGE (P. J. B.) - Légendes des Tay, Annam - Anthropos XVI -

XVII, 1921 - 22; XVIII - XIX, 1923 - 24; XX, 1925.

DELARUE (P.) - Những đặc tính của truyện dân gian Pháp - Bản dịch đánh máy Viện Văn học.

DELARUE (P.), TENETZE (M.L.) - Le conte populaire français (Catalogue raisonné des versions de France et des pays de langue française d'outremer, Canada, Louisiane, Îlots français des États Unis, Antilles françaises, Haïti, Ile Maurice, La Réunion) I, II - GP. Maisonneuve et Larose, P, [1964].

DE ROCHEMONTEIX (M.) - Contes du Sous et de l'oasis de Tafilalet (Maroc) - JA, 8^e série, t.XIII, 1889.

DEROMPS (M.) - Les vingt cinq récits du mauvais génie (Traduits de l'hindi) - Geuthner, P, 1912.

DES MICHELS (ABEL) - Huit contes en langue cochinchinoise - Maisonneuve et Cie, P, 1869.

- Truyện chơi văn chương. Chrestomathie Cochinchinoise (recueil de textes annamites) - Maisonneuve et Cie, P, 1872.

- Quelques contes annamites traduits, nouveaux mélanges orientaux (Publiés par les professeurs de l'École des langues orientales vivantes) số 7, 1886.

- Chuyện đời xưa. Contes plaisants annamites (Traduits en français pour la première fois) - E. Leroux, P, 1888.

DESPARMET (J.) - Conte Maure (Recueillis à Blida) - RTP, 1918; RETP, t. II, 1921.

DESPIERRE (R.) - La légende de la tortue d'or et de la cité de Cỗ-loa - Sud-Est, số 13, VI - 1950.

DEVEZE (G.) - Le Bâitâl Paccĩsĩ - Le Muséum, t. XI, XII, 1892 - 93.

DEVI (SHOVONA) - The Orient Pearls, Indian Folklore - London, 1915.

DEYDIER (H.) - À propos d'un conte Mường - BSEI, t. XXIV, số 1, 1949.

DOURNES (J.) - Le maître des Eaux (Conte montagnard Srê) - FA, số 9, XII - 1953.

DULAC (H.) - Contes Arabes en dialecte de la Haute Égypte - JA, 8^e série, t. V, 1885.

DUMÉZIL (G.) - Contes Lazes - Institut d'Ethnologie, P, 1937.

DUMOUTIER (G.) - Le lac de l'épée et la montagne de jade - L'Avenir du Tonkin, H, số 65-67, IX - 1887.

- Légendes et traditions du Tonkin et de l'Annam - Revue de l'histoire des Religions, t. XVIII, số 2, 1888.

- Choix de légendes historiques de l'Annam et du Tonkin - Revue d'Ethnographie, t. VIII, 1889.

- Folklore tonkinois - RTP. t. VIII, 1892.

- Une cendrillon annamite (Extrait de l'Archivio per lo Studio delle tradizioni popolari) - Palerme, 1893.

- Folklore sino-annamite - RI, 1907 - 08.

- Essai sur les Tonkinois - IDEO, H, Hải-phòng, 1908.

- La géomancie chez les Annamites - RI, t. XXI, số 3, III - 1914.

EBERKHARD (W.) - Các kiểu truyện cổ tích Trung-quốc - Helsinki, 1937, FFC, số 120.

FEER (M.) - Le Chaddanta - Jâtaka - JA, 9^e série, t. V, 1895.

- Études cambodgiennes. La collection Hennecart de la bibliothèque nationale - JA 7^e série, t. IX, 1877.

FERRAND (G.) - Contes populaires malgaches - P, 1893.

FINOT (L.) - Recherches sur la littérature Laotienne - BEFEO, t.XVII, số 5. 1917.

FOUJITA - Légendes japonaises (Recueillies et illustrées) - Ed. de l'Abeille d'or, P, 1922.

FRAZER (J.G.) - L'origine magique de la royauté - Paul Hyacintha Layson, P, 1920.

- Le trésor légendaire de l'humanité. Feuilles détachées du Rameau d'or par Laddy Frazer - Rieder, P, 1925.

FREY (CI) - Les Égyptiens préhistoriques identifiés avec les Annamites - P, 1905.

FUKUJIRO WAKATSUKI - Légendes Japonaises (3^e éd.) - Ancienne lib. G. Duplet et J. Desvigne et Cie. successeurs (1923).

Gà đăi hơn trầu - x. DUY CƯỜNG.

GARINE - Contes Coréens (Adaptation française de Serge Persky) Lib.

Delagrave, P, 1925.

GÉNIBREL (F) - Truyện đời xưa mới in ra lần đầu hết (Fable et légende annamite encore inédite) - Imp. de la Misson, S, 1899.

GIẢ CHI, TẠ KIỂM BĂNG - Trung-quốc dân gian cổ sự tuyển 中國民間故事選 - Nhân dân văn học xb. xã, Bắc-kinh, 1959.

GOUINEAU (ANDRÉE - YVETTE) - Les élèves du Lycée Pavie de Vientiane vous racontent quelques fables et légendes de leur pays, telle que la tradition orale les leur a transmises - FA, số 118-120, 1956.

GUESDON (Abbé J.) - Réach Kol (Analyse et critique du poème khmer) Anthoropos, t. I, 1906.

GUILLOT - Contes d'Afrique (sous la direction d'A. Charton) - P, 1933.

GUXEP (V.E. GOUSSEB) - Mỹ học folklore (Hoàng Ngọc Hiến dịch)

- Bản in rô-nê-ô Hội Văn nghệ dân gian Việt-nam.

Hai con trâu đực to bằng hạt đậu nành (Cổ tích Hung-ga-ri) - Nxb. Kim Đồng, H, 1959.

HALEVY (J.) Miscellanées sémitologiques - JA, 8^e série, t. II, 1883.

HALPHEN (J.) - Contes chinois traduits du chinois - Champion, P, 1923.

HERVIER (P.L) - Trần Văn Phấn, l'homme aux dix jonques, légende d'Annam - Ed. de George Servant, P [?]

HOA BĂNG - Một vấn đề rất đáng chú ý trong văn học và sử học (1 - Diệu Trang Vương phải chăng là một ông chúa Trịnh? 2 - Chúa Ba Diệu Thiện phải chăng là một cô gái Việt? 3- Hương-sơn trong Quan Thế âm chân kinh phải chăng là núi Hương-tích ở hạt Hà-đông?) - Tri tân, H, số 121 - 122, 1943).

- Gốc tích truyện Tấm Cám - Tri tân, H, số 156, 1944.

- Khảo luận về truyện Thạch Sanh - Nxb. Văn sử địa, H, 1967.

Hoa quốc kỳ duyên 華國奇緣 (Nguyễn Sĩ Sự dịch) - Nguyễn Ngọc Xuân xb, H, 1914.

HOÀNG ANH NHÂN, VƯƠNG ANH, BÙI THIỆN - Truyện cổ Mường - Nxb. Văn hóa dân tộc, H, 1978.

HOÀNG LÂM, XU-VĂN-THON - Truyện dân gian Lào - Nxb. Văn hóa (Viện Văn học), H, 1962.

HOÀNG LƯƠNG - Bàn góp về vấn đề tô-tem của người Việt nguyên thủy
- NCLS, H, số 5, 1959.

HOÀNG QUYẾT - A Sún Phăng Khim (Cổ tích Nùng) - NCVH, H, số 10,
1961.

- Truyện cổ Tày Nùng - Nxb. Văn hóa, H, 1974.

HOÀNG QUYẾT, HOÀNG THAO, MAI SƠN - Truyện cổ Việt-bắc Nxb.
Văn hóa (Viện Văn học), H, 1963.

HOÀNG THỊ ĐẬU - Một số tư liệu để tiến tới so sánh truyện Tấm Cám
của Việt-nam và Ru-ma-ni - TCVH, H, số 3, 1963.

HOÀNG TRỌNG MIÊN - Việt-nam văn học toàn thư, II, - Quốc-hoa, S,
1959

HOÀNG TRÚC LY - Truyện cổ Việt-nam - Khai trí, S, 1970.

HOÀNG SƠN (Cử) - Thăng Lúa (Tục gọi Dương đoàn Văn Lúa), II. Cha
Hồ chú Nhẫn (Tiếp theo thơ Văn Lúa - Nhà in Xưa nay, S. [1934].

HUBER (ED.) - Etudes de littérature bouddhique - BEFEO, t. IV, số 3,
1904.

HUET (G.) - Le conte des soeurs jalouses - RES, t. I, số 8-10, 1910; t. II,
1911.

- Les contes populaires - E. Flammarion, P, 1923.

Huit aventures du gourou Paramârtha - Le Muséum, t. VIII-IX, 1889 - 90.

HUỲNH HỮU BAN - Étude de la légende de la mère et l enfant - FA. số
91, 1955.

HƯ CHU - Nam hải truyền kỳ, I - Nhà sách Hư Chu, S, 1952.

HƯƠNG GIANG - Un conte du Vietnam du passé: Cette tache rouge -
Sud-Est, số 16, VIII - 1950.

Hữu Ké tân truyện - Nhà in Văn Minh, H, Hải-phòng, 1913.

IMBAULT - HUART (C.) - Miscellanées chinois - JA. 7è série. t. XVIII.
1881.

JAMMES (H.L.) - Au pays annamites - Challamel. P, 1898.

JAYA PANRANG - Chuyện cổ tích Chàm: Trạng tí hon hay Rajakar Aneh -
PT, S, số 217, II - 1969.

JIROMUNXKI (V. N. JIRMUNSKI) - Những công trình nghiên cứu lịch sử

ngữ văn - Mát-xơ-va, 1976.

JOUIN (Dr. B.Y.) - Légende du Sadet du Feu, Deux contes Rhadé - BSEI, t. XXVI, số 1, 1951.

JULIEN (S.) Les Avadânas (Contes et apologues indiens inconnus jusqu'à ce jour suivis de fables, de poésies et de nouvelles chinoises), I, II, III, B. Duprat, P, 1858.

Kara Keuz Zoulou - [la jolie aux yeux noirs] Conte Kirghize (traduit du Turc Tartare d'après Radlott). - Mémoires de la Sté des études Japonaises Chinoises, Tartares, Indochinoises et Océaniennes, t. III, 1880 - 84.

KARPELES (S.) - Six contes Palis tirés de la Dhamma - padatthakathā - RI, số 1-2, 1924.

Kể chuyện đời xưa - Nxb. Giáo dục, H, 1975.

Khún Lù Nàng Ủa (Chuyện cổ tích miền núi) - Nxb. Phổ thông, H, 1961.

KIÊN GIANG - Người đẹp bán tơ: Chuyện cổ tích thuần túy Việt-nam - Nhà sách Hồng Hoa, Chợ-lớn, 1961.

Kim cổ kỳ quan 今古奇觀 Cổ Học Hiệt 顧學頔 chú.

KRAVTXÔVI (N.J. KRAVTSOVI) - Sáng tác dân gian như là một nghệ thuật lời nói - Nxb. Đại học, Mát-xơ-va, 1966.

LÃ VĂN LÔ - Quanh vấn đề An Dương Vương Thục Phán hay là truyền thuyết "Cầu chùa cheng vừa" của đồng bào Tày - NCLS, số 50, 1963.

LACÔTE (F.) - L'histoire romanesque d'Udayana, roi de Vatsa (Extraits du Katha - Sarit - Sâgara de Soma Déva) - Ed. Bossard, P, 1924.

LAFONT (P. - B.) - Contes P u tai - BSEI, t. XLVI, số 1, 1971.

LAN TRÌ 蘭池 - Kiến văn lục 見聞錄 - x. VŨ NGUYỄN HANH.

LANDES (A.) - Contes et légendes annamites - ER, S, t. VIII-XI, số 20-26, 1885 - 86.

- Contes tjames - ER, S, t. XIII, số 29, 1887.

LANGLET (E.) - Dragons et génies (Contes rares et récits légendaires inédits recueillis oralement au pays d'Annam et traduits par E. Langlet) - Lib. Orientaliste, P. Geuthner, P, 1928.

LĂNG TUYẾT - Chuyện lạ nước nhà: Sùng sơn đại chiến sử - Imp. Nam mỹ, H, 1933.

LAUNAY (A.) - Légendes historiques du Tonkin. Origine du lac Dạ-trạch et fondation de Bắc-ninh - Bulletin comité Études agricoles, industrielles et commerciales Annam, Tonkin, 1887.

LAVAL (R.A) - Contes populaires du Chili - RETP, t. I, 1920 - 23.

LECLÈRE (A.) - Cambodge, contes et légendes - Bouillon, P, 1895.

- Deux contes indochinois: La sandale d or (la Cendrillon chame); Prâng et Iang (conte pnong), P, 1898.

- Contes Laotiens et contes Cambodgiens - E. Leroux, P, 1903.

LE ROUZIC (Z.) - Carnac (Légendes, Traditions, Coutumes et Contes du pays) - Imp. A. Cugas et Cie, Nantes, 1909.

Légendes et traditions historiques de l archipel indien (Sedjarat malayou, traduits et notes par L. Marcel Devic) - E. Leroux, P, 1878.

LEMIRE (CH.) Contes Siamois - BSEI, q.3, 1890.

LÉVI (SYLVAIN) - La Brihatkathāmanjarī de Kschendra - JA, 8è série, t. VI-VII, 1885 - 86.

LÉVY (ANDRÉ) - Études sur le conte et le roman chinois - Publication de l EFEO, q. LXXXII, P, 1971.

LÊ BÁ CƠ - Đánh chết Diêm vương (Chuyện cổ tích) - Nxb. Nguyễn Du, H, 1958.

LÊ DOÃN VỸ - Le livre du petit (Pour la jeunesse scolaire, dirigé par Lê Doãn Vỹ) - Ed. Mai Lĩnh, H, Hải-phòng, S, Phúc-yên, 1940-41.

LÊ DUY HẠP - Vietnamese legends (Rev. ed. with annotations) - Nhà sách Khai trí, S, 1964.

LÊ DUY THIÊN - Thơ nàng Út - Tín đức thư xã, S, 1930.

LÊ HƯƠNG - Truyện cổ Cao-miên. I, II - Nxb. Khai trí, S, 1969.

- Truyện cổ quốc tế - Nxb. Sống mới, S, 1969.

- Truyện thằng Chey - PT, S, số 251-254, VIII-X - 1970.

- Truyện tích Việt-nam - Một nhóm văn hữu xb, S, 1970.

- Truyện cổ Ấn-độ: quỷ Vê-tâ-la - Nxb. Bông lau, S, 1972.

LÊ TRỌNG HÀM - Minh đô sử 明都史 Sách hán chép tay - Thư viện Viện Sử học (HV.285).

LÊ TRỌNG KHÁNH, AN LY, ĐỖ THIÊN - Truyện dân gian Cầm-pu-chia

- Nxb. Văn hóa (Viện Văn học), H, 1962.
- LÊ TRUNG CANG (ANNA) - Folklore indochinois: Le pont des corbeaux
- FA số 324, 1946.
- LÊ TRUNG HOA - Một giai thoại văn chương bình dân: Hai bảy mươi ba
- BK, S, số 357, XI - 1971.
- LÊ TRUNG VŨ - Truyện cổ dân tộc Mèo - Nxb. Văn hóa, H, 1975.
- LÊ VĂN CHINH - Les aventures de Tư-Thuk - RI, số 49, I - 1907.
- LÊ VĂN HẢO - Đi tìm An Dương Vương, My Châu - Trọng Thủy từ lịch
sử đến truyền thuyết - Nxb. Trình bày, S, 1966.
- LÊ VĂN PHÁT - La vie intime d'un Annamite de Cochinchine et ses
croyances vulgaires - BSEI, số 51-53, 1906.
- Contes et légendes du pays d'Annam, I - F. H. Schneider, S, 1913.
- LIÊN TỔ VĂN HỌC VIỆT-NAM - Lịch sử văn học Việt-nam (tập I, in lần
thứ 3) - Nxb. Giáo dục, H, 1970.
- Liêu trai chí dị 聊齋志異 (Đào Trinh Nhất tuyển dịch) - Nhà sách Mặc
lâm, S, 1968.
- Lĩnh-nam chí quái liệt truyện 嶺南滴怪列傳 - Sách hán chép tay -
Thư viện Viện Sử học (HV.486).
- Les littératures populaires de toutes les nations. Traditions, légendes,
contes, chansons, proverbes, devinettes, superstitions (34t) - GP.
Maisonnette et Larose - P, 1967- 68.
- Lộ nước trường sinh (tập truyện cổ tích) - Nxb. Kim Đồng, H, 1958.
- Loại cổ tích hay, I - Nxb. Cây thông, H.
- LƯƠNG VĂN CHONG - Lin Thong và Can (Sưu tầm cổ tích Thái) -
NCVH, H, số 2, 1960.
- LƯU KÍNH THÚC 劉敬叔 - Di uyển 異苑.
- LƯU VĂN THUẬN - Truyện cổ tích, 1 - Nhà in Tân dân, H, 1928.
- LƯU VĂN THUẬN, PHẠM VĂN PHƯƠNG - Truyện cổ tích - Tân dân
thư quán, H, 1926.
- LÝ TẾ XUYÊN 李濟川 - Việt điện u linh 越甸幽零 (Trịnh Đình Ru
dịch) - Nxb. Văn hóa (Viện Văn học), H, 1960.
- MẠC PHI - Cô gái đẹp có mẹ hổ (Ý Nội nàng xưa, tập truyện cổ tích Thái)

- Nxb. Phổ thông, H, 1957.

MẠC PHI, MAI TRÂN - Xí pá hả lăng (Cổ tích Thái) - NCVH, H, số 5, 1960.

MACEY (F.) - Folklore Laotien (Pho-lâ et Maha Sêthi) - RI, số 89-90, 91-92, IX-X - 1908.

Mahabharata, sử thi Ấn-độ (Cao Huy Đình, Phạm Thủy Ba dịch) Nxb. Khoa học xã hội, H, 1979.

MAI VĂN TẤN - Truyện cổ Vân-kiều - Nxb. Văn hóa, H, 1974.

MAITRE (HENRI) - Les régions Moïs du Sud indochinois - Plon, P, 1909.

MALLARMÉ (STÉPHANE) - Contes indiennes - L. Castelet, P, 1927.

MARTINI (F.), BERNARD (S.) - Contes populaires inédits du Cambodge - GP, Maisonneuve, P, 1946.

MASPÉRO (G.) Sur une version arabe du conte de Rhampisinite - JA, 8è série, t. VI, 1885.

MAUNG HTIN AUNG - Miến-điện dân gian cổ sự 緬甸民間故事 (Thi Hàm Vinh dịch) - Tác gia xb. xã, Bắc-kinh, 1957.

Mấy nhạc sĩ thành Brem (Cổ tích Grim) - Nxb. Kim Đồng, H, 1960.

MÊLÊTINXKI (E.M.MELETINSKI) - Nhân vật trong truyện cổ tích hoang đường, xuất xứ của hình tượng (Nguyễn Văn Dao, Phan Hồng Giang dịch từ Nga văn) - Bản đánh máy của Viện Văn học.

MÉRAVILLE (MARIE - AIMÉE) - Contes populaires de l Auvergne (Suivi d une mémoire sur la langue et le patois) - GP, Maisonneuve et Larose, P, 1970.

MERCIER (G.) - Cinq textes berbères en dialecte Chaouia - JA, nouvelle série, t. XVI, 1900.

MIDAN (P.) - Histoire du juge lièvre (Recueil des contes cambodgiens, traduits et annotés) - BSEI, t. VIII, số 4, 1933.

(Les) mille et une nuits (Contes arabes traduits par Galland) 3t. - Ed. Garnier frères, P, 1949.

MINH CHIẾU - Truyện cổ Phật giáo (6q) - Phật học viện Trung phần xb, Đà-nẵng, 1962.

MINH HUYỀN - Lão vua ngọc và hai chàng ăn trộm (Tập truyện giải trí về

giáo dục) - Nxb. Phổ thông, H, 1957.

MOHAMED EL FASI, DERMENGHEM (E.) - Contes Fasis (3è éd) - F. Rieder et Cie, P, 1926.

MONTEIL (C.) Contes soudanais - P, 1905.

Một nghìn lẻ một đêm (Nguyễn Quân dịch) I, II, III - Nxb. Sống mới, S, 1968.

MUS (P.) - Deux légendes Chames (Études indiennes et indochinoises) - BEFEO, t. XXXI, 1931.

N. X. T. - Contes et légendes (En quốc ngữ et en français) - [1910].

Nam-hoa mộc tượng ký 南華木匠記 (Trong [Nam hải] dị văn [南海] 異聞).

Nàng tiên ốc (cổ tích nước bạn) - Nxb. Thanh niên, H, 1956.

NẮNG MAI HỒNG - Truyện cổ tích Mông-cổ - Nxb. Nguyễn Du, H, 1957.

- Chàng láu giết rồng (Truyện cổ tích) - Nxb. Nguyễn Du, H, 1958.

- Truyện cổ tích Cao-miên (Khơ-me) - Nxb. Nguyễn Du, H, 1958.

NGHIÊM TOÀN - Việt-nam văn học sử trích yếu - Nhà sách Vĩnh Bảo, S, 1949.

NGỌC ANH - Chàng Rôk (Cổ tích Tây-nguyên) - NCVH, H, số 8, 1960.

- Cái rìu vàng (Tập truyện cổ tích miền núi) - Nxb. Kim Đồng, H, 1961.

- Chàng ná - NCVH, số 6, 1963.

NGỌC BỘI - Một làng ở Bà-rià bầu một con cọp làm hương chức - PT, S, số 249, VI - 1970.

(TRÚC KHÊ) NGÔ VĂN TRIỆN - Tình sử Việt-nam - Nhà in Tân dân, H, 1935.

NGUYỄN BÌNH - Truyện cổ tích Việt-nam (in lần thứ 3) - Nxb. Nguyễn Du, H, 1952.

NGUYỄN CHÍ THÀNH - Gốc tích thành Lôi ở Huế - Khai trí tiến đức tập san, H, số 4, 1941.

(THIÊN LÝ) NGUYỄN DI LUÂN - Việt nam dã sử - Nhà sách Bạch-đăng, S, 1950.

NGUYỄN DUY - Truyện cổ Việt-nam - Nhà sách Bốn phương, S, 1949.

NGUYỄN DŨ 阮與 - Truyền kỳ mạn lục 傳奇漫錄

- Cảnh Hưng 24 (1763) (VHv. 1840).

NGUYỄN ĐÌNH NAM (THƯỢNG HIỀN) 阮鼎南 (尚賢)

- Hát-đông thư dị. 喝東書異 Sách hán chép tay (VHv. 2382).

NGUYỄN ĐỒNG CHI - Ý nghĩa truyện Chử đồng tử - Tập san Nghiên cứu Văn Sử Địa, H, số 17, 1956.

- Lược khảo về thần thoại Việt-nam - Nxb. Văn sử địa, H, 1956.

NGUYỄN KINH CHI, NGUYỄN ĐỒNG CHI - Mọi Kon-tum - Mộng Thương thư trai xb, Huế, 1937.

NGUYỄN HUY TƯỜNG - Thăng Quấy (Truyện cổ Tây-nguyên) - Nxb. Thanh niên, H, 1955.

NGUYỄN HUY TƯỜNG, THANH THANH - Con cóc là cậu ông giời - Nxb. Thanh niên, H, 1956.

NGUYỄN HỮU RẰNG - Thơ ông Thủ Huồn - S, 1915.

NGUYỄN KHẮC NGŨ - Cổ tích Chàm - VHNS, S, số 38, 1959.

- Một giả thiết về truyện Tấm Cám - VHNS, S, số 41,42,44, 1959.

- Bà Xá-y-nư tức bà Ba Tranh (Dã sử Chiêm-thành) - VHNS, S, số 51, 1960.

NGUYỄN KHẮC XƯƠNG - Truyền thuyết Hùng Vương - Ty văn hóa thông tin Phú-thọ, 1963.

NGUYỄN QUỲNH - Cổ tích nức cười (Sự tích của năm vị tướng tài là người Việt-nam) - S (?).

NGUYỄN THỊ DƯƠNG HIỀN - ông thiện ông ác - Nxb. Nguyễn Du, H, 1958.

NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM - Công việc ghi chép và sắp xếp truyện cổ dân gian - BK, S, số 344, V - 1971.

NGUYỄN THÚC KHIÊM - Sự tích Dương Đình Chung, hay là Trạng Lợn - Nhà in Thái Sơn đường, H, 1934.

- Truyện ông Nghè Tân - NP, số 153, 1930.

- Dã sử quan Trạng Gầu (Tổng Trân - Cúc Hoa) NP, số 150-160, 1931.

(ÔN NHƯ) NGUYỄN VĂN NGỌC - Truyện cổ nước Nam: A-Người ta; B-Muông chim (2 tập) - Vĩnh Hưng Long thư quán, H, 1933-34.

NGUYỄN VĂN XUÂN - Giai thoại một thời: đôi hia - BK, S, số 382, XI - 1972.

NGUYỄN VỸ - Vết son trên má tiểu thư - PT, S, số 14, VI - 1959.

Người lấy cóc - Nhà in Quảng tế, H, 1942.

Người thông minh (Truyện dân gian Trung-quốc) - Nxb. Kim Đồng, H, 1961.

Nhà sư và người thợ mộc (Truyện cổ tích Mông-cổ, Trần Cao Thụy dịch) - Nxb. Kim Đồng, H, 1957.

Nhớ nguồn (Năm truyện cổ tích) - Nxb. Minh Đức, H, 1957.

NIPPGEN (J) - Les contes de Siddhi-Kũr - RETP, t. IV, 1923.

Nói chuyện cũ - Thực nghiệp dân báo, H, 1923 - 24.

NORDEMANN (E.) - Chrestomathie annamite (2è éd.) - IDEO, H, Hải Phòng, 1917.

- Chrestomathie sino-annamite (4 tập) - Nhà in Mạc Đình Tư, H, 1914.

NÔNG TRUNG - Chu Hùng Ú (dân tộc Nhắng) - Văn nghệ, H, số 45, 1961.

NÔNG TRUNG, HẢI CHI - Cô gái đẹp với hạt cơm nguội (Truyện cổ tích miền núi) - Nxb. Kim Đồng, H, 1960.

NÔNG VIẾT TOẠI - Hai em bé mồ côi (Truyện cổ tích Tày, Việt-bắc) Nxb. Phổ thông, H, 1957.

Ông lão dưới giếng (Tập truyện cổ tích) - Nxb. Kim Đồng, H, 1960.

Ông Vũ trị thủy (Tập truyện cổ tích dân gian của nhiều nước xã hội chủ nghĩa) - Nxb. Kim Đồng, H, 1964.

PALUMBO (V.O.) - Mythologie populaire comparée - Le Muséum, t.I, q.III, 1882.

(Le) Pantcha-Tantra ou les cinq ruses (Traduit par l abbé G.A Dubois) - A. Barraud, P, 1872.

PAVET DE COURTEILLE (A.) - Nouvelles et mélanges - JA, 7è série. t. IV, 1886.

PAVIE (A.) - Contes populaires du Cambodge, du Laos et du Siam - E. Leroux, P, 1903.

PAVIE (TH.) - Choix de contes et nouvelles traduites du Chinois - Duprat,

P, 1839.

PERCHERON (M.) - Contes et légendes d Indochine - F. Nathan, P, 1955.

PERET (B.) - Anthologie des mythes, légendes et contes populaires d Amérique. - Abel Michel, P, 1960).

PERI (NOEL) - Un conte hindu au Japon - BEFEO, t. XV, số 3, 1915.

PHẠM DUY KHIÊM - Légendes des terres sereines - Taupin, H, 1942.

- La jeune femme de Nam-xương - Taupin, H, 1941.

PHẠM ĐÌNH DỤC 范廷煜 - Vân nang tiểu sử 雲囊小史 - NP, (phần chữ Hán), số 5 - 15 (1917 - 18).

PHẠM ĐÌNH HỔ 范廷琥, NGUYỄN ÁN 阮案 - Tang thương ngẫu lục 桑滄偶錄 - Hiệu thư lâu tàng bản, Minh Mệnh 17 [1836], (VHv. 1413).

PHẠM ĐÌNH HỔ 范廷琥 - Vũ trung tùy bút. 雨中隨筆 - Sách hán chép tay (VHv. 1466).

PHẠM QUANG - Chiếc gương thần (Truyện cổ Việt-nam) - Linh Quang xb, S, 1962.

PHẠM THÀNH KÍNH - Về con cua - Nhà in H.K. Danh, S, 1913.

PHẠM VĂN ĐIỀU - Truyện cổ Việt-nam - VHNS, S, số 37, 1958 - 59.

PHẠM VĂN THÌNH - Chuyện đời xưa - Nhà sách Bảo tồn, S, 1930.

PHẠM XUÂN THÔNG - Người đàn bà tóc trắng (Truyện cổ tích Chiêm-thành) - Nxb. Phổ thông, H, 1961.

- Hoa Bơ Nga Chơ re (Truyện dân gian Chăm) - Nxb. Kim Đồng, H, 1973.

PHAN [ĐĂNG] NHẬT - Tìm hiểu Thạch Sanh Ở Cao-bình, Hòa-an, Cao-bằng - TCVH, H, số 6, 1972.

PHAN KẾ BÌNH - Nam hải dị nhân liệt truyện - H, 1912.

PHONG CHÂU - Tăm Cám có thật ở Việt-nam không? - Tập san Nghiên cứu Văn Sử Địa, H, số 39, 1958.

Phù dung giai thoại 芙蓉佳話 - Sách hán chép tay (AB. 235).

PHỤNG HOÀNG SANG, DƯƠNG DIẾP - Truyện tiểu đàm (in lần thứ 2) - Imp. de l Union, S, 1914.

PHƯƠNG HÀ, PHAN THIÊN - Chuyện chàng Khum Cọ (Tập truyện cổ tích miền núi) - Nxb. Phổ thông, H, 1960.

PHƯỢNG NAM - Việt-nam thần tích - Tứ dân văn uyển, H, 1938.

PORÉE MASPÉRO (ÉVELINE) - Étude sur les rites agraires des Cambodgiens - P, 1969.

POUCHAT (J.), PHẠM VĂN THÙY (dịch) - Các truyện dị đoan thuộc về loài cây và loài vật mà An-nam ta xưa nay hay tin xằng - IDEO, H, 1911.

POURRA (H.) - Le trésor des contes - Gallimard, P, 1948 - 51.

PÔRÊMANXÉP (E.V. PORÉMANSEV) - Truyện dân gian Nga (Nguyễn Hải Sa dịch) - Nxb. Văn hóa (Viện Văn học), H, 1960.

PRŌP (V. VA PROPP) - Hình thái học của truyện cổ tích (xb. lần thứ hai) - Nxb. Khoa học Mát-xcơ-va, 1969.

PRZYLUSKI (J.) - La princesse à l'odeur de poisson et la nâgi dans les traditions de l'Asie orientale - Etudes Asiatiques, EFEO, t.II.

- Les prologue-cadre des Mille et une nuits et le thème du Svagamvara (Contribution à l'histoire des contes indiens) - JA, t.CCV, 1924.

PUTILÔP (B.N. POUTILOV) - Phương pháp luận nghiên cứu lịch sử so sánh về folklore - (Bản dịch đánh máy của Phan Ngọc, Ban Văn hóa dân gian).

Quả nho rừng (Tập truyện cổ tích của các nước bạn, Trần Cao Nguyễn và Nguyễn Kiên dịch) - Nxb. Phổ thông, H, 1957.

QUAN VIÊN - Chúa Trộm I,II - Nhà in Non nước, H, 1935.

- Thánh địa lý Tả Ao - [?].

QUELLIEN (N.) - Contes et nouvelles du pays du Tréguier - GP, Maisonneuve et Larose, P, [?].

QUỐC CHÍNH - Truyện cổ nước Lào - Nhà sách Khai trí, S, 1969.

QUỐC THỂ - Truyện cổ Trung-hoa - Nhà sách Khai trí, S, 1969.

- Truyện cổ Đông phương - Nhà sách Khai trí, S, 1970.

RENEL (CH.) - Contes de Madagascar (2 tập) - P, 1910.

RICHARD (HENRY) - Contes du pays d'Annam - RI, số 5, 1904.

RICHARD (M.) - Le chant de Hiawatha (légende indienne) - Piazza, P, 1927.

RICQUEBOURG (J.) - La légende de la montagne de marbre - RI, 1905.

- La terre du dragon - Sansot et Cie, P, 1907.

RÍPTIN (B. RYFTINE), KHAXANỐP (M. KHASSANOV) - Truyện cổ và

truyền thuyết dân gian Đun-gan - Nxb. Khoa học, Mát-xcơ-va, 1977. (Bản dịch đánh máy của Nguyễn Hưng, Ban Văn hóa dân gian).

ROLLET - L Afrique nous a conté - P, 1936.

SAINTYVES - Les vierges-mères et les Naissances miraculeuses - Nourry, P, 1908.

- Les contes du Perrault - [?], 1923.

SALLET (Dr. A.) - Le sorcier et la sorcière (Thầy Thím). Contribution au folklore du Sud Annam - Extrême-Asie, số 5, III - 1925.

- Étiologie populaire d Annam - Mémoire de l académie des sciences de Toulouse, 13 série, t.IV, 1944.

- Les souvenirs chams dans le folklore et les croyances annamites du Quảng-nam - BAVH, Huế, IV-VI - 1923.

SÉBILLOT (P.) - Contes populaires de la Haute Bretagne - Ed. Charpentier, P, 1881.

- La Bretagne enchantée. Poésies sur les thèmes populaires - GP, Maisonneuve et Larose, P, [?].

- Le folklore de France (4 tập) - Guil moto, P, [(?).

SEILER (G.) - La dette d amour, légende annamite - RI, 1912.

- Le crapaud (Conte annamite) - RI, t.XXXVIII, số 9-10, 1922.

SIMARD - Contes et légendes annamites - RI, số 28, 56, 1906-07.

SOMADEVA - The ocean of story being C.H. Tawney s translation of Somadeva s Katha Sarit Sagara (Or ocean of streams of Story). Now éditée with introduction fresh explanatory notes and terminal essay by N. M. Penser, London.

SOMBSTHAY (E.) Trente contes et légendes tonkinois - F. H. Schneider, H, 1893.

SÔNG GIANH - Mười cóc tía - Nxb. Kim Đồng, H, 1969.

Sơn cư tạp thuật 山居雜述 - Sách hán chép tay (A.822).

SƠN NAM - Chuyện xưa tích cũ (in lần thứ 2) - Nxb. Rạng đông, S, 1963.

- Chuyện xưa tích cũ I, II - Nhà sách Khai trí, S, 1968-69.

Sự tích con gà rừng (Tập truyện cổ tích miền núi) - Nxb. Kim Đồng, H, 1959.

Sự tích ông Trạng Lợn - Gia Liều đường, Khải Định 9 [1924] (AB.452).

Sự tích ông Trạng Quỳnh - Liễu Văn đường (AB.405).

Sử Nam chí dị 史南志異 - Sách nôm chép tay, Tự Đức 30 [1877] (AB.385).

Sưu thần ký 搜神記 - Trung-hoa thư cục, Bắc-kinh.

TẠ MINH HỘI, ĐÀO TỬ CHÍ - Lấy vợ tiên (Truyện cổ tích Tây-nguyên) Nxb. Phổ thông, H, 1957.

- Thăng Cuội (Cổ tích Tây-nguyên) - Nxb. Phổ thông, H, 1957

TATTEVIN - Mythe et légendes du Sud de l'île Pentecôte, Nouvelle Hébride - Anthropos, t.XXVII, 1931.

Tấm gương nhỏ (Tập truyện cổ tích) - Nxb. Kim Đồng, H, 1960.

TAUPIN (J.) - Une douzaine d'équitables jugements de Bodisattwa - BSEI, 1886.

Tân tề hài 新齊諧 - Bản chép tay gia đình.

Tập truyện kể cho thiếu niên (Cổ tích trong và ngoài nước) - Nxb. Bộ Giáo dục, H, 1957.

TERRAL (I.) - Samuddaghosa jātaka. Conte pâli tiré du Pannā jātaka - BEFEO, t. XLVIII, q.I, 1948.

Thái-bình quảng ký 太平廣記 - Trung-hoa thư cục, Bắc-kinh.

THÁI HOÀNG, ĐÌNH TÚ - Truyện cổ tích Diển-diện - Nxb. Nguyễn Du, H, 1985.

THÁI KIM ĐỈNH - Cá gáy hóa rồng (Truyện dân gian Hà-tĩnh), tập 1 - Ty văn hóa Hà-tĩnh xb, 1972.

- Núi Thiên-cầm (Truyện dân gian), tập II - Ty văn hóa và Hội Văn nghệ Hà-tĩnh xb, 1975.

THÁI VĂN KIỂM - Hai sự trạng trái ngược của một danh y - VHNS, số II, 1956.

THANH LĂNG - Văn học khởi thảo: Văn chương bình dân.

Thánh Tông di thảo 聖宗遺草 - Sách hán chép tay (A.202).

Thánh Tông di thảo 聖宗遺草 - (Nguyễn Bích Ngô dịch) - Nxb. Văn hóa (Viện Văn học), H, 1963.

THAO NHOUY - Folklore Laotien Xine-Xay - BSEI, t.IX, số 4, 1934.

Thằng Cuội (Cổ tích Tây-nguyên) - Nxb. Kim Đồng, H, 1958.

THI ĐẠT CHÍ - Truyện cổ Việt-nam, Truyện thành ngữ Trung-hoa - Nhà sách Khai trí, S, 1961.

Thiên lôi bị đòn - x. ĐÌNH TÚ.

Thính văn dị lục 聽聞異錄 - Sách hán chép tay (A.393).

THÙY DƯƠNG TỬ - Vua Nam-chiếu - PT, S, số 244-246, V-VI - 1970.

TIỀN ĐÀM - Cai Vàng là người thế nào? - Tri tân, H, số 25, 1941.

- Sự thực về ông Nghè Tân - Tri tân, H, số 30, 1942.

Tiếng gọi cô ời! (Truyện cổ tích miền núi) - Nxb. Dân tộc, Việt-bắc, 1961.

TISSOT - Cours Supérieur d Annamite, 1910.

TOAN ÁNH - Nếp cũ, Hội hè đình đám, quyển Thượng và Hạ - Nam Chi tùng thư, S, 1969, 1974.

- Thần thoại và tôn giáo thoại - BK, số 336, I - 1971.

TÔ LINH THẢO - x. VŨ NGUYỄN HANH.

Tống Trân - Cúc Hoa - Imp. Ngô Tử Hạ, H, 1932.

TRẦN HƯƠNG TỬ - Điểm sách "Luận lý và tư tưởng trong huyền thoại" - BK, S, số 272, V - 1968.

TRẦN KIM, ĐÀO THẦN - Ông thần núi (Truyện cổ tích) - Nxb. Kim Đồng, H, 1957.

TRẦN LÊ VĂN - Nàng trắng nàng đen (Chuyện Tấm Cám của đồng bào Tây-bắc) - Nxb. Ánh sáng, H, 1955.

TRẦN NGHĨA - Truyền thuyết Mỹ Châu - Trọng Thủy phát triển qua các thời đại - NCVH, H, số 4, 1962.

TRẦN NGỌC NINH - Huyền thoại Việt-nam (tìm hiểu huyền thoại dân tộc qua huyền thoại học so sánh) - Tân văn nguyệt san, S, số 13-14, 1969.

- Huyền thoại học và huyền thoại lý học Việt-nam - Văn hóa tập san, S, số 2, 1974.

TRẦN PHÚC LÊ - Chuyện giải buồn (2è éd., revue et corrige) - F. H. Schneider, S, 1910.

TRẦN THÁI ĐỈNH - Con người huyền thoại - Tân văn nguyệt san, S, số 7-8, 1968.

- Sống và chín, hay là áp dụng thuyết cơ cấu vào dân tộc học - Tân văn

nguyệt san, S, số 11-12, 1969.

TRẦN THANH MAI - Quan điểm duy vật máy móc và duy vật biện chứng trong cách nhận định một truyện cổ tích - Nxb. Sông Lô, H, 1955.

- Tìm hiểu và phân tích truyện cổ tích Việt-nam I, II - Nxb. Sông Lô, H, 1955.

TRẦN TỪ, BẠCH ĐÌNH - Cõi sống và cõi chết trong quan niệm cổ truyền của người Mường - NCLS, H, số 140-141, 1971.

TRẦN VĂN GIÁP - Sách Lĩnh-nam chí quái - NCLS, H, số 115, 1968.

- Lược khảo sách Việt điện u linh tập - TCVH, H, số 8, 1968.

TRẦN VƯỢNG - Lọ nước thần hay là truyện vợ chồng anh hàng hành (Cổ tích Việt-nam) - Nxb. Phổ thông, H, 1958.

(NHẬT NHAM) TRỊNH NHƯ TẤU - Bắc-giang địa chí - Nhà in Chân Phương, H, 1937.

TRỊNH THỰC OANH, TRIAIRE (M.) - La Tortue d'or (Contes du pays d'Annam) - IDEO, H, 1940.

Truyền thống anh hùng dân tộc trong loại hình tự sự dân gian Việt-nam - Nxb. Khoa học xã hội, H, 1971.

Truyền văn tân lục 傳聞新錄 - (bản chữ hán chép tay).

Truyện chàng Chuối - Nhà in Kim Khuê, H, 1929.

Truyện cổ Ba-na (Tây-nguyên) I, II - Nxb. Văn học, H, 1965.

Truyện cổ Ca-tu - Nxb. Văn học, H, 1968.

Truyện cổ Chàm - Nxb. Văn hóa dân tộc, H, 1978.

Truyện cổ dân gian [của các dân tộc] Việt-nam (4 tập) - tổ Văn học dân gian, Viện Văn học hiệu chỉnh - Nxb. Văn hóa (Viện Văn học), H, 1963 - 67.

Truyện cổ dân gian Thanh hóa I - Ty Văn hóa Thanh-hóa.

Truyện cổ Tây-nguyên - Nxb. Phổ thông, H, 1962.

Truyện cổ Thái - Nxb. Văn hóa, H, 1980.

Truyện cổ tích Ấn-độ - Nxb. Nguyễn Du, H, 1957.

Truyện cổ tích In-đô-nê-xi-a - Nxb. Kim Đồng, H, 1959.

Truyện cổ tích Nhật-bản - Nxb. Nguyễn Du, H, 1957.

Truyện cổ tích trẻ em - Nhà in Ngọc Hưng, H, 1952.

Truyện cổ tích Việt-nam. 1- Những truyện kỳ lạ. 2- Truyện cười - Nxb. Nguyễn Du, H, 1957.

Truyện cổ Việt-bắc I, II, III, - Nxb. Việt-bắc, 1973 - 76.

Truyện cổ Việt-bắc - x. HOÀNG QUYẾT. HOÀNG THAO...

Truyện dân gian Căm-pu-chia - x. LÊ TRỌNG KHÁNH...

Truyện dân gian Miến-điện (Minh Trí, Văn Minh, Hoàng Hải dịch) - Nxb. Văn học, H, 1963.

Truyện dân gian Trung-quốc I - Nxb. Ngoại văn, Bắc - kinh, 1958.

Truyện dân gian Trung-quốc (Thái Hoàng, Bùi Văn Nguyên dịch) - Nxb. Văn hóa (Viện Văn học), H, 1963.

Truyện đời xưa (Sách dùng cho học sinh cấp I phổ thông) - Nxb. Giáo dục. H. 1969

Truyện thần tiên Á đông I, II - Imp. Đức lưu phương, S, 1928.

Truyện Trương Chi - Nhà in Phúc Chi, H, [?].

TRƯƠNG QUANG LỘC - Vú đá (Cổ tích và truyền thuyết dân gian miền Nam) - Nxb. Phổ thông, H, 1957.

TRƯƠNG QUỐC DỤNG 張國用 - Thoái thực ký văn 退食記聞- Sách hán chép tay (A. 1499).

TRƯƠNG VĨNH KÝ (P.) Ước lược truyện tích nước Nam - S, 1887.

- Chuyện đời xưa (Lựa nhón lấy những chuyện hay và có ích) - Lib. Imp. Qui-nhơn, 1909.

- Chuyện khôi hài. Passe temps - C. Guillot et Martinon, S, 1882.

TRƯƠNG VĨNH TỔNG - Mỹ ẩm tùy bút (Nhàn trung đàm thoại) - Nông công thương, S, từ số 89 (1938-39) [chưa hết].

- Truyện lạ nước Nam (Cổ tích bị khảo) - Nông công thương, S, từ số 88 (1938 - 39).

TRƯỜNG SỰ PHẠM MIỀN NÚI - Truyện cổ tích miền núi - Nxb. Văn hóa, H, 1958.

TÙNG LÂM - Truyện cổ chọn lọc - Nxb. Thế giới, S, 1957.

Truyện cổ Trung-hoa - Nxb. Thế giới, S, 1957.

TUYẾT NGÀ - Histoire de Chữ đồng tử - FA, số 40, 1949.

Tư liệu tham khảo văn học Việt-nam, t.I: Văn học dân gian. I, II - Nxb.

Giáo dục, H, 1974.

Un écho du folklore cambodgien - FA, số 37-38, IV-V - 1949.

VALLON (R.) Seigneur tigre et Cie. Conte d Annam - S, 1942.

VAN BERCHEM (MAX) - Conte arabe en dialecte égyptien - JA, 8è série, t. XIV, 1889.

VAN GENNEP (A.) - Religion, moeurs et légendes. Essais d ethnographie et de linguistique (5 tập) - Mercure de France, P, 1908.

- La formation des légendes - Flammarion, P, 1912.

Văn học dân gian cổ truyền Hà-giang - Ty văn hóa Hà-giang, 1971.

Văn học dân gian tỉnh Lào-cai (4 tập) - Ty văn hóa thông tin Lào-cai, [1963 - 70]

VĂN TÂN - Mấy ý kiến về truyện cổ tích (nhân đọc Truyện cổ tích Việt nam của Vũ Ngọc Phan và quyển Quan điểm duy vật máy móc và duy vật biện chứng trong cách nhận định một truyện cổ tích của Trần Thanh Mại) - Tập san Nghiên cứu Văn Sử Địa, H, số 14, 1956.

VĂN TRỌNG - Chuyện lạ nhà Nam (Les contes fantastiques du pays d Annam) 2 tập - Imp. Indochinoise, H, 1934.

VÂN HẠC - Chuyện "Giết chó khuyển chồng" có phải là chuyện nước ta không? - Trung Bắc chủ nhật, H, số 222, 1944.

VÂN HẢI - Con cá có mỏ (Tập truyện cổ tích Cầm-pu-chia) - Nxb. Kim Đồng, H, 1963.

VÂN UYÊN (cô) - Huyền thoại Cao Biền yểm đất ở dãy núi đèo Cả - PT, S, số 247, VI - 1970.

Về chú Lúa - Sách nôm chép tay ở Bình-định.

Vết chân lạc đà (Truyện cổ tích) - Nxb. Kim Đồng, H, 1957.

Vỏ quýt chưa dày - x. ĐÀO QUẢN...

VÕ QUANG NHƠN - Chàng Đam Thí - Nxb. Kim Đồng, H, 1972.

VÕ XUÂN PHỔ - Góp ý kiến về nguồn gốc truyện Thạch Sanh - Tập san Nghiên cứu Văn Sử Địa , số 19, 1956.

VOSSION (L.) - Contes Birmans, d après le Thoudamma Sâri Dammazat - E. Leroux, P, 1901.

VŨ KHẮC MINH, PHAN HÀN KHANH - Truyện chúa Chổm - Nhà in

Mạc Đình Tư, H, 1914.

VŨ LANG - Cổ tích Chàm và cổ tích Việt-nam - Văn hóa Á châu, S, số 15-16, 1959.

VŨ NGỌC PHAN - Tiểu Nhiên Mị Cơ - Nxb. Hương-sơn, H, [1941].

- Truyện cổ Việt-nam - Nxb. Văn sử địa, H, 1955.

- Tìm hiểu quá trình hoàn chỉnh của một số truyện cổ dân gian Việt nam - TCVH, H, số 5, 1964.

- Quả bầu kỳ lạ (Truyện cổ tích Việt-nam) - Nxb. Kim Đồng, H, 1965.

[VŨ NGỌC PHAN] - Tấm gương nhỏ - Nxb. Kim Đồng, H, 1960.

VŨ NGUYỄN HANH [TRINH] 武元亨 [貞] - Kiến văn lục 見聞錄
- Sách hán chép tay (A. 1 562).

(LAN TRÌ) VŨ NGUYỄN HANH (蘭池) 武元亨 - Đại Nam kỳ nhân liệt truyện (Tô Linh Thảo dịch) - Nhà in Quảng Thịnh, H, 1930.

VŨ PHƯƠNG ĐỀ 武芳提 - Công dư tiệp ký 公餘捷記 (Đoàn Thăng dịch) - Bản đánh máy của Viện Văn học.

VŨ QUỲNH 武瓊, KIỀU PHÚ 橋富 - Lĩnh-nam chích quái 嶺南滴怪, truyện cổ dân gian Việt-nam (Đinh Gia Khánh, Nguyễn Ngọc San dịch) - Nxb. Văn hóa (Viện Văn học), H, 1960.

VŨ TUẤN SAN - Truyền thuyết về Thánh Gióng - NCLS, H, số 106, 1968.

VŨ TƯỜNG KHANH - Truyện cổ Việt-nam - Nxb. Thế giới, S, 1969.

VŨ VĂN LỄ - Truyện công chúa Nân Manôra - VHNS, S, Số 29, 1958.

VƯƠNG HỒNG SẼN - Ngọc diện miếu - PT, S, số 96, 1963.

WIEGER S.J.(L.) - Rudiments, 5 et 6, Narrations populaires - Imp. de la Mission Catholique, Hà-gian phủ, 1903.

- Folklore chinois moderne - Imp. de la Mission Catholique, Hà-gian phủ, 1909.

Y KHUU (kể), NHẬT LAI (ghi) - Truyện anh Đông Tư - Nxb. Phổ thông, H, 1957.

ZACHARKO (Mnt E. DE) - Contes Sartes - le Muséum. t.XXXIX, 1926

ZELTNER (F. DE) - Contes du Sénégal et du Niger - P. 1913.

ZUCCHELLI (P.FLORENT) - Contes populaires du Viêt-nam d autre fois -
Coconnier ed., [P], 1968.

[1] Đặc biệt ở đây có sự đóng góp của vợ tôi, Đoàn Thị Tịnh, trong công việc sưu tầm, và con tôi, Nguyễn Huệ Chi, trong việc cùng tôi hoàn thiện phần Nghiên cứu và phần Tổng luận.

Nguyễn đông Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
II. BÁO VÀ TẠP CHÍ

Anthropos

Bách khoa (BK)

Bulletin de la société des Études indochinoises (BSEI)

Bulletin des amis du vieux Huế (BAVH)

Bulletin de l'École française d'Extrême-orient (BEFEO)

Dân gian văn học 民間聞學, Bắc-kinh

Đồng thanh tạp chí

Đuốc tuệ

Excursions et Reconnaissances (ER)

Extrême - Asie

Folklore Fellows Communications (FFC)

France - Asie (FA)

Hà-nội báo

Hữu thanh tạp chí

Institut indochinois de l'Étude de l'homme (IIEH)

Journal Asiatique (JA)

Le Muséum

Nam phong tạp chí (NP)

Nghiên cứu lịch sử (NCLS)

Nghiên cứu văn học (NCVH)

Nghiên cứu Văn Sử Địa

Nông công thương

Notre revue

Nước non tuần báo

Orient and Occident

(Les) pages de l'Indochine

Phổ thông (PT)

Phụ nữ tân văn

Phương Đông

Revue d Ethnographie et des Traditions populaires (RETP)

Revue d Ethnographie et de Sociologie (RES)

Revue des Traditions populaires (RTP)

Revue des troupes coloniales

Revue franco - annamite

Sud - Est

Tạp chí văn học (TCVH)

Tân thanh tạp chí

Tân văn

Thanh Nghệ Tĩnh tân văn

Thực nghiệp dân báo

Tiểu thuyết chủ nhật

Tiểu thuyết thứ bảy

Tràng an

Trí tân tạp chí

Trung Bắc chủ nhật

Trung Bắc tân văn

Tứ dân văn uyển

Văn hóa Á châu

Văn hóa nguyệt san (VHNS)

Văn hóa tập san

Văn nghệ

Văn nghệ dân gian

III- TÀI LIỆU CHÉP TAY

Cổ tích và tiểu dẫn (Mạnh Sào Quan).

Nghệ-an tỉnh khai sách, tài liệu chữ nôm chép tay của Thư viện Khoa học xã hội, Hà-nội, ký hiệu từ VNV. 19 đến VNV. 55 và từ VNV. 1826 đến VNV. 1830.

Chủ yếu là các bản:

Bản khai của thôn An-trạch xã Giang-triều

Bản khai của thôn Bùi-ngọ

Bản khai của thôn Cát-ngạn

Bản khai của thôn Chính-đích xã Mỹ-lợi

Bản khai của thôn Diển-lễ

Bản khai của xã Đức-mỹ

Bản khai của xã Hoàng-nghĩa

Bản khai của xã Hoàng-tràng

Bản khai của thôn Hướng-dương

Bản khai của sách Hữu-lập, sách Vĩnh-lại, sách Nhiêu-hợp

Bản khai của thôn Ngọc-sơn, xã Xuân-lâm

Bản khai của thôn Quang-lãng

Bản khai của tổng Quỳ-dương

Bản khai của tổng Quỳnh-lâm

Bản khai của thôn Thanh-đoài

Bản khai của xã Thanh-tân

Bản khai của tổng Thanh-xuyên

Bản khai của thôn Vĩnh-an

Bản khai của xã Võ-liệt

Bản khai của xã Xuân-thịnh

Bản những truyện dân gian: cây cỏ, chim muông, yêu ma

Sự tích Nùng Trí Cao (Hoàng Quyết)

Tài liệu tham khảo văn học Việt-nam (nhiều người kể)

[Tài liệu truyện kể] (nhiều người kể)

Thần tích 神迹 (điều tra phong tục của Hội Folklore Đông - dương), tài liệu chữ hán chép tay của Thư viện Khoa học xã hội, Hà-nội. Ký hiệu Q.418 từ 1 đến 37 và AE

Thần tích xã Bạch-ngọc

Thần tích xã Đa-mỗ

Thần tích xã Đại-quan

Thần tích xã Đại-trạch

Thần tích xã Lại-thâm

Thần tích xã Lý-trai

Thần tích xã Mễ-trì

Thần tích xã Phương-viên

Thần tích xã Thế-lộc

Thần tích xã Xuân-cảo

Tiên-hương thần tích

[Truyện cổ Hà-tĩnh] (Thanh Minh)

Truyện bể dâu (Mạnh Sào Quan)

Truyện cổ tích Tày (Thân Văn Lữ)

Truyện cổ tích Thái-lan (lược dịch của Dương Xuân Cường)

[Truyện cổ, truyền thuyết Tày Nùng] (Hoàng Quyết)

Truyện dân gian ngày xưa (Nguyễn Phi Tạo)

[Văn học dân gian Nghệ - Tĩnh] (Ninh Viết Giao)

Văn học dân gian sưu tầm ở Ích-hậu (Nguyễn Đồng Chi và Đoàn Thị Tịnh)

Nguyễn đồng Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM
TỪ BÌNH DIỆN MỘT CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam gồm 5 tập, được công bố lần lượt trong vòng 25 năm, từ năm 1958 đến 1982[1]. Ngay khi hai tập đầu tiên vừa ra mắt, bộ sách đã được bạn đọc ngoài Bắc trong Nam chú ý, và lập tức có tiếng vang ở nước ngoài[2]. Tập 3 tiếp tục ra mắt vào năm 1960, đã khẳng định vị trí hiển nhiên của tác giả trong ngành cổ tích học. Từ đấy cho đến khi tập IV xuất hiện (1975), theo yêu cầu của bạn đọc, các tập I, II, III đều kế tiếp ba bốn lần được in lại. Có thể nói, chỉ với ba phương diện sưu tầm, khảo dị và kể chuyện cổ tích, Nguyễn Đồng Chi đã sớm nổi bật lên như một chuyên gia đầu đàn. Lê Văn Hảo và Tạ Phong Châu từ hai phương trời cách biệt (Paris - Hà Nội), từng có những lời đánh giá nhất quán về ông[3]. Tuy vậy, phải đến ngày bộ sách xuất bản trọn vẹn (1982), tư cách nhà cổ tích học Nguyễn Đồng Chi mới hiện diện đầy đủ nhất, ở chức năng người tổng kết loại hình truyện cổ dân gian Việt-nam.

Với Phần thứ nhất của tập I, Nguyễn Đồng Chi đã trình cho bạn đọc ý kiến của mình về "Bản chất truyện cổ tích", "Lai lịch truyện cổ tích" và "Truyện cổ Việt-nam qua các thời đại". Với phần III và V, ông lại có dịp bàn trở lại các vấn đề "Đặc điểm truyện cổ tích Việt-nam". Việc tái bản cùng lúc cả 5 tập vào năm 1993[4] càng giúp ta có điều kiện xem xét cả hai phần trong một cái nhìn chỉnh thể. Nếu gộp hơn 80 trang phần đầu và gần 250 trang phần cuối, quả thực người đọc đã được tiếp xúc với một chuyên đề lí luận về truyện cổ tích Việt-nam khá nghiêm túc và hoàn chỉnh. Dưới đây, sẽ chỉ xin điểm qua một số vấn đề mà chúng tôi thấy có thể làm rõ hơn quan điểm và phương pháp nghiên cứu của tác giả, những vấn đề rút ra có phần ngẫu nhiên và chưa hẳn đã là trọng điểm trong hệ thống các vấn đề cổ tích học

được Nguyễn Đồng Chi lựa chọn và trình bày.

*

* *

1. Có vấn đề đã từng là nội dung trao đổi của một số người. Chẳng hạn, để nhận dạng thể nào là một truyện cổ tích, Nguyễn Đồng Chi nêu lên 3 tiêu chí sau đây: 1. Phải có phong cách cổ; 2. Phải gần gũi với bản sắc dân tộc; 3. Phải có tính tư tưởng và tính nghệ thuật cao (Tập I, tr. 65-72). Trên tạp san B.E.F.E.O năm 1964, M. Durand đã không thỏa mãn với cách lý giải quá vắn tắt của tác giả về tiêu chí thứ nhất, và tỏ ý nghi ngờ: "Đâu là ranh giới giữa cái "kim" và cái "cổ"? Những truyện có liên quan đến thời Tự Đức (1848 - 1883) phải được xem là "cổ" hay "kim"? (Bản dịch, Tập I, tr. 495)[5]. Thật ra, Durand đã không hiểu đúng thực chất luận điểm của Nguyễn Đồng Chi. Phải nói đây là một vấn đề lý thú, được ông nghiên cứu rất sâu, nhằm tiếp cận thật xác đáng đặc trưng của một thể loại. Chúng ta ai mà chẳng từng gặp tình trạng bối rối khi muốn phân biệt truyện cổ tích với một vài thể loại tự sự dân gian khác rất gần với nó, như truyền thuyết, ngụ ngôn, truyện thời sự chẳng hạn? Căn cứ thuyết phục nhất làm chỗ dựa trong những trường hợp này là ở đâu? Kinh nghiệm thực tế cho thấy không thể phân biệt chúng ở nội dung hay hình thức câu chuyện, vì chúng khá giống nhau; cũng không thể phân biệt ở chức năng, vì không nhất thiết cứ truyền thuyết, ngụ ngôn, truyện thời sự thì chức năng phải khác với cổ tích. Cuối cùng, Nguyễn Đồng Chi đã tìm ra sự khác nhau giữa chúng là ở cấp độ nghệ thuật. Cả 3 tiêu chí mà tác giả đề xuất đều thống nhất với nhau ở chỗ: muốn biện minh rõ cổ tích là thể loại "đã đạt đến cấp độ cao trong nghệ thuật tự sự truyền miệng" (tr. 72), "là một loại hình tự sự hoàn chỉnh nhất trong các loại hình tự sự dân gian" (tr. 70-71) Đó là mấu chốt để ông triển khai lập luận liên hoàn của mình. Vận dụng vào tiêu chí thứ nhất: đặc trưng "cổ" của cổ tích, ông không hiểu đơn giản như Durand là phải định cho được một vạch mốc lịch sử để qua đó phân chia đâu là "kim" đâu là "cổ". Định một vạch mốc hẳn không phải là chuyện khó,

nhưng dựa vào nội dung thông báo của từng truyện cổ tích mà xếp vào trước hay sau vạch mốc thì khó vô cùng. Bao nhiêu người đã từng thất bại khi muốn "suy nguyên" niên đại đối với thơ và truyện dân gian? Vì thế, chỉ có một cách duy nhất định vị cái "cổ" của cổ tích là ở phong cách nghệ thuật. Nguyễn Đông Chi giải thích rất cặn kẽ điều này: "Vấn đề xác định tính "cổ" của truyện cổ tích là căn cứ chủ yếu vào phương thức cấu tạo, hình tượng, sự sắp xếp, khâu chuỗi cốt truyện và mô-típ, mà không nhất thiết phải căn cứ vào thời điểm lịch sử của câu chuyện" (tr. 67). Hoặc: "Dù cho phạm vi hai khái niệm "cổ" và "kim" trong cổ tích không khỏi có lúc lẫn lộn nhưng mỗi nhân vật, mỗi tình tiết, mỗi hình ảnh của cổ tích đều nhất thiết phải là một nhân vật, một tình tiết, một hình ảnh vốn có truyền thống nghệ thuật xa xưa của văn học dân gian, được nhân dân coi là quen thuộc, đã thấm sâu vào tiềm thức mỗi người" (tr. 66). Chính vì thế mới có hiện tượng "cổ tích tân biên" - tức là truyện cổ tích mới sáng tác hôm nay - và không thể không thừa nhận nếu "tân biên" đúng theo những quy tắc nào đấy thì nó cũng sẽ hội nhập trọn vẹn vào kho tàng cổ tích; "Sở dĩ có những câu chuyện mới sáng tác gần đây có thể liệt vào truyện cổ tích là vì bối cảnh, khí hậu xã hội và tâm lý nhân vật mà chúng được xây dựng, so với bối cảnh, khí hậu, phong cách sinh hoạt và tâm lý của người đời xưa tuyệt không có gì là trái ngược" (tr. 68). Trái lại, cũng có những truyện như Vợ ba Đề Thám tuy cách ta trên nửa thế kỷ và mang thể tài cổ tích khá rõ nhưng trong đó có những tên giặc râu xồm mũi lõ, có súng trường, súng lục [thuộc loại "những chất liệu dĩ vãng... chưa kịp lắng xuống và chưa được đại đa số nhân dân công nhận là ở bên kia biên giới của cái "mới"]... nên vẫn chưa thể thừa nhận là truyện cổ tích được" (tr. 67). Rõ ràng hướng giải quyết vấn đề của Nguyễn Đông Chi là đúng đắn, phù hợp với cá quy tắc mỹ học folklore, và không gò bó vào lịch sử như yêu cầu của Durand.

2. Sau vấn đề xác định đặc trưng đến vấn đề phân loại truyện cổ tích. Điềm lại rất tỷ mỉ ý kiến phân loại trước mình, Nguyễn Đông Chi đã không thỏa

mãn với những cách chia quá vụn vặt và phần nào tâm đắc với Trương Tửu khi ông chia truyện truyền miệng thành hai loại: loại thần kỳ và loại thể sự. Áp dụng cho cổ tích, ông đưa ra một bảng phân loại mới gồm 3 loại như sau: 1. Cổ tích thần kỳ (trong lần in thứ nhất, 1957, ông gọi là cổ tích hoang đường; lần in thứ 5, 1972, mới đổi là cổ tích thần kỳ); 2. Cổ tích thể sự; 3. Cổ tích lịch sử. Từ bấy đến nay, ý kiến của ông cũng được bàn bạc khá nhiều. Trong khi M. Durand cho rằng cách phân loại này "cũng hình thức không kém gì những người trước ông" (bản dịch đã dẫn, tr. 496), thì Đinh Gia Khánh và Chu Xuân Diên lại coi "Nguyễn Đồng Chi... đã đưa ra cách phân loại tương đối hợp lý"[6], mặc dầu hai ông vẫn đề nghị không nên tách riêng cổ tích thần kỳ thành một loại, vì "truyện cổ tích lịch sử và truyện cổ tích thể sự nào cũng có yếu tố hoang đường (chính Nguyễn Đồng Chi cũng nhận như vậy). Và lại không có truyện cổ tích hoang đường nào mà lại không phản ánh lịch sử hoặc phản ánh đời sống thể tục"[7].

Về ý kiến của Durand muốn quay trở lại cách phân loại dựa vào tư tưởng chủ đề (thème) của cổ tích mà không tính đến các phương thức biểu hiện của nó, đến nay có lẽ không cần bàn giải cũng đã ngã ngũ. Phương pháp xã hội học thuần túy kiểu này không còn được mấy ai trong giới nghiên cứu folklore chấp nhận. Còn ý kiến của Đinh Gia Khánh và Chu Xuân Diên muốn gạt bỏ truyện cổ tích thần kỳ ra khỏi bảng phân loại thì với thời gian cũng đã tỏ ra không hợp lý, nếu ta biết rằng cổ tích thần kỳ đã thành tên gọi một loại hình có ý nghĩa thế giới, là loại hình cổ tích chiếm tỷ lệ áp đảo về số lượng ở Ấn-độ, Ai-cập, Hy-lạp và nhiều Âu Tây. Có thể nói, do lẫn lộn từ lâu giữa một "kho tàng" cổ tích dân tộc giàu có, lại có điều kiện tham khảo, đối sánh với các "kho" cổ tích của nước ngoài, Nguyễn Đồng Chi đã nắm rất vững đặc điểm loại hình của từng kiểu truyện cổ tích, và chỉ ra rất trúng ba loại truyện vốn thực sự tồn tại trong kho tàng truyện cổ tích Việt-nam. Đặc biệt, ông đưa vào bảng phân loại một loại hình chưa được mấy ai nói là cổ tích lịch sử, hình như cũng là một loại hiếm thấy trong truyện cổ

tích nhiều nước Á Âu. Giải thích điều đó như thế nào? Nguyễn Đồng Chi nói: "Truyện cổ tích lịch sử có thể là một thể loại mang đậm nét đặc thù của truyện dân gian Việt-nam, bởi lẽ con người Việt-nam xưa nay do điều kiện lịch sử luôn luôn phải chống ách đô hộ xâm lược để bảo vệ nền độc lập, nên trong tâm thức vẫn gắn bó với "xã tắc", và do đó thường xuyên có cái nhìn "lịch sử hóa" đối với mọi hiện tượng, sự vật" (tr. 76-77). Xuất phát từ những điều kiện lịch sử đặc thù tạo nên cảm quan riêng của người Việt để đi tới cân nhắc sự tồn tại của một kiểu tư duy nghệ thuật nào đấy mà những cộng đồng khác không có hay không thường xuyên sử dụng, thiết tưởng đó là cách suy xét hợp lý, đáng được ghi nhận. Thật ra gọi "cổ tích lịch sử" là cách gọi cụ thể hóa hơn nữa đối với một loại hình mà ở Tây Âu vẫn xếp vào một "kho" chung với cái tên truyền thuyết (légende). Chứng tỏ trong nghiên cứu, Nguyễn Đồng Chi luôn luôn có cách suy nghĩ độc lập.

3. Trong các phần sau, Nguyễn Đồng Chi còn tiếp tục đào sâu vào đặc điểm tư duy của người Việt, lấy đó làm chỗ dựa chính để khái quát các đặc điểm của truyện cổ tích Việt-nam. Cách khái quát của ông thoát nhìn không có gì đao to búa lớn, nhưng lại được đặt trên một nền tảng tri thức rộng và sâu, nên chứa đựng trong đó nhiều điều mới mẻ. Ông cho rằng truyện cổ tích thần kỳ của người Việt chiếm một số lượng có phần ít ỏi, quy mô phóng đại của hình tượng thần kỳ không lớn và tần số phóng đại cũng không nhiều. Để có được kết luận này, ông đã phải làm nhiều bảng thống kê tỷ mỷ, về số lượng truyện thần kỳ và về các kiểu loại mô-típ thần kỳ. Không những thế, ông còn đặt truyện cổ tích thần kỳ dân tộc - với sắc thái riêng của nó như đã tìm thấy - trong tương quan so sánh với các biểu hiện tư duy của con người Việt-nam: "ít khi xa rời lý trí thế tục" (tập V, tr. 2426), "chịu sự ràng buộc của tâm lý thực tiễn" (tr. 2428), "ít chứa đựng cảm quan tôn giáo" (tr. 2428)... và vạch ra biểu đồ về sự chi phối của các dấu ấn tư duy nói trên đối với quá trình hình thành "tâm lý sáng tạo nghệ thuật dân tộc" (tr. 2428), nhất là "con đường vận hành của truyện cổ tích..., trong đó sự thanh lọc các

yếu tố siêu nhiên đã diễn ra thường xuyên và gần như vô thức để đồ thị phát triển của cổ tích ngày càng gần tới trục biểu hiện nhân tính" (tr. 2428). Đó là một kiến giải thật sâu sắc và thỏa đáng.

Tất nhiên nghệ thuật không bao giờ lại là sự phản ánh thụ động, một chiều của tư tưởng. Nguyễn Đồng Chi đã không quên nói thêm rằng, để bù lại những gì vốn là nhược điểm của tư duy người Việt - nó hạn chế sự tưởng tượng bay bổng - "tác giả truyện cổ tích Việt-nam lại thường biết vận dụng yếu tố huyền ảo một cách uyển chuyển, tạo nên những đột biến trong chất lượng truyện kể" (tr. 2432), mà hai thủ pháp được sử dụng phổ biến là sự đối sánh - sự hóa thân kỳ ảo của nhân vật hay cốt truyện - (đều là chữ dùng của Nguyễn Đồng Chi) nhờ đó truyện cổ tích Việt-nam vẫn có một sức hấp dẫn riêng. Thử hỏi mấy ai đã thật sự đi sâu vào các lớp lang của cổ tích để thấm được cái hồn của nó đến như Nguyễn Đồng Chi: "Tóm lại, sức hấp dẫn của hầu hết các truyện cổ tích Việt-nam không phải là ở cấp độ phi lý của bản thân câu chuyện, mà ở khả năng phối hợp và hoán chuyển tài tình cái huyền ảo và cái hiện thực. Cái hiện thực bị nhảm ra cái phi lý, cái phi lý nằm ngay trong cái hợp lý" (tr. 2439 - 2440). Chính đó là điều kiện quan trọng để rồi đây khi thống kê, so sánh và phân loại kiểu cốt truyện của cổ tích, mặc dù nhận thấy 2/3 số truyện mà mình tìm được đều có nguồn gốc nước ngoài, và mặc dù rất hiểu sự tác động qua lại lẫn nhau là một thực tế hiển nhiên của truyện cổ tích thế giới xưa nay, nhà cổ tích học Nguyễn Đồng Chi vẫn tách bạch ra được "các kiểu cốt truyện mang tính bản địa nguyên sinh" (tr. 2452), tức là "cái phần bất biến" bảo lưu trong truyện cổ tích Việt-nam, nó mở lối cho ông đi sâu vào folklore dân tộc.

4. Một nhận định khác cũng bắt nguồn từ đặc điểm tư duy của người Việt mà rút ra ý kiến của Nguyễn Đồng Chi về các dạng vận động chính - tà trong truyện cổ tích. Thông thường, nói đến truyện cổ tích là nói

đến truyện phát triển theo một tuyến: chính thẳng tà, thiện thẳng ác. Đó là cái mạch chung của truyện cổ tích nhân loại, do tưởng tượng chất phác của con người Trung đại quy định. Nhưng nhìn cho kỹ, mỗi dân tộc, bằng nét riêng trong cách tư duy của mình vẫn chủ động cải hoán lại mạch truyện phổ biến ấy để cấp cho truyện cổ tích một dạng kết cấu có đổi mới ít hay nhiều. Nguyễn Đồng Chi đã khảo sát kỹ cả một dạng kết cấu có đổi mới ít hay nhiều. Nguyễn Đồng Chi đã khảo sát kỹ cả một "kho tàng" để tìm ra 4 dạng kết cấu khác thường của truyện cổ tích nước nhà: 1. Chính thẳng tà không phải bằng tiêu diệt mà bằng sức mạnh cảm hóa, làm cho tà giác ngộ; 2. Chính thẳng tà bằng cuộc đấu tranh giữa thiện và ác ở ngay trong nội bộ cái chính; 3. Chính thẳng tà bằng cách thúc đẩy đấu tranh thiện ác ở ngay trong nội bộ cái tà; 4. Chính thẳng tà nhưng kết cục lại bị trả giá vì sự vượt "độ" của mình. Có thể có người còn bổ sung, thêm bớt được điểm này điểm kia vào 4 dạng kết cấu đặc thù của truyện cổ tích Việt-nam mà tác giả nói ở đây, nhưng chắc chắn không ai bác bỏ sự tồn tại đích thực của chúng. Sự đa dạng của những kết cấu này vốn là kết quả của nhiều quá trình điều chỉnh nhuần nhị và không tự ý thức, nhằm làm cho tư duy nghệ thuật dân gian xích lại gần với cách ứng xử nhân bản của tâm lý người Việt cổ truyền. Đây là một quy luật của văn học dân gian, phản ánh mối quan hệ qua lại hữu cơ giữa nội dung và hình thức. Khái niệm "độ" được Nguyễn Đồng Chi dùng như một khái niệm công cụ chỉ bản chất quy luật. Tóm được cái "chìa khóa" đó, Nguyễn Đồng Chi không những đã nhận thức quy luật một cách rành rẽ, mà còn nắm bắt đầy đủ các hình thức biểu hiện phong phú của quy luật.

5. Còn có thể nói đến nhiều nhận định tinh tế của Nguyễn Đồng Chi ở chỗ này chỗ khác. Ví như, một hiện tượng không mấy người để ý là việc tặng phong danh hiệu của dân gian cho những nhân vật anh hùng truyền thuyết trong kho truyện của mình. Nguyễn Đồng Chi là người đầu tiên lưu tâm đến hiện tượng này ở góc độ nghệ thuật dân gian. Ông xâu chuỗi chúng lại

và giúp người đọc hiểu rõ các tầng bậc ý nghĩa khác nhau của chúng: vua, thánh, cha, trạng... (tr. 2486-2488). Hoặc giả, đối với những truyện cổ tích cá biệt như *My Châu - Trọng Thủy*, *Trương Chi*... nhà cổ tích học đã chú ý tìm tòi những hướng tiếp cận mềm dẻo, thấu đáo để tìm ra trong mỗi truyện nhiều lớp nghĩa khác nhau. "Có lớp nghĩa quá hướng về bài học cảnh giác, đúng hơn là một kinh nghiệm xử thế đòi hỏi không bao giờ được sống hời hợt: đắp thành kiên cố để ngăn chặn giặc, có ngờ đâu giặc lại lọt vào tận lòng ruột của mình; tìm đường chạy trốn giặc có ngờ đâu giặc ở ngay sát sau lưng; đời cha dốc bao nhiêu xương máu xây dựng cơ đồ thế mà chỉ một sớm một chiều vì nhẹ dạ, đời con lại làm cho tan nát... Nhưng cũng không thể bỏ qua một lớp nghĩa thứ hai, không kém quan trọng hướng về mối tình *My Châu - Trọng Thủy*: tình yêu chân thành, ngây thơ và trong trắng nhiều khi lại là nạn nhân của mọi tranh đoạt tàn khốc, nhưng chỉ kẻ nào mưu đồ tranh đoạt mới là tội lỗi, còn tình yêu không vụ lợi thì bao giờ cũng được đền bù. Đó là cách nhìn độ lượng của dân gian đối với tấn bi kịch *My Châu*. Nước giếng *Trọng Thủy* làm sáng ngọc trai cũng là một biểu tượng nghệ thuật hoàn hảo mà chỉ riêng quan điểm "xã tắc" của nhà Nho không thôi không thể sáng tạo nên được" (tr. 2461-2462). Với truyện *Trương Chi* cũng vậy, "Tác giả kết thúc bản tình ca tự sự bằng một mô-típ đã trở thành tượng trưng mỗi khi muốn tô đậm sự u uất tuyệt vọng (trái tim kết thành một khối đỏ như son, trong như thủy tinh). Nhưng ở đây, tính chất khép của mô-típ đã bất ngờ bị phá vỡ, bởi có thêm một mối tình tiết cuối: những giọt nước mắt của *My Nương* nhỏ xuống làm tan vỡ cái khối đỏ được tiện thành chén trà. Đây phải chăng vẫn là bước tiếp nối của nghệ thuật tượng trưng phương Đông, như một hình ảnh có hậu, ám chỉ sự u uất của mối tình vô vọng đã được "hóa giải"? Hay là một dự cảm còn đi xa hơn: mọi khát vọng yêu đương muốn vượt qua bức thành đẳng cấp chung quy đều khó thành?" (tr. 2515). Người đọc cảm thấy được bên trong cái nhìn tinh tường, thấu suốt, còn có cả tình cảm nhân ái, công bằng. Về mặt phương pháp, ông dường như muốn lưu ý bạn đọc rằng chớ nên vì yêu cầu thời thượng mà gán cho truyện dân gian những cách nghĩ máy móc, vì truyện dân gian là sự kết tinh của những cảm xúc nghệ thuật hồn nhiên, "sự giải bày tâm trạng và

sự ngụ ý", là "cái chân thực có tính dân gian" (tr. 2463), chứ không "đóng khuôn" vào chủ đề tư tưởng này hay chủ đề tư tưởng kia như trong văn học viết.

Điều đáng kể là bất kỳ nhận xét nào dù chi tiết của Nguyễn Đồng Chi cũng được đặt trong hệ thống, nên ít khi có tính cách tùy tiện. Nói đến vai trò tích cực của nhân vật nữ trong cổ tích Việt-nam, ông khảo sát hàng loạt mô-típ phụ nữ ở nhiều vị thế và cách ứng xử khác nhau, qua đấy dựng lên một mô hình chung cho hai kiểu người phụ nữ tiêu biểu: người phụ nữ công phá trật tự xã hội và người phụ nữ bảo toàn trật tự ấy. Nhưng trong mỗi kiểu lại có thể phân biệt được ba cấp độ:

- . Người nữ công phá: nữ thức tỉnh / nữ quái nữ kiệt
- . Người nữ bảo toàn: nữ nhẫn nại / nữ trí / nữ liệt

Ông đặt họ trong các tương quan đối sánh cụ thể và kết quả là một hệ thống nhân vật nữ với đủ sắc thái và cung bậc của tính cách nữ giới được thấu tóm khá trọn vẹn. Hầu như không một dạng nhân vật nữ nào của cổ tích đi ra ngoài mô hình này.

Cũng gần như thế, trong khi đi tìm mối liên quan giữa nhiều nhóm truyện cổ tích với đặc điểm riêng của thiên nhiên đất nước tại những vùng miền sản sinh ra chúng, Nguyễn Đồng Chi đã dần dần phát hiện ra một quy luật chung cho "mối quan hệ kép" giữa cổ tích và cuộc đời: đời sống cung cấp cho truyện cổ tích những cốt truyện sinh động, những câu nói vần vè, những thành ngữ, tục ngữ ngầm chứa "mã" cốt truyện... rồi đến lượt truyện cổ tích lại cung cấp trở lại cho đời sống những địa danh và nhân vật truyền thuyết (núi Vọng-phu, sông Kim-ngư, hồ Hoàn-kiếm, đầm Mực...), những hình dung từ rất giàu sức biểu cảm (nói cuội, mưa ngâu, bù chì, đứa con trời đánh...), những câu nói vần vè, thành ngữ, tục ngữ (Nợ như chúa Chổm, Thạch Sùng còn thiếu mẹ kho...) đã được bổ sung và "giải mã"...

Nguyễn Đông Chi kết luận: "Cuộc sống trở lại bắt chước cổ tích hay là sức mạnh của nghệ thuật dân gian đã kích thích sự sáng tạo trong tâm lý quần chúng một lần thứ hai, để tiếp nhận và cải biên nghệ thuật cổ tích, làm giàu thêm cho các hình thức của đời sống" (tr. 2449-2450).

Đặc biệt Nguyễn Đông Chi còn dành cả một chương cuối để đối chiếu tỷ mỉ về típ và mô-típ giữa truyện cổ tích Việt-nam và các "kho truyện" mà nó từng chịu ảnh hưởng sâu nặng: truyện cổ tích Trung-quốc, truyện cổ tích Ấn-độ, truyện cổ tích các dân tộc anh em. Từ những sơ đồ mà truyện cổ tích Việt-nam tiếp thu, ông đi đến xác định những sơ đồ đồng dạng đã thông qua hoán cải và tiến đến chỗ khu biệt được những dạng sơ đồ hoàn toàn bản địa. Đây là một thao tác vất vả, công phu nhưng hết sức lý thú, mặc dầu ở Nguyễn Đông Chi đây vẫn chỉ là những bước đi đầu. Nó hứa hẹn một triển vọng tốt đẹp là vạch ra được một cách tương đối hợp lý con đường vận động tự thân của cổ tích dân tộc, trên thực tế lâu nay vẫn còn bị chìm khuất giữa bức tranh lịch sử phức hợp với những quan hệ giao thoa, chông chéo khó lòng bóc tách của loại hình cổ tích ở khu vực Đông-dương và Đông nam Á mà lực đẩy cũng như lực hút quan trọng vẫn là hai dòng truyện Trung-hoa và nhất là Ấn-độ.

*

* *

Vấn đề cổ tích Việt Nam là vấn đề lớn. Tiếp thu những gì mà Nguyễn Đông Chi gợi ra hay gửi gắm trong bộ sách còn là câu chuyện lâu dài cho các thế hệ cổ tích học sau này. Điều có thể nhấn mạnh ở đây, như một bài học kinh nghiệm của Nguyễn Đông Chi, là ông rất trường vốn, cái vốn thật sự về phương Đông và phương Tây, vốn Hán học và sử học, và cả vốn trí thức thực tiễn, trong khi lý giải, trình bày văn hóa dân tộc. Từ cái vốn ấy mới có thể nói đến một sự thấm nhuần tính cách dân tộc, đặc trưng dân gian trong

cảm hứng của ngòi bút nghiên cứu. Điều đó khiến ta đọc truyện cổ tích của Nguyễn Đồng Chi mà càng thấy tâm hồn mình gần gũi với nhân dân, đất nước, với cuộc sống cập nhật hơn, tuy ông không dùng bất kỳ một từ nào nói về "đấu tranh", "lật đổ", "chống áp bức giai cấp", "địa chủ với nông dân"... như nhiều tập truyện cổ dân gian khác. Và đọc phần nghiên cứu của ông, thấy ông thật sự tằm mình trong cổ tích; "ông đã nắm bắt đúng và sâu nghệ thuật của một loại hình, tuy ông không dựa hẳn vào một lý thuyết ngoại lai nào. Tất nhiên, khi nghe những người khác kể, phân tích truyện cổ, được hiểu thêm các phương pháp đó đây thì cũng là điều hay, không ai chối cãi"[8].

HY TUỆ

Nguyễn Đồng Chi, người miệt mài tìm kiếm các giá trị văn hóa dân tộc. Nxb. Khoa học xã hội, Hà-nội, 1996; tr. 192-205

A TREASURE CHEST OF VIETNAMESE FOLKLORE FROM A RESEARCHER'S PERSPECTIVE

A Treasure Chest of Vietnamese Folklore is one of the many renowned major works by Professor Nguyen Dong Chi, among which mention should be made of A history of Vietnamese Classical Literature (1942); Dao Duy Tu (1943); Hat Giam Folk Opera in Nghe - Tinh (1944-1962); Vietnamese Legendary Stories - A Sketch (1956); An Insight into Peasants Uprisings in the Middle Ages (1973). This work comprises 5 volumes totaling 3000 pages and has been published over 25-year period from 1958 till 1982[9].

The debut of the first two volumes captures the immediate interest of the general public from North to South Vietnam and abroad[10]. Volume Three (released in 1960) has established the undeniable position of the author in the ranks of those involved in the study of folklore in Vietnam, Volumes I, II and III were reprinted several times before the publication of the Volume IV in 1975.

Nguyen Dong Chi has established his authority in the collection, identification and narration of folk stories. Both Le Van Hao and Ta Phong Chau, though living far apart in Hanoi and Paris respectively, have more or less unanimous view on the high standards of scholarship of Nguyen Dong Chi's works. This is a high representative collection of folk tales from North to South after long, elaborated and extensive field work, an excellent comparative study of folk tales from the world in terms of time, space, typology and motifs in order to arrive at a keen observation of the unique features of Vietnamese folk tales, Nguyen Dong Chi's works are also highly acclaimed for their simple and yet charming narrative style "in which poetical inspiration is well blended with reality"[11]. Vu Ngoc Khanh[12] also comments on Nguyen Dong Chi's unmistakable style such that readers can easily recognize some of the works of other authors who "borrow" from his publications for use under different titles or, in some cases, under the very same titles. It was not until the full publication of his works in 1982 that Nguyen Dong Chi's authority on folklore study and their classification was solidly confirmed.

Part one of Volume I deals with "the characteristics", "origins" and "historical development" of Vietnamese folklore. In Part two of Volume V,

the author is again concerned about the "characteristics" and "origins" of Vietnamese folk stories. The 5th edition of the five volumes in 1993 once again helped to give the readers the right perspective[13]. The first 80 pages of Part one and 250 pages of Part two together make up a full theoretical account of Vietnamese. This paper is an attempt to elaborate on the author's perspectives and theoretical approach and to present my random observations which do not necessarily reflect the author's main lines of argument in the collection and treatment of the subject matter.

1. One of the highly controversial issues in the study of folk stories is their identification. Nguyen Dong Chi proposes the following three criteria for identifying folk stories: (i) antiquity in styles, (ii) ethnicity, (iii) high artistic and moral values (Nguyen Dong Chi, Vol. 1: 65-72). Durand, in B.E.F.E.O. journal (1964), commenting on the superficial treatment of the first criterion, is highly skeptical about "the possibility of drawing a line between antiquity and contemporary" and wonders whether "stories about the Tu Duc times, Circa 1848 - 1883) can be classified as belonging to "antiquity" or "contemporary"" (translated version, Vol. I: 495)[14]. It seems that Durand somehow fails to fully appreciate Nguyen Dong Chi's perspectives. No doubt, the author had done elaborate research before arriving at a rationale for the classification. Problems are inherent in differentiating folk stories from closely related forms of folk narratives such as legends, fables, and modern anecdotes. So what may be the convincing criteria? Experiences show that neither the content nor the form of the story alone could serve as reliable criteria considering the striking similarities between the above-mentioned types, nor their function, since legends, fables and modern anecdotes can be similar in function to folk tales. Nguyen Dong Chi succeeds in getting round this problem by coming up with the concept of levels of artistic value. The three criteria can be said to be consistent and interdependent in that they provide for folk stories" to

have acquired a high standard of oral narrative art" (Nguyen Dong Chi: 72), and "to be the most perfect type of all folk narratives" (Nguyen Dong Chi: 70-71). This is the underlying assumption in his systematic argument. In his view, there is no need for a clear-cut distinction as suggested by Durand in order to arrive at the "antiquity". It might be easier to ascertain a landmark. So many instances of failed attempts to trace the origins of folk poems and stories? Therefore, it seems the only possible way to determine the antiquity of a folk story is by identifying its artistic style. Nguyen Dong Chi also elaborates on this view, saying the identification of the antiquity of a folk story is mainly through its ways of depicting the characters, the sequencing and its structure and typical motif, but is not necessarily dependent on the historical time in which it occurred" (Nguyen Dong Chi: 67) and that "while the antiquity and contemporary concepts might be mixed in some stories, the characters, events and images in folklore must bear resemblance to those dating back to traditional folk literature which has truck roots in the depths of people's minds. " (Nguyen Dong Chi: 66). Hence the recognized concept of "modern folk stories" if old time stories. On this phenomenon, Nguyen Dong Chi (Ibid.: 68) comments "recently published folk tales are accepted because they bear resemblance to the historical and social background, and the characters" ways of thinking and behaviour typical of old times. " On the contrary, "stories such as The third wife of De Tham, though it relates to events happening half a century ago and has a characteristically modern folk tale clement, is by no means considered folklore because it contains long bearded, long nosed [French] soldiers with rifles and pistols, things which do not belong to "antiquity" and are not recognized by the general public as belonging to the other side of modernity." (Nguyen Dong Chi: 67). It is evident that Nguyen Dong Chi's approach is adequate and in conformity with aesthetical principles of folklore study and not heavily dependent on history as suggested by Durand.

2. On the problems of classification, Nguyen Dong Chi is not satisfied with the ways folklore were classified by his predecessors, claiming that they were not systematic enough. Nguyen Dong Chi somewhat shares the view of Truong Tuu on his classification of folk stories into two main types: mythical and worldly. Nguyen Dong Chi comes up with a three-way distinction: mystical (hoang duong as used in the first edition, 1957; or than ky in the fifth edition, 1972); worldly and historical. Nguyen Dong Chi's distinction has been highly controversial ever since. Durand contends that Nguyen Dong Chi's classification is also "as formal as his predecessors" (Ibid. : 496), while Dinh Gia Khanh and Chu Xuan Dien comment that "Nguyen Dong Chi's classification is adequate"[15] although they both are critical of the idea of including the mythical stories as a separate category contending that "all historical and worldly folklore contain mythical elements (as recognized by the author himself), and vice versa all mythical stories do reflect historical or worldly facts." [16]

Over the years, Durand's theme-based approach has generally not been accepted by researchers in the study of folklore for its sociological bias without adequate attention to modes of artistic presentation. Dinh Gia Khanh and Chu Xuan Dien's views on excluding the mythical category are no longer from India, Egypt, Greek and Europe. Nguyen Dong Chi rightly deserves credit for his meticulous comparative research work and his firm grasp of the typological study that underlie his systematic classification of Vietnamese folklore. Nguyen Dong Chi is also acclaimed for his inclusion of third category, i. e., historical stories, those which are rarely found elsewhere in Asia and Europe. Nguyen Dong Chi, commenting on this unique feature of Vietnamese folklore, said: "Folk tales on historical events are typical of Vietnamese folklore because the Vietnamese, throughout their

history, have had to constantly fight off foreign aggression and domination in order to attain national independence, therefore, there is a strong allegiance to "nationhood". And naturally events and phenomena are often explained from "historical" views. " (Nguyen Dong Chi: 76-77). The unique historical perception of the Vietnamese is said to underlie their artistic thought patterns which are different from other communities. This is a noteworthy line of argument.

3. In the later parts of his works, Nguyen Dong Chi makes a profound study of the prevailing thought patterns of Vietnamese which are used as the underlying assumption for the analysis of the main characteristics of Vietnamese folklore. Nguyen Dong Chi's analysis is based on his keen insight and broad knowledge of the subject matter, hence the originality in his theoretical treatment. He comments that mythical folklore account for a modest proportion, and the degrees as well as the frequency of mythical magnification are not so great. This conclusion is drawn from careful statistics on the number and types of mythical stories. In addition, he goes into analyze them against the backdrop of the typical thought patterns of the Vietnamese to arrive at their features such as "[Vietnamese mythical stories] do not deviate too far from the mundane world" (Vol. V: 2426), are "closely bound by realities" (Ibid.: 2428), have "little religious inclination" (Ibid.: 2428). He also mapped out a chart showing the impact of thought patterns on the information of "native artistic creation" (Ibid.:2428), especially on the "development of a folk story... in which there is a constant and subconscious shift from supernatural elements towards more humanistic values" (Ibid. :2428). This shows the author's sound explanation.

However, literature by no means, is passive and one-way reflection of

ideas. The Vietnamese are also "adept in using mythological elements to create a break - through in the artistic quality of a folk tale" (Ibid.: 2432), the two most often used techniques being contrasts: the opaque contrasted against the obvious, the imaginative against the real, and novelty: magical morphological transformations of the characters and in the development of the events. This gives Vietnamese folk stories their unique attraction. Nguyen Dong Chi, indeed, has explored the depths of the folk stories and captured the very essence of their beauty. As he once claimed, "the charm of almost all Vietnamese folk stories lies not in their fiction but in the skillful blend and transposition of the mythical and the realistic. The reality is mistaken for the unreal, the unbelievable is wrapped up in the believable." (Nguyen Dong Chi: 2439-2440). This is an important element that helps the author in his statistics, comparative study and classification of folk stories and that enables him to identify the "indigenous traces" (Nguyen Dong Chi: 2452) or generation in spite of the fact that two thirds of Vietnamese folk stories are found to have their non-native origins and the complication caused by the intermixture of world stocks of folklore.

4. Nguyen Dong Chi also points out the relationship between the Vietnamese thought patterns and the interaction between the good and the evil in Vietnamese folklore. Folk stories are characteristically structured along the single-track development ending in the good prevailing over the bad or the just over the evil. This is in line with the naive imagination of the people in the old times. However, each people will have their ways of restructuring folk stories in the molds of their native thinking. Nguyen Dong Chi has painstakingly identified four general structural patterns: The good eventually prevail over the evil not because of annihilation but through persuasion and redemption; by the struggle within the bad; and the good has to pay a price on its victory for its "excesses".

People may disagree with or even want to make some modification to the four types above, however they are by all means adequate. These structural patterns have been formed through a long and subconscious process of gradual modification that shows folk artistic thinking war approaching the humanistic behavioral patterns of the native Vietnamese in times of antiquity. This also reflects the author's profound awareness of the organic links between form and substance and between structures and the system of values in the folk tradition.

5. Nguyen Dong Chi also made keen comments on the ways characters in Vietnamese folk stories were labeled and titled. He classified and explained the social meanings of the role models: the King, deities, father, genius... (Nguyen Dong Chi: 2486-2488). He also tried to unveil the different layers of meanings in some folk stories such as My Chau and Trong Thuy, Truong Chi... "on one layer, the My Chau and Trong Thuy story points toward a moral lesson on vigilance; the enemy is found right inside one's heavily fortified citadel, the enemy is found close by one's side on retreat, the gains painstakingly accumulated by the father end up in disaster by the very act of his own child... However, the second layer of meaning which focus on the love between My Chau, a Vietnamese princess, and Trong Thuy, a Chinese prince is of no less importance. The love was depicted as being innocent and the lovers fell victim to an ambitious conspiracy and ruthless conqueror. In the end, the aggressor was to be condemned and unselfish love was to be praised. That reflects a generous folk view on the tragedy. The story has it that the water from the well where Trong Thuy committed himself has the magical effect of making pearls (formed by the drops of blood of My Chau) shine. This is magnificent artistic symbolism which could not have been created if it had just been inspired by the Confucian concept of nationhood alone". (Nguyen Dong Chi: 2461-2462).

The same can be said about Truong Cho. "The romantic story ends in a motif typical of depicting utter despair (his heart turned into a transparent deep-red crystal). And here, again, the closing outcome is broken by the last detail: the tear drops of My Nuong broke the cup made out of that red block. Is it the positive symbolism typical of Eastern optimism - a dissolved despair or the implication that any love passion, however great, cannot break down social class barriers?" (Nguyen Dong Chi: 2515). The reader can also see humanistic feelings and the love for natural justice behind the rational strains of thought. Nguyen Dong Chi also warns against taking rigid contemporary views in analyzing folk tales, for example, attaching ideological "labels" as it has been done with written literature, because folk stories came into being as result of naive artistic inspiration, "the expression and implication" are "the realities of the folk culture" (Nguyen Dong Chi: 2463).

Nguyen Dong Chi was also successful in presenting even the minute details in a systematic way. Commenting on the active roles of female characters in Vietnamese folk stories, various stereotypes (motifs) are identified in terms of their behaviour and role relationship. Two main types are: rebellious and defending females. From these two, three sub-types are derived:

- . Rebellious female: awakening / riotous / heroic.

- . Defending female: persevering / witty / martyr.

His classification has summarized all the characteristics and personalities of the female characters in Vietnamese folklore.

The link between folk stories and the geographical features of the region where they came from were also identified in Nguyen Dong Chi's work. This is a two-way relationship, Life provides the background and the

inspirations, the popular sayings, limericks which have been "coded" as the soul of the story. And it turns, folk stories bring back to life its legendary places and people: Vong phu (a waiting - husband) peak, Kim nguu (Golden Buffalo) River, witty and expressive sayings and proverbs which are "decoded"... Nguyen Dong Chi said "Life, in turn, imitates folk stories, in other words, folk arts again become a source of inspiration for people's artistic recreation to further refine the art of folk stories and enrich life." (Nguyen Dong Chi: 2449-2450).

Especially Nguyen Dong Chi spent a chapter to compare carefully about the *tif* and the *motif* between Vietnamese folk stories and "Treasure of folklore" that is has ever under influenced deeply such as folk stories of China, India and neighbouring countries. Through schemes that Vietnamese folk stories have under influenced, Nguyen Dong Chi tried to discover similar schemes through changing and step by step distinguished forms of indigenous schemes. This is a hard painstaking work but very interesting, although for Nguyen Dong Chi it is the only first step. It promises a good prospect. That is: it points out rationally the development process of nation's folk stories. In fact, so far these stories have still been covered by the historical development between types of folklore in the Indochina region and the South - East Asia, of which the important propulsive and gravitational force is two types of Chinese folklore and Indian folklore.

The research on Vietnamese folklore is a long and worthy enterprise. Nguyen Dong Chi has made a significant contribution to the study of Vietnamese folklore. His insights and suggestion shall be of great value to present as well as future folklore researchers. His achievement in the study of Vietnamese culture has been the result of extensive and profound knowledge the fields of oriental and western studies, classical Chinese

study, history and rich personal experience. His profound understanding of the national characteristics and its typical folk culture are derived from that broad knowledge. That is also what brings the readers closer to the nation, the people and their daily life, although, he never uses such term as "struggle", "overthrow", "class exploitation", "landlords versus peasants" which are often found in other works on Vietnamese folklore. "He has demonstrated his firm grasp of this unique form of art without relying solely any foreign theory. Nevertheless, it is always beneficial to be exposed to other views and research method. "[17]

HY TUE

Vietnamese Studies Review, No2-1997 RMIT,
Melbourne, Australia, P. 105-111

[1]. Tập I và II, Nxb. Văn Sử Địa, Hà-nội, 1958. Tập III, Nxb Sử học, Hà-nội, 1960. Tập IV, Nxb. Khoa học xã hội, Hà-nội, 1975. Tập V, Nxb. Khoa học xã hội, Hà-nội, 1982.

[2]. Trên Tập san Trường Viễn đông bác cổ (B.E.F.E.O), Paris, số 1-1964, có hai bài: của Maurice Durand phê bình tập 1 Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam, và của Lê Văn Hảo, phê bình tập I và II.

[3]. Lê Văn Hảo. Đọc “Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam”; B.E.F.E.O, Paris, 1964, đã dẫn. Tạ Phong Châu. Đọc “Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam”; Tạp chí Văn học, số 2-1975 (ký tên Anh Phong).

[4]. Viện Văn học xuất bản trọn bộ 5 tập in theo bản bổ sung chỉnh lý của tác giả do gia đình lưu giữ. Các số trang trong bài của chúng tôi đều ghi theo lần in này..

[5] . Nguyễn Từ Chi dịch, in ở cuối tập I, bản in 1993.

[6]. 7. Đinh Gia Khánh và Chu Xuân Diên, Văn học dân gian, tập II; tr. 93,

Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà-nội, 1973.

[8]. Vũ Ngọc Khánh: Đọc lại “Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam” (nhân bộ sách toàn tập được công bố sau 10 năm tác giả Nguyễn Đồng Chi đi vào cổ tích); Văn nghệ, Hà-nội, số 22 (28-V-1994); tr.3.

[9]. Nguyen Dong Chi. A Treasure Chest of Vietnamese Folklore. Volume I & II (1957), Hanoi Literature, History and Geography Publishing House, Vol. III (1960), Hanoi History Publishing House; Vol. IV (1975), Hanoi Social Sciences Publishing House; Vol. V(1982) Hanoi Social Sciences Publishing House.

[10]. Durand, Maurice (1964). A Critique of Volume I “A Treasure Chest Vietnamese Folklore”. Journal of School of Oriental Antiquity Study (B.E.F.E.O.) No 1. Paris.

[11]. Le Van Hao (1964). Book Review on “A Treasure Chest of Vietnamese Folklore”. Journal of School of Oriental Antiquity Study (B.E.F.E.O.) No1. Paris. Ta Phong Chau (pen-name Anh Phong), (1975). On “A Treasure Chest of Vietnamese Folklore”, Literature Journal No 2. Hanoi.

[12]. Vu Ngoc Khanh (1993). Some comments on “A Treasure Chest of Vietnamese Folklore”. Education Today No 17,26. IV. 1993. Hanoi.

[13]. Nguyen Dong Chi. A Treasure Chest of Vietnamese Folklore. A complete edition of five volumes 1993. Hanoi Institute of Literature Publishing House. All the page numbers quoted are from this edition.

[14]. Nguyen Tu Chi. Translated version in Volume I, 1993 edition.

[15]. 16. Dinh Gia Khanh and Chu Xuan Dien (1973). Folklore. Vol II: 93. Hanoi Higher Education Publishing House.

[17]. Vu Ngoc Khanh. On “A Treasure Chest of Vietnamese Folklore”. Literature No 22, 28. V.1994. Hanoi.

Nguyễn đồng Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
NHÀ CỔ TÍCH HỌC NGUYỄN ĐỒNG CHI
VỚI BỘ KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

Tiếp theo bộ Lược khảo về thần thoại Việt-nam[1], Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam là bộ sách thứ hai của Nguyễn Đồng Chi nghiên cứu về truyện cổ dân gian. Mục đích của bộ sách này là giới thiệu và tìm hiểu truyện cổ tích Việt-nam trong tư cách một sự tiếp cận hệ thống.

Công trình Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam gồm 5 tập do Nhà xuất bản Văn sử địa, Nhà xuất bản Sử học, Nhà xuất bản Khoa học xã hội in trong những năm 1958 - 1982, nhiều tập, được tái bản nhiều lần với số lượng rất lớn.[2] Và gần đây, năm 1993, lần đầu tiên bộ sách lại được in trọn bộ 5 tập, do Viện Văn học xuất bản. Sách in ra dù nhiều, nhưng bao nhiêu cũng chưa đủ, vì từ lâu, niềm khao khát để có được bộ sách trọn vẹn, như một tài sản tinh thần giữ lại cho con cháu, đã là điều mong ước phổ biến ở nhiều người.

Chỉ có thể giải thích sự cuốn hút đáng mừng này chính là do bộ sách đã đáp ứng được nhu cầu mê say đọc truyện cổ tích của người đọc thông thường - một thứ mê say được bồi đắp từ thuở lọt lòng - cũng như đã đáp ứng nhu cầu tự thân về sự phát triển của công tác sưu tầm, nghiên cứu, và đổi mới phương pháp nghiên cứu truyện cổ tích Việt-nam trong những năm gần đây. Chính những điều đó càng góp phần khẳng định vị trí quan trọng của tác giả Nguyễn Đồng Chi trên hành trình hiện đại hóa ngành folklore học dân tộc.

Bằng cuộc đời văn nghiệp của mình, Nguyễn Đồng Chi đã được giới nghiên cứu đánh giá cao ở những đóng góp tích cực cho nhiều bộ môn khoa học xã hội. Riêng đối với khoa học văn học dân gian, thì có thể nói, cùng với Lược khảo về thần thoại Việt-nam, sự thành công của Kho tàng truyện

cổ tích Việt-nam đã đưa ông lên hàng ngũ những người đứng đầu vinh dự nhất.

I. KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM - BỘ SÁCH LỚN QUY TỤ MỌI NGUỒN CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH

Mặc dù Nguyễn Đồng Chi đã nói một cách khiêm tốn về bộ sách của mình là chỉ giới hạn trong phạm vi truyện cổ tích của dân tộc Việt, mà chưa có điều kiện đề cập đến kho tàng truyện cổ tích vô cùng phong phú của đồng bào các dân tộc thiểu số, song với cách sưu tầm biên soạn tỹ mỷ thâu lượm hết các nguồn tư liệu cụ thể, đặc biệt có thêm phần khảo di, trên cơ sở 201 cốt truyện của người Kinh, ông quả đã xây dựng được một tác phẩm có bề dày đáng kể, có kết cấu hệ thống, cuốn hút tâm trí người đọc rộng rãi cũng như giới nghiên cứu khoa học xã hội hàng mấy thập kỷ nay.

Bộ sách là biểu hiện của một công phu lao động nghiêm túc, một sự trân trọng đáng quý đối với di sản văn học dân gian mà cụ thể là thể loại truyện cổ tích của dân tộc ta. Ở đây, bao nhiêu vốn liếng cổ tích do người Việt chắt chiu, sáng tạo, gom góp từ nhiều đời, đã được dồn lại, được chọn lọc, sắp xếp và trình bày dưới dạng tinh kết. Hơn thế nữa, giá trị nhiều mặt của loại hình cổ tích cũng được nhìn nhận một cách khái quát, toàn cảnh và tổng hợp.

Hơn ai hết, Nguyễn Đồng Chi nhận thức được rằng trong nguồn gốc sâu xa của lịch sử văn hóa dân tộc, truyện cổ dân gian nói chung hay truyện cổ tích nói riêng từ rất sớm đã là món ăn tinh thần quan trọng, gắn bó chặt chẽ với người Việt trong cuộc sống hàng ngày. Trải qua 1. 000 năm Bắc thuộc, cùng với nhiều truyền thống văn hóa dân tộc không hề bị dập tắt, các truyện dân gian về Lạc Long Quân - Âu Cơ, về nguồn gốc dân tộc con Lạc cháu Hồng sinh ra từ bọc trăm trứng, đến các truyện địa linh nhân kiệt Thánh Gióng, Tản Viên, Tô Lịch, Bà Triệu, Bà Trưng... cũng vẫn trường

tồn và có ảnh hưởng sâu đậm ở giữa đời sống. Những câu chuyện này đã sớm được các trí thức phong kiến Việt-nam ghi chép trong những tác phẩm khởi đầu như Báo cực truyện, Giao-chỉ ký, Ngoại sử ký (thế kỷ XII), Việt điện u linh (Lý Tế Xuyên), Lĩnh-nam chích quái (Trần Thế Pháp, Vũ Quỳnh, Kiều Phú, thế kỷ XIV-XV). Rồi những tập Đại-việt sử ký toàn thư | (Ngô Sĩ Liên), những tộc phả hoặc thần phả do Nguyễn Bính biên soạn, Truyền kỳ mạn lục (Nguyễn Dữ), Thiên Nam văn lục (Nguyễn Hàng), Công dư tiệp ký (Vũ Phương Đề), Truyền kỳ tân phả (Đoàn Thị Điểm), Tang thương ngẫu lục (Phạm Đình Hổ - Nguyễn Án), Vũ trung tùy bút (Phạm Đình Hổ), Kiến văn tiểu lục (Lê Quý Đôn), Lịch triều hiến chương loại chi (Phan Huy Chú), Lan Trì kiến văn lục (Vũ Trinh), Đại-nam nhất thống chí, Đại-nam liệt truyện tiền biên (Quốc sử quán triều Nguyễn), Vân nang tiểu sử (Phạm Đình Dục)... Nguyễn Đồng Chi đã có con mắt tinh đời khi tiếp cận lại giá trị nhiều mặt của những tác phẩm trên và mạnh dạn tách ra từ đó nguồn truyện kể phong phú của dân gian, làm sống trở lại giọng điệu, phong cách dân gian cho hầu hết những câu chuyện vốn đã được định hình bởi các nhà văn bác học. Đó là một ý hướng khoa học chính đáng, bởi lẽ trước khi trở thành văn bản cố định, các tác phẩm này đã sống trong lòng quần chúng một cách hồn hậu, đúng như nhận xét của Vũ Quỳnh: "Từ đứa trẻ đầu xanh đến cụ già tóc bạc đều truyền tụng và yêu dấu" (Tựa Lĩnh-nam chích quái liệt truyện, 1492)[3].

Không phải chỉ "tìm sử trong truyện, tìm truyện trong sử" ở những tác phẩm trên, Nguyễn Đồng Chi còn thu thập tư liệu từ hàng loạt tác phẩm khác xuất hiện vào thời cận đại, như Truyện khôi hài (1882), Ước lược truyện tích nước Nam (1887), Chuyện đời xưa lựa ngón lấy những chuyện hay và có ích (1888) của Trương Vĩnh Ký, Chuyện giải buồn của Huỳnh Tịnh Của (1880), Tập san Du Lâm và quan sát (Landes, 1886), Truyện đời xưa mới in ra lần đầu hết (Génibrel, 1899), Nam hải dị nhân liệt truyện (Phan Kế Bính), Truyện Trương Chi (Chu Ngọc Chi, 1928), Truyện Đức Thánh Gióng Phù Đồng Thiên Vương (Lê Triệu Hoàn - Trần Trung Viên, 1929), Truyện cổ nước Nam (Nguyễn Văn Ngọc, 1932), Tô thị vọng phu

(Nguyễn Thúc Khiêm, 1936)... cùng nhiều sách báo tiếng Việt, tiếng Pháp khác, v. v... Ngoài ra, Nguyễn Đông Chi còn dựa vào nguồn tài liệu không kém phần lý thú: các bản thần tích, thần phả ở miếu đền, các đạo sắc phong thần, các bản xã chí ở nhiều địa phương khác nhau trong cả nước.

Trong tình hình tư liệu có thể, Nguyễn Đông Chi lại mở rộng thêm phạm vi nghiên cứu, hướng về một mảng khá nhiều những tác phẩm của Trung-quốc và Ấn-độ - "hai nền văn minh vĩ đại và cổ kính trên thế giới, lại gần gũi về không gian với Việt-nam" - trong đó có chứa đựng những dị bản truyện cổ tích hoặc có liên quan tới truyện cổ tích. Đối với thư tịch Trung-quốc, ông quan tâm tới những chuyên tập như: Liệt tiên truyện (Lưu Hưởng), Cao sĩ truyện (Hoàng Phủ Mật), Bác vật chi (Trương Hoa, thế kỷ III), Thần tiên truyện (Cát Hồng), Sưu thần ký (Can Bảo, thế kỷ IV), Thần dị kinh, Sưu thần hậu ký, linh ứng lục, U minh lục, Minh tường ký, Dị uyển (thế kỷ VII), Lục dị ký, Văn kỳ lục, Dậu dương tạp trở (thế kỷ IX), Thái-bình quảng ký (thế kỷ X), Văn kiến tiền lục, Văn kiến hậu lục, Tục bác vật chi (thế kỷ XIII), Bao Công kỳ án, Tây dương ký (thế kỷ XVI), Liêu trai chí dị, Tân tề hải (thế kỷ XVIII). Bên cạnh đó là những thư tịch khác, tuy không phải chuyên tập nhưng cũng chứa đựng rất nhiều yếu tố truyện cổ như sử ký thì có Sử ký, Tà truyện...; địa lý có Thủy kinh chú, Sơn hải kinh; tiểu thuyết có Tam quốc diễn nghĩa, Thủy hử, Kim cổ kì quan, Cổ kim tiểu thuyết; giáo huấn có Nhị thập tứ hiếu, Âm thất đẳng...v.v...

Nguyễn Đông Chi cũng tìm tới các truyện cổ tích được ghi chép trong các bộ kinh sách lớn của Ấn-độ mà học giả phương Tây từ thế kỷ trước đã đánh giá rất cao và coi chúng là nguồn gốc duy nhất của truyện cổ tích thần kỳ thế giới, bởi chúng giữ lại được khá nhiều sắc thái quái dị hoang đường nguyên thủy. Đó là các kinh như: Kinh Vêđa (khoảng 2. 500 - 500 năm trước CN), Aṣṭaṅga Jātaka (Lịch sử các tiền kiếp của đức Phật, thế kỷ III trước CN), Bộ kinh Mahabharata (thế kỷ II trước CN - IV sau CN), Kathaxaritxagara (Biển truyện, thế kỷ II, III- IV), Panchatantra (thế kỷ II - V), Brithatcatha (thế kỷ II hoặc từ thế kỷ III- thế kỷ V), Vêṭala (thế kỷ IX),

v.v... và nhiều những tập sưu tầm khác, chẳng hạn: Truyện giáo lý Puraha, hay Thánh ca Thượng đế Bhagavat Gita...

Sau tất cả những tìm tòi phát hiện và thu thập nói trên, còn phải kể đến công phu sưu tầm, điền dã của Nguyễn Đồng Chi trong vòng 50 năm, nó giúp ông vừa tìm thêm những nguồn tư liệu sống động, tươi rói không có trong sách vở hoặc có giá trị bổ sung cho sách vở, vừa có điều kiện hình dung rõ ràng hơn một diện mạo đích thực của cổ tích mà mình phải góp phần dựng lại - một thứ cổ tích không xơ cứng mà còn tồn tại uyển chuyển, tự nó, như nó vẫn tồn tại từ miệng này qua miệng khác ở giữa cuộc đời.

Và đến đây, cái gia tài cổ tích của Nguyễn Đồng Chi đã có thể nói là hoàn thành, với một sức chứa không kém phần bề bộn. Mục tiêu tiếp cận thể loại đòi hỏi ông bước sang một giai đoạn mới trong thao tác nghiên cứu. Hơn ai hết, ông là người hiểu rõ ý nghĩa lớn lao của tuyển tập mà ông nung nấu trong nhiều thập kỷ. Tòa kiến trúc Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam do ông tạo dựng lên từ những chất liệu quý giá và đáng tin tưởng đó thực sự là một tập đại thành của mọi ngọn nguồn cổ tích bản địa.

II- KHẢO DỊ - THAO TÁC ĐẦU TIÊN ĐEM LẠI CHO TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM MỘT CÁI NHÌN ĐỐI SÁNH

Vượt xa tất cả những tuyển tập sưu tầm khác, Nguyễn Đồng Chi đã làm cho truyện cổ tích Việt-nam bội thu lên rất nhiều, nhờ cách kể chuyện có thêm phần "khảo dị". Đây là một công việc đối chiếu rất vất vả, đòi hỏi một sự kiên trì tìm kiếm từ công phu, nhưng kết quả của nó là mỗi một cốt truyện thường phát hiện ra không ít những cốt truyện tương đồng mà ta gọi là dị bản, có khi tới hàng chục, hàng vài chục dị bản khác nhau. Cách làm thật khác với trước ông và cũng là hết sức mới mẻ đối với đương thời, một thao tác quan trọng đưa đến cho truyện cổ tích Việt-nam một diện mạo phong phú mới. Với công việc này Nguyễn Đồng Chi tất nhiên không đơn

thuần chỉ là người sưu tầm, tập hợp truyện cổ tích. Ông còn là người có một nhãn quan mới trong phương pháp nhìn nhận truyện cổ tích. Đúng như Nguyễn Đồng Chi đã nhận thấy: trên hành trình lịch sử, mỗi dân tộc đều có một kho tàng truyện cổ tích của riêng mình, song mặt khác, cùng với những yếu tố bản địa, sự tự sinh văn hóa trong lòng dân tộc, "vốn liếng tinh thần quý giá ấy lại luôn luôn ánh xạ lẫn nhau trong mối quan hệ hội nhập và giao lưu văn hóa" giữa dân tộc này và dân tộc kia. Ông nói trong lời Tổng luận: "Theo chúng tôi, truyện cổ tích cũng như mọi sản phẩm văn hóa khác, nhất là những sản phẩm không tên tác giả, nghĩa là những sản phẩm có xu thế hoàn chỉnh giá trị nên quá trình lưu chuyển, sau khi xuất hiện tại một vùng nào đấy sẽ dễ dàng được nhiều người hoàn chỉnh và trở thành tài sản chung của cả xã hội (cái bất biến), và từ đó nó sẵn sàng vượt biên giới xứ sở để gia nhập vào tài sản tinh thần của một dân tộc khác dù xa hay gần. Cho nên có hiện tượng lặp đi lặp lại, hiện tượng dị bản trong truyện cổ tích..." (tập V, tr. 2528)[4]. Điều đó có nghĩa là trong gia tài truyện cổ tích của mỗi dân tộc có những cốt truyện riêng độc đáo, nhưng cũng sẽ có những cốt truyện mạng tính chất phổ biến, những cốt truyện mà một số dân tộc khác, thậm chí hầu hết các dân tộc trên thế giới đều có. Xuất phát từ những ghi nhận đó, Nguyễn Đồng Chi đã thấy tính chất quốc tế là một hiện tượng nổi bật và độc đáo của truyện cổ tích. Truyện cổ tích có khả năng di chuyển từ dân tộc này sang dân tộc khác, từ địa phương này đến địa phương khác, vượt qua mọi ranh giới về ngôn ngữ, về lãnh thổ của các quốc gia...

Các nhà nghiên cứu truyện cổ tích thế giới từ lâu từng chú ý đến hiện tượng này và đã từng công bố những con số thống kê đáng kinh ngạc. Nhưng ở các nước phương Đông và nhất là ở Việt-nam thì vấn đề này hầu như chưa được khảo sát. Và người đi tiên phong, người đầu tiên ở Việt-nam chính là ông - Nguyễn Đồng Chi, người đã có công giới thiệu, tập hợp những cốt truyện cổ tích của người Việt cùng với biết bao những cốt truyện cùng kiểu có quy mô phổ biến trên toàn quốc gia và trên thế giới trong tuyển tập Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam.

Một mặt Nguyễn Đồng Chi sưu tập tài liệu truyện cổ tích từ ngọn nguồn, với sự am hiểu kỹ càng và sâu rộng về lịch sử, văn hóa dân tộc Việt. Mặt khác, ông đã vượt qua mọi sự trở ngại về ngôn ngữ, khoảng cách và thời gian để thu nhập thêm rất nhiều cốt truyện của các dân tộc Việt-nam khác và của phương Tây. Trong toàn bộ 5 tập Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam, Nguyễn Đồng Chi đã lần lượt giới thiệu với người đọc qua mỗi một cốt truyện của người Việt là một tập hợp về các cốt truyện cổ tích, các hiện tượng, nhân vật, các mô-típ tương đương rút ra từ truyện cổ tích của nhiều dân tộc khác nhau. Đó là truyện cổ tích của hàng chục các dân tộc ít người ở Việt-nam như: Ba-na (Bahnar), Cơ-ho, Hơ-rê, Khơ-me (Khmer), Chăm, Ê-đê, Ja-rai (Djarai), Mường, Thái, Tày, Nùng, H'mông, Khơ-mú, v.v... Và đó cũng là truyện cổ tích của rất nhiều dân tộc thuộc cả 5 châu lục: Á, Âu, Phi, Úc, Mỹ, v.v... với sự hiện diện của tên gọi nhiều nước như: Nga, Anh, Pháp, Tiệp, Bun-ga-ri, Ba-lan, Đức, Hà-lan, Thụy-sĩ, Thụy-điển, Đan-mạch, Islan, Ý, Tây-ban-nha, An-ba-ni, Ru-ma-ni, Lat-vi, Et-tô-ni, Phần-lan, Ấn-độ, Trung-quốc, Mông-cổ, Triều-tiên, Nhật-bản, Lào, Căm-pu-chia, Miến-điện, Thái-lan, v.v...

Bản kể có khảo dị - việc làm đó khẳng định quan niệm đúng đắn của Nguyễn Đồng Chi về đặc trưng cũng như quy luật vận hành của loại hình cổ tích, và cũng là thành quả cao nhất mà giới nghiên cứu vẫn luôn mong đạt tới. Việc làm đó cũng đã phủ nhận lối sưu tầm, ghi chép kể truyện cổ tích đơn giản, xuất hiện trong điều kiện khoa văn bản học cổ tích chưa mấy phát triển trước đây. Do vậy, Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam cũng mở ra một triển vọng cho khoa so sánh văn học dân gian, đem đến cho người đọc cái nhu cầu hiểu biết sâu rộng về các cốt truyện cổ tích gần nhau, đồng thời cũng giúp người nghiên cứu một sự tận thu các nguồn tư liệu hữu ích.

III- NHỮNG NHẬN ĐỊNH TỔNG QUÁT - DỰ CẢM ĐÚNG HƯỚNG VỀ MỘT CÁCH NHÌN ĐỔI MỚI, TOÀN DIỆN ĐỐI VỚI TRUYỆN CỔ

TÍCH

Cấu thành nên toàn bộ Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam của Nguyễn Đồng Chi là 2.740 trang sách. Một phần rất lớn số trang - phần II của bộ sách - được dành cho hơn 200 cốt truyện chọn lọc, sắp xếp theo hệ thống. Phần đầu và phần cuối bộ sách là những luận điểm khoa học, những nhận định tổng quát về kho tàng truyện cổ tích Việt-nam.

Kết cấu đó thể hiện mục tiêu mà nhà khoa học Nguyễn Đồng Chi muốn đặt ra cho cuốn sách của mình là: đó không chỉ đơn thuần là một tác phẩm sưu tầm. Thật vậy, cuốn sách về hình thức đúng là một tuyển tập sưu tầm dày dặn hiếm có, còn về ý nghĩa nội dung thì thực sự đã là một đáp ứng đối với việc nghiên cứu truyện cổ tích hiện nay.

Ngay trong phần sưu tầm, Nguyễn Đồng Chi cũng đã thể hiện rõ ý đồ nghiên cứu, bởi cách ông dẫn dắt chúng ta đi thăm kho tàng truyện cổ tích Việt-nam theo một hệ thống sắp xếp thật rạch ròi của 201 cốt truyện. Thêm nữa, cuối phần sưu tầm, còn có một bảng Thư mục nghiên cứu và gần đây lại được bổ sung một Bảng tra cứu tên truyện[5], chỉ ra toàn bộ các tên truyện trong sách (kể cả các truyện có tên ở Khảo dị) để giúp người đọc cùng người nghiên cứu tiện lợi trong việc tra cứu, truy tìm.

Hàng chục năm nay, công lao sưu tầm của Nguyễn Đồng Chi và giá trị sử dụng, giá trị lưu giữ các cốt truyện cổ tích của Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam đã được khẳng định, được đánh giá cao. Thực ra, trên thế giới, tên tuổi của những người thành công đã được đánh giá cao trong lĩnh vực sưu tầm và kể truyện dân gian như cũng không phải thật nhiều. Có thể kể tới anh em Grimm người Đức với tuyển tập truyện cổ Grimm, Pourra người Pháp, và nhà văn học dân gian dân chủ người Nga A. N. Afanassiev với bộ sưu tầm Truyện cổ dân gian Nga vĩ đại của ông... Ngoài ra là một Perrault người Pháp, một Andersen người Đan-mạch nặng về phần tài hoa trong kể truyện hơn là sưu tầm và hệ thống.

Mục đích nghiên cứu, phương pháp luận nghiên cứu của Nguyễn Đồng Chi chủ yếu thể hiện ở phần ông dành cho việc trình bày những luận điểm khoa học, những nhận định về truyện cổ tích. Ở đây, nhiều vấn đề đã được ông đặt ra và giải quyết.

Trong kho tàng truyện cổ dân gian phức tạp và rộng lớn mà Nguyễn Đồng Chi ví như "một khu rừng trong đấy có nhiều loại cây: cây to, cây nhỏ, gỗ tốt, gỗ xấu, mọc chẳng chặt, lẫn lộn", không phải hiếm những cốt truyện thuộc thể loại cổ tích. Nhưng việc xác định chúng ra sao, theo những tiêu chuẩn nào, từ trước tới nay nhiều soạn giả đã tiến hành phân loại, song vẫn không tránh khỏi sự sơ sài, lộn xộn. Đó là cách phần chia của Nguyễn Văn Ngọc trong Truyện cổ nước Nam[6] với 5 loại: những truyện cổ tích dã sử; những truyện thành câu phương ngôn, lý ngữ; những truyện thuần về văn chương; những truyện ngụ ý cao xa; những truyện vui chơi, tiêu khiển. Hoặc Nghiêm Toàn trong Việt-nam văn học sử trích yếu[7] với 4 loại: truyện mê tín hoang đường; truyện luân lý ngụ ngôn; truyện phúng thế hài đàm; truyện sự tích các thánh. Hoặc nữa, Thanh Lăng trong Văn học khởi thảo - văn chương bình dân[8] với 7 mục: truyện ma quỷ; truyện anh hùng dân tộc; truyện ái tình; truyện luân lý; truyện thần tiên; truyện phong tục; truyện khôi hài.

Đến Nguyễn Đồng Chi, ông đã chia truyện cổ tích các dân tộc Việt-nam thành ba loại: Truyện cổ tích thần kỳ; Truyện cổ tích thể sự; Truyện cổ tích lịch sử. Nhìn chung, đó là một sự phân chia tương đối hợp lý hơn cả vì cách phân chia này của ông chủ yếu dựa vào đặc trưng loại hình của truyện, được biểu hiện ở một số tiêu chí có giá trị khu biệt thành một số kiểu truyện. Tất nhiên đây là một vấn đề rất khó. Chính Nguyễn Đồng Chi cũng còn rất dè dặt trong vấn đề này. Ông viết: "Thực ra đối với cổ tích và ngay cả đối với truyện cổ dân gian nói chung, bất kỳ một sự phân chia nào cũng chỉ có ý nghĩa chính xác tương đối" (tập I, tr.72). Nói như vậy song chính ông cũng khẳng định: "Thế thì phải chăng không thể phân loại truyện cổ

tích một cách rành mạch được? Chắc chắn không phải. Nhưng nếu chỉ căn cứ vào hình thức, vào những yếu tố tạo nên cái vẻ bề ngoài của truyện cổ tích để phân loại, thì chỉ mới nhìn vào hiện tượng mà chưa nắm được bản chất" (tập I, tr.55).

Trên thực tế, Nguyễn Đồng Chi đã nắm vững và giải quyết khá triệt để những vấn đề cơ bản của thể loại truyện cổ: vấn đề ranh giới, biên độ, cùng vấn đề nguồn gốc, con đường phát triển của truyện cổ tích, v.v... Điều đó đã giúp ông đưa ra được một quan điểm phân loại truyện cổ tích hợp lý và nhất quán.

Từ việc trình bày bộ kho tàng truyện cổ tích Việt-nam tiến tới việc nắm vững đối tượng này về mặt tổng thể như trên, Nguyễn Đồng Chi đã cố gắng thử xác định một cách hệ thống, ở mức độ bao quát, những đặc điểm của truyện cổ tích Việt-nam. Ông chú tâm vào những yếu tố tưởng tượng thần kỳ của loại hình truyện cổ tích Việt-nam, chất liệu đời sống của truyện cổ tích Việt-nam và truyện cổ tích Việt-nam với vai trò người phụ nữ, ước mơ tình yêu và hôn nhân tự do... Từ đó, truyện cổ tích Việt-nam đã được Nguyễn Đồng Chi quy tụ ở bốn đặc điểm:

1- Yếu tố tưởng tượng trong loại hình truyện cổ tích Việt-nam nói chung ít xa lạ với nhân tính; loại truyện sinh hoạt chiếm một tỷ lệ tương đối cao, loại truyện thần kỳ, truyện loài vật, truyện phiêu lưu mạo hiểm chiếm một tỷ lệ tương đối thấp.

2- Truyện cổ tích Việt-nam thấm đậm chất liệu đời sống xã hội Việt cổ, là biểu tượng nghệ thuật của cái hiền hòa, nhân ái, hay tính chừng mực trong tâm lý dân tộc.

3- Tính cách phê phán hiện thực khá đậm trong truyện cổ tích Việt-nam, nhân vật tích cực thường tỏ ra không bằng lòng với trật tự tập tục có sẵn, phản ứng lại cái ty tiện tầm thường.

4- Truyện cổ tích Việt-nam có một mảng đáng kể nêu bật vai trò tích cực của người nữ; đề cập đến ước mơ tình yêu và hôn nhân tự do.

Khi nêu lên các đặc điểm trên của truyện cổ tích Việt-nam, Nguyễn Đồng Chi đã hướng sự quan tâm của mình tới cả nội dung lẫn nghệ thuật: nội dung phản ánh hiện thực, phương thức ngụ ý của cổ tích cũng như mối quan hệ giữa truyện cổ tích với cách nhìn của sự kết hợp giao hòa giữa nhiều quan điểm, cũng tức là ông đã nhìn nhận truyện cổ tích ở các góc nhìn phong phú khác nhau. Các phương pháp như loại hình học, thống kê, so sánh lịch sử, nghiên cứu theo típ và mô-típ, phương pháp vẽ sơ đồ, cấu trúc, mô hình hóa truyện cổ tích, các cách tiếp cận truyện cổ tích theo chiều phát triển lịch sử, theo không gian và thời gian, giữa đồng đại và lịch đại... đều được Nguyễn Đồng Chi ứng dụng khá nhiều trong thao tác nghiên cứu nhằm rút ra những đặc điểm của truyện cổ tích Việt-nam: Khi đúc kết mỗi một đặc điểm, Nguyễn Đồng Chi bao giờ cũng minh họa bằng những dẫn dụ kết hợp với sự phân tích lô-gích, nên mang tính thuyết phục. Được như vậy vì ông đủ khả năng và điều kiện chiếm lĩnh đối tượng về mặt thông tin, tư liệu, mà theo ông thì "sự giới hạn về tư liệu dẫn đến những sai lầm về phương pháp luận". Có thể nói, ở Nguyễn Đồng Chi vừa thể hiện một sự tìm tòi đến say mê trong những trải nghiệm khoa học của mình, mặt khác cũng vừa có cả một sự chừng mực, nghiêm túc, giúp cho ông không rơi vào cực đoan trong các luận điểm.

Nhằm hướng tới phương pháp tiếp cận truyện cổ tích một cách toàn diện, Nguyễn Đồng Chi còn tìm hiểu, giới thiệu tất cả những trường phái nghiên cứu truyện cổ dân gian hiện đại thế giới. Có rất nhiều trường phái, mỗi một trường phái có sự đóng góp nhất định và thường có khi lại mâu thuẫn với nhau, song điều rất quan trọng là chúng đã tập hợp lại thành một bức tranh tổng quát về việc nghiên cứu truyện cổ dân gian trên thế giới. Với xu hướng tiếp thu các trường phái này bằng tinh thần tỉnh táo và đầu óc chủ động, sáng tạo. Nguyễn Đồng Chi đã tóm bắt đúng diện mạo của các trường phái ấy: từ trường phái Thần thoại ngữ văn Ấn - Âu của anh em Grimm người Đức, cho đến trường phái Lịch sử - Địa lý Phần-lan của hai

cha con Kroln (Julius Kroln và Karle Kroln), với người đại diện xuất sắc và cũng là người tiếp tục là Anti Aame và Stith Thompson... Với cái nhìn trân trọng, ông khẳng định: "Mặc dầu không thể không cảnh giác trước bao nhiêu ý kiến lệch lạc của các trường phái này, trong đó có những thiên kiến hẹp hòi, thậm chí có người đã sa đà vào chủ nghĩa chủng tộc, người ta vẫn không khỏi ngạc nhiên trước những thành tựu to lớn mà các trường phái nói trên đã tổng hợp được. Nó cho phép gạt bỏ để đi dần tới một phương pháp thực sự đúng đắn, qua đó có thể nhìn nhận truyện tự sự dân gian của mọi dân tộc như là một di sản tinh thần thống nhất, với những đặc trưng thống nhất về tư tưởng cũng như loại hình" (tập V, tr.2520-2521).

Thông qua việc tiếp cận với các trường phái, Nguyễn Đông Chi đã xác định: trong bối cảnh chung hiện nay "không phải là sự so sánh đơn thuần mà phải bằng cách nghiên cứu rộng rãi theo phương pháp lịch sử - loại hình" mới có thể hiểu và giải quyết thấu triệt các mối quan hệ nhằm nghiên cứu truyện cổ tích một cách khách quan và có hiệu quả nhất (tập V, tr.2526-2528).

Xuất phát từ cách nhìn nhận đó, Nguyễn Đông Chi đã đi tới việc tìm cái "chung" và cái "riêng" của loại hình truyện cổ tích Việt-nam. Ông đặt truyện cổ tích Việt-nam trong mối quan hệ giao lưu quốc gia và quốc tế, để từ đó ông khẳng định sự thu hút tinh hoa của truyện cổ tích Việt-nam là từ nguồn trong nước với kho truyện cổ của các dân tộc anh em, và nguồn trong nước với kho truyện cổ của các dân tộc anh em, và nguồn nước ngoài với chủ yếu là kho truyện Ấn-độ và Trung-hoa bộn bề, phong phú. Cũng từ đây ông có cơ sở để nêu lên nguồn gốc bản địa của truyện cổ tích Việt-nam với các tiểu loại thần kỳ, tiểu loại lịch sử, tiểu loại nửa thế sự, tiểu loại thế sự... Mỗi nhóm đều ăn sâu bén rễ lâu đời trong cội nguồn tư duy văn hóa Việt-nam.

*

* *

Lịch sử ngành nghiên cứu truyện kể dân gian thế giới đã có bề dày ngót 200 năm kể từ việc anh em Grimm xuất bản tập sưu tầm đầu tiên vào năm 1822. Với tư cách là một ngành khoa học độc lập, tính đến nay đội ngũ các nhà sưu tầm và nghiên cứu truyện cổ dân gian thế giới đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Còn ở Việt-nam thì có lẽ phải đến những năm 60 đầu những năm 70 của thế kỷ này với sự xuất hiện của các công trình chuyên khảo như Sơ bộ tìm hiểu những vấn đề của truyện cổ tích qua truyện Tấm Cám[9] của Đinh Gia Khánh; Người anh hùng Làng Dóng[10], Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt-nam[11] của Cao Huy Đình và Lược khảo về thần thoại Việt-nam, Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam của Nguyễn Đồng Chi mới có thể nói là truyện kể dân gian Việt-nam được nhìn nhận như một thể loại riêng biệt. Nguyễn Đồng Chi là một trong những người đi tiên phong nên không tránh khỏi những khó khăn, hạn chế, nhưng là một nhà khoa học đầy nhiệt tâm, ông đã lần lượt soi rọi được một cách trọn vẹn, thấu tình đạt lý các vấn đề đặc trưng và bản chất của thể loại qua việc nghiên cứu truyện cổ tích Việt-nam.

Trải qua thời gian, những nhận định tổng quát, những ý kiến của Nguyễn Đồng Chi về truyện cổ tích trong bộ Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam đã được nhiều người đánh giá là những kết luận có ý nghĩa học thuật cao. Đó thực sự là những đóng góp quan trọng, những gợi mở giúp cho giới nghiên cứu folklore Việt-nam đi dần tới việc nắm bắt đúng đắn truyện cổ tích - đối tượng nghiên cứu rộng lớn, phong phú và cũng là phức tạp nhất trong các thể loại văn học dân gian Việt-nam.

Trên nửa thế kỷ đến với truyện cổ tích, Nguyễn Đồng Chi đã nêu tấm gương của một người lao động cần cù và tài năng, có bản sắc và tự tin vào công việc bình dị mà cao đẹp của mình. Ông đã vừa là người nghệ sĩ sáng tạo trong việc nhuận sắc kho tàng truyện cổ tích Việt-nam đồ sộ, đồng thời vừa là nhà học giả có tâm huyết bởi công lao khơi sâu, mở rộng cho những

hướng nghiên cứu mới mẻ, toàn diện về truyện cổ tích Việt-nam nói riêng và truyện dân gian Việt-nam nói chung. Tên tuổi Nguyễn Đồng Chi, tuyển tập Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam cùng những đóng góp khoa học lớn lao của ông đã và sẽ mãi mãi giữ vị trí xứng đáng trong lịch sử ngành nghiên cứu văn học dân gian nước nhà.

NGUYỄN THỊ HUÊ

Nguyễn Đồng Chi, người miệt mài tìm kiếm các giá trị văn hóa dân tộc. Nxb. Khoa học xã hội, Hà-nội, 1996; tr. 171-190.

- [1]. Nxb. Văn sử địa, Hà-nội, 1956; In lần thứ hai, 1957
- [2]. Thí dụ: Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam, tập III, in lần thứ hai (1973) 10 vạn cuốn; tập IV (in 1975) 10 vạn cuốn.
- [3]. Lĩnh nam chích quái (Đinh Gia Khánh – Nguyễn Ngọc San dịch). Nxb. Văn hóa, Hà-nội, 1960.
- [4]. Trích theo bản in trọn bộ năm 1993 của Viện Văn học. Các trích dẫn tiếp sau đều như vậy.
- [5]. Bảng tra cứu tên truyện này do Ban Văn học cổ cận đại Viện Văn học bổ sung.
- [6]. Nguyễn Văn Ngọc. Truyện cổ nước Nam, 2 tập. Vĩnh Hưng Long thư quán xuất bản, Hà-nội, 1933 - 1934
- [7]. Nghiêm Toản, Việt-nam văn học sử trích yếu. Nhà sách Vĩnh Bảo xuất bản. Sài-gòn, 1949.
- [8]. Thanh Lăng. Văn học khởi thảo – văn chương bình dân. Phong trào văn hóa xuất bản, Hà-nội, 1954.
- [9]. Đinh Gia Khánh. Sơ bộ tìm hiểu những vấn đề của truyện cổ tích qua truyện Tấm Cám. Nxb. Văn học, Hà-nội, 1968.
- [10]. Cao Huy Đình. Người anh hùng làng Dóng. Nxb. Khoa học và xã hội, Hà-nội, 1969.
- [11]. Cao Huy Đình, Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt-nam. Nxb. Khoa học và xã hội, Hà-nội, 1974.

Nguyễn đồng Chi
Kho Tàng Truyện Cổ Tích
MỘT VÀI KÝ ỨC VỀ ANH TÔI

Thời gian và tuổi tác đã xóa đi nhiều kỷ niệm, nên giờ đây ngồi nhớ lại cho hết những gì đã xảy ra trong mấy chục năm gần bó thân thiết giữa hai anh em chúng tôi thật không phải dễ. Nhưng thật tình, nghĩ về người anh trai thứ Nguyễn Đồng Chi (mà tên quen thuộc vẫn gọi trong nhà là Gióng), hình ảnh vẫn thường hiện ra trong trí là một dịp Tết nào đấy cách đây dễ đã 55 năm, chúng tôi cùng ở trong phòng học - một căn buồng rộng, trước cửa có dòng chữ "Mộng Thương thư trai", hai bên tường là những giá sách chất cao đến trần - anh tôi sau hai ngày mồng một và mồng hai phải tiếp khách lu bù đang tranh thủ ngồi trước chiếc bàn gỗ lim to và dày lại lúi húi lật đi lật lại mấy tập sách chữ Hán và dùng cuốn từ điển Hán-Việt của cha tôi soạn, vừa tra vừa đọc rất chăm chú, còn tôi thì duỗi dài trên chiếc ghế ngựa - chiếc ghế dài đóng bằng nhiều thanh gỗ, nếu rút chốt có thể choãi ra, giúp ta trong tư thế nửa nằm nửa ngồi thoải mái - đọc mấy tờ báo *Thiếu nữ (La Fillette)* và *Thanh Nghệ Tĩnh* tân văn anh tôi vừa mang ở Vinh về mấy hôm trước, trong khi ngoài vườn là vô số loài hoa đang nở: hoa hồng, hoa thược dược, hoa hải đường, xen lẫn hoa dong riềng đỏ tươi, hoa cải vàng lấm tấm... cùng với những cây ổi, cây nhãn, cây bưởi, cây dưa đang đâm những cành nhánh sum suê. Và gió ngoài cánh đồng thổi qua hai cửa sổ mở rộng đưa vào mùi hương tháng Giêng ẩm ướt, nồng nàn... Đây là ngôi nhà "Chi gia trang" của gia đình chúng tôi mới dựng lên trước đấy một năm ở làng quê, ngôi nhà từng nổi tiếng một thời, là nơi mở rộng cửa cho mọi người dân trong vùng đến đọc sách, là nơi đã tổ chức những cuộc họp bí mật của Nhóm thanh niên cứu quốc Can-lộc trong những năm 1943-45, dẫn đến cuộc khởi nghĩa cướp chính quyền huyện ngày 15-VIII-1945 [1], một ngày sớm nhất trong toàn tỉnh, cũng là nơi rồi đây sẽ chứng kiến những bước chân thẳng thẳm, những bão tố dữ dội, làm xiêu liêu cả mấy anh em chúng tôi.

Tôi để ý thấy anh tôi đang ngồi chăm chú vào trang sách bỗng hình như thoáng nhìn thấy một cái gì, thế là anh vụt đứng ngay dậy, đóng chặt một cửa phòng thông ra sân bên trái, và đứng án trước một cửa phòng khác thông vào buồng giữa, miệng huýt một điệu sáo khác thường. Lập tức hai chú chó vện và chó đen của nhà nghe tiếng sáo từ đâu xông vào với dáng dữ tợn, cánh cửa liền đóng lại. Thế rồi anh tôi vừa điều khiển hai con chó chạy sục sạo từ góc này đến góc kia, vừa dùng một chiếc que dài xoi đi xoi lại phía sau các tủ sách. Bỗng chốc một chú chuột nhắt từ dưới tủ chạy vọt ra, con chó vện chồm tới. Một tiếng "chít" vang lên, chuột đã lọt vào giữa hai mõm chó. Cửa lại được mở ra, và anh tôi vừa cầm cái đuôi con chuột bé tí mang đi vụt vừa cười với tôi. Bấy giờ tôi đang học trung học ở Quy-nhơn mới trở về quê nghỉ Tết nên chưa được biết những trò này.

Anh tôi lại trở lại ngồi vào bàn và lại lặng lẽ như cũ. Nhưng không được lâu. Bác Chắt Nghĩa, một người lão bộc lâu năm của gia đình, vừa đi chợ Huyện về, cho biết ở chợ người ta đồn mới có một vụ án mạng xảy ra ở Vạn-phần (Diễn-châu). Chúng tôi cùng bật dậy, chạy xuống nhà dưới để hỏi tin. Bác cho biết, nghe đâu có một anh tá điền bị cường hào o ép ngặt quá không còn biết xoay xở cách nào nữa đành liều cầm dao xông vào nhà chánh tổng giữa ngày Tết, đâm chết y rồi đâm luôn cổ mình tự tử, bỏ lại vợ con và một đàn con nhỏ. Nghe chuyện cả nhà chúng tôi ai cũng thở dài, thương cho hai mạng người xấu số, lại thương cho chị vợ và đàn con anh nông phu từ đây không biết cậy nhờ vào ai. Nhưng tôi bỗng thấy anh Gióng có dáng vội vã. Không nói không rằng anh bỏ đi lên nhà trên, chỉ chốc sau anh trở xuống với chiếc cặp tày, chiếc mũ trắng, tay dắt xe đạp. - "Anh đi đâu mà vội thế?", tôi hỏi. - "Mình ra phủ Diễn đây. Phải lên Nghèn đáp ô-tô Hồng Ký từ Hà-tĩnh ra Vinh mới kịp chuyển chiều. Thôi chú ở nhà chơi, mấy bữa mình về". - "Anh đi xem án mạng sao?". - "Đúng! Mình đang viết tập phóng sự về cái nạn cường hào [2]. Mấy lâu nay lặn lội khắp Nghệ - Tĩnh mà mãi vẫn không tìm ra một thiên truyện làm kết. Nay thì có rồi. Mà

tuyệt nữa! Phải đấy, đúng là một kết cục như nó phải có. Merveilleux [3]!".
Thế rồi anh nhảy lên xe, bộ quần áo trắng biến mất ở cổng. Tôi vừa trở lại
phòng học thì tiếng chuông xe đạp đã reo lên "kính coong" ở xa.

Tôi lại nằm xuống chiếc ghế ngựa và ngẫm nghĩ: người anh của mình trước
sau vẫn vậy. Vẫn cái tính hiếu động ấy, cái thói quen làm việc nhanh như
sóc ấy, cái tính thẳng thắn đến ương ngạnh ấy, và cái đức hiếu học ấy. Anh
thực là một con người hoạt động mà suốt một thời tuổi trẻ đã ảnh hưởng
sâu sắc đến tâm tính của tôi.

TUỔI TRẺ HIẾU ĐỘNG

Thời niên thiếu, anh Gióng là một tay rất ưa nghịch ngợm. Anh chơi bời, phá phách, quấy rối hết thầy mọi người. Nghỉ hè, từ Vinh [4] về nhà, trong vườn có mấy cây ổi, cây nhãn, anh trèo suốt ngày, hầu như ở trên cây từ khi quả còn xanh cho đến khi hết quả. Tôi và người chị kế sau anh - chị An - chỉ đứng chực dưới gốc để thỉnh thoảng được anh vớt xuống cho một chùm nhãn hoặc vài quả ổi. Có mấy cây nhãn ngon, mẹ tôi thường thuê người đan lồng để bu nhãn lại cho dơi khỏi ăn, Nhưng việc bu những cành nhãn nhỏ ở xa thì ai cũng chịu, chỉ anh tôi mới dám trèo ra để làm. Cũng vì leo trèo suốt ngày nên mẹ tôi lo nhỡ ngã thì què chân gãy tay hay có thể chết người nữa là khác. Năm đó anh tôi học ở Đồng-hới về nghỉ hè. Lẽ ra còn có thể ở thêm dăm hôm nữa rồi vào nhập trường cũng còn kịp, nhưng vì thấy anh leo trèo nhiều quá, mẹ tôi ra lệnh cho anh phải lên đường sớm hơn, chuẩn bị hành trang để vào thị xã Hà-tĩnh đón xe đi Đồng-hới. Anh tôi tính tuy ương nhưng cũng vâng lời mẹ ra đi. Đi được mấy tiếng đồng hồ, trong nhà thiếu anh trở nên vắng vẻ hẳn. Ai cũng như thấy thiếu một cái gì. Mẹ tôi đâm ra thương con, bèn bảo bác Chắt Nghĩa trèo lên cây nhãn bẻ vôi mấy lồng rồi đuổi vào tận bến xe Hà-tĩnh để đưa cho anh.

Lại có một lần nghỉ hè, anh tôi khoảng 9-10 tuổi, còn tôi thì còn bé tí. Nhân ngày rằm tháng Bảy, cha tôi dẫn cả ba anh em đi lễ chùa (chùa Ba-làng, một di tích liên quan đến vị tổ của chúng tôi là Trần Đức Mậu, ở thế kỷ XV). Sau cuộc lễ, thầy chùa mời các vị bô lão ở lại để thết cỗ chè. Thầy chùa định cho ba anh em ba chén chè nhưng cha tôi ngăn lại và đề nghị thầy chỉ cho thẳng út một chén thôi (bởi vì thấy mâm chè cũng không nhiều nhận gì lắm mà bô lão lại đông). Tôi được hưởng một chén chè còn anh chị

tôi đành nhịn. Tôi ăn xong, cha tôi bảo ba anh em đưa nhau về trước còn cha ở lại để trò chuyện. Về nhà mẹ tôi đã trữ sẵn một vại nước mưa, bảo ba anh em cởi quần áo ra để mẹ tắm cho mát. Lúc quần áo cởi ra, thấy trên người anh có những nốt ghê, tôi thuận tay khảy mấy cái, không ngờ làm anh chảy máu. Thế là anh tôi chửi toáng lên: - "Mẹ cha đứa *mô* [nào] đẻ ra thằng Hưng để nó làm tao chảy máu đây này!". Mẹ tôi thấy thằng con chửi hỗn bèn cầm roi ra đánh. Đánh được vài roi thì anh tôi bỏ chạy, thuận chân đá luôn chiếc liễn đựng mật đương phơi giữa sân hàu (sân làm bằng vôi cát và tro trộn mật, không có xi-măng). Mật mía đặc trong liễn theo đường lăn của chiếc liễn chảy thành một dòng nhỏ như sợi bắc đèn. Nhân khi mẹ còn bận đuổi anh, tôi bèn rón rén theo dòng mật chảy, lấy tay vét đưa lên miệng... Chốc sau, khi đã tắm xong, chị An tôi cười bảo với mẹ: - "Chắc ông anh bực vì không được ăn chén chè của nhà chùa thôi, chứ nốt ghê chảy máu thì nào có đau đớn gì!".

Cũng cái tính ương bướng như thế đã sớm tạo cho anh tôi một lối sống cứng cỏi, không để cho ai bắt nạt, cũng không giấu giếm bất bình trước mọi chuyện trái tai gai mắt mà mình bắt gặp. Cần nói rằng, có lẽ do sớm được đọc sách, ngay từ còn nhỏ anh em chúng tôi đã ít ham thích những tập tục cổ hủ của nông thôn như chuyện cỗ bàn xôi thịt, nhất là chuyện tranh giành nhau trong họ ngoài làng. Chúng tôi cũng có tham gia vào tất cả những chuyện ấy như các thành viên khác, nhưng chỉ tham gia lấy lệ mà không hề say mê (kể cả chuyện đánh tổ tôm mà tôi sẽ kể sau). Và khi những cuộc họp làng, nhất là họp họ đã đến chỗ gay cấn, trước chén rượu rót đã lừng chai và giọng nói của ai đó đã có vẻ lè nhè hay trở nên sừng sộ thì dù là con nhà tộc trưởng, anh em tôi cũng bấm nhau lặng lẽ rút lui, để cho cả họ ngồi lại khu xử (có khi nổ ra những cuộc cãi vã đỏ mặt tía tai, và rồi bất kể thứ gì có trước mặt: chai, lọ, chén, bát, khay trầu, ghế tựa... đều dùng để trút lên đầu nhau... Mãi cho đến khi hết say rồi mới lại tìm cách dàn hòa).

Một lần câu chuyện xảy ra vào khoảng hè 1929, hoặc 1930, làng góp tiền để xây dựng một cái giếng cho nhân dân đi lấy nước thuận lợi hơn, kéo cả một xã rộng lớn chỉ dùng có mỗi một cái giếng cạn (giếng Tran) trên cồn (cồn Chùi), hơi xa và đông người quá, bất tiện. Hơn nữa, giếng Tran đào như một cái ao, người lấy nước phải lội xuống, nghiêng vò cho nước chảy vào đầy rồi quảy lên, thành thử mức nước thì đôi chân bẩn cũng nhúng luôn vào nước. Người em họ của chúng tôi đã đứng tuổi là B., người xóm trong, được làng giao cho đứng ra lo liệu. Ông chủ trương đào giếng ở một địa điểm nằm giữa hai xóm trong và ngoài cho thuận lợi cả hai bên khi đi múc nước. Tại đó, có miếng đất bắc mạ của ông Ng. cũng là người trong họ, tuy đã đem cầm cho bà Q. Ch. , vợ ông chú họ, để đi hút á phiện, nhưng ông vẫn cho làng đào giếng vào một góc. Tiếc thay vì không kiểm tra thử chất lượng trước nên giếng đào đúng vào mảnh đất chua phèn, nước không dùng được, làm xong bị dân loại bỏ, từ đấy chúng tôi vẫn gọi là giếng Chia, cũng chẳng hiểu vì sao. Nhưng điều đang nói là việc đào giếng đã làm cho bà mẹ Q. Ch. tức giận điên người, vì mảnh đất vốn đã được cầm cho bà, Nhân bữa giỗ họ vào rằm tháng Bảy, bà dùng dùng xông đến, bất thành linh vật ông Ng. xuống, đề lên và ra sức chửi mắng. Cuộc họp biến thành một cuộc giằng xé dữ dội giữa con cái ông Ng. và vợ chồng bà Q. Ch. Đã thế sau khi rượu vào, trong họ lại sinh hiềm khích. Một người em họ là H. nóng nảy lật cả một nong thịt vừa thái xong làm cho xôi thịt đổ ra tung tóe, việc đó lại gây nên một cuộc xô xát thứ hai. Chúng tôi được một bữa hồn vía lên mây. Nhưng mới sáng hôm sau đã thấy anh Gióng tụ tập bọn trẻ lại hát cho nghe một bài vè. Đứa nào nghe xong cũng lẩm nhẩm đến thuộc lòng như cháo vì bài vè lột tả thật sinh động bữa cổ hôm qua mà chúng tôi vừa chứng kiến:

"Ngày rằm tháng Bảy kia,

Mụ Q. Ch. ra hề.

Chuyện cũng hay, hay thật,

Xin kể ra đây nghe.

Làng đào giếng uống nước,

C. Ng cúng đất bắc.

Mụ Q. Ch. nghe tin,

Vội đi ngay một bước.

Tới nhà thời bữa rằm,

Họ chia phân vừa xong.

Mụ ôm vật C. Ng.

Đè xuống mà bảo rằng:

- "Mày thiếu tiền hút xách,

Tao đã liệu chu tất.

Mày gán ruộng ấy rồi,

Sao giờ lại cúng đất?"

C. Ng. : - "Đất của choa [chúng tao],

Cho, không, mặc kệ mà!

Ai mượn mi dự đó?

Muốn tốt thả tao ra".

Đoạn giữa kể đàn con ông C. Ng. xâu vào đánh giải thoát cho bố, tôi đã quên mất, chỉ còn nhớ đoạn cuối nói về sự kiện tày đình thứ hai, cũng tại nhà thờ hôm đó:

Cu H. nhảy đại vô,

Xô cái nong một xô.

Thịt rơi tung tóe cả,

Chó mèo được bữa no!

Cố Th. đứng dậy ngay,

Nói cho cố L. hay:

- "Phải đền nong thịt ấy"

Cố L: - "C. đây này!"

Cũng nên nhớ là bài về được viết lúc anh tôi chỉ mới mười bốn tuổi. Lũ trẻ chúng tôi vừa đọc cho nhau vừa rất phục tài anh. Nhưng vài ba năm sau, lại một chuyện khác xảy ra khiến cho tiếng tăm anh càng "nổi" hơn. Lúc này anh đã tốt nghiệp Pri-me (Primaire) ở Đồng-hới, chuyển ra Vinh ở với cha tôi để tìm việc làm. Tôi cũng cùng với bà nội ra Vinh ở với cha tôi. Ra đến nơi, tôi thấy trên bàn anh để rất nhiều báo chí, đủ loại, do cha tôi mua về. Riêng anh còn lo kы cốp mua khá nhiều loại sách hồng (livre rose), và đọc suốt ngày đêm. Vì còn sống tự do, chưa có việc gì làm nên ban ngày đọc sách, tối lại anh lần mò đi học võ. Anh không học với ai xa lạ mà tìm xuống dưới nhà học với hai anh em một người lái xe, cùng thuê một phòng trong ngôi nhà khá rộng rãi chúng tôi đang ở. Tôi không rõ việc học hành võ nghệ của anh ra sao, vì mình còn quá nhỏ, nhưng một hôm, giữa đám bạn bè cùng ở trọ học tại đấy anh bỗng cười bảo: - "Cậu nào có muốn đấm mình không? Cứ xông vào đấm thật lực, mình không làm gì đâu. Đấm vào tay, chân, vào người, đâu cũng được". Mấy cậu choai choai lúc đầu tưởng anh nói chơi nên chỉ cười, sau biết anh muốn thử xem sức học võ của mình đã tấn tới đến đâu, bèn vui vẻ đứng dậy xắn tay áo dang thẳng cánh quạt vào anh tới tấp. Những cú đấm bịch bịch của họ xem ra cũng nặng cân lắm vì tôi thấy anh nín thở đối phó, thỉnh thoảng lại "ự, ự". Tôi đứng xem hơi hoảng, đang lo thay cho anh thì chợt thấy anh khoát tay một cái, một câu kêu "ối" và ôm chặt lấy tay. Thì ra anh đã dùng ngón đòn chặt mạnh bàn tay vào tay cậu, làm cậu tẹo mất mấy ngón tay. Gần đây, sau khi anh tôi đã qua đời, cháu trai tôi có dịp gặp lại người bạn năm xưa của bố là Trần Xuân Phác, nay ở 57 Giảng-võ - ông Phác vẫn chưa quên chuyện cũ; vừa chỉ vào ngón tay út vừa cười, nói với cháu tôi: - "Nó vẫn tẹo đây này".

Thế rồi một hôm, ít lâu sau ngày thử võ, anh tôi về nhà. Hồi ấy nhà tôi có một con bò cho người làng trên (Ích-mý) nuôi rê. Nuôi rê tức là nuôi bò

cho người khác, theo chế độ: được cày bừa thoải mái nhưng nếu bò đẻ thì phải chia hai, một nửa của chủ có bò và một nửa của mình. Rất tiếc chúng tôi lại gặp phải một tay nuôi rê lấu cá, và tính cách cũng vào loại "sừng sỏ". Nên tuy bò đã đẻ mấy lứa mà anh ta vẫn "linh", không thém báo qua một tiếng với chủ có bò. Phiên nôi là ở nhà quê chỉ có mình mẹ tôi, một người phụ nữ hiền lành, với người bố chồng già yếu lại bị què chân, nên chẳng làm được gì tay này cả. Vừa về đến nhà, nghe chuyện, anh tôi đã hối hả lên làng trên hỏi cho ra lẽ. Mẹ tôi và ông tôi can mãi anh cũng không nghe. Ai cũng lo thay cho anh. Mẹ tôi liền cho bác Chắt Nghĩa đuổi theo thám thính để nhờ có chuyện gì còn kịp can gián. Nhưng ông vừa lên đến nơi thì cũng vừa kịp chứng kiến một chuyện lạ lùng: anh tôi đầu trần, bộ quần áo trắng, mới bước vào cổng gọi người nuôi bò rê thì từ trong nhà hắt đã sừng sỏ bước ra với một chiếc đòn gánh cầm tay. Sau vài câu lời qua tiếng lại, anh chàng nuôi bò ỷ vào cái tính ngỗ ngáo của mình, hạ ngay độc thủ, cầm đòn gánh giơ lên phang thẳng xuống đầu anh tôi. Mọi người nhìn thấy không ai là không thất sắc, nhưng chưa một ai kịp kêu lên thì anh tôi đã giơ cánh tay mảnh dẻ lên đỡ cú đánh ác hiểm. Thế rồi không hiểu sao chiếc đòn gánh to lừng lững kia lại không làm gãy tay anh mà trượt theo cánh tay xuống nách, và bị anh kẹp chặt lại ở nách, cứng như sắt. Chàng nông dân nọ đang đỡ người ra trước một sức khỏe và sự nhanh dẻo dị kỳ như vậy thì liền bị cánh tay kẹp đòn gánh của anh tôi giật lùi một cái, cả người anh chàng ngã sấp xuống. Mọi việc xảy ra trong chớp mắt. Anh tôi không nói một tiếng, chỉ thả đòn gánh ra để cho anh chàng ngỗ ngáo đứng dậy, mặt ngượng ngập, phúi bụi đất ở áo quần, rồi mới thùng thình bảo: "Cũng nên một vừa hai phải chứ, không phải muốn làm gì ai cũng được đâu!". Nói rồi anh chào người vợ và thông thả ra về. Từ đấy cả vùng quê tôi người ta đồn nhau: "Giống là tay có võ!".

TẬP SỰ VÀO ĐỜI

Nhưng anh Gióng tôi ương ngạnh mà không "sinh sự" với một ai. Một đức tính ngày càng rõ nét ở anh: sự tự chủ. Có lẽ đấy là một tập luyện lâu dài, tập luyện đến thành thói quen lúc nào không biết. Tự chủ, biết nén mình lại, nên dường như càng đến tuổi thanh niên anh càng ít khi nổi nóng. Anh nhũn nhặn hẳn. Sự thực thì để trở thành một con người như vậy là cả một nghị lực phi thường. Nghị lực đã được bộc lộ ngay từ nhỏ, thành một ý chí tự lập thường trực ở nơi anh. Một vài việc anh làm thuở bấy giờ, cứ tưởng là "trẻ con", suy nghĩ lại mới thấy hết ý nghĩa của nó.

Việc làm đầu tiên là mở... "Bình Ân dược phòng". Bà tôi ra Vinh vào khoảng năm 1931, lúc ấy bà đã 80 nên mắt kém và chân tay lỏng ngóng. Một hôm bà từ nhà ngoài đi vào buồng ngủ, chân va vào bậc cửa và bị ngã. Đờ bà dậy thì biết là xương tay bị gãy, cả nhà rất lo sợ vì đối với người già việc gắn lại xương đâu phải chuyện dễ dàng. Có một bà cụ bán thuốc tễ quen thuộc tới thăm và bày cha tôi một phương thuốc Đông y tự chế lấy để dùng đắp vào chỗ gãy trước khi bó lại. Tôi còn nhớ là: lô hội trộn với quế chi giã nhỏ pha rượu vào. Đun lên thành một thứ hồ lệt sệt màu đen, đắp vào chỗ gãy rồi lấy vải xô bó cứng. Ít giờ sau thứ hồ này cứng lại cũng giống như bột thạch cao bó xương của Tây y. Một thời gian sau mở băng ra thì xương đã liền và tay đã lành. Cha tôi rất mừng, mời bà cụ lại để cảm ơn. Bà cụ cho biết thứ lô hội này nếu pha chế thật loãng thì còn có thể chữa được những căn bệnh ngoài da như mụn nhọt, lở ghẻ, v.v... Anh tôi nghe rất chăm chú. Sau đấy, anh dùng chữa thử cho một vài người thấy có hiệu nghiệm. Bỗng nhiên anh tôi nảy ra ý định kinh doanh thứ thuốc này. Các vị thuốc thì chả khó khăn gì, ở cửa hiệu thuốc Bắc nào cũng sẵn. Cối giã quế

chi đã có một cái cối giã vừng trong nhà bếp. Duy chỉ cần một chiếc niêu con để nấu thuốc, anh tôi bèn tìm bà Lộc ở nhà dưới hỏi mua chiếc niêu đất bé tí mà trước kia bà thường dùng để nấu cơm cho một mình bà ăn. Được nài rồi anh tôi hí hoáy pha chế, sắc nấu thành một thứ nước đen lệt sệt. Rồi đi thuê đặt thối mấy cỡ chai con, lại thuê in cả nhãn hiệu:

BÌNH ÂN DƯỢC PHÒNG THUỐC GỊT

Chuyên chữa: ghẻ lở, mụn nhọt, gãy xương, bong gân.

Mấy chữ "Bình Ân dược phòng" nghe thật "oách" mà chung quy, "quy trình công nghệ" chỉ quanh quẩn trong một cái niêu và một cái cối giã vừng! Bình Ân là biệt hiệu của anh tôi, bởi tên anh là Gióng tức là Phù Đồng - Nguyễn Đồng Chi - anh hùng dẹp giặc Ân, nên anh mới đặt cho mình biệt hiệu trên. Chai lọ rót thuốc xong nút lại, rồi cũng được gắn xi và bọc một lớp giấy bóng kín đáo, đẹp đẽ, sau đó đưa đi cổ động bán. Hồi ấy trên tuyến đường Bến-thủy - Hải-phòng có một ông nhân viên người làng Kim-trù, cách quê tôi chừng 3km, làm kiểm soát viên trên một chiếc tàu biển chở hàng, vào những ngày rảnh rỗi thường tới nhà tôi chơi. Nhân tiện, anh tôi bèn đề nghị ông cho đi tàu nhờ ra Hải-phòng để bán thuốc Gịt. Ông ta nhận lời đưa anh tôi cùng đi mấy chuyến ra Hải-phòng. Cha tôi không nói gì trước việc làm của anh (chắc ông vẫn coi là trò trẻ) nhưng đôi lúc mắt ông đã có cái nhìn khang khác với đứa con 16 tuổi. Ngày nay, mỗi lần đi trên tàu hỏa, bắt gặp những ông đứng tuổi đeo kính đen, vai quàng xắc, tay cầm đủ loại thuốc cao đơn hoàn tán chìa vào tận mặt khách, miệng nói liến thoắng: - "Nếu quý khách chẳng may có ai ghẻ lở, hắc bào, mẩn ngứa,

phồng rộp chân tay... xin cử bôi thử một tý vào da là khắc thấy hiệu nghiệm..." tôi lại bất chợt mỉm cười, lòng không khỏi thức dậy một cảm giác vui vui khi thốt nhớ lại hành vi có thể nói là "táo tợn" của một đứa trẻ nhà quê 16 tuổi thuở xa xưa ấy, là người anh hiểu động của mình.

Cũng vào thời gian làm thuốc Gặt Bình Ân, anh tôi còn phát hiện ra ở các phiên chợ Vinh có bán một thứ đồ tre khá đẹp. Đây là đồ dùng chế tạo từ những ống tre non được luộc chín rồi ép phẳng như những tấm gỗ mỏng, có độ dày khoảng 4-5mm. Người ta dùng loại dao, cưa, đục rất nhỏ để cắt, đục, lắp ghép thành những cái khay để chén trà, khay đựng trà, hộp đựng trà, hộp đựng thuốc hình tròn hay lục giác, bát giác cho các bà lớn hồi đó dùng để đựng trà, thuốc, hoặc để thuốc Lào, thuốc lá sợi, v.v... Đặc biệt vỏ ngoài của thanh tre được luộc chín ngả màu ngà trên đó các nghệ nhân dùng lưỡi dao sắc nhỏ chạm lên những hình bông hoa, hình thú vật, hay hình người trông rất đẹp, hoặc tạo lên những câu chữ nho có ý vị...

Qua một vài phiên đi xem xét, anh tôi bèn mời một vài người bán đồ tre ấy về nhà mình để nói chuyện và trao đổi cách liên doanh liên kết với họ. Cuối cùng hai bên thỏa thuận với nhau là: phía anh tôi sẽ quảng cáo khắp ba kỳ món đồ tre đặc biệt của xứ Nghệ này để người ta biết mà tìm mua; anh tôi gợi ý với họ làm thêm một vài thứ đồ nhỏ như hộp thuốc Lào bỏ túi, pip hút thuốc lá sợi để gửi đi biểu quảng cáo ở các tiệm buôn lớn và ngoài ra, về mặt chạm trổ trên mặt tre phải là hình các danh nhân đất nước: ví dụ Trần Hưng Đạo đánh trận Bạch-đăng, Lý Thường Kiệt cưỡi ngựa đánh Tống, Hai bà Trưng cưỡi voi đánh giặc, v.v... Bên mỗi bức chạm cũng có biết dòng chữ Hán ghi tên tuổi và hành động vị anh hùng được khắc họa. Làm vậy để đổi mới đề tài cũ kỹ của họ. Còn việc đặt hàng sẽ được thông báo mỗi khi có giấy đặt hàng ở các nơi gửi về... Thế là cuộc kinh doanh đồ tre cũng được tiến hành đồng thời với thuốc Gặt Bình Ân và trụ sở đều ở số nhà 11 đường Pôn Be (Paul Bert), Vinh.

Hồi anh Gióng còn học ở Đồng-hới có ông Viễn Độ (em vợ anh Kinh Chi, người anh trai đầu) cũng từ Huế ra Đồng-hới sản xuất dầu tràm mà sau này ông đặt tên là dầu "khuynh diệp". Quảng-bình là nơi có nhiều cây tràm mọc và dân ở các vùng có tràm từ lâu đã biết cất tinh dầu tràm để chữa bệnh. Ông Độ vừa tự cất lấy dầu vừa mua dầu của dân đưa về pha chế thêm một ít nước màu riêng của mình thành một loại tinh dầu màu lá chuối trong xanh, chế vào từng cỡ chai to, bé để bán khắp ba kỳ. Người ta ưa chuộng dầu "khuynh diệp" vì nó chữa được một số bệnh nhức đầu, sổ mũi, nóng sốt khá hiệu nghiệm, và cũng vì tinh dầu của nó có màu sắc xanh đẹp khác hẳn với tinh dầu của người khác sản xuất màu vàng cỏ úa... Có thể chuyện làm ăn của ông Độ đã có phần nào tác động tới anh tôi hồi đó. Vừa học tiểu học, anh tôi vừa tích cực làm quảng cáo cho hãng Viễn Độ. Anh biến câu chuyện cổ tích mà ai cũng biết về hai bà mẹ, tranh nhau một đứa con, thành một truyện thơ dài, trong đó chỉ có một tình tiết được anh "cải biên" là tình tiết sau cùng: khi vị quan phân xử đang lúng túng không biết nên trả đứa bé về cho người nào vì người nào cũng tỏ ý hết lòng thương yêu, thì bỗng trong túi một người rơi ra lọ dầu "Khuynh diệp"; thế là vụ kiện ngã ngũ - đứa con về tay bà mẹ có dầu. Phải chăng cái duyên của truyện cổ tích đã "bén" vào cậu học trò xứ Nghệ từ đấy? Tôi không rõ nhưng cũng nhân việc này mà trước khi rời Đồng-hới, anh tôi được ông Viễn Độ tặng cho một chiếc máy chữ xách tay, cấu tạo đơn giản đánh theo kiểu mỗ cò một ngón. Chiếc máy này khi ra Vinh mở Bình Ân được phòng và hiệu đồ tre chạm đã giúp anh tôi đánh những giấy tờ giao dịch rất trang trọng, bề thế, như là một hãng sản xuất lớn. Không những thế, về sau, khi Nhóm thanh niên cứu quốc Can-lộc thành lập và hoạt động, nó còn được dùng để đánh những giấy tờ quan trọng, những chỉ thị của Việt minh và những truyền đơn đánh Nhật đuổi Pháp... Và cũng chính nó đã làm chúng tôi một phen phải long tóc gáy mang đi chôn giấu ở trại Hồng, cách nhà 15km, khi có tin mật thám Pháp đến khám nhà.

Từ chỗ kinh doanh thuốc và đồ tre, anh tôi lại chuyển sang viết sách. Như ở trên đã nói, lúc còn đi học anh mê đọc loại sách hồng (livre rose) của Pháp viết cho thiếu niên nên mua rất nhiều, trong nhà còn lưu lại hàng chồng sách loại ấy. Ngoài ra, trong một cuộc bán phát mãi, anh còn mua được hàng trăm số báo *La Phi-et (La Fillette)* cũng xuất bản ở Pháp. Dựa vào vốn liếng chuyện trẻ em đã được đọc, anh bắt đầu nghề viết văn bằng cách viết sách truyện cho thiếu niên.

Trong thời gian 1932 - 33, anh tôi đã viết và cho xuất bản liên tiếp được 5 cuốn sách: 1. *Chí quả quyết*; 2. *Tài trẻ nước Nam*; 3. *Một nhà tan hợp*; 4. *Vườn xuân bạn trẻ*; 5. *Tìm ra châu Mỹ*.

Trong đó *Chí quả quyết* phóng tác theo truyện kể trong một cuốn sách hồng nhưng lại lên tên địa danh ở Nghèn (Can-lộc) và chú bé chính của câu chuyện là con ông trạm trưởng bưu điện. Hai điểm trên gây nên trong lớp học của tôi (bấy giờ tôi đã từ Vinh về học tiểu học ở Nghèn) những chuyện vui đùa vì trong lớp có một bạn là con ông trạm trưởng bưu điện Can-lộc thật. Tiếp đến cuốn *Tài trẻ nước Nam*, anh tôi giới thiệu với các bạn trẻ những mẩu chuyện danh nhân đất nước, ở tuổi thiếu thời có lòng can đảm, trí thông minh, hoặc có tài thơ văn, ví dụ ông Lê Quý Đôn với bài thơ *Rắn đầu biếng học*; ông Lương Thế Vinh đã tìm cách lấy được quả bưởi rơi vào trong cái hố nhỏ mà sâu nhờ kế đổ nước cho quả bưởi nổi lên; rồi Phù Đổng thiên vương cưỡi ngựa sắt đánh giặc Ân v.v... Đặc biệt, phần lớn số trang dành để kể chuyện ông Nguyễn Văn Giai, người học trò nghèo quê ở Ba-xã, thuộc dòng họ Nguyễn Văn của mẹ tôi. Nghèo nhưng có chí phấn đấu và có sức khỏe nên sau nhiều năm tháng vừa học vừa làm thuê, ông đã thi đỗ tiến sĩ thời Lê-Trịnh và làm quan to ở kinh đô. Đây là câu chuyện có thật nhưng cũng pha trộn thêm những chi tiết được anh lượm lặt theo truyện kể dân gian ở Ba-xã. Tiếp đến cuốn thứ ba *Một nhà tan hợp*, phóng tác theo truyện kể trong tập báo *La Phi-et* của Pháp, kể chuyện một ông kỹ

sư người Mỹ kết hôn với một phụ nữ người Pháp và sinh được một cô gái. Năm 1914-18 có chiến tranh Pháp - Đức, ông kỹ sư cổ động nhân dân Mỹ đứng lên giúp Pháp đánh Đức. Hết chiến tranh, ông bị bọn người Đức sống ở Mỹ thù ghét, tìm mọi cách phá hoại cuộc sống ổn định của gia đình ông, làm cho ông mất việc, và làm cho vợ chồng ông thất lạc nhau. Sau khi thấy thế sống bất lợi, ông bèn dắt con gái sang Pháp tìm công ăn việc làm; cha con bắt đầu một cuộc sống khó khăn nhưng cô gái can đảm đã giúp đỡ cha trong việc nội trợ. Bọn Đức ở Pháp được sự thông báo từ bên Mỹ, lại tìm cách phá hoại cuộc sống của ông và tìm cách bắt cóc cô gái. Song nhờ lòng can đảm, trí thông minh, cô gái đã tìm được cách thoát khỏi nơi bị giam hãm và trở về với bố, đồng thời cùng bố đi báo cảnh sát về bọn côn đồ này. Cuộc vây ráp đã tóm hết bọn Đức lưu manh và cha con sống yên ổn trở lại. Tiếp đó người vợ thất lạc lại tìm được chồng con và gia đình đoàn tụ hạnh phúc. Cuốn thứ tư là một cuốn sách Tết, trong đó có những mẫu chuyện ngắn, những bức tranh vui, những bài thơ nhỏ và những mẫu chuyện ngày Tết. Còn cuốn *Tìm ra châu Mỹ* là câu chuyện về tấm gương mạo hiểm, vượt mọi trở lực để lập nên kỳ công tìm ra "tân thế giới" của chàng thanh niên tài ba Cri-xtop Cô-lông (Christophe Colomb) ở thế kỷ XV.

Nói chung các cuốn sách trên gây được sự hấp dẫn trong lớp học trò nhỏ tuổi ở Nghệ - Tĩnh thuở bấy giờ. Hồi ấy tôi học lớp nhì tại trường Nghèn; mỗi khi có in sách mới, anh tôi lại về qua chỗ tôi trọ giao cho tôi một cuốn. Được cuốn sách, đầu tiên phải đưa cho thầy giáo đọc trước, rồi đến tôi, rồi đến các bạn bè khác trong lớp học. Anh tôi vừa sáng tác vừa xuất tiền thuê in ở nhà in Vinh, vừa sửa lỗi bản in, vừa quảng cáo, giao sách cho các hiệu sách, gửi sách đi các tỉnh... Nói chung chỉ một mình anh quán xuyến hết mọi chuyện để cho cuốn sách tới tay bạn đọc, Thế nhưng thời đó đói kém, kinh tế khó khăn, một hào chỉ đổi với một người dân bình thường là quá to nên ít ai mua được, sách bị ế, đến cuốn thứ năm thì có lẽ anh cạn vốn đành phải ngừng viết, ngừng xuất bản. Cái chí làm sách cho trẻ con của anh thế là phải dừng lại chỉ để tích lũy dồi mài, rồi sau đấy chuyển sang một bước

nhảy vọt: viết hẳn loại sách cho người lớn. Và điều cũng không ai ngờ là sự tích lũy lại đưa anh nhảy vọt rất xa: không những viết sách cho người lớn mà viết hẳn loại sách khảo cứu, đòi hỏi bút lực của một học giả.

HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI VÀ TỪNG BƯỚC ĐỊNH HƯỚNG

Vừa ngừng viết và xuất bản "Kho sách bạn trẻ", đang chưa biết làm gì thì anh tôi nhận được thư của người anh cả (Nguyễn Kinh Chi, tên thân mật trong nhà là Kinh) đề nghị cùng vào Kon-tum sống với anh cho vui vì anh cả tôi là y sĩ Đông-dương đang được điều lên phụ trách bệnh viện ở đây. Đối với một thanh niên 18 tuổi thì đây là một chuyến đi không gì thích thú bằng. Thế là vào khoảng cuối 1933 đầu 1934 anh tôi thu xếp lên đường. Vào đến Kon-tum, anh Kinh tôi mới nói lên ý định muốn hai anh em cùng cộng tác để nghiên cứu, viết một cuốn sách giới thiệu phong tục, tập quán và cách sinh hoạt của người Thượng ở Kon-tum, cụ thể là người Ê-đê, Jarai (Djarai), Xê-đăng. Anh Kinh vì bận việc chuyên môn nên chỉ có thể tìm hiểu, tham khảo trên tài liệu, sách vở của Pháp là chủ yếu, còn anh Gióng thì được phân công đi vào các bản làng để khảo sát thực tế.

Thời đó viên công sứ Pháp mà tôi còn nhớ là Ghi-ơ-mi-nê (Guilleminet), là một học giả dân tộc học có tiếng; ông đã viết một số sách nghiên cứu các dân tộc ở Tây-nguyên. Anh Kinh đã đến gặp và trình bày ý định của mình và được viên công sứ nhiệt tình giúp đỡ, cho mượn nhiều tài liệu để đọc. Còn anh Gióng, ở cái tuổi trai tráng, anh nhận lời đi ngay vào các buôn xung quanh thị xã, làm quen, kết bạn với các thanh niên dân tộc ở trong vùng. Anh sắm một bộ y phục dân tộc gồm khố, áo, khăn choàng để đến đêm mặc vào đi chơi với bạn. Anh sưu tầm những mẫu chuyện dân gian, những bài ca hoặc câu hát đối đáp nam nữ, đi xem những lễ hội đâm trâu... Anh đã đóng rất nhiều sổ tay để ghi chép và khi về, mang về hàng tập dày.

Điều làm tôi chú ý là những cuốn sổ tay ấy toàn bằng những phong bì đã gửi, khéo léo gỡ các mép dán ra và đóng lại; chả rõ anh cóp nhặt từ bao giờ và ở đâu mà nhiều đến thế. Nhân dân các buôn anh thường đến đã dành cho anh nhiều cảm tình, nhất là các cô thiếu nữ thì yêu anh lắm - anh thường nhận được những vết cấu thâm tím của các cô gái trẻ, vì đối với phong tục dân tộc họ, đó là biểu hiện của tình yêu, yêu càng đậm, véo càng đau... Kết quả là, khi trở về, cả hai anh em đã mua được các dụng cụ gia đình, các nhạc cụ, quần áo... của người Thượng về để làm kỉ niệm. Anh còn mang về một bức tượng Chàm bán thân, cụt tay, khắc bằng loại đá thô ráp rất cứng, đặt cạnh cửa sổ phòng học cho đến ngày cải cách ruộng đất. Và vào năm 1937, cuốn sách *Mọi Kon-tum* của hai anh được in có lời đề bạt của bị công sứ tỉnh Kon-tum.

Từ tỉnh Kon-tum trở ra Vinh, do chỗ cha tôi có quen với ông Phó Đức Thành là người bỏ vốn ra tờ báo *Thanh Nghệ Tĩnh tân văn*, nên anh Gióng được ông ta nhận vào làm việc ở tòa báo này. Công việc ở tòa báo là: sửa chữa bản in, gấp báo và dán băng, viết địa chỉ để gửi cho các độc giả. Thịnh thoảng anh cũng có viết một đôi bài cho tờ báo. Tôi còn nhớ anh đã sưu tầm và cho đăng một số mẫu chuyện dân gian xứ Nghệ về hôn nhân và gia đình rất dí dỏm, được mọi người ưa thích, chẳng hạn truyện *Xin đi chín chục*, kể chuyện trong một đám cưới nọ, nhà gái đòi nhà trai tiền dẫn cưới là 100 quan. Nhà trai bèn trả lời "xin đi chín chục". Bên nhà gái thấy nhà trai chỉ bớt có một chục bèn nhận lời. Hôm dẫn cưới, giờ mâm ra thấy vền vền có 10 quan, nhà gái nói: - "Ông hứa là xin đi chín chục sao bây giờ chỉ có một chục?", nhà trai trả lời: - "Thì tôi xin đi chín chục, chẳng phải còn lại một chục là gì?" Té ra từ "xin đi" của nhà trai có nghĩa là xin bớt, còn bên nhà gái lại hiểu là "xin nộp". Hay là chuyện *Tráo cháu đổi cô*, kể chuyện một anh học trò đi hỏi vợ ở một nhà phú ông. Phú ông có một cô con gái vừa trẻ vừa đẹp nhưng lại có một có em út đã quá thì và xấu xí. Để cho cô em có vợ có chồng, phú ông đầu tiên cho con gái ra để anh học trò xem mặt; anh học trò rất ưng ý, về nhà giục bố mẹ dạm hỏi ngay. Đến

ngày cưới, cô dâu nằm trong cáng, hai bên có rủ diềm che kín. Đám cưới đến sân nhà trai, cô dâu trùm mặt xuống cáng và đi vào buồng. Đến lễ hợp cẩn, chàng rể bước vào buồng nhìn thấy một người khác hẳn người mà mình đã được xem mặt lần trước, anh ta liền phản ứng, không chịu, Để cho sự việc được êm thấm, phú ông bèn cho chàng học trò một số ruộng đất để vợ chồng làm ăn sinh sống. Vì nhà nghèo nên anh học trò đành phải nhận lấy cô thay cháu. Những truyện này càng cho thấy việc chuẩn bị vốn liếng của người anh mà sau này là nhà cổ tích học nổi tiếng thì ra đã bắt đầu từ rất lâu.

Anh tôi làm báo đến cuối năm 1935 thì xin nghỉ về quê giúp đỡ mẹ già. Nhưng nghỉ rồi, anh vẫn còn tiếc cái nghề làm báo. Anh chăm chỉ đọc, và đi đó đi đây tìm kiếm đề tài viết thành bài đăng tải trên các báo ở Nghệ - Tĩnh. Cho đến năm 1936 thì có một số kiện xảy ra làm biến đổi ít nhiều bộ mặt chính trị của đất nước, đó là ở bên Pháp, Chính phủ bình dân của Đảng xã hội do Lê-ông Blum (Léon Blum) lên nắm quyền. Mặt trận bình dân Pháp được thành lập, và phong trào dân chủ nhanh chóng lan sang Việt-nam. Không khí tinh thần có phần cởi mở hơn trước. Kiểm duyệt bị bãi bỏ. Báo chí được nới rộng quyền tự do ngôn luận, và dân chúng thì sôi sục tố cáo bọn tham quan ô lại, nhất là đám cường hào ở nông thôn. Đã có một thời, báo chí thoải mái đăng báo chỉ trích phê phán các tệ nạn tiêu cực mà không phải lo sợ bị bịt mồm. Ở Trung-kỳ, tờ báo *Tiếng dân* của cụ Huỳnh Thúc Kháng là hăng hái nhất, liên tiếp đưa lên báo tiếng kêu cứu của nông dân trong các làng xã.

Chỉ làm báo, viết sách của anh tôi lại có dịp trở dậy. Không ngồi yên ở

nhà, anh ra Vinh, gặp các tòa báo cũ nhận viết bài cho họ. Rồi anh đi khắp trong vùng Nghệ - Tĩnh tìm hiểu về tệ nạn cường hào, lấy tư liệu, ghi chép, thống kê rất tỷ mỉ. Anh viết không ngơi tay, và chỉ một thời gian sau, một loạt phóng sự về chuyện "phù thu lạm bổ", "sưu cao thuế nặng" của anh tung ra, như một đòn giáng vào bộ máy hào cường có tiếng là ghê gớm của xứ Nghệ. Lúc đầu anh còn đăng báo, sau tập hợp lại thành sách, cho xuất bản, lấy tên *Túp lều nát* - ý nói túp lều của người nông dân đang bị sâu mọt đục khoét làm cho một đục khoét làm cho nát ruỗng.

Giọng văn hài hước của anh làm ai đọc cũng khoái chí, nhưng lối viết thẳng thừng đưa tên tắt của những nhân vật đang sống sờ sờ vào sách, với những sự việc đúng như nguyên mẫu, thì người đọc nào ở xứ Nghệ mà chẳng biết chúng nhằm vào ai rồi, nên tác giả không tránh được bị cả một giới hào lý hằn thù. Những người quyền thế trong họ mà anh dám hỗn xược "trêu" vào, càng bức bối với anh. Ít lâu sau, anh nhận được trát của mật thám Hà-tĩnh gọi vào chất vấn. Vẫn bộ áo quần phóng viên và chiếc xe đạp "kính coong", anh bình tĩnh ra đi, mặc dù mẹ tôi và chị Đồng có ý lo. Suốt một đêm không thấy anh về, cả nhà không ai ngủ được. Nhưng hôm sau mặt trời lên chừng ba cây sào đã thấy tiếng chuông "kính coong" reo lên ngoài cổng. Ai nấy thở phào. Anh cho biết mật thám gọi vào một căn phòng và hỏi han lịch sự lắm. Nhưng họ vặn anh rất khéo mà vặn đủ thứ: mục đích viết sách là gì? Muốn "sách động" cùng đình làm loạn ư? Có bị ai "xúi giục" không? Có thù oán gì ai không? v.v... Họ còn kín đáo cho anh biết tấm gương tày liếp của người chuú ruột - Nguyễn Hàng Chi - từng "sách động" nông phu chống thuế ba mươi năm về trước đã bị tử hình ngay tại thị xã. Anh chỉ một mực cười ruồi: - "Nếu muốn lãnh án tử hình thì tôi làm cách khác chứ viết sách làm gì. Tôi chỉ theo gương cụ Huỳnh trên báo *Tiếng dân* mà Chính phủ bảo hộ và Nam triều đang cho phát hành công khai trên khắp xứ

Trung-kỳ. Cụ Huỳnh cũng nào có muốn đi nếm cơm tù Côn-đảo một lần nữa đâu!". Thế rồi họ cũng thả anh về.

Thế mà anh vẫn không chùn bước. Dựa vào phong trào đương mở rộng, anh tôi lại bàn bạc với một số thanh niên trong làng, đề xuất ý kiến mở

Nguyễn đông Chi

Kho Tàng Truyện Cổ Tích

**BẢNG TRA CỨU TÊN TRUYỆN KHO TÀNG TRUYỆN CỔ
TÍCH VIỆT NAM**

Để đọc giả tiện tra cứu, ở Bảng tra cứu này chúng tôi sắp xếp theo thứ tự chữ cái a, b, c toàn bộ các tên truyện của Phần thứ hai Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam (kể cả truyện có tên ở Khảo dị và ở chú thích). Những truyện không có tên không đưa vào Bảng tra cứu. Những truyện có hai tên vẫn để thành hai đơn vị tra cứu có kèm theo ký chú. Trường hợp những truyện cùng tên nhưng khác nội dung, để dễ phân biệt, có ghi rõ xuất xứ.

A-đao dũa cảm Khảo dị số 182 tập V

A-lát và sư tử Khảo dị số 58 tập II

A-sét A-tiêng Khảo dị số 182 tập V

A Sún Phàng Khim Khảo dị số 41 tập II

Ả Chức chàng Ngưu số 182 tập V

Ai mua hành tôi hay là lọ nước thần số 135 tập III

Anh Ba và quan thổ ty Khảo dị số 149 tập IV

Anh chàng canh rẫy Khảo dị số 182 tập V

Anh chàng diệt quỷ Khảo dị số 138 tập IV

Anh chàng họ Đào số 172 tập IV

Anh chàng lừa Khảo dị số 164 tập IV

Anh chàng mê công chúa Khảo dị số 43 tập II

Anh chàng thông manh Khảo dị số 194 tập V

Anh chồng ngọc Khảo dị số 47 tập II

Anh em mồ côi Khảo dị số 193 tập V

Anh em sinh năm số 65 tập II

Anh hùng Ghi-ông Khảo dị số 44 tập II

Anh tình nhân trong cái hòm Khảo dị số 197 tập V

Ao Phật số 155 tập IV

Ăn mề gà mù mắt Khảo dị số 191 tập V

Âm dương giao chiến số 71 tập II

Ba anh em,
truyện Triều Tiên Khảo dị số 61 tập II
Ba anh em,
truyện Pháp Khảo dị số 107 tập III
Ba anh em và thầy người bố Khảo dị số 113 tập III
Ba chàng thiện nghệ Khảo dị số 107 tập III
Ba cô con gái của ông già Khảo dị số 186 tập V
Ba điều dạy của Xa-lô-mông Khảo dị số 57 tập II
Ba mươi hai truyện về ngai vàng Khảo dị số 39 tập I
Ba người vợ tranh nhau một chồng Khảo dị số 107 tập III
Ba quả trứng rồng Khảo dị số 16 tập I
Ba sợi tóc vàng của chúa quỷ Khảo dị số 136 tập III
Ba Vành số 101 tập III
Ba Vành,
truyện miền Bắc Khảo dị số 101 tập III
Bà chúa Ba Khảo dị số 176 tập V
Bà chúa Ong số 171 tập IV
Bà chúa Ya Nôm Khảo dị số 27 tập I
Bà Hôn Khảo dị số 12 tập I
Bà lớn đười ươi số 91 tập II
Bà mẹ họ Đậu cắt tóc lấy tiền thết khách Khảo dị số 180 tập V
Bà tiên chồn Khảo dị số 136 tập III
Bán cái tủ đứng Khảo dị số 197 tập V
Bán tóc dài bạn số 180 tập V
Bạn của những người nghèo Khảo dị số 136 tập III
Bảy Giao, Chín Quỳ số 74 tập II
Bảy người Kinh Khảo dị số 34 tập I
Bi-a Nát Khảo dị số 41 tập II
Bính và Đình số 151 tập IV
Bò béo bò gầy số 37 tập I
Bót Hét Khảo dị số 92 tập II
Bót Rơ kén rế Khảo dị số 63 tập II

Bồ câu của nàng I-lê-a-na Cô-sin-de-a-na Khảo dị số 154 tập IV
Bốc Cơ-lốc Khảo dị số 41 tập II
Bốn anh tài số 66 tập II
Bốn anh thầy chùa đi làm đám Khảo dị số 200 tập V
Bốn cây phượng Khảo dị số 166 tập IV
Bốn chàng hói Khảo dị số 12 tập I
Bốn chàng ngọc Khảo dị số 196 tập V
Bốn cô gái muốn lấy chồng hoàng tử số 166 tập IV
Bốn người bạn số 183 tập V
Bốn nhà sư Khảo dị số 200 tập V
Bốn ông lão ngọc đi tìm vợ Khảo dị số 196 tập V
Bọm già mắc bẫy hay là mưu trí đàn bà số 89 tập II
Bọm lại gặp bọm hay bọm già mắc bẫy cò ke số 76 tập II
Bù chì Khảo dị số 51 tập II
Bùi Cầm Hồ số 79 tập II
Bụng làm dạ chịu hay là truyện thầy hít số 40 tập I
Bút Bời Khảo dị số 57 tập II
Ca-dong và Ha-lốc Khảo dị số 154 tập IV
Ca-đốp và Ca-đoéc Khảo dị số 193 tập V
Cá bống nuốt cá trê Khảo dị số 89 tập II
Cái chết của bốn ông sư số 200 tập V
Cái chết màu nhiệm Khảo dị số 121 tập III
Cái hoa chanh Khảo dị số 173 tập IV
Cái kiến mày kiện củ khoai số 54 tập II
Cái vết đỏ trên má công nương số 188 tập V
Cao phi viễn tẩu Xem Giáp Kén-xã Nhộng
Cắt trộm lưỡi trâu Khảo dị số 111 tập III
Cậu bé nói dối Khảo dị số 60 tập II
Cây cam và con ong Khảo dị số 138 tập IV
Cây đàn Khảo dị số 182 tập V
Cây khế Khảo dị số 59 tập II
Cây nêu và ngày Tết Khảo dị số 23 tập I

Cây sáo và cái trống biết nói Khảo dị số 48 tập II
Cây thuốc cải tử hoàn sinh hay là sự tích thăng Cuội cung trăng số 127 tập III
Cây tre trăm đốt số 125 tập III
Cha để bán Khảo dị số 186 tập V
Cha gấu Khảo dị số 134 tập III
Cha mẹ nuôi con bế hồ lai láng, con nuôi cha mẹ kể tháng kể ngày số 51 tập II
Chà Lúc Chà Lắc Chú thích Khảo dị số 193 tập V
Chàng Bầu Khảo dị số 128 tập III
Chàng ca-đắc Khảo dị số 128 tập III
Chàng Chuối Khảo dị số 128 tập III
Chàng Chuối, truyện ở Vĩnh Yên, Phú Thọ Khảo dị số 128 tập III
Chàng cóc Khảo dị số 128 tập III
Chàng con côi (Ý Pơ-ja) Khảo dị số 182 tập V
Chàng Cơm Cháy Khảo dị số 92 tập II
Chàng dê Khảo dị số 128 tập III
Chàng Dưa Khảo dị số 138 tập IV
Chàng đánh cá trở thành vua Khảo dị số 92 tập II
Chàng đồn củi và con tinh số 121 tập III
Chàng gấu, truyện Pháp Khảo dị số 68 tập II
Chàng gấu, truyện A-va-rơ Khảo dị số 68 tập II
Chàng kỵ mã Khảo dị số 128 tập III
Chàng Lúa số 64 tập II
Chàng Lợn Khảo dị số 128 tập III
Chàng lừa phỉnh và chàng nói khoác Khảo dị số 40 tập I
Chàng mồ côi Khảo dị số 164 tập IV
Chàng nghiện rượu và chàng nghiện thuốc phiện Khảo dị số 165 tập IV
Chàng Ngốc Khảo dị số 90 tập II
Chàng Ngốc đi buôn Khảo dị số 108 tập III
Chàng Ngốc đi học Khảo dị số 47 tập II
Chàng Ngốc được kiện số 108 tập III

Chàng Ngốc học khôn số 189 tập V
Chàng Nhái Kiến Tiên thơ Khảo dị số 128 tập III
Chàng Rá Khảo dị số 63 tập II
Chàng Rắn Khảo dị số 128 tập III
Chàng rể thông manh số 194 tập V
Chàng rùa Khảo dị số 128 tập III
Chàng Sơn Khảo dị số 92 tập II
Chàng Ta Luông Khảo dị số 175 tập IV
Chàng tẹt mũi Khảo dị số 165 tập IV
Chàng thối khèn Khảo dị số 135 tập III
Chàng trai sẵn Khảo dị số 182 tập V
Chàng trồng bí Khảo dị số 152 tập IV
Chàng Ủ - châu Khảo dị số 127 tập III
Chàng Y Ban Khảo dị số 134 tập III
Chiếc áo lông chim Khảo dị số 80 tập II
Chiếc áo tàng hình Khảo dị số 139 tập IV
Chiếc chiếu đạo sĩ Khảo dị số 117 tập III
Chiếc giày để lại làm chứng Khảo dị số 179 tập V
Chiếc giày thơm số 179 tập V
Chiếc hài cườm pha lê
Chú thích Khảo dị số 154 tập IV
Chiếc nhẫn thần
Chú thích Khảo dị số 92 tập II
Chiếc roi trả hận Khảo dị số 121 tập III
Chiếc sừng nai và mụ Hùm Khảo dị số 182 tập V
Chiên chiên và ông sư Khảo dị số 170 tập IV
Chim khảm khắc Khảo dị số 8 tập I
Chim phượng hoàng Khảo dị số 59 tập II
Chín chàng trai kỳ tài Khảo dị số 65 tập II
Chôn tiền bị mất Khảo dị số 57 tập II
Chồng cóc Khảo dị số 128 tập III
Chu Hùng Ú Khảo dị số 104 tập III

Chuông vàng Khảo dị số 154 tập IV
Chuyện về giống chuột
Chú thích Khảo dị số 170 tập IV
Chữ Sinh Khảo dị số 173 tập IV
Chưa đỗ ông nghè đã đe hàng tổng số 52 tập II
Cóc và Bia Phu Khảo dị số 128 tập III
Cóc và chuột Khảo dị số 143 tập IV
Con bà Dẫn Khảo dị số 148 tập IV
Con cá vàng Khảo dị số 154 tập IV
Con chim khách màu nhiệm số 124 tập III
Con chim nói sự thật Khảo dị số 166 tập IV
Con chim sẻ bị cắt lưỡi Khảo dị số 12 tập I
Con chim xanh, truyện Pháp Khảo dị số 124 tập III
Con chim xanh Khảo dị số 138 tập IV
Con chim toóc toóc Khảo dị số 182 tập V
Con chó, con mèo và anh chàng nghèo khổ số 92 tập II
Con chó, con mèo và con chuột Khảo dị số 92 tập II
Con chồn bị giết oan Khảo dị số 57 tập II
Con cóc liếm nước mưa số 141 tập IV
Con cua Khảo dị số 15 tập I
Con dế Khảo dị số 133 tập III
Con Dơn Khảo dị số 84 tập II
Con gà trắng và chiếc nhẫn đồng Khảo dị số 173 tập IV
Con gà trống dũng cảm Khảo dị số 15 tập I
Con gái ông lão và con gái bà lão Khảo dị số 154 tập IV
Con hổ, con cóc tía và con khỉ Khảo dị số 58 tập II
Con hổ, con cóc tía và con rùa Khảo dị số 58 tập II
Con khướu Khảo dị số 85 tập II
Con là nợ, truyện khác Khảo dị số 149 tập IV
Con ma Khảo dị số 197 tập V
Con ma báo thù số 157 tập IV
Con mèo cái trắng Khảo dị số 182 tập V

Con mối làm chứng số 78 tập II
Con mụ Lường số 84 tập II
Con nai cái trắng Khảo dị số 166 tập IV
Con nghề ngồi Khảo dị số 53 tập II
Con ngỗng kỳ lạ Chú thích Khảo dị số 125 tập III
Con ngỗng vàng Khảo dị số 125 tập III
Con ngỗng đất Khảo dị số 134 tập III
Con nhái Khảo dị số 126 tập III
Con ốc vàng Khảo dị số 166 tập IV
Con rắn tám đầu Khảo dị số 148 tập IV
Con rùa Khảo dị số 154 tập IV
Con rùa vàng, truyện Lào Khảo dị số 48 tập II
Con rùa vàng, truyện Tày Khảo dị số 128 tập III
Con sáo và phú trưởng giả số 85 tập II
Con sếu và con rùa Khảo dị số 143 tập IV
Con sói trắng Khảo dị số 128 tập III
Con thỏ, con gà và con hổ số 86 tập II
Con thỏ và con hổ số 87 tập II
Con tìm mẹ Khảo dị số 138 tập IV
Con tôm vàng Khảo dị số 92 tập II
Con trai Bốc Rơ Khảo dị số 182 tập V
Con vẹt của Ích-va-ra Khảo dị số 85 tập II
Con vợ khôn lấy thằng chồng đại, như bông hoa lài cắm bãi cứt trâu số 47 tập II
Cor-na-chiu Khảo dị số 60 tập II
Cô bé An-net Khảo dị số 154 tập IV
Cô con gái người thợ mộc Khảo dị số 80 tập II
Cô gái ăn mỳ Khảo dị số 90 tập II
Cô gái bán phấn Khảo dị số 179 tập V
Cô gái bán tóc để thết Phật Khảo dị số 180 tập V
Cô gái con thần nước mê chàng đánh cá số 175 tập IV
Cô gái con vua và ba công trạng Khảo dị số 164 tập IV

Cô gái đẹp và ba chàng trai Khảo dị số 107 tập III
Cô gái lấy chồng hoàng tử số 144 tập IV
Cô gái lừa thầy sãi, xã trưởng và ông quan huyện số 197 tập V
Cô gái mồ côi thương người Khảo dị số 12 tập I
Cô gái thương người được cứu thoát nạn lụt Khảo dị số 27 tập I
Cô gái tóc vàng Khảo dị số 138 tập IV
Cô hồn đền ớn Khảo dị số 151 tập IV
Cô Krao Chao Phò
Chú thích Khảo dị số 32 tập I
Cô Mari ở túp lều trong rừng Khảo dị số 154 tập IV
Cô Tro Bếp Xem Chiếc hài cườm pha lê
Cổ Bu Khảo dị số 96 tập III
Cổ Ghép số 94 tập III
Côi, cô gái mồ côi Khảo dị số 12 tập I
Công chúa ếch Khảo dị số 126 tập III
Công chúa Liên Hoa Khảo dị số 119 tập III
Công chúa Mai Châu Khảo dị số 177 tập V
Công chúa Nân (hoặc Nang) Ma-nô-ra Khảo dị số 182 tập V
Công chúa Sát-sa hay là Mát-cút-sa Khảo dị số 195 tập V
Công Dã Tràng Khảo dị số 15 tập I
Con và Nắc Khảo dị số 60 tập II
Củ và Kỷ Khảo dị số 182 tập V
Của Thiên trả Địa số 42 tập II
Của trời trời lại lấy đi, giường đôi mắt ếch làm chi được trời số 61 tập II
Cục thịt Khảo dị số 138 tập IV
Cuộc chiến đấu giữa hổ và diều Khảo dị số 88 tập II
Cường Bạo đại vương Khảo dị số 164 tập IV
Cướp ô Khảo dị số 113 tập III
Cứu vật vật trả ơn, cứu nhân nhân trả oán Khảo dị số 48 tập II
Cứu vật vật trả ơn, cứu nhân nhân trả oán, truyện Trung Quốc Khảo dị số 48 tập II
Dê đực, chồn và gấu Khảo dị số 58 tập II

Dì phải thẳng chết trôi, tôi phải đôi sáu sành số 53 tập II
Doãn Uẩn làm vua nước Xiêm Khảo dị số 103 tập III
Dũng sĩ mặt trắng Khảo dị số 134 tập III
Duyên nợ tái sinh số 173 tập IV
Duyên tiên Khảo dị số 175 tập IV
Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị ngọc phả lục Khảo dị số 161 tập IV
Đại vương Hai hay là truyện giết thường luồng số 69 tập II
Đam Bơ Khảo dị số 12 tập I
Đám cưới của Thao Bút-sa-ba Khảo dị số 182 tập V
Đánh thần Sét Khảo dị số 164 tập IV
Đăm Tay Khảo dị số 134 tập III
Đầu nó vỡ rồi Khảo dị số 141 tập IV
Đẻ đất đẻ nước Khảo dị số 193 tập V
Điền Phương Sinh đánh chết Diêm Vương Khảo dị số 164 tập IV
Đóng giường nằm cho vua Thủy tề Khảo dị số 105 tập III
Đô Dũng đại tướng quân Khảo dị số 162 tập IV
Đô Hùng đại tướng quân Khảo dị số 25 tập I
Đôi Chiềng-on hóa thành ao sâu Khảo dị số 27 tập I
Đồng Đắc Khảo dị số 111 tập III
Đồng tiền Vạn Lịch số 41 tập II
Đơm Be Khảo dị số 182 tập V
Đứa con của thần Khảo dị số 176 tập V
Đứa con người đánh cá Khảo dị số 148 tập IV
Đứa con người thợ vá giày Khảo dị số 139 tập IV
Đứa con trời đánh hay là truyện tiếc gà chôn mẹ số 49 tập II
Đực rửa Khảo dị số 152 tập IV
Em bé thông minh số 80 tập II
Em bé và chim vàng anh Khảo dị số 85 tập II
Em CốcChú thích Khảo dị số 164 tập IV
Eng Cuội Khảo dị số 60 tập IV
Ếch lấy con vua Khảo dị số 128 tập III
Gả em thế chị Khảo dị số 52 tập II

Gái ngoan dạy chồng số 90 tập II
Gái ngoan dạy chồng
truyện Nam Trung Bộ Khảo dị số 90 tập II
Gầu Nà Khảo dị số 154 tập IV
Gầu Nà Gầu Rền Khảo dị số 12 tập I
Gia sản một bức tranh Khảo dị số 153 tập IV
Giáp Hải Khảo dị số 149 tập IV
Giáp Kén xã Nhộng Khảo dị số 191 tập V
Giấc mộng kê vàng Xem Giấc mộng Nam-kha
Giấc mộng kê vàng thứ hai Khảo dị số 117 tập III
Giấc mộng Nam Kha Khảo dị số 117 tập III
"Giận mày tao ở với ai" hay là truyện Phượng hoàng đất số 199 tập V
Giấu đình dưới giếng Khảo dị số 123 tập III
Giết chó khuyển chồng số [50] tập II
Giết quỷ bốn mồm năm mũi Khảo dị số 148 tập IV
Gốc tích bánh chưng và bánh dày số 24 tập I
Gốc tích bộ da con hổ Khảo dị số 86 tập II
Gốc tích bộ lông quạ và bộ lông công số 16 tập I
Gốc tích cái nốt dưới cổ con trâu số 18 tập I
Gốc tích ruộng thác đao hay là truyện Lê Phụng Hiếu số 25 tập I
Gốc tích tiếng kêu của vạc, cọc, đủ dỉ, đa đa và chuột số 17 tập I
Gơ-liu Gơ-lát Khảo dị số 154 tập IV
Ha-rô-gô-mô hay là chiếc áo lông Khảo dị số 182 tập V
Hà Ô Lôi số 116 tập III
Hà Rằm Hà Rạc số 152 tập IV
Hai anh em Khảo dị số 195 tập V
Hai anh em họ Lê ở Thần đầu Khảo dị số 52 tập II
Hai anh em Lê Nại, Lê Đình số 63 tập II
Hai anh em Pờ-rang và Dang Khảo dị số 134 tập III
Hai anh em và con chó đá số 193 tập V
Hai bảy mươi ba số 201 tập V
Hai chàng rể Khảo dị số 68 tập II

Hai chị em Khảo dị số 12 tập I
Hai chị em và chàng trẻ tuổi Khảo dị số 128 tập III
Hai con cò và con rùa số 143 tập IV
Hai con ngỗng và con rùa Khảo dị số 143 tập IV
Hai cô gái và cục bướu số 132 tập III
Hai cụ già và lũ quỷ Khảo dị số 132 tập III
Hai đứa mồ côi Khảo dị số 193 tập V
Hai nàng công chúa nhà Trần số 102 tập III
Hai người đầy tớ trung thành Khảo dị số 92 tập II
Hai ông tướng đá rỗi số 62 tập II
Hai tên ăn trộm Khảo dị số 83 tập II
Hang rồng Khảo dị số 131 tập III
Hầu Tào số 98 tập III
Hậu Nghệ Khảo dị số 127 tập III
Hoa hồng đẹp Chú thích Khảo dị số 128 tập III
Hòa thượng và người thợ giày số 192 tập V
Hoàng Tú tân truyện Khảo dị số 197 tập V
Hoàng tử Cam Khảo dị số 80 tập II
Hoàng tử em rể chó sói Khảo dị số 13 tập I
Hoàng tử Khỏe Khảo dị số 127 tập III
Hoàng tử ở côi âm Khảo dị số 68 tập II
Hoàng tử rắn Khảo dị số 128 tập III
Hoàng tử và con ngựa Khảo dị số 138 tập IV
Hoặc sinh Khảo dị số 109 tập III
Hoảng Tín Hầu số 162 tập IV
Hòn gạch nên vợ nên chồng Khảo dị số 41 tập II
Hổ vàng hổ bạc Khảo dị số 152 tập IV
Hổ già và khỉ Khảo dị số 58 tập II
Hổ, ngựa và chó sói Khảo dị số 58 tập II
Hổ và cáo Khảo dị số 58 tập II
Hổ, voi sợ cóc Khảo dị số 58 tập II
Hồn Trương Ba da hàng thịt số 45 tập II

Hột Nhồi Khảo dị số 60 tập II
Hũ vàng hũ răn Khảo dị số 151 tập IV
Huyền Quang số 147 tập IV
Huyền Quang hành Khảo dị số 147 tập IV
Hữu Ké tân truyện Khảo dị số 53 tập II
I-phi-jê-ni Khảo dị số 177 tập V
Jăng đuy Gô-ghe đi Héc-nhi ăn ngỗng Khảo dị số 144 tập IV
Jăng nghèo và Jăng nghèo Khảo dị số 200 tập V
Jăng, thẳng ngực Khảo dị số 41 tập II
Jăng và Pi-e Khảo dị số 199 tập V
Kẻ trộm dạy học trò số 83 tập II
Kén rế Khảo dị số 199 tập V
Khiên Ngưu Chức Nữ
truyện khác Khảo dị số 182 tập V
Khiên Ngưu Chức Nữ, truyện trong Kinh sử tuế thời ký Khảo dị số 182 tập V
Khiên Ngưu Chức Nữ truyện khác Khảo dị số 182 tập V
Không bao giờ biết giận Khảo dị số 199 tập V
Không nên lấy oán trả ân Khảo dị số 160 tập IV
Khổng Lồ đúc chuông hay là sự tích trâu vàng Hồ Tây số 67 tập II
Khổng Tử và cô gái Khảo dị số 80 tập II
Khước Yêu Khảo dị số 197 tập V
Kiện ngành đa số 57 tập II
Kiếp này chẳng lành để dành kiếp sau Khảo dị số 173 tập IV
Kim Quế Khảo dị số 126 tập III
Lai lịch ông Sấm Khảo dị số 80 tập II
Làm cho công chúa nói được số 195 tập V
Làm giường cho vợ đẻ Khảo dị số 164 tập IV
Làm ơn hóa hại số 146 tập IV
Lạng Chượng đánh Mường Muỗi Khảo dị số 174 tập IV
Lân Hồ đô thống đại vương Khảo dị số 134 tập III
Lâu đài và hoa huệ Khảo dị số 92 tập II

Lấy chồng dê số 128 tập III
Lấy chồng dê
(Thánh Tông di thảo) Khảo dị số 128 tập III
Lấy chồng dê Khảo dị số 128 tập III
Lấy chồng dê
(Nghìn lẻ một đêm) Khảo dị số 128 tập III
Lấy chồng lang Khảo dị số 128 tập III
Lấy bấy như Cao Biền dậy non số 39 tập I
Lê Lợi số 99 tập III
Lê Như Hồ số 63 tập II
Lê Văn Khôi số 100 tập III
Lệnh Trừ Khảo dị số 134 tập III
Linh Lang đại vương Khảo dị số 134 tập III
Long vương mời tiệc Khảo dị số 60 tập II
Lô Chí trưởng giả Khảo dị số 115 tập III
Lộ Ban với cây bút thần Khảo dị số 39 tập I
Lu Lô nhận ra Ma Chuôn và sau đó thấy rõ lòng chàng Khảo dị số 181 tập V
Lúa chàng Nai Khảo dị số 182 tập V
Lục Pịa Khảo dị số 182 tập V
Lửa tình Khảo dị số 179 tập V
Lưỡi búa của thần sét Khảo dị số 164 tập IV
Lưỡi dao thần Khảo dị số 182 tập V
Lương Nhân Khảo dị số 11 tập I
Lưu Bình - Dương Lễ Khảo dị số 181 tập V
Lý Ông Trọng hay là sự tích Thánh Chèm số 73 tập II
Lý triều đệ tam hoàng hậu sự tích Khảo dị số 154 tập IV
Ma rai Khảo dị số 148 tập IV
Mã Lương với cây bút thần Khảo dị số 39 tập I
Mã Sài Lao Pán Khảo dị số 90 tập II
Mài dao dạy vợ Khảo dị số [50] tập II
Mãng xà vương Tân bằng Khảo dị số 148 tập IV

Mẹ chồng đổ tội cho nàng dâu Khảo dị số 113 tập III
Mẹ con hoàng hậu bị dài mũi Khảo dị số 165 tập IV
Mê-a-dơng Khảo dị số 41 tập II
Mế Cụt Khảo dị số 167 tập IV
Miếng trầu kỳ diệu số 117 tập III
Một người đại nhất Khảo dị số 108 tập III
Mụ tiên ác Khảo dị số 148 tập IV
Mục Liên thăm mẹ ở địa ngục Chú thích Khảo dị số 19 tập I
Mũi dài số 165 tập IV
Muỗi thần Khảo dị số 148 tập IV
Mượn đình Khảo dị số 123 tập III
Mừu con thỏ số 88 tập II
Mừu con thỏ, truyện Chăm-pa Khảo dị số 87 tập II
Mừu đàn bà Khảo dị số 191 tập V
Mỵ Châu - Trọng Thủy hay là truyện nỏ thần số 174 tập IV
Nam Hải Quan Thế Âm toàn truyện Khảo dị số 176 tập V
Nàng Can-tóc và Song Ang-cát Khảo dị số 154 tập IV
Nàng Câu Dặc Khảo dị số 173 tập IV
Nàng dâu thông minh Khảo dị số 80 tập II
Nàng Diệp Hận Khảo dị số 154 tập IV
Nàng Hơ-lúi Khảo dị số 128 tập III
Nàng Khao, nàng Đăm Khảo dị số 12 tập I
Nàng Long Nữ và chàng Tam Lan Khảo dị số 175 tập IV
Nàng Nhái Khảo dị số 126 tập III
Nàng tiên cá Khảo dị số 175 tập IV
Nàng tiên khỉ Khảo dị số 126 tập III
Nàng tiên thứ chín Khảo dị số 182 tập V
Nàng tiên trong vỏ ốc Khảo dị số 118 tập III
Nàng tiên trứng Khảo dị số 163 tập IV
Nàng Út Khảo dị số 120 tập III
Nàng Út diễn ca Khảo dị số 126 tập III
Nàng Xáy Chú thích Khảo dị số 135 tập III

Nàng Xuân Hương số 169 tập IV
Năm con chuột Khảo dị số 140 tập IV
Năng Nhẫn Bất Năng Nhẫn hành Khảo dị số 7 tập I
Ngải trăm ngày Khảo dị số 187 tập V
Ngậm ngải tìm trầm hay là sự tích núi Mẫu tử số 187 tập V
Nghêu Sò Ốc Hến Khảo dị số 197 tập V
Nghĩa vợ chồng Khảo dị số 173 tập IV
Ngoại tình bị bại lộ Khảo dị số 57 tập II
Ngọt miệng chua lòng Khảo dị số 186 tập V
Ngô Trân Khảo dị số 158 tập IV
Ngốc buồn mắt tôm Khảo dị số 41 tập II
Ngôn ngữ của những dấu hiệu số 192 tập V
Ngu Công dời núi Khảo dị số 94 tập III
Nguồn gốc bộ da con hổ và hàm trên con trâu Khảo dị số 86 tập II
Nguồn gốc loài người và người đàn bà đầu tiên Khảo dị số 39 tập I
Nguyễn Khắc Hoàn Khảo dị số 46 tập II
Nguyễn Khoa Đăng số 111 tập III
Nguyễn Thị Bích Châu số 177 tập V
Nguyễn Văn Giai Khảo dị số 149 tập IV
Ngư tinh Khảo dị số 155 tập IV
Người ả đào với giặc Minh số 75 tập II
Người anh tham lam Khảo dị số 150 tập IV
Người ăn trộm và bốn cô gái Khảo dị số 47 tập II
Khảo dị số 107 tập III
Người bảy ống Khảo dị số 66 tập II
Người câu cá trẻ tuổi Khảo dị số 130 tập III
Người chồng tội phạm Khảo dị số 47 tập II
Người có mười con trâu Khảo dị số 108 tập III
Người con gái cá Khảo dị số 42 tập II
Người cưới ma số 184 tập V
Người cưới ma,
truyện khác Khảo dị số 184 tập V

Người dân nghèo và Ngọc Hoàng số 136 tập III
Người dì ghẻ ác nghiệt hay là sự tích con dế số 145 tập IV
Người dụ dỗ Khảo dị số 182 tập V
Người đàn bà bị vu oan số 109 tập III
Người đàn bà lấy rỗng Khảo dị số 148 tập IV
Người đàn bà mất tích số 114 tập III
Người đánh cá và hung thần Khảo dị số 160 tập IV
Người đầy tớ và người ăn trộm số 106 tập III
Người đẻ trứng Khảo dị số 128 tập III
Người đi câu nơi ao Trời Khảo dị số 105 tập III
Người đi dạo âm phủ Khảo dị số 30 tập I
Người điên thứ ba Khảo dị số 139 tập IV
Người đốt than Khảo dị số 41 tập II
Người em tài giỏi Khảo dị số 163 tập IV
Người em út Khảo dị số 12 tập I
Người hiểu tiếng loài vật,
truyện Việt Nam Khảo dị số 15 tập I
Người hiểu tiếng loài vật,
truyện Goa-đờ-lúp Khảo dị số 15 tập I
Người họ Liêu và Diêm Vương số 93 tập II
Người hóa dế số 133 tập III
Người học trò không sợ Trời Khảo dị số 164 tập IV
Người học trò và con hổ số 160 tập IV
Người học trò ba con quỷ số 131 tập III
Người kết anh em với quỷ Khảo dị số 164 tập IV
Người lấy cóc số 126 tập III
Người lấy cóc,
truyện miền Bắc Khảo dị số 126 tập III
Người lấy ếch số 129 tập III
Người lấy ma Khảo dị số 184 tập V
Người lấy tiên Khảo dị số 182 tập V
Người mua khôn Chú thích Khảo dị số 57 tập II

Người tham võ bụng Khảo dị số 59 tập II
Người thợ dệt và sứ thần Khảo dị số 192 tập V
Người thợ đúc và anh học nghề số 122 tập III
Người thợ mộc Nam Hoa số 105 tập III
Người thợ săn và mụ Chằng số 138 tập IV
Người vợ chung thủy Khảo dị số 109 tập III
Người vợ hi sinh cho thần Biển cứu chồng Khảo dị số 177 tập V
Người vợ thông minh Khảo dị số 80 tập II
Nhà kiến trúc, vợ anh ta và ba vị đại thần của Gu-va-chia Khảo dị số 197 tập V
Nhà lang với anh Tới Khảo dị số 60 tập II
Nhà sư già muốn lấy vợ Khảo dị số 200 tập V
Nhà sư hoàn tục và ba cô gái Khảo dị số 107 tập III
Nhà sư và cá kình Khảo dị số 136 tập III
Nhảy vào lửa cứu chồng Khảo dị số 128 tập III
Nhã, người săn nai Xem Chiếc sừng nai và mụ Hùm
Nhân tham tài nhi tử, điều tham thực nhi vong số 59 tập II
Nhẹ và Nặng Khảo dị số 148 tập IV
Những con vật biết ơn Khảo dị số 92 tập II
Nói dối như Cuội số 60 tập II
Nói dối như Cuội Khảo dị số 60 tập II
Nói khoác mất con gái Khảo dị số 195 tập V
Non thúc Pa-ca-ra-man Khảo dị số 39 tập I
Nông dân với quỷ Khảo dị số 23 tập I
Nông dân với Thành hoàng Khảo dị số 23 tập I
Nợ duyên trong mộng số 119 tập III
Nợ như chúa Chỗm số 44 tập II
Nợ tình chưa trả cho ai, khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan số 43 tập II
Núi Phù Lê Khảo dị số 99 tập III
Nữ hành giành bạc số 38 tập I
Nước mắt cá sấu pu-a-nha Khảo dị số 160 tập IV

Ò Pên Ò Kín Khảo dị số 154 tập IV
Ông Dài, ông Cộc hay là sự tích thần sông Kỳ cùng số 167 tập IV
Ông già họ Lê số 153 tập IV
Ông già trên cung trăng Khảo dị số 127 tập III
Ông hiếu liêm họ Vũ Khảo dị số 11 tập I
Ông Hộ giết thường luồng Khảo dị số 69 tập II
Ông lão lái đò Khảo dị số 48 tập II
Ông Nam Cường số 95 tập III
Ông Ồ số 70 tập II
Ông Sét Khảo dị số 164 tập IV
Ông Tài Ngào Khảo dị số 27 tập I
Ông thầy pháp Khảo dị số 40 tập I
Ông Thiện ông Ác Khảo dị số 150 tập IV
Ông tiên hươu Khảo dị số 182 tập V
Ông tổ họ Hoàng giúp làng Thượng Nguyên Khảo dị số 25 tập I
Ông vua hiếu tiếng loài vật Khảo dị số 15 tập I
Ổng thuốc thần Khảo dị số 127 tập III
Phạm Nhĩ hay là sự tích ông Ba mươi số 156 tập IV
Phân xử tài tình số 113 tập III
Phiêu lưu của anh chàng ngốc hay là làm theo vợ dặn số 190 tập V
Phìn pản phan Khảo dị số 136 tập III
Phor-tuy-na-tuyx Khảo dị số 165 tập IV
Phương Chính Học Khảo dị số 158 tập IV
Phượng hoàng đậu cây khế
Chú thích Khảo dị số 59 tập II
Pi-e, anh chàng ngốc Khảo dị số 190 tập V
Pô Ta-bai Khảo dị số 120 tập III
Pxi-sê Khảo dị số 128 tập III
Quạ và bìm bịp Khảo dị số 16 tập I
Quạ vàng Khảo dị số 12 tập I
Quả chuối tiêu kỳ lạ Khảo dị số 165 tập IV
Quả lúc lắc Khảo dị số 165 tập IV

Quan Âm Nam hải Xem Bà chúa Ba
Quan Âm Thị Kính số 176 tập V
Quan Âm Thị Kính, điệu kể hạnh Khảo dị số 176 tập V
Quan huyện và người thợ giày Khảo dị số 192 tập V
Quan Triều,
truyện Bắc-giang Khảo dị số 139 tập IV
Quan Triều,
truyện Tày Khảo dị số 139 tập IV
Quan Triều hay là chiếc áo tàng hình số 139 tập IV
Quân tử số 163 tập IV
Quân tử ruồi Khảo dị số 163 tập IV
Quận Gió số 77 tập II
Quận He số 97 tập III
Quậ Khảo dị số 127 tập III
Quỷ háng trắng Khảo dị số 101 tập III
Quỷ Xương Cuồng Khảo dị số 148 tập IV
Quyền làm chồng Khảo dị số 148 tập IV
Ra-ma-ya-na,
truyện Khơ-me Khảo dị số 120 tập III
Rạch đùi giấu ngọc số 159 tập IV
Rắn báo oán số 158 tập IV
Rắn, chuột trả ơn Khảo dị số 48 tập II
Rắn cụt đuôi Khảo dị số 167 tập IV
Rắn hóa vàng Khảo dị số 151 tập IV
Ren-nê với ông chúa Khảo dị số 60 tập II
Ri-sơ-đô Khảo dị số 60 tập II
Rì căn ri câu Khảo dị số 182 tập V
Rớt và Quỷ Khảo dị số 164 tập IV
Rủ nhau đi kiếm mật ong số 196 tập V
Rùa giúp Trương Nghi xây thành Khảo dị số 174 tập IV
Rùa kết bạn với vịt trời Khảo dị số 143 tập IV
Rùa và hổ Khảo dị số 88 tập II

Rùa và le biển Khảo dị số 143 tập IV
Rum Dứ với nàng tiên Khảo dị số 182 tập V
Run và Rai Khảo dị số 150 tập IV
Sáu tài tử Khảo dị số 66 tập II
Sấu mất lưỡi Khảo dị số 88 tập II
Sim-chen Khảo dị số 177 tập V
Sinh con rồi mới sinh cha, sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông số 46 tập II
Sinh Lữ cứu con Ngọc Hoàng Khảo dị số 68 tập II
Sinh nở dưới mồ Khảo dị số 184 tập V
Sip-pây-ta-rô Khảo dị số 148 tập IV
Sọ dừa, truyện Chăm-pa Khảo dị số 128 tập III
Sọ dừa, Kinh hóa Khảo dị số 128 tập III
Sọ dừa, truyện dân tộc Lê Khảo dị số 128 tập III
Sóc lành, Sóc ác hay là Sự tích cây cỏ may Khảo dị số 150 tập IV
Sóc và Sau Khảo dị số 197 tập V
Sơ kính tân trang Khảo dị số 173 tập IV
Sợi bắc tìm ra thủ phạm số 112 tập III
Su-đi-ja-khát và Chan-ta-khát Khảo dị số 127 tập III
Sứ giả vua Tạng đi cầu hôn Khảo dị số 80 tập II
Sự bí mật Khảo dị số [50] tập II
Sự gian dối của đàn bà Khảo dị số 11 tập I
Sự tích báii ông Nam số 178 tập V
Sự tích Bồ tát Chân nhân Khảo dị số 120 tập III
Sự tích cá he số 13 tập I
Sự tích cái chân sau con chó số 19 tập I
Sự tích cái chổi số 20 tập I
Sự tích cái ống nhổ Khảo dị số 22 tập I
Sự tích cây chay Khảo dị số 176 tập V
Sự tích cây chuối rừng Khảo dị số 121 tập III
Sự tích cây huyết dụ số 4 tập I
Sự tích cây nêu ngày Tết số 23 tập I
Sự tích cây phướn nhà chùa Khảo dị số 13 tập I

Sự tích cây tràm Khảo dị số 164 tập IV
Sự tích chị Hằng Khảo dị số 182 tập V
Sự tích chim bắt cô trói cột Khảo dị số 8 tập I
Sự tích chim bìm bịp Khảo dị số 13 tập I
Sự tích chim bóp thì bóp Khảo dị số 32 tập I
Sự tích chim đa đa số 9 tập I
Sự tích chim hít cô số 5 tập I
Sự tích chim năm trâu sấu cột Khảo dị số 8 tập I
Sự tích năm trâu sáu cột và chim bắt cô trói cột số 8 tập I
Sự tích chim quốc số 7 tập I
Sự tích chim quốc,
truyện Trung-quốc Khảo dị số 7 tập I
Sự tích chim quốc,
truyện Mường Khảo dị số 7 tập I
Sự tích chim quốc,
truyện Nghệ-an Khảo dị số 7 tập I
Sự tích chim tu hú số 6 tập I
Sự tích chim vua quan trói cột Khảo dị số 8 tập I
Sự tích chuông, trống và mõ Khảo dị số 160 tập IV
Sự tích con dãi trằng số 15 tập I
Sự tích con dế
Xem Người dì ghẻ ác nghiệt
Sự tích con ếch Khảo dị số 10 tập I
Sự tích con khỉ số 12 tập I
Sự tích con khỉ,
truyện Nghệ-an Khảo dị số 12 tập I
Sự tích con mối Khảo dị số 36 tập I
Sự tích con muỗi số 11 tập I
Sự tích con muỗi,
truyện Khơ-me Khảo dị số 11 tập I
Sự tích con nhái số 10 tập I
Sự tích con sam số 14 tập I

Sự tích con thỏ cung trăng Khảo dị số 127 tập III
Sự tích công chúa Liễu Hạnh số 137 tập IV
Sự tích cửa ô Cầu-dền Khảo dị số 118 tập III
Sự tích dưa hấu số 1 tập I
Sự tích đá Bà-rầu số 33 tập I
Sự tích đá Vọng phu số 32 tập I
Sự tích đá Vọng phu,
truyện Trung-quốc Khảo dị số 32 tập I
Sự tích đầm Mực số 29 tập I
Sự tích đầm Nhất dạ và bãi Tự nhiên số 28 tập I
Sự tích đền Cờn số 161 tập IV
Sự tích đền Cờn,
truyện đời Trần Khảo dị số 161 tập IV
Sự tích đình làng Đa Hòa số 123 tập III
Sự tích động Từ Thức số 130 tập III
Sự tích hồ Ba Bể số 27 tập I
Sự tích hồ Ba Bể,
truyện Tày Khảo dị số 27 tập I
Sự tích hồ Gươm số 26 tập I
Sự tích hồ Hai Bể Khảo dị số 27 tập I
Sự tích hồ I-kim-ba Khảo dị số 27 tập I
Sự tích hồ Ki-vu Khảo dị số 27 tập I
Sự tích khăn tang số 186 tập V
Sự tích mặt nạ Khảo dị số 185 tập V
Sự tích mười tám ông Phật La Hán Khảo dị số 61 tập II
Sự tích núi mẫu tử Xem Ngâm ngải tìm trầm
Sự tích núi Ngũ hành số 35 tập I
Sự tích núi thần Khảo dị số 27 tập I
Sự tích Nguyệt lão và dây tơ hồng Khảo dị số 32 tập I
Sự tích núi Yang-kô Xem Đầu nó vỡ rồi
Sự tích ong mật Khảo dị số 131 tập III
Sự tích ông bạo ngược Khảo dị số 164 tập IV

Sự tích ông bình vôi số 22 tập I
Sự tích ông đầu rau số 21 tập I
Sự tích sao hôm, sao mai và sao rua Khảo dị số 32 tập I
Sự tích sông Nhà Bè hay là truyện Thủ Huồn số 30 tập I
Sự tích sư ông Huyền Chân Khảo dị số 30 tập I
Sự tích thành Lôi số 34 tập I
Sự tích Thánh Chèm Xem Lý Ông Trọng
Sự tích tháp Báo Ân số 168 tập IV
Sự tích tháp Nhạn Khảo dị số 34 tập I
Sự tích thần bếp Khảo dị số 21 tập I
Sự tích trái sầu riêng số 3 tập I
Sự tích trâu vàng Hồ Tây Xem Khổng Lồ đúc chuông
Sự tích trầu, cau và vôi số 2 tập I
Sự tích trầu cau và vôi,
truyện Nghệ An Khảo dị số 2 tập I
Sự tích về chùa Thiên tượng Khảo dị số 158 tập IV
Sự tích vua Kơ-long Ga-rai xây tháp thi Khảo dị số 34 tập I
Sự tích xã Bộ đầu Khảo dị số 73 tập II
Ta-ca-rô và Ba-ni-hi Ma-ma-ta, người đàn bà ở xứ Mặt trời Khảo dị số 182 tập V
Ta-kheo Ranh với cây thuốc bất tử Khảo dị số 127 tập III
Tài xì phòong Khảo dị số 175 tập IV
Tại sao bụng con ve không có ruột Khảo dị số 170 tập IV
Tại sao gọi chuột là ông Cống? Khảo dị số 115 tập III
Tại sao phải kính trọng người già? Khảo dị số 80 tập II
Tại sao sông Tô Lịch và sông Thiên Phù hẹp lại? số 31 tập I
Tại sao ve (mảnh khảm) không có ruột? Khảo dị số 170 tập IV
Tam và Tứ số 150 tập IV
Tám cuộc phiêu lưu của tôn sư Pa-ra-mác-tha
Chú thích Khảo dị số 196 tập V
Tấm Cám số 154 tập IV
Tấm Cám, truyện miền Nam Khảo dị số 154 tập IV

Tất suất bị thu Khảo dị số 145 tập IV
Thạch Sanh số 68 tập II
Thạch Sanh, truyện Tày Khảo dị số 68 tập II
Thạch Sanh chém chằng Khảo dị số 68 tập II
Thạch Sùng còn thiếu mẹ kho hay là sự tích con mối số 36 tập I
Thạch tướng quân Khảo dị số 134 tập III
Thái thú Diên Châu Khảo dị số 149 tập IV
Thái thú Nam Kha Khảo dị số 119 tập III
Thánh Đản Khảo dị số 105 tập III
Thánh Gióng số 134 tập III
Thánh Tản Viên Khảo dị số 105 tập III
Thánh Jor Khảo dị số 148 tập IV
Tháp Dương Lệ Khảo dị số 34 tập I
Thằng bé gù Khảo dị số 136 tập III
Thằng Còm số 191 tập V
Thằng quáng [thong manh] đi làm rế Khảo dị số 194 tập V
Thần Bếp Khảo dị số 21 tập III
Thần Ếch xanh Khảo dị số 129 tập III
Thần giữ cửa số 82 tập II
Thần tích làng Xuân Cảo Khảo dị số 31 tập I
Thần với Thần đồng Khảo dị số 52 tập II
Thần yêu Khảo dị số 148 tập IV
Thầy bói với hai ông bà già Khảo dị số 88 tập II
Thầy cứu trò số 142 tập IV
Thầy lang bắt đặc dĩ số 198 tập V
Thầy mo người Khảo dị số 40 tập I
Thầy Thím Khảo dị số 123 tập III
Thiên lực không phải nhân lực Khảo dị số 41 tập II
Thịt gà thuốc chồng số 191 tập V
Thỏ làm quan tòa lừa ma Khảo dị số 115 tập III
Thỏ rơ-pai Khảo dị số 87 tập II
Thơ-mênh Chây Khảo dị số 60 tập II

Khảo dị số 192 tập V
Thủ phạm là con sói hung Khảo dị số 170 tập IV
Thử thần và miêu thần số tập
Tiếng loài chim Khảo dị số 15 tập I
Tiếng nói loài vật Khảo dị số 15 tập I
Tiêu diệt mãng xà số 148 tập IV
Tiều Ca-lang Khảo dị số 182 tập V
Tinh con chuột số 115 tập III
Tinh con chuột,
truyện ở Huế Khảo dị số 115 tập III
Tình nhân biến thành trầu cau Khảo dị số 2 tập I
Tình yêu chân chính Khảo dị số 107 tập III
To đầu mà dại, nhỏ dái mà khôn số 58 tập II
To đầu mà dại, nhỏ dái mà khôn, truyện Quảng Bình Khảo dị số 58 tập II
Tô thị Vọng phu Khảo dị số 32 tập I
Tống Trân - Cúc Hoa Khảo dị số 41 tập II
Tống Trân - Cúc Hoa
Chú thích Khảo dị số 115 tập III
Tờ-rít-xtăng và I-dốt Khảo dị số 148 tập IV
Tra tấn hòn đá số 110 tập III
Trạng, truyện Chăm-pa Khảo dị số 47 tập II
Khảo dị số 80 tập II
Khảo dị số 109 tập III
Trạng Ếch Khảo dị số 63 tập II
Khảo dị số 192 tập V
Trạng Hiền số 81 tập II
Tranh nhau pho tượng Khảo dị số 39 tập I
Triều đương cổ sự phú Xem Con của
Trình phụ hai chồng số 56 tập II
Tro Bếp nam Khảo dị số 154 tập IV
Trò đùa và lừa gạt
Chú thích Khảo dị số 196 tập V

Trọng nghĩa khinh tài số 181 tập V
Truyền thuyết Hùng Vương Khảo dị số 69 tập II
Truyện ba chàng thiện nghệ
Chú thích Khảo dị số 107 tập III
Truyện bà Hiếu Khảo dị số 30 tập I
Truyện đức Lý Quốc Sư Khảo dị số 67 tập II
Truyện nỏ thần Xem Mỵ Châu - Trọng Thủy
Truyện rắn thần Khảo dị số 148 tập IV
Trứng ngựa Khảo dị số 196 tập V
Trứng ngựa,
truyện Pháp, Chú thích Khảo dị số 196 tập V
Trứng trời Khảo dị số 182 tập V
Trương Chi Khảo dị số 43 tập II
Tu-cờ-rôm Khảo dị số 39 tập I
Tua gia tua nhi Khảo dị số 154 tập IV
Tù lì tám tiền Khảo dị số 190 tập V
Tú Uyên số 118 tập III
Túi tiền, cái còi và cái mũi Khảo dị số 165 tập IV
Tùng bách thuyết thoại Khảo dị số 181 tập V
Từ Đạo Hạnh hay là sự tích Thánh Láng số 120 tập III
Từ Thức Khảo dị số 130 tập III
Từ Thức, truyện khác Khảo dị số 130 tập III
Tứ hải giai huynh đệ Khảo dị số 107 tập III
Tứ thánh miếu sự tích Khảo dị số 161 tập IV
Ú Thêm Khảo dị số 166 tập IV
Vận khứ hoài sơn năng trí tử, thời lai bạch thủy khả thôi sinh số 55 tập II
Vè chàng Lía Khảo dị số 64 tập II
Vè người hóa dế Khảo dị số 133 tập III
Vì sao chúc mào đỏ đít Khảo dị số 16 tập I
Vì sao có nguyệt thực Khảo dị số 127 tập III
Vì sao có tục treo cưa đầu nường Khảo dị số 152 tập IV
Vì sao hổ và khỉ trở nên thù địch Khảo dị số 58 tập II

Vì sao trâu không có hàm trên Chú thích Khảo dị số 86 tập II
Việt Nam thần tích Khảo dị số 71 tập II
Vợ ba Cai Vàng số 103 tập III
Vợ chàng rắn Khảo dị số 128 tập III
Vợ chàng Trương số 185 tập V
Vợ chồng anh mò ốc Khảo dị số 135 tập III
Vợ cóc Khảo dị số 126 tập III
Vợ người nô lệ Khảo dị số 41 tập II
Vụ kiện châu châu số 170 tập IV
Vũ Công Duệ Khảo dị số 78 tập II
Vua A Tứ Khảo dị số 135 tập III
Vua bếp Khảo dị số 21 tập I
Vua dao Khảo dị số 57 tập II
Vua Đa-ri-uyx Khảo dị số 192 tập V
Vua heo số 104 tập III
Vua Kơ-long Ga-rai Khảo dị số 67 tập II
Vua nước Ba-la-nai (Benares) nghe tiếng gọi ở bãi tha ma Khảo dị số 151 tập IV
Vua quạ Chú thích Khảo dị số 126 tập III
Vua Rợ, anh Hơ-rít và con thỏ Khảo dị số 80 tập II
Vua Xa-lô-mông và kẻ trộm ngỗng Khảo dị số 113 tập III
Vua Xa-lô-mông và Mác-côn Khảo dị số 78 tập II
Vua Xa-lô-mông xử kiện Khảo dị số 113 tập III
Vùng khoai lang Khảo dị số 54 tập II
Xác công tử, hồn ông sư Khảo dị số 45 tập II
Xây thành giấy Khảo dị số 34 tập I
Xóc cà tặc Khảo dị số 166 tập IV
Xuân Hương truyện Khảo dị số 169 tập IV
Xử phiến đá Khảo dị số 110 tập III
Y Rít Khảo dị số 120 tập III
Khảo dị số 138 tập IV
Y Rít giết đại bàng Khảo dị số 148 tập IV

Ý Đớn Ý Đăm Khảo dị số 12 tập I

Ý Uời Ý Noọng Khảo dị số 154 tập IV

Ý Uời Ý Ót Khảo dị số 154 tập IV

Yết Kiêu số 72 tập II

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: **Nguyễn Kim Vỹ**.

Đánh máy: tuaans, Sepngo, ICT, kimdungjay, mxlc, samhaivan, jupiter_thp, hungnvkh, anhnguyet_hro, dinhrij, thuhuyendkh, maniac, apple25, nyo, autcungs, olive209, Ct.Ly (vnthuquan), duongmeister (vnthuquan), themilkyway84, L_N_C, linhlinhntda, gubyisme, qu4ngco, leengo và 4DHN.

Hiệu đính:nguoimedocsach, tuaans, Foli, cnguyen, ICT.

Nguồn: Thuvien ebookcom /Nhà xuất bản Giáo dục Hà nội 2000

Được bạn: Ct.Ly đưa lên

vào ngày: 8 tháng 8 năm 2010